GIẢI NGHĨA
KINH THÁNH

Một khảo lược đặc biệt về toàn bộ Kinh Thánh




DAVID PAWSON

LỜI NÓI ĐẦU

Giảng Luận Kinh Thánh (GLKT) là mục vụ nhằm cung cấp cho các tín hữu và tôi tớ Chúa người Việt những bài giảng Kinh Thánh chọn lọc của các diễn giả uy tín trong những thời đại khác nhau. Cố giáo sư Kinh thánh người Anh, Đa-vít Pawson (1930-2020) là một trong những diễn giả đầu tiên được chọn dịch, với số lượng bài được dịch nhiều nhất cho đến thời điểm hiện tại.

Loạt bài "Giải nghĩa Kinh Thánh cùng Đa-vít Pawson," trong đó diễn giả trình bày sứ điệp tổng quan của toàn bộ 66 sách trong Kinh thánh, là loạt bài nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ người nghe. Đây cũng là loạt bài mà chính cố giáo sư Đa-vít Pawson cũng tâm đắc nhất. Thời gian qua nhiều anh chị em đã ngỏ ý liệu có thể có loạt bài này ở dạng sách, để tiện cho việc nghiên cứu và tra cứu. Điều kiện thời gian và nhân lực khiến chúng tôi chưa thể tiến hành quy trình in ấn sách giấy nên phiên bản điện tử (ebook) này là đáp ứng của đội ngũ phiên dịch (đội ngũ Ba-rúc) với mong muốn đó.

Về mặt bản quyền, được biết cố giáo sư Đa-vít Pawson mong muốn các bài giảng dạy của ông được truyền tải miễn phí đến với người muốn nghe. Do đó, chúng tôi mạn phép tập hợp và gửi tặng các anh chị em phiên bản ebook này. Anh chị em có thể dùng hoặc gửi cho người quan tâm, nhưng không được in ấn để bán với mục tiêu lợi nhuận. Cảm ơn anh chị em.

Vinh hiển thuộc Đức Chúa Trời trong Danh Chúa Giê-su Christ!

Đội ngũ Ba-rúc

MỤC LỤC

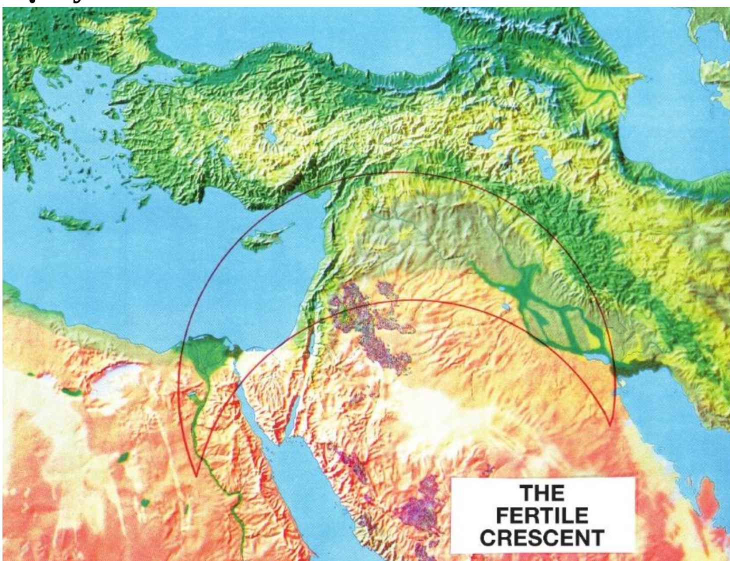
TỔNG QUAN CỰU ƯỚC

Trước hết tôi muốn cho bạn một bức tranh chung về toàn bộ Cựu Ước. Ở đây chúng ta có tập hợp của các sách trong giai đoạn khoảng 1.000 năm được viết bởi nhiều tác giả khác nhau và có nhiều thể loại sách khác nhau, lịch sử, luật pháp, thi ca. 39 sách này có liên hệ với nhau như thế nào? Tôi nghĩ rằng một điều rất quan trọng là chúng ta cần phải có một bức tranh chung về cách các cái sách này liên hệ với nhau. Đức Chúa Trời không bao giờ ban cho chúng ta một Kinh Thánh theo chủ đề. Nếu như Ngài cho chúng ta như vậy thì Sáng Thế Ký là toàn bộ về Đức Chúa Trời, Xuất Ê-díp-tô Ký là về Chúa Giê-su, Lê-vi là về Đức Thánh Linh. Nếu như Ngài sắp xếp tất cả các câu đoạn với nhau theo cùng một chủ đề, thì chúng ta đỡ tốn tiền mua Kinh Thánh phù dẫn và khỏi phải tra cứu khắp nơi.

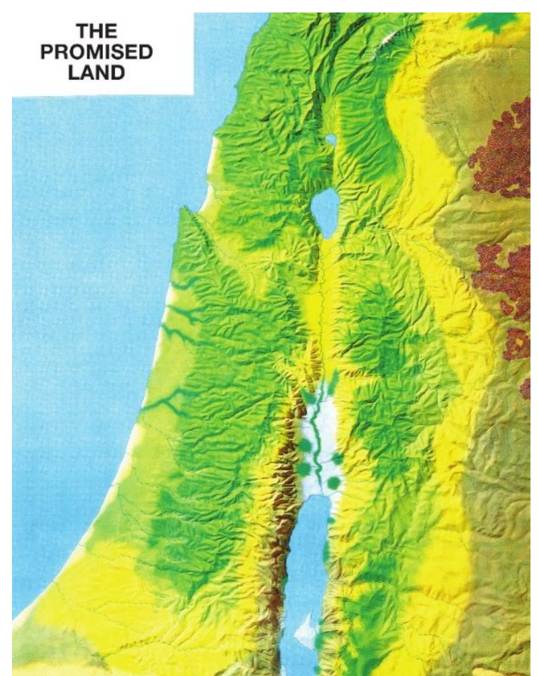
Tuy nhiên, Ngài đã cố tình không cho chúng ta một Kinh Thánh như thế. Nên một người giáo viên dạy về bất kỳ chủ đề nào thì phải tra xem những câu Kinh Thánh về chủ đề đó được rải rác ở khắp mọi nơi. Ngài không cho chúng ta một cái hộp chứa đầy các câu hay đoạn, mặc dù số chương và câu đã được thêm vào Kinh Thánh. Đó là cách chúng ta đối xử với Kinh Thánh, chúng ta lấy một câu chỗ này, một đoạn chỗ kia, và thường thì bỏ qua bối cảnh của chúng. Thực ra Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta một thư viện, bao gồm nhiều sách. Từ Kinh Thánh là từ số nhiều trong tiếng Latin, Biblia nghĩa là các sách, không phải là một sách mà là một thư viện, nhiều sách. Mỗi sách là một thực thể riêng biệt. Đức Chúa Trời muốn bạn học lời của Ngài theo từng sách một, bởi vì đó là cách Ngài đã chọn để cho chúng ta Kinh Thánh. Nếu như Ngài chỉ muốn cho chúng ta thật nhiều những câu hay đoạn về các chủ đề, thì Ngài đã làm điều đó. Nhưng điều mà Ngài đã làm, đó là cho chúng ta những sách này, và mỗi một bản văn hay là mỗi một câu đoạn đều có bối cảnh trong các sách của nó. Bản thân cuốn sách đó thì lại là trong bối cảnh của lịch sử.

Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta lời của Ngài trong thời gian và không gian. Một điều rất quan trọng là chúng ta cần phải ghi nhớ tất cả hai diều kích này, nên để chúng ta hiểu rằng Ngài nói điều đó trong thời gian nào và Ngài nói. Nên lời Ngài đã được ban cho trong những tình huống sống, và Ngài luôn luôn nói một điều gì đó với những tình huống cụ thể trong thời gian và không gian. Đó là hai bối cảnh mà chúng ta cần.

Địa lý



Bản đồ vùng Trung Đông



Bản đồ Xứ Hứa

Nên trong bài nói chuyện này, tôi sẽ đề cập đến một số những vấn đề liên quan đến bối cảnh đó. Trước hết chúng ta sẽ bắt đầu nói về không gian. Để làm điều đó thì chắc chắn chúng ta cần bản đồ. Có bản đồ địa lý của Kinh Thánh, cũng như là lịch sử của Kinh Thánh, mà chúng ta cần phải ghi nhớ khi chúng ta đọc Kinh Thánh. Thật ra thì chỉ có hai bản đồ mà chúng ta cần, đó là bản đồ của toàn bộ vùng Trung Đông và bản đồ của Xứ Hứa. Tên quen thuộc được đặt cho cả vùng Trung Đông đó là vùng Lưỡi Liềm Màu Mỡ, đó là cùng từ mà các bạn được đọc trong rất là nhiều những sách về bối cảnh Kinh Thánh. Bạn có thể nhìn thấy tôi vẽ hình lưỡi liềm tại đây, theo dạng hình trăng non. Tôi đã vẽ nó trên bản đồ này. Lưỡi liềm này kết nối hai dòng sông lớn chính tại hai đầu của nó là sông Nin và sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát, hai lưu vực sông lớn này đã sinh ra màu mỡ, hai đồng bằng này rất là phí nhiêu, châu thổ sông Nin, và châu thổ của hai sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát, vùng này thường được gọi là vùng Lưỡng Hà, hay Mesopotamia. Meso nghĩa là giữa, potamia nghĩa là sông.

Như vậy, giữa hai con sông này, giữa hai khu vực phì nhiêu này là trung tâm. Đây là một vùng đồng bằng rất bằng phẳng, và hai khu vực phì nhiêu này là trung tâm của các cường quốc cổ đại phương Đông và phương Tây. Nên toàn bộ Cựu Ước là một cuộc vật lộn giữa hai thế lực này. Giữa Ai Cập và các đế quốc khác nhau được sinh ra tại Lưỡng Hà. Đó là A-si-ri rồi Ba-bi-lon, Saddam Hussein bây giờ ở tại đây. Đó, Iraq, Iran được chia bởi dòng sông này.

Như vậy, chúng ta có hai cường quốc thế giới ở vùng Trung Đông cổ, và giữa đó chính là Xứ Hứa. Sa mạc Ả Rập và sa mạc Sa-ra ở hai bên. Khi hai thế lực này đánh nhau hoặc cố gắng để chiến thắng lẫn nhau, thì họ bắt buộc phải đi qua mảnh đất hẹp tại Ca-na-an. Miếng màu hơi tím đó là vùng đá bazan màu đen, rất là sắt và cứng, thậm chí lạc đà cũng không đi qua được. Điều đó nghĩa là toàn bộ giao thông phải đi qua dải đất ven biển hẹp này nếu như không muốn vượt qua sa mạc, đa số đều không muốn vượt qua sa mạc, bởi vì muốn có thức ăn cho binh lính thì buộc phải vượt qua vùng đất lưỡi liềm màu mỡ này. Điều đó nghĩa là khu vực này thực chất là ngã tư của thế giới. Như ai đó đã nói rằng: nếu sẵn sàng sống ở vùng ngã tư thì phải sẵn sàng để bị cho người ta chà đạp lên. Đó chính xác là điều đã xảy ra trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Họ đã liên tục bị chà đạp bởi những cường quốc khác nhau. Ở thời của Chúa Giê-su thì đó là người La Mã, nhưng trước đó thì là người Ai Cập, người Hy Lạp, và nhiều dân tộc khác nữa đã chà đạp trên người Do Thái.

Vậy ở đây chúng ta có hai thế lực của thế giới, và một hành lang hẹp ở giữa. Đức Chúa Trời đã ban cho họ một mảnh đất ở ngã tư của thế giới này. Đường từ châu Âu đi đến Ả-rập và đường từ Châu Phi đi đến châu Á cũng đi qua mảnh đất này. Đường từ châu Âu đi đến đồng bằng Ven Biển, phải đi ngang qua thung lũng Estrelaion. Đường từ châu Phi đi lên cũng phải qua thung lũng Jutren, rồi đi qua Ca-bê-na-um, rồi đi đến Đa-mách, rồi đến Ấn Độ và Trung Quốc. Như vậy, ngã tư thực sự của thế giới chính là ở chỗ này, là cái đồi nhỏ được gọi là Mê-gi-đô, và đồi Mê-gi-đô trong tiếng Hê-bơ-rơ là Armageddon. Đó là lý do vì sao đa số những trận tiến lớn trong lịch sử đều diễn ra ở tại đây, tại ngã tư của thế giới này. Từ đó nhìn xuống thì có một ngôi làng nhỏ, đó là làng Na-xa-rét, và các cậu bé làng Na-xa-rét có thể nhìn thấy cả thế giới đi ngang qua mình. Theo nghĩa đen, Chúa Giê-su có thể nằm trên đồi và nhìn thấy họ giống như là chúng ta đang ở sân bay quốc tế vậy, và chúng ta nhìn thấy tất cả mọi dân tộc đi ngang qua. Nên họ gọi vùng phía bắc này là vùng của Ga-li-lê, vùng của các dân ngoại, tại vì nó giống như là ngã tư của thế giới. Còn phía đồi cao bên miền Nam này thì khá là cách ly và rất là Do Thái. Như vậy, phần quốc tế, nơi tất cả các dân tộc đều có thể đi ngang qua, và phần mà rất mang tính Do Thái, được cô lập ở phía bên đồi núi này, tại Giê-ru-sa-lem.

Chúa muốn trồng dân của Ngài tại ngã tư của thế giới, tại mảnh đất này, để tất cả mọi người đều có thể nhìn thấy họ. Họ có thể trở thành kiểu mẫu của vương quốc Đức Chúa Trời trên đất, để cả thế giới có thể nhìn thấy là phước hạnh đến với dân sống dưới nguyên tắc luật lệ của Chúa là như thế nào. Nhưng họ cũng sẽ thấy rằng sự rủa xả sẽ giáng xuống như thế nào nếu như họ không vâng theo luật lệ của Chúa.

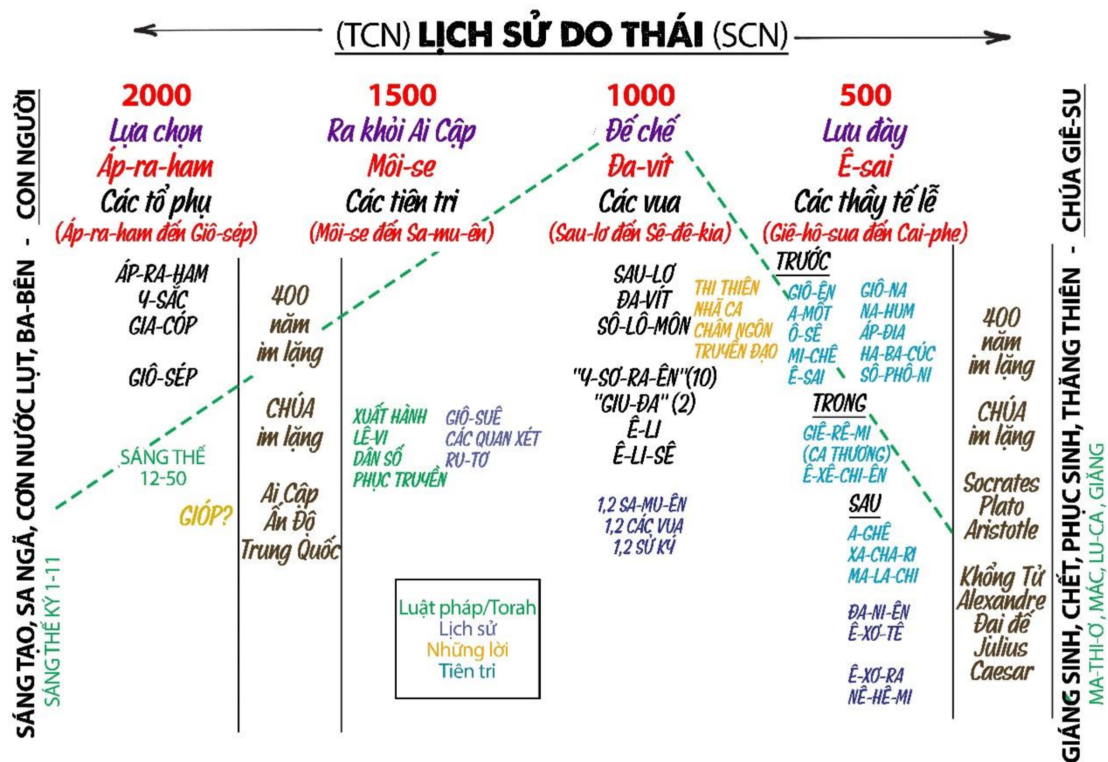
Đây là một dải đất cứng và sắc và không thể vượt qua được. Ở Ca-bê-na-um người ta dùng loại đá này để xây nhà. Có hàng rào bằng cát và đá Bazan ở phía đông và hàng rào bằng ba biển ở phía tây. Nên toàn bộ giao thông là phải đi ngang qua vết nứt lớn này, ngay trên bờ mặt đất kéo đến châu Phi, và tại đây là điểm sâu nhất của nó thấp hơn rất nhiều so với một nước biển, và Biển Chết còn thấp hơn thế nhiều. Sông Jordan chảy vào thung lũng này và không chảy tiếp đi đâu, chỉ bốc hơi do nóng. Nên trong khu vực nhỏ chỉ bằng xứ Wale này, chúng ta có cả thế giới thu nhỏ. Có đủ loại khí hậu và đủ loại phong cảnh ở tại đây.

Bạn sẽ tìm thấy đâu đó tại Y-sơ-ra-ên, một nơi như quê của mình. Nơi giống nước Anh nhất là Nam Tel Aviv, họ gọi Cạt-mên là Tiểu Thụy Sĩ, bạn có thể đi trượt tuyết bất cứ lúc nào trong năm tại vùng núi tuyết phủ Hẹt Môn. Cách đó 10 phút, bạn có thể đi giữa những cây cọ. Toàn bộ hệ động vật và thực vật của châu Phi cũng tìm thấy ở đây. Toàn bộ hệ động vật và thực vật của châu Âu cũng được tìm thấy ở đây. Toàn bộ hệ động vật và thực vật của châu Á cũng được tìm thấy tại đây. Nên bạn có thể thấy thông Scotland mọc cạnh cây cọ sa mạc ở Sarah. Trong thời Kinh Thánh, thì mọi loài thú hoang đều có tại đây, sư tử, gấu, cá sấu, lạc đà. Bạn có thể có cả thế giới được ép lại tại một điểm nhỏ này, và tất cả có thể kết nối với nhau. Thật là kỳ diệu!

Tôi có thể nói hàng tiếng về điều này, nhưng tôi phải dừng lại. Tuy nhiên bạn có thể cảm nhận được về địa lý rồi đó, đặc biệt là cảm nhận về hình dạng của mảnh đất này. Nếu bạn hiểu về địa lý thì bạn sẽ hiểu tại sao sự việc lại xảy ra như vậy, tại sao Sa-ma-ri lại ở giữa, tại sao mục vụ chủ yếu của Chúa Giê-su lại ở vùng Ga-li-lê, tại sao Ngài đã bị những người Giu-đa giết. Khi nói rằng những người Giu-đa thì không hẳn nói về tất cả những Y-sơ-ra-ên, mà chính là những người thuộc chi phái Giu-đa. Khi các bạn đọc tin lành Giăng, bạn thấy rằng những người Giu-đa giết Chúa Giê-su thì không phải là toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên, mà đó là những người ở miền Nam, còn tất cả những người Ga-li-lê đều ủng hộ Chúa Giê-su, những người Giu-đa hay là những người xứ Judea là những người đã chống lại Ngài ở miền Nam.

Đó là về bối cảnh địa lý của Kinh Thánh. Trong Thời Cựu Ước, khi chúng ta đi khắp vùng lưỡi điểm màu mỡ này, đôi khi dân của Chúa bị nô lệ tại Ai Cập, đôi khi thì họ bị đi đầy đến tận A-si-ri hay là Ba-bi-lon, nhưng như chung thì họ ở vùng ở giữa này, giống như ở ngã thư của thế giới.

Thời gian



Một chiều kích khác nữa mà bạn cần phải nắm đó là chiều kích thời gian. Tôi cố gắng để giảm chiều kích thời gian này thành một biểu đồ trông có thể rất là khủng khiếp đối với bạn, tuy nhiên khi chúng ta trình bày qua rồi, thì có lẽ bạn sẽ thấy nó khá là dễ nhớ, hấp dẫn và đơn giản. Về cơ bản thì Cựu Ước đề cập đến khoảng 2000 năm lịch sử, trước Đấng Christ. Nhưng trong Sáng Thế Ký từ chương 1 đến 11, chúng ta gọi đây là thời kỳ tiền sử của dân tộc Y-sơ-ra-ên, đó là về sự sáng tạo trời đất, sự sa ngã của loài người, rồi cơn nước lụt và tháp Ba-bên. Tất cả là về nhân loại nói chung, không phải là về tuyển dân của Chúa. Đó là lịch sử tiền sử của Y-sơ-ra-ên, trước khi lịch sử của người Y-sơ-ra-ên thực sự bắt đầu vào khoảng năm 2000 TCN. Như vậy, giống như chúng ta là 2000 năm SCN, thì lịch sử của Y-sơ-ra-ên bắt đầu là khoảng 2000 năm TCN. Đó là ngày khai trương của lịch sử của Y-sơ-ra-ên.

Tôi chia thành bốn phần bằng nhau, mỗi phần là 500 năm như là một giai đoạn riêng biệt, được đánh dấu bằng những sự kiện và nhân vật. Tôi muốn đặt tên những con người và những sự kiện*: Được lựa chọn, Đi khỏi Ai Cập, Đế quốc và Lưu đày*, đó là bốn sự kiện đánh dấu bốn phần tư trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Lựa chọn là lúc Đức Chúa Trời lựa chọn Áp-ra-ham để trở thành tổ phụ của dân của Ngài. Ra khỏi Ai Cập là lúc mà họ có được toàn bộ vùng đất mà Chúa đã ban cho họ, họ sống trong sự thịnh vượng và bình an. Đế quốc là lúc họ không chỉ có xứ sở của mình, mà bây giờ còn nhiều dân tộc khác bị họ kiểm soát. Điểm thấp nhất trong lịch sử của họ chính là việc họ bị lưu đầy.

Tôi chọn 4 người đại diện cho 4 giai đoạn này. Áp-ra-ham vào khoảng năm 2000, Môi-se vào khoảng năm 1500, Đa-vít trị vì vào khoảng năm 1000 TCN, và Ê-sai lài người liên quan nhiều nhất đến việc bị lưu đầy.

Vậy chúng ta có bốn sự kiện và bốn nhân vật, nhưng đồng thời sự lãnh đạo trong mỗi giai đoạn này là khác nhau. Trong giai đoạn thứ nhất, họ được lãnh đạo bởi các tổ phụ từ Áp-ra-ham cho tới Giô-sép. Trong giai đoạn thứ hai, họ được lãnh đạo bởi các tiên tri từ Môi-se cho đến Sa-mu-ên. Trong

giai đoạn thứ ba, họ được lãnh đạo bởi các vua, từ Sau-lơ cho đến Sê-đê-kia. Trong giai đoạn thứ tư, họ được lãnh đạo bởi các thầy tế lễ, từ Giê-hô-sua, người về cùng với Sô-rô-ba-bên ra khỏi lưu đầy, cho đến Cai-phe, vào thời của Chúa Giê-su. Như vậy, các bạn thấy rằng là thực sự lãnh đạo cũng thay đổi từ các tổ phụ đến các tiên tri, đến các vua, và đến các thầy tế lễ. Điều này không nghĩa là không có các tiên tri, hay các thầy tế lễ ở những giai đoạn khác, nhưng sự lãnh đạo của dân tộc đó được chuyển từ nhóm này đến nhóm khác, cho đến khi Chúa Giê-su đến, là đấng vừa là tiên tri, vừa là thầy tế lễ, vừa là vua, cả ba trong một. Họ đã thử ba loại hình lãnh đạo khác nhau trong lịch sử, nhưng họ thực sự đang tìm kiếm một ai đó có thể kết hợp tất cả ba điều này trong một.

Khi bạn có bốn giai đoạn cân bản này thì điều tiếp theo đó là điền thêm vào hai khoảng trống, mỗi một khoảng trống như vậy là 400 năm, khoảng trống thứ nhất là 400 năm làm nô lệ tại Ai Cập. Thứ 2 là 400 năm sau lưu đày, trong cả hai trường hợp, Đức Chúa Trời đã không nói điều gì, và Ngài đã không làm điều gì. Tức là không có gì trong Kinh Thánh được ghi lại về hai giai đoạn này. Tất nhiên là có những sách được viết trong dạng những giai đoạn này, nhưng không có trong Kinh Thánh của chúng ta, vì những sách đó không đề cập đến lúc Chúa đang nói hay Chúa đang làm điều gì đó. Khi đọc cụm từ Đức Chúa Trời Hằng Sống trong Kinh Thánh, bạn có hiểu nó nghĩa là gì không? Cách đây vài năm, có một số nhà thần học nói rằng Đức Chúa Trời không còn tồn tại nữa, bạn có hiểu hàm ý của họ là gì không? Họ không có ý nói là Đức Chúa Trời không còn tồn tại nữa. Nhưng điều mà họ hàm ý đó là Đức Chúa Trời không còn hoạt động tích cực trong thế giới này, trong giai đoạn đó, nhưng Đức Chúa Trời vẫn tồn tại ở đâu đó.

Vợ chồng tôi tháng 7 năm ngoái đã mất đứa con gái 36 tuổi của mình. Cô ấy đã chết rồi. Nhưng điều đó không nghĩa là cô ấy không tồn tại. Cô ấy vẫn sống, vẫn đang ý thức, vẫn đang giao tiếp, nhưng không thể giao tiếp cùng với chúng tôi bây giờ. Con gái chúng tôi bây giờ đang không còn sống nữa, nhưng không nghĩa là nó không còn nói hay hành động. Đúng là trong thế giới này thì nó không nói hoặc hành động nữa, nhưng vẫn hoàn toàn ý thức, vẫn hoàn toàn giao tiếp được, đang ở cùng với Chúa. Con gái tôi vẫn sống, nhưng không còn sống trong thế giới này. Đối với thế giới này thì nó đang chết. Nên Đức Chúa Trời hằng sống là hàm ý như vậy.

Nên những sách được viết trong những giai đoạn này được gọi là các sách ngụy kinh, bạn không tìm thấy những sách này trong Kinh Thánh của chúng ta. Người Công giáo có xếp những sách đó trong Kinh Thánh của họ, bởi vì tại đó họ tìm thấy những lời cầu nguyện với các thánh hoặc ngục luyện tội, nhưng thực tế thì những sách đó không thuộc về Kinh Thánh, vì những sách đó được viết trong những lúc Đức Chúa Trời không phán. Nhưng trong những giai đoạn của Kinh Thánh thì Đức Chúa Trời phán, Ngài nói, Ngài tích cực trong thế giới của chúng ta.

Có khoảng 400 năm im lặng từ Ma-la-chi vị thiên tri cuối cùng, bởi vì Đức Chúa Trời không hành động, không nói gì cả. Nên chúng ta không chỉ quan tâm đến lịch sử nói chung như bất kỳ một lịch sử nào. Cũng tương tự như, chúng ta không có điều gì trong khoảng 400 năm, từ Sáng Thế Ký đến Xuất Ê-díp-tô Ký. Đôi khi, chúng ta đọc liền Xuất Ê-díp-tô Ký sau Sáng Thế Ký, nhưng thực ra là có khoảng 400 năm im lặng giữa hai giai đoạn đó. Điều thú vị đó là trong giai đoạn mà Chúa im lặng đó thì người Ai Cập, người Ấn Độ và người Trung Quốc đã nổi lên. Còn trong giai đoạn 400 năm sau này thì có những nhân vật như là Socrates, Plato, Aristotle, những nhà triết học Hy Lạp, rồi Đức Phật, Khổng Tử, và những người như Alexander Đại Đế, Julius Caésar đã nổi lên. Như vậy khi Đức Chúa Trời không bận rộn thì con người đã rất bận rộn. Nên có rất nhiều điều đã xảy ra trong lịch sử của

nhân loại trong giai đoạn này, nhưng lại không liên quan đến lịch sử của Đức Chúa Trời. Bởi vì Kinh Thánh đề cập đến lịch sử của Đức Chúa Trời và những điều quan trọng đối với chúng ta.

Bây giờ chúng ta đề cập đến một số chi tiết của Sáng Thế Ký từ chương 12 đến 50, là giai đoạn khi Y-sơ-ra-ên được lãnh đạo bởi các tổ phụ. Sách Gióp có thể được viết trong giai đoạn này, bởi vì những điều trong sách Gióp rất giống với cuộc sống thời Áp-ra-ham cho đến Gia-cóp, khi họ là những dân du mục.

Sau đó chúng ta đến phần tư thứ hai, ở đây cũng có rất ít sách. Đó là Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi, Dân Số và Phục Truyền, tất cả vào thời của Môi-se và sau đó là Giô-suê, Các Quan Xét, Ru-tơ. Giai đoạn thứ 3, thời kỳ Đế quốc, chúng ta có nhiều sách hơn, chúng ta có các sách lịch sử và một số những sách thi ca nữa, Đa-vít với sách Thi Thiên, Sa-lô-môn và sách Nhã Ca, Châm Ngôn và Truyền Đạo. Sau Sa-lô-môn thì có cuộc nội chiến và 12 chi phái đã bị chia thành 2, 10 ở bên vương quốc phía bắc được gọi là Y-sơ-ra-ên và 2 ở vương quốc phía nam được gọi là Giu-đa. Từ đó trở đi họ không còn có một vương quốc thống nhất nữa. Có các tiên tri xuất hiện vào thời kỳ này, Ê-li và Ê-li-sê nhưng họ đã không viết sách lại cho các thế hệ kế tiếp nên chúng ta không có sách theo tên của họ.

Sau đó, một cách rất bất ngờ, chúng ta có một loạt rất nhiều sách xuất hiện, tất cả các tiên tri, và tất cả đều có liên hệ với cuộc lưu đầy. Đây chính là các sách tiên tri chính được viết ra trong giai đoạn này. Một số họ nói lời tiên tri trước lưu đầy, một số người nói tiên tri trong thời kỳ lưu đầy, và một số là sau hay là hậu lưu đầy. Nó cho chúng ta thấy rằng là tầm quan trọng của sự kiện này quan trọng như nào trong lịch sử của họ. Việc mất đất hứa mà Chúa đã hứa cho họ. Những tiên tri này đã cảnh báo họ rằng họ có thể mất sự hứa. Những tiên tri này cũng đã an ủi họ khi họ thực sự đã mất đất hứa, và những tiên tri này cũng đề cập cũng liên quan đến việc xây dựng lại vùng đất đó khi họ quay trở lại sau 70 năm lưu đày. Chúng ta có hai sách lịch sử trong giai đoạn này, Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê, cả hai đều đề cập về những người Giu-đa ở tại Ba-bi-lôn khi họ không còn ở xứ sở của họ nữa. Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi là những người đã giúp để xây lại Giê-ru-sa-lem, và cho dân Chúa được thiết lập tại tại xứ sở của họ.

Rất không may là các sách Cựu Ước không phải lúc nào cũng được xếp trong trình tự lịch sử, đặc biệt là các sách tiên tri. Các sách lịch sử thì có vẻ như được sắp theo trình tự lịch sử, nhưng khi nói về các sách tiên tri thì người ta đơn giản là xếp các sách dài về trước các sách ngắn hơn về sau, và khiến chúng ta đôi khi bối rối. Bạn cũng cần phải đặt câu hỏi là sách đó được viết lúc nào, trước, sau hay là giữa lưu đầy, nó giúp chúng ta có những sự gợi ý để chúng ta hiểu được các sách đó.

Nếu như bạn có thể nhớ được những biến cố căn bản của lịch sử 2000 năm của họ đó, những nét cơ bản, thì bạn thực sự là sẽ nắm bắt được và sẽ hiểu rằng là các sách nào được sắp xếp vào giai đoạn nào. Khi các dân tộc giàu có và hòa bình, thì đó là lúc mà những thứ như là văn thơ sẽ được viết ra. Nó giống như là đồ xa xỉ, nghệ thuật, và văn hóa, nó được nở rộ trong thời kỳ đỉnh cao của một dân tộc.

Có một điểm nữa trên bản đồ này đó chính là đường kẻ chấm màu xanh. Cao trào trong cơ đồ của họ chính là Đế quốc dưới sự trị vì của Đa-vít, nhưng sau cao trào đó, mọi thứ đều đi xuống. Đó thực sự là một bi kịch, đó là lý do vì sao tất cả mọi người Giu-đa đều nhìn lại giai đoạn này, và mong ước được quay trở lại và cầu nguyện, *Chúa ơi, xin hãy sai cho chúng con một Đa-vít khác*. Hãy sai đến cho chúng con một Đấng Mê-si giống như Đa-vít. Thậm chí ngày nay, người Giu-đa vẫn mong thời kỳ mà con vua Đa-vít sẽ đến và khôi phục lại sự thịnh vượng cho họ.

Câu hỏi cuối cùng của các môn đồ đã đặt ra cho Chúa Giê-su trước khi Ngài thăng thiên. Đó là khi nào thì Ngài sẽ phục hồi lại Vương quốc cho Y-sơ-ra-ên. Bây giờ sau 2000 năm họ vẫn đang đặt ra câu hỏi đó.

Cơ đồ của họ, nhìn chung là đi lên nhưng sau đó, chỉ là đi xuống, nội chiến, chia ra thành mười chi phái phía Bắc, 2 chi phái phía Nam, đến tất cả các vua, đó là một câu chuyện rất buồn và nhơ nhớp. Trong tất cả các vua, đa số đều là những vị vua xấu. Một số bị ám sát. Họ có một nữ hoàng rất là khủng khiếp. Bởi vì ý muốn của Chúa là họ chỉ có vua thôi, chứ không có nữ hoàng.

Như vậy, sau 400 năm im lặng, không có lời nào từ Đức Chúa Trời, và chúng ta không nhìn thấy bất kì một phép lạ nào. Sau đó, một cách bất ngờ, mọi thứ lại bắt đầu lại, Giăng Báp-tít xuất hiện, bắt đầu rao giảng, vị thiên tri đầu tiên sau một khoảng thời gian rất lâu. Sau đó, Chúa Giê-su xuất hiện, và chúng ta có sự sinh ra, sự chết, sự phục sinh, sự thăng thiên của Ngài. Tân Ước bắt đầu, bao trùm giai đoạn chỉ khoảng 100 năm thậm chí ít hơn. Như vậy, toàn bộ Tân Ước được viết trong khoảng 100 năm, trong khi toàn bộ Cựu Ước là được viết về một giai đoạn đến 2000 năm. Nếu quay trở lại đến Sáng Thế Ký nữa thì còn là bao lâu?

Một người bạn của tôi, là giáo sư Lagard Smith, ông là giáo sư luật ở trường đại học Pepperdine, Malibu, California. Ông đã biên soạn một cuốn Kinh Thánh mà không có số chương và số câu được sắp xét theo trình tự lịch sử. Để bạn có thể đến với các tiên tri vào đúng thời điểm của họ và đọc câu chuyện của họ trong trình tự theo đúng như Đức Chúa Trời đã nói.

Cách người Do Thái phân chia Cựu Ước

Tôi e rằng việc sắp xếp Kinh Thánh theo trật tự hiện nay, đã không giúp ích cho chúng ta lắm, bởi vì chúng ta vì thế có xu hướng hay nghĩ về từng sách, một cách hơi khác so với cách người Doi Thái nghĩ về từng sách của Kinh Thánh Cựu Ước. Chúng ta thường chia Cựu Ước thành ba nhóm. Chúng ta thường nghĩ về các sách lịch sử từ Sáng Thế đến Ê-xơ tê được xếp theo trình tự lịch sự, tất nhiên nó có ích lợi để biết được trình tự lịch sử, tuy nhiên nó không hữu ích từ góc nhìn khác. Còn nhóm thứ hai trong Kinh Thánh của chúng ta đó là các sách thi ca, Gióp, Thi Thiên, Châm Ngôn, Truyền Đạo, Nhã Ca. Nhóm này cũng rất hiếm có lời giới thiệu, nên chúng ta không hiểu rằng sách đó là đang ở trong nhóm khác, ở trong thể loại khác hoặc là trong giai đoạn lịch sử khác. Sau đó tất cả các sách tiên tri được xếp thành đại tiên tri và tiểu tiên tri, nghĩa là sách lớn và sách nhỏ, không phải là nhân vật lớn hay nhỏ, hay là sứ điệp lớn hay nhỏ, nhưng đơn giản là sách dài hay ngắn. Chúng ta có rất nhiều sứ điệp của Ê-sai, của Giê-rê-mi, của Ê-xê-chi-ên, nhưng rất ít của Giô-ên, hoặc của Áp-đia. Nên những sách lớn thì được gọi là đại tiên tri, và sách nhỏ được gọi là tiểu tiên tri. Cựu Ước của chúng ta được phân loại như vậy, và nói thẳng ra là không hữu ích lắm.

Còn khi bạn đọc Kinh Thánh trong tiếng Hê-bơ-rơ, thì họ lại được chia ra thành ba nhóm rất rõ ràng, và khác với chúng ta. Năm sách đầu tiên không được coi là sách lịch sử, mà được coi là sách luật pháp. Nên họ không gọi là Sáng, Xuất, Lê, Dân, Phục, nhưng tựa đề của các sách này là từ đầu tiên ở trong cuộn sách mà khi họ mở ra, để nhận ra ngay là đang đọc cuộn sách nào. Những sách này được đọc và hiện tại cũng vẫn đang đọc hàng năm ở trong nhà hội. Một điều đáng ngạc nhiên nữa, đó là nhóm thứ hai được gọi là sách tiên tri. Một số sách mà chúng ta xếp là sách lịch sử, ví dụ như là sách Joshua, Các Quan Xét, Sa-mu-ên và Các Vua, thì họ lại gọi là sách tiền tiên tri, hay là các tiên tri thời đầu. Sau đó họ gọi các tiên tri khác là hậu tiên tri, hay là các tiên tri thời sau. Vì có các tiên tri trong đó, Giô-suê là tiên tri, Sa-mu-ên là tiên tri, nhưng đó không phải là lý do. Lý do đó là vò lịch

sử của họ là lịch sử mang tính tiên tri. Lịch sử mang tính tiên tri thì khác so với lịch sử thông thường. Các sách lịch sử này được dựa trên hai tiêu chí, thứ nhất là lựa chọn và thứ hai là sự kết nối. Bất kỳ ai viết một sách lịch sử, thì điều đầu tiên người đó phải làm đó là lựa chọn điều mà họ sẽ đưa vào trong sách của mình, điều gì phải bỏ ra, bởi vì không ai có thể viết tất cả những điều đã xảy ra, về bất kỳ ai đó hay bất kỳ điều gì đó. Giăng cũng nói rằng nếu tất cả mọi điều Chúa Giê-su đã nói và làm đều được viết lại thì cả thế gian này cũng không chứa nỗi sách. Nên bất kỳ một sử gia nào cũng phải lựa chọn một số những sự kiện mà mình cho là quan trọng.

Nguyên tắc thứ hai đó là nguyên tắc về sự kết nối, rằng cái này dẫn đến cái kia, cái kia dẫn đến cái nọ. Tất cả các sách lịch sử đều được dựa trên hai nguyên tắc đó. Phải lựa chọn điều gì và kết nối ra sao. Lịch sử có tính tiên tri thì có câu trả lời cho cả hai nguyên tắc đó, nó chỉ lựa chọn điều mà quan trọng đối với Đức Chúa Trời. Nên không có gì với Đức Phật hay là khổng tử ở trong Kinh Thánh cả, mà chỉ lựa chọn điều gì là quan trọng đối với Đức Chúa Trời, và sau đó nó kết nối điều đó với điều gì xảy ra với dân sự của Chúa. Đó chính là sự kết nối. Nên những sách này được viết từ góc nhìn tiên tri, họ chỉ lựa chọn và kết nối với Đức Chúa Trời.

Nên sách Ru-tơ cũng như Sử Ký không có trong danh mục này vì chúng không phải là lịch sử mang tính tiên tri. Tất nhiên, câu chuyện về Ru-tơ được xếp sau sách Các Quan Xét và trước Sa-mu-ên trong Kinh Thánh của chúng ta là theo bối cảnh nó xảy ra. Nhưng nếu như bạn đọc sách Ru-tơ, bạn thấy rằng Ru-tơ không có phán điều gì ở đây cả. Đây là một câu chuyện rất dễ thương về tổ phụ của Đa-vít, nhưng không có câu *Đức Chúa Trời và phán* trong sách này, cả sách Sử Ký cũng vậy.

Như vậy họ có tiền tiên tri và hậu tiên tri, và tất cả các sách còn lại họ xếp vào danh mục được gọi là những lời, như sách Ru-tơ, Thi Ca, Ca thương,… và có lý do cho điều này. Điều thú vị là trên đường đến làng Em-mau, sau khi Chúa Giê-su phục sinh, Chúa Giê-su đã dạy Kinh Thánh, Ngài đã không làm điều này trong lúc Ngài còn sống trên đất, nhưng sau khi Ngài phục sinh thì Ngài đã dạy Kinh Thánh cho hai môn đồ. Kinh Thánh nói, Ngài dạy cho họ dựa trên sách Luật Pháp, sách Tiên Tri và các Tác Phẩm, tất cả những điều chỉ cho Ngài, chỉ cho họ tất cả những điều chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh. Như vậy, đối với Chúa Giê-su thì Cựu Ước được sắp xếp như vậy. Cá nhân tôi tin rằng chúng ta cũng nên sắp xếp như vậy, bởi vì cho chúng ta hiểu rằng đây không phải là lịch sử đơn thuần, mà là lịch sử có tính tiên tri.

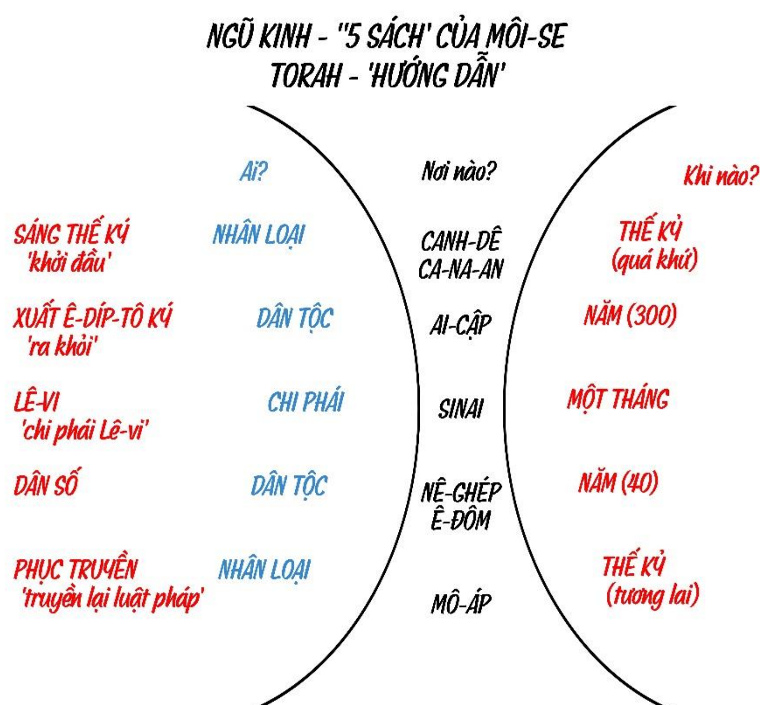
Các sách Ngụy Kinh cũng là sách lịch sử. Ví dụ, có câu chuyện rất là thú vị trong lịch sử người Giu-đa vào thời của Maccabee, khi họ nổi loạn chống lại người Hy Lạp, khi người Hy Lạp đang chiếm xứ. Sau đó câu chuyện này được biến thành kịch thanh xướng. Nó chỉ là lịch sử đơn thuần, bạn có thể đọc nếu như bạn quan tâm. Nhưng nó không nói với bạn như là lời của Chúa, bởi vì nó không mang tính tiên tri. Còn lịch sử mang tính tiên tri là nói với chúng ta ngày nay, nên Đức Chúa Trời có thể nói với các bạn qua các sách của Cựu Ước. Nhưng nếu như tôi dạy các bạn từ sách Maccabee, thì điều đó sẽ không xảy ra. Nó cũng sẽ rất thú vị. Nhưng chỉ thế thôi.

Như vậy bạn có thể nhìn thấy tầm quan trọng của việc đây không chỉ là lịch sử, mà đây như là lời của Chúa, lời mang tính tiên tri của Chúa. Có một nguyên tắc đằng sau việc lựa chọn nhưng sách này. Tại sao họ lại không đưa các sách ngụy kinh vào đây, đó là vì những sách này được viết trong giai đoạn Đức Chúa Trời đang thể hiện Ngài là Đức Chúa Trời Hằng Sống, nghĩa là Ngài đang hoạt động tích cực trong thế giới này. Nên tất cả những sách này được ra đời trong cùng giai đoạn có tính chất

tiên tri này, khi Chúa đang bận rộn, hoạt động với con người. Không có sách nào được viết trong giai đoạn im lặng cả.

Bây giờ bạn đã nhìn thấy được hình dạng của Cựu Ước chưa? Tôi nghĩ rằng điều này rất hữu ích, nếu như Kinh Thánh của chúng ta được sắp xếp theo kiểu như thế này, và lúc bây giờ chúng ta sẽ nhận được thông điệp một cách rõ ràng hơn. Tuy nhiên sắp như của chúng ta thì cũng không quá tệ.

Bây giờ thì xin nhắc lại các bạn một chút về bản đồ mà chúng ta đã xem khi chúng ta xem Sáng Thế Ký. Năm sách đầu tiên của Kinh Thánh là rất đặc biệt, vì năm sách này là cơ sở cho cả Kinh Thánh. Đó là sách luật pháp của Môi-se hay là Kinh Tô-ra. Có một khuôn mẫu rất là thú vị tại đây.



Năm sách đầu tiên của Kinh Thánh. Sáng Thế Ký nghĩa là khởi đầu. Xuất Ê-díp-tô Ký nghĩa là ra khỏi, Lê-vi là về chi phái Lê-vi. Dân số. Phục truyền, nghĩa là truyền lại luật pháp lần thứ hai. Hãy nhìn vào khuôn mẫu rất là kỳ lạ này. Đặt câu hỏi ai? Sáng Thế Ký là đề cập đến toàn bộ nhân loại. Xuất Ê-díp-tô Ký là bắt đầu đến đời sống dân tộc Y-sơ-ra-ên. Lê-vi là nói đến một chi phái, chi phái Lê-vi. Dân số thì lại là cả dân tộc Y-sơ-ra-ên. Phục Truyền thì một lần nữa lại phổ quát toàn bộ nhân loại. Sau đó là nơi nào? Bắt đầu là tại Canh-đê hay Ca-na-an, rồi Ai Cập, rồi sau đó núi Sinai, và sau đó qua Nê-gép, đến Ê-đôm, đến Mô-áp, và quay lại với Xứ Hứa.

Đặt câu hỏi là khi nào? Sáng Thế Ký là các thế kỷ, Xuất Ê-díp-tô Ký chỉ nói đến năm, 300 năm. Lê-vi là một tháng, Dân Số đề cập đến năm, 40 năm, và Phục Truyền thì lại đến các thế kỷ. Một khuôn mẫu rất là kì diệu, rất là hay, nhưng năm sách đó là phần quan trọng nhất của Cựu Ước. Bạn càng biết về các sách này thì bạn càng hiểu những phần còn lại của Cựu ước và cả Tân Ước nữa.

Nên những người Do Thái đã đúng khi họ đặc biệt nhấn mạnh đến 5 sách này. Chúng là nền tảng của cả Kinh Thánh.

SÁNG THẾ KÝ - Phần 1 - Cuốn Sách Nền Tảng

Từ ***Kinh Thánh*** bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp ***Biblia,*** nghĩa là ***Thư viện***. Thư viện đặc biệt này có 66 sách, hợp lại tạo nên một *Bộ sách lịch sử đặc biệt- lịch sử của vũ trụ chúng ta. Lịch sử* ở đây ***khác hẳn*** ở mọi *sách lịch sử khác* (như lịch sử văn minh nhân loại, lịch sử vật lý học, lịch sử chính trị, lịch sử văn hóa, xã hội…). Nó *bắt đầu sớm hơn* - ngay từ thời điểm khởi nguyên của vũ trụ, và *kết thúc muộn hơn* - đi tới tận cùng của vũ trụ, thậm chí còn hơn thế. Nó là *lịch sử được viết từ góc nhìn của Đức Chúa Trời*. Ngài chọn ra điều gì là quan trọng với Ngài; những sự kiện ảnh hưởng sâu sắc đến Ngài nhất.

Có hai *chủ đề* trong Kinh Thánh. Một là, *thế giới của chúng ta có gì không ổn*? Hai là, *làm sao để sửa lại nó cho đúng?* Dường như mọi người đều đồng tình rằng thế giới của chúng ta chưa phải là một môi trường sống lý tưởng. Nó có điều gì đó rất không ổn. Sáng Thế Ký đã cho chúng ta biết chính xác *đó là điều gì*. Những phần còn lại của Kinh Thánh cho chúng ta biết cách mà nó sẽ được sửa lại - hay nói đúng hơn là *cách Chúa sẽ sửa lại nó cho đúng*. Chỉ có Chúa mới có thể giải quyết một vấn đề ở tầm mức hoàn vũ như vậy. Khi làm điều đó là Ngài *giải cứu nhân loại khỏi chính nó*. Vì thứ mà chúng ta cần được giải thoát khỏi nó là *chính chúng ta*. Từ *cứu chuộc* nghĩa là *được giải cứu. Chúng ta cần được giải cứu khỏi chính mình*. Cả bộ sách 66 cuốn được hình thành như một kịch bản hay, có thể gọi là *Vở kịch Cứu rỗi*. Sáng Thế Ký dẫn chúng ta đến với sân khấu, các vai diễn và tình tiết của vở kịch. Đặc biệt là vị trí các chương đầu, nếu không có nó thì ý nghĩa của toàn bộ Kinh Thánh sẽ thực sự thiếu hụt.

Trong tiếng Hê-bơ-rơ, tên sách này là *Ban đầu*. Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ ở dạng các cuộn giấy được kết nối lại. Họ đặt tên cho từng cuộn chỉ bằng một từ hoặc cụm từ đầu trong đó. Vừa mở cuộn giấy ra họ đã có thể biết đó là sách nào. Khi Cựu Ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ được dịch sang tiếng Hy Lạp, vào khoảng 250 năm trước khi Chúa Giê-su ra đời, tên sách mới đổi thành *"Sáng Thế Ký"* (Genesis) nghĩa là *"khởi nguồn*" hoặc *"ban đầu."* Cái tên rất phù hợp này cho chúng ta đến với *các sự khởi nguồn*: khởi nguồn của vũ trụ (của mặt trời, mặt trăng và các vì sao) và của trái đất. Sự khởi nguồn của các loài thọ tạo (cây, chim, cá, động vật) và con người. Sự khởi nguồn của giới tính, hôn nhân và cuộc sống gia đình. Sự khởi nguồn của nền các văn minh (thể chế, chính quyền, chính phủ, văn hóa, khoa học và nghệ thuật...) Cũng có khởi nguồn của tội lỗi (cái chết, sự giết chóc và chiến tranh). Thậm chí có khởi nguồn của sự hiến tế (lễ hy sinh, nghi thức, sinh tế bằng con vật và cả con người).

Như vậy, cuốn sách nhỏ đặc biệt chỉ có 50 chương, nhưng lại chứa đựng *khởi nguồn của tất cả những tồn tại trong hoàn vũ*. Nó trả lời cho những câu hỏi căn bản như: Vũ trụ của chúng ta bắt nguồn từ đâu? Tại sao chúng ta lại ở đây? Thậm chí còn cá biệt hơn: Tại sao mỗi chúng ta lại phải chết? - một vấn đề chúng ta thường tránh né, không muốn nói hay nghĩ đến, người ta ăn mặc như đi lễ hội để cố gắng giấu đi sự kinh hoàng về nó. Nhưng tất cả chúng ta đều không tránh được. Tại sao? Đây là những câu hỏi căn bản của cuộc sống và chúng ta cần có câu trả lời rốt ráo.

Nhưng không một người nào có thể trả lời chúng.

Các *nhà sử học* không thể trả lời vì họ *không thể cho chúng ta biết mọi thứ bắt đầu như thế nào*. Có nhà sử học nào ở đó để quan sát hoặc ghi lại những gì đã xảy ra.

Các *nhà khoa học* không thể cho chúng ta biết về cơ chế khởi đầu của vũ trụ. Họ có thể trở lại

buổi ban đầu, nhưng không thể đi xa hơn. Họ không thể quan sát bất cứ điều gì trước đó. Nên họ không thể cho chúng ta biết nó bắt đầu như thế nào. Vì thế, và hơn thế nữa, họ không thể cho chúng ta biết *tại sao* nó có thể bắt đầu. *Khoa học không thể biết được vũ trụ này ra đời để làm gì*. Họ có thể cho chúng ta biết chút chi tiết về việc nó ra đời như thế nào, nhưng *chắc chắn không thể cho biết lý do.*

Các triết gia không thể trả lời những câu hỏi căn bản này, họ chỉ có thể đoán mà thôi. Chẳng hạn, khi các triết gia cố gắng trả lời cho câu hỏi về sự ác - vấn đề khiến phần lớn trong số họ bận rộn, thì cũng chỉ là phỏng đoán. *Sự ác đến từ đâu?* Tại sao trên thế giới này lại có nhiều sự ác đến như thế? Các nhà triết học cũng đã căng óc ra để cố gắng cho chúng ta một câu trả lời, nhưng nó *đều là phỏng đoán, không ai thật sự biết cả*.

Chỉ một Người có thể thật sự trả lời những câu hỏi này cho chúng ta, đó chính là *Chúa*.

Vậy, khi bạn mở Sáng Thế Ký, lập tức bạn phải đối mặt với một câu hỏi. Bạn đang đọc *kết quả của trí tưởng tượng của con người* hay *sự thần cảm thiên thượng?* Liệu cũng chỉ cho chúng ta một loạt những suy đoán khác *của con người* về những điều này? Hay nó thật sự cho chúng ta câu trả lời *từ Người duy nhất có mặt khi mọi thứ bắt đầu*, và cũng *chính là tác giả* của nó?

Trên thế giới *có nhiều giải thích khác về công cuộc tạo dựng*. Có một giải thích được nhiều người biết đến là *Sử Thi của người Ba-bi-lon*. Nó phức tạp hơn nhiều nhưng độ tin cậy lại kém hơn nhiều so với nội dung của *Sáng Thế Ký*. Đó chỉ là một trong những *thần thoại* để kể cho chúng ta xem mọi thứ bắt đầu ra sao. Chúng ta cũng nên đọc một vài câu chuyện để so sánh với sự đơn giản tuyệt đối và bản chất thuyết phục của *Sáng Thế Ký chương 1*.

Phải thực hiện một bước Đức Tin

Trước khi mở cuốn sách này bạn phải quyết định xem mình đang đọc một tác phẩm *từ trí tưởng tượng của con người* hay một *sự thần cảm thiên thượng?* Thực ra khoa học lại là ngành học có tiến trình dựa vào *niềm tin*. Trong quy trình nghiên cứu khoa học, bước đầu người ta phải đặt ra một giả thuyết, xây dựng một lý thuyết có thể chấp nhận được, rồi bố trí hệ thống thực nghiệm, phân tích đánh giá kết quả xem giả thuyết đó có khớp với thực tế hay không.

Vì vậy, *quan điểm tiếp cận bằng đức tin trước* cũng là một *phương pháp khoa học*. Phương pháp giả sử đó là câu trả lời của *Đức Chúa Trời* cho những câu hỏi nào đó, rồi phân tích xem nó có khớp với thực tế hay không. *Có hai thực tế* quan trọng đang đặt trước mắt ta, và *Sáng Thế Ký* đã đưa ra một lời giải thích hoàn hảo. *Thực tế trước hết*: Chúng ta đang sống trong một thế giới tuyệt vời. Vũ trụ này thật đáng kinh ngạc. Nhưng hành tinh này mới là thực thể kỳ thú nhất trong vũ trụ, bởi nó dung chứa sự sống với vô vàn sự đa dạng. *Thực tế hiện tại:* Hành tinh này lại đã và đang bị hủy hoại bởi chính những con người sinh sống trên mình nó.

Đó là *hai thực tế* mà tất cả chúng ta đang diện kiến. Nó làm chúng ta ngày càng ý thức hơn về môi trường cùng những điều mà chúng ta đã và đang làm với nó. Mỗi ngày có cả trăm loài khác nhau bị tuyệt chủng. Chúng ta đang hủy hoại thế giới mà chúng ta đang sống. Hai thực tế này đặt ra một câu hỏi thật đặc biệt: *Chúng ta sống trong một thế giới tuyệt vời như thế; nhưng tại sao chúng ta lại đang hủy hoại nó?* Thực tế đó vô cùng khớp với sự phản ánh trong *Sáng Thế Ký*. Phương pháp tiếp cận bằng Đức Tin quả là cách tiếp cận khoa học.

Vị trí của Sáng Thế Ký trong Kinh Thánh

Sáng Thế Ký không chỉ là *sách đầu tiên*, mà nó là cuốn sách *nền tảng* cho cả Kinh Thánh. Hầu hết, nếu không nói là tất cả, *lẽ thật Kinh Thánh* về bản chất đều có trong Sáng Thế Ký. Nên nó còn được gọi là *vườn ươm* của Kinh Thánh. Các hạt giống của *Sáng Thế Ký* nảy mầm tại đây đều đơm hoa kết trái trong Kinh Thánh. Thực tế, *Sáng Thế Ký là chìa khóa mở ra toàn bộ phần còn lại của Kinh Thánh*. Có bao giờ ta tự hỏi: Kinh Thánh

Sẽ ra sao nếu nó *không bắt đầu bằng Sáng Thế Ký, mà bằng Xuất Ê-díp-tô Ký?* Ai đó sẽ nói rằng: Ồ, có gì đâu đáng quan tâm về một đám nô lệ Do Thái ở Ai Cập. Tại sao mình phải học lịch sử và tôn giáo của họ? Trừ khi bạn phải quan tâm đến nó do công việc nghiên cứu, học thuật.

Nhưng vì có *Sáng Thế Ký* nên bạn nhận ra: đọc Kinh Thánh là mình đang đọc về chính mình, về sự sống *của mình*. Trong đó, vấn đề lớn trong cuộc sống là *cuộc tranh đấu bản thân về đạo đức*. *Hầu như ai cũng muốn tốt hơn chính mình, nhưng đều thất bại*. Tại sao? Kinh Thánh đã chỉ dẫn bạn. Ngay từ đầu khi đọc tới A-đam, cứ như thể bạn đang soi gương và thấy chính mình vậy. Rồi đến Nô-ê, Áp-ra-ham, Gia-cốp (người được đổi sang tên *Y-sơ-ra-ên*)...

Tân Ước còn xây dựng trên nền tảng *Sáng Thế Ký* nhiều hơn *Cựu Ước*. Trích dẫn nhiều hơn. Sáu chương đầu của sách còn được khai thác rất chi tiết. Tất cả *tám trước giả chính* đều nhắc đến Sáng Thế Ký. T*ất nhiên là Chúa Giê-su càng nhắc đến.*

Đối với Cơ Đốc nhân, *thái độ của Chúa Giê-su đối với Sáng Thế Ký đã giải đáp mọi câu hỏi*. Vì chúng ta đã tin cậy Ngài, chúng ta tin rằng *Ngài chỉ nói lẽ thật*. Nên *điều gì là thật với Ngài cũng là thật với tôi*. Chúa Giê-su coi các nhân vật, các sự kiện trong Sáng Thế Ký là những *nhân vật,sự kiện lịch sử có thật, không phải là truyền thuyết*. Nô-ê và cơn đại hồng thủy là một sự kiện lịch sử có thật. Chúa còn khẳng định Ngài quen biết Áp-ra-ham cách riêng tư khi Ngài nói: "*Trước khi Áp-ra-ham hiện hữu, Ta Hằng Hữu, và người vui mừng khi gặp Ta*." Người Do Thái thời đó nghe Chúa Giê-su nói vậy thì bảo: "Thầy chưa đầy năm mươi tuổi mà đã thấy Áp-ra-ham?" Chúa Giê-su đáp: *"Ta đã ở đó."*

Chúa Giê-su luôn xác chứng cho Sáng Thế Ký.

Khi người ta hỏi Ngài về việc ly dị và tái hôn, Ngài đưa họ đến ngay *Sáng Thế Ký chương 2* và nói: "*Ngươi sẽ tìm thấy câu trả lời ở ngay đó*."

Chúng ta *sẽ không hiểu Thập tự giá nếu không có Sáng Thế Ký*. Trước giả Tân Ước Phao-lô nói đến *trọng tâm của Thập tự giá* bởi ông có nền tảng từ Sáng Thế Ký-chương 3: *Sự không vâng phục của một người mang sự chết đến cho nhân loại thế nào, thì cũng vậy, sự vâng phục của một người mang đến sự sống*.

Cuộc tấn công Sáng Thế Ký

Vì biết rõ: Nếu không tin Sáng Thế Ký thì không thể tin phần còn lại của Kinh Thánh, nên lực lượng chống phá Kinh Thánh càng hiểu rằng nếu chứng minh được là Sáng Thế Ký sai thì phần còn lại của Kinh Thánh cũng lung lay. Nếu Sáng Thế Ký không đúng thì có thể Đấng sáng tạo cũng vậy. Chính loài cầm thú sẽ là tổ tiên của chúng ta. Nên không có gì đáng ngạc nhiên khi cuốn sách này bị tấn công nhiều hơn mọi sách khác trong cả Kinh Thánh.

Có hai mũi giáo tấn công.

Một là về mặt khoa học. Tại đây, chúng ta không đề cập tất cả các khía cạnh của lĩnh vực này. Nhiều cuốn sách, video, bài ghi âm sẽ giải quyết vấn đề cách toàn diện và thấu đáo hơn. Nhưng cần xem xét nhanh về mũi này *vì lớp người trẻ tuổi*. Họ đang *gặp vấn đề thực sự* khi họ bước vào đọc *Sáng Thế Ký* trên nền tảng những điều họ được học ở nhà trường. Vốn liếng khoa học nơi đây đặt ra các *câu hỏi về công cuộc tạo dựng* từ *trình tự, tốc độ và cách thức* tạo dựng; *về tuổi của trái đất, nguồn gốc của loài người, quy mô của cơn đại hồng thủy, tuổi của con người trước đó, và rất nhiều điều khác.*

Đằng sau sự tấn công này, ta tin rằng là có sự tấn công của Sa-tan. Ma quỷ ghét hai cuốn sách trong Kinh Thánh: *Sáng Thế Ký và Khải huyền*. Hắn đặc biệt ghét *những chương đầu trong Sáng Thế Ký và những chương cuối của Khải huyền*. Vì một cái mô tả việc *hắn đã bước vào thế giới của chúng ta như thế nào,* và cái còn lại miêu tả việc *hắn sẽ bị đá khỏi thế giới ra sao*. Hắn thích đẩy người ta ra xa khỏi những chương đó. Hắn muốn thuyết phục bạn rằng *Sáng Thế Ký là thần thoại* và *Khải Huyền là điều thần bí*. Hắn biết rõ rằng nếu ai có thể hủy hoại niềm tin của con người vào Sáng Thế Ký thì, thực tế người đó đã hủy hoại được nền tảng của cả Kinh Thánh. Nên không có gì đáng ngạc nhiên khi đã và đang có nhiều tranh cãi về Sáng Thế Ký. Nếu không tin sách này thì bạn có xu hướng loại bỏ phần còn lại.

Sáng Thế Ký được viết ra thế nào?

Sáng Thế Ký là một trong năm sách hợp thành một *đơn vị*. Tinh thần này không hẳn có trong *Kinh Thánh của chúng ta* nhưng chắc chắn là trong *Kinh Thánh của người Do Thái*. N*ăm sách này đã tạo thành bộ Ngũ kinh*. (Có một tòa nhà năm mặt tại Washington DC-Hoa Kỳ, gọi là *Pentagon*: *Lầu Năm Góc*. Tên gọi đó cùng một gốc từ *Pentagon*: *Ngũ Kinh-Năm Sách)*. Người Do Thái gọi chúng là *Torah*, nghĩa là '*Sự Chỉ Dẫn'*. Họ tin rằng *Năm sách* này tạo thành *Những chỉ dẫn của Đấng Tạo hóa*. Họ thật rất khôn ngoan. *Đấng Tạo Hóa ban cho con người những chỉ dẫn suốt tận cuộc đời* họ - làm cho con người trở nên thân thuộc với sách Kinh. Mỗi năm người Do Thái đọc hết *Torah* ít nhất một lần. Mỗi tuần họ cứ đọc thêm một chút. Khi đọc hết họ trở lại từ đầu. Đó là cuốn *Kinh hằng tuần* của họ.

Ai đã viết Ngũ Kinh?

Người Do Thái, Cơ Đốc Nhân, thậm chí những nhà sử học ngoại đạo từ lâu đều tin rằng *Môi-se đã viết năm sách này*. Không có lý do gì để nghi ngờ điều đó. Đến thời Môi-se, *bảng chữ cái* đã thay thế cho *chữ tượng hình* vốn thịnh hành tại Ai Cập (và ngày nay vẫn còn dùng tại Trung Quốc và Nhật Bản). Môi-se được học đến đại học trong hoàng cung. Ai đã có dịp thấy tượng đài *Cây kim của Cleopatra* bên bờ sông Thames, thì nên nhớ đó là một trong hai di tích *cây cột Ai Cập cổ đại*. Cây còn lại đã được rời tới Rome, dựng ở cổng Trường đại học Ai Cập. Rất có thể mỗi sáng xưa trên đường đi học, Môi-se đã từng trông thấy hai cây cột ấy. Nên ông có trình độ học vấn cao, đủ hiểu biết để soạn ra *Năm sách* này, tuy không cuốn nào có ghi tên tác giả.

Tuy nhiên, *vẫn còn hai vấn đề*.

Vấn đề đầu tiên tương đối nhỏ là, *ở cuối sách Phục Truyền*, cái chết của Môi-se được ghi lại cẩn thận. Khả năng ông tự viết điều đó là rất thấp. Có thể Giô-suê đã viết thêm vào để hoàn tất câu chuyện. *Vấn đề chính là*: Thời kỳ lịch sử trong bốn Xuất Ê-díp-tô Ký, *Lê-vi ký, Dân số ký và Phục truyền luật*

lệ ký là thời Môi-se sống, ông từng đảm nhiệm vai trò quan trọng trong thời kỳ này, ông đã chứng kiến tường tận mọi sự. Không có vấn đề gì khi nói Môi-se viết những sách đó. Nhưng khi đề cập thời gian kết thúc của Sáng Thế Ký, thấy nó diễn ra 300-400 năm *trước khi Môi-se ra đời*. Làm sao ông có tư liệu cho sách? Ta biết một điều về xã hội nguyên thủy là *những người không viết chữ lại có một trí nhớ phi thường*. Đến nay, dân các bộ lạc không có chữ viết có thể kể cho bạn về lịch sử của bộ lạc họ. Họ lưu truyền lịch sử từ đời cha sang đời con qua các câu chuyện kể những đêm lửa trại. Phương thức *truyền khẩu* là di sản của các cộng đồng nguyên thủy. Người Do Thái hẳn là không ngoại lệ. Đặc biệt khi họ phải sống cuộc đời nô lệ tại Ai Cập, họ lại càng ghi khắc sâu trong ký ức. Họ muốn con cháu họ cần biết mình là ai, và đã đến từ đâu.

Có *hai điều* thường được truyền lại ở dạng trí nhớ này. *Một là phả hệ. Sáng Thế Ký đầy những phả hệ*. Có một cụm từ xuất hiện tới mười lần: "*Đây là dòng dõi của...*" rải rác xuyên suốt sách. *Một điều nữa* được truyền lại là những *chiến tích*, những *câu chuyện anh hùng*, những *điều lớn lao* mà tổ tiên hộ đã làm. Phần lớn Sáng Thế Ký gồm cả hai điều này. Nên rõ ràng thấy đó là một tập hợp những kết quả sưu tầm mà Môi-se tích lũy được. Nhưng *có một phân đoạn phải trừ ra*. Phân đoạn này cho thấy ông không thể nào góp nhặt theo cách kể trên. Đó là phân đoạn từ *chương 1 câu 1* đến *chương 2 câu 3*. Đây là một phần mà Môi-se không thể khai thác được từ bất kỳ người nào. H*ẳn là ông đã nhận được phần đó từ chính Đức Chúa Trời*. Đó là một trong những phần Kinh Thánh mà *Chúa đã trực tiếp đọc cho con người ghi lại*. Phần lớn Kinh Thánh không được viết theo cách này. Ta chớ nghĩ về các *trước giả Kinh Thánh* như họ là một loại công cụ tạo tác văn bản, là những chiếc máy đánh chữ Chúa dùng đến. Cách Đức Chúa Trời *thần cảm* các trước giả đó, là cách Ngài dùng *trí nhớ, hiểu biết, cách nhìn và tính cách* của chính họ *để hình thành nên ngôn từ của Ngài,* Ngài thôi thúc họ viết những điều Ngài muốn được viết ra. Nên *ngoài phân đoạn đặc biệt* trên đây, các sách trong Kinh Thánh đều có dấu ấn của *trước giả Kinh Thánh*.

Sắc thái Sáng Thế Ký

Xem xét kỹ hơn về *phân đoạn đặc biệt* "*Sáng Thế Ký 1:1 - 2:3*" cho thấy đây có mọi *dấu ấn* của Lời Chúa. Khi Ngài phán, lời của Ngài *là toán học hoàn hảo*. Tiếng Hê-bơ-rơ không có con số. Họ chỉ có chữ cái, mỗi chữ cái biểu thị một con số: *Aleph (hay A) là 1, B là 2, C là 3,...*

Đó là cách đếm thông dụng. Khi đem chuyển các chữ cái của *Sáng Thế Ký 1* thành các con số thì thật kinh ngạc. Tôi đã đến Giê-ru-sa-lem trò chuyện với những Ra-bi, họ đã làm mọi phép toán với từng câu và họ dành nhiều ngày để thảo luận về nó bởi sự hoàn hảo về mặt toán học này.

Ngay câu đầu tiên: "*Ban đầu, Đức Chúa Trời sáng tạo trời và đất*" là một câu trong tiếng Hê-bơ-rơ *chỉ có **7** từ - một trong các con số bí ẩn*. Trước Môi-se chưa có sự kiện *Ngày Sa-bát*. A-đam làm việc suốt 7 ngày một tuần. Áp-ra-ham, I-sắc, Gia-cốp làm nghề chăn gia súc, thì bò của các ông có ngày nào nghỉ ăn được. Thực ra còn chưa có dấu vết phân định tuần lễ. Khi đó người ta tính *tháng* bằng sự vận hành của mặt trăng, *năm* bằng mặt trời. Để thấy rằng tại đây, chính Chúa đã bày tỏ cho ông việc Ngài "*đã tạo dựng thế giới trong sáu ngày và nghỉ ngày thứ bảy*." Ông tuân theo chương trình làm việc của Ngài, để trong Các Điều Răn ông vâng lệnh Chúa ban ra mới có *một nếp sống đặc trưng mới* mà trước đó chưa ai từng biết: *Làm việc 6 ngày, nghỉ 1 ngày*. Ngày nghỉ này gọi là *Sabat*. Từ đây có một *nhịp điệu sinh hoạt: làm việc - nghỉ ngơi - thờ phượng Chúa*. Về các con số, sau sẽ xem xét tiếp.

Sáng Thế Ký là một *tác phẩm văn học độc đáo*. Có đủ các dấu hiệu chỉ ra rằng nó *trực tiếp đến từ*

Chúa. Có thể tưởng tượng rằng Môi-se thu thập mọi ký ức của dân chúng, các phả hệ và chiến tích, ghép chúng lại với nhau. Còn Chúa thì phán với ông: "*Ta sẽ viết phần mở đầu, con hãy chép lại.*" Thú vị là ở sách cuối cùng của Kinh Thánh cũng diễn ra như vậy. Sách *Khải Huyền* không phải do Giăng sáng tác. Chúa đã cho ông thấy những khải tượng và ban cho ông chính lời Ngài. Rồi Chúa cũng đã phán: "*Hãy viết rằng….*" Ở cả hai đầu của Kinh Thánh, có bao điều mà trí tưởng tượng của con người không thể hình dung và diễn tả được. Với những điều như thế Ngài như buộc phải *đọc chính tả* cho các trước giả vậy. Thi Thiên103 cũng đã xác nhận: "*Chúa bày tỏ cho Môi-se đường lối Ngài.*"

Một số đặc điểm trong các chương đầu

Năm từ đầu tiên là *"Ban đầu, Đức Chúa Trời."* Sáng Thế Ký *đầy những khởi đầu* của mọi thứ - *trừ sự khởi đầu của Đức Chúa Trời!*

Chúa không bắt đầu ở đây. Từ khi Kinh Thánh mở ra, Đức Chúa Trời đã hiện hữu. Ngài đã hiện diện khi vũ trụ hình thành. Phải có một thứ gì đó vĩnh hằng hoặc một Đấng Vĩnh Hằng - người đã sẵn hiện diện để hình thành nên vũ trụ của chúng ta. Bởi vì từ *'không gì cả'* không bao giờ có thể tự biến thành '*một thứ gì đó*.' Lý lẽ đó có khiến ta căng não không? Đây thực chỉ là một chút triết lý thô kệch: "*Không gì cả* không bao giờ có thể *tự biến thành một thứ gì đó."* Đơn giản là *phải có một căn nguyên*. Căn nguyên chỉ có thể từ: hoặc *một thứ gì đó vĩnh cửu*, hoặc *một ai đó vĩnh cửa*. Chính Kinh Thánh đã mở đầu bằng việc xác quyết: Đó là một *Đấng Vĩnh Cửu, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu*. Nên câu hỏi *"Ai tạo ra Chúa?"* của em học sinh kia là vô nghĩa. Giống như em đó hỏi: khi nào thì bạn có thể có một vòng tròn, hay một hình vuông? Hay: bạn có thể rán băng tuyết không? Nó vô nghĩa ở chỗ nó đã hỏi một điều không thích hợp.

Đức Chúa Trời chẳng hề do ai tạo dựng. Trái lại Ngài tạo nên muôn vật. Ngài luôn hiện diện. Aristotle cũng đã từng nói về một cái gì đó *vĩnh cửu* là: nó *luôn hiện diện*. Chính *Danh Ngài* là *thì hiện tại* của *trợ động từ 'là'*: *Đang là*. Nhưng đã là sự lựa chọn, nên bạn phải chọn một trong hai.

Trước đây tôi có cầu nguyện: Xin Chúa ban cho một từ tiếng Anh *tương ứng với* từ *"Yahweh"*(tiếng Hê-bơ-rơ) để được trực tiếp *cảm nhận ý nghĩa* của nó. Một từ đã nảy ra trong đầu tôi: *"Always"- Hằng hữu*, một từ rất gần với danh Chúa: *Always, Ngài hằng ở đó*. Ngài là *Always*. Đó là từ tiếng Anh tương ứng nhất mà tôi có thể dùng mỗi khi cần thay cho từ *Yahweh*

Nói cách khác, *Kinh Thánh không bao giờ cố gắng chứng minh sự tồn tại của Đức Chúa Trời*. Làm thế thật lãng phí thời gian. Đơn giản là *Chúa hiện diện*, *Ngài đã và đang hiện diện*. Ngài không cần ai giải thích hộ. Điều cần được giải thích là *sự tồn tại của mọi thứ khác. Tư duy hiện đại hoàn toàn trái ngược* khi giải thích Lẽ thật này rằng: *mọi thứ khác đã luôn hiện diện*, điều *phải chứng minh về sự tồn tại của Chúa*.

Sáng Thế Ký đã tiếp cận câu hỏi nổi cộm này như vậy. Ở thời Môi-se thì mọi người đều *nhận biết là Chúa có thật*. Họ hiển nhiên thấy Ngài đã cứu họ ra khỏi Ai Cập. Ngài đã rẽ Biển Đỏ, Ngài đã nhấn chìm quân đội Ai Cập. Khi đã trải qua một kinh nghiệm như vậy, bạn *không cần đến những bằng chứng* nào đó nữa về sự tồn tại của Chúa. Nhưng *e rằng con người hiện đại lại cần*, vì họ không được trải nghiệm những sự kiện này.

Khi đọc *Hê-bơ-rơ chương 11*, bạn thấy *hai điều* về *công cuộc sáng tạo*. Một là: "*Bởi đức tin,*

chúng ta biết rằng vũ trụ đã được dựng nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật thấy được hình thành từ những vật không thấy được." Và hai là: "*Người nào đến gần Đức Chúa Trời phải tin rằng Ngài thực hữu, và Ngài là Đấng ban thưởng cho những ai tìm kiếm Ngài.*." Kinh Thánh nói: Cứ thừa nhận rằng Ngài hiện diện, rằng Ngài muốn bạn tìm kiếm Ngài, biết Ngài, yêu Ngài và phục vụ Ngài, rồi hãy xem điều gì xảy ra. Hãy bắt đầu từ việc chấp nhận một lẽ thật hiển nhiên "*Ban đầu, Đức Chúa Trời*."

Chủ đề của Chương 1 Sáng Thế Ký

Sáng Thế Ký 1 không nói về *công cuộc sáng tạo,* mà nói về chính *Đấng Tạo Hóa*. Đó là sai lầm đầu tiên mà chúng ta thường mắc, đã không nhận ra, ngộ nhận. S*áng Thế Ký 1* không nói đến *cách thế giới của chúng ta được hình thành*, mà chủ yếu nói đến *Đấng khiến nó hình thành.*

SÁNG THẾ KÝ 1 ~ "CHÚA" 35 LẦN

CHÚA LÀ ĐẤNG
NGÔI VỊ (tấm lòng, tâm trí, ý chí)
RẤT QUYỀN NĂNG (10 mệnh lệnh)
TỰ HỮU (luôn luôn tồn tại)
SÁNG TẠO (hình dung → đa dạng)
TRẬT TỰ (hài hòa, khoa học)
CÓ MỘT (động từ)
SỐ NHIỀU (danh từ)
TỐT LÀNH (tất cả mọi điều Ngài làm vì Ngài là đấng như vậy)
YÊU THƯƠNG (muốn ban phước cho những gì Ngài tạo ra)
HẰNG SỐNG (hoạt động trong thế giới này)
NÓI (giao tiếp để liên hệ)
GIỐNG CHÚNG TA (trong hình ảnh của Ngài)
KHÔNG GIỐNG CHÚNG TA (chúng ta không thể tự tạo ra điều gì)

CHÚA KHÔNG LÀ ĐẤNG | ĐỘC LẬP VỚI / DỰA VÀO | TẠO VẬT CỦA NGÀI

1. *Chúa là một ngôi vị*: Chỉ trong 31 câu, từ *'Đức Chúa Trời'* được nhắc đến 35 lần, cho thấy đây không phải là đang kể về *công cuộc sáng tạo*, mà là công bố *hình ảnh Đấng Sáng Tạo, Đấng Tạo Hóa*. Một hình ảnh sống động về Chúa: Ngài có một trái tim biết cảm nhận. Ngài có một tâm trí biết suy nghĩ, có thể nói lên suy nghĩ của mình. Ngài có ý muốn, Ngài đưa ra quyết định và làm đúng như vậy. Tất cả những phẩm chất này *là một nhân cách*. Chúa không phải là *"một thứ gì đó"* mà Chúa là *"một ai đó."* Ngài là một thân vị trọn vẹn *với những cảm xúc, suy nghĩ và động cơ* giống như chúng ta.

2. *Chúa rất quyền năng*. Hồi cô con gái quá cố của chúng tôi còn nhỏ, tôi nhớ mình đã đọc *Sáng Thế Ký 1* cho con bé từ *Kinh Thánh thiếu nhi*. Khi tôi đọc xong, con bé chỉ lặng lẽ ngồi nghe, rồi nói: "*Phán một cái là xong luôn*." Đó là tóm tắt của con trẻ, kiểu tóm tắt rất hay, thật quyền năng! Quyền năng đến mức chỉ cần nói đến một điều nào đó thì điều đó xảy ra. Thật có thẩm quyền. Để có thẩm quyền đó thì phải ở một vị trí rất cao! *Và mười điều răn đầu tiên trong Kinh Thánh đều nằm trong*

Sáng Thế Ký 1. Bạn có biết là ở đó có mười điều răn không? Hãy tìm và đếm thử. Ngài sẽ ban mười điều răn *cho chúng ta* về sau này. Mười điều răn ban đầu được Ngài ban *cho vũ trụ* của chúng ta.

3. *Ngài tự hữu*. Ngài *đang hiện diện*, Ngài *đã luôn hiện diện*. Ngài *hằng như vậy*.

4. *Ngài sáng tạo*. Là một nghệ sĩ tạo hình với khả năng sáng tạo siêu việt, Ngài tạo ra tới sáu ngàn loài ong khác nhau. Ngài làm chẳng hề có sự giống hệt nhau giữa hai ngọn cỏ, hai bông tuyết, hai hạt cát, nhất là giữa hai con người. Trong khi chúng ta thì có thể sản xuất ra hàng triệu chiếc xe hơi cùng một mẫu, giống hệt nhau.

5. *Ngài là một Đức Chúa Trời có trật tự*. Tính đối xứng của vũ trụ là điều mà người Do Thái phát hiện ra bằng công thức toán học $E=mc^2$ đã được áp dụng với toàn vũ trụ.

6. *Ngài là Đức Chúa Trời có một*. "*Ban đầu, Đức Chúa Trời sáng tạo*." Từ "*sáng tạo*" *ở dạng số ít* để nói lên rằng duy chỉ có Ngài làm nên công cuộc sáng tạo.

7. Nhưng *Ngài cũng là số nhiều* vì từ "*Đức Chúa Trời*" không phải là từ số ít. Nhưng cũng không ở dạng số nhiều đơn giản. Ở đây có ba từ: *Eloha* nghĩa là *một* Đức Chúa Trời. *Eloheim* nghĩa *là hai*. Còn *Elohim* nghĩa *là ba hoặc nhiều hơn*. Như vậy, trong câu đầu tiên *"Ban đầu, Đức Chúa Trời…"* Tạo Hóa là ba, nhưng công cuộc sáng tạo, duy chỉ có Ngài làm, Danh Ngài là một. Điều *tiên báo về giáo lý ba ngôi* có ngay từ Cựu Ước không đáng kinh ngạc sao? Ngài là Đức Chúa Trời ba ngôi nhất thể ngay từ câu đầu tiên. Phải mất tất cả phần còn lại trong Kinh Thánh để giải thích xem điều đó nghĩa là gì. Nhưng thú vị ở chỗ, từ *"Đức Chúa Trời ba ngôi"* được chia *ở dạng số ít* xuyên suốt *Sáng Thế Ký 1*.

8. Trên hết, Sáng Thế Ký 1 nói rằng Ngài là *Đức Chúa Trời Tốt Lành*. Thi thoảng tôi phải chọn một chủ đề vào sáu tháng trước một buổi nhóm. Khi tôi không thể nghĩ xa hơn, tôi chỉ ghi "*Đức Chúa Trời Tốt lành*," và tôi nói chủ đề này bao hàm mọi điều mà tôi muốn nói. Đã hai lần người ta đăng những tấm poster chứa tấm hình khó nhìn của tôi, phía trên đề dòng chữ "*Đức Chúa Trời Tốt lành*." Ấy thế mà buổi nhóm lại chật kín người. Quả thật Chúa là tốt lành. Vì vậy, mọi điều Ngài dựng nên là tốt lành vì *Ngài là tốt lành*. Đó là thông điệp của Sáng Thế Ký. Đừng nhầm lẫn về điều này: sự ác không phải là tạo vật của Chúa.

9. Ngài là một *Đức Chúa Trời yêu thương* và muốn chúc phước cho những điều Ngài dựng nên.

10. Ngài là *Đức Chúa Trời hằng sống*.

11. Ngài là *Đấng hành động*. *Ngài phán* và *làm nhiều điều* trong thế giới này. Khi Ngài phán, là Ngài đang giao tiếp và muốn liên hệ với chúng ta.

12. Ngài là Đức Chúa Trời - *Đấng giống với chúng ta*. Nếu chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Ngài, thì hẳn là Ngài giống với chúng ta, như chúng ta cũng giống Ngài.

13. Nhưng Ngài là Đức Chúa Trời - *Đấng không giống chúng ta*, *ở điều mà chúng ta không thể làm*, đó là *tạo dựng*. Chúng ta có thể tạo ra những thứ khác nhau từ thứ gì đó, *nhưng không thể tạo nên thứ gì đó từ chỗ không có gì*. Chúng ta *không thể "phán thì có như vậy."*

Chìa khóa giải mã Kinh Thánh

Cuối cùng, kết thúc chương này là *chiếc Chìa khóa đầu tiên* để giải mã Kinh Thánh: ***Không bao giờ được đánh đồng Chúa với tạo vật của Ngài***. Có sự khác biệt giữa *Đấng Tạo hóa* và *tạo vật* ngay từ đầu Kinh Thánh. Đừng bao giờ nhầm lẫn.

Phái *Thời Đại Mới* đang ra sức xóa nhòa ranh giới khác biệt căn bản này. *Đấng Tạo Hóa khác hoàn toàn với tạo vật của Ngài*. Ngài có thể nghỉ một ngày và tách ra khỏi tất cả những gì Ngài đã tạo nên. Đừng bao giờ đánh đồng Ngài với những điều Ngài tạo dựng. *Thờ lạy tạo vật của Ngài là thờ thần tượng. Thờ phượng Đấng Tạo Hóa là lẽ thật.*

Trong các chương kế tiếp, chúng ta sẽ xem xét một số hàm ý lan tỏa khác của *chương đầu* sách tuyệt vời này.

Một bài học học nhỏ về triết học

TRIẾT LÝ CỦA CON NGƯỜI

ATHEISM (VÔ THẦN): không có Chúa
AGNOSTICISM (BẤT KHẢ TRI): không biết có Chúa không
ANIMISM (DUY LINH): nhiều thần linh là nhiều Chúa
POLYTHEISM (ĐA THẦN): có nhiều thần linh
DUALISM (NHỊ NGUYÊN): có hai thần (tốt & xấu)
MONOTHEISM (DUY THẦN): chỉ có một Chúa
DEISM (TỰ NHIÊN THẦN GIÁO): Tạo Hóa không thể kiểm soát
THEISM (HỮU THẦN): Tạo Hóa có thể kiểm soát
EXISTENTIALISM (CHỦ NGHĨA HIỆN SINH): kinh nghiệm là Chúa
HUMANISM (CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN): con người là Chúa
RATIONALISM (CHỦ NGHĨA DUY LÝ): lý trí là Chúa
MATERIALISM (CHỦ NGHĨA DUY VẬT): chỉ có vật chất là thật
MYSTICISM (THẦN BÍ HỌC): chỉ có tâm linh là thật
MONISM (NHẤT NGUYÊN LUẬN): vật chất và tâm linh là một
PANTHEISM (PHIẾM THẦN THUYẾT): mọi thứ là thần
PANENTHEISM (PHIẾM TẠI THẦN THUYẾT): thần ở trong tất cả

TRIẾT LÝ CỦA KINH THÁNH

TRIUNETHEISM (THUYẾT BA NGÔI HIỆP NHẤT): ba ngôi nhất thể

Tôi muốn cho bạn một bài học học nhỏ về triết học. Ai cũng có một triết lý. Đó là cách bạn suy nghĩ về *sự vật*. Từ triết học đơn giản là yêu mến sự khôn ngoan hay tìm câu trả lời cho những câu hỏi lớn, và tất cả chúng ta đều có một triết lý. Nhưng vấn đề là trong thế giới ngày nay, người ta quẳng cho chúng ta quá nhiều triết lý qua các phương tiện thông tin đại chúng, và theo quá nhiều cách khác nhau, đến nỗi chúng ta bối rối. Nếu bạn thừa nhận Sáng Thế Ký 1 thì có rất nhiều triết lý hiện đại bị loại trừ ngay từ trang đầu của Kinh Thánh. Tôi vừa mới lập danh sách một số triết lý. Tôi rất e ngại khi nghe thấy một từ kết thúc bằng '-ism' trong tiếng Anh - có chữ 'thuyết' hoặc 'chủ nghĩa' trong tiếng Việt. Tôi chỉ thích hai cái '-ism" là baptism - lễ báp tem và evangelism - việc truyền giảng, ngoài ra, những -ism khác thường là một triết lý sai lệch. Ví dụ, nếu bạn tin vào Sáng Thế Ký 1 thì thuyết vô thần (atheism) bị loại trừ. Thuyết vô thần tin rằng không có Đức Chúa Trời. "Ơn giời, tôi là một người vô thần," ai đó nói vậy. Thuyết bất khả tri (agnosticism) bị loại trừ. Thuyết bất khả tri nói rằng: Tôi không biết là có Đức Chúa Trời hay không. Sáng Thế Ký 1 nói là có, nên bạn không thể vừa tin vào Sáng Thế Ký 1 vừa theo thuyết bất khả tri. Thuyết duy linh (animism) là niềm tin vào nhiều thần linh kiểm soát thế giới của chúng ta, các thần sông, thần núi. Còn nhiều thuyết duy linh trên thế giới - điều đó bị loại trừ. Thuyết đa thần (polytheism) là niềm tin rằng có nhiều thần. Sáng Thế Ký 1 loại trừ điều đó. Nhị nguyên luận (dualism) tin rằng có hai thần, một tốt và một xấu, và thần tốt chịu trách nhiệm với những điều tốt xảy đến và thần xấu chịu trách nhiệm với những điều xấu. Đó cũng không phải là triết lý theo Kinh Thánh. Thuyết duy thần (monotheism) tin rằng chỉ có một Đức Chúa Trời. Do Thái giáo (Judaism) tin rằng Đức Chúa Trời có một ngôi. Nhưng Sáng Thế Ký dùng từ *Elohim* là số nhiều.

Tự nhiên thần giáo (deism) tin rằng Chúa là Đấng Tạo hóa, nhưng giờ đây Ngài không thể kiểm soát những gì Ngài đã tạo dựng. Ngài đã tạo nên một thứ như cái đồng hồ, lên dây cót cho nó, và giờ nó tự chạy theo quy luật của riêng nó, nên không thể có phép lạ. Tự nhiên thần giáo rất phổ biến, ngay cả trong hội thánh. Bạn có tin rằng Chúa có thể thay đổi thời tiết không? Nếu bạn không tin vào điều đó thì bạn theo tự nhiên thần giáo - bạn có thể tin rằng Ngài sáng tạo vũ trụ nhưng không thể kiểm soát nó. Thuyết hữu thần (theism) tin rằng Chúa không chỉ sáng tạo thế giới mà còn kiểm soát mọi thứ và mọi người mà Ngài đã tạo nên và thuyết hữu thần là một bước tiến đến triết lý theo Kinh

Thánh. Thuyết hiện sinh (existentialism) tin rằng kinh nghiệm là Đức Chúa Trời. Những lựa chọn của chúng ta, sự khẳng định của chúng ta về chính mình - đó là một tôn giáo. Chủ nghĩa nhân văn (humanism) tin rằng con người là chúa. Chủ nghĩa duy lý (rationalism) tin rằng lý trí là chúa. Chủ nghĩa duy vật (materialism) tin rằng chỉ có vật chất là thật. Thần bí học (materialism) tin rằng chỉ có tâm linh là thật. Thuyết nhất nguyên (monoism) khá nực cười, nhưng lại rất phổ biến vào thời nay: rằng vật chất và tâm linh, về cơ bản là một và là cùng một thứ. Phiếm thần thuyết (pantheism) tin rằng mọi thứ là thần, và một phiên bản hiện đại của nó gọi là Phiếm tại thần thuyết (Panentheism): Thần *ở trong* tất cả.

Những thuyết đó đều bị Sáng Thế Ký 1 loại bỏ. Nếu bạn muốn một 'ism', một thuyết tóm tắt triết lý của Kinh Thánh thì đó là thuyết Ba Ngôi hiệp nhất (Triunetheism) - ba ngôi nhất thể; Đấng Tạo hóa và Đấng kiểm soát vũ trụ. Đó là lối tư duy theo Kinh Thánh xuất phát từ chính Sáng Thế Ký 1, và nó còn đến tận chương cuối của Khải huyền. Chúng ta hãy chuyển từ những chủ đề trí thức và nhìn vào chính Sáng Thế Ký 1, và điều đầu tiên mà chúng ta nghĩ đến là *văn phong* của chương này. Nó không được viết bằng ngôn ngữ khoa học. Hallelujah vì điều đó! Nếu không thì ngay cả trong kỷ nguyên khoa học của chúng ta cũng sẽ có rất ít người có thể hiểu được.

Bạn không vui mừng khi thấy Sáng Thế Ký chương 1 không được viết bằng ngôn ngữ khoa học sao? Nếu không thì sẽ rất ít người trong chúng ta có thể hiểu được nó. Nó được viết bằng ngôn ngữ giản lược.

Ví dụ, trong Sáng Thế Ký 1 chỉ có ba loại thực vật: cỏ, thảo mộc và cây. Đó thật là một phân loại thực vật thật đơn giản, đúng không? Ai cũng biết cỏ, thảo mộc và cây. Chỉ có ba loại động vật được nêu trong Sáng Thế Ký 1: gia súc, các loài thú mà chúng ta săn bắn làm thức ăn, và thú rừng. Mọi người, ở mọi nơi đều có thể hiểu được những phân loại đơn giản này. Ba loại cây có kích thước khác nhau, ba loài động vật khác nhau, tùy theo mối quan hệ của chúng với chúng ta. Giản lược là như vậy đó. Chỉ có 76 từ gốc khác nhau trong toàn bộ Sáng Thế Ký 1. Thật là ít. Hơn nữa, mọi ngôn ngữ trên đất đều có tất cả những từ đó. Vậy nên Sáng Thế Ký 1 là chương dễ dịch nhất trong cả Kinh Thánh. Phải là thiên tài mới có thể đơn giản như thế. Đức Chúa Trời - giống như mọi tác giả khác - phải hỏi xem ai sẽ đọc những gì mình viết? Bạn phải hướng tác phẩm của mình tới người đọc tiềm năng và có một chỉ số gọi là fog index để các tác giả kiểm tra tác phẩm của mình: bạn lấy rất nhiều câu, bạn đếm số từ đa âm tiết và số câu, bạn cho nó vào một công thức toán học và ra kết quả - bạn biết đích xác rằng những ai có thể đọc những gì mình viết. Đó là một cách kiểm tra hay. Chúa muốn câu chuyện sáng tạo chạm tới mọi người, thuộc mọi thời đại và ở mọi nơi. Nên Ngài đã khiến nó trở nên cực kỳ đơn giản và kết quả là một đứa trẻ có thể đọc Sáng Thế Ký 1 và hiểu được thông điệp, và chương này có thể được dịch ra bất kỳ ngôn ngữ nào.

Và Chúa phán hãy:

$$\frac{1}{r^2}\frac{\partial}{\partial r}(r^2 D_r) + \frac{1}{r\sin\theta}\frac{\partial}{\partial\theta}(D_\theta \sin\theta) + \frac{1}{r\sin\theta}\frac{\partial D_\phi}{\partial\phi} = 4\pi\rho,$$

$$\frac{1}{r^2}\frac{\partial}{\partial r}(r^2 B_r) + \frac{1}{r\sin\theta}\frac{\partial}{\partial\theta}(B_\theta \sin\theta) + \frac{1}{r\sin\theta}\frac{\partial B_\phi}{\partial\phi} = 0;$$

$$\frac{1}{r\sin\theta}\left[\frac{\partial}{\partial\theta}(E_\phi \sin\theta) - \frac{\partial E_\theta}{\partial\phi}\right] = -\frac{1}{c}\frac{\partial B_r}{\partial t},$$

$$\frac{1}{r}\left[\frac{1}{\sin\theta}\frac{\partial E_r}{\partial\phi} - \frac{\partial}{\partial r}(rE_\phi)\right] = -\frac{1}{c}\frac{\partial B_\theta}{\partial t},$$

$$\frac{1}{r}\left[\frac{\partial}{\partial r}(rE_\theta) - \frac{\partial E_r}{\partial\theta}\right] = -\frac{1}{c}\frac{\partial B_\phi}{\partial t};$$

$$\frac{1}{r\sin\theta}\left[\frac{\partial}{\partial\theta}(H_\phi \sin\theta) - \frac{\partial H_\theta}{\partial\phi}\right] = 4\pi j_r + \frac{1}{c}\frac{\partial D_r}{\partial t},$$

$$\frac{1}{r}\left[\frac{1}{\sin\theta}\frac{\partial H_r}{\partial\phi} - \frac{\partial}{\partial r}(rH_\phi)\right] = 4\pi j_\theta + \frac{1}{c}\frac{\partial D_\theta}{\partial t},$$

$$\frac{1}{r}\left[\frac{\partial}{\partial r}(rH_\theta) - \frac{\partial H_r}{\partial\theta}\right] = 4\pi j_\phi + \frac{1}{c}\frac{\partial D_\phi}{\partial t};$$

thì liền có ánh sáng

Ví dụ về việc Chúa phán theo ngôn ngữ khoa học

Phải là thiên tài mới có thể đơn giản như thế. Người ta bảo Einstein giải thích thuyết tương đối về thời gian, và ông nói: "Một phút ngồi trên cái lò nóng dường như dài hơn nhiều so với một giờ trò

chuyện với gái xinh.” Phải là thiên tài mới có thể đơn giản như thế, và giờ đây, ai cũng có thể hiểu thuyết tương đối về thời gian. Chúa muốn đơn giản như vậy, nhưng Ngài không viết một bản tường thuật khoa học về tạo vật, Ngài đã viết một bản văn giản lược.

PHONG CÁCH: KHÔNG KHOA HỌC (NHƯ THẾ NÀO ?)
NHƯNG ĐƠN GIẢN (CÁI GÌ?)
1. CHỦ NGỮ (ĐỨC CHÚA TRỜI, LỜI, THÁNH LINH)
2. ĐỘNG TỪ (TẠO, LÀM)
3. TÂN NGỮ (NGÀY 1-7)

Đức Chúa Trời là chủ ngữ, cùng với Ngôi Lời và Thánh Linh - ở đây đã có Ba ngôi Đức Chúa Trời, đặc biệt là sau đó có chép: “*Chúng ta* hãy tạo nên loài người.” Các động từ rất đơn giản, và tôi muốn chỉ ra sự khác biệt giữa “sáng tạo” và “tạo nên.” Từ sáng tạo - *bara* trong tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là tạo ra thứ gì đó từ chưa có gì, và nó chỉ xuất hiện ba lần trong cả Sáng Thế Ký 1, cho vật chất, sự sống và con người. Chỉ trong ba thời điểm đó, Chúa mới sáng tạo một điều hoàn toàn mới. Giữa đó, Ngài dùng từ “tạo nên” nghĩa là tạo ra một điều từ thứ gì đó. Chúng ta có thể tạo nên nhiều thứ, có thể sản xuất nhiều thứ, nhưng không thể sáng tạo. Đó là một điểm rất quan trọng trong Sáng Thế Ký 1. Có thời điểm mà tại đó, Chúa làm một điều hoàn toàn mới từ chưa có gì: vật chất, sự sống và con người. Ngày nay, chúng ta có thể nói rằng: vật chất, ADN và con người.

Các tân ngữ, (đối tượng bị tác động bởi chủ ngữ - ND) các ngày từ 1 đến 7 - lại cực kỳ đơn giản. Mỗi câu rất đơn giản. Nó có một chủ ngữ, một động từ và một tân ngữ. Ngữ pháp rất đơn giản và dễ hiểu, và lại một lần nữa, ai cũng có thể hiểu được. Đây là một sản phẩm đáng kinh ngạc.

Cấu trúc của Sáng Thế Ký chương 1

CẤU TRÚC:

Không thể ở được
ĐỨC CHÚA TRỜI ĐỊNH HÌNH
Tương phản
1. ÁNH SÁNG TỪ BÓNG TỐI
2. BẦU TRỜI TỪ ĐẠI DƯƠNG
3. ĐẤT LIỀN TỪ BIỂN
(+cây cối)

Chưa có gì ở
ĐỨC CHÚA TRỜI LÀM ĐẦY
sự vật
4. MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG
(+các ngôi sao)
5. CHIM VÀ CÁ
6. ĐỘNG VẬT VÀ CON NGƯỜI

7. NGHỈ

Cấu trúc của Sáng Thế Ký 1 được kết hợp thật ăn khớp với nhau. Nó quá tuần tự, trải qua sáu ngày, nhưng sáu ngày lại được chia thành ba cộng ba. Bạn có thể chưa hề chú ý đến điều này, nhưng có hai loạt, mỗi loạt ba ngày. Phần đầu có chép rằng trái đất không thể trú ngụ và không có cư dân. Nó không có hình dạng và trống không, hoặc trống rỗng, và Đức Chúa Trời mất ba ngày để cho nó có hình dạng và ba ngày để nó thành nơi được cư ngụ. Trong ba ngày đầu, Ngài sáng tạo môi trường,

nhưng trong ba ngày sau, Ngài sáng tạo những thứ hoặc tạo vật để cư ngụ trong môi trường đó. Nên Ngài đã thực hiện theo thứ tự: Ngài chuẩn bị môi trường trước, rồi đặt các tạo vật vào trong môi trường; ba ngày đầu và ba ngày sau thật quá ăn khớp với nhau. Ba ngày đầu, Ngài sáng tạo ra môi trường đa dạng bằng sự tương phản - sự tương phản giữa ánh sáng khỏi bóng tối, bầu trời khỏi biển cả, đất liền khỏi biển khơi. Ngài đang tạo ra sự phân biệt cần thiết cho sự đa dạng. Khi đã sáng tạo như vậy, vào ngày thứ ba, Ngài đặt cây cối vào, nhưng giờ đây, Ngài sáng tạo những cư dân trong đó. Nói theo nghĩa đó, mặt trời và mặt trăng là những cư dân của ánh sáng. Tôi sẽ quay trở lại điều đó sau. Ở đây có một điểm rất quan trọng, nhưng ánh sáng khỏi bóng tối là điều chung chung; giờ đây chúng ta có những điều cụ thể - mặt trời, mặt trăng và các vì sao - cư ngụ trong ánh sáng đó và bóng tối đó. Bầu trời khỏi biển cả - lấp đầy chúng bằng chim và cá, và vào ngày thứ sáu, trên đất khô, động vật và con người xuất hiện. Bạn đã bao giờ để ý đến sự tương đương đó giữa ba ngày đầu và ba ngày sau chưa? Chẳng phải nó tuần tự đến đáng kinh ngạc sau? Nó được thực hiện một cách tuyệt đẹp. Chúa đang thực hiện nhiều điều theo cách rất tuần tự và chính xác;

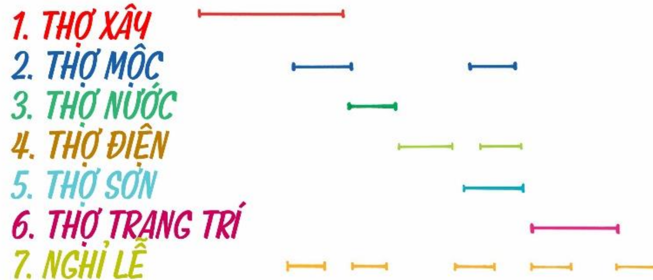
Ngài đang thực sự mang trật tự ra khỏi sự hỗn loạn, Ngài thích làm như vậy. Sáng Thế Ký 1 mang tính toán học. Ba con số liên tục xuất hiện trong bài tường thuật, thậm chí cả trong tiếng Anh là 3, 7 và 10. Ba là về Đức Chúa Trời, 7 là một con số hoàn hảo trong suốt Kinh Thánh, và mười luôn luôn là một sự trọn vẹn. Khi nhìn vào những số ba, bảy và mười, bạn sẽ thấy kinh ngạc. Chúa chỉ thực sự *sáng tạo* điều gì đó tại ba thời điểm. Ba lần Ngài *gọi* đích danh điều gì đó, ba lần Ngài *tạo nên* điều gì đó, ba lần Ngài *chúc phước* cho điều gì đó. Từ đầu đến cuối, ngay cả trong tiếng Anh, bạn cũng sẽ thấy rằng mọi thứ đi theo số ba. Các động từ theo các số ba.

Tiếp theo là các số bảy. Có chép bảy lần rằng "Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp." Bảy lần! Có bảy ngày, điều đó rất rõ ràng. Câu đầu tiên trong tiếng Hê-bơ-rơ có bảy từ, ba câu cuối trong bài tường thuật về công cuộc sáng tạo này đều là các câu có bảy từ (tôi e là không phải trong tiếng Anh, nhưng bạn phải hiểu là tôi đang nói về tiếng Hê-bơ-rơ). Trong tất cả những điều này, Sáng Thế Ký 1 trái ngược hẳn với, sử thi của người Ba-bi-lon chẳng hạn, về công cuộc sáng tạo, một sử thi rất phức tạp và kỳ cục đến nỗi khi bạn so sánh nó với sự đơn giản của Lời Chúa, bạn sẽ không còn nghi ngờ gì về thật giả nữa.

TÍNH LOGIC: *(tóm tắt giản lược)*

1. THỢ XÂY
2. THỢ MỘC
3. THỢ NƯỚC
4. THỢ ĐIỆN
5. THỢ SƠN
6. THỢ TRANG TRÍ
7. NGHỈ LỄ

THEO NIÊN ĐẠI: *(phân tích đường dẫn quan trọng)*



Tôi e là đến lúc này, tôi phải thọc sâu vào vấn đề. Nhưng trước khi tôi làm như vậy, chúng ta hãy nhấn mạnh điểm này: rằng Sáng Thế Ký 1 rất giản lược. Tôi nghĩ là dễ nhất thì mình có thể làm điều đó bằng cách tưởng tượng ra một cuốn sách thiếu nhi miêu tả cách xây một căn nhà. Nếu muốn viết sách thiếu nhi thì bạn phải có một tóm tắt giản lược. Bạn sẽ nói rằng: đầu tiên là thợ xây sẽ đến xây gạch, rồi thợ mộc đến để đặt khung cửa sổ và cửa ra vào, lắp mái nhà bên trên, rồi thợ nước đến lắp các đường ống vào, ống nước và ống thải. Sau đó, thợ điện đến lắp các đường dây. Rồi thì thợ hồ sẽ trát các bức tường, người trang trí sẽ sơn tường rồi tất cả được nghỉ ngơi. Nên để giải thích cách đơn giản cho thiếu nhi thì có lẽ bạn phải giải thích theo bảy công đoạn. Nhưng đó là cách giản lược, và là một người tham gia vào việc thiết kế các nhà thờ và sắp xếp việc xây dựng, tôi biết là cuộc sống không đơn giản như thế. Bạn phải có thứ gọi là phân tích đường dẫn quan trọng, và bạn sắp xếp xem khi nào thợ xây phải đến, khi nào thợ mộc phải đến - và có thể anh ta phải đến hai lần, rồi cả thợ ống. Xây được một tòa nhà là một công việc rất phức tạp.

Nhưng chỉ những người xây nhà mới cần biết những điều đó. Còn như vậy là đủ rồi, nếu bạn kể chuyện cho tất cả mọi người, trong mọi lúc, mọi nơi thì bạn sẽ làm như vậy. Chẳng trách Sáng Thế Ký lại giản lược như vậy để khoa học có thể điền thêm rất nhiều chi tiết cho chúng ta, nhưng Chúa muốn mọi người đều hiểu rằng Ngài đã làm điều đó, rằng Ngài làm điều đó một cách tuần tự, rằng Ngài biết điều mình đang làm. Nhưng ngay khi bạn nói theo cách đó thì ông ba bị khoa học chống lại Kinh Thánh xuất hiện và nảy sinh căng thẳng. Nhiều nhà khoa học căng thẳng với bất cứ thứ gì siêu nhiên, bởi vì khoa học chỉ có thể nghiên cứu thế giới tự nhiên, nó không thể nghiên cứu điều siêu nhiên. Vậy điều siêu nhiên là điều mà khoa học không thực sự tiếp xúc và thấy khó để nghĩ đến.

Những thắc mắc của khoa học

Nhưng có những thắc mắc khoa học cụ thể nổi lên liên quan tới phần tường thuật của Sáng Thế Ký 1 về công cuộc sáng tạo và tôi cảm thấy mình phải đề cập đến chúng. Tất nhiên, một số thắc mắc rất hời hợt. Có người đã hỏi tôi rằng: "A-đam có rốn không?" Sâu sắc chứ hả? Hay "Loài rắn có nói được không?" hay "Ca-in kiếm vợ ở đâu ra?" Có người từng hỏi Lord Soper câu đó tại Hyde Park Corner và ông chỉ bảo người hỏi mình rằng: "Sao anh lại quan tâm đến vợ của những người khác thế?" Thực tế là có thể có ba câu trả lời, nhưng tôi sẽ không cho bạn biết. Một trong những câu mới

nhất mà tôi đọc được trong báo chí quốc gia là "Nô-ê có cho con mọt vào tàu không?," hay đúng hơn là hai con mọt. Ngày nay người ta hay hỏi tôi câu này: "Sao Kinh Thánh không bao giờ nhắc đến khủng long?" - vì chúng ta quá thích chúng. Nhưng nói thật là những câu hỏi này rất hời hợt.

KHOA HỌC VÀ KINH THÁNH

1. BÁC BỎ

Người tin Chúa bác bỏ khoa học
Người không tin Chúa bác bỏ Kinh Thánh

2. TÁCH BẠCH

Khoa học ~ Sự thật vật lý (khi nào? như thế nào?)
Kinh Thánh ~ Lẽ thật thuộc linh (Ai? Tại sao?)

Lằn ranh nào ở giữa: Thần thoại và lịch sử? Giá trị và thực tế?

3. KẾT HỢP

Chuyển tiếp trong việc nghiên cứu khoa học
Giải nghĩa Kinh Thánh theo truyền thống có thể thay đổi

SÁNG TẠO: Tốc độ (6 ngày hay 4 triệu năm?)
Trật tự (ánh sáng có trước mặt trời, chim có trước các loài động vật?)
Sự lựa chọn (Tự nhiên hay siêu nhiên?)
CON NGƯỜI: Nguồn gốc (khoáng chất hay động vật?)
Khoảng thời gian (Thập kỷ hay thế kỷ?)
Sự chết (tự nhiên hay luật pháp)
CƠN NƯỚC LỤT: Mở rộng (Địa phương hay toàn cầu)

Chúng ta phải đối diện với những vấn đề nghiêm trọng hơn nhiều. Tốc độ của công cuộc sáng tạo. Các nhà địa chất học nói với chúng ta rằng đó là 4.25 tỉ năm. Sáng Thế Ký dường như nói đó là sáu ngày. Có chút khoảng cách cần được nối liền. Tương tự như vậy là tuổi của trái đất, rồi thứ tự sáng tạo. Thực chất, điều đáng chú ý là khoa học *đồng ý* với thứ tự của Sáng Thế Ký 1, trừ một ngoại lệ, và tôi nghĩ là có thể giải thích cho ngoại lệ đó. Ngoại lệ đó là mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao phải đợi đến ngày thứ tư, sau khi trái đất có cây cối, mới xuất hiện. Nhưng thực tế, giờ đây chúng ta biết rằng trái đất ban đầu được bao phủ bằng một màn mây dày, bằng màn sương mù. Thực ra Sáng Thế Ký 2 chép rằng có màn sương bao phủ cả trái đất. Giờ đây, khoa học biết rằng điều đó là đúng. Nên khi ánh sáng đầu tiên xuất hiện, nhìn chung, nó chỉ được coi như một màn mây sáng hơn, rồi cây cối xuất hiện và bắt đầu biến carbon dioxide thành oxy, từ đó màn sương mù bị xua tan và lần đầu tiên, mặt trời, mặt trăng cùng các ngôi sao xuất hiện trên các từng trời. Cứ mặc định là mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao xuất hiện sau cây cối vì màn mây dày bao phủ trái đất được xua tan, thì khoa học hoàn toàn đồng ý với thứ tự của Sáng Thế Ký 1 - rằng các sinh vật xuất hiện trên biển trước khi xuất hiện trên đất; rằng con người xuất hiện cuối cùng.

Có sự ăn khớp đáng kinh ngạc về điều này, nên thứ tự không còn là vấn đề nan giải, nhưng nguồn

gốc của các loài động vật và con người thì đúng là như vậy - toàn bộ câu hỏi về tiến hóa đối lập với tạo hóa. Rồi có những điều khác như tuổi của những người sống trước cơn nước lụt: Mê-tu-sê-la, đó là người cao tuổi nhất, rồi quy mô của chính cơn nước lụt. Bi kịch là ở chỗ đối với tâm trí hiện đại, những vấn đề này lại xuất hiện đầu tiên liên quan đến Sáng Thế Ký. Vậy nên tôi mới không nêu ra sớm hơn, vì tôi tin rằng chúng ta phải hiểu thông điệp của Sáng Thế Ký trước đã, rồi xử lý vấn đề sau. Nếu chỉ thảo luận về những vấn đề trong Sáng Thế Ký thì bạn sẽ bỏ lỡ chính những thông điệp quan trọng mà nó mang đến cho chúng ta. Tuy vậy, chúng ta không được bỏ qua những bất đồng.

Tôi muốn bắt đầu bằng cách nói rằng có ba cách giải quyết vấn đề khoa học chống lại Kinh Thánh. Cách bạn sẽ làm điều đó rất quan trọng. Ba cách đó là *bác bỏ, tách bạch* hoặc *kết hợp*. Tôi sẽ nói ngay rằng theo tôi thì cách thứ ba là đúng. Cách thứ nhất là của những Cơ Đốc nhân khờ khạo, họ nói rằng bạn phải lựa chọn. Hoặc là chọn Kinh Thánh là đúng, hoặc khoa học là đúng, nhưng bạn phải bác bỏ một trong hai, bạn không thể chấp nhận cả hai - và điều này khiến nó trở thành một lựa chọn đơn giản. Kết quả là người vô tín chọn khoa học còn tín đồ chọn Kinh Thánh, và cả hai đều vùi đầu trong cát. Đó không phải là câu trả lời cho vấn đề này, một phần vì khoa học đã và đang đúng trong nhiều điều.

Nói khoa học là sai có lẽ là sự phân biệt dại dột nhất trong thế giới hiện đại của chúng ta. Nhưng nói rằng chúng luôn đúng cũng dại dột không kém. Cách bác bỏ này không phải là câu trả lời - tức là nói rằng điều này đúng còn điều kia sai, và bắt người ta phải lựa chọn. Nó dẫn đến sự thiếu trung thực. Nó khiến người ta cảm thấy rằng để tin vào Kinh Thánh thì họ phải tự tử về mặt trí tuệ, và đó là một sai lầm.

Cách thứ hai là để khoa học và Kinh Thánh càng xa nhau càng tốt, và nói rằng khoa học liên quan đến một loại sự thật, còn Kinh Thánh thuộc loại khác, rằng khoa học liên quan đến sự thật về vật lý, sự thật về vật chất và sự thật về tự nhiên, còn Kinh Thánh liên quan đến lẽ thật về đạo đức và lẽ thật siêu nhiên, nên chúng giải quyết những vấn đề hoàn toàn riêng biệt: rằng khoa học cho chúng ta biết cách thức và thời gian thế giới xuất hiện như thế nào và khi nào, còn Kinh Thánh chỉ cho chúng ta biết về ai và tại sao, và chúng phải được tách biệt hẳn ra; tách bạch càng xa càng tốt, thì chúng mới có thể cùng tồn tại. Đó là một cách tiếp cận khá lạ lùng.

Hãy thử và mặc cho nó cái mốt hiện đại: khoa học nói đến *thực tế,* còn Kinh Thánh nói đến *giá trị*, nên chúng ta không tìm thực tế trong Kinh Thánh mà tìm giá trị trong đó. Đó là một cách nói hay gặp vào thời nay, thậm chí là từ những người giảng đạo trong các hội thánh. Nhưng đó là một giải pháp sai. Nó hợp với tư duy Hy Lạp của chúng ta và không may là phần đa chúng ta nghĩ giống như người Hy Lạp, chúng ta giữ vật chất và tâm linh ở hai ngăn kín mít - những điều thiêng liêng và thế tục, những điều hữu hạn và đời đời. Kiểu tư duy đó hoàn toàn xa lạ với tâm trí người Do Thái, họ thấy Đức Chúa Trời là Đấng Tạo hóa và Đấng Cứu Chuộc, nên vật chất và tâm linh có liên quan đến nhau.

Nên tôi cũng không nghĩ đây là câu trả lời. Nó coi Sáng Thế Ký là một thần thoại. Sáng Thế Ký chương 3 trở thành một truyền thuyết mang tên "Con rắn đã mất chân như thế nào?" và A-đam trở thành Mọi người chứ không phải một người. Chắc hẳn là bạn đã nghe thấy dạng này, tức đây là những câu chuyện hư cấu dạy chúng ta về những giá trị - về Chúa và về chính chúng ta, dạy chúng ta cách nghĩ về Chúa, về chính mình, nhưng đừng ép chúng vào sự kiện lịch sử. Nếu bạn đi theo con đường đó và coi A-đam và Ê-va là thần thoại - như một câu chuyện có lẽ thật đạo đức, không phải sự thật

lịch sử - thì khi đọc Kinh Thánh từ đầu tới cuối, bạn sẽ dừng lại ở đâu? Ban đầu, người ta nói rằng A-đam và Ê-va là thần thoại, rồi họ lấn thêm một chút, nói rằng Nô-ê là một thần thoại. Câu chuyện cơn nước lụt có lẽ thật trong đó, nhưng là lẽ thật đạo đức, không phải sự thật lịch sử. Rồi họ tiếp tục và nói rằng Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp là những thần thoại.

Rồi họ tiếp tục và nói rằng Môi-se là một thần thoại. Rồi họ cứ tiếp tục như vậy, và đến nay, có những nhà thần học coi sự phục sinh và sự giáng sinh từ nữ đồng trinh của Chúa Giê-su là một thần thoại: là những câu chuyện với một lẽ thật trong đó. Đó là vấn đề mà tôi đặt ra cho cách tiếp cận này - bạn sẽ dừng lại ở đâu? Cuối cùng thì trong Kinh Thánh chẳng còn chút lịch sử nào. Chỉ có các giá trị, không có những thực tế. Tất nhiên, nó khiến chúng ta có thể đặt Kinh Thánh cạnh kinh Koran, cạnh kinh Vệ đà và những cuốn sách về các giá trị khác. Nhưng tôi tin rằng nó đã hủy hoại Kinh Thánh. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của lịch sử - lịch sử là câu chuyện của Ngài (history is His story) và chúng ta đang đọc những sự kiện. Hơn nữa, như tôi đã chỉ ra trước đó, Chúa Giê-su thừa nhận Sáng Thế Ký là có thật. Vì vậy, đây không phải là câu trả lời cho vấn đề này, nhưng có lẽ là cách mà Cơ Đốc nhân hay dùng nhất để vượt qua nó.

Thực ra, cả Kinh Thánh và khoa học là những vòng tròn chồng lên nhau, và chúng đang giải quyết một số điều giống nhau, vì vậy, có những mâu thuẫn hiển nhiên giữa chúng mà chúng ta phải xem xét. Vậy chúng ta sẽ giải quyết như thế nào? Làm sao để chúng ta kết hợp chúng với nhau? Chúng ta cần nhớ hai điều căn bản và rất quan trọng. Đầu tiên là những nghiên cứu *quá độ* của khoa học, ý tôi là khoa học có thay đổi. Nó luôn quá độ và những điều được coi là thực tế khoa học từ nhiều năm trước có thể không còn được coi là thực tế khoa học trong thời nay. Khoa học thay đổi quan điểm của nó. Ví dụ, người ta từng tin rằng nguyên tử là thứ nhỏ nhất trong vũ trụ. Giờ thì chúng ta biết rằng trong mỗi nguyên tử là cả một vũ trụ. Trước đây, người ta vẫn nói là các nhiễm sắc thể x và y quyết định xem một bào thai trở thành người nam hay người nữ. Còn ngày nay, theo những gì tôi thu thập thì điều đó đã bị loại trừ và trở nên một điều hoàn toàn khác. Thực sự là bạn phải luôn thay đổi tâm trí của mình để bắt kịp.

Toàn bộ phát hiện về ADN đã cải tổ suy nghĩ của chúng ta về sự sống, vì giờ đây, chúng ta biết rằng hình thái sớm nhất của sự sống có ADN phức tạp nhất, và rằng về mặt toán học, ADN là một ngôn ngữ. Đây không phải là một sự kết hợp tình cờ, mà là một ngôn ngữ truyền thông điệp từ thế hệ này sang thế hệ khác, nên ADN phải có một Đấng đằng sau nó. Điều này thay đổi tư duy của rất nhiều người. Nên khoa học có thay đổi. Nó đang trong trạng thái quá độ.

Địa chất học đang thay đổi. Tôi đã đọc một bài báo của phóng viên khoa học của tờ *The Times*. Ông nói rằng hiện có bảy cách khác nhau để tìm ra tuổi của trái đất: Cacbon 14, heli phóng xạ, phân rã từ trường, niken đại dương,... Ông đưa ra một danh sách các niên đại mà những phương pháp mới này đã hé lộ. Thật thú vị, niên đại ngắn nhất là 9000 năm và dài nhất là 175,000 năm, không phải 4.25 tỉ năm; thế thì ai đúng? Tôi không biết. Theo tôi thì chúng ta hãy đợi tới khi các nhà khoa học đưa ra quyết định về nhiều vấn đề thực tế. Nhân loại học đang ở trong trạng thái hỗn loạn. Thứ mà chúng ta nghĩ là người tiền sử - tổ tiên của chúng ta - không còn là tổ tiên của chúng ta nữa, mà là những sinh vật đến, rồi đi, rồi biến mất. Cả sinh học cũng đã thay đổi. Ngày nay, rất ít người tin vào thuyết tiến hóa của Darwin. Nên đó là điểm đầu tiên mà tôi muốn nêu ra - rằng khoa học có thay đổi quan điểm, và nếu gắn Kinh Thánh với bất kỳ niên đại cụ thể nào của khoa học thì có nghĩ là đến thế hệ sau, Kinh Thánh cũng sẽ bị quẳng đi.

Điều thứ hai mà tôi muốn chỉ ra cũng quan trọng không kém. Những giải nghĩa Kinh Thánh truyền thống cũng có thể thay đổi. Kinh Thánh được thần cảm, nhưng sự giải nghĩa của chúng ta về nó có thể không như vậy. Tôi nghĩ chúng ta cần phân biệt thật rõ giữa bản văn Kinh Thánh và cách chúng ta giải nghĩa nó. Ví dụ, khi Kinh Thánh nói đến 'bốn góc đất', ai lại giải nghĩa rằng trái đất là một hình vuông hoặc hình lập phương? Kinh Thánh dùng đến cái mà chúng ta gọi là ngôn ngữ thể hiện (language of appearance). Nó nói đến mặt trời mọc đằng đông và lặn ở đằng tây, rồi chạy quanh bầu trời. Ai lại lấy điều đó để giải nghĩa rằng mặt trời quay xung quanh trái đất? Họ từng làm như vậy, nhưng đó là một giải nghĩa sai. Chỉ đơn giản là Kinh Thánh đang dùng ngôn ngữ thể hiện. Chúng ta cần suy nghĩ lại về cách chúng ta giải nghĩa Kinh Thánh, để có thể trở nên linh hoạt hơn một chút.

Tôi tin là theo cách này, khi ta nhận thấy khoa học đang quá độ và chúng ta giải nghĩa Kinh Thánh theo truyền thống, thì chúng ta sẽ bắt đầu sẵn sàng suy nghĩ lại.

"NGÀY" (Hê-bơ-rơ = YOM)

1. NGHĨA ĐEN (ngày 24h của trái đất)
   a. Khoảng cách
   b. Cơn lụt
   c. Chúa tạo ra đồ cổ
2. ĐỊA LÝ (ngày - thời đại)
3. THẦN THOẠI (6 ngày hoàn toàn là thần thoại)
4. GIÁO DỤC (ngày đi học)
   a. Từ ngữ
   b. Hình ảnh
5. THẦN HỌC (ngày của Chúa)

"Tất cả chỉ trong một tuần làm việc"
Đó là chiều dài của ngày thứ bảy.

Tôi nghĩ tôi sẽ minh họa điều này bằng cách suy xét các ngày trong Sáng Thế Ký 1, và tôi phát hiện ra rằng có ít nhất năm cách hiểu khác nhau về từ 'ngày' trong Kinh Thánh, và tôi sẽ nói đến cả năm cách để bạn tự lựa chọn. Như tôi đã nói, có sự khác biệt nhỏ giữa sáu ngày và 4.25 tỉ năm, và chúng ta cần rút ngắn khoảng cách bằng cách nào đó, vậy chúng ta sẽ hiểu từ 'ngày' trong Sáng Thế Ký 1 như thế nào? Trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ này là 'yom', đôi khi nó nghĩa là một ngày 24 tiếng; nó cũng nghĩa là một thời đại - như trong "ngày của ngựa và xe thồ đã kết thúc." Tôi không nói đến một ngày 24 tiếng, tôi đang nói đến "thời đại của ngựa và xe thồ" đã kết thúc. Nhưng có năm cách giải nghĩa khác nhau. Cách thứ nhất là hiểu từ "ngày" theo nghĩa đen - một ngày 24 tiếng của trái đất. Vấn đề là bạn phải tìm thêm thời gian ở đâu đó, và bạn sẽ thấy nhiều chú giải tìm thêm thời gian theo một trong ba cách. Cách đầu là tìm một khoảng cách giữa câu 2 và câu 3, nói cách khác, Kinh Thánh chép rằng đất *trở nên* vô hình và trống không - trong một khoảng thời gian rất dài - và sáu ngày là thời gian Chúa sắp xếp lại nó. Đó là một lý luận rất phổ biến; bạn sẽ thấy nó trong Kinh Thánh Scofield và bạn sẽ thấy nó trong một số chú thích Kinh Thánh - rằng thực ra, sáu ngày là thời gian kiến thiết lại một thế giới đã trở nên hỗn độn trong một khoảng thời gian dài.

Cách thứ hai để tìm thêm thời gian là tìm toàn bộ trong Cơn nước lụt. Đã có nhiều cuốn sách, đặc biệt liên quan đến những cái tên Whitcombe và Morris, nói rằng dữ liệu địa chất học mà chúng ta có

đều ra từ Cơn nước lụt - không dễ để bảo vệ điều đó. Cách thú vị nhất để tìm thời gian là Chúa đã sáng tạo những đồ cổ thật sự. Nó bắt đầu với lý luận là A-đam bao nhiêu tuổi khi Chúa tạo nên ông? Ông không phải là một đứa trẻ, vậy có phải là ông đã 30 tuổi khi Chúa tạo nên ông? Nếu vậy thì ai gặp ông cũng sẽ nói rằng: "Anh 30 tuổi rồi." Họ nói vậy là sai, vì tuổi của ông mới được có nửa tiếng. Bạn có tin vào giả thuyết đó, rằng Chúa có thể tạo nên những đồ cổ thật sự, và rằng Ngài có thể tạo nên một cái cây nhìn như 200 tuổi và có tất cả những vân gỗ trong nó? Đây là một giả thuyết có thể xảy ra. Đức Chúa Trời có thể làm điều đó, nhưng tất cả đều là các cách để hiểu từ 'ngày' theo nghĩa đen và tìm thêm thời gian ở đâu đó. Bạn hoàn toàn có thể tiếp nhận bất cứ giải nghĩa nào trong số đó. Rồi có những người hiểu một "ngày" theo nghĩa một thời đại địa chất. Đó là một thời gian dài, một "ngày tuổi." Đó là một giả thuyết khá phổ biến. Vì vậy, chúng ta đang không nói đến sáu ngày mà nói đến sáu tuổi địa chất.

Cách thứ ba là theo thần thoại, mà tôi đã nói đến, coi sáu ngày hoàn toàn là thần thoại. Đó chỉ là cái khung thơ ca của câu chuyện, và điều chính yếu là rút ra bài học đạo đức từ câu chuyện và quên đi cái khung là một phần của thần thoại. Nghĩa là đó là một ngày trong truyền thuyết.

Một trong những cách hấp dẫn nhất là của Giáo sư Wiseman của Đại học London. Ông tin rằng các ngày là để dạy dỗ, nghĩa là Chúa bày tỏ công cuộc sáng tạo của Ngài theo các giai đoạn cho Môi-se, và vào ngày đầu tiên của tuần lễ trong đời Môi-se, Chúa phán rằng Ta đã làm thế này, và vào ngày tiếp theo, Ngài kể cho ông thêm chút nữa, và ngày tiếp theo, thêm chút nữa, thêm chút nữa. Vậy chúng là những ngày đến trường của Môi-se.

Có hai hình thức của giả thuyết đó; một là Chúa bày tỏ công cuộc sáng tạo bằng lời nói. Nhưng một giả thuyết hấp dẫn hơn là Ngài bày tỏ cách trực quan - như Ngài đã thực hiện sách Khải huyền cho Giăng - cho Môi-se thấy một kiểu băng hình: và Môi-se thấy ánh sáng được phân rẽ khỏi bóng tối, rồi màn hình tối đen và rồi Môi-se thấy một hình ảnh khác về hơi nước được phân rẽ khỏi biển cả, và trong hình ảnh tiếp theo, ông thấy cây cối, rồi động vật và chim chóc,... - một kiểu băng hình mà ông ghi chép lại.

Nhưng cả hai giả thuyết đó, dù bằng từ ngữ ngay hình ảnh, đều cho rằng các ngày thuộc về thời khóa biểu của Môi-se.

Cách giải thích cuối cùng là những ngày đó là "ngày của Chúa" - thời gian là tương đối với Chúa cũng như với chúng ta; một ngàn ngày giống như một ngày với Chúa và một ngày như một ngàn năm.

Vì vậy, Chúa đang phán rằng: "Đối với Ta, toàn bộ công cuộc sáng tạo đều là công việc của một tuần. Với *Ta* là như vậy." Và nói như vậy nghĩa là nếu bạn lấy thời gian về địa chất thì sự sống của con người mất hết ý nghĩa. Ví dụ, hãy trở lại với Cây Kim của Cleopatra. Nếu bạn để Cây Kim của Cleopatra đại diện cho tuổi của hành tinh chúng ta và đặt một đồng xu trên ngọn cây kim, thì đó là tuổi của loài người, và nếu bạn cho một con tem thư trên đó, thì độ dày của nó tượng trưng cho con người văn minh. Bạn có nhận ra rằng chúng ta mất đi mọi ý nghĩa trong đó không? *Chúng ta* là ai? Và Đức Chúa Trời, tôi tin rằng Ngài muốn chúng ta nghĩ đến công cuộc sáng tạo là công việc của một tuần vì Ngài muốn xuống đến phần quan trọng - đó là chúng ta trên trái đất. Đó là giả thuyết. Hãy để ý đến độ dài của ngày thứ bảy vì nó đã trải dài nhiều thế kỷ. Nó đã trải khắp Cựu Ước.

Ngày nghỉ thứ bảy của Chúa kéo dài tới tận Chúa Nhật Phục Sinh khi Ngài khiến Con Ngài từ kẻ chết sống lại. Suốt Cựu Ước, không có điều gì mới được sáng tạo ra. Chúa đã hoàn tất công cuộc

sáng tạo. Từ "mới" hiếm khi xuất hiện trong Cựu Ước. Tôi nghĩ đến một lần: có một câu trong Truyền đạo - "Chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời." Nên Đức Chúa Trời đã nghỉ suốt cả Cựu Ước - đó là một ngày rất dài!

Vậy là có năm cách khác nhau. Tôi nghĩ chắc bạn đã đoán được là tôi chọn cái nào, nhưng tôi sẽ không nhấn mạnh điều đó - chúng đều là những giải nghĩa. Rõ ràng là Chúa muốn chúng ta nghĩ đến công việc của Ngài như là công việc của một tuần. Đó là thông điệp. Tôi hài lòng với thông điệp đó. Cá nhân tôi tin rằng chúng ta đang nói về "những ngày của Đức Chúa Trời." Ngài đang cho chúng ta góc nhìn *của Ngài* về nó. Đối với Ngài, đó chỉ là công việc trong một tuần. Đối với Ngài, Chúa Giê-su mới chết được vài ngày. Thời gian là thực hữu với Chúa, nhưng nó cũng *tương đối* với Chúa và chúng ta cần nhớ điều đó. Tôi chỉ mới lấy một ví dụ ở đó. Tôi đang để vấn đề lớn - vấn đề tiến hóa sang chương sau vì đó là một vấn đề quan trọng, nhất là nếu con người được kể vào đó. Điều mà tôi cố gắng làm ở đây là cho bạn thấy rằng chúng ta, những người giải nghĩa Kinh Thánh đôi khi cần linh hoạt hơn đôi chút và nói rằng chúng ta có thể chưa hiểu đúng về nó. Tôi tin rằng các nhà khoa học cần khiêm tốn hơn chút ít - nhiều người trong số họ *đang* trở nên khiêm tốn hơn khi phát hiện ra *nguyên tắc ngẫu nhiên* trong tự nhiên, rằng mọi thứ không bị buộc chặt trong luật nhân quả. Khoa học đang ngày càng trở nên linh hoạt hơn. Trong tờ báo buổi sáng của tôi có bài báo mang tên "Khoa học có sắp chứng minh sự tồn tại của Đức Chúa Trời không?" - một cái tít đáng đọc.

Một trăm năm trước, bạn sẽ đọc thấy từ "bác bỏ," nhưng đã có một sự thay đổi cởi mở rằng vũ trụ có sự can thiệp và kiểm soát cá nhân của Đức Chúa Trời, cởi mở hơn trước. Nên khoa học và cách giải nghĩa Kinh Thánh trong thời kỳ của chúng ta đang bắt đầu cùng nhau dịch chuyển. Tất cả đều theo chiều hướng tốt.

Tôi tin rằng cách thứ ba mà tôi chỉ ra về việc hòa hợp giữa khoa học và Kinh Thánh - *kết hợp* chúng với nhau - là cần thiết vì cả khoa học và Kinh Thánh đều quan tâm đến lẽ thật. Chúng ta đều cam kết với lẽ thật và chúng ta muốn tìm ra nó, và tôi tin rằng khoa học đã tìm ra nhiều lẽ thật về vũ trụ cho chúng ta, nhưng nó chưa thể cho chúng ta biết những lẽ thật quan trọng nhất về Đức Chúa Trời hoặc về chính chúng ta. Về chuyện đó, chúng ta đã có Kinh Thánh, và cảm tạ Chúa vì chúng ta có nó.

Chúng ta đã đi đến Sáng Thế Ký chương 2 và còn 48 chương nữa - nên hãy xem chi tiết chương 2. Có một sự thay đổi triệt để trong phong cách, nội dung và trên hết là góc nhìn. Khi bạn đọc chương 1 và nhắm mắt lại, bạn cảm thấy mình đang chao liệng trên trái đất, nhưng khi đọc chương 2 và nhắm mắt lại, bạn cảm thấy mình đang đứng vững trên mặt đất và nhìn quanh chứ không còn nhìn xuống nữa. Bởi vì trong chương 2, con người đã trở thành trung tâm của bức tranh. Trong chương 1, Đức Chúa Trời là trung tâm và mọi thứ từ góc nhìn của Ngài, quan điểm của Ngài, nhưng giờ đây trong chương 2, con người là một cá nhân. Thực tế, những thuật ngữ chung trong chương 1 mở đường cho những cái tên riêng trong chương 2. Trong chương 1, nhân loại chỉ đơn giản là người nam và người nữ. Trong chương 2, người nam và người nữ đã trở thành A-đam và Ê-va, hai cá nhân cụ thể. Chính Đức Chúa Trời, giờ đây trong chương 2, cũng đã có danh xưng.

CHƯƠNG MỘT *(1:1-2:3)* **CHƯƠNG HAI** *(2:4-25)*

------------- **ĐỨC CHÚA TRỜI** -------------

"ĐỨC CHÚA TRỜI"
Ê-LÔ-HIM = BA THÂN VỊ
GIỐNG CON NGƯỜI

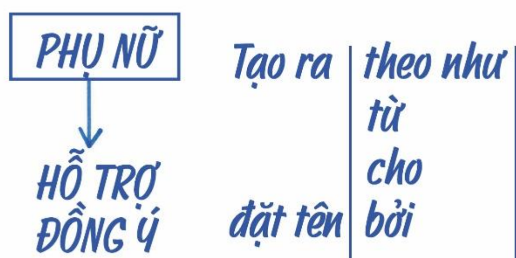
"GIÊ-HÔ-VA ĐỨC CHÚA TRỜI"
JHVH = TA LÀ, LUÔN LUÔN
KHÔNG GIỐNG CON NGƯỜI

---------------- **CON NGƯỜI** ----------------

"CON NGƯỜI"
GIỐNG ĐỨC CHÚA TRỜI

"A-ĐAM"= BỤI ĐẤT ("E-VA" = GIỐNG NHƯ)
KHÔNG GIỐNG ĐỨC CHÚA TRỜI

GIỐNG / KHÔNG GIỐNG } ĐỘNG VẬT



MỐI QUAN HỆ
BÊN DƯỚI ~ ĐẦU PHỤC
BÊN TRÊN ~ THUẬN PHỤC
BÊN CẠNH ~ HỖ TRỢ



Trong chương 1, Ngài chỉ là Đức Chúa Trời mà thôi, nhưng giờ đây, trong Kinh Thánh tiếng Anh, Ngài đã là CHÚA Đức Chúa Trời (the LORD God). Nhưng khi bạn đọc thấy từ CHÚA (LORD) in hoa trong Kinh Thánh thánh tiếng Anh của mình nghĩa là trong tiếng Hê-bơ-rơ, danh Ngài có ở đó. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, vì không có nguyên âm nên danh Ngài gồm bốn phụ âm, JHVH, từ Giê-hô-va (Giê-hô-va) xuất hiện từ đó. Nhưng đó là một hiểu lầm vì J được phát âm giống như Y và V được phát âm giống như W. Vì vậy, trong tiếng Anh, phát âm của nó phải là YHWH, từ đó chúng ta mới

có từ Yahweh. Trong Kinh Thánh tiếng Việt bản truyền thống dịch là Đức Giê-hô-va, người Công giáo đọc là Đức Gia-vê, đều phản ánh chi tiết này - ND). Yaweh Đức Chúa Trời - tôi đã cho bạn từ tiếng Anh “always” (hằng hữu) là một từ rất gần với phân từ của động từ to be - “là.” “Being” - Đang là, “Always” - Hằng hữu, chính là danh đó.

Nên giờ đây Đức Chúa Trời có một danh xưng, giờ đây người nam đã có tên, và sau đó, trong chính chương này, người nữ đã có tên. Ở đây có những cái tên - không chỉ tên người, mà còn có tên nơi chốn. Chúng ta không nói đến “đất khô” nữa, chúng ta đang nói đến vùng đất Ha-vi-la, vùng đất Cút, lãnh thổ A-si-ri và Vườn Ê-đen. Giờ đây, không chỉ đất khô có tên, nhưng sông nước đã có tên và tại đây nói đến bốn con sông, và hai trong số đó thân thuộc với chúng ta ngày nay: Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát. Nghĩa là Vườn Ê-đen ở đâu đó gần phía đông bắc Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc Armenia, đâu đó mà thực ra Đỉnh Ararat vẫn còn đó và cũng thật tình cờ, nơi người ta vẫn đang tìm con tàu của Nô-ê. Nên điều đó định vị chúng ta, nhưng ý nghĩa của những cái tên còn lớn hơn thế. Nó không chỉ khiến mọi điều trở nên cụ thể - những cái tên khiến những mối quan hệ có thể xây dựng. Điều quan trọng xảy ra trong Sáng Thế Ký 2 là chúng ta thấy con người ở trung tâm của mạng lưới các mối quan hệ, và đối với chúng ta, ý nghĩa của cuộc sống nằm trong mối quan hệ. Những mối quan hệ này, chúng ta sẽ thấy, rằng chúng có ba khía cạnh: mối quan hệ bên trên chúng ta, mối quan hệ với những điều bên dưới chúng ta và mối quan hệ bên cạnh chúng ta. Nên có mối quan hệ theo chiều thẳng đứng với Chúa bên trên, mối quan hệ theo chiều thẳng đứng với tự nhiên bên dưới và mối quan hệ theo chiều ngang với bản chất con người ở những người khác và chính chúng ta. Nhưng trước khi đến với điều đó, chúng ta hãy chú ý đến một hoặc hai điều nữa.

Trong chương 1, Đức Chúa Trời chỉ được mô tả là Chúa - *Elohim* - nghĩa là có ba, nhưng là ba ngôi nhất thể với động từ số ít như chúng ta đã thấy, và một Đức Chúa Trời giống con người vì con người được dựng nên giống với Chúa. Đó là một hiểu biết rất quan trọng. Giữa con người và Đức Chúa Trời có một mối liên hệ mà tất cả những phần khác trong công cuộc sáng tạo của Chúa đều thiếu vắng. Không có loài vật nào có điều này. Bạn không bao giờ thấy một con tinh tinh cầu nguyện. Có điều gì đó trong chúng ta khá khác với mọi tạo vật khác trên đất và điều đó chính là chúng ta giống với Đấng Tạo hóa theo cách rất độc đáo.

Trong Sáng Thế Ký 2 dường như có sự thay đổi, khi nói đến sự khác biệt giữa Chúa và con người - rằng Ngài không giống chúng ta và chúng ta không giống Ngài, và chúng ta cần cân bằng hai thực tế này. Chúng ta giống Đức Chúa Trời, nhưng lại không giống Ngài. Ngài giống chúng ta, nhưng lại không giống chúng ta. Chúng ta cần phải giữ sự cân bằng đó để có mối quan hệ tốt với Ngài. Thực tế rằng Ngài giống chúng ta nghĩa là mối quan hệ giữa chúng ta và Ngài có thể trở nên thân mật, nhưng thực tế rằng Ngài không giống chúng ta sẽ giữ sự tôn kính trong mối quan hệ, và sự cân bằng giữa thân mật và tôn kính là điều cực kỳ quan trọng, đặc biệt trong sự thờ phượng của chúng ta. Bạn có thể trở nên quá thân mật với Chúa, hoặc quá suồng sã với Chúa như thể Ngài chỉ là một người trong hội chúng. Hoặc bạn có thể trở nên quá sợ Ngài và gần như thu mình lại, không thể gọi Ngài là Cha. Ngài là Cha Thánh trên trời; Ngài giống chúng ta và không giống chúng ta, chúng ta giống Ngài và không giống Ngài, và chúng ta cần cân bằng điều đó; hai chương đầu giúp chúng ta làm như vậy.

Tên “A-đam” nghĩa là bụi đất vì điều đó thể hiện nguyên liệu mà Chúa đã dùng để dựng nên con người đầu tiên, nên ông được gọi là Bụi Đất còn vợ ông được gọi là Sinh Động, hay với bạn là Ê-va. Nhưng chúng là những cái tên mô tả và những cái tên trong Kinh Thánh đều luôn có tính mô tả. Thậm chí là tượng thanh, nghĩa là tên đó nghe giống âm thanh của sự vật, giống như từ cúc cu - đó là một

từ tượng thanh. Thực tế, khi con người đặt tên cho các loài động vật như lời Chúa dặn, ông dùng những mô tả của các loài động vật và điều đó trở thành tên của chúng. Những cái tên trong Kinh Thánh không chỉ có tính mô tả, chúng còn mang thẩm quyền. Nói cách khác. Người đặt tên có thẩm quyền trên người nhận tên, nên A-đam đặt tên cho tất cả các loài động vật, thể hiện thẩm quyền của ông trên chúng, và tình cờ, ông đặt tên cho vợ mình. Điều này vẫn được áp dụng với các lễ cưới khi người vợ mang tên của chồng. Điều đó có ý nghĩa sâu sắc. Nên những cái tên rất quan trọng, và với Sáng Thế Ký 2, chúng ta bắt gặp những cái tên, hoặc loại này, hoặc loại khác.

Giờ hãy xét đến ba khía cạnh của các mối quan hệ của con người. Đầu tiên là mối quan hệ mà chúng ta có với những tạo vật khác Chúa đã tạo nên và đây là mối quan hệ khuất phục chúng. Chúa ban cho chúng ta các loài động vật để phục vụ chúng ta. Không nghĩa là chúng ta được phép tàn nhẫn hay được phép xóa sổ chúng, khiến chúng tuyệt chủng, nhưng rõ ràng là động vật ở thang giá trị thấp hơn con người. Điều đó rất quan trọng, đặc biệt trong thời đại ngày nay khi người ta lẫn lộn hoàn toàn.

Tôi nhớ là mình đã thấy mấy người nữ tại Úc biểu tình tuần hành chống lại việc giết hải cẩu con và tôi biết là chính những người phụ nữ đó sẽ không ngại nạo phá thai. Chúng ta sống trong một thế giới điên rồ khi một con hải cẩu con được coi là có giá trị hơn một con người. Chúa Giê-su sẵn sàng hy sinh hai ngàn con lợn để cứu lấy tâm trí của một người và phục hồi anh ta về với gia đình. Chúng ta cần có sự cân đối. Không nghĩa là chúng ta phải đối xử với động vật như thể chúng không có cảm xúc, nhưng rõ ràng là có thang giá trị và các tạo vật được đặt dưới con người và phục vụ con người. Sau này, chúng ta sẽ thấy, rằng để cung cấp thức ăn cho con người, Chúa đã xóa bỏ chế độ ăn chay của tạo vật, sau Cơn nước lụt. Bạn nhớ rằng trong Sáng Thế Ký 1 và 2, Chúa cho con người chế độ ăn chay - ăn hoa quả và hạt - và tạo nên động vật là loài ăn cỏ, không phải là loài ăn thịt. Đó cũng là một điều quan trọng.

Nên liên quan tới tự nhiên bên dưới chúng ta, chúng ta cần có quyền thống trị trên tự nhiên và cai trị tự nhiên và vì vậy tác động tới nó. Chúng ta cần nuôi dưỡng tự nhiên và kiểm soát nó. Thật thú vị là con người cần một môi trường vừa tiện dụng và thẩm mỹ, vừa ích lợi vừa đẹp, và Chúa không đặt con người vào trong hoang mạc. Ngài đã trồng một khu vườn cho con người, nó vừa có giá trị thẩm mỹ vừa tiện dụng, khá giống với những khu vườn thôn quê cổ tại Anh Quốc đan xen hoa cỏ và khoai tây, cả vẻ đẹp và sự ích lợi gắn liền với nhau. Con người không chỉ cần sự tiện dụng, anh ta không chỉ cần đồ ăn. Anh ta cần vẻ đẹp quanh mình vì trong anh ta có yếu tố trân trọng vẻ đẹp.

Tôi chẳng bao giờ thấy một con chó lặng ngắm hoàng hôn và nói rằng: “Ôi thật tuyệt biết bao!” Trong chúng ta có yếu tố giống với Chúa, chúng ta không chỉ cần sự tồn tại đơn thuần. Chúng ta cần trân trọng và tận hưởng sự vật chứ không chỉ để tồn tại.

Mối quan hệ thứ hai mà chúng ta có là với Chúa bên trên, và hai cái cây trong vườn rất quan trọng. Một cây khiến bạn sống lâu hơn, và một cây khiến bạn sống ít đi. Hai cây đó chẳng phải là cây thần kỳ, tôi sẽ gọi chúng là những cây bí tích. Chúa có thể chỉ định những kênh vật chất để truyền đạt những phước hạnh hoặc sự rủa sả về thuộc linh với chúng ta. Thế nên dùng bánh và nước không đúng cách trong Tiệc thánh có thể khiến bạn ốm, thậm chí là thiệt mạng. Chúng không phải phép thần, bánh và nước, nhưng Chúa đã chỉ định cho những kênh vật chất đó ân điển và sự phán xét của Ngài, nên tôi không thấy có gì lạ khi những cái cây lại có tác động thuộc linh mạnh mẽ như vậy. Đó lại là nguyên tắc bí tích. Chúa dùng vật chất để truyền đạt những điều thuộc linh.

Một cái cây - Cây Sự sống - cho tôi biết rằng về bản chất, A-đam và Ê-va không bất tử, nhưng có thể trở nên bất tử. Họ sẽ không sống mãi nhờ những đặc tính vốn có của mình, nhưng khi tiếp cận Cây Sự sống, họ *có thể* tiếp tục sống mãi. Không nhà khoa học nào phát hiện ra tại sao chúng ta lại chết. Họ đã phát hiện ra nhiều cách khiến chúng ta chết, nhưng tại sao cái đồng hồ bên trong chúng ta lại bắt đầu suy giảm? Nhìn chung, đó là một cỗ máy tuyệt vời, thân thể, và nếu chúng ta tiếp tục cung cấp đồ ăn và không khí trong lành, và tập thể dục, nó có thể tiếp tục thay thế chính nó. Cứ vài tuần là tôi lại thay da. Phần đa số bụi trên phòng ngủ của bạn là do da bạn thải ra, và bạn có thể tiếp tục thay thế những bộ phận bị hư hỏng - một cỗ máy tuyệt vời. Tại sao nó không thể tiếp tục làm như vậy? Không nhà khoa học nào có thể cho chúng ta biết. Họ đang cố gắng tìm thần dược của sự sống, bí mật để giữ cho cái đồng hồ tiếp tục chạy. Nhưng bí mật là ở Cây Sự sống và Chúa cho con người có thể tiếp tục sống mãi mãi, Ngài đặt cây đó trong vườn cho con người. Nên con người vốn không bất tử, nhưng có thể bất tử khi liên tục nhận nguồn sự sống từ Chúa.

Cây kia, tuy nhiên, lại là một cái cây đầy ý nghĩa. Khi bạn đọc từ "hiểu biết," hãy thay nó bằng từ "kinh nghiệm." Vì trong Kinh Thánh, hiểu biết là kinh nghiệm cá nhân. A-đam *biết* Ê-va và bà thụ thai, rồi sinh một con trai. Trong Kinh Thánh, hiểu biết là như vậy. Nó là một kinh nghiệm cá nhân của ai đó hoặc điều gì đó; là *biết*. Chúa phán: Ta không muốn con *biết* điều thiện và điều ác, hoặc nói một cách đơn giản, Ta muốn con giữ sự ngây thơ của mình. Bi kịch là mỗi người chúng ta đã mất đi sự ngây thơ của mình theo cách này hay cách khác, vì khi bạn đã làm một điều sai trái, bạn sẽ không bao giờ như cũ nữa. Bạn có thể được tha thứ, nhưng bạn đã mất sự ngây thơ của mình. Thật tệ hại khi mất điều đó vì hạnh phúc thuộc về sự ngây thơ. Thế nên Phao-lô mới nói: Với những điều ác, tôi thà ngây thơ như con trẻ. Ngây thơ là hạnh phúc, và Đức Chúa Trời muốn A-đam và Ê-va giữ sự ngây thơ của mình. Vậy tại sao Ngài lại đặt một cây như vậy trong tầm với của họ? Đó là cách để Ngài nói rằng: Ta giữ thẩm quyền đạo đức trên con. Nói cách khác, con không tự mình quyết định đúng sai, con tin cậy rằng ta sẽ cho con biết đúng sai, và tất nhiên là bậc phụ huynh nào cũng hy vọng con cái mình làm như vậy. Bạn hy vọng rằng con cái mình sẽ không phải vất vả trải nghiệm rồi mới biết điều gì xấu với chúng. Bạn hy vọng rằng chúng sẽ tin cậy bạn và tránh xa điều xấu, nhưng đó là thẩm quyền làm cha mẹ của bạn. Chúa đang nói với nhân loại mà Ngài đã sáng tạo: con không phải là chủ đất mà chỉ là người tá điền, Ta là chủ đất và Ta giữ quyền bảo con xem điều gì tốt cho con, điều gì không. Cái khó là phần đa chúng ta - thực ra là tất cả chúng ta, theo cách này hay cách khác - sẽ không nghe lời chỉ bảo; chúng ta sẽ cố gắng tự thử nghiệm xem điều đó tốt hay xấu. Kết quả là bạn đánh mất sự ngây thơ của mình, bạn sẽ không bao giờ được như cũ nữa. Thật bi thảm! Ý nghĩa của cái cây là như vậy. Nó nói rằng: Con vẫn kết nối với Ta như thẩm quyền đạo đức của con. Ta vẫn quyết định là điều gì tốt và điều gì xấu với con.

Mối quan hệ *cạnh bên* - con người không chỉ cần kết nối với điều bên dưới anh ta, và Đấng ở trên anh ta, anh ta cần ai đó cạnh mình. Chúng ta cần những mối quan hệ theo chiều ngang. Thật buồn khi thấy một người lớn tuổi đã về hưu chỉ kết nối với một con mèo. Ở đây có gì đó không phải là nhân tính trọn vẹn. Chúng ta cũng không trọn vẹn về nhân tính nếu chúng ta chỉ kết nối với Chúa mà không kết nối với những người khác. Chúng ta cần *mạng lưới* này. Tôi thích từ *shalom*, tôi luôn ký chữ đó trong các sách, sau đó mới ký tên. Shalom là một từ rất đẹp: nó nghĩa là sự hòa hợp - hòa hợp với chính bạn, hòa hợp với Chúa, hòa hợp với những người khác và hòa hợp với tự nhiên. Bạn chẳng mong gì hơn cho một ai đó, đúng không?

Ở đây, trong Sáng Thế Ký 2, chúng ta có một bức tranh về sự hòa hợp đó, và Chúa cảnh báo A-đam rằng: khi phá vỡ sự hòa hợp đó, con sẽ phải chết. Không nhất thiết là chết ngay lập tức, nhưng

cái đồng hồ sẽ bắt đầu suy giảm. Lý do khiến Chúa nói như vậy rất đơn giản. Đó dường như là một hình phạt nặng cho một tội nhỏ, nhưng Chúa đang nói rằng một khi bạn đã kinh nghiệm cái ác, thì Ngài phải hạn chế thời gian bạn sống trên đất, nếu không thì cái ác sẽ tồn tại đời đời. Bạn có thể hiểu ý nghĩ của điều đó, đúng không? Rằng nếu Chúa để những người nổi loạn sống mãi thì họ sẽ hủy hoại vũ trụ của Ngài mãi mãi. Nên Ngài phải đặt một giới hạn thời gian trên những người không chấp nhận thẩm quyền đạo đức của Ngài.

Con người cần mối quan hệ theo chiều ngang này - một người bạn đồng hành thích hợp - và dù một con thú cưng có ý nghĩa thế nào đi chăng nữa, một chú chó hay mèo hay chim không bao giờ thay thế được tình bạn cá nhân với những người khác. Trong Sáng Thế Ký 1, người nam và người nữ có giá trị ngang nhau và sau đó, chúng ta sẽ thấy họ sa đọa và có số phận giống nhau. Đừng nhầm lẫn, khẳng định đầu tiên về người nam và người nữ trong Kinh Thánh là: Họ đều bình đẳng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Nhưng trong Sáng Thế Ký 2, chức năng của họ khác nhau, và chúng ta lưu ý đến bốn điều đều được nhắc đến trong Tân Ước.

Đầu tiên: người nữ được tạo nên *từ* người nam. Vì vậy, con người của bà từ ông mà ra. Hai là, người nữ được tạo nên sau người nam; vì vậy, người nam chịu trách nhiệm của con đầu lòng. Ý nghĩa của điều đó sẽ trở nên rõ ràng trong Chương 3 khi A-đam bị quở trách vì tội đó, không phải Ê-va. Ông phải chịu trách nhiệm với bà. Điều thứ ba được nói đến là người nữ được tạo nên *cho* người nam. A-đam có một công việc trước khi ông có vợ, và người nam được dựng nên chủ yếu cho công việc, và người nữ được nên chủ yếu cho các mối quan hệ. Không nghĩa là người nam không được có các mối quan hệ hay người nữ không nên ra ngoài làm việc. Đó là hỏi xem đâu là mục đích chính mà Chúa dựng nên người nam và người nữ, và thực tế là người nam đặt tên cho người nữ trong chương này, cũng thể hiện cách vận hành của mối quan hệ cộng tác - không phải như một chế độ dân chủ. Làm sao mà được, khi chỉ có hai lá phiếu, và mỗi người có một lá? Nhưng một mối quan hệ cộng tác mà một người có trách nhiệm - không phải quyền - lãnh đạo và làm việc trong sự hợp tác nghĩa là như vậy. Nó trở nên sự cạnh tranh khi sự lãnh đạo trở nên sự thống trị trong một phần người nam; điều đó khiến người nữ không phục và sự hòa hợp bị phá vỡ.

Nhiều điều nói ở đây, trong chương 2 rất thiết thực. Chúng là đây: tình dục là tốt lành, nó không phát âm là t-ội l-ỗi, nó rất đẹp. Thực tế, Chúa nói rằng nó rất tốt lành. Tình dục được dựng nên cho mối quan hệ cộng tác thay vì để làm cha mẹ. Đó là một điểm rất quan trọng liên quan đến vấn đề tránh thai. Khuôn mẫu cho sự vui thỏa tình dục là chế độ một vợ một chồng, nhưng thực chất, nó nghĩa là kết hôn với một người trong phần đời cùng tồn tại còn lại. Hôn nhân được tạo nên từ hai điều, lìa (cha mẹ) và gắn bó (với vợ), nghĩa là có một phương diện về thân thể và một phương diện về xã hội, chúng cùng tạo nên hôn nhân. Nếu chỉ có một điều mà thiếu đi điều kia thì không phải là hôn nhân. Quan hệ tình dục mà không được xã hội công nhận thì không phải là hôn nhân, nó là sự gian dâm. Được xã hội công nhận mà không động phòng thì không phải là hôn nhân, do đó cần bị bài trừ. Ở đây có một điểm quan trọng: hôn nhân được ưu tiên hơn mọi mối quan hệ khác.

Sẽ không có chuyện cười nào về bố mẹ chồng/vợ nếu người ta đã tuân thủ điều đó trong suốt lịch sử. Vợ/chồng của một người là ưu tiên hàng đầu của họ, trên mọi mối quan hệ khác, thậm chí trên cả con cái - vợ chồng cần đặt nhau lên vị trí hàng đầu. Ở đây, bức tranh lý tưởng về một cặp vợ chồng là họ không giấu giếm nhau điều gì, không ngượng ngùng và hoàn toàn cởi mở với nhau - một bức tranh tuyệt vời. Đây chính là bức tranh mà Chúa Giê-su đã gợi lại trong nhiều thế kỷ sau. Có nhiều điều nữa mà tôi có thể chỉ ra. Đây là một con người trong ma trận mối quan hệ với một Đức Chúa

Trời bên trên, với bạn đồng hạnh bên cạnh và với tự nhiên bên dưới - để chinh phục thứ ở dưới, để thuận phục Đấng ở trên, và phụ thuộc vào sự tương hỗ với những người bên cạnh.

Đó là bức tranh và chúng là ba mối quan hệ căn bản mà mọi người đều cần, và cần đặt cho đúng chỗ, và khi tội lỗi bước vào, như chúng ta sẽ thấy, mỗi một mối quan hệ trong đó đều bị hư hoại. Cả mạng lưới bị phá vỡ. Đây là Sáng Thế Ký 2 nhìn vào con người trong bối cảnh là một tạo vật trong công cuộc sáng tạo, và các thông điệp nó mang lại rất rõ ràng và thực sự rất cần thiết. Tuy nhiên, có những vấn đề về khoa học và đặc biệt là hai vấn đề, tôi nghĩ là ở đây chúng ta cần lướt qua chúng. Một là: người tiền sử thì cho vào đâu? Nói cách khác là mối quan hệ giữa người hiện đại và người tiền sử. Vấn đề kia, tất nhiên, là câu hỏi lớn hơn nhiều: liệu con người có liên quan trực tiếp tới thế giới loài vật về mặt thể chất? - toàn bộ câu hỏi về tiến hóa. Thảo luận về tiến hóa sẽ dễ hơn nhiều nếu nó chỉ giới hạn ở thực vật và động vật. Chính việc cho con người vào học thuyết đó đã khơi lên khủng hoảng nghiêm trọng và thực sự đặt ra câu hỏi quan trọng.

Hãy xét đến mối quan hệ giữa chúng ta và người tiền sử trước đã. Vì người ta đã tìm thấy nhiều hài cốt và cho rằng sự sống con người bắt đầu tại Châu Phi, không phải ở Trung Đông theo vị trí trong Kinh Thánh, điều này đặt ra đủ loại câu hỏi. Chúng ta cần xét đến mối quan hệ giữa người hiện đại và người tiền sử.

ORIGIN OF MAN

a. BIBLICAL "let us.........our image"
"created........from dust (woman from man)"

b. HISTORICAL Unity of human race
Agricultural archeology

c. PRE-HISTORIC Homo sapiens
Neanderthal, Peking, Java, etc.

SCIENCE – false investigation?
SCRIPTURE – false information?

a. PREHISTORIC WAS BIBLICAL (ie image of God)
Gen 1: paleolithic hunter
Gen 2: neolithic farmer (Adam not first man)

b. PREHISTORIC BECAME BIBLICAL
Did one, some, all change?
'Sons of God and daughters of men' (Gen 6)

c. PREHISTORIC NOT BIBLICAL
Physical likeness, not spiritual
Species now extinct

Khoa học nói gì về điều này, Kinh Thánh nói gì, và có thể khiến chúng hòa hợp với nhau không? Trước tiên, hãy xét đến điều Kinh Thánh chép về nguồn gốc của loài người. Rõ ràng là Kinh Thánh chép rằng con người được dựng nên từ nguyên liệu ban đầu giống với động vật. Các loài vật được dựng nên từ bụi đất, chúng ta cũng được dựng nên từ chính những khoáng chất được tìm thấy trong lớp vỏ trái đất. Tôi tập hợp những khoáng chất trên cơ thể mình thì nó đáng giá khoảng 26,000 đồng, nó không ích gì cho lòng tự trọng của tôi, nhưng tôi biết rằng tất cả những nguyên tố đó sẽ trở về bụi đất, hỏa thiêu thì nhanh, chôn cất thì chậm hơn, nhưng chúng thuộc về đâu và đến từ đâu thì sẽ về nơi đó. Nên con người và các loại vật được dựng nên từ những thứ giống nhau, và cụm từ trong Sáng Thế Ký 2 rằng Đức Chúa Trời hà hơi vào bụi đất và con người trở nên một *sinh linh* - đừng để từ "linh" (linh hồn) đánh lừa bạn. Chính cụm đó cũng được dùng với các loài vật trong Sáng Thế Ký 1. Chúng được gọi là "sinh linh" vì trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ "linh hồn" nghĩa là một cơ thể có hơi thở và vì

vậy, vì cả các loài vật và con người đều được miêu tả là sinh linh, chúng là cùng một loại hữu thể. Chúng ta là những cơ thể có hơi thở.

Thế nên khi cơ thể có nguy cơ ngừng thở, bạn gửi SOS (Save Our Souls - Cứu Lấy Linh Hồn Chúng Tôi) thay vì SOB (Save Our Breath Cứu Lấy Hơi Thở của chúng tôi). Ý bạn là hãy cứu lấy cơ thể có hơi thở của tôi - đó là cách nói Hê-bơ-rơ. Một lần nữa, có người hỏi Lord Soper tại Hyde Park Corner rằng “Linh hồn ông hình gì?” và ông đáp “Hình thuôn,” đây là một thần học hay. Tôi là một linh hồn hình thuôn. Tôi sẽ được chôn trong một cái hộp hình thuôn - linh hồn tôi hình đó và người đó lại hỏi ông: “Thế linh hồn ở đâu trong thân thể?” và ông đáp: “Nơi âm nhạc ở trong cái đàn organ,” đây lại là một thần học hay vì bạn có thể tháo một cây organ hoặc piano thành từng mảnh mà không tìm thấy âm nhạc, nhưng nó có ở đó. Nó ở đó khi ai đó khiến nó trở thành một điều sống động. Điều này rất quan trọng vì từ “linh hồn” trong Sáng Thế Ký 2 đã khiến nhiều người lầm tưởng rằng loài người độc đáo là vì anh ta có một linh hồn. Không, từ linh hồn đó chỉ nghĩa là một cơ thể có hơi thở. Nhưng tôi nghĩ mình phải nói rằng Sáng Thế Ký 2 nói rất rõ về con người như một tạo vật đặc biệt và dường như không phù hợp khi tin rằng con người và vượn người ra từ cùng một đàn, ở đó có một mâu thuẫn trực tiếp. Khẳng định rằng con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, rằng con người được trực tiếp dựng nên từ bụi đất mà không phải từ các loài vật và dựng nên theo hình ảnh của Chúa, dường như đặt anh ta vào một phân loại tạo vật rất đặc biệt. Từ Hê-bơ-rơ ‘bara’ (sáng tạo) được sử dụng ba lần, như tôi đã chỉ ra, với vật chất, sự sống và con người, như thể có điều gì đó rất mới mẻ và độc đáo về con người vậy.

Hiểu biết lịch sử về con người nhấn mạnh sự đồng nhất của nhân loại. Phao-lô, khi phát biểu tại thành A-then, đã nói rằng Chúa đã dựng nên chúng ta từ một dòng huyết, và điều đó là đúng. Tôi biết là có nhiều loại máu khác nhau, nhưng mọi điều trong lịch sử chỉ ra sự đồng nhất của nhân loại hiện tại. Tôi đã nghiên cứu một chút về khảo cổ nông nghiệp và thật thú vị là khảo cổ học nông nghiệp xác định nguồn gốc của việc trồng ngô và thuần hóa súc vật ở đúng chỗ mà Kinh Thánh đặt vườn Ê-đen. Những vết tích lâu đời nhất mà chúng ta có về nông nghiệp ở vùng đông bắc Thổ Nhĩ Kỳ và phía nam Armenia, chính vị trí của Vườn Ê-đen. Tôi thấy đó là một minh họa thú vị. Nhưng khi chúng ta hỏi khoa học nói gì, thì nhiều người sẽ yêu cầu chúng ta xét đến phản đề sai lầm này. Khoa học đã thực hiện những cuộc điều tra sai lầm về người tiền sử, hay Kinh Thánh cho chúng ta những thông tin sai? Một lần nữa, người ta lại bắt chúng ta phải bác bỏ một trong hai. Ví dụ Hóa thạch người Piltdown (ở Sussex, Anh) là giả mạo - người ta phát hiện ra nó là hàm của một con lợn, và nhiều Cơ Đốc nhân tung hoa ăn mừng, reo hò “Hallelujah” và nói rằng “Đấy nhé, khoa học sai rồi.” Nhưng chúng ta phải thành thật và xem ai phát hiện ra rằng Piltdown là giả mạo.

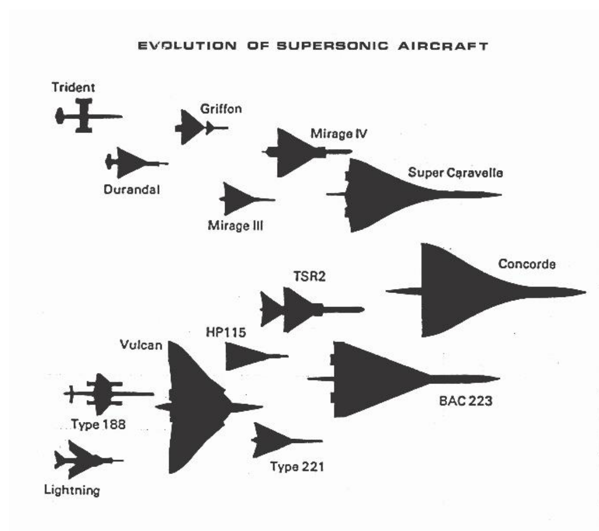
Không phải Cơ Đốc nhân phát hiện ra điều đó; khoa học phát hiện ra rằng nó là giả. Bạn không thể kết luận hai chiều thế được, Cơ Đốc nhân ạ, bạn không thể nói là khoa học là sai vì hóa thạch Piltdown là đồ giả khi khoa học phát hiện ra nó là đồ giả. Chúng ta phải thành thật về tất cả những điều này, và rõ ràng là khoa học đã tìm ra những hài cốt nhìn rất giống chúng ta. Một số các thuật ngữ khác - Người Neanderthal, Người Bắc Kinh, Người Vượn Java, Người Úc rồi Lekkes - được cho rằng có niên đại tới bốn triệu năm trước và tìm thấy những hài cốt người tại Châu Phi. Giờ, người ta gần như chấp nhận rằng nguồn gốc của loài người được tìm thấy tại Châu Phi chứ không phải tại Trung Đông.

Niên đại của nó rất thú vị. Người ta nó rằng Người Tinh khôn (Homo Sapiens) có niên đại 30,000 năm; Người Neanderthal 40-150,000; Swanscombe 200,000; Erectus, tức là Người Trung quốc và

Java - 300,000; Người Úc - 500,000 và giờ là Người Châu Phi, hai triệu năm trăm ngàn, ba triệu, bốn triệu. Chúng ta nói gì về tất cả những điều này? Điều đầu tiên mà chúng ta cần nói cách mạnh mẽ là người ta chưa tìm được cái gì nửa người, nửa vượn. Có những hài cốt của người tiền sử, nhưng không có cái nào nửa nọ nửa kia.

Điều thứ hai mà tôi muốn nói là không phải tất cả những nhóm này là tổ tiên của chúng ta và điều đó cũng đã được công nhận, nên nhân loại học đang trong trạng thái thay đổi, và chúng không phải tổ tiên chúng ta.

Điều thứ ba: chúng không theo trình tự tăng dần. Bạn đã bao giờ thấy những bức hình về một con vượn dần dần đứng thẳng lên, và có một cái đầu to hơn không? Tôi có thể làm như vậy với máy bay. Nếu tôi có thể bày ra bức tranh về sự tiến hóa của máy bay siêu thanh thì nhìn tất cả đều rất gọn gàng, nhưng cái này không tự phát triển thành cái này, và chỉ làm ra một bức tranh về sự phát triển cũng chẳng chứng tỏ được điều gì.



Sự tiến hóa của máy bay siêu thanh

Thực ra thì nó có chứng minh rằng có một bộ não làm nên những điều đó. Một số hài cốt lâu đời nhất của con người có những bộ não lớn hơn ngày nay và đi thẳng hơn, và thực ra người ta đang nhất trí rằng không có nhóm nào là tổ tiên của chúng ta, không phải *người tinh khôn*. Chúng ta xử trí vấn đề này như thế nào? Có thể có ba cách. Một là nói rằng người tiền sử là con người trong Kinh Thánh và thứ chúng ta đang đào lên cũng giống như A-đam - được dựng nên theo hình ảnh của Chúa. Thậm chí một số người còn đưa ra giả thuyết rằng Sáng Thế Ký 1 là thợ săn thời đồ đá cũ, và Sáng Thế Ký 2 là nông dân thời đồ đá mới.

Đó là một khả năng. Hai là ở một thời điểm nào đó, người tiền sử trở thành con người trong Kinh Thánh, và ở một thời điểm nào đó, loài động vật giống động vật hoặc giống người này trở nên hình ảnh của Đức Chúa Trời, rồi người ta còn tranh luận xem một loài thay đổi hoặc tất cả đều thay đổi, và điều đó dẫn đến nhiều tranh luận hơn.

Khả năng thứ ba là người tiền sử không phải là con người trong Kinh Thánh. Họ có ngoại hình ít nhiều giống chúng ta, họ sử dụng các công cụ, nhưng không có vết tích về tôn giáo hay sự cầu nguyện. Họ không được dựng nên theo hình ảnh của Chúa. Chọn cái nào trong ba cái đây? Tôi sẽ không cho bạn biết suy nghĩ của mình vì tôi cảm thấy nhân loại học đang trong trạng thái thay đổi và chúng ta không cần phải trả lời câu hỏi đó, và kể cả chúng ta có thể, thì nó có thật sự quan trọng không? Tôi nghĩ đến việc hai con tinh tinh cãi nhau và con này bảo con kia là: “Con là người giữ em con sao?”

THEORY OF EVOLUTION
(TERMINOLOGY)

"VARIATION" – small, gradual changes in form
"SELECTION" – survival by suitability to environment
"NATURAL" – self-operating process (v. supernatural)
"MUTATION" – big, sudden changes in form (ie internal genes)





MICRO-EVOLUTION
Limited development within different groups
MACRO-EVOLUTION
Total development from single origin
"STRUGGLE" – survival of the fittest
(key-word)

Hãy chuyển sang tiến hóa là vấn đề lớn hơn - không phải là chúng ta có liên quan gì đến người tiền sử, mà là chúng ta có liên quan gì đến các loài vật? Tôi phải cho bạn một số thuật ngữ để tiếp tục, nhờ đó chúng ta biết chúng ta đang nói đến điều gì. Hầu hết đều cho rằng tiến hóa là một học thuyết của Charles Darwin, nhưng thực ra không phải như vậy. Nó là của Aristotle và trong thời hiện đại, chính Erasmus Darwin đã đề xướng nó. Đó là ông của Charles, nhưng Charles đã góp nhặt từ người ông vô thần của mình và khiến nó trở nên nổi tiếng. Có những thuật ngữ nhất định mà chúng ta cần biết. Đầu tiên là *biến dị*, là niềm tin rằng có những thay đổi nhỏ và từ từ về hình thái được truyền cho mỗi thế hệ. Nên mỗi thế hệ thay đổi chút ít và truyền sự thay đổi lại. Hai là, từ những biến dị đó có chọn lọc tự nhiên, nghĩa là những loài phù hợp nhất với môi trường của chúng sẽ sống sót. Nói cái khác, với những đống than ở đông bắc nước Anh, loài bướm đen thích hợp để ngụy trang hơn bướm trắng, nên loài bướm trắng chết đi và loài bướm đen sống sót.

Giờ đây, vì những đống xỉ than đã biến mất ở vùng quê tôi, vùng đông bắc, những con bướm trắng đang trở lại, và những con bướm đen đang biến mất. Loài nào phù hợp hơn với môi trường của nó? Sự chọn lọc tự nhiên đang diễn ra để những loài thích nghi hơn với môi trường của chúng sẽ sống sót. Sự chọn lọc này thuộc về thiên nhiên, nó tự diễn ra trong thiên nhiên mà không cần sự giúp đỡ nào từ thiên nhiên bên ngoài; thiên nhiên tự chọn lọc những loài phù hợp hơn. Nhưng quá trình chậm rãi, từ từ đó đã và đang thay đổi. Một người Pháp tên Lamarque nói rằng thay vì những sự thay đổi chậm rãi, từ từ, đã có những thay đổi lớn và đột ngột - ông ta gọi đó là đột biến. Nó giống với cái cầu thang hơn là thang máy, và người ta đã và đang tranh luận về hai điều này.

Có hai thuật ngữ nữa mà chúng ta có thể xét đến. Đầu tiên - tiến hóa vi mô - tin rằng đã và đang có sự thay đổi nhất định trong những nhóm động vật nhất định, trong nhóm ngựa hoặc nhóm chó, và tôi tin rằng khoa học chắc chắn đã chứng minh được về tiến hóa vi mô. Nhưng tiến hóa vĩ mô là niềm tin rằng mọi loài động vất xuất phát từ cùng một nguồn gốc và tất cả đều liên quan đến nhau, rồi đều bắt nguồn từ cùng một dạng sự sống đơn giản và phát triển thành một sinh vật ngày càng phức tạp hơn. Một từ khác mà tôi muốn giới thiệu với các bạn, và cực kỳ quan trọng với tôi, là từ "đấu tranh" (struggle). Nó nghĩa là sự sống còn của loài phù hợp nhất và đó là một khái niệm gây nhiều đau đớn trong thế kỷ 20, khiến con người đau khổ hơn hầu hết mọi tư tưởng khác. Lát nữa tôi sẽ cho bạn biết tại sao.

Tôi sẽ không bảo vệ cho quan điểm ủng hộ hay chống lại tiến hóa, ngoài việc chỉ ra rằng nó vẫn

là một học thuyết. Nó chưa được chứng minh và thực tế, chúng ta càng có nhiều bằng chứng từ sự sống hóa thạch thì nó càng có vẻ không phải là một học thuyết thỏa đáng về cách xuất hiện của các dạng sự sống khác nhau. Ví dụ, bằng chứng hóa thạch của hầu hết các nhóm khác nhau xuất hiện cùng lúc, khá nhanh trong kỷ Cambri. Chúng không dần xuất hiện theo thời kỳ, chúng xuất hiện gần như đồng thời. Hai là, những dạng phức tạp của sự sống và những dạng đơn giản của sự sống xuất hiện cùng nhau. Không có một chuỗi từ đơn giản đến phức tạp. Ba là, có rất ít những hóa thạch trung gian như cầu nối giữa loài này và loài kia. Tiếp theo, tất cả sự sống - ngay từ đầu - đều rất phức tạp. Nó luôn có ADN trong nó. Tiếp nữa, đột biến, những thay đổi đột ngột, thường biến dạng và khiến các sinh vật chết đi. Tiếp nữa, việc phối giống thường dẫn đến mất khả năng sinh sản, và tôi có thể tiếp tục như vậy. Trên hết, những thống kê không cho phép điều này xảy ra. Không có đủ thời gian, nên mới có một thuyết mới là sự sống bắt đầu từ một hành tinh khác, lơ lửng trong không trung và rơi xuống đây. Ở đây thực sự không có đủ thời gian, về mặt thống kê, cho tất cả những loài này phát triển.

Tôi muốn chuyển sang một điều khá khác: tác động của học thuyết này trên loài người. Nó không chỉ khiến chúng ta thêm kiêu ngạo khi nghĩ rằng mình đã đi được xa đến nỗi cứ tiến hóa lên, tiến hóa lên, rồi cứ tiếp tục như vậy, tiếp tục như vậy theo cách phát biểu của một Thủ tướng Anh, nhưng tôi sẽ cho bạn thấy ngay điều đã xảy ra với từ đấu tranh này. Bạn sẽ tìm thấy nó trong chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ. Những người như John. D. Rockefeller nói rằng "Kinh doanh là sự sống còn của kẻ phù hợp nhất" và điều đó dẫn đến những đau khổ khôn xiết. Bạn tìm thấy nó trong chủ nghĩa phát xít. Cuốn sách của Adolf Hitler gọi là *Cuộc đấu tranh của tôi*, và ông ta tin vào sự sống còn của giống loài phù hợp nhất, và giống loài phù hợp nhất là chủng tộc người Aryan ở Đức và nhất định không phải là người Do Thái. Bạn sẽ tìm thấy nó trong chủ nghĩa cộng sản. Karl Max viết về sự đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, và phải được thể hiện trong cuộc cách mạng. Bạn sẽ tìm thấy nó, từ "đấu tranh" này trong những ngày đầu của chủ nghĩa thực dân, khi con người bị xóa sổ nhân danh sự tiến bộ, và tôi dám nói rằng tư tưởng này, sự sống còn của kẻ phù hợp nhất, khi áp dụng với con người, đã gây ra nhiều đau khổ hơn mọi tư tưởng khác. Nhưng nó cũng đặt chúng ta trước hai lựa chọn lớn.

I. MENTAL CHOICE

CREATION	EVOLUTION
Father God	Mother nature
Personal choice	Impersonal chance
Designed purpose	Random pattern
Supernatural production	Natural process
Open situation	Closed system
Providence	Coincidence
Faith based on fact	Faith based on fancy
God free to make man in his image	Man free to make God in his image / imagination

Chúng ta đang thật sự nói gì khi xem xét vấn đề tạo hóa và tiến hóa? Nó đặt ra cho chúng ta một lựa chọn về trí tuệ. Nếu bạn tin vào tạo hóa, bạn tin vào một Đức Chúa Trời Cha. Nếu bạn tin vào tiến hóa, dường như bạn ủng hộ mẹ thiên nhiên, một quý bà không tồn tại. Nếu bạn tin vào tạo hóa, bạn tin rằng vũ trụ này là kết quả của một lựa chọn cá nhân; hoặc (vào tiến hóa) một sự tình cờ bâng quơ: rằng có một mục đích được định sẵn theo tạo hóa, nhưng theo tiến hóa chỉ là một kiểu mẫu ngẫu nhiên. Với tạo hóa, vũ trụ là một tác phẩm siêu nhiên; trong tiến hóa, nó là một quá trình tự nhiên. Theo tạo hóa, cả vũ trụ là một tình huống mở, mở với sự can thiệp cá nhân, của cả Chúa và con người. Với tiến hóa, chúng ta có tự nhiên như một hệ thống khép kín tự vận hành. Với tạo hóa, chúng ta có khái niệm về Đấng Chu cấp, rằng Đức Chúa Trời quan tâm đến sự sáng tạo của Ngài, chu cấp cho nó và canh chừng nó. Ở đây, chúng ta chỉ có sự trùng hợp; khi bất cứ điều gì tốt xảy ra, đó chỉ đơn thuần là sự trùng hợp. Ở bên này, chúng ta có đức tin dựa thực tế, ở bên kia là đức tin dựa trên sự tưởng tượng - vì nó đơn giản chỉ là một học thuyết. Ở bên này, Chúa được tự do dựng nên gì đó và dựng nên con người theo hình ảnh của Ngài; ở bên kia, con người được tự do tạo ra thần thánh theo bất kỳ hình tượng nào mà anh ta chọn theo trí tưởng tượng của mình. Đó là kiểu khác biệt trí tuệ khi nghĩ đến tạo hóa và tiến hóa.

2. MORAL CHOICE

CREATION	EVOLUTION
God is Lord	Man is lord
Divine authority	Human autonomy
Absolute standards	Relative situations
Duty - responsibility	Demand-rights
'Infant' dependence	'Adult' independence
Man fallen	Man rising
Salvation of weak	Survival of strong
Right is might	Might is right
Peace	War
Obedience	Indulgence
Faith, hope and love	Fatalism, helplessness and luck
Heaven	Hell

Nhưng khi nhìn xa hơn, chúng ta thấy đằng sau nó là một lựa chọn *về đạo đức*. Câu hỏi mà hiện chúng ta đang cố gắng trả lời là: Tạo sao người ta lại ôm ấp thuyết tiến hóa và giữ nó một cách gần như cuồng tín? Câu trả lời ở sâu bên trong. Nó là lựa chọn duy nhất nếu bạn muốn tin rằng không có Đức Chúa Trời ở trên chúng ta. Theo tạo hóa, Đức Chúa Trời là Chúa, còn theo tiến hóa, con người là Chúa. Tạo hóa - chúng ta ở dưới thẩm quyền thiên thượng, nhưng với tiến hóa, chúng ta là con người tự trị và có thể tự quyết định nhiều điều cho chính mình. Với tạo hóa, có những tiêu chuẩn tuyệt đối về đúng sai. Ở góc nhìn kia, chúng ta chỉ có những tình huống tương đối. Chúng ta nói đến bổn phận và trách nhiệm, nhưng ở bên kia, chúng ta nói đến nhu cầu và quyền lợi. Ở kia, chúng ta có sự phụ thuộc như trẻ sơ sinh, chúng ta trở nên như trẻ nhỏ và nói đến một Cha thiên thượng; nhưng ở đây, con người tự hào vì sự độc lập như người trưởng thành, con người đạt tới độ trưởng thành, không cần Chúa nữa. Ở kia, con người là một tạo vật sa ngã; ở đây, anh ta đang tiến hóa lên. Ở kia, sự cứu rỗi của người yếu đuối; ở đây, sự sống còn của kẻ mạnh.

Nietzsche, triết gia đứng sau Hitler, nói rằng ông ta ghét Cơ Đốc giáo vì nó tiếp tục giữ những người yếu đuối, nó chăm nom người bệnh và người hấp hối, nhưng triết lý của ông ta là sự sống còn

của kẻ mạnh. Ở kia, đúng đắn thì có sức mạnh, khi bạn làm điều đúng đắn thì bạn mạnh mẽ; còn ở đây thì sức mạnh là đúng. Một quan điểm dẫn đến tình hình hòa bình, quan điểm kia dẫn đến chiến tranh. Nó luôn như vậy. Một quan điểm nhấn mạnh sự vâng phục. Quan điểm kia nói rằng: hãy nuông chiều bản thân. Một nói rằng đức tin, hy vọng và tình yêu thương là ba đức hạnh chính trong cuộc sống; cái còn lại nói rằng định mệnh, sự bất lực và may mắn là nơi chúng ta thuộc về. Một dẫn đến thiên đàng, cái còn lại dẫn đến địa ngục. Tôi đã vạch ra điều này để bạn có thể thấy học thuyết đó bắt đầu dẫn đến đâu, khi bạn nghĩ rằng con người chỉ là một loài động vật phát triển lên. Tôi không ngạc nhiên khi thấy những đứa trẻ được dạy cả chục năm ở trường rằng "Con bắt nguồn từ các loài vật," khi chúng rời trường học, chúng cư xử y như vậy.

Tôi đã cho bạn một cảm nhận về vấn đề này. Trong chương tới, chúng ta sẽ xem con người đã sa ngã như thế nào và những tác động của điều đó trên gia đình anh ta, xã hội của anh ta, và rất nhiều điều khác.

SÁNG THẾ KÝ - Phần 4 - Từ Ê-đen Đến Tháp Ba-bên

Khi Chúa sáng tạo xong thế giới của chúng ta, Ngài nói rằng điều đó thật rất tốt đẹp - và điều đó bao gồm cả con người. Nhưng ai dám nói rằng thế giới hiện tại thật rất tốt đẹp? Rất ít người khẳng định như vậy. Có cái gì đó bị rối loạn. Vậy có gì không ổn và nó không ổn từ khi nào? Sáng Thế Ký 3 đưa ra câu trả lời cho câu hỏi đó. Cả ba mối quan hệ giữa con người và Chúa, giữa con người và tự nhiên, giữa con người với nhau, đáng buồn thay, đều không ổn. Cái nào không ổn trước? Dường như thế giới của chúng ta bị rủa sả chứ không phải được phước; chúng ta đã trở nên bị xa lánh.

Chúng ta hãy nhìn vào ba thực tế của sự tồn tại chúng ta. Thực tế số 1, sự sinh nở rất đau đớn. Thực tế số 2, cuộc sống rất khó nhọc. Thực tế số 3, sự chết chắc chắn sẽ đến. Tại sao? Tại sao sự sinh nở lại đau đớn? Tại sao cuộc sống lại khó nhọc? Tại sao sự chết chắc chắn phải đến? Lại một lần nữa, Sáng Thế Ký 3 cho chúng ta câu trả lời. Triết học cho chúng ta rất nhiều câu trả lời khác nhau; một số triết gia nói rằng phải có một vị thần xấu cũng như một vị thần tốt. Gần đây, họ càng hay nói rằng có một vị thần tốt nhưng làm việc không được tốt lắm và vì vậy, họ cố tìm một giải thích nào đó cho nguồn gốc của cái ác. Sáng Thế Ký 3 cho chúng ta bốn hiểu biết cực kỳ quan trọng về vấn đề này. Một là, trước đây cái ác không luôn ở trong thế gian. Hai là, trước đây nó không bắt đầu với con người. Ba là, nó không phải là về vật chất mà là về đạo đức. Một số triết gia nói rằng chính phần vật chất của vũ trụ là nguồn của cái ác, hoặc, nói ở khía cạnh cá nhân, chính thân thể bạn là nguồn của sự cám dỗ. Đó không phải là câu trả lời của Kinh Thánh. Hiểu biết thứ tư là cái ác không tự tồn tại-có những con người độc ác. Độc ác là một tính từ, không phải một danh từ. Chính con người trở nên độc ác.

Chúng ta đang xem xét, trong Sáng Thế Ký 3, một sự kiện có thật trong lịch sử có thật và địa lý có thật. Chúng ta được cung cấp nơi chốn và thời gian của sự kiện đó. Ngay từ buổi đầu của lịch sử nhân loại, một thảm họa đạo đức khủng khiếp đã xảy ra. Đây không phải là chuyện ngụ ngôn hay thần thoại, nhưng đúng là ở đây chúng ta có một loài bò sát - giống con thằn lằn hơn là rắn vì nó có chân - và hầu hết những bức tranh trong Trường Chúa nhật mà tôi đã thấy là hoàn toàn sai, chúng chỉ vẽ một con rắn cắn quả táo trong miệng nó hay đại loại như vậy. Đó là một con thằn lằn, nhưng một con thằn lằn biết nói; chúng ta có thể tin vào điều đó không? Có ba khả năng. Một, nó là ma quỷ ngụy trang và hắn là bậc thầy ngụy trang. Một khả năng khác là Chúa cho một con vật có thể nói chuyện; khả năng khác nữa là con vật bị một linh ác khống chế. Khi Chúa Giê-su cho 2000 con lợn xuống vách triền dốc Ga-đa-ra, các quỷ đã nhập vào đàn lợn. Sa-tan hoàn toàn có thể khống chế một con vật và vì vậy tự ngụy trang thành một trong những tạo vật của Chúa, điều này có xu hướng lừa A-đam và Ê-va vì Sa-tan đang đặt chính hắn ở dưới họ - và hắn là tạo vật xảo quyệt nhất. Hắn, thực ra là một thiên sứ sa ngã.

Có những thiên sứ. Những người theo thuyết tiến hóa dường như có vấn đề với thiên sứ, về việc họ đến từ đâu, nhưng thiên sứ có thật, họ thông minh hơn chúng ta, mạnh mẽ hơn chúng ta. Tôi đã giải thích về những cái cây. Đáng chú ý là Sa-tan tìm đến Ê-va vì phụ nữ, nói chung, dễ tin người hơn đàn ông. Đàn ông là những tạo vật cực kỳ đa nghi. Nhưng phụ nữ tin người hơn, nên dễ bị lừa và dễ nhầm lẫn hơn. Nhưng quan trọng hơn là Sa-tan đang phá vỡ trật tự của Chúa và cư xử với Ê-va như thể bà là đầu gia đình. Thế nhưng, tôi lại thấy hổ thẹn cho chính giới của mình, vì thực ra A-đam đang đứng cạnh Ê-va mà chẳng hề mở miệng nói nửa lời. Chúng ta cần nói về điều đó một cách mạnh mẽ. Rất nhiều khi trên truyền hình, khi người ta phỏng vấn một cặp vợ chồng sau một bi kịch cá nhân nào đó, người chồng chỉ ngồi đó câm bặt và bắt vợ phải nói hết. Lẽ ra anh ta nên bảo vệ cô ấy, và lẽ ra A-

đam nên cãi lý với Sa-tan vì Ê-va chưa nghe lời của Chúa. A-đam thì nghe rồi, và lẽ ra ông nên nói với Sa-tan rằng hắn đang trích dẫn sai lời Chúa. Lẽ ra anh ta nên bảo vệ cô ấy, và lẽ ra A-đam nên cãi lý với Sa-tan vì Ê-va chưa nghe lời của Chúa.

Bạn có thể trích dẫn sai lời của Chúa theo ba cách: một là thêm gì đó vào chúng; cách khác là bớt gì đó đi, và cách thứ ba là thay đổi những gì đã có. Thực tế, nếu bạn đọc kỹ thì Sa-tan đã làm cả ba cách đối với mạng lệnh của Chúa. Sa-tan biết rất rõ Kinh Thánh của Ngài, nhưng hắn cũng trích dẫn sai, và hắn phạm phải cả ba lỗi. Tôi e rằng điều này cũng không có gì lạ giữa vòng các nhà giảng đạo. Thêm vào lời của Chúa, bớt gì đó đi hoặc thay đổi nó theo bất cứ cách nào là xâm phạm vào một điều bất biến.

Chúng ta không phải không biết những mưu chước của Sa-tan và chúng ta biết hắn đã chế ngự Ê-va như thế nào, và hắn cũng sẽ chế ngự chúng ta theo cách đó. Hắn làm như vậy theo ba bước. Hắn khiến bạn nghi ngờ trong tâm trí, ham muốn trong tấm lòng và rồi bất tuân bằng ý chí; đó *luôn* là chiến lược của hắn. Hắn khiến bạn nghĩ về điều gì đó sai trái trước, thường là bằng việc hiểu sai lời Chúa, rồi hắn khiến lòng bạn muốn có điều đó, khao khát nó, và sau khi hắn khiến tâm trí bạn suy nghĩ về nó và tấm lòng bạn ham muốn nó, bạn trở nên một tai nạn chực chờ sẵn - và đến đúng thời điểm, bạn sẽ bất tuân bằng ý chí. Hắn đã chế ngự Ê-va như vậy đó. Chúng ta cần rút ra bài học từ điều này.

Bây giờ, chúng ta thấy một khía cạnh rất khác trong bổn tính của Chúa mà trước đây chưa xuất hiện: khía cạnh phán xét tội lỗi. Đó là khía cạnh thánh khiết của bổn tính Ngài. Điều này chưa được đả động đến trong Sáng Thế Ký 1 và 2, nhưng giờ đây, nó xuất hiện rất rõ. Chúa ghét tội lỗi và Ngài phải xử lý nó. Nếu Ngài thật sự là một Đức Chúa Trời tốt lành thì Ngài không thể để con người xấu xa thoát tội. Đó là thông điệp của Sáng Thế Ký 3. Những sự trừng phạt của Ngài ở thể thơ. Tôi hy vọng là bạn có một cuốn Kinh Thánh chỉ cho bạn khi nào thì lời Chúa ở thể thơ còn khi nào nó ở thể văn xuôi. Ở thể văn xuôi, nó trông giống một cột báo viết dàn sang hai bên, nhưng khi ở thể thơ, bạn sẽ thấy nhiều khoảng trống và những dòng ngắn hơn. Khi Chúa nói ở thể văn xuôi, Ngài đang truyền đạt những *suy nghĩ* từ tâm trí Ngài đến tâm trí bạn, nhưng khi Ngài làm thơ, Ngài đang truyền đạt *cảm xúc* từ tấm lòng Ngài đến tấm lòng bạn.

Một câu trong Sáng Thế Ký 1 ở thể thơ và một câu trong Sáng Thế Ký 2 ở thể thơ, và cả hai đều về tình dục. Điều đó không tuyệt vời sao? Hai bài hát tình yêu đầu tiên - Chúa làm thơ khi Ngài nghĩ đến người nam và người nữ trong Sáng Thế Ký 1 và A-đam làm thơ khi ông bắt gặp cô gái trần truồng xinh đẹp, khi ông tỉnh dậy sau một cuộc phẫu thuật gây mê. Bạn có biết là A-đam thực sự nói gì không? Tôi sẽ dịch đúng theo tiếng Hê-bơ-rơ. Ông nói: "Ôi chà chà! Đã quá," ông nói: "Đã quá!" Đến vài tuần sau thì ông không thích thú gì lắm khi nói: "ấy là người nữ Chúa đặt bên con." Chúng ta thay đổi chóng mặt. Nhưng hai câu thơ nhỏ trong chương 1 và 2 là sự vui thích của Chúa và sự vui thích của con người với tình dục.

Nhưng trong Sáng Thế Ký 3, những câu thơ tiết lộ một cảm xúc khá khác trong Chúa - tức giận, bực bội, khó chịu, hoặc theo thuật ngữ thần học là cơn giận của Chúa. Chúa cảm thấy rõ điều này, rằng Ê-đen đã bị hủy hoại. Tất cả đều hỏng hết và Chúa cũng biết rằng nó sẽ dẫn đến điều gì. Từ chương 4 đến 11, chúng ta thấy những kết quả của chương 3. Chương 3 thường được coi là Sự Sa ngã, khi con người ngã khỏi trạng thái tươi đẹp đó. Cứ thử tưởng tượng rằng điều đó không xảy ra. Cứ thử tưởng tượng rằng A-đam không cố gắng đổ lỗi cho Ê-va, hay đổ lỗi cho cả Chúa. Ấy là người

nữ mà *Ngài* đặt bên con. Ông đang cố gắng rũ bỏ trách nhiệm. Chẳng hạn như khi Chúa hỏi, A-đam trả lời rằng: "Con đã làm sai và con thú nhận điều đó" - và Chúa tha thứ ngay cho ông. Thì lịch sử hẳn đã khác.

Bạn thấy đó, khi Chúa hỏi A-đam những câu hỏi: "Con ở đâu?," Chúa thừa biết là A-đam ở đâu - đây là một câu hỏi ở đầu phiên tòa. Con cho mình là vô tội hay có tội? Đó mới là điều Chúa đang hỏi. Ê-va, con đã đi đâu đó; con đã làm gì đó? Ngài muốn họ thú nhận - vì khi họ thú nhận, Chúa tha thứ cho họ. Ngài đang chờ đợi điều đó, nhưng ông A-đam đáng thương ấy, ẩn mình trong bụi cây, nói rằng ông không mặc quần áo. Thật đáng thương; bạn đã bao giờ thấy hình dạng của chiếc lá vả chưa? Bạn có thể tưởng tượng ra chính mình đang đan những chiếc lá đó vào với nhau để che thân không? Thật thảm hại. Nhưng Sự Sa ngã đó đáng bị trừng phạt và đúng như vậy, A-đam bị trừng phạt liên quan đến *công việc* của ông, còn Ê-va liên quan đến *gia đình*.

Điều đó rất đáng chú ý. Loài bò sát trở thành một con rắn. Có lần tôi vào cái ga-ra toàn rắn khổng lồ. Đó là sở thích của một người, tôi không tài nào hiểu nổi sở thích đó. Cậu ta nâng một con trăn xiết mồi hay đại loại như vậy, và nói: "Để tôi cho anh xem cái này," và vạch những cái vảy trên thân trăn lên, khoảng 2/3 từ dưới lên, và dưới những cái vảy là cái chân nhỏ xíu. Cậu ta nói: "Anh có biết là con rắn nào cũng có những cái chân không? "Chúng không đủ dài để chạm xuống đất nên nó phải bò bằng bụng. Tôi nói tôi không hề biết; nhưng hãy đoán xem tôi nghĩ gì khi cậu ta nói vậy! Nên Chúa tách A-đam và Ê-va khỏi sự sống, và giờ đây, trong các chương từ 4-11, những ảnh hưởng của nó giống như ném tảng đá xuống hồ. Những gợn sóng của nó cứ thế lan ra, bao trùm phần thời gian và không gian ngày một gia tăng. Chúng truyền lại qua các thế hệ và lan ra, qua các quốc gia. Sự sa đọa về đạo đức lan ra mọi nền văn hóa và sự tiến bộ từ đây trở đi, mọi nghệ thuật và khoa học từ đây trở đi, mọi đời sống xã hội và chính trị từ đây trở đi.

Từ chương 4 đến 11, Sáng Thế Ký trải qua nhiều thế kỷ, nhưng Chúa chọn ra những điều ảnh hưởng tới Ngài và mục đích của Ngài nhất. Chúa có cảm xúc, điều đó xuất hiện rất mạnh mẽ và Ngài có thể vui và Ngài có thể buồn; Ngài có thể tức giận và Ngài có thể đau lòng. Chúng ta sắp nghiên cứu về những cảm xúc của Ngài - phản ứng cảm xúc của Ngài với những gì đang diễn ra dưới đó, trên đất, và ba sự kiện quan trọng nhất với Ngài trong nhiều thế kỷ tiếp đó là: Ca-in, và vũ khí hủy diệt hàng loạt ra từ dòng dõi của Ca-in; hai là Nô-ê và con tàu của ông; và ba là Nim-rốt và tòa tháp của ông. Ba sự kiện này bao trùm một thời gian dài trong lịch sử loài người, nhưng đây là ba điều quan trọng nhất với Chúa và điều Ngài sắp làm với nhân loại sa ngã của chúng ta.

Hãy xét đến Ca-in trước. Có người đã chỉ ra rằng tội lỗi của người nam đầu tiên khiến người nam thứ hai giết người nam thứ ba. Đây là gia đình của chính A-đam, và cậu con cả của ông giết cậu con thứ, và vì cùng một lý do khiến người ta giết Chúa Giê-su nhiều thế kỷ sau - lòng đố kỵ. Lòng đố kỵ là nguyên do cho vụ giết người đầu tiên trong lịch sử và vụ giết người tệ hại nhất trong lịch sử. Đó là một điều khủng khiếp, nhưng nếu thành thật, chúng ta đều kinh nghiệm nó theo cách này hay cách khác: đố kỵ với ai đó. Ca-in và A-bên - Ca-in nghĩa là "đạt được" vì Ê-va nói tôi đã đạt được (lấy được) nó từ Chúa, nên ông được gọi là đạt được.

A-bên được gọi là hơi thở, hay hơi nước. Ông bị bệnh hen hay ông có tạng người yếu? Có thể. Chúa ưu ái đứa nhỏ hơn trong hai đứa, Ca-in và A-bên. Chúa thường ưu ái đứa nhỏ hơn như sau này chúng ta sẽ thấy, vì Ngài không muốn ai nghĩ rằng họ tự động có quyền với những tài năng và sự thừa kế của mình. Nên Chúa thường chọn đứa nhỏ hơn, nhưng đó không phải lý do mà Ngài chọn lễ

vật của A-bên mà không chọn của Ca-in. Lý do là A-bên đã học từ cha mẹ mình rằng của lễ duy nhất đáng cho Chúa, và đáng để tội nhân dâng lên, là của lễ bằng huyết, kết quả của một sự sống bị tước đi trong sự chết. Khi Chúa che đậy tội lỗi và sự hổ thẹn của cha mẹ ông, A-bên biết rằng Chúa đã giết các con vật để làm như vậy. Chút tính bông đùa trong tôi thích chỉ ra rằng chính Chúa đã làm ra chiếc áo choàng lông đầu tiên, nhưng chính Chúa đã giết con gì đó và mặc cho A-đam và Ê-va. Huyết đổ ra để che đi nỗi ô nhục của họ.

Đó là một nguyên tắc bắt đầu ngay tại đó và cứ thế tiếp diễn cho đến Đồi Sọ (Calvary). A-bên biết điều đó, nên khi A-bên đến thờ phượng Chúa, ông đã mang đến một con sinh tế. Ca-in chỉ mang thổ sản. Ông tổ chức một bữa tiệc thu hoạch nho nhỏ và Kinh Thánh chép rằng Chúa đoái đến A-bên và lễ vật của ông. Điều này khiến Ca-in tức giận. Chúa đã cảnh báo Ca-in: hãy thật cẩn thận, con đang ở một thế rất nguy hiểm. Tội lỗi đang rình rập trước cửa, chỉ chực xông vào và vồ lấy con. Nhưng Ca-in không nghe, và bạn biết phần còn lại của câu chuyện rồi đấy. Ông lừa em mình, bịa ra một cái cớ để dụ nó ra khỏi nhà rồi giết nó, chôn nó rồi chối bay chối biến, nói rằng ông không liên quan gì đến nó. Chao ôi, tội chồng tội!

Ở đây xuất hiện một khuôn mẫu là người xấu ghét người tốt và người không tin kính ghen ghét người tin kính, và điều này sẽ gây ra một sự chia rẽ kéo dài suốt phần còn lại của lịch sử loài người. Đây là một thực tế lạ lùng. Chính Plato đã nói rằng nếu có một người thực sự tốt sống trên đất thì anh ta sẽ bị đóng đinh. Ông nói điều đó nhiều thế kỷ trước khi Chúa Giê-su đến. Chúng ta sống trong một thế giới sa nghĩ khi điều thiện bị ghét bỏ, nơi người ta nói rằng: "Ôi dào, có ai hoàn hảo đâu" để biện hộ cho điều ác trong chính họ; và bất cứ ai thách thức lương tâm của họ đều bị ghét bỏ. Chúa Giê-su nói rằng: thế gian ghét Ta, nó sẽ ghét con nếu con sống đúng đắn. Đó là một thực tế. Việc người xấu căm ghét người tốt là một thực tế trong lịch sử loài người. Chúng ta có thể nói rằng A-bên là người tử đạo đầu tiên vì cớ sự công chính. Thực ra không chỉ tôi mà Chúa Giê-su cũng nói vậy. Ngài nói máu của người công bình đã đổ ra từ A-bên cho đến Xa-cha-ri - và, tất nhiên, báo hiệu rằng Ngài chính là người kế tiếp.

Ca-in sinh ra một dòng dõi không tin kính và thật thú vị khi biết điều gì gắn với dòng dõi đó. Âm nhạc ra từ dòng dõi đó. Nghề luyện kim ra từ dòng dõi đó, và lần đầu tiên kim loại rèn ra là dùng để làm vũ khí hủy diệt hàng loạt, khởi xướng những thù hằn và khủng bố liên miên. Lần đầu tiên vũ khí được sử dụng là cho những hoạt động khủng bố từ dòng dõi của Ca-in. Đô thị hóa ra từ dòng dõi của Ca-in. Chính dòng dõi của Ca-in bắt đầu xây dựng các thành phố. Thành phố có chức năng gì? Nó tập trung tội nhân vào một chỗ, nên nó tập trung tội lỗi vào một chỗ, và các thành phố trở nên tội lỗi hơn vùng quê vì sự tập trung này. Nên bạn có thể thấy rằng mọi điều mà chúng ta gọi là sự tiến bộ của con người đều là vết nhơ từ Ca-in. Dấu ấn của Ca-in ở trên chúng, và đó là sự giải nghĩa theo Kinh Thánh về văn minh: rằng dù những phát hiện của chúng ta có tuyệt vời đến đâu, chúng ta có tiến bộ nhiều đến thế nào thì nó cũng luôn có vết nhơ của sự giết chóc trong đó. Theo tôi, điều đau lòng là gần như mọi sự can thiệp của con người đã được dùng để giết chóc và một số trong đó đã được dùng để giết chóc trước khi dùng cho những mục đích lành mạnh. Tôi nghĩ việc phân tách nguyên tử chỉ là một ví dụ.

Chế độ đa thê ra từ dòng dõi Ca-in. Tới tận thời điểm đó, một người nam và một người nữ kết hôn với nhau, trọn đời, nhưng qua dòng dõi của Ca-in, người ta bắt đầu có nhiều vợ và chúng ta biết rằng ngay cả Áp-ra-ham, Gia-cốp và Đa-vít cũng lấy nhiều vợ. Tất cả đều bắt nguồn từ Ca-in. Nhưng đồng thời có cậu em thứ ba, người con thứ ba của A-đam và Ê-va, Sết. Với người này, bạn thấy một dòng

dõi khác, một dòng dõi tin kính, và Kinh Thánh chép rằng từ dòng dõi của Sết, người ta bắt đầu cầu khẩn danh Chúa, "Always" - Đấng Hằng hữu. Nên bạn thấy đó, ở đây có hai dòng dõi phát triển và chúng xuyên suốt lịch sử loài người và sẽ đến tận cuối cùng, tới ngày mà hai dòng dõi đó được phân tách mãi mãi. Nhưng chúng ta sống trong một thế giới có dòng dõi của Ca-in và dòng dõi của Sết, và bạn chọn xem mình thuộc dòng dõi nào và chọn sống theo kiểu gì.



Hình ảnh về tàn tích của cơn nước lụt

Đó là sự kiện quan trọng đầu tiên và Chúa phán rằng *Ngài* là Đấng giữ A-bên. Ca-in nói: "Con là người giữ em con sao?" Chúa phán: Là ta, và huyết của nó đang kêu thấu đến ta. Chúa để tâm đến mọi tội giết người. Ngài quan tâm đến; đó là gia đình của Ngài. Thật thú vị. Sự kiện quan trọng tiếp theo là con tàu của Nô-ê, câu chuyện này quá nổi tiếng, không chỉ từ trong Kinh Thánh nhưng có nhiều câu chuyện dân gian về một trận lụt trên toàn cầu, tìm thấy trong nhiều nền văn hóa khác nhau. Ký ức chủng tộc ở đâu đó về sự kiện này đã xuất hiện ở mọi nơi, nhưng ở đây, chúng ta có nguồn gốc của những câu chuyện đó. Người ta đã đặt câu hỏi không biết nó có thật không, và tôi nghĩ câu hỏi để ngỏ là cơn lụt xảy ra trên khắp địa cầu, hay chỉ bao phủ thế giới đã biết vào thời đó - toàn bộ lưu vực Trung Đông, sau này được gọi là Lưỡng Hà, nơi vùng đồng bằng rộng lớn mà sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát chảy qua, thật sự là bối cảnh cho mọi câu chuyện thời đầu này. Nhiều năm trước, một người Anh tên Leonard Woolley gửi điện báo cho tờ *The Times* ở London rằng: "Chúng tôi đã tìm thấy Cơn Nước lụt!" Họ đã tìm thấy khoảng hơn 5 mét bùn dưới lớp cát và đất sét ở đồng bằng Lưỡng Hà và ông khẳng định rằng họ đã tìm thấy Cơn Nước lụt. Đúng là họ đã tìm thấy một trận lụt và rõ ràng là có nhiều hơn một trận lụt có sức tàn phá trên cả vùng này, và từ đó, họ đã tìm thấy nhiều tàn tích. Họ có tìm thấy *đúng* Cơn Nước lụt đó không thì tôi nghĩ đây vẫn là một câu hỏi còn bỏ ngỏ. Tôi không biết bạn đã xem những chương trình truyền hình về việc tìm chính con tàu Nô-ê chưa. Người ta đã và đang nghiên cứu những thứ nhìn giống như tàn tích của một con tàu lớn. Chúng ta sẽ xem nó có phải hay không.

Kinh Thánh không quan tâm nhiều đến khía cạnh vật chất của câu chuyện này bằng khía cạnh đạo đức. Đó là điều cốt yếu. Tại sao điều này lại xảy ra? Câu trả lời thật đáng sợ. Bởi vì Chúa lấy làm tiếc vì Ngài đã dựng nên loài người. Tôi nghĩ đó là câu đáng buồn nhất trong Kinh Thánh. Tôi đã nghe những bậc cha mẹ nói về con mình rằng: ước gì chúng tôi không có chúng. Đó là một điều kinh khủng, và Chúa nói: Tại sao Ta lại đặt loài người trên trái đất đó cơ chứ? Nó từng là một nơi tươi đẹp. Tại sao ta lại đi tạo ra con người và hủy hoại nó cơ chứ? Điều này truyền đạt tấm lòng của Ngài, cảm xúc của Ngài, rất nhiều và Ngài quyết tâm không dính dáng gì với chúng ta nữa, xóa sạch chúng khỏi đầu. Điều gì đã xảy ra khiến cảm xúc của Chúa khủng hoảng đến vậy?Chúng ta chỉ một phần câu chuyện trong Sáng Thế Ký.

Chúng ta biết nhiều hơn từ một cuốn sách được viết giữa Cựu và Tân Ước trong cái gọi là Các sách thứ kinh (Apocrypha), trong sách Hê-nóc (Enoch). Vì sách đó được trích dẫn trong Tân Ước

như là lẽ thật bởi Giu-đe và Phi-e-rơ, chúng ta có thể mặc định rằng sách đó là chính xác, mặc dù nó không nằm trong Lời Chúa. Nhưng đó là một ghi chép về lịch sử và thực ra sách đó cho chúng ta biết rằng khoảng hai, ba trăm thiên sứ tại vùng núi Hẹt-môn, được sai đến để trông nom dân sự Chúa, thực ra lại đem lòng yêu những người nữ, quan hệ với họ, quyến rũ họ, và khiến họ có mang, để họ sinh ra một giống con lai đáng sợ, ở đâu đó giữa con người và thiên sứ, không theo trật tự của Chúa. Điều đó được nhắc tới trong Sáng Thế Ký chương 6 - con trai Đức Chúa Trời thấy con gái loài người, thấy họ đẹp; và những đứa con lai được gọi là Nephilim, đôi khi được dịch là "những người khổng lồ" trong các bản dịch tiếng Việt. Chúng ta không biết nó nghĩa là gì; đó chỉ là một thuật ngữ mới cho một loại tạo vật mới. Rất lạ là Hollywood đã bắt kịp điều này, sản xuất những phim như Đứa con của Rosemary (Rosemary's Baby), tưởng tượng Sa-tan khiến một cô gái mang thai. Đây là một màn nhại đùa kinh khủng về việc nữ đồng trinh mang thai, khi Đức Thánh Linh giáng trên Ma-ri. Đó là một câu chuyện lạ và kỳ cục, nhưng thú vị ở chỗ, sự giao cấu khủng khiếp giữa các thiên sứ và con người (và nhân tiện, sự giao cấu giữa con người và loài vật là một việc ghê tởm đối với Chúa, kinh tởm đối với Ngài cũng giống như vậy, không phải điều mà Ngài đã định), sự kết hợp khủng khiếp đó là khởi đầu của thuyết huyền bí, vì những thiên sứ đó dạy tà thuật cho những người nữ, và chúng ta có thể tìm thấy dấu vết của thuyết huyền bí từ sự kiện khủng khiếp này. Kinh Thánh nói rằng ảnh hưởng tức thì của kiểu tình dục đồi bại này là bạo lực đầy dẫy đất - vì điều này kéo theo điều kia: đối xử với con người như một vật dụng, không phải như những con người. Bạo lực, như Kinh Thánh chép, đã đầy dẫy đất, và cuối cùng nó đạt tới một ngưỡng mà Chúa thấy rằng mọi ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn.

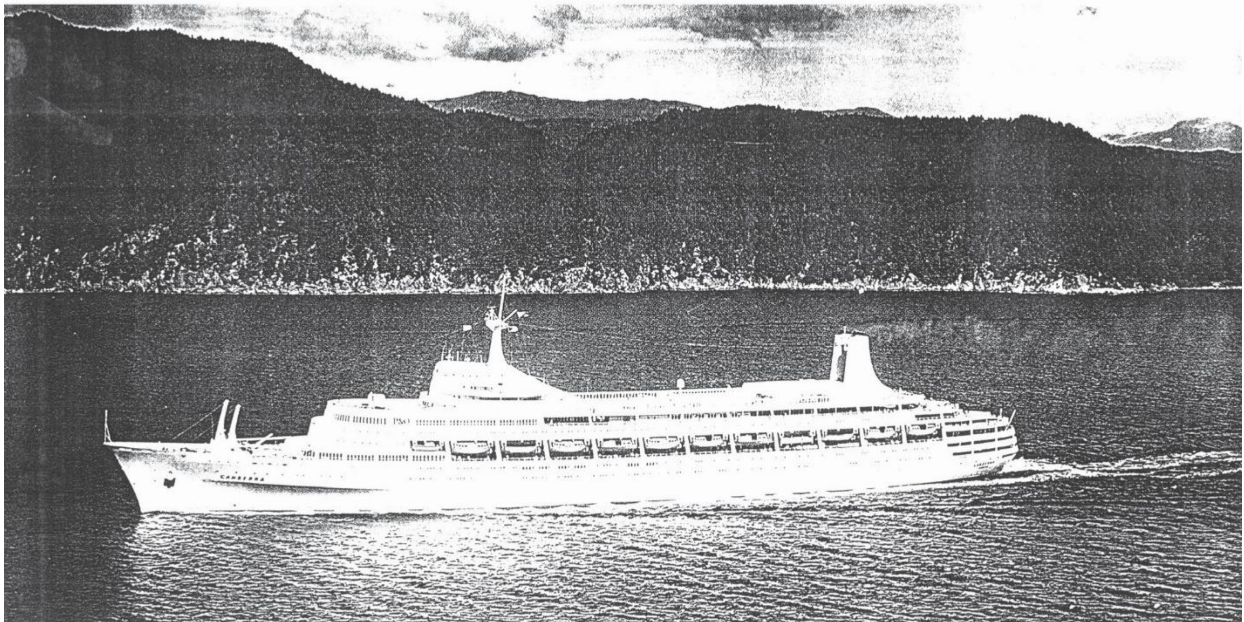
Thật là một khẳng định mạnh mẽ! *Mọi, chỉ là, luôn,* không thể nào diễn đạt điều này mạnh mẽ hơn nữa, và đây là những con người được dựng nên theo hình ảnh của Chúa. Bạn có thể tưởng tượng được là Ngài cảm thấy ra sao không? Và Ngài phán: vậy thôi; vậy là đủ rồi. Nhưng Đức Chúa Trời, Ngài rất kiên nhẫn, và Ngài đã cảnh báo rất rõ cho họ. Ngài có được một người nam tên là Hê-nóc - vị tiên tri đầu tiên rao truyền sứ điệp từ Đức Chúa Trời tới nhân loại - và sứ điệp đó là: Chúa chuẩn bị phán xét và Ngài sẽ xử lý mọi sự không tin kính. Hê-nóc, ở tuổi 65, sinh một người con, một con trai, và Chúa ban cho ông một cái tên để đặt cho cậu bé, và cậu bé được gọi là "Khi nó chết, điều đó sẽ xảy ra." Thật là một cái tên khác lạ cho một cậu bé! Bạn có thể tưởng tượng ra người giáo viên ở trường không? "Con ơi, tên con là gì?"

"Khi nó chết, điều đó sẽ xảy ra."
"Con đã làm bài tập chưa hả 'Khi nó chết, điều đó sẽ xảy ra'?"

Chỉ là, tất nhiên là "Khi nó chết, điều đó sẽ xảy ra" không phải bằng tiếng Việt mà bằng tiếng Semit. Bạn có biết trong tiếng Semit, nó là gì không? Mê-tu-sê-la; và Hê-nóc biết rằng khi con mình chết, Chúa sẽ phán xét thế gian. Thế nên Mê-tu-sê-la mới sống lâu hơn tất cả những người khác - vì Chúa rất kiên nhẫn. Điều đó không tuyệt vời sao? 969 năm sau, Mê-tu-sê-la qua đời, và vào ngày ông qua đời, trời bắt đầu đổ mưa. Mưa như trút nước. Những trận lụt. Chắt của Hê-nóc, cháu của Mê-tu-sê-la, là một cậu bé tên là Nô-ê. Ông cùng ba con trai của mình đã dành 12 tháng để đóng một cái bè lớn có mái che theo những đặc tả kỹ thuật của Chúa. Bạn biết câu chuyện đó.

Có một bức ảnh chụp từ bộ phim tên là *Khởi nguyên* (In the Beginning - the Bible) trong đó Charlton Heston đóng vai Nô-ê, và khi anh ta thổi chiếc sáo nhỏ và bước vào tàu thì mọi loài vật đi theo ông. Đó là điều thú vị nhất. Ngay lần đầu tiên, những con vật này cứ thế theo ông vào tàu và bạn sẽ thấy điều đó trong phim, nếu bạn từng xem nó.





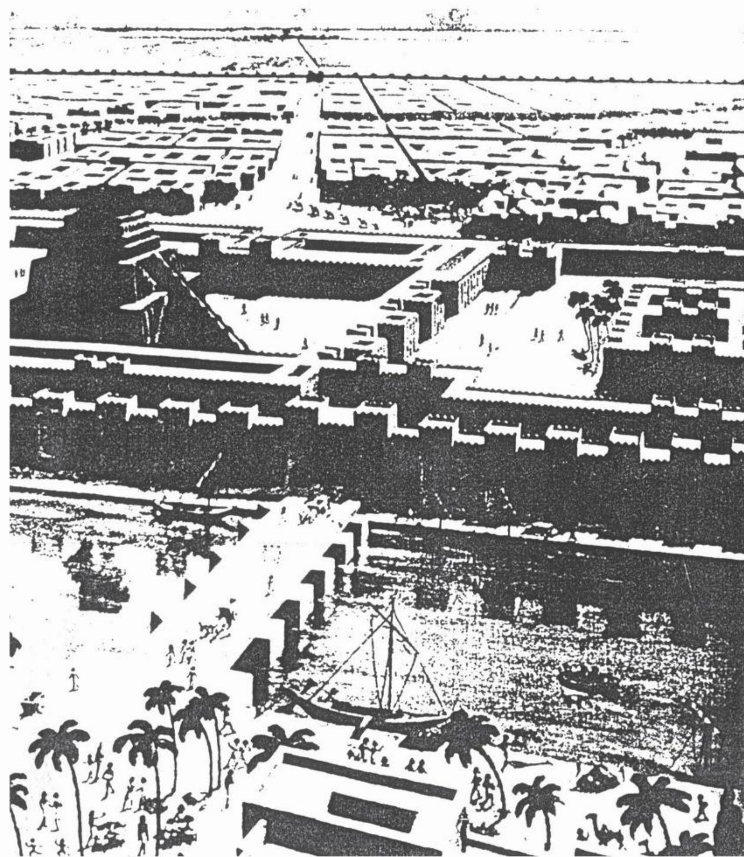
Hình ảnh từ bộ phim khởi nguyên và tàu SS Canberra

Một trong những tàu đi biển tốt nhất là tàu SS Canberra. Khi còn học đại học, năm 1950, tôi có anh bạn tên John, tôi học khoa học còn anh này học kiến trúc hàng hải, hay thiết kế tàu, và đó là công việc của cậu ấy. Tôi được biết đó là con tàu đầu tiên trong lịch sử từng được mô phỏng theo tỉ lệ của con tàu Nô-ê vì cậu ấy tranh luận rằng Đức Chúa Trời, Đấng biết những ứng suất và biến dạng của sóng biển, sẽ biết tỉ lệ hoàn hảo của sườn ngang tới chiều dài, nên cậu đã thiết kế nó theo tỉ lệ đó. Đó là một trong những con tàu tốt nhất từng được đóng ra. Tôi cho nó vào, nó cho thấy rằng Kinh Thánh là đúng đắn. Kinh Thánh có thể giúp bạn trong công việc kinh doanh *của bạn*.

Tôi đã kể cho bạn điều đã xảy ra trước Cơn Nước lụt, trừ việc có đúng một gia đình, một nhà giảng đạo, ba cậu con trai và ba cô con dâu, cùng vợ ông, và họ đều rao giảng và thực hành sự công chính. Họ sống theo nó, họ nói về nó và người ta cười nhạo họ. "Mấy người đóng tàu ở đây làm cái gì? Biển nào cũng cách đây nhiều cây số." "Biển sẽ đến với con tàu," Nô-ê nói vậy. Họ cười nhạo ông. Nhưng tám người đã được cứu khỏi Cơn Nước lụt đó. Sau Cơn Nước lụt, Chúa đã hứa rằng hễ còn trái đất thì Ngài sẽ không bao giờ làm như vậy nữa. Ngài cũng lập một giao ước, một lời hứa thiêng liêng với cả nhân loại, rằng Ngài không những không bao giờ hủy diệt loài người nữa, nhưng sẽ giúp đỡ loài người bằng cách cung cấp đủ thực phẩm, sẽ thấy mùa hạ, mùa đông, mùa xuân và mùa gặt hái đến cách đều đặn. Đó là lời hứa Chúa đã lập, và Chúa đặt cầu vồng trên trời.

Lý do là chúng ta cần hai điều để có sự sống trên đất - ánh sáng và nước, và khi chúng gặp nhau,

bạn sẽ thấy cầu vồng. Đó không phải là thứ nhắc chúng ta nhớ đến lời hứa của Chúa. Chúa phán: đó là thứ nhắc Ta nhớ đến lời hứa của Ta cho các con. Hơi giống với chiếc nhẫn cưới của Chúa trên bầu trời, thứ nhắc nhở Ngài thành tín với lời hứa của mình. Ngài đã giữ lời hứa đó, dù người ta muốn Ngài làm điều đó thêm lần nữa. Chúa, khi nào thì Ngài sẽ hủy diệt tất cả những kẻ ác trên thế giới, để chúng con có thể tận hưởng nó? Bạn có bao giờ nghe thấy người ta nói vậy, cứ như thể Chúa sẽ đến và hủy diệt tất cả những người khác, cứ như thể *chúng ta* vô tội không? Chúng ta luôn nghĩ như vậy, phải không? Nhân tiện, khi Chúa lập lời hứa đó, Ngài cũng đòi hỏi nơi chúng ta một điều, đó là coi sự sống con người là thiêng liêng, và vì thế phải hành hình để trừng phạt tội giết người.

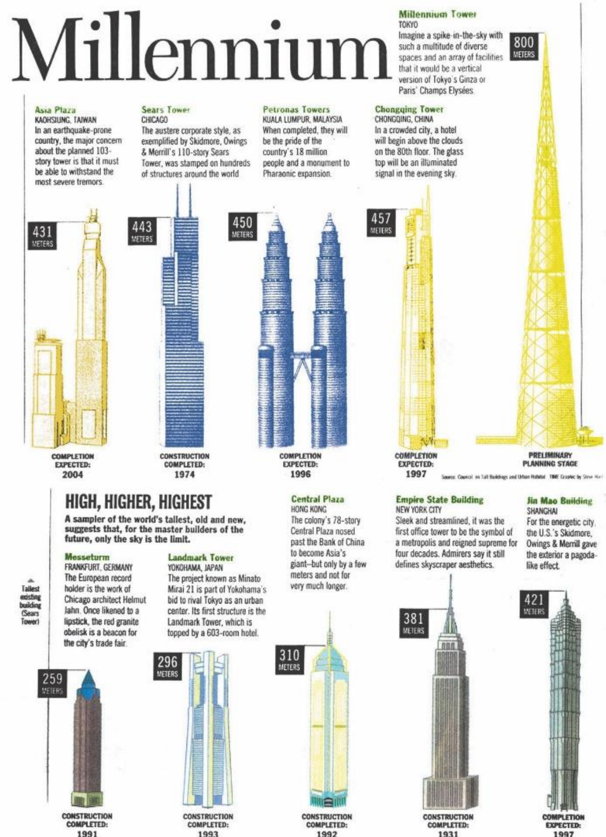

Ziggurat, những tòa tháp bằng gạch vĩ đại

Đó là một trong những điều mà Ngài đã đặt ra. Ngài phán: Ta sẽ giữ cho nhân loại được sống; mỗi năm ta sẽ ban cho các con mùa gặt và, dù có tin hay không, thì *mỗi năm* thế giới *đều* có đủ thực phẩm để nuôi sống số dân trên đó. Thực tế, trong năm xảy ra nạn đói tại Ethiopia và Sudan, thế giới có hơn 13% số ngô so với nhu cầu của chúng ta. Đó không phải là lỗi của Ngài, đó là lỗi của chúng ta. Chúng ta quá ích kỷ. Nên Ngài đã giữ lời hứa của Ngài, nhưng Ngài phán: giờ đây, các con phải coi sự sống là thiêng liêng; quá thiêng liêng tới mức nếu ai tước nó đi, thì người đó phải đền mạng. Tôi tin rằng nước Anh này ngừng áp dụng án tử hình vì chúng ta đã không còn coi sự sống là thiêng liêng. Tôi đã nói rằng điều tiếp theo sẽ là nạo phá thai, và đúng như vậy.

Chúa đã lập giao ước với toàn nhân loại. Biến cố tiếp theo có ảnh hưởng sâu sắc đến Chúa là Ba-bên. Có một người tên Nim-rốt là một tay thợ săn khỏe mạnh, nhưng ông ta săn cả người lẫn thú. Ông ta cũng là một người ủng hộ chiến tranh, một kẻ xâm lược, và ông ta có tham vọng; tham vọng để loài người xây một tòa tháp vươn tới tận trời, để thách thức thiên đàng - để làm, theo Kinh Thánh chép, cho rạng *danh*, xây dựng thanh danh. Chúng

ta không biết là vào thời đó, những tòa tháp trông như thế nào. Chúng được gọi là Ziggurat, những tòa tháp bằng gạch vĩ đại. Chúng không được làm bằng đá - vì ở vùng đó không có đá, chỉ có đất sét, nhưng là những tòa tháp vĩ đại với những bậc thang cứ thế cao lên, cao lên. Trên đỉnh tháp thường có dấu hiệu của chiêm tinh học. Nhưng không hẳn là để thờ cúng các ngôi sao mà Nim-rốt xây tòa tháp đó, mà chủ yếu để thể hiện quyền lực và sự vĩ đại của chính ông ta.

Nhiều tòa nhà rất cao đã được xây dựng trong thời hiện đại và bạn thật sự kinh ngạc về sự cao ngạo, trơ tráo và tự tin thái quá của con người, nói rằng: chúng ta có thể xây một tòa tháp cao hơn tất cả mọi người. Chúng ta cứ tiếp tục trong sự cao ngạo của con người, xây những tượng đài cho chính mình - và sau đó chỉ là sự vô thần. Tháp Ba-bên đã xúc phạm nhiều tới Chúa và Ngài nói: Nếu ta cứ để chúng xây cho mình như vậy, không biết bao giờ nó sẽ chấm dứt. Đó là lần đầu tiên Chúa ban ân tứ nói tiếng lạ, và thực ra Ngài đã ban cho họ những ngôn ngữ khác nhau để họ bối rối và không thể hiểu nhau; và từ đó trở đi, nhân loại bị tản ra.



Những tòa nhà được xây rất cao trong thời hiện đại

Tôi sẽ không diễn giải tất cả những câu chuyện này. Bạn hãy tự đọc chúng, tôi chỉ đưa cho bạn chìa khóa để giải mã mà thôi. Bạn có thể thấy Sự Sa ngã của A-đam lan rộng ra sao, ảnh hưởng đến quá nhiều lĩnh vực trong cuộc sống, và cứ tiếp diễn như vậy. Vẫn có sự cao ngạo của con người. “Chúng ta có thể làm tất cả những điều này mà không có Chúa; chúng ta có quyền tối cao.” Chúng ta thấy hai điều qua những chương này. Một mặt, chúng ta thấy sự công bình của Chúa. Ngài luôn xử lý tình huống, Ngài luôn trừng phạt. Ngài phải làm như vậy nếu Ngài là một Đức Chúa Trời tốt lành, công bình, công bằng. Ngài đã trừng phạt A-đam và Ê-va, Ngài đã trừng phạt Ca-in, ông trở thành kẻ lang thang phiêu bạt, một kẻ tị nạn, dễ bị tổn thương, không thể tự vệ, sợ bị giết hại. Ngài trừng phạt thế hệ của Hê-nóc - không phải chính Hê-nóc, nhưng thế hệ đó, và chúng ta cần nhớ rằng Chúa có thể xóa sạch loài người vào bất cứ lúc nào, và đến một ngày, ở thời kỳ cuối cùng, Ngài sẽ làm như vậy. Vì Chúa Giê-su phán rằng: “Như trong thời Nô-ê thể nào thì lúc Con Người đến cũng thể ấy.” Chỉ một lần nữa thôi, cơn giận của Chúa sẽ sục sôi. Nên chúng ta cũng thấy sự công bình của Ngài tại Ba-bên.

Nhưng cùng với sự công bình của Ngài, bạn cũng thấy sự thương xót Ngài. Đó là một điều tuyệt vời. Ngay cả với A-đam và Ê-va, Ngài đã kết áo cho họ để giấu đi nỗi nhục nhã của họ. Ngay cả với Ca-in, Ngài đánh dấu trên ông để ông không bị giết hại, và trên hết, Ngài để dòng dõi thánh của Sết tiếp nối xuyên suốt những chương này. Có những con người tin kính, Nô-ê và gia đình ông nằm trong số đó, và họ kêu cầu danh Chúa, và qua họ, Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc thế giới.

Chúng ta thấy sự công bình và lòng thương xót của Chúa song hành với nhau. Nhưng chúng mâu thuẫn với nhau. Chúa sẽ phản ứng ra sao khi dân Ngài nổi lên chống lại Ngài? Bằng sự công bình hay lòng thương xót? Mâu thuẫn đó trải khắp Cựu Ước. Nó chỉ được giải quyết nơi Thập tự giá. Có bài thánh ca: ‘Nơi chân thập tự giá muôn đời, nơi tôi nương dựa thỏa vui, lòng luôn rung cảm xuyến xao,” và có câu: “nơi công bình và thương xót thiên đàng gặp nhau.” Đó là khi mọi sự được giải quyết.

GENESIS 1-11 & CHINESE WRITING

CREATE: = mud = life, motion = walking
DEVIL: = man, son = garden = secret, private
TEMPTER: 'devil' + = two trees = cover
BOAT: = container = eight = mouth, person

Tôi muốn khép lại phần học này của chúng ta theo một cách khá thú vị. Trong những người bị tản ra ở Ba-bên, có một nhóm người trèo qua các ngọn núi, đi sang phía đông và tiếp tục qua hết dãy núi này đến dãy núi khác và định cư khi gặp biển. Họ trở thành Trung Hoa, một quốc gia hùng mạnh, và văn hóa Trung Hoa bắt nguồn từ chính thời đó, và họ rời đi trước khi bảng chữ cái thay thế ngôn ngữ tượng hình của Ai Cập cổ đại, Chữ hình nêm (Cuneiform). Mọi ngôn ngữ đều ở dạng tượng hình cho đến thời Ba-bên. Thứ tiếng mà họ mang đến Trung Quốc, họ viết ra ở dạng tượng hình, và điều thú vị là đây: trong tiếng Trung, bạn có thể dựng lại toàn bộ câu chuyện từ Sáng Thế Ký 1 đến Sáng Thế Ký 11 từ những hình ảnh trong ngôn ngữ của họ.

Thực tế, các giáo sĩ có thể đến Trung Quốc và nói: mười một chương đầu của Kinh Thánh có trong ngôn ngữ của các anh. Các anh mang ký ức về mọi sự kiện đó từ Ba-bên, và chúng tôi đến để kể cho các anh phần còn lại của câu chuyện. Một người ở Trung Quốc đã nói với tôi điều này, từ “sáng tạo” của họ gồm những hình ảnh của bùn, sự sống hay chuyển động, và ai đó bước đi. Từ “ma quỷ” của họ gồm một người, một người nam hoặc một con trai, hình ảnh một khu vườn; hình ảnh về bí mật - nên ma quỷ là một người bí mật trong vườn. Từ “kẻ cám dỗ” của họ gồm từ “ma quỷ” cộng với hai cái cây và hình ảnh về chỗ ẩn núp. Từ “thuyền” của họ gồm vật chứa, miệng và tám, nên một con thuyền trong tiếng Trung là vật chứa tám người. Chúng ta có thể tiếp tục như vậy. Bạn có thể dựng lại toàn bộ Sáng Thế Ký 1-11 từ ngôn ngữ tượng hình của Trung Quốc, và ở nơi đầu tiên mà họ đến, họ tin vào chỉ một Đức Chúa Trời, Đấng dựng nên trời và đất. Chỉ sau khi có Khổng Tử và Đức Phật, họ mới sa vào thờ thần thượng. Nên tiếng Trung là một *sự chứng thực độc lập từ bên ngoài Kinh Thánh* rằng những điều này đã xảy ra và được lấy từ ký ức của những người bị tản ra tại Ba-bên và định cư tại Trung Quốc. Chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao?

SÁNG THẾ KÝ - Phần 5 - Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp

Có sợi chỉ đôi chạy xuyên suốt Cựu Ước và cần được giải thích. Một bên, Cựu Ước khẳng định rằng Đức Chúa Trời của người Do Thái là Đức Chúa Trời của cả vũ trụ. Trong những ngày đó, mọi dân tộc đều có thần riêng của họ, Ba-anh, Isis, Moloch hay bất cứ ai, nên tôn giáo đặc biệt mang tính dân tộc và vì vậy, mọi cuộc chiến tranh đều mang tính tôn giáo - giữa thần này và thần khác, hoặc giữa dân của thần này và dân của thần khác. Vì vậy, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, gọi là Yahweh, hay Đấng Hằng hữu (Being hay Always) được những quốc gia khác coi là Chúa của dân tộc Y-sơ-ra-ên; và vì mọi dân tộc đều có thần của họ nên điều đó cũng dễ hiểu. Nhưng chính Y-sơ-ra-ên đã khẳng định rằng Chúa của họ là Chúa trên muôn Chúa - và cụm từ đó được sử dụng trong Cựu Ước. Họ còn nhấn mạnh thêm và nói: Chúa của họ là Đức Chúa Trời duy nhất thực sự tồn tại; mọi thần khác là sản phẩm của trí tưởng tượng con người. Rồi họ còn nhấn mạnh thêm nữa và nói: Chính Đức Chúa Trời của chúng tôi là Đấng không chỉ tạo dựng mà còn duy trì cả cõi vũ trụ. Tất nhiên là những khẳng định như vậy cực kỳ xúc phạm, và bạn sẽ thấy những khẳng định này trong Ê-sai, đặc biệt là chương 40 cũng như trong sách Gióp và nhiều Thi Thiên.

Đó là một bên của sợi chỉ đôi xuyên suốt Cựu Ước: rằng Chúa của người Do Thái thực chất là Chúa của cả vũ trụ. Bên kia của nó là Chúa của cả vũ trụ là Chúa của người Do Thái, và họ thực sự khẳng định rằng Đấng Tạo dựng mọi điều hiện có - những ngôi sao xa xôi treo trong không gian - đã thực sự tạo một mối quan hệ rất cá nhân và thân mật với một nhóm người nhỏ trên đất; rằng Chúa của vũ trụ đã trở nên Chúa của người Do Thái. Thực tế, Ngài đã gắn chính danh Ngài với một gia đình trên đất, một người ông, một người cha và một người con; giờ đây, Chúa của cả cõi vũ trụ gọi chính Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Bạn có thể tưởng tượng được những dân tộc khác phản ứng thế nào không? Đó là một khẳng định hai chiều đáng kinh ngạc, rằng Chúa của người Do Thái là Chúa của cả vũ trụ, và Chúa của cả vũ trụ đặc biệt là Chúa của người Do Thái. Điều này được giải thích trong Sáng Thế Ký, và nếu không có Sáng Thế Ký, bạn sẽ không có nền tảng nào cho khẳng định đáng chú ý này.

Như tôi đã nói trước đó, nếu bạn chỉ có một cuốn Kinh Thánh bắt đầu từ Xuất Ê-díp-tô Ký, bạn sẽ nghĩ rằng: nó chỉ nói về Chúa của người Do Thái. Nhưng Sáng Thế Ký nói rằng: không, chính Chúa của cả vũ trụ đã trở thành Chúa của người Do Thái và không hổ thẹn khi gắn chính danh Ngài với chỉ ba người nam thuộc dân tộc nhỏ bé đó. Hãy nhớ rằng Sáng Thế Ký thực ra bao trùm khoảng thời gian dài hơn so với toàn bộ những phần còn lại của Kinh Thánh cộng lại.

Từ Xuất Ê-díp-tô Ký đến phần cuối cùng của Khải huyền bao trùm khoảng 1500 năm, một thiên niên kỷ rưỡi, trong khi Sáng Thế Ký bao trùm toàn bộ lịch sử của thế giới từ ban đầu đến tận thời Giô-sép, là khoảng thời gian dài hơn nhiều, nên khi đọc Kinh Thánh, bạn nhận ra rằng trong Sáng Thế Ký, thời gian đã được dồn lại cực kỳ nhiều. Nó bao trùm nhiều thế kỷ; và khi so sánh với toàn bộ phần còn lại của Kinh Thánh thì đó là một thời kỳ dài hơn. Rồi khi bạn nhìn vào chính Sáng Thế Ký, bạn thấy một tỷ lệ không gian rất lạ được dành cho những phần khác nhau của lịch sử. Chương 1-11 tạo nên một phần tư của sách, một phần khá ngắn, nhưng bao trùm một khoảng thời gian rất dài - nhiều thế kỷ - và cũng nói về nhiều người, thậm chí là nhiều dân tộc. Nhưng nửa sau của Sáng Thế Ký, chương 12-50 mà chúng ta đang xem xét, là một phần dài hơn nhiều. Nó lớn gấp ba lần chương 1-11, chiếm ba phần tư của sách, nhưng chỉ bao trùm một số năm, một khoảng thời gian rất ngắn, và nó chỉ nói đến một vài người, thực ra là một gia đình và chỉ bốn thế hệ của gia đình đó. Ở đây có sự thiếu cân xứng rất lớn, nếu nó khẳng định là lịch sử thế giới của chúng ta, nhưng nó khá có chủ đích,

và chính tỷ lệ đó có thông điệp của nó.

OUTLINE OF GENESIS

1-11	12-50
Short section (1/4)	Long section (3/4)
Long Period (centuries)	Short period (years)
Many people (nations)	Few people (family)
1-2 GOOD CREATOR	12-36 GOD OF ABRAHAM v. LOT
DIVINE ACTIONS	ISAAC v. ISHMAEL
HUMAN RELATIONS	JACOB v. ESAU
3-11 BAD CREATURES	37-50 JOSEPH OF GOD
FALL	DOWN TO PRISONER
FALL OUT	UP TO PREMIER

Nên có sự chậm lại của lịch sử trong Sáng Thế Ký. Chúa phóng to từ cả thế giới và mọi người tronsg đó tới một gia đình, và điều đó rất có chủ đích vì chúng ta đang nhìn vào lịch sử từ góc nhìn của Chúa. Chúa bắt đầu bằng cách nói đến cả nhân loại và toàn bộ lịch sử, nhưng rồi Ngài tập trung, Ngài phóng to gia đình này ra như thể họ là gia đình quan trọng nhất từng sống trên đời - và xét ở một khía cạnh thì đúng là như vậy. Họ thuộc dòng dõi rất đặc biệt từ Sết, những người cầu khẩn danh Chúa. Những người cầu khẩn danh Ngài ở trong tâm trí Ngài - trong mắt Ngài - quan trọng hơn mọi người khác vì qua họ, Chúa có thể hoàn thành những kế hoạch và mục đích của Ngài. Nên chúng ta mới có tỷ lệ kỳ lạ này.

Bạn thấy đó, Kinh Thánh không phải là câu trả lời của Chúa cho những vấn đề *của chúng ta*, đó là câu trả lời của Chúa cho vấn đề của Chúa. Tôi ước rằng nhiều người nhận ra điều này. Họ hay trình bày Phúc âm như câu trả lời của Chúa cho những nhu cầu của chúng ta: Bạn cô đơn ư? Bạn không hạnh phúc ư? Đời sống bạn không có mục đích ư? - Chúa Giê-su có thể đáp ứng nhu cầu của bạn. Bạn đã nghe thấy người ta giảng kiểu đó, nhưng thực ra Kinh Thánh hoàn toàn không phải là về nhu cầu *của chúng ta*. Nó nói về vấn đề của Chúa, và vấn đề của Chúa là phải làm sao với một giống loài không muốn biết mình, yêu mình hay vâng phục mình. Ngài phải làm gì đây? Đó là vấn đề của Ngài và một giải pháp cho vấn đề đó là xóa sạch chúng và bắt đầu lại từ đầu. Ngài đã thử làm như vậy, nhưng trong bài học trước, tôi không nhắc đến việc khi Nô-ê ra khỏi tàu, một trong những điều đầu tiên mà ông làm là say xỉn và cởi hết quần áo ra, và từ đó, toàn bộ câu chuyện đáng buồn, nhơ nhớp bắt đầu lại từ đầu. Nên ngay cả Nô-ê và gia đình ông cũng không ổn, nên Chúa phải tính kế khác, nhưng Ngài đã biết mình sẽ làm gì để cứu nhân loại khỏi chính họ, nhưng đúng hơn là để giải quyết vấn đề của Ngài.

Nếu ai hỏi tôi rằng: "Tại sao Chúa lại sáng tạo nên loài người?" thì tôi sẽ trả lời một cách rất đơn giản: Ngài đã có một con trai và Ngài ưa thích con trai đó quá đỗi, đến nỗi Ngài muốn có một gia đình đông con hơn. Tôi không thể nào diễn đạt điều này rõ ràng hơn thế. Thế nên tôi và bạn mới ở đây - vì Chúa không chỉ muốn có một người con trai, Ngài muốn có một gia đình đông con hơn và Ngài sáng tạo nên chúng ta để làm như vậy. Nhưng bi kịch ở chỗ, cuối cùng Ngài phải nói rằng: Ước gì chúng ta không có những đứa này. Vậy Ngài sẽ làm gì đây? Ngài đã biết, và với Áp-ra-ham, Ngài

bắt đầu giải quyết vấn đề *của Ngài:* phải làm gì với một nhân loại đầy nổi loạn? Ngài chọn làm điều đó qua một phần cụ thể của nhân loại và các triết gia gọi đó là "bê bối của sự cá biệt" (scandal of particularity). Thật là một cụm từ hay! Nhưng tôi muốn giải thích điều này, nó rất quan trọng. Bê bối của sự Cá biệt là, tại sao Chúa lại chỉ xoay quanh người Do Thái? Tại sao Ngài lại không cứu người Trung qua người Trung, người Mỹ qua người Mỹ, người Anh qua người Anh? Đối với chúng ta thì thật xúc phạm khi Ngài chọn giải quyết vấn đề của Ngài qua người Do Thái. Có hai nhà thơ, một ông tên William Norman Ewer và ông kia tên Cecil Brown. Cả hai người đều viết những bài thơ rất ngắn. William Norman Ewer, qua đời năm 1976, đã viết bài thơ này:

Chúa thật là chuối, khi khoái Do Thái (chọn người Do Thái)

Thơ thú vị thật, và tất nhiên nó là một trong những bài thơ được trích dẫn nhiều nhất mọi thời đại. Rồi đến Cecil Brown, ông quyết định viết câu thứ hai và câu thứ hai của ông như sau:

Nhưng chuối sao bằng,
Những người đi khoái (chọn),
Chúa người Do Thái,
Mà bài (bài trừ) Do Thái.

Hai câu thơ đó tóm lược lại "bê bối của sự cá biệt." Vợ chồng tôi có ba đứa con và khi tôi mang kẹo đến cho chúng, tôi có thể chọn một trong hai điều sau: Tôi có thể mang một túi kẹo, đưa nó cho một đứa rồi nói: con chia cho anh chị nữa nhé, hoặc tôi có thể mang ba thanh sô-cô-la ra và cho mỗi đứa một cái. Theo bạn thì cách nào khiến nhà cửa yên bình hơn? Đưa cho mỗi đứa vài cái kẹo thì dễ dàng hơn nhiều, nhưng chúng ta lại muốn tạo ra một gia đình, và nếu bạn định làm như vậy thì bạn phải đưa hết kẹo cho một đứa, để nó chia cho những đứa khác. Đó là cách của Chúa. Chúa không sai Con Ngài đến làm một người Mỹ, một người Trung, một người Ấn hay bất cứ người nào, Ngài lại chọn người Do Thái. Ngài sai Con Ngài đến làm người Do Thái và Chúa Giê-su vẫn là một người Do Thái, và Ngài phán với người Do Thái rằng: giờ con đi chia sẻ điều đó với những dân khác nhé! Ngài đã chọn cứu chúng ta theo cách đó, và ấy là lựa chọn của Ngài. Bạn có thể tranh luận về điều đó, nhưng Chúa *đã* chọn như vậy, thế nên Ngài mới gọi mình là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

Chương 12-50, về cơ bản, là những câu chuyện của vẻn vẹn bốn người đàn ông, nhưng ba trong số đó được xếp với nhau, người còn lại thì khác. Ở đây, chúng ta chỉ xét đến ba thế hệ, sau đó mới xét đến thế hệ thứ tư. Người này thì khác, Chúa không bao giờ gọi chính Ngài là Đức Chúa Trời của Giô-sép. Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, chỉ ba thế hệ, và chúng ta phải hỏi tại sao. Khi chúng ta nghiên cứu câu chuyện của ba người này, chúng ta sẽ thấy rằng có một sự trái ngược hoặc tương phản giữa những người này và một trong những người bà con của họ. Trái ngược với Áp-ra-ham là Lót, cháu ông; trái ngược với Y-sác là Ích-ma-ên, người anh cùng cha khác mẹ; trái ngược với Gia-cốp là Ê-sau, người anh sinh đôi. Bạn để ý thấy những mối quan hệ này dường như ngày càng gần gũi hơn từ cháu ruột, đến người anh cùng cha khác mẹ đến người anh sinh đôi, và Chúa lại chỉ ra rằng vẫn có hai dòng dõi xuyên suốt lịch sử loài người và hoàn toàn trái ngược nhau. Những câu chuyện mời gọi bạn xếp mình vào một trong hai dòng dõi đó. Bạn là một Gia-cốp-hay một Ê-sau? Bạn là một Ích-ma-ên hay Y-sác? Bạn là một Áp-ra-ham hay Lót? Khi bạn đọc qua những chương này, bạn nên hỏi mình câu hỏi đó. Bạn thuộc loại nào? Bạn xếp mình vào đâu?

Nên về cơ bản, đó là câu chuyện của bốn người. Có những phản đối đến từ những người không

muốn tin vào những chương này - họ nói rằng chúng chỉ là những câu chuyện dân gian; rằng có thể có yếu tố thật trong đó, nhưng chúng chỉ là những truyền thuyết được dựng nên quanh những người này. Tôi không hiểu tại sao người ta lại phản đối như vậy. Vì một lẽ, kiểu tiểu thuyết như vậy là một dạng văn học mới xuất hiện. Người ta hoàn toàn không biết đến tiểu thuyết trong thời Áp-ra-ham. Không ai viết những câu chuyện hư cấu. Truyện hư cấu không có ở đó. Họ viết những gì đã xảy ra, họ không kéo căng trí tưởng tượng của mình, lại càng không tham gia vào một kiểu kết hợp giữa thực tế và hư cấu, như nhiều bộ phim truyền hình.

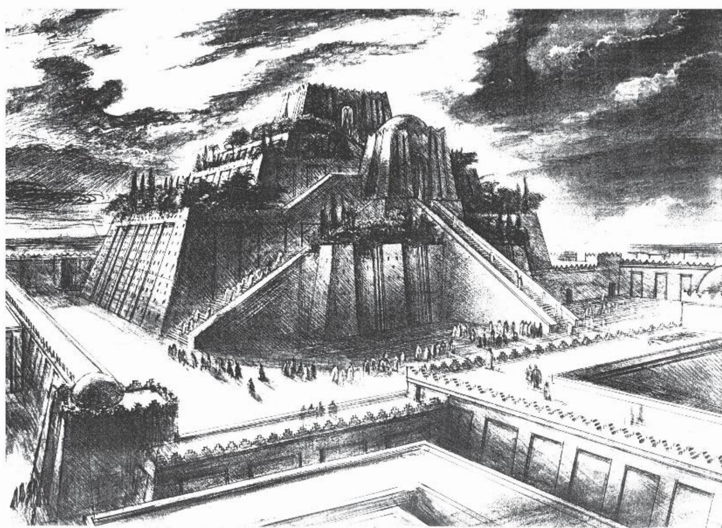
Một trong những điều cho tôi biết rằng những câu chuyện này là thật vì trong đó không có những phép lạ. Bạn có thể nghĩ rằng nếu người ta muốn bịa ra những câu chuyện về những con người vĩ đại của Đức Chúa Trời, thì họ sẽ cho vào đó đủ loại phép lạ. Bạn có để ý rằng hầu như không có phép lạ nào trong Sáng Thế Ký, tuy có hàng chục phép lạ trong Xuất Ê-díp-tô Ký không? Truyền thuyết thường đầy những điều kỳ diệu hoặc lạ lùng. Những câu chuyện này không có cái đó. Hơn nữa, không ai tìm được một thứ gì không hợp thời (anachronism) trong những câu chuyện này. Ý tôi là, nếu Sáng Thế Ký nói rằng Áp-ra-ham nhấc điện loại lên và liên lạc với Y-sác thì đó là điều không hợp thời, bạn sẽ biết ngay đó là giả vì thời đó làm gì có điện thoại. Nên nếu bạn thấy Sáng Thế Ký nhắc đến một chiếc điện thoại hay máy fax thì bạn sẽ nghi ngờ ngay. Nhưng thực tế, những chi tiết văn hóa xuất hiện trong những câu chuyện này, khảo cổ học đã cho thấy rằng chúng hoàn toàn đúng với thời đại mà họ sống. Nên tôi thật sự tin rằng không có bất cứ lý do gì để nghi ngờ tính trung thực của những sự kiện này.

Có một đặc điểm không thể giải thích theo lẽ tự nhiên là ở đây, các thiên sứ đóng vai trò khá quan trọng - nhưng họ xuất hiện xuyên suốt Kinh Thánh, nhất là vào thời Chúa Giê-su thực hiện chức vụ trên đất, thậm chí còn xuất hiện nhiều hơn trong sách Khải huyền, nên nếu bạn có vấn đề với các thiên sứ thì bạn có vấn đề với cả Kinh Thánh. Ngoài việc đó ra thì những câu chuyện này cực kỳ bình thường. Chúng nói đến những người nam, người nữ bình thường được sinh ra, đem lòng yêu nhau, cưới gả, sinh con và qua đời. Có gì mà khó tin? Họ nuôi chiên, dê, gia súc và trồng trọt vài loại cây, có vấn đề gì không? Họ bất đồng, họ cãi nhau, họ đánh nhau, có gì mới không? Họ dựng lều, họ lập những bàn thờ và họ thờ phượng Chúa. Tất cả những điều này đều hoàn toàn nằm trong chuỗi trải nghiệm bình thường của con người. Vậy những câu chuyện này có gì khác biệt? Câu trả lời là Chúa trò chuyện với họ và họ trò chuyện với Ngài; hai bên có những cuộc đối thoại. Đức Chúa Trời của cả vũ trụ làm bạn với một người tên Áp-ra-ham. Thật là một tấm văn bia tuyệt vời. Bạn có muốn bia mộ của mình khắc dòng đó không - bạn của Đức Chúa Trời? Chính Chúa đã gọi ông như vậy: đó là Áp-ra-ham, bạn ta. Điều đó thật đặc biệt phải không? Có bê bối của sự cá biệt. Người ta không thể hiểu một vị Chúa lại đi làm bạn với những con người. Không, họ cảm thấy điều đó có vẻ không đúng, nhưng đó lại đúng là những gì xảy ra ở đây.

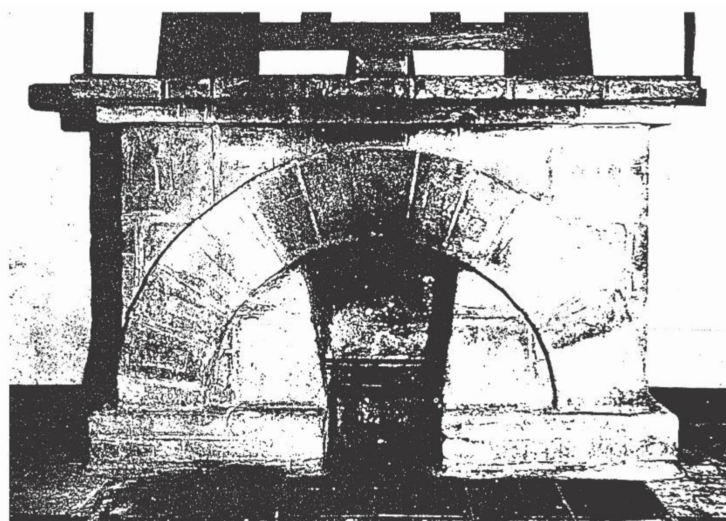
Câu hỏi đáng chú ý là: sao Chúa lại chọn gọi chính Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp? Tại sao Ngài lại gắn chính danh Ngài với họ? Họ có gì đặc biệt đến thế? Đó là câu hỏi mà người ta đã đặt ra kể từ đó: Người Do Thái có gì đặc biệt đến thế? Tại sao họ lại là dân tuyển mà không phải chúng ta? Hoặc đó là ngụ ý của họ khi nói: "Tại sao họ lại là dân tuyển?" Gần như bạn có thể nghe thấy họ nói thầm rằng: mà không phải chúng ta, vì chúng ta quan trọng hơn, tài năng hơn họ nhiều, hay đại loại thế. Không phải như vậy. Nhưng câu trả lời nằm trong *sự lựa chọn tối cao* của Chúa. Không phải sự lựa chọn tùy ý, nhưng là sự lựa chọn *tối cao*. Có một điều khá rõ ràng là ba người này không có đặc quyền *tự nhiên* đối với Chúa. Chúa tự do thiết lập mối quan hệ với họ; họ không thể nói rằng: "Chúng tôi có đặc quyền với mối quan hệ đó," và thực ra, trong mỗi thế hệ, thật

thú vị khi người con *thường* được hưởng quyền thừa kế từ cha lại không được hưởng, vì vào thời đó, đứa con cả sẽ thừa kế công việc kinh doanh và tài sản của gia đình. Nhưng trong mỗi thế hệ, Chúa lại không chọn đứa con cả, mà lại chọn đứa em. Ngài chọn Y-sác, chứ không phải Ích-ma-ên; Ngài chọn Gia-cốp chứ không phải Ê-sau. Ngài muốn nói rằng: "Không ai có đặc quyền *tự nhiên* đối với tình yêu của ta, chỉ là ta ban tình yêu cho các con mà thôi." Nên đó không phải là vấn đề thừa kế trực tiếp của người con cả. Y-sác và Gia-cốp đều không phải con đầu lòng, và điều họ được thừa kế luôn là món quà miễn phí. Nên họ không có đặc quyền tự nhiên. Thú vị hơn là thực chất, không người nào trong đây có đặc quyền *về đạo đức* với Chúa. Trong ba người, không ai có thể khẳng định rằng mình tốt hơn mọi người khác. Thực tế, Kinh Thánh là một cuốn sách rất chân thực và nói với chúng ta rằng cả ba người bọn họ đều là những kẻ nói dối. Cả ba người bọn họ! Kinh Thánh không cho chúng ta những hình ảnh tô hồng của ba vị thánh đồ vĩ đại. Kinh Thánh cho chúng ta một hình ảnh về những con người rất bình thường như chúng ta, họ cũng có những điểm yếu. Cả Áp-ra-ham và Y-sác đều nói dối trắng trợn về chính vợ mình để bảo toàn tính mạng của họ. Thế họ có điều gì mà những người khác không có - tại sao Chúa lại chọn họ? Và Gia-cốp là người tệ nhất trong ba người. Chẳng ai trong chúng ta muốn có một người bà con như Gia-cốp. Bạn sẽ sợ chết khiếp, không biết chuyện gì sẽ xảy ra với tiền bạc hay bất cứ thứ gì của bạn. Ông là một kẻ gian giảo; nhưng hãy nhớ rằng ông cũng đã lãnh hậu quả. Tôi không thể đọc câu này trong Kinh Thánh mà không cười khúc khích: "Sáng hôm sau Gia-cốp mới biết đó là Lê-a." Bạn biết câu chuyện này, đúng không? Đó là buổi sáng đầu tiên của tuần trăng mật và ông thốt lên: "Ôi" và ông vớ phải cô chị xấu xí, vì ông đi ngủ khi đã tối trời còn cô vợ thì phải che mặt suốt cả lễ cưới, và ông đã làm việc suốt bảy năm trời để lấy được cô em xinh đẹp, thế mà ông bố vợ lại dúi cho ông cô chị xấu xí. Chuyện này mà xảy ra với bạn thì chắc bạn không cười đâu, nhưng nó mà xảy ra với anh bạn tốt nhất của bạn, chà - thì bạn sẽ hiểu sự hài hước của Kinh Thánh, nhỉ! Nhưng bài học đằng sau câu đó rất sâu sắc. "Ai gieo giống gì, sẽ gặt giống ấy." Người này đã lừa chính người cha già cả, mù lòa của mình và giờ đây, có người đang lừa anh ta. Anh ta không thể oán trách gì, đúng không? Gậy ông đập lưng ông.

Đây là những con người rất người - họ có những điểm yếu, họ có những lỗi lầm, họ làm điều sai trái, và cũng làm một số điều đúng đắn. Vậy sao Chúa lại nói: "Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp"? Chúng ta phải nghiên cứu những chương này để biết một điều nữa. Họ đều có hai vợ, thậm chí nhiều vợ. Thế thì họ có điều gì? Câu trả lời là có một điểm đặc biệt ở ba người này. Một điều rất đơn giản: đức tin. Những người này tin vào Chúa và Chúa có thể làm những điều kỳ diệu khi một người có lòng tin. Chúa thà có một người tin Ngài hơn là một người tốt; thực ra, Ngài còn nói với Áp-ra-ham rằng đức tin của ông được ghi trong sổ của Chúa là công bình. Ông *được kể* là công bình. Điều tuyệt vời nhất mà bạn có thể làm là tin vào Đức Chúa Trời. Người ta đã hỏi Chúa Giê-su rằng chúng con phải làm gì, để làm theo ý muốn của Chúa; Chúa muốn chúng con làm gì? Chúa Giê-su trả lời khá rõ ràng. Ngài phán: "Hãy tin và Đấng mà Ngài đã sai xuống." Chỉ vậy thôi. Đức tin là khởi đầu cho một đời sống tốt lành. Bạn có thể làm nhiều việc lành, nhưng nếu bạn không phải là một người tin Chúa thì nó sẽ dẫn bạn đến đâu? Chúa kể cho đức tin của Áp-ra-ham là công bình, và Y-sác có cùng đức tin như vậy, và Gia-cốp cũng có đứa tin này - theo những cách khác nhau, vì họ là những người khác nhau, với tính cách khác nhau, tính khí khác nhau. Nhưng một điểm chung là họ đều có đức tin.



Một tòa tháp ziggurat ở U-rơ



Một lò sưởi điển hình trong những căn nhà ở U-rơ

Áp-ra-ham thể hiện đức tin khi rời U-rơ, xứ Canh-đê. Ở đó có một ziggurat lớn - một tòa tháp vươn tới tận trời - tại nơi Áp-ra-ham cư ngụ. Đó là một nơi rất ấn tượng, U-rơ. Có những cái lò sưởi điển hình trong những căn nhà tại U-rơ trong thời Áp-ra-ham. Bạn có tin vào điều đó không? Đó là một thành phố rất cầu kỳ và văn hóa - cực kỳ tân tiến so với thời đó. Chúa phán với một người đang ngồi cạnh một chiếc lò sưởi như vậy rằng: Ta muốn con sống trong một túp lều trong suốt phần đời còn lại của con. Mà người đó đã 75 tuổi rồi. Bạn có rời một chiếc lò sưởi như vậy để sống trong một túp lều ở tít trên núi, nơi có mùa đông lạnh lẽo đầy tuyết phủ, trong suốt phần đời còn lại, ở độ tuổi 75? Nhưng nếu ông lão đó không làm như vậy thì giờ đây bạn không thể trở thành một tín đồ. Áp-ra-ham là vậy. Ông rời một nơi tuyệt vời để sống trong một túp lều trên vùng đồi núi, nuôi vài con chiên và dê - vì Chúa phán: "Ta muốn con đi cùng ta - đến một nơi con chưa từng thấy, còn con sẽ không bao giờ thấy lại đất này nữa." Ta muốn con rời bỏ gia đình và bạn bè mình. Thực ra Áp-ra-ham đã đưa cha mình và những thành viên khác trong gia đình đi được nửa đường - ông đến tận Cha-ran - và họ quyết định rằng thế là đủ rồi, và họ định cư tại đó. Ông lão Áp-ra-ham tiếp tục đi với cháu mình. Nhưng ông tin vào Chúa; và thậm chí tin rằng Chúa có thể ban cho ông một con trai. Hãy nhớ là lúc ấy vợ ông đã 90 tuổi, chẳng trách khi cậu bé ra đời, họ gọi cậu là "Trò đùa." "Y-sác" trong tiếng Hê-bơ-rơ là "cười." Thật là một trò đùa! Vì Sa-ra, khi nghe là mình sẽ mang bầu khi ở vào tuổi đó, đã cười phá lên, và Chúa cũng nghe thấy tiếng cười đó. Nhưng thật là một đức tin phi thường!

Hãy nhớ là đức tin của ông cũng bị rúng động đôi chút. Lúc đầu ông đã đợi 11 năm, và đứa trẻ không hề xuất hiện, rồi vợ ông cứ thế già đi. Khi bà bảo Áp-ra-ham thử có con với một trong những đầy tớ gái trẻ tuổi, ông đã làm theo. Ích-ma-ên đã được sinh ra như vậy. Nhưng Ích-ma-ên không phải là đứa con ra bởi đức tin; ông là đứa con ra bởi xác thịt, và Chúa không chọn ông. Đừng bao giờ nghĩ rằng điều đó là không công bằng với Ích-ma-ên, vì Chúa đã chúc phước cho Ích-ma-ên, và Ngài hứa với ông rằng ông sẽ trở thành cha của nhiều dân tộc và sinh ra mười hai công hầu - và ông là tổ phụ của những quốc gia Ả-rập ngày nay. Nên Chúa không hạ ông xuống, nhưng cũng không chọn ông - không phải cho dòng dõi đức tin đó, vì Ích-ma-ên không bày tỏ đức tin, nhưng ông được chúc phước. Trên hết, Áp-ra-ham đã thực hành đức tin khi Chúa phán: "Con có sẵn sàng hy sinh con trai con, con một của con, cho Ta không? Đó là chuyện của mười sáu năm sau, và rồi cậu bé ra đời - Y-sác. Con có sẵn sàng hy sinh nó cho Ta không? Nó cho chúng ta thấy rằng Áp-ra-ham sẵn sàng giết Y-sác làm của lễ *bởi vì* ông tin rằng Chúa có thể khiến nó sống lại từ cõi chết sau khi ông giết nó.

Hãy nhớ rằng trước đó Chúa chưa từng làm như vậy, chưa từng khiến người chết sống lại, đó là một chút đức tin, thế nên Ngài mới sẵn sàng làm như vậy. Lý do khiến ông sẵn sàng tin rằng Chúa sẽ khiến Y-sác từ sống lại từ cõi chết là vì ông có thể sinh Y-sác khi đã là một ông già: khi, theo như Kinh Thánh có chép, thân thể ông "xem như đã chết." Vì vậy, ông nói rằng, nếu Chúa có thể khiến thân thể đã chết của mình sản sinh sự sống thì Ngài cũng có thể khiến con mình sống lại từ cõi chết. Đức tin thật lớn! Đức tin của Y-sác được thể hiện ở chỗ, ông chịu làm của lễ hy sinh khi trạc tuổi ba mươi. Mọi hình ảnh tôi từng thấy về việc Áp-ra-ham dâng Y-sác đều minh họa một cậu bé mười hai tuổi. Có phải đó là hình ảnh trong đầu bạn không? Bạn sẽ chẳng bao giờ tìm được một người Do Thái tin vào điều đó vì người Do Thái biết Kinh Thánh của mình và anh ta không chia nó thành các chương như chúng ta. Sau lần Y-sác suýt bị dâng làm của lễ, điều xảy ra ngay sau đó là Sa-ra qua đời ở tuổi 127, khi Y-sác được 37 tuổi. Nên Y-sác trạc ba mươi tuổi, và ông thuận phục cha mình là Áp-ra-ham, một ông lão, và ông làm điều đó trên một ngọn núi tên Mô-ri-a, sau này trở thành Gô-gô-tha, hay Đồi Sọ. Một câu chuyện rất tuyệt vời, đúng không? Nhân tiện, Y-sác cũng có đức tin rằng Chúa có thể chọn vợ cho ông, và ông tiếp nhận người vợ mà Chúa chọn - Rê-bê-ca.

Điều tiếp theo cần chú ý là Gia-cốp có đức tin. Hãy nhớ rằng ban đầu, ông tin vào chính mình. Ông có thể điều khiển phước hạnh và ông đã làm như vậy, nhờ mưu mô và sự lừa lọc, ông có được phước hạnh đó, nhưng ít nhất thì nó cũng thể hiện rằng có người muốn được chúc phước, ấy là điều tốt. Nhưng sau này, Chúa phải đánh người đó, và ông đi khập khiễng trong suốt phần đời còn lại. Sau khi vật lộn với Chúa cả đêm, ông bước đi như vậy trong cả phần đời còn lại, nhưng từ đó, ông thực sự tin vào Chúa - và ông tin rằng mười hai con trai của mình sẽ trở thành mười hai chi phái. Những người này, bất chấp những điểm yếu, thất bại và sự pha trộn giữa tốt và xấu, đã tỏa sáng như những người tin vào Đức Chúa Trời.

Họ có đức tin; và vì vậy, khi bạn xét đến sự tương phản nơi những người bà con của họ, bạn sẽ thấy những con người của xác thịt thay vì đức tin. Bạn sẽ thấy những người trọng vật chất chứ không phải những người có khải tượng thuộc linh. Chúng ta thấy Lót chủ định đi xuống vùng thung lũng Giô-đanh màu mỡ chứ không sống trên những quả đồi cằn cỗi. Gia đình của Áp-ra-ham và Lót có chút bất hòa và Áp-ra-ham nói rằng tốt nhất là họ sống tách nhau ra - đôi khi đó là sự khôn ngoan - và Áp-ra-ham nói: Lót, cháu có thể chọn đất trước bác. Cháu chọn sống ở đâu? Bác sẽ đi chỗ khác. Thật kinh ngạc khi Áp-ra-ham có thể nói như vậy với Lót. Lẽ ra là phải ngược lại. Nhưng Lót đã nhìn xuống vùng thung lũng nơi sông Giô-đanh chảy qua, nơi có rừng rậm, đất đai màu mỡ, khí hậu nhiệt đới ấm áp và cả vùng đó cuốn hút Lót, ông nói: Cháu sẽ đi xuống vùng thung lũng, chỗ đó có vẻ tốt. Áp-ra-ham nói: được rồi, bác sẽ ở trên vùng đồi núi. Nhưng Chúa là Chúa của vùng đồi núi và Lót chỉ đi theo những gì mắt thấy.

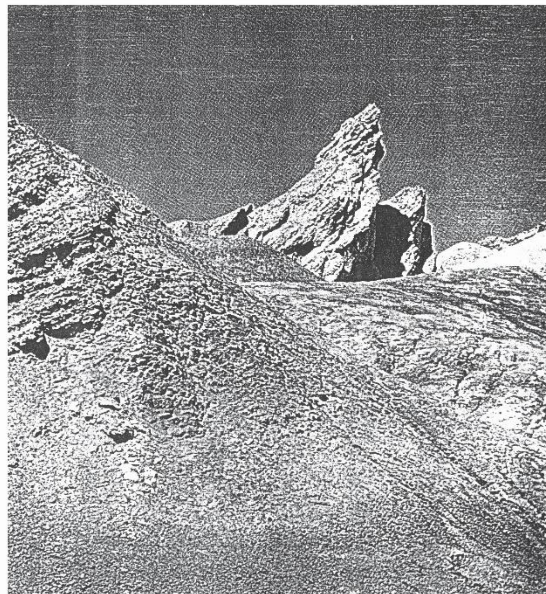


Vùng thung lũng sông Giô-đanh

Bạn không chỉ thấy điều đó ở Lót, mà còn thấy nơi Ích-ma-ên và nơi Ê-sau. Ê-sau thà có một đĩa súp ăn liền hơn là có sự chúc phước khi cha mình qua đời; và ông đã đổi cái này lấy cái kia, và hội chứng Ê-sau vẫn còn đến ngày nay. Người ta muốn có mọi thứ ngay bây giờ, hoặc muộn nhất là thứ ba tuần sau. Thực tế, thư gửi người Hê-bơ-rơ bảo chúng ta đừng giống như Ê-sau, ông đã hối hận về màn đổi chác của mình và sau đó khóc lóc cầu xin sự chúc phước, nhưng không có sự ăn năn trong đó. Vậy chúng ta có ba con người của đức tin trái ngược với ba người bà con của xác thịt, và kiểu phân biệt đó xảy ra trong hầu hết các gia đình thời nay - những người sống bởi đức tin và những người sống bởi xác thịt. Chúng ta cũng nhìn thấy sự trái ngược này nơi những bà vợ của họ. Các chị em ạ, khi đọc những chương này, hãy nghiên cứu đến các bà vợ, họ rất thú vị. Vì một lẽ, Sa-ra, Rê-bê-ca và Ra-chên có một điểm chung: họ đều rất đẹp. Không phải là quyến rũ, mà là đẹp, và sự quyến rũ sẽ phai tàn nhưng vẻ đẹp cứ gia tăng.

Tôi có ông bạn, một mục sư Giám lý, tổ chức một cuộc thi hoa hậu trong hội thánh của ông. Ấy là 35 năm về trước và điều này khiến cả hội chúng sửng sốt, nhưng ông đưa ra một điều kiện, đó là mọi thí sinh phải từ 60 tuổi trở lên, ông muốn thử và chứng minh rằng sự quyến rũ và vẻ đẹp là hai điều khác nhau. Kinh Thánh chép rằng ba người vợ của những tổ phụ này đều rất đẹp và họ có vẻ đẹp trường tồn trong nội tâm và họ đều thuận phục chồng mình. Chúng ta sẽ chuyển qua chuyện khác! Vợ của những người kia, một lần nữa, lại trái ngược với vợ của những anh hùng đức tin.

Có một ngọn núi có hình thù kỳ lạ ở phía cực nam của Biển Chết gọi là "vợ Lót." Đó là hình dạng của một người nữ chạy trốn. Nhưng ngay cả Chúa Giê-su cũng nói rằng hãy nhớ đến vợ của Lót. Bà ngoái lại cuộc sống thoải mái mà họ đang rời bỏ, nhưng là một đời sống sẽ bị Chúa phán xét. Họ sống tại Sô-đôm, một địa danh đã trở nên khét tiếng trong lịch sử. Đó chính là điều chúng ta tìm kiếm khi đọc những chương này. Chúng ta đang tìm kiếm đức tin và xác thịt, và sự trái ngược giữa những người này và vợ của họ, và bạn bắt đầu hiểu tại sao Chúa lại nói rằng: Ta thuộc về bên này của gia đình mà không phải bên này.



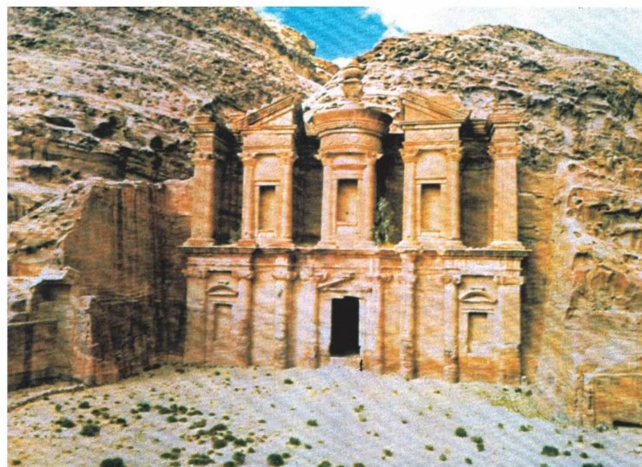
Ngọn núi "Vợ Lót"

Chúng ta hãy nhìn vào ba người đó một cách chi tiết hơn chút nữa. Chúa đã lập một lời hứa với Áp-ra-ham mà chúng ta vẫn trông cậy vào đó. Chúa bắt đầu công cuộc sáng tạo với một người và Ngài bắt đầu sự cứu chuộc với một người, ông Áp-ra-ham này. Ngài lập một giao ước - đó là một từ rất đẹp xuyên suốt cả đến khi chúng ta dùng bánh và chén cùng nhau - vì "này là huyết của giao ước mới," nhưng từ giao ước này rất quý giá. Nó không phải là từ "hợp đồng." Đây không phải là một giao kèo giữa hai bên có quyền lực và thẩm quyền ngang nhau. Giao ước hoàn toàn do một bên lập ra để chúc phước cho bên kia, và bên kia chỉ có hai lựa chọn - hoặc là chấp nhận các điều khoản, hoặc là từ chối chúng - nhưng họ không thể thay đổi chúng. Chúa đã lập những giao ước và Ngài giữ chúng, và Chúa thề trước chúng. Bạn đã bao giờ nghe Chúa thề chưa? Khi con người thề thì anh ta thề trước một thế lực cao hơn chính mình. Một số người nói: "Thề có trời là tôi sẽ làm điều đó." Chúa thì không có ai cao hơn mà thề, nên *Ngài* chỉ chính Ngài mà thề. Trong khi một con người có thể nói rằng "trước Chúa, tôi hứa là tôi sẽ làm điều đó," Chúa lại phán: "Ta chỉ chính mình mà thề."

Chúa nói lẽ thật, toàn bộ lẽ thật và không gì ngoài lẽ thật, và Ngài lập một lời hứa với Áp-ra-ham. Giao ước gần giống với một lễ cưới, và những từ khóa luôn là "tôi sẽ," và nếu bạn đọc Sáng Thế Ký 12, Chúa nói "Ta sẽ" những sáu lần. Sự thật là Chúa của cả vũ trụ kết hiệp chính Ngài với gia đình cụ thể này, và Ngài đã hứa cho họ một nơi để sống; Ngài ban cho họ một mảnh đất giao thoa giữa các châu lục. Trung tâm của khối đất liền trên thế giới là Giê-ru-sa-lem, và đó là nơi giao nhau giữa con đường từ châu Phi tới châu Á và con đường từ Ả Rập tới châu Âu, gần một quả đồi nhỏ tên Armageddon tại Hê-bơ-rơ, và đó là giao lộ của thế giới. Ngài phán: Đó là nơi ta sẽ ban cho con đời đời. Họ giữ chứng nhận quyền sở hữu với nơi đó, dù ai có nói gì, vì Chúa giao quyền sở hữu đó cho họ, cho Áp-ra-ham và dõng dõi ông đời đời.

Điều thứ hai mà Chúa hứa là ban cho họ những thế hệ sau - rằng sẽ luôn có dòng dõi của Áp-ra-ham trên đất. Lời hứa thứ ba là Ngài sẽ dùng *họ* để chúc phước - hoặc để rủa sả - mọi dân khác. Đó là sự kêu gọi của người Do Thái - chia sẻ về Chúa với mọi người, nhưng đó có thể là con dao hai lưỡi. Chúa phán với Áp-ra-ham rằng: những kẻ rủa sả con sẽ bị rủa sả; những người chúc phước cho con sẽ được phước - và đó vẫn là lẽ thật, như nhiều người đã khám phá ra. Đó là giao ước của Ngài. Đổi lại, Chúa muốn rằng một là, mọi người nam của dân Do Thái phải được cắt bì để chỉ ra rằng họ được sinh ra trong giao ước đó, và hai là Áp-ra-ham sẽ vâng phục Chúa và làm mọi điều Chúa bảo ông làm, và giao ước đó là trọng tâm của Kinh Thánh. Trên cơ sở giao ước đó, Chúa phán: "Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của ngươi và ngươi sẽ làm dân Ta." Cụm từ đó được lặp lại xuyên suốt Kinh Thánh cho tới trang cuối cùng, và nó lại xuất hiện lần nữa: Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của chúng và chúng sẽ làm dân ta. Một cụm từ thật đáng yêu. Chúa muốn gắn bó với chúng ta, Ngài muốn ở cùng chúng ta và sống với chúng ta; và, như bạn đã biết, ở ngay cuối Kinh Thánh, chính Đức Chúa Trời lìa khỏi thiên đàng và hạ thế, để sống với chúng ta trên đất mới đời đời. Ngài muốn sống với chúng ta, Ngài muốn làm gia đình, muốn làm Cha của chúng ta: đó là toàn bộ mục đích của việc sáng tạo vũ trụ và chính chúng ta.

Gia-cốp, người thú vị nhất, con trai cưng của mẹ - ngay cả khi sinh ra, ông đã nắm gót người anh sinh đôi của mình, Ê-sau, người anh lông đỏ. Nắm chặt ngay từ đầu, nhưng Chúa đã xử lý ông. Thực ra Ê-sau đến sống ở một nơi giờ đây chúng ta gọi là Petra. Có thể bạn đã nhìn thấy những ngôi đền tuyệt mỹ khắc từ sa thạch đỏ. Ê-sau đến sống ở đó và lập nên nước Ê-đôm, và sự thù hằn giữa Ích-ma-ên và Y-sác vẫn còn tại Trung Đông giữa người Ả-rập và Do Thái. Nhưng sự thù hằn giữa Ê-sau và Gia-cốp đã chấm dứt, vì những người Ê-đôm cuối cùng được biết đến dưới cái tên Hê-rốt, và chính hậu duệ của Ê-sau đã làm vua dân Do Thái khi Chúa Giê-su ra đời, và là người giết mọi con trẻ tại Bết-lê-hem để cố gắng trừ khử hậu duệ của Gia-cốp, Đấng được sinh ra để làm Vua.



Một ngôi đền được khắc từ sa thạch đỏ

Cuối cùng, tôi chỉ muốn chỉ ra rằng cả Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp đều thể hiện đức tin của họ một cách phi thường. Mỗi người trong số họ đều để lại cho con trai mình những gì họ không sở hữu. Áp-ra-ham nói: "con trai ta, Y-sác, ta để lại cả xứ quanh con cho con." Y-sác nói với Gia-cốp: "Ta để lại cả xứ cho con." Gia-cốp nói với 12 con trai mình: "cả xứ ta để lại trong di chúc cho các con."

Thế mà không ai trong số họ sở hữu bất kỳ mảnh đất nào trong xứ, trừ một cái hang, mộ phần của gia đình tại Hếp-rôn, hang đá Mặc-bê-la. Điều đó không tuyệt vời sao? Phải có đức tin lớn mới dám viết một di chúc để lại cả xứ cho con cháu mình trong khi không hề sở hữu nó. Nhưng họ tin rằng Chúa đã ban nó cho họ và rằng một ngày nào đó, cả xứ sẽ thành của họ.

Cuối cùng, khi tôi đọc Hê-bơ-rơ 11, tôi đọc về những người này - Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, và tôi đọc về đức tin của họ, và Kinh Thánh chép thế này: "Tất cả những người ấy đều chết trong đức tin." Họ không chỉ tin trong một hai ngày. Khi họ chết, họ vẫn tin vì họ chưa thấy những lời hứa được làm trọn. Bây giờ, hãy nghe điều Kinh Thánh chép trong cùng chương đó: "Tất cả những người ấy dù đã được chứng nhận tốt nhờ đức tin, nhưng chưa nhận lãnh điều đã hứa cho mình."

Chúa đã định ra một điều tốt hơn cho *chúng ta*, để chỉ khi cùng với *chúng ta*, *họ* mới trở nên trọn vẹn. Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp chưa chết. Tôi đã thấy mồ chôn thân thể họ tại Hếp-rôn, nhưng họ chưa chết. Chúa Giê-su phán rằng Chúa *là* Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, không phải là *từng là*. Ngài không phải là Chúa của kẻ chết, Ngài là Chúa của người sống, và chúng ta đang thờ phượng Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Họ vẫn còn sống và nếu không có chúng ta, họ sẽ không trở nên trọn vẹn, họ nằm trong số đám mây lớn những người chứng kiến xem chúng ta chạy ra sao, vì sự trọn vẹn của họ, việc họ làm trọn những lời hứa của Chúa, phụ thuộc vào cả chúng ta nữa. Tất cả chúng ta đều sẽ cùng nhau đến với điều đó. Khi Chúa Giê-su trở lại trên đất, bạn sẽ thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp trở lại cùng Ngài và, cùng với chúng ta, trở nên trọn vẹn trong mắt Chúa, mọi sự yếu đuối được cất đi, và phản chiếu trọn vẹn hình ảnh của Đức Chúa Trời.

SÁNG THẾ KÝ - Phần 6 - Giô-sép và Chúa Giê-su

Tôi nghĩ rằng gần như ai cũng biết câu chuyện của Giô-sép. Nếu bạn lớn lên trong hội thánh, chắc chắn là các thầy cô trường Chúa Nhật đã dạy câu chuyện này cho bạn. Đó là một câu chuyện hấp dẫn với con trẻ: người tốt cuối cùng sẽ thắng kẻ xấu; và chủ đề này được phổ biến rộng rãi trong vở "Giô-sép và cái áo choàng nhiều màu" (Joseph and his Technicolour Dreamcoat) Thực ra, đây có lẽ là một sự nhầm lẫn: Đó có lẽ là một chiếc áo khoác dài tay chứ không phải một chiếc áo choàng nhiều màu, tuy Bản Dịch Mới nói đó là cái áo choàng nhiều màu sặc sỡ. Tất nhiên là nó đặc biệt, nhưng chắc hẳn nó là áo dài tay, lý do là một người con trai luôn được giao nhiệm vụ quản đốc trên những người khác, trong khi những người khác phải xắn tay áo lên hoặc mặc áo ngắn tay đi làm, thì người quản đốc có áo khoác dài tai.

Vì vậy Giô-sép được cha giao quản lý các anh mình, nhưng ông lại không phải là con trưởng, nên bạn có thể tưởng tượng được tình huống nảy sinh trong gia đình này. Đó là chuyện ngoài lề. Điều quan trọng là Giô-sép là thế hệ thứ tư - chắt của Áp-ra-ham - nhưng một lần nữa, ông không phải là con trưởng. Ở đây có một mô tuýp rõ ràng. Người thừa kế tự nhiên không nghiễm nhiên được phước hạnh. Chúa lựa chọn người nhận được điều đó theo ân điển của Ngài. Đó thường là một trong những đứa con thứ. Nhưng có sự khác biệt rõ rệt giữa Giô-sép và ba thế hệ trước. Chúa không bao giờ gọi Ngài là Đức Chúa Trời của Giô-sép; thiên sứ không bao giờ hiện ra với Giô-sép, mặc dù rõ ràng là họ có làm như vậy với những người khác. Các anh của ông không bị loại ra. Các anh em của ông được kể vào trong dòng dõi tin kính của Sết, nên không có sự tương phản như trước, tuy các anh của ông cũng không đối xử tốt lắm với ông lúc đầu. Chúa không bao giờ trò chuyện trực tiếp với Giô-sép; có thể bạn chưa để ý đến điều đó. Tất nhiên là Ngài bày tỏ nhiều điều qua những giấc mộng và cho ông giải mộng, nhưng thực ra Ngài không bao giờ nói chuyện trực tiếp với Giô-sép, và, Kinh Thánh cũng không ghi lại lần trò chuyện trực tiếp nào của Giô-sép với Ngài. Nên ở đây có sự khác biệt, và khi bạn đọc Sáng Thế Ký, bạn nhận thấy rằng theo một cách nào đó, Giô-sép là người tự lập.

Tại sao? Ông có gì khác vậy? Tại sao chúng ta lại có câu chuyện này? Một lý do rõ ràng là ở ngay sách tiếp theo của Kinh Thánh, chúng ta thấy cả gia đình này bị nô lệ tại Ai Cập, và bằng một cách nào đó, bạn phải giải thích xem họ đến đó như thế nào. Tất nhiên, câu chuyện của Giô-sép là mắt xích quan trọng cho việc Gia-cốp và gia đình ông di cư tới Ai Cập - vì cùng một lý do khiến Áp-ra-ham và Y-sác đã từng xuống Ai Cập, vì nạn đói, thiếu thực phẩm, trong khi Ai Cập không phụ thuộc vào mưa. Nó có sông Nin chảy xuống từ cao nguyên Ethiopia, nên nó có nguồn cung cấp độ ẩm liên tục ở sông Nin trong khi vùng đất Y-sơ-ra-ên hoàn toàn phụ thuộc vào lượng mưa được gió tây từ Địa Trung Hải mang tới để canh tác.

Nên ít nhất, câu chuyện của Giô-sép ở đó để kết nối với chúng ta với phần tiếp theo của Kinh Thánh. Sau Giô-sép, bức màn hạ xuống, trong vòng bốn trăm năm và chúng ta không biết gì thêm nữa, và khi nó lại vén lên, gia đình đó đã trở nên một dân tộc nhiều trăm ngàn người, nhưng họ là những nô lệ tại Ai Cập. Nếu đó là lý do duy nhất mà câu chuyện của Giô-sép ở đó thì thật khó để giải thích tại sao câu chuyện của ông lại chiếm phần nhiều đến vậy. Y-sác và Gia-cốp chiếm phần nhỏ hơn nhiều. Vậy người này có gì quan trọng đến vậy? Tại sao Kinh Thánh lại kể chi tiết đến vậy? Đó chỉ là tấm gương của một người tốt, và một câu chuyện đạo đức mà người tốt cuối cùng sẽ chiến thắng ư? Không, còn nhiều hơn thế.

Có ít nhất bốn mức độ mà tại đó, bạn có thể đọc câu chuyện của Giô-sép. Đầu tiên chỉ là mức độ con người. Đó là một câu chuyện sống động được kể một cách xuất sắc với những nhân vật rất chân thực. Đó là một chuyến phiêu lưu tuyệt vời, lạ lùng hơn cả tiểu thuyết. Trong đó có những sự trùng hợp đến kỳ lạ, và bạn có thể tóm tắt cuộc đời của Giô-sép trong hai chương: chương 1, "xuống chó"; chương 2, "lên voi." Đó là những gì xảy ra với ông. Ông xuống tới cùng cực từ con trai cưng của cha mình xuống thành một gia nô, và ông lên tới đỉnh cao, từ một tù nhân bị lãng quên lên thành Thừa tướng. Đây là một câu chuyện đáng kinh ngạc - xuống tới tận cuối nấc thang xã hội và lại leo lên tới tận đỉnh. Điều đó cuốn hút chúng ta, và ở giữa là sự ganh tị của các anh Giô-sép - chìa khóa mở ra tất cả những điều này dường như là những giấc mộng.

Thế nhưng tôi không nghĩ Giô-sép là người khéo léo nhất trong Kinh Thánh. Tôi nghĩ ông khá bất cẩn. Lại đi khoe mẽ với các anh rằng: Em mơ thấy các anh đều cúi rạp trước em. Đó không phải là cách để kết bạn và ảnh hưởng đến người ta, nhưng đó là sự thật. Ông đã mơ như vậy, chỉ có điều là có nên kể ra hay không thôi. Nhưng ai cũng phạm sai lầm về thời điểm chia sẻ những sự mặc khải từ nơi Chúa, nên chúng ta cũng không trách gì được ông. Đó là một mức độ - đó là một câu chuyện của con người và nó đã tạo ra một chương trình nhạc kịch vui nhộn ở khu Tây London. Tôi đã xem chương trình đó, và nhiều trường học cũng diễn lại chương trình này.

Mức độ thứ hai mà bạn có thể đọc câu chuyện là đọc nó từ góc độ của Chúa. Chúa ở trong câu chuyện này. Tuy không thực sự trò chuyện với Giô-sép nhưng Ngài ở hậu trường. Ngài là Đức Chúa Trời không thấy được đang sắp xếp các sự việc để phục vụ mục đích và kế hoạch của Ngài, và Ngài chọn bày tỏ qua những giấc mơ. Người ta sẽ dễ tiếp nhận những điều trong giấc mơ hơn khi họ tỉnh táo. Tôi có vài giấc mơ rất kỳ lạ, thường là đến một buổi nhóm nhầm ngày, mang nhầm phần ghi chép bài giảng vào nhầm giờ, người vã mồ hôi khi tỉnh dậy - nó giống ác mộng hơn. Nhưng rất thú vị - trong giấc mơ, bạn thừa nhận mọi thứ là thật và đôi khi Chúa cần nói theo cách này để giao tiếp với chúng ta, nhưng nó luôn cần sự thông giải.

Giô-sép nói rằng những giấc mộng này là của Chúa và rằng sự giải mộng sẽ đến từ Chúa. Kinh Thánh chép là Đa-ni-ên cũng có ân tứ này. Thực ra Chúa là nhân vật chính trong câu chuyện, tuy điều đó không được thể hiện trong chương trình âm nhạc. Chúa ở hậu trường, sắp xếp tất cả những điều này, không có những phép lạ trực tiếp, nhưng là những hoàn cảnh do Chúa sắp đặt, và đó thường là cách vận hành của Chúa. Không quá ngoạn mục hay giật gân, nhưng Chúa có cách sắp đặt những cuộc gặp gỡ với con người, và hướng đi của cuộc sống bạn thay đổi. Ngài ở hậu trường, khiến mục đích của Ngài được hoàn thành - sự tể trị của Ngài.

Điều này rất trái ngược với việc tin vào may mắn. Không biết là bạn có biết không, nhưng trong tiếng Hê-bơ-rơ, may mắn là "gad" và trong tiếng Anh có cụm từ cổ là "by gad" - nhờ may mắn. Bạn có thể sống nhờ Chúa hoặc nhờ may mắn (mặc màu đỏ trong lễ cưới và tất cả những thứ đại loại như vậy) Thật kinh ngạc khi có nhiều người sống nhờ may mắn - xổ số kiến thiết. Người ta tin rằng hoàn cảnh là kết quả của sự tình cờ, của sự may mắn.

Nhưng Giô-sép không tin vào điều đó. Ông tin rằng Chúa tể trị những hoàn cảnh mà mình gặp phải và Chúa đứng sau những điều xảy đến với ông. Khi đó ông không thấy như vậy, nhưng sau này ông mới nhận ra, và thường thì mãi sau chúng ta mới thấy bàn tay của Chúa trên đời sống mình, còn không nhận ra vào thời điểm sự việc xảy ra. Thực tế, câu then chốt trong câu chuyện của Giô-sép là 45:7. Cuối cùng, ông đã tiết lộ thân phận với các anh sau khi khiến họ phải khúm núm và xấu hổ.

Cuối cùng, ông đã tha thứ cho những gì họ đã làm với ông khi bán ông làm nô lệ và nói: "Đức Chúa Trời sai tôi đến đây trước để duy trì cho các anh một dòng dõi trên đất, và cứu mạng sống các anh bằng một cuộc giải cứu vĩ đại." Đó là một khẳng định rất quan trọng. "Đức Chúa Trời sai tôi đến đây trước."

Họ nghĩ rằng mình đã trừ khử thằng em mình và bán nó làm nô lệ cho mấy lái buôn lạc đà, và thế là xong. Họ đã lấy cái áo đặc biệt của cậu, nhúng nó vào máu dê và mang nó về cho Gia-cốp già nua, tội nghiệp và nói: "Chúng con tìm thấy cái này trên cánh đồng; con trai cưng của cha chắc chết rồi." Họ làm điều thật tệ hại, nhất là với Gia-cốp già cả, nhưng - "Đức Chúa Trời sai tôi đến đây trước" Bạn thấy đó, Chúa cho phép nhiều điều xảy ra; Ngài không buộc ai làm hại người khác, nhưng Ngài có cho phép điều đó, và đôi khi Ngài cho phép để phục vụ mục đích của chính Ngài; và đó là đức tin của Giô-sép - rằng "Đức Chúa Trời sai tôi đến đây trước." Tất nhiên, đó thực chất là kết quả, vì ông trở thành người quản lý lương thực. Ông đã thông giải giấc mơ của Pha-ra-ôn rằng sẽ có bảy năm mập béo với mùa màng bội thu, và bảy năm gầy còm tiếp theo, và ông đã nói rằng: Tốt nhất là chúng ta dự trữ lương thực từ bây giờ, thì chúng ta sẽ đủ sống. Tầm nhìn xa trông rộng của ông qua giấc mơ đó đã cứu cả Ai Cập, và gia đình của chính ông khi họ thiếu lương thực và phải sang Ai Cập. Ông trở thành vị cứu tinh của họ.

Thực chất, Chúa muốn dân Ngài ở Ai Cập và điều này đã xảy ra như vậy. Tại sao Chúa lại muốn họ ở Ai Cập khi Ngài đã hứa ban cho họ đất Y-sơ-ra-ên, hay đất Ca-na-an? Câu trả lời, thực chất đã được ban cho Áp-ra-ham - từ nhiều năm trước. Chúa phán với Áp-ra-ham: Ta sẽ phải để gia đình con ở Ai Cập trong vòng bốn trăm năm cho tới khi tội ác của dân A-mô-rít đến cực độ. Nói cách khác, Chúa không để họ chiếm đất hứa từ tay những cư dân tại đó, chỉ khi những cư dân tại đó trở nên quá tệ hại đến nỗi họ đánh mất quyền sống của họ, chứ chưa nói đến quyền với đất đai. Nên Chúa là một Đức Chúa Trời có đạo đức; Ngài không cứ thế đẩy người ta ra và đẩy dân Ngài vào. Chỉ khi cư dân trong đó trở nên quá tệ hãi - và khảo cổ học đã cho thấy họ tệ hại đến thế nào. Các bệnh hoa liễu lây lan khắp nơi trên đất Ca-na-an. Họ đồi bại, họ sa đọa, và chỉ khi họ đạt tới mức độ không thể quay đầu, Chúa mới nói: giờ thì các con có thể lấy đất của họ. Nên mọi phàn nàn rằng Chúa bất công khi ban mảnh đất đó cho người Do Thái đều là sai lầm, Ngài phải để họ xa khỏi đất đó cho tới khi tình trạng của người dân sống tại đó quá tệ đến nỗi bị đẩy đi, đó chỉ là sự phán xét.

Nhưng cũng có những lý do khác nữa. Chúa đã muốn họ trở thành nô lệ. Đó đều là một phần trong kế hoạch của Ngài - giải cứu họ khỏi ách nô lệ để họ thật biết ơn Ngài, họ sẽ sống theo đường lối Ngài và trở nên một tấm gương - cho cả thế giới thấy - rằng người ta sẽ được phước đến thế nào khi sống dưới sự tể trị của thiên đàng. Đó là kế hoạch. Nên khi Ngài để họ rơi vào những khó khăn như vậy, làm việc bảy ngày mỗi tuần - không được trả công, không đất đai, không tiền bạc, không có gì cả; và chính lúc đó, Ngài đưa tay xuống và giải cứu họ bằng cánh tay quyền năng của Ngài. Nên bạn thấy đó, tất cả phải xảy ra, và Chúa để nó xảy ra, để phục vụ mục đích của chính Ngài. Ngài đã muốn cứu chuộc họ và giải cứu họ để họ biết rằng chính Chúa đã mang họ ra, và đưa họ vào vùng đất của chính họ. Nên đó là góc nhìn của Chúa về câu chuyện này.

Nhưng chúng ta vẫn chưa thật sự đi vào trọng tâm của vấn đề. Cách tiếp cận - hoặc mức độ tiếp theo - mà chúng ta có thể đọc câu chuyện là nghiên cứu về tính cách của Giô-sép và đây là một điều rất đáng chú ý, vì Kinh Thánh không chép bất cứ điều xấu nào về Giô-sép. Chúng ta đã thấy rằng Kinh Thánh kể toàn bộ sự thật về Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, và tất nhiên là họ có những nhược điểm và tội lỗi, nhưng không một lời chỉ trích nào nhắm vào Giô-sép. Tôi đã kể với bạn rằng điều tệ

hại nhất ông từng làm chỉ là hơi bất cẩn và kể cho các anh về giấc mộng, còn không hề có thái độ hoặc phản ứng sai trái trong tính cách của Giô-sép - ngay cả cách ông phản ứng khi xuống đến tận đáy cùng của xã hội. Không hề có sự cay đắng, không oán trách, không nói rằng: Tại sao Chúa lại làm như vậy? Không có cảm giác bất công khi ông phải kết thúc nơi ngục tù, lãnh án tử hình trong trại giam của Pha-ra-ôn. Hơn nữa, tuy sống xa nhà và không người thân thích, ông vẫn giữ sự ngay thẳng khi vợ của Phô-ti-pha cố gắng quyến dụ ông. Khi bà ta làm như vậy, ông đáp lại rằng: "Làm sao tôi dám phạm tội với Đức Chúa Trời như thế!" - và bạn biết là sau đó bà ta đã đổ oan cho ông, khiến ông phải lãnh án tử hình trong tù, nhưng không hề có một lời chỉ trích, ngay cả với vợ của Phô-ti-pha. Đây là một hình ảnh đáng kinh ngạc.

Hơn nữa, ngay cả khi ở dưới đáy cùng, dường như ông vẫn chú tâm đến việc giúp đỡ người khác. Quan hầu rượu và hầu bánh của Pha-ra-ôn phạm tội khi quân và Giô-sép cố gắng an ủi họ. Ông là người dường như không quan tâm đến bản thân, nhưng rất quan tâm đến mọi người khác, và tuy xuống đến tận đáy cùng nhưng ông chưa từng chất vấn Chúa, chưa từng nghi ngờ là Chúa không biết điều Ngài đang làm, trong khi chúng ta từng như vậy. Rồi phản ứng của ông khi lên tới đỉnh cao. Tôi không biết cái nào thử thách tính cách của con người hơn - bị vùi xuống đáy cùng hay được nhấc lên cao. Tôi nghĩ có lẽ điều thứ hai là thử thách lớn nhất đối với tính cách của ông.

Nhưng hãy xem ông phản ứng ra sao với những người anh đã bán ông làm nô lệ. Ông cho họ thực phẩm mà không tính tiền với họ, ông lại cho tiền vào trong bao của họ. Ông tha thứ cho họ trong nước mắt, ông cầu thay cho họ với Pha-ra-ôn, và ông đã mua cho họ vùng đất màu mỡ nhất tại đồng bằng sông Nin, một vùng đất tên là Gô-sen, và nói: "Tôi sẽ lo cho các anh." Họ đã quẳng ông ra và nói với người cha già của ông rằng ông đã chết, nhưng giờ đây ông lại chu cấp cho mọi nhu cầu của họ. Một người quá tốt!

Giô-sép không hư hỏng cả khi bị sỉ nhục lẫn lúc được tôn trọng. Ôn là một người hoàn toàn chính trực và chỉ có một người được khắc họa như vậy trong Cựu Ước. Tất cả các nhân vật Cựu Ước được khắc họa cả điểm yếu lẫn điểm mạnh, nhưng tại đây có con người chỉ có điểm mạnh. Chỉ có một người nữa trong Kinh Thánh giống người này.

Có một chương giữa câu chuyện về Giô-sép xuất hiện rất bất ngờ. Đó là Giu-đa, anh của Giô-sép. Giữa câu chuyện về người tốt này xuất hiện một sự tương phản hoàn toàn với người anh của ông, Giu-đa. Giu-đa đến với một phụ nữ vì nghĩ rằng cô ta là gái điếm, chỉ để sau đó mới biết đó chính là con dâu của ông đang đeo mạng che mặt. Ông đã phạm tội loạn luân và câu chuyện dơ dáy này được kể ngay giữa câu chuyện về Giô-sép. Vì sao nó lại ở đó? Nó ở đó để làm bật lên sự chính trực của Giô-sép bởi tương phản. Hệt như Áp-ra-ham tương phản với Lót, I-sác với Ích-ma-ên và Gia-cốp với Ê-sau, Giô-sép tương phản với Giu-đa.

Suy ngẫm về Chúa Giê-su

Cho đến giờ chúng ta đã bàn về câu chuyện này ở ba cấp độ: Câu chuyện của con người về một người bị vùi xuống đáy rồi sau đó leo đến đỉnh, và trở thành người cứu dân mình và cai trị người Ai-cập; câu chuyện về sự quản trị của Đức Chúa Trời trên đời sống của một người, sử dụng điều đó để cứu dân mình; và cuối cùng câu chuyện về một con người hoàn toàn chính trực, người mà trong suốt hành trình xuống đáy sâu và suốt hành trình lên đỉnh cao vẫn là một con người chân thật và đáng trọng.

Mỗi cấp độ của câu chuyện này gợi nhắc chúng ta về một người khác: Chính Chúa Giê-su. Giô-sép đã trở nên điều được gọi là hình bóng về Chúa Giê-su. “Hình bóng” trong nghĩa này là “điềm báo.” Kiểu như Đức Chúa Trời đang bày tỏ trong cuộc đời của Giô-sép điều sẽ xảy ra với con Ngài. Giống như Giô-sép, con một Ngài sẽ bị các anh em khước từ và vùi dập xuống đáy sâu, rồi được nhấc lên để trở thành Đấng Cứu và là Chúa của dân Ngài.

Một khi nhìn nhận “hình bóng” này, sự tương phản trở nên thật kinh ngạc. Càng đọc câu chuyện Giô-sép, chúng ta càng thấy hình ảnh này của Chúa Giê-su, như thể Đức Chúa Trời đã biết ngay từ đầu điều Ngài sẽ làm và đưa ra gợi ý cho dân Ngài. Chính Chúa Giê-su đã khích lệ người Do Thái “tra xem Kinh Thánh, vì Kinh Thánh làm chứng về Ta” khi nói đến Cựu Ước. Khi đọc Cựu Ước, chúng ta cần luôn tìm kiếm Chúa Giê-su, tìm điều giống Ngài, hình bóng của Ngài. Chúa Giê-su là bản thể thật, nhưng hình bóng của Ngài phủ trên các trang của Cựu Ước, đặc biệt trong Sáng Thế Ký.

Chúa Giê-su trong Sáng Thế Ký

Một khi đã thấy Giô-sép là hình ảnh của Chúa Giê-su, chúng ta có thể thấy Chúa Giê-su ở nhiều chỗ khác nữa trong cả Sáng Thế Ký. Giô-sép là mô hình cho thấy cách Đức Chúa Trời đáp ứng với đức tin nơi Ngài, và câu chuyện của ông minh họa cách Đức Chúa Trời có thể sử dụng đời sống của một người để giải cứu dân Ngài khỏi vấn đề của họ, nâng người ấy lên thành Cứu Chúa.

Gia phả

Các gia phả trong Sáng Thế Ký thực chất là gia phả của Chúa Giê-su Christ của chúng ta. Nếu bạn đọc Ma-thi-ơ 1 và Lu-ca 3 bạn sẽ thấy các gia phả tại đó có những cái tên của sách Sáng Thế. Chúa Giê-su ra từ dòng của Sết, đến tận con của Ma-ri. Như vậy hễ ai ở trong Đấng Christ cũng là đang đọc câu chuyện cây gia đình của chính mình. Đây là những tổ phụ quan trọng nhất của chúng ta, bởi vì qua đức tin nơi Đấng Christ chúng ta trở thành con cái của Áp-ra-ham.

I-sác

Khi xem xét các nhân vật trong Sáng Thế Ký, chúng ta có thể nhìn thấy những điểm giống Chúa Giê-su. Chúng ta đã lưu ý đến Giô-sép rồi, nhưng hãy trở lại với thời mà Áp-ra-ham được lệnh dâng I-sác làm của lễ. Ông được lệnh đến một ngọn núi cụ thể, gọi là núi Mô-ria. Sau đó nhiều năm, chính ngọn núi đó được gọi là Gô-gô-tha, nơi Đức Chúa Trời dâng con một của Ngài. Sáng 22 kể về việc I-sác là con một yêu quý của Áp-ra-ham - và chúng ta đã thấy cách I-sác khi đã tuổi ngoài ba mươi, đủ sức để kháng cự cha mình, nhưng đã đầu phục để bị trói và đưa lên bàn thờ.

Đức Chúa Trời đã chặn Áp-ra-ham tại thời điểm mấu chốt và đã cung ứng một của lễ khác, một con cừu đực đầu bị mắc trong bụi gai. Sau đó nhiều thế kỷ, Giăng Báp-tít đã nói về Chúa Giê-su, Kìa là Chiên (tiếng Anh là cừu đực) của Đức Chúa Trời, Đấng nhấc đi tội lỗi của thế gian. Từ chiên thường được áp dụng cho Chúa Giê-su, nhưng những con chiên con, bé bỏng và dễ thương không bao giờ được dâng làm của lễ - của lễ phải là cừu đực một tuổi đã có sừng. Chúa Giê-su được khắc họa trong sách Khải huyền như là cừu đực có bảy sừng tượng trưng cho sức mạnh - “một cừu đực của Đức Chúa Trời.” Đức Chúa Trời đã sắm sẵn một con cừu đực cho Áp-ra-ham dâng làm của lễ thay cho con ông, một cừu đực có sừng bị mắc vào bụi gai, và Đức Chúa Trời cũng tuyên bố một danh xưng mới cho chính Ngài: “Ta là Đức Giê-hô-va Đấng cung ứng cho con.” Cũng tại địa điểm đó một người nam trẻ tuổi ngoài ba mươi đã được dâng làm của lễ, đầu đội mão gai. Bạn có nhìn thấy tại đó một hình anh của Chúa Giê-su?

Mên-chi-xê-đéc

Cũng đáng xem xét cẩn thận một cuộc gặp kỳ lạ của Áp-ra-ham với một người vừa là vua vừa là thầy tế lễ. Người ấy là vua của thành Sa-lem (về sau trở thành Giê-ru-sa-lem). Khi Áp-ra-ham trên đường trở về nhà sau khi giải cứu người nhà của mình bị bắt cóc, ông mang về các chiến lợi phẩm từ kẻ thù gần thành Sa-lem. Đây là một thành phố người ngoại, không liên hệ gì với dòng dõi tin kính của Áp-ra-ham. Có một nhân vật kỳ lạ tên là Mên-chi-xê-đéc đã ra gặp ông, là người vừa là vua vừa là thầy tế lễ, một sự kết hợp không bình thường, chưa bao giờ được thấy ở Y-sơ-ra-ên. Vị Vua và Thầy Tế Lễ này đã mang bánh và rượu ra để tiếp sức cho Áp-ra-ham và quân của ông, và Áp-ra-ham đã dâng phần mười từ các chiến lợi phẩm của mình, một phần mười từ những vật quý báu. Trong Tân Ước chúng ta được biết Chúa Giê-su là thầy tế lễ thượng phẩm đời đời theo dòng Mên-chi-xê-đéc.

Cái thang của Gia-cốp

Thế còn cái thang của Gia-cốp thì sao? Khi Gia-cốp bỏ chạy khỏi nhà, ông đã ngủ ngoài trời vào một đêm nọ, dầu gối lên hòn đá, và có một giấc mơ về cái thang (thực ra giống thang máy). Tiếng Hê-bê-rơ ngụ ý cái thang ấy đang chuyển động, và rằng có một thang lên và một thang xuống, có các thiên sứ lên và xuống. Gia-cốp biết rằng trên đỉnh thang là thiên đàng, nơi Đức Chúa Trời ngự.

Khi tỉnh dậy ông hứa sẽ dâng phần mười tất cả mọi thứ làm được cho Đức Chúa Trời. Việc dâng phần mười không phải là một phần trong luật pháp trước thời Môi-se (cách Gia-cốp dâng phần mười của cải của ông về bản chất giống như một vụ mặc cả với Chúa: Ngài đưa con về nhà bình an và con sẽ dâng Ngài phần mười. Tuy nhiên, không thể mặc cả với Chúa - Chúa lập giao ước với bạn, chứ không phải ngược lại - và Gia-cốp đã phải học biết điều đó một cách khó nhọc về sau.)

Sau đó nhiều thế kỷ, khi Chúa Giê-su gặp một người tên là Na-tha-na-ên, Ngài đã nói với ông: “Ta đã thấy ngươi ngồi dưới cây vả. Ta đã thấy con và con là một người Giu-đa thật, không có sự gian dối.” Na-tha-na-ên đã hỏi Ngài làm sao mà Ngài biết điều này. Chúa Giê-su đáp rằng: “Con nghĩ thật tuyệt vời là Ta biết những chi tiết trong đời sống con. Con sẽ nghĩ gì nếu con thấy thiên sứ lên và xuống trên con người? Ngài đang nói rằng: “Ta là thang của Gia-cốp, Ta là sự kết nối giữa đất và trời. Ta là thang mới.”

A-đam và Ê-va

Lùi lại, trong Sáng Thế Ký chương 3, Đức Chúa Trời đã đưa ra một lời hứa khi đang tuyên bố sự trừng phạt trên A-đam và Ê-va. Ngài nói với con rắn rằng hạt giống - hay dòng dõi - của một người nữ (hạt giống trong tiếng Hê-bê-rơ là danh từ giống đực) sẽ làm cho con rắn bị thương ở đầu, còn con rắn sẽ làm dòng dõi ấy bị thương ở chân. Bị thương ở chân thì thì chưa chết, nhưng bị thương ở đầu thì nguy kịch và dây là lời hứa đầu tiên rằng có ngày Đức Chúa Trời sẽ khiến Sa-tan tàn tạ. Ngày nay thì chúng ta biết rằng ai đã trói buộc kẻ mạnh và giành lấy của cải của hắn.

Trong Rô-ma 5, Phao-lô nó rằng sự không vâng lời của một người dẫn đến sự chết, nên sự vâng lời của một người mang đến sự sống, ám chỉ rằng Chúa Giê-su là A-đam thứ nhì. Chính tại một khu vườn, vườn Ê-đen mà A-đam đã nói: Con không, và cũng tại một khu vườn, vườn Ghết-sê-ma-nên mà Chúa Giê-su đã nói: không phải ý con mà ý Cha được nên. Thật là một sự tương phản! Cả hai đã khởi đầu cho một dòng dõi loài người: A-đam là người đầu tiên của loài người homo sapiens (người tinh khôn), Chúa Giê-su là đầu tiên của homo novus - nhân loại mới.

Tất cả chúng ta đều sinh ra là homo sapiens, và qua Đức Chúa Trời chúng ta có thể trở nên homo novus. Tân Ước nói về con người mới, nhân loại mới. Có hai loại người trên đất ngày nay: bạn hoặc là trong A-đam hoặc là trong Đấng Christ. Có một nhân loại mới hoàn toàn và nhân loại mới ấy sẽ cư ngụ trên một trái đất hoàn toàn mới - thực tế là một vũ trụ hoàn toàn mới.

Sự sáng tạo

Một trong những điều kỳ diệu nhất mà Tân Ước nói về Chúa Giê-su đó là Ngài là Đấng chịu trách nhiệm sáng tạo vũ trụ. Các môn đồ thời đầu đã đến với nhận thức rằng Chúa Giê-su có dự phần vào các sự kiện của Sáng Thế Ký 1. Như Giăng nói trong phần mở đầu Phúc âm của mình, "chẳng có vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài."

Vì vậy, khi đọc Sáng Thế Ký 1, chúng ta thấy Chúa Giê-su có ở đó. Đức Chúa Trời phán: Chúng ta hãy làm nên loài người theo hình ảnh của chúng ta." Chúa Giê-su là một phần trong tính số nhiều của Đức Chúa Trời.

Vài thập kỷ nay, chúng ta đã biết rằng bề mặt trái đất là những cái đĩa đá phẳng nổi trên đá nóng chảy, và những chiến đĩa đó liên tục di chuyển, cọ xát vào nhau gây ra động đất. Khi khám phá ra những chiếc đĩa này chuyển động để tạo thành khối đất chúng ta có ngày nay, các nhà khoa học đã phải đưa ra một từ mới cho những chiếc đĩa này. Họ gọi chúng là "các mảng kiến tạo" (tectonic plates). Trong tiếng hy lạp, từ tectone nghĩa là "thợ mộc." Cả hành tinh trái đất trên đó chúng ta sinh sống là công việc của một người thợ mộc từ Na-xa-rét, và tên gọi của Ngài là Chúa Giê-su Christ.

Như vậy, chúng ta kết thúc phần nghiên cứu sách Sáng Thế tại nơi chúng ta đã bắt đầu, tức là sự sáng tạo. Đức Chúa Trời quả thật đang trả lời cho vấn đề của chính Ngài là làm gì khi nhân loại nổi loạn. Giải pháp là Chúa Giê-su Christ, qua Ngài mà có thế giới, vì Ngài mà thế giới được tạo nên và bởi Ngài mà chúng ta khám phá được câu trả lời cho tất cả những câu hỏi của mình.

XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ - Phần 1

Giới thiệu

Nếu bạn thích đọc sách về những cuộc chạy trốn, thì bạn sẽ thích đọc sách này. Đây là câu chuyện kể về cuộc chạy trốn lớn nhất trong lịch sử. Hơn 2 triệu người đô lệ đã trốn thoát ra khỏi một trong những cường quốc mạnh nhất trong thế giới cổ đại. Đây thật sự là một phép lạ. Thực tế, đây là một loạt các phép lạ.

Môi-se thực ra đã nhìn thấy nhiều phép lạ hơn cả Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp cộng lại. Đây thực sự là một loạt các sự can thiệp siêu nhiên của Chúa vì cớ dân của Ngài. Một số những phép lạ nghe có vẻ như pháp thuật, chẳng hạn khi cây gậy của Môi-se biến thành con rắn rồi ngược trở lại thành cây gậy. Nhưng đa số các phép lạ là sự can thiệp rõ ràng vào thiên nhiên. Họ không thể coi những phép lạ này là những phép lạ do ảo tưởng tâm lý được. Đức Chúa Trời thực ra đã điều khiển những gì mà Ngài đã tạo dựng nên vì lợi ích của dân của Ngài.

Toàn bộ sự kiện ra khỏi Ai Cập có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hai khía cạnh. Thứ nhất, điều này có ý nghĩa quốc gia cho một dân tộc được gọi là Y-sơ-ra-ên. Bởi vì đây là sự khởi đầu của lịch sử dân tộc của họ. Đây là lúc họ có sự tự do chính trị. Đây là lúc họ trở thành một quốc gia có quyền tự quyết. Mặc dù lúc bấy giờ họ chưa có đất, nhưng họ đã là một dân tộc có tên gọi riêng. Sau đó mỗi năm một lần họ có Lễ Vượt Qua, giống như ở tại Mỹ, người ta kỷ niệm ngày 4 tháng 7 là ngày lễ độc lập của họ.

Nhưng điều này còn có ý nghĩa thuộc linh, vì lúc này họ nhận ra là Đức Chúa Trời của họ là đấng đã tạo dựng nên cả vũ trụ này, nên Ngài có thể kiểm soát gì Ngài đã tạo dựng nên vì cớ lợi ích của họ. Thực ra, họ tin rằng Thần của họ là vị Thần quyền năng hơn tất cả những vị thần của Ai Cập cộng lại. Họ nhận ra rằng Thần của họ là vị thần duy nhất tồn tại, Ê-sai liên tục nhấn mạnh đến điều này, *"không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ta."* Họ khám phá ra Đức Chúa Trời của họ là đấng quyền năng hơn tất cả những vị thần khác.

Ngài là Đức Chúa Trời Chí Cao. Tại đây Ngài có danh hiệu là Shaddai, nghĩa là Đức Chúa Trời Toàn Năng. Nhưng đồng thời Ngài có một tên gọi nữa. Trong Xuất Ê-díp-tô Ký mà chúng ta có tên gọi riêng của Đức Chúa Trời được ban cho dân tộc Y-sơ-ra-ên. Khi chúng ta biết tên, thì mối quan hệ trở nên thân mật hơn, dễ dàng bắt đầu xây dựng mối quan hệ trong một cách cá nhân, trong một cách thân mật hơn.

Về tên gọi Giê-hô-va

Ngài có tên gọi và có nhiều tước hiệu. Tên gọi của Ngài là Giê-hô-va. Tôi không biết phát âm như vậy có đúng không, bởi vì tôi chưa tìm thấy được một người Do Thái nào nói cho tôi biết là cần phải phát âm như thế nào mới đúng. Họ không dám phát âm danh của Chúa bởi vì sợ rằng sẽ phạm tội lấy danh Chúa mà làm chơi. Nhưng tên gọi Giê-hô-va chưa truyền đạt nhiều thông tin, chưa khiến cho lòng tôi nóng cháy, bởi vì trong tiếng Anh nó không có nghĩa lắm.

Nên cách đây một thời gian tôi có cầu nguyện và nói rằng *Chúa ơi xin hãy cho con một tên gọi truyền đạt được ý nghĩa của tên gọi Giê-hô-va cho con, và cho con cả cảm xúc nữa*. Ngay lập tức trong đầu tôi xuất hiện tên gọi, *luôn luôn*. Tôi nghĩ, ồ, đây là cái tên hay, bởi vì Giê-hô-va, về ngữ

pháp, là phân từ của động từ LÀ. Khi gọi Đức Chúa Trời là Đấng Luôn Luôn, thì nó truyền đạt được ý nghĩa của tên gọi đó. Ngài là đấng luôn luôn cung ứng, luôn luôn giúp đỡ, luôn luôn bảo vệ, luôn luôn chữa lành… Đó là danh của Chúa mà tôi sử dụng từ thời đó bây giờ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ là Giê-hô-va.

Đó là khi họ tìm thấy được tên gọi của Ngài. Ngài cho họ không chỉ là tước hiệu là Đấng Toàn Năng. Nhưng cả tên gọi nữa. Luôn luôn. Ta luôn luôn ở cùng với con. Ta luôn luôn ở tại đây. Ta luôn luôn ở nơi này.

Trong Xuất Ê-díp-tô Ký, đấng tạo hóa của mọi sự đã trở nên đấng cứu chuộc của một nhóm người. Sự kết hợp của cả đấng tạo hóa với đấng cứu chuộc là điều mà chúng ta cần phải nắm chắc. Một số Cơ Đốc nhân đôi khi đi sang thái cực Ngài là đấng tạo hóa, đôi khi lại chỉ nghĩ đến việc Ngài là đấng cứu chuộc. Nhưng cả hai điều đó đi cùng với nhau. Đấng tạo hóa tạo ra cả vũ trụ này đã trở thành đấng cứu chuộc của một nhóm người nô lệ.

Nguồn gốc của Xuất Ê-díp-tô Ký

Đây là một trong năm sách của Môi-se. Khi bạn nghiên cứu năm sách này, thì bốn sách tương đối giống nhau, còn có một sách rất độc đáo. Tôi nhắc đến sách độc đáo trước. Sáng Thế Ký chính là sách rất độc đáo, bởi vì Sáng Thế Ký là sách duy nhất trong năm sách của Môi-se đề cập đến những sự kiện diễn ra trước khi Môi-se ra đời. Còn bốn sách kia đều xảy ra trong khoảng đời của Môi-se và rõ ràng Môi-se là người viết bốn sách này.

Nhóm người này đã là nô lệ trong suốt 400 năm, không có đất riêng, không có tiền riêng, không có bất kỳ cái gì riêng của mình. Vì vậy, họ cần phải được nghe lại về nguồn gốc của họ. Tôi không biết bạn đã đọc cuốn sách của Alex Hayes về nguồn gốc chưa? Đó là câu chuyện kể về một người có tổ phụ đã bị bán làm nô lệ ở tại châu Phi sau đó bị đưa đến nước Mỹ, anh ta đi tìm lại nguồn gốc của mình ở Tây Phi. Đó là một câu chuyện rất hấp dẫn. Nhưng ở đây, Môi-se phải viết lại lịch sử trước đó của dân của mình cho những người nô lệ này, để họ biết nguồn gốc của họ, để họ biết họ ra từ đâu. Nên Môi-se rõ ràng đã tập hợp từ ký ức của dân tộc của mình hai điều: Thứ nhất là gia phả của họ. Thứ hai là câu chuyện về các tổ phụ của họ. Sáng Thế Ký là tập hợp của các ký ức đó.

Nhưng từ Xuất Ê-díp-tô Ký trở đi, ông bắt đầu kể về những sự kiện diễn ra trong thời của ông. Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi Ký, Dân Số Ký và Phục Truyền là sự hỗn hợp của thể văn tường thuật, hay là kể chuyện, lẫn thể văn văn bản luật pháp, về điều gì đã xảy ra trong lịch sử của họ và về điều mà Đức Chúa Trời nói với họ, cách họ cần phải sống như thế nào.

Cấu trúc của Xuất Ê-díp-tô Ký

CHƯƠNG 1-18
NHỮNG VIỆC CHÚA LÀM CHO HỌ
ÂN ĐIỂN
PHÉP LẠ GIẢI CỨU HỌ RA KHỎI AI CẬP

1. Sinh sôi và sát nhân (Y-SƠ-RA-ÊN)
2-4. Bụi sậy và bụi gai cháy (MÔI-SE)
5-11. Tai ương và bệnh dịch (PHA-RA-ÔN)
12-13:16. Lễ hội và con đầu lòng (LỄ VƯỢT QUA)
13:17-15:21. Kẻ được giải cứu, kẻ bị chết chìm (BIỂN ĐỎ)
15:22-18:27. Được chăm sóc và che chở (ĐỒNG VẮNG)

CHƯƠNG 19-40
NHỮNG ĐIỀU CHÚA NÓI VỚI HỌ
LÒNG BIẾT ƠN
LUẬT PHÁP ĐỂ HỌ BIẾT PHẢI SỐNG THẾ NÀO

19-24. Các điều răn và giao ước (SI-NAI)
25-31. Cụ thể và chuyên gia (ĐỀN TẠM)
32-34. Phản loạn và cầu thay (BÒ CON VÀNG)
35-40. Xây dựng và cung hiến (ĐỀN TẠM)

Đây là một sự kết hợp độc đáo của thể văn kể chuyện và văn bản luật pháp. Đây là điểm đặc trưng của bốn sách này của Môi-se. Xuất Ê-díp-tô Ký cũng là một đặc trưng như thế. Chúng ta thấy phần đầu là thể văn kể chuyện, còn phần sau đó là luật pháp. Phần đầu kể lại về việc Đức Chúa Trời đã làm gì vì cớ họ, bằng những phép lạ mà giải cứu họ ra khỏi sứ nồ lệ. Nhưng phần sau, phần thứ hai, là phần nói về điều Đức Chúa Trời nói với họ, họ cần phải sống như thế nào. Bây giờ khi họ đã được tự do.

CHS. 1-18
DIVINE DEEDS
GRACE
LIBERATION
FROM EGYPT
SLAVERY
REDEMPTION

1. Multiplication and murder (ISRAEL)
2-4. Bulrushes and bush (MOSES)
5-11. Plague and pestilence (PHARAOH)
12-13^{16} Feast and firstborn (PASSOVER)
13^{17}-15^{21} Delivered and drowned (RED SEA)
15^{22}-18^{27} Provided and protected (WILDERNESS)

CHS. 19-40
DIVINE WORDS
GRATITUDE
LEGISLATION
TO SINAI
SERVICE
RIGHTEOUSNESS

19-24 Commandments and covenant (SINAI)
25-31 Specification and specialists (TABERNACLE)
32-34 Indulgence and intercession (GOLDEN CALF)
35-40 Construction and consecration (TABERNACLE)

Nửa đầu minh hoạ cho thấy ân điển của Đức Chúa Trời đối với họ, ơn tự do của Ngài đã kéo họ ra khỏi nan đề của họ. Phần thứ hai là chờ đợi, họ cần phải có sự biết ơn đối với ân điển của Chúa bằng cách sống theo đường lối của Ngài.

Lý do tôi muốn nhấn mạnh điều này, đó là bởi vì có quá nhiều người khi đọc luật pháp của Môi-se thì lại nghĩ rằng đây là luật pháp, và bởi luật pháp này họ có thể được cứu chuộc. Không, không phải như vậy. Họ đã được Đức Chúa Trời cứu chuộc trước và sau đó được ban cho luật pháp để giữ lòng biết ơn đối với Chúa. Điều này rất là quan trọng. Họ không được ban luật pháp trước, mà họ được giải cứu trước, được tự do trước, sau đó họ được ban cho luật pháp để sống theo đó.

Tôi nghĩ rằng Tân Ước cũng giống như vậy. Chúng ta được cứu trước, rồi chúng ta được cho biết là chúng ta cần phải sống một cuộc sống thánh khiết như thế nào. Chúng ta không phải là bởi sống ngay thẳng trước thì mới trở thành Cơ Đốc nhân, mà chúng ta trải thành Cơ Đốc nhân bởi vì được cứu chuộc trước, được giải cứu trước, sau đó thì cần phải sống ngay thẳng.

Như vậy, sự giải cứu, sự giải phóng xảy ra trước khi có luật pháp, họ đã được giải phóng để được tự do, và bây giờ họ được biết rằng không được lạm dụng sự tự do của họ, mà cần phải sử dụng sự tự do ấy một cách đúng đắn.

Như vậy ở đây, họ đã được giải phóng ra khỏi Ai Cập, và giờ họ bước vào một giao ước, hay là có thể gọi là hôn nhân với Đức Chúa Trời tại núi Si-nai. Cần có một lễ cưới. Đức Chúa Trời cũng đã nói rằng *Ta sẽ,* và dân của Ngài cũng đáp lại rằng, *chúng tôi sẽ*. Như vậy, họ được kết hợp lại, giống như trong một giao ước, một hôn nhân, và có tuần trăng mật. Sau đó hôn nhân sẽ bắt đầu ở mảnh đất mà Đức Chúa Trời đã chọn cho họ.

Họ được cứu khỏi nô lệ, nhưng không phải là để họ sống theo ý riêng của mình. Họ được gọi đến sa mạc này để phục vụ Đức Chúa Trời. Họ đã được tự do khỏi nô lệ để phục vụ Ngài. Đây là điều rất quan trọng. Tân Ước cũng giống hệt như vậy đối với các Cơ Đốc nhân. Chúng ta không phải được giải phóng để muốn sống thế nào thì sống. Chúng ta được giải phóng để phục vụ Đức Chúa Trời, là đấng mà khi chúng ta phục vụ Ngài chúng ta sẽ có sự tự do trọn vẹn.

Như vậy, sự cứu chuộc đến trước sự công chính, đây là điều rất quan trọng. Xuất Ê-díp-tô Ký cho chúng ta biết rõ điều đó. Đức Chúa Trời đã cứu chuộc trước, bây giờ Ngài nói với họ rằng, hãy sống đúng đắn, bởi vì Ta đã cho các con được tự do. Như vậy, đây là hai nửa của Xuất Ê-díp-tô Ký.

Sau đó tôi chia phần còn lại thành 10 phần rất đơn giản, và mỗi phần như vậy có một tên gọi riêng, bởi vì nó giúp cho tôi dễ nhớ. Có sáu phần trong chương từ 1 đến 19 và bốn phần từ chương 19 đến 40. Tôi sẽ đọc qua sáu phần trong nửa đầu, đó là sinh sôi và sát nhân nói về việc người Hê-bơ-rơ đã gia tăng thế nào trong vòng 400 năm, từ một gia đình trở thành 2,5 triệu người. Đây là một sự gia tăng đáng kể. Nhưng thực ra thì cũng chỉ cần mỗi gia đình, mỗi thế hệ có bốn con thì trong ba thế hệ thôi thì đã có thể đạt đến con số này. Về mặt toán học là như vậy. Nên cũng không phải là sự sinh sôi này quá là lớn, nhưng dù sao thì đây cũng là một sự sinh sôi. Họ trở nên một số lượng rất lớn.

Sau đó thì các bé trai đã bị Pha-ra-ôn tàn sát nên gọi là sát nhân.

Thứ hai đó là bụi sậy và bụi gai cháy, bởi vì Môi-se đã được cứu ra khỏi bụi sậy, ông được đặt tên là Môi-se nghĩa là được cứu ra khỏi nước, vì tất cả các bé trai đều bị quăng xuống dòng sông Nin cho cá sấu ăn thịt, và Môi-se đã được cứu ra khỏi nước.

Phần tiếp theo đó là tai ương và bệnh dịch đã giáng trên Pha-ra-ôn vì ông cứng lòng.

Phần tiếp theo đó là lễ hội và con đầu lòng. Đó là nguồn gốc của Lễ Vượt Qua.

Kẻ được giải cứu, kẻ bị chết chìm. Người Y-sơ-ra-ên không bị chết chìm, nhưng quân đội Ai Cập đã bị như vậy.

Được chăm sóc và được che chở. Kể về hành trình họ ra khỏi Ai Cập đến núi Si-nai, có một số điều đã xảy ra dọc đường. Đức Chúa Trời đã bảo vệ họ và cung ứng cho họ như thế nào. Tại nơi đồng vắng, nơi quân đội Ai Cập đã bị tiêu diệt trong vòng ba ngày. Nhưng Đức Chúa Trời đã cho dân của Ngài sống sót một cách rất là kỳ lạ suốt 40 năm. Rất nhiều phép lạ.

Phần thứ hai, chúng ta có các điều răn, đặc biệt là 10 điều răn. Sau đó, những điều răn được đóng ấn trong một giao ước hôn nhân giữa Đức Chúa Trời với dân của Ngài. Đức Chúa Trời nói rằng *Ta sẽ*, dân sự cũng đáp lại rằng *chúng tôi sẽ*, và họ được kết hiệp cùng với nhau mãi mãi. Đức Chúa Trời không bao giờ từ bỏ giao ước.

Sau đó, từ chương 25 đến 31, chúng ta có sự kiện, Đức Chúa Trời bây giờ sẽ sống giữa dân Ngài, nên Ngài cần một cái trại, và trại của Ngài khác với trại của dân sự, bởi vì nếu không họ có thể nghĩ rằng Ngài cũng giống như họ. Nên chúng ta có những chỉ thị rất cụ thể về việc lều tạm sẽ được làm như thế nào. Đức Chúa Trời cũng đã sắm sẵn những chuyên gia, những người mà trước đây chỉ có làm gạch, nhưng bây giờ họ cần phải làm việc với vàng, bạc và gỗ. Đức Chúa Trời đã phải dạy cho họ những kỹ năng mới này, Thánh Linh đã ban cho họ những kỹ năng đó cho dân của Ngài. Là những người chưa từng sản xuất bất cứ điều gì ngoài gạch. Đây cũng là một phép lạ.

Sau đó có phần buồn nhất trong câu chuyện của Xuất Ê-díp-tô Ký, đó là khi dân Chúa tạo nên tượng bò con vàng và Môi-se đã phải cầu thay cho dân của Ngài, còn nếu không, thì họ sẽ không thể đi xa hơn được nữa.

Cuối cùng, Xuất Ê-díp-tô Ký kết thúc bằng sự hướng dẫn về lều tạm, sự xây dựng lều tạm, dựng lều tạm lên, và Đức Chúa Trời ngự trị giữa họ, sự vinh hiển đã ráng xuống trên lều tạm.

Nguồn gốc tên gọi Xuất Ê-díp-tô Ký

Trong tiếng Hê-bơ-rơ, sách này được gọi là *Này là Tên Của*. Đó là bởi vì sách này được đọc từ những cuộn sách. Những từ đầu tiên của cuộn sách nào thì là tên gọi của sách đó. Tên của tất cả các sách Môi-se đều được đặt như vậy. Nhưng khi sách được dịch ra tiếng Hy Lạp, thì người ta đã đặt những tên khác cho sách này. Họ đã sử dụng hai từ trong tiếng Hy Lạp là *ex*, nghĩa là ra khỏi, và *hodos*, nghĩa là con đường. Exhodos nghĩa là đường ra khỏi. Bạn có thể nhìn thấy từ này trong những nhà hát Hy Lạp, giống như từ exit trong tiếng Anh, nghĩa là lối ra, còn trong tiếng Hy Lạp là ex-hodos. Sách này được gọi là Lối Ra, hay là ex-hodos, và được dịch trên tiếng Anh thì hơi khác một chút, là thành *Exodus*, hay trong tiếng Việt là Xuất Ê-díp-tô Ký. Nhưng tôi biết rằng khi đọc tên sách thôi thì các bạn cũng hiểu được ý nghĩa của điều này, bởi vì nó liên quan đến lối ra, thoát ra.

Đây là sự thật hay chỉ là sự tưởng tượng?

Có rất nhiều vấn đề trong phần đầu tiên của sách này, từ chương 1 đến 18, bởi vì câu chuyện này rõ ràng là rất không tự nhiên. Khi bạn đọc hết chuyện này đến chuyện khác, bạn sẽ phải tự hỏi là, *có phải điều này thực sự xảy ra không?* Có rất nhiều người nói rằng chuyện này không thể thực sự xảy ra được. Chúng ta chỉ đang đọc truyền thuyết và thần thoại mà thôi. Có một loạt phim ở trên truyền hình cách đây không lâu đi theo hướng đó, nó nói với chúng ta rằng toàn bộ câu chuyện này là tập hợp của những truyền thuyết và thần thoại để nói về nguồn gốc của dân Do Thái.

Vậy thì đâu là sự thật? Bên ngoài Kinh Thánh không có một vết tích nào của bất kỳ tài liệu nào của bất kỳ một dân tộc nào, chẳng hạn dân Ai Cập về những câu chuyện này. Điều này rất đáng kinh ngạc bởi vì người Ai Cập có rất nhiều ghi chép. Nên đây là một trong những lý do người ta nói rằng đây là thần thoại. Nhưng tôi nghĩ rằng là người Ai Cập không ghi lại chuyện này cũng là điều hiển nhiên, đúng không? Rõ ràng là người Ai Cập không muốn ghi lại một câu chuyện nhục nhã như vậy, khi những cỗ xe và những người cưỡi ngựa của họ bị chết chìm trong Biển Đỏ.

Vấn đề thứ hai là các con số. 2,5 triệu người. Đây là một con số rất lớn. Nếu như họ diễu hành thành hàng năm người một, thì hàng của họ sẽ kéo dài tới 180 km và phải mất hàng tháng để vượt qua, 2,5 triệu người, nam, nữ và trẻ con, chưa nói đến súc vật nữa. Thậm chí có một số người Ai Cập cũng cùng ra đi với họ. Đây là một con số rất lớn để trải qua sa mạc trong 40 năm, lại không có đồ ăn, không có đồ uống một cách thông thường. Nên con số này cũng tạo nên chuyện khó tin cho nhiều người.

Việc tiếp theo nữa đó là niên đại hay ngày tháng. Không có tài liệu nào ngoài Kinh Thánh. Trong Kinh Thánh thì cũng không cho chúng ta biết một cách chính xác. Chẳng hạn chúng ta không biết đây là thời kỳ của Pha-ra-ôn nào. Có hai phương án mà các học giả đưa ra. Thứ nhất đó là vào khoảng thế kỷ thứ 15 TCN, thứ hai đó là thế kỷ 13 TCN. Nếu là thế kỷ thứ 15 thì đó là Pha-ra-ôn Tumus, nhưng nếu là thế kỷ thứ 13, thì đó là Pha-ra-ôn Ramses, tôi thì theo xu hướng này.



Bốn bức tượng của Pha-ra-ôn Ramses

Đây là một Pha-ra-ôn rất ấn tượng. Đôi khi chúng ta cứ nghĩ rằng Pha-ra-ôn thì cũng chỉ là một vị vua nhỏ thôi, nhưng ông ta không phải như vậy. Ông ta là một hoàng đế hùng mạnh, có một quân đội hùng mạnh trong thế giới cổ đại. Một người có thể khiến cho người ta dựng 4 bức tượng cho mình trên một đỉnh núi thì rõ ràng ông rất mạnh. Nhưng trong con mắt của Đức Chúa Trời thì ông ta không là gì cả, Đức Chúa Trời dễ dàng xử lý người này. Nhưng nói như vậy để chúng ta thấy rằng, chúng ta đang nói đến vị Pha-ra-ôn nào trong suốt Xuất Ê-díp-tô Ký.

Sau đó là vấn đề về hành trình ra khỏi Ai Cập. Chúng ta không biết chính xác là họ đã đi theo hành trình nào. Có tới ba phương án để cân nhắc. Thứ nhất là phía Bắc, thứ hai là phía Trung, và thứ ba là phía Nam. Chúng ta sẽ xem xét tất cả những điều này.

Tất cả những câu hỏi này khiến cho các học giả đặt ra nghi vấn là đây là sự thật hay đây chỉ là sự tưởng tượng hay là kết hợp của cả hai, vì có một số bộ phim trên TV nói về vấn đề này. Thực ra suy cho cùng thì vấn đề ở đức tin thôi. Đức tin của tôi nói rằng lời giải thích dễ hiểu và hợp lý nhất cho những sự kiện trong Xuất Ê-díp-tô Ký đó là, đây là một phép lạ.

Đâu là những dữ kiện mà chúng ta có? Thứ nhất, đó là sự tồn tại của một dân tộc có tên là Y-sơ-ra-ên. Không ai có thể phủ nhận rằng có một dân tộc được gọi là Y-sơ-ra-ên trên thế giới ngày nay. Vậy họ ra từ đâu? Làm thế nào họ có sự khởi đầu của mình? Họ đã trở thành một dân tộc như thế nào nếu như trước đây họ thực sự là một nhóm người nô lệ? Chúng ta biết từ những tài liệu thế tục rằng trước đây họ là một nhóm người nô lệ. Hẳn phải có một điều gì đó kịch tính đã xảy ra để giải thích được sự tồn tại của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Một dữ kiện nữa đó là mỗi một năm, mỗi một gia đình Do Thái đều kỷ niệm Lễ Vượt Qua. Đó là một dữ kiện thực tế. Mỗi một gia đình Do Thái đều kỷ niệm lễ đó. Vì sao họ có lễ đó? Bạn cần phải có một lời giải thích nào đó cho những nghi thức đã tồn tại qua nhiều nghìn năm.

Xuất Ê-díp-tô Ký cho chúng ta giải thích hợp lý về điều này. Tôi có thể đưa ra nhiều dữ kiện khác nữa cho thấy rằng chúng ta phải chấp nhận thực tế này và phải có lời giải thích cho một dân tộc này. Xuất Ê-díp-tô Ký cho chúng ta lời giải thích hợp lý nhất về tất cả những thực tế đó.

Từng phần một của sách

Tiếp theo, chúng ta sẽ đi qua từng phần một của sách này. Tôi sẽ không thể bình luận, hay là đưa ra chú giải về từng câu một, nhưng mỗi một phần như vậy, tôi đưa ra một vài thông tin mà tôi nghĩ rằng chúng có thể khiến cho bạn đặt câu hỏi, và tôi muốn cố gắng để đưa ra câu trả lời cho những điều đó.

Sự sinh sôi và sát nhân

Trước hết, chúng ta sẽ nói về sự sinh sôi và sát nhân. Câu hỏi đặt ra, đó là vì sao họ lại ở Ai Cập lâu như vậy, tận 400 năm? Họ xuống dưới đó vào thời của Giô-sép và Gia-cóp, lúc nạn đói xảy ra, và Ai Cập có bánh, nên họ đã xuống đó, đơn giản bởi vì kiếm đồ ăn. Họ đã tình nguyện xuống Ai Cập, và họ đã được chính quyền Ai Cập tiếp nhận và cho họ sống ở vùng đất khá màu mỡ, đó là vùng Gô-sen, và họ ở đó suốt những năm đói kém. Nhưng cuối ở thời kỳ đó, tại sao họ không quay trở lại xứ sở của mình và vùng đất riêng của mình, mà lại quyết định ở lại Ai Cập? Thực tế là họ ở lại lâu đến mức sau đó họ không còn được chào đón nữa, nên họ đã bị buộc phải trở thành nô lệ, lực lượng lao động ở tại Ai Cập. Vậy tại sao họ không ra khỏi Ai Cập? Có câu trả lời theo cách của con người và có câu trả lời theo cách của Chúa. Tôi sẽ cho các bạn cả hai.

Theo cách của con người, trước hết đó là Ai Cập khá là thoải mái. Sống ở tại vùng đồng bằng sông Nin dễ dàng hơn nhiều so với việc sống ở những vùng núi tại Giu-đê. Vùng đồng bằng sông Nin rất màu mỡ, khí hậu ấm áp, không có tuyết như ở vùng núi xứ Giu-đê. Nên ở đó quá là thoải mái, cũng giống như Lót đã cảm thấy thoải mái hơn khi sống ở thung lũng Giô-đan, tại Sô-đôm và Gô-mô-rơ. Khí hậu ở đó rất giống với vùng đồng bằng sông Nin, ở đó có vẻ như thoải mái hơn. Người ta muốn sống ở tại những nơi thoải mái hơn, cuộc sống dễ dàng hơn. Nên họ đã ở đó, mặc dù Đức Chúa Trời

chưa bao giờ cho họ một vùng đất nào ở tại Ai Cập. Đức Chúa Trời cho họ những vùng đồi núi tại sứ Ca-na-an. Họ thuộc về nơi đó.

Thực ra, chúng ta không thể lên án họ được bởi vì chúng ta cũng có xu hướng làm nhiều giống như vậy. Họ không muốn rời đi cho đến khi đã quá muộn. Nhưng rất là kì lạ là rất nhiều Cơ Đốc nhân, đôi khi cũng như vậy, họ tìm một ngôi nhà mới trước khi tìm một hội thánh, hoặc nơi họ có thể phục vụ Chúa ở tại nơi sống mới đó. Dân Y-sơ-ra-ên cũng đã làm như thế, họ đã ở Ai Cập quá lâu, đến cuối cùng đã bị quá muộn và không còn được chọn để rời đi nữa.

Đó là câu trả lời theo kiểu con người. Khi đó, và chỉ khi đó, họ mới kêu gào với Đức Chúa Trời rằng, Chúa ơi, tại sao Ngài lại để chúng con là nô lệ ở tại Ai Cập? Rất là kỳ lạ đúng không? Khi rơi vào nan đề rồi thì chúng ta bắt đầu đổ tội cho Chúa, là tại sao không giải cứu con sớm hơn.

Nhưng Đức Chúa Trời đã không làm gì cho họ trong suốt 400 năm. Tại sao? Nếu họ quay trở lại ngay sau khi nạn đói qua đi, thì lúc đó họ mới chỉ là một ít người. Có chỗ cho nhóm ít người đó ở tại Ca-na-an. Nhưng bây giờ, họ đã ở đó quá lâu và dân số đã trở nên quá đông, nên không còn đất cho họ ở tại xứ Ca-na-an nữa, bởi vì đã có những người khác sống ở tại sứ Ca-na-an rồi.

Bây giờ, Đức Chúa Trời sẽ phải đuổi những dân tộc đó đi, nhưng chỉ khi họ đã trở nên quá gian ác, nên không còn xứng đáng để sống tại đó nữa. Đức Chúa Trời đã giải thích trong Sáng Thế Ký với Abram điều này, rằng dòng dõi của con sẽ ở tại Ai Cập đủ lâu, cho đến khi sự gian ác của những người ở Ca-na-an được đầy trọn. Như vậy, trước khi Đức Chúa Trời đuổi những người Ca-na-an ra khỏi xứ sở của họ thì Ngài phải chờ đợi để tội ác của họ đầy trọn thì mới có thể hợp pháp để làm điều đó. Như vậy, Đức Chúa Trời đã phải chờ đợi trước khi Ngài có thể làm điều đó, và đó là lý do mà Ngài đã đưa ra thời gian 400 năm. Đó là một khoảng thời gian lâu. Thế hệ này quá thế hệ khác. Tiếp tục đặt câu hỏi và cầu nguyện với Chúa rằng, sẽ có một ngày Ngài sẽ giải cứu chúng ta khỏi xứ này. Bốn thế kỷ. Cần sự nhịn nhục để làm được điều đó. Vào đúng thời điểm của Ngài, Đức Chúa Trời đã lắng nghe và Ngài đã hành động.

Họ đã phải trải qua ba sắc lệnh áp bức. Thứ nhất đó là lao động cưỡng bức. Thứ hai đó là làm gạch mà không có rơm. Bạn hiểu điều này có nghĩa gì không? Bạn đã bao giờ nâng hai viên gạch một viên làm có rơm, một viên không có rơm chưa? Viên không có rơm, nặng hơn viên có rơm khoảng ba lần. Càng thêm nhiều rơm, thì gạch càng nhẹ hơn, càng dễ mang hơn. Còn gạch mà không có rơm thì rất là nặng. Người Ai Cập nghĩ rằng nếu như ra sắc lệnh đó, thì người Do Thái sẽ không còn năng lượng nữa để chơi bời, hay là quan hệ tình dục, để họ mệt đến nỗi không còn làm tình được nữa, và như vậy thì dân số của người Hê-bơ-rơ sẽ bị giảm đi. Thực tế thì ngược lại, càng khó khăn thì người nô lệ Hê-bơ-rơ lại càng sinh thêm con, nên họ phải ra một sắc lệnh thứ ba, và đó là quăng tất cả các bé trai xuống dòng sông Nin cho cá sấu. Sông Nin là nguồn sống cho người Ai Cập. Sẽ không có sự sống tại Ai Cập nếu như không có dòng sông Nin, nhưng đây lại là nơi chết cho những người nô lệ Hê-bơ-rơ.

Bụi sậy và bụi gai cháy

Tôi nghĩ là không cần phải nói nhiều về điều này. Ngoài sự kiện là Môi-se giống như Giô-sép đã được trưởng dưỡng trong cung điện, nên ông đã có một nền học vấn tốt nhất. Nếu như bạn đi đến bảo tàng Thames & Bankers tại London, bạn sẽ nhìn thấy kim Cleopatra, có hai cột kim, và hai cột kim đó là hai cột được dựng trước cổng của trường đại học ở tại Ai Cập. Khi bạn nhìn thấy kim Cleopatra, là thực ra bạn đang nhìn vào điều mà Môi-se đã được nhìn mỗi một ngày khi còn là sinh viên, khi ông

đi qua cái cổng đó. Ông có học vấn đại học, và điều đó tất nhiên khiến ông trở thành người có học hơn so với những người nô lệ Hê-bơ-rơ. Đây là lý do giải thích vì sao ông có khả năng viết được năm sách đầu tiên trong Kinh Thánh. Kinh Thánh có chép rằng ông đã ghi lại một cách rất cẩn thận những điều đã xảy ra. Ông tập hợp ký ức của mọi người, và tập hợp lại thành năm cuốn sách. Học vấn của ông như một Hoàng tử Ai Cập không phải là lãng phí. Nhưng tất nhiên, tất cả những điều đó đã bất ngờ mất đi khi ông nóng tính và đã giết một trong những người đốc công Ai Cập, và ông buộc phải bỏ chạy để giữ mạng sống của mình. Một điều rất thú vị đó là sau đó 40 năm ông phải ở tại chính đồng vắng, chính sa mạc, mà sau đó ông sẽ phải sống 40 năm cùng với dân Y-sơ-ra-ên. Như vậy một lần nữa chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị ông cho điều này.

Tôi không biết các bạn có làm được điều này không, nhưng tôi còn có thể nhớ lại những ngày tôi chưa tin Chúa và nhìn thấy Đức Chúa Trời đã chuẩn bị tôi cho những điều đã xảy ra sau đó. Tôi nhớ đã từng tham dự cuộc thi kể chuyện cho thiếu nhi ở vùng nông thôn. Không hề nghĩ rằng khi làm như vậy là Đức Chúa Trời cũng đang chuẩn bị tôi cho điều mà bây giờ tôi đang làm. Đức Chúa Trời đã khiến cho Môi-se sẵn sàng để dẫn dân của Ngài qua đồng vắng bằng cách khiến ông ở tại đó 40 năm trong đồng vắng, như một người chăm sóc cho chiên và dê.

Bụi gai cháy rất là thú vị. Vấn đề không phải ở chỗ bụi gai đó, nhưng vấn đề là những lời biện minh mà Môi-se đã đưa ra. Đức Chúa Trời kêu gọi Môi-se từ bụi gai cháy và nói rằng, *con hãy cởi giày con ra, bởi vì nơi con đứng là đất thánh.* Sau đó Ngài nói rằng, *con sẽ là người để dẫn dân ta ra khỏi Ai Cập. Con sẽ kéo họ, con đã được lôi ra khỏi dòng sông đi. Bây giờ con hãy kéo dân ta ra khỏi Ai Cập.*

Môi-se đã đưa ra 5 lý do thoái thác tại sao ông không làm được điều đó. Một lần nữa, bạn có thể thấy rằng bạn đôi khi cũng có đưa ra những lý do giống như thế. Trước hết đó là con chẳng là ai cả. Con là ai đâu? Con là ai đâu để mà ai đó phải để ý, phải nghe con? Các bạn đã bao giờ nghe câu này chưa? Đức Chúa Trời đã đáp lại rằng, *Ta sẽ ở cùng con. Ta là ai? Ta là người quan trọng, không phải là con.*

Như vậy, Môi-se đưa ra lý do thứ hai. *Con thiếu hiểu biết lắm. Con sẽ nói gì bây giờ?* Đức Chúa Trời nói, *Ta hứa với con là ta sẽ cho con biết con phải nói gì.* Ông đưa ra lý do thứ ba, *Con không có khả năng. Con không thể thuyết phục người ta được. Người ta sẽ không tin con đâu.* Đức Chúa Trời nói, *quyền năng của ta sẽ ở cùng với con. Con sẽ làm phép lạ.*

Sau đó, Môi-se đưa ra lý do thứ ba. *Con không đầy đủ, con lắp bắp. Thực ra là con bị nói lắp. Nên con không thể sắp xét từ này với từ kia được với nhau.* Bạn bao giờ nói điều đó với Chúa chưa? Chúa nói rằng, rồi, anh con là Aaron sẽ là tiên tri cho con. Nên Aaron là tiên tri của con. Tiên tri nghĩa là người phát ngôn. Như vậy con sẽ nói với Aaron biết cần phải nói cái gì, và Aaron sẽ nói với Pha-ra-ôn, đó là điều mà một tiên tri làm, truyền đạt thông điệp.

Lý do cuối cùng mà Môi-se đưa ra, đó là *con không liên quan, ngại sai ai đó thì sao? Đây có con đây này, nhưng sai người khác đi.* Một lần nữa, có rất nhiều người đã trả lời, đã đáp lại tiếng gọi của Chúa cách như vậy, *xin hãy sai ai đó đi, Chúa ơi, đừng sai con.* Đức Chúa Trời đã hứa cho Môi-se một người cộng tác.

Tai ương và bệnh dịch

Có tất cả 10 tai vạ, nước sông Nin biến thành máu, ếch nhái, muỗi, ruồi, bệnh tật trên thú vật, châu chấu cào cào, sự tối tăm và sự chết của các con trưởng. Các bạn để ý thấy 10 tai vạ đó không? Điều trước hết mà tôi có thể nói đó là Đức Chúa Trời kiểm soát hoàn toàn trên thế giới của các loài côn trùng. Giống như trong sách Giô-na, phép lạ lớn nhất ở đó không phải là con cá lớn, nhưng là con sâu. Con cá lớn thì dễ rồi. Huấn luyện con cá lớn nhiều khi dễ. Nhưng huấn luyện con sâu thì khó hơn nhiều. Thế mà Chúa có thể làm điều đó với con sâu và Ngài đã nói với những con muỗi và những con châu trấu cần phải làm gì. Chúng ta thấy khả năng kiểm soát của Đức Chúa Trời rất là kỳ diệu trên tất cả những gì Đức Chúa Trời đã tạo dựng.

Nhưng còn có một điều khác nữa. Trước hết, bạn có thể để ý thấy là cấp độ càng gia tăng không? Từ đầu tiên chỉ là không thoải mái một chút, nhưng sau đó trở thành bệnh tật, sau đó nguy hiểm, và sau đó là sự chết. Tai vạ càng ngày càng trở nên khủng khiếp, Pha-ra-ôn và dân sự của ông đã khước từ, không chịu đáp lại trước những sự cảnh báo của Chúa. Tôi nghĩ rằng rất nhiều đọc giả Cơ Đốc đã bỏ lỡ rằng ở đây thực ra còn là một cuộc chiến về mặt tôn giáo. Đây là một cuộc chiến giữa các vị thần. Bởi vì mỗi một phép lạ này là thực ra là một sự tấn công trên một vị thần nhất định mà người Ai Cập đã thờ phượng.

Tôi kể tên một số những vị thần Ai Cập. Thứ nhất là thần Khanû, Hapi, lloris là các vị thần của sông Nin, họ tin rằng máu của thần lloris là dòng sông Nin. Tiếp theo nữa, đó là thần Heqet, là thần ếch, Hathor là nữ thần bò, Abis thần bò đực, Mendevut là thần bò, thần bầu trời, Geb là thần bảo vệ mùa màng, rồi bốn vị thần mặt trời, Pha-ra-ôn cũng là một vị thần. Như vậy bạn có thể thấy rằng những tai vạ này, là giáng trên các thần của người Ai Cập. Thông điệp ở đây rất đơn giản, Thần của những người nô lệ Hê-bơ-rơ này quyền năng hơn tất cả các thần của Ai Cập, nhưng họ đã không nghe theo.

Vấn đề lòng của Pha-ra-ôn

Có một vấn đề nhỏ nữa về lòng của Pha-ra-ôn mà tôi thấy rằng cần phải nhắc tới. Ở đây có nói rằng Đức Chúa Trời đã làm cứng lòng của Pha-ra-ôn. Tôi nghĩ rằng có một số người đã nhấn mạnh thái quá điều này và nhấn mạnh thái quá về sự tiền định. Đặc biệt là đối chiếu với Rô-ma chương 9, khi Phao-lô nói về việc Đức Chúa Trời làm cứng lòng Pha-ra-ôn. Bạn có thể đi thái quá về sự tiền định và nói rằng Đức Chúa Trời là đấng lựa chọn Ngài sẽ làm mềm lòng ai, hay làm cứng lòng ai, đó là sự lựa chọn của Ngài, chúng ta không biết vì sao Ngài làm điều đó, nhưng Ngài đã chọn. Ngài đã chọn Pha-ra-ôn và làm cứng lòng Pha-ra-ôn.

Nhưng đó không phải là sự dạy dỗ của Kinh Thánh. Nếu như bạn nghiên cứu điều này một cách cẩn thận, bạn sẽ thấy rằng 10 lần lòng Pha-ra-ôn đã trở nên cứng cỏi. Nhưng bảy lần đầu tiên, Pha-ra-ôn đã tự làm cứng lòng mình. Sau khi ông đã tự làm cứng lòng mình bảy lần, thì Đức Chúa Trời nói rằng, *vì con đã chọn điều đó, Ta sẽ tiếp tục, ta sẽ giúp con tiếp tục đi theo con đường đó*. Đức Chúa Trời đã làm cứng lòng Pha-ra-ôn ba lần. Khi chúng ta biết thông tin này, tôi thấy rằng chuyện đó đã trở nên hoàn toàn khác.

Đó là Đức Chúa Trời chỉ làm cứng lòng Pha-ra-ôn, sau khi ông đã cố tình và lặp đi lặp lại, tự làm cứng lòng chính mình. Thực tế, đó chính là điều mà Đức Chúa Trời đã làm, khi Ngài trừng phạt dân của Ngài, Ngài nói rằng, *nếu như con cứ tiếp tục đi theo đường này, ta sẽ cho con đi theo đường đó*. Như sách cuối cùng của Kinh Thánh nói rằng kẻ nào ô uế cứ còn ô uế nữa, hay nói cách khác, nếu đó là con đường mà bạn chọn, thì Đức Chúa Trời sẽ phó mặc bạn đi theo con đường đó. Nên không có

sự lựa chọn chuyên quyền ở đây. Pha-ra-ôn đã làm cứng lòng mình trước, và sau đó Đức Chúa Trời phó ông, làm cứng lòng ông, theo cách đó.

Tôi muốn nói điều này bởi vì chuyện này đôi khi đã bị lạm dụng để rao giảng về một Đức Chúa Trời chuyên quyền, nhấn mạnh thái quá về sự tiền định là điều Kinh Thánh không dạy. Đức Chúa Trời đáp ứng trước sự lựa chọn của chúng ta, và nếu chúng ta cứ ghì mài trong việc chọn làm những điều sai trái, thì Đức Chúa Trời sẽ phó mặt chúng ta đi theo đường lối đó, để rồi chúng ta sẽ thấy sự phán xét của Ngài, nếu như chúng ta không chịu đáp ứng trước sự thể hiện của lòng thương sót của Ngài.

Lễ Vượt Qua và con đầu lòng

Chúng ta đến với phép là về Lễ Vượt Qua và con đầu lòng. Điều này có mối liên hệ trực tiếp với tai vạ thứ 10. Tai vạ thứ 10 đó là tất cả những bé trai đầu lòng ở tại xứ Ai Cập đều sẽ phải chết. Điều đó cũng sẽ xảy ra với người Do Thái, trừ trường hợp họ phải làm một điều gì đó. Điều họ phải làm đó là phải bôi máu trên cột cửa của họ. Máu có màu đỏ tươi, là màu khó thấy nhất trong bóng tối. Nhưng thiên sứ thì nhìn thấy rất rõ. Thiên sứ của sự chết đã đi ngang qua xứ Ai Cập, và khi nhìn thấy máu ở trên cột cửa nhà nào, thì thiên sứ sẽ vượt qua nhà đó.

Điều đầu tiên tôi muốn nói, đó là họ lấy máu đó từ đâu ra? Trước khi họ có thể bôi nó trên cột cửa, họ phải có máu đó. Máu đó nghĩa là một sinh mạng vô tội đã phải chết. Sau đó, máu đó phải được bôi lên, bởi vì nếu như họ không bôi máu đó trên cột cửa thì cũng không có tác dụng gì. Như vậy, họ phải lấy máu từ chiên con, chúng ta gọi như vậy, nhưng điều đó gây hơi gây hiểu lầm. Vì chúng ta nghĩ đến chiên con nhỏ nhỏ trắng trắng xinh xinh, nhưng đây là cừu đực, nghĩa là một con cừu một tuổi, mạnh mẽ, và khi chúng ta gọi Chúa Giê-su là chiên con của trời, đôi khi nó tạo ra cái cảm giác sai cho chúng ta. Ngài là cừu đực một tuổi là tương ứng với một người đàn ông trưởng thành 30 tuổi. Họ đã giết cừu đực, lấy máu của nó bôi trên cột cửa. Rồi họ đưa xác của con cừu đực vào trong nhà, nướng nó, và ăn.

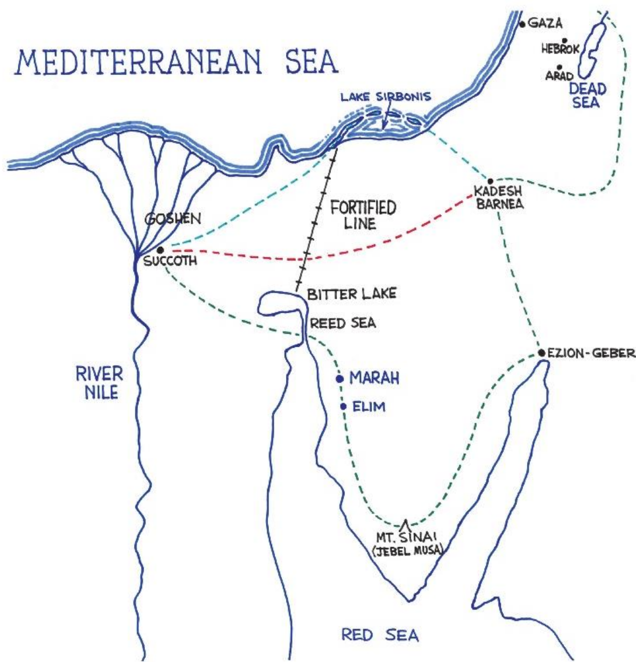


Họ đứng ăn, quần áo sẵn sàng, để sẵn sàng rời đi bất cứ lúc nào. Họ sẽ đi trong 40 năm tiếp theo. Họ mang theo khẩu phần là bánh không men, đi một cách cấp tốc. Họ giữ lễ đó, mỗi năm một lần kể từ thời đó. Thành viên nhỏ tuổi nhất trong gia đình sẽ đặt câu hỏi rằng tất cả những điều này có nghĩa gì, đêm này khác gì so với mọi đêm. Người lớn tuổi nhất sẽ trả lời rằng, đây là điều mà Đức Chúa Trời đã làm vào đêm hôm đó. Mỗi một con đầu lòng đều đã chết, nhưng con của chúng ta thì được cứu nhờ huyết của cừu đực.

XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ - Phần 2

Được cứu và bị chìm

Hãy tiếp tục nghiên cứu Xuất Ê-díp-tô Ký và chúng ta đã đến phần 5, Được Cứu và Bị Chìm. Tôi không thể không kể cho bạn câu chuyện về nhà giảng đạo tự do. Bạn có biết nhà giảng đạo tự do là ai không? Là một người miệng đọc Kinh Thánh, tay cầm kéo để cắt mọi phép lạ, nhà giảng đạo tự do này đang giảng về Xuất Ê-díp-tô Ký và ông ta nói rằng chẳng có phép lạ nào cả. Ông ta nói rằng vào thời điểm đó, ở chỗ đó, Biển Đỏ chỉ sâu có nửa mét, rồi một quý bà trong hội chúng la lên: Hallelujah! Ông ta dừng lại, hỏi sao bà lại hét lên là Hallelujah? Bà ấy bảo "Thật là một phép lạ lớn!" Ông ta nói: "Nhưng tôi đã giải thích rồi, nước chỉ sâu có nửa mét và họ chỉ lội qua thôi, phép lạ ở đâu ra?" Bà ấy bảo: "Nước có nửa mét mà nhúng chìm được cả quân đội Ai Cập." Bạn có nhìn thế nào thì đó cũng là phép lạ.



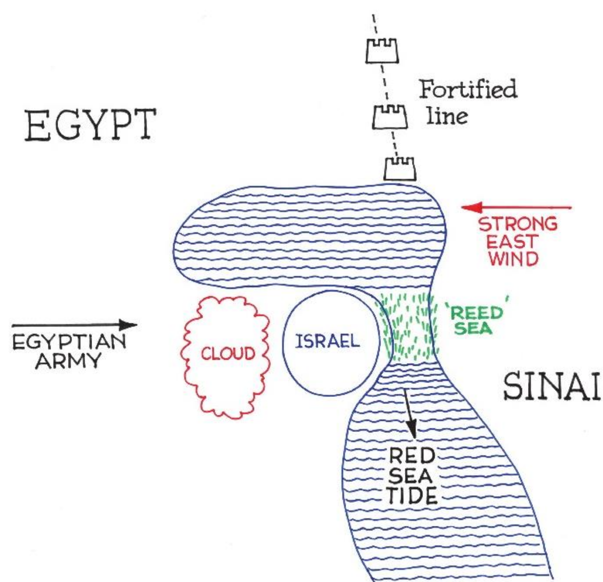
Những con đường người Do Thái có thể đã dùng để ra khỏi Ai Cập

Nhưng hãy nhìn vào khía cạnh thực tế và trước hết là câu hỏi: Họ đi theo tuyến đường nào để ra khỏi Ai Cập và vào Đất Ca-na-an? Có ba khả năng mà bạn sẽ thấy trong nhiều sách giải kinh và các sách về Kinh Thánh. Khả năng đầu tiên gọi là tuyến đường bắc tiến - họ rời Gô-sen ở đây và đi qua dãy bãi cát này. Đây là những bãi cát ở phần cạn của biển Địa Trung Hải và họ vượt biển ở đó, giả thiết này cho rằng họ vượt chính biển Địa Trung Hải, và xe ngựa không thể đuổi theo họ qua những bãi cát. Nếu xem bản đồ Ai Cập, bạn sẽ thấy những bãi cát này được đánh dấu, đây gọi là Hồ Sabonis phía trong và tiếp tục qua Ca-đe Ba-nê-a - đó là một giả thiết. Giả thiết thứ hai là họ đi thẳng qua Ca-đe Ba-nê-a - đó là giả thiết trung lộ.

Nhưng có một tuyến phòng thủ chừng ở vị trí Kênh đào Suez ngày nay. Người Ai Cập có một tuyến phòng thủ rất mạnh ở đây để chống lại mọi sự xâm lược từ phía đông và dân Y-sơ-ra-ên phải vượt qua tuyến phòng thủ đó, chắc không phải như vậy vì họ không có vũ khí và không thể chiến đấu. Khả năng thứ ba, tôi tin rằng cái này đúng, đó là tuyến đường nam tiến xuống Núi Si-na-i; đây là nơi Môi-se đã chăn chiên trong bốn mươi năm, ông quen thuộc với miền này, và tôi tin rằng ông đã dẫn họ qua chính chỗ dưới này, chắc hẳn là núi Jebel Musa, tên gọi của núi Si-na-i ngày nay, từ lâu đã được coi là nơi Môi-se nhận Mười Điều Răn. Sadat, tổng thống Ai Cập muốn xây một tòa nhà ở đỉnh núi Si-na-i, kết hợp cả nhà hội Do Thái, nhà thờ Hồi giáo và hội thánh Cơ Đốc trong một tòa nhà, nhưng ông đã bị ám sát trước khi làm điều đó. Nhưng mọi truyền thống tại Trung Đông đều đặt núi Si-na-i ở dưới đây.

Nhưng hãy nhìn kỹ hơn về vùng này vì nó có thể giải thích điều gì đó cho chúng ta. Kinh Thánh không nói rằng Đức Chúa Trời rẽ Biển Đỏ. Kinh Thánh chép rõ rằng Ngài khiến một trận gió đông rẽ Biển Đỏ ra. Sao một trận gió đông lại rẽ được biển cơ chứ? Đó là thắc mắc của nhiều người. Hãy xem xét khu vực đó kỹ hơn một chút. Thực ra Hồ Đắng Lớn được thông với cái mà chúng ta gọi là Biển Đỏ thời xưa, thông giữa chúng là một biển nông gọi là Biển Sậy và thực tế, rất có thể trong tiếng

Hê-bơ-rơ đó là Biển Sậy chứ không phải Biển Đỏ. Đây là Hồ Đắng Lớn của chúng ta ngày nay nhưng vào thời đó, nó được thông qua con kênh tựa đầm lầy gọi là Biển Sậy. Tuyến phòng thủ xuống tới tận Hồ Đắng. Dân Y-sơ-ra-ên rời Gô-sen và xuống phía nam vì Pha-ra-ôn chỉ cho họ đi vào hoang mạc, nghĩ rằng ông ta luôn có thể bắt họ trở lại.



Mô tả việc dân Ai Cập đuổi theo dân Do Thái trước Biển Đỏ

Bạn có thể tưởng tượng là họ đã đóng trại tại đây, được một trụ mây che khuất - Chúa sai một trụ mây đến để ngăn quân đội Ai Cập tiếp cận họ từ bên kia. Nếu họ vượt tại đây thì có hai lực tự nhiên có thể rẽ nó ra. Một trận gió đông mạnh có thể đẩy nước của Hồ Đắng Lớn theo hướng đó và khi triều xuống, nước Biển Đỏ có thể dạt sang hướng đó. Bạn có thấy nó rẽ ra chưa? Thay vì hai bức tường nước như trong phim của đạo diễn Cecil B DeMille, ở đây nước rẽ ra, nhưng tất nhiên là điều đó không lý giải cho phép lạ này chút nào. Tại sao gió đông lại thổi đúng lúc thế? Kinh Thánh chép rằng Chúa khiến nó thổi. Nên khi xem xét điều này một cách thực tế như vậy, chúng ta không cố gắng tầm thường hóa phép lạ ấy. Ít nhất thì đó là phép lạ trùng hợp, nhưng trong Kinh Thánh, không có thứ gọi là trùng hợp mà chỉ có ý chỉ, nhưng tôi tin rằng phép lạ đó đã xảy ra như tôi miêu tả. Thực tế, ảnh vệ tinh của vùng này cho thấy con kênh nối Biển Sậy vẫn còn đó nhưng giờ đã khô rồi.



Hình ảnh Hồ Đắng Lớn ở phía bên trái ảnh

Bạn có thấy không? Hồ Đắng Lớn - bạn có thể thấy đường trên ảnh vệ tinh; bạn có thể thấy Biển Sậy cũ rất rõ, trong khi nhìn trên mặt đất thì không rõ lắm. Nhưng bạn có thể thấy rằng nó nối nhau ở đó. Tôi tin rằng tuyến đường nam tiến qua Biển Sậy và xuống Si-na-i chắc hẳn là tuyến đường họ đã đi. Từ đó, họ lại đi về phía bắc đến Ca-đe Ba-nê-a; như vậy họ tránh được tuyến phòng thủ ở mặt trận phía đông Ai Cập.

Tôi rất ấn tượng với thực tế rằng dân Y-sơ-ra-ên vượt qua Biển Đỏ hoặc Biển Sậy vào ngày thứ ba sau khi chiên con của Lễ Vượt Qua bị giết. Họ được giải phóng vào ngày thứ ba sau khi chiên con của Lễ Vượt Qua chết. Thậm chí còn ấn tượng hơn - và điều này sẽ khiến bạn phải suy nghĩ - Xuất Ê-díp-tô Ký cho chúng ta biết giờ mà chiên con của Lễ Vượt Qua phải bị giết, nó phải bị giết vào giữa buổi chiều vào ngày trước Lễ Vượt Qua, tức là 3:00 chiều, giữa buổi chiều - các bạn có nắm được không? Chiên con của Lễ Vượt Qua chết lúc 3:00 chiều vào ngày thứ ba. Sau đó, cuối cùng họ cũng trốn thoát, được tự do khỏi Pha-ra-ôn và sẽ không bao giờ thấy ông ta lần nữa. Bạn bắt đầu hiểu một số điều rồi đấy.

Chúng ta sẽ hiểu hơn khi đi tiếp. Giờ chúng ta hãy chuyển sang phần sau. Tôi phải trở lại từ đầu. Được Chu cấp và Che chở - giờ đây họ đang ở một nơi không thể nuôi sống con người, trừ một vài

người du cư. Đây chắc chắn không phải là nơi ở cho hai triệu năm trăm ngàn người và cả gia súc. Sẽ có cả các vấn đề bên ngoài và bên trong mà Môi-se phải đối mặt. Vấn đề bên ngoài là đồ ăn và thức uống - lấy đâu ra đủ đồ ăn và thức uống đây? Câu trả lời là Đức Chúa Trời phải chu cấp và Ngài đã chu cấp đồ ăn cho họ dưới dạng những miếng gì đó tròn tròn nho nhỏ nằm trên hoang mạc mỗi buổi sáng. Khi gom chúng lại, họ phát hiện ra là chúng ăn được; họ đặt cho chúng một cái tên. Họ gọi chúng là "cái gì vậy!" - trong tiếng Hê-bơ-rơ là Ma-na, nhưng nó nghĩa là "cái gì vậy?"

- Mẹ ơi sáng nay mình ăn cái gì?
- Ăn cái gì vậy.
- Trưa ăn cái gì ạ?
- Cái gì vậy.
- Tối có cái gì ăn ạ?
- Cái gì vậy.
- Không phải chứ!

Họ đã sống nhờ "cái gì vậy" đó trong bốn mươi năm. Chúng ta gọi chúng là ma-na như thế đó là một cái tên đẹp, nhưng chúng chỉ có nghĩa như vậy. Đó đúng là bánh từ trời - sau này Kinh Thánh lại dùng từ đó. Nhưng họ sống nhờ bánh từ trời. Họ tha thiết phàn nàn rằng họ không có thịt mà ăn. Họ quen với chế độ ăn giàu đạm ở Ai Cập và họ phàn nàn rằng họ không ăn đủ thịt. Phàn nàn với Chúa là ăn đủ luôn! Ngài sai một đàn chim cút khổng lồ đến, nằm chất cả mét rưỡi trên hoang mạc và họ ăn chim cút đến phát ngán cả ra. Đừng phàn nàn với Chúa - muốn gì được nấy biết đâu lại chẳng hay. Còn nước uống thì sao? Đúng là họ thực sự gặp vấn đề với nước.

Ốc đảo đầu tiên mà họ đến là nơi này - đây là ảnh của một nơi gọi là Ma-ra. Họ thấy ở đó có nước, họ lao vào uống nhưng nước lại chan chát, mằn mặn, không uống được. Nhưng nhờ một phép lạ qua Môi-se, nước được sạch trở lại, và họ có thể uống được. Nhưng gần như bạn có thể thấy tình trạng mặn của nước; được chụp ở chính nơi này. Nhưng nơi tiếp theo mà họ đến có nước sạch và đây là ảnh chụp một nơi gọi là Ê-lim, nên Đức Chúa Trời đã chu cấp. Khi nước bẩn thì Chúa cải thiện nó và khi ổn rồi thì họ không có phép lạ, chỉ có nước thôi - nên Đức Chúa Trời đã chu cấp cho họ và bảo vệ họ. Bạn có nhận ra rằng họ cần hơn 7 triệu lít nước mỗi ngày cho từng ấy người và gia súc không? Hơn 7 triệu lít nước mỗi ngày. Sau đó, họ lấy nước từ trong tảng đá.



Hình ảnh tại Ma-ra



Hình ảnh tại Ê-lim

Đối với tôi, một trong những phép lạ kỳ diệu nhất trong hành trình quan phòng của họ là giày dép của họ không hề mòn. Tôi đã đi xăng đan để leo lên Núi Si-na-i và bị rách cả xăng đan; những tảng đá nhọn của hoang mạc Si-na-i làm hỏng giày rất nhanh, nhưng có chép rằng giày dép của họ không hư mòn. Hoặc bạn phải nói rằng đây là sự thật và Đức Chúa Trời đã làm điều đó, hoặc bạn phải gạt hết đi, coi đó là truyền thuyết. Khi bạn đọc những khẳng định như vậy thì làm gì có trạng thái ở giữa.

Nhưng họ còn có vấn đề nội bộ nữa. Bạn có tưởng tượng được từng ấy người cắm trại cùng nhau không? Tôi nghĩ đôi khi đưa một gia đình đi cắm trại là đã đủ lắm rồi. Cả nhà đều chen chúc trong một túp lều hoặc một con xe. Thế mà ở đây có những 2 triệu người! Thảo nào một trong những vấn đề nan giải nhất của Môi-se là những tranh cạnh giữa vòng dân sự và ông phải làm quan án; và tất cả đều trình bày vấn đề của mình ra trước Môi-se giống như trong một số hội thánh lớn, mọi người đều muốn đem vấn đề của mình ra trước mục sư. Chuyện là như vậy. Rất may là bố vợ của Môi-se khôn ngoan hơn Môi-se khá nhiều, tuy ông không phải là dân Chúa, và ông nói: Con cần các trưởng lão và Môi-se đã chọn ra 70 trưởng lão.

Hãy trở lại và tiếp tục với các phần. Chúng ta đang ở nửa sau, và điều đầu tiên xảy ra trong nửa sau là Mười Điều Răn được viết bởi ngón tay Đức Chúa Trời - trên hai bảng đá. Mỗi khi thấy bức tranh vẽ hai bảng đá đó, bạn đều thấy bốn điều răn đầu tiên trên một bảng và sáu điều tiếp theo ở bảng còn lại. Không đúng chút nào, phải là một bảng chép mười điều, bảng kia cũng chép mười điều. Tại sao? Vì đây là một hợp đồng pháp lý, một bản thuộc về Chúa và một bản thuộc dân sự - giờ bạn đã hiểu tại sao lại là hai bảng đá chưa? Bởi vì nên làm như vậy; nên có hai bản cho từng bên, nhưng vì đây vừa là giao ước vừa là hợp đồng nên Đức Chúa Trời đã viết cả hai. Không có mặc cả gì hết. Chúa nói rằng các ngươi phải sống như thế này. Ngài ban cho họ ba tập luật pháp, chúng ta gọi một tập là Mười Điều răn hay Thập Điều, nghĩa là "mười lời"; chúng ta gọi tập thứ hai là sách Giao ước có trong chương 20 đến 23, rồi chúng ta có một sách luật pháp khác trong chương 25 đến 31 hay 32, là luật thờ phượng. Cả ba tập tạo thành Luật của Môi-se và còn nữa; có thêm các điều luật trong Phục truyền luật lệ ký nữa. Nhưng Luật pháp không chỉ là Mười Điều Răn mà còn hơn thế rất nhiều. Có 623 luật lệ quy định cách sống cho đúng đắn trước Đức Chúa Trời.

Hãy bắt đầu với Mười Điều Răn. Có ba nguyên tắc cơ bản - hoặc hai nguyên tắc tôi muốn nhắc đến; đầu tiên là nguyên tắc tôn trọng. Cả Mười Điều Răn dựa trên nguyên tắc đó, tôn trọng Đức Chúa Trời, tôn trọng danh Ngài, tôn trọng ngày của Ngài; rồi tôn trọng mọi người, tôn trọng đời sống gia đình - tôn trọng cha mẹ bạn; tôn trọng chính sự sống - đừng giết người; tôn trọng hôn nhân - đừng phạm tội ngoại tình; tôn trọng tài sản của mọi người - đừng trộm cắp; tôn trọng danh tiếng của mọi người - đừng làm chứng dối. Tôn trọng, tôn trọng, tôn trọng. Một xã hội lành mạnh và trong sạch được xây dựng trên tinh thần tôn trọng. Gần đây, một diễn viên hài nổi tiếng trên truyền hình quốc gia nói rằng "chúng tôi định loại bỏ tính thiêng liêng của mọi thứ" và chương trình truyền hình hài kịch hủy hoại sự tôn trọng hơn bất cứ thứ gì khác; sự tôn trọng đối với nữ hoàng, với thẩm quyền, với cảnh sát, với pháp luật. Chúng ta có thể thấy những gì xảy ra trong xã hội của mình khi sự tôn trọng biến mất.

Nhưng Luật pháp Chúa dựa trên sự tôn trọng: yêu Chúa và yêu người lân cận có thể dịch ra là tôn trọng Chúa và tôn trọng người lân cận; đó là nguyên tắc cơ bản đằng sau Luật pháp Chúa. Đó là luật về sự tôn trọng, mất tôn trọng Chúa dẫn đến thờ thần tượng, mất tôn trọng con người dẫn đến sự đồi bại và bất công. Nên bạn có thể thấy Luật pháp gồm những gì - đó là một bộ luật hay. Phần lớn Mười Điều Răn nói đến hành vi, việc làm hoặc lời nói, nhưng điều cuối cùng là về cảm xúc; điều răn duy nhất nói đến tấm lòng, và có lẽ vì vậy mà Phao-lô từng nói rằng ông đã giữ cả chín điều nhưng không giữ nổi điều thứ mười, điều thứ mười là đừng tham lam, đừng muốn thứ mà con không có. Đó là điều duy nhất liên quan đến đời sống bên trong của bạn; những điều còn lại đều liên quan đến hành vi.

Có nguyên tắc về mười điều luật mà những cô bé, cậu bé Do Thái học trên các ngón tay, nguyên tắc ấy như sau: phạm phải một điều tức là phạm hết tất cả vì chúng gắn liền với nhau như một chuỗi

vòng cổ. Hỡi những người phụ nữ - không quan trọng là các bạn làm đứt chuỗi vòng ở đâu, các bạn chỉ cần làm đứt một lần là chuỗi hạt rơi hết, đây là một nguyên tắc sâu sắc. Chúng không phải là mười điều răn riêng rẽ, chúng là Luật pháp. Chúng không phải là các điều luật mà chúng là Luật pháp, và nếu bạn phạm phải bất cứ điểm nào tức là bạn đã phạm phải Luật pháp. Nếu cảnh sát giao thông tuýt còi tôi vì đi quá tốc độ thì sao tôi có thể nói được là: “Nhưng chiều nay gặp cái đèn đỏ nào tôi cũng dừng mà”! Không quan trọng là bạn đã giữ bao nhiêu điều luật, bạn vẫn phạm phải Luật pháp. Chúa nói rằng đây là một luật pháp trọn vẹn, ngày nay chúng ta gọi là luật pháp toàn vẹn, phạm phải một điều tức là phạm cả. Luật pháp sẽ vỡ thành từng mảnh nếu bạn phạm phải bất kỳ điểm nào. Sự tôn trọng, là một điều trọn vẹn. Bạn không thể tôn trọng phần này mà không tôn trọng những phần kia, bạn là một người tôn trọng hoặc không; phá vỡ một điều tức là không tôn trọng.

Nguyên tắc thứ hai là trách nhiệm. Tôi e rằng chúng ta được nuôi dạy theo tâm lý và xã hội để tin rằng người ta không phải chịu trách nhiệm với hành động của mình. Thậm chí giờ người ta còn nói rằng sự gian ác là do gen! Chúng ta biết rằng nguyên tội truyền lại qua gen nhưng ý tưởng rằng một số người ác hơn những người khác vì họ mang gen sai, nghĩa là họ không chịu trách nhiệm cho những việc mình làm. Luật pháp Chúa nói rằng bạn phải chịu trách nhiệm, bạn có trách nhiệm, bạn đã chọn phạm phải điều này, và từ đó chúng ta phải chịu trách nhiệm trước Chúa, mỗi người trong chúng ta phải sống cho đúng trước Đức Chúa Trời. Nên hai nguyên tắc về sự tôn trọng và trách nhiệm được kể đến, và vì vậy, nguyên tắc thứ ba cũng được kể đến - nguyên tắc về sự báo trả. Có những hình phạt trong luật này. Một trong số đó là luật tử hình: án tử hình được áp dụng với 18 tội khác nhau chống lại Chúa trong Luật của Môi-se. Bạn có mừng vì mình không sống dưới Luật của Môi-se không? Vì phạm vào ngày Sa-bát là tử hình. Ở đây có sự báo trả, có hình phạt và đặc biệt là tôi để ý thấy luật pháp Chúa phân biệt rất kỹ giữa cố ý và vô tình phạm luật. Có hai kiểu giết người - cố ý giết người và vô tình ngộ sát, nhưng trong mọi trường hợp, có chép rằng Luật của Môi-se không cho dâng sinh tế với tội tái phạm, cố tình, cố ý. Trong Tân Ước cũng vậy; bạn đọc thư Hê-bơ-rơ sẽ thấy.

Luật này được đưa ra trong một ngữ cảnh và ngữ cảnh ấy là đây: Ta đưa các ngươi ra khỏi Ai Cập, ta sẽ đưa các ngươi vào Ca-na-an, giờ các ngươi phải sống thế này. Đó là một điểm quan trọng. Dựa trên những gì Chúa đã làm cho họ và sẽ làm cho họ mà Ngài kêu gọi họ sống cho đúng đắn ngay trong hiện tại, trong Tân Ước cũng như vậy đúng không? Dựa trên những gì Chúa đã làm cho bạn và sẽ làm cho bạn mà Ngài nói rằng giờ Ta muốn con sống thế này. Nếu không có ngữ cảnh đó thì Luật pháp sẽ trở nên một điều hà khắc, ngang ngược, đáng sợ nhưng trong ngữ cảnh này thì đó là một điều tốt đẹp, phù hợp; đó là phản ứng biết ơn ân điển của Đức Chúa Trời.

Chúng ta đến với thực tế rằng Đức Chúa Trời muốn sống với họ. Ngài ban Mười Điều Răn trên đỉnh Núi Si-na-i - ồ có lẽ chúng ta nên xem Núi Si-na-i. Đó là một ngọn núi đáng sợ! Đây là Núi Si-na-i; một ngọn núi khác thường; tôi đã leo núi đó vào ba giờ sáng trước khi mặt trời mọc. Tôi thấy một cô bé đang đứng trên đỉnh, một cô bé người Do Thái, đọc Mười Điều Răn bằng tiếng Hê-bơ-rơ và tôi hỏi: “Tên cháu là gì?” Cô bé trả lời là Mi-ri-am và tôi bảo: “Ối chao, cháu ở đây lâu lắm rồi đấy nhỉ.”

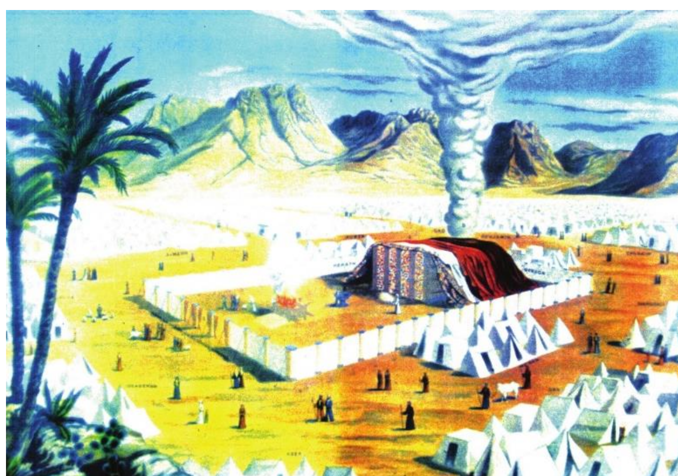


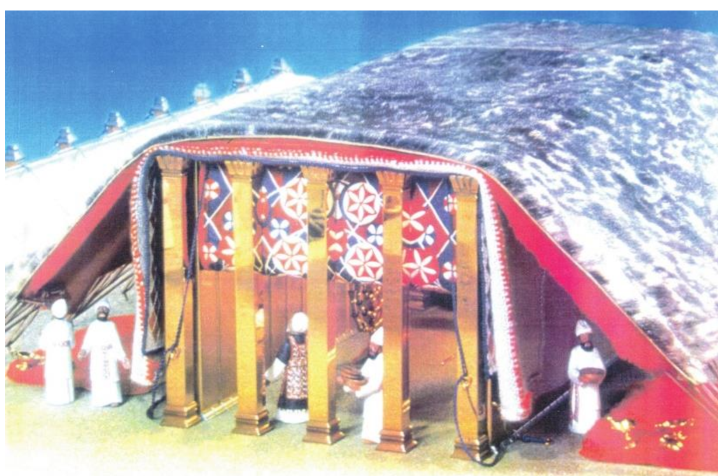
Núi Si-na-i

Tu viện thánh Catherine ở dưới chân núi. Nhưng tôi luôn thắc mắc khi Kinh Thánh chép rằng: “Đừng chạm đến núi

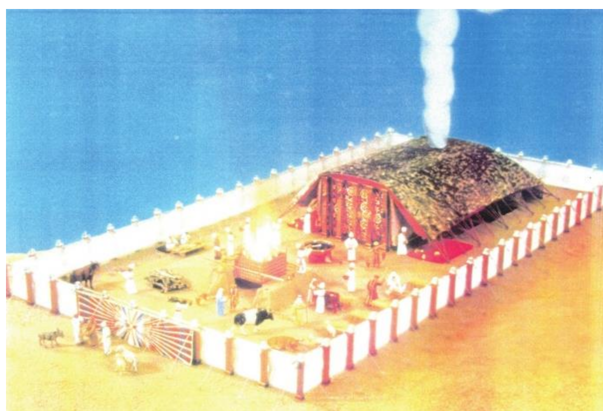
thánh Ta!" Tôi nghĩ "Sao mà chạm đến núi được, thật kỳ cục" cho tới khi tôi nhìn tấm hình này. Thực ra, bạn có thể đi lên núi và chạm đến nó vì nó dốc đứng, nhô lên từ nền sa mạc - bạn nhìn thấy không? Nó giống như một vách đá, và họ phải đặt một rào chắn quanh núi vì Đức Chúa Trời muốn họ nhận thức rằng Ngài là một Đức Chúa Trời thánh khiết và không phải ai cũng đi lên và trò chuyện với Chúa được vì Ngài là thánh; thế nên Ngài mới phán: "Không ai được chạm tới núi thánh Ta." Nên Môi-se rất khôn ngoan, ông dựng một rào chắn quanh chân núi vì bạn có thể đi lên tới đó. Ở đây có vài người, bạn có thể đi lên và chạm tới ngọn núi nhưng Chúa muốn truyền đạt cho họ hiểu sự thánh khiết tột cùng của Ngài. Ngài phán rằng Môi-se có thể lên, A-rôn có thể lên, nhưng không ai trong các ngươi được chạm tới núi thánh Ta.

Nhưng giờ đây, sau khi ban cho Môi-se Mười Điều Răn ở trên đây giữa những sấm chớp và lửa hừng - một cảnh tượng kinh hoàng, Chúa phán rằng: Ta muốn xuống và sống trong trại với các ngươi, nhưng nếu vậy, đó phải là một cái lều nói lên sự thánh khiết Ta, một cái lều mà các ngươi phải hành xử trong sự tôn trọng, và các ngươi phải kính sợ - một nơi thánh. Thực ra, ngay giữa lều sẽ là căn phòng nơi ta cư ngụ và đó sẽ là nơi Chí Thánh, nên Chúa đã cho họ những đặc điểm chi tiết về cái lều của Ngài. Trước đây bạn đã nhìn qua rồi nhưng hãy xem lại một lần nữa. Nó phải ở chính giữa trại và tất cả những lều khác phải được bố trí xung quanh theo một trình tự đặc biệt mà chúng ta sẽ nói sau. Ngay xung quanh đó là các thầy tế lễ và người Lê-vi, để họ ở giữa những người dân thường và nơi thánh, và chính cái lều phải có rào chắn xung quanh, chỉ có một cửa ra vào, rồi lều của Đức Chúa Trời ở bên trong nhưng có hai phòng, và phòng bên trong là phòng của Đức Chúa Trời, chỉ một lần trong năm, chỉ một người có thể vào trong, không ai được vào nữa - và cả cái lều đầy những chi tiết.



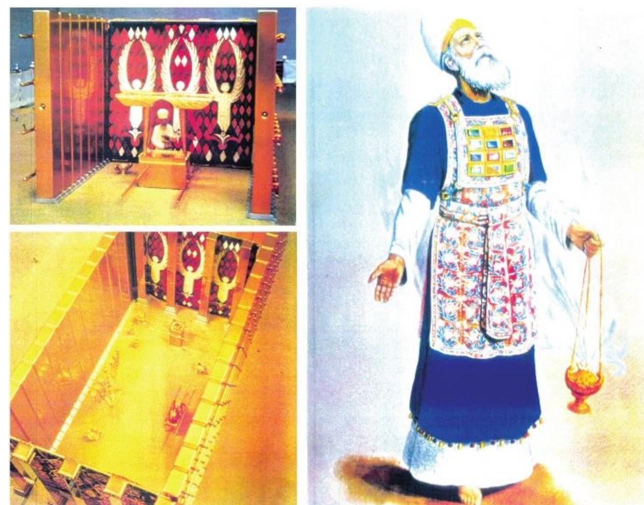


Một số hình ảnh của Lều Tạm

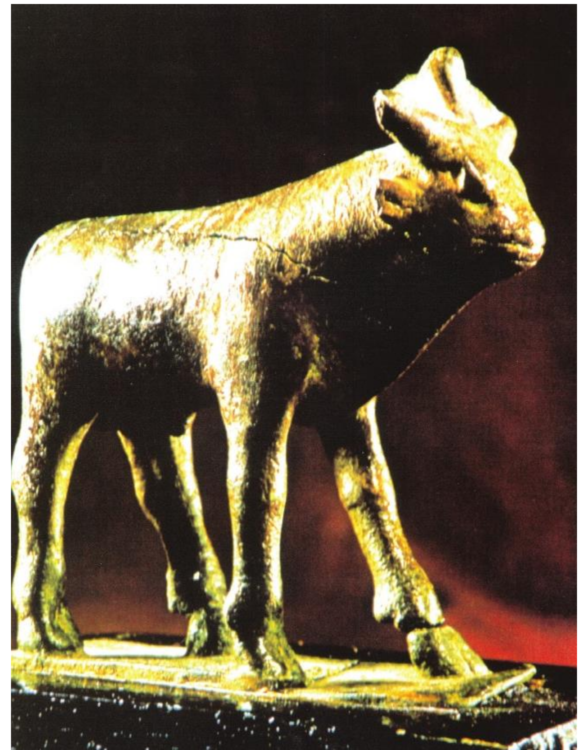


Hãy xem một số bức hình phác họa về cái lều. Chắc hẳn là nó đẹp đến choáng ngợp, nhưng phần đa vẻ đẹp của nó được giấu đi, những bức màn và tấm phủ thêu bắt mắt, nhưng phủ trên chúng là da cá nược, một vật phủ bên ngoài để giấu đi vẻ đẹp đó khỏi mắt người ta. Tất cả những gì họ có thể thấy là lớp da phủ xù xì phía bên ngoài, chỉ biết rằng bên trong là những món đồ bằng vàng, những tấm rèm đẹp mắt thêu dệt bằng những màu sắc từ trời - có xanh dương - màu của bầu trời, có đỏ - màu của huyết, rồi bạc vàng - đó là một cái lều lộng lẫy với hàng rào cao bao quanh nên bạn không thể nhìn xuyên qua, nên xét trên một khía cạnh, nó được giấu đi. Gắn với nó là sự huyền bí và ở đây bạn thấy một số thầy tế lễ ở bức màn ngoài, rồi có một cái màn nữa ở bên trong, trước nơi Chí Thánh.

Hãy đi vào trong và nhìn vào bên trong. Ở đây bạn có phòng ngoài, một kiểu hành lang, phòng chờ của cung điện Chúa nếu bạn thích gọi như vậy, và ở đây có bàn đặt bánh cung hiến, chân đèn bảy nhánh, một bàn thờ nhỏ nữa; thực ra là hãy quay lại tấm hình trước. Nếu bạn muốn...ngay cả các thầy tế lễ đến gần Chúa phải đến trước bàn thờ đầu tiên và dâng sinh tế, giết một con vật và thiêu nó, rồi chuyển sang một cái bồn lớn để thanh tẩy chính mình. Tất cả những điều đó nói lên rằng nếu muốn đến với Chúa, bạn sẽ phải có của lễ hy sinh trước, sau đó bạn sẽ cần được thanh tẩy. Đầy ý nghĩa đúng không? Thực tế, Chúa nói rằng đây là bản sao của nơi ở của Ta trên thiên đàng; cái này chỉ là mô phỏng của nơi ở thật sự. Nên có phòng chờ và cuối cùng, trong nơi Chí Thánh là một đồ vật bằng gỗ si-tim dát vàng, nắp thi ân, các chê-ru-bim, trong đó có chút ma-na - và họ không bao giờ thấy nó. Ngay cả khi người ta dỡ lều này ra và chuyển đi đâu đó, người ta cũng che cái này lại. Những người đặc biệt mới được khiêng lều và dân thường phải đi cách hòm này một ngàn bước chân cho tới khi lều được dựng lại. Trước tiên là dựng đền thờ, lều của Chúa, rồi bạn mới có thể dựng lều riêng của mình ở một nơi thích hợp quanh đền. Tất cả đều nói lên sự thánh khiết của Chúa nhưng cũng nói lên một Đức Chúa Trời thánh khiết sẵn sàng sống giữa vòng dân sự Ngài - thật tuyệt vời. Có lẽ chúng ta đã đánh mất sự kính sợ và sự tôn kính cần thiết đối với một Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta bằng vai phải lứa với Ngài quá; chúng ta cần nhớ rằng Ngài là thánh. Thầy tế lễ thượng phẩm: ngay cả quần áo của thầy tế lễ cũng được chỉ định rõ; chúng phải đúng và thầy tế lễ thượng phẩm đeo trên ngực mình mười hai loại đá quý tượng trưng cho mười hai chi phái mà ông tế lễ cho, và mười hai loại đá quý đó lại xuất hiện trong những trang cuối Kinh Thánh tại Giê-ru-sa-lem mới. Ôi chúng ta có thể nói hàng giờ về điều này, nhưng bạn còn phải đọc những sách khác nữa. Chúng đầy ý nghĩa, đầy biểu tượng. Chúa phán rằng chỉ những người đặc biệt được dùng thứ này, các thầy tế lễ, chỉ những người đặc biệt được dựng lều và đó là khi Ngài ban cho họ những kỹ năng phi phàm này. Chắc bạn nghĩ rằng điều đó sẽ thực sự khiến dân sự nhận biết được sự thánh khiết tột cùng của Chúa, nhưng khi Môi-se ở trên núi, bạn biết điều gì đã xảy ra. Lần này A-rôn ở dưới, dân sự đến với A-rôn và nói: “Môi-se ở trên đó đã lâu rồi; tôi không nghĩ là ông ta sẽ trở lại. Chúng tôi muốn có một thần ở dưới này.” A-rôn nói: ‘Hãy đưa ta số vàng các ngươi có và họ dâng vàng; và sau này A-rôn bảo Môi-se là “Tôi cho hết số vàng vào nấu chảy và nó thành ra cái này!” Nếu để bạn viện cớ thì chắc bạn sẽ nghĩ ra cái cớ hay hơn thế! Nhưng đó là điều A-rôn đã nói với Môi-se một cách trơ trẽn. Tôi chỉ cho vàng vào và xem nó thành ra cái gì này! Tất nhiên là đây là ảnh chụp một vị thần của Ai Cập. Tôi đã nói với bạn về những con bò đực và bò con


Hình ảnh bên trong của Lều Tạm và thầy tế lễ thượng phẩm

- biểu tượng của sự sinh sôi và bò đực là một biểu tượng rất phổ biến. Có người bảo tôi rằng có một con bò vàng như thế ở bên ngoài Sàn giao dịch Chứng khoán Châu Âu tại Frankfurt am Main, biểu tượng của sự giàu có, sinh sôi và thịnh vượng - và A-rôn nói là nó thành ra cái này.



Tượng bò con vàng

Vì thờ thần tượng dẫn đến đồi bại, vì mất sự tôn trọng Chúa dẫn đến mất tôn trọng con người, họ đã thác loạn, bạn biết chuyện rồi đó, thật nhơ nhớp. Khi Môi-se xuống và thấy cảnh tượng đó, ông ném vỡ cả hai bản luật pháp và khiến chúng vỡ nát. Ông chỉ đang minh họa những điều họ đang làm. Họ đã phá vỡ nó rồi, và ông nói: "Sao các người có thể làm như vậy?" Rồi ông quay lại ngọn núi đó và nói: "Chúa ơi, con chán họ lắm rồi"; Chúa nói: "Ta cũng vậy." Và Chúa nói: "Ta nghĩ là Ta với họ thế là xong, chắc Ta sẽ thử với một dân khác." Theo tôi đó là khi Môi-se lên tới đỉnh cao của sự nghiệp, ông mang lấy hình của một thầy tế lễ và nói: "Chúa ơi, nếu Ngài muốn xóa họ ra khỏi sách Ngài thì cứ xóa cả con đi. Con không muốn là người duy nhất." Và Chúa đáp: "Ta chỉ xóa khỏi sách Ta tên của những kẻ phạm tội cùng Ta, còn con thì không." Tư tưởng đó xuất hiện xuyên suốt phần còn lại của Kinh Thánh. Khi Đa-vít phạm tội với Bát-sê-ba, ông nói: "Lạy Chúa, xin đừng xóa tên con khỏi sách Ngài." Và trong sách cuối cùng của Kinh Thánh, Chúa Giê-su hứa rằng người nào thắng, Ta sẽ không xóa tên người ấy khỏi sách Ta. Điều quan trọng nhất trong đời sống là giữ tên bạn trong Sách Sự sống, hãy tin tôi đi. Chúa phán: Ta xóa khỏi sách Ta những kẻ phạm tội chống lại Ta.

Đó là một bi kịch và khi Môi-se quyết định rằng dân sự phải bị trừng phạt, bạn có biết là bao nhiêu người chết không? 3.000 người. Tôi muốn bạn nhớ rằng Luật pháp được ban trên núi Si-na-i vào ngày thứ 50 sau khi chiên con của Lễ Vượt Qua bị giết. Tôi sẽ ghép chúng lại với nhau nhé! Chiên con của Lễ Vượt Qua bị giết lúc 3 giờ chiều; vào ngày thứ ba sau đó, họ được thả tự do; vào ngày thứ 50 sau đó, ngày mà họ gọi là Lễ Ngũ tuần, họ được ban cho Luật pháp và 3.000 người chết vì phạm luật. Điều đó có gợi nhắc gì cho bạn không? Thật tuyệt vời khi thấy sự lặp lại giữa Cựu Ước và Tân Ước, "văn tự đem lại sự chết, nhưng Thánh Linh ban cho sự sống." Cũng vào ngày thứ 50, nhiều thế kỷ sau đó, khi người Do Thái đang kỷ niệm ngày Chúa ban Luật pháp, Chúa đã ban Thánh Linh Ngài và 3.000 người được cứu - cũng vào ngày thứ 50. Kinh Thánh thật khớp với nhau!

Cuối cùng, phần cuối trong Xuất Ê-díp-tô Ký. Xây dựng và cung hiến, họ dựng lều lên. Họ lấy tất cả những vật liệu đó ở đâu? Vàng chẳng hạn, họ đã dùng một tấn vàng. Có chép rằng mỗi người dâng một phần năm ao-xơ hay sáu gam vàng; họ lấy ở đâu ra vậy? Câu trả lời là người Ai Cập quá mừng khi thấy dân này quay gót đi và họ cho dân này hết trang sức để đuổi họ đi - đây, lấy rồi đi đi. Sau mười tai vạ, dân Ai Cập chỉ muốn dân Do Thái rời đi và họ cho dân Do Thái hết tiền và trang sức mà họ có thể để hối lộ dân Do Thái - nên dân Do Thái lấy vật liệu từ đó. Nhưng có chép rằng để xây dựng đền tạm, dân chúng đã dâng một cách tự nguyện, chu đáo, đều đặn và rộng rãi.

Đây là bài giảng cho ai đó ở đây là người giảng đạo đấy nhỉ! Có chép rằng họ dâng một cách tự nguyện - không ai phải dỗ dành hoặc ép buộc họ dâng hiến, họ dâng hiến cách vui lòng. Họ dâng cách

chu đáo, họ nghĩ xem cần dâng bao nhiêu, chứ không phải là chỉ dâng chỗ tiền lẻ trong ví. Họ dâng cách đều đặn - họ tiếp tục dâng, và họ dâng cách hào phóng, Kinh Thánh chép rằng người ta phải cản họ dâng thêm. Thật thú vị phải không? Ôi! Giá như dân sự Chúa luôn dâng như vậy đến nỗi bạn phải cản họ dâng thêm, Hallelujah! Cuối cùng, Chúa ngự xuống và thánh hóa đền tạm. Rồi họ thấy sự vinh quang đến và từ đó, họ thấy trụ mây. Không biết là có trong cái tranh kia không nhỉ? Nhưng từ đó, họ thấy trụ mây ở trên căn phòng trong đó. Căn phòng bên trong không hề có ánh sáng tự nhiên, không có cả nến nhưng lại sáng chói - vinh quang của Chúa - và khi thấy trụ mây di chuyển, họ phải di chuyển và khi trụ mây dừng lại thì họ đóng trại.

Xuất Ê-díp-tô Ký có ích lợi gì với Cơ Đốc nhân?

Đó là cùng một Đức Chúa Trời. Ngài không thay đổi, Đức Chúa Trời của Xuất Ê-díp-tô Ký là Chúa của chúng ta và chúng ta là dân Ngài. Ngài không thay đổi và Ngài đối xử với chúng ta giống như với họ, vậy nên nhiều từ trong Xuất Ê-díp-tô Ký lại được sử dụng trong Tân Ước, những từ như luật pháp, giao ước, huyết, chiên con, Lễ Vượt Qua, ra khỏi Ai Cập, men - tất cả những từ này trong Tân Ước lấy nghĩa từ Xuất Ê-díp-tô Ký nên chúng ta cần biết sách này. Nhưng có sự khác biệt. Chúng ta không nằm dưới luật của Môi-se nữa, chúng ta nằm dưới luật của Đấng Christ, điều đó rất, rất quan trọng. Nếu không thì bây giờ tôi đang phạm Luật của Môi-se vì ông nói rằng ngươi không được mặc quần áo làm từ vải pha, phải là vải len hoặc bông nguyên chất. Tôi đang phạm Luật của Môi-se, nhưng tôi không ở dưới Luật của Môi-se, tôi ở dưới luật của Đấng Christ. Điều đó khó hơn trên nhiều khía cạnh và dễ hơn trên những khía cạnh khác.

Nhưng cách đầu tiên để Cơ Đốc nhân áp dụng Xuất Ê-díp-tô Ký là áp dụng với Đấng Christ và thấy Đấng Christ trong sách này. Hãy tra cứu Kinh Thánh, Ngài phán, vì Kinh Thánh làm chứng về Ta. Xuất Ê-díp-tô Ký là trọng tâm của Cựu Ước. Tất cả các sách sau Xuất Ê-díp-tô Ký đều nhìn lại Xuất Ê-díp-tô Ký như sự cứu chuộc, nền tảng của mọi thứ khác. Thập tự giá là trọng tâm của Tân Ước. Xuất Ê-díp-tô Ký liên hệ tới thập tự giá theo cách nào? Sáu tháng trước khi Ngài chết trên thập tự giá, Chúa Giê-su ở trên Đỉnh Hẹt-môn, ngọn núi phủ tuyết ở phía bắc Y-sơ-ra-ên cao hơn 1200m, và Ngài trò chuyện với Môi-se, và Tin Lành theo Lu-ca cho chúng ta biết họ nói về điều gì.

Không biết bạn đã bao giờ để ý xem họ nói về điều gì chưa? Kinh Thánh chép rằng họ nói về Xuất Ai Cập mà Chúa Giê-su sắp làm trọn tại Giê-ru-sa-lem. Điều đó không tuyệt vời sao? Môi-se và Chúa Giê-su đang nói về Xuất Ai Cập mà Chúa Giê-su sẽ làm trọn. Điều đó cho chúng ta một manh mối. Tất nhiên là Chúa Giê-su chết lúc 3 giờ chiều - chính thời khắc mà hàng ngàn chiên con của Lễ Vượt Qua bị giết. Thế nên Phao-lô mới nói: Đấng Christ, Chiên Con Lễ Vượt Qua đã được dâng làm sinh tế cho chúng ta - tất cả đều ở đó. Để Thiên sứ Hủy diệt có thể lướt qua. Ngài sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba sau đó và chính sự phục sinh của Ngài đã giải phóng chúng ta khỏi sự chết. Ngài là Bánh từ trời, Tân Ước nói rằng Ngài là Vầng đá mà từ đó Môi-se lấy nước cho con cái Y-sơ-ra-ên. Giăng trong sách tin lành của ông nói rằng Ngôi Lời trở nên xác thể và "dựng đền tạm" giữa chúng ta. Thật thú vị khi dùng từ đó, nghĩa đen là "dựng lều Ngài giữa vòng chúng ta" vì với chúng ta, đền tạm là Chúa Giê-su - Đức Chúa Trời ở giữa loài người. Nên giờ đây chúng ta đã hiểu nhiều hơn về Đấng Christ và Ngài phán rằng Ta không đến để bãi bỏ luật pháp nhưng để hoàn tất.

Chúng ta không chỉ áp dụng Xuất Ê-díp-tô Ký với Đấng Christ mà còn với Cơ Đốc nhân. Chẳng hạn như vượt qua Biển đỏ là hình bóng của phép báp-tem. Phao-lô nói rằng con cái Y-sơ-ra-ên được báp-tem nhân danh Môi-se trong Biển Đỏ và bạn đã được báp-tem nhân danh Đấng Christ. Việc vượt qua Biển Đỏ mang ý nghĩa gì đối với họ thì phép báp-tem cũng mang ý nghĩa đó đối với bạn. Bạn đã

bao giờ thấy mối liên hệ đó chưa? Mối liên hệ tuyệt vời! Chúng ta cũng thường có bữa Vượt qua vì Lễ Tiệc thánh đơn giản là Lễ Vượt Qua. Tôi đã đến một nhà hội ở phía bắc của Tây Luân Đôn - Finchley. Tôi là khách mời danh dự nên được ngồi cạnh Ra-bi để ăn bữa Vượt qua, vinh hạnh tuyệt vời. Ông lấy bánh và bẻ ra, tạ ơn và đưa bánh cho dân sự; rồi ông lấy một chén rượu, tạ ơn và chuyền nó cho dân sự, rồi tự nhiên ông nhìn tôi và nói: “Đây không phải là tiệc thánh đâu nhé!” Ông thấy trên mặt tôi điều tôi đang làm, nó có ý nghĩa gì đối với tôi, vì đây là bữa Vượt qua của tôi. Tôi đang nhớ đến sự giải phóng; sự thả tự do của Đấng Christ, và Phao-lô nói rằng hãy cứ kỷ niệm lễ đó nhưng không phải với men hiểm độc và gian ác. Có một điều tương đương với bánh không men trong đời sống Cơ Đốc nhân. Men trong Tân Ước thường nói đến sự hiểm độc, gian ác và suy nghĩ xấu, và có một lễ mà chúng ta phải giữ mà không có men.

Nhưng chúng ta cũng có luật để làm theo. Xét trên nhiều khía cạnh, Luật của Đấng Christ khó giữ hơn Luật của Môi-se nhiều. Luật của Môi-se nói rằng đừng giết ai; theo tôi biết thì tôi chưa hề làm vậy. Con đã bao giờ mong cho ai đó chết chưa? Chúa Giê-su phán. Luật của Môi-se nói rằng đừng phạm tội ngoại tình. Tôi chưa hề làm vậy, nhưng luật của Đấng Christ nói rằng: Con đã bao giờ nghĩ đến điều đó chưa? Giữ luật của Đấng Christ khó hơn giữ Luật của Môi-se nhiều. Tôi thà thử giữ Luật của Môi-se còn hơn, bạn thì sao? Nhưng luật của Đấng Christ cũng dễ hơn nhiều vì chúng ta không cần nhiều thầy tế lễ, nhiều lễ nghi và nhiều tòa nhà đặc biệt. Như một quý bà Scotland đáng mến nói rằng: “Khi tôi muốn bước vào nơi Chí Thánh, tôi chỉ cần cởi chiếc tạp dề qua đầu mà thôi.” Và chúng ta bước ngay vào nơi Chí Thánh. Mỗi khi cầu nguyện, bạn có thể bước vào nơi thánh khiết nhất trong tất cả, một cách tự do, trong Danh Giê-su. Có sự khác biệt rõ rệt giữa Giao ước mới và Giao ước cũ. Khi Luật pháp được ban ra ở Lễ Ngũ tuần, 3.000 người chết. Khi Thánh Linh được ban ra ở Lễ Ngũ tuần, 3.000 người sống. Tôi thà có Thánh Linh hơn là luật pháp và Thánh Linh viết luật pháp ở trong lòng. Nhưng trong tương lai vẫn có sự giải phóng cho Cơ Đốc nhân tương đương với Xuất Ai Cập. Nếu đọc sách Khải huyền thì bạn sẽ thấy các tai vạ của Pha-ra-ôn sẽ lại xảy ra.

Có một mối tương quan đáng kinh ngạc giữa các tai vạ xảy ra ở cuối lịch sử và các tai vạ của Pha-ra-ôn, những người giữ đức tin nơi Chúa Giê-su sẽ vượt qua tất cả những điều đó và chiến thắng, bạn biết sách Khải huyền nói gì không? Rằng những người tử vì đạo và những người chiến thắng mọi áp lực bắt bớ bên ngoài và sự cám dỗ bên trong, họ sẽ hát bài ca của Môi-se. Trên thiên đàng, bạn sẽ nghe thấy bài ca của Môi-se và nếu bạn trở lại Xuất Ê-díp-tô Ký chương 15, bài hát đầu tiên được ghi lại trong Kinh Thánh là một bài hát mà Mi-ri-am sáng tác để ca tụng rằng quân Ai Cập đã chết chìm nơi Biển Đỏ. Khi mọi hoạn nạn trên thế gian này chấm dứt và chúng ta được an toàn trong vinh quang, khi đó chúng ta có thể hát bài ca của Môi-se. Chúng ta sẽ có Xuất Ai Cập kép, cả Xuất Ai Cập của thập tự giá đã xảy ra, và sự giải thoát khỏi mọi hoạn nạn sắp đến - qua Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta. A-men.

LÊ-VI KÝ - Phần 1

Tôi sẽ mở đầu bằng một bài thơ mang tính chất giới thiệu toàn bộ loạt bài học Kinh Thánh này. Bài đó như sau:

Thánh Kinh tôi tưởng đâu mình biết
Hú họa được chăng mấy đoạn rời
Chút Giăng chút Mác, rồi Sáng thế
Vài đoạn Ê-sai, chút Thánh Thi (đoạn 23)
Giáo huấn đoạn đầu, Rô-ma giữa
Tưởng đâu mình biết Thánh Kinh rồi
Nhưng đọc kỹ ra thì mới thấy
Thật khác khi xưa đọc dở dang
Lời Chúa khi nay sao mới lạ
Vì đọc hết không/ bỏ giữa chừng

Ai thích "cưỡi ngựa" xem Kinh Thánh
Đảo lướt đó đây chút cho xong
Trước khi gối quỳ trong rệu rã
Miệng ngáp vội buông chút khẩn cầu;
Kiệt tác mà coi như chẳng đáng
Chẳng bằng đọc sách/báo trên đời
Mỗi ngày đoạn ngắn - "xong nghĩa vụ"
Thô thiển lướt qua - "thế đủ rồi!"
Hè, đọc cho kỹ, cho thông suốt
Sâu, rộng, bình tâm xứng với Lời
Để rồi phủ phục trong kinh ngạc
Tiếc sao xưa chẳng đọc hết Lời.

Loạt bài này cố gắng giúp bạn đọc Kinh Thánh theo từng sách một vì Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta cả thư viện sách này. Đó không phải là một mà là 66 sách, một thư viện. Mỗi sách có thông điệp riêng và mọi điều trong sách đó liên quan tới thông điệp của sách. Phần lớn những người quyết tâm đọc Kinh Thánh từ đầu chí cuối bị kẹt ở sách thứ ba gọi là Lê-vi ký và tôi có thể hiểu tại sao.

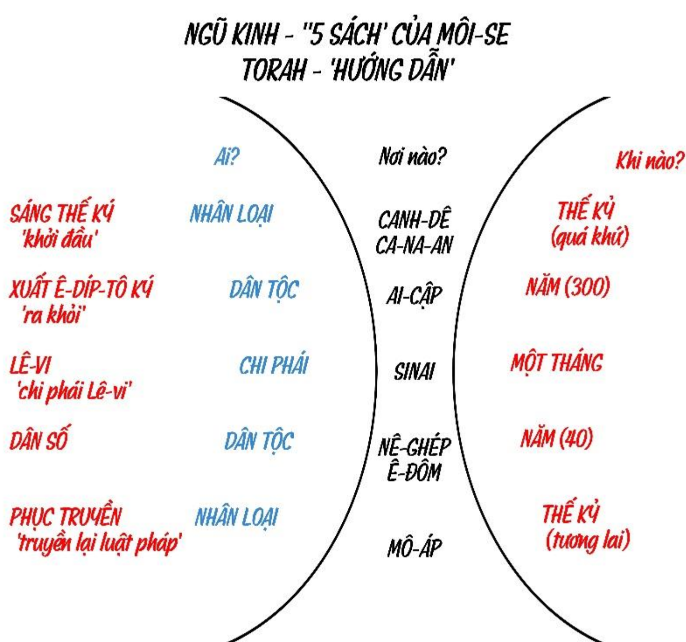
Có ít nhất ba lý do tại sao đây là một sách rất khó đọc. Đầu tiên là nó nhàm chán. Cứ như cố đọc danh bạ điện thoại từ đầu chí cuối vậy. Bạn có thể tìm thấy tên của một người mình biết, không sớm thì muộn, nhưng sách nhàm chán vì có nội dung quá khác với những sách khác trong Kinh Thánh, đặc biệt là hai sách đầu tiên. Hai sách đầu tiên đầy những câu chuyện, đầy tính tự sự. Có cốt truyện, có kịch tính, mọi thứ đang diễn tiến thì đột nhiên, khi bạn chuyển sang Lê-vi ký, hầu như không có chút tự sự nào và vì chúng ta coi Kinh Thánh là một sách đầy những câu chuyện, rồi chúng ta bắt gặp một cuốn sách không có chuyện kể, kiểu như làm chúng ta mất thăng bằng và hơi chán vì không có câu chuyện.

Lý do thứ hai là sách quá lạ lẫm. Không chỉ nhàm chán mà còn lạ lẫm. Đó là một nền văn khóa khác cũng như một nội dung khác. Chúng ta đang chuyển đến một thời điểm cách mình cả hai, ba ngàn năm và cách hơn ba ngàn cây số. Đó cũng là một thế giới khác hẳn, và chúng ta đọc về những điều không quen thuộc với mình. Ví dụ như cách người ta xử lý bệnh truyền nhiễm trong Lê-vi ký.

Con người đáng thương đó phải xé quần áo mình, để tóc tai dài ra mà không chải, rồi che phần mặt dưới và đi quanh, miệng la to “ô uế, ô uế.” Chúng ta không xử lý bệnh truyền nhiễm trong xã hội theo cách đó. Sách quá lạ lẫm, quá khác biệt và nhiều phần trong đó còn kỳ cục, thậm chí là kỳ dị. Chủ nhật tuần trước, bạn không phải đến hội thánh, mang theo một con chiên nhỏ hay một con bồ câu, rồi đưa con vật đáng thương đó cho người mục sư, người này sẽ cắt cổ nó trước đám đông. Nếu vậy thì chắc phải trải thảm đỏ thay vì thảm xanh trong hội thánh. Nhưng sách quá ư là lạ lẫm, quá ư là khác biệt với mọi điều mà chúng ta từng biết.

Ba là, sách dường như không thiết thực, không chỉ nhàm chán, lạ lẫm mà còn không thiết thực. Sách có gì để nói với tôi trong năm 1993, sách có gì để nói với tôi vào sáng thứ hai ở nơi làm việc? Sách dường như không thiết thực và vì nhiều lý do, sâu thẳm bên trong, theo bản năng chúng ta biết rằng mình không ở dưới luật của Môi-se mà đây lại là một phần trong luật của ông - nên sách có liên quan gì với chúng ta đây?

Hy vọng rằng đến cuối bài nói chuyện này và bài tiếp theo, bạn sẽ thật sự thích thú với sách Lê-vi ký. Đó là một trong năm cuốn sách cùng nhau tạo thành Ngũ kinh, “ngũ” nghĩa là năm. Năm sách đầu tiên trong Kinh Thánh của bạn - Luật của Môi-se, người Do Thái gọi đó là Torah - Sách Chỉ dẫn, và mỗi năm một lần, họ đọc nó từ đầu chí cuối. Họ bắt đầu vào ngày thứ 8 của Lễ Lều tạm - vào khoảng tháng 09/tháng 10 - họ bắt đầu từ Sáng Thế Ký 1, rồi đọc Ngũ kinh suốt năm và hoàn thành vào Lễ Lều tạm của mùa thu năm sau đó.



Bây giờ hãy xem qua năm sách của Môi-se và thấy hình dạng của chúng, và năm sách này có một hình dạng riêng mà có thể bạn chưa từng thấy trước đó. Hãy xem hai đường này, hẹp dần xuống. Hãy nhớ hình dạng đó trong đầu và lướt qua năm sách này. Sáng Thế Ký là sách của những sự khởi đầu, đó là nghĩa của từ đó. Nó cho bạn biết mọi thứ bắt đầu ra sao - từ vũ trụ của chúng ta cho tới dân của Chúa, Y-sơ-ra-ên. Xuất Ê-díp-tô Ký - giống như từ xuất - ra khỏi Ai Cập; Lê-vi ký lấy tên từ chi phái Lê-vi, một trong các chi phái của Y-sơ-ra-ên; rồi sách Dân số ký, đúng theo tên của nó, một cuốn sách thống kê. 600,000 người nam ra khỏi Ai Cập, cộng với phụ nữ và trẻ em, có lẽ là khoảng 2,250,000 người. Rồi Phục truyền luật lệ ký, phục nghĩa là lần thứ hai và trong đó có cả từ luật lệ, nên Phục truyền luật lệ ký nghĩa là luật thứ hai vì thực ra Chúa ban luật pháp Ngài cho họ hai lần, một lần ở núi Si-na-i và một lần ngay trước khi họ vượt sông Giô-đanh sang Đất Hứa. Vậy nên mười điều răn mới xuất hiện hai lần trong năm sách đầu tiên của Kinh Thánh, một lần trong Xuất Ê-díp-tô Ký, một lần trong Phục truyền luật lệ ký - đây là lần thứ hai. Nên kiểu như họ được nhắc nhớ đến luật pháp ngay trước khi vào Đất Hứa.

Khi đặt câu hỏi “những sách này nói về ai?” thì chúng ta bắt đầu thấy hình này nổi lên rõ nét vì Sáng Thế Ký là một cuốn sách toàn cầu, nói về tất cả mọi người, nói về nhân loại, nói về cả vũ trụ, đó là một sách toàn cầu. Ngay khi chuyển sang Xuất Ê-díp-tô Ký, bạn bước vào một cuốn sách thu

nhỏ vào một dân tộc, một quốc gia là Y-sơ-ra-ên, nên đây là một cuốn sách về dân tộc. Khi chuyển sang Lê-vi ký thì chỉ có một chi phái trong dân tộc đó - bạn đã thấy nó thu hẹp từ toàn cầu, qua dân tộc, đến chi phái chưa? Nhưng ngay khi đi qua Lê-vi ký, hình đó lại chếch ra và sách Dân số ký lại nói đến cả dân tộc, rồi sách Phục truyền luật lệ ký đặt Y-sơ-ra-ên trên phông nền toàn thế giới, giữa các quốc gia và bạn trở lại với góc nhìn toàn cầu. Nên bạn có một ống kính thu phóng cứ phóng to rồi thu nhỏ theo các sách, và có lẽ đó là lý do khiến người ta mắc kẹt ở Lê-vi ký vì họ quan tâm đến những điều toàn cầu, thậm chí là những điều liên quan đến dân tộc, khi chuyển sang chi phái, họ bắt đầu bị bỏ lại phía sau. Nhưng hình đó lại chếch ra nên đến khi sang Phục truyền luật lệ ký, bạn lại thích thú trở lại.

Cách tiếp theo để làm điều này là khi bạn đặt câu hỏi "Ở đâu?" và nhìn nó trong không gian. Bạn thấy rằng nó bắt đầu với cả trái đất, bắt đầu tập trung vào Canh-đê, U-rơ xứ Canh đê, nơi ở của Áp-ra-ham, rồi đến đất Ca-na-an là nơi ông đến, rồi đất Ai Cập nơi họ làm nô lệ trong 300 năm. Nhưng rồi nó tập trung lại, trong Lê-vi ký, vào chỉ một nơi, Núi Si-na-i. Nên một lần nữa, ống kính thu phóng tập trung vào chỉ một nơi, Si-na-i, và rồi nó lại phóng to ra - những chuyến đi đến Nê-ghép, Ê-đôm và Mô-áp, trở lại Ca-na-an. Nhưng nó thu hẹp lại với một chi phái ở một nơi nhỏ bé, thậm chí còn hơn thế khi bạn hỏi câu hỏi "khi nào?," lại một lần nữa, chính hình này cũng áp dụng với cả năm sách. Sáng Thế Ký bao trùm nhiều thế kỷ, mọi lịch sử đã qua của trái đất chúng ta. Xuất Ê-díp-tô Ký bao trùm theo năm, khoảng 300 năm; Lê-vi ký chỉ bao trùm một tháng, rồi Dân số ký bao trùm 40 năm và Phục truyền luật lệ ký nhìn về nhiều thế kỷ tới lịch sử tương lai của Y-sơ-ra-ên. Vậy bạn có thấy được hình dạng năm sách của Môi-se không? Vì vậy, bạn có nhận ra rằng Lê-vi ký là bản lề của toàn bộ điều này, rằng chúng ta đang tập trung vào tháng quan trọng nhất tại nơi quan trọng nhất và chi phái quan trọng nhất trong toàn bộ điều này, thế nên sách mới quan trọng đến vậy. Sự toàn vẹn Luật của Môi se phụ thuộc vào sách này. Nên cứ 12 tháng họ lại đọc hết ngũ kinh, tức là họ dành khoảng hai đến ba tuần lễ để đọc Lê-vi ký mỗi năm, và chúng ta sẽ đọc sách đó theo cách của người Do Thái trước đây.

Tôi muốn liên hệ Lê-vi ký trở lại với Xuất Ê-díp-tô Ký để cho bạn thấy những sách này nối tiếp nhau như thế nào. Chúng ra rất cần thấy từng sách phát triển từ sách trước đó như thế nào. Vậy Lê-vi ký phát triển từ Xuất Ê-díp-tô Ký như thế nào? Ở nửa sau của Xuất Ê-díp-tô Ký, Đền Tạm được xây dựng - lều của Đức Chúa Trời nơi Ngài sống giữa vòng dân sự Ngài. Nếu tưởng tượng ra trại quân ở Xuất Ê-díp-tô Ký, bạn sẽ thấy lều của Đức Chúa Trời ở giữa và hàng trăm các lều khác bao quanh; có lều thiên thượng và lều của con người. Sách Lê-vi ký nói về mọi điều diễn ra trong lều của Đức Chúa Trời và mọi điều nên diễn ra trong các lều của dân sự, chia thành hai nửa - lều của Đức Chúa Trời, lều của con người. Đó là những luật lệ và quy định cho cả hai.

Còn hơn thế nữa. Xuất Ê-díp-tô Ký trong phần Đền Tạm nói về cách Đức Chúa Trời đến gần con người, nhưng Lê-vi ký nói về cách con người đến gần Đức Chúa Trời. Xuất Ê-díp-tô Ký nói về sự giải phóng mà Chúa mang đến cho dân Ngài, nhưng sách Lê-vi ký nói về việc thánh hóa dân Chúa cho Ngài. Nên Xuất Ê-díp-tô Ký nói về ân điển của Chúa khi giải phóng họ, nhưng sách Lê-vi ký bắt đầu với tế lễ tạ ơn - cách dân sự thể hiện lòng biết ơn vì được giải phóng, và vì vậy, chúng ta cần cả hai nửa. Có thể sách không thú vị như Xuất Ê-díp-tô Ký, nhưng Chúa chờ đợi điều gì đó từ chúng ta để đáp lại điều Ngài đã làm cho chúng ta. Hai sách khớp nhau như vậy đấy! Chúng ta được cứu để phục vụ và Xuất Ê-díp-tô Ký nói đến cách Đức Chúa Trời cứu dân Ngài, nhưng Lê-vi ký nói về cách họ cần phục vụ Ngài. Không chỉ được Chúa cứu mà chúng ta còn cần phục vụ Ngài.

Khi chúng ta đọc Cựu Ước, tôi thấy thật hay khi đọc các sách như thể tôi là người Do Thái. Tôi không phải người Do Thái, giá như vậy tôi được như vậy. Cái mũi này là nét gia truyền trong dòng họ Pawson, nó giúp tôi khi đến thăm Y-sơ-ra-ên, nhưng tôi không phải người Do Thái, giá như tôi được như vậy. Nhưng hãy thử tưởng tượng rằng chúng ta là người Do Thái và hãy đọc sách này như cách một người Do Thái đọc nó mỗi năm một lần. Tại sao anh ta phải làm như vậy? Chúng ta sẽ thấy rằng đây là vấn đề sống còn với một người Do Thái, họ phải đọc sách và hiểu sách, thậm chí là sống theo sách. Chỉ có một Đức Chúa Trời và đó là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, không còn Đức Chúa Trời nào khác, mọi thần khác là sản phẩm của trí tưởng tượng con người. Chỉ có một Đức Chúa Trời, Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất tồn tại và họ là dân duy nhất của Ngài trên đất, vì vậy, giữa họ có mối quan hệ đặc biệt.

Về phía Chúa, Ngài đã hứa làm quá nhiều điều cho họ. Ngài đã hứa làm chính phủ của họ, làm bộ trưởng bộ quốc phòng và bảo vệ họ; làm bộ trưởng bộ tài chính và không để một ai trong họ nghèo khó; làm bộ trưởng bộ y tế và không một tật bệnh nào của Ai Cập chạm đến họ - là mọi điều họ cần. Ngài sẽ như vậy với họ, là Vua của họ. Đổi lại, Ngài muốn họ sống đúng đắn và làm mọi điều cho đúng, hay sống công chính, đó là nghĩa của từ công chính - sống cho đúng đắn. Câu chìa khóa trong toàn bộ sách Lê-vi ký là câu liên tục xuất hiện trong Tân Ước: “Các con phải thánh vì Ta là thánh.” Nói cách khác, Đức Chúa Trời muốn dân tộc mà Ngài giải phóng trở nên giống Ngài và không giống mọi dân xung quanh; và nếu bạn thấy bối rối với một số điều trong Lê-vi ký thì đây là chìa khóa để mở chúng ra. Khi Đức Chúa Trời bảo họ rằng “các con không được làm thế này” tức là Ngài đang nói rằng “vì các dân xung quanh các con làm như vậy và các con phải khác biệt, các con phải thánh vì Ta là thánh. Các con phải phản ánh bổn tính của Ta và để người ta thấy được bổn tính của Ta qua các con.” Câu đó là chìa khóa - “Các con phải thánh vì Ta là thánh.” Bạn sẽ thấy câu đó không chỉ một lần, bạn cũng sẽ thấy câu đó rải khắp Tân Ước vì điều đó vẫn được áp dụng. Nếu Đức Chúa Trời cứu bạn thì Ngài muốn bạn trở nên giống Ngài, Ngài muốn bạn sống theo đường lối Ngài và trở nên thánh khiết vì Ngài là thánh.



Bây giờ hãy xem hình dạng chung của cả sách. Tôi đã cho bạn biết rằng sách được chia thành hai nửa và một lần nữa [xin lỗi nếu bạn thấy khó nhìn], một lần nữa, hình này lại xuất hiện, nhưng giờ đây, hình này áp dụng với chính sách Lê-vi ký. Sách dồn đến đỉnh điểm, rồi từ đỉnh điểm phát triển ra. Thực ra đó là một chiếc bánh kẹp nhiều lớp, một kiểu hamburger McDonald và có một điều ở chính giữa, rồi giãn ra chút - và bạn sẽ thấy ngay từ màu sắc của biểu đồ này là phần đầu tiên tương

ứng với phần cuối, phần thứ hai tương ứng với phần gần cuối, và phần thứ ba tương ứng với phần gần gần cuối - để lại một phần ngay giữa - và có sự tương ứng rõ ràng, được kết hợp rất đẹp với nhau, được phát triển rất đẹp. Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời tạo ra khuôn mẫu này chứ không phải Môi-se. Bạn có nhận ra rằng Lê-vi ký chứa nhiều Lời Chúa hơn mọi sách khác trong Kinh Thánh không? Khoảng 90% sách Lê-vi ký là lời nói trực tiếp của Đức Chúa Trời, "Đức Giê-hô-va phán với Môi-se.” Không sách nào khác trong Kinh Thánh có nhiều lời nói trực tiếp của Chúa đến vậy, nên nếu bạn muốn đọc Lời Chúa thì đây là một sách quá hay để bắt đầu vì bạn đang đọc những lời thật sự của Chúa. Nên Chúa đã kết hợp điều này với nhau, bạn có thể thấy sự hài hòa tuyệt đẹp và một khuôn mẫu trong đó. Những của dâng và sinh tế của bảy chương đầu tiên được bổ trợ bằng những hình phạt và lời hứa nguyện của dân sự. Chức tế lễ được mô tả rất kỹ, tương ứng với sự thờ phượng mà họ phải dẫn dắt và cách dẫn dắt sự thờ phượng của dân sự.

Nhưng đây là hai sự khác biệt chính mà dân Chúa phải học biết, và chút nữa tôi sẽ trở lại với điều đó vì chúng ta rất cần tìm ra sự khác biệt giữa thanh sạch và ô uế, giữa bình thường và thánh khiết. Đó không phải là những điều giống nhau, chúng ta sẽ thấy, đây cũng là một chìa khóa khác. Nhưng toàn bộ mọi thứ dồn đến một ngày, gọi là Ngày Chuộc tội. Đó là ngày mà họ phải bắt hai con vật, và phải dâng một con vật trong trại còn con kia - đây đúng là một chìa khóa - con vật còn lại, một con dê - họ sẽ đặt tay trên đầu nó, hết người này đến người khác, xưng tội lỗi họ ra rồi đuổi con dê ra khỏi trại, vào nơi hoang mạc, nó sẽ chết tại đó cùng mọi tội lỗi của dân sự chất trên người. Đó là con dê gánh tội (scapegoat), và tôi mới đọc từ đó trên nhật báo sáng nay. Đó là từ được du nhập vào tiếng Anh từ sách Lê-vi ký, con dê gánh tội, người nhận mọi trách nhiệm, người mang mọi sai trái của những người khác đi. Chúng ta sẽ lại trở lại điều đó. Hình này chia đôi sách ra - dẫn đến ngày này và bắt nguồn từ ngày này - và từ quan điểm Cơ Đốc, bây giờ tôi sẽ không nói về điều này, nhưng chúng ta sẽ xem xét thêm về điều đó sau. Nửa đầu mô tả cách thức của chúng ta đối với Đức Chúa Trời - chúng ta gọi đó là sự xưng công chính (cụm này nghe dài quá nhỉ) và nửa sau mô tả chặng đường chúng ta đi cùng Chúa - chúng ta gọi đó là sự thánh hóa. Điều đó tạo nên hình dạng của sách. Giờ bạn đã cảm được điều đó chưa? Khi đã hiểu được hình dạng của cả sách thì bạn sẽ dễ đọc nó hơn nhiều vì bạn biết mình đang ở đâu, và bạn biết mình đang chạm đến phần nào trong cốt truyện.

Sau khi xem xét cả sách, tôi muốn xem một hoặc hai mục trong đó và chúng ta sẽ bắt đầu với bảy chương đầu, những tế lễ. Có năm tế lễ. Lướt nhanh qua chúng: Tế lễ thiêu - bạn mang một con vật đến, thiêu toàn bộ con vật và để Đức Chúa Trời ngửi thấy mùi hương đó. Tất cả được dâng cho Chúa

và Chúa yêu mùi chiên nướng, đó là một tế lễ có hương thơm với Ngài, bạn đang dâng toàn bộ con vật cho Ngài. Nhưng Tế lễ Chay, bạn giữ lại một phần cho mình và dùng bữa với Chúa, Chúa dùng một chút và bạn dùng một chút. Đó là tế lễ chay. Hay Tế lễ Bình an. Bạn sẽ đọc thấy mọi chi tiết trong Lê-vi ký.

Nhưng tôi muốn bạn lưu ý rằng ba tế lễ đầu tiên là cách đúng đắn để nói cảm ơn Chúa vì một phước hạnh Ngài ban. Chúng không phải là tế lễ chuộc tội, chúng là những tế lễ tạ ơn. Nói cách khác - bạn có cảm thấy biết ơn Chúa không? Vậy thì đây là cách Ngài muốn bạn làm để nói cảm ơn. Tôi đang nói với người Do Thái thôi nhé! Đây là cách bạn có thể tỏ lòng biết ơn với Ngài. Bạn có mừng vì mình còn sống, có biết ơn vì mình được khỏe mạnh, có biết ơn vì mình có tiền không? Vậy thì hãy thể hiện lòng biết ơn theo cách này, và họ có thể chọn một trong ba cách, chỉ để nói lời cảm ơn Chúa. Hai tế lễ còn lại không phải để tỏ lòng biết ơn nhưng để giải quyết tội lỗi. Có Tế lễ Chuộc tội và Tế lễ Chuộc lỗi, và chúng làm hai điều.

Trước hết, chúng là giá chuộc cho tội lỗi. Chúng dâng lên Chúa sự bồi thường cho những điều sai trái mà bạn đã phạm phải. Từ chuộc tội không nghĩa là một lần đủ cả - đó là tư tưởng hiện đại. Nó không có nghĩa như vậy chút nào, nó nghĩa là bồi thường. Nên nếu bạn chuộc cho cái gì đó thì bạn đưa ra thứ gì đó để bồi thường. Cả hai đều là tế lễ bồi thường cho Chúa và chúng cần có huyết, chúng cần có sự sống. Để bồi thường cho Chúa đời sống tệ hại mà bạn đã sống, bạn dâng một sự sống tốt đẹp chưa phạm tội. Nhưng một trong những điều quan trọng nhất của hai tế lễ này mà tôi muốn bạn lưu ý - và nếu đã đọc hết Lê-vi ký thì chắc hẳn bạn cũng ấn tượng với điều này - chúng chỉ có tác dụng với những tội không cố ý, chúng không có tác dụng với những tội cố ý vi phạm.

Nói cách khác thì không ai hoàn hảo cả, ai cũng phạm sai lầm, chúng ta vô tình sa vào tội lỗi. Chúng ta không định làm điều sai trái, nhưng chúng ta đã làm như vậy. Đức Chúa Trời chỉ cho dâng tế lễ với tội không cố ý, nhưng trong danh sách này không có tế lễ dành cho tội cố ý. Điều đó rất quan trọng vì điều đó được nhắc lại trong Tân Ước, rồi chúng ta sẽ thấy. Tân Ước phân biệt giữa tội mà Cơ Đốc nhân vô tình phạm phải và tội mà Cơ Đốc nhân cố ý, chủ tâm vi phạm. Tân Ước, cũng như Cựu Ước, nói rằng nếu chúng ta cố ý phạm tội sau khi được tha thứ thì không có của lễ cho tội lỗi nữa. Bạn đã bao giờ để ý thấy điều đó trong Tân Ước chưa? Điều đó bắt nguồn từ chính Lê-vi ký. Tội cố ý mà những người đã được tha thứ gây ra là tội rất nghiêm trọng, thế nên Chúa Giê-su mới nói với người nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình là "hãy đi, đừng phạm tội nữa." Sự phân biệt này xuất hiện xuyên suốt Tân Ước cũng như Cựu Ước, giữa tội do dân Chúa cố ý vi phạm và tội do dân Chúa vô tình phạm phải. Với tội vô tình phạm phải, Chúa có đủ sự cung ứng, vì Chúa biết chúng ta yếu đuối, Ngài biết rằng chúng ta sa ngã, Ngài biết rằng chúng ta không định phạm tội. Tôi "làm điều ác mình không muốn," Phao-lô nói vậy. Đó là tội không cố ý - vô tình phạm phải - và tội đó được che đậy.

Đó là những tế lễ. Tôi sẽ không nói nhiều về các thầy tế lễ vì điều này đã rất rõ ràng rồi. Tôi muốn đi thẳng vào thực tế rằng họ có một bộ lịch để tuân theo. Trong Tân Ước thì không có như vậy. Không có chút lịch Cơ Đốc nào trong Tân Ước, ngạc nhiên chưa! Tân Ước không nói đến việc giữ lễ Giáng sinh hay Phục sinh, nhưng với người Do Thái, một bộ lịch là một phần không thể thiếu trong chặng đường bước đi với Chúa. Họ được coi như con trẻ; người trưởng thành không cần lịch; con trẻ thì cần để nhắc chúng nhớ những thứ mà chúng sẽ quên. Tất cả những kỳ lễ này được nêu trong sách Lê-vi ký và phải giữ theo.

FEASTS

FIRST COMING (PAST)	PASSOVER (unleavened bread)	— 15th of first month
	FIRSTFRUITS	— 3 days later
	PENTECOST (weeks)	— 50 days later
SECOND COMING (FUTURE)	TRUMPETS	— 1st of seventh month
	DAY OF ATONEMENT	— 3 days later
	TABERNACLES (succoth-booths)	— 15-22 days later
REST	SABBATICAL	— every 7th day
RELEASE	JUBILEE	— every 50th year

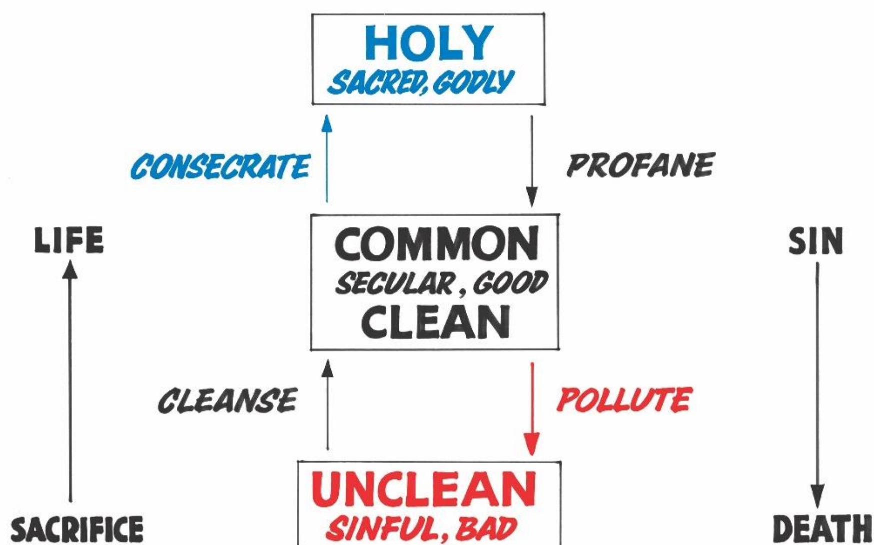
Hãy lướt nhanh qua các kỳ lễ đó. Quên phần bên trái của bảng đi một chút nhé; chỉ nhìn vào những chữ màu đỏ thôi. Bắt đầu từ tháng đầu trong năm, khoảng tháng 03/tháng 04 của chúng ta là Lễ Vượt Qua, Lễ Bánh Không Men vào ngày 15 của tháng đầu - để nhớ lại cách Đức Chúa Trời đưa họ ra khỏi ách nô lệ tại Ai Cập. Vào ngày trước Lễ Vượt Qua, một con chiên phải được giết lúc 3 giờ chiều. Chẳng phải là rất tuyệt vời đó sao? 3 giờ chiều - giữa buổi chiều, Kinh Thánh chép rằng người ta giết con chiên và vào ngày tiếp theo, Lễ Vượt Qua bắt đầu. Ba ngày sau đó, họ phải dâng những trái đầu mùa cho Đức Chúa Trời. Ba ngày sau đó. Nghe có quen không? "Trái đầu mùa của những kẻ ngủ?"

Năm mươi ngày sau, lại có chữ "ngũ" nữa, năm hoặc năm mươi, Ngũ tuần, năm mươi ngày, họ phải giữ Lễ Ngũ tuần hay Lễ Các Tuần vì đó là ngày Luật pháp được ban ra trên núi Si-na-i và họ phải nhớ lấy điều đó, phải cảm tạ Chúa vì điều đó. Nhưng bạn có biết điều gì xảy ra khi Luật pháp được ban ra trên núi Si-na-i vào Lễ Ngũ tuần đầu tiên không? Kinh Thánh chép rằng họ đã phạm tội, và nhiều người bị giết; bạn có biết là bao nhiêu người không? Ba ngàn người. Như vậy khi Luật pháp được ban vào Lễ Ngũ tuần đầu tiên, ba ngàn người đã bỏ mạng. Nhiều thế kỷ sau, khi Thánh Linh được ban vào Lễ Ngũ tuần, ba ngàn người đã được cứu. Cả Kinh Thánh đều ăn khớp với nhau, chẳng phải là rất tuyệt vời đó sao? Đó là những kỳ lễ đầu năm.

Chúng ta đến với những kỳ lễ cuối năm. Lễ Thổi kèn, người ta thổi kèn shofar làm từ sừng một con cừu già. Tiếng kèn! Tiếng đó báo hiệu một vòng mới của các kỳ lễ. Hai là Ngày Chuộc tội. Đó là một ngày không thể thiếu khi con dê gánh tội bị đuổi khỏi trại cùng mọi tội lỗi chất trên mình nó, sau đó là Lễ Lều tạm, tám ngày, Lễ Su-cốt, hay Lều tạm trú, khi họ chuyển ra khỏi nhà mình và sống trong những căn chòi; họ phải thấy được những vì sao lọt qua mái chòi để nhắc họ nhớ tới 40 năm dại dột lang thang trong hoang mạc khi lẽ ra họ có thể vào Đất Hứa trong 11 ngày. Nên nhóm ba kỳ lễ này nhằm vào cuối năm. Tất cả những kỳ lễ này sẽ được làm trọn theo phương cách Cơ Đốc. Ba kỳ lễ đầu đã được làm trọn vào lần đến thứ nhất của Chúa Giê-su, điều đó đã là quá khứ với chúng ta, nhưng ba kỳ lễ này sẽ được làm trọn vào lần đến thứ hai của Ngài. Tôi không biết Chúa Giê-su sẽ trở lại vào năm nào, nhưng tôi biết là vào tháng nào. Đó chắc chắn là tháng 09/tháng 10 vì Ngài luôn làm mọi điều vào đúng thời điểm. Nên vào một năm nào đó, vào tháng 09/tháng 10, Chúa Giê-su sẽ trở lại. Bạn biết là Chúa sinh vào tháng đó chứ? Ngài không sinh ra vào ngày 25/12 đâu. Bằng chứng là Tin Lành theo Lu-ca chỉ ra rằng Chúa giáng sinh vào tháng thứ 7 trong năm, tức là Lễ Lều tạm. Đây là lúc họ mong đợi Đấng Mê-si-a và thật thú vị, tất cả những lần Tân Ước nhắc đến tiếng kèn đều là để công bố sự trở lại của Ngài. Nên ba lễ này đã xong rồi, chúng đã được làm trọn, trong lần đến đầu

tiên của Đấng Christ. Nhưng ba lễ này sẽ được làm trọn vào lần đến thứ hai của Ngài, và vào ngày chuộc tội đó, sự cứu rỗi sẽ đến với cả dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Giờ còn hai lễ nữa. Có một ngày nghỉ hằng tuần - và với những nô lệ ở Ai Cập từng phải làm việc 7 ngày/tuần thì một ngày nghỉ hằng tuần hẳn là một phước hạnh. Không có dấu vết của ngày Sa-bát trong Kinh Thánh trước thời Môi-se. A-đam không có ngày Sa-bát, ông làm việc 7 ngày/tuần, Áp-ra-ham không có ngày Sa-bát, ông làm việc 7 ngày/tuần, nhưng bắt đầu từ thời Môi-se là có ngày nghỉ hằng tuần này. Đó không phải là ngày nghỉ lễ, hay là ngày dành cho gia đình, đó là ngày dành cho Chúa - một ngày thánh, và là một phần trong lịch của họ. Những lễ này tổ chức hằng năm, cái này diễn ra hằng tuần và cái này cứ 50 năm một lần, đúng là năm hân hỉ. Cứ 50 năm một lần, số dư tài khoản của mọi người lại được cào bằng. Các bạn có thích điều đó xảy ra ở đây không? Tôi thấy một số người trong các bạn có vẻ không chắc lắm. Tôi có thể nhìn vẻ mặt của các bạn mà biết được là các bạn có số dư tài khoản cao hay thấp nha! Nhưng bạn thấy đó, mọi tài sản được trả về cho gia đình sở hữu chúng từ ban đầu, cứ 50 năm một lần, nên giá thuê càng rẻ khi năm hân hỉ càng gần vì thời hạn ngắn hơn. Các nô lệ được trả tự do vào năm thứ 50, đủ mọi điều thú vị xảy ra, nên người ta mong chờ năm hân hỉ, "năm thi ân của Chúa" - khi có tin lành cho người nghèo vì họ sẽ lại giàu có, khi những kẻ bị cầm tù được thả tự do. Điều đó có gợi cho bạn nhớ điều gì không? Chúa Giê-su công bố rằng: "Thần của Chúa ngự trên Ta để kẻ bị cầm được tha, đặng truyền tin lành cho kẻ nghèo, để đồn ra năm thi ân (hay năm lành) của Chúa." Nói cách khác, Chúa Giê-su đã mở đầu năm hân hỉ thật sự mà khi đó, người ta chờ đợi tất cả những điều này. Bạn đã thấy tầm quan trọng của việc biết Cựu Ước, để hiểu được Tân Ước chưa?



Giờ chúng ta chuyển sang câu hỏi rất quan trọng nhưng khó trả lời về sự khác nhau giữa thánh khiết và tầm thường, thanh sạch và ô uế. Thế giới luôn nghĩ về mặt tốt và xấu. Họ chỉ có hai phạm trù tư duy, trong khi Kinh Thánh có ba, và chúng ta gặp điều này lần đầu trong Lê-vi ký; nếu không nắm vững điều này thì bạn sẽ không nắm được Lê-vi ký. Điều này cực kỳ, cực kỳ quan trọng. Một thứ có thể thanh sạch nhưng vẫn tầm thường. Có hai quá trình xảy ra - một là khi những thứ thiêng liêng, thiên thượng, thánh khiết bị tầm thường hóa và thành ra bình thường; bạn có thể hủy hoại một điều thánh khiết bằng cách khiến nó thành ra bình thường. Tôi sẽ lấy một ví dụ cho bạn. Bạn có biết điều gì châm ngòi cho cuộc Cách mạng Romania vài năm trước không?

Một vị mục sư Cơ Đốc đã châm ngòi cho cuộc cách mạng đó. Ông ra ngoài mua một cuộn giấy vệ sinh, mang nó về nhà, và ngay lần đầu dùng giấy trong nhà vệ sinh gia đình, ông đã nhận ra rằng mình đang dùng các trang của một cuốn Kinh Thánh. Thánh kinh Hội đã gửi các cuốn Kinh Thánh đến Romania vào thời cộng sản và chính quyền cộng sản đã làm rùm beng điều đó lên - kiểu như một trò quảng cáo với họ - "chúng ta có Kinh Thánh đây rồi," và Kinh Thánh được dùng để sản xuất giấy vệ sinh. Khi vị mục sư đó nhận ra rằng mình đang dùng Kinh Thánh để làm giấy vệ sinh, ông tức giận đến nỗi giảng cả một bài giảng, và bài giảng đó đã châm ngòi cho cuộc Cách mạng Romania. Không phải là người ta đã làm cho Kinh Thánh trở nên ô uế vì nhà vệ sinh chẳng có gì ô uế cả - chỉ là biến một thứ thánh khiết thành ra bình thường. Tầm thường hóa điều gì đó - bạn có hiểu không? Giai đoạn bên dưới là lấy một điều thanh sạch, bình thường và khiến nó thành ra ô uế, thành ra tội lỗi. Ba từ **t**hiêng liêng, **t**hế tục và **t**ội lỗi khá tương ứng với tư duy về thánh khiết, thanh sạch - bình thường, và ô uế. Cũng giống như có quá trình tầm thường hóa điều thánh khiết cho thành bình thường, và làm vấy bẩn điều bình thường, thanh sạch cho thành ô uế, thì cũng có quá trình cứu khỏi tình trạng này. Bạn có thể thanh tẩy điều ô uế và khiến nó nên thanh sạch, rồi bạn thánh hóa nó và nó trở nên thánh khiết.

Vấn đề là trong Kinh Thánh, điều thánh khiết và điều ô uế không bao giờ được tiếp xúc với nhau. Phải để chúng cách xa nhau hoàn toàn. Những điều thánh khiết và những điều ô uế không có điểm gì chung. Kinh Thánh cũng đề cập rằng trộn lẫn giữa ô uế và thanh sạch sẽ khiến cả hai trở nên ô uế. Nhưng chẳng phải là rất đúng sao? Nếu bạn trộn những vật bẩn và sạch với nhau, thì vật sạch khiến vật bẩn sạch ra, hay vật bẩn khiến vật sạch bẩn đi đây? Bạn biết mà! Tôi vừa trích dẫn Nê-hê-mi đó, ông nói đúng như vậy. Cũng tương tự, nếu bạn trộn lẫn những điều thánh khiết và bình thường thì tất cả đều thành ra bình thường, chứ không trở nên thánh khiết.

Quá trình này, ở đây (cái mũi tên này phải chỉ xuống, e là vậy; tôi xin lỗi. Lẽ ra là chỉ xuống), quá trình đi xuống này dẫn đến sự chết, đúng là như vậy, trong khi quá trình này dẫn tới sự sống, nhưng cần có của lễ. Chỉ khi có của lễ thì bạn mới có thể thanh tẩy điều ô uế và đem lại sự sống cho nó. Nhân tiện cho tôi hỏi, bao nhiêu người trong các bạn đang ở trong sự phục vụ Cơ Đốc trọn thời gian, giơ tay cho tôi xem được không? Tôi hỏi là "Bao nhiêu người trong các bạn đang ở trong sự phục vụ Cơ Đốc trọn thời gian, giơ tay cho tôi xem được không?"

Công việc có thể thuộc một trong ba điều này. Có một số công việc phạm pháp và vô đạo, tức là việc ô uế, Cơ Đốc nhân không thể làm những việc đó. Có những công việc trong sạch khác, nhưng lại bình thường. Ý tôi không phải là anh phải làm giáo sĩ hay mục sư thì mới thánh khiết. Nó phụ thuộc vào việc anh có dâng công việc của mình cho Chúa hay không, anh có thể là một lái xe taxi thánh khiết. Anh có thể dâng công việc và làm điều đó vì cớ Chúa, như vậy, nó sẽ không còn bình thường nữa, nó trở thành một nghề thánh khiết trong Chúa, bạn có hiểu không? Bạn có thể làm giáo sĩ mà vẫn ở đây. Bạn đã bắt đầu hiểu được điều gì đó chưa? Tiền của bạn có thể trở nên ô uế nếu bạn dùng vào những việc tệ hại, hoặc thanh sạch nếu bạn dùng vào những điều tốt đẹp, hoặc thánh khiết nếu nó được thánh hóa cho Chúa. Tình dục có thể thuộc một trong ba điều này. Bạn đã bắt đầu nắm được tầm quan trọng của việc phân biệt ba điều này chưa? Có nhiều người ở thế gian ngoài kia đang sống một đời sống đứng đắn, bình thường, trong sạch, nhưng họ không phải là những người thánh khiết. Chúa không chỉ muốn chúng ta sống cho tốt, Ngài muốn chúng ta sống cho thánh khiết. Đó là điểm nhấn trong Lê-vi ký.

Dân Ta, nếu họ thành ra ô uế, họ phải được thanh tẩy và đưa về trạng thái thanh sạch, nhưng họ cần phải là một dân thánh vì Ta là thánh - và điều đó khác với việc là những người tốt. Đó là câu trả lời cho những người bên ngoài hội thánh nói rằng: "Tôi có thể tốt bằng bất cứ ai trong nhà thờ. Tôi có thể sống tốt như các anh là những người đi nhà thờ." Nhưng họ không thánh khiết, họ không bao giờ dùng từ thánh khiết, họ còn không nghĩ đến việc dùng từ đó vì họ đâu có hiểu, đâu có biết gì về điều này. Họ chỉ bảo: "Cậu này sống tốt lắm, có cần phải chúa chiếc gì đâu." Ừ thì anh ta sống tốt, nhưng không thánh khiết và Chúa không chỉ tìm những người tốt, Ngài muốn một dân thánh khiết và chúng ta sẽ thấy trong sách Lê-vi ký rằng cần có những gì để trở thành một dân thánh cho Chúa.

Điều đó gồm toàn những điều rất thiết thực. Khi đọc Lê-vi ký, tôi phải sửng sốt khi thấy sách rất thiết thực. Ví dụ như sức khỏe. Chúng ta đang xét đến sự thánh khiết của đời sống, nghĩa là sự trọn vẹn của đời sống. Nghĩa là không có bất cứ phần nào trong đời sống bạn không thể trở nên thánh khiết. Hãy xét đến sức khỏe. Thân thể cũng cần cho sự thánh khiết như tâm linh, thế nên Lê-vi ký mới nói đến việc cắt tóc giống như Phao-lô nói trong 1 Cô-rinh-tô. Thế nên Lê-vi ký mới nói về việc xăm trổ. Bạn có biết là Kinh Thánh nói về việc xăm trổ không? Nó nói về việc người nam đeo khuyên tai - hay không nên như vậy. Rất thú vị, với Chúa thì sự thánh khiết bao gồm tất cả những điều đó. Thiết thực như vậy đấy. Sách có nói về những chất thải của cơ thể, nói cả về nam và nữ, rồi việc sinh con. Ở đây nói rất nhiều về đồ ăn, cả đồ ăn thanh sạch và không thanh sạch - và bạn biết là những người Do Thái đang làm rất nhiều đồ ăn kiểu kosher. Tất cả được xây dựng trên câu Kinh Thánh "Con chớ nấu dê con trong sữa mẹ nó." Nên giờ họ có hai nhà bếp, hai bộ nồi chảo cho sản phẩm sữa và thịt. Đó hoàn toàn không phải là ý nghĩa của câu đó. Gần như họ đã xây dựng cả một tôn giáo trên nền tảng đó.

Tôi thích nói với họ rằng Áp-ra-ham không ăn theo kosher, ông dọn thịt bê và bơ sữa cho bốn vị thiên sứ đến viếng thăm, Áp-ra-ham hư thật! Thực ra thì nấu dê con trong sữa mẹ nó là một nghi thức sinh sản của người Ca-na-an, và Chúa phán: Các con đừng làm như vậy vì chúng làm như vậy. Các con phải thánh khiết với ta và đừng tham gia vào dạng mê tín dị đoan đó. Có những điều trong Lê-vi ký nói đến việc đừng tham gia vào thuyết huyền bí hoặc đồng bóng, thầy bói. Sách có nói chút ít về nấm gỗ mục trong nhà - và bạn không được gọi thợ vệ sinh đến đâu, bạn phải đốt nhà mình vì tình yêu với người lân cận cơ. Nếu yêu người lân cận thì bạn sẽ đốt nhà mình khi nhà có nấm gỗ mục. Bạn có mừng vì mình không ở dưới Giao Ước cũ không? Rồi quần áo, không được mặc vải pha, không được pha len và vải pp, hay bất cứ vải gì. Thế mà chính một gia đình Do Thái - hãng Marks and Sparks - đã giúp tôi phạm Luật của Môi-se, thường xuyên luôn. Sách có nói đến đời sống xã hội, rằng sự thánh khiết nghĩa là đặc biệt quan tâm đến người nghèo, người điếc, người mù và người già. Có chép rằng nếu là một người thánh khiết thì bạn sẽ đứng lên khi một người lớn tuổi bước vào phòng.

Đây là sự thánh khiết, rất thực tế đúng không? Nó bao trùm toàn bộ đời sống. Chính câu "hãy yêu thương người lân cận như chính mình" là từ Lê-vi ký mà ra. Đó là một phần trong sự thánh khiết, điều đó bao trùm toàn bộ đời sống. Sách chép rằng tội loạn luân ở dưới đây, tội này ngày càng phổ biến. Sách chép rằng đồng tính luyến ái ở dưới này, rằng thủ dâm ở dưới này, tức là bác bỏ cuốn sách mới ra của Madonna. Tất cả những điều này đều rất gần gũi. Một đời sống thánh khiết là gì? Là cách bạn hành xử từ thứ hai đến thứ bảy chứ không chỉ là những gì bạn làm vào Chúa Nhật, và đó là tất cả các phần trong đời sống bạn, ngôi nhà bạn ở, đồ bạn ăn, quần áo bạn mặc. Nó liên quan đến tất cả cuộc sống, thánh khiết là như vậy, và chúng ta học được điều này từ Lê-vi ký. Nắm được sự phân biệt rạch ròi này là bạn đã có chìa khóa để giải mã Lê-vi ký. Chúa không chỉ tìm kiếm những người trong sạch, Ngài tìm kiếm những người thánh khiết. Đó là một khác biệt lớn. Khi chưa là Cơ Đốc nhân, bạn

còn chưa bao giờ nghĩ đến việc trở nên thánh khiết, chỉ nghĩ đến việc làm người tốt - và như vậy thì chưa đủ tốt đâu. Chúng ta sẽ đi tiếp trong bài nói chuyện sau.

LÊ-VI KÝ - Phần 2

Chúng ta vẫn đang đọc Lê-vi ký như thể chúng ta là người Do Thái, nên hãy tiếp tục nói một số điều về toàn bộ Luật của Môi-se. Người ta gọi đó là Luật chứ không phải là Các Điều luật; người ta gọi đó là luật vì ấy là một thể thống nhất, sự thánh khiết nghĩa là sự toàn vẹn, tất cả những luật lệ và quy định này gắn liền với nhau và tạo thành một tổng thể. Vì vậy, phạm phải bất kỳ điều gì tức là phạm hết. Nó hơi giống chuỗi vòng cổ của phụ nữ. Dù có đứt ở chỗ nào thì các hạt trong đó cũng tung ra, bạn đã làm hỏng chuỗi vòng và tất cả đều bắn tung tóe. Đó là một ý rất quan trọng. Nó không chỉ là cố gắng giữ càng nhiều càng tốt. Tôi đã từng đùa mấy cậu lính Không quân Hoàng gia Anh; họ luôn nghĩ rằng Cơ Đốc nhân là người giữ mười điều răn. Khi tôi hỏi: “Rồi, thế bao nhiêu bạn giữ được mười điều răn?,” không ai giữ được. Họ trả lời: “Ôi giời, giữ làm sao được hết!” và tôi hỏi: “Thế các bạn phải giữ bao nhiêu điều mới được làm Cơ Đốc nhân?,” họ luôn nói là 6 trên 10, rất thú vị. Đó là suy nghĩ của hầu hết mọi người. Cứ giữ càng nhiều càng tốt, học sinh chỉ cần cố được 6 trên 10. Nhưng đó là một tổng thể và phạm phải bất cứ điểm nào tức là phạm hết. Bạn đã phá vỡ sự toàn vẹn hay thánh khiết của toàn bộ lối sống. Đó là điều đầu tiên mà tôi muốn nói.

Bây giờ tôi muốn nói thêm hai điều nữa về Lê-vi ký. Điều số một, Đức Chúa Trời không đưa ra lý do cho mọi luật lệ của Ngài, cho việc không mặc đồ bằng vải pha, không được cho con này bú sữa con kia, không được gieo hai thứ hạt giống. Đức Chúa Trời là Chúa của sự thuần túy, Ngài không thích đồ bằng vải pha, trộn hạt giống lạ với nhau hay cho con này bú sữa con kia. Ngài không thích như vậy, Ngài thánh khiết, Ngài thuần túy - nhưng không phải lúc nào Ngài cũng giải thích lý do. Tâm trí Tây hóa của chúng ta, tâm trí hiện đại của chúng ta muốn có lý do cho mọi thứ: Tại sao Ngài lại không để họ làm điều này? Đôi khi lý do rất hiển nhiên, có thể chỉ là để giữ vệ sinh. Một số quy định về nhà vệ sinh rất hiển nhiên, để giữ vệ sinh mà Chúa bảo họ làm điều này điều kia. Có thể là một số đồ ăn ô uế bị cấm là vì thịt lợn rất có khả năng gây bệnh trong điều kiện khí hậu đó, tại vùng đó. Chúng ta muốn có lý do cho mọi thứ, nhưng tôi muốn nhấn mạnh rằng Chúa không cho họ lý do. Ngài không nói rằng: “Ta không cho các con làm như vậy là vì thế này...”

Điều đó rất, rất quan trọng, vì nếu cứ muốn biết tại sao một quy định nào đó lại được áp trên bạn thì bạn không sẵn sàng để người khác làm người phán xử. Bạn đang biến chính lý lẽ của mình thành người phán xử. Có những lúc tôi và vợ phải nói với các con mình là “vì bố nói thế,” bạn thấy đó, và điều quan trọng là nếu bạn chỉ làm theo sự răn dạy khi thấy nó hợp lý thì bạn không phải là một đứa con vâng lời, và bạn không tin tưởng vào người răn dạy bạn. Bạn có hiểu điều đó không? Đó là một ý rất quan trọng. Phần đa các điều ở trong Luật của Môi-se đều không đưa ra lý do tại sao họ phải làm điều này hoặc không được làm điều kia. Chúa đang nói rằng: “Các con có tin tưởng Ta không? Các con có tin rằng nếu Ta bảo các con không làm gì đó nghĩa là Ta có lý do chính đáng để làm như vậy không? Các con phải biết lý do rồi mới làm theo, hay các con đủ tin tưởng để vâng phục Ta, và tin rằng Ta biết điều gì là tốt nhất?” Bạn có hiểu vấn đề không? Tôi e rằng con người thời nay muốn biết là giữ trinh tiết để làm gì, làm cái này để làm gì, làm cái kia để làm gì. Nếu anh có thể thuyết phục tôi là cái này tốt cho tôi thì tôi sẽ làm theo.

Như vậy là con người muốn làm Chúa, cũng không có gì là lạ, hệt như A-đam và Ê-va hái trái của cây biết điều thiện, điều ác vậy. Chúng ta muốn quyết định, chúng ta muốn trải nghiệm, chúng ta muốn tự mình định đoạt. Nếu bạn muốn biết lý do đằng sau mọi điều răn mà Chúa ban cho bạn thì bạn đang không tin tưởng vào Ngài, và bạn không phải là một đứa con vâng lời. Gần như thể cả Kinh Thánh nói với chúng ra rằng: “Vì Cha nói thế.” Bạn tin tưởng cha mình đến mức nào? Vì cha thiên

thượng của bạn nói thế. Nên đó là một ý rất quan trọng. Ngài muốn những đứa con vâng lời, những đứa con tin Cha, không phải những đứa nói rằng: “À, bây giờ thì con hiểu tại sao rồi, con sẽ làm như vậy,” mà là những đứa sẵn sàng nói rằng: “Chúa ơi, nếu Ngài đã nói vậy thì tức là điều đó tốt cho con. Ngài làm vậy hẳn là có lý do.” Có nhiều điều Chúa không chỉ cho chúng ta thấy. Ngài không có nghĩa vụ phải phân trần với chúng ta. Có những điều sẽ xảy đến với bạn và gia đình bạn mà bạn không thể hiểu nổi; quan trọng là lúc đó bạn có tin rằng Ngài có lý do chính đáng để cho phép điều đó xảy ra, hay bạn nói rằng “Không, con muốn biết tại sao. Tại sao vậy?” Đó là điều đầu tiên về luật pháp Chúa.

Ngài không đưa ra lý do nhưng Ngài có đưa ra hình phạt. Ngài có đưa ra hình phạt và nói thẳng ra là sự trừng phạt. Có sự kêu gọi vâng phục, và cũng có cái giá cho sự bất tuân, là như vậy đó. Nên tuy Ngài không lý giải cho các điều răn nhưng Ngài có đưa ra sự trừng phạt và chúng khá nặng. Hay nói theo cách khác, trong chương 26 của Lê-vi ký, bạn có rất nhiều lý do tích cực để vâng phục - có phần thưởng cho sự vâng lời, có phước hạnh cho những người tin cậy và vâng lời; nhưng ngược lại, có sự rủa sả trên những kẻ bất tuân.

Giả sử như tôi là người Do Thái và tôi đang đọc sách Lê-vi ký. Điều gì có thể xảy ra với tôi nếu tôi không tuân theo đây? Ba điều có thể xảy ra. Một là tôi có thể mất nhà; mất nhà, hay tổ ấm của tôi. Hai là tôi có thể mất quyền công dân, hay hộ chiếu của tôi. Ba là tôi có thể mất mạng và có mười lăm tội trong sách Lê-vi ký mà hậu quả của nó là tội tử hình. Thành thực mà nói, nếu bạn biết là đọc và tuân theo sách Lê-vi ký hoặc không tuân theo sách có thể khiến bạn mất nhà, mất hộ chiếu, thậm chí mất mạng, thì liệu bạn có nghiên cứu sách sâu hơn khi trước không? Tôi nghĩ là có. Tôi muốn bạn đọc nó như một người Do Thái và nhận ra rằng nhà cửa, hộ chiếu, thậm chí là chính mạng sống của bạn phụ thuộc vào việc bạn có sống theo cách đó hay không, rằng bạn có thể mất cả ba. Nó nghiêm trọng như vậy đó.

Thêm nữa, sách Lê-vi ký nói rõ rằng cả dân tộc, nếu cả dân tộc bất tuân thì họ có thể mất nhiều thứ, cụ thể là hai điều. Một là họ có thể mất tự do khi bị kẻ thù từ bên ngoài xâm lược, và khi chúng ta nghiên cứu sách Các quan xét, chúng ta sẽ thấy điều đó xảy ra. Đó là sự trừng phạt đầu tiên nếu cả dân tộc phớt lờ sách Lê-vi ký. Hình phạt thứ hai là họ sẽ mất đi xứ sở và bị đuổi khỏi đó. Một là bị một thế lực khác chiếm đóng trong xứ, từ đó mất đi sự tự do. Hai là bị đày đi làm nô lệ, lìa xa xứ sở và mất tất cả. Cả hai điều này đã xảy đến với dân tộc Y-sơ-ra-ên, nên đừng có đùa với Chúa. Ngài nói rằng có phần thưởng cho việc tin cậy và vâng phục Ta, nhưng có hình phạt cho những kẻ không tin, từ đó không vâng phục Ta. Nên nếu bạn là người Do Thái thì bạn sẽ đọc sách này rất, rất kỹ. Thực ra Chúa đang nói rằng cách duy nhất để được thực sự hạnh phúc là phải thực sự thánh khiết; rằng sự thánh khiết và hạnh phúc đi đôi với nhau, rằng thiếu thánh khiết dẫn đến bất hạnh. Hầu hết mọi người đều hiểu sai điều này, bạn thấy đó. Ý muốn của Chúa cho tôi và bạn là chúng ta sống thánh khiết trong đời này và sống hạnh phúc trong đời sau. Tôi thấy hầu hết mọi người đều muốn ngược lại. Họ muốn được hạnh phúc ở đây, còn thánh khiết để sau. Cũng dễ hiểu thôi vì đó là ước muốn xác thịt trong chúng ta. Nhưng ý muốn của Chúa cho bạn là bạn sống thánh khiết ở đây, sau đó mới hạnh phúc. Bạn có thể chọn một trong hai tùy ý.

Khi sống thánh khiết ở đây, bạn có thể đau đớn. Chúa sẵn sàng cho phép nhiều điều xảy đến với bạn và gia đình bạn, chúng có thể đau đớn, nhưng nhờ chúng mà bạn sẽ thánh khiết hơn, vì suy cho cùng thì khi nào bạn sẽ được thánh khiết nhất đây? Khi bạn sống thoải mái, hạnh phúc và mọi thứ đều ổn thỏa hay khi mọi thứ đều tệ hại và bạn thấy sự yếu đuối của chính mình, thấy nhu cầu của chính

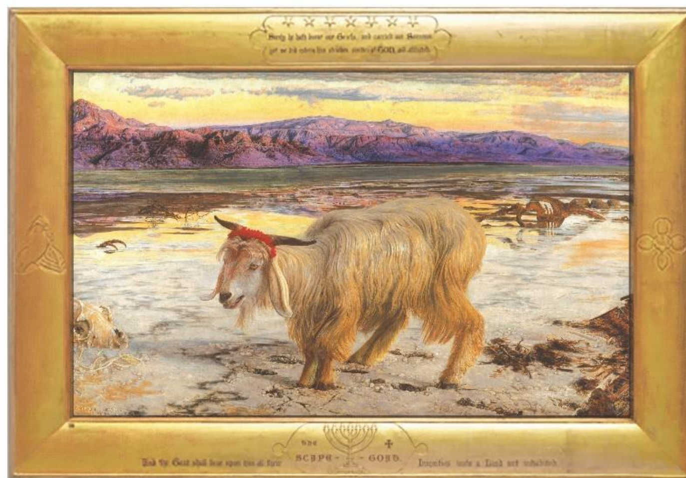
mình, và lại chạy đến với Chúa? Khi nào thì tính cách của bạn được tiến bộ nhất, khi mọi thứ đều ổn thoả, hay khi mọi thứ không như vậy? Có một lưu ý trong Lê-vi ký rằng Chúa sửa phạt người Ngài yêu thương trong đời này, còn Ngài trừng phạt những kẻ không đáp ứng trong đời sau. Nên thánh khiết ở đây, hạnh phúc ở đời sau.

Chúng ta vừa đọc xong sách Lê-vi ký như những người Do Thái, giờ thì hãy đọc sách như những Cơ Đốc nhân. Tất cả những điều này có gì để nói cùng chúng ta? Tôi có phải cởi mọi bộ cánh hãng Marks and Spencer của mình ra không? Nếu nhà tôi có nấm gỗ mục thì tôi có phải đốt nhà mình không? Chúng ta phản ứng như thế nào với tất cả những điều này. Bây giờ hãy bắt đầu từ điều Phao-lô nói với Ti-mô-thê. Để tôi đọc nhé. Ông nói: "Ti-mô-thê, từ thuở ấu thơ con đã biết Kinh Thánh vốn có thể khiến con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Đấng Christ Giê-su. Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời cảm thúc, có ích cho sự dạy dỗ, khiển trách, sửa trị và huấn luyện trong sự công chính, để người của Đức Chúa Trời được toàn vẹn và sẵn sàng cho mọi việc lành."

Để cho đơn giản, hãy nhớ rằng Phao-lô đang nói với Ti-mô-thê về Cựu Ước. Khi ông viết điều này thì Tân Ước chưa tồn tại, và những câu Kinh Thánh trong Tân Ước thuộc Cựu Ước, và khi Chúa Giê-su nói: "Hãy tra cứu Kinh Thánh vì Kinh Thánh làm chứng về Ta," Ngài đang nói đến Cựu Ước. Phao-lô nói rằng bạn có thể học hai điều trong Cựu Ước - về đức tin và sự công chính. Chúng ta có thể học được cả hai từ sách Lê-vi ký. Có hai lý do khiến chúng ta cần đọc Cựu Ước. Cựu Ước sẽ mở mắt để bạn thấy sự cứu rỗi - "khôn ngoan để được cứu." Bạn sẽ hiểu cách để được cứu. Cựu Ước cũng sẽ mở mắt để bạn thấy sự công chính, hay lối sống đúng đắn, lối sống tốt. Hai mục đích đó quá nổi bật.

Tôi nhớ là nhiều năm trước, một mục sư giáo khu bảo với tôi rằng: "Đa-vít, anh có thể giảng trong mùa chay của khu tôi, vào năm buổi lễ giữa mùa chay, trước Lễ Phục sinh không? Tôi nói: "Tôi rất sẵn lòng, ông muốn tôi nói về điều gì?" Ông nói: "Tôi muốn anh nói về thập tự giá. Trước lễ Phục sinh, chúng tôi muốn hiểu hơn về thập tự giá, nên anh có thể nói về thập tự giá vào năm buổi tối được không?" Tôi nói được; và ông ấy nói: 'Thế anh cho tôi xin tên năm bài giảng với." Tôi trả lời: "Tên của chúng đây: Sáng Thế Ký, Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký, Phục truyền luật lệ ký." "Không, Tôi muốn anh nói về thập tự giá cơ." "Tôi sẽ nói mà. Tôi đã nói là Sáng Thế Ký, Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký, Phục truyền mà." Vậy tôi đã nói về điều gì? Sáng Thế Ký - tôi đã nói về một người có anh con trai đầu ba mươi. Người đó là Áp-ra-ham, anh con trai là Y-sác và Y-sác đầu ba mươi. Áp-ra-ham đưa Y-sác đến Núi Mô-ri-a, sau này được gọi là Gô-gô-tha, hay Đồi Sọ và dâng con mình. Chúa đã ngăn ông lại vào phút chót và Chúa chu cấp một con cừu, đầu nó bị mắc trong bụi cây ở chính chỗ đó, và Áp-ra-ham gọi chỗ đó là Giê-hô-va Di-rê, "Chúa sẽ cung ứng." Tôi nói: "Quả thật là có thập tự giá, vì Y-sác đủ lớn để thắng hơn người cha già của mình, nhưng ông đã đầu phục." Xuất Ê-díp-tô Ký, tôi đã nói về chiên con của Lễ Vượt Qua, bị giết lúc 3 giờ chiều để Thiên sứ Hủy diệt có thể lướt qua những người được huyết nó bảo vệ. Lê-vi ký, chút nữa chúng ta sẽ trở lại với sách đó. Dân số ký - có lần khi con cái Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng phạm tội, Chúa đã sai rắn đến giữa vòng họ và họ đã chết vì những con rắn độc này, rồi họ kêu cầu Chúa; Chúa phán với Môi-se rằng hãy làm một con rắn bằng đồng, treo lên cây sào, rồi dựng sào lên trên đồi. Ai bị rắn cắn mà nhìn vào cây sào đó sẽ được lành. Bạn biết Giăng 3:16 đúng không? Thế bạn có biết Giăng 3:15 không? "Như Môi-se treo con rắn lên trong hoang mạc thể nào thì Con Người cũng phải bị treo lên thể ấy." Và tất nhiên, trong Phục truyền, tôi đã nói về điều gì trong đó? "Đáng rủa thay cho kẻ bị treo trên cây gỗ" - và sự rủa sả đó được nhắc đến trong Ga-la-ti 3.

Vậy tôi đã nói về điều gì trong Lê-vi ký? Con dê gánh tội. Một trong những bức họa mà tôi thích nhất là của một họa sĩ tên Holman Hunt. Bức họa đó đây. Tôi nghĩ đó là bức họa đẹp nhất của ông về Chúa Giê-su. Tôi không thích bức kia. Chắc hẳn bạn đã thấy bức Sự sáng của Thế gian vẽ Chúa Giê-su đang gõ cửa. Ông đã dùng ba cô gái để làm mẫu cho tranh, một cô để tạo dáng, một cô để vẽ mặt và một cô để vẽ tóc, mặc áo choàng của Giám mục và đứng ngoài một cái cửa đơn sơ. Điều đó không liên quan gì đến câu trong Khải huyền 3:20, ấy là cửa hội thánh mà Chúa Giê-su đang gõ vào. Nhưng đây là tranh Holman Hunt mà tôi thích nhất. Ông đã dành 18 tháng bên bờ Biển Chết, mạo hiểm mạng sống mình tại một nơi đầy kẻ cướp để vẽ nên bức họa này. Có những ngọn đồi của Mô-áp và đúng là chúng chuyển sang màu đó khi hoàng hôn; kia là Nê-bô, nơi Môi-se qua đời; đây là con dê gánh mọi tội lỗi của Y-sơ-ra-ên trên mình nó, đang chết dần. Có bộ xương của con dê năm ngoái. Hãy nhìn vào đôi mắt, bức họa có gì đó rất đặc biệt. Nếu bạn đến làng Port Sunlight ở Wirral, Anh Quốc, trong triển lãm nghệ thuật tại đó, bạn sẽ thấy bản gốc - một bức họa rất cảm động. Chúa Giê-su - con dê gánh tội. Bạn có biết câu chuyện truyền miệng của người Do Thái, người ta truyền miệng rằng vào năm mà Chúa Giê-su chết, con dê gánh tội quay trở lại thành và mang mọi tội lỗi trở lại không? “Đừng loại bỏ tội lỗi theo cách đó,” Chúa phán, “bây giờ khác rồi. Có một phương cách mới và một con dê gánh tội mới phải chịu hình ngoài trại quân.”


Bức họa Con Dê Gánh Tội của Holman Hunt

Qua Lê-vi ký chúng ta học được một số điều rất tuyệt vời. Nhưng hãy xem một chút về cách Tân Ước dùng sách Lê-vi ký. Luôn có sự bày tỏ khi chúng ta xét xem Tân Ước làm gì với một sách trong Cựu Ước. Có người nói: “Cựu được tỏ trong Tân, Tân được ẩn trong Cựu.” Hai phần đi đôi với nhau và mỗi “Ước” đều phác họa phần còn lại. Tân Ước trích dẫn trực tiếp một số câu trong Lê-vi ký, nhưng có hai câu đặc biệt rất hay xuất hiện. Một câu là “các con phải thánh vì Ta là thánh” và câu nữa là “ngươi phải yêu người lân cận như chính mình.” Hai câu đó liên tục xuất hiện trong Tân Ước và vì thế, chúng là những điều quan trọng nhất mà Cơ Đốc nhân cần đọc trong Lê-vi ký. Nhưng nhiều phân đoạn khác dựa trên sách này, đặc biệt là thư gửi cho người Hê-bơ-rơ, bạn không thể hiểu thư này nếu không đọc Lê-vi ký trước. Đừng cố đọc Kinh Thánh tuồn tuột từ đầu đến cuối, các sách không theo trình tự thời gian đâu. Dường như người ta sắp xếp các sách theo nguyên tắc lớn nhất xếp trước, nhỏ nhất xếp cuối.

Thế nên trong các sách tiên tri, ba đại tiên tri xếp trước, mười hai tiểu tiên tri xếp sau. Trong các thư tín của Phao-lô, Rô-ma xếp trước, Phi-lê-môn xếp cuối cùng, cũng theo nguyên tắc đó. Tất cả đều không theo thứ tự, nên đừng đọc Kinh Thánh tuồn tuột từ đầu đến cuối, bạn sẽ không hiểu đâu. Theo tôi thì bạn nên đọc một sách Tân Ước xen kẽ với một sách Cựu Ước. Nếu bạn làm như vậy thì hãy đọc Lê-vi ký với Hê-bơ-rơ. Chúng hoàn toàn ăn khớp với nhau. Không thể viết được Hê-bơ-rơ nếu Lê-vi ký chưa được viết từ trước. Theo như tính toán của tôi thì có hơn 90 lần Tân Ước nhắc đến sách Lê-vi ký - hơn 90. Nên đó là một sách rất quan trọng để Cơ Đốc nhân nghiên cứu. Chúng ta làm gì với Luật của Môi-se? Đó là một câu hỏi đáng chú ý. Có 613 điều luật chứ không chỉ có mười điều. Mười điều răn thường được treo trên tường nhà thờ, nhưng tới 613 điều!

Theo bản năng, chúng ta biết rằng mình không phải giữ đến hết chỗ đó, nhưng chúng ta phải giữ bao nhiêu điều đây? Một đám người sắp đến để chia sẻ những cái tôi vừa nói đấy - Hội Cơ Đốc Phục lâm; họ tin rằng chúng ta phải giữ điều răn thứ tư, họ sẽ bắt đầu ngày thờ phượng của mình vào 6 giờ tối nay và kết thúc vào 6 giờ tối mai. Họ là những Cơ Đốc nhân tái sinh tin vào Chúa Giê-su, nhưng họ tin rằng chúng ta phải giữ luật đó. Rồi tôi thấy có nhiều anh chị em giảng về việc dâng phần mười. Tôi không thể tìm thấy điều đó trong Tân Ước, thế mà có biết bao nhiêu hội thánh dạy các thành viên dâng một phần mười! Ngày Sa-bát thì sao? Người ta đang tranh luận về việc kinh doanh vào ngày Chủ nhật, nhưng tôi thấy có đủ kiểu động cơ giữa vòng Cơ Đốc nhân, từ động cơ nhân đạo - cũng tốt thôi, vì họ muốn người ta được nghỉ ngơi - đến động cơ liên quan đến ngày Sa-bát trong Luật của Môi-se. Chúng ta sẽ làm gì với tất cả những điều luật này của Môi-se? Cơ Đốc nhân nào cũng phải giáp mặt với điều này, và lại càng phức tạp hơn bởi thực tế, Chúa Giê-su đã phán rằng "Ta không đến để bãi bỏ luật pháp, nhưng để hoàn tất, và một chấm, một nét - đó là những chữ cái nhỏ nhất trong Luật - cũng không thể qua đi cho đến lúc mọi sự được hoàn tất."

Vậy chúng ta phải làm gì với tất cả những điều này? Chúng ta phải hỏi xem mỗi điều luật được hoàn tất hay thực hiện như thế nào. Rõ ràng là một số điều đã được hoàn tất trong Đấng Christ và được trọn rồi. Nên bạn mới không phải mang con chim câu hay chiên con đến thờ phượng vào Chúa nhật tuần sau. Điều đó đã được hoàn tất rồi. Mọi điều luật sẽ được hoàn tất. Tôi tin rằng chúng ta thực hiện luật về ngày Sa-bát vào mọi ngày trong tuần, khi chúng ta nghỉ công việc mình và làm công việc Ngài - và bước vào sự an nghỉ dành sẵn cho con dân Đức Chúa Trời. Bạn hoàn toàn có thể coi một ngày nào đó là ngày đặc biệt nếu muốn, nhưng bạn cũng hoàn toàn có thể coi mọi ngày đều là ngày của Chúa. Thậm chí bạn còn không thể áp đặt ngày Chúa nhật trên những tín đồ khác chứ đừng nói đến người chưa tin; chúng ta được tự do trong Đấng Christ.

Chúng ta rất cần biết cách thực hiện từng điều luật. Trong mười điều răn, chín điều được thực hiện trong Tân Ước theo cách giống hệt như vậy - "con không được trộm cắp, con không được phạm tội tà dâm" được thực hiện. Luật về Sa-bát thì không như vậy, và nhiều điều luật khác của Môi-se được thực hiện theo những cách khác nhau. Ví dụ, một điều luật nói rằng khi anh em dùng một con bò để đạp lúa - đi vòng quanh, móng của nó tách hạt ra khỏi vỏ - anh em đừng khớp miệng nó lại vì nó có quyền ăn thứ mà nó đang chuẩn bị cho những người khác. "Chớ khớp miệng con bò đang đạp lúa." Bạn có biết cách thực hiện điều đó trong Giao ước Mới không? Bạn trả cho mục sư của mình một mức lương thích hợp, câu này nói như vậy - 1 Cô-rinh-tô 9 - Phao-lô trích dẫn điều luật đó và gắn cho nó một cách thực hiện hoàn toàn khác. Như vậy bạn phải xem từng chút một và xem nó được thực hiện hay hoàn tất như thế nào trong Tân Ước, với một ý nghĩa sâu sắc hơn.

Nhưng có bốn điều tôi học được từ sách Lê-vi ký là những điều bất biến, và bốn điều này có vai trò không thể thiếu đối với Tân Ước cũng như Cựu Ước. Sách Lê-vi ký nhấn mạnh chúng nhiều hơn mọi sách khác. Một là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Không sách nào trong Kinh Thánh nói nhiều đến sự thánh khiết của Chúa hơn sách này, và đó là điều mà nếu chúng ta quên thì sẽ rất nguy hiểm. Tôi đã viết một cuốn sách tên là Đường đến Địa Ngục, các bạn cũng biết rồi, và bỗng dưng một số đài địa phương muốn phỏng vấn tôi. Tất cả đều hỏi cùng một câu, ấy là "Sao Chúa của tình yêu lại đẩy ai đó xuống địa ngục được chứ?" Họ hỏi tôi nhiều đến chán cả ra, nhưng tôi đã từng trả lời câu hỏi này bằng một câu hỏi khác; đây là kỹ thuật mà tôi học được từ Chúa Giê-su. Tức là đá bóng lại cho bên kia. Tôi hỏi: "Sao anh lại biết Đức Chúa Trời là Chúa của tình yêu?" Câu đó thường khiến họ bàng hoàng. Tôi hỏi: "Sao anh lại biết Đức Chúa Trời là Chúa của tình yêu? Họ luôn trả lời: "Chúa Giê-su nói vậy còn gì!" Và tôi nói: "Đúng vậy, Chúa Giê-su còn nói về địa ngục nữa mà!" Bạn biết

đó, bạn không thể chọn lọc thế được, hoặc là Chúa Giê-su nói lẽ thật và bảo "Đức Chúa Trời là tình yêu" và bạn tiếp nhận điều đó, và Ngài nói lẽ thật rằng có địa ngục.

Bạn không thể chọn lọc và nói là lần này Chúa Giê-su nói dối, còn lần kia Ngài nói thật, thế thì chúng ta lại làm người phán xử mất rồi. Nhưng tôi nói rằng: "Thực ra cách hiểu của Ngài về tình yêu thương hơi khác so với chúng ta." Chúng ta hiểu là tình yêu cảm tính, Ngài hiểu là tình yêu thánh khiết. Tình yêu của Ngài lớn tới nỗi Ngài ghét điều ác. Rất ít người trong chúng ta yêu đủ nhiều để ghét điều ác. Bạn học về sự thánh khiết của Chúa từ sách Lê-vi ký. Vì thế, bạn biết thờ phượng Chúa với sự tôn kính - với sự kính sợ. Một điều còn thiếu trong nhiều sự thờ phượng ngày nay là sự kính sợ Chúa; thân thiết với Chúa quá mà thiếu kính sợ Chúa.

Năm ngoái tôi ở Sicily, Ý và tôi muốn trèo lên núi Etna; ngọn núi lửa đang phun trào lớn nhất châu Âu và thậm chí bây giờ nó vẫn nhả dung nham xuống những ngôi làng. Tuyết dày quá nên chúng tôi không lên được; nhưng khi chúng tôi cất cánh từ sân bay Catania ở Ý trên máy bay British Airways, viên phi công nghiêng máy bay về một bên khi chúng tôi bay ngay trên đỉnh núi Etna và chúng tôi nhìn thẳng xuống miệng núi lửa - chúng tôi đã nhìn thấy cái này đây. Chúng tôi nhìn xuống miệng núi lửa này, máy bay nghiêng hẳn về một bên và tôi ngồi cạnh cửa sổ, nhìn thẳng vào cái vạc lửa này và tôi nghĩ: "Cũng thú vị đấy nhưng mong là viên phi công sẽ nâng máy bay thăng bằng trở lại và đưa chúng tôi đến Luân Đôn." Tôi nghĩ là: "Giờ mà nó bùng lên thì xong đời luôn." Tôi có cảm giác rờn rợn ở đáy bụng khi nhìn thẳng vào nó. Tôi đã ngồi trên chiếc máy bay cuối cùng để ra khỏi Phi-li-tin trước khi một núi lửa lớn phun trào, và sau đó không máy bay nào còn có thể cất cánh vì nhiều bụi quá. Có một sức mạnh, một vũ lực, ngay dưới chân chúng ta, để rồi khi thấy nó phun lên, bạn sẽ cảm nhận được.

Hãy nghe thư Hê-bơ-rơ. Sách Hê-bơ-rơ chép rằng "Hãy lấy lòng kính sợ, tôn kính mà thờ phượng Chúa vì Đức Chúa Trời chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt." Trước giả đã lấy câu đó từ ngay Lê-vi ký và chúng ta rất cần đọc Lê-vi ký để nhận thức được sự thánh khiết của Chúa, chứ không chỉ là sự tốt lành của Ngài. Thế gian nói như vậy, họ nói "Chúa tốt lành" Họ nói đúng, nhưng Cơ Đốc nhân biết rằng Đức Chúa Trời không chỉ tốt lành mà Ngài còn thánh khiết nữa. Điều đó phần nào khiến mọi thứ khác đi một chút và chúng ta biết rằng không điều ô uế nào được ở trong sự hiện diện của Ngài. Sự thánh khiết của Ngài và những thứ ô uế không bao giờ được tiếp xúc với nhau. Sự thánh khiết và những điều thanh sạch có thể tiếp xúc với nhau, nhưng những thứ ô uế thì không. Ý thức về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được truyền đạt và Lê-vi ký đã cho chúng ta biết điều đó.

Hai là Lê-vi ký thực sự nhấn mạnh tình trạng tội lỗi của con người cùng với sự thánh khiết của Chúa. Sách quá ư là thực tế, quá ư là gần gũi. Chúa không ảo tưởng đâu; Kinh Thánh là một cuốn sách cho người trưởng thành, không ai dạy Lê-vi ký trong trường Chúa nhật. Ở đây có bản chất con người, có khả năng hành động theo thú tính, loạn luân, mê tín, đủ những thứ kinh khủng, ghê tởm với Chúa. Từ đó - trong tiếng Việt không có từ nào mạnh bằng trong tiếng Hê-bơ-rơ - nó nghĩa là một thứ khiến bạn muốn ói, một thứ khiến bạn kinh tởm đến nỗi buồn nôn - ghê tởm. Kinh Thánh nói về những cảm xúc của Chúa. Tôi cố gắng tìm một từ tương xứng - chán ghét, gớm ghiếc, ghét cay ghét đắng, không thể nào tìm được một từ đủ ghê rợn.

Từ này trong tiếng Hê-bơ-rơ rất, rất mạnh, một điều khiến cho Chúa cảm thấy Eo! Bởi vì Ngài thánh khiết. Tình trạng tội lỗi của con người - và con người không chỉ tội lỗi khi vấy bẩn những điều thanh sạch, mà còn tầm thường hóa những điều thánh khiết, và tất nhiên đó là cách mà người ta chửi

thề. Tức là tầm thường hóa những từ thánh khiết trong mọi lúc vì chỉ có hai mối quan hệ thiêng liêng trong đời sống của chúng ta - một là giữa con người và Đức Chúa Trời, hai là giữa người nam và người nữ - và 90% từ chửi thề bắt nguồn từ một trong hai mối quan hệ đó, tầm thường hóa những điều thánh khiết và làm vấy bẩn những điều thanh sạch. Bạn thấy không? Chúng ta sống trong một thế giới đang thực hiện cả hai điều đó, và như tôi đã nói, con người không chỉ tội lỗi khi biến những thứ sạch thành bẩn, mà còn biến những điều thánh khiết thành bình thường, và coi chúng như điều bình thường mặc dù chúng không như vậy, chúng thánh khiết.

Điều thứ ba tôi học được từ Lê-vi ký trong vai trò một Cơ Đốc nhân là sự đầy trọn của Đấng Christ: rằng Đức Chúa Trời đã cho chúng ta một cách để thanh tẩy. Vấn đề của Ngài, vấn đề của Ngài là làm sao để dung hòa giữa công lý và lòng nhân từ. Ngài nên xử lý chúng ta bằng công lý và trừng phạt chúng ta, hay đối xử với chúng ta bằng lòng nhân từ và tha thứ cho chúng ta? Vì Đức Chúa Trời vừa công bình, vừa nhân từ nên Ngài phải tìm một cách để vừa công bình, vừa nhân từ. Chúng ta gần như không thể tìm ra cách, nhưng Ngài có thể làm như vậy - bằng cách lấy một mạng vô tội thế cho một mạng phạm tội. Chỉ khi điều đó xảy ra thì cả công lý lẫn lòng nhân từ mới được đáp ứng, và chính các điều luật về dâng tế lễ trong Lê-vi ký đã bắt đầu cho chúng ta thấy điều đó có thể xảy ra như thế nào.

OFFERINGS

GRATITUDE
BURNT Surrender
MEAL Service
PEACE Serenity

GUILT
SIN Substitute
TRESPASS Satisfaction

Những từ như sự chuộc tội. Từ huyết xuất hiện nhiều, rất nhiều lần vì huyết là sự sống. Lấy hết máu của một người là lấy mạng họ nên mới có điểm nhấn quan trọng này. Trên hết, mỗi tế lễ này - bạn có nhớ những tế lễ tôi nói từ đầu không - nói đến một khía cạnh của đời sống Cơ Đốc. Tế lễ thiêu nói đến sự đầu phục hoàn toàn mà chúng ta cần có; Tế lễ chay nói về sự phục vụ của chúng ta; Tế lễ bình an nói về sự thanh thản mà chúng ta có thể có với Chúa, sự bình an của Đức Chúa Trời vượt trên mọi hiểu biết. Đây là ba điều đặc trưng của một đời sống biết ơn, một đời sống đã được cứu. Chuyển sang các tế lễ khác và chúng ta bắt đầu thấy từ phía Ngài, sự hy sinh của Ngài. Những của lễ duy nhất mà giờ đây chúng ta phải đem đến cho Chúa là của lễ của sự ngợi khen và cảm tạ, chúng cần được chuẩn bị và mang đến sao cho đúng. Nhưng đây là những của lễ mà Chúa Giê-su đã thực hiện. Tế lễ Chuộc tội nói về việc lấy một mạng vô tội thế cho một mạng phạm tội và Tế lễ Chuộc lỗi nói lên rằng điều đó thỏa mãn công lý thiên thượng, rằng có một số luật được đáp ứng nhờ thực hiện kiểu tế lễ này. Điều đó hướng thẳng đến Tân Ước.

Cuối cùng, điều thứ tư mà tôi học được từ sách Lê-vi ký khi nghiên cứu nó - sự thánh khiết của Chúa, tình trạng tội lỗi của con người, sự đầy trọn của Đấng Christ để đáp ứng mọi nhu cầu của tôi -

và bốn là, sự tin kính của đời sống. Sách nhắc bạn nên thánh trong mọi khía cạnh của đời sống mình, mọi khía cạnh. Bạn biết không, có một lời cầu nguyện trong sách cầu nguyện của người Do Thái dùng khi đi vệ sinh. Lời cầu nguyện thú vị, ngợi khen Chúa vì cơ thể bạn vận hành tốt, và giờ bạn cảm thấy ổn hơn nhiều, bạn ngợi khen Chúa vì "nỗi buồn" đã được giải quyết và bạn bước ra khỏi nhà vệ sinh, miệng ngợi khen Chúa. Đối với những hội chúng phương Tây thì điều này nghe có vẻ thật điên rồ vì không được thuộc linh lắm, và tôi đã từng ở trong những nhà vệ sinh Cơ Đốc đầy câu gốc trên tường và có cả một đống sách tĩnh nguyện để lôi tâm trí tôi ra khỏi những thứ trong đó. Tất cả những thứ đó dường như được sắp đặt để tôi thoát khỏi trạng thái hiện tại và bước vào trạng thái thuộc linh trong tâm trí.

Đó là ví dụ quá điển hình về chúng ta, chúng ta giữ tính thuộc linh trong một khía cạnh nhỏ của đời sống mình. Nghe này, đến lúc bạn già đi, không thể kiểm soát được bàng quang và ruột của mình nữa, tôi nghĩ lúc đó bạn sẽ ước rằng mình đã ngợi khen Chúa khi nó còn hoạt động tốt. Tân Ước nói về "thân thể thấp hèn," càng già chúng ta sẽ càng thấp hèn vì nó. Nhưng bạn thấy đấy, Chúa quan tâm đến mọi khía cạnh trong đời sống bạn. Sự thánh khiết là sự toàn vẹn, thế nên khi bạn đọc kỹ những tiểu tiết mà Chúa nói đến khi Ngài áp dụng sự thánh khiết với mọi khía cạnh trong đời sống - điều đó cho bạn biết rằng một đời sống tin kính là tin kính hoàn toàn, nếu không thì nó sẽ không tin kính chút nào.

Tuy nhiên, có hai sự dịch chuyển giữa sự thánh khiết của Giao ước Cũ và sự thánh khiết của Giao ước Mới - hai sự dịch chuyển. Khi chúng ta nói về điều này, hãy nhớ rằng việc phân tách ba điều thánh khiết, thanh sạch và ô uế này vẫn áp dụng trong Tân Ước, đó là điều xuyên suốt. Nhưng có hai sự biến đổi chính với điều đó, hai sự dịch chuyển tư duy chính. Đầu tiên là sự thánh khiết chuyển từ vật chất sang đạo đức. Điều đó khá quan trọng. Con dân Y-sơ-ra-ên là con trẻ và họ phải được dạy như con trẻ - như sự khác nhau giữa thanh sạch và ô uế, trong vấn đề đồ ăn chẳng hạn. Không có luật nào định cho Cơ Đốc nhân là đồ ăn này thanh sạch, đồ ăn kia ô uế. Phi-e-rơ phải khó khăn lắm mới nghiệm ra điều này ở Giốp-bê, bạn nhớ không?

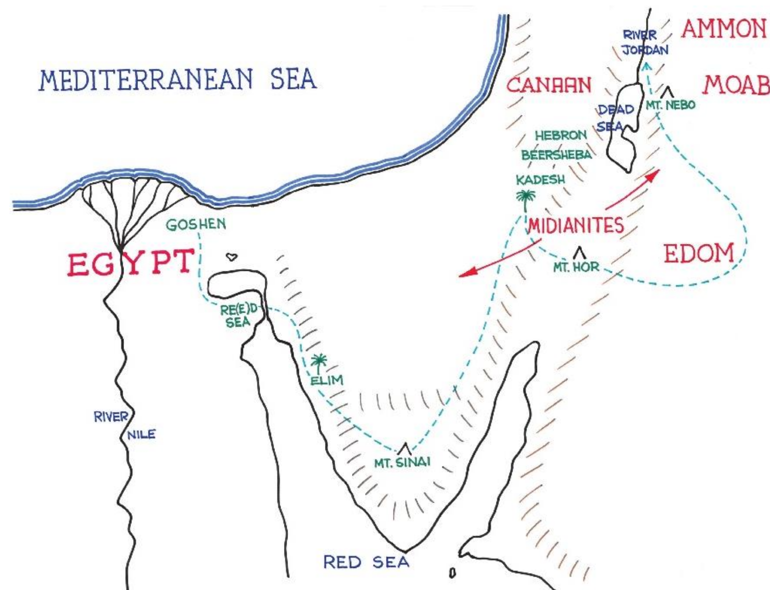
Chúa Giê-su phán rằng chẳng phải vật gì vào miệng làm cho con người ô uế; mà chính là điều từ miệng ra. Tôi nhớ mình đã nghe một người giảng cho trẻ con từ nhiều năm trước, ông nói với đám trẻ con, tôi là một trong số đó rằng: "Các con có biết sự khác nhau giữa vết nhơ sạch và vết nhơ bẩn là gì không?" Chúng tôi im như thóc luôn. Ông nói là vết nhơ sạch ở bên ngoài các con, chỉ cần xà phòng, nước nóng và cây bàn chải tốt là dễ dàng loại bỏ nó. Nhưng vết nhơ bẩn ở bên trong, và ông nói: "Cái đó rất khó loại bỏ." Chúng tôi hiểu điều đó. Đó là sự khác biệt lớn, với họ thì thanh sạch và ô uế là vấn đề của cơm ăn, áo mặc, với chúng ta, đó là vấn đề của đạo đức thanh sạch và ô uế - nó chuyển từ vật chất sang đạo đức. Giờ đây chúng ta không có tất cả những quy định nho nhỏ về cơm ăn, áo mặc nữa, nhưng chúng ta có nhiều sự dạy dỗ về cách nên thánh trong những vấn đề đạo đức.

Sự dịch chuyển chính thứ hai trong Tân Ước so với Cựu Ước, đó là phần thưởng và hình phạt được chuyển từ đời này sang đời sau. Trong thế giới này, những con người thánh khiết có thể phải chịu nhiều đau khổ và không được thưởng, nhưng điều đó được chuyển đổi, vì trong Tân Ước, chúng ta có cái nhìn dài hạn hơn. Đời này không phải là cuộc đời duy nhất. Đời này chỉ là sự chuẩn bị cho một sự tồn tại dài hơn nhiều ở nơi khác. Nên vì vậy, trong Tân Ước, "phần thưởng của các con ở trên trời là rất lớn," không phải ở dưới đất. Như vậy, sự phân biệt giữa thánh khiết, thanh sạch và ô uế vẫn áp dụng, nhưng một là điều đó áp dụng với đạo đức chứ không phải với vật chất, và hai là phần thưởng cho sự vâng lời và hình phạt cho sự bất tuân được chuyển từ đời này sang đời sau. Xét đến hai sự dịch

chuyển chính đó, Lê-vi ký là cuốn sách mang lại nhiều ích lợi nhất cho Cơ Đốc nhân khi đọc. Sách cho chúng ta biết bốn điều đó, sự thánh khiết của Chúa, tình trạng tội lỗi của con người, sự đầy trọn của Đấng Christ và sự tin kính của đời sống.

DÂN SỐ KÝ - Phần 1

Sách có tên rất lạ, và tất nhiên, đó không phải là tên sách trong tiếng Hê-bơ-rơ, vì họ chỉ dùng những từ đầu tiên trên cuộn giấy và những từ đầu tiên là "Đức Giê-hô-va phán," nên đó là tên của sách trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nhưng lại một lần nữa, khi tiếng Hê-bơ-rơ được dịch sang tiếng Hy Lạp, người ta lại phải nghĩ ra một cái tên khác, và họ gọi sách là Arithmoi. Ai biết tiếng Anh có thể đoán được nghĩa của từ này trong tiếng Hy Lạp vì đó là gốc của từ arithmetic - số học, nên tên sách trở thành sách "Dân số ký." Tôi cho rằng sách được gọi như vậy vì Dân số ký bắt đầu với những con số - với hai cuộc kiểm tra dân số (Số nhiều của cuộc kiểm tra dân số trong tiếng Anh là gì ấy nhỉ, censai à? Tôi không biết nữa.) Có hai cuộc kiểm tra dân số - một cuộc ở đầu Dân số ký và một cuộc ở cuối, và tất nhiên đó là những cuộc kiểm quân. Họ kiểm tra dân số nhằm mục đích tuyển quân, vì vậy, họ chỉ đếm những người nam trên 20 tuổi, là những người có thể chiến đấu. Con số ở đầu và cuối sách là khoảng 600,000 - nên chúng ta mới biết là có hơn 2 triệu người. Nếu tính cả phụ nữ, trẻ em và tất cả những người dưới 20 tuổi thì sẽ ra con số hơn 2 triệu. Nhưng có 600,000 người nam có thể chiến đấu.



Đôi khi tôi dùng cái này để tính ngay được sức mạnh của một hội thánh. Hội thánh này có bao nhiêu người nam trên 20 tuổi có thể chiến đấu cho Chúa? Một phép thử không tồi để thử sức mạnh của một hội thánh, nhưng hãy xét đến cuộc kiểm tra dân số trong đây. Cuộc kiểm tra đầu tiên trong chương đầu là 603,550 người - đó là khi họ rời Si-na-i. Đến cuối sách, người ta thực hiện một cuộc kiểm tra nữa và con số là 601,730, tức là giảm đi 1,800. Nhưng bạn cần nhớ rằng hai lần tính đó, hai lần đếm đó, cách nhau 40 năm. Những con số này đã chứng tỏ một điểm đáng nói - nhìn chung, chính sách Dân số ký cho chúng ta thấy rằng việc tính đếm không có gì là sai. Tất cả những người đánh cá đều đếm, thế nên vào Ngày Ngũ tuần, ai đó mới đếm là 2,998; gạch chéo 2,999; gạch chéo 3,000, tính đếm không có gì là sai. Chăn chiên thì phải đếm chiên, đánh cá thì phải đếm cá.

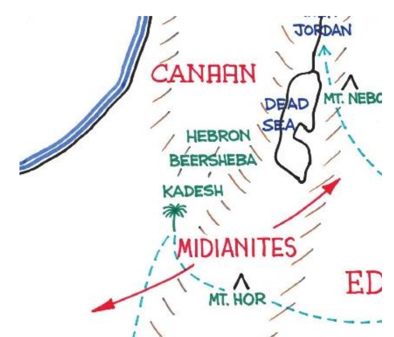
Chắc bạn đã nghe kể chuyện cười về cậu đánh cá cụt tay mà lại bắt được con cá to bằng này! Nhưng người đánh cá với người chăn chiên đếm là chuyện bình thường; tính đếm chẳng có gì là sai, trừ khi bạn tính đếm với động cơ khoe mẽ, và đó là thiếu sót của vua Đa-vít. Ông đếm hay kiểm quân sau khi thắng trận. Lẽ ra ông phải kiểm quân từ trước. Chúa Giê-su phán rằng không ai ra trận mà trước hết không ngồi lại và kiểm quân xem mình có đông hơn quân địch không. Nên họ đang kiểm

quân trước khi ra trận và đếm số người nam có thể chiến đấu trong Y-sơ-ra-ên trước khi giáp mặt với kẻ thù.

Nhiều người cho rằng con số đó là quá nhiều; họ nói rằng dân số dưới nền quân chủ sau đó chỉ là 1,300,000 người. Họ nói rằng trong sách Phục truyền, số dân Y-sơ-ra-ên nhỏ hơn nhiều so với dân Ca-na-an, thế thì dân Ca-na-an đông cỡ nào đây? Hàng triệu người à! Họ nói rằng có 70 gia đình đến Ai Cập thôi, sao mà nhân lên tới số đó được. Họ nói rằng Hoang mạc Si-na-i không thể chứa được nhiều người đến vậy, Hoang mạc Si-na-i làm gì có thung lũng nào đủ rộng để chứa được từng ấy người! Như vậy là có nhiều, rất nhiều ý kiến phản đối, nhưng Lời Chúa nói như vậy và một lần nữa, bạn phải đưa ra sự lựa chọn của mình - bạn có tin vào điều này hay không? Tôi tin rằng Chúa hoàn toàn có thể chu cấp cho bao nhiêu người tùy ý vì Ngài là Đức Chúa Trời. Hãy để ý rằng dân số Y-sơ-ra-ên tương đương nhau ở đoạn đầu và cuối 40 năm, chỉ chênh lệch 1800 người trong số hai triệu hay 600,000 người nam có thể chiến đấu, trong khi ở Ai Cập, họ lại nhân lên cực kỳ nhiều, chỉ từ vài gia đình lên hai triệu người trong 400 năm.

Tôi biết là thời gian chỉ bằng 1/10 nhưng số tăng còn chưa được 1/10. Điều đó cho chúng ta biết một điều. Một chi phái giảm 37,000 người nhưng chi phái khác tăng lên 20,500 người, thế là huề. Đến cuối Dân số ký, họ đã kết thúc với số dân bằng số dân từ ban đầu. Điều đó cho chúng ta biết rằng Chúa không chúc phước cho họ, vì nơi nào Chúa chúc phước thì nơi đó dân chúng nhân lên. Nếu Đức Chúa Trời chúc phước cho một hội thánh thì hội thánh gia tăng. Nếu Ngài không chúc phước thì nó có xu hướng chững lại. Sự chúc phước của Chúa được thể hiện qua sự kết quả và có rất ít phước hạnh của Chúa trong sách Dân số ký - có lẽ vì vậy mà chúng ta không thích sách này. Nhưng tôi muốn nói điều này - 600,000 người ở cuối sách hoàn toàn khác so với 600,000 người ở đầu. Trừ hai người giống, còn lại thì đều khác cả. Tất nhiên, trong thời đó, người ta thường không sống qua khoảng 60 tuổi - đó là tuổi thọ thời đó. Môi-se và Giô-suê sau ông, đã sống đến 120 tuổi - một điều khác lạ vào thời đó. 60 là khoảng tuổi thọ của một người và vì vậy, 600,000 người nam trên 20 tuổi, 40 năm sau đều đã chết. Chỉ hai người còn sống, Giô-suê và Ca-lép, thế nên khi đọc một sách như thế này từ đầu đến cuối, chúng ta không nhận ra rằng 40 năm - hơn một thế hệ đã trôi qua.

Người ta tính 30 năm là một thế hệ. Nên chỉ có hai người còn sống và điều này nêu bật thảm kịch chính của sách. Tôi nghĩ đó là sách buồn nhất trong Cựu Ước. Bạn có thể nghĩ rằng sách Ca thương khá nghiệt ngã, nhưng tôi nghĩ đây là sách buồn nhất trong Kinh Thánh nếu xét đến câu chuyện. Hai phần ba sách Dân số ký là những điều lẽ ra không nên viết. Hai phần ba số sự kiện trong đây lẽ ra không nên xảy đến; chúng không nằm trong ý định của Chúa, Ngài không bao giờ định viết sách Dân số ký; nhưng chúng ta có sách đó vì Kinh Thánh là một cuốn sách rất chân thực.



Vậy điều gì đã xảy ra? Bi kịch là ở chỗ, hành trình từ Núi Si-na-i đến Ca-đe Ba-nê-a là ốc đảo đầu tiên sau Sa mạc Nê-ghép - dấu hiệu đầu tiên của sự sống thật và là khởi đầu của Đất Hứa Ca-na-an. Từ Si-na-i đến Ca-đe chỉ mất 11 ngày cuốc bộ, chỉ vậy thôi, chưa đầy nửa tháng, và lẽ ra họ đã có thể sống bằng sữa và mật chứ không phải bằng “cái gì vậy,” hay ma-na. Ấy thế mà thay vì 11 ngày, họ đã mất những 13,780 ngày để bước vào được Đất Hứa. Nào, hãy nhìn vào bản đồ. Đây là đường thẳng - 11 ngày; còn thực chất, từ Ca-đe, họ đã quay lại và vượt qua thung lũng

sâu này, Thung lũng Tách giãn đi thẳng xuống, qua Châu Phi, vết nứt lớn nhất trên bề mặt trái đất, và họ vượt thung lũng đó sang phía bên kia dãy núi, dãy Ê-đôm, rồi cuối cùng họ dừng ở Mô-áp, phía bên kia của sông Giô-đanh chứ không phải bên này.

Nếu nhìn vào khoảng cách thì bạn sẽ nghĩ rằng nếu quãng này 11 ngày thì quãng kia chắc không quá hai tuần, nhưng họ đã mất gần 40 năm, 38 năm và mấy tháng để đi từ đây đến đó. Tại sao vậy? Đó có phải là một vùng rất khó đi không? Không, ấy là vì Chúa không di chuyển, Ngài chỉ di chuyển từng chút một và hễ Ngài dừng ở đâu thì ở lại đó rất lâu. Nếu Chúa không di chuyển thì họ cũng không dám. Trụ mây dừng lại, và đúng là Ngài đã trì hoãn hành trình của họ trong 40 năm; Ngài cũng cho họ biết lý do khiến Ngài trì hoãn điều đó: Giờ ta sẽ khiến các ngươi đi chậm lại cho tới khi tất cả những người nam giữa vòng các ngươi đều chết hết, trừ hai người, Giô-suê và Ca-lép. Nghe thật khắc nghiệt, như vậy nghĩa là cả một thế hệ không làm gì trong suốt phần đời còn lại, không đâu vào đâu, vô tích sự. Đó là một câu rất khắc nghiệt và chúng ta cần cảm nhận nó. Bạn sẽ cảm thấy ra sao nếu người ta bảo rằng từ giờ trở đi, bạn sẽ vô dụng cho đến chết? Không có gì để làm nữa, sáng thức giấc, tối đi ngủ, chỉ vậy thôi, không có gì, không sống vì gì hết - chắc là suy sụp luôn. Nhưng đó là điều mà Chúa đã làm.

Chuyện gì đã xảy ra ở Ca-đe khiến mọi sự đến nông nỗi này? Nếu đọc Kinh Thánh thì bạn sẽ biết rõ sự tình. Họ không chịu đi khi Chúa bảo họ đi, và họ bỏ lỡ điều đó; bi kịch là có những cơ hội trong cuộc sống mà nếu bỏ lỡ, bạn sẽ không bao giờ có cơ hội thứ hai. Chúng chỉ đến một lần và nếu bạn không nắm bắt thì có thể Chúa sẽ không bao giờ cho bạn cơ hội đó thêm lần nữa - chúng ta cần nghiêm túc cân nhắc tới điều đó. Hãy đi khi Chúa bảo bạn đi, điều đó rất quan trọng. Khi Chúa bảo hãy bước vào và nắm lấy điều gì đó thì hãy bước vào và nắm lấy nó, nếu không thì bạn sẽ lang thang trong đồng vắng cả đời mà không đi đến đâu.

Đó là một nơi khủng khiếp, vì có câu tục ngữ "xôi hỏng bỏng không," không được cái gì hết - họ không ở Ai Cập cũng không đến được Ca-na-an. Thế nên có rất nhiều Cơ Đốc nhân rất khốn khổ vì bị kẹt giữa; họ đã thoát khỏi tội lỗi rồi, không được tận hưởng nó nữa, nhưng cũng chưa bước vào phước hạnh mà Chúa dành cho họ, thế là cái đó cũng không được hưởng luôn. Đúng là không ai khốn khổ bằng một người đã ra khỏi điều này nhưng chưa được vào điều kia. Một số người bị kẹt ở đó trong suốt phần đời còn lại và sống trong đồng vắng khốn khổ, nơi chẳng có điều gì thật sự xảy ra. Đó là bi kịch; và hai phần ba sách Dân số ký nói về hành trình từ đây đến đây. Chuyện đó đáng lẽ không bao giờ xảy ra và như vậy, những bài học chính mà chúng ta rút ra từ sách Dân số ký là bài học đáng buồn.

Kinh Thánh là một cuốn sách rất chân thực; cảm tạ Chúa vì điều đó. Kinh Thánh không chỉ cho bạn biết những thành công vang dội và đức tính tuyệt vời, sách còn cho bạn biết về những thất bại và thói hư tật xấu. Kinh Thánh cho bạn biết về những điều sai trật cũng như những điều đúng đắn. Phao-lô, khi viết cho người Cô-rinh-tô đã nói về sách Dân số ký thế này: "Tất cả những điều nầy đã xảy ra như một lời cảnh cáo cho chúng ta, để chúng ta không chiều theo những ham muốn xấu xa như họ." Những điều xảy đến với họ là tấm gương cho chúng ta và được ghi lại để cảnh báo chúng ta. Không câu nào khẳng định về mục đích của sách Dân số ký rõ ràng hơn thế. Câu đó có thể không nổi tiếng - bạn có thể không thích đọc nó - nhưng nó cực kỳ quan trọng vì nếu không nghiên cứu lịch sử thì bạn tất sẽ lặp lại nó.

Thực ra một người bạn của tôi đã viết bài thơ ngắn thế này “Sử kia phải lặp lại thôi. Vì đời đâu có ai thời lắng nghe,” và bạn sẽ thấy thật sự ý nghĩa khi đọc lịch sử Y-sơ-ra-ên nếu bạn đọc cho đúng cách - bạn sẽ không phạm phải chính những sai lầm của họ. Nên đây là một sách chép về những thất bại, những ngu dại, những sai lầm của họ, kể cả của Môi-se, Môi-se không được vào Đất Hứa, chính Môi-se luôn. Ông có được vào đó ở nhiều thế kỷ sau khi ông trò chuyện với Chúa Giê-su, nhưng ông đã phải đợi nhiều thế kỷ để vào đó vì chính ông cũng thất bại thảm hại vào thời điểm quan trọng, rồi chúng ta sẽ thấy.

Đó là lý do chúng ta cần đọc Dân số ký. Tôi e rằng chúng ta đang đọc sách để rút ra bài học từ những sai lầm của họ, những điều sai trật và không nên chép lại về chúng ta - nhưng có thể lắm chứ. Sách là sự kết hợp giữa tường thuật và lập pháp, ở Xuất Ê-díp-tô Ký thì nửa đầu chỉ toàn tường thuật hay kể chuyện và nửa sau chỉ toàn luật pháp, còn ở đây, tất cả đều kết hợp với nhau, kể chuyện một chút, lập pháp một chút, lại kể chuyện một chút, rồi lại lập pháp. Tác giả của tất cả các điều luật không phải là Môi-se mà là Đức Chúa Trời. 80 lần trong sách này - 80 lần Kinh Thánh chép rằng “Đức Giê-hô-va phán với Môi-se” và điều đó dẫn đến luật pháp, lập pháp - cách họ phải sống theo. Phần tường thuật - Kinh Thánh chép rằng Môi-se ghi nhật ký - cuộc hành trình của dân chúng theo lệnh của Đức Giê-hô-va. Ông cũng chép một sách khác gọi là Sách Chiến Trận của Đức Giê-hô-va và đó là sách ghi lại mọi cuộc chiến với các dân khác - dùng những người nam có thể chiến đấu mà họ đã tuyển mộ qua cuộc kiểm tra dân số.

EGYPT
EXODUS 1-11
EGYPT TO SINAI
EXODUS 12-18
SINAI
EXODUS 19-40
LEVITICUS 1-27
NUMBERS 1^{1}-10^{10}
SINAI TO KADESH
NUMBERS 10^{11}-12^{16}
KADESH
NUMBERS 13^{1}-20^{21}
KADESH TO MOAB
NUMBERS 20^{22}-21^{35}
MOAB
NUMBERS 22^{1}-36^{13}
DEUTERONOMY 1-34

Đây là một trong năm sách của Môi-se và sách kết hợp giữa lập pháp và tường thuật, nhưng trước khi nhìn vào điều đó, hãy xem sách này khớp với bốn sách mà Môi-se đã viết về những sự kiện trong đời ông ra sao. Môi-se đã dẫn họ ra khỏi Ai Cập, suốt từ đồng bằng Mô-áp đến Thung lũng Giô-đanh nhưng đến phía bên kia của sông Giô-đanh, nên đây là phần bao trùm cuộc đời của Môi-se và bạn sẽ thấy sách Dân số ký nói đến phần nhiều trong đó. Có lẽ phần lớn nhất trong 40 năm họ lang thang trong đồng vắng, bạn sẽ tìm thấy điều đó trong Dân số ký. Bây giờ hãy chú ý đến chữ đỏ đến chữ xanh, chữ đỏ đến chữ xanh, chữ đỏ đến chữ xanh, rồi đến chữ đỏ. Chữ đỏ nghĩa là những khi họ đóng trại và ở tại chỗ. Chữ xanh mô tả việc họ lên đường, nên họ đã đóng trại rồi lại lên đường, họ đóng trại rồi lại lên đường, họ đóng trại rồi lại lên đường.

Điều thú vị là Chúa ban cho họ mọi phần lập pháp, luật pháp khi họ đóng trại. Rồi mọi câu chuyện trên đường đi thể hiện rằng họ đã vi phạm những điều luật đó ra sao. Như vậy, khi họ đóng trại và ở tại chỗ, Đức Chúa Trời phán bảo điều họ nên làm, nhưng khi họ di chuyển, chúng ta đọc được câu chuyện về những điều họ đã làm, chúng hơi khác với điều họ nên làm. Vậy là bạn có một kiểu bánh mì kẹp nhiều lớp. Như vậy, tại Ai Cập, Xuất Ê-díp-tô Ký 1 đến 11 - họ ở tại Ai Cập; Xuất Ê-díp-tô Ký 12 đến 18 - họ di chuyển đến Si-na-i; Xuất Ê-díp-tô Ký 19 đến 40 - họ ở tại Si-na-i; Lê-vi ký 1 đến 7 - họ vẫn ở Si-na-i; Dân số ký 1 đến 10 - họ vẫn ở Si-na-i - tất cả đều là ở một chỗ, và đầy tính lập pháp. Chúa đã ban luật pháp cho họ khi họ ngồi yên một chỗ.

Họ ở yên để nghe Chúa phán, rồi họ đứng dậy, bước đi trong đường lối Chúa - chỉ là họ không thường làm như vậy. Nhưng bạn có thể thấy sự khác biệt giữa ngồi yên, nghe Chúa phán và đứng dậy để bước đi theo đường lối mà Chúa phán bảo. Dân số ký 10 đến 12 - họ lại di chuyển tiếp từ Si-na-i đến Ca-đe, chặng đường 11 ngày. Ca-đe - cuộc khủng hoảng lớn nhất xuất hiện, và Chúa phán với họ rất nhiều tại Ca-đe từ chương 13 đến 20. Chúng ta sẽ xét rất kỹ đến phần đó. Tại Ca-đe, Chúa phán với họ điều gì mà lại quan trọng đến vậy? Rồi họ lại di chuyển tiếp: Dân số ký 20 đến 21, họ đi từ Ca-đe đến Mô-áp. Hãy để ý rằng cả chuyến hành trình chỉ được nêu trong 2 chương; nó không thật sự có ý nghĩa, không thật sự quan trọng với Chúa, nhưng có một số điều trong hai chương đó mà chúng ta cần học.

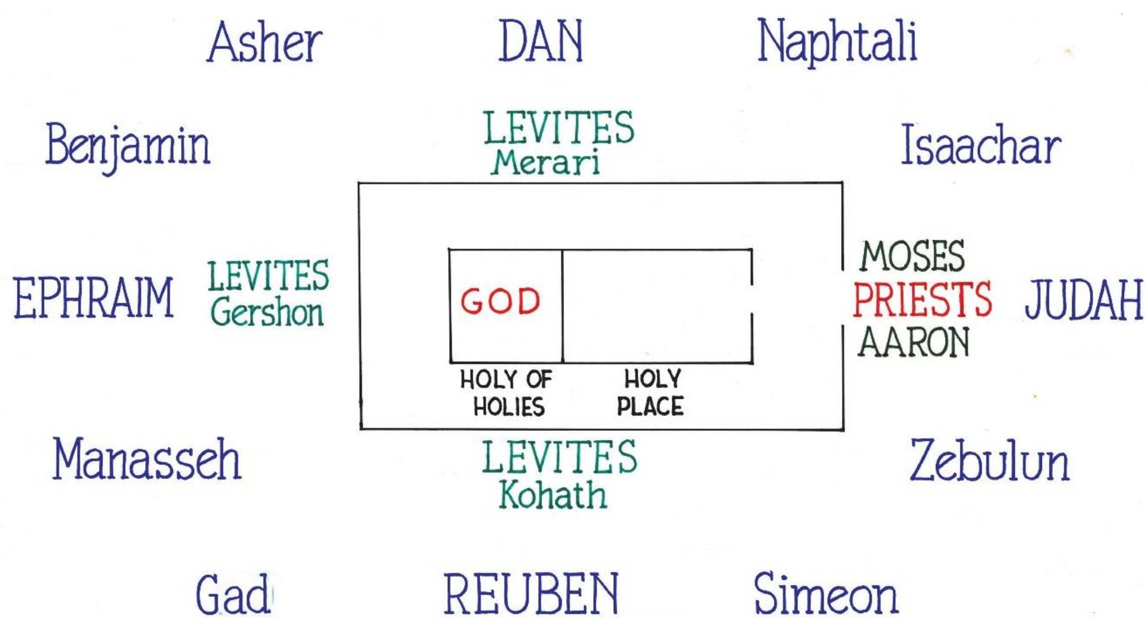
Cuối cùng, họ định cư tại Mô-áp và chạm tới chính ranh giới của Đất Hứa lần thứ hai. Lúc đó họ đã đến tới ranh giới, nhưng lại không vào. Họ lại đến ranh giới nhưng giờ đây, sông Giô-đanh dâng lên, ngăn cách giữa họ và Đất Hứa. Họ sẽ chẳng bao giờ phải đối mặt với rào cản đó nếu như họ đi thẳng vào. Toàn bộ Dân số ký 22 đến 36 là những điều Chúa phán khi họ đợi để bước vào. Rồi toàn bộ Phục truyền luật lệ ký 1 đến 34 lại nói đến lần đóng trại đó. Như vậy, bạn có thể thấy rằng trong Dân số ký, dân sự di chuyển rất nhiều. Trong Phục truyền, họ không di chuyển, Xuất Ê-díp-tô Ký thì di chuyển ở nửa đầu - nhưng có một mô hình rõ ràng: Khi họ ở một chỗ thì Chúa phán với họ rằng “Các con phải sống thế này.” Khi họ đứng dậy để di chuyển là khi họ gặp rắc rối và bước đi theo đường lối riêng, không theo đường lối Chúa. Nên chúng ta có nhiều điều để học từ tất cả những thứ này.

Trước hết, hãy xét đến phần Lập pháp trong sách Dân số ký. Phần đó kém thú vị hơn nên tôi nghĩ chúng ta sẽ xét trước, sau đó, chúng ta sẽ xét đến phần tường thuật, trong đó có một số câu chuyện hấp dẫn. Hãy xem phần Lập pháp - điều đầu tiên khiến chúng ta ấn tượng với các điều luật trong Dân số ký là chúng không phải là luật đạo đức hay xã hội, hay thứ mà chúng ta gọi là luật tư pháp - hoàn toàn không phải là luật hình sự. Trong Xuất Ê-díp-tô Ký thì có, nhưng ở đây, chúng chủ yếu là luật lễ nghi, luật về thờ phượng. Trong Luật của Môi-se thì tất cả các dạng luật khác nhau được trộn lẫn với nhau. Không giống chúng ta, người ta không phân biệt giữa luật hình sự cho Nhà nước và giáo luật cho hội thánh; họ không có kiểu tư duy đó. Với họ thì toàn bộ đời sống là một thể thống nhất, nên luật đạo đức, luật tư pháp, luật xã hội và luật lễ nghi đều trộn lẫn với nhau. Nhưng chúng ta có xu hướng phân tách đời sống và nói rằng kia là luật hình sự, đây là luật tôn giáo; nhưng họ không làm như vậy - Chúa quan tâm đến mọi mặt của đời sống.

Nên 80 lần Chúa đã phán với Môi-se, Kinh Thánh chép rằng miệng đối miệng, hay mặt đối mặt, một cụm từ rất thân mật. Đức Chúa Trời trực tiếp ban những điều luật này với Môi-se và Môi-se mặt đối mặt với Chúa. Chúng ta đọc thấy khi ông xuống núi, mặt ông rực sáng, phát sáng; vinh quang vẫn phản chiếu trên đó. Ông có cuộc gặp thân mật, mặt đối mặt với Chúa và Chúa cho ông biết mọi điều

về việc xây Đền tạm và toàn bộ phần còn lại. Ngài phán: Giờ đây, Ta sống giữa dân sự. Nhưng có một mối nguy lớn khi Đức Chúa Trời xuống núi để sống trong lều của chính Ngài, giữa trại quân. Nguy hiểm ở chỗ, vì Đức Chúa Trời ở gần với họ quá nên họ dễ coi Ngài là lẽ dĩ nhiên, người ta sẽ trở nên quá quen với Chúa. Khi quá quen với Chúa, họ sẽ đánh mất sự tôn kính và tôn trọng. Đức Chúa Trời ở quá gần họ, họ sẽ không cảm thấy hố sâu ngăn cách giữa tình trạng tội lỗi của họ và sự thánh khiết của Ngài. Tôi nghĩ ở đây có một sứ điệp rất, rất thiết thực mà chúng ta cần lắng nghe. Khi Đức Chúa Trời ở quá gần, chúng ta coi Ngài là lẽ dĩ nhiên - Ngài ở giữa chúng ta, tuyệt! Và chúng ta trở nên quá quen với Ngài, đặc biệt là quên mất sự thánh khiết của Ngài. Chúng ta nghĩ về tình yêu, lòng thương xót, sự nhân từ và tốt lành của Ngài, nhưng chúng ta ngó lơ sự thánh khiết của Ngài - và đó là điều khiến Ngài khác biệt với chúng ta.

Chúa ban toàn bộ phần Lập pháp trong sách Dân số ký, tôi tin là để họ không đánh mất lòng tôn kính Chúa. Tôi sẽ phân điều này thành ba tiêu đề mà chúng ta cần nhớ trong hôm nay: một - Thận trọng, hai - Thanh sạch và ba - Trả giá. Mọi điều luật trong Dân số ký có thể xếp vào một trong ba tiêu đề đó - ấy là khi Chúa ở giữa vòng các bạn, điều đầu tiên bạn cần nhớ là bạn vẫn cần Thận trọng đến gần Ngài, hai là bạn cần Thanh sạch khi bạn đến với Ngài, và ba là sẽ phải Trả giá nếu chính bạn không thánh khiết.



Hãy xét đến ba điều đó trong sách Dân số ký. Đầu tiên, khi đóng trại, họ phải rất, rất thận trọng, đóng trại ở đúng chỗ quanh lều của Ngài. Đây là trình tự mà sách của Môi-se đưa ra; mỗi chi phái có một vị trí được phân định cụ thể liên quan đến lều của Chúa và cửa vào lều Chúa. Nói chung, vị trí quan trọng nhất là ngay trước cửa vào, chi phái quan trọng nhất là Giu-đa và Giu-đa phải luôn thẳng với cửa vào nơi của Chúa. Chính từ chi phái Giu-đa mà sau này Chúa Giê-su đã đến. Như vậy, Giu-đa phải ở đây. Tiếp đó, thứ tự quan trọng của các chi phái luôn theo hướng ngược chiều kim đồng hồ và chúng ta để ý thấy điều này. Nhưng thực ra bốn chi phái quan trọng nhất phải ở bốn góc. Những chi phái khác có giá trị giảm dần theo hướng ngược chiều kim đồng hồ; có thứ tự, có thứ bậc giữa vòng mười hai chi phái và Chúa đã đặt ra thứ bậc này.

Ngài nói rằng bốn chi phái này cần canh gác...họ ở gần lều nhất về bốn mặt, những chi phái ở phía góc cách xa lều hơn, nhưng giữa cả 12 chi phái này và lều của Chúa phải có một hàng rào là người

Lê-vi. Thậm chí giữa vòng người Lê-vi, có ba tiểu chi phái hay gia tộc, và những gia tộc khác nhau phải ở từng vị trí cụ thể. Môi-se, A-rôn và các thầy tế lễ phải canh gác đền thờ, nên lều của họ phải ở đây, và tất nhiên là phải qua hai cửa để vào Nơi Thánh, sau đó là Nơi Chí thánh, nên Chúa được bảo vệ bởi dân Ngài. Thú vị ở chỗ, các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra phương thức đóng trại của các đội quân cổ đại - cách Pha-ra-ôn bố trí các đội quân, bộ binh, kỵ binh,... - và đây chính là mô hình trại quân của quân Ai Cập cổ đại mà có thể Môi-se đã được đào tạo rất kỹ, tại trường đại học.

Nhưng như thể Chúa đang nói rằng dân Ta là một đội quân, và trại quân rất cần được bảo vệ cho đúng cách. Khi trại quân di chuyển - rất thú vị và hơi phức tạp, bạn cần đọc việc này trong Dân số ký - nhưng một số chi phái phải đi trước khi mang những phần của đền tạm Chúa, các chi phái khác phải đi...Nhưng kiểu như họ bóc vỏ một quả cam và hành quân theo thứ tự đó, chi phái này đi sau chi phái kia nên khi họ đến trại quân, mỗi chi phái chỉ cần dừng lại và dựng lều lên. Toàn bộ những điều này được trình bày cực kỳ chi tiết - ai phải mang món đồ nào trong đền tạm, ai phải mang những bức màn, họ phải mang theo thứ tự nào, mọi thứ đều rất chi tiết. Tại sao Chúa lại phải cầu kỳ, tỉ mỉ tới vậy? Điều này không chỉ có hiệu quả, như trong mọi tổ chức quân đội - đây là một cách đóng quân rất hiệu quả, nhưng Ngài đang nói rằng hãy Thận trọng. Thái độ cẩu thả không có chỗ trong trại quân của Chúa. Cẩu thả là một điều nguy hiểm. Nếu để tôi nói theo ngôn ngữ hiện đại thì đó là sự tùy tiện; mọi thứ cũ kỹ đều không đẹp lòng Chúa, nhưng chúng ta ngày càng tùy tiện trong nền văn hóa của mình và ngày càng tùy tiện trong cách đến gần Chúa. Ngay cả trong một việc nhỏ như mở đầu sự thờ phượng, việc này có thể trở nên quá tùy tiện đến nỗi gần như bạn bị dạt vào đó mà không biết nó bắt đầu từ khi nào.

Tôi nghĩ trong tất cả những điều này, Chúa đang nói với dân sự Ngài rằng: Hãy cẩn thận đấy; Chúa đang ở trong trại quân ngươi. Bạn cần làm mọi thứ một cách thận trọng, đừng tùy tiện hay cẩu thả và vì vậy, một số tội trong Dân số ký thực ra là tội cẩu thả. Cẩu thả trong ngày Sa-bát đáng tội chết - chỉ là cẩu thả thôi - không phải là cố ý phạm tội, nhưng cẩu thả. Họ phải có các tua áo để nhắc nhở mình cầu nguyện, các lời hứa nguyện phải rất nghiêm túc. Nếu ai đã hứa nguyện với Chúa thì người đó phải giữ lời. Bạn có nhớ câu chuyện trong Các quan xét về một người hứa dâng vật sống đầu tiên mà ông gặp khi trở về làm sinh tế cho Chúa - và ông đã gặp con gái mình không? Nhưng đã hứa nguyện với Chúa thì phải rất nghiêm túc. Có một điều kiện rất thú vị về lời hứa nguyện trong Dân số ký. Nếu người vợ hứa nguyện với Chúa thì người chồng có 24 tiếng để đồng ý hoặc phản đối. Tôi nghĩ là điều đó quan trọng, vì nhiều người vợ có chồng chưa tin Chúa. Điều đó rất quan trọng. Thi thoảng lại có người nữ gửi quà cho mục vụ của chúng tôi, nhưng tôi luôn hỏi rằng: "Chị đã hỏi ý kiến chồng chị chưa? Chồng chị có ủng hộ việc này không?" Điều đó rất quan trọng. Như vậy, lời hứa nguyện của vợ phải được chồng thông qua và có 24 tiếng hạ hỏa để người chồng chấp thuận lời hứa nguyện của vợ mình với Chúa hoặc không. Tất cả những điều này đều rất cẩn thận, thận trọng - phải làm mọi việc với Chúa một cách thận trọng.

Điều thứ hai mà tôi rút ra là sự Thanh sạch. Trại quân phải sạch sẽ tinh tươm; họ là dân của Chúa. Ngay cả những việc như xử lý chất thải cũng rất cẩn thận: khi các con đi đại tiện, hãy mang theo một cái thuổng, ra ngoài sa mạc, đào một cái hố rồi lấp chất thải lại. Hãy giữ cho trại quân sạch sẽ cho Chúa. Chúa không chỉ quan tâm đến vệ sinh, Ngài không chỉ làm như vậy để trừ khử mầm bệnh, mà bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời thanh sạch và cần giữ cho trại quân được sạch sẽ. Chúng ta có thể hiểu thành: một tòa nhà hội thánh bẩn thỉu, không ai chăm chút là hơi xúc phạm tới Chúa không? Ngài đang dạy họ nghĩ như vậy đó. Nên chất thải của cơ thể được đưa vào luật - dù là loại gì, và trước khi

họ rời Si-na-i, trước khi họ đi về phía Đất Hứa, Chúa nhấn mạnh rằng tất cả mọi người đều phải tắm, tất cả phải tắm rửa sạch sẽ.

Chính vì vậy mà trước đây, người ta mặc quần áo sạch vào ngày Chủ nhật. Chúng ta không còn theo luật đó nữa, nên chúng ta không theo luật về quần áo mặc vào Chủ nhật. Tuy nhiên, vẻ ngoài của chúng ta khi thờ phượng tiết lộ tâm trí bên trong của chúng ta; nó nói lên điều gì đó. Bạn có hiểu ý tôi nói không? Tất nhiên, Đức Chúa Trời nhìn vào tấm lòng và chính sự thanh sạch của tấm lòng là điều Ngài đang tìm kiếm. Điều đó quan trọng hơn sự sạch sẽ của thân thể. Nhưng tôi để ý thấy những người thật sự bị Sa-tan khống chế thường rất bẩn. Bạn có bao giờ để ý đến điều đó không? Khi họ cải đạo và thực sự cải đạo, thì thậm chí chẳng cần ai phải bảo, họ cũng bắt đầu tắm rửa sạch sẽ. Đó chỉ là biểu hiện bên ngoài của điều đang diễn ra bên trong. Họ nhận ra rằng sự thanh sạch gần với sự tin kính và tất cả đều ở trong Dân số ký - giữ cho trại quân được sạch sẽ.

Rồi đến Trả giá, hay Tốn kém. Để một người tội lỗi sống gần với Đức Chúa Trời thánh khiết thì phải trả giá rất đắt, và sự tốn kém này được thể hiện trong những tế lễ hy sinh, và thay mặt dân sự, tế lễ phải dâng hằng ngày, hằng tuần, và hằng tháng. Có tế lễ hằng ngày - ở đây, tại hành lang ngoài, trên bàn thờ; có tế lễ hằng tuần và một tế lễ đặc biệt hằng tháng để lúc nào người ta cũng biết rằng mình phải mất đi các con vật và chúng được dâng làm sinh tế cho Chúa - rằng điều đó rất tốn kém. Không đổ huyết thì không có sự tha thứ, Đức Chúa Trời phán. Sự tha thứ rất đắt giá. Cảm tạ Chúa vì chúng ta không phải trả giá gì vì Ngài đã trả mọi thứ rồi, nhưng nếu chúng ta vẫn sống trong thời này thì việc đó khá tốn kém. Thường là những con vật đẹp nhất, rồi phải hỗ trợ chức tế lễ. Các thầy tế lễ không hề có kế sinh nhai; các thầy tế lễ và người Lê-vi quanh đây được các chi phái này cấp dưỡng. Các chi phái phải chi trả cho họ để bảo vệ đền tạm của Chúa, nên đó là một việc rất tốn kém, cần dâng một phần mười, các tế lễ và sinh tế. Khá tốn kém khi có Chúa sống giữa vòng dân sự.

Tất cả những điều này đang nói lên một điều khá sâu sắc với chúng ta. Từ phần Lập pháp của Dân số ký, tôi nhận ra điều này. Chúng ta lớn lên trong một thời đại mà tôi có thể nói là chống lại các lễ nghi, ngày càng tùy tiện và cẩu thả khi đến gần Chúa, và sách Dân số ký nhắc nhở chúng ta rằng điều đó không ổn, rằng chúng ta cần đến gần Chúa sao cho đúng đắn. Để tôi lấy một ví dụ. Tôi không phải mang một con cừu đực hay thậm chí một con chim câu để làm của lễ khi đến với Chúa, nhưng như vậy không nghĩa là tôi không phải mang của lễ. Tân Ước cũng có nhiều của lễ tế giống Cựu Ước và tôi đang không nói đến thập tự giá. Tân Ước chép rằng hãy dâng của lễ ngợi khen, dâng của lễ tạ ơn. Những điều này là của lễ theo nghĩa nào? Chúng tốn của bạn bao nhiêu? Bạn có nghe điều tôi đang nói không? Của lễ được chuẩn bị cho sự thờ phượng.

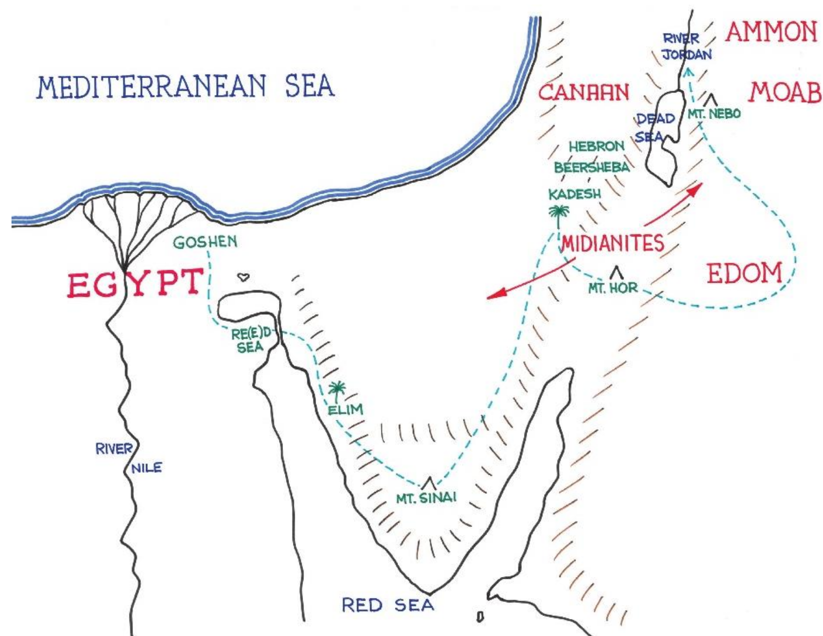
Giờ đây chúng ta không phải chuẩn bị một con chiên, nhưng chúng ta vẫn cần chuẩn bị sự ngợi khen. Đôi khi tôi rất quan ngại khi có người nói rằng "Tôi không có thời gian để chuẩn bị nên chúng ta sẽ để Đức Thánh Linh dẫn dắt chúng ta." Và kết quả thường không tương ứng với Đức Thánh Linh. Chúng ta rơi vào "chủ nghĩa nghi thức" khi không có cách tiếp cận đúng đắn. Tôi không tin là không nên chuẩn bị gì cả trước khi thờ phượng, tôi cũng không tin là một người nên chuẩn bị hết, nhưng tôi tin rằng mọi người nên chuẩn bị cho việc thờ phượng. Hy vọng là sáng mai, cậu Max dẫn ca đoàn sẽ bối rối vì nhiều người trong các bạn muốn chuẩn bị chút của lễ ngợi khen và cảm tạ - đọc một điều gì đó, hát một bài nào đó. Tân Ước chép tằng "Khi anh em nhóm lại, người thì có bài thánh ca, người thì có lời dạy dỗ, người thì có sự mặc khải, người thì có tiếng lạ, người thì có sự thông dịch tiếng lạ" - mỗi người đều có. Không phải là mỗi người có thể có nếu chúng ta chờ đợi, nhưng là mỗi người đều mang đến điều gì đó.

Hãy chuẩn bị một của lễ và vào hành lang Chúa - đó là điều Dân số ký muốn nói. Khi bạn đến với sự thờ phượng, hãy chuẩn bị cho sự thờ phượng. Chúng ta thường mất hai mươi phút để bước vào sự thờ phượng vì chúng ta thậm chí không chuẩn bị gì cả. Sự chuẩn bị có cái giá của nó - bạn phải dành ra chút thời gian, suy nghĩ một chút, nhưng để thờ phượng Chúa theo cách mà Ngài muốn thì chúng ta phải trả giá. Chúng ta đang ở trong tình trạng mà tôi tin rằng chúng ta muốn thờ phượng Chúa theo thị hiếu của chúng ta chứ không theo điều đẹp lòng Ngài - "tôi thích thế này," "tôi thích hợp xướng hơn," "tôi thích thánh ca cổ hơn." Cả hai điều đó đều không quan trọng, quan trọng là Chúa muốn gì? Điều gì khiến Ngài đẹp lòng? Không quan trọng là tôi cảm thấy thế nào khi thờ phượng; quan trọng là Chúa có thấy ổn không, tôi có chúc tụng Ngài không. "Hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Đức Giê-hô-va."

Vậy nên Ngài mới bảo họ trong Dân số ký rằng các ngươi phải chúc tụng Ta thế này, các ngươi phải thờ phượng Ta thế kia - hãy Thận trọng, hãy Thanh sạch và sẽ phải Trả giá; nhưng Ta là Đức Chúa Trời thánh khiết sống giữa vòng dân sự và các ngươi phải làm như vậy. Khi chúng ta đến với Chúa như vậy thì sự thờ phượng của chúng ta sẽ trở nên một lễ vật tỏa ngát hương thơm theo lời Tân Ước, một mùi hương thơm dâng lên Chúa. Thời xưa Chúa ưa mùi thịt cừu nướng. Tôi cũng vậy - nhưng đó là một mùi hương ngọt ngào với Ngài và của lễ ngợi khen của chúng ta có thể làm Chúa đẹp lòng. Thư gửi cho người Hê-bơ-rơ chép rằng "Nên ta hãy ghi ơn và lấy lòng kính sợ, tôn kính mà thờ phượng Chúa vì Đức Chúa Trời chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt." Chắc bạn nghĩ câu đó ở trong Cựu Ước. Không đâu, đó là một câu trong Tân Ước - hãy lấy lòng kính sợ, tôn kính mà thờ phượng Chúa. Chúng ta có thể nhảy để thờ phượng, tập thể dục nhịp điệu để thờ phượng, thờ phượng theo nhiều kiểu, nhưng quan trọng là Chúa muốn chúng ta thờ phượng Ngài như thế nào. Có một điều Ngài nói rất rõ, ấy là Ngài muốn chúng ta chuẩn bị trước khi thờ phượng Ngài - không chỉ đến cho có mặt, mà là đến, sẵn sàng dâng Ngài của lễ ngợi khen và cảm tạ. Sáng mai chúng ta sẽ có cơ hội để làm điều đó, được chứ? Rồi, trong bài nói chuyện tiếp theo, chúng ta sẽ nói về phần tường thuật trong sách Dân số ký.

DÂN SỐ KÝ - Phần 2

Đồng vắng là chốn thử thách; thế nên Chúa Giê-su mới được đưa vào Đồng vắng trong sáu tuần, bị thử thách; và đó là một thử thách thật sự dưới những điều kiện rất khắc nghiệt. Bạn chưa ở trong Đất Hứa, bạn đã ra khỏi Ai Cập nhưng vẫn ở ngay giữa. Giống như đính hôn là thời gian thử thách, bạn đang đứng giữa sự tự do và hôn nhân. Đó là thời gian thử thách vì không phải cái này, cũng chẳng phải cái kia. Cũng vậy, Đồng vắng là một thời gian thử thách thật sự và than ôi, Y-sơ-ra-ên đã không vượt qua được. Hãy nhớ rằng sau Si-na-i - hãy quay lại bản đồ - sau Si-na-i, họ ở trong một mối quan hệ khác với Chúa so với lúc ở đây. Sau Si-na-i, họ đã phạm phải những tội lỗi giống như trước đây. Cái khác là ở chỗ, giờ đây đã có những hình phạt, những sự trừng phạt gắn với những tội lỗi đó vì sau Si-na-i, họ ở trong mối quan hệ giao ước - giờ đây họ đã kết hôn với Chúa. Đây là nơi hai bên tìm hiểu nhau, nhưng giờ đây họ đã kết hôn, nên lúc này Chúa phải nghiêm khắc với họ hơn so với trước khi ở Si-na-i vì họ đã tự hứa sẽ làm điều Ngài phán bảo. Nên họ sẽ được phước nếu họ vâng lời, nếu không họ sẽ bị rủa sả; họ biết điều đó. Chúa phán với họ rằng: Từ nay trở đi, Ta sẽ chúc phước khi các con làm đúng, nhưng Ta sẽ rủa sả khi các con làm sai; các con có chấp nhận hai điều kiện đó không? Họ nói: Có ạ, chúng con sẽ làm điều đúng đắn - tuy nhiên, nói sẽ làm điều đúng đắn là một chuyện, giữ lời lại là chuyện khác.



Như vậy, thực chất là Chúa đã ràng buộc chính Ngài với họ theo hai mặt. Ngài phải chúc phước hoặc rủa sả họ theo cách mà trước đó Ngài không phải làm; Ngài buộc phải giữ lời hứa và lời thề của Ngài. Nên giờ đây chúng ta có thể thấy cả mục đích và sự hạn chế của Luật pháp mà Chúa ban cho họ. Mục đích là để họ thấy điều gì là đúng đắn; hạn chế ở chỗ họ không thể thực hiện được và Luật pháp không thể giúp họ thực hiện được chúng. Luật pháp không giúp bạn sống đúng đắn. Nó cho bạn biết thế nào là sống đúng, thế nào là sai, nhưng nó không thể giúp bạn. Luật pháp không làm được điều đó, thế nên Luật pháp được ban ra vào ngày Ngũ tuần là không đủ, sau này cần có Thánh Linh được ban ra trong chính ngày đó, vì nếu không có sự giúp đỡ siêu nhiên thì chúng ta sẽ không bao giờ giữ được Luật pháp. Nhưng họ nghĩ là họ giữ được và họ hứa rằng họ sẽ giữ luật.

Trước hết, chúng ta sẽ xét đến các lãnh đạo của dân tộc này và xem họ đã thất bại ra sao. Các lãnh đạo của dân này đều xuất thân từ cùng một gia đình - hai cậu em và một cô chị; thật hay là Chúa chỉ dùng một gia đình để dẫn dắt dân tộc mới này, quốc gia mới này - ấy là Môi-se, A-rôn và Mi-ri-am, hai cậu em và một cô chị. Kinh Thánh cho chúng ta biết những điểm tốt, những điểm mạnh trong tính cách họ. Thực ra Môi-se đã viết về chính mình và viết rằng Môi-se là người khiêm hòa hơn hết mọi người trên thế gian. Phải thế nào đó mới nói được như vậy về chính mình. Bạn cứ thử bảo những người khác rằng bạn là người khiêm tốn nhất trong văn phòng hay nhà máy mà xem. Thực ra Môi-se nói được vì đúng là ông rất khiêm nhường.

Chúa Giê-su cũng nói được như vậy, Ngài nói "Hãy học theo Ta vì Ta có lòng nhu mì, khiêm nhường." Hầu hết chúng ta đều không thể nói như vậy mà không biết ngượng mồm, nhưng Môi-se nói được, Chúa Giê-su nói được. Ông là một người nhu mì. Nói vậy nghĩa là ông không bao giờ cố biện hộ cho bản thân. Một trong những điều đáng mến nhất ở Môi-se là khi bị chỉ trích hay bị đối xử tệ bạc, khi bị phản bội, ông không bao giờ cố biện hộ cho bản thân. Ông để Chúa biện hộ cho mình - đó là một bài học. Nhu mì là vậy đó; ấy không phải là sự yếu đuối mà là không cố biện hộ cho bản thân. Ông vừa là tiên tri, vừa là thầy tế lễ, và có thể được coi là một vị vua; ông kết hợp cả ba chức năng đó nên người ta không lấy ba điều đó để gọi ông.

Rõ ràng Môi-se là một tiên tri và Kinh Thánh gọi ông như vậy, ông truyền đạt nhiều lời từ Chúa, nhưng khi ông cầu nguyện cho dân sự, ông đang đóng vai trò là một thầy tế lễ, và khi ông dẫn dắt họ, rõ ràng là ông đóng vai trò là một vị vua, trong chiến trận. Người ta không gọi ông là vua, nhưng tôi tin rằng ông kết hợp cả ba chức năng đó. A-rôn chỉ kết hợp hai chức năng; A-rôn vừa là tiên tri cho Môi-se và là thầy tế lễ, và chức tế lễ theo A-rôn trở thành trọng tâm của sự thờ phượng và nghi lễ của dân Chúa thời xưa. Mi-ri-am là một nữ tiên tri.

Như vậy, chúng ta có Môi-se là tiên tri, thầy tế lễ và là vua, A-rôn là tiên tri và thầy tế lễ, còn Mi-ri-am là nữ tiên tri. Sự phân bổ các ân tứ rất thú vị; và hãy để ý rằng tiên tri là một chức vụ dành cho cả nữ lẫn nam - trong Tân Ước cũng như Cựu Ước - bốn cô con gái của Phi-líp. Ân tứ tiên tri đặc biệt của Mi-ri-am được bộc lộ qua bài hát. Có mối liên hệ mật thiết giữa việc tiên tri và âm nhạc. Thú vị ở chỗ, khi Đa-vít chọn những người đặc trách ca đoàn, ông luôn chọn một vị tiên tri làm người đặc trách ca đoàn, hay ông gọi đó là nhà tiên kiến, một người có thể thấy điều Chúa đang làm. Có một mối liên hệ mật thiết. Ê-li-sê từng nói rằng hãy chơi nhạc và ta sẽ nói tiên tri cho ngươi, tôi có thể hiểu điều đó. Âm nhạc - nhưng phải đúng loại - có điều gì đó khai phóng thần tiên tri và điều này đúng với Mi-ri-am.

Vậy cả ba người họ đã sai như thế nào? Tôi sẽ nói theo thứ tự ngược lại nhé! Mi-ri-am sai vì bà ghen tị. Bà muốn giành lấy sự tôn trọng về mình và đó cũng là kết cục của em trai bà, A-rôn. Cả Mi-ri-am và A-rôn đều ghen tị với Môi-se. Đâu có dễ dàng gì, trong một gia đình mà cậu em lại có vị trí quan trọng hơn. Họ đã ở những vị trí quan trọng, họ thuộc đội ngũ lãnh đạo, nhưng họ trở nên ghen tị và Mi-ri-am bị phạt mắc bệnh phong hủi; có thể đó không phải là bệnh mà sau này chúng ta gọi là Bệnh Hansen, có thể đó là vảy nến hoặc một loại bệnh ngoài da nào đó, nhưng rõ ràng là một bệnh không thể chữa khỏi. Mi-ri-am đã mắc bệnh đó trong bảy ngày cho tới khi bà ăn năn. Nhưng thực ra bà đã qua đời ở Ca-đe; bà không đi thêm được nữa và qua đời tại đó.

Vậy là Mi-ri-am không còn nữa. Người thứ hai không còn trong vị trí lãnh đạo là A-rôn và lại một lần nữa, ông vướng phải sự ghen tị, muốn giành lấy sự tôn trọng. Thực ra là ông hiệp với Mi-ri-am

để chỉ trích Môi-se và tất nhiên, sự ghen tị luôn vin vào một cái cớ hoặc một lý lẽ hiển nhiên để gây rắc rối. Cả hai đã vin vào việc Môi-se đã cưới một người mà họ không chấp thuận. Ông đã cưới một người nữ Cút hay Ê-thi-ô-pi, người này đã ra khỏi Ai Cập với họ và thậm chí không phải là người Hê-bơ-rơ. Chúa không chỉ trích ông vì việc đó, nhưng Mi-ri-am và A-rôn thì có. Đó chỉ là cái cớ. Suy cho cùng thì họ chống đối Môi-se và đây là một cái cớ để chí trích ông và nói rằng lẽ ra mày không nên làm như vậy; một người lãnh đạo phải nêu gương, phải cưới một người Hê-bơ-rơ chứ! Rồi A-rôn cũng qua đời. Ông qua đời tại núi Hô-rơ, chỉ sau Ca-đe một đoạn, như vậy là không lâu sau khi bộc lộ sự ghen tị và muốn giành lấy sự tôn trọng về mình, cả hai đều qua đời. A-rôn được hơn 100 tuổi khi ông qua đời, vậy là chỉ còn Môi-se. Than ôi, chính Môi-se cũng thất bại. Ông trở nên mất kiên nhẫn với dân sự; ai nỡ trách ông đây?

Tân Ước chép rằng ông đã chịu đựng dân sự suốt 40 năm trong Đồng vắng và đúng là như vậy. Thật là vất vả, hai triệu người luôn lằm bằm, phàn nàn và có những tranh cãi cần được giải quyết, ông phải khuyên giải họ. Ông phát chán với dân sự, thế nên ông mới mất kiên nhẫn với họ. Lãnh đạo mà mất kiên nhẫn với những người theo mình thì thể nào cũng gặp rắc rối. Rồi cũng đến lúc ông phạm phải sai lầm nghiêm trọng, ông đã cấp nước cho họ bằng cách đập cây gậy vào tảng đá; đá vôi của Sa mạc Si-na-i có đặc tính rất đặc biệt: chúng giữ những bể chứa nước trong mình, có lượng nước dự trữ rất lớn trong Sa mạc Si-na-i, nhưng bao quanh nước thường là đá, và nước ở trong đá. Môi-se mở những bể chứa nước đó cho họ chỉ bằng việc chạm cây gậy vào tảng đá. Nhưng đến lần thứ hai, khi họ thiếu nước và Chúa phán với Môi-se: Môi-se, lần này con đừng đập vào tảng đá, chỉ cần nói với nó; một lời nói sẽ khơi nước từ trong đá; chỉ cần nói với nó thôi. Nhưng Môi-se quá mất kiên nhẫn với dân sự tới nỗi ông không cẩn thận lắng nghe Chúa, mà lại nói: “Đây, các người muốn có nước à?” Ông đập vào tảng đá hai lần. Chúa phán: “Sao con không làm theo cách Ta phán bảo? Vì việc này mà Môi-se ạ, con sẽ không thấy Đất Hứa.” Có vẻ như hình phạt này khá nặng đúng không?

Nhưng điều này rất quan trọng, vì nếu người lãnh đạo không cẩn thận lắng nghe Chúa và làm theo cách Chúa muốn thì hãy nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra với dân sự? Chỉ vì nổi giận với dân sự và mất kiên nhẫn với họ mà ông mất bình tĩnh, không nghe điều Chúa phán; chính vì vậy mà Chúa phán với Môi-se rằng: Con sẽ không thấy Đất Hứa - con sẽ thấy nó nhưng sẽ không được vào đó. Kinh Thánh chẳng phải là rất chân thực đó sao? Đây là ba người lãnh đạo của dân sự, hai cậu em và một cô chị, và Kinh Thánh cho bạn biết rằng cả ba đều thất bại trong sách Dân số ký. Chúng ta cần rút ra bài học từ điều này. Những người lãnh đạo cần rút ra bài học từ điều này - dẫn dắt dân sự Chúa là một trách nhiệm lớn lao: Hãy làm cho đúng và hãy làm theo đường lối Chúa.

Có những người khiến Chúa thất vọng trong sách Dân số ký. Đáng chú ý nhất là một người tên Cô-rê, và trong chương 16, 17, chúng ta thấy Cô-rê cầm đầu một cuộc nổi loạn. Ông ta tức giận vì chỉ A-rôn và gia đình có quyền giữ chức tế lễ: Tại sao những người khác lại không làm thầy tế lễ được? Sao lại cứ phải là A-rôn? Ông ta chất vấn chức tế lễ của A-rôn. Thật thú vị là ngay sau khi ông ta làm vậy thì những người khác cũng bắt đầu làm vậy.

Rất lạ là theo bản năng và bằng một cách nào đó, một người bất bình có thể tìm được những người khác cùng chí hướng, bạn đã bao giờ để ý thấy như vậy chưa? Nó xảy ra trong các hội thánh, chúng ta phải nói điều này. Nó xảy ra với những người mới tin Chúa - một người bất bình có thể nhanh chóng tập hợp một số người khác. Gần như là theo bản năng, họ biết mình phải đến với ai, phàn nàn với ai. Như vậy, họ nhanh chóng tập hợp được 250 người, tất cả đều thách thức thẩm quyền của Môi-se và chức tế lễ độc quyền của A-rôn. “Chúng tôi không chọn các người, chúng tôi không lập các

người" - nhưng Chúa thì có. Như vậy là họ đối đầu với những người lãnh đạo, nói cách khác, họ đang nói rằng, mà đúng là họ đã nói vậy, rằng Môi-se và A-rôn là những người lãnh đạo tự nhấc mình lên. Họ đã tự chọn lấy cho mình bổn phận này.

Những người đó không tin rằng Chúa đã chọn Môi-se và A-rôn, họ còn nói rằng hai người này không thể đưa họ vào Đất Hứa. Nghe mỉa mai nhỉ! "Họ không đưa được chúng ta vào Đất Hứa, lại còn khư khư giữ chức tế lễ." Môi-se nói: Được rồi, chúng ta sẽ thử điều này, xem Chúa chọn ai cho những vị trí đó. Ông nói: Bây giờ, Cô-rê và những người theo ngươi hãy cầm một nhành cây trong hoang mạc và A-rôn, anh hãy cầm lấy một cây. Họ đặt những cây gậy này trong nơi thánh trước mặt Đức Giê-hô-va suốt đêm, sáng ra, một cây trong số đó đâm chồi và trổ hoa, còn những cây khác đều chết. Chính cây gậy của A-rôn đã đâm chồi. Từ đó trở đi, họ đã đặt cây gậy của A-rôn trong Hòm Chứng ước và để nguyên trong đó. Đó là bằng chứng từ Chúa rằng A-rôn là do Ngài chọn; không phải một người lãnh đạo tự xưng. Nếu đọc Thi Thiên thì bạn sẽ thấy nhiều Thi Thiên được viết bởi con cháu Cô-rê; bạn đã bao giờ để ý đến điều đó chưa? Gia đình của người này không theo gót ông, sau này con cháu ông trở thành những người ca hát trong đền thờ, con cháu ông ta được cứu còn ông ta thì không. Cô-rê được nhắc đến ở sách Giu-đe trong Tân Ước như một sự cảnh báo với Cơ Đốc nhân - đừng nghi ngờ những người Chúa lập nên và đừng ghen tị.

Còn toàn thể dân sự thì sao? Toàn thể dân sự cũng thất bại. Tôi đã nói đến việc những người lãnh đạo thất bại, một số người thất bại, nhưng chao ôi, giờ tôi phải bảo bạn rằng sách Dân số ký nói rằng toàn thể dân sự đều thất bại, trừ hai người - hai trong số hai triệu, không nhiều lắm nhỉ! Rồi, có ba thất bại chính của dân sự, nhưng có một thất bại chung liên tục nổi lên. Nhưng có ba thất bại cụ thể. Hãy xét đến thất bại chung trước. Vấn đề chung của dân sự là lằm bằm - chỉ vậy thôi. Vậy lằm bằm có gì sai? Nhiều là đằng khác! Có người từng bảo tôi rằng: "Nếu anh lằm bằm về thời tiết thì anh đang phàn nàn về cách Chúa vận hành vũ trụ đấy."

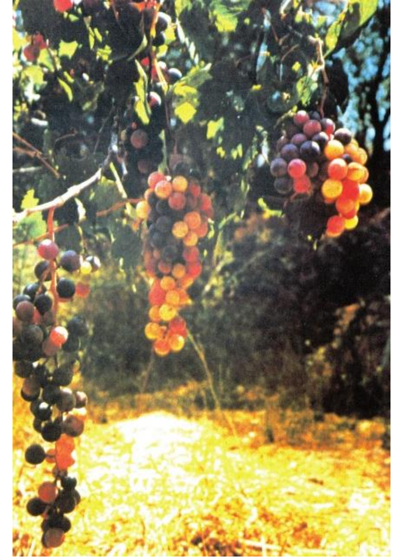
Bạn đã bao giờ nghĩ thế chưa? Người khác nói rằng lằm bằm không cần có tài, lằm bằm không cần đến não, lằm bằm không cần đến cá tính, để lằm bằm cũng không cần tiết chế. Đúng là một khẳng định hay nhỉ! Đó là một trong những điều dễ làm nhất trên đời và chúng ta thấy rằng đây là thất bại chính của dân này. Họ lằm bằm trong trại mình và tưởng rằng không ai nghe được, nhưng có người nghe được, và Kinh Thánh chép rằng Chúa nghe thấy điều đó, Đức Giê-hô-va nghe thấy điều đó. Vì tuy Ngài đang sống trong Lều Tạm nhưng Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi, và Ngài nghe thấy những câu chuyện trong các trại. Họ nghĩ vì Ngài ở trong Lều Tạm nên Ngài không biết họ nói gì khi về trại mình - đúng là nhầm to! Họ lằm bằm vì thiếu nước, họ lằm bằm vì ăn rặt một loại đồ ăn.

Kinh Thánh chép rằng họ lằm bằm vì không được ăn tỏi, hành, cá, dưa chuột, dưa gang và củ kiệu - đó là những thứ họ nhớ nhất. Có lần tôi phỏng vấn một giáo sĩ và hỏi là ở Nam Mỹ thì chị nhớ thứ gì nhất? Cô ấy nói là nhớ sốt Marmite của Anh - rất thành thật. Họ đã lằm bằm vì họ chỉ ăn mỗi "Cái gì vậy." "Cái gì vậy?" Sáng, trưa, tối. "Cái gì vậy." Họ nhớ tất cả những điều đó; họ lằm bằm và phàn nàn. Không thỏa lòng - đó có lẽ là điều hủy hoại dân Chúa hơn bất cứ tội nào khác. Bạn có tin không? Ấy thế mà đây không phải là tội mà hội thánh thường xuyên kỷ luật dân sự. Chúa nghe thấy họ và Chúa phán: các ngươi đã thử ta mười lần, nên có ít nhất mười dịp mà lằm bằm làm nên chuyện.

Nhưng có ba khủng hoảng khác khiến họ lầm lạc. Đầu tiên là ở ốc đảo Ca-đe và đây thật sự là lần tệ nhất. Nó vẫn còn đến ngày nay, cách Biển Chết 106 cây số về phía tây nam và đó là ốc đảo tươi đẹp nhất. Sau đó là một đoạn sa mạc nữa, rồi đến Đất Hứa. Khi họ đến ốc đảo cuối cùng trong Sa mạc

Nê-ghép, họ sai 12 thám tử, mỗi chi phái một người, đi do thám xứ và trở về, thuật lại cho họ xem xứ đó ra sao. Họ đã đi trong 40 ngày, một số người đi về phía nam quanh Hếp-rôn, nhưng nhiều người đi về phía bắc và thấy rằng đó là một xứ rất màu mỡ. Thực ra, họ đã quay lại...

Đây là một minh họa tuyệt vời, bức ảnh này được chụp ở Y-sơ-ra-ên tại một xứ đượm rượu. Đượm rượu - nhìn có giống đượm rượu không? Họ trở lại với những chùm nho như vậy từ Đất Hứa, nhưng họ nói rằng xứ này không thể chiếm nổi - đó là một xứ đẹp đẽ, đúng như lời Chúa hứa, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chiếm được nó. Xứ đó sẽ ăn nuốt dân ta - chúng ta sẽ không ăn nuốt chỗ nho đó đâu; chúng ta sẽ bị ăn nuốt đấy! Hai thám tử nói rằng: Đức Chúa Trời ở với chúng ta; Ngài không đưa chúng ta đến tận đây rồi bỏ chúng ta trong hoang mạc; chúng ta sẽ cùng vào với Chúa! Nhưng mười người khác nói: Không, thật là một sai lầm khủng khiếp; lẽ ra chúng ta không nên rời Ai Cập.



Thực chất là đám đông muốn ném đá Môi-se và A-rôn vì đã đưa họ đến tận đây. Hãy nhớ rằng lúc này họ mới rời Ai Cập được ba tháng, thế mà họ đã định giết Môi-se và A-rôn vì đã giải phóng họ khỏi ách nô lệ - thật trớ trêu! Giô-suê và Ca-lép thừa nhận rằng xứ đó có thành trì kiên cố và dân trong xứ cao lớn hơn họ nhiều - đó là lập luận của họ; ở đó có những người khổng lồ. Nhìn chung thì những nô lệ người Hê-bơ-rơ khá nhỏ con. Chúng ta biết điều này nhờ những bức phù điêu cổ, họ xuất hiện trong đó. So với những dân khác, họ không cao lớn còn dân Ca-na-an rất cao lớn, nhưng hơn thế nữa, họ kể rằng dân Ca-na-an xây những bức tường quanh các thành của họ. Một trong những điều thú vị nhất là sau đó Giô-suê, Ca-lép và Môi-se nói với dân sự rằng: “Chúa sẽ mang anh em trên vai Ngài.”

Tôi nhớ khi còn là một cậu bé, tôi được bố vác trên vai và khi ở trên vai ông, tôi là người khổng lồ, tôi cao lớn hơn mọi người khác và tôi có thể nhìn qua những bức tường cao bao quanh các khu vườn. Môi-se đang nói rằng Chúa sẽ vác anh em trên vai mình, anh em sẽ làm người khổng lồ và anh em sẽ nhìn qua những bức tường kiên cố đó, nhưng họ không tin. Họ đặt niềm tin vào những gì con người thấy và những gì con người nói, họ rất dân chủ - họ chấp nhận nhận định của số đông. Dân chủ không phải là cách Chúa thường hành động; số đông có thể sai thậm tệ, nhưng vì tỉ lệ là 10/2 nên họ đã tin số đông và thuyết chủ bại thắng thế.

Thật thú vị khi so sánh những gì mười người nói và những gì hai người nói. Mười người nói rằng: “Chúng ta không thể chiếm xứ,” hai người nói: “Chúa có thể chiếm xứ,” rất thú vị, chúng ta không thể, Chúa có thể. Hai điều đó không hề mâu thuẫn với nhau nhưng vấn đề là cái gì chiếm hữu tâm trí bạn. Còn nữa, con dân Y-sơ-ra-ên nói với Môi-se là “xứ mà ông sai chúng tôi vào”; trong khi Môi-se nói là “xứ mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta” - một lần nữa, cách nói của họ lại hoàn toàn khác nhau. Cách người ta nói thể hiện rằng họ có đức tin hay không. Tôi nhớ có lần, vào một giai đoạn, tại một hội thánh, trong cuộc họp các trưởng lão, chúng tôi cấm dùng từ “vấn đề” hay “khó khăn” và luôn thay từ “cơ hội” vào những chỗ đó. Thật thú vị khi thấy sự khác biệt; bạn thấy đó, khi có ai đề xuất điều gì, “Tôi thấy điều đó có...cơ hội.”

Và điều đó thay đổi tư duy của chúng tôi, đổi từ khó khăn thành từ cơ hội. Không phải là tôi ủng hộ cho sức mạnh của tư duy tích cực, nhưng cách nói của chúng ta thể hiện rằng chúng ta có đức tin hay không. Có người luôn nói rằng: “Ồ, tôi thấy điều đó có vấn đề” hoặc “Tôi thấy điều đó khó thực

hiện.” Hoặc có một số thành viên trong hội thánh - họ luôn có hai lý do để không làm điều gì đó mới mẻ: Chúng tôi chưa bao giờ làm như vậy, hoặc chúng tôi làm rồi nhưng không thành công. Từ đó mà sự sút kém có thể len lỏi vào.

Đây lại là sự lằm bằm, phàn nàn, cách nhìn tiêu cực, chủ nghĩa bi quan. Môi-se cầu thay cho họ, nhưng Chúa đã thề rằng không một ai trong thế hệ này vào được xứ đó. Chúa mà đã thề thì gay rồi. Bạn có biết Ngài nói gì không? Ngài nói: “Ta chỉ Chúa mà thề rằng các ngươi sẽ không được vào xứ đó, chỉ có điều Ngài không nói “Chúa,” Ngài nói là “Ta chỉ chính Ta” vì Ngài không thể thề lấy thứ gì cao hơn Ngài mà thề, nên Ngài chỉ chính mình. Nhiều lần Chúa chỉ chính mình mà thề, thực ra, Ngài đang nói rằng “Ta chỉ Chúa mà thề rằng giờ đây các ngươi sẽ không được vào xứ đó. Ta chỉ chính mình mà thề rằng: Các ngươi sẽ chẳng hề bước vào sự an nghỉ của Ta.”

Chúng ta cần coi trọng lời thề hứa của Chúa. Họ đã do thám xứ trong bốn mươi ngày, nên Chúa nói rằng mỗi một ngày các ngươi do thám xứ và kết luận sai là một năm các ngươi phải ở trong Đồng vắng. Ấy là hình phạt tương xứng với tội lỗi trong mắt Chúa. Sự kiện đó trở thành điểm mấu chốt của Dân số ký. Đó mới chỉ là một phần ba chặng đường, và lẽ ra phần còn lại không cần phải viết ra, nhưng phần còn lại đã nói về chuyến hành trình không hồi kết cho đến khi mọi người nam đều chết. Đó là khủng hoảng lớn đầu tiên, cũng là lần tệ nhất, đồng nghĩa với 40 năm lãng phí thời gian, chẳng đâu vào đâu của cả một thế hệ - thật buồn phải không?

Khủng hoảng tiếp theo xảy đến khi họ quay trở lại thung lũng sâu này. Đây là vết nứt lớn trên bề mặt trái đất - có Biển Ga-li-lê rồi đến Biển chết, rồi đáy thung lũng nhô lên một chút rồi lại đi xuống, và vết nứt chạy thẳng qua Biển Đỏ, thẳng qua Ethiopia, thẳng đến Thung lũng tách giãn Lớn tại Kenya và thẳng qua Châu Phi. Đó là vết nứt lớn nhất trên bề mặt thế giới và phần thấp nhất của nó là Biển Đỏ. Tại đó, bạn có thể bay dưới mực nước biển và lấy được bằng phi công. Nó ở khoảng 500 mét dưới Địa Trung Hải; một vết nứt sâu, rất sâu.

Họ đi xuống thung lũng này - nó được gọi là A-ra-ba, đây, A-ra-ba; và họ đi xuống đây, xuống một thung lũng dốc gọi là Thung lũng Bọ cạp. Thung lũng này nổi tiếng vì có nhiều rắn và bọ cạp. Một lần nữa, họ lại lằm bằm và Chúa trừng phạt họ bằng cách sai rắn đến. Bỗng nhiên họ chết vì bị rắn cắn trong Thung lũng Bọ cạp này. Ngày nay bạn vẫn có thể đến thung lũng ấy; một nơi khủng khiếp - khô cằn, tối tăm và đầy rắn rết. Như vậy là họ bị rắn cắn. Chỉ khi số người chết tăng lên quá nhiều, cảm tưởng như tất cả đều chết hết, họ mới kêu cầu Chúa, họ xưng nhận tội lằm bằm của mình, họ ăn năn và họ nài xin Chúa ngăn lũ rắn lại. Thực ra thì Ngài không ngăn chúng lại. Ngài bày cách chữa vết rắn cắn.

Rất thú vị: Ngài không trừ khử lũ rắn mà Ngài bày cho họ cách chữa. Ngài phán: Môi-se hãy treo một con rắn bằng đồng thau, đúng hơn là bằng đồng lên một cây sào, đặt trên đỉnh núi nhìn xuống thung lũng. Khi có người bị rắn cắn, nếu họ nhìn vào con rắn bằng đồng trên cây sào thì họ sẽ không chết. Đó là thuốc giải độc của Ta. Nó có tác dụng. Điều đó nói lên rằng các ngươi vẫn đang gặp nguy hiểm, nhưng các ngươi phải làm gì đó để thoát khỏi nó. Các ngươi phải phản ứng lại và tất nhiên, cần có đức tin để làm như vậy. Họ phải tin vào việc đó, rằng nó sẽ có tác dụng. Họ có thể nói rằng: Ôi giời, vớ vẩn, thế thì làm sao chữa được rắn cắn. Nếu họ nói vậy thì họ sẽ chết. Kinh Thánh chép rằng ai nhìn vào - hướng mắt vào con rắn bằng đồng đó. Từ đó trở đi, có một tập tục mê tín dị đoan về việc đeo trang sức bằng đồng. Người ta cho rằng điều đó sẽ chữa được mọi thứ; vòng tay rồi những thứ

bằng đồng, toàn là mê tín. Họ phải nhìn và Kinh Thánh chép rằng khi nhìn con rắn, họ được sống. Chúng ta sẽ xét tới điều đó sau.

Khủng hoảng thứ ba xảy ra khi họ đến đồng bằng Mô-áp; đây là khủng hoảng cuối. Họ đã thắng một số trận trên đường đi; họ đã thắng Ê-đôm và Mô-áp. Họ đang thắng thế, và họ đóng trại tại nơi nhìn xuống Giô-đanh, nhìn sang Đất Hứa - tôi có một bức ảnh, nhưng chắc tôi sẽ cho bạn xem sau. Nhưng lúc này, họ sắp phải chịu một thất bại lớn. Việc xảy ra như sau: Những người này sống ở bên này, Am-môn - Chắc là bạn đã nghe rằng thủ đô của Jordan là Amman, đó là cùng một từ. Dân Mô-áp hiệp lại với nhau và nói: Chúng ta không thể để những người Y-sơ-ra-ên vào đây được; đừng để họ cướp đất của chúng ta - thực ra là rất giống với hoàn cảnh ngày nay - chúng ta không muốn họ lảng vảng quanh đây.

Vậy là họ thuê một thầy bói người Si-ri, một người từ mãi trên Đa-mách. Thực ra là trước đó ông ta sống trên Sông Ơ-phơ-rát, nhưng ông ta đang sống tại Si-ri và là một thuật sĩ, một người xem bói, một con lừa, mà ông ta cũng có một con lừa thật, tên ông ta là Ba-la-am. Đây là lúc Ba-la-am bước vào câu chuyện vì trong các trận chiến vào thời đó, ngày nay cũng vậy, người ta rất hay cầu nguyện để thắng trận và thường là vào thời đó, người ta sẽ mời một thầy bói hay bói khoa để nguyền rủa kẻ thù. Họ tin rằng nguyền rủa kẻ thù nghĩa là họ sẽ đánh bại được kẻ thù. Nhưng ngày nay cũng vậy.

Nhiều năm trước, người Nga diễn một vở kịch tại Moscow và diễn cảnh người Đức và người Nga đánh nhau trên sân khấu. Lúc mở màn vở kịch, rèm kéo lên, trong đó là cảnh chiến trận, một tuyên úy người Đức ở trên căn chòi phía bên này sân khấu và một linh mục chính thống giáo người Nga ở trên căn chòi phía bên kia, cả hai đều cầu nguyện với Chúa rằng họ sẽ thắng trận. Đó là lối nói mỉa mai của người Nga, rằng cầu nguyện trong chiến tranh có ích gì đâu, nhưng người ta vẫn làm như vậy, và họ cố gắng để Chúa đứng về phía mình. Cách thức thời xưa là mời một thuật sĩ đến và nhân danh các thần, các thần ngoại giáo, để nguyền rủa phía bên kia.

Ở đây chúng ta có câu chuyện kỳ lạ nhất trong Dân số ký. Ông thầy bói ngoại đạo này tên Ba-la-am, thế mà họ lại mời ông ta đến và bảo ông ta nguyền rủa dân Y-sơ-ra-ên nhân danh Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên - rất lạ! Ông ta nhận làm và chúng ta biết tại sao ông ta lại nhận làm như vậy, vì ông ta thích tiền, đơn giản thế thôi. Họ cứ phải cho ông ta thêm tiền vì mỗi lần ông ta cố gắng nguyền rủa dân Y-sơ-ra-ên, ông ta lại chúc phước cho họ. Mỗi lần ông ta mở miệng nguyền rủa họ thì lại thành "Ta chúc phước cho ngươi - Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán vậy." Vua Am-môn và Mô-áp tức lắm. Ông ta phân trần: "Ôi tôi không đừng được, tôi cố gắng nguyền rủa họ mà cuối cùng lại thành chúc phước cho họ." Người ta lại cho ông ta thêm tiền và trả giá cao hơn, và ngày một đưa ông ta lại gần trại quân Y-sơ-ra-ên hơn.

Ban đầu, lần đầu cố nguyền rủa họ, ông ta ở rất xa; chỉ có thể nhìn thấy họ từ xa. Dần dần, người ta ngày càng đưa ông ta gần lại để xem có bao nhiêu người, cho tới khi ông ta nhìn thẳng xuống được trại quân và thử lại lần nữa. Có lần, suýt chút nữa thì ông ta thành công và đó là lúc con lừa xuất hiện. Chúng ta có câu chuyện tuyệt vời rằng Ba-la-am đang cưỡi lừa đi xuống một con đường hẹp, một lối nhỏ giữa hai bức tường đá, và có nhiều con đường như vậy ở Trung Đông - chỉ có một lối nhỏ giữa hai bức tường đá, con lừa thấy một thiên sứ đứng chắn lối đi và nó không chịu đi. Ba-la-am đánh con lừa vì ông ta không thấy gì, nhưng con lừa vẫn không chịu đi. Ông ta đánh con lừa, cứ đánh nó và cuối cùng con lừa quay lại và nói cùng Ba-la-am. Lại một lần nữa, có những người nói rằng chuyện

này thật lố bịch, nhưng tất nhiên, chúng ta phải nhớ rằng loài vật có thể bị quỷ ám hoặc được những linh tốt chế ngự.

Đó chính là điều xảy ra trong Vườn Ê-đen. Chúng ta biết rằng Chúa Giê-su đã sai các quỷ nhập vào đàn heo. Nhưng một linh tốt có thể dùng một con vật như vậy, một thiên sứ có thể sử dụng một con vật - tin hay không là tùy bạn. Nhưng con vật đó khôn ngoan hơn Ba-la-am, đó là thông điệp rất rõ ràng. Con vật đó nhạy bén hơn. Đôi khi, các con vật có thể nhạy bén với những điều đang diễn ra hơn là con người, nhưng điều này thật sự đẩy Ba-la-am xuống dưới đáy, thấp kém hơn cả con lừa của ông ta.

Chuyện xảy ra sau đó rất buồn. Bạn phải đọc hết để thấy nhưng thực tế, Ba-la-am cuối cùng cũng tìm ra cách để moi tiền từ vua Am-môn và Mô-áp. Ông ta nói: "Này, có nguyền rủa chúng cũng không ăn thua đâu. Đứa Chúa Trời cứ chỉnh những gì tôi nói, hoặc Ngài không cho tôi đến gần họ. Tôi không làm được việc đó." Nhưng ông ta nói: "Để tôi cho các anh biết làm thế nào để len lỏi vào hàng ngũ của họ - chuyện này rất hệ trọng." "Ồ," họ hỏi: "như nào?" Ông ta bày rằng: "Hãy đưa mấy cô xinh xinh vào trại quân, chỉ vậy thôi, chết đứ đừ luôn." Họ nói: "Ồ, hay đấy!" và lúc này họ cho ông ta rất nhiều tiền. Mấy cô gái đi vào và quả thật, chuyện xảy ra quá nhơ nhớp.

Thực tế, một người trong trại quân Y-sơ-ra-ên được Chúa khen ngợi vì thực chất, ông đã đâm một cây giáo xuyên qua một cặp đôi đang ăn nằm với nhau ngay trước cửa Đền tạm - họ đang gian dâm trong trại của Chúa. Người Y-sơ-ra-ên này quá khiếp đảm tới mức ông lấy cây giáo ghim cả hai xuống đất. Nhưng ông là người duy nhất chống lại được những cám dỗ ập đến. Họ đã phải chịu thất bại tràn trề thứ ba như vậy đó, và xét trên một góc độ thì Ba-la-am đã gây ra việc này. Nhưng người đã lấy cây giáo ghim cặp đôi kia xuống đất tên là Phi-nê-a và từ đó trở về sau, Chúa đã ban cho ông và gia đình ông chức tế lễ đời đời - người duy nhất bảo vệ nhà Chúa khỏi những gì đang diễn ra trước mắt Chúa. Một bài học quan trọng để rút ra từ đó. Nếu họ vào Đất Hứa thì một trong những đặc điểm tệ hại nhất trong Đất Hứa là sự đồi bại trong đó. Có những nữ thần sinh sản, có những bức tượng khủng khiếp và những biểu tượng hình dương vật. Người ta mới dựng một biểu tượng hình dương vật cao gần hai mét rưỡi trên con phố lớn tại thị trấn Basingstoke ở Anh. Nó đang trở lại, những phong tục thờ cúng thần sinh sản cùng sự đồi bại của nó. Lúc này đây, trước khi vào trong xứ, họ đã đối mặt với điều đó và thất bại. Rất nghiêm trọng phải không? Họ phải rút ra bài học, và Chúa đã dạy họ một bài học.

Chúng ta có thể học được gì từ tất cả những điều này? Tất nhiên là sách được viết cho những người Do Thái thuộc thế hệ sau, để họ biết kính sợ Chúa. Vì vậy, tôi tin là sách được viết cho Cơ Đốc nhân để chúng ta biết rút ra bài học từ những thất bại của họ. Trong bức thư ngắn của Giu-đe, em trai Chúa Giê-su, chúng ta thấy có nhắc đến cả Cô-rê và Ba-la-am. Tân Ước nhắc nhiều đến cụm "đừng lằm bằm." Giống như với dân Y-sơ-ra-ên, đó cũng là một vấn đề lớn trong hội thánh thời đầu. Nó được gọi là rễ đắng, rễ của sự cay đắng có thể len lỏi vào một mối thông công khi người ta lằm bằm và phàn nàn. Tất nhiên là thời nay, họ thường chuyển sang mối thông công khác; nhưng anh em ạ, nếu anh em bắt đầu một mối thông công mới với những người hay phàn nàn từ nơi khác đến, anh em sẽ gặp rắc rối đấy. Anh em nhận được gì cũng đáng thôi. Nếu muốn bắt đầu một mối thông công mới thì hãy bắt đầu với những người mới tin Chúa, đừng có vá chằng vá đụp. Họ có thể sống và chết nơi Đồng vắng. Đối với Chúa, chúng ta quan trọng hơn; Chúa không chỉ đếm chúng ta mà Ngài còn gọi tên chúng ta. Chúng ta không chỉ nằm trong cuộc kiểm tra dân số của Ngài mà Ngài còn biết trên đầu chúng ta có bao nhiêu sợi tóc.

Khi xét đến sách Dân số ký, trước hết là tôi ấn tượng với những gì sách này nói về Chúa. Có hai khía cạnh trong bổn tính của Chúa và Phao-lô đã chỉ ra hai điều đó khi ông nói: "Vậy hãy nhìn biết sự nhân từ và sự nghiêm khắc của Đức Chúa Trời." Ngày nay, chúng ta nghe quá nhiều về sự nhân từ của Chúa và quá ít về sự nghiêm khắc của Ngài đến nỗi chúng ta có cái nhìn mất cân bằng, mờ nhạt về Chúa, coi Ngài giống một người mẹ hơn là một người cha, hoặc thậm chí là giống một người bà theo lời một giám mục. Tôi đang nói nghiêm túc đó. Chúa là Cha, thế nên có sự nghiêm khắc cũng như nhân từ, có kỷ luật cũng như sự vui thích và chúng ta cần cân bằng điều này. Nên trong sách Dân số ký, chúng ta thấy sự nhân từ Ngài trong việc Ngài chu cấp, Ngài bảo vệ, Ngài gìn giữ họ. Chúng ta cũng thấy sự nghiêm khắc của Ngài trong việc kỷ luật, tước quyền thừa kế, ruồng bỏ, thậm chí là khiến họ chết mất - chúng ta cần nhớ cả hai điều đó. Chúng ta có mối quan hệ với chính Đức Chúa Trời đó, và sự kính sợ Chúa không mất khỏi Tân Ước. Nó ở đó cùng với tình yêu của Đức Chúa Trời.

Sách Dân số ký nói gì về Chúa Giê-su? Nhiều lắm chứ! Chúa Giê-su đã chịu 40 ngày bị cám dỗ trong Đồng vắng. Chính Ngài đã trải qua điều này. Ngài là Bánh từ trời. Tất cả các bạn điều biết Giăng 3:16: "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài," nhưng bạn có biết câu ngay trước đó không? "Như Môi-se treo con rắn lên trong hoang mạc thể nào thì Con Người cũng phải bị treo lên thể ấy," điều đó từ chính sách Dân số ký mà ra. Bạn có thể thấy Chúa Giê-su khắp mọi nơi trong Kinh Thánh nếu bạn tìm Ngài. Hê-bơ-rơ chép rằng: Tro của bò cái tơ còn đem đến sự tha thứ, huống hồ là huyết của Đấng Christ. Đó là một dẫn chứng. Nhưng điều tuyệt vời nhất lại liên quan đến Ba-la-am. Ba-la-am nói một lời tiên tri, và tiên tri như sau:

"Tôi thấy Ngài, nhưng chẳng phải bây giờ;
Tôi trông Ngài, nhưng không phải ở gần;
"Một ngôi sao hiện ra từ Gia-cốp, Một vương trượng sẽ trỗi dấy từ Y-sơ-ra-ên;"

Từ đó trở đi, mọi người Do Thái mộ đạo đều mong chờ ngôi sao của vị vua sẽ đến, đó chính là điều dẫn các nhà thông thái đến Bết-lê-hem. Chẳng phải là rất tuyệt vời đó sao? Chính lời tiên tri của Ba-la-am đã đưa các nhà thông thái đến Bết-lê-hem. Vậy câu Kinh Thánh nổi tiếng nhất trong Dân số ký là gì? Ồ, không nghi ngờ gì nữa, đó là chương 6, câu 24:

"Cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi và phù hộ ngươi!
Cầu xin Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên ngươi và làm ơn cho ngươi!
Cầu xin Đức Giê-hô-va đoái thương ngươi và ban bình an cho ngươi!"

Đó là lời chúc phước mà Chúa ban cho A-rôn để truyền cho dân sự khi họ dỡ trại và tiếp tục cuộc hành trình. Trong đó có đủ mọi dấu hiệu để chứng tỏ rằng câu này được Chúa thần cảm vì nó hoàn hảo về mặt toán học - giống như Sáng Thế Ký 1 vậy. Mỗi khi Chúa phán thì ngôn ngữ của Ngài luôn hoàn hảo về mặt toán học. Hãy nghe điều này - tất nhiên là trong tiếng Hê-bơ-rơ - không phải trong tiếng Việt, có ba dòng:

"Cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi và phù hộ ngươi!
Cầu xin Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên ngươi và làm ơn cho ngươi!
Cầu xin Đức Giê-hô-va đoái thương ngươi và ban bình an cho ngươi!"

Số từ trong tiếng Hê-bơ-rơ - ba từ trong câu thứ nhất, năm từ trong câu thứ hai, bảy từ trong câu thứ ba. Số chữ cái trong tiếng Hê-bơ-rơ: 15 trong câu thứ nhất, 20 trong câu thứ hai, 25 trong câu thứ ba. Số âm tiết trong tiếng Hê-bơ-rơ: 12 trong câu thứ nhất, 14 trong câu thứ hai, 16 trong câu thứ ba. Nếu bạn bỏ chữ Đức Giê-hô-va ra thì còn 12 từ trong tiếng Hê-bơ-rơ, như vậy là bạn có Đức Giê-hô-

va và 12 chi phái, tôi có thể nói thêm nhiều điều nữa. Câu này hoàn hảo về mặt toán học, và thậm chí trong tiếng Việt nó cũng dồn lại, dạng như nhạc mạnh dần đúng không? Bạn có thể cảm nhận được. Mỗi dòng có hai động từ và động từ thứ hai mở rộng động từ thứ nhất; và tất nhiên là sự ban phước đồng nghĩa với con cái, tài sản, đất đai, sức khỏe, sự an toàn - họ sẽ được bảo vệ và chu cấp. Tất nhiên, đó là Đức Giê-hô-va, giờ đây là Chúa Giê-su; rồi hai điều mà sự chúc phước mang lại là ân điển và sự bình an, chính là lời chúc phước Cơ Đốc trong mọi thư tín trong Tân Ước - "cầu xin ân điển và bình an được ban cho anh em."

Và tất nhiên, từ Đức Giê-hô-va xuất hiện ba lần trong Cựu Ước - Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi và phù hộ ngươi, Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên ngươi, Đức Giê-hô-va làm ơn cho ngươi. Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va - với chúng ta là Cha, Con, Thánh Linh. Toàn bộ điều này... Tôi có thể nói tiếp, nhưng đã hết thời gian mất rồi. Về mặt toán học, lời chúc phước đó là công thức toán học tuyệt đẹp, Sáng Thế Ký 1 cũng vậy. Bạn thấy rằng Chúa phán bằng toán học cũng nghĩa là bằng âm nhạc, vì âm nhạc được dựa trên toán học và ở đây, chúng ta có lời chúc phước đẹp đẽ về mặt âm nhạc và toán học. Nên khi chúng ta kết thúc bài nói chuyện này và các bạn ai về đường nấy, tôi chỉ muốn nói rằng:

"Cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho bạn và phù hộ bạn.
Cầu xin Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên bạn và làm ơn cho bạn!
Cầu xin Đức Giê-hô-va đoái thương bạn và ban shalom cho bạn!" A-men.

PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ - Phần 1

Nếu bạn có cơ hội vào nhà hội, hãy nhìn quanh, tìm một cái tủ rất lớn ở một bên, thường nấp sau tấm rèm hoặc màn che. Đây là mô hình tí hon của nó, và nếu được phép, hãy mở cái tủ ra, bạn sẽ thấy trong đó có một số cuộn giấy, thường là được bọc trong tấm vải thêu rất đẹp mắt; và những cuộn giấy nhỏ này là Luật của Môi-se, năm sách đầu tiên của Kinh Thánh - người Do Thái gọi đó là Torah hay Sách chỉ dẫn. Đây, tôi có cả năm bằng tiếng Hê-bơ-rơ, in rất đẹp, bản in nhỏ tí xíu. Nhưng mỗi cuộn giấy được đặt tên theo mấy chữ đầu trong cuộn vì đó là cách họ nhận diện các sách. Khi lấy một cuộn giấy ra khỏi tủ, họ sẽ hé mở ra xem đó là sách nào.

Ví dụ Sáng Thế Ký - theo cách chúng ta gọi - tên là Ban đầu, còn sách Phục truyền luật lệ ký chỉ được gọi là "Những lời" vì cụm từ đầu tiên trong tiếng Hê-bơ-rơ là "Đây là những lời"; và danh từ đầu tiên là Những lời, nên sách chỉ được gọi là Những lời, các Rabbi Do Thái sẽ gọi như vậy. Nhưng chúng ta gọi sách là Phục truyền luật lệ ký, tiếng Anh là Deuteronomy. Khi Cựu Ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ được dịch sang tiếng Hy Lạp, người ta phải nghĩ ra một cái tên mới cho sách này và họ ghép tên Deuteronomy từ hai từ trong tiếng Hy Lạp. Một là từ "deutero" nghĩa là thứ hai, và từ kia là "nomos" nghĩa là luật, nên kể từ đó, sách thứ năm của Kinh Thánh này được gọi là Phục truyền luật lệ ký - luật thứ hai. Nếu đã đọc sách này một lượt thì bạn sẽ để ý thấy điều đầu tiên và ấn tượng nhất về sách, ấy là Mười Điều Răn cũng xuất hiện trong sách này như Xuất Ê-díp-tô Ký. Luật pháp xuất hiện hai lần - trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20 và Phục truyền 5 có Mười Điều Răn, thế nên sách mới có tên như vậy - "luật thứ hai."

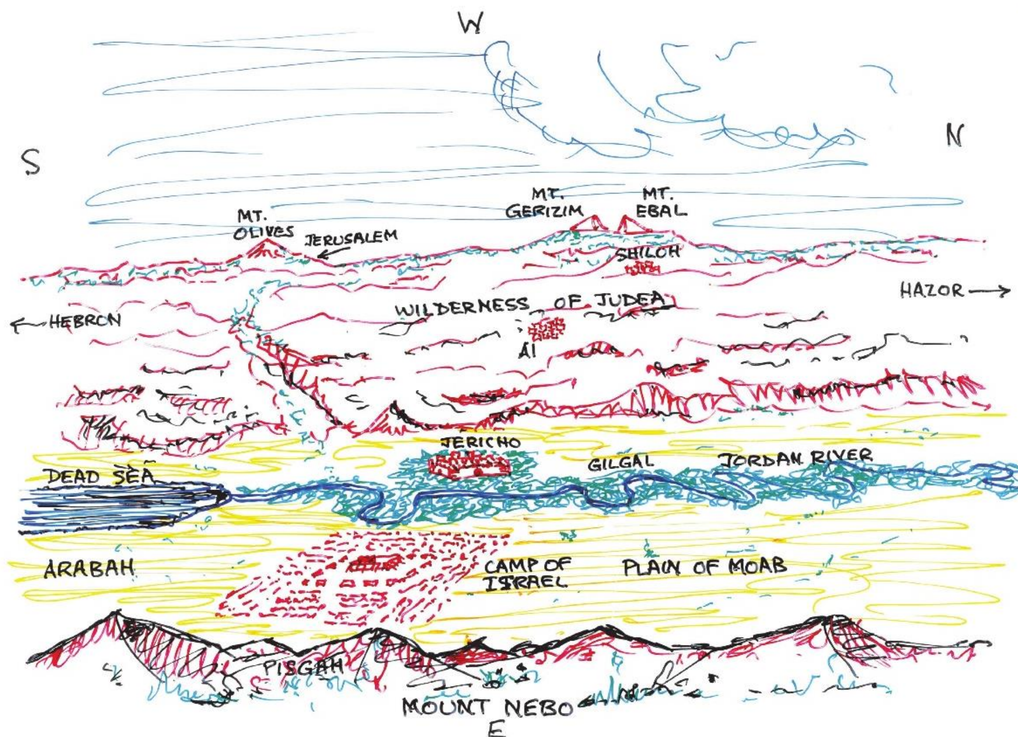
Vậy tại sao Mười Điều Răn lại phải lặp lại lần thứ hai? Không chỉ mười điều, mà có tổng cộng 613 điều luật mà Môi-se truyền do dân Y-sơ-ra-ên, và chúng lặp lại trong Xuất Ê-díp-tô Ký và Phục truyền. Tại sao? Manh mối nằm trong sách Dân số ký, nó cho chúng ta biết rằng Phục truyền được viết sau Xuất Ê-díp-tô Ký 40 năm, và trong 40 năm đó, cả một thế hệ đã chết. Tất cả những người trưởng thành từng ra khỏi Ai Cập, vượt Biển Đỏ, đóng trại tại Si-na-i và nghe Mười Điều Răn lần đầu đều đã chết, vì họ vi phạm luật đó quá nhanh tới mức Chúa phán: "Các ngươi sẽ không bao giờ bước vào Xứ Hứa." Các ngươi phải lang thang quanh đồng vắng trong 40 năm nữa cho tới khi tất cả các ngươi đều chết.

Như vậy, cả một thế hệ đã mất đi, còn thế hệ mới chỉ là những đứa trẻ - họ còn rất nhỏ khi dân này vượt Biển Đỏ và đóng trại tại Si-na-i. Nhiều người trong số họ thậm chí còn không nhớ những gì đã xảy ra khi cha ông họ ra khỏi Ai Cập. Nên giờ đây, một thế hệ mới phải nghe luật này lại từ đầu. Một thế hệ mới phải bước vào giao ước với Chúa, và điều này cũng đúng với chúng ta. Con cháu chúng ta, tự chúng phải bước vào giao ước mà chúng ta lập với Chúa. Vì Chúa không có cháu chắt, những điều này không nhờ thừa kế mà có. Chính bạn phải bước vào những lời hứa của Chúa. Cha mẹ bạn có thể ở trong giao ước, rồi ông bà bạn, bạn có thể truy ngược gia phả của gia đình, nhưng không nghĩa là bạn tự động được vào.

Như vậy, Môi-se phải nói lại hết từ đầu. Thực ra là có ba người, chỉ ba người còn sống từ thời Xuất Ê-díp-tô Ký. Giô-suê, Ca-lép và chính Môi-se. Giô-suê lúc này đã 80 còn Môi-se 120. Như vậy, ông đang đối mặt với nhu cầu của một thế hệ hoàn toàn mới chưa lập giao ước đó với Chúa, họ chưa nói rằng "chúng con sẽ làm như vậy." Tại Si-na-i đã diễn ra lễ thành hôn và họ nói "chúng con sẽ làm như vậy" với Chúa. Chúa cho họ biết những điều kiện mà Ngài muốn họ sống theo, rằng Ngài muốn

họ sống như thế nào và họ nói "chúng con sẽ làm như vậy." Nhưng họ đã không làm như vậy, nên họ đã đánh mất hết cả.

Cũng có một cơn khủng hoảng nữa. Không chỉ là thế hệ kế cận, họ còn ở một không gian cũng như thời gian khác. Lúc này, họ đã đóng trại ở phía đông sông Giô-đanh. Như vậy, họ sắp vào Xứ Hứa và đây là khủng hoảng thứ hai. Vì khi trước chỉ có mình họ ở trong đồng vắng, còn giờ đây, họ đang đứng trước một xứ mà kẻ thù đã chiếm đóng. Điều này tạo ra khủng hoảng và hơn thế nữa, Môi-se sẽ không vào với họ. Ông đã để mất quyền vào đó. Ông đã 120 tuổi và biết mình chỉ sống được thêm một tuần nữa. Chúa đã bày tỏ cho ông điều đó, rằng ông sẽ qua đời chỉ sau một tuần nữa. Ông còn một tuần với thế hệ mới này, thế hệ con cháu của những người mà ông đã đưa ra khỏi Ai Cập, và ông sẽ thuật lại toàn bộ từ đầu cho họ. Hơn nữa, họ sẽ thấy lại thấy phép lạ rẽ nước một lần nữa - lần này không phải là Biển Đỏ mà là sông Giô-đanh. Cứ như thể Chúa đang nói rằng "Ta sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Ta sẽ phải cho các ngươi thấy cánh tay quyền năng của ta khi rẽ nước sông, để các ngươi có thể vào xứ đó. Khi đã vào, các ngươi phải sống thế này."



Tôi đã vẽ chút phác thảo rất thô sơ để bạn thấy được kiểu địa hình thời đó. Nhìn thô nhỉ, xin lỗi nhé, để tôi giải thích. Dải xanh dương, xanh lá này là sông Giô-đanh có cây cối bao quanh. Chỗ đó được gọi là Rừng rậm Giô-đanh, địa bàn của sư tử và gấu thời Cựu Ước. Sông Giô-đanh uốn lượn qua khu rừng nhỏ đó rồi đổ về Biển Chết. Thung lũng này là vết nứt sâu nhất trên bề mặt trái đất, chạy thẳng xuống, qua Châu Phi, Thung lũng Tách giãn lớn. Nhưng nó bắt đầu từ Xứ Hứa và phần này khoảng 305m dưới mực nước biển. Thực ra bạn có thể lấy được bằng phi công nếu mượn được một chiếc máy bay và bay xuống đó. Bạn sẽ có một chiếc bằng lái ghi rằng bạn đã bay dưới mực nước biển trên một chiếc máy bay. Nhưng nó đây, vết nứt sâu này và ở hai bên đều có núi. Bên này là dãy Mô-áp - và đây là Núi Nê-bô, nơi Môi-se sẽ qua đời. Ông sẽ qua đời, ngồi dựa vào một tảng đá trên đỉnh núi Nê-bô nhìn qua thung lũng này đến những quả đồi trong Xứ Hứa, nhưng ông sẽ không bao giờ vào đó.

Đây là trại quân Y-sơ-ra-ên khi Môi-se nói và viết Phục truyền, với đền tạm ở giữa. Họ đang đứng ngay trước sông, đối diện với thành đầu tiên mà họ phải chinh phục, Giê-ri-cô. Thành đó cũng ở dưới thung lũng. Xa xa trên các ngọn đồi là A-hi, Si-lô và Bê-tên, nhưng ở phía bên này của các ngọn đồi Giu-đê, họ sẽ chỉ thấy đồng vắng, chỉ thấy sa mạc vì đây là vùng không có mưa, thật sự cằn cỗi và trống trải. Tất cả các cơn mưa đều đổ xuống phía bên kia của các quả đồi - phía Địa Trung Hải, bên đó thì xanh tươi. Bạn chỉ thấy chút xanh xanh trên đỉnh; nhưng từ đó xuống Giê-ri-cô chỉ là đồng vắng và sa mạc cằn cỗi. Có một thung lũng đi lên phía Giê-ru-sa-lem, Wadi Kelt. Tôi đã cuốc bộ từ Giê-ru-sa-lem thẳng xuống Giê-ri-cô vào một ngày nọ qua thung lũng đó. Đó là một trải nghiệm rất kỳ lạ, quá ư là tĩnh mịch và hoang vắng. Trên đỉnh thung lũng là Núi Ô-liu và Giê-ru-sa-lem ở ngay phía bên kia.

Một điều khác mà bạn cần để ý là ở đường chân trời phía bắc có hai đỉnh núi, Núi Ê-banh ở phía bắc và Núi Ga-ri-xim ở phía nam. Họ sẽ phải nhóm họp tại hai ngọn núi đó và nhắc lại giao ước của Chúa, và Môi-se bảo họ rằng khi vào Xứ Hứa, họ phải đứng - dân sự phải đứng giữa hai ngọn núi, rồi một số người phải đứng trên núi này, một số người đứng trên núi kia và phải la lớn những lời chúc phước cùng sự rủa sả của giao ước. Điểm quan trọng ở đây là Chúa đưa họ qua Biển Đỏ trước rồi mới lập giao ước tại Si-na-i. Ngài không bảo họ phải sống như thế nào, sau khi cứu họ Ngài mới bảo. Ngài cứu họ trước, và giải phóng họ trước, rồi mới phán rằng: Bây giờ các con phải sống thế này.

Đó là khuôn mẫu của cả Kinh Thánh, trước hết, Chúa bày tỏ ân điển của Ngài qua việc cứu chúng ta, rồi Ngài phán: Bây giờ, để tỏ lòng biết ơn, các con nên sống như thế này. Như vậy, thế hệ mới này, chúng ta sẽ thấy Chúa giải cứu họ và đưa họ qua sông Giô-đanh. Vào thời điểm đó trong năm, lũ đang dâng cao và không thể vượt sông được. Nhưng sự việc xảy ra như sau: con sông uốn khúc dâng cao lên thung lũng sẽ làm lở bờ và bờ sông sẽ sụp xuống, tạm thời ngăn con sông trong vòng vài tiếng. Chúa đã làm như vậy và để họ đi qua, Chúa hẳn phải khiến con sông dâng lên, bờ sông lở ra và ngăn sông trong vài tiếng để họ có thể qua được. Sau khi thấy phép lạ đó, họ phải làm một việc tương tự như ở núi Si-na-i, nhắc lại những lời chúc phước và sự rủa sả của Luật.

Một lần nữa, chúng ta lại thấy điều này: Chúa hành động trước, sau đó Ngài mới bảo chúng ta phải đáp ứng với điều Ngài đã làm cho chúng ta như thế nào. Kiểu như thực hiện lại từ đầu, ở thời điểm cuối 40 năm, cho một thế hệ hoàn toàn mới, bạn có hiểu những gì tôi nói không? Đó là bối cảnh của Phục truyền luật lệ ký. Sách được viết ra và truyền ra ở trại quân này, phía bên này sông Giô-đanh khi Môi-se vẫn còn sống và ở với họ.

Có những cụm then chốt nhất định trong Phục truyền, chúng xuất hiện gần 40 lần. Một là cụm "xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em." Hết lần này đến lần khác, họ được nhắc nhở rằng xứ mà họ sắp vào là một món quà, một món quà mà họ không đáng nhận - vì đất và muôn vật trên đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va. Nếu bạn tới Luân Đôn và vào Tòa Royal Exchange, bạn sẽ thấy câu đó khắc trên đá phía trên tòa nhà - "đất và muôn vật trên đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va." Khi tranh luận xem ai là người sở hữu mảnh đất này, chúng ta nên nói ngay từ đầu rằng ấy là Chúa. Ngài ban nó cho bất cứ ai mà Ngài muốn.

Phao-lô nói điều này trong Công vụ 17 tại Mars Hill, A-thên. Ông nói rằng: chính Chúa là Đấng ấn định ranh giới và thời kỳ của một dân tộc trên đất này. Trái đất này là của Chúa và Ngài có quyền ban nó cho bất cứ ai mà Ngài lựa chọn - và đây là cụm từ xuất hiện khắp Phục truyền, "xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em." Nhưng một cụm khác cũng xuất hiện với số lần giống như

vậy là “Hãy vào và chiếm xứ” và ở đây có một bài học sâu sắc. Mọi thứ bạn nhận được từ Chúa là một món quà, nhưng bạn phải đi và chiếm lấy, nếu không thì bạn sẽ không có được nó. Nhiều năm trước, khi đang giảng, tôi đặt một thanh sô-cô-la trên bục giảng và nói: “Cái này dành cho cô cậu nào lên lấy nó trước tiên.” Và từ đó, lũ trẻ không hề nghe tôi nói chút nào, chúng cứ dán mắt vào thanh sô-cô-la ấy, không đứa nào động đậy. Đến cuối cùng, có một cậu bé táo tợn chạy lên, vồ lấy thanh sô-cô-la, xé vỏ ra trước khi ra khỏi bục giảng, vừa bước xuống bậc vừa nhai khiến tất cả những đứa khác đều ghét cậu. Chúng ghen với cậu quá đi, chúng tức cậu lắm, nhưng lẽ ra chúng có thể có nó.

Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí từ Chúa, nhưng bạn phải vào và lấy nó. Ở đây có sự hợp tác, Chúa không áp đặt điều đó trên bạn. Ngài nói rằng: “Xứ đó đây, Ta ban nó cho các con, giờ hãy vào và chiếm lấy nó.” Để chiếm được nó cũng phải trả giá rất đắt, họ phải chiến đấu để giành được nó. Họ phải tranh chiến vì nó. Tuy Chúa ban mọi thứ cho chúng ta nhưng chúng ta phải cố gắng lấy được chúng. Cả Cựu và Tân Ước đều vận hành như vậy và chúng ta cần nhấn mạnh cả hai. Chúa cho anh điều này cách nhưng không, nhưng anh phải lại gần và nắm lấy nó. Nó là của anh nếu anh bắt lấy nó cách nhưng không, và đó là bài học mà tôi cố gắng truyền đạt bằng thanh sô-cô-la đó.

Xứ này có phải là của họ để mà giữ lấy không? Đó là một câu hỏi quan trọng, và nếu bạn đọc kỹ Phục truyền thì bạn sẽ rút ra hai kết luận. Kết luận 1, tôi gọi đó là Quyền sở hữu vô điều kiện và kết luận 2, tôi gọi đó là Sự chiếm hữu có điều kiện. Điều đó vẫn đúng, thậm chí với cả Y-sơ-ra-ên ngày nay và chúng ta cần nắm được cả hai lẽ thật này. Quyền sở hữu vô điều kiện - Chúa phán rằng Ta ban nó cho các con mãi mãi, nhưng không nghĩa là các con có thể chiếm hữu nó mãi. Để chiếm hữu nó thì cần có điều kiện. Bạn đã hiểu điều đó chưa? Đó là một sự phân biệt rất quan trọng. Nó là của các con một cách vô điều kiện, các con có thể sở hữu nó mãi mãi, nhưng liệu các con có sống trong đó và tận hưởng nó hay không? - Việc này còn tùy thuộc vào cách các con sống trong đó.

Chúng ta sẽ thấy rằng thông điệp của Phục truyền rất đơn giản. Các con có thể giữ xứ đó chừng nào các con còn giữ luật pháp Ta. Nhưng nếu các con không giữ thì dù các con có sở hữu nó và Ta đã ban nó cho con, các con cũng sẽ không được tự do sống trong đó và tận hưởng nó. Bạn có hiểu sự khác nhau giữa Quyền sở hữu vô điều kiện và Sự chiếm hữu có điều kiện không? Xứ đó có thể bị cất khỏi tay họ dù họ đã sở hữu nó đời đời, vì họ không sống cho đúng đắn trong xứ. Đó là một sự phân biệt rất quan trọng mà các tiên tri trong Cựu Ước luôn nhắc nhở họ. Các tiên tri nói rằng các ngươi sở hữu đất này, nhưng các ngươi sẽ không được tiếp tục hưởng điều đó nếu các ngươi cứ tiếp tục sống thế này. Giao ước kết nối xứ đó với luật pháp Chúa. Tới tận ngày nay, những lời hứa của Chúa cũng có điều kiện. Chúng là món quà dành cho bạn, nhưng cách bạn sống trong những lời hứa đó quyết định việc bạn có được hưởng chúng hay không.

Một trong những điều thú vị nhất về Phục truyền là đây. Hy vọng là bạn không mất hứng vì tất cả những từ đao to búa lớn này. Chắc là bạn chưa bao giờ nghe đến từ đầu tiên. Từ này nằm trong từ điển Oxford và là một thuật ngữ nổi tiếng trong lịch sử cổ đại. Mỗi khi một vị vua mở rộng bờ cõi và xâm chiếm những nước khác, ông ta sẽ lập một hiệp ước với các nước mà ông ta chiếm được, và hiệp ước đó gọi là Hiệp ước Suzerain hay Hiệp ước Bá chủ. Nếu đã từng đến Đảo Sark trong Quần đảo Eo biển thì bạn sẽ biết rằng gia đình cai quản hòn đảo nhỏ đó gọi là một Suzerain - đây là cùng một từ. Hiệp ước Bá chủ được lập giữa một vị vua và một đất nước đã phục dưới quyền ông ta. Nhìn chung, hiệp ước là một giao kèo rằng nếu họ biết điều thì ông ta sẽ bảo vệ và chu cấp cho họ, nhưng nếu họ không biết điều và không sống theo cách mà ông ta muốn thì ông ta sẽ trừng trị họ.

SUZERAIN TREATY
(BETWEEN KING and NEW SUBJECTS)

PREAMBLE 1^{1-5}
HISTORICAL PROLOGUE 1^{6}-4^{49}
DECLARATION BASIC PRINCIPLES 5-11
DETAILED LEGISLATION 12-26
SANCTIONS 27-28
INVOCATION OF WITNESS 30^{19} 31^{19} 32
(USUALLY DIVINE)
PROVISION FOR CONTINUITY 31-34

CEREMONY OF RATIFICATION

Có nhiều, rất nhiều ví dụ mà khảo cổ học đã khám phá ra từ thời cổ đại, đặc biệt là Ai Cập. Khi Ai Cập chiếm được nước khác, Pha-ra-ôn sẽ lập Hiệp ước Bá chủ với họ, một thỏa thuận rằng họ vẫn có thể sống tương đối tự chủ và tự do, nhưng họ phải sống theo cách của ông ta. Có một khuôn mẫu rất rõ ràng trong những hiệp định này, và điều thú vị là khi xem những hiệp định từ thời cổ đại của một ông vua chế ngự được một dân mới dưới chướng mình, bạn sẽ thấy nó có bố cục giống hệt với sách Phục truyền. Môi-se, khi được đào tạo trong trường Đại học Ai Cập, hẳn đã thấy một số hiệp định như thế và nghiên cứu chúng. Ở đây, Môi-se đang trình bày giao ước với dân Y-sơ-ra-ên dưới dạng một hiệp định, dường như muốn nói rằng giờ đây, Đức Giê-hô-va là vua của các ngươi và các ngươi là thần dân của Ngài. Đây là hiệp ước mà Ngài đang lập với các ngươi. Các ngươi cần cư xử như thế này.

Khuôn mẫu của hiệp ước thời xưa giống hệt với bố cục trên bảng đây. Có một chút lời tựa. Đây là hiệp ước giữa Pha-ra-ôn với dân Hê-tít hoặc một dân nào đó, rồi có một đoạn mở đầu mang tính lịch sử, tóm tắt xem vị vua đó và dân này liên quan đến nhau như thế nào. Sau chút lịch sử đó, sẽ có phần tuyên bố những nguyên tắc cơ bản làm căn cứ cho cả hiệp định. Sau đó có những điều luật chi tiết trong hiệp định quy định xem họ phải cư xử như thế nào, rồi đến phần thưởng phạt, nghĩa là phần thưởng hoặc hình phạt, điều vua sẽ làm nếu họ cư xử đúng mực và điều vua sẽ làm nếu họ không làm như vậy. Rồi sau đó, họ thường có một nhân chứng để ký vào đó, nhưng họ sẽ kêu cầu các vị thần chứng giám cho hiệp ước rồi cuối cùng...thường là họ kêu cầu thần thánh đến chứng giám. Họ sẽ kêu cầu những vị thần trong một buổi lễ tôn giáo đến chứng giám cho hiệp định, và cuối cùng sẽ có cái mà chúng ta gọi là điều khoản tiếp nối: điều gì sẽ xảy ra nếu vị vua qua đời. Trong đó sẽ nêu tên người kế vị mà dân đó vẫn phải phục tùng và cuối cùng, tất cả sẽ được chốt trong một buổi lễ, nơi tất cả những điều đó sẽ được viết ra, ký vào và được vị vua cùng những thần dân mới của ông ta chấp thuận. Thật thú vị khi tất cả những hiệp định mà người ta khai quật được có bố cục giống hệt với Phục truyền. Như vậy là Môi-se, với trình độ đại học về lịch sử Ai Cập, đã trình bày giao ước dưới một dạng thức mà những người này có thể dễ dàng nhận diện. Họ biết rằng giờ đây, Đức Chúa Trời là vua của họ, họ phải cư xử như thế này, và nếu họ làm theo luật của Ngài thì mọi thứ sẽ ổn thỏa.

Điều này đặt ra một câu hỏi thú vị: Vậy Chúa sẽ làm gì nếu họ không biết điều? Những hình phạt. Cũng xin nói thêm rằng những nguyên tắc cơ bản trong Phục truyền là Mười Điều Răn. Rồi chúng ta có rất nhiều luật chi tiết. Nhưng còn những hình phạt này thì sao? Chúa sẽ làm gì với họ nếu họ không sống theo cách Ngài phán bảo? Có hai điều mà Chúa sẽ thực hiện, một điều liên quan đến thiên nhiên, điều còn lại liên quan đến con người. Hình phạt liên quan đến thiên nhiên là nếu các con không cư xử đúng mực, các con sẽ không có mưa. Xứ mà họ sắp vào nằm giữa Biển Địa Trung Hải và Hoang mạc Ả Rập, và Chúa kiểm soát thời tiết, gió từ hướng tây thổi đến sẽ mang mưa từ Địa Trung Hải đổ xuống Xứ Hứa. Nhưng nếu gió từ hướng đông thổi đến thì đó sẽ là gió sa mạc nóng khô, thậm chí đến ngày nay vẫn được gọi là Khamsin và khi Khamsin đến, nó sẽ khiến mọi thứ khô lại và biến xứ đó thành hoang mạc. Chúa phán: Đó là một trong những hình phạt của Ta, đó sẽ là hình phạt đầu tiên mà Ta sẽ dùng. Khi các ngươi không biết điều thì trời sẽ không mưa. Nếu bạn còn nhớ thì trong thời Ê-li, trời đã không mưa trong ba năm rưỡi vì mọi thứ trở nên tệ hại.

Đó là cách đơn giản mà Chúa dùng để thưởng hoặc phạt họ. Nhưng nếu cách đó không thành công thì Ngài sẽ chuyển sang một cách dữ dội hơn chút ít. Ngài sẽ dùng nhân tố con người để tấn công họ, và có thể một số người trong các bạn chưa từng để ý đến một điều, ấy là khi Chúa đưa con dân Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh vào xứ hứa từ phía Đông, Ngài cũng đưa một dân khác vào cùng thời điểm, đến chính xứ đó từ phía Tây. Ngài đưa họ từ đảo Cáp-tô đến và người ta gọi họ là dân Phi-li-tin. Giơ tay cho tôi xem bao nhiêu bạn biết điều đó, rằng Chúa đưa dân ấy vào cùng một thời điểm. Chỉ có ít người biết điều đó. Hãy đọc Kinh Thánh cho kỹ. Chúa phán qua A-mốt, trong A-mốt chương 9 rằng: "Chẳng phải Ta đã từng đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập và Người Phi-li-tin ra khỏi Cáp-tô hay sao?"

Như vậy, thực chất là Chúa đã mang một dân mà sau này trở thành kẻ thù đáng gờm nhất của Y-sơ-ra-ên đến chính xứ đó, vào cùng thời điểm đó. Nhưng Ngài đặt Y-sơ-ra-ên trên các núi hoặc các đồi, và Ngài đặt dân Phi-li-tin tại vùng đồng bằng ven biển, nay là dải Gaza. Cũng xin nói thêm rằng dân Palestine tự xưng là hậu duệ của dân Phi-li-tin. Vậy là Chúa đưa hai dân vào cùng một nơi, và Ngài phán rằng nếu các ngươi biết điều thì sẽ có hòa bình, nhưng nếu các ngươi không biết điều thì ta sẽ bảo dân Phi-li-tin đến và xử lý các ngươi. Chỉ đơn giản vậy thôi, và tất cả những điều này có chép trong Cựu Ước. Đó là một điều kỳ lạ. Một số người trong các bạn có thể khá bất ngờ khi biết rằng Chúa đưa hai dân tộc đó đến sống sát vách nhau trên cùng một dải đất nhỏ và dân này sẽ trừng phạt dân kia.

Bằng chứng ngay trước mắt cho thấy Chúa có thể đưa những quân cừu địch đến chống lại dân đang sống trong Xứ Hứa, ấy là là Ngài sắp phải đuổi những dân đã sống tại đó ra. Xứ Hứa không phải là đất vô chủ. Xứ đó không hoang vu. Trong đó là đủ loại dân, chủ yếu là dân Am-môn và dân Ca-na-an, họ đã ở đó rồi. Chúa phán với dân Y-sơ-ra-ên rằng: Các con phải đuổi chúng ra để chiếm xứ này. Chính tại điểm này mà chúng ta phải giải quyết một ý kiến phản đối Kinh Thánh, đây là một trong những phản đối hay gặp nhất. Gần đây, một số người nói rằng hội thánh nên bỏ Cựu Ước vì trong đó tồn tại quá nhiều vấn đề với Cơ Đốc nhân, rằng nếu chúng ta bỏ Cựu Ước và bám vào Tân Ước thì hầu hết những lý lẽ phản đối đức tin của chúng ta sẽ câm bặt. Vì hầu hết những lý lẽ phản đối niềm tin của chúng ta đều xoay quanh Cựu Ước. "Đừng nói là cậu vẫn tin rằng thế giới được tạo dựng trong sáu ngày đấy nhé?" - Chắc bạn hiểu ý tôi. Người ta nói theo lối đó. Ngay sau khi bạn nói rằng mình là người tin Chúa, họ sẽ đi thẳng vào một vấn đề trong Cựu Ước và một trong những vấn đề họ hay nhắc đến nhất là điều này. "Sao cậu lại tin vào một ông Chúa bảo người Do Thái giết hại toàn bộ dân sống trong Xứ Hứa được nhỉ? Thật xấu xa, thật bất công, thật không đúng, thật không công bằng."

Và đây thật sự là một vấn đề đối với nhiều người. Chúa đưa dân Do Thái vào và Ngài nói: Hãy vào và giết hết mọi người trong đó, hãy đuổi chúng ra và chiếm lấy xứ! Cha yêu thương trên trời mà thế à! Nhưng có câu trả lời cho điều đó và chúng ta phải cho người ta biết câu trả lời thực sự. Câu trả lời là dân sống trong xứ đó đáng bị như vậy, và Chúa đã phán với Áp-ra-ham một điều thú vị: Bạn có thể đọc điều này trong Sáng Thế Ký 15. Chúa phán: Hỡi Áp-ra-ham, Ta sẽ phải để gia đình con và dòng dõi con ở nơi đất khách trong 400 năm cho đến khi tội ác của dân Am-môn đạt đến cực độ. Đó là câu trả lời phải đạo cho sự buộc tội vô đạo mà người ta gán cho Chúa. Sự thật không phải như vậy. Chúa đã đợi 400 năm để dân đó trở nên tệ đến nỗi không đáng sống trong đó, không đáng sống ở bất cứ đâu trên trái đất của Ngài.

Hãy hiểu rõ điều này. Trái đất của Chúa dành cho những người tốt và đất thánh của Ngài dành cho những người thánh. Đó là thông điệp của Kinh Thánh và sớm muộn gì thì Chúa cũng không cho phép những người gian ác ở mãi trên trái đất của Ngài. Ngài rất kiên nhẫn với họ. Ngài đợi rất, rất lâu, nhưng Ngài phải đợi tới khi tội ác của dân Am-môn đạt đến cực độ - và chỉ khi đó, Ngài mới nói: Bây giờ thì Ta có thể đưa các con ra khỏi Ai Cập, bảo các con đi và giết sạch chúng. Khảo cổ học đã khám phá ra mức độ tội lỗi của họ; càng biết nhiều về xã hội Am-môn trước khi người Do Thái vào đó thì bạn càng nhận ra rằng họ không đáng sống; và để họ sống cũng là một điều không an toàn. Để tôi nói cho bạn biết, hiện tại, chúng ta biết rằng các bệnh lây truyền qua đường tình dục đã xuất hiện tràn lan tại Ca-na-an khi dân Do Thái vào đó.

Không an toàn chút nào. Bạn có thể tưởng tượng được rằng mình sẽ sống trong một xứ mà ai cũng bị AIDS không? Đó là tình cảnh mà họ phải đối mặt khi nhìn qua sông Giô-đanh. Thực tế, để tôi đọc một hoặc hai câu Phục truyền cho bạn nghe. “Nhưng khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đánh đuổi chúng trước mặt anh em thì anh em đừng tự nhủ rằng: ‘Nhờ sự công chính của ta nên Đức Giê-hô-va đã đem ta vào chiếm hữu đất nầy.’ Thật ra, chính vì tội ác của các dân tộc đó mà Đức Giê-hô-va đánh đuổi chúng khỏi anh em. Không phải vì sự công chính hay lòng chính trực của anh em mà anh em được vào chiếm hữu đất đai của các dân tộc ấy; nhưng vì tội ác của chúng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ trục xuất chúng khỏi anh em.”

Bạn có biết rằng Winston Churchill trong Chiến tranh Thế giới Thứ nhất được làm Bộ trưởng Hải quân, và đêm đó ông đã rất hài lòng với chính mình, rồi nuôi một tham vọng rất lớn: “Mình sẽ đuổi quân Đức ra” - và ông cũng có cảm giác như vậy trong Chiến tranh Thế giới Thứ hai. Nhưng rất thú vị: đêm đó, ông ngụ tại một căn nhà lớn tại vùng quê nước Anh và trong đó có một cuốn Kinh Thánh của tổ chức Ghi-đê-ôn, hay một cuốn Kinh Thánh cạnh giường. Ông nhấc Kinh Thánh lên và đọc những câu mà tôi vừa đọc cho bạn nghe, và Chúa phán: “Winston Churchill, con sẽ không đuổi được quân Đức ra vì con giỏi hơn chúng mà vì chúng tội lỗi,” và điều đó đã thay đổi thái độ của Winston Churchill, điều đó khiến ông phải hạ mình. Nó khiến ông hổ thẹn và ông không bao giờ quên câu Phục truyền mà mình đã đọc trong Kinh Thánh.

Chúa bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng các con phải giết chúng, các con phải đuổi chúng ra. Điều này lại đặt ra câu hỏi tại sao. Tại sao Chúa không tự hủy diệt họ trước? Tại sao Ngài lại bảo họ làm điều này. Câu trả lời rất rõ ràng, vì đó là cách để Ngài dạy họ: Những dân khác sẽ đến và làm như vậy với các con nếu các con sống giống họ, và điều các con đã làm với họ, các dân khác sẽ làm với các con. Từ đó, hãy trở lại để hỏi điều này. (Cho tôi cốc nước được không nhỉ? Cảm ơn!) Vì thế, bạn nhận ra rằng khi đọc Phục truyền, bạn đang đọc một tấm gương phản chiếu cuộc sống tại Ca-na-an. Mọi điều Chúa bảo họ không được làm là những điều đang xảy ra. Các bạn có nắm được không?

Như vậy, nếu đọc kỹ Phục truyền thì bạn có thể mường tượng được những gì đang diễn ra tại xứ này trước khi họ vào đó. Tôi có thể tóm tắt điều này bằng ba từ: một là Sự đồi bại. Phục truyền nói rất nhiều đến sự đồi bại về tình dục vì đó chính là điều đang diễn ra tại đất nước mà họ sắp vào. Có gian dâm, có ngoại tình, có lăng nhăng, có loạn luân, có đồng tính luyến ái, có loạn dâm giả trang (transvestism) - mặc quần áo của giới khác; có thú dâm - quan hệ với động vật, người ta ly dị và tái hôn tràn lan, và như tôi đã từng nói, bệnh hoa liễu xuất hiện khắp nơi. Phục truyền bảo họ đừng dính líu đến những thứ như vậy.

Điều thứ hai mà tôi muốn nói là Sự bất công - chúng ta biết rằng kẻ giàu ngày càng giàu lên còn người nghèo ngày càng nghèo đi. Ở đó có sự kiêu ngạo, lòng tham, có sự ích kỷ, sự bóc lột, và ai phải chịu trận đây? Người mù, người điếc, những người không thể nhận được phần của cải mình; và đặc biệt là những góa phụ và trẻ mồ côi bị đối xử rất tệ. Mọi người đều cố gắng trở thành số một và Chúa phán: "Các con không được làm như vậy. Các con phải chăm sóc người mù và người điếc, các con phải chăm sóc những góa phụ và trẻ mồ côi.

Đặc điểm thứ ba của người Ca-na-an là Sự thờ thần tượng. Thuyết huyền bí, mê tín dị đoan, chiêm tinh, ma thuật, thuật chiêu hồn - gọi hồn - và hơn hết là việc thờ cúng thần sinh sản - những điều khủng khiếp, thờ lạy Mẹ Trái đất, Mẹ Thiên nhiên và cố gắng sinh con bằng những hành vi tôn thờ tình dục. Trong những đền thờ ngoại giáo trong xứ, có cả gái mại dâm và mại dâm nam, và khi bạn muốn thờ lạy, bạn đến đó và quan hệ với một trong số họ. Thảo nào người ta bu đến các đền thờ và cả nước đầy những thứ mà Kinh Thánh gọi là A-sê-ra, hay những cây cột chỉ đơn giản là những hình dương vật ngửa lên - có một cái như thế ở giữa Basingstoke, Anh; một dương vật bằng cẩm thạch cao gần hai mét rưỡi, và cái này xuất hiện nhan nhản ở Ca-na-an.

Như vậy, thuyết huyền bí, mê tín dị đoan và ma thuật tràn lan khắp nơi. Tất cả những điều này, theo Phục truyền, đã khiến xứ đó trở nên ô uế trong mắt chúa. Đó là xứ của Ngài và lúc này, nó đã mục ruỗng. Nó đã bị ô uế, bị hạ bệ, bị ô nhục, và Chúa không thể để điều này tiếp diễn. Khi tôi đọc tất cả những điều này, tôi nghĩ bụng: Thôi xong, cả thế giới của chúng ta đang đi theo hướng đó. Chúa sẽ làm gì đây? Rồi, đó thực sự là bối cảnh của Phục truyền. Đừng vào và sống như thế, nếu không, Ta sẽ sai một dân khác đến giết các con giống như Ta đã sai các con đến giết chúng. Không phải vì các con tốt đẹp, mà vì chúng tồi tệ nên Ta mới làm điều này.

Giờ thì hãy xét đến Môi-se một chút. Ông đang đối mặt với một thế hệ mới. Ông cha chúng đã thất bại, họ đã để mất xứ mà Chúa hứa ban cho tổ tiên họ. Giờ đây, Môi-se nhìn vào con cháu họ và nghĩ: "Liệu chúng có sống sót không? Liệu chúng có vào được không? Liệu chúng có sống đúng đắn không? Khi phải đi vào và đối mặt với tất cả những điều này? Ở trong đồng vắng có ít cám dỗ như vậy mà đã đủ tệ rồi, giờ lại còn sống giữa những thứ đó nữa chứ. Liệu chúng có xóa sổ được điều đó, liệu chúng có loại hết những điều này một cách không khoan nhượng, hay chúng sẽ thỏa hiệp?" Và Môi-se biết là ông không thể vào cùng với họ. Ông sắp chết, chỉ còn sống được một tuần nữa và ông lo cho họ. Một mặt, họ phải đối mặt với trận chiến khốc liệt. Họ phải tranh chiến thì mới vào và chiếm được xứ. Mặt khác, sẽ có những cám dỗ mạnh mẽ cần phải vượt qua. Môi-se đã dẫn họ đến tận đây và lúc này, ông phải nói lời tạm biệt với họ. Vậy nên trong tuần cuối cùng của đời mình, ông đã nói cùng họ ba lần.

Cả sách Phục truyền gồm ba bài phát biểu dài, để phát biểu mỗi bài cũng mất kha khá thời gian trong ngày. Nhưng thú vị ở chỗ, văn phong của Phục truyền là cả văn nói và văn viết. Văn nói dễ hiểu

vì nó rất cá nhân, rất ấm áp. Nếu đọc sách từ đầu chí cuối thì bạn phải đọc to để cảm nhận được phong vị của sách. Khi đọc to lên, bạn sẽ nhận ra rằng Môi-se đã truyền đạt tất cả những điều này với họ và kêu gọi họ. Ông đang nói cùng họ như một người cha nói cùng con mình, như một người cha dặn dò con cái lúc lâm chung. "Các con ạ, khi bố qua đời...," ông đã nói theo cách đó. Rất ấm áp, rất diễn cảm và xúc động, nhưng cũng rất trau chuốt.

Tôi nghĩ cũng không có gì là viển vông khi nghĩ rằng vào sáu ngày trong tuần cuối của cuộc đời Môi-se đó, ông đã nói và viết xen kẽ nhau; rằng vào ngày 1, 3 và 5, ông thực hiện một trong ba bài phát biểu này, nhưng vào ngày 2, 4, 6, ông viết chúng ra. Chắc hẳn là ông phát biểu từ những ghi chép của mình, vì ông là người có học, ông có thể viết và đọc. Như vậy, tôi tin rằng chúng ta đang xét đến ba ngày nọ xen kẽ ba ngày kia, ba ngày nói xen kẽ ba ngày viết. Ông đã phát biểu cả ngày trời - hay có lẽ là cả buổi sáng - rồi quay lại trại mình và viết hết những điều đó ra cho họ, rồi đưa bản thuật lại những gì đã nói cho các thầy tế lễ và bảo: "Hãy giữ cái này cạnh hòm chứng ước. Các ngươi đừng bao giờ quên điều ta đã nói, đừng bao giờ sửa một từ trong đó, mà phải giữ nó và đọc nó cho dân Y-sơ-ra-ên bảy năm một lần."

Sách Phục truyền đã ra đời như vậy đó! Chúng ta có ba bài diễn văn của Môi-se tại trại quân ở phía bên kia sông Giô-đanh. Bài đầu chỉ nói về quá khứ - ôn lại 40 năm và xa hơn nữa, ôn lại những gì ông cha họ đã làm, rồi ông chuyển sang hiện tại và ban Luật pháp cho họ lại từ đầu. Đầu tiên là ông cho họ những nguyên tắc căn bản trong chương 4-11 rồi lý giải chi tiết trong chương 12-26. Đến lần thứ ba, cũng là lần cuối ông nói cùng họ, ngay trước khi qua đời, ông đã lo liệu cho tương lai của họ. Ngoài những điều khác, ông còn nói rằng: "Ta đã lập Giô-suê làm người đảm đương trách nhiệm của ta. Ta đã đưa các ngươi ra khỏi Ai Cập, Giô-suê sẽ đưa các ngươi vào, và khi vào đó, các ngươi phải đến núi Ê-banh và núi Ga-ri-xim, đọc lại luật này và quyết tâm làm theo, nhưng Chúa sẽ đưa các ngươi vào." Rồi, đó là bố cục của Phục truyền luật lệ ký. Đó là một bố cục rất đơn giản và mỗi bài phát biểu có hai phần. Tôi đã cố gắng chỉ ra điều đó bằng những tiểu mục ở đây, và chúng ta sẽ lần lượt xem qua các phần này. Tôi chỉ có thời gian để giới thiệu với bạn phần đầu tiên, khi ông ôn lại thời họ ra khỏi Ai Cập - thời ông cha của họ. Rồi ông ôn lại những sai lầm của họ. Ông nói rằng ông cha các ngươi đã thất bại, các ngươi đừng như vậy. Thực ra tôi nghĩ là chúng ta nên dừng lại tại đây và nghiên cứu điều này ở bài nói chuyện sau.

PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ - Phần 2

Chúng ta đã kết thúc bài nói chuyện trước ngay tại ý mà chúng ta sẽ bắt đầu bài thứ hai - ba bài phát biểu của Môi-se trong tuần cuối cùng của đời ông, với thế hệ con cháu của dân Y-sơ-ra-ên khi họ đóng trại phía bên này sông Giô-đanh. Bài diễn thuyết đầu tiên, chương 1-4, ông ôn lại quá khứ và ôn lại thời kỳ sau Si-na-i, khi Chúa lập giao ước với cha mẹ họ và ông nói rằng chỉ mất có 11 ngày để đi từ Si-na-i đến Xứ Hứa, thế mà cha mẹ các ngươi đã mất đến khoảng 15,490 ngày. Tại sao? Câu trả lời là thiếu đức tin. Đúng là họ đã đi thẳng đến Xứ Hứa, đến một chỗ gọi là Ca-đe Ba-nê-a, ngay tại biên giới và dừng lại tại đó, sai một người từ mỗi chi phái trong 12 chi phái vào do thám xứ, rồi quay lại và cho họ biết cách tốt nhất để vào đó - chưa đầy hai tuần sau khi rời Si-na-i. Các thám tử đã quay lại và họ nói: "Đó là một xứ sở tuyệt vời." Họ trở lại, vác theo những chùm nho từ xứ đượm sữa và mật này. Điều đó đã trở thành biểu tượng của Ủy ban Du lịch Y-sơ-ra-ên; nếu đã từng đến đó thì bạn sẽ biết.

Họ trở lại và nói: "Đồ ăn thật tuyệt vời," nhưng họ lại nói: "Dân ở đó cao lớn hơn chúng ta, ở đó có những người khổng lồ." Vì người Do Thái không cao, họ rất nhỏ con. Các thám tử nói rằng ở đó có những người cao lớn, các bức tường bao quanh thành của họ lại vươn đến tận trời nên chúng ta sẽ không bao giờ chiếm được nó. Có một cuộc bỏ phiếu giữa vòng các thám tử và mười người trong số họ nói rằng chúng ta sẽ không bao giờ vào được còn hai người nói rằng: Đương nhiên là chúng ta sẽ vào vì Chúa lớn hơn tất cả bọn họ. Môi-se nói: Nghe này, chúng ta luôn cưỡi trên vai Chúa mà!

Tôi nhớ lúc còn nhỏ, tôi đã cưỡi trên vai bố tôi; và khi cưỡi trên vai bố mình, bạn biết mình cao lớn hơn mọi người và bạn có thể nhìn qua những bức tường cao. Môi-se nói: Anh em lo cái gì! Nhưng dù sao thì họ vẫn thực hiện cuộc bỏ phiếu dân chủ và đa số nghiêng về mười người chứ không phải hai người. Ấy là khi Môi-se nói rằng: Không ai trong các ngươi được vào đó, trừ hai thám tử, Giô-suê và Ca-lép. Chuyện xảy ra đúng như vậy.

Đó không phải là lý do khiến Môi-se không được vào. Sau đó khá lâu, ông không vâng lời Chúa và mất kiên nhẫn nên Chúa phán: Môi-se, con cũng sẽ không được vào đó, chỉ Giô-suê và Ca-lép được vào. Chỉ hai trong số 2,500,000 người làm được, và ba trước giả Tân Ước đã dùng điều đó như lời cảnh báo với Cơ Đốc nhân. Bắt đầu chưa phải là xong, đến được đích mới là tốt. Cả Phao-lô, Hê-bơ-rơ và Giu-đe đều dùng thực tế rằng chỉ hai trong số hai triệu người vào được xứ hứa để cảnh báo những người tin - hãy làm sao để anh em làm được, tiếp tục tin Chúa cho tới cuối cùng. Họ có mọi thứ trước mặt mình, nhưng lại mất nhuệ khí.

Trong mọi trận chiến, bạn cần có chiến lược, chiến thuật và nhuệ khí, nhưng về lâu về dài, chính nhuệ khí là yếu tố chủ chốt. Nếu người ta cảm thấy rằng mình sẽ thắng thì họ sẽ thắng và nếu họ cảm thấy thất bại thì họ sẽ thua. Nhiều nhà chỉ huy vĩ đại nhất biết điều này. Tướng Montgomery trong Chiến tranh Thế giới Thứ 2 là một tấm gương điển hình. Ông đã nâng cao nhuệ khí Quân Đoàn số 8 của Anh khi họ bị dồn lại Ai Cập. Ông chỉ trò chuyện với họ và nói: "Chúng ta sẽ hạ gục thằng cha Rommel này!." Và họ đã thành công. Quan trọng là bạn có tin rằng mình sẽ làm được hay không. Tôi e rằng họ không tin như vậy. Nên tuy Chúa luôn thành tín với họ nhưng họ lại vô tín và nhìn chung, chương 4 nói rằng: Các con ạ, đừng như cha mẹ mình: họ đánh mất đức tin và họ đánh mất xứ hứa. Giờ thì hãy giữ đức tin của các con, rồi các con có thể giữ được xứ đó. Đó là một bài giảng rất đơn giản cho các bạn, và chắc các bạn không cần tôi phải giải thích thêm.

DEUTERONOMY
(DEUTERO = SECOND; NOMOS = LAW)

1. PAST: RECOLLECTION (1^{1}-4^{43})

a. FAITHLESSNESS CONDEMNED (1^{6}-3^{29})

b. FAITHFULNESS COUNSELLED (4^{1-43})

2. PRESENT: REGULATION (4^{44}-26^{19})

a. LOVE EXPRESSED (4^{44}-11^{32})

b. LAW EXPANDED (12^{1}-26^{19})

3. FUTURE: RETRIBUTION (27^{1}-34^{12})

a. COVENANT AFFIRMED (27^{1}-30^{20})

b. CONTINUITY ASSURED (31^{1}-34^{12})

Nên hãy chuyển sang phần chính của sách, đọc phần này không được thú vị lắm. Chúng ta thích những câu chuyện hơn là luật lệ. Giống như đọc một danh bạ điện thoại từ đầu chí cuối khiến người ta hơi chán, nhưng đó là một phần thú vị. Bài phát biểu thứ hai là bài dài nhất, có lẽ là vào ngày thứ ba trong tuần cuối đời của Môi-se. Nhưng ông bảo họ phải sống như thế nào sau khi Chúa ban cho họ xứ đó, nếu họ muốn giữ nó. Ông bắt đầu với những nguyên tắc cơ bản trong lối sống công chính của Chúa, lối sống ngay thẳng của Ngài, ấy là Mười Điều Răn.

Mười điều đó là trọng tâm. Bạn học chúng trên mười đầu ngón tay; chúng là những nguyên tắc cơ bản nhất và tất cả đều nói đến một điều: tất cả đều nói đến sự tôn trọng. Tôn trọng Chúa, tôn trọng danh Ngài, tôn trọng ngày của Ngài, tôn trọng cha mẹ bạn, tôn trọng sự sống, tôn trọng hôn nhân, tôn trọng tài sản, tôn trọng danh tiếng của người khác. Cách nhanh nhất để hủy hoại xã hội là hủy hoại sự tôn trọng. Đó chính là điều đang diễn ra trên nước Anh chúng ta, chủ yếu là qua chương trình hài kịch trên ti-vi. Một nghệ sĩ hài nổi tiếng mà các bạn đều biết tên đã nói rằng "chúng tôi định loại bỏ tính thiêng liêng của mọi thứ"; nói cách khác, "mục tiêu của chúng tôi là hủy hoại mọi sự tôn trọng." Sự tôn trọng hoàng gia, tôn trọng luật pháp, tôn trọng luật pháp, tôn trọng lẫn nhau. Hủy hoại sự tôn trọng tức là hủy hoại xã hội, và cả mười Điều Răn đều được xây dựng trên sự tôn trọng. Như vậy là trong phần đầu, chúng ta có Mười Điều Răn đó.

Rất thú vị khi so sánh giữa Luật của Môi-se ở đây và bộ luật tệ nhất cũng như hay nhất trong xã hội ngoại giáo. Khi bạn so sánh những tiêu chuẩn trong luật của Môi-se với bộ luật tệ nhất, chúng ta đã làm điều này với dân Am-môn sống tại đây từ trước, bạn sẽ thấy đây thật là một luật thật sự thánh khiết. Người ta sẽ khỏe mạnh và hạnh phúc hơn bao nhiêu nếu họ sống như vậy! Nhưng có một so sánh rất thú vị giữa Luật của Môi-se và một luật khác mà người ta đã khám phá được từ thế giới cổ đại tên là Bộ luật Hammurabi, một vị vua người Am-môn của một thành tên là Ba-by-lôn hay Ba-bên. Nếu bạn đến Louvre tại Paris, Pháp thì bạn nhất định phải đến xem cây cột bằng thép hay bằng đá mà người ta tìm thấy tại một nơi tên là Su-sơ xứ Ba Tư.

Nó hiện đang ở Louvre và cột đá đó có khắc 282 điều luật của Hammurabi. Những điều luật đó được viết trước thời Môi-se 300 năm. Nhiều học giả thích so sánh giữa hai bộ luật và bạn sẽ ngạc

nhiên khi làm như vậy. Không giết người, không phạm tội tà dâm, không trộm cắp, không làm chứng dối. Chúng đều có trong bộ luật của Hammurabi từ 300 năm trước đó. Một điều luật nổi tiếng gọi là Lextalionus hay luật trả thù - mắt đền mắt, răng đền răng - cũng nằm trên cột đá đó. Nhiều người nói rằng: "Ồ, những điều luật này khá phổ biến, ít nhất thì Vua Hammurabi cũng biết chúng." Nhưng bạn biết đó, trong Rô-ma chương 2, Phao-lô nói một điều rất thú vị. Ông nói: Chúa đã viết luật pháp Ngài trong lòng dân ngoại. Ngài không chỉ viết nó trên đá, Ngài còn viết nó trong lòng người. Nói cách khác, người ta biết những điều này là sai; Chúa đã viết luật pháp Ngài trong lòng họ, họ biết điều đó. Bạn có biết rằng mọi xã hội trên thế giới đều nghĩ rằng loạn luân là sai trái không? Chúa đã viết những điều này trong lòng, nhưng Ngài cũng làm rõ chúng trong luật của Môi-se.

Tuy nhiên, có một số khác biệt rõ rệt giữa luật của Hammurabi và luật của Môi-se. Có một điều là luật Hammurabi gần như chỉ có một hình phạt cho mọi điều, đó là tội chết, trong khi Luật của Môi-se khá hiếm án tử hình. Chỉ có 15 điều trong luật của Môi-se lĩnh án tử hình. Như vậy, nếu so sánh thì Luật của Môi-se không quá man rợ như người ta nói - không quá hà khắc, không quá tàn nhẫn. Một khác biệt rõ rệt khác là trong Luật của Môi-se, nô lệ và phụ nữ là con người, trong khi Luật Hammurabi coi họ là tài sản. Vì vậy, phụ nữ không có quyền và không được tôn trọng trong luật Hammurabi, nhưng trong luật của Môi-se thì có - đó là một so sánh rất thú vị. Khác nữa là luật Hammurabi có phân chia tầng lớp, có quý tộc, có dân thường, và có luật riêng cho những tầng lớp khác nhau. Trong Luật của Môi-se hay Luật của Chúa không có cái gọi là tầng lớp và cùng một luật áp dụng cho tất cả mọi người. Tôi nói điều này vì một số học giả nói rằng: "Ôi dào, Luật của Môi-se cũng giống như nhiều luật khác thôi." Không, luật này khá khác. Tuy Chúa đã viết luật pháp Ngài trong lòng dân ngoại, họ biết những điều này là sai nhưng có một khác biệt thú vị về mặt chuyên môn.

Tôi sẽ nêu tên chuyên môn rồi sẽ giải thích. Các điều luật Hammurabi thuộc dạng luật điều kiện (casuistic law). Chúng được trình bày dưới dạng điều kiện. Nếu ngươi làm thế này thì ngươi phải chết. Nếu ngươi làm thế này. Đó là một điều kiện. Trong khi các điều luật của Môi-se được trình bày dưới dạng mà chúng ta gọi là hình thức "mệnh lệnh" (apodictic), không phải dạng điều kiện mà là dạng mệnh lệnh: Ngươi không được làm như vậy! Bạn có thấy sự khác biệt không? Mọi điều luật của Hammurabi đều là "Nếu ngươi làm thế này thì ngươi sẽ bị trừng phạt." Luật của Môi-se là "Ngươi không được làm thế này." Chỉ Chúa mới có quyền nói theo cách đó. Luật của loài người thường là luật điều kiện: Nếu anh làm thế này thì hậu quả sẽ như sau. Nhưng Chúa có quyền nói rằng "Ngươi không được làm thế này. Ta ra lệnh cho ngươi không được làm như vậy." Vì Ngài là Vua của các Vua. Như vậy là có những khác biệt.

Những điều còn lại của phần từ chương 12-26 bao trùm nhiều khía cạnh và những tiểu tiết trong đó rất tuyệt vời. Tôi chỉ có thể lướt qua các đề mục cho bạn và cho bạn thấy rằng chúng bao trùm thật nhiều khía cạnh. Đầu tiên, có rất nhiều điều luật tôn giáo. Chúng nói đến việc thờ thần ngoại giáo, tội đó đáng bị tử hình. Chúng nói đến thuyết huyền bí, tội đó bị tử hình - chiêu hồn người chết và tà thuật; tội nhạo báng; việc dâng những bông trái đầu mùa và ngon nhất; dâng phần mười; và một loại phần mười đặc biệt dâng ba năm một lần cho ngoại kiều, trẻ mồ côi và người góa bụa sống trong xứ. Những điều luật về Sa-bát. Đây là một điều hoàn toàn mới.

Trước thời Môi-se, chưa ai có ngày Sa-bát. A-đam không, Áp-ra-ham không, Y-sác không, Gia-cốp không. Đó là một điều mới cho những nô lệ từng phải làm việc bảy ngày một tuần. Giờ đây, Chúa cho họ một ngày trong tuần không phải làm việc. Một số người nghĩ rằng ngày Sa-bát có từ ban đầu, nhưng không phải. Ngày đó bắt đầu từ thời Môi-se và kết thúc nơi Đấng Christ, nhưng đó là một câu

chuyện khác. Ở đây có điều luật về các kỳ lễ - Lễ Vượt Qua, Lễ Ngũ tuần và Lễ Lều tạm. Có những điều luật về các sinh tế. Có những điều luật về sự hứa nguyện; nếu bạn hứa nguyện với Chúa thì bạn phải giữ lời - cái giá của nó là sự cứu rỗi đời đời của chính bạn.

Có những điều luật về sự phân tách. Tôi đang mặc bộ đồ Oxfam, 15 bảng. Nhưng đây là bộ đồ làm bằng vải pha len và polyester, thực ra là vải lông dê, chỉ có 15%. Nhưng tôi đang phạm luật của Môi-se, và chính một gia đình Do Thái đã làm tôi phạm luật vì nó là của nhà Marks và Spencers. Bạn thấy đó. Có những điều luật - các con không được pha lẫn các loại vải khác nhau; không được trộn lẫn các loại hạt giống trong vườn, không được trộn lẫn cái này với cái kia, không được bắt bò cày chung với lừa. Vậy tất cả những điều đó có nghĩa gì? Rất đơn giản, tất cả những điều này là một phần trong tập tục thờ thần sinh sản trong xứ. Người ta tin rằng khi trộn lẫn thứ này với thứ kia, họ sẽ tạo ra sự sinh sôi, năng suất; bạn có hiểu ý tôi không? Khi pha vải với nhau, anh sẽ làm cho vải sinh sôi. Tất cả là vì vậy. Chúa ban sự sinh sôi - anh không nhận được điều đó nhờ trộn lẫn thứ này với thứ kia, nên các luật về sự pha trộn mới nằm trong phần tôn giáo của Phục truyền luật lệ ký. Rồi có những luật về chính quyền, và thật thú vị là ở đây có những điều luật cho một vị vua.

Thế nhưng Chúa là Vua của họ - họ sẽ không có vua trong nhiều thế kỷ và Chúa cũng không muốn họ có vua, nhưng Chúa biết là một ngày nào đó, họ sẽ muốn có vua. Ngài đặt ra một số điều luật cho vua và thú vị nhất là khi một vị vua lên ngôi, người đó phải chép các điều luật của Môi-se bằng tay và thường xuyên đọc chúng. Bạn có thể tưởng tượng được việc người ta bảo Nữ hoàng Anh tại Tu viện Westminster rằng: “Người phải chép Kinh Thánh bằng tay” hay thậm chí là “chép Bài giảng Trên núi bằng tay và thường xuyên đọc điều đó” không? Làm vậy để đảm bảo rằng vua biết Luật, và vua không được có nhiều vợ, nhiều ngựa hay nhiều tiền.

Rồi ở đây có những điều luật cho các quan xét, ở đây có tòa phúc thẩm. Xúc phạm tòa án sẽ bị tử hình. Có những quy tắc về sự công bằng - không hối lộ, không thiên vị. Người ngoại kiều, trẻ mồ côi và người góa bụa được đối đãi hệt như một doanh nhân giàu có nhất. Đây chẳng phải là những điều luật tuyệt vời sao? Rồi có những điều luật về các nhân chứng - phải có ít nhất hai hoặc ba nhân chứng hoàn toàn đồng thuận về những điều họ đã thấy hoặc nghe, và nếu họ làm chứng dối, họ phải chịu chính hình phạt mà người kia phải chịu nếu bị kết tội. Nói cách khác, đây là lúc Kinh Thánh chép rằng lấy mắt đền mắt, lấy răng đền răng. Nếu tôi làm chứng dối tại tòa và khiến anh này bị phạt 30 triệu thì khi người ta phát hiện ra là tôi làm chứng dối, tôi sẽ bị phạt 30 triệu. Hoàn toàn công bằng đúng không - lấy mắt đền mắt, lấy răng đền răng? Rất công bằng.

Rồi đến sự trừng phạt, chỉ được tối đa là 40 đòn. Có đánh đòn, nhưng 40 là tối đa, nên người ta thường đánh 39 đòn để đảm bảo không phạm luật, nhưng Kinh Thánh chép rằng đánh nhiều hơn tức là anh đang sỉ nhục người ta. Anh đang hạ thấp họ, coi họ chỉ là một tảng thịt. Không nên để một xác chết treo trên cây sau khi mặt trời lặn và đem nó ra làm trò cười. Thực ra, Phao-lô áp dụng điều đó với Chúa Giê-su trong Ga-la-ti 3, rất thú vị. Rồi có những điều luật chống những tội đặc biệt - giết người. Tội này luôn lĩnh án tử hình, trừ trường hợp ngộ sát và vô ý. Sáu thành trú ẩn được lập ra để một người vô ý giết người có thể chạy tới và thoát án tử hình.

Có những điều luật chống bắt cóc và thật thú vị là tội này cũng bị tử hình. Những điều luật chống hiếp dâm; những điều luật chống cưỡng dâm; những điều luật chống trộm cắp tài sản và đặc biệt là dời các mốc giới. Mỗi người sẽ đánh dấu nông trại nhỏ của mình bằng các viên đá. Đêm đến, người ta có thể ra ngoài và dời các viên đá sang một hoặc hai mét mỗi đêm và đó là một tội rất nặng. Có

những điều luật về sức khỏe: phải làm gì nếu bạn mắc một bệnh ngoài da không chữa được. Từ phong hủi trong Kinh Thánh chỉ rất nhiều loại bệnh ngoài da khác nhau chứ không chỉ là bệnh phong theo tên gọi ngày nay. Những điều luật chống lại việc ăn những con vật đã chết, những điều luật về đồ ăn thanh sạch và ô uế: các con không được ăn thịt lạc đà, thỏ, lợn hoặc chim.

Rồi có điều rất lạ mà gần như mọi người Do Thái đều hiểu sai điều này: "Con chớ nấu dê con trong sữa mẹ nó." Chỉ từ một câu đó mà người Do Thái đã xây dựng cả một chế độ ăn kiểu Kosher phức tạp, bếp ăn của họ có hai bộ nồi chảo tách biệt nhau hoàn toàn, các bồn để rửa chúng rồi đủ thứ; phải để các sản phẩm bơ sữa ở đây và các sản phẩm thịt ở kia. Họ đã hoàn toàn hiểu sai điều đó. Đó lại là một nghi thức thờ thần sinh sản ngoại giáo. Để có sự sinh sôi nảy nở, người ta cho dê con loạn luân với mẹ nó bằng cách nấu con dê trong sữa mẹ nó. Đó là một nghi thức sinh sản, chỉ vậy thôi; và Chúa bảo họ đừng bao giờ làm vậy, nhưng giờ đây, người ta đã xây dựng cả một hệ thống đồ ăn Kosher chỉ từ một câu Kinh Thánh, không cân xứng chút nào.

Rồi có những luật về phúc lợi, rằng các con phải để lại cụm ở góc ruộng cho người nghèo lượm lại. Có những điều luật quy định việc giúp đỡ hàng xóm có vật nuôi đi lạc. Có một điều luật nói rằng khi con bò đạp lúa để tách hạt khỏi vỏ, các con không được khớp miệng nó lại. Nó được thoải mái ăn thứ mà nó đang đạp cho những người khác. "Chớ khớp miệng con bò đang đạp lúa." Và Phao-lô áp dụng điều đó với những người như tôi, những người giảng đạo. Ông nói người giảng đạo đang chuẩn bị đồ ăn cho anh em, hãy quyên tiền cho người đó, Phao-lô đã nói như vậy - một cách áp dụng luật rất thú vị. Họ được phép lấy trứng từ tổ chim nhưng không được bắt chim mẹ. Họ phải để lại con chim mẹ để nó đẻ thêm trứng.

Có những quy định về chiến tranh, họ không được chặt cây trong chiến tranh vì họ không đấu với cây, họ đang đấu với người. Tôi nghĩ đến luật đó khi Hoa Kỳ đầu độc các cánh rừng của Việt Nam và diệt hết cây cối. Chúa nói rằng các con không đấu với cây, các con đấu với người. Có cách chiến đấu. Đây là Công ước Geneva từ rất lâu trước khi người ta nghe đến Geneva. Những quy định rất thú vị cho nhà vệ sinh của quân lính và một quy định thú vị cho một quân nhân mới kết hôn. Anh ta có thể ở nhà trong một năm trước khi ra trận trở lại. Thật là một điều luật tuyệt vời đúng không? Để anh ta có thời gian tìm hiểu vợ mình và vun đắp hôn nhân cho bền chặt. Đừng có đi đánh trận mà phải đánh đổi hôn nhân ở quê nhà.

Vậy chúng ta phải làm gì với tất cả những điều luật này? Tôi vừa mới nhảy cóc đấy, có hàng trăm điều luật. Đầu tiên, phạm vi của những điều luật này rất thú vị. Chúng bao trùm toàn bộ đời sống từ việc bạn sắp đặt nhà vệ sinh đến cách bạn thờ phượng, từ quần áo đến việc nấu nướng của bạn. Chúa quan tâm đến toàn bộ đời sống. Sống đúng đắn không chỉ là điều bạn làm trong hội thánh vào Chúa Nhật. Sống đúng đắn là toàn bộ đời sống và luật của Môi-se cho thấy Chúa nói rằng có cách đúng đắn để làm mọi thứ và Ngài muốn dân sự sống đúng trong mọi mặt đời sống.

Điều thứ hai mà tôi suy ra từ sách là tính thống nhất tuyệt vời của những điều luật này. Tôi đã phân loại chúng cho bạn từ nãy đến giờ, nhưng thực ra là chúng trộn lẫn hết với nhau. Bạn đi thẳng từ một điều luật về không ăn thịt lạc đà đến một điều luật về các Kỳ lễ và trí tuệ phương Tây hiện đại không hài lòng với điều này. Chúng ta phải phân loại chúng. Chúng ta thích tập hợp chúng dưới các tiêu đề đúng không? Nhưng chúng đều trộn lẫn với nhau. Tại sao? Vì Chúa đang nói rằng không có sự phân chia trong đời sống. Chúng ta có xu hướng nói rằng cái kia thánh, cái này đời. Chúa không bao giờ nói như vậy.

Tất cả đều là một thể thống nhất. Tất cả đều hợp nhất, không chỉ bao trùm toàn bộ đời sống mà đó còn là sự trọn vẹn của đời sống, hay theo ngôn ngữ hiện đại là sự toàn vẹn. Đó là sự tổng hòa, Chúa hiện hữu dù bạn đang ngồi ăn hay đến hội thánh thờ phượng, giống nhau cả thôi. Tôi nghĩ là tôi đã kể với một số người trong đây rằng trong sách cầu nguyện của người Do Thái có một lời cầu nguyện đáng yêu khi bạn đi giải quyết nỗi buồn.

Với chúng ta thì đó là trò cười, chúng ta cười khẩy khi nghe điều đó, nhưng người Do Thái thì không như vậy. Họ cầu nguyện rằng: "Lạy Chúa, con cảm ơn Ngài vì cơ thể con đang hoạt động tốt, và cảm ơn Ngài vì bây giờ con thấy nhẹ cả người. Hallelujah." Tôi đã vào nhiều nhà vệ sinh Cơ Đốc vì tôi đã ở nhiều nhà khác nhau. Trong đó thường có cả chồng sách tĩnh nguyện ngay bên cạnh, có câu gốc dán trên tường, nhưng cả sách lẫn câu gốc đều chẳng liên quan gì đến việc mà tôi vào để thực hiện. Đến khi tuổi cao sức yếu, không kiểm soát được ruột và bàng quang của mình nữa thì bạn sẽ ước rằng mình đã ngợi khen Chúa khi nó còn hoạt động tốt. Với Chúa thì tất cả là một thể thống nhất, là toàn bộ đời sống. Một đời sống thánh khiết là làm điều đúng đắn trong tất cả các phần.

Điều thứ ba mà tôi để ý thấy là mục đích của tất cả những điều luật này. Không phải để tước mất niềm vui hay dựng những hạn chế quanh họ. Có một cụm xuất hiện liên tục: "để ngươi được phước và được sống lâu trên đất." Chúa muốn chúng ta được khỏe mạnh và hạnh phúc - thế nên Ngài mới lập nên luật pháp. Thế mà chúng ta nghĩ rằng Chúa chỉ ngồi đó nghĩ xem Ta nên bảo chúng phải làm gì và không được làm gì sau đó. Giống như có cậu bé đến trường và cô giáo hỏi: "Tên con là gì?" "Con tên là Đạt Ơi Đừng." Cô giáo nói: "Chắc chắn là không ai gọi con như vậy đâu." "Mẹ con suốt ngày gọi con thế."

Và bạn biết đó, người ta tưởng tượng rằng Chúa chỉ ngồi một chỗ và nói đừng - Ngươi không được. Tại sao Ngài lập ra luật này? Ngài đang nói "để con được phước," được sống tốt. Đó là một trong những điều đầu tiên mà chúng ta hỏi nhau. "Anh dạo này ổn không?" Cũng giống với từ hạnh phúc - Ngài quan tâm đến hạnh phúc của chính họ. Nên đọc tất cả những điều luật này là một điều ích lợi. Chúng ta phải đi tiếp.

Bài phát biểu thứ ba và cuối cùng trong ngày cuối, Môi-se lại nói cùng họ theo hai phần. Trong phần đầu, ông nói rằng giờ đây, các con phải tự mình xác nhận luật pháp. Khi các con vào xứ đó sau khi Chúa rẽ nước cho các con và đưa các con vào như Ngài đã rẽ nước cho cha mẹ các con và mang họ vào. Khi Ngài đưa các con vào, các con phải đến núi đó, phải đọc tất cả những phước lành và sự rủa sả này và phải áp dụng chúng cho chính mình.

Núi Ê-banh và núi Ga-ri-xim. Tôi đã đến núi Ga-ri-xim và một số người Sa-ma-ri còn sót lại trên thế giới vẫn sống ở đó. Họ có Luật của Môi-se, họ không có các sách khác trong Kinh Thánh nhưng họ có năm sách của Môi-se. Họ làm những bản sao nhỏ của cuộn giấy bằng vỏ lon cũ và viết một phần của luật - bằng tiếng Sa-ma-ri. Đó là một phần của Luật Môi-se và họ cho bạn xem một cuộn giấy rất, rất cũ mà họ đã giữ trong nhiều thế kỷ - đây là một bản sao của nó. Họ có một cuộn lớn, cao khoảng mét hai, bản thật. Họ trưng cuộn giấy ra như vậy để thu hút sự "quan tâm" nhất định, bởi lẽ họ rất, rất nghèo. Chính một người nữ Sa-ma-ri đã hỏi rằng chúng tôi nên thờ phượng Chúa ở đâu? Trên núi này, núi Ga-ri-xim, hay núi kia? Chúa Giê-su nói: "Không, vấn đề không phải là núi nào, vấn đề là "bằng tâm thần và lẽ thật."

Nhưng nó đây. Hai ngọn núi này có âm vang tuyệt vời. Hai mặt của chúng lõm vào và đối diện nhau, nên kiểu như một đấu trường khổng lồ có hai đỉnh. Người ta la to những phước lành từ đỉnh

này, những sự rủa sả từ đỉnh kia và dân sự phải la A-men sao mỗi lời chúc phước và rủa sả. Tôi đã làm điều này vào một tối Chúa nhật, tôi đang giảng tại một hội thánh Anh giáo vào tối Chúa Nhật và tôi nói: "Hãy rủa sả người ta và tôi muốn các bạn nói A-men sau mỗi lời rủa sả."

Đáng nguyền rủa cho kẻ nào khinh bỉ cha mẹ mình! Đáng nguyền rủa cho kẻ nào dời ranh giới của láng giềng mình! Đáng nguyền rủa cho kẻ nào làm cho người mù lạc đường! Đáng nguyền rủa cho kẻ nào bẻ cong công lý đối với ngoại kiều, kẻ mồ côi và người góa bụa! Đáng nguyền rủa cho kẻ nào nằm với vợ của người lân cận mình. Đáng nguyền rủa cho kẻ nào nhận của hối lộ để giết người vô tội! Đáng nguyền rủa cho những kẻ đang tâm tà dâm và ngoại tình, kẻ tham lam, kẻ thờ thần tượng, kẻ vu khống, kẻ say sưa, kẻ tống tiền.

Khi chúng tôi đọc điều này vào tối Chúa Nhật, hội chúng ngày càng lặng dần, lặng dần và những tiếng A-men tắt dần. Có người đến gặp tôi sau giờ và nói: "Mục sư có biết tại sao chúng tôi lại im lặng không?" Cậu nói: "Vì chúng tôi phát hiện ra là mình đang rủa sả chính mình." Những điều tôi vừa đọc cho các bạn là từ Phục truyền đoạn 27, nhưng chúng có trong Kinh Cầu nguyện Chung của Anh giáo để nhắc lại vào mỗi Mùa Chay - và hội chúng đó không hề biết rằng tôi chỉ đang cho họ đọc Kinh Cầu nguyện của Anh giáo.

Nhưng để tôi cho bạn biết, các hội thánh sợ làm buổi lễ đó vì họ sợ làm dân sự khó chịu. Bạn cứ thử tưởng tượng xem điều đó sẽ có tác động như thế nào nếu cứ vào Mùa Chay, mọi Hội thánh Anh giáo tại Anh đều rủa sả dân sự trong danh Thiên Chúa. Nhân tiện, trong Ga-la-ti, Phao-lô nói rằng nếu một nhà giảng đạo đến với anh em và truyền một phúc âm khác với phúc âm Phao-lô đã truyền thì hãy nguyền rủa anh ta. Người ta hỏi: "Vậy tôi phải làm gì với những nhà giảng đạo xuyên tạc phúc âm?" Anh có thể rủa sả họ. Chúng ta có quyền làm điều đó, lời nói có sức mạnh, sự chúc phước có sức mạnh, sự rủa sả cũng vậy. Từ để rủa sả là "khốn thay." Và Môi-se nói: Khi vào trong xứ, hãy đi lên hai núi đó, la to những phước lành trên một núi và những sự rủa sả trên núi kia, dân sự ở giữa hãy nói A-men. Hãy xác nhận giao ước; các con sẽ được phước và tận hưởng xứ đó nếu các con giữ những điều luật này, nếu không thì các con sẽ bị rủa sả.

Phần còn lại của lịch sử Cựu Ước là như vậy. Khi bạn đọc Phục truyền 28, cứ như thể bạn đọc toàn bộ lịch sử Y-sơ-ra-ên trong bốn ngàn năm qua vậy - vì Chúa vẫn tiếp tục nói: Nếu các ngươi cứ như vậy, thậm chí sau khi Ta mang mưa đi mà các ngươi không nghe, thậm chí sau khi ta sai kẻ thù đến chiếm xứ mà các ngươi không nghe, thì ta sẽ khiến các ngươi tan lạc khắp đất và các ngươi sẽ bị chế nhạo và cười chê. Bạn đã nghe chuyện cười về người Ireland, người Scotland và người Do Thái chưa? Phục truyền 28 báo trước rằng điều đó sẽ xảy ra và khi bạn đọc Phục truyền 28, bạn sẽ hiểu được toàn bộ lịch sử Y-sơ-ra-ên cho tới ngày nay. Chúa đã và luôn thành tín - Ngài đã giữ lời hứa chúc phước và rủa sả họ. Họ đã được phước hơn mọi quốc gia khác và họ đã bị rủa sả hơn mọi quốc gia khác.

Điều này chứng tỏ rằng có Đức Chúa Trời và Ngài là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Chương 32, Môi-se hát. Ở tuổi 120, Kinh Thánh chép rằng mắt ông không mờ, và hẳn là ông có một chất giọng hay. Môi-se, cũng giống như nhiều tiên tri khác, là một nhạc sĩ. Tiên tri và âm nhạc gắn liền với nhau xuyên suốt Kinh Thánh. Đa-vít là một tiên tri và ông là người sáng tác nhiều bài hát nhất cho Kinh Thánh của chúng ta.

Nhưng Môi-se đã hát, ông và chị mình là Mi-ri-am đã hát khi họ vượt Biển Đỏ và Môi-se đã viết một bài hát hay mà người Anh chúng ta hát mỗi năm một lần. "Ôi, lạy Chúa, nguyên Đấng giúp tôi

mãi. Là ước vọng lúc hậu lai. Duy cánh tay Chúa bao phủ ngày đêm. Lòng càng được vững vàng thêm.” Chúng ta cả gan hát điều đó vào Chúa Nhật Đình Chiến. Duy cánh tay Chúa bao phủ ngày đêm. Lòng càng được vững vàng thêm ư? Nhưng chúng ta lại thủ sẵn vài quả bom nguyên tử để phòng thân.

Nhưng đó là bài hát của Môi-se, bài hát phỏng theo Thi Thiên 90 và ở đây, ông hát một bài ca và nói: “Đức Chúa Trời hẳn nhiên và hoàn toàn đáng tin cậy, không dời đổi và thành tín.” Ngài là Vầng Đá, Ngài là Đức Chúa Trời thành tín, trong Ngài không có sự bất công. Bạn đã bắt đầu nhận ra lời bài hát chưa? Hát nhanh nào - Max đâu rồi? Hãy đánh đàn piano đi và chúng ta sẽ hát bài đó. Số bao nhiêu rồi nhỉ? Mười hai. Nhanh lên, tôi đang hết thời gian nên hãy hát nhanh thôi nhé. “Ngợi tôn danh cả.” Chỉ đánh nốt nhạc thôi cũng được. “Ngợi tôn danh cả Vầng Đá Chúa đời đời. Việc Ngài luôn toàn hảo và đường của Ngài chính trực. Ngợi tôn danh cả Vầng Đá Chúa đời đời. Việc Ngài luôn toàn hảo và đường của Ngài chính trực. Lạy Chúa, thành tín thay Ngài, công chính thay Ngài. Chính trực, công minh là Ngài. Lạy Chúa, thành tín thay Ngài, công chính thay Ngài. Chính trực, công minh là Ngài.”

Bạn vừa mới hát bài ca của Môi-se và Kinh Thánh chép rằng khi chúng ta bước vào sự vinh hiển trong sách Khải huyền, chúng ta sẽ lại nghe bài ca của Môi-se. Đó là một bài hát hay. Ông chẳng lấn cấn gì với việc Chúa bảo họ giết người Am-môn. Ông nói Chúa không có sự bất công; Ngài thành tín, Ngài tốt lành.

Chương 33, ông chúc phước cho 12 chi phái, từng chi phái một. Ông thật sự là một tiên tri vì ông có thể nhìn thấy tương lai của từng chi phái và ông chúc phước cho từng chi phái. Chỉ có một chi phái mà ông không chúc phước và chi phái đó biến mất. Xuyên suốt Kinh Thánh, 12 chi phái có sự thay đổi, không phải tất cả đều tồn tại. Cũng giống như trong 12 sứ đồ có một người hư mất, trong 12 chi phái có một chi phái mất đi - một sự tương đồng thú vị giữa Cựu và Tân Ước. Chương 34 là sự qua đời và việc chôn cất Môi-se.

Tôi khá chắc chắn khi bảo bạn rằng ông không viết phần này, phần Phục truyền duy nhất mà ông không viết; có lẽ là Giô-suê đã viết thêm vào, nhưng ông đã qua đời một mình, lưng dựa vào tảng đá trên đỉnh núi Nê-bô nhìn qua sông Giô-đanh tới xứ hứa, xứ mà ông không bao giờ nhìn thấy. Thực ra là có; ông được vào đó một lần, vào nhiều thế kỷ sau, và ông trò chuyện với Chúa Giê-su trên một trong các đỉnh núi đó. Nhưng ông đã qua đời trên đỉnh Nê-bô và ông được chôn cất tại đó. Không ai tìm được mộ ông vì không ai có mặt lúc ông được chôn cất, thế có phải ông tự chôn mình không? Bạn sẽ thấy câu trả lời ở sách Giu-đe trong Tân Ước. Một thiên sứ đến và chôn cất ông. Khi thiên sứ tiến đến gần Môi-se, ma quỷ đang đứng ở phía bên kia Môi-se và nói “Người này là của ta. Hắn đã giết một người Ai Cập, hắn là của ta.” Đó chính là thiên sứ trưởng, Mi-ca-ên. Mi-ca-ên nói với ma quỷ rằng “Cầu Chúa quở trách ngươi” rồi vị đó đến và chôn Môi-se.

Một câu chuyện hay, với cái kết tuyệt vời. Tất nhiên là vị đó chỉ chôn xác ông; còn tâm linh ông thì về với Chúa. Người ta đã thương khóc ông suốt một tháng. Họ cố gắng tìm xác ông, mà không tìm được; và đó là đoạn kết của câu chuyện. Phục truyền luật lệ ký là cuốn sách nền tảng nhất trong cả Cựu Ước. Đó là chìa khóa mở ra toàn bộ lịch sử Y-sơ-ra-ên. Vì khi vào xứ hứa, họ chỉ chiếm các núi còn để các thung lũng cho người Am-môn và vào một tối thứ bảy, những gã trai trẻ xuống núi, đi vào các thung lũng để tìm các cô gái.

Đó là khi cả một câu chuyện buồn và nhơ nhớp bắt đầu. Không lâu sau, họ sống giống hệt với các dân kia, hết tiên tri này đến tiên tri khác đã bảo họ rằng: cứ thế này thì Chúa sẽ giữ lời hứa, Ngài sẽ rủa sả các ngươi. Mọi tiên tri đều kêu gọi theo lời Phục truyền luật lệ ký. Trong hơn một ngàn năm, họ đã chật vật giành lấy mọi thứ mà Chúa đã hứa cho họ. Họ đã mất một ngàn năm từ Áp-ra-ham đến Đa-vít và họ giành được mọi thứ - và đến 500 năm sau, họ mất hết mọi thứ, chúng ta sẽ thấy điều đó khi nghiên cứu sách Các Vua. Bạn có thể tóm tắt toàn bộ lịch sử của Y-sơ-ra-ên chỉ trong hai câu. Vâng phục và công chính mang đến cho họ phước lành. Bất tuân và gian ác mang đến cho họ những rủa sả.

Sách Phục truyền cũng đóng vai trò rất quan trọng trong Tân Ước - sách được trích dẫn 80 lần chỉ trong 27 sách. Chúa Giê-su biết rất rõ Phục truyền. Đến nỗi khi Ngài bị cám dỗ trong đồng vắng - chính là Hoang mạc Giu-đa mà Môi-se đã nhìn bằng đôi mắt nhòa dần - khi Chúa Giê-su bị cám dỗ trong đồng vắng đó, Ngài đã dùng Kinh Thánh để bảo vệ mình và Ngài luôn trích dẫn Phục truyền luật lệ ký. Điều đó không thú vị sao? "Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi" - Phục truyền. Bạn thấy đấy, sách này rất quan trọng. Bài giảng trên núi chứa đầy Phục truyền. Người nữ Sa-ma-ri mà tôi đã nhắc đến - bà hỏi: Chúng tôi nên thờ phượng Chúa trên núi Ga-ri-xim này, một núi thánh của chúng tôi, hay trên núi thánh của người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem? Ngài đáp: cả hai đều không phải, sắp đến ngày chúng ta thờ phượng bằng tâm thần và lẽ thật. Khi người ta bảo Ngài tóm tắt Luật của Môi-se, Ngài đã tóm tắt luật bằng những câu từ trong Phục truyền luật lệ ký. "Anh em phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực mà kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời." Nhân tiện thì một trong những điều đáng ngạc nhiên nhất mà tôi quên nói đến, nhưng cực kỳ quan trọng, là đây: thậm chí trong phần mạnh nhất của luật thì từ hay gặp nhất vẫn là "yêu." 31 lần trong đó - đằng sau tất cả các điều luật là tình yêu thương.

Chúa Giê-su phán: Nếu các con yêu mến Ta thì sẽ vâng giữ các điều răn Ta. Không có sự mâu thuẫn giữa luật pháp và tình yêu thương. Nếu yêu Chúa thì bạn vâng giữ luật pháp Ngài. Phao-lô nói rằng tình yêu thương làm trọn luật pháp và thực sự, đó không phải là vấn đề về pháp lý, đó là vấn đề yêu thương. 31 lần từ "yêu" xuất hiện trong phần đó, 31 lần từ "vâng phục" xuất hiện, vì yêu thương là vâng phục vì trong mắt Chúa, tình yêu là sự trung thành. Là luôn trung thành với ai đó. Là yêu họ quá nhiều tới nỗi muốn làm điều mà họ muốn bạn làm.

Đó là một ý rất quan trọng vì đôi khi chúng ta nghe rằng luật pháp và tình yêu thương đi ngược lại với nhau, không phải như vậy. Vâng giữ luật pháp là thể hiện tình yêu của bạn với người ban nó. Nên khi người ta hỏi Chúa Giê-su rằng: Luật pháp là gì? Ngài nói: Ấy là yêu thương. Hai điều răn quan trọng nhất là yêu Chúa và yêu người lân cận. Tất nhiên là hãy nhớ rằng Môi-se và Ê-li đã trò chuyện cùng Chúa Giê-su. Bạn có biết là họ đã trò chuyện về điều gì không? Kinh Thánh chép rằng họ nói về Xuất Ai Cập mà Chúa Giê-su sắp làm trọn tại Giê-ru-sa-lem. Một Xuất Ai Cập để giải phóng người ta khỏi cảnh nô lệ. Khi Chúa Giê-su chết trên thập tự giá thì đó là Xuất Ai Cập của chúng ta.

Phao-lô nhắc tới Phục truyền hết lần này đến lần khác, khi ông nhấn mạnh vào đạo của tấm lòng, rằng điều mà Chúa thực sự quan tâm không phải là cắt bì trên thân thể mà là cắt bì trong tấm lòng, những tấm lòng được cắt bỏ sự gian ác và những tấm lòng tự do yêu kính Chúa và sống đúng đắn. Tôi nghĩ đó là tất cả những điều mà tôi muốn nói về Phục truyền luật lệ ký. Tôi hy vọng là nhờ đó, bạn sẽ có cảm giác muốn đọc sách và đọc ba bài phát biểu đó, từng bài một. Hãy nghĩ đến chúng, cảm nhận chúng và nhận ra rằng đây là toàn bộ lịch sử của chúng ta vì giờ đây, chúng ta là con cháu của

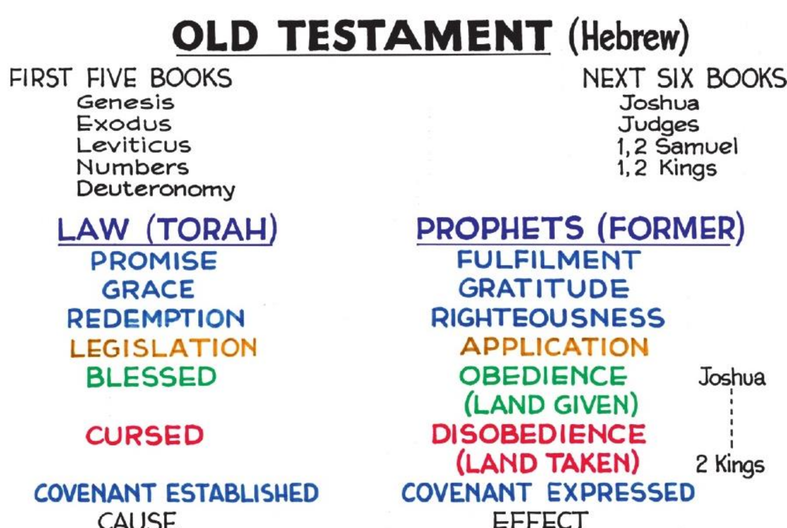
Áp-ra-ham và chúng ta đã được ghép vào cây ô-liu của Y-sơ-ra-ên và vì vậy, đây không phải là một lịch sử lạ lẫm về một dân khác, chúng ta đang đọc chính lịch sử của mình.

Chúa chẳng hề biến cải và Ngài sẽ đối xử với chúng ta hệt như cách Ngài đối xử với họ. Có cả phước lành và sự rủa sả, có sự vâng phục và bất tuân, có sự công chính và gian ác; và nếu chúng ta nghĩ rằng mình có thể thoát tội khi xử sự giống như mọi người ngoại xung quanh thì chúng ta cần phải suy nghĩ lại. Chúa phán với dân Y-sơ-ra-ên rằng các con hãy vào và chiếm xứ từ tay họ nhưng đừng sống theo cách của họ vì nếu các con làm như vậy, Ta sẽ sai dân khác đến chiếm xứ từ tay các con, và điều đó vẫn còn đúng. Như Phao-lô nói, những điều này được ghi chép lại để làm gương cho chúng ta và tốt cho chúng ta, để chúng ta rút ra bài học từ những sai lầm của họ, để không phạm những sai lầm như vậy, vì Chúa vẫn khát khao một dân tộc thánh, cũng là một dân tộc khỏe mạnh và một dân tộc hạnh phúc. A-men.

SÁCH GIÔ-SUÊ - Phần 1

Đây là sách thứ sáu trong Cựu Ước và trong tiếng Anh, sách này dường như tiếp nối sách thứ năm. Chúng ta có năm sách của Môi-se - Sáng Thế Ký, Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký, Phục truyền luật lệ ký - và câu chuyện kết thúc ở cuối sách Phục truyền với sự kiện Môi-se qua đời; và rồi dường như Giô-suê tiếp nối câu chuyện từ chính thời điểm đó. Giô-suê, người kế nhiệm Môi-se, tiếp tục lãnh đạo dân Chúa. Vậy sách này có điểm gì khác? Tại sao người ta không đọc sách này hằng năm trong nhà hội, nhưng lại đọc Phục truyền? Bạn thấy trong Kinh Thánh của chúng ta, sách có vẻ không có gì khác đúng không? Sách tiếp nối ngay từ đó và câu chuyện tiếp tục; nhưng với người Do Thái thì có sự khác biệt rõ rệt giữa Phục truyền và Giô-suê.

Phục truyền là một phần trong luật của Môi-se; Giô-suê thì không - đó là một sách khá khác. Tất nhiên nếu bạn thật sự nghĩ về điều đó thì sẽ thấy Phục truyền gồm toàn những điều mà tôi gọi là Lập pháp - gồm toàn luật pháp của Chúa. Không có lấy một điều luật nào trong sách Giô-suê hoặc trong bất cứ sách nào sau đó. Chúng ta đã đi hết luật quốc gia hay tóm lại, chúng ta đã đi hết phần lập quốc. Chúng ta đang bước vào phần xúc tiến hiến pháp đó. Như vậy, năm sách đầu tiên trong Kinh Thánh là hiến pháp cơ bản của dân Y-sơ-ra-ên. Đó là nền móng của họ và phần còn lại của Cựu Ước là cách triển khai tất cả những điều này, nên khi đối chiếu sách Giô-suê - sách đầu tiên không có luật pháp - với năm sách đầu, bạn sẽ thấy sự thay đổi rõ rệt. Tôi đã cố gắng trình bày điều này. Sáu sách tiếp theo đều thuộc thể loại mà chúng ta gọi là lịch sử.



Trong bài học tiếp theo, tôi sẽ cho bạn thấy rằng người Do Thái không hề gọi các sách này là các sách lịch sử. Thực ra họ gọi là các sách tiên tri. Nhưng tôi e rằng chúng ta có xu hướng nghĩ về chúng như các sách lịch sử và câu chuyện đã tiếp diễn. Nhưng khi đọc hết năm sách đó rồi chuyển sang sáu sách này, bạn sẽ nhận ra sự tương phản giữa hai loại. Đây là luật pháp, nền tảng của Do Thái giáo và người ta thường gọi năm sách đầu là kinh Torah nghĩa là sự chỉ dẫn, và về cơ bản, mọi Rabbi Do Thái được đào tạo về năm sách này, mỗi năm họ đọc hết chúng một lần. Nhưng bên kia, trong Kinh Thánh Do Thái, chúng được gọi là các sách tiền tiên tri. Chúng ta chưa từng nghĩ về chúng theo cách đó và trong bài học tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu tại sao.

Ở bên này, chúng ta có những lời Chúa hứa cho họ nhưng ở bên kia, chúng ta thấy Chúa thực hiện những lời hứa đó - cách Chúa giữ lời Ngài. Ở bên này, Chúa phán rằng Ngài sẽ thực hiện, nhưng ở bên kia, Chúa thực hiện điều đó và một lần nữa, chủ đề ân điển - lòng biết ơn lại xuất hiện. Ân điển của Chúa rất rõ ràng trong năm sách đầu tiên.

Trong năm sách tiếp theo, chúng ta sẽ thấy khá nhiều sự biết ơn - không phải đủ hết, nhưng khá nhiều. Bên này là sự cứu rỗi, bên kia là sự công chính, bên này là Luật lệ trong luật Môi-se, nhưng bên kia là việc áp dụng luật đó vào đời sống họ cũng như cách họ thực thi luật đó trong thực tế. Bên này là những lời hứa ban phước cho sự vâng phục, và trong sách Giô-suê, sự vâng phục của họ được chúc phước. Họ thực hiện điều Chúa phán bảo và thành Giê-ri-cô đã sụp đổ, dù điều Chúa bảo họ làm có vẻ điên rồ, không liên quan, và vô tích sự. Nhưng họ đã làm như vậy và Chúa đã ban phước cho họ, và xứ đó được ban cho họ vì họ đã vâng phục Chúa.

Nhưng tôi e là cũng có một số ví dụ ngược lại trong những sách này - những khi họ bất tuân, và họ đã bị rủa sả. Thật đáng tiếc, tuy Giô-suê cho chúng ta biết họ được Chúa ban xứ hứa như thế nào nhưng sách 2 Các Vua cho chúng ta biết nó được cất khỏi họ ra sao. Đó là một bi kịch, Chúa hứa chúc phước cho họ nếu họ vâng phục và rủa sả họ nếu họ bất tuân - các sách này thực sự cho chúng ta biết những lời hứa này được thực hiện như thế nào. Họ được phước lúc ban đầu, rồi họ bị rủa sả. Từ Giô-suê đến cuối Các Vua là một câu chuyện buồn về việc họ chiếm được Xứ Hứa nhưng rồi lại mất nó. Sách Giô-suê chủ yếu là một sách về sự vâng phục, nhưng trong đó có những mầm mống của sự bất tuân. Họ chiếm được Giê-ri-cô nhưng không chiếm được thị trấn tiếp theo - A-hi, vì họ bất tuân. Như vậy là đã có những mầm mống của việc mất xứ hứa, nhưng điều này đã không xảy ra trong nhiều thế kỷ. Rồi họ lại hoàn toàn để mất nó.

Nên ở bên này, giao ước đã được thiết lập giữa Chúa và dân Y-sơ-ra-ên, nhưng ở bên kia, nó được thể hiện ra. Giao ước được áp dụng vào thực tế đời sống họ, như vậy chúng ta có thể thấy năm sách đầu là nguyên nhân còn sáu sách sau là kết quả. Bạn có thể giải thích mọi thứ xảy ra trong các sách này bằng những gì đã ghi trong các sách kia. Như vậy là chúng ta đã bước sang một phần mới của Cựu Ước; rất tiếc là trong tiếng Anh chúng ta không để ý thấy điều đó vì không có những đề mục riêng rẽ; chỉ có sách này nối tiếp sách kia mà thôi. Nhưng tôi hy vọng rằng bạn có thể thấy sự tương phản rõ ràng và chúng ta đang bước sang một điều khá khác.

Một trong những câu hỏi lớn về tất cả những sách lịch sử này là “Liệu điều này có thực sự xảy ra không?” Và bây giờ tôi muốn đề cập đến một xu hướng rất nguy hiểm trong giới học giả hiện đại. Họ nói rằng lẽ thật trong Kinh Thánh không mang tính lịch sử hay khoa học mà chỉ là lẽ thật có giá trị đạo đức và tôn giáo. Để tôi giải thích cho rõ. Nhiều người tin rằng Kinh Thánh đầy lẽ thật nhưng là kiểu lẽ thật nào? Nếu nói rằng đây là một sách có lẽ thật về đạo đức và tôn giáo nhưng không nhất thiết phải có lẽ thật khoa học hay lịch sử thì đây là một quan điểm rất dễ lung lay. Đằng sau sự phân biệt này là khái niệm thần thoại, có thể gọi là truyền thuyết hay sử thi anh hùng; và người ta cho rằng không quan trọng là điều này có thực sự xảy ra hay không, nhưng nó vẫn có một lẽ thật để dạy dỗ chúng ta.

Tất nhiên là có những phần trong Kinh Thánh như vậy - về mặt kỹ thuật, những dụ ngôn của Chúa Giê-su là thần thoại. Không quan trọng là người con trai hoang đàng có thật hay không; quan trọng là câu chuyện có lẽ thật trong đó, các bạn có hiểu ý tôi không? Rõ ràng là các dụ ngôn của Chúa Giê-su là như vậy, Ngài nghĩ ra câu chuyện để truyền đạt một lẽ thật. Nhưng khi bạn bắt đầu nói rằng cả

Kinh Thánh đều là như vậy thì bạn đang thuộc một địa hạt hoàn toàn khác. Các bạn có hiểu ý tôi không? Nên khi bạn bắt đầu nói rằng các câu chuyện trong Kinh Thánh - chẳng hạn như câu chuyện về thành Giê-ri-cô - chúng có lẽ thật nhưng đừng tin rằng chúng đã thực sự xảy ra, chúng là thần thoại chứa đựng lẽ thật - không phải sự dối trá mà là lẽ thật; sự phát triển đó đã diễn ra nhanh chóng; nó thực sự coi mọi thứ trong Kinh Thánh là dụ ngôn.

Rằng chúng đều là những câu chuyện truyền thuyết được bịa ra để chuyển tải lẽ thật đạo đức và tôn giáo cho chúng ta - kiểu như Ngụ ngôn Aesop; và không một ngụ ngôn Aesop nào thực sự xảy ra nhưng tất cả đều chứa đựng lẽ thật - nếu đã đọc chúng thì bạn sẽ biết. Điều đó bắt đầu từ thế kỷ 19, áp dụng với Sáng Thế Ký và người ta bắt đầu nói rằng *A-đam và Ê-va không thực sự tồn tại; đó là một thần thoại, một câu chuyện để truyền đạt lẽ thật và lẽ thật là nếu bạn bảo ai đừng động đến cái gì đó thì họ sẽ muốn chạm vào nó, và đó là lẽ thật trong Sáng Thế Ký 3,* bạn hiểu ý tôi không? Không phải là tôi ủng hộ điều này. Tôi chỉ đang cố giải thích sự tình cho bạn.

Như vậy, ban đầu, A-đam và Ê-va được coi là ngụ ngôn, là dụ ngôn rằng *A-đam là "mọi người nam" chứ không phải là một người nam cụ thể - ông tượng trưng cho mọi người nam; và Ê-đen ở khắp mọi nơi chứ không phải một nơi chốn cụ thể, nhưng chứa đựng một lẽ thật có thể khai thác từ đó. Để tiếp cận được lẽ thật đó, bạn phải loại bỏ tính thần thoại trong câu chuyện. Bạn phải loại bỏ phần câu chuyện và chỉ giữ lại phần lẽ thật trong đó*. Không lâu sau, điều này được áp dụng với những nhân vật khác, tiếp đến là Nô-ê, rằng *trận lụt thời Nô-ê không xảy ra - nhưng câu chuyện về trận lụt chứa đựng một lẽ thật đạo đức hoặc tôn giáo cho chúng ta. Từ đó, Kinh Thánh không còn là một cuốn sách lịch sử mà là cuốn sách chứa các giá trị, đó là thuật ngữ mà người ta rất thích dùng vào thời nay. Sách có giá trị nhưng chỉ về đạo đức và tôn giáo thôi, không phải về lịch sử hay khoa học.*

Rồi điều này được áp dụng với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, rồi Giô-na bắt đầu được coi là một huyền thoại, dù ông là một người có thật, có gia phả đàng hoàng trong sách Các Vua. Giờ đây, thậm chí điều này còn lấn sang hẳn Tân Ước và thực tế, nhiều nhân vật trong hội thánh đặt câu hỏi rằng *liệu Chúa Giê-su có thực sự sinh ra từ nữ đồng trinh không - nhưng đó là một câu chuyện với lẽ thật trong đó. Nó có giá trị đối với chúng ta, nhưng không phải về mặt lịch sử.* Rồi cuối cùng người ta áp đặt điều này với sự phục sinh của chính Chúa Giê-su, có những vị giám mục nói rằng *xương cốt của Chúa Giê-su có mục ruỗng tại Trung Đông hay không không quan trọng - điều này không ảnh hưởng đến câu chuyện về sự phục sinh và câu chuyện chứa đựng lẽ thật rằng tầm ảnh hưởng của Chúa Giê-su vẫn còn ngay cả sau sự chết của Ngài.*

Đây là một quá trình mà người ta đặc biệt áp dụng với sách Giô-suê và câu chuyện Giê-ri-cô, và lý do họ phát triển tất cả những điều này là để Kinh Thánh "dễ chấp nhận" hơn trong kỷ nguyên khoa học, vì nó có thể biến những phép lạ thành những câu chuyện, không còn là những sự kiện thực tế, và bạn có thể thấy động cơ đằng sau điều này. Vậy thì có vấn đề gì với điều đó? Vì bạn thấy đấy, sách Giô-suê gồm toàn những điều mà kỷ nguyên khoa học cho rằng bất khả thi. Tường thành Giê-ri-cô không phải là vấn đề lớn nhất; vấn đề lớn nhất là mặt trời và mặt trăng đứng yên cả ngày, *nếu như không phải chúng đứng yên mà là trái đất ngừng quay thì tại sao mọi người không bị hất vào vũ trụ khi cả trái đất đột ngột dừng lại?*

Như vậy, điều này được coi là một thần thoại. *Lẽ thật của câu chuyện là Chúa muốn giúp đỡ chúng ta thắng các trận chiến của mình, nhưng không có lẽ thật lịch sử trong đó*. Hy vọng là tôi đã

nói đủ nhiều để bạn thấy được sự phát triển này. Nó có sức lan truyền rất rộng rãi. Nên khi mở sách Giô-suê, bạn đọc thấy sông cạn khô, tường đổ sụp, mặt trời và mặt trăng đứng yên - bạn phải xử lý tất cả những điều đó như thế nào trong kỷ nguyên khoa học này? Bây giờ giả sử chúng là chuyện hư cấu, rằng chúng chỉ là truyền thuyết, nên chúng ta cắt chúng đi, loại bỏ tính thần thoại trong sách đi. Thế thì còn lại gì? Nếu cắt những phép lạ khỏi các sách Kinh Thánh thì bạn chỉ còn lịch sử của loài người mà thôi, và bạn cũng có thể nghiên cứu lịch sử của Tibet cổ đại. Chắc chắn là bạn sẽ tìm được giá trị nào đó.

Nhưng tôi nói rất nghiêm túc đấy! Khi cắt đi phần phép lạ và nói rằng cái đó thật lố bịch, sao có thể xảy ra được, thực ra bạn đang cắt đi phần của Chúa trong lịch sử và chỉ còn phần của con người, vậy thì nghiên cứu lịch sử của loài người 3000 năm trước có nghĩa lý gì đâu! Tôi thấy điều đó chẳng có nghĩa lý gì. Tôi cũng có thể giảng cho bạn về văn hóa Trung Hoa đời nhà Thanh hay cái gì cũng được. Thấy không? Chẳng còn gì liên quan nữa, vì thực tế, những phép lạ đóng vai trò cực kỳ nền tảng trong lịch sử Kinh Thánh - quá nền tảng tới mức nếu bạn cắt phần đó đi thì sẽ thực sự không còn gì đáng nghiên cứu nữa.

Nào, hãy đi sâu hơn chút nữa. Sách Giô-suê giới thiệu với chúng ta những con người thật ở những địa danh thật - địa danh thật - sông Giô-đanh là một địa danh thật; bạn có thể đến tham quan. Tôi đã báp-tem cho người ta tại đó. Giê-ri-cô là một địa danh thật - tôi đã đứng trên đống đổ nát của nó. Giê-ru-sa-lem là một địa danh thật - bạn có thể đến và đứng trên các đường phố tại đó. Người dân, dân Ca-na-an là một dân có thật; khảo cổ học đã chứng minh điều đó. Dân Y-sơ-ra-ên là một dân có thật - con cháu họ vẫn còn ở với chúng ta. Hơn nữa, sách Giô-suê khẳng định rằng sách được viết bởi những người chứng kiến sự việc tận mắt. Sách được viết ở ngôi thứ nhất số nhiều - "chúng tôi đi vòng quanh thành Giê-ri-cô," đó là lời khẳng định trực tiếp của những người nói rằng: "Chúng tôi đã ở đó, chúng tôi chứng kiến sự việc." Tại sao lại có thể nghĩ rằng một học giả ở thế kỷ 20 SCN lại biết rõ sự tình hơn một người đã thực sự có mặt tại đó? Phải có một định kiến kỳ cục mới có thể kết luận như vậy.

Như vậy, sách khẳng định là một bản tường thuật các sự kiện được viết tại thời điểm đó. Một trong những cụm ngắn thường gặp trong sách là "chỗ đó vẫn còn cho đến ngày nay" nên người ta có thể đến và kiểm tra những gì đã tường thuật. Bác bỏ tất cả những điều này, coi chúng là thần thoại là một điều rất cao ngạo, trừ khi bạn có bằng chứng rất xác thực. Hơn nữa, khảo cổ học đã và đang bận rộn xác nhận nhiều chi tiết trong Giô-suê. Chút nữa tôi sẽ cho bạn biết thêm về khảo cổ học tại Giê-ri-cô, nhưng có những thành mà họ đã chinh phục, những thành như Hát-so, La-ki và một số thành khác. Các nhà khảo cổ học đã và đang bận rộn tại tất cả những thành này và họ phát hiện ra một điều, ấy là trong một giai đoạn dài 50 năm, toàn bộ nền văn hóa của tất cả các thành đó đã thay đổi hoàn toàn sang một lối sống đơn giản hơn nhiều. Chúng từng là những thành rất cầu kỳ; chúng là những thành phố rất tinh tế, giàu có và có nền văn hóa riêng, thế nhưng trong khoảng thời gian 50 năm, tất cả các thành này đã bị phá hủy hoàn toàn và một thành phố mới xây dựng trên đó có một nền văn hóa rất khác.

Đó là một điều đáng chú ý mà các nhà khảo cổ học đã phát hiện được, niên đại của sự thay đổi đó cực kỳ ăn khớp với tường thuật của sách Giô-suê về cách họ chiếm các thành đó trong khoảng thời gian 50 năm. Hãy nhớ rằng khảo cổ học không thể chứng minh được một phép lạ vì nó chỉ có thể nghiên cứu các kết quả của phép lạ và không ở đó để quan sát những gì đã diễn ra tại thời điểm đó. Khảo cổ học có thể tìm được những bức tường đổ nát, nhưng không thể biết là ai đã phá đổ chúng.

Vì vậy, hoặc chúng ta phải nói rằng đây chỉ là sự trùng hợp và chúng đổ xuống đúng lúc, hoặc chúng ta phải nói rằng đây hoàn toàn không phải là sự trùng hợp và rằng lúc đó Chúa cũng bận rộn; và với Chúa, hạ đổ một bức tường chẳng là gì cả, hoàn toàn chẳng là gì. Cũng có những điểm tương đồng với một số sự kiện trong Giô-suê; chẳng hạn như sông Giô-đanh thường cạn khô trong mùa lũ.

Nghe thì có vẻ mâu thuẫn nhưng tôi sẽ cho bạn biết điều đó xảy ra như thế nào. Đó là một con sông rất quanh co chảy xuống Thung lũng Giô-đanh, và trong mùa lũ, khi uốn khúc, nó làm lở bờ ở chỗ khúc uốn. Thông thường, thậm chí là tới ngày nay, khi nó làm lở một trong những bờ lớn, bờ sông sẽ sụp xuống và tạm thời ngăn dòng chảy cho tới khi nước dâng lên và tràn qua chỗ ngăn cách, và nước có thể ngừng chảy trong bốn đến năm tiếng. Nên những điều này không chỉ xảy ra một lần, chúng lặp lại. Hơn nữa, những tòa nhà lớn có đổ sụp; tôi không biết là có bao nhiêu thánh đường tại Anh đã mất đi ngọn tháp hay tòa tháp theo cách này - chúng bỗng dưng sụp xuống. Không phải là tôi cố gắng tầm thường hóa các phép lạ, nhưng tôi đang nói rằng chúng không phải là những sự kiện hy hữu. Đáng chú ý ở chỗ, trong sách Giô-suê, chúng đã xảy ra vào đúng lúc mà Chúa phán rằng chúng sẽ xảy ra, và xảy ra đúng vào lúc cần đến chúng nhất. Nên bạn vẫn sẽ gặp vấn đề, cho dù bạn có cố gắng giải thích điều đó theo ngôn ngữ tự nhiên.

Trọng tâm của vấn đề là Chúa có can thiệp vào đó hay không. Nếu bạn loại bỏ những sự kiện siêu nhiên, loại bỏ hoạt động thiên thượng và khiến Kinh Thánh chỉ còn hoạt động của con người thì sách sẽ trở nên giống như mọi cuốn sách lịch sử khác, không liên hệ đến chúng ta ngày nay hơn gì Trung Hoa cổ. Kinh Thánh không phải là lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Rất nhiều thứ không được kể đến. Đó không phải là lịch sử trọn vẹn của Y-sơ-ra-ên, sách Giô-suê bao trùm 40 năm, nhưng phần đa những gì xảy ra trong 40 năm đó không được ghi lại. Việc thành Giê-ri-cô sụp đổ chiếm khoảng ba chương - hoàn toàn không cân xứng chút nào để làm lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Thực ra đó là lịch sử của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Kinh Thánh không phải là lịch sử những gì Y-sơ-ra-ên đã làm nhưng là lịch sử những gì Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã làm.

Nếu cắt đi công việc của Ngài tức là bạn cắt đi phần lớn Kinh Thánh, vì lý do khiến những điều nhất định chiếm nhiều chương còn những điều khác không chiếm chương nào là đây: Khi Chúa đã làm một điều gì đó thì điều đó rất được chú ý. Khi Chúa không bận rộn thì không có sự chú ý nào cả. Kinh Thánh được chọn lọc theo cách đó vì mỗi lịch sử là một sự chọn lọc của những sự kiện mà nhà sử học coi là quan trọng hay đáng chú ý. Các nhà sử học Kinh Thánh nói rằng: những điều quan trọng duy nhất trong lịch sử của chúng ta là những điều Chúa làm, vì đây không chỉ là lịch sử của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đây là lịch sử của Đức Chúa Trời và của Y-sơ-ra-ên. Đây là lịch sử của mối quan hệ giao ước giữa hai bên và đây là lịch sử về cách hai bên hòa hợp với nhau, cách họ không hòa hợp với nhau; và cách Chúa phản ứng với điều họ đã làm. Như vậy đây là lịch sử của Đức Chúa Trời và của Y-sơ-ra-ên - điều Ngài đã phán và đã làm. Ngài là người hùng thật sự của bộ phim.

Tôi có thể trình bày thẳng thắn thế này được không? Nếu Chúa không can thiệp thay họ thì họ sẽ không bao giờ chiếm được Xứ Hứa. Đơn giản vậy thôi, vì nói theo cách của con người, thật là một nhiệm vụ bất khả thi cho một đám dân từng là nô lệ, không được huấn luyện quân sự để đi vào và chiếm một xứ được phòng thủ kiên cố và thay thế một nền văn hóa trổi hơn nhiều so với văn hóa của họ về mặt nhân văn - bất khả thi! Nên nếu cắt phần siêu nhiên đi và cắt Chúa đi thì bạn sẽ chẳng còn lại gì trong cái mà chúng ta gọi là lịch sử của Kinh Thánh. Đó không phải là lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Chắc hẳn là rất, rất nhiều điều họ làm không được chép trong đây.

Chúng ta có thể trình bày điều này như sau: giao ước tại Si-na-i giống như một cuộc hôn nhân. Phần hứa hôn bắt đầu với Áp-ra-ham, đó là khi Đức Chúa Trời đính ước với dân này. Tại Si-na-i, Ngài kết hôn. Phần còn lại của những năm tại Si-na-i là tuần trăng mật. Nó dài hơn nhiều so với dự định, nhưng vì nàng dâu chưa sẵn sàng coi sóc nhà cửa nên tuần trăng mật kéo dài lâu hơn rất, rất nhiều. Nhưng Giô-suê bắt đầu cuộc hôn nhân; giờ đây họ đã trở về nhà sau tuần trăng mật, họ đang cùng nhau dựng nhà - Chúa và Y-sơ-ra-ên - tại nơi Ngài muốn họ sống cùng nhau, nơi Ngài đã chọn. Cuộc hôn nhân đã thành ra thế nào? Đó là câu hỏi chính đáng, và tôi e rằng nó thành ra dở tệ, nhưng Chúa ghét ly dị, Ngài không bao giờ buông họ ra - đó là nét đẹp của điều này. Ngài không chịu ly dị với họ dù cho có đủ mọi lý do. Như vậy, chúng ta có câu chuyện hôn nhân đáng buồn và không thành, nhưng mọi lỗi lầm đều từ phía nàng dâu.

Chúa luôn gọi Y-sơ-ra-ên là "vợ Ta" - Ta là chồng của ngươi, và khi ả đi theo các thần khác, Ngài nói rằng: Giờ đây, ngươi đã trở nên một kẻ ngoại tình, thậm chí là một gái điếm. Nhưng ngôn ngữ hôn nhân xuất hiện xuyên suốt Cựu Ước. Những gì diễn ra tại Si-na-i là một lễ cưới, nhưng cưới hỏi là một chuyện, hôn nhân lại là chuyện khác; và vun đắp hôn nhân sau tuần trăng mật mới là lúc nhiệm vụ thực sự bắt đầu - hoặc không bắt đầu.

Tiếp theo hãy xét đến hình dạng của sách. Tôi luôn thấy ích lợi khi xét đến hình dạng tổng thể của một cuốn sách, cấu trúc, bố cục của nó; và khi có được điều đó, tôi có thể ghép các mẩu vào. Tôi e là chúng ta quá hay đọc Kinh Thánh theo các mẩu. Bạn có tưởng tượng được việc đọc tiểu thuyết trinh thám của Agatha Christie mỗi lần mười câu, mỗi tuần một lần không? Các bạn có tưởng tượng được không? Tôi nghĩ là đến khi đọc được đến chương 8 thì bạn đã quên hết những gì đã xảy ra trong chương một rồi. Thế mà chúng ta đối xử với Kinh Thánh như vậy, đó là cách đọc Kinh Thánh điên rồ nhất. Cách đọc Kinh Thánh hay nhất là mỗi lần đọc hết một sách.

Thế nên tôi mới làm những bài học này - để bạn thấy hứng thú với sách. Ý nghĩa của mỗi câu trong một sách đều từ sách đó mà ra - đó là ngữ cảnh của mọi câu/đoạn. Một câu/đoạn đặt ngoài ngữ cảnh thì chỉ là cái cớ. Nếu hiểu được điều đó thì bạn sẽ hiểu được mọi điều khác mà tôi nói. Bây giờ, hãy xem bố cục của Giô-suê. Đó là một chiếc bánh mì kẹp có ba phần - hai lát bánh mì mỏng và rất nhiều nhân kẹp giữa. Chương 1, rồi chương 23 và 24 là lớp bánh mì trong chiếc sandwich và tất cả đều nói về ông Giô-suê này.

'JOSHUA' - OUTLINE

1. HIS COMMISSION (1)

a. Divine encouragement (vv. 1-9)
b. Human enthusiasm (vv. 10-18)

2. HIS COMMAND (2-22)

A. ENTERING (2-5)

i. Before (2)
ii. During (3-4)
iii. After (5^{1-12})
iv. Captain of Lord's host (5^{13-15})

B. CONQUERING (6-12)

i. Centre (6-8)
ii. South (9-10)
iii. North (11)
iv. List of defeated kings (12)

C. DIVIDING (13-22)

i. East Bank (13)
ii. West Bank (14-19)
iii Special cities (20-21)
iv Altar of departing tribes (22)

3. HIS COMMITMENT (23-24)

a. Office of leadership (23)
b. Oath of loyalty (24)

Phần mở đầu - có thể gọi như vậy - là mạng lệnh Chúa giao cho ông, còn phần kết là bài giảng cuối cùng của ông, sự qua đời và việc chôn cất ông. Như vậy, sách này bao trùm cuộc đời của Giô-suê từ tuổi 80 đến tuổi 120, 40 năm. Thú vị ở chỗ, đó cũng chính là khoảng thời gian bao trùm cuộc đời của Môi-se trong Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký và Phục truyền, từ 80 đến 120 tuổi, 40 năm. Nên hai người này có khoảng thời gian lãnh đạo bằng nhau. Khác biệt ở chỗ, Môi-se vừa là người ban hành luật vừa là người lãnh đạo. Giô-suê chỉ là lãnh đạo, còn luật đã ban hành xong. Phần giữa, từ chương 2 đến chương 22 là một bản tường thuật đơn giản về cách họ chiếm xứ mà Chúa hứa ban - dù thực tế, xứ đó đã có người ở. Chương 2 đến 5 nói đến việc bước vào xứ đó, cách họ vượt sông Giô-đanh và lần đầu tiên bước vào Xứ Hứa.

Có một tiểu tiết thú vị như thế này: Vào ngày họ vượt qua sông Giô-đanh, "cái gì vậy" ngừng rơi, ma-na ngừng rơi, và lần đầu tiên họ ăn hoa quả, bánh ngô nướng và có một bữa ăn đúng nghĩa; thật thú vị. Ngay sau khi họ vượt qua sông Giô-đanh, Chúa ngừng ban đồ ăn cho họ. Giờ thì các con phải tự tìm đồ ăn cho mình, Ngài phán. Nhưng Ngài đã ban cho họ một xứ đượm sữa và mật. Vậy đó là phần bước vào - chương 2 đến 5.

Chương 6 đến 12 là cách họ chinh phục xứ đó, và chiến lược của họ rất đỉnh. Chia ra để chinh phục, nên Giô-suê đã thọc một mũi nhọn ngay giữa Xứ Hứa và chia các toán quân địch làm hai nửa nên chúng không thể dàn ra chống lại ông. Sau đó, ông quét sạch phía bắc rồi quét sạch phía nam - một chiến lược lỗi lạc, Chúa đã chỉ cho ông cách này. Nên ông chinh phục phần trung tâm trước, chuyển sang phía nam, rồi đến phía bắc - xin lỗi, vừa nãy tôi nói ngược.

Rồi trong chương 12, chúng ta có danh sách 24 vua mà Giô-suê đã đánh bại. Tất nhiên, vua không nhất thiết là vua của một đế chế. Lãnh đạo của một chi phái có thể là vua, có thể gọi là tù trưởng, nhưng có 24 vua. Rồi sau đó là nhiệm vụ phân chia xứ cho các chi phái đã chinh phục nó. Như vậy, chúng ta có ba phần đơn giản ở giữa sách Giô-suê - bước vào xứ, chinh phục nó rồi chia nó ra. Ấy là khi họ có phần bắt thăm toàn quốc, tôi sẽ nói thêm về điều đó sau. Đúng mà, họ bắt thăm để chia xứ và chút nữa tôi sẽ cho bạn biết tại sao. Bắt thăm là đúng Kinh Thánh cho đến ngày lễ Ngũ tuần, rồi chúng trở nên sai trái và chắc là bạn biết tại sao. Nhưng hãy nhớ rằng các môn đồ chọn người thay thế cho Giu-đa Ích-ca-ri-ốt bằng cách bắt thăm; họ đã làm như vậy, không phải vì họ thích trò may rủi, sau này tôi sẽ cho bạn biết tại sao. Nhưng họ có phần bắt thăm toàn quốc để chia xứ. Bây giờ bạn đã biết được hình dạng của sách Giô-suê chưa? Một chiếc bánh mì kẹp, sự kêu gọi và mạng lệnh của ông, đến từ cả Đức Chúa Trời và cả dân sự. Đó sẽ là một ý rất thú vị. Ông dẫn họ vào xứ đó để chinh phục nó, chia nó một cách hợp lý giữa các chi phái khác nhau, rồi ông giảng bài giảng cuối cùng cho họ, một bài giảng tuyệt hay: ngày nay hãy chọn ai mà anh em muốn phục sự; nhưng ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va. Những lời trăng trối cực hay. Bạn nhớ được lời trăng trối của một người, đúng không? Đó chính là sứ điệp cuối cùng của ông, rồi người ta chôn cất ông.

Khi đã có hình dạng rồi, hãy bắt đầu xem xét sách kỹ hơn; cấu trúc rất đơn giản và bố cục rất rõ ràng. Tôi phải chỉ ra điều này: Tôi e là việc phân chia chương trong Kinh Thánh tiếng Anh của chúng ta thường đặt sai chỗ. Ước gì tôi được chia lại; nhưng thực lòng mà nói, tôi tin rằng không chia thì hơn. Tôi tin chắc rằng Kinh Thánh không có số chương thì hơn, và không có số câu thì hơn. Khi đó thì bạn phải biết Kinh Thánh của mình. Nhưng chúng ta đã trở nên những người đọc theo câu/đoạn, cứ như thể Chúa chỉ đưa cho chúng ta một cái hộp đầy những câu riêng rẽ mà chúng ta có thể trích dẫn để ủng hộ bất cứ điều gì mà chúng ta muốn chứng minh.

Kinh Thánh đã trở thành nguồn câu dẫn chứng cho mọi người, và bạn có thể chứng minh bất cứ điều gì mình thích bằng Kinh Thánh. Tôi có thể chứng minh thuyết vô thần bằng Kinh Thánh; có một câu nói rằng "chẳng có Đức Chúa Trời" - trong Thi Thiên; thực ra thì câu trọn vẹn là "Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: "Chẳng có Đức Chúa Trời," nhưng có cụm "chẳng có Đức Chúa Trời." Bạn có thể chứng minh bất cứ điều gì bằng Kinh Thánh nhờ các câu/đoạn; nhưng còn ngữ cảnh, Chúa ban cho chúng ta một thư viện sách. Ngài không ban cho chúng ta một sách; Ngài ban cho chúng ta một thư viện sách và mỗi sách có một đặc điểm riêng và chúng ta phải nghiên cứu cả một sách nếu muốn thật sự hiểu được thông điệp của Kinh Thánh.

Nên hãy xét đến mạng lệnh của ông trước. Ông đã 80 tuổi và sự kêu gọi này đến với ông theo hai hướng; tôi thích điều này. Tôi tin rằng chúng ta cần sự kêu gọi kép này để có thể tiếp tục trung tín với Chúa. Bạn cần một sự kêu gọi từ Chúa và bạn cần một sự kêu gọi từ dân sự Chúa, và nếu đó thật sự là sự kêu gọi từ Chúa thì dân sự Chúa cũng sẽ nhìn nhận và xác chứng điều đó. Quá nhiều người nói rằng Chúa bảo tôi làm điều này nhưng dân sự Chúa lại không xác chứng điều đó. Nhiều người bị buộc vào sự phục vụ Cơ Đốc vì dân sự Chúa bảo họ làm như vậy, và họ chưa nghe được Chúa nói về điều đó. Nhưng khi bạn có cả hai...

Tôi đang thực hiện chức vụ đi đó đây; tôi không chọn điều đó nhưng tôi xách va-li đi khắp nơi. Nhưng tôi đã nghe được sự kêu gọi trực tiếp từ Chúa qua một lời tiên tri, nhưng tôi đã xác chứng điều đó với các trưởng lão, và sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, các trưởng lão nói rằng điều này đến từ Chúa. Điều đó khiến tôi yên tâm; tôi có thể làm điều này với sự xác chứng kép từ Chúa và dân sự Ngài. Hãy tìm kiếm sự kêu gọi kép đó. Như vậy là Giô-suê được Chúa kêu gọi. Kinh Thánh chép rằng Chúa phán: Môi-se đã chết. Ồ Giô-suê biết điều đó chứ, nhưng Chúa phán: Môi-se đã chết - giờ Ta gọi con; và Ngài phán: "Ta sẽ không lìa con, không bỏ con đâu" - đó là lời hứa. Môi-se đã đưa chúng ra khỏi Ai Cập, con sẽ đưa chúng vào Ca-na-an; và hai nhiệm vụ đó rất quan trọng. Ngài phán: Con sẽ được thịnh vượng và thành công.

Ý Ngài không phải là con sẽ trở nên giàu có; từ thịnh vượng đã bị hiểu sai trong Kinh Thánh. Nó không nghĩa là giàu có, ấy thế mà "phúc âm thịnh vượng" đã cầm giữ được rất nhiều người. Nhưng thịnh vượng nghĩa là đạt được những điều mà bạn định làm - đó là một lời hứa tuyệt vời. Nguyện dân sự Chúa được thịnh vượng - không phải nguyện họ trở nên giàu có, nhưng nguyện họ được thành công trong những điều mình định làm cho Chúa. Chúa nói rằng có hai điều rất quan trọng. Một là nhuệ khí của các con. Khi các con ra trận, chiến thuật rất quan trọng, chiến lược rất quan trọng, nhưng điều tạo nên chiến thắng là nhuệ khí.

Chiến tranh Thế giới Thứ hai đã trở mặt với Tướng Montgomery. Ông không chịu được chiến thắng - Winston Churchill phát biểu như vậy, ông không khuất phục trong chiến trận nhưng không chịu được chiến thắng; thế nhưng trong trận El Alamein, Bắc Phi, cái giọng nhỏ đanh thép của ông vang lên: "Chúng ta sẽ hạ gục thằng cha Rommel này! Chúng ta sẽ thắng trận chiến này." Và giọng nói đầy khí thế này đã vực Quân đoàn số 8 dậy nơi sa mạc trong Chiến tranh Thế giới Thứ hai và đó là bước ngoặt của cuộc chiến; điều đó chủ yếu phụ thuộc vào nhuệ khí. Thế nên Chúa mới phán với Giô-suê rằng: Sự lãnh đạo của con sẽ phụ thuộc vào nhuệ khí. "Hãy can đảm" - con phải can đảm, con phải nói rằng chúng ta sẽ thắng. Sự can đảm của con sẽ đưa trận chiến đến với chiến thắng - một điểm rất quan trọng.

Nhưng điểm quan trọng thứ hai là đạo đức và Ngài phán: Giô-suê, con phải giữ các luật lệ Ta, con phải vâng giữ luật pháp Ta. Nhuệ khí và đạo đức, hai điều Chúa đòi hỏi ở một người lãnh đạo, rất thú vị đúng không? Giô-suê đi và nói với dân sự rằng: Bây giờ tôi sẽ lãnh đạo anh em, Môi-se đã qua đời rồi. Bạn biết dân sự nói gì không? Họ nói: Hãy mạnh dạn và can đảm. Thực ra dân sự đã nhắc lại từng lời mà Chúa phán riêng với ông, thật là một sự xác chứng tuyệt vời, thật là một bằng chứng tuyệt vời và dân sự đã nói như vậy. Bạn có thể cười điều này, nhưng thực ra họ nói với ông thế này: Chúng tôi đã trọn lòng vâng phục Môi-se thể nào thì sẽ vâng phục ông thể ấy.

Bạn cười khi nghe điều đó, nhưng thực ra bạn không nên cười vì đúng là họ đã vâng phục. Hãy nhớ rằng đây là một thế hệ mới. Thế hệ trước không vâng phục Môi-se, nhưng họ là những thanh niên. Đây là một thế hệ hoàn toàn mới, và họ đã chinh phục được Mô-áp và Am-môn theo lời Môi-se. Nên họ không quá bất tuân như bạn nghĩ khi tôi đọc điều đó; họ thật sự có ý như vậy. Họ nói: Chúng tôi đã vâng phục Môi-se, giờ chúng tôi sẽ vâng phục ông; nhưng hãy mạnh mẽ và can đảm; chúng tôi không muốn một người lãnh đạo hèn nhát hoặc nghi ngờ chiến dịch. Nguyện Đức Giê-hô-va ở với ông, như Ngài đã ở với Môi-se - họ nói như vậy.

Bây giờ, chúng ta sẽ chuyển sang trọng tâm thực sự của sách và ông dẫn họ vào xứ hứa, chinh phục nó và chia nó ra - tất cả đều liên quan đến xứ đó, xứ đó, xứ đó, điều này bao trùm cả sách. Giô-đanh là chướng ngại. Lũ đang dâng lên và nước sâu khoảng 6 mét. Không có cầu bắc ngang và những chỗ cạn đã chìm dưới nước sâu vào thời điểm này trong năm - đây là mùa mưa lũ. Điều đầu tiên mà ông làm trước khi vào đó là sai các thám tử vào, nhưng ông không sai 12 người; ông sai hai người. Có lẽ ông nhớ lại rằng trước đây, hai thám tử đã mang tin tức tốt lành trở lại, nhưng ông chỉ sai hai người thay vì 12 người.

Đức tin không phải là sự liều lĩnh. Chúa Giê-su nhấn mạnh rằng hãy ngồi tính phí tổn trước khi lâm trận. Nghiên cứu tình hình là một việc làm rất khôn ngoan, để xem bạn đang phải đối mặt với điều gì, sự liều lĩnh không phải là đức tin, và có một ranh giới rất hẹp giữa hai điều đó. Một số người "làm bởi đức tin" nhưng thực ra lại rất dại dột, họ không suy nghĩ cho thấu đáo, họ không thực sự biết rằng mình đang làm gì, đó không phải là đức tin.

Đức tin không mù quáng. Đức tin xem xét tình hình, ông sai các thám tử vào: Hãy xem tình hình thế nào. Hơn nữa, ông không muốn họ báo cáo về sức mạnh quân đội, ông muốn họ báo cáo về nhuệ khí của quân địch - nhuệ khí hiện tại của họ ra sao khi thấy chúng ta sắp tiến vào? Các thám tử trọ tại một nhà chứa với một kỵ nữ tên Ra-háp - bà trở thành tổ tiên của Chúa Giê-su; câu chuyện phi thường nhất. Một kỵ nữ, bà đưa họ vào và che giấu cho họ. Người trong thành nghe rằng các thám tử đã vào, họ đến và tìm những người này. Bà đã giấu họ trong đám rơm dưới mái nhà. Khi những người kia đi rồi, bà bảo họ đi về phía Tây. Bà nói: Đừng trở lại phía con sông, họ sẽ tìm các anh đấy. Hãy đi về hướng Tây, về phía các ngọn đồi, vài ngày sau hãy quay lại. Bà đã cứu mạng họ. Tại sao bà lại làm như vậy? Bà nói: Vì tôi tin vào Đức Chúa Trời của các ông. Ngài sẽ ban cho các ông xứ này và tôi muốn đứng về phía các ông. Đó là đức tin, đức tin phi thường. Kết quả là bà được hai trước giả Tân Ước nhắc đến như một tấm gương tuyệt vời về đức tin - không phải là một người nữ tốt, mà là một người nữ của đức tin. Chúa có thể làm nhiều điều với một người nữ xấu mà có đức tin còn hơn một người nữ tốt mà không có đức tin. Chúng ta thường quên điều đó. Đó là người kỵ nữ, bà che giấu họ và cứu mạng họ. Nên thực ra họ nhớ đến huyết chiên con trong Lễ Vượt Qua - họ nói: Hãy cột một vật màu điều ngoài cửa sổ nhà cô và chúng tôi sẽ không đụng đến nó. Chúng tôi sẽ vượt qua nhà cô.

Thú vị không? Nên bà đã treo một thứ nhìn giống huyết trên cửa sổ nhà mình - một sợi dây màu điều. Vì vậy, nhà của bà là ngôi nhà duy nhất không đổ xuống. Đó là điều xảy ra trước khi vào xứ.

Điều gì xảy ra trong khi họ vượt sông? Sông Giô-đanh cạn khô, nhưng nó cạn khô ngay khi chân thầy tế lễ mang hòm chứng ứng chạm vào nước. Điều đó nghĩa là ở đoạn sông phía trên, bờ bị lở và tạm ngăn dòng chảy, nhưng tại sao lại xảy ra như vậy vào đúng thời điểm đó? Thấy không, có quá nhiều sự trùng hợp trong Kinh Thánh mà theo xác suất thống kê thì không thể nào, xác suất là quá cao. Như vậy, dân sự đã vượt sông trên đất khô theo đúng nghĩa đen, trong khi trước đó, các thám tử phải bơi qua sông. Điều gì đã thực sự xảy ra? Thế hệ này chưa từng chứng kiến việc vượt Biển Đỏ và Chúa đang thực hiện lại điều đó cho họ. Thật tuyệt vời! Họ đã nghe về Biển Đỏ, nhưng họ có thực sự tin rằng Chúa có thể làm những điều như vậy không? Họ là một thế hệ hoàn toàn mới. Nên giờ đây, họ biết rằng Đức Chúa Trời của ông cha họ cũng ở cùng họ. Tôi tin đó là lý do khiến điều này xảy ra, Chúa lặp lại sự kiện Biển Đỏ cho thế hệ mới. Tôi nghĩ là mình đã hết thời gian cho bài nói chuyện này nên chúng ta sẽ dừng lại tại đây. Còn rất nhiều điều trong bài nói chuyện tiếp theo nên hãy trở lại nhé, chúng ta sẽ tiếp tục câu chuyện của Giô-suê.

SÁCH GIÔ-SUÊ - Phần 2

Sau khi vượt sông Giô-đanh, họ ở lại Ghinh-ganh khá lâu. Họ dựng một ụ đá - họ lấy 12 hòn đá từ lòng sông Giô-đanh và làm một ụ đá nhỏ tại Ghinh-ganh để nhắc nhở các thế hệ tương lai về việc Chúa đã khiến sông cạn khô cho họ. Tưởng nhớ là một phần rất quan trọng của lòng tôn kính trong Cựu Ước - người ta luôn bảo bạn nhớ điều Chúa đã làm cho mình. Tất nhiên là Cơ Đốc nhân cũng vậy; chúng ta dùng bánh và chén - "làm điều này để nhớ đến Chúa." Chúng ta cần được nhắc nhở thường xuyên về những điều Chúa đã làm cho chúng ta trong quá khứ. Cách mà họ thích nhất là dựng một ụ đá và đặc biệt là 12 hòn đá, mỗi hòn cho một chi phái.

Họ còn làm một điều khác nữa; cả thế hệ này chưa được cắt bì nên giờ đây, tất cả những người nam thuộc thế hệ mới này được cắt bì. Nghĩa là họ phải ở trong trại cho tới khi cơ thể hồi phục, phải chịu đau và rất yếu ớt nếu bị tấn công vào thời điểm đó. Giả như dân Giê-ri-cô biết điều này thì họ đã có thể hành quân và thực sự đánh bại dân Y-sơ-ra-ên vào thời điểm đó, nhưng họ đã không làm như vậy. Sau vài ngày thì dân Y-sơ-ra-ên đã sẵn sàng đi. Ma-na ngưng rơi ngay sau khi họ vượt sông Giô-đanh vì đất đai ở phía bên kia rất màu mỡ - nếu bạn đến Giê-ri-cô ngày nay thì đó là cả một ốc đảo. Những quả bưởi, quả cam ngon nhất mà bạn từng nếm là ở Giê-ri-cô - tôi thấy một số người trong đây đã nếm thử. Như vậy, ngay sau khi vượt sông, họ đã lại được ăn rau quả và thức ăn, họ gọi chỗ đó là Ghinh-ganh nghĩa là "lăn đi" vì Chúa đã lăn sự sỉ nhục của Ai Cập ra xa. Giờ đây họ có thể quên đi Ai Cập, họ đã vào rồi.

Lúc này, một điều khá kỳ lạ đã xảy ra. Giô-suê quyết định thực hiện một chuyến thăm dò thành đó - ông tự mình đi quanh và đi vào buổi đêm. Ông đã đi quanh thành này và tình cờ gặp một người cầm gươm và ông hỏi: Ngươi thuộc phe nào? và người này trả lời là Không! Tôi nghĩ đó là một câu trả lời thú vị. Ngươi thuộc phe nào? Ngươi thuộc về phe địch hay phe ta? Không! Và nhân vật đó tiếp tục nói: Quan trọng là ngươi thuộc phe nào, Giô-suê ạ. Ngươi có thuộc phe Đức Chúa Trời không? Và đó là tướng chỉ huy đạo quân của Đức Giê-hô-va. Tôi tin rằng đó nghĩa là một thiên sứ cấp cao, thiên sứ trưởng. Tôi không tin đó là Con Đức Chúa Trời, nhưng tôi tin đó là một thiên sứ trưởng, tướng chỉ huy đạo quân của Đức Giê-hô-va. Nhưng tin thế nào là tùy bạn. Chuyện xảy ra thế này: Giô-suê được nhắc nhở rằng ông không phải là sĩ quan bậc cao nhất trong đội quân của Chúa, rằng ông là sĩ quan cấp dưới. Đó là chút nhắc nhở nhẹ nhàng. Như vậy, họ sắp sửa chinh phục Xứ Hứa và như tôi đã nói, họ thọc một mũi nhọn vào trung tâm trước, sau đó quét sạch phía nam rồi quét sạch phía bắc - một chiến lược lỗi lạc.

Sách dành nhiều thời gian nói đến hai thành đầu tiên hơn mọi thành sau này. Ấy là bởi vì hai thành đầu tiên đóng vai trò cực kỳ quan trọng, một theo nghĩa tích cực và một theo nghĩa tiêu cực. Một thành là chiến thắng trọn vẹn còn thành kia là một thảm họa. Giê-ri-cô là chiến thắng. Giê-ri-cô vẫn còn đó - thậm chí là Giê-ri-cô cổ, tuy Giê-ri-cô ngày nay nằm dưới đó gần hai cây số.

Mấy tấm hình này khá mờ, nhưng chỗ này nhìn qua Thung lũng Giô-đanh đến các ngọn đồi Mô-áp phía bên kia, sông Giô-đanh chảy ở chỗ đó. Đây là ốc đảo Giê-ri-cô và ở giữa là đống đổ nát này. Nó cao hơn mọi thứ khác. Rõ ràng là đó chỉ là một đống đất; chúng ta gọi đó là mô đất. Nhưng từ mô đất đơn giản là đống đổ nát của một thành phố hay ít nhất là nhiều thành phố xây chồng lên nhau. Một thành phố đã bị phá hủy nên người ta xây một thành khác chồng lên, vậy là dần dần tạo thành một quả đồi do con người dựng nên. Bạn có thể để ý thấy tại một số ngôi làng cổ của nước Anh, cửa trước của những ngôi nhà tranh thấp hơn mặt đường khá nhiều; bởi lẽ người ta cứ xây đường cao lên, cao chồng lên nữa. Một mô đất được hình thành theo cách đó.



Thung lũng Giô-đanh



Ốc đảo Giê-ri-cô

Như vậy, các nhà khảo cổ học dùng một phương pháp là tách hết lớp này đến lớp kia nhưng phương pháp đó sẽ phá hủy từng lớp khi xuống sâu. Một phương pháp khác là lấy một lớp cắt ở ngay giữa và nhìn nó như một cái bánh mì kẹp, sau đó để ý đến dạng gốm cụ thể trong từng lớp, truy niên đại của nó,... Người ta đã làm như vậy với mô đất này - đó chỉ là mô đất dài ở đây. Nếu nhìn từ trên cao xuống thì bạn sẽ thấy như thế này. Chỗ này toàn cây ăn quả của Ốc đảo Giê-ri-cô nhưng chỗ này là thành phố cổ trong Cựu Ước. Giờ thì không còn ai sống tại đó nữa; nó chỉ là một đống gạch vụn đổ nát như bạn có thể thấy. Nhưng thực ra họ đã đào một cái hào ở ngay giữa và khai quật tòa nhà cổ nhất trên thế giới, chút nữa tôi sẽ cho các bạn xem.

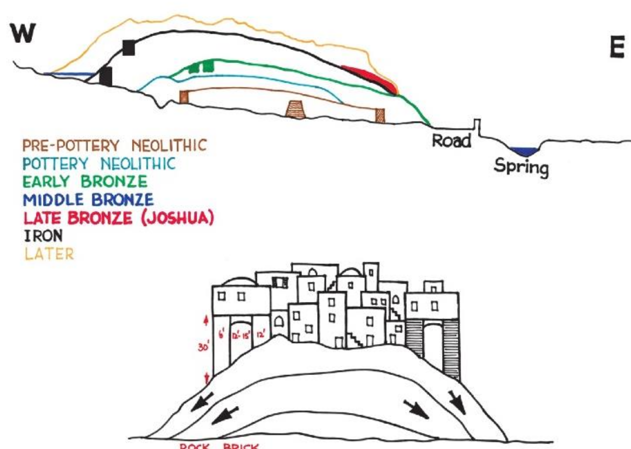


Tòa tháp tròn, tòa nhà cổ hất trên thế giới

Người ta đã phát hiện ra rằng Giê-ri-cô thực ra là thành phố cổ nhất trên toàn thế giới, theo những gì chúng ta biết. Thực chất, nó có niên đại từ 8000 năm TCN và thực tế, trong đó có một tòa nhà mà bây giờ tôi sẽ cho bạn xem - một tòa tháp tròn, bên trong có cầu thang hình xoắn ốc. Bạn không thể đi xuống đó; người ta phải giăng một tấm chắn lên trên vì người tham quan cứ lấy các viên đá đi mất, nhưng pháo đài hình tròn này có niên đại từ 8000 năm TCN, bạn đang nhìn vào vật 10.000 tuổi. Đó là tòa nhà cổ nhất trên thế giới và người ta phát hiện ra nó bằng cách đào cái hào này ngay giữa. Người ta cũng phát hiện được nhiều đặc điểm của thành phố này và một đặc điểm khác thường là nó có tường kép - hai bước tường - bức ngoài, rồi đến một khoảng trống 4m rưỡi, rồi đến bức trong. Bức

ngoài dày 1m8 và làm bằng đá, bức trong dày 3m6 và làm bằng gạch. Đây là dạng vấn đề mà dân Y-sơ-ra-ên phải đối mặt - đó là một pháo đài lớn và đồ sộ.

Nhưng một điều đã xảy ra. Nên hãy bỏ những tấm hình này ra và xem thành Giê-ri-cô. Đây là mặt cắt rất đơn giản của mô đất và bạn có thể thấy các thành phố với niên đại khác nhau được xây chồng lên nhau. Thành phố của Giô-suê không còn lại nhiều; chỉ có một chút ở đây. Vào thời Giô-suê thì đó là thành phố thuộc thời đại đồ đồng hậu kỳ. Trục đường chính mà bạn đi qua nằm ở đây; xe sẽ đưa bạn đi cạnh mô đất này, dòng suối cấp toàn bộ nước cho Giê-ri-cô nằm ngay cạnh đó, dòng nước ngọt trong trẻo. Nhưng nếu bạn nhớ được thì trong thời tiên tri Ê-li-sê, dòng suối đó bị nhiễm phóng xạ và Chúa lại phải làm phép lạ thì nó mới trong sạch trở lại.



Mặt cắt đơn giản của thành Giê-ri-cô

Nhưng ở đây, chúng ta có những thành phố khác nhau, thành phố thời đồ đá mới, thời đồ gốm tiền kỳ, đến thời đồ đồng tiền kỳ, thời đồ đồng hậu kỳ chỉ sau đó một chút, thời đại đồ sắt và cuối cùng là những mẩu sau này; nhưng giờ đây, đó chỉ là một khối đất nham nhở. Người ta tìm thấy nhiều mẩu tường ở đây - đó là chỗ mà người ta tìm thấy bức tường kép. Vì bức tường đó mà Giê-ri-cô có kích thước rất hạn chế, nhưng dân số lại phát triển. Vậy họ phải làm gì? Họ quyết định xây những căn nhà chồng lên hai bức tường, thực ra là nối chúng lại với nhau để có thêm không gian. Nên đó là một thành phố nhỏ rất đông dân cư với những ngôi nhà xây trên đỉnh những bức tường dày 1m8, rồi đến khoảng trống, sau đó là bức tường dày 3m6. Những bức tường này cao khoảng 9m. Hãy nhớ rằng nó vốn đã nằm trên những lớp khác nhau của các thành phố trước.

Bạn có thấy rằng những bức tường cộng thêm sức nặng của những căn nhà trên đó sẽ không được chắc chắn lắm không? Bạn có thấy điều đó không? Không phải là tôi đang cố giải thích phép lạ. Tôi chỉ đang cố cho bạn thấy tình cảnh thật sự. Một cơn động đất nhỏ có thể khiến cả cụm sụp xuống. Chúa có dùng một cơn động đất nhỏ để làm điều đó hay không, chúng ta không biết. Thậm chí là có thể, mà điều này khá khả thi, là thực tế, một tiếng ồn lớn kéo dài có thể làm điều đó.

Thật thú vị là Chúa bảo họ thổi những chiếc sừng mà tôi vừa thổi ở đây. Kinh Thánh chép rằng vừa khi kèn thổi thì tường thành liền đổ sập. Bạn biết rằng một số ca sĩ có thể làm vỡ bóng đèn khi họ hát đúng nốt nhạc. Rất có thể là Chúa biết những bức tường đó vốn đã bấp bênh trên những con dốc này, cộng thêm sức nặng của những căn nhà nữa nên chỉ chực sụp xuống thôi. Thế nào cũng được, tôi không biết nữa. Thực tế là Chúa phán: các con hãy đi vòng quanh đó bảy lần, mỗi ngày một lần trong im lặng và vào ngày thứ tám, hãy thổi kèn; và họ thổi những chiếc sừng này, tôi đã cố thổi nó cả đêm. Kiểu như vậy. Bạn có thể tưởng tượng rằng tất cả những chiếc sừng này thổi cùng một nốt và người ta la to hết mức có thể.

Hơn nữa, sau sáu ngày im lặng, tôi nghĩ là dù sao thì điều đó cũng khiến cư dân phát hoảng cả lên, nhưng các bức tường sụp xuống cùng với các căn nhà xây trên đó - chỉ trừ một căn. Bởi vì, bạn có nhớ kỵ nữ Ra-háp không? Nhà bà nằm trên những bức tường, nên Chúa để lại một mẩu tường - sợi

dây màu điều ngoài cửa sổ đã cứu bà và gia đình bà. Như vậy là bà trở thành cụ cố, xin lỗi, là cụ cố cố của Vua Đa-vít, và cụ cố cố cố cố cố cố cố cố cố cố của chính Chúa Giê-su, được cho vào gia phả trong Ma-thi-ơ 1, đó là một câu chuyện tuyệt vời. Thậm chí họ không phải chiến đấu trên đường, họ chỉ việc đi vào thành và chiếm lấy nó. Nhưng Chúa phán: thành này là trái đầu mùa, nó là của Ta. Đừng có động đến bất cứ thứ gì trong đó.

Theo cách đó, Chúa bảo họ rằng chiến thắng này là của Ta, không phải của các con, các con không đáng được bất cứ thứ gì từ thành này, đây là chiến thắng của Ta. Các con có thể chinh phục những thành khác và có thể lấy chiến lợi phẩm từ các thành khác, nhưng đừng lấy từ thành này. Chúng ta biết rằng một người đã làm như vậy. Vì nơi tiếp theo mà họ đến là một chỗ tên A-hi, ở phía trên đồi.


Những gì còn lại của thành A-hi

Đây là tất cả những gì còn lại của A-hi, đây là bức hình nét nhất mà tôi tìm được về A-hi, đó chỉ là một đống đổ nát. Nhưng đó từng là một thành phố phát triển. Dân Y-sơ-ra-ên phạm phải hai lỗi, hai sai lầm.

Một là tự phụ; và Giô-suê nói: chúng ta không cần sai nhiều quân đến thành này; xứ này cũng dễ chiếm thôi. Thật tai hại khi nghĩ rằng vì Chúa đã chúc phước cho bạn một lần nên Ngài sẽ làm điều đó thêm lần nữa, hay bạn đã thành công trong một lĩnh vực thì điều đó sẽ lặp lại. Thường thì khi tôi ở trong hoàn cảnh mà Chúa thực sự hiện diện và chúc phước cho chúng tôi, phản ứng tức thì của dân sự sau đó là: chúng ta phải thực hiện lại điều này, tôi nói: Đừng, anh chị em đừng thực hiện lại điều này chỉ vì nghĩ rằng hãy đi và làm như trước. Sam-sôn đã nói như vậy, "ta sẽ đi ra như các lần trước." Bạn không thể lặp lại Đức Chúa Trời và dân Y-sơ-ra-ên đã tự phụ, họ nghĩ rằng một vài toán quân đã có thể hạ A-hi.

Hơn nữa, một người tên A-can đã lấy cắp thứ gì đó từ Giê-ri-cô. Hắn thấy một vài bộ đồ đẹp và nghĩ: cái này không ích gì với Chúa, nhưng mình có thể tận dụng chúng. Hắn ta cũng thấy một ít vàng và lấy cắp chúng. Lần đầu tấn công A-hi, các toán quân của Giô-suê bị đánh cho tan tác, họ bỏ chạy và Giô-suê trở lại với Chúa và hỏi: Chúa ơi, sao Ngài lại để điều đó xảy ra? Người ta sẽ truyền khắp xứ rằng chúng con đâu có bất khả chiến bại gì! Chúng con thế là xong rồi! Và ông đổ lỗi cho Chúa và Chúa phán: Giô-suê, đây có thể là lỗi của con đấy! Hãy xem ai lấy vật cấm tại Giê-ri-cô. Đó là khi họ gọi các chi phái lại. Họ lại bắt thăm và nhờ bắt thăm, họ chỉ ra được chi phái này. Rồi họ gọi các gia tộc khác nhau đến và nhờ bắt thăm, họ chỉ ra được gia tộc này. Rồi họ gọi từng gia đình trong gia tộc đó đến và nhờ bắt thăm, họ phát hiện ra gia đình của A-can.

Tại sao việc bắt thăm lại có hiệu quả trong Cựu Ước? Câu trả lời rất đơn giản. Họ tin rằng Chúa kiểm soát mọi hoàn cảnh và khi - cái này chỉ khi xảy ra tranh cãi - khi họ tung một đồng xu, Chúa có thể bắt lấy nó và xoay nó đúng số lần để chỉ cho họ điều Ngài muốn. Đó là lý thuyết, về mặt thần học thì điều này hoàn toàn hợp lý. Nếu Chúa có thể kéo đổ thành Giê-ri-cô xuống thì Ngài hoàn toàn có thể quyết định việc bắt thăm; và họ cố tình dùng việc bắt thăm để người đó không thể tác động vào hoàn cảnh. Chúng ta cũng làm điều đó, chúng ta tung đồng xu để xem đội nào sẽ đánh trước trong một trận bóng chày - để không người nào có thể chọn được. Nhưng khác biệt ở chỗ khi bắt thăm, họ

tin rằng điều đó cho Chúa được lựa chọn vì Ngài có thể kiểm soát việc bắt thăm. Thế nên họ đã làm như vậy cho tới ngày Lễ Ngũ tuần.

Sau đó, Đức Thánh Linh đã dẫn dắt họ, nên chúng ta không cần tung đồng xu nữa vì giờ đây, chúng ta đã có Thánh Linh dẫn dắt mình. Nhưng trong thời Cựu Ước, người ta đã làm như vậy. Thầy tế lễ đeo hai viên đá trong bảng đeo ngực, một viên đen và một viên trắng, họ gọi chúng là U-rim và Thu-mim, một viên nghĩa là có, một viên nghĩa là không. Người ta sẽ đến với thầy tế lễ và hỏi: Chúa có muốn tôi cưới cô này không? Thầy tế lễ sẽ nhắm mắt lại và lôi ra một viên đá, nếu đó là đá đen thì câu trả lời là không và nếu đó là đá trắng thì câu trả lời là có. Ước gì thời nay chúng ta cũng được dẫn dắt theo cách đó.

Như vậy sẽ đơn giản và dễ dàng hơn nhiều, chỉ cần đến gặp mục sư và bảo mục sư chọn cho tôi một viên đá, thế là bạn biết phải làm gì. Thực ra, Chúa muốn có mối quan hệ cá nhân với chúng ta hơn là như vậy. Ngài muốn thực hiện điều đó một cách cá nhân hơn. Nhưng người ta đã từng làm như vậy và chúng ta sẽ thấy rằng sau này, họ đã chia xứ theo cách đó. Như vậy, họ đã bắt thăm và thăm rơi nhằm A-can; cũng như sau này, những thủy thủ trên con tàu đến Tây Ban Nha đã bắt thăm và thăm rơi nhằm Giô-na. Bạn sẽ liên tục thấy rằng Chúa kiểm soát việc bắt thăm. Ngài không kiểm soát Xổ số Kiến thiết nước Anh, nhưng Ngài có kiểm soát việc bắt thăm thời Cựu Ước! Điều đó rất quan trọng. Như vậy, A-hi là một thảm họa, A-can và gia đình hắn phải chết. Rõ ràng là họ biết điều hắn đã làm và họ đã hoan nghênh điều đó. Họ mừng vì có quần áo và vàng bạc. Nhưng tội lỗi của một người khiến dân sự Chúa thất bại. Thật đáng sợ đúng không, khi một thành viên của hội thánh có thể gây ra hậu quả tương tự như khi có tội lỗi trong trại quân? Bạn đâu thể phạm tội một mình, điều đó có tác động trên tất cả những người khác và dân sự Chúa.

Cuối cùng họ đến được núi Ê-banh và họ vâng lời Môi-se. Môi-se nói: khi các ngươi đến ngọn núi ở trung tâm - có hai ngọn núi, Ê-banh và Ga-ri-xim. Ông nói: các ngươi phải đứng trên cả hai ngọn núi, một số người, và các ngươi la to những phước lành trên núi này rồi la to những sự rủa sả trên núi kia. Nếu bạn đến hai quả núi đó ngày nay, chúng ở ngay gần Si-chem và có dạng khán đài hình vòng cung - cả hai quả núi đều lõm vào ở hai mặt đối diện nhau. Nên bạn có thể tưởng tượng ra hai khán đài hình vòng cung lớn, mới và tự nhiên này không? Bạn hoàn toàn có thể nghe được qua thung lũng. Họ đứng đó, la to những phước lành và sự rủa sả cũng như nhắc lại giao ước.

Rồi họ tiếp tục đi về phía nam. Tôi muốn trở lại với bố cục - tôi để đâu rồi ấy nhỉ, à đây. Họ đã quét sạch phía nam, đó là lúc mặt trời đứng yên. Họ bị năm vua Am-môn, dẫn đầu là Vua Giê-ru-sa-lem tấn công, ông này tự xưng là Chúa tể Công chính, điều này không thú vị sao? Vì Giê-ru-sa-lem vẫn ở trong tay kẻ thù và ông ta dẫn đầu năm vua tấn công họ tại Thung lũng A-gia-lôn. Đây là tấm hình lấy từ một cuốn sách, bạn có thể thấy thung lũng A-gia-lôn với mặt trời, là nơi mặt trời đứng yên. Đó là nơi điều này đã diễn ra.

'JOSHUA' - OUTLINE

1. HIS COMMISSION (1)
   a. Divine encouragement (vv. 1-9)
   b. Human enthusiasm (vv. 10-18)

2. HIS COMMAND (2-22)

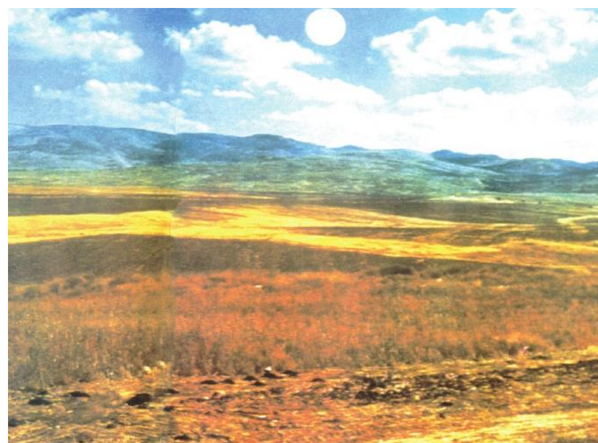
A. ENTERING (2-5)
   i. Before (2)
   ii. During (3-4)
   iii. After (5 1-12)
   iv. Captain of Lord's host (5 13-15)

B. CONQUERING (6-12)
   i. Centre (6-8)
   ii. South (9-10)
   iii. North (11)
   iv. List of defeated kings (12)

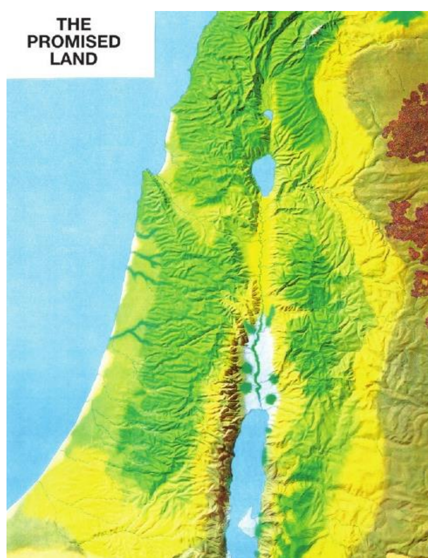
C. DIVIDING (13-22)
   i. East Bank (13)
   ii. West Bank (14-19)
   iii Special cities (20-21)
   iv Altar of departing tribes (22)

3. HIS COMMITMENT (23-24)
   a. Office of leadership (23)
   b. Oath of loyalty (24)

Lúc này, họ bắt đầu chia xứ và họ dùng cách bắt thăm toàn quốc để không người nào có thể tác động vào sự lựa chọn. Giô-suê đã sai người đi khảo sát và họ trở lại với bản đồ hoàn chỉnh của xứ đó. Bản đồ nhỏ này có thể giúp bạn hình dung được. Đó là một mảnh đất nhỏ và thú vị, chỉ bằng diện tích xứ Wales. Nó chỉ có chút màu xanh ở Trung Đông; Hoang mạc Ả rập ở bên này và hoang mạc Nê-ghép ở phía nam. Mưa đến từ Địa Trung Hải và rơi trên những quả đồi này trước, sau đó đến những quả đồi trên thung lũng Tách giản. Tất cả chỉ có như vậy; đó là Xứ Hứa. Nhưng xứ được chia ra, được khảo sát và họ bắt thăm để chia phần cho các chi phái. Hai chi phái rưỡi muốn có phần đất phía bên kia sông Giô-đanh, ngày nay chúng ta gọi nó là Transjordan, nên Môi-se đã hứa với họ rằng họ có thể hưởng phần đất đó, với điều kiện là họ phải đến giúp các chi phái khác chinh phục phía bên này. Nếu họ giúp anh em mình chiếm được xứ này thì họ có thể trở lại và định cư ở bên kia. Sự việc là như vậy - hai chi phái rưỡi định cư tại đây và chín chi phái rưỡi, à mười chi phái rưỡi, không, chín chi phái rưỡi định cư phía bên này, xứ được chia ra và mọi người đều hài lòng với cách phân chia đó. Phần đó chiếm khá nhiều chương trong Giô-suê. Tất nhiên là có những thành đặc biệt. Phải có sáu thành trú ẩn, ba thành ở mỗi bên của sông Giô-đanh, nơi những người phạm tội ngộ sát có thể chạy trốn và không bị giết vì tội giết người. Cũng có những thành cho người Lê-vi, tất cả đều có trong sách Giô-suê.



Thung lũng A-gia-lôn nơi mặt trời đứng yên



Bản đồ Xứ Hứa

Chúng ta chuyển sang hai chương cuối, lời bạt cuối cùng nơi ông giảng bài giảng tuyệt hay này. Chỉ có hai điều mà tôi muốn nói về điều này. Ông đã già, đã 110 tuổi, được kêu gọi ở độ tuổi giống như Môi-se, lúc 80 tuổi, nhưng giờ đây, ông biết mình sắp qua đời. Thật tuyệt vời khi nhiều người trong Kinh Thánh biết khi nào mình sẽ qua đời và thậm chí là Cơ Đốc giáo, biết cách chết cũng như cách sống. Có một người ở Beaconsfield, Anh đã viết thư cho tất cả những người thân của mình sau khi bác sĩ bảo là ông sắp qua đời, và ông nói rằng: hãy đến ở với tôi, hãy đến xem một Cơ Đốc nhân chết như thế nào. Đúng là một thách thức! Như vậy, những con người vĩ đại của Đức Chúa Trời, khi thì giờ của họ gần kề, họ biết mình sắp đi đâu, và họ thường để lại một thông điệp mà nhờ đó, người ta sẽ nhớ đến họ. Điều đầu tiên chúng ta chú ý đến là vị trí lãnh đạo. Giô-suê không chỉ định người kế nhiệm; Môi-se có còn Giô-suê thì không. Tại sao không? Vì từ giờ trở đi, một người không thể đảm đương hết được. Dân sự phân tán ra, nếu chỉ có một lãnh đạo thì nhiều chi phái sẽ không thể tiếp cận được người này. Từ giờ trở đi, mỗi chi phái phải có các trưởng lão riêng.

Đó là một bước tiến rất quan trọng. Nhưng thực ra nó lại thất bại, và dân sự lại muốn ở dưới sự lãnh đạo của một người, họ đòi có vua, nhưng đó không phải là ý muốn của Chúa. Ý muốn của Chúa là các trưởng lão trong từng chi phái sẽ đảm nhận việc lãnh đạo vì điều đó có nghĩa rằng dân sự được tiếp cận ngay với các trưởng lão và đó là một nguyên tắc rất quan trọng. Khi bạn đã thiết lập hệ thống thứ bậc với một người đứng đầu thì người đó rất khó tiếp cận. Điều quan trọng mà Chúa muốn cho dân sự Ngài là những trưởng lão trong vùng được tiếp xúc trực tiếp với dân sự trong vùng. Nhưng họ không chấp nhận điều đó và nó không thành công, nhưng đó là ý muốn của Chúa. Nên ông nhắc họ

nhớ đến giao ước, nhắc họ rằng Chúa không chỉ hứa chúc phước mà còn hứa rủa sả, Ngài hứa cả hai và ông nói: Chúa luôn giữ những lời hứa Ngài. Ngài đem chúng ta vào xứ này nhưng Ngài sẽ không ngừng sửa trị chúng ta đâu.

Thú vị là Giô-suê quy mọi công trạng chiếm xứ cho Chúa, ông không nhận vẻ vang về mình dù ông đã dẫn dắt họ. Ông nói: Chúa đem chúng ta vào, Chúa chiến đấu cho chúng ta, Chúa ban cho chúng ta đất này, Chúa đã làm điều đó và anh em nên biết ơn Ngài. Như vậy, ông khiến họ lập một lời thề trung thành với Chúa. Trong chương 24, một điều độc đáo đã xảy ra - ông nói ở ngôi thứ nhất số ít giống như trong chương 23, nhưng trong chương 24, "Ta" lại nghĩa là Đức Chúa Trời. Ông đang nói tiên tri, và sứ điệp cuối cùng của ông là lời tiên tri từ đầu chí cuối. Tuy ông vẫn nói là "ta," trong chương 23, "ta" nghĩa là Giô-suê nhưng trong chương 24, "Ta" nghĩa là Giê-hô-va, Đấng Hằng hữu, Đức Giê-hô-va vạn quân. Đức Chúa Trời phán qua Giô-suê như sau, Ngài phán: Ta đã thực hiện tất cả những điều này cho các con.

Tôi rất thích một câu mà Chúa phán, ấy là "Ta ban cho các con đất mà các con không phải khai phá, những thành mà các con không phải xây dựng, và các con đã ở đó; những vườn nho và vườn ô-liu các con không trồng mà lại được ăn," nhưng Ta ban chúng cho các con. Ta đã ban cho các con tất cả những điều này. Lúc này, với lòng biết ơn, Giô-suê lại nhân danh chính mình mà nói: Nên hãy kính sợ Chúa và phục sự Ngài, hãy trung tín với Ngài và lìa bỏ mọi thần khác. Đó là khi ông đưa ra lời khẳng định rất hay này: "nhưng ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va." Ông nói rằng đó là sự lựa chọn; các ngươi đã có được xứ này, giờ thì thần nào sẽ trở thành Chúa của các ngươi? Khi giờ đây, các ngươi đã có được thứ mình muốn. Một thách thức đầy ý nghĩa và họ nói: Chúng tôi sẽ phục sự Đức Giê-hô-va. Nên ông nói: Được rồi, ta sẽ viết điều đó lên một hòn đá ở đây, và ông dựng một hòn đá làm chứng. Họ nói ba lần rằng chúng tôi sẽ phục sự Đức Giê-hô-va. Vài câu cuối cùng là việc chôn cất ba người - chôn cất Giô-suê, chôn cất hài cốt của Giô-sép. Bạn có biết rằng suốt chặng đường đó, trong 40 năm, họ đã mang một chiếc quan tài ra khỏi Ai Cập không? Cùng với mọi thứ khác, họ đã mang một chiếc quan tài trên suốt chặng đường, trong đó chứa hài cốt Giô-sép vì ước muốn của ông khi chết là hãy chôn ta trong Xứ Hứa và giờ đây, cuối cùng thì họ đã chôn Giô-suê, chôn hài cốt của Giô-sép và chôn Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn.

Như vậy là đám tang ba người đã khép lại sách này. Kinh chép như sau: suốt thời gian Giô-suê và các lãnh đạo thuộc thế hệ ông còn sống, dân sự vẫn trung tín với Chúa nhưng đến thế hệ sau, mọi thứ trở nên rất tệ. Một trong những vấn đề nan giải nhất là truyền lại đức tin cho thế hệ kế cận, thật sự là như vậy, để thế hệ thứ hai của con cái Cơ Đốc nhân được sốt sắng như cha mẹ họ là những người đến với Chúa trước tiên. Điều đó không dễ dàng, một vấn đề đã đeo bám hội thánh Cơ Đốc từ lâu. Mỗi thế hệ phải tự mình khám phá lại về Đức Chúa Trời, họ có thể nghe những điều Chúa đã làm cho bố mẹ và ông bà mình nhưng không nghĩa là con cháu sẽ tự động tin theo.

Hãy tóm tắt những gì chúng ta học được từ Giô-suê. Khi đọc Giô-suê, tôi học được những bài học nhất định. Tôi có thể tóm tắt sách bằng hai câu đơn giản: Nếu không có Ngài thì họ không thể thực hiện được điều đó. Nhưng nếu không có họ thì Ngài sẽ không thực hiện điều đó. Đó là hai bài học rất quan trọng; ở đây có sự quân bình; chúng ta rất dễ đi quá trớn và chất hết trách nhiệm lên Chúa hoặc chất hết lên chúng ta, nhưng có một sự quân bình theo Kinh Thánh. Nếu không có Chúa thì chúng ta không thể làm được nhưng nếu không có chúng ta, Ngài sẽ không làm. Hãy để ý sự thay đổi của động từ, không phải là không có chúng ta, Ngài không thể làm mà là Ngài sẽ không làm. Đây là sự quân bình rất đẹp, nó xuyên suốt Kinh Thánh. Có Chúa thì mọi sự đều được, không có Ngài thì Ngài chọn không làm cùng chúng ta. Ngài cần chúng ta, Ngài muốn chúng ta, chúng ta được gọi là những cộng sự của Đức Chúa Trời. Nếu Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên không cộng tác với Chúa thì điều đó sẽ không xảy ra. Thế nhưng nếu không có Ngài và sự can thiệp của Ngài thì họ không thể nào làm được điều đó. Đó là sự quân bình thật đẹp.

A. DIVINE INTERVENTION
Without him, they couldn't have done it.
1. HIS WORDS
2. HIS DEEDS
B. HUMAN CO-OPERATION
Without them, he wouldn't have done it.
1. THEIR ATTITUDE
Confidence
2. THEIR ACTION
Obedience
JERICHO
WRONG ATTITUDE
Self-confidence
WRONG ACTION
Disobedience
AI
Defeated by superior troops (7)
Deceived by subtle tricks (9)
Divided by supposed treachery (22)

Như vậy, trước hết, chúng ta thấy nhiều sự can thiệp từ trời trong sách Giô-suê. Chúng ta thấy lời Chúa và công việc Ngài - Ngài lập những lời hứa và Ngài giữ lời. Ngài đã lập một giao ước thiêng liêng mà Ngài không bao giờ phá vỡ. Chúa không nuốt lời, dù chỉ trong phút chốc. Ngài đã chỉ chính Ngài mà thề: nhân danh Ta, nhân danh Đức Chúa Trời, Ta sẽ ở cùng các con. Nếu như vậy nghĩa là phải trừng phạt các con thì Ta sẽ trừng phạt, và nghĩa là được chúc phước cho các con thì Ta sẽ chúc phước, nhưng Ta sẽ ở cùng các con. Khi mạnh khỏe cũng như lúc đau yếu, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, Ta là Đức Chúa Trời các con. Đức Chúa Trời không thể nói dối.

Tôi từng lập một danh sách những điều Chúa không thể làm vì bạn biết đó, khi nghĩ về Đức Chúa Trời Toàn Năng, bạn nghĩ rằng Ngài có thể làm bất cứ điều gì. Không phải đâu; có nhiều điều mà Chúa không làm được. Điều đầu tiên tôi viết ra là Chúa không thể nói dối và tôi đã hoàn tất danh sách 31 điều Chúa không làm được. Tôi sửng sốt nhận ra rằng mình có thể làm từng điều trong đó. Điều đó có khiến tôi vĩ đại hơn Chúa không? Không. Cảm tạ Chúa vì có một số điều Ngài không làm được. Để tôi cho bạn biết một điều Ngài không làm được - Ngài không thể thay đổi quá khứ. Khi chuyện đã rồi thì ngay cả Chúa cũng không thể thay đổi. Ngài có thể thay đổi tác động và kết quả của nó, nhưng Ngài không thể thay đổi sự việc. Nên chính Đức Chúa Trời không thể xóa bỏ thập tự giá. Chuyện đã xảy ra rồi. Chúa không thể nói dối, Ngài không thể nuốt lời, đơn giản là Ngài không thể, điều đó trái với toàn bộ bản chất của Ngài, Ngài không thể hứa với bạn điều gì đó mà không thực hiện, Chúa là như vậy. Tôi nghĩ rằng những điều Ngài không làm được cũng tuyệt vời như những điều Ngài có thể làm, Ngài không thể nuốt lời. Tôi chắc chắn là chúng ta đã từng hứa mà nuốt lời nhưng Ngài thì không thể.

Điều đó trái với toàn bộ bổn tính của Ngài. Ngài không thể hứa với Y-sơ-ra-ên rồi lại nuốt lời - cảm tạ Chúa vì điều đó. Kinh Thánh chép rằng "Đức Giê-hô-va ban cho Y-sơ-ra-ên cả xứ mà Ngài đã thề hứa với tổ phụ họ." Ngài đã làm như vậy. Công việc của Ngài - Ngài nói ở đầu sách Giô-suê rằng Ta sẽ chiến đấu cho con và Ta sẽ đuổi chúng ra. Ta sẽ làm điều đó. Đó là nghĩa của từ Em-ma-nu-ên. Bây giờ tôi sẽ cho bạn bốn nghĩa mà từ đó có thể mang và tôi muốn các bạn bình chọn cho ý

nghĩa mà bạn nghĩ là đúng. Nghĩa thứ nhất: **Chúa** ở cùng chúng ta! Nghĩa thứ hai - Chúa **ở** cùng chúng ta; nghĩa thứ ba - Chúa ở **cùng** chúng ta! Và nghĩa thứ tư: Chúa ở cùng **chúng ta**! Từ đó chỉ mang một trong bốn nghĩa đó thôi, bình chọn nhanh nhé! **Chúa** ở cùng chúng ta! Chúa **ở** cùng chúng ta! Chúa ở **cùng** chúng ta! Chúa ở cùng **chúng ta**! Có vẻ đều nhỉ, nhưng nghĩa thứ tư đúng, nghĩa thứ tư là đúng. Em-ma-nu-ên nghĩa là Đức Chúa Trời đứng về phía **chúng ta**, nhấn mạnh ở chỗ Ngài sẽ chiến đấu cho **chúng ta** chứ không phải cho họ; nên sự nhấn mạnh nằm ở **chúng ta**. Chúa ở cùng **chúng ta** và Em-ma-nu-ên nêu bật bổn tính của Đức Chúa Trời, Đấng phán với Giô-suê rằng: Ta sẽ chiến đấu cho con, Ta đứng về phía con nếu con đứng về phía Ta.

Như vậy, chúng ta có việc rẽ sông Giô-đanh, tường thành Giê-ri-cô sụp đổ, ma-na ngưng rơi, họ thắng một trận khác vì có mưa đá rất lớn, và ngày dài ra trong thung lũng A-gia-lôn. Lần khác, Chúa sai ong lỗ hay ong bắp cày đến và ngay cả khi kẻ thù đang tiến về phía họ, những con ong bắp cày này đã đến. Bạn có thể tưởng tượng ra một đàn ong bắp cày, nói thật là bạn sẽ không ở lại đánh đấm gì đâu, bạn sẽ chạy cho mà xem. Họ đã thắng một trong những trận chiến lớn như vậy đó, chỉ bằng những con ong bắp cày. Bạn lại thấy Chúa kiểm soát thế giới côn trùng, đây đều là những công việc của Ngài và chúng rất diệu kỳ trong mắt họ. Nhưng vế bên kia cũng quan trọng không kém. Chúa thực hiện điều đó qua sự cộng tác của con người. Ngài không tự mình chiến đấu mà họ phải ở ngoài chiến trường, họ phải đi, và Chúa chiến đấu cho họ.

Đây là sự quân bình. Một số người chỉ nói rằng: Ôi dào, cái đó để Chúa làm; Ngài sẽ làm hết ý mà. Những người khác lại nói như thể họ có thể làm hết, và bạn thấy có cả hai kiểu Cơ Đốc nhân ấy; nhưng những Cơ Đốc nhân quân bình cầu nguyện như thể tất cả đều phụ thuộc vào Chúa nhưng hành động như thể tất cả đều phụ thuộc vào họ. Có một kiểu quân bình rất đẹp trong Kinh Thánh ở đây. Nếu không có họ thì Ngài sẽ không thực hiện điều đó. Họ phải bước vào và Ngài phán: phàm nơi nào bàn chân các con đạp đến thì Ta ban cho các con, nhưng các con phải đi và đạp đến nó.

Nên nếu không có họ thì Ngài sẽ không thực hiện điều đó. Thái độ của họ, nếu họ vẫn giữ thái độ tin quyết và hành động vâng phục thì họ sẽ thắng mọi trận chiến. Nhưng nếu họ có thái độ tự phụ và hành động bất tuân thì họ sẽ thua mọi trận chiến, nên tuy sách Giô-suê bao trùm 40 năm nhưng hai phần chính trong sách là câu chuyện thành Giê-ri-cô và câu chuyện thành A-hi. Nếu các con biết rút ra bài học từ hai thành đó thì các con đã sẵn sàng chiếm xứ. Thú vị đúng không?

Như tôi đã nói trước đó, Kinh Thánh là một cuốn sách rất chân thực và Kinh Thánh cho biết họ phạm phải ba sai lầm - chỉ ba mà thôi, khi chiếm xứ. Đầu tiên là A-hi, họ bị đội quân đông hơn đánh bại vì họ đã quá tự phụ. Sai lầm thứ hai mà tôi chưa nói đến là bị một trong những bộ tộc trong xứ lừa gạt, họ xé áo ngoài, đeo giày cũ và bôi nhọ nhem trên mặt. Họ đến với dân Y-sơ-ra-ên và nói: Chúng tôi đến từ một xứ xa xôi vì chúng tôi nghe nói Đức Chúa Trời ở cùng các ông. Nhìn quần áo, giày dép của chúng tôi mà xem, chúng tôi đã đi hàng trăm cây số vì chúng tôi nghe danh Đức Chúa Trời các ông.

Thực ra là họ sống ngay gần đó, và vì họ diễn như vậy nên Kinh Thánh chép rằng: Giô-suê không cầu hỏi Đức Giê-hô-va về việc họ và ông đã bị lừa, ông lập hòa ước với họ, đúng là một điều tai hại. Đến lúc đó dân Y-sơ-ra-ên mới phát hiện ra là họ chỉ sống ngay gần đó và họ dùng cách này để không bị đánh bại. Dân Y-sơ-ra-ên không cầu hỏi Chúa về điều này nên họ đã bị lừa. Lần thứ ba là khi hai chi phái rưỡi sắp sống ở tít phía bên kia sông Giô-đanh cuối cùng cũng lên đường để khẳng định lãnh

thổ của mình và khi vượt sông Giô-đanh, họ dựng một ụ đá và các chi phái ở bên này sông Giô-đanh nói: Ô kìa! Họ dựng một bàn thờ để không có phần gì với chúng ta nữa.

Sự hiểu lầm đã nảy sinh giữa vòng dân sự Chúa. Họ nói với các chi phái phía bên kia sông rằng: chúng tôi sẽ tiến đánh các anh, và họ tập hợp quân đội đến đánh hai chi phái rưỡi kia. Hiểu lầm nội bộ và hai chi phái rưỡi kia nói rằng: Không, không, chúng tôi làm vậy để nhắc con cái và cháu chắt chúng tôi rằng chúng tôi từ phía bên kia sông Giô-đanh, phía các anh mà ra, và rằng chúng tôi là một phần của các anh. Thế là hiểu lầm được xóa bỏ, hòa bình được lập lại. Như vậy, giữa vòng dân sự Chúa có thể nảy sinh hiểu lầm khi các bạn không cầu hỏi Chúa về điều này điều kia.

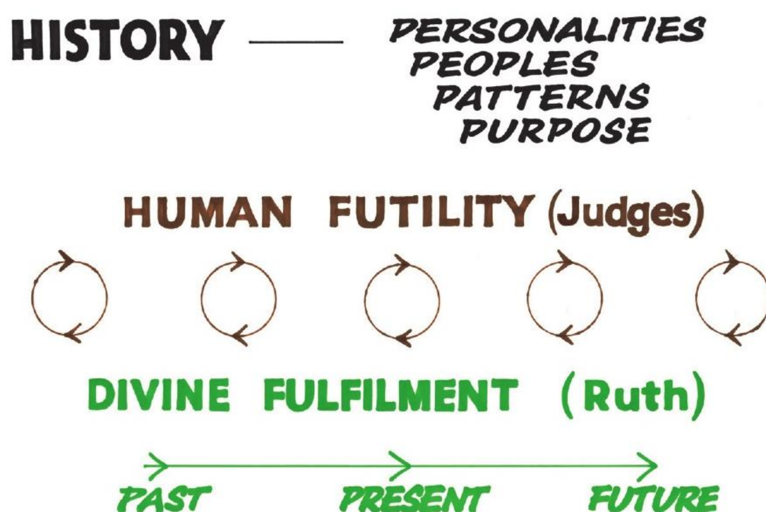
Sự áp dụng Cơ Đốc của sách Giô-suê là gì? Rất đơn giản, trong Tân Ước, Giô-suê được dùng làm tấm gương tin kính; kỵ nữ Ra-háp liên tục được nhắc đến như một tấm gương tin kính. A-can được dùng làm tấm gương phạm tội trong dân sự Chúa, và sự kiện tương ứng trong Tân Ước là A-na-nia và Sa-phi-ra, tội của họ hoàn toàn tương ứng với tội của A-can trong dân Chúa thời xưa, bạn có nhớ cặp vợ chồng này không? Và rồi tất nhiên, sách được dùng cho sự cứu rỗi vì thực tế, tên của Giô-suê nghĩa là sự cứu rỗi. Tên ban đầu của ông là Hô-sê, nhưng Môi-se đổi thành Giô-suê, cũng giống như Giê-su, nghĩa là "Chúa cứu" (God saves).

Khi vợ chồng tôi chuyển đến ngôi làng mà chúng tôi đang sống, người quản lý bưu điện được gọi là Ngài Godsave và thật thích thú khi đến thăm Ngài Godsave đưa thư, nhưng thực ra trong tiếng Hê-bơ-rơ, ông phải được gọi là Ngài Giô-suê hay Giê-su - Ngài Chúa Cứu. Cuối cùng, Xứ Hứa mà Cơ Đốc nhân chúng ta sẽ được đưa vào là gì? Không phải là thiên đàng. Khi bạn hát "Khi con chạm chân nơi bờ sông Giô-đanh," tôi tự hỏi bạn đang nghĩ đến điều gì. Bạn có đang nghĩ đến cái chết không? Vì Xứ Hứa đối với chúng ta không phải là thiên đàng. Xứ Hứa là sự thánh khiết vì Xứ Hứa là được nghỉ ngơi sau khi tranh chiến - đó là Xứ Hứa của chiến thắng, khi bạn đã thắng trận và có thể tận hưởng những gì Chúa dành sẵn.

Tất nhiên, mỗi khi chiến thắng một cám dỗ, bạn được nếm trước chút mùi vị của sự nghỉ ngơi, đúng không? Bạn đã thắng trận chiến đó và được nghỉ ngơi sau khi giằng xé. "Vẫn còn một ngày an nghỉ Sa-bát," theo Hê-bơ-rơ 4 "cho con dân Đức Chúa Trời." Giô-suê không đưa dân sự vào sự nghỉ ngơi đó và vẫn còn một sự an nghỉ sa-bát để chúng ta bước vào, ấy là để ngưng các công việc của chính chúng ta. Là để nghỉ ngơi khỏi cái tôi hay sự công bình riêng và an nghỉ. Thực ra là trong hầu hết các kỳ nghỉ, chúng ta đều mang bản thân đi cùng, và đó không phải là nghỉ ngơi, đúng không? Nhưng nghỉ ngơi khỏi "cái tôi" và ngưng các công việc nhằm tự xưng công chính là bước vào Xứ Hứa của sự an nghỉ Chúa và tận hưởng sự sống đắc thắng của Ngài. Cuốn sách hay nhất về Giô-suê mà tôi từng đọc là cuốn sách nhỏ Đời sống Cơ Đốc Đắc thắng (Victorious Christian Living) của Alan Redpath. Nhớ tìm đọc sách đó nhé! Đó là cách sách Giô-suê khiến Cơ Đốc nhân có thể bước vào Xứ Hứa của họ, được nghỉ ngơi sau khi tranh chiến. A-men.

SÁCH CÁC QUAN XÉT VÀ RU-TƠ - Phần 1

Giống như mọi thư viện, Kinh Thánh được phân chia thành các loại sách khác nhau. Chúng ta đã xét đến sách Lê-vi ký thuộc phần luật pháp trong thư viện. Giờ đây, chúng ta sẽ xét đến một sách lịch sử - một thể loại khá khác. Thực ra thì Kinh Thánh độc đáo vì lịch sử chiếm phần lớn trong đó. Nếu bạn nghiên cứu các cuốn kinh khác trên thế giới của các tôn giáo khác thì không có cuốn Kinh nào là lịch sử hết. Dù bạn có đọc kinh Koran hay kinh Vệ Đà, bạn sẽ thấy trong đó không chứa lịch sử. Kinh Thánh là một cuốn sách lịch sử và không giống với bất kỳ cuốn lịch sử nào khác, Kinh Thánh bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn; thực tế, sách ghi chép lịch sử mà không sử gia nào có thể ghi chép được - không ai có mặt vào thời khắc bắt đầu lịch sử vũ trụ và chưa ai có mặt vào thời khắc cuối, nhưng Kinh Thánh lại bao trùm toàn bộ lịch sử của vũ trụ từ đầu chí cuối. Nghĩa là phần đầu tiên của Kinh Thánh và phần cuối cùng là sự thần cảm thiên thượng, hoặc là trí tưởng tượng của con người, bạn phải quyết định thôi. Nhưng đây là lịch sử được viết ra khi không sử gia nào có mặt để ghi chép những gì đã xảy ra. Nhưng phần đa Kinh Thánh là lịch sử giống với các lịch sử khác - đó là phần của con người, và trong sách Các quan xét, chúng ta đang bước vào một sách lịch sử.



Có bốn mức độ nghiên cứu lịch sử - toàn bộ lịch sử. Trong phần lịch sử của thư viện, bạn sẽ thấy lịch sử được viết từ mọi góc độ. Một góc độ là nghiên cứu những Nhân vật kiến tạo lịch sử, những cá nhân vĩ đại, những con người vĩ đại. Một chuỗi lịch sử Anh quốc tập trung vào quốc vương hoặc nữ vương và những gì xảy ra trong thời trị vì của họ. Mức độ nghiên cứu lịch sử thứ hai là nhìn vào các quốc gia và dân tộc cũng như xét đến lịch sử chính trị của thế giới, nước này lớn mạnh lên như thế nào, nước kia yếu đi ra sao, rồi khi một nước yếu đi, nước khác lại chiếm đóng. Lịch sử theo dân tộc khác với theo nhân vật. Mức độ nghiên cứu lịch sử thứ ba là tìm các Khuôn mẫu - tìm những nhịp điệu nào đó trong lịch sử để có được chu trình suy thoái và sự phát triển kinh tế. Một số sử gia đã cố tìm khuôn mẫu của lịch sử và xét đến những thăng trầm của các nền văn minh. Đến nay đã có 21 nền văn minh đã đến và đi, và chúng theo một khuôn mẫu lên xuống giống nhau đáng kể, như Đế quốc La Mã vậy.

Có mức độ thứ tư mà những sử gia như Toynbee đã cố gắng viết, đó là xét đến Mục đích của lịch sử - nó sẽ đi về đâu? Đó chỉ là vấn đề khuôn mẫu, hay có một mục đích được hoàn thành qua các thế kỷ? Liệu có điều gì đó đang diễn ra, liệu có một kịch bản, liệu có kết thúc thấy được rõ ràng nào đó không? Rồi, có hai câu trả lời cho câu hỏi cuối đó - liệu có một mục đích trong lịch sử hay không?

Một mặt, có những người nói rằng chẳng có mục đích gì cả; lịch sử chẳng đi tới đâu, nó đi lòng vòng, mọi thứ đều tái diễn. Bạn đã nghe câu châm ngôn nổi tiếng là "lịch sử tự nó lặp lại" chưa? Chúng ta gọi đó là quan điểm tuần hoàn về lịch sử, rằng nó không đi đến đâu cả, nó chỉ đi lòng vòng, lòng vòng thôi. Có lúc tốt lành, có lúc tệ hại, tốt lành rồi tệ hại, các đế chế cứ nổi lên rồi tàn lụi, và lịch sử chẳng đi đến đâu - nó cứ đi theo đường tròn.

Mặt khác, cái đó là quan điểm của loài người về lịch sử; nhưng quan điểm thiên thượng về lịch sử, ấy là nó có một mục đích tuyến tính (hay đi theo đường thẳng) chứ không phải là một chu trình. Nói cách khác thì lịch sử đang đi tới đâu đó. Nó đang đi theo chỉ một hướng, từ quá khứ, qua hiện tại, đến tương lai. Đây là quan điểm về lịch sử trong Kinh Thánh và lịch sử là một đường thẳng, một đường tuyến tính, nó có mục đích; nó có phần đầu, phần giữa, phần cuối, và Chúa đang dịch chuyển lịch sử đến đoạn kết mà Ngài đã định. Vì vậy, lịch sử là câu chuyện của Ngài và Ngài đang viết nên nó.

Thú vị ở chỗ, trong Kinh Thánh, mỗi khi người ta chạy khỏi Chúa thì sẽ dẫn đến khuôn mẫu này. Nếu đã đọc Các quan xét thì bạn biết rằng sách chỉ là từ chu trình này sang chu trình khác, cùng một điều xảy ra hết lần này đến lần khác, thực ra là bảy lần trong sách Các quan xét, cùng một câu chuyện lặp lại vì họ đã chạy khỏi Chúa. Thực tế, trong đời sống cá nhân cũng vậy. Nếu xa rời Chúa thì đời là một vòng luẩn quẩn: tỉnh dậy, đi làm, về nhà, xem ti-vi, đi ngủ, tỉnh dậy, đi làm, về nhà, xem ti-vi và cứ tiếp tục làm như vậy trong bốn mươi năm, rồi nghỉ hưu và qua đời. Bạn xuống đúng chỗ bạn lên, đời là một vòng luẩn quẩn, một chu trình và chẳng đi đến đâu.

Trong khi nếu đồng hành với Chúa thì đời sống bạn có mục đích và nó đang đi đến đâu đó. Nó lại là đường thẳng - bạn hiểu ý tôi không? Vì trong sách Các quan xét, người ta chạy khỏi Chúa và không vâng phục Chúa, không vâng theo Lê-vi ký và những luật khác của Môi-se nên cuộc sống trở nên một chu trình, một vòng luẩn quẩn, và mọi thứ cứ lặp đi lặp lại mãi. Mặt khác, với sách Ru-tơ, đường thẳng trở thành đường chính và kết thúc với dòng dõi hoàng gia đang hoàn thành mục đích của Chúa. Như vậy, cuộc đời là một chu trình hay một đường thẳng với bạn - đường tròn hay đường thẳng? Tùy xem bạn có kết nối với Chúa hay không. Đó là một trong những điều lớn lao mà sự cứu chuộc thực hiện cho bạn. Sự cứu chuộc nhấc bạn ra khỏi vòng luẩn quẩn và đặt bạn vào một đường thẳng đang đi đến đâu đó, bạn là một phần của mục đích đang được triển khai trong lịch sử.

Ban đầu, sách Các quan xét và sách Ru-tơ là một, và điều này vẫn đúng với Kinh Thánh Hê-bơ-rơ. Điều đó rất quan trọng vì hai sách thuộc về nhau - chúng thực sự là một sách. Chúng ta sẽ hỏi xem ai viết một sách này và tại sao? Vì thực tế, câu hỏi quan trọng nhất về mọi sách trong Kinh Thánh mà bạn có thể hỏi là: Tại sao sách này lại được viết ra? Khi có câu trả lời cho điều đó thì bạn đã có chìa khóa quan trọng nhất để giải mã sách - tại sao sách này lại được viết ra? Tại sao sách Các quan xét/Ru-tơ bằng tiếng Hê-bơ-rơ này lại được viết ra, ai đã viết sách, và viết khi nào?

Thật đáng kinh ngạc, chúng ta có thể trả lời chính xác những câu hỏi này, tuy câu trả lời không có trong cả hai nhưng chúng ta phải khám phá một chút. Bi kịch ở chỗ - chúng ta sẽ bắt đầu với Các quan xét - và bi kịch ở chỗ hầu hết mọi người chỉ có hiểu biết ở tầm trường Chúa nhật về sách Các quan xét. Bạn có biết ý tôi là gì không? Họ chỉ biết phiên bản Bowdler hay phiên bản đã lược bỏ. Đó có thể là một động từ không quen thuộc với bạn. Bowdler là một người nổi tiếng không tán thành William Shakespeare vì ông nói rằng có những đoạn thô tục trong Shakespeare. Nên thực chất, ông ta đã hiệu đính Shakespeare và cắt bỏ tất cả những đoạn thô tục, người ta gọi đó là phiên bản Bowdler

và tên tuổi của ông đã được ghi trong sử sách. Tôi e rằng bạn không thể dạy toàn bộ sách Các quan xét trong trường Chúa nhật.

Sách toàn những điều khá kinh khủng về những cô vợ lẽ và gái điếm bị cắt thành từng mảnh, cưỡng hiếp, giết người và những hình dương vật. Thảo nào người ta phải chỉnh sửa rất cẩn thận để dạy trong trường Chúa nhật. Tôi e rằng khi bạn làm như vậy thì cuối cùng bạn chỉ biết về những nhân vật mà không hiểu cả sách. Điều đó khá đặc trưng. Có một cuốn truyện tranh về Sam-sôn, và thực ra ông không hề có thân hình như vậy, ông có thân hình giống tôi thì đúng hơn. Ý tôi là nếu Sam-sôn có thân hình như vậy thì theo bạn, liệu Đa-li-la có hỏi rằng “Do đâu mà anh có sức mạnh phi thường như thế” không? Ý tôi là ông có vóc người rất nhỏ. Sức mạnh của ông không nằm ở các cơ bắp, ông không phải là lực sĩ hay nam vương gì, nhưng họ lại dạy những điều đó trong trường Chúa nhật - bạn biết kiểu đó rồi đấy.

Những câu chuyện rùng rợn về những chuyến phiêu lưu của ông, tất nhiên là hợp với kiểu Bowdler, kiểu lược bỏ. Nhưng tiếc rằng đó là mức độ hiểu biết của hầu hết mọi người về sách Các quan xét. Họ biết về Sam-sôn, họ biết về Ghi-đê-ôn; nếu như ủng hộ nữ quyền thì họ biết hết về Đê-bô-ra thời nay, nhưng chúng ta đang bị vướng ở một số cái tên của những người khác, và đó là một điều rất đáng tiếc vì đây không chỉ là một sách nói về những nhân vật. Đây không chỉ là một sách gồm những câu chuyện trường Chúa nhật hay gồm những câu chuyện dân gian, không phải truyện cổ tích mà là truyện dân gian; nhưng rõ ràng là chúng trải qua những giai đoạn của truyện dân gian - chúng được ghi nhớ, rồi được kể lại, rồi được ghi lại và phần đa Kinh Thánh được ghi chép như vậy, những điều được ghi nhớ rồi được kể lại và lặp lại, rồi ai đó ghi lại chúng bằng bút mực và chúng được ghi chép cho chúng ta.

OPPRESSORS	DELIVERERS ('Judges')
KING OF JERICHO	OTHNIEL
KING OF MOAB	EHUD
AMMONITES	SHAMGAR
AMALEKITES	* DEBORAH/BARAK
* PHILISTINES	** GIDEON
KING OF HAZOR	TOLA
MIDIANITES + EASTERNS	JAIR
AMALEKITES	JEPHTHAH
* PHILISTINES	IBZAN
AMMONITES	ELON
AMMONITES	ABDON
* PHILISTINES	*** SAMSON

Human weakness : divine strength

Những người hùng và nhân vật trong sách Các quan xét thực ra không được cân xứng lắm. Ví dụ, Sam-sôn có tận 4 chương chỉ nói về ông, Ghi-đê-ôn có 3 chương, nhưng một số những người khác trong đây chỉ được nhắc đến chút đỉnh, và có vẻ như chuyện đời càng giật gân thì họ càng được nhắc đến nhiều, đây gần như là một dạng báo tin tức khổ nhỏ. Đê-bô-ra và Ba-rác được nhắc đến một chút, Ghi-đê-ôn nhiều hơn nên tôi cho ông 2 sao, Sam-sôn nhiều nhất nên tôi cho ông 3 sao. ấn tượng đầu tiên là đây đơn giản chỉ là những anh hùng dân tộc như Ngô Quyền và Trần Hưng Đạo, những người cứu vãn tình thế. Khi lướt qua một lượt, bạn sẽ thấy họ là một đám đông kỳ quặc. Đây là em của Ca-lép, và chúng ta chỉ biết rằng ông đem lại hòa bình cho dân mình trong 40 năm, và đó là tất cả những gì chúng ta biết về ông. Ê-hút là một nhân vật rất thú vị; ông thuận tay trái và ông từng đeo thanh

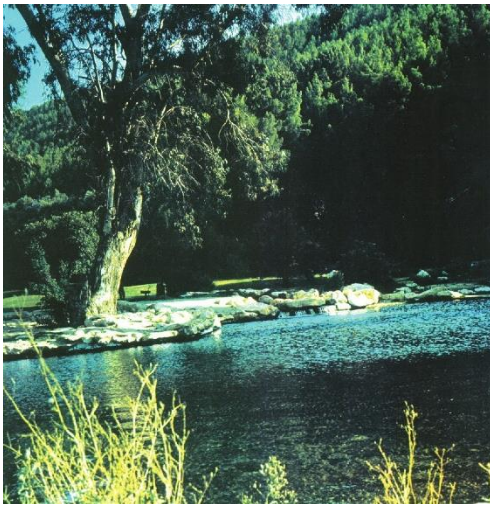
gươm dài năm tấc bên chân phải, nếu muốn lục soát vũ khí của bạn thì người ta sẽ tìm bên chân trái vì đó là chỗ người thuận tay phải sẽ rút gươm ra.

Vì vậy, một cách khá tinh ranh, ông đeo nó bên ống quần trái và ông có thể rút nó ra rất gọn. Ông đến với vua Mô-áp và nói: Tôi có một điều muốn tâu với vua và đó là một điều rất bí mật, nên vua hãy lệnh cho mọi người ra khỏi phòng đã. Vua Mô-áp rất, rất mập, và khi mọi người đã rời khỏi phòng, Ê-hút rút thanh gươm của mình ra - họ đã lục soát chân phải của ông chứ không soát chân trái, và ông vẫn có thanh gươm, ông đâm nó sâu vào bụng vua Mô-áp, gã này quá mập đến nỗi mỡ líp lại quanh lưỡi gươm và tay của Ê-hút. Chuyện này có tính khai sáng ấy chứ nhỉ! Sau khi giết vua Mô-áp, ông đi ra và bảo lính canh rằng vua đang đi giải quyết nỗi buồn nên đừng làm phiền vua trong 15 phút nữa, như vậy, ông đã trở lại Y-sơ-ra-ên an toàn. Sao chuyện này lại có trong Kinh Thánh được nhỉ? Sam-ga, ông giết 600 người Phi-li-tin bằng cây gậy thúc bò - đỉnh thật!

Rồi đến Đê-bô-ra, Đê-bô-ra và Ba-rác. Đê-bô-ra là một nữ tiên tri; tên bà nghĩa là “con ong bận rộn” và bà cưới một người tên là Tia chớp, tiếng Hê-bơ-rơ là Láp-bi-đốt, bà phân xử tranh chấp nhờ nghe được tiếng Chúa. Nhưng khi trận chiến lớn xảy ra, bà không dẫn dân sự Chúa vào chiến trận, bà sai gọi Ba-rác, một người đàn ông để làm điều đó. Ba-rác thật không phải một người đàn ông. Ông ta nói: Tôi sẽ không ra tiền tuyến nếu bà không đi với tôi, vì có thông lệ trong quân đội Y-sơ-ra-ên là sĩ quan chỉ huy sẽ dẫn quân của mình vào trận chiến. Quân đội Y-sơ-ra-ên ngày nay vẫn vậy, thế nên họ mới mất nhiều sĩ quan khi chiến đấu. Đó là quân đội duy nhất làm như vậy, quân đội Anh hơi khác một chút, quân đội Mỹ và các nước khác cũng vậy. Nhưng tại đó, Ba-rác nói: Tôi chỉ dẫn đầu đội quân nếu bà đi với tôi, điều đó sẽ khiến Đê-bô-ra gặp nguy hiểm và vì lẽ đó, Chúa nổi giận và nói rằng kẻ thù Si-sê-ra sẽ chết dưới tay một người nữ để khiến Ba-rác bẽ mặt vì sự hèn nhát của ông. Tất nhiên, Si-sê-ra đã chết vì bất ngờ, vì một thứ chưa xuyên vào đầu ông ta bao giờ.

Tôi chỉ đang xem bạn đã đọc truyện đó chưa, nếu chưa thì hãy đọc xem, bạn sẽ biết tại sao tôi nói như vậy. Ghi-đê-ôn, con người sợ sệt này đã đặt chút thịt lên bàn thờ và lửa từ trời thiêu đốt chỗ thịt. Rồi ông nói: Chúa ơi, con cần một dấu hiệu từ trời. Ý tôi là thật buồn cười, sau khi lửa từ trời thiêu đốt chỗ thịt ngay trước mắt mà ông lại muốn có một dấu hiệu. Nên ông xin một mớ lông chiên. Một người bạn của tôi tại New Zealand, một đêm nọ... Người ta đề nghị cậu cân nhắc việc làm giáo sĩ ở Malaysia và cậu nói: Chúa ơi, con cần một mớ lông chiên. Sáng hôm sau, cậu xuống nhà và thấy một tấm da chiên trên nóc ô tô chỗ bộ dẫn động, phủ đầy sương và đến nay cậu vẫn chưa biết là ai để nó trên đó. Không một người hàng xóm nào để nó ở đó. Cậu ta không bao giờ xin thêm một mớ lông chiên nào nữa.

Nhưng tôi gặp quá nhiều Cơ Đốc nhân nói rằng: “Tôi đang xin Chúa cho một mớ lông chiên.” Có thật vậy không? Đó là người duy nhất tôi từng biết có được một mớ lông chiên, ngoài Ghi-đê-ôn, nhưng Ghi-đê-ôn đã nhận được dấu hiệu với mớ lông chiên một hôm khô, một hôm ướt. Nhưng ông phải học biết rằng chính bởi sức lực và chiến lược của Chúa mà các trận chiến được thắng lợi, và bạn có nhớ Chúa đã rút đội quân của ông từ 200.000 người xuống còn 300 để Ghi-đê-ôn học cách không đặt sự trông cậy nơi con người không? Cái này cho vui thôi - bạn có nhớ ông đã lọc họ bằng cách đưa họ đến một con suối và xem là họ có liếm nước không, ông đã đưa họ đến suối Hared.



Suối Hared

Tôi muốn bạn tưởng tượng ra hàng trăm binh lính Y-sơ-ra-ên cúi rạp xuống. Những người vục đầu xuống nước và liếm bị loại ra còn những người bụm nước trong tay và đưa lên miệng uống để canh chừng kẻ thù thì được chọn; và cuối cùng là chỉ còn 300 người. Cũng xin nói thêm rằng đó là nơi Đê-bô-ra và Ba-rác tập hợp quân trên núi Tha-bô, đây là khu đóng quân của Si-sê-ra và quân đội của hắn ta. Đó là một khu đầm lầy và xe ngựa của chúng kẹt trong bùn và Si-sê-ra phải xuống xe chạy trốn; nhưng đó là nơi diễn ra việc này. Đến Đất Thánh là một chuyến đi giáo dục thực sự (và Chris Hill là hướng dẫn viên lý tưởng cho các bạn).

Xong Ghi-đê-ôn. Thô-la; Giai-rơ có ba mươi con trai, ba mươi con lừa và ba mươi thành, thú vị thật! Giép-thê, con trưởng của Ga-la-át, đó là tất cả những gì chúng ta biết về ông. Rồi đến Íp-san, ông có ba mươi con gái và ba mươi con trai, và tất cả các con trai của ông đều kết hôn ngoài dòng họ Giu-đa, và ông thuộc về Bết-lê-hem. Có một lưu ý thú vị nho nhỏ, tôi muốn các bạn nhớ điều đó. Gia đình tại Bết-lê-hem này đã kết hôn ngoài dòng họ mình - vẫn trong Y-sơ-ra-ên, nhưng ngoài chi phái mình. Điều đó sẽ lại xuất hiện ở sau đó một chút, khi chúng ta chuyển sang Ru-tơ. Rồi có Ê-lôn, chúng ta chẳng biết chút gì về ông. Áp-đôn có bốn mươi con trai, ba mươi cháu trai và bảy mươi con lừa! Như vậy là có bảy mươi con cháu và bảy mươi con lừa.

Rồi chúng ta đến với Sam-sôn, tên ông là Ánh Nắng - đó là ý nghĩa của từ Sam-sôn. Ánh Nắng được nuôi dưỡng như một người Na-xi-rê. Có lần tôi giảng về ông và tôi nói Sam-sôn không được phép uống rượu, có người trong khán phòng la lên Hallelujah! Và tôi nói: Ông phải để tóc mình mọc dài - và cả phòng im lặng như tờ. Nên tôi hỏi: "Tại sao các bạn lại chỉ chấp nhận một phần trong lời Chúa như vậy?" Nhưng ông là một người Na-xi-rê và được sinh ra một cách kỳ diệu; và bạn biết câu chuyện ông giết sư tử và tìm thấy mật trong ấy, và ông lấy đó làm câu đố trong tiệc cưới của mình - "vật ngọt từ giống mạnh mà ra."

Ai cũng có thể tìm thấy câu trả lời khi nhìn vào lon si-rô vàng của Tate & Lyle (trên đó có vẽ hình bầy ong bu trên con sư tử). Vì câu trả lời nằm trên lon si-rô vàng của Tate & Lyle, lon nào bạn mua cũng có, nhưng vào thời đó họ không có cái này. Khi họ cố thuyết phục được vợ ông tiết lộ đáp án, ông rất tức giận, và nàng dan díu với tay phù rể. Đó là một câu chuyện khác lạ về một người nam đã kết hôn và cuộc hôn nhân của anh ta tan vỡ trước cả tuần trăng mật, rồi ông chuyển sang những gái điếm vô danh, cuối cùng thì ông có một ả nhân tình tên Đa-li-la, bạn biết câu chuyện buồn đó rồi, câu chuyện về một người đàn ông yếu đuối, không phải một người đàn ông mạnh mẽ. Bạn biết đó, cuối cùng, sau nhiều chiến công oanh liệt phô diễn sức mạnh chỉ nhờ sự sức dầu ân tứ chứ không nhờ cơ bắp, Thần của Đức Giê-hô-va lìa khỏi ông, ông bị mù và phải xay cối, rồi cuối cùng là làm trò cười cho người Phi-li-tin.

Một số người trong đây đã nghe bài giảng nổi tiếng của tôi - cũng không nổi tiếng gì đâu - tên là "Tóc của Sam-sôn lại đang mọc lại." Tôi giảng bài này từ mãi năm 1982 và nó lan khắp nước Anh nhanh như vũ bão. Một thanh niên nghe bài giảng đó đã viết bài thơ về Sam-sôn mù lòa được một cậu bé dẫn đến các cột đền, nơi ông kéo cả đền thờ đổ xuống. Tôi phải đọc bài thơ đó cho bạn nghe, cảm động lắm. Nó tên là "Cậu bé dắt tay chàng." Bài thơ như sau:

"Chúng móc mắt chú ra.

Ban đầu, cháu chẳng dám nhìn, chúng trống rỗng, đau đớn và tàn khốc.

Cháu sẽ chẳng nhìn đâu; sửng sốt vì trống rỗng khi biết rằng chú chẳng nhìn được nữa.

Cháu thấy cái đầu cạo trọc cúi gằm, rung rung theo nhịp cối xay, xoay tròn, xoay tròn, xoay tròn.

Cháu thấy cái cùm vô dụng, nặng nề, cứng ngắc, xiết vào tấm da thịt chẳng cần xiềng.

Ồ, mắt chú mất rồi cũng chẳng sao.

Cháu làm mắt cho chú; chú cứ nhìn tự do.

Chú phải nhìn qua cháu, còn cách nào khác đâu,

Cháu đã lau những dòng nước mắt mà chú chẳng thể khóc cho những năm vô tư lự trước.

Cháu đã biết yêu thương người đàn ông tan vỡ này, còn chú thì cuối cùng cũng biết kính sợ Đức Chúa Trời mình.

Vậy nên cháu chẳng sợ chết, hạnh phúc vì được làm mắt cho chú lần sau rốt này, nắm lấy tay chú, cẩn thận dẫn chú đi, từng bậc, từng bậc, đến với nơi chú có thể cầu rằng:

Lạy Chúa! Lạy Chúa chí cao!

Cột đổ xuống, cháu thét lên: 'Amen'"

Thật là một bài thơ hay đúng không? Sam-sôn già cả đáng mến. Trong năm phút cuối đời, ông đã làm nhiều điều cho dân mình hơn những gì ông đã làm trong cả đời mình.

Đó chỉ là xét đến các nhân vật, và Kinh Thánh là một cuốn sách chân thực. Trước hết, Kinh Thánh không che giấu sự yếu đuối của con người. Nhiều nhân vật trong đây khá yếu đuối, thậm chí là hèn nhát. Họ không phải là những nhân vật mạnh mẽ, họ không phải là những thánh đồ, nhưng Chúa lại sử dụng họ. Họ đều là những người nhận được ân tứ, trong đó, bí mật là Đức Thánh Linh đến trên họ. Ấy thế nhưng, tuy sự yếu đuối của con người được kết hợp với sức mạnh thiên thượng nhưng sự xức dầu của Đức Thánh Linh chỉ đến trên một số người trong toàn bộ dân Chúa, chính xác là 12 trên 2,000,000, và Đức Thánh Linh chỉ đến trên họ một cách tạm thời chứ không phải vĩnh viễn. Một Thánh Linh xức dầu đã đụng chạm đến họ chứ không phải một Thánh Linh ngự bên trong, Đấng ở cùng họ.

Điều đó rất quan trọng, đó là kiểu vận hành của Đức Thánh Linh trong Cựu Ước. Nhưng tất cả những người đó là gì? Trong tiếng Anh hay tiếng Việt, họ được gọi là Các quan xét, sách Các quan xét. Thật tiếc rằng đó không phải là một từ hữu ích lắm, kiểu như gọi lộn tên vậy. Thực ra là danh từ đó không áp dụng với bất cứ ai trong đó. Động từ thì có. Kinh Thánh chép rằng Sam-sôn phán xét Y-sơ-ra-ên, Ghi-đê-ôn phán xét Y-sơ-ra-ên. Họ không được gọi là các quan xét. Sách dùng động từ, nhưng đó không phải là "phán xét." Tôi sẽ gọi họ là những người gỡ rối. Họ giải phóng dân mình hay như tôi đã nói trước đó, họ cứu vãn tình thế. Bạn có thể gọi họ là những vị cứu tinh - nhưng đó là ý nghĩa thực sự của động từ đó - họ đã cứu vãn tình thế.

Mỗi người trong số đó đều cứu dân tộc khỏi tình thế rất xấu vì đối đầu với những anh hùng này là những kẻ xấu, và thực tế, chính vào lúc họ bị tấn công mà những người này được Chúa xức dầu để cứu vãn tình thế. Người duy nhất mà danh từ này có thể áp dụng trong sách Các quan xét là Đức Chúa Trời, rất thú vị. Nên thực chất, Chúa là Đấng Cứu thế và những người này đã cứu vãn tình thế. Như vậy danh từ là Đức Chúa Trời vận hành qua những anh hùng là động từ; bạn có hiểu không? Thực tế, đó là cách Chúa vận hành trong Kinh Thánh, Ngài là điều này, nhưng Ngài thực hiện nó qua con người. Đúng không?

Như vậy, Chúa là Đấng giải phóng, Đấng cứu vãn tình thế, nhưng Ngài thực hiện điều đó qua con người và đó là cách Ngài thực hiện hầu hết các công việc Ngài. Ngài xức dầu cho người ta bằng Thánh Linh, từ đó, Ngài có thể làm cái gì thì những người ấy có thể làm cái đó. Nên Chúa là Đấng chữa lành, nhưng Ngài có thể chữa lành qua những người được Thánh Linh xức dầu. Công việc Ngài được thực hiện bởi những người đầy dẫy Thánh Linh Ngài.

Dường như có quá nhiều kẻ thù - dân A-ma-léc, dân Am-môn - tất cả những kẻ bám đuổi khắp nơi - tham gia vào. Điều này cho chúng ta biết rằng dân Chúa đã bước vào một khu vực rất đông dân. Đó không phải là một xứ trống không khi họ bước vào, nó đầy người, xung quanh cũng có người, và người ta không thích họ vào đó. Nghe giống thời nay đến lạ lùng. Từ năm 1948, hoàn cảnh giống hệt như vậy đã xảy ra và lý lẽ duy nhất để họ ở trong xứ đó là Chúa đã ban nó cho họ. Thành thật mà nói thì đó vẫn là lý lẽ duy nhất, không có lý lẽ nào khác.

Dù sao đi chăng nữa thì “đất và muôn vật trên đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va,” và Ngài có thể ban nó cho bất cứ ai mà Ngài lựa chọn. Nó không phải là của chúng ta; Chúa ban nó cho những người mà Ngài định để sở hữu xứ đó. Như vậy, chúng ta thấy tất cả những kẻ thù này tấn công và chúng ta đã bắt đầu thấy rằng đây là một cuốn sách về dân tộc. Sách không chỉ nói đến các nhân vật; không chỉ là một bộ sưu tập các câu chuyện anh hùng để thờ lạy anh hùng, đó là câu chuyện của một dân tộc trong dòng lịch sử của Chúa.

Vậy tại sao Chúa lại cho phép tất cả những dân này vào và tấn công họ khi Ngài đã hứa làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của họ? Đây là lúc chúng ta bắt đầu đi sâu vào chính sách này. Nếu bạn cộng tổng số năm mà những người này phán xét Y-sơ-ra-ên, 40 năm, 80 năm,..., bạn sẽ ra con số 400, thế nhưng sách Các quan xét chỉ bao trùm 200 năm. Ở đây có chút vấn đề về toán học, bạn thấy không? Nếu ông này đem lại hòa bình trong 40 năm, ông kia đem lại hòa bình trong 80 năm,... V.v., và Sam-sôn đem lại hòa bình trong 40 năm, cộng hết chúng lại với nhau thì ra 400.



Thế nhưng, nhờ phần còn lại của Kinh Thánh, chúng ta biết rằng thực chất, sách chỉ bao trùm 200 năm, và đây là lúc chúng ta cần đến tấm bản đồ nhỏ này. Đến lúc này, các chi phái Y-sơ-ra-ên đã định cư ở những khu vực khác nhau - thấy không? Chỗ này là chi phái Gát, chỗ này là chi phái Ru-bên, chỗ này là chi phái nhỏ Bên-gia-min, chỗ này là chi phái Giu-đa, đây là chỗ chi phái Đan cố gắng định cư nhưng như chúng ta sẽ thấy trong sách Các quan xét, họ không làm được điều đó. Họ không chiến thắng được kẻ thù và họ chuyển lên tít phía Bắc, tới Núi Hẹt-môn. Sa-bu-lôn, Y-sa-ca và Ma-na-se - họ đã định cư rồi, hai chi phái rưỡi ở bên này sông Giô-đanh còn các chi phái khác ở bên kia sông Giô-đanh. Chìa khóa là đây - chúng ta thường có ấn tượng khi đọc về Ghi-đê-ôn và Sam-sôn rằng họ đã giải

phóng cả dân tộc. Thực ra thì không phải, dân tộc này đã phân ra thành các nhóm chi phái nên thực tế, có thể 40 năm này chỉ áp dụng với miền bắc, trong khi 40 năm kia có thể là cứu vãn tình thế ở miền nam vào cùng thời điểm.

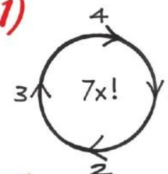
Nói cách khác, lý do về địa lý có thể giải thích cho việc 400 năm giải phóng đó bị dồn thành 200; bạn có hiểu ý tôi không? Thực tế, có hai thung lũng lớn cắt ngang như thế này, chia họ thành miền bắc, miền trung và miền nam. Thực ra thì thung lũng Jezreel là thung lũng chính ở đây. Như vậy, thực tế, các chi phái được phân thành miền bắc, miền trung và miền nam, và bạn phải biết rằng Sam-sôn chỉ giải phóng các chi phái miền nam và Ghi-đê-ôn chỉ giải phóng các chi phái miền bắc. Như vậy, đó không phải là cả dân tộc - về địa lý thì họ bị phân cách.

Hơn nữa, hai thung lũng này cắt ngang khiến kẻ thù có thể xâm nhập vào phần trung tâm của lãnh thổ, giữa các nhóm chi phái. Cũng có lý do chính trị cho sự cay đắng này của họ trong lịch sử, ấy là họ không có lãnh tụ dân tộc. Bạn thấy không, khi Môi-se và Giô-suê lãnh đạo họ, Môi-se dẫn họ ra khỏi Ai Cập, Giô-suê đưa họ vào đây, vào Xứ Hứa, tất cả đều trông chờ vào một người đầu não. Nhưng không có ai thay thế Giô-suê, thế nên Chúa mới dấy các quan xét ở đây đó lên để đáp ứng tình thế tại đó. Không ai trong số họ là người lãnh tụ dân tộc; thực ra là có khoảng trống chính trị, không có vua trong Y-sơ-ra-ên vào thời đó. Không người nào đủ lớn để lãnh đạo cả dân tộc nên lý do chính trị có thể giải thích cho sự cay đắng này, nhưng còn có lý do về đạo đức, và đây là trọng tâm của thông điệp trong sách.

OUTLINE of JUDGES:

A. INEXCUSABLE COMPROMISE (1.1-3.6)
1. ALLOWANCES (vulnerable valleys)
2. ALLIANCES (mixed marriages)

B. INCORRIGIBLE CONDUCT (3.7-16.31)
1. SEDITION (by the people)
2. SUBJECTION (to an enemy)
3. SUPPLICATION (to the Lord)
4. SALVATION (by a deliverer)



C. INEVITABLE CORRUPTION (17.1-21.25)
1. IDOLATRY (in the north): DAN
2. IMMORALITY (in the south): BENJAMIN

No king in those days
Did right in own eyes

Hãy xét đến cuốn sách một cách tổng thể và xem hình dạng hay bố cục của sách. Sách được chia thành ba phần rất rõ ràng. Điều đó quá rõ ràng, chúng ta không phải lao tâm khổ tứ để làm điều này. Tôi có dùng phép lặp cho các đầu mục. Không biết là có ích gì không. Nhưng từ chương 1 đến chương 3 câu 6, tôi đã đặt là Sự thỏa hiệp không thể bào chữa. Khi họ bước vào Xứ Hứa, họ đã thỏa hiệp với vị trí của mình một cách rất nghiêm trọng, chút nữa chúng ta sẽ xem cụ thể. Toàn bộ phần giữa của sách từ chương 3:7 đến chương 16, lẽ ra phải là chương 16:31, đó là phần chính của sách, nói về chu trình này và nó trải qua bốn giai đoạn: Dân sự trở nên Chệch choạc, họ bị kẻ thù Chế ngự, họ Cầu khẩn Chúa và được một người giải phóng Cứu thoát, và họ đi vòng quanh chu trình đó bảy lần ở phần giữa của sách.

Rồi cuối cùng, Sự bại hoại không thể tránh khỏi do họ tham gia vào chu trình này, và nó ở dưới hình thức Thờ thần tượng truyền thống ở miền bắc và tình trạng Trái đạo đức ở miền nam. Thờ thần

tượng trong chi phái Đan và Trái đạo đức trong chi phái Bên-gia-min, tôi muốn các bạn đặc biệt chú ý đến điều đó, thế nên tôi mới gạch chân từ Bên-gia-min. Sách kết thúc với một khẳng định mà thực chất là điệp khúc của cuốn sách, nó liên tục xuất hiện từ đầu chí cuối: "Thời ấy, Y-sơ-ra-ên không có vua. Mỗi người làm theo ý mình cho là phải."

Hãy xem xét phần đầu tiên. Họ Thỏa hiệp gấp đôi: một mặt, Chúa sai họ vào để tiêu diệt mọi người trong đó, chúng ta biết rằng chúng gian ác đến thế nào, chúng trụy lạc và đồi bại ra sao, và kết quả là chúng bệnh hoạn như thế nào. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục lan tràn khắp Ca-na-an, và càng biết nhiều, chúng ta càng nhận ra rằng chúng đáng bị đuổi khỏi xứ đó; chúng thật sự rất tệ hại. Thực tế, Chúa giữ dân Do Thái tại Ai Cập trong 400 năm cho đến khi tội ác của dân Am-môn đạt đến cực độ, nghĩa là đến khi họ đủ tệ để bị đuổi ra. Chúa đã sai dân Do Thái vào như công cụ phán xét của Ngài trên một xã hội trụy lạc nhất; nhưng thay vì làm theo điều Chúa phán bảo thì họ lại cho phép nhiều điều, và họ cho phép nhiều người được sống, đặc biệt là trong các thung lũng. Dân Y-sơ-ra-ên chỉ chiếm các vùng đồi núi nhưng lại để cho các vùng thung lũng được yên.

Như vậy, dân Chúa sống tít trên núi còn dân ngoại đạo và dân đồi bại lại sống trong các thung lũng. Kết quả là dân Y-sơ-ra-ên liên minh với chúng và đặc biệt là khi những gã trai trẻ Y-sơ-ra-ên muốn đi chơi đêm, họ đã xuống thung lũng, và kể từ đó - Lót đã đi xuống thung lũng Sô-đôm và Gô-mô-rơ - nên bạn có thể đoán được phần còn lại của câu chuyện. Nên bạn thấy đó, đây là dân sự Chúa trên các ngọn đồi, nhưng phe đối lập lại ở dưới thung lũng. Nếu sự thánh khiết ở trên đây thì sự ô uế ở dưới này và vì họ không dọn sạch xứ đó nên nó thường xuyên gây vấn đề cho họ. Kết quả là họ rơi vào chu trình kinh khủng này, vì khi bạn có một cuộc hôn nhân lộn lạo, điều gì xảy ra khi điều thanh sạch và ô uế kết hợp với nhau? Điều gì xảy ra khi điều thánh khiết và thanh sạch kết hợp với nhau?

Có người nói rằng: Nếu anh cưới con của ma quỷ thì anh sẽ thật sự gặp vấn đề với ông bố vợ. Tôi không biết bao nhiêu người nữ Cơ Đốc đã cưới những người nam không tin Chúa, với hy vọng là họ sẽ được cải đạo, để rồi hối hận trong cả phần đời còn lại. Kết hôn với người ngoại là không nên thậm chí là trong Tân Ước, hãy kết hôn trong vòng dân sự Chúa. Nhưng hôn nhân lúc nào chẳng vậy, giống như tôi đứng trên bàn còn bạn đứng trên sàn, tôi thì kéo bạn, cố kéo bạn lên trên bàn, còn bạn cố kéo tôi xuống sàn, vậy thì ai sẽ thắng đây? Bạn có cả luật hấp dẫn đứng về phía mình; vấn đề nằm ở chỗ đó.

Nếu bạn kết hôn với người ngoại, luật hấp dẫn thuộc linh đứng về phía người kéo xuống, nên điều này đã xảy ra. Không lâu sau, họ sa vào sự bất tuân, nổi loạn; và Chúa trừng phạt họ bằng cách đưa một trong số những kẻ thù này vào, lên vùng đồi núi và chiếm đất. Khi rơi vào mớ hỗn độn đó, họ thực hiện bước thứ ba. Họ kêu cầu Chúa và nói rằng: Chúa ơi, chúng con xin lỗi; đó là lỗi của chúng con; xin hãy cứu chúng con. Ngài cứu họ rồi họ lại trở về đúng vòng này. Cứ như thể bạn cứu ai đó khỏi chết đuối, kéo anh ta từ sông lên, hong khô cho anh ta và anh ta nói: Ôi cảm ơn anh, anh đã cứu mạng tôi; rồi anh ta lại quay đầu nhảy xuống sông. Bạn lại kéo anh ta lên, và anh ta nói "Anh cứu mạng tôi hai lần; tôi biết ơn anh gấp đôi." Rồi anh ta lại quay đầu nhảy xuống sông. Bạn sẽ phải kéo anh ta lên bao nhiêu lần? Bảy mươi lần bảy ư? Tôi thì không đâu. Tôi sẽ nói: Anh đâu có muốn tôi cứu anh.

Tôi e rằng đây là điều đã xảy ra tại đây, bảy lần! Họ đi lòng vòng trong chu trình này, và Chúa liên tục dấy lên một người lãnh đạo đầy ân tứ để giải phóng họ một lần nữa. Đó là một chu trình mà dân sự Chúa có thể sa vào. Tôi muốn chú trọng tới phần cuối này, vì điều đó khá quen thuộc với bạn.

Nếu chỉ xét đến cuộc đời của Sam-sôn hay cuộc đời của Ghi-đê-ôn thì bạn sẽ bỏ lỡ chu trình này, bạn bỏ lỡ khuôn mẫu này. Thế nên mới có sách này để dạy dỗ bạn, vì dân sự Chúa quá dễ sa vào chu trình này, thậm chí là cá nhân các tín đồ sa vào chu trình này, họ phạm tội, họ rơi vào mớ hỗn độn, họ kêu cầu Chúa, Chúa đưa họ ra khỏi mớ hỗn độn, mười hai tháng sau họ lại tái phạm đúng tội đó, vào đúng mớ hỗn độn đó. Bạn có biết người nào như thế không? Quá dễ để sa vào chu trình này, xa cách Chúa, đó không chỉ là một chu trình vô tận, đó còn là một vòng xoáy đi xuống. Khi đã sa vào điều này thì bạn không chỉ đi lòng vòng mà thực ra bạn đang đi xuống theo các đường xoắn ốc.

Phần cuối cùng của sách Các quan xét là bản tường thuật khó chịu nhất về những gì xảy ra với dân sự lúc cuối cùng. Trong cả hai tình huống, một ở miền bắc trong chi phái Đan và một ở miền nam trong chi phái Bên-gia-min, đều có cảnh dân sự Chúa bị một người Lê-vi, một thầy tế lễ, một người của Đức Chúa Trời làm cho lạc lối. Người này sa vào rắc rối và dẫn dân sự đi lầm đường. Thật thảm họa khi những lãnh đạo thuộc linh của dân sự Chúa rơi vào mớ hỗn độn.

Ở đây có hai ví dụ về sự suy đồi, bất tuân, bại hoại, sa đọa - sa đọa về mặt đạo đức, và chúng thật sự là những câu chuyện mà chắc chắn bạn sẽ không dạy trong trường Chúa nhật. Ở miền bắc, một người tên là Mi-ca đã lấy cắp 1100 miếng bạc của mẹ mình, của chính mẹ mình và rồi, quá sợ hãi vì thấy bà nguyền rủa người đã lấy cắp nó, hắn trả lại bà, và bà nói: Con là một đứa con ngoan vì đã trả nó cho mẹ. Mẹ sẽ làm một tượng thần nhỏ bằng bạc cho con và con có thể cho nó vào bộ sưu tập các tượng thần của con. Vì con bà đã sưu tập các thần tượng nhỏ, và bà đã dùng số bạc hắn trả lại để làm một tượng thần cho bộ sưu tập của hắn. Thật là một bà mẹ tệ hại, chiều con đến hư hỏng như vậy. Bà ta đang mời gọi rắc rối đến. Cậu con trai này lập con mình làm thầy tế lễ và nói: Con trai, con có thấy tất cả những thần tượng này không? Con có thể làm thầy tế lễ và trông nom các tượng đó. Cậu bé này còn không phải là người Lê-vi.

Nhưng một thầy tế lễ người Lê-vi đang trốn khỏi tai tiếng tại Bết-lê-hem xứ Giu-đa, chạy khắp mọi nơi. Anh ta chạy lên phía bắc và trọ tại nhà này một đêm và nói với cậu bé này rằng: Cháu có bộ sưu tập tượng thần đẹp đấy. Cậu con, Mi-ca nói: Tôi sẽ trả cho anh mỗi năm một trăm nghìn đồng, cộng với cơm ăn và chỗ ở nếu anh làm thầy tế lễ riêng cho tôi. Vì anh ta nghĩ rằng: Mình đã có thầy tế lễ thực thụ rồi, một người Lê-vi. Người này nhận việc. Tuy nhiên, sau đó, chi phái Đan là chi phái không chiếm được xứ mà Chúa ban cho họ ở phía nam, họ đã di cư lên phía bắc và những người lãnh đạo của họ trọ tại nhà này. Họ thấy những tượng thần này và thấy người Lê-vi, và họ nói: Này, anh làm tuyên úy cho nhà này đấy hả? Anh có muốn làm thầy tế lễ cho cả chi phái chúng tôi không? Chúng tôi sẽ trả cho anh hậu hĩnh hơn nhiều. Người Lê-vi chấp thuận. Thế nên chi phái Đan mới trở nên một chi phái thờ thần tượng, và cũng như Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, kẻ lạc lối trong mười hai sứ đồ, Đan là chi phái không có trong sách Khải huyền, và thảy đều xảy ra vì cớ một người Lê-vi, một người lẽ ra phải là người của Đức Chúa Trời, vì tiền công mà trở thành một tuyên úy riêng, trước hết là cho một gia đình, sau đó là cho cả chi phái.

Đó là một câu chuyện buồn, và chuyện kia thậm chí còn tệ hại hơn. Chúng ta sẽ kết thúc bài nói chuyện này bằng câu chuyện đó. Một người Lê-vi khác, lại từ chính chi phái Ép-ra-im, lần này là lấy một cô vợ bé, một ả nhân tình, lại từ Bết-lê-hem xứ Giu-đa - rất lạ lùng! Nhưng vì chán hắn ta nên nàng bỏ hắn và về nhà mình. Sau 4 tháng, hắn đến để đón nàng trở lại và người cha cứ kề cà, trì hoãn mãi. Cuối cùng thì người cha cũng để cho nàng đi và họ khởi hành lúc xế chiều. Họ đến được đến Giê-ru-sa-lem, lúc đó vẫn là một thành người ngoại, và hắn nói: Đừng ở với dân ngoại; chúng ta phải ở với người Y-sơ-ra-ên, như vậy, họ cố đi đến chi phái Bên-gia-min. Đến chập tối thì họ đến Ghi-bê-

a và vừa mới dựng lều lên thì một cụ già đáng mến tại Ghi-bê-a nói rằng: Ôi đừng có ngủ trong lều, ta sẽ cho anh cái giường để ngủ qua đêm.

Vậy là ông mời họ vào nhà. Người này và cô vợ bé vừa vừa vào thì một đám bê đê đến trước cửa, gõ cửa và nói: Cái cậu vừa vào nhà ông nhìn hấp dẫn thế, chúng tôi muốn quan hệ với anh ta, hãy nộp anh ta ra đây. Cụ già ở Ghi-bê-a nói rằng: Không, cậu ấy là khách của tôi; nhưng các anh có thể bắt cô vợ bé nếu thích, hoặc bắt con gái tôi. Hắn đẩy cô vợ bé ra ngoài và bọn đó cưỡng hiếp nàng đến sáng và đối xử quá tệ với nàng, đến sáng thì nàng chết trước thềm nhà. Họ quá khiếp đảm đến nỗi họ lấy xác nàng và cắt thành mười hai phần, rồi gửi từng phần đến cả 12 chi phái Y-sơ-ra-ên: Hãy xem chuyện gì đã xảy ra ở chi phái Bên-gia-min này!

Và bạn có biết, rất nực cười, là lần đầu tiên, tất cả các chi phái đều hiệp lại. Thật đáng kinh ngạc vì điều đó lại khiến dân sự hiệp lại. Tất cả các chi phái hiệp lại, họp mặt tại Mích-pa và nói: Chúng ta sẽ xử Bên-gia-min vì chuyện này. Họ đã kéo đến và lần đầu tiên, nội chiến đã xảy ra tại Y-sơ-ra-ên chỉ vì sự kiện kinh khiếp này, và tất cả đều bắt nguồn từ một thầy tế lễ lấy vợ bé. Thật sửng sốt! Chỉ một người mà gây ra nội chiến, và họ đã giết những người Bên-gia-min và nhiều người Y-sơ-ra-ên bị giết hại.

Thực tế, cứ mười người trong toàn Y-sơ-ra-ên thì có một người bị giết trong cuộc nội chiến sau đó. Chi phái Bên-gia-min quá tức giận vì chuyện nội bộ của họ lại để các chi phái khác xen vào, họ đã cự lại, và nếu bạn đọc câu chuyện thì sẽ biết kết quả là chi phái Bên-gia-min gần như bị xóa sổ, chỉ còn lại 600 người nam, không còn phụ nữ và trẻ em, tất cả đều bị giết hại. Nên 600 người nam đã chạy trốn. Rồi họ nhận ra tình cảnh của dân tộc mình: chúng ta từng có 12 chi phái, giờ chỉ còn có 11, chuyện gì sẽ xảy ra với chúng ta đây? Họ tỉnh táo lại và đi tấn công Gia-be Ga-la-át, tìm được 400 trinh nữ, dẫn họ về và giao họ cho những người nam Bên-gia-min và nói: Hãy cưới họ để duy trì nòi giống cho chi phái mình. Nhưng vẫn chưa đủ. Họ cần thêm 200 người nữ nữa và lợi dụng lỗ hổng, họ sắp xếp để người Bên-gia-min bắt cóc một số cô gái Y-sơ-ra-ên tại lễ hội lớn sắp tới tại Si-lô và họ sẽ nhắm mắt làm ngơ - vì họ đã thề rằng không người Bên-gia-min nào được lấy con gái chúng ta làm vợ. Nên họ nói: Hãy bắt cóc chúng, như vậy thì không phải là chúng tôi gả chúng cho các anh. Đó là một cách quanh co điển hình để tìm ra kẽ hở.

Tất cả những điều đó, đang nói rằng vòng xoáy cứ xuống sâu mãi - hãy xem chi phái Đan và sự thờ thần tượng của chúng và hơn hết, hãy xem chi phái Bên-gia-min và kết cục của họ - gần như xóa sổ một chi phái trong dân sự Chúa chỉ vì sự đồi bại của một người.

Sách Các quan xét kết thúc như vậy đó. Thời ấy, Y-sơ-ra-ên không có vua và mỗi người làm theo ý mình cho là phải - phải lẽ chứ không trái lẽ, nhưng là phải theo mắt mình. Sự thánh khiết là làm điều phải lẽ theo mắt Chúa. Như vậy, Các quan xét kết thúc với một mớ hỗn độn và kết thúc với chi phái đó. Tôi muốn bạn nhớ rằng - điều này cực kỳ quan trọng - rằng sách kết thúc với một chi phái hư hoại gần như bị xóa sổ, sau khi một phần mười số người nam của Y-sơ-ra-ên đã thiệt mạng. Đó là một câu chuyện buồn đúng không? Cảm tạ Chúa, đó không phải là toàn bộ cuốn sách trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, và đúng là không phải như vậy. Sách mà kết thúc như thế thì thật kinh khủng. Rất tiếc là trong Kinh Thánh tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì đó chính là kết thúc của sách.

Chúng ta sẽ ngắt đoạn tại đây và bắt đầu với một số tin vui hơn trong bài nói chuyện tiếp theo. Tôi chưa kết thúc sách Các quan xét đâu, tôi sẽ nói thêm chút nữa về Các quan xét và chúng ta sẽ xét đến nửa còn lại của sách mà chúng ta gọi là Ru-tơ.

SÁCH CÁC QUAN XÉT VÀ RU-TƠ - Phần 2

Chúng ta đã và đang xét đến sách Các quan xét ở mức độ rất con người, nhưng chúng ta cũng cần xét đến sách ở mức độ thiên thượng nữa. Đức Chúa Trời rất nổi bật trong sách Các quan xét dù rằng họ rơi vào chu trình này, vào vòng xoáy đi xuống này. Thực tế, sách chép rằng Đức Chúa Trời không đuổi tất cả dân khỏi họ. Sách chép rằng Chúa sai những kẻ thù đến chống lại họ. Sách chép rằng Chúa nghe những lời cầu nguyện của họ và chép rằng Chúa sai ai đó đến để cứu vãn tình thế cho họ - như vậy là Chúa tham gia cùng họ. Chẳng phải là Ngài quá kiên nhẫn đó sao? Tuy họ rơi vào chu trình này nhưng Chúa vẫn ở cùng dân sự Ngài và xét trên một khía cạnh thì chính Ngài đã thực hiện mọi điều đang diễn ra. Ngài tích cực tham gia cùng họ và chúng ta cần nhớ rằng Đức Chúa Trời của Kinh Thánh có thể cho phép điều ác đến cũng như giải phóng khỏi điều ác. Thế nên các bạn mới cầu nguyện Bài cầu nguyện chung mỗi ngày rằng “xin đừng để chúng con bị cám dỗ.” Chúa có thể xử lý dân Ngài bằng cách cho phép điều ác đến, cũng như giải phóng họ khỏi điều ác - như vậy là “xin đừng để chúng con bị cám dỗ nhưng cứu chúng con khỏi điều ác.”

Đó là một lời cầu nguyện hợp lý với một Đức Chúa Trời có thể làm cả hai điều. Quyền năng của Đức Thánh Linh có thể chữa lành người bệnh, nhưng cũng có thể đem bệnh tật đến. Điều đó có thể khiến người mù được sáng, nhưng có thể khiến kẻ sáng bị mù, như với Tổng đốc Sê-giút trong sách Công vụ. Điều đó có thể khiến người chết sống lại - quyền năng của Đức Chúa Trời, cũng có thể giết A-na-nia và Sa-phi-ra. Chúng ta cần nhớ rằng Chúa là một Đức Chúa Trời có thể cho phép điều ác đến cũng như giải phóng khỏi điều ác.

Một phần trong kỷ luật của hội thánh là giao một thành viên cho Sa-tan cũng như cứu họ thoát khỏi Sa-tan. Có hai mặt được thể hiện qua tất cả những điều này và Chúa đã đem dân Am-môn đến. Thực tế, A-mốt chương 9 chép rằng Chúa đem dân Phi-li-tin ra khỏi Cáp-tô cùng thời điểm Chúa đem dân Do Thái ra khỏi Ai Cập, và Ngài đem họ vào cùng một xứ. Dân Phi-li-tin là hình phạt mà Chúa chọn cho họ khi họ không biết điều. Như vậy là Chúa đem dân Phi-li-tin từ Cáp-tô vào cùng một xứ với dân Do Thái từ Ai Cập, và Chúa đã dùng dân Phi-li-tin nhiều hơn bất kỳ dân nào khác xung quanh họ để trừng phạt khi họ làm điều sai trái. Thế nên họ mới xuất hiện trong danh sách này nhiều như vậy. Lúc này chúng ta vẫn chưa chuyển từ các chu trình qua đường thẳng.

Những lý do đáng xem xét - đầu tiên là những thành viên thuộc thế hệ thứ hai, đây cũng là bài học cho các hội thánh, những thành viên thuộc thế hệ thứ hai có xu hướng yếu đuối hơn thế hệ đầu tiên. Những bậc cha mẹ trải qua sự cải đạo thực sự, rồi con cái họ lớn lên trong hội thánh nhưng không có được những phẩm chất như vậy; bạn có hiểu không? Mọi hội thánh đều gặp vấn đề với các thành viên thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba rồi thứ tư,..., những người kế thừa. Kinh Thánh chép rằng cả một thế hệ khác lớn lên chẳng biết Đức Giê-hô-va cũng chẳng biết các công việc mà Ngài đã làm cho Y-sơ-ra-ên.

Đó là một trong những vấn đề trong Các quan xét, các thành viên thuộc thế hệ thứ hai; thế nên họ mới làm theo ý mình cho là phải thay vì làm theo những điều phải lẽ trong mắt Chúa. Họ trở nên một thế hệ vô luật, họ không nhớ đến Đức Giê-hô-va, nên họ không nhớ lại sự giải phóng của Ngài, không biết ơn Ngài đã cứu mình. Điều thứ hai là các lãnh đạo thuộc thế hệ thứ hai; mọi thứ đều ổn cho đến khi người lãnh đạo qua đời - khi Ghi-đê-ôn qua đời hoặc khi Sam-sôn qua đời, có một khoảng trống lãnh đạo và họ lại sa vào rắc rối. Các quốc gia khác có các triều đại, nên họ có sự lãnh đạo liên tục,

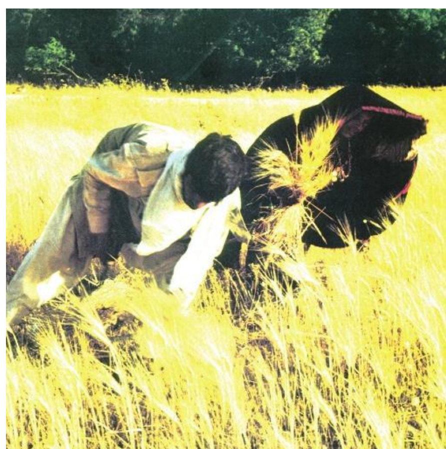
họ có dòng dõi hoàng gia. Y-sơ-ra-ên thì không; thời ấy, Y-sơ-ra-ên không có vua và đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt Các quan xét.

Khi Ghi-đê-ôn giải phóng họ khỏi dân Ma-đi-an, bạn có biết người ta nói gì với Ghi-đê-ôn không? Ghi-đê-ôn, chúng tôi muốn ông làm vua, và chúng tôi muốn con trai ông trị vì sau ông. Nói cách khác là: Ông có thể lập nên một triều đại để chúng tôi có sự lãnh đạo liên tục được không? Và Ghi-đê-ôn, một người thật khôn ngoan, đã nói: Anh em đã có vua rồi, Đức Giê-hô-va là vua của anh em, vấn đề thực sự là anh em không nhìn lên Đức Giê-hô-va, vua mình; và Ghi-đê-ôn đã từ chối ngôi vua. Rồi có A-bi-mê-léc. Tôi quên không nhắc đến ông ta, nhưng A-bi-mê-léc muốn làm vua và cố gắng lên làm vua. Ông ta đã giết tất cả các anh em mình để cố gắng lấy ngôi vị. Nhưng một người trong số họ đã trốn thoát và tất cả kết thúc thật bất hạnh khi A-bi-mê-léc đang vây hãm một thành, một người nữ đã thả chiếc thớt cối xuống đầu ông ta và ông ta cũng gần chết vì kinh ngạc. Nhưng tôi e rằng ông ta không chết. Ông ta gọi một người đến tra gươm trên mình để người ta không bao giờ nói rằng ông ta chết dưới tay một người đàn bà. Nhưng A-bi-mê-léc đã cố gắng chiếm ngôi và điệp khúc này liên tục lặp lại: không có vua, không có vua. Thực ra là có nhưng Ngài không thấy được và ở trên trời, vì đây là các thành viên thuộc thế hệ thứ hai và họ muốn một vị vua nhìn thấy được.

Đó là nơi chúng ta rời sách Các quan xét; Chúa sắp chỉ định một vị vua và sách Ru-tơ nho nhỏ sẽ cho chúng ta biết rằng vị vua đó ra từ đâu. Nên bạn thấy được đề tài không có vua này được hoàn tất nhờ sách Ru-tơ như thế nào và hai sách là một. Nên hãy xét đến sách Ru-tơ. Chúng ta đang bước vào một bối cảnh rất khác. Cùng thời điểm, nhưng có lẽ sách là sự tương phản rõ rệt nhất với tất cả những điều khủng khiếp đang diễn ra ở miền viễn bắc từ Đan đến Bên-gia-min. Nhưng xuống sâu phía miền nam, chúng ta bước vào một bầu không khí khác.



Bết-lê-hem



Một ruộng lúa điển hình ở Bết-lê-hem

Đây là Bết-lê-hem chụp từ những cánh đồng của người chăn chiên bên dưới, còn đây là một ruộng lúa điển hình tại vùng đó. Gần như bạn đang đọc một trong những cuốn tiểu thuyết về vùng thôn quê Wessex nước Anh của Thomas Hardy - sách Ru-tơ ấy, đúng không? Sách có chuyện tình lãng mạn, kiểu như một cuốn tiểu thuyết của Barbara Cartland hay Catherine Cookson, một kiểu câu chuyện tạp chí phụ nữ thực thụ, một câu chuyện hay. Bạn cảm giác như mình đang bước vào một bầu không khí trong lành phải không, khi đọc Ru-tơ sau Các quan xét với việc cắt xác gái điếm và đủ thứ khác? Bước vào Ru-tơ là vào một bầu không khí hoàn toàn khác, thế nhưng hãy nhớ rằng từ chi phái Bên-gia-min đến Bết-lê-hem chỉ có hơn 3 cây số. Chúng ta chỉ di chuyển hơn ba cây số nhưng biết đâu chúng ta lại di chuyển cả triệu cây, bức tranh tổng thể thật quá khác biệt. Sự tương phản với sách Các quan xét được đánh dấu ở việc đầu tiên, ấy là sách Ru-tơ có ít nhân vật hơn nhiều; thực ra là một gia đình. Ít nơi chốn hơn và số năm ít hơn nhiều, thế nhưng sách Ru-tơ lại là câu trả lời cho sách Các quan xét, nên hãy xét đến sách Ru-tơ và xem dạng bố cục của sách.

OUTLINE OF RUTH:

A. TWO INSEPARABLE WOMEN

1. MOTHER-IN-LAW'S LOSS
2. DAUGHTER-IN-LAW'S LOYALTY

B. TWO INFLUENTIAL MEN

1. REDEEMER KINSMAN'S LOVE
2. ROYAL KING'S LINE

Judges – bad Benjamin – Saul
Ruth – good Bethlehem – David > Samuel

Sách được chia làm bốn chương và phân chia chúng là việc dễ nhất trần đời. Hai chương đầu nói về hai người nữ không thể chia lìa, và hai chương sau nói về hai người nam có tầm ảnh hưởng; và chúng ta có một bà mẹ chồng, một nàng dâu, một người bà con chuộc sản nghiệp và một vị vua hoàng gia. Hai người nữ và hai người nam là những nhân vật trong vở kịch này; hãy xem xét câu chuyện để làm quen trước đã.

Chương một, sự mất mát của bà mẹ chồng. Người mẹ này tên Na-ô-mi và nạn đói ở xứ Giu-đa xảy đến, họ bị thiếu đồ ăn. Lẽ ra họ nên rút ra bài học từ lịch sử, mỗi khi dân sự Chúa đến đâu đó để tìm đồ ăn là họ lại sa vào rắc rối. Điều này đã xảy ra với Áp-ra-ham, ông xuống Ai Cập; đã xảy ra với Y-sác, ông cũng làm như vậy; điều này xảy ra với Giô-sép và các anh em ông, họ đều xuống đó để tìm đồ ăn và sa vào rắc rối. Na-ô-mi cùng chồng bà nói rằng *hãy đi xuống Mô-áp. Chúng ta sẽ vượt sông Giô-đanh và đi vào vùng Trans-Jordan, chúng ta sẽ đến Mô-áp; vùng đồi núi phía xa xa của Biển Chết. Nghe nói là họ được đủ ăn.* Đó là một sai lầm chết người. Họ đến đó với hai người con trai. Cả hai người con trai đều cưới vợ Mô-áp, như vậy là họ kết hôn ngoài vòng dân Chúa. Mọi chuyện càng ngày càng tệ hơn. Chồng của Na-ô-mi qua đời và hai người con trai qua đời, để lại ba góa phụ bơ vơ. Số phận của một góa phụ thời đó rất tệ. Họ không được an ủi bằng lương hưu, chăm sóc y tế hay phúc lợi dành cho góa phụ, và những góa phụ thực sự rất khó khăn.

Tất cả những điều này bắt nguồn từ một bước đi sai lầm, từ việc trông cậy con người thay vì trông cậy Chúa, tìm câu trả lời nơi con người cho hoàn cảnh của mình thay vì hỏi Chúa xem điều gì đang xảy ra. Chúa sẽ cho họ biết rằng nạn đói là một phần hình phạt của Ngài cho người Giu-đa, và nếu như họ quay trở lại với Ngài thì họ sẽ lại đủ ăn. Nhưng họ thậm chí còn không đợi để được trả lời như vậy. Na-ô-mi trở nên rất cay đắng.

Thực ra từ Na-ô-mi nghĩa là niềm vui thích. Nhưng khi bà trở lại, những người bà con xưa kia gần như không nhận ra bà, bà nói *hãy gọi tôi là Ma-ra, tôi không muốn được gọi là Na-ô-mi nữa*, cái đó nghĩa là niềm vui thích. Ma-ra nghĩa là sự cay đắng. Bà trở lại và trở nên một người nữ khá cay đắng; và khi bà rời Mô-áp, hai nàng dâu nói rằng *chúng con có thể đi cùng mẹ không*, bà nói *không, các con không thể nào lấy được chồng tại Giu-đa đâu vì người ta không kết hôn ngoài gia tộc mình. Các con nên ở đây, cả hai con, các con sẽ dễ tìm một người đàn ông chăm sóc mình hơn nếu các con ở đây.* Ọt-ba nói: *Được rồi, con sẽ làm như vậy*, và bà trở lại Mô-áp.

Rồi bà hoàn toàn biến mất trong Kinh Thánh. Bà không còn chỗ trong mục đích của Chúa, đó là lựa chọn của bà. Ở góc độ con người thì đó là một lời khuyên hợp lý, nhưng bà đã đưa ra lựa chọn của mình. Bà biến mất. Ru-tơ cũng đưa ra một sự lựa chọn. Tên bà đã được ghi trong sử sách như tổ tiên của Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta. Biết bao điều phụ thuộc vào một sự lựa chọn, chỉ một quyết định trong cả cuộc đời bạn có thể thay đổi mọi thứ. Chính những sự lựa chọn tạo nên tính cách của chúng ta và Ru-tơ đã đưa ra lựa chọn đúng đắn vào đúng thời điểm. Bà là một nhân vật dễ mến, nhưng chính quyết định của bà, chính lựa chọn của bà đã đưa bà vào đường thẳng của mục đích Chúa, và bà được dự phần trong dòng dõi hoàng gia của Đức Chúa Trời. Không thuộc chu trình. Mà thuộc đường thẳng. Rất tuyệt vời, tên bà được nhắc đến trong gia phả của Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ. Bà là một người ngoại. Là một người nữ. Thông thường thì người Do Thái không đưa phụ nữ vào gia phả, nói gì đến phụ nữ người ngoại, nhưng Ru-tơ, bà đã ở đó. Chỉ một quyết định và bà trở thành một phần trong đường thẳng đó.

Tuy Na-ô-mi khuyên họ ở lại nhưng Ru-tơ nói con sẽ đi, và giờ đây, trong chương 2, chúng ta có sự trung thành của một nàng dâu. Sự lựa chọn của bà rất thú vị. Bà là một nhân vật đẹp từ trong ra ngoài. Rất thú vị là các tổ phụ không thờ ơ với vẻ đẹp bề ngoài, bạn thấy đó. Hãy đọc những gì 1 Phi-e-rơ 3 nói về Áp-ra-ham và Sa-ra, và Rê-bê-ca. Họ thích người phụ nữ của mình đẹp cả bên ngoài lẫn bên trong, cả hai. Thực ra Phi-e-rơ - ôi tôi đang lạc đề mất rồi - nhưng tôi nghĩ là các quý cô có thể quan tâm đến công thức của Phi-e-rơ cho vẻ đẹp bề trong và vẻ đẹp bề ngoài. Tất cả đều nằm trong tính cách của bạn. Ông khuyên những người vợ Cơ Đốc trở nên những người nữ hấp dẫn hơn khi sống cùng và những người nữ cuốn hút hơn khi nhìn ngắm. Ông nói rằng đó là cách để khiến chồng bạn tự cải đạo. Như vậy, trong đó đầy những lời khuyên hay, nhưng ông nói rằng vợ của các tổ phụ đã như vậy; và Ru-tơ đẹp cả ở bề trong lẫn bề ngoài.

Người phụ nữ đẹp nhất mà tôi từng biết đã 84 tuổi. Nàng có đủ mọi nếp nhăn trên mặt, nhìn như một mớ dây dợ lằng nhằng. Tôi nói: *Bà Harris ơi, có ai từng bảo bà là bà có gương mặt thật đẹp chưa?* Bạn biết đấy, bà ấy tiếp nhận điều đó rất hay, bà ấy bảo: *Ông không phải là người đầu tiên bảo tôi như thế đâu*. Rồi bà ấy bảo tôi một điều khác. Bà ấy bảo *khi còn trẻ, tôi xấu xí, thô kệch đến nỗi tôi chưa từng có bạn trai, chưa từng có cơ hội kết hôn, chưa ai mời tôi đến buổi khiêu vũ ở trường hay kiểu vậy,* nhưng bà ấy nói: *Lúc 27 tuổi, tôi đem lòng yêu Chúa Giê-su;* rồi bà ấy nháy mắt và nói: *Ông biết đấy, ông trở nên giống với những người ông yêu, đúng không?* Thật đẹp, nàng là một người nữ dễ mến. Vẻ đẹp xuất phát từ bên trong. Ru-tơ có một tính cách rất đẹp. Bà đầy khiêm nhường nhưng cũng có sự dạn dĩ cuốn hút những người nam. Bà đầy lòng trung thành. Bà có tinh thần phục vụ nhưng bà không thụ động và không phải một người yếu thế, ở đây có một sự kết hợp thật đẹp. Nhưng nó bắt đầu với lựa chọn đúng đắn. Bà không chỉ chọn ở với Na-ô-mi. Bà chọn dân tộc của Na-ô-mi. Bà chọn Đức Chúa Trời của Na-ô-mi.

Bà không chỉ ở với Na-ô-mi. Bà nói: *Con đã suy nghĩ kỹ rồi, con muốn trở thành một phần trong dân tộc của mẹ và con muốn Đức Chúa Trời của mẹ là Đức Chúa Trời của con*. Quyết định tuyệt vời. Vì vậy, Đức Giê-hô-va trở nên thực hữu với bà, dù bà đã thấy Ngài trừng phạt dân Ngài. Thật sự rất tuyệt vời. Bà nói "con sẽ" bốn lần. Những gì bà nói với Na-ô-mi gần như là một lễ cưới. Bà nói "Con sẽ" bốn lần. *Đức Chúa Trời của mẹ sẽ là Đức Chúa Trời của con. Con sẽ đi với mẹ.*

Trung thành là một phẩm chất rất quý báu đối với Chúa. Rất quý báu. Thực ra, sự trung thành và tình yêu gần như là một từ trong tiếng Hê-bơ-rơ. Chúa không hề biết đến một tình yêu mà không trung thành. Tình yêu giao ước. Nó vẫn còn đó, bất chấp mọi khó khăn, khi mạnh khỏe cũng như lúc đau

yếu, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan. Không có lòng trung thành thì không phải là tình yêu thực thụ. Đó là một hiểu biết rất quan trọng.

Chúa rất coi trọng sự trung thành và sách chép rằng Ru-tơ được ơn trước mặt Chúa. Được ơn là cùng một từ với con cưng. Bà trở thành một trong những con cưng của Chúa. Được ơn là một điều thật quý báu, tốt hơn cả chục lần so với có nhiều của cải. Được ơn trước Chúa và có nhiều của cải, bạn sẽ chọn điều gì?

Tôi mang gia huy của chúng tôi đến cho các bạn xem. Pawson nghĩa là "con trai của con công." Paw là từ cổ của con công. Không biết là điều đó biến tôi thành cái gì nhưng tôi phát hiện ra điều đó tại Ba Lan. Họ gọi tôi là Ngài 'Pavson'. Tôi hỏi: Sao các anh lại nói là 'Pavson'? Họ nói thì là 'pav" p-a-w, 'pav' nghĩa là con công trong tiếng Ba Lan. Tôi về xem và thấy trong tiếng Anh cổ cũng vậy, nên tôi là con trai của con công. Cái đó không hề khiến tôi rùng mình. Điều khiến tôi rùng mình, ấy là tôi phát hiện ra rằng khẩu hiệu của gia đình là `Favente deo'. Chúa ban ơn. Bạn thích cái nào ghi trên gia huy của mình hơn? Nhiều của cải, hay Chúa ban ơn? Ơn của Chúa đáng giá bằng mọi của cải trên đời này.

Chúa ban ơn cho Ru-tơ. Bà trở nên con cưng của Chúa vì sự trung thành của bà, vì sự lựa chọn đúng đắn của bà. Vì vậy, bà trở thành chủ đề bàn tán tại Bết-lê-hem. Thực tế, sách có chép về bà rằng Chúa không ngớt làm ơn cho Ru-tơ. Đó không phải là một sự miêu tả thật đẹp sao? Chúa không ngớt làm ơn cho người nữ này, nên mọi người đều bàn tán về bà.

Điều này dẫn chúng ta đến với nửa sau của sách - hai người nam có tầm ảnh hưởng. Giờ thì tôi cần giải thích chút luật Hê-bơ-rơ tại đây. Bô-ô là một người có địa vị cao trọng và một người hào phóng, ông đã thưởng cho Ru-tơ vì lòng trung thành của bà. Ông bảo mọi người mót lúa trên đồng rằng hãy để lại nhiều lúa, à, mọi thợ gặt rằng hãy để lại nhiều lúa ở phía bờ ruộng cho người nữ Mô-áp đó đến mót. Ông đã đối tốt với bà. Có hai phong tục kỳ lạ trong sách Ru-tơ mà chúng ta không quen, nên tốt hơn hết là tôi sẽ giải thích cho các bạn hiểu.

Phong tục đầu tiên là thế này. Nó được gọi là "thế huynh hôn" (Levirate marriage). Bạn có nhớ những điều tôi đã nói về năm hân hỉ, rằng mọi sản nghiệp đều trở lại với gia đình sở hữu chúng từ ban đầu trong năm hân hỉ không? Nhưng giả sử không còn gia đình nào để trả nó lại. Bởi vì chắc chắn phải duy trì dòng dõi gia đình để nhận lại sản nghiệp trong năm hân hỉ nên thế huynh hôn nói thế này: Nếu một người nữ qua đời, xin lỗi, nếu chồng của một người nữ qua đời trước khi nàng sinh con trai để lấy lại sản nghiệp, thì anh hoặc em trai của chồng nàng phải cưới nàng và cho nàng sinh một con trai để giữ sản nghiệp trong gia đình bằng cách để gia đình có người nối dõi.

Đó là một điều luật lạ lùng với chúng ta và thật sự không có nhiều ý nghĩa với chúng ta trong hoàn cảnh hiện tại. Như vậy, ở đây có góa phụ Ru-tơ, không chồng, không con trai, nên một người bà con nào đó buộc phải cưới nàng để lưu danh và nối dõi chồng nàng - để thừa kế lại sản nghiệp khi nó có sẵn trong năm hân hỉ? Nắm được không? Đó là luật. Như vậy, đó là một phong tục.

Nhân tiện thì điều đó ẩn sau câu hỏi ngớ ngẩn mà người Sa-đu-sê hỏi Chúa Giê-su. Bạn có nhớ câu hỏi đó không? Khi họ nói về một người nữ mà cả bảy người chồng đều qua đời, về mặt thống kê thì chuyện đó dường như không thể, nhưng thực ra họ chỉ đang cố gắng gài bẫy Ngài. Vì người Sa-đu-sê không tin vào sự sống tương lai sau cái chết. Nên họ mới Chán-đủ-bề, và giờ thì bạn sẽ nhớ

điều đó. Được không? Họ đã hỏi Chúa Giê-su câu hỏi ngớ ngẩn đó; Ngài phán: Các ngươi đi lầm đường vì không hiểu Kinh Thánh hay quyền năng của Đức Chúa Trời.

Phong tục còn lại cũng là phong tục xã hội không quen thuộc với chúng ta. Một người nữ - một cô gái - không thể cầu hôn một người nam vào thời đó. Thậm chí là vào ngày Valentine. Họ không có thông lệ đó. Một người nữ không thể cầu hôn, nhưng nàng được tự do thể hiện rằng nàng muốn kết hôn với ai đó và nàng có thể làm như vậy theo một số cách. Một trong số đó là sưởi ấm bàn chân của người nam. Cách này khá hay. Ý tôi là gấu 37 độ thì rất ấm, ai kết hôn rồi thì biết. Sách Truyền đạo, không lâu nữa chúng ta sẽ nghiên cứu sách đó, nói về cách ủ ấm trên giường. Kinh Thánh rất thực tế phải không? Nên chúng ta thấy Ru-tơ đến và nằm dưới chân Bô-ô và lấy áo choàng phủ chân ông. Bà đang nói rằng: "Em sẽ không ngại kết hôn với anh." Và bà được tự do làm như vậy theo phong tục, bà không thể cầu hôn, nhưng bà có thể gợi ý, và gợi ý rõ mồn một luôn.

Như vậy, hai phong tục nhỏ đó giải thích cách Bô-ô kết hôn với Ru-tơ, và xét đến một khía cạnh, Bô-ô rất tự hào vì được bà đề nghị, và nghĩ rằng thật thích khi được lựa chọn, vì ông không phải là người bà con già nhất, cũng không trẻ nhất. Ông già hơn Ru-tơ nhiều, nên ông khá mừng vì bà chọn ông mà không chọn em trai ông, nhưng thực ra, theo luật thì anh trai ông là người nên hoàn thành bổn phận đó. Ông nói: *Nếu như anh trai anh bằng lòng thì anh muốn cưới em làm vợ*. Nên ông đã đến với các quan trưởng tại cổng thành, họ dàn xếp mọi chuyện và anh trai ông nói rằng *em có thể lấy cô ấy*. Rồi cởi giày mình ra và đưa nó cho Bô-ô, đó là một phương thức xã giao khác để nói rằng, giống như nghi thức giao kèo trong xã hội hiện đại. Điều này chốt lại thỏa thuận, và nó là như vậy, mọi thứ đều thuận buồm xuôi gió.

Vậy Đức Chúa Trời đang làm gì trong tất cả những điều này? Bạn biết đó, chúng ta đã xét đến sách chỉ như một câu chuyện tình của con người. Đó là một câu chuyện đẹp. Bạn có thể bước vào đây, chuyện tình thôn quê ngọt ngào này. Nhưng Chúa đang làm một điều gì đó đằng sau tất cả những điều này. Ngài đang làm gì? Thực ra Ngài đang chuẩn bị một dòng dõi hoàng gia cho một vị Vua cho Y-sơ-ra-ên. Đó là điều Ngài theo đuổi. Lựa chọn đúng đắn của bà thực sự dự phần vào lựa chọn đúng đắn của Chúa. Bà sẽ trở thành một phần trong dòng dõi hoàng gia này.

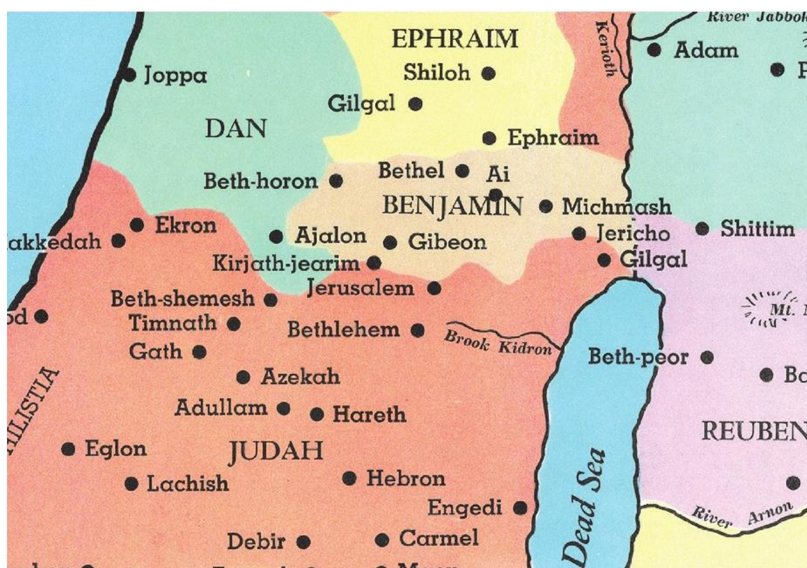
Một sách khác trong Kinh Thánh mà chúng ta sẽ xét đến là Ê-xơ-tê, một câu chuyện lãng mạn khác. Một câu chuyện thậm chí không nhắc đến Chúa nhưng ở đây, tất nhiên là Đức Chúa Trời thường xuyên được nhắc đến. Nhưng, qua những người khác, và thực tế, gần như bạn luôn thấy người ta xin Đức Giê-hô-va chúc phước cho Ru-tơ. Na-ô-mi nói: *Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho con, Ru-tơ, vì con đã ở với mẹ*. Bô-ô nói: *Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho em, Ru-tơ, vì đã chọn anh mà không chọn hai người anh em của anh*. Mọi người đều nói với cô gái này rằng *nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho cô, nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho con, nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho em.*

Họ có ý đó. Họ dùng danh của Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va. Mỗi khi bạn thấy từ CHÚA viết hoa cả 4 chữ trong Cựu Ước nghĩa là trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ Yahweh, Đức Giê-hô-va. Tôi e rằng đó là một từ bất tiện cho chúng ta, phần đa Kinh Thánh tiếng Anh và một số bản dịch tiếng Việt chỉ để từ CHÚA viết hoa cả 4 chữ. Nếu viết thường tức là dịch từ Adonai trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng nếu viết in hoa hết tức là có danh Chúa trong đó. Chúa có một danh, và vài năm trước, khi đang cầu nguyện, tôi nói rằng *Chúa ơi, con muốn lấy danh Ngài mà gọi Ngài, nhưng con không thích từ Giê-hô-va, con không thấy nó có liên hệ gì. Ngài có thể cho con một từ tương đương trong tiếng Anh để*

cảm nhận được danh Ngài không? Ngay lập tức, tâm trí tôi nảy ra từ "Always" - Luôn luôn, Hằng hữu. Tôi nghĩ: *Đúng rồi. Yahweh, Giê-hô-va là phân từ của động từ "là."* Tôi nghĩ: *Chúa ơi, danh Ngài là Always, Đấng Hằng hữu. Đó chỉ là tên riêng của Ngài thôi. Ngài Hằng Chu Cấp, Hằng Vùa Giúp, Hằng Chữa Lành, Hằng v.v. Ngài Luôn, Ngài Hằng.*

Bạn biết đó, trong tất cả 250 tên và danh xưng của Chúa Giê-su, một trong những danh tôi thích nhất là Phải, hay Có. Ngài là Phải, là Có với mọi lời hứa của Đức Chúa Trời. Thật thú vị, một Đức Chúa Trời tên Hằng, hay Luôn có con trai tên Có, hay Phải. Không một đức tin nào tích cực hơn thế. Nhưng họ dùng danh Ngài: *Nguyện Đấng Hằng hữu chúc phước cho cô, nguyện Đấng Hằng hữu an ủi cô. Nguyện Đấng Hằng hữu nhân từ với cô.* Họ luôn chúc phước, nên Ru-tơ bước vào một đường thẳng rất quan trọng, một cây gia phả, vì Bô-ô là hậu duệ thật sự của "Yudah," một trong mười hai chi phái, một trong mười hai con trai của Gia-cốp, "Yudah" nghĩa là sự ngợi khen, với các bạn là Giu-đa nhưng trong tiếng Hê-bơ-rơ là "Yudah," và ông là hậu duệ thật sự của "Yudah," nghĩa là thực tế, ông là hậu duệ thật sự của Ta-ma. Bạn có nhớ vụ Ta-ma bị bố chồng cưỡng hiếp không? Việc này nói lên điều gì? Chúa thậm chí có thể sử dụng những tình huống này và những con người này để hình thành nên Chúa Giê-su khi họ lựa chọn đúng. Gia-cốp lúc hấp hối đã nói tiên tri cho Giu-đa, cho Yudah; Yacov lập một lời hứa trăng trối với Yudah. Sao chúng ta lại Anh hóa tất cả những cái tên này nhỉ?

Đây là lời hứa của ông: *"Vương trượng chẳng rời xa Giu-đa, Cây gậy chỉ huy không cách xa chân nó, Cho đến khi Đấng Si-lô đến."* Đó không phải là một lời hứa thú vị sao? Nó được hứa từ thời xa lắc xa lơ trước khi người ta nghĩ đến việc lập vua, nhưng ở đây, Gia-cốp đang hứa với Giu-đa rằng đến một ngày, một dòng dõi hoàng gia sẽ thành hình từ Giu-đa. Bết-lê-hem Ép-ra-ta, Bết-lê-hem là nhà - "bết," "lê-hem" - bánh, Nhà Bánh, nơi lúa mạch mọc lên. Bết-lê-hem sẽ trở thành kinh đô. Bạn có nhớ lời hứa của Mi-chê không? *Hỡi Bết-lê-hem, thuộc Giu-đê! Ngươi đâu kém gì những thành phố hàng đầu của Giu-đê, vì từ ngươi sẽ xuất hiện...*



Tất cả đều kết nối với nhau đúng không? Hơn nữa, trong sách Ru-tơ có chút thông tin đặc biệt; ấy là khi Giu-đa đến Xứ Hứa, thực chất thì Giu-đa đã chinh phục và chiếm được một thành gọi là Giê-ru-sa-lem, ngay tại đó, trên ranh giới giữa Bên-gia-min và Giu-đa. Thực chất là Giu-đa đã chiếm Giê-ru-sa-lem và tặng nó cho Bên-gia-min, còn chi phái này để mất thành đó. Điều này nằm trong sách Ru-tơ. Ở đây có điều gì đó đang xảy ra - có một dòng dõi hoàng gia sẽ đến từ Đa-vít thành Bết-lê-hem, nhưng thành Giê-ru-sa-lem cũng được đưa vào đây, là thành mà sau này Đa-vít sẽ chiếm và biến thành kinh đô của ông, và từ đó, nó trở nên tên một thành phố hấp dẫn nhất. Bạn bắt đầu thấy mọi thứ xâu chuỗi lại với nhau rồi đấy.

Có một mục đích đang được triển khai. Lẽ ra Giu-đa nên giữ Giê-ru-sa-lem lại, nhưng họ lại tặng nó cho Bên-gia-min, còn Bên-gia-min để mất thành đó. Lúc này, nó lại là một thành của dân ngoại.

Một câu chuyện bi thảm. Như vậy, mọi thứ bắt đầu kết nối với nhau. Bà của Bô-ô - bạn có biết bà là ai không? Bà cũng không phải người Do Thái. Bà là Ra-háp, kỵ nữ tại Giê-ri-cô. Thật là một cây gia phả tạp nham đúng không? Ta-ma bị cưỡng hiếp, Ra-háp là gái điếm, Ru-tơ là người Mô-áp, nhưng đây lại là tổ tiên của Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta. Chẳng phải là rất tuyệt vời đó sao?

Có người bảo tôi: *Mục sư còn chưa cho chúng tôi biết ai viết Các quan xét và tại sao.* Tôi đã nói với bạn là Các quan xét và Ru-tơ là một sách, nên hãy cố tìm ra mối liên hệ. Ai viết sách đó và tại sao? Nào, hãy cố gắng nghe tôi nói. Như trong cả Kinh Thánh, phần kết của một sách thường tiết lộ mục đích của nó và cụm từ "Thời ấy, Y-sơ-ra-ên không có vua" nghĩa là sách Các quan xét và cả Ru-tơ được viết sau khi họ đã có vua. Các bạn có nắm được không? Ý tôi là nếu bạn nói rằng thời ấy không có vua thì tức là bạn đang nói với một dân đã có vua rồi, đúng không? Cũng có một điều dễ thấy từ cuối sách Ru-tơ, giới thiệu dòng dõi hoàng gia của Đa-vít và Gie-sê là cha của Đa-vít, trong đó không chép rằng "cha của vua Đa-vít," rất lạ, đúng không? Ở đây có nhắc tới Đa-vít nhưng ông chưa phải là vua. Như vậy, chúng ta có thể bắt đầu nói được thời điểm viết sách này. Sách được viết khi Sau-lơ là vua, bạn đã hiểu được đến đây chưa? Sách được viết khi Sau-lơ, vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên đang tại vị, theo lựa chọn của dân sự, và họ chọn ông vì ông cao hơn mọi người từ vai trở lên. Họ chọn ông vì ông cao ráo, ưa nhìn, và vẻ ngoài của ông là một sai lầm nghiêm trọng.

Nếu biết thời điểm mà toàn bộ những điều này được viết ra thì chúng ta sẽ biết là ai viết. Nếu bạn đọc những bài nói của tiên tri Sa-mu-ên trong sách 1 Sa-mu-ên thì sẽ thấy chúng có ngôn ngữ giống hệt sách Các quan xét và sách Ru-tơ. Thực ra, Sa-mu-ên thích tóm tắt lịch sử của họ theo đúng cách này, và có một bài giảng trong sách Sa-mu-ên giống hệt, gần như là một phiên bản cô đọng của sách Các quan xét. Vậy thì ai viết sách này? Sa-mu-ên đã viết sách. Tiên tri Sa-mu-ên viết sách Các quan xét và sách Ru-tơ là cùng một sách, khi Sau-lơ làm vua. Sau-lơ xuất thân từ chi phái nào? Bên-gia-min. Bạn có biết toàn bộ thông điệp của sách là gì không? Bên-gia-min là bầy chiên ghẻ. Hãy nhìn đến Bết-lê-hem. Nói cách khác, toàn bộ những điều này được viết ra để dân sự sẵn sàng chuyển từ Sau-lơ sang Đa-vít. Bởi vì Sa-mu-ên đã bí mật xức dầu cho Đa-vít và biết rằng Đa-vít là vị vua tiếp theo. M*ình sẽ giúp dân sự sẵn sàng tiếp nhận vua Đa-vít là vua thay cho dòng dõi của Sau-lơ như thế nào đây?* Tôi e rằng đây là một áng văn tuyên truyền khá tốt. Ông nói rằng: *Hãy nhìn dòng dõi Bên-gia-min mà xem. Họ là tấm gương quá xấu. Hãy nhìn họ mà xem. Hãy xem điều gì đã xảy ra. Họ là đáy cùng, nhưng giờ hãy xem những con người đáng mến tại Bết-lê-hem này đi. Hãy xem gia đình đáng mến này đi.*

Một áng văn lỗi lạc. Tôi tin rằng tiên tri Sa-mu-ên đã viết cuốn sách kép này để chuyển tư duy của dân sự từ chi phái Bên-gia-min sang chi phái Giu-đa. Để họ sẵn sàng cho người này, ông chỉ nhắc đến trong câu cuối cùng và chỉ nhắc đến tên người này, Gie-sê là cha của Đa-vít. Nhưng Sa-mu-ên biết rằng người này là vị vua mà Chúa chỉ định và sẽ thay đổi toàn bộ tình thế. Đó là giả thuyết của tôi. Nhưng tôi tin rằng điều đó có căn cứ vững chắc, đặc biệt là khi ông nói về thành Giê-ru-sa-lem mà Bên-gia-min đã để mất, và Giu-đa đã từng chiếm được, Giu-đa rồi sẽ chiếm lại nó như thuở ban đầu, khi Đa-vít trở thành vua. Nói cách khác, Đức Chúa Trời lên kế hoạch dài hạn và chúng ta có thể thấy kế hoạch xa hơn của Chúa nơi con vua Đa-vít mà chúng ta gọi là Giê-su, Bết-lê-hem Ép-ra-ta. Sinh ra tại Bết-lê-hem. Không cần phải nhắc lại câu chuyện đó. Ngài đã sinh ra đúng chỗ. Thế nhưng, chính Chúa Giê-su gọi Giê-ru-sa-lem là Thành của Đức Giê-hô-va vạn quân.

Vậy sách Các quan xét và Ru-tơ này có ích lợi gì với Cơ Đốc nhân?

Nếu cả Kinh Thánh có thể khiến chúng ta khôn ngoan để được cứu, và cần tra cứu Kinh Thánh vì Kinh Thánh làm chứng về Đấng Christ, thì chúng ta nhận được gì từ Các quan xét và Ru-tơ? Đầu tiên là từ Các quan xét. Cá nhân các Cơ Đốc nhân có thể học được rất nhiều từ các nhân vật trong sách Các quan xét. Thật mỉa mai khi Robert Maxwell...khi ông thuê lâu đài Headington Hall gần Oxford, Anh, có một khung cửa sổ kính màu phía trên cầu thang tại Headington Hall vẽ Sam-sôn kéo đổ cột đền xuống, tự tử và khiến mọi thứ sụp đổ cùng mình. Khi Robert Maxwell xây một lâu đài tại Pháp cho vợ mình, ông đã đặt người ta làm một khung cửa sổ kính màu giống hệt như vậy cho lâu đài tại Pháp nhưng khác ở một chỗ, mặt của Sam-sôn phải thay bằng mặt của Robert Maxwell - người đã tự tử và kéo mọi thứ xuống cùng mình. Chẳng phải là rất kỳ diệu đó sao? Chúng ta có thể học từ những sai lầm đáng buồn của những người đó nhưng cũng có thể học từ những lựa chọn đúng đắn và tích cực của họ. Cơ Đốc nhân chúng ta có thể học hỏi rất nhiều từ việc nhìn vào Ghi-đê-ôn, nhìn vào Sam-sôn, rồi nhìn vào Giép-thê và Ba-rác.

Đây đều là những người chứng kiến vây quanh chúng ta, theo Hê-bơ-rơ 12. Họ đều đang dõi theo chúng ta để xem chúng ta xoay sở ra sao. Để xem chúng ta có theo đuổi cuộc đua của mình không. Họ là những người chứng kiến chúng ta. Chúng ta cần nhớ đến họ. Nhưng ôi, hội thánh cần nghiên cứu Các quan xét vì hội thánh có thể rơi vào kiểu hỗn loạn giống như vậy và hội thánh có thể giải quyết sự hỗn loạn đó bằng cách tìm kiếm một chế độ quân chủ hữu hình. Bằng cách đi theo một người. Điều đó thật tai hại. C*húng ta đã có một vị vua và nếu tất cả chúng ta đều làm điều đúng đắn theo ý Ngài thì mai đây, hội thánh sẽ hiệp nhất.* Nhưng tôi e rằng chúng ta đã trở nên những người theo Wesley, những người theo Luther, những người theo Calvin và chúng ta đang đi theo con người thay vì làm điều đúng đắn trong mắt Chúa. Còn chính Đức Chúa Trời vẫn vậy, từ thời đó đến nay.

Chúng ta có thể học được điều gì từ sách Ru-tơ? Chúng ta là Ru-tơ. Tôi là một người ngoại. Nhưng tôi đã trở thành dân Chúa và tôi thuộc dòng dõi hoàng gia. Giờ đây, tôi đang thuộc hoàng tộc của Thiên Chúa. Vì trong Đấng Christ, bạn là người hoàng tộc. Bạn là hoàng tử, bạn là công chúa. Hãy ngẩng cao đầu, hãy bước đi như người trong hoàng tộc. Các bạn thuộc dòng dõi hoàng gia. Các bạn từng là dân ngoại, các bạn không hề thuộc cộng đồng Y-sơ-ra-ên. Các bạn ở ngay ngoài. Chúa đã đưa chúng ta vào dòng dõi hoàng gia này, không phải trước Chúa Giê-su mà là sau Chúa Giê-su. Ru-tơ là chúng ta. Bô-ô là Chúa Giê-su của chúng ta. Chúng ta đã kết hôn với Ngài và Ngài đã đưa chúng ta vào đúng dòng dõi của dân Chúa. Chúng ta là nàng dâu và Ngài là chàng rể, cả Kinh Thánh là một chuyện tình lãng mạn kết thúc bằng một đám cưới. Họ sống hạnh phúc mãi mãi về sau.

Cả Kinh Thánh là một câu chuyện tình, và chuyện tình Ru-tơ - Bô-ô là một hình ảnh trọn vẹn về Đấng Christ và nàng dâu người ngoại là chúng ta. Thú vị không? Hôm nay là Chúa Nhật Valentine nhưng không có chút lãng mạn nào như Kinh Thánh. Không hề. Kinh Thánh là câu chuyện tình từ đầu chí cuối; và sách Các quan xét cùng sách Ru-tơ sẽ trả công cho những ai dùi mài trong đó. Được rồi, vậy là chúng ta đã kết thúc sách Các quan xét và Ru-tơ.

SÁCH SA-MU-ÊN 1 VÀ 2

Dẫn nhập:

Khi chúng ta đến với sách Sa-mu-ên 1 & 2, chúng ta đi vào phần dễ dàng hơn trong Kinh Thánh, bởi vì tất cả là dạng câu chuyện, những câu chuyện có thật nhưng đó là dạng tường thuật và phần tường thuật của Kinh Thánh thì chúng ta không khó đọc lắm. Tuy nhiên, có phải thật sự vậy không? Nó cũng còn tùy lý do vì sao chúng ta đọc chúng, chúng ta muốn nhận gì từ chúng, bởi vậy khi điều tôi muốn làm trong 2 bài nói chuyện này về hai sách Sa-mu-ên 1 & 2.

Trong bài nói chuyện đầu tôi muốn đưa ra sự tổng quan nhắc nhở các bạn về câu chuyện cũng như là cấu trúc của câu chuyện và cách phát triển của câu chuyện. Trong bài nói chuyện thứ hai tôi muốn đặt ra câu hỏi chúng ta nhận được điều gì từ câu chuyện này, bạn muốn đọc những câu chuyện này trong cấp độ nào, đó là hai bài nói chuyện của chúng ta.

Tổng Quan Về Sách Sa-mu-ên 1 và 2:

Sách Sa-mu-ên 1 & 2 thật ra là một sách trong CỰU ƯỚC tiếng Hê-bơ-rơ, chúng ta chia thành hai sách bởi vì để cả hai thì tương đối dài tuy nhiên chúng thuộc về nhau, chúng là một sách và một cuốn sách lớn này. Sách Sa-mu-ên đề cập đến 150 năm lịch sử của người Do Thái. Bạn có hình dung được viết một cuốn sách cỡ này về 150 năm lịch sử cuối cùng của nước Anh không? Thật là khó khăn phải không. Tuy nhiên đây là lịch sự được viết từ góc độ của Chúa vì vậy nó chỉ bao gồm những điều gì là quan trọng và có ý nghĩa với Đức Chúa Trời và sau đó nó bỏ qua rất nhiều điều, rất nhiều những thông tin trong lịch sử. Có rất nhiều điều xảy ra trong 150 năm này, có thể là rất thú vị đối với chúng ta nhưng không thú vị với Đức Chúa Trời và trong kinh Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ những cuốn sách này không được gọi là sách lịch sử mà chúng được gọi là các tiên tri. Chúng thuộc về Sa-mu-ên 1 & 2 nữa hoặc kể cả Các vua 1 & 2 họ gọi đó là các tiên tri thời đầu bởi vì đây là lịch sử nhìn dưới góc nhìn của một nhà tiên tri, lịch sử theo cách nhìn của một nhà tiên tri mà nhà tiên tri thì nhìn theo cách của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, sách này được đặt tên theo tên của nhà tiên tri nổi trội trong câu chuyện này đó là Sa-mu-ên và Sa-mu-ên có thể đã viết sách này bởi vì chúng ta biết rằng các tiên tri đã viết lại lịch sử của dân tộc mình theo góc nhìn của Đức Chúa Trời. Bởi vậy, nên họ bao gồm những điều quan trọng với Đức Chúa Trời và bỏ qua những điều không quan trọng đối với Đức Chúa Trời, bởi vậy đây là lịch sử có tính tiên tri, nên người Do Thái gọi đây là sách tiên tri Sa-mu-ên. 150 năm này là 150 năm cuối của một thiên niên kỷ. Áp-ra-ham xuất hiện khoảng năm 2000 TC, Đa-vít lên ngôi khoảng năm 1000 TC như vậy thực tế là chính năm 1996 này là kỷ niệm 3000 năm Đa-vít thành lập Giê-ru-sa-lem là thủ đô của Y-sơ-ra-ên, sẽ có một kỷ niệm rất là lớn tại Giê-ru-sa-lem năm nay.

Như vậy, từ năm 2000 - 1000 TCN dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu từ một người đàn ông lớn tuổi 75 tuổi trở thành một gia đình, một bộ lạc, một dân tộc, một dân gồm 12 chi phái. Vào thời Đa-vít họ trở thành một Đế Quốc và chiếm được toàn bộ xứ hứa, có thể nói đây là đỉnh cao trong lịch sử của họ. Như vậy, từ Áp-ra-ham đến Đa-vít mất khoảng 1000 năm và sách Sa-mu-ên 1 & 2 đề cập đến giai đoạn 150 năm tiến bộ chậm nhưng chắc, đi lên đỉnh cao trong lịch sử của họ và Đa-vít là đỉnh cao.

Sau Đa-vít chúng ta thấy trong sách Các Vua mọi thứ đã đi xuống, mọi thứ đã xuống dốc, họ đã đánh mất tất cả mọi thứ chỉ sau 500 năm. Nhưng cho đến ngày nay người Do Thái vẫn nhìn lại về vua

Đa-vít giống như một vị vua ở đỉnh cao của lịch sử của họ khi họ nhận được toàn bộ vùng đất mà Đức Chúa Trời hứa cho họ, họ có sự hòa mình, dân Phi-li-tin bị tiêu diệt. Họ vẫn đang cầu nguyện có một vị vua giống như Đa-vít xuất hiện, họ gọi đó là Đấng Mê-si-a hay Đấng được sức dầu. Họ vẫn đang hy vọng con của Đa-vít sẽ lên ngôi một lần nữa trên Y-sơ-ra-ên, bạn có thể hiểu được lý do vì sao, bởi vì đó là kỷ nguyên vàng của họ.

Bấy giờ chúng ta nhìn vào 150 năm cuối cùng của một giai đoạn phát triển đi lên để trở thành một đế quốc của Đa-vít và chúng ta cần phải nhìn vào một khuôn mẫu tổng thể chính, tôi sẽ cho các bạn xem cả hai tấm hình này.

I SAMUEL

A. SAMUEL : LAST JUDGE (1-12)
1. HANNAH - anxious wife (1-2a)
2. ELI - ailing priest (2b-3)
3. ISRAEL - arrogant army (4-7)
4. SAUL - anointed king (8-12)

B. SAUL : FIRST KING (13-31)
1. JONATHAN - adventurous son (13-14a)
2. SAMUEL - angry prophet (14b-15)
3. DAVID - apparent rival (16-26)
a. Simple shepherd
b. Skilled musician
c. Superb warrior
} IN
d. Suspected courtier
e. Stalked outlaw
f. Soldiering exile
} OUT
4. PHILISTINES - aggressive foe (27-31)

Cấu Trúc Của Sách Sa-mu-ên 1

Sa-mu-ên: Vị Quan Xét Cuối Cùng (Từ đoạn 1-12)

12 chương đầu của sách Sa-mu-ên 1 kể về vị quan xét cuối cùng, Sa-mu-ên chính là vị tiên tri cuối cùng phán xét dân của Ngài, tức là đi theo sách Các quan xét, nên Sa-mu-ên là vị quan xét cuối cùng và ông cũng là vị tiên tri cuối cùng lãnh đạo Y-sơ-ra-ên. Bởi vì Y-sơ-ra-ên trải qua 4 giai đoạn, mỗi giai đoạn 500 năm mà cấu trúc lãnh đạo của họ rất khác, 500 năm đầu tiên từ năm 2000 - 1500 họ được lãnh bảo bởi các tổ phụ theo cách chúng ta gọi họ: Áp-ra-ham; Y-sác; Gia-cốp. 500 kế tiếp lãnh đạo bởi các tiên tri từ Môi-se cho tới Sa-mu-ên, 500 kế tiếp họ được lãnh đạo bởi các vua từ Sau-lơ cho đến Sê-đê-kia và 500 cuối cùng TCN họ được lãnh đạo bởi các thầy tế lễ từ Giê-ho-shua cho tới An-ne và Cai-phe.

Như vậy, họ đã có đủ các dạng lãnh đạo: có các tổ phụ, các tiên tri, các vua và các thầy tế lễ, tất nhiên họ rất là cần tất cả mọi dạng lãnh đạo này. Họ cần ai đó mà vừa là tiên tri, vừa là thầy tế lễ, vừa là vua tập hợp trong một và là Cha đời đời và là Chúa bình an và họ sẽ nhận được điều đó chỉ khi Chúa Giê-su đến. Vì vậy, chúng ta đang ở trong giai đoạn thay đổi từ việc được lãnh đạo bởi các tiên tri sang lãnh đạo bởi các vua và phần đầu của sách Sa-mu-ên là về vị vua đầu tiên Sau-lơ.

Sau-lơ: Vị Vua Đầu Tiên (Từ đoạn 13 đến 31)

Có thể nói ông là sự lựa của con người, Đức Chúa Trời phê chuẩn nhưng ông là người được dân sự lựa chọn một cách dân chủ, họ đã chọn ông họ nghĩ ông là con người tốt nhất. Đức Chúa Trời phê

chuẩn điều đó và cho phép ông có họ nhưng ông chưa hẳn là sự lựa chọn của Đức Chúa Trời và chúng ta biết phần cuối rất là buồn thảm của Sau-lơ, ông là vị vua đầu tiên và cũng là vị vua tệ nhất trong lịch sử của họ.

Đa-vít: Vị Vua Tốt Nhất (Sa-mu-ên 2)

Còn sách Sa-mu-ên 2, toàn bộ câu chuyện của sách Sa-mu-ên 2 là về vị vua tốt nhất mà họ từng có, bạn có thể thấy điều đó bởi vì Đa-vít là người nổi trội trong sách Sa-mu-ên, không chỉ là sách Sa-mu-ên 2, toàn bộ sách là về ông. Nhưng khi chúng ta đọc câu chuyện về Sau-lơ hoặc là Sa-mu-ên tất cả là bởi vì có mối liên hệ với Đa-vít, như vậy Đa-vít là người nổi trội trong mọi thứ và tên của ông là một từ mang tính thần kỳ.

Chìa Khóa Để Hiểu Câu Chuyện Trong Sách Sa-mu-ên 1

Câu chuyện này trước hết là xoay quanh Sa-mu-ên và Sau-lơ trong sách Sa-mu-ên 1, trong mỗi một câu chuyện thì mối quan hệ của họ, xét đến 4 dạng mối quan hệ của họ là chìa khóa để hiểu được câu chuyện.

Ba mối quan hệ là với các cá nhân và một quan hệ thứ tư là với một dân tộc

<u>Đối với Sa-mu-ên</u>

Những cá nhân mà ông có mối quan hệ là An-ne, Hê-li, và Sau-lơ hay Sau-un nếu như bạn phát âm theo tiếng Hê-bơ-rơ và dân tộc mà ông có mối liên hệ là Y-sơ-ra-ên.

<u>Đối với Sau-lơ</u>

Còn khi Sau-lơ xuất hiện thì ba mối quan hệ cá nhân vô cùng quan trọng đối với thời kỳ trị vì của ông là**:** con trai Giô-na-than, tiên tri Sa-mu-ên và mối quan hệ đó kết thúc một cách rất nhức nhối và mối quan hệ của ông với chàng Đa-vít trẻ tuổi là người xuất hiện trong hoàng cung của ông, và cuối cùng là một mối quan hệ của ông với dân Phi-li-tin là dân đã giết ông và con trai ông Giô-na-than.

Như vậy bạn nhìn thấy hình dạng rõ ràng của những câu chuyện này, 3 mối quan hệ với những cá nhân và một mối quan hệ với một dân tộc, bằng cách nào đó chúng ta có thể học được những cách của những con người này từ những mối quan hệ của họ.

<u>Đối với Đa-vít</u>

Còn bản thân Đa-vít, bạn có thể tóm tắt cuộc đời của ông thành 4 chương vào, ra, lên, xuống. Phần vào và ra diễn ra vào thời kỳ trị vì của Sau-lơ, còn phần lên và xuống diễn ra vào thời kỳ trị vì của chín Đa-vít,

Nhưng để nhớ câu chuyện này thì tôi cứ nhớ theo cách đó, 4 từ đó: vào trong hoàng cung, ra khỏi hoàng cung, lên đến đỉnh cao trong hoàng cung, rồi lại xuống. Như vậy, vào-ra-lên-xuống là 4 chương trong cuộc đời của Đa-vít.

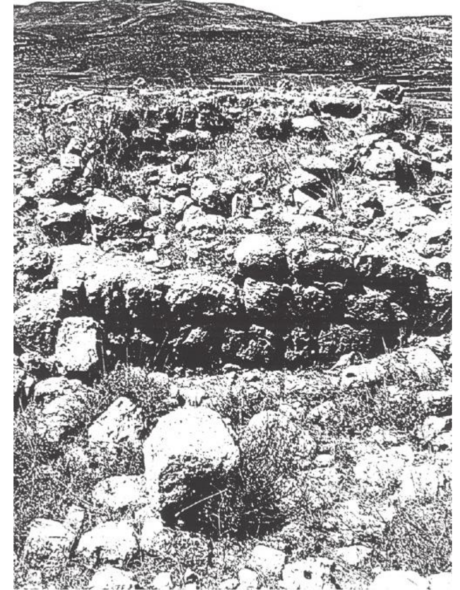
Sơ lược những điểm chính yếu về cuộc đời của Sa-mu-ên, Sau-lơ và Đa-vít

Sa-mu-ên: Vị quan xét cuối cùng (từ đoạn 1-12)

Chúng ta sẽ bắt đầu với Sa-mu-ên, chúng ta sẽ xem một số điều trong cuộc đời ông, nếu như bạn từng học trường Chúa Nhật thì bạn đã biết tất cả các câu chuyện này rồi, An-ne và cậu con trai bé nhỏ Sa-mu-ên, người mẹ may áo mới cho con mỗi một năm lại mang đến đền tạm nơi Sa-mu-ên phục vụ thầy tế lễ Hê-li.

Nhưng bắt đầu bằng An-ne một người vợ bồn chồn lo lắng, bà là người vợ đầu tiên của một người đàn ông có hai vợ, người thứ hai thì có con rồi còn bản thân bà thì lại không có con. Hết lần này đến lần khác trong Kinh Thánh có chuyện về những người phụ nữ son sẻ, các bạn có thấy không? Sa-ra là như vậy, An-ne là như vậy, Ê-li-sa-bét vậy, Đức Chúa Trời có khả năng làm những điều kỳ diệu qua những người phụ nữ son sẻ hay là vô sinh và khi tưởng những câu chuyện kết thúc thì đôi khi đó là lúc mà Đức Chúa Trời bắt đầu.

Câu chuyện này bắt đầu từ An-ne, An-ne rất đau đớn vì người phụ nữ khác là người đã sinh con, suốt ngày chế nhạo bà vì bà không sinh con cho chồng, bà đã lên đến đền tạm ở tại Si-lô, đền tạm đó gần đây cũng đã được khảo cổ, phát hiện, bạn có thể nhìn thấy hình dạng đây, bây giờ thì toàn là đá thôi, và người ta bây giờ đang khai quật vùng Si-lô đó, đây là nơi ở trên vùng đồi núi cao. Chính tại Si-lô này người ta đã giữ Hòm Giao Ước tại đó, đây để tôi cho các bạn xem cái này, tôi mượn cái này từ người từ vùng trung đông trở về, đây là Hòm Giao Ước, đây có thể nói là trọng tâm trong sự thờ phượng của họ lúc đó thì Hòm Giao Ước được đặt tại Si-lô và họ đến đây để cầu nguyện,


Di tích đền tạm tại Si-lô

Hê-li là thầy tế lễ tại đây, An-ne đến đó và cầu nguyện không lớn tiếng chỉ mấp máy môi thôi, Hê-li nghĩ rằng bà bị say nhưng bà nói rằng không tôi không phải như vậy tôi cầu nguyện, tôi hứa rằng nếu Chúa cho tôi một đứa con trai thì tôi sẽ dâng nó lại cho Chúa để phục vụ Ngài, Sa-mu-ên được sinh ra như vậy. Tiếp theo chúng ta được nhìn thấy ông là khi ông phục vụ cho thầy tế lễ Hê-li, chăm sóc cho thầy tế lễ Hê-li và vào một đêm kinh điển ấy, chắc hẳn là bạn đã nghe câu chuyện này rồi.

Vào đêm khi ông nghe tiếng gọi "hỡi Sa-mu-ên... Sa-mu-ên" và ông chạy đến với thầy tế lễ Hê-li rồi nói "có con đây ạ, ông muốn gì ạ," "ta đâu có gọi ngươi" lại nằm xuống "Sa-mu-ên...Sa-mu-ên" lại chạy lại tới Hê-li "ông muốn gì ạ," "ta đâu có gọi ngươi" và cuối cùng thì ông cụ lớn tuổi nói rằng "chắc là Đức Chúa Trời nói với ngươi rồi, nên hãy quay lại nằm xuống và nếu nghe thấy tiếng đó lại thì hãy nói rằng "lạy Chúa, xin hãy phán vì tôi tớ Ngài đương nghe"."

Khi ấy cậu bé 12 tuổi được nghe những điều khủng khiếp, Đức Chúa Trời nói rằng Ngài sẽ phán xét ông cụ Hê-li đó, vì sao? Bởi vì 2 đứa con trai của ông là 2 người sẽ được thừa kế chức tế lễ nhưng đã cư xử rất tệ hại và Hê-li lại không xử lý gì cả và đây có nói là khi dân dâng của tế lễ cho Chúa thì 2 cậu con trai đó đã chọn những phần ngon nhất cho chính mình và ăn chúng chứ không có dâng cho Chúa. Tệ hơn nữa khi có những cô gái xinh đến đền thờ thì họ đã cưỡng hiếp những cô gái đó ở trong những lều trại, đó là điều khủng khiếp, cậu bé trai được nghe rằng chức tế lễ thượng phẩm của Hê-li đã kết thúc, ta gọi con lãnh đạo thay cho Hê-li.

Trong phần còn lại của câu chuyện các bạn không được nghe trong trường Chúa nhật đúng không, họ chỉ nói đến phần *Lạy Chúa xin hãy phán vì tôi tớ Ngài đang nghe thô*i, nhưng đây chính là sứ điệp

mà Đức Chúa Trời đã nói với Sa-mu-ên và Sa-mu-ên đã thay thế cho Hê-li không phải là như thầy tế lễ mà là như một người lãnh đạo, An-ne đã đến thờ phượng Chúa và mỗi một năm bà lại may áo mới mang đến cho Sa-mu-ên, đó là câu chuyện rất dễ thương.

Vào lúc bấy giờ Y-sơ-ra-ên rất kiêu ngạo muốn chiến thắng người phi-li-tin và họ nghĩ rằng cách tốt nhất là mang cái này (Hòm Giao Ước) đi cùng với mình, dân phi-li-tin sẽ sợ đến chết thôi và chúng ta sẽ chiến thằng, Hòm Giao Ước trở nên như bùa hộ mệnh vậy, giống như là câu thần chú vậy, nếu như chúng ta mang cái này chúng ta sẽ chiến thắng và sự kiêu ngạo đó tất nhiên sẽ dẫn đến sự sa ngã và 4000 người Y-sơ-ra-ên đã chết, họ quay trở về mà bị đánh mất Hòm Giao Ước.

Dân phi-li-tin đã cướp Hòm Giao Ước, sau đó dân phi-li-tin bị đủ những sự hình khổ khác nhau, hoạn nạn khác nhau và họ quyết định đưa Hòm Giao Ước trở lại trên một cỗ xe do 2 bò kéo, 2 con bò đó kéo thẳng đến Giê-ru-sa-lem một trong những trường hợp rất là thú vị khi chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời kiểm soát thế giới động vật hoàn toàn.

Nhưng khi quân đội kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên đã bị thất bại khủng khiếp, các ngươi có biết vì sao dân phi-li-tin đã giết được rất nhiều người trong các ngươi và đã thắng trận đó là vì cớ tội lỗi giữa vòng các ngươi, đó là chức vụ đầu tiên thực sự của Sa-mu-ên trong tư cách một nhà tiên tri và ông đã yêu cầu họ hủy diệt tất cả các vị thần trong nhà họ. Bởi vì, họ đã tiếp nhận tất cả các vị thần của người A-mô-rít xung quanh họ, ông đã thanh tẩy tất cả các thần tượng khỏi nhà của họ, một lần nữa họ đã đi đánh người phi-li-tin và họ đã chiến thắng.

Đó là câu chuyện đơn giản của dân Y-sơ-ra-ên với những nước lân cận của họ, *một khi họ không vâng lời Đức Chúa Trời kẻ thù sẽ đến và chiến thắng họ, và khi họ biết ăn năn trở nên ngay thẳng với Đức Chúa Trời thì Chúa lại cho họ chiến thắng trên kẻ thù* và chiếm lại được xứ sở, câu chuyện này cứ lặp đi lặp lại giống như thế, thường thì dân Phi-li-tin chính là dân gây ra vấn đề rắc rối cho y-sơ-ra-ên.

Điều đầu tiên mà tiên tri Sa-mu-ên đã làm là sức dầu cho Sau-lơ làm vua, người ta đã đến với Sa-mu-ên mà nói rằng chúng tôi muốn có các vua giống các dân khác, họ có vua có thể nhìn thấy được còn vua chúng ta thì vô hình mà có vua vô hình thì không có thú vị gì, họ biết rằng Đức Chúa Trời là Vua của họ nhưng hễ khi họ chiến trận thì không ai nhìn thấy vua của họ, họ muốn có một người lãnh đạo hữu hình và họ nói rằng Sa-mu-ên chúng tôi muốn có một vua lãnh đạo chúng tôi.

Sa-mu-ên rất buồn lòng bởi vì ông đến với Đức Chúa Trời và nói rằng "Chúa ơi họ muốn có vua, trong khi đó con là người lãnh đạo của họ" và Chúa nói: "Con không phải là người lãnh đạo họ đâu Ta mới là người lãnh đạo của họ" câu chuyện thú vị này đặt Sa-mu-ên vào đúng vị trí của ông. Sau đó Chúa nói điều thú vị đó là Ngài nói với Sa-mu-ên rằng hãy đi và nói với dân sự rằng có vua là điều đắt giá. Chính phủ tập trung quyền lực là điều đắt giá, có điều gì đó rất là liên quan và tôi không cần phải áp dụng lại trên các bạn về điều này nữa, Chúa nói rằng vua muốn có quân đội lớn nên sẽ bắt các con trai các ngươi đi lính, vua muốn có cung điện lớn nên sẽ bắt con gái các ngươi làm đầu bếp và vua sẽ rất nhiều tiền để chi trả cho hoàng cung, cho chính phủ của mình bởi vậy hãy chuẩn bị để bị đánh thuế rất cao. Sa-mu-ên quay lại với dân sự và nói rằng có vua là điều đắt giá, họ nói chúng tôi vẫn muốn có vua, Sa-mu-ên quay trở lại với Chúa và nói rằng họ vẫn muốn có vua và Chúa nói rằng thế thì hãy để chúng nó có vua, tôi có thể cảm nhận được cách Chúa nói Ta cũng đã chán ngấy chúng rồi.

Họ đã chọn một người làm vua. Người này cao hơn tất cả mọi người, đẹp trai hơn tất cả mọi người và ông cao hơn người khác cả một cái đầu, tôi có thể tưởng tượng đến đại tá Nê-sa, bạn biết đại tá Nê-sa ở Ai cập ông ta là người rất là đẹp trai đó là loại vua những người trung đông rất thích và họ đã lựa chon Sau-lơ.

Tôi nhớ cách đây nhiều năm có một nhà giảng đạo tại Surrey tên là Ên-bát-tơ là người đã giảng về Sau-lơ, ông ý rao giảng về người cao hơn người khác từ vai trở lên vào buổi sau ông đến thì có một trai dầu gội đầu Head and Shoulder hay là đầu và vai ở tại đó và tất nhiên ông không biết đó là cái gì cả tại vì ông là người Mỹ mà.

Nhưng đây là người mà cao hơn người khác từ vai trở lên, cao to đẹp trai thì họ nghĩ rằng với ông thì kẻ thù sẽ phải bỏ chạy nhưng đó không phải là cách lựa chọn của Chúa và về sau này khi Chúa chọn Đa-vít thì có một câu rất quan trọng thế này, Chúa không nhìn vào bề ngoài mà Chúa nhìn vào bên trong vào tấm lòng, nhưng đây là vị vua mà họ đã có.

Trong giai đoạn đầu trị vì của mình cả Sau-lơ và Đa-vít đều bắt đầu rất tốt nhưng kết thúc rất tệ, tuy nhiên Đa-vít là người đẹp lòng Đức Chúa Trời. Có một điều bạn cần phải đặt câu hỏi là vì sao, vì sao khi cả 2 đều bắt đầu tốt mà kết thúc rất tệ nhưng Đa-vít thì Chúa nói rằng là người của Ta còn Sau-lơ thì không phải như vậy, đây là câu hỏi rất là thú vị, chút nữa chúng ta sẽ cố gắng trả lời.

Sau-lơ: Vị vua đầu tiên (từ đoạn 13 đến 31)

Chúng ta sẽ xem một cách ngắn gọn câu chuyện của Sau-lơ, mối quan hệ của ông với Giô-na-than rất là thú vị khi Giô-na-than đã chiến thắng người phi-li-tin và người ta khen ngợi Sau-lơ, ông nói rằng con trai ta đã làm điều đó. Nhưng lần sau khi Giô-na-than đi chiến trận mà không nói với bố, một lần nữa Giô-na-than lại chiến thắng và điểm yếu của Sau-lơ bắt đầu xuất hiện, ông ghen tị với con trai mình bởi vì người ta chủ yếu nói về Giô-na-than và Sau-lơ là một người không thể chịu được những thành công của những người xung quanh mình, đây chính là điểm yếu rất lớn của Sau-lơ.

Chúng ta sẽ nhìn thấy ở vua Đa-vít một điều khác, sức mạnh lớn nhất của Đa-vít là ông có thể cư xử một cách rất tốt với những người tài năng xung quanh mình, ông tôn trọng những người thành công xung quanh mình và điều này có thể xảy ra lặp lại trong các gia đình, công ty. Một điểm yếu nếu như bạn không thể chịu được những tài năng của những người xung quanh mình, bạn không muốn người khác được khen ngợi trong sự hiện của bạn và đây là điểm yếu rất lớn của Sau-lơ.

Trước tiên là với Giô-na-than, lúc đầu tiên ông rất tự hào về con trai của mình đã đi ra chiến trận theo lệnh của mình, đó là con trai của mình đó. Nhưng bây giờ khi người ta nói rằng Giô-na-than mạnh hơn, vĩ đại hơn thì điều đó đã khiến người cha rất bực bội, ông không còn đẹp lòng với người con của mình nữa. Sau-lơ cũng đã thất bại với Sa-mu-ên nữa, bởi vì Sa-mu-ên vẫn là người tiếp tục ban lời của Chúa cho nhà vua, nói cho vua biết cách phải sắp xếp mọi việc như thế nào.

Có 2 lần Sa-mu-ên đã rất tức giận với Sau-lơ, bởi vì Sau-lơ là người thiếu kiên nhẫn và sau một lần chiến thắng nọ Sa-mu-ên nói rằng ngươi phải đợi tại nơi đó sau khi chiến thắng ta sẽ đến, chúng ta sẽ dâng đồ tế lễ tạ ơn Đức Chúa Trời nhưng Sa-mu-ên đã chậm đến và Sau-lơ không thể đợi thêm được nữa, ông không đợi nữa và ông nói rằng để tôi dâng đồ tế lễ và ông đã làm điều đó, Sa-mu-ên nói rằng tại sao ngươi dâng của tế lễ, ta đã nói rằng ngươi phải đợi cơ mà.

Nhưng một lần nghiêm trọng hơn đó là khi Sa-mu-ên nói rằng Chúa nói rằng hãy đi và giết quân A-ma-léc và phải hủy diệt toàn bộ súc vật của chúng, chúng là dân gian ác và ngươi cần phải xóa sổ chúng khỏi trái đất. Nhưng khi Sa-mu-ên đến sau chiến trận ông nghe thấy tiếng chiên và Sa-mu-ên nói với Sau-lơ rằng ta nói các ngươi phải tiêu hủy những loài súc vật này cơ mà. Ông còn phát hiện ra là thậm chí Sau-lơ còn chưa giết vị vua mà họ đã chiến thắng là vua A-ga, Sa-mu-ên đã phải giết A-ga ngay trước bàn thờ của Chúa, đó là khi Sa-mu-ên nói với Sau-lơ rằng: *"vâng lời là tốt hơn của tế lễ và sự phản nghịch cũng đáng tội như tà thuật."* Đó là câu bị trích dẫn sai rất nhiều, tuy nhiên trong bối cảnh này thì đây là câu rất phù hợp và Sa-mu-ên nói rằng: "ta sẽ không bao giờ còn nói chuyện với ngươi nữa" và ông cũng không bao giờ gặp lại Sau-lơ nữa khi còn sống, Sa-mu-ên thực sự gặp lại Sau-lơ có một lần sau khi ông đã chết.

Khi Sau-lơ đã đến với một người cầu hồn và Sa-mu-ên đã hiện ra với Sau-lơ nhưng toàn bộ cuộc đời còn lại của Sau-lơ thì Sau-lơ không có vị tiên tri nào hướng dẫn mình nữa, nên không có cách nào tìm ra ý muốn của Chúa là có nên ra chiến trận hay không và những người cố vấn cũng không thể giúp được Sau-lơ. Vì vậy, có lần ông một cách bí mật mặc dù lúc ban đầu là ông đã giết tất cả những người cầu hồn, những người đồng cốt ở tại Y-sơ-ra-ên và đó là điều tốt, tuy nhiên lần cuối cùng khi ông muốn tìm hiểu xem có nên ra chiến trận hay không? Ông hỏi những người cố vấn của mình có phải tất cả những người đồng cốt đều đã bị giết không? không, vẫn còn một bà. Sau-lơ đã nói rằng đừng cho ai biết và chúng ta hãy đi đến cách bí mật và xem, nghe thử thế nào. Bởi vì người thứ 3 mà Sau-lơ rất tức giận đó chính là cậu trai trẻ, một cậu bé chăn chiên mà chính ông đã đưa vào trong cung điện, là một cậu có thể chơi nhạc bởi vì lúc bấy giờ Sau-lơ tinh thần đang rất hoảng loạn kể cả đạo đức cũng như vậy.

Những nhà tâm lý học đã bàn luận khá lâu về câu chuyện điều gì thực sự xảy ra với Sau-lơ nhưng có một lúc nào đó Đức Thánh Linh đã rời bỏ Sau-lơ và ác linh đã đến trên ông, điều này có thể xảy ra, điều này đã từng xảy ra với Sau-lơ và bây giờ Sau-lơ là người không thể kiểm soát nổi, lúc thế này, lúc thế kia đầy dẫy sự sợ hãi, người ta phát hiện ra rằng có một thứ có thể khiến cho Sau-lơ bình tâm trở lại đó là âm nhạc, bạn thấy đó âm nhạc có thể rất là quyền năng để chống lại những ác linh. Người ta phát hiện ra có một cậu bé chăn cừu đơn sơ là một nhạc công rất điêu luyện và người đó đã được mời đến cung điện để chơi nhạc cho Sau-lơ, người đó cũng là một chiến binh dũng cảm nữa, các bạn đều biết câu chuyện về Đa-vít và Gô-li-át, Gô-li-át đã chết một cách bất ngờ như thế nào bởi vì chưa từng bao giờ bị một thứ như thế bắn vào đầu của mình, bạn có hiểu tôi không?

Tôi có một lần tới Y-sơ-ra-ên và mang theo 5 viên đá nặng hơn, viên đá này từ thung lũng Ê-ra từ một cái suối nhỏ tại đó, đó là cái thung lũng rất là thú vị và âm thanh có thể xuyên qua thung lũng đó. Thứ đứng bên đầu suối này và bạn nhìn thấy một người cao 3 mét đang đứng phía bên kia Gô-li-át, ở xứ Gát, cậu nhạc sĩ nhỏ bé này - cậu bé chăn chiên đó nói rằng: "tôi không sợ hắn." Vào thời đó thì họ tìm cách để chiến đấu cho đỡ đổ máu hơn, họ thách thức nhau mỗi một quân đội lựa chọn một người vô địch và 2 người vô địch đó chiến đấu với nhau, người nào chiến thắng thì dân đó coi như chiến thắng, cách đó ít đổ máu hơn, họ đã làm như vậy đó. Người khổng lồ người phi-li-tin nói rằng: "ai sẽ đánh nhau với ta đây" và Đa-vít nói rằng: "ta sẽ đánh nhau với ngươi và với viên đá đầu tiên," tôi đã đến trung đông và người ta sử dụng những chành đá họ biết quay và ném rất là giỏi vào đúng mục tiêu của họ, tôi có thể hiểu được cách mà Đa-vít đã thắng như thế nào, ông chỉ dùng một viên thôi chưa dùng cả 5 viên.

Một điều rất thú vị nữa đó là ông từ chối không mặc áo giáp của Sau-lơ đây là một trường hợp cổ điển về việc đừng có đi giày của người khác, khi Sau-lơ nói rằng: "hãy mặc áo giáp của ta vào" và Đa-vít mặc vào nhưng không có thích hợp một chút nào, không vừa, không thể di chuyển được và ông nói rằng: "tôi không cần." Nhưng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã chiến thắng trong câu chuyện này, đây là câu chuyện rất là tuyệt vời mà tất cả các bạn đều biết. Nhưng bạn có thể hình dung được cảm xúc của Sau-lơ lúc bấy giờ, nếu như Sau-lơ có thể ganh tị với chính con trai của mình thì bây giờ thậm chí người ta hát rằng: "*Sau-lơ giết hàng ngàn nhưng Đa-vít giết hàng vạn*." Đa-vít bây giờ đã thực sự trở thành người anh hùng của dân tộc.

Hai vợ chồng của tôi đã đến Florence nếu bạn đến bạn có thể xem bức tượng rất là lớn này là bức tượng của Đa-vít của Michelangelo, nhưng bức tượng thật ra là kinh khủng vì nó không giống Đa-vít một chút nào, nó giống như người hùng của người Hy lạp thì đúng hơn ngoài ra bức tượng này còn chưa được cắt bì nữa thật là lố bịch. Tuy nhiên bức tượng Đa-vít khổng lồ này đang nói lên một điều gì đó, Đa-vít cao hơn tất cả mọi người khác trong Cựu Ước, giống như một pho tượng khổng lồ vậy. Đa-vít thật sự thống trị câu chuyện ngay từ lúc ban đầu mặc dù ông chỉ là một người chăn chiên, là một đứa con trai út trong gia đình. Đức Chúa Trời nói với Sa-mu-ên đó là vua mà Ta lựa chọn.

Sa-mu-ên đã đến Bết-lê-hem đến nhà của Đa-vít và nói với Y-sai:"tôi muốn gặp các con trai của ông" và Y-sai biết rằng đây là người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên, là tiên tri Sa-mu-ên, ông đã đưa tất cả đứa con trai của mình đến toàn những cậu cao to và đẹp trai, sau đó Sa-mu-ên nói rằng: "còn đứa nào khác không? Vì không ai trong số này được chọn cả" và Y-sai nói rằng: "còn một cậu con út nhưng nó đương chăn chiên nó có là gì đâu" Cậu con trai ấy nước da hồng hào, mặt mày xinh đẹp tay cầm đàn, Sa-mu-ên nói rằng: "nó chính là người được chọn." Đây là một vấn đề bởi vì ông được sức dầu để làm vua trong khi Sau-lơ vẫn còn đang làm vua, tôi tin rằng Sa-mu-ên là người viết cả sách Các quan xét và Ru-tơ và ông viết sau khi ông đã sức dầu cho Đa-vít và trước khi Sau-lơ qua đời bởi vì các giả thuyết đó rất thích hợp,

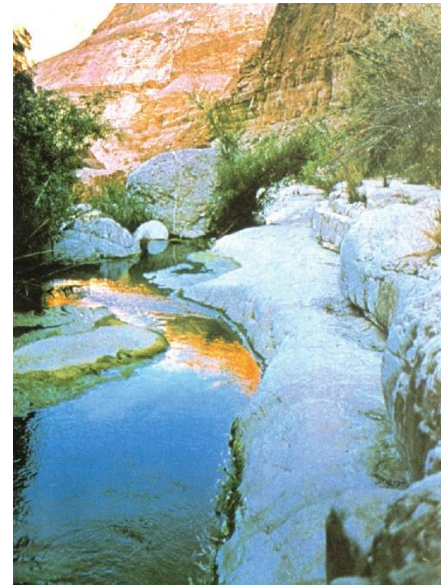
Những chương cuối cùng của sách Các quan xét cho chúng ta thấy chi phái Bên-gia-min rất tệ hại và chương cuối cùng gần như chi phái Bên-gia-min đã biến mất vì tội lỗi và sự thối nát của họ. Nhưng sau đó cuốn sách rất là nhỏ xinh kể câu chuyện rất là đẹp về Ru-tơ, về một gia đình có lòng tốt, có tình yêu thương và Sa-mu-ên dường như đang nói rằng không thể tin tưởng chi phai Bên-gia-min cần phải nhìn vào Bết-lê-hem, Bết-lê-hem có một xuất xứ tốt.

Ông muốn đưa sự tập trung khỏi chi phái Bên-gia-min, từ chi phái đó mà Sau-lơ ra và tập trung đến Bết-lê-hem, dường như nói rằng ta muốn các ngươi tìm kiếm tại đây vì câu cuối cùng của sách Ru-tơ là về vua Đa-vít, tất nhiên đây chỉ là giả thiết của tôi.

Nhưng khi so sánh sách Các quan xét và sách Ru-tơ với bài giảng của Sa-mu-ên trong sách Sa-mu-ên thì bạn thấy rất cùng một phong cách, ông giảng lịch sử đó là phương pháp của Sa-mu-ên và bây giờ chúng ta phải đi tiếp. Đa-vít trở thành một vị cận thần nhưng bị nghi ngờ và ông phải bỏ chạy để giữ bạn của mình, Giô-na-than đã giúp cho Đa-vít, lập giao ước với Đa-vít. Giô-na-than nói điều rất là kỳ diệu thế này Đa-vít sẽ trở thành vua tiếp theo và tôi sẽ trở thành tể tướng của ông, và đây đáng lẽ ông sẽ thành vị vua kế tiếp đúng không nhưng ông sẵn sàng đầu phục trước một cậu bé, một cậu bé chăn cừu, câu chuyện rất là tuyệt vời. Kinh Thánh nói rằng chưa từng bao giờ có một tình cảm như vậy giữa 2 người đàn ông Đa-vít và Giô-na-than, lòng yêu thương nhau như vậy.

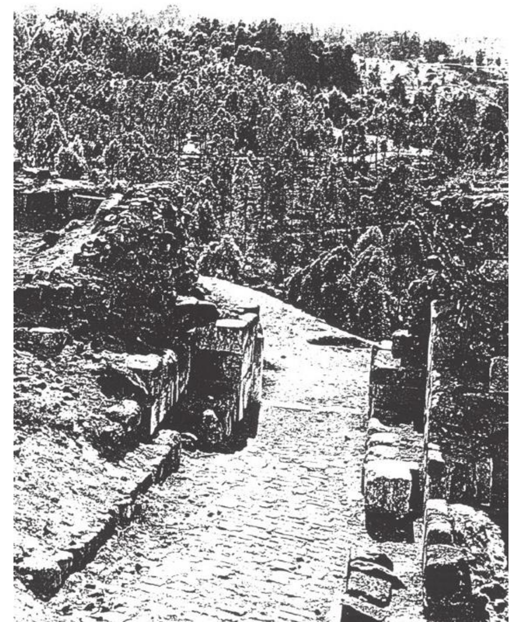
Sau đó những đầu óc bại hoại ngày nay nói họ là những người đồng tính, thật là kinh khủng khi người ta có thể bóp méo những gì họ đã đọc như thế nào và bộc lộ cách suy nghĩ của chính họ. Như vậy, Đa-vít đã trở thành người nằm ngoài vòng pháp luật, ông phải bỏ chạy,

Tôi có bức ảnh đây là cảnh và khi bạn trèo lên bạn thây một khe núi sâu đến một hồ bơi, chúng tôi đã từng bơi tại đây rất là thú vị, và có một cái động ở gần hồ bơi này, đó là nơi Đa-vít chạy trốn khi Sau-lơ đến đó để đi tiểu tiện, mà Đa-vít đã cắt một phần áo của Sau-lơ.



Một dòng suối chảy xuống vùng biển chết ở phía bờ tây

Sau khi Sau-lơ mang theo cả nghìn lính để giết Đa-vít, nhưng sau đó Đa-vít ra khỏi hang và kêu lên "hỡi Sau-lơ, Sau-lơ tôi là người đầy tớ trung thành tại sao ông muốn giết tôi" và Sau-lơ vô cùng rúng động khi biết rằng là Đa-vít có thể giết mình mà đã không giết. Sau-lơ đã ăn năn trong khoảng thời gian ngắn. Đa-vít đã viết rất nhiều bài Thi Thiên khi ông chạy trốn tại đây, nếu như bạn nhìn thấy bức ảnh chụp vùng vách núi vĩ đại thì đó là nơi Đa-vít liên tục nói viết về việc Chúa là tảng đá của tôi, Chúa là nơi nương cậy của tôi, khi bạn đến nơi này nhìn thấy những nơi này bạn có thể hiểu được vì sao Đa-vít lại có những bài Thi Thiên như vậy về sự cô đơn của mình, Chúa ơi tất cả mọi người chống lại con ngoại trừ Ngài, và tất cả những sự ghi chú cho chúng ta biết rằng những Thi Thiên này được viết bởi một người đang chạy trốn.



Bết-san

Phần đặc biệt nhất trong câu chuyện của Đa-vít mà bạn không được học trong trường Chúa nhật đó là ông đã trở thành người lính đánh thuê cho người phi-li-tin, ông đã tập hợp nhiều người xung quanh mình ở bên hang động đều là những người không hài lòng với triều đại của Sau-lơ và muốn hướng đến Đa-vít, ông đã bán họ và chính bản thân mình để trở thành người lính đánh thuê cho người phi-li-tin, người ta rất nghi ở ông. Có lần ông đã phải giả điên, sùi bọt mép ra giả điên và còn có điều tệ hại nữa xảy ra Sau-lơ và Giô-na-than quyết định sẽ chiến đấu với người Phi-li-tin và bây giờ Đa-vít và những người của ông là những người lính đánh thuê cho người phi-li-tin sẽ phải chiến đấu chống lại Sau-lơ và Giô-na-than nhưng Đức Chúa Trời đã can thiệp, những người lãnh đạo Phi-li-tin nói rằng chúng ta không thể cho Đa-vít đi chiến trận với chính mình bởi vì họ là người Y-sơ-ra-ên và họ có thể phản bội chúng ta ngay giữa trận chiến, vì vậy Đa-vít cũng không phải chiến đấu chống lại Sau-lơ & Giô-na-than. Nhưng trong trận chiến đó Sau-lơ & Giô-na-than đã bị giết, nếu bạn đã từng đến nơi được gọi là Bết-san, cái ngõ cũ vẫn còn ở đó, tôi đã từng đi qua đó, trên đó có xác của Sau-lơ & Giô-na-than bị treo lên đó sau trận chiến với Phi-li-tin. Bây giờ Đa-vít có thể tiếp quản nhưng vẫn còn rất nhiều người trung thành với Sau-lơ và phải mất nhiều năm trước khi Đa-vít có thể lên ngôi.

Đa-vít: Vị vua tốt nhất (2 Sa-mu-ên 1-31)

Chúng ta bây giờ nhìn sơ qua câu chuyện sách Sa-mu-ên 2, chúng ta thấy sự đi đến chiến thắng của Đa-vít trong chiến trận đầu tiên. Lúc đầu chỉ có một chi phái duy nhất là chi phái Giu-đa lập ông

làm vua tại Hếp-rôn ở miền nam, sau đó ông đã tập hợp được đất nước như một thể thống nhất và chinh phục Giê-ru-sa-lem, khiến Giê-ru-sa-lem trở thành thủ đô lý tưởng của Y-sơ-ra-ên. Giê-ru-sa-lem là một thành phố rất là kiên cố nên mặc dù khi họ chiếm tất cả xứ rồi Giê-ru-sa-lem vẫn là tay của người Giê-bu-sít tại vì bao xung quanh Giê-ru-sa-lem là những vách đá. Nên chỉ có một vùng phía bắc là có thể qua đó tấn công được thành thôi nhưng Đa-vít đã chiếm được thành, và bạn biết rồi câu chuyện về Đa-vít chiếm thành như thế nào, một câu chuyện chiến thuật quân sự rất là thú vị.

II SAMUEL

C. DAVID: BEST KING (1-31)

1. TRIUMPHANT ASCENT (1-9)
- a. Single tribe
- b. Settled nation
- c. Sizeable empire

} UP

2. TRAGIC DESCENT (10-20)
- a. Disgraced man
- b. Disintegrated family
- c. Discontented people

} DOWN

Epilogue (21-24)

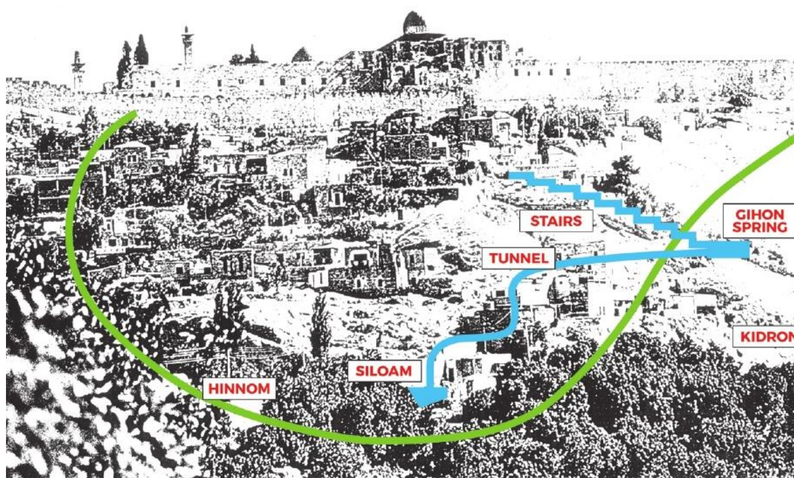
DAVIDS LIFE

1. IN
2. OUT

} BEFORE REIGN

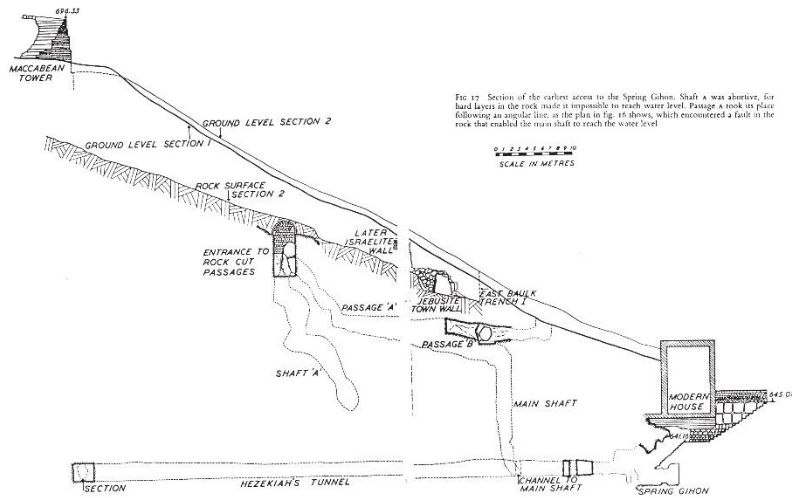
3. UP
4. DOWN

} AFTER REIGN



Hình ảnh Giê-ru-sa-lem

Nếu bạn đến Giê-ru-sa-lem ngày nay, nhìn từ phía nam bạn sẽ nhìn thấy đền thờ ở trên cùng. Cái đường màu xanh lá cây là thành Đa-vít cổ, đó là một dải đất ở phía nam của bức tường thành hiện nay và nguồn nước duy nhất là suối Ghi-hôn, nó nằm bên ngoài tường thành nên rất dễ bị tổn thương, vì vậy đôi khi có lúc họ phải xây bực cầu thang trong đá để đến với nguồn nước và chính qua những thang đá đó mà Đa-vít và những người của ông đã đi xâm nhập vào thành Giê-ru-sa-lem và chiến thắng. Nhiều năm sau vua Ê-xê-chia đã đào đường hầm dẫn nước qua đá đến hồ Si-lu-am bên khu trong khu hạ lưu của thành phố, như vậy chúng ta thấy có những bức tường thang này rồi nước được dẫn đến bên trong khiến cho Giê-ru-sa-lem được an toàn.





Cầu thang và hầm dẫn nước

Khi chúng ta nhìn gần hơn một chút nữa. Đây là những gì các nhà khảo cổ học đã đưa ra về cái cầu thang dẫn và cái hầm dẫn nước, bây giờ mức nước rất thấp nhưng khi tôi đến đó mức nước rất là cao thật sự đó là một trải nghiệm rất đáng sợ, nhưng nó đi được khoảng nửa dặm xuyên kẽ đá.

Đó là cách họ đã chiếm Giê-ru-sa-lem qua cái cầu thang trong đá này và tất cả được mô tả trong sách Sa-mu-ên, thật là thú vị khi các nhà khảo cổ đã phát hiện ra như sách đã mô tả. Như vậy cuối cùng ông đã có một Đế chế lớn, ông đã thắng người Am-môn, người Ê-đôm và rất nhiều những người khác, các dân khác xung quanh. Bây giờ ông chinh phục một vùng lãnh thổ rất rộng lớn và ông trở thành vua, người phi-li-tin đã bị thất bại, Y-sơ-ra-ên được ở đỉnh cao trong lịch sử của họ.

Sau đó vào một buổi chiều mọi thứ đã hỏng, khi quân đội đi ra chiến trận Đa-vít đáng lẽ phải lãnh đạo họ nhưng ông cảm thấy muốn ở nhà lần này. Một người phụ nữ sống ở nhà bên cạnh nghĩ rằng tất cả người đàn ông bây giờ đã đi chiến trận rồi nên lên mái nhà tắm nhưng Đa-vít vẫn còn ở đó và đã nhìn thấy bà, tên của bà là Bết-se-ba. Đa-vít đã phạm 5 trên 10 điều răn. Ông đã ham muốn vợ của người lân cận mình, ông làm chứng dối chống lại người chồng, ông đã ăn trộm người vợ của người đó, phạm tội tà dâm với người đó, ngoại tình với người đó rồi sau đó phạm tội giết người chồng. Đó

là một câu chuyện khủng khiếp, từ buổi chiều hôm đó mọi thứ đã xuống dốc, sau 500 năm nữa thì họ mất tất cả mọi thứ mà Đức Chúa Trời ban cho họ.

Nhưng mọi thứ bắt đầu vào ngày hôm đó, điều tệ nhất không phải Bết-se-ba đã mang thai mà U-ri người chồng đã bị giết sau sự sắp đặt của Đa-vít, nhưng đứa bé đó đã chết sau đó bết-se-ba vào trong cung điện, bết-se-ba lại có thai và đặt tên là Sa-lô-môn hay Sa-lôm nghĩa là bình an bởi vì họ đã có bình an. Nhưng nhà tiên tri Na-than đến và lên án Đa-vít về tội lỗi của ông, Na-than kể chuyện ẩn dụ cho ông trong cả một năm như ông viết trong Thi Thiên 32, ông đau đớn đau đớn nhưng không thú nhận tội lỗi của mình, ông bị lương tâm mình dằn vặt.

Sau đó một năm tiên tri Na-than đã đến và nói rằng tôi muốn kể cho ông nghe về một người chăn chiên chỉ có một con chiên sống bên cạnh một người rất giàu có rất nhiều chiên, nhưng người đó đã bắt mất con chiên duy nhất của kẻ nghèo này và Đa-vít nói rằng người giàu kia phải bị chết và Na-than nói rằng vua chính là người đó. Vua đã có rất nhiều vợ vậy mà vua vẫn còn lấy trộm người vợ của U-ri đó là khi Đa-vít viết Thi Thiên 51, đó là Thi Thiên ăn năn, Đa-vít kêu cầu cùng Chúa rằng xin Chúa đừng cất Thánh linh khỏi con, một điều rất là thú vị là đó lại là một mối quan tâm lớn nhất của Đa-vít, hãy dựng nên trong con một tấm lòng trong sạch Chúa ơi, con sinh ra đã là tội nhân, mẹ con hoài thai con trong tội lỗi không có nghĩa tình dục là sai trái chỉ có điều là ông hiểu rằng bản tính của mình là tội lỗi, và ông trở thành một con người bị thất sủng, điều đó dẫn đến một gia đình bị thất sủng và

Chính con trai của ông đã làm những điều rất khủng khiếp, đứa con trai cả đã hiếp em gái mình, sau đó con trai ông là Áp-Sa-lô1m tìm cách để đẹp lòng dân sự và sau đó đã chiếm ngôi của vua cha. Đa-vít đã phải bỏ chạy để giữ mạng của mình, khóc suốt dọc đường lên đến núi ô-liu khi chạy trốn con trai của mình là Áp-sa-lôm. Sau đó Áp-sa-lôm đã làm điều rất khủng khiếp đưa những người vợ của Đa-vít đưa lên trên nóc cung điện để tất cả mọi người đều nhìn thấy, là ông có quan hệ tình dục với những người đó một cách công khai. Đa-vít bây giờ trở thành một người thất sủng, một gia đình thất sủng khiến dân sự bất bình, cả quốc gia bất bình. Bạn có biết họ càu nhàu về điều gì không, là hành vi của những đứa con tại hoàng gia, họ nói rằng Đa-vít là vị vua tốt nhưng hãy xem con của ông kìa, làm sao chế độ quân chủ này có thể tồn tại được và mọi thứ kết thúc theo cách đó chúng ta sẽ tiếp tục trong bài kế tiếp.

SÁCH SA-MU-ÊN 1 & 2 - Phần 2

Có một hình ảnh mà tôi đã chưa cho bạn xem trong lần nói chuyện trước, nên bây giờ tôi sẽ cho các bạn xem. Khi Sa-mu-ên qua đời, ông đã được chôn cất tại Ram-ma và giống như một đền thờ được xây dựng tại chỗ Ram-ma ngày nay. Thật ra là có 2 tòa nhà giống hệt nhau và có một tháp nhỏ ở trên, 1 cái thì ở đồi xa một chút và có 1 lần chúng tôi đi xe buýt đến Giê-ru-sa-lem và người hướng dẫn viên du lịch, người Y-sơ-ra-ên không chỉ vào tòa nhà này và chỉ vào tòa nhà kia và nói rằng đó là mộ của Sa-mu-ên và tôi nói rằng: tôi xin lỗi nhưng e rằng không phải là như vậy, kia mới là mộ của Sa-mu-ên và anh ta nói rằng thế ông không biết rằng có Sa-mu-ên đệ I và Sa-mu-ên đệ II à? Người hướng dẫn cứ tưởng lầm rằng là có 2 ông Sa-mu-ên. Tôi đã cố gắng cung cấp cho các bạn một cái nhìn tổng quan về câu chuyện và tôi chắc chắn là khi bạn đã đọc qua câu chuyện này thì bạn đều quen thuộc về nội dung của nó. Tuy nhiên, thì ít nhất bạn nhìn thấy được khuôn mẫu, mô hình đặc biệt là của Đa-vít, vào, ra, lên và xuống và đó là một câu chuyện mà có kết thúc tương đối buồn.



Hình ảnh mộ của Sa-mu-ên

Thật ra thì Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ được phục hồi và thực tế có sự căng thẳng giữa miền Nam với miền Bắc diễn ra trong thời trị vì của Sa-lô-môn và khi Sa-lô-môn qua đời thì nội chiến đã xảy ra giữa hai bên và sự căng thẳng đó bắt đầu từ sự sa ngã của Đa-vít và thực tế điều tồi tệ nhất mà Đa-vít đã làm đó là ông đã kiểm tra dân số xem ông có bao nhiêu người dân. Đó là điều mà Sa-tan đã giục Đa-vít để Đa-vít làm, Sa-tan không có vai trò gì trong lần phạm tội của Đa-vít với Bát-sê-ba.

II SAMUEL

C. DAVID: BEST KING (1-31)

1. TRIUMPHANT ASCENT (1-9)
   - a. Single tribe
   - b. Settled nation
   - c. Sizeable empire

   } UP

2. TRAGIC DESCENT (10-20)
   - a. Disgraced man
   - b. Disintegrated family
   - c. Discontented people

   } DOWN

Epilogue (21-24)

DAVIDS LIFE

1. IN / 2. OUT } BEFORE REIGN

3. UP / 4. DOWN } AFTER REIGN

Nhưng sau đó nhiều năm, Sa-tan đã cám dỗ Đa-vít, ngươi lớn rồi đúng không, ngươi thử kiểm tra thử xem quân số của ngươi bây giờ là bao nhiêu? Và Đa-vít kiểm tra dân số không dựa vào sức Chúa mà dựa vào sức mình. Vấn đề không phải là kiểm tra dân số là có lỗi, nhưng động cơ bạn vì sao mà kiểm tra dân số, và lần này thì Đa-vít kiểm tra dân số xuất phát từ lòng kiêu ngạo của mình và điều

đó đã dẫn đến một bệnh dịch xảy ra tại Y-sơ-ra-ên và nạn dịch đó chỉ chấm dứt khi Đa-vít thật sự ăn năn và kêu cầu cùng với Đức Chúa Trời.

Một điều mà Đa-vít đã làm, lẽ ra tôi nên cho các bạn xem cái này để xem tôi có tìm được không. Đa-vít đã đưa Hòm Giao Ước của Chúa trở lại thành Giê-ru-sa-lem. Đây là một bức tranh tưởng tượng thôi, có một họa sĩ đã vẽ ra bức tranh cảnh Đa-vít và đội quân của ông rước Hòm Giao Ước đưa về thành Giê-ru-sa-lem và Đa-vít nhảy múa trước hòm, và vợ của Đa-vít là Mi-canh đã khinh bỉ ông về chuyện này và từ đó bà trở nên son sẻ không sinh con. Đa-vít đã đưa Hòm Giao Ước đến thành Giê-ru-sa-lem và tại thành đó có một vùng đất bằng phẳng khá cao, thật ra là sân đập lúa của một người có tên là A-ra-o-na, và đây là nơi rất lộng gió nên người ta có thể tách lúa mì khỏi trấu ở tại nơi đó và Đa-vít coi nơi đây là lý tưởng để xây dựng một đền thờ cho Đức Chúa Trời, và người chủ của mảnh đất này nói rằng: tôi sẽ dâng lên cho ông đấy, để ông dâng làm đền thờ cho Chúa nhưng Đa-vít nói: không, tôi không muốn dâng cho Chúa thứ mà tôi không tốn kém gì và Đa-vít đã mua mảnh đất đó và chính vị trí đó trở thành vị trí của đền thờ này về sau.



Cảnh Đa-vít và đội quân của ông rước Hòm Giao Ước về Giê-ru-sa-lem

Tuy nhiên Đa-vít không được xây dựng đền thờ bởi vì Chúa nói rằng tay của Đa-vít có nhiều máu và cần một người bình an, tên của thành Giê-ru-sa-lem nghĩa là như vậy Sa-lôm hay Salem nghĩa là bình an. Nên cần một người bình an xây dựng thành này và con trai của Đa-vít đã làm điều đó. Tuy nhiên Đa-vít chính là người mà đã sắp xếp kế hoạch rồi thậm chí thu thập nguyên vật liệu những cây gỗ bá hương, cây tùng, cây bách từ Ba-by-lôn rồi đá, tất cả mọi thứ đều trở nên sẵn sàng, nhưng con trai của ông Sa-lô-môn đã xây dựng đền thờ trên ngọn đồi này và đó là phần kết thúc của sách Sa-mu-ên. Đa-vít đã mua sân đạp lúa đó nhưng mọi thứ thật ra đang trên đường trượt xuống dốc.

Sáu cách đọc các câu chuyện này

Bây giờ tôi muốn dành phần nói chuyện cho hôm nay để trả lời cho câu hỏi này, khi các bạn đọc tất cả những câu chuyện này, bạn sẽ làm gì với chúng? Có phải chúng chỉ là những câu chuyện? Chúng ta cần phải đọc chúng ở cấp độ nào? Vì sao chúng ta đọc chúng? Mục đích của chúng ta đọc những câu chuyện này là gì? Đây là lịch sử đã qua, đã xong rồi cơ mà? Thực tế thì có tới 6 cấp độ khác nhau mà bạn có thể đọc các câu chuyện trong Kinh Thánh. Một điều quan trọng là bạn phải lựa chọn cấp độ đúng đắn nhưng có 6 cách khác nhau mà tôi khám phá ra là người ta thường dùng những cách này để đọc những câu chuyện ở trong Kinh Thánh, chẳng hạn như câu chuyện của Đa-vít.

O. T. NARRATIVE
LEVELS OF STUDY

1. ANECDOTAL (interesting stories)
a. CHILDREN
b. ADULTS
2. DEVOTIONAL (personal messages)
a. GUIDANCE
b. COMFORT
3. BIOGRAPHICAL (character studies)
a. INDIVIDUAL
b. SOCIAL
4. HISTORICAL (national development)
a. LEADERSHIP
b. STRUCTURE
5. CRITICAL (possible errors)
a. 'LOWER' - text
b. 'HIGHER' - context
6. THEOLOGICAL (providential over-ruling)
a. JUSTICE - retribution
b. MERCY - redemption

Đọc cho vui

Cấp độ đầu tiên, tôi gọi đó là đọc cho vui đơn giản đọc bởi vì đó là câu chuyện hay. Đặc biệt là có những câu chuyện dành cho trẻ em, có một số câu chuyện tất nhiên không thể dành cho trẻ em được nhưng có thể dùng để kể cho người lớn, chúng là những câu chuyện thú vị và Hollywood đã làm những bộ phim về những câu chuyện này.

Chúng ta cũng có thể hiểu được tại vì cũng có những yếu tố lãng mạng rồi cũng có những hành động quân sự tương đối, một số tương đối giật gân ở trong số đó nên Hollywood cũng đã làm rất nhiều phim dựa trên những câu chuyện trong Kinh Thánh và chúng cũng là những câu chuyện và tôi ngờ rằng có một số trường hợp Trường Chúa Nhật á, các em được kể những câu chuyện này bởi vì đơn giản là chúng thú vị và từ Kinh Thánh và hồi bé chúng tôi có bài Thánh Ca như thế này, *"Chúa ban cho chúng ta rất đầy câu chuyện từ chuyện thời xưa tại vườn hạnh phúc đến chuyện sau rốt tại thành phố vàng, chuyện to chuyện nhỏ, cho mẹ cho con cho già cho trẻ, chuyện được chuyện mất chuyện trước chuyện sau nhưng chuyện Jesus là hay hơn nhất."* Có ai cho các bạn biết bài hát đó không? Có một người phụ nữ có tên là Ma-ti-la-ben-tôn đã viết bài Thánh Ca đó.

Những câu chuyện này thật sự là rất hấp dẫn, tiết kiệm lời nhưng văn phong cũng rất là hấp dẫn rất là đẹp, đọc rất là thú vị. Nhưng có phải đó là mục đích duy nhất của những câu chuyện này không?

Đọc để tìm sứ điệp cho bản thân, cho cá nhân mình

Chúng ta hãy đi tiếp nhé. Có một số người đọc những câu chuyện này, và dùng chúng làm cho thì giờ tĩnh nguyện, tôi ám chỉ là họ tìm một sứ điệp nào đó cho bản thân, cho cá nhân của mình. Đây là cách rất nhiều người đọc và tôi rất bị cám dỗ để gọi đây là đọc Kinh Thánh theo kiểu tử vi, bạn cố gắng tìm được một câu nào đó bật ra khỏi Kinh Thánh và thích ứng với hoàn cảnh của bạn và thỉnh thoảng như vậy cũng được nhưng nói thật, là phần đa những câu Kinh Thánh như vậy sẽ không có ý nghĩa cho các bạn đâu nếu như bạn chỉ tìm một câu phù hợp cho hoàn cảnh của bạn.

Nếu bạn đọc Kinh Thánh theo cách đó thì thật sự rất là may rủi, có một người, chàng trai trẻ tại Miu-lét đã yêu một cô có tên là Ma-ri, anh ta mở Kinh Thánh và đọc câu: *"đừng ngại lấy Ma-ri làm vợ."* Vâng, và bạn sẽ rất ngạc nhiên cho mà xem là có rất nhiều Cơ Đốc nhân đọc Kinh Thánh theo kiểu như vậy. Ấy là tôi chưa nói đến trường hợp có một người đã từng ở đây lần trước tôi có nhắc đến điều này và sau đó anh ta trở nên rất bực bội, nên tôi cần phải cảnh giác.

Bạn biết là có một người chỉ đại vào Kinh Thánh và đọc vài câu rồi lại câu tự tử ôi câu này không hay, để câu khác *"Hãy đi và làm như vậy."* Vâng, nên chúng ta cần phải xem xét Kinh Thánh trong văn cảnh của nó, trong ngữ cảnh của nó. Chẳng hạn nếu như câu trong I Sa-mu-ên bạn tìm được sứ điệp gì cho cá nhân đây? "*Dòng dõi ngươi sẽ không bao giờ có người sống đến tuổi già."* Câu đó có nói gì với bạn không? Nhưng có câu đó trong Kinh Thánh đó, câu đó được nói với lại Hê-li, và đó là lý do tại sao Giê-rê-mi phải bắt đầu chức vụ từ khi còn rất trẻ. Có lẽ khi ông khoảng 17 tuổi thôi, bởi vì ông biết rằng, ông sẽ không sống đến tuổi già. Bởi vì lời nguyền đó truyền theo dòng dõi và Giê-rê-mi là thuộc dòng dõi của Hê-li.

Hoặc đây có thể là một từ rất thích hợp cho các bạn nếu *"ngươi muốn làm gì hãy hết sức mà làm, bởi vì Chúa ở cùng ngươi"* câu này có thể thích hợp, nhưng, thế ngày hôm sau mà đọc vài câu Sa-mu-ên chặt A-ga ra từng mãnh trước mặt Chúa tại Ghinh-ganh thì cái này có dành cho bạn không? Ai là A-ga trong đời sống của tôi đấy.

Bạn thấy đó, tôi đang chế giễu phương pháp này. Tuy nhiên, tôi cũng có thể hiểu rằng đôi khi Chúa cũng có thể nói qua câu này, câu kia đối với bạn. Tuy nhiên, đó không phải là lý do chính để đọc Kinh Thánh. Cách cư xử Kinh Thánh như vậy không phải là cách đúng đắn, bởi vì nó sẽ coi Kinh Thánh giống như là cái hộp bóc số vậy để bóc câu nọ câu kia, và thật sự là một thảm họa. Việc thêm số chương và số câu vào đó đã khiến cho rất nhiều người theo Chúa ngày nay đọc Kinh Thánh theo kiểu đó và không xét theo ngữ cảnh và nếu như vậy thì bạn sẽ nhận rất ít từ Kinh Thánh. Mặc dù, cũng có thể là đôi khi Chúa có thể cho bạn một từ này từ kia, câu này câu kia khi bạn đọc theo cách đó.

Đọc để nghiên cứu nhân vật

Còn bây giờ chúng ta sẽ xem phương pháp thứ 3. Đây là phương pháp rất phổ biến đối với những người giảng đạo khi giảng từ những sách kiểu như sách Sa-mu-ên và đó là nghiên cứu nhân vật.

Một trong những đặc điểm của Kinh Thánh đó là Kinh Thánh rất trung thực. Kinh Thánh cho chúng ta biết cả mặt xấu lẫn mặt tốt, mặt mạnh với mặt yếu cả những thành công lẫn thất bại, cả những phẩm hạnh những tánh xấu của nhân vật trong đó và một điều rất hữu ích khi chúng ta nghiên cứu hay tìm hiểu những nhân vật trong Kinh Thánh bởi vì Gia-cơ có nói Kinh Thánh giống như một tấm gương, giống như một cái gương và bạn có thể soi mình trong đó và bạn có thể học bằng cách nhìn vào những con người này và thật sự rất là tuyệt vời bởi vì Kinh Thánh luôn cho các bạn biết điều gì là đúng điều gì là sai với những nhân vật trong đó.

Có lẽ một trong số rất ít người của cả Kinh Thánh mà được trình bày với chúng ta dường như không tì vết. Bạn có đoán được tôi đang ý muốn nói đến ai không? Vâng, tôi đang nghĩ đến Giô-sép. Và nếu bạn nghiên cứu về cuộc đời của Giô-sép thì thực sự bạn thấy có một sự rất tương đồng giống với lại Chúa Giê-su, đã bị hạ thấp nhưng sau đó đã trở thành cứu tinh của dân tộc mình, và toàn bộ cõi Ai-cập. Nhưng Giô-sép có lẽ là một trong rất ít những người trong Kinh Thánh mà được Kinh Thánh đề cập tới dường như không có lỗi. Bạn có thể nhìn vào tính cách của Sau-lơ, bắt đầu rất lợi thế, cao to đẹp trai Thần của Chúa đã đến trên ông và biến ông thành một con người khác, dường như ông có tất cả mọi thứ nhưng như một lỗ hổng chết người trong tính cách của Sau-lơ. Đó là Sau-lơ không an ninh khi ở bên cạnh những con người thành công và đó là một điểm yếu rất phổ biến không có khả năng có mối quan hệ tốt với người khác và cuối cùng Sau-lơ lại có một ác thần thay vì Đức Thánh Linh. Bạn có thể nghiên cứu tính cách của Đa-vít và từ chìa khóa chính là từ *"tấm lòng"* Đa-

vít là người của *"tấm lòng."* Sau-lơ là người của vai và đầu nhưng Đa-vít là người của *"tấm lòng,"* và bạn nghiên cứu bạn sẽ thấy rằng bao nhiêu lần từ tấm lòng được nói đến Đa-vít.

Đức Chúa Trời không nhìn vào bên ngoài nhưng nhìn vào tấm lòng và Ngài nhìn thấy một tấm lòng tốt ở trong Đa-vít. Ngài nhìn thấy tính cách đó của Đa-vít và thật sự là một nghiên cứu rất tuyệt vời. Đa-vít là một con người sống ngoài trời, lao động chân tay rất giỏi về âm nhạc, rất dũng cảm, giết sư tử, giết gấu nhưng rất nhiều năm ông chỉ có thể nói được với Đức Chúa Trời thôi hay hát cho Ngài nghe mà thôi và tất cả những năm tháng đó là một sự chuẩn bị để sau này ông trở thành một người quan trọng nhất trong xứ lúc bấy giờ.

Nhưng một điều tôi thấy nữa và tôi đã gạch trong Kinh Thánh của tôi, là rất nhiều lần Kinh Thánh nói tới Đa-vít cầu hỏi Đức Giê-hô-va trong mọi quyết định, trong mọi khủng hoảng. Đa-vít đã cầu hỏi Chúa và đó là điều mà Chúa đánh giá rất cao tấm lòng của Đa-vít hướng về phía Chúa và không vội vả đưa ra quyết định. Ông đã cầu hỏi Chúa, ông muốn làm theo cách của Chúa và bất chấp những thất bại của Đa-vít, Đức Chúa Trời vẫn yêu Đa-vít. Đa-vít là một con người rất cao cả thậm chí ngay trong chiến thắng, ông không vui mừng khi kẻ thù bị giết. Thực tế là Đa-vít có thể rất tức giận chứ nhưng một trong những con trai của Sau-lơ được sống sót, Đa-vít cũng đã đối xử rất tốt mặc dù Sau-lơ là kẻ thù của Đa-vít, ông là một con người rất vị tha, rất cao cả và là một con người có thể coi trọng những con người dũng cảm, những con người tài giỏi.

Trong sách Sa-mu-ên bạn nhìn thấy danh sách những con người mà được Đa-vít tôn trọng, đặc biệt là 3 người nam rất dũng cảm của Đa-vít. Đó là những con người khi Đa-vít còn sống ngoài vòng pháp luật, có lần Đa-vít nói rằng: *"ôi ước gì mình được uống từ nước ở giếng tại Bết-lê-hem, nước ở đó ngọt lắm, dễ chịu lắm."* Đó chỉ là một biểu hiện của một sự hoài cổ thôi và 3 người đàn ông dũng cảm của Đa-vít đã nghe thấy điều đó và họ đã đi xuyên qua vòng tuyến của kẻ thù, đến Bết-lê-hem vào ban đêm lấy nước và đưa về cho Đa-vít và nói rằng: *"Đây là nước từ Bết-lê-hem"* Đa-vít đổ nước đó ra dâng lên cho Chúa và nói rằng: *"con không thể uống được, bởi vì cái này có thể khiến cho những người của con phải trả giá bằng mạng sống,"* và ông đã dâng cho Chúa và ông đã rất coi trọng những người đó.

Đa-vít có danh sách những người được ông coi trọng và sách kết thúc với danh sách những người bạn dũng cảm của Đa-vít, những người mà Đa-vít rất yêu quý, trân quý. Đa-vít trái ngược với Sau-lơ, Đa-vít có lòng với Chúa và tôn trọng người khác. Sau-lơ không có lòng cho Chúa và cũng không thích những con người thành công ở bên cạnh mình. Một sự tương phản rất thú vị đúng không? Mặc dù cả hai đều khởi đầu tốt và kết thúc không được tốt lắm,

Bạn có thể nghiên cứu về những người phụ nữ ở trong sách Sa-mu-ên. An-ne rất là thú vị khi Chúa nói với bà rằng bà sẽ có con, bà đã ngợi khen Đức Chúa Trời, bằng những từ mà sau đó nhiều thế kỷ. Một cô gái 15 tuổi, tên là Merram hay còn gọi là Ma-ri sẽ sử dụng những từ đó trong bài ca tôn vinh hay Mắc-ni-phi-sát là bài ca được hát trên toàn thế giới ngày nay, nhưng lời của bài hát đó thực ra là từ An-ne bạn có bao giờ đọc thấy điều đó trong I Sa-mu-ên chưa? Nghiên cứu về A-bi-ga-in, A-bi-ga-in là một nghiên cứu thật sự thú vị, đặc biệt là các chị em hãy tìm hiểu về bà này. Khi Đa-vít đến nhà của chồng A-bi-ga-in và đòi lương thực cho quân đội của mình và chồng của A-bi-ga-in đã nói rằng: "*Đa-vít hắn nghĩ hắn là ai?"* Ông ta không công nhận sự lựa chọn của Đức Chúa Trời rằng Đa-vít là vua. Đa-vít rất tức giận và muốn giết người chồng của A-bi-ga-in nhưng A-bi-ga-in, người vợ đã can thiệp và thực sự cô ấy rất biết cách xử trí với đàn ông. Nên các chị em mà muốn biết cách đối

xử với đàn ông á, hãy đọc về A-bi-ga-in vì lý luận của cô ấy thật là tuyệt vời, không người đàn ông nào có thể chống lại được và cô ấy đã thuyết phục được Đa-vít rằng chồng của cô ấy là người ngu ngốc. Đa-vít không nên quá buồn về chuyện đó, cô ấy đã cứu được mạng sống của người chồng của mình nhưng thật ra thì người chồng sau đó bị có lẽ là nhồi máu cơ tim và đã chết và Đa-vít đã rất ấn tượng với A-bi-ga-in và về sau này đã lấy A-bi-ga-in làm vợ.

Sự nghiên cứu các nhân vật này thật sự là đáng để chúng ta thực hiện về cả về khía cạnh tính cách cá nhân lẫn các mối quan hệ xã hội, và đó là cách tốt để đọc Kinh Thánh nhưng đó chưa hẳn là cách mà cần thiết để dùng để đọc Kinh Thánh, hữu ích nhưng chưa phải là cách đúng đắn duy nhất.

Nghiên cứu lịch sử Y-sơ-ra-ên

Cách thứ 4 đó là nghiên cứ lịch sử Y-sơ-ra-ên và cách Y-sơ-ra-ên phát triển từ một gia đình trở thành một bộ lạc, trở thành một quốc gia và trở thành một vương quốc và đặc biệt là các chính trị gia nên học từ Đa-vít. Một người bạn của tôi có tên là Tom Houson đã viết một cuốn sách về Đa-vít cho các chính trị gia ngày nay và đó là một cuốn sách rất tuyệt vời về cách Đa-vít phát triển khả năng lãnh đạo, khả năng cộng tác, cách ông quản lý chính phủ và đây thực sự là một nghiên cứu rất thú vị cho các chính trị gia ngày nay về sự lãnh đạo.

Chúng ta đã nói rằng sự lãnh dạo của Y-sơ-ra-ên đã thay đổi từ các tổ phụ cho tới các tiên tri và bây giờ đến các vua. Điều này hướng tới mục tiêu của họ là có được toàn bộ đất hứa và đó là một nghiên cứu cũng rất hấp dẫn kể từ ngày phần cuối của sách Các quan xét, trong đó có câu lặp đi lặp lại rằng: *"thời bấy giờ Y-sơ-ra-ên không có vua, mỗi một người làm theo điều mà mắt mình thấy làm phải"* và bây giờ thì họ có vua nhưng tôi e rằng mọi chuyện cũng vẫn chưa diễn ra tốt đẹp như họ mong muốn.

Nên học về sự lãnh đạo cũng là một điều đáng để nghiên cứu và chúng ta có thể nghiên cứu về thể chế, cấu trúc lãnh đạo ở tại Y-sơ-ra-ên, từ một liên bang bao gồm 12 chi phái độc lập với 1 chính phủ tập trung và chính phủ tập trung có thể làm được điều gì, thật sự chúng ta thấy rất là liên quan đến với tình hình của Châu Âu ngày nay. Bạn có thể nghiên cứu thấy sự khác biệt giữa mối quan hệ liên bang giữa các bộ lạc với một chính phủ tập trung và bài học đó là một chính phủ mà càng có tính tập trung thì phẩm chất của chính phủ đó càng quyết định vận mệnh của quốc gia. Điều này cũng rất đáng nghiên cứu từ quan điểm này.

Tài tổ chức của Đa-vít cũng là điều rất thú vị. Họ đã đạt được đỉnh cao của hòa bình và thịnh vượng giữa chính phủ tập trung nhưng chính phủ tập trung cũng lại là lý do cho sự sụp đổ của họ. Bài học đây đó là khi quyền lực ở trong một số ít bàn tay thì phẩm chất của những người đó sẽ quyết định vận mệnh của dân tộc và đây thực sự là bài học rất liên quan phải không? Nhưng đó vẫn chưa phải là cách cần thiết để chúng ta dùng và đọc Kinh Thánh.

Đọc Kinh Thánh để phê bình hay chỉ trích

Tiếp theo là cách mà các học giả hay dùng để đọc và đây là cách đọc Kinh Thánh tồi tệ nhất, và chúng ta gọi đây là cách đọc phê bình hay chỉ trích. Bắt đầu từ nước Đức, khi tôi ở Đức, tôi đã giảng ở bục giảng mà tại đó có nhà giảng đạo nổi tiếng là Martin Nimolor đã từng giảng. Ông đã từng là thuyền trưởng trong chiến tranh thế giới thứ hai, bất chấp Hit-le và sau đó ông đã bị đưa vào trong trại tập trung nhưng từ bục giảng đó tôi đã nói với người dân Đức rằng: "Khi nào thì các anh chị mới phục hồi lại những thiệt hại mà nước Đức đã gây ra cho thế giới?" và họ cứ nghĩ rằng tôi nói đến

chiến tranh thế giới thứ hai hay là nói đến những điều mà người Đức đã làm trong các trại tập trung với người Do Thái.

Tuy nhiên điều tệ hại nhất mà người Đức đã làm cho cả thế giới đó chính là bộ môn Thượng Phê Bình hay là chỉ trích Kinh Thánh. Đây là điều đã tác động ảnh hưởng rất tệ hại trên rất nhiều chủng viện thần học trên thế giới. Rất nhiều đôi thanh niên trai trẻ đến chủng viện để được huấn luyện mà cuối cùng kết thúc chủng viện và mất đức tin bởi vì Kinh Thánh đã bị xé nát bởi một bộ môn có tên là Thượng Phê Bình và người ta được dạy rằng phải đọc Kinh Thánh và dùng một cái kéo để cắt bớt đi nhiều phần ở trong Kinh Thánh. Khi tôi nói rằng: phê bình là như vậy, chỉ trích là như vậy.

Nhưng có 2 cấp độ phê bình, để tìm kiếm những điều có thể sai sót ở trong Kinh Thánh và bộ môn Hạ Phê Bình thì ổn thôi, tức là tìm kiếm những sai sót trong bản văn nhưng bộ môn Thượng Phê Bình đó thì gây tổn hại vô cùng nên tôi gọi nhiều chủng viện thần học là những nghĩa trang thần học bởi vì đã giết niềm tin của rất nhiều người.

Thế còn bộ môn Hạ Phê Bình thì sao? Là muốn tìm xem trong văn bản có gì sai sót không trong quá trình sao chép, bởi vì chúng ta không có bản gốc, chúng ta chỉ có bản sao và tất nhiên có câu hỏi đặc ra đó là trong ci quá trình sao chép Kinh Thánh thì có lỗi nào xảy ra không? Tôi hoàn toàn ủng hộ rất nhiều những học giả làm việc một cách rất chăm chỉ để cố gắng tìm lại được điều có ở trong văn bản gốc một cách chính xác nhất. Thật sự là bây giờ chúng ta có Tân Ước chính xác tới 98% so với bản gốc. Cựu Ước thì thấp hơn một chút nhưng chúng ta hiểu rằng sau hàng trăm năm sao chép thì có thể có những lỗi xảy ra, như ví dụ khi các cuộn giấy ở Biển Chết được phát hiện vào năm 1948 bởi cậu bé chăn cừu Men-đô-in khi ném đá vô tình vào hang. Chúng ta đã phát hiện ra một bản sao hoàn chỉnh của sách tiên tri Ê-sai mà có niên đại 1000 năm lâu hơn so với tất cả các bản sao mà lúc bấy giờ chúng ta đang có. Trước đó Cựu Ước đã được dịch từ những bản sao có niên đại vào khoảng năm 900 SCN nhưng các cuộn ở Biển Chết có niên đại là 100 năm TCN và vì vậy là lùi lại tới 1000 năm. Lúc bấy giờ ở Mỹ người ta đang dịch một phiên bản sách Ê-sai, và người ta nói rằng dừng lại đừng có dịch tiếp nữa bởi vì bây giờ có phát hiện ra một bản sao có niên đại 1000 năm trước và khi họ kiểm tra lại thì họ đã nói với người Mỹ rằng các anh có thể cứ tiếp tục dịch đi bởi vì bản sao đã được bảo quản rất tốt trong hơn 1000 năm nên chỉ có một vài chi tiết nhỏ phải thay đổi thôi.

Đây là một điều thật là thú vị, như vậy bộ môn Hạ Phê Bình là tìm kiếm để quay trở lại với bản gốc và tôi hoàn toàn ủng hộ điều đó. Chúng ta có Kinh Thánh càng sát bản gốc càng tốt đúng không? Tuy nhiên bộ môn Thượng Phê Bình thì lại khác nha, bộ môn Thượng Phê Bình thì lại nói rằng kể cả là có bản gốc đi nữa vẫn có lỗi, Kinh Thánh vẫn có lỗi và đó chính là bộ môn Thượng Phê Bình và rất nhiều học giả tiếp cận theo cách này và gây tổn hại rất nhiều bởi vì họ cũng có những giả định, cũng có những thành kiến khác nhau. Nhiều người đến với Kinh Thánh và nói rằng làm gì có thể có phép lạ trong Kinh Thánh, khoa học chứng minh rằng không thể có phép lạ nên khi thấy phép lạ chẳng hạn trong Kinh Thánh thì họ coi rằng đây phải là lỗi rồi nên họ cắt bỏ phép lạ, bạn hiểu không? Chính bộ môn Thượng Phê Bình đã phá hủy niềm tin của rất nhiều người vào Kinh Thánh một cách rất ngược, và nghiên cứu Kinh Thánh theo cách đó là cách rất ngược.

Việc tìm kiếm xem có sai sót gì trong các bản sao hay không thì điều đó ổn thôi. Ví dụ chúng ta đọc trong sách I Sa-mu-ên 13:1 có nhiều bản sao, cái bản sao chúng ta có không nói rõ là Sau-lơ lên làm vua năm bao nhiêu tuổi thậm chí có bản đề là 1 tuổi chắc chắn là không đúng rồi có bản thì đề là 30 tuổi. Rõ ràng là không thể cả hai cùng đúng và chúng ta cần tìm cố gắng truy lại bản gốc xem thực

sự bản gốc nói gì. Nhưng đó là bộ môn Hạ Phê Bình để cố gắng có được bản văn càng chính xác càng tốt. Một chuyện hoàn toàn khác khi tôi hỏi rằng chúng có lỗi không khi con cá nuốt Giô-na, đây có phải cái lỗi không? Có chấp nhận được không? Nói rằng là chúng ta có văn bản từ Giô-na không? Văn bản như là Giô-na viết hay không thì là một chuyện nhưng khi nói rằng chúng ta có chấp nhận những gì sách Giô-na nói không để làm sao cho phù hợp với quan điểm khoa học hiện đại thì lại là nột chuyện hoàn toàn khác và bộ môn Thượng Phê Bình là như vậy.

Rất nhiều nhà học giả ở Đức dành rất nhiều thời gian, những nhà học giả Kinh Thánh đó dành rất nhiều thời gian để nghiên cứu Kinh Thánh nhưng không bao giờ đến Hội Thánh, họ làm điều đó giống như một bộ môn học tập mà thôi và điều này đang trở nên rất phổ biến khi đọc những câu chuyện này, cắt phần này, cắt phần kia, coi phần này chấp nhận được, phần kia không chấp nhận được.

Cách thức thần học

Nhưng cách thật sự đúng đắn mà chúng ta cần phải dùng để đọc những câu chuyện này đó là cách mà tôi gọi là cách thức Thần Học. Các bạn đừng ngại với từ Thần Học, Thần Học đơn giản là nghĩ về Đức Chúa Trời và nếu như vậy thì mỗi một người đều là nhà Thần Học cả bởi vì mỗi một người đều có những quan điểm nhất định về Đức Chúa Trời và bạn thực sự cần phải đọc những câu chuyện này, để tìm hiểu về Đức Chúa Trời. Bởi vì Ngài mới là nhân vật thực sự của những câu chuyện này, không phải Sau-lơ, không phải Đa-vít, đằng sau tất cả là Đức Chúa Trời và Ngài đang ảnh hưởng trên lịch sử. Ngài đang can thiệp vào những điểm quan trọng, Ngài sai Sa-mu-ên đến để xức dầu cho Đa-vít. Ngài đã xử lý Sau-lơ, Ngài đã xử lý Đa-vít đây là câu chuyện của Đức Chúa Trời, đây là câu chuyện như đã nói mang tính tiên tri và như vậy chúng ta cần đặt câu hỏi Đức Chúa Trời đang làm điều gì trong tất cả những điều này? Ngài có mối quan hệ như thế nào với dân của Ngài, *giao ước của Ngài có được thực hiện không? Đó là lý do tại sao chúng ta đọc toàn bộ câu chuyện này, bởi vì bạn tìm kiếm cách Đức Chúa Trời can thiệp vào lịch sử của loài người.*

Bạn thấy đó, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Hằng Sống. Cách đây nhiều năm, có một triết gia người Đức tên là Lít-Tre nói rằng*: "Chúa đã chết"* ông ấy là người Đức và ông ấy thật ra là triết gia đằng sau Lít-tre, và ông dạy rằng: *"Chúa đã chết"* khi dạy như vậy, ông không ám chỉ rằng Chúa không còn tồn tại nữa nhưng ý của ông là Chúa không còn hoạt động một cách tích cực trên thế giới ngày nay. Bởi vì, một ai đó đã chết rồi thì không còn hoạt động tích cực trên thế giới này nữa, không nghĩa là người đó không tồn tại mà đơn giản là người đó không còn hoạt động, chúng ta không nghe người đó nói gì, làm gì và Lít-tre nói rằng Chúa đã chết.

Như tôi có nghe một câu chuyện ở một trường đại học ở tại Đức, có người đề dòng chữ rằng: *"Chúa đã chết"* ký tên: Lít-tre. Có một sinh viên viết dưới đó Lít-tre đã chết, ký tên: Chúa. Đó là một sự nhắc nhở rất hoàn toàn thích hợp. Như bạn thấy đó có rất nhiều người tin rằng Chúa đã chết, không ám chỉ là Chúa không còn tồn tại nhưng Ngài không còn tích cực hoạt động trong thế giới của chúng ta. Ngài không phải là Đức Chúa Trời Hằng Sống. Như bạn thấy đó, trong suốt tất cả những câu chuyện này, cuốn sách này, bạn thấy rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Hằng Sống, đó là một trong những danh hiệu yêu thích của Đa-vít khi nói về Chúa. Chúa là Đấng đang sống, Ngài đang làm việc, Ngài đang nói trong thế giới của chúng ta.

Khi chúng ta đọc những câu chuyện này, chúng ta tìm hiểu xem Đức Chúa Trời hành xử thế nào trong thế giới của chúng ta, điều gì là quan trọng đối với Ngài, Ngài phản ứng ra sao trước hành vi của con người. Đó là lý tại sao chúng ta đọc những câu chuyện này. Đức Chúa Trời vừa khởi xướng

các sự kiện lịch sử lại vừa phản ứng lại với những điều đã xảy ra trong lịch sử. Chúng ta có thể nghiên cứu về tính cách của Ngài. Bạn có thể nghiên cứu về Sau-lơ; Đa-vít; A-bi-ga-in; An-ne nhưng suy cho cùng lý do thực sự là bạn tìm hiểu nghiên cứu về tính cách của Đức Chúa Trời không chỉ những suy nghĩ, những tư tưởng của Ngài mà cả cảm xúc của Ngài nữa, Chúa cũng có cảm xúc và bạn thấy tất cả những điều này lộ ra, điều gì khiến Chúa tức giận, điều gì khiến Chúa vui mừng và bạn tìm hiểu về tất cả những điều này và lý do duy nhất thật sự là đọc Kinh Thánh là để được biết Đức Chúa Trời, để biết Ngài là Đấng như thế nào, Ngài đánh giá ra làm sao, Ngài có cảm giác như thế nào đối với bạn.

Bởi vì Ngài cũng có cảm giác về bạn giống như Ngài đã có cảm giác với những con người này, bởi vì Ngài không thay đổi đồng thời bản chất của con người cũng không thay đổi đúng không? Chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời đã ban đất cho họ và bây giờ khi họ không vâng lời Ngài, Ngài tức giận nhưng Ngài rất kiên nhẫn, Ngài luôn chờ đợi rất lâu trước khi Ngài trừng phạt ai đó. Bạn có để ý thấy điều đó không? Ngài chậm giận, cảm ơn Chúa vì Ngài chậm giận. Bởi vì nếu mà Ngài nhanh giận thì tôi không còn ở đây để dạy các bạn buổi chiều ngày hôm nay. Đồng thời cũng chẳng có ai ngồi dưới kia để mà nghe tôi. Nên cảm ơn Chúa bởi vì Ngài chậm giận. Người ta rất thiếu kiên nhẫn với Chúa, có một nhà truyền đạo người Mỹ (...) nói rằng: *"vấn đề là tôi lúc nào cũng vội còn Chúa thì không"* mà cảm ơn Chúa vì Chúa không vội.

Chúng ta muốn loại bỏ tất cả những người ác trên thế giới này. Chúa tại sao Ngài không loại bỏ tất cả những người xấu để những người tốt như chúng con có thể tận hưởng cuộc sống. Nhưng thật ra có một sự ngộ nhận trong câu nói như thế đến mức hài hước luôn. Như tôi đã nghe rất nhiều người nói như vậy đó, bạn đã từng nghe chưa? Tại sao Chúa không khử tất cả những người xấu kia? Cứ làm như khi Chúa khử tất cả những người xấu thì họ vẫn còn sống sót. Không, nếu mà Chúa khử tất cả những người xấu đó, thì chẳng ai trong chúng ta còn lại cả. Nên cảm ơn Chúa bởi vì Ngài chậm giận, nhưng điều đó không nghĩa là Ngài sẽ không tức giận, điều đó không nghĩa là sự tức giận của Ngài không sôi sục sẽ đến lúc khi sự kiên nhẫn của Ngài đạt đến ngưỡng, khốn cho chúng ta nếu như chúng ta còn ở đây lúc điều đó xảy ra.

Chúa đã cho họ xứ sở, Ngài đã cho họ vua, trước là vị vua theo kiểu họ muốn, nhưng khi vị vua đó thất bại. Ngài đã cho họ sự lựa chọn của Ngài. Ngài đã làm rất nhiều điều cho họ nhưng cho họ vua có nghĩa và điều này có liên quan đến bài học tiếp theo của chúng ta khi học về sách Các vua. Khi cho họ vua nghĩa là tính cách của vị vua sẽ là yếu tố then chốt trong vận mệnh của dân tộc, của quốc gia. Vua xấu sẽ làm hỏng cả quốc gia. Vua tốt sẽ dẫn họ theo con đường đúng đắn.

Chúng ta học thấy điều đó ngay trong Hoàng gia Anh giờ này. Có rất nhiều điều xảy ra đúng không? Càng muốn có một vị vua tốt hay một Nữ hoàng tốt biết rằng sự ảnh hưởng của điều đó trên dân tộc là rất tốt nếu như có chế độ Hoàng gia, thì trách nhiệm khủng khiếp lớn đặt trên vua, trên Nữ hoàng để lãnh đạo theo đường lối đúng đắn, để làm gương để người ta đi theo nhưng nếu họ không được như vậy. Thì bạn có lẽ sẽ không còn muốn có chế độ Hoàng gia nữa, bởi vì họ sẽ dẫn dân đi sai lạc. Đây có một cuộc tranh luận đang diễn ra ngay giờ này. Một điều thú vị như thủ tướng mới của nước Úc, là người không theo trường phái Cộng Hòa giống như cựu thủ tướng (...) khi lập lời thề trung thành với Nữ Hoàng của chúng ta trong tuần này. Ông bỏ đi phần lời thề, nói rằng trung thành với Nữ Hoàng người thừa kế, người kế vị của Nữ Hoàng và ông không nói điều đó. Ông thề trung thành với Nữ Hoàng nhưng không với người thừa kế, với người kế vị của Nữ Hoàng. Đó là mối nguy của việc có một chế độ Hoàng gia.

Nhưng có rất nhiều điều tốt nhưng đồng thời cũng nghĩa là họ có một ảnh hưởng rất lớn trong chế độ Cộng Hòa Liên Bang thì điều đó sẽ không xảy ra và họ đã thay đổi. Sau-lơ; Đa-vít và Sa-lô-môn mỗi người đều trị vì trong 40 năm nhưng đỉnh cao của Đa-vít tiếp theo là sự sa sút và chính Đức Chúa Trời đã cho phép điều đó xảy ra. Đa-vít để lại một tấm gương lấy nhiều vợ cho Sa-lô-môn, để lại một dân tộc đã có mầm móng của sự chia rẻ, có một sự căng thẳng lớn giữa các chi phái ở Miền Bắc và Miền Nam. Bởi vì Giê-ru-sa-lem ở Miền Nam, tiền được chi nhiều tại Miền Nam, Miền Nam thường thường cứ thạnh vượng hơn Miền Bắc.Các bạn có thấy lạ không? Hơi giống với chúng ta nhờ!

Trên hết cả trước khi tôi kết thúc tôi phải nói với bạn điều này. Đó là Đức Chúa Trời đã lập một giao ước đặc biệt với Đa-vít. Vào lần đầu tiên Ngài lập giao ước với Áp-ra-ham và với Môi-se. Bây giờ Ngài lập một giao ước khác với Đa-vít. Đây là điều quan trọng và then chốt trong sách I Sa-mu-ên và II. Đa-vít muốn xây một tòa nhà cho Chúa, có lẽ Đa-vít cũng hơi ngại bởi vì đã xây một cung điện rất nguy nga cho mình trong khi Hòm Giao Ước của Chúa thì ở trong lều trại. Nên Đa-vít, chúng ta có thể hiểu là cảm thấy rất ngại và Đa-vít nói rằng: "Chúa ơi, con sẽ xây một cái nhà lớn cho Chúa." Có 3 thông điệp của tiên tri Na-than với Đa-vít. Thông điệp thứ nhất là: *"Hãy làm đi,"* thông điệp thứ hai là *"đừng làm nữa"* có vẻ như Chúa can thiệp vào chuyện này và theo suy nghĩ của Ngài thì đó là lều trại cũng đã đủ tốt cho Ngài rồi. Ta có bao giờ đòi hỏi ngươi phải xây cho Ta một cung điện bằng đá không? Thật là thú vị phải không? Tại sao ngươi muốn xây một cái nhà cho Ta? Ta đã luôn sống ở trong lều trại, Ta không muốn cái gì hơn. Điều đó hẳn cũng khiến Đa-vít bị đụng chạm, ông đã xây một tòa nhà một cung điện rất lớn cho mình.

Điều thứ 3, "*Ta sẽ không cho phép con xây, Đa-vít. Bởi vì con đã đổ nhiều máu, nhưng con trai của con Sa-lô-môn người của sự bình an"* bởi vì Sa-lô-môn không phải tham gia chiến trận nào cả. Ông đã được thừa kế sự hòa bình từ người cha của mình và sau đó là giao ước. Đức Chúa Trời nói rằng: *"Đa-vít, Ta sẽ đối xử với con của con như con của Ta, Ta sẽ sửa phạt nó nhưng sẽ không bao giờ ngừng yêu thương nó"* một cụm từ thật là thú vị và sau đó là lời hứa rất vĩ đại này *"nhà của con, vương quốc của con, sẽ còn mãi trước mặt Ta cho đến đời đời, ngôi của con sẽ được vững lập cho đến đời đời. Ta sẽ xây một nhà đời cho ngươi hỡi Đa-vít, ngươi muốn xây một cái nhà cho Ta à? Vì chính Ta sẽ xây nhà cho con"* và đó sẽ là nhà, sẽ là gia tộc, đó sẽ là nhà của Hoàng Gia.

Một lý do tại sao từ đó trở đi dòng dõi của Đa-vít luôn ghi chép cẩn thận gia phả của họ vì họ đang đợi người con trai của Đa-vít. Thật vậy trong nhiều thế kỷ trước khi Chúa Giê-su được sinh ra, khi một bé trai được sinh ra, người cha lao ra ngoài đường phố và nói lên hét lên Đa-uy; Đa-uy đó là con trai là con trai và đặt tên là Đa-vít.

Vào ngày kỷ niệm 25 năm ngày cưới, vợ tôi đã trao cho tôi một chiếc nhẫn do một người Do Thái nhỏ bé ở khu phố cổ Giê-ru-sa-lem làm, và trên chiếc nhẫn đó có ba chữ cái tiếng Do Thái nghĩa là Đa-uy, họ bởi vì họ không có nguyên âm, và vợ tôi tặng để nhắc nhở tôi rằng tôi là người gác tường thành Đa-uy. Đó là cách họ thông báo về việc sinh ra cùng bé trai Đa-uy, đó là một bé trai và có thể là Đa-vít và trong hàng trăm năm, họ đã làm điều đó.

1000 năm sau, giao ước này đã được hoàn thành, lời hứa đã được ứng nghiệm và Chúa Giê-su đã được sinh ra từ một cặp vợ chồng khiêm hạ như họ đã giữ gia phả trong gia đình và điều rất thú vị đó là cả Giô-sép và Ma-ri đều là dòng dõi trực tiếp từ vua Đa-vít. Về pháp lý thì Chúa Giê-su là con trai của Đa-vít qua Giô-sép là cha. Bởi vì về mặt pháp lý thì thừa kế từ cha nhưng về mặc thể lý thì Chúa Giê-su là dòng dõi của Ma-ri và cũng là dòng dõi của Đa-vít. Như vậy Chúa Giê-su là dòng dõi của

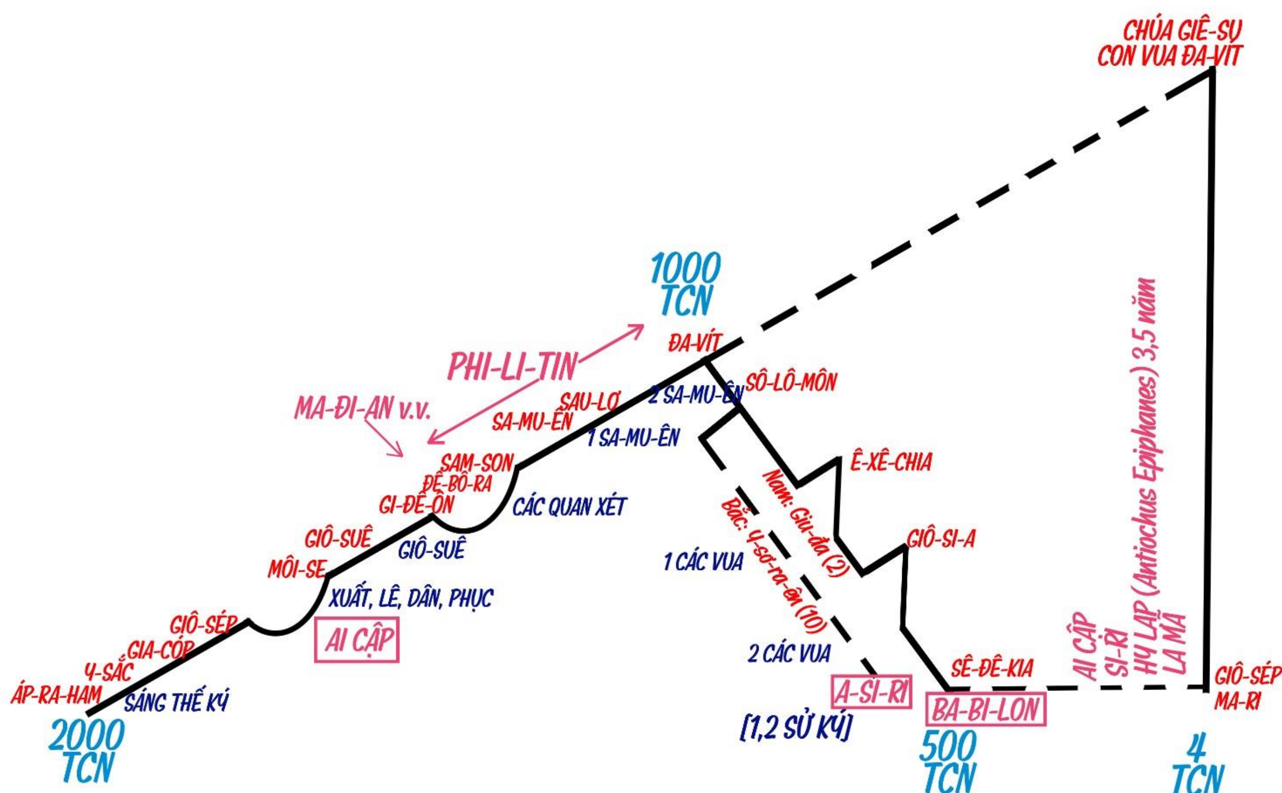
Đa-vít đến 2 lần và rất nhiều khi, bạn thấy đó Chúa Giê-su được gọi là con của vua Đa-vít, và trong cuộc đời của Ngài, Ngài được gọi như vậy rất thú vị, rất nhiều khi Ngài được gọi là con của Đa-vít khi Ngài cỡi lừa vào thành Giê-ru-sa-lem người ta hô lên: *"Hô-sa-na, Con vua Đa-vít"* và rất nhiều người đã gọi Ngài như vậy. Ngài là con của Đa-vít, đây có phải là con của Đa-vít sao? Dòng dõi của Đa-vít, Ngài được sinh ra và Ngài chết dưới danh hiệu là vua của người Do Thái, và Ngài vẫn đang trị vì. Không phải chỉ trên Y-sơ-ra-ên mà trên tất cả (...) mọi quyền trên trời và dưới đất đều đã được giao cho con của Đa-vít và sẽ luôn ở trong tay của Ngài. Bởi vì Đức Chúa Trời giữ giao ước với Đa-vít và con trai của Đa-vít, thật thú vị phải không?

Khi Chúa hứa một điều gì đó, Ngài giữ lời, Ngài không bao giờ nói dối và Ngài đã lập giao ước đấy với Đa-vít rằng*: "Một Con trai của Đa-vít sẽ ngồi trên ngai vàng mãi mãi"* Chúa Giê-su là vua của người Do Thái, được sinh ra và chết như vua của người Do Thái nhưng Ngài còn là vua của Hội Thánh, Ngài còn là vua của chúng ta và Ngài cần phải là Đấng cai trị Hội Thánh. Tôi cảm thấy nhiều khi Ngài phải kêu lên rằng hãy trả Hội Thánh cho Ta. Nhưng có một ngày Ngài sẽ là vua của cả thế giới, Ngài sẽ trở lại để trị vì ở Giê-ru-sa-lem với tư cách là con của vua Đa-vít. Câu hỏi cuối cùng mà các môn đồ hỏi Chúa Giê-su trước khi Ngài thăng thiên đó là "*Ngài có định phục hồi lại vương quốc Y-sơ-ra-ên vào lúc này không?*" Ngài không nói rằng đó là câu hỏi thật là ngu ngốc, thật là ngớ ngẩn. Ngài chỉ nói rằng: *"không phải việc của các ngươi để biết thì giờ mà Cha đã ấn định."* Điều đó nghĩa là điều đó sẽ xảy ra, sẽ có một ngày Chúa Giê-su sẽ trị vì trên đất với tư cách là vua của dân Do Thái nhưng Ngài cũng sẽ trị vì trên toàn thế giới và điều thú vị hơn nữa, đó là chúng ta sẽ được cùng cai trị cùng với Ngài và tất cả những điều đó ra từ sách Sa-mu-ên và giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với Đa-vít và tương lai của chúng ta gắn liền với giao ước đó.

Đó là lý do tại sao chúng ta nên đọc những cuốn sách này những câu chuyện rất hay nghiên cứu nhân vật cũng rất hữu ích nhưng cách tốt nhất để đọc những câu chuyện này là đọc để tìm hiểu xem Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào. Bởi vì Ngài cũng là Đức Chúa Trời mà chúng ta đang có mối quan hệ cùng và chúng ta là dân của Ngài qua con của Đa-vít, Chúa Giê-su Christ, Chúa của chúng ta. A-men.

SÁCH 1 & 2 CÁC VUA - Phần 1

Tôi phải thú nhận một điều ấy là thời còn đi học, tôi ghét môn lịch sử. Thầy dạy tôi là một cha xứ về hưu, ông ấy khiến nó trở nên buồn tẻ và nhạt nhẽo hơn tất cả các môn khác. Chỉ có ngày tháng, các trận đánh, rồi các vua và hoàng hậu. Các bạn có thể không? Tất cả đều có vẻ rất phức tạp và không liên quan lắm; học tất cả những cái đó để làm gì, để áp dụng vào cái gì ngoài việc thi cho qua môn? Và rút cục thì hiểu biết lịch sử của tôi chỉ ở tầm cuốn "Năm 1066 và chỉ vậy" (một cuốn sách giản lược về lịch sử Anh). Bạn đã bao giờ đọc cuốn đó chưa, mọi thứ trong đó hoặc là tốt, hoặc là xấu? Thú vị ở chỗ là sách Các vua rất giống như vậy, Các vị vua hoặc là rất tốt, hoặc là rất xấu, bạn thấy đó. Ông này là một vị vua tốt, ông kia là một vị vua xấu. Phần đa Kinh Thánh - tất nhiên rồi - là lịch sử, nhưng là lịch sử của chỉ một quốc gia. Không có lịch sử của Trung Quốc hay Ấn Độ; càng không có Hoa Kỳ; đó chỉ là lịch sử của một dân tộc vì Đức Chúa Trời coi trọng chính lịch sử của họ. Lịch sử khác có thể thú vị, nhưng hẳn rồi, lịch sử này đóng vai trò sống còn với toàn nhân loại.



Chúng ta đang ở giai đoạn lãnh đạo thứ hai của Y-sơ-ra-ên, nhưng ở đây tôi có một biểu đồ, tôi muốn chỉ cho các bạn thấy. Đây là năm 2000 TCN. Đây là năm 1000 TCN và đây là năm 500 TCN. Họ mất 1000 năm từ Áp-ra-ham tới Đa-vít để giành được mọi thứ mà Chúa muốn họ có được. Họ có vài đoạn chùng xuống, chẳng hạn như họ làm nô lệ tại Ai Cập trong 400 năm và thậm chí sau khi vào xứ hứa, họ vẫn chịu nhiều cuộc tấn công từ dân Ma-đi-an và các dân khác; có những bước thụt lùi thật sự, nhưng họ đã tiếp tục và dần bước vào đế chế do Vua Đa-vít trị vì. Các sách trong Kinh Thánh bao trùm lịch sử này là Sáng Thế Ký, rồi cả bốn Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký, Phục truyền; rồi Giô-suê, Các quan xét, Ru-tơ, 1 Sa-mu-ên và 2 Sa-mu-ên. Nhưng với Các vua, chúng ta đang xuống dốc. Cả hai sách Các vua mô tả cách họ đánh mất tất cả những gì đã giành được trong 1000 năm, cách họ mất mọi thứ và lao xuống dốc. Không lâu sau thời Sa-lô-môn, nội chiến đã xảy ra và đất nước bị chia cắt thành mười chi phái phía bắc và hai chi phái phía nam.

Từ đó, họ không bao giờ hợp nhất trở lại, nên giờ đây không còn là một dân tộc Y-sơ-ra-ên nữa. Mười chi phái phía bắc giữ tên Y-sơ-ra-ên vì họ có mười chi phái, và hai chi phái phía nam đặt cho mình cái tên Giu-đa vì Giu-đa là chi phái lớn, Bên-gia-min thì còn rất ít, như vậy là có nội chiến. Mười chi phái phía bắc cứ thế lao dần xuống dốc cho tới khi cuối cùng, cả mười chi phái bị đày sang A-si-ri. Tuy nhiên, ở phía nam, họ có vài đoạn ngoi lên, còn ở kia là vài đoạn chùng xuống. Cụ thể là có vài đoạn dưới thời trị vì của một vị vua rất tốt, Ê-xê-chia và một vị vua thiếu niên bắt đầu trị vì khi mới lên tám, Giô-si-a, nhưng điều đó không ngăn hẳn được chiều hướng đi xuống. Cuối cùng thì hai chi phái đó bị đày sang Ba-by-lôn. Họ đã kết thúc đúng chỗ họ bắt đầu. Ở đây thì họ làm nô lệ tại Ai Cập, giờ thì họ bị đày sang A-si-ri và Ba-by-lôn. Đó là một câu chuyện bi thảm.

Một trong những mục đích chính của việc đọc sách là điều này cũng có thể xảy đến với hội thánh - và nó có xảy đến. Anh có thể đạt được mọi thứ và anh có thể đánh mất mọi thứ, và dường như anh đánh mất chúng nhanh hơn là đạt được chúng. Chúng ta rất cần nghiên cứu tại sao họ lại đánh mất mọi thứ, điều gì khiến họ xuống dốc. Để hoàn thiện biểu đồ nhỏ này thì họ có quay trở lại sau 70 năm nhưng họ không bao giờ giành lại được tự do. Sau đó họ nằm dưới sự trị vì của các thầy tế lễ thay vì các tiên tri hay vua chúa, và họ bị người Ai Cập, người Si-ri, người Hy Lạp chiếm đóng. Họ có khoảng thời gian khủng khiếp dưới ách của một người Hy Lạp tên là Antiochus Epiphanes trong ba năm rưỡi. Ông ta thực hiện những điều khủng khiếp nhất, ông ta dâng lợn làm sinh tế trên bàn thờ. Dựng tượng thần Dớt trong đền thờ và biến phòng mặc áo lễ thành nhà chứa và ông ta là hình ảnh của Antichrist. Ông ta là người cai trị tệ nhất mà họ từng có. Cuối cùng là người La Mã và rồi bạn có con vua Đa-vít, Chúa Giê-su, vì Giô-sép và Ma-ri giữ cây gia phả và họ là dòng dõi của Vua Đa-vít. Như vậy, xét trên một khía cạnh, chúng ta có sự làm trọn của một ngàn năm, 500 năm, một ngàn năm sau khi Chúa Giê-su, con vua Đa-vít đến. Cái này chỉ để cho bạn biết chúng ta đang ở đâu khi nghiên cứu sách Các vua. Chúng ta đã nghiên cứu Sa-mu-ên và điều đó đưa chúng ta lên đến đỉnh, nhưng giờ đây, Các vua bao trùm từ đây xuống tận đó. 500 năm nhưng ôi, thật là một câu chuyện buồn.

HISTORY OF ISRAEL

THREE PHASES, LED BY:

PROPHETS ~ Moses to Samuel
KINGS ~ Saul to Zedekiah
PRIESTS ~ Zerubbabel to Caiaphas

"KINGDOM(S) OF ISRAEL"
COVERED BY FOUR BOOKS

I SAMUEL ~ Samuel to David
II SAMUEL ~ David
I KINGS ~ Solomon to Ahab
II KINGS ~ Ahab to Zedekiah

TWO BOOKS IN HEBREW
FOUR BOOKS IN GREEK (LXX) "Kingdoms"

IN HEBREW SCRIPTURES
NOT 'HISTORY'
BUT 'PROPHECY' (Law, Prophets, Writings)
"FORMER PROPHETS"
(JOSHUA, JUDGES, SAMUEL, KINGS)
"LATTER PROPHETS"
(ISAIAH, JEREMIAH, EZEKIEL + TWELVE)

Hãy quay trở về trước một chút. Tôi đã nói rằng sự lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên trải qua những giai đoạn khác nhau. Đầu tiên là có các tổ phụ trong khoảng 500 năm, rồi đến các tiên tri từ Môi-se đến Sa-mu-ên lãnh đạo họ. Rồi đến các vua từ Sau-lơ đến Sê-đê-kia và sau khi họ trở lại là các thầy tế lễ

- chỗ đó phải là Giê-hô-sua chứ không phải Xô-rô-ba-bên, đó là thầy tế lễ Giê-hô-sua, cho đến An-ne và Cai-phe. Như vậy, chúng ta đang xét đến câu chuyện về vương quốc Y-sơ-ra-ên trong sách Các vua - khi họ được các vị vua lãnh đạo. Nhưng trong tiếng Hê-bơ-rơ, sách được gọi là Các vương quốc của Y-sơ-ra-ên chứ không phải là Các vua. Tiếng Anh hay tiếng Việt là sách Các vua, nhưng tiếng Hê-bơ-rơ là sách Các vương quốc và bởi vì từ vương quốc mang một nghĩa đặc biệt trong tiếng Hê-bơ-rơ, nghĩa này không có trong tiếng Anh hay tiếng Việt. Trong tiếng Anh hay tiếng Việt, một vương quốc nghĩa là một mảnh đất, một địa hạt, như chúng tôi thuộc Vương quốc Anh hay Vương quốc Hiệp nhất. Tôi phải thông tin với bạn là nó không hiệp nhất, cũng chẳng phải là vương quốc, còn lại thì nó cũng không phải là một cái tên tồi. Nhưng chúng ta có xu hướng nghĩ về nó như một thứ trên bản đồ. Với người Hê-bơ-rơ thì vương quốc là một triều đại chứ không phải là một địa hạt. Đó là điều được định nghĩa theo thẩm quyền chứ không theo khu vực. Về bản chất, đó là mức độ quyền lực chứ không phải là số tài sản của một vị vua; và khi nói đến Vương quốc Đức Chúa Trời, chúng ta không nói về nơi chốn mà nói về quyền năng, chúng ta nói đến một triều đại, hay một sự trị vì.

Tất nhiên, người Anh chúng tôi phức tạp ở chỗ chúng tôi thuộc chế độ quân chủ lập hiến, trong đó Nữ hoàng trị vì, nhưng không cai trị; John Major mới đang cai trị. Như vậy là chúng ta đã cướp mất quyền cai trị của ngôi vương và vì vậy, ngôi vương có rất ít quyền lực tại Anh. Tuy nhiên, ưu điểm lớn của điều này là nó không cho quyền lực rơi vào tay những người khác, như vậy là lực lượng vũ trang và các tòa án không trực thuộc sự quản lý của chính phủ nhưng chịu trách nhiệm với Nữ Hoàng. Điều đó giữ cho quyền lực không rơi vào tay các chính trị gia quá nhiều. Như vậy là nền quân chủ của chúng ta không nắm quá nhiều quyền lực, nhưng nó giữ cho quyền lực không bị tập trung quá. Các bạn có nắm được không? Nhưng trong một Vương quốc thực thụ thì nhà vua có quyền lực tuyệt đối, Ngài lập ra luật pháp. Không nghị viện, không bỏ phiếu, không có các đảng đối lập, nhà vua cai trị và Ngài cai trị bằng sắc lệnh chứ không bằng tranh luận. Ngài lập ra luật pháp, và mọi người đều phải phục tùng. Bạn có muốn sống trong một vương quốc không? Bạn có ước rằng một người sẽ cai trị nước Anh và lập ra mọi luật pháp, không có nghị viện, không bầu cử, không bỏ phiếu không? Bạn không chắc lắm. Tôi có thể thuyết phục bạn trong hai phút.

Nếu tôi có thể tìm được một vị vua thích hợp - Ngài hoàn toàn công chính, hy sinh đời mình vì thần dân, không để ai bị nghèo đói và ốm đau mà không được chăm sóc, giờ thì bạn có muốn ở trong vương quốc không? Bạn thấy đó, vương quốc hoàn toàn phụ thuộc vào tính cách của vị vua. Nếu bạn có một vị vua tốt thì đến nay, vương quốc đó là dạng thức chính phủ lý tưởng nhất, nhưng nếu bạn có một ông vua tồi thì đó là dạng thức tệ hơn cả. Thế nên chúng ta mới thích chế độ dân chủ hơn vì nó không cho người nào nắm nhiều quyền lực đến vậy. Nhưng như Churchill nói: “chế độ dân chủ là dạng thức chính phủ tệ nhất, trừ tất cả các dạng thức khác ra.” Ý ông muốn nói đó có thể là dạng thức an toàn nhất, vì cái khó là ở chỗ, khi bạn đọc lịch sử sẽ thấy số vua xấu nhiều gấp chục lần số vua tốt. Nhà sử học Lord Acton nói “quyền lực có xu hướng tha hóa và quyền lực tuyệt đối có xu hướng tha hóa hoàn toàn,” và khi bạn đặt mọi quyền lực vào tay một người thì bạn có thể đi lạc rất xa vì anh ta có thể bị quyền lực đó làm cho tha hóa. Giờ thì chúng ta gọi đó là chế độ độc tài, nhưng vương quốc đã từng là như vậy.

Nên chúng ta cần hiểu tên Hê-bơ-rơ cho hai sách này là Các vương quốc của Y-sơ-ra-ên và vương quốc là sự cai trị của một người, vương quốc của anh ta chấm dứt khi anh ta chấm dứt, và một vương quốc khác bắt đầu. Như vậy, chúng ta thì nói về Vương quốc Y-sơ-ra-ên còn họ nói về các vương quốc - số nhiều - của Y-sơ-ra-ên, từ vương quốc này sang vương quốc khác. Tôi muốn đề cập đến điều đó vì nếu bạn muốn hiểu cụm Vương quốc Đức Chúa Trời thì đó là nền tảng. Bạn sẽ không thể

hiểu được nó nhờ cụm Vương quốc Hiệp nhất, hay Vương quốc Anh, nhưng bạn cần hiểu được nó nhờ sách Các vua.

Vậy là tính cách của vị vua và cách ông ta hành xử quyết định vận mệnh của đất nước. Khi Y-sơ-ra-ên chưa có vua thì các sách lịch sử nói về những gì dân sự làm; nhưng ngay sau khi họ có vua, các sách lịch sử chỉ nói về những gì vị vua làm. Vì bạn có thể mặc định rằng vua làm gì thì dân làm nấy, họ làm theo ông và ông sẽ nói: Đây là luật pháp ta, các ngươi liệu mà làm theo! Nhưng vậy là họ làm theo vua, và tính cách của ông là yếu tố quan trọng nhất. Nếu vua tốt thì họ được thái bình, nếu vua xấu thì họ phải đối mặt với chiến tranh.

Như vậy, sách Các vua nhấn mạnh vào người cai trị: Ông ta đã làm gì? Ông ta là một ông vua tốt hay xấu? Điều đó được đo bằng một tiêu chuẩn duy nhất - Đa-vít. Nếu giống với Đa-vít thì ông ta là một vị vua tốt. Nếu không giống với Đa-vít thì ông ta là một vị vua tồi. Đa-vít trở thành một dạng thước đo, chủ yếu là những năm trước khi sa sút, và dân sự xem rằng người này có giống Đa-vít không? Ông ta có sống giống như ông cha mình là Đa-vít không? Họ đã đánh giá theo cách đó. Nhưng đằng sau đó là một lý do sâu sắc hơn. Nếu sống giống như Đa-vít thì họ đã làm điều đúng đắn trong mắt Đức Giê-hô-va; nếu không thì họ đã làm điều gian ác trong mắt Đức Giê-hô-va và khi bạn đọc Các vua thì rất đơn giản, họ là những vị vua hoặc tốt, hoặc xấu. Tôi đã kể với bạn rằng người ta đến nói cùng Sa-mu-ên là họ muốn có vua, và ông bảo họ rằng có vua là phải trả giá.

Thực ra ông đã cố gắng nói rằng các ngươi đã có Vua rồi, Chúa là Vua của các ngươi. Bạn có biết rằng mãi từ thời Các quan xét, khi Ghi-đê-ôn đánh bại dân Ma-đi-an, họ đến với Ghi-đê-ôn và nói: Chúng tôi muốn ông làm vua trên chúng tôi và bắt đầu một triều đại. Chúng tôi muốn con trai ông thừa kế ngai vàng sau ông, rồi đến cháu trai ông. Chúng tôi muốn có vua. Ghi-đê-ôn rất khôn ngoan. Ghi-đê-ôn nói: Ta sẽ không làm vua trên các ngươi; các ngươi đã có vua rồi, Đức Chúa Trời là Vua của các ngươi. Nhưng tôi e rằng sau đó, họ đổi ý và họ có các vua trên mình.

Rất thú vị ở chỗ, đây không phải là một cuốn lịch sử theo nghĩa thông thường, vì tỉ lệ số trang dành cho mỗi vị vua khác nhau rất nhiều. Chẳng hạn, có một vị vua tên Ôm-ri ở phía bắc đã trị vì một cách xuất chúng; về mặt chính trị thì ông ta là một thiên tài. Ông đã phát triển kinh tế cho họ, làm những điều lớn lao...ông là một vị vua hùng mạnh; thế nhưng sách Các vua lại chỉ nhắc qua đến ông trong bảy câu. Vì dù có làm vua hiệu quả đến đâu nhưng ông lại làm điều ác trong mắt Đức Giê-hô-va. Như vậy, trong mắt Chúa, dù ông ta có những thành tựu lớn lao cũng không ích gì. Đó là cách Chúa đánh giá các thủ tướng. Họ có thể đạt được những điều lớn lao, nhưng Chúa lại không nhìn vào điều đó. Ngài xét xem người đó đã sống như thế nào, tin vào điều gì, hành xử ra sao? Vị vua khác lại được nhắc đến trong nhiều chương - và tỉ lệ này cho bạn biết rất nhiều điều về quan điểm của Chúa.

Tất nhiên là dựa trên lịch sử, nhưng có chọn lọc. Không lịch sử nào là khách quan cả. Bất cứ ai ngồi xuống để viết lịch sử đều làm ba điều: Một là họ lựa chọn. Chọn lựa là điều đầu tiên họ cần phải làm; nghĩa là trong số mọi điều đã xảy ra, họ chọn ra điều mà họ cho là quan trọng. Bước tiếp theo của một nhà sử học là kết nối. Sau đó, anh ta phải thể hiện xem những điều mình chọn kết nối với nhau như thế nào, điều này dẫn đến điều kia ra sao. Bước thứ ba là giải thích tại sao điều này dẫn đến điều kia. Như vậy, mọi nhà sử học đều trải qua ba bước lựa chọn, kết nối và giải thích này.

Vì vậy, anh ta hoàn toàn bị chi phối bởi những điều mà anh ta cho là quan trọng, và cách anh ta nghĩ chúng kết nối với nhau, và tại sao anh ta cho rằng A dẫn đến B, dẫn đến C. ở đây, chúng ta có - không phải lịch sử khách quan, không có thứ như vậy - chúng ta có lịch sử chủ quan, nhưng do Chúa

viết ra. Thế nên như tôi đã nói với bạn, trong Cựu Ước, sách Sa-mu-ên và Các vua được gọi là Các tiên tri hay ngôn sứ thời đầu, cùng với Giô-suê và Các quan xét vì đây là lịch sử do các tiên tri viết ra, viết từ quan điểm tiên tri, từ góc nhìn của Chúa; và chính Chúa là Đấng lựa chọn điều quan trọng. Chính Chúa kết nối mọi thứ lại, chính Chúa giải thích tại sao mọi điều xảy ra và trở nên như chúng có.

Như vậy, thực ra chúng ta đang không đọc lịch sử mà đang đọc sách tiên tri, và sách nằm ở phần thứ hai của Kinh Cựu Ước Do Thái. Họ có Luật Pháp là năm sách đầu, Luật của Môi-se, các Tiên tri hay Ngôn sứ, cả các tiên tri thời đầu và tiên tri thời sau, và Các sách văn chương, một kiểu tuyển tập hỗn độn tất cả các sách khác như Thi Thiên và Châm ngôn. Họ có các Tiên tri thời sau là Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, và 12 Tiểu tiên tri. Chúng ta có xu hướng gọi các sách này là lịch sử và các sách kia là tiên tri, nhưng họ khôn ngoan hơn. Người Do Thái nói: không, đây là Các tiên tri thời đầu và Các tiên tri thời sau - các bạn hiểu không?

Chúng ta đang nghiên cứu lịch sử của Vương quốc Y-sơ-ra-ên. Đây là lịch sử thánh, là lịch sử có bài học, một bản tường thuật có thông điệp. Đó không chỉ là bài học về lịch sử, nhưng là bài học từ lịch sử. Hai điều đó rất khác nhau. Có người nói: Sử kia phải lặp lại thôi, vì đời đâu có ai thời lắng nghe. Những người khác thì nói rằng nếu anh quên đi quá khứ thì anh buộc phải lặp lại nó. Thế nên lịch sử mới quan trọng - vì nếu không thì chúng ta sẽ phạm những sai lầm giống như vậy và không học được gì; thế nên chúng ta mới đọc lịch sử này. Sách nói về lịch sử, một bài học từ lịch sử và có một khuôn mẫu rất rõ ràng. Nếu cộng các triều đại hoặc theo cách nói của người Do Thái là Vương quốc của từng vua lại thì bạn sẽ thấy một thực tế đáng kinh ngạc. Hãy cộng các năm lại với nhau và chia cho số vua, bạn sẽ thấy điều này, rằng trung bình, mọi vị vua tốt cai trị trong 33 năm. Điều đó không thú vị sao? Nhưng trung bình, mọi vị vua xấu cai trị trong 11 năm.

Lịch sử vận hành theo cách đó. Nhìn chung, bạn sẽ thấy trong lịch sử, các chính quyền tốt tồn tại lâu hơn các chính quyền xấu. Những người cai trị tốt tồn tại lâu hơn những người xấu, nếu bạn chia trung bình ra. Điều đó thể hiện rằng Chúa nắm giữ lịch sử. Đúng là chúng ta sống trong một vũ trụ đạo đức. Những người cai trị xấu dường như ngắn ngủi hơn. Trong trường hợp này là ngắn hơn một phần ba. Nếu trung bình những vị vua tốt cai trị 33 năm và trung bình những vị vua xấu cai trị 11 năm, thì điều đó đang nói rất đơn giản rằng Chúa sẽ giữ những vị vua tốt trên ngôi lâu gấp ba lần những ông vua xấu, đúng không? Thế nên sách mới cho chúng ta biết từng vua cai trị trong bao lâu, để bạn có thể nghiệm ra tất cả những điều này. Nghĩa là khi đọc sách Các vua, bạn thật sự cần tự cộng tổng và tư duy một chút về những gì bạn đang đọc. Nếu không thì đó chỉ là: Ôi, ông này cai trị 30 năm, ông kia cai trị 15 năm và bạn bảo: Sao chán thế! Không đâu; sách hấp dẫn đấy chứ! Bạn thấy đó, khi tính toán về mặt toán học, bạn thấy rằng Chúa nắm giữ lịch sử và xuyên suốt lịch sử, điều này vẫn đúng. Những nền văn minh tốt tồn tại lâu hơn những cái xấu vì Chúa ở trên ngai.

Vương quốc Y-sơ-ra-ên - theo cách gọi của chúng ta - trải qua ba giai đoạn. Đầu tiên là vương quốc hợp nhất và có ba vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên, cả 12 chi phái, nhưng chỉ có 3 vua. Một là Sau-lơ, ông này xấu, hai là Đa-vít, ông này tốt, ba là Sa-lô-môn, ông này vừa tốt vừa xấu, nhưng thực tế, Chúa ban cho Y-sơ-ra-ên Hợp nhất ba triều đại, mỗi triều đại đúng 40 năm. Điều này rất quan trọng vì 40 luôn là con số Chúa dùng để thử con người. 40 ngày trong đồng vắng, 40 năm trong đồng vắng, 40 là con số Chúa dùng để - dùng từ gì thì hợp nhỉ - trước khi Ngài phê chuẩn hoặc phản đối, đó là thời kỳ thử thách. 40 năm là một thời kỳ thử thách trong mắt Chúa, như vậy, khi tất cả các chi phái này sát cánh với nhau, Chúa cho ba vị vua này một thời kỳ thử thách trọn vẹn. Đây là bài kiểm

tra vương quyền, nhưng tôi e rằng họ đã trượt. Cả ba người đều khởi đầu tốt, cả ba người đều kết thúc tệ hại, thế nhưng một trong số đó vẫn là "một người đẹp lòng Ngài," nhưng không ai tốt suốt 40 năm, nên vương quốc hợp nhất đã tan rã. 1 Sa-mu-ên bao trùm 40 năm của Sau-lơ; 2 Sa-mu-ên bao trùm 40 năm của Đa-vít và 1 Các vua 1-10 bao trùm 40 năm của Sa-lô-môn.

KINGDOM OF ISRAEL

1. UNITED KINGDOM
   SAUL 40 (I Samuel)
   DAVID 40 (II Samuel)
   SOLOMON 40 (I Kings 1-10)
2. DIVIDED KINGDOM
   JUDAH - 2 TRIBES IN SOUTH
   ISRAEL - 10 TRIBES IN NORTH
   WAR 80 (I 12-16)
   PEACE 80 (I 16 - II 10) ELIJAH (I 17 - II 2)
   ELISHA (I 19 - II 9)
   WAR 50 (II 11-17)
   ISRAEL TO ASSYRIA 721 BC
3. SINGLE KINGDOM
   JUDAH ("Jew") 140 (II 18-25)
   JUDAH TO BABYLON 587 BC.

Ngay sau khi Sa-lô-môn qua đời, phía bắc và phía nam chia cắt và xảy ra nội chiến. Căng thẳng ngày càng gia tăng, như tôi đã nói từ trước, vì mọi sự thịnh vượng dường như ở phía nam, quanh thủ đô, và mọi sự nghèo đói dường như tấn công phía bắc và ở phía bắc, người ta rất hay phàn nàn rằng chính quyền tại Giê-ru-sa-lem chỉ quan tâm đến phía đông bắc - xin lỗi nhé! Bạn hiểu ý tôi chứ? Chúng ta biết quá rõ điều này, vua và chính quyền ở đâu thì nơi đó thịnh vượng hơn và được quan tâm nhiều hơn.

Như vậy, ngay sau khi Sa-lô-môn qua đời, không ai có thể giữ sự hiệp nhất giữa 12 chi phái nữa. Hai chi phái ở phía nam; họ giữ kinh đô và dòng dõi hoàng gia. Mười chi phái phía bắc mất cả hai, nên họ không có nơi thờ phượng và họ không có dòng dõi hoàng gia của Vua Đa-vít, vậy họ đã làm gì? Họ đã lập nên các trung tâm thờ phượng riêng của mình, hai trung tâm - Bê-tên và Đan, và đưa ra một vật gì đó để thu hút sự chú ý của dân sự, và họ dựng hai con bò vàng lớn tại Bê-tên và Đan, và họ đã chọn ra vị vua của riêng mình, một người tên Giê-rô-bô-am.

Thật thú vị, tôi có con ấn của Giê-rô-bô-am, đây, trên đây có hình con sư tử, đó luôn là biểu tượng của Y-sơ-ra-ên và có tên Giê-rô-bô-am. Con ấn này chỉ là bản sao thôi, nhưng nó được khai quật tại Mê-ghi-đô, đây chính là con ấn của người mà họ đã chọn, Giê-rô-bô-am; và ông ta không thuộc dòng dõi hoàng gia của Đa-vít. Từ đó trở đi, ở phía bắc, triều đại này tiếp nối triều đại khác. Họ có ám sát, có đảo chính, có chiếm cứ, đó là một câu chuyện rất buồn. Như vậy, họ có các trung tâm thờ phượng với những con bò vàng, và họ có các vị vua, thường là tự xưng; vị này giết vị trước, và câu chuyện ở phía bắc thực sự rất đáng buồn.

Hơn nữa, trong 80 năm sau sự chia tách, phía bắc và phía nam tranh chiến với nhau. Thực tế, có lần các chi phái phía bắc lập hiệp ước với Si-ri và Đa-mách để xóa sổ hai chi phái nhỏ phía nam. Đó là trong thời Ê-sai và bạn có thể đọc về điều đó trong Ê-sai. Họ có 80 năm chiến tranh, họ có chút hòa bình, 80 năm hòa bình. Để ý rằng những 80 năm này gấp đôi 40 năm, nhưng họ có một thời kỳ hòa

bình giữa phía bắc và phía nam, nhưng chính trong thời kỳ hòa bình, Chúa đã sai hai tiên tri là những người đóng vai trò rất lớn trong sách Các vua.

Ê-li trong 1 Các vua 17 và 2 Các vua chương 2, và Ê-li-sê sau ông. Bạn có thể thấy rằng hai tiên tri này cực kỳ, cực kỳ quan trọng tại phía bắc, trong thời kỳ phía bắc và phía nam không đấu đá, nhưng tôi e rằng sau Ê-li và Ê-li-sê, họ lại quay lại tranh chiến, đấu đá lẫn nhau và lại dùng những thủ đoạn bẩn thỉu với nhau. Không lâu trước khi A-si-ri đến và bắt mười chi phái gọi là Y-sơ-ra-ên đến A-si-ri vào năm 721 TCN. Họ trở thành mười chi phái lạc mất. Họ không lạc mất hoàn toàn vì Chúa biết họ ở đâu. Họ bị tản lạc, nhưng sách Khải huyền hứa rằng Chúa sẽ đưa 12 chi phái đó trở lại từ khắp nơi, nên Chúa biết. Ngài lưu thông tin.

Hiện tại, chúng ta chỉ còn một vương quốc. Giờ đây, đó là một vương quốc nhỏ, chỉ có Giu-đa và số ít Bên-gia-min ở phía bắc, chút đất quanh Giê-ru-sa-lem, nhưng họ vẫn có kinh đô, họ vẫn có dòng dõi hoàng gia của Đa-vít và các vua của họ vẫn là con cháu của Đa-vít. Nhưng, chắc bạn nghĩ rằng khi thấy mười chi phái anh em bị đày đi, họ sẽ nói: Này, chúng ta phải cố sống cho tốt lên, nếu không thì Chúa cũng sẽ đuổi chúng ta đi, đúng không? Chắc bạn sẽ nghĩ như vậy phải không? Nếu mười người trong nhà bị bắt cóc, biến mất, và Chúa nói với các bạn rằng: các ngươi cũng sẽ biến mất nếu các ngươi không biết điều, thì các bạn có cố sống tốt hơn không? Nhưng không, không, bi kịch là họ cũng không như vậy.

Chúa không bao giờ trừng phạt ai mà không cảnh cáo trước. Chúa đáng yêu ở chỗ đó. Ngài nói qua tiên tri A-mốt rằng: Ta sẽ không bao giờ làm bất cứ điều gì khi chưa sai một tiên tri đến báo với dân sự những điều ta sắp làm. Thế nên Chúa mới sai Ê-li và Ê-li-sê đến phía bắc, sau đó Ngài sai A-mốt và Ô-sê đến, nhưng Ô-sê là người cuối cùng, sau Ô-sê thì không còn ai nữa. Sau đó, Chúa sai hết tiên tri này đến tiên tri khác đến với hai chi phái còn lại. Ngài sai Ê-sai, Ngài sai Mi-chê, Ngài sai Na-hum, Ngài sai rất nhiều người nhưng họ cũng không nghe, và bi kịch là vào năm 587 TCN, để ý rằng khoảng 140 năm sau, Giu-đa bé nhỏ bị đày đi, lần này là tới Ba-by-lôn, và đó là kết cục câu chuyện của sách các Vua.

Tôi sẽ cung cấp cho bạn một thông tin hay bị hiểu sai. Hãy nhớ rằng khi đọc sách Các vua, trước hết, bạn đang đọc về vương quốc thống nhất dưới thời Sa-lô-môn; sau đó đọc đến vương quốc bị chia tách và trong thời đó - một thời kỳ hỗn loạn - bạn luôn phải chuyển từ bên này sang bên kia, khi đọc sách, bạn có để ý không? Vua Giu-đa làm điều này, rồi vua Y-sơ-ra-ên làm điều kia, rồi vua Giu-đa, và ông cố đuổi kịp cả hai. Thật sự khá rối rắm. Thà rằng ông kể toàn bộ câu chuyện ở phía bắc rồi đến toàn bộ câu chuyện ở phía nam, nhưng ông làm như vậy vì hai bên tương tác với nhau, hoặc tranh chiến, hoặc hòa hảo với nhau. Như vậy, ông phải kể đồng thời hai câu chuyện, rồi chuyện trở nên đơn giản khi chúng ta chỉ còn hai chi phái phía bắc, Giu-đa, từ đó mà chúng ta có từ “Jew” là Do Thái. Trước đó chưa xuất hiện từ Do Thái, trước là Hê-bơ-rơ, hay Y-sơ-ra-ên, nhưng giờ đây, lần đầu tiên từ Do Thái xuất hiện, một từ rất, rất phổ biến trong câu chuyện phúc âm khi Chúa Giê-su đến.

Nhưng bạn phải biết rằng tôi đưa điều này vào vì trong nhiều thế kỷ, Cơ Đốc nhân đã hiểu nhầm Tin lành theo Giăng, sách đó hay nói rằng người Do Thái đã giết Chúa Giê-su. Tôi e rằng hội thánh Cơ Đốc đã quy mọi người Do Thái vào đây và đã thật sự làm những điều tệ hại cho dân Do Thái trong 20 thế kỷ - “người Do Thái các ngươi đã giết Chúa Giê-su!” Nhưng khi Giăng viết sách tin lành của mình và nói rằng người Do Thái đã giết Chúa Giê-su, ông không ám chỉ tất cả mọi người Y-sơ-ra-ên, ông ám chỉ dân Giu-đa. Nói cách khác là dân Giê-ru-sa-lem ở phía bắc. Ông không kể người Ga-li-lê

vào đó. Người Ga-li-lê tụ họp quanh Chúa Giê-su, họ yêu Ngài. Chỉ khi Ngài đi xuống phía nam, đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem thì người Do Thái mới ghét Ngài. Các bạn có nắm được không? Nên khi đọc thấy "người Do Thái" trong tin lành theo Giăng, đừng nghĩ rằng đó là cả dân Y-sơ-ra-ên, chỉ là người miền nam chứ không phải là người miền bắc. Tôi chỉ đưa điều này vào vì lẽ ra, chúng ta đã có thể tránh được hiểu lầm trong nhiều thế kỷ nếu chúng ta nhận ra điều đó. Do Thái nghĩa là một người từ Giu-đa và tất nhiên, từ lúc hai chi phái đó trở lại sau khi lưu đày, chỉ có người Do Thái trở lại, thế nên từ đó người ta hay dùng cái tên này. Hy vọng rằng điều này giải thích cho bạn chút gì đó.

Một số câu hỏi cơ bản

Ai viết sách, hay các sách này? Ông đã viết sách như thế nào? Ông viết sách khi nào và tại sao ông viết sách? Ai viết? Chúng ta không biết. Hầu hết người Do Thái đều nghĩ rằng đó là Giê-rê-mi. Khá giống với ông, có những phần trong sách Các vua có cách diễn đạt giống với các phần trong sách Giê-rê-mi và chúng ta biết rằng các tiên tri viết lịch sử vì họ nhìn theo cách của Chúa. Nên đó có thể là Giê-rê-mi. Những người khác nghĩ là Ê-xê-chi-ên viết. Tôi nghĩ là Giê-rê-mi viết vì một lý do - sách không nhắc đến ông nhưng ông tham dự vào những điều này, thế mà không thấy chỗ nào nói đến ông, và tôi không nghĩ là ai khác có thể viết về thời kỳ lịch sử này mà không hề nhắc đến Giê-rê-mi. Nhưng nếu ông viết sách một mình thì chắc không phải. Ông đã viết riêng những lời tiên tri của mình ra rồi. Có một hoặc hai dấu hiệu khác, nên theo tôi là Giê-rê-mi viết sách. Nhưng tôi không biết, chúng ta phải bỏ ngỏ câu hỏi đó.

Vậy sách được viết như thế nào? Hết lần này đến lần khác, sách Các vua ghi rằng "đã được ghi chép trong sách biên niên sử của Sa-lô-môn," "được chép trong sách lịch sử các vua Y-sơ-ra-ên," "được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa." Rõ ràng là ông đang sử dụng những ghi chép quốc gia. Ông đang sử dụng ghi chép của những người khác và đan dệt chúng lại với nhau để truyền đạt một bài học về lịch sử. Thậm chí có những phần sách Ê-sai giống từng từ trong sách Các vua, nên liệu Ê-sai đang viết những phần đó hay Giê-rê-mi lấy chúng từ Ê-sai, tôi không biết. Nhưng ông đang dùng phương pháp lịch sử thông thường, ông đang dùng các nguồn của mình, thu thập tư liệu từ các thư viện, nhưng sau đó ông ghép chúng lại với nhau sao cho chúng ta sẽ nhận được một bài học sâu sắc nhờ xét đến những gì đã xảy ra. Sách được viết khi nào? Nhiều phần trong sách được viết trước khi họ bị đày sang Ba-by-lôn, vì ông nhắc đến việc đền thờ vẫn còn, và ông thường dùng cụm "vẫn còn cho đến ngày nay."

Khi đọc sách Các vua từ đầu chí cuối, bạn thường thấy cụm "vẫn còn cho đến ngày nay," nên rõ ràng là ông đang viết trước khi mọi thứ sụp đổ. Thế nhưng, phần nhỏ cuối cùng của sách Các vua kết thúc ở giữa thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn với một mẩu tin lạ thường nhất. Người Ba-by-lôn đã giết vị vua cuối cùng của Giu-đa, một người tên Sê-đê-kia. Họ đã đối xử rất tệ với ông, họ xiềng ông lại rồi dàn các con trai ông trước mặt ông, rồi họ giết hết các con trai Sê-đê-kia và sau khi ông chứng kiến tất cả các con mình chết, họ móc mắt ông ra, khiến ông mù lòa và giải ông đi trong xiềng xích. Đó là Sê-đê-kia. Tuy nhiên, vị vua trước, Giê-hô-gia-kin là một vị vua yếu thế và không cố gắng chống lại người Ba-by-lôn, nên thực tế, họ đã bắt ông làm tù nhân.

Điều cuối cùng trong sách Các Vua là Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, đã thả vị vua gần cuối ra khỏi ngục và từ đó mời ông ăn đồng bàn với vua. Đó là điều rất, rất thú vị. Đó là mẩu tin cuối cùng trong sách Các vua. Nghĩa là sách kết thúc ở giữa thời kỳ lưu đày. Điều đó rất quan trọng, chút nữa bạn sẽ thấy điều này. Nó nghĩa là thực chất, dòng dõi hoàng gia của Đa-vít bắt đầu ăn đồng bàn với vua Ba-by-lôn, và bạn sẽ thấy tên người đó trong gia phả của Chúa Giê-su vì dòng dõi hoàng gia của

Đa-vít được bảo toàn nhờ Nê-bu-cát-nết-sa và quay trở lại. Dòng dõi hoàng gia đã trở lại từ một người tên Xô-rô-ba-bên. Nhưng chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về ông khi nghiên cứu sách khác. Như vậy, sau tất cả, hết thảm họa này đến thảm họa khác, hết thảm cảnh này đến thảm cảnh khác, dòng dõi hoàng gia được bảo toàn, nhưng họ mất cả Giê-ru-sa-lem, thành phố mang danh Chúa.

Điều đó đưa chúng ta đến câu hỏi quan trọng nhất: Tại sao sách lại được viết ra? Giờ đây, chúng ta có thể thấy một lý do rõ ràng. Cả một dân tộc đã mất đi xứ sở, mất kinh đô, bị buộc đi lưu đày, và thế hệ đó sẽ không bao giờ thấy lại quê hương. Chắc hẳn họ đã nói thế này: Chúa đã lìa bỏ chúng ta, Chúa không yêu chúng ta nữa, tại sao Chúa lại để điều này xảy đến với chúng ta? Bạn sẽ thắc mắc như vậy nếu điều này xảy đến với bạn và con cái bạn, khi bạn bị đuổi khỏi xứ sở mình và biết mình sẽ chẳng bao giờ thấy lại quê hương. Bạn sẽ đầy thắc mắc: Đức Chúa Trời ở đâu? Chúa chúng ta đã để điều này xảy đến với chúng ta. Toàn bộ sách Các vua là câu trả lời cho câu hỏi tại sao Chúa để điều này xảy ra. Trước giả đang nói rằng ấy là lỗi của chính các ngươi. Chúa không nuốt lời với các ngươi, Ngài đã giữ lời. Ngài đã hứa làm như vậy với các ngươi nếu các ngươi không biết đều, nên đừng có trách Chúa. Chúa đã giữ lời và Ngài đang dùng tất cả những ghi chép về các vương quốc này, về sự trượt dốc, để cho họ thấy một điều chắc chắn, rằng Chúa thành tín với lời Ngài. Nó không tự nhiên xảy đến mà các ngươi đã khiến nó xảy ra, vì các ngươi đã biết những gì Chúa cảnh báo, thế mà các ngươi phớt lờ Ngài. Nhưng đó là bản chất con người, sâu thẳm trong lòng, chúng ta biết rằng đến một ngày, Chúa sẽ phán xét chúng ta. Chúng ta phải làm gì với điều đó?

Về bản chất, con người quá bảo thủ, quá “cứng cổ” - Chúa dùng tính từ đó, đến nỗi chúng ta tiếp tục sống theo cách mà chúng ta biết sẽ khiến Chúa tức giận, và chúng ta lợi dụng lòng nhân từ của Ngài như nhà thơ Heiner của Đức, một người Do Thái vô thần kết thúc tại Paris và chết trẻ sau một đời tội lỗi. Họ đã gọi một linh mục đến nghe ông xưng tội nhưng ông không chịu. Lúc hấp hối trên giường, ông chỉ nói “Chúa sẽ tha thứ cho tôi, đó là nhiệm vụ của Ngài,” và lời trăng trối của Heiner vẫn còn đó, một người lợi dụng sự kiên nhẫn của Chúa và không nhận ra rằng sự kiên nhẫn của Chúa có thể cạn kiệt. Phải mất đến nhiều trăm năm, nhưng về lâu dài, cối xay của Chúa xay chậm rãi, nhưng chúng xay cực mịn.

Chúng ta cần nhớ rằng sự phán xét có đến, chúng ta sẽ phải trả giá, không sớm thì muộn. Thế nên sách mới được viết ra và dùng lịch sử như một bài học sâu sắc cho những người này, nhưng vẫn có hy vọng, ngay cả trong cuốn sách buồn thảm này, vẫn có hy vọng vì Chúa đã hứa không bao giờ phá vỡ phần của Ngài trong giao ước. Hết lần này đến lần khác, tôi đã nhấn mạnh điều này mỗi lần nó xuất hiện trong Cựu Ước; Chúa nói: Các ngươi có thể phá vỡ giao ước, còn Ta thì không bao giờ. Vì vậy, khi các ngươi bị đày sang xứ khác, Ta sẽ mang con cháu các ngươi trở lại. Chúa giữ lời hứa Ngài, Ngài không bao giờ nuốt lời. Ngài đã hứa rằng Ngài sẽ đuổi họ khỏi xứ và hứa đưa con cháu họ trở lại, và Ngài đã thực hiện. Họ ở Ba-by-lôn trong 70 năm, bạn có biết tại sao không? Chắc tôi đã nói từ trước rồi - vì Chúa đã ra luật rằng bảy năm một lần, họ phải để đất đai nghỉ ngơi, để nó có ngày nghỉ và được phục hồi, và họ đã phớt lờ điều này trong suốt 500 năm đó, từ thời Sa-lô-môn trở đi. Tính ra thì xứ đó đã không được nghỉ ngơi trong bao nhiêu năm? 70.

Chúa nói: Nếu các ngươi không cho xứ nghỉ ngơi thì Ta sẽ cho nó nghỉ; và các ngươi hãy tránh khỏi xứ này cho tới khi nó nghỉ được đủ năm. Tất cả đều ở đó, tất cả đều ăn khớp với nhau, vậy nên sách mới được viết ra. Nếu đó là Giê-rê-mi thì ông nghĩ rằng mình sẽ viết lịch sử của 500 năm qua để dân sự hiểu được thông điệp. Tai họa này đến trên toàn bộ 12 chi phái vì họ không giữ giao ước.

Nhưng không phải là vô vọng. Chúa hứa rằng Ngài sẽ duy trì dòng dõi hoàng gia của Đa-vít. Ngài đã hứa mang thế hệ con cháu trở lại và Ngài cũng sẽ làm như vậy.

SÁCH 1 & 2 CÁC VUA - Phần 2

Phần trước đã cho ta cái nhìn tổng quan về cả hai sách. Phần này xem xét kỹ hơn một số vị vua, tiên tri và một số khủng khoảng tiêu biểu.

Các vị vua

Đầu tiên là Sa-lô-môn, ông mở đầu sách, và cũng là một điển hình đa dạng. Ở thời trị vì của ông, một mặt thì rất tốt, mặt khác lại rất xấu. Sa-lô-môn là một người tốt, ông đã khởi sự tốt lành. Ngay khi mới trị vì, Chúa đã hiện ra với ông trong giấc mơ và phán: *"Ta sẽ ban cho con bất cứ điều gì con cầu xin."* Đó là thử thách thật sự với tính cách của một người. Sa-lô-môn nói: *"Con xin sự khôn ngoan, vì con thiếu kinh nghiệm làm vua, và để làm một vị vua tốt, con cần phải là một người khôn ngoan."* Nhưng Chúa phán: "*Vì con chỉ xin sự khôn ngoan nên Ta sẽ ban cho con cả những thứ con không xin. T*a sẽ ban cho con sự giàu có, danh vọng và quyền lực. Nhưng trên hết, *Ta nhậm lời ban cho con sự khôn ngoan."* Khi tỉnh dậy, ông vướng ngay một tình huống thật sự cần đến sự khôn ngoan. Có hai gái mại dâm tranh cãi về một đứa bé. Cả hai đều có con nhỏ, nhưng trong đêm họ ở cùng, một đứa trẻ bị ngạt thở qua đời. Trước quan án thì ai cũng nói rằng con của người kia đã chết, đứa còn sống là con mình. Liệu còn tình huống nào làm khó vị quan tòa hơn thế không? Hai người nữ, ai cũng thề rằng đứa trẻ là con mình. Là người phải xét sử, Sa-lô-môn đã cầu xin sự khôn ngoan và nhận được. Chúa phán trong ông: "*Hãy bảo họ chặt đứa bé làm đôi rồi cho mỗi người một nửa."* Ngay sau khi Sa-lô-môn nói như vậy, *người mẹ thật* nói: "Hãy trao nó cho chị ấy." Còn người nhận vơ thì nói*: "Được, hãy chặt nó ra!"* Vụ việc được giải quyết, quá đơn giản bởi khôn ngoan.

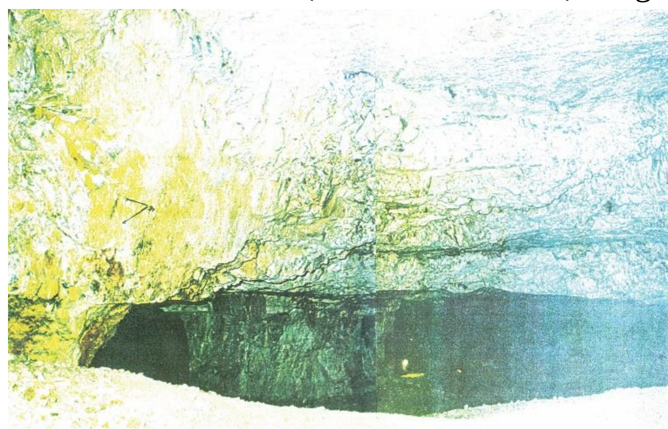
Có một minh họa thời hiện đại. Một cặp đôi trẻ đến gặp tôi trong một buổi nhóm tại Islington, họ nói: "Ông Pawson, nếu ông không giúp chúng tôi thì chúng tôi sẽ phải ly dị mất." Chúng tôi qua lại: "Ồ, tôi chỉ ở đây được năm phút thôi, xong tôi lại phải đi. Anh chị đã kết hôn được bao lâu rồi? - Ba tháng. - Anh chị định ly hôn sau ba tháng ư? Anh chị gặp nhau thế nào?" Họ gặp nhau dịp hội thánh cử cô đến thăm một trại tù. Cô gặp anh thanh niên rất thô lỗ này, cô đưa cậu đến với Chúa, dạy Kinh Thánh, môn đồ hóa cho cậu và cậu được cải đạo hoàn toàn. Vài năm sau cậu được ra tù, và cậu nói: "Anh không gia đình, không nhà cửa, không biết phải đi đâu." Còn cô thì sắp ba chục tuổi, sống trong căn hộ riêng, cũng độc thân không có gia đình nốt. Cậu nói: "Em biết là anh rất mến em, thực ra anh đã phải lòng em mất rồi." Cô ấy nói: "Em thích anh."

Và họ kết hôn, để khi về sống chung họ mới phát hiện ra họ không hợp nhau chút nào. Hai người mà lấy nhau chỉ vì người kia cũng là Cơ Đốc nhân thì chưa đủ. Anh chồng chưa bao giờ dùng dao dĩa, chỉ ăn bốc, tối cởi quần áo đi ngủ thì đứng đâu trút đó, sáng ra lại nhảy đến chỗ bộ đồ và kéo lên. Còn cô vợ thì lớn lên với hoa đẹp, rèm đăng ten và mọi thứ phải để trong ngăn kéo, nề nếp. Trong mọi khía cạnh, họ không hợp nhau chút nào. Sau ba tháng, họ nói rằng: "Chúng tôi đã phạm sai lầm lớn nhất trong cuộc đời, ông giúp chúng tôi được không?" *Chỉ có năm phút!* Tôi cầu nguyện: "Xin Chúa ban cho con một lời khôn ngoan." Và Ngài cho tôi nói: "Hãy nghe cho kỹ đây, anh chị phải làm thế này, phải thực hiện kiểu tuần nọ, tuần kia. Tuần đầu, cả hai người phải thực hiện mọi thứ theo cách của anh, tức là chị phải ném quần áo xuống sàn nhà và học cách ăn bốc. Nhưng tuần sau, cả hai phải thực hiện mọi thứ theo cách của chị, còn anh phải học cách cho quần áo vào ngăn kéo và ăn bằng dao dĩa." Tôi nhắc lại: "Anh chị phải thực hiện kiểu tuần nọ, tuần kia." Cô vợ nói: "Cái này kỳ nhỉ, chắc là đến từ Chúa rồi." Và họ hỏi: "Còn gì nữa không ạ?" Tôi bảo: "Tôi không còn gì để nói nữa," và họ đi về. Từ đó tôi không hề thấy họ nữa, nhưng sáu tháng sau, tôi nhận được một bức thư rất hay: "Gửi ông Đa-vít, chúng tôi chưa từng biết rằng cuộc sống hôn nhân có thể trở nên tuyệt vời đến thế,

chúng tôi vô cùng hạnh phúc." Họ không kể xem họ còn làm theo tôi bảo không. Giờ đây tôi đã có câu trả lời, tôi có thể viết một cuốn sách tên là "Tuần nọ, Tuần kia," nhưng tôi chưa hề nói điều này với bất cứ ai khác. Chúa đã ban sự khôn ngoan cho họ. Gia-cơ nói: *"Anh em thiếu khôn ngoan chăng? Nếu vậy thì hãy xin, và đừng nghi ngờ thì anh em sẽ nhận được."*

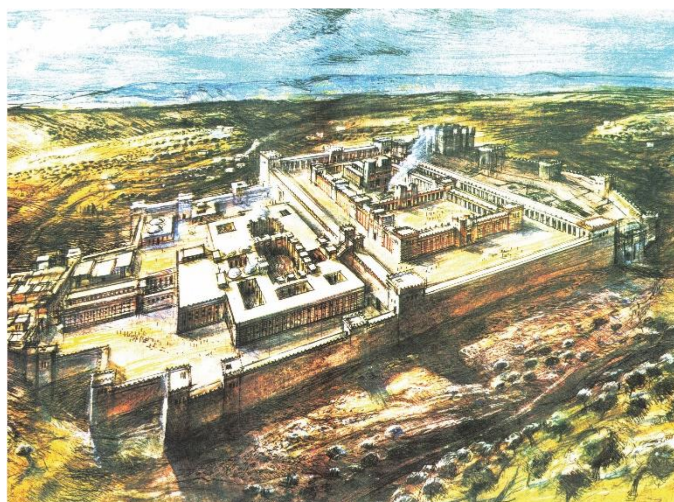
Sa-lô-môn chỉ xin sự khôn ngoan, ông đã nhận được và giải quyết được nhiều việc. Ông trở thành một người khôn ngoan. Ông cũng muốn chia sẻ sự khôn ngoan của mình với những người khác nên ông đã tập hợp *ba nghìn câu châm ngôn* thành sách. Sách Các Vua cho biết ông còn có *một nghìn lẻ năm bài ca*, nhưng Chúa chỉ cho dùng *sáu bài. T*ôi đặt một giả thiết cho điều này: vì ông có 700 bà vợ và 300 cung phi, và Chúa không chịu xuất bản 999 bài ca của ông. Chắc rằng ông viết cho mỗi bà một bài, đủ 1000 bài. Nhưng bài duy nhất mà bạn được đọc có lẽ là bài viết cho người nữ trong sách *Nhã Ca*.. Sa-lô-môn già cả thật đáng thương, liệu bạn có gọi ông là người khôn ngoan khi ông có tới 700 bà mẹ vợ?

Thực ra ông giống nhiều người trong chúng ta. Ô*ng có nhiều khôn ngoan dành cho mọi người khác, nhưng không có chút nào cho chính mình,* đó thật sự là bi kịch. Sa-lô-môn đã viết ba sách. Sách *Nhã Ca* viết khi ông còn *trẻ tuổi*, yêu đương say đắm đến nỗi quên hết Chúa, Chúa không hề được nhắc đến trong sách này. Lúc đó ông đã có 60 người vợ, đang trên đà thăng tiến, nhưng ông đã có gặp đúng người. Rồi ông viết *Châm Ngôn*, ông viết những điều đó ở độ *trung niên*: "Các con ạ, hãy đề phòng bọn đàn bà!" Đến tuổi trung niên thì bạn mới nói được thế, đúng không? Tôi có nghe một cô bé *tuổi teen* hỏi mẹ mình là: "Hồi mẹ bằng tuổi con mẹ đã làm gì để bây giờ mẹ phải lo lắng về con thế?" Cuối đời thì ông viết *Truyền Đạo*: "Hãy tưởng nhớ Đấng Tạo hóa của con trong tuổi thanh xuân, trước khi mắt mờ chân chậm, răng rụng gần hết." Bạn có thể thấy cả cuộc đời Sa-lô-môn. Thời đó là *thời hòa bình thịnh trị nên mới có triết lý,* và ông mới có thời gian để phát triển niềm yêu thích âm nhạc, nông nghiệp và kiến trúc của mình. Ông đã phát triển nhiều thú vui nhưng không điều gì khiến ông thỏa mãn. *Sách Truyền Đạo* là một trong những sách buồn nhất trong Kinh Thánh. Đến khi già, ông mới cảm thấy *mọi thứ đều hư không, đều vô nghĩa* và ông bước xuống đúng chỗ mình đi lên.



Công trường khai thác đá tại Đồi Sọ

Đó là Sa-lô-môn, ông đã làm quá nhiều điều tốt đẹp. Ông đã được xây đền thờ cho Đức Giê-hô-va với bản vẽ và mọi loại vật liệu đã được chuẩn bị từ cha mình. Đó là một đền thờ nguy nga. Mất 7 năm để xây đền thờ, nhưng phải mất 12 năm để xây cung điện cho chính ông. Có đôi điều hấp dẫn chép về việc xây dựng đền thờ. Tuy đền được xây bằng đá đẽo, những khối đá lớn nhỏ đủ kích cỡ, nhưng người ta không hề nghe thấy tiếng búa, đục. Trong nhiều năm, người ta không thể hiểu được điều đó. Cho tới khi có người tìm thấy một lỗ trống trên vách núi Mô-ri-a, gần Đồi Sọ ngày nay. Người

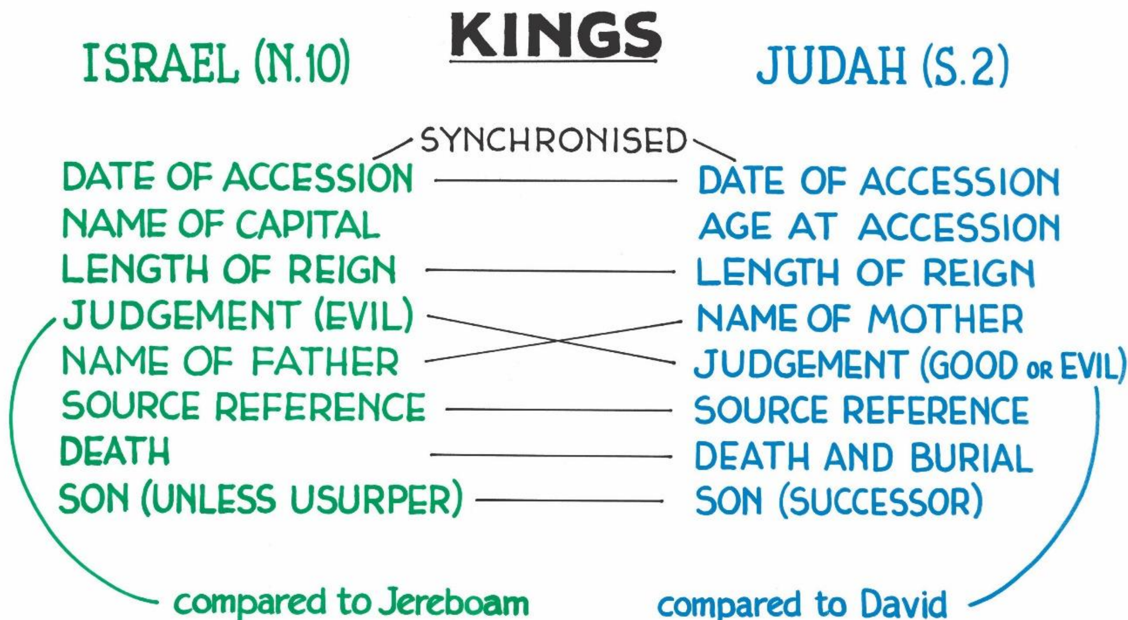


Đền thờ của Đức Chúa Trời do Sa-lô-môn xây

ta đã vào và thấy một hang động khổng lồ, trong đó một công trường khai thác đá. mềm có thể dùng dao con để cắt, nhưng khi đưa đá ra không khí, nó bị oxy hóa đá trở nên cứng, khô trắng tinh khiết. Họ cắt các khối thích hợp và rồi đưa chúng lên. Có những khối đá dài 12m, cao 1m, rộng 1m, nặng 100 tấn, họ đưa nó ra bằng con lăn và đặt vào chỗ. Ngày nay còn thấy nó ở *Bức tường Than khóc*.

Nhưng *điều đáng buồn* là về điểm yếu của ông: *Sa-lô-môn có quá nhiều vợ*. Ông đã cưới con gái của Pha-ra-ôn, vì là một người Ai Cập nên bà không thể sống tại thành thánh. Ông đã xây cho bà một cung điện ở ngay phía bắc của đền thờ, bên ngoài tường thành. Khảo cổ học vừa phát hiện ra nó nằm ngay phía bắc của Cổng Đa-mách, bên dưới tu viện. Một công trình kiến trúc Ai Cập duy nhất trên lãnh thổ Y-sơ-ra-ên. Thật giá trị vì có nhiều điều xác chứng Kinh Thánh khi người ta tiếp tục đào bới dưới bụi đất và đống đổ nát của Trung Đông. Như vậy, Sa-lô-môn đã để lại một ngôi đền thờ nguy nga. Kinh Thánh chép rằng sau 480 năm ra khỏi Ai Cập. Ông đã khánh thành đền thờ vào dịp Lễ Lều tạm, và vinh quang của Đức Giê-hô-va ngự xuống như đã ngự xuống trên Đền Tạm trước đó. Sa-lô-môn đã có lời cầu nguyện đầy cảm hứng nhất tại lễ cung hiến đền thờ.

Rồi nhiều người vợ của ông đã mang những thần ngoại giáo vào chính cung điện này, trong thành mà Chúa đã đặt danh Ngài. Toàn bộ những điều này đã tác động sâu sắc trên Y-sơ-ra-ên. Để xây dựng, ông đã bắt dân sự làm việc cực nhọc và đánh thuế rất nặng. Dân phương bắc càng oán thán hơn vì họ phải trả thuế má để xây một thứ ở phương nam. Qua câu chuyện thấy rằng *Sa-lô-môn đã thực sự đặt nền móng cho thảm họa*. Nhưng Chúa phán với ông: “Vì con xây đền thờ cách này cho Ta nên trong thời trị vì của con trai con, nó mới mất vương quốc.” Thực tế, tình trạng bất ổn dưới thời trị vì của con trai ông đã khiến vương quốc bị chia cắt.



Xem xét kỹ hơn về hai điều trong phần còn lại của sách Các Vua. Vì trước giả dùng những biên niên sử hay ghi chép khác nhau, từ phương bắc và từ phương nam, nên việc tường thuật về từng vua có khác nhau.

Tại phương Bắc,về *các vua Y-sơ-ra-ên*, bắt đầu từ ngày trị vì, tên kinh đô, thời gian trị vì, tên vua cha, nguồn tài liệu tham khảo (lấy chúng từ đâu, ghi chép nào). Kết thúc với sự băng hà, và nhắc đến người con kế vị, trừ khi có ai chiếm ngôi. Các vua được so sánh với vị vua đầu tiên Giê-rô-bô-

am, ông này không phải là một vị vua tốt. Rồi đến câu đánh giá: *"Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va, hệt như Giê-rô-bô-am."*

Tại phương nam, về *các vua Giu-đa,* cũng bắt đầu từ ngày trị vì nhưng thêm độ tuổi vì một số người làm vua từ nhỏ, thời gian trị vì, tên mẹ vua (Chứ không nêu tên vua cha. Không biết tại sao đã có một sự thay đổi thú vị này. Ngày nay, người có mẹ là Do Thái được gọi là người Do Thái. Ở thời Kinh Thánh chép, người có cha là Do Thái mới được gọi là người Do Thái.Có điều gì đó đang xảy ra ở đây). Rồi có câu đánh giá họ tốt hay xấu, vì ở phương nam, có một số vua tốt, một số vua xấu. Nêu nguồn tài liệu tham khảo, sự băng hà, và luôn nhắc đến việc chôn cất và mộ phần của họ, không giống như phương bắc. Nói đến con trai hay người kế vị. Những vua này hiển nhiên đều ác so với Đa-vít, nhưng cũng đều ác hơn Giê-rô-bô-am ở phía Bắc. Những vua tốt ở đây vì họ khác biệt.

Hãy nhìn vào *sự tốt và xấu của các vị vua*. Sách cho biết không đơn giản nói tốt hay xấu, mà có mức độ: tốt và rất tốt, xấu và rất xấu. Đặc biệt *có một nữ vương*. Chúa đã lập giao ước với Đa-vít rằng: "Nếu họ còn giữ luật lệ Ngài thì luôn có *một con trai* kế tục trên ngai Đa-vít, *không phải một con gái. Y*-sơ-ra-ên *không bao giờ* được định để có nữ vương." Nhưng ở đây cho thấy có một người. Ở phương Bắc hầu hết các vua *đều rất xấu*, chỉ có số ít vua xấu "vừa phải." Tuy mỗi miền đều có 20 vua, nhưng phương nam tồn tại thêm 140 năm nữa, vì các vua tốt trị vì được lâu hơn. Ở cả hai miền, hầu hết đều là vua xấu, hãy xem họ bị truất ngôi nhanh như thế nào. Một số vua chỉ tại vị có vài tháng rồi bị giết. Một trong những vua tệ nhất là *Giê-hu*.

Có một *vua khá xấu* là *A-háp*, ông ta kết hôn với một công chúa ngoại quốc người Phê-ni-xi từ Ty-rơ. Tên tiếng mẹ đẻ của bà ta là *Giê-sa-bên* là *Hoa anh thảo*. Đáng tiếc, trong tiếng Hê-bơ-rơ lại nghĩa là *Rác rưởi*. Bà ta rất khủng khiếp, thậm chí trong sách Khải Huyền sau này còn nhắc tới "có một Giê-sa-bên đi phá hoại hội thánh," và *linh Giê-sa-bên vẫn còn*. Chỉ một ngón út của Giê-sa-bên có thể điều khiển được A-háp. Ông ta đã có một cơ ngơi to đẹp rồi, nhưng khi thấy một vườn nho của Na-bốt, A-háp nói với vợ: "Nàng thấy không cái vườn nho nhỏ xinh biết mấy, ước gì chúng ta có nó!" Giê-sa-bên nói: "Tại sao không?" Vua bảo: "Nhưng nó của Na-bốt." Bà ta nói: "Khó gì chuyện đó." Bà ta sai người giết Na-bốt, chiếm cái vườn. Giê-sa-bên là thế đó!

Các tiên tri

BẮC
"Y-SƠ-RA-ÊN" (10)

Tiên tri	Vua
A-HI-GIA	GIÊ-RÔ-BÔ-AM
	NA-ĐÁP
GIÊ-HU	BA-Ê-SA
	Ê-LA
	XIM-RI
	ÔM-RI
Ê-LI	A-HÁP
MI-CHÊ	A-CHA-XIA
	GIÔ-RAM
Ê-LI-SÊ	GIÊ-HU
	GIÔ-A-CHA
	GIÔ-ÁCH
GIÔ-NA	GIÊ-RÔ-BÔ-AM II
A-MỐT	XA-CHA-RI
	SA-LUM
	MÊ-NA-HEM
Ô-SÊ	PHÊ-CA-HIA
	PHÊ-CA
	Ô-SÊ
	721 TCN

NAM
"GIU-ĐA" (2)

Vua	Tiên tri
RÔ-BÔ-AM	SÊ-MA-GIA
A-BI-GIAM	
A-SA	
GIÔ-SA-PHÁT	ÁP-ĐIA
GIÔ-RAM	
A-CHA-XIA	
A-THA-LI	
GIÔ-ÁCH	Ô-SÊ
A-MA-XIA	
Ô-XIA	
GIÔ-THAM	Ê-SAI
	MI-CHÊ
A-CHA	
Ê-XÊ-CHIA	
MA-NA-SE	
	NA-HUM
A-MÔN	
GIÔ-SI-A	GIÊ-RÊ-MI
GIÔ-A-CHA	SÔ-PHÔ-NI
GIÊ-HÔ-GIA-KIM	HA-BA-CÚC
GIÊ-HÔ-GIA-KIN	
SÊ-ĐÊ-KIA	ĐA-NI-ÊN
587 TCN	Ê-XÊ-CHI-ÊN

Rất tốt
Tốt
Xấu
Rất xấu
Nữ hoàng

1. Ê-li. Chính trong ngày ấy mà vị tiên tri vĩ đại *Ê-li* được sai đến. Tại núi Cạt-mên dài khoảng 19 cây số nhô ra biển, ở đầu đông phia bên trong đất liền, có một vùng lõm rất lớn ngay dưới chân núi, như một khán đài tự nhiên có thể tụ hội 30.000 người. Hẳn đây là nơi Ê-li đã thách thức các tiên tri của *thần Ba-anh* là thần mà Giê-sa-bên đã đưa vào cung điện. Ở đó có một dòng suối không bao giờ cạn. Người ta biết bên dưới các *bàn thờ Ba-anh* có đào một giao thông hào cho các thầy tế lễ tay cầm một "hộp phát hỏa" dễ dàng qua lại được, để mỗi khi nghe dân sự kêu cầu thần Ba-anh, các thầy sẽ bật cho lửa bùng lên. Nên Ê-li nói: "Bây giờ hãy dựng một bàn thờ ở ngoài trời, giữa thanh thiên bạch nhật, rồi chúng ta sẽ xem các ngươi gọi lửa như các ngươi thường làm..." Mấy trăm tiên tri của Ba-anh mổ con bò người ta đưa đến làm của lễ thiêu đặt lên bàn thờ, rồi đồng thanh kêu gào: *"Hỡi Ba-anh! Xin đáp lời chúng tôi!"* Gần trọn một ngày bàn thờ lạnh tanh. Đợi đến trưa, Ê-li chế nhạo chúng: " Hãy la lớn lên đi, có lẽ thần đang bận đi ngoài hoặc đang ngủ, cần phải đánh thức chăng..." Phần mình, Ê-li gọi dân chúng lại gần, ông lượm 12 hòn đá dựng lại bàn thờ Chúa đã bị chúng phá hủy. Ông chất củi, chặt con bò xếp lên, rồi bảo họ múc nước đem đổ trên của lễ thiêu và củi, làm tới ba lần, nước chảy tràn đến nỗi đầy cả mương. Kịp giờ dâng lễ buổi chiều, ông đến gần và cầu nguyện: *"Hôm nay xin cho mọi người biết rằng trong Y-sơ-ra-ên Ngài là Đức Chúa Trời. Xin đáp lời con, và Ngài khiến cho lòng họ quay trở lại..."* Lửa thiêng đã giáng xuống thiêu rụi mọi thứ, rút cạn cả nước trong mương. Dân chúng sấp mình xuống đất. Ê-li bảo họ không để một tên tế lễ nào chạy thoát, đem giết chúng ở khe Ki-sôn. Nhưng đó trở thành thách thức cho Ê-li, việc đã đến tai Giê-sa-bên. Ê-li phải chạy trốn 40 ngày đêm qua hoang mạc để đến Hô-rếp, núi Chúa. Thật lạ khi một người nữ độc ác có thể khiến tiên tri của Đức Giê-hô-va kinh hoảng và chạy trốn. Khi quá kiệt sức một thiên sứ đã đến cho ông ăn. Chúa thật thú vị làm sao! Ngài không nện cho ông một trận vì chạy trốn, mà Ngài phán:

“Ta biết con đã không ăn uống gì từ lâu, Ta đã sai thiên sứ đến cho con ăn, giờ thì con ăn cho ấm bụng đi rồi ta hãy nói chuyện.”

2. Ê-li-sê. Tại núi Hô-rếp Chúa đã phán ông đi tìm *Ê-li-sê* làm người kế tục ông. Ê-li-sê trong lúc đang cày ruộng thì Ê-li vừa đi tới, E-li ném áo choàng mình trên Ê-li-sê, và Ê-li-sê nói: “Xin cho phép con hôn cha mẹ rồi con sẽ theo ông.” Hai thày trò gắn bó không dứt ra được cho tới khi Ê-li được cất lên. Ê-li-sê đã nhặt áo choàng của Ê-li rơi xuống, chiếc áo choàng giúp rẽ nước sông Giô-đanh cho Ê-li-ê trở lại bên bờ đông. Hai người này quá khác nhau và tôi muốn bạn để ý đến điều này. *Ê-li* là người tranh chiến, nhà giảng đạo, người thách thức dân sự. *Ê-li-sê* thì khác, Ê-li-sê khiến người chết sống lại, Ê-li-sê đã cho 4. 000 người ăn với vài ổ bánh lúa mạch. Chúng ta sẽ thấy Giăng Báp-tít và Chúa Giê-su, là hai người anh em họ, thực chất là hình bóng *“Ê-li và Ê-li-sê tái thế”*.. Rõ ràng trong thời kỳ này *Chúa đã sai hết tiên tri này đến tiên tri kia đến để cảnh báo những người này về đường lối xấu xa của họ*. Từ *A-hi-gia, Giê-hu, Ê-li, Mi-chê, Ê-li-sê, Giô-na, A-mốt*, cuối cùng là *Ô-sê*. Người ta nghĩ *Giô-na* là một thần thoại, tại sao ông lại có trong sách này? 3. *Ô-sê*. Quả là một người phi thường, nên lướt nhanh qua một đoạn đời ông. Một ngày nọ, Chúa phán với ông: - Ta muốn con ra đường và tìm một gái điếm. - Gì cơ ạ? Con là một nhà giảng đạo. Chúa muốn con làm gì với cô ta? - Hãy cưới cô ta. - Rồi sao nữa, thưa Chúa? - À thì hai người sẽ có con cái, nhưng Ta nói trước là ả sẽ yêu đứa đầu, ả không thích đứa thứ hai còn đứa thứ ba thậm chí không phải là con anh, anh giảng đạo ạ! - Rồi sao nữa, thưa Chúa? - À thì ả sẽ quay trở lại đầu đường xó chợ, ả sẽ ngựa quen đường cũ. - Vậy thì con phải làm gì với ba đứa trẻ đây? - Con sẽ phải đi tìm ả, trả tiền cho tay mối lái để mua lại ả, đưa ả trở về nhà và yêu thương ả. - Sau đó thì sao, thưa Chúa? - *Rồi con phải đi bảo con cái Y-sơ-ra-ên rằng đó là cảm giác của Ta về chúng nó*. Một sách quá ư xúc động, sách Ô-sê. Đó là lời kêu gọi cuối cùng mà Chúa dành cho một người vợ lật lọng chạy theo các thần khác. Một lời kêu gọi tuyệt vời, ấy thế mà nó rót vào những đôi tai điếc.

Thông điệp nào giữa các đan sen?

Trở lại các vua, nhìn vào bảng trên thì thấy ở phía Nam gần như không có quá nhiều vua xấu. Nhưng có một người rất kinh khủng: *Nữ vương A-tha-li. Đó là con gái của Giê-sa-bên*. Đầu tiên cô ta lấy một vua Giu-đa. Đáng ra ông ta phải biết chứ nhỉ? Thành hoàng hậu chưa đủ, giờ bà ta muốn trở thành *Nữ vương đầu tiên* của Y-sơ-ra-ên, nên bà ta đã làm gì? Tuần tự bà ta giết mọi con cái thuộc dòng dõi Đa-vít, để mình yên trí soán ngôi vua. Nhưng một thầy tế lễ thượng phẩm thời đó biết chuyện, ông đã giấu được hoàng tử út *Giô-ách*. Âm mưu vỡ lở, *A-tha-li chết* thì *Giô-ách lên ngôi* khi còn là một cậu bé.

Có thể thấy có hai vua rất tốt, *Ê-xê-chia và Giô-si-a*. *Ê-xê-chia* sống cùng thời với Ê-sai, một phần chuyện ông còn ghi trong sách Ê-sai. Nhưng Ê-xê-chia *cũng lại tốt xấu lẫn lộn*. Ông là một vị vua tốt, làm được rất nhiều điều tốt đẹp. Chính ông đã cho đào hầm dẫn nước vào Giê-ru-sa-lem và khiến thành được an toàn trước kẻ thù. Nhưng hồi ông lâm bệnh nặng, có hai người vượt hoang mạc Ả Rập từ Ba-by-lôn đến, đem cho ông *tấm thiệp chúc sức khỏe* của Vua Ba-by-lôn, Ê-xê-chia đã thấy quá hãnh diện, liền hỏi: “Các ngài muốn thăm cung điện của tôi không?” Khoe hết cung điện rồi, ông lại nói: “*Các ngài muốn thăm đền thờ cùng các vật báu trong đó không?”* Ông cho họ xem tất cả bạc vàng trong đền thờ và nói: “Khi trở về, cho tôi cảm ơn đức vua của các ngài đã gửi thiệp chúc sức khỏe cho tôi.” Tiên tri Ê-sai vào cung và hỏi vua: - Những người đó là ai vậy? - Ồ, họ là khách đến từ Ba-by-lôn, gửi đến ta lời thăm hỏi từ đức vua, mong ta sớm khỏe lại. - Vua đã cho họ xem những

gì? - Ồ, ta cho họ xem toàn bộ cung điện ta, rồi vào đền thờ, xem những kho báu, bạc và vàng. - Người Ba-by-lôn sẽ đến và lấy đi mọi thứ mà vua khoe với họ đấy!

Còn *Giô-si-a* lên ngôi khi mới tám tuổi. Giô-si-a sinh cùng năm với nhà tiên tri *Giê-rê-mi,* nhưng không thấy một lời nào về Giê-rê-mi trong sách này. Giô-si-a thấy đền thờ tồi tàn nên ra lệnh dọn dẹp. Tình cờ họ thấy trong một cái tủ cũ cuộn giấy phủ đầy mạng nhện là *sách Phục Truyền,* người ta đã không đọc nó nhiều năm rồi. Họ đưa cuộn giấy đó cho vua. Sau khi đọc những lời rủa sả trongg sách, vua nói: *"Các ngươi có nhận ra rằng chúng ta đã làm mọi điều đáng bị rủa sả không? Chúng ta phải nhanh chóng sửa sai..."* Ông thực hiện một cuộc cải tổ trong cả nước. Ông cho phá hủy tất cả các đền miếu trên các nơi cao của người ngoại, phá hủy mọi thần tượng ghê tởm từ Ba-anh, A-sê-ra đến At-tạt-tê, trừ khử bọn đồng cốt, bói khoa. Có vẻ như việc này sẽ cải thiện được tình hình. Nhưng không. Bạn không thể buộc người ta thay đổi tấm lòng họ. Bạn có thể thay đổi hành vi của họ bằng luật pháp, nhưng bạn không thể thay đổi tấm lòng họ. Giô-si-a đã sai lầm. Sau đó khi kéo quân nghênh chiến với Pha-ra-ôn vua Ai Cập, nhằm hỗ trợ vua A-si-ri, ông bị Pha-ra-ôn giết tại Mê-ghi-đô.

Ngay sau khi ông qua đời, Y-sơ-ra-ên lại ngựa quen đường cũ. Nối ngôi ông là những ông vua xấu. M*a-na-se, một vua rất xấu*. Ma-na-se sa vào thờ tượng Sa-tan, thậm chí còn dâng những đứa con trai của chính mình cho ma quỷ trong thung lũng Hi-nôm. Điều tệ hại nhất là Ma-na-se nổi giận với tiên tri Ê-sai, đến nỗi lệnh cho quân lính trói ông lại, bỏ ông vào một thân cây rỗng, rồi cưa thân cây ra làm đôi. Ê-sai đã qua đời dưới tay tên bạo chúa Ma-na-se như vậy đó. Sách Hê-bơ-rơ 11 còn chép việc này.

Chúng ta đang *thực sự nói đến điều gì?* Chúa là Đức Chúa Trời, Ngài luôn phán bảo họ rằng không được tiếp diễn vấp phạm như vậy, và Ngài luôn cảnh báo. Những người nghĩ rằng họ sẽ bị phán xét vì thiếu hiểu biết là sai. Toàn bộ nguyên tắc được Kinh Thánh bảo tồn là: *Chúa chỉ phán xét về những điều chúng ta đã biết là sai.* Như vậy, những người chưa nghe biết về Chúa Giê-su sẽ không bị đày xuống địa ngục. Nhưng sẽ xuống đó vì họ đã làm trái với lương tâm của chính mình. Lương tâm làm con người phân biệt được đúng sai. Để được công chính trước Chúa, bạn chỉ cần nói rằng: Chúa ơi, con đã luôn làm theo lương tâm mình. Con đã luôn làm điều mà con biết là đúng. Nhưng *ai có thể nói như vậy?* Đó mới là vấn đề.

Vậy nên tiếp tục xem *các tiên tri* được sai đến. Trên đã nói đến các tiên tri phương Nam, giờ hãy xem ở phương Bắc: *Sê-ma-gia, Áp-đia, Giô-ên, Ê-sai, Mi-chê, Na-hum, Giê-rê-mi, Sô-phô-ni, Ha-ba-cúc và cuối cùng là Đa-ni-ên.* Họ đều có cùng một sứ điệp, họ đều cảnh báo. Nhưng *dân sự thích các tiên tri giả* hơn. Họ nói rằng: "Mọi thứ sẽ ổn thôi. Vui lên nào, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra đâu." Các tiên tri giả luôn rao sứ điệp hòa bình: "Bình an! Bình an!," mà không bình an chi hết. Giê-rê-mi nói: *"Chúng chữa vết thương dân Ta cách sơ sài."* Các tiên tri giả không nghe từ nơi Chúa, họ nói với dân sự những điều dân sự muốn nghe. Đó vẫn là một loại cám dỗ mà ngày nay các nhà giảng đạo phải đối mặt. "Đừng khiến dân sự phiền lòng, đừng làm họ khó chịu, hãy an ủi họ, nói điều họ muốn nghe" là việc các tiên tri giả làm.

Tiên tri thật nói sự thật và phải trả giá. Qua các tiên tri, *lời Chúa đến trước khi Ngài hành động, sự cảnh báo đến trước thảm họa*. Đó là sứ điệp được chép nhiều lần trong sách Các Vua. Tân Ước cũng chép: *"Những điều này được ghi lại vì lợi ích của chúng ta."* Để chúng ta biết Chúa sẽ làm gì với mình nếu chúng ta đi theo đúng con đường đó. Hội thánh tự nó không có sự bảo đảm. Hiện nay ở đó có hai luận thuyết đáng bị lên án. Một là *chiết trung luận* hay thuyết hổ lốn, nghĩa là *hợp nhất tôn*

giáo này với tôn giáo kia. Khi Ê-li thách thức dân Y-sơ-ra-ên, ông nói: *"Các ngươi đi giẹo hai bên cho đến bao giờ?"* nghĩa là họ đang đi một chân bên Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và chân kia bên Ba-anh.

Thuyết hổ lốn ấy đang có trong hội thánh: Ở nước Anh thấy có *lễ hội niềm tin*, có những người theo *Baha'is, Hindu* và *Hồi giáo* đến Nhà thờ chính toà Canterbury để cầu nguyện cho cây cối. Điều này đang xảy ra vì có sức ép, thậm chí từ Công tước xứ Edinburgh. Ông đang kêu gọi các tôn giáo hiệp nhất để cứu trái đất, môi trường và các loài động vật hoang dã. Có Thân vương Charles sẵn sàng để người ta gọi mình là Người bảo vệ niềm tin, nhưng không phải là người bảo vệ niềm tin Cơ Đốc. Chúng ta đang bước vào một kỷ nguyên được cho là mốt nếu nói "Tất cả các tôn giáo đều dẫn đến Đức Chúa Trời."

Chúng ta cũng đang tham dự vào những *lễ hội ngoại đạo*, trong đó các *Lễ Mùa gặt* và *Lễ Giáng sinh*, rồi *chúc phước cho mọi thứ* từ vật nuôi đến máy cày, rồi lưới đánh cá,...tất cả đều biến thành một loại nghi lễ. *Halloween* nữa, tại sao người ta lại khắc lên bí ngô? Họ đang khắc mặt của quỷ, và nếu không cẩn thận thì Cơ Đốc nhân cũng vướng vào những điều này. G*iáng sinh* là một ví dụ rõ ràng nhất, đó thật sự là một lễ hội ngoại giáo. Nó *bắt nguồn từ thời trước Đấng Christ*. Đó là *lễ đông chí*, do thời tiết người ta có dịp họp mặt *đốt củi* vui chơi, ca hát và chè chén say sưa. Ngày đó khi có một giáo sĩ đầu tiên đến nước Anh, ông báo tin về Rô-ma rằng: "Tôi không thể tách họ khỏi một lễ hội ngoại giáo vào kỳ đông chí này." Và Giáo hoàng Gregory trả lời: *"Nếu không bài trừ được thì hãy tham gia cùng họ, hãy biến nó thành một lễ hội Cơ Đốc..."* Từ đó *trở thành lễ Giáng Sinh*. Tôi tin rằng chúng ta phải đưa Đấng Christ ra khỏi Giáng Sinh, đừng để Ngài ở đó. Đó là một lễ hội ngoại giáo, vì về cơ bản, khía cạnh ngoại giáo đã chiếm ưu thế.

Chúng ta thấy trong *sách Các Vua* nguy cơ bị pha tạp các tôn giáo khác, lối sống khác, giáo lý khác, và điều đó đang diễn ra. Nhưng Đức Chúa Trời, Vua của cả vũ trụ cũng là Đấng phán xét chúng ta và không sớm thì muộn, chúng ta sẽ đánh mất những gì Ngài ban nếu chúng ta không tỉnh ngộ. *Đó là bài học từ sách Các Vua*. Đó là một bài học rõ ràng, nếu nó đã xảy ra với họ thì nó cũng có thể xảy ra với chúng ta. Như vậy, Chúa ban cho chúng ta sự ngôn ngoan để hiểu những bài học mà Ngài đang cố gắng dạy chúng ta, để chúng ta có thể dễ dàng học từ những người khác thay vì phải nhọc công tự học. Hoặc bạn có thể học sự khôn ngoan từ người khác truyền lại, hoặc bạn có thể học trong trường trải nghiệm với những mảng màu đen sẫm và xám xịt. Có hai cách để có sự khôn ngoan, nên Sa-lô-môn mới muốn truyền lại cho con trai mình: *"Con trai ạ, hãy nhận điều này từ ta, đừng nhọc công tự học, hãy nhận nó từ ta..."*

Kinh Thánh cho chúng ta sự khôn ngoan để được cứu rỗi. Kinh Thánh không khiến bạn thông minh, nhưng khiến bạn nên khôn ngoan và tránh khỏi những sai lầm tai hại mà dân Chúa đời xưa đã phạm phải.

SÁCH 1 & 2 SỬ KÝ

Khi cần đọc liền mạch Kinh Thánh trọn bộ, thường có cảm giác kẹt ở hai sách: *Lê-vi* hoặc *Sử Ký*. Ở sách *Lê-vi*, như một điểm dừng khác lạ. Đang trên mạch sự kiện tuôn đổ, thì bỗng dừng lại, chỉ có luật pháp, nghi lễ và những điều dường như không thiết thực lắm. Ở sách *Sử Ký*, như một gánh nặng cho ai phải đọc thành lời suốt 9 chương đầu. Không có gì ngoài các cây phả hệ với các tên người phiên âm từ tiếng Hê-bơ-rơ rất khó đọc, xen kẽ những động từ *"sinh, sinh,"* cứ như thể thời đó họ không làm gì ngoài sinh đẻ, ông *xì xồ này* sinh ông *xì xồ kia* suốt 9 chương. Hết cảm giác *"lục cục,"* là cảm giác *"nhai lại,"* vừa mới đọc xong *sách Các Vua*, lại phải đọc lại toàn bộ các chuyện ấy từ đầu.

Điều này có gây bối rối, và cần được tháo gỡ. Tại sao lại có hai bản tường thuật về cùng một thời kỳ lịch sử như vậy? Một trong những khó khăn là *thứ tự các sách trong Kinh Thánh* giữa bản dịch ra các ngôn ngữ trên thế giới (Ví dụ: Anh, Việt) *khá khác* với bản gốc tiếng Hê-bơ-rơ. Sự khác biệt trong thứ tự sắp xếp đó như sau.

HÊ-BƠ-RƠ —— CỰU ƯỚC —— TIẾNG ANH

HÊ-BƠ-RƠ

LUẬT PHÁP (Torah, Ngũ kinh)
Từ ban đầu (Sáng Thế)
Đây là tên của (Xuất hành)
Trong đồng vắng (Dân Số)
Và họ được gọi (Lê-vi)

TIÊN TRI
TIỀN TIÊN TRI * Giô-suê, * Các quan xét
* Sa-mu-ên * Các Vua
HẬU TIÊN TRI Ê-sai, Giê-rê-mi
Ê-xê-chi-ên, Ô-sê
Giô-ên, A-mốt
Áp-đia, Giô-na
Mi-chê, Na-hum
Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni
A-ghê, Xa-cha-ri
Ma-la-chi

CÁC TÁC PHẨM
* Ngợi khen (Thi Thiên)
* Gióp
* Châm Ngôn
* Ru-tơ
* Nhã Ca
* Giảng sư (Truyền đạo)
* Thế nào (Ca Thương)

CỰU ƯỚC

* Ê-xơ-tê
* Đa-ni-ên
* Ê-xơ-ra
* Nê-hê-mi
* 1,2 Những lời của thời kỳ (Sử Ký)

(Luca 24 27,44) "go up" (aliya)

LỊCH SỬ (Quá khứ)
* Sáng Thế Ký
* Xuất Ê-díp-tô Ký
* Lê-vi Ký
* Dân Số Ký
* Phục Truyền Luật Lệ Ký
* Giô-suê
* Các Quan Xét
* Ru-tơ
* 1,2 Sa-mu-ên
* 1,2 Các Vua
* 1,2 Sử Ký
* Ê-xơ-ra
Nê-hê-mi
Ê-xơ-tê

TIẾNG ANH

VĂN THƠ (Hiện tại)
* Gióp * Thi Thiên
* Châm Ngôn * Truyền đạo
* Nhã Ca

TIÊN TRI (Tương lai)
ĐẠI TIÊN TRI (4): Ê-sai, Giê-rê-mi, Ca Thương, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên
TIỂU TIÊN TRI (12): Ô-sê, Giô-ên, A-mốt, Áp-đia, Giô-na, Mi-chê, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, A-ghê, Xa-cha-ri, Ma-la-chi
"rủa sả"

Đầu tiên là sự *phân nhóm sách* theo cách của người Do Thái. Trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, có 3 nhóm, gọi là: *Luật pháp*, *Các sách tiên tri* và *Các sách văn chương*. Trong câu chuyện Chúa Giê-su trên đường đến Em-ma-út cùng hai môn đồ sau khi Ngài sống lại, Ngài đưa họ qua các sách Kinh Thánh, chỉ cho họ mọi điều về Ngài, đó là cuốn Kinh Thánh này.

1. Năm sách đầu gọi là *Luật pháp*, hay *Torah*, nghĩa là *ý chỉ của Đấng Tạo dựng*, hay *Ngũ kinh*. Người Do Thái gọi tên sách *theo những từ đầu* của từng cuộn. - Sáng Thế Ký được gọi là: *Ban đầu*.

- Xuất Ê-díp-tô Ký: *Đây là các tên*. - Lê-vi ký: *Và Ngài đã gọi*. - Dân số ký: *Trong đồng vắng*. - Phục truyền luật lệ ký: *Đây là những lời*. Người ta chỉ mở cuộn giấy ra và xem những từ đầu mà biết mình đang cầm sách gì. Còn chúng ta gọi đó với *5 tên sách* là: Sáng Thế Ký, Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký, Phục truyền luật lệ ký. Có bản in tiếng Việt ghi thêm: Năm sách Môi-se.

2. Ngay sau đó là *Các sách tiên tri*. Có hai phân nhóm: *Tiên tri thời đầu, Tiên tri thời sau*. Tiên tri thời đầu có 4 sách: *Giô-suê, Các Quan Xét, Sa-mu-ên và Các Vua*. Do đặc điểm ngôn ngữ, khi dịch sang tiếng Hy Lạp, sau đó là tiếng Anh, lời diễn đạt dài hơn, nên sách *Sa-mu-ên và Các Vua dài ra,* phải chia làm hai. Các bài trước cũng đã đề cập cách nhìn nhận Do Thái về sách Sa-mu-ên và Các Vua không phải là lịch sử, mà là *cái nhìn tiên tri về lịch sử*, và Sa-mu-ên là vị tiên tri nổi bật trong thời đầu. Thời các vua có hàng chục nhà tiên tri được Chúa gọi, chính các tiên tri đã viết lịch sử, trong nhiều trường hợp, họ giải thích lịch sử và cho dân sự thấy những điều Chúa đang làm.

3. Rồi có *Các sách văn chương*. Đây là một hợp tuyển tất cả các sách khác. Thi Thiên được gọi là *Những lời ngợi khen*. Sách *Gióp,* sách *Châm ngôn,* sách *Nhã ca,* sách *Truyền đạo* hay *Nhà truyền đạo*, sách *Ca Thương* được gọi là *"Ôi!"* (vì đó là lời đầu tiên trong sách), sách *Ru-tơ* nhảy từ nhóm các sách tiên tri xuống đây, sách *Ê-xơ-tê,* sách *Đa-ni-ên* (Đa-ni-ên không được Do Thái cho vào các sách tiên tri, là điều cần chú ý). Rồi đến sách *Ê-xơ-ra* và *Nê-hê-mi.*

4. Cuối cùng trong Cựu Ước là *Sử Ký* được gọi là *Lời về các thời kỳ*, một kiểu ghi chép lịch sử, không mang tính tiên tri. Nói cách khác, người Do Thái có nhìn nhận hoàn toàn khác: sách Các Vua là sách viết lịch sử dưới góc nhìn tiên tri, còn sách Sử Ký thì không. Điều này sẽ tháo gỡ các bối rối nêu trên.

Chữ cuối cùng trong Kinh Thánh Cựu Ước Do Thái là *ALIYAH,* nghĩa là *Trở lên* hay *Tiến lên*. Chữ cuối cùng trong sách Sử Ký là *"Hãy tiến lên,"* có nghĩa *"Hãy trở lại Giê-ru-sa-lem ."* Từ đó mỗi khi dân Do Thái trở lại Xứ Hứa, họ đều nói *"Tôi đang Aliyah"* nghĩa là *"Tôi đang đi lên Giê-ru-sa-lem..."* Có lẽ cách trình bày này hay hơn nhiều so với các bản dịch Kinh Thánh tiếng Anh, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác. Vì từ cuối cùng trong các bản dịch là *"Sự rủa sả."* Người Do Thái sẽ không bao giờ đọc sách Ma-la-chi đến câu cuối trong nhà hội, vì sách đó kết thúc bằng từ "rủa sả." Tôi sẽ cho các bạn biết họ làm thế nào khi họ nghiên cứu Ma-la-chi.

Còn đây là *cách phân nhóm sách trong tiếng Anh hay tiếng Việt.* Cũng có ba nhóm, nhưng khá khác.

1. Đầu tiên là *Sách lịch sử*. Gồm từ năm sách đầu (có bản in tách riêng gọi là Năm sách của Môi-se): *Sáng Thế Ký, Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi ký, Dân số ký và Phục truyền*. Rồi gộp tất cả các sách *Giô-suê, Các Quan Xét, Ru-tơ, Sa-mu-ên, Các Vua, Sử Ký, Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, Ê-xơ-tê,* vì nghĩ rằng tất cả các sách này đều là những phần của lịch sử. Thực ra không phải như vậy. Việc *đặt Sử Ký ngay sau Các Vua* đã gây ấn tượng là Sử Ký chỉ lặp lại y hệt Các Vua. Thực ra đó là hai thể loại sách hoàn toàn khác. Không lạ trước cảm giác bối rối khi gặp hai sách cạnh nhau này và có ý nghĩ nảy sinh "Ồ, mình vừa đọc tất cả những điều này trong sách Các Vua rồi, nên mình sẽ bỏ qua Sử Ký" và chúng ta đã bỏ lỡ thông điệp giá trị. Việc đưa Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, Ê-xơ-tê vào lịch sử, mặc dù đây là hai sách thuộc các sách văn chương là gượng ép, nhất là áng văn Ê-xơ-tê trở thành mẩu lịch sử cuối cùng.

2. Tuyển tập mà chúng ta gọi là *Các sách văn thơ*. Gồm có sách *Gióp, Thi Thiên, Châm Ngôn, Truyền Đạo và Nhã Ca,* đã thay đổi thứ tự so với bản gốc.

3. *Các sách tiên tri*. Cuối cùng, đã đưa vào đây tất cả những sách nghĩ là tiên tri. Cũng không chia ra tiên tri *thời đầu và thời sau*, mà dựa theo độ dày mỏng mà chia thành đại tiên tri có 4 sách, và tiểu tiên tri có 12 sách. Xếp sách *Đa-ni-ên* vào đây, khác hẳn người Do Thái. E rằng dân ngoại chúng ta đã hiểu sai nhiều điều.

Kết quả là hai sách Sử Ký *không được phổ biến* trong các hội thánh. Có hai câu được trích dẫn hiếm hoi từ sách này, hiếm hoi đến nỗi trở nên nổi tiếng.

Câu thứ nhất trích từ *2 Sử ký 7:14*: "*Nếu dân Ta*, là dân được gọi bằng danh Ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt Ta và từ bỏ con đường gian ác, thì từ trên trời *Ta sẽ* lắng nghe, tha thứ tội lỗi họ và *chữa lành đất nước họ*..." Người ta trích dẫn câu đó không biết bao nhiêu lần. Có cả một vở nhạc kịch tên là *"Nếu dân Ta"* nhưng nó đã bị tách ra khỏi ngữ cảnh và chắp vá. Người ta đã áp dụng câu đó vào bối cảnh nước Anh, cứ như thể *"Ta sẽ chữa lành đất nước họ"* có thể áp dụng được với Anh Quốc, Hoa Kỳ, hay bất cứ nước nào vậy. Người ta không hề nghĩ rằng đó là câu *Chúa nói với Y-sơ-ra-ên*. Bị nhấc ra khỏi ngữ cảnh, câu trích hiếm hoi từ sách Sử Ký đó tạo ra một khẩu hiệu hay, và trở thành một trong những câu nổi tiếng nhất trong hai mươi năm qua. Thật sự là đi đâu bạn cũng thấy *"Nếu dân Ta, nếu dân Ta,"* giờ thì nó cũng hơi lắng xuống rồi.

Câu thứ hai nói về việc từ thời vua Giô-sa-phát, khi ông bị ba nước liên minh lại tấn công. Họ nói rằng sẽ xóa sổ Giu-đa nhỏ bé và tiến đánh Giô-sa-phát. Ông đã cầu nguyện tìm kiếm Chúa, tiên tri Ê-li-sê nói với ông: "Vua sẽ thắng trận." Nhưng bảo ông *sai những người ca hát đi trước đoàn quân lâm trận*. Đó là *một sự kiện hy hữu kinh điển*, dẫn đến chỗ người ta cho rằng như vậy là nếu có ca đoàn dẫn đoàn quân lâm trận và hát ngợi khen Chúa thì quân thù bỏ chạy. Đó là câu chuyện từ sách Sử Ký *thật sự bị trưng dụng*. Sau này dẫn đến những cuộc diễu hành cho Chúa Giê-su, dẫn đến đủ kiểu biện luận rằng nếu chúng ta dẫn đầu bằng sự ngợi khen và phái ca đoàn ra đi thì chúng ta sẽ đánh bại kẻ thù. Trong tiếng Anh còn có một bài hát dựa trên câu Kinh Thánh từ trận chiến này của Giô-sa-phát: *"Trận chiến này thuộc về Đức Chúa Trời."* Nhưng hai câu này đã bị tách khỏi ngữ cảnh. Ngoài ra thì người ta không biết mấy về sách Sử Ký. Thật đáng buồn.

Nhưng *Sử Ký là một sách có thông điệp riêng, rất khác sách Các Vua*. Chúng ta biết có những sự lặp lại khác trong Kinh Thánh. Có hai bản tường thuật về công cuộc sáng tạo trong Sáng Thế Ký. Một từ góc nhìn của Chúa, một từ góc nhìn của con người. Có bốn bản tường thuật về Chúa Giê-su trong Tân Ước. Cả bốn đều bổ sung cho nhau. Có những điều trong bốn sách Tin lành nghe có vẻ giống hệt nhau, nhưng lại xuất phát từ một góc độ khác, vì mỗi sách được viết bởi một kiểu người khác. Cùng một ẩn dụ trong hai sách Tin lành có thể mang hai thông điệp hoàn toàn khác. Thí dụ ẩn dụ về *con chiên lạc mất* trong sách Lu-ca được viết cho người chưa tin, con chiên lạc mất là tội nhân, nhưng trong *Ma-thi-ơ* dược viết cho tín đồ, chính ẩn dụ đó, con chiên lạc mất lại là về một thành viên sa ngã trong hội thánh. Thậm chí cả một câu chuyện cũng mang một nghĩa khác khi nằm trong một sách khác. Như vậy, những điều viết về Đa-vít, Sa-lô-môn, Giô-sa-phát, Ê-xê-chia trong hai sách *Các Vua* và sách *Sử Ký* tuy cùng một câu chuyện nhưng mang thông điệp hoàn toàn khác. Chúng được viết từ những góc độ khác. Nên chúng ta phải cố gắng làm rõ sự khác biệt.

CHỌN LỌC	KẾT NỐI	GIẢI THÍCH/ĐÁNH GIÁ
SA-MU-ÊN/CÁC VUA		SỬ KÝ
500 năm		Bắt đầu sớm hơn, kết thúc trễ hơn
Viết ra ngay sau sự kiện		Viết ra rất lâu sau sự kiện
Lịch sử chính trị		Lịch sử tôn giáo
Góc độ tiên tri		Góc độ thầy tế lễ
Các vua cả phía bắc và nam		Các vua phía Nam
Sự thất bại của con người		Sự thành tín thiên thượng
Sự đồi bại của hoàng gia		Phẩm hạnh của hoàng gia
Tiêu cực		Tích cực
Tội lỗi ~ Công chính		Thuộc linh ~ Hình thức
TIÊN TRI		THẦY TẾ LỄ

Mọi lịch sử đều có góc nhìn khác nhau tuy có cùng một phương pháp viết lịch sử với 3 công đoạn: *chọn lọc, kết nối, giải thích và đánh giá* sự kiện. Một người không thể viết lịch sử nếu họ tự phản bội mình ở chỗ chỉ dựa vào sở thích cá nhân trong khâu *chọn lọc* sự kiện. Từ tất cả những gì đã xảy ra, các sử gia sẽ chọn những điều cần quan tâm và cho là quan trọng. Sau khi chọn xong, họ *kết nối* chúng với nhau, để cho thấy rõ điều này dẫn đến điều kia như thế nào. Rồi bước cuối cùng là *đánh giá và giải thích* những điều đã viết, đó là chuyện tốt hay chuyện xấu, đưa ra sự *đánh giá về đạo đức*. Có một cuốn sách lịch sử cổ *viết từ 1066* của nước Anh, cũng thấy từ đầu chí cuối người ta đều đưa ra *những đánh giá về đạo đức:* đây là một việc xấu, đây là một việc tốt xảy đến với đất nước này. Trong sự đánh giá về đạo đức, *sách Các Vua rất khác sách Sử Ký*. Sách *Các Vua tập trung vào mọi điều xấu* mà các vị vua đã làm. Trong khi sách *Sử Ký tập trung vào mọi điều tốt* mà các vị vua đã làm. Manh mối chỉ đơn giản vậy thôi.

Trở lại với Tân Ước để hiểu thêm, *Tân Ước nói gì về Cựu Ước?* Rằng Cựu Ước được ghi lại để làm gương cho chúng ta, để chúng ta có thể học hỏi từ những điều đó. Vậy tại sao sách Các Vua lại kể về mọi điều xấu, còn Sử Ký lại kể về mọi điều tốt? Ở đây có một bức tranh hoàn toàn khác. Trong sách Các Vua thì họ *đều là tội nhân*, còn trong sách Sử Ký thì *họ đều là thánh đồ*! Như vậy là đang *bóp méo lịch sử hay sao?* Tại sao hai sách lại *nhấn mạnh khác nhau* như vậy? Thật thú vị khi thấy Các Vua và Sử Ký *nằm cạnh nhau* trong Kinh Thánh dịch Anh-Việt, nhưng lại *cách xa nhau* trong Kinh Thánh Do Thái.

Đây là một sự tương phản, khác biệt rất lớn. Trong nhóm sách Sa-mu-ên và Các Vua, thời gian bao trùm một thời kỳ 500 năm. Nhưng trong sách Sử Ký bắt đầu từ A-đam với chính sự khởi đầu của nhân loại và kết thúc muộn hơn. Sách Sa-mu-ên và Các Vua kết thúc với sự lưu đày. Còn sách Sử Ký kết thúc ở sự trở về và đang "Hãy trở lên Giê-ru-sa-lem."

Như vậy, hai trước giả này *đối diện với hai nhiệm vụ rất khác nhau,* và họ đã đáp ứng nhu cầu đó. Một bên phải giải thích tại sao mọi thứ lại chệch hướng, nhưng một bên cho thấy giờ đây họ đã biết tất cả những điều đó, họ phải được vực dậy, được khích lệ và quay trở lại để xây dựng lại mọi thứ. Một bên được viết *không lâu* sau khi các sự kiện xảy ra, còn một bên được viết sau các sự kiện

rất lâu. Một bên viết phần lớn là *lịch sử chính trị*, một bên tập trung vào *lịch sử tôn giáo*. Một nhìn từ *góc độ tiên tri*, một bên nhìn từ *góc độ thầy tế lễ*. Sách Sa-mu-ên và Các Vua nói tới cả các vua phương bắc và phương nam. Nhưng sách Sử Ký, tuy cùng thời kỳ nhưng không hề nhắc đến một vua phương bắc nào, là *một khác biệt rất lớn*.

Có lẽ là bạn chưa bao giờ nhận ra điều đó. Nhưng trên hết, ở *Các Vua* trước giả tập trung vào sự sa ngã của con người, của các vua, từ đó dẫn đến thảm họa. Nhưng ở *Sử Ký* trước giả muốn tập trung vào sự thành tín thiên thượng. Sách này hạ bệ sự đồi bại của hoàng gia, còn sách kia nâng những phẩm hạnh hoàng gia lên. Một lần nữa, *chúng ta sẽ hiểu lý do* khi lý giải cuốn sách. Vì vậy, sách Sa-mu-ên và Các Vua có cái nhìn rất tiêu cực về các vị vua. Còn sách Sử Ký có cái nhìn rất tích cực, vì một lý do rất chính đáng. Không phải là các sách đang cố gắng thay đổi lịch sử, chỉ là đang lựa chọn sự kiện mà thôi. Sách này thì chọn tất cả những điều xấu mà các vua đã làm, sách kia thì chọn tất cả những điều tốt mà họ đã làm, cùng những vị vua đó. Các vua thì tốt xấu lẫn lộn. Sách kia nhấn mạnh vào đạo đức, có *từ khóa là sự công chính*: những vị vua này có công chính hay không? Nhưng sách này lại quan tâm hơn đến *lễ nghi, đền thờ và tế lễ, q*uan tâm vào những vấn đề thuộc linh hơn là vấn đề đạo đức. Như vậy, một sách là lối viết của nhà tiên tri, một sách là lối viết của thầy tế lễ. Các trước giả có sự khác biệt rất lớn trong quan điểm.

Vậy chuyện gì đang xảy ra?

Trên đây là những khác biệt, giờ đây ta phải hỏi: *"Vậy chuyện gì đang xảy ra?"* Cách tốt nhất có lẽ là hỏi xem sách Sử Ký đã bỏ đi những gì mà sách Các Vua và Sa-mu-ên đưa vào.

Trước hết xem *số chương* hai sách dành cho từng vua: Trong hai sách Sa-mu-ên và Các Vua, thì Sa-mu-ên chiếm một phần sáu sách. Trong sách Sử Ký thì bỏ đi toàn bộ phần của Sa-mu-ên, gần như bỏ hết phần về Sau-lơ, chỉ ghi lại cái chết của Sau-lơ. Đa-vít chỉ được nhắc đến bằng hai phần ba so với sách kia, Sa-lô-môn khoảng một nửa, vấn đề vương quốc bị chia cắt cũng chỉ một nửa.

Vậy những chuyện gì đang xảy ra? Vì sách Sử Ký chỉ muốn *nhìn các vị vua theo chiều hướng tốt.* Thí dụ *về Đa-vít*, sách Sử Ký không nhắc đến tất cả những lần vật lộn với Sau-lơ, bảy năm cai trị tại Hếp-rôn, việc ông lấy quá nhiều vợ, cuộc nổi loạn của Áp-sa-lôm, và hơn hết, toàn bộ tình tiết qquan hệ với Bát-sê-ba là bước ngoặt trong thời trị vì của Đa-vít. Quan điểm của trước giả sách Sử Ký rất đáng chú ý, ông chủ định nâng các vị vua lên. Nếu có thể nói tốt về họ thì ông nói, nếu không thì ông không nói. Thậm chí với những người mà ông nói tốt cho, nếu họ có những điều xấu thì ông loại ra. Thật lạ là không nhắc đến Đa-vít với Bát-sê-ba, một bước ngoặt quan trọng mà lại không nói. Ở đây Đa-vít xuất hiện theo chiều hướng rất tuyệt vời.

Về *Sa-lô-môn* cũng vậy, không nói một lời nào về việc ông nhiều vợ, việc đưa những thần tượng vào cung đình, không nhắc đến thiếu sót của ông trong mối quan hệ với Chúa, việc ông không xử lý những nơi cao, những đền thờ ngoại giáo.

Đến thời kỳ vương quốc bị chia cắt, không nói gì đến các vua phương bắc, vì họ đều xấu cả. Khi đến với các vua phương nam, chúng ta thấy ông thật sự dành nhiều thời lượng cho những vị vua tốt như vua Giô-si-a nhỏ tuổi, và Ê-xê-chia, nhưng những vua xấu thì gần như không kể đến.

Không phải trước giả có thành kiến gì, ông chỉ chủ định làm như vậy. Ông có những mối quan tâm nhất định kết thành sợi chỉ xuyên suốt, lược nhanh thời Sau-lơ trị vì, nhưng dặm kỹ trong thời

Đa-vít, Sa-lô-môn và một số vua Giu-đa. Ông chỉ quan tâm đến *dòng dõi hoàng gia của Đa-vít* với các vua thuộc dòng dõi đó. Vì không vua phương bắc nào thuộc dòng dõi này nên họ không có trong sách. Sách trở thành lịch sử hoàng tộc của vua Đa-vít. Sau-lơ không có trong đó vì ông thuộc chi phái Bên-gia-min. Nói chung là không có các vua phương bắc, nhưng có một người ở phương bắc mà sách Các Vua không kể đến là *Xô-rô-ba-bên*. Vì Xô-rô-ba-bên thuộc dòng dõi hoàng gia Đa-vít. Ông trở lại từ chốn lưu đày Ba-by-lôn. Chính Xô-rô-ba-bên mang niềm hy vọng về Đấng Mê-si-a của họ, vì ông là người duy nhất thuộc dòng dõi vua Đa-vít quay trở lại. Trước giả dành cả nửa chương sách nói đến cây phả hệ của Xô-rô-ba-bên, một điều khá lạ. Trước giả sách Sử Ký không thần tượng hóa hoàng gia, nhưng có thể gọi đó là *lý tưởng hóa hoàng gia*, ông tô vẽ nó với một tông màu rất thiện cảm, không nêu lên những khác biệt, hay những điểm yếu của họ.

Trước giả có tập trung vào *khía cạnh cụ thể nào* trong sự trị vì của những vua tốt này không? - Có! Ông chỉ *quan tâm đến thái độ* của họ đối với hai thực thể: *hòm chứng ước và đền thờ*, là nơi giữ hòm, là nơi Chúa có thể sống giữa dân Ngài. Tất cả những gì sách chép về Đa-vít là cách ông đưa hòm chứng ước đến Giê-ru-sa-lem, sự mong muốn xây đền thờ của ông, việc ông chuẩn bị cho đền thờ từ ý tưởng, vẽ các bản vẽ, thu thập đủ mọi loại vật liệu, đến cách ông sắp xếp các lễ thờ phượng, ca đoàn và nhạc trưởng.

Tất cả những điều này được chép rất cụ thể trong Sử ký, lại là những điều *gần như bị bỏ qua* trong sách Các Vua và Sa-mu-ên. Về *Sa-lô-môn*, gần như tất cả những điều nói về ông là cách ông xây đền thờ mà cha ông không thể xây, và cách ông cầu nguyện lúc cuối, khi cung hiến đền thờ, và vinh quang của Đức Giê-hô-va đã đến như thế nào. Những vua tốt trong mắt trước giả là người đã giúp duy trì sự thờ phượng của đền thờ. Góc nhìn của một thầy tế lễ là như vậy. Còn nhà tiên tri sẽ tập trung vào những điều xấu mà vị vua đã làm khiến cả xứ gặp rắc rối.

Sau thời Sa-lô-môn, một cuộc nội chiến lớn xảy ra. Mười chi phái phía bắc tách khỏi hai chi phái phía nam. Trước giả *chỉ quan tâm đến phía nam* vì những gì ở đó: đền thờ, các thầy tế lễ của Chúa, dòng dõi hoàng gia được duy trì. Ông trung thành với những gì mình quan tâm, thực ra ông chỉ chọn ra tám vua tốt, trong đó có năm người cực kỳ tốt, còn mười hai vua xấu ở phương nam thì ông bỏ qua. Ông chọn *vua A-sa* là người dẹp bỏ những thần tượng tại Giu-đa và Bên-gia-min, cách chức thái hậu của mẹ mình vì bà bí mật thờ một thần tượng trong phòng ngủ.

A-sa đã lập giao ước với Đức Giê-hô-va và ông đưa thêm bạc vàng vào đền thờ, nên trong mắt các thầy tế lễ thì ông là một người tốt. Rồi *Giô-sa-phát*, con của A-sa. Ông sai người Lê-vi đi khắp Giu-đa dạy dỗ tất cả các thành, dạy họ luật pháp của Đức Chúa Trời, ông thắng quân Am-môn và Mô-áp. Ông nói: “Trận chiến này chẳng phải của các con đâu nhưng là của Đức Chúa Trời,” và ông sai những người ca hát ra xung trận. Nhưng e rằng ông đã làm một điều tệ hại: kết hôn với A-tha-li, con gái của A-háp và Giê-sa-bên.

Qua sự liên minh đó, một điều tồi tệ đã xảy ra. A-tha-li xuống phương nam và cố giành lấy ngai vàng. Bà ta đã tiệt diệt hoàng tộc Đa-vít, giết tất cả các hoàng tử để dọn quang đường chiếm ngôi. Nhưng chính lúc này nhờ có Giô-sê-ba bắt cóc *hoàng tử út Giô-ách* nuôi giấu 6 năm. Để đến khi âm mưu của A-tha-li bị phanh phui và trừng phạt, thày tế lễ Giê-hô-gia-đa đã xức dầu cho *Giô-ách sống sót được tôn làm vị vua kế vị hợp pháp* của Y-sơ-ra-ên. Một lần nữa, một thầy tế lễ đóng vai trò sống còn trong việc gìn giữ dòng dõi hoàng gia của Đa-vít. Bạn không đọc thấy điều này ở sách Các Vua. Giô-ách sửa lại đền thờ và ông làm những điều tốt đẹp.

Chép về *Ê-xê-chia*, ông mở lại đền thờ, sửa sang đền thờ. Ông đã kỷ niệm một *Lễ Vượt Qua* chưa từng có bao năm nay. Cuộc cải cách của ông chỉ vỏn vẹn vài câu trong sách Các Vua, nhưng có tới ba chương trong sách này. Đến *Giô-si-a*, sách kể đến rất nhiều về ông, vị vua nhỏ tuổi này cho dọn dẹp lại đền thờ, tìm thấy lại sách Luật pháp của Môi-se để lãng quên bao năm, khôi phục lại mọi lễ nghi thích hợp và các kỳ lễ mà họ phải tôn giữ.

Tất cả các vua này kiên quyết chống lại sự thờ thần tượng, nên trong mắt của thầy tế lễ, họ là các vua tốt. Trong khi việc này các vị vua xấu đều mắc phải mà các tiên tri đã lên án. Khi người Do Thái từ chốn lưu đày trở về, họ không bao giờ sa vào sự thờ thần tượng nữa, suốt 2,500 năm qua cho tới ngày nay vẫn vậy. Họ đã học được bài học của mình trong chốn lưu đày. Các thầy tế lễ vốn lo lắng nhất về việc thờ thần tượng thì rất hài lòng với điều này. Các tiên tri có xu hướng tập trung vào sự đồi bại và bất công, vạch mặt và phê phán nó.

Sách Sử Ký lại kết thúc với *Si-ru, vua Ba Tư* dân ngoại đã chiếm đủ vương quốc trần gian, lại sai dân Do Thái trở về xứ mình để xây dựng lại đền thờ. Vua Ba Tư nói: "*Chính Ngài bảo ta xây cất cho Ngài một đền thờ tại Giê-ru-sa-lem thuộc xứ Giu-đa. Vậy, ai trong các ngươi là dân của Ngài hãy trở lên Giê-ru-sa-lem. Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời ở cùng người ấy.*"

Ba điều cốt yếu

Những người từ chốn lưu đày này trở về, họ sinh ra trên đất khách, chưa từng thấy đền thờ Do Thái, không chịu sự cai trị của con cháu dòng dõi Đa-vít. Nên trước giả đã chỉ cho họ biết về *ba điều cốt yếu* của Y-sơ-ra-ên dân Chúa: ***G**ốc Gác, Hoàng **G**ia và Tôn **G**iáo*, tạm gọi ba điều cốt yếu đó là *ba* ***G.***

DÀN Ý

I. CÁC VUA TIN KÍNH

1-9 A-ĐAM đến SAU-LƠ
Vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên

10-29 ĐA-VÍT và HÒM GIAO ƯỚC
Vua tốt nhất của Y-sơ-ra-ên

II. CÁC VUA KHÔNG TIN KÍNH

1-9 SA-LÔ-MÔN và ĐỀN THỜ
Vua cuối cùng của Y-sơ-ra-ên

10-36 GIÊ-RÔ-BÔ-AM đến SÊ-ĐÊ-KIA
Vua tốt nhất của Giu-đa
Vua cuối cùng của Giu-đa

NGAI VÀNG và ĐỀN THỜ

BA ĐIỀU CỐT YẾU

QUAY TRỞ VỀ SAU LƯU ĐẦY

HỌ LÀ AI?
MỘT DÂN CÓ GỐC GÁC

HỌ ĐÃ TỪNG LÀ AI?
MỘT DÒNG DÕI HOÀNG GIA

TẠI SAO HỌ ĐÃ TỪNG HƯ VẬY?
MỘT DÂN TỘC CÓ TÔN GIÁO RIÊNG

1. Gốc gác: Điều đầu tiên người trở về xứ sở mình cần biết là về chính con người họ. Họ cần biết mình là ai, có gốc gác từ đâu để cho rõ nhân dạng của mình. Phải dạy lại họ từ đầu, từ mãi A-đam đến tận thời hiện tại của họ. Họ cần biết mình có một dòng dõi mà Chúa luôn tể trị từ trên xuống dưới, rằng họ thuộc về Chúa và Ngài đã chọn họ ra từ toàn nhân loại. Chúa chọn chính Áp-ra-ham. V.v. Đó là lý do mà sách Sử Ký phải trở lại từ ban đầu. Họ cần gốc gác, họ cần nhân dạng. *Một dân có gốc gác.*

2. Dòng dõi *Hoàng Gia*. Đoàn dân hồi quốc có vua của riêng mình, có dòng dõi hoàng gia của mình. Họ sắp quay trở lại xứ sở, trước giả muốn họ *bắt đầu nghĩ về đức vua, để khôi phục lại Vương quốc Y-sơ-ra-ên.* Như vậy, họ sẽ cần người lãnh đạo và ông đang nói với họ rằng: "Các ngươi không chỉ là một nhóm dân lạc loài, các ngươi là chức tế lễ hoàng gia, các ngươi là người của hoàng gia, các ngươi có vua, dòng dõi hoàng gia đã được bảo toàn và các ngươi sẽ lại trở thành một vương quốc."

3. Tôn Giáo. Họ không chỉ cần biết gốc gác, nhân dạng, mà vấn đề cần biết hơn của họ trong vai trò một dân tộc, là *mục đích tồn tại* của một dân tộc, và mục đích đó *mang tính tôn giáo*. Điều quan trọng nhất khiến họ trở nên như bây giờ, *là thực tế rằng* họ là dân tuyển của Chúa, việc họ *thờ phượng Chúa là trọng tâm trong bản sắc dân tộc*. Nên khi họ hồi hương, ưu tiên hàng đầu là *xây một đền thờ và thiết lập lại sự thờ phượng.* Thú vị là trong những người trở lại, hơn 10% là thầy tế lễ, một tỉ lệ cao hơn rất nhiều so với tỉ lệ bình hường về số thầy tế lễ trong toàn dân. Tại sao vậy? Có lý do thực tiễn: Tại xứ lưu đầy lâu năm, có nhiều người đã định cư và lập nghiệp, có công việc kinh doanh phát đạt, đời sống thoải mái, không muốn trở về. Nhưng các thầy tế lễ ở đây thì không có đền thờ. Họ muốn trở lại để xây dựng đền thờ và thiết lập lại sự thờ phượng Chúa. Khi *Xô-rô-ba-bên* kêu gọi dân sự tình nguyện bộ hành qua hoang mạc Ả Rập, trở lại xứ mà họ chưa từng thấy để xây dựng một đền thờ, thì chính các thầy tế lễ lên tiếng: "Chúng tôi sẽ đi." Với số lượng áp đảo, các thầy tế lễ đã xung phong trở lại. Lãnh đạo họ là hoàng tử *Giê-hô-sua.*

Xây dựng đền thờ để khôi phục sự thờ phượng Chúa trở thành lý do quan trọng nhất của đoàn dân quay về xứ sở. Cũng chính từ lúc này mà dân này mang tên *Giu-đa*, nghĩa là *"Ngợi khen Chúa."* Tên gọi *Do Thái* từ *Giu-đa* cũng nói đến từ đây. Trở lại xứ sở để thiết lập lại danh Chúa trong thành của Ngài.

Vậy có thể nói sách *Sử Ký là một bài giảng cho số dân ít ỏi vừa trở về*. Chúng ta biết rằng họ đã rất nản lòng khi về lại xứ sở quê hương xưa. Họ phải vật lộn kiếm sống, họ rất nghèo, nên xây đền thờ rất chậm. Phải cần đến hai tiên tri *A-ghê và Xa-cha-ri* chỉ để thúc giục họ xây tiếp. Tình trạng này roc thêm khi nghiên cứu các sách khác. Nhưng trước giả phải làm cho họ thấm nhuần điều này: *Đức Chúa Trời phải là ưu tiên hàng đầu trong đời sống của một dân tộc*. Chúng ta quay trở lại để làm dân của Đức Chúa Trời, không chỉ để xây nhà cho riêng mình.

Nhưng dân Y-sơ-ra-ên ngày nay chủ yếu muốn trở về là để xây nhà cho riêng mình ở một nơi họ có thể được an toàn. Họ *không thực sự trở lại để lập chính mình làm dân của Chúa*. Tôi không bao giờ quên 45 phút gặp Tổng thống Y-sơ-ra-ên trong dinh thự của ông. Đến cuối cuộc trò chuyện, ông nói: "Tôi theo thuyết bất khả tri, tôi không thật sự tin vào Chúa..." Đó là Tổng thống Navon. Tôi nói: "Nhưng đây là xứ mà Chúa đã làm những phép lạ lớn lao nhất." Ông nói: "Ồ, tôi không thể tin được điều đó..." Tôi đã rất buồn.

Y-sơ-ra-ên thật sự cần trở lại như một dân tộc mộ đạo, một dân Chúa. Đền thờ cần trở thành trọng tâm cho sự trở lại, trọng tâm cho niềm hy vọng của họ. Đó là lý do trước giả viết sách này. Ta có thể thấy *thông điệp này khá khác thông điệp sách tiên tri*. Những chuyện này đã xảy ra, không thể thay đổi, dân Y-sơ-ra-ên đã rơi vào một mớ hỗn độn. Trước giả muốn vực họ dậy và nói: "Hãy trở lại và bắt đầu lại..." Làm như vậy, ông truyền cảm hứng cho họ bằng những câu chuyện tuyệt vời trong quá khứ, nối nhanh đầu mối các sợi chỉ lại với nhau.

Chính Đấng Christ cũng hội tụ tất cả những đầu mối sợi chỉ này trong chính Ngài. Ma-thi-ơ bắt đầu sách với gia phả của Đấng Christ cũng là vì thế. Nhưng Lu-ca còn trở lại từ xa hơn, từ A-đam.

Gần như thể Sử Ký cho bạn lại nghe gia phả đó từ đầu. Vì Đấng Christ có gốc gác, Ngài là người Do Thái, Ngài đáp ứng đòi hỏi dòng dõi hoàng gia, Ngài là người con dòng Đa-vít. Ngài còn thừa kế ngôi vương đó gấp đôi: qua cha mình về mặt luật pháp, và qua mẹ mình về mặt tự nhiên, vì cả Giô-xép và Ma-ri đều từ dòng dõi Đa-vít. Ngài cũng làm ứng nghiệm những hy vọng tôn giáo của họ: *đền thờ*, vì thực chất *Ngài đã trở thành đền thờ*. Kinh Thánh chép: "Ngôi Lời đã trở nên xác thể, cắm trại giữa chúng ta..." Ngài phán: "*Hãy phá đền thờ nầy đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại...*" Ngài coi chính mình là trọng tâm cho sự thờ phượng của họ. Như vậy, có thể thấy rõ *ba điều cốt yếu* này đã hội tụ trong Đấng Christ.

Giờ đây, qua Đấng Christ, ba điều cốt yếu này đã được truyền lại cho chúng ta. Chúng ta thừa kế "3 chữ G" đó vì chúng ta đã được tháp vào gốc Do Thái. Như vậy, gia phả của họ là gia phả của chúng ta. Khi tôi đọc *Sử ký 1- 9*, là tôi đang đọc cây phả hệ của mình, vì giờ đây tôi là con cháu Áp-ra-ham. Tôi đã được tháp vào gốc của họ, gốc gác của họ là của tôi, đây là những tổ phụ của tôi. Khi bạn là Cơ Đốc nhân, gốc thật sự của bạn là Do Thái. Những điều này còn quan trọng với bạn hơn cả *cây phả hệ tự nhiên*, vì cây phả hệ đó sẽ biến mất khi qua đời.

Nhưng giờ đây, cây phả hệ Do Thái chính là gia phả của bạn. Trong Đấng Christ, bạn thừa kế những phước lành của Áp-ra-ham. Giờ đây, các bạn là một dân có gốc gác nhưng là gốc Do Thái, cây ô-liu là cây Do Thái. Giờ đây, chúng ta là những người thuộc hoàng tộc, chúng ta là chức tế lễ hoàng gia. Các bạn là những hoàng tử và công chúa - bạn cần bước đi trên đường như hoàng tử hay công chúa.

Tôi đã nói chuyện với nhiều Cơ Đốc nhân rụt rè, đầu cúi gằm. Tôi nói: Hãy ngẩng cao đầu lên, anh là hoàng tử, chị là công chúa, hãy cư xử như thế xem nào! Quá nhiều người không cư xử như thế rồi, hãy cư xử cho đúng địa vị đi! Chúng ta là hoàng tộc và chúng ta sẽ trị vì thế giới này với Đấng Christ. Kinh Thánh chép rằng: *"Ngài đã chuộc những người thuộc mọi bộ tộc, mọi dân, mọi ngôn ngữ và họ sẽ trị vì trên đất."* Trách nhiệm sẽ đặt trên chúng ta, giờ đây bạn mang dòng máu hoàng gia, đó là dòng máu của Chúa Giê-su, và chúng ta đã trở nên đền thờ thánh của Ngài. Các bạn không biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh sao? Như vậy, *ba điều cốt yếu* mà dân sự trở về từ chốn lưu đày cần được dạy cũng là ba điều chúng ta cần công nhận, vì chúng là của chúng ta. Chúng ta là một dân có gốc gác, là người của hoàng gia và một dân mộ đạo - chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời.

Có một sự khác biệt

Đó là chúng ta vẫn *đang tha hương*. Chúng ta chưa về nhà. Chúng ta là lữ khách và bộ hành trên một vùng đất xa lạ. Tuy bạn có thể nói rằng tôi là người Anh, người Mỹ, và tôi sống tại Anh Quốc, Hoa Kỳ, hay bất cứ nơi đâu. Nhưng bạn không thực sự thuộc về những nơi này. Quyền công dân của bạn đã ở trên thiên đàng. Trên đất này bạn là một lữ khách. Người ta sẽ coi bạn như vậy, theo một cách hiểu nào đó, bạn là một người lạc loài. Người ta tưởng rằng chỉ người Digan lạc loài. Nhưng thế gian nghĩ rằng mọi Cơ Đốc nhân đều như vậy. Chúa Giê-su phán: *"Chúng ghét Ta nên chúng chắc sẽ ghét các con. Chúng ta không thuộc về thế gian này."*

Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy bạn bè bỏ mình nhanh đến thế. Có một cô gái mới cải đạo từng hỏi nhà giảng đạo Báp-tít nổi tiếng C. H. Spurgeon: "Bây giờ thì cháu nên bỏ bao nhiêu người bạn cũ ạ?" Ông trả lời: "Không việc gì phải bận tâm, họ sẽ bỏ cháu nhanh thôi." Tôi e rằng đó là sự thật. Bạn thấy chính mình gần gũi hơn với những người không phải là họ hàng thân thích, nhưng là gia đình

thuộc linh của bạn, đúng không? Bạn phải cố gắng giữ mối quan hệ với những người thân chưa tin Chúa vì giờ đây, bạn thuộc về một gia đình mới, một hoàng tộc và *bạn là đền thờ của Đức Chúa Trời.* Bạn làm gì với thân thể mình tức là làm với đền thờ của Chúa? Đó là một lý do mà tôi thấy rất nhiều người bỏ hút thuốc khi trở thành Cơ Đốc nhân. Kinh Thánh không có chỗ nào chống lại việc hút thuốc và hút thuốc không khiến bạn xuống địa ngục, nó chỉ khiến bạn bốc mùi như địa ngục thôi! Nhưng bỗng thấy những người nam Cơ Đốc nói rằng: "Mình đang làm gì với đền thờ của Chúa đây? Mình đang khiến đền thờ hôi hám, cáu bẩn, và đang rút ngắn tuổi thọ của đền thờ." Thế là họ bỏ hút thuốc.

Như vậy, chúng ta đang thừa kế sự dạy dỗ của *sách Sử Ký*. Điều này khiến cho sách không còn là một đoạn lịch sử xưa cũ tẻ nhạt, nhưng là một cuốn sách hoàn toàn khác. Một sách có thông điệp khá khác với sách Các Vua. M*ột thông điệp cho tương lai, mục đích khiến chúng ta ở đây, một lý do khiến chúng ta ở đây và cách tìm ra nhân dạng thật sự* của chúng ta: *dân của Đức Chúa Trời trên đất khách*.

Nào, hãy đọc *sách Sử Ký* theo *cách mới* và rút ra *những bài học mới* từ đó.

SÁCH Ê-XƠ-RA và NÊ-HÊ-MI - Phần 1

Phải phạt khi bất tuân

Khi nghiên cứu lịch sử Y-xơ-ra-ên, ta thấy cách Chúa xử sự với dân Ngài là nếu họ bất tuân thì Ngài phải sửa phạt. Nhưng dường như mức hình phạt cứ nặng dần lên. Ban đầu, Ngài để cho dân lân cận đến tấn công, tổn thất của họ chỉ là bị mất của cải. Vì không để ý gì đến cảnh cáo đó, cứ vấp phạm, thì hạn hán, đói kém và thiếu lương thực xảy ra. Tiếp tục không nghe lời, hình phạt là dịch lệ bệnh tật và sức khỏe sa sút. Cứ lặp lại bất tuân và phạm tội đến độ Chúa đành phải phán: *"Được rồi, hãy ra khỏi xứ của Ta."* Hình phạt cuối cùng nặng nhất dành cho họ là mất Xứ Hứa, trở lại cuộc sống lưu đày. Chúa đã giải phóng họ ra khỏi Ai Cập, đã chẳng ghi khắc phước ân mà cứ ngựa quen đường cũ, thì đường cũ là đường lưu đày.



Có hai cuộc lưu đày trong bối cảnh Y-xơ-ra-ên xảy ra nội chiến giữa mười chi phái phía bắc với hai chi phái phía nam. *1-Cuộc lưu đày đầu tiên,* vào năm 721- TCN mười chi phái phía Bắc mang tên Y-xơ-ra-ên bị đày sang A-si-ri, khi A-si-ri lụn bại thì Ba-by-lôn cai trị cả. *2-Cuộc lưu đày thứ hai*, vào 586- TCN của hai chi phái phía Nam mang tên Giu-đa, người Ba-by-lôn đến dắt họ đi, là cuộc lưu đày chính mà Cựu Ước đề cập đến. Điều khác lạ là khi người Ba-by-lôn đến, họ không làm như *Ha-ba-cúc* nghĩ là họ sẽ quét sạch mọi thứ ngay một lúc. Họ đã chia dân này làm ba nhóm, đưa đi trong ba đợt, đầy tính toán.

Lần đầu, họ bốc hoàng tộc và tất cả tầng lớp thống trị trước. Họ nghĩ hớt tầng lớp cao nhất trong xã hội đi trước thì có thể khuất phục dân Giu-đa, chế ngự nước này dưới chướng Ba-by-lôn. Trong tầng lớp này có *Đa-ni-ên* và ông còn ở tuổi niên thiếu. Sau thì ông đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc lưu đày này.

Lần thứ hai vào năm 597- TCN. Việc lần đầu không có hiệu quả, vì những người ở lại vẫn cố gắng giành tự do, thoát khỏi sự thống trị của Ba-by-lôn. Lần này họ đem tất cả các thợ thủ công đi, những người kiếm ra tiền. Họ nghĩ sẽ khiến dân còn lại sẽ trở nên cùng cực, có thể chế ngự được.

Trong lần này có thầy tế lễ tên *Ê-xê-chi-ên* và ông cũng đóng vai trò khá quan trọng trong cuộc lưu đày.

Lần thứ ba vào năm 586- TCN. Việc lần trước vẫn không có tác dụng, những người còn lại vẫn muốn nổi loạn. Cuối cùng, Ba-by-lôn hốt hết số dân hai chi phái Giu-đa và Bên-gia-min còn lại, san bằng đền thờ và phá hủy mọi thứ. Giê-ru-sa-lem trở thành đống đổ nát và hoang vu. Giu-đa không còn bóng người.

Như vậy là có hai cuộc lưu đày, một của mười chi phái phía bắc tới A-si-ri, một của hai chi phái phía nam tới Ba-by-lôn, hai nơi cùng trên đồng bằng Lưỡng Hà nơi sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát chảy qua. Tất cả dân sự đều bị đày đi dưới ách đế chế Ba-by-lôn củ vua *Nê-bu-cát-nết-sa*. Họ ở đó trong 70 năm, thời gian mà Đa-ni-ên đã đọc thấy trong Giê-rê-mi từ trước. Nên khi gần mãn hạn này, ông tin và cầu nguyện: *"Chúa ơi, đã đến lúc Ngài đưa chúng con trở lại."*

Lại có ba lần hồi hương và điều đó khiến chúng ta hơi bối rối. Như vậy là sau ba lần đi đày có ba lần hồi hương.

Lần đầu vào năm 537- TCN, đoàn dân đi theo Xô-rô-ba-bên, một người thuộc dòng dõi Đa-vít. Ông đã đưa dòng dõi hoàng gia trở lại Giê-ru-sa-lem. Ông chỉ dẫn khoảng 50.000 người từ chi phái Giu-đa và Bên-gia-min trở lại Xứ Hứa. Ông là một trong những tổ phụ trong cây phả hệ của Chúa Giê-su trong *Ma-thi-ơ 1*.

Lần thứ hai chỉ hơn 90 năm sau đó vào năm 458- TCN. Đoàn dân chỉ khoảng 1. 800 người đi theo thầy tế lễ *Ê-xơ-ra*. Ông cần đưa nhiều người Lê-vi trở lại để khôi phục đời sống tôn giáo. Trước đó chưa có người nào về vì họ không muốn về. Cần người Lê-vi về cũng là để khôi phục cấu trúc dân cư Y-sơ-ra-ên. Ông tập hợp thêm 38 người nữa. Xô-rô-ba-bên thì khôi phục đời sống xã hội còn Ê-xơ-ra muốn khôi phục đời sống tôn giáo.

Lần thứ ba, không lâu sau, từ năm 458 đến 444- TCN, *Nê-hê-mi* về và ông chỉ đưa một số thợ thủ công đi cùng mình vì họ muốn phục quốc về mặt vật chất - xây tường thành Giê-ru-sa-lem. Vậy là họ đã khôi phục đời sống xã hội, khôi phục đời sống tôn giáo và khôi phục lại đời sống vật chất vì họ cần một thành kiên cố để giữ an toàn trở lại, và tường thành Giê-ru-sa-lem chưa được xây lại cho tới khi Nê-hê-mi quay về.

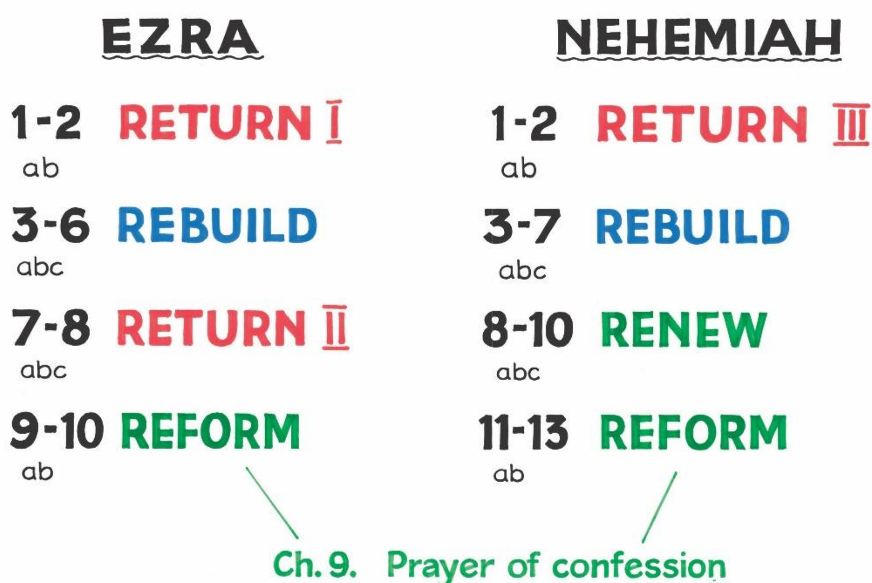
Bạn có thể thấy rằng dần dần, việc này xảy ra khá từ từ, đây là Xuất Ê-díp-tô Ký 2 nhưng không giống Xuất Ê-díp-tô Ký 1 lắm. Dường như việc này được thực hiện từng chút một, và một điều mà bạn có thể nhận thấy ngay là hầu như không có mấy người quay lại. Ý tôi là trong tổng số dân Do Thái hiện giờ thì đó là một con số rất nhỏ và không đáng kể vì cuộc sống tại Ba-by-lôn tốt hơn so với tại Ai Cập rất nhiều. Họ không phải làm nô lệ, họ đã bước vào kinh doanh. Người Do Thái mà đã kinh doanh thì dễ gì quay lại.

Tôi nghe được một câu chuyện hay về một doanh nhân Do Thái nhỏ bé tại New York. Anh ta mua một cửa hàng nhỏ, một cửa hàng tí hon kẹp giữa hai siêu thị, hay chuỗi cửa hàng khổng lồ. Anh ta tự hỏi không biết phải gọi cửa hàng nhỏ của mình là gì, nên anh ta gọi nó là Lối vào. Người Do Thái rất giỏi kinh doanh, họ luôn như vậy. Họ phải sống bằng trí khôn của mình; họ rất sắc sảo. Tôi e rằng tại Ba-by-lôn, họ đã trở nên những thương nhân giỏi. Đến thời điểm hồi hương sau 70 năm,

nếu bạn đã thiết lập một công việc kinh doanh được 70 năm thì không dễ để bỏ nó và trở lại với chốn nhỏ bé nghèo nàn không thể buôn bán gì.

Kết quả là phần đa người Do Thái ở lại Ba-by-lôn, chính từ những người Do Thái ở lại đó mà các nhà thông thái đã theo dấu ngôi sao đến Bết-lê-hem. Họ đã tìm kiếm ngôi sao là dấu chỉ. Tiên tri Ba-la-am đã nói rằng "một ngôi sao sẽ hiện ra từ Gia-cốp." Họ không phải là dân ngoại - những nhà thông thái từ phương đông là những người Do Thái bị bỏ lại ở Ba-by-lôn. Hassidim, các nhà thông thái của Y-sơ-ra-ên. Nên bạn thấy cách mọi thứ ăn khớp với nhau. Câu chuyện này thật sự rất kỳ diệu, càng hiểu về nó thì bạn càng thấy như vậy.

Chúng ta đang xét đến hai sách trong Kinh Thánh gọi là Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi, được đặt theo lần hồi hương thứ hai và thứ ba, tuy rằng thực tế, cả hai sách nói đến cả ba lần hồi hương; Xô-rô-ba-bên đóng vai trò nổi bật trong các sách, Ê-xơ-ra nổi bật trong cả hai sách, còn Nê-hê-mi nổi bật trong một sách. Nên bây giờ chúng ta sẽ xét đến hai sách đó và ấn tượng đầu tiên là chúng quá giống nhau. Khi tìm cấu trúc của hai sách và xem chúng gồm những phần nào, bạn sẽ phát hiện ra rằng hai sách đi theo khuôn mẫu giống hệt nhau, điều này bắt đầu chỉ ra một điều.



Tất nhiên rồi, hẳn là hai sách được viết bởi cùng một tác giả. Người đó là ai? Hơn nữa, văn phong quá giống với sách Sử ký, và trong Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ, hai sách Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi được gộp chung thành một sách, thậm chí sau này được gọi là 1&2 Ê-xơ-ra; đồng thời cũng được gộp với Sử ký. Tôi đoán rằng, và rất có thể là như vậy, rằng Ê-xơ-ra viết tất cả những sách đó. Ê-xơ-ra là một người cẩn thận trong việc ghi chép và có vẻ như ông đã viết sách Ê-xơ-ra, sách Nê-hê-mi và sách Sử ký - cũng nói luôn là ba sách này khá khác với sách Các vua. Nhưng xét ra thì cả hai sách đều có bốn phần; phần hai và phần bốn rất giống nhau. Xây dựng lại và cải tổ - xây dựng lại đất nước và cải tổ hay nắn sửa dân sự. Ba lần hồi hương kẹp giữa chúng.

Như vậy, sách Ê-xơ-ra ghi lại lần hồi hương đầu tiên theo Xô-rô-ba-bên - trong trường hợp đó là xây dựng lại đền thờ, sau đó đến lần hồi hương theo Ê-xơ-ra, rồi nắn sửa dân sự. Đó là một trong những đặc điểm đáng buồn nhất trong cả hai sách, ấy là dân sự ngựa quen đường cũ, họ quay lại với tội lỗi. Thật bi thảm! Họ đã phải trả giá bằng xứ của mình, họ đã tha hương 70 năm, nhưng khi trở lại, họ lại bắt đầu phớt lờ các mạng lệnh của Chúa. Con người thật dễ quên làm sao! Như vậy, chúng

ta có lần hồi hương thứ nhất theo Xô-rô-ba-bên - xây dựng lại đền thờ, tuy thất thường, và nhờ có A-ghê và Xa-cha-ri thì họ mới tiếp tục - đó là vai trò của hai tiên tri này; rồi đến lần hồi hương thứ 2, nắn sửa dân sự. Lần hồi hương thứ 3, xây lại tường thành, làm mới lại giao ước và lại nắn sửa dân sự. Lần nào cũng vậy, có vẻ như dân sự đã quên những tội lỗi từng khiến họ đánh mất xứ sở mình.

Đáng chú ý hơn thế là cấu trúc của cả hai sách. Không biết bạn có thấy chữ a,b; a,b,c và a,b,c và a,b nhỏ không - thật sự thì chúng ta sẽ thấy phần đầu của mỗi sách có hai tiểu mục. Phần hai có ba tiểu mục, phần ba có ba và phần bốn có hai - bên này cũng vậy. Chúng ta sẽ thấy phần đầu của Nê-hê-mi có hai tiểu mục, phần này ba, phần này ba, và phần này lại hai. Một cấu trúc rõ rệt đã được trù tính rất cẩn thận. Hai sách được biên soạn rất hay và cân xứng, hẳn là chúng có cùng một người biên soạn, và theo tôi thì người đó là Ê-xơ-ra. Có một nét tương đồng đáng chú ý khác. Chương 9 trong cả hai sách là lời cầu nguyện tuyệt vời để xưng tội cho cả nước, và nếu đã từng tham gia phong trào cầu nguyện của Anh Quốc trong vài năm vừa qua, bạn sẽ biết rằng hai chương đó rất nổi bật trong phong trào này. Cả hai sách đều có lời xưng tội công khai cho cả nước trước Đức Chúa Trời. Nên hai chương 9 này đều đáng đọc trong cả hai sách Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi.

Chúng ta đã nói quá nhiều về sự tương đồng giữa hai sách. Nên bây giờ hãy xét đến sách Ê-xơ-ra. Bạn có thể thấy ở đây có bốn phần, chỗ này là hai tiểu mục, ba tiểu mục, ba và hai. Có thể bạn nghĩ rằng đó là cách phân tích sách của riêng tôi, nhưng nếu mục sở thị hai sách thì bạn sẽ thấy phân tích tỉ mỉ theo chủ đề này dựa trên chính sách đó, một khuôn mẫu đặc biệt được biên soạn và tổng hợp rất hợp lý, thực ra là rất tài tình. Cả hai sách đều được viết bằng hai thứ tiếng khác nhau; đây là lần đầu tiên chúng ta gặp điều này khi nghiên cứu một sách Cựu Ước. Hai sách được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng A-ram. Tiếng A-ram là một dạng Quốc tế ngữ, một dạng ngôn ngữ thông dụng mà ai cũng nói được, cũng giống như nhiều năm sau đó, tiếng Hy Lạp trở thành một ngôn ngữ thông dụng mà ai cũng nói được trong thời Tân Ước.

Nhưng trong Cựu Ước, A-ram là một ngôn ngữ Semit thông dụng mà bạn có thể sử dụng ở bất cứ đâu trong vùng lưỡi liềm màu mỡ ở Trung Đông; họ đã tiếp xúc với tiếng A-ram khi bị lưu đày tại Ba-by-lôn, và tất nhiên, để kinh doanh thì họ phải học tiếng đó. Như vậy, nhiều người Do Thái nói tiếng A-ram và nhiều ghi chép mà họ mang từ chốn lưu đày trở về được viết bằng tiếng A-ram; một số ghi chép về cây phả hệ,... Trong sách Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi vẫn viết bằng tiếng A-ram, nên khi dịch hai sách sang tiếng Anh, người ta phải dịch từ cả hai thứ tiếng. Chỉ có một sách khác trong Cựu Ước được viết bằng hai thứ tiếng - sách Đa-ni-ên, cũng vì Đa-ni-ên được viết tại chốn lưu đày, còn hai sách này được viết ngay sau khi hồi hương. Như vậy, họ trở về và biết hai thứ tiếng. Họ trở về và nói được ngôn ngữ kinh doanh của dân A-ram và tiếng Hê-bơ-rơ của dân mình.

Nào, hãy tóm tắt sách một chút; mọi thứ đều rất rõ ràng rồi, nên tôi sẽ không chú giải từng chút một, nhưng sách bắt đầu với một người tên Si-ru. Lúc này ông là vua Ba Tư; người Mê-đi và Ba Tư đã chinh phục Ba-by-lôn, nên Si-ru là ông lớn ở đầu phía đông của vùng lưỡi liềm màu mỡ. Tuy cầm quyền một cường quốc nhưng ông lại là một người rất rộng lượng; chính sách của ông là một chính sách nhân từ. Rất thú vị là mãi từ thời Ê-sai, tức là từ rất lâu trước đó, Ê-sai đã biết tên Si-ru và nói: Chúa sẽ sai Si-ru, tôi tớ được xức dầu của Ngài để đem các ngươi trở về từ chốn lưu đày. Nhiều học giả không thể tin được rằng Ê-sai có thể biết cái tên đó từ trước, nên họ nói rằng điều này được viết sau sự kiện đó, nhưng Đức Chúa Trời biết cái tên này. Chúa phán rằng Ngài sẽ dấy người này lên để đưa họ trở lại và người này đã áp dụng chính sách tiến bộ như vậy với tất cả những dân mà Ba-by-

lôn đã đày khỏi quê nhà. “Ta sẽ cho các ngươi trở về xứ mình và ta sẽ khuyến khích các ngươi lập lại tôn giáo của mình, các ngươi cũng hãy cầu nguyện với Chúa của các ngươi cho ta.”

Ông không chỉ nói vậy với Y-sơ-ra-ên. Từ các ghi chép khảo cổ, chúng ta biết rằng ông đã nói vậy với tất cả những dân bị lưu đày tại Ba-by-lôn và thực sự là ông ta đang vơ đũa cả nắm. Ông ta đang bảo tất cả các dân cầu nguyện với thần của họ cho ông, nên thể nào chẳng có một chân thần. Như vậy, cùng với các nước khác, ông nói với Y-sơ-ra-ên rằng: các ngươi hãy trở về, xây dựng lại đền thờ và cầu nguyện với Chúa của các ngươi cho ta. Ông đã nói vậy với tất cả các nước, nhưng cũng nói vậy với Y-sơ-ra-ên; và bạn thấy bàn tay của Chúa trong điều này, đúng không? Vì 70 năm đã mãn, và Chúa đã dấy lên một vị vua rộng lượng có tấm lòng nhân từ, ông muốn họ hồi hương, trở lại với tôn giáo của mình. Ông không bảo họ xây lại bất cứ thứ gì khác, chỉ bảo hãy xây lại đền thờ của các ngươi, và hãy cầu nguyện cho ta tại đó. Như vậy là tất cả các nước đều cầu nguyện với tất cả các thần của họ cho ông. Thế nên tôi mới nói là ông vơ đũa cả nắm, đó là một chính sách bảo hiểm hay. Xô-rô-ba-bên là cháu trai của Giê-hô-gia-kin, nên ông thuộc dòng dõi hoàng gia của Đa-vít và được chọn để dẫn dân sự trở lại; vậy là Si-ru có khuyến khích họ lập lại vua.

Thực tế thì họ không bao giờ làm như vậy, nhưng ít nhất thì Si-ru cũng khuyến khích điều đó, ông bảo rằng Xô-rô-ba-bên và những người đi cùng có thể trở lên Giê-ru-sa-lem. Lúc đó họ đang ở vùng bằng phẳng và Giê-ru-sa-lem ở trên núi, nhưng từ đi lên hay trở lên mà tôi đã nói với bạn đó, trong tiếng Hê-bơ-rơ là Aliya, người ta dùng thuật ngữ đó cho đến ngày nay để chỉ những người rời các nước khác và di cư đến Y-sơ-ra-ên - họ Aliya, và đời tôi đã thấy nhiều chuyến Aliya. Điều đó thực sự bắt đầu vào khoảng năm 1875 khi những người Do Thái đầu tiên từ Châu Âu trở về Trung Đông, và từ đó đã có những chuyến Aliya - đi lên Giê-ru-sa-lem. Thực ra trong Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ thì đó chính là từ cuối cùng trong Cựu Ước, vì Sử ký là sách cuối cùng trong Kinh Thánh của họ. Từ cuối cùng trong Sử ký là “chúng ta hãy tiến lên hay trở lên,” chúng ta hãy Aliya, hãy trở lại.

Như vậy là Xô-rô-ba-bên đã trở lại và họ xây dựng lại. Ông đưa một thầy tế lễ thượng phẩm gọi là Jeshua, Giê-hô-sua hay Giê-su đi cùng. Điều đó không thú vị sao? Joshua, Jeshua, Jesu, cùng một từ, chính là Giê-su. Ông đi cùng thầy tế lễ thượng phẩm, và điều đầu tiên mà họ thực hiện khi hồi hương là lập một bàn thờ và dâng tế lễ. Trong suốt thời kỳ lưu đày, họ không thể dâng tế lễ nào vì không có đền thờ hay bàn thờ, và điều đầu tiên mà họ thực hiện khi hồi hương là dựng một bàn thờ lên, dâng của tế lễ.

Bạn có biết rằng đó là điều đầu tiên mà Áp-ra-ham thực hiện khi ông dựng lều của mình không? Hết lần này đến lần khác trong Sáng Thế Ký, Áp-ra-ham đã dựng lều mình và lập một bàn thờ. Điều đầu tiên mà Nô-ê thực hiện khi ông ra khỏi con tàu - lập một bàn thờ; và giờ đây, điều đầu tiên mà họ thực hiện khi hồi hương - họ lập một bàn thờ. Chính vào thời điểm đó mà họ gặp rắc rối. Lúc này Ạt-ta-xét-xe đã thay thế Si-ru và ông nhận được một bức thư từ người Sa-ma-ri. Người Sa-ma-ri lai giữa dân Do Thái và dân ngoại. Một số người Do Thái đã trốn lưu đày, họ sống chui lủi trong vùng đồi núi Giu-đê; họ kết hôn với những dân còn sót lại khác, hay những dân của nước khác, nên họ là con lai, họ là người lai.

Người Sa-ma-ri lai giữa dân Do Thái và dân ngoại, vì lẽ đó, những người Do Thái thuần chủng không thích họ lắm. Ngoài những điều khác thì họ đã trốn lưu đày, và từ đó trở đi, người Do Thái và người Sa-ma-ri không thể sống cạnh nhau; chính vì thế nên Chúa Giê-su mới kể cho người Do Thái câu chuyện người Sa-ma-ri nhân lành, Ngài đang chạm đến sự phân rẽ rất sâu sắc suốt từ khi họ hồi

hương. Còn người Sa-ma-ri không muốn người Do Thái thuần chủng trở về từ Ba-by-lôn. Lúc này họ đã lan ra và chiếm xứ đó, nên họ viết cho Ạt-ta-xét-xe một bức thư, và đã tạm ngăn được việc xây lại đền thờ. Họ đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng vì Ạt-ta-xét-xe là con riêng của chồng Ê-xơ-tê, nên ông rất có thiện cảm với dân Do Thái.

Sau đó, một bức thư khác được gửi từ Ba-by-lôn của một hoàng đế khác tên Đa-ri-út, Đa-ri-út Đệ nhất, và ông khuyến khích họ tiếp tục xây lại đền thờ. Nói cách khác, dân sự xây lại đền thờ rất manh mún, rất chậm. Có những lúc sự chống đối của người Sa-ma-ri khiến việc xây dựng phải ngừng lại. Có những lúc họ mệt mỏi với việc xây lại đền thờ và tập trung xây lại nhà mình. Nếu biết tiên tri A-ghê thì bạn sẽ biết rằng ông nói: "Nay có phải là lúc các ngươi ở trong nhà có trần bằng ván, trong khi đền thờ nầy còn đổ nát không?" và A-ghê phải thúc giục họ xây tiếp.

Thật khó để vực dậy tinh thần của họ vì đó chỉ là một nhúm người trong một xứ sở cằn cỗi, chỉ có thể xây dựng từng chút một khi có thể. Đừng quá nghĩ ngợi xem họ đã tiếp tục xây như thế nào, nhưng họ đã xây rất manh mún, cứ xây lại dừng, xây lại dừng. Chính trong thời Đa-ri-út Đệ nhất mà Đa-ni-ên bị ném vào hầm sư tử, bạn nhớ chứ! Như vậy là hết người này đến người khác, Chúa khiến những hoàng đế Ba-by-lôn này có thiện cảm với họ. Thật thú vị, Ngài đã chạm tới tấm lòng và khiến họ có thiện cảm với việc xây lại đền thờ của người Do Thái - bất chấp sự chống đối của dân Sa-ma-ri trong xứ.

EZRA
OUTLINE OF BOOK

1. RETURN I (1-2)
   a. CYRUS: decree to build temple (1)
   b. ZERUBBABEL: and co.'go up' (2)
2. REBUILD (3-6)
   a. JESHUA: altar & temple foundation (3)
   b. ARTAXERXES: letter received (4)
   c. DARIUS: letter received & sent (5-6)
3. RETURN II (7-8)
   a. EZRA: and co. 'go up' (7a)
   b. ARTAXERXES: letter sent (7b)
   c. LEVITES: 'go up' (8)
4. REFORM (9-10)
   a. Private intercession (9)
   b. Public confession (10)

Đoạn này cách đoạn trước 50 năm, rồi đến sự trở lại của Ê-xơ-ra, và Ê-xơ-ra được lệnh rằng ông có thể đi lên Giê-ru-sa-lem vào 80 năm sau Xô-rô-ba-bên, và ông được trao phận sự của một thẩm phán để thi hành luật pháp, thiết lập trật tự vì đã có những vấn đề liên quan đến điều đó. Lúc này, Ạt-ta-xét-xe gửi một bức thư khác và khích lệ những người Lê-vi hồi hương, đó là khi Ê-xơ-ra cố tìm thêm được 38 người tự nguyện. Rồi đến sự cải tổ hay nắn sửa. Ôi, đó là một phần đáng buồn! Ta thấy trước hết, Ê-xơ-ra cầu nguyện nơi kín nhiệm. Ông cầu thay cho dân sự, ông nói: Chúa ơi, xin hãy thương xót họ, hãy xem họ đang làm gì kia. Họ đang ngựa quen con đường cũ.

Nhưng điều đó dẫn đến lời xưng tội công khai và ông bắt những người có tội phải xưng tội công khai trước toàn dân, xưng những điều họ đang làm. Ông đã lập một danh sách đen. Ê-xơ-ra khá cẩn

thận, ông đã điều tra và lập một danh sách đen tất cả những người quay lại vi phạm các điều răn. Một trong những vi phạm phổ biến nhất của họ là kết hôn với dân ngoại. Họ kết hôn ngoài vòng dân sự Chúa. Dân Y-sơ-ra-ên bị cấm làm điều này. Cơ Đốc nhân cũng bị cấm làm điều này trong Tân Ước, và có người đã nói rất chí lý: nếu anh cưới con của ma quỷ thì anh sẽ gặp vấn đề với ông bố chồng, hay bố vợ, và đó là một khẳng định rất sâu sắc. Ôi, bao nhiêu người đã hy vọng và nghĩ rằng nếu họ cưới một người không tin Chúa thì anh ta sẽ được cải đạo. Thường là một người nữ Cơ Đốc cưới một người nam vô tín - không ích gì đâu. Sau đó là bao năm sầu khổ. Hãy kết hôn trong Đấng Christ, chớ mang ách chung với những kẻ chẳng tin.

Nhưng dân Y-sơ-ra-ên đã làm vậy. Có lẽ là giữa vòng họ không đủ vợ để lấy, tôi không biết. Nhưng Ê-xơ-ra nhất quyết phá vỡ những cuộc hôn nhân đó. Ông nói rằng: Chúa không chấp nhận nổi điều đó, phải bỏ đi, và ông chia tách họ. Tân Ước không bảo chúng ta làm vậy, nhưng Ê-xơ-ra rất nghiêm túc với việc này và theo Luật của Môi-se thì phải làm như vậy, phải đuổi vợ và con cái ngoại đạo đi, để dân Chúa có thể là dân Chúa. Ông còn lần tìm dòng dõi của một số người sang từ Ba-by-lôn nhưng không phải là người Do Thái chính gốc, ông xem cây phả hệ của họ và nói rằng: Đi đi, các ngươi không phải là người Do Thái, các ngươi chỉ giả dạng dân sự Chúa mà thôi.

Đại để thì đó là nội dung của sách Ê-xơ-ra. Nhưng điều thật sự đáng chú ý chính là Ê-xơ-ra, là con người ông. Để tôi nói một chút về ông. Tên ông nghĩa là "sự giúp đỡ." Thật thú vị khi tên Ê-xơ-ra nghĩa là "sự giúp đỡ" và Nê-hê-mi nghĩa là "sự an ủi," và nếu có một điều mà nhúm người hồi hương này cần đến thì đó là sự giúp đỡ và an ủi, và họ đã có điều đó. "Eza" là từ Hê-bơ-rơ để chỉ sự giúp đỡ, từ đó chúng ta có những cái tên nhất định như Ê-lê-a-sa, từ đó mà ra tên La-xa-rơ, nghĩa là sự giúp đỡ. Ông Ê-xơ-ra này là hậu duệ chính cống của A-rôn và Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn, sau đó là thầy tế lễ Phi-nê-a và Xa-đốc, như vậy là ông thật sự thừa kế chức tế lễ và ông mang Kinh Thánh theo mình, Luật của Môi-se, Ngũ kinh - năm sách đầu tiên của Kinh Thánh, và Kinh Thánh chép rất hay về người này. Người này là người của Kinh Thánh. Ông là người của Kinh Thánh, và có chép rằng ông đã làm ba điều với Kinh Thánh.

Hãy để ý đến ba điều và thứ tự của nó. Có chép rằng ông nghiên cứu, tuân giữ và dạy Kinh Thánh. Ôi, đó là cả một thách thức. Ông nghiên cứu, tuân giữ và dạy Kinh Thánh. Thực hiện cái đầu và cái cuối thì khá dễ, nhưng ông nhận ra rằng mình cần làm gương trong điều đó và để cả đời sống lẫn môi miệng mình lên tiếng. Nên ông đã nghiên cứu, tuân giữ và dạy Kinh Thánh, thật đẹp đúng không? Đó là một bài giảng cho các bạn, hỡi những giáo viên Kinh Thánh. Một con người tin kính, một người tin kính và rất tin cậy Chúa, một người ngay thẳng về đạo đức. Một người có thể khóc cho tội lỗi của những người khác. Bạn dễ khóc cho tội lỗi của mình khi nhận ra nó, nhưng để khóc cho tội của những người khác thì cần đến một con người tin kính. Trong toàn bộ sự dạy dỗ của mình, ông nhấn mạnh rằng cần vâng theo hay làm theo lời Chúa, không chỉ yêu thích lời Chúa, hay nói rằng lời Chúa thật tuyệt, mà cần vâng theo. Ông liên tục nói như vậy: vâng lời, làm theo, vâng theo lời Chúa. Hãy làm theo. Lời Chúa sẽ không ích lợi lắm nếu bạn không làm theo.

Theo truyền thống kể lại thì ông là Chủ tịch của Hội đồng 120 người Do Thái đã biên soạn Cựu Ước cho chúng ta và tập hợp các sách mà chúng ta gọi là Cựu Ước lại với nhau. Tôi không biết truyền thống đó có đúng không, nhưng người Do Thái tin như vậy. Rõ ràng là ông đã đặt nền tảng cho 400 năm sau vì 400 năm sau không có một tiên tri nào cả, tất cả Lời Chúa mà họ có chỉ là những lời của Đức Chúa Trời trong quá khứ, tức là Kinh Thánh thời bấy giờ. Có hai cách mà Chúa có thể nói cùng bạn: qua Lời Ngài trong quá khứ, tức Kinh Thánh; qua Lời Ngài trong hiện tại, tức lời tiên tri. Nhưng

nơi nào không có sự tiên tri thì bạn chỉ có Kinh Thánh mà thôi. Ê-xơ-ra đã đặt nền móng cho nhà hội dựa trên Kinh Thánh và từ đó trở về sau, buổi lễ trong nhà hội thực hiện theo trình tự mà Ê-xơ-ra hướng dẫn, thậm chí cho đến ngày nay; và kết quả là mọi buổi lễ trong nhà hội đều ngược hẳn với trình tự của hầu hết mọi buổi lễ Cơ Đốc.

Hội thánh thời đầu thì không như vậy, hội thánh thời đầu làm theo trình tự thờ phượng như nhà hội và tôi là một người tán thành điều đó, đến nỗi khi tôi làm mục sư tại Guildford, Anh, sáng Chúa nhật nào chúng tôi cũng theo trình tự làm lễ như nhà hội. Làm như thế hay hơn rất, rất nhiều so với trình tự Cơ Đốc sau này. Trình tự đó là Lời trước, Thờ phượng sau, là bạn lắng nghe Chúa trước khi bạn nói với Ngài, rằng thờ phượng là sự đáp ứng của bạn với những gì Ngài nói cùng bạn. Khi làm như vậy, sự thờ phượng trở nên ý nghĩa hơn và đa dạng hơn rất nhiều vì có lúc bạn cảm thấy muốn nhảy múa hát hò, những lúc khác thì bạn nghiêm túc và trong tâm thế ăn năn. Thay vì phải thúc giục người ta thờ phượng - tôi thật sự e ngại khi thấy người dẫn thờ phượng cố gắng "khiến chúng ta bước vào sự thờ phượng." Bạn không thật sự thờ phượng cho tới khi tâm trí bạn đầy dẫy Chúa. Khi bạn đến hội thánh, tâm trí bạn không đầy dẫy Chúa. Thường là phải mất 20 phút để bắt đầu. Bạn có thể tiết kiệm 20 phút đó bằng cách thờ phượng sau Lời Chúa, vì sau Lời Chúa, người ta sẽ đầy dẫy Chúa, họ sẵn sàng thờ phượng; thế mà chúng ta thường chỉ hát một bài thánh ca rồi kết thúc, thật quá đáng tiếc!

Nếu đến một nhà hội thì bạn sẽ thấy họ dành một tiếng để đọc và giải nghĩa Lời Chúa, rồi họ đáp ứng với lời trong sự thờ phượng. Đó là trình tự của hội thánh thời đầu và chính Ê-xơ-ra đã đặt ra trình tự đó, ông đặt việc đọc và giải thích Lời Chúa lên hàng đầu. Ông đã đặt một bục giảng bằng gỗ giữa phố chợ, ông đọc và giải thích Kinh Thánh cho họ và họ đáp lại bằng sự thờ phượng. Bạn dễ đáp ứng với Chúa sau khi nghe lời Ngài hơn nhiều. Cái đó lúc nào cũng canh cánh trong tôi, tôi tán thành điều đó, nếu đã đọc các cuốn sách của tôi thì bạn biết rằng tôi tán thành điều này - trở lại với trình tự thờ phượng quen thuộc với Chúa Giê-su và giống với hội thánh thời đầu, vì họ học điều đó từ nhà hội, họ học từ Ê-xơ-ra. Bắt đầu với Lời Chúa và tại Guildford, chúng tôi có một tiếng nghe Lời Chúa và nửa tiếng thờ phượng. Tiết kiệm được bao nhiêu thời gian vì sau khi đầy dẫy Lời Chúa, bạn muốn nói điều gì đó với Ngài, bạn sẵn sàng thờ phượng, bạn không phải thúc giục: "Anh chị em ơi, bên ngoài có mưa đâu, hãy thờ phượng Chúa nào! Tôi thấy chúng ta chưa thực sự bước vào sự thờ phượng đâu," bạn biết kiểu đó chứ? Nó trở thành sự thúc giục của con người. Nhưng sau khi bạn đầy dẫy Chúa và đang nghĩ đến Ngài, bạn đã quên những sự khác và đầy dẫy Ngài thì bạn sẵn sàng thờ phượng.

Phần quảng cáo kết thúc tại đây. Con người tin kính này đã đặt nền móng và trong 400 năm sau đó, họ không có tiên tri mà chỉ có các thầy thông giáo; thầy thông giáo là những người nghiên cứu và giải nghĩa Lời Chúa và lúc nào cũng vậy, khi không có lời tiên tri thì các thầy thông giáo chia thành phe bảo thủ và phe tự do; và bạn có các học giả Kinh Thánh bảo thủ và các học giả Kinh Thánh tự do. Phe bảo thủ tin vào sự sống lại và sự sống đời sau. Họ được gọi là người Pha-ri-si. Còn phe tự do không tin vào sự sống lại và sự sống đời sau, nên họ là phe Chán-đủ-bề (hay Sa-đu-sê) - và tôi nhớ tên họ theo cách đó. "Phe-ròm-xa" (Pha-ri-si) và Chán-đủ-bề, nhưng tất cả những tranh luận về cách giải nghĩa Kinh Thánh nổi lên, các học giả Kinh Thánh và các nhà thần học lại có đất diễn.

Thú vị là khi Chúa Giê-su đến, đoàn dân đông lắng nghe Ngài một cách thích thú vì Ngài dạy cách có thẩm quyền, chứ không như các thầy thông giáo. Bạn có thể phân biệt được khi một người chỉ học từ sách vở và khi anh ta biết mình đang nói cái gì. Có lần tôi cả gan giảng một loạt bài về Đức Thánh Linh - 20 bài giảng, trước khi tôi được báp-têm Thánh Linh! Càng gần sách Công Vụ thì tôi

càng thấy khó nhằn, và rồi Chúa thương xót, Ngài báp-têm Thánh Linh cho tôi. Sáng Chúa nhật tuần sau, tôi lại lên giảng và dùng chính những ghi chú cũ, tôi nghĩ mình vẫn là người giảng cũ thôi, nhưng sau giờ có một cậu thanh niên lên gặp tôi. Cậu ấy nói: "Tuần này mục sư có gì mới ạ?" Tôi hỏi: "Sao thế?" Cậu ấy nói: "Thấy mục sư khác." Tôi hỏi: "Khác như nào?" Cậu ấy trả lời: "Thì tuần này mục sư biết mình nói cái gì." Cậu đó từng là thợ mộc, giờ thì đã là mục sư tại Bristol, Anh. Gần đây, cậu có một buổi nhóm được phát trên truyền hình vào sáng Chúa nhật. Nhưng cậu đã từng bảo tôi: "Lần này thì mục sư biết mình đang nói cái gì."

Tất nhiên là bạn có thể học được tất cả những điều đó từ sách vở, họ đã làm như vậy trong khoảng 400 năm. Họ cứ tranh luận giữa quan điểm bảo thủ và tự do. Rồi Chúa Giê-su đến, đoàn dân đông lắng nghe Ngài một cách thích thú: Ngài biết mình đang nói cái gì. Ngài nói như một người có thẩm quyền. Nhưng chính Ê-xơ-ra là người đã đặt nền móng cho việc đọc Kinh Thánh trong nhà hội và đặt nó làm ưu tiên hàng đầu trong sự thờ phượng buổi sáng, nhờ đó mà họ hiệp nhất được trong suốt 400 năm không nghe tiếng Chúa. Họ đã có Kinh Thánh, họ đã nghiên cứu và đọc Kinh Thánh. Họ đã tìm tòi trong đó, nhưng tôi e rằng họ không thấy được điều cần phải thấy. Chúa Giê-su phán: Hãy tra cứu Kinh Thánh, vì cả Kinh Thánh đều nói về Ta, Ngài đang nói về Cựu Ước, và bạn cần tới Thánh Linh để có thể làm như vậy.

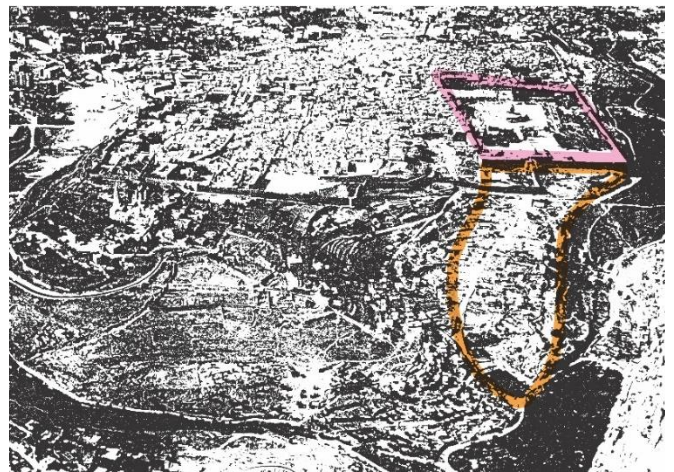
SÁCH Ê-XƠ-RA và NÊ-HÊ-MI - Phần 2

Như ở phần trước đã biết, ta hình dung ra ngay *bố cục và cấu trúc* của sách Nê-hê-mi, có bốn phần với các tiểu mục trong đó.

DÀN Ý NÊ-HÊ-MI

1. LẦN HỒI HƯƠNG THỨ III (1-2)
   - a. Nhận tin buồn (1)
   - b. Khám phá bí mật (2)
2. TÁI XÂY DỰNG (3-7)
   - a. Những sự chống đối (3)
   - b. Đối diện với khó khăn (4-6)
     - i. Sự chống đối bên trong.
     - ii. Sự chống đối bên ngoài
   - c. Kiểm tra dân số(7)
3. LÀM MỚI LẠI GIAO ƯỚC (8-10)
   - a. Đọc Kinh Thánh (8)
   - b. Xưng tội (9)
   - c. Hứa nguyện đầu phục (10)
4. TÁI ĐỊNH HÌNH (11-13)
   - a. Số lượng dân cư (11)
   - b. Chất lượng thuộc linh (12-13)
     - i. Chống thâm ô
     - ii. Tái lập ngày sa-bát
     - iii. Loại bỏ hôn nhân ngoại tộc
     - iv. Bắt mọi ngời nhận lấy trách nhiệm

Sách bắt đầu bằng sự kiện *lần hồi hương thứ ba*. Lúc này *Nê-hê-mi* đang là quan tửu chánh của vua Ạt-ta-xét-xe, vương quốc Ba-by-lôn. Có lẽ ông nhận việc này qua Ê-xơ-tê, cô gái Do Thái được tôn làm hoàng hậu, vì Ạt-ta-xét-xe là con riêng của chồng Ê-xơ-tê. Công việc không được hay ho lắm, nhưng nó quan hệ đến bảo toàn tính mệnh nhà vua, nên đã khiến ông trở thành người tâm giao với Hoàng đế.



Thành cổ Giê-ru-sa-lem là phần ngoài bức tường hình vuông

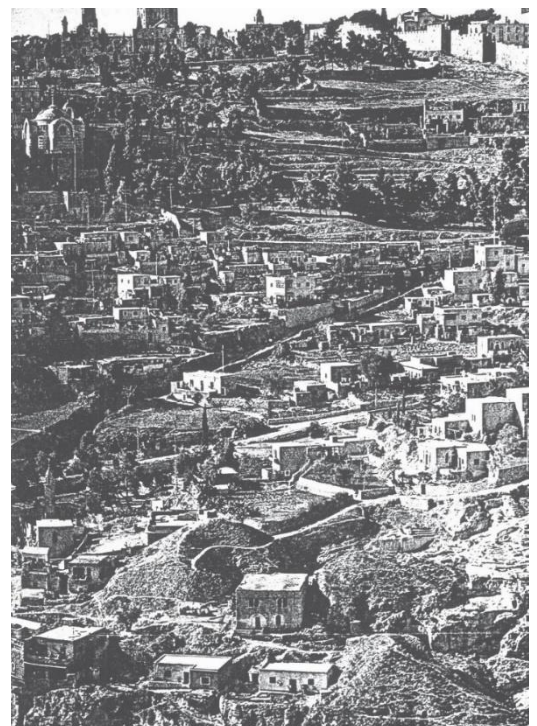
Nhận tin buồn: Nê-hê-mi được tin tường thành Giê-ru-sa-lem đã được xây lên lại bị kéo đổ, dân quanh thành quá tức giận, khi thấy thành bị phá nhanh không kém lúc xây lên. Nhìn ông quá sầu não đến nỗi nhà vua hỏi: "*Có chuyện gì thế? Trước giờ ta có thấy ngươi buồn bao giờ đâu.*" Kinh Thánh chép Nê-hê-mi cầu nguyện rồi mới tâu với vua:*"Chúa ơi, con phải nói gì đây..."* Vua nghe lời tâu có

thần như vậy thì nói: *"Ngươi luôn là bạn tốt của ta, Nê-hê-mi ạ. Ta sẽ ban cho ngươi thẩm quyền để trở về, xây lại các tường thành và hơn nữa, ta sẽ đưa cho ngươi thư gửi những người có vật liệu để họ cho ngươi đủ vật liệu xây lại tường thành". -Bí mật thám sát:* Một đêm để không ai hay biết, ông đã một mình đi xem xét vòng quanh những bức tường đổ nát, đếm các cổng, đo chiều dài các đoạn tường cần xây lại. Ông không vội vã làm một cách liều lĩnh, cần biết rõ việc cần làm trước khi bắt đầu. Đến Giê-ru-sa-lem ngày nay, người ta đã hình dung sai về vị trí thực của thành thời Cựu Ước, nhìn vào những bức tường rất cổ của thành cổ hiện tại và nghĩ rằng đó là thành Giê-ru-sa-lem cổ. Không phải, đây là những bức tường mới được vài trăm tuổi được Sulieman Đại đế xây trong thời Thập tự chinh.



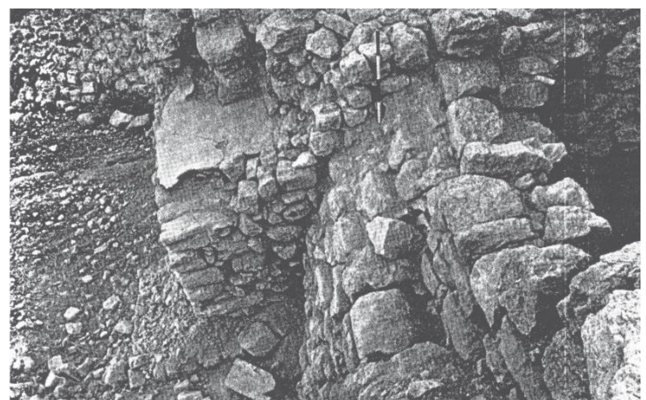
Thành cổ Giê-ru-sa-lem

Thành cổ chính thức lại nằm ngoài bức tường hiện tại, *ở phía nam khu đền thờ* hiện nay. Có thể mô tả kỹ hơn về nó, đây là khu vực có Nhà thờ Hồi giáo Omar và Al-Aqsa ngày nay, rộng khoảng 5 héc-ta, có một bệ đá lớn trên đỉnh đồi, và có con đường đi thẳng xuống giữa sườn núi, là con đường chính của thành Giê-ru-sa-lem cổ. Ở đây có thung lũng Kết-rôn, thung lũng quyết định, thung lũng phán xét, có đầy mộ địa, và hai thung lũng nhỏ hơn ở giữa là Hi-nôm, Ben Hi-nôm. Ba thung lũng này chập lại và đổ ra Biển Chết. Chính trên sườn núi giữa hai thung lũng này có thành cổ của người Giê-bu-sít, *thành Sa-lem* với thầy tế lễ nhà vua *Mên-chi-xê-đéc*. Sa-lem nghĩa là *thành hòa bình* - Shalom, Salaam, Salem. Phần đất hình lưỡi này thực sự là thành cổ, đền thờ được xây phía trên thành. Cung vua Đa-vít nằm ngay dưới đền thờ, còn nhà dân ở phía dưới. Vấn đề sinh tử của thành là *nước*. Có một dòng suối ở bên ngoài, khi kẻ thù đến, chúng có thể chặn nguồn nước lại, nên Ê-xê-chia đã đào một đường hầm xuyên qua quả đồi dẫn nước vào hồ Si-lô-ê ở trong thành. Ngày nay bạn vẫn có thể đi qua đường hầm đó. Các đia danh: khu đền thờ, thung lũng Kết-rôn, thung lũng Ben Hi-nôm,... Đó là thành Giê-ru-sa-lem thời Cựu Ước với đền thờ ở phía trên.



Hình chụp ngang thành cổ, tại đây họ đã tìm thấy bức tường của Nê-hê-mi

Có thể là bạn sẽ thích chút khảo cổ học này. Bức hình kia chụp ngang qua đây, chụp ngang qua xứ này từ phía đông, từ chỗ này, chụp ngang qua sườn núi nên bạn có thể thấy thành cổ và thực tế, trong hình đó, bạn có thể thấy một số công trình khai quật đã được thực hiện trên thành Cựu Ước cổ và tại đây, họ đã tìm thấy bức tường của Nê-hê-mi.



Những phiến đá mà Nê-hê-mi đã xây

Tới nay, đó là phần duy nhất mà người ta tìm thấy, nhưng đây chính là những phiến đá mà Nê-hê-mi đã xây. Tôi thấy điều này thật hấp dẫn. Tôi không quan tâm đến khảo cổ học cho tới khi tôi quan tâm đến Kinh Thánh, thật đấy, nhưng khảo cổ học trở thành một bộ môn hấp dẫn vì chính mắt bạn nhìn thấy, đó chính là những tảng đá mà ông đã giám sát. Tất nhiên, mỗi nhà xây một phần tường thành đối diện nhà mình. Ông đã sắp đặt rất hay. Ông phải phân người canh gác, một tay họ làm việc, tay còn lại cầm gươm. Họ sẵn sàng đối mặt với bất cứ điều gì xảy ra, nhưng thực tế đáng ngạc nhiên là ông đã cho dân sự xây xong toàn bộ tường thành trong 52 ngày, 7 tuần rưỡi, chưa đến hai tháng. Kinh Thánh chép rằng "dân chúng đều hết lòng làm việc," vậy là mỗi gia đình xây một chút tường bên ngoài nhà mình, vòng quanh thành. Họ có các cổng, dựng các trụ cổng trước, cuối cùng là các cổng, và lần đầu tiên, thành đó được an toàn.

Họ gặp nhiều khó khăn trong suốt thời kỳ xây dựng, khởi đầu từ bức tường rào. - Những *chống đối từ bên ngoài*, đầu tiên là chế giễu, cười nhạo, dân lai Sa-ma-ri đến bảo: *một con chồn có thể xô đổ tường!* Chế nhạo không ăn thua thì hăm dọa, mua chuộc. Thậm chí chúng ủ mưu và cố nhử cho Nê-hê-mi xao nhãng công việc: *"Nào, ta hãy thương lượng với nhau chút, hãy kết tình bằng hữu, anh qua chỗ chúng tôi đi, ta sẽ thương lượng."* Nê-hê-mi nói không, tôi đang bận xây tường thành. - *Những khó khăn nội bộ,* là phần đáng buồn. Phía trong các bức tường, người giàu ngày một giàu lên còn người nghèo ngày một nghèo đi, vì chuyện *vay mượn tiền*. Dân Do Thái lại rất có tài cho mượn tiền. Điều này rất tệ giữa vòng dân Chúa nên Nê-hê-mi phải xử lý điều đó, muốn dàn đều mức kinh tế giữa vòng dân sự. Nhưng vẫn có rất ít người muốn sống trong thành. Phần lớn đều sống rải rác để dễ bề bỏ chạy khi kẻ thù đến, nên ông phải đi ra và gần như bắt dân sự đến sống trong thành. Họ đã xây nhà, ông đi thuyết phục từng gia đình một "*Này, thành đã an toàn rồi, hãy đến sống trong đấy đi."* Và đặc biệt, ông có danh sách con cháu của những người sống tại Giê-ru-sa-lem, những người thân thích trong các gia đình, thuyết phục họ vào thành. Ông thực hiện kiểm tra dân số để biết mọi người đang ở đâu, và có tổng cộng 42. 360 người Do Thái, 7. 337 đầy tớ và 245 người ca hát. Ông liệt kê những người ca hát vì muốn khôi phục lại mọi nghi lễ trong đền thờ khi thờ phượng Chúa.

Đây chính là lúc Ê-xơ-ra *đọc Kinh Thánh* trước dân chúng từ bục gỗ của mình, và có chép rằng ông không chỉ đọc mà *còn giải nghĩa* cho người ta hiểu. Các bạn nên nhớ *rất cần đọc Kinh Thánh thành tiếng và đọc trọn vẹn một lần.* Trong Hội thánh ngày nay, nhiều người chưa bao giờ nghe toàn bộ câu chuyện, họ chỉ nghe được mười câu vào Chúa Nhật tuần này, ở sách này, rồi mười câu khác vào Chúa nhật tuần sau, ở sách khác, chỉ thấy được vài mẩu ngắn ngủi, lắt nhắt. Không thể nào nhận được thông điệp từ Lời Chúa theo cách đó. Khi ngồi lại cùng nhau và nghe cả sách được đọc thành tiếng, họ sẽ nghiện Kinh Thánh. Nhưng cũng cần giải nghĩa để không chỉ khiến người chú ý đến sách mà để *thấy mục đích và ý định của Chúa được bày tỏ*, đó là điều Ê-xơ-ra đã làm. Sau đọc Kinh Thánh ông tan vỡ trong sự than khóc và xưng nhận.

Có một *điểm khác biệt rõ rệt giữa Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi. Ê-xơ-ra* coi một hoàn cảnh nào đó là lúc để than khóc, thì Nê-hê-mi lại bảo họ mở tiệc và tận hưởng nó. Trong bạn đôi lúc cũng có sự khác biệt này đúng không? Ê-xơ-ra than khóc vì những tội lỗi mà Lời Chúa bày tỏ, nhưng Nê-hê-mi lại nói: "Đây là một dịp thật tuyệt vời!" Việc này được thực hiện tại Lễ Lều tạm, là lễ mùa gặt của họ. Đó là một dịp hân hoan và thực tế, các Rabbi Do Thái sẽ bảo bạn rằng nếu anh không đầy vui mừng vào Lễ Lều tạm tức là anh đang phạm tội. Đó là một kỳ lễ để ăn mừng, nên Nê-hê-mi nói: Hãy tận hưởng, ăn những bữa ngon nhất. Ông khích lệ họ nấu những bữa ăn thật ngon và ăn mừng. Chúng ta

cần cả hai, chúng ta cần than khóc và cần vui mừng. Có kỳ khóc lóc, có kỳ vui cười. Chúng ta là người khôn ngoan nếu *nhận biết đúng thời kỳ*.

Ê-xơ-ra bảo họ *làm mới lại giao ước*. Ông bảo họ hứa nguyện đầu phục Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên một lần nữa. Thực ra thì Nê-hê-mi cũng phải cải tổ. Tôi hay nói rằng Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi khác nhau ở chỗ *Ê-xơ-ra nhổ tóc mình* còn *Nê-hê-mi túm tóc những người khác*. Nê-hê-mi có lẽ hướng ngoại hơn, ông đã túm tóc những người Y-sơ-ra-ên phạm tội theo đúng nghĩa đen. Ông cũng phải *xử lý việc kết hôn với dân ngoại*, chia tách họ. *Người bị túm tóc* chính là những người nam cưới những cô gái người ngoại, và ông gọi sự rủa sả đến trên họ. Ông cũng phải xử lý *nạn tham ô*. Tôi e là có những Giu-đa Ích-ca-ri-ốt trong thành, những người biển thủ tiền dành để thăm nom những người khác. Ông phải xử lý *việc phạm đến ngày Sa-bát* vì những thương nhân hồi hương từ Ba-by-lôn, tại thị trường mới khó khăn, họ phải tham công tiếc việc, đã mở cửa hàng vào ngày Sa-bát, buôn bán vào ngày Sa-bát. Nê-hê-mi đã nhất quyết đóng các cổng thành vào mọi ngày Sa-bát để họ không thể vào ra buôn bán được. Đối phó lại, họ đóng trại ngoài các cổng thành, và ông lại phải xử lý việc đó. Như vậy, *Nê-hê-mi giống như nhà cải tổ*. Trên hết, có những *thầy tế lễ xao nhãng nhiệm vụ* trong đến thờ và ông phải chỉnh đốn lại. Vậy là cả Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi không chỉ phải xây dựng điều này điều kia, nhưng họ phải chỉnh đốn dân sự, và họ đã làm điều đó cách mạnh dạn. Thậm chí là không thương xót.

Hãy xét đến con người Nê-hê-mi

Về tổng thể thì phần nhiều mọi người có cảm tình với Nê-hê-mi hơn với Ê-xơ-ra. Không biết là bạn có phản ứng đó không. Nê-hê-mi có gì đó thú vị hơn một chút, nhất là ông lại vui vẻ, ông khích lệ người ta vui lên, và ông nói: *"Sự vui vẻ về Đức Giê-hô-va là sức mạnh của anh em..."* Ê-xơ-ra quá bận khóc than về họ. Thực chất thì họ là một cặp đôi hoàn hảo, họ đã cùng nhau phục quốc. Sự giúp đỡ và niềm an ủi song hành với nhau, niềm vui và nỗi buồn cũng vậy. Chúng ta cần cả hai, chúng ta cần sự quân bình. Nhưng có những điều tôi để ý thấy ở Nê-hê-mi khiến tôi thực sự ấn tượng. Chúng ta có cảm giác mình hiểu ông. Ông thẳng thắn nói ra cảm xúc của mình hơn Ê-xơ-ra. Ông nói nhiều hơn về chính mình, ông tự thuật nhiều hơn. Có nhiều đoạn xưng "tôi" hơn, và điều đó cho chúng ta biết bốn điều về ông.

Đầu tiên, ông là một *người hay cầu nguyện*. Nếu Ê-xơ-ra là người của Kinh Thánh thì Nê-hê-mi là con người của sự cầu nguyện. Lại một lần nữa, họ bắt cặp với nhau. Điều nổi bật nhất về Nê-hê-mi là trước khi làm gì đó, ông cầu nguyện. Chúng ta có một số *lời cầu nguyện dài* và một số *lời cầu nguyện rất ngắn* từ ông. Cầu nguyện dài hay ngắn không quan trọng, quan trọng là phải sâu sắc. Từ ông có một số *lời cầu nguyện công khai*, một số *lời cầu nguyện riêng tư*, những *lời cầu nguyện trước khi diễn ra sự việc* và những *lời cầu nguyện sau khi diễn ra sự việc*. Người này cứ thế trò chuyện với Chúa về mọi thứ, *con người của sự cầu nguyện*.

Thứ hai, ông là một *người thực tế*. Tôi thích điều đó. Cực kỳ thực tế, ông giỏi sắp xếp. Một số người đầu óc cứ ở trên trời nên không được tích sự gì ở dưới đất, bạn biết điều đó. Nhưng không phải người này. Con người của sự cầu nguyện này là một người thực tế, ông không ngại để tay mình lấm bụi. Ông giỏi sắp xếp, ông nghiên cứu các cổng và tường thành. Đầu óc của ông không ở trên mây, ông là một người thực tế. Chẳng phải là rất tuyệt vời khi ông vừa thực tế vừa năng cầu nguyện đó sao?

Thứ ba, ông là một *người giàu tình cảm*. Một người có những cảm xúc sâu sắc. Có những lần ông cực kỳ sầu não. Nhưng phần nhiều thì ông là một người vui vẻ, ông khích lệ những người khác vui vẻ về Đức Giê-hô-va, vui mừng và nhận lấy sức mạnh từ sự vui mừng, điều đó thực sự khiến một người trở nên mạnh mẽ. Nhưng ông có thể tức giận, ông có thể túm tóc người ta.

Nhưng *trên hết,* ông là một *người quảng giao*. Tôi không nghĩ là Ê-xơ-ra có thể làm điều Nê-hê-mi đã làm vì Nê-hê-mi hòa hợp với dân sự. Ông quản lý nhân sự một cách xuất sắt. Ông có thể bảo những người khác thực sự làm việc. Ê-xơ-ra là một người sống nội tâm nhiều hơn, trong khi Nê-hê-mi là một người có thể thật sự đồng hành, ông có thể xắn tay áo lên với những người giỏi nhất giữa vòng họ và bằng một cách nào đó, khi ông ở bên cạnh, họ làm việc kết quả hơn. Họ hết lòng làm việc, *"Có người này, chúng ta sẽ làm được."* Ông có thể vực tinh thần họ lên, ông có thể khích lệ họ tiếp tục khi họ yếu mòn. *"Nào các anh chị em, ta sẽ làm xong công việc này!"* Luôn có điều gì đó rất hấp dẫn ở một người như vậy.

Thú vị ở chỗ, khi nói đến công việc, ông không nói *"tôi"* mà luôn nói *"chúng ta."* Lúc ông đi một mình, khi xem xét tường thành, ông viết "*Tôi* đi quanh tường thành," nhưng khi xây dựng thì ông viết "Vậy *chúng tôi* xây cất tường thành..." Ông *ghi nhận công sức của mọi người*. "Chúng ta đã tiếp tục làm việc, chúng ta đã dồn tâm sức vào làm và chúng ta đã xây xong trong 52 ngày." Có gì đó rất hấp dẫn ở một người như thế. Ông không nói *"*tất cả đều nhờ *tôi* mà đạt được, *tôi* làm hết*,"* không, *"chúng ta* đã làm được*..."* Có một *sự quân bình* nơi tính cách của ông: *năng cầu nguyện và rất thực tế*, *vui mừng và buồn bã*, *cương và nhu*, *nhạy bén với Chúa và nhạy bén với dân sự*. Một sự quân bình tuyệt vời nơi tính cách của người này và tôi nghĩ *chúng ta cần được truyền cảm hứng từ những nhân vật Kinh Thánh* để noi theo những điều tốt đẹp nơi họ và tránh những sai lầm của họ nếu có thể.

Tại sao lại phải nghiên cứu lịch sử từ xa xưa như vậy?

Những sự kiện ấy thì có liên quan gì đến chúng ta, khi họ cùng ta cách nhau nhiều ngàn cây số và thời gian sau mãi 2.500 năm. Chúng ta đang nói đến những sự kiện thú vị và những nhân cách truyền cảm hứng. Nhưng thực sự thì *chúng ta đang đọc câu chuyện của Chúa và dân sự Ngài*, một Đức Chúa Trời ràng buộc chính mình trong giao ước với một dân tộc, một quốc gia. G*iờ đây Ngài ràng buộc chính mình với chúng ta trong giao ước mới.*

Hãy để ý cách Nê-hê-mi nói về *"Đức Chúa Trời của tôi."* Đức Chúa Trời của tôi sẽ làm điều này. Đức Chúa Trời của tôi đầy quyền năng. Đức Chúa Trời của tôi sẽ thấy công việc được làm trọn. Ở đây, chúng ta lại có hình ảnh *Đức Chúa Trời giữ lời* và chúng ta cần nhớ rằng Ngài hứa với dân sự hai điều: *chúc phước cho sự vâng lời của họ và rủa sả sự bất tuân của họ*. Đức Chúa Trời giữ lời hứa này sẽ giữ lời hứa kia. Thực tế là Ngài đã khiến họ phải đi lưu đày, cũng chỉ tỏ rằng Ngài đã giữ lời với họ. Nếu bạn đọc *Lê-vi Ký 26: 44* thì thấy Ngài có hứa nhổ họ khỏi Xứ Hứa nếu họ không biết điều và Ngài đã giữ lời.

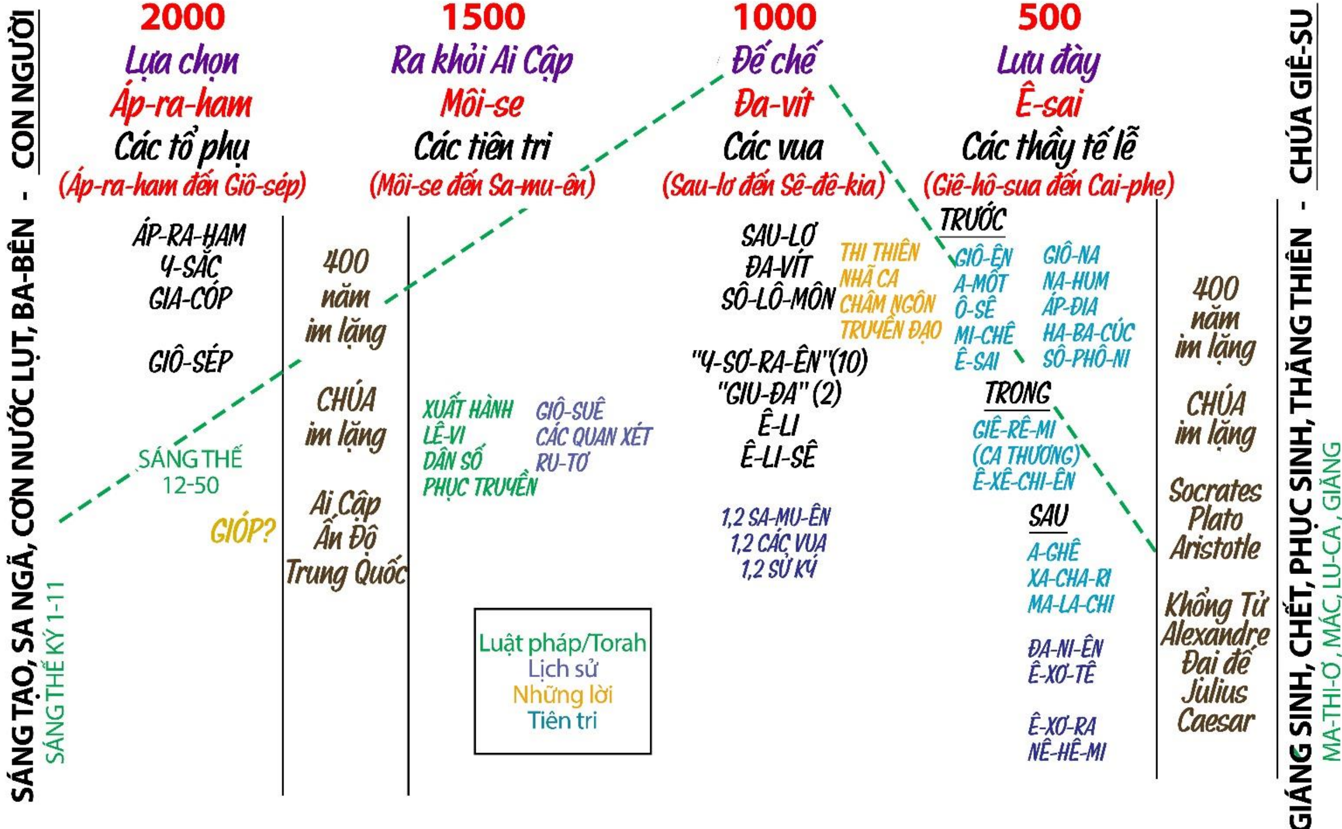
Tại sao *lại là 70 năm?* Chúng ta biết lý do ở cuối sách Sử ký. Một trong những điều luật của Chúa là *đất đai cần được hưởng ngày Sa-bát không kém gì con người*. Chúa ra lệnh rằng cứ đến năm thứ bảy, họ không được thu hoạch hoa màu trong xứ, không được trồng cấy, để đất được nghỉ ngơi, nhờ đó mà tới năm sau nó sẽ sinh hoa lợi nhiều hơn. Họ đã không làm như vậy trong 500 năm, vậy là đất đó đã mất bao nhiêu năm nghỉ ngơi? 500:7 sấp sỉ 70! Cuối sách *Sử Ký*, Chúa đã phán: "Nếu các ngươi không cho đất được nghỉ ngơi thì Ta sẽ cho, và xứ đã không được nghỉ ngơi 70 năm nên các ngươi sẽ phải đi 70 năm." Điều đó không công chính sao? Nên cuộc lưu đày mới kéo dài đúng 70

năm, xứ đó phải được nghỉ ngơi xứng đáng. Chúa đã giữ lời Ngài. Ngài đã hứa ban thưởng cho người công bình và trừng phạt kẻ gian ác. Ngài sẽ thực hiện cả hai vì *theo giao ước, Ngài phải làm cả hai*. Điều này sẽ áp dụng với dân Ngài cũng giống như bất cứ người nào khác. Phao-lô khi viết cho Cơ Đốc nhân đã nói rằng: *"Tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ để mỗi người nhận lãnh tùy theo những gì mình đã làm lúc còn trong thân xác."* Tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ. Đức Chúa Trời sẽ giữ lời Ngài.

Trong cả hai sách Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi, cho ta thấy *Chúa làm việc cách kín nhiệm*. Khi không có những lời tiên tri, những phép lạ trong hai sách, thì càng thấy Chúa làm việc một cách kỳ diệu và thầm lặng. Đầu tiên là *Ngài hành động qua những người lãnh đạo ngoài vòng dân Chúa* như Si-ru và Ạt-ta-xét-xe. Chúa có thể hành động qua *những người không biết Ngài*. Nếu có *người chưa tin Chúa* phỏng vấn bạn thì bạn vẫn có thể cầu nguyện rằng *Chúa sẽ chuẩn bị tấm lòng của họ* khi bạn đến. Chúa hành động một cách thầm lặng để ai đó sẵn sàng trước khi bạn đến. Bạn cứ nghĩ đó không phải là trận chiến nhưng đó thật là trận chiến. Ngài không cần phải rẽ những Biển Đỏ, dù Ngài có thể hành động theo cách đó. Ở đây, Ngài hành động bằng cách dấy *Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, Xô-rô-ba-bên, Giê-hô-sua* lên, dấy đúng người vào đúng thời điểm, cùng những lãnh đạo phù hợp cho dân Ngài. Điều đó cũng tuyệt vời không kém gì các phép lạ. Chúa hành động cách nào đó cũng là để làm trọn mục đích của Ngài.

Một bài học thấm sâu bền lâu. Những người hồi hương lại sa vào tội lỗi, một tội mà họ không bao giờ sa vào lần nữa, ấy là *tội thờ thần tượng*. Cho tới ngày nay, người Do Thái khiếp đảm tội thờ thần tượng đến nỗi họ đã không bao giờ thờ thần tượng thêm nữa, sẽ không bao giờ. Nhưng họ *trở lại những tội khác*, và đó là bi kịch. Winston Churchill, thủ tướng Anh quốc đã viết lại trang sử hào hùng về Thế Chiến thứ hai trong một *Hồi ký* sáu tập, một tác phẩm lôi cuốn. Tập sáu có cái tên rất thú vị *"Thắng trận và Thảm kịch,"* chủ đề của nó là "Cách những nền dân chủ chiến thắng và nhờ đó có thể tiếp tục thực hiện những hành động điên rồ suýt làm họ phải trả giá bằng mạng sống mình..." Bản chất con người là như vậy. Tuy người Do Thái không trở lại với tội lỗi thờ thần tượng nữa, nhưng đã trở lại những tội khác. Nên kết quả là *Chúa đã ngừng phán với họ trong 400 năm*. Chúa không làm phép lạ hay ban cho họ một sứ điệp nào trong suốt bốn thế kỷ. Ngài đợi đến kỳ được trọn, rồi sai con Ngài, Chúa Giê-su đến cùng họ.

Nên thật sự là với *Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi* cùng hai tiên tri *A-ghê* và *Xa-cha-ri,* tất cả đều quan tâm đến việc phục quốc. Cuối cùng là *Ma-la-chi,* vị tiên tri cuối cùng có lời cuối cùng của ông cho Y-sơ-ra-ên trong bốn trăm năm đó, lại là từ *"rủa sả"* hay *"nguyền rủa."* Đó cũng là từ cuối cùng trong Cựu Ước. Nhưng chính Ma-la-chi cũng vẫn trông mong sự trở lại của một tiên tri như Ê-li, *được sai đến để thông báo về vị sứ giả cuối cùng của Đức Chúa Trời.* Chúng ta sống ở phần sau của Cựu ước nên biết được tất cả đã ứng nghiệm ra sao.



Hãy nhìn lại biểu đồ của Cựu Ước và xem chúng ta đang ở đâu. Chúng ta đang xem xét Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi, hai sách lịch sử cuối cùng của Cựu Ước. Còn *Ma-la-chi*, vị tiên tri cuối cùng cho 400 năm xếp ở một vị trí khác. Vì sách *Ma-la-chi* và *Ma-thi-ơ* được đặt cạnh nhau trong các bản Kinh Thánh dịch của chúng ta, nên cứ nghĩ đó là hai thời kỳ tiếp nối. Thực ra giữa đó là 400 năm dân Chúa đã chờ đợi, chờ đợi và chờ đợi. Thảo nào khi *Giăng Báp-tít* đến, *ăn mặc như Ê-li* và lại *nói những lời tiên tri* của Đức Chúa Trời, cả nước đã kéo đến với ông. Giăng nói: *"Các ngươi hãy đến sông Giô-đanh, hãy tắm rửa. Các ngươi không đủ thanh sạch cho vương quốc Đức Chúa Trời."* Ông phải trả giá cho điều đó bằng mạng sống mình khi một người Ê-đôm hậu duệ của Ê-sau, vua *Hê-rốt* bị quở trách vì đã kết hôn lộn xộn trong mắt Chúa.

Gần như đã đi đến *cuối Cựu Ước*. Điều cuối cùng muốn đề cập là *Đa-ni-ên* đã nói một lời tiên tri kỳ diệu. Ông ở trong chốn lưu đày, nhưng một số lời tiên tri của ông thực sự đáng kinh ngạc. Có một dự đoán của ông rất hợp với những nghiên cứu về Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi. Ông nói: *"Vậy ngươi hãy biết và hiểu rằng từ khi lệnh phục hồi và xây lại Giê-ru-sa-lem cho đến khi Đấng Chịu Xức Dầu xuất hiện, thì được bảy lần bảy và sáu mươi hai lần bảy"* và *"Sau sáu mươi hai lần bảy ấy, Đấng Chịu Xức Dầu sẽ bị trừ đi."* Theo lời ấy mà cộng lại: (7x7) + (62x7) = 490 năm. Một năm thời đó là 360 ngày chứ không phải 365 như ngày nay. Từ lúc *ra lệnh hồi hương và xây lại* Giê-ru-sa-lem *đến khi Đấng chịu xức đầu đến* là 490 năm. Có thể kể từ bất cứ sắc lệnh nào, của *Si-ru* hay *Ạt-ta-xét-xe*. Tính từ sắc lệnh của Si-ru thì ra năm 26 SCN, từ sắc lệnh của Ạt-ta-xét-xe thì ra năm 30 SCN. Việc tính ngày tháng có chút khó khăn vì các loại lịch thay đổi về độ dài năm. Nhưng chỗ thật sự kỳ diệu, là 490 năm sau cả hai sắc lệnh ấy đều *rơi vào khoảng thời gian Chúa Giê-su sống trên đất*.

Sao Đa-ni-ên có thể biết được điều đó? Đa-ni-ên không biết, nhưng Chúa biết. Ngay từ thời lưu đày, sự xuất hiện của Đấng Mê-si-a đã được định, và kế hoạch của Chúa đã được lập: 490 năm sau

sắc lệnh đầu tiên, *Đấng chịu xức dầu sẽ xuất hiện và sẽ bị trừ đi - Chúa Giê-su đã đến, bị đóng đinh và sống lại từ cõi chết*. Như vậy, từ khi lưu đày đến thời Chúa Giê-su có một dòng tiên tri trực tiếp. Chúa đã bày tỏ điều đó với Đa-ni-ên. Chúng ta cần biết rằng tuy con cái Y-sơ-ra-ên hồi hương lại sa vào tội lỗi nhưng tất cả đều không bị lạc mất, Chúa biết phải làm gì với điều đó. Chúa không bị bất ngờ, Ngài đã lên kế hoạch cho những gì Ngài sẽ làm để chỉnh đốn tình hình. N*gài đã sai một Đấng Cứu thế để đưa họ ra khỏi tội lỗi*. Vì lẽ đó mà Chúa Giê-su bị trừ đi sau 490 năm. A-men.

SÁCH Ê-XƠ-TÊ

Như vậy là chúng ta đã sang đến sách Ê-xơ-tê nhưng khi nói xong sách Ê-xơ-tê, tôi muốn nói về Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên vì hai người này có liên hệ với nhau - họ đến từ cùng một nơi, thuộc cùng một thời kỳ, họ đến từ chốn lưu đày và từ những người không trở lại Giê-ru-sa-lem mà lưu lại chốn lưu đày vì nhiều lý do khác nhau.

Đôi điều khác biệt

Cả Kinh Thánh *chỉ có* hai sách được *đặt theo tên người nữ:* Ru-tơ và *Ê-xơ-tê*. C*hỉ có* hai sách trong Kinh Thánh *không hề nhắc đến Chúa*: Nhã Ca và *Ê-xơ-tê.* Có đủ hai *"chỉ có"* ấy, với một câu chuyện rất hay, lãng mạn nữa, sách như một thiên đoản văn, nhưng tại sao *Ê-xơ-tê* lại có trong Kinh Thánh? Phải đọc sách này để học được gì? Rất nhiều người băn khoăn như vậy.

Giống *Ê-xê-chi-ên* và *Đa-ni-ên,* sách bắt nguồn từ cuộc lưu đày của người Do Thái, mà rất ít sách trong Kinh Thánh có bối cảnh *bên ngoài Xứ Hứa*. Nó cho chúng ta biết người Do Thái đã hành xử thế nào *trong xã hội ngoại giáo*, nên cũng đã trở thành *kim chỉ nam* để chúng ta hành xử trong *xã hội phi Cơ Đốc*. Chẳng hạn, *Đa-ni-ên* giống *Giô-sép,* cả hai đều trở thành Tể tướng của dân ngoại, họ đã điều hành một quốc gia mà *không thỏa hiệp* với ngoại giáo, như bảo chúng ta cũng có thể như vậy. Lúc này Ba-by-lôn đã bị liên minh Mê-đi và Ba Tư đánh bại, và chắc là bạn đã nghe rằng không ai có thể thay đổi luật của Mê-đi và Ba Tư. Trên đất họ bị lưu đày này, đầu tiên thì một người Mê-đi, *Đa-ri-út* cai trị họ, sau đó là một người Ba Tư, *Xét-xe đệ nhất*, hay còn được gọi là *A-suê-ru*. *Đa-ni-ên* lên làm Tể tướng và được gọi là *Bên-tơ-xát-sa.* Còn *Ê-xơ-tê* có tên Hê-bơ-rơ là *Ha-đa-sa*, một cái tên ngoại giáo. Ê-xơ-tê là tên vắn của *Ishtar,* tên của những nữ thần ngoại giáo, có một Cổng thành được đặt tên gọi là *Cổng Ishtar*.

Cả *Đa-ni-ên* và *Ê-xơ-tê* đều ở vào địa vị mà họ có thể *ra mặt giúp dân mình*. Thật tốt khi dân Chúa ở vào địa vị có thể giúp dân sự Chúa nhờ thẩm quyền của họ trong địa vị đó. Hãy nhớ rằng *Chúa không bắt người Do Thái quay lại Xứ Hứa,* họ được tự do lựa chọn. Nhiều ngàn người đã chọn hồi hương, nhưng nhiều người hơn thế đã chọn ở lại. Sách *Ê-xơ-tê* là sách có nhiều nguồn chứng thực nhất trong Cựu Ước từ những ghi chép bên ngoài, vì sách được viết khá muộn au sự kiện. Nhiều bằng chứng khảo cổ bên ngoài khác xác nhận những điều chúng ta đọc trong sách Ê-xơ-tê. Tại kinh đô đế quốc Ba Tư, có lần người ta đã đào được một bảng đá, trong đó ghi: *Marducha - Tể tướng,* giống tên *Mạc-đô-chê*, như vậy đến tên Mạc-đô-chê cũng được tìm thấy qua di tích khảo cổ.

Cô gái Do Thái lưu vong trở thành Hoàng hậu Ba Tư

Mỗi người sẽ tự đọc kỹ câu chuyện này. Hoàng đế Ba Tư *A-suê-ru* cai trị một vương quốc rộng lớn trải từ Ấn Độ đến Ai Cập. Ông tổ chức một hội nghị rất lớn, kéo dài 180 ngày để định giải pháp xử lý dân Hy Lạp vì ông còn muốn chiếm cả đế quốc này. Kết thúc nghị đàm, đại yến mở ra. Nhà vua muốn hoàng hậu ra mắt mừng thắng lợi nghị trình dài suốt 6 tháng ấy, liền truyền lệnh cho các hoạn quan: "*Hãy vời hoàng hậu tới*." Hoàng hậu trẻ trung xinh đẹp Vả-thi bảo: *"Không!"*

Đó là mở đầu cho toàn bộ câu chuyện. Một hành vi cho rằng đã khiến *hoàng đế mất thể diện*. Lại còn nếu vua không xử lý vợ mình, để mọi bà vợ của các quan lại tướng tá khác cứ theo đó mà xử sự, thì sự thể cả triều chính sẽ ra sao đây? Nhà vua không còn cách nào khác, phán: *"Ngươi không bao giờ được chầu trước mặt ta nữa."* Sau khi nguôi ngoai, quần thần đã xúm vào hiến kế: "*Sao vua không tổ chức một cuộc thi sắc đẹp, để từ những người thắng cuộc chọn ra hoàng hậu?"* Một cuộc

thi sắc đẹp trong vương quốc đã mở ra. Có người đã ghi danh cho Ha-đa-sa, tức Ê-xơ-tê, cô gái Do Thái mồ côi vẫn giữ kín tông tích. Nàng rất đẹp và được ơn nên thắng cuộc. Nàng trở thành hoàng hậu của A-suê-ru. Ê-xơ-tê thuộc chi phái Bên-gia-min, với Mạc-đô-chê là anh em họ, vì cô em mồ côi cha mẹ nên Mạc-đô-chê đã nhận em làm con nuôi. Ông dặn Ê-xơ-tê không được tiết lộ thân phận của mình với nhà vua. Ông đã quá sợ chủ nghĩa bài Do Thái, cộng đồng người Do Thái ở lại nơi này đang rơi vào thế nguy hiểm.

Ê-xơ-tê được vua yêu mến nhất trong cả hậu cung. Vào thời điểm đó, cũng có một người khác được trọng dụng trong triều, đó là Ha-man, người A-gát, làm đến hàng Tể tướng, nhưng hắn là người xấu, là nhân vật phản diện của câu chuyện. Tìm lại gốc gác người A-gát này, thì thấy vào thời tiên tri Sa-mu-ên, ông đã bảo Sau-lơ đi đánh A-ga (dân A-gát), Sau-lơ tiến đánh nhưng không giết hắn, nên Sa-mu-ên phải làm thay, chặt A-ga thành nhiều mảnh trước bàn thờ Đức Giê-hô-va. *Điều đó tạo nên mối thâm thù giữa người A-gát và người Do Thái. H*a-man căm thù người Do Thái vì mẩu lịch sử này. Người Trung Đông nhớ lâu, họ nhớ rất dai, nhớ tới hàng thế kỷ sau.

Các việc trên dẫn đến một tình huống gay cấn. Trong vương quốc Ba Tư, một cô gái Do Thái chưa tiết lộ thân phận được phong Hoàng hậu. Còn Ha-man, kẻ căm thù cả dân Do Thái thì được tôn làm Tể tướng. Sự đối đầu này sẽ dẫn đến cao trào, và sớm muộn gì cũng lên đến đỉnh điểm. Mạc-đô-chê đã thấy Ha-man quá kênh kiệu, hắn bắt mọi người phải cúi lạy hắn. Tất nhiên Mạc-đô-chê không chịu và cả dân Do Thái ở đây đều không chịu. Vậy là Ha-man tâu vua: "*Có một dân sống đang sống giữa chúng ta và chúng rất khác chúng ta, chúng có luật pháp riêng, tục lệ riêng, tôn giáo riêng. Chúng là bọn lạc loài, chúng ta phải trừ bỏ chúng,"* hắn còn hứa nộp 10 nghìn ta-lâng bạc vào kho của nhà vua, nếu vua đồng ý tận diệt dân Do Thái.

Lai lịch con số 13

Nhà vua ưng ngay, và *chiếu chỉ tuyệt diệt Do Thái* được ban ra, sẽ thi hành vào đúng ngày dân Ba Tư *bốc thăm* năm đó, *ngày13 tháng A-đa*. Ngày tai họa thảm khốc đến với cả một dân tộc này, *con số 13* trở thành một trong những lý do cho các hủ tục mê tín dị đoan kể từ đó. Sau này cuộc giải cứu kỳ diệu thắng lợi, thì *ngày bốc thăm*-ngày *"purim"* đó, trở thành ngày Lễ Phu-rim phước hạnh. N*gày đại tang* của dân tộc trong chiếu chỉ biến *thành ngày Lễ hội Phurim* trên đời thực.

Khi người Do Thái nghe tin chiếu chỉ tuyệt diệt do Ha-man đệ trình, họ đã than khóc, kiêng ăn, mặc vải sô và phủ tro. Mạc-đô-chê ngầm liên lạc với Ê-xơ-tê, xin nhà vua thương xót. Ông truyền lời: *"Nếu con nín lặng trong lúc này thì hẳn dân Do Thái sẽ được giải cứu bằng cách khác, song con và nhà cha con sẽ bị diệt vong. Nhưng nào ai biết rằng vì cớ thời điểm như thế này mà con được ngôi hoàng hậu sao?,"* con đang ở địa vị có thể giúp dân ta! Bà đã thật sự tranh chiến: *liệu có nên tiết lộ thân phận mình là người Do Thái*, vì mạng sống của bà cũng sẽ bị đe dọa. Cuối cùng bà đi đến quyết định: *"Nếu phải chết thì con chết..."* Nhà vua yêu quý Ê-xơ-tê đến mức nếu bà có xin một nửa vương quốc vua cũng cho. Nhưng Ê-xơ-tê kiềm chế và thận trọng, mời bằng được nhà vua cho Ha-man đi cùng tới dự bữa tiệc của bà mở đến hai lần. Bà muốn phơi bày kẻ đại thủ ác của dân tộc bà.

Thời gian giữa hai bữa tiệc của Ê-xơ-tê là sự toan tính treo cổ Mạc-đô-chê của Ha-man, và một đêm mất ngủ của nhà vua. Gia đình Ha-man đã dựng lên một giá treo cổ cao 25 mét, người ngoài không biết để treo ai. Qua một đêm nhà vua không ngủ được, vua truyền đem sách sử biên niên đọc cho vua nghe. Mạc-đô-chê được nhà vua nhớ lại ơn ông cứu mạng vua mà ông chưa được vinh thưởng gì.

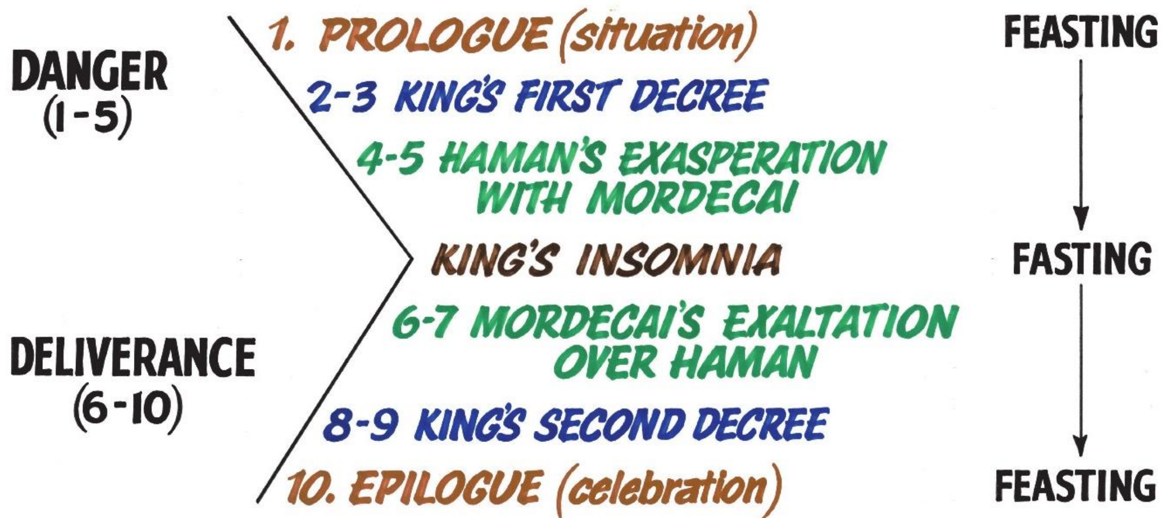
Lệ thường Hoàng hậu không được phép tự tiện chầu vua, trừ khi được vua vời. Nhưng buổi sớm ấy Ê-xơ-tê đã dạn dĩ vào chầu vua mà không gặp khó khăn gì. Vua hỏi: *Ái khanh muốn gì?* Bà đã xin được dùng yến tiệc cùng với Ha-man. Ha-man căm tức Mạc-đô-chê không chịu được, đến nỗi phải than thở với vợ. Ả nói luôn: *Thế thì hãy dựng một giá treo cổ và treo hắn ta vào ngày 13 này. Nên* cái giá treo cổ cao 25m là để treo lão Mạc-đô-chê già nua *vào ngày 13* để thị uy cho số phận của người hắn thù ghét. Hắn tạm nín lặng không bảo là để treo ai.

Đây là những sự trùng hợp kỳ lạ nhất. Qua một đêm không ngủ được, nhờ các cận thần nhà vua nhớ lại một điều ơn nghĩa, nhận ra rằng Mạc-đô-chê là một người đáng tôn trọng. Sáng hôm sau lâm triều, Ha-man đã trực sẵn để xin vua truyền lệnh treo cổ Mạc-đô-chê, thì vua hỏi: "Phải làm gì cho người mà vua muốn tôn trọng?" Ha-man mừng rơn, nghĩ ngoài mình ra thì ai đáng mặt để vua tôn trọng. Ha-man liền trình tâu những phần thưởng cao quý nhất, xứng đáng cho một triều thần tối cao chỉ dưới nhà vua. Nghe xong, vua phán: *"Hãy mau đem áo triều và ngựa đúng như khanh nói mà trao cho Mạc-đô-chê, đừng bỏ qua bất cứ điều gì mà khanh đề nghị."* Ha-man ngậm đắng nuốt cay hầu hạ kẻ tử thù. Ha-man chưa kịp hoàn hồn thì các hoạn quan lại đã theo lệnh vua kịp mời hắn đi dự buổi tiệc thứ hai của Ê-xơ-tê.

Tại buổi tiệc đầy ơn này, chính nhà vua nói: "Nầy hoàng hậu Ê-xơ-tê, ái khanh muốn xin điều gì trẫm sẽ cho,… dù đến nửa vương quốc trẫm cũng sẽ cho..." Đắn đo cân nhắc và khôn ngoan, mãi Ê-xơ-tê mới trả lời câu vua ưu ái hỏi, bà chỉ thẳng mặt kẻ thù của dân tộc mình: "Kẻ cừu thù ấy là Ha-man độc ác kia!" Nhà vua phán: "Hãy treo nó lên đó!" Vậy là Mạc-đô-chê và Ha-man đã thế chỗ nhau một cách khó tin. Ha-man bị treo lên cây giá do chính hắn dựng và người Do Thái được cứu.

Có nhiều chi tiết hơn thế. Nếu việc này không xảy ra, sẽ không một người Do Thái nào còn sống vì đế quốc Ba Tư trải dài từ Ấn Độ đến Ai Cập. Nếu âm mưu này trót lọt thì Chúa Giê-su sẽ không bao giờ được sinh ra. Vậy là việc này còn ảnh hưởng đến cả chúng ta nữa, phải không? Và Ê-xơ-tê đã cứu nguy cho ngày hôm đó. Chẳng trách lễ kỷ niệm này đã đi vào lịch sử Do Thái ngàn năm nay.

Ai cũng thích một câu chuyện như thế, chuyện lại được kể quá hay. Ở góc độ văn học thì sách có cấu trúc rất hay, truyện dồn đến một điểm thực sự căng thẳng, tới đỉnh điểm, rồi sau đó tháo gỡ căng thẳng và để mọi người sống hạnh phúc mãi mãi về sau, còn kẻ xấu bị trừng phạt thích đáng, và khớp nửa đầu với nửa sau. Từ chương 1 đến chương 5, đặt tên là *Mối nguy*, căng thẳng ngày một gia tăng, và tất cả đều được gỡ nút trong việc *Cứu nguy* cho dân sự.



Hãy dành chút thời gian xem sách khớp nhau ra sao. Có phần mở đầu mô tả tình huống, có phần kết ở ngay cuối là màn ăn mừng một kỳ lễ lớn, Lễ Phu-rim đầu tiên. Có phần vua ban chiếu chỉ đầu tiên rằng mọi người phải tận diệt dân Do Thái, lại có phần vua ban chiếu chỉ thứ hai rằng không ai được động đến người Do Thái nữa. Có phần Ha-man tức tối với Mạc-đô-chê rồi có phần Mạc-đô-chê được cất nhắc lên vị trí cao hơn Ha-man. T*ất cả xoay quanh việc một người không ngủ được*. Đó là kịch tính của câu chuyện, sự thật quả là lạ lùng hơn hư cấu, làm sao hư cấu được chuyện này! Thực tế, *sự trùng hợp xuất hiện xuyên suốt* và *đó là chìa khóa* mà chúng ta phải dùng đến. Ta có thể hiểu tại sao người Do Thái lại kỷ niệm một sự kiện như vậy, suýt chút nữa là họ bị diệt sạch, bị xóa sổ rồi. Họ được cứu vì *một người nam bị mất ngủ* và *một người nữ mạnh dạn.*

Cũng có một dạng *chủ đề xuyên suốt* sách. Sách bắt đầu với *yến tiệc*, rồi mọi người đều *kiêng ăn*, rồi họ lại *mở tiệc tiếp*, thật sự rất hài hòa. Đó không phải là một *lễ hội tôn giáo*, mà rõ ràng là một *ngày tạ ơn*. Ta thật sự phải đọc sách này, nhưng hãy đọc trong Bản dịch The Living Bible trong tiếng Anh, hay Bản Hiện Đại trong tiếng Việt. Bạn sẽ bị mê hoặc.

Nhưng tại sao sách lại nằm trong Kinh Thánh?

Có phải chỉ để nêu gương về sự dũng cảm khi chúng ta làm công chức không? Không, có nhiều điều hơn thế.. ***Về linh bài Do Thái***. Sa-tan quyết tâm hủy diệt dân Do Thái vì "sự cứu rỗi đến từ người Do Thái." Sa-tan đứng đằng sau việc tàn sát những bé trai tại Ai Cập và Môi-se được cứu nhờ chiếc thúng nhỏ giữa đám sậy. Sa-tan đang cố gắng tiêu diệt người Do Thái trước khi Vị Vua được sinh ra. Xét trên một khía cạnh, đây là *vố đặt cược lớn cuối cùng* của hắn trước khi Chúa Giê-su sinh ra, để ngăn Chúa Giê-su sinh ra. Ta đã bắt đầu thấy điều gì đó ở đây chưa? Chính ma quỷ đã đứng sau việc tàn sát 200 đứa bé tại Bết-lê-hem và Chúa Giê-su thoát được nhờ một giấc mơ. Ta cũng tin rằng ma quỷ đứng sau việc nạo phá thai, vì việc này chủ yếu xảy ra tại các nước Cơ Đốc. Ma quỷ đang cố gắng tiêu diệt những lãnh đạo Cơ Đốc tương lai. Bạn có thể hiểu điều này theo cách riêng của mình, nhưng ta thấy, chúng ta có mọi thứ nhờ người Do Thái. Cuốn Kinh Thánh này được viết bởi 40 trước giả người Do Thái trong khoảng 1. 400 năm. Chỉ một trước giả là người ngoại, nhưng bác sĩ Lu-ca lại thu thập mọi tư liệu từ người Do Thái. Không có người Do Thái thì chúng ta đã không có cuốn sách này. *Thảo nào họ bị ghét hơn mọi dân khác.*

Có gì đó *rất quỷ quyệt* trong chủ nghĩa bài Do Thái. Nó tệ hơn mọi tư tưởng bài ngoại (xenophobia) liên quan tới những người nước ngoài và các dân lạc loài khác. Có một hình thức bài Do Thái *bắt nguồn từ lịch sử*. Sa-mu-ên là người Y-xơ-ra-ên đã chặt A-ga dân A-gát ra làm nhiều mảnh, nhưng đó là sự phán xét của Chúa, một việc đáng làm. Đề cập đến điều này vì trong lịch sử đã có quá nhiều người cố gắng trừ diệt người Y-sơ-ra-ên. Pha-ra-ôn đã thử làm bằng cách xóa sổ mọi người nam, Ha-man đã thử, Hê-rốt đã thử, Hít-le đã thử. Vì "sự cứu rỗi đến từ người Do Thái." Chúng ta phải thật sự biết ơn dân Do Thái, mọi điều chúng ta biết về Chúa đến qua họ, *Chúa Cứu Thế* của chúng ta đã và đang là người Do Thái.

Nhưng *có một diễn viên giấu mặt* khác trong bộ phim này. Có ai đó đứng sau chuyện này. Theo thống kê thì có quá nhiều sự trùng hợp và khi có rất nhiều sự trùng hợp, bạn sẽ phải hỏi xem đây là *sự trùng hợp ngẫu nhiên* hay *sự tể trị thiên thượng?* Chúa có đứng sau chuyện này không? Khi có quá nhiều thứ phụ thuộc vào một chi tiết hay hoàn cảnh nhỏ nhặt thì bạn thật sự cảm thấy rằng mình đang xem Chúa hành động và tôi thấy Chúa hành động trong câu chuyện này để bảo vệ một dân *mà từ đó, Con Ngài sẽ được sinh ra*. Tôi thấy điều đó trong niềm tin của Mạc-đô-chê. Mạc-đô-chê tin chắc rằng Chúa sẽ bảo vệ dân sự, và ông nói: *Ê-xơ-tê, nếu con không làm con kênh của Chúa thì người khác sẽ làm.* Nhưng *ông không dùng danh Chúa*. Ông nói: *Nếu con không phải là người giải cứu chúng ta thì một người khác sẽ được dấy lên để làm như vậy.* Ông có đức tin phi thường nơi sự tể trị của Chúa. Tôi thấy điều này trong những sự việc tình cờ nhưng đều ăn khớp với nhau, từ thực tế: Mạc-đô-chê đã cứu mạng vua từ nhiều năm trước, Xét-xe đã cho ghi điều đó trong biên niên sử của triều đình, từ thực tế có một đêm vua không ngủ được và truyền đọc biên niên sử vào tối hôm đó. Tất cả đều ăn khớp với nhau. Nên thậm chí có người còn nói rằng: *Tuy danh Chúa không có trong sách Ê-xơ-tê nhưng chắc chắn là Ngài có nhúng tay vào đó*. Đó quả là một khẳng định hay.

Thế thì tại sao Chúa lại không hề được nhắc đến?

Đây là bất ngờ lớn nhất dành cho bạn. Người ta đều bảo rằng *Ê-xơ-tê là một sách không nhắc đến Chúa*. Nhưng sự thật không phải như vậy, *Ngài luôn được nhắc đến, Ngài được nhắc đến năm lần* trong sách.

GHÉP CHỮ TRONG Ê-XƠ-TÊ

1.20	5.4	5.13	7.7	7.5
VƯƠNG HẦU GIA GIÁO THƯỜNG DÂN AI CŨNG PHẢI TÔN TRỌNG CHỒNG MÌNH	LET OUR ROYAL DINNER THIS DAY BE GRACED BY KING AND HAMAN	YET I AM SAD FOR NO AVAIL IS ALL THIS TO ME	FOR HE SAW THAT THERE WAS EVIL TO FEAR DETERMINED AGAINST HIM BY THE KING	WHERE DWELLETH THE ENEMY THAT DARETH PRESUME IN HIS HEART TO DO THIS THING ?
HVHJ	JHVH	HVHJ	JHVH	EHYH
BACKWARD GENTILE SPEAKS ABOUT QUEEN	*FORWARD JEW SPEAKS BY QUEEN*	*BACKWARD GENTILE SPEAKS BY HAMAN*	*FORWARD JEW WRITES ABOUT HAMAN*	*BACKWARD GENTILE SPEAKS - I AM (EXOD.3.15)*

Ngài được nhắc đến dưới dạng *ghép chữ*. Bởi tình thế và sự khôn ngoan của người Do Thái. Những chữ cái đầu tiên ghép thành tên hoặc danh xưng Ngài, lúc ghép xuôi, lúc ghép ngược. Bảng minh họa dùng tiếng Anh để nhiều người dễ hiểu được, nhưng gốc là từ chính ngôn ngữ Hê-bơ-rơ. Người Do Thái thích chơi chữ nên họ rất chuộng và thạo ghép chữ. Cách này xuất hiện khắp các *Thi Thiên*, đặc biệt trong *Thi Thiên 119*. Hoặc trong *Châm Ngôn 31*- đoạn mô tả người vợ lý tưởng, và trong *Ca Thương*. Đây là một công cụ văn học rất hay có thể dùng để truyền đạt những thông điệp mã hóa hoặc bí mật.

Sách Ê-xơ-tê có năm lần ghép chữ. Trong đó bốn lần đầu theo một khuôn mẫu đặc biệt ở các chương-câu: 1: 20 - 5:4 - 5:13 - 7:7 - 7:5. Hai lần đầu dùng các chữ đầu của bốn từ liền nhau, ba lần sau dùng các chữ cuối. Tuân theo một cấu trúc: lần đầu ghép chữ ngược, lần hai ghép xuôi, lần ba ghép ngược còn lần bốn lại ghép xuôi. Trong bản văn Hê-bơ-rơ rất rõ bốn chữ cái đó là *JHVH - Danh Chúa*. Trong tiếng Việt, Danh Chúa tương đương là *Giê-hô-va*, có 3 chữ đầu là: *Gi, H, V* có thể dùng thay được cho JHVH. Nhưng có thể phải đảo thứ tự, thí dụ ở lần đầu với *chương/câu 1:20*. Nghĩa của câu này là: *Vương Hầu, Gia giáo, thường dân - ai cũng phải tôn trọng chồng mình*. Ta có ba chữ cái V-H-Gi - cho ra từ Giê-hô-va đọc ngược. Ở 5:4 lại ghép xuôi: *Giao Hầu Vất vả dọn yến tiệc,* cho ta 3 chữ Gi-H-V, Giê-hô-va.

Tại sao lại có lúc ghép ngược lúc ghép xuôi như vậy? Người Do Thái quy ước: ghép ngược là lời nói ra từ người ngoại, ghép xuôi là từ người Do Thái. Cứ như thể họ bảo: Dân ngoại không thể nói đúng từ đó, hoặc họ không muốn đặt danh thiêng liêng đó vào miệng dân ngoại. Lần thứ năm ghép ẩn một từ khác, mang nghĩa *"Ta là,"* hay *"Đấng Hằng hữu."*

Đó là *năm lần ghép chữ* trong sách Ê-xơ-tê. Những kín giấu lặp lại quá nhiều này không thể nói là trùng hợp được. Mà là trước giả đã cẩn thận sắp đặt để đưa nó vào văn bản. Nó quá tinh vi đến nỗi không một người ngoại nào nhận ra được.

Có nhiều cách giải thích khác nhau. Nhưng cách hiểu đơn giản và hợp lý nhất là sách được viết vào thời điểm mà *việc nhắc đến Đức Chúa Trời đối với người Do Thái là điều nguy hiểm nhất.* Ban đầu, người ta *truyền miệng* câu chuyện của Ê-xơ-tê, ghi nhớ nó như một câu chuyện dân gian. Nhưng tới một thời điểm thấy cần *phải viết ra.* Vì dân chúng sẽ kỷ niệm lễ Phu-rim hằng năm, họ cần được biết câu chuyện kỳ diệu thật sự đằng sau lễ hội, nếu không họ sẽ quên nó mất. Nhưng vào thời điểm đó, chủ nghĩa bài Do Thái lại ngóc đầu dậy, họ đưa danh Ngài vào nhưng cần làm theo cách mà người ta không nhận ra được. *Làm sao viết câu chuyện của Ê-xơ-tê mà không nhắc đến Chúa đây?* Đây chính là cách người Do Thái giải quyết rất tài tình. Đó là điều mà bạn không biết. Chúa thật sự đứng sau chuyện này. Thật sự chính Chúa đã sắp đặt mọi chuyện để cứu dân Ngài và đưa Đấng Mê-si-a đến cùng họ. Sự kiện này có thể không giúp gì cho bạn về mặt thuộc linh, nhưng sẽ giúp bạn tỉnh táo mỗi khi cầm sách Ê-xơ-tê lên đọc.

Một bài học chung từ hai sách Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê

Bây giờ hãy xét đến cả hai sách *Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê.* Chúng ta có thể ***học được điều gì từ hai sách này?*** Hai nhân vật thuộc cùng một thời kỳ, cùng ở chốn lưu đày, hai kẻ tha hương nhưng lại là *hai người được Chúa sử dụng một cách kỳ diệu,* vì họ được đặt *vào địa vị cao trọng trong xã hội người ngoại mà không thỏa hiệp trong các nguyên tắc của mình*. Từ địa vị ấy, họ có thể làm điều gì đó cho vương quốc Đức Chúa Trời. Điều này khích lệ bạn lập nghiệp và tiến càng xa càng tốt, tới mức đạt được địa vị cao trên thế giới, mà Chúa vẫn sử dụng bạn cho Vương quốc của Ngài. Đừng chỉ ở đằng đuôi, hãy để Chúa đặt bạn ở một nơi bạn được trọng dụng, một nơi bạn có thể làm gì đó kết quả càng hơn cho Vương quốc Ngài.

Thông điệp từ người nam và người nữ này cho chúng ta là gì? Có *ba bài học*:

Một là, *Chúa sử dụng các cá nhân*. Như ta thấy, có khi chỉ một người có thể đảo lộn tình thế. Đức Chúa Trời sử dụng những người nam, người nữ và tất cả chúng ta, những kẻ đều đang tha hương, bạn có bao giờ cảm thấy như vậy không? Chúng ta không thuộc về nơi này nữa, chúng ta đã thuộc về một nơi khác. Chúng ta không hợp với chốn này, chúng ta là kẻ lạc loài. Quyền công dân của chúng ta ở trên trời. Khi trở thành Cơ Đốc nhân, bạn là kẻ lạc loài trong thế gian này, trong các lĩnh vực của thế gian. Thậm chí *khướu hài hước* của bạn cũng thay đổi, bạn không thể cười với những chuyện đùa trước đây. Bạn đã là một người khác, đã thuộc về một nơi khác. *Nhưng Chúa có thể dùng các cá nhân trong các lĩnh vực của thế giới này*. Những người giữ nguyên tắc của mình, nhớ mình là ai, những người sẵn sàng tiếp nhận thăng tiến nhưng không sẵn sàng bị hòa tan. Vì người Do Thái luôn bị cám dỗ hòa tan để tránh bị bắt bớ, họ cư xử giống như mọi người khác; và tôi để ý thấy rất nhiều lần rằng lúc người Do Thái chịu bị hòa tan là lúc họ bị bắt bớ. Chủ nghĩa bài Do Thái luôn tìm có hội nổi lên. Tại Đức, vào đầu thế kỷ này, người Do Thái phiêu bạt trên đất Đức đã quá hòa tan vào văn hóa, ngôn ngữ và phong tục của Đức, đến nỗi khi Theodor Herzl kêu gọi mở Hội nghị Phục quốc Do Thái lần đầu vào năm 1897 tại nước này để bàn luận việc lập lại nhà nước Y-sơ-ra-ên thành một quốc gia riêng. Nhưng những người Do Thái tại Đức không muốn, vì Theodor muốn tổ chức tại Munich. Người Do Thái tại Đức nói: *Đừng, đừng tổ chức tại Munich, chúng tôi là người Đức rồi. Chúng tôi không phải là người Do Thái nữa, chúng tôi là người Đức nên đừng làm chúng tôi mất mặt. Ông đi mà tổ chức ở Thụy Sĩ ấy!* Theodor đã tổ chức hội nghị tại Basel, Thụy Sĩ. Người Do Thái tại Munich, không muốn có hội nghị vì họ nói chúng tôi đã là người Đức rồi. Chuyện gì đã xảy ra tại Munich?

Bạn thấy đó, điều này xảy ra hết lần này đến lần khác, và chúng ta phải rút ra bài học từ đó. Cơ Đốc nhân bị cám dỗ hòa tan để tránh gặp rắc rối và cư xử giống với mọi người khác để chúng ta không bị để ý, bị coi là kỳ quặc, lập dị. Nhưng Chúa đã dùng những cá nhân sẵn sàng trở nên khác biệt. Chúng ta từng hát trong trường Chúa Nhật rằng *"Dám làm một Đa-ni-ên, dám đứng riêng một bên..."* Lời hát nghĩa là sẵn sàng trở nên khác biệt, sẵn sàng can đảm để đứng vững, thà chết còn hơn là thỏa hiệp. Bạn biết đó, cả hai con người này, người nam và người nữ này, Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê, đều thà chết còn hơn thỏa hiệp trong đức tin nơi Chúa - một bài học tuyệt vời để noi theo.

Hai là *Chúa gìn giữ hay bảo vệ dân sự Ngài*. Chúa bảo vệ dân sự Ngài. Ngài bảo vệ Đa-ni-ên trong hầm sư tử, bảo vệ Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết Nê-gô trong lò lửa hừng. Ngài bảo vệ người Do Thái tại Su-sơ qua Ê-xơ-tê. Để xóa sổ dân Chúa, việc đầu tiên mà bạn phải làm là xóa sổ Chúa trước, sau đó bạn có thể xử lý dân Ngài. Nhưng nếu bạn cố xóa sổ dân Ngài mà không xóa sổ Ngài thì Chúa sẽ bảo vệ dân Ngài, và Ngài sẽ bảo vệ chúng ta. Chúng ta có thể chết cho Ngài, nhưng chúng ta vẫn được bảo toàn. Nên sẽ luôn có một Y-sơ-ra-ên và sẽ luôn có một hội thánh.

Ba là *Chúa cai trị thế giới*. Một từ thường gặp trong cả sách Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê là từ *Vương quốc*, và Tin lành là *Tin lành của Vương quốc*. Đó là từ khóa xuyên suốt Kinh Thánh. Nhưng với cả Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê, Vương quốc ở hàng đầu. - *"Nào ai biết rằng vì cớ thời điểm như thế này mà con đến vương quốc!,"* lệnh vua quá khẩn cấp. Đây là những câu trong sách Ê-xơ-tê được sử dụng cách tự do trong nghĩa *Vương quốc Đức Chúa Trời*. Các vương quốc của loài người trong hiện tại đều nằm trong tay Chúa. Chúa dấy những nhà cai trị lên và hạ họ xuống, như Nê-bu-cát-nết-sa từng chiêm nghiệm: *"Đấng Chí Cao cai trị vương quốc của loài người, Ngài muốn ban nó cho ai tùy ý..."*

Nên chính Chúa là Đấng sắp đặt lại tập bản đồ, chính Chúa quyết định ai nắm quyền, ai không, chính Chúa quyết định mọi cuộc bầu cử, bạn có tin điều đó không? Ngài có lá phiếu quyết định trong mọi cuộc bầu cử. Có lúc Ngài bỏ phiếu dựa trên công lý, có lúc Ngài bỏ phiếu dựa trên lòng thương xót. Nếu bỏ phiếu dựa trên công lý thì Ngài ban chính phủ mà chúng ta đáng nhận, nếu bỏ phiếu dựa trên lòng thương xót thì Ngài ban chính phủ mà chúng ta cần. Nói thật là trong hoàn cảnh này, chúng ta rất cần xin Chúa thương xót. Nhưng Chúa quyết định xem ai làm Thủ tướng.

Trong đời tôi, Chúa đã cách chức sáu vị Thủ tướng Anh không lâu sau khi họ thất hứa với Y-sơ-ra-ên. Quá nhiều lần đến nỗi không thể là trùng hợp, từ Neville Chamberlain tới James Callaghan. Bạn có biết là một năm trước, cựu tổng thống Mỹ George Bush đã quay lưng với Y-sơ-ra-ên, không trợ cấp tiền cho họ nữa. Có người bảo tôi là chỉ một tuần sau đó, ông ta kết thúc nhiệm kỳ, chúng ta không thể nói đây là một sự trùng hợp. Đ*ừng chơi đùa với Chúa*, chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Chúa cai trị thế giới. Các vương quốc của loài người trên thế gian cần biết rằng *thiên đàng cai trị*. Họ chỉ được cai trị nếu Ngài cho phép, Ngài quyết định.

Có cách sử dụng khác của từ *Vương Quốc*. Có các *vương quốc của loài người trong hiện tại*, nhưng cũng có *Vương quốc thiên thượng trong tương* lai khi Chúa tiếp quản chính quyền thế giới. Đó là khi *"Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm..."* Các vương quốc thế gian sẽ thay bằng Vương quốc Đức Chúa Trời - đó là sự dạy dỗ mà chúng ta đã và đang tiếp nhận trong bài học về sách này. N*gài sẽ sử dụng Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê trong ngày đó*. Bạn có nhận ra rằng công việc của họ chưa kết thúc không? *Họ đã trung tín trong chính phủ của một đế quốc ngoại giáo*, và họ sẽ được sống lại từ cõi chết. Đa-ni-ên đã nói như vậy ở cuối Đa-ni-ên 12.

Bạn có nhận ra rằng khi Chúa Giê-su trở lại đất này, Đa-ni-ên sẽ ở cùng Ngài, cả Ê-xơ-tê nữa, và tôi thắc mắc không biết Ngài sẽ đặt Đa-ni-ên ở vị trí nào trong chính phủ của Ngài. Bạn thử nghĩ mà xem, chúng ta sẽ gặp lại những người này. Khi đọc Kinh Thánh, tôi không đọc như đọc lịch sử, vì tôi sẽ gặp những con người này. Chúng ta sẽ gặp Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê, thật thú vị khi có cả cõi đời đời để biết họ. Thay vì nói rằng: *cho tôi xin hai phút vào cuối buổi được không?*, bạn sẽ nói: *Tôi có thể bàn với anh về vấn đề này trong 1000 năm nữa không?* Chúng ta sẽ có cả cõi đời đời để biết những thánh đồ vĩ đại này của Chúa, chúng ta sẽ cai trị với các thánh đồ của Đấng Chí Cao. Con Người ngự trên ngôi, và tất cả những người được kể là trung tín trong những thời đã qua sẽ lại được trọng dụng trên đất này để cùng điều hành chính phủ *trong Vương quốc của Đấng Christ*. Tôi thực sự tin như vậy, và điều đó khiến tất cả những thứ này gần gũi với tấm lòng tôi hơn nhiều. Tôi nhớ đến một bài hát mà nhiều năm trước tôi đã từng hát, nó không nằm trong nhiều cuốn thánh ca thời nay:

“Nào ca vang cùng Vua
Đấng sẽ đến trị vì.
Đáng tụng ngợi Giê-su
Chiên con từng chết đi
Đem sự sống, cứu ân
Cho ai thuộc vương quốc
Rồi muôn dân muôn nước
Sẽ hát mừng Giê-su
Nào ta cùng vang tiếng
Hát Giê-su là vua.”

Thật là một ý nghĩ hay: Đa-ni-ên, Ê-xơ-tê cùng với Ngài và mọi thánh đồ khác, những người đã chết sẽ sống lại từ bụi đất và chiếu sáng như sao, Đa-ni-ên nói như vậy. Ngài sẽ là một trong những ngôi sao sáng nhất. Sẽ có một *sao mai sáng chói*, ấy là *Chúa Giê-su*. Người công chính sẽ chiếu sáng như các ngôi sao đời đời.

Một lời cầu nguyện đến khi vừa cùng đọc hết Ê-xơ-tê:

“Lạy cha chúng con ở trên trời! Ngài không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, Ngài là Đức Chúa Trời của người sống. Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, Ngài là Đức Chúa Trời của Ê-sai, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên và Ê-xơ-tê. Họ đều còn sống với Ngài, họ đều sẽ được ban thân thể phục sinh mới với chúng con. Chúng con cảm tạ Ngài vì đám mây chứng kiến đó vây quanh chúng con, chờ đợi xem chúng con theo đuổi cuộc đua của mình ra sao, và không có chúng con, họ cũng không thể nên trọn vẹn. Cảm tạ Ngài vì tới một ngày, tất cả chúng con đều sẽ nhận lấy thân thể mới và ở cùng Chúa Giê-su, thật là một cuộc tụ hội lớn. Giờ này, lạy Chúa, nguyện Thần Lẽ Thật của Ngài lấy những gì mà chúng con vừa chia sẻ, trồng nó thật sâu trong tâm linh chúng con để nó có thể thay đổi tính cách của chúng con, khiến chúng con sẵn sàng hơn cho ngày mà Con Người sẽ ngự đến trong đám mây vinh hiển. Chúng con cầu xin điều này, trong Danh Ngài và vì cớ Ngài. A-men.”

THƠ CA HÊ-BƠ-RƠ

Bây giờ tôi muốn nói đến thơ ca Hê-bơ-rơ. Rất may là hầu hết các cuốn Kinh Thánh hiện đại trong cách in đều phân biệt thơ ca dưới dạng thơ ca và văn xuôi dưới dạng văn xuôi, điều này rất quan trọng. Ví dụ, văn xuôi được in như một cột báo, giữa các câu không có khoảng cách, mọi khoảng trống đều được lấp đầy, và đơn vị là đoạn văn. Đó là văn xuôi; còn thơ có nhiều khoảng trống hơn, dòng ngắn hơn, được sắp xếp theo câu, và đơn vị cơ bản là câu chứ không phải đoạn. Tại sao điều đó lại quan trọng? Văn xuôi và thơ - và tại sao chúng ta lại cần có một cuốn Kinh Thánh phân biệt giữa chúng. Vì thơ ca tiếng Anh hay tiếng Việt khác với thơ ca Hê-bơ-rơ đôi chút, nên không phải lúc nào điều này cũng thể hiện rõ cho chúng ta. Khi Chúa nói ở thể văn xuôi, Ngài đang truyền đạt những suy nghĩ từ tâm trí Ngài đến tâm trí bạn, nhưng khi Ngài nói ở thể thơ, Ngài đang truyền đạt cảm xúc từ tấm lòng Ngài đến tấm lòng bạn. Nên đó cần là chìa khóa thật sự để giải mã Kinh Thánh với bạn. Khi đọc thơ ca trong Kinh Thánh, bạn nên hỏi về cảm giác của Chúa và trong Kinh Thánh có rất nhiều chỗ nói đến cảm xúc của Chúa. Chúa là một Đấng rất đa cảm và chúng ta tác động tới cảm xúc của Ngài mỗi ngày. Hôm nay chúng ta có thể khiến Ngài buồn, vui, hay tức giận, nên chúng ta luôn tác động đến cảm xúc của Chúa và thực ra, cảm giác của chúng ta về Chúa không mấy quan trọng so với cảm giác của Ngài về chúng ta.

Vậy chúng ta cần nghiên cứu thơ và văn xuôi, và bây giờ tôi sẽ nói đến thơ ca vì trong bài nói chuyện tiếp theo, chúng ta sẽ xét đến Thi Thiên, sau đó là Gióp, nên chúng ta cần hiểu biết đôi chút về thơ ca trong tư duy Hê-bơ-rơ trước khi đi tiếp. Hầu hết các tiên tri đều viết ở thể thơ - nói ở thể thơ - nghĩa là họ đang thực sự nói lên nỗi lòng của Chúa, về cảm giác của Chúa, và điều đó rất quan trọng. Bạn có thể quá lý trí khi nghiên cứu Kinh Thánh; bạn có thể chỉ nhận được những suy nghĩ hay từ đó, nhưng bạn cũng cần cảm nhận cả cảm xúc của Chúa giống như nghĩ đến những suy nghĩ của Ngài, và Kinh Thánh truyền đạt cảm xúc của Ngài ở thể thơ. Văn xuôi là một hình thức ngôn luận bình thường và tự nhiên hơn. Khi nói chuyện với nhau, chúng ta dùng văn xuôi. Sẽ thật kỳ cục nếu chúng ta dùng thơ; xét trên một khía cạnh, thơ không tự nhiên, thơ phải sáng tác mới có. Trước khi nói thì bạn phải nghĩ xem mình sẽ nói gì- đấy là với thơ, còn với văn xuôi thì bạn cứ việc nói thôi. Ví dụ, giả như như tôi về nhà và bảo vợ tôi, Enid đây rằng:

Vợ ơi anh đói lòng
Thịt thà đã dọn xong
Nhưng đũa thìa dơ thật
Có rửa cho chồng không?
Thịt dê được mỗi món
Chấm tương bần cho ngon![1]

Đó không phải là cách nói của tôi khi vào bếp, bạn thấy đó. Tôi mà nói như vậy thì tức là tôi đã phải suy nghĩ nhiều lắm trước khi vào bếp; đó là một hình thức ngôn luận không tự nhiên. Không phải lối nói thông thường mà là lối nói đặc biệt; vậy tại sao lại dùng đến nó? Sao cứ phải sáng tác thơ làm gì? Câu trả lời là thơ có sức lôi cuốn với con người hơn nhiều; nên nó dễ tác động đến họ hơn. Thơ chạm tới những phần mà văn xuôi không thể chạm tới - hiểu không ạ? Thế nên bạn mới thấy có thơ trong thiệp chào mừng, thiệp Valentine, thiệp sinh nhật, thiệp Giáng sinh, vì chúng là thông điệp

[1] Nguyên văn hai câu cuối là:
And since there is no second course,
I'll have some more tomato sauce!
Người dịch "thêm thắt" chút văn hóa Việt Nam để tạo sự hài hước mà tác giả muốn nhắm tới.

từ tấm lòng nên chúng ta nói theo thể thơ chứ không phải văn xuôi. Bạn bắt đầu cảm nhận được chưa? Dùng cụm ấy hay đấy nhỉ, có cảm nhận với thơ.

Trước hết, thơ đi sâu vào tâm trí hơn; nó lưu lại trí nhớ lâu hơn. Bạn dễ thuộc những bài thơ từ thời cắp sách tới trường hơn là những bài văn xuôi thầy cô dạy, đúng không? Bạn có thể trích những câu thơ đã học từ nhỏ; nó lưu lại trong tâm trí. Hầu hết chúng ta đều học thần học từ những bài thánh ca, bài hát. Tại sao? Vì đó là thơ ca; thế nên thật sự cần phải có những bài hát có nội dung. Một số bài hát hiện đại có rất ít nội dung; nhưng nếu thật sự đắm chìm trong những bài thánh ca mô phạm của Charles Wesley, bạn sẽ thật sự nhận được nhiều kiến thức. Nhưng chúng dễ nhớ hơn nhiều, nên chúng đi sâu hơn vào tâm trí, vào trực giác và bán cầu nghệ thuật của não bộ, nơi lưu trữ mọi thứ tốt hơn. Điều thứ hai là chúng đi sâu vào tấm lòng hơn, chúng chạm đến cảm xúc của bạn. Hãy để tôi chạm tới cảm xúc của bạn bằng một bài thơ nho nhỏ.

Ngõ nhỏ đôi ta cùng sánh bước
Ngàn sao phủ kín cả khuôn trời
Trước cổng nông trang ta dừng lại
Anh nâng song cửa em chẳng cười
“Chẳng rằng chẳng nói, hay nàng ngại?”
Nàng biết đáp chi đối cùng người?
Vì phận nông dân, chàng hèn mọn
Nàng là bò tót - chẳng phải người

Bài thơ đó, bài thơ đó chạm tới hai cảm xúc trong bạn. Nó chạm tới cảm xúc lãng mạn của bạn và tim bạn có lẽ đã bắt đầu đập rộn ràng hơn một chút, tự hỏi xem tiếp theo sẽ là gì, cuối cùng mới vỡ lẽ, nó chạm đến khướu hài hước và khiến bạn vui vẻ. Văn xuôi, nếu tôi nói cái đó dưới dạng văn xuôi thì sẽ không hề tạo được hiệu ứng giống như vậy.

Thơ cũng đi sâu vào ý chí hơn. Nó có thể thách thức bạn ở mức độ sâu sắc hơn văn xuôi, để thay đổi lối sống của bạn. Một trong những bài thơ mà tôi đã trích rất nhiều lần khi giảng được viết bởi vị tuyên úy quân đội nổi tiếng trong thế chiến thứ nhất, Studdert Kennedy, ông được biết đến với cái tên Woodbine Willy vì ông phát cho binh lính những điếu thuốc Woodbine, rồi ông trở thành một cha xứ tại thị trấn Shrewsbury, trong một hội thánh nay đã thuộc Hội chúng Ngũ tuần. Tôi đã giảng tại đó và tôi nghĩ đến ông. Ông có một bài thơ tuyệt vời tên là “Thờ ơ.” Hãy nghe bài thơ này xem nó có thách thức ý chí của bạn không nhé!

Xưa Giê-su lên Gô-gô-tha, chúng treo Ngài trên thập giá.
Lấy đinh lớn xuyên thủng tay chân, ôi Calvary đau đớn vô ngần.
Đội mão gai nhọn hoắt trên đầu, quất những lằn roi túa máu hằn sâu
Lũ bạo tàn, ác nghiệt, lũ khinh bỉ, xỏ xiên.
Nay Giê-su đến Birmingham, chúng không dừng lại đến một lần
Nào có ai động tới Chúa, chỉ để Ngài chết trân
Người ta trở nên mềm mỏng hơn, chẳng ai làm Ngài đau đớn
Chỉ cứ thế lướt qua đường, bỏ Ngài trong cơn mưa lớn.
Giê-su vẫn thanh minh: Xin tha cho họ vì họ không biết việc mình
Mưa lạnh lùng rơi tầm tã, quất cắt cứa thịt da
Đám đông đi về nhà, phố vắng tanh không một linh hồn thống hối
Nơi góc tường vô tri Giê-su tựa tới, khóc tìm Calvary xưa

Bài thơ này đã tóm được gáy bạn đúng không? Thế nên người Hê-bơ-rơ mới dùng đến thơ; nó có thể chạm tới toàn bộ con người - tấm lòng, tâm trí và ý chí, thế nên Chúa mới dùng nhiều đến thơ. Chìa khóa của thơ ca là khiến cho từ ngữ trở nên tươi đẹp và ý nghĩa. Đó là điều đưa chúng ta đến với thơ ca; từ ngữ được sắp xếp sao cho chúng lôi cuốn khả năng thưởng thức cái đẹp của chúng ta. Về cơ bản, đó là cảm giác cân xứng, đối xứng, tương xứng. Một người đẹp có những đường nét cân đối, và chính sự đối xứng, cân xứng này là thứ lôi cuốn chúng ta trong thơ ca. Có sự cân xứng tuyệt đẹp trong câu từ, các dòng thơ có cùng độ dài.

Có ba dạng hoặc ba nét đặc trưng cơ bản của thơ ca khiến từ ngữ trở nên thật đẹp với chúng ta. Đầu tiên là có vần điệu, vần điệu. Đó là nét đặc trưng quan trọng của thơ tiếng Anh hay tiếng Việt nhưng thơ Hê-bơ-rơ thì không. Nhưng vần điệu rất phổ biến với chúng ta - sự cân xứng của các chữ vần nhau:

Thằng bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò, chín trâu
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy đâu
Phú ông xin đổi ao sâu, cá mè[2]

Câu nào cũng vần nhau và hầu hết các bài đồng dao đều được tạo vần điệu cho hấp dẫn. Nhà thơ John Betjeman chủ yếu xây dựng vần điệu cho các bài thơ của mình. Dạo này chúng ta có những câu trống rỗng, không biết có phải thơ không, nhưng từ ngữ thì được sắp xếp rất hay, mà lại không phụ thuộc vào vần. Ngày nay, người ta thích thơ có dòng bất ngờ:

"Như ngựa non tập phi nước đại
Em hí lên hân hoan trong vũ điệu
Thảo nguyên"[3]

Một dòng chêm vào khiến bạn giật mình, phá vỡ vần điệu và làm bạn thảng thốt, nên tất cả thơ ca phụ thuộc vào tính bất quy tắc cũng như có quy tắc.

Đặc điểm chính thứ hai là nhịp điệu, nhịp cũng khiến cho câu nói được đẹp hơn. Chúng ta gọi đó là nhịp thơ dựa trên các âm tiết, thơ ngũ ngôn là một ví dụ điển hình và nó có nhịp điệu giống nhau. Thơ ngũ ngôn luôn có nhịp điệu giống nhau. Điều này đúng với thơ ca Hê-bơ-rơ. Nhịp điệu ưa thích của thơ tiếng Anh hay tiếng Việt gọi là nhịp 4/3 - "Bước tới đèo Ngang bóng xế tà"[4] - "Bước tới đèo Ngang/bóng xế tà," đó là nhịp 4/3 và điều này cũng rất phổ biến trong thơ ca Hê-bơ-rơ. Dạng này hay xuất hiện trong các bài Thi Thiên có vần luật của Scotland:

"Chúa chăn giữ tôi" - 4; tôi đâu thiếu - 3;

---

[2] Nguyên văn là một bài đồng dao của tiếng Anh:
"Jack and Jill went up the hill,
To fetch a pail of water,
Jack fell down and broke his crown
and Jill came tumbling after."

[3] Nguyên văn:
"Thirty days hath September,
April, June and November;
all the rest have 31,
is that fair?!"
Người dịch lấy bài "Ngựa đêm" của Phan Huyền Thư.

[4] Nguyên văn: "The boy stood on the burning deck whence all but he had fled." Người dịch lấy bài "Qua đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan.

“Đồng cỏ xanh rì” - 4, “nước lặng trong” - 3.

4, 3, 4, 3, hiểu không ạ? Bằng một cách nào đó, nó lưu vào tâm trí của chúng ta, chính nhịp điệu đã ghim từ ngữ cho chúng ta. Đó là điều thứ hai. Với nhịp điệu, một điều cực kỳ quan trọng là phải nhấn vào đúng từ. Tôi lại phải nói rằng nhiều bài hợp xướng ngày nay để phách mạnh rơi không đúng chỗ. Để tôi lấy một ví dụ: “Thiên Chúa là Cha từ ái, Chúa và vua của hết thảy.” Nghe có chói tai không? Vì phách mạnh lại rơi vào “và” với “của” mà không rơi vào “Chúa.” Và đó là một trong những khác biệt giữa hợp xướng hay với hợp xướng dở, thơ hay với thơ dở. Nếu phách mạnh không rơi vào đúng từ thì nó không chạm đến chúng ta, và bạn thấy trong thơ Hê-bơ-rơ, nhịp điệu rơi vào đúng từ, nhưng tất nhiên là ở tiếng Hê-bơ-rơ, không dễ để chuyển điều đó sang tiếng Anh hay tiếng Việt. Điều còn lại khiến thơ trở nên hay hơn là phép lặp, vậy là chúng ta có vần, nhịp và phép lặp; lặp từ hoặc lặp câu tạo ra chất thơ. “Trời xanh đây là của chúng ta” - bạn có biết bài đó không?

“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta”[5]
Bằng một cách nào đó, phép lặp trở nên đầy chất thơ với chúng ta. Hay
“Con vỏi con voi
...
Hai chân trước đi trước, Hai chân sau đi sau”[6]

Phép lặp từ khiến câu thơ trở nên cân xứng. Chúng ta có hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, hai tay, hai chân, thế nên phép lặp đôi với một từ tạo ra chất thơ; khiến thơ trở nên cân xứng và đối xứng với chúng ta. Đặc biệt là phép lặp hai lần.

Như vậy, thanh âm dễ chịu là một chìa khóa và thơ là để đọc thành tiếng. Bạn không thực sự hiểu thơ ca nếu bạn chỉ đọc bằng mắt, nghĩa là nếu bạn muốn dùng Thi Thiên chẳng hạn, hãy đọc chúng thành tiếng. Bạn sẽ dễ nhận được điều gì đó qua việc đọc thơ ca trong Kinh Thánh thành tiếng hơn nhiều so với chỉ đọc thầm. Có điều gì đó rất dễ chịu trong thanh âm của thơ; nó phụ thuộc vào thanh âm, nội dung được cô đọng, và thơ ca mang sự kỳ thú vào nhiều thứ. Thơ mang trong mình cảm giác kỳ thú không có trong văn xuôi, và cảm thấy kỳ thú hay kinh ngạc tức là đã đi được nửa đường tới sự thờ phượng. Thế nên tất cả các Thi Thiên đều ở thể thơ. Ở đây tôi có vài phiên bản của một bài đồng dao:

Có ngôi sao nho nhỏ
Sáng lấp lánh trên trời
Như kim cương rong chơi
Trên cao xa vời vợi

Bạn có thể giết chết nét kỳ thú con trẻ trong bài thơ đó bằng cách đổi sang thuật ngữ khoa học. Đây là một bản khác mà tôi đọc được:

Có ngôi sao lấp lánh

[5] Nguyên văn:
And Brutus is an honourable man
And Brutus is an honourable man.
Người dịch lấy bài “Đất nước” của Nguyễn Đình Thi.
[6] Nguyên văn:
Baa, baa, black sheep have you any wool?
Yes sir, yes sir.

Nhìn thì lạ thế thôi
Thực ra là khí trời
Đông lại thành khối rắn
Bạn có thấy là nét kỳ thú con trẻ đã mất đi không?
Hãy đi thêm một bước nữa nhé:
Nhìn xa lấp lánh thế thôi
Thực ra là khối đá rời, vô tri
Đi lên chẳng có cái gì
Ô-xi không có, rét thì rét run.

Cùng là một bài thơ, nhưng khô khốc; toàn khoa với học, và theo một nghĩa, văn xuôi là ngôn ngữ khoa học của tâm trí, còn thơ là ngôn ngữ kỳ diệu của trái tim, thơ có chất ngây thơ trong đó.

Tất cả những điều đó là về thơ ca nói chung. Một đặc trưng nữa của thơ ca, ấy là thơ ca đầy hình ảnh cũng như âm thanh. Nó liên tục vẽ nên những hình ảnh trong tâm trí mà bạn có thể thấy. Hình ảnh - trí tưởng tượng rất cần cho việc sáng tác thơ, nó dùng nhiều đến ẩn dụ, đến so sánh, đến hình ảnh, "ngôi sao sáng lấp lánh" - "như kim cương rong chơi" - đó là một hình ảnh; bạn có thể nhìn thấy viên kim cương. Hay trong Thi Thiên: Như con nai cái thèm khát khe nước, huh, huh, linh hồn con khao khát Chúa. Ở đó có hình ảnh một con vật đang thè lưỡi thở hổn hển - như con nai cái thèm khát nước, linh hồn con khao khát Chúa cũng như vậy.

Chúng ta mới đang xét đến thơ ca tiếng Anh, một thứ tiếng dựa trên tiếng Hy Lạp và La Mã, nhấn mạnh vào âm thanh, nhưng thơ ca Hê-bơ-rơ không phải như vậy, nó nhấn mạnh vào ý nghĩa. Lý do là vì nếu không cẩn thận, âm thanh có thể lấn lướt ý nghĩa, bạn có thể thích thanh âm của thơ mà không nhận được thông điệp gì từ nó, Tất nhiên, đó là lý do mà người Anh nổi tiếng với những câu thơ vô nghĩa, Edward Lear và Lewis Carol là bậc thầy trong việc này, bạn có biết thể loại thơ vô nghĩa[7] không? Hãy nghe nhịp của nó nhé:

Câu đầu tôi nói tôi quên,
Câu hai tôi nói tôi quên mất rồi.
Câu ba tôi nói quên rồi,
Câu bốn tôi nói thôi rồi tôi quên.[8]

Nghe cũng hay, ý tôi là đọc thơ lên thì cũng có vần có nhịp, nhưng thông điệp thì sao? Thông điệp gì đây? Bạn thấy đó, chẳng ra đâu vào đâu. Thế nên thơ ca Hê-bơ-rơ mới không nhấn mạnh vào âm thanh của từ ngữ mà vào nghĩa của từ; nên chúng ta luôn tìm ý nghĩa. Đó là lý do tại sao có rất ít vần điệu trong thơ Hê-bơ-rơ. Có chút nhịp điệu, đặc biệt là 4/3 và 3/3, nhưng hầu hết dựa trên phép lặp - đó chính là điểm then chốt của thơ ca Hê-bơ-rơ; chính là phép lặp. Nên chúng ta gọi đó là thể song hành và nó dựa trên phép lặp đôi. Tôi đã nói là chúng ta có hai mắt, hai tay, hai chân; hai cái gì đó tạo ra sự cân xứng, nên hầu hết thơ ca Hê-bơ-rơ đều ở dạng mà chúng ta gọi là cặp câu - hai khẳng định gắn liền với nhau và hai khẳng định này liên hệ theo các cách khác nhau để tạo sự đa dạng. Đôi khi

[7] Nguyên văn là Jabberwocky, một bài thơ vô nghĩa nổi tiếng
[8] Nguyên văn:
Twas brillig, and the slithy toves
Did gyre and gimble in the wabe,
All mimsy were the borogoves,
And the mome raths outgrabe.
Người dịch lấy bài thơ vui của bạn thienhoa trên diendan.hocmai.vn

khẳng định thứ hai được nhắc lại trong cả một Thi Thiên. Một khẳng định được nêu ra, sau đó là "vì lòng nhân từ Ngài còn đến đời đời," đến khẳng định khác, lại "vì lòng nhân từ Ngài còn đến đời đời." Đó là một dạng rất đơn giản của thơ ca Hê-bơ-rơ, có điệp khúc ở nửa sau của mỗi cặp câu. Chút nữa chúng ta sẽ dùng một cặp và xướng lên. Điều này thực sự rất hiệu quả vì một cặp câu giúp bạn có thể làm điều mà chúng ta gọi là hát đối đáp, nghĩa là hai bên hát đối nhau, hoặc với nhau, một bên hát câu đầu, bên kia hát vọng lại bằng câu sau và có tiếng vọng. Các bài Thi Thiên trở nên rất ý nghĩa nếu bạn đọc chúng theo kiểu hát đối như vậy, một bên hát, đọc, hoặc nói dòng đầu còn bên kia là dòng thứ hai. Các bạn thử làm như vậy xem. Trong Tân Ước, người ta dùng các Thi Thiên trong sự thờ phượng và chúng ta nên làm như vậy. Đáng tiếc là các bài thánh ca hiện đại lại chỉ chứa một hoặc hai câu Thi Thiên, làm mất đi ngữ cảnh và chúng ta thật sự cần lấy cả một bài Thi Thiên, nên hãy khích lệ hội thánh của bạn dùng Thi Thiên theo cả bài. Nếu không thể hát Thi Thiên thì hãy đọc thành tiếng, nhưng hãy đọc như thế, theo cặp câu - giọng này đọc câu này, giọng kia câu kia.

Ba cách mà chúng liên hệ với nhau, tôi đã đưa vào đây, thể song hành - vọng lại. Đây là một câu tiêu biểu:

Con sẽ đi đâu xa Thần Chúa?
Con sẽ trốn đâu khỏi sự hiện diện của Ngài?

Đó là thơ Hê-bơ-rơ, cùng một điều nhưng được nói hai lần. Hiểu không? Chúng ta sẽ tách phòng này làm đôi, bên này nói: "Con sẽ đi đâu xa Thần Chúa?" và bên kia đáp "Con sẽ trốn đâu khỏi sự hiện diện của Ngài?" và bạn sẽ nắm được ý, được không?

["Con sẽ đi đâu xa Thần Chúa?
Con sẽ trốn đâu khỏi sự hiện diện của Ngài?"]

Bạn nghe thấy tiếng vọng không? Bạn thấy đó, luôn có tiếng vọng, dòng thứ hai vọng lại dòng đầu và tạo ra sự cân xứng và đối xứng rất đẹp cho lời nói. Tất nhiên là khi được nói hai lần, nó sẽ lưu lại trong tâm trí bạn, và bạn nghĩ đến nó hai lần. Khi tôi giảng ở một nơi nói tiếng khác, tôi phải giảng qua một người mà tôi gọi là "ngắt dịch"[9] (tiếng Nam có thể gọi là "mắc dịch"), họ cướp mất nửa thời gian của tôi nhưng tất nhiên, ai biết tiếng Anh sẽ nhận được hai lần sứ điệp và họ thật sự nhận được rất nhiều từ đó, vì mỗi câu đều được nghe bằng tiếng Anh từ tôi trước, sau đó bằng thứ tiếng còn lại qua người thông dịch. Họ nhận được hơn những người chỉ biết một thứ tiếng rất nhiều.

Phép lặp này rất hợp để nhấn mạnh - nói điều gì đó hai lần; rất hợp để đáp lại - vọng lại, và rất hợp để tạo sự cân xứng, nhưng nó không chỉ là phép lặp đơn thuần. Dòng thứ hai thường nâng ý của dòng đầu lên một mức, Và nó làm như vậy theo nhiều cách khác nhau. Để tôi lấy một ví dụ trong Thi Thiên 6:

Đức Giê-hô-va ôi! Xin đừng quở trách con khi Ngài phẫn nộ, Cũng chớ sửa phạt con trong cơn giận của Ngài.

"Quở trách" chỉ là bị nói nặng lời thôi, còn "sửa phạt" là bị phạt. Như vậy là dòng thứ hai đã nâng cùng một ý lên cao hơn chút ít, có Chớ quở trách con, rồi chớ sửa phạt con nhưng chúng lại gắn liền với nhau, đậm chất thơ. Hoặc câu tiếp theo:

Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con vì con mòn mỏi;

[9] Interrupter

Lạy Đức Giê-hô-va, xin chữa lành con vì xương cốt con run rẩy.

Dòng dầu ông chỉ thấy mòn mỏi thôi, còn dòng thứ hai thì ông run rẩy và cần sự chữa lành. Một lần nữa, dòng thứ hai nâng dòng thứ nhất lên một chút.

Mong rằng tất cả những điều này không khiến bạn vỡ mộng với thơ ca vì quả thật, thơ mà đem phân tích thì chẳng khác gì xé hoa ra thành từng mảnh, bóc cánh hoa ra xem nhị,... Hủy hoại bài thơ. Thơ ca cần phải được nếm biết theo vẻ đẹp của nó, nhưng tôi muốn giúp bạn hiểu điều gì xảy ra khi bạn đọc một Thi Thiên, tại sao nó lại được viết ra và viết như thế nào.

Có ba dạng cặp thơ chính, chúng ta gọi là đồng nghĩa, cùng một ý được trình bày bằng những từ khác, nãy giờ chúng ta nói đến dạng này. Rồi có dạng đối thơ, trong đó dòng thứ hai trái ngược hay nói đúng hơn là tương phản với dòng đầu, và đạt được sự cân xứng nhờ tương phản. Ví dụ:

Người nào gieo giống trong nước mắt
Sẽ gặt hái cách vui mừng.

Bạn có thấy sự tương phản không? Gieo và gặt, nước mắt và vui mừng. Cặp thơ vừa rồi chứa sự tương phản - chúng ta gọi đó là cặp câu đối nhau. Ý của nó đối nhau. Đồng nghĩa là cùng một ý nhưng khác từ, có thể là lặp lại đơn thuần như ví dụ tôi lấy lúc đầu, hoặc nâng lên một chút như chúng ta đã xét đến. Nhưng thực ra cả hai đều là cùng một ý được thể hiện theo cách khác. Nhưng giờ chúng ta có đoạn thể hiện ý đối nhau:

Người nào vừa đi vừa khóc, mang giống ra gieo;
Sẽ trở về, vác bó lúa mình trong tiếng hát vui vẻ.[10]

Như vậy là bốn dòng này lại nâng lên một chút, giờ chúng ta có vác bó lúa, có mang giống ra gieo, đi và trở về. Rồi chúng ta có cái gọi là cặp thơ tổng hợp, cặp thơ tổng hợp bổ sung cho ý đầu, chúng không lặp lại, cũng không tương phản, mà bổ sung thêm cho nó.

---

[10] Bản dịch Mới 2002.

Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi,
Tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì.

Câu sau là kết quả của câu đầu, câu đầu là nhân, câu sau là quả; và Thi Thiên được dựng trên khuôn mẫu ấy, chúng ta gọi đó là tổng hợp. "Ngài khiến tôi an nghỉ nơi đồng cỏ xanh tươi," câu sau không lặp lại mà là "Dẫn tôi đến mé nước bình tịnh." Hai câu đó quả là ý nghĩa khi bạn nghiên cứu công việc chăn chiên tại Trung Đông. Không phải ở đâu cũng có cỏ, không phải cứ lùa chiên vào một cánh đồng và để chúng gặm cỏ là được. Bạn phải đi hơn hai chục cây số một ngày để tìm chỗ có cỏ mọc, và người chăn chiên giỏi biết phải tìm đồng cỏ xanh tươi ở đâu.

Nhưng hơn nữa, mũi chiên nằm ngay trên miệng nó, gần hơn so với khoảng cách giữa mũi và miệng chúng ta. Kết quả là chúng không uống được nước ở vùng không tĩnh lặng. Nếu cứ cố uống ở vùng nước động hoặc dưới vòi nước thì chúng sẽ bị sặc. Chúng sẽ hít nước vào mũi. Nên người chăn chiên phải biết chỗ nào có đồng cỏ xanh tươi và chỗ nào có mé nước bình tịnh. Nhưng hai thứ đó cùng vẽ nên hình ảnh về một người chăn chiên thực sự hiểu rõ công việc và có thể làm như vậy cho bầy chiên; Đó là thơ tổng hợp. Ba dạng thơ này xuất hiện rất nhiều. Nhưng có rất, rất nhiều biến thể trong ba dạng này và bạn sẽ thấy những khuôn mẫu này liên tục bị phá vỡ ở những đoạn bất quy tắc nhằm tạo sự thú vị và sống động hơn một chút. Nên có đôi chỗ phá nhịp và đôi chỗ phá khuôn. Đôi khi không phải hai dòng mà là ba dòng đi với nhau. Hãy xem một số ví dụ. Chẳng hạn, đây là ba dòng trong Thi Thiên 29:

Hãy tôn vinh Chúa, hỡi các con cái của Đức Chúa Trời;
Hãy tôn vinh Chúa vinh hiển và quyền uy;
Hãy tôn vinh Chúa vinh hiển xứng đáng với danh Ngài[11];

Có ba dòng - chúng ta gọi đó là tam hợp và tạo nhịp điệu mạnh dần "Hãy tôn vinh Chúa" là điệp khúc, rồi những từ khác nhau được thêm vào ba dòng. Đây là một ví dụ khác, từ Thi Thiên 3:

CHÚA ơi! Biết bao nhiêu người là kẻ thù tôi.
Biết bao nhiêu người nổi dậy chống tôi.
Biết bao nhiêu người nói với linh hồn tôi:
Đức Chúa Trời không giải cứu nó đâu![12]

Bạn có phép lặp "biết bao, biết bao, biết bao," nhưng từ ngữ thì khác nhau và mỗi câu đều dựa trên câu trước. Đôi khi lại có phép lược - trước giả không đưa từ nào đó vào hoặc bỏ cụm nào đó đi. Đầy hình ảnh - "như con nai cái thèm khát" - tôi đã lấy ví dụ đó rồi.

Đức Giê-hô-va thương xót người kính sợ Ngài, Khác nào cha thương xót con cái mình vậy.
Có hình ảnh về một người cha nhẹ nhàng với con cái mình.

Đôi khi các dòng bắt chéo nhau và phần đầu của dòng một trở thành phần sau của dòng hai. Ví dụ nhé:

Vì Đức Giê-hô-va biết đường lối người công chính, Nhưng đường lối kẻ ác sẽ bị diệt vong.

"Đường lối" đã đổi vị trí - hiểu không ạ?

[11] Bản dịch 2011, có chỉnh sửa phần điệp khúc.
[12] Bản dịch Mới 2002

Tất cả những điều này chỉ nhằm giúp bạn trân trọng thơ ca Hê-bơ-rơ hơn nữa. Đôi khi trong đó có dạng bậc thang, dạng như trèo lên vậy. Ví dụ, có câu dạng bậc thang thế này:

Tiếng Đức Giê-hô-va bẻ gãy cây bá hương;
Phải, Đức Giê-hô-va bẻ gãy cây bá hương của Li-ban.
Như vậy là câu hai giới thiệu thêm một điều mới, tức là cây bá hương của Li-ban.

Đôi khi thơ ca dựa trên bảng chữ cái - Tôi đang cố nhớ ra một bài thơ của trẻ con:

O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội mũ
Ơ thì thêm râu[13]

Thôi, tôi nên dừng lại thì hơn. Đó là một bài thơ ghép chữ và dựa trên bảng chữ cái. Rất nhiều bài Thi Thiên dựa trên bảng chữ cái, câu đầu là Aleph là chữ A trong tiếng Hê-bơ-rơ, rồi câu hai, câu ba. Thi Thiên 119, một Thi Thiên rất dài; cứ dài mãi, dài mãi, mỗi phần của Thi Thiên đó, mỗi câu trong từng phần bắt đầu bằng một chữ cái mới trong bảng, từ đầu chí cuối.

Thơ thì gượng gạo và một số người nói: *Ôi, tôi nghĩ là chúng ta nên trò chuyện với Chúa cho tự nhiên, dùng thơ làm gì cho gượng gạo; cứ thế mà nói thôi, đầu nghĩ gì thì nói đấy. N*ếu làm vậy thì bạn sẽ chỉ dùng văn xuôi để trò chuyện với Chúa. Đúng không? Nhưng tôi nghĩ chúng ta nên dùng cả thơ nữa vì nó khiến bạn phải nghĩ xem mình muốn nói gì - bạn phải chuẩn bị điều mình muốn nói, hầu hết các bài hợp xướng và thánh ca được sáng tác theo cách đó. Ai đó ngồi xuống và nghĩ: Mình cần nói gì với Chúa đây? Họ nghĩ về nó và chuẩn bị. Chúng ta dùng lối nói không tự nhiên mỗi khi hát một bài thánh ca cùng nhau, nhưng điều đó giúp chúng ta có thể hát với nhau. Nếu tôi nói: *Lần thờ phượng sau, anh chị em cứ hát bất cứ điều gì anh chị em thật sự muốn nói cùng Chúa*, thì chúng ta sẽ loạn lên mất. Nó sẽ trở thành thờ phượng cá nhân chứ không phải thờ phượng cùng nhau nữa, nên lợi thế của việc dùng thơ trong thờ phượng là chúng ta có thể cùng đọc với nhau.

Nhà tôi từng có truyền thống này: ba đứa nhà tôi từng đến đánh thức tôi bất chợt vào một ngày nhất định trong năm, rồi chúng đứng xếp hàng ở cuối giường, ba đứa, và bằng một cách không hề tự nhiên chút nào, chúng nói với tôi bằng thơ, xong xuôi chúng sẽ tặng tôi một túi gồm toàn kẹo mà chúng thích nhất! Điều này đã diễn ra một lần trong năm, chúng đứng đó và hát "Mừng ngày sinh nhật của ba." Thấy không ạ? Xét theo một nghĩa thì cái đó không tự nhiên, ba đứa xếp thành hàng và cả ba đều nói cùng một điều. Nếu từng đứa gặp riêng tôi và cho tôi biết cảm xúc thật sự của chúng nó, và nói rằng "Ba ơi, con yêu ba" thì sao? Như vậy có hay hơn không? Không, vì như vậy thì chúng không phải là gia đình của tôi.

Thực tế rằng chúng kéo nhau đến và cùng nhau hát có ý nghĩa với tôi hơn, vì chúng có mối quan hệ với nhau; bạn có hiểu điều ý tôi nói không? Chúa đẹp lòng khi chúng ta nói điều gì đó cùng nhau, nhưng tất nhiên là chúng ta phải dùng lối nói không tự nhiên, chúng ta phải dùng những từ mà ai đó đã viết, nhưng Chúa thích thấy chúng ta hát cùng nhau: Nào, hãy xếp thành hàng và hát cho Chúa đi! Nhưng dù vậy, chúng ta đang thể hiện rằng "Chúa ơi, chúng con đến cùng nhau để làm điều này." Và thơ ca giúp chúng ta có thể làm điều đó. Nên tôi mừng vì nó có trong thơ ca.

[13] Nguyên văn là một bài hát ghép chữ trong tiếng Anh:
A, you're adorable, B, you're so beautiful, C, you're a cutie in my charms.

Tất nhiên, thơ ca Hê-bơ-rơ dễ dùng trong các thứ tiếng khác hơn, dễ dịch hơn. Những bài thơ phụ thuộc vào vần rất khó chuyển sang thứ tiếng khác vì những từ đó trong tiếng kia lại không vần nhau. Tôi đã thử, tôi thích trích thơ khi giảng và khi sang đến phiên dịch thì chịu chết luôn, không chuyển ngữ được. Nên một lợi thế lớn của thơ ca Hê-bơ-rơ là nó vẫn dịch tốt, và thậm chí trong tiếng Anh hay tiếng Việt, thơ vẫn chuyển ngữ được, vẫn giữ được sự cân xứng của các cặp thơ.

Bạn có nghĩ là thơ ca chạm được đến tấm lòng Chúa cũng như tấm lòng chúng ta không? Tôi tin là có và tôi tin Vua Đa-vít biết điều đó, và các tiên tri biết rằng họ dễ chạm tới lòng người bằng thơ hơn là bằng văn xuôi. Theo tôi thì đó là lý do họ dùng thơ, nghĩa là họ đã thật sự nghĩ về những gì mình muốn nói và nghĩ trong sự hiện diện của Chúa, để Thánh Linh đặt để điều họ muốn nói dưới dạng thơ, để họ có thể nói theo cách mà người ta không quên được. Nhưng tôi nghĩ rằng điều đó chạm đến cả tấm lòng của Chúa, rằng Ngài thích thơ.

Có quá nhiều điều ở Chúa cũng thể hiện trong chúng ta. Bạn biết là Chúa có cười đúng không? Vâng, Thi Thiên 2 nói như vậy, nên chúng ta có thể cười. Bạn biết là Chúa có đi bộ, nên đi bộ là bài tập lành mạnh nhất mà chúng ta có thể thực hiện. Bạn biết là Chúa có hát. Chúng ta sẽ sớm xét đến tiên tri Sô-phô-ni và Sô-phô-ni là vị tiên tri cho chúng ta biết rằng Chúa vui mừng hoan hỉ về chúng ta, và ca hát mừng rỡ về chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta hát. Bạn biết là Chúa có huýt sáo đúng không? Bạn có biết không? Bao nhiêu người đọc thấy điều đó trong Kinh Thánh? Xem nào - 1, 2, 3, 4, 5, chỉ có 6 người. Các bạn vẫn đọc Kinh Thánh đấy chứ hả? Hãy đọc vài chương đầu của Ê-sai nếu các bạn không tin tôi. Bản dịch nào á? Bản nào cũng có. Chúa huýt sáo, nên chúng ta có thể huýt sáo, có thể chút nữa chúng ta sẽ làm đúng như vậy - nếu cậu chuẩn bị được nốt nhạc, Max ạ! Nhưng chúng ta có thể hát, và chúng ta có thể hát cho Chúa, nhưng tôi tin rằng thơ chạm đến lòng Ngài vì nó có nghĩa rằng ai đó đã suy nghĩ đôi chút về điều họ muốn nói, ai đó đã thực sự dành một chút thời gian - *Mình cần bày tỏ điều này với Chúa thế nào mới tốt đây?* Ai đó sáng tác ra một bài hợp xướng hoặc thánh ca, thật đẹp!

Chút nữa chúng ta sẽ hát một bài thánh ca mà tôi sáng tác, nhưng bây giờ thì chúng ta sẽ bài thánh ca này trước. "Vua đời đời. Muôn dân tôn vua đời đời." Nhưng tôi sẽ yêu cầu mọi người nam cùng huýt sáo và mọi người nữ cùng hát, và nếu bạn là quý ông nhưng không biết huýt sáo thì bạn có thể hát, nhưng hát khe khẽ thôi nhé! Còn nếu có quý cô nào biết huýt sáo thì tôi sẽ không cấm bạn huýt, nhưng hay nhất là nam huýt sáo còn nữ hát, không cần piano, chỉ cần một nốt thôi, chỉ một nốt, vì có sáo rồi, ở đây chúng ta có khoảng năm sáu chục nhạc cụ hơi rồi - và chúng ta sẽ làm như vậy được không? Đúng rồi, bạn nghe nốt đó chưa? Chúng ta thử nhé! Chúng ta sẽ huýt sáo và hát cho Chúa.

"Vua đời đời! Muôn dân tôn vua đời đời. Ngợi khen Giê-su! Ngài vinh quang, năng quyền vô đối. Vua đời đời! Muôn dân tôn Vua đời đời! Chúa Cha toàn năng! Chúng con ngợi khen, góp bao lời ca! Nào cùng nhau, tụng ngợi tôn cao, tôn Ngài Vua Jê-sus."

SÁCH GIÓP - Phần 1

Đôi điều trước khi xem sách

Bây giờ chúng ta đến với sách *Gióp* hay nên nói là *Jov* nhỉ? Vì trong tiếng Hê-bơ-rơ, /Gi/ được phát âm như /j/ và /p/ như /v/. Nhiều phần trong sách Gióp rất quen thuộc, thí dụ trong tiếng Anh, một số câu trở thành phương ngôn là dựa trên sách này, như *"Sự kiên định của Gióp,"* lại cũng là cụm từ mà *Gia-cơ* dùng trong thư của ông, hay cụm từ *"Người an ủi Gióp"* cũng thành phương ngôn để chỉ một người đến an ủi nhưng thực chất lại gây thêm sầu khổ cho người ta. Tiên tri *Ê-xê-chi-ên* đã liên hệ *Gióp* với *Nô-ê và Đa-ni-ên*, gọi đó là *ba người công chính nhất trên đời*. Tại nhiều tang lễ Cơ Đốc, gần như lúc nào sách Gióp cũng được viện dẫn: *"Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi. Đáng chúc tụng danh Đức Giê-hô-va!"* Người ta gần như đã lạm dụng những lời đó. Thực chất thì cần rất nhiều sự can đảm và đức tin để nói được và nghĩ đúng như vậy khi bạn vừa mất đi một người thân yêu. Rồi trên sân khấu, tác phẩm ca kịch *Đấng Mê-si-a* của Handel, cũng lấy từ *sách Gióp* với lời nổi tiếng *"Tôi biết rằng Đấng Cứu Chuộc tôi vẫn sống."*

Chúng ta quá quen với những trích dẫn trong *Gióp*, nhưng không nhiều người đọc sách từ đầu chí cuối và hiểu được thông điệp của cả sách. Hãy thật thận trọng khi trích dẫn bất kỳ câu nào từ sách Gióp vì bạn có thể trích phải một câu dối trá. Vì ngay cuối sách, Chúa đã phán: *"Ta nổi giận vì các con không nói đúng đắn về Ta."* Có thể bạn trích lời một người bạn của Gióp tức là trích dẫn một điều sai trật. Nên bạn không thể lấy tùy tiện một câu trong Kinh Thánh và trích dẫn như thể đó là lẽ thật của Chúa được. Tất cả đều là Lời Chúa, nhưng chỗ đó đang nói về điều không đúng. Vì Kinh Thánh trung thực ghi lại những điều sai trái, về những gì một số người đã nói, và cách họ được nắn sửa trong lời nói của mình cho đúng.

Chính vì thế chúng ta mới thật sự cần biết cả sách. Tôi đã từng dự một cuộc tranh luận thần học tại một trường cao đẳng Kinh Thánh, ở đó người ta trích các câu/đoạn Kinh Thánh cho nhau nhằm chứng minh một luận điểm, và người ta đã trích lời *"người an ủi Gióp"* một cách có dụng ý, những lời không thật đó đã "chứng minh" được luận điểm của mình, và được coi là đã trích từ Kinh Thánh. Nên mọi khẳng định trong Kinh Thánh đều phải gắn với ngữ cảnh của một sách, và thông điệp của sách mới quyết định ý nghĩa của khẳng định đó trong sách.

Sách Gióp có thể là một trong những cuốn sách cổ nhất mà chúng ta có được, không chỉ trong Kinh Thánh, mà cả trong lịch sử loài người, theo những thông tin hiện có tuy không dễ để xác định niên đại. Sách bắt nguồn từ thời các tổ phụ, những điều được nhắc đến trong sách vẽ nên bức tranh xã hội thời Áp-ra-ham. Gióp có biết danh Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, ông có biết danh *Yahweh* và nhắc đến danh đó.

Nên *sách Gióp là một sách nhắc đến danh Chúa*. Nhưng trong sách không có dấu vết nào của thời Xuất Ê-díp-tô Ký, Giao ước tại Si-na-i hay Luật của Môi-se, là những điều rất cơ bản của Cựu Ước, mà không một *sách tiên tri nào không nhắc* đến. Nên chúng ta mới đặt sách Gióp ở thời đầu. Nếu đúng là sách thuộc về thời đó thì đây có thể là một trong những sách cổ nhất - nếu không nói là sách cổ nhất - mà chúng ta có trên thế giới vì thật sự là kiểu sách này mãi về sau mới được viết rộng rãi. Ở góc độ này, đây là một tài liệu độc đáo.

Câu chuyện trong sách Gióp là thực hay hư cấu?

Đây lại là một câu hỏi rất khó trả lời. Có ba khả năng:

Một là chúng ta đang xét đến *một chuyện thật sự có thật*. Rõ ràng là cả Cựu Ước và Tân Ước đều coi ông là một người có thật. Đúng là chúng ta có địa chỉ của ông *"Tại xứ U-xơ có một người tên là Gióp."* Tiếc là qua mấy ngàn năm bãi biển nương dâu, nếu ngày nay gửi thư thì bưu điện sẽ trả về và ghi rằng "không xác định được địa chỉ." Nhưng ít nhất thì xứ Út-xơ cũng định vị ông ở đâu đó, và xứ này ở đâu đó trong lưu vực Lưỡng Hà, giữa hai con sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát, phía bên kia Đa-mách, nơi có một nền văn hóa mà cừu và lạc đà đóng vai trò quan trọng. Ông là một con người rất thật, phản ứng của ông và của vợ ông rất đáng tin cậy. Gần như ta có thể nghe được tiếng họ cãi nhau, tiếng bà vợ nhận xét về tình trạng của chồng. Những lời bình phẩm của các bạn ông rất đáng tin, cảm xúc cá nhân quá ư là chân thật.

Hai là, thế sao lại có người nghĩ rằng chuyện này không có thật? Thì *sách cũng có mọi dấu hiệu của sự hư cấu* nữa. Sách có gì đó không tự nhiên, nghe có vẻ không giống với đời thật lắm. Chẳng hạn như một số sự kiện, có bốn tai họa nối tiếp nhau, tất cả đều chừa ra một người chạy được về và nói "chỉ mình tôi thoát chết..." Ở đây có chút gì đó không tự nhiên. Cả kết thúc có hậu nữa. Gióp đã mất hết con cái nhưng không sao cả, ông lại vui vẻ vì sinh được thêm mười người con, *thế ổng không nhớ những đứa trước à?* Như có cái gì đó hơi bất thường với toàn bộ cốt truyện. Rồi đến những lời nói trong sách, tất cả đều ở dạng thơ, là một lối nói không tự nhiên. Người ta không cứ thế nói với nhau mà thành thơ được, phải ngẫm nghĩ đã. Tất cả những người an ủi Gióp đều nói ra những bài thơ trác tuyệt. Ý cho rằng ba người bạn của Gióp đều là những nhà thơ lỗi lạc thì có vẻ hơi phi thực tế. Còn cuộc hội thoại giữa họ, khi họ tuôn ra hết trang này đến trang khác toàn là thơ, thì ai chép hết chỗ đó vào đây?

Ba là, như trong Kinh Thánh có nhiều sự kiện đã *dựa trên*, hay *phỏng theo câu chuyện có thật*. Sách Gióp cũng đã *dựa trên một con người có thật*, ông gặp nhiều tai họa và không biết phải lý giải thế nào cho đúng với Chúa. Ông không chỉ nổi tiếng trong Kinh Thánh, ông còn rất nổi tiếng trong các tác phẩm của những nền văn hóa khác tại Trung Đông, chắc hẳn là ông đã để lại ấn tượng sâu sắc về sự chịu khổ và cách ông đón nhận chúng, ông cũng nổi tiếng cả bên ngoài Y-sơ-ra-ên. Nên chắc hẳn *phải có phần thực tế trong đó*. Ai đó đã viết nên câu chuyện này và mở rộng nó.

Những góc nhìn về sách Gióp

Có thể *so sánh sách Gióp với các vở kịch lịch sử* của Shakespeare. Chẳng hạn vở *Henry V* cũng dựa thực tế lịch sử, có Henry V thật và ông có đánh Trận Agincourt, nhưng bằng tài thơ phú xuất sắc, Shakespeare đã viết nên và nêu bật ý nghĩa nội tại của con người và sự kiện đó. Ai đó cũng đã làm thế với câu chuyện của Gióp. Người đó đã lấy câu chuyện thật của con người tin kính này cùng tính nhẫn nại đến lạ lùng của ông trong sự chịu khổ, từ đó sáng tác nên một thi phẩm bao quát hơn để nêu bật những vấn đề thực tế mà ông phải đối mặt.

Có *hai dạng phỏng theo* một câu chuyện có thật. Có dạng phỏng theo để *hoàn toàn bóp méo đời sống của một người có thật*. Thí dụ vở kịch của John Osborne về *Martin Luther* là một ví dụ điển hình. Nếu xem vở kịch đó, bạn sẽ biết về tác giả nhiều hơn về Martin Luther, đó là dạng phỏng theo *dùng một người trong lịch sử làm cái cớ để truyền đạt những tư tưởng khác*. Nhưng có dạng phỏng theo *thực sự nêu bật một cách trung thực, sinh động và dễ hiểu hơn* những gì đã diễn ra trong đời sống của người này. Đó là những gì chúng ta có trong *Gióp*.

Sách Gióp *mang đầy chất thơ,* có dấu ấn của một thiên tài nơi trước giả sách. Chắc chắn rằng ba người bạn này, những *"người an ủi Gióp"* không nói với Gióp như vậy, nhưng trước giả đã nêu bật

thách thức thật sự từ đầu đến cuối của cuộc đối thoại. Nhà triết học Thomas Carlisle nóivề sách Gióp: *“Đó là một cuốn sách phi phàm, một cuốn sách của mọi người...”* Nhà thơ Alfred Tennyson nói: *“Đây là áng thơ hay nhất của cả thời cổ đại lẫn hiện đại...”* Luther nói: *“Đó là cuốn sách hoàn mỹ và trác tuyệt nhất trong mọi sách Kinh Thánh...” Sách Gióp* đã được ví sánh với *Homer, Virgil, Dante, Milton và thậm chí Shakespeare,* như một trong những tác phẩm văn học thật sự vĩ đại của mọi thời đại. Nếu bạn biết thưởng thức thơ ca và văn học thì có lẽ sẽ nhận ra áng thơ 4000 năm tuổi này là một trong những tuyệt tác văn học.

Sách còn mang *một giá trị hơn cả văn học*. Là áng thơ Hê-bơ-rơ, với đặc trưng *trọng ý nghĩa hơn âm điệu*, ở thủ pháp *lặp ý theo cặp* mà chúng ta đã xét đến. Nhưng giá trị của sách Gióp còn ở chỗ *thật sự là một tác phẩm triết học*. Triết học là suy nghĩ về những câu hỏi lớn của cuộc đời: Tại sao chúng ta lại ở đây? Cuộc sống là gì? Cái ác đến từ đâu? Tại sao người tốt lại phải chịu khổ? *Sách Gióp* đã đưa ra câu trả lời cho một số câu hỏi lớn nhất như vậy: Tại sao lại có đau đớn và khổ ải? Tại sao chúng lại được phân bổ một cách bất công? Tại sao người tốt lại phải chịu khổ? Tại sao người xấu lại tránh khỏi? Nếu có một Đức Chúa Trời thì Ngài có đoái đến những đau khổ của chúng ta không? Ngài có quan tâm đến nó không? Đây là những câu hỏi sâu sắc mà sách Gióp cố gắng trả lời, nên sách mới phần nào đúng với mọi nền văn hóa và mọi người.

Sách Gióp còn là *một sách thần học*. Triết học có thể xử lý những câu hỏi này theo cách trừu tượng, còn *thần học thì liên hệ chúng với Chúa*. Tôi muốn cố gắng giải thích một điều: *Phải có một quan điểm nhất định về Chúa rồi thì bạn mới thắc mắc về sự chịu khổ.* Nếu cho rằng Chúa rất xấu xa thì bạn sẽ chẳng thắc mắc gì về sự chịu khổ, vì một vị Chúa xấu xa tất sẽ bắt bạn chịu khổ. Vậy thì vấn đề nằm ở đâu? *Chỉ khi tin rằng Chúa là tốt lành thì bạn mới thắc mắc:* Chúa tốt lành thì sao Ngài lại làm như vậy? Và nếu cho rằng Chúa yếu đuối và không thể giúp gì cho bạn thì bạn cũng sẽ chẳng thắc mắc gì về sự chịu khổ. Chúa sẽ chỉ cảm thông với bạn thôi, chứ có làm gì được với nó đâu. C*hỉ khi tin rằng Chúa vừa toàn năng, vừa tốt lành thì bạn mới thắc mắc*. Nên bạn chỉ đặt ra câu hỏi về sự chịu khổ nếu bạn đã tin vào một Đức Chúa Trời quyền năng và yêu thương. Nên *“thần học hiện đại”* mới cố giải quyết vấn đề bằng cách *phủ nhận một trong hai điều trên*. Ngày nay những người phủ nhận ấy nói rằng: *Chúa không tốt lành, Ngài là một vị Chúa xấu xa đang bỡn cợt với chúng ta. Ung thư chỉ là một trò đùa bệnh tật, và... Chúa là như vậy*. Thật đáng kinh ngạc khi nhiều tiểu thuyết hiện đại quan niệm về Chúa như vậy, rằng Chúa toàn năng nhưng xấu xa. Tất nhiên là họ sẽ không thắc mắc gì về sự chịu khổ.

Đó là ở ngoài hội thánh. Còn trong hội thánh có cả *một hệ tư tưởng thần học mới* nói rằng: *Chúa yếu đuối*. Có một vị giám mục trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình đã liên tục nói rằng *Chúa yếu mềm như nước*. Ông ta là giám mục ngồi ở ghế chủ tịch ủy ban sửa đổi giáo lý của Giáo hội Anh. Ông ta nêu một *”phát hiện mới,”* rằng: *“Chúa yếu đuối và Ngài không thể làm gì với những vấn đề trên thế giới. Ngài đang trông chờ chúng ta giải quyết những vấn đề của thế giới.”* Người phỏng vấn hỏi: *“Theo ngài thì điều đó có đưa người ta đến với hội thánh không?”* Ông ta đáp: *“Tất nhiên rồi, khi người ta nhận ra rằng Chúa cần chúng ta đến thế nào, họ sẽ đến với hội thánh.”* Người phỏng vấn hỏi tiếp: *“Ngài hình dung về Chúa như thế nào?”* Ông ta đáp: *“Tôi hình dung đến một đại gia đình có người bà yêu mọi thành viên trong gia đình và tình yêu của bà gắn kết cả gia đình với nhau, còn mọi thành viên khác ra ngoài làm việc. Tôi mường tượng về Chúa như vậy.”* Người phỏng vấn ngạc nhiên: *“Nhưng tôi tưởng Chúa là Cha chứ đâu phải Bà nội!”*

Nghĩ như vậy thì họ sẽ tự giải tỏa được thắc mắc, vì họ sẽ yên chí cho rằng *Chúa cũng không thể làm gì để thay đổi điều đó, giống như chúng ta thôi. Nên trong sự chịu khổ, chúng ta phải chấp nhận hoặc cố gắng làm gì đó để có thể giảm nhẹ nó mà thôi. Nó là như vậy, có vấn đề gì đâu!*

Chỉ khi bạn tin rằng Chúa đầy tình yêu thương, đầy lòng thương xót và hết mực nhân từ, đồng thời cũng toàn năng và có thể làm mọi điều *thì bạn mới đầy thắc mắc*. Như vậy, đằng sau một sách như sách Gióp đã *có tư tưởng thần học* rằng: *"Tôi tin rằng có một Đức Chúa Trời, tôi tin rằng Ngài tốt lành, tôi tin rằng Ngài toàn năng, tôi tin rằng Ngài quan tâm, thế nên tôi mới thắc mắc."* Nói cách khác, nếu bạn thắc mắc về sự chịu khổ thì bạn đã đi được 3/4 chặng đường tới *lẽ thật về Chúa,* nhưng vẫn còn 1/4 nhỏ nữa. Nếu Ngài tốt lành và toàn năng thì tại sao? Hy vọng là điều đó đã giới thiệu đến bạn những câu hỏi mà sách Gióp đề cập đến.

Có một khác biệt rõ rệt giữa cách hiểu của người Do Thái và cách hiểu của Cơ Đốc nhân về sách này. *Trong Cựu Ước không có hiểu biết rõ ràng về sự sống đời sau.* Đến Tân Ước, nhờ chính *sự phục sinh của Chúa Giê-su đã bày tỏ về sự sống và sự sống đời đời* qua tin lành. Nhờ chúng ta đang sống ở phía bên này sự phục sinh của Chúa Giê-su, nên một phần nào đó, vấn đề sự chịu khổ được giảm nhẹ rất nhiều, vì đã được chuẩn bị sẵn sàng với những gì sẽ xảy ra sau này. Phao-lô đã nói: *"Tôi nghĩ rằng những đau khổ hiện tại không đáng so sánh với vinh quang tương lai sẽ được tỏ ra cho chúng ta."* Điều đó đã giúp Cơ Đốc nhân có một cái nhìn hoàn toàn khác về những đau khổ hiện tại. Nó vẫn còn là một vấn đề, nhưng vấn đề sẽ lớn hơn nhiều nếu bạn không hiểu rõ về sự sống đời sau, nơi bạn được bù đắp cho những gì phải trải qua lúc này trên đất. Nên *trong cả sách Gióp chỉ có chút dấu vết mờ nhạt về sự sống đời sau*, có được lúc ông cảm thấy chắc chắn là có, thậm chí sau khi chết, ông vẫn sẽ thấy Đức Chúa Trời trong xác thể. Bằng một cách nào đó, hy vọng nhỏ nhoi này thi thoảng lại nổi lên, nhưng không đủ rõ ràng để giải quyết vấn đề theo cách giải quyết của Cơ Đốc nhân. Mới thấy *Gióp tin cậy Chúa biết bao.*

Chìa khóa giải mã sách Gióp

Chúng ta cho rằng *sách chỉ là suy đoán,* hay *sách thật sự được mặc khải?* Sách không chỉ đặt lời nói vào miệng của loài người nói chung, trước giả đã đặt lời nói vào miệng của con người cụ thể, *vào miệng Gióp, Ê-li-pha, Binh-đát và Sô-pha*. Nhưng ông *cũng cả gan đặt lời nói vào miệng Đức Chúa Trời*. Đây là suy đoán hay trước giả có sự mặc khải từ trời? Vì toàn bộ *chìa khóa mở ra* sách Gióp là *Chúa đánh cược với Sa-tan*. Phải liều lắm mới nói được rằng:*"Chúa là một tay cá cược* và *Chúa đánh cược với Sa-tan liên quan đến con người Gióp."*

Tự bịa ra một cốt truyện như vậy thì quả là phạm thượng, trừ khi nó có thật. Tất nhiên là chúng ta thì biết bí mật của sách: *Gióp không biết gì về sự đánh cược đó, và sẽ không bao giờ biết*. Chúa không bao giờ nói với ông về duyên cớ cái đau khổ của ông, nhưng đó là việc ở một lần đánh cược giữa Chúa và Sa-tan. Hoặc đó chỉ là suy đoán? Người Do Thái sẽ coi đây là một sự phạm thượng tột cùng và đáng tội chết, vì bảo Chúa phán điều gì đó khi sự thật lại không như vậy tức là tiên tri giả, và sẽ bị phạt tội chết. Nên chúng ta phải lựa chọn.

Tôi tin rằng ở đây, chúng ta có một nhà thơ lỗi lạc lấy một câu chuyện thật, rút ra ý nghĩa và cách áp dụng cho những thế hệ khác bằng tài thơ phú xuất sắc, nhưng ông đã được mặc khải về nguyên do thật sự của cảnh ngộ trên đất. Vì thường thì những gì diễn ra trên đất là kết quả của một điều đã xảy ra trên trời. Nên chúng ta mới không hiểu nhiều điều xảy ra dưới này vì chúng ta không biết trên kia đã xảy ra chuyện gì. Trong sách *Khải Huyền*, cuộc chiến dưới đất xảy ra sau cuộc chiến trên trời,

và chính cuộc chiến trên trời đã gây ra cuộc chiến dưới đất. Những gì xảy ra trên kia ảnh hưởng đến dưới này, và phần lớn thì chúng ta không biết trên kia đang xảy ra chuyện gì, nên chúng ta không hiểu được chuyện xảy ra ở dưới này.

Sách Gióp cho chúng ta một *bức tranh kép,* thật sự đặc biệt. Sách cho thấy có một cuộc họp trên thiên đàng trước. Chúa tổ chức cuộc họp và thi thoảng Chúa lại triệu tập các thiên sứ đặc trách, và *Sa-tan là một thiên sứ có nhiệm vụ kể tội,* một công việc không dễ dàng gì. Khi làm việc này, người ta rất dễ trở nên mất niềm tin. Thật khó khi làm một cảnh sát Cơ Đốc, một người thấy quá nhiều mặt xấu của bản chất con người. Thật khó để không mất niềm tin, đến nỗi không tin được là có người thật sự tốt. Chính vì thế mà Sa-tan mới trở nên như vậy, nhưng hắn cũng nổi loạn với Chúa. Trước đó hắn chỉ là thiên sứ buộc tội, kiện cáo với Chúa về sự vi phạm của con người. Hắn đi khắp đó đây trên đất để báo cáo với Chúa tình trạng của loài người. Ở thời điểm sách Gióp được viết ra thì Sa-tan đã mất niềm tin đến nỗi hắn không tin được rằng có người *yêu Chúa vì chính Ngài*. Tức là người ta *chỉ yêu Chúa vì những thứ mà họ nhận được từ Ngài* mà thôi. Đó là bí mật ẩn sau sách này. Hoặc đó chỉ là suy đoán, hoặc sách thật sự được mặc khải.

Sách Gióp thuộc thể loại *Văn thơ Thông thái* hay *Văn thơ Khôn ngoan*. Trong Kinh Thánh Do Thái, sách thuộc một phần *Các sách văn chương,* không thuộc phần sách Tiên tri, sách Luật pháp. Đây là một tuyển tập hỗn hợp tất cả những gì xuất phát từ thời kỳ tiên tri, nhưng *không phải là sự tiên tri trực tiếp*. Tuy nhiên *ở đây có sự mặc khải*.

Phần lớn chúng ta phải nhọc công tự học. Có hai cách *học biết sự khôn ngoan*:

Thứ nhất là học từ những người khác, còn không thì *phải tự nghiệm ra*. Nhưng tiếc thay, hầu hết chúng ta đều qua trường trải nghiệm với những mảng màu tối đen và xám xịt. Khi bố mẹ bảo bạn *Đừng làm thế, không tốt đâu* thì bạn có thể tiếp nhận sự khôn ngoan từ họ, bạn sẽ khôn ngoan nếu làm như vậy. Cả sách *Châm Ngôn* là sự khôn ngoan mà người cha truyền lại cho con trai mình - *lời của một người cha không nghe lời cha mình*. Tôi từng nghe một cô bé *tuổi teen* hỏi mẹ mình ngay trước mặt tôi rằng: *Hồi mẹ bằng tuổi con mẹ đã làm gì để giờ mẹ phải lo lắng về con như thế?* Và tôi e rằng thông thường, giống như Sa-lô-môn nói trong sách Châm Ngôn: *"Các con ạ, hãy đề phòng bọn đàn bà!"* nhưng ông đã không làm như vậy. Phần Gióp, ông đã phải nhọc công tự học. Ông trải qua một kinh nghiệm khá tệ hại, rất rất khó để trải qua, nhưng ông đã rút ra bài học từ đó.

Không phải mọi thứ trong *Văn học Khôn ngoan* được tách ra biệt lập để trích dẫn đều đúng. Vì Kinh Thánh đã trung thực thuật lại cách và con đường người ta đạt đến sự khôn ngoan, cách họ vật lộn với những tư tưởng sai cho tới khi có được tư tưởng đúng. Chúng ta phải thật sự cẩn trọng với những gì mình trích dẫn từ đó. Thử xem bao nhiêu người đồng ý với câu này: *"Ta đã tìm được một trong một nghìn người đàn ông mà ta tôn trọng, còn không đàn bà thì không."* Ai sẽ giảng cái đó là lời Chúa đây? Nhưng câu này lại ở trong Kinh Thánh, ở sách *Truyền Đạo*. Nó đúng với người nói câu đó, là hoàng đế Sa-lô-môn với 700 người vợ. Nhưng bạn không thể giảng nó như lời Chúa dù nó có trong Kinh Thánh. *Đó là ở trong Lời Chúa nhưng lại không phải là Lời Chúa*. Một khái niệm mà chúng ta phải vật lộn với nó.

Thứ hai, trong *Văn học khôn ngoan* thì *sự khôn ngoan mang tính chung chung chứ không hề cụ thể.* Nghĩa là những lời khôn ngoan thậm chí cũng không đúng trong mọi tình huống. N*ói chung là đúng nhưng không phải lúc nào cũng đúng*. Sách *Châm Ngôn* chẳng hạn. Châm ngôn nhìn chung là đúng nhưng không phải lúc nào cũng đúng, trong khi lời hứa thì lúc nào cũng đúng. Người ta rất hay

trích câu *"Hãy hết lòng tin cậy nơi Đức Giê-hô-va thì Ngài sẽ chỉ dẫn các nẻo của con."* Nếu cố khẳng định câu này đúng trong mọi tình huống thì bạn sẽ thất vọng. Hoặc với cặp đôi: *"dục tốc bất đạt," "trâu chậm uống nước đục."* Hai câu này ngược nhau, vậy bạn sẽ dùng câu nào trong một tình huống cụ thể? *Sự khôn ngoan* là biết thế nào là đúng cho tình huống đó. Không thể máy móc dùng một câu châm ngôn trong bất cứ hoàn cảnh nào. *"Điếc không sợ súng"* hay *"Lắm thầy nhiều ma"* và *"Nhờ có nhiều cố vấn mà được an toàn,"* câu nào sẽ là câu đúng đây? *"Thật thà là thượng sách,"* không phải lúc nào cũng đúng vì đôi khi thật thà quá lại hỏng việc. Một loạt các câu trong Kinh Thánh: *"Ai gieo giống gì, sẽ gặt giống ấy," "Lấy gì trả đấy', "Gieo gì gặt nấy," "Đùa với lửa tất bị bỏng," "Gieo gió thì phải gặp bão," "Của phi nghĩa chẳng lợi ích gì," "Chúng phải gánh hậu quả việc mình làm," "Tội ấy chắc sẽ đổ lại trên anh em."* Tất cả những điều này đều là sự khôn ngoan, nhưng chúng không phải là những lời hứa.

Khi chúng ta *đọc Văn học Khôn ngoan*, nó nói rằng về cơ bản thì cuộc sống rất công bằng, rằng *nhìn chung* nếu bạn sống tốt thì bạn sẽ vui vẻ và khỏe mạnh hơn, nếu bạn sống tồi thì bạn sẽ khốn khổ và đau yếu. Cái đó nói chung là đúng, nhưng chúng ta có thể nghĩ đến *những ngoại lệ*. *Sách Gióp đang cố gắng đề cập đến những ngoại lệ đó*. Vấn đề là khi có ai đó đến và nói rằng luôn luôn đúng với *câu châm ngôn ẩn sau toàn bộ sách Gióp* là: *"Nếu phạm tội thì bạn phải chịu khổ,"* khi bạn sa vào cảnh chịu khổ thì suy ra là bạn đã phạm tội. Những nhà tư tưởng cứng nhắc muốn biến một châm ngôn thành một tư tưởng cứng nhắc nào đó, anh ta sẽ nói với người đang chịu khổ rằng *"chắc anh đã phạm tội gì rồi"* có thể làm suy sụp và đánh gục đổ một người nghe.

CẤU TRÚC CỦA SÁCH GIÓP

A. MỞ ĐẦU (1-2) văn xuôi
Hai hiệp: ĐỨC CHÚA TRỜI & SATAN
B. HỘI THOẠI (3-42:6) thơ
1. CON NGƯỜI (3-37)
a. Ê-LI-HU, BINH-ĐÁT, SÔ-PHA (3-31)
i. Hiệp 1 (3-14)
ii. Hiệp 2 (15-21)
iii. Hiệp 3 (22-31)
b. Ê-LI-HU (32-37)
Độc thoại!
2. ĐỨC CHÚA TRỜI (38-42:6)
i. Hiệp 1 (38-39)
ii. Hiệp 2 (40-42:6)
C. KẾT THÚC (42:7-17) văn xuôi
Hiệp cuối cùng: ĐỨC CHÚA TRỜI & GIÓP

Cấu trúc của sách Gióp lại là dạng bánh mì kẹp, lần này là *văn xuôi - thơ - văn xuôi*. Phần văn xuôi mở đầu và kết thúc cho chúng ta biết những gì xảy ra với ông lão Gióp tội nghiệp. Phần thơ ở giữa, trước hết là cuộc đối thoại giữa Gióp và *ba người bạn* "trên danh nghĩa" của ông. Bạn mà *không khác gì kẻ thù*: Ê-li-pha, Binh-đát, Sô-pha. Họ có một cuộc tranh luận dài. Sau khi họ đi, có một người trẻ tuổi xuất hiện, Ê-li-hu. Anh ta đơn phương hùng biện, vì Gióp đã không nói gì. Đó là *một dạng*

lập luận của con người về ông Gióp tội nghiệp. Lập luận đó chỉ ra rằng*: "Nếu anh phạm tội thì anh phải chịu khổ, nên nếu thấy anh đang chịu khổ là biết anh đã phạm tội,"* đơn giản vậy thôi. Nếu áp dụng điều này cho mọi tình huống ắt nhiều người sẽ gặp rắc rối.

Một ví dụ hiện đại về tư tưởng cứng nhắc này: "Anh không được chữa lành tức là anh không có đức tin." Điều đó đúng trong một số trường hợp. Có những trường hợp trong Kinh Thánh mà Chúa Giê-su không thể làm được những việc quyền năng vì sự vô tín của họ. Nhưng nếu bạn biến câu *"châm ngôn"* nguyên si đó thành một *lời hứa*, đem áp dụng cứng nhắc cho mọi người thì bạn sẽ làm họ tổn thương sâu sắc. Chuyện đó đã xảy ra với cảnh ngộ của Gióp, mấy *"người an ủi Gióp"* nói: "Anh không được chữa lành thì chắc là anh thiếu đức tin," đó là một sức ép mà ông không chịu nổi vì ông biết rằng cái đó không đúng, "Anh phải khổ thì chắc hẳn anh đã phạm tội, chỉ khi xưng nhận tội lỗi mình thì anh mới thoát khỏi nỗi khổ này," lần này càng tàn nhẫn vì nó càng không đúng. Gióp *đã sống tốt trong mắt Chúa*, ông là một *người công chính.* Thật tàn nhẫn khi nói với ông như vậy, nó khiến ông phải tra xét lương tâm mình để tìm một thứ không tồn tại.

Có cuộc tranh luận giữa Chúa với Gióp. Tranh luận với Chúa làm sao mà thắng được! Tội nghiệp Gióp, ông đã thua trong cuộc tranh luận đó, nhưng ông đã tiến tới một điểm mà ông không cần câu trả lời cho thắc mắc của mình. *"Trước đây tai con có nghe đồn về Chúa, Nhưng bây giờ mắt con đã thấy Ngài."* Đó thực sự là điểm bình an. Không phải tìm câu trả lời cho những thắc mắc của bạn mà đạt tới một điểm trong mối quan hệ với Chúa, bạn không cần chúng nữa. Câu trả lời không giải đáp thắc mắc đó, câu trả lời là tin cậy nơi một Đức Chúa Trời biết Ngài đang làm gì, và *đó là đức tin thật sự*. Có những lúc mà bạn hỏi: *Tại sao vậy, Chúa ơi? Tại sao Ngài lại làm vậy với chúng con?* Nhưng sự bình an đến khi bạn nói: *Chúng con không cần phải biết, Chúa ơi, chúng con biết rằng Ngài biết, vậy là đủ rồi; chúng con không cần phải biết nữa.*

Trong cuốn sách tuyệt vời này là *có hai câu truyện được đan dệt với nhau cách khéo léo,* một ở trên trời và một ở dưới đất đan xen đôi khi hơi khó nhận ra. Sách bắt đầu với câu truyện trên trời, *có một cuộc tranh luận trên đó*, cuộc tranh luận giữa Chúa và một trong những thiên sứ Ngài gọi là Sa-tan. Cuộc tranh luận *có hai hiệp.* Tại *hiệp đầu* Sa-tan tỏ rằng mất hết niềm tin, hắn không tin rằng *có người tốt mà không vì điều gì*, vì hắn biết mọi người đều có một động cơ kín giấu. Sa-tan nói: "Người ta chỉ yêu Ngài, Chúa ạ, vì Ngài săn sóc họ, họ chỉ thuộc về Ngài khi Ngài ưu ái họ thôi. Họ được cái gì đó khi tin Ngài, họ tin Ngài thật đấy. Nhưng nếu Ngài không săn sóc họ thì họ sẽ không yêu Ngài nữa đâu, họ sẽ không tin Ngài nữa đâu." Tất nhiên, có nhiều người mất niềm tin ngày nay cũng nói hệt như vậy: "Ôi dào, anh chỉ tin Chúa vì anh được cái gì đó từ đấy thôi." Nói cách khác, Sa-tan đang nói rằng: *Người ta không hề yêu Chúa vì chính Ngài, thực ra họ chỉ yêu Chúa vì chính bản thân họ thôi.* Nên họ mới đến hội thánh vì nghĩ rằng đến đó họ sẽ được khỏe thêm một chút, giàu lên một chút hay đại loại như vậy. Về cơ bản thì con người rất vị kỷ, nên nếu Chúa không chúc phước cho họ thì họ tạm biệt Chúa luôn.

Tất nhiên là điều đó có thể đúng với nhiều người, nhưng không phải với mọi người. Chúa đã bào chữa cho chính Ngài. Ngài hỏi: *Ngươi có gặp Gióp khi ngươi đi nơi này nơi kia không?* Câu Ngài hỏi cho chúng ta biết một điều rất quan trọng: Sa-tan không thể ở nhiều nơi cùng một lúc, hắn ta không phải là Đức Chúa Trời Toàn Tại. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy nhiều người bảo là Sa-tan quấy nhiễu họ. Họ nói: *Ôi! Hôm nay Sa-tan nó chơi tôi.* Anh ta kể: *Tôi ngủ dậy muộn, ăn sáng vội vội vàng vàng nên bị khó tiêu, lao tới nhà ga Guildford, thấy tàu vừa rời ga, lỡ mất cuộc hẹn quan trọng. Ôi!* - Anh ta nói: *Hôm nay Sa-tan nó chơi tôi.* Tôi nói: *Hắn đâu có thể. Sao cậu lại dậy muộn?* Anh ta

đáp: *Tối qua tôi quên đặt báo thức*, thế mà anh ta đổ lỗi cho Sa-tan. Tôi bảo này, nếu Sa-tan quấy nhiễu bạn thì chắc hẳn bạn phải là người quan trọng nhất trên đời vì hắn không thể ở nhiều nơi cùng một lúc, tôi không biết hắn ở đâu. Hãy nhớ là hắn có nhiều tay sai ở khắp nơi. Nhưng chính Sa-tan thì hắn đi nơi này nơi kia. Hắn đã đến cám dỗ Chúa Giê-su, rồi hắn lìa khỏi Ngài một thời gian, và hắn đi quanh đất, từ nơi này đến nơi kia, hắn là một tạo vật. Chúng ta có xu hướng tư duy Hy Lạp, phân biệt vấn đề *tự nhiên và siêu nhiên*. Nếu phân biệt kiểu ấy thì bạn cho Sa-tan vào bên nào? Cho nó đứng cùng với Chúa - *siêu nhiên* à? Nhưng nếu bạn phân chia thực tại theo cách của Kinh Thánh, thành *tạo vật* và *Đấng Tạo Hóa*, thì hắn thuộc bên nào? Hắn thuộc bên *tạo vật*, như chúng ta. Có thể hắn là *tạo vật xảo quyệt nhất* từng được tạo ra. Chúng ta không được đánh đồng hắn với Đức Chúa Trời, hắn *không toàn năng, toàn tri và toàn tại*.

Nhưng Sa-tan có nhiệm vụ như một thiên sứ, hắn nói với Chúa điều hắn nghĩ và Chúa phán: *"Điều đó có thể đúng với nhiều người."* Nhưng Ngài phán: *"Sa-tan ạ, ngươi nói không đúng về một người, đó là Gióp đầy tớ của Ta. Gióp yêu Ta chỉ vì yêu Ta chứ không vì bất cứ phước hạnh nào mà Ta ban cho Gióp."* Sa-tan tự tin thách thức: *"Tôi xin cược với Ngài, Ngài cứ thử rút mọi phước hạnh lại xem hắn có phỉ báng Ngài ra mặt không. Ngài cứ thử mà xem, hắn cũng như tất cả những tên khác thôi."* Đó là khi Chúa phán: "*Sa-tan, ngươi có thể làm như vậy,"* lời Chúa phán cũng cho chúng ta biết một điều quan trọng: *Sa-tan không thể động đến một người nào nếu không được Chúa cho phép trước. M*ong là điều này an ủi bạn, chính thế nên con dân Chúa mới cầu nguyện *"Xin chớ để chúng con bị cám dỗ,"* vì Sa-tan không thể cám dỗ bạn nếu Chúa chưa cho phép hắn làm như vậy. Nên một hình thức *kỷ luật nghiêm trọng nhất* trong hội thánh là trao một thành viên hội thánh vào tay Sa-tan. Chúa mới hứa với mọi người tin Ngài trong Tân Ước rằng: *"Các con sẽ không bị cám dỗ quá sức chịu đựng đâu, vì Ta kiểm soát kẻ cám dỗ...*" Đó là *sự đánh cược* tại hiệp đầu trong cuộc tranh luận trên trời.

SÁCH GIÓP - Phần 2

Chúng ta đã nói rằng *sách Gióp* có *hai cốt truyện* được đan dệt với nhau một cách khéo léo, một trên trời, một dưới đất. Ở hai nơi đều có những cuộc tranh luận. Trong *cuộc tranh luận trên trời* giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan, hai bên tranh luận rằng *liệu có ai dưới đất yêu Chúa vì chính Ngài chứ không vì những phước hạnh mà anh ta có được từ Chúa* hay không. Đó là một cốt truyện, và *chìa khóa của kịch tính* là Gióp và các bạn ông không biết và không bao giờ biết về cuộc đánh cược diễn ra trên trời giữa Chúa và Sa-tan về lão Gióp tội nghiệp. Xét trên một khía cạnh thì ông là nạn nhân, là *"ruồi muỗi"* đứng giữa hai bên mà không bao giờ biết điều đó. Thế nên chúng ta mới căng thẳng, vì chúng ta muốn cho Gióp biết lý do. Bạn biết đấy, nếu chúng ta ở đó và biết chuyện thì chắc chắn chúng ta sẽ bảo Gióp; nhưng họ lại không biết, nên họ phải cố gắng tự tìm câu trả lời cho vấn đề này.

Điều đó dẫn dắt chúng ta đến với *cốt truyện thứ hai*: *cuộc tranh luận dưới đất giữa Gióp và các bạn của ông*: Tại sao ông lại phải chịu khổ nhiều hơn những người khác đến vậy? Họ thì quả quyết rằng Gióp đã phạm tội nặng và giấu tội, nhưng Gióp quả quyết rằng ông không phạm tội cách kín giấu, và ông bảo vệ cho sự vô tội của mình. Chúng ta biết ai đúng, nhưng họ thì không. Điều đó tạo ra căng thẳng vì người ngoài cuộc biết điều mà những người trong cuộc không hay biết. Nên trong bất cứ trường hợp chịu khổ nào, không ai trong chúng ta biết bức tranh toàn cảnh. Sách Gióp đã đặt ra *hai câu hỏi*: Có phải *mọi tôn giáo đều dựa trên vật chất?* Có phải *mọi sự chịu khổ đều dựa trên đạo đức*? Nhưng *câu hỏi thực sự* lại không phải về *những đau khổ không đáng phải chịu*, câu hỏi thật sự là *câu hỏi về đức tin*. Câu hỏi thực sự là: Liệu bạn có thể tin vào một Đức Chúa Trời tốt lành khi mọi thứ đều đổ bể? Đó chính là câu hỏi thực sự, đó chính là câu hỏi rằng rốt cuộc bạn có tin cậy Chúa không, bạn có thực sự tin vào Ngài không. Thật dễ để tin vào Chúa khi bạn được chúc phước và mọi thứ đều ổn thỏa, nhưng liệu bạn có thể tiếp tục tin vào một Đức Chúa Trời tốt lành khi mọi thứ trở nên tệ hại không? Đó là câu hỏi thật sự.

Bạn thấy *đâu là nỗi thống khổ lớn nhất của Gióp?* Đâu là nỗi đau cùng cực của ông? Rõ ràng là ông chịu nhiều *đau đớn trong thân thể*, nhưng *đó không phải là vấn đề thực sự*. Con người có thể chịu được đau đớn trong thân thể. Có phải là *nỗi đau liên quan đến mối quan hệ* không? Ông bị cô lập, người ta không nói chuyện với ông, bạn bè đi ngang qua tranh mặt ông. Ông ngồi giữa đống tro ở cuối con đường làng, người ta né sang bên kia đường để tránh nói chuyện với ông. Vì người ta không biết phải nói sao với một người thực sự chịu khổ và thực sự đau đớn. Ông bị xã hội cô lập. Đó có phải là nỗi đau thật sự của ông không? Thậm chí ông còn bị khinh bỉ, điển hình là những đứa trẻ cười nhạo ông và mang việc ông ngồi giữa đống tro ra làm trò cười. Đó có phải là nỗi đau thật sự không? *Không.* Đó có phải là nỗi đau tinh thần, rằng ông không thể hiểu tại sao sự thể lại như vậy, đó có phải nỗi đau thật sự không? *Không. Nỗi đau thật sự là* trong tâm linh vì trong đau khổ, *ông mất liên lạc với Chúa*. Đó là nỗi đau thật sự của ông và ông đã kêu lên: "*Ôi, giá như tôi biết phải tìm Ngài ở đâu! Ước gì tôi có thể nói chuyện với Ngài! Ước gì Ngài có thể nói chuyện với tôi, thì tôi sẽ biện luận với Ngài! Nhưng tôi không thể kết nối được với Ngài."* Đó chính là nỗi đau thật sự, đó chính là vấn đề sâu xa nhất của ông. Đó thường là *vấn đề sâu xa nhất* khi bạn trải qua một thời kỳ thật sự tồi tệ, bạn mất liên lạc, bạn *cảm thấy Chúa ở quá xa* và Ngài *không còn quan tâm nữa*, rằng Ngài không nói cùng bạn, rằng Ngài không bận tâm đến bạn nữa. Chính *nỗi đau đó là thách thức lớn nhất với đức tin, nỗi đau mất liên hệ với Chúa.*

Trong phần mở đầu, chúng ta có năm nhân vật, bốn con người, và chúng ta có Đức Chúa Trời gọi là *Yahweh* - danh Chúa trong tiếng Do Thái. Ngài khơi mào một loạt các sự việc vì Ngài thách

thức Sa-tan. Tên gọi là Sa-tan này, thực nghĩa tên hắn là *"Kẻ kết,"* bởi đó là công việc của hắn. Khi đó *Sa-tan chưa phải là một tên riêng*. Đó là một chức danh, có thể gọi là *công tố viên*. Rồi chúng ta có *Gióp*, một người tốt, trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và tránh xa điều ác. Hãy để ý hai cụm này: Sự *kính sợ Chúa* khiến bạn *tránh xa điều ác*. Nếu *thiếu kính sợ Chúa* thì bạn *không quá lo phiền về tội lỗi*. Kính sợ Chúa và tránh xa điều ác, *ông đã làm cả hai*. Chúa tự hào về ông, hài lòng với ông. Ông cũng là một người có nhiều của cải, đông con và khỏe mạnh, nhưng tất cả những thứ đó sẽ bị cất khỏi ông.

Chúng ta thấy *vợ của Gióp*. Không biết phải nói thế nào về bà ta để không *sô-vanh* đây? Bà ta được gọi là *người đàn bà ngu muội*, không nghĩa là bà ta thiếu trí hiểu, mà là bà ta *vô cảm*. Bà ta xúi Gióp tự tử: "Hãy phỉ báng Đức Chúa Trời và chết đi!" Ông đang cần một người giúp đỡ và hỗ trợ, thì người bạn đời của ông làm ngược lại. Bà ta là người đầu tiên khiến ông đau lòng, *"người an ủi Gióp"* đầu tiên ấy đã nói: "Ông cũng hãy phỉ báng Chúa và chết đi, ông ta sẽ không chăm sóc ông đâu!" Giữa họ thực sự có khoảng cách. Bà ta không nói: "Tôi sẽ cầu nguyện cho ông hoặc sát cánh bên ông," mà lại nói: "Hãy phỉ báng Chúa và chết đi." Bà ta không đồng cảm với chồng. Bà ta tách mình ra khỏi Gióp. *Đó là vết rạn nứt đầu tiên* trong các mối quan hệ. "Chúa là vấn đề của ông," gần như bà ta đang nói rằng tôi không tin vào Chúa của ông. Thật nghiệt ngã khi một người đàn ông có vợ không tin vào Đức Chúa Trời của mình.

Rồi đến ba người bạn, họ lớn tuổi hơn ông. Việc đầu tiên mà họ làm - ước gì họ chỉ làm mỗi việc này - là đến và ngồi cùng ông và không mở miệng ra. Đó có lẽ là điều tuyệt vời nhất mà bạn có thể làm với ai đó đang đau khổ - đừng có bàn luận về nỗi khổ của họ, chỉ cần ngồi cạnh họ thôi. Tất cả đều lảng tránh thì ít nhất còn ba người này đến cùng ông. Đáng tiếc là Gióp lại mở miệng. Nếu ông cứ im lặng thì có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ có đoạn còn lại. Nhưng ông đã không chịu nổi sự im lặng, ông phải nói gì đó. Ông nguyền rủa *ngày mình sinh ra*. Ông nói: "*Ôi, ước gì mẹ tôi không hoài thai tôi, ước gì tôi chết non, ước gì tôi chết ngay lúc chào đời, thì tôi sẽ không phải trải qua tất cả những điều này, ước gì tôi chết quách đi cho rồi!"* Nhưng tất nhiên ông không tự tử vì như vậy là phạm tội giết người, ông không được tự ý kết liễu đời mình. Ông đã cảm thấy như vậy, *ông không phỉ báng Chúa* mà *tự nguyền rủa mình*. Chính điều đó đã khơi mào cho cuộc tranh luận với ba ông bạn.

Ê-li-pha, người đầu tiên mở lời, là người lớn tuổi nhất và cũng nhẹ nhàng, tế nhị nhất. Tiếp đó là ba người luân phiên nhau, mỗi người nói ba lần, như làm nên kiểu tranh luận bàn tròn. Trong ba lần góp ý, Ê-li-pha nổi lên hình ảnh một trưởng lão, một chính khách lớn tuổi, một người rất mộ đạo, một nhà thần bí. Ông *giải quyết vấn đề bằng cách phủ nhận nó*. Ông chỉ bảo rằng *chẳng có vấn đề gì*. Giáo lý chính của ông là *sự thưởng phạt*, ông nói: "Tôi tin vào bằng chứng của lịch sử, sự khôn ngoan tích lũy qua các thời đại, và trên hết, tôi thấy một dị tượng lúc ban đêm, tất cả đều nói lên một điều, *ấy là anh bị phạt vì anh đã phạm tội."* Ông thậm chí còn cho rằng mình *thấy khải tượng* nữa, nhảm thật! Nhưng ông nói điều đó một cách rất nhẹ nhàng và ông nói: "Gióp này, bản chất con người vốn là xấu xa; không ai có thể nói là mình vô tội trước Chúa, mọi người đều phạm tội, chúng ta đều là tội nhân, *sao anh không thừa nhận đi nhỉ*?," "Tất cả chúng ta đều phạm tội, tôi phạm, anh phạm, thế nên anh mới phải chịu khổ. Hãy thừa nhận điều đó và *Chúa sẽ đưa anh ra khỏi," "*Nên con người - ông nói - tự mang rắc rối cho mình; đau khổ và sầu não là một phần trong cuộc sống." Gióp có hỏi lại: "*Thế sao tôi lại chịu khổ nhiều hơn những người khác?"* Ê-li-pha đáp: "Chịu khổ là một hình thức kỷ luật hay, Chúa dùng cách đó để anh trở thành người tốt hơn." Bạn đã nghe người ta nói kiểu này bao giờ chưa? "Anh nên khiêm nhường chấp nhận nó và chỉ cần chúng ta chấp nhận kỷ luật trong sự

khiêm nhường, chúng ta sẽ lại thịnh vượng, sẽ lại khỏe mạnh." Và ông nói với giọng điệu nài nỉ, nhẹ nhàng: *"Anh chỉ cần nói xin lỗi thôi thì mọi chuyện rồi sẽ ổn cả."*

Một lời khuyên ngọt ngào, từ tốn và nhẹ nhàng nhưng ta e rằng Gióp không chấp nhận, nên Ê-li-pha nói mạnh hơn một chút: *"Anh cứ quả quyết rằng mình vô tội nhưng thực ra là anh cố chấp."* Thực ra, sau đó Ê-li-pha đã khép Gióp vào tội bất kính và phá hoại tôn giáo. Ê-li-pha bất bình vì Gióp không đáp ứng gì nhiều, và *từ thương cảm* ông *chuyển sang mỉa mai*. Mỉa mai là một điều nguy hiểm, nó mở đường cho sự khinh miệt. Ê-li-pha cứ nói mãi rằng mình tin vào bản chất suy đồi của con người, nên ông thuyết trình về bản chất suy đồi hoàn toàn của con người. Ông đã giải thích như sau: "Chúng ta đã suy đồi hết lượt, tất cả chúng ta.

Nên anh chớ phàn nàn về sự chịu khổ, kẻ ác sẽ không được thịnh vượng, hoặc nếu có thì chúng cũng không hạnh phúc." Bạn đã hiểu cách lý luận của Ê-li-pha chưa? Ông nói rằng "Kẻ ác không thịnh vượng được, nhưng nếu có thì chúng cũng không hạnh phúc với sự giàu có của mình, chắc chắn là như vậy." Tất cả đều là *gò ép kinh nghiệm thành giáo lý,* chúng ta ngày nay cũng không lạ gì điều đó. Cuối cùng, khi Gióp vẫn không đáp ứng, Ê-li-pha dùng đến phương sách cuối cùng, *vin vào sự siêu việt của Chúa* và nói: "Chúa quá lớn lao nên không thèm đếm xỉa đến anh đâu, Gióp. Chúa ở quá xa, Ngài không can thiệp vào tất cả những điều này đâu, sao anh lại lôi Ngài vào chuyện này? Thực ra là anh sống tốt hay tồi cũng chẳng quan trọng lắm. Anh nghĩ mình quan trọng đến thế sao? Đức Chúa Trời siêu việt của chúng ta chẳng bận tâm đến cuộc sống của từng người đâu." Đó là *"người an ủi Gióp"* đầu tiên, ta có thể thấy Ê-li-pha ngày một mạnh miệng với Gióp hơn, tuy nhiên vẫn khá nhẹ nhàng.

Sau đó là *Binh-đát*, tên ông nghĩa là *"Người yêu của Chúa"* là người trẻ hơn, trạc tuổi năm mươi, là một nhà thần học, có tố chất của nhà khảo cổ. Binh-đát nói: "Cái gì mới thì không thể đúng được," và là người cổ xúy truyền thống hơn cả: "Truyền thống của chúng ta là thế này, chúng ta vẫn luôn tin là thế này." Toàn sáo ngữ, toàn ám chỉ, toàn công thức, không trầm lặng lắm, không nhẹ nhàng lắm, ông ta còn phẫn nộ, thậm chí tức giận. Câu trả lời của Gióp khiến Binh-đát tức tối. Không hề thấy sự thương cảm trong những điều Binh-đát nói với lão Gióp tội nghiệp, ông khá thiếu tế nhị. Ông ta soi mói: "Nếu anh không phạm tội nhiều thì chắc là các con anh đã phạm tội. Anh bị mất hết con cái thế chắc là vì chúng sống gian dối." Người ta đang đau khổ mà lại an ủi kiểu ấy! Thật là hài hước, không biết nên khóc hay cười đây! Binh-đát nói rằng: "Đây là một vũ trụ đạo đức, vũ trụ tự động, luật nhân quả ứng với đời sống đạo đức của chúng ta không kém gì đời sống vật chất. Nếu anh phạm tội thì anh phải chịu khổ, nên chắc anh phải phạm tội gì nặng lắm. Tôi không thấy một câu trả lời nào khác." Và mối quan hệ giữa Binh-đát và Gióp ngày càng căng thẳng.

Cuối cùng, Binh-đát nói về Gióp rằng: "Sao chúng ta phải nghe tất cả những điều này cơ chứ!" Con người đó đã mất hết kiên nhẫn. Ông ta vin vào *sự toàn năng của Chúa* và nói: "Nghe này, anh đã quên rằng Đức Chúa Trời toàn năng, ai mạnh người ấy đúng, Chúa làm gì cũng đúng vì Ngài toàn năng." Đây là lập luận cũ *"Ai mạnh thì người ấy đúng."* Binh-đát chốt lại thế này: "Này, Chúa lớn lao hơn chúng ta và anh không thể tranh cãi với Ngài, sao anh không chấp nhận đi nhỉ?" Như vậy là ông ta vin vào *sự toàn năng của Chúa* làm câu trả lời. Điều đó lại cũng không lạ gì với chúng ta ngày nay. Rốt lại, câu trả lời Binh-đát đưa ra là: *"Chúa lớn lao hơn chúng ta nên anh không thể cãi Chúa được."* Vâng, nếu thế thì *chúng ta chỉ là những con rối* và *thuyết tiền định sẽ thắng thế.*

Người tiếp theo, *Sô-pha* cũng lớp trung niên nhưng có trẻ hơn, là tay rất võ đoán, thậm chí là xấc xược. Càng trẻ thì họ lại càng võ đoán hơn, thật thú vị phải không? Cho tới cuối khi *Ê-li-hu* vào cuộc mới rõ nữa, hắn đang tuổi thanh niên và hắn biết tuốt, biết mọi câu trả lời. Thật đúng với đời thực. Trước giả này thật sự hiểu bản chất con người. Thế nên sách mới trường tồn vì thông điệp của sách thật rất rõ ràng. Tôi gọi *Sô-pha* là "Joe Blunt" vì anh ta khép Gióp vào *tội cãi dai* (filibuster), một từ dùng trong *nghị viện đời nay* để chỉ một người *nói đủ lâu để trì hoãn một quyền lựa chọn và một quyết định.* Anh ta nói: "Gióp ạ, anh chỉ đang nói để che đậy, đừng nói nữa và làm điều đúng đắn đi," cứ như thể toàn bộ cuộc thảo luận chỉ là nói nhảm. Anh ta nói: "Ước gì Chúa mắng cho anh một trận. Có thể là anh không cố ý phạm tội, nhưng chắc chắn là anh vô tình phạm tội mà không nhận ra, điều đó thật hiển nhiên rồi." Sô-pha xúc phạm Gióp và nói: "Gióp, anh phải chọn giữa đường khoảng khoát và đường hẹp, hoặc là anh theo lối ác, hoặc là anh đi lối công chính, phải chọn một trong hai." Anh ta thừa nhận là không hiểu sao kẻ ác vẫn thịnh vượng, nhưng dám chắc rằng điều đó không tồn tại lâu, nhưng anh ta cũng cố gò ép cuộc sống vào những tư tưởng của mình. "Nên chắc Gióp phải rất gian ác vì anh ấy không còn thịnh vượng nữa." Sô-pha vin vào *sự toàn tri của Chúa* và nói: "Chúa biết mọi thứ, nên Ngài biết những tội lỗi mà anh không biết rõ."

Mỗi người vịn vào *một loại giáo lý* về Chúa. Đó *là điểm đến* của nhiều cuộc tranh luận ngày nay. Người ta lý luận rằng "*Chúa hẳn phải như thế này, nên đó chính là câu trả lời!"* Đó không phải lúc nào cũng là câu trả lời. Anh ta nói: "Chúa thậm chí còn biết nhiều điều về anh mà chính anh cũng không biết." Sô-pha dường như cũng cho rằng mình biết hết mọi thứ. Thật thú vị khi từng người trong bọn họ đều vin vào một *phẩm chất của Chúa* mà họ nghĩ mình cũng có. Tất cả *bọn họ đều chia sẻ cùng một niềm tin cơ bản* và tất cả bọn họ *đều gò ép thực tế cho khớp với đức tin của mình*. Đó là một việc làm nguy hiểm, kiểu người ta cứ vin vào giáo lý. Họ nói: *Điều này chắc chắn đúng vì giáo lý nói như vậy*. Họ đang gò ép thực tế cho khớp với đức tin của mình. Chúng ta gọi *đó là cuồng tín*. Chúng ta *cần có giáo lý rõ ràng và bám chắc vào đó*, nhưng chúng ta cần cẩn thận với cách áp dụng giáo lý vào các trường hợp riêng cụ thể. Nhưng cần sự khôn ngoan để biết khi nào cái đó đúng và khi nào nó không đúng. Nếu cho một giáo lý nào đó là cái đúng bất biến là trở nên cuồng tín, sẽ gây ra sự tổn thương vào trường hợp nó không đúng. Chúng ta phải đối mặt với thực tế.

Gióp đã nói tổng cộng chín bài: ba bài với mỗi người Ê-li-pha, Binh-đát, Sô-pha. Khi ghép tất cả chín bài nói ấy lại với nhau, sẽ thấy ông nói rằng: *"Chúa đã gây đau khổ cho tôi."* Ông nói: *"Tôi không thể ăn năn vì tôi không biết mình có bất kỳ tội gì."* Ông đã vắt óc ra tìm bới tội mình. Ông cũng nhất định không chịu nói điều không đúng. Ông nói: "Các anh cứ bắt tôi phải bảo mình là một tội nhân, nhưng không phải. Tôi đã thật sự cố gắng sống đúng đắn trước mặt Đức Chúa Trời. Lúc này, tôi không biết mình có làm gì sai trước mặt Chúa không." Và đúng là như vậy.

Chín bài nói chuyện của ông *có sự tiến triển*. Ông cũng dần mạnh dạn hơn khi nói với các bạn mình. Nhưng trên hết, ông cũng dần mạnh dạn hơn khi nói với Chúa, và trở nên rất mạnh dạn với Chúa. Nhưng *tâm trạng* của ông *luân phiên* giữa tuyệt vọng và vô vọng, rồi tin cậy và hy vọng. Cảm xúc thất thường ấy. Là đặc điểm của một người bệnh. Nhưng *ông trò chuyện với Chúa* theo cách rất thú vị: "Sao Ngài không để cho con yên vậy? Chúa có quá nhiều người để làm phiền, sao Ngài làm phiền cho con nhiều thế?" Và thực chất, ông trò chuyện hệt như *Tevye* trong *Người Chơi Vĩ Cầm Trên Mái Nhà*. Nếu bạn đã xem bộ phim thú vị đó, Tevye đã trò chuyện với Đấng Toàn Năng: *"Giờ mà Ngài sai Đấng Mê-si-a đến thì tốt đấy ạ. Thế thôi, chúng con sẽ đợi Ngài ấy ở chỗ khác vậy!"* Kiểu nói chuyện thân mật, cách nói chuyện thẳng thắn, thành thật với Chúa là đặc trưng của Gióp.

Gióp còn cãi cọ với Chúa, chứ không chỉ với ba người bạn. Ông giơ nắm tay với Chúa. Ông nói rằng: “Chúa ơi, ước gì con có thể đưa Ngài ra toà án và đưa Ngài lên trước vành móng ngựa, cho Ngài làm bị cáo và con sẽ làm công tố viên. Ta kiện nhau đi nào Chúa ơi, để xem ai thắng kiện!” Rất mạnh dạn. K*hông phải là phỉ báng* Chúa nhưng ông đang *thách thức Chúa* và để Ngài tùy chọn làm *Nguyên đơn* hoặc *Bị đơn* trong vụ kiện. “Ta dàn xếp cho xong chuyện này đi Chúa, ta giải quyết cho xong đi! Ôi, ước gì con có thể bắt Chúa nói chuyện với con. Ý con là nếu chúng ta có thể tranh tụng, Ngài có thể bảo con rằng con có tội hay không, nhưng con nghĩ là không, con không biết mình phạm tội gì, nhưng sao Chúa không đến và bảo cho con biết?”

Bực mình ở chỗ là *Chúa thì im lặng* còn *mấy ông bạn thì nói rõ nhiều*. Rồi đôi lúc tâm trạng tốt, ông đạt đến mức độ mà ông tin rằng mọi chuyện sẽ được giải quyết ngay cả sau khi ông chết. Ông nói: “Tôi biết rằng Đấng Cứu Chuộc tôi vẫn sống và cho dù tôi chết và dòi bọ ăn da thịt tôi, dù không còn ở thân xác này tôi vẫn thấy Đức Chúa Trời, rồi tôi có thể trình bày duyên cớ mình...” Nên đôi lúc, ông tin rằng nếu ông không đưa được Chúa ra tòa trước khi chết thì sẽ có một phiên tòa về sau, khi đó thì chuyện này sẽ được giải quyết, và ông có thể được minh oan. Nhưng ông không chắc chắn lắm về điều đó nên khi tâm trạng không tốt, ông nói rằng: “*Nếu loài người chết, họ có sống lại được không?”* Bạn có thấy tâm trạng ông thất thường không? Có những lúc ông chắc chắn rằng sau khi chết, ông có thể gặp Chúa và dàn xếp chuyện này, rồi ông lại không chắc lắm. *Nếu loài người chết, họ có sống lại được không?* Những *tâm trạng luân phiên* giữa *hy vọng và tuyệt vọng* này rất người, rất thật. Nếu thật sự trải qua chuyện này thì cảm xúc của bạn sẽ thất thường như thế, bạn không thực sự biết mình đang ở đâu. Ôi, thật là một sách thú vị đúng không?

Có hai chương nổi bật trong số chín bài nói chuyện của Gióp:

Chương 28, ông *nói về sự khôn ngoan,* là một chương tuyệt vời trong Kinh Thánh. Có một bài hát nhạc sĩ Charles Wesley viết dựa trên cả chương đó: “Hạnh phúc thay cho ai tìm được ân điển, sự khôn ngoan Chúa ban cho dân tuyển... Ôi! sự khôn ngoan, anh tìm đâu ra sự khôn ngoan đây? Tôi sẽ đi bất cứ nơi nao, như người ta đi tìm vàng bạc, tôi tìm sự khôn ngoan. Tôi muốn có sự khôn ngoan hơn bất cứ điều gì khác! Tôi thích được khôn ngoan hơn là thông minh. Tôi muốn khôn ngoan chứ không phải giàu có!” Bài hát mô tả sự khôn ngoan như một người nữ đáng yêu, đó cũng là cách Sa-lô-môn mô tả sự khôn ngoan trong *Châm Ngôn*. Sa-lô-môn nói về người nữ xấu tên là *Ngu dại* và người nữ tốt tên là *Khôn ngoan*, và đưa ra lời khuyên cho một người trai trẻ: *Hãy tìm sự khôn ngoan như người bạn đồng hành, người bạn đời của con.*

Chương 31, thật là một chương mà ai cũng nên đọc. Đó là *lời quả quyết* rằng ông *vô tội*. Ông nói: “Nếu con có phạm phải bất kỳ điều luật nào của Ngài, Chúa ơi...” Khi đọc hết chương, ta sẽ nghĩ Gióp đã nghe *Bài giảng trên Núi*. Chương sách cho thấy ông hiểu biết nhiều đến thế nào. “Nếu con có từng nhìn một người nữ và đem lòng ham muốn thì Ngài cứ phạt con.” Nếu con có làm điều này, nếu con có làm điều kia. Gần như là ông đã nói hết Bài Giảng trên Núi, từng chút một và ông nói: “Nếu con có làm bất cứ điều gì trong số đó thì Chúa ơi, con đáng bị trừng phạt thế này.” Nhưng ông nói: “*Con chưa từng, chưa từng làm như vậy.”* Và đúng là thế. Ông là một người tốt, có lẽ ông đã đọc Bài giảng trên Núi và nói: “*Con đã giữ tất cả những điều đó.”*

Sau khi Gióp đã hết lời, mà bài mở đầu bức bối đã khơi mào cho cuộc tranh luận, thì Ê-li-pha, Binh-đát và Sô-pha buông sõng là: *“Chẳng ích gì đâu,”* rồi họ bỏ đi. Có một chàng trẻ tuổi đứng đó và tất nhiên cậu ta biết tất, tuổi trẻ mà. Cậu biết mọi tư tưởng mới nhất, có vẻ như cậu đã đứng đó và

nghe hết mọi thứ. Bỗng dưng cậu ta xuất hiện và lên tiếng, Gióp thậm chí còn chẳng thèm trả lời, rồi cậu cũng biến nốt, *ơn giời!* Cậu ta có phong cách rất khác và cho rằng mình e dè, sợ sệt. Thực ra là ngược lại. Cậu ta bắt đầu nói cách dạn dĩ điển hình: "Tất nhiên là cháu còn rất trẻ và rất thiếu kinh nghiệm nhưng cháu biết vấn đề của bác." Không chịu được những lời của người lớn tuổi, cậu ta nói rằng: "*Chúa cần một người hiểu Ngài, và cháu hiểu, nên cháu có câu trả lời cho bác.*" Và cậu ta dẫn lại những luận điểm trước và bác bỏ chúng. Thực ra thì cậu ta chẳng nói gì mới hơn cả, nhưng cuối cùng cậu ta *buộc tội cho Gióp*. Cậu ta nói: "Chúa dùng các cách khác nhau để bảo vệ con người khỏi chính họ, đôi khi Ngài dùng những khải tượng và giấc mơ ban đêm, đôi khi Ngài lại dùng bệnh tật." Và cậu ta nói: "Cháu nghĩ đó là điều Ngài làm cho bác. Ngài đang giúp bác nắn sửa đường lối bác *trong chút thời gian ngắn ngủi trước khi bác qua đời.*" Huh! An ủi mới hay làm sao! Vâng, Gióp không có gì để nói với cậu ta nên cuối cùng, *Ê-li-hu cũng bỏ đi*.

BA NGƯỜI 'BẠN' CỦA GIÓP

Ê-LI-HU BINH-ĐÁT SÔ-PHA

CÔNG CHÍNH THỊNH VƯỢNG
TỘI LỖI CHỊU KHỔ

ĐỨC CHÚA TRỜI TỐI CAO
ĐỨC CHÚA TRỜI TOÀN NĂNG
ĐỨC CHÚA TRỜI TOÀN TRI

Vấn đề là, thực ra *ba người bạn không sai hẳn*. Họ chỉ sai khi đơn giản hóa áp dụng chút khôn ngoan *"ai gieo giống gì, sẽ gặt giống ấy,"* biện lý cách cứng nhắc, áp đặt cho mọi tình huống. Những điểm tựa mà họ đưa ra: Ê-li-pha viện đến *sự siêu việt của Chúa* nhưng Ngài ở xa, Binh-đát viện đến *quyền năng của Ngài*, Sô-pha viện đến việc *Chúa biết mọi sự*. Họ có *đúng một nửa*, Gióp lúc này đã nhận ra như vậy.

Nhưng giờ đây, Gióp đang tranh luận với chính Chúa, *ở hiệp cuối cùng*. Tại *hiệp một*, Chúa nói cùng Gióp trong vai trò Đấng Tạo hóa. Ngài nhắc cho Gióp nhớ mình đang trò chuyện với ai. Rồi Chúa trả lời Gióp vì Gióp đã 36 lần yêu cầu Chúa lên tiếng, nên Chúa lên tiếng. *Không lâu sau, Gióp đã ước điều ngược lại*. Ở đây có một sự hài hước rất thú vị:

"Đức Chúa Trời phán giữa cơn gió lốc: Kẻ nầy là ai mà dám dùng lời lẽ thiếu hiểu biết Làm mờ ám kế hoạch Ta? Hãy thắt lưng như một dũng sĩ, Ta sẽ hỏi con và con sẽ trả lời Ta. Khi Ta đặt nền trái đất thì con ở đâu? Chắc con biết ai ấn định kích thước địa cầu. Ai giăng dây đo trái đất? Trong khi các sao mai cùng cất tiếng hát, Các con trai Đức Chúa Trời trỗi khúc hoan ca? Con có hiểu thấu cái mênh mông của địa cầu không?"

Gióp đáng thương trở nên bé xíu. Ý là nếu bạn thật sự muốn xin Chúa nói cùng bạn thì chính Chúa sẽ nói cùng bạn. Ngài là Đấng Tạo hóa, Ngài là Đấng dựng nên cả vũ trụ. N*gươi là ai mà đòi Ta trả lời các câu hỏi của ngươi? Ngươi trả lời Ta thì có.*

Tất nhiên là Gióp không thể nào trả lời được chúng. Các câu hỏi, Chúa hỏi lại hơn 36 câu, dồn dập luôn:

"Con có thể khiến các chòm sao mọc theo thì không? Con có biết quy định của các tầng trời? Con có thể lập quy luật như thế dưới đất không?" Con có thể làm điều này không? Con có thể làm điều kia không? "Mưa có cha không? Ai dựng nên người Do Thái? Lòng dạ nào sinh ra băng đá? Con đã vào xem các kho chứa tuyết chưa?"

Hết câu hỏi này lại đến câu hỏi khác - để nhắc Gióp rằng ông không phải là Chúa. Gióp cảm thấy quá choáng ngợp và nói:

"Con vốn chẳng ra gì, con biết lấy lời nào để thưa với Chúa? Con chỉ biết đưa tay che miệng. Con đã nói một lần, con không thể lặp lại,
Lỡ nói đôi lần rồi, con nào dám nói gì hơn." Chúa phản ứng lại thế nào? "Hãy thắt lưng như một dũng sĩ, Ta sẽ hỏi con và con sẽ trả lời Ta. Con thật sự muốn phủ nhận công lý của Ta, Lên án Ta để biện minh cho chính mình sao?"

Chúa đã chỉ đúng chỗ, vì ở đây Gióp có một điểm yếu mà tất cả chúng ta đều có. C*húng ta muốn cho mình là đúng* và *chứng minh rằng Chúa sai*. Thật là trơ tráo! Người ta thắc mắc: "Tại sao Chúa để điều này xảy ra? Tại sao Chúa lại làm điều kia?" Họ đang nói rằng: "Nếu mình là Chúa thì mình sẽ làm tốt hơn Ngài, mình có thể vận hành vũ trụ tốt hơn Ngài, tại sao Ngài phải làm thế này? Tại sao Ngài lại làm thế kia?" Họ đang cố nói rằng: "Con đúng còn Chúa sai." Sao chúng ta dám nói vậy với Chúa? Thật là trơ trẽn!

Giờ đây, *trong hiệp thứ hai*, Chúa không nói về chính Ngài như Đấng Tạo hóa nữa, Ngài nói về hai tạo vật của mình, tỏ ra rằng Chúa thật có khiếu hài hước. Ngài hỏi: "*Gióp, con đã bao giờ nghĩ đến con hà mã chưa? Hay con cá sấu? Theo con thì tại sao Ta lại tạo dựng chúng?"* Nghe như lạc đề và rất buồn cười. Tại sao Chúa lại nhắc đến hai tạo vật kỳ dị và ngộ nhất. Con cá sâu với cái não chỉ bằng móng tay cái của con ngươi, là lý do không thể huấn luyện cá sấu được, nó chỉ hành động theo bản năng thôi. Ngài đang nói với Gióp: "Gióp ạ, con không hiểu được Ta vì Ta tạo ra con hà mã, con không biết tại sao Ta lại làm vậy, đúng không Gióp?" Quá là hài hước, và Gióp bị dồn đến chân tường. "*Thế giới loài vật* con còn không hiểu thì nói gì đến *thế giới đạo đức* hả Gióp? Sao con lại cố tranh luận với Ta?"

Gióp kết thúc, Gióp thưa với Đức Chúa Trời: "Con biết rằng Chúa có thể làm được mọi việc, không ai ngăn cản được ý định của Ngài."

Chúa hỏi: "Kẻ nầy là ai mà dám dùng lời lẽ thiếu hiểu biết che giấu kế hoạch của Ta?"

"Thật, con đã nói những điều con không hiểu, những việc quá diệu kỳ mà con không hề biết. Lạy Chúa, xin lắng nghe thì con sẽ nói, sẽ hỏi Chúa, và Chúa sẽ phán dạy con. Trước đây tai con có nghe đồn về Chúa, Nhưng bây giờ mắt con đã thấy Ngài. Vì vậy, con ghê tởm chính mình, và ăn năn trong tro bụi."

Điều gì đã thật sự xảy ra? *Ông đã nối lại liên lạc được với Chúa*, đó là điều đã thật sự xảy ra. *Đó là vấn đề thật sự của ông.* Chúa đã ở xa và không trò chuyện cùng ông, giờ thì ông đã nối lại liên lạc và *ông ước giá như mình đừng tranh cãi gì cả*. Ông nói: "*Con được trở lại cùng Ngài rồi Chúa ơi, quan trọng là như vậy và con ăn năn. Con xin lỗi vì đã nghi ngờ cả Ngài.* Ngài biết điều mình làm.

Ngài làm gì cũng đúng cả. *Lẽ ra con nên tin cậy Ngài."* Và đó là khi Chúa phán: "Được rồi Gióp ạ, Ta ban lại con cái cho con, Ta ban lại tài sản cho con, Ta ban lại cho con những bầy chiên và lạc đà." Gióp trở nên giàu có hơn trước rất nhiều, hạnh phúc hơn trước rất nhiều và sống hạnh phúc mãi mãi về sau.

Nhưng Chúa đã kịch liệt phê phán ba người bạn của ông. Thực ra thì Chúa đã nói với Ê-li-pha rằng: "Ta nổi giận với con và hai bạn con vì các con không nói đúng đắn về Ta như Gióp, đầy tớ Ta, đã nói." Như vậy tức là bạn không nên trích dẫn các bài nói chuyện của ba người này, mặc dù chúng nằm trong Kinh Thánh-Lời Chúa.

Đó là hiệp cuối giữa Đức Chúa Trời và Gióp. Ta thấy Chúa không trả lời bất cứ câu hỏi nào của Gióp và Ngài không cho Gióp biết rằng Ngài đã đánh cược với Sa-tan, vì biết thì hỏng bét. Tốt nhất là Gióp đừng biết những gì đã xảy ra trên trời vì điều đó có thể làm xáo trộn động cơ của ông. *Quan trọng là Gióp muốn trở lại với Chúa* và ông đã nối lại mối thông công với Ngài, *đó là tất cả những gì ông thật sự cần*. Chúa đã có lý do rất chính đáng để cho phép điều đó xảy ra nhưng toàn bộ phép thử sẽ không có giá trị nếu Gióp biết trước. *Phép thử là liệu Gióp có tin cậy Chúa mà không biết sự tình* hay không. "Con nghĩ mình là ai hả Gióp? Ta là Đấng Tạo hóa còn con là một tạo vật, con nghĩ là Ta không biết điều Ta làm hay sao? Con nghĩ là Ta không biết cách vận hành vũ trụ ư? Có phải con thật sự nghĩ thế không?*" Sự kiêu ngạo của con người* thể hiện ở việc *họ cần biết lý do của mọi sự*. Khi bảo Chúa rằng: "Chúa giải thích cho con đi, sao Ngài lại cho phép điều này xảy ra," thực ra bạn đang nói rằng: "Hãy thuyết phục lý trí của con rằng Ngài có lý do chính đáng đi." Thực ra là chúng ta đang *triệu Chúa đến cho chúng ta xét xử*, Chúng ta không tin cậy Ngài, chúng ta đang nói rằng: "Chúa ạ, nếu Ngài có thể cho con lý do chính đáng cho chuyện này thì con sẽ chấp nhận. Nhưng Ngài có trách nhiệm trả lời con và con có quyền biết tại sao Ngài lại cho phép điều này xảy ra." Nhưng *như vậy là đặt chính mình cao hơn Đấng Tạo Hóa*. Mối quan hệ giữa Gióp với Chúa đã không bị ảnh hưởng bởi những gì đã xảy ra *"Con tin Ngài, con tin rằng Ngài biết điều Ngài đang làm và con không cần biết lý do."*

Đối với Cơ Đốc nhân ngày nay, toàn bộ *sách Gióp mang một bầu không khí khác*, vì chúng ta *đã được nhìn vào đó qua thập giá của Chúa Giê-su.* Xét đến ở một góc nhìn khác, thập tự giá của Chúa Giê-su gắn một giá trị khác vào sự chịu khổ của con người. Gióp trong nghĩa đó, được coi là chịu khổ "kiểu" như Đấng Christ, *chịu khổ nhưng vô tội*. Gióp là một người công chính nhưng lại phải chịu khổ như thể ông là người có tội. *Qua thập tự giá,* chúng ta bắt đầu thấy rằng Chúa có thể dùng dạng tình huống đó cho mục đích tốt lành. Chúa cho phép Sa-tan hoàn tất sự chết của Chúa Giê-su trên thập tự giá. Ngay cả con Ngài trên thập tự giá cũng kêu lên rằng: "*Đức Chúa Trời tôi ơi, tại sao? Sao Ngài lìa bỏ con?"* Khi Chúa Giê-su hỏi câu đó, Đức Chúa Trời cũng không trả lời Ngài. Như vậy nghĩa là dưới áp lực của sự đóng đinh, dưới áp lực của đau đớn, ngay cả Con Đức Chúa Trời cũng mất kết nối với lý do khiến Đức Chúa Trời làm điều đó. *Trong vườn Ghết-sê-ma-nê thì Ngài biết* điều đó phải xảy ra: "Con người đã đến để tìm và cứu kẻ bị hư mất và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người," một hình thức giải phóng loài người. *Nhưng trên thập giá, Ngài đã không thấy điều đó*. Đó là nhân tính thực sự của Chúa Giê-su, rằng *Ngài không hiểu điều gì đang xảy ra và Đức Chúa Trời không cho Ngài biết*. Nhưng chúng ta biết rằng điều đó hoàn toàn là thật, và được biết tại sao. Chúa Giê-su chỉ biết tại sao sau khi Ngài sống lại, đó là điều Ngài đã nói với các môn đồ.

Trong *bản tiếng Hy Lạp của sách Gióp*, rõ ràng là có một bàn tay nào đó đã thêm vào một câu: *"Có chép rằng Gióp sẽ sống lại với những người mà Đức Giê-hô-va làm cho sống lại..."* Bản dịch

này được gọi là *bản Bảy Mươi (Septuagint), Bản LXX,* đánh dấu công trình của 70 học giả tại Alexandria đã dịch. Đó sẽ là sự minh oan cuối cùng cho Gióp. Tất nhiên chúng ta thì tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại để xét đoán người sống và kẻ chết. Rằng một ngày, sẽ có một tòa án mà Chúa Giê-su là quan tòa, mọi kẻ ác và người công chính từng sống trên đời đều *sẽ đứng trước ngôi Ngài* để nhận lãnh tùy theo những gì họ đã làm trong thân xác. Nên thực chất, *điều Gióp từng hy vọng sẽ trở thành sự thật.* Tới một ngày, công lý sẽ được chứng minh, người ta sẽ thấy nó được thực thi, thực thi cách công khai. Sự công chính của Chúa sẽ được áp dụng với toàn bộ nhân loại. Gióp sẽ ở đó, ông sẽ được sống lại cùng tất cả những người khác.

Giờ đây, *sau khi hiểu được sách Gióp*, chúng ta hãy đọc sách Gióp lên thành tiếng. Hãy lập một nhóm và cùng đọc Gióp *như dựng một vở kịch thời cổ đại*. Mỗi người vào vai một nhân vật siêu phàm, đọc diễn cảm đoạn tranh biện của mình. Rồi bạn sẽ thấy tất cả tác động qua lại lẫn nhau sâu sắc hơn lên. *Hiệp tranh luận quan trọng nhất* là *hiệp giữa Đức Chúa Trời và Gióp*. Khi Gióp trở lại được cùng Chúa và nói với Ngài: "*Con không cần biết nữa, chỉ cần chúng ta có thể lại trò chuyện cùng nhau."* A-men.

SÁCH THI THIÊN - Phần 1

Đây là *sách dài nhất* trong Kinh Thánh, cũng là *sách dễ nhất* trên nhiều phương diện: *dễ tìm nhất, dễ dùng nhất, ít phải giải thích nhất, ít phải diễn giải nhất* sang một nền văn hóa hay ngôn ngữ hiện đại như các phần khác của Cựu Ước, đọc Thi Thiên là *hiểu được ngay*. Đó là một điều kỳ diệu so với tuổi đời của những bài Thi Thiên này. Chúng được viết trong khoảng thời gian 1000 năm. Nhưng *niên đại* ít nhất là 2. 500 về trước. Ấy thế mà chúng nói cùng chúng ta như thể mới được viết hôm qua.

Đây là sách *Thánh Ca Hê-bơ-rơ*, người Do Thái *không gọi là sách Thi Thiên*. Tên cuộn giấy cổ đó chỉ nghĩa là *"tưng,"* một âm thanh phát ra của chiếc đàn dây:*"tưng tưng."* Có một số lý giải về từ *Sê-la* xuất hiện nhiều trong các bài Thi Thiên. Có người cắt nghĩa đó là từ mà Đa-vít nói khi dây đàn hạc bị đứt, nhưng chắc chắn là không phải như vậy. Ngoài vài thuật ngữ âm nhạc như thế, chúng ta thật sự không cần giúp gì mà vẫn hiểu được *sách Thi Thiên.*

Người Do Thái gọi đây là *Những lời ngợi khen*. Có lẽ đó là một cái tên hay hơn, vì từ *Do Thái*, hay *Jew* nghĩa là *Sự ngợi khen*. Đó *là dạng rút gọn* của từ *Giu-đa* nghĩa là *sự ngợi khen.* Nên chính cái tên *Do Thái* nghĩa là *người ngợi khen*, hoặc nên là như vậy.

Ở đây chúng ta có *150 bài thơ được phổ nhạc*. Có thể đọc chúng lên, hát chúng lên, hoặc có cách sử dụng thứ ba: la to chúng lên. Một số bài chúng ta cần phải la to lên thật. Tôi không biết bạn đã từng thử la to một bài Thi Thiên lên chưa, nhưng bạn có thể tưởng tượng rằng hàng ngàn người Y-sơ-ra-ên đi lên Giê-ru-sa-lem, chật kín đền thờ và các ngọn đồi xung quanh, núi Ô-liu, và cùng la to lên một bài Thi Thiên. *"Đức Giê-hô-va cai trị! Hỡi trái đất, hãy mừng rỡ!"* Bạn có thể tưởng tượng ra thanh âm đó vang vọng khắp vùng đồi núi Giu-đê không?

Có thể dùng các bài Thi Thiên trong chốn riêng tư hoặc ở nơi công cộng. Có hai loại bài Thi Thiên: một số gọi là *Thi Thiên "tôi"* và một số là *Thi Thiên "chúng ta."* Phần lớn những bài chúng ta hát cùng nhau là những *Thi Thiên "chúng ta"* và nên hát *Thi Thiên "tôi"* ở nhà riêng. Nhưng khi chúng ta đến cùng nhau, nói đến Chúa thì phải là *Cha Chúng ta*. Chúa Giê-su cũng nói rằng: "Khi con cầu nguyện trong phòng riêng, hãy đóng cửa lại, rồi cầu nguyện rằng *Lạy Cha chúng con, Xin cho chúng con hôm nay..."* Nói cách khác, ngay khi bạn cầu nguyện một mình, bạn cũng đang cầu nguyện như một phần của dân sự Chúa, bạn có thể cầu nguyện cả cho họ nữa vì họ có những nhu cầu giống bạn. Mọi sự thờ phượng, mọi lời cầu nguyện đều là *cùng nhau,* bạn luôn cầu nguyện như một phần trong thân thể. Nhưng có những bài Thi Thiên rất cá nhân: *"tôi."* Đa-vít viết phần lớn những Thi Thiên cá nhân đó, chúng bao hàm gần như mọi điều mà bạn có thể muốn nói cùng Chúa.

Những bài Thi Thiên này *không dành cho các thầy tế lễ*. Không hề thấy bóng dáng *bàn thờ, các thầy tế lễ, lễ phục và hương thơm* trong các bài Thi Thiên này. Những bài Thi Thiên này là để dân sự đọc lên. Chúng là một dạng*"dân ca" tôn giáo*, để những người bình thường như bạn và tôi sử dụng và chúng biểu lộ *tôn giáo của tấm lòng.* Tôn giáo của tấm lòng liên quan đến *cảm xúc cũng như suy nghĩ,* bao hàm mọi cung bậc cảm xúc của con người.

Trong Thi Thiên có *nỗi sầu khổ sâu sắc*. Một hình ảnh cảm động "*Xin Chúa đựng nước mắt con trong ve của Chúa."* Thời đó, khi có người qua đời, người ta không gửi hoa hay vòng hoa đến lễ tang để bày tỏ sự cảm thương, họ dùng một ve thủy tinh nhỏ, giữ nó dưới mắt và khóc, hứng nước mắt vào rồi gửi ve nước mắt đến để thể hiện sự đồng cảm với tang quyến. Điều đó không ý nghĩa sao? Trước

giả Thi Thiên cầu nguyện:*"Xin Chúa đựng nước mắt con trong ve của Chúa..."* Ở đây cũng có *niềm vui sướng hân hoan*, có *thất vọng*, có *tức giận*. Một số bài *Thi Thiên tức giận* khiến người ta hơi thắc mắc, họ nghĩ Cơ Đốc nhân không nên hát những bài đó. Các học giả gọi đó là các bài *Thi Thiên nguyền rủa*. Đấy là những bài Thi Thiên khao khát báo thù, có những bài Thi Thiên *cực kỳ khát máu*.

"Phước cho người bắt con nhỏ ngươi, và đập nát chúng trên đá!"

Vậy Cơ Đốc nhân có nên dùng một bài Thi Thiên như thế không? Chúng ta sẽ phải xét đến một số vấn đề mà các bài Thi Thiên đặt ra. Martin Luther nói rằng: "Trong các bài Thi Thiên, *chúng ta nhìn vào tấm lòng của mọi thánh đồ."* Calvin thì nói: "Như chúng ta nhìn vào gương và *thấy tấm lòng của chính mình*." Hoặc như một người khác nói: "Dường như mọi bài Thi Thiên đều *có tên và địa chỉ của tôi* trong đó." Đó là *phần con người nhất trong Cựu Ước*, gần gũi nhất với chúng ta. Chúng ta có thể dễ dàng đồng cảm với những bài Thi Thiên này khi dùng chúng. Do đó, không có gì lạ khi Thi Thiên là phần được biết đến nhiều nhất trong Cựu Ước, và là phần được yêu thích nhất. Bằng chứng là rất nhiều người biết đến và sử dụng *Thi Thiên 23*, thậm chí còn được hát tại những trận đấu bóng. Nhưng *Thi Thiên 23* có lẽ là Thi Thiên bị hiểu lầm và lạm dụng nhiều nhất, tôi sẽ cho bạn biết lý do sau. Luther nói rằng: "Thi Thiên là Kinh Thánh thu nhỏ, là Kinh Thánh trong Kinh Thánh." Đó là *sách Cựu Ước được trích dẫn nhiều nhất* trong Tân Ước, và *câu được trích dẫn nhiều nhất* trong Tân Ước là câu đầu của *Thi Thiên 110:*

Đức Giê-hô-va phán với Chúa của con rằng: "Hãy ngồi bên phải Ta. Cho đến khi Ta đặt các kẻ thù của Con làm bệ chân cho Con."

Không phải mọi bài Thi Thiên đều ở trong sách Thi Thiên. Các Thi Thiên được ở đây do nhiều người viết, ít nhất có 11 người được biết đến. Một bài của *Môi-se* và *Mi-ri-am* trong Xuất Ê-díp-tô Ký 15. Các bài khác: của *Đê-bô-ra* trong Các Quan Xét 5, của *An-ne* trong 1 Sa-mu-ên. *Gióp* viết ba bài, *Ê-sai* viết một, *Ê-xê-chia* viết một, *Giê-rê-mi, Giô-na, Ha-ba-cúc*. Đặc biệt Giô-na đã dùng các bài Thi Thiên khi ông cầu nguyện trong bụng cá. Hẳn ta còn nhớ khi Giô-na bị nuốt và như đã chết trong bụng cá voi. Giô-na nói rằng *ông cầu nguyện* từ *Sheol*, hay *Âm phủ*, từ thế giới của những linh hồn đã khuất, những linh hồn đã lìa thân xác, từ đất mà các then của nó đã "cài trên con đời đời." Ông đã trích *năm bài Thi Thiên* trong lời cầu nguyện đó. Để đáp lại lời cầu nguyện của ông, Chúa Giê-su đã hợp nhất thân thể và tâm linh ông khi con cá voi nhả thân thể ông ra. *Ông trở thành một phép tương đồng tuyệt vời cho sự phục sinh của Chúa Giê-su*. Phép lạ của Giô-na không phải là *phép lạ sống sót*, mà là *phép lạ phục sinh*. Thế nên Chúa Giê-su mới phán: *"Vì như Giô-na ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, Ta cũng sẽ ở trong lòng đất."*

Năm tập thành một sách

Các bài thánh ca được viết ra này đã tập hợp trong năm tập. Kinh Thánh bản tiếng Anh hay tiếng Việt đều chú thích điều này. Như vậy là có năm tập thánh ca *được tập hợp thành một sách* mà chúng ta gọi là *sách Thi Thiên*.

Thi Thiên *thật là đa dạng!* - Đa dạng về *độ dài*: Ngắn nhất chỉ có ba câu, Thi Thiên 117. Dài nhất là Thi Thiên 119. Có câu chuyện như giai thoại về độ dài này. Anh bạn tôi đang cầu nguyện chữa lành cho một người thì người đó bỗng ngừng thở. Anh vội bảo mọi người đọc Thi Thiên 119 trong khi anh tiếp tục cầu nguyện cho người bệnh. Thế là có 20 phút để tháo gỡ tình thế ngặt nghèo. Sau đó, người này đã tỉnh lại. - Đa dạng về *độ phủ rộng*, chúng trải từ những nhu cầu cá nhân đến những

nhu cầu chung. Về *chiều sâu* thì từ niềm vui khôn xiết đến nỗi sầu khổ sâu sắc. Có những bài Thi Thiên cho những người sờn lòng "Hỡi linh hồn ta, cớ sao ngươi sờn ngã?" Điệp khúc đó liên tục xuất hiện trong *Thi Thiên 42 và 43*. Tất cả đều ở thể thơ, nên tốt nhất là *đọc Thi Thiên thành tiếng và đừng phân tích*. Các nhà giảng đạo rất thích phân tích Thi Thiên, thực ra là không ích lợi gì lắm. *Suy ngẫm* Thi Thiên *thì tốt*, còn *phân tích* và tách Thi Thiên thành từng mảnh thì *chỉ có hủy hoại vẻ đẹp* của chúng mà thôi. Cần đọc một bài Thi Thiên từ đầu đến cuối, suy ngẫm nó, để nó lắng đọng và nếu cần thì đọc lại.

THI THIÊN

CÁC SÁCH:			DANH CỦA CHÚA: YAHWEH	ELOHIM
I	1-41	(41)	272	15
II	42-72	(30)	74	207
III	73-89	(16)	13	36
IV	90-106	(16)	339 (IV và V)	7 (IV và V)
V	107-150	(43)		

TÁC GIẢ

ĐA-VÍT ~ hầu hết trong I và II, một số trong V
CON CỦA CÔ-RÊ ~ trong II (42-49) và III
CON CỦA A-SÁP ~ trong III (73-83)
KHÔNG RÕ TÊN ~ một số trong IV, hầu hết trong V
MÔI-SE ~ một trong IV (90)

Tất cả các tập, bài cuối cùng đều kết thúc bằng sự ngợi khen với một *khúc ca tôn vinh*, dâng vinh hiển lên cho Chúa. Lần lượt là ở trong *Thi Thiên 41*, *Thi Thiên 72*, *Thi Thiên 89*, *Thi Thiên 106*. Trong *Thi Thiên 150* có cả *một bài ca tôn vinh lớn* để kết thúc cả năm tập. Chỉ cấu trúc này của Thi Thiên đã cho ta một bài học ngay từ đầu là, dù bạn có cảm thấy như thế nào, dù đang có tâm trạng hay cảm xúc gì thì *khi kết thúc trạng thái ấy cũng hãy dâng vinh hiển lên cho Chúa*. Các tập có độ lớn khác nhau vì các bài Thi Thiên có độ lớn khác nhau, nhưng *tập đầu tiên và tập cuối cùng là lớn nhất*, với hơn 40 bài, rồi 30, 16 và 16 bài. Có lẽ là độ dài của cuộn giấy quyết định số bài của từng tập.

Vấn đề Danh Thánh

Có một *khuôn mẫu* thú vị trong việc *sử dụng các danh thánh* trong sách Thi Thiên. *Elohim* không phải là danh xưng mà *là một từ để chỉ* Đức Chúa Trời, nhưng là một từ đa dạng và có nội hàm sâu sắc. *El* hay *Elah* là dạng từ để chỉ *một* Đức Chúa Trời. *Eloha* là dạng từ để chỉ *hai* Đức Chúa trời. Từ *Elohim* là dạng từ để chỉ *ba* Đức Chúa Trời. *Elohim* là từ đã được sử dụng *xuyên suốt Cựu Ước*. Nhưng đặc biệt *danh từ ở dạng số nhiều* này lại luôn luôn đi kèm với *động từ ở dạng số ít*.

Điều này không thú vị sao? Đó là sự khẳng định *Ba ngôi đồng nhất thể*. Sự khẳng định đầu tiên đã được đặt ở câu đầu tiên trong Kinh Thánh: *"Ban đầu, Đức Chúa Trời sáng tạo trời và đất,"* từ "sáng tạo" *ở số ít*, nhưng từ "Đức Chúa Trời" *ở số nhiều*, chỉ rõ ba ngôi. Như vậy là *Đức Chúa Trời Ba Ngôi* được nhắc đến *ở ngay câu đầu* và sẽ *xuyên suốt* Kinh Thánh. Nhưng thật đáng tiếc, đó lại là

một trong những điều mà *tâm trí người Do Thái chưa thể thấy được*. Có một tấm màn che phủ họ, họ chỉ coi việc dùng *từ số nhiều* này để chỉ Chúa cũng giống như việc *một nữ vương* từ ái đã xưng hô *"Chúng tôi,"* hoặc ở nước Anh, nữ thủ tướng Margaret Thatcher nói "*Chúng tôi* đã làm bà"[14]. Họ giải thích *từ số nhiều này* chỉ mang tính hoàng gia, chỉ là *cách xưng hô hoàng gia*. Nhưng đó thực sự không đơn thuần chỉ là cách xưng hô hoàng gia, *Chúa là Đức Chúa Trời ba ngôi đồng nhất thể*. Cũng hãy nhận biết thêm rằng *nếu Chúa chỉ có một ngôi* thì Ngài sẽ không bao giờ là tình yêu thương, Chúa không thể *yêu một mình* được. Chúng ta không nói là *có ba Đức Chúa Trời*, mà tin rằng *có một Đức Chúa Trời trong ba Ngôi*.

Đó là về *từ Elohim* để chỉ Đức Chúa Trời, còn *danh xưng* của Ngài là *Yahweh* hay *Giê-hô-va*. Có một người vừa đến từ Y-sơ-ra-ên, nói đến Yahweh *theo cách khác: Yahweh* được tạo thành *từ ba từ* nghĩa là *quá khứ, hiện tại* và *tương lai*. Từ đó tương đương phân từ của động từ *"to be"* trong tiếng Anh hay động từ *"là"* trong tiếng Việt, có thể dịch là *"being"* trong tiếng Anh, hay *"hiện hữu"* trong tiếng Việt. "Hiện hữu" nghĩa là Đức Chúa Trời *đã có, hiện có và còn đến*. Nhưng tôi thích từ *"Always"* nghĩa là *Đức Chúa Trời Hằng Hữu*.

Trong tập thứ nhất, *danh xưng* của Đức Chúa Trời được dùng đến nhiều nhất, có *272 lần dùng Yahweh*, chỉ *15 lần dùng Elohim*. Sang tập thứ hai thì ngược lại, dùng Elohim nhiều hơn Yahweh, ở tập thứ ba thì Elohim nhiều gấp ba lần Yaweh. Nhưng đến tập thứ tư và thứ năm lại đổi lại hoàn toàn, có *339 lần dùng Yahweh* và chỉ có *7 lần dùng Elohim*. Việc dùng *danh xưng* hay dùng *từ chỉ định* là tùy thuộc vào *bản chất* và *trước giả* của các bài Thi Thiên. Chẳng hạn Vua Đa-vít chủ yếu viết các Thi Thiên ở tập 1 và tập 2, một số bài ở tập 5.

Nhưng còn một lý do nữa: dùng từ chỉ định *Elohim* là khi trước giả muốn truyền đạt cho chúng ta *tính siêu việt* của Đức Chúa Trời, khi muốn nói đến các ý: Ngài khác xa, Ngài khác biệt với chúng ta, Ngài khác chúng ta, Ngài là Đức Chúa Trời chí cao. Còn khi dùng danh xưng *Yahweh* là để tạo ra cảm giác gần gũi với Đức Chúa Trời, sự thân mật mà chúng ta có, cả mối quan hệ cá nhân mà chúng ta có thể có. Còn về chúng ta thì cần *cân bằng* cả hai giá trị thể hiện đó. Chúng ta cần phải nhớ rằng: Chúa vừa siêu việt, vừa gần kề. Ngài khác biệt, cách xa, nhưng Ngài cũng gần gũi và thân mật. Nếu chỉ nghĩ đến điều này mà không nghĩ đến điều kia thì ta sẽ mất cân bằng. Một số người quá thân mật với Chúa và quên rằng Ngài là Đức Chúa Trời, còn những người khác lại giữ khoảng cách quá xa với Chúa, chỉ tập chú vào Đức Chúa Trời chứ không gọi tên Ngài.

Xét đến một ý nghĩa khác thì trạng thái này cũng xảy ra với Chúa của chúng ta ngày nay. Một số người chỉ dùng từ *Đấng Christ*, gọi bằng từ này có cảm giác xa cách hơn là gọi *Chúa Giê-su*. Giê-su là danh xưng hay tên của Ngài. Gọi tên nhau tức là chúng ta có mối quan hệ thân mật. Nếu ai đó thấy gọi *Đấng Christ* dễ hơn gọi *Chúa Giê-su* thì họ cần phải đặt câu hỏi về mối quan hệ của mình với Chúa, chúng ta cần phải dùng cả những chức danh mà một người đáng nhận, cũng như thân mật gọi tên họ. Toàn bộ sách Thi Thiên có một sự cân bằng tuyệt đẹp về cách xưng hô danh Chúa. Nhưng chúng hãy bắt đầu và kết thúc bằng cái tên thân mật mà Ngài đã bày tỏ.

Các trước giả Thi Thiên

Đa-vít viết phần lớn các Thi Thiên, hầu hết nằm trong tập 1, tập 2 và có vài bài trong tập 5. *Các con cháu Cô-rê*, người mà bị Chúa rủa sả vì nổi loạn với Môi-se đó, nhưng họ đã trở thành những

[14] Câu này buồn cười ở chỗ là sau khi Margaret Thatcher có đứa cháu đầu tiên, người ta phỏng vấn bà và bà vẫn nói theo văn phong của Thủ tướng: "Chúng tôi đã làm bà".

người ca hát trong đền thờ của Sa-lô-môn. Họ đã viết từ bài 42 đến 49. *Con cháu A-sáp*, một ban hát khác trong đền thờ, các Thi Thiên của họ đáng chú ý là từ bài 73 đến 83. Còn khá nhiều bài *vô danh*, tất cả nằm trong tập 4 và 5, điều này giúp chúng ta nhận ra rằng nhiều người không tên tuổi cũng đã viết những Thi Thiên hữu ích. *Môi-se* viết một bài trong tập 4 "Ôi, lạy Chúa, nguyện Đấng giúp tôi mãi" - bài Thi Thiên 90, và tôi rất e ngại khi người ta hát nó vào Chúa Nhật Tưởng Niệm (Remembrance Sunday), thật sự e ngại vì lời hát "Duy cánh tay Chúa bao phủ ngày đêm. Lòng càng được vững vàng thêm." Nếu đúng là như vậy thì sao chúng ta lại phải tiêu tốn cả nhiều triệu bảng Anh cho việc phòng thủ? Nước Anh có một truyền thống bắt nguồn từ thời Cromwell "Hãy tin cậy Chúa và giữ cho thuốc súng thật khô" (để lúc nào cũng sẵn sàng khai hỏa).

Sự ra đời của các bài Thi Thiên. Môi-se viết *Thi Thiên 90*, là bài *cổ nhất*. Đa-vít viết nhiều hơn cả, 73 bài có tên ông và một số bài khác không ghi tên nhưng rõ ràng là do ông viết, nên hơn nửa tập nhạc là do Đa-vít sáng tác. Khi qua đời, ông tự đặt cho mình một biệt hiệu rất hay, ông cảm tạ Chúa vì ông đã làm một *"kẻ hát êm dịu của Y-sơ-ra-ên."* Tôi nhớ đến lời chứng tuyệt vời của một người anh em vừa cải đạo. Anh ấy làm chứng và kể: "Khi tôi về nhà, cả thế giới hoan ca. Tôi băng qua cây cầu nhỏ bắc qua con suối trong làng, con suối đã ca hát với tôi, chim chóc hát ca, mọi thứ đều hát ca. Tôi về nhà, cứ hát suốt dọc đường, rồi tôi bước vào nhà, vợ tôi đây rồi và tôi hát, cô ấy hát, thực ra thì cô ấy đang dùng cái máy may và đấy cũng là một ca sĩ. Cả thế giới rộng lớn đều hoan ca..."

Tôi nhớ mình đã gặp một bác sĩ phẫu thuật tại Hoa Kỳ-bác sĩ Eady, chúng tôi có cùng lên sóng trong một chương trình. Anh ấy ở một khách sạn bốn tầng rẻ tiền, đang tựa vào lan can ban công thì lan can bung ra. Anh ngã, đâm đầu xuống, đập vào lề đường bê tông. Anh nằm đó, chỉ còn là một xác chết. Người ta gọi xe cứu thương đưa anh đi, coi như đã tử vong nên đưa anh vào nhà xác. Rồi hai ngày sau, Đức Chúa Trời đã khiến anh sống lại từ cõi chết. Anh tỉnh lại và chia sẻ trải nghiệm này. Bác sĩ Eady đã kinh nghiệm về thiên đàng với Chúa, và anh thấy mình đi qua một khu vườn cùng Chúa, tai anh đầy tiếng nhạc, anh kể là mình cứ nhìn quanh quất để tìm dàn nhạc và ca đoàn mà không thấy, và anh nghĩ bụng: *Sao mình lại cảm thấy gần thế nhỉ*? Rồi tự nhiên anh nhận ra rằng *hoa lá và cây cối đang hát ca*. Anh nhận ra rằng có âm nhạc trong toàn bộ tạo vật.

Từ đó tới nay, người ta phát hiện ra rằng điều đó đúng về mặt khoa học. Tôi mới đọc một báo cáo khoa học viết rằng người ta đã có thể thu âm tiếng nhạc của cây cối. Bằng một cách nào đó, ngày nay người ta đã có thể khai thác điều này, nhưng *Kinh Thánh từ lâu đã nói rằng cả tạo vật trỗi tiếng hoan ca*, và cây cối sẽ ca hát cho Đức Giê-hô-va. Chỉ là chúng ta không nghe thấy phần nhiều âm nhạc trong tạo vật vì không đồng điệu với nó. Ở nhà tôi có một bản thu âm tiếng hát của các thiên sứ, đa phần thì chúng ta không thể nghe thấy họ hát. Ơn Chúa là chúng ta không thể, nếu không thì chúng ta sẽ không bao giờ dám hát lấy một nốt nhạc, vì chúng hát quá hay đến nỗi bạn chỉ muốn ngừng hát. Âm nhạc có trong toàn bộ tạo vật, và các bài Thi Thiên dường như nói lên điều này.

Đa-vít là *"kẻ hát êm dịu của Y-sơ-ra-ên,"* ông có được biệt tài này nhờ xuất thân là một người chăn chiên. Ông đã học hát nơi đồng quê. Ông chỉ có một nhạc cụ và chỉ vậy thôi, ngày qua ngày, ngồi trông bầy chiên. Đó là nơi ông học hát và chính ông là người cảm thấy những tạo vật xung quanh đang hát cùng mình, rằng có một dàn hợp xướng vinh quang vây quanh khi ông ở một mình. *Sa-lô-môn* tất nhiên là viết *một ngàn lẻ năm* bài ca, Kinh Thánh chép như vậy. Nhưng chỉ có nửa tá được dùng tại đây. Điều gì đã xảy ra với 999 bài kia? Vâng, tôi có một giả thiết. Ai cũng nói rằng Sa-lô-môn là người khôn ngoan nhất trong Cựu Ước. Liệu bạn có thể bảo một người có 700 bà mẹ vợ là người khôn ngoan không? Ông có 700 bà vợ và 300 cung phi.

Giả thiết của tôi là ông đã viết cho mỗi người một bài khi ông đem lòng yêu họ. Nhưng vì chỉ có một người là Chúa chọn cho ông nên chỉ có một bài ca được dâng lên, một trong sáu bài tình ca của ông. Tôi sẽ giữ quan điểm đó cho tới khi gặp mặt và hỏi được ông. Sa-lô-môn đã viết các Thi Thiên rất hay, lẽ ra ông nên làm theo những lời ông viết. Một trong số đó là một bài ca mà ông hát khi đền thờ được xây dựng. Vì Đa-vít, cha ông không được xây đền thờ, Đa-vít đã lập đồ án, mua địa điểm, tập hợp đủ loại vật liệu, nhưng ông không được xây chỉ vì ông là một người làm đổ nhiều máu quá. Nên *Sa-lô-môn*, một người bình an, tên ông nghĩa là bình an, giống với *Sa-lôm*, đã xây đền thờ. Điều này bày tỏ tấm lòng của ông, Sa-lô-môn nói, thực ra là hát:

Nếu Đức Giê-hô-va không cất nhà. Thì thợ xây có lao nhọc cũng luống công.

Đó là một ý nghĩ tuyệt vời từ người đã xây nên công trình tráng lệ nhất Y-sơ-ra-ên. Nếu Đức Chúa Trời không xây nó thì chỉ lãng phí thời gian và tiền bạc thôi.

Các trước giả khác là *Cô-rê, A-sáp, Hê-man* và *một số người nữa*.

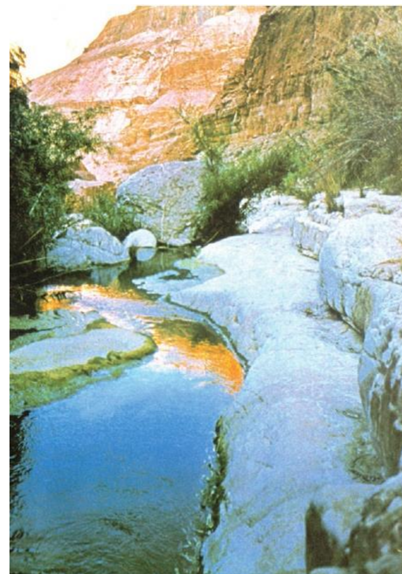
Qua trải nghiệm riêng tư

Tại sao họ lại viết các bài Thi Thiên này, chúng được *viết ra như thế nào*? Câu trả lời là: tất cả đều bắt nguồn từ đời thực, thế nên chúng mới nói được cùng đời thực. Mỗi bài ca được khơi nguồn từ một hoàn cảnh, một trải nghiệm, nên chúng mới đầy cảm xúc. Nhiều bài Thi Thiên có tiêu đề mang tính lịch sử, cho chúng ta biết Đa-vít viết bài đó trong hoàn cảnh nào, 14 bài thực sự liên hệ tới cuộc đời ông, kể rõ cả sự tình. Có thể đọc thấy cả cuộc đời Đa-vít từ sách Thi Thiên. Ví dụ *Thi Thiên 3*, viết lần ông phải chạy trốn Áp-sa-lôm, kẻ chiếm ngôi. Đa-vít phải bỏ chạy để bảo toàn mạng sống trước chính con mình. Đọc Thi Thiên này mới cảm nhận được nỗi ê chề của một người cha phải chạy trốn chính con ruột mình. Thi Thiên *7* ông viết về một người Bên-gia-min tên là Cút. Thi Thiên *18* viết khi ông được giải cứu khỏi Sau-lơ và mọi kẻ thù mình khi đang chạy để thoát thân.

Thi Thiên *51* chuyển tải *một trải nghiệm dài* hơn của Đa-vít. Ông *đã phạm tội hai lần. Lần đầu* là với Bát-sê-ba, Sa-tan không dính dáng gì đến chuyện này, hoàn toàn là ý tưởng của chính Đa-vít. Chúng ta cần cẩn trọng với những gì mình gán cho Sa-tan. Hầu hết những tội mà chúng ta phạm phải, Sa-tan thậm chí không thèm đếm xỉa, không hề nhúng tay nên đừng đổ lỗi cho hắn. Toàn bộ sự tình với Bát-sê-ba, là dấu mốc mà mọi thứ bắt đầu tụt dốc. Chính buổi chiều hôm đó đã khơi mào cho sự sa sút của cả dân tộc. Sa-tan chẳng liên can gì đến chuyện đó, Đa-vít đã tự mình làm ra mọi chuyện. Nhưng khi tiên tri Na-than đến gặp ông và dùng một ẩn dụ, một chuyện bịa để thách thức Đa-vít. Na-than nói: *"Bệ hạ chính là người đó"* thì Đa-vít đã nhận ra và viết: "Xin thương xót con, Chúa ơi. Xin dựng nên trong con một lòng trong sạch," và hơn hết "lạy Chúa chớ cất Thánh Linh xa khỏi lòng con, và chớ xóa tên con khỏi Sách Sự sống của Ngài." *Đó là Thi Thiên cảm động nhất*..

Nhưng đến *tội thứ hai* của ông thì Sa-tan có nhúng tay vào. Ở nửa sau của cuộc đời, sau khi ông đã thắng mọi trận chiến, Sa-tan đến và hỏi: "*Vương quyền của ngươi to cỡ nào rồi hả Đa-vít? Giờ ngươi đang có bao nhiêu quân?"* Lẽ ra ông không cần phải kiểm tra dân số, hay tuyển quân vì các trận chiến của ông đã thắng rồi. Ông làm việc này chỉ vì kiêu ngạo, sách có chép rằng Sa-tan đã cám dỗ ông khi hỏi: "*Giờ ngươi đã có bao nhiêu quân rồi?"* Đa-vít cho làm cuộc điều tra dân số vô cùng hao tổn sức dân, để cuối cùng chỉ để bảo "*rất nhiều."* Khi nhận ra điều đó thật tội lỗi, ông đã viết *Thi Thiên 30,* cũng là một Thi Thiên rất cảm động. Bài này nói rằng khi ông chưa xưng nhận tội mình, ông hao mòn và kiệt sức, nhưng ngay khi xưng nhận tội, ông được khỏe mạnh trở lại.

Tôi rất thích thăm những nơi Đa-vít đã viết các bài Thi Thiên, vì nó giúp ta hiểu sâu sắc chúng. Trên bờ Biển Chết chẳng có gì ngoài muối và cát khô, nhưng có một chỗ, nếu lần theo một khe núi thì bạn sẽ gặp một thác nước và một cái hồ, nơi đó tên là *Ên-ghê-đi*. Một vùng đồi núi cực kỳ hoang vu, nhưng khi trèo lên đến khe núi này, bỗng xuất hiện một hồ nước tươi đẹp, lại có cả thác nước. Đó chính là nơi có cái hang mà Đa-vít đã trốn sâu trong đó khi *Sau-lơ* bước vào để giải quyết nỗi buồn. Đa-vít đã lẻn ra và cắt được khúc vạt áo của Sau-lơ. Khi Sau-lơ xong việc và bước ra thì Đa-vít cũng ra khỏi hang, giơ nó lên, nói lớn: "Cha để quên một thứ, lẽ ra con đã có thể giết cha." Sau-lơ lúc đó có chút mủi lòng và nói: "Con là người tốt hơn cha, là cha thì cha sẽ giết con khi bắt được con trong hang," rồi ông ta lẳng lặng lìa Đa-vít. Nhiều bài Thi Thiên được sáng tác khi ông trốn trong khe núi, với những dòng nước mát trong. Nước như đồng hành trong các Thi Thiên của Đa-vít, có lẽ ông đã lặn bơi trong đó, vì Thi Thiên nói đến các lượn sóng phủ chụp lấy mình và bao nhiêu cụm từ xuất thần nảy ra từ lòng nước.



Hồ Ên-ghê-đi

Đa-vít thường mô tả *Chúa là vầng đá và đồn lũy con*. Chỗ đó là *Ma-sa-đa*, từ Ên-ghê-đi xa hơn một chút về phía nam, sẽ đến một *khu tam giác đá* có vách chắn ở ba phía, nơi xảy ra trận chiến cuối cùng và đáng kinh ngạc nhất giữa quân Do Thái và quân La Mã. Thực ra quân La Mã đã phải đắp một con đường lên tới đỉnh núi. Chúng đắp mất một năm rưỡi, nhưng khi lên đến nơi, tất cả quân Do Thái đã tự sát và lừa được chúng. Một câu chuyện tuyệt vời, *câu chuyện Ma-sa-đa*, nhưng đó là *vầng đá và đồn lũy*. Nếu bạn có thể ở trên đó thì không ai động đến bạn được. Tôi tin chắc rằng mỗi khi Đa-vít nói về *Chúa là vầng đá và đồn lũy con*, ông đang nghĩ đến *Ma-sa-đa*. Bạn có thể đi quanh những nơi này và thấy hoàn cảnh sống *nơi những Thi Thiên này manh nha*, chúng xuất phát từ trải nghiệm thực.



Vầng đá Ma-sa-đa

Đa-vít *rất thành thật trong mọi bài Thi Thiên* của mình. Nói theo ngôn ngữ hiện đại là *"ruột để ngoài da,"* ông nghĩ gì là viết đúng như vậy, không hề ngần ngại. Đó là điều hiếm gặp ở đàn ông. Đàn ông cực kỳ khó diễn tả cảm xúc của họ thành lời. Đó là một trong những lý do mà phụ nữ cầu nguyện đầu giờ nhiều hơn đàn ông. Đàn ông có khiếm khuyết ở khía cạnh này. Phân khu ngôn ngữ trong não bộ nữ giới phát triển hơn. Thế nên phần lớn các phiên dịch là nữ giới. Các bạn dễ diễn tả suy nghĩ và cảm xúc thành lời hơn đàn ông. Nam giới có vấn đề đó, nhưng Đức Thánh Linh có thể khắc phục vấn đề, nên chúng ta mới thực sự cần được *báp-têm trong Thánh Linh*. Điều đầu tiên mà Ngài chạm đến là *lưỡi của bạn* và Ngài cho bạn được tự do thể hiện nỗi lòng. Tôi biết những người nam chưa từng khóc từ khi còn bé, nhưng khi được đầy dẫy Thánh Linh, họ biết khóc trở lại. Ngài có thể giải tỏa cảm xúc và lời lẽ trở lại. Rõ ràng là những Thi Thiên này đến từ một người nam được đầy dẫy Thánh Linh và Đa-vít tiếp nhận điều đó. Vì thật hiếm thấy một người nam làm thơ và thành thật với những sợ hãi và lo lắng trong lòng mình đến vậy, nhưng tất cả đều có ở đây.

Thi Thiên 23 tất nhiên là được viết từ chính cuộc sống thường ngày của Đa-vít khi còn chăn chiên. Tôi nghĩ đến một người khiếm thị tên George Matheson, ông có một cái đồng hồ dành cho người khiếm thị, loại có chữ nổi Braille để lần xem giờ. Ông để nó trong túi áo gi-lê và một ngày nọ, khi đang lên dây cót đồng hồ và lần xem giờ, ông đã nói thế này với Chúa:

Lòng yếu đuối sờn nao chưa tìm ra Ông Chủ Xưa không biết làm sao Xoay muôn chiều chưa đủ Sao có thể tự quay Khi Chúa Cha chẳng giữ? Bắt lòng quy phục Đấng yêu thương Đời đời lòng sẽ chẳng chán chường.

Bạn đã bao giờ hát bài thánh ca đó chưa? Đó là bài thơ của người khiếm thị và tất cả bắt đầu từ việc Matheson lên dây cót cho cái đồng hồ. Phần lớn các Thi Thiên đã bắt đầu như vậy, từ một điều gì đó xảy ra trong đời sống thường ngày.

Một trong các Thi Thiên, *Thi Thiên 29* đã lấy cảm hứng từ một cơn giông dữ dội. Đa-vít đã gặp một cơn giông khủng khiếp và mọi câu trong *Thi Thiên 29* đã nói về *tiếng Đức Chúa Trời, tiếng Đức Giê-hô-va*, vì tiếng Chúa phán nghe hệt như vậy. Khi Ngài phán "Nầy là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng" với Con Ngài tại lễ báp-têm Chúa Giê-su, người ta nói rằng ấy là tiếng sấm. Nên nếu bạn muốn biết tiếng Chúa nghe như thế nào thì giông tố sấm sét là một liên tưởng.

Nhưng không phải mọi bài Thi Thiên đều *tiếng nói riêng tư,* một số bài mang *tính dân tộc,* nói cho toàn bộ dân sự Chúa. Có sự *khác biệt rõ rệt* giữa những Thi Thiên *lấy cảm hứng từ khủng hoảng* và những *Thi Thiên ra từ cuộc sống yên tĩnh* thường ngày. Nhiều bài Thi Thiên ra từ cơn khủng hoảng và những bài Thi Thiên dân tộc ra từ khủng hoảng dân tộc. Tôi đủ già để nhớ rằng các hội thánh tại Anh đầy chật người vào thời điểm bắt đầu thế chiến thứ II. Bỗng dưng mọi người đều kêu cầu Chúa, nhất là vào trận Dunkirk. Dường như phép lạ đã thật sự xảy ra với thời tiết tại Dunkirk và đã cứu nguy cho Lực lượng viễn chinh Anh. Người ta đã kêu cầu trong những lúc đất nước lâm nguy. Thế nên chúng ta mới hát *"Ôi, lạy Chúa, nguyên Đấng giúp tôi mãi"* vào những lúc đất nước lâm nguy.

Một số bài Thi Thiên ra từ khủng hoảng dân tộc, nhưng nhiều bài Thi Thiên ra từ những dịp thông thường như lễ đăng quang. Thi Thiên *2* Đa-vít viết cho lễ đăng quang của Sa-lô-môn. Khi đọc một lượt, ta có thể cảm nhận được ước mong Đa-vít dành cho con trai mình và việc Chúa thực hiện lời hứa của Ngài với Đa-vít: "*Ta sẽ làm cha của con trai con khi nó lên ngôi vua,"* nên bài Thi Thiên có nói: "Ngày nay Ta đã sinh ra Con, Con là Con Ta..."

Nhiều bài Thi Thiên nhằm *khích lệ* chúng ta sống *một đời sống tin kính*. Thi Thiên *119* được viết để khích lệ bạn đọc Kinh Thánh. Mọi câu trong Thi Thiên đó đều chứa một *từ đồng nghĩa với Kinh Thánh*, hoặc là *luật lệ Chúa*, hay *điều răn Chúa, kỷ cương Chúa*, *chứng ước của Chúa* hay *phán quyết của Chúa*. Đó là một Thi Thiên khuyến khích bạn nghiên cứu Kinh Thánh. Các Thi Thiên khác *khích lệ bạn cầu nguyện*. Thi Thiên *92* khích lệ người ta *giữ ngày Sa-bát,* và nói rằng đó không phải là vào 11 giờ sáng mà là cả ngày, để rao truyền tình yêu của Ngài vào buổi sáng và sự thành tín Ngài lúc ban đêm. Đó là nguồn gốc của giờ thờ phượng buổi sáng và buổi chiều Chúa nhật. Điều đó gần như đã biến mất, chỉ còn là *một tiếng rưỡi buổi sáng*, phần còn lại trong ngày là của bạn, nhưng thực ra giờ đây chúng ta không còn ở dưới luật Sa-bát nữa, cái đó thuộc luật pháp của Môi-se. Còn với chúng ta, mọi ngày đều là ngày của Chúa. Rồi có những Thi Thiên về *phép ứng xử chung*.

Những nhóm Thi Thiên

Có những nhóm Thi Thiên, nên hãy *xét đến các nhóm này*.

THI THIÊN

NHÓM:

22-24 : Thập giá, vương trượng, vương miện
96-99 : Đức Chúa Trời là Vua
113-118 : Hallayjal (Lễ Vượt Qua)
120-134 : Các bài ca đi lên từng bậc
146-150 : Hallelujah!

KIỂU:

THAN THỞ (đa phần)
CẢM ƠN (nhiều)
ĂN NĂN (ít)

CÁC THI THIÊN ĐẶC BIỆT

HOÀNG GIA
TIÊN TRI VỀ ĐẤNG MÊ-SI-A
KHÔN NGOAN
'NGUYỀN RỦA'

1. Thi Thiên *22-24* là một nhóm rất quan trọng. Ba Thi Thiên lại tạo thành dạng một cái bánh mì kẹp. Vấn đề là người ta chỉ thích nhấm nháp phần ruột mứt ngon ngọt, và bỏ lại phần vỏ bánh. Thực ra những Thi Thiên này gắn kết với nhau qua ba lớp *"Cây thập giá, Cây gậy chăn và Cây vương trượng."* Chúng giới thiệu cho chúng ta một Đức Chúa Trời: Trước tiên là Cứu Chúa, rồi đến Đấng Chăn chiên và cuối cùng là *Thiên Chúa* hay là *Vua*. Thi Thiên *22* bắt đầu bằng câu "Đức Chúa Trời tôi ôi! Đức Chúa Trời tôi ôi! sao Ngài lìa bỏ tôi?" Rồi *Thi Thiên 23*: "Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi" và tôi muốn nói rằng nếu bạn chưa đến với thập giá và thấy Chúa là Cứu Chúa của mình thì bạn chưa hề có quyền coi Ngài là Đấng Chăn chiên của bạn. Thế nên chúng ta không nên hát Thi Thiên nhiều đến vậy. Chúng ta đã hát bài đó ngay cả tại lễ tang của những người vô tín, những trận bóng đá! Những người chưa từng trải qua *Thi Thiên 22* nghĩ rằng họ có thể có *Thi Thiên 23*. Còn những người biết Chúa là Đấng Chăn Chiên phải nhớ *Thi Thiên 24* - "Vua vinh hiển nầy là ai? Hãy mở các cổng ra, đây là Đức Giê-hô-va, Đấng đang đến như vua của chúng ta, Vua trên muôn Vua, Chúa trên muôn Chúa." *Chúa Giê-su chỉ có thể làm Đấng chăn nhân lành* của chúng ta *khi trước hết Ngài là Cứu Chúa* và *sau đó là Đức Vua hầu đến* của chúng ta. Nếu bạn chỉ cố nhận Đấng Chăn Chiên mà không tiếp nhận hai điều kia thì bạn đang bóp méo lời Chúa. Ba bài Thi Thiên thực sự rất *gắn bó* với nhau.

Trong một cuốn sách nhỏ mà tôi biên soạn mang tên *Những Trang rời từ Kinh Thánh (Loose Leaves from the Bible)*, tôi đã dịch ba Thi Thiên đó sang tiếng Anh hiện đại. Đây là một đoạn nhỏ của mỗi bài:

Thi Thiên 22:

Chúa con ơi, Chúa con ơi, tại sao vậy? Sao Ngài bỏ con một mình, mình con giữa bao người? Sao Ngài dường như quá cách xa? Quá xa tới nỗi không giúp con hay thậm chí nghe tiếng rên xiết con? Đức Chúa Trời của con ơi, Con la lên giữa ban ngày nhưng Chúa không đáp lại. Con gào lên

trong đêm tối, nhưng chẳng sự yên nghỉ nào đến; Thật chẳng thể hiểu nổi vì Ngài rất tốt lành. Tổ phụ chúng con hết lòng tin cậy Ngài Và khi họ làm vậy, Ngài đưa họ ra khỏi rắc rối. Họ kêu cầu Ngài và được an toàn. Khi họ nương cậy Ngài, họ không bị hổ thẹn, Nhưng con bị đối xử giống một con sâu hơn là con người, Chẳng được loài người tôn trọng, chỉ có sự khinh bỉ từ chúng dân. Mọi người nhìn vào con, nhạo cười con, Họ lè lưỡi ra, nhún vai lên và chế nhạo. Họ nói: Đức Giê-hô-va sẽ chứng minh sự ngay thẳng nó, Để xem Ngài có cứu nó ra không. Nếu Đức Giê-hô-va ưa thích nó, hãy để Ngài giải thoát nó. Giá như họ biết được.

Toàn bộ Thi Thiên đó hẳn phải ở trong tâm trí Chúa Giê-su khi Ngài chết. Bởi vì, các bạn có biết những từ cuối cùng trong Thi Thiên đó là gì không? *"Mọi việc đã được trọn."*

Thi Thiên 23:

Đức Chúa Trời duy nhất thực sự tồn tại, Đức Chúa Trời của dân Do Thái săn sóc cá nhân tôi Như người chăn với chiên mình, Nên tôi sẽ không bao giờ thiếu bất cứ thứ gì tôi thật sự cần. Ngài buộc tôi nghỉ ngơi tại nơi có thực phẩm dồi dào. Rồi Ngài lùa tôi đi, để tôi luôn được khoan khoái. Ngài truyền sức sống mới khi tôi kiệt sức. Ngài giúp tôi đi đúng hướng để giữ tiếng tốt Ngài, Dù con có đi trong trũng sâu tăm tối nơi hiểm nguy rình rập trong bóng đen, Con sẽ không sợ bị tổn hại gì vì Ngài ở ngay đó, cạnh bên con Với cây trượng để bảo vệ và cây gậy để dẫn lối. Con thấy thật an toàn.

Thi Thiên 24:

Hãy mở toang ra, hỡi các cổng thành Hãy mở ra, hỡi các cửa thành cổ Bệ hạ uy nghi sắp bước vào. Đức Vua phi thường này là ai? Là Đức Chúa Trời quyền năng của dân Do Thái, Đức Chúa Trời bất khả chiến bại của Y-sơ-ra-ên. Hãy mở toang ra, hỡi các cổng thành Hãy mở ra, hỡi các cửa thành cổ Bệ hạ uy nghi sắp bước vào. Đức Vua phi thường này là ai? Là Đức Chúa Trời, Đấng chỉ huy mọi đội quân của vũ trụ, Chính Ngài là Đức Vua phi thường. Nên hãy yên lặng một chút và nghĩ về Ngài.

Những bài Thi Thiên này nói nhiều cùng chúng ta, ba bài gắn liền với nhau và chúng ta không nên tách *Thi Thiên 23* khỏi ngữ cảnh của nó, hãy dùng cả ba bài.

SÁCH THI THIÊN - Phần 2

Các nhóm Thi Thiên

Phần 1 chúng ta đã nói đến nhóm *Thi Thiên 22, 23 và 24*, nhóm 1.

THI THIÊN

NHÓM:

22-24 : Thập giá, vương trượng, vương miện
96-99 : Đức Chúa Trời là Vua
113-118 : Hallayjal (Lễ Vượt Qua)
120-134 : Các bài ca đi lên từng bậc
146-150 : Hallelujah!

KIỂU:

THAN THỞ (đa phần)
CẢM ƠN (nhiều)
ĂN NĂN (ít)

CÁC THI THIÊN ĐẶC BIỆT

HOÀNG GIA
TIÊN TRI VỀ ĐẤNG MÊ-SI-A
KHÔN NGOAN
'NGUYỀN RỦA'

Thi Thiên *96 đến 99* có một chủ đề chung: Chúa cai trị, Chúa là Vua. Đó là nội dung Cựu Ước gần với khái niệm Vương quốc Đức Chúa Trời nhất, và những bài Thi Thiên này gắn liền với nhau.

Thi Thiên Hallayal - Từ 113 đến 118, chùm này được hát cùng tại *Lễ Vượt Qua*, và đặc biệt là *Thi Thiên 118*, rất ý nghĩa với cả chúng ta nữa. Chính từ Thi Thiên 118 mà chúng ta có bài "Này ngày hôm nay do Đức Giê-hô-va làm thành, Cùng hòa niềm vui xin cám ơn Cha ban cho chúng ta ngày này," bài đó nói đến Lễ Vượt Qua trong Cựu Ước, không phải là Chúa nhật hay bất kỳ ngày nào, mà là Lễ Vượt Qua. Trong chính Thi Thiên đó có tiếng kêu cầu rằng: "*Đức Giê-hô-va ơi! Xin giải cứu chúng con*" hay nghĩa đen là *giải phóng chúng con*. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, *giải phóng* là *Hoh Shanah*, từ đó mà chúng ta có từ *Hô-sa-na*. Rất tiếc là giờ đây chúng ta lại nghĩ đó là một câu chào thiên thượng: *"Hô-sa-na!"* Thực ra đó là một từ để *đòi tự do*.

"Hoh Shanah!," người ta đã kêu lên với Chúa Giê-su như vậy khi Ngài cưỡi lừa vào thành trong Lễ Vượt Qua. Họ thật sự tin rằng vào thời điểm đó Ngài đến để giải phóng họ khỏi quân La Mã. Đáng buồn là trong mắt họ, khi đi qua cổng thành, Ngài đã quay về bên trái nơi có Đền thờ, chứ không phải bên phải là nơi có pháo đài của quân La Mã. Đám đông đã chết lặng vì Ngài cầm một cái roi trên tay, quất vào những người Do Thái đang buôn bán trong đền thờ chứ không đuổi quân La Mã đang đồn trú trong pháo đài kia. Họ trải cành cọ để nghênh đón và hô vang "*Hoh Shanah! Hoh Shanah! - Hãy cứu chúng con ngay đi!"* Sự thất vọng quá đỗi của họ sẽ được xả vài ngày sau đó. Họ đã trở mặt và hét lên: "*Đóng đinh nó đi, đóng đinh nó đi! Nó chẳng được cái tích sự gì, chẳng thà tha Ba-ra-ba còn hơn"* Ôi tôi lại đi quá xa, lạc đề mất rồi! Nhưng tất cả những điều này *bắt nguồn* từ Thi Thiên 118, Thi Thiên Hoh Shanah, bài ca vì tự do trong Lễ Vượt Qua.

Các bài ca đi lên từng bậc - Từ 120 đến 130. Giê-ru-sa-lem ở ngay trên đỉnh núi, tuy có hơi hõm xuống ở trên đỉnh, nhưng người hành hương đều phải *đi lên* Giê-ru-sa-lem. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, *đi lên* là *Aliyah*. Người ta gọi mọi cuộc nhập cư vào Y-sơ-ra-ên ngày nay như vậy, họ nói: *"Anh đang Aliyah à?* Anh đang đi lên Giê-ru-sa-lem à?" Những bài ca đi lên từng bậc này được hát khi bạn đang đi lên Giê-ru-sa-lem. Thi Thiên *121* cực kỳ có ý nghĩa với tôi và bà nhà tôi vì vài năm trước, bà nhà tôi bị ung thư mắt và suýt chút nữa thì mất mạng, rất nặng. Các bác sĩ phẫu thuật đã cố gắng cứu sống bà ấy. Lúc đó tôi tự hỏi phải giảng gì vào đúng Chúa nhật mà bà ấy đang nằm viện và Chúa dẫn dắt tôi đến Thi Thiên 121, tôi phát hiện ra rằng mọi câu trong đó đều nói đến mắt. "Tôi ngước mắt lên trên núi." Nếu bạn đang đi lên Giê-ru-sa-lem mà làm thế thì sẽ rất nguy hiểm. Bạn sẽ ngã sấp mặt ngay vì đường sá toàn là đá và thậm chí khi trèo lên, bạn vẫn phải nhìn chằm chặp xuống dưới chân. Nhưng trước giả Thi Thiên lại nói: "*Con sẽ ngước mắt lên trên núi, xin Chúa hãy canh chừng chân con."* Rồi Thi Thiên đó nói Đức Giê-hô-va là Đấng gìn giữ Y-sơ-ra-ên, nhưng tiếng Hê-bơ-rơ không dùng từ gìn giữ mà dùng từ *mí mắt*, và dân sự Chúa là *con ngươi của mắt Ngài*, tức *tròng đen* của mắt bạn, nhìn giống như một trái táo. Đó là con ngươi của mắt, là bộ phận mỏng manh nhất trên cơ thể, và nếu ai chạm vào nó, mí mắt bạn - người gác cổng - sẽ nhắm lại và cả Thi Thiên này, tôi thấy rất thú vị khi giảng bài này vào ngày hôm đó. Một hai người trong đây có mặt tại đó, và tôi chỉ giảng về từng câu mà thôi. Bạn có thể bị mù vì mặt trăng cũng như mặt trời. Nếu bạn ngủ ngoài trời dưới trăng tròn, bạn có thể bị mù nên Đức Giê-hô-va là Đấng gìn giữ tôi và Ngài sẽ gìn giữ tôi khỏi mặt trời lúc ban ngày và khỏi mặt trăng lúc ban đêm.

Nên tôi đã giảng về điều này rồi mang băng ghi âm đến cho bà ấy trong bệnh viện, nhưng một cô gái, cô y tá mới tin Chúa được hai tháng còn nhanh hơn cả tôi. Cô bé qua chỗ vợ tôi và cho bà ấy một lời từ Chúa: *Bác sẽ ngước mắt lên trên núi*. Vài tuần sau, thậm chí không cần đeo băng, chúng tôi đã đến Canada và trèo lên dãy núi Rocky. Từ đó bà ấy không còn dấu vết gì của ung thư nữa, Chúa đã thương xót chúng tôi. Đó là một bài ca đi lên từng bậc, bài ca đi lên Giê-ru-sa-lem. *Tôi ngước mắt lên trên núi. Sự cứu giúp tôi đến từ đó, từ Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên trời và đất. N*ên đó là một chùm Thi Thiên cần được nghiên cứu cùng một lúc.

Chùm cuối cùng là từ 146 đến 150, tất cả đều là *những bài hát Hallelujah*. H*allele* - ngợi ca*, yah* - Yahweh. Hallel-jah, ngợi khen Đức Giê-hô-va. Đó là chùm *Thi Thiên Hallelujah ở* sau cùng. Nếu bạn biết bản *Thi Thiên 150* của Ishmael: "Hãy gảy đàn hạc mà ca tụng..." là một bài hát ngợi khen rất sống động dựa trên Thi Thiên này. Những phiên bản hiện đại của các Thi Thiên làm chúng ta có thể dễ dàng hát chúng lên.

Các kiểu Thi Thiên

Có nhiều *kiểu Thi Thiên*, nhưng chỉ xét đến ba kiểu: *Thi Thiên Cầu xin, Cảm ơn và Xin lỗi*, vì chúng có một hình thức cụ thể phù hợp với nội dung.

Thi Thiên Cầu xin thường được gọi là *Thi Thiên than thở*, đó là những bài ca buồn. Chúng là tiếng kêu từ trong lòng, xuất phát từ tấm lòng. Chuyện gì đó đã xảy ra khiến trước giả rất buồn lòng và ông kêu cầu trong sự buồn lòng đó. Có nhiều nỗi thương thân trong những bài Thi Thiên này, nhưng nó được chữa lành khi dâng lên cho Chúa, không còn mãi than thân trách phận: *"Chúa ơi, con thật đáng thương làm sao, con đang mất phương hướng."* Đôi khi trước giả Thi Thiên mất phương hướng vì bệnh tật, vì bị ốm nặng, bị kiệt quệ, bị đối xử không công bằng, bị bất công. Có cả những bài Thi Thiên về điều đó.

Các *Thi Thiên than thở* đều có hình thức giống nhau. Chúng có nhịp điệu chậm rãi, nặng nề, ở kiểu nhạc buồn, nhạc tang lễ. Có *năm phần* cầu xin: *kêu cầu Chúa, than phiền* về vấn đề, *xưng nhận sự tin cậy* rằng Chúa sẽ giải cứu, sau đó *cầu xin Chúa can thiệp*, và cuối cùng là lời *hứa nguyện ngợi khen*. Con hứa sẽ ngợi khen tôn vinh Ngài khi Ngài giải cứu con. Vì thế nên cần đến cả bài Thi Thiên, nếu chỉ trích vài câu sẽ không có đầy đủ *cấu trúc* có sự *tiến triển*, có sự *cân bằng* này. Chỉ lấy đoạn đầu thì sẽ đắm chìm trong than thân trách phận, và trước giả đã luôn kết thúc bằng câu nói: "*Bây giờ con không thể ngợi khen Chúa được, nhưng con hứa là ngay sau khi Ngài giải cứu con, con sẽ ngợi khen Ngài và con sẽ giữ lời."* Chúng ta *đâu cần phải ngợi khen Chúa vì mọi sự*, nhưng Kinh Thánh chép rằng *hãy ngợi khen Chúa trong mọi sự*. Tôi rất vui vì Kinh Thánh không nói rằng ngợi khen Chúa vì mọi sự. Có một số điều mà bạn không thể ngợi khen Chúa vì nó được, nhưng ít nhất thì bạn có thể hứa rằng khi mọi chuyện trở nên tốt đẹp hơn, bạn sẽ ngợi khen Ngài. Các *Thi Thiên than thở* thường kết thúc với một lời hứa nguyện như vậy.

Thi Thiên Cảm ơn. Phần lớn các bài Thi Thiên cá nhân đều than thở, nhưng nhiều bài *bày tỏ lòng biết ơn* được viết sau khi được giải cứu. Bạn có nhớ chuyện mười người phong hủi được Chúa Giê-su chữa lành, nhưng *chỉ một người chịu nói cảm ơn* không? Chúng ta thường tổ chức phần *cầu nguyện trước buổi lễ* hoặc buổi nhóm, nhưng tôi đến một hội thánh tại Nam Phi và thấy họ có phần *cầu nguyện sau buổi lễ*. Tôi thấy thật hay, và tôi hỏi: "Sao các anh lại tổ chức buổi cầu nguyện sau buổi nhóm?" Họ nói: "Chúng tôi muốn nói lời cảm ơn." Tại các buổi lễ hay nhóm họp chúng ta hay xin Chúa chúc phước cho buổi nhóm, xin Ngài ở cùng và làm điều này điều kia. Rồi ngay khi bài thánh ca cuối cùng kết thúc, chúng ta vội vàng nhanh chóng về nhà mà quên mất, nhưng hội thánh tại Nam Phi này luôn ở lại, và có đủ thời gian cầu nguyện tạ ơn sau buổi nhóm. Điều này đã dạy cho tôi một bài học, chúng ta quá quen cầu nguyện trước khi mọi thứ diễn ra mà không quen trở lại và nói: *Cảm ơn Ngài, Chúa ơi*.

Các bài *Thi Thiên Cảm ơn* lại cũng có một hình thức cụ thể: có *bốn điều* được nói tới trong mỗi bài.

Đầu tiên là *có lời công bố*. *Con sẽ ca ngợi*, rồi có một khẳng định về điều mà trước giả sẽ ngợi khen Chúa.. Hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Đức Giê-hô-va,. Chớ quên các ân huệ của Ngài.

Điều thứ hai là *có sự khẳng định*: Chính Ngài tha thứ các tội ác ngươi,. Chữa lành mọi bệnh tật ngươi Như vậy, câu đó khẳng định về điều mà ông muốn cảm ơn.

Điều thứ ba là có *lời chứng về sự giải cứu*, làm chứng là một điều tốt. Một trong những bài Thi Thiên là: Những người Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc khỏi tay kẻ thù. Hãy nói như vậy; Nếu Chúa đã ban phước cho bạn thì hãy nói như vậy, hãy chia sẻ điều đó với người khác. Lời chứng chính là như vậy, chính là điều mà chúng ta mới làm sáng nay.

Điều thứ tư luôn là *lời hứa nguyện ngợi khen* khác, hứa tiếp tục ngợi khen Chúa về những gì đã xảy ra.

Thi Thiên Ăn năn, Thi Thiên này không nhiều lắm. Thi Thiên *51* là rõ ràng nhất. Lại cũng có một *khuôn mẫu*, và thật cần khi đề cập đến khuôn mẫu nhân Thi Thiên này. Có một sự cân bằng và khuôn mẫu thờ phượng hay trong các bài Thi Thiên.

Trong thờ phượng, chúng ta có xu hướng không làm theo khuôn mẫu, nhưng khuôn mẫu là một điều tốt. Cần có sự cân bằng giữa hình thức và sự tự do. Hình thức quá sẽ thành kiểu cách, nhưng tự do quá lại thành lộn xộn. Tôi thấy Chúa có thể dùng chúng ta một cách tốt nhất khi chúng ta chuẩn bị kỹ càng, và cũng sẵn sàng bỏ đi mọi thứ mà mình đã chuẩn bị. Đó chính là lúc mà Chúa có thể thật sự dùng bạn. Nhưng nếu chẳng suy nghĩ gì cả và bảo rằng hãy cứ để Đức Thánh Linh ngẫu hứng trong sự thờ phượng thì thường là không ổn. Đôi khi làm vậy trong trường hợp khẩn cấp thì được, nhưng nếu lấy đó làm khuôn mẫu thờ phượng thông thường thì lại thành *chủ nghĩa nghi thức ân tứ* (charismatic ritualism).

Như vậy là cần có một hình thức, một cách thích hợp để nói cùng Chúa, và việc dùng Thi Thiên giúp chúng ta tự động phát triển một hình thức phù hợp. Giống như khi bạn học đàn piano: một-hai-ba, đồ-rê-mi-pha-sol-la-si-đô, abc vỡ lòng của âm nhạc, rất có chủ ý, rất máy móc, nhưng sau một thời gian, bạn thấy mình đàn mà không cần nghĩ, thế là bạn đã chơi được. Tôi tin rằng sự thờ phượng có thể giống như vậy. Bạn học hình thức một cách khá máy móc, nhưng cần có khuôn mẫu và rồi sẽ đến lúc bạn gần như không ý thức rằng mình đang dùng đến nó. Rõ ràng là khi Đa-vít viết những bài Thi Thiên này, ông gần như không ý thức rằng mình đang dùng một hình thức, nhưng bằng một cách nào đó, hình thức tạo ra sự cân xứng, đối xứng và đại loại như vậy.

Các Thi Thiên đặc biệt

Cuối cùng hãy xét đến các *phạm trù* hay loại *Thi Thiên đặc biệt*. Có bốn loại.

Thi Thiên Hoàng gia. Không có gì là lạ vì Đa-vít sáng tác từ đời thực. Ông là một *người chăn chiên*, nên ông đã viết rằng Đức Giê-hô-va là *Đấng chăn giữ tôi*, nhưng sau này ông cũng *lên ngôi vua*, nên ông đã viết về việc làm vua từ góc độ của người trong cuộc. Vậy là chúng ta có *Thi Thiên Đăng quang* trong Thi Thiên 2. Nhưng có một số Thi Thiên khác của ông mà *quốc ca nước Anh* đã phỏng theo. Nếu kết hợp tất cả các Thi Thiên Hoàng gia lại với nhau thì bạn sẽ thấy toàn bộ quốc ca Anh ở đó. *"Xin Chúa phù hộ cho Nữ vương nhân từ, xin ban cho Người chiến thắng."* Chỉ có một khác biệt duy nhất là nữ hoàng Anh *không phải là Nữ vương của dân Chúa*. Vì thế, xét trên một khía cạnh, một số điều mà bài quốc ca nói về bà là không thích hợp. E rằng *các nước khác* ngoài Y-sơ-ra-ên rất hay *nghĩ rằng họ là dân của Chúa*. Đã có lúc Hoa Kỳ nghĩ thế. Nhưng tôi e rằng có nhiều người nghĩ Anh Quốc cũng như vậy, thậm chí có một *giáo phái* gọi là *Chủ nghĩa Anh-Israel* (British Israelism), cứ như thể chúng ta đặc biệt lắm.

Tôi bảo này, nước Anh không có gì đặc biệt trong mắt Chúa đâu, và Ngài đang phán bảo điều này với chúng ta một cách rõ ràng nhất có thể. Chỉ có một dân tộc mà Chúa đã chọn làm dân Ngài và đó là Y-sơ-ra-ên, và chúng ta đừng bao giờ quên điều đó. Không có dân tộc đặc biệt nào khác. N*am Phi* nghĩ rằng họ đặc biệt và vin vào *cuộc đại di cư đến Transvaal*, họ tuyên bố rằng Xuất Ê-díp-tô Ký chỉ toàn nói về họ. Điều này *gần như trở thành một tôn giáo* và họ nghĩ như vậy, nên một dân tộc rất dễ nghĩ rằng họ là *dân tuyển của Chúa*. Không phải đâu, *chúng ta là dân ngoại*, đừng bao giờ quên điều đó. Chúng ta đã được tháp vào gốc gác Do Thái, *ngợi khen Chúa!* Nhưng chúng ta là dân ngoại, không phải một dân đặc biệt gì và những *Thi Thiên Hoàng gia* này là chỉ dành cho các vua Y-sơ-ra-ên.

Tuy nhiên, tất cả chúng ta sẽ được cai trị cùng với Đấng Christ, nên xét trên một khía cạnh, chúng ta có thể hát chúng. Có một Thi Thiên tuyệt vời về hoàng hậu. Bạn đã bao giờ đọc *Thi Thiên 45* chỉ toàn nói về hoàng hậu và bà có cảm giác mình không xứng làm vợ vua chưa? Nhưng bạn thì

cần phải cảm thấy như vậy vì *bạn là nàng dâu của Đấng Christ.* Người Anh nói chung thuộc hoàng tộc Anh Quốc, nhưng Cơ Đốc nhân người Anh sẽ đồng ngồi trên ngai với Chúa Giê-su, vậy thì hãy sống như hoàng thân, và kỳ vọng rằng hoàng thân phải trội hơn những người khác, chứ không mong rằng họ cũng có những vấn đề như mọi người. Nên hãy sống như hoàng thân.

Những Thi Thiên Hoàng gia này có nhiều điều để nói với chúng ta. Bạn có biết hình ảnh *sư tử và kỳ lân* là từ *Thi Thiên 22* mà ra không? Từ một trong những bản dịch Kinh Thánh tiếng Anh đầu tiên, trong đó *có sai sót về con kỳ lân,* vì kỳ lân không tồn tại, bạn biết đó. Nhưng ở Thi Thiên 22 trong bản dịch tiếng Anh thời đầu có sư tử và kỳ lân, *quốc huy của nước Anh từ đó mà* ra. Canada cũng từng nghĩ rằng họ cũng vậy, và bạn có biết tại sao đó là quốc gia duy nhất trên thế giới được gọi là *Quốc gia Tự trị Canada* không? Điều này dựa trên Thi Thiên 72, trong đó chép rằng *"Người sẽ cai trị từ biển nầy tới biển kia,"* rồi vì Canada trải từ Thái Bình Dương đến Đại Tây Dương nên họ nói chúng ta là *Quốc gia Tự trị* Canada. Rồi họ còn hiểu theo nghĩa đặc biệt này: *Chúng ta là quốc gia tự trị của Đức Chúa Trời*. Nhiều nước cũng nghĩ rằng mình là dân tuyển nên họ đã dùng Thi Thiên sai cách.

Nhưng tất nhiên, *Đa-vít là hình mẫu của một vị vua lý tưởng*. Ông là một người *theo lòng* hay *đẹp lòng Chúa*. Có thể ông đã phạm những sai lầm nghiêm trọng, nhưng ông vẫn là một người đẹp lòng Chúa. Thế nên từ đó trở đi, người Do Thái cứ tìm một con trai khác của Đa-vít.

Thi Thiên Tiên tri. Riêng đối với người Do Thái, Thi Thiên Hoàng gia *đã trở thành Thi Thiên về Đấng Mê-si-a,* hay *Thi Thiên Tiên tri*. Từ Hê-bơ-rơ *Messiah*, chúng ta thường phát âm là *Mê-si-a,* nghĩa là *"được xức dầu."* Tại lễ đăng quang của các vị vua Y-sơ-ra-ên, họ được *xức dầu như một biểu tượng của Đức Thánh Linh*. Các quốc vương và nữ hoàng Anh, *ở giữa lễ đăng quang* thường cử hành *lễ xức dầu,* họ được xức một loại dầu đặc biệt pha chế từ *24 loại dầu và thảo dược*. Sự thật thì đó là điều chỉ dành cho vua Y-sơ-ra-ên. Từ *"được xức dầu, Mê-si-a*" chỉ xuất hiện một lần trong cả Cựu Ước, *ở Thi Thiên 2.* Chúa phán: *"Đấng Được Xức Dầu của Ta, Vua của Ta tại Si-ôn. Ngài cười nhạo những kẻ nghĩ rằng họ có thể quăng xa xiềng xích của sự cai trị vua."*

Có 20 bài trong Thi Thiên Tiên tri được trích dẫn trong Tân Ước. Thật đáng kinh ngạc với những gì được *tiên tri về con Vua Đa-vít* trong những Thi Thiên này. Một số câu tiêu biểu:

Chúa sẽ công bố rằng người là con Ngài.
Chúa sẽ khiến muôn vật phục dưới chân người.
Chúa sẽ không để người thấy sự hư nát nơi mộ phần.
Người sẽ bị Chúa lìa bỏ, bị khinh bỉ, bị chế nhạo, tay chân người sẽ bị đâm thủng và áo xống người sẽ bị bắt thăm nhưng xương cốt người không hề bị gãy.
Người sẽ bị buộc tội bởi những lời chứng dối.
Người sẽ bị ghen ghét vô cớ.
Người sẽ bị một người bạn phản bội.
Người sẽ bị cho uống giấm và mật đắng.
Người sẽ cầu nguyện cho kẻ thù mình.
Chức vụ của kẻ phản người sẽ được giao cho người khác.
Kẻ thù người sẽ ở dưới bệ chân người.
Người sẽ là thầy tế lễ theo Ban Mên-chi-xê-đéc. Người sẽ làm đá góc nhà và là Đấng nhân danh Đức Giê-hô-va mà đến.

Tất cả những điều tôi vừa trích dẫn là từ các Thi Thiên tiên tri về Đấng Mê-si-a. *Đa-vít tự gọi mình là một tiên tri* vì ông có thể thấy một người khác. Thật đáng kinh ngạc khi Đa-vít có thể dự phần với những đau đớn của Chúa Giê-su trên thập giá khi ông chưa từng trải những điều đó. Không có ai đâm thủng tay và chân Đa-vít, không có ai bắt thăm để chia áo xống ông, thế mà trong Thi Thiên 22, dòng đầu ghi là *Chúa con ơi, Chúa con ơi, tại sao vậy?, "Ê-li, Ê-li, lam-ma-sa-bách-ta-ni?"* Sao Ngài lìa bỏ con? Còn nữa, "Chúng đâm thủng tay và chân con." Và một trong những từ *"Ta Là"* vĩ đại nhất của Chúa Giê-su bắt nguồn từ Thi Thiên đó: "Ta là một con trùng." Và những *"Ta là"* khác: "Ta là sự sống lại và sự sống, Ta là Bánh từ Trời, Ta là một con trùng, Ta bị đối xử như một con trùng." *Đó là sự tiên tri*. Đa-vít, bởi Thánh Linh đã thấy được con mình, hậu duệ của mình phải trải qua những điều khủng khiếp: bị bạn mình phản bội, bị người ta lột sạch quần áo để bắt thăm, bị đâm thủng tay chân, bị chế giễu và cười nhạo: *"Hãy để Chúa giải cứu nó đi!"* Tất cả đều ở đó, *Thi Thiên Tiên tri*. Thi Thiên về Đấng Mê-si-a hướng đến một người phải trải qua những điều mà Đa-vít chưa từng trải qua.

Thi Thiên Khôn ngoan. Những bài này bắt nguồn từ dạng cuộc sống yên bình hơn nhiều. Chúng là kết quả của sự suy ngẫm và tĩnh nguyện, giống với sách *Châm Ngôn* hơn, chúng đầy sự khôn ngoan thực tế cho cuộc sống và chúng ta nên hát những bài ca khôn ngoan. Chúng không dành cho khủng hoảng mà để lưu lại sự khôn ngoan trong tâm trí chúng ta. Kinh Thánh sẽ không làm bạn thông minh, nhưng Kinh Thánh sẽ khiến bạn khôn ngoan. Bạn thích cái nào hơn? Tất nhiên là bạn sẽ kiếm nhiều tiền hơn nếu thông minh, nhưng bạn sẽ sống trọn vẹn hơn nếu khôn ngoan. Nên Kinh Thánh là để khiến chúng ta nên khôn ngoan chứ không phải thông minh. Nhiều sách khác làm bạn thông minh, nhưng chỉ một sách khiến bạn khôn ngoan.

Trong Kinh Thánh, *sự khôn ngoan liên quan chủ yếu đến hai điều*. Một là *cách hành xử trong cuộc sống* và hai là *những mâu thuẫn trong cuộc sống. S*ự khôn ngoan luôn nghĩ về những điều này.

Đầu tiên là *cách hành xử trong cuộc sống*: sách Thi Thiên bắt đầu bằng một bài Thi Thiên khôn ngoan nói rằng *có hai con đường*. Bạn có thể đi *con đường của kẻ vô đạo*, hoặc bạn có thể đi *con đường của người khôn ngoan*. Bạn có thể là một kẻ ngốc, hoặc bạn có thể khôn ngoan. Cũng giống như Chúa Giê-su kết thúc Bài giảng trên Núi bằng hai con đường, *đường khoảng khoát* dẫn đến sự hủy diệt và *đường hẹp* dẫn đến sự sống. Sách Thi Thiên *mở đầu với hai con đường*, từ đó nói rằng tập bài hát này chỉ dành cho những người bước đi đúng đường, không dành cho những người ngồi, đi hoặc đứng với kẻ làm ác. Đó là *ba động từ* thú vị, *đừng đi* với kẻ xấu, *đừng đứng* với kẻ xấu và *đừng ngồi* với kẻ xấu. Ở đây có sự tăng tiến, bạn có biết điều đó nghĩa là gì không? Nếu bạn đi cùng ai đó thì bạn sẽ tán gẫu và cóp nhặt điều gì đó từ họ. Nếu bạn đứng lại với họ thì mối quan hệ trở nên sâu sắc hơn. Nếu bạn ngồi với họ tức là các bạn đã trở thành bạn bè. Kinh Thánh nói rằng *đừng đi, đứng hoặc ngồi* trong đường tội nhân, vì có lẽ bạn bè là những người ảnh hưởng nhiều nhất đến đời sống bạn. L*ựa chọn bạn bè* có lẽ *là lựa chọn quan trọng nhất*. "Bạn bè xấu làm hư tính nết tốt," Phao-lô nói như vậy. Đó là cách hành xử trong cuộc sống.

Thứ đến là những *mâu thuẫn trong cuộc sống*. Thi Thiên *73* là một Thi Thiên kinh điển về mâu thuẫn của cuộc sống. *Mâu thuẫn lớn nhất của cuộc sống là gì?* Đó là: "Người xấu thoát tội còn người tốt phải chịu khổ." *Thi Thiên 73* đối mặt với vấn đề này một cách trực diện. Trước giả nói: "Con giữ lòng tinh sạch là vô ích. Thật phí thời gian khi cố gắng sống tốt." Tại sao? Ông nói rằng: "Kẻ ác được qua đời bình an trên giường mình, chúng kiếm nhiều tiền, chúng thoát tội, chúng không bị bắt quả tang, và chúng sống hạnh phúc." Vấn đề đó đã bao giờ ghé thăm bạn chưa? Mấy người hàng xóm của

bạn chẳng quan tâm mấy đến Chúa, thậm chí không cần cố sống cho có vẻ tin kính, nhưng họ được tận hưởng cuộc sống và thật khó để cải đạo cho họ. Họ hơn chúng ta quá nhiều, bạn có thấy vấn đề không?

Và trước giả Thi Thiên nói: "Con thấy phiền lòng cả ngày, đêm con không ngủ được. Con cố gắng sống cho ngay thẳng nhưng quả là một trận chiến, Chúa ạ. Rồi con nhìn những người hàng xóm vô tín kia, họ lại quá hạnh phúc, toại nguyện, họ sống đến già và khá hạnh phúc." Đó đúng là một vấn đề. Nhưng *ông đã giải quyết nó*: "Rồi con vào đền thờ và con thấy kết cục của chúng. Ôi, Ngài đã đặt chúng ở nơi trơn trượt, Chúa ạ, và chúng sẽ rơi vào cảnh diệt vong đời đời, còn con - sau này Ngài sẽ tiếp rước con trong vinh quang," ông nói vậy. Đó là một trong số ít bài Thi Thiên *nhắc đến sự sống đời sau.* Vì *niềm tin vào sự sống đời sau* trong Cựu Ước không được mạnh lắm, thi thoảng mới xuất hiện thôi. Nhưng ông nói: "*Khi cân nhắc đến đời sau thì con không ghen tị với chúng nữa."* Đó là *cách giải quyết mâu thuẫn*, và giải quyết rất khôn ngoan. Nếu anh chỉ nghĩ đến đời này thôi thì đời trở nên bất công lắm.

Một trong những điều đầu tiên mà lũ trẻ biết nói là "Thật không công bằng." Nếu bạn sống trên đời và nói rằng "Thật không công bằng" thì nó sẽ thể hiện trên mặt bạn. Tất cả những *người trên 40 tuổi* đều phải trả giá bằng *bộ mặt* của mình. Một số người có thể cười, nhưng đúng là những người khác không thích những gì mình thấy trong gương. Nếu chưa đến 40 tuổi thì bạn chưa đẹp, trước đó chỉ là sự hào nhoáng thôi. Một mục sư giám lý tên Bác sĩ Sangster đã *tổ chức một cuộc thi sắc đẹp* khiến cả hội thánh ngã ngửa. Cuộc thi *có một điều kiện*: Mọi người phải từ 60 tuổi trở lên, vì ông đang cố gắng nêu lên rằng vẻ đẹp thật sự là một điều *thuộc về nửa sau của cuộc đời.* Trong nửa đời trước, bạn có gương mặt mà tự nhiên đã ban cho, và *ở nửa sau* bạn có gương mặt mà *chính mình tạo ra.* Cứ sống mà nói "Thật không công bằng" đi.

Tôi nhớ là người ta từng nhờ tôi đến thăm bệnh viện ở khu tôi ở. Họ bảo là "Có người muốn tìm *linh mục*." Tôi bảo: "Nhưng tôi là *mục sư*." Họ bảo cũng được. Nên tôi đến và thấy một người đang nằm trên giường. Tôi hỏi: "Có phải ông muốn nói chuyện với linh mục không, sao vậy?" Ông ta nói: "Sao Đức Chúa Trời lại làm thế này với tôi?" Tôi hỏi: "Ý ông là sao, Chúa làm gì ông?"- "Ôi tôi đang phải nằm viện đây." Tôi hỏi: "Ông chưa từng đi viện à?" Ông ta đáp: "Chưa hề, tôi đã sống một cuộc đời ngay thẳng." Tôi hỏi: "Ông bao tuổi rồi?"- "96 tuổi!" Ông ta đã ở đó, xung quanh toàn là những y tá xinh đẹp, phục vụ ông ta đến tận răng, ai cũng muốn được như vậy, thế mà ông ta lại kêu "Sao Chúa lại làm thế này với tôi?"

Các bạn cười ông ấy, nhưng bạn có biết không, nhiều người cả đời chỉ nói "thật không công bằng." Họ nói thế vì tầm nhìn của họ chỉ giới hạn ở đời này. Nhưng khi xét đến đời sau, liệu bạn có đổi chỗ với họ không, liệu bạn có thực sự muốn được sống như họ không? Họ đang ở nơi trơn trượt. "*Khi con hiểu được sự cuối cùng của chúng"* - ông nói, và ông đã không hiểu kết cục của chúng cho đến khi ông đến đền thờ và bắt đầu nghĩ về những điều vĩnh cửu. Thấy không ạ? Khi ông ở trong cuộc sống đời thường và chỉ nghĩ về đời này, ông nói rằng "thật không công bằng." Nhưng khi ông đến đền thờ và nhìn thấy tương lai thì mọi thứ đã thay đổi. Chúng ta cần những Thi Thiên Khôn ngoan nhẹ nhàng và cả những bài cho cơn khủng hoảng.

Thi Thiên nguyền rủa. Trong các Thi Thiên, đầy những đoạn như thế này:

> Lạy Đức Giê-hô-va, lẽ nào con không ghét những kẻ ghét Chúa?
> Nguyện sự gian ác của kẻ nói xấu con

Đổ lại trên đầu chúng!
Nguyện than lửa đỏ đổ trên chúng!
Nguyện chúng bị quăng vào lửa,
Trong vũng lầy, không ngóc đầu lên nổi!
Nguyện xương chúng gãy đi, xin bẻ răng chúng đi.

Toàn là những điều kinh khủng, nhưng một trong những bài nổi tiếng nhất là Thi Thiên mà họ đã sáng tác tại Ba-by-lôn mà mọi người lại không hát.

Chúng tôi đang ngồi bên bờ sông Ba-by-lôn,
Nhớ về Si-ôn và khóc. Chúng tôi treo đàn hạc của chúng tôi
Trên cành dương liễu bên sông ấy.
Vì ở đó những kẻ bắt chúng tôi làm thân lưu đày
Bảo chúng tôi ca hát;
Kẻ ngược đãi chúng tôi bắt chúng tôi phải hát vui vẻ;
Chúng bảo: "Hãy hát cho chúng ta một bài ca của Si-ôn đi!"
Trên đất ngoại quốc,
Làm sao chúng tôi hát được bài ca của Đức Giê-hô-va?
Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta quên ngươi,
Nguyện tay phải ta quên năng lực nó đi!
Nếu ta không nhớ đến ngươi,
Chẳng coi Giê-ru-sa-lem là niềm vui tuyệt đỉnh của ta,
Nguyện lưỡi ta dính vào vòm miệng!
Lạy Đức Giê-hô-va, xin nhớ những gì con cháu Ê-đôm đã làm;
Trong ngày Giê-ru-sa-lem thất thủ,
Chúng reo lên: "Hãy phá hủy! Hãy phá hủy! San bằng cho đến tận nền nó đi!"
Hỡi con gái Ba-by-lôn, kẻ phải bị hủy diệt!
Phước cho kẻ báo trả ngươi
Tùy theo điều ác mà ngươi đã làm cho chúng ta!
Phước cho người bắt con nhỏ ngươi,
Và đập nát chúng trên đá!

Ôi thật là khó nuốt đúng không? Hết bài này đến bài khác như vậy. Các bài Thi Thiên nguyền rủa, trái ngược với tinh thần Cơ Đốc. Ở đây không có sự tha thứ. Trước giả còn chẳng buồn xin Chúa tha thứ cho những gì mình nói. Liệu Cơ Đốc nhân có thể dùng những Thi Thiên này không? Chúng ta nói gì về tất cả những điều này? Có thể nói tới *sáu điều.*

Một là, hãy nhớ rằng người Do Thái chỉ có Cựu Ước, họ không có Tân Ước và mọi ý nghĩa trong đó. Nên đừng mong là Cựu Ước mang lại cảm giác Cơ Đốc trọn vẹn. Đó là điều đầu tiên mà tôi muốn nói. Nếu không chúng ta sẽ rơi vào chủ nghĩa xét lại, họ không biết về Đấng nói rằng *"Xin tha cho họ vì họ không biết mình làm điều gì..."* Những Thi Thiên này được viết trước thời Chúa Giê-su. Chúng ta cần nhớ điều đó.

Hai là, ít nhất thì chúng *cũng nói thật,* và đó là một điểm cộng trong sự cầu nguyện. Nếu bạn cảm thấy như vậy thì hãy nói với Chúa như vậy. Cảm thấy một đằng mà nói một nẻo thì cũng tệ không kém, thực ra là còn tệ hơn vì bạn đang cố gắng giấu Chúa.

Tôi nhớ đến một người phụ nữ đáng mến bị tai nạn xe hơi rất khủng khiếp, và suốt 20 năm sau lúc nào bà cũng thấy đau đớn, đau đớn kinh khủng, bà bị tật rất nặng, chỉ có thể đi loạng choạng bằng nạng. Một đêm nọ, quá ngấy ngán cảnh này đến nỗi bà vừa đi vào phòng ngủ vừa nguyền rủa Chúa vì để bà đau đớn. Nguyền rủa Chúa theo đúng nghĩa đen và bà bị vấp vào tấm thảm chùi chân và ngã vào giường, không biết là mình bị ngất hay bị đập đầu tới bất tỉnh, nhưng bà đã bất tỉnh trong nhiều giờ. Khi tỉnh dậy thì trời đã sáng, mặt trời qua cửa sổ chói thẳng vào mắt bà. Bà cứ nghĩ là mình đã chết và đang đối mặt với Chúa. Bà rùng mình nhớ ra là mấy lời cuối cùng mình nói lại là nguyền rủa Chúa. Bà đã chuẩn bị tinh thần xuống địa ngục vì chuyện này rồi. Xong bà nhận ra là "À, đấy là ánh nắng, đây là phòng ngủ của mình, mình vẫn sống." Thế là bà thở phào nhẹ nhõm. Rồi bà chợt nhật ra: *Ô, mình không còn đau nữa!* Bà nhảy ra khỏi giường và *được lành hoàn toàn,* bà có thể cử động cả hai tay hai chân, không đau gì nữa. Bà lao ra đường và kể cho mọi người trên đường. Bà vào siêu thị và kể cho mọi người trong siêu thị: "*Tôi đã nguyền rủa Chúa, hãy xem Ngài làm gì với tôi này!"* Đừng có mà bắt chước bà ấy, nhưng Chúa quá là ân điển! Nhưng bà đã thành thật với Chúa, bà đã cảm thấy như vậy.

Về phần tôi, khi tôi đọc những Thi Thiên nguyền rủa này, tôi thấy cảm tạ Chúa vì sự thành thật của những người này. Họ có nói với Chúa *cảm xúc thật* của mình, và *có phần thưởng cho sự thành thật* với chúa. Đừng cố giấu cảm xúc của bạn với Ngài, thậm chí nếu bạn cảm thấy ghê tởm Ngài thì cứ bảo thế. Để tôi cảnh báo nhé: Bạn sẽ không bao giờ cãi nhau với Chúa mà thắng được đâu, khi nghiên cứu đến Ha-ba-cúc bạn sẽ thấy điều đó. Nhưng ít nhất là bạn có thể tranh luận với Ngài, Ngài không ngại đâu, nhưng bạn sẽ không thắng được.

Ba là, tôi muốn nói với bạn là: *kẻ thù của họ cũng là kẻ thù của Chúa*. Đó là điều quan trọng, họ không chỉ cầu nguyện để báo trả những kẻ thù của mình, nhưng Đa-vít luôn nói rằng: "*Kẻ thù của con là kẻ thù của Ngài, Chúa ơi. Thực ra là chúng đang chống lại Ngài vì con là vua và con ghét chính kẻ thù của Ngài, không chỉ là của con mà còn là của Ngài."* Tất nhiên, đối với chúng ta, kẻ thù của Chúa không phải là thịt và máu, kẻ thù của Chúa là *các quyền thống trị và thế lực mờ tối*. Hy vọng là các bạn ghét chúng, hy vọng là các bạn ghét ma quỷ với lòng căm thù sâu sắc vì nếu thật sự yêu Chúa thì bạn sẽ ghét điều ác. C*ó chỗ cho lòng căm thù trong đời sống Cơ Đốc*. Chúng ta nghe rất nhiều đến tình yêu thương, nhưng có chỗ cho lòng căm thù. Bạn có ghét những kẻ ghét Chúa không? Vâng, họ đã làm như vậy.

Bốn là, hãy nhớ rằng họ không có hiểu biết rõ ràng về sự sống đời sau, họ không biết về Ngày Phán xét, về thiên đàng và địa ngục như chúng ta; vì thế, xét trên một khía cạnh, họ phải cầu nguyện xin Chúa trừng phạt kẻ ác trên thế giới này. Họ chủ yếu nhìn về sự sống đời sau theo hướng là mọi người đều đến cùng một chốn: Âm phủ, một dạng phòng chờ trong nhà ga không có tàu đến, một dạng tồn tại không thực - Âm phủ. Nên họ phải cầu nguyện để Chúa minh oan cho mình trong đời này. Thế nên họ mới cầu nguyện để Chúa trừng phạt thân thể của kẻ ác trong đời này, họ đang kêu cầu Đức Chúa Trời tốt lành thi hành công lý.

Năm là điều cực kỳ quan trọng, trong mọi trường hợp *họ không tự mình trả thù* mà để đó cho Chúa. Đó cũng là sự dạy dỗ tốt đẹp trong Tân Ước. Phao-lô nói trong *Rô-ma 12* rằng: "Anh em đừng tự báo thù, hãy để Chúa làm điều đó. Ngài sẽ báo trả kẻ ác, anh em không cần làm như vậy*."* Và trong tất cả những lời cầu nguyện này, họ không hề bày tỏ mong muốn tự mình trừng trị kẻ ác. Trong mọi trường hợp, họ đều nói: "*Chúa ơi, Ngài hãy làm điều đó đi."* Và khi bạn cảm thấy như vậy, hãy để

đó cho Chúa, Ngài sẽ báo trả tất cả những ai làm hại bạn vì Ngài đã ghi lại hết rồi, bạn không cần làm thế. Theo tôi thì điều đó rất quan trọng.

Cuối cùng là điều muốn nói rằng *Tân Ước không hề khác Cựu Ước*. Có những lời cầu nguyện tương tự trong Tân Ước. Trong sách *Khải Huyền*, linh hồn của những người tử vì đạo trên thiên đàng cầu nguyện rằng: "Lạy Chúa, còn bao lâu nữa Chúa mới báo thù cho máu chúng con?," không khác gì những lời cầu nguyện trong *Thi Thiên*, trong Tân Ước đấy, trên thiên đàng đấy. Những Cơ Đốc nhân tử vì đạo đang cầu nguyện, một lần nữa, họ đang trông đợi Chúa thực thi công lý và mang lại công lý, đó là điều đáng làm.

Tôi thấy không gặp vấn đề gì với những bài Thi Thiên này. Ta có thể dùng chúng. Nhưng phải dùng chúng với đúng tinh thần không cốt để báo thù cá nhân, mà thưa rằng: "*Chúa ơi, xin hãy thực thi công lý, Ngài hãy làm điều đó."* Và chúng ta biết rằng sẽ có ngày Chúa làm điều đó, sẽ có ngày phán xét, sẽ có ngày mọi điều sai trật được sửa cho đúng, sẽ có ngày mọi tội lỗi sẽ bị trừng phạt, và người công chính sẽ được minh oan. Những người tử vì đạo sẽ ngồi trên chính những ngai đã kết án tử hình họ. Nên tôi không hề thắc mắc, rõ ràng là trong *vũ trụ đạo đức* này, công lý sẽ thắng thế và chúng ta sẽ thấy nó được thực thi.

Cách nhìn về Chúa của các Thi Thiên

Các Thi Thiên đặc biệt *quân bình trong cách nhìn* về Chúa, trong thần học của các Thi Thiên, chúng cân bằng giữa *thuộc tính* và *hành động* của Ngài, cân bằng giữa *bổn tính* và *công việc* Ngài, cân bằng giữa *công cuộc sáng tạo* và *sự cứu rỗi*, đó là sự quân bình mà chúng ta cần giữ. Chúng cho ta biết rằng Đức Chúa Trời là *Đấng chăn chiên,* là *chiến binh,* là *Đấng phán xét, là Cha,* trên hết *là Vua*. Ở Thi Thiên chúng ta có một cách nhìn cực kỳ đầy đủ và quân bình về Đức Chúa Trời.

Cách sử dụng Thi Thiên trong thời đại ngày nay

Chúng ta có thể sử dụng Thi Thiên *một cách riêng tư*, cố gắng đọc nó mỗi ngày một bài. Có những bài Thi Thiên để bạn đọc trước khi đi ngủ. Hãy dùng chúng cách công khai, học cách dùng Thi Thiên theo cả bài chứ không chỉ những mẩu nhỏ. Vì mỗi bài Thi Thiên được định để làm một hành động cầu nguyện hoặc ngợi khen hoàn chỉnh. Tôi nghĩ những bản dịch hiện đại, như bản mà chúng ta vừa hát "Chúa nơi nương náu và sức mạnh tôi," giúp chúng ta thật sự hòa cùng các bài Thi Thiên, hiện nay có nhiều bài ở dạng đó.

Chúng ta có thể *học giáo lý qua sự ca hát*. Điều chúng ta tin có liên hệ mật thiết với các bài hát của chúng ta. Tất nhiên là chúng dành để hát lên, như *Điệu Si-ghi-ô-nốt* (Shigioneth)[15] là một trong số đó. Tôi không biết từ đó nghĩa là gì. Tôi đã nói rằng chính từ *Thi Thiên* cũng chỉ nghĩa là *"tưng tưng,"* nó liên quan đến các nhạc cụ dây và nhạc cụ hơi. Có chỉ dẫn âm nhạc cho nhạc trưởng trong khoảng 55 bài. S*ê-la*, theo tôi thì nó nghĩa là tạm dừng, hoặc lên tông, hoặc hát to hơn, hoặc bây giờ có thể cất giọng một cách tự nhiên, tôi thật sự không biết từ đó có nghĩa gì. Tôi sẽ tìm hiểu khi về nơi vinh hiển, nhưng thế thì lại muộn quá. Không, chúng ta sẽ hát tại đó. Bạn đã bao giờ để ý xem có bao nhiêu lời hát trong sách cuối cùng của Kinh Thánh chưa? Sách đầy âm nhạc, đầy sự ca hát, và *thiên đàng chắc chắn sẽ là một nơi để ca hát*, dù chúng ta có làm những điều khác nữa.

Để tôi giúp các bạn tránh khỏi hiểu lầm. Nơi đó sẽ *không phải là một buổi nhóm sáng Chúa nhật đời đời* đâu. Tôi nghĩ phần nhiều Cơ Đốc nhân *nghĩ rằng thiên đàng sẽ là một buổi nhóm sáng Chúa nhật dài vô tận*, mỗi bài phải hát cả 17 triệu lần. Nói thật nhé, nếu thiên đàng mà như vậy thì tôi cũng không thích đi đâu. Nhưng không, *sẽ có việc để làm*, *sẽ có cả một vũ trụ mới để khám phá*, đủ thứ sẽ diễn ra. Trên đó thậm chí sẽ thú vị hơn thế giới này nhiều, tốt hơn nhiều. Nhưng *ca hát sẽ trở thành một phần trong đó* và âm nhạc của thiên đàng sẽ là một trong những đặc điểm hấp dẫn nhất. Vì thế, mỗi khi chúng ta thật sự hát những bài Thi Thiên này, đó có thể là chút *hương vị của vinh quang*, có thể là *một chút thiên đàng ngự xuống.* Mỗi khi chúng ta hát, bạn biết là các thiên sứ hát cùng với chúng ta. Bản thu âm ở nhà tôi có tiếng của các thiên sứ hòa cùng với một nhóm giới trẻ hát Hallelujah và các thiên sứ có hát cùng chúng ta. Chúng ta đang tham gia vào một *vòng ngợi khen không ngớt* và vòng quanh thế giới suốt mỗi 24 giờ. Có một vòng ngợi khen trong việc ca hát cho Chúa và chúng ta trở thành một mắt xích nho nhỏ trong đó mỗi khi ca hát. Nó vang lên không ngớt, và Chúa có thể nghe được điều này. Nó không chỉ tiếp diễn trên đất, sách Khải Huyền chép rằng điều đó sẽ tiếp diễn trên thiên đàng. Lúc nào cũng vậy: *Chúc cho Đấng Ngồi Trên* Ngai *được vinh quang, tôn trọng, oai nghi, ca ngợi, tể trị và quyền năng.* A-men.

SÁCH CHÂM NGÔN - Phần 1

Châm Ngôn được viết thế nào?

Châm Ngôn là một sách thật lạ khi được đưa vào Kinh Thánh, nên một phần trong Lời Ngài. Khi mới đọc, người ta có cảm tưởng như đó là một mớ tục ngữ dân gian hoặc chỉ là những điều muôn sự lẽ thường, tuy không đến nỗi tầm thường. Có những nhận xét hài hước thật sự khiến người đọc phải bật cười. Cũng thấy chúng có vẻ không thuộc linh lắm, sách không nói về nếp sống đạo riêng tư hay trước hội chúng. Có sự thật hiển nhiên: "Sự suy sụp là thảm cảnh của kẻ nghèo nàn," tưởng như ai chẳng nói được như thế. "Lòng vui mừng làm cho vẻ mặt hân hoan," ai mà chẳng biết cả rồi.

> "Thà ở một góc trên mái nhà Còn hơn là ở chung nhà với người đàn bà hay tranh cạnh."
>
> "Kẻ nổi giận về cuộc tranh cãi không liên quan đến mình khác nào người nắm tai của con chó chạy rông."

Đó là một nhận xét sâu sắc và nhiều câu có vẻ mang tính *giải trí* nhiều hơn là *khai trí* và thực chất, một số câu *có vẻ vô đạo đức*. Câu này thì sao:

> "Của hối lộ giống như viên ngọc thần Nó sẽ dẫn người đến trước mặt kẻ quyền thế."

Tiếc là nhiều bản lại dịch là "Tặng vật của một người dọn đường cho người ấy," và chúng ta gắn cho nó giọng điệu mỹ miều và một ý nghĩa thuộc linh đẹp đẽ. Nhưng thực chất chỉ nghĩa là đưa tiền, nhờ đó mà đạt được mục đích. Đúng thì đúng đấy, nhưng có hợp đạo đức không? Nhiều câu từ sách này đã được đưa vào tiếng Anh thông dụng.

> "Yêu cho roi cho vọt" "Hy vọng quá lâu, lòng đau như cắt." "Kiêu ngạo đi trước, bại hoại theo sau." "Bánh ăn vụng ngon thay!" "Sắt mài nhọn sắt."

Nhiều người đã dùng chúng mà không hề biết chúng từ đâu ra. Còn thấy nhiều kiểu người khác nữa: người đàn bà lắm mồm quá, bà vợ luôn la lối, gã trai trẻ vô định quanh quẩn nơi đầu đường xó chợ, bác hàng xóm ghé chơi luôn và ngồi lại quá lâu, anh bạn vô duyên mở mắt ra đã huyên thuyên. Bạn nhìn thấy đủ kiểu người trong đây, nhưng bạn *có nhìn thấy chính mình* không? *Đó là chìa khóa* để đọc sách Châm Ngôn. Như Gia-cơ nói: "Đọc Kinh Thánh như soi gương, nhưng nếu soi xong rồi quên mất thì cũng chẳng ích gì."

Ít nhất thì sách cũng nói đến cuộc sống như nó vốn có. Đây không phải là cuộc sống trong hội thánh, đây là cuộc sống nơi đường phố, nơi công sở, nơi hàng quán, nơi nhà riêng. Sách *thật sự* nói rằng *sự tin kính được rèn tập trong đời thực* chứ không chỉ là điều bạn làm vào các Chúa nhật trong hội thánh. Đó là cách để bạn sống suốt cả tuần trong mọi tình huống. Ở đây có 900 câu châm ngôn và chúng bao trùm toàn bộ đời sống, bao trùm mọi chủ đề: khôn ngoan và ngu dại, kiêu ngạo và khiêm nhường, tình yêu và lạc thú, giàu và nghèo, khi làm việc và lúc rảnh rang, chủ và tớ, vợ và chồng, bạn bè và họ hàng, sự sống và cái chết... Tôi luôn thấy buồn cười với cụm từ *"bạn bè và họ hàng,"* hãy nhớ lại khi lập danh sách mời cưới, bạn sẽ chia ra bạn bè, họ hàng. Một bên là những người bạn *phải mời*, còn bên kia là những người bạn *muốn mời,* cứ như kiểu họ hàng không thể là bạn được ấy. Nên Châm Ngôn là một sách rất thiết thực.

Nhưng sách lại *không mang tính tôn giáo*, không có các thầy tế lễ trong sách, và không có các tiên tri, có nhắc tới vài vị vua. Chúng ta gọi đây là *đời sống thế tục,* có điều *từ này rất nguy hiểm*. Nó không nằm trong Kinh Thánh, đừng bao giờ dùng nó, tuy rằng tôi đã nghe thấy nó được dùng trong các cuộc trò chuyện, nhóm họp. K*hông có gì là thế tục, trừ tội lỗi trong mắt Chúa*. Chính người Hy Lạp đã chia đời sống ra *điều thánh* và *điều thế tục*, một việc rất nguy hiểm. Đừng bao giờ nói rằng bạn làm một *công việc thế tục*, vì làm như thế theo tư duy Kinh Thánh là bạn đang làm một *công việc tội lỗi*, mà tội lỗi thì chớ có tham gia vào. Mọi việc con người làm ở đời thường đều là thánh với Chúa, nghề của bạn là thánh, dù bạn có sửa máy tính, lái taxi hay làm nhà giảng đạo. Chúa thà có một anh lái taxi tốt còn hơn là một nhà giảng đạo tồi. Mọi công việc đều ngang hàng nhau trước Chúa. Nên hãy loại bỏ cách tư duy cho rằng *cuộc sống gồm hai ngăn, ngăn thánh và ngăn thế tục*! Sách Châm Ngôn dạy chúng ta sống nên thánh giữa thế gian, và khiến thế gian nên thánh luôn.

Chúa quan tâm đến mọi phần của cuộc sống, vì vậy sách này nói đến cách sống của chúng ta trong hầu hết mọi khía cạnh, không chỉ trong hội thánh. Ta gọi *đó là chìa khóa mở ra cuộc sống tươi đẹp*. Cuộc sống tươi đẹp là gì? Có một chương trình hài kịch "Cuộc sống Tươi đẹp" đưa ra một cách hiểu về điều đó. Nhưng Kinh Thánh đưa ra cách hiểu khá khác. Thường thì người thế gian nói đến *cuộc sống tươi đẹp ở góc độ vật chất*, còn Kinh Thánh *nói đến góc độ đạo đức*. Trong Kinh Thánh, *sự ngu dại* và *sự khôn ngoan không phải trong tâm trí mà trong đạo đức*. Nói một cách đơn giản, sách này nói đến *cách tận dụng cuộc sống* cũng như *cách phí phạm nó*. Kẻ ngu dại ném đời mình đi, còn người khôn ngoan dùng nó cho hiệu quả. Khi đi đến cuối đời và nhìn lại, liệu bạn sẽ cảm thấy mình đã lãng phí cuộc đời hay tận dụng được nó?

Điều này cực kỳ quan trọng vì chúng ta cực kỳ dễ phí phạm cuộc đời - và chúng ta chỉ có một cơ hội duy nhất. Chúng ta chỉ có một cơ hội trong cuộc sống, làm gì có cơ hội thứ hai. Chúng ta chỉ có một cuộc đời. Bạn chỉ có một cơ hội tận dụng ngày hôm qua và không phí phạm nó. Bạn chỉ có một cơ hội tận dụng ngày hôm nay và không phí phạm nó, bạn không bao giờ lấy lại được ngày hôm đó. Ông bố tôi thường bảo chúng tôi khi còn nhỏ rằng: "Đời quá ngắn để phí phạm chỉ một khoảnh khắc, nhưng đủ dài để sống theo mục đích mà Chúa định cho nó." Cuốn sách nói về điều đó, đừng làm một kẻ ngu dại ném đời mình đi và phí phạm nó, để rồi đến cuối đời, bạn cảm thấy mình cứ đi lòng vòng, lên chỗ nào thì xuống đúng chỗ ấy và đánh mất đời mình. Nhưng hãy đi đến cuối đời, nhìn lại và nói được: *"Tôi đã tận dụng toàn bộ đời sống mình. Tôi đã hoàn tất những gì Chúa muốn làm trên nó."*

Nhờ thế chúng ta đã gọi một số sách trong Kinh Thánh là *"văn chương khôn ngoan"* và Kinh Thánh *khiến chúng ta nên khôn ngoan*. Kinh Thánh không khiến bạn thông minh, khôn khéo, được yêu thích, nổi tiếng, hay giàu có, nhưng có thể khiến bạn nên khôn ngoan. Thế nên Chúa mới ban cho chúng ta sách này. Một số sách Cựu Ước như Châm Ngôn, hoặc trong Tân Ước có *thư Gia-cơ*, là những sách khôn ngoan để giúp chúng ta được khôn ngoan trong cách tận dụng đời sống mình.

Sự cứu rỗi

Từ *cứu rỗi* rất gần với từ *cứu vớt*. Người Anh từng dùng *từ này* trong Thế chiến II để chỉ điều mà ngày nay chúng ta gọi là *tái chế*. Hiện nay, khi giảng về *Sự cứu rỗi,* tôi cũng luôn dùng từ *tái chế.* Khi người ta hỏi tôi là ông kinh doanh gì, tôi thích trả lời là tôi tham gia vào *ngành tái chế.* Họ xem đó là một việc hay và hỏi tiếp: "Ông tái chế kim loại, giấy hay chai lọ?" Tôi đáp: "Không, con người!,"

vì *con người mới là nan đề thực sự*. Con người thực sự là nguyên nhân gây ô nhiễm hành tinh chúng ta.

Tái chế nghĩa là cứu thứ gì đó trước khi nó bị ném vào đống rác, và khiến nó trở nên hữu ích như ban đầu. Địa ngục, theo Chúa Giê-su, giống như một bãi rác. Giống như thung lũng *Ben Hi-nôm* bên ngoài Giê-ru-sa-lem, nơi người ta ném đủ thứ rác xuống. Thế nên Ngài luôn dùng động từ *"bị ném"* vào địa ngục. Ngài không nói *Đức Chúa Trời đuổi ngươi xuống địa ngục* mà nói *ngươi sẽ bị ném xuống địa ngục*, vì rác phải bị ném đi. Nhưng bạn có thể cứu rác, trước khi nó quá tã tơi, bạn tái chế nó và lại dùng lại nó với mục đích ban đầu. Sự cứu rỗi đích thị là như vậy, Chúa đang tái chế con người để họ có thể lại được sử dụng cho mục đích ban đầu mà Ngài đã tạo dựng họ. Toàn bộ công việc là như vậy. Tái chế rác rưởi là toàn bộ mục đích của sự cứu rỗi, trước khi chúng bị ném đi đời đời.

Vì vậy, *Chúa tham gia vào việc biến tội nhân thành thánh đồ*, biến kẻ ngu dại thành người khôn ngoan. Hoặc nói một cách rất đơn giản, *cứu rỗi là biến kẻ khờ dại thành người khôn ngoan.* Thế nên Chúa Giê-su mới phải chết. Ngài không chỉ chết để cứu chúng ta khỏi địa ngục, Ngài chết để chúng ta có thể được tái chế. Đức Chúa Trời khiến Ngài nên tội lỗi vì chúng ta, để trong Ngài chúng ta được nên công chính trước mặt Đức Chúa Trời. Ngài phán: *"Hãy giao tội lỗi con cho Ta, Ta sẽ ban sự công bình Ta cho con, chúng ta sẽ cho con được tái chế và có thể phục vụ Chúa trở lại."* Tất cả là như vậy đấy. Kẻ khờ dại sẽ phí phạm đời mình, người khôn ngoan sẽ sử dụng nó cách thích hợp. Châm ngôn nói rằng chúng ta *được cứu để làm gì*, không nói chúng ta *được cứu bởi ai*.

Chúng ta rất hay trích sai một câu trong Tân Ước. Câu đó là *"Chúa có thể cứu rỗi đến hoàn toàn"* mà chúng ta thường dịch là "Ngài có thể cứu khỏi những chốn cặn bã nhất." Kinh Thánh nói Ngài có thể cứu rỗi đến hoàn toàn, quan trọng là chúng ta *được cứu đến cái gì, thành cái gì*. Chúa đang cứu chúng ta *thành những người khôn ngoan*, *có thể tận dụng đời sống* và *lại trở nên hữu ích cho Ngài*. Thế nên không bao giờ nói "Tôi chưa được cứu," mà nói "Tôi đang được cứu." Tôi *đang trên đường đến với sự cứu rỗi.* Tôi chưa được cứu hoàn toàn, thân thể này chưa được cứu, nó vẫn đang tiến đến thùng rác. Nhưng nó sẽ được cứu chuộc, sẽ có một thân thể mới. Nên sự cứu rỗi không chỉ để cứu khỏi tội lỗi và sự khờ dại, mà để cứu thành thánh đồ, thành khôn ngoan và dùng đời sống cách thích hợp cho Chúa. Vì vậy Châm Ngôn nói đến việc chúng ta được cứu để thành cái gì.

Tất nhiên là nhiều người có thể không tán thành và nói rằng có nhiều sự khôn khéo bên ngoài Kinh Thánh. Có chứ, vì người nam và người nữ được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, ai cũng có chút khôn khéo, nhưng về bản chất, chúng ta không có đủ khôn khéo để tận dụng toàn bộ đời sống. Sự khôn khéo của chúng ta không được áp dụng nhiều *cho tới khi* chúng ta được cứu chuộc. Chỉ khi được cứu chuộc bởi Đấng Christ bạn mới có thể tận dụng toàn bộ đời sống và những gì Chúa định cho nó. Nên xét trên một khía cạnh, mọi sự khôn khéo của thế gian là khờ dại, nó dẫn đến sự chết và địa ngục, về lâu dài. Dù người ta có khôn khéo thế nào trong một số khía cạnh của cuộc sống thì về tổng thể, họ có thể rất, rất khờ dại và ném nó đi.

Chúa là nguồn của mọi sự khôn ngoan. Kinh Thánh gọi Ngài là *Đức Chúa Trời hết mực khôn ngoan* và *Đấng khôn ngoan duy nhất*. Ngài rất khôn ngoan và sự khôn ngoan là *món quà miễn phí* từ Ngài. Nhưng thường thì món quà đó đến với chúng ta qua những người khác. Chúa đã chọn truyền sự khôn ngoan từ Ngài qua những người khác đến chúng ta, nhất là qua bố mẹ, ông bà, những người từng trải hơn chúng ta, những người đã nhọc công học hỏi từ cuộc sống. Nếu chúng ta có thể học từ

họ thì chúng ta sẽ nên khôn ngoan. Nhưng than ôi, hội thanh niên rất hay nói: *"Tôi chẳng muốn nghe ông bô, bà bô tôi."*

Tôi nhớ có một cặp đôi tin Chúa đến gặp tôi và bảo rằng họ muốn cưới nhau nhưng bố mẹ họ không ai đồng ý. Thế mà họ bảo:"Chẳng sao đâu bác nhỉ, bố mẹ chúng cháu có tin Chúa đâu!" Tôi bảo họ: "Như vậy là dại đấy, họ đều từng trải hơn các cháu, họ hiểu các cháu quá rõ và các cháu phải nghe xem họ nói gì." Không hề dễ dàng đúng không? Cơ Đốc nhân không phải lúc nào cũng sẵn sàng học hỏi từ những người không tin Chúa. Có lần Chúa Giê-su kể cho chúng ta một ẩn dụ lạ lùng về người quản gia bất trung, một câu chuyện lạ lùng trong đó mọi người đều phạm tội, lươn lẹo, nhưng Ngài lại nói rằng *đôi khi con cái của bóng tối khôn khéo hơn con sự sáng*, và than ôi, điều đó đôi khi lại đúng. Nên hãy tìm kiếm sự khôn ngoan.

Tác giả châm ngôn

Người viết sách này, *Sa-lô-môn* khi lên làm vua, ông chỉ xin một điều từ Chúa khi Ngài sẵn lòng cho ông bất cứ điều gì trên đời. Ông đã *xin sự khôn ngoan* và có được nó. Sách Các Quan Xét cho thấy ông cũng được ban cho những điều khác nữa, tiếng tăm, quyền lực, sự giàu có. Nhưng ông chỉ cần có sự khôn ngoan để cai trị những người khác, để làm người phân xử và xét lẽ công bình. Câu chuyện đã trở thành kinh điển về hai gái mại dâm cãi nhau về một đứa con còn sống, họ đều nói rằng đó là con tôi. Ông phán quyết: "*Hãy chặt đứa trẻ ra làm đôi."* Khôn ngoan thật sự. Chúa phán: *"Ta sẽ ban cho con tấm lòng khôn ngoan và biết phân biệt, <u>nếu</u>...."* Tôi cho rằng *"nếu"* là từ quan trọng nhất trong Kinh Thánh, đó là luôn có một điều kiện gắn với những lời hứa của Chúa. *"Ta sẽ ban cho con tấm lòng biết phân biệt và khôn ngoan <u>nếu</u> con bước đi trong các luật lệ ta và giữ điều răn Ta."* Chúng ta luôn cần chú ý đến vế *"nếu"* mà Chúa đưa ra vì Ngài muốn chúc phước và Ngài hứa làm như vậy, nhưng vế *"nếu" là điều kiện không thể thiếu*. Sự khôn ngoan khiến ông nổi tiếng đến nỗi Nữ vương Sê-ba đến không chỉ để thấy sự giàu có mà còn để nghe sự khôn ngoan của ông. Bà đã đi một chặng đường dài vì bà là một nữ vương, bà cần phải khôn ngoan và bà nghĩ: *"Mình phải tìm nó ở đâu đây? Mình phải tìm đến người mà mình đã nghe danh, Vua dân Do Thái, Sa-lô-môn."* Bà đã tìm được nó ở đó. Chắc hẳn bà đã ngồi nghe nhiều châm ngôn trong sách Châm Ngôn vì ông sưu tầm cả châm ngôn lẫn vợ. Ông đã sưu tầm 900 câu châm ngôn, 700 bà vợ, cũng cân ra phết nhỉ!

Là trước giả của ba sách *Nhã Ca, Châm Ngôn và Truyền Đạo,* ông viết *Nhã Ca* khi *còn trẻ* và đó là cuốn sách của trái tim. Ở giai đoạn đó ông là một người tình trẻ tuổi, yêu đương say đắm đến nỗi quên hết Chúa. Sách *Châm Ngôn viết ở tuổi trung niên*, đó là cuốn sách của ý chí. Về cơ bản thì đó là một sách về đạo đức. Còn sách *Truyền Đạo* là cuốn sách của tâm trí, sách trí tuệ, sách triết lý khi ông suy ngẫm về đời mình xem có đạt được gì từ nó không. Nên chúng ta có *người tình trẻ tuổi, người cha trung tuổi* và *triết gia lớn tuổi* viết ba sách khôn ngoan này, cả ba đều truyền đạt sự khôn ngoan. Thường là ở dạng tiêu cực từ kinh nghiệm không hay của ông, nhưng chúng ta vẫn khôn ngoan khi học cả từ sai lầm của những người khác.

Ông tự sáng tác các châm ngôn, ông có biệt tài làm điều đó. Ông đúc kết nhiều điều trong một câu nói súc tích, sau khi rút ra kết luận từ quan sát của bản thân. Nhưng ông cũng sưu tầm chúng từ những người khác. Một trong những điều hấp dẫn nhất về sách Châm Ngôn là có nhiều câu *đậm chất Ả Rập*, được sưu tầm từ các triết gia Ả Rập và có cả một chương toàn châm ngôn Ai Cập, có lẽ là ông đã sưu tầm qua vợ mình, một công chúa Pha-ra-ôn. Sa-lô-môn nhận ra rằng có sự khôn khéo trên khắp thế gian, ông không quan tâm mình lấy nó từ đâu, chỉ cần nhận ra là nó có *sự khôn ngoan trong*

mắt Chúa. Rồi ông sẽ lấy nó, đặt nó trong ngữ cảnh có Chúa. Tất nhiên là những người khác không làm điều này. Từ ông cho ta bí quyết: bạn có thể học hỏi lý lẽ từ những người vô tín, nhưng khi còn ở người vô tín nó thuộc ngữ cảnh vô đạo, một khuôn khổ sai lệch. Bạn có thể lấy sự khôn khéo đó và đưa nó vào khuôn khổ của Chúa. Thế nên Chúa mới được nhắc đến 90 lần trong sách Châm Ngôn. ở đây ông luôn dùng danh Chúa là *Giê-hô-va*, nghĩa là đang nói đến chính *Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên*. Không hàm hồ chỉ là một vị chúa mơ hồ nào đó mà bất kỳ ai cũng nói nơi cửa miệng, mà là Đức Chúa Trời *cụ thể* của Y-sơ-ra-ên. "Thật *là chuối* khi Chúa chọn người Do Thái, nhưng *chuối* sao bằng những người đi chọn Chúa của người Do Thái mà bài trừ Do Thái." Chính Đức Chúa Trời của người Do Thái là Đức Chúa Trời duy nhất tồn tại, và mọi lẽ thường phải được đưa vào khuôn khổ đó.

Có một phần trong cuối sách này được nhà vua Ê-xê-chia tập hợp vào nhiều năm sau đó. Ông cố gắng cho các thày thông giáo tập hợp tối đa số châm ngôn của Sa-lô-môn mà dân chúng còn nhớ, nhưng chưa được chép ra. Như vậy là có sự kế tục để hoàn thiện. Sách Châm Ngôn mà chúng ta có ngày nay rõ ràng là chưa được hoàn tất ngay vào thời Sa-lô-môn mà được bổ sung sau thời đó, hoàn tất vào khoảng năm 550 TCN.

Châm ngôn chứ không phải lời hứa

Trước khi xét đến chính *Châm Ngôn,* tôi muốn nói ba điều rất quan trọng về bản chất của sách.

Một là sách *có chất châm ngôn*. Ý muốn nói gì đây vì điều nói ra có vẻ hơi hiển nhiên. Ý là muốn phân biệt rõ: sách này *chép châm ngôn* chứ *không phải sách chép lời hứa. Châm ngôn là châm ngôn* chứ *châm ngôn không phải là lời hứa*. Nhưng chúng ta thấy người ta rất hay trích một câu châm ngôn coi như một lời hứa thiên thượng. Khác biệt là đây: Hãy xét đến từ *châm ngôn - proverb* trong tiếng Anh. Đó là một từ La-tinh, bắt nguồn từ *"pro"* nghĩa là *cho*, và *"verba"* nghĩa là *lời*. Proverb-châm ngôn là *một lời cho một hoàn cảnh*. Đó là một từ thích hợp tương ứng với hoàn cảnh, một lẽ thật vượt thời gian có thể dùng cho các tình huống khác nhau trong cuộc sống, nó tóm tắt trải nghiệm của con người.

Trong tiếng Hê-bơ-rơ từ *châm ngôn* là *mashal,* nghĩa là *giống một thứ gì đó*. Các ẩn dụ của Chúa Giê-su được gọi bằng từ này, một ẩn dụ là một mashal, tức *"nó là thế này."* Bạn nói như vậy trong đời sống thường ngày khi giải thích điều gì đó cho một đứa trẻ, bạn nói "À, nó là thế này." Đó chính là nghĩa của từ *mashal,* tức là*"nó là thế này"*cũng tức là *châm ngôn*. Chúa Giê-su rất hay mở đầu một ẩn dụ bằng *"Vương quốc thiên đàng giống như"* thế này, *"À, nó là thế này."* Sự khôn ngoan của con người thường được truyền lại theo cách đó. "Sao mình lại phải làm thế này hả mẹ? - *À, nó là thế này* con ạ," và người mẹ đang mở đầu việc truyền lại sự khôn ngoan cho con, nói như thế rồi mới tiếp tục giải thích "tại sao con không nên động đến cái này, tại sao con không nên ăn cái kia…."

Vì thế, châm ngôn là một *nhận xét chung về đời sống,* trong khi *lời hứa là một nghĩa vụ* cụ thể. Hãy hiểu cho rõ sự khác biệt đó. Có một câu châm ngôn: *"Đa-vít đam mê đúng giờ,"* điều đó đúng. Nhưng, nói Đa-vít đam mê đúng giờ là một chuyện, còn nói *Đa-vít hứa* sẽ đến đây vào 9:15 *lại là một chuyện khác*, đây là một nghĩa vụ cụ thể. Người ta không thể trách ai đó về mặt đạo đức nếu câu châm ngôn đó bị phá vỡ, nhưng người ta có thể trách họ nếu họ nuốt lời. Nên châm ngôn nhìn chung là đúng, nhưng không phải lúc nào cũng đúng. Áp dụng một câu châm ngôn với mọi tình huống và mong nó xảy ra *là sai*. Khi người ta tách một câu Kinh Thánh ra khỏi sách Châm Ngôn và biến nó thành một lời hứa, công bố nó nhưng nó lại không xảy ra, thế rồi họ bị khủng hoảng trong đức tin. Chỉ vì họ đã lấy một nhận xét chung và biến nó thành nghĩa vụ cụ thể cho Chúa.

Vì thế châm ngôn không phải lúc nào cũng có hiệu quả. Chẳng hạn nhé, *"Thật thà là thượng sách."* Câu này nói chung là đúng, nhưng có những người đã mất cả gia tài vì thật thà, có những người kinh doanh thất bại vì thật thà. Không phải lúc nào đức tính này cũng có hiệu quả tuy nhìn chung thì nó có hiệu quả.

Vì vậy, nói chung, nếu bạn thật thà thì *là thượng sách*, nhưng trong một hoàn cảnh cụ thể, đó có thể *là hạ sách*. Có những câu châm ngôn trái ngược nhau, chẳng hạn hai câu này: *"Giục tốc bất đạt," "Trâu chậm uống nước đục."* Hai câu này ngược hẳn với nhau. Giả sử như bạn đang tham dự một cuộc đấu giá đồ cổ thì bạn sẽ cho câu nào là lời hứa, giục tốc bất đạt hay trâu chậm uống nước đục? Có một câu khác trong sách Châm Ngôn, nửa đầu với những lời này: *"Chớ đáp với kẻ ngu si tùy sự ngu dại nó,"* nửa sau lại nói: *"Hãy đáp với kẻ ngu si tùy sự ngu dại nó,"* hai vế trái ngược nhau hoàn toàn. Sự khôn ngoan là biết áp dụng câu nào vào hoàn cảnh nào. Biết tất cả các câu châm ngôn là kiến thức chung mà bạn có thể sử dụng, nhưng trong hoàn cảnh cụ thể, bạn cần sự khôn ngoan để biết dùng đúng câu vào hoàn cảnh đó.

Có hai câu trong sách Châm ngôn, người ta dùng như lời hứa ở khắp hội thánh. Một câu là thế này:

"Hãy giao phó công việc mình cho CHÚA Thì kế hoạch con sẽ thành tựu."

Người ta mở những hiệu sách và nhà nghỉ Cơ Đốc, nhiều thứ khác và họ nói: "Chúng tôi giao phó kế hoạch của mình cho Chúa, Ngài ban lời hứa này cho chúng tôi rằng nó sẽ thành công vì chúng tôi đã giao phó tất cả cho Ngài. Giờ thì nó đã tiêu tan còn chúng tôi thì phá sản." Đây không phải chuyện nói lý thuyết, nó đã xảy ra ở khắp mọi nơi, vì người ta cứ máy móc bám giữ lấy câu này làm bùa hộ mệnh: *"Tôi công bố rằng đó là lời hứa Chúa dành cho công việc kinh doanh của tôi."* Tiếc rằng đó không phải là lời hứa mà chỉ là câu châm ngôn. Khi tuyên bố một câu châm ngôn nào đó là lời hứa, bạn đang đặt ra một nghĩa vụ cụ thể cho Chúa, nhưng Ngài đâu có nhận bất kỳ một yêu cầu nào đó. Hãy lấy một câu khác, nó sẽ về nhà cùng nhiều người ở đây vào sáng nay.

"Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải theo Để khi trở về già, nó cũng không lìa khỏi đó."

Các bậc cha mẹ có con cái không tin Chúa nói rằng: "Tôi đã công bố lời hứa đó, tôi đã dạy nó con đường nó phải theo, thế mà nó không đi theo." Câu châm ngôn đó không phải là một sự bảo đảm, tuy nhìn chung thì nó đúng. Tôi luôn buồn cười khi thấy những cô cậu thanh niên nổi loạn vô độ với bố mẹ, nhưng ngay sau khi kết hôn, họ lại quay sang cư xử giống bố mẹ mình, giống y chang luôn. Bạn có bao giờ để ý đến điều đó không? Thực ra là khi già đi, bạn quay trở lại với những thói quen được dạy khi còn nhỏ. Nói chung là nếu bạn dạy đứa trẻ theo đường lối Cơ Đốc, khi về già, chúng sẽ không lìa khỏi đó. Nhìn chung thì điều đó đúng, nhưng không phải lúc nào cũng đúng vì con cái bạn không phải là con rối, bạn không thể ép chúng đi theo con đường của mình được. Sẽ đến tuổi mà chúng tự đưa ra quyết định và chúng được tự do làm như vậy. Nhiều bậc cha mẹ đau đầu vì điều này và nói rằng: "Tôi đã công bố điều đó, Chúa đã hứa rồi, thế mà không phải."

Nói tới điều này vì chúng ta đang xét đến sách Châm Ngôn chứ không phải sách lời hứa. Những điều này nói chung là đúng, thế nên chúng ta nên đọc và sống theo đó. Nhưng nếu bạn công bố từng câu cụ thể chỉ vì nó tương ứng với một tình huống nào đó *là lời hứa Chúa ban* cho bạn thì bạn *đang lạm dụng Kinh Thánh*. Điều này xảy ra khi bạn tách một câu Kinh Thánh ra khỏi ngữ cảnh và trích dẫn câu đó như thể bạn lấy nó từ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh cũng được. N*gữ cảnh* của mọi

câu trong Kinh Thánh chính là *cuốn sách chứa đựng* nó. Đừng trích một câu nào đó nếu bạn chưa hỏi rằng câu ấy lấy từ sách nào và tại sao sách đó lại được viết ra, *thì bạn sẽ trích đúng*. Nhưng bạn rất dễ trích, nhất là khi có *số chương-số câu,* thí dụ trích *Giăng 3:16* hoặc bất cứ câu nào, tách biệt khỏi ngữ cảnh và khỏi sách mà câu đó được viết ra. Chúa không ban Lời Ngài cho chúng ta theo số chương và số câu trong Kinh Thánh, chính hai giám mục đã thêm chúng vào và làm rối tung hết cả. Trong cả ngàn năm qua, hội thánh Cơ Đốc *dùng Kinh Thánh không có số câu, số chương*. Họ có biết rõ Kinh Thánh không? Hãy tìm hiểu về họ để quay ngược lại cách dùng Kinh Thánh trọn vẹn ngữ cảnh. Giờ đây, vì có số câu nên chúng ta liên tục trích câu Kinh Thánh ra khỏi ngữ cảnh. Nghe chúng *giống những lời hứa* nhưng không phải, chúng là châm ngôn. Đó là *chìa khóa quan trọng đầu tiên* mà chúng ta cần khi đọc sách này.

Chất thơ ca

Chìa khóa quan trọng thứ hai mà chúng ta cần nắm là Châm Ngôn *có chất thơ*. Châm ngôn là một câu nói súc tích, được trình bày ở dạng cực kỳ dễ nhớ, thường vì nó có chất thơ, có một vần điệu nào đó. Thí dụ: "*Đa-vít* đam mê đúng giờ," tôi đã cố tình cho câu này lặp lại lại ba chữ Đ- Đ- Đ cho có ấn tượng. Hay cách *lặp âm*: "Một nghề cho *chín* còn hơn *chín* nghề," có vẻ dễ nhớ hơn so với "một nghề cho chín còn hơn 17 nghề." Nó có chút thơ trong đó. Hoặc dịch ý một câu châm ngôn khác: "Trước khi cam kết thực hiện một quá trình hành động, hãy cân nhắc kỹ các hoàn cảnh và lựa chọn của bạn," có thể dịch cách khác là: "Có những biện pháp nhất định để khắc phục các vấn đề nhỏ mà khi được thực hiện sớm trong quá trình hành động sẽ ngăn chặn các vấn đề lớn phát sinh." Đó là hai bản dịch nghĩa khác nhau cho câu *"Cẩn tắc vô áy náy."* Nếu đã từng xem chương trình "Vâng, thưa Bộ trưởng" của Anh thì bạn biết nhân vật Humphrey làm việc này siêu đỉnh, đó là cách dùng *ngôn ngữ Công Vụ*, ngôn ngữ của luật sư. Nhưng nếu muốn truyền đạt sự khôn ngoan theo cách dễ nhớ thì bạn phải *đưa nó về dạng thơ ca* để nói cho xuôi, *"tay làm hàm nhai"* sẽ dễ nhớ hơn là "tay làm miệng nhai," nó có vần, có cảm giác thơ.

Thơ ca Hê-bơ-rơ lại *khá độc đáo*. Nó *không phụ thuộc vào vần* như phần lớn thơ ca của chúng ta, mà *phụ thuộc vào nhịp điệu*. Nhịp điệu *không chỉ ở nhịp* hay *phách*, mà còn là *nhịp suy nghĩ*. Lúc nào cũng vậy, thơ ca Hê-bơ-rơ *đi theo cặp, hai dòng*, và chúng liên hệ với nhau theo *ba cách* khác nhau. *Từ đầu tiên của dòng thứ hai* cho bạn biết *cách liên hệ* của ý tứ. Nếu từ đầu của dòng thứ hai là *"Và"* thì chúng ta gọi đó là *song hành đồng nghĩa*. Chúng nói lên cùng một điều nhưng dùng từ ngữ khác nhau.

Sự kiêu ngạo đi trước sự hủy diệt, *Và* tính tự cao đi trước sự sa ngã.

Cùng một ý nhưng được diễn đạt theo cách khác nhau. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, ở chỗ đó sẽ có nhịp điệu cho dễ nói. Đó là kiểu *tương đồng đôi, đồng nghĩa*: nói cùng một điều nhưng theo cách khác. Nếu từ mở đầu dòng thứ hai là *"Nhưng"* thì gọi là thể *song hành đối lập*. Chẳng hạn:

Kẻ ức hiếp người cô thế làm nhục Đấng tạo hóa mình, *Nhưng* ai thương xót người nghèo khó là tôn kính Ngài.

Hai câu ở thể song hành, nhưng nó ở *dạng đối lập, đối ngẫu* với vế đầu. Ở đây có dạng đối lập. Nếu từ đầu tiên của dòng thứ hai là *"Vì"* thì chúng ta gọi đó là thể *song hành tổng hợp*, nghĩa là ý của dòng đầu được *nâng lên một bước* nữa, nó nâng ý lên *ở dòng thứ hai*.

Hãy tránh xa kẻ ngu dại, Vì con chẳng học được tri thức nơi môi miệng nó.

Bạn thấy đó, ý *tránh xa* được nâng lên và câu này cho bạn biết lý do tại sao bạn phải tránh xa hắn.

Mọi câu châm ngôn đều khớp với kiểu khuôn mẫu này, *"Và," "Nhưng"* hoặc *"Vì,"* chúng hoặc lặp ý bằng từ ngữ khác, hoặc đối ý bằng từ trái nghĩa, hoặc nâng lên thêm một bước, nhưng ở dạng có nhịp điệu, rất dễ nhớ. Không dễ nhớ lắm trong tiếng Anh hay tiếng Việt vì nhịp điệu bị mất trong bản dịch. Nhưng đây là cách cha mẹ truyền lại nhiều điều cho con cái họ, cách chúng ta vẫn dùng với các châm ngôn thường nhật, một câu châm ngôn có vần vè.

Có những biện pháp khác trong Châm Ngôn, chẳng hạn như *ghép chữ*. Nghĩa là một bài châm ngôn dài dùng các chữ trong bảng chữ cái *A,B,C,D,E* hoặc *Aleph,...* Trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong bài châm ngôn, *mỗi dòng bắt đầu với một chữ cái mới*. Một trong những phân đoạn mọi người đều biết rõ là *Chương 31*, mô tả về người vợ lý tưởng, một danh sách rất hay cho nam giới đọc, *viết ở dạng ghép chữ*.

Dạng này nhắc tôi nhớ đến một bài vè từ lâu lắm vào thời của tôi: "O tròn như quả trứng gà, Ô thì đội nón, Ơ thì thêm râu." Bạn đã nghe bài đó bao giờ chưa? Chúng ta gọi đó là ghép chữ ABCD. Châm ngôn dùng dạng đó và *dùng cả số đếm* nữa. Đặt biệt là có một chương đầy *"ba việc," "bốn điều,"* hay *"có sáu điều Đức Giê-hô-va ghét,"* và bạn có thể học chúng trên các đầu ngón tay. Như vậy là có nhiều biện pháp, nhưng về cơ bản thì đó là *cách tiếp cận bằng thơ.*

Cha truyền con nối

Điều cơ bản thứ ba mà tôi muốn nói là sách này có *chất cha truyền con nối*. Sách có chất châm ngôn, chất thơ và chất cha truyền con nối. Tất cả đều được trình bày dưới *dạng lời khuyên cho một thanh niên từ cha cậu*. Cũng xin nói thêm rằng đây là một trong những sách trong Kinh Thánh *không hề có một câu nào dành cho phụ nữ*. Đó là *sách cho người nam,* và thực ra nhiều phần trong Kinh Thánh được viết trực tiếp cho người nam. Chắc hẳn bạn đã để ý thấy Tân Ước không nhắc đến *"anh chị em"* mà chỉ nói *"anh em."* Bạn đã bao giờ thắc mắc tại sao chưa? Một trong những *giả định cơ bản* đằng sau Kinh Thánh là: *Nếu đàn ông mà ổn thì phụ nữ và trẻ em cũng vậy*, đó là một giả định *xuyên suốt* Kinh Thánh. Nếu người cha trong gia đình ổn thì gia đình đó có chiều hướng ổn thỏa. Thế nên Kinh Thánh mới *khắt khe với người nam*.

Trong năm hoặc sáu năm qua, tôi mới tổ những hội nghị Người Nam cho Đức Chúa Trời. Cứ vài tuần tôi lại dành ra một ngày với người nam, còn mọi lá thư cảm ơn tôi nhận được lại từ người nữ. Tôi mới nhận được lá thư từ một người vợ:*"Tôi thích người chồng mà mục sư gửi về nhà hơn ông chồng mà tôi gửi đến nhóm."* Hãy để ý đến cụm then chốt: "Ông chồng mà tôi gửi đến nhóm," nhưng dù sao thì tôi cũng gửi họ về nhà để trở thành đầu gia đình. Kinh Thánh *nhìn vào những người cha, nhìn vào người nam* và nói rằng hãy khiến những người nam *trở nên tin kính*. Phụ nữ các bạn biết điều đó đúng.

Như vậy là *sách này khắt khe với người nam*. Ở đây có *một người cha* cố sức ngăn cậu thanh niên lặp lại sai lầm của ông, và cố gắng ngăn cậu sống thác loạn vì ông đã phải nhọc công tự học. Ông đang cố gắng truyền sự khôn ngoan này từ cha sang con. Rõ ràng là Sa-lô-môn ở tuổi trung niên khi viết sách này và ông không muốn con mình thành ra như mình. Có *hai cách* để có được sự khôn

ngoan. Một là *nhận nó từ những người lớn tuổi* hơn bạn, thậm chí là rút ra bài học từ những sai lầm cũng như từ những lời khuyên tích cực của họ. Hoặc bạn *tự cóp nhặt* qua trường trải nghiệm với đủ các mảng màu xám tối, và khẩu hiệu của trường này là "sống và học tập," nếu bạn *tự mình học*. Học hỏi từ những người khác, cách này nhanh và dễ hơn, đây là trường noi gương và bạn học được cả từ cái tốt lẫn cái xấu. Hoặc "đừng làm thế," hoặc "hãy làm đi" với khẩu hiệu là "nghe và học tập." Chậm rãi và nhọc công tự học, là cách ngu dại qua trường trải nghiệm với đủ màu xám tối, với khẩu hiệu là "sống và học tập." Bạn có thể *nghe và học tập*, hoặc *sống và học tập*, một cách nhanh, một cách chậm. Nhận sự khôn ngoan từ những người khác hoặc cố tự mình tìm kiếm nó.

Tuy đây là một *sách cha truyền con nối* và *viết cho người nam*, nhưng sách cũng có *nói về người nữ*. Lời khuyên không chỉ từ người cha mà *còn từ người mẹ*. Sách nói chung là *lời cha mẹ khuyên con*. Chương cuối là từ người mẹ. Người cha tập trung vào những người nữ xấu xa mà cậu cần tránh, còn người mẹ tập trung vào những người nữ tốt đẹp mà cậu cần tìm. Cả sách Châm Ngôn mang hình ảnh khuôn mẫu của một chiếc bánh mì kẹp nhiều lớp: phần đầu, phần giữa và phần cuối, có hai lớp bìa trên dưới là các lời khuyên cho người trẻ tuổi. Hai phần đầu là từ người cha còn phần cuối là từ người mẹ. Những phần nhân khác nhau kẹp giữa các lớp bánh, sẽ nghiên cứu ở *Cấu trúc sách* sau đây.

SÁCH CHÂM NGÔN - Phần 2

Những người đàn bà xấu và một người nữ tốt

Chúng ta đã nói rằng sách *Châm Ngôn* chủ yếu là lời cha mẹ gửi tới người con trai, và là lời khuyên được truyền qua các thế hệ. Vì là lời gửi gắm tới người nam nên sách toàn nói đến người nữ, những người nữ xấu và tốt, đúng hơn là những người đàn bà xấu và một người nữ tốt. Vì bà mẹ khuyên con mình kiếm một người nữ tốt, còn ông bố khuyên con mình cảnh giác với những người đàn bà xấu. Ông nói đến mọi người đàn bà xấu từ gái mại dâm đến những cô vợ hay tranh cạnh, nói đến cách họ quyến dụ bằng miệng lưỡi dẻo quẹo, dụ dỗ và thuyết phục, cả sự mê hoặc của mối quan hệ cấm kị. Ông nói rằng cuối cùng, khách của ả sẽ kết thúc nơi mồ mả. *"Con đang ném đời mình đi, cuối cùng con sẽ tiêu đời.* Cách nhanh nhất để hủy hoại sự nghiệp và tính cách của con là đi dan díu với những người đàn bà xấu," quả là một lời khuyên khôn ngoan.

Bà mẹ thì nói về một *người nữ tốt* trong *Châm Ngôn 31*, bà có một danh sách đáng kinh ngạc. Nhiều năm trước, chúng tôi đã *đọc Kinh Thánh thành tiếng từ đầu tới cuối* trong hội thánh mình. Cần đến 82 tiếng để làm như vậy. Chúng tôi bắt đầu vào 9 giờ tối Chúa nhật và kết thúc vào buổi sáng thứ năm. 2000 người đến nghe, chúng tôi đã bán nửa tấn Kinh Thánh. Mỗi người chỉ đọc trong 15 phút và chuyển Kinh Thánh cho người khác. Ông thị trưởng thị trấn Guildford, tên Alderman Sparrow nghe được tin này. Ông hỏi: "Tôi có đọc được không, tham gia đọc ấy?" Chúng tôi bảo: "Được, nhưng danh sách đăng ký kín lắm rồi," sau đó xếp được một chỗ cho ông lúc 3:30h chiều thứ ba. Ông bảo: "Ôi, tôi mong đến hôm đó lắm, tôi sẽ đưa vợ đến. Tôi đeo cái phù hiệu chức danh đến có được không?" Chúng tôi bảo: "Không, hy vọng là ông đeo thứ khác." Vì thực ra là ông thị trưởng đã mời tôi đến một sự kiện ghi rằng Thị trưởng có đeo phù hiệu chức danh nên xin hãy mặc thường phục đến. Dù sao thì ông cũng đã đến vào chiều thứ ba, rất đúng giờ và ông nói: "Tôi đọc chỗ nào trong Kinh Thánh thế?" Tôi bảo: "Tôi không biết, ngài chỉ cần nhận Kinh Thánh và đọc tiếp người kế bên thôi." Tôi hỏi: "Vợ ngài đâu ạ?" Ông đáp: "Rất xin lỗi, bà ấy không đến được và gửi lời xin lỗi ông. Chúng tôi có những vị khách đột xuất tối nay. Nhà tôi phải dậy từ sáng sớm, dọn dẹp nhà cửa và nấu nướng nên không đến được." Rồi ổng đứng dậy và đọc Châm Ngôn 31 về người vợ tuyệt vời dậy từ sáng sớm để nấu nướng và làm đủ thứ cho gia đình, rồi có câu này:

Nơi cổng thành, chồng nàng được nổi tiếng Khi ngồi chung với các trưởng lão trong xứ.

15 phút sau ông như ngây ngất về chỗ. Ổng nói: "Ôi ông Pawson ơi, cả đoạn ấy nói về tôi này!" Ông là một tín đồ Công giáo trên danh nghĩa và không biết rõ Kinh Thánh lắm. Ông nói: "Cho tôi mua một cuốn được không?," và tôi tặng ông một cuốn. Ổng nói: "Tôi sẽ về nhà đọc cho vợ tôi nghe." Ổng đã đọc tất cả những điều nói về mình trong Kinh Thánh.

Khôn ngoan và ngu dại

Những người đàn bà xấu và người nữ tốt này không chỉ là con người, chúng ta gọi đó là *sự hiện thân*. Họ đại diện cho một hình mẫu, họ không chỉ là những cá nhân. *Những người đàn bà xấu là hiện thân của sự ngu dại* và *người nữ tốt là hiện thân của sự khôn ngoan.* Xuyên suốt Kinh Thánh, sự ngu dại được gọi là *"ả"* còn sự khôn ngoan được gọi là *"nàng." Ả này* sẽ hủy hoại bạn còn *nàng kia* sẽ gây dựng bạn.

Cả sách Châm Ngôn buộc những chàng trai trẻ phải lựa chọn. Tôi cho rằng phép thử quyết định với một người nam là kiểu phụ nữ nào hấp dẫn anh ta, anh ta cưới kiểu phụ nữ nào. Những lựa chọn này - "*chọn khôn ngoan hay ngu dại"* sẽ quyết định sự thành bại của một người nam. Tôi phải kể cho bạn nghe chuyện một người giảng đạo từ nhiều năm trước tại nhà thờ City Temple tại Luân Đôn, tên là Parker, một nhà giảng đạo nổi tiếng.

Giữa bài giảng tuyệt hay về một ẩn dụ của Chúa Giê-su, ông chỉ lên ban công và nói: "Những cậu thanh niên ngồi trên ban công kia, các cậu định ở đâu, trong sự sáng với năm nữ đồng trinh khôn hay trong bóng tối với năm người dại?" Và ông đã nhận được một câu trả lời đồng thanh từ trên ban công, nhưng lại không phải là câu trả lời mà ông chờ đợi. Những lựa chọn này *vừa bộc lộ* tính cách của một người nam, cũng *vừa hình thành* nên tính cách của anh ta. Chẳng hạn như *Chương 8, và Chương 9* là chương mà chúng ta sẽ hát dưới dạng thánh ca của Charles Wesley, nói về người nữ tuyệt vời mang tên khôn ngoan. Sách chép: "Hãy yêu nàng như yêu người tình, hãy biến nàng thành một người thân yêu trong gia đình, hãy đuổi theo nàng, hãy tìm cầu nàng." Và rồi: "Hãy tránh xa người đàn bà mang tên ngu dại, con sẽ tiêu đời nếu con dan díu với ả." Thật sự, ông đang nói rằng người nữ nào sẽ có được con. Thú vị là cả Kinh Thánh đã *kết thúc* với hai người nữ, một kỹ nữ dơ dáy và một nàng dâu tinh khiết, *ả kỹ nữ được gọi là Ba-by-lôn* và *nàng dâu được gọi là Giê-ru-sa-lem.* Nên *chủ đề không ngoan và ngu dại* sẽ xuyên suốt cả Kinh Thánh, "Người nữ nào sẽ trở thành người đồng hành và bạn đời của ngươi, sự ngu dại hay sự khôn ngoan, Ba-by-lôn hay Giê-ru-sa-lem?" Đó là một phép ẩn dụ hoặc ví von thú vị.

Kinh Thánh liên tục đưa ra các lựa chọn cho bạn và nói: "Ngươi phải lựa chọn, sự sống hay cái chết, sự sáng hay bóng tối, thiên đàng hay địa ngục, ngu dại hay khôn ngoan." Vì *chỉ có một cuộc đời để sống* nên hoặc là bạn ném nó đi, hoặc là bạn tận dụng nó. Từ tất cả những điều này, chúng ta học được rằng cả sự khôn ngoan và ngu dại đều thuộc *phạm trù đạo đức hơn là trí tuệ*. E là thế gian dùng chúng theo *nghĩa trí tuệ* nhiều hơn, gọi ai đó là một *thằng ngu* chỉ vì IQ của họ không cao lắm. Nhưng trong Kinh Thánh, một *người có IQ cao ngất có khi lại rất ngu dại*. Anh ta có thể tuyệt đỉnh về trí tuệ nhưng lại khờ dại về đạo đức. Chúng ta hay nhầm lẫn về hai điều này. Tôi nghe kể về một anh nhà quê ở hạt Somerset, nước Anh nhiều năm về trước. Anh ta nổi tiếng vì nếu người ta đưa anh một đồng 1 xu nhỏ và một tờ 5 bảng Anh to thì cậu ta luôn lấy đồng một xu. Hàng ngàn vị khách du lịch nghe kể về người này và họ đều đến thử anh. Người đàn ông "dại dột đáng thương" này luôn lấy đồng xu chứ không bao giờ lấy tờ tiền. "Dại nhỉ!" Đừng lo, người ta kiếm bộn luôn đấy!

Chúng ta *nghĩ đến ngu dại và khôn ngoan* theo *năng lực trí tuệ*. Nhưng thực ra thì sự dại khôn không liên quan gì đến trí tuệ, không quan trọng là anh có bằng cấp gì hay đỗ đạt bao nhiêu kỳ thi. Anh *vẫn ngu dại* nếu anh là người thông minh nhất thế gian mà lại *ném đời mình đi. Kẻ ngu dại* nói trong lòng rằng: *"Chẳng có Đức Chúa Trời,"* trước giả Thi Thiên nói như vậy. Đ*ó chính là sự ngu dại thật*. Đáng tiếc là chúng ta nói *sự khôn ngoan thế gian* là biết mọi ngóc ngách thế gian, biết cái gì có lợi cho anh, cái gì giúp anh thu về nhiều nhất? *Thực khôn ngoan* là biết *cái gì tốt nhất* cho bạn, *không phải là cái có lợi nhất* nhưng là *cái tốt hơn* cho tính cách của bạn. Nó không dựa trên *hiểu biết về thế gian* mà dựa trên *hiểu biết về Chúa*.

Có một câu trong Châm Ngôn bị hiểu nhầm nghiêm trọng:*"Ở đâu không có khải tượng, dân chúng phóng túng,"* đó là một trong những câu được trích dẫn nhiều nhất, và luôn được trích khi ai đó có một kế hoạch to tát trong đầu. Có một tòa nhà hội thánh mới hay một chương trình truyền giáo mới, người ta liền nghĩ: "*Chúng ta phải có khải tượng, vì ở đâu không có khải tượng, ở đó dân sự*

phóng túng." Nghe này, khải tượng ở đây chẳng liên quan gì đến kiểu dự án đồ sộ đó đâu, *khải tượng là sự mặc khải từ Chúa* về ý định của Ngài. Chúa thường phán bằng những khải tượng. Thực chất thì câu châm ngôn trên nói rằng: "Nếu Chúa không bày tỏ điều này, điều kia cho bạn thì bạn sẽ *phóng túng." Phóng túng* là một từ Hê-bơ-rơ, có nghĩa đen là *"phá bỏ sự kiềm chế."* Bạn sẽ trở nên một kẻ ngu dại nếu Chúa không trực tiếp nói cùng bạn. Một lần nữa chúng ta cần hiểu ý nghĩa thật sự của chúng.

Cấu trúc của sách

CẤU TRÚC CỦA SÁCH CHÂM NGÔN

GIỚI THIỆU 1:1-17
LỜI KHUYÊN CHO NGƯỜI TRẺ TUỔI (1:8-9:18)
Từ người cha về người đàn bà xấu
CHÂM NGÔN CỦA SA-LÔ-MÔN (10:1-22:16)
Do ông sưu tập
LỜI CỦA NGƯỜI KHÔN NGOAN 22:17-23:14
Ba mươi câu nói
LỜI KHUYÊN CHO NGƯỜI TRẺ TUỔI (23:15-24:22)
LỜI CỦA NGƯỜI KHÔN NGOAN (24:23-34)
Sáu câu nói
CHÂM NGÔN CỦA SA-LÔ-MÔN (25:1-29:27)
Chép lại bởi Ê-xê-chia
A-GU-RƠ 30:1-33
LỜI KHUYÊN CHO NGƯỜI TRẺ TUỔI (31:1-31)
Từ người mẹ về người phụ nữ tốt

LỜI KHUYÊN CHO NGƯỜI TRẺ TUỔI (1:8-9:18)
từ người cha về người đàn bà xấu

1. NÊN: vâng lời cha mẹ (1:8-9)
tìm kiếm & nhận lấy sự khôn ngoan (1:20-3:26; 4:1-13; 8:1-9:12)
đối xử tốt với người khác (3:27-35)
canh giữ tấm lòng (4:23-27)
chung thủy với vợ/chồng của mình (5:15-23)
2. KHÔNG NÊN: chơi với bạn xấu (1:10-19;4:14-22)
ngoại tình (5:1-14; 6:20-7:27)
mắc nợ (6:1-5)
lười biếng (6:6-19)
làm bạn với người đàn bà ngu dại (9:13-18)

CHÂM NGÔN CỦA SA-LÔ-MÔN (10:1-22:16)
Do ông sưu tập
1. TƯƠNG PHẢN ~ đời sống tin kính & tội lỗi (10:1-15:33)
2. CHỨA ĐỰNG ~ đời sống tin kính (16:1-22:16)
CHÂM NGÔN CỦA SA-LÔ-MÔN (25:1-29:27)
Chép lại bởi Ê-xê-chia
1. MỐI QUAN HỆ với vua (25:1-7)
hàng xóm (25:8-20)
kẻ thù (25:21-24)
chính mình (25:25-28)
kẻ ngu dại (26:1-12)
kẻ lười biếng (26:13-16)
kẻ nói hành (26:17-28)
2. SỰ CÔNG CHÍNH (27:1-29:27)
LỜI KHUYÊN CHO NGƯỜI TRẺ TUỔI (31:1-31)
từ người mẹ về người phụ nữ tốt
1. Vua của một dân tộc (31:1-9)
2. Nữ hoàng của một gia đình (31:10-31)

Bảng cấu trúc này gợi hình ảnh về một chiếc bánh kẹp rất cân đối. Có một sự kết hợp rất hay, nhiều phân đoạn trong Kinh Thánh còn có khuôn mẫu *ra vào* hoặc *lên xuống*, tất cả đều có dạng *đối xứng*, được kết hợp *rất nhuần nhuyễn*. Ở đây có ba lát bánh mì, rồi có hai cặp nhân đảo nhau. Hai lớp duy nhất không ăn khớp là đoạn mở đầu nho nhỏ và sự khôn ngoan Ả Rập từ A-gu-rơ trong Chương 30. Ngoài chi tiết này ra thì đây là một sách rất đối xứng, và nên đọc từ đầu đến cuối.

Các châm ngôn của Sa-lô-môn do chính ông tập hợp. Có một loạt châm ngôn khác của ông do Ê-xê-chia và các thầy thông giáo tập hợp. Có sự khôn ngoan ông lấy từ nơi khác, có tới 36 câu được ông thu thập từ khắp nơi trên thế giới, khi ông trò chuyện với người từ các nước khác, là một dạng đặc biệt. Trong các lời khuyên cho người trẻ tuổi, toàn là *"Nên"* và *"Đừng,"* như *"Nên"*: "Hãy vâng lời cha mẹ con - Hãy tìm kiếm và đoạt lấy sự khôn ngoan - Hãy đối tốt với những người khác - Hãy giữ tấm lòng con, canh giữ tấm lòng con, nghĩa là canh giữ tình cảm của con, canh chừng xem con dành tình cảm cho ai, và hãy chung thủy với bạn đời, người phối ngẫu của con." Những lời khuyên quá hay cho một thanh niên, còn nghe hay không là tùy cậu ta quyết định.

"Đừng": Đừng chơi với bạn bè xấu. Tôi cho rằng lựa chọn quan trọng nhất và ảnh hưởng đến tính cách chúng ta là cách chúng ta *chọn bạn*, đó là lựa chọn của chúng ta. Tôi đã nghe thấy người ta đứng trước vành móng ngựa tòa án và nói: "Thưa Quý tòa, tôi chơi phải lũ bạn xấu," cứ như thể anh ta tình cờ rơi vào đó vậy. Nhưng chính anh ta đã chọn lũ người đó, anh ta phải chịu trách nhiệm với việc anh ta làm bạn với ai. *Đừng phạm tội* ngoại tình, cái này gắn với việc chung thủy với bạn đời. *Đừng* vay nợ, *đừng* lười biếng. Nếu có một tội lỗi được đề cập nhiều hơn hết trong sách Châm Ngôn thì đó là *tội lười biếng*, nhưng bạn lại hiếm khi nghe người ta giảng về tội đó, đúng không? Chúng ta nghe về nhiều tội lỗi khác, nhưng *lười biếng là phí phạm cuộc đời* bạn, phí phạm thời gian của cả Chúa lẫn bạn. *Đừng* kết bạn với những người đàn bà ngu dại. Đó là tóm tắt về *phần đầu:* lời khuyên cho người trẻ tuổi.

Khi xét đến *bộ châm ngôn đầu tiên* của Sa-lô-môn, ông luôn chỉ ra *sự tương phản* giữa một cuộc đời tin kính và gian ác, nên nhiều châm ngôn ở đây là *châm ngôn "Nhưng":* "Đừng vô đạo, *nhưng* hãy tin kính Chúa," kiểu đối ngẫu như vậy. Rồi sau đó, ông tập hợp những *châm ngôn tích cực* về đời sống tin kính. Các *châm ngôn "Và"*: hãy thế này *và* thế kia. Như vậy là ông vẽ ra một viễn cảnh, một lần nữa để người thanh niên này phải lựa chọn: "Con sẽ làm một thanh niên tin kính hay gian ác đây, con tự quyết định đi, mọi lựa chọn của con sẽ tạo nên một viễn cảnh."

Bộ châm ngôn tiếp theo, xuất hiện ở phần sau của sách, *Chương 25-29* gần như chỉ đề cập đến *các mối quan hệ*. Mối quan hệ là một phần không thể thiếu trong cuộc sống, ông khuyên anh này cách đối đãi với vua quan, với người lân cận, với kẻ thù. "Nếu kẻ thù anh em đang đói hãy cho họ ăn, nếu đang khát hãy cho họ uống. Vì làm như vậy khác nào anh em đặt than lửa hồng trên đầu họ." Câu này sẽ thấy ở Tân Ước: *Rô-ma 12.*

Mối quan hệ với chính mình. Có khá nhiều sự dạy dỗ về *cách đối đãi tốt với bản thân.* Trong cuộc sống, bạn có thể thấy một số người biết rõ bản thân, họ biết đối đãi, họ biết mình là ai và không là ai. Họ không cố để trở thành người khác. Thật vui khi gặp những người như vậy. Nhưng khi bạn gặp phải kiểu người khác, họ cố gắng thể hiện hoặc đeo mặt nạ, hoặc cố gắng bắt chước người khác, không dễ để kết thân với những người như vậy. *Hãy là chính mình*. *Cách đối đãi* với kẻ ngu dại, những kẻ chây lười, biếng nhác. Cách xử trí chuyện ngồi lê đôi mách, có rất nhiều câu nói về *buôn chuyện*.

Sau khi nói đến các mối quan hệ, ông có một phần từ *Chương 27-29* về việc *làm sao để sống tốt*. *Một tiêu chuẩn sống cao*, không phải là tiêu chuẩn vật chất cao, mà là tiêu chuẩn đạo đức cao.

Đến *phần cuối*, lời khuyên cho cậu thanh niên *đến từ một người nữ*. Đầu tiên, bà đưa ra lời khuyên về *cách làm vua*. Hãy nhớ rằng hoàng gia đứng sau sách này, chúng ta đang xét đến một hoàng tử, con trai của Sa-lô-môn, nên ở đây có *lời khuyên hoàng gia* về cách làm vua khi cậu trưởng

thành, bà còn nói rằng: "Nhưng con sẽ cần chọn đúng hoàng hậu nữa." Cũng có thêm thông tin cho những người ủng hộ nữ quyền: Hình ảnh cuối cùng về người nữ xứng làm hoàng hậu, dù là trong gia đình hay của cả đất nước, người đó *không chỉ là* một người vợ, người mẹ, người quản gia tốt mà còn là một doanh nhân rất giỏi nữa. Nàng còn có bất động sản là nghề tay trái và khiến chồng nàng hài lòng với khoản lợi mà nàng kiếm được. Nên ở đây không nói gì đến tư duy "bồn rửa bát," đây là một người nữ tham gia vào mọi khía cạnh của cuộc sống*, nhưng nàng đặt gia đình lên trước công việc kinh doanh* và đó là một điều rất quan trọng trong chương sách này. Như vậy, đây là một sách hấp dẫn theo nhiều cách.

Sự ngu dại

Có *nhiều kiểu ngu dại*, đây chỉ rút ra vài hình ảnh. Cũng xin nói thêm là tuy đưa ra những tiêu đề tách bạch thế này nhưng thực chất, chúng thật sự hòa trộn lẫn hết vào với nhau. Cũng giống các sách khác trong Kinh Thánh, sách *Châm Ngôn* có vẻ không được hệ thống lắm, ngay đến *luật pháp của Môi-se* cũng thế, đi từ chủ đề này sang chủ đề khác theo từng câu. *Tại sao* tất cả lại được trộn lẫn với nhau như vậy? Cách hòa trộn này giống hệt kiểu bà mẹ nói trong lời tạm biệt con trai, lúc nó rời khỏi nhà: "Đừng có mà quên thay quần lót tuần một lần, đừng có mà dây vào nợ nần và hãy cẩn thận với sếp con đấy nhé,…," bà đưa ra một lần ở phút cuối đủ mọi lời khuyên hoàn toàn chẳng liên quan gì đến nhau, và mọi thứ còn hỗn độn nữa. Đây đúng là kiểu bố mẹ nói với con cái. Họ không nói: "Sáng nay bố nói với con *ba điểm này*, và bố *chốt lại* như sau." Đấy là cách nói của ông giảng đạo, còn bố mẹ nói với con cái theo kiểu đầu nghĩ gì thì khuyên đấy.

Hãy xét đến *chủ đề ngu dại*. Một kẻ ngu dại thì như thế nào? Có hơn *70 châm ngôn* miêu tả kẻ ngu dại. *Cậu ta* - cậu ta chứ không phải *cô ta* đâu, để ý nhé - cậu ta ngu dốt, cố chấp, kiêu ngạo, biến thái, nhàm chán, vô định, thiếu kinh nghiệm, vô trách nhiệm, cả tin, bất cẩn, tự mãn, xấc xược, xuề xòa, sưng sỉa, nịnh bợ, ham cãi cọ. Đó là một mô tả rõ ràng, cặn kẽ. Cậu ta muốn mọi thứ đều ăn sẵn, cậu ta không lo cho thân mình, cậu ta thích mơ mộng hơn thực tế, thích ảo tượng hơn sự thật. Tốt ra thì chỉ gây phiền toái, còn tệ nhất là gây hiểm họa. Cậu ta là nỗi buồn phiền của cha mẹ mình, nhưng lại khinh họ cổ hủ. Ai nói Kinh Thánh lỗi thời? Và có hai kẻ đặc biệt trong bộ sưu tập ngu dại này: *một tên* chuyên chế giễu, chê bai, hoài nghi và chỉ trích tất cả, trừ mỗi hắn ta, còn *tên kia* thì chây lười, biếng nhác cứ nằm ì trên giường, nghĩa là khi báo thức kêu thì cậu ta...và khi báo thức kêu lại thì cậu ta... Những hình ảnh rất sinh động, và một người khớp với tất cả những lời này *là kẻ ngu dại*, là thằng ngốc. Hắn ném đời mình xuống cống.

Cái lưỡi

Một *chủ đề then chốt* khác là *cái lưỡi*. Nó nhỏ xíu nhưng lại là một công cụ mạnh mẽ. Tôi có nghe kể về một vị cha xứ đứng trên bục giảng vào Chúa nhật nọ và nói: Tôi sẽ cho các bạn xem bộ phận trên người tôi khiến tôi thấy cám dỗ nhất. Cả hội chúng lặng như tờ, và ông chỉ thè lưỡi ra. Gia-cơ viết: "Cái lưỡi là một bộ phận nhỏ, nó như chiếc bánh lái tí xíu của cả con tàu lớn, nhưng *có thể quay ngược* cả con tàu." Nó có thể rủa sả cũng như chúc phước cho người ta, và *tội lỗi của môi lưỡi* được nhắc đến xuyên suốt sách Châm Ngôn.

Có *bảy điều* mà Chúa ghê tởm: *hợm hĩnh, dối trá, giết người, mưu toan việc ác, ranh mãnh, làm chứng gian* và *buôn chuyện*. Bạn có để ý thấy *cái lưỡi* góp phần vào 3 hoặc 4 điều trên không? Nó rất mạnh, nó cứa sâu, nó có thể rất tàn nhẫn, vụng về và bất cẩn. Nó có thể gieo rắc xung đột, bất hòa và chia rẽ. Nó *mạnh đấy nhưng cũng yếu ớt*, cái lưỡi không thể đổi trắng thay đen, hoặc bắt người ta đáp

ứng, và trên hết, lời nói không thể thay thế việc làm. Vậy những lời nào nên ở trên môi miệng chúng ta theo sách Châm Ngôn? Có bốn kiểu lời nói: *lời chân thật, kiệm lời, lời điềm tĩnh* và *lời thích hợp*. Thảo nào Gia-cơ nói rằng: *"Nếu ai không phạm tội với lưỡi mình thì đó là người trọn vẹn."* Nếu chúng ta chưa từng làm điều gì phạm tội thì Chúa Giê-su cũng đã phán rằng: "*Đến Ngày phán xét, chúng ta sẽ bị phán xét vì mọi lời bất cẩn*." Thế là đủ để kết tội hầu hết chúng ta rồi.

Mối quan hệ

Một chủ đề rất quan trọng khác là *mối quan hệ*. Tất cả các khía cạnh quan hệ đều được đề cập: *Quan hệ cha mẹ và con cái*, sách có nói rằng cha mẹ thật ngu dại nếu họ không kỷ luật và phạt con cái mình. Châm Ngôn dạy rằng: về bản chất, con cái rất dại dột và bạn cần đánh bật cái đó ra khỏi chúng. Trẻ con biết *nói "Không"* trước khi chúng biết *nói "Vâng."* Không bao giờ phải dạy chúng hung ác, chỉ dạy chúng tử tế thôi. Không bao giờ phải dạy chúng cách nói dối, chỉ dạy cách nói thật. Không bao giờ phải dạy chúng vô lễ, chỉ dạy chúng lịch sự và nhã nhặn với người khác. Về bản chất, các nhà nhân văn chủ nghĩa cho rằng: *"Nhân tri sơ tính bản thiện"* và ở trong môi trường đúng, con trẻ sẽ trở nên tốt đẹp, vì vậy không nên dùng hình phạt với chúng. Quan điểm này xuất phát từ *niềm tin* rằng con trẻ sinh ra vốn không có tội, chúng sinh ra là vô tội, thiện lành, chính người lớn đã biến chúng thành những tạo vật xấu xa trong môi trường xấu. *Đó không phải là lẽ thật, Kinh Thánh có quan điểm ngược lại*, rằng: *"Nhân tri sơ tính bản ác."* Thế nên Chúa Giê-su mới phán: "Vậy nếu các con vốn là người xấu, còn biết cho con mình các vật tốt." Có sự *khác biệt hoàn toàn* giữa quan điểm của Kinh Thánh về bản chất của con người, rằng *"Chúng ta về cơ bản là xấu và có thể làm điều tốt,"* với quan điểm nhân văn cho rằng *"Chúng ta về cơ bản là tốt và có thể làm điều xấu,"* tùy thuộc vào việc bạn bắt đầu nuôi con theo cách nào.

Kinh Thánh nói thẳng ra rằng anh mà không nhanh chóng phạt con cái mình khi chúng làm sai tức là anh không yêu chúng. Nghĩa là anh không muốn cho chúng điều tốt nhất và anh không thực sự biết ý nghĩa của tình yêu thật sự. Nó không phải là sự nuông chiều. Bạn không thể nói rằng: "Tiền đây, con cứ đi mua bim bim mà ăn, con về nhà lúc nào cũng được." Đấy không phải là tình yêu, *tình yêu là sự kỷ luật*.

Có mối *quan hệ với những người hàng xóm* của bạn. Sách có chép: "Đừng đồng tình với thỏa thuận xấu," và còn nói: "Có những lúc mà con cần im lặng, và đừng sang nhà hàng xóm nhiều quá." Có lời khuyên thú vị về cách đối đãi với những người hàng xóm, và trên hết sách cho bạn biết cách trở thành một người bạn tốt: "Có một bạn thân thiết còn hơn anh em ruột thịt." Và sách nói đến bốn đặc điểm của một người bạn tốt: Một là *Trung thành*, bạn tốt là người luôn làm bạn của bạn, người sẽ kề vai sát cánh với bạn lúc gian nguy. Hai là *Thẳng thắn*, bạn tốt sẽ nói thẳng với bạn và cho bạn biết sự thật. Ba là *Tâm vấn*, bạn tốt sẽ cho bạn lời khuyên. Bốn là *Tử tế*, bạn tốt sẽ luôn cư xử đúng với bạn. *Bốn T t*hật *t*hấm *t*hía, đúng không? Chính mẫu bạn này sẽ thân thiết với bạn hơn họ hàng, một người bạn thân thiết còn hơn anh em ruột thịt.

Sách Châm ngôn với dân Y-sơ-ra-ên

Vậy *Cơ Đốc nhân chúng ta làm gì* với sách Châm Ngôn? Hãy bắt đầu bằng câu hỏi: *"Sách đã đạt được mục tiêu của nó chưa?"* Thời ấy Y-sơ-ra-ên đang ở đỉnh cao của nền hòa bình và thịnh vượng, họ chưa bao giờ đạt đến mức này. Sa-lô-môn đã nhận ra rằng họ có thể dễ dàng đánh mất mọi thứ. Nhưng ông không nhận ra rằng chính ông sẽ gây ra sự mất mát đó. Ông chỉ nhận ra trách nhiệm chung của dân tộc: "Sự công chính làm cho đất nước được tôn trọng, nhưng tội lỗi làm cho dân tộc bị

hổ thẹn," và ông viết câu đó ra để cố gắng giữ lấy nền hòa bình, thịnh vượng cho đất nước mình, giữ cho họ được khôn ngoan vì nếu không có sự khôn ngoan thì mọi thứ sẽ sai trật. Chúng ta phải hỏi rằng *"Người Y-sơ-ra-ên có để ý gì đến sách này không?"* Câu trả lời là: *"Không!"* Và tội lỗi trở thành nỗi ô nhục với họ, họ đã mất mọi thứ như vậy đó. Những dân và những nước không nghe theo sự khôn ngoan này cũng sẽ đánh mất những gì Chúa đã ban cho họ.

S*a-lô-môn thậm chí cũng không sống bởi sự khôn ngoan của chính mình*. Điều này làm tôi nhớ đến anh chàng Scotland nói với mục sư hội thánh mình rằng: "Cháu mơ ước được trèo lên Núi Si-na-i và hô to Mười Điều Răn, to nhất có thể. Cháu luôn ước mơ như vậy." Và vị mục sư đáng mến người Scotland nói: "Ồ, tốt nhất là cháu cứ ở nhà và giữ mười điều răn đi!" Bạn biết đấy, treo câu gốc lên tường là một chuyện, quan trọng là bạn có ghi chúng trong lòng mình không. Tôi e rằng Y-sơ-ra-ên đã không làm như vậy, và họ đánh mất mọi thứ.

Đề tài khôn ngoan xuyên suốt Kinh Thánh

Thật thú vị khi thấy *cách Tân Ước dựa trên sách Châm Ngôn*, có lẽ là bạn chưa từng để ý điều này. Với *Giăng Báp-tít*, tại sao ông lại đến? Có chép rằng ông đến để *"Đem* kẻ không vâng phục *đến sự khôn ngoan* của người công chính*."* Câu đó có trong *sách Lu-ca*. Giăng Báp-tít đến để "đem kẻ không vâng phục đến sự khôn ngoan của người công chính." Chúa Giê-su nói với sự khôn ngoan đến nỗi những người nghe Ngài phải hỏi: "Do đâu người này có sự *khôn ngoan* như vậy?" Như vậy là từ *khôn ngoan* trải khắp Tân Ước tuy có thể bạn chưa bao giờ để ý đến nó. Nhưng *nó* có đó, và chính Chúa Giê-su đã nói rằng: "Nữ vương Sê-ba từ đầu cùng trái đất đến nghe lời khôn ngoan của vua Sa-lô-môn, nhưng tại đây có người còn cao trọng hơn Sa-lô-môn." Ngài đang nói rằng: *"Hãy đến với Ta để tìm sự khôn ngoan."* Khi còn nhỏ, Kinh Thánh chép rằng Chúa Giê-su đã đầy dẫy sự khôn ngoan.

Đề tài khôn ngoan đã trải khắp Kinh Thánh, và chúng ta *thấy sự khôn ngoan tột bậc của Chúa trên thập giá. Với tư duy của con* người thì đó là sự ngu dại tột độ. Thập giá của Chúa đối với thế gian là điên rồ. Họ nói: "Nếu ngươi định cứu thế giới và sửa lại nó cho đúng thì chết trên thập tự giá được cái tích sự gì? Thật quá ngu ngốc." Nhưng hãy đọc *1 Cô-rinh-tô 1*, Phao-lô nói: "Thế gian coi đó là điên rồ, nhưng đó lại là sự khôn khoan của Đức Chúa Trời, Chúa biết điều Ngài đang làm." Bạn thì sẽ không đời nào để *Đấng Cứu Chuộc* thế giới làm tại xưởng mộc trong 18 năm và chỉ cho Ngài giảng ba năm, đúng không? Nhưng đó chính là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, vì Con Ngài phải học hỏi từ gian khổ, và Chúa Giê-su đã học được. Ngài trở nên rất khôn ngoan và qua sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trên thập giá. Phao-lô nói: "Đấng Christ đã trở nên sự khôn ngoan từ Đức Chúa Trời cho chúng ta." Đó là *sự công chính, sự thánh khiết* và *sự cứu chuộc* của chúng ta. Cuối cùng thì những người khôn ngoan duy nhất trên thế gian là những người quan tâm đến sự công chính, thánh khiết và sự cứu chuộc. Thế gian không quan tâm lắm đến những điều này. Trong sự ngu dại của thế gian, nó phớt lờ sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Trong *sự khôn ngoan ở Tân Ước*, có nhiều câu được trích trực tiếp từ sách Châm Ngôn. *Phao-lô* nói: "Nếu kẻ thù anh em đang đói hãy cho họ ăn, nếu đang khát hãy cho họ uống, vì làm như vậy khác nào anh em đặt than lửa hồng trên đầu họ." *Phi-e-rơ* thường xuyên trích sách Châm Ngôn, một câu chát chúa là *"Kẻ ngu dại lặp lại việc ngu dại của mình khác nào con chó đã mửa ra rồi liếm lại."* Một câu khác Phi-e-rơ hay nhắc nhở là *hãy "Kính sợ Đức Chúa Trời, tôn trọng vua"* đều lấy ngay từ Châm Ngôn. Hoặc sách *Hê-bơ-rơ* đã trích dẫn Châm Ngôn hết lần này đến lần khác: *"Chúa sửa phạt người Ngài yêu thương."* Nếu Chúa không sửa phạt bạn thì bạn là con hoang chứ không phải con thật,

vì bởi tình yêu thương mà Ngài kỷ luật bạn. G*ia-cơ,* là một thư tín trong Tân Ước rất giống với Châm Ngôn từ hết chủ đề này sang chủ đề khác, và đặc biệt nhấn mạnh về *cái lưỡi*. Rõ ràng là nhiều dạy dỗ trong Tân Ước được các trước giả lấy ngay từ sách này.

Châm ngôn dành cho chúng ta

Nên Châm Ngôn là dành cho chúng ta, dù sách không nằm trong Tân Ước. Nếu Sa-lô-môn có thể nhận biết sự khôn ngoan từ người Ai Cập và Ả Rập thì chúng ta cũng cần nhận biết sự khôn ngoan từ người Do Thái. Nói thật là mỗi khi nói chuyện với người Do Thái, tôi đều thấy họ có *một kiểu khôn ngoan độc đáo*. Nó gần như ăn vào cốt tủy họ, nhất là khi bạn lắng nghe một ông thầy Ra-bi. Bạn đã bao giờ xem "Người chơi vĩ cầm trên mái nhà" có nhân vật Tevye chưa? Sự khôn ngoan ra từ vở nhạc kịch đó thật sự đậm chất Do Thái. Ở đó có *một kiểu trí khôn cố hữu, một sự tinh khôn*. Kiểu tinh khôn đó đã gìn giữ họ qua bao nhiêu thế kỷ khi họ chạy hầu khắp thế giới từ nước này sang nước khác, *sự khôn ngoan của người Do Thái*.

Họ có một nhóm người đặc biệt tên là *Các Nhà Thông Thái. C*hính nhóm đó, Các Nhà Thông Thái, *đã lần theo ngôi sao dẫn đường đến Bết-lê-hem*. Không phải người ngoại đâu, họ là người Do Thái. Họ là những người Do Thái ở lại Ba-by-lôn sau cuộc lưu đày và họ ghi *nhớ lời tiên tri của Ba-la-am*, rằng *một ngôi sao sẽ xuất hiện từ Y-sơ-ra-ên để làm Vua các nước. H*ọ đã tìm ngôi sao đó theo lời tiên tri trong Cựu Ước và khi nhìn thấy nó, họ đã rời Ba-by-lôn. Lẽ ra họ nên rời khỏi đó từ nhiều thế kỷ trước, hoặc ông cha họ nên làm vậy, nhưng họ đã đến với Chúa Giê-su. Họ là những người khôn ngoan. Bạn đã thấy cái sticker trên các xe ô tô vào dịp Giáng sinh chưa? - "Người khôn ngoan tìm kiếm Chúa Giê-su." Đó là lẽ thật, vì Đấng Christ đã trở nên sự khôn ngoan của chúng ta -"Sự khôn ngoan của Đấng Christ, sự công chính, sự thánh khiết, sự cứu rỗi của chúng ta." Và khi có được những điều này, bạn sẽ nên khôn ngoan và không ném đời mình đi.

Tôi được ban cho một lời tiên tri từ vài năm trước, kết quả là tôi bắt đầu chức vụ đi đây đó của mình. Lời đó quá rõ ràng, tôi không thể né tránh. Nhưng lời đó kết thúc thế này. "Ta thật muốn con phục vụ Ta để rồi đến một ngày, con sẽ nhìn vào mặt Ta và nói: 'Chúa ơi, chúng ta làm được rồi!" Chúng ta làm được rồi! Hãy ước ao đi đến cuối cuộc đời và nói: "*Chúa ơi, chúng ta làm được rồi!"* Đời không bị phí hoài. Nhưng bạn không thể làm mọi thứ với đời, nó phụ thuộc vào những lựa chọn của bạn. Châm Ngôn nói đến *việc đưa ra lựa chọn khôn ngoan*, để đi đến cuối cuộc đời và nói được: *"Chúa ơi, chúng ta làm được rồi!"* A-men.

SÁCH NHÃ CA

Giới thiệu

Khi đọc một sách như *Nhã Ca*, nhiều tín hữu dễ có phản ứng ngay: "*Sao sách này lại có trong Kinh Thánh nhỉ?"* Bởi vì sách không hề nhắc đến bất cứ điều gì thuộc linh, đến sự cứu rỗi, sự cầu nguyện hay thiên đàng. Danh Chúa còn không được nhắc đến lấy một lần. Trong nhiều năm đầu, tôi không bao giờ giảng về sách này, tôi thật sự không biết làm gì với nó. Nghĩ là không chỉ mình tôi bị như vậy.

Hãy bắt đầu với tên sách, *Nhã Ca*, trong tiếng Anh là *"Bài ca của các bài ca."* Lý do là vì tiếng Hê-bơ-rơ không dùng tính từ, chỉ dùng danh từ. Không thể nói theo cách dùng tính từ: Đây là bài ca *"hay nhất,"* "*tuyệt vời nhất."* Mà nói theo cách dùng danh từ: Đây là *"Bài ca của các bài ca."* Cũng thế, thay vì nói "Vua Cao cả nhất" thì nói *"Vua của các Vua*," hay "Đức Chúa Trời vĩ đại nhất" là *"Chúa của các Chúa."*

Có thể đây là một bài hát hay thật, nhưng sao sách lại có trong Kinh Thánh là thế nào nhỉ? Chẳng những *không thuộc linh* mà sách *còn cực kỳ khêu gợi*. Sách chạm đến cả năm giác quan: khứu giác, vị giác, thính giác, thị giác và xúc giác. Đó là một bài ca khơi gợi đủ các giác quan. Khi chuyển sang mô tả kỹ cơ thể của nhau, chàng trai và cô gái trong bài ca này thật sự khá thân mật, thậm chí là thích thú. Tôi không được ai sách này trong trường Chúa nhật hồi nhỏ, nhưng tôi bắt đầu hứng thú với nó ngay khi tôi vỡ giọng. Thật là hợp khi chúng ta nghiên cứu sách này chỉ hai ngày trước Lễ Valentine 14 tháng Hai.

Như vậy là trong nhiều năm, tôi không hề giảng sách này, tôi không lý giải được. Sách còn làm tôi thấy mặc cảm tội lỗi. Có thời gian tôi đã mua rất nhiều sách giải kinh và chú giải bồi linh về sách này để cố hiểu biết thêm về sách, và mặc cảm tội lỗi của tôi càng gia tăng. Vì rõ ràng là tất cả đều *viết theo ngụ ý,* và không một từ nào mang nghĩa như tôi từng nghĩ - theo những cuốn giải kinh và chú giải bồi linh này. Tôi nghĩ mình đã chạm đáy khi tôi đọc một cuốn giải kinh dẫn giải một câu trong *Chương 1* khi cô gái nói: "Người yêu tôi nằm giữa ngực tôi," và nhà giải kinh nói: "Câu này nghĩa là giữa Cựu Ước và Tân Ước." Tôi nhớ là lúc ấy tôi nghĩ bụng: "*Cứu! Sao mình xác thịt thế nhỉ!"* Vì khi đọc cụm đó, điều cuối cùng mà tôi nghĩ đến là Cựu Ước và Tân Ước. Tôi đã nghĩ chắc Chúa đưa sách này vào Kinh Thánh như một kiểu *đưa một tình huống khó xử để thử* xem bạn thuộc linh hay xác thịt, nên tôi đã bỏ ngỏ mãi sách này. Tôi nghe rằng các *Rabbi* coi đây là một *sách rất thánh*, họ gọi đó là *"Sách thánh của các sách thánh"* và một số Rabbi thậm chí còn cởi giày ra khi đọc sách này, điều nghe có vẻ khá khác lạ với tôi.

Sách thuộc thể loại nào: Ngụ ngôn, Khẳng định hay Tương đồng?

Vậy chúng ta phải *làm gì* với một *sách như thế này?*

Điều đầu tiên tôi muốn nói: Đây *không phải là ngụ ngôn*. Ngụ ngôn tức là ngụ ý. N*gụ ngôn* là một câu chuyện *hư cấu* mà ai đó bịa ra và có *chứa thông điệp ẩn giấu*, mọi thứ đều không giống như bề ngoài, có một ngụ ý đằng sau đó. Một trong những chuyện ngụ ngôn kinh điển là *Thiên Lộ Lịch Trình* của Bunyan, trong đó mọi thứ đều mang một nghĩa khác, Nhà được đặt là *Mỹ Cung* và Đồi được đặt là *Gian Nan*, tất nhiêu là chúng không có thực, mọi thứ đều không như ta tưởng. G*ulliver du kí* là một ngụ ngôn khác. Có một vị cha xứ Anh giáo tin rằng *Winnie the Pooh* (*Gấu Pooh*) là một chuyện ngụ ngôn, ngụ ngôn về hội thánh trên toàn cầu, *Gấu Pooh là Anh giáo*, một con gấu có bộ não

nhỏ nhưng là trung tâm của mọi việc, *Lợn Piglet là Giám lý* lúc nào cũng cặp kè với Gấu Pooh, *Hổ Tigger* là Ngũ tuần, lúc nào cũng nhảy dựng lên và kiểu như khiến người ta khiếp đảm với những âm thanh không ai hiểu được! Tất cả đều thuộc về *Christ-opher Robin* (có chữ Christ trong đó), cuối cùng thì tất cả đều đến một nơi kỳ diệu với anh *Báo Anh Giáo*, nêu rất rõ như vậy.

Ngụ ngôn là thế. Đó là một *câu chuyện hư cấu có ẩn ý*, và e rằng *hầu hết* mọi người *đều coi Nhã Ca là ngụ ngôn*. Vấn đề là, khi họ cố giải mã sách thì ai cũng dùng một *mật mã khác nhau*, ai cũng nghĩ ra những ý nghĩa khác nhau và mọi người đều thấy *điều họ muốn thấy* trong đó. Cái đó không khiến tôi thỏa mãn chút nào. Tại sao chúng ta không thể hiểu sách theo nghĩa đơn giản nhất, rõ ràng nhất? À vì chúng ta nghĩ *Thế thì không hay lắm*. Vấn đề là chúng ta bị ảnh hưởng bởi *tư duy Hy Lạp* hơn Hê-bơ-rơ quá nhiều. Người Hy Lạp *không bao giờ kết hợp các thứ với nhau*. Với họ, cuộc sống luôn *tách* thành *thuộc thể* và *thuộc linh*, *thánh* và *thế tục*, luôn phân tách như vậy và họ không bao giờ có thể để điều thuộc thể và điều thuộc linh vào cùng một bức tranh. Như vậy, người Hy Lạp trở thành những người hoặc rất thuộc linh hoặc rất thuộc thể, rất bê tha hoặc thực sự nghệ thuật.

Với người Hê-bơ-rơ thì *chỉ có một Đức Chúa Trời dựng nên cả điều thuộc thể và thuộc linh*. Trong *tư duy Hê-bơ-rơ*, *thuộc thể là tốt* còn với *tư duy Hy Lạp* thì *thuộc thể tự nó có xu hướng xấu xa*. Nhưng nếu Đức Chúa Trời, *nếu một Đức Chúa Trời tốt lành dựng nên thế giới vật chất này thì vật chất là tốt*. Chính Chúa là Đấng dựng nên người nam và người nữ, Ngài khiến chúng ta đem lòng yêu nhau và nên vợ nên chồng. Như vậy, *đây không phải là một ngụ ngôn mà là một khẳng định*, một khẳng định, nhớ ghi lại ý đó.

Tại đây, ở giữa Kinh Thánh, *Chúa đang khẳng định tình yêu giữa một người nam và một người nữ*. Ngài đang nói rằng: "Ta đã làm điều đó, Ta đã sáng tạo ra nó, Ta đã tạo nên nó..." Một trong những *lời nói dối trắng trợn nhất* mà ma quỷ đi rêu rao khắp thế giới *là Chúa phản đối tình dục* và Sa-tan ủng hộ điều đó. Thực ra thì *sự thật hoàn toàn ngược lại*. Ma quỷ đã thuyết phục quá nhiều người tin vào lời nói dối này. C*hính Chúa đã tạo nên tình dục và chính Sa-tan đã hủy hoại nó*, đó là sự thật. Như vậy, đây là khẳng định nằm ngay giữa Kinh Thánh về tình yêu của con người. Kinh Thánh chép rằng *"Chớ xem là ô uế vật gì Đức Chúa Trời đã làm cho tinh sạch,"* rất đúng với sách này. Mỗi khi cử hành hôn lễ, tôi luôn đọc một phần trong Nhã Ca và bảo họ đọc phần còn lại vào kỳ trăng mật. Mới đây, một vị cha xứ kể với tôi là ông ấy cũng bảo một cặp đôi rằng ông muốn đọc Nhã Ca vào lễ cưới của họ. Họ bảo: *Ôi, cha không thể đọc cái đó trong nhà thờ được!* Nhưng Nhã Ca lại nằm ngay giữa Kinh Thánh.

Nhã Ca *chỉ có vậy thôi sao?* Chỉ đơn giản là một khẳng định về tình dục của con người ư? Không, còn nữa, *sách là phép tương đồng*. Không phải là ngụ ngôn mà là tương đồng. Ngụ ngôn là một tác phẩm hư cấu có ẩn ý, nhưng phép *tương đồng* là *thực tế này giống thực tế kia*. Tôi đã bảo bạn rằng sách này là một chuyện tình lãng mạn từ đầu chí cuối. Đó là một chuyện tình, viết gửi đến bạn từ một người yêu bạn hơn bất cứ ai, đó là một bức thư tình. Khi vợ chồng tôi chuyển nhà, chúng tôi phát hiện ra những chồng thư tình mà chúng tôi viết cho nhau trước khi kết hôn. Tôi đã mở một tệp tôi gửi cho bà ấy và đọc một bức, tôi sửng sốt không hiểu sao một người có trí tuệ không đến nỗi nào lại viết ngớ ngẩn như vậy! Bạn đã bao giờ viết G E N C H đằng sau bì thư chưa? Những người không biết và cần được vỡ lòng này, nó nghĩa là "Gửi Em Ngàn Cái Hôn." Một một chàng trai đã bảo cô gái của mình rằng: *Mỗi khi anh nhận được thư em, anh hôn phía đằng sau bì thư vì anh biết môi em đã từng ở đó*. Mặt cô gái đỏ bừng lên và nói: *Ôi, thực ra là em đã cho chỗ đó vào mũi con chó ạ!* Hết cả lãng mạn luôn. Nhưng khi chúng tôi tìm thấy thư tình mà hai chúng tôi gửi cho nhau, tất cả đều đã

nhàu nát lắm rồi. Không phải vì chúng tôi đã kết hôn từ 300 năm trước, mà vì khi nhận được một bức thư tình, bạn cứ đọc, đọc hoài, đọc mãi. Tôi đã mang thư của bà ấy đi khắp nơi trong túi ngực của bộ quân phục không quân và mỗi khi rảnh rỗi, tôi lại lôi ra đọc lại. Khi nhận được một bức thư trang trọng, lại in chữ nữa thì tôi không thích lắm, nhất là thư lại đề người gửi là Cơ quan Thuế, bạn biết đấy! Nhưng thư tình bạn đọc hoài, đọc mãi. Bạn đã bao giờ nghĩ đến việc nhìn vào rìa của cuốn Kinh Thánh chưa? Hãy đóng Kinh Thánh và nhìn vào rìa sách xem chỗ nào bẩn, bạn đã bao giờ thử chưa? Nó khiến bạn phải suy nghĩ. *Kinh Thánh là một bức thư tình*, và cần đọc như một bức thư tình. Đó là một chuyện tình lãng mạn, kể rằng *Chúa đã đi tìm một nàng dâu cho Con Một của Ngài thể nào,* và toàn bộ Kinh Thánh nói đến điều đó. Ngài kết thúc bằng một lễ cưới, tất cả là một câu chuyện tình. Nhưng ở đây, một sách nằm ngay giữa Kinh Thánh là một câu chuyện tình. L*ãng mạn là chìa khóa mở ra hiện thực*, đó là điều sách đang nói đến.

Phép tương đồng là *điều này giống với điều kia*, một thực tế này giống một thực tế khác. Chúa Giê-su luôn dùng đến phép tương đồng, "Vương quốc Thiên đàng giống như..." Ngài bắt đầu bằng điều mà người ta biết và hiểu được, và nói rằng điều các con không biết hoặc chưa hiểu giống với việc này. P*hép tương đồng của sách này rất đơn giản. Tình yêu giữa người nam và người nữ* giống như *tình yêu giữa Đức Chúa Trời và loài người.* Tất nhiên là trải nghiệm yêu đương của con người trải khắp thế giới. Kinh Thánh nói rằng mối quan hệ của bạn với Chúa có thể được như vậy, bạn có thể nói về Ngài rằng: "Người yêu dấu thuộc về tôi và tôi thuộc về chàng." *"Giống như"* là như vậy. Sách là phép tương đồng nên chúng ta sẽ dùng sách như một phép tương đồng*, một thực tế minh họa một thực tế khác.*

Trước giả

Sách là *một thực tế được viết* bởi *Sa-lô-môn*, người thừa hưởng từ cha mình một ngai vàng, một cung điện, một cây ghi-ta và khả năng viết lời hát. Sách Các Vua cho chúng ta biết là ông viết *1.005 bài ca*, nhưng chúng ta chỉ có khoảng *sáu bài* trong Kinh Thánh. Vậy chuyện gì đã xảy ra với *999 bài* còn lại? Có một *giả thiết*, xem nó có hợp lý không nhé. Sa-lô-môn là người được cho là *khôn ngoan nhất* trong Cựu Ước. Nhưng ông có 700 bà vợ và 300 cung phi, với 700 bà mẹ vợ. Bạn có cho đó là khôn ngoan không? Thực ra, Sa-lô-môn mang đặc thù của cánh nam giới, có nhiều sự khôn ngoan cho mọi người khác nhưng không có mấy cho chính mình. Rất tiếc là ông không nghe chính lời mình, ông thuyết giảng nhưng ông không thực hành.

Giả thiết thế này: trong cả ngàn người nữ diễm phúc đó, *chỉ có một người* Chúa chọn cho ông thôi. Có cả 999 bài ca ông viết không được dùng trong Kinh Thánh, chỉ một bài được mà thôi. Ông đã viết cho mỗi bà một bài, nhưng Chúa phán: "Ta chỉ chấm một bài về người nữ mà Ta đã chọn cho con." Hợp lý không ạ? Dù các bài kia có như thế nào thì chúng ta cũng không được đọc, có thể là chúng không đáng để công bố. Nhưng bài này thì được Chúa dùng. Kinh Thánh chép trong Nhã Ca rằng ông đã có 60 hoàng hậu, ông nói vậy, còn cung phi thì không thấy đếm khi ông viết bài ca này. Ông đang trên đà thăng tiến, nhưng đây là người xứng hợp, cô gái thôn quê từ phương bắc, người mà Chúa muốn ông lấy và lẽ ra ông nên chờ đợi. Vậy là Chúa không dung nạp bất kỳ bài nào khác.

Cốt truyện: Tình tay ba hay chỉ có hai người?

Các học giả nghiên cứu Kinh Thánh không hề đồng nhất với nhau về cốt truyện. Một số học giả nói rằng đây là câu chuyện *về ba người*, một cuộc tình tay ba, hay một trận chiến tay ba. Có một *chàng trai chăn cừu*, một *vị vua* và một *cô gái*. Cô gái bị giằng xé giữa tình yêu của chàng trai chăn

cừu nghèo khổ và vị vua giàu có, cô phải chọn ai đây? Toàn bộ sách Nhã Ca *mô tả* cuộc tình tay ba này, và cô gái *đứng giữa tự hỏi* phải chọn đường nào. Sự kiện tạo thành một cốt truyện thú vị. Sẽ có một bài giảng khá ổn vì có thể kết thúc bài giảng bằng một lời kêu gọi cảm động: "*Nếu bạn là cô gái đó, bạn sẽ chọn vua của thế gian này hay Người chăn Nhân lành"?* Bạn thấy không? Một bài giảng hay, nhưng tôi thì cho rằng nó quá nhảm nhí, vì nếu, nếu cốt truyện là như vậy thì sao Sa-lô-môn lại viết bài ca này, vì ông sẽ là *nhân vật phản diện* trong đó. Còn nhiều lý do khác nữa. Sách *có bầu không khí trong trắng chứ không tội lỗi*, không phải một vị vua độc ác quyến dụ cô gái đơn sơ này, cái đó là xuyên tạc. Đó là một bài ca tình yêu đơn sơ và thuần khiết từ đầu tới cuối.

Vì vậy, phải *trở lại* với *cốt truyện về hai người*. Nhưng phải giải thích tại sao chàng trai lại *trò chuyện như* một người chăn chiên và một vị vua. Ngoài những điều khác thì nhiều vị vua Y-sơ-ra-ên cũng xuất thân là người chăn chiên. Đó là một sự kết hợp độc đáo, những vị vua chăn chiên của Y-sơ-ra-ên. Cái đó kết hợp giữa tầng lớp cao nhất và thấp nhất trong xã hội. Người chăn chiên ở nấc thang cuối cùng. Ý tôi là Gie-sê đã nói với Sa-mu-ên khi Sa-mu-ên hỏi: "*Ông còn đứa con trai nào khác không? - Tôi chỉ còn thằng bé chăn cừu thôi".* Đó là tầng lớp thấp nhất. Nhưng thật độc đáo, Môi-se là người chăn chiên trước khi ông lãnh đạo dân sự Chúa, và Đa-vít là người chăn chiên trước khi ông lên ngôi vua.

Như vậy, đây không phải là sự kết hợp bất thường, nhưng còn hơn thế nữa. Một lần nữa, toàn bộ câu chuyện tựa như chuyện cổ tích hay chuyện tình mà bạn đọc thấy trên tạp chí thời nay. Đó là hội chứng *Cô bé lọ lem*, hội chứng *Jane Eyre*, hội chứng *"Ông bố chân dài,"* hay các phim *Giai điệu Hạnh phúc, Sound of Music*,…. Cốt truyện sách Nhã Ca thật giống với cốt truyện của Catherine Cookson hay Barbara Cartland về một cô gái nghèo, một chàng hoàng tử đem lòng yêu cô rồi chiếc giày vừa khít và cô được rước về cung.

Câu chuyện

Hãy giải thích chi tiết hơn. Lần đầu đọc Nhã Ca, bạn cảm giác như mở một hộp tranh ghép ra và thấy hết những mảnh ghép đủ sắc màu lẫn lộn với nhau ở bên trong. Tôi hay chơi ăn gian khi ghép tranh. Tôi thích ghép, nhưng lại thích ăn gian. Tôi dựng bức tranh ra trước mặt, lấy một mảnh ghép và dò trên tranh cho tới khi tìm được chỗ giống và đặt nó xuống. Ấy là chơi ăn gian. Những chuyên gia ghép tranh thực thụ không làm như vậy. Thực ra là họ thường được gửi một hộp *không có tranh minh họa* bên ngoài. Lần đầu đọc Nhã Ca, bạn cảm giác như mở một hộp ghép tranh không có tranh minh họa bên ngoài, và bạn thấy các mảnh ghép, cả đống mảnh ghép nhiều màu sắc.

Tối nay tôi muốn chơi ăn gian và tôi sẽ cho bạn xem tranh minh họa bên ngoài, để rồi khi bạn tự đọc sách thì các mảnh ghép nhỏ đều khớp vào bức tranh. Tôi muốn bắt đầu bằng một điều có chép trong chương cuối, *chương 8* trong Kinh Thánh. Sa-lô-môn có một điền trang trên sườn núi Hẹt-môn ở phía bắc. Khi mệt mỏi với việc triều đình, ông lui đến đó và làm công việc của người chăn chiên. Hoàng gia Anh cũng tương tự như vậy. Thật là thư giãn khi mặc đồ thôn quê, đeo đôi ủng xanh lá và về vùng quê, giả vờ làm một quý ông quê mùa. Sa-lô-môn từng làm như vậy, ông bỏ vương miện ra, khoác bộ mục đồng và đi về phương bắc. Tại đó, nơi điền trang của ông, ông sẽ lùa vài con chiên ra, dẫn chúng đi gặm cỏ. Chỗ đó không có những đồng cỏ như ở đây, nó chỉ có núi đá với vài mảng xanh xanh, và phải tìm chỗ nước lặng cho chiên. Vì lỗ mũi chiên nằm ngay gần miệng nó, nên nếu nước động hoặc sóng dữ thì nó sẽ bị sặc vì hít nước vào lỗ mũi.

Như vậy, một người chăn chiên giỏi biết chỗ nào có bãi cỏ xanh và nước tĩnh lặng. Anh ta đưa chiên đi khoảng 25 cây số mỗi ngày. Tới giữa trưa nắng, anh ta phải bắt chúng nằm xuống bằng cách cột dây quanh bốn chân của nó. Nhà tôi có một bức tranh vẽ bầy chiên nằm xuống trong tư thế cột chân. Ông bắt chúng nằm xuống nơi bãi cỏ xanh chứ không để chúng mệt lả vì nắng. Đấng chăn Nhân lành cũng làm vậy với bầy của mình. Ngài đã bao giờ bắt bạn phải nằm xuống chưa? Rồi, điền trang của Sa-lô-môn nằm ở sườn núi Hẹt-môn. Có một nông trại, ông chủ qua đời và để lại dinh cơ cho các con trai. Không biết là ông có bao nhiêu: 3 hoặc 4 con trai, và 2 con gái, một cô còn nhỏ, cô kia đã trưởng thành. Đây chính là cô gái trong bài ca này và cô phải làm lụng vất vả cả đời. Cha mẹ đã chia đất và nói với từng con trai, con gái rằng: "Đây là vườn nho của các con." Nhưng mấy người anh lại bắt cô làm hết mọi việc nội trợ, lại còn đủ thứ việc ngoài đồng. Cô than phiền rằng cô phải chăm sóc vườn nho của họ nhiều quá đến nỗi bỏ lơ vườn nho của chính mình.

Hơn nữa, một điều khác đã xảy ra với cô, khiến cô có thể phải làm thân trâu ngựa trong suốt phần đời còn lại cho các anh trai: *da cô ngày càng đen đi dưới nắng*. Ở Trung Đông người ta giữ cho cô dâu không ra nắng suốt 12 tháng trước lễ cưới để cô được xinh đẹp và trắng trẻo. Người ta đã làm vậy với Ê-xơ-tê, Hoàng hậu Ê-xơ-tê. Như vậy, cô gái nghèo khó này ngày càng đen đi dưới nắng. Vì vậy, triển vọng hôn nhân của cô ngày càng mờ mịt. Cô nghĩ: "Mình sẽ không bao giờ thoát khỏi các anh mình, suốt phần đời còn lại, mình sẽ phải làm thân trâu ngựa cho họ."

Một ngày nọ, cô đang làm đồng thì gặp một chàng trai trẻ và họ trò chuyện với nhau. Họ trở nên thích nhau, hẹn hò nhau ngày mai, ngày kia và ngày tiếp theo. Được nửa tháng thì họ yêu nhau say đắm. Họ bắt đầu nói những điều ngớ ngẩn mà bạn có nói khi đang yêu, kiểu như: "Chúng ta chỉ cần lấy cỏ xanh làm giường và lấy cây bá hương hay linh sam làm nhà." Cô chỉ nói vậy trước lễ cưới thôi! Tất cả đều có trong các bài ca và cuối cùng...Vâng, một điều khiến nàng bận tâm là nàng không biết chàng là ai, nàng cứ hỏi chàng hoài rằng: "*Chàng đến từ nông trang nào? Chàng cho bầy chiên mình nghỉ trưa ở đâu?"* Chàng trả lời: "*Thì...khi này nàng theo dấu bầy dê, khi khác lại theo dấu bầy chiên."* Chàng lảng tránh câu hỏi và không cho nàng biết mình là ai.

Dù sao thì nàng cũng yêu chàng say đắm và chàng cũng vậy. Cuối cùng chàng nói: *"Làm vợ anh nhé!"* Vi nàng đã đợi điều này lâu lắm rồi nên vui mừng nói: "*Vâng, vâng, vâng."* Chàng thì lại ngập ngừng: *"*Anh có vài tin không hay. Ngày mai anh phải đi vì anh sống và làm việc tại thành phố lớn ở phương nam. Nhưng anh sẽ quay lại cưới em, em cứ chuẩn bị cho lễ cưới đi, mai anh sẽ đi và anh sẽ quay lại để làm lễ cưới." Vài tháng sau đó, cô gái hăm hở chuẩn bị đồ cưới, vì cô chưa từng nghĩ là sẽ có một lễ cưới, nên bây giờ cô lại cực kỳ phấn khích. N*hưng cô bắt đầu gặp ác mộng*, và cũng không cần có kiến thức tâm lý cao siêu gì mới giải nghĩa được giấc mộng của cô. Mọi giấc mộng đều xoay quanh nỗi lo lắng là "Mình đã mất chàng, mình sẽ đi tìm chàng." Đêm nọ cô đang nằm và mơ thấy mình đang chạy khắp các đường phố để tìm chàng, cô gặp mấy người lính gác, liền hỏi: "Các anh có gặp người tôi yêu không?" Họ làm sao mà gặp, cô lại chạy khắp các đường phố: "Chàng đâu rồi? Chàng đi đâu rồi?" Bỗng nàng tìm thấy chàng, nàng lắm lấy tay và kéo chàng lại, đến phòng ngủ của mẹ nàng và nói: "*Em sẽ không bao giờ để chàng đi nữa."* Và nàng tỉnh dậy, thấy mình đang ôm gối.

Lần khác nàng mơ thấy chàng đứng ngoài cửa và đưa tay qua lỗ cửa để nhấc then cửa bên trong ra, nhưng chàng không mở được vì cái then cứ tuột dần xuống. Bạn đã bao giờ nằm mơ xong thấy người mình cứng đờ và không cử động được chưa? Nàng mơ thấy như vậy, nàng không ra được khỏi giường còn chàng cứ cố mở cửa và nàng bực mình quá vì không cử động được. Rồi tay chàng biến

mất và nàng thấy mình di chuyển được, nàng chạy ra cửa và mở nó ra, chàng đã đi rồi! Đâu là lời giải thích cho những cơn ác mộng mà nàng gặp khi nằm trên giường? Câu trả lời rất đơn giản. Nàng sợ chàng sẽ không quay lại cưới nàng. Nàng bắt đầu nghĩ rằng chàng chỉ tán tỉnh cho qua kỳ nghỉ thôi, chàng sẽ không giữ lời.

Rồi đến một ngày, đến một ngày, nàng đang ở ngoài đồng thì thấy bụi cuốn mù mịt trên đường, ngựa xe đang tiến đến và nàng hỏi các anh mình: "*Ai vậy?"* Họ trả lời: "Đức vua đến đấy, ông chủ đấy, đó là vua Sa-lô-môn từ Giê-ru-sa-lem, ngài đến thăm điền trang của mình." Họ sửa soạn quỳ rạp xuống trước đức vua, nàng chưa bao giờ thấy ngài nên nàng lén nhìn. Ô kìa, chàng trai ngồi trên xe ngựa lớn chính là chàng trai của nàng. Nàng sửng sốt nhận ra - vì ý tôi là ai cũng biết vua có 60 hoàng hậu rồi - mình là người thứ 61. Giờ đây nàng phải rời nông trại và đến sống trong cung. Khi nàng làm như vậy, khi họ kết hôn và nàng xuất hiện tại yến tiệc đầu tiên, yến tiệc tổ chức để vinh danh nàng, nàng đang ngồi bàn cao nhất cạnh vua. Cả 60 hoàng hậu xinh đẹp, trắng trẻo khoác áo choàng đều vây quanh nàng. Nàng nói: "Đừng có nhìn chằm chằm vào tôi như thế. Da tôi đen thế này là vì tôi phải chăm sóc vườn nho của các anh tôi, tôi không làm khác được." *Và nàng thật sự cảm thấy tự ti*. Hơn nữa, có một khía cạnh bên lề rất thú vị: Nàng liên tục so sánh mình với những hoàng hậu khác. Giá như Sa-lô-môn chịu đợi để lấy đúng người. Khi đàn ông có nhiều hơn một người phụ nữ thì những người nữ bắt đầu cảm thấy bất an và bắt đầu so sánh với nhau: "*Chàng yêu cô ta hơn yêu em."*

Tất cả đều không theo ý muốn Chúa. Giá như ông chịu đợi để lấy đúng người và chỉ lấy một hoàng hậu, đó là ý muốn Chúa dành cho ông. Nhưng tôi e rằng ông học theo gương xấu của cha mình và những hoàng gia khác thời bấy giờ. Rồi nàng nói: "Sa-lô-môn ơi, chúng ta không thể trở về phương bắc sao? Chỉ ngồi trên thảm cỏ dưới tán cây cũng không được sao? Sao chúng ta không thể về sống tại điền trang của chàng trên đó?" Chàng nói: "Không, ta là vua và nàng phải làm hoàng hậu, nàng phải trị vì với ta tại đây." Cuối cùng thì nàng nói: "Nhưng chàng hãy nhìn những người nữ xinh đẹp vây quanh em này." Và chàng nói: "Nghe này..." Thực ra là nàng nói với một giọng cực kỳ tự ti: "*Em chỉ là đóa tường vi nơi Sa-rôn, em là cành huệ nơi thung lũng."*

Nghe tên, chúng ta nghĩ rằng đó là những loài hoa đẹp. Cứ đến Y-sơ-ra-ên thì biết, chúng là những cánh hoa nhỏ xíu, sẽ chẳng ai buồn ngắt, người ta sẽ giẫm lên chúng như hoa dại trên đồng cỏ. Cành huệ nơi thung lũng mọc trong bóng râm, chúng cũng nhỏ xíu, và tường vi nơi Sa-ron là một loại nghệ tây nhỏ xíu mọc trên vùng đồng bằng cạnh Địa Trung Hải. Nàng nói: "*Em chỉ là đóa tường vi nơi Sa-rôn, chỉ là cành huệ nơi thung lũng*." Nhưng có loài hoa đẹp nhất của Y-sơ-ra-ên là *hoa huệ hay lily*, nó vươn cao, màu trắng muốt và có đài hoa rất tao nhã...Khi nàng nói *em chỉ là cành huệ nơi thung lũng, đóa tường vi của Sa-rôn*, nàng đang hạ thấp bản thân. Nhưng chàng nói: "Người yêu của anh giữa các thiếu nữ, như cành huệ giữa đám gai gốc..." Điều đó an ủi nàng đến nỗi nàng hát một bài nho nhỏ để vui lên, bài hát đó là "Chàng đưa tôi vào phòng yến tiệc, Ngọn cờ tình yêu phất phới trên tôi." Nàng đã hát vậy với chính mình. Nàng phải quen với thực tế rằng nàng đã đem lòng yêu đức vua. Đó là bố cục của câu chuyện, là bức tranh minh họa bên ngoài.

Tại sao chúng ta nên đọc sách này?

Vậy tại sao sách lại nằm trong Kinh Thánh? Có *2 câu trả lời*, cũng là lý do chúng ta nên đọc và nghiên cứu Nhã Ca.

Một vấn đề trung tâm của tôn giáo là có *một* ***mối quan hệ rất cá nhân***, nếu không có là bạn đã bỏ sót. Là Cơ Đốc nhân không phải là đến hội thánh, đọc Kinh Thánh hoặc hỗ trợ các giáo sĩ. L*à Cơ*

Đốc nhân là đem lòng yêu Chúa. Trọng tâm của việc hát thánh ca là bạn đang hát tình ca. Bỏ sót điều đó tức là bỏ sót hết. ở đây, ngay giữa Kinh Thánh có mối quan hệ yêu thương khăng khít giữa Sa-lô-môn và cô gái thôn quê này, "người yêu dấu thuộc về tôi và tôi thuộc về chàng." Không phải ngẫu nhiên mà sách này nằm ngay giữa Kinh Thánh, vì *mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người* được thể hiện bằng những ngôn ngữ của cuộc hôn nhân. *Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên*, Đức Chúa Trời *là chồng*, Y-sơ-ra-ên *là vợ Ngài*. Ngài *đón nàng* và *cưới nàng* tại Si-na-i và bước vào giao ước với nàng. Khi nàng chạy theo những thần khác, nàng trở nên *người đàn bà ngoại tình*.

Cựu Ước còn nói nữa về quan hệ này. Một ngày nọ, một tiên tri hỏi Chúa rằng: "Hôm nay Chúa muốn con làm gì ạ?" Chúa phán: "Ta muốn anh đi và tìm một gái điếm ngoài đường."

- Nhưng con là một nhà giảng đạo.
- Hãy đi tìm một gái điếm.
- Chúa muốn con làm gì với cô ta?
- Hãy cưới cô ta.
- Sau đó thì sao thưa Chúa?
- À thì anh sẽ có ba đứa con. Ả sẽ yêu đứa đầu, nhưng không thích đứa thứ hai còn đứa thứ ba, anh Giảng đạo ạ, thậm chí không phải là con anh, nên hãy gọi nó là "không phải là của ta."
- Sau đó thì con làm gì hả Chúa?
- À thì Ta e là ả sẽ trở lại đầu đường xó chợ, ngựa quen đường cũ.
- Bỏ con với ba đứa con sao?
- Đúng vậy.
- Thế con phải làm gì đây?
- Anh hãy đi tìm nàng, mua lại nàng từ tay mối lái đang chế ngự nàng. Anh hãy đưa nàng về nhà và yêu nàng thêm lần nữa.
- Rồi sao nữa thưa Chúa?
- Rồi anh hãy đi, bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng đó là cảm giác của Ta về chúng nó.

Đó là *sách Ô-sê*, tóm tắt về sách Ô-sê. Đó là *toàn bộ mối quan hệ trong Cựu Ước giữa Chúa và Y-sơ-ra-ên*. Ngài dạm hỏi nàng, đoạt lấy nàng, mất nàng, vẫn yêu nàng, muốn nàng trở về nhà - một mối quan hệ rất cá nhân.

Sang đến Tân Ước cũng giống hệt như vậy. Đấng Christ phán: *"Ta là chàng rể."* Ngài *đang tìm một nàng dâu*, và *các bạn là nàng dâu đó*. Trong trang cuối của Kinh Thánh, nàng dâu quá mong mỏi lễ cưới, đến nỗi nàng nói: "*Hãy đến!"* Nàng đã sửa soạn sẵn sàng với *vải lanh trắng* là *sự công chính*. Đó là một chuyện tình từ đầu chí cuối, và Nhã Ca thể hiện mối quan hệ này. N*hững gì chàng trai nói cùng cô gái* trong Nhã Ca *là những gì Chúa nói cùng bạn*. *Nàng nói gì cùng chàng thì bạn cũng có thể nói vậy cùng Ngài*. Chính vì thế mà nhiều bài thánh ca và bài hát trong sách thánh ca từ sách này mà ra. Sách không phải là ngụ ngôn, *không đầy ẩn ý*, trái lựu nghĩa là trái lựu, ngực nghĩa là ngực. C*húa nói gì thì ý Ngài là như vậy*. Đó là *phép tương đồng* về mối quan hệ mà chúng ta có thể có với Chúa.

Tất nhiên mối quan hệ với Chúa không phải là *tình ái*. C*ảm động thật nhưng không phải là tình ái và có sự kiềm chế*. Sách không đi vào những chi tiết thuộc thể mà tâm trí hiện đại sẽ nghĩ ra. Ở đây có một giới hạn rất tinh tế. Nhưng đây lại là một mối *quan hệ cảm động*. Tôi nghĩ đến Chúa Giê-su và Phi-e-rơ sau lần Phi-e-rơ chối Chúa khi đang ngồi bên đống lửa tại sân thầy tế lễ. Có duy nhất một

đống lửa khác được Tân Ước nhắc đến vào vài tuần sau đó tại Ga-li-lê. Phi-e-rơ thấy đống lửa và ông cố nhớ ra, hình như Chúa Giê-su đã nói với ông rằng: “Phi-e-rơ, Ta từng hy vọng rằng con sẽ làm vị mục sư đầu tiên, nhưng Ta e là bây giờ con sẽ phải đi phát sách thánh ca.” Chúa Giê-su có nói như vậy với Phi-e-rơ phải không? - Không, Ngài nói rằng: “Thực ra thì con sẽ phải vào ngục luyện tội 25 năm rồi mới được lên thiên đàng.” - Cũng không à? - Không, hay Ngài nói: “Ta sẽ thử thách con trong một năm và xem con thể hiện như thế nào, nếu con thể hiện tốt thì ta sẽ lại cất nhắc con,” cũng không, Kinh Thánh chép Ngài nói rằng: “*Phi-e-rơ, Ta có thể sửa trị được con, miễn là ta cần biết chắc một điều - Con yêu Ta chăng?”* Chúa không hỏi “Con đã đến hội thánh bao nhiêu lần, con đọc bao nhiêu chương Kinh Thánh trong tuần này,” Chúa hỏi: *“Con yêu Ta chăng?”* Đó là một chuyện tình, đó là điều quan trọng nhất. Rốt lại thì cả Luật pháp là gì? *Hãy yêu kính Chúa là Đức Chúa Trời ngươi hết lòng, hết trí, hết sức, hãy yêu người lân cận như chính mình*. Tình yêu thực sự quan trọng như vậy đấy.

Mối quan hệ giữa con người và Chúa là *mối quan hệ* không những *rất cá nhân,* mà còn ***mối quan hệ rất công khai***. Hầu hết mọi người *đem lòng yêu Chúa* vì họ thấy Ngài là Đấng Chăn chiên của họ, Đấng sẽ ở cùng họ trong trũng bóng chết, Đấng sẽ dẫn họ đến mé nước bình tịnh, và đồng cỏ xanh tươi. Rồi đến một giai đoạn nào đó, sau khi đã đem lòng yêu Chúa Giê-su như một Đấng Chăn chiên sẽ chăm sóc bạn như con chiên của Ngài, bạn tỉnh dậy và phát hiện ra rằng *Ngài là một vị vua*! Ngài là *Vua của các Vua*, bạn là nàng dâu của Ngài, bạn sẽ đồng cai trị với Ngài và trở nên hoàng hậu. *Mọi người đều nhìn vào bạn, điều đó chất thêm trách nhiệm trên bạn, đôi khi nó khá nặng nề.*

Bạn là nàng dâu của Ngài, bạn thuộc hoàng gia, bạn thuộc hoàng tộc, vị vua tương lai sẽ kết hôn với bạn. Điều này *sẽ thay đổi toàn bộ mối quan hệ* theo một cách nào đó. Chẳng phải sẽ thật tốt nếu chúng ta giữ kín mối quan hệ đó, lui về rừng núi Hẹt-môn, bạn biết đấy, và giấu kín mối quan hệ giữa bạn và Chúa sao? Như vậy thì sẽ tránh được nhiều điều khó chịu không đáng có đúng không? Nhiều sự chỉ trích và nhiều sự bóc mẽ. Vì ngay sau khi bạn bảo đồng nghiệp của mình rằng Tôi là Cơ Đốc nhân thì ôi thôi, họ sẽ để ý bạn như cú vọ, thật sự là như vậy, và họ chờ đợi rằng bạn phải khác. Vậy chẳng phải là tốt hơn nếu giữ kín mối quan hệ với Chúa Giê-su sao? Bạn không thể làm như thế, bạn cần ***phải công khai.*** Bởi Ngài là Vua của các Vua, Chúa của các Chúa. Bạn đã *công khai* đem lòng yêu một vị vua.

Hoàng Thái hậu Anh không bao giờ nghĩ rằng mình sẽ trở thành vương hậu. Bà từng là dân thường, bà không thuộc hoàng gia nhưng bà đã đem lòng yêu và kết hôn với vị *con thứ mắc tật nói lắp* của Quốc vương George V. Sau đó, vì Quốc vương Edward thoái vị và tôi nhớ điều đó, tôi nhớ là mình đã nghe đài lúc 8 tuổi. Khi ông từ bỏ ngôi vị vì một người phụ nữ đã hai lần ly dị, đó là một đòn choáng váng. Nhưng hẳn là không ai bàng hoàng hơn Hoàng thái hậu, bà là vương hậu tuyệt vời nhất mà nước Anh từng có, một quý bà phi thường. Bà đã đối mặt với điều đó, bà mang lấy tước vị hoàng gia dù không sinh ra trong hoàng tộc, nhưng bà đã trở thành vương hậu vì có Quốc vương George VI và bà vẫn là vương hậu. Ôi, sẽ đến một ngày khi bà mất. Cả đất nước sẽ khóc than. Bà đã đối mặt với điều đó.

Tôi đặt hy vọng hơn vào Charles và Diana, bà đã nói một điều khi hai người đính hôn và nói quá giống Nhã Ca. Phóng viên hỏi bà là: *“Bà nghĩ là mình sẽ đối phó với mọi sự bóc mẽ và công chúng như thế nào?”* Bà trả lời: “*Chỉ cần anh ấy yêu tôi, tôi sẽ đối phó được.”* Nhã Ca đã nói thế rồi: *“Chàng đưa tôi vào phòng yến tiệc, Ngọn cờ tình yêu phất phới trên tôi.”* Và tôi e rằng tại lễ cưới của họ, có những người đọc khẩu hình miệng qua kính viễn vọng, theo dõi họ suốt cả ngày cử hành lễ cưới, và

khi họ đứng trên ban công, Charles nói: "Anh hôn em được không?," Diana trả lời: "Sao lại không chứ?," và Charles đã làm như vậy. *Nụ hôn công khai* đầu tiên của Hoàng gia Anh, theo tôi biết là như vậy. Sao người ta lại biết hai người nói gì với nhau? Có những người dùng kính viễn vọng trên Đài tưởng niệm Victoria, đọc khẩu hình miệng mọi điều mà hai người nói cùng nhau.

Giờ đây, khi bạn thuộc hoàng gia, *mọi người sẽ dõi theo bạn*, bạn có trách nhiệm sống cho xứng đáng với điều đó, dù bạn có xuất thân từ đâu. Cô gái thôn quê này thấy mình ở trong cung với mọi con mắt đều đổ dồn về nàng, nhưng đó là sự kêu gọi của nàng. Đó là *sự kêu gọi tương đồng* của bạn trong Đấng Christ, *không chỉ là có mối quan hệ cá nhân khăng khít* với Chúa Giê-su *nhưng có mối quan hệ rất công khai* để bạn sống cho xứng với địa vị hoàng gia.

Nhã Ca thật là một thông điệp hay! Hãy đọc *Thi Thiên 45* cùng với *Nhã Ca*, đó là một bài Thi Thiên rất hay đi kèm với sách Nhã Ca. Đó cũng là một bài Thi Thiên mà Quốc ca Anh đã phỏng theo, cả bài nói đến *việc làm công chúa*, vì đó là *sự kêu gọi của chúng ta.* Hy vọng rằng điều này sẽ khiến Nhã Ca trở nên thú vị với bạn hơn một chút.

SÁCH TRUYỀN ĐẠO

Giới thiệu

Tôi muốn có một trò chơi với các bạn, là đọc một số trích dẫn mà không cho biết là chúng từ đâu ra, nhưng muốn các bạn nhận ra ngay nguồn trích dẫn.

Thế hệ nầy qua đi, thế hệ khác đến, Nhưng thế giới vẫn y nguyên.

Hoặc câu khác:

Loài người chẳng hơn gì loài thú, vì đời là vô nghĩa với cả hai. Thỏa lòng với những gì mình có hơn là luôn muốn thứ khác.

"Người làm việc khó nhọc, vẫn ngủ ngon giấc, Dù ăn nhiều hay ít. Nhưng lắm tiền nhiều của Khiến người giàu không yên giấc được." Sao? Anh chị em đồng ý với câu đó hả? "Đừng tỏ ra quá công chính, Cũng đừng tỏ ra quá khôn ngoan; Sao lại hủy hoại chính mình? Đừng gian ác quá, cũng đừng sống điên dại; Tại sao con phải chết trước kỳ định?"

Nghe có hợp lý không? Không à? Hay câu khác:

Trong một nghìn người đàn ông, ta đã tìm được một người mà ta tôn trọng, còn đàn bà thì không như vậy.

Không ai đồng ý với câu đó à?

"Không phải lúc nào người chạy nhanh cũng thắng cuộc, Người mạnh sức cũng thắng trận"

Anh chị em đồng ý với câu đó đúng không? Một câu nữa:

Hãy đầu tư vào vài nơi, thậm chí nhiều nơi, vì con không biết mình sẽ gặp vận rủi gì trên đời này.

Anh chị em không chắc à? Lẽ ra anh chị em phải đồng tình với tất cả các câu trên chứ nhỉ, trong Lời Chúa cả đấy! Toàn từ Truyền Đạo mà ra chứ đâu. Tất cả đều từ Kinh Thánh mà ra, thế mà anh chị em lại không đồng tình với một nửa số đó! Tôi đang cố gắng cho anh chị em thấy rằng *một câu/đoạn* đặt ngoài ngữ cảnh là rất nguy hiểm. Anh có thể lấy Kinh Thánh chứng minh cho bất cứ thứ gì mình muốn nếu anh lấy các *câu/đoạn* đặt ngoài ngữ cảnh. Chắc hẳn là bạn đã nghe câu này: Câu/đoạn Kinh Thánh mà đặt ngoài ngữ cảnh thì *chỉ là cái cớ*.

Truyền Đạo thật sự là cuốn sách kỳ lạ nhất trong Kinh Thánh. Vấn đề không phải là làm thế nào để hiểu được sách, Truyền Đạo quá dễ hiểu. *Vấn đề là đồng thuận với sách.* Sách nói những điều táo bạo nhất. Sách quá dễ hiểu, nghe lại không giống Lời Chúa chút nào, nghe giống những mẩu giấy nhỏ nhét trong mấy thanh kẹo làm quà Giáng sinh, kiểu những mẩu khôn ngoan đơn giản. Thực ra là nghe không khác mấy với thơ củ Alfred Lord Tennyson, năm ngoái người ta mới kỷ niệm 100 năm ngày ông qua đời. Tôi chỉ lấy ngẫu nhiên vài câu thơ của ông:

"Yêu đương và mất mát còn hơn chẳng bao giờ yêu đương." "Đàn ông khác nhau cùng lắm chỉ như trời với đất còn đàn bà tệ nhất và tốt nhất thì như thiên đàng và địa ngục. "Quyền lực lãng quên

một vị vua hấp hối." "Tri thức đến nhưng sự khôn ngoan còn lại." "Vì đúng là đúng nên theo cái đúng là khôn ngoan, dù hậu quả có thế nào."

Có gì khác giữa Alfred Lord Tennyson và Truyền Đạo? Không có nhiều khác biệt lắm, để thấy sách Truyền Đạo có một nét rất hiện đại. Sách chứa đầy đuôi *"ism"* trong tiếng Anh (hay *"thuyết," "chủ nghĩa"* trong tiếng Việt - ND). Tôi luôn cảnh giác với "thuyết" hoặc "chủ nghĩa"; mọi từ có đuôi "-ism," như những đèn đỏ báo động trong não tôi. Tôi chỉ vui với *hai cái '-ism"* là: *baptism*, lễ báp tem và *evangelism*, việc truyền giảng. Những *-ism* khác thật sự khiến tôi phát hoảng. Chúng trở thành nỗi ám ảnh với mọi người. Đây là một số *thuyết hay chủ nghĩa* mà tôi thấy có trong Truyền Đạo: *thuyết định mệnh* - chuyện gì đến rồi cũng sẽ đến, *thuyết hiện sinh* - sống cho hiện tại, ai biết tương lai rồi sẽ ra sao? *Chủ nghĩa Sô-vanh*, tôi đã đọc một hai câu đặc chủ nghĩa Sô-vanh, *chủ nghĩa khoái lạc* - sống cho khoái lạc, ăn, uống và vui vẻ; *chủ nghĩa hoài nghi* - có nhiều chủ nghĩa hoài nghi trong sách Truyền Đạo. Với tôi thì dường như đó là tâm trạng của thời đại chúng ta. Chúng ta sống trong một thời đại rất hoài nghi đến nỗi không thể tin vào những điều tốt đẹp nơi con người, luôn tin rằng có động cơ gì đó sai trái hoặc xấu xa ẩn sau những việc tốt. Chúng ta là *một dân rất hoài nghi.*

Ấn tượng chung là có *chủ nghĩa bi quan* - một cái nhìn ảm đạm về cuộc sống. Thật sự là khá não nề khi đọc Truyền Đạo. Đây là một người đã đi đến cuối cuộc đời và *chán nản, vỡ mộng và tuyệt vọng*, rất dễ đoán tuổi của trước giả qua những gì ông ta viết. Chúng ta vừa mới nghiên cứu *Nhã Ca,* Sa-lô-môn viết sách đó năm ông bao nhiêu tuổi? Nhưng đến sách Châm Ngôn, ông nói: "Con ạ, hãy đề phòng bọn đàn bà nhé!" thì ông ở tuổi nào khi ông đang cố gắng ngăn con mình đi vào vết xe đổ của cha. Có lần tôi nghe thấy một cô bé tuổi lên mười hỏi mẹ mình một câu hỏi cực sốc: "Hồi bằng tuổi con mẹ đã làm gì để giờ mẹ phải lo lắng về con đến thế?"

Ở đây trong Truyền Đạo, Sa-lô-môn viết: "Hãy tưởng nhớ Đấng Tạo hóa của con trong tuổi thanh xuân, trước khi mắt mờ chân chậm, răng rụng gần hết" là lúc ông đã gần đến cuối đời, ông sắp đến *"nhà đời đời"* theo cách gọi của ông. Ông đang nhìn lại cuộc đời và *cực kỳ thất vọng, vỡ mộng và nản lòng* với những gì ông đã làm về nó hoặc với nó. Những hiểu biết sâu sắc trong sách này bắt nguồn từ những quan sát của ông. Ông liên tục dùng cụm từ *"Ta thấy, ta thấy, ta thấy"* và ông quan sát cuộc sống, ông để ý mọi người và ông rút ra những kết luận nhất định từ đây. Tuy nhiên không nghĩa là Đức Chúa Trời nhìn cuộc sống theo cách của Sa-lô-môn, điều này rất quan trọng. Nên đừng bao giờ trích dẫn các câu/đoạn trong Truyền Đạo như thể lời Chúa phán. Chúng ta sẽ hỏi tại sao Chúa lại đặt câu/đoạn đó trong Kinh Thánh?

Văn phong của sách

Trong sách, Sa-lô-môn tự xưng mình là *"Qoheleth,"* tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là *nhà truyền đạo, triết gia* hoặc *giảng sư*, nghĩa sát nhất sẽ là *"chủ tọa."* Ông già này đang chủ trì một cuộc tranh luận, nhưng là cuộc tranh luận diễn ra trong tâm trí ông. Như một người chủ tọa vững vàng, ông cho phép ưu và nhược điểm được nói ngang nhau. Ông lắng nghe cả tiếng nói tiêu cực và tích cực trong tâm trí mình.. Cuộc tranh luận về chủ đề *"Cuộc đời thật đáng sống."* Và ông không thể quyết định dứt khoát được rằng "Đời ông có đáng sống hay không?" Ông liên tục nghe thấy *những ưu và nhược điểm, khẳng định và phủ định,* cố gắng phân xử xem kiến nghị đó được *chấp thuận hay bác bỏ*. Thật đáng sợ khi đi đến cuối đời và chủ trì cuộc tranh luận về đề tài đó, vì *"Ta chỉ có một cơ hội duy nhất."* Bạn chỉ có một cơ hội để sống, ngày hôm qua đã qua đi, bạn không thể kéo nó trở lại. Bạn chỉ có một cuộc đời. Đi đến cuối đời mà cảm thấy mình đã bỏ lỡ nó thì thật là khủng khiếp.

Sách giải thích *khủng hoảng tuổi trung niên* của nhiều người đàn ông. Họ thường đạt được mục tiêu ở tuổi tứ tuần, họ lên tới đỉnh cao, nhìn quanh quất và thấy chẳng có gì cả. Bao nhiêu cố gắng đã đem lại được gì? Bao nhiêu cố gắng để làm gì? Nhiều người đàn ông trung tuổi cố bắt đầu lại từ đầu, họ đổi con xe gia đình lấy con xe thể thao, đổi cô vợ lấy cô người mẫu mới. Họ phát rồ vì cảm thấy mình đã bỏ lỡ rồi, phải bắt đầu lại từ đầu thôi, cưới lần hai, lần ba để cố tận hưởng cuộc sống, cố tận dụng nó trước khi nó qua đi. Đó là một vấn đề rất, rất phổ biến.

Sa-lô-môn đang tự tranh chiến xem *"Chúng ta ở đây để làm gì?"* Cuộc sống rốt cuộc là gì? Đời có đáng sống không? Làm sao để tận dụng tối đa cuộc sống? Đó có lẽ là câu hỏi quan trọng nhất mà người ta có thể đặt ra, chính xác là bởi vì chúng ta chỉ sống trên đời này có một lần. E rằng nhiều người còn chẳng thèm ngó ngàng tới điều này. Họ chỉ lo cho thân thể mình ăn, duy trì công việc và *chỉ tồn tại* mà thôi. Thật là một thảm kịch khi phí hoài một đời chỉ để tồn tại, chỉ giữ cho thân xác và linh hồn gắn với nhau. Nhiều người chỉ làm đúng như vậy. Họ chỉ quan tâm đến việc làm sao để tiếp tục, nhưng tại sao phải tiếp tục khi không có gì đáng để tiếp tục?

Cái nhìn tiêu cực

Hãy nhìn vào *phe tiêu cực* của cuộc tranh luận trước, tôi có hoang phí đời mình hay không? Bao nhiêu cố gắng để làm gì? Ông mở đầu như sau: *"Phù hoa, phù hoa, tất cả đều phù hoa."* Rất tiếc là phải dừng lại một chú ở việc dịch thuật với từ *"Phù hoa."* Từ *phù hoa* ngày nay nghĩa là *kiêu ngạo*, được dùng trong từ "gương phù hoa" gắn ở các xe, chỉ nghĩa là một tấm gương trang điểm, "gương kiêu ngạo." Nhưng trong tiếng Anh cổ*, phù hoa* nghĩa là *trống rỗng*, tức *làm một việc vô ích, vô dụng, lãng phí*, sát nghĩa nhất là *"vô nghĩa."* Trước giả này đi đến cuối cuộc đời và nói *"Vô nghĩa, vô nghĩa, tất cả đều vô nghĩa."* Đó quả là một kết luận rất đáng buồn. Hay theo một bản dịch hiện đại là: *"Vô ích! Vô ích! Hoàn toàn vô nghĩa."*

Ông đang ở một vị thế *muốn gì được nấy, muốn làm gì cũng được*. Trước hết, ông là vua, rất giàu có, cũng nổi tiếng nữa. Tiền mà mua được cái gì thì ông mua được cái đó và ông đã làm như vậy. *Sự giàu có, quyền lực và danh tiếng* là những điều mà gần như người đàn ông nào cũng muốn có để tìm chút ý nghĩa trong cuộc sống, để khiến đời đáng sống. Ông *giàu đến khó tin* và *quá nổi tiếng* đến nỗi Nữ vương Sê-ba đã thực hiện cả một chuyến hành hương chỉ để gặp ông và xem ông ra sao, và bà nói: *"Người ta đồn chưa được đến một nửa."*

Ông nói: "*Ta đã thử mọi thứ,"* ông liệt kê những sở thích của mình và chúng bao trùm hàng loạt các hoạt động của con người. Điều đầu tiên mà ông thử là *nghiên cứu khoa học*, ngành cụ thể là nông nghiệp, chăn nuôi gia súc. Ông thật sự nghiên cứu và đã tạo được một số vật nuôi rất đẹp. Nhưng khoa học không làm ông thoả mãn. Ông chuyển sang *nghệ thuật* và ông thử với hai ngành. Â*m nhạc* là ngành đầu tiên và tất nhiên, ông thừa hưởng tình yêu âm nhạc từ cha mình, ông thực sự nghiền ngẫm âm nhạc, nghiên cứu các nhạc cụ, mời các dàn nhạc chơi trong triều, nhưng lĩnh vực này cũng trở nên vô vị. Ông lại chuyển sang *kiến trúc*. Đúng là thỏa mãn khi xây được một tòa nhà đồ sộ và cảm thấy nó sẽ còn tồn tại rất lâu sau khi bạn qua đời. Kiến trúc khiến người ta rất hài lòng, trừ việc là bạn phải sống cùng những sai sót của mình. Rồi ông thử *sưu tập tranh*, ông xây những phòng trưng bày và sưu tập tranh từ tứ xứ, bỏ cả một đống tiền để mua chúng. T*ất cả đều là của ta* và ông đi dọc theo phòng trưng bày, ngắm các bức tranh của mình. Nhưng chẳng bao lâu sau ông lại chán nên ông *thử giải trí*. Ông thuê đội *hài kịch*, họ vào triều và thường xuyên tấu hài trong cung. Ông cười như nắc nẻ để ngủ cho ngon, cười cho thỏa thích, đời chỉ có vậy. Cái đó cũng vui vẻ được phút chốc nhưng

không lâu. Rồi ông chuyển sang *kinh doanh* và tích lũy được cả gia tài trong giới thương nhân. Ông *thật sự giỏi buôn bán*, và thực sự thấy mình *kiếm tiền dễ như trở bàn tay*, kiếm nhiều hơn so với nhu cầu. Nhưng không hiểu sao cái đó *cũng không thỏa mãn*. Ông lại *đi thử các lạc thú*, đủ các dạng thức thông thường *đồ ăn, rượu và phụ nữ*. Chắc hẳn là ông đã nghiên cứu kỹ cả ba thứ đó mà vẫn trống rỗng, nên cuối cùng, ông *nghiên cứu triết học*. Ông *xây một thư viện*, lùng tìm mua những cuốn sách từ khắp nơi, có nhiều tác phẩm khôn ngoan của Ai Cập. Ông mua nhiều sách lấp đầy thư viện này. Ông nghiên cứu đủ thứ khôn ngoan và mọi điều mà những vĩ nhân đã viết ra. Đến nỗi cuối cùng, ông nói: *"Sách vở viết ra nhiều vô cùng, không bao giờ dứt,"* làm sao mà đọc hết được.

Tất cả những điều này khiến ông thất vọng. C*húng tạo hứng thú nhưng không khiến người ta thỏa mãn*. Nhiều thứ trong các lĩnh vực đó không có gì là sai cả, nhưng nếu *biến chúng thành mục đích chính trên đời*, thì chúng sẽ khiến bạn hiểu sai về cuộc sống. Chẳng phải chúng ta cần nghe điều này hay sao? Có gì đó rất hiện đại trong sách này, ông như đang nói với chúng ta đây: "*Này, ta đã thử cả rồi, tất cả đều là vô nghĩa."* Bạn thấy đó, khi đã *tìm thấy sự sống thật* thì bạn *có thể nhận được niềm vui* từ tất cả những thứ đó. Nhưng nếu *cứ cố tìm ý nghĩa* cuộc sống ở bất cứ thứ gì trong đó, thì thật sự Sa-lô-môn đã trải nghiệm thay cho chúng ta *"Tất cả đều là vô nghĩa"...*

Vấn đề là bạn già đi và không thể làm đủ mọi thứ như trước đây, hoặc quá mệt mỏi với chúng rồi. Chúng ta sống trong một thời đại điên cuồng khi người ta *liên tục thử cái mới*. Như về một mảng lạc thú lớn nhất là mảng nấu ăn, cố tìm kiếm trải nghiệm sành ăn mới cho sành điệu. Bạn biết đấy, tối nay ta đi ăn nhà hàng Thái, tối mai ta ăn đồ Trung, ngày kia lại ăn món Ấn, cứ như kiểu đồ ăn Anh không đủ ngon ấy. Cứ như thể chúng ta phải trải nghiệm cái gì mới mới cho thú vị, *biết đâu ta lại thỏa mãn* nếu được khám phá mọi quán ăn trên thế giới!

Thật sự đáng buồn khi thấy người ta cố gắng *tìm ý nghĩa cuộc sống theo những cách này* thay vì tìm *thấy ý nghĩa nội tại của cuộc sống* và có thể tận hưởng chúng trong chính hiện tại. Nhưng khi họ trở nên số một, nó khiến họ "hoài công bắt gió" hay bất mãn về tinh thần theo cách nói của Sa-lô-môn, có thể nói là thất vọng. Bạn trở nên thất vọng vì chúng không đáp ứng được nhu cầu.

Lý do khiến Sa-lô-môn tiêu cực

Có thể giải thích *tại sao ông lại thất bại* khi tìm nghĩa lý của cuộc sống không? Có chứ, vì *ông có tầm nhìn phiến diện*. Ông đã *quan sát quá nhiều và thấy quá ít*. Tầm nhìn *phiến diện* là khi bạn chỉ thấy được phần nào những gì mắt thường thấy được, bạn *chỉ thấy một chút trong toàn cảnh*. ở đây Sa-lô-môn có tầm nhìn phiến diện. Ông *bị hạn chế theo hai cách*: Đầu tiên là mọi thứ ông thấy đều *"dưới mặt trời,"* cụm từ mà ông thích nhất. Nếu bạn chẳng bao giờ nhướng mắt *lên trên mặt trời*, nếu bạn *chỉ thấy dưới mặt trời* thì bạn sẽ *không bao giờ hiểu được ý nghĩa cuộc sống*. Tôi nghĩ rằng những người buồn thảm nhất mà tôi và bà nhà tôi mới gặp là ở ngoài Costa Del Sol. Họ đã có một kỳ nghỉ hai tuần thú vị tại Tây Ban Nha, họ quyết định bán nhà của mình để chuyển về nghỉ hưu tại đó, để được *sống dưới mặt trời*. Chẳng trách El Dorado, đất nước bằng vàng trong truyền thuyết lại là công toi vì cuộc đời ngoài kia là công toi. Chúng tôi đã gặp những con người buồn thảm này, giờ họ không bán được biệt thự mới tậu, cũng không đủ tiền quay lại. Họ mắc kẹt *dưới mặt trời* trong suốt phần đời còn lại. Đời không thể chỉ sống dưới mặt trời. Bạn *cần nhìn ở góc độ cao hơn nhiều*. Nếu tất cả những gì bạn thấy là dưới ánh mặt trời thì bạn *không thấy toàn bộ mục đích cuộc sống*.

Một *điểm hạn chế khác* trong những quan sát của Sa-lô-môn là ông *chỉ nhìn vào đời này*, ông *không bao giờ nhắc đến đời sau*. Nếu tầm nhìn của bạn chỉ giới hạn ở đất này và đời này thì bạn sẽ

không bao giờ hiểu toàn bộ mục đích cuộc sống hoặc điều khiến nó đáng sống. Bạn cần đến *góc nhìn của Chúa*, vượt trên những giới hạn này. *Giới hạn* về cả không gian và thời gian khiến bạn có *cái nhìn quá thiển cận* về cuộc sống. Chỉ khi bạn thấy cuộc sống trên thiên đàng và ở góc độ của thiên đàng, và đời này trong ánh sáng của đời sau, thì bạn mới bắt đầu hiểu toàn bộ mục đích của cuộc sống, Đó là *tầm nhìn phiến diện* của ông và điều này *dẫn đến tư duy tiêu cực*. Vì chúng ta sống trong thời đại khoa học nên chúng ta tiếp thu cách quan sát sự vật theo cách của khoa học. K*hoa học chỉ quan sát thế giới này và đời này*, thời đại khoa học có cái nhìn *phiến diện giống như Sa-lô-môn*. Tất cả chúng ta đều lớn lên cùng nó và chịu ảnh hưởng của nó, chúng ta không thể thấy xa hơn. Xét trên một khía cạnh, bạn *cần đứng ngoài cuộc sống và nhìn lại* nó để nhìn nhận cho đúng đắn. Chúa đứng ngoài cuộc sống và Ngài có thể nhìn nhận nó đúng cách.

Tích cực khi có Chúa

Rất thú vị là mỗi khi Sa-lô-môn đưa Chúa vào Truyền Đạo thì ông *trở nên tích cực - một con người lạc quan*. Mỗi khi ông bị giới hạn ở quan sát của con người và không nghĩ gì đến Chúa, chỉ quan sát loài người dưới mặt trời và trong đời này thì ông ngày càng sầu não, nhưng khi Chúa bước vào đó thì ông bắt đầu trở nên tích cực và nhìn đời ở một góc độ khác.

Có *hai chương* trong Truyền Đạo khi Chúa bước vào giữa khung hình và cuộc sống có trọng tâm. Đầu tiên là *chương ba*. Đó là phần được biết đến nhiều nhất, được trích nhiều nhất. Các bạn biết hết rồi: *"Có kỳ thế này, có kỳ thế kia."* Thực ra thì đó là phần duy nhất trong Truyền Đạo gần như ai cũng có thể trích dẫn được. Đó là một phần rất quan trọng, tiếc là người ta không trích dẫn hết. Đây là bài thơ có nhịp điệu, một bài hát rất thơ về *"thời kỳ," "thời điểm."* Phần quan trọng trong đó, ngay sau khi kết thúc phần thơ và chuyển sang phần văn xuôi, Kinh Thánh chép rằng: "Chúa định đoạt *thời kỳ* của chúng ta." Như lời trước giả Thi Thiên: *"Kỳ mạng tôi ở trong tay Chúa."* Bạn tin rằng cuộc đời mình nằm trong tay Chúa và Ngài biết kỳ nào thích hợp để bạn nhảy múa, kỳ nào thích hợp để bạn than khóc.

Những gì xảy đến cho bạn *không phải là tình cờ*, chúng là điều *Chúa chọn cho* bạn. Ngài đang dệt nên một khuôn mẫu từ đời sống bạn. Đời sẽ chẳng phải một chuyến picnic dài và đời không phải lúc nào cũng hạnh phúc vì cái đó không tốt cho bạn. Bạn có nhận ra rằng nếu lúc nào cũng như vậy thì chúng ta làm gì có cảm xúc không? Bạn đã bao giờ nghĩ vậy chưa? Vì có xuống nên mới có lên. Nếu cảm xúc của bạn lúc nào cũng vậy thì bạn làm gì có cảm xúc. *Tạ ơn Chúa vì cảm xúc!* Có những kỳ chúng ta sẽ cảm thấy muốn nhảy múa, có kỳ không, và có kỳ hôn hít, có kỳ dừng lại. Đúng không? Tôi đã sáng tác một bài hát về điều này, phỏng theo một giai điệu nổi tiếng. Bài hát nói về "các thời kỳ" nhưng nó bắt đầu và kết thúc ở *Truyền Đạo 3* với: "Chúa là Đấng định thời điểm" để chúng ta trải qua một chuyện gì đó. Chẳng phải sẽ rất thích thú khi nghĩ rằng chuyện gì đó xảy ra với bạn là vì cuộc đời bạn ở trong tay Chúa, rằng đó đúng là điều cần xảy ra vào thời điểm ấy hay sao? Đây *không phải* là thuyết định mệnh. *Thuyết định mệnh* cho rằng số phận là không của riêng ai, không ai tác động được. Nó khác với việc Chúa tự do chọn điều Ngài cho phép xảy ra với bạn, và Ngài sẽ thay đổi đời sống chúng ta để mục đích Ngài được làm thành trên chúng. Nào, chúng ta hát cùng nhau được không?

"Giê-hô-va tôi,
Định kỳ thế giới,
Lúc sinh ra đời,
Lúc lìa cõi đời,

Lúc gieo hạt mầm,
Lúc ta gặt về,
Kỳ giết chóc nhau,
Lúc lại làm lành;
Kỳ phá nát hết,
Kỳ xây cất mới,
Lúc tim đau buồn,
Lúc lại hân hoan,
Lúc ta u sầu,
Lúc ta nhảy mừng,
Kỳ hôn hít nhau,
Khi cùng dừng lại;
Kỳ tìm cho ra,
Kỳ lại đánh mất,
Lúc ta chi li,
Lúc tiêu hoang,
Lúc xé nát tan,
Lúc khâu lại lành,
Kỳ im tiếng lâu,
Khi lại mở lời;
Kỳ yêu thương nhau,
Kỳ sao ghét thế,
Lúc ta đánh nhau,
Khi lập hòa bình.
Cứ vui lên đi
Nhưng ghi tạc rằng
Thật Chúa lớn lao.
Chúa! Ngài tể trị."

Thế nên Kinh Thánh mới nói rằng khi lên kế hoạch cho tương lai, hãy luôn nói rằng *"Nếu Chúa muốn."* Ông thân sinh tôi trở nên có thói quen, luôn viết hai ký tự trong ngoặc *(DV)* ở đâu đó trong các thư từ gửi đi, có ý nhắc nhở. D*V* là viết tắt hai từ La-tinh *Deo Valente*, nghĩa là *"Nếu Chúa muốn,"* ông viết: "Tuần tới tôi sẽ đến gặp anh *(DV)* ."

Đó là người đã biết rằng kỳ hạn của chúng ta đều nằm trong tay Chúa. Thực ra là mọi kế hoạch mà bạn đặt ra có thể tiêu tan vì Chúa có những kế hoạch khác cho bạn, đó là một *dấu hiệu tích cực* chứ *không phải là thuyết định mệnh*. Không phải là "chuyện gì đến rồi cũng sẽ đến," vì Chúa có thể thay đổi kế hoạch của Ngài. Rõ ràng là Chúa có thể đổi ý, Ngài đổi ý, Kinh Thánh chép như vậy. N*gài tương tác với thái độ của chúng ta với Ngài*. Nếu chúng ta thay đổi thì Ngài cũng thay đổi. Nếu chúng ta ăn năn thì Ngài cũng vậy. Hết lần này đến lần khác, Kinh Thánh thấy những người như Môi-se khiến Chúa đổi ý và còn biện luận với Ngài. Chúa không chỉ *là một thế lực máy móc*, sắp đặt mọi thứ hết từ đầu. Ngài *là một thân vị* và Ngài đang *tương tác* với chúng ta. Khi chúng ta tương tác với Ngài, Ngài có thể thay đổi kỳ hạn của chúng ta.

Đó là chương đầu mà Chúa bước vào, mọi thứ trở nên tích cực và Sa-lô-môn nói điều này: "Cuộc sống có thể có khuôn mẫu, Chúa có thể thiết lập khuôn mẫu, Chúa có thể đảm bảo rằng mục đích của

Ngài cho đời sống bạn được làm trọn." Một câu nói ưa thích khác của bố tôi là: *"Đời đủ dài để sống theo mục đích mà Chúa hoạch định, nhưng quá ngắn để phí phạm chỉ một khoảnh khắc."* Vâng, đó là điều Sa-lô-môn nói trong *Truyền Đạo 3*: Thời kỳ của chúng ta nằm trong tay Ngài và Ngài sẽ quyết định, không phải theo kiểu *tiền định chuyên quyền*, nhưng Ngài sẽ *định ra điều tốt nhất* cho chúng ta trong thời gian tới, trong phần tiếp theo của đời sống mình. Chẳng phải là thật tốt khi có ai chăm sóc cho chúng ta như vậy hay sao? Và biết rằng nếu chặng đường tiếp theo gập ghềnh và không hay thì là Ngài đã định điều đó để tốt cho chúng ta. Ngài đã đem điều đó đến, Ngài sẽ nâng đỡ chúng ta, và tính cách chúng ta sẽ được định hình bởi điều đó để được phước trong tương lai. Chính điều này khiến *cái nhìn dài hơn* về hạnh phúc trong đời sau thật sự tạo ra sự khác biệt.

Thế giới này *quá ngắn ngủ và chóng qua*. Tôi có một *giả thiết về lý do* "tại sao? ." Khi đến 20 tuổi, *một năm* là lần thứ 20 trong ký ức của tôi. Đến 40 tuổi, một năm là lần thứ 40 trong ký ức. Khi đến 60 tuổi, một năm là lần thứ 60 trong ký ức. Tuần tới tôi 63 tuổi, nên *một năm* là *lần thứ 63* trong ký ức của tôi. Giả thiết của tôi là như vậy. Cuộc sống dồn lại trong ký ức của bạn và dường như nó cứ trôi nhanh, trôi nhanh mãi, phải không? Cuộc sống cứ thế vút qua, nhưng chúng ta có cả cõi đời đời để hưởng ích lợi từ những gì học được trong đời này. Cả cõi đời đời để tận hưởng những điều tốt đẹp của Chúa mà không gặp rắc rối nữa. Những thứ đó mới đáng sống.

Chương còn lại có ý thức mạnh mẽ về *sự hiện diện của Chúa* là *Chương 12.* Chương 12 đáng để bạn tìm đọc vì người viết nó là ông lão này, thật là một miêu tả hay về tuổi già. Hãy nghe: *"Hỡi người trẻ tuổi,"* bắt đầu đọc từ *chương 11 câu 9*:

"Thật là vui thích cho mắt được thấy ánh mặt trời! Nếu một người được sống lâu, Hãy vui hưởng tất cả các năm ấy. Nhưng cũng hãy nhớ rằng chuỗi ngày tối tăm sẽ kéo dài;
Và mọi việc xảy đến đều là hư không.

Hỡi người trẻ tuổi, hãy vui mừng trong tuổi thiếu niên! Hãy vui hưởng thời thanh xuân của con. Hãy đi theo đường lối lòng mình muốn và mắt mình ưa thích. Nhưng phải biết rằng vì mọi việc ấy, Đức Chúa Trời sẽ đem con ra mà xét xử. Vậy, hãy xua phiền não khỏi tấm lòng, và cất bỏ điều tai hại khỏi thân xác của con, vì tuổi thiếu niên và thời thanh xuân đều là hư không mà thôi.

Trong tuổi thanh xuân,
Hãy tưởng nhớ Đấng Tạo Hóa của con, Trước khi những ngày gian truân ập đến;
Trước khi những năm tháng đến gần
Mà con nói rằng: "Tôi không thấy thỏa lòng;" Trước khi mặt trời và ánh sáng,
Mặt trăng cùng các ngôi sao trở nên tối tăm,
Và mây lại kéo đến sau cơn mưa.
Trong ngày ấy, người giữ nhà run rẩy,
Những chàng trai mạnh mẽ phải khòm lưng,
Các phụ nữ xay cối phải ngừng lại vì còn số ít,
Những người nhìn qua cửa sổ mắt đã mờ đi. Lúc ấy, hai cánh cửa bên đường đóng lại,
Tiếng cối xay nhỏ dần,
Người ta bị đánh thức khi nghe tiếng chim hót,
Và tiếng các cô gái hát đều hạ xuống.
Người ta cũng sợ sệt khi lên cao,
Và kinh hãi lúc đi đường.

Bấy giờ, cây hạnh nở hoa,
Cào cào lê bước nặng nề;
Sự ham muốn không còn nữa,
Vì bấy giờ con người đi đến nhà đời đời của mình,
Còn những người tang chế đi vòng quanh các đường phố.
Lại hãy nhớ đến Đấng Tạo Hóa trước khi dây bạc đứt
Và chén vàng bể;
Trước khi vò nước vỡ ra bên suối,
Bánh xe gãy ra trên giếng,
Và tro bụi trở về đất như nguyên thủy,
Còn thần linh trở về với Đức Chúa Trời là Đấng đã ban nó. Người truyền đạo nói:
"Hư không của sự hư không,
Tất cả đều hư không!"

Người truyền đạo không những là người khôn ngoan mà còn là người truyền đạt tri thức cho dân chúng. Ông đã cân nhắc, tìm tòi và sắp xếp nhiều câu châm ngôn. Người truyền đạo dày công sưu tầm những lời hay ý đẹp, và các lời đã được viết ra đều là trung thực và chân thật. Lời của người khôn ngoan giống như cây đót của người chăn, các câu châm ngôn được sưu tập khác nào đinh đóng chặt, nó do một người chăn chiên truyền ra.

Hỡi con ta, hãy cẩn thận về bất cứ điều gì vượt quá những lời dạy dỗ nầy. Sách vở viết ra nhiều vô cùng không bao giờ dứt; Còn học hỏi nhiều khiến cho thân xác mệt nhọc.

Lời kết luận cho tất cả những gì đã nghe trên đây là:

Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tuân giữ các điều răn của Ngài,
Đó là phận sự của con người. Vì Đức Chúa Trời sẽ đem ra xét xử mọi việc,
Kể cả những việc kín giấu, dù thiện hay ác."

Nhớ đến, kính sợ và vâng phục Chúa

Thật là một thông điệp hay cho người trẻ tuổi. Hãy để ý đến những gì ông nói. Một là ông nói: *"Nhớ này, hãy nhớ đến Chúa, hãy nhớ đến Ngài,"* và ông thú nhận điều này: *"Ta đã quên Ngài."* Đó chính là lý do vì sao Nhã Ca không nhắc đến Chúa. Khi ông quá trẻ và quá say mê yêu đương, ông quên hết cả Chúa, chỉ nghĩ về cô gái này. Ông nói cùng người trẻ tuổi rằng: *"Hãy nhớ đến Chúa khi con còn trẻ, trước khi quá muộn."*

Hai là ông nói: *"Hãy kính sợ Chúa."* Đừng quên Ngài, không chỉ vậy, hãy kính sợ Ngài. Văn chương khôn ngoan của Kinh Thánh liên tục nói rằng: "Kính sợ Đức Giê-hô-va chính là khởi đầu sự khôn ngoan." *Kinh Thánh không khiến bạn thông minh nhưng sẽ khiến bạn khôn ngoan*. Nếu thông minh thì bạn sẽ kiếm nhiều tiền hơn, nhưng nếu khôn ngoan thì bạn sẽ sống trọn vẹn hơn. Bạn thích thông minh hay khôn ngoan hơn? Vâng, một trong những *bước đầu tiên* để khôn ngoan là *kính sợ Chúa hơn bất cứ thứ gì khác*. Thật đáng kinh ngạc với những nỗi sợ của con người, họ sợ AIDS, sợ mất việc, họ sợ đủ thể loại. Nhưng này: nếu kính sợ Chúa thì bạn không sợ bất cứ thứ gì hay bất cứ ai. Đó là một nỗi sợ lớn, những nỗi sợ lớn xử lý được những cái nhỏ bé. *Tại sao chúng ta nên kính sợ Chúa?* Bởi vì Ngài sẽ mời bạn khai trình những gì bạn làm với cuộc sống mà Ngài đã ban. Chỉ sợ

Ngài bảo: “Ngươi đã phá hỏng nó” là một nỗi sợ lành mạnh, cần phải kính sợ Đức Chúa Trời. Đó là một trong những động lực lớn nhất để sống đúng đắn.

Bạn sẽ ngạc nhiên với số lời phê bình mà tôi nhận được vì viết sách này. Chúng ta sống trong một thế hệ mà kể cả những người trong hội thánh không muốn nghe chút gì về điều đó, nhưng Chúa phán, hay Chúa Giê-su phán với những tín đồ được tái sinh: “Đừng sợ những kẻ giết thân thể... Nhưng thà sợ Đấng có thể hủy diệt cả hồn lẫn xác trong hỏa ngục...” Những người ở ngoài hội thánh không sợ Chúa bởi vì những người ở trong cũng không sợ. Nỗi sợ có tính lây lan và khi người ở trong không sợ Chúa thì người ở ngoài chẳng sợ Ngài chút nào. Họ nghĩ rằng Ngài là một ông lão tốt bụng, hiền như cục đất, họ lầm to.

Nên *nhớ đến Chúa, kính sợ Chúa và vâng phục Chúa*. Tôi từng ở nhà một triệu phú tại Dallas, bang Texas, Hoa Kỳ. Người cha đó mua cho cô con gái một chiếc xe Toyota để đi học. Cô bé đã dùng xe được 18 tháng, và chuyện này xảy ra lúc tôi đang ở đó. Cô bé đi bộ về nhà và bảo bố là cái xe hỏng rồi, nó cứ thế đứng khựng lại giữa đường. Ông bố gọi thợ đến xem, họ đã gọi ngay cho ông. Tôi chứng kiến ông bố hỏi con gái: “Con có đổ dầu vào xe không?,” cô bé đáp: “Dầu á? Bố có bảo con là phải đổ dầu đâu. Con chỉ đổ xăng thôi.” Suốt 18 tháng, cô bé đã lái chiếc xe không đổ dầu nhớt. Có một cuốn sách hướng dẫn để trong hộc xe trước mắt mà cô bé chẳng buồn đọc. Bố cô bé làm to, nên ổng gọi cho Toyota và họ hứa tặng cho ổng cái động cơ mới, miễn phí luôn. Ổng đi kể với bao nhiêu người bạn về cách xử lý tuyệt vời này của Toyota, nên họ bỏ tiền ra cũng đáng, vì được quảng cáo rất uy tín mà miễn phí. Nhưng bạn thấy, cô bé thật ngốc nghếch với một cái xe mới tinh, hoàn toàn phớt lờ hướng dẫn của nhà sản xuất. Trong vòng 18 tháng là con xe đi đời. Nhưng con người cũng ngu dại không kém khi để hướng dẫn của Đấng Sáng Tạo trên giá hoặc trong tủ. Hãy nhớ đến Chúa, kính sợ Ngài và nghiên cứu cách sống của Ngài.

Tôi tin chính vì lý do này mà sách Truyền Đạo có trong Kinh Thánh. Sách cho bạn biết mình sẽ kết thúc như thế nào nếu không khám phá ra cách sống của Ngài. Nếu không hiểu ý nghĩa cuộc sống *từ góc độ thiên đàng* và *từ góc độ đời sau* thì cuối cùng bạn sẽ là một người vỡ mộng, thất vọng và chán nản, sẽ buông câu: “Mọi sự đều vô nghĩa, chúng đưa đẩy mình tới đâu đây? Mình sẽ chết và ra đi, người ta sẽ quên mình ngay thôi và mình sẽ chẳng để lại chút vết tích gì trong 50, 60, 70 năm mình dành cho nơi đây.” Cơ Đốc nhân thì không cảm thấy như vậy, vì họ biết rằng hễ điều gì chúng ta làm trong Chúa thì công khó của chúng ta chẳng phải là vô ích. Làm lành và làm ác đều có kết quả đời đời. Khi biết rằng những điều bạn đang làm, những điều có thể xảy đến trong tuần này với bạn, sẽ còn lại đời đời vì có những vấn đề vĩnh cửu nằm ở ngay sát sườn.

Kết luận

Nhiều năm trước, khi tôi đang giảng về sách Truyền Đạo, tôi nghĩ có nhiều người cải đạo trong loạt bài này hơn bất kỳ loạt bài nào khác, thậm chí có những người Do Thái. Nhưng tôi sẽ không chọn Truyền Đạo là một sứ điệp Phúc âm hay đâu. Có một chiều Chủ nhật, điện thoại của tôi rung chuông và đầu bên kia nói: “Chúng tôi đã đón Chuck Coulson tại Anh-ông là người vướng vào vụ bê bối Watergate của tổng thống Mỹ Nixon, chúng tôi muốn tìm một nơi để ông ấy làm chứng vào tối nay. Ông ấy có thể đến hội thánh của mục sư tại Guildford không?” Tôi trả lời: “*Được chứ.”* Xong tôi thật sự phải tranh chiến: “Mình đã chuẩn bị *Truyền Đạo 5*, và không có lý do gì để ngừng nghe lời Chúa chỉ vì lời chứng của một ngôi sao xa xôi.” Nên tôi nghĩ: “Mình cứ giảng đoạn đó, còn để ông ấy làm chứng sau.” Vậy là tôi đã giảng về Truyền Đạo chương 5, rồi giới thiệu: “Chúng ta được đón ngài

Chuck Coulson, cánh tay phải của tổng thống Mỹ Nixon trong vụ Watergate." Ông liền đứng dậy và chỉ nói: "*Tôi không cần làm chứng nữa, các bạn đã nghe hết rồi."* Chúng tôi sửng sốt nhìn ông. Ông nói: "*Chương 5 của Truyền đạo mô tả chính cuộc đời tôi"* rồi ông đã lần theo từng câu một, minh họa bằng cách ông đã tiêu phí đời mình dưới tay Nixon, nhất là câu: "Hãy cẩn trọng với những điều con nói; từng lời đều được ghi lại."

Đó chính là điểm mấu chốt của *Truyền Đạo 5,* vì Chúa biết những gì bạn nói cũng như những gì bạn làm, bạn nghĩ và bạn cảm nhận. Tôi sẽ không bao giờ quên buổi tối hôm đó. Chúa đã dạy chúng ta bằng *khẳng định* trong Kinh Thánh *về cách sống,* Ngài cũng dạy chúng ta bằng cách phủ định, rằng *đừng sống thế này*. Ngài đã cho chúng ta ví dụ về cả hai, khẳng định và phủ định tạo nên một bức tranh hài hòa.

Truyền Đạo *phần lớn là phủ định*, sách nói rằng: *Đừng kết thúc như thế này* vì anh đã loại Chúa ra, đã lãng quên Ngài, không kính sợ Ngài, không sống theo hướng dẫn của Đấng Sáng Tạo, anh sẽ đi đến cuối đời và sẽ cảm thấy mọi thứ đều vô nghĩa. Nào, anh có muốn làm như vậy không? Hay anh muốn sống theo cách của Chúa? Để rồi anh đi đến cuối đời và nói*: Cảm tạ Chúa*. Tôi nhớ đến lời tiên tri từng được ban cho tôi và đó là lời phán trực tiếp từ Chúa, lời kết là: "Hỡi con Ta, Ta thật muốn con sống và làm việc để đến khi gặp Ta, con sẽ nói: *Chúa ơi, chúng ta làm được rồi!* Chúa ơi, chúng ta làm được rồi!" Khi đó, bạn sẽ thấy đời thật đáng sống. A-men.

SÁCH Ê-SAI - Phần 1

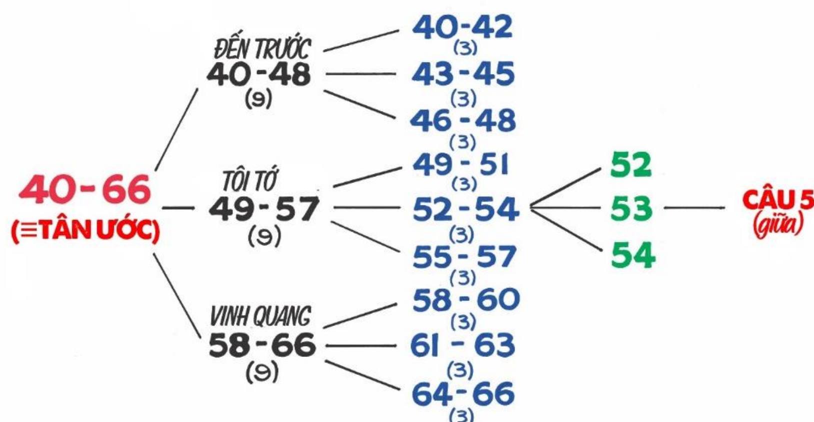
Giới thiệu

Chúng ta có ba sự việc thú vị liên quan đến sách này, nghe như không không nằm trong lời Chúa.

Năm 1948, có một chàng du mục Ả Rập đưa đàn dê tới Qumran ở rìa bắc Biển Chết, anh ném vu vơ một hòn đá vào hang núi trước mặt và nghe thấy tiếng gốm vỡ rất to. Anh sợ và bỏ chạy, tưởng mình đã làm vỡ đồ của một nhà nào đó. Đợi lâu không có gì xảy ra, anh trở lại lần bò xuống cái hang ấy, và phát hiện ra mấy cái chum gốm to cao khoảng một mét. Bên trong chum là những cuộn giấy cổ. Đó là một khám phá tuyệt vời, chấn động thế giới: *các Cuộn Giấy Da Tại Biển Chết*. Trong bộ lưu giữ Kinh Thánh Cựu Ước cổ nhất này có bản sao hoàn chỉnh của *sách Ê-sai*. Sự kiện xảy ra đúng lúc người ta đang dịch sách Ê-sai, theo bản Hiệu đính tiếng Anh(Revised Standard Version), nên họ nói: "Khoan hãy dịch tiếp, chúng tôi đã tìm ra một bản sao mới." Quan trọng là bản sao này có niên đại cổ hơn tới ngàn năm so với bản mà họ đã có. Bản sao cổ nhất của Ê-sai là năm 900 SCN, nhưng bản này là năm 100 TCN. Cuộc phát hiện đã đưa những gì chúng ta biết về Ê-sai gần tới bản gốc thêm 1000 năm. Họ nói: *"Ồ, chúng ta sẽ phải sửa lại mọi thứ nên khoan hãy dịch."* Thật tuyệt vời, người ta chỉ phải sửa bản dịch có một chút. Sách đã được lưu giữ quá tốt trong 1000 năm.

Năm ngoái là kỷ niệm 250 năm ra đời tác phẩm *Đấng Mê-si-a* của Handel, một tác phẩm âm nhạc nổi tiếng đã được phát quá nhiều trên radio và ti-vi. Chuyện là có một mục sư đã viết lời cho tác phẩm này, ông đưa cho Handel và nói: " Nhạc sĩ hãy *phổ nhạc* nhé." Chỉ 24 ngày sau, Handel quay lại trao kết quả. Vị mục sư giận lắm, ông nói: "Anh viết nhanh thế thì nhạc nhẽo nó ra làm sao!," và gần như không thèm nói chuyện với Handel nữa. Thực sự Handel đã viết phần nhạc với cảm hứng dâng trào, và kết quả sau này thì cả thế giới biết. Riêng phần ca từ của tác phẩm bất hủ này, rất nhiều câu được lấy từ chính *sách Ê-sai*. Một lần nữa, Ê-sai được công chúng chú ý đến.

Chúa không thần cảm số chương trong Kinh Thánh, thực ra tôi ước rằng Kinh Thánh của chúng ta không có số chương và số câu. Như thế thì chúng ta sẽ thật sự biết tường tận Kinh Thánh. Trong ít nhất 1100 năm, hội thánh Cơ Đốc đã dùng Kinh Thánh không ghi số chương và số câu, họ phải học Kinh Thánh theo ngữ cảnh. Nhưng người chia chương cho sách Ê-sai đã làm một việc khá thú vị. Tôi không biết là họ có ý thức được điều mình đang làm không. Họ chia sách Ê-sai ra làm *66 chương* mà Kinh Thánh lại có *66 sách*. Hơn nữa, họ chia sách thành hai nửa rõ ràng: *39 chương và 27 chương*. Còn Kinh Thánh chia ra: *Cựu Ước có 39 sách* và *Tân Ước có 27 sách*. Hơn nữa, trong sách Ê-sai, thông điệp của 39 chương đầu tóm tắt thông điệp của Cựu Ước, và thông điệp của 27 chương chương sau (từ 40 đến 66) tóm tắt chính xác thông điệp của Tân Ước.



Phần này bắt đầu từ tiếng kêu trong hoang mạc: "Hãy mở một con đường cho Đức Giê-hô-va"- *Giăng Báp-tít*. Rồi chuyển sang *một tôi tớ của Đức Giê-hô-va* được Thánh Linh xức dầu, Đấng sẽ chết cho tội lỗi của dân Ngài, được sống lại và được tôn cao sau sự chết của Ngài. Rồi chuyển sang "các con sẽ làm chứng nhân cho Ta cho đến cùng trái đất." Và kết thúc bằng lời phán của Chúa: "Ta sẽ làm mới lại tất cả muôn vật. Ta sẽ tạo dựng trời mới đất mới," kết thúc tại một nơi khác, nơi lửa không hề tắt và sâu bọ chẳng hề chết. Nói cách khác, nếu có ai đó lấy cả *Kinh Thánh* ép lại thành một sách, thì họ sẽ có *sách tiên tri Ê-sai,* sách *là Kinh Thánh thu nhỏ*. Nên nếu bạn muốn biết toàn bộ Kinh Thánh thì hãy đọc Ê-sai, mọi thứ đều cô đọng trong đó, thật là kỳ diệu.

Kỳ diệu hơn nữa, và chắc chắn là người đánh số chương-câu không nhận ra điều mình đang làm. Chương 40 đến 66 tương ứng với Tân Ước được chia rất rõ ràng theo chủ đề thành *ba phần,* mỗi phần 9 chương: - Chương 40 đến 48, chủ đề là an ủi dân Chúa. - Chương 49 đến 57, chủ đề là tôi tớ Đức Giê-hô-va, Đấng chết đi và sống lại. - Chương 58 đến 66 nói đến vinh quang ngày sau.

Mỗi phần gồm chín chương này được *chia theo chủ đề* thành ba phần rõ ràng, mỗi phần ba chương. Như vậy là 27 chương được chia ba phần chín chương, mỗi phần chín chương được chia thành ba phần ba chương. Nếu lấy ba chương giữa, có ba phần rất rõ ràng trong đó, chương 49 đến 51, 52 đến 54 và 55 đến 57. Nhưng lấy phần giữa và phần đó rõ ràng được chia thành ba chủ đề, chương 52, 53 và 54, chỉ có một câu bị lệch, chỗ đó số chương hơi sai một chút. Nếu lấy câu giữa/ của chương giữa/của phần giữa/của phần Tân Ước của Ê-sai, ta có câu:

"Nhưng Người đã vì tội lỗi của chúng ta mà bị vết,
Vì gian ác của chúng ta mà bị thương.
Bởi sự trừng phạt Người chịu, chúng ta được bình an,
Bởi lằn roi Người mang, chúng ta được lành bệnh."

Một tiêu điểm rất đáng chú ý, và theo tôi thì điều đó không hề được thần cảm, nhưng cũng hấp dẫn đúng không?

Rất nhiều người biết đến sách Ê-sai *theo các trích đoạn*. Chúng ta cùng thử đến với các trích đoạn kiểu này. Tôi nhớ có người đọc William Shakespeare xong và bảo không thích lắm, kịch gì mà toàn trích dẫn. Họ cho rằng ông đã cóp nhặt tư liệu từ đâu đó mà không nhận ra rằng chính ông đã viết ra những câu nổi tiếng ấy. Cũng như vậy với sách Ê-sai, có những câu cứ thế tuôn ra khỏi miệng chúng ta...: *"Dù tội ngươi đỏ thắm như vải điều cũng sẽ trở nên trắng như tuyết."* Theo cách của con người thì không thể nào làm nó trắng lại được, nhưng Chúa phán rằng: "Dù tội các ngươi có đỏ như hồng điều, chúng cũng sẽ trở nên trắng hơn tuyết."

"Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, Lấy giáo rèn lưỡi liềm," câu này được ghi trên khối đá granit lớn đặt trước trụ sở Liên Hợp quốc tại New York. Thật tiếc là người ta không trích cả câu: *"Ngài sẽ phán xét giữa các quốc gia*...bấy giờ, họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày," vì nếu Ngài không phán xét thì làm sao chúng ta có thể làm điều còn lại được, nhưng họ cứ trích kiểu cắt xén như vậy. *"Một trinh nữ sẽ mang thai...và đặt tên là Em-ma-nu-ên,"* tất cả các bạn đều biết câu đó từ Giáng sinh cũng như từ tác phẩm Đấng Mê-si-a của Handel. *"Một Con Trẻ được sinh cho chúng ta, tức là một con trai được ban cho chúng ta."* Cả *"Người nào để tâm trí mình nương cậy nơi Chúa thì Ngài sẽ gìn giữ người trong sự bình an trọn vẹn"* nữa. Rồi *"Những ai trông đợi Đức Giê-hô-va chắc chắn được sức mới, cất cánh bay cao như chim ưng,"* và *"Bàn chân của những người truyền giao tin lành thật xinh đẹp*

biết bao," "Ôi! Ước gì Chúa xé các tầng trời và ngự xuống." Những câu như vậy đã được trích quá nhiều lần trong các buổi cầu nguyện.

Sách có những *chương nổi tiếng*, trong đó có *6 chương* thuộc hàng được hay đọc nhất trong hội thánh: - *Chương 6*, sự kêu gọi của Ê-sai:*"Vào năm vua Ô-xia băng hà, tôi thấy…,Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va."* Đọc thì rất thích, nhưng tiếc là họ luôn kết thúc không đúng chỗ, đọc đến *"Có con đây, xin Chúa sai con!"* coi là xong. Họ không đọc tiếp phần rất quan trọng sau đó, điều Chúa sai ông thực hiện rất khủng khiếp:*"Hãy làm cho dân ấy tối dạ,"* chúng ta sẽ xem xét điều này sau. - *Chương 35,* toàn nói về hoang mạc nở ra như hoa hồng và sẽ có một con đường. - Chương *40*: "Hãy an ủi, hãy an ủi dân Ta," "Có tiếng kêu lên trong hoang mạc." *Chương 53*: "Vì tội lỗi của chúng ta mà bị vết, Vì gian ác của chúng ta mà bị thương..." - *Chương 55:* "Hỡi tất cả những ai đang khát, …, Hãy đến mua rượu và sữa, Mà không cần tiền, không đòi giá." Và *Chương 61,* là phân đoạn để Chúa chúng ta trích trong bài giảng đầu tiên tại Na-xa-rét, "Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên Ta" để "phóng thích những người bị giam cầm," v.v.

Như vậy là sách rất nổi tiếng theo các trích đoạn. Vì có số chương và số câu nên chúng ta chọn chương này, chương kia, câu này, câu kia. Chúng ta biết rõ các trích đoạn, nhưng *lại không biết Ê-sai rõ* lắm, thật quá đáng tiếc! Chúng ta thường biết cặn kẽ từng mẩu chuyện hơn so với mọi sách Cựu Ước khác, nhưng chúng ta không biết rõ toàn sách như ta phải biết, đó chính là điều tôi muốn cố gắng giúp các bạn.

Tân Ước thì trích dẫn rất nhiều từ nửa sau của sách: *"Sự chết bị nuốt mất trong sự đắc thắng..."* Cụm *"Làm buồn Đức Thánh Linh," "Chúa sẽ lau ráo nước mắt," "Có tiếng kêu lên trong hoang mạc," "Các con sẽ làm chứng nhân cho Ta cho đến cùng trái đất," "Mọi đầu gối...đều phải quỳ xuống, và mọi lưỡi đều phải xưng nhận."* Đó là sách mà Chúa Giê-su thích nhất, Ngài hay nhắc đến sách này hơn mọi phần Kinh Thánh khác. Phao-lô cũng thích và hay trích dẫn từ đây hơn. Nói cách khác, nếu thật sự muốn biết Kinh Thánh thì hãy tìm hiểu, nhận biết Ê-sai, sách cho bạn những hiểu biết sâu sắc về Tân Ước cũng như Cựu Ước, thực sự đó là Kinh Thánh thu nhỏ.

Trước giả

Chúng ta đến với chính Ê-sai. Chúng ta không biết nhiều về ông. Giống với hầu hết các trước giả Kinh Thánh, ông rất khiêm tốn. Lấy Chúa làm trung tâm nên ông không nói về mình nhiều. Những điều chúng ta biết về ông, một phần đến từ các tác phẩm của ông, một phần từ tư liệu khác trong lịch sử Do Thái, trong đó có tư liệu của nhà sử học Josephus. Chắc hẳn cha mẹ ông là những người tin kính, đã đặt cho ông một cái tên rất thú vị, là *Yessah Yahu*. Nó nghe tựa tựa như tên *Giê-su* hay *Giô-suê*. Rất tiếc là sang tiếng Anh thì tên ông lại là *Isaiah*, hay *Ê-sai* trong tiếng Việt, mất hẳn sự kết nối với tên gốc. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, *Yahu* là danh Chúa, còn *Yessah* nghĩa là *sự cứu* hay *cứu rỗi*. Tên đầy đủ *Yessah Yahu* nghĩa là *Chúa Cứu*. Làng tôi có một cái bưu điện nhỏ và gần đây, người quản lý nó, tên tiếng Anh cũng là *Godsave* - *Chúa Cứu*, ông Chúa Cứu. Tên được đặt từ thuở lọt lòng của ông có tính tiên tri, vì khi trưởng thành, ông đã được gọi là *nhà truyền đạo của Cựu Ước*.

Từ *"Mới"* là một từ rất hiếm khi xuất hiện trong Cựu Ước, tra cứu mãi mới thấy ở sách Truyền Đạo: "Chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời." Nhưng từ *"Mới"* lại *thường xuyên xuất hiện* trong nửa sau của sách Ê-sai. M*ới, Trời Mới, Đất Mới, Tạo vật Mới, Ta làm mới lại tất cả muôn vật.* Đó là tin lành của Cựu Ước, và cậu bé *Yessah Yahu* đã lớn lên thành nhà tiên tri vĩ đại nhất mọi thời đại. Không

một tiên tri nào bằng Ê-sai, và người Do Thái sánh ông ngang với *Môi-se* và *Ê-li*. Hai vị là *những tiên tri vĩ đại trong việc làm,* còn Ê-sai là *nhà tiên tri vĩ đại nhất trong lời nói.*

Từ góc nhìn con người, ông có khởi đầu thuận lợi: ông sống trong cung điện và lớn lên trong triều. Ông là cháu Vua Giô-ách và là anh em họ của Vua Ô-xia, ông thuộc hoàng gia. Nên cái chết của Vua Ô-xia mới khiến ông xúc động mạnh như vậy. Ông có sự giàu có, có địa vị cao, có học vấn. Nếu bạn là tiên tri và có xuất thân như vậy thì điều đó sẽ dễ hơn hay khó hơn cho bạn? Tôi nghĩ là sẽ khó hơn rất nhiều cho ông. Nhưng dù vậy, ông lại có cuộc gặp gỡ kỳ diệu với Chúa trong đền thờ, đến nỗi ông thật sự không còn lựa chọn nào khác. Vậy là ông đã tự do đi lại trong triều, ông khuyên bảo các vua, nên phần nhiều *sự tiên tri của ông chạm đến các vấn đề chính trị*. Đặc biệt là *sự an ninh giả tạo* khi liên minh với các cường quốc, là A-si-ri ở phía đông bắc, hoặc Ai Cập ở phía tây nam. Có hơi hướng chính trị trong tiên tri của ông vì ông ở chính giữa giới cai trị.

Về đời sống gia đình, vợ ông là nữ tiên tri, nhưng sách không có lấy một lời tiên tri từ bà. Tôi đồ rằng Ê-sai đã kiểm chứng lời tiên tri của mình qua người vợ. Bà sẽ giúp thẩm định: "*Cái đó đến từ Chúa anh ạ, anh đi bảo họ đi!"* Chắc chắn là họ đã cùng nhau nghe từ Chúa, nhưng *ông là người phát ngôn của cả hai*. Về con cái, ông có ít nhất hai con trai, có thể là ba. Con đầu là *Ma-he Sa-la Hát Bát,* nghĩa là "Mau cướp đoạt, kíp thu chiến lợi phẩm!" Cái tên này lại tiên tri rằng: Tới một ngày, chính Giê-ru-sa-lem sẽ bị kẻ thù cướp phá và mọi của báu sẽ bị lấy đi, một báo trước không hay ho gì. Con thứ hai của ông là *Sê-a Gia-súp*, nghĩa là "Phần dân sót sẽ trở về," là một tin mừng. Tên hai con ông ghi nhận *hai thông điệp trọng tâm* của sách Ê-sai. Tin dữ nằm ở nửa đầu của sách, là Giê-ru-sa-lem sẽ bị cướp phá, cướp bóc và tước đoạt. Còn tin lành tóm tắt nửa sau của sách này "phần dân sót sẽ trở về..." Y-sơ-ra-ên vẫn có tương lai sau khi đánh mất mọi thứ. Sự kêu gọi của ông rất thú vị. Tiện cũng nói đến đứa con thứ ba, người ta chỉ suy đoán rằng ông có đứa thứ ba. Đó là cậu bé tên *Em-ma-nu-ên,* hẳn là cũng mang một sứ điệp tiên tri. E*m-ma-nu-ên* nghĩa là "Chúa ở cùng chúng ta." Tên gọi của đứa con này là dấu chỉ cho đức vua. Đó sẽ là dấu chỉ kép vì lời này được ứng nghiệm vào nhiều thế kỷ sau nơi Chúa Giê-su.

Sự kêu gọi của Ê-sai

Ê-sai vào đền thờ, ông thấy Đức Giê-hô-va và choáng ngợp với sự thánh khiết của Ngài, và từ đó trở đi, Ê-sai gọi Chúa bằng một danh hiệu mà không ai khác gọi Ngài. Danh xưng này xuất hiện gần 50 lần xuyên suốt sách của ông, trong cả hai nửa sách. Ông gọi Ngài là *"Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên."* Đó là một danh hiệu độc đáo và đó chính là tên của chính Ê-sai. Ngay khi ông bắt gặp sự thánh khiết của Chúa, ông thấy mình ô uế và cảm thấy mình thậm chí không nên ở trong đền thờ. Thật thú vị là ông cảm nhận được sự ô uế trên môi mình, cảm thấy có gì đó dơ dáy, liền sau đó ông kinh nghiệm một điều lạ thường: một thiên sứ bay đến, lấy than nóng đỏ và đốt môi ông, từ đó miệng ông mang sẹo. Hy vọng là bạn nhận ra rằng điều này thực sự xảy ra với ông, đó không phải là khải tượng. Bởi sau đó nhiều người nói: "Sao miệng ông lại bị như vậy, sao lại đầy sẹo thế?" Ông nói: "*Chúa phải đốt môi tôi, đốt cháy chúng."* Ông là người sứt môi, ông luôn nói với cái miệng bị bỏng trong suốt phần đời còn lại. Điều đó thật sự đã xảy ra, và tôi cho rằng người ta nghe lời ông cũng vì lẽ đó.

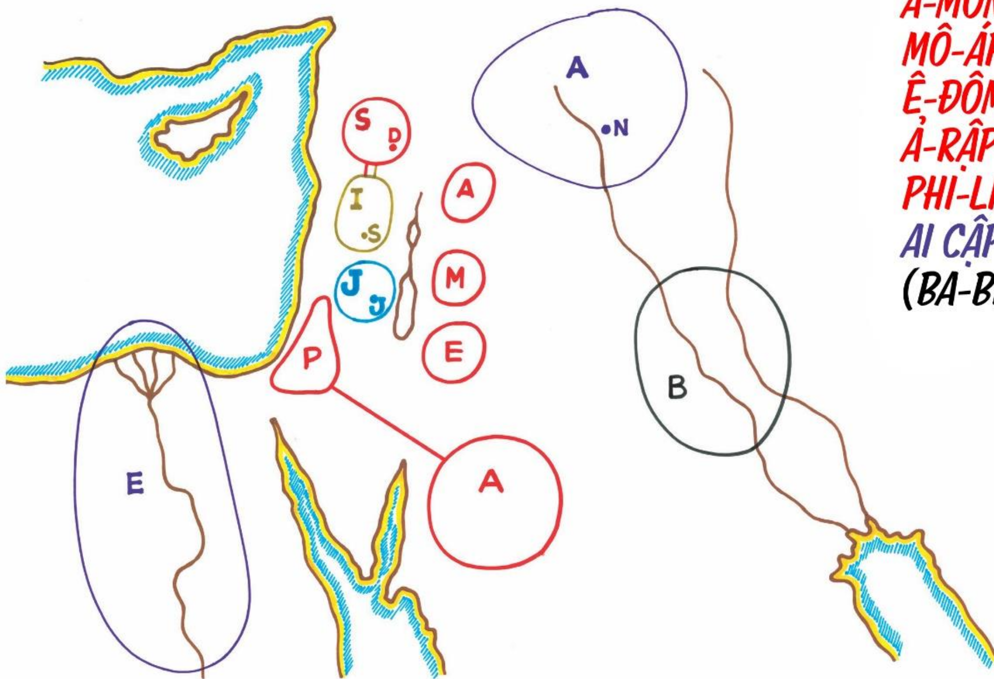
Đó là cái giá của việc làm tiên tri. Rồi ông được hỏi rằng: "Ta sẽ sai ai đi?" - Ta, và "Ai sẽ đi cho chúng ta?" Ở đó có một ý niệm lờ mờ nhưng thật phi thường về *ba ngôi Thiên Chúa*, *một nhưng lại hơn một*. "Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho *chúng ta*?" Rồi đến một tin choáng váng: "Con phải đi rao giảng và chúng sẽ không nghe. Sự rao giảng của con sẽ khiến chúng nặng tai, chúng sẽ không tiếp

nhận, chúng sẽ chẳng hề đáp ứng." Thật là khó nhằn! Bạn biết đấy, đó là điều Chúa tuyên bố với Ê-sai: "Đừng nghĩ con sẽ làm một người giảng đạo thành công; con càng giảng thì chúng càng cứng lòng, Ta sẽ dùng sự rao giảng của con để khiến chúng nên điếc, nên mù, kẻo chúng trở lại và được chữa lành chăng."

Thật là một tuyên bố khác thường. *Lời Chúa không chỉ mở lòng người ta mà còn đóng chúng lại,* và thực sự, Lời Chúa có thể đẩy người ta ra xa. Sau khi nghe Lời Chúa, hoặc là bạn cứng lòng, hoặc là bạn mềm mại với Lời Ngài, bạn không thể trung lập nữa. Điều đó khiến tuần này trở nên hơi đáng sợ phải không? Hoặc là bạn sẽ mở lòng với Lời Chúa nhiều hơn hoặc ít hơn, nhưng bạn sẽ không còn như lúc mới đến đây nữa. Với Ê-sai, "Lời Chúa phải khiến người ta cứng lòng, nặng tai và đẩy họ ra xa," câu này được trích trong Tân Ước nhiều hơn mọi câu khác trong Ê-sai. Chúa Giê-su dùng câu đó trong chính chức vụ của Ngài. Ngài nói: "*Ta phán bằng ẩn dụ để chúng xem thì vẫn xem, mà không thấy, nghe thì vẫn nghe, mà không hiểu*, e rằng chúng hối cải mà được tha tội chăng*."* Nói cách khác, Ngài nói bằng ẩn dụ để giấu lẽ thật và làm cứng lòng những người không thực sự quan tâm. Phao-lô cũng trích dẫn chính điều đó khi ông giảng cho người Do Thái mà họ không nghe. Ông đã trích đúng câu đó.

Chúng ta cần nhớ rằng Lời Chúa có tác động kép, chẳng trách Ê-sai nói rằng: "*Con phải tiếp tục giảng và khiến họ cứng lòng, không đáp ứng cho đến bao giờ?"* Chúa phán: "*Cho tới khi đất đai nên hoang vu và thành trì bị bỏ hoang, nhưng sẽ có một phần mười và cây cối sẽ mọc trở lại."* Hãy tưởng tượng rằng trước mặt bạn là 40 năm chức vụ và biết rằng người ta sẽ không đáp ứng với nó. Tôi muốn bạn nhận ra rằng nhiệm vụ của ông thật khó nhằn và nếu ông không trải qua nó thì chúng ta không có cuốn sách kỳ diệu này. Ông không biết rằng nhiều thế kỷ sau, sách này sẽ trở thành nguồn cảm hứng. Nhưng trong đời ông, ông là kẻ thất bại, không ai lắng nghe, họ ngày càng cứng lòng hơn, trong 40 năm.

Địa lý và lịch sử Giu-đa thời bấy giờ



Hãy xem xét đến điều kiện địa lý và lịch sử, các yếu tố định vị thời gian và không gian của những tiên tri này. Trên sơ đồ là quang cảnh quen thuộc của Trung Đông và Vùng lưỡi liềm màu mỡ, Vịnh Ba Tư, sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát, Biển Đỏ, Địa Trung Hải, Sê-lơ-xi và sông Nin. Có mười chi phái Y-sơ-ra-ên ở phương bắc với thủ đô Sa-ma-ri, rồi hai chi phái Giu-đa ở phương nam với thủ đô Giê-ru-sa-lem. Chung quanh họ là các nước nhỏ, ở xa hơn là các nước lớn. Chúng ta sẽ thấy trong sách Ê-sai rằng hết lần này đến lần khác, Chúa dùng những nước nhỏ để trị dân Ngài trước, nhưng khi họ không nghe, Ngài phải dùng đến các nước lớn. Các nước nhỏ có: Si-ri ở phía bắc, thủ đô là Đa-mách. Có dân Am-môn, dân Mô-áp và dân Ê-đôm ở phía bên kia sông Giô-đanh và Biển Chết, trên vùng đồi núi Trans Jordan. Xuống dưới về phía bờ biển này là dân Phi-li-tin mà Chúa đã đưa ra khỏi Cáp-tô, xuống dưới, trong hoang mạc là người Ả Rập.

Có một số liên minh rất thú vị chống lại Giu-đa nhỏ bé trong thời Ê-sai. Ví dụ, mười chi phái Y-sơ-ra-ên liên minh với Si-ri để tấn công Giu-đa, rất đáng gờm. Đó là khi Ê-sai đến chầu vua và nói: “Không sao; chúng ta sẽ thắng.” Vua nói: “Nhưng chúng ta chỉ là hai chi phái nhỏ bé, kia họ có tận mười chi phái, cộng thêm quân Si-ri nữa.” Đó chính là thời điểm Ê-sai nói tiên tri: “Nầy, một trinh nữ sẽ mang thai, sinh một con trai và đặt tên là *Em-ma-nu-ên...”* Em-ma-nu-ên nghĩa là gì? *Chúa ở cùng chúng ta* à?

Có bốn bản dịch khả thi cho tên gọi *Em-ma-nu-ên*, cần biết *phương án nào đúng* trong 4 cụm từ sau đây: *“**Chúa** ở cùng chúng ta”/“Chúa **ở** cùng chúng ta”/“Chúa ở **cùng** chúng ta”/“Chúa ở cùng **chúng ta.”*** Phương án dịch đúng là *cụm thứ tư*, nhấn mạnh vào *chúng ta*. Chúa *ở cùng **chúng ta*** chứ *không ở cùng họ*. Nói cách khác, nó nghĩa là *Chúa đứng về phía chúng ta*. Khi đứa trẻ được hoài thai

và đặt cho cái tên đó, Đức Vua biết rằng liên minh mười chi phái và quân Si-ri sẽ không thắng được, vì *Chúa ở cùng* ***chúng ta.***

Tuy là mười chi phái Y-sơ-ra-ên, nhưng ở phía bên kia, nên Chúa không ở cùng họ, "*Ngài ở cùng chúng ta,"* Ê-sai nói vậy. *Đó là nguồn gốc của cụm Em-ma-nu-ên*. Lần khác, dân Phi-li-tin liên kết với dân *Ả Rập*, đó là một liên minh *khá đáng gờm* với Giu-đa nhỏ bé, nhưng một lần nữa Chúa lại đứng về phía họ. Các cường quốc khác là: *A-si-ri* ở phía đông bắc, có thủ đô Ni-ni-ve bên bờ sông Ti-gơ-rít. Ai Cập, là cường quốc ở phía tây nam. Có một tiểu cường quốc đang mạnh lên, không xa Baghdad lắm, là *Ba-by-lôn.* Ba-by-lôn sẽ trở thành nan đề chính, nhưng vào sau thời Ê-sai. *A-si-ri* đang ở đoạn cuối suy thoái quyền lực nhưng vẫn là mối đe dọa lớn nhất đối với Giê-ru-sa-lem.

VUA	PHẨM CHẤT	CUỘC CHIẾN	ĐỒNG MINH	SỰ KIỆN
Ô-XIA 52	TỐT XẤU	[PHI-LI-TIN Ả-RẬP] THẮNG A-SI-RI THUA		Người phong A-MỐT Miền bắc
GIÔ-THAM 19	TỐT	A-MÔN THẮNG [Y-SƠ-RA-ÊN SI-RI-A] THẮNG	A-SI-RI	"Em-ma-nu-ên" Ô-SÊ Miền bắc
A-CHA 20	XẤU	Ê-ĐÔM THUA PHI-LI-TIN THUA		Sa-ma-ri thất thủ Y-sơ-ra-ên kết thúc } 721 TCN
Ê-XÊ-CHIA 29	TỐT	A-SI-RI THUA PHI-LI-TIN THẮNG A-SI-RI THẮNG	AI CẬP	Đường hầm nước chương 36-39
MA-NA-SE 53	XẤU	A-SI-RI THUA		Ê-sai bị giết

Ê-sai nói tiên tri trong bốn triều đại. Ông bắt đầu sau khi Vua Ô-xia băng hà, vào thời *Giô-tham*, rồi *A-cha*, *Ê-xê-chia* và cuối cùng là *Ma-na-se*, người sát hại ông tàn nhẫn. Hãy xem kiểu khuôn mẫu xảy ra và khía cạnh chính trị trong sự tiên tri của ông.

Ban đầu, *Ô-xia* là một vua tốt, trị vì trong thời gian dài, 52 năm. Trong những năm cuối cùng, ông trở nên một vua xấu, ông làm điều ác trước mặt Chúa và ông chết vì phong hủi. Đó là hình phạt dành cho ông vì đã thay đổi từ một vua tốt thành một vua xấu.

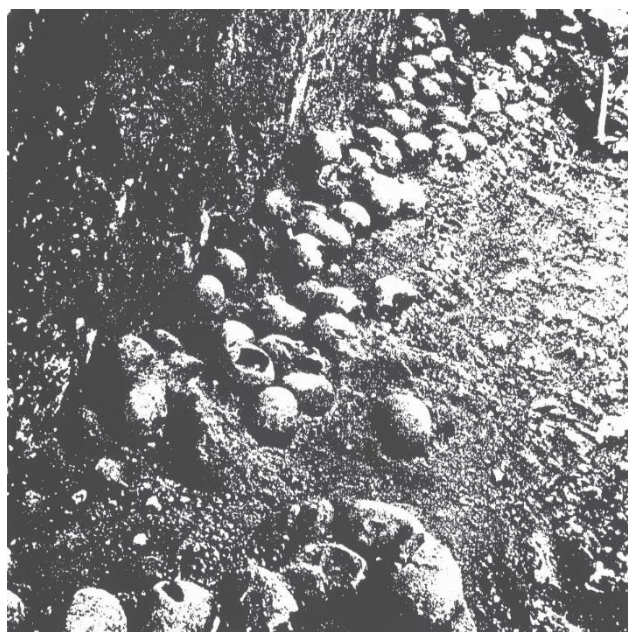
Rất thú vị là mỗi khi vua tốt thì họ thắng trận nhưng mỗi khi vua xấu thì họ lại bại trận. Đây không phải là sự trùng hợp, rõ ràng là vì khi họ tốt, Chúa ở cùng với họ nên không ai thắng được họ, nhưng khi họ xấu thì Chúa không ở cùng họ và họ bị đánh bại. Cuộc tấn công đầu tiên đến vào những năm đầu Ô-xia trị vì, dân *Phi-li-tin và Ả Rập* liên minh với nhau tiến đánh. Đó là một lực lượng đáng gờm, nhưng họ thắng trận vì có Ô-xia đang là vua tốt. Nhưng khi vua Ô-xia trở nên xấu xa, thì *A-si-ri* kịp đến và họ thua sau một trận chiến khốc liệt. A-si-ri thắng nhưng kéo quân về nước, không ở lại. Rồi Ô-xia băng hà, "Vào năm Ô-xia băng hà" như Kinh Thánh chép. Các nhà khảo cổ thời nay đã phát hiện ra mộ của Ô-xia với tảng đá lớn có ghi: "*Xương cốt Ô-xia nằm tại đây."*

Tiếp đến, *Giô-tham* là một vị vua tốt, bất cứ ai tấn công vào thời trị vì của ông đều bị đánh bại, như dân *Am-môn.* Rồi liên minh kinh khủng *Y-sơ-ra-ên* và *Si-ri*, đúng ra thời điểm này *A-cha*, một vua xấu đã vừa kế vị, do tầm ảnh hưởng của *Giô-tham* vẫn còn nên quân địch bị đánh bại. Khi *A-cha*, vị vua xấu từ đầu đến cuối đã yên ghế, thì liên tiếp thua trận, khi các dân *Ê-đôm,* dân *Phi-li-tin* tiếp theo nhau kéo đến. Rồi dân *A-si-ri* càng tiến lại gần hơn và trở thành mối đe dọa lớn thường trực.

Kế tiếp là một vua tốt, *Ê-xê-chia*. Dân *Phi-li-tin* kéo đến và bị đánh bại. Dân *A-si-ri* với 185. 000 quân kéo đến và vây hãm Giê-ru-sa-lem. Hãy xem điều gì xảy ra. Thực ra, dân *A-si-ri* đã tiến đánh A-cha ở phía Bắc, chiếm được Sa-ma-ri, và mười chi phái Y-sơ-ra-ên bại trận năm 721. Nhân tiện cũng xin nói thêm là *A-mốt*, *Ô-sê* đang rao giảng ở phía bắc vào cùng thời với *Ê-sai* ở phía Nam với Ê-xê-chia. Ê-sai đã làm gì?



Tượng hai dân tộc



Hang đầu lâu



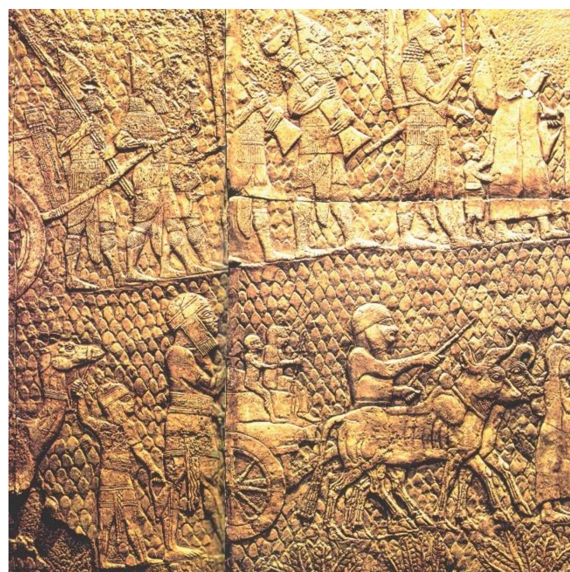
Đường hầm dẫn nước

Giê-ru-sa-lem đang bị vây hãm nghiêm trọng như thế, thứ quan trọng nhất là nguồn nước. Ê-xê-chia đã cho đào một đường hầm để dẫn nước vào thành. Nếu có đến Giê-ru-sa-lem, bạn nhất định

phải đến và lội qua đường hầm này. Đó là một trải nghiệm rất kỳ cục. Lần đầu tôi qua đó, nước cao đến ngang ngực, trần thì ở ngay trên đầu, và nến của chúng tôi bị tắt hết, hầm tối thui, cứ thế mà lần lội gần một cây số hầm đá. Lần khác chúng tôi đi với mấy thành viên trong hội thánh, có một cậu nghịch ngợm muốn trêu anh em. Cậu ta cầm cây đuốc lội trước dẫn đường, chúng tôi cứ thấy cây đuốc thấp dần xuống, cuối cùng không thấy người đâu, chỉ có cánh tay giơ cao cây đuốc trên mặt nước. Đó, đó chàng trai diễn hoạt cảnh "đường hầm ngày càng sâu, sâu đến lút đầu." Ở đoạn giữa đường hầm, người ta tìm thấy bảng khắc chữ này, họ đào ra và tấm bảng mô tả cách Ê-xê-chia đào hầm để đưa nước vào Giê-ru-sa-lem. Người ta làm vậy để cố gắng cứu lấy thành trì đang bị vây hãm để bí mật lấy nước vào trong thành. Nhưng bên ngoài thành có 185. 000 quân A-si-ri vây hãm. Chúng ta có thể đọc toàn bộ câu chuyện trong *chương 36 đến 39*, đó là phần tường thuật duy nhất trong sách Ê-sai.



Tấm bảng mô tả cách Ê-xê-chia đào hầm để đưa nước vào Giê-ru-sa-lem



Hình ảnh quân lính A-si-ri*, quân của San-chê-ríp giải tù nhân Y-xơ-ra-ên về A-si-ri*

Các bức tượng cho thấy . Các tù nhân đều nhỏ xíu, quân lính thì cao gấp đôi. Đó là cách họ nói rằng: "Giống người chúng ta chinh phục rất nhỏ bé," coi thường miệt thị họ. Nhưng với 185. 000 quân vây hãm thành Giê-ru-sa-lem thì Chúa phán: "*Ta sẽ đánh bại chúng."* Sáng hôm sau khi mọi người thức dậy thì cả đoàn quân 185. 000 đã chết hết. Kinh Thánh chép rằng chúng đã bị giết bởi một thiên sứ. Cho đến vài năm trước - Người ta vẫn nghĩ rằng đây là chuyện cổ tích, cho đến vài năm trước một nhà khảo cổ người Anh đã tìm thấy tất cả những hài cốt đó. Trên đây là ảnh chụp các đầu lâu nằm dưới chân tường thành. Đó là hài cốt của quân A-si-ri, đều là sọ người, có cả hàng ngàn chiếc. Khám phá này mọi người đều đã thấy.

Vậy *Ê-xê-chia* là một vị vua tốt và quân A-si-ri bại trận. Nhưng ông cũng phạm một sai lầm nghiêm trọng. Vua Ba-by-lôn có gửi cho ông tấm thiệp chúc sức khỏe khi ông bị bệnh, và mọi chuyện *bắt đầu từ một tấm thiệp này*. Ê-xê-chia lâm bệnh nặng và ông không muốn chết. Ông kêu cầu Chúa và Chúa cho ông sống thêm 15 năm nữa. Nhưng Ê-xê-chia quá vui khi thấy có người ở xa như vậy mà vẫn nghĩ đến ông. Nên ông cho vị khách này xem mọi của báu, sai dẫn hắn đi xem khắp cung điện, đền thờ và kho báu, rồi nói với sứ giả Ba-by-lôn: "Giờ thì hãy trở lại và bảo đức vua nhỏ bé của ngươi rằng ta là một vị vua tuyệt vời." Ê-sai vào thăm và hỏi: "Vua cho tên Ba-by-lôn đó xem cái gì vậy?" Vua đáp: "Trẫm cho ông ấy xem mọi vật báu của ta." Ê-sai phải nói thật: "Tới một ngày, vua Ba-by-lôn sẽ lấy đi mọi thứ mà vua đã cho tên đó xem." Đó là mẩu tường thuật rất kịch tính ngay giữa sách Ê-sai.

M*a-na-se* là một vị vua tàn ác. Hắn tham gia vào việc thờ phượng Sa-tan. Hắn thậm chí còn dâng chính con trai mình làm tế lễ cho Sa-tan hay cho Mo-lóc, vị thần quỷ quyệt là trung tâm của sự thờ phượng Sa-tan. Ma-na-se căm ghét Ê-sai đến nỗi hắn *cấm ông không được nói gì nữa*. Nhưng *Ê-*

sai viết, và cảm tạ Chúa là ông đã viết, vì kết quả của nó đang nằm ngay trên đầu gối bạn. Cuối cùng Ma-na-se không thể chịu được nữa, hắn quyết tâm giết vị tiên tri, giết một cách quái đản. Hắn sai người đem đến một thân cây rỗng, trói Ê-sai lại, nhét ông vào giữa thân cây khoét rỗng ấy, rồi lệnh cưa ông ra làm đôi. Trong sách *Hê-bơ-rơ, chương 11* đã nhắc tới *"Có người bị cưa đôi."* Và sách lịch sử Do Thái cũng ghi chép rằng *"Ê-sai là người bị cưa làm đôi."*

Về sách Ê-sai

PHẦN I (1-39 ≡CỰU ƯỚC)	PHẦN II (40-66 ≡TÂN ƯỚC)
NHIỀU TIN XẤU	NHIỀU TIN TỐT
HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI	HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI
TỘI LỖI VÀ HOẠN NẠN	CỨU RỖI VÀ CỨU CHUỘC
SỰ CÔNG CHÍNH	SỰ THƯƠNG XÓT
CHỐNG LẠI	AN ỦI
CHÚA CỦA Y-SƠ-RA-ÊN	TẠO HÓA CỦA VŨ TRỤ
QUỐC GIA	QUỐC TẾ
Y-SƠ-RA-ÊN VÀ LÁNG GIỀNG	Y-SƠ-RA-ÊN VÀ CÁC DÂN TỘC
ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ LỬA	ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ CHA
TAY GIƠ LÊN ĐỂ TRỪNG PHẠT	TAY VƯƠN RA ĐỂ CỨU VỚT
RỦA SẢ (KHỐN THAY)	PHƯỚC HẠNH
'CÔNG VIỆC LẠ LÙNG'	'CÔNG VIỆC TỐT LÀNH'
DO THÁI	DÂN NGOẠI
A-SI-RI	BA-BI-LÔN
TRƯỚC LƯU ĐÀY (HIỆN TẠI)	SAU LƯU ĐÀY (TƯƠNG LAI)

Sách Ê-sai có hai phần, có sự tương phản thật sự giữa hai phần. Như các sách tiên tri khác, đây là tập hợp của nhiều thông điệp được đưa ra tại những thời điểm khác nhau, không theo trình tự thời gian, đôi khi theo chủ đề, đôi khi không có trình tự nào cả, nên sách có chút pha trộn. Nhưng về tổng thể thì có hai kiểu tiên tri: một kiểu ở phần đầu sách và một kiểu khác ở phần sau. Sách *không dễ* nắm bắt, không dễ theo dõi, không liền mạch. Chúng ta đã quen với những cuốn sách liền mạch từ mở đầu và kết thúc. Sách Ê-sai không như vậy.

Tuy nhiên, đây là đặc điểm rõ ràng đầu tiên: *39 chương đầu khá khác với 27 chương cuối*. Khác biệt đến nỗi tại một số trường học, người ta dạy học sinh rằng phần sau do người khác viết, người đó là *Ê-sai Đệ nhị*, ông "Ê-sai thứ hai." Phần một có nhiều tin dữ hơn và phần hai nhiều tin lành hơn. Phần một nhấn mạnh vào hoạt động của con người, những điều sai trái mà con người đang làm. Phần hai nhấn mạnh vào những gì Chúa đang làm. Phần một đặc biệt nhấn mạnh vào tội lỗi và sự trừng phạt, phần hai nhấn mạnh vào sự cứu rỗi và cứu chuộc. Phần một chủ yếu nói đến công lý, phần hai là lòng thương xót. Vậy là ở sách này chúng ta có một tiên tri nói đến cả hai. Hãy nhớ rằng *Giô-na* chủ yếu nói về lòng thương xót, còn *Na-hum* về công lý, *A-mốt* về công lý, *Ô-sê* về lòng thương xót, nhưng *ở đây có một vị tiên tri có thể kết hợp cả hai*.

Ở phần một, ông đối chất với Y-sơ-ra-ên về tội lỗi của nó, ở phần hai, ông an ủi Y-sơ-ra-ên bằng tin lành về tương lai. Phần một chỉ thấy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nhưng phần hai có cái nhìn

lớn hơn nhiều về Chúa, tức là có góc nhìn rộng hơn, và thấy Đấng Sáng tạo Vũ trụ. Vì thế phần một mang tính dân tộc, phần hai mang tính quốc tế. Phần một nhìn vào Y-sơ-ra-ên và những nước láng giềng, những nước nhỏ quanh nó, nhưng phần hai nhìn vào Y-sơ-ra-ên và mọi quốc gia trên thế giới. Nước Anh được nhắc đến trong phần hai vì "các hải đảo" là Anh Quốc. Người Phê-ni-xi từng đến đây để lấy thiếc vào thời Ê-sai, và họ nghĩ rằng Anh Quốc là tận cùng của thế giới, nên khi họ nói đến tận cùng trái đất và các hải đảo xa xôi thì đó là nước Anh.

Ở phần một, Chúa được gắn với hình ảnh tột bậc là ***lửa***, đó luôn là một hình ảnh phán xét, nhưng ở nửa sau, *Chúa là Cha*. Ở nửa đầu, tay Ngài giơ lên để đánh, ở phần hai, tay Ngài duỗi ra để cứu rỗi. Phần đầu có những sự rủa sả, rủa sả, khốn thay, khốn thay, nhưng phần hai là những phước lành. Phần đầu được mô tả là công việc kỳ lạ của Đức Chúa Trời tức là việc mà Ngài không thích làm, việc Ngài không muốn làm, Ngài không muốn phán xét. Còn nửa sau toàn là những tin tức tốt lành. Nửa đầu tập trung vào người Do Thái nhưng nửa sau toàn dân ngoại dưới từ "các dân," cũng có nghĩa giống từ "dân ngoại."

Nửa đầu thì A-si-ri là kẻ thù; nhưng nửa sau nói đến tương lai thì Ba-by-lôn trở thành công cụ phán xét chính của Chúa. Nửa đầu được viết trước khi lưu đày, về các sự kiện dẫn đến lưu đày, nhưng nửa sau nói về các sự kiện sau khi lưu đày. Các sự kiện sau khi lưu đày được nêu một cách chi tiết đến nỗi những người hoài nghi nói rằng hẳn là người khác đã viết phần đó. Hoặc là bạn tin rằng Chúa biết tương lai hoặc là không. Nếu bạn không tin tức là Ê-sai không thể nói rằng Ba-by-lôn sẽ bị một người tên Si-ru đánh bại vì điều đó xảy ra 100 năm sau khi Ê-sai qua đời. Hoặc là bạn tin rằng Chúa biết chuyện gì sẽ xảy ra tức là thừa nhận rằng vị tiên tri đã viết điều đó. Hoặc là bạn tin rằng Chúa không biết tương lai tức là vị tiên tri không viết điều đó. Vấn đề là ở chỗ đó.

Cuộc tranh luận nảy lửa nhất về Ê-sai là: *"Ê-sai Đệ nhất"* theo cách gọi của các học giả, tức *Ê-sai đầu tiên* viết từ chương 1 đến chương 39, còn *"Ê-sai Đệ nhị"* viết các chương từ 40 đến 66. Nhưng giờ đây, *quan điểm học thuật mới nhất* còn chia nửa sau ra làm đôi nữa, đến dường như có thêm một *"Ê-sai Đệ tam"* nữa, Ê-sai thứ ba *viết 10 chương cuối*. Như vậy là *có ba ông Ê-sai*, và các trường học dạy về điều này như một lẽ thật Phúc âm. Quan điểm đó lại đã được chấp nhận rộng rãi, và điểm người ta nhấn mạnh vào là sự khác biệt giữa *văn phong, nội dung và từ ngữ.*

Hãy nhớ rằng Ê-sai đã đưa ra nhiều thông điệp trong nhiều năm với mục đích khác nhau: để đối chất hoặc an ủi. Ông thường chủ động dùng văn phong và từ ngữ khác nhau cho thích hợp. Nhưng người ta vẫn khăng khăng cho rằng không ai có thể tiên đoán được một cách chi tiết như vậy trong phần hai. Đó là vấn đề thực sự. *Vấn đề thực sự* là: *Chúa có biết tương lai không*? *Ngài có định đoạt tương lai không*? *Ngài có kiểm soát tương lai không? Ngài có khiến nó xảy ra không?* Như vậy, *đó chính là vấn đề đức tin* và điều bạn tin về Chúa.

Nhưng có những lý giải thuyết phục khác chứng minh rằng *tiên tri Ê-sai đã viết cả sách*. Có *ba điều cụ thể* có thể xem xét:

1. Có quá nhiều điểm chung trong cả hai phần. Chẳng hạn như mô tả ưa thích của Ê-sai về Chúa là *"Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên":* Ông nói tới 50 lần, 25 lần phần một, 25 lần phần 2. Sao lại có sự cân đối như thế? Người ta bảo có người bắt chước.

2. Chẳng phải rất lạ nếu *tên trước giả của phần hai lại bị lãng quên* hay sao? Sự tiên tri vĩ đại nhất lại có thể đến từ một người vô danh ư? Trong khi với mỗi lời tiên tri người ta đều biết và nhắc

đến tên trong tất cả các tiên tri khác. Không thể tin *một tiên tri vĩ đại* của Chúa lại có thể *là người vô danh* được sưu tầm và đem dặt chung vào sách này. Chắc chắn đó chỉ là chính Ê-sai. *3. N*hưng thực ra Kinh Thánh đã chép, cả Chúa Giê-su và Phao-lô khi trích phần sau của sách, đều đã nói: *"Như lời nhà tiên tri Ê-sai."* Và nói thật, tôi chỉ cần điều này. Tôi *không tin rằng Chúa Giê-su hoặc Phao-lô có thể nói dối* một điều như vậy. Chính hai vị đáng tin cậy nhất đã xác nhận điều đó. Tôi đề cập kỹ về điều này vì người ta vẫn còn rất hay nói đến.

SÁCH Ê-SAI - Phần 2

Nửa đầu sách Ê-sai

Chúng ta đã biết *sách Ê-sai* là tập hợp các lời tiên tri khác nhau trong hơn 40 năm, sắp xếp không được tuần tự lắm, nhưng chúng ta cần biết bố cục của sách để cảm nhận về sách.

PHẦN 1 (1-39)
1-10 CHỨNG MINH; GIU ĐA GIÊ-RU-SA-LEM
11-12 VINH QUANG SẮP ĐẾN
13-23 SỰ PHÁN XÉT: NHỮNG DÂN TỘC KHÁC
24-34 SỰ PHÁN XÉT: SA-MA-RI GIU-ĐA
35 VINH QUANG SẮP ĐẾN
36-39 A-SI-RI/BA-BI-LON
TIN XẤU: BẤT TUÂN, KỶ LUẬT, THẢM HỌA, ĐAU THƯƠNG
TIN TỐT: SÓT LẠI, TRỞ VỀ, VUA CAI TRỊ, VUI MỪNG

PHẦN II (40-46)
40-48 AN ỦI
49-57 CỨU RỖI
58-66 VINH QUANG
'chúng ta': ĐỨC CHÚA TRỜI, TÔI TỚ (chịu khổ), THÁNH LINH
TƯƠNG LAI: Giê-ru-sa-lem, Các dân tộc, Cả thế giới

Trước hết, hãy xem *phần một*, hầu hết là tin dữ. *Chương 1-10* là lời quở trách Giu-đa, đặc biệt là Giê-ru-sa-lem,"Một thành trung nghĩa đã trở nên gái điếm!," đặc biệt là những người nữ Giê-ru-sa-lem với đủ loại nữ trang, họ tiêu quá nhiều tiền vào đồ trang sức. Rồi trong *Chương 13-23*, về sự phán xét các dân khác, các dân mà Chúa đã dùng để sửa trị dân sự Ngài nhưng lại làm quá những gì Chúa cho phép. Thực ra là họ đã trở nên độc ác, tàn nhẫn và gây tổn hại nhiều cho Y-sơ-ra-ên hơn những gì Chúa đã định, và Ngài sẽ trừng phạt họ vì cớ đó. *Chương 24-34*, sự phán xét trên *Sa-ma-ri* - các chi phái phương bắc và sự phán xét trên *Giu-đa*. Sách cũng đưa hai phần tin lành vào, nên có sự xen kẽ tin dữ, tin lành. Vinh hiển hầu đến được mô tả hai lần để phần này không quá nặng nề tới mức người ta không thấy chút tương lai tươi sáng nào. *Chương 36-39*, đây là phần tường thuật về sự đau ốm của Vua Ê-xê-chia, thật sự là câu chuyện chuyển tiếp đã dọn đường cho Ba-by-lôn trở thành mối đe dọa chính, vì Ê-xê-chia đã ngu ngốc chào đón sứ giả Ba-by-lôn, lúc đó chưa phải là cường quốc.

Trong nửa đầu sách có cả tin dữ và tin lành. *Tin dữ* rất giống với A-mốt, là sự bất tuân của dân sự, sự sửa trị mà Chúa đã cố gắng dùng để đưa họ trở lại với chính Ngài. Ngài đưa các dân xung quanh đến nghịch cùng họ, thảm họa sẽ xảy đến, cuối cùng là sự lưu đày và đau thương. Là dân sự Chúa, nhưng bất tuân nên họ sẽ bị chối bỏ và cuối cùng là chịu sầu thảm, bị đày ải. *Tin lành* của phần một là từ chốn lưu đày, một phần dân sót sẽ trở về. Điều đó được tiên tri, ghi lại trong tên của con trai Ê-sai. Rồi đến *tin lành lớn* rất quan trọng. Ê-sai đưa tin về một vị vua và chính quyền sẽ do người đảm nhiệm. Một vị vua được sinh ra sẽ đem hòa bình đến cho các dân. Sự trị vì hầu đến của một Vị Vua *như Đa-vít*, Đấng sẽ là *Cha Đời Đời, Đấng Cố Vấn, Chúa Bình An*, gánh vác chính quyền trên

vai, sinh bởi một nữ đồng trinh. Ngay ở trong nửa đầu đã có hình ảnh về một Vị *Vua hầu đến, Đấng sẽ lại trị vì tại Y-sơ-ra-ên*. Điều này dẫn đến ngữ điệu hết sức vui mừng trong sách, với nhiều niềm vui, nhiều sự ca tụng ngay trong phần đầu đó.

Nửa sau sách Ê-sai

Ở nửa sau sách, từ đầu tới cuối có một hình ảnh vô cùng tuyệt vời của Đức Chúa Trời.

Trước hết, *Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất*. Đây là điều cực kỳ quan trọng đầu tiên trong nửa sau của sách.

"Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác. Ngoài Ta, không có Đức Chúa Trời nào khác."

Đây là một ý rất quan trọng. Mọi thần khác không tồn tại, thực sự Ê-sai còn chế nhạo chúng. "Chúng có tai mà không nghe được, chúng có mắt mà không nhìn được, chúng có chân mà không đi được." Tôi nghĩ đến phân đoạn này khi đến thăm ngôi chùa ngàn tượng phật tại Băng Cốc, Thái Lan, "chúng có chân nhưng không đi được." *"Ngoài Ta, không có Đức Chúa Trời nào khác,"* tất nhiên là một tuyên bố hết sức phản cảm với thế giới hiện đại, nơi mọi người muốn chúng ta chấp nhận tất cả mọi tôn giáo. Không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Ngài là Đấng Tạo hóa Toàn năng. Các dân chỉ như một giọt nước giữa đại dương hay một hạt bụi trên cân. Ngài đặt tên cho các vì sao. Tất nhiên là loài người không được định để đặt tên cho các vì sao, nhưng chúng ta vướng vào rắc rối khủng khiếp vì đã đặt tên cho các vì sao. Tôi không biết cung hoàng đạo của mình là gì, tôi cũng không cho bạn biết ngày sinh vì tôi không muốn biết. Thà không biết còn hơn. Nhưng vì con người đã đặt tên cho các vì sao nên chúng ta vướng vào đủ loại rắc rối. 6/10 người nam và 7/10 phụ nữ đọc *lá số tử vi* hay *dự đoán theo cung hoàng đạo* mỗi ngày. Ê-sai nói rằng: "Chúa gọi đích danh các vì sao." Con người, A-đam đặt tên cho các loài vật và mọi thứ dưới quyền mình. Nhưng chúng ta lại vượt quá giới hạn khi đặt tên cho các vì sao, chúng ta trở thành *các nhà chiêm tinh.* Tất cả là ở đó.

Ngoài mô tả yêu thích của ông về Chúa "Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên" xuyên suốt phần hai, ông còn gọi Ngài là *Người bà con chuộc sản nghiệp của dân Ngài*. Chúng ta biết ý nghĩa của danh xưng này theo *sách Ru-tơ.*

Ngài được gọi là *Đấng Cứu rỗi Các dân* và trên hết, *Ngài là Đức Chúa Trời của Lịch sử.* Từ *"các dân"* này trong tiếng Hy Lạp là *Taethne*, từ đây mà có từ *Ethnic groups* hay *Nhóm sắc tộc*. Không phải *các quốc gia* mà là *các nhóm sắc tộc, sắc dân.* Chúa Giê-su bảo chúng ta đi và *môn đồ hóa mọi sắc dân* chứ không nói *mọi quốc gia*. Đó là một điểm quan trọng.

Như vậy là nửa sau của sách nói rất nhiều đến Chúa. Nhưng có một nhân vật khác cũng xuất hiện ở nửa sau trong một loạt *các bài ca* - gọi thế này vì chúng đầy chất thơ. Nhân vật đó là một *Đầy tớ của Đức Chúa Trời*. Cho tới ngày nay, người Do Thái vẫn không biết đó là ai. N*hân vật bí ẩn này* chỉ xuất hiện trong nửa sau của sách Ê-sai: *"Đây là đầy tớ Ta."* Có những lúc dường như điều này ám chỉ toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Sau đó lại chỉ rõ đến một người, nên hơi phức tạp một chút. Vì từ *"đầy tớ"* cũng có dùng cho một số người khác: *Ô-xia, Ê-xê-chia, Giô-si-a, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên* cũng đều được gọi là *đầy tớ của Đức Giê-hô-va*.

Nhưng người *Đầy tớ này* có bốn điểm khác biệt:

Một là *bổn tính không chỗ trách* của Ngài. Một người Đầy tớ toàn hảo, không chỗ trách, không phạm tội. Điều đó không thể áp dụng cho bất kỳ ai khác.

Hai là Ngài là một người cực kỳ sầu não, một *"Con Người đau thương, quen chịu sầu khổ,"* cực kỳ sầu não.

Ba là Ngài *trải qua sự hành hình,* Ngài bị giết như một tội phạm nhưng sách chép rằng Ngài *vô tội.* Ngài bị giết vì tội lỗi của những người khác, không phải của chính Ngài, Ngài *bị buộc tội oan.* Ngài *được chôn với kẻ giàu.*

Sau đó, trên hết, người Đầy tớ này, sau khi đã bị giết vì tội lỗi của những người khác*, được sống lại từ kẻ chết* và *được tôn lên một địa vị rất cao.*

Với chúng ta thì không còn gì bí ẩn. Nhưng người Do Thái thì có. Họ không thể ghép người Đầy tớ ở nửa sau với Vị Vua được hứa ban ở nửa trước. Điều này không hợp lý với họ. Chúng ta phải cố gắng để hiểu rằng người Do Thái gặp vấn đề với điều này. Chính *Ê-sai cũng không kết nối hai điều lại với nhau* và *không nhận ra* rằng người Đầy tớ mà ông đang nói đến ở nửa sau thực chất chính là vị Vua mà ông nói đến ở nửa trước.

Người Do Thái đầu tiên kết nối hai điều này *là Chúa Giê-su.* Sự kết nối diễn ra khi Ngài được báp-têm. Khi Đức Chúa Trời phán *"Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn."* Đức Chúa Trời đang ghép điều nói đến vị Vua - "đây là con yêu dấu của Ta" với điều nói đến người Đầy tớ - "đẹp lòng Ta hoàn toàn." Như vậy, chính Đức Chúa Trời đã tạo sự kết nối đầu tiên khi Chúa Giê-su được báp-têm. Chúa Giê-su biết Ngài đang kết hợp hai nhân vật đó làm một. Nhưng với người Do Thái, cho đến ngày nay họ vẫn nghĩ đó là hai người khác nhau. Họ mãi tranh luận xem người Đầy tớ này là ai? Chẳng phải rất kỳ diệu khi *năm Y-sơ-ra-ên tái lập quốc* cũng chính là năm - 1948 - mà người ta phát hiện ra toàn bộ *cuộn Ê-sai* trong các Cuộn Giấy da tại Biển Chết sao? Cuộn giấy đó thuộc bảo tàng thú vị nhất - Bảo tàng Kinh Thánh (Shrine of the Book), ngay gần Knesset. Nếu đến Y-sơ-ra-ên thì hãy tham quan bảo tàng này, người ta có trưng bày sách Ê-sai. Đoạn về người *Đầy tớ phải chịu khổ* này được trưng bày ngay giữa Y-sơ-ra-ên hiện đại mà dân Do Thái vẫn không biết đó là ai. Thật bi thảm!

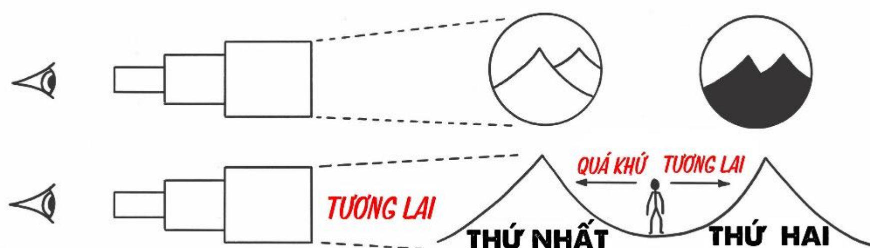
Không chỉ Chúa Giê-su kết nối hai điều này, mà *Phi-e-rơ* cũng làm vậy. Hết lần này tới lần khác, khi giảng trong sách Công Vụ, *Phi-e-rơ kết nối giữa vị Vua và người Đầy tớ.* Thế nên nhiều thầy tế lễ mới trở thành Cơ Đốc nhân trong những ngày đầu, vì họ thấy điều đó, họ biết Ê-sai. Bạn có nhớ khi Phi-líp gặp viên hoạn quan Ê-thi-ô-pi trên xe ngựa không? Hoạn quan Ê-thi-ô-pi quan tâm đến Đức Chúa Trời của người Do Thái và ông đang đọc sách tiên tri Ê-sai, chương 53, và ông băn khoăn: "Điều này chỉ về ai vậy?" Ông đã hỏi nhiều người ở Giê-ru-sa-lem nhưng không ai biết, nên ông mới hỏi Phi-lip: "*Anh có biết điều này chỉ về ai không?"* Và Phi-líp bảo: "*Có, tên người ấy là Giê-su..."* Và từ chính đoạn Kinh Thánh đó, ông giảng về Chúa Giê-su cho viên hoạn quan. Ngay trên xe, người này ngỏ lời xin được báp-têm. Ông trở thành người châu Phi đầu tiên tin nhận Chúa Giê-su, mang Phúc âm về Ê-thi-ô-pi. Ông là viên cận thần quản lý kho tàng của Nữ vương Ê-thi-ô-pi. P*hao-lô* cũng kết nối hai điều này rất rõ ràng. Trong sách của mình, *Phi-líp* nói về Chúa Giê-su là Đấng vốn "bình đẳng với Đức Chúa Trời" nhưng lại "mang lấy hình đầy tớ..."

Đây là một bí ẩn lớn mà chúng ta hiểu được, còn người Do Thái thì không. Họ không tài nào tin được rằng một vị vua có thể chịu khổ như vậy, và còn bị xử tử như một tên tội phạm tầm thường. Đó

thực sự là một rào cản. Thập tự giá là *một sự xúc phạm* đối với người Do Thái, đó không phải *kiểu vua* mà họ muốn, *bị đóng đinh trên cây thập tự*. Nghe không giống một vị Vua dầy quyền bính và hiển hách. Họ đang tìm kiếm một vị Vua đắc thắng để đến và trị vì chứ không để hy sinh. Vấn đề là ở chỗ đó.

Một nhân vật khác rất nổi bật trong nửa sau của sách là *Đức Thánh Linh*. Chính từ đây mà chúng ta có cụm "Làm buồn Đức Thánh Linh." Đức Thánh Linh xuất hiện đã xuyên suốt phần này. Thánh Linh xức dầu cho người Đầy tớ này để làm nhiệm vụ, và Thần của Đức Chúa Trời đau đáu với dan Ngài: "Ta sẽ đổ Thần ta trên dòng dõi con." "Nhưng họ đã nổi loạn và làm buồn Thánh Linh của Ngài..." Cụm từ được ưa dùng nhất là: Thánh Linh sẽ được *"đổ xuống,"* đổ xuống, đổ xuống. Điều này chỉ đến Lễ Ngũ tuần.

Ba ngôi Thiên Chúa rất rõ ràng trong nửa sau sách Ê-sai. Lý giải cho từ *"Chúng ta"* trong *Ê-sai 6*: "Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho *chúng ta?"* Ba ngôi Thiên Chúa có trong Cựu Ước, nhìn chung là không rõ ràng. Nhưng với những người *có mắt để thấy* thì đây là Đức Chúa Trời quyền năng dựng nên thế giới, đây là người Đầy tớ chịu khổ của Ngài, và đây là Đức Thánh Linh, *cả ba ngôi đều rất rõ ràng* trong nửa sau của sách Ê-sai.



LỜI TIÊN TRI ỨNG NGHIỆM KÉP CỦA Ê-SAI :

SỰ ĐẾN LẦN THỨ NHẤT 'tôi tớ chịu khổ' (PHẦN II)

SỰ ĐẾN LẦN THỨ HAI 'vị Vua cai trị' (PHẦN I)

Tới đây cần giải thích một chút về *sự tiên tri*. Hình vẽ minh họa kết quả của hai cách nhìn: *qua kính hiển vi* và *qua kính viễn vọng*. Ta thấy sự khác biệt rất rõ khi nhìn qua kính viễn vọng. Khi đọc *phần tiên tri* chiếm tới một phần ba Kinh Thánh, *từ Ê-sai đến Ma-la-chi*, có mười sáu vị, tất cả đều nhìn vượt trên thời đại của mình. Như thể họ đều dùng hai công cụ. Dùng *kính hiển vi để nhìn hiện tại*, và *kính viễn vọng để nhìn tương lai*. Với kính hiển vi, họ có thể thấy những gì đang thật sự diễn ra tại đất nước mình, cho chính mình. Nhưng rồi qua kính viễn vọng, họ nhìn tới tương lai. Qua kính viễn vọng có phức tạp là ở chỗ, khi nhìn vào hai đỉnh núi ta *không thể thấy được khoảng cách* giữa chúng. Nếu nhìn ngược sáng hay nhìn vào lúc sẩm tối, ta sẽ thấy hình ảnh nhập nhòa *một ngọn núi có hai đỉnh*. Sự tiên tri cũng có hạn chế kiểu thế này. Sự kiện mà các tiên tri Cựu Ước cho là *một ngọn núi có hai đỉnh* thực ra là *hai ngọn núi cách xa nhau*, tức là khoảng thời gian rất xa giữa hai sự kiện.

Chúng ta thì đang sống giữa hai đỉnh, một đỉnh là thời đã qua, một đỉnh là tương lai. Vì chúng ta được biết điều mà các tiên tri không biết. Họ thì trông đợi Đức Vua hầu đến. Còn chúng ta đã biết

sẽ có Đức Vua đến lần thứ hai, Chúa tái lâm. Đó là bí ẩn lớn của vương quốc đã được bày tỏ trong Chúa Giê-su.

Vì vậy, *sự đến của Đức Vua* được chia làm hai sự kiện. Lời tiên tri của Ê-sai được *ứng nghiệm hai lần* với nhân vật hầu đến này. Hai lần, không phải là lần đến đầu tiên và lần đến thứ hai. Nhận biết và lý giải có phức tạp hơn, đó là những khải tượng của Ê-sai nhận được sẽ đảo ngược. N*gười Đầy tớ chịu khổ trong nửa sau* như Ê-sai thấy, *đã xảy ra trước* Đức Vua trị vì ở nửa trước trong khải thị của ông. Một lần nữa, chúng ta thông cảm cho người Do Thái. Họ biết rất rõ sách Ê-sai, và họ cứ trông đợi vì cứ cho rằng Vua sẽ đến trước. Nhưng chương trình của Chúa không xảy ra theo trình tự họ nghĩ. Thế nên *họ không nhận biết Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của họ*. Chúng ta biết vì Đức Thánh Linh đã dạy chúng ta rằng: *"Trước hết, Ngài đến như một Đầy tớ chịu khổ và sau đó, Ngài sẽ trở lại để làm Vua cai trị thế giới."*

Như vậy là có *hai điểm phức tạp* cho người Do Thái khi đọc lời tiên tri trong Cựu Ước. *Một là*, họ chỉ thấy một lần đến của Đức Vua, một ngọn núi với hai đỉnh mà không nhận ra rằng ấy là hai đỉnh núi cách nhau một khoảng thời gian khá xa. *Hai là*, họ mong đợi điều đầu tiên-Nhà Vua đến- xảy ra trước. Nhưng Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng Ngài đã đảo ngược trình tự: *Chúa Giê-su phải đến và chết cho tội lỗi của chúng ta trước khi Ngài có thể trị vì như Đức Vua*. Có nhiều điều cần phải xảy ra giữa hai lần đến này, nhiều điều chúng ta cần làm để chuẩn bị sẵn sàng cho Đức Vua trị vì.

Đó là hai sự biến chuyển mà chúng ta có thể nắm được vì chúng ta đã bắt đầu với Đấng Christ. Người Do Thái thì rất khó nắm được điều này. Đây là bí ẩn lớn trong sự tiên tri của Ê-sai, người Đầy tớ chịu khổ và vị Vua cai trị là ở trong cùng một thân vị. Nhưng Ngài phải đến như người Đầy tớ trước khi Ngài có thể đến như Đức Vua. Lý do về sự bi đát này rất đơn giản, vì người Do Thái là kẻ thù tồi tệ nhất của chính họ. Họ nghĩ mình cần được cứu khỏi những kẻ thù xung quanh, *thực ra là họ cần được cứu khỏi kẻ thù bên trong*. Thật dễ để cho rằng bạn gặp rắc rối là do những người khác, nhưng thực ra, rắc rối chính là do lỗi của bạn, lẽ thật này giải thích rất nhiều điều trong câu chuyện Phúc âm.

Khi Giăng Báp-tít công bố rằng "Hãy dọn đường cho Chúa," "Hãy ăn năn, vì vương quốc thiên đàng đã đến gần!," "Hãy chuẩn bị sẵn sàng, hãy xuống sông kia và thanh tẩy mình, hãy xưng nhận tội lỗi và chịu báp-têm," ông đang nói điều gì? Ông đang nói rằng "Các ngươi tưởng mình đã sẵn sàng cho Đức Vua ư, không đâu! Các ngươi là những thần dân tội lỗi, các ngươi không đủ thanh sạch để sống trong vương quốc." Khi Chúa Giê-su đến cũng vậy, Ngài nói rằng: "Hãy ăn năn và tin nhận vì vương quốc thiên đàng đã đến gần." Điều này thực sự giải thích rất rõ về ngày Chúa Nhật Lễ lá sau này. Vào ngày ấy, Chúa Giê-su *cưỡi lừa* vào thành Giê-ru-sa-lem, cuối cùng thì Ngài cũng làm điều mà dân sự mong muốn. Lúc đó Ngài đến như một vị Vua, làm đám đông cực kỳ phấn khích. Họ thực sự nghĩ Ngài là Vua, và ý này kích thích những câu la hét: "Hô-sa-na! Hô-sa-na! Hô-sa-na!" Họ đang khao khát "Hãy giải phóng chúng tôi ngay giờ này!," "Hãy cho chúng tôi được tự do ngay bây giờ!" Họ say mộng đến nỗi không thấy rằng Ngài *đang cưỡi lừa*. Họ không hiểu ý Ngài đến lần này, rằng: "*Ta không đến để chiến đấu,"* chiến đấu thì phải *cưỡi ngựa* chứ.

Lần thứ hai đến, Chúa Giê-su sẽ chiến đấu, Ngài sẽ đến như một chiến binh trên lưng ngựa, một con ngựa trắng. Nhưng sáng nay Ngài cưỡi một con lừa. Họ không để ý đến con lừa, họ trải áo xuống, họ vẫy cành cọ và la to: "*Con vua Đa-vít! Con vua Đa-vít!"* Họ thực sự nghĩ rằng Ngài đang đến để làm ứng nghiệm phần đầu sách Ê-sai. Rồi Ngài qua cổng thành, quay sang trái chứ không sang phải,

cả đám đông chết lặng. Thấy có người cầm cái roi, Ngài nói: "*Đưa cái roi đó cho Ta!"* Thế là họ nghĩ lại: "*Ngài sắp làm điều đó sao?"* Nhưng không, Ngài tiến vào Đền Thờ, vẫn không rẽ phải sang phía đồn quân địch.

Có đến Giê-ru-sa-lem thì mới hiểu được quang cảnh này. Ở bên phải cổng thành là pháo đài Antonio, nơi quân La Mã chiếm đóng. Chúa Giê-su quay sang trái, là vào đền thờ và Ngài vung roi đánh người Do Thái, những kẻ làm ô uế nơi Thánh. Bạn có thể dần hiểu ra được tại sao chỉ vài ngày sau đó, chính đám đông ô hợp này đã hét lên:*"Đóng đinh nó lên cây thập tự"* và tại sao họ lại chọn tha chết cho tử tù Ba-ra-ba. Bạn có thấy được khủng hoảng đó không? Họ nghĩ là Ngài đến để đoạt ngôi vị, nhưng Ngài lại đi dọn sạch đền thờ, thất vọng tràn trề luôn! Để rồi khi Phi-lát đề tấm bảng treo trên thập giá *"Đây là Vua Dân Do Thái,"* thì họ không thể tin được. Chỉ có một người trong cả dân tộc đó tin vào điều này. Anh ta nói: "Lạy Chúa, khi Ngài vào vương quốc mình rồi, xin nhớ đến con!" Anh ta thấy người phải chịu khổ và cùng lên giá thập hình này là *vị Vua hầu đến*. Tên cướp bị hành hình này đã được ghi vào sử sách vì anh ta là người duy nhất tin vào điều ấy. Bạn có thấy là Ê-sai đã thấy hết mọi chi tiết, nhưng ông lại không hiểu rõ những gì ông thấy, và không liên kết hai khải tượng lại được với nhau không?

Bây giờ thì chúng ta có thể ghép lại. Chúng ta biết đến một ngày, *Ngài sẽ cưỡi ngựa đến*, tiếp quản các chính quyền của thế gian và cai trị tại đây. Ngài sẽ là Vua của nước Anh, nước Mỹ, rồi Trung Quốc, Nga. Chúa Giê-su sẽ cai trị và "Vương quốc của thế gian thuộc về Chúa chúng ta, và Đấng Christ của Ngài." Bạn có thể thì thầm *"Hallelujah!"* nếu thích. Đó quả là một tin tức tuyệt vời! Nhưng trước hết Ngài phải đến để làm sạch tội cho dân này, trước như một đầy tớ chịu khổ, vì hiện không ai thật sự sẵn sàng sống dưới chính quyền của Ngài ngay. Bạn có thể có một vị Vua toàn hảo nhưng nếu Ngài không có thần dân tốt thì không thành vương quốc được. Người Do Thái kiêu ngạo nghĩ rằng họ đã hoàn toàn sẵn sàng đón Đức Vua đến, giải phóng họ và cai trị. Nhưng sứ điệp của *Giăng Báp-tít* là: "*Các ngươi chưa sẵn sàng, các người cần được thanh tẩy."* Thực chất mọi điều chúng ta đang làm là chuẩn bị để sẵn sàng đón Đức Vua đến trị vì. Chúng ta đang chuẩn bị các thần dân trên khắp đất, với muôn dân để đón Ngài trở lại. Khi tin lành được rao giảng cho muôn dân, "bấy giờ, sự cuối cùng sẽ đến," vì Chúa muốn mọi sắc dân đều hiện diện.

Thế nên *tương lai sau rốt* ở nửa sau sách Ê-sai có sự *kết hợp giữa dân tộc và quốc tế.* Dường như ông liên tục chuyển chủ đề, *chương cuối* chuyển đổi qua lại từ tương lai của *Giê-ru-sa-lem* đến *Các dân*. Đây là một phân đoạn tuyệt vời. *Chương 2* nói rằng:

"Trong những ngày cuối cùng, Núi của đền thờ Đức Giê-hô-va sẽ được lập vững trên các đỉnh Vượt cao hơn các đồi Mọi quốc gia sẽ đổ về đó.

Có một dịp đến thăm trụ sở Liên Hợp Quốc tại New York, tôi quan tâm hơn đến hai vật chứng: *Tảng đá granit* lớn trước trụ sở có khắc dòng chữ *"Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày,"* có ghi địa chỉ *"Ê-sai 2:4. "* Tôi nghĩ, ở ngoài đời họ trích nửa câu Kinh Thánh cũng đã tốt rồi. Nhưng với Chúa thì cần trọn ý, cả câu ấy phải là:*"Ngài sẽ phán xét giữa các quốc gia,...Bấy giờ họ sẽ lấy…."* Bạn biết đó, khi Chúa Giê-su cai trị thì công lý sẽ được thực thi, không có công lý thì làm sao có hòa bình. Chỉ khi đó, các nước mới có thể đồng loạt giải trừ quân bị một cách an toàn, khi muôn dân đều công nhận một người có khả năng phân xử các tranh chấp. Bạn có thể tưởng tượng được thế giới sẽ ra sao, khi người ta đem một tranh chấp như xung đột giữa Bosnia và Croatia đến trước Chúa: "*Chúa Giê-su ơi, phải*

làm gì mới đúng đây?" Ngài là Đấng duy nhất có thể giải quyết một vấn đề như thế. Đến một ngày, Ngài tể trị và sẽ giải quyết.

Dịp ấy chúng tôi đã đi khắp các dinh thự khu Trụ sở, Hội đồng Bảo an, phòng Đại Hội đồng…, khi cô hướng dẫn viên nói: "Vậy là chuyến tham quan đã kết thúc, chúc quý vị một ngày tốt lành," thì tôi nói: "Nhưng cô chưa cho chúng tôi xem một căn phòng." Cô ấy hỏi: "Phòng nào vậy ạ?" Tôi miêu tả phòng đó, thì cô nói: "Ôi, công chúng không được phép vào phòng đó." Tôi bảo: "Nhưng tôi muốn xem nó. Tôi đã lặn lội đến đây để được xem phòng đó. Thật sự là tôi muốn xem..." Cô nói vẻ áy náy: "Xin lỗi ông, ông không thể vào đó được..." Tôi làm ra bộ rất thiểu não, nói: "Tôi thật sự muốn xem phòng đó." Cô an ủi tôi: "Hay ông ra gặp bảo vệ ở khu lễ tân thì biết đâu họ sẽ cho ông vào..." Vậy là tôi ra chỗ các bảo vệ nai nịt súng ống đầy mình, và nói: "Tôi muốn xem cái phòng như thế này" và họ bảo: "Ôi không được, phòng đó không mở." Tôi nói: "Nhưng tôi thật sự muốn xem nó. Tôi đã nghe người ta kể về nó và thật sự muốn xem, vì tôi *đã nghe nói về nó nhưng không thể tin nổi."* Cuối cùng thì một người bọn họ cũng mủi lòng, anh ta lấy chìa khóa và hỏi tôi: "Ông muốn vào đó bao lâu?" Tôi đáp: "Hai phút là được rồi," anh nói: "Được rồi. Tôi sẽ cho ông ghé vào hai phút."

Chúng tôi vào một cái phòng nhỏ hình chữ V, không có cửa sổ, ánh sáng chiếu ra từ mép trần khiến căn phòng mờ ảo, u ám. Giữa phòng có "*Vị thần của Liên Hợp Quốc,"* tôi đã nghe người ta kể mà không thể tin nổi. Đó là *một khối gang* có kích thước và hình dáng *như một cái quan tài* sơn màu đen mờ, xung quanh xếp đầy ghế đẩu và các miếng đệm để người ta ngồi hay quỳ gối cầu nguyện trước khối gang này. Tôi không thể tin nổi. Nếu xem phim *Năm 2001* thì bạn đã thấy hình ảnh vật thể lạ kiểu *khối gang đen đó* trôi từ hành tinh này sang hành tinh khác. Chính nó. Bạn có biết tại sao nó lại có ở đây không? Khi xây xong Tòa nhà Liên Hợp Quốc, một cuộc tranh luận nảy lửa đã nổ ra, vì Tổng Thư ký nói: "Không có phòng cầu nguyện, hãy xây một phòng cầu nguyện đi." Người ta đã cố gắng tìm chỗ và thấy có cái hẻm *hình chữ V* lọt giữa hai hành lang, bố trí nó làm phòng cầu nguyện này. Rồi nổ ra cuộc tranh luận khác "*Nên đặt gì trong đó đây*?" Nhiều người muốn đặt cây *thập tự giá*, nhưng nhiều người không ưa, một số người muốn cho *hoa* vào, những người khác lại không muốn. Cuối cùng, có người nảy ra ý tưởng *làm cái khối gang thiên thạch này* và sơn *màu đen mờ* để có thể nhìn vào mà tưởng tượng ra bất cứ thần nào mình thích ở trong đó, rồi quỳ trước nó mà cầu nguyện cho thế giới hòa bình. Tôi thật không thể tin nổi, nhưng chính mắt tôi đã thấy nó, nhân dịp nài nỉ đó. Họ nghĩ họ có thể khiến người ta "lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm" nhờ cầu nguyện với khối gang đó.

Căn phòng đó nằm sai chỗ ngay từ đầu. Chỉ khi Chúa cai trị tại Si-ôn và khi Ngài giải quyết tranh chấp giữa các dân thì chúng ta mới có thể đồng loạt giải trừ quân bị, mới có hòa bình, và dành hết số tiền tiêu vào súng ống và xe tăng để mua cơm ăn, áo mặc và những thứ mà người dân thực sự cần. Một viễn cảnh hấp dẫn phải không? Đó chính là điều mà Ê-sai đã báo trước về tương lai sau rốt. Đó là tương lai về một Liên Hợp Quốc khác có trụ sở tại Giê-ru-sa-lem. Không biết bạn có thực sự tin vào điều đó không, nhưng đó là một hy vọng cho tương lai. Ê-sai đã báo trước như vậy và tôi tin rằng điều đó sẽ xảy ra. Giai đoạn người Đầy tớ chịu khổ đã xảy ra, với chúng ta thì nó đã qua rồi, Đức Vua trị vì còn chưa đến, vẫn là tương lai. Nhưng rõ ràng là một lời tiên tri đã ứng nghiệm thì lời kia tất sẽ làm thành. Tất cả đều từ Ê-sai mà ra, đó là tương lai của thế giới. Đây là hy vọng cho mọi người từ sách Ê-sai.

Tại sao chúng ta lại đọc sách Ê-sai?

Vậy tại sao chúng ta lại đọc và nghiên cứu sách Ê-sai? Có *sáu lý do*:

Vì sách là một phần trong Lời Chúa, đó là lý do hợp lý đầu tiên. Cả Kinh Thánh có thể khiến chúng ta khôn ngoan để được cứu rỗi. Nhưng Ê-sai đem đến các từ khóa là *"cứu"* và *"sự cứu rỗi"* đầu tiên. Một sự khải thị kỳ lạ, ý nghĩa đó lại được ghi vào tên ông bằng tiếng mẹ đẻ: *Yessah Yahu - Chúa Cứu*. Nhà tiên tri *Ông Chúa Cứu*.

Sách là bản giới thiệu ngắn gọn, đầy đủ và rất hay cho toàn bộ Kinh Thánh, cả Cựu Ước và Tân Ước. Tất cả các chủ đề của hai nửa được tóm tắt và đưa vào một sách một cách kỳ diệu bởi sự thần cảm của Thánh Linh. Gần như mọi chủ đề Kinh Thánh đều có trong đây, sách là một cuốn Kinh Thánh thu nhỏ. Như vậy, nếu bạn cho rằng Kinh Thánh quá dày để đọc hết (thực ra tôi vẫn mong các bạn đọc hết), hãy bắt đầu đọc từ Ê-sai, sách sẽ giới thiệu cho bạn mọi chủ đề của Kinh Thánh, thật đáng

Sách là phần giới thiệu rất hay cho riêng lãnh vực *tiên tri*, lãnh vực chiếm một phần ba trong Kinh Thánh. Ê-sai là một trong ba đại tiên tri, sách Ê-sai lại được đặt ở hàng đầu của hạng mục *Các sách tiên tri*. Có thể nói *tiên tri là sự kết hợp giữa phản đối* và *báo trước*, là sự phản đối trước hiện tại và sự báo trước về tương lai. Dường như các nhà tiên tri liên tục động chạm tới hai điều đó. Nên họ không chỉ là những người phản đối mà còn là những người báo trước, và họ không chỉ là những người báo trước mà còn là những người phản đối, kết hợp giữa hai sứ mệnh này.

Ê-sai giúp bạn *kết nối giữa Cựu Ước và Tân Ước* bằng cách chỉ cho bạn thấy *hai nửa đó làm sáng tỏ cho nhau như thế nào*. Thực ra là việc hiểu biết sách Ê-sai sẽ giúp chúng ta hiểu được Tân Ước, sách là đường đến với Tân Ước. Sách liên kết hai Ước lại với nhau một cách rất đẹp trong mục đích đời đời của Chúa. Cũng nên nhớ rằng đây là phần Kinh Thánh mà Chúa Giê-su và Phao-lô nhắc đến nhiều nhất.

Để biết Chúa Giê-su. Ta thấy chính Ngài phán: "Hãy tra cứu Kinh Thánh vì Kinh Thánh làm chứng về Ta," đó là Ngài đang nói đến Cựu Ước. Sách Ê-sai giúp người ta hiểu Đức Chúa Trời hơn mọi sách khác. Thử đọc *Ê-sai 53*, ta như thấy mình ở ngay dưới chân thập tự giá: "Bởi lằn roi Người mang, chúng ta được lành bệnh..." Sự chữa lành đến từ thập tự giá cũng như sự tha thứ, tất cả đều đã có trong sách Ê-sai.

Để có góc nhìn rộng hơn về Chúa. "Ôi, hãy cùng tôi tán dương Chúa," tức là mở rộng tầm hiểu biết của bạn về chính Chúa, có góc nhìn rộng hơn về Chúa. Nếu có một điều mà nửa sau sách Ê-sai làm được, thì đó chính là cho bạn một góc nhìn rộng hơn về Chúa, "Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên," "Đấng Sáng tạo các đầu cùng của trái đất" mà "Con không biết sao? Con chưa nghe sao?" Chúng ta có một Đức Chúa Trời lớn lao, muốn tán dương Ngài, bạn cần có một chiếc kính lúp cực lớn để xem Ngài lớn lao cỡ nào, Ngài vĩ đại tầm nào, các dân chỉ là một giọt nước giữa đại dương. Không có điều gì được tạo ra trước Ngài, và nếu "trông đợi Đức Giê-hô-va," bạn sẽ "được sức mới và sẽ "cất cánh bay cao như chim ưng..." Khi nói về Chúa và có góc nhìn rộng về Ngài, những điều khác không còn quan trọng và chúng không còn làm phiền ta nữa.

Những lý do này là đủ để bạn thật sự đến với vị tiên tri tuyệt vời này, ông đã cô đọng toàn bộ Kinh Thánh vào một cuốn sách nhỏ cho chúng ta. A-men.

SÁCH GIÊ-RÊ-MI - Phần 1

Giới thiệu

Giê-rê-mi là một trong các sách Đại tiên tri, nhưng bản thân Nhà tiên tri Giê-rê-mi cũng là một nhân vật quan trọng trong lịch sử Y-sơ-ra-ên. Có *ba lý do* khiến người ta không thích sách Giê-rê-mi.

Đầu tiên là người đọc dễ nản chí vì *sách rất dài*, có tới 52 chương. Bởi ông nói trong một thời gian dài nên có rất nhiều lời tiên tri. Sách đứng dưới *sách Ê-sai* với 66 chương, sau đó là *sách Ê-xê-chi-ên* 48 chương. Các sách đại tiên tri được xếp theo thứ tự thời gian và độ dài. Truyền thuyết kể rằng Giê-rê-mi đã đến thăm Nam Ireland và có hôn bức *Tường đá hùng biện* (một địa danh ở Ireland) như thể nhờ đó mà ông có tài ăn nói vậy. Giê-rê-mi là một vị tiên tri kết quả.

Trở ngại *thứ hai* là *sách không theo một trình tự nào*, không theo thời gian, không theo chủ đề. Đó là bộ sưu tập của các bộ sưu tập. Như thể tư liệu cứ thế được gom lại, chất đống và viết ra. Sách chép mọi điều quan trọng mà ông đã nói và làm. Vì ông trải nghiệm trong hơn 40 năm nên thái độ của ông có thay đổi theo hoàn cảnh, thậm chí xảy ra những mâu thuẫn. Chẳng hạn, trong những năm đầu, ông kịch liệt chống đối Ba-by-lôn, gọi nó bằng đủ thứ đáng sợ, nhưng về cuối đời, ông kêu gọi dân sự phục tùng Ba-by-lôn, cho rằng như vậy sẽ tốt cho họ. Đó là một trong những lý do khiến ông bị gọi là kẻ phản quốc.

Lý do *thứ ba* là vì *sách rất sầu não*. Nó gây nản chí, khó nhằn và buồn thảm. Tên ông góp vào ít nhất hai từ trong kho từ vựng tiếng Anh, một từ là chính tên *Jeremiah*, được đặc trưng hóa, mang nghĩa *một người mít ướt*, kiểu người sầu não lúc nào cũng sướt ma sướt mướt. Từ thứ hai: *Jeremiad* là *một bài thơ thê lương*, một áng thơ buồn, từ dùng cho giới văn vẻ. Vậy là Giê-rê-mi đáng thương bị mang tiếng xấu, được coi là một người khốn khổ chẳng có gì ngoài tin dữ. Nói vậy hơi quá, thực ra ông cũng có ít mẩu tin lành rất giá trị, có nắng rạng ló giữa mây đen,

Nhưng thật lạ là người ta lại thấy có sự cuốn hút dù *Giê-rê-mi* không phải là sách nổi tiếng nhất trong Cựu Ước. Đặc biệt là với tôi, nếu bạn hỏi là tôi *thấy mình giống nhân vật nào trong Kinh Thánh nhất* thì đó chính là Giê-rê-mi. Một số người ở đây đã nghe tôi chia sẻ từ đầu đến cuối sách thấy tôi đã phải dừng lại hai lần vì quá xúc động và choáng ngợp về sách. Chính từ loạt bài giảng về Giê-rê-mi mà có lời tiên tri cho tôi là cần rời hội thánh đó và thi hành chức vụ lưu động. Như vậy, sách này rất có ý nghĩa với cá nhân tôi, và tôi mong được gặp Giê-rê-mi. Ông bày tỏ nhiều sở thích cá nhân trong sách này. Ông thổ lộ nỗi lòng và những tranh chiến nội tâm của mình hơn mọi tiên tri khác. Bạn thật sự nhìn thấu con người này và cảm nhận được cảm giác của ông. Bạn hiểu tại sao ông lại hành xử như vậy. Nhưng sách cũng có sở thích thiên thượng vì Giê-rê-mi chứa đầy những thông tin về Đức Chúa Trời. N*ếu thật sự nghiên cứu* Giê-rê-mi, bạn *sẽ hiểu về Đức Chúa Trời nhiều hơn.*

Dàn ý của bài giảng

GIÊ-RÊ-MI

1. HOÀN CẢNH
Ma-na-se
A-môn
Giô-si-a
Giô-ách
Giê-hô-gia-kim
Giê-hô-gia-kin
Sê-đe-kia
Sinh ra
Tuổi thơ
Giê-rê-mi nói tiên tri

2. CON NGƯỜI
Thầy tế lễ
Tiên tri
Nhà thơ

3. PHƯƠNG PHÁP
Nói
Hành động
Viết

4. SỨ ĐIỆP
GIỐNG NHỮNG NGƯỜI KHÁC
a. Nhưng người bội đạo
b. Thảm họa sắp xảy ra
c. Sự phục hồi
d. Kẻ thù bị trừng phạt
KHÔNG IỐNG NHỮNG TIÊN TRI KHÁC
a. Thuộc linh
b. Cá nhân
c. Chính trị

5. BỊ ĐỐI XỬ TỆ BẠC

6. HUYỀN THOẠI
Tiên tri 'Than khóc'
CA THƯƠNG

Đầu tiên, xét về *hoàn cảnh* ông đề cập đến, *thời khắc* ông xuất hiện và *thời đại* của ông trong lịch sử. Sau đó xét đến *chính Giê-rê-mi* và cho bạn biết *xuất thân* của ông, *điều định hình* nên con người ông, vì xuất thân định hình nên con người của tất cả chúng ta. Chúng ta không chỉ là những cá nhân riêng rẽ. Chúng ta có xuất thân và *tổ tiên là những điều định hình* nên chúng ta ngày nay. Sau đó, xét đến *cách ông truyền đạt* Lời Chúa. Ông không chỉ là một tiên tri nói miệng. Ông dùng cả những phương thức khác, ông là một *chuyên gia kịch nghệ*. Ông diễn sự tiên tri của mình ra, diễn bằng *kịch câm* và qua những hành động của ông, người ta nhớ sứ điệp của ông. Ông cũng là một *tiên tri viết lách*. Khi bị cấm nói thì ông bảo: "*Ồ! các ngươi làm sao ngăn ta viết được!"* Thật may là ông có một người bạn tốt, một cây bút tên là *Ba-rúc*, và *Ba-rúc đã viết những lời tiên tri của Giê-rê-mi ra*. Dù vua có lấy dao cắt chúng ra làm trăm mảnh và đốt chúng đi thì Ba-rúc cũng sẽ viết lại dược từ đầu. Cảm tạ Chúa vì Ba-rúc, nếu không thì chúng ta sẽ chẳng có sách Giê-rê-mi. Như vậy, ông là một tiên tri diễn thuyết, diễn kịch và viết lách.

Sau đó, chúng ta xét đến sứ điệp của ông, và chia sứ điệp này thành *hai phần*: sứ điệp *giống với các tiên tri khác*, những điều rất giống với *Mi-chê và Ê-sai. N*hưng sứ điệp của ông *cũng khác các tiên tri kia* theo ba cách, nên *ông rất độc đáo*. Rồi điều thứ năm sẽ xét đến là việc *ông bị đối xử tệ bạc*. Ông bị đối xử quá tệ và ông *phải chịu khổ rất nhiều vì sứ điệp của mình*, thế nên ông cực kỳ bất hạnh. Người Do Thái gọi ông là *"tiên tri than khóc."* Từ đó chúng ta sẽ nghiên cứu ngay một sách tên là *Ca Thương* vì tại đó, ông viết ra những dòng lệ của mình. Sách Ca Thương là tiếng khóc của Giê-rê-mi về Giê-ru-sa-lem.

Niên đại

Thời điểm - đó là vào thế kỷ thứ 7 TCN, gần cuối sự tồn tại của hai chi phái phía nam. Mười chi phái phía bắc đã mất, A-si-ri đã đưa họ đi. Dân Chúa chỉ còn lại hai chi phái nhỏ bé quanh Giê-ru-sa-lem. Ê-sai đã mất, Mi-chê đã mất, Giê-rê-mi thật sự là *vị tiên tri cuối cùng nói cùng dân này*. Ông

nói: *"Đến bây giờ cũng chưa quá muộn để ngăn thảm họa này xảy ra, nhưng nếu các ngươi không thay đổi thì chắc chắn nó sẽ đến."* Ông đứng ra nói là đúng người, vào đúng thời điểm, ở đúng chỗ. Phương bắc đã mất, phương nam cũng sắp mất. Đã có vài vua tốt, nhưng có cả những vua rất xấu. Cả đời ông chứng kiến khá nhiều, cả thảy bảy đời vua. Vì lúc này vua xấu nhiều hơn là tốt, họ thế chỗ nhau nhanh hơn.

Ông sinh vào thời trị vì của *Ma-na-se*, kẻ đã sai cưa Ê-sai ra làm đôi trong thân cây rỗng. Tên vua đáng sợ này đã dâng chính các con mình cho ma quỷ, khiến đường phố Giê-ru-sa-lem dính đầy máu người vô tội. Ma-na-se là vậy đó. Có hai cậu bé được sinh cùng năm vào thời Ma-na-se: Một người là vua hay hoàng tử *Giô-si-a*, người kia là *Giê-rê-mi*. Hai người ngang tài ngang sức, họ lớn lên cùng nhau. Đến thời *A-môn,* trong thời gian trị vì ngắn ngủi của hắn, Giê-rê-mi và Giô-si-a đều còn nhỏ. Rồi *Giô-si-a* được đưa lên làm vua khi cậu *mới lên tám*. Giô-si-a là một cậu bé ngoan, chính cậu đã cho dọn sạch đền thờ và *thấy sách Phục Truyền* trong chiếc tủ cũ kỹ, bụi bặm và nhận ra những rủa sả của Chúa trên xứ đó và trên dân sự. Cậu *cố gắng cải tổ* nhưng e là không thành. G*iê-rê-mi cùng thời với Giô-si-a, nhưng Giê-rê-mi im lặng*.

Sách Giê-rê-mi không nhắc đến Giô-si-a, còn sách Các Vua không nhắc đến Giê-rê-mi. *Giê-rê-mi nhận ra rằng sự cải tổ theo lệnh vua không thay đổi được lòng người*. Nhìn bề ngoài thì nó có vẻ tốt, nhưng tình hình bên trong không thay đổi. Điều này được chứng minh ngay khi Giô-si-a cố gắng chống trả quân Ai Cập và bị giết tại Ha-ma-ghê-đôn. Sau Giô-si-a thì chỉ còn toàn các vua gian ác và yếu ớt. Chính vào thời cuối của bốn vua xấu xa, yếu ớt này Giê-rê-mi đã nói ra nhiều nhất. Tuy ông có thông đạt cho các vua này một hy vọng cuối cùng. Nhưng phần lớn sự tiên tri của ông lúc này mới lại nói về kết quả của sự cải tổ trước đây của Giô-si-a: nó quá ít, quá muộn, làm cho hoàn cảnh trở nên vô vọng. Như vậy là ông xoay qua xoay lại giữa cảm giác tuyệt vọng rằng đã quá muộn, với hy vọng nhỏ nhoi rằng: Nếu họ thay đổi, ngay cả trong lúc này thì Chúa sẽ thay đổi hoàn cảnh.

Ta xem xét một ẩn dụ điển hình mà Giê-rê-mi đã diễn. Chúa bảo ông đến nhà của người thợ gốm và xem anh ta làm việc. Đây lại là đoạn Kinh Thánh được sử dụng trong bài hát và bài giảng một cách hoàn toàn sai. Có bài thánh ca ngắn "Ngài là thợ gốm, con là đất sét, xin nắn con theo ý Ngài muốn," nói như thể thợ gốm là người quyết định đất sét sẽ trở thành gì. Đó không phải là bài học mà Giê-rê-mi đã rút ra. Trong *Chương 18*, chép rằng: Người thợ gốm lấy một khối đất sét, đặt lên bàn xoay, cố gắng nắn nó thành một chiếc bình đẹp. Nhưng miếng đất không chiều theo tay anh, vì đó không phải là loại đất sét dùng để làm bình. Anh bóp nén cái bình méo mó đó trở lại thành khối đất, rồi đặt lên bàn xoay một lần nữa, và nắn nó thành một cái vại dày, thô kệch. Chúa phán: "*Giê-rê-mi, con đã rút ra được bài học chưa? Tại sao miếng đất sét đó lại không được làm thành chiếc bình đẹp? Đấy là lỗi của người thợ gốm hay lỗi của miếng đất? Ai quyết định nó sẽ trở thành cái gì?"* Câu trả lời thực sự là *miếng đất sét quyết định,* vì nó không chạy theo ý định ban đầu của người thợ gốm. Đ*ó là sứ điệp*. Sứ điệp này *trái ngược hoàn toàn* với quan niệm cho rằng Chúa là người thợ gốm "Ngài lấy một miếng đất sét và *nắn bất cứ thứ gì Ngài muốn*." Chính Chúa là người thợ gốm muốn nắn đất sét nên hình thù đẹp đẽ*, nhưng miếng đất sét không hưởng ứng nên Ngài phải nắn nó nên hình thù xấu xí.*

Chúa phán: "*Giê-rê-mi, con có thể thấy rằng ngay cả trong giai đoạn cuối này, nếu dân Ta ăn năn và thay đổi thì Ta có thể nắn chúng thành một chiếc bình đẹp chứa đầy lòng thương xót Ta; nhưng vì chúng sẽ không thay đổi nên Ta sẽ nắn chúng thành một cái vại thô kệch đựng đầy sự phán xét Ta."* Và chúng ta có khẳng định lạ thường này, Chúa phán: *"Nếu chúng ăn năn thì Ta cũng vậy."* Không phải là Chúa ăn năn tội, vì Ngài không phạm tội, nhưng Ngài có đổi ý với kế hoạch mình, và

Ngài đang nói rõ hơn: *"Nếu chúng thay đổi thì Ta cũng sẽ thay đổi. Nếu chúng đổi ý thì Ta sẽ đổi ý và Ta không giáng họa xuống."*

Đó là mối quan hệ sống động giữa Đức Chúa Trời và con người trong Kinh Thánh. Không phải một người thợ gốm nói rằng: *Mình sẽ nắn miếng đất này thành cái này, miếng đất kia thành cái kia,* mà là một Đức Chúa Trời muốn nắn đất sét thành một vật đẹp đẽ, nhưng khi đất sét không chịu, Ngài nắn nó thành một vật xấu xí. Ngài vẫn dùng chúng, nhưng dùng chúng để bày tỏ sự công chính Ngài thay vì lòng thương xót, và điều đó vẫn đúng với chúng ta. Ngài là người thợ gốm và chúng ta là đất sét, nhưng đất sét được quyền nói xem nó muốn trở thành cái gì.

Đó là *ý định thật sự* cho hình ảnh này: Đây không phải là một Đức Chúa Trời độc đoán điều khiển những con rối và ra lệnh cho nó sẽ thành cái gì. Đây là một Đức Chúa Trời cộng tác, Ngài muốn chúng ta đáp ứng và sẽ nắn chúng ta nên thứ Ngài muốn nếu chúng ta muốn trở thành thứ đó. Nhưng nếu chúng ta không muốn trở thành thứ đó, Ngài sẽ nắn chúng ta thành một thứ thể hiện cách Ngài phán xét. *Lựa chọn thuộc về đất sét* là thông điệp mà Giê-rê-mi muốn nói lên, bạn nhận ra chưa?

Ông làm điều thứ hai. Cái vại xấu xí bằng đất sét đó được nung và trở nên cứng đến nỗi không thể thay đổi được, rồi ông phải lấy cái vại cứng ấy, mang nó ra thung lũng Ben Hi-nôm là chỗ để đổ rác, đập vỡ nó và ném các mảnh vỡ xuống *Thung lũng Tàn sát* và nói: *"Nếu các ngươi cứng lòng thì sẽ đến lúc các ngươi sẽ chẳng thể đổi thành đẹp đẽ được, khi đó Chúa sẽ đập vỡ các ngươi."* Hiểu thông điệp không ạ? Điều đó có trong *chương 18 và 19*, một hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ giữa Chúa và chúng ta. Đức Chúa Trời muốn khiến cuộc đời bạn trở nên tươi đẹp và nếu bạn đáp ứng thì Ngài sẽ làm như vậy. Nếu bạn không đáp ứng thì Ngài sẽ nung bạn tới khi cứng lại thành một hình thù xấu xí, rồi đập vỡ và ném đi. Đó là một bài học sâu sắc.

Rồi đến những vị vua yếu kém, mọi chuyện đã tệ lại càng tệ hơn. Nhưng vẫn có tia hy vọng trong Giê-rê-mi: *"Ngay cả trong giai đoạn muộn mằn này, nếu các ngươi ăn năn thì Chúa sẽ đổi ý về việc giáng họa."* Vậy là Giê-rê-mi không phải lúc nào cũng sướt mướt. Ít nhất thì ông cũng nói rằng có chút hy vọng. Nhưng thành thật mà nói, khi ông nhìn dân sự, giảng cho họ và thấy phản ứng của họ, *ông biết rằng chẳng còn hy vọng nào cả. Đ*ây là một chút lịch sử về thời gian, thời điểm ông giảng, có Sê-đê-kia là vị vua cuối, ông ta bị quân Ba-by-lôn bắt và phải chứng kiến các con trai mình bị giết. Chúng còn móc mắt ông và đày ông đi trong mù lòa. Đó là một kết cục bi thảm cho dân sự Chúa. Tuy vậy, kết cục sẽ không mãi như vậy.

Trước giả

Tên được đặt cho ông đã mang một nghĩa khác thường. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, chữ *Giê-rê-mi* có nghĩa kép là: *"phá hủy thứ gì đó hoặc xây nó lên,"* có thể dùng một trong hai nghĩa. Tiếng Việt hình như không có dạng từ này, nhưng tiếng Anh thì có: *Jeremiah,* nửa đầu *Jerem* nghĩa là dựng lên, và phá đổ, nửa sau *jah* là Đức Chúa Trời, nên tên ông nghĩa là "Chúa xây dựng và Ngài phá đổ." Tên đặt cho ông từ lúc sinh ra trở thành chức vụ mà ông cần thực hiện. Chúa phán: "*Ta gọi con để xây dựng và để phá đổ*," đó là sứ điệp cơ bản mà trong 40 năm ông đã rao giảng. Chúa lật đổ những kẻ bất tuân và Ngài gây dựng những người vâng lời. Ngài là người thợ gốm với miếng đất sét.

Ông sinh ra tại *A-na-tốt* hay Anatah ngày nay. Cá nhân tôi có một trải nghiệm về địa danh này, tôi từng ngủ lại vài đêm tại một căn nhà trong ngôi làng nhỏ đó và đọc Giê-rê-mi trên sân mái bằng. Ngay trước khi tôi đi bộ xuống Wadi Qelt để đến Giê-ri-cô, người ta bảo tôi không nên làm như vậy

vì chỗ đó rất nguy hiểm, dưới đó có rắc rối về chính trị và có những người mang súng. Nhưng có một câu Kinh Thánh đến với tôi, Chúa đã phán: "*Ta sẽ đi cùng con và con đi đâu, Ta sẽ theo gìn giữ đó*." Và một lần nữa, tôi đi ngược lại với sự nhắc nhở của người ta. Vậy là sáng hôm đó tôi đã đi. Có lẽ tôi đã lạm dụng Kinh Thánh chăng?

Ông được lập làm tiên tri từ khi ông chào đời, vừa được đặt tên. Như Giăng Báp-tít sau này khi vẫn còn ở trong bụng mẹ, nhưng không còn là một bào thai, đã là con người, và được kêu gọi làm tiên tri khi vẫn còn trong bụng mẹ, Giăng Báp-tít đã bắt đầu chức vụ từ ba tháng trước khi chào đời. Sứ mệnh của Giăng Báp-tít là chỉ về Đấng Mê-si-a. Khi mới được sáu tháng trong bụng Ê-li-sa-bét, ông đã nhảy lên vui mừng khi mẹ của Đấng Mê-si-a bước vào phòng. Tôi nghĩ là ý nhỏ này có thể chống lại việc nạo phá thai.

Ông ra đời và trở nên một thanh niên rụt rè, nhạy cảm, nhút nhát. Là con cháu của nhà Eli hay Hê-li tức là ông sẽ không sống đến già vì sự rủa sả đó giáng trên toàn bộ dòng dõi gia tọc ông. "Không còn ai sống đến già trong dòng họ ngươi..." Họ đều qua đời ở tuổi trung niên, nên Chúa phải đưa người này vào chức vụ tiên tri sớm để có thể dùng ông trong 40 năm. Ngài phải kêu gọi ông ở tuổi thiếu niên, và Ngài đã làm như vậy. Có lẽ vào khoảng tuổi 17, ông đã bắt đầu rao giảng và ông rất, rất lo lắng. Sao mà không lo được, khi Chúa bảo bạn đi và đứng trên quảng trường Ba Đình ở tuổi 17 và lên án tội lỗi của Hà Nội chẳng hạn? Vâng, một số người trẻ có vẻ không ngại đâu.

Họ gần như không hề ngại ngùng, nhưng Giê-rê-mi thì có. Nên Chúa phán: *"Đừng sợ mặt chúng nó."* Một điều đáng nói, khi người giảng đạo sợ hãi thì anh ta giảng với trần nhà hoặc nhắm mắt lại, nhưng người giảng đạo đích thực cần nhìn vào mặt người ta - "đừng sợ mặt chúng nó." Bạn có biết những người giảng đạo giảng cho cái đồng hồ không? "Nhưng con hãy đi và nhìn vào chúng, đừng sợ mặt chúng nó." Chúa phán: "Ta sẽ khiến trán con cứng như đồng để nét mặt của chúng chẳng thể giết con hoặc xuyên thấu con*."* Đó là một sự kêu gọi rất sống động. Sau này, Giê-rê-mi phải chuyển ra khỏi nhà vì gia đình ông muốn ám sát ông. Ông đã chuyển tới thành phố lớn tại Giê-ru-sa-lem, cách đó gần 5 cây số.

Ông là một người *yêu thiên nhiên*. Tôi không bao giờ quên cái ngày ở trên xe buýt, tôi nghĩ lúc đó chúng tôi đang đi về phía Sê-sa-rê, và bầu trời trở nên đen kịt vì bầy hạc. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều hạc đến vậy trong đời, nhưng bầy hạc đó di cư qua Y-sơ-ra-ên từ châu Âu đến châu Phi, và bầu trời đầy những con hạc chao liệng. Chúng biết đã đến lúc di cư về phía bắc và chúng đang trên đường đến đó. Điều đó xuất hiện trong Giê-rê-mi chương 8: "Bầy hạc biết mùa di chuyển, nhưng dân Ta chẳng biết." Ông là người yêu thiên nhiên, ông liên tục dùng thiên nhiên để minh họa nhiều điều, đặc biệt là chim chóc. Tôi nghĩ ông là một nhà nghiên cứu chim.

Ông đã nói tiên tri trong 40 năm cùng thời với Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, Ê-xê-chi-ên và cuối cùng là Đa-ni-ên. Khi quân Ba-by-lôn đến, vì lúc này ông đã khuyên dân sự không chống trả Ba-by-lôn mà đi với chúng và đầu hàng, nên người Ba-by-lôn nghĩ tốt về ông, còn người Y-sơ-ra-ên lại ghét ông. Đó là *chính sách nhượng bộ,* người ta thường không thích điều đó. Khi người Ba-by-lôn đến, họ nói: "*Giê-rê-mi, chúng tôi cho ông chọn, ông có thể đến Ba-by-lôn với dân mình hoặc ông có thể ở lại đây."* Được chọn như vậy cũng tốt chứ, nhưng nó phơi bầy sự cô độc của ông, vì ông không thích người Ba-by-lôn còn người Y-sơ-ra-ên thì không thích ông. Thực ra là cuối cùng ông đã sang Ai Cập. Một số người Do Thái đã bắt cóc ông và đưa ông lên sông Nin tới Đảo Elephantine. Tiện đây cũng nói thêm rằng hòm chứng ước đã từng được đưa đến đảo này. Có lẽ bây giờ hòm ở tại Ê-thi-ô-pi,

nhưng hòm chứng ước đã từng ở Đảo Elephantine trên sông Nin một thời gian. Đó chính là nơi ông qua đời trong đơn độc. Đó là một câu chuyện buồn.

Cách Giê-rê-mi rao giảng

Bây giờ chúng ta hãy xét đến *phương thức*. Ông là một người diễn thuyết và ông chủ yếu nói bằng thơ. Hy vọng là bạn có một cuốn Kinh Thánh phân biệt giữa thơ và văn xuôi, vì điều đó rất quan trọng. Thơ có các dòng ngắn và để lại nhiều khoảng trống trên trang giấy, nhưng văn xuôi giống như cột báo với các dòng đầy chữ hơn. Khi Chúa nói *ở thể văn xuôi,* Ngài đang truyền đạt những *suy nghĩ từ tâm trí Ngài đến tâm trí bạn*, nhưng khi Chúa nói *ở thể thơ*, Ngài đang truyền đạt *tấm lòng Ngài đến tấm lòng bạn,* vì thơ là ngôn ngữ của cảm xúc, nó là tiếng lòng. Phần nhiều sự tiên tri của Giê-rê-mi là ở thể thơ.

Nhưng cần chú ý đến những lúc ông chuyển sang văn xuôi và chỉ có suy nghĩ. Như vậy, khi đọc Kinh Thánh và thấy thể thơ thì hãy tự hỏi rằng *ở đây Chúa đang cảm thấy như thế nào. K*hi bạn đọc văn xuôi thì *Chúa đang nghĩ gì*. Tiếc là quá nhiều người chỉ coi Kinh Thánh là nguồn để hiểu biết những suy nghĩ của Chúa, như một điều chỉ thuộc về trí tuệ, nhưng đây là một sách rất cảm động. Thực ra, bản dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Anh truyền đạt tốt nhất cảm xúc của tiếng Hê-bơ-rơ - một thứ tiếng rất giống tiếng xứ Wales, rất giàu cảm xúc.

Bản dịch hay nhất được các chuyên gia công nhận là bản *The Living Bible - Trong tiếng Anh* hay *Bản Hiện Đại - Trong tiếng Việt*. Bản đó dịch cảm xúc của Chúa chính xác nhất. Không phải lúc nào cũng dịch suy nghĩ của Ngài (hay văn xuôi) chính xác nhất nhưng nó truyền đạt chính xác cảm xúc của Ngài nhất. Thế nên khi đọc Kinh Thánh lớn tiếng từ đầu đến cuối, chúng tôi đã dùng bản *The Living Bible (Bản Hiện Đại),* nó chạm tới lòng người cũng như tâm trí họ. Chúng ta cần biết rằng Chúa cũng có cảm xúc. Như vậy, ông là một người diễn thuyết nhưng diễn thuyết bằng thơ, là dạng thức dễ nhớ hơn, nhưng trên hết, nó truyền đạt cảm xúc của Chúa.*"Đó là cảm giác của Ta,"* Chúa phán. Ông cảm thấy sự thất vọng của người thợ gốm khi miếng đất sét không trở nên chiếc bình đẹp. Sự thất vọng *cho lộ ra nỗi đau buồn của Chúa* vì Ngài cứ mong rằng mình sẽ nắn nên Y-sơ-ra-ên thật đẹp.

Diễn xuất của ông thật sự vô giá, có thể gọi đó là *rạp hát đường phố*, nhưng nó mang tính tiên tri. Một lần ông đã đi và *chôn vài cái quần áo lót cũ, rách, bẩn thỉu*. Người ta hỏi: "Ông đem chôn quần áo lót rách làm gì vậy?" Ông bảo họ: "*Những quần áo các ngươi đang mặc mà người ta không nhìn thấy đã rách nát, ta đang chôn chúng."* Rồi *ông mang một cái ách, đi khắp thành,* cổ đeo một cái ách cho gia súc như một gánh nặng. Hãy nhớ là Ê-sai cũng làm giống như vậy, có lần Ê-sai đã trần truồng chạy trên đường phố Giê-ru-sa-lem và nói: "Đức Chúa Trời sẽ lột trần các ngươi." Thật mừng vì Chúa không bao giờ lặp lại việc đó.

Khi mọi người ở Giê-ru-sa-lem *đang cố bán ruộng đất đi* vì họ biết khi quân Ba-by-lôn đến, chúng sẽ trở nên vô giá trị, *Giê-rê-mi lại mua ruộng đất vào,* như cách những thương nhân tinh khôn đã làm theo kể từ đó. Người cha của tổng thống *Kennedy* cũng đã làm như vậy, khi thị trường chứng khoán sụp đổ thì ông lại mua vào. Đó cũng là điều mà Baron Rothschild, chủ ngân hàng người Do Thái đã làm. Một số người đủ táo bạo để biết *thời điểm phù hợp* để mua vào khi tất cả những người khác đang bán ra. Đó là điều đã xảy ra tại Giê-ru-sa-lem. Ông đi mua một đám ruộng của người bà con đang nôn nóng muốn bán, và người bà con đó nói: "Đừng có mua, nó sẽ chẳng đáng giá nữa đâu."

Giê-rê-mi nói: "Không đâu, đó là khoản đầu tư của anh trong tương lai vì người ta sẽ trở lại từ Ba-by-lôn, Chúa đã phán với anh như vậy, nên anh đang đầu tư có lợi*."* Ông đã diễn xuất như vậy.

Tôi nghĩ đến một gia đình Ả Rập tại miền bắc Y-sơ-ra-ên vào chiến tranh năm 1948. Mọi người Ả Rập khác đều bán tài sản, rút tiền khỏi các ngân hàng Do Thái và chạy trốn thì người này đi gửi hết tiền vào một ngân hàng Do Thái vì ông ấy nghĩ: "Chúa đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên đất này, và mình muốn gửi tiền ở nơi an toàn." Một người Ả Rập dễ mến, tôi đã đến nhà ông ấy, ông có năm cậu con trai, cả năm đều giảng Tin lành, và ông đã gửi tiền vào nơi ông đặt đức tin mình. Đó chính là điều Giê-rê-mi đã làm. Ông giấu đá, ông ném sách xuống sông Ơ-phơ-rát, ông đội trên đầu một chiếc bình và đi vòng quanh thành, là những việc của phụ nữ. Điều đó thật sự đánh động dân sự.

Như vậy, ông là một *nhà diễn thuyết, một diễn viên, một cây bút,* và các tác phẩm của ông được truyền lại cho chúng ta sau ngần ấy năm. B*a-rúc* là một trong những cậu bé đứng sau cánh gà trong vương quốc Đức Chúa Trời. Xét trên một khía cạnh thì Ba-rúc không làm gì lớn lao, nhưng ông đã giúp những người khác có thể nghe Lời Chúa. Thực ra là *Chúa ban thưởng cho những người làm việc thầm lặng hơn những người làm công việc thấy được.*

Đó là cách Đức Chúa Trời làm việc. Với Ba-rúc già cả đáng mến, Giê-rê-mi đã nói thế này với ông: "Đừng tìm cho mình những việc to tát," và ông đã sẵn lòng viết và phân phát những điều Giê-rê-mi nói. Nếu không có việc làm của Ba-rúc thì những lời của Giê-rê-mi đã bị thất lạc hết. Thú vị đúng không? Để tôi liên hệ ngay đến thực tế nhé! Ngợi khen Chúa vì Anchor Recordings là những người phân phát Lời Chúa ra một cách trung tín. Họ làm việc sau cánh gà, những người đứng máy vào sáng nay đang làm những việc không thấy được, nhưng họ sẽ đưa Lời Chúa chạm đến rất nhiều người. Chúa là Đấng thấy nơi kín nhiệm sẽ ban thưởng cách công khai.

Những điểm tương đồng giữa sứ điệp của Giê-rê-mi và các tiên tri khác

Có nhiều sứ điệp giống với các tiên tri khác. Cảm giác bị chán khi đọc qua hết các sách tiên tri, từ sách này sang sách khác là vì cùng một câu chuyện cũ: thờ thần tượng, đồi bại, bất công, sự tụt dốc, sự suy đồi của dân tộc này, đất nước gồm hai chi phái là tất cả những gì còn lại của dân Chúa, Giê-ru-sa-lem đầy bạo lực đến nỗi trẻ con không thể chơi trên đường phố và người già không dám ra ngoài, cùng một gánh nặng. Có *bốn điểm nhấn chính, bốn trọng tâm* trong sứ điệp của hầu hết các vị. Hẳn là một số người sẽ nói: "Có gì mới đâu, chúng tôi đã nghe cái này rồi, có ông giảng đạo đã nói với chúng tôi từ nhiều năm trước." Và Giê-rê-mi đáp: *"Nhưng các ngươi đâu có nghe ông ấy."* Thật thú vị là trong sự lặp lại ấy, có điều *Mi-chê* nói đã cứu mạng *Giê-rê-mi*, hãy đọc câu chuyện để biết sự tình. Khi Giê-rê-mi sắp bị xử tử, có người nói rằng: "Hãy nhớ Mi-chê đã nói điều này từ nhiều năm trước, chúng ta phải lắng nghe," và điều đó đã cứu mạng Giê-rê-mi.

Có bốn điểm tương đồng như sau:

Dân này bội đạo. Thờ thần tượng và *đồi bại* là hai điều chính đưa họ đến suy đồi tột độ. Người ta đã giết con trẻ làm vật sinh tế ở thung Lũng Hi-nôm. Có thuyết hổ lốn thịnh hành, mặc Chúa đã phán "*Ngươi chớ làm các tượng chạm,"* người ta cứ đem đủ loại thần tượng vào đền thờ. Họ quay khỏi Chúa tức là quay khỏi sự tốt lành. Đánh mất Ngài là đánh mất mặt tốt đẹp của cuộc sống, mặt xấu xa sẽ nổi lên, vì con người cơ bản là xấu xa. Phao-lô nói: "Khi con người từ bỏ Chúa, thì phó mặc con người," khi đó mặt xấu xa nhất sẽ nổi lên, mặt tồi tệ nhất sẽ xuất hiện trong xã hôi. Nếu không có ân điển Chúa, chúng ta hẳn còn tồi tệ hơn nữa.

Nên khắp dân sự có sự sa đọa, có những cuộc hôn nhân đổ vỡ. Trước sa sút ấy Giê-rê-mi đã chỉ mặt nhiều người và nói: "Đây là những người phải chịu trách nhiệm." Vấn đề đầu tiên là các "tiên tri," quá nhiều người tự xưng là tiên tri, nhưng chúng toàn nói điều ngược lại. Trong *chương 23*, ông kịch liệt chỉ trích những *tiên tri giả* đó. Ông nói:"Các ngươi chẳng đứng chầu trong hội đồng của Chúa và nghe điều Chúa phán bảo. Các ngươi ăn cắp sứ điệp của nhau. Các ngươi tự bịa chúng ra. Các ngươi vuốt ve dân sự, nói điều chúng muốn nghe. Các ngươi ru ngủ chúng: Bình an, bình an, mà không bình an chi hết. Các ngươi phỉnh gạt chúng đừng lo lắng, chuyện đó không bao giờ xảy đến vì nơi đây là thành của Đức Chúa Trời, đây là Giê-ru-sa-lem." Ông nói: "Sao các ngươi dám bám víu vào đền thờ? Các ngươi vừa biến đền thờ thành hang trộm cướp." Tất cả những điều ông đang tranh chiến, chỉ muốn nói lên một điều: "*Các ngươi không tin ta nói, vì các ngươi cậy đã là dân Chúa nên sẽ không bị phán xét."*

Điều này cũng có trong hiện tại. Trong cuốn *"Đường Xuống Hỏa Ngục"* tôi đã nêu bật những cảnh báo của Chúa Giê-su về hỏa ngục là nói với *tín đồ đã tái sinh*. Nhưng thực sự nhiều tín đồ đã tái sinh không hề sợ hỏa ngục, họ nghĩ: "Chuyện này không thể xảy đến với chúng ta được, chúng ta là dân Chúa cơ mà! Sự phán xét có thể đến trên mọi người khác, nhưng không đến trên chúng ta." Đó chính là điều Giê-rê-mi phải đối mặt thời ông. Thời Phao-lô, ông cũng nhắc nhở những tín đồ đã tái sinh rằng "Vì tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ." Chúng ta được *xưng công chính bởi đức tin* nhưng *bị phán xét bởi việc làm*. Bởi thế mà Giê-rê-mi nói: "*Những tiên tri giả này phải chịu trách nhiệm."* Ông nói rằng các thầy tế lễ phải chịu trách nhiệm vì thực chất, họ đang ủng hộ những *lễ hội pha tạp tôn giáo*. Họ cử hành nghi lễ tại những đền thờ ngoại giáo lại nhân danh lòng khoan dung của Chúa. Đó chính là điều đang xảy ra ngày nay, tà thuyết *tôn giáo đối chiếu* (comparative religion) nhan nhản khắp nơi, rêu rao rằng tất cả chúng ta đang đi những con đường khác nhau nhưng đều dẫn đến một Chúa. Người ta đang dạy điều này cho con cái của chúng ta, nó cũng đã xảy ra vào thời đó.

Ông nói: "*Vua chúa cũng vậy, thảy đều sai lạc."* Ông nói: "*Giê-hô-gia-kim sẽ chết mà không được thương khóc, và sẽ bị chôn như một con lừa."* Quả sau đó, khi Giê-hô-gia-kim chết, không ai thương tiếc hắn, người ta kéo xác hắn đi như thể đó chỉ là xác thú vật. Giê-rê-mi nói rất khó nghe đúng không? Với *Sê-đê-kia*, ông nói rằng hắn quá yếu ớt và do dự, hắn chỉ là một con rối chính trị chứ không phải người cai trị. Tất cả những lời tiên tri này, càng nghiên cứu tôi càng cảm giác như mình đang đọc nhật báo hôm qua. Quả thật, chúng ta cần sứ điệp tiên tri này từ Chúa cho chính xứ mình.

Đầy những ẩn dụ liên quan đến tình dục, một số ẩn dụ khá tục tĩu nữa, vì ông xem sự bội đạo của dân sự như một người vợ không chung thủy, ngoại tình, chạy theo các thần khác như thể chúng là những người đàn ông khác. *Ô-sê* là người đầu tiên dùng *phép ẩn dụ*. Nhưng Giê-rê-mi cũng dùng, ông nói: "Các ngươi là nàng dâu của Đức Chúa Trời, các ngươi là vợ của Đức Chúa Trời. Bây giờ các ngươi đang chạy theo các thần khác, các ngươi chẳng hơn gì một người vợ ngoại tình," đó là một ẩn dụ sinh động. *Đức Chúa Trời sẽ cảm thấy thế nào khi Ngài có một người vợ không chung thủy đây?* Một trong những điều khủng khiếp nhất mà Ông còn nói với họ một điều khủng khiếp: "*Các ngươi đã đến độ không biết đỏ mặt*. Các ngươi không biết xấu hổ. Các ngươi còn chẳng hề phiền lòng." Vâng, có lúc Chúa phán rằng: "*Ta ly dị với mười chi phái, các ngươi có muốn Ta ly dị với hai chi phái các ngươi nữa không?"* Vì một người vợ không chung thủy đáng bị như vậy.

Thảm họa sắp xảy đến. Ông nói: "Chúa sẽ giữ lời hứa trừng phạt các ngươi." Khi Đức Chúa Trời lập lời hứa với Y-sơ-ra-ên, Ngài lập hai loại: *Ta chúc phước khi các ngươi vâng phục, Ta rủa sả khi các ngươi bất tuân.* Khi Chúa trừng phạt là Ngài đang giữ lời Ngài. Đó là sự thành tín của Ngài. Hầu hết mọi người đều nghĩ Chúa thành tín tức là Ngài chỉ luôn làm những điều tốt cho chúng ta thôi. Nhưng *không! Ngài thành tín trong cả sự trừng phạt lẫn tha thứ*. Ngài là Đức Chúa Trời thành tín không chút bất công theo lời hát của Môi-se. Vậy là Chúa đang giữ lời Ngài và Ngài sẽ rủa sả họ. Giê-rê-mi nói khá cụ thể. Ông nói rằng mối nguy sẽ đến từ phương bắc, không phải từ A-si-ri là nước áp giải 10 chi phái đi, nó sẽ đến từ Ba-by-lôn, nhưng chúng vẫn xâm lược từ con đường phương bắc, và mối nguy đang gần kề. Ông có khải tượng về *hoa từ một nhánh cây hạnh bung nở*, tín hiệu nhanh chóng báo mùa xuân. Ông nói: "Nó sẽ xảy ra nhanh như vậy, các ngươi sẽ thấy quân Ba-by-lôn đến thình lình."

Sự hồi phục sau chót. Sau mọi nỗi u buồn này thì ông thấy *một dân tộc được phục hồi*. Trên hết, ông thấy: Phải có *một giao ước mới với Đức Chúa Trời*, rằng *giao ước cũ của Môi-se không còn hiệu lực*. Ông cũng hiểu rõ lý do: *"Các điều răn được viết ở bên ngoài dân sự chứ không phải ở trong lòng họ."* Nó đã được viết trên đá, nhưng nó cần được viết trong lòng. Trong *chương 31*, chúng ta thấy một trong những lời rao báo thú vị nhất trong Cựu Ước: "Nầy, những ngày đến, *Ta sẽ lập một giao ước mới với nhà Y-sơ-ra-ên và với nhà Giu-đa*. Giao ước này sẽ không giống giao ước Ta đã lập với tổ phụ chúng trong ngày Ta nắm tay nắm tay dắt chúng ra khỏi Ai Cập, là giao ước chúng đã phá vỡ, dù Ta là chồng chúng."

Đó là giao ước với dân Do Thái và đó sẽ là một "*Giao ước mới dựa thực tế rằng Ta sẽ viết luật pháp Ta trong lòng chúng* và chúng thảy đều biết Ta. Không ai phải dạy về Ta cho chúng vì chúng sẽ biết Ta và tất cả sẽ dựa trên sự tha thứ. T*a sẽ không nhớ đến tội lỗi* Tôi nghĩ đó là *câu cảm động nhất mà Đức Chúa Trời có thể nói*, vì chúng ta không thể quên tội lỗi mình, chúng cứ mãi còn đó. Chúng ta không bao giờ quên tội của chính mình vì chúng ta không thể quên được, nhưng khi Chúa tha thứ cho bạn thì Ngài quên nó đi. Ngài có quyền kiểm soát toàn năng trên trí nhớ và "trí quên" Ngài. Khi Chúa tha thứ cho điều gì đó thì Ngài không còn nhớ nó.

Một đêm ở Guildford, tôi quay lại hội thánh rất lâu sau khi buổi lễ kết thúc. Có một người phụ nữ lớn tuổi ngồi một mình ở hàng ghế đầu và khóc lóc thảm thiết. Tôi đến ngồi cạnh bà và hỏi: "Có chuyện gì vậy ạ?" Bà trả lời: "30 năm trước, tôi đã làm một điều cực kỳ tệ hại, nếu gia đình tôi mà biết thì họ sẽ từ mặt tôi, bạn bè tôi mà biết thì tôi sẽ mất hết bạn bè. Trong 30 năm, tôi đã cầu xin Chúa tha thứ cho tôi mà Ngài không hề tha thứ." Tôi nói: "Ôi khổ thân bà, 30 năm trước, khi bà xin Chúa tha thứ cho mình, Ngài đã tha thứ và quên đi điều đó rồi. Trong 30 năm, Ngài không hề biết bà đang nói đến cái gì." Bà nói: "Tôi không tin được điều đó." Tôi chỉ cho bà những phân đoạn Kinh Thánh mà tôi biết, đặc biệt là *Giê-rê-mi 31: "Ta sẽ không nhớ đến tội lỗi con nữa."* Tôi nói rằng: "Ngài đã quên điều đó từ 30 năm trước, vấn đề là bà không thể tha thứ cho chính mình vì bà không quên được." Nên chúng ta mới thấy khó tha thứ cho người khác, vì chúng ta không thể tha thứ cho những điều họ nói hoặc làm. *Nhưng Chúa thì quên đi điều đó*. Bạn có biết rằng khi người phụ nữ đáng mến đó nhận ra lẽ thật, bà đứng dậy và nhảy múa quanh hội thánh. Đó là kiểu nhảy múa mà tôi yêu thích, sâu sắc hơn nhiều so với điệu nhảy two-step của người ân tứ. Bà nhảy múa vì vui mừng và tôi chỉ ngồi nhìn bà. Bà trạc 69, 70 tuổi và bà đã nhảy múa vòng quanh theo đúng nghĩa đen còn tôi chỉ ngồi đó nhìn bà. Bà nhảy múa trong vui mừng vì Chúa đã quên tội lỗi bà.

Nghĩa là tới một ngày, khi bạn gặp mặt Chúa và nói: "Ôi Chúa ơi, bây giờ nhìn thấy Ngài, con thật sự ân hận vì đã làm điều đó," và Chúa sẽ nói: "Làm gì cơ? Ta không nhớ chuyện đó." Điều đó không tuyệt vời sao? *Đó là sự tha thứ* và đó *là giao ước mới* mà Chúa sẽ lập với nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Ngài sẽ quên hết tội lỗi họ, *viết luật pháp Ngài trong lòng họ*, giúp cho mỗi người nam, người nữ biết rõ Ngài, tới mức không ai phải dạy về Chúa cho họ nữa. M*ột lời hứa tuyệt vời về việc phục hồi dân sự Chúa.* Lời hứa đó được thực hiện vào đêm mà Chúa Giê-su nói: "*Hãy lấy mà uống đi, đây là huyết của giao ước Ta.*"

SÁCH GIÊ-RÊ-MI - Phần 2

Bốn điểm tương đồng giữa sứ điệp của Giê-rê-mi và các tiên tri khác

Hãy đi tiếp câu chuyện còn bỏ ngỏ của Giê-rê-mi từ bài trước. Chúng ta đang xét đến sứ điệp của Giê-rê-mi và xét đến các cách mà sứ điệp của ông rất giống với các tiên tri khác. Đầu tiên, chúng ta thấy ông nói đến việc dân Chúa bội đạo và họ đã quay khỏi Chúa ra sao, và khi bạn quay khỏi Chúa tức là quay khỏi sự tốt lành; khi bạn đánh mất Ngài tức là đánh mất mặt tốt đẹp của cuộc sống, và mặt xấu xa sẽ nổi lên, vì chúng ta về cơ bản là xấu xa, dù cho chúng ta biết cách làm điều tốt.

Khi Chúa không còn kiềm chế nữa, hay như Phao-lô diễn đạt trong Rô-ma 1: Khi con người phó mặc Chúa thì Chúa phó mặc con người; khi Chúa phó mặc con người thì mặt xấu xa nhất của họ sẽ nổi lên và những điều tồi tệ xuất hiện trong xã hội. Tất cả chúng ta đều biết rằng nếu không bởi ân điển Chúa thì chúng ta còn tệ hơn nữa, nếu Ngài không kiềm giữ chúng ta. Khi đọc những điều tệ hại mà người ta làm và đọc thấy chúng trên báo, tôi phải nhắc nhở bản thân rằng mình có thể trở nên giống hệt như vậy, nếu ở vào hoàn cảnh đó, chịu đúng áp lực đó. Không phải phân biệt con người và quái vật đâu, mọi người, cả nam lẫn nữ đều có thể trở thành quái vật nếu Chúa nhấc tay Ngài ra khỏi chúng ta. Như vậy, chúng ta có một dân bội đạo, họ đã từ bỏ Chúa nên Chúa đã phó mặc họ và để mặt xấu xa hơn nổi lên.

Chủ đề chính thứ hai mà ông có điểm chung với các tiên tri khác là tai họa chắc chắn sẽ xảy đến. Đức Chúa Trời phải xử lý nó, Ngài không thể để dân Ngài tiếp tục như thế được; nên Ngài phán rằng Ngài sẽ đưa quân Ba-by-lôn đến. Nhưng những người nói rằng Giê-rê-mi chỉ toàn tin dữ là chưa thực sự đọc sách này đúng cách, vì khi nhìn tới tương lai xa, ông có một sự lạc quan rất thú vị về sự phục hồi sau chót của dân mình. Tôi muốn đọc một chút Kinh Thánh cho bạn nghe. Thường thì tôi không có thời gian để đọc Kinh Thánh trong những bài nói chuyện này, hy vọng là các bạn đọc Kinh Thánh trước và sau đó, nhưng hãy xét đến Giao ước Mới trước. Ông nói:

> "Đức Giê-hô-va phán: Nầy, những ngày đến, Ta sẽ lập một giao ước mới với nhà Y-sơ-ra-ên và với nhà Giu-đa. Giao ước nầy sẽ không giống giao ước mà Ta đã lập với tổ phụ chúng trong ngày Ta nắm tay dắt chúng ra khỏi Ai Cập, là giao ước mà chúng đã phá vỡ, dù Ta là Chồng của chúng," Đức Giê-hô-va phán vậy.
>
> Đức Giê-hô-va phán: "Đây là giao ước Ta sẽ lập với nhà Y-sơ-ra-ên sau những ngày đó. Ta sẽ đặt luật pháp Ta vào lòng dạ chúng và khắc ghi lên tâm khảm chúng. Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của chúng và chúng sẽ làm dân Ta. Chúng sẽ không còn phải dạy bảo người lân cận hay anh em mình rằng: 'Hãy nhận biết Đức Giê-hô-va!', vì tất cả đều sẽ biết Ta, từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất," Đức Giê-hô-va phán: "Vì Ta sẽ tha thứ gian ác chúng và không nhớ đến tội lỗi chúng nữa."

Nhưng nhiều người trong hội thánh dừng lại tại đây; tôi thì muốn đọc tiếp.

> "Đức Giê-hô-va là Đấng ban mặt trời làm ánh sáng ban ngày, ấn định quy luật cho mặt trăng, và các ngôi sao soi sáng ban đêm; Đấng khuấy động biển cả cho sóng gió gào thét, Danh Ngài là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán rằng: 'Chỉ khi nào quy luật đó biến mất trước mặt Ta, thì bấy giờ dòng giống Y-sơ-ra-ên mới vĩnh viễn không còn là một dân tộc trước mặt Ta nữa.'"

Đức Giê-hô-va phán: “Nếu có ai đo được các tầng trời trên cao, hay dò được các nền đất bên dưới; thì Ta sẽ từ bỏ cả dòng giống Y-sơ-ra-ên vì mọi việc chúng đã làm,” Đức Giê-hô-va phán vậy.

Ngài đang bảo đảm rằng Ngài sẽ giữ phần Ngài trong giao ước và sẽ luôn có một Y-sơ-ra-ên, bây giờ vẫn có. Thực tế rằng cái tên Y-sơ-ra-ên trở lại trên bản đồ thời nay là bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời giữ lời hứa Ngài. Sẽ luôn có một Y-sơ-ra-ên. Người Anh chúng ta hát rằng “sẽ luôn có một nước Anh,” đó là một điều không chắc chắn, không hề; nhưng sẽ luôn có một Y-sơ-ra-ên vì Đức Chúa Trời đã hứa với họ rằng mặt trời, mặt trăng và các vì sao còn ở trên kia chừng nào thì họ sẽ còn ở dưới đất này chừng ấy. Đây là sự phục hồi sau chót của dân Ngài và có một số điều rất quý giá; nếu đọc chương trước thì bạn sẽ thấy toàn là *Ta sẽ lại đưa chúng về nhà, chúng sẽ reo vui, ca hát và nhảy múa khi lại được trở về nhà.* Thi thoảng, tôi được dự Lễ Độc lập của họ vào đầu tháng 5, và tôi đã nhảy múa trên đường phố với 40.000 người trẻ tuổi. Họ cứ thế đặt những đứa trẻ dưới tán cây và biết rằng chúng sẽ được an toàn, rồi họ nhảy múa khắp các đường phố vì giờ đây, họ lại là một dân dưới quyền của Chúa. Rất thú vị.

Ngài không chỉ hứa rằng Ngài sẽ đưa họ trở lại, mặc dù chính Giê-rê-mi đã nói là “70 năm.” Nhiều năm sau, Đa-ni-ên đọc được điều này trong chốn lưu đày, và nhận ra rằng 70 năm sắp mãn, ông rất phấn khích vì Giê-rê-mi nói rằng nó sẽ diễn ra trong 70 năm và nó đã gần hết. Như chúng ta đã thấy, điều đó để đảm bảo rằng xứ được nghỉ ngơi, và thế hệ bị đuổi khỏi xứ đã qua đời nên họ không thể trở lại. Chúa chỉ hứa đưa con cháu họ trở lại. Con cháu họ được sinh ra tại Ba-by-lôn, họ chưa từng thấy xứ mình nhưng cả chương 30 nhấn mạnh rằng *Ta sẽ đưa chúng về nhà*. Một từ thật kỳ diệu - “nhà,” bạn thuộc về đó, họ thuộc về đó. Nhưng Ngài cũng hứa ban cho họ một người lãnh đạo mới, một vị vua mới; Ngài gọi Đấng đó với rất nhiều danh xưng - Đấng chăn Nhân lành, Nhánh Công Chính, Đấng Chịu Xức Dầu, chồi nứt ra từ gốc Đa-vít, Nguồn Sự sống. Ngài nói về Vị Vua hầu đến này với những cụm từ thật đẹp; Ngài cũng hứa rằng Đấng này sẽ đến và sẽ phục hồi lại ngôi vị cho họ. Đó là sự phục hồi sau chót.

Điểm thứ tư, điểm cuối mà ông cũng như các tiên tri khác đều nói đến là kẻ thù của họ sẽ bị trừng phạt, dân Ba-by-lôn sẽ bị trừng phạt, tất cả các dân đã chống lại Y-sơ-ra-ên đều sẽ bị trừng phạt. Chúa cho phép dân Ba-by-lôn đày họ đi nhưng Ngài hứa rằng Ngài sẽ trừng phạt chúng. Cụ thể là tiên tri Ha-ba-cúc đã nói điều đó. Nhưng mọi kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, Chúa sẽ báo thù cho dân Ngài và đây là danh sách: Ai Cập, Phi-li-tin, Mô-áp, Am-môn, Ê-đôm, Đa-mách hay Si-ri, Kê-đa, Hát-so, Ê-lam và cuối cùng là Ba-by-lôn. Giê-rê-mi hứa rằng đến một ngày, Ba-by-lôn sẽ bị một cường quốc khác chế ngự, giờ đây chúng ta biết rằng đó là Ba Tư, khi Ba-by-lôn bị Ba Tư chinh phục thì dân Do Thái sẽ được tha trở về, vì Si-ru là một vị vua rộng lượng, ông muốn để những dân bị đày đến Ba-by-lôn từ mọi nơi được trở về nhà.

Chính Si-ru đã có một chính sách rất thú vị, tôi đang nhảy cóc đến thời sau của lịch sử. Giê-rê-mi không cho chúng ta biết điều này nhưng chúng ta biết nhờ các sách khác. Si-ru, sau khi chinh phục Ba-by-lôn và muốn trở thành một vị vua rất nhân đạo, đã nói: *Tất cả các người là những người đã bị đày khỏi quê hương hãy trở về nhà;* nhưng ông nói: *Khi các ngươi trở về nhà, đừng quên xây một đền thờ cho thần của các ngươi và cầu nguyện cho ta trong đó*. Ông nói thế với tất cả các dân lưu đày, nhưng tất nhiên, như vậy nghĩa là dân Do Thái có quyền xây lại đền thờ, nhưng có lẽ bạn không biết rằng đủ mọi loại dân khác cũng hồi hương và xây đền thờ cho các thần ngoại giáo. Si-ru là vậy đấy. Ông nói: *Ta muốn các ngươi xây một đền thờ và cầu nguyện cho ta*, và trong chỉ thị chung đó, dân

Do Thái đã có thể trở về và xây lại đền thờ. Như vậy, Giê-rê-mi là nhà tiên tri cho các dân và có cả một phần ở cuối sách báo trước những gì sẽ xảy đến với tất cả các dân đã tấn công Y-sơ-ra-ên hoặc xử tệ với họ, và chính Chúa sẽ trút sự báo thù đó chứ không phải Y-sơ-ra-ên.

Vì thế, người Do Thái (điều này có chép trong Giê-rê-mi) cần rời Ba-by-lôn; họ không được ở lại đó trong khi họ có thể hồi hương. Nhưng tôi e rằng phần đa không trở về, thực chất là chỉ 50,000 trong số khoảng một triệu dân hồi hương, và tới ngày nay, những người Do Thái ở tại Iran và Iraq vẫn gặp nhiều khó khăn. Nhưng tôi e rằng nếu bạn sinh ra tại một đất nước và gây dựng công việc kinh doanh tại đó thì không dễ để bỏ lại tất cả và lặp lại những gì Áp-ra-ham đã làm từ chính chỗ đó, bỏ mọi thứ lại đằng sau và đến một đất nước mà bạn chưa từng thấy, không dễ. Nhưng Đức Chúa Trời phán với họ qua Giê-rê-mi rằng *đừng quên trở lại*.

Cấu trúc của sách

JEREMIAH
OUTLINE
PROLOGUE (1)
PERSONAL CALL
A. SINNING NATION (2-45)
1. IMMEDIATE RETRIBUTION (2-20)
627-605 BC. MAINLY POETRY
BABYLON DESTROYS ASSYRIA · DEFEATS EGYPT
2. ULTIMATE RESTORATION (21-45)
605- 585 BC. MAINLY PROSE
BABYLON DEPORTS JUDAH · DEVASTATES JERUSALEM
B. SURROUNDING NATIONS (46-51)
EPILOGUE (52)
NATIONAL CATASTROPHE

Bây giờ tôi sẽ không đi tiếp mà trở lại với điều này. Tôi muốn xét đến toàn bộ hình dạng hay cấu trúc của sách Giê-rê-mi để xem sứ điệp giống với các tiên tri khác của ông được bố trí như thế nào. Một lần nữa, tôi thấy rằng để có cấu trúc tổng thể...Tôi có nói là Giê-rê-mi hơi lộn xộn, không theo thứ tự thời gian hay chủ đề. Tuy nhiên, bạn có thể thấy một khuôn mẫu và khuôn mẫu đó là đây. Khá là đơn giản thôi: có phần mở đầu, chương 1 nói đến việc ông được Chúa kêu gọi ra sao khi còn trẻ, ở tuổi thiếu niên; ông cực kỳ rụt rè tới mức sợ nói trước đám đông; và nếu sợ nói trước đám đông thì bạn sẽ gặp chút vấn đề nếu Chúa gọi bạn làm tiên tri.

Sau đó, chương 2 đến chương 45 chỉ toàn nói về dân tộc tội lỗi này, chính dân Giu-đa của ông. Ông nói rằng sự báo trả hay sự trừng phạt sẽ kíp đến, nó sắp đến rồi. Phần này bao trùm khoảng thời gian từ năm 627 đến năm 605 TCN, chủ yếu là ở thể thơ nghĩa là ông đang truyền đạt cảm xúc của Đức Chúa Trời về họ, Chúa cảm thấy ra sao - sự hối tiếc và cơn giận cùng những cảm xúc mâu thuẫn của Ngài. Ngài yêu họ nhưng Ngài không thể để họ tiếp tục như vậy, mọi bậc phụ huynh đều biết kiểu mâu thuẫn đó; và Ngài phán rõ rằng Ba-by-lôn sẽ hủy diệt A-si-ri và đánh bại Ai Cập, vì tôi e rằng về sau, những vua yếu của Giu-đa nói rằng: *Nếu chúng ta lập hiệp ước với Ai Cập hùng mạnh*

thì họ sẽ bảo vệ chúng ta khỏi A-si-ri, hay khỏi Ba-by-lôn. Giê-rê-mi nói *không, Ba-by-lôn sẽ đánh bại Ai Cập, lập hiệp ước với nó chẳng ích gì đâu, các ngươi phải tin cậy Đức Chúa Trời.* Người Do Thái rất hay nghĩ rằng để có hòa bình thì cần lập hòa ước với những dân bên ngoài Y-sơ-ra-ên, và xuyên suốt Cựu Ước, Chúa phán: *Đó không phải là cách để có được hòa bình.* Tôi thấy điều đó thật đúng với những gì đang xảy ra trong hiện tại. Y-sơ-ra-ên phải trông cậy Chúa để có được hòa bình. Khi nó bắt đầu lập hiệp ước với kẻ thù của mình, Giê-rê-mi nói rằng *điều đó sẽ chẳng ích gì và bạo lực sẽ đổ lại trên các ngươi.* Có lẽ là chúng ta đang thấy những tin hệt như vậy từ Trung Đông.

Đó là chương 2 đến 20, rồi chương 21 đến 45 là tin lành khi ông nhìn vượt trên tất cả những điều đó tới sự phục hồi sau chót; và khi ông nhận ra rằng không còn hy vọng gì nữa, tai họa này sẽ đến, ông lại chỉ cho họ viễn cảnh về sự phục hồi sau chót của dân này. Phần đó chủ yếu là văn xuôi, chủ yếu là suy nghĩ chứ không phải cảm xúc của Chúa. Thấy sự khác biệt không ạ? Khi Chúa nói đến tình hình trước mắt thì Ngài bày tỏ nỗi lòng và cảm xúc, nhưng khi nhìn xa hơn thì Chúa chỉ đang chia sẻ những ý định của Ngài cho tương lai dài hạn, không quá giật gân, không quá xúc động. Về lâu về dài, sau khi Ba-by-lôn đày Giu-đa đi còn Giê-ru-sa-lem rơi vào cảnh hoang tàn, nhưng một số người sẽ hồi hương và xây lại nó, hoàn cảnh không đến nỗi tuyệt vọng.

Đến cuối sách, chương 46 đến 51 chỉ toàn nói đến các dân xung quanh đã gây khó dễ cho Y-sơ-ra-ên, rằng đến một ngày Chúa sẽ xử lý họ. Sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên sẽ gắn liền với sự phán xét các dân đã gây rắc rối cho đất nước này. Đó là cách Đức Chúa Trời của công lý vận hành trong lịch sử. Chương 52 kiểu như phần kết về thảm họa quốc gia tàn khốc đổ trên dân của Giê-rê-mi, điều này thực sự được chép trong chương 52 khi tai họa xảy ra, miêu tả cách Giê-rê-mi bị đưa sang Ai Cập, Giê-ru-sa-lem thì bị bỏ không và hoang tàn.

Ba điểm nhấn độc đáo của Giê-rê-mi

Đến nay chúng ta mới xét đến những điều Giê-rê-mi nói giống với tất cả các tiên tri khác, nhưng ông nói ba điều khá độc đáo, thực ra là những điểm nhấn mới chứ không phải những điều hoàn toàn mới, nhưng được nói theo cách khác với các tiên tri khác, những nét khá độc đáo của tiên tri Giê-rê-mi. Đầu tiên là ông đặc biệt nhấn mạnh vào đời sống thuộc linh, ông được gọi là vị tiên tri thuộc linh vì ông là vị tiên tri duy nhất nói rằng lễ nghi tôn giáo còn tệ hơn cả vô dụng nếu các ngươi không đặt lòng mình vào đó. Thực ra, một số người cho là Giê-rê-mi nghĩ rằng toàn bộ hệ thống dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời là phí thời gian, nhưng ông không thực sự nói vậy mà nói rằng *lễ nghi thờ phượng bên ngoài không quan trọng đến thế. Điều Chúa tìm kiếm là tấm lòng của các ngươi đằng sau đó, các ngươi có thật sự tham gia vào hoạt động thuộc linh hay không.*

Nói cách khác, Giê-rê-mi nói rằng t*hân thể các ngươi có được cắt bì hay không không quan trọng, quan trọng là lòng các ngươi có được cắt bì hay không.* Ông nhấn mạnh vào tôn giáo của tấm lòng, nhấn mạnh vào việc nắm được tinh thần của Luật pháp, còn các thầy tế lễ thì đang khuyến khích tư tưởng rằng giữ lễ nghi tôn giáo có thể thay thế cho sự tin kính. Khi các thầy tế lễ chuyên nghiệp, hàng giáo phẩm, các mục sư và cha xứ chuyên nghiệp thật sự chỉ chú tâm đến việc đưa được bao nhiêu người vào nhà thờ và tham gia vào các buổi lễ thì bạn sẽ gặp dạng tình huống tương tự. Vì thật sự, đó không phải là điều Chúa muốn. Điều Chúa muốn là đời sống tin kính; đi nhà thờ không thể thay thế cho đời sống tin kính; gây quỹ xây dựng nhà thờ mới không thể thay thế cho tấm lòng muốn ban cho người nghèo.

Nên Giê-rê-mi đặc biệt nhấn mạnh vào khía cạnh thuộc linh của đời sống tôn giáo. Ông là một người rất thuộc linh và ông chú trọng vào tâm linh con người. Tất nhiên, ông đang chuẩn bị họ cho cái ngày mà họ sẽ mất đền thờ và không thể dâng tế lễ, khi thứ duy nhất mà họ có được tại Ba-by-lôn không phải là đền thờ mà là nhà hội, và từ nhà hội hay synagogue trong tiếng Anh bắt nguồn từ 'sunagogei' trong tiếng Hy Lạp nghĩa là đến cùng nhau, từ đó có nghĩa như vậy. "Sun" - cùng nhau, "gogei" - đến.

Một sunagogei hay nhà hội là nhiều người đến cùng nhau - nhưng họ có thể đến cùng nhau để làm gì? Họ không thể đến cùng nhau để các thầy tế lễ dâng sinh tế, như vậy là các thầy tế lễ sẽ mất việc tại Ba-by-lôn vì mọi thầy tế lễ đều liên quan đến đền thờ, bàn thờ và sinh tế. Nhưng nhìn xa hơn thế, tôi tự hỏi không biết các bạn có thấy điều này không; rằng thực ra, điều này đổi thành thờ phượng mà không có chức tế lễ, không có sinh tế và không có đền thờ, nhưng đến cùng nhau vì ba điều: ngợi khen Chúa, cầu nguyện và đọc Kinh Thánh.

Điều này đặt nền móng cho đời sống hội thánh trong Tân Ước vì chúng ta không có đền thờ, không có bàn thờ, không có lễ phục, không có hương liệu, không có thầy tế lễ, không có sinh tế, chúng ta chỉ có một cái bàn. Chúng ta đến cùng nhau để cầu nguyện, để ngợi khen, để đọc và nghiên cứu Kinh Thánh, và thực ra, sự thờ phượng theo kiểu nhà hội trở thành khuôn mẫu cho sự thờ phượng Cơ Đốc; thấy không ạ?

Các hội thánh thời đầu chính là các nhà hội Cơ Đốc vì giờ đây chúng ta không cần thầy tế lễ thượng phẩm, không cần sinh tế. Chúa Giê-su đã chết, tất cả những điều kia đã lỗi thời, bức màn của đền thờ đã bị xé ra làm đôi vì màn được hạ xuống khi bên trong trống không; vậy là tất cả những lễ nghi dâng sinh tế này, chúng ta không có hoặc không nên có. Tôi e rằng nếu chúng ta không cẩn thận thì chúng có xu hướng quay ngược lại. Nhưng tất cả những vật dụng của chức tế lễ, rồi lễ phục, hương liệu, bàn thờ giờ đã cũ hay lỗi thời theo lời thư Hê-bơ-rơ. Nhưng chúng ta vẫn cần đến cùng nhau để làm điều chúng ta có thể làm, ấy là cầu nguyện, ngợi khen và học Kinh Thánh. Đó là bố cục cơ bản của sự thờ phượng Cơ Đốc.

Như vậy, điều người Do Thái sắp có tại Ba-by-lôn là điều chúng ta đang có vì thực ra, chúng ta đang tha hương, bạn có nhận ra điều đó không? Chúng ta là "người khách lạ, kẻ tha hương," chúng ta là dân Thánh hiện đang tản lạc, chúng ta chỉ là khách bộ hành. Đền thờ thật ở trên kia chứ không còn ở dưới này nữa. Còn Chúa Giê-su, thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta đã vào phía bên kia tấm màn và mang của lễ là chính Ngài vào Nơi Chí thánh.

Như vậy, mọi hội thánh ngày nay đơn giản là một nhà hội Ba-by-lôn. Một điều mà bạn cần suy nghĩ thật thấu đáo. Nhưng việc áp dụng điều này cực kỳ quan trọng vì ngay từ ban đầu, hội thánh Cơ Đốc đã bị cám dỗ quay lại với các lễ nghi của đền thờ, với thầy tế lễ, bàn thờ, hương liệu, lễ phục - đó là sự đảo ngược. Giê-rê-mi là một trong những người giải phóng cả người Do Thái khỏi tất cả những điều đó, để họ có thể tồn tại mà không có nó, nhóm họp tại Ba-by-lôn, đến cùng nhau trong sunagogei hay các nhà hội, để cầu nguyện, ngợi khen và đọc Kinh Thánh.

Đây là một điểm nhấn độc đáo trong Giê-rê-mi, thế nên chúng ta mới gọi ông là vị tiên tri thuộc linh. Ông giải phóng họ khỏi mọi lễ nghi bề ngoài để đến khi họ mất nó, bị tách khỏi tất cả những điều đó, họ vẫn còn là dân của Đức Chúa Trời. Thật là một ý hay phải không? Ông là vị tiên tri duy nhất có thể thấy trước rằng họ sẽ phải tìm một dạng thức tôn giáo không có đền thờ và các vật dụng trong đó.

Điều độc đáo tiếp theo là ông thật sự nhấn mạnh rằng trong giao ước mới, Chúa sẽ xử lý từng người một, Ngài không xử lý các nhóm người, cả một dân mà Ngài lập giao ước này với từng người, không phải với cả một dân. Đó là một trong những đặc điểm nổi bật của Giao ước Mới khi nó xuất hiện trong Tân Ước, nhấn mạnh vào từng cá nhân. Đức Chúa Trời yêu thương thế gian và Ngài sai Con Một của Ngài, để cho "hễ ai"... Chúa Giê-su liên tục nói rằng "nếu ai" theo Ta - mỗi một người, đó là một điểm nhấn. Trước đó, người ta nghĩ rằng Chúa nhìn họ theo toàn thể - "dân Ta," nhưng điều đó phải thay đổi. Tuy Chúa trừng phạt họ như một dân nhưng khi họ quay trở lại từ chốn lưu đày, Chúa sẽ xử lý từng người một; Ngài thực sự khẳng định như vậy ngay trước khi phác thảo Giao ước Mới. Để tôi tìm đọc đoạn đó cho bạn nghe.

"Trong những ngày đó," là khi các ngươi trở lại đây, "trong những ngày đó, người ta sẽ không còn nói: 'Ông cha ăn trái nho chua mà con cháu bị ghê răng.' Nhưng mỗi người sẽ chết vì tội ác của chính mình; ai ăn trái nho chua thì người ấy bị ghê răng."

Đó là sự thay đổi hoàn toàn vì chắc hẳn bạn đã để ý thấy trong Cựu Ước, Chúa hay xử lý họ theo tập thể và Ngài nói: *Tội lỗi của thế hệ này có thể tiếp tục ảnh hưởng tới đời thứ ba và thứ tư; ông cha phạm tội có thể khiến con cháu phạm tội, ông cha ăn trái nho chua thì con cháu bị ghê răng. Không còn như vậy nữa!* Ông nói: *Trong Giao ước Mới, Chúa sẽ xử lý từng người một cách cá nhân về tội lỗi của chính họ*, và Tân Ước đã tiếp thu điều này. Giao ước Mới là một giao ước cá nhân với từng thế hệ một. Nên tôi mới nói là Chúa không có cháu, chắc chắn là không trong Giao ước Mới, anh không thể thừa kế một chỗ trong vương quốc dù cha mẹ anh ở trong đó, Chúa đối cùng anh như một cá nhân, và chính anh cần phải bước vào.

Điều đó có ngụ ý sâu sắc, thậm chí là với những điều như báp-tem chẳng hạn. Trong Giao ước Mới, những điều này dành cho từng cá nhân và mỗi người phải tiếp nhận đức tin cá nhân vào Đức Chúa Trời, nếu không thì họ không thể vào vương quốc. Chắc chắn là anh không thể sinh ra đã được vào trong đó, anh chỉ có thể sinh lại để vào đó. Ngụ ý của tất cả những điều này có tầm ảnh hưởng sâu rộng.

Ê-xê-chi-ên, người đến sau Giê-rê-mi, đã tiếp thu chính điểm nhấn này. Ông nói cùng một điều như vậy, rằng mỗi người sẽ bị phán xét vì tội lỗi của chính mình chứ không ai khác. Thế nên trong Tân Ước, vào Ngày Phán xét, các bạn không thể đứng theo nhóm, các bạn không thể đến theo gia đình, các bạn không thể đến như một hội chúng, mỗi người phải đứng một mình và chỉ khai trình tội lỗi của chính mình, bạn không được khai trình cho bất cứ ai khác. Vậy là Chúa chuyển từ xử lý cả một dân đến xử lý từng người và điều này được nhắc đến lần đầu trong Giê-rê-mi, sau đó được Ê-xê-chi-ên nhắc lại. Toàn bộ Tân Ước dựa trên hiểu biết đó.

Điểm nhấn độc đáo thứ ba là về phương diện chính trị. Hơn tất cả những tiên tri khác, thậm chí là hơn cả Ê-sai, Giê-rê-mi đưa ra những lời khuyên về chính trị cho những người cai trị Y-sơ-ra-ên vì khi Y-sơ-ra-ên co cụm lại và sắp sửa biến mất, họ cố sức lợi dụng cường quốc này để đấu lại cường quốc khác, và hết lần này đến lần khác, ông nói: *Các ngươi tìm đến Ai Cập cũng chẳng ích gì, chúng mạnh đấy nhưng cũng không thể bảo vệ các ngươi, vì Ba-by-lôn sẽ đánh bại cả chúng nữa*. Ông nói: *đừng nên chống trả Ba-by-lôn vì nếu các ngươi làm vậy, Chúa sẽ sai chúng đến chinh phục các ngươi và các ngươi sẽ thua*. Ông nói: *Ta khuyên các ngươi nên đầu hàng Ba-by-lôn, hợp tác với chúng, thỏa thuận được những điều khoản có lợi nhất cho việc đầu hàng.*

Tất nhiên, những vua cuối cùng của Y-sơ-ra-ên coi đó là phản quốc - đề nghị đầu hàng, thậm chí còn không cố bảo vệ Giê-ru-sa-lem. Ông nói: *Hãy ra hàng thì các ngươi có thể giữ được thành, nhưng nếu các ngươi cố chống trả những người Ba-by-lôn này, cả thành sẽ bị phá hủy, nó sẽ đổ nát hoàn toàn. Nên hãy chào đón người Ba-by-lôn, hãy hợp tác với họ, hãy nói: Vâng, chúng tôi không ngại sống dưới quyền các anh nhưng hãy thỏa thuận một số điều.* Nhưng họ không nghe, và lời khuyên chính trị của ông bị hết vua yếu này đến vua yếu khác khước từ; ông bị gọi là tên phản quốc. Thậm chí ông còn nói: *Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn sẽ đến như đầy tớ của Đức Chúa Trời.*

Bạn có thể tưởng tượng được rằng vào năm 1939, có người nói rằng: *Adolph Hitler là đầy tớ Chúa, hãy hợp tác với ông ta, thỏa thuận những điều khoản tốt nhất có thể* không? Kiểu nói đó - vâng, rõ ràng là sau khi Churchill trở thành Thủ tướng, chắc chúng ta sẽ phát hoảng với kiểu lời khuyên như vậy. Nhưng đó là lời mà Giê-rê-mi phải nói, một lời không dễ nói vì cứ như thể ông đang về phe quân Ba-by-lôn vậy. Ông chủ trương đầu hàng quân Ba-by-lôn, ấy là khi ông đeo cái ách lên vai, đi vòng quanh Giê-ru-sa-lem và nói: *Các ngươi phải chấp nhận cái ách của Ba-by-lôn*; trước khi quân Ba-by-lôn đến thì đó là một sứ điệp khủng khiếp. Vì sứ điệp đó nói rằng *các ngươi phải chịu bị chiếm đóng* như người Việt phải chịu ách đô hộ của Pháp chẳng hạn, không dễ dàng gì với họ.

Nỗi thống khổ của Giê-rê-mi

Đó là những điều độc đáo mà ông đã nói. Khi vua Ba-by-lôn đến, thực ra là ông ta đề nghị đưa Giê-rê-mi vào danh sách danh dự. Bạn có thể tưởng tượng được những người Do Thái khác sẽ cảm thấy thế nào về điều đó không? Khi vua Nê-bu-cát-nết-sa nói: "Xin đứng dậy thưa Ngài Giê-rê-mi, Ngài đã giúp chúng tôi," điều đó dẫn tới cái mà tôi gọi là sự ngược đãi Giê-rê-mi, có lẽ bạn có thể hiểu được. Hãy nhớ này, điều đó bắt đầu ngay từ quê hương ông. Thật thú vị khi những người đầu tiên cố gắng giết Giê-rê-mi lại chính là họ hàng của ông tại A-na-tốt, nên ông mới phải chuyển nhà. Họ bày mưu ám sát ông vì danh dự của gia đình bị tổn hại khi cậu thiếu niên này cứ đi khắp nơi và làm náo loạn cả thành Giê-ru-sa-lem. Cả nhà nổi giận với gã trai trẻ này: *mày đến làm chúng tao gặp rắc rối với vua mất thôi*, và thực ra là họ đã bày mưu giết ông. Khi đó Chúa cho ông một lời nho nhỏ: *Ta chỉ đang huấn luyện con cho những điều còn tệ hơn thế nữa.* Ôi thật là ấm lòng! *Điều này giúp con sẵn sàng cho những rắc rối lớn hơn nhiều*, tất cả đều được chép trong sách. Nên từ đó trở đi, ông bị gắn cho cái mác phản quốc. Ông bị các tiên tri khác chối bỏ vì họ là tiên tri giả, bị các thầy tế lễ chối bỏ vì nói nghịch cùng công việc của họ, cùng đền thờ và sinh tế; ông bị các vua chối bỏ vì là kẻ phản quốc, và bị dân chúng chối bỏ. Người ta lập mưu ám sát ông hết lần này đến lần khác, tuy không lần nào thành công nhưng đã hơn một lần ông suýt mất mạng.

Ông bị một thầy tế lễ, Pha-ru-sơ đánh và bị bỏ tù, ông cũng bị tống vào ngục tối. Vào những dịp khác, ông bị cùm lại, tay chân bị khóa trong cùm và ông phải đeo gông, chúng đeo gông sắt vào cổ ông, và cuối cùng thì ông bị đẩy xuống một cái hố, kiểu như một cái giếng sâu hình cái lọ có cổ thắt nên nước không bay hơi được. Người ta từng chứa nước trong những cái hố đó. Kết quả là khi lấy nước ra thì chỉ còn lại bùn lắng ở dưới đáy. Cái hố trống giống như cái lọ cổ thắt có lỗ nhỏ ngang mặt đất, và có khoảng mét hai hoặc mét rưỡi bùn lầy ở dưới đáy.

Bạn vẫn có thể thấy những cái hố đó, có rất nhiều trên đỉnh Masada, bạn có thể thấy chỗ bùn mà nước để lại dưới đáy. Chúng ném ông xuống cái đó và ông thấy mình ngập đến cổ trong bùn lầy. Bạn có thể tưởng tượng được trong nơi tối tăm đó, chỉ thấy ánh sáng qua cái lỗ nhỏ ở tít trên đầu, và cứ phải đứng không? Ông không thể ngồi xuống, ông phải đứng suốt, nếu không ông sẽ bị ngập trong bùn. Thực ra là một người ngoại quốc, không phải người Y-sơ-ra-ên, một người ngoại quốc đã dòng

sợi dây xuống và nói: *Hãy quấn dây quanh hai khuỷu tay của ông, tôi sẽ kéo ông lên.* Một người ngoại quốc đã thương hại ông và kéo ông ra khỏi cái hố.

Ông thường phải lẩn trốn. Có vài người còn lại tại Giê-ru-sa-lem muốn xin ông lời khuyên. Cuối cùng, ông bị những người Do Thái bắt đi và trốn sang Ai Cập khi quân Ba-by-lôn đến, ông qua đời tại đó. Cái chết của ông không được chép trong Kinh Thánh; ông chết trong quên lãng, chẳng mong rằng mình sẽ nổi tiếng thế giới và rằng chúng ta sẽ nói về ông vào 2000 năm sau hoặc hơn nữa. Một câu chuyện buồn.

Vì tất cả những điều này mà ông được gọi là vị tiên tri than khóc. Ông chẳng phải là một người vui vẻ, làm sao mà vui vẻ được? Nỗi khốn khổ của ông cứ xuất hiện hết lần này đến lần khác, và trong bài nói chuyện tiếp theo, tôi sẽ nói về cả một sách mà ông khóc từ đầu tới cuối, sách được viết trong nước mắt. Cuốn sách mang tên Ca thương. Nhưng ngay cả trong chính sách này, cuộc đời đau khổ của ông cũng được bày tỏ, ông không ngại để chúng ta biết ông đã cầu nguyện thể nào trong những hoàn cảnh đó, ông giãi bày những gì sâu kín nhất. Ông thổ lộ những cảm xúc của mình và ông chịu tổn thương sâu sắc; đây chẳng phải là một người mặt dày không để ý đến những gì người ta nói về mình. Đây là một con người rất nhạy cảm và ông chịu tổn thương sâu sắc vì ông bị chính gia đình, chính dân mình coi là kẻ phản quốc, vì mọi tiên tri đều chống lại ông, mọi thầy tế lễ đều chống lại ông, mọi vua đều chống lại ông.

Sự cô độc chính là điều mà người này phải chịu đựng. Những đau đớn trong thân thể đã đủ tệ rồi, nhưng ông không chỉ cảm thấy bị con người kìm kẹp mà cảm thấy bị Đức Chúa Trời kìm kẹp. Đó mới là nỗi đau thật sự, nỗi khổ thật sự. Ông cảm thấy như thể Chúa không cho ông lựa chọn nào khác, Chúa đã kêu gọi ông tới điều này và kẹp chặt ông vào nó, bằng một cách nào đó, Chúa đã kìm kẹp ông vào chức vụ này; và ông nói trắng ra rằng ông căm ghét nó, ông đã kêu cầu Chúa về nó. Nỗi đau về tinh thần và cảm xúc được bộc lộ từ nỗi cô độc và chối bỏ này. Một trong những điều tội tệ nhất là thế này, Chúa phán: *Ta cấm con cưới vợ, Giê-rê-mi ạ, vì nếu con làm vậy, con sẽ phải thấy các con mình chết đói khi quân Ba-by-lôn kéo đến.*

Đây là một cách khác để ông truyền đạt sức điệp của mình. Ông sẽ nói rằng: *Ta không bao giờ cưới vợ và ta sẽ chẳng sinh con vì Ta sẽ không để con cái ra đời vào lúc này, nếu không ta sẽ phải nhìn chúng chịu khổ.* Một sứ điệp mạnh mẽ, nhưng nó nghĩa là ông thậm chí còn chẳng có một người vợ để đồng hành. Chúa dùng các tiên tri và hôn nhân của họ một cách thật thú vị để truyền đạt sứ điệp. Ví dụ, Ngài bảo Ô-sê đi cưới một gái điếm để từ kinh nghiệm đó, ông có thể giảng về cảm giác của Ngài về một người vợ không chung thủy. Rồi Chúa bảo Ê-xê-chi-ên rằng: *Ê-xê-chi-ên à, mai vợ con sẽ chết và con không được khóc, vì vợ Ta sắp chết và Ta sẽ không khóc cho nó.* Ê-xê-chi-ên đã phải trải qua điều này. Còn đây là Giê-rê-mi, ông phải sống độc thân cả đời.

Như vậy, Chúa bảo những con người này rằng đời sống họ phải phản ánh sứ điệp của họ và họ phải sống theo đó. Bằng cách này, Chúa có thể truyền đạt cảm xúc của Ngài với họ. Giê-rê-mi cảm thấy rất cô độc và bị kìm kẹp, và ông nói rằng khi ông cảm thấy bị kìm kẹp nhất: “Lạy Đức Giê-hô-va, con biết con đường của loài người đi không do họ làm chủ, họ không thể điều khiển các bước chân của mình.” Một trong những phân đoạn xé lòng mà ông kêu lên: C*húa ơi, Ngài đã giao cho con một nhiệm vụ vô vọng.* Một trong những tiếng thở than rất hay được trích dẫn của ông là: *Nếu con định rằng con sẽ chẳng bao giờ nói về Chúa nữa thì có ngọn lửa âm ỉ thiêu đốt trong xương con; con mệt mỏi vì nín lặng và con không sao chịu được.* Người đàn ông khốn khổ đó nghĩ rằng *Mình sẽ không*

bao giờ giảng thêm một bài nào nữa. Nhưng ông lại nghĩ: *Nhưng mình không thể đừng được, nó cứ thiêu đốt trong xương mình; mình phải nói ra thôi.*

Đó là cái kìm mà ông thấy mình bị kẹp trong đó, rằng ông thực sự không còn lựa chọn nào khác vì lòng của ông cháy bỏng cho Chúa và thậm chí khi ông quyết định không bao giờ giảng thêm nữa, ông lại thấy chính mình ra đường giảng thêm. Thực ra thì ông không thực sự bị Chúa bắt ép; Chúa chẳng bao giờ bắt ép ai, nhưng bạn có thể hiểu được cảm giác rằng ông bị kìm kẹp. Tôi đoan chắc rằng trên thiên đàng ông đang nói rằng: *Thật đáng để làm như vậy*. Nhưng lúc đó thì ông chẳng cảm thấy thế, đúng không? Lúc đó cảm giác như Chúa đang kìm kẹp mình, dồn mình vào chân tường và bắt mình làm điều gì đó; nhưng phải có ai đó làm điều này.

Nhưng đời sống cầu nguyện của ông khá độc đáo. Tôi không có thời gian để đi chi tiết nhưng nếu đọc những lời cầu nguyện của Giê-rê-mi, bạn sẽ thấy bảy lời cầu nguyện từ đầu đến cuối mà ông đã ghi lại đúng những gì ông nói với Chúa cùng sự chân thật miễn bàn của con người này, rất chân thật. Cảm thấy thế nào thì ông bảo Chúa đúng như vậy; bạn nên làm thế vì bạn biết đấy, dù sao thì Chúa cũng biết tỏng rồi, sao phải nói những điều không thật với Ngài cơ chứ? Sự chân thật đóng vai trò quan trọng trong lời cầu nguyện. Một trong những trường hợp kinh điển mà tôi bắt gặp, vâng, là một bức thư tôi nhận được từ một người phụ nữ tại Harari, Nam Phi. Không biết bạn có biết người này không. Nhưng bà gặp một vụ tai nạn xe hơi kinh hoàng và trong nhiều năm, bà cực kỳ đau đớn; càng ngày càng nặng hơn. Một đêm nọ, bà đang đi vào phòng ngủ sau ba tiếng không ngủ được, và bà nguyền rủa Chúa trong ba tiếng, nguyền rủa Ngài trong ba tiếng vì những đau đớn trong ngần ấy năm sau vụ tai nạn xe hơi. Bà bị vấp vào tấm tảm, ngã trên giường và bất tỉnh. Sáng hôm sau tỉnh dậy, mặt trời chiếu thẳng qua cửa sổ vào mắt bà và bà nghĩ mình đã lên thiên đàng. Bà run lẩy bẩy luôn và nghĩ bụng: *Mấy tiếng cuối sống trên đất mình chỉ có nguyền rủa Chúa thôi*, rồi bà nhận ra là đó là ánh nắng; bà thấy có cảm giác ở hai tay và chúng vẫn còn đó, bà thấy có cảm giác ở hai chân và chúng vẫn còn đó. Bà nghĩ: *Lạ nhỉ*. Rồi bà ra khỏi giường, không còn đau đớn gì nữa và bà chạy quanh phòng ngủ. Rồi bà chạy ra đường, bà chặn người ta trên đường để kể cho họ, rồi bà đến gặp bác sĩ, và khi bà vào phòng mổ, bác sĩ hỏi: *Ôi, sáng nay trông bà hoạt bát hẳn lên nhỉ*. Bà nói: *Vâng, Chúa Giê-su đã chữa lành cho tôi*. Bác sĩ nói *Ngợi khen Chúa* - ông cũng là Cơ Đốc nhân. Ông hỏi: *Ngài chữa lành cho bà thế nào vậy?* Bà đáp: *Thì tôi nguyền rủa Ngài trong ba tiếng.*

Chúa có thể chấp nhận thử thách. Hãy cứ tranh luận với Chúa như Ha-ba-cúc đi. Bạn sẽ chẳng bao giờ thắng được đâu; nhưng Ngài thích người ta tranh luận với Ngài. Ngài muốn biết bạn thật sự nghĩ gì, thật sự cảm thấy thế nào; rồi Ngài nhẹ nhàng và kiên nhẫn nắn sửa bạn. Bạn nghiên cứu cuộc đời Giê-rê-mi với mọi sự bất hạnh, mọi cảm giác bị Chúa kìm kẹp trong chức vụ này, với mọi sự cô lập và cô độc vì mọi người đều chống lại mình, và không thể có một người vợ kề vai sát cánh. Trong tất cả những điều đó, người này cầu nguyện với Chúa; ông thật khốn khổ nhưng ông nói với Chúa đúng như vậy và tranh luận với Ngài. Mỗi khi bạn cảm thấy như vậy, thấy mình bị kìm kẹp, bạn biết đấy... Có lẽ là bạn là người giảng đạo và bạn cảm thấy *Mình không muốn giảng thêm nữa nếu người ta cứ đối xử với mình như vậy* thì hãy đọc những lời cầu nguyện của Giê-rê-mi, bạn sẽ thấy mình bước tiếp.

SÁCH CA THƯƠNG

Giới thiệu

Thật thuận lợi khi nghiên cứu xong sách *Giê-rê-mi*, xem xét ngay đến sách *Ca Thương*. Hai sách được đặt cạnh nhau từ đầu trong Kinh Thánh, chính vì *sự than khóc của Giê-rê-mi*. Đây là một trong những sách buồn nhất, có thể đặt cạnh sách *Gióp*. Nhưng *Gióp buồn vì thảm kịch cá nhân* còn *Giê-rê-mi khóc than cho thảm họa của cả dân tộc*, cho đất nước ông, đặc biệt cho Giê-ru-sa-lem, thành mà ông yêu quý. Sách được viết trong nước mắt.

Tôi nhớ lại đã nhận được thư của một người mà sau khi trở thành Cơ Đốc nhân, anh đến sống tại một đất nước bắt bớ Cơ Đốc nhân tàn ác. Họ đốt nhà anh, đốt cháy vợ con anh trong đó. Trên lá thư anh gửi, tôi thấy rõ nước mắt anh rơi trên trang giấy, màu mực xanh nhòe đi khắp các dòng chữ viết. Thế nhưng anh đã có thể viết cho tôi: "*Tôi tha thứ cho họ vì Đấng Christ đã tha thứ cho tôi.*" Đó là một đất nước mà chính bạn hoặc gia đình có thể mất mạng khi trở thành một người tin Chúa Giê-su. Đó cũng là cảm nhận khi đọc *Ca Thương*, có thể hình dung những giọt nước mắt rơi trên trang giấy. Con người này đang dốc đổ nỗi lòng sầu khổ của mình.

Trong bản dịch tiếng Hy Lạp, sách được gọi là *"Những dòng lệ."* Còn trong bản Hê-bơ-rơ, được gọi đơn giản là *"Ôi!,"* vì đó là từ đầu tiên ghi trên cuộn giấy da. Gốc La-tinh của từ *Lamentation (Ca thương)* trong tiếng Anh, cũng là một từ chỉ *nước mắt*. Như vậy, đây là một sách rất buồn. Khó khăn lắm mới có thể thấy vài lời an ủi. Sách được viết khi ông chứng kiến thành Giê-ru-sa-lem bị tan hoang. Nếu được xem phim ảnh về Hiroshima bị tiêu hủy bởi bom nguyên tử, sẽ đồng cảm được với Giê-rê-mi khi nhìn vào cảnh tượng Giê-ru-sa-lem bị thiêu rụi hoang tàn. Còn tới một trận vây hãm cuối cùng khủng khiếp nữa, những người mẹ ăn thịt chính con mình, họ ăn nhau thai của những người phụ nữ mới sinh. Dân sót lâm vào cảnh tuyệt vọng, Mọi thứ quá ư buồn thảm. Nên ông mới khóc than.

Giê-rê-mi là một thi sĩ, hầu hết những lời tiên tri của ông đều ở thể thơ. Ông cũng có khướu âm nhạc, ông còn sáng tác những bài ca. Vốn có một mối liên hệ kỳ lạ giữa tiên tri và nghệ thuật, tinh thần tiên tri truyền cảm hứng cho thơ ca và âm nhạc. Khi *Xa-cha-ri* nói tiên tri, ông đã bảo người ta chơi nhạc để ông dễ mở lời. Ê-*xê-chi-ên* cũng làm như vậy. Cả *Đa-vít* nữa, vị tiên tri vĩ đại sau *Môi-se và Ê-li*, lúc hấp hối ông đã cảm tạ Chúa vì cho ông là một tiên tri và là *"kẻ hát êm dịu của Y-sơ-ra-ên."* Khi cần chọn nhạc trưởng cho hoàng cung, ông luôn chọn một tiên tri. Các bạn thật nên làm như vậy! Tại hội thánh nơi tôi lớn lên từng có một câu như châm ngôn rằng: "*Nếu ma quỷ muốn vào hội thánh bạn thì nó sẽ vào ca đoàn,"* đó là khi âm nhạc vượt ngoài tầm kiểm soát thuộc linh và trở nên chuyên nghiệp, nó không còn phục vụ Chúa nữa. Nên Đa-vít mới cẩn thận nghĩ rằng: "*Mình muốn người ca hát là những nhà tiên kiến."* Những người như A-sáp được Đa-vít chọn làm nhạc trưởng vì ông có ơn tiên tri và có thể thấy nhiều điều trong nhạc thánh theo cách của Chúa. Thật phước hạnh nếu hội thánh của bạn có những nhạc công có ơn tiên tri và thấy nhiều điều từ góc nhìn của Chúa! Tiếc là chúng ta đã cho những Cơ Đốc nhân trẻ và thiếu kinh nghiệm điều khiển âm nhạc trong hội thánh. Quá sai luôn, họ chưa đủ trưởng thành để thấy điều Chúa muốn từ âm nhạc. Họ thật không xứng hợp.

Giê-rê-mi cũng có sáng tác *một bài ca thương khác*, sách *Sử Ký* nhắc đến nó. Đó là vào lúc vị vua nhỏ tuổi *Giô-si-a* làm ngược lại lời của Chúa, *cậu* tưởng rằng có thể đánh bại quân Ai Cập, để cuối cùng bị giết tại Mê-ghi-đô. Cũng như Đa-vít khóc thương Sau-lơ và Giô-na-than khi hai người bị giết tại trận chiến chống quân Phi-li-tin, *Giê-rê-mi đã sáng tác một ca thương* để cả nước hát lên

khi vị vua nhỏ tuổi Giô-si-a băng hà, trong đó ông nói rằng lời hứa về thời trị vì của cậu bị chấm dứt trước kỳ định. Vậy là Giê-rê-mi đã quen viết những bản ca thương.

Trong bản Ca Thương lớn này, ông đã viết những gì tận mắt chứng kiến. Giê-rê-mi đứng đó, nhìn những tòa nhà đổ nát và những con đường trống trải trong thành. Mọi người đã bị đày đi cả, người Ba-by-lôn đã tha cho ông ở lại. Có thể nghe thấy tiếng ông nói với lác đác người còn sót lại: "Chuyện này chẳng là gì với các ngươi sao, những kẻ qua đường kia. Các ngươi không xúc động trước cảnh tượng kinh khiếp này sao?" Vì trong xứ vẫn còn sót lại ít người rải rác, ông thấy họ vơ vẩn đi qua. Sách đã mở đầu như vậy. Đây là một bài ca thương đầy ấn tượng. Ông nói: "Hãy nhìn đi, xem đi, nhìn mà xem, chẳng lẽ cảnh này không chạm tới đáy lòng các ngươi sao?"

Cấu trúc của sách

CA THƯƠNG

I. THẢM HỌA
'CÔ'
Chữ viết đầu ~ 22 câu - 3 dòng một - mỗi dòng một chữ

II. NGUYÊN NHÂN
'ANH ẤY'
Chữ viết đầu ~ 22 câu - 3 dòng một - mỗi dòng một chữ

III. NGUYỀN RỦA
'TÔI'
Chữ viết đầu ~ 22 câu - 3 dòng một - mỗi dòng một chữ

IV. HẬU QUẢ
'HỌ'
Chữ viết đầu ~ 66câu - 3 dòng một - ba dòng một chữ

V. KHÓC THAN
'CHÚNG TA'
Không chữ viết đầu ~ 22 câu - 2 dòng một - mỗi dòng một chữ

Xét trên một khía cạnh, mọi thứ đều được sắp xếp một cách có chủ ý. Bởi sách được sáng tác chứ không chỉ là ghi lại cảm xúc tuôn trào. Sách được trình bày rất cẩn thận. Lần đầu tiên thấy việc chia chương đúng chỗ. Sách gồm *năm bài ca thương*, năm bài hát liên kết với nhau rất gắn bó. Ở đây có chút mâu thuẫn: một mặt ông đang giãi bày cách rất tự nhiên cảm xúc của mình về thành này, nhưng mặt khác, khi kết cấu chúng lại là ông có một chủ kiến, không buông thả tự nhiên được.

Ông dùng thi pháp *thể thơ chữ đầu*. Đây là luật thơ Hê-bơ-rơ *dùng các chữ trong bảng chữ cái* làm khung cho bài thơ. Bốn trong năm bài củ sách theo *thi pháp* này. Cụ thể là mỗi bài có 22 câu, hoặc bội số của 22, tức là có thể tăng 2, 3 lần *đơn vị 22 câu*. Vì bảng chữ cái Hê-bơ-rơ chỉ có 22 ký tự, và *toàn là phụ âm*. Còn tiếng Việt có 29 ký tự, gồm cả *nguyên âm* và *phụ âm*. Có nhiều khác biệt giữa hai ngôn ngữ này, thí dụ, muốn phiên âm chữ *"Nước"* của tiếng Việt cho người Do Thái đọc, vì họ chỉ có phụ âm nên chỉ chọn được hai phụ âm *N-C*, như thế sẽ cho ra một âm lơ lớ: "nờ-cờ = *nóc*."

Bài thơ đầu có 22 câu, mỗi câu mở đầu bằng một chữ cái. Mỗi câu có 3 dòng như một tiểu đoạn. Câu thứ nhất, dòng đầu tiên bắt đầu bằng *chữ cái đầu tiên,* hai dòng sau được tự do. Rồi câu thứ hai tiếp theo, cũng theo khuôn khổ ấy, dòng đầu bắt đầu bằng *chữ cái thứ hai,... Thể thơ chữ đầu* là như vậy. *Bài thứ hai* có độ dài như bài thứ nhất. Nhưng *bài thứ ba* dài hơn, gấp ba lần, có 66 câu, luật thơ có quy định thêm: Từng cụm "ba câu" *đều bắt đầu bằng một chữ cái,* mà mỗi câu có ba dòng(tiểu đoạn), nên bài dài gấp ba. *Bài thứ tư* trở lại với 22 câu, nhưng mỗi câu chỉ có hai dòng, dòng 1 sẽ lại bắt đầu với các chữ cái trong bảng. *Bài cuối* duy nhất không theo các chữ trong bảng chữ cái, không theo thể chữ đầu. Nhưng bài đó vẫn có 22 câu. Như vậy là ở đây có kiểu cấu trúc không tự nhiên, có điều gì đó chắc đã được suy nghĩ thấu đáo.

Tại sao Giê-rê-mi lại dùng thể thơ chữ đầu để sáng tác Ca Thương?

Để thử nghiệm thi pháp này, tôi tự hỏi tại sao ông lại dùng một biện pháp lạ lùng như *dùng bảng chữ cái* để giãi bày cảm xúc của mình? Tôi tự hỏi: "Làm như thế có dễ nhớ hơn không?" Câu trả lời là *Có thể*. Rồi tôi nghĩ: "Hay đây là một kiểu giãi bày nỗi sầu khổ *bao trùm*, nỗi sầu khổ "*từ a tới z"* của ông, như thể ông đang nói *"Như alpha và omega,"* từ đầu tới cuối, một nỗi sầu khổ bao trùm? Rồi tôi lại nghĩ: "Không, có vẻ không hợp lý lắm khi xét đến mọi cung bậc cảm xúc của ông." Tôi quyết định thử làm một thí nghiệm nhỏ. Tôi lấy giấy và viết 26 chữ trong bảng chữ cái tiếng Anh: A,B,C,D,E,F,...rồi tự hỏi: *"Không biết điều này có giúp tôi thể hiện sự dạy dỗ và chủ đề của Ca Thương không?,"* "*Không biết bảng chữ cái có giúp người ta giãi bày khi họ không thể diễn tả thành lời không?"* Thử nghiệm đã phát hiện ra; *"Đúng là như vậy."* Tôi chỉ mất chưa đến hai phút để viết Ca Thương của Giê-rê-mi theo bảng chữ cái tiếng Anh.

Điều mới nhận ra là: "Có lẽ đây là lý do ông dùng đến biện pháp này, vì ông thấy quá khó để diễn tả cảm xúc thành lời đến nỗi ông phải dùng trình tự của viết bảng chữ cái dẫn dắt." Tôi cũng phát hiện ra rằng sẽ dễ hơn nhiều nếu sáng tác một bài ca thương khi bạn bắt đầu từ bảng chữ cái. Vì cách này sắm sẵn những từ mà bạn có thể sử dụng. Tôi vừa nói rằng tôi viết bài này chỉ trong một phút rưỡi. Tôi không nói là nó hay, nhưng tôi phát hiện ra rằng ý tứ cứ thế tuôn ra vì những chữ cái đó *cho tôi một điểm tựa để suy nghĩ.* Kết quả thử nghiệm này như tóm tắt toàn bộ sách Ca Thương. Vậy là tôi viết: A,B,C,D,…, cứ thế mà viết ra. *(Sau đây là bản dịch* thơ chữ đầu *theo bảng chữ cái 29 chữ của tiếng Việt A,Ă,Â,B,C,D,Đ,E,Ê,I…:)*

Ai ơi có thấu
Ăn miếng cơm này
Âm thầm đổ lệ
Bởi lòng đắng cay

Cả thành hoang vắng
Dân chúng còn đâu
Đày đi hết cả
E chẳng quay đầu

Êm ấm ngày xưa
Giờ tan mây khói
Hồn tôi nát vụn
Im chẳng cất lời

Khóc than sầu tủi
Lau dòng lệ tuôn
Mắt nhòa đẫm nước
Nghiền ngẫm nỗi buồn

Ỏn ẻn cất lời:
"Ôi Chúa chí tôn
Ơn Ngài cao cả
Phục hồi dân con
Qua cơn đại họa

Rồi đây họ sẽ
Sung sướng ngập tràn
Thấy Ngài yêu họ
Ủi an muôn phần

Ửng hồng đôi má
Vì thấy hồng ân
Xua tan giặc giã
Yêu Ngài vô ngần."

Tôi phát hiện ra rằng mình đã nêu được mọi cung bậc trong Ca Thương, và việc viết theo bảng chữ cái ra giúp tôi làm được như vậy. Tôi cảm giác mình hiểu tại sao ông lại dùng bảng chữ cái, ông muốn diễn tả cảm xúc của mình trên giấy nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Vậy là ông viết bảng chữ cái ra và nghĩ: "*Cái này giúp mình có thể chấp bút.*" Tôi chỉ cảm thấy rằng, có thể là tôi sai, nhưng tôi chỉ cảm thấy rằng: "*À, chắc đây là lý do khiến ông làm như vậy, nó giúp ông thổ lộ được và nghĩ ra một từ bắt đầu bằng chữ cái tiếp theo để viết tiếp.*" Vâng, còn bạn nghĩ sao thì tùy.

Chúng ta *cần nhớ quá khứ* để rút ra bài học từ đó. Một câu hỏi khác đặt ra: *"Tại sao ông lại viết tất cả những điều này?"* Ông muốn những người khác khóc cùng mình khi hát những bài ca này. Ông muốn gửi chúng cho những người đã bị đày đi xa để họ cũng có thể giãi bày cảm xúc của mình. Một trong những điều cần thiết nhất khi bị trải qua thảm họa là phải được giãi bày cảm xúc mình ra. Thật tàn nhẫn khi nói về một tang quyến rằng: "Ôi, bà ấy dũng cảm quá, bà ấy không hề rơi lệ." Quá sai lầm, chúng ta cần giúp người ta khóc lên được cho nhẹ lòng.

Cả người Do Thái lẫn người Công giáo đều giỏi xử lý những tổn thương này. Họ có truyền thống tụ họp lại bên thi hài người quá cố, dễ làm người ta than khóc. Xuyên suốt Kinh Thánh, người ta được khuyến khích là hãy khóc đi: "*Cứ khóc đi, đừng kìm nén làm gì.*" Nhưng *thuyết khắc kỷ (stoicism)* từ Hy Lạp mà ra, được đem dạy trong nhà trường của nước Anh lại truyền bá: "*Chớ có để lộ cảm xúc, hãy kìm nén nỗi đau.*" Tôi e rằng chúng ta đã ngưỡng mộ những người không đổ lệ trong văn minh phương Tây. Điều này đến từ *tư duy Hy Lạp*, không phải là *tư duy Hê-bơ-rơ*.

Có một Phó Tổng thống Hoa Kỳ *đã bật khóc* tại một trong những cuộc tranh cử, tên ông liền bị xóa ngay khỏi danh sách: "Chúng tôi không muốn có một vị Tổng thống sướt mướt." Cũng giống trường hợp Bob Hawke tại Úc, khi trên truyền hình, một phóng viên phỏng vấn ông về cô con gái

nghiện ma túy của ông, ông đã bật khóc. Kể từ đó, những người Úc khó tính đã coi thường ông. Nhưng tại Y-sơ-ra-ên thì khác, một người sẽ không thể làm Thủ tướng nếu ông ta không thể khóc trước mộ của một binh sĩ tử trận. Trong *tư duy Hê-bơ-rơ, biết khóc mới là đàn ông*. Thú vị đúng không? Nên *Chúa Giê-su mới khóc trước đám đông về Giê-ru-sa-lem*, giống như Giê-rê-mi ở đây. Không phải bạn yếu đuối mà là bạn có nam tính khi biết khóc.

Năm bài thơ

Điều đáng chú ý đầu tiên về các bài thơ là *đại từ nhân xưng thay đổi theo từng chương.*

Bài thứ nhất dùng đại từ nhân xưng *"Nàng"* để ám chỉ thành Giê-ru-sa-lem và dân cư của nó. Họ được gọi là các *con gái Giê-ru-sa-lem*. Các thành được coi là giống cái, dân trong thành được coi là giống cái. Trong tiếng Anh cũng có truyền thống này. Ở cuối sách Khải Huyền, Ba-by-lôn được gọi là *"Ả,"* ả kỹ nữ dơ dáy. Còn Giê-ru-sa-lem là *nàng*, *nàng dâu từ trên trời xuống*. - *Bài thứ hai,* tất cả câu chuyện dùng đại từ nhân xưng *"Ngài,"* một bài thơ về Đấng đã gây ra toàn bộ thảm họa này - *Ngài, Đức Chúa Trời*. - *Bài thứ ba,* là bài dài nhất, tất cả nói về chính Giê-rê-mi, dùng đại từ nhân xưng *"Con,"* hoàn toàn mang tính cá nhân. - *Bài thứ tư,* sau đó tầm nhìn của ông mở rộng ra đến các dân và ông nói đến *"Chúng,"* những kẻ đã tấn công thành Giê-ru-sa-lem và dân Do Thái. - *Bài thứ năm*, ông đồng nhất mình với những người đã đi lưu đày nhưng rồi sẽ trở lại vào một ngày nào đó, ông dùng hai từ nhân xưng *"Chúng con."*

Một lần nữa, ta có thể thấy rằng nếu đọc Kinh Thánh cẩn thận, có để ý từng chi tiết, như chỉ để ý đến đại từ nhân xưng thôi, chúng đã là manh mối giúp ta tìm ra nội dung.

Nếu chỉ đọc lướt nhanh Ca Thương từ đầu đến cuối, có thể không để ý rằng sách có *năm chủ đề* khác nhau. Đó là: - Bài thứ nhất gọi là "*Cảnh tượng bi thảm,"* hãy nhìn thành phố đổ nát và các con dân nó. - Bài thứ hai là "*Nguyên cớ."* Ngài đã làm, Đức Chúa Trời đã làm, và Ngài làm vậy vì cớ tội lỗi chúng ta. - Bài thứ ba là "*Chữa lành,"* và ông nhận được ra rằng lòng thương xót Chúa vẫn còn đó, sự thành tín Ngài vẫn còn đó, và ông kêu cầu sự thành tín đó. - Bài thứ tư là "*Kết cục,"* nói về chuyện sẽ xảy đến, kết quả của tất cả những điều này. - Bài thứ năm là "*Tiếng kêu cầu,"* xuất phát từ đáy lòng ông. Ông cầu xin cho tương lai của dân mình. Tất cả năm chủ đề được thể hiện sâu sắc trong những bài thơ rất cảm động. Hãy xem xét *chi tiết năm chủ đề:*

Bài đầu: Cả thành bị vây hãm rồi bị phá hủy, bị hạ đổ ngổn ngang, đền thờ không còn nữa, nhà cửa không còn nữa, dân cư không còn nữa, chỉ còn một đống đổ nát. Trống không, hoang tàn, với những dòng mô tả thật sinh động.

Bài thứ hai: Ông đối mặt với thực tế rằng lẽ ra chuyện này không bao giờ xảy đến. Ông thực sự buồn, vì chuyện này có thể tránh được, thậm chí là nếu người ta nghe ông khuyên giải, nên hàng phục người Ba-by-lôn, đừng cố chống trả, mọi thứ đều không nhất thiết phải như vậy, thì thành này sẽ còn nguyên vẹn. Điều khiến ông đau lòng là ông biết rằng mình đã có thể giúp họ tránh được mọi chuyện. Bài thứ hai này còn bộc lộ nỗi đau tinh thần của Giê-rê-mi, rằng Chúa phải làm điều này vì Chúa hứa làm như vậy. Nhưng Ngài có thể đổi ý nếu như họ biết ăn năn. Cảm giác khó chịu của ông với việc họ đã lãng phí cơ hội mà Ngài có thể ban cho họ được bộc lộ rất rõ trong bài thơ.

Có một ý của chủ đề được nhắc đến trong cả năm bài: *Cơn giận của Đức Chúa Trời*. Có hai loại tức giận trong Kinh Thánh, *sự tức giận ngấm ngầm* và *cơn giận bộc phát*. Ngấm ngầm tức là chỉ im

im không nói ra, nó cháy bên trong và chậm rãi, như dầu sôi liu riu và có thể nó sôi như thế trong một thời gian dài. Bộc phát tức là cơn giận bùng lên và xong ngay. *Cơn giận của Chúa thuộc kiểu nào? Câu trả lời là cả hai.*

Tạm lấy hình ảnh nồi sữa đun trên bếp lửa, người đặt bếp xong rồi quên bẵng đi, khi trở lại thì chỉ còn cái nồi cháy khét lẹt. Nếu họ đứng trông cái nồi thì chuyện cháy sẽ không xảy ra, vì họ sẽ thấy nó sôi liu riu, khi nó sắp sôi bùng lên trào ra, thì họcó thể cứu vãn tình thế. Sự nhắc nhở trong Kinh Thánh về cơn giận của Chúa là: Nếu thấy nó sôi liu riu thì có thể ngăn nó bùng lên. Nhưng nếu không chăm xem Chúa cho cẩn thận, không canh chừng nó sôi liu riu, buông bỏ nó thì sẽ đến độ bùng lên, ắt thảm họa xảy đến.

Điều đó sau này cũng có trong sự dạy dỗ của *Phao-lô* tại *Rô-ma 1* nói về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Ông cũng nói: *"Cơn giận của Chúa đã sôi liu riu,"* và có những dấu hiệu để chỉ ra điều đó. Phao-lô đưa ra những dấu hiệu để canh chừng, một trong số đó là *nạn đồng tính luyến ái gia tăng*, khi người ta đổi cách quan hệ tự nhiên ra cách phản tự nhiên. Một dấu hiệu khác là *hành vi chống đối xã hội* và những *gia đình tan vỡ*. Đó đều là những dấu hiệu cho thấy cơn giận của Chúa đang sôi liu riu với một dân, nó sẽ tiếp tục cho tới khi bùng lên và mọi người sẽ biết rằng Ngài nổi giận. Sách *Khải Huyền* cùng một chủ đề. Vấn đề Giê-rê-mi cảnh báo là: *Khi nó sôi liu riu thì không ai thèm đếm xỉa đến, nên nó mới bùng lên, và khủng hoảng xảy đến.* Chúng ta thật cần nhận biết cảm giác của Chúa để biết khi nào nó sôi liu riu với chúng ta, biết cách để nó không bùng lên.

Bài thứ ba là một bài *mang tính cá nhân*. Trong đây có đoạn rất thú vị trở thành một trong những bài thánh ca yêu thích nhất. Ông nhận ra rằng Đức Chúa Trời đã có thể diệt sạch toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên trong cơn giận của Ngài. Nhưng không, Ngài đày họ sang Ba-by-lôn để họ vẫn sống. Dân chúng không bị diệt sạch, dân đó vẫn là một dân tộc, và ông nói: "*Nhờ lòng nhân từ của Ngài mà chúng con chưa tuyệt." Tuyệt* ở đây là động từ bị tiêu diệt hoàn toàn, tuyệt diệt. *Lòng nhân từ của Chúa* là điều ông ngợi ca trong bài thơ thứ ba. Cơn giận vẫn còn đó nhưng ông ngợi ca lòng nhân từ Ngài. Kìm nén được cơn giận là phẩm chất Cơ Đốc nhân được dạy dỗ từ Ngài, họ nên *rèn tập cảm giác* ấy. Tôi có liên hệ với một người ở Úc, thường nhận được cuộc điện thoại của anh, dựng tôi dậy vào lúc ba giờ sáng. Anh ấy bảo: "Cháu nghĩ là cháu gọi cho bác trước khi bác đi ngủ," lại còn khoe: "Cháu mới mua cái đồng hồ báo được các múi giờ trên toàn thế giới luôn." Tôi hỏi: "*Thế cậu đã cài đặt nó chưa?"*

Lại một trải nghiệm khác của tôi. Đôi khi tôi tỉnh dậy vào buổi sáng và có *cảm giác của một Cơ Đốc nhân*, tôi xuống dưới nhà để pha trà. Vợ tôi ngày nào cũng phải uống trà mới được, trước khi cưới tôi không có thói quen này. Nếu không còn sữa trong tủ lạnh, tôi phải ra khỏi nhà, đi kiếm hai chai sữa mới về. Ngoài đấy lạnh lắm, và tôi không bao giờ làm được thế mà không nghĩ đến một câu trong *Ca Thương chương 3*: "Mỗi buổi sáng, lòng thương xót của Chúa tươi mới luôn," tôi đi vào và điểm nhanh lại lòng thương xót của Chúa trong đầu. Hồi đó tôi vẫn khá sung sức dù đã ở tuổi hưu trí. Đó là lòng thương xót chứ không phải quyền lợi. Tôi có việc để làm, đó không phải là quyền lợi mà là lòng thương xót. Chúng tôi có một mái ấm, đó không phải là quyền lợi mà là lòng thương xót, vì tôi không đáng nhận bất cứ thứ gì trong đó. Bạn có thể nói rằng: "*Cha ơi, mỗi buổi sáng, lòng thương xót Ngài tươi mới luôn, sự thành tín Ngài lớn biết bao!"*

Thế gian sống bởi công lao, công trạng, sống trong *chế độ công trạng* (meritocaracy), làm gì thì được hưởng đó. Nhưng *trong vương quốc thiên đàng*, nền tảng của sự sống là *lòng thương xót*. Thế

gian nói về quyền lợi và giơ nắm đấm lên đòi quyền lợi cho mình. Còn Cơ Đốc nhân nói rằng: "Tôi chẳng có quyền gì cả, tôi chẳng đáng nhận bất cứ điều gì. Điều tôi nhận được là bởi lòng thương xót".*"Mỗi buổi sáng, lòng thương xót của Chúa tươi mới luôn,"* đó là một mệnh đề hay ở ngay giữa bài thơ rất cá nhân về cảm xúc của chính ông. Ông đã có thể vượt qua nỗi sầu khổ khi nhận ra rằng Chúa chưa tuyệt diệt tất cả, và rằng bởi lòng thương xót Ngài, Ngài đã giữ mạng sống của một số người. *"Mỗi buổi sáng, lòng thương xót Ngài lại tươi mới luôn."*

Bài thứ tư, bây giờ là *"họ."* Ông đang *nói về những người khác* chứ không nói về mình. Ông nhớ lại rằng khi dân chúng ăn năn, Chúa có thể chữa được nan đề, nhưng nếu họ không ăn năn thì Ngài phải trừng phạt. Đó là kết cục của việc không ăn năn mà ông thấy được, và ông muốn mọi người đều biết điều này. Ông muốn sứ điệp này *truyền ra ngoài.*

Bài thư năm, ông *kêu cầu*. Bài thơ cuối đơn giản là *một lời cầu nguyện*, nài xin Chúa thương xót để phục hồi dân tộc này, và vào một ngày nào đó đưa họ trở lại xứ mình.

Chủ đề còn lại xuất hiện trong cả năm bài, ngoài *cơn giận và cơn thịnh nộ* của Đức Chúa Trời là *lòng thương xót của Đức Chúa Trời*. Một chủ đề khác cũng xuất hiện xuyên suốt, là từ *"tội."* Gần đây tôi có đọc một phát hiện mà tôi không thể nào tin được. Tôi xác thực lại và thấy đúng như vậy, gần như mọi trang Cựu Ước đều có nghĩa *"tội"* trong đó, khi ở dạng từ, khi ở dạng hành động, nhưng *Cựu Ước chép đầy tội lỗi*. Còn *Tân Ước đầy sự cứu rỗi*, có sự cứu rỗi gần như trong mọi trang. Giê-rê-mi thành thật thừa nhận rằng chính tội lỗi đã gây ra tất cả những điều này, nhưng ông kêu cầu Chúa thương xót. Tội lỗi đáng bị trừng phạt nhưng ông đang kêu cầu Chúa ban cho họ điều họ không đáng nhận - *lòng thương xót* - để phục hồi họ. Thế nên tên sách trong tiếng Anh mới là *Lamentations* - *Những bài ca thương*, ở số nhiều.

Hát Ca thương vào ngày 9 tháng A-bíp

Tới tận ngày nay, toàn bộ sách Ca Thương vẫn được hát lên, mỗi năm một lần tại mọi nhà hội vào một ngày cụ thể, *ngày thứ 9 của tháng A-bíp*, (viết là *A-bíp* nhưng "b" phát âm như âm "v"), tức là *tháng 7 theo Dương lịch*. Vì đó chính là ngày quân *Ba-by-lôn phá hủy đền thờ.* Người Do Thái tưởng nhớ ngày ra khỏi Ai Cập trong Lễ Vượt Qua, tưởng nhớ việc mất đền thờ vào ngày 9 tháng A-bíp. Đến nhà hội, Ca Thương được hát lên với giọng thật thê lương. Khi nghe một Rabbi ca thương, tôi thấy chưa bao giờ được nghe thứ nhạc đi vào lòng người đến thế. Có lần tôi được thỉnh giảng tại *Yad Vashem*, là khu tưởng niệm cuộc diệt chủng Do Thái ở Giê-ru-sa-lem, 6 triệu người Do Thái đã chết trong thế chiến II.

Hàng trăm người Do Thái và Cơ Đốc nhân đứng trong sân ngoài, đối diện với hàng cây tưởng nhớ và những người đã cứu người Do Thái trong cuộc diệt chủng. Mở màn là Mervin Mellor Watson từ Canada đến, hát và chơi violin một bài *ca thương* trong đầy dẫy Thánh Linh. Rồi một Rabbi với bộ râu dài đứng dậy, và ông hát Ca Thương, tôi chưa từng nghe bất cứ thứ gì như thế. Sự hiện diện của Chúa quá mạnh mẽ ngay từ đầu đến nỗi chương trình không thể làm tiếp. Phần tôi, phải kêu lên: "*Tôi không thể giảng lại được."* Một buổi tưởng niệm quá quyền năng. Hát ca thương mang một điều gì đó, dường như cả lịch sử Y-sơ-ra-ên được tái hiện trong bài hát buồn của họ. Ta sẽ nghe thấy bài đó nếu bạn đến một nhà hội vào mỗi tháng 7.

Đáng ngạc nhiên là *ngày 9 tháng A-bíp*, không chỉ là ngày họ *mất đền thờ lần thứ nhất.* Chính trong một ngày giống hệt như vậy vào năm 70 SCN, *Titus* đã đến và *phá tan đền thờ lần thứ hai.*

Ngày mà họ khóc than vì mất đền thờ lần thứ nhất, họ lại mất đền thờ lần thứ hai. Tất nhiên là Chúa Giê-su đã báo trước điều này.

Giê-rê-mi và Chúa Giê-su

Giống như Giê-rê-mi đến cảnh báo họ về lần mất đền thờ đầu tiên, Chúa Giê-su đến để cảnh báo họ về lần thứ hai. Nên Chúa Giê-su và Giê-rê-mi mới hay được đặt cùng nhau đến như vậy. Khi Chúa Giê-su hỏi các môn đồ: "*Theo lời người ta nói thì Ta là ai?*" Họ nói: "*Thì có người bảo Thầy là Giê-rê-mi tái thế, thầy là Giê-rê-mi đầu thai.*" Tại sao người ta lại liên hệ như vậy? Bởi vì chính *Chúa Giê-su đã thực hiện điều đó*. Ngài là *"Đấng chăn nhân lành"* mà Giê-rê-mi đã báo trước: *Ngài là Vua về dòng Đa-vít, là Đấng Cứu chuộc, là Thầy thuốc Đại tài.* Nhưng hơn thế nữa, cuộc đời Giê-rê-mi là một sự tương đồng hoàn hảo với cuộc đời Chúa Giê-su. *"Kẻ thù không ở đâu xa, nhưng ở ngay trong nhà,"* đó là lời Giê-rê-mi, cũng là lời Chúa Giê-su. Vì lần đầu người ta cố gắng giết Ngài là tại ngôi làng nhỏ Na-xa-rét nơi Ngài lớn lên, họ đã cố gắng ném Ngài xuống vách đá. Thật tương đồng một cách kỳ lạ. Chúa Giê-su thoát khỏi năm lần ám hại, còn Giê-rê-mi suýt mất mạng hơn một lần. Năm lần bị ám sát, nhưng Chúa Giê-su thoát cả, vì Ngài đã bảo: "*Giờ của Ta chưa đến.*"

Khi Chúa Giê-su dọn sạch đền thờ, lấy cây roi đánh đuổi những người đã biến đền thờ thành nơi đổi tiền và bán con sinh tế thờ tà thần, Ngài không nói gì ngoài trích lời Giê-rê-mi: "*Sao các ngươi dám biến nhà Cha Ta thành hang trộm cướp!*" Chúa Giê-su là một Giê-rê-mi, và dân chúng đều thấy điều này. Ngài phán với họ: "*Các ngươi ném đá các nhà tiên tri rồi lại dựng bia tưởng niệm họ.*" Ở một giai đoạn, chính Giê-rê-mi đã nói: "*Tôi thấy mình như chiên con bị dẫn đến lò sát sinh*" điều này gợi nhớ đến ai?

Một trong những sự trùng hợp kỳ lạ nhất là đây. Ở phía bắc Giê-ru-sa-lem có một cái hang mà truyền thống Do Thái nhất quyết gọi đó là *hang Giê-rê-mi*, vì họ tin rằng đây là nơi Giê-rê-mi đến để cầu nguyện khi ông đơn độc, đau đớn và đau khổ. Hang này ở trong ngọn *đồi Gô-gô-tha*, ngay gần vườn mộ và mặt hang có hình sọ người. Hang Giê-rê-mi ở ngay gần nơi Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thập giá. Có lần tôi đã ngủ qua đêm ở ngọn đồi đó, tại một cái hang cạnh ngôi mộ, suốt đêm không hề chợp mắt. Đó là một trải nghiệm lạ lùng nhất, nằm trên một cái giường gấp trong hang động gần nơi Giê-rê-mi cầu nguyện, và ngay dưới vị trí thập tự giá xưa, gần ngôi mộ trống. *Giê-rê-mi được liên hệ với Chúa Giê-su từ đầu tới cuối*.

Một trong những điều mà Chúa Giê-su nói trên đường đi tới Đồi Sọ là một trong những bài kiểm mà tôi thường dùng để thử xem người ta có biết Kinh Thánh hay không. Tôi nói: "Tôi sẽ cho các bạn một câu, hãy khẳng định xem đó là từ Tân Ước, Cựu Ước hay William Shakespeare. Rồi để mọi người giơ tay xem câu này ở đâu vậy: *"Vì nếu cây xanh mà người ta còn đối xử như thế thì cây khô sẽ ra sao?"* Đó chính là điều Chúa Giê-su nói khi Ngài vác thập giá mình. Khi Ngài nói: "Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, đừng khóc về Ta, mà hãy khóc về chính các ngươi... Vì nầy, những ngày sắp đến..." là Ngài đang chỉ tới năm 70 SCN. Tức là chỉ 40 năm sau đó, một đoạn thời gian thử thách. Đức Chúa Trời đã cho người Do Thái 40 năm *để đáp ứng* với Con Trai của Ngài bị đóng đinh và sống lại. Nhưng họ đã không làm như vậy, nên 40 năm sau này, đền thờ lại bị kéo đổ. Một sự tương đồng tuyệt vời trong tiên tri.

Tại sao phải đọc Ca thương?

Tại sao sách Ca Thương lại *ở trong Kinh Thánh* của chúng ta? Tại sao chúng ta *phải đọc* sách này? Có *hai lý do*: *1.* Hội thánh có thể cùng chịu một số phận như vậy. Có hai số phận đặt trước những tín đồ trong Tân Ước. Một là *khóc lóc, rên rỉ và nghiến răng*. Mỗi khi Chúa Giê-su nói điều đó, Ngài đều nói với các tín đồ, chính các môn đồ Ngài. Hai là, số phận còn lại chờ đợi chúng ta trong vai trò dân Chúa là *"Chúa sẽ lau ráo nước mắt trên mắt họ."* Hai số phận đặt trước chúng ta được lựa chọn là *mãi mãi khóc than* hoặc *được Chúa lau nước mắt*. Tôi rất thích câu đó. Tôi thấy Chúa lấy một chiếc khăn mùi soa to ra và nói: "Không cần phải khóc nữa; lại đây, để Ta lau nước mắt cho con." Đó là điều mà một người cha tốt sẽ làm và lời yêu thương này xuất hiện hai lần trong sách Khải Huyền *"Chúa sẽ lau ráo nước mắt."* Hoặc là bạn mãi mãi khóc than, hoặc là nước mắt bạn được lau đi.

Thế giới đang đối diện với việc trích dẫn nhiều Giê-rê-mi và Ca Thương hơn bất cứ sách nào khác, dẫn chứng là Khải Huyền. Một nửa số trích dẫn từ Giê-rê-mi nằm trong sách Khải Huyền. Chúng được ví sánh với thành Ba-by-lôn, là trung tâm tài chính cuối cùng trên thế giới, thành phố này sẽ bị hủy diệt. Khi Ba-by-lôn bị hủy diệt, thế giới sẽ khóc than về nó. Nhưng Kinh Thánh chép: "Cơ Đốc nhân sẽ hát hợp xướng Hallelujah." Rất ít người nghe tác phẩm *Đấng Mê-si-a* của Handel với điệp khúc *Hallelujah! Hallelujah! Hallelujah!* Và nhìn ra thế giới này, ít người nhận ra rằng đó là điệp khúc ăn mừng sàn chứng khoán thế giới sụp đổ, các ngân hàng thế giới đều phá sản, và toàn bộ hệ thống mà con người xây dựng cũng sụp đổ. Tôi bảo này, những người duy nhất hát được trong ngày đó sẽ là Cơ Đốc nhân, không ai khác, tất cả đều sẽ khóc lóc và than van.

Vậy là Khải Huyền chương 18 kết thúc với hết trích dẫn này đến trích dẫn khác từ Giê-rê-mi và Ca Thương. Kết thúc bằng *"Khốn thay! Khốn thay! Thành phố vĩ đại nầy,... Thế mà chỉ trong một giờ đã trở nên hoang tàn!"* Như vậy, đó là một bài ca thương thích hợp để cả thế giới hát vào một ngày nào đó. Nhưng khi thế giới hát *khúc bi ai* ấy, chúng ta sẽ hát *hợp xướng Hallelujah.* Vì Chúa sẽ đem một thành mới từ trời xuống đất này, một *Giê-ru-sa-lem Mới* như cô dâu trang điểm chờ chồng mình. Đó chính là nơi chúng ta sẽ sống, trên đất mới trong Giê-ru-sa-lem mới đời đời vô cùng với *Cha chúng ta, Con Ngài* và *Đức Thánh Linh.* A-men.

SÁCH Ê-XÊ-CHI-ÊN - Phần 1

Giới thiệu

Tôi muốn hỏi các bạn điều này, các bạn có thể giơ tay lên nếu Ê-xê-chi-ên là sách mà bạn thích nhất trong Cựu Ước không? Thế là các bạn thuộc số đông. Thực ra, mỗi khi người ta hỏi tôi "ông thích sách nào nhất trong Kinh Thánh?," tôi luôn trả lời là "sách mà tôi vừa nghiên cứu," thật sự là như vậy. Tôi nghiên cứu một sách mới, rồi cuốn đó trở thành sách tôi thích nhất. Tôi nghĩ là đó là sách hay nhất, rồi tôi lại nghiên cứu một sách khác và đó lại là sách hay nhất trong Kinh Thánh. Kinh Thánh là cuốn sách duy nhất bạn đọc suốt đời mà vẫn khám phá ra những điều hoàn toàn mới, những điều chưa từng thấy; Kinh Thánh chẳng bao giờ nhàm chán cả. Nhưng Ê-xê-chi-ên có lẽ là phần bị bỏ bê nhất trong Cựu Ước và tôi sẽ dành nhiều thời gian với sách này hơn các sách khác vì Ê-xê-chi-ên quá xa lạ với mọi người, và quá khó.

Nửa đầu của Ê-xê-chi-ên gần như toàn là ảm đạm và u ám, đọc thấy khá nản, đó là 24 chương đầu, nên nhiều người không đọc tiếp. Họ bỏ cuộc và chuyển sang sách khác trong Kinh Thánh. Sách vừa dài vừa lặp đi lặp lại. Chúng ta cần nhớ rằng hai mươi năm rao giảng đã được nén vào một sách, nên dân chúng thời đó không phải đọc cả sách cùng một lúc hoặc nghe cả sách cùng một lúc. Sách được trải ra hơn 20 năm, chia ba phần, ba mảng tập trung nhưng cách nhau khá xa. Nhiều chỗ trong sách không liên hệ đến hoàn cảnh của chúng ta, đó là một thế giới khác, một hoàn cảnh khác và chúng ta không quen với nó. Đôi khi cũng có những ngôn ngữ thô thiển, thậm chí gây khó chịu cho tai chúng ta ngày nay, tôi sẽ không lấy ví dụ đâu. Trên hết, Ê-xê-chi-ên cho thấy một khía cạnh trong bổn tính Chúa mà chúng ta không thực sự thích nghĩ đến, nhưng chúng ta lại cần biết bổn tính thật sự của Chúa.

Ở đây có sự nghiêm khắc trong bổn tính của Chúa làm tôi nhớ đến một khẳng định mà Phao-lô nêu trong thư Rô-ma, trong chương 11: "Vậy hãy nhìn biết sự nhân từ và sự nghiêm khắc của Đức Chúa Trời." Người ta thích nghe đến sự nhân từ hay tốt lành, họ không thích nghe đến sự nghiêm khắc, và rất thú vị là đài phát thanh hay truyền hình tôn giáo thường chỉ nói về sự tốt lành của Chúa, họ nói rất rất ít đến sự nghiêm khắc của Ngài nên người ta thường chỉ nhìn một phía hay phiến diện về Chúa. Nếu chỉ nhìn vào Ê-xê-chi-ên thì bạn cũng có cái nhìn một phía, nhưng là từ phía bên kia. Có lần một người gửi cho tôi tấm bưu thiếp sau khi tôi giảng về Ê-xê-chi-ên; và tấm bưu thiếp đó chụp một mỏ bạc tại Mỹ La-tinh nơi họ vừa đến thăm. Họ nói: *Ông biết không, Ê-xê-chi-ên hơi giống một mỏ bạc. Trong đó có bạc nhưng ông thật sự phải chăm chỉ đào bới và tìm nó, nhưng khi tìm được rồi thì thật bõ công.* Đây là một thách thức không tồi khi chúng ta mở sách này ra.

Sách Ê-xê-chi-ên thách thức chúng ta đặt hai câu hỏi và trả lời chúng: Tại sao anh lại đọc Kinh Thánh? Và hai là: Anh đọc Kinh Thánh như thế nào? Hai câu đó liên quan đến nhau vì thực chất, lý do khiến bạn đọc Kinh Thánh sẽ quyết định cách bạn đọc Kinh Thánh; cách thức sẽ bắt nguồn từ động cơ. Có rất nhiều cách khác nhau để đọc Kinh Thánh. Một cách mà tôi gọi là dùng Kinh Thánh như dùng thuốc, bạn có biết dùng như dùng thuốc nghĩa là gì không? Ngày mười câu, ma quỷ không dám đâu - bạn có biết kiểu đó không? Bạn uống đủ liều thuốc mỗi ngày, và làm phần của mình. Rất hiếm khi bạn chỉ đọc Kinh Thánh theo đoạn mà lại hiểu được thông điệp của Kinh Thánh. Thế nên tôi mới khuyến khích bạn đọc Kinh Thánh theo từng sách, mỗi lần một sách. Ý tôi là có ai đọc Sherlock Homes theo từng đoạn, mỗi lần một đoạn không? Đến khi đọc được đến cuối thì bạn đã quên mất phần đầu rồi, quên mất cả cốt truyện. Thật sự là người ta không hiểu được thông điệp của Kinh Thánh

nếu chỉ đọc đúng “một liều” nhỏ mỗi ngày. Bạn thật sự cần đọc mỗi sách một lần cũng như xét đến những phần nhỏ hơn.

Ba cách đọc sách Ê-xê-chi-ên

Nói chung là có ba cách tiếp cận với một sách như Ê-xê-chi-ên. Có một cách mà tôi gọi là tiếp cận theo câu khi người ta chỉ tìm một lời cho chính mình. Tôi muốn gọi đó là phương pháp đọc Kinh Thánh theo tử vi, bạn có hiểu ý tôi nói không? Bạn đọc cho tới khi có một câu khớp với hoàn cảnh của mình và bạn lấy được lá số tử vi cho ngày hôm đó, có điều gì đó để sống theo. Đó không hẳn là cách mà Chúa định để bạn dùng Kinh Thánh, nhưng nhiều người lại dùng theo cách đó. Tất nhiên, bạn sẽ phải đọc Ê-xê-chi-ên khá lâu mới tìm được một câu như nhảy khỏi trang sách, nhưng chúng ta gọi đó là tĩnh nguyện để nghe cho đỡ xúc phạm, kiểu đọc Kinh Thánh tĩnh nguyện đó, cố kiếm lấy một lời cho mình trong ngày hôm nay...Xét trên một khía cạnh thì nó cũng có ích, nhưng không phải cách đọc Kinh Thánh đúng đắn, có thể bạn đọc thấy một lời an ủi ở đây đó và một lời chỉ dẫn ở đây đó, nhưng về cơ bản là bạn đang lấy mình làm trung tâm. Bạn đang đọc Kinh Thánh vì mình.

Có những người đọc Kinh Thánh vì cớ những người khác, đặc biệt là những người giảng đạo hoặc giáo viên. Họ đang tìm một điều mà họ có thể giảng về nó. Về cơ bản là họ không đi tìm câu mà đi tìm đoạn, và có bốn đoạn như vậy nhảy từ sách Ê-xê-chi-ên vào tay người giảng đạo và họ thường dùng một trong bốn đoạn đó. Phổ biến nhất là chương 37, có bài hát “xương khô, xương khô, hỡi xương khô.” Nhiều người giảng đạo đã giảng về những mẩu xương kêu lách cách và hợp lại với nhau, đó có lẽ là một trong những chương phổ biến nhất.

Nhưng tôi đã ghi lại những chương khác mà tôi hay nghe đến - chương 34 là chương mà người ta thích giảng nhất tại lễ đón một mục sư mới đến quản nhiệm. Tôi đã dự quá nhiều lễ đón một mục sư mới đến quản nhiệm hội thánh mà người ta giảng Ê-xê-chi-ên 34 trong đó. Chương này nói đến người chăn nhân lành và người chăn gian ác, người chăn nhân lành đi tìm con chiên lạc mất còn người chăn gian ác chỉ nuôi thân mình, và thường được dùng tại các buổi lễ nói đến mục sư và công việc chăn bầy. Rồi có chương 47 nhưng chương đó bị tách hẳn ra khỏi ngữ cảnh và dùng theo lối phúng dụ hay ngụ ý. Chương này nói về một người đi tìm dòng sông và lội vào đó thì đến mắt cá nhân, rồi đến đầu gối, rồi đến ngang hông và cuối cùng bơi trong đó. Ôi, đoạn đó được quá nhiều người giảng đạo sử dụng - *anh sâu nhiệm với Đức Thánh Linh đến đâu*, kiểu như vậy. A*nh đang bơi trong Thánh Linh hay anh chỉ đang lội trong Thánh Linh?* Dùng như vậy là sai hoàn toàn, nhưng lối giảng đạo theo phúng dụ lại rất phổ biến. Còn một chương nữa, chương 18 nói rằng mỗi người phải tự chịu trách nhiệm với chính tội lỗi của mình, thay vì ông cha ăn trái nho chua mà con cháu bị ghê răng và Đức Chúa Trời phạt đến đời thứ ba, thứ tư, Ê-xê-chi-ên giới thiệu một nguyên tắc rất quan trọng rằng vào ngày phán xét, anh chỉ chịu trách nhiệm với chính anh thôi, mỗi người phải khai trình vì mỗi người đều phải chịu trách nhiệm.

Đó là một chủ đề mà những người giảng đạo thích giảng nhất từ Ê-xê-chi-ên. Xét xong bốn chương đó là xong, và những người giảng đạo đọc sách này để cố kiếm cho ra một bài giảng thường kết thúc với một trong bốn chương rồi ngó lơ phần còn lại. Tôi muốn khích lệ người ta đọc cả sách Ê-xê-chi-ên, không phải vì cớ mình hay vì cớ tìm sứ điệp cho những người khác, nhưng vì cớ nhận biết Chúa. Vì suy cho cùng, đó là lý do chính yếu để đọc Kinh Thánh, để bạn quen với Chúa, bạn biết Ngài là kiểu Đức Chúa Trời như thế nào, Ngài đáp lại chúng ta ra sao, Ngài cảm thấy như thế nào về chúng ta, và Ngài sẽ làm gì với chúng ta. Để nhận biết Chúa. Khi bạn đọc Kinh Thánh để nhận biết Chúa thì mọi phần trong Kinh Thánh đều sẽ nói cùng bạn. Nếu bạn chỉ đọc Kinh Thánh để tìm thông điệp cho

bản thân thì câu lẻ này, câu lẻ kia sẽ trở nên sống động với bạn. Nếu bạn đọc vì cớ những người khác thì đoạn này, đoạn kia sẽ trở nên sống động với bạn. Nếu bạn đọc để nhận biết Chúa thì mỗi một phần sẽ trở nên sống động với bạn.

Tôi luôn khuyên những người lần đầu tiên đọc Kinh Thánh theo từng sách là hãy dùng bản the Living Bible trong tiếng Anh, gần như bản Hiện Đại trong tiếng Việt. Đây là bản dễ đọc nhất. Chúng tôi từng đọc bản này một mạch trong hội thánh, sẽ mất 84 tiếng để làm như vậy; chúng tôi đọc thành tiếng, tổng cộng hơn 2,000 người đã đến và chúng tôi đã bán được nửa tấn Kinh Thánh. Người ta chỉ định đến trong nửa tiếng mà mấy tiếng sau vẫn còn ở đó, lý do là trước đó họ chưa bao giờ nghe được dòng chảy của câu chuyện, và họ nghĩ: *Mình chỉ nghe nốt một sách nữa thôi.* Xong sách đó thì lại *Thôi nghe nốt sách nữa*; họ như bị nghiện, họ bị cuốn vào. Nhưng trong lần đầu tiên, chúng tôi đã dùng bản the Living Bible và bản đó đọc rất hay. Đây là bản dịch chính xác nhất những cảm xúc trong Kinh Thánh. Không phải là bản dịch suy nghĩ hay từ ngữ chính xác nhất, nhưng tới nay thì đây là bản dịch chính xác nhất những cảm xúc trong Kinh Thánh. Bạn rất cần cảm nhận Kinh Thánh để có thể cảm nhận được Chúa và hiểu những cảm xúc của Ngài.

Bối cảnh của sách

Như vậy, Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, nhưng Ngài không viết Kinh Thánh. Con người viết Kinh Thánh cho con người và vì vậy, chúng ta cần xét đến không chỉ sự thần cảm mà cả mối quan tâm của con người. Trong loạt bài này, tôi đang cố gắng giúp bạn thấy được cả hai. Tôi thấy mối quan tâm của các nhân vật trong Kinh Thánh cũng rất hay; có sự thần cảm trên đó. Nên trong những bài nói chuyện này, tôi sẽ nêu khá nhiều bối cảnh về con người. Đây là những con người thật, trong những hoàn cảnh thật với những cảm xúc thật, và khi hiểu được khía cạnh đó của Kinh Thánh thì khía cạnh thiên thượng cũng trở nên rõ nét hơn. Đó là điểm cốt yếu để nghiên cứu câu/đoạn trong ngữ cảnh của nó. Ngữ cảnh là con người; không chỉ là những câu trước và câu sau mà là hoàn cảnh của con người, nơi Chúa phán điều đó. Chúng ta rất hay nhấc lời thiên thượng khỏi ngữ cảnh con người của lời đó, dẫn đến sự giảng dạy nhàm chán, xin nói thêm như vậy.

Chính khía cạnh con người của Kinh Thánh đã thu hút tôi, và thường có cả sự hài hước trong đó. Câu buồn cười nhất trong Kinh Thánh là "Sáng hôm sau Gia-cốp mới biết đó là Lê-a." Đó là buổi sáng đầu tiên trong tuần trăng mật của Gia-cốp và khi choàng tỉnh thì ông thấy mình đã vớ phải cô chị xấu xí! Nếu chuyện đó xảy ra với bạn thì bạn không cười nổi đâu! Nhưng nếu điều đó xảy ra với cậu bạn thân nhất của bạn thì thật là buồn cười. Thấy không, đó là hoàn cảnh của con người, bạn đã chạm tới hoàn cảnh của con người và bật cười. Nó chạm đến bạn, chạm tới cảm xúc của bạn. Nhưng bây giờ, hãy để lời thiên thượng trở nên rõ nét hơn. Đây là một tay đã lừa gạt tất cả mọi người, kể cả người cha già của mình. Kinh Thánh chép "ai gieo giống gì sẽ gặt giống ấy"; cuối cùng thì ông là người đáng cười nhất, thấy không ạ? Và bỗng nhiên, chúng ta lại có một lời nghiêm túc từ Chúa. Tôi nghĩ đó là cách để tiếp cận Kinh Thánh - hiểu được những gì con người quan tâm, sau đó để lời thiên thượng đến trên những gì con người quan tâm, và đó là điều khiến Kinh Thánh trở nên sống động với người ta. Bạn không thể làm như vậy nhờ chỉ lấy một câu hay một đoạn, mà lấy một sách và xét đến người viết sách, xét xem trước giả viết sách để làm gì, chuyện gì đang diễn ra, đang xảy ra, họ cảm thấy thế nào về điều đó, rồi mới bước vào câu/đoạn đã chọn.

Như vậy, chúng ta đang xét đến một hoàn cảnh vào nhiều năm sau kể từ khi mười chi phái Y-sơ-ra-ên bị đày sang A-si-ri, một trăm năm sau. Mười chi phái đó đã phớt lờ tiên tri A-mốt, tiên tri Ô-sê và đã biến mất; nhưng giờ đây, chúng ta đang xét đến hai chi phái phía nam, họ thậm chí còn tệ hơn.

Bạn có tin được rằng những người đã thấy mười chi phái của dân mình biến mất vì tội lỗi lại đi làm y hệt như vậy, bạn có tin được không? Bản chất con người có điều gì đó quá bướng bỉnh và cố chấp đến nỗi chúng ta không rút ra bài học cho mình. Có người nói: *Sử kia phải lặp lại thôi; vì đời đâu có ai thời lắng nghe*.

Một điều mà chúng ta rút ra từ lịch sử là người ta không rút ra bài học từ lịch sử. Lẽ ra họ phải biết rằng họ cũng sẽ biến mất như mười chi phái phía bắc nếu họ phớt lờ các tiên tri; nhưng họ lại phớt lờ hết tiên tri này đến tiên tri khác. Hai chi phái phía nam nhỏ bé đó - được gọi chung là Giu-đa - Bên-gia-min nhỏ bé và Giu-đa lớn đầu với thủ đô tại Giê-ru-sa-lem đã phớt lờ tiên tri Ê-sai. Thực ra là Ê-sai càng giảng thì họ càng cứng đầu; họ không bỏ ngoài tai, họ nói: *Ôi, chúng ta chán ngấy cái gã đó rồi.* Họ phớt lờ một tiên tri khác tên là Mi-chê: *Chúng ta chẳng có thời gian mà nhìn đến tay này, để hôm khác đi.* Họ phớt lờ một người tên Giê-rê-mi, Giê-rê-mi có một cuộc đời khó nhọc, và họ đều nói: *Ôi dào, lại cái tay Giê-rê-mi cũ rích đấy*. Tên ông trở thành một từ để mỉa mai những người sướt mướt trong tiếng Anh: *Ôi lại một tay Giê-rê-mi nữa*. Thật bi thảm, họ cứ thế gạt ông ra. Rồi họ phớt lờ một người nhỏ con nhưng rất quyền năng tên Ha-ba-cúc; họ phớt lờ cả ông. Cuối cùng thì điều tệ nhất đã xảy ra.

Không phải toàn là tội lỗi cả; có một hoặc hai điểm sáng. Có một vị vua tên Giô-si-a, cậu mới 8 tuổi khi lên ngôi vua, nhưng có một phát hiện đáng kinh ngạc trong thời cậu trị vì. Cậu ra lệnh cho người ta dọn sạch đền thờ vì đền thờ đã bị bỏ bê từ lâu, đầy bụi bẩn và bong tróc. Rồi cậu nói: *Bây giờ, chúng ta sẽ dành tiền ra để tu bổ đền thờ*. Trong khi làm như vậy, họ tìm thấy trong một cái tủ cũ kỹ có năm sách của Môi-se; thật sửng sốt đúng không?

Bạn thấy đó, họ đã chuyển sang kiểu thờ phượng chỉ có âm nhạc. Kinh Thánh bị lãng quên trong tủ. Điều đó đang diễn ra trong cả thời nay. Họ có thờ phượng, có chơi nhạc và nhảy múa, nhưng Luật của Môi-se lại nằm trong chiếc tủ bụi bặm. Có người tìm thấy các cuộn giấy và đưa chúng cho nhà vua. Vua nói: *Đọc cho ta nghe xem nào.* Khi năm sách của Môi-se được đọc lên, Giô-si-a không tin vào tai mình. Ông nói: *Các ngươi có nhận ra rằng chúng ta đang đâm đầu vào thảm họa không? Mau mau mà thanh tẩy cả nước này đi thôi!* Đủ thứ kinh tởm đang diễn ra, nhất là ở Thung lũng Ben Hi-nôm ngay ngoài Giê-ru-sa-lem. Người ta đang dâng con trẻ làm sinh tế cho Mo-lóc. Kinh Thánh chép rằng Giô-si-a đã làm ô uế Thung Lũng Ben Hi-nôm và nó được gọi là Thung Lũng Tàn sát. Về sau, Chúa Giê-su luôn dùng nó để mô tả địa ngục.

Tuy có những điểm sáng này nhưng không ăn thua, thực ra là Giô-si-a đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Ông quyết định tham chiến tại Mê-ghi-đô, giao lộ của thế giới và ông bị Pha-ra-ôn Ai Cập giết chết. Vị vua trẻ tuổi đã băng hà[16]. Sau đó là một người tên Giô-a-cha, hắn chỉ cai trị ba tháng, hắn là một vị vua gian ác và cuối cùng, Pha-ra-ôn bắt hắn, đưa sang Ríp-la và xiềng hắn lại. Kết cục là hắn sống trong xiềng xích tại Ai Cập sau ba tháng trị vì ngắn ngủi. Kế vị hắn là Giê-hô-gia-kim, k-i-m, một nhân vật phản diện khác, con trai Giô-si-a - lẽ ra hắn phải biết điều hơn; nhưng hắn là nhân vật phản diện do Pha-ra-ôn chọn.

Thực ra là Giô-a-cha do dân chúng chọn, nhưng Giê-hô-gia-kim chỉ là một vị vua bù nhìn mà người Ai Cập chọn để thế cho vua mà họ đã xiềng tại Ríp-la. Nê-bu-cát-nết-sa xâm lược, bạn thấy điều gì xảy ra rồi đấy, các khối cường quốc phía đông và tây đang đối chọi nhau. Ở ngay giữa là nước Giu-đa nhỏ bé đang đâm đầu vào rắc rối, đặc biệt là bây giờ họ lại bị cột chặt vào Ai Cập. Cường

[16] Vua này chết năm 39 tuổi.

quốc ở phía đông bắc lúc này là Ba-by-lôn. Ba-by-lôn đang tiến đánh Ai Cập, vậy là Giu-đa nhỏ bé bị kẹt ngay giữa hai cường quốc thế giới, và tất cả đều là tại họ. Chúa đã có thể chặn đứng những cường quốc đó, nhưng giờ thì Ngài không làm như vậy. Chúa không còn ở cùng họ, Ngài không còn là Em-ma-nu-ên nữa.

Vậy là Nê-bu-cát-nết-sa đã xâm chiếm và khống chế nước này trong ba năm, rồi lại rời đi. Rồi họ phải chịu hàng loạt những cuộc tấn công từ tứ phía. Ba-by-lôn lại kéo đến, A-ram lại kéo đến, Mô-áp lại kéo đến, Am-môn lại kéo đến, kết quả là đến lúc này, chỉ còn sót lại một thành cho dân Chúa. Giu-đa thất thủ, Bên-gia-min thất thủ, tất cả những gì còn lại của dân Chúa là duy nhất một thành, Giê-ru-sa-lem, nhưng giờ đây cũng nằm trọn dưới gót của những dân khác. Giê-hô-gia-kim cai trị trong ba tháng, sau đó là một trận vây hãm rất tàn khốc từ Ba-by-lôn.

JUDAH (2)

DATE B.C.	KINGS	PROPHETS	EZEKIEL
	JOSIAH (640-609)	JEREMIAH (627-580)	BORN (623)
	JEHOAHAZ (609)	HABAKKUK (609)	
	JEHOIAKIM (609-597)	DANIEL (605-530)	TAKEN (597)
597	FIRST DEPORTATION		
	JEHOIAKIN (597)		CALLED (592)
	ZEDEKIAH (597-586)		PROPHESIED I (592-589)
589	SIEGE OF JERUSALEM		BEREAVED (589)
586	FALL OF JERUSALEM		PROPHESIED II (586-585)
	NEBUCHADNEZZAR (605-562)		PROPHESIED III (567)

EXILE

Lẽ ra tôi nên nói rằng lần lưu đày đầu tiên rơi vào thời điểm này. Chút nữa tôi sẽ trở lại với ý đó và nêu rõ hơn một chút. Nhưng quân Ba-by-lôn đến và vây hãm Giê-ru-sa-lem; họ không có gì ăn. Thật khủng khiếp, hai năm rưỡi đói kém và bệnh dịch trong thành phố nhỏ bé này. Cuối cùng thì thành cũng bị chiếm cứ, mọi của báu bị đem đi. Bạn có nhớ chuyện vua Ê-xê-chia cho vua Ba-by-lôn nhỏ bé - thực ra là cho tên sứ giả mang tấm thiệp chúc sức khỏe từ Ba-by-lôn đến - xem mọi của báu; và Ê-sai nói: *Vua sẽ mất mọi thứ mà vua cho người đó xem* không? Vâng, đây là lúc điều đó xảy ra theo lời Ê-sai nói.

Nhưng hơn thế nữa, tất cả những người thuộc tầng lớp trên đều bị bắt đi. Đó là một đòn ưa thích sau khi chinh phục để kẻ thù trở nên bất lực: Loại bỏ toàn bộ tầng lớp trên của xã hội. Trong lần lưu đày đầu tiên, chúng đã lấy 7.000 quan tướng và chiến sĩ trong quân đội, chúng bắt hết mọi thợ mộc, thợ rèn đi, khoảng 1.000 người, chúng bắt rất nhiều thợ thủ công, khoảng 10.000 người và chỉ để lại những người nghèo nhất. Đây là khi Đa-ni-ên bị bắt đi, chúng ta cũng sẽ quay lại với ý đó. Đây là lần lưu đày đầu tiên, và kết quả là giờ đây, chúng ta chỉ còn vẻn vẹn một thành Giê-ru-sa-lem với những người rất nghèo ở lại. Đó là tất cả những gì Chúa có, gần như thể toàn bộ mục đích của Chúa đã tan thành mây khói.

Cuối cùng, chúng ta đến với Sê-đê-kia, vị vua bù nhìn cuối cùng được phép đứng độc lập tại Giê-ru-sa-lem. Sê-đê-kia có một đội quân nho nhỏ nhưng lại có một trận vây hãm, một trận vây hãm đáng sợ, đồng thời cũng là trận cuối cùng. Sê-đê-kia và số binh lính ít ỏi quyết định tẩu thoát. Tất cả các cửa đều bị bao vây nên họ đã đục một cái lỗ qua tường, đẩy đá ra và từng người lẻn ra trong đêm, sau đó chạy xuống Thung lũng Kết-rôn về phía Biển Chết. Họ chạy được đến Đồng bằng Giê-ri-cô thì quân của Nê-bu-cát-nết-sa nhận ra sự tình, chúng phát hiện ra cái lỗ trên tường và đuổi theo họ, đuổi kịp họ tại Giê-ri-cô. Đó là lúc chúng bắt vua Sê-đê-kia cùng các con trai mình và trước mắt ông, chúng giết từng con trai của ông, để ông thấy dòng dõi hoàng gia đã đến hồi kết. Rồi chúng móc mắt ông ra, nên điều cuối cùng mà ông thấy là các con trai mình bị giết, và ông bị bắt đi. Rồi Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho quân lính phá hủy toàn bộ Giê-ru-sa-lem, toàn bộ nhà cửa bị đốt và phá đổ hết, tường bị phá đổ và Giê-ru-sa-lem thế là chấm hết.

Tất cả những điều đó xảy ra khi Ê-xê-chi-ên còn sống. Đó chỉ là bối cảnh lịch sử. Ông thấy tất cả những điều đó xảy ra, không phải lúc nào ông cũng chứng kiến mà vì ông thấy chúng trong khải tượng. Chính sự chấm hết của Giê-ru-sa-lem vào thời của ông đã làm nền cho mọi thứ. Thảo nào ông lại là một vị tiên tri sầu não khi đọc tới, trong phần đầu của sách. Sau đó, ông trở nên hào hứng và tích cực hơn - sau khi Giê-ru-sa-lem đã thất thủ và chấm hết. Các sứ điệp tiên tri của ông thay đổi hoàn toàn từ cảnh báo về thảm họa sang an ủi và hy vọng vào tương lai, thế nên hầu hết các nhà giảng đạo mới giảng từ nửa sau của sách vì phần đó lạc quan hơn.

Hãy xét đến cuộc đời của Ê-xê-chi-ên trên phông nền đó. Nếu bạn muốn kiểm tra lại tất cả những chi tiết lịch sử vừa rồi, hãy ghi chú lại sách 2 Các vua; chương 22-25 sẽ cung cấp cho bạn toàn bộ bối cảnh. Thế nên xét trên một khía cạnh, chúng ta mới cần đọc các sách tiên tri theo sách Các vua và lịch sử, rồi bạn sẽ hiểu được bối cảnh. Được không ạ? Lịch sử là như vậy. Tôi biết lịch sử là môn học hơi nhàm chán một chút - đó là một trong những môn học tôi học kém nhất ở trường. Nhưng giờ thì tôi quan tâm đến nó rồi, thật sự quan tâm, vì Chúa đang làm thành mục đích của Ngài trong lịch sử, nhưng ở trường không có ai bảo tôi như vậy. Toàn phải học trận này trận nọ, vua này, hoàng hậu kia, chán ngấy luôn.

Trước giả

Hãy xét đến Ê-xê-chi-ên. Ông sống cùng thời với Ha-ba-cúc và Đa-ni-ên, thực ra Đa-ni-ên là một trong những người hùng của ông. Bạn sẽ thấy xuyên suốt sách Ê-xê-chi-ên, ông nói về Đa-ni-ên như một trong ba người vĩ đại nhất, công chính nhất trong lịch sử; Nô-ê là hai, Gióp là ba. Đó là ba người hùng của Ê-xê-chi-ên; ông luôn nhắc đến ba người đó, Nô-ê, Gióp và Đa-ni-ên như ba người vĩ đại nhất trong lịch sử của họ. Giờ thì hãy xét đến Ê-xê-chi-ên. Cái tên Ê-xê-chi-ên nghĩa là "Chúa tiếp sức," Chúa tiếp sức, và điều đó rất cần thiết. Ông được gọi 83 lần trong sách này bằng một danh hiệu mới, cũng xin nói thêm là Chúa Giê-su đã lấy danh đó để gọi chính Ngài và nhiều năm sau - "con người." Không một tiên tri nào khác được Chúa gọi như vậy, nhưng 83 lần xuyên suốt sách này, Chúa đã gọi "con người," "con người," và danh hiệu đó chỉ được dùng trong Tin lành về Chúa Giê-su. Điều đó khá thú vị, chúng ta sẽ khám phá lý do tại sao khi xét đến phần tiên tri.

Ông sinh vào khoảng năm 622 hoặc 623, trong thời trị vì của vị vua tốt đó, vị vua nhỏ tuổi lên ngôi khi mới 8 tuổi và cùng thời với Giê-rê-mi. Thực ra là Giê-rê-mi và Giô-si-a đúng bằng tuổi nhau, lớn lên cùng nhau; nhưng theo những gì chúng ta biết thì họ lại không hề nói về nhau. Giê-rê-mi dường như phớt lờ cái mà chúng ta gọi là cuộc cải cách của Giô-si-a, và tôi nghĩ lý do là Giê-rê-mi nhìn thấu được nó - rằng đó chỉ là một cuộc cải cách hời hợt. Cuộc cải cách ấy diễn ra từ trên xuống,

mà những cuộc cải cách từ trên xuống sẽ chẳng bền lâu. Sao có thể thay đổi người ta bằng đạo luật của quốc hội được.

Thực ra Giê-rê-mi thấy rằng dân chúng không thực sự thay đổi; tuy đức vua đã cấm mọi thực hành ngoại giáo nhưng dân chúng vẫn muốn làm. Thế nên Giê-rê-mi mới bi quan, cho dù ông sống trong một thời kỳ mà quốc hội có cải cách. Ở đây có một bài học cho Cơ Đốc nhân đó ạ. Đạo luật tốt được thông qua là chưa đủ; suy cho cùng, dân người ta muốn làm gì thì người ta sẽ làm cái đó. Anh có thể quy định rằng buôn bán vào Chủ nhật là bất hợp pháp, nhưng nếu dân người ta muốn buôn bán vào Chủ nhật thì họ vẫn sẽ làm. Bạn có hiểu ý tôi nói không? Phải có sự thay đổi từ dưới lên trên, hay thật ra, những cuộc cải cách hiệu quả nhất diễn ra từ dưới lên trên và cuối cùng mới chạm đến luật; con người thay đổi nên luật pháp mới thay đổi, chứ không phải là ngược lại.

Quay lại chủ đề, Ê-xê-chi-ên sống cùng thời với Ha-ba-cúc và Đa-ni-ên. Ông chào đời, rồi ông bị đày khỏi quê hương và không bao giờ nhìn thấy nó nữa lúc bao nhiêu tuổi ấy nhỉ? 25 tuổi, và ông bị bắt đi vào lần lưu đày đầu tiên như Đa-ni-ên. Vậy là những người thuộc tầng lớp thượng lưu bị bắt đi trong lần lưu đày đầu tiên. Ông sinh ra trong dòng dõi thầy tế lễ. Ở đây, chúng ta có một con người độc đáo kết hợp hai chức năng tiên tri và tế lễ, có lẽ vì thế mà ông được gọi là "con người." Bạn thấy đó, nếu nghiên cứu lịch sử Cựu Ước thì bạn sẽ thấy lịch sử chia làm ba phần: Khi họ được dẫn dắt bởi các tiên tri từ Môi-se đến Sa-mu-ên, khi họ được dẫn dắt bởi các vua từ Sau-lơ đến Sê-đê-kia, và khi họ được dẫn dắt bởi các thầy tế lễ từ Xô-rô-ba-bên đến An-ne và Cai-phe.

Đó là lịch sử giản lược của Y-sơ-ra-ên. Các tiên tri lãnh đạo họ mà không được, các vua lãnh đạo họ mà không được, các thầy tế lễ lãnh đạo họ mà không được. Thực ra là họ cần một người kết hợp cả nhà tiên tri, thầy tế lễ và nhà vua vào làm một. Đó là điều họ có ở Chúa Giê-su. Thấy không ạ? Nhưng Ê-xê-chi-ên là chút mùi vị của điều đó khi kết hợp độc đáo giữa tiên tri và thầy tế lễ, chỉ có điều là ông không thể thi hành chức tế lễ vì bạn không thể thi hành chức tế lễ trong đền thờ nếu chưa đủ 30 tuổi, còn ông lại bị đày đi ở tuổi 25. Hy vọng là bạn quan tâm đến điều này, nó nói lên một điều gì đó. Nên Chúa Giê-su mới bắt đầu chức vụ của Ngài ở tuổi 30, đó là khi chức tế lễ bắt đầu, bạn thấy đó. Nên Chúa Giê-su mới phải đợi trong vai trò một người thợ mộc cho tới kỳ Chúa định.

Tôi e rằng Ê-xê-chi-ên không bao giờ được làm thầy tế lễ vì ông bị bắt khỏi xứ, khỏi đền thờ và ông không hề dâng một con sinh tế nào cả. Thay vào đó, ông trở thành một tiên tri. Nhưng ông thuộc dòng dõi thầy tế lễ tốt nhất, dòng dõi của một thầy tế lễ tên là Xa-đốc, Xa-đốc. Mỗi khi nữ vương hoặc quốc vương Anh được trao vương miện tại Tu viện Westminster, người ta đều chơi bản "Thầy tế lễ Xa-đốc," đến nay vẫn vậy. Ông thuộc dòng dõi Xa-đốc và ông rất đặc biệt.

Ông bị đày đi ở tuổi 25 cùng mọi tầng lớp tinh hoa của xã hội và họ được tự do tại nơi định cư của mình. Họ không được gây ra bất cứ tổn hại gì nên họ được phép xây cất những thị trấn nhỏ của riêng mình, và Ê-xê-chi-ên định cư bên bờ một con kênh. Tôi nghĩ là tôi có hình của con kênh đó. Hãy bỏ qua bức hình bên trên đi; chút nữa tôi sẽ trở lại với hình đó sau. Họ đã định cư tại đây, bên bờ những con kênh nối



Họ đã định cư tại đây,
bên bờ những con kênh nối sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát

sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát, có cả một hệ thống tưới tiêu và thông thủy giữa hai con sông lớn tại Lưỡng Hà - "Lưỡng' là hai, "Hà" là sông, Lưỡng Hà là giữa hai con sông lớn. Đây là sông Kê-ba, và họ được phép định cư ở một nơi tên là...? Các bạn phải đọc rồi chứ nhỉ? Vì đó là một cái tên rất nổi tiếng. Họ định cư tại một nơi tên là Tel Aviv, Tel Aviv, thành phố lớn nhất tại Y-sơ-ra-ên thời hiện đại được đặt theo thị trấn rất nhỏ mà Ê-xê-chi-ên đã sống, bên bờ kênh Kê-ba. Vậy là ông định cư tại Tel Aviv với gia đình mình.

Chức vụ của Ê-xê-chi-ên

Ở một thời điểm nào đó, ông đã kết hôn, đó phải là một trinh nữ hoặc góa phụ của một thầy tế lễ. Các thầy tế lễ không được kết hôn với một bà góa bình thường hoặc một người đã ly dị chồng. Nên ở một thời điểm nào đó, ông đã kết hôn, buôn bán và làm công việc kinh doanh. Nhưng ở tuổi 30, độ tuổi mà lẽ ra ông phải bắt đầu chức tế lễ của mình, ông đã được gọi làm tiên tri. Ông có khải tượng kỳ lạ nhất về Đức Chúa Trời mà chút nữa chúng ta sẽ xét đến. Ông bắt đầu chức vụ, ông thấy Đức Chúa Trời; giống như Ê-sai, ông thấy Đức Chúa Trời nhưng những gì ông thấy khá khác so với những gì Ê-sai thấy. Đó là một khải tượng khá kỳ lạ, và trong ba năm tới - sách nói đến chức vụ chính của ông - từ 30 đến 33 tuổi, ông vừa làm phép lạ và vừa rao giảng. "Con người" này, chức vụ chính của ông là từ 30 đến 33 tuổi. Thú vị không ạ?

Có một khoảng thời gian khá dài mà ông không làm gì cả, trừ một ngày nọ, Chúa phán với ông rằng: *Ê-xê-chi-ên ạ, Ta thông báo cho con một tin buồn nhưng con không được khóc - vợ con sẽ mất vào buổi sáng. Đừng khóc vì vào đúng thời khắc mà nàng chết, Giê-ru-sa-lem sẽ thất thủ. Bây giờ, hãy ghi lại việc này trong nhật ký của con, hỡi Ê-xê-chi-ên, hãy ghi lại chính ngày mà vợ con mất.* Mãi đến vài tuần sau, một người đưa tin từ Giê-ru-sa-lem đến Ba-by-lôn và nói: *Giê-ru-sa-lem đã thất thủ rồi, chấm hết rồi.* Ê-xê-chi-ên hỏi: *Khi nào vậy?* Họ trả lời: *vào ngày này, tháng này*; và đó chính là ngày mà ông mất vợ. Nhờ vậy mà Ê-xê-chi-ên mới được hiểu cảm giác của Chúa khi thành Giê-ru-sa-lem thất thủ. Thật kỳ diệu!

Nhiều năm sau, vâng, ba năm sau khi vợ ông mất, ông bắt đầu nói tiên tri trở lại. Ông đã câm lặng trong suốt thời gian đó; thực ra là Chúa phán: *lưỡi con sẽ dính vào vòm miệng, con sẽ không nói được cho tới khi Ta mở miệng con ra. Khi Ta mở miệng và con nói được thì con phải nói tiên tri.* Những người này trải qua những điều thật kỳ lạ phải không? Trong nhiều năm ông không nói được; nhưng rồi Chúa mở miệng ông và ông nói lại được, nhưng ông phải nói tiên tri. Vậy là ông nói tiên tri trong một năm rồi lưỡi ông lại dính vào miệng, rồi đến sự tiên tri cuối cùng. Như vậy, ông đã nói tiên tri trong ba năm, một năm, rồi trong chỉ vài tháng; tất cả những điều đó đều được ghi lại trong sách Ê-xê-chi-ên. Một con người phi thường.

Khi ông 50 tuổi, sự tiên tri cuối cùng của ông đến; ông qua đời không lâu sau đó và được chôn tại một ngôi mộ ở Ba-by-lôn, là I-rắc ngày nay. Thực ra đây là một bức hình khá mờ chụp mộ ông. Nó ở tại Kifi, K-i-f-i; nếu bạn đã được đưa đến Baghdad, không xa đó lắm thì bạn sẽ thấy mộ Ê-xê-chi-ên tại Kifi. Đó là nơi ông qua đời. Ông không bao giờ thấy lại xứ mình, không bao giờ thấy lại Giê-ru-sa-lem. Thế nhưng ông đã vẽ bức tranh về một đền thờ đẹp đẽ, tuyệt vời nhất chưa từng được xây dựng; chúng ta sẽ xem tranh đó sau. Đó là bối cảnh lịch sử và cá nhân của Ê-xê-chi-ên. Tôi nghĩ chúng ta sẽ dừng bài nói chuyện này tại đây. Ở bài tiếp theo, chúng ta sẽ xét đến cấu trúc của sách và những sứ điệp mà ông truyền đạt trong ba khoảng thời gian chức vụ ngắn ngủi đó.

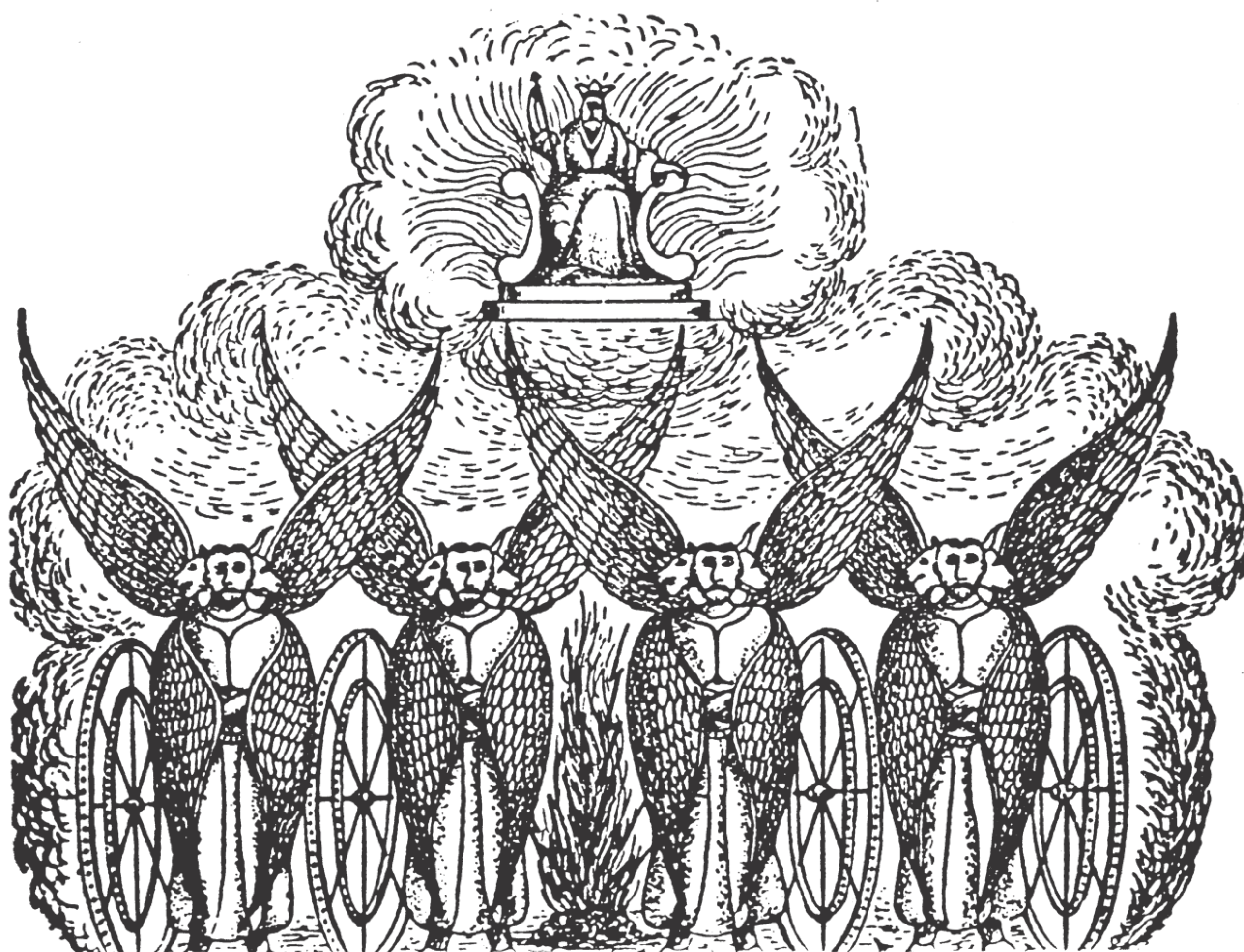
SÁCH Ê-XÊ-CHI-ÊN - Phần 2

Sự kêu gọi của Ê-xê-chi-ên

Lúc này Ê-xê-chi-ên 30 tuổi, lẽ ra ông đã trở thành một thầy tế lễ giống cha mình. Nhưng bị đày sang Ba-by-lôn nên không thể nào kế tục truyền thống tại nơi *không có đền thờ*. Ở đây *nhà hội* từ đó đã bắt đầu thay thế đền thờ. Sự thờ phượng tiến hành tại nhà hội, dân sự gặp nhau nhưng không thể dâng tế lễ, không có bàn thờ, không có chức tế lễ. Điều này đã tạo ra khuôn mẫu cho đời sống hội thánh, vì chúng ta cũng không có đền thờ, không cần bàn thờ, không cần thầy tế lễ và của lễ. Điều họ có chính là *"những nhà hội,"* từ *"sunagogei"* nghĩa là *đến cùng nhau*, tại đó họ *cần đến giáo viên*, cần *Rabbi* chứ không phải là thầy tế lễ, nên ông không có sự nghiệp phục vụ trong đền thờ.

Khải tượng kỳ lạ

Nhưng Đức Chúa Trời đã dành cho ông một sự nghiệp khác, như của nhiều tiên tri khác, nó *bắt đầu bằng một khải tượng*. Điều này được miêu tả rất rõ ở ngay đầu sách, *một khải tượng kỳ lạ*. Những học giả hiện đại lại có dịp suy diễn, họ bảo ông bị *chứng nguyên thể*, tức là ông bị ngất đi, những hình ảnh ông nhìn thấy toàn là ảo tưởng khi bị ngất. Họ còn nói ông đã dùng thuốc phiện, nên toàn nặn ra những điều kỳ cục. Hẳn nhiên khải tượng ông nhận được là một hình ảnh kỳ lạ. Phải là họa sĩ siêu thực mới vẽ được hình ảnh đó, một bức phác thảo rất thô sơ, một bức tranh ấn tượng, nhưng đều khá dễ hiểu.



Hình minh họa khải tượng Ê-xê-chi-ên nhận được

Hãy xét đến một số đặc điểm của hải tượng. Trước hết là có *bốn sinh vật*. Chúng có cánh của thiên sứ, có những phần của người và những bộ phận là thú. Bốn sinh vật này là *biểu tượng của công cuộc sáng tạo:* mọi vật sống mà Chúa đã tạo dựng, dù là loài vật, loài người hay thiên sứ. Có ba thứ tự chính, và chúng ta cần nhớ rằng con người không phải là đỉnh cao của công cuộc sáng tạo. Các nhà tiến hóa sẽ không nói như vậy, nhưng chúng ta thì có. Tôi vẫn chưa gặp một nhà tiến hóa nào có thể giải thích được là thiên sứ đến từ đâu. Họ không bắt nguồn *từ khỉ*. Nhưng dù sao thì các nhà tiến hóa cũng đều không tin vào thiên sứ. Nhưng bạn thấy đấy, mọi tạo vật mà Đức Chúa Trời dựng nên đều thuộc *ba tầng sự sống*: *loài vật, loài người*-loài mà Ngài dựng nên "kém các thiên sứ một chút," và *thiên sứ*. Thiên sứ vượt trội hơn con người về sức mạnh, vẻ ngoài, tốc độ dịch chuyển và nhiều điều khác nữa. Như vậy, *bốn sinh vật* này *tượng trưng cho mọi tạo vật mà Chúa đã dựng nên* từ bốn phương trên đất.

Bên trên bốn sinh vật đó, ông thấy *Đấng Tạo hóa ngự trên ngai Ngài*, oai nghi, huyền bí và phủ đầy *vinh quang*. Đó là một từ ưa thích của Ê-xê-chi-ên: *vinh quang*. Sau này chúng ta sẽ thấy ông nhìn xem vinh quang rời khỏi Giê-ru-sa-lem. Trong khải tượng, ông thấy vinh quang trở lại với Giê-ru-sa-lem. Đức Chúa Trời ở đâu thì có ánh sáng chói lòa, có hào quang, có vinh quang, có sự rực rỡ ở đó. V*inh quang của Đức Giê-hô-va*. Đó là cụm then chốt, và tôi muốn bạn nhớ cụm này, vì khi *"Con Người"* kia đến, người ta nói về Ngài rằng "Chúng ta đã chiêm ngưỡng *vinh quang Ngà*i," vinh quang của Con Một đến từ nơi Cha. Vinh quang là một từ rất quan trọng. Đó chính là vinh quang đã làm mù mắt *Sau-lơ* trên đường đến Đa-mách, làm bỏng võng mạc của ông. Vinh quang, tức là hào quang, sự sáng lòa của Đức Chúa Trời. Gần với hình ảnh vinh quang nhất là khi bạn bay trên những đám mây và mặt trời chiếu trên đỉnh những đám mây, đó là điều gần giống với vinh quang nhất mà bạn có thể nhìn thấy tận mắt. Bạn đã bao giờ làm như vậy chưa? Nhìn xuống những đám mây tích dưới ánh mặt trời, thật là rực rỡ. Vinh quang thường được gắn với những đám mây - Trong Kinh Thánh, *"những đám mây vinh hiển."*

Khải tượng có hình ảnh *Đấng Tạo hóa trên ngai Ngài*, trên mọi sinh vật. Một cái ngai bằng bích ngọc có bệ đỡ bằng bích ngọc, trong suốt, lộng lẫy. Rồi có *những bánh xe,* chúng ở dưới, đỡ cái bệ bằng bích ngọc dưới ngai của Đấng Tạo hóa. Những bánh xe kiểu rất khác thường. Các *bánh xe đôi vuông góc nhau,* quanh vành bánh xe *đầy những mắt*. Những bánh xe đôi ấy có thể di chuyển theo mọi hướng, là biểu tượng cho *sự toàn tại* của Đức Chúa Trời. Chúa có thể ở bất cứ đâu và ở khắp mọi nơi. Ngài là một Đức Chúa Trời lưu động. Điều này quan trọng ở chỗ, tới thời điểm đó, mọi khải tượng về ngai Đức Chúa Trời *đều là bất động, cố định tại một chỗ*, chỗ đó là Giê-ru-sa-lem. Đây là chút *an ủi đầu tiên* cho Ê-xê-chi-ên, rằng ngai Đức Chúa Trời *lưu động*. Ngài có thể di chuyển đến Ba-by-lôn.

Khi bạn nghĩ rằng Chúa sống ở một nơi còn mình cách xa hàng trăm, hàng ngàn cây số, bạn sẽ nghĩ là Chúa ở rất xa mình. Nhưng ngai Đức Chúa Trời ở trên những bánh xe có thể đi theo mọi hướng. Biểu tượng đơn giản này đã cho thông điệp sờ nắn được về sự *toàn tại*. Những *con mắt* còn cho bạn biết rằng Chúa có thể thấy mọi thứ, ở mọi nơi. Rằng Ngài biết mọi điều, dù bạn có đi đâu thì Ngài cũng nhìn thấy bạn, mắt Ngài dõi theo bạn. Tất cả những hình ảnh của khải tượng rất đơn giản lại vô cùng sâu sắc. Không phải là do ông phê thuốc phiện vẽ ra mà là một khải tượng rất ý nghĩa. Mặc dù chúng ta thường không nghĩ theo cách đó. Nhưng Chúa khải thị cho Ê-xê-chi-ên rằng: Các tạo vật ở bốn phương trên đất đều quỳ dưới ngai Ngài. Đấng Tạo Hóa *toàn năng* ngự trên ngai lưu động, cai trị hết thảy trong vinh quang. Ngài *toàn tại* - ở bất cứ đâu, và Ngài *toàn tri* - thấy và biết mọi thứ.

Thảo nào Ê-xê-chi-ên đã *choáng ngợp* trước khải tượng đó và *sấp mặt xuống đất*. Trong bản tiếng Anh là *ngã xuống đất*.

Gần đây có một mục sư hỏi tôi: "Ông có tin vào *việc bị giết (hay chết ngất)* trong Thánh Linh không? Ông đã nghe cụm đó bao giờ chưa?" Tôi đáp: "Nghe rồi, cũng đúng Kinh Thánh đấy, A-na-nia và Sa-phi-ra bị giết trong Thánh Linh còn gì! Nếu muốn trải nghiệm điều đó thì anh chỉ cần nói dối về thứ anh dâng hiến, và làm sao để Si-môn Phi-e-rơ làm mục sư của anh. Thế là anh cũng có thể bị giết trong Thánh Linh ngay." Anh ta nói: "Ông đang tránh né câu hỏi, ông hiểu ý tôi mà." - "Thế ý anh là gì?," - "Ý là *ngã xuống đất* ấy," - "Thế sao anh không nói là ngã xuống đất? Kinh Thánh chép trung thực như vậy mà." Và tất nhiên, *ngã xuống* không nghĩa là Chúa đẩy anh xuống! Chỉ đơn giản là tự *ngã xuống đất*. Tôi nói: "Điều đó cũng đúng Kinh Thánh, Ê-xê-chi-ên ngã xuống đất nhiều lần, Phao-lô ngã xuống đất, Giăng ngã xuống đất, nhưng họ không bị đẩy."

Đừng đổ cho Thánh Linh khi người ta ngã xuống, đó là phản ứng của con người với sự hiện diện thánh. Ê-xê-chi-ên, hơn một lần, khi đối mặt với sự hiện diện thánh, ông đã ngã xuống đất. Thú vị ở chỗ là hết lần này đến lần khác, Chúa lại phán rằng: "*Đứng lên đi, Ta còn chưa nói xong mà.*" Sách cũng chép rằng "*Thánh Linh làm cho chân tôi đứng lên.*" Không cần đến Thánh Linh để ngã xuống đất, nhưng có cần Đức Thánh Linh để làm cho chân bạn lại đứng lên. Nên tôi tin vào việc được Thánh Linh dựng lên, nhưng tôi tin rằng một người đối mặt với sự hiện diện thánh mà ngã xuống đất cũng là hoàn toàn đúng Kinh Thánh. Nếu bỗng dưng họ như vậy thì tôi tin rằng Thánh Linh đang hành động và đó là điều đã xảy ra với Ê-xê-chi-ên. Tôi chỉ đưa điều đó vào vì người ta làm những điều thật kỳ cục với Kinh Thánh. Họ nghĩ ra những cụm như *"chết ngất trong Thánh Linh" hay "an nghỉ trong Thánh Linh,"* chúng *không đúng Kinh Thánh* và chứa đựng hàm ý sai trật. Hãy nói cho đúng Kinh Thánh, *"ngã xuống đất"* là đúng Kinh Thánh, *"được Thánh Linh dựng lên"* cũng là đúng Kinh Thánh, và đó là điều đã xảy ra với Ê-xê-chi-ên ở đây.

Chúa đã ban cho ông *một cuộn sách*, trên đó có ghi những lời tiên tri mà ông phải rao ra, tất cả đều có trong khải tượng. Chúa phán: "*Ta muốn con ăn cái đó.*" Ông đã lấy cuộn sách, ăn vào và *tiêu hóa* hay *lĩnh hội* sách. Ở đây có một ý nhỏ rất quan trọng nếu bạn dạy Kinh Thánh cho người khác. Hãy làm sao để *chính bạn tiêu hóa hay lĩnh hội Kinh Thánh trước*. Sách phải trở thành một phần của bạn. Người ta sẽ biết khi nào bạn chỉ đang truyền đạt kiến thức trong sách vở và khi nào nó đã trở thành một phần trong bạn. Sẽ biết rằng bạn đang sống theo sứ điệp đó, chính bạn đã ăn lời đó và bạn thật sự đang truyền đạt Lời Chúa đã được tiêu hóa.

Vậy là Ê-xê-chi-ên đã *ăn* cuộn sách. Tuy đó là một cuộn sách rất buồn, những lời trong đó là những lời than van, những lời đau buồn, toàn là *"khốn thay"*- những lời rủa sả. Nhưng ông lại thấy cuộn sách thật ngọt ngào. Có thể điều này khiến bạn khó hiểu về điều khi ông ăn và tiêu hóa cuộn sách ấy, ông lại thấy thật ngọt ngào. Thật kỳ lạ, nhưng khi người ta thật sự đúng đắn với Chúa thì ngay cả những lời khắt khe của Chúa cũng trở nên ngọt ngào thật. Bạn có thể hiểu hoặc chưa hiểu điều này. Gần đây, tôi đã và đang nói về hỏa ngục để khôi phục lại sự hiểu biết về nó cho các Cơ Đốc nhân. Thật lạ là có rất nhiều người lên gặp tôi sau giờ học và nói: "Cảm ơn giáo sư, tôi *thật sự thích nghe* điều đó." Rồi họ nói: "À không, nói vậy không đúng lắm, phải là tôi *thật sự được khích lệ* bởi điều đó." Chẳng phải là rất kỳ diệu đó sao? Khi một *bài giảng về hỏa ngục có thể trở thành sự khích lệ,* nhưng tôi dám chắc rằng một số người trong đây hiểu điều tôi đang nói. Thà Chúa nói với bạn bất cứ điều gì còn hơn là không nói gì cả. Thật khích lệ khi biết rằng người ta không thể thoát tội. Thật

đáng khích lệ khi biết rằng Chúa sẽ xử lý điều ác đúng không? Thật sự là như vậy, và ông thấy những lời này thật ngọt ngào dù chúng là những lời buồn thảm.

Có chút mâu thuẫn, nhưng một lần nữa Chúa phán với ông như Chúa đã phán với Ê-sai: "*Con sẽ nói nghịch cùng một dân cứng lòng và họ sẽ lại càng cứng lòng hơn khi con giảng."* Rồi Chúa phán với Ê-xê-chi-ên: "*Nhưng ta sẽ khiến con chai cứng hơn cả họ."* Thật khó nhằn phải không? Ngài phán: "*Ta sẽ làm cho trán con rắn như đá lửa,"* nói cách khác là không gì có thể xâm nhập vào để khiến con ngã lòng. Vì có nhiều điều xung quanh khiến các tiên tri ngã lòng. Khi người ta ngày càng cứng lòng và không chịu nghe, nhưng nếu trán bạn *rắn như đá lửa* thì điều đó chẳng xâm nhập được vào suy nghĩ của bạn, bạn chỉ nghĩ đến Lời Chúa và giãi bày gánh nặng với những người khác.

Ê-xê-chi-ên *nhìn thấy điều siêu nhiên*, ông nhìn thấu, nhìn thấy trước, nhìn từ trên xuống, đây là *những cái nhìn mà Chúa ban cho*. Ngài cho bạn nhìn thấu nhiều điều và bạn thấy những điều mà người khác không thấy. Ngài cho bạn nhìn thấy trước và bạn thấy điều sắp xảy đến trước khi nó xảy đến. Ngài cho bạn nhìn từ trên, Ngài giúp bạn đồng ngồi với Ngài, nhìn xuống và thấy toàn cảnh, thấy mục đích Ngài được tỏ ra. *Kiểu nhìn đó đến qua khải tượng* và ở đây *đặc biệt nhấn mạnh vào hình ảnh*. Đó là một nhánh tiên tri khác gọi là *Mặc khải*, mang tính chất khác, *chú trọng vào hình ảnh hơn là lời nói*, mang tính biểu trưng rất cao, rất có kịch tính. Trong *dòng văn học Mặc khải* của Kinh Thánh thì *Ê-xê-chi-ên* là một ví dụ đặc trưng, *Đa-ni-ên* có lẽ là điển hình nhất. Trong Tân Ước, sách *Khải Huyền* được gọi là Mặc khải. Từ Mặc khải nghĩa là *vén màn, hé lộ*, như thể những khải tượng mang tính biểu trưng này, tuy nghe phức tạp khi mới đọc, nhưng chúng *vén màn hay hé lộ* điều Chúa có thể thấy, để bạn cũng có thể thấy nó. Đó là ý nghĩa quan trọng của khải tượng.

Có hai khía cạnh trong khải tượng của Ê-xê-chi-ên *rất khác thường, về không gian và thời gian*. Ngoài đời thường thì chúng sẽ được gọi là *nhãn thông (clairvoyance). Nhãn thông*, từ ma quỷ mà ra, đó là thứ ma quỷ *giả mạo cái nhìn thánh* được Chúa ban. Chẳng hạn như Ê-xê-chi-ên ở Ba-by-lôn nhìn thấy những điều đang xảy ra tại Giê-ru-sa-lem cách đó hàng trăm cây số. Các học giả hiện đại không thể hiểu được, nên họ mới nói: "Chắc ông phải liên tục về Giê-ru-sa-lem để xem sự tình ở đó." Họ quá hoài nghi về những điều siêu nhiên đến nỗi họ không hiểu được, họ không thể tưởng tượng được một người ở Baghdad lại biết sự tình ở Giê-ru-sa-lem vào đúng thời điểm nó đang xảy ra. Nhưng Ê-xê-chi-ên, qua Đức Thánh Linh, có thể thực sự nhìn thấy. Chẳng hạn có một ngày đang giảng tại Ba-by-lôn, ông bỗng nói ông thấy một người bị đột tử. Vài tuần sau tin từ Giê-ru-sa-lem đến cho biết có một người chết đột ngột vào đúng thời điểm ông nói: "*Tôi thấy một người bị đột tử,"* Kinh Thánh đã chép vậy.

Có một yếu tố của khải tượng là tầm nhìn trong đó *không bị giới hạn bởi thời gian hay không gian*, và nhờ đó Ê-xê-chi-ên đã được mặc khải nhiều điều đáng kinh ngạc như vậy. Ông thấy những điều đang diễn ra tại những nơi khác, ở những thời điểm khác. Chúng được mô tả quá sinh động đến nỗi, nếu không tin vào *sự thần cảm của Đức Thánh Linh*, thì chỉ có thể giải thích rằng: hoặc là chính ông đã phải tới xem xét những nơi đó, hoặc những lời tiên tri về tương lai trong sách Ê-xê-chi-ên không do ông viết từ đầu, mà sau này được ai đó chứng kiến những điều đã xảy ra viết bổ sung. Chúng ta thật sự phải lựa chọn khi bước vào xem xét sự tiên tri và Mặc khải. Bạn có tin rằng Chúa thấy tất cả và bày tỏ cho đầy tớ Ngài là các tiên tri? Hay bạn sẽ phải tìm một lời giải thích thế thường nào đó.

Dữ kiện và số liệu về những dự báo trong Kinh Thánh

Kinh Thánh thực sự là một sách *đầy những dự báo* về tương lai. Có *27% số câu* trong Kinh Thánh có dự báo về tương lai. Ê-xê-chi-ên là một trong những sách có tỉ lệ cao nhất, có mật độ cao nhất. Có tổng cộng *735 sự kiện* riêng biệt được dự báo trong Kinh Thánh, một số được dự đoán một lần, một hai sự kiện được dự đoán trên 300 lần, trong đó có 593 sự kiện đã xảy ra, tức là 81%. Tại sao người ta lại đi lấy lá số tử vi, khi xác suất xảy ra của chúng không quá 5%. Kinh Thánh chính xác đến 100% chứ không chỉ 81% nêu trên, vì 19% dự báo còn lại là về kỳ tận thế, chúng chưa thể xảy ra vì chúng ta vẫn còn ở đây, và sẽ cần xảy ra trước khi Chúa Giê-su tái lâm.. Con số này nói lên một điều gì đó.

Ê-xê-chi-ên và *Đa-ni-ên* có tỉ lệ dự báo về tương lai cao nhất trong toàn bộ Cựu Ước. Ba phần tư dự báo của Ê-xê-chi-ên đã trở thành sự thật tới từng chi tiết. Theo xác suất thống kê xảy ra của điều này là 1 trên 75 triệu, nhưng nó đã xảy ra. Sao người ta lại không tin Kinh Thánh nhỉ? Nếu bạn muốn biết điều gì sẽ xảy ra với thế giới của chúng ta thì hãy đọc Kinh Thánh. Chúa đã cho chúng ta biết mọi điều cần biết. Vậy là chúng ta đang xét đến một sách kỳ diệu; chúng ta đang xét đến một sách siêu nhiên; nếu không có Chúa thì Ê-xê-chi-ên không thể nào nói được như vậy.

Dàn ý của sách

	NĂM LƯU ĐÀY	TUỔI Ê-XÊ-CHI-ÊN	NỘI DUNG CỦA LỜI TIÊN TRI	CHƯƠNG CỦA SÁCH
	5th	30	BỔ NHIỆM chức TẾ LỄ của Ê-XÊ-CHI-ÊN	1-3
I	5th to 9th	30-33 *	GIÊ-RU-SA-LEM sẽ bị PHÁ HỦY HOÀN TOÀN 'Rồi các con sẽ biết Ta là ...'	4-24
			GIÊ-RU-SA-LEM BỊ BAO VÂY (589 TCN)	
II	11th to 12th	36-37	SỰ BÁO THÙ dành cho CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG GIU-ĐA 'Rồi họ sẽ biết Ta là ...'	25-32
			GIÊ-RU-SA-LEM BỊ PHÁ HỦY (587 TCN)	
	12th	37	QUAY TRỞ VỀ TỪ chỗ LƯU ĐÀY ở BA-BI-LON 'Rồi các dân sẽ biết Ta là ...'	33-39
III	25th	50	SỰ PHỤC HỒI của ĐỀN THỜ ở Y-SƠ-RA-ÊN	40-48

Qua bảng cấu trúc của sách, cho thấy những vấn đề vừa nói đến đều phần *từ chương 1 đến chương 3*. Đó là năm thứ năm ông đi lưu đày, vào tuổi 30, và thầy tế lễ Ê-xê-chi-ên được chuyển sứ mệnh thành tiên tri. Ba chương này nói đến *khải tượng* và *phản ứng của ông* với nó, điều khiến ông trở thành tiên tri của Đức Chúa Trời. Cấu trúc sách cũng làm rõ các sứ điệp có ba phần rõ rệt, được

rao báo *vào ba dịp*. Dịp đầu vào ba năm ông ở tuổi từ 30 đến 33. Dịp sau ở hai năm từ 36 đến 37 tuổi. Dịp cuối khi ông vào tuổi 50. Giữa những khoảng đó thì ông im lặng, thật sự im lặng.

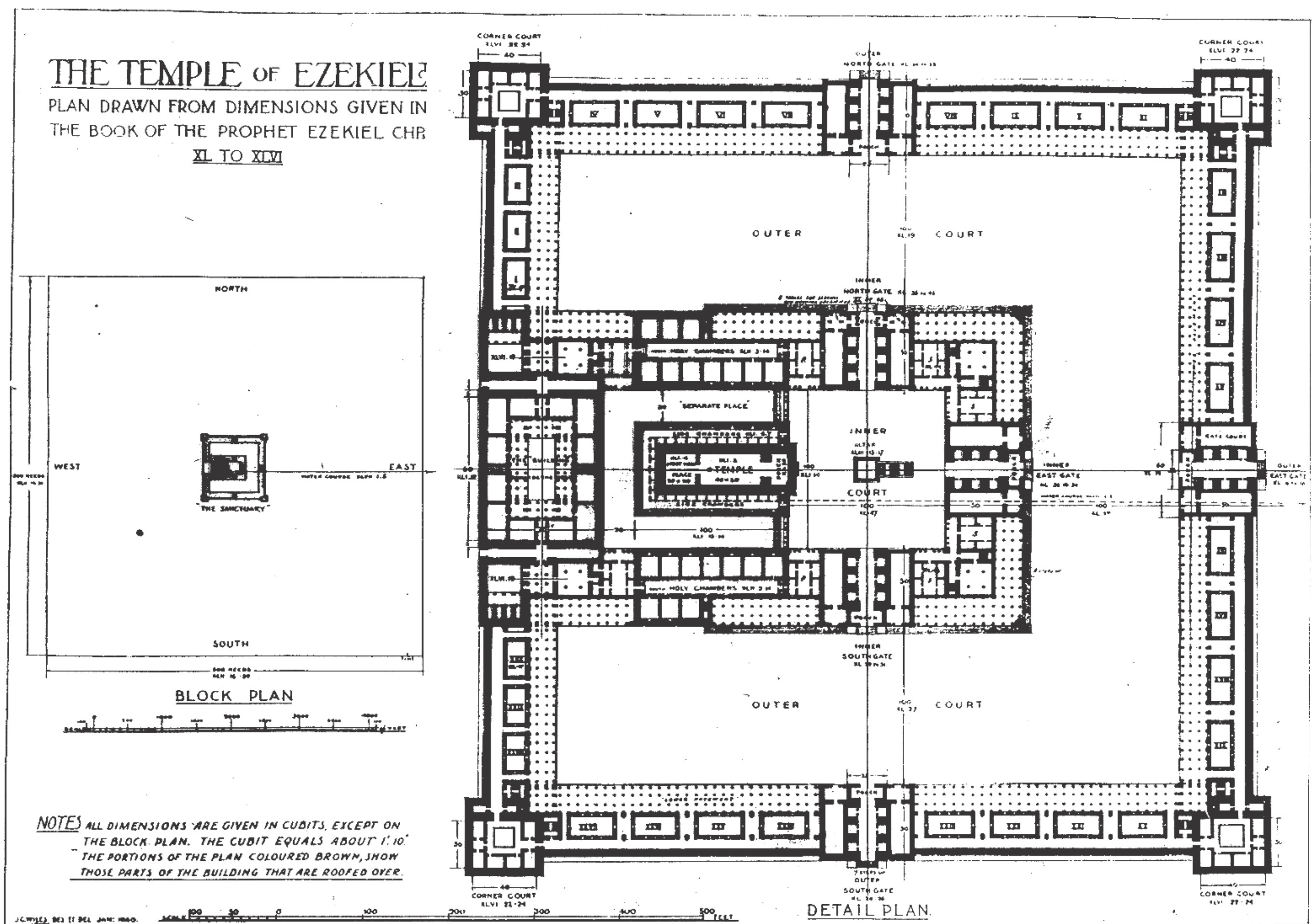
Ba chủ đề của sứ điệp rất khác nhau.

Chủ đề đầu từ *chương 4 đến đầu chương 25*, một chủ đề ảm đạm nhất. Nhà tiên tri ở tuổi 30-33 nói về *sự trừng phạt đối với thành Giê-ru-sa-lem*. Đó là lời loan báo đáng sợ, rằng *Giê-ru-sa-lem sẽ bị phá hủy hoàn toàn*, hoàn toàn. Đây là phần thật sự ảm đạm trong sách Ê-xê-chiên, phần mà không ai trích dẫn đến. Thật sự thì sách Ê-xe-chi-ên không phải một sách với những trích dẫn dễ nhớ, đây không phải là một sách câu gốc, cần phải đọc cả sách mới hiểu được sứ điệp. Người ta chỉ thích trích dẫn câu gốc, thì sách Ê-xê-chi-ên không hề hợp để làm việc này.

Lần thứ hai lại mở miệng sau hai năm im lặng, ông ở tuổi 36-37, vào năm lưu đày thứ 11-12. Tại các *chương 25 đến 32*, ông nói về các dân xung quanh Giê-ru-sa-lem, những dân lợi dụng tình thế Giê-ru-sa-lem còn đó nhưng tê liệt dưới chướng Ba-by-lôn, những dân vui mừng khi thấy vẻ vang Y-sơ-ra-ên chấm hết. Chúa phán cho ông để công bố rằng: *"Ta sẽ báo thù các nước lân cận Y-sơ-ra-ên, lân cận Giu-đa, Giu-đa nhỏ bé."* Tất cả lân bang đều mừng rỡ khi thấy nó sụp đổ, nhưng Chúa phán rằng *chúng sẽ phải trả giá cho điều đó.*

Lại có một điều xưa nay trùng hợp đến kỳ lạ trong chuyện này. Xung quanh Y-sơ-ra-ên ngày nay toàn là những dân muốn thấy nó chấm hết. Y hệt một chuyện xưa tái diễn. Thực ra thì cuộc chiến của Saddam Hussein thực sự *nhằm vào Y-sơ-ra-ên* chứ không phải vào Kuwait. Hắn ta chỉ mong lôi được Y-sơ-ra-ên vào xung đột và kết liễu Y-sơ-ra-ên. Nếu làm được như vậy thì hắn sẽ trở thành người hùng của cả Trung Đông, thành người vĩ đại nhất. Hắn theo đuổi và nung nấu ý định đó. Nhưng bạn thấy đấy, kết cục quá giống chuyện xưa. Trong tất cả những điều này, Chúa phán: *"Ta sẽ báo thù các nước lân cận Y-sơ-ra-ên, lân cận Giu-đa, Giu-đa nhỏ bé."* Tất cả đều mừng rỡ khi thấy nó sụp đổ, nhưng Chúa phán rằng: "*Chúng sẽ phải trả giá cho điều đó."*

Sau đó vào năm 587 TCN, kỳ Giê-ru-sa-lem bị vây hãm. Ông bắt đầu lại năm 37 tuổi, vào khi ông mất người vợ. Về nỗi đau riêng này của ông, Chúa cũng có lời phán nhủ cùng ông và dùng nó. Giê-ru-sa-lem đã bị hủy diệt hoàn toàn. Sự rao giảng của ông lại thay đổi hoàn toàn. Sứ điệp mới là: "*Đến một ngày, chúng ta sẽ về nhà. Đến một ngày, Giê-ru-sa-lem sẽ được xây lại. Đến một ngày, sẽ có một đền thờ mới."* Tất cả trở nên hy vọng lạc quan. Một ngày, *Thung lũng Xương khô* sẽ hợp lại với nhau và trở thành một đội quân hùng mạnh. Tất cả đều là sự lạc quan tích cực, trông đợi một tương lai trọn vẹn. Nhìn lại thì thấy rõ, khi Giê-ru-sa-lem bên bờ tiêu hủy thì ông buồn thảm. Nhưng khi nó bị phá sập rồi, dân sự đang tuyệt vọng đến cùng cực thì lại cần được vực dậy trong hy vọng. Bạn có thấy sứ điệp của ông luôn đáp ứng với phản ứng của họ trước những gì đang diễn ra, và đó là câu trả lời của Chúa về điều đó không?



Những chương cuối, ông không nói gì thêm cho đến năm 50 tuổi. Ông đã đợi 13 năm khi Chúa không cho ông mở miệng. Đến kỳ Chúa mới phán: "*Ta có một điều cuối cùng để con bảo chúng.*" Đó là *chương 40 - 48* nói về *sự khôi phục đền thờ tại Giê-ru-sa-lem*. Các sơ đồ và bản vẽ kiến trúc về tòa nhà kỳ diệu này do một kiến trúc sư Do Thái đã vẽ theo khải tượng của ông. Có một cụm từ xuất hiện xuyên suốt sự tiên tri của ông: *"Bấy giờ, các ngươi sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va..."* Tôi có ghi lại số lần cụm từ đó xuất hiện trong Kinh Thánh của mình, sửng sốt với tần suất xuất hiện của nó: *74 lần*. Có một phát hiện lý thú: trong 74 lần cụm từ này xuất hiện xuyên suốt ba chủ đề tiên tri, cụm từ đó chỉ thay đổi có một từ, *ở một đại từ nhân xưng!* Trong phần đầu, chương 4 - 24, cụm từ rao báo với *đại từ nhân xưng* là "bấy giờ, *các ngươi* sẽ biết…." Sang phần thứ hai, về sự báo thù của Chúa trên các nước lân cận Giu-đa, cụm đó trở thành: "bấy giờ *chúng* sẽ biết…." Và khi ông chuyển sang rao báo tin mừng về sự hồi hương, cụm đó trở thành "Bấy giờ, *các nước* sẽ biết…." Nói cách khác, khi Chúa đem dân Do Thái trở lại Trung Đông, *cả thế giới đều biết rằng Chúa là Đức Giê-hô-va. Đ*iều đó đã xảy ra trong đời các bạn và đời tôi, cả thế giới đều biết. Vì nếu nghĩ và nói theo cách của con người, thì hoàn toàn không thể nào tái lập Nhà nước Y-sơ-ra-ên được, lẽ ra nó cũng đã bị cuốn phăng đi vào năm 1948.

Tôi nhớ dịp tôi có đến cao nguyên *Golan* với một vị tướng Y-sơ-ra-ên, vào những ngày cuối cuộc chiến năm 1967. Tôi có hỏi: "Làm thế nào mà các anh lên được đây thế? Tôi thấy mọi khẩu súng của Nga đều chĩa cả xuống khu tái định cư." Lúc đó chúng tôi còn phải cẩn thận lắm, vì trên đầu đạn vẫn bay vèo vèo. Bạn có biết là vị tướng làm gì không? Ông ấy *chỉ tay lên trời*. Đó là câu trả lời của ông.

Khi Y-sơ-ra-ên trở về nhà, “*bấy giờ các nước sẽ biết.”* Đó là *cụm từ then chốt*, nó nghĩa là: “Anh có muốn biết chắc là có Chúa không? Vậy thì hãy xem điều Chúa làm, bấy giờ anh sẽ biết.” Bạn thấy đó, Đức Chúa Trời không chỉ là một vị thần nhỏ tại gia để giúp bạn với những vấn đề cá nhân. Chúa nắm giữ lịch sử, Chúa liên tục chuyển dịch các nước và nếu bạn muốn thấy Đức Chúa Trời rõ nhất, đừng chỉ nhìn những điều Ngài làm với Trung Quốc hoặc Ấn Độ mà *hãy nhìn cho thật rõ những điều Ngài làm với Y-sơ-ra-ên*, với dân Ngài. Khi đó bạn sẽ rõ, bấy giờ bạn sẽ biết.

Như vậy, điều này trước hết có nghĩa rằng dân Y-sơ-ra-ên khi đó chưa chắc lắm về *“Chúa ở đây,”* nên Ê-xê-chi-ên mới phải rao báo *“Bấy giờ các ngươi sẽ biết.”* Phần sau nghĩa là các nước xung quanh Giu-đa chưa chắc lắm rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên tồn tại, nên hãy đợi *“bấy giờ chúng sẽ biết.”* Còn cuối rốt có nghĩa rằng cả thế giới chưa chắc lắm rằng có một Đức Chúa Trời, - *“bấy giờ các nước sẽ biết.”* Đây là *chìa khóa* cho sách này.

Sự trừng phạt với thành Giê-ru-sa-lem

Khi quân Ba-by-lôn đến chiếm đóng, chúng *quét tầng lớp trên của xã hội* đưa đi, nhưng vẫn để lại thành đó. Dân Giu-đa còn lại vội nghĩ: “Ồ, cũng đâu đến nỗi tệ như lời dự báo của các tiên tri, chúng ta vẫn còn thành đấy thôi.” Chúa có phán rằng: “Ta sẽ phá hủy thành này,” nhưng hiện trạng thì nó vẫn còn đó. Người Do Thái với các tầng lớp dưới vẫn ở lại, sống trong ấy. Đúng là họ ở dưới quyền cai trị của ngoại bang, nhưng họ vẫn còn thành Giê-ru-sa-lem. Nói cách khác là: “Các tiên tri sai rồi, tình hình cũng đâu đến nỗi tệ như các vị nghĩ.” Thế nên Ê-xê-chi-ên mới phải nói: “*Khi Giê-ru-sa-lem bị phá hủy hoàn toàn, bấy giờ các ngươi sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va.”*

Đây là bối cảnh của phần đầu. Dân sự nghĩ rằng mọi chuyện cũng không đến nỗi tệ như lời các tiên tri. “Ôi dào, mấy cái ông tiên tri, lúc nào cũng buồn thỉu buồn thiu, lúc nào cũng sầu não, lúc nào cũng nói quá lên...” Người ta rất hay chỉ trích các tiên tri như vậy, “Họ nói quá ấy mà, mọi chuyện sẽ không đến nỗi tệ như họ dự báo đâu!” Và Ê-xê-chi-ên nói: “Nó sẽ tệ đúng như vậy, bấy giờ các ngươi sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va.” Như vậy, phần này được viết sau khi quân Ba-by-lôn vừa đến, và trước khi Giê-ru-sa-lem thất thủ hoàn toàn. Đó là lý do tại sao phần này sách lại ảm đạm đến thế. Tội lỗi của họ thực sự tệ hại như lời các tiên tri, thì sự phán xét cũng sẽ tệ hại đúng như lời các tiên tri rao báo.

Ê-xê-chi-ên truyền đạt sứ điệp này không chỉ bằng viết nó ra, mà ông còn *phải làm bằng nhiều phương cách khác* để cho họ có thể mắt thấy tai nghe, với hy vọng rằng hành động có thể mạnh hơn lời nói. Con người đáng thương này đã phải làm theo nhiều cách thức kỳ quặc nữa. Để truyền đạt ý *Giê-ru-sa-lem đã chấm hết*, ông phải *diễn kịch câm* sáu lần.

Đầu tiên, ông lấy một phiến đất sét, nặn mô hình thành Giê-ru-sa-lem thu nhỏ. Sau khi đã phơi nó khô cứng dưới ánh mặt trời, ông phải đập nó ra thành từng mảnh. Ông làm mà không hé miệng một câu, dân chúng đã nhìn ông, rồi rỉ tai nhau: “Cái ông tiên tri này làm trò quái gì ấy nhỉ?” Ông nghe thấy mà vẫn chẳng nói gì.

Lần hai, kinh khủng lắm. Chúa phán dạy: “Hãy nằm nghiêng sang trái *390 ngày*, rồi nằm nghiêng sang phải thêm *40 ngày nữa*.”

Bạn có thể tưởng tượng ra mình sẽ làm điều đó không? Ông phải làm như vậy *để tượng trưng cho số năm họ đã bất tuân với Chúa*, kể cả thời gian bị vây hãm. Để đảm bảo rằng ông có thể làm

như vậy, Chúa phán: *"Ta sẽ lấy dây mà trói con."* Nên hãy tưởng tượng Ê-xê-chi-ên bị trói bằng dây, lại phải nằm nghiêng sang trái trong 390 ngày, rồi trở nghiêng sang phải 40 ngày, không nói một lời nào. 430 ngày dân tình chỉ ngó rồi rỉ tai nhau: "Ông ấy sao rồi nhỉ?"

Lần ba, ông phải duy trì chế độ ăn đạm bạc để tượng trưng cho việc thiếu thức ăn khi Giê-ru-sa-lem bị vây hãm, và thực ra ông đã sống bằng 20 siếc-lơ bánh và một phần sáu hin nước, tức là 0.6 lít nước và 0.2 kg bánh. Ông phải sống theo chế độ ăn đó trong một thời gian dài, ông còn phải nướng bánh bằng phân người phơi khô. Vậy là khi đi nặng, ông phải phơi cái đó ra và dùng nó làm chất đốt để nướng bánh. Ông nói rằng: "*Mọi thứ sẽ kinh khủng như vậy tại Giê-ru-sa-lem."* Thực ra thì ông có phản ứng với Chúa: "Chúa ơi, con không dùng phân người được đâu." Chúa phán: "Được rồi, Ta sẽ cho con dùng phân bò thay phân người."

Một ví dụ tuyệt vời về tính linh hoạt của Chúa nhỉ! Tính linh hoạt của Chúa quan trọng lắm chứ, vì một số người nói về quyền tối thượng của Chúa như thể Ngài rất độc đoán, như thể Ngài chỉ nhặt ngẫu nhiên một số người, như thể Ngài đã quyết định rồi thì bạn không thay đổi gì được. Chúa không như vậy. Chúa thực sự tương tác với chúng ta, và Ê-xê-chi-ên nói: "*Chúa ơi, con thật sự có giới hạn cho việc đó."* Chúa phán: "Được rồi, con có thể dùng phân bò thay phân người." Mối quan hệ thật sự cá nhân giữa Đức Chúa Trời và dân Ngài được thể hiện rất rõ qua việc này. Lại lan man liên tưởng đến xem phim *Người chơi Vĩ cầm trên mái nhà* và xem cách Tevye già nua nói chuyện của ông ta với Chúa thì thấy. Đó là mối quan hệ thật sự mà chúng ta có với Đức Chúa Trời, và chúng ta cần điều đó. Một mối quan hệ sống động: *bạn có thể thuyết phục Chúa đổi ý*. Thật tốt phải không? Chẳng phải Ngài là một vị Chúa tuyệt vời khi biết lắng nghe cả chúng ta hay sao?

Lần thứ tư tiếp theo, ông phải cạo nhẵn đầu và râu mình, rồi chia râu tóc làm ba nhúm. Ông đốt một nhúm trước, rồi lại đốt nhúm thứ hai và cắm phập thanh gươm vào đó. Nhúm thứ ba, ông tung lên trời, chúng bay đi tán loạn theo gió. Ông nói*:"Đó là điều sẽ xảy đến với dân Giê-ru-sa-lem."*

Lần thứ năm, ông cho hết quần áo vào một cái túi, rồi đục một cái lỗ trên tường và lẻn ra qua tường trong đêm. Bạn có biết khi ông làm điều này, một sự việc hệt như vậy sắp xảy ra không? Đó là khi vua *Sê-đê-kia* đục lỗ tường thành để trốn khỏi Giê-ru-sa-lem. Ông đã thấy trước việc này sẽ đến và ông phải diễn, ông nói: "*Các ngươi sẽ thấy vua lẻn qua một cái lỗ trên tường."*

Lần thứ sáu là lần khó khăn nhất, ta đã nghe kể rồi. Khi vợ ông qua đời, ông không được khóc thương vì Chúa phán: "Giê-ru-sa-lem cuối cùng cũng thất thủ, dân sự sẽ quá choáng váng, chúng sẽ không thể tin được, chúng còn không khóc được, chúng quá hoang mang, quá choáng váng. Ta muốn cho chúng thấy khi con không khóc cho vợ mình, đó sẽ là phản ứng của chúng khi thành Giê-ru-sa-lem cuối cùng cũng thất thủ." Ê-xê-chi-ên quá đáng thương, và ông bảo họ rằng "Nó sẽ đổ nát, đổ nát, đổ nát. Giê-ru-sa-lem sẽ thành một đống đổ nát, đổ nát, đổ nát. Sẽ không còn lấy một dấu vết của nó cho đến chừng nào Đấng đáng được quyền xét xử đến, và Ta sẽ giao nó cho Người."

Một trong những *khải tượng ấn tượng nhất* mà ông thấy là *vinh quang của Đức Giê-hô-va* tại đền thờ, và vinh quang cứ thế biến mất và mờ dần đi. Vinh quang lên đến đỉnh Núi Ô-liu rồi biến mất. Chi tiết này có gợi nhắc cho bạn điều gì không? Đó chính là điều đã xảy ra với Chúa Giê-su. Họ đã chối bỏ Ngài, Ngài lên đỉnh Núi Ô-liu và biến mất. Vinh quang của Đức Giê-hô-va đi mất, và *Ngài biến mất trong những đám mây vinh hiển*. Bạn biết đấy, càng đọc Kinh Thánh bạn càng kinh ngạc khi thấy mọi thứ đều kết nối với nhau và chi tiết này khớp với chi tiết kia.

Tại sao Giê-ru-sa-lem lại sụp đổ? Tiếp tục câu hỏi lớn cho phần đầu. Có ba lý do chính: *Thờ thần tượng, Tha hóa và Thái độ vô ơn*. Đó là ba điều *liên tục xuất hiện*.

Thờ thần tượng: Họ đang thờ lạy nữ thần A-sê-ra trong đền thờ, họ đặt hình thú vật trên các bức tường đã đổ nát của đền thờ. Những người nữ đã bắt đầu thờ lạy một nữ thần gọi là Tham-mu ở ngay cổng đền. Ê-xê-chi-ên còn thấy 25 người nam trong đền thờ, thờ lạy mặt trời. Đủ loại tôn giáo du nhập vào. Đó cũng sẽ là trận chiến cam go nhất với chúng ta ngày nay để giữ cho *Cơ Đốc Giáo* sạch khỏi những tôn giáo khác, vì con cái chúng ta đang bị tẩy não tại trường học, nơi người ta dạy chúng thờ lạy *phiếm thần* gồm cả Đức Phật, Khổng Tử lẫn Chúa Giê-su.

Tha hóa. Ê-xê-chi-ên gọi Giê-ru-sa-lem là *Thành đẫm máu* vì đã tàn nhẫn bóc lột người góa bụa, trẻ mồ côi và khách lạ. Nạn giết người đang xảy ra trong thành. Người ta lừa gạt nhau, làm trò đồi bại về tình dục, kinh thường cha mẹ nơi *Thành Thánh* Giê-ru-sa-lem.

Thái độ vô ơn. Như Chúa đang nói rằng: "Sau tất cả những gì Ta đã làm cho các ngươi mà các ngươi lại báo đáp Ta như thế. Sau tất cả những gì Ta đã làm cho các ngươi mà các ngươi lại bạc bẽo khôn cùng." *Vô ơn* là một trong những *tội trọng* xuyên suốt Kinh Thánh: *không nói lời cảm ơn với Chúa.*

Ê-xê-chi-ên đã *dùng ẩn dụ* để nói lên quan điểm của mình. Có *năm ẩn dụ* trong sách.

Cây nho dại, một ẩn dụ mà Chúa Giê-su cũng dùng. Ẩn dụ *Bé gái*, một bé gái bị bỏ rơi, sau này lên làm hoàng hậu rồi lại thành ra gái điếm, đó là một ẩn dụ sinh động. Ẩn dụ *Hai chị em*, Ô-hô-la và Ô-hô-li-ba tượng trưng cho Sa-ma-ri, mười chi phái phía bắc và Giu-đa, hai chi phái phía nam. Toàn bộ câu chuyện về *hai chị em* đã nêu bật thông điệp này. Ẩn dụ *Sư tử cái và hai con của nó*, hai sư tử con bị bắt đi. Ẩn dụ *Hai con chim ưng*, một con tượng trưng cho Pha-ra-ôn và một con là Nê-bu-cát-nết-sa. Ẩn dụ là một cách để truyền đạt lẽ thật cho những người muốn biết, và giống như ẩn dụ còn lại *"Con Người"* để nói về Chúa Giê-su.

Cuối cùng, Ê-xê-chi-ên *kết tội ba nhóm người* cụ thể: *các tiên tri, các thầy tế lễ* và *các vua*. Ông nói rằng họ đều phần nào khiến Giê-ru-sa-lem thành ra như vậy. Rồi với hình ảnh ba người hùng luôn ở trong đầu, ông nói: *"Đức Chúa Trời không thể cứu Giê-ru-sa-lem ngay cả khi có Nô-ê, Gióp và Đa-ni-ên sống tại đó."* Nhưng thực ra thì không ai trong ba người sống tại đó. Đa-ni-ên đang ở Ba-by-lôn, Nô-ê và Gióp đã quá cố. Nhưng ông nói: "*Kể cả ba người vĩ đại nhất trong lịch sử đều ở trong thành này thì cũng không ngăn nó bị phá hủy được."* Trong sứ điệp của mình, chính Ê-xê-chi-ên đã đưa ra *sự kết hiệp thú vị giữa Nô-ê, Gióp và Đa-ni-ên*.

SÁCH Ê-XÊ-CHI-ÊN - Phần 3

Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem

Ê-xê-chi-ên nói tiên tri lần thứ hai này vào năm ông 36-37 tuổi, cách phần đầu ba năm. Thời điểm ngay sau khi Giê-ru-sa-lem thất thủ, tất cả các nước lân cận đều phấn khởi hết mức.

Mức độ hứng khởi của các dân này được miêu tả trong *một từ Hê-bơ-rơ* ấn tượng đến mức nó đã trở thành *từ căn* cho một từ tiếng Anh *"hip-hip-hooray." "Hip": h-i-p* là ba ký tự đầu trong tiếng Hê-bơ-rơ của một từ có nghĩa *"Giê-ru-sa-lem thất thủ rồi,"* ban đầu, đó là một câu reo hò mang tính bài Do Thái - *Giê-ru-sa-lem thất thủ rồi."* E rằng nghĩa này làm cụm *"hip-hip-horray"* đã định hình trở nên mất hay, giờ tôi không thể nói thế được vì nguồn gốc của nó là như vậy. Mọi dân xung quanh Giê-ru-sa-lem đã nói như vậy: *"Giê-ru-sa-lem thất thủ rồi, chúng ta đã tống khứ được lũ Do Thái rồi!"* Ngày đó, lợi dụng cuộc xâm lược của Ba-by-lôn, dân Ê-đôm và dân Am-môn đã làm những điều khủng khiếp với những người còn ở lại.

Điều đó lý giải cho sự cay đắng trong một số bài Thi Thiên, như *Thi Thiên 137. B*ài này được sáng tác tại Ba-by-lôn: "Chúng tôi treo đàn hạc của chúng tôi trên cành dương liễu, sao chúng tôi có thể hát bài ca của Si-ôn trên đất khách? Người ta muốn nghe chúng tôi đàn hát tại Ba-by-lôn nhưng sao chúng tôi có thể hát khi xa Giê-ru-sa-lem. Nguyện lưỡi ta dính vào vòm miệng, nguyện tay phải ta quên năng lực nó đi, còn hơn là phải hát những bài ca của Si-ôn nơi đất khách." Rồi kết thúc với tiếng kêu cay đắng: "*Phước cho người bắt con nhỏ ngươi, và đập nát chúng trên đá!"* Đó là tư thế cầm chân lũ trẻ và đập nát sọ chúng vào tường thành Giê-ru-sa-lem! Đó là tiếng kêu trong lòng: "*Liệu có ai đối xử với các ngươi theo cách các ngươi đối xử với chúng ta không?"*

Sự báo trả trên những nước láng giềng của Giu-đa

Phần giữa trong lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên đều nói rằng: "Chúa sẽ báo trả những dân xung quanh vì họ đã lợi dụng lúc Giê-ru-sa-lem thất thủ." Một số dự báo có những chi tiết không thể tin nổi. Ví dụ Ê-xê-chi-ên *báo trước về sự sụp đổ của Ty-rơ*. Thị trấn Ty-rơ là một ngư cảng ở bờ đông Địa Trung Hải. Cách bờ biển gần một cây số có một hòn đảo. Ê-xê-chi-ên báo trước, đến một ngày Ty-rơ sẽ bị san bằng và cả thành này sẽ bị quăng xuống biển. Thành Ty-rơ xưa sẽ trở thành chỗ phơi lưới của ngư dân. Đó là một dự báo khác thường vì không một thành nào trong lịch sử thế giới lại bị quăng xuống biển như vậy.

Khi đội quân hùng mạnh của Alexander Đại đế tiến xuống Ai Cập, dân Ty-rơ thản nhiên lên thuyền đánh cá và ra đảo, vì yên chí rằng Alexander có quân bộ chứ không có hải quân. Họ không nhận ra rằng không phải ngẫu nhiên mà người ta tôn Alexander làm Đại đế. Khi ông ấy thấy toàn bộ dân Ty-rơ đã ra đảo và cứ chắc mẩm mình an toàn, ông ra lệnh cho quân sĩ: "*Hãy quăng thị trấn này xuống biển để đắp một con đường ra đảo."* Họ tuân lệnh, đập nát thành, vét hết mọi thứ quăng xuống biển, đủ đắp một con đường ra đảo, rồi kéo quân ra làm cỏ dân này. Nhìn vào bản đồ ngày nay, bạn sẽ thấy tên Ty-rơ là ở trên một bán đảo. Cát biển ngàn năm phủ đầy con đường xưa quân Alexander đã đắp. Bờ biển không còn thẳng băng như xưa, không còn hòn đảo tách xa bờ nữa, chúng đã theo con đường đắp bằng đá cả thị trấn Ty-rơ gộp lại kéo liền thành bán đảo, tên Ty-rơ giờ ghi ở ngoài rìa. Địa danh *Ty-rơ xưa* trên đất liền nay vẫn còn, với những tấm lưới của ngư dân trải phơi trên bãi đá.

Đó là dự báo với xác suất xảy ra là *một phần 75 triệu*, nhưng Ê-xê-chi-ên đã nói rằng điều này sẽ xảy ra, từ nhiều thế kỷ trước đó. Ông báo trước những điều sẽ xảy đến với Ai Cập, với tất cả những

dân xung quanh Giu-đa, và chúng luôn xảy đến như vậy. Có những dự báo về *Am-môn, Mô-áp và Ê-đôm* ở phía đông, và nếu đã từng đến Petra hoặc thấy những tấm hình về Petra thì bạn sẽ thấy Núi Si-e-rơ. Bạn có nhận ra rằng Ê-đôm là Ê-sau không, nó bắt nguồn mãi từ thời Gia-cốp. Giống như *Ích-ma-ên* với *Y-sác* là xung đột giữa *Ả Rập* với *Y-sơ-ra-ên* ngày nay vậy. Bạn cần hiểu lịch sử để có thể hiểu Trung Đông hiện tại. Sách nhắc đến *Phi-li-tin* ở phía tây Giu-đa, *Ty-rơ và Si-đôn* ở phía bắc, rồi *Ai Cập* ở phía nam. Thực ra là ông điểm diện hết một vòng các dân này và công bố lời tiên tri: Khi những điều này xảy đến với chúng, thì *"Bấy giờ chúng sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va."*

Có một nhân vật nổi bật trong phần giữa này, như một ví dụ điển hình về *sự kiêu ngạo tột bậc*. Vua *Ty-rơ,* là hình ảnh về sự kiêu ngạo của Sa-tan. Đây không phải là sự trùng hợp, mà có mối quan hệ giữa ma quỷ và sự kiêu ngạo tột độ của vua Ty-rơ. Ông ta nói: *"Ta là một vị thần."* Pha-ra-ôn cũng từng nói như vậy, có lời khẳng định rất khó nghe của Pha-ra-ôn: "Ta đã làm nên sông Nin." Vâng, có thể ông ta đã đào một số kênh tưới tiêu, nhưng ông ta lại nói: "Sông Nin thuộc về Ta, Ta đã làm nên nó." Khi con người kiêu ngạo đến độ nghĩ mình là Chúa Trời, mình đã làm nên mọi thứ, là *sự kiêu ngạo tột độ*, và họ không thể làm như vậy trong sự hiện diện của Chúa mà thoát tội được. Chúa sẽ không dung thứ cho sự kiêu ngạo của con người. T*ội lỗi vô độ là khi con người tôn mình lên như thể họ là Chúa*. Đó là điều A-đam và Ê-va đã làm trong vườn Ê-đen, họ muốn trở nên giống Đức Chúa Trời. Thật kỳ lạ khi thân phận họ *là một tạo vật* đã được dựng nên theo hình ảnh của Chúa bởi tình yêu Ngài, nhưng họ lại muốn trở nên giống Chúa trong *quyền năng và thẩm quyền* chứ không chỉ trong tính cách.

Về nhà sau cuộc lưu đày ở Ba-by-lôn

Giê-ru-sa-lem bị phá hủy vào năm 587 TCN. Lúc này có sự thay đổi hoàn toàn trong sự rao giảng của Ê-xê-chi-ên, *từ bi quan chuyển sang lạc quan*. *"Chúng ta sẽ về nhà!,"* là ấp ủ dài lâu trong lòng Giu-đa, nhưng lần này là tin vui thật sự về việc hồi hương sau lưu đày ở Ba-by-lôn, "*Chúng ta sẽ về nhà."* Từ *"về nhà"* dường như chứa đựng mọi thứ.

Hãy xét đến các *Chương 33-39,* chứa đầy tin vui, tích cực, lạc quan, và rất được phổ biến. C*hương 33* là một chương quan trọng, với chủ đề *Người canh gác*. Người canh gác đứng trên tường thành cả ngày đêm nhìn về mọi phía chân trời, anh cảnh báo cho cả thành bất cứ mối đe dọa nào xảy đến. Chúa phán với Ê-xê-chi-ên: "Đó thật sự là chức vụ của con, *Ta lập con làm người canh gác."* Cái giá của việc *được lập làm người canh gác* là: "Nếu anh không phát hiện ra kẻ thù đang tiến đến thì anh sẽ *phạm tội tử hình*." Chúa phán: "Nếu con không cảnh báo dân Ta thì con phải trả giá bằng máu mình.

Khi con đã cảnh báo chúng thì con không phải gánh trách nhiệm nữa, chúng phải trả giá bằng máu nếu chúng không nghe lời cảnh báo." *Đó là cái giá của việc làm người canh gác*. Phân đoạn nổi tiếng nhất trong Ê-xê-chi-ên là đoạn Chúa phán: "Ta đã tìm chỉ một người để đứng vào nơi sứt mẻ mà chẳng tìm được một ai." *Nhưng Ê-xê-chi-ên là người của Ngài.* Tất nhiên là Ê-xê-chi-ên không ở Giê-ru-sa-lem, ông ở mãi Ba-by-lôn. Nhưng *là người canh gác,* khi thấy rắc rối đến gần, trách nhiệm của ông là *phải cảnh báo cho dân sự*. Nếu không, ông sẽ phải trả giá bằng máu mình. Ông không còn lựa chọn nào khác ngoài thực hiện nhiệm vụ đắt giá này, nếu không làm trọn vẹn thì ông sẽ phải gánh trách nhiệm.

Chương 34 nói về những *người chăn nhân lành và người chăn gian ác*. Ê-xê-chi-ên cảnh cáo rằng Y-sơ-ra-ên có những người chăn gian ác, bao gồm cả *các tiên tri, thầy tế lễ và các vua*. Xét trên một khía cạnh họ là người chăm lo, lẽ ra họ phải có trách nhiệm chăm lo cho Y-sơ-ra-ên nhưng họ lại

không làm, nên họ là những người chăn gian ác. Ở cuối chương, Chúa phán: "*Ta sẽ làm Người chăn Nhân lành của chúng.*"

Sau này Chúa Giê-su lại dùng câu đó, "*Ta là người chăn nhân lành.*" Khi Chúa Giê-su nói "*Ta là Người chăn Nhân lành,*" Ngài đang tương phản mình với những người chăn gian ác. Có người tốt thì hẳn phải có những người xấu quanh đó. Một lần nữa, khi Chúa Giê-su nói về Người chăn Nhân lành trong *Giăng 10*, Ngài đã lấy rất nhiều ý từ *Ê-xê-chi-ên 34*. Kinh Thánh không bao giờ đổ lỗi cho chiên vì tình trạng của bầy, nguyên tắc này áp dụng cho cả các hội thánh ngày nay: *người chăn chịu trách nhiệm với tình trạng của bầy chứ không phải là các con chiên.* Vì vậy, những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên phải chịu trách nhiệm với tình trạng của dân tộc.

Chương 37, với lời kêu rêu thống thiết *"xương khô, xương khô, hỡi xương khô."* Mọi người đều đã biết về những mẩu xương, nhưng rất ít người đọc tiếp đến *hai cây gậy*, chúng cũng quan trọng không kém. Chúa bảo Ê-xê-chi-ên: "*Hãy lấy hai cây gậy và cầm chúng trên một tay, cầm cạnh nhau.*" Ông đã làm như vậy. Chúa phán: "Nhưng trước hết, hãy viết Ép-ra-im trên một cây," chỉ mười chi phái phía bắc, "và viết Giu-đa trên cây còn lại," tên hai chi phái phía nam. "*Hãy cầm chúng sát liền nhau trong tay con và con sẽ thấy chúng trở thành một cây.*"

Một số người nghĩ rằng đó là một khải tượng, tôi cho rằng đó *chính là một phép lạ*, giống như cây gậy của Môi-se vậy. Ông đã nghe lời, chúng trở nên một cây và Chúa phán: "*Ta sẽ lại khiến chúng trở thành một dân* và Ta sẽ làm người chăn của chúng.*"* Thế nên Chúa Giê-su mới nói "Ta còn có những chiên khác không thuộc về chuồng nầy, *Ta sẽ đem chúng về, chúng sẽ là một bầy, một người chăn và một bầy."* Tiếp tục nói đến các cây gậy ngày nay, vài năm trước, tôi thấy một khải tượng nho nhỏ. Tôi thấy hai cây gậy nhưng chúng không được cầm cạnh nhau. Hai cây gậy *được cầm bằng hai tay*. Một cây có ghi Ân tứ (Charismatics) và một cây ghi Tin lành thuần túy (Evangelicals). Tôi thấy chúng *trở thành một cây trong tay Chúa*, cuốn "Ngôi Lời cùng với Thánh Linh" đã ra đời từ khải tượng đó, và mất vài năm để cuốn sách được hoàn thành. Nó sẽ được phát hành vào cuối tháng này, cho tôi quảng cáo một chút! *Hai cây gậy trở nên một trong tay Chúa.*

Trong *Chương 38* có một lời tiên tri lạ lùng về tương lai. Nó chưa từng được ứng nghiệm, trở thành *lằn ranh giữa hiện tại và tương lai*. Chương này nói về *Gót và Ma-gốc*, đừng có hỏi tôi về ý nghĩa của nó vì tôi sẽ không thể nói. Hai cái tên này được nhắc lại ở ngay cuối sách *Khải Huyền*, nên rõ ràng là những điều chưa được ứng nghiệm. Một xung đột lớn nào đó sẽ đến từ phương bắc, chúng ta không biết từ đâu hay từ ai. Đây là một trong những điều mà chúng ta phải đợi xem. Nhưng một lần nữa, *Ê-xê-chi-ên đang nhìn qua kính viễn vọng* để thấy tương lai rất xa. Ông không hề thấy nó được ứng nghiệm và chúng ta cũng chưa từng thấy nó được ứng nghiệm. Nó sẽ xảy ra vào một ngày nào đó, vì Kinh Thánh chép sẽ có xung đột cuối cùng trước khi lịch sử khép lại.

Xuyên suốt tất cả những chương này, một điệp khúc thú vị nhất *chỉ có hai từ* thôi, được lặp đi lặp lại, tổng cộng 77 lần. Nó được gọi là câu dài nhất trong tiếng Anh: *"I will: Ta sẽ, tôi sẽ,"* dài bằng cả đời luôn. Đó là *một cụm giao ước*, và cụm giao ước "*Ta sẽ"* đã xuất hiện 77 lần trong những chương này: *Ta sẽ* đưa các ngươi về nhà, *Ta sẽ* làm Đức Chúa Trời của các ngươi, *Ta sẽ* ban cho các ngươi những người chăn nhân lành. *Ta sẽ, Ta sẽ, Ta sẽ, Ta sẽ.* Ở đây, Đức Chúa Trời, người chồng đang nói với cô vợ bướng bỉnh và nói: *Chúng ta vẫn là vợ chồng, và tôi vẫn giữ phần giao ước mình - Ta sẽ, Ta sẽ, Ta sẽ.* Hy vọng là bạn có đánh dấu vào Kinh Thánh, nếu có thì mỗi khi thấy "Ta sẽ,"

hãy đánh dấu vào. Đó là cảm giác choáng ngợp về sự cam kết trọn vẹn của Đức Chúa Trời với dân Ngài sau tất cả những gì họ đã làm, và thậm chí là sau khi Ngài đã đuổi họ đi.

Trở lại từ đầu nơi núi *Si-na-i*, khi Chúa lập giao ước Ngài với Y-sơ-ra-ên, Ngài đã nói một điều đinh ninh: "*Các ngươi sẽ phá bỏ giao ước này nhưng Ta sẽ không bao giờ làm như vậy."* Trong sách *Phục Truyền* thì Ngài phán: "*Sẽ có những lúc Ta phải ném các ngươi ra khỏi xứ mà Ta đã hứa cho các ngươi, nhưng Ta sẽ luôn đem các ngươi trở lại."* Và ngày nay, họ đã trở lại xứ đó. Nhưng như vậy không nghĩa là họ không cần sống đúng đắn. Chúng ta không ủng hộ Y-sơ-ra-ên vô điều kiện, nàng vẫn phải chịu trách nhiệm trước Chúa về sự công chính, cách nàng đối đãi với người ngoại kiều và khách lạ trong lãnh thổ của nàng. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, Ngài có thể lại đuổi họ ra, nhưng Ngài sẽ luôn đưa họ trở lại. Đó là *"Ta sẽ"* của Ngài. Khi Chúa nói "Ta sẽ" với bạn thì, *ôi thật quý giá!* Ta sẽ! Ta sẽ! Và khi Chúa đưa họ trở về nhà sau khi đuổi họ ra, *"Bấy giờ các dân sẽ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va"* vì điều đó xảy ra quá công khai và mọi người đều biết. Họ đã trở lại, các dân xung quanh có thể vẫn không thích nhưng họ đã trở lại, và Chúa đã đưa họ trở lại. Họ vẫn là dân Ngài, *sách Rô-ma 9 đến 11* viết: "Có thể họ đã chối bỏ Chúa nhưng Ngài không chối bỏ họ." Chúa không như vậy, Ngài ghét ly dị. Điều đó được bộc lộ sáng rõ như ban ngày.

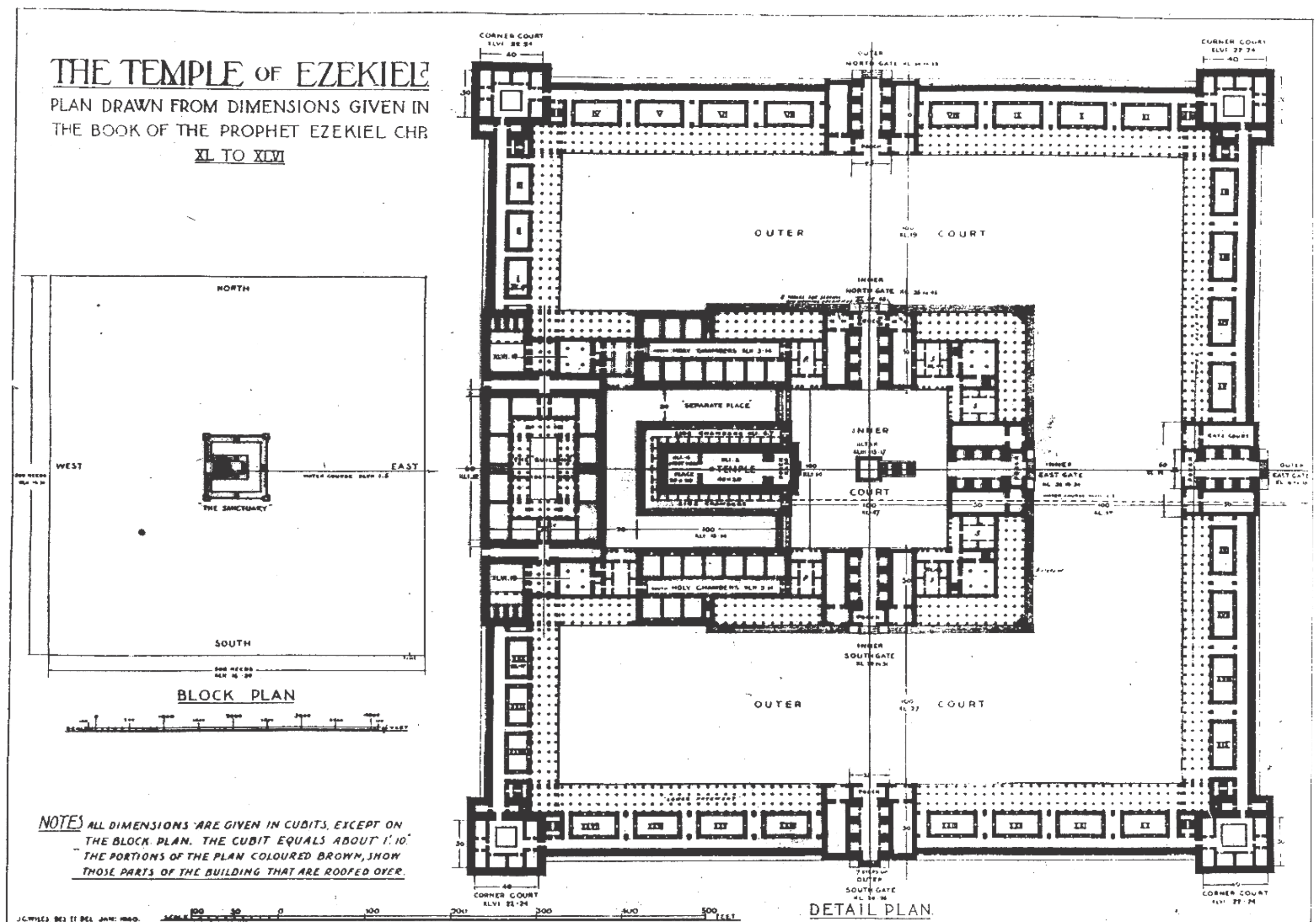
Khôi phục lại đền thờ tại Y-sơ-ra-ên

Đây là phần khó hiểu nhất. Thay vì sự giải đáp là những câu hỏi để lại. *Chương 40 - 48* là một *kiểu tiên tri khá mới*, được rao ra vào năm thứ 25 của cuộc lưu đày. Ê-xê-chi-ên rất cẩn thận ghi lại ngày tháng cho mọi điều ông nói, nên chúng ta có thể sắp xếp lại và khớp chúng vào bối cảnh lịch sử. Nếu Kinh Thánh ghi lại ngày tháng của một lời tiên tri nghĩa là nó *rất quan trọng*, nghĩa là bạn phải liên hệ lời đó vào sự kiện lịch sử để hiểu đúng nó hơn. Ở tuổi 50, khải tượng Chúa ban cho ông là về *tương lai*, hoàn toàn tập trung vào *một đền thờ mới*. Đây là giai đoạn sau của cuộc lưu đày, gần thời điểm họ trở về hơn.

Tính chất tập trung của sứ điệp rất rõ rệt, ở phần đầu chú ý vào toàn những điều xấu, thì *phần này tập chú những điều tốt để mang đến cho họ hy vọng*. Thực sự *Hy vọng* là một *phẩm chất Cơ Đốc* hay bị sao lãng nhất. Chúng ta thường nói: "Nên bây giờ còn có đức tin, hi vọng và tình yêu thương," nhưng điều bị ngó lơ hơn cả là *hy vọng*! Chúng ta nghe nhiều bài giảng về đức tin và tình yêu thương nhưng rất ít bài nói về hy vọng, đó là một trong những lý do khiến tôi làm video *Những Sự thật Cuối cùng (The Final Facts)*. Chúng ta đánh mất tầm nhìn về tương lai và trở nên bị ám ảnh với hiện tại. Chúng ta là *dân của hy vọng*, chúng ta là *dân của ngày mai*. *Kinh Thánh đầy hy vọng cho tương lai*. Ê-xê-chi-ên không được phép ngừng rao giảng cho những người đi lưu đày chừng nào chưa làm cho họ ngập tràn hy vọng, chưa đem đến cho họ điều gì đó để trông đợi.

Họ đã bị đuổi khỏi Xứ Hứa rành rành thế nào thì chắc chắn họ sẽ được đưa trở lại rõ ràng như vậy. Có thể họ đã bị kỷ luật nhưng họ không bị tiêu diệt. Chúa sẽ không bao giờ để dân Ngài, dân Y-sơ-ra-ên biến mất. Trời đất sẽ qua đi, nhưng Chúa Giê-su phán: "*Dòng dõi này sẽ không qua đi,"* và quả thật nó không qua đi. Đó là một trong những bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên có thật. Người ta không thể hủy hoại Kinh Thánh vì đó là sách của Đức Chúa Trời. Người ta không thể tiêu diệt Chúa Giê-su vì Ngài là Con Đức Chúa Trời. Người ta không thể tiêu diệt người Do Thái vì họ là dân của Đức Chúa Trời, thấy không ạ? Chúa đã truyền đạt sự vĩnh cửu Ngài với mọi thứ Ngài chạm đến và không ai có thể hủy hoại những gì thuộc về Chúa.

Mất mát nghiêm trọng nhất đối với dân này, nhất là với Ê-xê-chi-ên, cá nhân ông cảm thấy như vậy, là việc *mất đền thờ - nhà của Chúa*, dường như đó là dấu chấm hết. Vì họ luôn nghĩ rằng mọi điều khác có thể bị hủy hoại, nhưng Chúa sẽ không bao giờ để nơi ngự của chính Ngài trên đất bị hủy hoại, thế nhưng đền thờ đã mất. Đó có lẽ là điều tàn khốc nhất từng xảy ra, họ phải nhóm trong các nhà hội kể từ đó. Bây giờ vẫn vậy, vì lúc này họ cũng không có đền thờ. C*hương 40 - 42* mô tả việc xây dựng đền thờ một cách vô cùng chi tiết.



Đây là bản vẽ kiến trúc của đền thờ mới, một kiến trúc sư đã đưa cho tôi hình này và đó là một đền thờ rất đồ sộ. Ta có thể cho 13 nhà thờ lớn của Anh xếp vào diện tích này, nói vậy để dễ mường tượng. Một bản vẽ rất lớn, cực kỳ chi tiết, mọi căn phòng và các hành lang, khá khác với đền thờ của Sa-lô-môn, đồ sộ hơn nhiều, tuy của Sa-lô-môn đã lớn lắm rồi. Nhưng đền thờ mới có một số đặc điểm: không có nơi Chí Thánh, không có hòm chứng ước, không có bàn đặt bánh cung hiến.

Trong *Chương 43*, ông thấy *vinh quang trở lại đền thờ*, và ông thấy khải tượng *đền thờ lại sáng rực*. Như khi Sa-lô-môn xây xong đền, người ta đã cầu nguyện và vinh quang đã ngự vào. Họ thấy mọi thứ sáng lên bên trong đền thờ, sáng rực rỡ đến nỗi họ phải lấy tấm màn che vào, nếu không thì người ta sẽ bị mù mắt. Nhưng vinh quang đã đến tại đây,và Ê-xê-chi-ên từng thấy vinh quang rời khỏi đền thờ, nhưng giờ đây ông thấy *vinh quang trở lại* trong đó, có một bàn thờ và có những của lễ. Nhưng *Chương 44* chép rằng *không có thầy tế lễ thượng phẩm*. Chi tiết này rất đáng chú ý. Khi dân Do Thái thật sự hồi hương, họ đã có những thầy tế lễ thượng phẩm. Khi Chúa Giê-su đến cũng có thầy tế lễ thượng phẩm là Cai-phe. Trong khải tượng của Ê-xê-chi-ên về tương lai thì không có thầy tế lễ thượng phẩm, *thay vào chỗ đó là một vị vua*. Một vị vua là thầy tế lễ, nhưng về cơ bản Ngài là vua, là Đức Vua. Những thầy tế lễ duy nhất có trong khải tượng là con cháu Xa-đốc - dòng dõi nhà

Ê-xê-chi-ên. Chắc chắn là không phải ông để cả xác thịt vào trong khải tượng, nhưng Chúa đang nói rằng: "*Các ngươi phải có đúng thầy tế lễ.*" Trong *Chương 45,* cả xứ chia ra các chi phái theo dạng những dải đất nằm ngang, lần lượt từ bắc xuống nam. Rồi có sự phục hồi các tế lễ, các kỳ lễ và ngày lễ thánh như thấy *sách Lê-vi Ký*. Trừ Lễ Ngũ tuần, không có trong lịch mới. Một lần nữa để bạn tự ngẫm về điều này.

Sau đó, *Chương 47* nói đến khải tượng về *một con sông mới* tại Trung Đông. Có hai con sông có thật duy nhất tại Xứ Hứa chảy vào Biển Địa Trung Hải từ miền đồi núi Giu-đa. Nhưng có một con sông kỳ lạ không rõ điểm bắt đầu và kết thúc tên là *Giô-đanh*, chảy xuống vết nứt sâu nhất trên bề mặt trái đất, một vết nứt đi thẳng xuống qua *Châu Phi*, qua nước *Tanzania*, thẳng xuống thung lũng *Tách giãn Lớn*. Nhưng điểm sâu nhất của bề mặt vết nứt, cũng là điểm thấp nhất trên bề mặt trái đất là Giê-ri-cô, khoảng gần 500m dưới mực nước biển. Biển Chết và Sông Giô-đanh chảy vào đây và kết thúc. Sự bốc hơi của sức nóng ở dưới đó đã khiến hàm lượng muối tăng vọt lên đến khoảng 28%, nên bạn có thể ngồi trên mặt nước Biển Chết và đọc sách. Rất nguy hiểm nếu bạn bị ngã chúi đầu xuống nước, khi đó bạn không thể dìm được chân xuống để ngóc đầu lên khỏi nước nước mặn, vì chân bạn cứ như quả bóng bơm căng, nhẹ bỗng nổi trên mặt nước.

Cần biết rõ những điều này, vì ở đây trong khải tượng Ê-xê-chi-ên thấy *một con sông mới* bắt nguồn từ ngay dưới đền thờ ở trên Giê-ru-sa-lem, và mọi nguồn nước từ đó đều phải chảy ra Biển Chết. Bao quanh Giê-ru-sa-lem là đồi núi, nhưng ở phía tây nam thành có một khoảng bằng mở ra và đổ thẳng xuống Biển Chết, đó là thung lũng Kết-rôn. Thung lũng gần như cạn khô, nhưng nước mưa tìm đường xuống thung lũng và đổ ra Biển Chết. Ông thấy một dòng sông chảy xuống thung lũng đó, ngày càng có nhiều nhánh đổ vào sông nên nó ngày một sâu hơn. Người lội qua sông sẽ thấy nước nhanh chóng ngập tới cổ rồi phải bơi. Ông thấy cả một con sông mới đổ vào Biển Chết trong vùng Ên-ghê-đi, nửa đường xuống tới Bờ Tây. Đó là nơi Đa-vít đã nấp trong cái hang để trốn Sau-lơ. Ê-xê-chi-ên thấy dòng sông trong trẻo này làm tươi mát lại Biển Chết, ông thấy những ngư dân từ Ga-li-lê xuống Biển Chết để đánh cá, mọi thứ trong vùng Ên-ghê-đi lại trở nên sống động. Nó không còn là Biển Chết nữa, mà là một vùng biển tươi mát, nơi những người đánh cá kéo đến, nơi dân chúng có thể sinh sống làm ăn thịnh vượng. Toàn bộ khải tượng đó là một giấc mơ khiến người ta ngập tràn hy vọng. Mọi thứ rồi sẽ khác. Trong *chương 48* cuối cùng, các cổng thành được dựng lại, xứ được hòa bình và thịnh vượng. Mọi thứ đều tuyệt vời.

Ba quan điểm về đền thờ trong khải tượng của Ê-xê-chi-ên

1. *Đền thờ này chỉ là một khải tượng*. Một điều chắc chắn là đền thờ trong khải tượng này chưa từng được xây dựng. Đền thờ mà họ vất vả xây lên khi hồi hương quá nhỏ bé, nhỏ bé đến đáng thương. Có một tiên tri đã phải đến cùng họ và nói: "*Chớ khinh dể ngày của những điều nhỏ mọn.*" Vậy là một câu hỏi vẫn còn treo đó: "*Khi nào thì lời này được ứng nghiệm*?" Bối cảnh xã hội là, từ chốn lưu đầy hồi hương rồi nhưng họ không hề có vua nào thêm nữa của mình, chỉ có thầy tế lễ thượng phẩm là *Giê-hô-sua*, rồi tổng đốc là *Xô-rô-ba-bên*. Có lúc họ đã cố gắng giành độc lập dưới sự lãnh đạo của nhóm Ma-ca-bê để thiết lập một kiểu dòng dõi *bán hoàng gia* nhưng điều đó không dược bao lâu.

Thời khi Chúa Giê-su đến, là thời vua *Hê-rốt*, người Ê-đôm, con cháu Ê-sau. Hê-rốt đã cho xây cái đền thờ nhỏ bé ấy. Để bợ đỡ dân Do Thái, ông ta nói: "*Ta sẽ xây cho các ngươi một đền thờ lớn hơn thế*..." Ông ta chỉ lo xây cho mình cung điện và những tòa nhà to lớn tại Ma-sa-đa. Người ta bàn tán xôn xao việc ấy, nên ông ta phải lấy lòng: "*Các ngươi không muốn đền thờ nhỏ thế kia phải*

không? Ta sẽ xây một đền thờ lớn hơn cả Sa-lô-môn" và ông ta đã làm như vậy. Nay không có ảnh chụp đền thờ ấy, nhưng *có một mô hình* về một đền thờ được xây cất bên ngoài Giê-ru-sa-lem, gọi là *Mô hình Xứ Thánh*. Nền đất Đền thờ này hiện là khu đất của Khách sạn Holy Land ngày nay. Đây là một mô hình tạc bằng đá rất công phu, cho thấy cả thành Giê-ru-sa-lem vào thời Chúa Giê-su. Đền thờ có hành lang kiểu Sa-lô-môn, có Nơi Chí thánh và Nơi thánh. Đền thờ ở đây cũng lại *không được xây theo các bản vẽ trong khải tượng của Ê-xê-chi-ên*, đó *chỉ là ý tưởng kiến trúc của Hê-rốt*. Đây chính là đền thờ đang xây dựng khi Chúa Giê-su đến, vật liệu còn ngổn ngang. Ta có thể thấy những viên còn lại ở nơi gọi là *Bức tường Than khóc*, giờ được gọi là *Bức tường phía Tây*. Bức tường phía Tây không phải là tường của đền thờ, nó chỉ là phần nền trải trên sườn đồi, là rìa của một trong những bức tường đó. Những viên đá này dài 12m, cao 1m, rộng 1m, nặng 100 tấn. Chúng được cắt ra mà không có tiếng búa hay tiếng đục. Nếu đi xuống dưới đồi, vào một cái hang lớn phía dưới thì bạn sẽ thấy loại đá mềm mà từ đó những tảng đá lớn này được cắt ra. Người ta đã cắt chúng bằng dao, khi khối đó đưa ra, không khí, nó sẽ oxy hóa và cứng lại.

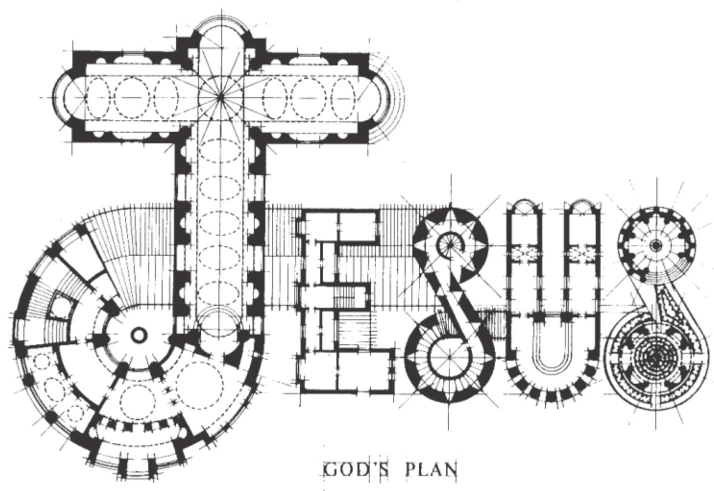


Mô hình Xứ Thánh

Đó là một cảnh tượng hoành tráng, nhưng Chúa Giê-su phán về đền thờ: *"Không còn viên đá nào chồng trên viên đá nào nữa."* Có người bảo: "*Nhưng Bức tường Than khóc vẫn còn đấy thôi."* Bức tường này không phải là đền thờ. Ngài phán: "Không còn viên đá nào *của đền thờ này* còn chồng trên viên đá nào nữa." Mới đây, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra các viên đá của đền thờ này chất thành một đống lớn ở góc tây nam nơi khai quật. Các môn đồ nghe Chúa Giê-su phán đã rất kinh ngạc, lúc ấy người ta còn chưa xây xong. Đền thờ Hê-rốt vừa mới cho xây xong thì quân La Mã lại phá đổ hết vào năm 70 SCN. Điều Chúa Giê-su dự báo đã thành sự thật.

Liệu mẫu đền thờ này có bao giờ được xângười trẻy lên không? Một số người nói rằng đoạn này không theo nghĩa đen, mà *chỉ là một khải tượng tiên tri*. Đền thờ này không được định để xây nên nói như vậy chỉ để cho họ hy vọng thôi. Đó là một cách hiểu. Một khả năng khác là Chúa muốn họ xây đền thờ đó nhưng họ lại phớt lờ các bản vẽ của Ê-xê-chi-ên, đi xây theo bản mà họ nghĩ là mình đủ tiền xây. Tôi dám chắc là Chúa có thể chu cấp để xây đền thờ lớn nếu họ có đức tin để làm như vậy, nhưng họ đã không xây theo. Nên có thể nói rằng Chúa đã định như vậy nhưng không thành.

2. *Đền thờ sẽ được xây dựng trong tương lai*, là một khả năng khác mà nhiều Cơ Đốc nhân tin tưởng. Hoặc nó sẽ được *dân Do Thái xây lại trước khi Chúa Giê-su tái lâm*, hoặc sẽ được *xây lại trong một nghìn năm hân hỉ*. Chúng ta phải nói rằng thật sự không biết, sẽ phải chờ xem.



Đây là bản vẽ của Chúa về nơi Ngài ngự trên đất, *là bản vẽ của Ê-xê-chi-ên được Chúa thần cảm*. Nó được thể hiện trung thực bởi một kiến trúc sư ngày nay, cố gắng cụ thể hóa ý Chúa đối phán với Ê-xê-chi-ên về nơi Ngài sẽ ngự trên đất. Ta sẽ nhận ra rõ hơn nếu quay ngược lại bản vẽ, sơ đồ thiết kế mặt bằng thể hiện lên chính là chữ *Jesus* (Giê-su, tiếng Việt). Đó là bản vẽ của Chúa về đền thờ của Ngài trên đất, đó là nơi Đức Chúa Trời *"dựng đền tạm để ở với loài người."*

3. *Chúng ta là đền thờ Ngài, Ngài ngự trong con người*. Giờ đây, Đức Chúa Trời không ngự trong những đền thờ bởi tay người làm ra, con người là đền thờ của Chúa, điều này được nhắc hai lần trong Tân Ước: Ngài ngự trong con người, Chúng ta là đền thờ Ngài. Liệu đền thờ của Ê-xê-chi-ên có thực sự được xây nên hay không - tôi không biết. Tôi để bạn tự ngẫm điều đó. Nhưng đây là giấc mơ đã nuôi hy vọng cho dân Chúa ở chốn lưu đày, rằng đến một ngày, họ sẽ trở lại và mọi thứ sẽ rất tuyệt vời. Nếu tất cả những điều đó trở thành sự thực thì sẽ thật kỳ diệu đúng không? Nhưng ta sẽ chờ xem thế nào, phải nói thật là như vậy. Chúng ta rất dễ tốn nhiều giấy mực cho chuyện này và quên rằng chính mình là đền thờ của Chúa ngày nay.

Tại sao Cơ Đốc nhân phải đọc Ê-xê-chi-ên?

Vậy tại sao phải đọc Ê-xê-chi-ên? Bởi sách cho chúng ta biết về Chúa.

Một là, sách cho chúng ta biết rằng *Đức Chúa Trời phán xét chính dân Ngài*. Chúng ta cần nhớ kỹ, sự phán xét *bắt đầu từ nhà Chúa*. Quá nhiều Cơ Đốc nhân nghĩ rằng ngay sau khi tin Chúa Giê-su là sự phán xét đã chấm dứt. Không phải như vậy, tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ. Đức Chúa Trời phán xét chính dân Ngài, và Ngài *phán xét họ bằng tiêu chuẩn cao hơn những người khác.*

Hai là, chúng ta cần nhớ rằng *Chúa sẽ báo trả*, chúng ta không cần làm việc này. Tâm niệm này rất quan trọng. Nếu người ta ngược đãi, đối xử tệ, cười nhạo, bắt bớ, giết hại chúng ta, thì chúng ta không cần phải cố báo trả họ. Chúa sẽ làm điều đó và bạn có thể yên tâm trao nó vào tay Ngài. Hãy nhớ lấy điều này: Khi có người đối xử tệ bạc với bạn, hãy thương lấy họ, đừng giận họ vì Chúa sẽ báo trả họ. Hãy cầu nguyện cho những người bắt bớ bạn, chúc phước cho những người rủa sả bạn. Đức Chúa Trời sẽ xử lý họ, còn bạn thì không cần. Người ta nghĩ rằng Cơ Đốc nhân mềm mại vì cớ đó, nhưng không phải, chỉ là vì chúng ta tin vào Đức Chúa Trời mà thôi.

Ba là, Chúa sẽ luôn phục hồi dân Ngài. Cũng giống như Y-sơ-ra-ên sẽ không bao giờ biến mất khỏi lịch sử, hội thánh cũng vậy. Bạn thuộc về một dân đời đời. Sẽ luôn có một Y-sơ-ra-ên, sẽ luôn có một hội thánh. Tới một ngày, sẽ luôn có một bầy dưới tay một người chăn, Chúa là Đức Chúa Trời phục hồi dân Ngài.

Cuối cùng, rất nhiều điều chúng ta đã xét đến trong Ê-xê-chi-ên được dùng trong sách Khải Huyền. Một trong những lý do Cơ Đốc nhân không hiểu sách Khải Huyền là vì họ *hiểu Cựu Ước chưa đủ*. Khải Huyền trích dẫn Cựu Ước 300 lần. Bạn cần phải biết Cựu Ước để có thể hiểu sách Khải Huyền, đó là một cách mặc khải khác, đầy tính biểu tượng. Sách trở lại với các biểu tượng của Ê-xê-chi-ên và dùng quá nhiều chi tiết từ Ê-xê-chi-ên, đến nỗi nếu không biết sách Ê-xê-chi-ên, bạn sẽ thấy bối rối với Khải Huyền. Thêm một động cơ để Cơ Đốc nhân nghiên cứu vị tiên tri tuyệt vời này.

Trên hết, sách Ê-xê-chi-ên cho chúng ta một góc nhìn trọn vẹn về Đức Chúa Trời: *Sự toàn năng* của Ngài, quyền năng mọi mặt Ngài. S*ự toàn tại* của Ngài, những bánh xe dưới ngai đi đến bất cứ đâu Ngài muốn. S*ự toàn tri* của Ngài, Ngài thấy mọi thứ, biết mọi thứ.

Đó là hình ảnh về Đức Chúa Trời mà Ê-xê-chi-ên rao giảng. Ta sẽ có cảm giác choáng ngợp về *sự thánh khiết của Ngài*. Thực tế *Ngài đã gắn Danh Ngài với một dân tộc*, Danh Ngài ngự trong chúng ta. Nên Chúa phải đưa họ trở lại là để làm sáng tỏ Danh Ngài. Một điều linh nghiệm mà bạn có thể kêu nài, là nó đến *Danh Chúa*. Môi-se đã kêu nài với Chúa rằng: "*Chúa ơi, người ta sẽ nghĩ sao nếu Ngài làm như thế?"* Đó là một luận điểm có sức nặng với Chúa. Hãy kêu nài Danh Ngài và bạn biết rằng Danh Ngài hiện đang ở trong tay bạn và tay tôi. *Chúng ta khiến Chúa mang tiếng tốt hoặc mang tiếng xấu*, nhưng Đức Chúa Trời sẽ luôn làm sáng tỏ chính Ngài.

Xét về lâu dài và toàn cục, danh tiếng của Chúa phụ thuộc vào dân Ngài, nên Ngài sẽ phục hồi họ vì Chúa phải làm sáng tỏ Danh Ngài. Ngài không thể để cả trái đất và các dân nghĩ rằng Chúa đã chấm hết vì dân Ngài kia đã chấm hết được. Nên họ sẽ không bao giờ chấm hết và Ngài luôn phục hồi họ. Con người từng thế hệ có thể chết đi nhưng dân này vẫn sẽ còn vì họ là dân của Đức Chúa Trời.

SÁCH ĐA-NI-ÊN - Phần 1

Giới thiệu

Sách Đa-ni-ên lưu giữ những phần nổi tiếng nhất và những phần ít được biết đến nhất của Kinh Thánh. Ai cũng biết về *hầm sư tử*, về *lò lửa hực* với Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và "Ai Biết Đau Đâu" (A-bết Nê-gô), về *bữa tiệc của vua Bên-xát-sa*, cái cớ để có *"dòng chữ trên tường,"* trong tiếng Anh, nghĩa là *sự phán xét hầu đến*. Sách vừa rất dễ hiểu lại vừa rất khó hiểu. Có những phần viết *quá rõ ràng*, đọc là hiểu được thông điệp ngay. Nhưng có những phần lại *quá bí ẩn* đến nỗi người ta phải vật lộn với chúng trong nhiều năm trời. Có câu hỏi về *70 tuần lễ* của Đa-ni-ên, một mỏ quặng qúy để các thế hệ sinh viên tiên tri khai thác mãi vẫn còn.

Nhiều phần trong sách rất *hiển nhiên*, nên rất dễ hiểu. Ví dụ như việc Đa-ni-ên khỏe mạnh khi ông kiêng ăn thịt đỏ, chỉ ăn rau củ quả, một điều phổ biến trong chế độ ăn hiện đại. Lại có nhiều điều *siêu nhiên* mà người ta thấy rất khó chấp nhận, như việc ba người bị ném vào lò lửa hực, sức nóng gấp bảy lần lửa thường nhưng tóc họ không một sợi nào bị sém. Những người chưa tin bảo rằng: "*Anh tưởng tôi tin được chuyện đấy á?"* Có nhiều điều thân thuộc với chúng ta như cảnh bị buộc phải rời quê hương, những người tị nạn.

Sách của con người hay sách thánh?

Nhiều điều xa lạ trong sách Đa-ni-ên lại lần nữa đặt ra câu hỏi *Kinh Thánh là gì?* Đó là *sách của con người* hay là *sách thánh?*, một vấn đề xưa cũ. Kinh Thánh do con người viết và viết về con người. Nên nhiều người chỉ coi Kinh Thánh như mọi cuốn sách, chỉ khác nhau về thể loại như sách lịch sử, văn học, tôn giáo. Không thể coi Kinh Thánh đơn thuần như vậy. Vì đó *sách thánh*, sách do Đức Chúa Trời viết và viết về Đức Chúa Trời nữa. Hoặc ít nhất là được Đức Chúa Trời thần cảm, cho dù chính con người đã cầm bút viết, nhưng trong tư cách trước giả.

Bởi vậy, *một là* có những điều *bất khả thi với con người* nhưng lại *khả thi với Chúa* được ghi lại trong quá nhiều sách của Kinh Thánh, dẫn đến việc phải đối mặt với câu hỏi nói trên. Vì chỉ Chúa mới có thể nói và làm những điều nhất định, khi có một Đức Chúa Trời. Chỉ Chúa mới có thể làm phép lạ, chỉ Chúa mới có thể tạm dừng các quy luật tự nhiên, hoặc can thiệp vào các quá trình tự nhiên, vào các quy luật nhân quả chi phối hầu hết các sự kiện trên trái đất chúng ta. Hay nói gọn là: "Chỉ Chúa mới có thể làm những *"dấu lạ, phép mầu,"* một cụm từ đặc biệt xuất hiện trong sách Đa-ni-ên. *Dấu lạ*, bắt nguồn từ tiếng La-tinh *"mirus,"* nghĩa là một điều kỳ diệu, một điều đáng kinh ngạc, tạo nên từ *"miracle"* trong tiếng Anh: phép lạ, một điều vượt quá trí hiểu của chúng ta, một điều đáng kinh ngạc. H*ai là,* chỉ Chúa mới có thể nói những điều nhất định, cụ thể là chỉ Chúa mới có thể phán những điều thuộc về tương lai với mọi thẩm quyền. Mọi điều mà con người cũng nói về tương lai nhưng chỉ là phỏng đoán. Còn Chúa đã chỉ cho chúng ta biết điều gì sẽ xảy ra.

Sách Đa-ni-ên bao trùm 75 năm cuộc đời ông, nhưng lại bao trùm 440 năm lịch sử, không phải lịch sử trong quá khứ mà là lịch sử tương lai. Ông nói đến ít nhất 2. 400 năm lịch sử tương lai xa với độ chính xác vượt trội. Một lần nữa, điều này lại đánh đố các học giả *trường phái thần học tự do*, họ thật sự không hiểu nổi. C*ó một sự thay đổi rất lớn trong thái độ* của con người *với các phép lạ và lời tiên tri*. Chúng từng được coi là bằng chứng cho sự thần cảm của Kinh Thánh. Nhiều nhà biện giáo cho niềm tin Cơ Đốc từng nói rằng: "Hãy nhìn vào các phép lạ trong Kinh Thánh và xét đến những lời tiên tri trong Kinh Thánh, đó là bằng chứng cho thấy Kinh Thánh đến từ Đức Chúa Trời." Thời

nay, cả phép lạ và những lời tiên tri đều *bị coi là chướng ngại* đối với việc chứng minh lẽ thật của Kinh Thánh, ngược hẳn với trước đây. Người ta nói rằng: "Nếu anh cắt đi những phép lạ và những lời tiên tri thì tôi có thể thật sự tin vào Kinh Thánh." Thay vì giúp người ta tin rằng đây là sách của Đức Chúa Trời, thì điều đó lại cản trở người ta tin rằng đây là sách của Đức Chúa Trời.

Đó là bởi vì chúng ta đang sống trong thời đại khoa học. Vậy những người có đầu óc khoa học sẽ xử trí thế nào với những phép lạ và lời tiên tri? *Họ coi các phép lạ là hư cấu* chứ không thực tế, giống như thần thoại và truyền thuyết vậy, chúng có thể có chút sự thật lịch sử nào đó, nhưng cần thật sự coi đó là huyền thoại chứ không phải là lẽ thật lịch sử. Nên *chuyện Đa-ni-ên ở trong hầm sư tử* được tầm thường hóa theo kiểu: hoặc là các con sư tử đã ăn no rồi, hoặc chúng không ăn thịt Đa-ni-ên vì ông đầy nghị lực và lòng can đảm. Họ cho rằng những câu chuyện này không có giá trị lịch sử, nhưng có giá trị tâm linh và đạo đức thật sự, chúng truyền nghị lực của Đa-ni-ên cho bạn qua việc đọc truyện, kiểu như Thánh Gióng hoặc Sơn Tinh - Thủy Tinh vậy. Rồi họ coi những *lời tiên tri* là những ghi chép được viết về sau chứ không phải là sự mặc khải được viết từ trước. Có nhiều chú giải Kinh Thánh do những *học giả trường phái tự do* thời nay viết, họ lấy những dự báo về tương lai và nói dối người đọc rằng: "Tất nhiên là *những điều này được viết sau đó rất lâu*, chúng đã được đưa ngược trở lại sách Đa-ni-ên sau khi chúng xảy ra."

Như chúng ta sẽ thấy, *Chương 11* của Đa-ni-ên là bản tường thuật trước khó tin nhất về hàng loạt những sự kiện xảy ra nhiều thế kỷ sau Đa-ni-ên. Có đủ tư liệu của lịch sử cổ đại về những gì xảy ra vào nhiều thế kỷ sau để đối chiếu với *Đa-ni-ên 11*. Bản thống kê có tới 200 chi tiết cụ thể các việc xảy ra vào nhiều thế kỷ sau, một sự trùng khớp thật đáng kinh ngạc. Hoặc là sách được viết bởi con người và viết sau, hoặc sách được Chúa thần cảm để biết trước, bạn phải đưa ra lựa chọn. Nhiều người khác nhìn vào các phép lạ và lời tiên tri theo quan điểm của *chủ nghĩa nhân văn*.

Thật kỳ là họ lại bám giữ Kinh Thánh, chẳng thà họ cứ nói trắng ra và bác bỏ toàn bộ. Nhưng tại sao người ta lại muốn giữ lại Kinh Thánh? Họ nói: "Vâng, chúng ta có thể giữ Kinh Thánh vì Kinh Thánh có giá trị đạo đức và tâm linh, một cuốn sách hay. Hãy bỏ đi những phép lạ nhưng giữ lại phần đạo đức của Kinh Thánh, như vậy là ổn cả." Nói cách khác: "Hãy sống theo Mười Điều Răn và Bài giảng trên Núi nhưng hãy quên các phép lạ đi, quên các lời tiên tri đi," hiện còn quá nhiều người nghĩ theo cách đó. Nhiều người khác lại cho rằng Kinh Thánh lừa dối và không thiết thực, rằng về mặt lịch sử, đó là một cuốn sách toàn những lời dối trá, nên đừng để bị Kinh Thánh lừa gạt. Người ta có thái độ rất mâu thuẫn như vậy.

Tại sao người ta lại *không muốn chấp nhận phép lạ và lời tiên tri? Vì họ không muốn tiếp nhận Chúa*. Đó là lý do cơ bản. Họ không muốn chấp nhận khía cạnh siêu nhiên của Kinh Thánh, vì *nếu tin vào đó thì họ sẽ phải sống khác đi*. Đức Chúa Trời quá thực hữu, họ sẽ phải chấp nhận điều đó và có mối liên hệ với Ngài.

Thật thú vị khi chứng cứ cho sự phục sinh quá rõ ràng. Như tôi đã nói trong cuốn sách nhỏ của mình về *Sự Phục Sinh*, quá rõ ràng đến nỗi bất cứ bồi thẩm đoàn tại bất cứ tòa án nào cũng sẽ hoàn toàn bị thuyết phục rằng *việc đó đã xảy ra*. Chứng cứ từ lời khai của những người chứng kiến tận mắt, cộng với những chứng cứ gián tiếp chỉ ra điều đó quá rõ ràng. Rõ hơn khoảng 200 lần so với sự kiện Julius Caesar xâm chiếm Anh Quốc vào năm 55 TCN. Thế mà tôi chưa gặp ai nghi ngờ việc Caesar xâm chiếm Anh Quốc, tất cả đều chấp nhận điều đó với số chứng cứ ít hơn nhiều.

Tại sao? Bởi vì nếu Chúa Giê-su sống lại từ cõi chết thì họ phải thay đổi đời sống mình. Những gì Ngài tuyên bố về mình chắc chắn đúng, vì vậy *những gì Ngài tuyên bố về chúng ta cũng là chắc chắn.* Người ta *không thể phớt lờ Chúa Giê-su* được. Người ta có thể phớt lờ Julius Caesar, khi người ta có thể tin vào ông ta mà không phải làm gì cả. Nhưng họ *không thể tin vào Chúa Giê-su Christ mà không thay đổi toàn bộ lối sống mình*. Người ta vốn đã không muốn chấp nhận khía cạnh siêu nhiên của Kinh Thánh. Không chỉ vì *chủ nghĩa duy khoa học (scientism)* cho rằng chúng ta sống trong một vũ trụ khép kín, nếu một thứ không được đưa vào phòng thí nghiệm hoặc dùng công cụ để nghiên cứu thì nó không có thật, *mà chủ yếu vì* con người *không muốn đối mặt với những điều siêu nhiên.*

Sách của sự tương phản

Ấn tượng đầu tiên là sách có hai nửa, *nửa đầu toàn phép lạ* và *nửa sau toàn lời tiên tri.* Vấn đề là đây. Ai mà khó tin vào những điều siêu nhiên sẽ thật sự không biết làm gì với sách Đa-ni-ên, coi đó là sách tệ nhất với họ trong Kinh Thánh. Nửa đầu có *chương 1 đến chương* 6 rất dễ hiểu và dễ dạy trong trường Chúa Nhật, nên chúng ta đã nghe những câu chuyện này từ khi còn nhỏ. Nên *nửa sau* mới thành ra khó đến như vậy, mới thấy rất bối rối khi đọc.

Nửa đầu có 6 chương, từ 1-6, chủ yếu nói đến *các phép lạ*, đại từ nhân xưng được dùng ở ngôi thứ ba là: *"Ông ấy,"* để chỉ Đa-ni-ên. *Nửa sau* cũng 6 chương, từ 7-12, chủ yếu là *các lời tiên tri*, đại từ nhân xưng đều được viết ở ngôi thứ nhất là: *"Tôi,"* chỉ chính Đa-ni-ên, người viết ra. Nên *nửa đầu nói về ông còn nửa sau là do ông viết*. Nửa đầu là những gì xảy ra trong đời Đa-ni-ên, nửa sau là những gì sẽ xảy ra sau đời Đa-ni-ên, một số sự kiện đã xảy ra và một số vẫn chưa xảy ra *nhưng tất cả đều thuộc về tương lai*. Như vậy, nửa đầu là hiện tại, nửa sau là tương lai. Sự khác biệt lạ thường giữa hai nửa là: sách có hai nửa bằng nhau, mỗi nửa có 6 chương. Trong *nửa đầu,* chương đầu viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ, năm chương sau viết bằng tiếng A-ram, là ngôn ngữ chính thức của thời đó, được dùng phổ biến khắp nơi trong thế giới cổ đại. Ở *nửa sau*, đảo ngược lại, chương đầu viết bằng tiếng A-ram và năm chương sau lại viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Điều này cho ta biết chủ ý của trước giả: ai cần đọc những chương nào, chúng hướng đến ai. Phần viết bằng tiếng A-ram là để dùng rộng rãi cho cả người chưa tin đọc. Phần bằng tiếng Hê-bơ-rơ được định dùng cho dân Chúa.

ĐẾN BA-BI-LON VÀ TRỞ VỀ

→

606	ĐA-NI-ÊN	Chuyến đi đầu tiên (những thanh niên)
597	Ê-XÊ-CHI-ÊN	Chuyến đi thứ hai (10,000)
586	PHẦN CÒN LẠI	Chuyến đi thứ ba (Thành phố và Đền thờ bị phá hủy)

←

536	XÔ-RÔ-BA-BÊN	Ba-bi-lon rơi vào tay Ba Tư (539 TCN)
		Si-ru cho phép hồi hương (50,000)
458	Ê-XƠ-RA	Đền thờ được xây dựng lại (516 TCN)
		Ê-XƠ-TÊ ở tại SU-SƠ
445	NÊ-HÊ-MI	Tường thành được xây dựng lại

Đến Ba-by-lôn và trở lại. Dân Y-sơ-ra-ên không bị đày đi và lúc hồi hương được chia làm nhiều đợt, không cùng một lúc. Có ba chuyến lưu đày và ba chuyến hồi hương. Số người hồi hương rất ít so với tổng số người bị đày đi. Họ đã để lại tại Ba-by-lôn cả một cộng đồng Do Thái, họ vẫn còn đó cho tới vài năm trở lại đây. Vậy là họ không hồi hương hết, và những nhà thông thái đã lần theo ngôi sao đến Bết-lê-hem là những người thuộc cộng đồng Do Thái từng bị bỏ lại. Họ đã tìm dấu hiệu về vua dân Do Thái. Nên những người này không phải là dân ngoại như người ta vẫn kể trong câu chuyện Giáng sinh thông thường. Họ đến từ Ba-by-lôn, từ cộng đồng Do Thái.

Ba chuyến lưu đày

Chuyến đầu tiên vào năm 606, gồm tầng lớp trên của xã hội, những con người chủ chốt. Họ cũng bắt đi những người trẻ tuổi, đặc biệt là thanh thiếu niên, trong đó có bốn người: Đa-ni-ên, Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết Nê-gô, những người trai trẻ xuất chúng được chuẩn bị cho triều đình Do Thái. Bốn người này là những anh hùng trong sách Đa-ni-ên.

Chuyến thứ hai vào năm 597, trong đó có Ê-xê-chi-ên, ông đi sau Đa-ni-ên, trẻ hơn Đa-ni-ên một chút.

Chuyến thứ ba, những người còn lại bị bắt đi vào năm 586. Đó là lúc thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị phá hủy. Đa-ni-ên là một trong những người ra đi đợt đầu, ông không bao giờ trở lại, không bao giờ thấy lại xứ mình, và khi đi, ông mới chỉ là một cậu thiếu niên.

Ba chuyến hồi hương

Sách Đa-ni-ên được viết trong bối cảnh đi đày tới Ba-by-lôn và hồi hương cũng từ Ba-by-lôn, tất cả đều ở nơi này. Đa-ni-ên đã có thể trở về theo bất cứ chuyến hồi hương nào nhưng ông không làm như vậy Đa-ni-ên không bao giờ trở lại. Ông ở lại xứ lưu đày và qua đời tại đó.

Chuyến hồi hương đầu tiên vào năm 536 TCN, dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên. Lúc này Ba-by-lôn đã bị Ba Tư đánh bại vào năm 539. S*i-ru, vua Ba Tư* đã cho phép họ hồi hương. Có khoảng

50.000 người trở về trong *chuyến Aliyah* đầu tiên. Aliyah là từ Hê-bơ-rơ để chỉ việc *"đi lên,"* Giê-ru-sa-lem ở trên vùng cao nguyên, bây giờ họ vẫn dùng từ lịch sử này, nói là "*làm chuyến Aliyah."*

Chuyến thứ hai vào vài năm sau, năm 458 TCN, dưới sự lãnh đạo của Ê-xơ-ra. Đền thờ bắt đầu được xây lại vào năm 516 nhưng bị đình trệ trong một thời gian dài.

Chuyến Aliyah lớn cuối cùng là vào năm 445 hoặc 444 TCN, dưới sự lãnh đạo của Nê-hê-mi. Đó là khi tường thành được xây lại và thành của Đức Chúa Trời được an toàn trước những kẻ thù xung quanh. Một sự kiện đặc biệt là *Ê-xơ-tê* thuộc thời kỳ này, bà ở Su-sơ là thủ đô của Mê-đi và Ba-tư.

Đa-ni-ên là người chứng kiến tất cả những sự kiện này, ông bị bắt đi vào chuyến lưu đày đầu tiên và ở lại sau cả chuyến hồi hương cuối cùng. Ông sống rất thọ và thật thú vị là ông được trọng dụng trong nhiều đời vua liên tiếp, họ đều công nhận phẩm chất của Đa-ni-ên. Khi các đế chế đổi thay, họ vẫn giữ lại Đa-ni-ên vì ông rất giỏi. Ông có sự nghiệp tuyệt vời và phẩm chất của ông cứ thế tỏa sáng. Tất nhiên, hoàng đế chính của Ba-by-lôn, người làm tất cả những điều này là Nê-bu-cát-nết-sa.

Chương 1

Cuộc đời của Đa-ni-ên được nêu từ *chương 1 đến 6* trong sách của ông. C*hương 1* nói đến chuyến lưu đày đầu tiên của dân Y-sơ-ra-ên vào năm 605/606, ông được chọn vào triều đình Ba-by-lôn. Ông được đặt cho một cái tên Ba-by-lôn theo tên một thần ngoại giáo là *Bên-tơ-xát-sa.* Ba người bạn của ông cũng vậy, nhưng họ không phản đối điều đó. Họ khá vui vẻ khi được gọi bằng bất cứ cái tên nào, chỉ cần họ vẫn trung tín với Đức Chúa Trời mình. Rắc rối nảy sinh từ việc họ bị bắt ăn, bị vỗ béo. Hoàng cung Ba-by-lôn cho như vậy là tốt, giống với vương quốc Tonga ngày nay, có những triều đình coi đó là biểu hiện của sự thịnh vượng.

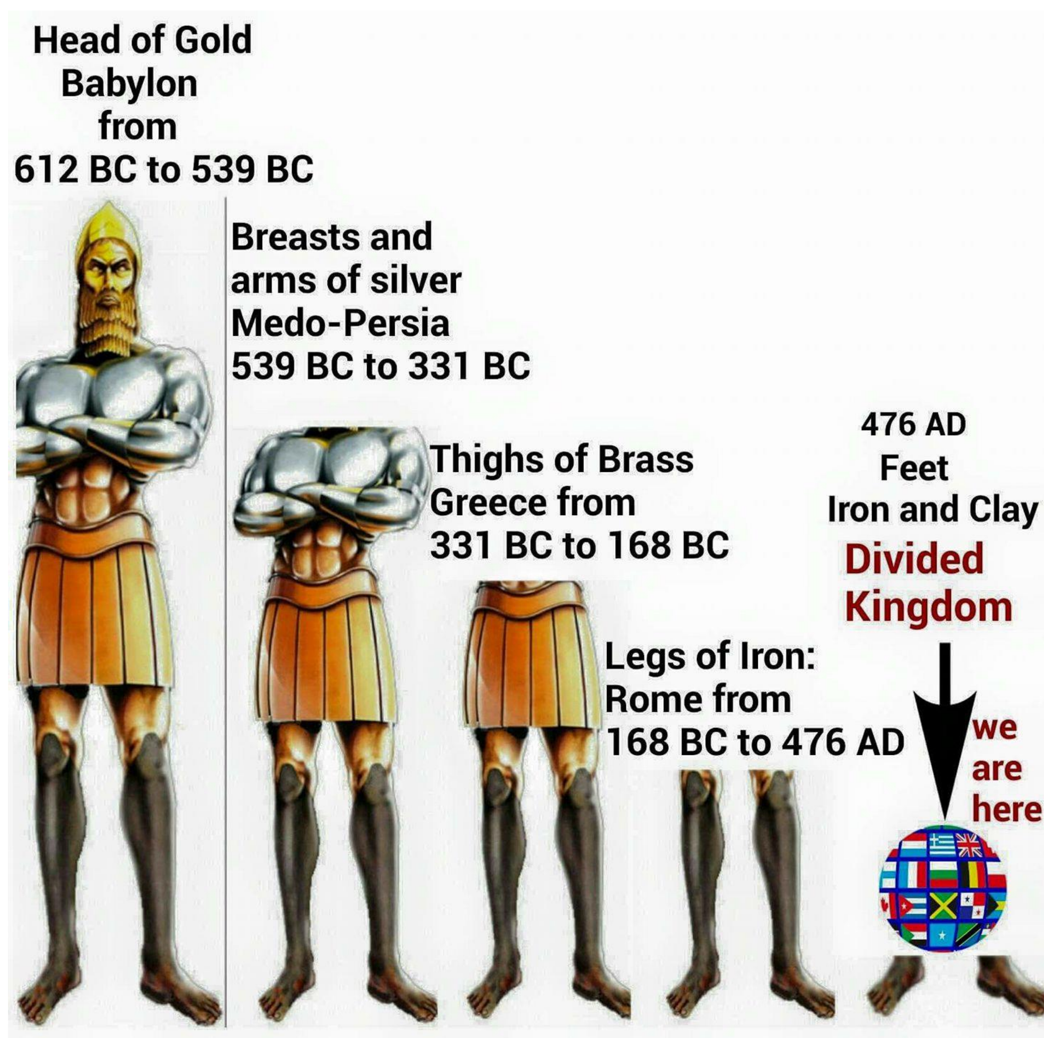
Vậy là họ bị vỗ béo để chuẩn bị mọi điều kiện nhận quyền cao chức trọng. Nhưng Đa-ni-ên và ba người bạn thì không chấp nhận điều này. Người chịu trách nhiệm đào tạo họ tại đại học Ba-by-lôn nói: "*Hoàng đế sẽ chặt đầu ta nếu ta không vỗ béo thành công cho các ngươi."* Đa-ni-ên đã mặc cả với người đó:*"*Chúng tôi xin không ăn theo chế độ này trong 10 ngày, chúng tôi sẽ ăn những gì Chúa bảo chúng tôi. Sau đó ông có thể so sánh chúng tôi với những trò khác, nếu chúng tôi không cân đối và khỏe mạnh hơn thì chúng tôi sẽ ăn theo chế độ của các ông." Rất thú vị về cách Đa-ni-ên bắt đầu có lập trường vững chắc trong một vấn đề rất nhỏ như chế độ ăn.

Đó chính là tố chất mà Đa-ni-ên sau này có thể đối đầu với những con sư tử. Một bài học sâu sắc, rằng nếu bạn có thể giữ vững lập trường trong một vấn đề nhỏ thì bạn sẽ dễ giữ vững lập trường trong một vấn đề lớn. Hồi trẻ có lần tôi nói với một thánh đồ của Chúa là tôi không chắc mình có dám chọn hầm sư tử vì Chúa Giê-su nếu thật sự phải chọn hay không, tôi không biết mình có máu tử đạo trong người không. Tôi không bao giờ quên điều ông nói: "Đa-vít ạ, nếu anh trung tín trong những điều nhỏ thì Chúa sẽ ban ân điển cho anh khi cơn thử thách lớn đến và anh sẽ ổn cả thôi." Bài học sâu sắc là đây: Hãy định hình tính cách của bạn trong những quyết định nhỏ, về những vấn đề nho nhỏ. Nhờ đó mà sau này khi phong ba ập đến, bạn mới có thể không dao động. Người dao động trong những điều nhỏ nhặt sẽ ngã đổ khi thử thách lớn ập đến. Đó là kiểu bài học có thể rút ra từ Đa-ni-ên.

Họ không chỉ khỏe mạnh hơn, Kinh Thánh còn chép rằng họ học giỏi gấp mười lần những sinh viên khác. Nguyện Chúa cho mọi sinh viên Cơ Đốc trong trường đại học đều như vậy. Đôi khi họ quá bận rộn với hoạt động của Hiệp hội Cơ Đốc, nhưng để làm theo ý muốn Chúa trong trường đại học thì điều tốt nhất họ có thể làm cho Chúa là học thật giỏi, và học giỏi hơn mọi sinh viên khác, Đa-ni-ên là như vậy. Một chàng thanh niên thật sự có chí khí, đang lập nền cho cả một đời phục vụ ngoài vòng dân Chúa, sẽ tham gia vào điều mà một số người gọi là công việc thế tục. Thực ra thì không có công việc nào là thế tục với một người thuộc về Chúa, mọi thứ đều là công việc thánh cả.

Chương 2

Chương 2 bắt đầu là một điều khá bí ẩn của sách, với giấc chiêm bao về *một pho tượng lớn* của nhà vua. Đó là phần duy nhất trong 6 chương đầu khiến người ta bối rối, vì nó đụng chạm đến sự mặc khải, khải tượng, biểu tượng. Nê-bu-cát-nết-sa có một giấc chiêm bao, vua cho vời tất cả các nhà thông thái lại và nói: "Ta muốn các ngươi nói cho ta biết ý nghĩa của giấc mơ đó*, nhưng ta quên cả giấc mơ rồi. Các ngươi sẽ bị chém đầu nếu các ngươi không cho ta biết ý nghĩa của giấc mơ và cả nội dung của nó* vì ta quên mất rồi." Đúng là một thử thách thực sự. Đa-ni-ên và ba người bạn này không chỉ giải nghĩa được giấc mơ mà họ còn kể lại được từng chi tiết, họ nói cho vua biết điều vua đã mơ. *"Đúng rồi, ta đã mơ thấy như vậy,"* và họ còn giải nghĩa cho vua nữa. Cần có sự khôn ngoan từ nơi Chúa, vì làm sao mà biết được người khác mơ thấy gì khi chính anh ta còn không nhớ? Nhưng Chúa thì biết, Đức Chúa Trời biết mọi thứ.



Minh họa pho tượng mà Nê-bu-cát-nết-xa thấy

Quan sát *pho tượng lớn*, từ trên xuống dưới, chất liệu đúc tượng giảm dần từ vàng, bạc, sắt, đến *"bàn chân bằng đất sét"* ("feet of clay," tức điểm yếu của một người, bạn đã nghe cụm đó trong tiếng Anh chưa?), hay là bàn chân bằng sắt trộn với đất sét. Giấc mơ được Đa-ni-ên giải nghĩa rằng: *cái đầu* bằng vàng *là Nê-bu-cát-nết-sa*. Toàn bộ pho tượng là một sự hé lộ *mặc khải về các đế quốc tương lai* sẽ thế chỗ Ba-by-lôn. Ba-by-lôn sẽ phải nhường chỗ cho *Mê-đi và Ba Tư* dưới thời Si-ru và Đa-ri-út, điều đó đã xảy ra, nhưng triều chính không được huy hoàng, hưng thịnh như Ba-by-lôn. Từ đó đến nay không có một đế quốc nào sánh nổi với Ba-by-lôn về vẻ tráng lệ tuyệt vời của nó. Sau đó là đế quốc *Hy Lạp* dưới thời Alexander Đại đế, ông sẽ xóa sổ Ba Tư và Mê-đi. Alexander Đại đế đã đến được tận Ấn Độ. Ông xây thủ đô Persopolis của mình ngay tại lãnh thổ cũ của Mê-đi và Ba Tư, ngày nay bạn vẫn có thể thấy đống đổ nát của nó.

Quân Hy Lạp lại nhường chỗ cho quân *La Mã*, với phần cái chân bằng sắt, một biểu tượng rất hợp với đế quốc La Mã. Chính quân đội của họ đã thiết lập luật pháp và chế độ La Mã. Họ cũng sẽ phải nhường chỗ cho *bàn chân bằng đất sét trộn với sắt*. Rồi ông thấy một hòn đá đục ra từ núi, một hòn đá không phải bởi tay loài người.

Đó là giấc chiêm bao và sự giải nghĩa, là phần duy nhất hơi khó hiểu trong 6 chương đầu. Đó là cảnh báo đầu tiên của Chúa với Nê-bu-cát-nết-sa: "*Ta là Đấng nắm giữ các vương quốc."* Toàn bộ sách Đa-ni-ên đang nói rằng chính Chúa là Đấng khiến các vương quốc dấy lên và sụp đổ. Vương quốc này qua đi, vương quốc kia lại đến, nhưng chính Chúa là Đấng quyết định khi nào chúng đến và khi nào chúng đi. Lịch sử là câu chuyện của Ngài, và Chúa đang nói vơi từng kẻ rằng: "*Ta sẽ đưa những đế quốc khác đến sau ngươi, chúng sẽ không có vẻ tráng lệ của ngươi, chúng sẽ dần trở nên yếu đi, nhưng Ta là Đấng sẽ làm điều đó."* Nói cách khác, Chúa đang nói rằng: *Vương quốc này thuộc về Ta chứ không thuộc về ngươi.*

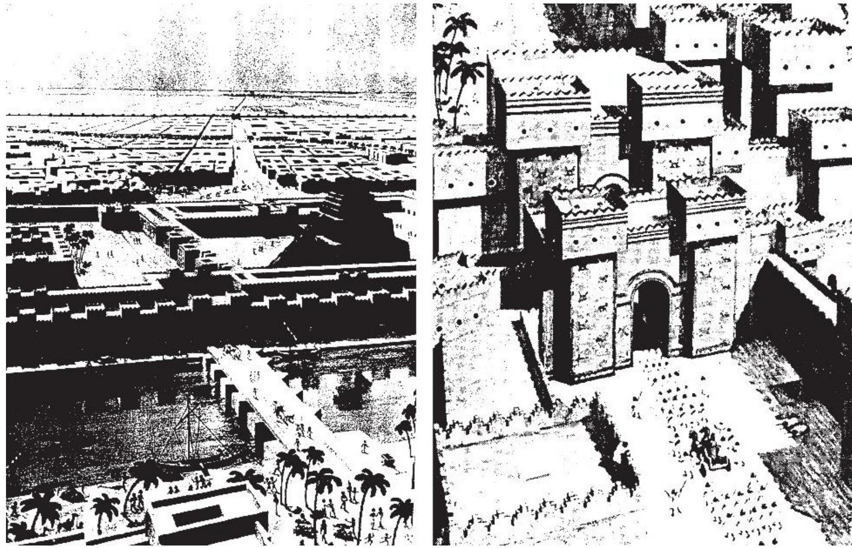
Chương 3

Chương 3 là câu chuyện nổi tiếng về *lò lửa hực*. Nê-bu-cát-nết-sa, có lẽ là do giấc chiêm bao này, ông ta ra lệnh dựng một *pho tượng khổng lồ cao 27 mét*, rộng hai mét bảy và được dát vàng. Vùng Lưỡng Hà phẳng như tờ giấy, rộng thẳng cánh cò bay thì một pho tượng cao 27 mét sẽ nổi bật, là rất ấn tượng. Nó sẽ chiếm trọn cảnh quan. Vua ra lệnh rằng mỗi khi ban nhạc nổi lên thì mọi người phải sấp mình thờ lạy tượng thần này.

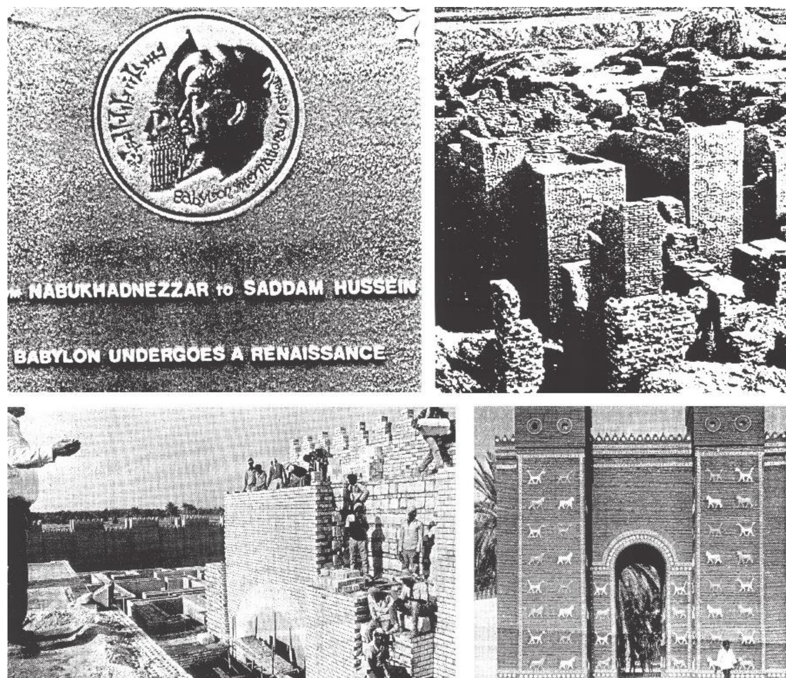
Đây là một kiểu thiết lập quốc giáo, một cách để nhanh chóng hợp nhất đế quốc quanh một tôn giáo. Sa-đơ-rắc, Mê-sác và A-bết Nê-gô không chịu làm như vậy. Không biết lúc này Đa-ni-ên ở đâu? Sao ông lại không bị vướng vào vụ này nhỉ? Ba người bạn ông không chịu quỳ lạy. Nê-bu-cát-nết-sa thì không để ý, nhưng chắc là có người mách lẻo đến tai vua. Thế là họ bị ném vào *lò lửa hực*. Sức nóng trong lò gấp bảy lần bình thường, đến những người phục dịch xung quanh còn bị thiêu rụi. Nhưng khi Nê-bu-cát-nết-sa từ xa nhòm qua cửa lò lửa, vua thấy *bốn người* trong đó và nói: "*Một người giống như con trai của các thần."* Lửa hực đã hủy ngay dây trói họ, nhưng lại không hề sém đến một sợi tóc của họ. Bạn có thể tin vào điều này nếu tin Đức Chúa Trời có thật. Nhưng chủ nghĩa bài Do Thái đã trở nên một đặc điểm của đế quốc Ba-by-lôn và nó trở nên sự rủa sả trên khắp thế giới kể từ đó.

Chương 4

Chương 4 nói về việc *Nê-bu-cát-nết-sa hóa điên*. Ông ta gọi đó là "dấu lạ, phép mầu" và qua đó, ông được cải đạo sang tin Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Một câu chuyện đáng kinh ngạc. Ông ta cưới một hoàng hậu là một công chúa rất xinh đẹp từ vùng núi Ba Tư, thuộc Tehran thủ đô của Iran ngày nay. Bao quanh Tehran là rừng cây và núi non. Khi đến cung điện của Nê-bu-cát-nết-sa, hoàng hậu nhớ nhà đến nao lòng, nhớ những rặng núi, nhớ những tán cây và nhớ những thú rừng. Bà cứ khóc ròng khi đi ngủ, Nê-bu-cát-nết-sa phải hỏi: "*Nàng làm sao thế?"* Bà trả lời: *"Thần thiếp nhớ nhà."* "*- Thế nhà nàng có cái gì mà ở đây không có? - Xứ sở của thần có núi non, cây cối và thú rừng. - Được rồi, mọi thứ sẽ lại đâu vào đấy thôi. Ta sẽ xây cho nàng một ngọn núi ở đây."* Và ông xây đắp một ngọn núi bằng gạch đồ sộ, rồi trồng cây che phủ, cây bụi và dây leo trên đó. Nó trở thành *một trong bảy kỳ quan* của thế giới sau này. Du khách kéo đến tham quan *Vườn treo Ba-by-lôn*. Trên đỉnh núi, ông còn làm một vườn bách thú, với chuồng, lồng nhốt thú rừng. "*Được rồi này, đừng có mà khóc trong cung nữa nhá! Nàng có núi, có rừng, có các thú vật rồi, nàng còn muốn gì nữa? Đừng có khóc nữa!"* Đó là tình huống sẽ liên quan đến con người đằng sau câu chuyện này.

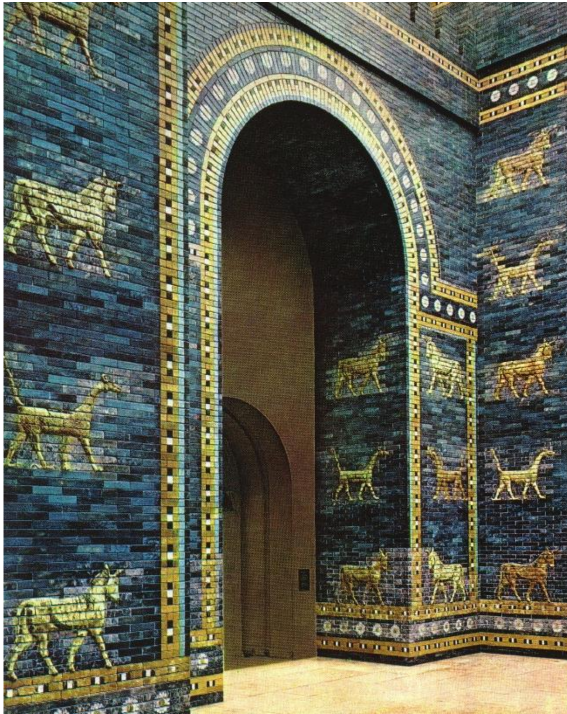


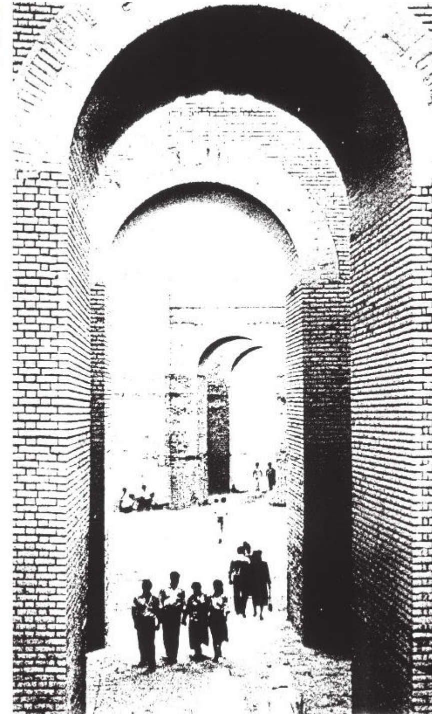
Hình ảnh mô tả thành Ba-bi-lon thời xưa



Hình ảnh mô tả thành Ba-bi-lon thời xưa







Cổng Ishtar

Có một ngày vua lên sân thượng của cung điện hoàng gia nhìn ra khắp thành. Ba-by-lôn thời đó thật sự là một thành phố khổng lồ. Nó trải dài ngút tầm mắt, chỗ này là biệt phủ hoàng cung, rồi có một đại lộ chính. Đây là Nê-bu-cát-nết-sa và xe ngựa của ông với các binh lính đang diễu hành qua một cổng rất nổi tiếng gọi là *Cổng Ishtar*. Ishtar, Ishtarte, tên một nữ thần. Cổng *Istar Gate* thật đồ sộ, lộng lẫy, gạch men màu xanh dương, là cái cổng thật sau này được xây lại trong một bảo tàng. Chỗ gạch men này có hình điểu sư cùng những con thú kỳ lạ và khác thường. Chắc chắn là *chúng ẩn sau những khải tượng của Đa-ni-ên* về các con thú như chúng ta sẽ thấy, đủ mọi loại thú. Cũng xin nói thêm rằng đây là cổng vòm tại Ba-by-lôn được Saddam Hussein xây lại, bằng nửa kích thước, đủ để biết cổng thật đồ sộ cỡ nào. Ba-by-lôn lớn như vậy đó.

Nê-bu-cát-nết-sa đang dạo bước trên nóc cung điện và tự hào: "Đây chẳng phải là Ba-by-lôn vĩ đại mà ta đã xây dựng bằng vương quyền ta để thể hiện vinh quang ta đó sao? *Vương quốc này, vương quyền này và vinh quang này thuộc ta."*

Ông lại có chiêm bao tiếp. Ông thấy *một cây cao lớn vươn đến tận trời*, thú đồng đến núp dưới bóng nó, chim trời đậu trên cành nó. Sau đó cây bị đốn đi và bị xiềng bằng xích sắt, rồi nó bắt đầu

mọc lại. Đa-ni-ên lại phải giải mộng cho vua:*"Cây đó chính là vua,* vua sẽ bị đuổi khỏi loài người trong bảy năm cho đến khi vua nhận biết rằng Đấng Chí cao cai trị các vương quốc của loài người và Ngài ban chúng cho bất cứ ai tùy ý Ngài." Nhưng Nê-bu-cát-nết-sa quên hết những cảnh báo đó. Một năm sau, Chúa phải phán: "*Nê-bu-cát-nết-sa, những gì Ta phán với ngươi sẽ xảy ra ngay bây giờ."* Lập tức vua hóa điên hóa dại trong bảy năm. Người ta phải xiềng vua trong chính vườn thú của vua. Vua ăn cỏ trong bảy năm, tóc vua mọc như lông đại bàng, móng tay móng chân như móng chim.

Đến cuối bảy năm, ông ngước mắt lên trời và nói: *"Lạy Chúa, Ngài là Đức Chúa Trời."* Chúa khôi phục lại ngôi vị cho vua và khiến vua trở nên cao trọng hơn trước. Sau đó, ông lại phạm phải một sai lầm nghiêm trọng về mặt chính trị. Ông *quyết định vững lập* Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và bảo mọi người phải quỳ xuống trước đấng đó và ép mọi người thờ lạy Đức Chúa Trời này. Bạn sẽ không thể có được sự thờ phượng thật theo cách đó. Dù sao, ông là người đã được cải đạo như vậy và kể từ đó về sau, ông đã thờ phượng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng từng khiến ông hóa điên. Ông nói: "*Đức Chúa Trời phải khiến ta hóa điên trong 7 năm thì ta mới tỉnh ra."* Một cách cải đạo nhọc nhằn nhưng thật là một câu chuyện thật hay. Ba-by-lôn vĩ đại và Đa-ni-ên trẻ tuổi sống trong biệt phủ hoàng cung đó.

Chương 5

Chương năm là *cái kết của Ba-by-lôn*. Bên-xát-sa kế vị cha, tổ chức một đại tiệc và ông đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Ông ta nói: "Hãy lấy những ly tách thánh mà cha ta đem từ đền thờ tại Giê-ru-sa-lem về, dùng chúng cho tiệc này." Và ông ta đã làm như vậy. Chúng chè chén say sưa bằng những ly tách thánh. Rồi họ thấy một dòng chữ viết bằng ngón tay trên tường *"Mê-ne, mê-ne, tê-ken, u-phác-sin."* Khi quần thần thấy ngón tay dị thường viết những điều này thì thảy sợ chết khiếp. Đa-ni-ên lại phải giải: "Dòng đó nghĩa là *vua đã bị đặt trên bàn cân và thấy kém thiếu."* Chính trong đêm đó, quân Ba Tư vào được Ba-by-lôn và *Ba-by-lôn thất thủ.* Bạn có nhận ra rằng Ba-by-lôn là *Tháp Ba-bên* không? Tháp Ba-bên ở đó, cùng một gốc từ B-a-b-... Đây là nơi người ta đã xây tháp Ba-bên. Họ luôn xây những thứ cao lớn đến tận trời vì vùng đất này rất bằng phẳng. Những thứ cao lớn đến tận trời sẽ rất ấn tượng, Ba-bên, Ba-by-lôn. Ba-by-lôn sẽ lại xuất hiện trong sách cuối cùng của Kinh Thánh, *Khải Huyền*.

Chương 6

Chương 6, nói về việc Đa-ni-ên ở trong *hầm sư tử*. Lúc này Ba-by-lôn do vua Đa-ri-út trị vì, lại có những vấn đề, chủ nghĩa bài Do Thái lại bùng lên. Đa-ni-ên cứ được trọng dụng cao mãi như vậy, lắm kẻ ghen. Các tể tướng và thống đốc tìm cách bắt bẻ ông về việc nước. Nắm được đức tin của ông, họ đồng tình xin vua ra một sắc chỉ ban lệnh cấm nghiêm ngặt "Trong ba mươi ngày nếu ai kêu cầu bất cứ thần nào hay người nào khác ngoài vua, thì kẻ ấy phải bị quăng vào hầm sư tử." Được tin ấy nhưng Đa-ni-ên không hề nao núng, giữ nguyên nếp sống cầu nguyện và ca ngợi Đức Chúa Trời mình. Thế là ông sập bẫy, chúng đã rình và bắt ông vì tội cưỡng lại lệnh vua ban. Y lệnh, *ông bị ném vào hầm sư tử.* Vua và các đại thần còn đóng ấn để chốt lệnh bất di bất dịch. Sách đã ký thuật câu chuyện ngắn gọn cách tài tình. *"Đức Chúa Trời tôi đã sai thiên sứ Ngài đến và bịt miệng sư tử."* Đa-ri-út nhận ra sai lầm và xử lý lũ gian thần, ông còn viết thư cho các dân, các nước, bằng các ngôn ngữ, rao ra Danh Chúa quyền năng của Đa-ni-ên, Đấng đã cứu ông trước miệng cả đàn sư tử. Đa-ni-ên còn được trọng dụng dưới thời vua Ba Tư *Si-ru*.

Đa-ni-ên là một người có phẩm chất và sự ngay thẳng mà tất cả mọi người đều công nhận, một kiểu mẫu và tấm gương tuyệt vời cho những thanh niên muốn trở thành kiểu người mà cả dân vô tín, người ngoại đạo cũng muốn sử dụng vì sự ngay thẳng và phẩm cách nơi họ.

SÁCH ĐA-NI-ÊN - Phần 2

Di sản của Đa-ni-ên

Khi đến với nửa sau của Đa-ni-ên, chúng ta chuyển sang một bầu không khí hoàn toàn khác biệt. Đa-ni-ên 1 đến 6 rất dễ hiểu, Đa-ni-ên 7 đến 12 lại rất khó. Chúng ta chuyển từ đơn giản sang phức tạp, chuyển từ ngôi thứ ba sang ngôi thứ nhất, nhớ không ạ? Từ giờ trở đi là "tôi - Đa-ni-ên," chính ông đang viết sách và viết về chính mình cũng như những khải tượng của mình về tương lai. Chúng ta đang chuyển từ phần lớn là tiếng A-ram sang phần lớn là tiếng Hê-bơ-rơ, nên chúng ta đang chuyển sang một phần chủ yếu dành cho dân Chúa và tất nhiên rồi, tôi sẽ không ném Đa-ni-ên 7 đến 12 cho một người chưa tin, không họ lại nghĩ chúng ta điên hết lượt.

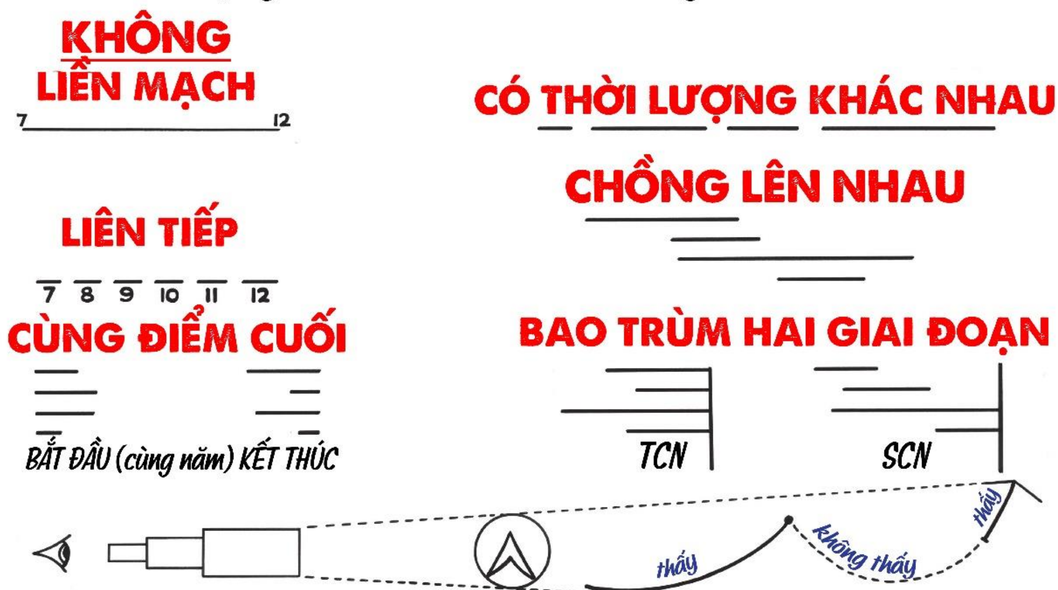
Chúng ta đang chuyển từ cuộc đời hiện tại của Đa-ni-ên đến những nhìn nhận của ông về tương lai; ông đã đưa ra những dự báo độc đáo, quá chi tiết, quá đúng thứ tự thời gian và quá chính xác khi xét đến các sự kiện lịch sử đến nỗi đây đơn giản là lịch sử được ghi lại trước khi nó xảy ra. Đây là một ví dụ phi thường nhất - những chương lịch sử này được ghi lại trước khi nó xảy ra. Điều này đặt trước chúng ta một ngụ ý thế này, thực ra là hai ngụ ý: một là Đức Chúa Trời biết tương lai, rằng Ngài biết cả tương lai lẫn quá khứ. Nhưng Ngài không thay đổi được quá khứ, ngay cả Chúa cũng không thể làm như vậy, nhưng Ngài có thể thay đổi tương lai. Nhưng Ngài biết tương lai, Ngài có thể nhìn thấy trước, Ngài biết bạn có bao nhiêu sinh nhật trước khi chết, điều đó chép trong Thi Thiên 139, Chúa đã đếm chúng trước khi bạn sinh ra rồi, Đức Chúa Trời là vậy. Con người không thể biết điều đó nhưng Chúa thì có thể và Ngài biết.

Chúa không chỉ biết tương lai, Ngài còn định hình tương lai, như vậy không nghĩa là mọi thứ đều được định trước và trù tính trước - cái đó là thuyết định mệnh. Ở đây có một sự cân bằng rất tinh tế trong Kinh Thánh, chúng ta sẽ thấy một khẳng định trong sách Ê-xơ-tê khi xét đến sách đó, một khẳng định mà Mạc-đô-chê nói với Ê-xơ-tê: "Biết đâu con đến vương quốc là vì cớ thời điểm như thế này!" Nhưng ông nói với Ê-xơ-tê rằng hoặc là con làm trọn chương trình của Chúa, nếu không thì người khác sẽ làm.

Giu-đa Ích-ca-ri-ốt chẳng hạn; hắn không được định trước để phản Chúa Giê-su; đúng là phải có ai đó làm như vậy và chính Chúa Giê-su đã nói rằng: *Con Người phải bị phản bội, nhưng khốn thay cho kẻ phản bội Con Người!* Cần phải cẩn thận giữ sự cân bằng giữa sự tể trị thiên thượng và trách nhiệm của con người; không phải mọi thứ đều được định trước, nhưng đúng là Chúa biết trước mọi thứ và Ngài có nhiều ý chí tự do nhất; Ngài có nhiều hơn chúng ta, và Ngài có thể hình thành nên những sự kiện. Tôi hay nghĩ về điều đó như đánh cờ vậy, nếu tôi đang đánh với một bậc thầy về đánh cờ, một nhà vô địch thì người đó sẽ thắng nhưng tôi được tự do đi các nước cờ mà tôi muốn đi, nhưng tôi đi nước nào người đó cũng đi lại được, và người đó vẫn có thể thắng.

Có sự linh hoạt trong quyền tể trị của Chúa mà chúng ta phải trân quý giữ gìn, nếu không chúng ta sẽ bị trượt vào thứ gần giống như Đạo Hồi, một kiểu tiền định được định trước, không thể làm gì để thay đổi được. Như vậy, đây không phải là thuyết định mệnh, nhưng có sự tể trị thiên thượng không chỉ biết tương lai mà còn có thể định hình nó; và dù chúng ta có đi nước cờ nào thì Chúa đều hoàn toàn có thể tạo nên những gì Ngài muốn. Đó là điều khiến lời tiên tri có thể xảy ra.

Các khải tượng của Đa-ni-ên về tương lai



Khi chúng ta nhìn vào số khải tượng về tương lai trong Đa-ni-ên 7 đến 12, tôi phải giải thích điều này không bạn lại bị rối. Có lẽ là khi nhìn vào bảng này, bạn sẽ nghĩ: *Ôi, sao mà rối thế!* Giống cậu sinh viên có dòng chữ XMRT để trên áo và người ta hỏi: *Dòng đó nghĩa là gì?* và cậu ta đáp: *Sao mà rối thế!*, nhưng người ta lại bảo chữ "sao" phải bắt đầu bằng âm "s" chứ đâu phải "x" và cậu ta đáp: *Ôi, anh không biết tôi rối đến thế nào đâu*! Nào, hãy cố gắng xử lý cái bảng này. Điều đầu tiên cần nắm được là chương 7 đến 12 không liền mạch với nhau, chúng không phải là dòng khải tượng liền nhau về các sự kiện tương lai nối nhau từ đầu tới cuối.

Đó là điều đầu tiên. Khi đọc từ chương 7 đến chương 12, bạn không đọc dòng lịch sử nối tiếp về tương lai. Chúng là những khải tượng riêng rẽ về tương lai. Hai là chúng cũng không nối tiếp nhau; không thể nói rằng khải tượng trong chương 8 nối tiếp chương 7, rồi chương 9 nối tiếp chương 8, chúng lẫn lộn với nhau. Vậy là phần này không đơn giản như bạn nghĩ. Ba là chúng không đồng thời với nhau; các khải tượng riêng rẽ không bắt đầu cùng một thời điểm và không kết thúc cùng một thời điểm, điểm này lại khiến người ta thấy bối rối khi đọc. Nói cách khác, chúng ta phải đọc từng khải tượng riêng ra rồi khớp nó vào chỗ cần khớp. Như vậy là chúng không liền mạch theo một đường thẳng liền nhau, thậm chí chúng không nối tiếp chương này sau chương kia, và chúng không bắt đầu cùng một thời điểm, không kết thúc cùng một thời điểm.

Tôi đã cho bạn biết những ý phủ định về chúng, giờ thì hãy chuyển sang ý khẳng định. Đầu tiên là chúng có khác nhau về độ dài. Một số khải tượng nói về phần tương lai rất ngắn và một số nói về phần dài hơn nhiều, số khác lại về một phần khá ngắn còn số khác nữa lại về một phần rất dài; tức là chúng đa dạng về độ dài thời gian mà chúng nói đến. Vậy là chúng ta không thể dễ dàng khớp chúng lại với nhau, Rồi chúng chồng lên nhau, tức là có thể có một khải tượng dài nói đến phần tương lai dài chồng lên một khải tượng ngắn hơn đằng sau, phần sau lại nói chi tiết hơn nữa; nên chúng có chồng lên nhau một chút.

Bây giờ đến phần thật sự phức tạp, cứ như kiểu bạn còn chưa đủ rối ấy nhỉ! Chúng có bao trùm hai thời kỳ đều chấm dứt cùng nhau. Ý tôi là chúng bao trùm một thời kỳ trước Đấng Christ và một

thời kỳ sau Đấng Christ, chúng ta gọi là TCN và SCN nhưng trong cả hai trường hợp, các khải tượng của thời kỳ này chấm dứt với sự đến của Đấng Christ còn các khải tượng của thời kỳ này là về những ngày cuối cùng tiến đến sự chấm dứt của lịch sử, nên các khải tượng nói đến điều hay được gọi là "thời kỳ cuối cùng," nhưng cả thời kỳ cuối cùng TCN và thời kỳ cuối cùng SCN.

Vậy là nhìn qua kính viễn vọng của mình, ông thấy hai thời kỳ và không nhận ra khoảng cách giữa chúng. Bạn có nhớ khi chúng ta xét đến sách Ê-sai không - có khoảng cách ở giữa. Cứ như thể ông nhìn qua ống kính tiên tri viễn vọng của mình và thấy hai đỉnh núi, một đỉnh ở trước - đỉnh thấp hơn đứng trước và đỉnh cao hơn đứng sau; ông không nhận ra khoảng cách giữa hai đỉnh là bao xa. Ông không thấy điều đó. Khi nhìn qua kính viễn vọng và thấy hai đỉnh núi, một đỉnh đứng trước đỉnh còn lại, bạn sẽ không thể thấy bất cứ thứ gì bị đỉnh đầu tiên che đi,

Nên hãy xét đến dạng biểu đồ ở đây. Ông có thể thấy mọi thứ dẫn đến đỉnh đầu tiên, nhưng ông chỉ có thể thấy mẩu nhỏ cuối cùng dẫn đến đỉnh thứ hai; nắm được chỗ này không ạ? Như vậy, ông có thể thấy từ thời của mình - tôi đang liên hệ điều này đến thời gian; ông có thể thấy từ thời đại mình, và lời tiên tri của ông bắt đầu ứng nghiệm chỉ sáu năm sau khi ông qua đời. Ông có thể thấy cho tới khi Đấng Christ đến nhưng không thể thấy điều gì sau lần đến đầu tiên của Ngài; nhưng ông có thể thấy mẩu cuối cùng của lần đến thứ hai, những sự kiện dẫn đến lần đến thứ hai.

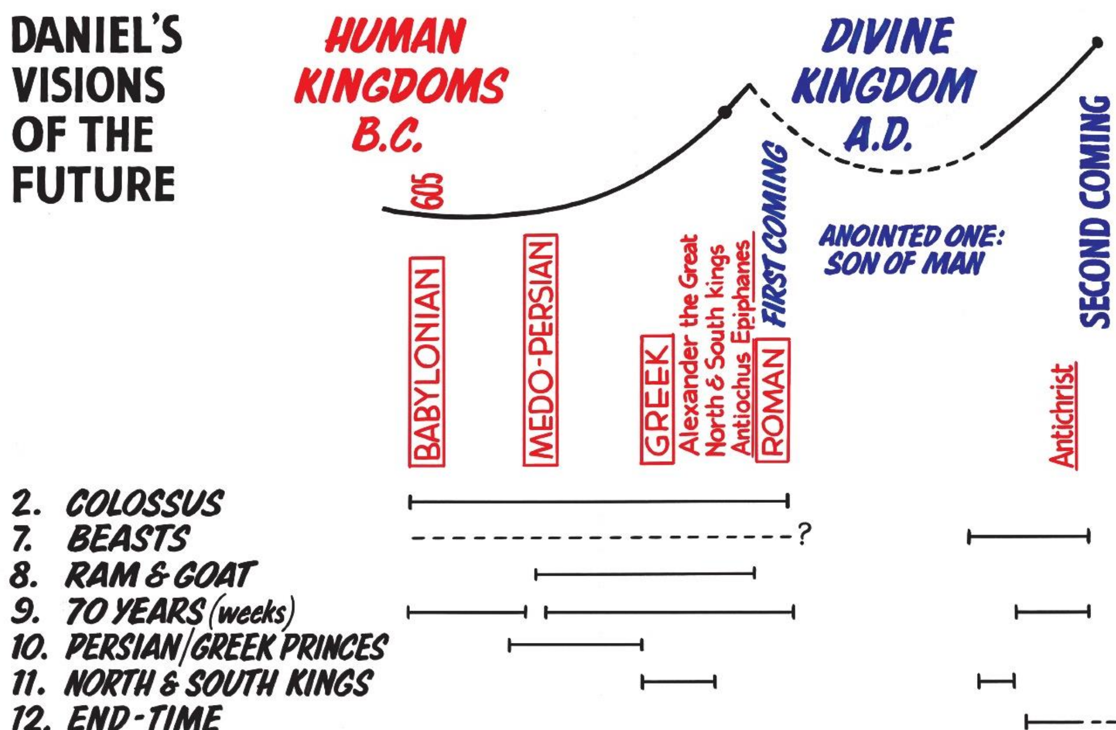
Giống với hầu hết các tiên tri trong Cựu Ước, ông không nhận ra khoảng cách giữa hai đỉnh này; ông thấy mọi thứ như là một điều hầu đến, ông gọi đó là vương quốc và không nhận ra rằng vương quốc sẽ đến theo hai giai đoạn, vì Đức Vua đến hai lần. Giờ thì chúng ta hiểu điều đó nhưng họ thì không thấy được. Bạn có thể thấy rằng khi nhìn về phía trước, ông nhìn thấy mọi điều dẫn đến việc kết thúc TCN, và mẩu cuối cùng kết thúc SCN.

Vậy là thực ra chúng ta có các sự kiện được báo trước, chúng dẫn tới lần đến đầu tiên của Đức Vua, và những sự kiện dẫn tới lần đến thứ hai của Đức Vua; điều đáng kinh ngạc là cả hai chuỗi sự kiện gần như giống hệt nhau. Ví dụ, khi tua về sau thì sẽ thấy một "nhân vật phản diện" thực sự trong cả hai giai đoạn. Ở giai đoạn đầu có một người tên là Antiochus Epiphanes và ở giai đoạn sau là Antichrist, hai người đó giống nhau đến lạ lùng. Nói cách khác, khi nghiên cứu các sự kiện dẫn tới lần đến đầu tiên của Đấng Christ, chúng ta nhìn thấu được vào các sự kiện dẫn tới lần đến thứ hai của Đấng Christ, hiểu được đến đây chưa ạ? Tất cả những điều này hơi phức tạp, nhưng tôi đang cố gắng làm sáng tỏ chúng để khi đọc, các bạn có thể cẩn thận nghiên cứu chúng và khớp mọi thứ lại với nhau.

Vậy là lịch sử được chia thành TCN và SCN hay BC và AD trong tiếng Anh. Thực ra thì người Do Thái không thích chữ AD Anno Domini, tức TCN - năm của Chúa chúng ta, nên họ dùng chữ CE, common era, tức là thời đại chung cho cả người Do Thái và Cơ Đốc nhân; nên họ gọi TCN là BCE - before the common era, trước thời đại chung và SCN là CE - thời đại chung. Người Anh thì gọi là BC - Before Christ - trước Đấng Christ và AD - Anno Domini, năm của Chúa chúng ta, vì lần đến đầu tiên của Ngài chia đôi dòng lịch sử và lần đến thứ hai của Ngài chấm dứt lịch sử, nên chúng ta hiểu rõ điều này hơn nhiều.

Một lần nữa, tất cả những thứ này hơi phức tạp một chút nhưng tôi nghĩ là chúng sẽ giúp bạn dễ tư duy hơn khi đi sâu hơn vào những điều thực tế. Hãy chuyển ngay sang biểu đồ tiếp theo rồi chúng ta sẽ đi dần từng bước một. Điều ông thấy trong khải tượng, toàn bộ giấc chiêm bao đầu tiên của Nê-bu-cát-nết-sa trong chương 2, là sẽ có một loạt các vương quốc của con người, với chất lượng giảm dần từ vàng - cái đầu, đến bạc, xuống sắt và tới bàn chân bằng đất sét, một loạt các vương quốc của

con người dẫn đến sự khởi đầu của Vương quốc thánh. Như vậy, chúng ta có Ba-by-lôn, Ba Tư, Mê-đi, Hy Lạp và La Mã. Đức Vua đến trong thời đế quốc La Mã cuối cùng.



Đa-ni-ên chờ đợi rằng Vương quốc thánh sẽ hoàn toàn thay thế các vương quốc của con người. Ông không nhận ra rằng Vương quốc thánh sẽ trải qua một thời kỳ tồn tại song song trên đất với các vương quốc khác của loài người. Ông đang thấy đỉnh sau này gần như là một phần của đỉnh đầu mà không nhận ra rằng có khoảng giữa. Chúng ta sống trong khoảng giữa đó; chúng ta đang sống trong Vương quốc thánh nhưng vẫn có những vương quốc, đế quốc và cường quốc của con người, Nga, Trung Quốc, Mỹ.

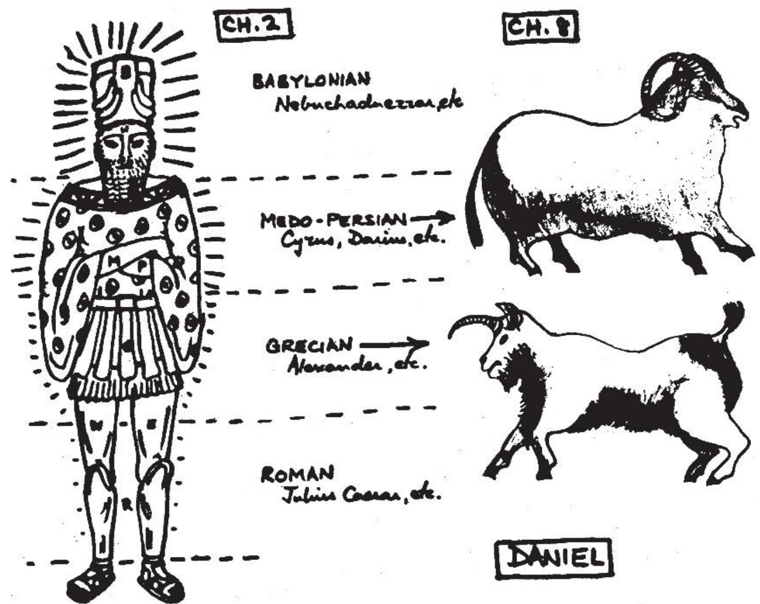
Tới một ngày, sẽ chỉ có một Vương quốc, nhưng có phần chồng lên nhau mà Đa-ni-ên không thấy. Bạn có nhớ khải tượng về pho tượng lớn không? Tạm bỏ qua phần này nhé! Đây là pho tượng mà Nê-bu-cát-nết-sa mơ thấy, và ông thấy cả pho tượng lớn đổ sụp xuống vì ông thấy một hòn đá từ núi - một hòn đá mà tay người chưa từng chạm đến, một hòn đá không qua đục đẽo. Hòn đá này đập vào bàn chân của pho tượng khổng lồ và mọi thứ vỡ vụn. Ông thấy hòn đá này như Vương quốc Đức Chúa Trời đập tan các vương quốc của con người, thay thế toàn bộ, khiến chúng sụp đổ hết và thiết lập Vương quốc thánh của Đức Chúa Trời thế vào chỗ đó. Ông cứ nghĩ rằng điều này sẽ xảy ra cùng lúc. Chúng ta biết rằng điều này diễn ra theo hai giai đoạn và các vương quốc của đời này vẫn tồn tại song song với Vương quốc thánh.

Những dự báo đã được ứng nghiệm

Vậy chúng ta phải xử lý tất cả những điều này như thế nào cho tốt đây? Tôi nghĩ là tôi sẽ nói hết một lượt những dự báo đã xảy ra, sau đó mới xét đến những điều chưa xảy ra. Nói cách khác, hãy xét đến mọi dự báo dẫn tới lần đến đầu tiên của Đấng Christ. Chúng đã xảy ra đúng theo những dự báo của Đa-ni-ên đến đáng kinh ngạc. Thậm chí là cả khoảng thời gian từ lúc ông nói điều này đến khi Đức Vua đến, ông còn cho chúng ta biết đúng đến số năm, một kỳ tích khá phi thường. Hãy nhớ rằng

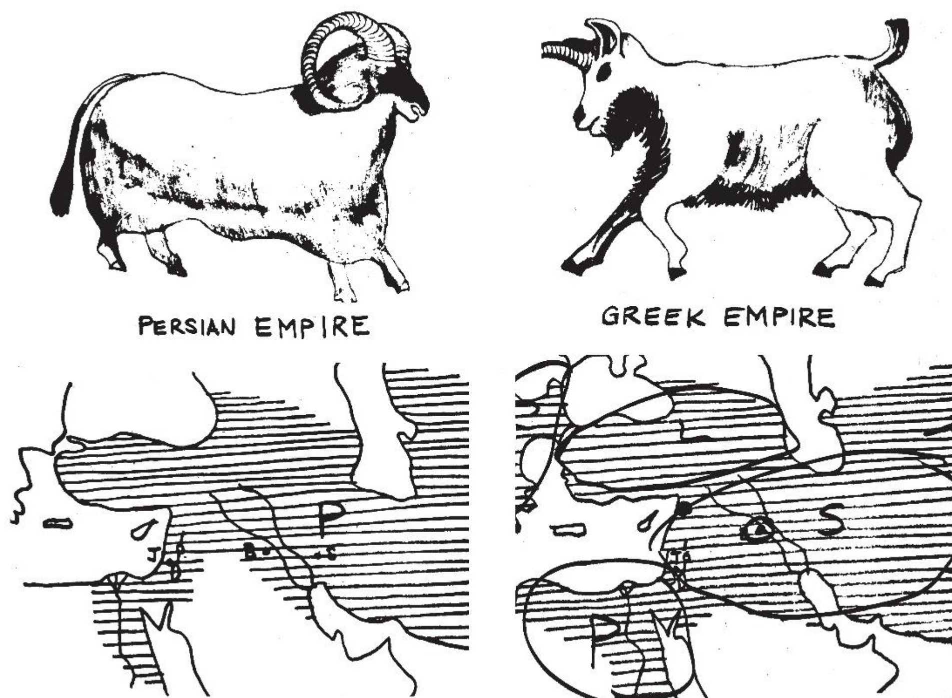
chúng ta sống trong khoảng giữa này, nên những điều này đều đã trở thành quá khứ với chúng ta; chúng ta có thể tra cứu, các dự báo đã được ứng nghiệm.

Đầu tiên, dự báo trong chương 2 về pho tượng lớn này. Ba-by-lôn nhường chỗ cho Mê-đi và Ba Tư, người Mê-đi và Ba Tư nhường chỗ cho Hy Lạp, và người Hy Lạp nhường chỗ cho người La Mã. Tất cả những điều đó đã xảy đến đúng như vậy, giấc chiêm bao của Nê-bu-cát-nết-sa đã trở thành hiện thực và sự giải nghĩa của Đa-ni-ên đã trở thành hiện thực; cái đó chép trong chương 2. Trong chương 8, chúng ta có con chiên đực và dê đực; một lần nữa, tất cả những điều đó lại xảy ra. Ở đây có con chiên đực và con dê đực có một sừng; chương 8 nói về hai con này.



Những dự báo đã được ứng nghiệm trong khải tượng

Rõ ràng là chúng tương ứng với hai phần của pho tượng lớn - pho tượng khổng lồ. Chúng tương ứng với đế quốc Mê-đi/Ba Tư và đế quốc Hy Lạp. Mọi điều nói về chiên đực và dê đực trong chương 8 đều trở thành hiện thực. Ví dụ, chương này nói đến đế quốc Ba Tư và đó là một đế quốc lớn, trải từ Ấn Độ đến Ai Cập; toàn bộ Thổ Nhĩ Kỳ ở trong đó. Cả vùng này trở thành đế quốc của Ba Tư và tất nhiên, bây giờ là Iran và Ayatollah.



Bạn có nhớ Vua Ba Tư đã tổ chức một lễ hội hoành tráng để kỷ niệm 2,500 năm đế chế Ba Tư không? Ông ta đã xây lại toàn bộ, làm một cái trại và một số thành viên Hoàng gia Anh đã dự lễ kỷ

niệm đó, và Vua Ba Tư đã tự đặt cho mình một danh hiệu mới vào dịp kỷ niệm 2,500 năm đế chế Ba Tư. Bạn có biết danh hiệu của ông ta là gì không? Vua của các Vua và Chúa của các Chúa. Bạn có thể xác thực điều tôi nói.

Tôi đã giảng vào lúc đó rằng ông Vua này đã tự giết mình, rằng không ai có thể đặt cho mình danh hiệu đó mà còn sống. Trong một khoảng thời gian rất, rất ngắn, ông này xong đời. Làm sao mà trốn tội được. Đức Chúa Trời vẫn đang nắm giữ lịch sử và người ta phải kính sợ Ngài. Nhưng mọi điều chương 8 nói về con chiên đực - đế quốc Ba Tư - đều trở thành sự thật. Bạn có thể đọc tất cả những điều này; tôi không cần đi vào chi tiết. Đế quốc Hy Lạp theo sau - con dê đực, Alexander Đại đế, bạn có biết ông có biệt danh là "Dê đực" không? Vì ổng cứ chinh chiến mãi thôi. Ý tôi là người này qua đời ở tuổi 31, thế mà ổng chinh phục được cả thế giới. Người này chinh chiến khắp nơi như con dê đực húc văng tất cả. Những người theo ông, người lịch sự thì gọi ông là Alexander Đại đế còn người bất lịch sự gọi ông là Alexander Dê đực, và Đa-ni-ên đã thấy trước tất cả những điều đó. Chẳng phải là rất tuyệt vời đó sao?

Còn đây là đế quốc Hy Lạp. Khi Alexander Đại đế qua đời ở tuổi 31, khi còn rất trẻ, bạn nghiên cứu mà xem, vì ông cũng là một người bê tha nữa, chính tội lỗi cũng góp phần vào sự sa sút của ông. Khi ông qua đời, đế quốc của ông được chia cho bốn vị tướng. Tôi đã ghi những chữ cái vào đây. Đầu tiên là, cái này đọc là gì nhỉ - Lysimachus (có ai sửa cách đọc cho tôi không?) lấy Thổ Nhĩ Kỳ, Cassander lấy Greece, rồi Ptolemy, chắc bạn đã nghe đến nhà Ptolemy rồi, ông lấy Ai Cập; và Seleucus lấy phần này. Chúng ta nhận ra rằng Y-sơ-ra-ên bị kẹp giữa Seleucus và Ptolemy.

Chương 11 toàn nói về các vua phương bắc và phương nam; đây là phương bắc, đây là phương nam, chính là nhà Seleucus và nhà Ptolemy, chúng gây sức ép cho Y-sơ-ra-ên nhỏ bé. Đây là chỗ có một dự báo có lẽ là đáng kinh ngạc nhất. À không, phải qua một cái nữa mới đến.

Vậy là đế quốc Hy Lạp bị chia thành bốn, Đa-ni-ên nhìn thấy hết, rồi nói rằng vấn đề nan giải cho dân Chúa ở đây là bị kẹp giữa hai vương quốc này, và thực ra họ không gặp vấn đề gì với hai vương quốc kia; họ bị kẹt giữa nhà Seleucus và nhà Ptolemy. Chương tiếp theo, chương 9, có một dự báo khác thường rằng bao nhiêu năm nữa Đức Vua sẽ đến. 70 tuần lễ của Đa-ni-ên, nhưng tất nhiên là một tuần lễ, từ tuần lễ trong tiếng Hê-bơ-rơ là để chỉ số 7. 70 lần 7, thực sự không phải là 70 tuần lễ mà là 70 nhân 7, tức là 490. Ông nói: từ khi có sắc lệnh hồi hương từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem cho tới khi Đức Vua đến sẽ là 490 năm, 70 lần 7.

Ở đây chúng ta có một vấn đề nhỏ. Đó là ông đang nhắc đến sắc lệnh nào? Vì thực ra là có bốn cái. Có sắc lệnh của Si-ru mở đầu cho sự hồi hương, vào năm 536; rồi Đa-ri-út ra một sắc lệnh cho phép họ trở về thêm; và Ạt-ta-xét-xe ra hai sắc lệnh cho phép Nê-hê-mi về xây lại. Vậy thì chúng ta phải tính từ sắc lệnh nào đây? Dù có tính từ sắc lệnh nào thì cũng sẽ ra lúc Chúa Giê-su giáng sinh hoặc được báp-tem.

Thật đáng kinh ngạc! Tất nhiên là cũng có một vấn đề nữa, đó là Đa-ni-ên dùng năm dương lịch có 365 năm và 1/4 ngày hay năm âm lịch có 360 ngày, ông theo lịch của Ba-by-lôn hay lịch Do Thái? Có nhiều tài liệu cố gắng lý luận xem ông dùng lịch nào. Thực tế là chỉ chưa đến 500 năm sau, Chúa Giê-su đã đến. Với tôi thế là đủ gần rồi, mọi chi tiết tôi không thể tính hết được vì nó liên quan đến đủ mọi vấn đề về thiên văn, nhưng thế là đủ gần và thực ra, một sắc lệnh sẽ dẫn chúng ta đến với sự giáng sinh của Chúa Giê-su còn sắc lệnh khác dẫn đến sự báp-tem của Ngài, theo cái nào thì Đức Vua cũng đã đến. Chẳng phải là rất đáng kinh ngạc khi nói như vậy sao? 500 năm trước khi điều đó xảy

ra, ông đã đúng và Đức Vua đã đến. Một lần nữa, bạn phải nắm được các phần giải kinh để có thể tìm hiểu mọi chi tiết nếu muốn.

Vậy các bạn đã hiểu điều chúng ta đang nói chưa? Pho tượng lớn ở chương hai, khải tượng này bao trùm từ đây đến đây. Tạm bỏ qua chương 7 nhé! Chiên đực và dê đực trong chương 8 bao trùm từ đây tới đây; hiểu ý tôi nói về việc chồng lên nhau không ạ? 70 tuần lễ, thực ra là chúng được chia ra..., bảy lần bảy trước là 49, rồi đến 62 lần 7, còn lại 1 lần 7 nữa. Bảy nhân bảy 49, 62 nhân bảy 434, cộng lại là 483. Tôi không nên nói là 490 mà là 483, đúng không ạ?

Tại sao ông lại chia như vậy? Vì đây chính là khoảng thời gian cần thiết để xây lại Giê-ru-sa-lem, nên ông nói rằng những tuần lễ này sẽ chỉ về Giê-ru-sa-lem, rồi sau khi Giê-ru-sa-lem được xây xong thì sẽ phải chờ cho đến cuối 69 lần 7 thì Đức Vua mới đến. Rồi ông để lại tuần lễ thứ 70 - chúng ta sẽ xét đến phần đó vì tôi tin rằng trong tuần lễ thứ 70, ông đang nhìn qua đỉnh này và thấy đỉnh này; có một khoảng cách rất lớn giữa 69 lần 7 và lần 7 thứ 70. Nhưng một lần nữa, hãy đọc giải kinh nếu bạn muốn hiểu tất cả những điều này.

Giờ đến chương 10. Chương 10 bao trùm khoảng thời gian này và đưa ra một nhìn nhận hết sức sâu sắc về thực tế rằng mọi xung đột ở dưới đất đều khớp với xung đột trên trời xảy ra giữa các lực lượng ma quỷ đứng sau các vương quốc dưới đất. Có một nhìn nhận hết sức sâu sắc về Đa-ni-ên mà quá nhiều Cơ Đốc nhân thời nay đang coi trọng quá mức. Chút nữa tôi sẽ trở lại với điều đó. Đằng sau mọi quyền lực trên đất, mọi vương quốc đang phát triển đều có một quỷ vương; có một con quỷ đứng sau những người muốn chiếm cứ các nước khác.

Bạn sẽ thấy dễ tin điều đó hơn khi nhìn vào Tiệp Khắc ngày nay phải không? Có điều gì đó rất quỷ quái trong cách họ tàn phá chính mảnh đất của mình. Quyền lực thuộc về ma quỷ có sức hủy diệt và không quan tâm đến cách làm, nó chỉ cần mạnh là được, nó kiểm soát con người. Chúng ta biết rằng chương 10 là về quỷ vương Ba Tư và quỷ vương Hy Lạp và cách Chúa sai Mi-ca-ên đến để đánh bại chúng và xử lý chúng. Đây là chiến trận thuộc linh, thật sự là như vậy, ma quỷ ở trên kia, các quỷ vương, các thiên sứ ác, các thiên sứ sa ngã, quyền lực của ma quỷ đứng sau mọi trận chiến diễn ra dưới này. Các trận chiến dưới đất phản ánh trận chiến thuộc linh đang diễn ra trên kia, đó là nhìn nhận độc đáo trong Đa-ni-ên chương 10.

Tôi chỉ muốn bạn lưu ý rằng Đa-ni-ên không tham gia vào trận chiến đó. Tất cả mọi việc đều do các thiên sứ đảm nhiệm. Tôi e rằng quá nhiều Cơ Đốc nhân đang xây cả một chiến lược với chỉ hai câu trong Đa-ni-ên 10. Chắc chắn là bạn đã gặp cụm đó rồi, nó được gọi là Chiến trận Thuộc linh, rằng trước khi tổ chức một chiến dịch Phúc âm, bạn phải xác định con ác quỷ đang kiểm soát thành đó và trói buộc nó trước khi bạn có thể bắt đầu giảng Tin lành.

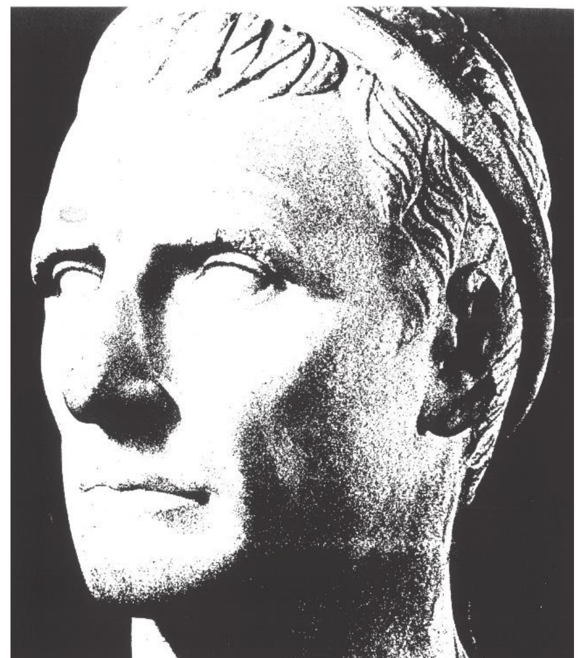
Nghe này, tôi nghĩ rằng điều đó thực sự sai trái và khiến bạn xao nhãng khỏi công việc của mình. Chúa Giê-su không phán rằng: *Hãy đi khắp thế gian, tìm ma quỷ và trói buộc nó.* Ngài phán: *Hãy đi và môn đồ hóa muôn dân.* Tôi e rằng đây đang là một vấn đề lớn và một số nhóm sẽ không ưa gì khi tôi nói điều này, nhưng chiến trận thuộc linh - hãy để nó cho các thiên sứ, trừ khi chúng tự xuất đầu lộ diện. Tôi để ý thấy Chúa Giê-su và các môn đồ không bao giờ đi tìm ma quỷ nhưng khi quỷ đến tấn công họ, họ sẽ xử lý nó. Tôi tin rằng đó là khuôn mẫu cho chúng ta, không đi tìm ma quỷ và cố trói buộc chúng nhưng tiếp tục làm việc của mình - môn đồ hóa cho vương quốc, và nếu quỷ tự lộ diện thì hãy xử lý chúng trong danh Giê-su. Phao-lô quá kiên nhẫn với một quỷ đến nỗi ông đợi đến 3 ngày rồi mới đuổi nó ra khỏi một cô gái đang làm nhiễu loạn các buổi nhóm của họ. Đừng tham gia

vào chiến trận thuộc linh, trừ khi ma quỷ tự xuất đầu lộ diện. Khi ấy, hãy xử lý chúng trong danh Giê-su. Chúng ta có một nhiệm vụ khác, đó là tiếp tục rao truyền tin lành về Vương quốc.

Với Đa-ni-ên, điều này xảy ra khi ông đang cầu nguyện và Chúa bày tỏ cho ông trong khi cầu nguyện rằng điều đó đang xảy ra ở trên kia, nhưng Chúa đang xử lý nó với các thiên sứ khác, còn Đa-ni-ên cứ tiếp tục làm việc của mình ở dưới này. Đó chỉ là một nhìn nhận mà chúng ta cần có. Có thể bạn lại thổi phồng Ê-phê-sô 6 lên. Đúng là chúng ta không chiến đấu với thịt và huyết, nhưng với các quyền thống trị và các thế lực ở các nơi trên trời, nhưng chiến đấu hay đánh trận nghĩa chúng tấn công ta trước. Đừng đi tìm chúng; chúng ta có thể bị phân tâm nếu dành quá nhiều tâm sức vào điều này. Nhưng đó là một nhìn nhận mà chúng ta cần có, rằng mọi tranh chiến ở dưới này, xét trên một khía cạnh, là do sự tranh chiến đang diễn ra ở các nơi trên trời giữa các thế lực của ánh sáng và bóng tối tràn xuống. Đa-ni-ên được thấy điều đó, nhưng Chúa bảo ông rằng: *Ta đang xử lý nó, hãy để cái đó cho ta; con cứ làm việc của con dưới đấy đi.* Tôi chỉ đưa phần đó vào vì tôi e rằng Đa-ni-ên 10 gần như đã trở thành một phân đoạn chứng minh cho cái mà người ta đang gọi là chiến trận thuộc linh.

Bây giờ, chúng ta chuyển sang chương 11. Chương 11 chỉ bao trùm - đâu rồi? - một chút ở đây, và tôi nghĩ chương 11 là dự báo đáng kinh ngạc nhất về tương lai trong cả Kinh Thánh - trong 35 câu có 135 sự kiện quan trọng được dự báo, thật sự đáng kinh ngạc. Tôi đã phát cho bạn một tờ giấy, có hai mặt luôn, nó đưa bạn qua chỉ 35 câu. Bây giờ mà đọc tờ đấy thì không ích gì đâu, đừng có mà nhìn. Nhưng hãy mang về nhà và nếu bạn từng thắc mắc về những dự báo trong Kinh Thánh, hãy lấy tờ đó ra mà đọc. Nó chỉ nói về một phần nhỏ của lịch sử trước khi Đức Vua đến lần đầu tiên, và trong chỉ 35 câu, 135 sự kiện quan trọng được mô tả một cách chi tiết. Các học giả tự do không thể luận ra chương này. Họ nói: *Đa-ni-ên không thể nào viết ra chương này, chắc hẳn là chương 11 đã được viết vào 400 năm sau đó.*

Nhưng Đức Chúa Trời biết khởi đầu và kết thúc, Ngài biết kết thúc từ khi khởi đầu, và Chúa khiến Đa-ni-ên có thể viết điều đó ra. Tôi đã soạn ra cái này, bạn có thể thấy nó thú vị hoặc không; nhưng nếu bạn muốn có bằng chứng về sự tiên tri thì hãy xem chúng được ứng nghiệm trong một chương này, một ghi chép độc đáo trong toàn bộ Kinh Thánh. Không một sách nào khác trong Kinh Thánh, không một chương nào khác trong Kinh Thánh tập trung nhiều dự báo đáng kinh ngạc về tương lai đến vậy. Tôi đã nói rằng trong cả Kinh Thánh, có 735 dự báo; 135 trong số đó đã nằm trong 35 câu của Đa-ni-ên 11; chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao? Vâng, một cuộc thử nghiệm ra trò xem bạn có phải là tín đồ hay không qua việc đọc một chương như thế.

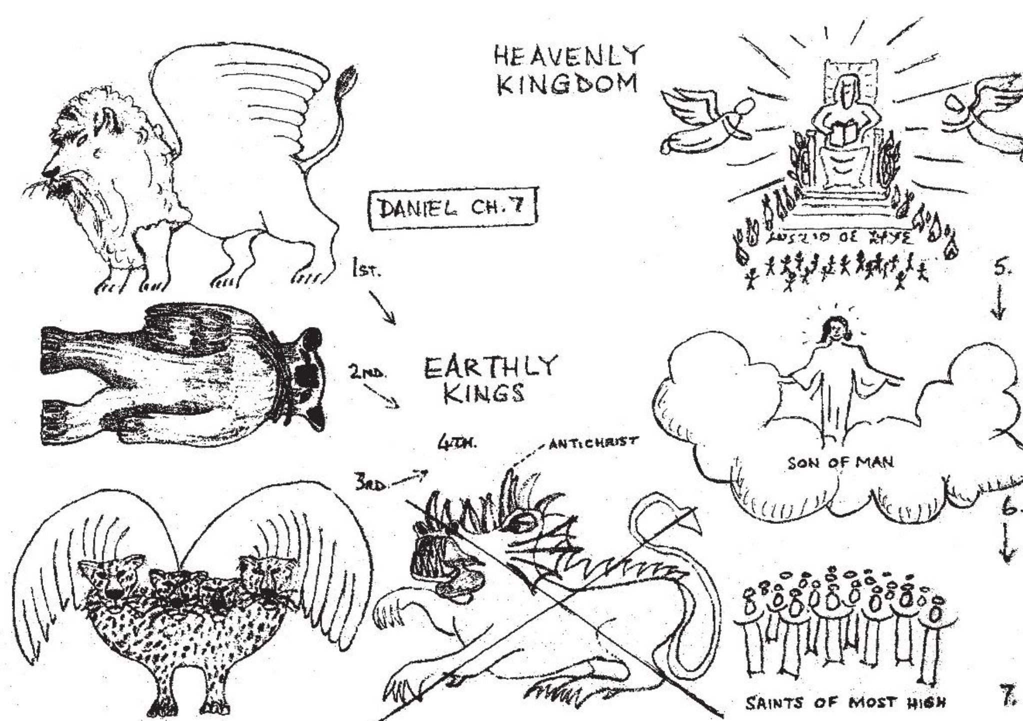

Antiochus Epiphanes được mệnh danh là antichrist trước công nguyên

Chương 12 chỉ xét đến nhóm sự kiện thứ hai dẫn tới lần đến thứ hai. Tất cả những điều kia đã được ứng nghiệm trong quá khứ nhưng có một điều nữa mà tôi muốn nói đến. Trong chương 11, tôi muốn nói về người này. Đây là antichrist của thời kỳ TCN. Đây là bức chân dung duy nhất mà chúng ta có về con người đáng sợ tên là Antiochus Epiphanes, hắn được dự báo trong chương 11 như tai họa lớn nhất xảy đến cho người Do Thái trước khi Đức Vua đến, và cái tên Antiochus Epiphanes giữa vòng người Do

Thái - ôi thật khủng khiếp! Tôi không hề thích nói về những gì hắn ta đã làm, thực chất thì hắn ta trở thành quan nhiếp chính của phần Seleucid thuộc đế quốc Hy Lạp, ngay phía bắc Y-sơ-ra-ên. Hắn là người giám hộ cho một cậu bé, thực ra là vua, nhưng hắn đã giết cậu bé và chiếm ngôi vua. Tay bạo chúa tệ hại nhất, hắn quyết tâm xóa sổ tôn giáo Do Thái, hắn làm ô uế đền thờ bằng cách dâng một con lợn trên bàn thờ, hắn cho đầy gái điếm vào các phòng của đền thờ; ý tôi là hắn còn làm gì tệ hơn được nữa! Hắn dựng tượng Jupiter trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, điều này đã châm ngòi cho cuộc nổi dậy Ma-ca-bê. Nếu từng đọc mẩu lịch sử đó thì bạn sẽ thấy cuộc nổi dậy Ma-ca-bê nổ ra là do tên này và xét trên một khía cạnh, hắn tương đương với Antichrist vào giai đoạn cuối của lịch sử; chúng cùng một giuộc, tên này là hình bóng của tên kia và nếu bạn muốn biết về Antichrist thì hãy đọc về tên này.

Những dự báo chưa được ứng nghiệm

Hãy xét nhanh đến những dự báo chưa được ứng nghiệm. Bạn có nhớ hòn đá không qua đục đẽo và ra từ núi khiến cho pho tượng hình người đổ xuống, khiến các đế chế của loài người sụp đổ và thay thế chúng không? Điều đó chưa xảy ra; tuy Đức Vua đã đến một lần nhưng Ngài chưa tiếp quản các vương quốc của thế gian. Ngài sẽ làm như vậy vào lần thứ hai. Rồi chương 7, chương 7 có một số điều khác thường. Một số người cố gắng ghép chương 7 với chương 2; thế nên tôi mới để dấu gạch nối; và họ nói rằng bốn con thú kỳ lạ ở chương 7 cũng là bốn đế quốc trong chương 2 ở pho tượng khổng lồ.

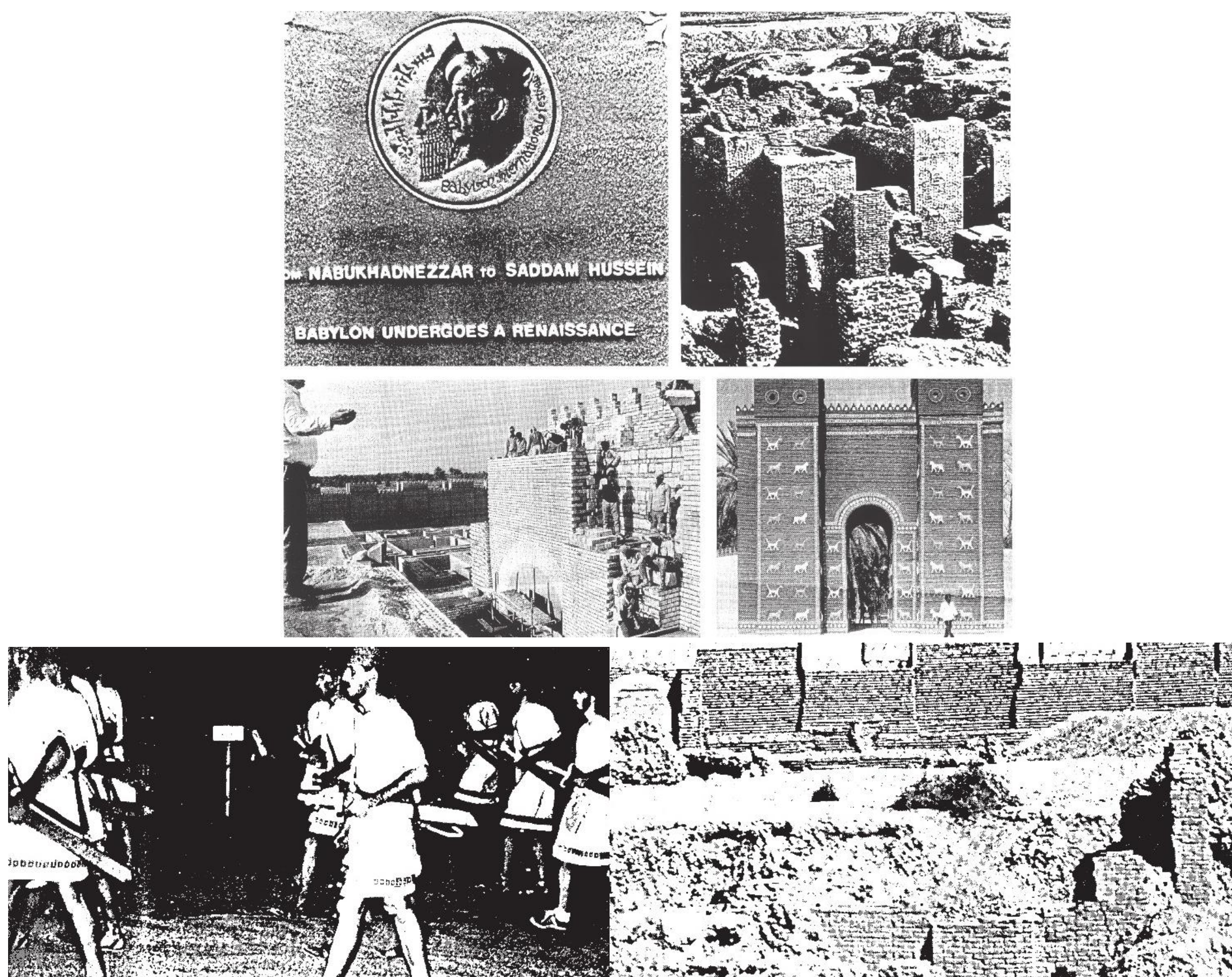


Hình ảnh về 4 con thú kỳ lạ

Tôi không hề nghĩ là chúng khớp với nhau, có nhiều lý do để giải thích và tôi không có thời gian để đi sâu vào tất cả. Nhưng trong chương 7, chúng ta có hình ảnh về bốn con thú kỳ lạ, con sư tử có cánh, sau nó là con gấu lớn, sau nó là con beo có cánh và bốn đầu, sau nó là một con mà tôi chỉ có thể miêu tả là một con điểu sư hoặc một con rồng, sau nó là một vương quốc, một vương quốc mà trong đó, Vương quốc Đức Chúa Trời được thiết lập trên đất bởi một hình dạng như Con Người đến giữa những đám mây và cai trị với các thánh đồ của Đấng Chí Cao. Rõ ràng là điều đó chưa xảy ra.

Tôi tin rằng, ở đây có phần mào đầu cho lần đến thứ hai của Đấng Christ. Nếu bạn hỏi tôi bốn con thú là gì thì chúng không khớp với Ba Tư, Hy Lạp và La Mã. Nếu bạn kiểm lại thì sẽ thấy chúng không khớp. Có nhiều điều bất thường, ví dụ như ba con này vẫn còn cho đến khi con này xuất hiện, tuy con này bị giáng một đòn chí mạng để Vương quốc Đức Chúa Trời được thiết lập.

Ở đây tôi sẽ suy đoán, và đây chỉ là phỏng đoán; các bạn đừng coi nó hơn thế. Con sư tử có cánh truyền đạt tới bạn điều gì? Đây là những cường quốc ở giai đoạn cuối của lịch sử. Mỹ và Anh. Con gấu truyền đạt tới bạn điều gì? Nga. Con beo truyền đạt tới bạn điều gì? Thế giới Ả Rập. Tôi có thể sai, nhưng nếu tôi đúng thì ba con này vẫn còn đến cuối nhưng sẽ bị con này thay thế. Tôi cho rằng một trong những điều đáng kinh ngạc nhất mà người ta hỏi tôi về thời nay là thực tế rằng Saddam Hussein xây lại Ba-by-lôn. Đây là tờ bìa chương trình từ lễ hội lớn mà ông ta tổ chức tại đó, với Nê-bu-cát-nết-sa và Saddam Hussein cạnh nhau, và khắc họa góc nghiêng của hai người, thấy không ạ? Có một màn trình diễn đèn laser tại Ba-by-lôn và mặt Nê-bu-cát-nết-sa cùng Saddam Hussein được chiếu lên các đám mây.



Những hình ảnh về việc Saddam Hussein xây dựng lại thành Ba-bi-lon

Đây là nguyên trạng đống đổ nát của Ba-by-lôn, còn đây là những gì đang được xây lại. Đây là Cổng Ishtar hoàn thiện, và thậm chí Saddam còn cho binh lính vận mũ sắt, áo dài và đi xăng-đan thời xưa của Nê-bu-cát-nết-sa, trừ cậu này xỏ giày, nhưng đấy. Còn đây là những bức tường của Ba-by-lôn mọc lên trên đống đổ nát, tất cả đang được xây dựng lại. Tôi không đi sâu thêm nữa. Tôi chỉ đang nói rằng mọi thứ lại trở nên khác thường và những sự kiện đang xảy ra với một tốc độ mà chúng ta phải dè chừng. Nhưng ở đây, trong chương 7, tôi tin rằng có những cường quốc cuối dọn đường cho

Antichrist và sự đến cuối cùng của Vương quốc, Con Người đến trên những đám mây vinh hiển để xử lý Antichrist, và tiếp quản các vương quốc thế gian để chúng có thể trở nên Vương quốc của Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, tất cả đều ở đây, và tuần lễ hay bảy năm thứ 70 là đây.

Tuần lễ thứ 70 đó, khi nghiên cứu thì bạn sẽ thấy đó là một tuần lễ đầy hoạn nạn. Nó được chia làm hai nửa, mỗi nửa ba tuần rưỡi; rất thú vị là ngay cả sách Khải huyền cũng nhắc đến điều đó - 1,260 ngày, 42 tháng, ba năm rưỡi, thời điểm xảy ra hoạn nạn lớn. Chúng ta không có thời gian để đi sâu vào mọi quan điểm khác nhau về những điều này, nhưng tôi tin rằng Đa-ni-ên đã thấy hết; ông thấy lần đến đầu tiên và thứ hai, và trong chương 12 toàn nói về tương lai, ông nói về sự sống lại của người công bình và kẻ ác, và người công bình sẽ chiếu sáng như những ngôi sao đời đời. Đó là đỉnh điểm cuối cùng; khi mọi thứ xảy ra, chúng ta đều sẽ biết rõ.

Tại sao tất cả những điều này lại được hé lộ với Đa-ni-ên

Tại sao tất cả những điều này lại được hé lộ với Đa-ni-ên về tương lai? Tôi tin rằng trước hết, đây là một sự khích lệ với dân Chúa. Xuyên suốt những chương này, dân Chúa được khích lệ là hãy đứng vững, hãy chống cự, hãy đem đến sự hiểu biết, hãy chịu khổ, hãy được tinh luyện, hãy chống trả cái ác và tìm thấy sự an nghỉ. Đó là những lý do rất thú vị để hé lộ tương lai. Đức Chúa Trời không cho chúng ta biết toàn bộ tương lai, nhưng Ngài đã cho chúng ta biết về tương lai đủ để chúng ta có thể làm những điều đó. Tôi nhắc lại những điều đó nhé! Chúng ta biết về tương lai đủ để đứng vững, để chống cự, để đem đến sự hiểu biết, để chịu khổ, để được tinh luyện, để chống trả cái ác và tìm thấy sự an nghỉ. Một số người muốn biết tương lai chỉ vì tò mò, để biết tuốt, để lồng ghép mọi thứ lại với nhau và tôi nhận được rất nhiều câu hỏi về điều này từ những người dường như muốn lồng ghép mọi chi tiết lại với nhau.

Tôi tin rằng lý do khiến Chúa hé lộ tương lai cho chúng ta chủ yếu là để chúng ta có thể vận dụng cho đúng, để chúng ta có thể sẵn sàng, để chúng ta có thể đứng vững và làm những gì Chúa muốn chúng ta làm, để chịu khổ và biết rằng kết thúc sẽ thật vinh quang. Lý do còn lại, tất nhiên rồi, tôi tin rằng đó là lời cảnh báo với những người vô tín, nhất là những người muốn xây dựng những đế chế của loài người, muốn trở nên những người quyền lực. Đến cuối cùng, Con Người sẽ thay thế tất cả. Chúng ta thuộc về Đức Vua tương lai của cả thế giới, Con Người sẽ đến trong những đám mây vinh hiển, sẽ thiết lập Vương quốc thiên đàng ở đây, trên đất này, và chúng ta sẽ đồng cai trị với Ngài. Ở đây đặc biệt nhấn mạnh vào việc sẵn sàng để cai trị, Ngài sẽ cai trị với các thánh đồ của Đấng Chí Cao. Chúng ta biết Con Người là ai, chúng ta biết các thánh đồ là ai. Các bạn sẽ điều hành thế giới cùng Chúa Giê-su; tốt hơn hết là hãy sẵn sàng trở thành những người giỏi giang và có trách nhiệm để cai trị thế giới cùng Ngài. A-men.

SÁCH Ô-SÊ

Giới thiệu

Mười năm sau khi A-mốt giảng tại Beth-el hay Bê-tên, một vị tiên tri khác đã đến. Ông là vị tiên tri cuối cùng của Đức Chúa Trời cho mười chi phái phía bắc Y-sơ-ra-ên. Những lời cuối cùng của Đức Chúa Trời, lời cảnh báo, kêu gọi cuối cùng của Ngài và như tôi đã nói, những lời này thật sự trái ngược với lời tiên tri của A-mốt: Chan chứa tình yêu hơn là tố cáo, kêu gọi hơn là cảnh cáo, dịu dàng hơn là dữ dằn, đầy lòng nhân từ hơn là thi hành công lý, và đây là lời kêu gọi sau chót của Đức Chúa Trời trước khi mười chi phái biến mất. Nên hãy thật chú ý đến sách này.

Tình yêu giao ước

Có một từ khóa mở ra toàn bộ sách tiên tri Ô-sê, trong tiếng Hê-bơ-rơ là c-h-e-s-e-d (qheseth); ch phát âm như kh, và từ này không có từ tiếng Anh hay tiếng Việt hoàn toàn tương đương. Anh chị em thấy đấy, chúng ta không có Kinh Thánh mà chỉ có bản dịch Kinh Thánh và điều đó có những hạn chế nhất định. Không bao giờ có từ hoàn toàn tương đương với từ "chesed" này trong Cựu Ước hoặc "agape" trong Tân Ước, không thực sự có từ tiếng Anh hay tiếng Việt nào truyền đạt được những từ khác lạ nhưng rất đẹp này. Để tôi cố gắng điền đầy đủ ý nghĩa vào đó. Về cơ bản thì đây là một từ theo giao ước; không dành cho tất cả mọi người mà cho những người mà người ta có mối quan hệ giao ước với.

Mối quan hệ giao ước phổ biến nhất của chúng ta là hôn nhân nhưng có những mối quan hệ giao ước mà các bên cùng cam kết với nhau. Như vậy là có một cam kết trong từ này. Nó có nghĩa là "tình yêu thương," nhưng có nhiều yếu tố "chung thủy" trong đó và tình yêu sẽ không phải là tình yêu thật nếu nó không chung thủy. Những từ đồng nghĩa khác được dùng trong Cựu Ước để chỉ từ đó là lòng nhân từ, thậm chí là sự thành tín. Sự thành tín được dùng 60 lần với nó trong Kinh Thánh tiếng Anh, lòng nhân từ được dùng khoảng chín, mười lần.

Nó có nghĩa là tình yêu không dời đổi, sự hiến dâng bất tận - nó có nghĩa là cam kết với một người đến nỗi cứ tiếp tục yêu họ, dù cho có chuyện gì xảy ra. Người ta từng dùng một từ tiếng Anh cổ nhưng nay không dùng nữa - "troth"; giờ người ta chỉ dùng một từ tương tự là "betrothed" - hứa hôn. Có sự cam kết trong đó, có sự thủy chung trong đó và có lẽ nó biến mất vì kiểu chung thủy đó đã biến mất; giờ đây tình yêu là thứ không có sự thủy chung, một thứ mà người ta tận hưởng chút đỉnh với ai đó rồi thôi. Cái đó không phải là 'chesed', không phải tình yêu giao ước.

Trái nghĩa với từ này là sự phản bội, nên trong lễ cưới, không phải ở nơi đăng ký kết hôn mà ở lễ cưới trong nhà thờ, thường có những lời như "nhận cô ấy làm vợ" hoặc "nhận anh ấy làm chồng cho đến suốt đời," cái đó là chesed, khi mạnh khỏe cũng như lúc đau yếu, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nguy cũng không dời đổi, không ảnh hưởng đến cam kết.

Toàn bộ mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên là tình yêu giao ước nên đó là một chesed - luôn ở trong đó. Có một người ở miền bắc nước Anh bị vợ bỏ không lâu sau khi cưới. Cô vợ sống một đời sống khá tội lỗi và mang bệnh vào người. Bạn của anh chồng bảo: *Sao anh không ly dị nó đi, nó chẳng quan tâm gì đến anh, chẳng đi đến đâu đâu.* Anh chồng đáp: *Đừng bao giờ nói thế với tôi về vợ tôi; tôi yêu cô ấy và tôi sẽ yêu cô ấy tới chừng nào cô ấy còn thở.* Khi cô vợ nằm hấp hối vì căn bệnh ra từ đời sống tội lỗi của mình, anh chồng đã đặt tay cầu nguyện cho vợ và săn sóc vợ mình. Đó

là chesed. Đó là tình yêu của Đức Chúa Trời, đó là điều Ô-sê phải truyền đạt cho những người không hề quan tâm đến tình yêu của Chúa.

Như vậy, về phía Y-sơ-ra-ên, giao ước có nghĩa là trung thành với những mạng lệnh Ngài - sự vâng phục. Đó là phần việc của họ trong giao ước. Phần việc của Ngài là chăm sóc họ, bảo vệ họ và chu cấp cho họ, nhưng phần việc của họ là vâng phục Ngài. Nhưng điều Ngài chờ đợi là họ vui mừng hớn hở vâng phục Ngài, muốn sống theo lối sống mà Ngài muốn họ sống theo, ấy vậy mà không được. Ngày nay có một nhóm người Do Thái tìm thấy sự vui thích trong luật pháp Chúa. Họ là nhóm người Do Thái vui vẻ nhất mà tôi biết và họ được đặt cho một cái tên rất thú vị. Họ được gọi là Chasadim - C-h-a-s-a-d-i-m, từ 'chesed' mà ra, những người yêu thích luật pháp Chúa, những người vui vẻ vâng giữ luật, không miễn cưỡng như một bổn phận phải làm, nhưng coi đó là niềm vui.

Thi Thiên dài nhất trong Kinh Thánh, Thi Thiên 119 toàn nói về một người yêu thích luật pháp Chúa, nói rằng thật tuyệt khi có điều này. Một thái độ rất tuyệt vời đúng không? Gánh nặng trong sứ điệp của Ô-sê rất đơn giản - *chuyện gì đã xảy ra với hôn nhân của chúng ta*, Chúa phán, *chuyện gì đã xảy ra với hôn nhân của chúng ta*? *Vẫn có chesed ở phía Ta, nhưng phía ngươi thì không hề có - vấn đề từ đâu mà ra?* Một sứ điệp đơn giản và nó ra từ nỗi đau của tình yêu đơn phương. Đó có lẽ là trải nghiệm đau đớn nhất trên thế giới - yêu ai đó và không được đáp lại; muốn yêu, muốn giúp đỡ người ta mà người ta không nhận. Tôi nghĩ có lẽ một số người trong đây đã biết nỗi đau khi yêu mà không được đáp lại.

Sao Ô-sê có thể hiểu rõ cảm giác của Đức Chúa Trời đến vậy? Câu trả lời là Chúa đã dạy ông trong trường trải nghiệm với những mảng màu tối đen và xám xịt. Đức Chúa Trời thường chuẩn bị cho một tiên tri qua hôn nhân của ông và cho ông một trải nghiệm cá nhân về cảm giác của Ngài. Giê-rê-mi chẳng hạn, Chúa bảo Giê-rê-mi là *con không được kết hôn, con phải sống độc thân cả đời vì con phải bảo Y-sơ-ra-ên rằng Đức Chúa Trời nay đã độc thân, Ngài không còn vợ nữa.* Vậy là Giê-rê-mi phải học từ nỗi cô đơn khi không có vợ để biết Chúa cảm thấy như thế nào khi không có Y-sơ-ra-ên, và điều đó trở thành sứ điệp của ông.

Hay Ê-xê-chi-ên chẳng hạn, chúng ta sẽ xét đến ông sớm thôi: Chúa bảo Ê-xê-chi-ên là *vợ con sẽ chết và con không được khóc*, từ trải nghiệm đó mà Ê-xê-chi-ên cần bảo Y-sơ-ra-ên rằng Đức Chúa Trời đã mất vợ. Nhưng Ô-sê nhận được chỉ dẫn khác thường nhất trong Chúa qua một trải nghiệm hôn nhân. Tôi đã chia sẻ điều đó khi xét đến Nhã ca nhưng tôi sẽ nói lại một lần nữa. Tất cả đều nằm trong chương 1-3 là phần tự truyện, và nhiều cuốn giải kinh về Ô-sê có những cái tên thật thú vị. Tôi có hai cuốn sách trên giá, một cuốn tên là Nhà Tiên tri và Cô gái điếm, cuốn kia là Yêu người không yêu, lấy tên từ một bài thánh ca, nhưng cả hai đã tóm lược toàn bộ những gì xảy ra với người này.

Bối cảnh (chương 1-3)

Các học giả lại tranh luận xem đây là chuyện có thật hay hư cấu, rồi trình tự sự kiện có đúng không, chương 3 có ở trước chương 1 không, Ô-sê có biết sự tình từ trước không hay sau này mới nhận ra, tất cả những điều này được đưa ra thảo luận và nói thật, anh chị em có thể bị sa vào những điều mà tôi nghĩ chỉ là phỏng đoán. Hãy hiểu sách theo nghĩa rõ ràng, đơn giản nhất. Ông cưới một kỹ nữ, họ có ba đứa con, trong đó có ít nhất một đứa không phải là con ông mà là con người khác. Ả trở lại đầu đường xó chợ, ông phải đi tìm ả, đưa ả về nhà, để ả trải qua một giai đoạn kỷ luật mà không nhận ả làm vợ, rồi tán ả, bắt đầu lại từ đầu và yêu ả - thực tế là như vậy. Tên của những đứa con rất thú vị; có ba đứa. Đứa đầu tên là Gít-rê-ên nghĩa là "Đức Chúa Trời rải ra."

Vấn đề lớn nhất mà ông gặp phải với nó là sự kỷ luật, một đứa trẻ rất ngỗ ngược, ngang ngạnh cần được kỷ luật. Đứa thứ hai là con gái, đứa đầu là con trai, đứa thứ hai là con gái và đứa bé đó tên Lô Ru-ha-ma nghĩa là "không thương xót" và nó thiếu thốn tình cảm, không có tình yêu từ mẹ, và đó là vấn đề của đứa thứ hai. Đứa thứ ba tên "Lô Am-mi" nghĩa là "không phải là dân Ta." Đây là đứa mà Ô-sê không phải là cha nó; ả đã có nhân tình khác và đứa trẻ này bị chối bỏ. Ba tính từ mà tôi đưa ra - kỷ luật, thiếu thốn, bị chối bỏ đều tóm lược cách Chúa xử lý Y-sơ-ra-ên - dân Ngài. Tên của những đứa con rất quan trọng. Tôi không thấy bậc cha mẹ Cơ Đốc nào dùng ba cái tên đó đặt cho con mình cả. Tất nhiên là không đặt cái tên như trong Ê-sai: Ma-he Sa-la Hát Bát, chưa cặp vợ chồng nào đặt cả, chúng ta thích đặt tên theo Kinh Thánh cho con mình nhưng không phải những cái tên đó!

Tất cả đều có trong chương một nói về ba đứa con, chương hai nói về cô vợ. Rất thú vị, có ba điều về ả nhưng ả bị chính những đứa con mình trách móc vì những điều ả làm. Chính con ả nói rằng: *Mẹ ơi, mẹ đừng làm thế.* Nên ngay cả con ả cũng có thể thấy điều sai trật; và ả bị trừng phạt, ả phải nhận hậu quả cho hành vi của mình, nhưng sau này ả được phục hồi. Như vậy là ả bị trách cứ, phải nhận hậu quả và được phục hồi. Chương ba toàn nói về người chồng và nói lên ba điều về người chồng, tức Ô-sê.

Đầu tiên là ông chung thủy với ả ngay cả khi ả phản bội ông, ông chung thủy với ả, đi tìm ả sau khi ả bỏ ông cùng những đứa con.

Hai là ông kiên quyết với ả, và có khoảng thời gian ông không coi ả là vợ mình. Ông đưa ả về nhà nhưng không chung giường với ả trong một khoảng thời gian. Điều đó tượng trưng cho khoảng thời gian kỷ luật ở chốn lưu đày mà Chúa sẽ để dân Do Thái phải trải qua, trước khi Ngài phục hồi họ.

Ba là ông được kính sợ, có một nỗi sợ lành mạnh trong người vợ lúc về sau, ả run rẩy, ả kính sợ ông và đó không phải nỗi ám ảnh hay kinh khiếp mà là nỗi sợ lành mạnh để mang sự tôn trọng và chung thủy trở lại đời sống của ả. Chương 1 đến chương 3 là như vậy, chỉ toàn kể chuyện.

Sứ điệp

Từ đó trở đi, chương 4 đến hết bước vào sứ điệp ra từ đó, vì Đức Chúa Trời đã có thể nói: *Ô-sê, nay con đã có sứ điệp của mình rồi đấy, con đã sẵn sàng đi và nói với Y-sơ-ra-ên rằng Ta cảm thấy như vậy về nó.* Nên chúng ta có thể tóm tắt sứ điệp của Ô-sê; nó lại gồm những bài giảng khác nhau

mà ông giảng, những lời tiên tri khác nhau mà ông nói, lẫn lộn cả vào với nhau nên không dễ để phân tích. Tuy nhiên, chúng ta có thể đưa chúng vào các đề mục khác nhau, từ đó tạo nên sườn cuốn sách và giúp chúng ta đọc hiểu sách.

Mọi điều ông nói đều xoay quanh hai đề mục này: Sự thất tín của con người và sự thành tín thiên thượng. Chính sự tương phản giữa 'chesed' và điều trái ngược nơi con người đã tạo thành chủ đề cho toàn bộ lời tiên tri của ông. Phần trên là tranh luận của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên, phần dưới là lòng trắc ẩn Ngài dành cho họ. Đó là hai từ mà Ô-sê dùng - Đức Chúa Trời tranh luận với Y-sơ-ra-ên nhưng Ngài có lòng trắc ẩn với họ. Đây là bài toán của Chúa - phải làm gì với một dân mà mình yêu nhưng không chung thủy với mình? Một bài toán khó. Nên chúng ta lại có cả sự công chính thiên thượng và lòng thương xót thiên thượng, nhưng sách nhấn mạnh vào phần dưới này.

Sự thất tín của Y-sơ-ra-ên

Tuy nhiên, hãy xét đến toàn bộ phần trên; nhiều chữ không có nghĩa là nhiều lời tiên tri hơn, chỉ là phần này chi tiết hơn phần dưới thôi.

Đầu tiên, ông tập trung vào bảy tội mà họ thật sự phạm phải. Chúng ta có thể gọi chúng là bảy tội chết người của Y-sơ-ra-ên; nó thể hiện rằng Đức Chúa Trời biết rõ những gì đang xảy ra. Một là bội tín; họ đã trở nên không chung thủy trong hôn nhân và không chung thủy với Chúa, một hệ quả tất yếu. Họ mắc tội gian dâm, họ chạy theo những thần khác như vợ Ô-sê chạy theo những người đàn ông khác.

Hai là họ mắc tội ly khai. Chúa đã chọn chính quyền tại Giê-ru-sa-lem, nhưng họ lại thiết lập dòng dõi hoàng gia riêng, họ đã thiết lập vương quốc ly khai riêng - đó là điều cốt yếu của tội lỗi: *chúng tôi không để ông cai trị chúng tôi, chúng tôi sẽ lập vương quốc riêng.* Họ đã chống lại vị vua Chúa chọn ở phương nam. Nên ly khai là một tội trọng. Vụng trộm - có sự dối trá, lừa lọc và người ta lập những thỏa ước ngoài vòng dân Chúa, mang ách chung với những kẻ chẳng tin. Nhưng có cả sự thông đồng, người ta nói sau lưng nhau, người ta luồn sau nhau và bí mật thỏa thuận với nhau, nhiều sự vụng trộm. Bốn là thờ hình tượng, con bò vàng Sa-ma-ri rất hay xuất hiện trong lời tiên tri của Ô-sê, loài bò biểu trưng cho sự sinh sôi nảy nở, ngày nay vẫn vậy.

Tiếp theo là thiếu hiểu biết, lẽ ra họ cần biết về Đức Chúa Trời nhưng không, họ còn không buồn đọc Kinh Thánh của mình, họ không muốn biết Chúa. Tôi cảm thấy điều này đang xảy ra ở nước Anh. Cơ Đốc giáo đã đến đây được gần 2000 năm, thế mà người ta không muốn biết. Cứ có chương trình tôn giáo trên truyền hình là cả ngàn cái ti vi bị tắt đi. Anh chị em có thể thấy người ta phải cố gắng lắm mới duy trì được hứng thú tôn giáo trên truyền hình; thường là bằng những cách khiến nó trở nên rẻ rúng. Nhưng có một chương trình nhỏ rất thú vị vào sáng chủ nhật tên là Hướng dẫn Đọc Kinh thánh, hy vọng là anh chị em ở đây đã xem. Kinh Thánh được trình bày theo cách rất đại chúng, nhưng bởi một người đang vi phạm điều răn Chúa - ông ta đang sống với một người nữ không phải vợ mình, thế mà lại trình bày Kinh Thánh cho cả nước Anh nghe! Chúng ta đang sống trong một thế giới thật điên rồ, lộn lạo khi người ta có thể chọn một người đàn ông ngoại tình, nói đúng hơn là gian dâm trước mặt Chúa để trình bày Lời Chúa cho dân chúng. Nhưng nó gợi nhắc đến tất cả những điều này, thờ thần tượng, thiếu hiểu biết, đồi bại, say xỉn khắp nơi, lăng nhăng và bạo lực.

Đó là ba điều mà Ô-sê chọn ra, chúng ngày càng khiến dân sự thấy không an toàn khi đi lại trên đường phố Y-sơ-ra-ên vào ban đêm. Cuối cùng và trên hết là sự vô ơn - *Ta đã cứu chuộc các ngươi,*

vậy mà các ngươi quá vô ơn, không có sự biết ơn nào trong các ngươi. Bằng một loạt những hình ảnh thật sự găm chặt vào tâm trí họ, ông nói: *Các ngươi như bột đã nhồi - khi người ta nhồi bột với dầu ô-liu trước khi nướng, nhưng nếu cứ để đó mà không nướng thì bột sẽ thiu và bốc mùi. Các ngươi là như vậy. Các ngươi như lò cháy rực, ham muốn của các ngươi như lò cháy rực. Các ngươi như cái bánh chưa lật, một mặt cháy đen còn mặt kia lại sống,* vì xưa kia người ta nướng bánh trên một tấm sắt trên lửa, giống cái vỉ nướng vậy. Ông nói: *Các ngươi như chim bồ câu đang bay thì mắc lưới* - ngôn ngữ tượng hình rất sinh động.

Nhưng rồi ông tố cáo bốn nhóm người phải chịu trách nhiệm với tình trạng này. Ông nói các Thầy tế lễ là những người đầu tiên phải chịu trách nhiệm, lẽ ra phải biết Chúa mà họ không biết, lẽ ra phải nói cho dân sự về Chúa mà họ không nói. Ông nói rằng các Tiên tri - có nhiều tiên tri ở phía bắc Y-sơ-ra-ên, nhưng họ đều là những tiên tri giả đi bảo dân sự rằng *đừng lo, Đức Chúa Trời không làm những điều kinh khiếp đó đâu*. Đó là điều dân sự muốn nghe, người tiên tri giả luôn nói: *Bình an, bình an* mà chẳng bình an chi hết. Những tiên tri giả nói rằng *đừng lo, chắc điều đó không bao giờ xảy ra đâu*; đó là sự tiên tri giả dối.

Có nhiều tiên tri nói: *Đức Giê-hô-va phán* nhưng chỉ nói những điều người ta muốn nghe. Tôi biết chứ, tôi đã phải tranh chiến với điều này. Với tôi, phần lớn những tranh chiến đó nay đã qua rồi, nhưng anh chị em lúc nào cũng phải cảnh giác. Người giảng đạo rất dễ nói với dân sự điều họ muốn nghe, dễ muốn dân sự nói: *Bài giảng hay thật, cảm ơn mục sư rất nhiều!* Nhưng Đức Chúa Trời cần những người biết nói với dân sự điều họ không muốn nghe, đúng không? Và nó có cái giá của nó. Nhiều tiên tri thời đó đã nói những điều mà dân sự muốn nghe. Vua chúa, dòng dõi hoàng gia mà người ta đã lập nên; họ cũng phải chịu trách nhiệm.

Nhóm người khác mà ông chỉ ra để lên án thẳng mặt là những người trục lợi, kiếm tiền từ nhà đất và kiếm tiền trên sự mất mát của những người nghèo hơn; điều đó đang xảy ra vào thời nay. Thật đáng nghi nếu Cơ Đốc nhân lại tham gia đổi chác tiền nong, luân chuyển cả triệu đô theo các điều kiện thị trường. Người nghèo lúc nào cũng phải chịu thua thiệt, thế giới thứ ba lúc nào cũng phải trả giá. Nói cách khác là khi chúng ta kiếm tiền thì phải có sự trao đổi công bằng về giá trị hàng hóa hoặc dịch vụ để cả hai đều có lợi.

Nhưng trên thực tế, nhiều khoản lợi chỉ dựa trên mất mát của những người khác và họ không được nhận lại gì cả. Người ta kiếm tiền, kiếm tiền bằng mọi cách. Tôi chỉ muốn nói thêm như vậy. Điều này đang xảy ra tại đây và Ô-sê chỉ ra rằng họ là những người làm băng hoại xã hội. Ông nói: *đau khổ sẽ đến trên các ngươi* và cụ thể là có ba dạng đau khổ sẽ đến: đầu tiên là sự son sẻ - sẽ có những lần sảy thai; phụ nữ thậm chí không thụ thai, họ sẽ mất những đứa con mình. Một điều khá nghiệt ngã, nhưng Đức Chúa Trời có thể làm như vậy. Rồi ông nói sự đổ huyết sẽ đến - mất mạng, bị tấn công. Nhưng cuối cùng, như A-mốt nói là bị đày khỏi xứ mình.

Sự thành tín của Đức Chúa Trời

Đó là phương diện khắc nghiệt hơn trong lời tiên tri của Ô-sê, nhưng đó không phải điểm cốt yếu của ông. Điểm cốt yếu của ông là Đức Chúa Trời vẫn thành tín. Có một khẳng định trong Tân Ước về mối quan hệ của chúng ta với Chúa Giê-su - trong Ti-mô-thê nói rằng: *nếu chúng ta chối bỏ Ngài thì Ngài sẽ chối bỏ chúng ta nhưng nếu chúng ta thất tín với Ngài thì Ngài vẫn thành tín.* Có lẽ điều đó được lấy ngay từ Ô-sê.

Hãy xét đến phần cuối này. Ở đây có tin vui - Ngài thương xót họ. Không giống với A-mốt - trừ sứ điệp cuối cùng của A-mốt, đây là trọng tâm của lời Ô-sê nói, và khi đọc những phân đoạn này, tôi thấy rất xúc động với sự thành tín Chúa. Tôi sẽ nói ba điều về tình yêu của Đức Chúa Trời theo thứ tự mà Ô-sê nói đến. Tình yêu Chúa không để chúng ta thoát tội, không buông bỏ chúng ta và không để chúng ta thất vọng. Tôi sẽ đọc vài câu cho anh chị em nghe. Đầu tiên là về việc Chúa trừng phạt họ. Anh chị em thấy đấy, Đức Chúa Trời không chịu được những lời ăn năn xưng nhận của họ và Chúa phán:

“Ta giống như sư tử cắn xé Ép-ra-im, như sư tử tơ vồ nuốt nhà Giu-đa, Ta, chính Ta sẽ phá hủy rồi bỏ đi. Ta đã đem đi mất thì chẳng ai cứu được. Ta sẽ quay về nơi Ta ngự, chờ đến khi nào họ nhìn nhận tội lỗi và tìm kiếm mặt Ta. Trong cơn hoạn nạn, họ sẽ tìm kiếm Ta hết lòng. Họ sẽ nói: ‘Hãy đến, chúng ta sẽ trở về với Thượng Đế...Vì dù Chúa đã xé chúng ta, nhưng Ngài sẽ chữa lành. Dù Chúa đã đánh chúng ta, nhưng Ngài sẽ băng bó lại. Sau hai ngày, Chúa sẽ làm cho chúng ta sống lại. Ngày thứ ba, Ngài sẽ nâng chúng ta dậy, chúng ta sẽ sống trước mặt Ngài. Chúng ta hãy nhìn biết Đấng Hằng Hữu! Chúng ta hãy tiếp tục gắng sức nhìn biết Ngài; chắc chắn Ngài sẽ đáp ứng chúng ta như hừng đông sẽ đến sau đêm tối, như mưa móc sẽ rơi xuống đầu mùa xuân.’" Tôi đọc đoạn đó với tông giọng mỉa mai vì đúng ra phải đọc như vậy. Chúa phán như vậy, rằng *các ngươi sẽ nói theo kiểu đó*.

"Hỡi Ép-ra-im,hỡi Giu-đa, Ta sẽ làm gì cho các ngươi đây? Tình thương của các ngươi mong manh như mây sớm, chóng tan như giọt sương mai. Ta đã sai các tiên tri Ta cảnh cáo các ngươi về tai họa. Ta đã giết ngươi với lời đoán phạt ra từ miệng Ta... Ta không thích sinh tế, chỉ muốn các ngươi yêu kính Ta! Ta không thèm lễ vật, chỉ muốn các ngươi biết Ta!”

Anh chị em cảm nhận được tấm lòng của Chúa trong đó không? Đó là tình yêu không để họ thoát tội, Ngài phải trừng phạt họ. Nhưng bây giờ hãy nghe điều này:

"Khi Y-sơ-ra-ên còn thơ dại, Ta thương nó như con và đem nó ra khỏi Ai Cập. Nhưng Ta càng kêu gọi, nó càng xây lưng, đi tế lễ cho các thần Ba-anh, dâng hương cho các tượng chạm. Ta cũng dạy cho Ép-ra-im biết đi, cầm cánh tay mà dìu dắt nó. Nhưng nó chẳng biết chính Ta đã chữa lành nó...Ép-ra-im ơi, làm sao Ta từ bỏ ngươi được? Làm sao Ta giao nạp ngươi cho kẻ thù?..Tim Ta quặn thắt, lòng thương xót của Ta bốc cháy phừng phừng. Ta sẽ không phạt ngươi cho hả giận đâu...vì Ta là Chân Thần, không phải con người. Ta là Đấng Thánh đang ngự giữa dân Ta. Ta sẽ không vào thành phố ngươi để hủy diệt.”

Anh chị em có cảm nhận được không? Ai đọc mà không thấy xúc động chứ! Đây là lời kêu gọi cuối cùng của ông:

“Y-sơ-ra-ên ơi, hãy quay về với Chân Thần...Vì ngươi phạm tội nên bị hư vong. Hãy lựa lời cầu khẩn mà trở lại với Chúa. Hãy thưa với Ngài: ‘Xin Chúa cất bỏ tất cả tội ác chúng con’.”

Đó là kiểu khấn nguyện mà Ngài muốn, không phải lời cầu nguyện rằng: *Ôi, Ngài sẽ đưa chúng ta ra khỏi rắc rối.* Mà là *Xin Chúa cất bỏ tất cả tội ác chúng con!* Nhiều người kêu cầu Chúa khi gặp rắc rối, nhưng họ không xin Ngài cất đi căn nguyên của rắc rối đó.

Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót chúng con! “vì trong Chúa, kẻ mồ côi được thương xót." "Ta sẽ chữa lành bệnh bất trung của con. Tình yêu của Ta thật vô hạn;... Ép-ra-im ơi, Ta sẽ làm gì cho các

thần tượng con? Chính Ta là Đấng trả lời cầu nguyện và chăm sóc con! Ta giống như cây bách xanh tươi, từ nơi Ta sinh ra nhiều bông trái.” - Lòng thương xót ta không bao giờ dứt.

Rồi sách kết thúc bằng một khẳng định:

“Ai là người khôn ngoan, hãy tìm hiểu những điều này. Ai là người sáng suốt, hãy nhận thức. Vì đường lối của Đấng Hằng Hữu luôn luôn đúng đắn, ngay thẳng; người công chính tiến bước trên đường ấy, nhưng tội nhân lại vấp ngã trong đó.”

Đó là một trong những lời kêu gọi mạnh mẽ nhất trong cả Kinh Thánh đối với những người không muốn biết tình yêu của Đức Chúa Trời.

Chúng ta phải áp dụng A-mốt và Ô-sê vào thời đại ngày nay thế nào?

Cuối cùng, hãy xét đến cách áp dụng sách này. Chúng ta phải áp dụng A-mốt và Ô-sê vào thời đại ngày nay thế nào? Có sự khác biệt rất lớn giữa hoàn cảnh của chúng ta với hoàn cảnh mà họ nói tiên tri, và chúng ta cần suy nghĩ thật kỹ về điều này. Tại Y-sơ-ra-ên, hội thánh và nhà nước là một, cùng một điều. Chúng ta gọi đó là chế độ thần quyền, sinh ra trong nước đó là sinh ra trong hội thánh và ngược lại, đây là cùng một điều, dân Chúa chính là nước đó.

Điều này không áp dụng với Tân Ước. Trong Tân Ước, hội thánh và nhà nước là hai điều khác nhau, có thể tóm lược điều đó bằng lời Chúa Giê-su: “Hãy trả cho Sê-sa những gì của Sê-sa,và hãy trả cho Đức Chúa Trời những gì của Đức Chúa Trời,” nên xét trên một khía cạnh thì chúng ta đang sống trong hai vương quốc. Tôi là công dân Anh Quốc theo hộ chiếu. Tôi cũng là công dân của Vương quốc Đức Chúa Trời - chúng không phải cùng một điều. Nên chúng ta phải cẩn thận áp dụng những lời tiên tri Cựu Ước với nhà nước thế tục thời nay, hiểu điều tôi đang nói không ạ?

Hiện tại, chúng ta vướng phải rắc rối của thực tế rằng kể từ thời Hoàng đế Constantine, Châu Âu đã cố gắng kết hợp giữa hội thánh và nhà nước, cố gắng lập ra Thế giới Cơ Đốc (Christendom) trong đó Vương quốc Đức Chúa Trời và các vương quốc của loài người là cùng một điều. Như vậy, sinh ra trong nước Anh cũng có nghĩa là sinh ra trong hội thánh, và nhiều thế kỷ qua, Anh Quốc đã lấy Cơ Đốc giáo làm tôn giáo chính thức.

Trên thực tế, rất có thể điều đó sẽ chấm dứt trong tương lai gần. Từ dài nhất trong tiếng Anh đã trở lại chương trình nghị sự - anti-disestablishmentarianism (chủ nghĩa chống phân ly nhà nước - giáo hội) - và rất có thể người Anh chúng ta sẽ thấy hội thánh và nhà nước tách biệt với nhau trong mười, hai mươi năm tới. Điều đó rất dễ xảy ra và chúng ta sẽ trở lại một vị thế giống với Tân Ước. Nên khi thấy những lời tiên tri mà A-mốt và Ô-sê áp dụng với cả hội thánh và nhà nước, chúng ta không thể cứ lấy chúng mà ném vào chính phủ nước mình.

Điều đó rất quan trọng. Tôi tin rằng khuôn mẫu là thế này: Có thể dùng điều Đức Chúa Trời nói qua các tiên tri này cho những người không phải dân Chúa làm lời tiên tri cho chính phủ; nắm được không ạ? Thói vô nhân đạo, chà đạp lên quyền con người, những bộ luật khiến người giàu giàu lên và người nghèo nghèo đi. Có rất nhiều điều trong sách mà chúng ta hoàn toàn có thể áp dụng, nhưng đừng mong chính phủ bắt người dân làm Cơ Đốc nhân bằng luật pháp. Đức Chúa Trời đặt những tiêu chuẩn cao với dân Ngài hơn với những người khác và đây là một ranh giới mong manh.

Tôi nghĩ là vấn đề buôn bán vào ngày Chủ nhật là một trường hợp điển hình. Chúng ta có thể bảo vệ việc coi Chủ nhật là ngày đặc biệt trên cơ sở nhân đạo chứ không trên cơ sở luật Sa-bát, nắm được không ạ? Nên khi đọc những lời tiên tri này, tôi e rằng một số người quá hăm hở lấy tất cả những lời cảnh báo của A-mốt và ném vào thủ tướng John Major. Tôi nghĩ anh chị em phải cẩn thận khi làm điều đó. Cũng xin nói thêm là ông ấy không phải người tin Chúa.

Hiện tại, chúng ta đang rất thiếu những người lãnh đạo Cơ Đốc. Đừng trông mong họ thiết lập các tiêu chuẩn Cơ Đốc, nhưng những tiêu chuẩn đạo đức mà lương tâm con người biết đến thì chúng ta có thể trông mong và bảo vệ. Tôi chỉ nói thêm như vậy; nói cách khác là những lời tiên tri này, về cơ bản là phải được áp dụng với hội thánh và sứ điệp tiên tri chính của chúng ta cần đặt ở đó. Tôi e là Cơ Đốc nhân dễ chỉ trỏ thế giới và nói *tất cả các người đều là gian ác* - rất dễ để làm như vậy. Nhưng thực ra, tôi tin rằng ngay lúc này, chúng ta cần lời tiên tri ở trong hội thánh hơn ở ngoài hội thánh, rằng nếu hội thánh đúng đắn thì đất nước cũng sẽ được thanh tẩy. Nhưng tôi e rằng người ta đang thấy chúng ta là một hội thánh rối tung rối mù từ bên trong mà lại cố chỉnh đốn mọi người bên ngoài.

Hãy cẩn thận nhé; khi đọc những lời tiên tri, đúng là chúng ta thấy nó phản ánh rất đúng xã hội của chúng ta ngoài kia, nhưng sự phán xét bắt đầu từ nhà Đức Chúa Trời, và chúng ta phải chỉnh đốn từ bên trong trước khi bắt đầu chỉ trỏ thế giới. Thành thật mà nói, thật nực cười khi một người bảo thế giới phải đọc Kinh Thánh trong khi chính anh ta không sống theo Lời Chúa. Thế gian sẽ thấy sự giả hình trong đó và nhìn thấu nó. Khi hiểu biết đó trở nên phổ biến như trên các tờ báo tuần trước, thế gian sẽ nói *Thật nực cười*. Họ khinh thường những người tin Chúa mà không thực hành những gì mình giảng.

Nên khi đọc những lời tiên tri này, hãy áp dụng chúng với dân Chúa trước, và sắp xếp lại chính nhà mình, khi đó chúng ta mới có tư cách nói với xã hội rằng: *Đức Chúa Trời lên án các ngươi vì các ngươi vô nhân đạo, vô cảm với những con người được tạo dựng theo hình ảnh Ngài.* Đó là một lời mà tôi thấy mình phải nói thêm. Tôi nghĩ bài hát hay nhất và mang tính tiên tri nhất của Graham Kendrick - cảm tạ Chúa vì ngày nay chúng ta có một người viết thánh ca, chúng ta có nhiều người viết hợp xướng còn ông đang viết một số bài thánh ca đầy ý tứ, nhưng theo tôi, bài thánh ca mang tính tiên tri nhất và hay nhất mở đầu bằng câu: "Ôi Chúa, những đám mây đang tụ lại." Anh chị em biết bài đó không? Đó là một bài hát cho dân Chúa, và nó đặc biệt gợi cho tôi nhớ đến lời A-mốt:

"Hãy dẹp bỏ tiếng hát ồn ào của các ngươi khỏi Ta!
Ta không muốn nghe tiếng đàn hạc của các ngươi nữa.
Nhưng hãy làm cho công lý chảy xuống như nước, Và sự công chính như sông lớn chảy cuồn cuộn."

Quá dễ để ném lời đó vào thế gian. Hãy để công lý và sự công chính tuôn chảy như một dòng sông trong hội thánh, giữa vòng dân sự Chúa. Nó phải bắt đầu từ đó, chúng ta cần những nhà tiên tri và cảm tạ Chúa vì A-mốt và Ô-sê, họ đã đến một vùng đất xa lạ, ở một nơi họ không được hoan nghênh, nhưng họ đã giảng lẽ thật không chút sợ hãi và đầy tình yêu thương. A-men.

SÁCH ÁP-ĐIA VÀ GIÔ-ÊN - Phần 1

Về các sách tiểu tiên tri

Bây giờ chúng ta chuyển sang các tiểu tiên tri, gọi như vậy vì họ nhỏ hơn so với các tiên tri lớn như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên. Một số tiểu tiên tri chỉ viết có một trang trong Kinh Thánh nhưng họ lại cực kỳ quan trọng. Chúng ta sẽ xét đến hai tiểu tiên tri trong hai bài sắp tới, Áp-đia và Giô-ên. Có vẻ như những tiên tri viết sách này đều liên quan đến cuộc lưu đày. Hoặc họ nói trước cuộc lưu đày và cảnh báo rằng nó sắp đến, hoặc họ nói trong cuộc lưu đày và tìm cách an ủi dân sự, hoặc họ nói sau đó và giúp họ tái định cư tại chính xứ sở mình. Nhưng có vẻ như mọi tiên tri trong Cựu Ước đều liên quan đến thảm kịch kinh hoàng khi dân Chúa đánh mất xứ mà Ngài đã ban và gần như lại bị bắt làm nô lệ, bị đày đi khỏi chính quê hương mình.

Tiên tri và đặc điểm của các sách tiên tri

Về cơ bản thì tiên tri là gì? Tiên tri là một người nói thay Đức Chúa Trời, nhưng điều đó có nghĩa rằng ông cũng phải nghe được từ Chúa. Như vậy, hai tiêu chuẩn mà nhà tiên tri cần có: một là ông có sự nhạy bén để nghe được từ Chúa, hai là ông đủ cam đảm để truyền đạt lại những gì mình nghe. Các tiên tri nhận được lời Chúa theo một số cách khác nhau, nhưng một trong các cách phổ biến nhất là qua hình ảnh. Thực ra là họ thấy điều này, điều kia xảy ra trước khi chúng xảy đến, nên một tiên tri thường được gọi là Nhà tiên kiến trong Cựu Ước, ông thấy điều này, điều kia.

Đôi khi những hình ảnh này đến vào ban ngày khi ông còn thức, nên chúng được gọi là khải tượng, nhưng đôi khi chúng đến trong giấc ngủ, vào ban đêm, nên chúng được gọi là giấc chiêm bao hay giấc mơ. Đức Thánh Linh đem những khải tượng này đến vào ban ngày khi họ còn thức, các giấc mơ đến vào ban đêm khi họ đang ngủ, và họ thực sự thấy điều này, điều kia xảy ra trước khi chúng xảy đến. Khi miêu tả những gì mình thấy, họ thường miêu tả ở thì quá khứ, như thể chúng đã xảy ra và đây là một đặc thù của sách tiên tri mà chúng ta phải làm quen.

Chúng ta sẽ dùng thì tương lai và nói tôi đã thấy những điều sẽ xảy ra, nhưng nhà tiên tri sẽ dùng thì hiện tại, tôi thấy nó xảy ra, hoặc tôi đã thấy nó xảy ra. Ông đang mô tả giấc mơ hoặc khải tượng mà ông đã thấy, nên ông mô tả nó bằng thì quá khứ cứ như thể nó đã xảy đến rồi. Một số sinh viên Kinh Thánh ngây ngô nghĩ rằng thực ra những lời tiên tri này được viết sau sự kiện, nên chúng hoàn toàn không báo trước mà chỉ thuật lại sau đó thôi. Không, họ đã nhầm vì các tiên tri đang dùng cái mà chúng ta gọi là thì hoàn thành tiên tri, như thể đó là một điều đã hoàn thành, nhưng họ đang mô tả điều họ đã thấy nó xảy ra, một cách sinh động. Họ thấy những chi tiết.

Chúng ta sẽ thấy trong một sách tiểu tiên tri, nhà tiên tri thấy cả màu quân phục của những binh lính sẽ phá hủy Ba-by-lôn và nói: *Tôi thấy những binh lính áo đỏ đang đến*. Có lẽ ông không biết rằng trên thực tế, người Ba Tư đến phá hủy Ba-by-lôn mặc áo đỏ, họ là những binh lính. Ông đã thấy điều đó và mô tả như thể nó đã đến rồi, nên chúng ta phải làm quen với thì hoàn thành tiên tri, khi họ nói về những sự kiện trong tương lai như thể chúng đã xảy ra trong quá khứ vì đúng là họ đã thấy chúng xảy ra trong quá khứ của chính cá nhân họ.

Hê-nóc là vị tiên tri đầu tiên của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, người đầu tiên mang một lời tiên tri từ Chúa đến, đó là lời cảnh báo về sự phán xét và là đặc điểm của các tiên tri - họ thường được gọi là những thương nhân buồn thỉu buồn thiu vì Chúa thường sai một tiên tri đến khi mọi thứ không ổn

thỏa. Cũng để hiểu thôi; thông thường, có lẽ người ta không thấy sếp mình cho tới khi họ làm sai gì đó. Khi thấy sếp đến, người ta sẽ nghĩ chắc có gì không ổn rồi. Hoặc khi thầy hiệu trưởng nói trước hội trường là "có cậu..." Tôi biết mỗi khi thầy hiệu trưởng trường tôi bắt đầu một câu bằng "có cậu" là chúng tôi ai cũng rụt xuống và tự hỏi không biết thầy phát hiện ra thằng nào rồi. Các tiên tri đến và nói "có người" đã làm điều này.

Họ được sai đến khi mọi thứ không ổn và tất nhiên, tôi đã nói rằng vương quốc của Đa-vít là đỉnh cao trong lịch sử của dân này, nhưng sau đó, tôi e rằng mọi thứ xuống dốc khá trầm trọng. Họ bắt đầu xuống dốc vào cái ngày Đa-vít phạm tội ngoại tình với Bát-sê-ba - từ đó trở đi, lịch sử của họ lâm vào tình thế xấu đi đến đáng buồn. Đức Chúa Trời phái hết tiên tri này đến tiên tri khác cảnh báo họ rằng nếu cứ đi xuống như vậy thì Ngài phải mang hết thảy bọn họ ra khỏi xứ, và họ sẽ mất Xứ Hứa, một thảm họa mà họ không thể tưởng tượng nổi.

Tôi e rằng họ không tin điều đó có thể xảy ra. Họ nói *làm sao Chúa để đền thờ Ngài bị phá hủy được, chừng nào còn sống gần đền thờ thì chúng ta vẫn an toàn*, nhưng thực ra đền thờ đã bị phá hủy, và Chúa để điều đó xảy ra. Nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ trừng phạt con người mà chưa cảnh báo họ trước. Đó là một phần trong sự tốt lành của Ngài. Ngài không đột ngột hiện ra và nói: *Đủ rồi!* Ngài sai hết tiên tri này đến tiên tri khác. N*ếu các ngươi cứ tiếp tục thế này thì đây là điều sẽ xảy ra.* Đó là lý do tại sao rất nhiều tiên tri liên hệ đến thảm họa lưu đày này. Những tiên tri đến trước, cảnh báo họ rằng nó sắp đến, rồi trong và sau đó.

Trước giả

Chúng ta sẽ xét đến hai vị tiên tri nói tiên tri trước cuộc lưu đày. Một người tên Áp-đia và người kia tên Giô-ên (Yoel). Thực ra đây là hai vị tiên tri đầu tiên đến cảnh báo họ về những gì sắp xảy đến. Áp-đia là người đầu tiên và Giô-ên là người thứ hai. Tiếc là trong Kinh Thánh của chúng ta, các tiểu tiên tri không được xếp đúng thứ tự nên khá khó để định vị họ. Nhưng Áp-đia là vị tiên tri đầu tiên viết sách, tiên tri đầu tiên có sứ điệp được viết thành sách trong Kinh Cựu Ước, và Giô-ên là người thứ hai. Đây, tôi đã lập dàn ý của Áp-đia, sách ngắn nhất trong Cựu Ước, chỉ dài có một trang, vỏn vẹn 21 câu. Có lẽ ông chỉ nói một lần trong đời, nhưng những lời ông nói đã truyền lại cho chúng ta hàng trăm năm sau đó.

Áp-đia, theo niên đại là năm 845 TCN, từ đó mở ra giai đoạn ba trăm năm mà hết tiên tri này đến tiên tri khác đến nói và cảnh báo dân Chúa rằng *Đừng tiếp tục như vậy nữa.* Giô-ên, người thứ hai là năm 835 TCN, chỉ mười năm sau đó. Chúng ta biết ông đến sau vì ông trích lời Áp-đia và nói: *Đức Chúa Trời đã nói điều này với các ngươi* và ông trích lời Áp-đia, nên theo thứ tự là như vậy, và từ những gợi ý khác trong các lời tiên tri mà chúng ta biết niên đại của họ. Vậy là Giô-ên dùng lời tiên tri của Áp-đia và dựa trên đó. Cụ thể là ông lấy một cụm từ mà Áp-đia đã giới thiệu, một khái niệm hoàn toàn mới, ấy là "ngày của Đức Giê-hô-va đã gần"; khái niệm Ngày của Đức Giê-hô-va đó xuất hiện xuyên suốt mọi sách tiên tri về sau và sang cả Tân Ước. Cụm Ngày của Đức Giê-hô-va này là một cụm từ rất quan trọng mà chúng ta sẽ phải xét kỹ đến nó. Đó là ngày Đức Chúa Trời đến để chỉnh đốn lại những điều sai trái.

Các tiên tri có hai sứ điệp, một là cho dân Chúa, dân Y-sơ-ra-ên, nhưng họ cũng có sứ điệp cho những dân xung quanh Y-sơ-ra-ên. Họ không chỉ nói lời Chúa phán với dân Chúa, họ còn nói cùng những dân khác, gần như là từng dân một. Thực ra là Áp-đia hoàn toàn không nói cùng Y-sơ-ra-ên mà nói cùng một nước láng giềng của Y-sơ-ra-ên gọi là Ê-đôm, sống ở phía đông nam Biển Chết.

Vậy là lời tiên tri của ông chỉ liên quan đến một dân khác gọi là Ê-đôm, một điều rất thú vị. Vị tiên tri đầu tiên mà không hề nói với dân Y-sơ-ra-ên mà với dân Ê-đôm, và chúng ta phải hỏi tại sao.

Chúng ta biết rất ít về ông, chúng ta biết tên ông nghĩa là người thờ phượng Yahweh, hay tôi tớ của Yahweh, nhưng thờ phượng tức là phục vụ và "lễ thờ phượng" sáng Chủ nhật trong tiếng Anh có cả hai từ đó - "worship service." Như vậy, phục vụ Chúa và thờ phượng là cùng một điều trong Kinh Thánh. Ông được gọi là tôi tớ hay người thờ phượng Yahweh, Obad Jah, nhưng chúng ta gọi ông là Áp-đia; chúng ta chỉ biết có vậy. Hầu hết những lời ông nói là lời báo trước về tương lai. Ông nói rằng nó đến với ông như một khải tượng, vậy là ông rất tỉnh táo, nhưng ông thấy hình ảnh này, ông thấy nó xảy đến và mô tả những gì mình thấy rất, rất rõ ràng. Nên đây là một sứ điệp bằng hình ảnh hơn là lời nói và ông là một trong những Nhà tiên kiến của Y-sơ-ra-ên có thể thấy trước những sẽ điều xảy đến.

Bối cảnh

Nước Ê-đôm này thuộc vùng mà chúng ta gọi là Trans-Jordan, qua thung lũng nứt vỡ sâu giữa Giô-đanh và Thung lũng A-ra-ba ở phía bên kia. Không biết tôi có bản đồ không nhỉ, à có, hãy nhìn vào bản đồ. Đây là Xứ Hứa của Y-sơ-ra-ên, thực ra Đức Chúa Trời cũng hứa ban cả phần bên này cho Y-sơ-ra-ên nữa, nhưng họ không bao giờ thực sự chiếm hết cả vùng. Dưới thời Vua Đa-vít, Ê-đôm trở thành một dạng nước chư hầu, gần giống như Ba Lan và Latvia trở thành các nước chư hầu của Nga.

Vậy là Đa-vít đoạt lấy Ê-đôm, nó được sáp nhập vào vương quốc, nhưng dân Ê-đôm vẫn sống ở đó. Ngay sau khi vương quốc của Đa-vít bắt đầu thu hẹp lại, ngay sau khi mọi thứ bắt đầu sai lệch, Ê-đôm lập tức giành lại tự do cho mình và nổi lên chống lại Vương quốc Đức Chúa Trời, đại diện là vua Y-sơ-ra-ên. Vậy là họ sống ở đó, phía đông nam Biển Chết và họ có hai thành; một tên Bốt-ra, thành còn lại tên Sê-la.

Hiện chúng ta biết đến nó với cái tên Petra, chắc chắn là anh chị em ở đây đã nghe đến Petra và những tòa nhà tuyệt diệu. Chút nữa tôi sẽ cho anh chị em xem các bức ảnh về nó. Nhưng trước đây người ta gọi nó là Sê-la và nó nằm ngay trên một trong những con đường quan trọng nhất Trung Đông. Đây là giao lộ của thế giới, nơi đường từ Châu Phi đến Châu Á cắt ngang đường từ Châu Âu để Ả Rập. Con đường đi xuống phía xa của thung lũng Giô-đanh được gọi là "con đường hoàng gia." Chính trên con đường đó mà Môi-se đã dẫn con cháu Y-sơ-ra-ên qua, nhưng hai thành Bốt-ra và Sê-la đều nằm trên đường đó. Petra, theo cách gọi của chúng ta ngày nay là một nơi rất khác thường.

Còn nhớ nhiều năm trước, tôi đã đến thăm nó; tôi rời Amman trên này và chúng tôi đã lái xe qua sa mạc xuống con đường hoàng gia, cạnh đó là tuyến đường sắt mà Lawrence xứ Ả Rập cho nổ tung suốt, đây là vùng hoạt động của Lawrence xứ Ả Rập, chúng tôi đã đi thẳng xuống, qua Bốt-ra. Chúng tôi đến gần chỗ đó, sau đó phải rời ô tô và phải đi trên những con ngựa vừa già vừa bẩn, người đầy vảy. Chúng tôi đã leo lên những con ngựa đó và đi qua khe nứt hẹp trong núi, có những chỗ mà anh chị em có thể chạm vào cả hai vách. Người ta gọi chỗ đó là Siq và chúng tôi cưỡi ngựa khoảng hơn một cây số qua khe nứt này, vách đá ở hai bên chúng tôi cao 30-45 mét. Nó chỉ là một vết nứt và rất nguy hiểm khi đi qua khi có lũ quét sau mưa bão. Chúng ta đã thấy một chiếc ô tô bị cuốn qua đó, và những người chết đuối khi đi qua đó, nên ta phải đi lúc trời khô ráo.

Sau đó, trước mắt ta bỗng hiện ra một ngôi đền có kích cỡ tương đương nhà thờ thánh Phao-lô được tạc từ đá. Một cảnh tượng rất kỳ vĩ, ra khỏi vết nứt Siq này, đập vào mắt anh chị em là một công trình trông như nhà thờ lớn và được tạc từ sa thạch đỏ. Sau đó ta rẽ sang phải và đi ra một vòng tròn rộng mở, ở đó có một ngàn ngôi đền tạc từ đá, chung quanh vòng tròn rỗng khổng lồ giữa các ngọn núi. Vượt cao hơn hết là một ngọn núi, cao chừng 600 mét, cao chót vót với những vách đá dựng đứng và đây là Núi Si-e-rơ, thành cổ của Sê-la, nơi dân Ê-đôm sinh sống và lời tiên tri của Áp-đia chỉ toàn nói về ngọn núi đó.

Tôi nghĩ mình nên cho anh chị em xem ngay một số bức hình để anh chị em cũng có thể làm "nhà tiên kiến" và thấy được tình hình. Đây là Siq, khe nứt hẹp xuyên qua đá và người ngồi trên lưng ngựa có người dẫn đường, nhiều người phía sau, và người ta đi qua. Đây chỉ là một trong những ngôi đền. Tôi đã vẽ một người vào để anh chị em thấy kích cỡ của nó, đây, người ở dưới đây. Và cái này được tạc từ đá cứng, đúng là một kỳ công. Kiến trúc của nó thật nguy nga. Chúng ta có thể trèo lên trên đỉnh này và từ đó, ta có thể thấy cả Biển Chết phía bên này và Biển Đỏ phía bên kia, cực kỳ đáng kinh ngạc.

Khắp quanh vòng tròn này là những ngôi đền được tạc như vậy. Khi vào bên trong thì chúng cũng rộng lớn như bên ngoài, không có cột đỡ trần gì cả, các bức tường có những mảng màu tuyệt vời nhất từ sa thạch đỏ, tím và xanh lục. Thật sự là một nơi tham quan tuyệt vời và đó là một nơi hoàn toàn không có người ở. Rồi ở giữa, ta thấy Núi Si-e-rơ như thế này. Một nơi bất khả xâm phạm và người Ê-đôm từng sống ở đây. Ở trên đây, ta thấy những bàn thờ hiến tế con người, nơi người ta dâng người còn sống cho các thần mình, và ở đây, ta có thể thấy tất cả những ngôi nhà tạc từ đá, cùng những ngôi đền nhỏ khác. Họ thực sự là những người sống trong hang động, nhưng ôi, những cái hang thế cơ mà! Các ngôi đền đó không phải từ thời Ê-đôm, tôi phải nói thêm như vậy, chúng được người Nabatea xây dựng vào nhiều thế kỷ sau, tôi sẽ trở lại sau.

Nhưng người Ê-đôm sống trong pháo đài này, họ sống ngay trên đỉnh, tất nhiên là nó bất khả xâm phạm, và họ tự hào về điều này. K*hông ai có thể xô chúng ta xuống được,* họ nói. Áp-đia đã trích lời đó. Sự kiêu ngạo của họ - *chúng ta bất khả chiến bại* làm tôi nhớ đến Thuyền trưởng Smith của tàu Titanic, cả tôi và Jim ở đây đều quan tâm đến tàu Titanic. Chúng tôi đã chạm vào những vật dụng từ tàu Titanic, phải không Jim? - những thứ được người ta đưa lên. Nhưng Thuyền trưởng Smith đã nói: *Ngay cả Chúa cũng không thể đánh chìm nàng ấy.* Ôi, quá là nguy hiểm khi nói như vậy! Và Ê-đôm đã nói: *Ngay cả Chúa cũng không thể xô chúng ta xuống*, còn sứ điệp của Áp-đia là *các ngươi sẽ bị xô xuống. Hỡi Núi Si-e-rơ kiêu ngạo, ngươi sẽ bị xô xuống.* Đó là bối cảnh của sách; một nơi tuyệt diệu, cho một lời tuyệt diệu.

Điều quan trọng ở đây là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là Đức Chúa Trời của các dân khác. Nói như vậy vào thời đó thì thật là cấp tiến, khi mọi dân đều có thần riêng của mình, họ tin rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên chỉ là Thần của người Y-sơ-ra-ên, và các dân khác chẳng liên quan gì đến Ngài. Họ thì nghĩ như vậy, nhưng anh chị em thấy đó, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là Đức Chúa Trời duy nhất, và Ngài sẽ không chỉ phán xét Y-sơ-ra-ên, Ngài sẽ phán xét cả các nước khác, sứ điệp ở đây là vậy. Đức Chúa Trời của Cơ Đốc nhân là Đức Chúa Trời duy nhất, Ngài sẽ phán xét những người thuộc mọi tôn giáo khác nữa.

Anh chị em tin không ạ? Không dễ để tin vào điều đó trong một xã hội đa nguyên khi mọi người đều có thần riêng của mình. Nhưng nếu chỉ có một Đức Chúa Trời, và Đấng tạo dựng Vũ trụ là Đức

Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, thì Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là Đức Chúa Trời mà mọi dân phải đối mặt, mọi dân phải khai trình, đó là sứ điệp mang tính cách mạng của các tiên tri. Họ không chỉ nói cùng Y-sơ-ra-ên, họ nói cùng tất cả mọi người. *Đức Chúa Trời của chúng ta cũng sẽ phán xét cả các ngươi,* đó là sứ điệp cấp tiến của Áp-đia - mọi thứ đều thuộc quyền kiểm soát của Ngài và tất nhiên, đó cũng là sứ điệp của Tân Ước.

Khi nói tại A-thên trên A-rê-ô-pa, Phao-lô đã nói: *Đức Chúa Trời định cho mọi dân thời kỳ và ranh giới của họ* - chính Đức Chúa Trời đã vẽ nên bản đồ. Chính Đức Chúa Trời đã đưa Đế quốc Anh đến hồi kết. Khi tôi còn nhỏ, tập bản đồ của trường toàn màu đỏ. Người ta có thể đi vòng quanh thế giới mà không ra khỏi đất Anh Quốc. Đó là một đế quốc "mặt trời không bao giờ lặn," vậy điều gì đã xảy đến với đế quốc hùng mạnh này? Câu trả lời là chúng ta phủi tay mặc kệ dân Y-sơ-ra-ên của Chúa, và Chúa phán: *Nếu không thể lo cho dân ta thì các người cũng không lo được cho ai,* và chỉ trong năm năm, đế quốc đã tàn lụi.

Tôi tin rằng đó là một trong những ví dụ rõ ràng nhất về bàn tay của Chúa. Vì một trong những nguyên tắc ra từ những sách tiên tri này là Đức Chúa Trời phán xét các dân khác bằng thái độ của họ với dân Ngài. Rằng đó là điều quan trọng nhất với Ngài - các ngươi đã đối cùng dân ta như thế nào? Trong thời Cựu Ước thì nó có nghĩa là các ngươi đối cùng Y-sơ-ra-ên như thế nào, nhưng trong thời nay, nó cũng có nghĩa là các ngươi đối cùng hội thánh ra sao. Đức Chúa Trời sẽ phán xét các dân trên thế giới về cách họ đối cùng dân Ngài và điều đó được viết trong lịch sử, nó được viết rất rõ ràng.

Dân tộc đầu tiên bị phán xét đến mức đó là dân Ê-đôm này, vì những điều họ đã làm với Y-sơ-ra-ên. Đó là một nguyên tắc rất thú vị, chúng ta làm gì với dân Chúa tức là làm với Chúa! Chúa Giê-su dùng chính nguyên tắc đó - "khi các con làm điều ấy cho một người thấp kém nhất trong những anh em nầy của Ta, tức là đã làm cho Ta." Khi Ngài nói "những anh em nầy của Ta" là ý nói những Cơ Đốc nhân ở đó, không phải là bất cứ ai, từ "anh em" chỉ được dùng trong tin lành theo Ma-thi-ơ để chỉ các môn đồ của Chúa Giê-su và Ngài nói: *Động vào môn đồ Ta là động vào Ta, cười nhạo họ là nhạo báng Ta.* Sau-lơ người Tạt-sơ rút ra bài học xương máu đó trên đường đến Đa-mách. Có tiếng phán:

- *Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ Ta?*
- *Lạy Chúa, Ngài là ai?*
- *Ta là Giê-su người Na-xa-rét.*

Và Sau-lơ không nói: *Nhưng con không bắt bớ Ngài, con chỉ đang bắt bớ Cơ Đốc nhân thôi* vì ông chợt nhận ra rằng mình làm gì với Cơ Đốc nhân tức là làm với Chúa Giê-su người Na-xa-rét. Đó là một nguyên tắc sâu sắc: Anh làm gì với dân Chúa tức là làm với Chúa; họ là con ngươi của mắt Ngài và đó là phần nhạy cảm nhất của Đức Chúa Trời - chạm vào con ngươi của mắt Ngài. Giống như tròng đen của mắt là phần nhạy cảm nhất trên cơ thể chúng ta. Đức Chúa Trời phán: *Động đến dân Ta là động đến Ta* và đó là một nguyên tắc để phán xét mọi dân tộc. Vì dân Chúa là như vậy trong mọi dân trên đất nên mọi dân phải quyết định thái độ của họ với dân Chúa. Vào Ngày Phán xét, đó sẽ là một yếu tố chính.

Thực ra, ngay từ đầu, khi Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham, Ngài đã nói: *Áp-ra-ham, Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước con, nguyền rủa kẻ nào nguyền rủa con.* Đó là nguyên tắc ra từ hết tiên tri này đến tiên tri kia khi họ nói cùng các dân tộc khác, đó là lý do tại sao hầu hết những lời tiên

tri của họ là về các dân có liên hệ với Y-sơ-ra-ên, sống quanh Y-sơ-ra-ên, nên có thái độ nhất định với Y-sơ-ra-ên, một thái độ có thể khiến họ phải trả giá bằng vận mệnh tương lai của mình.

Dàn ý của sách Áp-đia

Chúng ta đã bắt đầu nhận ra là có rất nhiều điều trong Áp-đia. Hãy trở lại với dàn ý và xét đến từng mục. Rất đơn giản, sách chia làm hai nửa, nửa đầu từ câu 1 đến câu 14, nói rằng một dân sẽ bị phán xét, ấy là dân Ê-đôm. Nửa sau, từ khải tượng về Ê-đôm bị phán xét, ông thấy mọi dân khác bị phán xét. Đó là một khải tượng mở rộng.

Hãy xét đến các phần khác nhau, đầu tiên là một dân sẽ bị phán xét. Cũng xin nói thêm rằng Ê-đôm nghĩa là "đỏ," và tất nhiên, thành này được làm từ sa thạch đỏ như anh chị em đã thấy, nhưng đó không phải lý do mà nó được gọi là đỏ. Nó nằm ở phía đông Thung lũng Tách giãn A-ra-ba và hai thành phố mà tôi đã chỉ cho anh chị em, Sê-la hay Núi Si-e-rơ là khối đá khổng lồ ở giữa nơi mà ngày nay chúng ta gọi là Petra, một nơi dễ phòng thủ nhất. Tôi nhớ mình đã đến nơi gọi là Tổ Đại bàng của Hít-le tại Berchtesgaden, Đức và ông ta xây ngôi nhà trên đỉnh núi ở Berchtesgaden, các bức tường làm bằng đá granit dày mét hai. Đó là một nơi bất khả xâm phạm, ông ta gọi đó là Tổ Đại bàng và từ đó, người ta có thể thấy đến tận Munich, một địa điểm tuyệt vời. Thế nhưng 20 năm sau đó ông ta lại tự tử.

Thật kỳ lạ khi con người thích xây những thứ cao lớn rồi lên đó và nói: "Bàn tay ta làm nên tất cả." Kể từ thời Ba-bên, con người đã cố gắng làm như vậy. Hiện đang có một cuộc đua xây tòa nhà chọc trời cao nhất trên thế giới, anh chị em biết không ạ? Tôi có những bức hình của mọi tòa nhà chọc trời trên bản vẽ và mọi tòa hiện có. Tòa cao nhất lúc này là tòa Sears tại Chicago, nhưng nó sẽ sớm trở thành chú lùn thôi. Người ta đang có kế hoạch xây ba tòa chọc trời trên vành đai Thái Bình Dương, cao một ngàn mét, trong vùng động đất, tin được không ạ?

Con người thật là kiêu ngạo! *Chúng tôi có tòa nhà cao nhất trên thế giới*, và tôi đã thấy những bản vẽ của một tòa nhà cao một ngàn mét, và sau đó sẽ là tòa nhà cao 1600m, *chúng tôi đã xây được nó, chúng tôi to nhất!* Có sự kiêu ngạo này ở Ê-đôm. Nhưng còn nhiều điều hơn thế. Tôi sẽ trở lại điều đó sau. Áp-đia nói: *Các dân sẽ hủy diệt ngươi và không giống như kẻ trộm chỉ lấy những thứ chúng muốn, người ta sẽ lấy đi mọi thứ từ ngươi. Không giống như người hái nho luôn để lại vài chùm, sẽ không còn gì sót lại cho ngươi. Các ngươi sẽ bị hạ xuống, các ngươi sẽ bị xô xuống, các ngươi sẽ mất lãnh thổ mình, các ngươi sẽ mất vị thế mình*, vì Đức Chúa Trời ghét sự kiêu ngạo nơi loài người. Đó là một tội thật sự khiến Chúa để ý, khi con người kiêu ngạo, khi anh ta nghĩ mình là tất cả, khi anh ta nghĩ mình bất khả xâm phạm. Gần như là điều đó mời gọi Đức Chúa Trời hạ người đó xuống, khi anh ta quá kiêu ngạo.

Vậy tại sao? Câu trả lời là vì Ê-đôm khinh thường Y-sơ-ra-ên. Anh chị em thấy đấy, sự kiêu ngạo có hai mặt, một mặt là quá đề cao bản thân. Nhưng tất nhiên rồi, mặt kia là đánh giá thấp mọi người khác. Anh không thể đề cao bản thân mà không đánh giá thấp những người khác vì thực ra thì mọi người đều giống nhau, và nếu nâng mình lên thì anh phải hạ người khác xuống. Cụ thể là Ê-đôm nâng mình lên trong sự kiêu ngạo trên núi Si-e-rơ, nhìn xuống theo đúng nghĩa đen, nhìn xuống Y-sơ-ra-ên, nhưng họ khinh thường Y-sơ-ra-ên, và mối thù này bắt nguồn từ xa xưa giống với hầu hết các cuộc xung đột. Xung đột tại Bắc Ireland bắt nguồn từ ba trăm năm trước. Xung đột tại Trung Đông giữa Ả Rập và người Do Thái bắt nguồn từ Y-sác và Ích-ma-ên, có vẻ như càng có mối liên hệ gần gũi thì người ta càng dễ ghét nhau.

Nếu không gần gũi thì không thể thực sự ghét nhau được. Đó là lý do tại sao khi hôn nhân tan vỡ, có thể có nhiều hận thù, khinh miệt hơn so với khi họ không hề biết nhau. Vì thực ra Ê-đôm là Ê-sau, đó là lý do tại sao Ê-đôm nghĩa là đỏ vì Ê-sau có tóc đỏ và người Ê-đôm là con cháu của chính Ê-sau. Nhớ câu chuyện Gia-cốp và Ê-sau không ạ? Nếu đọc giai thoại Gia-cốp và Ê-sau thì anh chị em sẽ hiểu sự kiêu ngạo và khinh miệt nơi Ê-đôm - con cháu Ê-sau. Nên con cháu Ê-sau đã định cư ở phía đông Thung lũng Tách giãn và con cháu Gia-cốp định cư ở phía tây, và hai bên gườm nhau, nhưng thú vị ở chỗ, Đức Chúa Trời cấm Y-sơ-ra-ên có thái độ tiêu cực với Ê-đôm, và anh chị em sẽ thấy trong Phục truyền, Chúa phán: *Ngươi phải luôn cư xử đúng mực với dân Ê-đôm vì ngươi phải nhớ rằng Ê-sau là anh Gia-cốp.*

Đức Chúa Trời truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải có tình yêu thương anh em với Ê-đôm, đó là lý do tại sao trong lời tiên tri nghịch cùng Ê-đôm này, Áp-đia nói: *Lẽ ra ngươi không nên đối xử với em ngươi như vậy,* bởi vì chuyện là thế này. Ngay sau khi vương quốc của Đa-vít bắt đầu sụp đổ, dân Ê-đôm đã nổi dậy và bất cứ ai tấn công Giê-ru-sa-lem hay Y-sơ-ra-ên, bất cứ ai, dù là dân Phi-li-tin hay Ả Rập, sau này là người Ba-by-lôn, thì dân Ê-đôm luôn nhập bọn với họ. Họ không chỉ đứng nhìn, họ đã nhập bọn, và khi người Ba-by-lôn đến, người Ba-by-lôn có một thói quen kinh khủng, họ là một dân rất man rợ, họ cầm chân bọn trẻ và đập nát sọ chúng vào đá, và người Ê-đôm nhập bọn, cổ vũ họ, giục giã họ - tiếp đi, cứ làm thế đi, cứ làm thế đi.

Mọi hận thù, ghen tức và oán giận trong nhiều thế kỷ đã bộc lộ ra. Khi dân Phi-li-tin đến đánh Giê-ru-sa-lem, dân Ê-đôm đã nhập bọn. Khi dân Ả Rập tấn công Giê-ru-sa-lem, dân Ê-đôm đã nhập bọn. Khi người Ba-by-lôn đến, dân Ê-đôm đã nhập bọn. Chúng tận dụng mọi cơ hội, tất nhiên là bản thân chúng không đủ mạnh để làm được gì nhiều, nhưng khi thấy một dân nào đó thì chúng nhanh chóng tham chiến và đứng về phía bất cứ dân nào nghịch cùng Y-sơ-ra-ên, thế mà họ lại là anh em, Gia-cốp và Ê-sau. Đức Chúa Trời lên án họ vì họ thiếu tình yêu thương anh em. L*ẽ ra ngươi không nên có thái độ đó với người anh em Y-sơ-ra-ên của mình, lợi dụng điểm yếu của họ, lợi dụng lúc kẻ thù tấn công họ, lẽ ra ngươi không nên làm vậy, và Đức Chúa Trời sẽ phán xét ngươi vì điều đó.*

Một câu hỏi đặt ra là *họ có nghe được những gì Áp-đia nói không? Nếu nghe được thì họ có lưu tâm đến chúng không?* Câu hỏi là như vậy. Phần đầu chỉ toàn nói về Ê-đôm, nhưng đến giữa chừng, Áp-đia đổi từ ngôi thứ ba sang ngôi thứ hai, ban đầu gọi Ê-đôm là "nó," sau lại gọi Ê-đôm là "ngươi," có vẻ như Áp-đia đủ can đảm để đến Petra và nói thẳng vào mặt họ rằng "lẽ ra ngươi không nên làm thế." Ôi, nếu đúng vậy - thảo nào các tiên tri lại bị giết, hết người này đến người khác, nhưng rõ ràng là ông đã đến Ê-đôm và nói với họ.

Chuyện gì đã xảy ra với dân Ê-đôm sau đó? Vâng, lịch sử của họ là một lịch sử rất phức tạp, nhưng vào thế kỷ 6 TCN, người Ả Rập đã tấn công họ và họ phải bỏ chạy, họ rời thành mình và di chuyển qua Thung lũng Tách giãn vào Sa mạc Nê-ghép và lúc bấy giờ Nê-ghép đã được đổi tên thành Y-đu-mê sau khi dân Ê-đôm đến. Vậy là họ đã mất các thành mình, sống như người du cư Bedouin trong sa mạc, tại Nê-ghép, họ là dân Ê-đôm. Nhưng họ đã gây dựng cơ đồ tại đó. Rồi đến một ngày, một người Ê-đôm từ Nê-ghép, hậu duệ của Ê-sau đã đến Rô-ma và nói cùng Julius Caesar rằng: *Ngài bán cho tôi ngai vàng của Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem được không?*

Người La Mã đã bán ngai vàng cho hắn và tên hắn là Hê-rốt, Hê-rốt người Y-đu-mê - người Ê-đôm. Hắn làm vua trên Y-sơ-ra-ên. Người Ê-đôm, Hê-rốt Đại đế đã làm vua trên Y-sơ-ra-ên và nói: *Nay ta sẽ xây những tòa nhà lớn hơn những gì bọn Nabatea đang xây tại thành Petra xưa của ta.* Vì

tới lúc này, những ngôi đền lớn đang được tạc trên đá, nên hắn mới xây lại đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Nên hắn mới xây cho mình những cung điện ở khắp nơi. Nên hắn mới xây cung điện trên Masada. Người Ê-đôm lúc này đã là vua dân Do Thái, và khi các nhà thông thái đến hỏi: "Vua dân Do Thái vừa sinh tại đâu?," anh chị em có thể tưởng tượng tại sao hắn lại tức giận đến vậy không? *Ta không để một tên Do Thái ngồi trên ngôi mà người Ê-đôm đã đoạt được, ta là Hê-rốt Đại đế*, và ông ta giết tất cả các bé trai tại Bết-lê-hem. Con hắn là Hê-rốt đã giết Giăng Báp-tít, Chúa Giê-su không nói gì với hắn khi chúng xét xử Ngài. Cháu hắn là Hê-rốt bị trùng đục trong sách Công vụ, chắt hắn là một người tên Ạc-ríp-pa, chết vào năm 100SCN mà không có con cái gì, và người Ê-đôm đã biến mất. Không có lấy một người Ê-đôm nào trong thế giới ngày nay và tất cả những điều đó xảy ra vì Áp-đia nhìn thấy và nói rằng chúng sẽ xảy đến.

Một câu chuyện rất đáng kinh ngạc đúng không? Chuyện giữa Gia-cốp và Ê-sau suýt chút nữa đã hại chết Chúa Giê-su. Và chính Chúa Giê-su đã bị xét xử trước một người Ê-đôm. Nó cho anh chị em biết điều này, rằng Đức Chúa Trời kiên nhẫn với việc phán xét con người vì từ thời Áp-đia đến khi họ biến mất hoàn toàn là 910 năm. Đức Chúa Trời không vội vàng phán xét, nhưng Ngài có phán xét. Một nhà thơ Đức vào năm 1653 đã nói đến việc này. Tôi không giỏi tiếng Đức, nhưng nó đây:

Gottes mullen marlen
Langsam mahlen
Aber treflich klein
Abends langsamer
Mutte sich zomat
Bringt mit schaffet alles ein.

Chắc là anh chị em đều hiểu hết nhỉ!
Để tôi đọc bản dịch tiếng Anh của Longfellow:
Chầm chậm cối Chúa xay
Nhưng cối xay thật kỹ
Kiên tâm Ngài đứng đợi
Xay chính xác cực kỳ

Đức Chúa Trời kiên nhẫn, Ngài chậm giận, nhưng Chúa đã nói là Ngài sẽ làm; có thể là một ngàn năm sau, nhưng Ngài sẽ làm. Ê-đôm ngày nay đâu rồi? Không còn nữa. Y-sơ-ra-ên ngày nay ở đâu? Họ đã về xứ mình. Nếu không tin vào Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên thì không biết người ta sẽ giải thích điều này, cùng quá nhiều điều khác ra sao.

Từ sự phán xét dân Ê-đôm, Áp-đia thấy rằng đến một ngày, mọi dân tộc sẽ bị phán xét. Rằng Đức Chúa Trời - của Y-sơ-ra-ên - sẽ bắt mọi dân phải chịu trách nhiệm, đặc biệt là với thái độ của họ với dân Ngài, rồi bổ sung một điều cực kỳ đáng kinh ngạc. Đến một ngày, Y-sơ-ra-ên sẽ có được Ê-đôm vì phần đó thuộc xứ mà Đức Chúa Trời đã hứa cho dân Ngài và đến một ngày, họ phải có được nó, Áp-đia đã thấy điều đó.

Đã hơn 2500 trôi qua và điều đó chưa xảy ra, nhưng lời hứa đó bao gồm cả Vùng lưỡi liềm màu mỡ giữa Gaza và sông Ơ-phơ-rát, gồm cả phần này, và ông đã thấy điều đó hầu đến. Ông thấy rằng không một ai từ nhà Ê-sau còn sót lại, mà xứ đó sẽ thuộc về những người chủ thực sự của nó. Trong phần cuối, câu 17 đến 21, ông thấy Y-sơ-ra-ên trải rộng về phía bắc tới Ép-ra-im và Sa-ma-ri, về phía

nam tới Nê-ghép, về phía đông đến các núi Ê-sau và về tận bờ tây Địa Trung Hải; ông đã thấy điều đó và mô tả như thể nó đã xảy ra vì ông thấy nó quá rõ.

Sách Áp-đia có liên hệ gì tới chúng ta ngày nay?

Tất cả những điều này có liên quan gì đến chúng ta? Có một Gia-cốp và một Ê-sau trong mỗi người chúng ta và nếu đọc Thư Hê-bơ-rơ thì ta sẽ thấy thư nói cùng Cơ Đốc nhân rằng đừng như Ê-sau, bán quyền trưởng nam lấy một món súp và ông phải khóc, nước mắt ông chảy dài lúc về sau. Ông đầy tiếc nuối và hối hận, nhưng ông không thể ăn năn được nữa, và Tân Ước nói rằng đừng là Ê-sau, hãy là Gia-cốp. Gia-cốp đã vật lộn với Chúa tới khi Chúa khiến ông đi tập tễnh, nhưng ông đã có được sự chúc phước; chính từ Gia-cốp mà có dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời, còn dân Ê-đôm lại biến mất khỏi lịch sử.

Ê-sau sống cho hiện tại, để thỏa mãn ham muốn xác thịt nhất thời của mình và từ đó đánh mất tương lai. Đây cũng chính là thái độ của Hê-rốt, con trai Hê-rốt Đại đế, Chúa Giê-su đã đứng trước hắn ta, một con người quá nhục dục, hau háu thỏa mãn dục vọng của mình tới mức ban phân nửa vương quốc cho gái nhảy - hoặc sẵn sàng làm như vậy. Cô gái nói: *Con không muốn một nửa vương quốc, con muốn cái đầu của Giăng Báp-tít* và hắn đã ban cho cô, một cô gái nhảy. Đó là hội chứng Ê-sau. Những Ê-sau của đời này chỉ sống cho đời này. Họ không quan tâm đến tương lai, họ chỉ quan tâm đến việc thỏa mãn ham muốn của mình trong hiện tại. Có một Ê-sau trong mỗi chúng ta, nhưng đừng để cho hắn ra.

Hãy là Gia-cốp, người bị Chúa đánh vào xương hông, trở nên người cai trị, và tên ông, Y-sơ-ra-ên, hiện đã xuất hiện trở lại trên bản đồ sau 2000 năm. Đức Chúa Trời đã phán thì Ngài sẽ giữ lời; khi Ngài nói là Ngài sẽ làm gì đó, có thể Ngài sẽ không làm vào ngay thứ ba tuần tới. Điều đó khiến chúng ta sốt ruột: *Chúa ơi, khi nào Ngài mới làm điều này đây?* Chúng ta có phải đợi cả ngàn năm, nhưng Chúa đã nói là Ngài sẽ làm, nên chúng ta có thể tin Lời Ngài. Áp-đia nhỏ bé, một tiểu tiên tri, nhưng mọi điều ông nói sẽ trở thành hiện thực.

SÁCH ÁP-ĐIA VÀ GIÔ-ÊN - Phần 2

Giới thiệu

Trong bài trước, chúng ta đã xét đến Áp-đia, người đầu tiên trong nhóm nhiều tiên tri liên quan đến cuộc lưu đày và bây giờ, chúng ta sẽ chuyển sang mười năm sau Áp-đia. Lời tiên tri của Áp-đia gần như chỉ nhắm tới các dân khác và đưa ra một viễn cảnh về những điều tốt đẹp cho Y-sơ-ra-ên, nhưng ở đây lại hoàn toàn ngược lại. Yoel hay Giô-ên theo cách gọi của chúng ta, ông xuất hiện vào mười năm sau đó và dùng đến chính khái niệm mà Áp-đia đã khởi xướng, ấy là "ngày của Đức Giê-hô-va" hay "ngày của Chúa" hầu gần; khi đó Ngài sẽ báo trả, khi đó Ngài sẽ có ngày của mình, nhưng có một sự thay đổi lớn trong Giô-ên, ấy là ông nói rằng: *Ngày đó cũng đồng nghĩa với sự phán xét trên Y-sơ-ra-ên.*

Đây là một cú sốc. Người trong hội thánh sẽ sốc khi nghe rằng họ phải lên thiên đàng thì mới an toàn. *Ôi, cứ tưởng tôi an toàn rồi chứ!* Điều đó có trong Dân số ký, xin thông tin cho một số anh chị em như vậy. Ý niệm rằng tên mình có thể bị xóa khỏi sách sự sống là một cú sốc với dân Chúa. *Ôi, cứ tưởng tên tôi ở đấy mãi mãi chứ!* Không, nó còn ở đó chừng nào anh còn trung tín với Chúa Giê-su, tiếp tục tin cậy Ngài và vâng lời Ngài cho đến cuối cùng. Y-sơ-ra-ên bị sốc khi nghe rằng ngày của Đức Giê-hô-va có thể không phải là tin vui với cả các ngươi, vì Đức Giê-hô-va tuyệt đối công bằng, và tội lỗi nơi dân Chúa cũng nghiêm trọng với Ngài không kém tội lỗi ngoài vòng dân Chúa. Bao giờ thì chúng ta mới rút ra bài học từ đó đây?

Rô-ma 2 nêu khá rõ điều đó. Phao-lô nói với các tín đồ rằng *nếu anh em làm chính những điều mà anh em chỉ trích người vô tín, anh em nghĩ mình sẽ thoát khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sao?* Vì Đức Chúa Trời không thiên vị ai và tội lỗi trong dân Chúa cũng nghiêm trọng không kém tội lỗi ngoài vòng dân Chúa. Ý niệm rằng khi đã thuộc về Chúa thì anh có thể tự do phạm tội là hoàn toàn không đúng Kinh thánh, rằng Ngài đã cho anh một cuốn sổ séc trắng để viết một tấm séc mỗi khi phạm tội, không phải đâu. Tội lỗi là điều nghiêm trọng với Chúa, ai phạm phải cũng vậy và Ngài không thiên vị. Chúa sẽ thật bất công nếu Ngài cho một người vô tín xuống địa ngục vì tội ngoại tình mà lại nói với tín đồ rằng: *Còn đây là tấm vé lên thiên đàng của con, con làm vậy cũng chẳng sao.*

Đó là một sự xuyên tạc đáng sợ về Đức Chúa Trời, và các tiên tri phải chỉnh đốn lại tư tưởng đó nơi Y-sơ-ra-ên trước vì Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng *họ ổn rồi, Chúa sẽ phán xét mọi dân khác còn chúng ta thì ổn rồi*, và các tiên tri phải nói: "Các ngươi không ổn đâu!" Giô-ên là vị tiên tri đầu tiên thật sự làm như vậy. Ê-li đã thách thức họ khá mạnh, nhưng Giô-ên là người đầu tiên nói rằng ngày của Đức Giê-hô-va có thể tối tăm chứ không sáng láng. A-mốt cũng nói như vậy. Đó có thể là một ngày tồi tệ với các ngươi chứ không phải ngày tốt lành.



Hình ảnh con châu chấu

Nạn cào cào kinh khiếp (1:1-12)

Điều gì đã khơi dậy lời tiên tri của Giô-ên? Câu trả lời là một thiên tai. Nạn

cào cào đã tấn công nước này. Không biết anh chị em đã từng trải qua nạn cào cào chưa. Tôi chỉ trải qua có một lần là quá đủ rồi. Ở đây tôi có bức hình về những con cào cào, khá khó nhìn vì chúng ngụy trang khá tốt, chúng tựa như những con châu chấu lớn. Đây là một con, chân sau của nó đây, con nữa đây và con thứ ba đây. Chỗ này chỉ có ba con. Một đàn cào cào có thể có tới 600 triệu con như thế; chúng cực kỳ háu ăn và đầu chúng như ngựa vậy. Không biết anh chị em có nhìn rõ không nhưng chúng có một cái đầu ngựa trên thân một con châu chấu lớn, và tôi trải qua điều này ở Kano, miền bắc Nigeria. Lúc ấy là giữa trưa thì bỗng dưng trời tắt nắng. Tôi cứ tưởng là nhật thực cơ, rồi tôi thấy đám mây đen khổng lồ tiến về phía chúng tôi và che khuất mặt trời. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã chìm trong bóng tối như lúc nửa đêm; còn chúng đi, tôi đã tính tốc độ, vào khoảng 19km/h và mất một tiếng rưỡi để chúng đi qua. Tôi thấy những người châu Phi đáng thương chạy ra để xua chúng khỏi những cây bắp cải, một nhóm cào cào sà xuống cây bắp cải và ăn hết sạch. Cây cối, sau khi chúng đi qua bị lột sạch cả vỏ chứ nói gì đến lá, chỉ còn trơ thân trắng hếu. Mọi mẩu thực vật sống đều biến mất, và ta có thể nghe tiếng chúng nhai, ta có thể nghe tiếng rau ráu rau ráu bốn xung quanh. Còn dẫm lên cả chúng nữa, tôi không thể quên được. Một trải nghiệm kinh hoàng. Nhìn chúng xinh thế này cơ mà, và thực ra có cả một lồng ở Kensington, Luân Đôn cạnh tòa Harrods nếu anh chị em muốn xem chúng. Nhìn chúng trong lồng thì cũng thú vị đấy, nhưng nếu có 600 triệu con ăn hết mọi vật sống, mọi loại cây mà chúng đậu xuống thì thật là thảm họa. Chúng đi khỏi là quang cảnh nhìn như hoang mạc luôn. Không thấy chút gì màu xanh nữa.

Một đàn có thể rộng 640 km^2, 40 nhân 16km, một đàn, và 600 triệu con sinh vật này che khuất mặt trời. Chúng có thể ăn đến 80.000 tấn thức ăn mỗi ngày và tất nhiên, chúng mà đến là xong luôn, mất hết mọi thứ. Chúng di chuyển hơn 3.200 cây mỗi tháng, chúng đẻ 5.000 trứng mỗi một tấc vuông trên sa mạc và những trứng nhỏ này mới đầu nở ra thành bọ nhảy, rồi lột xác nhiều lần và mọc cánh. Chúng thường di chuyển khoảng 3-16km mỗi ngày trong vòng sáu tuần, những con bọ nhảy nhỏ, rồi chúng kết đàn và di chuyển; chuyện đó đã xảy đến với Y-sơ-ra-ên. Tất nhiên là nó đã xảy ra tại Ai Cập, đó là một trong mười tai vạ, chỉ có điều chúng không động đến đất Gô-sen - thú vị đúng không? Đức Chúa Trời bảo vệ dân Ngài trong tai vạ, nhưng giờ đây, chuyện này đã xảy ra với họ. Một chuyện tương đối hiếm ở Y-sơ-ra-ên.

Chúng đến từ châu Phi, thường thấy ở Bắc Phi, nhưng ở Y-sơ-ra-ên thì không phổ biến. Khi sự việc này xảy đến, Giô-ên là người thấy rằng Đức Chúa Trời đứng sau điều đó và ông nói: *Đây là lời cảnh báo đầu tiên của Chúa với các ngươi rằng nếu các ngươi cứ tiếp tục như thế này thì điều tồi tệ hơn sẽ xảy ra*. Như vậy, ông là một tiên tri thông giải sự việc này và nói: *Đây không chỉ là chuyện tình cờ, nó xảy đến với dân Chúa vì Chúa đang cảnh báo các ngươi*. Hậu quả nghiêm trọng đến nỗi họ còn không đủ ngũ cốc để làm lấy một tế lễ chay trong đền thờ, vậy là sự thờ phượng bị ngưng lại. Họ không có gì để dâng, đất nước đối mặt với hạn hán, cháy rừng và đói kém, thảm hại luôn, mất những vườn nho, những ruộng ngô, những cây ăn quả, những lùm ô-liu, chẳng còn gì. Kinh tế hoàn toàn đình trệ và Giô-ên nói: *Chúa đã làm điều này với các ngươi.*

Vậy làm sao để biết là một thảm họa đến từ Chúa đây? Anh chị em ở đây có nhớ vụ Đại thánh đường York Minister bị thiêu rụi không? Tôi tin là điều đó đến từ Chúa. Một trong những điều để xác nhận là tính bất thường trong đó. Tia chớp đánh vào York Minister ra từ một đám mây chỉ bằng bàn tay trên bầu trời, đi vòng quanh York Minister trong 20 phút trên bầu trời xanh. Đám mây đó thậm chí còn không đủ lớn để đổ mưa, thế mà từ đó phát ra một tia chớp không hề có sấm, thiêu rụi cả thánh đường từ trên xuống dưới; trước đó người ta mới cải tạo và lắp thiết bị phát hiện khói và chống hỏa hoạn hiện đại nhất cho nó nhưng lại thành công cốc, các lễ sinh diễu hành ngang qua thánh đường

nhìn thấy chuyện đó xảy ra nhưng không nghe thấy gì, không hề có sấm, nhưng họ thấy tia chớp. Tôi có tấm bản đồ về đám mây đó từ cơ quan khí tượng và 16 nhà khí tượng vô tín nói rằng "Chỉ Chúa mới làm được như vậy."

Đó là hiện tượng kỳ lạ nhất mà lâu nay họ mới thấy. Người ta hỏi tôi *đó có phải là sự phán xét của Chúa không?* Tôi nói không, *đó là lòng thương xót của Chúa*. Ngài đợi đến khi mọi người đều rời thánh đường sau lễ phong chức hạ đẳng của một Giám mục chối bỏ đức tin. Đó là lòng thương xót của Ngài. Ngài có thể làm vậy khi tất cả đều ở trong đó nhưng không. Nên đây không phải sự phán xét của Ngài. Nhưng tôi tin đó là một sự cảnh báo. Tuy nhiên không phải tia sét nào cũng là sự cảnh báo từ Chúa, chúng ta cần biết như vậy. Một trong những dấu hiệu của nó là đặc điểm rất bất thường, không tự nhiên mà có; điều phi tự nhiên thường biểu lộ điều siêu nhiên.

Một điều khác là sự phân biệt của dân Chúa, nhiều người có ân tứ tiên tri thấy bàn tay của Chúa trong đó, nhất là khi nó được tiên tri từ trước, trong trường hợp này thì không nhưng trước đấy, nhiều người đã lo sợ không biết Chúa sẽ làm gì với một hành động khó coi như vậy trong danh Ngài. Tai họa, dù chúng có đến từ chính Đức Chúa Trời hay không, đều nhắc nhở về sự phán xét của Chúa và chúng ta cần coi chúng như vậy. Có lần người ta hỏi Chúa Giê-su rằng: *Việc tháp đổ xuống, đè chết những người ở Si-lô-ê có phải là Chúa làm không, họ có tội lỗi hơn những người khác không?* Chúa Giê-su đáp: *Không, nhưng nếu các ngươi không ăn năn thì các ngươi cũng sẽ bị hư mất như vậy*.

Như vậy, mọi trận động đất, dù xảy ra ở đâu, mọi cơn bão, mọi trận lụt đều là lời nhắc nhở cho chúng ta, dù chúng có đến từ chính Chúa hay không. Tôi phải nhắc là chúng ta đừng một mực cho rằng Chúa làm tất cả những điều đó, hoặc gò ép các sự kiện cho khớp với đức tin mình, đừng làm như vậy như một số người. Nhưng tất cả đều là những lời nhắc nhở. Nhưng điều này còn hơn cả một lời nhắc nhở, đó là công việc của chính Chúa, lặp lại điều Chúa đã làm với dân Ai Cập, bây giờ là với chính dân Ngài, và nó đã khơi dậy cảm giác tiên tri nơi Giô-ên. Một lần nữa, tôi luôn thấy ích lợi khi phân tích cả sách và hiểu được cấu trúc của sách. Duy có lần này người ta mới chia chương chuẩn, vậy là tốt, lần này họ chia đúng.

Thực ra toàn bộ việc chia chương là do Giám mục thành Lyons thực hiện khi ông đang cưỡi ngựa từ Paris đến Lyons và ông chia xong trong gần một buổi chiều. Một số chỗ ông chia đúng, còn một số chỗ sai bét. Nhưng chương 1, chương 2, chương 3 thực sự là ba phần của lời tiên tri, chúng ta không biết cả ba có được nói cùng lúc không; câu 1 đến 12 là đoạn mô tả sinh động về nạn cào cào, gần như một mô tả sinh học vậy, mô tả về nạn cào cào rất xuất sắc. Chúng hành quân như binh lính như nào, chúng ăn sạch mọi thứ ra sao, người ta có thể nghe tiếng chúng nhai rau ráu như thế nào, rất sinh động.

Sự ăn năn của dân sự (1:13-20)

Còn trong câu 13-20, các câu ở nửa sau của chương, ông kêu gọi cả nước ăn năn và nói: *Nếu các ngươi không ăn năn thì sẽ có một sự lặp lại kinh khiếp. Đức Chúa Trời đang cho các ngươi một cơ hội, bây giờ hãy trở lại với Chúa và ăn năn tội lỗi mình, nếu không thì điều tồi tệ hơn sẽ xảy ra*. Ông không nói là ăn năn về điều gì nên chúng ta phải đoán thôi. Thực ra cũng không phải đoán, chúng ta phải nghiên cứu sách Các vua một chút để xem lúc đó đang xảy ra chuyện gì, chắc nước này đã làm sai điều gì đó. Điều gì xảy ra trên toàn quốc khiến họ phải chịu số phận như vậy? Điều duy nhất tôi có thể tìm thấy rất thú vị. Tiện đây cũng xin nói là khi ông kêu gọi họ ăn năn, ông nói: *Nếu không, các ngươi sẽ than khóc như một trinh nữ lớn tuổi có chồng sắp cưới qua đời trước khi thành hôn* -

một lối so sánh thật thú vị! Vừa đọc thấy điều đó là tôi nghĩ ngay đến Cô Faversam trong cuốn Những Kỳ vọng Lớn lao, một trinh nữ lớn tuổi than khóc chồng sắp cưới qua đời trước khi thành hôn. Ông nói: *Các ngươi sẽ bất hạnh như vậy trong suốt phần đời còn lại.*

OUTLINE OF JOEL

A. PLAGUE OF LOCUSTS (ch. 1.)
1. RUIN OF THE LAND (1-12)
2. REPENTANCE OF THE PEOPLE (13-20)

B. DAY OF LORD (ch. 2.)
1. TERRIBLE REPETITION (1-11)
2. TRUE REPENTANCE (12-17)
3. TIMELESS RECOVERY (18-27)
4. TOTAL RESTORATION (28-32)
a. Spirit ~ men and women (28-29)
b. Signs ~ sun and moon (30-31)
c. Salvation ~ calling and called (32)

C. VALLEY OF DECISION (ch. 3)
1. VENGEANCE ON NATIONS (1-16a)
2. VINDICATION OF ISRAEL (16b-21)

Vấn đề là gì đây? Vâng, có một điều rõ ràng, sách Giô-ên có nhắc tới các thầy tế lễ, nhưng không thấy nhắc đến vua, ông đang tố cáo đất nước này về một điều sai trật. Đó là một manh mối. Khi đọc sách Các vua, anh chị em sẽ thấy có một nữ vương ngự trên ngôi chứ không phải một vua. Đó không phải ý muốn Chúa và Đức Chúa Trời đã hứa với Vua Đa-vít rằng chừng nào các vua còn giữ luật lệ và mệnh lệnh Chúa thì họ sẽ không bao giờ thiếu một con trai ngự trên ngôi Y-sơ-ra-ên. Và đó là mệnh lệnh nghiêm ngặt của Chúa, Ngài cho họ có vua chứ không phải nữ vương. Hơn nữa, ai là nữ vương vậy? Người nữ vương tên A-tha-li và trước đó bà là Thái hậu. Khi vua qua đời, bà ta chiếm lấy ngôi và giết tất cả các hoàng tử để lên làm nữ vương và không ai làm gì để ngăn bà ta lại. Bà ta giết tất cả các cậu bé trong hoàng tộc và chiếm lấy ngôi về mình. Mẹ bà ta là Giê-sa-bên và nó nói lên nhiều điều.

Hãy xem Giê-sa-bên đã gây tổn hại như thế nào đến vương quốc phía bắc qua vị vua mà bà ta cưới. Giờ thì con gái bà ta đã giết hết các hoàng tử, toàn bộ dòng dõi Đa-vít, trừ một người, hoàng tử đó được Thầy tế lễ thượng phẩm cứu và giấu trong đền thờ rồi bí mật nuôi nấng. Tình cảnh là như vậy. Suýt chút nữa thì dòng dõi hoàng gia chấm dứt. Nếu bà ta giết được mọi hoàng tử thì sẽ chẳng thể nào có một Con vua Đa-vít ra từ dòng dõi hoàng gia.

Tôi tin rằng Sa-tan đứng sau chuyện này, giống như Sa-tan đứng sau chuyện Hê-rốt cố gắng giết Con vua Đa-vít khi Ngài được sinh ra. Giê-sa-bên là một kẻ giết người mà người ta lại chấp nhận cho con gái bà ta làm nữ vương, ngay cả thầy tế lễ thượng phẩm cũng không phản đối, nhưng ít ra ông cũng đủ can đảm để giấu cậu bé này. Cậu bé tên Giô-ách và không lâu sau khi Giô-ên rao giảng, người ta đủ can đảm để truất ngôi của người đàn bà này và đưa cậu bé Giô-ách lên ngôi, dù cậu mới lên bảy. Cậu là hoàng tử trẻ nhất. Có những hoàng tử khác sẵn sàng lên ngôi, nhưng tất cả đều bị sát hại, còn cậu bé Giô-ách được đưa lên. Chuyện này thật kinh khủng và đó là điều duy nhất tôi tìm được vào

thời điểm đó có vẻ giống tội lỗi của cả nước, khi người ta chấp nhận hoàn cảnh đó. Anh chị em có thể đồng tình hoặc không, hoặc tự nghiên cứu xem, nhưng đó là điều tôi tìm thấy trong bối cảnh. Thật lôi cuốn đúng không. Nên ông nói: *Nếu các ngươi không thực sự ăn năn và chỉnh đốn mọi thứ*...Có thể chính Giô-ên không đủ can đảm để nói lên điều sai trật và nói về nữ vương hay sao đó, nhưng ông không nhắc đến tội lỗi thực sự mà nói: *Các ngươi hãy ăn năn và chỉnh đốn mọi thứ, nếu không sẽ có sự lặp lại kinh khiếp.*

Ngày của Chúa (Chương 2)

Ở đầu chương 2, ông mô tả về nạn cào cào lặp lại, nhưng khi xét kỹ, anh chị em bắt đầu đặt câu hỏi: Đây có thật sự là nạn cào cào không? Thực ra, tôi nghĩ là ông thấy một đội quân tiến đến như nạn cào cào vậy; khi thấy nạn cào cào, anh chị em sẽ thấy nó như một đội quân, tất cả những cái đầu ngựa này hành quân theo hàng ngũ, và đúng là chúng hành quân theo hàng ngũ. Chúng kéo nhau đến và ăn sạch mọi thứ. Tôi nghĩ chương 2 nói lên rằng nạn cào cào này chỉ là hình bóng, hình ảnh về một đội quân đang tiến đến - hàng ngàn binh lính hành quân trên xứ đó, đến trên lưng ngựa và phá hủy mọi thứ vì tôi nghĩ ông thấy người Ba-by-lôn đến. Duy chỉ có người Ba-by-lôn - trong tất cả các dân tộc cổ đại đi chinh phục các nước khác - thực hiện chính sách đốt trụi mặt đất rất khủng khiếp. Họ không chỉ giết hết người dân và con trẻ mà chính sách của người Ba-by-lôn là giết mọi vật sống, nên họ mới hủy diệt cả cây cối, bầy chiên và gia súc. Quân Ba-by-lôn không để lại vật gì còn sống và đó là một hình ảnh rất giống với nạn cào cào.

Nên tôi tin là chương 2, các học giả tranh luận về nó, nhưng tôi tin rằng đây không phải là một nạn cào cào khác, không thể nào tệ hơn tai họa mà họ đã gặp, nhưng ở đây, chúng ta có hình ảnh của một đội quân cào cào. Thú vị ở chỗ, trong sách Khải huyền, nạn cào cào lại xuất hiện vào cuối dòng lịch sử và theo sau đó là một đội quân từ phương đông gồm 200 triệu binh sĩ. Nên tôi nghĩ là ở đây có mối liên hệ giữa đàn cào cào là động vật và đàn cào cào là con người đến để phá sạch mọi vật sống trên đất. Ông nói: *Đó là điều sẽ đến và lan ra. Đến một ngày, các ngươi sẽ nghe tiếng kèn báo động, kèn shofar, người ta sẽ thổi kèn và đó là tai họa thứ hai.*

Rồi ông lại nói: Điều Đức Chúa Trời đang tìm kiếm là sự ăn năn thật vì chúng ta biết rằng để hưởng ứng với lời kêu gọi "ăn năn" đầu tiên của ông, hầu hết mọi người đều đi chè chén. Họ vẫn có đủ rượu trong chai, trong vại, và thay vì ăn năn sau bài giảng đầu tiên của ông, họ lại chè chén say sưa. Thật thú vị là người ta có hai kiểu phản ứng trước tai họa, đúng không? Một số người chuẩn bị và ăn năn, những người khác thì: "Nào hãy uống cho say!." Tôi e rằng họ đã làm như vậy, nên ông đưa ra lời kêu gọi thứ hai và lần này, ông kêu gọi họ ăn năn thật, và một trong những cụm từ đáng nhớ trong lời kêu gọi thứ hai này là: "hãy xé lòng các con và đừng xé áo."

Tôi sẽ không bao giờ quên khoảnh khắc tôi đứng trên Núi Ô-liu gần mộ của một trong những tiểu tiên tri được chôn tại đỉnh Núi Ô-liu. Đứng bên ngoài mộ là một doanh nhân Do Thái mặc bộ vest rất đẹp màu kẻ sọc, có đường may đẹp và rõ ràng là ông rất giàu. Ông có những chiếc khuy áo và kẹp cà vạt màu vàng, ông đứng đó và khóc than. Tôi nấp sau một ngôi mộ khác và theo dõi xem ông sẽ làm gì. Tôi thấy ông nắm lấy cái áo vest đẹp ấy, lắm lấy ve áo, xé nó ra và cứ xé bộ vest đẹp đó thành nhiều mảnh khi đứng khóc trước mộ.

Đó là lần đầu tiên tôi thấy có người xé áo mình; đó là cách ông bộc lộ lòng tiếc thương trước cái chết của vị tiên tri này ra bên ngoài và ông đã xé bộ vest ra thành nhiều mảnh. Ôi, tôi điếng cả người, nhưng ông cứ thế xé nó thành nhiều mảnh, và Giô-ên nói: *Ngay cả như vậy cũng không đủ với Chúa,*

phải là tấm lòng của các ngươi chứ không phải những gì các ngươi làm với quần áo mình. “Hãy xé lòng các con và đừng xé áo.” Lời kêu gọi thấm thía - vì người ta đã làm như vậy khi thật sự tiếc thương ai đó, họ xé quần áo mình thành nhiều mảnh và đi ra, đi vào với chiếc áo rách te tua để thể hiện rằng họ đang than khóc. Có thể chúng ta chỉ đeo một dải băng đen trên tay áo, hoặc thậm chí là bây giờ không làm như vậy nữa, có thể là đeo cà vạt màu đen, còn họ xé áo mình trong đau buồn. Ông nói: *Phải hơn thế nữa, lòng của các ngươi phải xé ra. Các ngươi có thật sự hối tiếc về những gì đang xảy ra không?*

Rồi ông hứa với họ rằng nếu họ thật sự ăn năn, nếu họ thật sự làm như vậy từ lòng mình thì Đức Chúa Trời sẽ “đền bù cho những năm cào cào cắn phá.” Chắc hẳn anh chị em đã nghe đến cụm này rồi. Một lời hứa thật tuyệt vời - bù lại những năm cào cào cắn phá. Ông tôi làm mục sư và trong hội thánh ông có một người với bộ râu dài màu xám, buổi nhóm nào trong hội thánh ổng cũng đến. Ổng đến nhóm buổi sáng, nhóm buổi tối, nhóm cầu nguyện, nhóm học Kinh Thánh, nhóm giữa tuần, nhóm nam sinh, nhóm nữ sinh, nhóm thiếu nhi nam, nữ, ổng đến hết, làm người ta rất ngại. Nhóm nào ổng cũng đến, nhóm nữ giới cũng đến hết. Nên người ta bảo ông tôi đi nói với ổng về điều này và ông tôi đến hỏi: *Tôi hỏi anh điều này được không? Sao anh lại đến dự mọi hoạt động trong hội thánh thế? Anh không cần đến hết, Chúa không muốn anh đến hết đâu, sao buổi nào anh cũng đến thế?* Anh chị em biết ông ấy nói gì không? Ông ấy nói: *67 tuổi tôi mới đến với Đấng Christ và tôi đang cố bù đắp thời gian đã mất.* Tôi không biết nên cười hay nên khóc về điều đó. Khi người ta nghĩ đến những năm mình đã phí hoài, những năm cào cào cắn phá, nhưng Đức Chúa Trời phán: *Ta sẽ bù lại những năm cào cào cắn phá*, thật ân điển!

Và tôi đã thấy điều đó. Tôi đã thấy Chúa sử dụng một người trong vài năm cuối đời nhiều hơn những người khác trong cả đời. Ngài có thể bù lại những năm cào cào cắn phá, nhưng chỉ khi có sự ăn năn thật. Rồi ông chuyển sang một số lời hứa tuyệt vời. Ngài nói *nếu các ngươi thật sự ăn năn thì Ta sẽ không bao giờ làm điều này với các ngươi nữa*, không bao giờ nữa, không bao giờ nữa, không bao giờ nữa và cụm đó xuất hiện liên tục, cụm từ thật đẹp! *Nếu các ngươi thật sự ăn năn thì sẽ không bao giờ như vậy nữa.*

Không chỉ vậy, ông còn nói: *Sẽ có sự phục hồi hoàn toàn, không chỉ phục hồi mùa màng vật chất bị cào cào cắn phá mà còn phục hồi về tâm linh.* Đó là khi ông đưa ra một số lời hứa tuyệt vời còn được nhắc lại về sau và chúng ta cũng được hưởng. Một trong những lời hứa tuyệt vời nhất - Ngài nói rằng *trong sự phục hồi hoàn toàn theo sau sự ăn năn thật, Ta sẽ đổ Thần Ta trên mọi loại người.* Đó là dịch theo nghĩa đen, không phải trên mọi người mà “trên mọi loại người” không phân biệt giới tính, thứ bậc, tuổi tác; “thanh niên sẽ thấy khải tượng, và người già sẽ thấy chiêm bao.” Đó là lý do tại sao tôi vẫn muốn thấy khải tượng.

Ngài phán: *Các tớ trai, tớ gái các ngươi sẽ nói tiên tri không phân biệt tuổi tác, giới tính hay thứ bậc, Ta sẽ đặt thần tiên tri Ta trong mọi loại người nếu các ngươi thật sự ăn năn.* Tất nhiên là điều đó, lời hứa đó được Phi-e-rơ nhắc lại. Nó không được ứng nghiệm trong biết bao thế kỷ, cho đến một ngày, khi tất cả mọi người đều nhóm họp tại một nơi thì nó đã xảy đến, và Phi-e-rơ nói *chính là nó, đây chính là điều Giô-ên nói sẽ xảy ra.*

Anh chị em thường nghe về chức tế lễ của mọi tín đồ, nhưng tôi tin chắc vào chức tiên tri của mọi tín đồ vì nó có nghĩa là như vậy. Nó có nghĩa là giờ đây, bất cứ ai được Thánh Linh giáng trên mình

đều có thể nói tiên tri. Nó có nghĩa là lời tiên tri tăng lên trông thấy chứ không giảm đi và Lễ Ngũ tuần đồng nghĩa với chức tiên tri của mọi tín đồ.

Chính Phi-e-rơ đã nói: *Cuối cùng thì điều Giô-ên nói cũng xảy ra.* Tất nhiên, hãy nhớ rằng tại Lễ Ngũ tuần, cả 120 người đều là người Do Thái, nó đến trên người Do Thái, rất lâu trước khi chạm đến dân ngoại chúng ta. Lễ Ngũ tuần là một dịp lễ của người Do Thái. Chính vào cái ngày người ta kỷ niệm việc ban bố Luật pháp khiến 3000 người thiệt mạng, Đức Chúa Trời đã đổ Thánh Linh Ngài khiến 3000 người được cứu. Tất cả đều ăn khớp một cách kỳ lạ, một khuôn mẫu thật đẹp!

Đó là lời hứa tuyệt vời đầu tiên trong sự phục hồi, phần thứ hai trong đó nói rằng sẽ có những điềm lạ trên trời, ngay cả bầu trời cũng ghi nhận những gì đang xảy ra trên đất; và Giô-ên nói rằng hai điều sẽ xảy ra, "mặt trời sẽ trở nên tối tăm, mặt trăng đỏ như máu." Chuyện đó đã bao giờ xảy ra chưa? Nó đã xảy ra rồi. Khi Chúa Giê-su chết, mặt trời trở nên tối tăm trong ba tiếng; thêm nữa, tôi đã đọc một bài báo về thiên văn học rất hay. Tiếc là tôi không mang đi mà để ở nhà, một bài báo về thiên văn học rất hay, trong đó một nhà thiên văn học đã tìm ra rằng thời điểm đó có nhật thực; ông tìm ra thời điểm của Lễ Vượt Qua, của trăng tròn và mọi điều khác, cho rằng hẳn phải có nguyệt thực vào thời điểm đó. Lần cuối cùng tôi thấy nguyệt thực là ở hồ Windermere. Anh chị em ở đây nhớ không? Chúng ta đã ra và thấy nguyệt thực, thấy mặt trăng đỏ như máu. Trên thực tế thì điều đó thường xảy ra lúc nguyệt thực. Và thực ra bài báo này lập luận rằng vào thời điểm Chúa Giê-su chết, mặt trời trở nên tối tăm và mặt trăng nhuốm đỏ.

Tôi không thể chứng thực điều đó, nhưng Kinh Thánh nói khá rõ rằng đến một ngày, điềm lạ đó sẽ xuất hiện trên trời trước tận thế. Nó đã không xuất hiện vào Lễ Ngũ tuần hôm đó, nhưng sẽ xuất hiện. Điều thứ ba mà Giô-ên nói là Thánh Linh sẽ đổ trên mọi loài xác thịt, sẽ có các điềm lạ trên trời vì bầu trời đáp ứng lại với các sự kiện quan trọng trên đất, nên mới có một ngôi sao ở trên đó khi Chúa Giê-su ra đời. Người ta khờ khạo bảo tôi rằng việc những nhà thông thái đi theo ngôi sao chứng tỏ rằng thuật chiêm tinh không có vấn đề gì. Tôi nói: *Này, các anh sai hoàn toàn nhé, thuật chiêm tinh tin rằng vị trí các ngôi sao ảnh hưởng đến đứa trẻ vừa chào đời. Còn ở Bết-lê-hem thì vị trí của đứa trẻ lại ảnh hưởng đến các ngôi sao - hoàn toàn khác với thuật chiêm tinh.* Và khi Chúa Giê-su chết, mặt trời tắt nắng và ngay cả vũ trụ cũng phản ứng với các sự kiện quan trọng dưới này, thật tuyệt vời phải không? Chúng ta không bị các vì sao chi phối mà chúng bị Đức Chúa Trời và những gì Ngài làm ở đây chi phối. "Brutus ạ, lỗi không tại các vì sao của chúng ta, lỗi tại chúng ta." Ai đã nói như vậy trong vở Julius Caesar nhỉ?

Chúng ta đến với điều thứ ba mà Giô-ên đã hứa, ấy là sự cứu rỗi dành cho tất cả những người mà Chúa kêu gọi và những người kêu cầu Chúa. Có sự kêu gọi từ hai phía trong sự cứu rỗi. Chúa kêu gọi con người để cứu họ, và khi họ kêu cầu Ngài: "ai kêu cầu danh Chúa đều sẽ được cứu." Tôi không thích bảo người ta nói lời cầu nguyện tin nhận Chúa. Tôi chỉ bảo họ tự kêu cầu Chúa, đó là điều họ cần làm, chỉ cần gọi Ngài là Chúa Giê-su và kêu cầu danh Ngài. Ai kêu cầu danh Chúa đều sẽ được cứu, và với chúng ta, danh Chúa là Chúa Giê-su.

Tôi không bảo người ta là "hãy nhắc lại những lời tôi nói," nó không ích lợi cho lắm. Tôi chỉ bảo *anh hãy kêu cầu Danh Chúa, anh hãy trò chuyện với Ngài, anh hãy cầu xin Ngài để được cứu khỏi tội lỗi mình, anh hãy xin Ngài làm điều mà anh cần, anh hãy kêu cầu Danh Ngài.* Người ta rất cần tự kêu cầu Danh Ngài cho chính mình và ai làm vậy đều sẽ được cứu. Phi-e-rơ nhắc lại điều đó tại Lễ Ngũ tuần và 3000 người đã kêu cầu Danh Chúa và họ được cứu vào ngày hôm đó. Đó là lời hứa của

Giô-ên về sự phục hồi hoàn toàn, không chỉ là mùa màng, không chỉ là rượu, là ngô của họ, mà còn là tấm lòng họ, đời sống họ và sự tuôn đổ trọn vẹn của Thánh Linh Chúa.

Nhưng ôi, phải mất một thời gian dài thì điều đó mới xảy ra và Giô-ên nói, tất cả những điều này sẽ xảy ra vào "ngày của Đức Giê-hô-va" và ông liên tục dùng từ ngày, ngày ấy, một ngày. Tân Ước cũng nhắc lại điều đó, "vào ngày ấy," có một ngày hầu đến. Chúng ta không cần tin rằng đây là một ngày dài 24 tiếng, "ngày" là một từ linh hoạt trong Kinh Thánh. Từ "yom" trong tiếng Hê-bơ-rơ có thể có nghĩa là cả một kỷ nguyên.

Vấn đề là Sa-tan có ngày của hắn nhưng Chúa sẽ có ngày của Ngài. Ngôn ngữ của chúng ta cũng có nghĩa đó. Khi bảo là "ngày xưa đâu còn" thì ý tôi không phải là một ngày 24 giờ, ý tôi là thời đó đã kết thúc, đã chấm dứt, chúng ta đang sống trong ngày nay và đó là nghĩa của từ ngày trong Kinh Thánh. Rồi sẽ đến ngày của Chúa khi Ngài lên tiếng, khi Ngài đặt thế giới dưới quyền cai trị Ngài, đó là nghĩa của từ ngày. Con người có ngày của mình, ma quỷ có ngày của hắn và đến một ngày, Đức Chúa Trời sẽ có ngày của Ngài, đó cũng sẽ là ngày của Chúa Giê-su và nó sẽ kéo dài khá lâu nếu ta xét đến sách Khải huyền, nhưng đó sẽ là ngày của Ngài. Những người khác đã có ngày của họ, bấy giờ sẽ là ngày của Ngài.

Nên tôi muốn anh chị em có một khái niệm linh hoạt về "ngày của Chúa." Đừng nói *à, chắc là ngày thứ năm, thứ tư hay thứ ba*, không, đó là ngày của Chúa khi Ngài lên tiếng, khi Ngài đến để chỉnh đốn mọi thứ và bày tỏ chính mình. Ngày của Chúa là một phần rất nổi bật trong Tân Ước. Tôi đã tập hợp danh sách gồm tất cả những chỗ nói đến ngày đó, nhưng nó quá dài để đọc ra. Các tiên tri đã nhắc đến khái niệm này, các sứ đồ đã nhắc đến nó. Rồi sẽ đến một ngày Chúa có ngày của Ngài và đó sẽ là ngày cuối cùng. Nhưng chúng ta đang ở "trong những ngày cuối cùng," và chúng bắt đầu khi lời tiên tri của Giô-ên trở thành sự thật và Đức Thánh Linh tuôn đổ. Từ ngày đó đến nay, chúng ta đang sống trong những ngày cuối cùng. Chúng ta đã ở trong những ngày cuối cùng được 2000 năm rồi, nhưng chúng ta đang ở trong thời đại cuối cùng của lịch sử và sự kiện tiếp theo là sự tái lâm của Chúa Giê-su Christ trên hành tinh trái đất. Như vậy, chúng ta đang ở trong những ngày cuối cùng và chúng ta nên nhớ điều đó. Chúng ta ở vào phần cuối cùng của lịch sử.

Thung lũng quyết định (Chương 3)

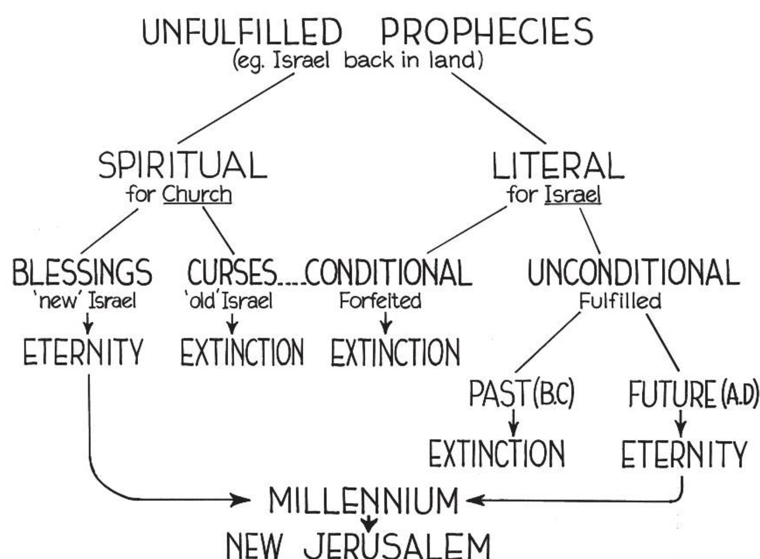
Chương cuối có khải tượng về Thung lũng Quyết định. Đó là một thung lũng có thật. Nó nằm ngoài Giê-ru-sa-lem, ở phía đông Giê-ru-sa-lem; nó là thung lũng Kết-rôn; không biết tôi có ảnh chụp không nhỉ, không có ở đây rồi, tôi sẽ cho anh chị em xem trong bài khác. Nhưng Giê-ru-sa-lem có ba thung lũng, có Thung lũng Kết-rôn ở phía đông, Thung lũng Tyropoeon ở giữa và Thung lũng Hi-nôm ở phía tây và Giê-ru-sa-lem nằm trên lưỡi đất giữa thung lũng thứ nhất và thứ hai. Thung lũng Kết-rôn nằm giữa thành đó và Núi Ô-liu. Tới ngày nay, nó vẫn được gọi là Thung lũng Phán xét, trong đó đầy những ngôi mộ. Nó đầy mộ của người Do Thái, có một số mộ của Cơ Đốc nhân trong đó, nó đầy mộ của người Hồi giáo, vì người ta tin rằng đó là chốn phục sinh, khi Chúa sẽ quyết định số phận đời đời của chúng ta. Người ta gọi đó là Thung lũng Quyết định, nhưng tôi đã nghe những người giảng đạo lạm dụng cụm đó.

Giô-ên nói: *Đoàn người đông đảo, thật là đông đảo trong thung lũng quyết định*, và người ta thường áp dụng câu Kinh thánh này ngoài ngữ cảnh, ấy là những đoàn người chuẩn bị quyết định tin Chúa Giê-su. Nó thường nằm trong lời kêu gọi: *Hỡi những đoàn người trong Thung lũng Quyết định, các bạn có quyết định trở thành Cơ Đốc nhân hay không?* Anh chị em biết lối nói của những nhà

truyền đạo rồi đấy. Nhưng nghe này, quyết định đó hoàn toàn không phải là quyết định của con người. Đó là thung lũng mà Đức Chúa Trời quyết định xem ai lên thiên đàng, ai xuống địa ngục. Đó là thung lũng quyết định của Ngài và Ngài sẽ nói lời chốt hạ. Chính quyết định của Ngài định đoạt số phận đời đời của chúng ta.

Và Giô-ên thấy những đám đông, các dân tộc trong Thung lũng Quyết định đó, thung lũng nơi Đức Chúa Trời quyết định số phận đời đời của mọi người. Lại là sự phán xét cuối cùng, và lần này là sự phán xét các dân, khi Đức Chúa Trời báo trả những kẻ chống lại dân Ngài, chống lại mục đích Ngài, chống lại những điều Ngài cố gắng thực hiện - và sẽ thực hiện trên thế giới; quyết định của Ngài sẽ định đoạt điều đó.

Bốn quan điểm về những lời tiên tri chưa ứng nghiệm



Lời cuối cùng là sự minh oan cho Y-sơ-ra-ên, rằng Chúa sẽ minh oan cho dân Ngài và phục hồi họ về xứ mình. Nó đặt ra một câu hỏi rất lớn, tôi phải nói rằng có những quan điểm rất trái chiều về điều này trong hội thánh ngày nay. Thật đáng buồn, nhưng Giô-ên và nhiều người khác - Áp-đia, Giô-ên và hầu hết các tiên tri khác đều kết thúc bằng những lời hứa cho tương lai của Y-sơ-ra-ên. Câu hỏi là *khi nào thì những lời hứa chưa thành được ứng nghiệm, hay liệu chúng có được ứng nghiệm hay không?*

Tôi e rằng có bốn quan điểm khác nhau về điều này trong hội thánh ngày nay, và quan điểm tôi sẽ chia sẻ với anh chị em không phải quan điểm của đa số, nhưng tôi quen giữ quan điểm thiểu số về nhiều vấn đề rồi. Tôi không quan tâm đến đa số mà quan tâm xem điều gì đúng, điều gì theo Kinh thánh và điều gì là lẽ thật. Có rất nhiều lời tiên tri về Y-sơ-ra-ên trở lại xứ mình - toàn bộ xứ đó và được phục hồi hoàn toàn. Chúng chưa trở thành sự thật, chưa đến; và vấn đề là chúng có bao giờ được thành không?

Ở đây có bốn lý do, nhưng chúng được chia thành cách hiểu những lời tiên tri theo nghĩa đen hay nghĩa thuộc linh, anh chị em có thể hiểu một lời hứa theo nghĩa đen hoặc thuộc linh hóa nó lên. Hãy xem điều gì xảy ra. Nếu hiểu những lời hứa theo nghĩa đen thì người ta áp dụng chúng với Y-sơ-ra-ên. Nếu hiểu chúng theo nghĩa thuộc linh thì người ta áp dụng chúng với hội thánh và gọi hội thánh là “Y-sơ-ra-ên mới,” cho rằng giờ đây, những lời hứa đã được ứng nghiệm trong hội thánh trên phương

diện thuộc linh. Chúng ta không có đất, chẳng hạn như vậy, nhưng Đức Chúa Trời chúc phước cho chúng ta về mặt thuộc linh vì giờ đây chúng ta là Y-sơ-ra-ên, chúng ta đã tiếp quản từ Y-sơ-ra-ên cũ.

Chúng ta gọi đây là Thần học Thay thế, rằng hội thánh đã thay thế Y-sơ-ra-ên và có lẽ phần đa những người giảng đạo ở nước Anh này đồng tình với quan điểm đó, họ sẽ gọi hội thánh là Y-sơ-ra-ên và nói rằng những lời hứa dành cho Y-sơ-ra-ên cũ giờ đã ứng nghiệm về mặt thuộc linh trong chúng ta là hội thánh. Nhưng họ lại hơi thiếu nhất quán vì họ nhận mọi phước hạnh cũ về cho hội thánh, nhưng lại giữ những rủa sả cũ cho Y-sơ-ra-ên, tôi thấy như vậy có chút bất công. Một số bản Kinh Thánh Authorised Versions đã gắn nhãn cho lời tiên tri của Ê-sai, trong từng đoạn, ghi là "phước hạnh cho hội thánh, rủa sả trên Y-sơ-ra-ên," "phước hạnh cho hội thánh, rủa sả trên Y-sơ-ra-ên," tôi thấy như vậy có chút bất công. Nếu coi những lời tiên tri với Y-sơ-ra-ên đã ứng nghiệm trong hội thánh thì ít nhất hãy lấy tất, đừng để sự rủa sả trên Y-sơ-ra-ên và chỉ nhận những phước hạnh cho hội thánh mới. Nhưng anh chị em sẽ thấy người ta làm như vậy, tôi thấy thế là không thành thực. Nếu anh muốn chuyển chúng cho hội thánh thì hãy làm như vậy. Người ta bảo là những rủa sả vẫn còn trên Y-sơ-ra-ên cũ nên Y-sơ-ra-ên cũ sẽ biến mất. Những phước hạnh dành cho Y-sơ-ra-ên mới - cho hội thánh và còn đến đời đời.

Rồi những người hiểu theo nghĩa đen cũng phân thành hai nhóm, nhóm nói rằng những lời hứa này đều có điều kiện; Y-sơ-ra-ên đã để mất chúng nên họ sẽ biến mất. Không có tương lai cho Y-sơ-ra-ên. Thực ra là họ đã để mất vị trí của mình và giờ đây, họ nằm ngoài mục đích của Chúa. Chúng ta có thể truyền giáo tới Y-sơ-ra-ên, nhưng như mọi dân ngoại khác thôi. Giờ họ chỉ là một dân tộc, họ không còn là dân Chúa nữa. Những người khác nói: *Nhưng những lời Chúa hứa với Y-sơ-ra-ên là vô điều kiện. Ngài đã hứa ban xứ này cho họ mãi mãi.* Ngài phán: *các ngươi có thể để mất nó, nhưng Ta sẽ luôn đem các ngươi trở lại vì nó là của các ngươi và Ta đã thề rằng nó là của các ngươi.* Trong trường hợp này thì có tương lai cho Y-sơ-ra-ên. Một số người sẽ nói: *chúng đã được ứng nghiệm khi họ trở về sau cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn rồi, nên bây giờ họ có biến mất cũng chẳng sao.* Anh chị em thấy không, tất cả những cách này đều dẫn đến sự biến mất của Y-sơ-ra-ên và người ta nói: *Họ có trở lại xứ mình sau khi sang Ba-by-lôn, nên những lời hứa đã được ứng nghiệm.*

Có những người nói rằng: *Không, chúng chưa được ứng nghiệm, Chúa vẫn phải ban cho họ cả xứ mà Ngài đã hứa cho họ và khiến họ còn đến đời đời. L*ập trường của tôi ở ngay đây, và tôi tin rằng Phao-lô giữ lập trường đó khi ông nói: *Có thể họ đã chối bỏ Chúa, nhưng Chúa không chối bỏ họ, và sau khi mọi dân ngoại đều vào thì cả Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu.* Chúa không ly dị với con người, Ngài đeo đuổi họ và sau cùng, Ngài sẽ đưa họ vào. Tôi tin vào cái mà chúng ta gọi là thiên hy niên (millennium), lại là một quan điểm thiểu số trong thời đại ngày nay, nhưng tôi đã trình bày nó trong cuốn Khi Chúa Giê-su Tái lâm. Tôi tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại để cai trị chốn này, người Do Thái và Cơ Đốc nhân sẽ được đưa vào chung một bầy dưới cùng một người chăn và Vương quốc sẽ được tái lập cho Y-sơ-ra-ên.

Câu hỏi cuối cùng mà các môn đồ hỏi Chúa Giê-su là *khi nào Vương quốc sẽ được tái lập cho Y-sơ-ra-ên, Ngài sẽ làm điều đó ngay chăng?* Ngài không bảo đó là một câu hỏi ngớ ngẩn mà đáp: *Các con không cần biết ngày mà Cha đã định cho điều đó.* Như vậy có nghĩa là họ đã hỏi sai câu hỏi sao? Không, họ chỉ sai về thời điểm, chỉ vậy thôi. Tôi tin rằng câu trả lời của Chúa Giê-su khi đó khá rõ ràng. *Đúng, nó sẽ được tái lập, nhưng chưa phải bây giờ. Đồng thời Ta cũng có việc cho các con làm, hãy đi và giảng Tin lành cho muôn dân.* Như vậy, anh chị em phải đối mặt với thực tế rằng có tất cả những quan điểm khác nhau thế này và tất cả đều kết luận rằng Y-sơ-ra-ên sẽ biến mất, trừ quan điểm

này ra. Và tôi tin rằng những lời Chúa hứa không thể bị phá bỏ. Nếu có thì tất nhiên, hội thánh cũng có thể chấm dứt, nên ta cần đối mặt với thực tế. Nếu Đức Chúa Trời không thể gìn giữ Y-sơ-ra-ên thì Ngài cũng không thể gìn giữ chúng ta. Nên hãy tiếp nhận Lời Chúa. Giô-ên nói: *Đến một ngày, các núi sẽ nhỏ ra rượu mới* và đó là một cụm ra từ sách Giô-ên. Ông nói: *Đến một ngày, các núi Y-sơ-ra-ên sẽ nhỏ ra rượu mới* và tôi tin rằng Chúa đã định điều đó, những lời tiên tri của Giô-ên đều sẽ trở thành sự thật trong thời điểm tốt lành của Chúa. A-men.

SÁCH A-MỐT

Giới thiệu - bối cảnh lịch sử

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến hai tiên tri A-mốt và Ô-sê là những người ở ngay giữa Giô-na và Na-hum, như vậy là chúng ta không xét đến họ theo đúng thứ tự thời gian. Lúc này là thế kỷ 8 TCN và họ thường được gọi là các tiên tri thuộc thế kỷ thứ tám. Con người làm những gì trong thế kỷ thứ tám? Rất thú vị khi tìm hiểu phông nền và hai cái tên nổi bật trong hoạt động của con người là Rô-ma và Hy Lạp. Rô-ma và Carthage đều được lập vào thế kỷ 8 TCN và nếu biết lịch sử thì ta sẽ biết hai bên chống đối nhau rất quyết liệt: Chiến tranh Punic nổ ra giữa Rô-ma và Carthage và cuối cùng, Rô-ma leo lên đầu bảng. Rô-ma đã thiết lập luật pháp và trật tự khắp thế giới Địa Trung Hải và sau đó làm những con đường, tất cả những điều này sẽ giúp Tin lành lan ra.

Lúc bấy giờ Hy Lạp làm gì? Hy Lạp đặt nền móng cho sự cuồng nhiệt trong thời hiện đại với thể thao - tôn giáo của cánh đàn ông Anh Quốc. Thế vận hội Olympic bắt đầu từ thế kỷ 8 TCN. Ngôn ngữ của họ lan ra khắp nơi. Nếu như người Rô-ma làm đường thì chính tiếng Hy Lạp đã lan truyền Tin lành cách nhanh chóng. Homer viết sử thi Iliad vào thế kỷ 8 TCN. Người ta đặt nền móng cho nghệ thuật và kiến trúc, họ thiết lập thành bang hay thị quốc ở mọi nơi và đưa chế độ dân chủ vào thế giới qua những thị quốc đó. Không có dấu vết của nền dân chủ ở bất cứ đâu trong Kinh Thánh. Cái đó từ Hy Lạp mà ra. Đó hoàn toàn không phải thể chế chính trị theo Kinh thánh. Xa hơn nữa, nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ đang nổi lên, nên con người rất bận rộn vào thế kỷ thứ tám; và nhiều thứ trong thế giới hiện đại bắt nguồn từ thế kỷ 8 TCN.

Chúa đang làm gì vào thời gian này?

Nhưng Đức Chúa Trời đang làm gì trong thế kỷ 8 TCN? Câu trả lời là Ngài đang gặp vấn đề, những vấn đề nan giải với dân Ngài. Kế hoạch cao cả của Chúa là giành lại thế giới về cho chính Ngài qua dân Ngài, nhưng Ngài còn không chỉnh đốn được cả dân mình. Vấn đề nan giải này của dân Chúa cần đến chức vụ của cả A-mốt và Ô-sê. Toàn bộ kế hoạch đang đổ bể. Ngài đã lập một giao ước với dân này, đặt họ tại giao lộ của thế giới nơi mọi người sẽ nhìn thấy họ và lập một giao ước đơn giản - nếu các ngươi vâng phục Ta thì Ta sẽ chúc phước cho các ngươi hơn mọi dân khác, nhưng nếu các ngươi không vâng phục Ta thì Ta phải rủa sả các ngươi hơn mọi dân khác. Đó là lựa chọn, đặc quyền và trách nhiệm của họ.

Hai vương quốc

Hãy nhớ rằng đến thế kỷ 8 TCN, họ không phải là một dân của Chúa mà là hai dân, và đã xảy ra một cuộc nội chiến. Họ trở nên một vương quốc, họ có một vị vua nhìn thấy được cũng như một vị vua không nhìn thấy được, họ đã đòi hỏi như vậy, mặc kệ sự phản đối của Sa-mu-ên. Đức Chúa Trời bảo Sa-mu-ên: *Hãy bảo chúng rằng có vua là phải trả giá, họ sẽ đánh thuế các ngươi, họ sẽ bắt con trai các ngươi đi lính và bắt các con gái các ngươi vào hậu cung; họ sẽ lấy, lấy, lấy.* Những vị vua trên đất này rất tốn kém, chính quyền tập trung rất tốn kém, nhưng họ vẫn muốn có vua nên họ đã có vua. Sau-lơ - sự lựa chọn của dân chúng, ưa nhìn, đẹp trai, cao ráo, nhưng lại đến từ chi phái Bên-gia-min với một số điểm yếu nghiêm trọng trong tính cách.

Nên Đức Chúa Trời ban cho họ một người đẹp lòng Ngài - Vua Đa-vít. Ôi, nội trong một buổi chiều, ông đã phạm phải năm trong mười điều răn và từ đó trở đi, ông không còn như xưa nữa. Gia

đình ông phải lãnh hậu quả. Nhưng Sa-lô-môn, con trai ông, đã mang vẻ huy hoàng tráng lệ đến cho vương quốc Y-sơ-ra-ên nhưng ông làm vậy nhờ sưu cao thuế nặng. Ông đã xây một đền thờ nguy nga nhưng tôi e là sưu cao thuế nặng không được lòng dân. Ngay sau khi ông qua đời, miền bắc đã nổi lên chống lại miền nam, vì sự giàu có tập trung vào miền nam. Anh chị em nghe có thấy quen không? Và chi phái Scotland - xin lỗi, chi phái Y-sơ-ra-ên không thích mọi của cải đều tập trung vào dưới này và vì chính sách thuế đó nên ngay sau khi Sa-lô-môn qua đời, nội chiến đã xảy ra, mười chi phái phía bắc trở thành Y-sơ-ra-ên và hai chi phái phía nam vẫn trung thành với Giê-ru-sa-lem cùng dòng dõi hoàng gia.

Nhưng tất nhiên, điều này có nghĩa rằng phương bắc không có đền thờ và không có dòng dõi hoàng gia, nên họ tự lập chúng ra. Thực ra là họ đã lập ra hai đền thờ, hai loại điện thờ, một tại Bê-tên và một tại Sa-ma-ri. Beth-el - đó là nơi Gia-cốp mơ về cái thang - Beth-el nghĩa là "nhà của Đức Chúa Trời." Vậy là họ quyết định dựng một đền thờ ở đây và một cái ở xa hơn về phía bắc tại Sa-ma-ri. Anh chị em có nhớ người phụ nữ Sa-ma-ri hỏi Chúa Giê-su rằng: *Chúng tôi nên thờ phượng tại đây hay tại Giê-ru-sa-lem* không? Tất cả đều từ đây mà ra.

Như vậy là họ đã lập đền thờ riêng và lập dòng dõi hoàng gia riêng, nhưng nếu đọc lịch sử trong sách Các vua về dân Chúa ở phía bắc thì anh chị em sẽ thấy họ có những triều đại rất ngắn - trung bình khoảng ba năm. Nhiều người trong số họ bị ám sát, có những vụ thôn tính, đảo chính, chính phủ ở phía bắc rất bất ổn nhưng đó không phải một chính phủ dựa trên dòng dõi hoàng gia được Chúa chọn và đó là một lịch sử đáng buồn. Ở phía nam, họ có chính phủ ổn định hơn và thời kỳ trị vì trung bình của các vua phương nam là 33. Thực ra thì không phải là chỉ phía bắc và phía nam, thời kỳ trị vì trung bình của một vị vua tốt, làm điều tốt lành trước mặt Chúa là 33 năm, thời kỳ trị vì trung bình của các vua xấu chỉ là vài năm, rất ấn tượng. 33 năm, một vị vua tốt, anh chị em có nghĩ đến ai không?

Tình hình xã hội

Bây giờ, hãy cố gắng vẽ nên bức tranh xã hội ở phía bắc. Đó là điều mà bây giờ chúng ta sẽ quan tâm đến vì họ ở trong tình trạng nghiêm trọng hơn, Y-sơ-ra-ên thật sự gặp rắc rối, nó thực sự trở thành một vấn đề đối với Chúa. Về mặt xã hội thì chúng ta có thể nói đó là một thời kỳ hòa bình, thịnh vượng. Chuyến thăm của Giô-na đến Ni-ni-ve đã trì hoãn được mối đe dọa đến từ người A-si-ri được ít lâu. Thế hệ A-si-ri đó thật sự đã ăn năn; nên nỗi e ngại người A-si-ri biến mất trong một thời gian ngắn và đất nước được hòa bình. Không có mối đe dọa sát sườn nào và một thế hệ lớn lên mà chưa từng biết đến chiến tranh. Điều đó ảnh hưởng đến dân chúng; như vậy, đó là một thời kỳ rất thịnh vượng, đặc biệt dưới thời Vua Giê-rô-bô-am đệ nhị.

Tôi đã ghi lại vắn tắt những gì mình đọc được về thời kỳ đó ở phía bắc. Họ nằm ngay trên các tuyến giao thương, con đường từ châu Âu đến Ả Rập kia giao với con đường từ Ai Cập đến châu Á nằm ngay ở phía bắc này, tức là họ có thể giao dịch rất tốt. Như vậy là họ tích cực tham gia vào lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu và phát triển thương mại. Phát triển một tầng lớp thương nhân hùng hậu, các ngân hàng nở rộ, cho vay tiền khắp nơi, tổng sản phẩm quốc dân cứ thế tăng lên, mức sống tăng lên, họ trở thành một xã hội tiêu dùng, và hàng hóa xa xỉ có ở khắp nơi.

Vật biểu trưng cho địa vị nhiều nhan nhản, ấy là có một căn nhà thứ hai, người ta gọi đó là nhà nghỉ mát, họ có thể đến đó để tránh nắng hè, thường là trên các ngọn đồi, một căn nhà nghỉ dưỡng. Đó thực sự là một vật biểu trưng cho địa vị. Họ trở nên trọng vật chất, một xã hội tham lam và một

tầng lớp quý tộc mới xuất hiện, giới thượng lưu, những anh chàng giàu lên nhanh chóng, và họ lấn lướt các dòng dõi quý tộc cũ.

Tóm lại là họ trở thành một xã hội sung túc, một trong những ngành kinh doanh phát đạt nhất là bất động sản. Những căn nhà thứ hai, nhà cửa có giá cao ngất ngưởng, nhiều người phát triển, độc quyền, thâu tóm, tất cả đều đang xảy ra. Nghe quen quen nhỉ! Đây chính là thời trị vì của Giê-rô-bô-am đệ nhị. Nhà ở trở thành một vấn đề vì khi người giàu giàu lên thì người nghèo nghèo đi, và khi người giàu sở hữu những căn nhà thứ hai thì nhiều người thậm chí còn không có nhà; gây sự xáo trộn trong xã hội, điều này đã xảy ra tại xứ Wales vài năm trước đây. Tầng lớp trung lưu biến mất, chỉ còn một tầng lớp rất giàu và một tầng lớp rất nghèo. Điều này đã xảy ra tại nhiều quốc gia, đây là tình thế nguy hiểm nhất về mặt xã hội.

Về mặt đạo đức, hệ quả của toàn bộ sự sung túc này là những bê bối tài chính, đút lót và tham nhũng - thậm chí bộ máy tư pháp trở nên thối nát, người ta không được xử công bằng tại tòa nếu không đút chút của hối lộ cho các thẩm phán - và những kẻ dùng tiền để làm tha hóa người khác cũng sẽ bị chính nó làm cho tha hóa. Không lâu sau, họ giao dịch cả bảy ngày trong tuần vì như vậy thì họ có thể kiếm được nhiều tiền hơn. Tính hám lợi dẫn đến bất công và sung túc dẫn đến dễ dãi. Buông thả về tình dục được coi là bình thường vào thời đó và lượng tiêu thụ rượu bia tăng mạnh. Ai bảo là Kinh Thánh không thiết thực? Điều này xảy ra khi một thế hệ chưa từng biết đến chiến tranh, chỉ có hòa bình, thịnh vượng. Nó đã xảy ra tại Anh Quốc vào những năm 20, những năm 60 và 70 của thế kỷ trước.

Đời sống tôn giáo

Điều gì đã xảy ra với đời sống tôn giáo lúc bấy giờ? Không ngờ là nó lại nở rộ, tôn giáo rất phổ biến nhưng không phải tôn giáo của cha ông họ, đủ loại đức tin kiểu thời đại mới len lỏi vào, không chính thống mà đã pha trộn với những niềm tin ngoại giáo và du nhập cách ăn ở từ những dân xung quanh. Người ta đặc biệt quan tâm đến các tôn giáo phương đông và phương tây ngoài vòng dân Chúa, cụ thể là dạng tôn giáo xoay quanh tạo vật thay vì Đấng tạo hóa, quanh mẹ thiên nhiên thay vì Đức Chúa Trời Cha và họ cực kỳ quan tâm đến khả năng sinh sản của mẹ thiên nhiên, các tập tục thờ thần sinh sản theo cách gọi của chúng ta đang len lỏi vào. Khi “mẹ trái đất” trở thành tâm điểm và tôn giáo bị nữ tính hóa, đặc biệt là có một vị thần tên Ba-anh là nam và vợ ông ta, Át-tạt-tê là nữ...

Khi thảo luận về Đa-ni-ên, chúng ta sẽ thấy Cổng Ishtar tại Ba-by-lôn là cùng một từ - Ishtarte. Đây là giống cái và một khi đã có nữ thần thì không lâu sau, tôn giáo trở nên những thực hành tình dục. Ở các ngôi đền ở phía bắc tại Bê-tên và Sa-ma-ri, có những người bán dâm, cả nam lẫn nữ, và người ta thờ thần bằng cách giao hợp. Điều đó khiến tôn giáo trở nên khá được ưa chuộng và người ta đổ xô đến các ngôi đền để thực hiện nghi thức thờ cúng dưới dạng giao hợp để đem đến sự màu mỡ cho đất đai. Anh chị em thấy đấy, chúng ta đang thấy điều này lại xảy ra một cách rất tinh vi. Khi người ta không nhìn biết Đức Chúa Trời Cha, mẹ thiên nhiên sẽ thế chỗ của Ngài và giờ đây, có lời nói dối rằng tương lai của mẹ thiên nhiên nằm trong tay chúng ta và tương lai của chúng ta nằm trong tay ả.

Đó là sự dối trá - cả tương lai của ả và của chúng ta đều nằm trong tay Ngài; thực ra thì đó không phải “ả” mà là “nó,” một sự vật. Nhưng anh chị em thấy điều gì đang xảy ra không ạ? Con cái chúng ta đang được dạy điều này. Chúng có ý thức về các vấn đề môi trường hơn cả hiểu biết về Kinh Thánh,

có thể thấy điều đó ở những thứ như phim bom tấn. Anh chị em chỉ cần xem các chương trình kiến thức trên ti vi là thấy ngay bọn trẻ biết cái gì nhiều nhất.

Như vậy là lúc bấy giờ người ta thờ thần tượng và nó dẫn đến sự đồi bại. Người ta dựng một con bò vàng tai Bê-tên. Gần đây, tôi có đến Frankfurt am Main, trụ sở tài chính sắp tới của cộng đồng châu Âu, người ta đã xây một sàn giao dịch chứng khoán mới và dựng một con bò vàng to đùng ở bên ngoài. Sự thờ lạy Ma-môn được đặt ngay chính giữa trung tâm tài chính của châu Âu mới. Tất cả đã quay trở lại. Đó là điều họ đã làm - con bò vàng từ Ai Cập. Ở đây có một con bò vàng tại Bê-tên.

Vấn đề là ai cũng thấy tự mãn với những bước phát triển này vì chúng diễn ra rất từ từ. Nếu nó xảy ra đột ngột thì người ta sẽ hoảng sợ nhưng chúng cứ diễn ra từ từ, chậm rãi. Người ta tiếp nhận nó và không muốn bị nghĩ là cổ hủ, lạc hậu. Vì vậy, nó đã len lỏi vào và họ tiếp nhận nó. Những điều không được chấp nhận vào 20 năm trước nay đã trở thành chuyện thường tình. Nghe có quen không ạ? Đây còn là dân thánh của Đức Chúa Trời, lẽ ra họ phải làm chức tế lễ, chức tế lễ hoàng gia, dân tộc thánh, ấy thế mà họ trở nên giống như mọi dân khác. Nên đúng là Ngài gặp vấn đề rồi! Ngài hoàn toàn có thể phủi tay trên họ, có thể xóa sổ họ, từ bỏ họ và tìm một dân khác để bắt đầu lại từ đầu, nhưng Đức Chúa Trời không như vậy. Khi đã kết hôn thì Chúa ghét ly dị và khi đã lập giao ước thì Ngài giữ lấy nó.

Các hình thức kỷ luật của Chúa

Đức Chúa Trời đã kỷ luật những con người này. Rất thú vị là A-mốt liệt kê những điều mà qua đó, Chúa kỷ luật mười chi phái phía bắc. Một là thiếu lương thực. Một số vụ thu hoạch bị mất mùa. Đức Chúa Trời đang nói rằng: *Hãy tỉnh lại đi, các ngươi phụ thuộc vào Ta chứ không phụ thuộc vào các nữ thần sinh sản, vào mẹ thiên nhiên. Các ngươi nên trông cậy Ta*. Thiếu lương thực là hình thức kỷ luật đầu tiên mà Ngài áp dụng. Và khi nhắc đến tất cả những kỷ luật này, A-mốt có lặp đi lặp lại một vế câu thật sự đáng buồn: “nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta.” Ta khiến các ngươi thiếu lương thực, “nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta.” Điều tiếp theo mà Chúa thử làm là khiến họ thiếu nước, thiếu nước sạch để uống. Thật thú vị đúng không?

Ngài phán: *Ta cố gắng khiến các ngươi tỉnh ngộ bằng cách khiến nước trở nên khan hiếm.* Anh chị em có biết là không lâu nữa, thế giới sẽ thiếu nước hơn là lương thực không? Nhưng người ta vẫn không nghĩ đến Chúa. Điều thứ ba mà Ngài thử làm sai ôn dịch đến trên cây trồng, vật nuôi, vậy là cào cào đến, nấm mốc đến, “nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta,” Đức Giê-hô-va phán vậy. Ở đây có một thông điệp. Khi một dân tộc gặp phải rắc rối, họ cần trở về cùng Chúa và hỏi: *Chúa ơi, có gì không ổn vậy ạ?* Nhưng không.

Tiếp đến, Ngài khiến dịch bệnh đến trên dân sự, không chỉ trên vật nuôi và cây trồng. Tai họa ngày càng tiến lại gần họ hơn, bây giờ có những thứ như AIDS lây đến họ, thế mà họ vẫn không trở về cùng Chúa - “nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta.” Rồi Ngài sai các dân xung quanh đến tấn công. Các dân xung quanh vào tấn công họ, thế mà họ vẫn không quay trở lại. Rồi Chúa đốt một số thành của họ - sét đánh cháy những ngôi nhà gỗ và họ mất...họ gặp một loạt các vụ cháy thảm khốc - “nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta.” Không một tai họa nào tác động được đến họ. Họ còn giữ được tiền, còn làm được tiếp, còn giữ được căn nhà nghỉ dưỡng thì còn hạnh phúc; họ không xi nhê gì.

Có hai thảm họa tệ hơn nữa vẫn chưa đến và đó sẽ là dấu chấm hết. Câu đầu sách A-mốt có nói: Lời tiên tri của A-mốt "hai năm trước trận động đất," và một trận động đất cực lớn xảy đến trên mười chi phái phía bắc ngay sau khi A-mốt rao giảng. Nó lớn đến mức tiên tri Xa-cha-ri vẫn còn nhớ đến nó vào 250 năm sau. Ông nói đến trận động đất vào thời A-mốt - chắc hẳn nó phải tệ lắm. Cái đó không phải là tệ nhất. Chuyện tệ nhất là phải đi lưu đày. *Nếu các ngươi không đếm xỉa gì đến tất cả những điều này,* A-mốt nói, *thì hãy cút ra khỏi xứ.*

Mười chi phái sẽ mất xứ sở mình, và như chúng ta đã biết, điều đó đã xảy ra. A-mốt 3:7 nói thế này: "Cũng vậy, Chúa Giê-hô-va chẳng làm một việc gì mà không tỏ sự kín nhiệm Ngài cho các đầy tớ Ngài là các nhà tiên tri"; và Chúa quá nhân từ tới mức Ngài không bao giờ trừng phạt mà chưa sai một tiên tri đến báo trước rằng: *đây là điều sẽ xảy ra nếu...* Đó là sự linh hoạt. Ngài không cứ thế là làm, Ngài sai ai đó đến báo trước: *Đây là điều sẽ xảy ra nếu các ngươi không...*và Chúa luôn đưa ra lời cảnh báo. Cả sách Khải huyền là lời cảnh báo với cả thế giới về điều Đức Chúa Trời sẽ làm với cả thế giới. Thế mà người ta vẫn không trở về cùng Ngài. Chúa còn làm gì được nữa đây?

Các tiên tri cuối cùng

Rồi, Chúa sai hai tiên tri cuối cùng đến với các chi phái phía bắc - A-mốt và Ô-sê, họ rất trái ngược nhau. A-mốt cứng rắn, còn Ô-sê mềm mại. A-mốt đến và mạnh mẽ tố cáo những điều sai trái họ đang làm, còn Ô-sê đến và mạnh mẽ kêu gọi họ trở lại cùng Chúa. A-mốt nói cùng tâm trí họ còn Ô-sê nói cùng tấm lòng họ. A-mốt tập trung vào sự công chính của Chúa còn Ô-sê tập trung vào lòng nhân từ của Chúa. A-mốt truyền đạt những ý nghĩ thiên thượng tới họ, nhưng Ô-sê truyền đạt những cảm xúc thiên thượng tới họ.

Không phải hoàn toàn trái ngược nhau, có chút lòng nhân từ trong A-mốt và có chút sự công chính trong Ô-sê, nhưng điểm cốt yếu thì khác nhau. Và tôi muốn anh chị em thấy rằng lời phán cuối cùng của Chúa là một lời kêu gọi, một lời kêu gọi rất nhẹ nhàng và đầy tình cảm. C*hắc các con sẽ không làm như vậy, chắc các con sẽ không buộc Ta đến mức này* - chúng ta cảm nhận được tấm lòng tan vỡ của Chúa trong Ô-sê. Ngài ghét phải làm như vậy với dân Ngài, nhưng Ngài không còn lựa chọn nào khác. Họ không cho Ngài lựa chọn.

Về sách A-mốt

Rồi, hãy xét kỹ đến các tiên tri này. A-mốt, niên đại là năm 750TCN, giữa thế kỷ thứ tám này, và một ngày nọ, có người đàn ông xuất hiện tại Bê-tên, đứng trên các bậc của đền thờ và rao giảng, nhưng ông là một người miền nam, như người Anh đến Scotland vậy. Như một người Anh đến Úc và bảo Úc là họ tệ đến mức nào. Tôi đã trải nghiệm điều đó theo đúng nghĩa đen. Thật lạ khi Chúa lại sai một người miền nam đến miền bắc để nói cùng họ, và điều đó thật sự gây bất lợi cho ông lúc mới đầu, nhưng Chúa không tìm được ai ở phía bắc mà Ngài có thể sử dụng. Và A-mốt không phải là tiên tri. Ông là một nông dân nghèo; kiểu nông dân nghèo nhất bấy giờ là chăm sóc cây sung dâu. Cây sung dâu ra loại quả nho nhỏ gọi là "trái vả của người nghèo" và người đàn ông nghèo này có vườn sung dâu nho nhỏ, ông bán những "trái vả của người nghèo."

Có bao nhiêu người để Chúa chọn, nhưng anh chị em biết đấy, 1 Cô-rinh-tô 1 nói rằng Chúa rất thích làm hổ thẹn "ông này bà nọ" bằng cách chọn một người bình thường và A-mốt là một người bình thường. Cách Giê-ru-sa-lem 12 dặm về phía nam, ở một nơi nhỏ bé gọi là Thê-cô-a, ngay trung tâm của dân sự Chúa nơi miền nam. Chúa đã phán với người đàn ông này dưới những tán sung dâu từ tầng lớp đáy cùng của xã hội. Ngài phán: *Con là người sẽ đi nói với phương bắc về những gì sẽ*

đến với chúng. Ông không được đào tạo về tôn giáo, không được tấn phong, không chuyên. Chúa chọn ông vì những cái không đó, và Ngài quả thật là như vậy. Anh chị em biết tại sao Chúa chọn Y-sơ-ra-ên không? Vì những cái không của họ. Ngài nói vậy, Ngài nói: *Ta không chọn các ngươi vì các ngươi tuyệt vời, hay mạnh mẽ, hay thông minh, Ta chọn các ngươi vì Ta yêu các ngươi,* chấm hết. Lý do để Chúa chọn phụ thuộc vào Ngài chứ không phụ thuộc vào chúng ta. Anh chị em cứ nhìn xung quanh mà xem.

Phao-lô nói như vậy trong 1 Cô-rinh-tô, ông nói *Hãy nhìn anh em đi, không có mấy người khôn ngoan, không có mấy người quý tộc, thế gian sẽ không chọn anh em.* Đức Chúa Trời chọn những người bình thường và A-mốt là một người bình thường như vậy. Anh chị em biết tại sao Chúa lại làm như vậy không? Vì khi đó Ngài mới được vinh hiển. Nếu Ngài chọn những người thông minh, những người giàu có và những người quyền thế thì họ sẽ nhận vinh quang về mình. Nhưng không; Ngài chọn những người bình thường và khi ấy, Ngài được vinh hiển.

Sự cầu nguyện của ông tác động đến Chúa

Vậy là Chúa đã chọn người đàn ông này, một người cực kỳ can đảm, đi từ miền nam đến miền bắc và một mình đứng trước đám đông nơi đền thờ, nhân danh Đức Chúa Trời mà lên án nó. Người này đang rước họa vào thân, nhưng ông đã đi và tất nhiên, ông chắc chắn sẽ khơi dậy sự thù nghịch, chống đối và đúng là như vậy. Chương 7 của sách A-mốt cho ta cái nhìn sâu sắc về đời sống cá nhân và phản ứng của ông với những gì ông gặp phải. Tôi có thể nói lên hai điều về A-mốt từ chương 7, những điều rất đáng chú ý.

Một là sự cầu nguyện của ông tác động đến Chúa. Nhưng hai là sự rao giảng của ông lại khiến người ta nổi giận. Hãy nắm lấy hai điều này - sự cầu nguyện của ông tác động đến Chúa. Có lần ông thuyết phục được Chúa đổi ý. Chúa cho ông thấy hai hình ảnh, một là về lũ cào cào kéo đến, ăn sạch mọi thứ ở vùng quê; rồi một trận hỏa hoạn xảy đến và thiêu rụi mọi thứ trong các thị trấn. Ông thấy hai hình ảnh này, ông thấy toàn bộ cây cỏ ở vùng quê bị cào cào cắn nuốt rồi thấy các thị trấn cháy rụi, không còn gì ngoài mặt đất trơ trọi và đống đổ nát cháy thành than. Anh chị em biết ông nói gì không?

Ông nói: *Lạy Chúa chí cao, con xin Ngài đừng làm vậy. Sao Gia-cốp có thể đứng nổi đây? Nó quá nhỏ bé.* Ông cầu xin Chúa đừng làm vậy và Chúa nói: *Được rồi, Ta sẽ không làm vậy đâu.* Anh chị em có thể tác động đến Chúa như vậy. Chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao? Anh chị em có để ý là ông không nhắc đến Y-sơ-ra-ên mà nhắc đến Gia-cốp không? Tất nhiên là hai cái tên đó thuộc về cùng một người, nhưng Gia-cốp là kẻ mưu mô xảo quyệt, ông trở thành Y-sơ-ra-ên, vị hoàng tử đi tập tễnh. Nhớ câu chuyện đó không ạ? Và thật thú vị khi A-mốt cầu xin, không phải cho Y-sơ-ra-ên, nhưng cho Gia-cốp, như thể nói rằng nó đã ngựa quen đường cũ, nó đã trở lại làm Gia-cốp xưa kia. Y-sơ-ra-ên không còn là Y-sơ-ra-ên nữa mà lại thành Gia-cốp, kẻ mưu mô, kẻ muốn giàu lên nhanh chóng, kẻ chuyên mặc cả, kẻ đi lừa cả cha mình để nhận được phước hạnh, thấy không ạ? Một cách hoàn hảo để tóm gọn những gì đã xảy ra ở trên đây chỉ trong một từ. Y-sơ-ra-ên đã trở lại thành Gia-cốp trước khi gặp Đức Chúa Trời và vật lộn với thiên sứ. Nhưng ông nói: *Gia-cốp quá nhỏ bé, xin đừng làm vậy!* Và thực ra sự cầu nguyện của ông đã khiến Chúa mủi lòng. Môi-se cũng trải qua điều tương tự, làm ta nhớ đến khi Chúa Giê-su ở trên thập giá, Ngài nói rằng: *Cha ơi, xin tha cho họ; họ không biết mình đang làm gì.*

Lời cầu nguyện của chúng ta có thể thay đổi Đức Chúa Trời, không thể thay đổi tính cách nhưng có thể thay đổi kế hoạch của Ngài. Tôi thấy đó là một lẽ thật khó tin, đúng không? Đây không phải một ông thần nào đó đang ngồi trên kia, ra lệnh cái gì thì cái đó thành định mệnh, không đâu. Đây là một Đức Chúa Trời lắng nghe chúng ta, một Đức Chúa Trời muốn chúng ta thuyết phục Ngài. Thế nên Chúa Giê-su mới nói: *Hãy tiếp tục gõ cửa khi các con cầu nguyện, hãy cứ gõ cửa cho tới khi người ấy dậy khỏi giường và đưa bánh cho các con.* Anh chị em có thể tác động đến Chúa bằng lời cầu nguyện của mình. Một lẽ thật đáng kinh ngạc.

Sự rao giảng của ông lại khiến người ta nổi giận

Nhưng mặt khác, sự rao giảng của ông lại khiến người ta nổi giận, đặc biệt là nó khiến các lãnh đạo tôn giáo nổi giận. Tôi e là các tiên tri không được lòng các thầy tế lễ và mục sư. Sẽ luôn có sự thù nghịch vì các tiên tri chống lại tình hình hiện tại, họ là mối đe dọa và người ta không thích những mối đe dọa. A-mốt nhận các sứ điệp của mình như thế nào? Vâng, ông thấy khải tượng khi còn thức và mơ những giấc mơ khi ngủ, thấy những hình ảnh trong tâm trí; nên sách thường chép rằng: “Lời của A-mốt...về những điều mình thấy” và cụm “tôi xem thấy” xuất hiện liên tục.

Anh chị em có biết người ta dùng từ gì để chỉ một nhà tiên tri trong Cựu Ước không? Ông được gọi là nhà tiên kiến - nhà tiên kiến, vì ông thấy những điều mà người khác không thấy. Ông có thể thấy những gì đang xảy ra, ông có thể nhìn thấy tương lai. Tôi thích cụm từ đó - nhà tiên kiến. Đức Chúa Trời cần những người có thể thấy những gì đang xảy ra. Có cực kỳ nhiều hình ảnh trong A-mốt, ông thấy điều nọ, điều kia và vẽ nên những hình ảnh bằng lời nói.

Một trong những hình ảnh ấn tượng nhất tạo nên cao trào cho lời tiên tri của ông là một giỏ quả chín, nhưng nó chín rục đến nỗi ông nhận ra là nó sắp hỏng hẳn. Anh chị em biết đấy, nó chín rục cả ra. Khi thấy một quả táo hoặc quả lê chín rục, anh chị em còn không dám động vào nó vì chạm vào một phát là nó ngả nâu luôn. Đó là điều ông nhìn thấy. Ông thấy Y-sơ-ra-ên chín đến nỗi sắp hỏng. Một hình ảnh sinh động - một giỏ quả chín.

Ông thấy Chúa như thế nào? Vâng, ông luôn thấy Đức Chúa Trời như một con sư tử, và tất nhiên, thời đó có nhiều sư tử, bây giờ thì không, chúng bị xóa sổ cả rồi. Chúng sống trong rừng rậm dọc theo sông Giô-đanh và đêm nào chúng cũng leo từ rừng rậm Giô-đanh lên các ngọn đồi để tìm chiên, tìm con mồi. A-mốt nói về Đức Chúa Trời rằng *sư tử đã gầm thét thì ai mà chẳng sợ?* Một hình ảnh sinh động về Đức Chúa Trời. Rồi ông mô tả những gì sẽ xảy ra. Ông nói: *Như người chăn chiên bị sư tử vồ mất một con chiên và người chăn chỉ gỡ được một cái tai và hai cái chân ra khỏi miệng sư tử.* Đó là tất cả những gì còn lại của Y-sơ-ra-ên, một cái tai và hai cái chân.

Ngôn ngữ tượng hình thật sinh động. Nhưng đó là cách để thu hút sự chú ý và trí tưởng tượng của mọi người, hình ảnh giúp người ta thấy được. Thật thú vị là khi hiểu điều gì đó, người Anh luôn nói: *Ồ, tôi thấy rồi!* Sao chúng ta không bảo là *tôi nghĩ rồi* nhỉ? Nhưng chúng ta nói là *tôi thấy rồi*; và nếu có thể thấy điều gì đó thì thật ích lợi.

Các chủ đề trong A-mốt

Nên sách của ông thực sự là một tập hợp các bài giảng; sách không có cấu trúc, rất khó để phân tích cả sách vì đó là một tập hợp các bài giảng hay những lời tiên tri, những sứ điệp riêng rẽ, chúng có độ dài khác nhau nhưng đều rất đáng nhớ. Cứ như thể ông đặt những quả bom hẹn giờ trong lòng họ, về sau chúng sẽ nổ. Quả thật, đó là điều luôn xảy ra khi chúng ta giảng dạy Lời Chúa. Chúng ta

đang đặt những quả bom hẹn giờ và về sau, Đức Thánh Linh gợi nhắc đến chúng, làm chúng nổ tung ở bên trong và tác động khá sâu sắc đến người ta.

"FOR THREE SINS, EVEN FOR FOUR...."
1. INHUMANITY OF ISRAEL'S NEIGHBOURS
DAMASCUS - cruelty
GAZA - brutality
TYRE - treachery
2. INFAMY OF ISRAEL'S COUSINS
EDOM - ruthlessness
AMMON - barbarity
MOAB - sacrilege
3. INFIDELITY OF ISRAEL'S SISTER
JUDAH - rejecting laws of God
accepting lies of men
4. INSENSITIVITY OF ISRAEL'S CHILDREN
ISRAEL - exploiting poor among men
indulging flesh before God
PAST REDEMPTION means FUTURE RETRIBUTION

Đầu tiên là ông tin vào thơ ca. Hầu hết những lời tiên tri đều ở thể thơ. Nếu nhìn vào Kinh Thánh thì ta sẽ thấy thơ được biểu thị bằng những dòng ngắn hơn thay vì những cột như trong trang báo, hy vọng là anh chị em có một quyển Kinh Thánh phân biệt như vậy. Văn xuôi là ngôn ngữ của tâm trí nhưng thơ ca là ngôn ngữ của tấm lòng. Khi thấy văn xuôi trong Kinh Thánh thì hãy nghĩ theo suy nghĩ của Chúa nhưng khi thấy thơ ca, hãy cảm nhận cảm xúc của Chúa. Kinh Thánh đầy những tình cảm của Đức Chúa Trời. Chúa không vô cảm, Ngài đầy cảm xúc. Chúa cũng có cảm xúc và chúng ta cần hiểu điều đó, hiểu điều gì khiến Ngài tức giận, điều gì khiến Ngài buồn, điều gì khiến Ngài phát ớn, điều gì khiến Ngài vui. Anh chị em đã bao giờ hỏi Chúa là *hôm nay Ngài cảm thấy như thế nào về con chưa?* Người ta cứ ám ảnh với việc họ cảm thấy thế nào về Chúa, nhưng thực ra tương lai của chúng ta phụ thuộc vào cảm giác của Ngài về chúng ta, và ngôn ngữ thơ ca trong A-mốt thuộc một thể thơ gọi là thơ buồn - thơ não nề. Một số bài thơ rất nhẹ nhàng và cải thiện tâm trạng, nhưng số khác rất não nề và giống với thơ buồn hơn. Tôi nghĩ về thơ của Dylan Thomas, ông nhà thơ say xứ Wales. Hãy nghĩ đến bài thơ của ông:

"Đừng ra đi êm ả vào đêm sâu
Tuổi xế chiều phải bừng lên nhựa sống
Mau cuồng điên trước ánh sáng lịm màu"

Ông viết bài thơ đó ngay trước khi ông qua đời nhưng nó thật não nề đúng không? Có sự buồn rầu trong đó, kiểu u ám, trầm buồn. Đó là kiểu thơ ca mà A-mốt thốt lên, tất nhiên là bằng nguyên gốc Do Thái.

Ông cũng thích một kiểu khác, hoặc Thánh Linh thần cảm cho ông để dùng một biện pháp nghệ thuật khác - phép lặp, phép lặp, rất có tác dụng trong văn nói. *Hỡi những người bạn, những người La Mã, những người đồng hương, hãy cho tôi mượn lỗ tai của các bạn. Tôi đến để chôn Sê-sa chứ không để tán tụng ông ta. Nhưng Brutus nói rằng ông ta đầy tham vọng, và Brutus là một người đáng tôn trọng, và Brutus là một người đáng tôn trọng, và Brutus là một người đáng tôn trọng* - anh chị em nhớ lời đó không? Nó quá ư là hiệu quả. Hoặc Martin Luther King - *tôi có một ước mơ, tôi có một*

ước mơ, tôi có một ước mơ. Người ta nhớ những lời như thế, và sách A-mốt toàn những lời như vậy. Tôi đã trích một cụm rồi - *nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta, nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta*; bảy lần - *nhưng các ngươi chẳng trở về cùng Ta!*

Nhưng hãy xét đến lời tiên tri điển hình của A-mốt và xem ông khéo léo đến thế nào. Ở đây ông lặp cụm "vì tội ác chồng chất thêm tội ác," đó là cụm từ xuất hiện liên tục. Nhưng hãy nhìn vào cách ông xoáy dần vào Y-sơ-ra-ên. Ông bắt đầu từ mãi vòng ngoài là những nước láng giềng của Y-sơ-ra-ên, rồi lại gần hơn một chút đến anh em họ hàng của Y-sơ-ra-ên, rồi lại gần hơn một chút đến chị em của Y-sơ-ra-ên là Giu-đa ở phía nam, và toàn bộ hội chúng của ông nói: *A-men, hallelujah. Mấy cái dân tệ hại đấy! Mấy cái người ở Đa-mách ấy đáng bị Chúa phạt cho*; rất dễ để thấy người khác tệ đến thế nào.

Người ta hay nói: *Sao Chúa không xử lý tất cả những người xấu trên thế giới đi*, dường như họ luôn cho rằng Chúa không phải xử lý gì họ, anh chị em để ý thấy không? Lạ thật, chúng ta luôn thấy những thiếu sót nơi người khác. A-mốt - ông nói tiên tri thật khéo: ông bắt đầu với Đa-mách, ông nói *vì tội ác chồng chất thêm tội ác nên Chúa sẽ xử lý Đa-mách*. Đa-mách không phải là dân Chúa, nên Chúa xử lý nó vì nó vô nhân đạo, cụ thể là vì nó tàn ác. Rồi ông nhắc đến Ga-xa và tính hung ác của nó, sau đó đến Ty-rơ và sự bội bạc, và người ta nói: *Giảng hay đấy A-mốt, Ngài sẽ xử cho đáng đời bọn nó!* Giống như người ta cảm ơn một vị cha xứ vì bài giảng của ông và nói: *Cha biết đấy, mọi thứ cha nói đều đúng với một người mà con biết!* Người ta ngồi trong hội thánh và nghĩ bụng: *Mong là cô ấy nghe được đoạn đó*. Ông đã thu hút được họ theo cách đó.

Rồi ông chuyển sang những người anh em họ hàng - Ê-đôm, Am-môn và Mô-áp. Ông nói: *Đức Chúa Trời sẽ xử lý Ê-đôm vì tội ác chồng chất thêm tội ác* - vì tàn nhẫn, Am-môn - vì man rợ, Mô-áp - vì phạm thượng, không tôn kính những điều thiêng liêng. Người ta vẫn cứ gật gù: *Giảng đi người anh em, giảng đi người anh em*. Ông tiến lại gần hơn, ông nói: *Giu-đa chị ngươi, Chúa sẽ xử lý Giu-đa vì chối bỏ luật pháp Chúa và chấp nhận những lời dối trá của loài người. - Đúng, Ngài nên làm vậy, thế nên chúng tôi mới tách ra khỏi họ; Giu-đa chẳng tốt đẹp gì.*

Sau đó là một cú sốc. Ông khiến tất cả mọi người vây quanh mình rồi nói: *Vì tội ác chồng chất thêm tội ác nên Ta sẽ xử lý các ngươi!* Anh chị em thấy cách ông khéo léo mở đầu chức vụ của mình không ạ? Giảng hay thật! Và ông nói về sự vô cảm của con cái Y-sơ-ra-ên. Tính vô nhân đạo của các nước láng giềng, sự bỉ ổi của các nước anh em, sự bội bạc của người chị Giu-đa, nhưng cuối cùng là sự vô cảm - *các ngươi không còn biết đỏ mặt nữa rồi, các ngươi hoàn toàn vô cảm với những gì đang xảy ra. Các ngươi bóc lột những người nghèo khó, các ngươi chiều theo xác thịt mình trước mặt Chúa mà thậm chí còn không nhận ra, các ngươi đã chấp nhận hết thảy*. Sứ điệp chính ông dành cho Y-sơ-ra-ên là *các ngươi không thể chuộc tội nữa rồi* - ý nói đến sự báo trả trong tương lai.

Ngài nói: *Ta chỉ biết có mình các ngươi trong mọi gia tộc trên đất; nên Ta phải phạt các ngươi nặng hơn. Các ngươi có nhiều đặc quyền hơn mọi dân khác nên các ngươi có nhiều trách nhiệm hơn*. Đó là một nguyên tắc xuyên suốt đến cả Tân Ước. Chúng ta là những người đã nghe Tin lành, đã biết rõ mười điều răn, nên Chúa sẽ xử lý chúng ta nặng hơn, phán xét chúng ta bằng tiêu chuẩn cao hơn vì chúng ta đã biết còn những người khác không biết. Sự rao giảng thật quyền năng.

Ở đây có một bài giảng khác đầy những "khốn thay" và đó là một loạt những lời rủa sả, khốn thay, khốn thay, khốn thay. Một bài giảng khác của ông xoay quanh từ "tìm" - *hãy tìm kiếm Ta thì các*

ngươi sẽ sống, hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va, hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ, cả một bài giảng xoay quanh từ tìm, tìm kiếm. Tìm kiếm là cố gắng tìm ra điều gì đó.

Nhưng vì đã hết thời gian nên hãy để tôi tóm tắt sứ điệp cuối cùng này. Đó là giỏ quả chín rữa cả ra và từ khóa trong lời tiên tri cuối cùng này là "chẳng hề"! *Ta sẽ chẳng hề quên bất cứ điều gì các ngươi đã làm!* Đức Chúa Trời ghi lại mọi thứ. Ngài chỉ quên những gì Ngài đã tha thứ, còn những điều còn lại thì Ngài chẳng hề quên. Ngài nói rằng *chúng sẽ ngã - mười chi phái của Y-sơ-ra-ên sẽ ngã mà không bao giờ dậy nữa*. Rồi bỗng dưng, ngay giữa bản án đanh thép, khủng khiếp này, như thể mặt trời ló rạng qua những đám mây và Ngài phán: *Nhưng không phải tất cả các ngươi, chỉ những tội nhân của Y-sơ-ra-ên mới biến mất thôi, sẽ có những người còn sót lại.*

Ngài phán: *Ta sẽ dựng lại đền tạm của Đa-vít và Ta sẽ đưa các dân ngoại vào thế chỗ các ngươi trong vòng dân Chúa dưới một vị Vua thuộc dòng dõi Đa-vít*, mọi thứ ở phía cuối trở thành tin vui - *nhưng Ta sẽ không hủy diệt nhà Gia-cốp hoàn toàn*. Ý tưởng về những người trung tín còn sót lại; nói cách khác là ngay cả trong tất cả những điều đó, vẫn có một phần nhỏ còn sót lại, một bộ phận thiểu số vẫn trung thành với Chúa, họ sẽ còn lại và trở thành một phần trong vòng dân sự rộng hơn của Chúa, bao gồm cả dân ngoại. Lời tiên tri đó của A-mốt được Gia-cơ trích dẫn trong Công vụ 15, *Ta sẽ phục hồi đền tạm của Đa-vít và đưa các dân ngoại vào*.

Như vậy, chúng ta đã thế chỗ cho những người Do Thái vô tín nhưng không phải tất cả, luôn có những người Do Thái trung tín còn sót lại như Phao-lô nói trong Rô-ma 11. Nhưng chúng ta đã được đưa vào dưới nhà Đa-vít và từ "chẳng hề" cuối cùng trong A-mốt là: *Ta sẽ lại trồng Y-sơ-ra-ên trên đất của họ và họ sẽ chẳng hề bị nhổ khỏi đất mà Ta đã ban.* Như vậy, từ khóa cuối cùng là chẳng hề, không bao giờ. Chúa là Đức Chúa Trời hay phán "không bao giờ." A-men.

SÁCH GIÔ-NA

Giới thiệu

Chúng ta đã xét đến một trong các sách từ phần Luật pháp trong Cựu Ước và một sách khác từ phần Lịch sử trong thư viện mà chúng ta gọi là Kinh Thánh. Chúng ta cũng xét đến một chút văn chương khôn ngoan khi xem xét Truyền đạo. Trong vài bài tới, chúng ta sẽ xét đến một phần trong thư viện gọi là Tiên tri. Chúng ta sẽ nhẹ nhàng bước vào sách Giô-na và Na-hum trước, hoặc đúng ra phải phát âm là Yonah và Nahum, sau đó sẽ chuyển sang A-mốt, Ô-sê rồi đến một đại tiên tri, gọi như vậy vì họ là những tiên tri lớn, tức Ê-sai, sau đó là Ê-xê-chi-ên.

Lời tiên tri là gì? Nó nói về điều gì? Trước hết, các nhà tiên tri là những người nam và người nữ rất bình thường; ân tứ tiên tri dành cho cả nam lẫn nữ và có các nữ tiên tri cũng như nam tiên tri - nhưng họ là ai? Họ là những con người rất bình thường với một chức năng rất phi thường. Chức năng đó là nói thay Đức Chúa Trời nhưng trước khi nói thay Chúa, họ phải nghe được tiếng Chúa, phải nhận lời thì mới chuyển lời được. Vậy họ đã nghe tiếng Chúa như thế nào? Họ nghe bằng cả lời nói, hình ảnh; và những lời đó trở nên nặng nề, nặng đến nỗi họ cảm thấy có gánh nặng.

Tôi có thể đồng cảm với điều này và hiểu được nó - đã có gánh nặng thì nó chỉ nhẹ đi khi người ta bày tỏ được nó, chuyển nó cho người khác và trao gánh nặng cho họ. Nhưng người tiên tri sẽ cảm thấy nặng nề với Lời Chúa nếu ông chưa trút được gánh nặng Chúa đã trao. Nhưng nó có thể không đến bằng lời nói mà bằng hình ảnh, và có hai dạng hình ảnh: khi thức thì hình ảnh đến theo khải tượng, khi ngủ thì chúng đến theo giấc mơ. Đây là tất cả những cách mà Chúa truyền đạt lời Ngài tới dân sự. Biểu đồ nhỏ ở dưới góc trái cho thấy cách này có thể đa dạng đến mức nào; chẳng hạn Chúa có thể phán với thân thể trước - theo đúng nghĩa đen, bằng tiếng phán vật lý đến tai. Đức Chúa Trời có thể khuấy động không khí, biến nó thành sóng âm và Ngài có thể phán theo cách cơ thể có thể nghe được.

PROPHETS

A. HEAR FROM GOD

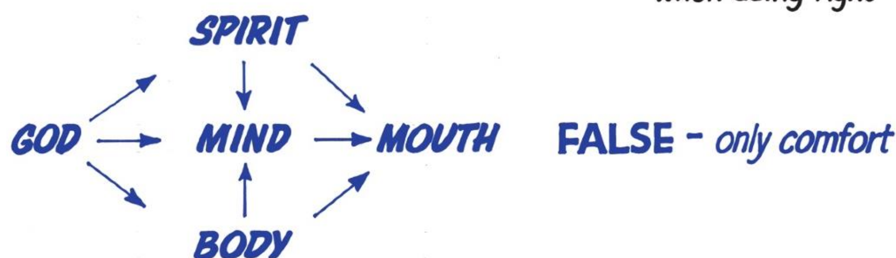
WORDS - *'burdens'*

PICTURES - *visions (awake)*
dreams (asleep)

B. SPEAK FOR GOD

CHALLENGE - *when doing wrong*

COMFORT - *when doing right*



Thường thì Chúa không làm như vậy, khi Ngài đã làm thì nhiều người nghĩ đó là tiếng sấm; nhưng Ngài có thể tạo ra âm thanh nghe được. Khi nói với Chúa Giê-su tại lễ báp-tem của Ngài rằng “Con là Con yêu dấu của Ta,” ấy là Đức Chúa Trời phán với thân thể. Hoặc Chúa có thể đặt lời lẽ vào tâm

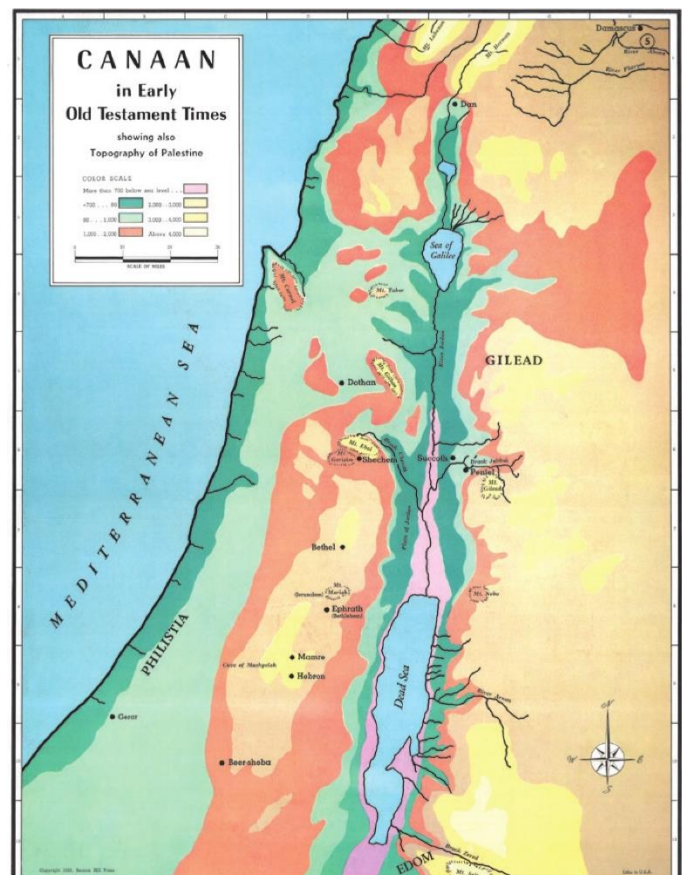
trí ta và những lời đó rất rõ ràng trong tâm trí dù tai chúng ta không nghe thấy. Hoặc Chúa có thể nói với tâm linh ta và đặt lời lẽ vào đó mà tâm trí ta không hiểu. Khi cầu nguyện tiếng lạ, Chúa nói cùng tâm linh ta và đặt lời lẽ qua tâm linh ta đến miệng ta, nhưng tâm trí ta không hiểu điều Ngài làm.

Vậy là Chúa có thể ban lời cho tâm linh, tâm trí hoặc thân thể; có thể truyền những lời đó từ thân thể đến tâm trí hoặc tâm linh đến tâm trí, nhưng cuối cùng thì tất cả đều phải phát ra miệng. Chúa có thể phán với một thân thể và đi thẳng ra miệng mà không cần đến tâm trí hay tâm linh gì cả; Ngài từng làm điều đó với một con lừa, lừa của Ba-la-am, và Đức Chúa Trời phán qua thân thể và miệng của con lừa; rõ ràng là con lừa không có tâm trí hay tâm linh gì cả để tham gia vào. Nên có rất nhiều kênh khác nhau: Đức Chúa Trời có thể phán trực tiếp với thân thể qua môi miệng, trực tiếp với tâm trí rồi ra môi miệng, trực tiếp với tâm linh rồi ra môi miệng; hoặc với tâm linh rồi sang tâm trí rồi ra môi miệng, hoặc với thân thể rồi sang tâm trí rồi ra môi miệng; có rất nhiều cách nhưng cuối cùng đều phải phát ra miệng. Đó là cách người ta nhận lãnh Lời Chúa rồi truyền đạt lại lời đó.

Họ truyền đạt hai sứ điệp cụ thể: hoặc đó là sứ điệp thách thức khi người ta làm điều sai trái, hoặc sứ điệp an ủi khi họ làm điều đúng đắn. Vì Y-sơ-ra-ên hay làm những điều sai trái nên hầu hết các sứ điệp tiên tri đều mang tính thách thức hơn là an ủi, nhưng khi đến với Ê-sai, chúng ta sẽ thấy nửa đầu sách Ê-sai là thách thức và nửa sau là “Hãy an ủi, hãy an ủi dân Ta.” Nên ta có thể phân biệt được tình trạng của dân sự qua những lời tiên tri được truyền cho họ.

Khi mọi thứ sai trật, họ bị thách thức; khi mọi thứ đúng đắn, họ được an ủi. Tiên tri giả thì chỉ nói loại thứ hai; ta luôn có thể nhận ra ai là tiên tri thật - người đó truyền cả hai loại tùy theo tình huống, nhưng tiên tri giả chỉ nói điều người ta muốn nghe, và họ chỉ nói lời an ủi. Tiên tri thật thường sẽ truyền loại trên này vì khi mọi thứ ổn thỏa thì Chúa không nói nhiều. Khi anh làm việc ổn thỏa thì sếp sẽ không nói gì với anh.

Thông thường, nếu sếp đã đến nói chuyện với anh thì tức là anh đang làm sai gì đó. Nên Chúa thường phán qua các tiên tri khi mọi thứ trở nên sai trật, nên họ có tiếng là những thương nhân ủ rũ, rằng họ liên tục chỉ trích và nói về thảm họa sắp đến. Thực ra có một tiên tri đã trở thành câu ngạn ngữ cho sự ủ rũ, đó là Giê-rê-mi. Thực ra thì khi đọc Giê-rê-mi, ta sẽ thấy một số điều an ủi rất hay trong đó. *Ta có chương trình bình an chứ không phải tai họa cho các con*, ông nói; nhưng hầu hết những điều ông nói đều khá mạnh và khó nghe vì họ đang làm điều sai trật.



Vị trí địa lý

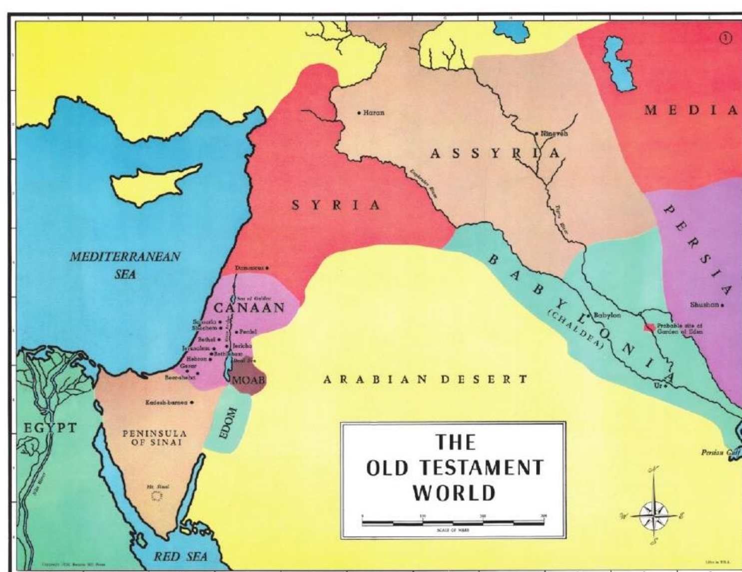
Đó chỉ là chút bối cảnh về các tiên tri và giờ đây, chúng ta sẽ xét đến hai vị - chúng ta sẽ xét đến Giô-na và Na-hum hoặc lẽ ra nên phát âm là Yonah và Nahum trong tiếng Hê-bơ-rơ. Đầu tiên, hãy xem chút địa lý và chút lịch sử - đừng chép hết chỗ này, nó phức tạp mà lại không đáng lắm. Nhưng hãy

xem chút địa lý trước. Tại sao tôi lại đặt Giô-na và Na-hum cạnh nhau? Vâng, trước hết là cả hai đều đến từ cùng một nơi và cả hai đều đi đến cùng một nơi; cả hai đều có dạng sứ điệp giống nhau, nên hãy xem họ đến từ đâu. Giô-na hay Yonah sinh ra gần Na-xa-rét; ông là anh hùng của người Na-xa-rét và Chúa Giê-su hẳn đã nghe về ông từ khi còn nhỏ, và thật thú vị là Chúa Giê-su chỉ so sánh chính Ngài với Giô-na - giữa vòng tất cả các tiên tri.

Hai người đến từ cùng một ngôi làng, rất thú vị! Trong khi Nahum hay Na-hum đến từ một vùng chỉ xa hơn tí chút - Na-xa-rét ở đây và ông đến từ Ca-bê-na-um hay Capernaum - "Caper" nghĩa là ngôi làng - Caper-nahum, hiểu không ạ? Hầu hết những anh chị em trong đây đều không nhận ra điều này. Từ Ả Rập để chỉ ngôi làng là Cufa nhưng đó chỉ là từ đọc chệch của từ Caper và Caper-Nahum nghĩa là làng của Na-hum, lại là căn cứ chính của Chúa Giê-su trên Biển Ga-li-lê. Vậy là Chúa Giê-su có mối quan hệ rất gần gũi với hai tiên tri này.

Như vậy là cả hai đều đến từ phía bắc là phần quốc tế của Y-sơ-ra-ên; phía nam, trên vùng đồi núi là một khu vực đậm chất nhân tộc, còn phía bắc là một vùng rất quốc tế; nên nó được gọi là Ga-li-lê của các dân tộc. Lý do là giao lộ của thế giới thuộc Ga-li-lê. Đường từ châu Âu đi xuống bờ biển, băng qua đây rồi xuống Ả Rập dưới này, và đường từ châu Phi đi lên bờ biển từ Ai Cập và băng qua đây rồi đi lên Đa-mách và vào Ấn Độ và Trung Quốc.

Vì thế, ai đi từ châu Á đến châu Phi hoặc châu Âu đến Ả Rập cũng đi qua giao lộ này và tại giao lộ, có một ngọn đồi nhỏ gọi là Mê-ghi-đô. Đồi Mê-ghi-đô trong tiếng Hê-bơ-rơ là Ha-ma-ghê-đôn. Đó là một cái tên nổi tiếng và chắc chắn anh chị em đã nghe đến nơi xảy ra những trận chiến cuối cùng của lịch sử. Như vậy, Na-xa-rét ở trên ngọn đồi này, nhìn xuống giao lộ và khi còn nhỏ, chắc hẳn Chúa Giê-su đã thấy mọi người đến và đi; tựa như phòng chờ sân bay vậy, ta có thể thấy mọi quốc tịch. Nên Ga-li-lê rất quốc tế còn trên vùng đồi núi Giu-đê ở phía nam lại đậm chất dân tộc, rất biệt lập và xa các tuyến đường chính. Như vậy là chúng ta có hai sự tác động này. Thú vị là Chúa Giê-su rất được mến chuộng tại nơi đa quốc gia, nhưng Ngài lại rất không được ưa chuộng tại trung tâm đậm tinh thần dân tộc ở phía nam, cuối cùng thì Ngài bị đóng đinh tại đó.



Điều đó cho chúng ta chút bối cảnh - Giô-na và Na-hum là những người miền bắc đến từ Na-xa-rét nên họ rất hiểu biết về các vấn đề quốc tế. Và cả hai người đều đến cùng một nơi là A-si-ri. Toàn bộ phần dưới này là sa mạc, Sa mạc Ả Rập; những khu vực màu mỡ của Trung Đông ở phía trên hai con sông, Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát, cũng như trên Sông Nin và một phần nhỏ quanh sông Giô-đanh. Chúng ta gọi nửa vòng tròn này là Vùng lưỡi liềm màu mỡ; thế nên ai đi đâu cũng phải đi qua Xứ Hứa, đó chính là trung tâm giao thoa giữa các lục địa, tại hành lang hẹp giữa biển và sa mạc.

Vì thế, mối đe dọa với Xứ Thánh bé nhỏ ở đây đến từ các cường quốc phía đông/phía tây và phía đông. Vậy họ chỉ là một xứ nhỏ bé chen giữa hai khối quyền lực và khối này lúc nào cũng cố gắng đánh bại khối kia. Ai Cập cố gắng thắng Lưỡng Hà và ngược lại, và cả hai đều phải đi qua giao lộ. Có người đã nói về Y-sơ-ra-ên rằng: *Nếu anh sống ở giữa giao lộ thì thế nào anh cũng bị xe cán*. Đó đúng là điều đã xảy ra. Chúng ta quan tâm đến một cường quốc nổi lên ở phía bắc Iraq ngày nay, lãnh thổ của Saddam Hussein, nhưng thời bấy giờ là A-si-ri với thủ đô tại Ni-ni-ve, khá xa chỗ dưới này. Nhưng ta nhận ra rằng khi đến để cố gắng tiếp quản Ai Cập, họ đến từ phía bắc Xứ Thánh. Tuy chỗ này ở phía đông và Ai Cập ở phía Tây nhưng thực ra với ở hành lang này lại là phía bắc và phía nam, và mọi mối đe dọa với dân Chúa đến từ phía bắc hoặc phía nam. Họ ở ngay trong hành lang hẹp đó.

Bối cảnh lịch sử

B.C.	ASSYRIA		ISRAEL
1354	AHSURUBALIT I (First king)		(north kings)
853	SHALMANESER III	→ Failed invasion	AHAB
c.770		← JONAH	JEREBOAM II
733	TIGLATH-PILESER III	→ took Naptali	PEKAH
721	SHALMANESER V	→ took Israel (10 North tribes)	HOSHEA
701	SENNACHERIB	→ besieged Jerusalem	(south kings)
663	ASSUR BANIPAL	→ conquered Thebes (upper Egypt)	HEZEKIAH
c.630		← ZEPHANIAH	
c.620		← NAHUM	JOSIAH
612	SINSHURISHKUN (fall of Nineveh)		
607	ASSURBALIT II (end of Assyria)		JEHOIACHIM

Vậy tại sao cả hai người họ lại đến Ni-ni-ve? Dù họ đến cách nhau 250 năm - hay 150 nhỉ? Chúng ta sẽ kiểm tra lại thông tin đó một chút. Bây giờ hãy chuyển sang phần lịch sử. Giô-na là tiên tri đầu tiên đến thách thức A-si-ri và Na-hum là tiên tri cuối cùng. Xem niên đại nào, từ 770 đến 620 là 150, cách nhau 150 năm. Cả hai đều đến vì sự gian ác khủng khiếp của dân A-si-ri này. Đế chế A-si-ri kéo dài tổng cộng khoảng 750 năm; nó lan ra và phát triển; thực ra thì ở một giai đoạn, họ đã tiếp quản được cả Ai Cập. Họ đi vòng qua Vùng lưỡi liềm màu mỡ và tiếp quản Ai Cập, họ đến được Thebes (hay Nô) - nên đó là một đế chế khá lớn và chắc chắn anh chị em đã nghe đến một số tên nhân vật.

Chúng ta sẽ xét rất nhiều đến San-chê-ríp khi chuyển sang tiên tri Ê-sai. Còn bây giờ thì ta xét đến khởi đầu của nó vào khoảng năm 1354, một dân khá nhỏ và dần dần bành trướng ra. Nhưng vấn đề là cách bành trướng của họ, họ baành trướng một cách rất tàn ác; họ là một trong những dân tộc độc ác, tàn bạo nhất mà lịch sử từng chứng kiến. Một trong những điều đặc biệt kinh khủng mà họ nghĩ ra là lấy cọc xiên kẻ thù. Họ cắm những cây cọc gỗ xuống đất, đầu bên trên rất nhọn và xiên người ta qua đó theo đúng nghĩa đen. Anh chị em có thể tưởng tượng mình bị một cây cọc xuyên qua người và bị bỏ ở đó cho đến chết. Người ta đã xiên hàng ngàn người. Vậy là gần như họ cai trị bằng nỗi khiếp đảm và người ta cực kỳ sợ dân A-si-ri. Họ được gọi là một nước vấy máu - tôi đang trích lời Na-hum, ông gọi họ như vậy.

Ông gọi Ni-ni-ve là "khốn cho thành vấy máu" và họ khát máu, họ tàn ác, họ là những kẻ bạo ngược, và nếu người ta nghĩ rằng dân A-si-ri đang để mắt đến nước mình thì họ sẽ sợ chết khiếp về

những gì sẽ xảy ra. Bối cảnh là như vậy và tôi lập bảng này để chỉ cho anh chị em thấy khoảng cách khá lớn. Sô-phô-ni cũng nói về họ, nhưng cuối cùng, Na-hum đến và nói *ngươi xong đời rồi, Đức Chúa Trời sẽ xóa sổ ngươi* và tất nhiên, Ni-ni-ve thất thủ năm 612 và cả Đế chế A-si-ri biến mất năm 607, năm năm sau đó, ngay sau Na-hum. Nhưng nó không biến mất sau khi Giô-na đến và đó là vấn đề của Giô-na, rồi chúng ta sẽ thấy. Đó chỉ là một ý nhỏ.

Thực tế hay hư cấu?

Bây giờ sẽ đến câu chuyện của Giô-na, một câu chuyện khá tanh và tôi e rằng người ta đang tranh luận nảy lửa xem đây là thực tế hay hư cấu, là lịch sử hay thần thoại, đây có phải giai thoại không, nó có xảy ra ngoài đời thực không? Hay đó chỉ là một câu chuyện cổ tích như Pinocchio? Pinocchio sống trong một con cá voi, anh chị em xem phim của Walt Disney sẽ thấy. Tôi e rằng các học giả hiện đại gần như nhất trí rằng đó không phải sự thật. Hoặc họ nói *đó là một ẩn dụ, một câu chuyện có bài học đạo đức*; và họ nói *đó là câu chuyện được thêu dệt từ trí tưởng tượng để thách thức người nghe. Về cơ bản thì đó là một văn phẩm truyền giáo, một ẩn dụ để nhắc nhở Y-sơ-ra-ên rằng họ có nhiệm vụ truyền giáo đến phần còn lại của thế giới, và câu chuyện Giô-na chạy trốn nhiệm vụ truyền giáo là một bài học đạo đức cho Y-sơ-ra-ên* - người ta tiếp cận kiểu như vậy.

Nói cách khác là Y-sơ-ra-ên đã trở nên hướng nội thay vì hướng ngoại, phục vụ các dân tộc. Và đây là một câu chuyện để nhắc họ về sứ mệnh của mình. Nhưng khi có một ẩn dụ trong Kinh Thánh thì Kinh Thánh thường chỉ rất rõ "Chúa Giê-su kể cho họ ẩn dụ nầy" - và ẩn dụ không hề chứa những phép lạ. Nhưng lại có 8 phép lạ trong cuốn sách nhỏ này, mà chúng ta chưa nghe thấy một ẩn dụ nào có phép lạ cả. Ẩn dụ đơn giản là một câu chuyện về điều gì đó xảy ra. Những học giả khác nói đó là phép phúng dụ, chúng ta lại thấy từ này ở đây.

Nói chung, anh chị em không nên coi bất cứ điều gì trong Kinh Thánh là một phúng dụ, trừ khi Kinh Thánh nói như vậy. Có một vài điều nhưng Kinh thánh không nói đó là phúng dụ. Tuy nhiên, các học giả này cho rằng đây là phép phúng dụ, nên Giô-na là hiện thân của Y-sơ-ra-ên, như John Bull hay Britannia là hiện thân của nước Anh, hay Chú Sam là hiện thân của Hoa Kỳ, nhân vật thần thoại là hiện thân của một nước. Các học giả này nói rằng bị cá voi nuốt chửng là một kiểu ẩn dụ thể hiện việc Y-sơ-ra-ên bị nuốt chửng trong sự lưu đày. Cả hai đều nghe rất hợp lý nhưng tôi không đồng ý với cái nào.

Có những lý lẽ quan trọng để phản bác việc coi Giô-na là hư cấu. Có quá nhiều lý do thuyết phục để coi đó là sự thật - một là văn phong của sách giống hệt mọi sách lịch sử khác, cách hành văn, văn phong, ngữ pháp giống hệt sách Các vua.

Hai là sách nói đến những nơi chốn thật với những con người thật mà chỗ khác cũng nhắc đến. Giô-na được nhắc đến trong sách Các vua và chúng ta có thể xác định chính xác niên đại của ông từ sách đó - thời trị vì của Giê-rô-bô-am II. Cha ông là A-mi-tai, ông được coi là một người có thật trong các sách lịch sử của Kinh Thánh.

Ba là Chúa Giê-su coi Giô-na là một người có thật, Ngài tin là có Giô-na và con cá voi - hay con cá lớn theo lời Kinh thánh. Và Chúa Giê-su phán: "tại đây có một người còn cao trọng hơn Giô-na" và Ngài lớn lên tại Na-xa-rét nơi Giô-na ra đời. Nhưng hơn hết, không một giả thuyết nào coi Giô-na là ẩn dụ hay phúng dụ có thể khớp với chương 4 và đó là câu hỏi chính mà chúng ta cần xử lý: *Tại*

sao Giô-na lại chạy trốn? Khi đã trả lời được câu hỏi đó thì sách Giô-na sẽ mở ra với anh chị em. Tôi e là nhiều người còn chẳng buồn hỏi câu ấy!

Con người có thể bị con cá lớn nuốt chửng hay không?

Tại sao người ta lại muốn coi Giô-na là một người không có thật? Tại sao họ lại không thích coi đó là sự thật đến vậy? Vâng, có hai lý lẽ phản đối mà bây giờ chúng ta phải giải quyết, một là những điều xảy đến với ông là bất khả thi về mặt vật lý; hai là việc một nhà giảng đạo Do Thái có thể cải đạo cả một thành khi ông không phải dân cư thành đó là phi thực tế về mặt tâm lý. Nếu một người Do Thái nhỏ bé đến giữa Luân Đôn và giảng tại quảng trường Trafalgar thì việc cả Luân Đôn ăn năn là phi thực tế về mặt tâm lý, đúng không? Nên đây là hai trở ngại mà chúng ta phải đối mặt. Hãy xử lý sự bất khả thi về mặt vật lý.

Có hai câu hỏi: Điều đó có thể xảy ra không? Và Đức Chúa Trời có thể khiến nó xảy ra không? Đây là hai câu hỏi riêng rẽ. Trước hết là con người có thể bị con cá lớn, hoặc con cá voi (nếu đúng) nuốt chửng hay không? Vâng, người thợ rèn tại Chalfont St. Peter, ngôi làng mà tôi từng làm luật sư có cậu con trai ở Mỹ mang họ Brown, Howard Brown và cậu ta huấn luyện cá voi tại Marineland, California, Hoa Kỳ. Và trong cái bể lớn, cậu có một con cái voi và một con cá heo, chúng là những người bạn tuyệt vời. Cá heo chết và cá voi không cho người ta động đến xác bạn mình. Cá voi ngậm xác cá heo vào miệng và giữ cá heo trong ba ngày, trong miệng nó và không nhả ra. Nó liên tục đưa cá heo lên mặt nước để cố gắng khiến cá heo thở lại, cùng là động vật có vú nên nó cố gắng khiến cá heo tỉnh lại, hô hấp cho cá heo. Howard Brown đã cho chúng tôi xem đoạn phim mà cậu đã quay trong ba ngày đó và con cá heo chỉ cỡ bằng con người, thật sự khá bất thường.

Nó khiến tôi nghĩ đến một điều. Đây là một ý nghĩ mà tôi muốn đặt ra cho anh chị em: *Giô-na đã chết hay còn sống trong bụng cá voi?* Tôi chưa bao giờ đặt ra câu hỏi đó cho tới khi xem đoạn phim về con cá voi ngậm con cá heo trong miệng, cố gắng khiến cá heo thở trở lại, rồi tôi đọc sách Giô-na, và sửng sốt nhận ra rằng mọi bằng chứng đều chỉ đến thực tế rằng cá voi đã ngậm một xác chết.

Bằng chứng đây. Nếu đọc kỹ chương 2 thì anh chị em sẽ phát hiện ra là Giô-na bị chìm. Ông nói rằng khi các thủy thủ ném ông xuống biển, ông bị chìm xuống đáy Biển Địa Trung Hải và nằm đó dưới chân nền các núi, đầu đầy rong rêu. Mất khoảng một phút rưỡi để chìm, và mất chừng ấy thời gian để chạm đến đáy biển. Tôi từng nghĩ là cá voi nổi trên mặt biển và há miệng ra khi người ta ném ông xuống biển. Mọi bức tranh trong Trường Chúa nhật đều cho tôi thấy như vậy. Không một bức tranh nào cho tôi thấy xác ông giữa đám rong rêu ở đáy Địa Trung Hải.

Rõ ràng rằng thứ con cá voi nuốt vào là xác ông. Hơn nữa, lời cầu nguyện của ông - ông nói: *Con ở trong âm phủ. Con ở trong cái hố đã cài then nó trên con đời đời.* Ông mô tả thời điểm cuối cùng mà ông còn ý thức. Ông nói: *Khi đời con sắp tàn và nước biển ngập đến cổ họng con thì con nhớ đến Ngài, Chúa ơi.* Nói cách khác, nếu vậy - và mọi bằng chứng đều có đó - thì điều xảy ra với Giô-na không phải là ông còn sống mà ông được sống lại, rằng khi con cá voi nhả ông ra, Đức Chúa Trời đã hợp nhất tâm linh và thân xác ông lại.

Điều này hoàn toàn hợp lý khi Chúa Giê-su nói: *Như Giô-na ở trong bụng cá lớn, Ta cũng sẽ ở trong lòng đất như vậy.* Anh chị em có thấy hợp lý không ạ? Không phải là tôi cố gắng tìm một lời giải thích dễ hiểu với những người hoài nghi ngoài thế gian hơn vì thực ra, họ sẽ thấy dễ tin là ông

còn sống hơn là được sống lại, nên không phải là tôi cố tầm thường hóa Kinh Thánh. Tôi đang cố gắng nắm được những gì Kinh Thánh thực sự nói.

Tôi phát hiện ra là chúng ta thường có ấn tượng về những điều Kinh Thánh nói từ những gì mình học được trong Trường Chúa Nhật,... Đến khi đọc Kinh thánh thật thì chúng ta có thể hiểu sai. Tôi tin rằng Giô-na là ví dụ tiêu biểu nhất về sự phục sinh trong Cựu Ước, sau ba ngày, ba đêm, và Chúa Giê-su tự đồng nhất với trải nghiệm của ông và nói: *Các ngươi sẽ chẳng nhậsn được một dấu lạ nào, ngoài dấu lạ của Giô-na* khi những người Do Thái hoài nghi xin Ngài một dấu lạ. Nhưng dù ông đã chết hay còn sống, dù sao đi nữa thì chuyện này hoàn toàn có thể xảy ra - nếu Đức Chúa Trời khiến nó xảy ra.

Và ở đây, chúng ta lại trở lại với câu hỏi thực sự về các phép lạ vì thực chất, trong Giô-na có tám phép lạ vật lý, không chỉ một mà là tám, và người ta thường chỉ biết một phép lạ là con cá voi. Thực ra là có một phép lạ lớn hơn nhiều so với con cá voi. Trong chương cuối, Chúa bảo một con sâu làm một điều và nó làm như vậy, đó là một phép lạ lớn. Anh bạn Brown của tôi ở California có thể huấn luyện cá voi một cách khá dễ dàng, chúng là loài động vật có vú rất thông minh, nhưng tôi chưa bao giờ thấy một rạp xiếc sâu, anh chị em thì sao? Chưa từng thấy con người cố gắng huấn luyện sâu, nhưng Đức Chúa Trời có thể bảo một con sâu cần làm gì.

Đó là một phép lạ lớn và khi ai đó bảo tôi: *đừng nói là ông vẫn tin câu chuyện về con cá voi và Giô-na đấy nhé!* Tôi nói: *Cái đó có là gì! Tôi tin cả chuyện về con sâu nữa cơ* và người ta thường có vẻ lúng túng vì họ không biết đó là cái gì. Nhưng anh chị em thấy đấy, nó đang thể hiện hình ảnh về một Đức Chúa Trời có toàn quyền kiểm soát mọi điều Ngài đã tạo dựng.

MIRACLES in JONAH

1. WIND → STORM
2. LOTS → JONAH
3. SEA CALMED
4. FISH SWALLOWS
5. 'FISH' VOMITS
6. VINE (OVERNIGHT)
7. 'WORM' (EATS ROOT)
8. SCORCHING WIND

PHILOSOPHIES [WORLD VIEW]	GOD CREATED THEN	GOD CONTROLS NOW	
ATHEISM	✗	✗	SCIENCE
DEISM	✓	✗	
THEISM	✓	✓	SCRIPTURE

Rồi, hãy lướt qua tám phép lạ. Chúa sai một cơn gió thổi thành bão và con tàu gặp nguy hiểm. Người ta bắt thăm để xem người nào trên tàu khiến thần thánh nổi giận và Đức Chúa Trời có thể kiểm soát việc bắt thăm, Ngài làm điều đó trong Công vụ 1. Đó là lý do tại sao người ta bắt thăm trong Cựu Ước vì Chúa có thể kiểm soát chúng khi họ không thể. Đức Chúa Trời có thể bắt lấy một đồng xu khi ta tung nó lên và xoay nó đúng số lần, nếu Ngài hoàn toàn kiểm soát điều đó. Khi người ta ném Giô-na xuống biển, Chúa khiến biển lặng rồi Ngài sai con cá lớn đến nuốt cái xác, rồi Ngài khiến con cá nhả cái xác ra, rồi Ngài khiến một giàn dây leo mọc lên trong đêm, thực ra thì đó là một cây thầu dầu, chút nữa tôi sẽ cho anh chị em xem ảnh. Rồi Ngài sai một con sâu đến cắn rễ cây và nó chết héo. Rồi

Kinh thánh chép Ngài sai..., cơn gió sa mạc nóng bỏng. Tám lần trong cuốn sách nhỏ này, Đức Chúa Trời kiểm soát thiên nhiên.

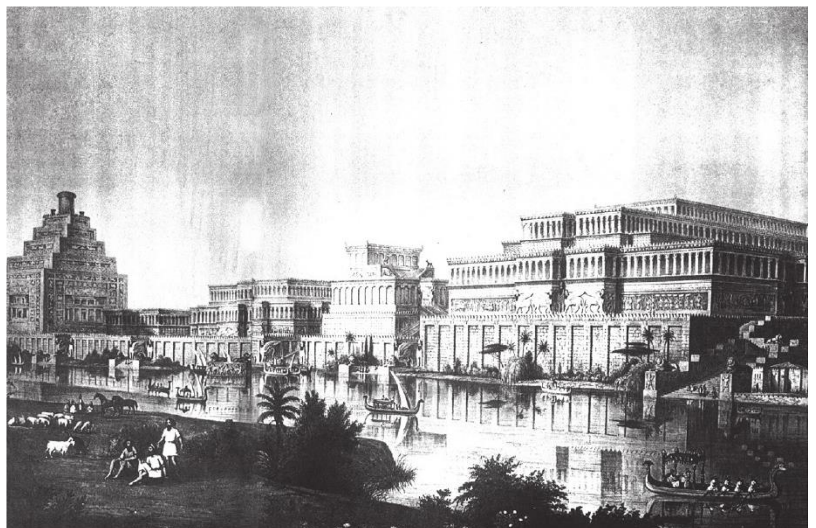
Anh chị em phải quyết định chọn một trong ba triết lý. Có một triết lý theo Kinh thánh nhưng có nhiều triết lý khác và tôi nhắc đến ba điều. Chúng ta lại quay về với những "thuyết" hay "chủ nghĩa"; ba triết lý này rất phổ biến tại Anh Quốc, cũng là ba triết lý chính. Chúng khác nhau tùy vào việc người ta có tin rằng Đức Chúa Trời tạo dựng thế giới từ ban đầu hay không và giờ đây Ngài còn kiểm soát nó hay không. Thuyết vô thần nói rằng Đức Chúa Trời không tạo dựng thế giới nên Ngài không kiểm soát nó. Đó là thuyết vô thần, rất phổ biến. Nhưng triết lý phổ biến nhất tại Anh Quốc là Tự nhiên thần giáo và Tự nhiên thần giáo tin rằng xưa kia Đức Chúa Trời tạo dựng nên nó, nhưng bây giờ Ngài không thể kiểm soát nó.

Tôi phải nói rằng phần đa dân sự trong hội thánh theo Tự nhiên thần giáo. Có người từng hỏi tôi là *sự đổi mới ân tứ tạo nên khác biệt gì lớn nhất với Cơ Đốc nhân tại nước Anh này*. Tôi sẽ nói cùng học sinh cuối cấp trong trường chị về điều này vào thứ hai tuần sau hoặc tuần sau nữa - tuần sau nữa. Khác biệt lớn nhất, nó biến người theo Tự nhiên thần giáo thành người theo Thuyết hữu thần và nó làm mới lại niềm tin vào phép lạ. Vì người theo Tự nhiên thần giáo không thể tin vào phép lạ; họ sẽ đến hội thánh và cảm tạ Chúa rằng Ngài là Đấng dựng nên trời đất, nhưng họ sẽ không cầu nguyện về thời tiết, vì giờ đây Chúa không thể làm gì với thời tiết. Họ không chờ đợi phép lạ vì giờ đây Chúa không thể can thiệp và khổ thân Chúa, Ngài không còn kiểm soát nữa. Quy luật tự nhiên sẽ kiểm soát tự nhiên.

Nhưng Thuyết hữu thần là triết lý theo Kinh thánh và Thuyết hữu thần nói rằng Đức Chúa Trời không chỉ tạo dựng thế giới từ xưa mà bây giờ Ngài còn kiểm soát nó. Có một nhóm người rất ngộ, khi đọc Kinh Thánh thì họ theo Thuyết hữu thần, còn từ thứ hai đến thứ bảy, họ theo Tự nhiên thần giáo, hiểu ý tôi nói không ạ? Tôi đã gặp một số Cơ Đốc nhân tin vào mọi phép lạ nếu nó có trong sách vở, nhưng những phép lạ ngày nay thì họ không tin. Nên trên thực tế thì họ theo Tự nhiên thần giáo; còn về lý thuyết thì họ theo Thuyết hữu thần, hiểu không ạ? Rồi, triết lý theo Kinh thánh là Thuyết hữu thần - rằng Đức Chúa Trời, Đấng dựng nên mọi thứ vẫn kiểm soát chúng.

Cải đạo cả thành Ni-ni-ve

Vậy còn việc phi thực tế về mặt tâm lý - rằng cả thành phố như vậy có thể cải đạo thì sao? Để tôi cho anh chị em xem chút hình dung về thành phố đó. Đây là một bức tranh về Ni-ni-ve khi Giô-na đến với nó và đó chỉ là khu trung tâm. Đó là một thành phố khổng lồ và nguy nga; còn đây là tất cả những gì còn lại của cung điện ấy vào thời nay - chỉ là một đống đổ nát.



Thành Ni-ni-ve thời huy hoàng

Cả thành phố rộng lớn ấy có ăn năn khi Giô-na rao giảng. Một người ngoại quốc từ một đất nước xa lạ. Họ mộ đạo, thậm chí là mê tín. Họ tin vào các thần, đó là điểm đầu tiên. Hai là họ phạm tội, và tội lỗi khiến chúng ta hèn nhát. Khi họ bị tố cáo về những điều mình đã làm,

họ biết là mình tội lỗi. Ba là sự phấn hưng bắt đầu từ dưới, giữa vòng những người bình thường và đi lên đến cung vua. Bốn là họ thấy dấu lạ trên Giô-na - *người anh sao vậy? Sao nó lại thành ra thế kia?* Và ông kể lể sự tình cho họ. Ông nói: *Có Đức Chúa Trời trên thiên đàng và tôi không thể chạy trốn khỏi Ngài; đây là điều đã xảy đến với tôi.* Nên họ thấy được một dấu lạ, và trên hết, khi Đức Thánh Linh vận hành thì nhiều điều xảy ra. Tôi không hề thấy chuyện cả thành đó ăn năn là khó tin, và Chúa Giê-su đã tin vào điều này. Ngài phán: *Người Ni-ni-ve sẽ trỗi dậy trong Ngày Phán xét vì họ đã ăn năn khi nghe đến Ta, còn các ngươi thì không.*



Tàn tích còn sót lại của thành Ni-ni-ve

Tại sao Giô-na lại chạy trốn?

Tất nhiên, câu hỏi lớn đặt ra là tại sao Giô-na lại trốn tránh nhiệm vụ cần làm, và đó thật sự là câu hỏi quan trọng nhất. Đó chính là chương 4, một chương hiếm khi được giảng dạy hoặc đọc đến, nhưng đó lại là trọng tâm của câu chuyện nhỏ này. Tại sao Giô-na lại do dự đến vậy? Chủ yếu là ông nghĩ đến ai khi nghĩ rằng: *Mình sẽ không đến giảng tại đó*? *Mình sẽ chạy trốn*; ông xuống Gia-phô và tìm thấy một con tàu. Hãy xem hình này, đây là bến cảng tại Gia-phô ngày nay và là nơi ông tìm thấy tàu đi Tây Ban Nha. Còn hình này là cây thầu dầu mọc lên chỉ sau một đêm; đó là nghĩa đen của từ trong tiếng Hê-bơ-rơ, một cây thầu dầu mọc lên rất nhanh.



Bến cảng tại Gia-phô ngày nay

Tại sao ông lại trốn tránh nhiệm vụ này? Tại sao ông lại do dự đến vậy? Một số người nói: *Thì ông chỉ nghĩ đến mình, ông sợ phải đi, ông sợ bị xiên vào cọc - tôi cũng thế. Ông biết họ tàn bạo đến mức nào, nên ông chạy trốn vì ông không muốn chết trên cây cọc*. Đó là một giả thuyết - giả thuyết sai. Ý tôi là ông sẵn sàng để các thủy thủ ném mình xuống biển, nên có vẻ như ông không sợ chết. Hai là người ta nói rằng *ông đang nghĩ đến các dân ngoại. Họ là dân ngoại, sao họ lại phải nghe về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?*



Câu thầu dầu

Đây là dạng ngược lại của Chủ nghĩa bài Do Thái - chủ nghĩa Bài dân ngoại. Đó có phải là lý do không? Nhưng trên thực tế, ông đã trốn đến với dân ngoại tại Ta-rê-si. Nên không phải là ông không muốn đến với dân ngoại. Những người khác nói rằng ông đang nghĩ đến người A-si-ri, những người gian ác nhất trên đất - *Mình sẽ không giảng cho những người như vậy*. Không, tôi không nghĩ đó là lý do. Những người khác nói rằng thực ra ông đang nghĩ đến Y-sơ-ra-ên vì A-si-ri là mối đe dọa lớn nhất với Y-sơ-ra-ên nhỏ bé, họ là cường quốc lớn nhất và đang

bành chướng lúc bấy giờ; còn Y-sơ-ra-ên đang ở vào tầm ngắm và ông nghĩ: *Mình không muốn đến với chúng, chúng là kẻ thù và chúng là mối đe dọa trong tương lai.* Tôi nghĩ không có điều nào trên đây là hợp lý cả.

Hãy để Giô-na tự lên tiếng. Kết quả sau khi ông rao giảng là tất cả bọn họ đều ăn năn, thảm họa được đẩy lùi. Ông nói: *Sáu tuần nữa, Đức Chúa Trời sẽ xóa sổ Ni-ni-ve nếu các ngươi không ăn năn,* và họ đã ăn năn. Một nhà truyền đạo như Billy Graham hẳn sẽ sướng rơn nếu cả một thành phố ăn năn. Giô-na thì hoàn toàn ngược lại. Ông khá tức giận; ông ra ngồi trên một ngọn đồi ngoài thành và nói với Chúa rằng: *Con đã bảo với Chúa là chuyện này sẽ xảy ra rồi mà! Con biết tỏng Ngài rồi; con biết là Ngài sẽ tha cho họ, con biết là Ngài sẽ không ra tay, Ngài chỉ dọa họ thôi, Ngài không ra tay đâu.*

Ông nói theo kiểu đó. Sao ông lại nói thế nhỉ? Ông thừa biết lời cảnh báo của Chúa thực ra là một lời kêu gọi. Như thế có phải là ông không muốn người ta được cứu không? Liệu ông có hẹp hòi và cố chấp đến độ không muốn người ta ăn năn không? Không, tôi không tin là như vậy. Ông nói thế này. Ông nói: *Chẳng phải đây là điều con đã thưa với Ngài tại nước con sao? Rằng Ngài là Đức Chúa Trời đầy thương xót; con đã thưa với Ngài như vậy khi còn ở xứ mình.* Điều đó có nghĩa là gì? Để có câu trả lời, ta phải trở lại với sách Các vua và tìm hiểu điều gì đã xảy ra với Giô-na trong chính xứ của ông vì trong sách này không có; sách Các vua thì có.

Sách Các vua chép rằng Giô-na được kêu gọi làm tiên tri và được sai đến với vua Y-sơ-ra-ên, một vị vua xấu xa. Hắn làm điều ác trước mặt Chúa và Chúa phán: *Giô-na, Ta muốn con đến với vua; một vị vua xấu xa và ta muốn cho truyền cho người một sứ điệp.* Giô-na hào hứng lắm, ông nói: *Thật đúng lúc Chúa ơi, đã đến lúc Ngài xử lý tên vua đó, thế sứ điệp là gì ạ?* Chúa phán: *Hãy đến bảo vua đó rằng Ta muốn chúc phước cho người, và ta sẽ mở rộng bờ cõi người và khiến người nên lớn mạnh.* Giô-na nói: *Nhưng đó là tên vua gian ác, sứ điệp đấy sai rồi Chúa ạ. Ngài không hiểu ạ? Hắn cần một sứ điệp về công lý và sự trừng phạt. - Con hãy đi và bảo người rằng Ta muốn chúc phước cho người*; thế là ông đến với vua và nói: *Đức Giê-hô-va phán, tên vua gian ác kia, Ta muốn chúc phước cho ngươi!* Giô-na thầm nói với Chúa trong lòng rằng: *Không ăn thua đâu Chúa ơi, Ngài mà chúc phước cho người xấu thì họ lại càng tệ hơn.* Điều gì đã xảy ra với vua đó? Hắn trở nên tệ hơn, hắn càng ngày càng tệ và Chúa càng chúc phước cho hắn thì hắn càng tệ đi, và Giô-na rút ra kết luận rằng lòng thương xót chẳng ích gì với những kẻ ác.

Lòng thương xót của Chúa

Anh chị em bắt đầu cảm nhận được chưa? *Chúa ạ, con biết việc Ngài rõ hơn Ngài. Nếu Ngài tha cho họ và chỉ khích lệ họ thì họ sẽ trở nên tệ đi. Con bảo rồi, chuyện sẽ xảy ra như vậy.* Và ông ngồi bên ngoài Ni-ni-ve và nói: *Hãy xem chuyện gì sẽ xảy ra, Chúa ạ. Con sẽ theo dõi cái thành này xem Ngài tha cho họ thì họ có hoàn lương không, họ tốt lên hay tệ đi.* Rồi cái cây đó mọc lên cạnh ông. Ông rất biết ơn Chúa vì nó; nó che cho ông khỏi nắng, rồi con sâu đáng ghét đến cắn rễ và cây chết. Giô-na lại tức tối và nói: *Chúa ơi, Ngài làm thế làm cái gì?* Chúa phán: *Giô-na, con nổi giận vì cái cây này có đúng không? Con có chắc là con đúng khi nổi giận về Ni-ni-ve không? Nghe này, có 120.000 đứa trẻ trong thành đó và nhiều súc vật, và Ta yêu chúng.* Giô-na tức thay cho Chúa, và tôi hiểu điều đó. Khi thấy người ta lạm dụng lòng thương xót của Chúa, bạn có tức không? Chúa chúc phước cho họ và nó chỉ khiến họ tệ đi, và ta nói: *Chúa ơi, đó không phải là cách để xử lý những kẻ gian ác.*

Chúng ta quên mất là Đức Chúa Trời kiên nhẫn đến thế nào, Ngài đầy thương xót ra sao và Ngài muốn cho người ta bao nhiêu cơ hội, đó là điều Giô-na không thấy; nhưng tôi hiểu rằng ông tức thay cho Chúa. Đúng là rất tức khi người ta quá lạm dụng lòng thương xót của Ngài và coi việc Ngài tha cho họ là lẽ hiển nhiên, giống như nhà thơ Heine người Pháp tại Paris lúc lâm chung sau khi sống một đời tội lỗi. Những lời cuối ông thốt ra là *Dieu me pardonnera, c'est son métier!, Chúa sẽ tha thứ cho tôi, đó là nhiệm vụ của Ngài!* Chúng ta thấy tức giận khi người ta coi Chúa là dễ dãi, và đó là vấn đề của Giô-na, ông yêu Chúa quá nhiều, ông tức thay cho Ngài quá nhiều. Ông không nhận ra rằng Đức Chúa Trời đầy thương xót và kiên nhẫn; Ngài sẽ ban cho kẻ ác mọi cơ hội mà Ngài có thể. Giô-na già cả đáng mến, tôi đồng cảm với ông. Nhưng chúng ta có thể sang thái cực ngược lại và nói: *Chúa sẽ không bao giờ nổi giận, Chúa sẽ không bao giờ trừng phạt*, và đó là khi tiên tri Na-hum lên tiếng.

SÁCH MI-CHÊ

Giới thiệu

KINGS: JOTHAN: Good, but. 750-731
AHAZ: Bad. 735-715
HEZEKIAH: Very good. 715-686

After Solomon died, civil war.
10 Northern tribes 'ISRAEL'. Capital SAMARIA. Many dynasties.
2 Southern tribes 'JUDAH.' Capital JERUSALEM. One dynasty.

SIN SPREADING
From north to south. From city to country.

IDOLATRY ~ way people insulted God
IMMORALITY ~ way people indulged themselves
INJUSTICE ~ way people injured each other

MICAH'S VISION:
TRIBAL ~ JUDAH
NATIONAL ~'ISRAEL'
UNIVERSAL ~ NATIONS

MICAH'S MOTIVATION
HOLY SPIRIT 3^8
HUMAN SPIRIT 1^8

Mi-chê là một trong 12 cuốn sách nhỏ ở cuối Cựu Ước mà chúng ta gọi là tiểu tiên tri, đối lập với các đại tiên tri như Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên và Đa-ni-ên. Nhưng sứ điệp của ông rất dễ nhớ và một số điều ông nói trong chỉ vài trang được trích dẫn khắp thế giới. Một phân đoạn trong đây đặc biệt giống với phân đoạn trong Ê-sai. Mi-chê 4 và Ê-sai giống nhau đến từng từ. Hai người họ sống cùng thời; cả hai đều nói đến "lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm. Nước nầy không còn vung gươm đánh nước kia, họ cũng không còn luyện tập chinh chiến nữa." "Trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ được lập lên... Các dân tộc sẽ đổ dồn về đó."

Giống nhau đến từng từ, vậy ai lấy từ ai? Mi-chê chép đoạn đó từ Ê-sai, hay Ê-sai chép từ Mi-chê hay cả hai người lấy từ ai đó, hay Đức Thánh Linh ban cho họ những từ ngữ giống hệt nhau, tôi không biết. Tuy nhiên họ sống cùng thời với nhau, họ nói với cùng một hoàn cảnh nên điều đó không thực sự quan trọng. Rõ ràng đây là một Lời rất quan trọng từ Chúa cho dân sự vì lời đến qua hai nhân chứng tại cùng một thời điểm, ở cùng một nơi. Rồi có một phân đoạn được đọc trong mọi lễ Giáng sinh mà ta từng tham dự 'Còn ngươi, Bết-lê-hem thuộc xứ Giu-đê, ngươi đâu phải là nhỏ bé nhất trong hàng lãnh đạo Giu-đa. Vì một lãnh tụ sẽ xuất phát từ ngươi" - anh chị em biết lời tiên báo về Bết-lê-hem rồi.

Cũng xin nói thêm là lời này được nói từ 700 năm trước khi Chúa Giê-su ra đời. Thật tuyệt đúng không? Lời đó được ứng nghiệm nhờ có thuế thân. Nên nếu anh chị em có phải nộp thuế thân thì hãy nhớ rằng chính thuế thân do Augustus Caesar ban hành đã khiến lời tiên báo về Bết-lê-hem trở thành hiện thực, vì chính điều đó đã đưa Giô-sép và Ma-ri từ Na-xa-rét đến đây. Rồi câu Kinh thánh kinh điển nhất, một câu mà tôi rất thích, có gì đó rất sâu sắc, rất đơn giản trong đó.

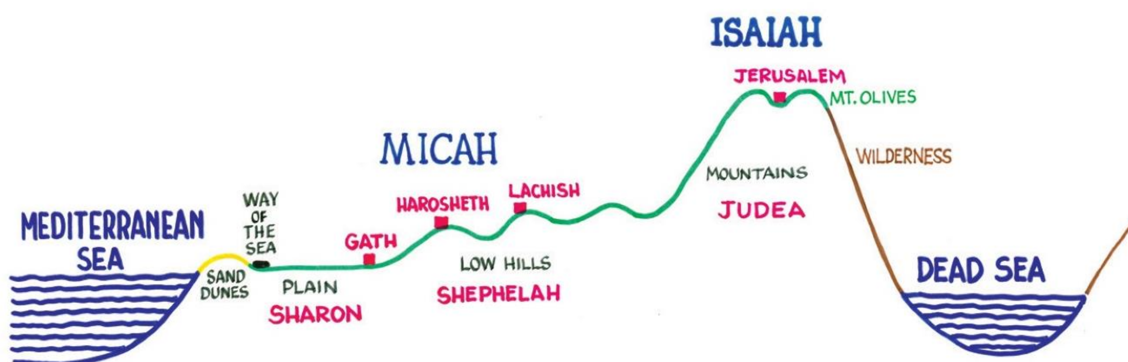
> "Hỡi người! Ngài đã tỏ cho ngươi điều gì là thiện,
> Điều mà Đức Giê-hô-va đòi hỏi ngươi.

Đó chẳng phải là làm điều công chính, ưa sự nhân từ
Và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời ngươi sao?"

Đó là tất cả những gì Đức Chúa Trời yêu cầu, nhưng quả là một khẳng định hay: "Làm điều công chính, ưa sự nhân từ và và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời ngươi." Một khẳng định tuyệt vời. Rồi một khẳng định ở ngay cuối đã được đưa vào một số bài thánh ca - *Ai là Đức Chúa Trời tha thứ giống như Ngài?* Vâng, tất cả những câu trên đều dễ nhớ, nhưng chúng thường bị tách khỏi ngữ cảnh và dùng như những câu riêng lẻ. Mấy cái số chương số câu này đúng là phiền thật! Vì khi đặt vào bối cảnh, chúng mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Không chỉ đặt các câu riêng lẻ vào lại ngữ cảnh, chúng ta phải đặt cả sách vào ngữ cảnh - vào thời gian và nơi chốn, vì lịch sử và địa lý đóng vai trò rất quan trọng với Kinh Thánh. Đức Chúa Trời luôn bày tỏ Lời Ngài tại một thời điểm cụ thể và với một nơi chốn cụ thể.

Đó là lý do tại sao không giống với mọi sách thánh khác trên thế giới, Kinh thánh có đầy đủ lịch sử và địa lý. Thử đọc kinh Koran và Kinh Vệ Đà tại Ấn Độ mà xem, anh chị em sẽ thấy chúng chỉ là những cuốn sách chứa những suy nghĩ và lời nói. Nhưng Kinh Thánh là một cuốn sách chứa lịch sử và địa lý vì Đức Chúa Trời bày tỏ toàn bộ sự mặc khải của Ngài tại những thời điểm cụ thể, nơi chốn cụ thể; và điều này rất quan trọng với Mi-chê.

Ở đâu?



Lát từ đông sang tây qua Xứ Hứa

Chúng ta hãy đặt câu hỏi về nơi chốn. Nếu có thể lấy một con dao lớn cắt một lát từ đông sang tây qua Xứ Hứa thì ta sẽ có một mặt cắt rất thú vị. Xứ Hứa là một dải đất rất hẹp giữa một bên là Địa Trung Hải còn bên kia là hoang mạc Ả Rập, nên đây là một hành lang mà mọi phương tiện từ châu Âu, châu Á và châu Phi phải đi qua. Nhưng nó thường đi xuống bờ biển. Có một con đường gọi là Đường Biển, đi xuống bờ biển và toàn bộ xe cộ của thế giới đều đi xuống đó. Thực ra thì giao lộ của thế giới nằm ngay phía bắc của chỗ này. Đường từ châu Âu đến Ả Rập giao với đường từ châu Á đến châu Phi, à phải thế này mới đúng. Châu Âu đến Ả Rập và châu Á đến châu Phi, giao lộ nằm ở Mê-ghi-đô. Đồi Mê-ghi-đô trong tiếng Hê-bơ-rơ là Ha-ma-ghê-đôn, và đó là giao lộ của thế giới. Mọi xe cộ của thế giới đều đi qua đó và có ngôi làng nhỏ trên một ngọn đồi nhìn xuống giao lộ này gọi là Na-xa-rét. Đó là lý do phía bắc Y-sơ-ra-ên được gọi là "Ga-li-lê của các dân tộc" vì việc giao thương quốc tế đi qua đây. Ở phía nam, trên vùng đồi núi lại đậm chất Do Thái vì không có xe cộ quốc tế đi qua. Giê-ru-sa-lem bị cô lập trong những ngọn đồi của họ. Vậy là mọi xe cộ đi qua, nhưng ở phía bắc, giao lộ như một phòng chờ sân bay quốc tế, và ta có thể nhìn thấy cả thế giới đi qua. Đó cũng là lý do tại sao mọi người thu thuế đều ở trên phía bắc.

Hãy xét đến mặt cắt ở phía nam, nếu lấy Giê-ru-sa-lem và cắt một đường thẳng ngang với Giê-ru-sa-lem thì ta sẽ thấy mặt cắt này. Đây là Biển Địa Trung Hải ở một bên và Biển Chết ở bên kia. Hãy để ý rằng Biển Chết thấp hơn nhiều so với Biển Địa Trung Hải. Người Y-sơ-ra-ên đang lên kế hoạch đào một con kênh xuyên qua đây và mang nước ngọt vào Biển Chết và để chúng thông nhau, nhưng hai biển đó nằm ở hai bên hành lang đất liền này. Nó được chia làm ba phần. Có một phần bằng phẳng ở đây, và từ Hê-bơ-rơ để chỉ bằng phẳng là "sharon," nên nó mới được gọi là đồng bằng Sa-rôn. Tôi biết đó là một cái tên hay cho con gái, nhưng nó có nghĩa là "phẳng."

Vậy là có vùng bằng phẳng này, vùng đồng bằng, Sa-rôn với những cồn cát ở rìa ngoài; Tel Aviv được xây trên chỗ cát đó, rồi Đường Biển, con đường chạy vào ngay bên này của cồn cát trên phần đất cứng gần nhất của vùng bằng phẳng. Rồi đến phần gồm những ngọn đồi thấp, một dạng bục cao khoảng 300 mét, những quả đồi khá thấp, người Hê-bơ-rơ gọi đó là Shephelah, tức những ngọn đồi thấp. Rồi sau đó là vùng núi Giu-đê thật sự cao vổng lên. Giê-ru-sa-lem không nằm trên đỉnh núi, nó nằm trên lòng chảo với những ngọn núi bao quanh. Người ngoại giáo luôn đặt nơi thờ tự ngay trên đỉnh núi để họ có thể thờ lạy các vì sao, nhưng Đức Chúa Trời muốn đền thờ Ngài được xây sao cho người thờ phượng có thể thấy các ngọn núi và những vì sao để thờ phượng Đức Chúa Trời đã dựng nên các từng trời và mặt đất.

Họ rất cần có những ngọn đồi bao quanh mình. Nhiều Thi Thiên nói đến những ngọn đồi bao quanh Giê-ru-sa-lem, nên như một người từng nói, Giê-ru-sa-lem như cái đèn ngủ đặt trên đĩa vũng. Nó nằm trên một lòng chảo nhỏ xinh có các núi bao quanh. Sau đó là vùng hoang vắng dốc đứng này, hoang mạc Giu-đê là nơi không có mưa vì tất cả các cơn mưa đều đến từ hướng này và nó không mưa đến đây. Nên phía bên này của vùng đồi núi Giu-đê toàn là nơi sa mạc hoang vu. Nên thực ra là ta có thể vào hoang mạc Giu-đê sau mười phút đi bộ từ Giê-ru-sa-lem, không hề xa. Khi Chúa Giê-su bị cám dỗ trong hoang mạc là ngay dưới đồi, rồi ngay dưới đây là Giê-ri-cô.

Chìa khóa là Ê-sai và Mi-chê sống cùng thời với nhau. Họ rao giảng vào cùng một thời điểm, nhưng Ê-sai sinh ra tại hoàng cung - ông là anh em họ của Vua Ô-xia và ông ở ngay trong chính phủ, ông là một chính khách thực thụ và có thể nói với các vua, trong khi Mi-chê sống dưới này tại Shephelah, một dạng bục cao 300 mét; từ đó ta có thể nhìn lên Giê-ru-sa-lem và nhìn xuống dải Gaza. Dân Phi-li-tin sống trên vùng đồng bằng này, Gát nằm ngay rìa trong của vùng đồng bằng. Nên đây là vùng xung đột giữa người Do Thái và kẻ thù của họ.

Tất cả các kẻ thù của họ đều lên xuống con đường này, và đôi khi, nếu muốn tấn công Giê-ru-sa-lem, họ phải đi lên, qua Shephelah để đến Giê-ru-sa-lem. Sam-sôn sống tại Shephelah, nên ông mới thường xuyên giao du với người Phi-li-tin dưới này. Nên đây là một dạng chiến trường giữa xa lộ quốc tế dưới đồng bằng và một vùng đậm chất Do Thái trên đỉnh các ngọn núi. Anh chị em thấy không? Hơn nữa, vùng này khá nghèo. Sự giàu có tập trung tại thủ đô trên đây. Vậy là Ê-sai xuất thân từ tầng lớp thượng lưu giàu có. Mi-chê là một người dân quê giản dị và ông đặt lòng cho những người bình thường, nhất là những người nghèo, nên ông thấy rất rõ sự bất công trong xã hội, thấy rõ những người đang bị bóc lột - người yếu thế và người nghèo. Ê-sai thì không nhận thấy rõ điều đó lắm; ông xuất thân khá khác, và họ bổ sung cho nhau rất vừa vặn, nhưng như tôi đã nói, sứ điệp của họ thường giống hệt nhau, cũng thời điểm đó, nơi chốn đó, dân sự đó; nhưng từ một góc nhìn rất khác, một người dân quê giản dị và một triều thần thượng lưu tại hoàng cung. Xuất thân đó bộc lộ khá rõ trong lối viết của họ.

Khi nào?

Mi-chê lên tiếng vào thời gian nào? Vâng, đó là khoảng năm 735TCN khi có một vị vua xấu đang tại vị, Vua A-cha, ngay trước Ê-xê-chia là vị vua tốt và rất có thể đó là một trong những thành quả của những gì Mi-chê và Ê-sai đã làm, ấy là Ê-xê-chia, một vị vua tốt đã lên ngôi và chỉnh đốn mọi thứ. Nhưng trong thời trị vì của A-cha, mọi thứ đều tệ hại. Ta nhớ rằng vào thời điểm này đã có cuộc nội chiến, mười chi phái phía bắc đã hợp lại và tự gọi mình là Y-sơ-ra-ên; hai chi phái ở phía nam này được gọi là Giu-đa. Vào thời điểm Ê-sai và Mi-chê đang nói cùng hai chi phái phía nam, một người tên Ô-sê đang nói với các chi phái phía bắc, ngay trước khi họ biến mất và sang A-si-ri. Về cơ bản, cả Ô-sê và Ê-sai đều là dân thành thị và có xuất thân khá tốt, nên Mi-chê đối lập với cả Ô-sê ở phía bắc và Ê-sai ở phía nam. Một con người bình thường, giản dị, quê mùa nhưng Đức Chúa Trời có thể sử dụng người đó như một Ê-sai trong cung vua.

Tại sao?

Tại sao Mi-chê lại lên tiếng? Vâng, vị vua xấu A-cha này đã dẫn đất nước đi sai đường. Tôi e rằng tội lỗi đã lan từ mười chi phái phía bắc đến hai chi phái phía nam, nó cũng lan từ thành phố đến thôn quê, đó là cách tội lỗi lan ra. Nó lan từ những nước tệ hại sang những nước ổn hơn, và nó lan từ vùng thành thị đến nông thôn. Anh chị em thấy đấy, trong Kinh Thánh, thành thị luôn xấu vì chúng tập trung nhiều người, nên chúng tập trung nhiều tội nhân, nên chúng tập trung tội lỗi. Sai phạm và tội phạm ở thành phố thường tệ hơn vùng quê xung quanh, và ảnh hưởng từ thành phố đến thôn quê. Sự đồi bại xảy ra trên Giê-ru-sa-lem bắt đầu chạm đến các thị trấn ở vùng nông thôn tại Shephalah, và đó là điều đang chạm đến Mi-chê. Ông thấy tác động xấu của mười chi phái phía bắc ảnh hưởng đến hai chi phái phía nam, và ông thấy tác động xấu của thành phố phía bắc ảnh hưởng đến làng mạc phía nam, và nó thật sự khiến người này đau lòng.

IDOLATRY ~ way people insulted God
IMMORALITY ~ way people indulged themselves
INJUSTICE ~ way people injured each other

Ông liệt kê rất nhiều thứ và một loạt những bất công xã hội khủng khiếp. Có sự hối lộ giữa vòng các quan xét, thậm chí là giữa vòng các tiên tri và thầy tế lễ. Họ được trả tiền để nói những điều người ta muốn nghe. Có sự bóc lột người cô thế, tham lam, hám lợi, lừa lọc, bạo lực, tàn nhẫn. Tội phạm gia tăng, địa chủ ăn cắp của người nghèo, đuổi người góa bụa, trẻ mồ côi và tống họ ra đường. Thương nhân và người buôn bán dùng những cái cân và quả cân không chính xác, vậy là việc kinh doanh trở nên thối nát. Tội lỗi đang xâm nhập vào mọi tầng lớp xã hội. Trên hết, người giàu và kẻ quyền thế đi ngược đãi người nghèo; quyền lực xã hội và chính trị được dùng để trục lợi cá nhân, vơ vét cho đầy túi. Vua chúa tham nhũng, có những tiên tri giả, những thầy tế lễ không tin kính và các quan xét nhận hối lộ. Đó là một bức tranh đáng buồn, hoàn toàn mất niềm tin và sự tôn trọng. Trên hết, ông nói rằng các mối quan hệ trong gia đình đang tan rã. Nghe thật quen đúng không? Đã đến lúc chúng ta đọc lại những sách tiên tri này và giảng về chúng vì đó là sứ điệp cho đất nước chúng ta.

Mi-chê khao khát có công bằng xã hội và phần tệ nhất trong tất cả những điều này, ấy là nó đang diễn ra giữa vòng dân Chúa. Không phải nơi những người ngoại giáo, điều này xảy ra giữa vòng dân Chúa, tại chính thành của Chúa, đất nước của chính Chúa. Nên ông có khải tượng về việc Đức Chúa Trời xuống để xử lý và phán xét điều đó, cất đi phần đất nhỏ nhoi ở phía nam khỏi họ. Đó là nỗi đau của ông và nó tác động rất sâu sắc đến ông.

Có hai yếu tố khiến ông cảm thấy tất cả những điều này, một là Đức Thánh Linh và hai là chính tâm linh ông. Tôi đang nói ở chỗ nào ấy nhỉ? Dưới này; tôi sẽ trở lại với một số điều khác. Nhưng Đức Thánh Linh đặt gánh nặng này trên ông, và thực ra đó là bí mật của mọi lời tiên tri vì Đức Thánh Linh là Thần tiên tri và chúng ta sẽ thấy mọi tiên tri đều có cuộc gặp gỡ bùng nổ với Đức Thánh Linh là điều dẫn ông đến với sự rao giảng. Nhưng tâm linh trong ông cũng cảm thấy nỗi đau đó và ông miêu tả về nó rằng "Tôi sẽ kêu gào như chó rừng và rên xiết như chim cú" và xé áo mình. Các tiên tri có thể than khóc, họ có thể kêu gào và đó là phản ứng của chính họ với điều mình thấy, và tôi biết khi Đức Thánh Linh chiếm ngự những người nam, họ có thể bật khóc như khi còn nhỏ và than khóc với Chúa về một hoàn cảnh nào đó.

Đây là một người như vậy, ông đặc biệt quan tâm đến ba vấn đề quen thuộc với dân sự - thờ thần tượng, đồi bại và bất công, nhưng điều thứ ba - sự bất công là điều thật sự hằn sâu vào lòng ông. Ông không thể chịu được khi thấy những gì dân Chúa đang làm với nhau, và trong trường hợp này thì lẽ phải thuộc về kẻ mạnh. Thờ thần tượng là cách người ta xúc phạm đến Chúa và thờ lạy một điều khác. Đồi bại là cách người ta buông tuồng, nhưng bất công là cách người ta làm tổn thương nhau - đây là gánh nặng lớn nhất trong lòng ông, những gì người ta đang làm với nhau, những gì người giàu làm với người nghèo, những gì kẻ quyền thế làm với người cô thế. Thấy những người góa bụa và trẻ mồ côi bị đuổi ra đường vì họ không trả được tiền thuê nhà, đó là điều hằn sâu trong ông. Và tôi nghĩ những người lớn lên giữa vòng kẻ nghèo mới cảm nhận được điều đó. Ông là một người trong số họ và có tiếng kêu gào thảm thiết đòi công bằng xã hội trong lời tiên tri của ông. Tội lỗi lan từ phía bắc đến phía nam, từ thành thị đến nông thôn. Tôi đã trải qua điều đó và đã kể với anh chị em rồi. Đó là bối cảnh.

Tuy nhiên, ông có một khải tượng dường như lan ra thành các vòng sóng. Khải tượng đầu tiên của ông thực sự dành cho chi phái Giu-đa, rồi khải tượng của ông lan xa hơn một chút và ông có khải tượng cho cả dân tộc, thậm chí là mười chi phái phía bắc, tuy giờ đây họ không liên quan gì đến phía nam. Ông có khải tượng cho cả họ, liên quan đến họ, và trước khi kết thúc, lòng ông hướng ra cả thế giới. Gần đây tôi có một trải nghiệm thú vị khi kết bạn với một người tên Christ Lambrianou. Tôi tình cờ gặp cậu ở một phòng thu radio tại Luân Đôn, tôi chưa gặp cậu bao giờ. Cậu là một trong những cánh tay phải của anh em nhà Kray, cậu từng đi vứt xác cho họ. Anh chị em còn nhớ băng đảng cầm đầu phía Đông Luân Đôn không? Và cậu ngồi tù 15 năm, bị canh phòng nghiêm ngặt, có thời điểm bị biệt giam trong một cái lồng ở phòng giam với cái giường được gắn xi măng xuống sàn.

Nhưng Chúa Giê-su đã gặp cậu tại phòng giam đó và cậu được biến đổi. Cậu bắt đầu khóc than cho cả thế giới, không chỉ cho chính cuộc đời uổng phí của cậu, mà cậu bắt đầu khóc than cho toàn thế giới. Cậu khóc than về Việt Nam vào thời điểm đó. Tấm lòng cậu dành cho khắp thế giới và đó là một con người phi thường - hy vọng là một ngày nào đó anh chị em sẽ gặp cậu ấy. Anh chị em có thấy cậu ấy mới xuất hiện trên ti vi không? Có nhỉ; một câu chuyện tuyệt vời, nhưng đó là điều đã xảy ra với Mi-chê. Lòng ông mở ra để mang gánh nặng của một thế giới hư mất, tuy nó bắt đầu từ gánh nặng về chính dân tộc ông. Rồi, đại thể thì bối cảnh là như vậy.

Dàn ý

MICAH
OUTLINE

A. CRIME & PUNISHMENT (1-3)
THE PLACES
THE PEOPLE

B. PEACE & SECURITY (4-5)
THE KINGDOM (after Babylon)
THE KING (from Bethlehem)

C. JUSTICE & MERCY (6-7)
THE COURT
THE COVENANT

Hãy xét đến dàn ý của sách. Tôi luôn thấy hữu ích khi thấy cấu trúc của một cuốn sách, thấy hình dạng của nó, nhất là khi sách có tuần tự, và Mi-chê là như vậy. Sách thực sự có cấu trúc rõ ràng. Mi-chê có ba phần khá dễ thấy. Tôi đã đặt cho chúng những tiêu đề khác nhau để anh chị em thấy được điểm cốt yếu của từng phần. Chương 1-3 chỉ nói về tội phạm và hình phạt, những điều tệ hại đang xảy ra mà Chúa sẽ trừng phạt.

Rồi có sự thay đổi đặc biệt về tâm trạng và chủ đề trong chương 4-5, hòa bình và an ninh. Một bức tranh hoàn toàn khác - nhưng giờ đây, ông đang nhìn mãi đến tương lai sau chót. Tương lai trước mắt là tin dữ, nhưng tương lai sau chót là tin lành. Lời tiên tri luôn như vậy, triển vọng ngắn hạn thì xấu, nhưng triển vọng dài hạn lại tốt. Đức Chúa Trời phải bày tỏ sự công chính trước, sau đó Ngài có thể bày tỏ lòng nhân từ. Đó là chủ đề của Mi-chê. Nó xuất hiện xuyên suốt, sự công chính là chủ đề đầu tiên và lòng nhân từ là thứ hai. Và ông đang muốn nói rằng chúng ta phải giống như vậy, làm điều công chính và bày tỏ sự nhân từ. Đây là toàn bộ điểm cốt yếu của Mi-chê. Nên phần đầu tiên là về sự công bằng của Đức Chúa Trời. Ngài phải trừng phạt những gì người ta đang làm, nhưng rồi ông chuyển sang lòng nhân từ của Chúa trong phần sau và tóm lược lại toàn bộ trong phần cuối. Nên tôi đặt tiêu đề Tội phạm và Hình phạt cho chương 1-3, Hòa bình và An ninh cho chương 4-5, rồi Sự công chính và Lòng nhân từ cho chương 6-7.

Tội phạm và hình phạt (chương 1-3)

Hãy khám phá những chương này kỹ hơn một chút. Ông đang cố gắng nói rằng tội lỗi hiện đã lan ra, lan đến cả những ngôi làng và thị trấn tại Shefelah từ thành phố lớn trên những ngọn đồi, và bằng một cách rất thông minh, ông tuyên bố sự phán xét trên họ bằng cách dùng tên của mỗi ngôi làng theo cách mà họ không thể nào quên được sứ điệp của ông. Để tôi thử làm như vậy. Giả sử như Mi-chê đang giảng tại Việt Nam, ông sẽ nói kiểu như thế này. Đường Lâm sẽ lâm vào đường cùng. Đất ở Thổ Hà sẽ biến thành sông. Kẻ Vẽ sẽ bị rạch vẽ tứ tung và Phước Tích sẽ không thấy phước đâu. Phong Nam sẽ biến mất theo gió nam và sẽ không có sự chữa lành cho làng Thành. Bình Lục sẽ lênh đênh như lục bình và Mũi Né sẽ né mà vẫn bị quăng trúng mũi. Làng Tè sẽ bị chó hoang tè khắp và Ngọ

Xá sẽ bị ngựa gặm hết những gì còn sót lại. Làng Cựu rồi sẽ trở thành dĩ vãng xa xưa. Anh chị em thấy nó hơi giống những câu bông đùa nhưng thực ra, đó chính là cách nói của Mi-chê. Ông lấy mọi tên làng tại Shefelah và ông vặn vẹo cái tên đó thành một thông điệp về sự phán xét. Anh chị em nghĩ là họ có bao giờ quên được điều đó không? Nếu sống tại Phước Tích và Phong Nam thì anh chị em sẽ không quên được những gì tôi vừa nói, hiểu ý tôi không ạ? Một đoạn rao giảng lỗi lạc và ông chỉ cần lấy những cái tên đó, biến nó thành một thông điệp phán xét và nói: *Đức Chúa Trời sẽ không tha cho các ngươi đâu; sớm hay muộn thì Ngài cũng sẽ làm gì đó với nó thôi.*

Tôi sẽ không bao giờ quên một điều mà Billy Graham từng nói vào nhiều năm trước tại sân vận động Wembley, Luân Đôn. Tôi rùng mình khi ông nói câu đó. Đó là một lời tiên tri thực thụ. Ông nói: *Nếu Đức Chúa Trời không làm gì với Luân Đôn thì Ngài sẽ phải xin lỗi Sô-đôm và Gô-mô-rơ.* Ôi, một lời đáng sợ! Tôi sẽ không bao giờ quên lời đó, nhưng ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời xử lý những thị trấn, thành phố và làng mạc mà những điều tệ hại này lan ra, nơi người nghèo phải chịu khổ và người cô thế bị bóc lột.

Đó là những nơi chốn mà ông nói đến và những người bị ông quy kết trách nhiệm là những kẻ trục lợi, những kẻ chỉ có tham vọng duy nhất là kiếm tiền. Rất thú vị, nó chỉ có nghĩa đơn giản rằng kẻ giàu giàu thêm còn người nghèo nghèo đi, đơn giản vậy thôi. Nếu chúng ta cũng nhạy cảm như Mi-chê thì chúng ta sẽ phản ứng giống ông trước những điều đang xảy ra. Tóm lại, đó là sứ điệp của phần đầu.

Hòa bình và an ninh (chương 4-5)

Hãy chuyển sang phần thứ hai. Ở đây có một bất ngờ lớn, hầu hết đều là tin vui. Tuy chương 3 kết thúc với cảnh Giê-ru-sa-lem đổ nát, ông nói rằng thành phố lớn mà mọi thứ ra từ đó sẽ trở thành đống rác, nhưng chương 4 và chương 5 vẽ nên một hình ảnh hoàn toàn khác. Ông nói rằng tình trạng đổ nát không phải là cái kết của câu chuyện. Một điều khác sẽ diễn ra và trước hết, ông nói đến một vương quốc sẽ đến mà trong đó người ta sẽ đồng loạt giải trừ quân bị, trong đó mọi tranh chấp sẽ được giải quyết bởi một vị Vua nơi Si-ôn. Tôi nghĩ mình đã từng kể với một số anh chị em rằng tôi đến Liên Hợp Quốc và tham quan tòa nhà tại New York.

Một cô gái trẻ ăn mặc rất lịch sự đưa chúng tôi đi tham quan và nói *đây là Hội đồng Bảo an, đây là phòng Đại Hội đồng, đây là các phòng ủy ban và đây là những tác phẩm nghệ thuật mà người ta trao tặng*. Cô ấy chỉ cho chúng tôi khối đá granit bên ngoài có khắc nửa câu trong Mi-chê. "Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm," v.v. Và chúng tôi kết thúc chuyến tham quan sau hai tiếng rưỡi. Cô ấy nói: *Chúc quý vị một ngày tốt lành!* Tôi nói: *Nhưng cô chưa cho chúng tôi xem một căn phòng. - Phòng nào vậy ạ?*, và tôi cho cô ấy biết. Cô ấy nói: *Không, ông không được xem phòng đó, nó không mở cho công chúng.* Tôi nói: *Nhưng đó là căn phòng duy nhất mà tôi muốn xem, tôi đã lặn lội đến đây để được xem phòng đó.* Tôi đã thử dùng "ngón đòn" *tôi lặn lội mãi từ Anh Quốc đến đây*, thường thì nó sẽ khiến họ mềm lòng, nhưng cô ấy không nhượng bộ. Cô ấy nói: *Ông phải đi hỏi bảo vệ ở cổng vào.* Tôi đến sảnh lễ tân, bảo một người đang đeo súng là *Anh làm ơn cho tôi xem căn phòng này được không? Không* - cậu ấy nói - *nó không mở cho công chúng.* Tôi bảo: *Tôi thật sự muốn thấy phòng đó; tôi đã nghe kể về nó mà không thể tin những gì mình nghe và tôi muốn xem tận mắt.* Cậu ấy hỏi: *Ông sẽ ở phòng đó trong bao lâu?* Tôi đáp: *Hai phút. - Được rồi, tôi sẽ cho ông vào.* Cậu ấy lấy cái chìa khóa rồi mở cửa và đưa tôi vào Phòng Cầu nguyện của Liên Hợp Quốc để thấy vị thần mà người ta cầu nguyện cho hòa bình. Đó là một khối gang có kích thước và hình dáng như một cái quan tài sơn đen; xung quanh đầy những ghế đẩu và thảm; người ta quỳ xuống và cầu nguyện với

khối gang này cho hòa bình thế giới. Tôi thấy phát ớn. Tôi đã nghe người ta kể mà không tin là có chuyện như vậy, nhưng tôi đã thấy nó tận mắt. Họ đã xây tòa nhà đó ở sai thành phố, nó phải ở Giê-ru-sa-lem mới đúng. Đó sẽ là trụ sở của Liên Hợp Quốc, đó sẽ là nơi giải quyết tranh chấp vì nửa câu trên khối granit bên ngoài đã bỏ qua nửa câu đầu là khi Đức Giê-hô-va trị vì tại Si-ôn, Ngài sẽ giải quyết tranh chấp...của Bắc Ireland và Bosnia, và mọi tranh chấp để người ta có thể giải trừ quân bị và không dành tiền vào xe tăng và súng ống mà vào cơm ăn, áo mặc.

Điều đó sẽ xảy ra anh chị em ạ. Mi-chê nói nó sẽ xảy ra. Ê-sai nói nó sẽ xảy ra. Tôi đã gặp những Cơ Đốc nhân không tin là nó sẽ xảy ra, nhưng có đấy. Vương quốc sẽ được thiết lập trên đất và ngày nào chúng ta cũng cầu nguyện cho điều đó "Nước Cha được đến,...ở đất như ở trời." Tất nhiên là nó không thể đến nếu Đức Vua chưa đến, vì Vương quốc thì không thể có vua và Mi-chê tiếp tục nói rằng Đức Vua sẽ đến từ Beth-lehem. Một ngôi làng nhỏ, Beth-lehem, nghĩa là nhà bánh, "Beth" là nhà và "lehem" là bánh, Beth-lehem, nhà bánh. Vì ngôi làng nhỏ đó cung cấp ngô cho Giê-ru-sa-lem - thành phố lớn.

Nó cũng cung cấp một điều khác. Tại Bết-lê-hem có nhiều người chăn chiên nhưng họ không giết chiên làm thịt, họ cung cấp chiên làm tế lễ tại Giê-ru-sa-lem - hàng trăm con, và chính từ Beth-lehem mà chiên con chuộc tội của Đức Chúa Trời sẽ đến, Đấng sẽ làm Vua và Đấng cai trị. Tất nhiên là Mi-chê đang nhìn đến tương lai xa, không chỉ lần đến đầu tiên của Chúa Giê-su mà cả lần thứ hai. Đây là mô tả về lần đến thứ hai của Ngài, khi Ngài đến cai trị trên đất và Ngài sẽ làm Vua trên các nước. Nên phần thứ hai của Mi-chê là tin lành, cả phần này. Thành của Đa-vít, Beth-lehem sẽ đem Đức Vua đến, Đấng đến để cai trị thế giới, mang lại hòa bình và thịnh vượng.

Sự công chính và lòng nhân từ (chương 6-7)

Rồi chúng ta đến với phần cuối của Mi-chê, viết dưới dạng một phiên tòa. Hãy tưởng tượng mình đang ở trong một phòng xử án lớn và dân Chúa đang đứng trước vành móng ngựa, Đức Chúa Trời là công tố viên và Mi-chê là luật sư bên bị đơn. Một cảnh tượng thú vị, nhưng tất cả đều được vẽ ra như thể đây là một phòng xử án lớn, dân Chúa ở đây, hiện đang bại hoại bởi tội lỗi, đứng trước vành móng ngựa, và Đức Chúa Trời đang chứng minh lý lẽ của Ngài. Chúa nói bằng đại từ nhân xưng "Ta," Mi-chê cũng vậy và họ tranh luận với nhau về việc ai đứng trước vành móng ngựa, rất thú vị và Chúa biện minh cho sự phán xét của mình. Ngài nói: *Ta phán xét dân này là đúng.*

Sau đó ông đưa ra một tuyên bố kinh điển, rằng điều Chúa thực sự muốn từ họ không phải là tế lễ, không phải là huyết của hàng ngàn con chiên, Đức Chúa Trời không thích lễ nghi mà Ngài ưa sự công bình. Rồi Đức Chúa Trời phán *đây là điều cần phải có - "làm điều công chính, ưa sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường."* Chỉ vậy thôi, thế mà Chúa chẳng tìm được. Anh chị em biết sự công chính là gì và lòng nhân từ là gì rồi. Sự công chính là cho người ta điều họ đáng nhận, nhưng lòng nhân từ là cho họ điều họ không đáng nhận. Như một người nhờ vẽ chân dung cho mình và anh ta nói với người họa sĩ rằng: *Hy vọng tranh này xứng với tôi.* Người họa sĩ nói: *Anh không cần tôi vẽ cho xứng với mình đâu, mà là vẽ nương tay.* Khi thấy ảnh chụp mình, hoặc khi thấy mình trên video, tôi nói: *Tôi đâu thực sự xứng được như thế, như vậy là nương tay đó.* Đó là sự khác biệt.

Sự công chính và lòng nhân từ không mâu thuẫn với nhau, chúng đi cùng đường với nhau; chỉ khác là sự công chính chỉ có thể đi đến đây, còn lòng nhân từ tiếp nối và đi tiếp. Sự công chính cho ta điều ta đáng nhận, nhưng lòng nhân từ cho ta điều ta không đáng nhận, và Đức Chúa Trời là bậc thầy xuất sắc về cả hai. Chúa sẽ luôn làm điều công chính. Ngài sẽ cho mọi người điều họ đáng được

nhận. Không ai có thể nói được rằng Đức Chúa Trời không công bằng. Nhưng cảm tạ Chúa, Ngài không chỉ công chính mà Ngài còn cho người ta điều họ không đáng nhận - lòng nhân từ ra từ tình yêu tuyệt đối.

Đó là điều Đức Chúa Trời tìm kiếm mà Ngài không nhận được. Ngài có huyết của hàng ngàn con chiên, họ giữ lễ nghi, họ giữ khía cạnh tôn giáo, nhưng Đức Chúa Trời tìm kiếm nhiều hơn thế. Có người đã nói thế này, tóm tắt điều đó rất hay: *Điều quan trọng duy nhất là cách con người đứng với Đức Chúa Trời. Nhưng phép thử duy nhất cho điều đó là cách họ đứng với con người.* Để tôi nhắc lại: *Điều quan trọng duy nhất là cách con người đứng với Đức Chúa Trời. Nhưng phép thử duy nhất cho điều đó là cách họ đứng với con người.*

Nói cách khác là một quan hệ giữa ta với những người khác phản ánh mối quan hệ giữa ta với Chúa. Nếu thực sự tìm thấy Chúa và biết Ngài thì anh chị em sẽ thấy mình làm điều công chính và bày tỏ lòng nhân từ, vì đó chính là điều chúng ta tìm thấy nơi Chúa. Nắm được không ạ? Nên Chúa mới tìm kiếm điều đó nơi mối quan hệ giữa chúng ta với người khác theo chiều ngang. Nó phản ánh mối quan hệ chúng ta đã tìm thấy nơi Ngài. Vì thành thật và nói, chúng ta thật mừng vì Đức Chúa Trời không chỉ công chính. Nếu Chúa chỉ xử chúng ta cách công chính và chỉ cho chúng ta điều mình đáng nhận thì sáng nay, không ai trong chúng ta được ở đây, nhưng Ngài vượt xa hơn điều đó và cho chúng ta điều mình không đáng nhận. Đó chính là toàn bộ câu hỏi về sự công chính và lòng nhân từ.

Mi-chê khá đau lòng trong phiên tòa, rồi sau đó nỗi đau của ông nhường chỗ cho sự vui mừng khi ông nhận ra rằng vị Quan án trong phòng xử sẽ bày tỏ lòng nhân từ cũng như làm điều công chính; và lòng nhân từ là ân xá, là tha thứ và ông thốt lên rằng: *Ai là Đức Chúa Trời tha thứ giống như Ngài?* Sự tha thứ là một phép lạ đúng không, khi Đức Chúa Trời nói: *Ta sẽ tha thứ cho điều đó. Ta sẽ ân xá cho các con*, dù chúng ta phạm tội. Vậy là chúng ta có sự quân bình tuyệt đẹp ở cuối sách trong giao ước mà Đức Chúa Trời lập nên là giao ước của lòng nhân từ và Đức Chúa Trời sẽ làm điều công chính và bày tỏ sự nhân từ trong phòng xử án với dân Ngài.

Ở đây có một trong những căng thẳng lớn khi chúng ta nhận biết Chúa, vì với chúng ta, luôn có một sự căng thẳng giữa sự công chính và lòng nhân từ. Nó nảy sinh khi chúng ta phải phạt con cái mình, đánh hay không đánh, đó là câu hỏi. Mỗi khi một đứa trẻ nghịch ngợm thì người cha, người mẹ lại gặp vấn đề: *Mình sẽ bày tỏ sự công chính và cho nó điều nó đáng nhận hay mình sẽ bày tỏ lòng nhân từ và tha thứ cho chúng?* Chúng ta cố gắng quân bình hai điều đó nhưng đó là một sự quân bình rất khó đạt được. Làm được cả hai cùng một lúc là một điều rất khó; thực ra thì tôi dám nói rằng với Chúa, để công chính và nhân từ là điều rất khó, trừ một trường hợp và chỉ một mà thôi. Đó là khi một người vô tội sẵn sàng nhận công lý thay cho kẻ có tội, khi đó Đức Chúa Trời có thể làm cả hai, Ngài có thể vừa trừng phạt, vừa ân xá. Nếu một người vô tội sẵn sàng nhận hình phạt thì kẻ có tội có thể được ân xá - nên thập tự giá là điều cần thiết.

Anh chị em có biết bài thánh ca "Nơi chân thập tự giá muôn đời, lòng luôn rung cảm xuyến xao không"? Có một câu trong đó nay đã bị bỏ đi, thật đáng tiếc, một câu rất hay. Nó hát thế này về thập tự giá: *Ôi nơi trú ẩn an toàn và an vui, ôi nơi nương náu vững chắc và ngọt ngào; ôi chốn hò hẹn, nơi tình yêu và sự công chính thiên đàng gặp nhau.* Và nơi thập tự giá, ta thấy sự công chính trọn vẹn của Chúa, án tử hình cho tội lỗi được thực thi, và nơi thập tự giá ta cũng thấy lòng nhân từ trọn vẹn của Chúa, khi kẻ có tội có thể được trả tự do vì người vô tội đã trả giá.

Nên mới cần có thập tự giá. Người ta nghĩ rằng một Đức Chúa Trời yêu thương có thể tha thứ mà không cần đến thập giá, không đâu. Nếu Chúa tha thứ cho chúng ta mà không cần đến thập tự giá thì nói thật, Ngài sẽ nhân từ chứ không công chính. Nếu Ngài không chịu tha thứ gì cả và trừng phạt tất cả thì Ngài sẽ công chính, nhưng không nhân từ. Nên xuyên suốt Cựu Ước, Ngài mới nhấn mạnh rằng không một người Y-sơ-ra-ên được tha thứ tội lỗi nếu trước hết, không có sinh tế vô tội, "không đổ huyết thì không có sự tha thứ" vì nếu không có sự đổ huyết thì Chúa không thể vừa công chính, vừa nhân từ được. Nếu đọc Rô-ma 3 thì ta sẽ thấy trong đó nêu rõ rằng nơi thập tự giá, chúng ta có thể thấy Chúa vừa công chính vừa xưng công chính cho những người tin nơi Chúa Giê-su, rằng Ngài vừa công chính và nhân từ, và chỉ có thể như vậy vì một Giê-su vô tội đã sẵn lòng nhận lấy sự công chính để chúng ta có thể nhận được sự nhân từ. Mi-chê đã tập trung vào hai điều này, sự công chính và lòng nhân từ của Chúa, là điều thực sự chuẩn bị tư duy chúng ta cho thập giá sau này. Nếu chúng ta đã nhận được sự kết hợp giữa sự công chính và lòng nhân từ trên thập tự giá thì điều đó sẽ được bày tỏ trong đời sống chúng ta, chúng ta cũng sẽ trở thành những người làm điều công chính, bày tỏ sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường. Điều thứ ba đó cũng quan trọng không kém hai điều kia. Chúng ta có thể làm hai điều đầu tiên và cảm thấy kiêu ngạo, nhưng chúng ta chỉ làm những điều đó vì Chúa đã làm vậy cho mình và chúng ta bước đi cách khiêm nhường với Ngài.

Tất nhiên là Tân Ước dùng đến lời tiên tri của Mi-chê, nhắc lại lời tiên báo rằng một Đấng cai trị sẽ ra từ Bết-lê-hem và cho thấy nó đã được ứng nghiệm bởi một quyết định của Hoàng đế La Mã trong cung điện của ông ta tại Rô-ma, cách xa đó hàng trăm cây số. Ông ta nói: *Chúng ta hãy thu thuế thân*; quyết định đó đã đưa Giô-sép và Ma-ri đến Bết-lê-hem, rồi Chúa Giê-su được sinh ra. Nhưng niềm tin rằng khi Đức vua và Đấng cai trị đó đến, Ngài sẽ tiếp quản chính quyền thế giới và mang lại hòa bình cho cả thế giới vẫn chưa ứng nghiệm, nhưng nó sẽ được ứng nghiệm khi Đấng Christ trở lại. Có rất nhiều lời tiên tri về những điều sẽ xảy ra khi Đấng Mê-si-a đến nhưng lại không xảy ra khi Chúa Giê-su đến.

Đó là cái cớ to đùng của người Do Thái. Họ nói rằng *Đấng Mê-si-a sẽ cai trị thế giới, Ngài sẽ đem lại hòa bình trên khắp thế giới, và Chúa Giê-su đã không làm điều đó nên Ngài không thể là Đấng Mê-si-a được*. Đó là cách lập luận của họ vì có một bí mật được giấu khỏi mọi tiên tri trong Cựu Ước và chỉ được bày tỏ trong Tân Ước, ấy là Đấng Mê-si-a sẽ đến hai lần. Lần đầu để chết cho tội lỗi chúng ta, và lần thứ hai để tiếp quản thế giới. Trong khi ấy, Cơ Đốc nhân là những người đã tìm ra sự cứu rỗi trong Đấng Christ sẽ có ý thức xã hội giống như Mi-chê. Một số người nói rằng nhiệm vụ của chúng ta chỉ là chinh phục các linh hồn và đưa họ từ tàu Titanic xuống xuồng cứu sinh của chúng ta trước khi cả thế giới chìm xuống.

Không, còn hơn thế nữa. Hoạt động xã hội là một phần sứ mệnh của hội thánh, nếu chúng ta nhạy bén với các tiên tri trong Cựu Ước. Không chỉ khiến tội nhân được cứu, mà còn làm những gì mình có thể để giảm bớt những bất công trong xã hội. Một số buổi nhóm của tôi tại Nam Phi bị hủy bỏ và tôi bị quy là cộng sản vào năm 1982 chỉ vì một tôi câu nói, ấy là *Đức Chúa Trời công chính quan ngại về sự bất công không kém gì sự đồi bại.* Vấn đề chính trị của Anh là các chính trị gia cánh hữu quan ngại về sự đồi bại còn các chính trị gia cánh hữu quan ngại về sự bất công, và Đức Chúa Trời quan ngại về cả hai, vì sự công chính che lấp mọi điều sai trái trước mắt Chúa. Ngợi khen Chúa vì những người như Mi-chê. Có những Mi-chê thời nay lên tiếng thay cho người yếu thế, bị bóc lột và nói: *Đức Chúa Trời nổi giận với điều này.* Nguyện chúng ta cũng dự phần vào việc đó. A-men.

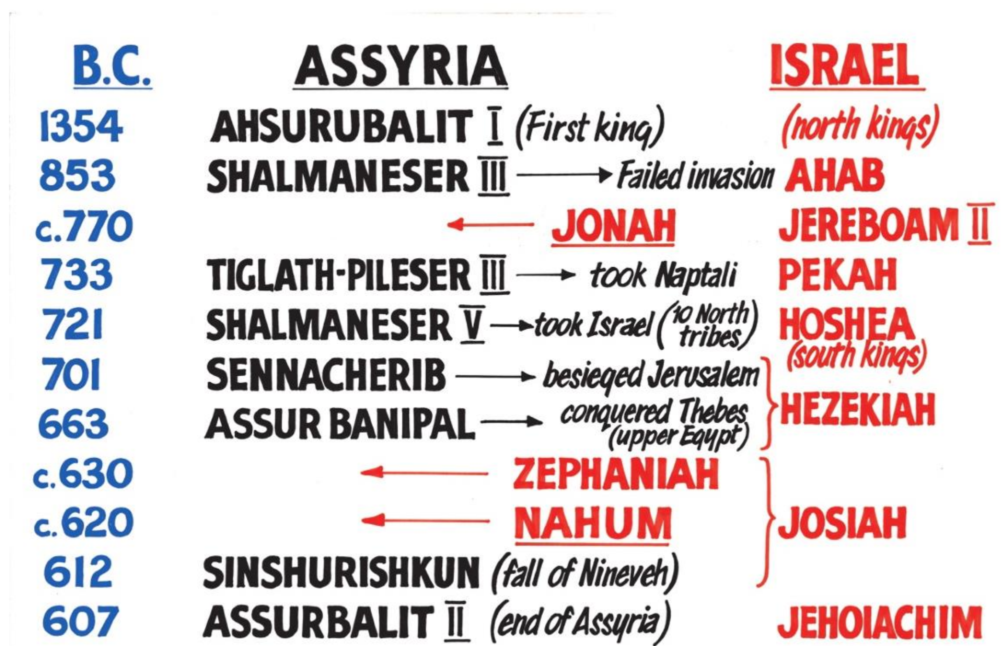
SÁCH NA-HUM

Giới thiệu

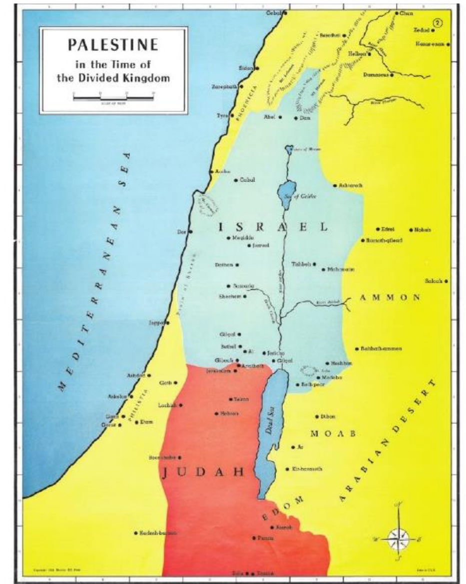
“Gottes mullen marlen
Langsam mahlen
Aber treflich klein
Abends langsamer
Mutte sich zomat
Bringt mit schaffet alles ein.”
Đây là một bài thơ ngắn được Longfellow dịch sang tiếng Anh:
“Chầm chậm cối Chúa xay
Nhưng cối xay thật kỹ.
Kiên tâm Ngài đứng đợi
Xay chính xác cực kỳ.”

Sự kiên nhẫn của Chúa cũng có lúc cạn kiệt; Ngài cực kỳ kiên nhẫn và quá đỗi nhân từ, nhưng sẽ đến lúc Đức Chúa Trời chịu hết nổi. Đó là sứ điệp của các tiên tri. Giô-na đã nhầm thời điểm; lúc bấy giờ Chúa vẫn còn nhân từ và kiên nhẫn với Ni-ni-ve còn Giô-na nghĩ là không được như vậy. Nhưng Na-hum vào 150 năm sau thì đã đến thời điểm. Na-hum được sai phái với cùng một sứ điệp về sự hủy diệt, nhưng lần này không còn hy vọng nữa; lần này thì họ có đáp ứng tích cực cũng không ích gì. Thái cực ngược lại là nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ tức giận, không bao giờ trừng phạt, không bao giờ phá hủy hoặc xóa sổ một thành phố hay một quốc gia, nhưng Ngài sẽ, và Ngài có làm như vậy. Ngài có thể chậm nóng giận, nhưng không có nghĩa là Ngài sẽ không bao giờ nổi giận. Thực ra thì cơn giận của Chúa như một nồi sữa đun trên bếp, nó liu riu khá lâu rồi bỗng dưng sôi bùng lên, và nếu mở to mắt thì ta sẽ thấy nó liu riu. Cơn giận của Ngài hiện đang liu riu trên nước Anh này - nếu mở to mắt thì anh chị em sẽ thấy điều đó.

Khi nào nó sẽ bùng lên? Câu hỏi là như vậy. Những người không canh chừng thì sẽ không thấy nó liu riu. Bỗng nhiên sữa trào lên, vợ tôi chạy từ phòng khách vào nhà bếp, kêu “sữa trào rồi!” Nếu canh chừng thì ta sẽ không bị tá hỏa.



Bối cảnh



150 năm sau có Na-hum, để tôi đưa ông vào bối cảnh. Ông lại đến từ phía bắc như tôi đã nói. Chúng ta cần nhớ rằng sau khi Sa-lô-môn qua đời, họ không bao giờ hợp lại nữa. Xảy ra cuộc nội chiến và mười chi phái phía bắc tách khỏi hai chi phái phía nam. Mười chi phái phía bắc giữ tên Y-sơ-ra-ên và hai chi phái phía nam - Bên-gia-min và Giu-đa lấy tên chi phái lớn nhất là Giu-đa. Nên có sự phân chia rõ rệt và hãy nhớ là Giô-na đến từ phía bắc nơi mười chi phái đã tách ra, Na-hum cũng vậy. Bây giờ là một chút lịch sử. Đây là các vua phương bắc. Các vua phương bắc - A-háp, chắc chắn anh chị em đã nghe đến A-háp và bà hoàng hậu độc ác Giê-sa-bên; rồi đến Giê-rô-bô-am II, đó là khi Giô-na đến Ni-ni-ve, sau đó là Phê-ca, rồi đến Ô-sê.

Nhưng trong thời gian đó, A-si-ri đang bành chướng và chúng cố gắng xâm chiếm mười chi phái phía bắc dưới thời vua A-háp nhưng không thành, nhưng chúng sẽ trở lại. Chúng trở lại dưới thời Tiếc-la Phi-lê-se III. Chúng bắt Nép-ta-li, bắt một chi phái; chúng trở lại dưới thời Sanh-ma-na-sa và bắt lấy mười chi phái. Mười chi phái Y-sơ-ra-ên đã thất thủ và bị đày khỏi xứ. Từ đó trở đi, tất cả những gì còn lại là Giu-đa nhỏ bé ở phía nam và trong thời trị vì của Ê-xê-chia, San-chê-ríp đến vây hãm Giê-ru-sa-lem, chúng ta sẽ nói về điều đó khi xét đến sách Ê-sai, có sự việc cực kỳ ấn tượng khi một thiên sứ đánh bại 185.000 quân A-si-ri - đó là điều một thiên sứ có thể làm. Về sau tôi sẽ cho anh chị em xem một tấm ảnh về những hài cốt của 185.000 người đó - chúng được phát hiện ở ngay ngoài Giê-ru-sa-lem. Dưới thời Ô-náp-ba, chúng chiếm được Thebes hay Nô và vùng Thượng Ai Cập, nên đến thời điểm này, chúng là một đế quốc hùng mạnh. Đây là lúc hai tiểu tiên tri xuất hiện. Chúng ta sẽ nói đến Sô-phô-ni sau nhưng để tôi đọc những điều ông nói về Ni-ni-ve. Sô-phô-ni nói thế này. Ông nói:

> "Ngài sẽ hủy diệt A-si-ri,
> Và làm cho Ni-ni-ve trở nên một nơi hoang vu,
> Một chỗ khô khan như sa mạc.
>
> Các bầy thú vật sẽ nằm ở giữa thành;
> Tất cả các loài thú khác,
> Kể cả chim bồ nông và con nhím,
> Cũng ở trên những đầu cột.
> Tiếng chim hót vang qua cửa sổ, Cảnh hoang tàn ở nơi ngưỡng cửa,
> Vì mọi thứ bằng gỗ bá hương đã bị dỡ đi."

Đó là một trong những điều Sô-phô-ni đã nói. Nhưng thực ra người cuối cùng đi và bảo rằng họ sẽ chấm dứt hoàn toàn là Na-hum. Tuy Sô-phô-ni nói vậy ở chỗ này nhưng Na-hum, cũng như Giô-na, đã đến Ni-ni-ve và nói tại đây, đưa ra lời cảnh báo cuối cùng cho họ.

Rồi, tất nhiên, khác biệt rất lớn giữa Giô-na và Na-hum là Đức Chúa Trời không để cho họ thoát. Thú vị ở chỗ, cả hai người đều miêu tả Đức Chúa Trời là Đấng chậm giận, nhưng khác là với Na-hum, thời gian đã hết. Khi đã bùng lên thì không ai dập tắt được cơn thịnh nộ của Chúa. Khi đã sôi trào lên - Kinh Thánh thường gọi điều này là "ngày thịnh nộ của Ngài," không gì có thể dập tắt nó.

Khi cơn thịnh nộ của Ngài còn đang liu riu thì có thể tắt đi được nhưng đã trào lên rồi thì không gì có thể dừng lại được. Với các nước khác nhau và với các cá nhân khác nhau, nó đã trào lên ở những thời điểm khác nhau. Còn với thế giới, có một ngày thịnh nộ sẽ đến, khi người ta thà bị động đất nuốt chửng còn hơn phải nhìn thấy cơn giận trên mặt Đức Chúa Trời và con Ngài là Chúa Giê-su - điều đó có trong Khải huyền chương 6.

Vậy là giờ đây, Đức Chúa Trời đầy thịnh nộ, Ngài đang sôi sục, và tuy vua Ni-ni-ve đã thử cầu nguyện và kiêng ăn như trước - ông ta cố gắng bắt chước những gì đã xảy ra với Giô-na, nhưng lần này không có tác dụng và Đức Chúa Trời không chấp nhận nó. Sẽ có lúc quá muộn để thay đổi. Câu cuối của Na-hum là "Vết thương ngươi không phương cứu chữa, vết đòn ngươi thật trầm trọng." Thú vị là ở chỗ, điều này được miêu tả như tin lành, nhưng không phải cho người A-si-ri.

Đây là tin lành cho Y-sơ-ra-ên vì Na-hum sinh ra khi mười chi phái bị chiếm đóng, ông sinh ra trong lãnh thổ bị chiếm đóng, ông sinh ra dưới thời A-si-ri cai trị trong Xứ Thánh - tưởng tượng ra không ạ? Sinh ra và lớn lên dưới chướng A-si-ri, nên lời tiên tri của ông về sự diệt vong của Ni-ni-ve là tin lành và chúng ta có cụm từ thật hay này: *Bàn chân của những người loan báo tin lành trên các núi đồi thật xinh đẹp biết bao.* Bàn chân thì không được đẹp lắm đúng không? Anh chị em có bao giờ thích người ta chụp chân mình không? Chụp mặt đã đủ tệ lắm rồi mà còn chụp chân. Không. Chỉ có một hoàn cảnh khiến bàn chân trở nên xinh đẹp, ấy là bàn chân mang theo tin lành! Anh chị em sẽ hôn lấy bàn chân ai đó đến báo tin rằng xứ sở mình bị kẻ thù tàn bạo chiếm đóng bấy lâu nay sắp được tự do. Giống với phản ứng của Đông Âu một hai năm trước, nên đó là tin tức tuyệt vời. Thực ra, Na-hum nói rằng *tất cả những người nghe tin về ngươi đều sẽ vỗ tay khi ngươi sụp đổ. Vì nào có ai không nếm trải sự tàn ác triền miên của ngươi!* Đó là một lời tiên tri đầy sinh động.

Một lần nữa, có một câu hỏi mà chúng ta phải đặt ra: Đức Chúa Trời có kiểm soát lịch sử cũng như thiên nhiên không? Nếu Giô-na hỏi ta rằng Chúa có kiểm soát thiên nhiên không thì Na-hum hỏi ta rằng Chúa có kiểm soát lịch sử không. Và Kinh Thánh nói - vì có quan điểm Hữu thần nên Kinh Thánh nói rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng vẽ những tập bản đồ lịch sử. Phao-lô tại Mars Hill, A-thên nói với người Hy Lạp rằng: *Đức Chúa Trời định cho một nước thời kỳ và ranh giới của nó,* nên chính Chúa là Đấng cho phép một nước dấy lên và làm thành đế chế; chính Chúa là Đấng đưa nó đến hồi kết.

Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đưa Đế quốc Anh đến hồi kết, một đế quốc "mặt trời không bao giờ lặn." Khi chúng ta phủi tay trên người Do Thái vào năm 1947 và nói *chúng ta không muốn dính dáng gì thêm với người Do Thái*, Chúa phán: *thế thì ngươi không thể lo cho bất cứ ai*. Trong vòng năm năm, Đế quốc Anh đã biến mất. Đó là cách hiểu của tôi về lịch sử. Đức Chúa Trời không những kiểm soát toàn bộ thiên nhiên mà Ngài còn kiểm soát toàn bộ lịch sử. Chính Ngài là Đấng dấy các vua lên và hạ họ xuống, chính Ngài đã cho một nước bành trướng ra rồi phá hủy nó. Anh chị em biết không, Cơ Đốc nhân tại Đức, hai năm trước khi bức tường tại Berlin sụp đổ, đã tuyên bố trong Danh Giê-su rằng Đức Chúa Trời kéo đổ bức tường đó xuống. Vì họ tin rằng Đức Chúa Trời kiểm soát lịch sử; nên lịch sử có thể đoán trước và một phần nhiệm vụ của các tiên tri là tiên đoán lịch sử và viết lịch sử trước khi nó xảy ra. Ở đây, Na-hum nói rằng Ni-ni-ve kết thúc rồi; một điều dường như không thể tin được khi nhìn vào sức mạnh và uy lực của Ni-ni-ve, nhưng nó đã xảy ra trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Lời công bố (chương 1)

NAHUM - fall of Nineveh

1. PROCLAMATION | WHO? | INTERVENTION
   a. DISASTER FOR HIS ENEMIES
   b. DELIVERANCE FOR HIS FRIENDS
2. DESCRIPTION | HOW? | INVASION
   a. DAY OF LOOTING
   b. DEN OF LIONS
3. EXPLANATION | WHY? | INHUMANITY
   a. CONQUEST BY FORCE
   b. CORRUPTION BY FINANCE

Na-hum gần như toàn là tiên đoán nên hãy phân tích lời tiên tri ngắn của Na-hum - chỉ có ba chương và rất dễ để phân tách giữa ba chương. Tất cả đều liên quan đến sự sụp đổ của Ni-ni-ve. Đầu tiên là lời công bố về việc Chúa sẽ động đến ai, sự can thiệp thiên thượng đồng nghĩa với thảm họa cho kẻ thù của Chúa, và sự giải cứu cho bạn của Ngài. Khi Đức Chúa Trời can thiệp thì luôn có đặc điểm kép này, khi Chúa bước vào lịch sử và ra tay thì nó đồng nghĩa với thảm họa cho mọi kẻ thù Ngài, những kẻ coi thường Chúa và tin cậy chính mình. Đó là kẻ thù của Chúa. Họ cậy sức riêng mình và coi thường Đức Chúa Trời, và khi Chúa hành động thì chính họ sẽ đối mặt với thảm họa. Đó là bởi vì, như Na-hum đã nói, một mặt trong bổn tính Đức Chúa Trời là Ngài là Đức Chúa Trời ghen tuông. Ngài không ghen tị. Đức Chúa Trời không ghen tị với ai về bất cứ điều gì, vì dù sao thì mọi thứ đều là của Ngài.

Tôi thích Thi Thiên 50, trong đó Đức Chúa Trời phán: "Nếu Ta đói, Ta chẳng cần nói cho các ngươi biết" Một cái nhìn thật hay về sự đầy đủ của Chúa, tiếp đó là *các bầy súc vật trên hàng nghìn đồi núi đều thuộc về Ta, bạc vàng thuộc về Ta*, nhưng mở đầu là *nếu Ta đói, Ta chẳng cần nói cho các ngươi biết, Ta chỉ cần tự đi lấy những gì là của Ta*. Nhưng Đức Chúa Trời ghen tuông. Khác ở chỗ đó, ta ghen tị với những gì người khác có, ta ghen tuông về điều mình có mà người khác muốn lấy từ mình. Hiểu không ạ? Ta có thể ghen tị với vợ của người khác, nhưng ta sẽ ghen tuông về vợ mình và Đức Chúa Trời ghen tuông về Danh Ngài, Ngài ghen tuông về danh tiếng của Ngài, Ngài ghen tuông về dân Ngài, Ngài ghen tuông về thế giới của Ngài. Đức Chúa Trời phán *đây là danh Ta, đây là danh tiếng của Ta, đây là thế giới của Ta và Ta sẽ không để ai hành xử như vậy trên thế giới của Ta* - đó là sự ghen tuông và ghen tuông dẫn đến báo thù, đó là một từ khác của Na-hum. Chúng ta cần nhớ rằng Chúa là Đức Chúa Trời báo thù vì Ngài là Đức Chúa Trời ghen tuông, Ngài không phải Đức Chúa Trời rắp tâm trả thù mà Ngài là Đức Chúa Trời báo thù. Đó là lý do tại sao Kinh Thánh hô hào rằng *đừng bao giờ lấy ác trả ác, hãy để điều đó cho Chúa*. "Sự trả thù thuộc về Ta," Đức Giê-hô-va phán.

Tôi tự hỏi lần cuối cùng anh chị em nghe thấy một bài giảng về sự ghen tuông hay báo thù của Đức Chúa Trời là khi nào, nhưng đó là một phần bổn tính của Ngài vì Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết và Na-hum hầu như chỉ tập trung vào sự ghen tuông của Chúa và sự báo thù của Ngài với những kẻ coi thường Ngài và tin cậy bản thân. Nhưng những người đã tin cậy Chúa sau tất cả những hành

động tàn bạo của người A-si-ri và tin rằng đến một ngày, Đức Chúa Trời sẽ giải quyết hết - họ sẽ được giải cứu. Nên đó là tin lành.

Chương đầu là một bài thơ ghép chữ. Tức là mỗi câu bắt đầu bằng chữ tiếp theo trong bảng chữ cái. Nếu có thể đọc bằng tiếng Hê-bơ-rơ thì anh chị em sẽ thấy đó là một bài thơ được xây dựng rất khéo léo, dễ nhớ, vì mỗi khẳng định bắt đầu với chữ tiếp theo trong bảng chữ cái. Ghép chữ là cách để giúp người ta nhớ được những gì đã nói. Ông không làm vậy để người Ni-ni-ve có thể nhớ được, nhưng để dân tộc ông tại Y-sơ-ra-ên có thể dễ dàng ghi nhớ. Đó là tin lành cho họ. *Hãy giữ trong lòng, hãy học thuộc lòng, hãy nhắc lại cho mình nghe, hãy kể cho con cháu rằng Ni-ni-ve kết thúc rồi, vì Đức Chúa Trời ghen tuông về danh Ngài.*

Đó là chương 1. Và xuyên suốt chương 1, ông xen kẽ một khẳng định về Ni-ni-ve với một khẳng định về Y-sơ-ra-ên. Tin dữ với Ni-ni-ve, tin lành với Y-sơ-ra-ên. Tin dữ với Ni-ni-ve, tin lành với Y-sơ-ra-ên. Một tác phẩm văn học trác tuyệt. Những tiên tri này có thể ghép từ ngữ lại với nhau bởi sự thần cảm của Thánh Linh theo cách dễ nhớ.

Sự mô tả (chương 2)

Rồi chúng ta chuyển sang chương 2. Nếu chương 1 là lời công bố rằng Ni-ni-ve sẽ sụp đổ thì chương 2 là sự mô tả về cách điều đó sẽ xảy ra, với những chi tiết cực kỳ đáng kinh ngạc. Tôi đang xem ti vi thì thấy phóng viên đầu tiên của CBN tại Baghdad, Iraq nói: *Những quả bom đầu tiên đang rơi xuống.* Anh chị em có thấy cảnh tượng đáng nhớ đó không? Truyền hình thật là kỳ diệu, ta thấy được một cuộc chiến vừa mới nổ ra, không thể tin được - lần đầu tiên có điều đó, hàng triệu người trên toàn thế giới thực sự chứng kiến chiến sự mở màn.

Nhưng Na-hum thấy nó mở màn trước cả khi nó xảy ra, và mô tả nó như một phóng viên truyền hình, như thể ông đang thấy nó diễn ra trước mắt mình, mà nó còn chưa xảy ra. Nhưng những chi tiết trong đó quá sinh động. Đầy những cảm xúc thi vị, một mô tả đáng nhớ. Thực ra khi đọc chương 2, tôi thấy rất giống với lời Alfred Lord Tennyson, năm ngoái chúng ta vừa kỷ niệm 100 năm ngày mất của ông như tôi đã nói. Anh chị em nhớ không: "Nửa lữ đoàn, nửa lữ đoàn, nửa lữ đoàn đồng loạt tiến vào thung lũng sinh tử chôn vùi 600 người, đại bác nã bên phải, đại bác nã bên trái, đại bác nã phía trước, liên thanh và gầm vang"? Anh chị em có học bài đó ở trường không? Giờ thì người ta không dạy bọn trẻ những điều như thế nữa, có khi thế lại tốt! Rồi. Để tôi đọc một đoạn Na-hum xem anh chị em có nhớ ra không:

"Hỡi Ni-ni-ve, kẻ tàn phá đang tiến quân đánh thẳng vào ngươi. Hãy cố thủ các đồn lũy, canh phòng các trục giao thông. Hãy chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, tăng cường quân lực đến mức tối đa. Vì Chúa Hằng Hữu sẽ phục hồi vinh quang cho Gia-cốp, như vinh quang của Y-sơ-ra-ên dù những kẻ hủy diệt đã phá hoang và tiêu diệt hết các vườn nho của chúng. Thuẫn khiên của lính chiến màu đỏ, quân phục các binh sĩ cũng đỏ. Trong ngày dàn trận chuẩn bị giáp chiến, sắt trên chiến xa lòe sáng như chớp làm cho các ngọn cây bách rúng động. Các chiến xa chạy như vũ bão trong các đường phố, qua lại vùn vụt trên các thông lộ; mỗi chiếc đều sáng lòe như bó đuốc và chạy nhanh như chớp nhoáng. Vua triệu tập các quân đội, họ vấp ngã khi chạy ra các chiến lũy, khiên thuẫn sẵn sàng. Các sông cái sẽ bật mở và cung điện sẽ đổ sập. Hoàng hậu bị trấn lột và bắt đi; những con hầu đấm ngực rên rỉ như bồ câu."

Cứ như vậy. Ôi, nóng bừng bừng luôn nhỉ! Thú vị là ở chỗ, những người đến phá hủy Ni-ni-ve mặc quân phục màu đỏ và trong thời Na-hum không có đội quân nào mặc quân phục đỏ cả. Ông thấy cả màu quân phục của họ và ông thấy cách họ vào qua các cửa sông - họ tháo cạn sông và vào qua các cửa cống, họ vào được Ni-ni-ve. Và ông thấy tất cả những điều đó xảy đến - anh chị em đọc Na-hum mà xem, một mô tả rất sinh động. Hãy nghe áng thơ này:

"Khốn cho thành vấy máu!
Nó đầy dẫy sự dối trá và cường bạo,
Cướp bóc không thôi.
Có tiếng roi quất, tiếng ầm ầm của bánh xe;
Ngựa phi nước đại, chiến xa phóng lên.
Kỵ binh xông tới,
Gươm vung sáng lòa, giáo phóng chớp nhoáng.
Đông đảo người ngã gục,
Thây chất thành đống,
Xác chết nhiều vô số!
Người ta vấp ngã trên những xác chết."
Tất cả bởi vì Ni-ni-ve đã bán mình cho các kẻ thù của Đức Chúa Trời.

Áng văn thật sinh động - anh chị em có thể tưởng tượng ra người này giảng như vậy không? Ông thấy tất cả xảy đến một cách sinh động, đó là chương 2. Trước hết, ông mô tả về ngày cướp bóc, ông thấy thành này bị cướp bóc, mọi thứ có giá trị đều bị tước đi, mọi của báu đều mất hết. Rồi ông nói: *Ta thấy một hang sư tử, nhưng là những con sư tử yếu ớt và hấp hối.* Anh chị em nhớ khi có người gọi nước Anh là "sư tử mất răng" không? Na-hum đang gọi Ni-ni-ve như vậy. Một điều rất có ý nghĩa vì sư tử là biểu tượng của A-si-ri - chúng coi mình là những con sư tử. Nhưng ở đây, chúng trở nên những sư tử mất răng hay những con hổ giấy, chúng không còn là mối đe dọa với bất cứ ai, chính chúng đang hoảng loạn. Có một kiểu công lý đầy thi vị trong điều này.

Lời giải thích (chương 3)

Rồi đến chương 3. Ông chuyển từ mô tả sang giải thích - tại sao? Anh chị em thấy đấy, trước hết, ông công bố rằng Đức Chúa Trời sẽ thay mặt bạn Ngài can thiệp và chống lại kẻ thù Ngài, nhưng sau đó ông mô tả điều đó sẽ xảy ra như thế nào - bằng sự xâm lược của một lực lượng mạnh hơn tiến vào thành và chiếm lấy cái hang sư tử này. Nhưng lời giải thích - tại sao điều này lại xảy đến? Câu trả lời là tính vô nhân đạo khủng khiếp của A-si-ri. Anh chị em thấy đấy, chúng không biết Mười Điều Răn, nên Chúa không phán xét chúng vì vi phạm Mười Điều Răn. Khi Chúa sai một tiên tri đến tuyên bố nghịch cùng một dân không phải là dân Chúa, Ngài không ném Mười Điều Răn vào họ.

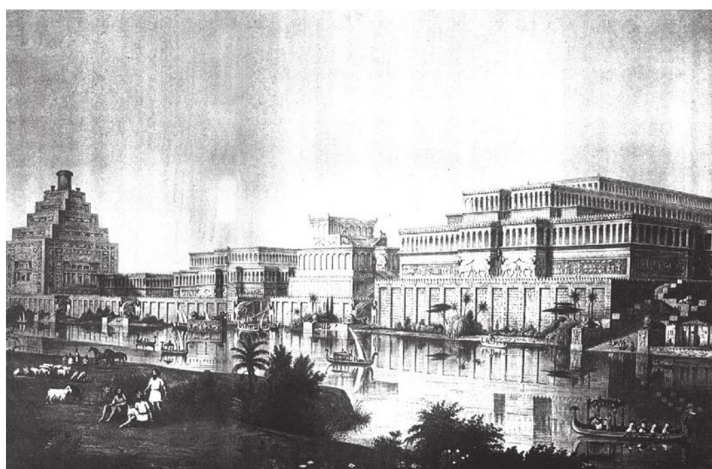
Chúng ta sẽ thấy trong A-mốt rằng Ngài mắng họ vô nhân đạo - rằng ai cũng biết họ cần tử tế thay vì tàn ác. Những người chưa từng nghe đến Mười Điều Răn đều biết rằng dã man, tàn ác và tra tấn người ta là sai trái. Ai cũng biết điều đó. Nên Chúa phán xét người ta bằng những gì họ biết, đó là một nguyên tắc xuyên suốt trong Kinh Thánh. Nếu một người không biết Mười Điều Răn thì anh ta sẽ không bị phán xét vì vi phạm Mười Điều Răn. Nếu một người chưa từng nghe đến Đấng Christ thì anh ta sẽ không bị phán xét vì chưa nghe đến Đấng Christ, nhưng ai cũng có hiểu biết nào đó về Đức Chúa Trời qua công cuộc sáng tạo bên ngoài họ và lương tâm bên trong họ, và Đức Chúa Trời sẽ phán xét mọi người bằng những gì chính lương tâm họ biết.

Tất cả chúng ta đều biết vô nhân đạo là sai trái đúng không? Tài liệu U144 của Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn Nhân quyền. Không cần Cơ Đốc nhân viết những điều đó, chúng ta biết quyền con người. Vì chúng chà đạp lên nhân quyền nên điều này xảy đến với chúng, vì chúng xâm lược bằng vũ lực. Chúng đã bành trướng như vậy đó. Như một cuộc chiến chớp nhoáng vậy, chúng lấy xe ngựa giày đạp lên một nước, tàn sát mọi cư dân và chiếm lấy nó bằng vũ lực! Đức Chúa Trời có thể ban thêm cho ta lãnh thổ mà không cần ta phải chiếm đoạt bằng vũ lực. Có cách bành trướng đúng đắn và sai trái.

Nhưng điều còn lại mà ông đề cập cụ thể, ấy là họ đã bị tiền bạc làm cho tha hóa. Ông chỉ ra điều đó, rằng khi trở nên giàu có thì họ thành ra tha hóa; nạn hối lộ trở nên phổ biến và vì hai điều mà Na-hum nói rằng họ biết là sai trái, Đức Chúa Trời sẽ phá hủy thành của họ vì cớ đó. Tôi thấy hai điều đó rất đáng chú ý vì thế giới của chúng ta cũng không lạ gì với chúng, và người ta biết chúng là sai trái. Cảm tạ Chúa, chúng ta sống ở một đất nước mà nạn hối lộ chưa đến nỗi tệ lắm, nhưng nó đang trở nên trầm trọng hơn, thật sự là như vậy. Khi đến một đất nước mà anh không thể làm bằng lái xe hay hộ chiếu mà không hối lộ cho mọi người trên đường vào văn phòng, anh sẽ thật mừng khi quay trở lại đây. Những người hay đi đây đó biết điều này. Nhưng đó là điều đã xảy ra ở đây, họ xâm lược bằng vũ lực và bị tiền bạc làm cho tha hóa, nên Na-hum nói: *Khốn cho thành vấy máu này!* Đáng tiếc là từ "khốn" đã bị mất nghĩa. Đó là một lời rủa sả, một từ kinh khủng, đừng bao giờ dùng đến nó. Tôi e là chúng ta rất hay nghe những bậc phụ huynh mắng con là "đồ khốn nạn," đừng bao giờ nói thế với một đứa trẻ. Thế là đang rủa sả đứa trẻ đó.

Nếu đến Biển hồ Ga-li-lê ngày nay, anh chị em sẽ nói: *Ôi đẹp quá!* Sáng nay anh vừa miêu tả chỗ đó nhỉ, đẹp đến nỗi ai cũng mê. Nó hoàn toàn khác với cảnh tượng vào thời Chúa Giê-su. Có 250.000 người sống quanh bờ biển Ga-li-lê, vào thời Chúa Giê-su, nó là chốn đô thị sầm uất. Ca-bê-na-um là một thị trấn chài lưới lớn, Bết-sai-đa và Cô-ra-xin cũng vậy. Những thị trấn ấy đâu rồi? Tại sao ngày nay, khi đến đó, ta phải ở Ti-be-rơ là thị trấn duy nhất bên bờ biển Ga-li-lê? Tôi sẽ cho anh chị em biết tại sao, vì Chúa Giê-su đã rủa sả tất cả những thị trấn kia. Ngài phán: *Khốn cho ngươi Ca-bê-na-um, khốn cho ngươi Bết-sai-đa, khốn cho ngươi Cô-ra-xin! Nếu những việc quyền năng đã thực hiện giữa các ngươi được thực hiện tại Ty-rơ và Si-đôn thì họ đã ăn năn từ lâu rồi.* Thị trấn duy nhất mà Ngài không rủa sả là Ti-be-rơ. Ngài không bao giờ nói: *Khốn cho ngươi Ti-be-rơ.* Kết quả là Ti-be-rơ vẫn còn đó, những thị trấn khác khó mà tìm thấy, chỉ còn vài viên đá. *Khốn thay, khốn cho thành vấy máu đó* - một lời rủa sả khủng khiếp, và Na-hum đã công bố nó.

Điều gì đã xảy ra với Ni-ni-ve và Na-hum?



Ảnh vẽ lại của Ni-ni-ve

Những gì xảy ra với Ni-ni-ve chưa đến một thập kỷ sau khi Na-hum rủa sả như vậy - tất cả đều xảy ra đúng đến từng chi tiết, đến từng chi tiết, và nó không bao giờ có người ở nữa. Để tôi cho anh chị em xem lại ảnh chụp của nó ngày nay. Đây là cung điện nguy nga, nó giống như vậy. Có những con cú, con nhím và mọi loài thú hoang mà Sô-phô-ni nói rằng sẽ sống tại đó. Đó là tất cả những gì ta có thể thấy ở đó ngày nay. Ni-ni-ve đã biến mất, không bao giờ có người ở nữa. Nó đã mất tích trong nhiều thế kỷ, không

ai biết nó ở đâu. Thực ra là người ta nghi ngờ về sự tồn tại của nó cho đến năm 1820, khi một người Anh tên Layard đang cuốc bộ qua khu đó và ở tại thị trấn trên bờ tây Ti-gơ-rít, ông nhìn sang bên kia và thấy đống đổ nát này.



Tàn tích của Ni-ni-ve ngày nay

Ông thắc mắc: *Cái gì thế nhỉ?* Người ta không biết và ông đã đi qua đó. Sau khi đào bới xung quanh, ông nghĩ: *Mình nghĩ là mình đã tìm ra Ni-ni-ve*, và đúng là như vậy. Điều gì đã xảy đến với Na-hum? Vâng, thực ra thì ông không trở lại quê nhà. Anh chị em sẽ thấy mộ của ông ở bờ tây Ti-gơ-rít ngày nay và nếu anh chị em đến đó, người ta sẽ chỉ vào mộ và nói: *Kia là nơi an nghỉ của Na-hum.* Vậy là mộ của ông nằm bên bờ đối diện, và vẫn còn đó, được người Ả Rập tôn kính như một trong các tiên tri.

Kết luận - lý do để nghiên cứu các sách tiên tri

Hãy đưa ra kết luận nào. Tôi muốn xét đến cả A-mốt và Na-hum cùng các tiên tri khác và hỏi *tại sao lại nghiên cứu các sách tiên tri?* Ý tôi muốn nói đó không phải là lịch sử của chúng ta, thậm chí không phải của dân ta, chúng ta không phải người Do Thái. Tại sao chúng ta phải nghiên cứu lịch sử của dân tộc khác? Một nơi rất xa, vào thời rất xưa - nó có liên quan gì đến chúng ta? Câu trả lời rất đơn giản - để chúng ta có thể biết Chúa nhiều hơn vì Đức Chúa Trời chẳng hề biến cải và qua những sách tiên tri này chúng ta có thể thấy Chúa là như thế nào vì các sách tiên tri bày tỏ Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va, có thể dịch thành "Ta là" tuy không hẳn là như vậy, đó là một phân từ chứ không hẳn là động từ - hoặc như tôi đề xuất là "always" - Đấng Hằng hữu. Từ đó thật sự chạm đến tôi. Đức Chúa Trời hằng hữu, vẫn luôn như vậy.

PROPHETS REVEAL GOD YAHWEH 'I AM' ALWAYS

1. HIS ACTIVITY - POWERFUL
NATURE: MIRACLES
HISTORY: MOVEMENTS

2. HIS INTEGRITY - PREDICTABLE
JUSTICE: PUNISHMENT
MERCY: PARDON

3. HIS FLEXIBILITY - PERSONAL
MAN: REPENTS
GOD: RELENTS

Rồi, ba điều chính yếu mà các tiên tri dường như tập trung vào - tôi đã liệt kê ra đây. Thứ nhất, họ tập trung vào hành động của Đức Chúa Trời, điều Ngài đã làm, điều Ngài đang làm, điều Ngài sẽ làm, và rõ ràng là họ nói đến Ngài như một Đức Chúa Trời toàn năng. Nếu Chúa nhật nào ta cũng đọc Bản

Tín điều các Sứ đồ thì ta bắt đầu theo cách đó. “Tôi tin Đức Chúa Trời Toàn năng là Cha,” không chỉ là Cha mà là Cha Toàn năng, Đấng dựng nên trời đất. Ngài cũng được nói đến như Đấng quyền năng tới mức Ngài toàn quyền kiểm soát cả thiên nhiên và lịch sử. Nên những phép lạ có thể xảy ra trong thiên nhiên và Ngài có thể khiến những phong trào xảy ra trong lịch sử.

Đó là khái niệm về Đức Chúa Trời mà chúng ta cần nắm lấy vì trong kỷ nguyên khoa học hiện đại, khi người ta coi thiên nhiên là một hệ thống khép kín và lịch sử chỉ là kết quả của các thế lực kinh tế, không dễ để nhớ rằng Đức Chúa Trời toàn quyền kiểm soát cả hai. Việc đọc các sách tiên tri thường xuyên cho chúng ta hình ảnh một Đức Chúa Trời quyền năng có thể khiến bất cứ điều gì xảy ra trong thiên nhiên và xảy ra trong lịch sử. Đó là triết lý chúng ta gọi là Thuyết Hữu thần và đó là triết lý của Kinh Thánh. Đó là lý do lớn thứ nhất để đọc các sách tiên tri.

Thứ hai, chuyển từ hành động đến tính nhất quán của Ngài. Đức Chúa Trời trước sau như một. Ngài vẫn mãi y nguyên, Ngài không thay đổi bổn tính và Đức Chúa Trời là sự kết hợp độc nhất vô nhị giữa sự công chính và lòng nhân từ. Nếu quá chú trọng vào điều này mà quên mất điều kia thì ta sẽ có cái nhìn mất quân bình về Đức Chúa Trời. Nếu chỉ nghĩ đến sự công chính của Chúa thì ta sẽ có cái nhìn quá cứng nhắc về Chúa; nếu chỉ nghĩ đến lòng nhân từ Ngài thì ta sẽ có cái nhìn quá mềm mại về Chúa. Trường hợp đầu có sự kính sợ nhưng không có tình yêu, trường hợp sau có tình yêu nhưng không có sự kính sợ, và chúng ta cần cả hai. Các sách tiên tri thật sự có sự quân bình tuyệt vời.

Hai bài tiếp theo của chúng ta sẽ là A-mốt và Ô-sê. Nếu có một tiên tri chuyên về sự công chính của Chúa thì đó là A-mốt, và nếu có một tiên tri chuyên về lòng nhân từ thì đó là Ô-sê. Đức Chúa Trời đã sai phái hai người đó đến cùng một nơi, tại cùng một thời điểm với hai sứ điệp khác nhau để giữ sự quân bình. Sự công chính Ngài nghĩa là Ngài phải trừng phạt tội lỗi và lòng nhân từ Ngài nghĩa là Ngài mong mỏi được tha thứ và ân xá cho nó. Ở đây có sự căng thẳng, hẳn là Chúa phải căng thẳng lắm và điều đó chỉ được giải quyết nơi thập tự giá vì chỉ ở nơi thập tự giá thì sự công chính và lòng nhân từ mới gặp nhau, tội lỗi vừa bị trừng phạt vừa được ân xá ở cùng một nơi và vào cùng một thời điểm, chỉ có điều là Chúa Giê-su nhận lấy hình phạt và chúng ta được ân xá. Hiểu không ạ? Nhưng đó là sự nhất quán trong bổn tính của Chúa nên ta có thể đoán xem Đức Chúa Trời sẽ cư xử như thế nào. Ngài sẽ thực thi lòng thương xót lâu nhất có thể, nhưng khi người ta cứ mãi khước từ thì Ngài phải thi hành sự công chính. Đó là sứ điệp của Giô-na và Na-hum.

Rồi ba là các tiên tri có nhấn mạnh sự linh hoạt của Ngài. Với tôi thì đây là nhìn nhận quan trọng nhất về Đức Chúa Trời. Ấy là Đức Chúa Trời có thể thay đổi kế hoạch của Ngài. Chúng không nhất nhất phải như vậy, Ngài có thể thay đổi kế hoạch của Ngài với con người tùy thuộc vào cách họ phản ứng với Ngài. Điều này xuất hiện cụ thể trong Giê-rê-mi, khi Giê-rê-mi đến nhà người thợ gốm để xem người thợ gốm cố nắn đất sét thành một cái bình đẹp, nhưng đất sét không chạy trơn tru trên tay người thợ gốm để làm thành bình, nên người thợ gốm vo nó lại thành cục và làm một cái vại dày, thô kệch và Chúa phán: *Giê-rê-mi, con đã rút ra được bài học về người thợ gốm và đất sét chưa?* Hầu hết những người giảng về thợ gốm và đất sét mà tôi từng nghe đều hiểu sai hoàn toàn; họ nói rằng người thợ gốm quyết định hình thù của đất sét.

Đó là tiền định và nếu Ngài đã định thế này hoặc thế kia thì ta chỉ có thể làm như vậy thôi, không khác được! Thực ra thì chính đất sét lại quyết định xem nó sẽ là chiếc bình xinh đẹp hay cái vại thô kệch, tùy vào việc nó có đáp ứng với tay người thợ gốm hay không. Nắm được không ạ? Điều này cực kỳ quan trọng, và rồi Chúa nói với Giê-rê-mi: *Con đã rút ra bài học về người thợ gốm và đất sét*

chưa? Ta muốn nắn Y-sơ-ra-ên thành một cái bình chứa lòng thương xót Ta nhưng chúng không chịu nên Ta đành nắn chúng thành cái vại đựng sự công chính Ta. Nhưng Ngài phán: *Nếu chúng ăn năn thì Ta sẽ mủi lòng và chúng ta sẽ lại nắn chúng thành cái bình đẹp.*

Đó là sự linh hoạt của Đức Chúa Trời. Chúa sẵn sàng đáp lại chúng ta, thật tuyệt vời đúng không? Ngài muốn chúng ta đáp ứng với Ngài và nếu chúng ta đáp ứng thì Ngài có thể thay đổi và lập ra kế hoạch tốt lành chứ không phải tai họa cho chúng ta. Nhưng nếu chúng ta không đáp ứng với lòng thương xót Ngài thì Ngài phải thay đổi và lập kế hoạch tệ hại cho chúng ta. Đức Chúa Trời rất cá nhân, Ngài sống động, và chúng ta đang sống trong mối quan hệ sống động với Ngài, mọi thứ không cố định - cái đó là thuyết định mệnh, là số mệnh.

Mọi thứ không cố định, Đức Chúa Trời linh hoạt và Ngài điều chỉnh cho phù hợp với dân Ngài. Nếu dân Ngài đáp ứng đúng cách thì Ngài nắn chúng ta thành một cái bình đẹp, nhưng nếu chúng ta phản ứng sai cách thì Ngài vẫn làm chúng ta thành một cái bình, đó là đặc quyền của Ngài, nhưng nó sẽ là cái bình đựng đầy sự công chính Ngài và chúng ta sẽ minh họa cho cả thế giới thấy Đức Chúa Trời, nhưng minh họa về sự công chính chứ không phải lòng nhân từ Ngài. Lựa chọn thuộc về chúng ta. Anh muốn thành loại đất sét nào? Anh muốn minh họa lòng nhân từ Ngài với thế giới hay sự công chính Ngài? Anh sẽ minh họa điều này hoặc điều kia, và không phải Chúa ra lệnh cho anh thành cái gì, mà chính anh quyết định xem mình có đáp ứng với Ngài không. Vâng, với tôi thì sự linh hoạt của Chúa là một lẽ thật rất quý báu; tương lai không cố định, nó không phải là tiền định, nó để ngỏ vì nó mang tính cá nhân. Một điều mà ngay cả Chúa cũng không thể thay đổi ấy là Ngài không thể thay đổi quá khứ, nhưng Ngài có thể và sẽ thay đổi tương lai.

Đó là một khái niệm về Đức Chúa Trời mà tôi thấy nhiều Cơ Đốc nhân chưa nắm được, ấy là Đức Chúa Trời rất linh hoạt. Ngài không thay đổi trong bổn tính, tính nhất quán của Ngài không đổi, nhưng kế hoạch của Ngài cho chúng ta có thể thay đổi vì Ngài là một Đức Chúa Trời sống động và cá nhân, Ngài muốn chúng ta đáp ứng, và Ngài sẽ đáp lại đáp ứng của chúng ta. Kinh Thánh thậm chí còn dám nói rằng Đức Chúa Trời ăn năn khi chúng ta ăn năn, nhưng từ ăn năn đơn giản là đổi ý. Khi chúng ta đổi ý thì Đức Chúa Trời cũng vậy, một ý nghĩ thật tuyệt đúng không? Nhưng Ngài không thay đổi bổn tính Ngài và đó là ý nghĩ còn tuyệt hơn nữa - ta luôn có thể nương cậy vào Ngài.

Đó là lý do tại sao tôi khích lệ mọi người đọc các sách tiên tri. Họ biết Chúa nhiều hơn và họ biết Ngài là một Đức Chúa Trời quyền năng có thể làm bất cứ điều gì với thiên nhiên và lịch sử; Ngài là một Đức Chúa Trời dễ đoán; Ngài sẽ hành động theo sự nhất quán của bổn tính Ngài nên ta có thể biết Ngài sẽ phản ứng ra sao. Nhưng Ngài cũng là một Đức Chúa Trời cá nhân muốn có mối quan hệ sống động với chúng ta để Ngài có thể phản hồi chúng ta và chúng ta có thể đáp ứng với Ngài. Đó là Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng, ngợi khen danh Ngài!

SÁCH HA-BA-CÚC

Giới thiệu

20 năm sau Sô-phô-ni, chúng ta đến với một tiên tri khác - Ha-ba-cúc. Tên ông có nghĩa là một người ôm chặt hay ghì chặt, hay nói dân dã là người đeo bám, chúng ta gọi ông là Ha-ba-cúc - Người đeo bám. Ông là một người đeo bám lấy Chúa, dám tranh luận với Chúa, đòi Chúa phải trả lời ông, nhưng khi có câu trả lời rồi thì ông lại không thích. Chúng ta lại giải quyết những vấn đề quan trọng và căn bản - mâu thuẫn giữa thực tế và đức tin. Đôi khi những gì chúng ta tin lại không giống lẽ thật vì thực tế dường như chống lại chúng ta; cụ thể là nếu Chúa tốt lành và toàn năng thì tại sao người vô tội phải chịu khổ còn kẻ có tội thì không? Tại sao Đức Chúa Trời không hành động nhanh hơn? Tại sao Ngài không làm gì đó với thế giới đầy hỗn loạn?

Và nhiều người vật lộn với những vấn đề này, hoặc là họ tự vật lộn và mãi suy tư nung nấu trong đầu, hoặc là họ vật lộn và tranh cãi với những người khác, nhưng cách tốt nhất khi gặp vấn đề nan giải là vật lộn với Chúa, đeo bám lấy Ngài cho tới khi Ngài cho anh chị em câu trả lời. Đó là điều Ha-ba-cúc đã làm. Sự dạn dĩ và thành thật tuyệt đối của ông được bộc lộ trong lời tiên tri ngắn này. Tôi thấy rất đồng cảm với Ha-ba-cúc khi ông tranh luận với Chúa.

Không giống Sô-phô-ni, sách tiểu tiên tri này đầy những câu dễ trích dẫn. Với Sô-phô-ni, tôi không nghĩ anh chị em có thể cho tôi câu nào ngoài điệp khúc "Ngài sẽ vui mừng ca hát vì ngươi," nhưng Ha-ba-cúc thì rất khác. Chẳng hạn, chắc chắn anh chị em đã nghe người ta cầu nguyện rằng "Mắt Chúa quá thánh sạch chẳng thể nhìn điều ác," nghe thấy cụm đó bao giờ chưa ạ? Câu đó từ sách Ha-ba-cúc mà ra, tuy đó không phải là điều Chúa phán, đó là điều Ha-ba-cúc nói; và có thể ông không đúng, rồi chúng ta sẽ thấy. Nhưng những lời khác mà Chúa có phán thì chúng ta trích dẫn một cách tự do: "Vì sự nhận biết vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ đầy dẫy khắp đất như nước phủ đầy biển." Hẳn là anh chị em đã nghe đến câu đó. Hoặc một câu khác - "Nhưng Đức Giê-hô-va ngự trong đền thánh Ngài; Trước mặt Ngài, mọi người trên đất hãy lặng thinh!" Hoặc "Trong cơn giận, xin Chúa nhớ xót thương!" Chắc chắn anh chị em đã nghe đến câu đó. Còn câu

"Cho dù cây vả sẽ không nứt lộc nữa,
Vườn nho ngưng ra trái,...
Con vẫn vui mừng trong Đức Giê-hô-va;
Con vẫn hớn hở trong Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con."

Nhưng tôi cho rằng câu nổi tiếng nhất trong Ha-ba-cúc đã trở thành Đại Hiến chương Tin lành kể từ thời Cải chánh là "người công chính sẽ sống bởi đức tin mình" và Martin Luther khiến chỉ một câu đó từ Ha-ba-cúc - chương 2, câu 4 vang lên khắp Bắc Âu và trở thành Quốc ca của Phong trào Cải chánh. Nhưng tôi phải nói rằng người ta đã hiểu sai và giải thích sai câu đó, chúng ta phải xét thật kỹ xem nó thực sự nói gì và có ý nghĩa gì.

Dàn ý của Sách Ha-ba-cúc

HABAKKUK

Chapters 1-2	Chapter 3
Wrestling with God	Resting in God
Miserable	Happy
Shouting	Singing
Prayer	Praise
Impatient	Patient
Asks for justice	Asks for mercy
Down in dumps!	On a high!

Rồi, hình thù - hoặc cấu trúc của Ha-ba-cúc, chúng ta lại xét đến điều đó và rõ ràng là sách chia thành hai phần. Chương 1 và chương 2 gắn liền với nhau và là nửa đầu, còn nửa sau của lời tiên tri là chương 3. Phần đầu và phần sau tương phản với nhau rất rõ rệt. Trong phần đầu, ông vật lộn với Chúa, có sự tranh chiến trong đó. Ở phần sau, ông được nghỉ ngơi trong Chúa và được bình an. Trong phần đầu, Ha-ba-cúc đau khổ, ở phần sau ông lại vui mừng. Trong phần đầu, ông hét lên với Chúa theo đúng nghĩa đen, ở phần sau ông hát lên với Chúa. Trong phần đầu, ông nguyện cầu nhưng ở phần sau, ông ngợi khen. Trong phần đầu, ông nóng vội: *Chúa ơi tại sao Ngài không...?* Ở phần sau, ông kiên nhẫn; ông nói: *Con sẽ chờ đợi Chúa.* Trong phần đầu, ông đòi công lý - *Chúa ơi, công lý của Ngài đâu rồi?* Nhưng ở nửa sau, ông nói: *Chúa ơi, trong cơn giận, xin Chúa nhớ xót thương.* Trong phần đầu, ông ở dưới đáy cùng nhưng ở phần sau, ông ở trên đỉnh cao.

Phàn nàn cầu nguyện (chương 1-2)

HABAKKUK

THE PROPHET (1^{1})

A. COMPLAINING PRAYER (1^{2}-2^{20})

1. GOD DOES TOO LITTLE (1^{2-11})
   - QUESTION: Why don't bad suffer?
   - ANSWER: Bad will suffer – Babylonians!
2. GOD DOES TOO MUCH (1^{12}-2^{20})
   - QUESTIONS: Why use worse to punish bad? Why do good suffer?
   - ANSWERS: Good will survive! Worse will suffer!

B. COMPOSED PRAISE (3^{1-19})

1. TREMBLES AT GOD'S PAST ACTION (1-16)
2. TRUSTS IN GOD'S FUTURE PROTECTION (17-19)

Vậy điều gì đã xảy ra với Ha-ba-cúc? Hẳn phải có điều gì quan trọng xảy ra ở đoạn giữa. Ông đã được thay đổi. Vậy điều gì đã thay đổi ông? Vâng, chúng ta phải đi vào lời tiên tri chi tiết để xem điều gì đã thay đổi ông. Hãy cùng tìm hiểu kỹ hơn. Tôi đặt tên cho phần đầu là Phàn nàn Cầu nguyện

và nếu có ai phàn nàn với Chúa thì đó là Ha-ba-cúc. Ông phàn nàn cách thành thật; ông nghĩ gì thì nói với Chúa đúng như vậy.

Một lần nữa, đó là sự thành thật tuyệt đối trong lời cầu nguyện. Ban đầu, ông phàn nàn rằng Chúa quá nhẹ tay rồi sau đó ông phàn nàn rằng Chúa quá nặng tay. Có một số người không tài nào mà làm vừa lòng được, đúng không? Có những người chẳng bao giờ hài lòng với cách làm của Chúa. Và ông đổi chiều ngay trong lập luận của mình, từ "Chúa ơi, Ngài làm thế sao đủ!" sang "Chúa ơi, Ngài quá mạnh tay rồi." Thật kỳ lạ khi chúng ta đến với Chúa và muốn Ngài làm đúng những điều chúng ta nghĩ Ngài nên làm. Đó là vấn đề thực sự của Ha-ba-cúc. Nhưng phần sau mà tôi gọi là Soạn khúc Ngợi khen vì thực ra đó là một bài hát "viết cho người điều khiển dàn nhạc"; cụ thể là ông muốn hát kèm các nhạc cụ bằng dây. Chúng ta sẽ hát bài đó và sẽ hát theo điệu Khải Hoàn ca của Beethoven từ bản giao hưởng số 9 của ông. Đằng sau đó là cả một câu chuyện dài. Nhưng dàn ý là như vậy.

Hãy tìm hiểu phần này, là trọng tâm trong lời tiên tri của ông. Tôi tin vào cái mà tôi gọi là lời cầu nguyện chất vấn. Không biết anh chị em có cầu nguyện như vậy không. Đó là một lối cầu nguyện rất quan trọng; tôi thấy nó cực kỳ hữu ích. Ta đã nghe đến sự cầu thay, ấy là khi ta xin Chúa điều này, điều kia, nhưng cầu nguyện chất vấn là khi ta đặt ra những câu hỏi cho Chúa. Tôi rất hay thấy Ngài phán cùng mình nếu tôi đặt câu hỏi cho Ngài. Tôi không cố gắng tìm câu trả lời, tôi chỉ đặt một câu hỏi cho Ngài, và nếu có điều gì đó nảy ra trong tâm trí tôi, nhất là khi nó rất bất ngờ và không phải điều tôi sẽ nghĩ đến, tôi thấy ấn tượng, thì tôi tin nó đến từ Chúa, và chín mươi phần trăm là như vậy.

Khi đứa con gái yêu dấu của chúng tôi qua đời, sau đó chúng tôi mới phát hiện ra là con bé đã làm bao điều cho Chúa - chúng tôi rất kinh ngạc. Con bé không bao giờ nói về điều đó, nhưng nó thường xuyên liên lạc với các giáo sĩ tại Trung Quốc, Châu Phi, Haiti và khắp mọi nơi; nó là người dẫn thờ phượng trong hội thánh, cả hội thánh khóc thương con bé. Tôi trò chuyện với Chúa về nó và hỏi: *Chúa ơi, con rất tự hào về con gái con, nhưng Ngài cảm thấy thế nào về nó, Ngài nghĩ sao?* Và ngay lập tức, tâm trí tôi nảy ra những lời này: "Con bé là một trong những thành công của Ta." Đó là điều tôi đã giảng ở đám tang con bé. Anh chị em là một trong những thành công hay một trong những thất bại của Ngài? Ngài có rất nhiều thất bại từ Giu-đa Ích-ca-ri-ốt trở đi.

Hãy đặt những câu hỏi cho Ngài, chỉ cần hỏi Ngài cảm thấy thế nào. Nếu cả đời anh chị em chưa từng nghe tiếng Chúa thì hãy thử hỏi câu này: *Chúa ơi, có điều gì trong đời sống con mà Ngài không thích không?* Nếu anh chị em thật sự muốn nghe tiếng Chúa thì hãy hỏi Ngài câu đó. Khi tôi nói vậy với một người phụ nữ, bà ấy bảo: *Tôi biết đó là gì rồi*! Tôi bảo *không, biết đâu lại là một điều khác, bà đi hỏi Ngài xem.* Bà đi hỏi thật và Chúa nhật tuần sau, bà ấy bảo: "Công nhận!" Ha-ba-cúc đã đặt ra cho Chúa những câu hỏi. Hãy nhớ rằng Ha-ba-cúc đến sau Sô-phô-ni 20 năm và Giô-si-a không đạt được những gì ông hy vọng sẽ đạt được trong cuộc cải cách, thế rồi ông bị giết tại Mê-ghi-đô vào năm 608 TCN; sau ông là một vị vua rất trần tục, vị kỷ, buông thả tên Giê-hô-gia-kim và Luật pháp mất hiệu lực, công lý trở nên sai lạc. Có tình trạng hối lộ, tham nhũng, vô luật pháp và nạn áp bức tràn lan trên các đường phố Giê-ru-sa-lem, thành của Đức Chúa Trời, đến mức không còn an toàn khi đi bộ một mình ngoài đường vào ban đêm. Bạo lực tràn lan khắp thành, mọi thứ ngày càng tệ hại và Ha-ba-cúc phải chứng kiến tất cả những điều này, ông không chịu nổi nên ông đến với Chúa.

Chúng ta cũng cần nhớ một điều về bối cảnh quốc tế nữa. Quân A-si-ri từng bắt mười chi phái đi lưu đày giờ đang suy tàn, họ đang trên đường rút lui, lúc này không có cường quốc nào trên thế giới; nên Ha-ba-cúc biết Chúa không thể đem người A-si-ri đến trừng phạt Giu-đa, vì họ là một cường

quốc đang suy tàn. Ông không thấy chút thay đổi nào trong bối cảnh chính trị nên có vẻ như không có gì xảy ra khi Giê-ru-sa-lem xuống dốc và ngày càng tệ hại. Đó là bối cảnh. Thế là ông phàn nàn với Chúa, ông nói: *Chúa ơi, sao Ngài có thể chịu được và không làm gì với tất cả những thứ này? Trong thành thánh của Ngài có bạo lực, hối lộ, tham nhũng, sợ hãi, thật khủng khiếp - thế mà Ngài không làm gì với nó. Sao Chúa lại để con thấy tất cả những điều đó? Ngài mở mắt con ra nhưng lại bịt tai con vào, con không nghe thấy gì từ Ngài.* Ông thật sự cằm ràm với Chúa như vậy. Ông muốn Chúa đảo ngược xu thế, thay đổi xã hội, khôi phục luật pháp và trật tự.

Nghe quen không ạ? Ngày nay, tôi nghe thấy Cơ Đốc nhân đang cầu nguyện cho điều đó. *Chúa ơi, sao Ngài không đảo ngược xu thế tại nước Anh đi? Sao Ngài không khôi phục luật pháp và trật tự để được đi bộ an toàn trở lại trên đường phố? Sao Ngài không thay đổi xã hội đi?* Vâng, Ha-ba-cúc nói tất cả những điều đó với Chúa, và rồi Chúa đã trả lời. Tranh luận với Chúa là tốt, nhưng trước đây tôi đã cảnh báo anh chị em rồi, anh chị em sẽ không bao giờ tranh luận mà thắng được đâu. Chúa cho Ha-ba-cúc năm câu trả lời cho câu hỏi *Tại sao Ngài không làm gì, tại sao kẻ xấu không phải chịu khổ, tại sao tội phạm không phải chịu khổ? Sao tất cả những người hung bạo lại không phải chịu khổ?*

Chúa đáp lại bằng năm khẳng định. Một là Ngài phán: *Con nhìn chưa đủ rộng, con hãy mở mắt to hơn một chút. Hãy xem.* Hai là Chúa phán: *Con sẽ rất bất ngờ đấy Ha-ba-cúc ạ!* Ba là Chúa phán: *Ta đã lên kế hoạch cho một điều sẽ xảy ra trong đời con.* Bốn là Chúa phán: *Ta chưa cho con biết điều Ta đang làm vì con sẽ không tin đâu.* Nói mát rất thú vị. Điều thứ năm là *Ta đã bắt đầu làm một điều nhưng con lại không biết.* Câu trả lời khá hay đúng không? Đó là điều Chúa đã phán với Ha-ba-cúc, hẳn là ông thấy xấu hổ lắm. *Thế Chúa ơi, Ngài đang làm cái gì mà con không biết, mà con không thấy?* Chúa phán: *Ta đang dấy người Ba-by-lôn lên.*

Đến lúc này thì Ba-by-lôn chỉ là một thành phố nhỏ bên sông Ti-gơ-rít. Chưa ai thực sự nghe đến nó - trừ Ê-xê-chia, khi trở lại với vị vua tốt Ê-xê-chia, sai lầm nghiêm trọng nhất mà Ê-xê-chia phạm phải là thế này: Có lần Ê-xê-chia ốm rất nặng. Đó là khi Chúa phán với ông rằng ông sẽ khỏe hơn và dấu lạ về 40 phút - đồng hồ mặt trời lùi lại mười độ - đã xảy ra. Trở lại vấn đề - điều gì đã xảy ra? Vua Ba-by-lôn, lúc bấy giờ chỉ là một thành phố nhỏ, nhưng nó có một vị vua nhỏ, vua nhỏ của thành phố nhỏ, nhưng ông ta gửi tấm thiệp chúc sức khỏe cho Ê-xê-chia.

Ông ta gửi một thông điệp cảm thông, mong người sớm khỏe lại, và ông ta gửi qua tay của hai sứ thần; họ đến với Ê-xê-chia; nói rằng *vua Ba-by-lôn mong người sớm khỏe lại và gửi tấm thiệp này để đặt trên mặt lò sưởi của người.* Ê-xê-chia mừng lắm vì một người ở xa như vậy lại quan tâm đến việc mình ốm và ông bắt đầu tự cao. Ông nói: *Nhân khi còn ở đây, các vị có muốn xem cung điện của ta không*? - và ông đưa họ đi thăm khắp cung điện. Ông nói: *Của báu của ta không là gì so với của báu trong đền thờ ngay cạnh, các vị có muốn xem chúng luôn không?* Ông đưa các vị khách đi thăm khắp đền thờ và mọi của báu trong đền thờ. Tiên tri Ê-sai vào cung điện của Ê-xê-chia vào ngày hôm sau.

- Những người mà vua dẫn đi thăm thú là ai vậy?
- Ôi, họ là hai vị khách từ phương xa, một thành phố nhỏ tên Ba-by-lôn, và vua Ba-by-lôn gửi cho ta tấm thiệp chúc sức khỏe. Ta không biết mình lại nổi tiếng đến thế.

Ê-sai nói: *Ba-by-lôn sẽ lấy đi mọi thứ mà vua cho hai người đó xem, từ cung vua, từ đền thờ.* Nên ngay cả Ê-sai cũng thấy điều sắp xảy đến, nhưng Ha-ba-cúc thì chưa. Vì đến lúc này, Ba-by-lôn đang lớn mạnh và vua Ba-by-lôn ngày càng hùng mạnh. Họ sẽ chinh phục A-si-ri và họ sẽ trở thành cường quốc phía đông của sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát. Ba-by-lôn sẽ trở thành kẻ thù đáng gờm nhất của

Giê-ru-sa-lem, đến nỗi ở cuối sách Khải huyền, Ba-by-lôn và Giê-ru-sa-lem được mô tả như một kỹ nữ dơ dáy và một nàng dâu tinh khiết, hai người nữ giáp mặt với nhau lúc cuối cùng. Ba-by-lôn, tất nhiên là bắt nguồn từ Ba-bên. Cùng một từ, đó là nơi Tháp Ba-bên được xây dựng và Ba-by-lôn nhỏ bé mà Ê-xê-chia nghĩ chỉ là một nơi bé mọn ở đầu bên kia thế giới sắp trở thành cường quốc sẽ đến trừng phạt Giê-ru-sa-lem. *Đó là điều Ta đang làm; Ta sẽ mang người Ba-by-lôn đến mà con không biết. Con chỉ nhìn thấy những gì xảy ra tại Giê-ru-sa-lem, nhưng hãy nhướng mắt con lên, Ha-ba-cúc ạ, hãy nhìn xa hơn, con không thấy điều gì đang xảy ra à? Có một cường quốc đang dấy lên ở phía đông; đó là công cụ để Ta nổi cơn thịnh nộ nghịch cùng thành này và Ta đang đưa họ đến để xử lý nó.*

Ha-ba-cúc sốc lắm. Gần như thể Chúa phán rằng *Ta sẽ đưa Bắc Triều Tiên đến trừng phạt Nam Hàn.* Sốc kiểu như vậy. *Hoặc Ta đang dấy phát xít Đức lên để trừng phạt nước Anh.* Thực ra đây là cách Đức Chúa Trời xử lý các nước. Ngài dấy lên một nước khác để xử lý một nước tồi tệ, và ta thấy điều này liên tục xảy ra trong lịch sử. *Ta đang dấy người Ba-by-lôn lên* và giờ đây, Ha-ba-cúc lập luận ngược lại. Ông nói: *Thế là quá tay rồi Chúa ơi, mạnh tay quá ạ! Con đã nghe đến những người Ba-by-lôn này* - họ còn tai tiếng hơn cả người A-si-ri. A-si-ri là một dân khá tàn ác. Người A-si-ri đã nghĩ ra cách giết người kinh khiếp nhất. Họ dùng cây cọc gỗ vót nhọn, cắm nó xuống đất, rồi cầm chân một người, lấy cọc xiên thẳng qua anh ta và gọi đó là đóng cọc xiên người. Một cái chết khủng khiếp. A-si-ri là một dân tàn ác nhưng không là gì so với người Ba-by-lôn. Tôi đã nói là người Ba-by-lôn có chính sách tiêu thổ, tức là khi xâm chiếm một nước, họ thực sự loại bỏ mọi dấu vết của sự sống khỏi mặt đất. Ngay cả cây cối, họ chặt hết cây cối, họ tàn sát mọi loài vật. Người Ba-by-lôn đã đi qua thì không còn gì sống sót. Họ là một dân khó nhằn và Ha-ba-cúc nhận ra rằng nếu người Ba-by-lôn đến Giê-ru-sa-lem thì sẽ chẳng còn gì cả. Đó là ý nghĩa của câu từ:

"Cho dù cây vả sẽ không nứt lộc nữa,
Vườn nho ngưng ra trái,
...Bầy chiên bị dứt khỏi ràn,
Không có bầy bò trong chuồng nữa."

Nghĩa của những lời đó là như vậy. Chúng ta hát hoặc nói những lời đó mà không hề biết đằng sau đó là gì. Nhưng đằng sau đó là không còn gì sống sót và ông nói: *Chúa ơi, thế là mạnh tay quá! Nếu Ngài đưa quân Ba-by-lôn đến thì Chúa biết không, vẫn có những người tốt trong thành này.* Ông không nói *trong đó có cả con*, nhưng ý ông là như vậy. Ông nói: *Có một số người công chính trong thành này và họ sẽ chết cùng những kẻ gian ác. Phạt thế là nặng quá Chúa ơi! Thế là dân Ngài chẳng còn ai, xin lỗi Chúa nhưng con không chấp nhận được. Thế là quá mạnh tay; hơn nữa Ngài còn dùng một dân gian ác hơn chúng con để phạt chúng con, thế là trái đạo lý.* Đó là khi ông nói: "Mắt Chúa quá thánh sạch chẳng thể nhìn điều ác"

Đó là lập luận Ha-ba-cúc dùng để thuyết phục Chúa. Đó không phải là khẳng định của Chúa, nói vậy là không đúng về Chúa. Mắt Chúa không thánh sạch tới nỗi chẳng thể nhìn điều ác, ngày nào Chúa chẳng phải chứng kiến điều ác. Ngài chứng kiến mọi vụ hãm hiếp, mọi vụ cướp bóc. Chúng ta không phải chứng kiến nhưng Chúa thì có. Nhưng ông đang cố nói *Chúa ơi, Ngài không thể đứng nhìn chuyện đó xảy ra được, mắt Chúa quá thánh sạch chẳng thể nhìn điều ác. Để thấy người công chính bị diệt chung với kẻ gian ác, Ngài không thể làm vậy được!* Đó là lập luận của Ha-ba-cúc, và chúng ta nên cẩn thận với việc trích lập luận của một người như thể đó là lời Chúa phán, nắm được không ạ?

Hãy suy xét thật kỹ câu đó, Ha-ba-cúc đang cố nói rằng: *Chúa ơi, Ngài không thể làm vậy được.* Nhưng Chúa sẽ làm như vậy, thế là Ha-ba-cúc khó chịu với Chúa trong nửa sau của cuộc tranh luận. Ông nói: *Sao Ngài lại dùng một dân tệ hơn để phạt một dân không tệ bằng? Thế là trái đạo lý.* Nhưng Chúa thường xuyên làm như vậy, và Ngài dùng một dân rất tệ để trừng phạt một dân không tệ bằng. Nghe có điên rồ không ạ? Hãy đọc tiếp đi. *Còn những người tốt thì sao? Vẫn có những người tốt tại Giê-ru-sa-lem và Ngài biết người Ba-by-lôn sẽ làm gì. Họ không phân biệt người tốt, kẻ xấu, họ cứ thế là giết sạch.*

Thế là ông lên vọng canh nơi thành lũy và ông ngồi đó, hơi giống Giô-na sau khi đến Ni-ni-ve. Ông ngồi đó và nói: *Để con xem Chúa có làm thế không nào!* Ông ngồi trên vọng canh để xem quân Ba-by-lôn có đến không. Gần như ông đang nói rằng *Con thách Chúa đem chúng đến đấy!* Rất người, Ha-ba-cúc, nhưng ông thật sự tranh luận với Chúa và Chúa phán: *Ha-ba-cúc ạ, con có ngồi đấy cũng chẳng ích gì, hãy xuống đường và viết những điều này lên tường để người chạy qua có thể đọc được. Con cần cảnh báo họ, đừng ngồi đây xem Ta sẽ làm gì. Con cần cho dân sự biết điều Ta sẽ làm, nên hãy xuống đó và viết nó lên bảng để người đang chạy có thể đọc được.*

Khi Chúa bày tỏ cho chúng ta điều Ngài sẽ làm thì Ngài sẽ làm thật, để chúng ta có thể bảo mọi người chuẩn bị sẵn sàng, chứ không để chúng ta ngồi chờ xem Ngài có làm không. Đó là một ý quan trọng. Một số người rất thích nghiên cứu lời tiên tri, thời kỳ cuối cùng và những gì sẽ xảy ra chỉ để biết tuốt. Nhưng điểm cốt yếu để nghiên cứu sách Khải huyền là khiến dân sự chuẩn bị sẵn sàng và bảo họ về những gì sẽ đến. Ha-ba-cúc, hãy xuống khỏi vọng canh, hãy đi và viết điều đó lên trên đường. Có hai bản dịch của câu đó. Hoặc để người chạy đọc được, hoặc để người đọc chạy được, tôi không biết là bản nào thì đúng. Có thể là một trong hai ở tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng cả hai cách đều có lý đúng không? *Nhưng con cần khiến dân sự chuẩn bị sẵn sàng chứ không phải chờ xem Ta có làm điều đó không.*

Rồi Chúa đưa ra một khẳng định đã trở thành câu nổi tiếng nhất của Ha-ba-cúc, "người công chính sẽ sống bởi đức tin mình." Câu này có nghĩa là gì? Nó không mang cái nghĩa mà người Tin lành trong Phong trào Cải chánh gắn cho nó. Hãy xét đến nó trong ngữ cảnh. Ha-ba-cúc đang nói rằng người Ba-by-lôn sẽ giết cả người công chính lẫn kẻ gian ác, và Chúa phán rằng *không, Ta sẽ bảo vệ người công chính. Họ sẽ sống, miễn là họ cứ trung tín với Ta. Đ*ó là ý nghĩa của "người công chính sẽ sống bởi đức tin mình." Ấy là *những người tốt tại Giê-ru-sa-lem sẽ sống nhờ giữ đức tin về Ta và những người làm như vậy...*

Tất nhiên, khi người Ba-by-lôn đến, đó là lúc nhiều người có thể mất đức tin, họ sẽ nói: *Đức Chúa Trời ở đâu mà lại để chúng ta thất thủ.* Nhưng Ngài phán: *Những người tiếp tục tin Ta, tiếp tục tin cậy Ta sẽ sống sau sự phán xét hầu đến, nên con không cần phải lo. Ta là một Đức Chúa Trời công bằng và Ta hứa với con, Ha-ba-cúc ạ, những người tốt sẽ sống nếu họ cứ trung tín với Ta khi điều tồi tệ nhất xảy đến.* Đó là ý nghĩa, ý nghĩa thực sự của câu đó. Vì đức tin, cả trong tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy Lạp đều là sự trung tín.

Tôi không thể nhấn mạnh điều này hơn được nữa. Tôi đã gợi ý điều này từ sách Dân số ký và Sô-phô-ni, nhưng trên thực tế, chính sự trung tín mang đến sự cứu chuộc. Là tiếp tục tin. Là giữ đức tin. Đó là điều cứu chuộc anh chị em. Không phải là có đức tin một lần là có vé lên thiên đàng mà là cứ trung tín - tiếp tục tin. Ngay cả khi người Ba-by-lôn đến, dù cả thế giới sụp đổ, ngay cả khi mọi thứ

trở nên sai trật, vẫn cứ nói rằng: *Tôi vẫn tin cậy Ngài.* Thì anh chị em là người sống sót, anh chị em được cứu. Anh chị em hiểu nghĩa đó không ạ?

Anh chị em thấy đấy, danh từ đức tin chỉ xuất hiện ba lần trong Cựu Ước. Một lần ở đây, một lần khi nói về sự chung thủy trong hôn nhân. "Đức tin" trong hôn nhân là gắn bó với nhau cho đến khi cái chết chia lìa đôi ta. Đức tin trong hôn nhân là như vậy, là bên nhau cho đến cuối cùng. Anh chị em có biết cặp vợ chồng được phỏng vấn trên truyền hình nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày cưới không? Phóng viên hỏi chàng trai già nua là *trong suốt 70 năm đó, ông có bao giờ nghĩ đến chuyện ly dị không?* Ông đáp: *Ly dị thì không bao giờ! Giết người thì thường xuyên.*

Mọi người rất vui vì họ có những trận chiến, họ có nhiều khác biệt, nhưng họ vẫn bên nhau. Đó là đức tin. Rồi đức tin cũng áp dụng với Môi-se khi ông cầu nguyện, và tay ông được A-rôn và Hu-rơ đỡ lấy. Ông tiếp tục cầu nguyện cho đến khi thắng trận. Đức tin và sự trung tín đúng là cùng một điều, cùng một từ trong tiếng Hê-bơ-rơ và Hy Lạp. Nên khi đọc thấy "đức tin," hãy đọc thấy cả "sự" trung tín nữa. Anh chị em hiểu điều tôi đang nói không? Anh không thể tin Chúa Giê-su nếu anh không tiếp tục tin Ngài. Tin vào Ngài có một lần thì không phải là đức tin. Đức tin là tiếp tục tin Ngài dù có chuyện gì xảy ra. Là sự trung tín, là giữ đức tin. Tôi thích cụm đó - giữ đức tin trong ai đó. Đó là giữ đức tin trong Đức Chúa Trời cứu người công chính, và dù có bất cứ điều gì xảy ra trong tương lai, cho tới tận và ngay cả Ngày Phán xét, những người giữ đức tin trong Chúa sẽ được cứu. Đó là lý do tại sao cả ba sách Tin lành đều nói: "ai bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu." Đó là những người tiếp tục tin.

Điều thú vị là, ở đây trong Ha-ba-cúc, Chúa nói với ông rằng *những người tốt sẽ sống sót sau sự phán xét qua người Ba-by-lôn nhờ giữ đức tin trong Ta*; câu đó được ba trước giả khác nhau sử dụng trong Tân Ước và luôn nói đến việc tiếp tục trung tín. Chẳng hạn, Phao-lô nói trong Rô-ma 1:16 và sau đó, ông nói: *Tôi không hổ thẹn về Tin Lành đâu, vì đây là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi người tiếp tục tin. Vì đó là đức tin, từ đầu tới cuối,* hoặc theo đúng nghĩa đen là *từ đức tin đến đức tin, như có lời chép: "Người công chính sẽ sống bởi đức tin."* Nói cách khác, nó bắt đầu từ đức tin và kết thúc với đức tin. Sự cứu rỗi là nhờ tiếp tục tin. Nhờ sự trung tín. Nhờ đức tin không dời đổi dù có chuyện gì xảy ra.

Hoặc Hê-bơ-rơ 10 chẳng hạn. Hê-bơ-rơ 10 nói: *Nhưng chúng ta không phải là kẻ thối lui để bị hư mất đâu, mà là người tiếp tục tin và được cứu rỗi, như có lời chép: "Người công chính sẽ sống bởi đức tin."* Lại là câu đó, và mỗi khi trích dẫn câu ấy trong Tân Ước, trước giả đều nhấn mạnh vào việc tiếp tục tin. Đức tin từ đầu tới cuối, không thối lui nhưng tiếp tục tin cậy. Đó là một ý rất quan trọng vì rất tiếc, câu này hiện được dùng để gợi ý rằng nếu một người tin dù chỉ trong một phút trong đời thì họ được an toàn.

Làm vậy là dùng sai hẳn câu Kinh thánh này, người công chính sẽ sống nhờ giữ đức tin trong Chúa. Tôi đặc biệt nhấn mạnh điều này vì tôi e rằng có nhiều sự tự mãn giữa vòng Cơ Đốc nhân và họ dùng một cụm từ không đúng Kinh thánh để chứng minh quan điểm của mình - "được cứu một lần là đủ cả." Tôi thấy đó là một cụm từ kinh khủng. Chính những người giữ đức tin trong Chúa là những người sống sót sau khi mọi điều tồi tệ nhất xảy đến. Hãy tiếp tục tin thì anh sẽ sống, người công chính sẽ sống sót nhờ giữ đức tin. Xin thứ lỗi cho tôi vì dành nhiều thời gian nói về điều đó, nhưng đây là một ý rất quan trọng, nhất là khi câu đó được lấy thành Đại Hiến hương của Phong trào Cải chánh Tin lành. Người công chính sẽ sống nhờ tiếp tục tin là bản dịch tốt nhất.

Chúa phán rằng không chỉ người tốt sẽ sống nhờ giữ đức tin, nhưng với người Ba-by-lôn - sự phán xét sẽ đến, Chúa sẽ xử lý họ và sẽ đến lượt họ; lúc này, ở nửa sau của chương 2, có một loạt những câu "khốn cho." Từ "khốn" trong Kinh Thánh là một lời rủa sả, đừng bao giờ dùng đến nó. Tôi phát hoảng khi nghe một bậc cha mẹ nói với con mình là "đồ khốn nạn," nói vậy là nguyền rủa đứa trẻ. Khi Chúa Giê-su đã nói "khốn cho" thì ôi, thật khủng khiếp. Anh chị em có biết là Ngài nói "khốn cho" nhiều như "phước cho" không? *Phước cho những người nghèo khó, khốn cho những kẻ giàu có. Phước cho những người than khóc, khốn cho những kẻ hiện đang cười.* Gần đây tôi chưa nghe thấy ai giảng về điều đó.

Nhưng Ngài nói: *khốn cho, khốn cho, khốn cho*. Anh chị em biết không, trong tất cả những thị trấn quanh Biển Hồ Ga-li-lê, có 250.000 người sống bên bờ Ga-li-lê vào thời Chúa Giê-su trong năm thị trấn chính, và Chúa Giê-su nói "khốn cho" bốn thị trấn. Ngài nói *Khốn cho ngươi Ca-bê-na-um, khốn cho ngươi Bết-sai-đa, khốn cho ngươi Cô-ra-xin*, nhưng Ngài không nói khốn cho một thị trấn tên Ti-be-rơ, và nếu đến Ga-li-lê ngày nay thì ta sẽ phải ở tại Ti-be-rơ là thị trấn duy nhất ở đó. Tất cả các thị trấn khác mà Chúa Giê-su nói "khốn cho" đã biến mất khỏi mặt đất, ngày nay người ta thậm chí còn không tìm thấy một số thị trấn nữa. Ta có thể thấy đống đổ nát của Ca-bê-na-um và một hai viên đá từ Cô-ra-xin, nhưng khốn cho, khốn cho. Sách Khải huyền có những lời "khốn cho" trong đó.

Lúc này Ha-ba-cúc nói: *Khốn cho ngươi Ba-by-lôn, ngày của ngươi sẽ đến. Đức Chúa Trời sẽ dùng ngươi để trừng phạt chúng ta nhưng khốn cho ngươi*. Và ông liệt kê năm điều mà vì chúng, Chúa sẽ trừng phạt họ: Bất công - trộm cắp, cướp bóc, cướp phá; chủ nghĩa đế quốc - chiếm lấy chế độ độc tài của các dân khác; vô nhân đạo - làm đổ máu, bắt nô lệ xây dựng Ba-by-lôn - một trong bảy kỳ quan thế giới; quá độ - họ thường say xỉn, họ nghiện rượu và làm những điều kinh khủng khi chè chén say sưa; họ tàn phá động vật, thậm chí là cây cối. Anh chị em có biết khi Y-sơ-ra-ên ra trận, Đức Chúa Trời cấm họ chặt chỉ một cái cây, trừ khi họ cần nó để đánh trận không? Ngài phán: *Các con không được đánh cây cối, chúng thuộc về Ta.*

Thật thú vị. Khi đọc về Chiến tranh Việt Nam và cách họ tàn phá những khu rừng bằng hóa chất, tôi nghĩ: *Đức Chúa Trời không đồng tình với điều đó*. Chúng ta không được đánh cây cối, nhưng quân Ba-by-lôn đã làm vậy. Trên hết là thờ thần thượng - họ thờ phượng những khúc gỗ, tảng đá vô tri và những thần tượng bằng kim loại. Vì năm điều này, bất công, chủ nghĩa đế quốc, vô nhân đạo, quá độ và thờ thần tượng, Chúa phán "khốn cho." Ha-ba-cúc đã công bố sự diệt vong của Ba-by-lôn ngay từ khi nó chưa đạt được quyền lực; thú vị đúng không?

Soạn khúc Ngợi khen (chương 3)

Chúa đã đáp lại lập luận của ông như vậy, người tốt sẽ sống sót và cái dân tệ hại hơn ấy sẽ phải chịu khổ, sau đó xuất hiện cụm từ rất hay: "trước mặt Ngài, cả đất hãy làm thinh." Đó là một đòn chí mạng với Ha-ba-cúc, rằng Chúa đang nói rằng *hãy im đi*! Khi im tiếng, ông thấy sự sáng và đó là điều đã thay đổi ông; ông ngừng tranh luận với Chúa, ông lặng thinh và nghĩ về những gì Chúa đã nói, và toàn bộ tâm trạng của ông thay đổi, ông bắt đầu ca hát. Chúng ta chuyển sang chương 3 từ chỗ đó.

Đây là kết quả từ sự suy ngẫm của ông. Đó là một bài ca tuyệt vời mà ông sáng tác trong chính tâm trí ông, bằng chính tay ông và ông đưa ra những chỉ dẫn về âm nhạc, thể thi ca, phải được hát lên, các nhạc cụ bằng dây. Suy nghĩ của ông thay đổi hoàn toàn, lập luận của ông dựa trên một tâm trí tập trung vào hiện tại, nhưng giờ đây, ông nhìn lại quá khứ và thấy rằng Đức Chúa Trời luôn can thiệp; rồi ông nhìn vào tương lai và nói: *Ngài sẽ lại can thiệp và tôi sẵn sàng chờ đợi*. Tôi sẽ đọc bản mà tôi

đã viết. Tôi cố gắng đưa chương 3 vào giai điệu hiện đại để ngày nay ta có thể hát chương đó lên. Để tôi đọc từ đầu đến cuối cho anh chị em, một bài hát khá dài, nhưng chương này cũng là một chương dài. Lời hát là thế này, trước mặt một số anh chị em có bản sao của nó nhưng hãy nghe tôi đọc:

"Lạy Đức Giê-hô-va, danh xưng Ngài hằng được tôn cao mãi không thôi.
Công việc Ngài quá lớn, nên con nguyện lòng này tôn kính Cha đời đời.
Ôi Cha Thánh, nguyện Cha dang cánh tay làm những điều lớn lao như Ngài đã làm.
Nhưng nguyện lòng Cha thương xót trong cơn thịnh nộ vì cớ chính danh của Ngài.
Ôi Chúa Thánh từ trời cao giáng lâm, làm cho chiếu sáng lên vinh quang sáng ngời.
Tụng ngợi quyền năng lớn bấy duy Ngài, khắp cả trần gian kíp ca tụng Ngài.
Dân gian ác đều phải khiếp kinh, dịch bệnh lan khắp nơi, hãi hùng khiếp sợ.
Núi đồi nghìn thu đều phải tan tành khi Ngài là Đấng tối cao lộ diện.
Phải chăng Chúa giận với cả nước sông?
Thịnh nộ với các suối khơi mạch nước nguồn?
Biển cả Ngài cũng sôi bọt dữ dằn với ngựa cùng chiến xa của Ngài?
Các núi run rẩy và vực sâu cuồn cuộn, mặt trời, mặt trăng đứng yên kinh hãi.
Mũi tên bay rực sáng, ngọn giáo sáng lòe ra.
Tuần hành khắp đất để báo thù, giày đạp các dân đến tận cùng.
Tất cả để giải cứu dân tuyển Ngài, cứu thoát người được xức dầu của Ngài.
Ngài đã diệt tên lãnh đạo ác ôn của chúng.
Lột trần và bổ đầu hắn ra.
Để những lính chiến kéo đến như vũ bão của hắn bị đánh cho tan tác.
Nghe xong kết quả cuối cùng, biết hết mọi sự chứ không chỉ đôi phần,
Toàn thân con choáng ngợp, môi con run cầm cập và tim con đập loạn nhịp.
Bước chân con lảo đảo nhưng con sẽ kiên tâm chờ đợi,
Khi kẻ thù xâm chiếm nước con, ắt nó phải chịu số phận kinh khiếp.
Dẫu cây vả không trổ hoa, cây nho không ra trái,
Dẫu cây ô-liu trơ trọi và ruộng đồng không có mùa màng,
Dẫu chiên không còn trong trại và gia súc không còn trong chuồng,
Con vẫn vui mừng về sự cứu rỗi con, hớn hở vì Chúa là tất cả của con.
Con hân hoan nhìn tới tương lai khi sức lực yếu mòn của con được phục hồi, Và những câu con hỏi trong giận dữ được Chúa tối cao vinh diệu đáp lời.
Ôi, lòng con, chân con chộn rộn như chú hươu nhảy trên các đỉnh cao.
Hãy soạn những lời này thành điệu nhạc thánh, với giọng ngân nga và đàn dây thánh thót.

Có lẽ đoạn trên đã truyền đạt cho ta điều gì đó về tấm lòng của con người này, ông thay đổi hoàn toàn. Tranh luận với Chúa, không ngơi nghỉ, vật lộn với Chúa; giờ đây ông đã được bình an và sẽ chờ đợi những gì Chúa sắp làm.

SÁCH SÔ-PHÔ-NI

Sứ giả (1:1)

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến hai sách tiểu tiên tri, gọi như vậy vì hai sách này ngắn gọn nhưng không hề nhỏ trong mắt Chúa, họ là những nhân vật quan trọng. Và chúng ta xét đến sách thứ chín trong mười hai sách tiểu tiên tri của Kinh Thánh, Sô-phô-ni. Chúng ta biết rất ít về ông, ông không được nhắc đến ở chỗ khác, và sự tập trung hướng vào sứ điệp hơn là sứ giả khi chúng ta đến với các tiên tri. Chi tiết duy nhất về tiểu sử nằm ở chương 1, câu 1, có thông tin về tên và gia phả của ông. Thực ra tên Sô-phô-ni trong tiếng Hê-bơ-rơ là Sephenjah, Sephenjah, nghĩa là Đức Chúa Trời giấu đi.

Chúng ta không biết như vậy có nghĩa là Đức Chúa Trời giấu mình đi - đúng là Ngài không phán gì trong khoảng 70 năm - hoặc nó có nghĩa là chính Sephenjah hay Sô-phô-ni được Đức Chúa Trời giấu đi. Tôi nghĩ có lẽ đó là lời giải thích hợp lý hơn cho tên ông; chút nữa tôi sẽ nói lý do. Nhưng gia phả của ông rất thú vị. Ông là tiên tri duy nhất truy lại tổ tiên mình đến bốn đời. Con trai của, cháu của, chắt của, rồi chít của...

Khi đã trở lại với thế hệ thứ 4 thì ta sẽ thấy ông thuộc dòng dõi Ê-xê-chia. Nên ông có dòng máu hoàng gia. Ông là con cháu của Vua Ê-xê-chia, vị vua tốt cuối cùng của hai chi phái phía nam, lúc này mười chi phái phía bắc đã biến mất. Họ đã bị đày đến A-si-ri còn hai chi phái phía nam có nguy cơ nối gót nếu họ không rút ra bài học với những gì xảy ra với mười chi phái kia và Ê-xê-chia là vị vua tốt cuối cùng. Ông là một người làm đẹp lòng Chúa, ông làm điều đúng đắn trước mặt Chúa, ông kính sợ Chúa và khiêm nhường trước Chúa. Tất cả những điều đó làm nên một vị vua tốt.

Vậy điều gì đã xảy ra kể từ thời Ê-xê-chia? Câu trả lời là một số vị vua rất tệ; người nối ngôi Ê-xê-chia không thể nào trái ngược hơn được nữa. Hắn là một vị vua rất tệ. Tên hắn là Ma-na-se và thực sự là quá kinh khiếp khi đọc về hắn. Hắn xây lại hết các bàn thờ ngoại giáo trên các nơi cao. Hắn dựng lại những hình dương vật kinh khiếp và trụ thờ A-sê-ra; rồi hắn khuyến khích dân sự trở lại với tập tục thờ thần sinh sản, tất nhiên là có ngụ ý tình dục trong đó. Hắn đầu têu thờ Mo-lóc, dâng con trẻ làm sinh tế và giết chính các con trai mình cho thần này. Hắn đã dâng những bé trai này cho thần Mo-lóc trong một thung lũng tên Bên Hi-nôm hay Thung Lũng Tàn sát, nằm ngay phía nam Giê-ru-sa-lem, Giê-rê-mi đã rủa sả thung lũng đó và sau này Chúa Giê-su dùng nó để mô tả về địa ngục. Nó trở thành bãi rác và bãi chứa nước thải, về sau Bên Hi-nôm thành ra như vậy.

Suốt những năm đầu trị vì của Ma-na-se, một vị tiên tri tên Ê-sai đã cố gắng ngăn chặn điều đó, anh chị em biết Ma-na-se đã làm gì không? Trước tiên, hắn cấm Ê-sai rao giảng, nên Ê-sai viết những lời tiên tri của mình ra và chúng được lưu hành ở dạng văn bản, nhờ vậy mà chúng ta có sách tiên tri Ê-sai. Và khi nghe được điều này, Ma-na-se điên tiết đến nỗi sai người trói Ê-sai lại và đẩy ông vào một thân cây rỗng; sau đó hắn cho người cưa thân cây ra làm đôi và Ê-sai đã qua đời như vậy đó, ông bị cưa đôi theo đúng nghĩa đen.

Ông được nhắc đến trong Hê-bơ-rơ chương 11, trong đó có cụm "bị cưa đôi," chính là kết cục mà Ê-sai phải chịu dưới vị vua rất tệ này. Hắn dính líu đến thuật chiêm tinh, hắn dính líu đến đồng bóng, thầy bói và tất nhiên, sự hỗn loạn về thuộc linh này dẫn đến rối ren về đạo đức. Thói thờ thần tượng luôn dẫn đến sự đồi bại, cho tới khi Đức Chúa Trời thực sự nói về Ma-na-se trong sách Sử ký rằng

hắn còn gian ác hơn cả dân Ca-na-an xưa. Anh chị em có tưởng tượng ra cảm giác của Chúa không? Vì Chúa đã trừ khử những người Ca-na-an gian ác đó để nhường chỗ cho dân thánh Ngài mà giờ đây, họ còn tệ hơn cả cái dân mà họ đã thế chỗ. Một tình cảnh rất nguy hiểm.

Ma-na-se băng hà sau khi trị vì được 55 năm và nối ngôi hắn là một người tên A-môn, một nhân vật yếu thế không làm gì để chỉnh đốn tình hình. Giu-đa cứ thế trở nên ngày một gian ác, có một kế hoạch mưu phản lớn và cuối cùng A-môn bị ám sát chỉ sau hai năm tại vị. Lúc này cả đất nước đang rối ren về đạo đức, và A-môn bị ám sát tức là một cậu bé lên làm vua khi mới 8 tuổi, và tên cậu là Giô-si-a. Câu hỏi là Giô-si-a sẽ thành ra như thế nào? Vì cậu còn quá nhỏ nên người cai trị thật sự trong những năm đầu là Hinh-kia, thầy tế lễ thượng phẩm, nhưng khi cậu bé Giô-si-a này lớn lên, một dấu hỏi to đùng là cậu sẽ theo con đường của Ê-xê-chia, cụ mình hay con đường của Ma-na-se, ông mình. Cậu bé này sẽ theo con đường nào, và đó là khi Chúa sai tiên tri Sô-phô-ni đến, và thực sự, nhiệm vụ của Sô-phô-ni là cố gắng chỉnh đốn lại đất nước dưới thời trị vì của vị vua nhỏ tuổi này trước khi quá muộn, trước khi họ bị đày đi như mười chi phái kia. Điều đó dựng nên bối cảnh đúng không?

Tôi tin rằng khi còn nhỏ, Sô-phô-ni đã được giấu đi, cũng giống như Môi-se được giấu đi, như những người khác được giấu đi; nên mẹ ông mới đặt cho ông cái tên đó, được Đức Chúa Trời giấu đi, Sepha Jah. Dù sao thì đó cũng là giả thuyết của tôi vì những cậu bé này đều bị dâng cho Mo-lóc và mẹ cậu đã cứu cậu. Cậu là một hoàng thân và những hoàng thân khác bị dâng làm sinh tế, nên tôi cho rằng mẹ ông đã giấu ông đi và nuôi dạy ông; nên bà mới đặt cho ông cái tên đó.

Sứ điệp (1:2-3)

Tiếng tiên tri đã im bặt trong 70 năm kể từ khi Ê-xê-chia băng hà và Ê-sai bị cưa đôi - không một lời nào từ Chúa. Cuối cùng thì Sô-phô-ni cũng đến với một sứ điệp rất mạnh và toàn bộ sứ điệp của ông xoay quanh “ngày của Đức Giê-hô-va.” Tôi đã giải thích rằng đó không phải là khoảng thời gian 24 tiếng. Nó có nghĩa là ngày phán xét của Chúa, ngày chỉnh đốn lại mọi thứ, ngày minh oan cho lẽ phải, ngày mà những điều sai trái được chỉnh lại cho đúng, khi sự gian ác bị trừng phạt. Ngày đó sẽ đến, và ta có thể nói rằng cả sách Sô-phô-ni xoay quanh ngày này của Đức Giê-hô-va khi Đức Chúa Trời sẽ báo trả mọi người và khi ngày đó càng gần - nó ắt phải như vậy - thì dân Chúa phải sửa soạn sẵn sàng cho nó, hoặc nên như vậy.

Chắc chắn là anh chị em biết có bốn ngày kết toán cuối quý trong lịch Anh để chốt sổ. Có Lễ Truyền Tin vào ngày 25/03; Hạ Chí vào ngày 24/06; Lễ Thánh Mi-ca-ên vào ngày 29/09 và Lễ Giáng sinh vào ngày 25/12. Đó là bốn ngày cuối quý để chốt sổ và mọi khoản nợ phải được trả vào những ngày cuối quý đó, mọi khoản tài chính cũng đến hạn; đó cũng là khi sự gian lận bị phát giác và bị phạt. Đó là ngày kiểm toán và cả bốn ngày đó đều cho chúng ta chút hình dung về ngày của Chúa, khi mọi sự khai trình được suy xét, kiểm kê, dàn xếp và sự gian lận bị trừng phạt. Nên ngày của Đức Giê-hô-va đang đến. Rồi, tôi không phải ca sĩ nhưng lại hay cao hứng hát. Max ơi, anh ra đánh piano đi. Tôi sẽ hát cho anh chị em nghe ba bài hát khi nghiên cứu Sô-phô-ni vì tôi đã nói rồi, có mối liên hệ trực tiếp giữa tiên tri và âm nhạc, có nhiều sự ca hát trong các sách tiên tri, và chắc chắn đây là giai điệu mà Sô-phô-ni muốn chúng ta học lấy. Chỉ cần cho tôi nốt đầu của bài thôi.

Vào ngày hôm đó, vào ngày hôm đó khi Chúa sẽ ra tay phán xét trên dân ta.
Người người hối tiếc, người người hối tiếc mang trái tim đau thương, mang trái tim đau thương.

Ấy chính bữa đó Chúa phán xét dân Ngài, ta sẽ hối tiếc mang trái tim đau buồn.
Vào ngày hôm đó, vào ngày hôm đó khi Chúa ta phán xét.

Tôi nghĩ đó là điều Sô-phô-ni muốn hát, không phải một bài hát vui mừng, nhưng là ngày phán xét, ngày để đau buồn, ngày để ăn năn, ngày để than khóc chứ không phải vui mừng.

Dàn ý chung của Sô-phô-ni

ZEPHANIAH

THE MESSENGER (1^{1}) THE MESSAGE (1^{2-3})

A. FOREIGN RELIGION (1^{4}-2^{3})

JUDGEMENT

1. DESERVED (4-6)
2. DECLARED (7-9)
3. DESCRIBED (10-17)
4. DEFLECTED (1-3)

B. FOREDOOMED REGION (2^{4-15})

1. WEST ‒ Philistia (4-7)
2. EAST ‒ Moab, Ammon (8-11)
3. SOUTH ‒ Egypt, Ethiopia (12)
4. NORTH ‒ Assyria (13-15)

C. FUTURE REDEMPTION (3^{1-20})

1. CURSE ‒ divine justice (1-8)
   a. NATIONAL OBSTINACY (1-7)
      i. Rebelling (1-4) ii. Resisting (5-7)
   b. INTERNATIONAL OBLITERATION (8)
2. BLESSING ‒ divine mercy (9-20)
   a. INTERNATIONAL GODLINESS (9)
   b. NATIONAL GLADNESS (10-20)
      i. Rejoicing (10-17) ii. Returning (18-20)

Hãy xét đến dàn ý của Sô-phô-ni và phân tích sách ra một chút. Tôi chia sách thành ba phần rất rõ ràng, nhưng một lần nữa, tôi e rằng số chương đặt không đúng chỗ. Việc chia chương rất hay làm tổn hại đến Lời Chúa vì chúng chia tách những gì Chúa hợp lại với nhau, tách rời ra và thật đáng tiếc. Nhưng đó. Trong phần đầu, ông quan tâm đến những ngoại giáo đã xâm nhập vào Giu-đa và công bố sự phán xét. Ông đưa ra bốn khẳng định cơ bản về sự phán xét, về ngày Đức Giê-hô-va sẽ đến. Sự phán xét đó là xứng đáng. Nó đã được công bố.

Rồi ông miêu tả những điều liên quan và những gì sẽ xảy ra với họ khi Chúa phán xét. Rồi ông đưa ra khả năng rằng, thậm chí đến giai đoạn này, sự phán xét có thể quay khỏi, chệch khỏi Y-sơ-ra-ên nhờ sự ăn năn. Cùng một sứ điệp mà mọi sách tiên tri đều có. Phần chúng ta, khi đọc từ sách tiên tri này sang sách tiên tri khác, chúng ta nghĩ: *Ồ, sứ điệp này giống sứ điệp chúng ta vừa xem này.* Tất nhiên rồi, vì Đức Chúa Trời nhắc lại Lời Ngài khi cần. Nhưng hãy nhớ rằng tuy cách sách tiên tri này được đặt san sát nhau trong Kinh thánh nhưng thường có khoảng cách 70 năm giữa chúng. Nên họ phải nói hết lại từ đầu. Vậy là Sô-phô-ni muốn nói rằng *đó là ngày mà Đức Giê-hô-va sẽ phán xét, và nó đã đến rất, rất gần; thế mà các ngươi vẫn đang đi sai đường, và hãy xem những gì đang xảy ra tại đất nước này, các ngươi có thể nhìn thấy chúng.* Họ không cần ai bảo về những gì đang xảy ra.

Rồi, đây là hình thù của lời tiên tri. Đây là phần đầu về ngoại giáo. Rồi chúng ta chuyển sang phần hai, trong đó ông cũng trải tấm lưới phán xét sang các dân khác, sang khắp các dân chung quanh; ông kể đến họ và nói: *Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ không chỉ phán xét chúng ta mà Ngài sẽ phán xét cả các ngươi nữa* và ông quay la bàn. Ở phía tây Giu-đa là xứ Philistia hay Phi-li-tin, người Palestine hiện đại nhận mình là con cháu họ, và từ Palestinian có gốc từ trực tiếp là Phi-li-tin. Không biết anh chị em có biết điều đó không. Rồi ở phía đông là Mô-áp và Am-môn, ở phía nam là Ai Cập và xa hơn

nữa về phía nam là Ê-thi-ô-pi, và ở phía bắc, A-si-ri vẫn là cường quốc, cường quốc mạnh nhất trên sông Ti-gơ-rít và Ơ-phơ-rát. Ba-by-lôn vẫn chưa lộ diện. A-si-ri là nước đã bắt mười chi phái phía bắc đi, nên lúc này, hầu hết dân Chúa đều đã đi và chỉ còn Giu-đa nhỏ bé bị các nước này vây quanh. Nhưng Sô-phô-ni có sự can đảm để nói rằng những nước này cũng sẽ bị Đức Chúa Trời phán xét. Ngài là Đấng phán xét cả thế giới và đặc biệt là - nhớ không ạ - họ sẽ bị phán xét vì thái độ của họ với Y-sơ-ra-ên, những nước có liên hệ với nó.

Một điểm thú vị về dân Phi-li-tin: Khi Chúa đưa dân Y-sơ-ra-ên vào Ca-na-an từ phía đông qua sông Giô-đanh, cùng lúc ấy, Chúa cũng đưa dân Phi-li-tin vào chính xứ đó từ phía tây qua Địa Trung Hải. Họ là một dân từng sống ở Cáp-tô và Chúa đã đưa họ đến Ca-na-an đúng vào lúc Ngài đưa những nô lệ người Hê-bơ-rơ đến. Hơi khó hiểu đúng không? A-mốt chương 9 nhắc đến điều này. Chúa phán: *Chẳng phải Ta đã từng đem ngươi ra khỏi xứ Ai Cập và người Phi-li-tin ra khỏi Cáp-tô hay sao?* Chính Chúa là Đấng dịch chuyển các nước. Chính Chúa đã vẽ nên tấm bản đồ. Thế sao Ngài lại đưa dân Phi-li-tin vào chính nơi đó, tại đúng thời điểm mà Ngài đuổi dân Ca-na-an ra? Vì dân Phi-li-tin thực sự là cái gai trong mắt Y-sơ-ra-ên cho tới tận thời Vua Đa-vít.

Vua Đa-vít thật sự là người đã giáng cho chúng một đòn chí mạng, dù sau đó chúng vẫn tiếp tục đánh phá. Lúc nào cũng là dân Phi-li-tin. Sam-sôn phải đối phó với dân Phi-li-tin, dân Phi-li-tin, dân Phi-li-tin, và thực sự, cái tên này đã trở thành tục ngữ trong tiếng Anh để chỉ một người phá hoại - hắn là một tên Phi-li-tin. Người Anh chúng ta dùng chính tên họ. Tại sao Đức Chúa Trời lại làm như vậy?

Vâng, trong sách Phục truyền Chúa đã giải thích. Ngài nói: *Ta đưa chúng vào để thử thách các ngươi. Nếu giữ lời Ta thì các ngươi sẽ cầm được chân chúng, và chúng sẽ không thành vấn đề với các ngươi. Nhưng nếu các ngươi không vâng lời Ta, Ta đã đưa chúng vào làm công cụ để sửa phạt các ngươi, và khi các ngươi làm sai, chúng sẽ lấn lướt các ngươi.* Anh chị em thấy đấy, Chúa có cách để sửa phạt dân Ngài. Đức Chúa Trời là Cha của dân Ngài và người cha tốt sẽ sửa phạt con cái mình khi chúng làm sai.

Thực ra, Hê-bơ-rơ 12 nói rằng *nếu Chúa không sửa phạt anh em thì anh em không phải là con thật của Đức Chúa Trời mà là con ngoại tình.* Hê-bơ-rơ 12. Một trong những bằng chứng cho thấy anh là con cái Chúa, ấy là Ngài có phạt anh, và chút nữa chúng ta sẽ thấy - lựa chọn thực sự là anh muốn Chúa phạt ngay bây giờ hay phạt sau? Nếu bây giờ anh trở thành con cái Chúa thì Ngài sẽ phạt anh ngay bây giờ, cuộc sống sẽ không dễ dàng; khi anh làm sai thì Ngài sẽ xử lý anh. Chúa sửa phạt người Ngài yêu thương, nhưng Ngài làm vậy để sau này chúng ta không cần phải chịu phạt. Hiểu không ạ?

Nên thực sự, trở thành dân Chúa không phải là thoát khỏi hình phạt của Ngài mà chỉ mang nó đến sớm hơn một chút, nhưng chịu ngay bây giờ và làm con cái Chúa rồi bị sửa phạt khi hư để được ở trong gia đình còn hơn là bây giờ không bị phạt gì, sau này phải gánh hết. Hiểu lựa chọn đó không ạ? Nhiều người còn không nhận ra đó là một lựa chọn - chịu ngay hay để sau. Tôi thà chịu ngay còn hơn, đúng không? Nên Cơ Đốc nhân có thể dự liệu rằng cuộc sống ở đây sẽ có chút khó khăn. Tin tôi đi - tôi không bao giờ tin những lời chứng khi người ta đứng dậy nói: *Tôi đến với Chúa Giê-su và mọi rắc rối của tôi chấm dứt.* Tôi đã từng tin vào chúng và bị ngã lòng. Giờ thì tôi đã biết là không phải như vậy. Lời chứng của tôi hơi khác một chút. *Tôi đến với Chúa Giê-su và những rắc rối của tôi bắt đầu.*

Tôi được báp-têm Thánh Linh và những rắc rối của tôi trở nên tệ hơn nhiều, và trong năm năm vừa rồi, tôi vướng vào nhiều rắc rối hơn 40 năm trước.

Đó là lời chứng của tôi. Nhưng tôi vui mừng vì điều đó khớp với những lời hứa của Chúa Giê-su. Ngài nói *trong thế gian, các con sẽ gặp rắc rối lớn,* nhưng Ngài nói *hãy vui lên, Ta đã vượt trên nó rồi.* Trước đây tôi có hỏi một cậu bạn rằng: *Cậu dạo này thế nào?* Cậu ấy đáp: *Tớ vẫn rất ổn, chấp hết mọi chuyện.* Và tôi nghĩ đó là cách nói của một Cơ Đốc nhân. Đúng, Chúa Giê-su đã hứa cho ta những rắc rối trong đời này. Sẽ có những rắc rối từ thế gian, họ ghét chúng ta. Nhưng cũng sẽ có rắc rối từ Chúa. Đức Chúa Trời yêu chúng ta nhiều đến nỗi Ngài không buông chúng ta ra, và nếu chúng ta đi chệch khỏi đường Ngài thì hãy chờ đợi rắc rối đến từ Ngài. Đó là cách Ngài đưa chúng ta trở lại đường lối Ngài trong tình yêu thương, và vì Ngài hiện đang yêu chúng ta nên Ngài sẽ làm điều đó ngay bây giờ. Còn hơn là chất chứa hết lại về sau, là điều thế gian đang làm. Nên nhìn chung, điều đó có nghĩa rằng dân Chúa sẽ trải qua một thời kỳ khó khăn hơn những người khác ở đời này. Nhưng ở đời sau thì hoàn toàn khác. Thực ra tôi đã nhảy cóc, tôi định nói tất cả những điều đó ở cuối bài nói chuyện cơ. Tại hơi thiếu thời gian nên tôi phải kết luận trước!

Sự giải cứu trong tương lai

Hãy chuyển sang phần thứ ba của Sô-phô-ni. Ở phần đầu, ông thực sự đánh mạnh vào thói buông mình theo các tập tục thờ thần sinh sản, mê tín, thuật chiêm tinh, đồng bóng, bói toán và dâng con trẻ cho Mo-lóc, ông thực sự nói mạnh vào điều đó và cật lực công bố rằng Đức Chúa Trời bực mình với điều này. Đó là một từ thú vị, Đức Chúa Trời cực kỳ bực mình, tiếng Anh là irritated, một bài hát được cất lên trong nhiều hội thánh thời Trung cổ gọi là Deus Iri bắt nguồn từ đó, Iri là gốc La-tinh của từ irritate, hay ire để chỉ sự giận dữ. Đó là một bài hát mà hội thánh từng hay hát vào thời Trung cổ. "Ngày Đức Chúa Trời bực mình." Ngày mà Đức Chúa Trời chịu hết nổi. Ngày mà Đức Chúa Trời sục sôi.

Có hai dạng tức giận trong Kinh Thánh. Trong Tân Ước có hai từ Hy Lạp để chỉ sự tức giận. Một để chỉ sự tức giận nội tại mà anh giữ trong lòng, không thể hiện ra và kiểu như liu riu bên trong; người ta không nhận ra là anh tức giận đến mức nào. Có ông chồng về nhà lúc đêm muộn và thấy tờ giấy vợ viết trên bàn bếp: *Em để đôi dép lê trong tủ lạnh, bữa tối em cho chó hết rồi, em đi ngủ đây, đau hết cả đầu*, anh chị em biết kiểu đó rồi. Ông chồng không hề biết bà vợ giận mình cả ngày vì bà vợ giữ trong lòng. Đó là một dạng tức giận.

Dạng còn lại là sôi sùng sục. Tôi sẽ không hỏi vấn đề của anh chị em làm dạng nào, nhưng có lẽ chúng ta nửa nọ nửa kia, có cơn giận liu riu trong lòng và cơn giận sục sôi ra bên ngoài. Cơn thịnh nộ của Chúa là dạng tức giận nào? Câu trả lời là cả hai. Các chị em đã bao giờ đun sữa trên bếp xong quên bẵng đi chưa? Nếu trông chừng thì ta sẽ thấy nó liu riu và sẵn sàng tắt bếp, nhưng nếu không trông chừng thì ta sẽ đi ra và ngồi chơi, rồi tự nhiên thấy nhà khói mù. Ta ngửi ngửi: *Ôi sôi rồi!* Đoạn lao vào nhà bếp và thấy nó cháy trên bếp. Nếu không trông chừng cơn giận liu riu thì ta sẽ không thấy nó sôi bùng lên, đó chính là điều Sô-phô-ni muốn nói và chính là điều Kinh Thánh chép. Kinh Thánh chép: *Cơn giận của Chúa hiện đang liu riu.*

Tôi tin rằng nó đang liu riu trên nước Anh này, và nếu anh chị em thật sự mở to mắt thì anh chị em có thể thấy nó vì những dấu hiệu cho thấy cơn giận của Chúa đang liu riu là tình trạng quan hệ tình dục trái tự nhiên, hành vi chống đối xã hội gia tăng, cuộc sống gia đình ngày càng đổ vỡ, người ta ngày càng trở nên nô lệ cho những ham muốn và thói nghiện ngập của mình. Tất cả đều có đó và

cơn giận của Chúa đang liu riu. Sô-phô-ni đang nói rằng: *Nhìn kìa, các ngươi không thấy cơn giận của Chúa đang liu riu hay sao? Sẽ có ngày nó sôi bùng lên, khi Chúa không thể kiềm giữ thêm được nữa*, đó là ý nghĩa của cụm "ngày thịnh nộ" trong Tân Ước cũng như Cựu Ước. Chúa đang giữ cơn giận Ngài trong lòng, nhưng nó đang liu riu và có dấu hiệu cho thấy nó đang liu riu để mọi người đều thấy trong một xã hội xuống dốc.

Và tôi tin là có những dấu hiệu như vậy để mọi người đều thấy tại nước Anh này và khắp nền văn minh phương tây. Nhưng đến một ngày, nó sẽ sôi bùng lên và đó chính là ngày chúng ta phải làm chệch hướng và trì hoãn nếu có thể - bằng việc ăn năn và chỉnh đốn lại mọi thứ. Hình dung được không ạ? Cơn giận của Chúa như một nồi sữa và nó đang liu riu. Nhưng bỗng dưng, rất nhanh chóng, ngày thịnh nộ của Ngài đến, cơn bực mình của Ngài bùng lên và Ngài bùng nổ. Khi cái gì đó hoặc ai đó làm chúng ta bực mình thì điều đó sẽ dồn nén lại đúng không? Nó dồn nén cho tới khi ta xả nó ra; khi đó thì nó bộc phát rất nhanh, thậm chí là bất ngờ nếu ta không biết là nó bị dồn nén.

Hãy trở lại với phần này. Vậy là trong phần cuối, chương 3, câu 1-20, chỗ này thì đánh số chương đúng - có sự mâu thuẫn lạ lùng, có sự căng thẳng hoặc mơ hồ đến lạ giữa rủa sả và chúc phước, giữa sự công chính và lòng thương xót của Chúa; gần như thể Sô-phô-ni đang nói rằng: *Hãy chọn đi, các ngươi thật sự sẽ chọn cái nào? Các ngươi thật sự muốn cái nào? Sự công chính của Chúa bùng lên trong cơn giận ư? Cơn bực mình này - các ngươi đang khiến Chúa rất bực mình và nó đang dồn nén lại, đến một thời điểm, nó sẽ bộc phát và khi đã bộc phát thì sẽ không còn gì ngoài công lý và sự phán xét. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và điều Ngài muốn làm là thương xót các ngươi và bày tỏ lòng thương xót Ngài với các ngươi.*

Đó là điều Ngài thực sự muốn nhưng Ngài không thể làm vậy khi chúng ta không hợp tác, vì lòng thương xót - Chúa chỉ ban cho những người cầu xin nó. Ngài rất thích thương xót, nhưng người ta hiếm khi xin Chúa thương xót, anh chị em có để ý thấy không? Tôi nghe rất nhiều lời cầu nguyện và tôi nghe người ta cầu nguyện để có sự dẫn dắt, sự giúp đỡ, sức mạnh và đủ thứ, nhưng trong buổi cầu nguyện sáng nay tôi đã rất xúc động khi anh dùng từ lòng thương xót - *lạy Chúa xin xót thương*. Người ta chỉ cầu nguyện như vậy khi nghĩ rằng mình khá xấu xa. Nếu nghĩ mình tốt đẹp thì người ta sẽ cầu xin sức khỏe, sức mạnh, sự dẫn dắt, đủ thứ, nhưng không bao giờ xin Chúa thương xót. Chỉ người xấu mới xin Chúa thương xót và tất cả chúng ta đều xấu xa; bởi lòng nhân từ Ngài mà chúng ta mới không bị diệt - và mỗi buổi sáng, lòng thương xót của Ngài tươi mới luôn. Tôi luôn nghĩ đến điều đó khi mang sữa vào nhà lúc sáng ra.

Thi thoảng, buổi sáng khi tỉnh dậy, tôi thấy đầy tinh thần Cơ Đốc nên tôi pha tách trà. Thường thì không như vậy nhỉ! Nhưng nếu có thì tôi phải mang những chai sữa vào từ cửa trước, tôi luôn nghĩ đến câu Ca thương ấy: "Mỗi buổi sáng, lòng thương xót của Chúa tươi mới luôn." Nhưng ta chỉ nghĩ đến lòng thương xót Chúa nếu ta thấy mình đủ xấu, không đáng nhận điều gì tốt. Những người tốt đi hội thánh thường không xin Chúa thương xót. Họ không đủ xấu. Nhưng có một cơn phấn hưng lớn đang diễn ra trong các nhà tù tại nước Anh này vì những người xấu đang xin Chúa thương xót và họ nhận được vì Đức Chúa Trời thương xót những người muốn Ngài xót thương. Nên ở đây có sự kết hợp giữa sự công chính và lòng thương xót; Sô-phô-ni đang nói rằng *các ngươi chọn gì?*

Trong nửa đầu chương 3, ông thực sự cho họ đối mặt với thực tế rằng ngày của công lý thiên thượng có thể đến, và ông bảo cho họ biết họ cứng cổ đến mức nào. Họ đã cố tình nổi loạn với Chúa và chống đối lời kêu gọi của Chúa. Ông tố cáo họ nổi loạn và chống đối. Họ là một dân cứng cổ. Tôi

thấy muốn hát một bài khác, nhưng khi đọc câu Sô-phô-ni nói rằng "Mỗi buổi sáng, Ngài thực thi công lý" và tôi thấy mình hát thế này cho chính mình. Chỉ cần đánh cho tôi một nốt thôi.

Lớn bấy đức công bình Ngài
Ôi Chúa - Đấng thánh thay
Chúa Đấng công chính thật
Ngài chẳng hề xử sai.

Ngài không thay đổi,
với giới răn không hề lụi tàn
Thật xưa đã có,
hôm nay, mai sau còn hoài
Lớn bấy là công bình Ngài
Lớn bấy là công bình Ngài

Thật mỗi sáng sớm
lòng tôi thấy công bình Ngài
Mọi tội lỗi ấy
Chúa báo trả cho ta đáng thôi
Ngài ôi công chính
xin nghe tiếng con kêu cầu.

Tôi sẽ nói tại sao tôi lại làm vậy, vì chúng ta thường thích hát những bài ca hay, những bài ca về sự thành tín Chúa, về "ấy bữa hôm nay ta sẽ vui ca mừng." Chúng ta thích tất cả những điều đó, nhưng Đức Chúa Trời có một khía cạnh khác và quân bình về Chúa là một điều rất quan trọng. Phao-lô nói: "Hãy nhìn biết sự nhân từ và sự nghiêm khắc của Đức Chúa Trời" Cả hai! Nhân từ với những người tin, nghiêm khắc với những người không; nhân từ với những người tiếp tục tin là bản dịch đúng, và nghiêm khắc với những người không tiếp tục tin. Tiếp tục tin chứ không phải có đức tin lúc mới đầu là được cứu, phải là đức tin khi kết thúc. Tiếp tục tin. Giăng 3:16 dịch đúng ra sẽ như thế này: "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài, để hầu cho ai tiếp tục tin Con ấy không bị hư mất mà tiếp tục được sự sống đời đời." Anh chị em nghe có thấy hơi khác đi không? Đức tin còn lại mới là đức tin cứu rỗi.

Ông nói nếu các ngươi tiếp tục nổi loạn và chống đối thì sẽ có một thảm họa trên cả nước. Cơn giận của Chúa sẽ bùng lên, ngày đó sẽ đến. Ông cũng nói rằng chính cơn giận đó sẽ bùng lên với các nước khác và xóa sổ các nước đó, nhưng sau đó, ngay cả những tiên tri cứng rắn nhất, những lời tiên tri cứng rắn nhất cũng kết thúc với những dòng hy vọng. Như thể Chúa luôn muốn đưa ra lời kêu gọi cuối cùng với tin tức tốt lành. A-mốt là một tiên tri rất cứng rắn. Ông là vị tiên tri gần cuối cho mười chi phái phía bắc trước khi họ biến mất và sứ điệp của ông là một sứ điệp cứng rắn về sự công chính của Chúa, nhưng lời cuối cùng với phương bắc là Ô-sê, sứ điệp về lòng thương xót và tình yêu của Chúa. Gần như thể lời cuối cùng Chúa nói với chúng ta là *các con không nhận sự thương xót của Ta sao?*

Thú vị đúng không? Chúa muốn - Ngài không muốn trừng phạt. Ngài không thích thú gì khi kẻ ác phải chết; Ngài muốn bày tỏ lòng thương xót và có quá nhiều sách tiên tri Cựu Ước kết thúc bằng những dòng tốt lành, những dòng hy vọng cho tương lai, những dòng thương xót. Cũng giống như ở đây, những dòng về sự công chính Ngài dành cho cả Y-sơ-ra-ên và các nước, những dòng thương xót

Ngài cũng dành cho các nước rồi cho Y-sơ-ra-ên. Những dòng thương xót cho các nước là từ mọi nước, Ngài sẽ có những người yêu Ngài. Từ mọi chủng tộc, mọi dân, mọi bộ tộc và ngôn ngữ - Chúa không muốn một sắc dân nào trên đất bị bỏ sót. Nên Ngài mới bảo chúng ta giảng Tin lành cho mọi sắc dân và môn đồ hóa mọi sắc dân - điều đó rất quan trọng. Chúa hiện đang hành động rất mạnh giữa vòng những người Di-gan và những bài học này đang được dùng để dạy những nhà giảng đạo người Di-gan không biết đọc, biết viết, không thể đọc Kinh Thánh.

Mới vài tháng trước, tôi gặp 160 nhà giảng đạo người Di-gan và họ bảo tôi rằng hiện tại, không một gia đình Di-gan nào tại Anh là không có Cơ Đốc nhân, rất có thể đó là nhóm sắc dân đầu tiên tại Anh toàn người Cơ Đốc. Chúa muốn mọi sắc dân đều ở trong gia đình Ngài và lòng thương xót Ngài sẽ đảm bảo rằng sẽ có một số người tin kính trong mọi đất nước. Đó là lời hứa về lòng thương xót Chúa. Thật hào hứng đúng không? Thiên đàng sẽ có nhiều chủng tộc, nhưng chúng ta sẽ không phân biệt màu da. Thật hào hứng đúng không?

Nhưng rồi ông kết thúc với sự vui mừng trên cả nước, rằng có thể có phước hạnh cho chính Y-sơ-ra-ên. Trong phần cuối ngắn ngủi có tới chín lần Chúa nói rằng *Ta sẽ, Ta sẽ, Ta sẽ, Ta sẽ.* Người ta có thể phá bỏ giao ước Ngài, nhưng Ngài sẽ không bao giờ phá bỏ nó. Sô-phô-ni nói đến một tương lai tuyệt vời khi Ngài sẽ *vỗ về họ bằng tình yêu Ngài.* Một cụm từ thật hay đúng không? Ngài sẽ vỗ về chúng ta bằng tình yêu Ngài, giúp chúng ta bình tĩnh sau mọi căng thẳng và áp lực của thế gian này - *Ta sẽ vỗ về chúng bằng tình yêu Ta.*

Rồi ông nói: *Và Đức Chúa Trời sẽ ca hát, Ngài sẽ hát về dân Ngài, Ngài sẽ ca hát mừng rỡ vì họ.* Tôi lại thấy tất cả chúng ta cần hát một bài rồi - anh Max lại ra cây piano đi ạ. Hãy hát bài đồng ca đó, bắt đầu thế nào ý nhỉ? "Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ngự giữa ngươi." Không có trên giấy đâu ạ; ai biết thì hát cùng tôi nhé! Bài đó ra từ sách Sô-phô-ni luôn. Tôi đang cố gắng truyền đạt rằng lời tiên tri và âm nhạc gắn liền với nhau, và Chúa muốn hát về chúng ta, hát với chúng ta, nên hãy hát bài đó. Được rồi. Không phải đứng đâu, ngồi hát là được rồi. Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ ca hát mừng rỡ vì ngươi.

Giê-hô-va ngươi ngự trong dân ngươi quyền năng thay, quyền năng thay.
Giê-hô-va ngươi ngự trong dân ngươi quyền năng thay, quyền năng thay.
Chúa vỗ về trong tình yêu, Chúa hát ca mừng vui trước dân Ngài.
Giê-hô-va ngươi ngự trong dân ngươi quyền năng thay, quyền năng thay quyền năng thay.
Tôi hát lỗi rồi nhỉ! Tôi để lời bài hát trước mặt mà lại bị che mất. Hãy hát thêm lần nữa và tôi sẽ hát thật to. Được rồi.
Giê-hô-va ngươi ngự trong dân ngươi quyền năng thay, quyền năng thay.
Giê-hô-va ngươi ngự trong dân ngươi quyền năng thay, quyền năng thay.
Chúa vỗ về trong tình yêu, Chúa hát ca mừng vui trước dân Ngài.
Giê-hô-va ngươi ngự trong dân ngươi quyền năng thay, quyền năng thay quyền năng thay.
Bài học cho tôi là đừng cố hát trên ti-vi.

Kết luận

Sô-phô-ni đang nói *hãy nhận lấy hình phạt của các ngươi ngay bây giờ, khi cơn giận Chúa còn liu riu. Đừng nhận lúc sau khi nó sôi bùng lên.* Ông muốn nói thế này: *Dân Chúa có cơ hội chịu phán xét ngay bây giờ và làm hòa với Chúa ngay bây giờ. Các nước sẽ phải chịu phán xét lúc về sau.* Đó là một nguyên tắc xuyên suốt Tân Ước và Phi-e-rơ viết trong thư ông rằng "Vì thời kỳ phán xét đã

đến, bắt đầu từ nhà Đức Chúa Trời; nếu bắt đầu từ chúng ta thì sự cuối cùng của những kẻ không vâng phục Tin Lành Đức Chúa Trời sẽ thế nào?” Thấy không ạ? Hãy nhận nó ngay bây giờ.

Giờ chúng ta chỉ còn một câu hỏi về Sô-phô-ni. Giô-si-a có để ý gì đến không? Lời tiên tri của Sô-phô-ni có tác dụng không? Vâng, Giô-si-a lên ngôi lúc 8 tuổi vào năm 640 TCN và ông trị vì trong 31 năm. Ban đầu, ông chịu nhiều tác động từ thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia và dường như các thầy tế lễ giữ nguyên hiện trạng, nhưng rồi ông bắt đầu chịu tác động từ Sô-phô-ni. Ở tuổi 16, ông đã phá hủy các bàn thờ ngoại giáo trên khắp đất nước. Ở tuổi 20...Xin lỗi, ở tuổi 16, ông đã phá hủy các bàn thờ tại Giê-ru-sa-lem. Ở tuổi 20, ông ra lệnh phá hủy tất cả các đền thờ ngoại giáo trên khắp đất nước. Ở tuổi 28, ông thấy đền thờ Chúa không được tu sửa tử tế, cần được dọn sạch và sửa sang nên đã ra lệnh tu bổ lại đền thờ.

Trong khi tu bổ, có người tìm thấy trong chiếc tủ cũ kỹ, bụi bặm một bản sao Luật pháp của Môi-se, và người ta nhận ra rằng nhiều năm nay họ đã không nghiên cứu hoặc đọc luật ấy. Giống như tìm thấy một cuốn Kinh Thánh cũ kỹ, bụi bặm trên giá; họ đến với vua và tâu: *Hãy xem chúng thần tìm được gì trong tủ.* Rồi vua đọc từ đầu đến cuối và ông phát hoảng. Ông nói: *Chẳng trách Chúa phải cảnh báo chúng ta. Chúng ta phải chỉnh đốn lại thôi.* Và ở tuổi 28, ông lệnh cho dân chúng trở lại đọc và làm theo Luật pháp. Chàng thanh niên đáng mến này đã tìm kiếm Chúa, nhưng đã quá muộn. Anh không thể khiến người ta trở nên tốt đẹp bằng đạo luật của quốc hội. Anh không thể bắt người ta công chính nhờ ban lệnh từ trên.

Tôi biết nhiều người muốn chính phủ Anh ra những điều luật khiến dân chúng phải hành xử theo đường lối Cơ Đốc. Không ăn thua, nó phải xuất phát từ tấm lòng. Và tuy Giô-si-a đã cố dọn sạch đất nước nhưng ông vẫn thất bại; rồi ông phạm phải một sai lầm nghiêm trọng. Ông quyết định kéo quân chống lại người Ai Cập nhưng Chúa không bảo ông làm vậy. Ông giáp mặt với quân Ai Cập tuy họ không định tấn công ông, họ chỉ đi qua Xứ Hứa để đến tấn công A-si-ri; và lẽ ra ông nên để họ đi qua. Nhưng tôi e là ông nói: *Các ngươi không được đi qua xứ của ta.* Ông đã giáp mặt với quân Ai Cập tại Mê-ghi-đô - giao lộ của thế giới và qua đời. Ông bị giết trong chiến trận. Đó là một câu chuyện buồn. Có một chàng trai đúng bằng tuổi Giô-si-a, khi ấy ông 28 tuổi. Khi Giô-si-a băng hà và Chúa bảo người trai trẻ ấy rằng: *Con phải mang lấy gánh nặng tiên tri này và con phải nói với dân chúng điều đó vì cuộc cải cách của Giô-si-a không có tác dụng.* Con phải nói với dân chúng điều đó. Tên của người trai trẻ đó là Giê-rê-mi và đó là khởi đầu cho sự tiên tri của Giê-rê-mi. Vậy là Sô-phô-ni đã thất bại. Ông đã rất cố gắng và Giô-si-a đã cố gắng, nhưng dân chúng không nghe. Chúng ta sẽ tìm hiểu điều đó trong sách tiên tri tiếp theo - Ha-ba-cúc. Vì Ha-ba-cúc - 20 năm sau - thấy tình hình càng ngày càng tệ hơn.

Sự tương ứng giữa Sách Sô-phô-ni và Khải huyền

	ZEPHANIAH	REVELATION
Judgement on God's people	1^{1}-2^{3}	1-3
Judgements on nations	2^{4-15}	4-19
Day of judgement	3^{1-8}	20
Final bliss	3^{9-20}	21-22
	(old Jerusalem)	(new Jerusalem)
	GOD comes as King	JESUS comes again as King

Trước khi rời Sô-phô-ni, tôi chỉ muốn nói thêm một điều nữa. Đó là sự tương ứng lạ thường giữa sách tiên tri Cựu Ước này và Tân Ước của chúng ta. Tôi nghĩ tốt nhất là cho anh chị em xem biểu đồ. Dàn ý của sách tiên tri Sô-phô-ni, cấu trúc lời tiên tri của ông - giống hệt với dàn ý của Sách Khải huyền. Cả Sô-phô-ni và Khải huyền đều bắt đầu với sự phán xét trên dân Chúa, bên này là Y-sơ-ra-ên, bên kia là Hội thánh, chương 1-3. Sau đó chuyển sang sự phán xét trên các nước, chương 2:4-15 và bên này là chương 4-19. Sau đó chuyển sang Ngày Phán xét, ngày mà cơn giận hoặc sự bực mình của Chúa bùng lên - Chương 3, câu 1-8 trong Sô-phô-ni, chương 20 trong Khải huyền - nhưng lời cuối cùng là niềm hạnh phúc trọn vẹn khi Chúa ban cho dân Ngài một nơi mà họ có thể sống ở đó mãi - chương 3:9-20 và chương 21-22.

Tất nhiên, trong Sô-phô-ni là Giê-ru-sa-lem cũ, nhưng trong Khải huyền là Giê-ru-sa-lem mới. Trong Sô-phô-ni, Đức Chúa Trời đến như Đức Vua nhưng trong Khải huyền, Chúa Giê-su trở lại như Đức Vua. Nhưng chẳng phải là rất phi thường đó sao? Có hơn 400 chi tiết chỉ về Cựu Ước trong sách Khải huyền, nhưng sách có liên hệ gần gũi nhất với tiên tri Sô-phô-ni, vị tiểu tiên tri này. Biết đâu ngay cả Giăng viết Khải huyền cũng chịu sự ảnh hưởng của vị tiểu tiên tri này từ nhiều thế kỷ trước, khi ông viết Khải huyền của Chúa Giê-su Christ.

SÁCH A-GHÊ

Giới thiệu

Chúng ta đến với ba sách tiểu tiên tri, các tiên tri cuối cùng nói lời Chúa phán với Y-sơ-ra-ên - A-ghê, Xa-cha-ri và Ma-la-chi. Sau đó, Chúa không nói thêm điều gì trong hơn 400 năm, và trong bốn thế kỷ, họ phải nói với con cái mình rằng: *Một ngày nào đó, Đức Chúa Trời sẽ lại phán với chúng ta.* Nhưng Ngài đã nín lặng trong 400 năm; một khoảng thời gian dài không được nghe tiếng của người mình yêu nhưng điều đó đã xảy ra. Nên chúng ta đang đến với phần cuối cùng của Cựu Ước khi xét đến A-ghê và Xa-cha-ri một cách cụ thể, sau đó chỉ có thêm một sách nữa rồi Chúa không nói gì với Y-sơ-ra-ên nữa, cho tới khi Giăng Báp-tít xuất hiện vào 400 năm sau. Thảo nào ai cũng đi nghe Giăng nói. Khi đã đợi cả 400 năm để nghe được một lời tiên tri và cuối cùng ta cũng nghe rằng Chúa đang phán trở lại thì ôi, chẳng trách cả nước kéo ra nghe.

Nhưng cụ thể là họ nghe được một số lời cuối cùng mà Chúa phán từ A-ghê. Đây là những sách rất ngắn vì những tiên tri này nói trong khoảng thời gian rất ngắn; A-ghê chỉ nói trong ba tháng rồi ông dừng lại. Xa-cha-ri dài hơn một chút, ông nói trong hai năm và thực ra là họ đan xen với nhau. Xa-cha-ri bắt đầu trước khi A-ghê kết thúc; họ chỉ nói chút ít, nhưng là chút ít rất quan trọng. Ê-sai và Giê-rê-mi đã giảng trong 40 đến 50 năm, còn giờ đây, họ chỉ nói tính bằng tháng. Chúng ta gọi họ là các tiên tri sau lưu đày. Họ đến sau cuộc lưu đày, họ là một phần của cuộc hồi hương và đó là bối cảnh của cả A-ghê và Xa-cha-ri. Trước cuộc lưu đày, các sách tiên tri đầy những lời cảnh báo và thảm họa sắp đến; nhưng sau đó thì khá khác, chúng đầy sự khích lệ, an ủi, cố gắng để gây dựng lại, nên sứ điệp khá khác.

A-ghê và Xa-cha-ri là một trong những người cuối cùng nhưng họ đi liền với nhau và có nhiều điểm tương đồng giữa họ. Trước hết, họ nói vào cùng một thời điểm; cả hai đều cẩn thận ghi lại ngày tháng cho lời tiên tri của họ; trước đó có ít tiên tri làm như vậy. Nhưng họ cẩn thận ghi lại cả ngày, tháng, năm mà họ nói, nên từng lời tiên tri của A-ghê - có năm lời, mỗi lời đều có ngày tháng, ngày tháng chính xác, từ đó chúng ta có thể thấy mỗi lời cách nhau bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần; Xa-cha-ri cũng vậy. Họ chỉ nói xen nhau có một tháng và năm đó là 520 TCN, họ đã trở lại xứ hứa nhưng đó là một bức tranh khá buồn. Cả hai đều nói ở cùng một nơi - thành Giê-ru-sa-lem tại Giu-đa đang được chậm rãi xây lại - và cả hai đều nói với cùng một hoàn cảnh giống nhau.

Bối cảnh lịch sử

Tôi phải đưa chút thông tin lịch sử để anh chị em hiểu tình cảnh. Si-ru người Ba Tư (hoặc 'Cirrus' thì đúng hơn), chinh phục Ba-by-lôn năm 538 TCN và ông là một nhà độc tài tốt hơn, rộng lượng hơn, một người nhân đức. Ông nói: *Tất cả những người bị đày đi khỏi xứ sở mình có thể hồi hương, miễn là các ngươi xây một đền thờ mà các ngươi có thể cầu nguyện với thần của mình cho ta.* Như vậy là không phải ông không chút vụ lợi trong việc này; nhưng nhờ vậy mà cùng với các dân khác, người Do Thái có thể hồi hương.

Nhưng chỉ 50.000 làm vậy và những người còn lại - phần nhiều được sinh tại chốn lưu đày - đã định cư, họ không phải làm nô lệ tại Ba-by-lôn; họ được phép buôn bán và Ba-by-lôn nằm ngay trên con sông chính, trên tuyến đường giao thương. Người Do Thái giỏi buôn bán và kiếm tiền, họ trở nên khá giàu có và có những công việc kinh doanh phụ thuộc vào tuyến đường giao thương qua Ba-by-

lôn. Không có tuyến đường giao thương qua Giê-ru-sa-lem, nên tôi e rằng nhiều người trong số họ nói rằng: *Chúng tôi sẽ ở lại.*

Đây là điều đã giữ người Do Thái ở lại Đức và Phần Lan mãi đến Thế Chiến thứ 2, đây là điều đã giữ họ ở lại Mỹ - vì họ khấm khá hơn. Gần đây, nhiều người Do Thái ra khỏi Nga không đến Y-sơ-ra-ên dù đó là lý do khiến họ ra khỏi Nga, họ đi thẳng sang New York vì ở đó họ khấm khá hơn. Ngày nay có những người Do Thái rời Y-sơ-ra-ên và đến Mỹ sống. Không biết họ sẽ ở đó bao lâu mà không gặp rắc rối, trước khi Chúa phán rằng: *Các ngươi phải quay lại.*

Trở lại vấn đề, chỉ có 50.000 người hồi hương còn những người khác ở lại. Từ đó trở đi có một khu kiều dân Do Thái lớn tại Ba-by-lôn. Như tôi đã nói, chính từ khu kiều dân đó mà các nhà thông thái đã thấy ngôi sao được tiên tri Ba-la-am báo trước; họ đến Bết-lê-hem để thấy Đấng Mê-si-a. Lãnh đạo những người hồi hương là hai người nam. Một là hoàng tử Xô-rô-ba-bên và tên đó có nghĩa là "hạt giống của Ba-by-lôn", nửa cuối của tên chính là Ba-bên và "Xô-rô" nghĩa là hạt giống. Nên rõ ràng là ông sinh ra trong chốn lưu đày và chưa từng thấy Xứ Hứa, nhưng ông là thành viên duy nhất còn sống sót từ dòng dõng hoàng gia của vua Đa-vít nên ông phải trở lại. Người đồng hành với ông là một thầy tế lễ tên Giê-hô-sua, con cháu Y-đô và Giê-hô-sua đã tái lập chức tế lễ. Giê-hô-sua có tên giống Chúa Giê-su - Jeshua, cùng một từ, nghĩa là Chúa cứu, Chúa Cứu Thế chúng ta. Vậy là Giê-hô-sua quay lại để tái lập chức tế lễ trong đền thờ.

Động cơ chủ yếu thúc đẩy những người hồi hương là những lợi ích thuộc linh; rõ ràng là động cơ của họ không phải là cơ hội làm ăn, họ sẽ không trở nên giàu có. Đó sẽ là một cuộc vật lộn gian khổ; họ đang trở lại một xứ đã không trồng cấy gì trong 70 năm, họ đang trở lại một thành không có tường thành bao bọc và họ đang trở lại một nơi mà những người còn sống sót tại đó không ưa gì họ. Những người đó được gọi là dân Sa-ma-ri; họ mang một nửa dòng máu Do Thái. Nhưng số người Do Thái ít ỏi trụ lại Xứ Hứa đã cưới những dân ngoại và trở thành một dạng người lai tạp. Cả người Do Thái và dân dịa phương đều khinh thường họ như người da màu bị khinh thường tại Nam Phi - những đứa con lai, không thuần chủng.

Đó là nguồn cơn của mối thù hằn giữa người Do Thái và người Sa-ma-ri, lý do khiến Chúa Giê-su kể một câu chuyện động chạm về một người Sa-ma-ri nhân lành giúp một người Do Thái. Nó thật sự chọc giận họ. Vậy là người Sa-ma-ri đang sống tại đó và họ không muốn người Do Thái hồi hương, nên tương lai không hứa hẹn cho lắm.

Nhưng sau khi hồi hương, mối quan tâm đầu tiên của họ là dựng một bàn thờ và mối quan tâm thứ hai là xây một đền thờ quanh đó, để tái lập chính họ là dân Chúa. Nên mới có nhiều thầy tế lễ...thực ra cứ 15 người thì có 2 thầy tế lễ hồi hương. Anh chị em có nhận ra là họ lần theo chính con đường Áp-ra-ham đã đi không? Vì U-rơ xứ Canh-đê nơi Áp-ra-ham từng sống chỉ cách Ba-by-lôn một khúc sông. Họ phải lặp lại toàn bộ câu chuyện của Áp-ra-ham; rời nhà cửa, bà con, công việc kinh doanh và đến một đất nước mà họ chưa từng thấy; và họ đi chính tuyến đường mà Áp-ra-ham đã đi. Điều đầu tiên mà Áp-ra-ham làm khi đến Xứ Hứa là đóng trại của mình và dựng một bàn thờ. Đến bất cứ nơi đâu ông cũng dựng trại của mình và tiếp đó, ông gom vài tảng đá lại, lập một bàn thờ và dâng của lễ tạ ơn lên Chúa vì ông đã đến nơi an toàn. Đó là điều đầu tiên mà họ làm khi hồi hương. Bước ngay đầu tại Giê-ru-sa-lem là gom vài tảng đá lại, lập một bàn thờ và cảm tạ Chúa đã đưa họ trở lại. Điều tiếp theo là xây đền thờ, dựng một tòa nhà.

Vì có ít người và không có nguồn lực, họ quyết định xây một đền thờ nhỏ hơn nhiều, chỉ nhỏ thôi, nhưng ít nhất đó cũng là một đền thờ và họ đã đặt nền móng cho tòa nhà nhỏ bé, vuông vắn quanh bàn thờ. Tất cả những điều này đòi hỏi sự hy sinh rất lớn, họ đã lìa xa bạn bè, người thân; họ đã rời bỏ những căn nhà bằng gạch để sống trong lều trại và chốn tạm bợ, họ từ bỏ sự thịnh vượng để chịu nghèo khó, họ từ bỏ buôn bán để làm nông nghiệp, giờ họ phải học cuốc xới. Tuy phải trả giá đắt nhưng họ có ước mơ của mình và ước mơ của họ từ sách Sử ký là tái thiết một vương quốc có vua riêng, và lại làm dân Chúa trong xứ mà Chúa đã hứa cho cha ông họ.

Nhưng thời xưa cũ vàng son không trở lại, ước mơ tan thành mây khói. Ảo vọng nhường chỗ cho thực tại và nhiệm vụ lớn lao khiến họ chán nản, ngã lòng. Sự chống đối của dân địa phương, người Sa-ma-ri trước sự trở lại của họ rất mạnh và khoản trợ cấp... Si-ru từng hỗ trợ tài chính để giúp họ hồi hương và tái thiết, nó bị cắt khi Đa-ri-út thay thế Si-ru và tham gia vào các cuộc chiến đắt đỏ; chính sách tiết kiệm đầu tiên của ông là cắt bỏ các khoản trợ cấp để các dân hồi hương xây đền thờ. Giờ đây, vì thấy mình không còn tiền nên họ ngừng xây chỉ sau hai năm, và trong 14 năm, họ không xây thêm một viên đá nào vào đền thờ. Chỉ có nền móng và bức tường thấp tè, chỉ vậy thôi. Sau hai năm, họ đã bỏ cuộc - họ không có tiền, họ phải vật lộn để sinh tồn, để kiếm sống từ mảnh đất cằn cỗi và như vậy đã đủ nhọc nhằn rồi. Vượt qua nỗi lo cơm áo gạo tiền để xây đền thờ, đó là một điều xa xỉ mà họ không thể trang trải được. Giờ họ chỉ quan tâm đến việc sinh tồn mà thôi.

Rồi nền kinh tế rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Thực phẩm trở nên khan hiếm và rất đắt đỏ, lạm phát leo thang và mất mùa khiến nguồn cung thực phẩm giảm; hạn hán và bệnh dịch ảnh hưởng đến cây trồng, họ không có tiền tiết kiệm. Họ đã tiêu hết số tiền dành dụm tại Ba-by-lôn chỉ để lo cơm ăn, áo mặc. Một nỗi thất vọng tràn trề, mọi thứ đều xôi hỏng bỏng không. Họ hồi hương với hy vọng tái lập một đất nước, vậy mà giờ đây đến tồn tại còn khó, và tất nhiên, họ đã bàn đến câu hỏi *tại sao mọi thứ lại thành ra thế này?*

Và họ đã tự luận ra câu trả lời, ấy là họ không sai khi quay trở lại, nhưng họ đã chọn sai thời điểm, và họ bắt đầu nói *lẽ ra chúng ta nên ở Ba-by-lôn lâu hơn, tích lũy nhiều tiền hơn cho mình và đợi đến khi chúng ta sẵn sàng quay lại và có thể quay lại trong trạng thái đầy sung sức và giàu có thì chúng ta có thể làm được. Nhưng chúng ta đã chọn sai thời điểm. Chúng ta không đến nhầm chỗ, nhưng chúng ta đã chọn sai thời điểm đến. Chúng ta đang phải gồng mình lên; lẽ ra dân mình phải sinh cơ lập nghiệp trước, phải đông đảo và thịnh vượng đã. Áp-ra-ham có thể thỏa lòng với lều trại và bàn thờ nhưng chúng ta thì không, chúng ta muốn tái thiết.* Họ đã trở lại được mười tám năm mà không chứng minh được gì nhiều. Tôi đang cố làm anh chị em nản lòng. Tôi muốn anh chị em cảm nhận được sự ngã lòng của họ, và đó là khi A-ghê nói cùng họ.

HAGGAI

1. A DEPRESSED PEOPLE (1^{1-11}) 1/6/2
   YOUR HOUSES ~ DECORATED
   MY HOUSE ~ DEVASTATED
2. A DETERMINED PEOPLE (1^{12-15}) 24/6/2
   FEARED THE LORD
   OBEYED THE LORD
3. A DISCOURAGED PEOPLE (2^{1-9}) 21/7/2
   FORMER HOUSE ~ GLORIOUS
   LATTER HOUSE ~ GREATER
4. A DEFILED PEOPLE (2^{10-19}) 24/9/2
   CLEAN DOESN'T MAKE DIRTY CLEAN
   DIRTY DOES MAKE CLEAN DIRTY
5. A DESIGNATED PRINCE (2^{20-23}) 24/9/2
   OTHER THRONES OVERTURNED
   THIS THRONE OCCUPIED

Ông đã cùng hồi hương với họ sau cuộc lưu đày, tôi nghĩ có lẽ ông là một thầy tế lễ, nhưng chúng ta không biết cha ông là ai nên ông không phải người quyền thế gì lắm; những người quyền thế biết cha mình là ai. Sách không ở thể thơ mà chỉ toàn văn xuôi, đó là một điểm rất đáng chú ý vì không có chút cảm xúc nào của Chúa được thể hiện ra. Như thể Chúa đã chán ngấy rồi, như thể Ngài không còn cảm giác nữa; một điểm rất đáng chú ý. Nhưng Lời Chúa không đến với A-ghê như đến với những tiên tri khác, mà đến bởi A-ghê, tức đó là lời sáng suốt thay vì sự mặc khải - ông nhìn thấy những điều thực sự sai trật, lý do tại sao ước mơ đó lại vỡ vụn và tại sao mọi thứ lại gây chán nản đến vậy. Ông có thể thấy điều đó; nhưng ông đã đem hết lời này đến lời khác từ Chúa - 26 lần trong chỉ 38 câu có "Đức Giê-hô-va phán" và ông đem Lời Chúa đến với họ ở cuốn sách ngắn thứ hai trong Cựu Ước.

Đây là những sứ điệp mà ông mang đến, tôi còn đưa cả ngày vào đó. Cái này vào ngày mồng một tháng sáu, năm thứ hai, triều vua Đa-ri-út; cái này vào ngày hai tư tháng đó; rồi đến ngày hai mốt tháng bảy; rồi ngày hai tư tháng chín và cuối cùng, lại vào ngày hai tư tháng chín. Năm ngày, chỉ vậy thôi; ấy thế mà ông mang đến 24 Lời từ Chúa trong năm ngày và chúng xoay quanh một số điều cụ thể. Ông đến và đặt câu hỏi. Chương 1 đến 3 toàn là những câu hỏi từ Chúa, Chúa vặn hỏi dân đó, Ngài khiến họ phải suy nghĩ. Vì vấn đề thực sự là suy nghĩ của họ đã sai trật. Cảm giác ngã lòng thường là do suy nghĩ sai trật, khi người ta suy nghĩ sai cách. Anh cần xem lại suy nghĩ của mình, từ đó cảm xúc của anh sẽ theo sau, anh cần nghĩ lại.

Nhưng thật kỳ lạ là dân Chúa không thích suy nghĩ. Xin lỗi nhưng lời bình luận tôi hay nhận được nhất sau khi giảng là "Mục sư cho chúng tôi một điều để suy nghĩ," và người ta thường nói vậy với tông giọng nhắc nhẹ như muốn nói rằng *tôi không đến hội thánh để suy nghĩ*. Nhưng thực ra, đôi khi người giảng đạo và nhà tiên tri cần khiến người ta phải suy nghĩ, khuyến khích họ nghĩ lại, và đặt câu hỏi. Đó là cách A-ghê nói về tình cảnh hiện tại và ông nói: *Về cơ bản thì suy nghĩ của các ngươi sai trật hết rồi.*

Một dân ngã lòng

Tôi đã đưa ra một dàn ý rất đơn giản về năm ngày mà ông rao giảng. Bây giờ tôi sẽ đi hết một lượt và chọn ra những câu hỏi mà ông hỏi thay cho Chúa; ông đang cố gắng bắt họ phải suy nghĩ lại. Anh chị em thấy đấy, họ đã luận ra câu trả lời rằng thực ra, Chúa đã gây ra thảm họa này, sự chán ngán này, và họ đang phải chịu đựng nó. Nhưng thực ra là ngược lại. Họ đã gây ra điều đó, Chúa chỉ đang đáp lại họ mà thôi. Thực ra là họ đã bước những bước đầu tiên vào sự đình trệ này, vào tình trạng suy thoái này, vào thời kỳ lạm phát này.

Ông nói: *các ngươi thiếu đồ ăn, thiếu tiền, các ngươi đựng tiền mình trong túi lủng và nó cứ thế đội nón ra đi.* Một cách nói rất sinh động, trong thời kỳ lạm phát và suy thoái thì người ta cảm thấy đúng như vậy, *các ngươi cho tiền vào túi mà nó cứ bay đi đâu mất, nó được đựng trong túi lủng, lương thực, mùa màng không đủ ăn. Các ngươi rút ra kết luận rằng chưa đến lúc xây đền thờ, rằng các ngươi không đủ sức lực và tiền bạc.* Ông nói: *Thực ra thì tất cả những điều này xảy ra vì các ngươi đã dừng xây đền thờ. Ngược lại với những gì các ngươi nghĩ; các ngươi không nên nói chúng ta không thể xây đền thờ trong thời kỳ lạm phát thế này. Điều gì đã gây ra lạm phát? Ấy là vì các ngươi ngừng xây đền thờ. Ngay khi các ngươi ngừng đặt Chúa và nhà của Ngài lên hàng đầu thì đó là khi mọi thứ bắt đầu sai trật, nhưng các ngươi không nhận ra.* Vậy là con gà có trước hay quả trứng có trước? Đâu là nguyên nhân, đâu là kết quả? Và họ đang nghĩ ngược lại; nên ông nói: *Bây giờ, hãy để tâm suy nghĩ về đường lối các ngươi. Hãy nghĩ đến những gì các ngươi đã làm, chính các ngươi đã ngừng xây đền thờ trước.*

Rồi ông bắt đầu công kích họ vì ông nói: *Hãy nhìn nhà các ngươi đi, nhà lát gỗ luôn!* Hãy hiểu rằng khi họ hồi hương, gỗ rất khan hiếm, cây cối đã bị người Ba-by-lôn chặt hết và người ta phải nhập khẩu gỗ từ những nơi như Li-ban có cây bá hương. Nên người có nhà cửa tử tế đã là tốt lắm rồi, đằng này còn có phòng ăn lát gỗ nữa - họ đang dành nhiều tiền để trang hoàng nhà riêng và ông nói: *Mỗi người các ngươi đều đang sống trong một căn nhà lý tưởng. Hãy nhìn nhà các ngươi cùng những gì các ngươi đổ vào đó; rồi hãy nhìn nhà Chúa đi, tường mới có bằng này. Các ngươi lo cho nhà mình hơn nhà Ngài - đó là điều gây nên suy thoái; thế nên Chúa mới không chúc phước cho nhà các ngươi, thế nên lạm phát mới cuốn theo tiền của các ngươi, các ngươi không đặt Chúa lên đầu.* Một sứ điệp rất đơn giản. Ông nói: *Thử so sánh nhà các ngươi với nhà Chúa xem, ngươi sẽ thấy ngươi đã ưu tiên cho cái nào.*

Sứ điệp đó thực sự có tác dụng. Người ta đáp ứng rất tích cực; họ nói: *Anh chị em ơi, ta hãy xây đền thờ* và ông thực sự là một tiên tri thành công. Phần lớn các tiên tri trước lưu đày đều thất bại, còn các tiên tri sau đó có vẻ được lắng nghe. Người ta đã rút ra bài học trong cuộc lưu đày. Vậy là họ lại bắt tay vào làm và ngay sau đó, lời cuối cùng A-ghê nói với họ vào ngày đầu tiên ấy là: Đức Giê-hô-va phán: *Ta lại ở cùng các con; đi thôi.* Họ hừng hực khí thế, mất một khoảng thời gian ngắn - ba tuần rưỡi để sắp xếp thợ xây và tìm thêm vật liệu cho đền thờ, nhưng ba tuần rưỡi sau, họ lại bắt tay vào xây dựng.

Một dân bị nản chí

Sứ điệp thứ hai đến vào ngày hai mốt tháng bảy, chỉ 27 ngày sau khi họ bắt đầu xây dựng - chưa đến một tháng sau. Lúc này, nhuệ khí giảm sút, chủ yếu là do chuyện của người già. Một chi tiết rất người; trong đây có chép những người già cả nói rằng: *Chẳng giống đền thờ thời bọn ta chút nào?* Có những người già cả hồi hương vẫn còn nhớ đền thờ khi trước; họ nói: *Cái này bé nhỉ? Này mà gọi là đền thờ á? Các con phải xem đền thờ hồi xưa của bọn ta cơ.* Kiểu khích lệ này thật sự rất tai hại - *chẳng giống thời bọn ta gì cả.* Thực ra thì họ nhìn lại qua lăng kính màu hồng, đôi khi ta không thể tin trí nhớ của những người già cả nói kiểu như vậy là chính xác được. Nhưng họ đang làm như vậy, và điều đó khiến người ta cực kỳ nản lòng, làm phương hại đến công việc và A-ghê lại phải nói Lời Chúa để họ tiếp tục xây cất.

Ông nói: *chớ khinh dể ngày của những điều nhỏ mọn; bắt đầu từ điều nhỏ bé còn hơn là không bắt đầu; hãy xây nên một đền thờ! Chúa không quá để ý đến nhà to hay bé, Ngài chỉ muốn có một ngôi nhà để sống trong đó, nơi Ngài có thể ngự giữa dân Ngài - nên đừng khinh dể ngày của những*

điều nhỏ mọn. Một sứ điệp thật hay đúng không? Ông lại giục lòng họ làm tiếp và đưa ra những lời hứa. Ông lại nói trong Danh Đức Giê-hô-va rằng: *Ta ở với các con; Thần ta vẫn ở giữa các con.* Ông cũng đưa ra một sứ điệp, ông nói ba lần rằng "hãy can đảm" và một lần rằng: "đừng sợ hãi." Chúng ta đã sáng tác một bài hợp xướng từ ý đó đúng không? "Hãy mạnh dạn, hãy can đảm vì Ta, Đức Giê-hô-va ở với các con" - câu đó ra từ chính sứ điệp ngắn thứ hai của A-ghê. Một số bài hợp xướng thật sự lấy những sứ điệp này nhưng tiếc là chúng ta hát mà không nhớ chúng được nói khi nào, và chúng ta cần ngữ cảnh để hiểu ý nghĩa thật sự của những bài hát này.

Rồi ông nói về tương lai vào ngày thứ hai mà ông nói cùng họ; ông nói về tương lai mà Đức Chúa Trời sẽ làm rúng động các tầng trời và mặt đất cũng như làm rúng động các nước, rằng Ngài kiểm soát thiên nhiên và lịch sử. Rồi có một câu rất lạ và khó dịch xuất hiện - "những sự ao ước của các nước hầu đến." Tôi e có quá nhiều người nghĩ rằng đó là lời hứa về Đấng Mê-si-a, *sự ao ước của tất cả các nước sẽ đến.* Đó là một chỗ khó của Hê-bơ-rơ nhưng tôi sẽ cho anh chị em biết ý nghĩa của nó theo quan điểm của tôi. Từ "ao ước" đó thường được dịch trong Cựu Ước là những vật quý giá, những châu báu mà người ta ao ước; tôi nghĩ đó là lời hứa rằng sẽ có thêm bạc vàng để giúp khôi phục lại đền thờ về trạng thái ban đầu. Câu này đang nói rằng *báu vật của các nước sẽ đổ về, Ta sẽ làm rúng động các nước và họ sẽ gửi những châu báu đến đây*.

Thực ra thì điều đó đã xảy ra vì không lâu sau lời tiên tri đó, một loạt những vàng bạc, châu báu đến từ Ba-by-lôn, lúc này là Ba Tư, để hỗ trợ việc tái thiết. Nên tôi nghĩ đó là ý nghĩa của câu này, và chúng ta đã luận giải quá đà nếu nghĩ rằng câu ấy nghĩa là Đấng Mê-si-a sẽ đến. Rồi Chúa phán: *Ta sẽ làm cho nhà này đầy dẫy vinh quang và vinh quang của nhà này sẽ lớn hơn vinh quang trước kia*. Thực ra thì cuối cùng điều này cũng xảy ra vì vào thời Chúa Giê-su, đền thờ thứ hai đó được Hê-rốt xây lại và trở nên ngôi đền nguy nga nhất mà thế giới từng thấy, tuy nó không bao giờ được hoàn thiện, ngay cả vào thời Chúa Giê-su. Nhưng thực ra Chúa đang nói rằng: *chính vinh quang Ta khiến nhà này nên đẹp đẽ, và vinh quang của nhà sau này, đền thờ thứ hai này, sẽ lớn hơn vinh quang của nhà trước, đền thờ trước.* Nên với tất cả những lời hứa như vậy, A-ghê giục lòng họ làm tiếp.

Một dân bị ô uế

Rồi khủng hoảng tiếp theo xảy đến vào hai tháng sau vì có một vấn đề nảy sinh. Lúc này là hai tháng sau đó, bước vào tháng 12 và trời không mưa. Anh chị em thấy đấy, A-ghê đã nói rằng *các ngươi gây nên cơn hạn hán, nạn đói và thiếu lương thực vì các ngươi dừng xây đền thờ.* Lúc này, họ trở lại với ông và nói: *Giờ chúng tôi lại xây đền thờ rồi, chúng tôi đã xây được hai, ba tháng rồi mà trời không mưa.* Mưa thường đổ xuống vào tháng mười - đó là "mưa đầu mùa," lúc này là tháng 12 mà chưa có mưa và họ nói: *Này, đợi đã, ông nói rằng mọi thứ sẽ ổn thỏa khi chúng tôi bắt đầu xây lại và chúng tôi đã xây được nhiều rồi, nhìn này, chúng tôi xây đến trần rồi mà Chúa chưa sai mưa xuống. Sắp tới sẽ lại mất mùa mất thôi.*

Anh chị em có thể tưởng tượng rằng chuyện này có gây chút khó dễ với A-ghê. Ở đây có một vấn đề về thần học. Ông nói: *Cần để tâm suy nghĩ*; ba lần ông nói vậy. Rồi ông nói: *Phải có lý do nào đó khiến Chúa không đáp ứng ngay với sự tái thiết của các ngươi, phải có lý do nào đó.* Ông hỏi: *Chúa ơi, vấn đề là gì ạ?* Chúa phán với ông và ông đặt những câu hỏi mới cho dân sự. Ông nói: *hãy nói cho ta biết, nếu các ngươi để một đống đĩa bẩn vào một đống đĩa sạch thì đĩa sạch làm đĩa bẩn sạch lên hay đĩa bẩn làm đĩa sạch bẩn đi?* Câu hỏi nhỏ rất hay. Câu trả lời là gì? Nếu ta để đồ bẩn và đồ sạch cạnh nhau thì đồ bẩn khiến đồ sạch bẩn đi hay đồ sạch khiến đồ bẩn sạch lên đây? Biết câu trả lời không ạ? Đúng thế.

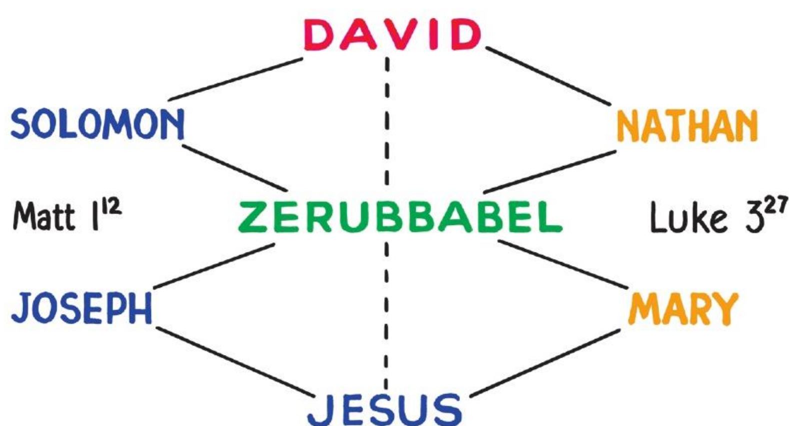
Rồi ông nói: *Câu hỏi khác - nếu đặt một vật được thánh hóa cho Chúa cạnh một vật không thánh hóa thì sự thánh hóa có truyền từ vật được thánh hóa sang vật không thánh hóa không?* Câu trả lời là không. Rồi ông nói: *Nếu nghĩ về điều đó thì các ngươi đã có câu trả lời tại sao Chúa không cho mùa màng được ổn thỏa. Nếu các ngươi xây một đền thờ thánh nhưng người xây lại không thánh, những người ô uế đang xây đền thờ thánh sạch - điều đó khiến đền thờ mới này trở nên ô uế trong mắt Chúa. Vấn đề thực ra là các ngươi nghĩ mình tin kính vì mình đang xây đền thờ, nhưng thực ra các ngươi không phải là một dân tin kính và các ngươi đang làm ô uế đền thờ trong mắt Chúa vì đời sống của các ngươi không đúng đắn.*

Người ta đã tiếp nhận sứ điệp đó và họ bắt đầu thanh tẩy chính mình. Chúng ta không biết họ phạm phải những tội gì. A-ghê không nhắc đến chúng, nhưng họ biết, họ biết ông đang nói đến điều gì, họ biết những điều mình đang làm cách bí mật và kín nhiệm, và Chúa phán: *Ta không muốn những con người ô uế xây đền thờ thánh sạch của Ta*, vấn đề là ở chỗ đó. Họ đã chỉnh đốn lại và ngày hôm sau, mưa đổ xuống. A-ghê là một tiên tri giỏi; ông thực sự truyền đạt được những bài giảng, hay nói đúng hơn là những câu hỏi của mình, và ông thực sự giục lòng họ làm tiếp. Trời bắt đầu đổ mưa dù đã là tháng mười hai và Lời Chúa phán rằng "từ nay Ta sẽ ban phước cho các ngươi" vì họ đã tiếp nhận sứ điệp.

Một hoàng tử được chọn lựa

Ngày thứ tư là ngày hai mươi bốn tháng chín, lần này là một sứ điệp cho Xô-rô-ba-bên và chỉ cho ông mà thôi. Sứ điệp đó là *con là nhẫn ấn tín của Đức Chúa Trời*. Nhẫn ấn tín luôn được đeo bởi người trong hoàng tộc và Chúa muốn nói rằng: *Xô-rô-ba-bên, từ ngươi, dòng dõi hoàng gia sẽ được tái lập*. Ông là hoàng tử thuộc dòng vua Đa-vít, nhưng tất nhiên, ông không thể làm vua được, vì dưới quyền vua Ba Tư, không ai được phép làm vua, họ có thể làm tổng đốc. Vậy là Xô-rô-ba-bên được lập làm tổng đốc xứ Giu-đa dưới quyền vua Ba Tư, lúc này là Đa-ri-út. Nhưng ông không thể làm vua. Tuy nhiên, lời hứa đã được lập trong đây.

Chúng ta đến đâu rồi - sứ điệp thứ tư - ở đây, ngày hai mươi bốn tháng chín, lời hứa đã được lập với Xô-rô-ba-bên: *Nhưng sẽ có ngày Ta làm rúng động các nước, và khi rúng động chúng, ta sẽ lật đổ ngai của họ và thiết lập ngai của Y-sơ-ra-ên, rồi dòng dõi con sẽ ngồi trên đó*. Tôi đang nói về sứ điệp số 5, xin lỗi. Đúng thế. Vậy là Ngài hứa với Xô-rô-ba-bên rằng Ngài sẽ làm rúng động các nước khác, Ngài sẽ làm rúng động Ba Tư, Ai Cập, Si-ri, Hy Lạp, thậm chí là Rô-ma, và Ngài sẽ tái lập vương quốc Y-sơ-ra-ên từ dòng dõi Xô-rô-ba-bên. *Và vào ngày đó,* Ngài phán - *Ta sẽ chọn con và sẽ lập con làm nhẫn ấn tín Ta*, là vật vua luôn dùng để đóng ấn các tài liệu, *vì Ta đã chọn con.*



Thực ra điều này không hề được ứng nghiệm với cá nhân Xô-rô-ba-bên nhưng có một điều phi thường diễn ra khi ta nghiên cứu gia phả của Chúa Giê-su. Có hai gia phả của Chúa Giê-su, và đó là vấn đề với một số người, hai cái có vẻ mâu thuẫn với nhau, nhưng một cái là của Giô-sép trong Ma-thi-ơ, còn cái kia là của Ma-ri trong Lu-ca. Nhưng hai dòng họ này đều thuộc dòng vua Đa-vít, tách ra sau thời Đa-vít và hợp lại ở một người - Xô-rô-ba-bên, rồi chúng lại tách ra. Thật thú vị đúng không? Nên thực ra, cái tên xuất hiện trong cả gia phả của Giô-sép trong Ma-thi-ơ 1 và gia phả của Ma-ri trong Lu-ca 3 là cái tên đặc biệt này - tổ phụ của Chúa Giê-su ở cả đằng cha và đằng mẹ Ngài cũng như Đa-vít là tổ phụ ở cả đằng cha và đằng mẹ Ngài.

Nên Xô-rô-ba-bên có một vị trí rất, rất quan trọng trong lịch sử cứu rỗi của chúng ta, và Đức Chúa Trời làm thành lời hứa Ngài với người đó bằng việc đặt ông vào cả hai gia phả của Con Ngài. Tôi đã nói rằng theo luật pháp thì Chúa Giê-su thuộc dòng dõi Đa-vít qua cha mình - cha dượng - Giô-sép. Theo tự nhiên thì Ngài thuộc dòng dõi Đa-vít qua Ma-ri, như vậy là cả hai bên cha mẹ, nhưng cả hai cũng là con cháu của người này nữa. Anh chị em đã bao giờ để ý đến điều đó chưa? Hãy đọc hai gia phả mà xem. Tôi nghĩ đó là một suy nghĩ thật hay.

Kết luận - Đặt Chúa lên hàng đầu

Có thể tóm tắt rất nhanh sứ điệp của A-ghê - ưu tiên những điều đáng ưu tiên. Cụ thể là đặt Chúa lên hàng đầu. Đề tài đó liên tục được Chúa Giê-su nhắc đến trong sự dạy dỗ của Ngài. Trong bài giảng trên núi, Chúa Giê-su phán: *Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm vương quốc và sự công chính của Ngài thì những chuyện như cơm ăn, áo mặc, các con không cần phải lo đến, tất cả những điều này sẽ được ban thêm cho các con.* Nhưng chúng ta rất hay nói rằng: *Làm sao lo được cho cả thể xác lẫn linh hồn, tôi thực sự không có thời gian cho tôn giáo. Tôi phải làm bục mặt ra để kiếm sống đây.* Nhưng anh chị em biết đấy, quốc gia có phúc lợi tốt nhất là Vương quốc Thiên đàng, vì Chúa Giê-su nói: *Các con cứ tìm kiếm vương quốc trước, đặt Đức Chúa Trời lên hàng đầu thì tất cả những điều khác sẽ tự lo cho chúng.* Ngài không hứa cho chúng ta những thứ xa xỉ, Ngài hứa rằng mọi thứ chúng ta cần sẽ được chu cấp.

Có cậu bé trích Thi Thiên 23 rằng "Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi, tôi chỉ cần có thế" và đúng như vậy. Khi Kinh thánh nói rằng "Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi, tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì" tức là tôi sẽ chẳng thiếu thốn, chứ không phải là tôi sẽ có mọi thứ mình muốn. Chúng ta không được hứa như vậy, nhưng được hứa rằng nếu chúng ta đặt Chúa lên hàng đầu thì Ngài sẽ chăm lo cho những nhu cầu, những điều thiết yếu của cuộc sống. Đó là một lời hứa. Nhưng chúng ta hay có xu hướng đặt việc kiếm sống hoặc sinh tồn lên hàng đầu, còn thừa bao nhiêu thì để cho Chúa. Nhưng không phải như vậy, và thông điệp của A-ghê đến với chúng ta rất rõ ràng. Nếu anh đặt nhà riêng lên trước nhà Chúa thì không ổn đâu. Chúa phải đứng trước thì những điều khác sẽ được chu cấp.

Giữ mình cho thanh sạch

Cũng có một khía cạnh quan trọng hơn. Không phải Chúa quan tâm đến việc chúng ta làm gì cho Ngài, mà đến việc chúng ta có thanh sạch để làm điều đó hay không, có đang làm ô uế cả những điều tốt mà chúng ta làm cho Ngài vì không giữ mình thanh sạch hay không. Đó là lý do tại sao Chúa Giê-su nói trong Bài giảng trên Núi rằng: *Khi con đem lễ vật đến cho Chúa, nếu thấy có người anh em mà con cần hòa giải thì con nên đi làm hòa trước đã rồi mới dâng tế lễ.*

Một lần nữa, thông điệp của A-ghê lại được truyền đạt. Người ô uế có thể khiến những điều thanh sạch trở nên ô uế. Hãy chỉnh đốn lại; đặt Chúa lên hàng đầu, chỉnh đốn lại, thì Chúa có thể hoan

nghênh những điều anh làm cho Ngài, chúc phước cho anh và săn sóc anh. Một thông điệp khá đơn giản nhưng có lẽ vẫn cần được nói lên. Không phải là sinh tồn và kiếm sống, mà là sống cho đúng đắn và sống cho Chúa. Cảm ơn A-ghê vì đã nhắc nhở chúng ta điều đó. Ngợi khen Chúa vì dân sự đã lắng nghe và họ đã chỉnh đốn lại, họ tiếp tục tái thiết đền thờ của Chúa. Nhưng một tháng trước khi A-ghê nói xong, dân sự lại cần đến một sứ điệp khác, lần này là từ một người khác - Xa-cha-ri và chúng ta sẽ xét đến ông trong bài tới.

SÁCH XA-CHA-RI - Phần 1

Giới thiệu

Tôi sẽ bắt đầu bài học của chúng ta về Xa-cha-ri bằng cách đọc một vài câu từ chương 8. Anh chị em có thể thấy bất ngờ với điều này:

Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Hãy tiếp tục công việc đó và hoàn tất nó đi. Các con đã nghe đủ lâu rồi. Vì từ khi các con bắt đầu đặt nền móng cho đền thờ, các tiên tri đã cho các con biết những phước hạnh đang chờ đón các con khi nó được xây xong. Trước khi công việc này bắt đầu, không có công việc, không có tiền công, không có sự an ninh. Nếu các con rời thành này thì chẳng có gì đảm bảo là các con sẽ được trở lại vì tội phạm tràn lan. Nhưng giờ đây, tất cả đã rất khác, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. Vì ta đang gieo bình an và thịnh vượng giữa vòng các con. Mùa màng của các con sẽ sinh hoa lợi, cây nho sẽ sai trĩu quả. Đất sẽ trở nên màu mỡ, được tưới nhuần và mọi phước hạnh này sẽ được ban cho những người còn sót lại trong xứ. "Nguyện ngươi trở nên nghèo khó như Giu-đa vậy," anh em các con từng nói với những người mà họ nguyền rủa như vậy. Nhưng không còn như vậy nữa, vì giờ đây, Giu-đa là một lời chúc phước chứ chẳng phải nguyền rủa. "Nguyện ngươi được thịnh vượng và vui vẻ như Giu-đa" - họ sẽ nói vậy. Nên đừng sợ hãi hay nản lòng, hãy tiếp tục xây lại đền thờ.

Tôi đọc đoạn đó vì đó có thể là lời của A-ghê. Đó đúng là sứ điệp của A-ghêl A-ghê và Xa-cha-ri nói xen nhau trong một tháng, và Xa-cha-ri bắt đầu đúng từ chỗ A-ghê dừng lại, nên tôi mới đọc đoạn đó. Nếu A-ghê là một trong những tiểu tiên tri dễ hiểu nhất thì Xa-cha-ri chắc chắn là người khó nhất. Nếu anh chị em đã đọc hết sách trước bài này, vâng, hy vọng là anh chị em có thể dạy tôi một chút về nó, nhưng đây thực sự là một sách rất khó hiểu và đánh đố.

Những điểm khác biệt giữa A-ghê và Xa-cha-ri

Có nhiều điểm khác biệt giữa A-ghê và Xa-cha-ri, dù có điểm tương đồng như tôi đã chỉ ra. Thực ra là có ba khác biệt. Một, Xa-cha-ri nói sau A-ghê, sau không nhiều, họ có nói xen nhau một tháng, nhưng sau đó Xa-cha-ri đi xa hơn nhiều. Giống như một cuộc chạy tiếp sức vậy, như thể A-ghê đưa cây gậy tiếp sức cho Xa-cha-ri rồi ông cầm nó chạy tiếp, nhưng ông chạy xa hơn nhiều. Vì vậy, điểm thứ hai là sách dài hơn A-ghê nhiều, 12 chương và 11 trang thay vì chỉ một vài trang. Ba là ông đi tiếp ít nhất hai năm nữa và điều đó cho ông thêm nhiều sự mặc khải để chia sẻ hơn. Khác biệt lớn nhất là Xa-cha-ri nhìn vào tương lai xa. A-ghê nói với hiện tại, những vấn đề trước mắt cũng như tương lai trước mắt, nhưng Xa-cha-ri dường như có thể nhìn xa về phía trước, mãi đến tận thế và một số dự báo của ông trong tương lai gần hơn lẫn lộn hết với một số dự báo về tương lai rất xa. Điều đó khiến chúng ta khó hiểu - ông đang nói về thời kỳ nào?

Chúng ta sẽ phải cố gắng bóc tách điều đó một chút. Có nhiều đoạn thơ trong Xa-cha-ri hơn là A-ghê, nhiều hơn một chút, rồi chúng ta sẽ thấy nhưng hơn hết, chúng ta gọi đây là một sách mặc khải. Vẫn là sự tiên tri, nhưng là một dạng tiên tri đặc thù, khác với dạng khác. Một sự tiên tri nhiều hình ảnh hơn là lời lẽ, nhiều khải tượng hơn là ở dạng lời nói, dành cho mắt nhiều hơn là tai, nên những lời tiên tri mặc khải đầy những biểu tượng, hình ảnh kỳ lạ, thú vật đóng vai trò khá quan trọng trong lời tiên tri mặc khải, và hơn hết, các thiên sứ xuất hiện trong lời tiên tri mặc khải, thường thì họ không như vậy. Có những thiên sứ cho con người xem những hình ảnh rồi giải thích cho họ về chúng. Tất cả những điều này nhắc ta nhớ đến cái gì? Sách Khải huyền.

Nó cũng nhắc ta nhớ đến nửa sau của sách Đa-ni-ên, cũng là dạng mặc khải, và một vài phần của sách tiên tri Ê-xê-chi-ên. Anh chị em có nhớ là Ê-xê-chi-ên thấy những bánh xe bự chảng đầy mắt quanh vành và những bánh xe lồng trong bánh xe kiểu như con quay hồi chuyển chạy đi đây đó quanh bầu trời. Chúng ta gọi tất cả những thứ đó là lời tiên tri mặc khải. Nó có dạng thức kỳ lạ vì một lý do rất đơn giản. Rất khó để mường tượng ra tương lai xa. Ta có thể mường tượng tương lai gần khá dễ dàng vì chỉ cần suy từ xu hướng hiện tại mà ra, nhưng làm sao có thể miêu tả cuộc sống ngày nay cho một người từ cả ngàn năm trước? Ta sẽ miêu tả cái ti vi cho họ kiểu gì? Họ sẽ hiểu có tí chút hoặc không hiểu gì cả. Cách duy nhất để miêu tả tương lai xa cho người ta là cố gắng miêu tả dưới dạng hình ảnh hoặc biểu tượng, rồi giải thích biểu tượng với họ.

Như vậy, chúng ta đã nói đến Xa-cha-ri với một dạng tiên tri rất khác. Có những con ngựa đủ màu, cộng thêm người cưỡi ngựa. Có những cái sừng và những người thợ rèn. Có những hòn đá, mỗi hòn có bảy con mắt. Có dây đo, cây ô-liu và cây đèn; người đàn bà ngồi trong cái thúng và những người nữ có cánh cò, rồi cuốn sách bay. Tất cả những điều này đều quá lạ lùng và khá khó với chúng ta. Chúng ta là những con người thực tế, không viển vông và chúng ta hiểu những con người có sao nói vậy. Chúng ta rất dễ hiểu A-ghê. Ông nói: *Hãy tiếp tục công việc, xây xong đền thờ và Chúa sẽ chúc phước cho anh em.* Như vậy thì cần gì phải giải thích! Nhưng Xa-cha-ri là một phạm trù khác.

Tiên tri Xa-cha-ri

Vậy hãy xét đến vị tiên này trước. Tên ông có nghĩa là "Đức Chúa Trời nhớ" - rất đáng chú ý. Đức Chúa Trời nhớ. Nhưng đó là một cái tên rất thông dụng trong Cựu Ước. Tôi đã đếm được 29 người tên Xa-cha-ri trong Cựu Ước. Một cái tên rất thông dụng. Ông là một thầy tế lễ và điều đó cũng rất đáng chú ý. Ở đây, chúng ta có một thầy tế lễ đồng thời là nhà tiên tri. Tôi đã nói là cứ 15 người trở lại từ Ba-by-lôn thì có 2 người là thầy tế lễ. Đó là một chuyến hồi hương vì tôn giáo. Người ta trở lại chỉ để tái lập danh Chúa tại Giê-ru-sa-lem. Rõ ràng là họ không trở lại vì xứ đó màu mỡ hơn hay dễ buôn bán hơn; họ trở lại vì những nguyên cớ thuộc linh, nên nhiều thầy tế lễ trở lại và có hai diễn tiến khác thường được Xa-cha-ri nêu bật lên. Diễn tiến đầu tiên là giờ đây, các thầy tế lễ sẽ thế chỗ các tiên tri. Trong 400 năm tới, sẽ không có tiên tri nào, chỉ có thầy tế lễ mà thôi. Và Xa-cha-ri - vừa là thầy tế lễ vừa là tiên tri - đánh dấu một dạng chuyển tiếp, và ông dự báo rằng sẽ có một ngày mà không ai nhận là tiên tri. Họ sẽ nói: *Tôi không phải tiên tri, đừng gọi tôi là nhà tiên tri,* và thầy tế lễ thế chỗ của tiên tri.

Diễn tiến đáng kinh ngạc thứ hai là các thầy tế lễ sẽ tiếp quản vai trò lãnh đạo từ các vị vua. Một trong những điều Xa-cha-ri sẽ làm như một hành động tượng trưng là làm một mão miện bằng bạc và vàng rồi đội nó trên đầu - không phải trên Xô-rô-ba-bên là hoàng tử thuộc dòng vua Đa-vít, nhưng là trên thầy tế lễ Giê-hô-sua. Đó là một diễn tiến khác thường và lần đầu tiên trong lịch sử Y-sơ-ra-ên, chức thầy tế lễ và nhà vua sẽ được hợp làm một. Điều này chỉ xảy ra có một lần trước đó trong Cựu Ước từ mãi sách Sáng Thế Ký, một người tên Mên-chi-xê-đéc là vua Giê-ru-sa-lem trước khi người Do Thái chiếm được nó, ông vừa là thầy tế lễ vừa là vua, nhờ Tân Ước, chúng ta biết rằng là Chúa Giê-su thuộc dòng của ông, Ngài thuộc ban Mên-chi-xê-đéc chứ không phải Lê-vi. Ngài là thầy tế lễ, là Vua và tất nhiên là nhà tiên tri.

Nên Xa-cha-ri đánh dấu một kiểu hợp nhất ba chức vị, ba vị trí lãnh đạo này lại. Vậy là thầy tế lễ tiếp quản từ nhà tiên tri và thầy tế lễ tiếp quản từ nhà vua. Khi Chúa Giê-su đến thì chỉ có các thầy tế lễ. Giăng Báp-tít là nhà tiên tri đầu tiên mà họ có sau 400 năm. Nhưng những người lãnh đạo - người thống trị là hai thầy tế lễ thượng phẩm tên An-ne và Cai-phe. Nên Xa-cha-ri là một sách rất quan

trọng đánh dấu sự chuyển tiếp này. Nếu anh chị em còn nhớ thì trong hai ngàn năm lịch sử của Y-sơ-ra-ên từ Áp-ra-ham đến Chúa Giê-su, ta có thể chia hai nghìn năm rất gọn thành bốn phần 500 năm. Trong 500 năm đầu từ năm 2000 đến 1500, lãnh đạo họ là các tổ phụ - Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và Giô-sép. Trong 500 tiếp theo từ năm 1500 đến 1000, lãnh đạo họ là các tiên tri từ Môi-se đến Sa-mu-ên. Từ năm 1000 đến năm 500 TCN, lãnh đạo họ là các vua. Nhưng từ năm 500 trở đi, lãnh đạo họ là các thầy tế lễ.

Vậy là Chúa đã cho họ thử mọi kiểu lãnh đạo, và tôi e rằng mọi kiểu lãnh đạo đều không ăn thua với Y-sơ-ra-ên. Cái họ cần là một người lãnh đạo kết hợp tất cả những chức vị này vào làm một và đó là điều họ sẽ có nơi Chúa Giê-su. Ta có thể thấy cách Cựu Ước chuẩn bị dân sự cho người lãnh đạo phù hợp - trước tiên cho họ thấy các tổ phụ - cha ông của họ, rồi đến các tiên tri - những người nói Lời Chúa, rồi đến các vua là những người ngồi trên ngai, rồi đến các thầy tế lễ cầu thay cho họ trước Chúa.

Dàn ý của sách

ZECHARIAH

A PRESENT PROBLEMS (1-8)

① REBUKE & REBELLION (1^{1-6}) ?/8/2
a. ERRING PREDECESSORS b. EARLIER PROPHETS

② ENCOURAGEMENT & ENTHRONEMENT (1^{7}-6^{15}) 24/11/2
a. CRYPTIC PICTURES (1^{7}-6^{8})
TEMPLE { i FOUR HORSES AMONG MYRTLE TREES
ii FOUR HORNS AND 'SMITHS'
CITY { iii MAN WITH MEASURING LINE
LEADERS { iv JOSHUA'S CHANGE OF CLOTHES
v GOLDEN LAMPSTAND & TWO OLIVE TREES
PEOPLE { vi FLYING SCROLL
vii WOMAN IN MEASURING BASKET
viii FOUR CHARIOTS
b. CROWNED PRIEST (6^{9-15})

③ FASTING & FEASTING (7^{1}-8^{23}) 4/9/4
a. SAD REMEMBRANCE (7^{1-14})
b. GLAD REJOICING (8^{1-23})

B FUTURE PREDICTIONS (9-14)

Hãy xét đến dàn ý của Xa-cha-ri. Nó được chia rất gọn thành hai nửa. Chúng ta sẽ xét kỹ hơn đến hai nửa đó. Nửa đầu trong bài này và nửa sau trong bài kế tiếp. Nửa đầu khá giống với A-ghê, chỉ có điều ông đưa ra sứ điệp theo cách mặc khải, vì đó là cách ông đã nhận nó từ Chúa. Ông đã nhận theo các hình ảnh, nên ông truyền lại như vậy. Nhưng toàn bộ các chương từ 1 đến 8 liên quan đến tình cảnh hiện tại và đó là lý do tại sao, giống với A-ghê, ông ghi lại ngày tháng của các lời tiên tri mình. Lời đầu ông quên đưa ngày vào, nhưng ông có nêu tháng và năm, rồi lời sau là ba tháng sau đó, lời sau nữa là hai năm sau đó.

Nhưng cũng giống như A-ghê, ông ghi lại ngày tháng của lời tiên tri mình và chúng trùng khớp với hoàn cảnh trong ngày đó. Vậy là ông tiếp tục công việc của A-ghê. Tôi không biết tại sao A-ghê ngừng nói tiên tri hoặc tại sao Chúa lại sai phái người khác nói tiếp. Có thể là A-ghê qua đời hoặc đổ bệnh và không thể tiếp tục, nhưng Xa-cha-ri đã đảm nhận chỉ một tháng trước khi A-ghê nói xong và cứ thế nói tiếp.

Nổi loạn và khiển trách

Vậy là sách phân tách rất rõ ràng; nửa đầu lại phân tách rất rõ ràng thành ba lần tiên tri riêng rẽ, mỗi lần đều có ngày tháng. Nên chúng ta có thể nhìn vào từng lần một, như một bài giảng mà ông giảng cho dân Chúa. Hãy nhớ là họ vẫn đang xây đền thờ, chưa xong, nhưng họ đã nghe lời A-ghê. Một điều nổi bật về các tiên tri sau lưu đày là người ta nghe lời họ và làm theo lời họ.

Nếu phải xa quê hương 70 năm và trở về thì ta sẽ chú ý đến các tiên tri hơn nhiều đúng không? Thực ra thì Xa-cha-ri bắt đầu một tháng trước khi A-ghê kết thúc với một bài giảng khá thẳng thắn. Tất cả những gì ông làm là nhắc họ nhớ lại quá khứ và nhắc họ về những người đi trước, cha ông họ, ngay tại xứ đó. Ông nói rằng *chính vì tổ phụ các ngươi không nghe lời các tiên tri nên mới phải đi lưu đày*. Một lời nhắc nhở rất đúng lúc. Chúng ta không cần nói nhiều đến điều này. Ông chỉ khiển trách họ và nói: *Các ngươi liệu mà nghe lời các tiên tri vì cha ông các ngươi không nghe và đã sai trật, đã phạm tội. Chúa đã cho họ nhiều tiên tri để bảo họ điều cần làm mà họ không nghe, nên họ mới phải đi lưu đày, nên tốt nhất là bây giờ các ngươi hãy nghe điều chúng ta nói.* Nói tóm lại thì bài giảng của ông là như vậy, một bài giảng rất đơn giản. Ông muốn nói rằng: *Tổ phụ các ngươi không chỉ biết là họ làm sai mà còn được bảo cho là sai, họ không thể bao biện được gì nữa, đừng phạm phải chính sai lầm đó*. Gần như ông đang nói rằng: *Các ngươi hãy làm theo lời A-ghê đi, không thì các ngươi cũng sẽ gặp rắc rối đấy!*

Khích lệ và tôn vua

Rồi ông ngừng giảng trong ba tháng, vâng, gần ba tháng. Sau đó ông lại bắt đầu và lần này là một kiểu tiếp cận rất khác thường. Ông cho họ tám hình ảnh, tất cả đều đến với ông vào ban đêm, nhưng không dưới dạng những giấc mơ mà chúng đến dưới dạng khải tượng. Khải tượng khác giấc mơ ở chỗ ta còn thức khi thấy khải tượng, ta ngủ khi mơ thấy giấc mơ. Tôi thích nhận khải tượng hơn là giấc mơ vì Kinh thánh chép rằng "thanh niên sẽ thấy khải tượng, và người già sẽ thấy chiêm bao," nên tôi muốn ở giai đoạn khải tượng càng lâu càng tốt. Nhưng khải tượng là một dạng hình ảnh đến trên tâm trí chúng ta và có một thông điệp trong đó. Ngày nay, ngày càng có nhiều người kinh nghiệm các khải tượng, nên chúng thật sự cần được kiểm nghiệm. Đủ kiểu kỳ dị như thấy con sứa bị dao đâm xuyên qua, anh chị em biết kiểu đó không? Và ta tự hỏi không biết chúng là gì.

Có lần tôi đến một chỗ mà có người đứng lên sau khi tôi nói được cả tiếng đồng hồ. Tôi đã giảng trong một tiếng và vị cha xứ hỏi: *Có ai có lời gì từ Chúa không?* Tôi không dám nói là chuyện đó xảy ra ở đâu vì anh chị em sẽ biết hội thánh nào và vị cha xứ nào mất. Nhưng có một người nam đứng lên và nói: *Tôi thấy rất nhiều xe đạp mà không chiếc nào được gắn xích để nối bàn đạp với các bánh xe, tôi không biết nó nghĩa là gì*. Vị cha xứ đáng mến hỏi: *Có ai thông giải được không*? và không ai giải được. Và cứ thế. Sau khi bạn dốc lòng giảng cả tiếng đồng hồ mà người ta lại hỏi *có ai có lời gì từ Chúa không*, bạn thật sự hỏi chấm luôn.

Nhưng chúng ta có cần những hình ảnh như vậy và những hình ảnh ấy - nếu chúng đến từ Chúa thì thật sự hàm chứa ý nghĩa. Khải tượng đến vào ban ngày khi chúng ta còn thức, nhưng những cái này đến vào ban đêm và Kinh thánh chép rằng Chúa phải đánh thức ông liên tục để ban cho ông cái tiếp theo. Thú vị nhỉ! Ông cứ chìm vào giấc ngủ. D*ậy đi! Dậy đi! Ta có một khải tượng khác cho con.* Nên Chúa không dùng đến những giấc mơ, có lẽ Xa-cha-ri đủ trẻ để thấy khải tượng.

Rồi, tám khải tượng hoặc hình ảnh có vẻ không liên quan gì đến nhau nhưng khi xét kỹ, ta sẽ thấy - để tôi lại lấy cái que chỉ ra - chúng đề cập đến việc tái thiết đền thờ, hai cái đầu. Rồi đến việc tái thiết thành phố, rồi hai cái tiếp theo tập trung vào hai người lãnh đạo, Giê-hô-sua và Xô-rô-ba-bên, ba cái cuối tập trung vào tình trạng của dân sự nên các hình ảnh có mối liên hệ cực kỳ gần gũi. Lúc mới đầu, chúng có vẻ hơi tối nghĩa, nhưng khi ta cầu nguyện và xét kỹ đến chúng thì chúng là những hình ảnh rất gần gũi với những gì đang diễn ra vào lúc đó, với những vấn đề hiện tại của dân sự. Rồi cuối cùng, lần này ông chia sẻ xong tám hình ảnh này và nói: *Bây giờ chúng ta sẽ có một lễ đăng quang* và người ta làm thế này - một hành động biểu trưng, trong đó thầy tế lễ Giê-hô-sua được tôn làm vua chứ không phải Xô-rô-ba-bên, vị hoàng tử thuộc dòng vua Đa-vít, và đó là đứa con thứ hai của ông.

Được rồi, hãy xét đến những hình ảnh bí ẩn này, nhưng nếu anh chị em có gạch chân vào Kinh Thánh thì tôi muốn anh chị em gạch chân một câu được lặp đi lặp lại xuyên suốt. Chúng ta sẽ thấy nó trong nửa sau của Xa-cha-ri 2. Câu đó là "Bấy giờ, anh em sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va vạn quân đã sai tôi đến cùng anh em." "Bấy giờ, anh em sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va vạn quân đã sai tôi đến cùng anh em" và ông muốn nói thế này, cách để thử một nhà tiên tri là xem những gì ông ta nói có xảy ra hay không, những dự báo và dự đoán của ông ta có thành sự thật hay không. Thực ra thì trong luật Môi-se có chép nếu một người tiên tri nói điều gì đó sẽ xảy ra mà nó không xảy ra thì anh em hãy ném đá tiên tri đó đi, hắn là tiên tri giả. Điều đó khiến ai cũng phải do dự trước khi đưa ra một dự đoán về tương lai. Thật may là chúng ta không ở dưới luật của Môi-se nhưng chúng ta có những tiên tri giả quanh mình và họ rất cần được thử xem là thật hay giả; rồi khi họ nói điều gì đó sẽ xảy ra mà nó không xảy ra thì chúng ta cần quở trách họ. Vậy là Xa-cha-ri nói: *Ở đây tôi đang dự đoán một số điều, và khi chúng xảy ra, bấy giờ anh em sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va vạn quân đã sai tôi đến cùng anh em.*

Bốn con ngựa giữa những cây sim

Vậy hãy xét đến các hình ảnh. Cái đầu tiên là về bốn người cưỡi ngựa đứng giữa những cây sim, hai ngựa hồng, một ngựa nâu và một ngựa bạch, cùng những người cưỡi chúng. Họ là những phóng viên của Đức Chúa Trời. Đó là lời giải thích của thiên sứ. Có những sứ giả của Đức Chúa Trời cưỡi ngựa đi khắp đất, đưa tin về cho Chúa và cho Ngài biết những gì đang diễn ra. Nên chúng ta coi họ là những phóng viên. Khải tượng đó mà vào ngày nay thì chắc họ sẽ đi xe máy, nhưng tất nhiên là họ cưỡi ngựa vì thời đó người ta di chuyển bằng ngựa.

Vậy là có những phóng viên của Đức Chúa Trời đưa tin về cho Chúa và tất cả đều báo rằng có hòa bình trên khắp đất. Đó chính là tình hình lúc bấy giờ vì Si-ru đã đánh bại Ba-by-lôn và Si-ru là một con người bình an, khắp đất được hòa bình, không còn chiến tranh ở đâu nữa. Thực ra Xa-cha-ri đang muốn nói rằng *hãy tận dụng cơ hội này, khi anh em không phải ra ngoài kia đánh trận để tái thiết lại cả thành, để xây xong đền thờ.* Đừng ngả lưng nhưng hãy tận dụng cơ hội này để làm cho xong việc trước khi phải sai binh lính đi đánh một trận khác và bị ai đó xâm lược. Tôi e là không lâu sau đó, họ bị các dân khác xâm lược - người Ai Cập, người Si-ri, người Hy Lạp và người La Mã. Nhưng ở đây có một cửa sổ hòa bình, khi họ có thể tiếp tục tái thiết, và thực sự chi tiết này muốn nói rằng Chúa đã ban cửa sổ hòa bình này, thời kỳ hòa bình ngắn ngủi này để họ không bị xao nhãng khỏi công việc trước mắt.

Đó là ý nghĩa của hình ảnh nhỏ đầu tiên. Tôi không thể xét hết mọi chi tiết trong hình ảnh này, nhưng Ngài cũng nói thêm rằng Ngài nổi giận với những dân đã đày họ đi, những dân đối xử tệ với

họ và Ngài sẽ xử lý chúng, nhưng chưa đến lúc. Sẽ có một thời kỳ hòa bình mà Chúa không sai chiến tranh đến trên nước nào cả.

Bốn cái sừng và bốn người thợ rèn

Hai là bốn cái sừng và bốn người thợ rèn. Tôi hiểu hình ảnh này. Chắc hẳn Xa-cha-ri là nông dân kiểu gì đó, ở đây có rất nhiều hình ảnh liên quan đến nông nghiệp. Tôi từng hạ sừng những con bò Ayrshire. Không biết anh chị em có biết bò Ayrshire không, chúng thường có màu nâu và màu trắng với những cái sừng cao thế này - rất ấn tượng, nhưng chúng rất nguy hiểm. Tôi vẫn còn vết lằn sau tai khi một con đuổi được tôi. Tôi chăn khoảng 15 con bò, bò Ayrshire. Tôi bảo thật là phải kính cẩn với chúng lắm đấy. Tôi còn phải xỏ những cái vòng vào mũi chúng, một trải nghiệm đáng nhớ, nhưng ta phải xỏ cái đó vào, không thì sau này sẽ không bao giờ kiểm soát được chúng. Nhưng vì những cái sừng đó quá nguy hiểm - chúng có thể lấy sừng phá đổ hàng rào thì chắc chắn chúng có thể xử lý anh chị em - nên mới có tục hạ sừng gia súc.

Khi chúng còn khá nhỏ, chúng tôi phải hạ sừng cho chúng. Chúng tôi đốt, giũa hoặc cắt chúng đi - có nhiều cách, và cần đến những công cụ chắc khỏe để làm như vậy. Đó là hình ảnh mà ông thấy ở đây. Ông thấy bốn người thợ rèn làm công việc hạ sừng. Ở tất cả những lời tiên tri mặc khải, cái sừng biểu trưng cho sức mạnh quân đội. Cái sừng là một vũ khí gây hấn nên lúc này, ông thấy hình ảnh hạ sừng trên bốn phương đất, rằng Chúa đang hạ sừng của những nước xâm lược. Ngài đã hạ sừng của Ba-by-lôn đi rồi. Ba-by-lôn không còn là một mối đe dọa và đoạn này muốn nói rằng Đức Chúa Trời sẽ hạ sừng của các nước đã đe dọa họ trong một khoảng thời gian. Vậy là ở đây có hình ảnh về hòa bình và các kẻ thù bị hạ sừng để họ có thể tiếp tục xây đền thờ và dốc mọi nguồn lực vào đó.

Người cầm dây đo

Rồi chúng ta có một người cầm dây đo, lúc này sự chú ý chuyển sang thành Giê-ru-sa-lem và họ thấy người đó đo những bức tường. Thực ra thì Xa-cha-ri nhận ra rằng tường thành sẽ trở nên quá nhỏ đến nỗi cuối cùng, thành này sẽ vượt ra ngoài các bức tường. Giê-rê-mi đã dự báo điều ấy, thật đáng kinh ngạc. Tôi có hàng loạt các tấm bản đồ Giê-ru-sa-lem trải qua các thời đại mô tả vị trí của nó, khi mới đầu nó còn là thành Đa-vít nhỏ bé rồi mở rộng, trải rộng ra. Giê-rê-mi đã dự báo chính xác về sự mở rộng của thành Giê-rê-mi ngày nay, hướng mở rộng của nó và vị trí của các vùng ngoại ô. Tất nhiên, vấn đề của một thành phố đang mở rộng nhanh chóng là làm sao để bảo vệ nó? Ngay khi xây tường thì phía bên trong tường ngày càng đông đúc. Anh chị em cứ đến thành phố York của Anh và nhìn cái mớ lộn xộn ở đó mà xem, rồi xem các thành phố thời trung cổ ngày một đông đúc như thế nào, vì chỉ có sống trong tường thành mới được an toàn, nhưng Giê-ru-sa-lem trở nên quá là nhỏ bé. Người cầm dây đo nói rằng: *Thế này sẽ là quá nhỏ với tất cả những người sẽ đến và sống trong đây*. Rồi một lời hứa tuyệt vời được ban ra. Chúa phán: *Ta sẽ là bức tường, Ta sẽ là bức tường. Các con sẽ không cần có tường khi thành này mở rộng ra; Ta sẽ bảo vệ nó*. Hình ảnh tiếp theo...

À quên, trong đó có một cụm rất hay. Kinh thánh chép: *Đức Giê-hô-va vạn quân phán rằng ai đụng đến dân Ta tức là đụng đến con ngươi của mắt Ngài*. Đây lại là câu mà hầu hết các nhà giảng đạo đều hiểu sai. Trong tiếng Anh dùng từ "apple" để chỉ "con ngươi" nhưng nhiều người lại tưởng là quả táo thật. Nó là con ngươi trong mắt. Anh chị em nhìn vào gương sẽ thấy phần giữa nhìn giống một quả táo có cuống ở giữa, anh chị em có biết phần tròng đen nho nhỏ với những sọc sọc trong đó không? Anh chị em cứ lấy quả táo và nhìn nó ở mặt có cuống thì sẽ thấy giống con ngươi trong mắt. "Apple of the eye" có nghĩa là như vậy. Đó là phần nhạy cảm nhất trên cơ thể và chỉ một hạt bụi chạm

đến nó thôi là mi mắt đã đóng sầm lại ngay, trong Kinh Thánh thì mi mắt được gọi là "người gìn giữ," đó là từ mi mắt trong tiếng Hê-bơ-rơ, người gìn giữ mắt - nó đóng sầm lại để bảo vệ phần nhạy cảm nhất của cơ thể đó.

Thực ra thì tôi và bà nhà tôi có nhiều lý do để nghĩ đến điều này. Thi Thiên 121 được ban cho tôi và bà ấy khi bà ấy bị ung thư mắt rất nặng - khối u ác tính lan ra, và một bác sĩ phẫu thuật bảo chúng tôi là chắc anh ta phải cắt bỏ nửa khuôn mặt của bà ấy, tôi không thể chịu được điều đó. Thà rằng bà ấy lên thiên đàng với khuôn mặt nguyên vẹn còn hơn sống dưới này với nửa khuôn, nhưng Chúa đã thương xót chúng tôi và bà ấy đây, không còn dấu hiệu gì của bệnh đó nữa. Nhưng đó là tròng đen, là con ngươi của mắt bà ấy, và khi tôi đọc Thi Thiên 121 là đoạn mà tôi giảng khi bà ấy được đưa vào viện, trong đó có chép "Đức Giê-hô-va là Đấng gìn giữ" tôi, là mi mắt của tôi. Ngài đóng sầm cửa lại khi có bất cứ thứ gì động đến dân Ngài.

Một hình ảnh tuyệt vời, và đó là câu Kinh Thánh đã dìu dắt cả hai chúng tôi, và bà ấy được ban lời hứa qua cô y tá - *tôi sẽ ngước mắt lên trên núi*. Mười ngày sau, tôi lái xe đưa bà ấy ra viện mà không phải băng bó gì. Và chúng tôi đã cùng nhau leo lên rặng Rocky ở Canada. Bà ấy đã ngước mắt mình lên trên núi. Nhưng Chúa là Đấng gìn giữ, Ngài là mi mắt và dân Ngài là con ngươi của mắt Ngài. Nói cách khác, Chúa phán rằng *dân Ta là phần nhạy cảm nhất của Ta. Các ngươi động đến chúng là động đến Ta*. Chúa Giê-su phán rằng "khi các con làm điều ấy cho một người thấp kém nhất trong những anh em nầy của Ta, tức là đã làm cho Ta," cùng một nguyên tắc. Dân Chúa là phần nhạy cảm nhất của Chúa. Bản dịch The Living Bible nói kiểu thế này: "Ai động đến dân ta là thọc tay vào mắt Chúa." Một cách diễn đạt thật sinh động. Tưởng tượng được không ạ? Một hình ảnh tuyệt vời và một lần nữa, lại là câu lặp "bấy giờ, anh em sẽ biết."

Điều ông muốn nói là thế này: *Những nước đã động đến ngươi, Ta sẽ xử lý chúng.* Rồi ông nói một điều tuyệt vời khác về các nước. Ông nói: *Nhưng một số nước khác sẽ kết giao với ngươi. Họ sẽ trở thành một phần của ngươi.* Ở đây có hai dự báo về các dân ngoại. Một là những dân tấn công Y-sơ-ra-ên sẽ phải giáp mặt với Chúa. Hai là nhiều dân ngoại sẽ trở thành một phần của Y-sơ-ra-ên, *bấy giờ ngươi sẽ biết* áp dụng cho cả hai - *khi Ta động đến những dân đã động đến Y-sơ-ra-ên thì ngươi sẽ biết và khi dân ngoại kết giao với ngươi thì ngươi sẽ biết*, và cả hai đều đã xảy ra. Lịch sử là bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên tồn tại. Chính triết gia Heidegger khi Hoàng đế Frederick của Vương quốc Phổ bảo rằng: *Hãy cho ta một bằng chứng cho thấy sự tồn tại của Đức Chúa Trời* và triết gia Heidegger chỉ nói: *Thưa bệ hạ, bằng chứng là người Do Thái. Lịch sử của họ là bằng chứng* - bấy giờ các ngươi sẽ biết. Bất cứ ai dám tấn công Y-sơ-ra-ên sớm muộn đều sẽ phải trả giá, nhưng các dân khác như nước Anh đã kết giao với Y-sơ-ra-ên và được tháp vào cây của họ. Vậy là sáng nay, chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời đã sai phái Xa-cha-ri. Chúng ta có bằng chứng, chúng ta ở đây; chúng ta đang ở trên cây ô-liu. Và lời tiên tri đó trở thành sự thực.

Sự thanh tẩy Giê-hô-sua

Phải đi nhanh thôi. Giê-hô-sua thay y phục. Lúc này ông nhìn vào những người lãnh đạo họ, hoàng tử Xô-rô-ba-bên và thầy tế lễ Giê-hô-sua. Điều gì sẽ xảy ra đây? Vâng, điều đầu tiên là Sa-tan xuất đầu lộ diện. Anh chị em có biết là Ma quỷ rất hiếm khi xuất hiện trong Cựu Ước không? Anh chị em đã bao giờ để ý đến điều đó chưa? Tôi chỉ nghĩ đến Sáng Thế Ký trong Vườn Ê-đen - còn gì nữa? Ở cuối sách Sử ký khi hắn cám dỗ Đa-vít đếm dân Y-sơ-ra-ên, trong sách Gióp - hắn có xuất hiện, và ở đây. Tôi nghĩ là chỉ có thế. Nếu anh chị em nghĩ ra được chỗ nào thì hãy cho tôi biết, nhưng ta có thể đếm trên đầu ngón tay số lần Ma quỷ dự phần vào lịch sử Cựu Ước. Tất nhiên là hắn đứng sau rất

nhiều thứ. Nhưng hắn lộ diện ra mặt khi Chúa Giê-su đến, vì nói thật là Ma quỷ khá thích ẩn mình trong Cựu Ước. Hắn đang thống trị thế gian. Hắn có cả nhân loại trong tay mình, và thủ đoạn khôn ngoan nhất của hắn là giả chết để người ta không nghĩ là có hắn, và hắn cứ tiếp tục điều khiển mọi thứ. Nhưng hắn có xuất hiện ở đây. Cứ như thể là khi hắn thấy người Do Thái quay trở lại và biết rằng từ họ, tại đất nước đó sẽ xuất hiện Chúa Cứu thế. Mỗi khi có điều gì thực sự quan trọng sắp diễn ra thì Ma quỷ đều cố gắng ngăn nó xảy ra, thế nên hắn mới cố gắng giết mọi người nam Do Thái tại Ai Cập để Môi-se sẽ không bao giờ được sinh ra, và dân này sẽ không bao giờ ra khỏi Ai Cập. Thế nên hắn mới giết mọi con trẻ tại Bết-lê-hem khi Chúa Giê-su ra đời vì hắn không muốn con trẻ đó lớn lên và trở thành một Môi-se nữa cho dân mình. Khi đã biết được mưu chước của Ma quỷ thì ta có thể phát hiện ra hắn.

Nhưng hắn có ở đây và nói: *Các ngươi không thể để Giê-hô-sua lãnh đạo các ngươi, hắn là một con người bẩn thỉu.* Xa-cha-ri thấy Giê-hô-sua đang đứng, mặc quần áo bẩn và nhận ra rằng Ma quỷ nói đúng. Ma quỷ dường như có chức năng của luật sư công tố trên thiên đàng. Ý tôi là trong sách Gióp, hắn ở trên thiên đàng trong hội đồng của Đức Chúa Trời, chỉ trích những người trên đất, buộc tội tội họ, hắn là kẻ vu khống, hắn là kẻ buộc tội. Và ở đây, hắn nói: *Giê-hô-sua không được, hắn có quá khứ tội lỗi. Hắn là một trong những người phạm tội dẫn đến cuộc lưu đày* - tức là có lẽ ông đã khá già rồi. Hắn nói: *Tên này không được*. Sau đó, trong khải tượng, Xa-cha-ri nghe rằng Giê-hô-sua giống như một que củi được kéo ra khỏi lửa, như khúc củi cháy dở được lôi ra khỏi lửa, những lời mà nhiều năm sau đó, John Wesley đã dùng khi còn là cậu bé 10 tuổi lúc căn nhà mục sư ở Epworth, Lincolnshire, Anh bốc cháy, ông bị mắc kẹt trên phòng áp mái và người ta đã đứng trên vai nhau để cứu cậu bé John Wesley ra khỏi lửa. Điều gì sẽ xảy ra nếu ông thiệt mạng đây? Thấy không ạ? Anh Quốc có lẽ lại đi theo con đường giống như Cách mạng Pháp.

Và Wesley đã sống nhờ những lời này từ Xa-cha-ri trong suốt phần đời còn lại, ông nói: *Tôi là một que củi được kéo ra khỏi lửa. Tôi đã được cứu khỏi sự hủy diệt.* Đó là Giê-hô-sua trong mắt của Đức Chúa Trời, *người là một que củi được kéo ra khỏi lửa, một khúc củi được lôi ra khỏi lửa, Ta đã cứu người.* Rồi trong khải tượng, các thiên sứ đến, họ cởi quần áo bẩn ra và mặc cho ông lễ phục sạch, đội chiếc mũ sạch trên đầu ông; người này được sạch trong mắt Chúa và có thể làm thầy tế lễ. Đó là một hình ảnh đẹp và ông thấy rằng bởi ân điển Chúa, Giê-hô-sua, dù trước đó đã cùng phạm tội với dân Ngài, hiện đã được sạch trong mắt Chúa và có thể làm thầy tế lễ. Chúa lập một lời hứa rằng điều Ngài đã làm cho một người Do Thái này, đến một ngày, Ngài sẽ làm cho cả dân ấy. Ngài nói: *Ta sẽ cất bỏ tội lỗi khỏi xứ này chỉ trong một ngày.* Đức Chúa Trời có thể tẩy sạch một con người, lập người làm thầy tế lễ. Ở đây có một lời hứa nho nhỏ khác - vào ngày đó, ai nấy trong các con sẽ mời người lân cận đến "ngồi dưới cây nho và cây vả mình," những lời gợi nhắc đến việc Chúa Giê-su nhìn thấy Na-tha-na-ên: "Ta thấy ngươi ở dưới cây vả." Vâng, ở đây có rất nhiều ý nghĩa - những ẩn ý được đưa vào Tân Ước và điều đó cho thấy những hình ảnh Chúa ban cho Xa-cha-ri phong phú đến mức nào.

Chân đèn bằng vàng và hai cây ô-liu

Hãy xét đến cái tiếp theo. Lúc này ông thấy một chân đèn bằng vàng, cái chân đèn bằng vàng có bảy nhánh trong đền thờ ấy ạ. Ông thấy cái đó, nhưng ông thấy có cái bình ở trên đèn với một cái ống chảy vào đèn. Ông nhận ra rằng cái bình đầy dầu và không ai phải thêm dầu cho đèn vì có một bình chứa dầu cứ thế chảy vào chân đèn. Tất cả những điều này có nghĩa gì? Điều này nói về Xô-rô-ba-bên, và Xô-rô-ba-bên được coi như người có bình chứa Đức Thánh Linh chảy qua ông. Tất nhiên, dầu

luôn tượng trưng cho Thánh Linh của Đức Chúa Trời, đó là lý do tại sao từ xức dầu được dùng khi Đức Thánh Linh đến trên ai đó, xức bằng dầu. Nữ vương Anh được xức dầu khi người lên ngôi. Nó được gọi là chrism, một phần nhỏ trong buổi lễ vì chrism, hãy Christ nghĩa là sự xức dầu, cùng một từ.

Như vậy, Xô-rô-ba-bên là người được Chúa xức dầu và từ được xức dầu trong tiếng Hê-bơ-rơ là Mê-si-a, người được Chúa xức dầu, một dấu hiệu của hoàng gia. Nhưng sau đó là một câu lại được quá nhiều người trích dẫn: "chẳng phải bởi quyền thế, cũng chẳng phải bởi năng lực, nhưng bởi Thần Ta." Ôi, câu ấy trở thành khẩu hiệu cho quá nhiều thứ. Câu đó có nghĩa gì? Chẳng phải bởi năng lực tức là không bởi sức mạnh quân sự, chẳng phải bởi quyền thế tức là không bởi quyền lực chính trị, nói cách khác là dòng dõi hoàng gia của vua Đa-vít phải đạt được những gì cần đạt được không phải bởi quân đội, không phải bởi quyền lực chính trị, nhưng bởi Thánh Linh và khi Chúa Giê-su đến từ dòng dõi hoàng gia đó, Ngài không có quân đội. Ngài phán với Phi-lát: *Vương quốc của Ta không thuộc về thế gian nầy. Nếu có thì những người theo Ta đã chiến đấu.* Thật là một bi kịch khi hội thánh từng phạm phải sai lầm và những cuộc thập tự chinh đã xảy ra. Ta không thể thiết lập Vương quốc Đức Chúa Trời bằng sức mạnh quân sự hay chính trị, ta chỉ có thể làm như vậy "bởi Thần Ta."

Nhưng bằng chứng cho thấy sức mạnh này đã được trao cho Xô-rô-ba-bên là một điều cực kỳ khác thường, có thể anh chị em đã bỏ qua khi đọc sách, nó là thế này: Khi người ta xây đến nóc đền thờ, ngày nay gọi là lễ cất nóc, và những người thợ xây từng cắm một ngọn cờ nhỏ khi họ xây đến nóc, có đá nóc nhà, hòn đá cuối cùng đặt trên đầu hồi để nối hai bên khi chúng được xây cao lên. Hòn đá cuối cùng được đặt vào là đá nóc nhà và có chép rằng thực chất, chính tay Xô-rô-ba-bên sẽ nâng viên đá đó và đặt nó vào vị trí.

Thường thì đó là một hòn đá khá nặng, ông sẽ mang nó và đây sẽ là bằng chứng cho dân sự, lại là câu lặp đó, khi ông nâng hòn đá ấy và trèo lên giàn giáo, lên các nấc thang, mang theo hòn đá và đặt nó vào vị trí, một mình, không có sự trợ giúp, không dây thừng, không ròng rọc, chỉ mang nó lên và đặt nó vào vị trí, *bấy giờ các ngươi sẽ biết là Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân đã sai tiên tri Ta đến cùng các ngươi.* Tưởng tượng ra cảnh đó không ạ? Mọi người đều nói: *Ông ấy sẽ không thể nào nhấc được cái đó.* Chẳng phải bởi quyền thế, cũng chẳng phải bởi năng lực, Sam-sôn đã vác các cổng thành Phi-li-tin đi như thế đó, và bây giờ, chính Đức Thánh Linh ấy đang ban cho Xô-rô-ba-bên sức mạnh để nâng hòn đá lớn ấy và mang nó lên. Giống như nhấc cái xe tải lên để thay bánh vậy, và ông nâng hòn đá và đẩy nó vào - hòn đá cuối cùng của đền thờ, tức là thế hệ đó sẽ sống để thấy đền thờ được xây xong. Một hình ảnh đầy thú vị đúng không? Đôi khi chúng ta bỏ lỡ những chi tiết nhỏ này. Nhưng ông nói: *Làm sao anh em biết rằng vương quốc sẽ được xây không phải bởi sức mạnh chính trị hay quân đội, nhưng bởi Thánh Linh? Khi anh em thấy Xô-rô-ba-bên đẩy hòn đá vào vị trí, bấy giờ anh em sẽ biết.* Tôi hơi quá khích mất rồi, lẽ ra phải dạy mà giờ tôi lại đang giảng thế này.

Điều tiếp theo, ông thấy hai cây ô-liu và tất nhiên, chúng đại diện cho Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua. Sẽ có một kiểu lãnh đạo kép. Tôi bị nhảy cóc phải không nhỉ? À không. Chân đèn, thực sự là Kinh thánh chép rằng Thánh Linh sẽ đến trên cả hai người vì có hai cây ô-liu, và dầu ra từ các cây ô-liu nên ở đây có hai người lãnh đạo được xức dầu, và họ sẽ cần cả hai. Xô-rô-ba-bên cần cho tương lai, tuy không phải như một vị vua. Anh chị em thấy là họ không thể có vua. Tôi có cảm giác là vì họ không thể có vua tại Ba Tư nên họ nghĩ nếu chúng ta tôn một thầy tế lễ lên thì người ta không phản đối được. Chúng ta sẽ gọi người là thầy tế lễ nhưng thực ra, người là vua của chúng ta. Tôi nghĩ có lẽ đó là một phương cách để tránh gặp rắc rối với Đế quốc Ba Tư. Tuy vậy, đây là điều đã xảy ra. Đền

thờ sẽ được xây xong trong đời họ và bấy giờ, họ sẽ biết. A*i là kẻ khinh dể ngày của những điều nhỏ mọn*, A-ghê nói vậy, nhưng giờ đây, nó sẽ được hoàn tất và đền thờ sẽ có đó.

Cuộn sách bay

Điều cuối cùng...Không, điều gần cuối là cuốn sách bay, và ở đây, trên cuốn sách, dài mười mét, rộng năm mét - một cuốn sách lớn, dài mười mét, rộng năm mét, bay trên không trung trên khắp xứ và trên đó viết rằng "Đáng rủa thay là tất cả những kẻ trộm cắp và dối trá," sách sẽ đi trên các căn nhà của mọi người. Mỗi khi sách đến trên nhà của một người trộm cắp hoặc dối trá, sự rủa sả sẽ giáng từ cuốn sách xuống nhà ấy, và nhà ấy bị thiêu hủy. Đây là hình ảnh tiếp theo, ông nói vậy. Chúng ta đang chuyển sang dân sự và điều Xa-cha-ri muốn nói rất đơn giản: *Một số anh em đang trộm cắp và dối trá. Tôi thấy cuốn sách này bay trên nhà anh em và nó sẽ giáng sự rủa sả trên bất cứ nhà nào có đồ trộm cắp hoặc nói dối.* Ôi, hẳn điều đó phải khiến dân sự có chút run rẩy và khiến họ thanh tẩy mình vì vẫn có sự quan ngại về đạo đức ẩn giấu bên dưới, mà không có sự ăn năn. Ông có nói: *Nếu cuốn sách dừng lại trên nhà anh em thì hãy ăn năn thì sự rủa sả không đến, nhưng nếu anh em không ăn năn thì sự rủa sả sẽ giáng xuống.*

Người đàn bà trong cái thúng

Cuối cùng, ông thấy... Không, không phải cuối cùng, ông thấy một người đàn bà trong cái thúng đo, cái thúng 35 lít, khá lớn. Có một người đàn bà ở trong đó, ả là một người đàn bà kinh tởm; nhìn hơi giống gái điếm, và có hai người đàn bà có cánh như cánh cò đến, bay xuống và nhấc cái thúng lên bằng mỏ hoặc có thể là bằng tay, và họ nhấc cái thúng có người đàn bà ngồi trong đó rồi bay đến phương đông. Tất cả những điều này có nghĩa gì? Đó là hình ảnh về Đức Chúa Trời cất tội lỗi đi, cất tội lỗi của họ sang Ba-by-lôn - theo hướng ấy, đoạn phán rằng: *Ta đã đưa các tội nhân sang đó, giờ Ta muốn cất tội lỗi các con sang đó vì nó thuộc về nơi ấy.* Ba-by-lôn là chốn tội lỗi, và đây là hình ảnh mô tả tội lỗi được loại bỏ, được cất đi.

Bốn cỗ xe

Cuối cùng là hình ảnh về bốn cỗ xe, ngựa hồng, ngựa ô, ngựa bạch, ngựa đốm xám và chúng đi khắp đất. Lúc này, những con ngựa cùng cỗ xe đang đi khắp thế gian để thực hiện ý muốn Chúa. Chúng đã hoàn tất công việc ở phương bắc, tại Ba-by-lôn, nên cỗ xe đó đang nghỉ ngơi, được nghỉ, nhưng ba cỗ kia đi ra và chúng đi khắp nơi trên thế giới, những đặc vụ của Chúa thực hiện ý muốn Ngài. Đức Chúa Trời có quyền kiểm soát lịch sử trên toàn thế giới. Những đặc vụ của Ngài có thể được nhanh chóng sai phái đi bất cứ đâu, đó là thông điệp về cỗ xe, chúng có thể đi bất cứ đâu Ngài sai đến để thực hiện ý muốn Ngài. Thế là xong các hình ảnh của đêm đó.

Thầy tế lễ và nhà vua

Tôi sẽ chuyển sang phần thứ tư, hình như tôi chỉ còn hai phút nhỉ, đúng rồi. Chính vào thời điểm đó, ba nhà thông thái từ Ba-by-lôn đã đến. Thật thú vị đúng không? Điều đó đã lại xảy ra vào nhiều thế kỷ sau. Nhưng ba nhà thông thái này là những thương nhân, thương gia từ Ba-by-lôn đến và họ mang theo cả đống vàng bạc làm quà cho đền thờ. Nhưng Chúa bảo Xa-cha-ri lấy một chút từ đó và làm một cái mão miện, rồi làm lễ đăng quang trong đền thờ cho Giê-hô-sua. B*ấy giờ các ngươi sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va*, lại là câu đó. Nhưng đây là một thời điểm quyết định, lần đầu tiên - như tôi đã nói - thầy tế lễ và nhà vua được hợp thành một tại Y-sơ-ra-ên. Hai chức vị đã được hợp thành một tại Giê-ru-sa-lem, rất lâu trước khi người Do Thái chiếm lấy nó, vào thời Mên-chi-xê-đéc, nhưng giờ đây, ban Mên-chi-xê-đéc đang được tái lập, nhà vua chính là thầy tế lễ và hai chức vị được hợp lại.

Nhưng có vế “nếu” trong tất cả những điều này, hãy luôn chú ý đến từ “nếu’, và từ “nếu” đó là *nếu dân Ta cẩn thận vâng lời*. Nếu Chúa đang nói rằng: *Ta lại ban cho các ngươi một vua, nhưng lần này không phải từ dòng dõi hoàng gia của Đa-vít. Ta ban cho các ngươi một vua để các ngươi thành một vương quốc, nhưng là một thầy tế lễ để Ba Tư không khó chịu với việc các ngươi lập vua*. Các ngươi luôn có thể nói: *Ông ấy chỉ là thầy tế lễ của chúng tôi, chúng tôi đội vương miện cho các thầy tế lễ.* Ấy là một cách khéo léo để khích lệ họ lập lại vương quốc Y-sơ-ra-ên nhưng điều đó chưa phải là những lời hứa về Đấng Mê-si-a thực sự được ứng nghiệm.

SÁCH XA-CHA-RI - Phần 2

Kiêng ăn và lễ hội

Chúng ta đã nghiên cứu xong nửa đầu của Xa-cha-ri và chúng ta cần quay trở lại với lời tiên tri cuối cùng mà ông nói với những vấn đề hiện tại của Y-sơ-ra-ên, chính là những vấn đề mà A-ghê đã và Xa-cha-ri đang phải đối mặt. Nhưng một câu hỏi thú vị được đặt ra cho ông vào khoảng hai năm sau khi ông truyền đạt những hình ảnh đầy khích lệ này và tôn thầy tế lễ Giê-hô-sua làm vua. Hai năm sau, một nhóm người đến từ phía bắc, đến từ một nơi tên Bê-tên. Điều này rất có ý nghĩa, ấy là trong vòng hai năm, họ đã bắt đầu tản ra trên đất xưa và đang tái lập những thị trấn khác ngoài Giê-ru-sa-lem.

Nên lúc này Bê-tên chí ít cũng là một ngôi làng nhỏ và người ta từ Bê-tên xuống, tìm kiếm sự chỉ dẫn cho đời sống tôn giáo của mình. Họ đã đến tìm thầy tế lễ, nhưng lại tìm thấy một tiên tri và câu hỏi ấy liên quan đến hai thực hành - kiêng ăn và lễ hội, vì đây là hai thực hành nằm trong tôn giáo của họ. Có những kỳ mà họ không ăn uống và những kỳ mà họ thật sự ăn uống linh đình với nhau, cả kiêng ăn và lễ hội đều có chỗ của nó. Chúa Giê-su thực hiện cả hai, nhưng họ đến và nói: *Trước hết, chúng tôi muốn hỏi về những kỳ kiêng ăn mà chúng tôi thường tuân giữ.* Tất nhiên là một năm họ có hai kỳ, vào tháng thứ 5 và tháng thứ 7, đây là những kỳ kiêng ăn để nhớ rằng Giê-ru-sa-lem đã bị phá hủy như thế nào, để than khóc vì đã mất thành này.

Câu hỏi rất đơn giản, *hai kỳ kiêng ăn vào tháng thứ 5 và thứ 7, chúng ta phải tiếp tục làm việc này bao lâu nữa, vì chúng ta đã lấy lại được Giê-ru-sa-lem thì sao phải tiếp tục than khóc làm gì?* Đó là dạng câu hỏi được đặt ra vào mỗi tháng 11 tại Anh Quốc. Chúng ta phải khóc thương cho những người chết trong hai thế chiến trong bao lâu nữa, nhất là khi những người bà con gần của họ cũng đã qua đời gần hết rồi? Chúng ta phải tiếp tục than khóc cho những thảm họa trong quá khứ bao lâu nữa đây? Một câu hỏi chính đáng nên chúng ta có thể hiểu được. Vậy là họ hỏi: *Chúng tôi phải tiếp tục kiêng ăn bao lâu nữa đây?*

Câu trả lời của Xa-cha-ri khá thú vị. Ông nói: *Thực ra thì kiêng ăn là một điều khá lấy mình làm trung tâm, vì anh em thương hại bản thân, vì anh em than thân trách phận, lấy làm tiếc vì mình không lìa bỏ tội lỗi. Thực ra anh em không than khóc cho tội lỗi mình mà đang đang than khóc cho chính mình vì hình phạt mà tội lỗi mang đến cho anh em.* Ông nói: *Dạng kiêng ăn mà bây giờ Chúa muốn*, và ở đây ông trích lời Ê-sai, rõ ràng là Xa-cha-ri đã nghiên cứu các sách tiên tri khác, ông thường trích các sách đó, nhưng ông trở lại với Ê-sai 58 - chúng ta gọi là chương 58 thôi, trong đó Ê-sai nói: *Đây là dạng kiêng ăn mà các ngươi nên làm, ấy là kiêng bất lương, kiêng bạo tàn nhưng hào phóng, tử tế và giúp đỡ người cô thế, hỗ trợ người thiếu thốn.* Đó là dạng kiêng ăn mà Chúa thực sự muốn, không phải là kiêng đồ ăn, mà là kiêng sự vô cảm trước những nhu cầu. Có lẽ đó là một lời thích hợp với những người vẫn thực hành Mùa Chay, không hẳn là kiêng thứ gì đó mà là kiêng tội lỗi, để được tự do phục vụ người khác, tự do khỏi sự vị kỷ. Đó là điều ta nên kiêng khỏi - sự vị kỷ - và dâng mình phục vụ người khác. Một câu trả lời thú vị, vì ông nói: *Chính vì những lý do này mà cuộc lưu đày mới xảy đến. Ấy là vì anh em trở nên quá vị kỷ, quá tham lam mà không hào phóng, không tử tế; nên nếu anh em thực sự muốn nhớ đến tất cả những điều đó thì đừng làm những điều họ đã làm, đừng chỉ kiêng đồ ăn để ra vẻ.*

Câu hỏi tiếp theo của họ là *vậy còn những lễ hội thì sao*? Có những lễ hội nhất định mà họ đã giữ trong chốn lưu đày, nhưng thực ra chúng là những ngày lễ hơn là ngày thánh. Chúng là những kỳ ăn mừng và thực ra, họ tổ chức chúng vào tháng thứ tư, thứ năm, thứ bảy và thứ mười. Vậy là trong năm, họ có hai kỳ kiêng ăn và bốn kỳ lễ ở chốn lưu đày và thực ra họ muốn nói rằng *chúng tôi đã hồi hương rồi, giờ chúng tôi phải làm gì với những kỳ kiêng ăn và kỳ lễ bắt nguồn từ cuộc lưu đày đó?* Và ông lại nói: *các kỳ lễ của anh em lấy mình làm trung tâm quá! Anh em chỉ vui vẻ, ăn uống, tụ tập và mua vui thôi. Sao không dành chúng để chúc tụng Chúa? Hãy biến chúng thành những ngày thánh thay vì ngày lễ và thật sự biết ơn Chúa đã mang anh em trở lại xứ này và ngợi khen Ngài. Đừng chỉ coi đó là ngày lễ, ngày nghỉ, nhưng hãy chúc tụng rằng Đức Chúa Trời thật thành tín với anh em, rằng anh em được trở lại núi thánh, rằng đường phố lại đầy người, cả trẻ lẫn già, và mừng rỡ khi thấy Chúa sẽ đưa thêm người về, khiến cả xứ được đông đảo trở lại. Đó là điều anh em nên làm với những kỳ lễ của mình.* Nên ông nói *hãy thật sự đổi than khóc ra vui cười, đổi buồn rầu ra hoan lạc, đã đến lúc ăn mừng, nhưng hãy ăn mừng với Chúa làm trung tâm.* Vậy là ông cho họ chỉ dẫn.

Khi ấy, ông nói rằng: *Anh em cần sẵn sàng với thực tế rằng nhiều dân nữa sẽ đến với anh em là người Do Thái vì anh em biết Đức Chúa Trời.* Ông đang cho họ thấy viễn cảnh truyền giáo. Ông muốn nói: *Sẽ đến lúc người ta sẽ đến và nắm lấy vạt áo của người Do Thái và nói: 'Hãy nói cho chúng tôi về Đức Chúa Trời của anh', và anh em cần sẵn sàng cho điều đó.* Tôi nhớ có lần tôi ngồi tại Giê-ru-sa-lem với một người Do Thái lớn tuổi. Lúc ấy tôi đang cố gắng trò chuyện với ông ấy về Đức Chúa Trời và Đấng Mê-si-a của ông, rồi nói: *Các ông có hết mọi thứ. Chúng tôi phải lấy mọi thứ từ các ông, nếu không có người Do Thái các ông thì chúng tôi sẽ không biết Đức Chúa Trời. Kinh Thánh của chúng tôi là một cuốn sách Do Thái, Cứu Chúa của chúng tôi là một người Do Thái, chúng tôi mang nợ các ông* và tôi không nhận ra rằng khi nói chuyện với ông ấy, tôi đã nắm lấy ống quần ông và vừa nói vừa kéo: *Ông biết đấy, các ông có mọi thứ*. Bỗng dưng tôi nhớ đến lời Xa-cha-ri rằng nhiều dân ngoại sẽ đến và nắm lấy y phục của một người Do Thái và nói *chúng tôi nhận từ các ông! Xin hãy chia sẻ với chúng tôi.* Vậy đó! Rồi, đó là đoạn kết của nửa đầu, khá dễ hiểu rồi đó, tôi cảnh báo trước như vậy.

Những dự đoán về tương lai (chương 9-14)

Nửa sau đúng là phức tạp vì lúc này, ông quay khỏi tình cảnh hiện tại. Ông nhìn vào tương lai xa và những điều ông nói theo các mẩu rời rạc có thể tương ứng với bất cứ thời điểm nào, nhiều thế kỷ sau và không theo thứ tự cụ thể nào cả. Như trò xếp hình vậy; khi mới mở một hộp xếp hình ra, ta sẽ thấy tất cả những mảnh ghép nhỏ, có cái đỏ, có cái xanh lá, có cái xanh dương và ta không biết chúng khớp với chỗ nào, và nếu không có bức hình trên nắp hộp thì đúng là chịu thật. Thú thực là tôi thích trò xếp hình nhưng tôi luôn chơi ăn gian. Tôi dựng cái nắp hộp lên, lấy mảnh màu đỏ và dò dò... Như thế là ăn gian, đúng ra thì không được chơi xếp hình kiểu vậy, phải chơi mà không có hình cơ. Đó là điều chúng ta phải làm với Xa-cha-ri, chúng ta không có bức hình.

Thực ra thì có, bức hình ấy ở trong Khải huyền. Thú vị là Hê-bơ-rơ 1:1 trong Tân Ước nói rằng *đời xưa, Đức Chúa Trời đã phán dạy tổ phụ chúng ta qua các nhà tiên tri nhiều lần, nhiều cách, nhưng giờ đây Ngài đã phán dạy chúng ta qua Con Ngài*, tức là chúng ta hiện có bức hình trên nắp hộp, giờ đây chúng ta có thể ghép tất cả những mảnh đó lại với nhau và biết tất cả sẽ thành ra hình gì. Nên sách Khải huyền mới trích dẫn Xa-cha-ri hết lần này đến lần khác, và sách Khải huyền bắt đầu ghép những mảnh ghép này vào bức tranh về tương lai xa hay điều mà chúng ta gọi là thời kỳ cuối cùng, khi lịch sử bắt đầu đếm ngược. Và chính Chúa Giê-su là Đấng đã tháo các ấn trên quyển sách

đếm ngược của lịch sử. Như vậy là chúng ta có lợi thế hơn so với những người Do Thái đọc sách này, họ chỉ thấy những mẩu rời rạc và không biết chúng khớp với nhau ra sao.

Thế nhưng vẫn không dễ ghép. Có sự thay đổi rõ rệt trong văn phong và nội dung. Bây giờ có chút thơ, trước toàn là văn xuôi, nhưng giờ có chút thơ. Ở đây không nhắc đến hoàn cảnh đương thời, không nhắc đến đền thờ hay Giê-hô-sua, hay Xô-rô-ba-bên, không có các khải tượng, ngay cả danh Chúa cũng thay đổi. Xuyên suốt nửa đầu sách thì Đức Chúa Trời là Đức Giê-hô-va vạn quân. Nhưng giờ đây Ngài chỉ là Giê-hô-va, thay đổi rõ rệt. Một cảm giác hoàn toàn khác, khác đến nỗi một số học giả nói chắc là người khác viết, nhưng tại sao Xa-cha-ri lại không thể thay đổi nhỉ? Một số học giả có tư tưởng rất cứng nhắc. Họ thích cầm kéo với Kinh Thánh. Thực ra, giống như Ma-na-se cưa đôi vị tiên tri đáng thương Ê-sai, các học giả cũng cứ cắt sách ông ra làm đôi. Họ nói là sách do hai, thậm chí là ba Ê-sai khác nhau viết, và họ lấy Xa-cha-ri cắt ra làm đôi và bảo: *Xa-cha-ri viết nửa đầu nhưng nửa sau quá là khác.* Nhưng thực ra, nửa sau khác vì Chúa ban nó cho ông theo cách khác, và chúng không được đề ngày tháng nên ta không biết Ngài ban nó cho ông khi nào, có thể là nhiều năm sau đó.

ZECHARIAH

A PRESENT PROBLEMS (1-8) **B FUTURE PREDICTIONS (9-14)**

① NATIONAL RESTORATION (9-11) (sooner rather than later

a. VANQUISHED ENEMIES (9^{1-8})
b. PEACEFUL KING (9^{9-10})
c. MIGHTY GOD (9^{11}-10^{7})
d. GATHERED PEOPLE (10^{8-12})
e. DEFORESTED NEIGHBOURS (11^{1-3})
f. WORTHLESS SHEPHERDS (11^{4-17})

② INTERNATIONAL REPERCUSSION (12-14) (later rather than soon

a. INVADING ARMY (12^{1-9})
b. GRIEVING INHABITANTS (12^{10-14})
c. BANISHED PROPHETS (13^{1-6})
d. REDUCED POPULATION (13^{7-9})
e. PLAGUED ATTACKERS (14^{1-15})
f. UNIVERSAL WORSHIP (14^{16-25})

Rồi, như tôi đã nói, nội dung phần này nhìn vào tương lai và giờ đây, chúng được gọi là sấm ngôn. Không biết anh chị em có để ý thấy điều đó trong Kinh Thánh không, một sấm ngôn. Thực ra từ đó là "nặng, có sức nặng," nhưng thường được dịch là sấm ngôn trong tiếng Việt. Tôi không nghĩ nó thật sự truyền tải được điều đó. Nó là một gánh nặng, có một điều nặng nề đang đến. Nếu Chúa đã cho anh chị em một gánh nặng thì anh chị em biết tôi đang nói đến điều gì. Khi điều gì đó khiến ta nặng lòng cho tới khi ta chia sẻ nó ra, và chia sẻ được ra là thấy nhẹ nhõm. Ta biết khi nào gánh nặng được trút bỏ. Nhưng nó nặng nề, đè nặng trong tâm trí và tấm lòng ta cho tới khi ta làm gì đó với nó. Những điều này đến dưới hai gánh nặng lớn, hai sứ điệp nặng nề, chỉ hai thôi. Một là từ chương 9 đến 11, hai là từ chương 12 đến 14 và chúng rất khác nhau. Nên hãy bắt đầu xét đến chúng và xem chúng ta có thể rút ra điều gì từ chúng.

Về dân Y-sơ-ra-ên (chương 9-11)

Thực ra tôi nghĩ cách tốt nhất là nghiên cứu từng mảnh riêng rẽ, xem nó nói gì, rồi khi Chúa cho chúng ta đọc Khải huyền và Tân Ước, chúng ta sẽ dần dần ghép các mảnh vào bức tranh toàn cảnh về thời kỳ cuối cùng. Chương 9-11 tập trung vào dân Y-sơ-ra-ên. Gần như ông thấy hình ảnh về dân tộc mình trong tương lai, hình ảnh về sự phục hồi dân tộc, và có vẻ như hình ảnh này đi trước hình ảnh sau nên nó xảy ra sớm hơn, điều xảy ra ở phần sau thì muộn hơn, nhưng chúng ta không thể xác định ngày tháng cho chúng. Không có ngày tháng, không thấy chỉ ra thời điểm những điều này xảy ra hoặc thậm chí là chúng có đúng thứ tự hay không, có thể là không, nên chúng ta chỉ có thể nhìn vào từng mảnh ghép của bức tranh.

Vậy là ở đây, chúng ta đang nhìn vào tương lai của Y-sơ-ra-ên và sự phục hồi dân ấy. Có 1, 2, 3, 4, 5, 6 hình ảnh nằm trong tương lai này. Không thể liên hệ chúng với nhau. Đầu tiên là kẻ thù của họ sẽ bị đánh bại, tất cả những dân nghịch cùng Giê-ru-sa-lem sẽ bị Chúa xử lý. Ngài sẽ không bao giờ để Giê-ru-sa-lem bị xóa khỏi bản đồ. Đó là thành của Ngài, nơi Ngài đặt danh Ngài. Nên tôi có thể đảm bảo rằng ngay cả khi New York, Bắc Kinh, Washington DC, New Delhi, tất cả những thành phố đó bị xóa khỏi bản đồ thì Giê-ru-sa-lem vẫn sẽ ở trên đó. Chúa sẽ đánh bại các kẻ thù của họ. Sẽ luôn có những người Do Thái còn sống để về xứ này. Thậm chí ông còn nói rằng *một số người Phi-li-tin sẽ kết giao với anh em,* và vì người Palestine hiện đại nhận mình là hậu duệ của người Phi-li-tin nên đây là một lời hứa hấp dẫn. V*à sẽ đến một ngày mà kẻ hà hiếp sẽ chẳng hề giày đạp trên dân Ta.* Ngày đó chưa đến*, nhưng sẽ đến một ngày mà sẽ chẳng hề có kẻ hà hiếp giày xéo dân Ta vì "Ta đã để mắt trông coi họ."* Đây chỉ là một mảnh ghép của bức hình, và chúng ta không biết điều đó sẽ được ứng nghiệm vào ngày nào, nhưng đó là lời hứa của Chúa và Chúa giữ lời hứa Ngài, ngay cả khi Ngài đợi nhiều thế kỷ để thực hiện.

Hình ảnh thứ hai là hình ảnh về Vua bình an, cưỡi lừa đến Giê-ru-sa-lem. Ở đây lại có một mảnh ghép của bức hình. Chúng ta biết khi nào nó khớp vào bức hình vì Chúa Giê-su đã làm đúng như vậy. Tất nhiên, bi kịch là khi Chúa Giê-su làm ứng nghiệm lời tiên tri này, họ không để ý đến con lừa. Họ cứ nghĩ là Ngài cưỡi lừa vì không tìm được ngựa, và họ không nhận ra thông điệp ấy, vì khi Chúa Giê-su cưỡi trên một con lừa và người ta vẫy cành cọ rồi trải áo xuống, hô to *Hô-sa-na! Hô-sa-na!* Chúng ta lại nghĩ đó là một kiểu chào thiên thượng, Hô-sa-na! Không phải đâu, nó có nghĩa là *Giải phóng chúng tôi ngay đi! Cho chúng tôi được tự do ngay đi!* Đó là tiếng kêu của một dân đã bị hà hiếp trong nhiều thế kỷ, những người thấy quyền tự chủ chính trị, thấy sự tự do đang gần kề, đó là tiếng kêu của những người đấu tranh vì tự do. *Hô-sa-na!* Họ gọi Ngài là Con vua Đa-vít. H*ô-sa-na, Con vua Đa-vít, hãy giải phóng chúng tôi!*

Nhưng Ngài không đến để đấu tranh cho họ. Nếu đến để đấu tranh giành độc lập cho họ thì Ngài đã cưỡi ngựa, giống như điều Ngài sẽ làm vào lần đến thứ hai. Khi Y-sơ-ra-ên thấy Ngài vào lần tới, Ngài sẽ cưỡi ngựa chứ không cưỡi lừa, nhưng lần đầu Ngài đã đến như Chúa Bình an trên lưng lừa, và họ sửng sốt khi thấy Ngài đi qua cổng Giê-ru-sa-lem và rẽ trái thay vì rẽ phải, rồi lấy cây roi. Khi thấy Ngài làm vậy, họ nghĩ Ngài sẽ đánh đuổi người La Mã ra khỏi thành. Nhưng Ngài lại rẽ trái vào đền thờ thay vì rẽ phải vào pháo đài Antonio, căn cứ của quân lính La Mã và đám đông chết lặng, rồi Ngài đánh đuổi người Do Thái ra khỏi đền thờ Chúa. Tôi không ngạc nhiên gì khi vài ngày sau, họ nói: *Các ông có thể đóng đinh người đó, chúng tôi sẽ chọn người đấu tranh vì tự do này.* Lịch sử trớ trêu ở chỗ, người đấu tranh vì tự do mà họ chọn có một cái tên rất khác thường, tên anh ta là Giê-su Bar-a-ba, nghĩa là Giê-su, con của cha, và vào ngày đó, có hai người đều được gọi là Giê-su, con của cha. Và Phi-lát hỏi: *Các ngươi muốn Giê-su, con của cha nào đây? Người sẽ không đấu tranh cho các ngươi hay người sẽ đấu tranh?* Và họ đáp: *Chúng tôi chọn người đấu tranh.*

Họ thất vọng tràn trề khi thấy Ngài cưỡi lừa và không tấn công người La Mã mà là người Do Thái. Thật sự, nếu ta làm một đám đông thất vọng thì họ sẽ quay lưng với ta ngay. Nếu ta không cho đám đông điều họ muốn và đáp ứng những hy vọng mà họ đặt nơi ta thì ta đang đâm đầu vào rắc rối. Thế nên vài ngày sau, Chúa Giê-su mới bị đóng đinh, sau khi người ta chào đón Ngài bằng những cành cọ, và hô *Hô-sa-na! Cuối cùng thì người đã đến để giành tự do cho chúng ta!* Vâng, Ngài sẽ đến trên lưng ngựa và giải phóng Y-sơ-ra-ên - chưa phải bây giờ. Như vậy, đây là một mảnh ghép nhỏ và có chép rằng Ngài sẽ mang đến sự công chính và hòa bình - shalom, sự hòa hợp, và Ngài sẽ cai trị từ biển này đến biển kia.

Có một thông tin thú vị về điều này, lại là một câu Kinh thánh bị đưa ra khỏi ngữ cảnh và dùng sai. Anh này ở Canada và Canada được gọi là Quốc gia tự trị Canada, anh chị em biết tại sao không? Vì câu Kinh thánh trong Xa-cha-ri này. Vì nó trải dài từ Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương nên nó được gọi là Nước tự trị từ biển này đến biển kia, đó là quốc gia duy nhất trên thế giới được gọi là Dominion of Canada hay Quốc gia tự trị Canada vì lẽ này, nhưng tôi dám chắc rằng Xa-cha-ri không nghĩ đến Canada mà ông nghĩ đến Chúa Giê-su sẽ đến cai trị từ biển này đến biển kia.

Hình ảnh tiếp theo là về Đức Chúa Trời quyền năng. Chỗ này. Ở đây có hình ảnh về Đức Giê-hô-va chiến đấu cho họ, Đấng hiển hiện rõ ràng. Trái ngược với việc đến trong hòa bình, ở đây có một Đức Chúa Trời sẽ đến vì bầy chiên Ngài và trở thành Đấng chăn Nhân lành của họ, không giống với những kẻ chăn tệ hại trước đây; và dân Ngài sẽ lấp lánh như những viên đá quý trên vương miện, một cụm từ rất hay. Sau đó là một hình ảnh gây sốc. Cái này nói đến Hy Lạp. Phải đến vài trăm năm sau, người Hy Lạp mới đến xâm chiếm xứ này, và cái con người đáng sợ Antiochus Epiphanes đã vào đền thờ, dựng tượng thần Dớt, giết một con lợn trên bàn thờ và đưa đầy gái điếm vào các phòng thánh. Đó là thời kỳ khủng khiếp nhất của họ, và nó kéo dài đúng ba năm rưỡi, 42 tháng, 1260 ngày, đúng bằng khoảng thời gian được báo trước cho Antichrist trong Tân Ước. Dưới chướng Antiochus Epiphanes, người Do Thái phải chịu đựng những gì thế giới sẽ phải chịu đựng, Cơ Đốc nhân sẽ phải chịu đựng dưới chướng Antichrist. Thật thú vị khi Hy Lạp lại được dự báo trong mảnh ghép nhỏ thứ ba của bức hình. Giờ thì chúng ta có thể ghép vào, nhưng thời đó họ làm gì với nó thì tôi không biết.

Hình ảnh tiếp theo là về dân sự được tụ họp, Kiều dân trở lại, những người tản lạc được hồi hương và người Do Thái được đem từ tứ xứ về xứ này. Anh chị em có biết là Y-sơ-ra-ên ngày nay có những người về từ 70 quốc gia không? Người Do Thái đã từ 70 quốc gia trở lại Y-sơ-ra-ên ngày nay, họ đã mang âm nhạc và điệu nhảy của 70 quốc gia về. Văn hóa của Y-sơ-ra-ên ngày nay rất độc đáo, nó là một sự tổng hòa. Người Do Thái từ Yemen mang về những điệu nhảy hay nhất. Văn hóa của Y-sơ-ra-ên, những báu vật của các nước đã được mang về cả Giê-ru-sa-lem này, và khi đến đó, chúng tôi sẽ đưa anh chị em đến những buổi giao hưởng để nghe thấy thứ âm nhạc hay nhất thế giới. Đây là hình ảnh về những người hồi hương và sẽ không có đủ chỗ cho họ, Xa-cha-ri nói, cho tất cả những người hồi hương. Đó là một mảnh ghép nhỏ mà giờ đây chúng ta có thể ghép vào, nhưng lúc bấy giờ chỉ là cái nhìn thoáng qua về tương lai, và Kinh thánh còn chép rằng người ta sẽ làm đường cái nối Ai Cập với A-si-ri. Ê-sai đã nói vậy, nhưng ở đây, Ai Cập và A-si-ri, ngày nay là Ai Cập và Iraq được đưa vào bức hình. Mảnh đó sẽ khớp vào đâu thì tôi và anh chị em đều không biết, chỉ biết là Ai Cập đã giúp thiết lập hòa bình.

Hình ảnh tiếp theo khá hóc búa. Nó mô tả tất cả những dân lân cận bị phát quang, tất cả cây cối tại Trung Đông đều bị chặt. Những cây bá hương của Li-ban, những cây sồi của Trans-Jordan hay Ba-san thậm chí là rừng rậm Giô-đanh; rừng rậm Giô-đanh gần như đã biến mất, những cây bá hương

của Li-ban chỉ còn lại một mảng nhỏ, khoảng chục cây gì đó trên một ngọn đồi; và những cây sồi của Ba-san đã biến mất. Tôi không rõ tại sao lại có hình ảnh này, một mảnh ghép hóc búa nhưng nó là như vậy.

Hình ảnh tiếp theo là về những kẻ chăn không ra gì. Một điều rất lạ, nhưng ở đây chúng ta có một ẩn dụ được diễn lại. Xa-cha-ri nhận làm người chăn đứng đầu và phải đuổi việc ba người chăn vì không trông chừng bầy chiên, và họ ném tiền công của mình trả lại ông, ba chục miếng bạc, và có câu ngắn này: *khi người chăn bị đánh thì bầy chiên tản lạc*. Ở đây lại có một mảnh ghép của bức hình, nhưng chúng ta bắt đầu thấy chúng khớp vào đâu khi đọc các sách Tin lành đúng không? Khi Giu-đa ném ba chục miếng bạc vào đền thờ vì hắn là một kẻ chăn tệ hại. Hắn từng là người giảng đạo và người chữa lành. Khi Chúa Giê-su phán *người chăn đã bị đánh và bầy chiên bị tản lạc,* Ngài biết tất cả những câu chuyện, những hình ảnh này, Ngài đang dùng đến chúng.

Về thế giới (chương 12-14)

Đó là những hình ảnh đầu tiên, tất cả đều liên quan đến Y-sơ-ra-ên và những mảnh ghép nhỏ, những cái nhìn thoáng qua, chỗ này một từ, chỗ kia một câu, chỗ khác một hình ảnh - khi nhìn lại, chúng ta bắt đầu thấy đây đều là những cái nhìn thoáng qua về tương lai. Nhưng giờ đây, toàn bộ khung cảnh được mở rộng. Lúc này nó mang tính quốc tế, chúng ta hiện đang nhìn vào thế giới. Chúng ta đang nhìn vào những điều sẽ xảy ra trên phương diện quốc tế, thế nhưng Giê-ru-sa-lem lại là trung tâm của mọi thứ. 21 lần chúng ta thấy cái tên Giê-ru-sa-lem trong phần này. Không thấy cái tên đó ở trên này, thú vị đúng không? Như thể lúc này Giê-ru-sa-lem được coi là tâm điểm của tương lai thế giới, thực tế sẽ là như vậy. Đó là nơi mà trụ sở Liên Hợp Quốc sẽ phải chuyển đến. Ở đây có hình ảnh về Si-ôn là trung tâm của chính quyền thế giới và chúng ta đang nhìn vào tương lai rất xa.

Hãy xét đến một số từ thường được nhắc đến trong nửa cuối này. Giê-ru-sa-lem được nhắc đến 21 lần, nên đó sẽ là một thành phố rất, rất quan trọng vào thời kỳ cuối cùng. Từ thứ hai mà tôi muốn anh chị em để ý với tổng cộng 18 lần là từ "ngày." Nó không hề xuất hiện ở trên này, nhưng giờ thì nó xuất hiện xuyên suốt "ngày ấy," "ngày của Đức Giê-hô-va," "vào ngày ấy," "ngày...mà Đức Giê-hô-va biết" - ngày ấy, ngày ấy, ngày ấy. Từ đó thường xuyên xuất hiện trong Tân Ước. Chúa Giê-su dùng nó rất nhiều "vào ngày ấy." Ngày này không phải là ngày dài 24 tiếng. Từ "yom," hay "ngày" trong tiếng Hê-bơ-rơ có thể nằm trong khoảng từ 24 giờ đến cả một kỷ nguyên.

Ví dụ, chẳng hạn trong tiếng Việt chúng ta cũng từ ngày theo cách đó. Nếu tôi nói "ngày xưa cũ vàng son đã không còn nữa" thì hoàn toàn không phải là tôi nói về những ngày 24 tiếng, hiểu ý tôi nói không ạ? "Chó nào cũng có ngày của nó." Nhưng cũng có câu "lên voi xuống chó." Anh chị em thấy đấy, tôi đang dùng từ "ngày" theo một cách hoàn toàn khác, tôi đang dùng nó khá linh hoạt. Một ngày nghĩa là một kỷ nguyên; và thật sự ngày của Đức Giê-hô-va nghĩa là con người đã có ngày của mình, giờ đây Đức Chúa Trời đang có ngày của Ngài. Hiểu không ạ? Đó là cả một kỷ nguyên chứ không phải 24 tiếng, đây là ngày của Đức Giê-hô-va, đây là ngày của Ngài, chúng ta đã có ngày của mình nhưng giờ đây, Ngài có ngày của Ngài. Một cụm từ thú vị. Sẽ có ngày của Đức Giê-hô-va và thế giới sẽ thấy bây giờ là ngày của Ngài, ngày kiêu ngạo và tham lam của con người đã chấm dứt, ngày thánh khiết của Đức Chúa Trời đã đến. Chỉ có một phần ở thể thơ và từ ngày đó không xuất hiện trong đoạn thơ ngắn đó, rất thú vị.

Nào, hãy xét đến các mẫu khác nhau, chúng lại là những mảnh ghép hình. Đầu tiên là hình ảnh về một lực lượng liên hợp quốc tấn công Giê-ru-sa-lem, một đội quân tụ họp từ mọi quốc gia trên thế

giới được gửi tới Trung Đông. Điều đó chưa xảy ra, nhưng đó là một mảnh ghép. Giê-ru-sa-lem vẫn chưa bị tấn công theo cách đó, nên những rắc rối của Y-sơ-ra-ên chưa chấm dứt, về lâu về dài là như vậy, thật đấy ạ! Nhưng có thể chúng ta thấy lực lượng liên hợp quốc này đến tấn công người Do Thái vào đời mình. Họ còn rất ít bạn tại Liên Hợp Quốc, rất ít, và Hoa Kỳ - một nước bằng hữu lớn của họ, đang bắt đầu quay lưng lại với Y-sơ-ra-ên. Liên Hợp Quốc sẵn sàng gửi một lực lượng quốc tế đến bất cứ đâu để làm điều mà họ thấy là cần thiết. Tôi có thể thấy điều đó đang xảy ra, nhưng tôi không nghĩ là chúng ta chưa thể ghép điều này vào bức hình.

Hình ảnh tiếp theo là về những người dân than khóc. Tôi nghĩ mình cần đọc câu 10 cho anh chị em nghe. Để tôi tìm thật nhanh. Đây là chương 12, câu 10: "Ta sẽ đổ thần ân điển và nài xin trên nhà Đa-vít và trên cư dân Giê-ru-sa-lem. Chúng sẽ nhìn xem Ta là Đấng chúng đã đâm, rồi chúng sẽ than khóc Ngài như người ta than khóc đứa con một, và sẽ thương tiếc Ngài như người ta thương tiếc con đầu lòng. Trong ngày ấy, sẽ có sự than khóc thảm thiết tại Giê-ru-sa-lem như sự than khóc Ha-đát Rim-môn trong đồng bằng Mê-ghi-đô. Đất nước nầy sẽ than khóc." Điều đó chưa đến, nhưng sẽ đến một ngày khi cuối cùng, dân Giê-ru-sa-lem quá tuyệt vọng đến nỗi họ không cố lập hiệp ước hòa bình với Palestine hay nước nào khác, họ sẽ kêu cầu Chúa và câu trả lời là, họ sẽ thấy Đấng mà mình đã đâm.

Anh chị em có mường tượng được người Do Thái sẽ cảm thấy thế nào khi nhận ra rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của họ và họ đã giết Ngài không? Họ sẽ khóc như thể con đầu lòng của mình bị giết vậy. Thật đáng kinh ngạc đúng không? Nhân nỗi đau của cuộc thảm sát ở trường Dunblane với nỗi đau của Giê-ru-sa-lem vào ngày đó. Chính Xa-cha-ri đã nói rằng họ sẽ thấy Đấng mà mình đã đâm và thực ra, chính cụm đó được đưa vào chương đầu của sách Khải huyền, trong đó nói rằng khi Chúa Giê-su tái lâm, những người đâm Ngài sẽ thấy Ngài - và điều duy nhất cần có để cải đạo một người Do Thái là biết rằng Giê-su người Na-xa-rét còn sống.

Đó là tất cả những gì Sau-lơ người Tạt-sơ cần và tôi phát hiện ra rằng ngày nay họ cũng chỉ cần có vậy. Lúc bấy giờ tôi đang giảng tại Cambridgeshire và có một cô gái Do Thái khoảng 25 tuổi, rất thông minh ở trong hội chúng và sau đó, cô ấy hỏi: *Tôi có thể nói chuyện với ông được không ạ?* Chúng tôi vào căn phòng thánh của hội thánh Giám lý ấy và cô ấy hỏi: *Ý ông là Giê-su người Na-xa-rét vẫn còn sống đúng không?* Tôi đáp *Đúng vậy. Nếu đúng như vậy thì Ngài ấy phải là Đấng Mê-si-a của chúng tôi - của chúng tôi!* Tôi thấy như mình bị ra rìa vậy. Và cô ấy hỏi: *Thế làm sao tôi biết Ngài vẫn sống đây?* Tôi đáp: *Cô có thể thử trò chuyện với Ngài*, tôi để cô ấy trò chuyện với Ngài và cô ấy vỡ lẽ. Chỉ trong 10 phút, cô ấy đã dạy Kinh Thánh cho tôi rồi. Cô ấy chỉ cho tôi từ Cựu Ước, rồi chỗ này, chỗ này, chỗ này nữa, và cô ấy thấy hết trong phút chốc. Cô ấy đã có hết trong này, trừ một manh mối quan trọng, rằng cái tên đó là Giê-su, và chỉ cần phát hiện ra rằng Chúa Giê-su còn sống là xong. Khi cả đất nước ấy thấy Đấng mà họ đã đâm, tôi thấy không khó để tin rằng họ sẽ cải đạo hết, nhưng họ sẽ khóc lóc khi đến với đức tin. Nhìn lại hai ngàn năm uổng phí, khi lẽ ra họ đã có thể dẫn đầu thế giới, và họ đã bị săn đuổi từ nước này sang nước khác như sách Phục truyền đã nói. Thảo nào họ lại khóc, hiểu không ạ? Tất cả đều có trong Xa-cha-ri. Dân cư Giê-ru-sa-lem than khóc.

Tiếp đến là những tiên tri bị đuổi đi. Ông thấy rõ ràng rằng các tiên tri giả từng là một trong những mối nguy lớn nhất của Giê-ru-sa-lem, và Giê-ru-sa-lem sẽ được thanh tẩy khỏi những người đó. Sách chép rằng họ sẽ được thanh tẩy tội lỗi và tẩy sạch mọi sự nhơ nhớp bởi một suối nước, và điều này được Phao-lô đưa vào Rô-ma 11, khi Phao-lô nói: *Lúc bấy giờ cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu.* Xa-cha-ri tiếp tục nói về Si-ôn được tẩy sạch mọi tội lỗi; và khi ấy các tiên tri giả sẽ xấu hổ và nhuốc nhơ

đến nỗi họ sẽ không nhận là tiên tri. Họ sẽ nói: *Tôi không phải là tiên tri, tôi bị thương thế này vì đánh lộn với bạn.* Rất buồn cười vì các tiên tri sẽ bị thương. *Tôi không phải là tiên tri, tại tôi mới đánh lộn thôi.* Một câu chuyện sinh động về những người hổ thẹn vì đã dạy dỗ gian dối.

Hình ảnh tiếp theo là về việc giảm dân số. Phân đoạn này có hơi lạc loài. Rõ ràng là nó không theo thứ tự, nhưng nó mô tả một Giê-ru-sa-lem đã bị giảm dân số xuống còn khoảng chừng một nửa đến một phần ba. Nó trở lại với việc người chăn bị đánh và bầy chiên bị tản lạc. Tôi phải nói thật là tôi không rõ chi tiết này khớp vào đâu, nó là tương lai hay đã qua rồi, trong đó hai phần ba dân số sẽ bị xóa sổ. Tôi không biết, đây là một trong những điều mà tôi chỉ biết đợi xem thế nào. Nhưng trong chương 14, chúng ta trở lại với cuộc tấn công của các nước trên Giê-ru-sa-lem và tôi tin rằng đó là tương lai với chúng ta, và chúng ta vẫn phải thấy thành này bị một lực lượng liên hợp quốc tấn công. Chúa sẽ tập hợp lực lượng quân sự khổng lồ này nhưng Ngài cũng sẽ chiến đấu cho họ.

Rõ ràng là điều này có liên hệ mật thiết với lần đến thứ hai và có lẽ là Trận Ha-ma-ghê-đôn vì ở đây có khẳng định rằng "chân Ngài sẽ đứng trên núi Ô-liu." Đức Chúa Trời không thể làm điều đó, Ngài không có chân, nhưng Chúa Giê-su thì có thể và mọi người Do Thái đều hiểu đây là sự đến của Đấng Mê-si-a, và chân Ngài sẽ đứng trên Núi Ô-liu. Tôi hay liên lạc với một số nghệ sĩ tại Y-sơ-ra-ên. Dường như họ là những người có ơn tiên tri nhất và có khải tượng rõ ràng nhất về tương lai, và một nghệ sĩ, anh Motka, tôi có mối quan hệ thân thiết với anh ấy và anh ấy gửi cho tôi một bức tranh, bản in của một trong những bức tranh mới nhất của anh ấy. Bức đó nhìn vào Núi Ô-liu, một dạng tranh màu tím và khu đền thờ nằm ở phía trước. Và rồi trên trời có một dạng ánh sáng vàng đi vào trong tranh. Hẳn phải có một nguồn sáng chói lòa ở bên trên bức tranh và ta có thể nhìn thấy ánh sáng xuyên qua bầu trời u ám. Anh ấy không cần phải giải thích điều đó cho tôi nhưng anh ấy nói: *Đó là vinh quanh của Đấng Mê-si-a hiện ra trên Núi Ô-liu.* Ước gì tôi mang nó đi cho anh chị em xem, tôi không nghĩ ra luôn.

Chân Ngài sẽ đứng trên Núi Ô-liu và sách chép rằng lúc bấy giờ sẽ có một trận phun trào lớn gây ra những thay đổi đáng kinh ngạc về địa vật lý trên cả vùng. Cụ thể là có một thay đổi - tôi cho rằng chúng ta phải hiểu theo nghĩa đen, tuy rất khó để mà tưởng tượng. Giê-ru-sa-lem ở dưới lòng chảo với các núi vây quanh, thực ra, anh chị em biết thánh đường Dome of the Rock là một hình bát giác có tám mặt, mỗi mặt nhìn thẳng vào một đỉnh núi. Có tám đỉnh núi quanh Giê-ru-sa-lem. Đó là một cảnh quan rất tuyệt vời về mặt hình học. Mặt phía tây của Dome of the Rock hướng về Núi Ô-liu, mặt đông bắc hướng về Núi Scopus, hết một vòng như vậy, phía nam hướng về Núi Định tội hay gì đó. Nếu có đến, anh chị em hãy đứng quay lưng vào từng bức trong tám bức tường đó thì sẽ nhìn vào một đỉnh núi, nhưng sách chép rằng vào ngày đó, khi chân Ngài đứng trên Núi Ô-liu, các đỉnh núi sẽ rúng động và hạ xuống còn Giê-ru-sa-lem sẽ còn lại trên đỉnh. Đó là khi mọi người sẽ đi lên núi Đức Giê-hô-va.

Một hình ảnh đáng kinh ngạc, cuối cùng thì Giê-ru-sa-lem sẽ ở trên nơi cao, là nơi ta có thể nhìn thấy từ cách xa hàng cây số, giờ thì không thể. Ta hoàn toàn không thể nhìn thấy Giê-ru-sa-lem cho tới khi lên tới những vành đồi quanh Giê-ru-sa-lem. Ta không thể nhìn thấy nó từ xa, nó ở dưới lòng chảo nhưng rồi sẽ được nhấc lên vì các đồi sẽ hạ xuống và sẽ có đường thoát sang phía đông, một thung lũng rộng mở, núi Ô-liu sẽ mở ra thành một thung lũng rộng.

Tất cả đều là những phần của bức hình. Trí tưởng tượng của của chúng ta thấy khá khó để ghép tất cả vào, nhưng điểm chính yếu của bức hình này là lực lượng liên hợp quốc vây quanh thành sẽ bị

xử lý. Những người đến tấn công Giê-ru-sa-lem trong trận chiến cuối cùng sẽ phải chịu "mắt mục nát trong hốc mắt, lưỡi mục nát trong miệng" và trong sự hoảng loạn, chúng sẽ giết lẫn nhau. Chúng ta đang xét đến những sự kiện siêu nhiên, nhưng sau cùng thì bức hình này, hãy đoán xem nó nói gì - "bấy giờ anh em sẽ biết," "bấy giờ anh em sẽ biết." Tính mặc khải rất rõ ràng. Cuối cùng, sau đó có một hình ảnh, tất cả các nước sẽ coi Giê-ru-sa-lem là nơi đặt danh Chúa.

Hơn nữa, có hình ảnh về tất cả các nước trên thế giới giữ một kỳ lễ Do Thái - Lễ Lều tạm, không phải Lễ Ngũ tuần, không phải Lễ Vượt Qua, nhưng là hình ảnh về tất cả các nước trên thế giới đến, gửi đại diện đến Giê-ru-sa-lem để mừng Lễ Lều tạm. Thật tuyệt diệu đúng không? Đáng tiếc đó lại là một kỳ lễ mà Cơ Đốc nhân bỏ qua. Chúng ta giữ Lễ Vượt Qua theo một nghĩa nào đó trong Lễ Phục sinh. Chúng ta giữ Lễ Ngũ tuần, Công giáo gọi là Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, còn Lễ Lều tạm thì sao? Với người Do Thái thì đó là kỳ lễ lớn nhất, hoành tráng nhất, long trọng nhất, một lễ kỷ niệm. Đó là Lễ Mùa gặt, Lễ Thu hoạch và người Do Thái đón mừng nó. Họ sống trong những túp lều nhìn được lên trời để thấy các vì sao, và nhớ lại thể nào Đức Chúa Trời đã đưa họ qua hoang mạc, nhưng họ đón mừng nó.

Đó là một kỳ lễ kéo dài 8 ngày và ngày cuối là ngày cưới. Thật lạ là họ kết hôn với Luật pháp. Có một rạp cưới nhỏ, một Ra-bi cầm cuộn sách Luật của Môi-se và đứng dưới rạp, mọi người nhảy múa xung quanh và người ta kết hôn với Luật của Môi-se thêm một năm nữa. Sáng ngày hôm sau họ bắt đầu đọc Sáng Thế Ký 1:1 và họ đọc lần lượt cho đến khi đọc đến câu cuối của Phục truyền vào 12 tháng sau đó, rồi họ lại kết hôn với Luật pháp. Nhưng họ đã cưới nhầm chàng rể vì ngày thứ tám của Lễ Lều tạm đó hướng đến tiệc cưới của Đấng Mê-si-a, tiệc cưới của chiên con.

Vợ chồng tôi đã có một đặc ân tuyệt vời. Đám cưới bạc của chúng tôi rơi vào ngày thứ tám của Lễ Lều tạm, lễ Cưới của Đấng Mê-si-a. Lúc bấy giờ chúng tôi đang ở Y-sơ-ra-ên và kỷ niệm ngày cưới cùng 1200 người khác dưới hoang mạc Giu-đe vào ban đêm. Chúng tôi đã mở tiệc, đốt một đống lửa lớn, đến đêm thì thành trụ lửa và chúng tôi ăn chim cút nướng. Sáng hôm đó tôi đã vào một cửa hàng nhỏ trên con phố hẹp tại Giê-ru-sa-lem và nhờ một người Do Thái nhỏ con làm cho tôi một cái nhẫn mà bà ấy muốn tặng tôi. Anh chị em có thể lên xem cái nhẫn, nó có khắc tường thành Giê-ru-sa-lem và bên trên là Đa-vít, chữ DVD ngược, Đa-vít. Bà ấy tặng nó cho tôi để nhắc tôi làm người canh gác trên tường và hôm đó là ngày 25, ngày cưới. Đó cũng sẽ là ngày cưới của anh chị em. Tất cả anh chị em đều sẽ kết hôn. Có lần tôi đến nói chuyện ở một trường nọ với vài em nhỏ và một cậu bé đã hỏi tôi thế này: *Sao Chúa Giê-su lại không kết hôn ạ?* Tôi đáp: *Không sao, rồi Ngài sẽ kết hôn ấy mà.* Sau đó, thầy hiệu trưởng đã gọi tôi đến văn phòng và hỏi: *Mục sư dạy lũ trẻ cái gì thế ạ? Chúa Giê-su kết hôn là sao?* Tôi đáp: *Anh không biết Kinh Thánh rồi, cả Kinh Thánh là một câu chuyện tình; rằng Đức Chúa Trời tìm kiếm một nàng dâu cho con của Ngài thể nào. Câu chuyện kết thúc, họ kết hôn và sống hạnh phúc mãi mãi về sau.*

Mọi câu chuyện tình hay đều kết thúc với một đám cưới, vậy đó. Đó là ngày thứ tám trong kỳ lễ này và nó được nhắc đến trong Khải huyền như tiệc cưới của Chiên Con. Anh chị em có biết là Chúa Giê-su sinh ra vào Lễ Lều tạm không? Có hết những manh mối trong Tin Lành theo Lu-ca. Ngài sinh ra vào tháng 9 hoặc đầu tháng 10, vào tháng thứ bảy, tức là tháng có Lễ Lều tạm. Kinh thánh chép rằng *Ngôi Lời trở nên xác thể và dựng đền tạm giữa chúng ta.* Trong Giăng 7, các em Ngài nói: *Anh không dự Lễ Lều tạm à, đấy là lúc người ta trông đợi Đấng Mê-si-a đấy!* Họ không tin Ngài và đang trêu chọc Ngài. Ngài đáp: *Thì giờ của anh chưa đến.* Nên có một điều tôi thấy khá chắc chắn, ấy là

tôi biết tháng nào Chúa Giê-su sẽ trở lại, tôi không biết năm nào. Nhưng Ngài phải trở lại đúng lúc. Đó sẽ là Lễ Lều tạm.

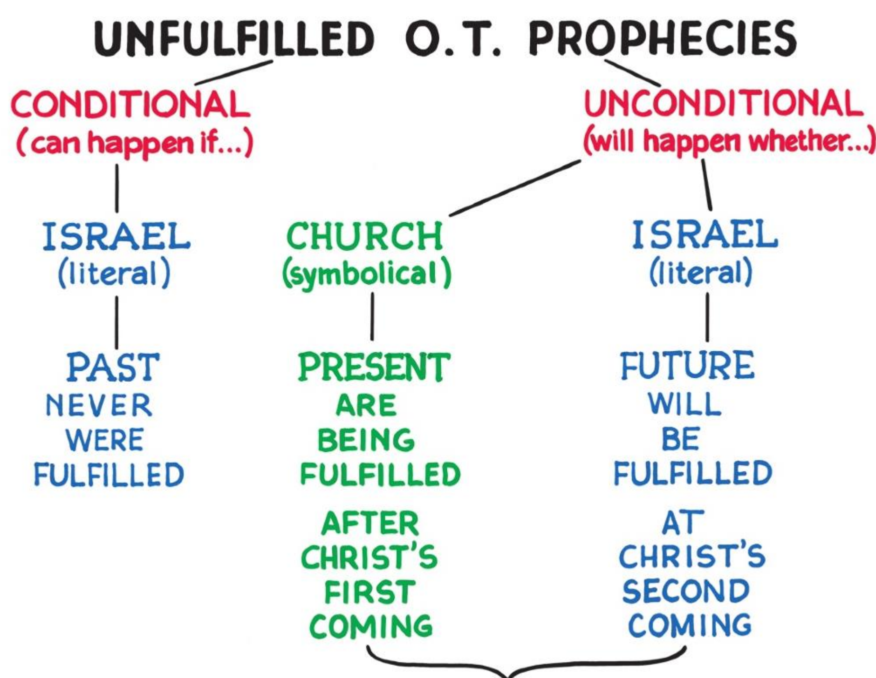
Thực ra thì mọi người Do Thái, dựa trên Xa-cha-ri 14 đều tin rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến trong Lễ Lều tạm. Họ không nghi ngờ gì về điều đó, và tất cả những điều này dường như đã chệch với tư duy của Cơ Đốc nhân; nhưng Lễ Lều tạm, một ngày nào đó, tất cả chúng ta đều sẽ đến Giê-ru-sa-lem, chuyến bay miễn phí đầu tiên của anh chị em đến Xứ Thánh vì tất cả chúng ta sẽ tụ họp tại đó. Từ đó trở đi, các nước sẽ kỷ niệm Lễ đó mỗi năm, gửi đại diện đến Giê-ru-sa-lem và sách chép rằng: *Nếu không thì họ sẽ không có mưa.* Tất nhiên là điều đó không ảnh hưởng đến Ai Cập vì dù sao họ cũng không có giọt mưa nào, họ lấy nước từ sông Nin. Nên sách chép rằng nếu Ai Cập không đến thì họ sẽ phải chịu tai họa. Còn các nước khác không có mưa.

Nhưng với người Do Thái, và nay là với ngày càng nhiều Cơ Đốc nhân, Lễ Lều tạm đã trở thành tâm điểm của hy vọng về sự cai trị của Đấng Mê-si-a trên toàn thế giới. Lần cuối cùng tôi đến Lễ Lều tạm của Cơ Đốc nhân, kỳ lễ mà hàng trăm người đến dự mỗi năm tại Giê-ru-sa-lem, tôi đã xuống phố và đi đến khu lát đá rộng đối diện Bức tường Phía tây, có một cái rạp lớn, tôi đi vào và những gia đình Do Thái đang ngồi tại các bàn tiệc, ăn uống vui vẻ. Trên đầu họ có một banner lớn, trên banner minh họa tất cả các dân tộc khác nhau đi lên các con đường khác nhau và Giê-ru-sa-lem tách mình ra trên một ngọn núi cao và tất cả đều đang đi lên. Rồi tôi đi ngược trở lại con đường mà Cơ Đốc nhân đang tổ chức Lễ Lều tạm. Tôi thấy một banner lớn và trên đó có Giê-ru-sa-lem ở trên đỉnh một ngọn núi cao, tất cả các nước trên thế giới mặc những trang phục và màu sắc khác nhau đều đi lên con đường. Tôi nghĩ bụng: *Nhìn quen quen, Deja vu, mình đã nhìn thấy cái này rồi.* Dần dà, qua Lễ Lều tạm, người Do Thái và Cơ Đốc nhân dần hiểu hơn về những hy vọng của tương lai. Tất cả đều dựa trên Xa-cha-ri 14.

Đây đều là những mảnh ghép nhỏ về tương lai và chúng ta đang ở vào cái thế bắt đầu ghép chúng vào cả bức hình. Tôi chưa thể ghép hết chúng vào vì tôi không nghĩ là tất cả đã xảy ra rồi, nhưng khi những điều này xảy đến, tận mắt chúng ta sẽ thấy mục đích của Đức Chúa Trời được làm trọn, như chúng ta đã đọc trong giờ đọc sáng nay. Đức Chúa Trời có một mục đích cho toàn thế giới và nó sẽ xảy ra. Chúa Giê-su sắp trở lại để cai trị và chúng ta sẽ đồng cai trị với Ngài. *Lạy Chúa* - người ta hỏi Chúa Giê-su khi Ngài trở lại cùng Cha - *có phải trong lúc nầy Ngài sẽ tái lập vương quốc Y-sơ-ra-ên chăng?* Ngài đáp: *Các con không cần biết kỳ hạn và thì giờ mà Cha đã định.* Có nghĩa rằng Chúa Cha đã định ngày, nhưng Ngài phán: *Các con hãy tiếp tục làm chứng nhân cho Ta cho đến cùng trái đất vì Ta muốn càng nhiều người vào đó càng tốt.* Như Ngài đã phán trong một ẩn dụ về Cha Thiên thượng - *Nhà ta sẽ đầy người.* A-men.

Về những lời tiên tri chưa được ứng nghiệm trên Y-sơ-ra-ên

Chúng ta sẽ sớm nghiên cứu Ma-la-chi, sách cuối cùng trong Cựu Ước nhưng trước khi làm vậy, tôi muốn dành vài phút nói về câu hỏi quan trọng nảy sinh từ tất cả các sách tiên tri trong Cựu Ước, đặc biệt là những sách chúng ta đã xét đến. Hầu hết các tiên tri Cựu Ước đưa ra dự báo về tương lai của quốc gia Y-sơ-ra-ên - dân Do Thái, nhưng ta có thể đến nhiều hội thánh trên nước Anh này và các nước khác mà không hề nghe đến một tương lai nào cho Y-sơ-ra-ên - dân Chúa. Có lý do cho điều đó, ấy là có những cách khác nhau đối cùng những dự báo này về tương lai Y-sơ-ra-ên, thực ra là ba cách khác nhau, có lẽ phần đa các hội thánh Tin lành phương Tây đối cùng những dự báo này khác với cách mà tôi đã đưa ra trong những phần giới thiệu các sách tiên tri Cựu Ước. Những điều được hứa về tương lai của Giê-ru-sa-lem và tương lai của Y-sơ-ra-ên cùng địa vị của họ giữa các nước,... - những điều này liệu có trở thành sự thật không?



Ba quan điểm là thế này: Đầu tiên, một nhóm nhà giải kinh nói rằng tất cả những lời hứa này đều có điều kiện, chúng luôn có điều kiện là Y-sơ-ra-ên phải trung tín và vâng phục Chúa. Bởi cớ đó, vì họ không như vậy nên tất cả những dự báo này đều đã bị hủy. Chúng đã trở nên luống công, chúng sẽ không bao giờ xảy ra vì những điều kiện gắn với chúng không được thực hiện. Vì chúng có điều kiện, nói cách khác là *những điều này có thể xảy ra nếu các ngươi hợp tác*, và vì họ không hợp tác, đặc biệt là không nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của mình nên dân Do Thái đã mất đi cả tương lai và những dự báo này đã trở nên luống công, chúng sẽ không bao giờ xảy ra. Có thể chúng đã xảy ra trong quá khứ nhưng thực ra, chúng đã và sẽ không bao giờ được ứng nghiệm. Đó là một lý do khiến một số người giảng đạo không bao giờ nói đến Y-sơ-ra-ên hoặc tương lai của nó.

Cách tiếp cận thứ hai là chúng không có điều kiện; không phải là chúng sẽ xảy ra nếu, mà là thể nào chúng cũng sẽ xảy ra, chúng không có điều kiện, Đức Chúa Trời đã phán: *Đây là điều Ta định làm và Ta sẽ làm như vậy*. Nhưng ngay cả trong nhóm những người nghĩ những dự báo này chắc chắn sẽ xảy ra, cũng có hai cách hoàn toàn khác nhau để nói rằng chúng sẽ xảy ra như thế nào. Có lẽ cách

chính mà các hội thánh hay nói đến là chúng đã xảy ra với Hội thánh và những dự báo này đã được ứng nghiệm theo nghĩa tượng trưng hay theo nghĩa thuộc linh trong Hội thánh. Đây là quan điểm mà chúng ta gọi là thần học thay thế, rằng Hội thánh đã thay thế Y-sơ-ra-ên, nên tất cả những dự báo cho Y-sơ-ra-ên hiện đã được ứng nghiệm trong Hội thánh và đang được ứng nghiệm trong hiện tại, nhưng theo nghĩa thuộc linh chứ không theo nghĩa đen.

Vì vậy, chúng ta sẽ được đưa đến Giê-ru-sa-lem thiên thượng chứ không phải dưới đất này, và có thể thấy những lời hứa về sự gia tăng, phước hạnh trong sự tăng trưởng của hội thánh,... Nghe rất hấp dẫn. Ở đây tôi không thể không mỉa mai đôi chút vì mọi dự báo về phước hạnh được áp dụng với Hội thánh, nhưng mọi dự báo về rủa sả được lặng lẽ đưa vào sọt rác và có vẻ như với tôi, đối cùng Kinh Thánh như vậy thì thật tệ. Những bản Kinh thánh Authorised Versions cổ - nếu đọc sách tiên tri Ê-sai thì ta sẽ thấy mọi phước hạnh Chúa hứa đều được ghi là “Phước hạnh trên Hội thánh,” mọi sự nguyền rủa Chúa hứa đều là “Sự Rủa sả trên Y-sơ-ra-ên” và với tôi thì như thế có vẻ định kiến quá. Nhưng đây có lẽ là quan điểm của số đông trong nhiều hội thánh, rằng Hội thánh đã thay thế Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời đã xong việc với Y-sơ-ra-ên rồi, chúng ta phải truyền giảng cho họ như truyền giảng cho mọi ngườc khác, và họ chỉ được có vậy thôi. Họ không có tương lai nào như một dân cả, nhưng những người Do Thái cải đạo thì có tương lai cùng với chúng ta là dân ngoại trong hội thánh. Thói quen gọi Hội thánh là “Y-sơ-ra-ên mới” này rất, rất phổ biến, thế nhưng cái tên Y-sơ-ra-ên xuất hiện 74 lần trong Tân Ước và không có lần nào được áp dụng rõ ràng với Hội thánh cả. Trong 73 lần, nó được áp dụng rõ ràng với dân Do Thái. Chỉ có một câu hơi mơ hồ một chút, như vậy là chưa đủ để áp dụng cái tên Y-sơ-ra-ên với Hội thánh. Và tôi tin rằng chúng ta không nên gọi hội thánh là Y-sơ-ra-ên mới, Tân Ước không làm như vậy. Nhưng đó là quan điểm thứ hai. Vậy là nó nói rằng, những dự báo cho Y-sơ-ra-ên này hiện đang được ứng nghiệm trong Hội thánh nhưng theo nghĩa thuộc linh, nên chúng được ứng nghiệm qua lần đến đầu tiên của Đấng Christ.

Quan điểm thứ ba và cuối cùng, cũng là quan điểm của tôi khi dạy các sách tiên tri cho anh chị em, là những dự báo đó không có điều kiện, chúng sẽ xảy ra, nhưng chúng sẽ xảy ra với Y-sơ-ra-ên theo đúng nghĩa đen như lời Chúa phán. Vì thế, phần đa vẫn còn là tương lai. Những người bên này hiểu cụm “vậy cả Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu” là Hội thánh sẽ được trọn vẹn, nhưng bên này là Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu. Nên sự ứng nghiệm của những dự báo này có xu hướng tập trung vào lần đến thứ hai thay vì lần đến đầu tiên của Đấng Christ.

Đây là ba quan điểm, anh chị em phải cân nhắc kỹ và tự lựa chọn xem sao. Nhưng một trong những yếu tố quyết định đối với tôi, đặc biệt là phần Phao-lô viết trong thư Rô-ma, nhất là Rô-ma chương 11, trong đó ông nói: *Đức Chúa Trời đã xong việc với người Do Thái ư? Chẳng hề như vậy! Họ có thể chối bỏ Ngài nhưng Ngài không chối bỏ họ.* Thực tế rằng những người như Ma-la-chi nói: “Ta ghét việc ly dị” - Chúa không từ bỏ một dân dễ dàng như vậy đâu. Ngài phán với họ hết lần này đến lần khác rằng *các con có thể phá bỏ giao ước với Ta nhưng Ta sẽ không bao giờ phá bỏ nó*, và tôi tin thực tế rằng Y-sơ-ra-ên vẫn tồn tại là bằng chứng rằng Đức Chúa Trời giữ lời Ngài. Họ vẫn là dân tuyển của Ngài dù họ có vô tín - vì Ngài đã chọn họ, và Ngài không nuốt lời hứa mình.

Rồi, tôi đã đưa ra quan điểm của mình, ấy là ở đây. Vì vậy, lần đến thứ hai dường như là tâm điểm cho phần nhiều sự ứng nghiệm của tất cả những điều này, và tôi thấy rõ rằng những người ở quan điểm giữa có cái nhìn rất mơ hồ về lý do tại sao Chúa Giê-su sẽ tái lâm. Nếu ta hỏi họ *Anh có tin là Chúa Giê-su sẽ tái lâm không*, họ sẽ đáp *Có chứ.*

- Vậy thì tại sao? Theo anh thì Ngài tái lâm để làm gì?

- *Đưa chúng ta lên thiên đàng*

- *Nhưng qua đời là anh được ở đó rồi còn gì. Sao Ngài phải quay lại và sao Ngài phải đưa tất cả chúng ta trở lại? Tại sao chúng ta phải sống trên đất thêm lần nữa?*

Anh chị em nhận ra điều đó đúng không? Rằng khi Ngài đến, Đức Chúa Trời sẽ đem tất cả những ai đã ngủ theo cùng, để mọi Cơ Đốc nhân đều sẽ sống trên đất - đất này - một lần nữa. Đó là nơi chúng ta sẽ nhận thân thể mới. Ta không cần thân thể mới trên thiên đàng, nhưng ta cần có để sống dưới đất này. Vậy tại sao tất cả chúng ta đều trở lại và có thân thể mới dưới này? Có mục đích lớn lao nào đó cần được làm trọn ở đây rất lâu trước khi có trời mới, đất mới. Tôi tin rằng câu trả lời cho câu hỏi *tại sao Chúa Giê-su lại tái lâm* ấy là để trị vì! Trên mọi nước, lúc bấy giờ chúng ta sẽ la lên *Hallelujah, các vương quốc thế gian này đã trở thành Vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời!* Vâng, đó là lời giải thích.

Giới thiệu sách Ma-la-chi

Bây giờ hãy chuyển sang sách cuối cùng của Cựu Ước và tình cờ thì đây cũng là bài giảng cuối cùng mà tôi làm về Kinh Thánh. Chúng tôi đã làm 65 sách khác và đây là sách cuối cùng mà chúng tôi làm. Bối cảnh của Ma-la-chi rất giống với của A-ghê và Xa-cha-ri, chỉ là tệ hơn thôi. Lúc này đã là 100 năm sau chuyến hồi hương từ chốn lưu đày Ba-by-lôn, và tôi e rằng mọi thứ không được tốt đẹp. Giê-ru-sa-lem vẫn hoang vu, người dân sống ở vùng xung quanh vẫn không muốn họ trở lại, phần đa xứ ấy vẫn cằn cỗi và bị bỏ hoang, mùa màng thất thu và có những đàn cào cào. Cuộc sống thật khó khăn và bấp bênh.

Việc xây dựng đền thờ đã hoàn tất nhưng nó quá nhỏ bé so với đền thờ của Sa-lô-môn. Nó được hoàn tất vào năm 520, sách này viết khá lâu sau đó. Những bức tường đổ nát đã được Nê-hê-mi xây lên, nhưng người ta vẫn thích sống ở vùng quê hơn, vì công việc nên họ mới phải về phố. Họ chưa xây cung điện vì không có vua; họ có dòng dõi hoàng gia nhưng gia đình Xô-rô-ba-bên đang sống trong một căn nhà tồi tàn. Họ không được phép cai trị; tổng đốc Ba Tư vẫn cai trị họ, chỉ có một thị trấn nhỏ trên đồi và những ngôi làng xung quanh, chẳng giống với vương quốc của Đa-vít chút nào. Thế là dân sự thất vọng, vỡ mộng, thậm chí là tuyệt vọng, và họ bắt đầu đặt câu hỏi: *Liệu có đáng không? Chúng ta đã trở lại được 100 năm và vương quốc mà chúng ta định xây đâu rồi?*

Nên họ đặt câu hỏi mà tôi e rằng nhiều người ngày nay đặt ra. Nói một cách đơn giản thì họ muốn nói rằng *Sao phải bận tâm?* Vì thế, họ trở nên tự mãn, bằng lòng, họ chùng xuống và sự ngã lòng này ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tôn giáo của họ trước nhất. Họ đã rút ra bài học về sự thờ thần tượng ở chốn lưu đày, họ không bao giờ chạy theo các thần khác hoặc thay đổi tôn giáo nữa, nhưng tôn giáo của họ đã trở nên một nghi thức; họ vẫn đến đền thờ nhưng chủ yếu là vì truyền thống, nó chỉ là lễ nghi mà không có thực tế, không còn là sự ưu tiên nữa.

Bây giờ họ lại hỏi rằng lượng thời gian tối thiểu mà họ cần dành cho hoạt động tôn giáo là bao nhiêu, lượng tiền tối thiểu mà họ được dâng là bao nhiêu, đồng xu cho vào thùng dâng hiến của đền thờ được nhỏ đến cỡ nào. Chỉ là tiền tip thôi chứ không phải dâng hiến nữa. Tôi e rằng trên thực tế, càng đầu tư nhiều vào đức tin thì ta càng nhận được nhiều từ nó, và càng ít đầu tư vào sự tĩnh nguyện thì ta càng ít nhận được từ nó. Rồi các thầy tế lễ cũng giống dân sự. Tôi e rằng khi Ma-la-chi xuất hiện, các thầy tế lễ chỉ làm để kiếm sống. Nói thật là họ không quan tâm có bao nhiêu người đến dự lễ, miễn là họ làm cho xong và có tiền trang trải. Tôi e rằng điều đó cũng đúng với ngày nay. Họ bỏ

bê việc dạy Kinh Thánh, họ chỉ cử hành các buổi lễ một cách cẩu thả và bất cẩn như thể Chúa thế nào cũng được. Họ không dâng những điều tốt nhất nữa, họ chỉ duy trì mà thôi.

Điều này không chỉ ảnh hưởng đến đời sống tôn giáo; khi đã có thái độ đó với đời sống tôn giáo thì nó bắt đầu ảnh hưởng đến cả đời sống đạo đức nữa. Hẳn rồi, điều này đang xảy ra. Khi đã nói: *Sao phải bận tâm đến Chúa làm gì* thì chẳng mấy chốc, người ta sẽ nói: *Sao phải cố gắng sùng đạo làm gì*. Hoặc nói một cách đơn giản, khi một thế hệ hiểu về Chúa theo cách đó - *sao phải bận tâm đến Chúa làm gì* thì thế hệ kế tiếp sẽ nói *sao phải tử tế làm gì.* Chúng ta đã sống để thấy điều đó trong đời mình vì chúng ta thuộc thế hệ thứ ba và thứ tư xa rời hội thánh. Tôi nhớ mình đã đến căng-tin của một nhà máy để giảng cho những người nam, đến cuối thì có một anh đứng lên và thách thức tôi, nói rằng: *Tôi không khoe mẽ gì nhưng ông cứ hỏi các công nhân ở đây xem họ tìm đến ai khi gặp rắc rối và ai đã giúp họ? Họ sẽ nói tên tôi. Tôi không khoe mẽ gì, tôi chỉ nói sự thật. Hãy ra ngoài đường kia và hỏi tất cả những người hàng xóm của tôi xem ai giúp họ nhiều nhất khi họ gặp rắc rối, họ sẽ nói tên tôi. Tôi không đi hội thánh, tôi không đọc Kinh Thánh, tôi không cầu nguyện, ông giải thích chuyện đó thế nào đây?*

Anh ta đang nói cái câu muôn thuở rằng "Tôi có thể tử tế bằng Cơ Đốc nhân mà không cần đi hội thánh." Anh ta hỏi: *Ông giải thích điều đó thế nào đây?* Anh ta muốn nói rằng: *Tôi chẳng thèm bận tâm đến Chúa, nhưng tôi lại sống tử tế.* Và tôi đã xin Đức Thánh Linh ban cho tôi Lời Tri thức. Tôi nói: *Ông của anh có đi hội thánh đúng không? Ông của anh có cầu nguyện và đọc Kinh Thánh đúng không?* Anh ta đáp: *Đúng vậy*. Tôi nói: *Để tôi nói cho anh thêm một điều nữa này. Cháu anh sẽ không giống anh vì nếu anh không truyền lại Đức Chúa Trời thì anh cũng không truyền lại lòng tốt được. Anh chị em thấy đấy, ta có thể sống thêm vài ba thế hệ nữa nhờ đức tin của ông cha mình, nhưng rồi nó cũng cạn kiệt, lòng tốt biến mất khi Đức Chúa Trời biến mất.* Đây là điều Ma-la-chi nghiệm ra.

Vậy là dân sự nghĩ rằng: *Hãy lo thân mình đi đã, lo thân mình trước đã, làm sao để kiếm thật nhiều tiền và dâng cho Chúa ít nhất có thể.* Họ sa vào buôn bán - người Do Thái rất giỏi điều này - dù họ biết là buôn bán vào ngày Sa-bát là sai, anh chị em biết họ đã làm gì không? Họ xây những siêu thị ở ngay ngoài cổng để có thể mở chúng vào ngày Sa-bát. Thú vị không ạ? Chủ nghĩa tiêu dùng lên ngôi, nó hủy hoại đời sống gia đình. *Sao phải trung tín với Chúa* sớm chuyển thành *sao phải chung thủy với vợ mình, nhất là khi vợ mình đã già và mất đi sức cuốn hút về tình dục, sao lại không đổi ả lấy cô người mẫu trẻ hơn*.

Họ đã làm như vậy và tất cả lại đang xảy ra. Hơn nữa, họ hơi thiếu phụ nữ vì phần đa những người hồi hương từ Ba-by-lôn đều là nam giới và khi thiếu phụ nữ, họ nói: *Kết hôn ngoài vòng dân Chúa chẳng có gì là sai cả, Sa-lô-môn cũng thế thì sao chúng ta lại không chứ?* Thế là họ không chỉ ly hôn và tái hôn mà còn tái hôn với những người nữ không phải dân Do Thái, trái với luật pháp Chúa. Nên tôi e rằng thành Giê-ru-sa-lem đầy những người vợ bị bỏ và lúc bấy giờ không có phúc lợi của nhà nước, người ta phải khá chật vật - người góa bụa, trẻ mồ côi và những người vợ bị bỏ.

Gặp lúc khó khăn thì người ta sẽ tìm ai đó để đổ lỗi đúng không? Phải tìm một con dê gánh tội. Tất cả chúng ta đều có, ấy là chính phủ, thành thật mà nói thì họ là một con dê gánh tội rất tiện. Chúng ta nói về họ như thể họ có cả đống tiền, nhưng họ không có lấy một đồng, họ chỉ có những gì thu được từ chúng ta. Ta cứ nghĩ là họ có những nguồn lực vô hạn rồi trách họ vì không chi tiền vào cái này, cái kia, như thể họ có tiền để chi vậy. Không đâu! Chúng ta muốn họ giảm thuế nhưng lại muốn

họ chi nhiều hơn, thật điên rồ. Nhưng họ là một con dê gánh tội hợp lý, cứ 4 năm chúng ta lại có thể đá họ ra.

Nhưng tất nhiên, họ không có chính phủ để đổ lỗi mà họ có một Đức Chúa Trời để đổ lỗi. Đó chính là điều họ đã làm, và họ nói: *Chúa không đếm xỉa gì đến chúng ta nên chúng ta không đếm xỉa đến Ngài.* Nghe thật ấn tượng. Họ nói: *Chúa không yêu chúng ta nữa rồi, nên chúng ta không phải yêu Ngài làm gì. Chúng ta không thể tin vào một Đức Chúa Trời yêu thương được; nhìn vào tình cảnh hiện tại mà xem. Chúng ta phải tự lo cho mình thôi; Ngài đã bỏ rơi chúng ta nên chúng ta có thể tự lo thân mình trước đã.*

Họ chỉ trích Chúa trên hai phương diện. Một mặt, họ nói: *Chúng không thưởng người người sống tốt, mặt khác, Ngài không phạt những kẻ sống tồi, thế thì sao phải bận tâm?* Điều này có vẻ quá thực hữu và thích đáng đúng không? Có quá nhiều người nghĩ và nói vậy hoặc nếu không nói thì họ sống như vậy. Họ không đếm xỉa gì đến Chúa vì họ nói *Ngài chẳng đếm xỉa gì đến chúng ta, xem chúng ta sống thế nào; và dường như Chúa chẳng làm gì cả. Thế thì giữ luật pháp Ngài làm gì? Bẻ cong luật pháp Ngài thì có gì sai?*

Ma-la-chi đã phải đương đầu với tình huống này, và ông đã đến. Toàn bộ lời tiên tri của ông ở thể văn xuôi chứ không ở thể thơ, với tôi thì nó chỉ ra một điều rất nghiêm trọng. Nó chỉ ra rằng Chúa đã không còn cảm xúc với dân Ngài, và sự tình đúng là như vậy. Chúa đã không còn cảm xúc với dân Ngài, và Ngài không định nói thêm gì với họ trong 400 năm tới, đây là lời cuối cùng của Ngài, một lời rất lạnh lùng, không ấm áp, không ra từ trái tim mà ra từ cái đầu, rất lạnh lùng và đầy lý lẽ. Ma-la-chi khác biệt ở chỗ, ông là tiên tri duy nhất tranh luận với dân sự, rõ ràng là ông đã nói lời này và bị vặn hỏi vì ông có thuật lại sự vặn hỏi.

Họ bị xúc phạm bởi sự rao giảng của ông vì sứ điệp cơ bản của ông là: *Các ngươi đã gây ra điều này, không phải Chúa không đếm xỉa gì đến các ngươi đâu. Các ngươi gây ra trước* - rất giống với A-ghê. C*ác ngươi không đếm xỉa gì đến Chúa nữa nên Ngài mới không đếm xỉa gì đến các ngươi.* Đó là cách Chúa đáp lại tùy theo trạng thái của con người, nhắc lại Rô-ma chương 1. Phao-lô nói: *Khi con người phó mặc Chúa thì Chúa phó mặc con người.* Như thế là công bằng đúng không? Khi một nước phó mặc Chúa thì Ngài phó mặc họ.

Anh chị em có biết Anh Quốc là quốc gia vô thần thứ hai trên toàn thế giới không? Tạp chí Reader's Digest đã thực hiện một cuộc khảo sát về đức tin, đức tin chung vào Đức Chúa Trời hoặc các vị thần trên khắp thế giới. Họ phát hiện ra rằng Nhật Bản là quốc gia vô thần nhất và ít mộ đạo nhất, còn Anh Quốc xếp thứ hai. Điều đó có khiến anh chị em tự hào khi là người Anh không? Chúng ta sống trong quốc gia vô thần thứ hai trên thế giới, người ta không thèm đếm xỉa; nhưng khi người ta không đếm xỉa gì đến Ngài, tôi e rằng Ngài cũng không đếm xỉa gì đến chúng ta. Hãy nhìn kết quả mà xem. Đó là khi bạo lực lên ngôi, đó là khi sự ích kỷ và kiêu ngạo lên ngôi.

Ma-la-chi nói: *Các ngươi mới là kẻ ngừng yêu trước, là kẻ ngừng quan tâm trước, là kẻ ngừng đếm xỉa trước. Ngài chỉ đáp lại tương ứng với các ngươi thôi; các ngươi không quan tâm đến Ngài và Ngài đã mệt mỏi với các ngươi. Các ngươi thiếu tình yêu thật sự dành cho Ngài, đó là vấn đề cơ bản.* Họ không tin ông, họ thấy cực kỳ bị xúc phạm. Liên tục có sự phản đối từ hội chúng - *làm gì đến nỗi như ông nói.* Họ thấy bị sỉ nhục và xúc phạm, họ đầy căm phẫn, họ cãi lại và nói: *Nào, nào, chúng tôi không quan tâm đến Chúa thế nào nào? Ông thử nói xem nào.*

Rất giống với ẩn dụ về chiên và dê trong sự dạy dỗ của Chúa Giê-su khi Ngài nói: *Ta bị tù mà các ngươi không thăm viếng Ta, Ta đói mà các ngươi không cho Ta ăn*. Họ hỏi: *Như nào ạ? Chúng tôi chẳng bao giờ thấy Ngài bị tù đày, chẳng bao giờ thấy Ngài đói. - Ồ có đấy, vì Ta sống trong những anh em Ta. Khi các ngươi làm vậy với các anh em Ta tức là đã làm cho Ta.* Ở đây họ cũng đáp lại khá giống: *Nào, chúng tôi không đếm xỉa gì đến Chúa như nào? Chúng tôi ngừng yêu Ngài như nào? Chúng tôi ngừng quan tâm như nào?* Ông đưa họ đi từng bước, và toàn bộ lời tiên tri của ông là lời tranh luận với họ, để chỉ cho họ thấy mình đã như thế nào, đã ngừng quan tâm đến Chúa, từ đó khiến Ngài ngừng quan tâm đến họ ra sao.

Những đặc điểm độc đáo

Đó là bối cảnh và Ma-la-chi có một số đặc điểm độc đáo - năm đặc điểm rất khác thường mà tôi sẽ nhắc đến trước khi đi vào chi tiết của sách trong bài tiếp theo. Nhưng đây là năm đặc điểm chính khiến Ma-la-chi trở nên khá độc đáo. Đầu tiên là có nhiều Lời Chúa trong Ma-la-chi hơn mọi tiểu tiên tri khác - 47 trên 55 câu là Lời trực tiếp từ Đức Chúa Trời. Một tỉ lệ rất cao - 85% là lời của chính Chúa, một trong những tỉ lệ cao nhất giữa vòng các sách tiên tri. Hai là lời tiên tri này giấu tên. Tôi biết anh chị em nghĩ Ma-la-chi là tên ông, đó không phải là một cái tên mà là từ "sứ giả," chỉ vậy thôi. Đó có thể là tên ông, nhưng không thấy cái tên nào giống như vậy trong Cựu Ước, còn từ đó thì thường xuyên được sử dụng. Thực ra, trong sách này, ông dùng từ sứ giả của các tiên tri, các thầy tế lễ và các vua, nên ông chỉ là một sứ giả vô danh, một người bình thường đem Lời cuối cùng của Đức Chúa Trời đến cho Y-sơ-ra-ên, dân Ngài.

Rồi đặc điểm thứ ba là dạng đối thoại, sách có dạng đấu khẩu gay gắt giữa tiên tri và dân sự; ông bị vặn hỏi. 12 lần sách chép rằng "nhưng các ngươi nói," "nhưng các ngươi nói." Họ đã cãi lại 12 lần. Họ cứ ngắt lời ông giảng và nói *không đúng, ông nói quá rồi; chúng tôi đâu đến nỗi tệ như ông nói*, và ông phải đương đầu với từng lời phản đối và ông đã làm rất hiệu quả.

Đặc điểm thứ tư tôi đã nói rồi, sách ở thể văn xuôi chứ không ở thể thơ vì cảm xúc của Chúa đã cạn kiệt, cạn khô. Chúa cảm thấy kiệt quệ, Ngài cảm thấy mệt mỏi với dân Ngài, nên Ngài sẽ không phán cùng họ trong 400 năm nữa. Ta cần thấy tấm lòng của Chúa ở đây. Không chán ngấy sao được, để họ đi lưu đày và mang họ về nhà mà giờ họ chẳng buồn đếm xỉa đến Chúa!

Đặc điểm thứ năm, tất nhiên rồi, đây là Lời cuối cùng của Chúa. Có lẽ cuối cùng thì thứ tự các sách Cựu Ước của Cơ Đốc giáo cũng đúng, vì đây là Lời cuối cùng của Đức Chúa Trời, từ cuối cùng là "sự nguyền rủa," và cho tới ngày nay, mỗi khi người Do Thái đọc Ma-la-chi trong nhà hội, họ có đọc câu cuối "kẻo Ta đến lấy sự nguyền rủa mà đánh đất nầy chăng," rồi họ quay lại và đọc lại câu 5 để không kết thúc với từ nguyền rủa.

Thật thú vị! Họ cố tình không kết thúc Lời cuối cùng của Chúa ở chỗ Ngài kết thúc, và họ đọc lại câu trước đó để kết thúc ở một dòng vui vẻ hơn. Anh chị em cứ đến nhà hội mà xem, khi họ đọc Ma-la-chi thì anh chị em sẽ thấy. Vậy là ở đây chúng ta đang nói đến Lời cuối cùng Chúa nói với Y-sơ-ra-ên, dân Ngài trong 400 năm.

MALACHI ~ OUTLINE

A. PAST SURVIVAL (1^{1-5})

1. JACOB - ISRAEL - LOVED
2. ESAU - EDOM - HATED

B. PRESENT SINS (1^{6}-3^{15})

1. PRIESTS (1^{6}-2^{9})
   - a. CHEAP SACRIFICES
   - b. POPULAR SERMONS

2. PEOPLE (2^{10}-3^{15})
   - a. MIXED MARRIAGES
   - b. HEARTLESS DIVORCES
   - c. DOUBTFUL QUESTIONS
   - d. UNPAID TITHES
   - e. SLANDEROUS TALK

C. FUTURE SEPARATION (3^{16}-4^{6})

1. RIGHT CHOICE (3^{16}-4^{3})
   - a. RIGHTEOUS
     Healing in the sun
   - b. WICKED
     Burning in the fire

2. LAST CHANCE (4^{4-6})
   - a. MOSES
     Lawgiver
   - b. ELIJAH
     Forerunner

Rồi, khi xét đến dàn ý của sách - chúng ta chỉ xét đến mẩu đầu tiên. Ông tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau. Bao nhiêu chia rẽ sâu sắc ngày nay bắt nguồn từ chính lịch sử! Toàn bộ xung đột Ả Rập/Y-sơ-ra-ên ngày nay bắt nguồn từ Ích-ma-ên và Y-sác, ở đây có một xung đột bắt nguồn từ chính Gia-cốp và Ê-sau, hai anh em sinh đôi. Tuy vậy, tôi muốn anh chị em biết rằng trong Kinh Thánh, yêu và ghét không có nghĩa giống như nghĩa mà chúng ta dùng, nên chúng ta có ấn tượng không đúng. Yêu ai đó là quan tâm đến họ và tìm lợi tối đa cho họ chứ không phải là cảm thấy dễ chịu về họ; và ghét ai đó theo ngôn ngữ Kinh Thánh là không quan tâm đến ai đó và không tìm lợi cho họ. Khi Chúa Giê-su nói: *các con không xứng để theo Ta nếu các con không ghét cha mẹ mình,* Ý Ngài không phải là các con phải cay đắng và oán giận họ, ý Ngài là các con phải quan tâm đến Ta hơn họ. Điều đó khá quan trọng, nếu không chúng ta dễ hiểu lầm.

Hơn nữa, Chúa không chỉ nói về quá khứ từ mãi thời Gia-cốp và Ê-sau, thực ra Ngài đang nói đến hai nước Y-sơ-ra-ên và Ê-đôm, và nhắc họ rằng trong vòng một trăm năm trước, Ngài chỉ làm điều lành cho Y-sơ-ra-ên và Ngài đã trừng phạt Ê-đôm. Đó là điều Ngài đang thực sự nói đến, không phải là quá khứ xa xưa mà là gần đây. Và quá khứ gần đây là thế này, khi Ba-by-lôn đến bắt người Do Thái đi và hủy diệt Giê-ru-sa-lem, dân Ê-đôm - con cháu Ê-sau sống bên kia sông Giô-đanh trên các ngọn đồi phía bên kia đã vui mừng khôn xiết, họ nhập bọn và nói *Hallelujah, bọn nó xong đời rồi!*

Họ thực sự đến và nắm gót chân những đứa bé Do Thái rồi đập nát sọ chúng vào tường thành Giê-ru-sa-lem. Chính dân Ê-đôm đã lợi dụng cuộc xâm lược của người Ba-by-lôn. Tất cả đều có đó và trong chốn lưu đày, họ đã viết một bài ca, một bài ca khủng khiếp. Nó từa tựa thế này, tôi không trích nguyên văn vì muốn nêu ý chính cho anh chị em: *Chúng tôi treo đàn hạc mình trên cành dương liễu. Sao chúng tôi hát được những bài ca của Si-ôn trên đất ngoại quốc? Nguyện lưỡi ta dính vào vòm miệng và tay ta quên năng lực nó nếu ta quên ngươi, hỡi Giê-ru-sa-lem.* Anh chị em biết Thi Thiên đó không? Câu kết là *Phước cho người đập nát những con nhỏ ngươi trên đá, hỡi Ê-đôm* - và ta hình

dung được những gì đã xảy ra. Không chỉ có người Ba-by-lôn bắt họ mà Ê-đôm đã nhập bọn, con cháu Ê-đôm đã chống lại con cháu Gia-cốp.

Từ đó trở đi, Đức Chúa Trời đã trừng phạt Ê-đôm. Vài tháng nữa, một số người trong đây sẽ đến Petra. Đó là nơi Ê-đôm từng sống. Nay chỉ còn là đống đổ nát. Đó là núi Si-e-rơ, nơi con cháu Ê-sau từng sống, và Chúa đuổi họ ra khỏi đó bằng cách đưa người Ả Rập đến đuổi họ đi. Họ phải đến sống trong Hoang mạc Nê-ghép, không trồng cấy gì được và phải bươn chải kiếm sống như những người Bedouin thực thụ, dân Ê-đôm du mục. Cái tên Nê-ghép, hoang mạc ở Bán đảo Si-na-i, trở thành Ê-đôm, và họ phải bươn chải kiếm sống như những người du mục trong hoang mạc Si-na-i. Đó là nơi Y-đu-mê - dân Ê-đôm sống sau khi bị đuổi khỏi thị trấn Petra tráng lệ nơi họ từng sống.

Chúa phán: *Ta ghét Ê-sau, Ta đã làm cho chúng những gì chúng làm với các con. Hãy nhớ điều đó - Ta đã yêu các con và không quan tâm đến chúng.* Và chính từ dân Ê-đôm mà có Vua Hê-rốt, Hê-rốt - con cháu Ê-sau - thuyết phục được người La Mã bán cho hắn vương quốc Y-sơ-ra-ên và hắn là vua khi Chúa Giê-su ra đời - một người Ê-đôm. Lịch sử thật hấp dẫn khi nó được sáng tỏ đúng không? Ma-la-chi muốn nói rằng: *Hãy nghĩ đến việc các con vẫn còn sống, hãy xem những gì xảy đến với Ê-đôm vì những gì chúng đã làm với các con, và hãy nhìn những gì Ta đã làm cho các con. Ta đã yêu các con, Ta đã ghét chúng - các con hãy biết ơn Ta.* Nói cách khác, khi ta phàn nàn về Chúa, hãy nghĩ đến những gì Ngài đã làm với những người khác và những gì Ngài đã làm cho mình, ta sẽ thấy rất biết ơn. Trên cơ sở đó, ông bắt đầu tố cáo rằng họ đã ngừng bận tâm đến Chúa, và chúng ta sẽ xét đến điều đó trong bài sau.

SÁCH MA-LA-CHI - Phần 2

Khái niệm về Đức Chúa Trời

Đằng sau mọi lời rao giảng của Ma-la-chi đều có một khái niệm, một khuôn khổ về Đức Chúa Trời và chúng ta cần phác thảo khuôn khổ đó trước khi xét đến những lời tiên tri riêng rẽ. Ông thấy Đức Chúa Trời ở ba chức năng giống như toàn bộ Cựu Ước, nhưng tôi e rằng những người không đọc Cựu Ước có xu hướng quên đi ba điều này. Chúng ta đọc Tân Ước và nghĩ Đức Chúa Trời là Cha yêu thương, đúng vậy, nhưng ba phương diện này của Cựu Ước về Đức Chúa Trời đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Ngài là Đấng Tạo hóa trong quá khứ, Đức vua trong hiện tại, và Đấng phán xét trong tương lai chúng ta. Chúng ta phải gồm tóm mọi điều trong khuôn khổ này về Đức Chúa Trời, Đấng Tạo hóa mà chúng ta ra từ đó, Đức vua mà chúng ta sống dưới quyền và Đấng Phán xét mà chúng ta sẽ đến với. Đó là hình ảnh về Đức Chúa Trời ở đây, cũng như trong cả Cựu Ước cùng Tân Ước; khía cạnh Cha yêu thương - nó có bổ sung, nhưng không thay thế cho điều này. Và chúng ta rất cần có khái niệm tin kính này về Đức Chúa Trời làm nền.

Tội lỗi của các thầy tế lễ (1:6 - 2:9)

Những người đầu tiên mà ông chỉ trích là các thầy tế lễ, và ông chỉ trích họ hai điều. Thật thú vị là ở đây, Đức Chúa Trời được coi là cha, là chủ và cần được tôn kính, nhưng họ lại khinh dể Chúa, thân quá hóa nhờn mà. Một lần nữa, cho tôi mạn phép nói thế này: Tôi không thấy sự kính sợ Chúa trong rất nhiều buổi nhóm ngày nay, người ta đối cùng Chúa bằng sự thân mật chứ không tôn kính và tôn trọng. Vì lẽ đó, ông nói: *thầy tế lễ các ngươi đang khiến Chúa bị ô danh và mang tiếng xấu, các ngươi đang xúc phạm đến danh Ngài. Các ngươi phải tôn kính nhưng không, ta không gọi các ngươi như vậy, vì các ngươi không tôn kính Chúa.* Và họ hỏi: *Như nào? Chúng tôi khinh dể Chúa như nào?* Ông đáp: *theo hai cách; các ngươi đang dâng những con sinh tế rẻ tiền - thay vì chọn những con chiên đẹp nhất thì các ngươi lại chọn con xấu nhất, các ngươi nhận những con vật đui mù, què quặt không dùng được vào việc gì để dâng cho Chúa, và các ngươi tán thành điều này. Các ngươi đang dâng lên Chúa những điều chưa phải tốt nhất, như thế là khinh dể Ngài.* Ông nói: *Các ngươi không dám mang biếu quan tổng đốc Ba Tư con chiên đui mù, què quặt làm quà, thế mà các ngươi lại dâng cho Chúa như vậy*. Một lập luận gây sốc đúng không? *Các ngươi dâng cho Chúa đồ thừa; còn tặng cho người khác những gì tốt nhất. Các ngươi đã làm như vậy* và ông nói: *Danh Chúa là vĩ đại giữa các nước nhưng không phải giữa các ngươi. Dân ngoại còn tôn kính Chúa hơn các ngươi*. Sốc thật!

Rồi ông nói: *Cách thứ hai mà các ngươi khinh dể Chúa là giảng những bài giảng lấy lòng dân chúng.* Lẽ ra các ngươi phải làm sứ giả của Đức Chúa Trời, nhưng các ngươi lại nói điều người ta muốn nghe. Lẽ ra các ngươi phải dạy Luật pháp cho họ, phải là những người kính sợ Chúa chứ không chiều lòng người. Ở đây, chúng ta lại có một cám dỗ và sức ép căn bản trên những người phục vụ Chúa trong hội thánh; quá dễ để nói những điều người ta muốn nghe và không làm họ phiền lòng, vì nếu họ phiền lòng thì anh sẽ không được mời giảng lại. Đúng không?

Nên ở đây, ông thách thức họ cụ thể thế này. Ông nói: *Các ngươi khinh dể Chúa* và họ hỏi: *Chúng tôi khinh dể Chúa thế nào?* Ông nói: *Như thế này, các ngươi không dâng cho Ngài tế lễ tốt nhất và các ngươi giảng những bài giảng mà Chúa không muốn giảng; các ngươi giảng điều người ta muốn nghe*. Những thứ này vẫn chưa lỗi thời đúng không? Ông nhắc cho họ nhớ giao ước Chúa lập với Lê-

vi - với các thầy tế lễ, rằng họ không cần làm việc, rằng họ sẽ được những người khác chu cấp, với điều kiện là họ dạy dân sự kính sợ Chúa.

Ông nói: *Các ngươi vẫn có nguồn sống nhưng lại không dạy dân sự kính sợ Chúa. Các ngươi không dạy họ lòng kính sợ hay tôn kính. Các ngươi cũng phải làm gương nữa.* Ông bảo các thầy tế lễ người Lê-vi rằng phải làm sao để dân sự có thể nhìn vào đời sống họ và thấy điều đó chứ không chỉ nghe bằng tai. Ông nói: *Môi miệng và đời sống các ngươi phải nói lên cùng một sứ điệp nhưng chúng không như vậy, các ngươi đã bị rủa sả và những điều tệ hơn sẽ đến vì nhiều người trong các ngươi, con cái các ngươi sẽ chết, chức tế lễ của các ngươi sẽ chấm dứt, gia đình các ngươi sẽ không dự phần vào chức tế lễ nữa nếu các ngươi cứ thế này.* Nói khá mạnh. Nói cách khác là họ trở nên bất cẩn và cẩu thả, và một lần nữa, tôi thấy phiền lòng với mức độ cẩu thả của một số người trong sự thờ phượng Chúa, kiểu *nào, hãy hát một vài bài đi.* Chúng ta đang đến thờ phượng Đức Chúa Trời toàn năng đấy ạ! Họ làm đúng điều nhưng sai cách.

Tội lỗi của dân sự

MALACHI ~ OUTLINE

A. PAST SURVIVAL (1^{1-5})
1. JACOB - ISRAEL - LOVED
2. ESAU - EDOM - HATED

B. PRESENT SINS $(1^{6}-3^{15})$

1. PRIESTS $(1^{6}-2^{9})$
   a. CHEAP SACRIFICES
   b. POPULAR SERMONS

2. PEOPLE $(2^{10}-3^{15})$
   a. MIXED MARRIAGES
   b. HEARTLESS DIVORCES
   c. DOUBTFUL QUESTIONS
   d. UNPAID TITHES
   e. SLANDEROUS TALK

C. FUTURE SEPARATION $(3^{16}-4^{6})$

1. RIGHT CHOICE $(3^{16}-4^{3})$
   a. RIGHTEOUS
      Healing in the sun
   b. WICKED
      Burning in the fire

2. LAST CHANCE (4^{4-6})
   a. MOSES
      Lawgiver
   b. ELIJAH
      Forerunner

Kế đến, Ma-la-chi chuyển sang dân sự. Có năm điều thể hiện rằng cả niềm tin và hành vi của họ đang trượt dốc. Hai ví dụ đầu tiên là ví dụ về đức tin bị phá bỏ, giao ước bị phá bỏ. Điều cơ bản đầu tiên là việc kết hôn với dân ngoại; đám thanh niên lấy vợ ngoài vòng dân Chúa, là điều Chúa nghiêm cấm. Điều này cũng đúng với hội thánh như với Y-sơ-ra-ên - chúng ta không được mang ách chung với những kẻ chẳng tin. Anh chị em có biết là Ra-bi trưởng tại Anh Quốc vừa nói trên đài tuần trước, rằng điều khiến họ lo ngại nhất là có quá nhiều nam thanh niên Do Thái tại Anh kết hôn với những cô gái người ngoại đến nỗi người Do Thái tại Anh dễ đánh mất bản sắc của mình trong khoảng một thập kỷ nữa. Nó xảy ra vào thời bấy giờ và đang xảy ra trong Hội thánh. Nếu anh cưới con của ma quỷ thì anh sẽ thật sự gặp vấn đề với ông bố vợ. Chúng ta cần nói cho đám thanh niên biết điều này; nó kéo theo cả một đời mang ách chung đầy chật vật và lắm bất hạnh.

Điều thứ hai là ly dị một cách nhẫn tâm và nó lan tràn khắp nơi. Người ta thay vợ. Họ sa vào cái mà chúng ta gọi là "đa thê liên tiếp." "Đa thê đồng thời" là khi người ta có hơn một vợ cùng lúc, "đa thê liên tiếp" khi họ muốn cưới bao nhiêu vợ cũng được, miễn là mỗi lần một bà và tôi bảo này, Hội thánh đang xảy ra tình trạng như vậy. Có những mục sư hiện đang thay vợ. Nhưng đâu phải các mục sư mới không được làm vậy còn các thành viên thì chẳng sao? Chúng ta đều là anh em trong Đấng Christ mà! Nhưng điều này đã xảy ra vào thời Ma-la-chi và người ta ly hôn, tái hôn tràn lan trong vòng dân Chúa.

Điều này xúc phạm đến Chúa vì Chúa chứng kiến mọi cuộc hôn nhân. Dù đó là ở nơi đăng ký kết hôn, ở Vườn Ê-đen hay trong Hội thánh, mọi cuộc hôn nhân đều là thánh trong mắt Chúa. Mọi cuộc hôn nhân đều ở dưới luật pháp Chúa và luật pháp của Chúa - theo lời Chúa Giê-su - là bất cứ ai ly hôn và tái hôn đều phạm tội ngoại tình. Nhưng tôi bảo này, hầu hết các nhà giảng đạo ngày nay sợ trích câu đó đến phát khiếp chứ đừng nói đến giảng về nó, vì nó sẽ khiến quá nhiều người phật lòng. Có mục sư của một hội thánh Hoa Kỳ đã ghi tôi vào tường vì tôi đọc câu đó trong buổi nhóm, và anh ta nói: *Ông đã làm cả nửa hội thánh của tôi phật lòng.* Tôi phát hiện ra là anh ta cũng vậy; anh ta có ba đời vợ. Nhưng Ma-la-chi đã đương đầu với điều này và chúng ta cũng phải đương đầu với nó, đây có lẽ là điều khó ưa nhất cần đương đầu trong hội thánh ngày nay.

Phải đi tiếp thôi. Chúa chỉ nói đơn giản rằng "Ta ghét việc ly dị." Anh chị em có nhớ tôi từng kể về việc chúng tôi đọc toàn bộ Kinh Thánh trong Hội thánh không? Một người nữ mà tôi không quen đề nghị rằng: *Tôi có thể đọc trong 15 phút được không?* Tôi bảo được; cô ấy ghi danh và đến hội thánh để đọc trong mười lăm phút, rồi định đi gặp luật sư ngay sau đó để làm thủ tục ly dị. Cô ấy đã đọc Ma-la-chi và thấy mình đọc câu "Ta ghét việc ly dị," kết quả là cô ấy không bao giờ đến gặp vị luật sư đó. Trùng hợp ư? Không đâu. Chúa biết cách đối cùng con người.

Rồi Ma-la-chi xử lý những câu hỏi đầy nghi hoặc của dân sự. Anh chị em thấy đấy, ông buộc tội họ phá bỏ giao ước và họ hỏi: *Chúng tôi phá bỏ giao ước thế nào?* Ông nói: *Các ngươi đang phá bỏ giao ước với nhau vì hôn nhân là một giao ước và các ngươi đang phá bỏ giao ước bằng việc kết hôn ngoài vòng dân Chúa.* Ông đang nói cùng những người nghĩ mình vô tội và họ không thích người giảng đạo này buộc tội mình. *Như nào! Chúng tôi làm thế như nào?!* Nhưng ông đã chỉ ra cụ thể. Tôi phát hiện ra là người ta không ngại khi ta đưa ra những khẳng định chung chung; chỉ khi ta nói rõ ra thì họ mới bị đụng chạm, đó là khi người ta nói với người giảng đạo rằng: *Hãy im đi!* Những câu hỏi đầy nghi hoặc.

Ma-la-chi nói rằng *điều này khiến Chúa phiền lòng.* Các ngươi nói rằng: *Sao có thể tin vào một Đức Chúa Trời yêu thương trong tình cảnh này đây? Sao các ngươi dám hỏi những câu như vậy? Các ngươi hỏi là công lý của Đức Chúa Trời ở đâu? Sao các ngươi dám hỏi câu đó? Sự phán xét sẽ đến, nó không đến vào thứ sáu tới, nó không đến ngay với Chúa, ấy là vì Ngài kiên nhẫn với chúng ta, đừng bao giờ quy kết là Chúa không công bằng và dửng dưng trước những điều tệ hại đang diễn ra. Nhưng* - Ma-la-chi nói - *các ngươi sẽ còn ngạc nhiên hơn nữa khi Ngài thật sự đến để trừng trị kẻ xấu vì sự thanh tẩy sẽ bắt đầu từ đền thờ Ngài.*

Như Tân Ước có chép, *sự phán xét sẽ bắt đầu từ nhà Đức Chúa Trời.* Ông nói: *Các ngươi kêu cầu Chúa xử lý kẻ xấu, nhưng khi Ngài làm vậy thì chính các ngươi sẽ bị Ngài xử lý. Các thầy tế lễ sẽ đi và nhiều người trong các ngươi sẽ đi*, và ông liệt kê những điều họ đang làm. Ông nói *đây là những người không kính sợ Chúa và sẽ phải đi nếu Chúa đến phán xét - những kẻ thực hành ma thuật, tà*

dâm, thề dối, những kẻ bóc lột tiền công của người làm thuê, áp bức kẻ mồ côi và người góa bụa, tước đoạt công lý của người ngoại quốc, của dân nhập cư. Khi Đức Chúa Trời đến thanh tẩy, họ là những người sẽ phải đi. Ông nói khá thẳng thừng.

Lúc này có sự thay đổi giọng điệu và trong tất cả những lời buộc tội này, có một lời kêu gọi từ Chúa, và Chúa nói từ lòng mình trong chốc lát rằng: *Vì Ta không thay đổi nên chúng mới không được phục hồi; vì Ta cực kỳ kiên nhẫn nên Ta mới không vội vàng phán xét. Lâu nay các con bất tín, nhưng Ta vẫn thành tín. Các con có thể phá bỏ giao ước Ta, nhưng Ta thì không bao giờ; Ta vẫn trọn lòng với các con. Các con có thể quay lưng với Ta nhưng các con vẫn có thể quay lại. Hãy quay lại cùng Ta thì Ta sẽ quay lại với các con.*

Lại là ý đó. Khi chúng ta xa rời Chúa thì Ngài xa rời chúng ta, nhưng khi chúng ta trở lại cùng Ngài thì Ngài trở lại cùng chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong mối quan hệ hai chiều sống động với dân Ngài và Ngài luôn đáp lại họ. Khi họ lìa bỏ Ngài thì Ngài lìa bỏ họ nhưng khi họ trở lại cùng Ngài thì Ngài trở lại cùng họ. Khi người con trai hoang đàng quay về nhà, người cha đã chạy ra đón cậu. Đức Chúa Trời luôn đón chúng ta ở chính vị trí hiện tại của chúng ta, đáp lại chúng ta, phản ánh thái độ của chúng ta với Ngài - đó là mối quan hệ sống động mà chúng ta có với Chúa. Một số người nghĩ về Chúa như một Đấng ngồi tít trên thiên đàng xa xăm, chỉ việc ra sắc lệnh và điều khiển chúng ta như những con rối - đó không phải là hình ảnh trong Kinh Thánh. Hình ảnh trong Kinh Thánh khắc họa một Đức Chúa Trời luôn đáp lại chúng ta, Đấng đổi ý khi chúng ta thay đổi, Đấng ăn năn khi chúng ta ăn năn, Đấng trở lại cùng chúng ta khi chúng ta trở lại cùng Ngài - đó là hình ảnh sống động. Một mối quan hệ rất sinh động.

Ma-la-chi nói: *Các ngươi đang ăn trộm của Chúa! - Như nào? Chúng tôi chẳng bao giờ ăn trộm của Chúa cả. - Ồ có đấy: không nộp một phần mười và các tế lễ.* Hãy xem Ma-la-chi ghì họ xuống đất ra sao. Họ chống đối và nói: *Chúng tôi không như vậy.* Ông nói: *Có đấy!* Ông chỉ rõ ra và họ không nói được gì cả. Họ không giữ việc dâng phần mười cho Chúa và các khoản lạc hiến. Ông nói: *Thế nên các ngươi mới bị rủa rả vì luật phần mười và luật của Môi-se nói rằng: Nếu các ngươi dâng thì Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho các ngươi, nếu không thì Ngài sẽ rủa sả các ngươi đến đời thứ ba, thứ tư.*

Ngợi khen Chúa vì Cơ Đốc nhân không ở dưới luật đó. Đời tôi chưa bao giờ giảng về dâng một phần mười. Tôi đã giảng về sự dâng hiến hay ban cho vì trong Tân Ước, chúng ta cần dâng hiến từ lòng biết ơn, và Chúa không muốn nhận quà của ta nếu ta không muốn tặng nó. Nhưng trong Cựu Ước thì người ta phải dâng một phần mười, đây không phải là một thực hành Cơ Đốc nhưng là một thực hành Do Thái. Vợ chồng tôi đã ngồi nghe một cậu thanh niên giảng trong một hội thánh về dâng một phần mười, đáng lẽ cậu ta không nên làm vậy, nhưng ít nhất cậu ta cũng thành thật; cậu ta kể cho họ toàn bộ câu chuyện và nói với hội chúng: *Nếu anh chị em không dâng phần mười thì cháu chắt anh chị em sẽ phải khổ vì Luật pháp chép "đến ba bốn thế hệ."* Cậu ta nói: *Anh chị em sẽ bị rủa sả và sẽ đặt con cháu mình dưới sự rủa sả. Anh chị em có muốn làm như vậy không? Thế thì sáng ngày hôm nay, hãy chuẩn bị của lễ của mình.* Và tôi nghĩ đó là số tiền dâng lớn nhất mà họ nhận được trong nhiều năm nay.

Nhưng sau đó, tôi nói với những người lãnh đạo hội thánh ấy rằng đó là sự dạy dỗ nguy hại. Nếu anh định giảng về một phần mười thì anh phải dạy về sự rủa sả cũng như phước hạnh của việc dâng một phần mười. Người Do Thái - anh chị em có thể nói điều đó với họ, nhưng nói vậy với một hội

chúng Cơ Đốc thì thật nguy hại, và nó khiến người ta dâng hiến vì sợ hãi, nhưng Chúa yêu người dâng hiến cách vui lòng.

Tôi chỉ đưa điều này vào vì có quá nhiều hội thánh dạy dâng một phần mười và đó không phải là điều luật dành cho Cơ Đốc nhân. Chúng ta cần dâng hiến từ lòng biết ơn Chúa mà thôi. Nói thật là những hội thánh dạy dâng hiến hay ban cho còn dâng nhiều hơn so với dạy dâng phần mười. Với một số người, dâng phần mười là quá ít và với số khác thì là quá nhiều và chúng ta cần linh động hơn nữa. Nhưng người Y-sơ-ra-ên ở dưới luật này và ông nói: *Các ngươi đã ở dưới sự rủa sả vì các ngươi không dâng một phần mười, nếu các ngươi muốn được phước trở lại thì các ngươi biết phải làm gì rồi đấy - Hãy đem tất cả phần mười vào kho nhà Chúa, xem Ta có mở các cửa sổ trên trời và đổ phước xuống đến nỗi không chỗ chứa chăng.*

Rất tiếc là các nhà giảng đạo Cơ Đốc đã nắm lấy câu này và bỏ qua câu trước về sự rủa sả, làm vậy là khôn vặt, nó liên hệ đến Cựu Ước. Chúng ta không nên làm vậy. Nhưng Ngài nói "các cửa sổ trên trời" nghĩa là gì? Ý Ngài muốn nói đến những đám mây và cơn mưa theo đúng nghĩa đen vì sự rủa sả đã khiến họ bị hạn hán, và Ngài nói: *Ta sẽ mở các cửa sổ trên trời và đổ xuống.* Ý Ngài là *Ta sẽ lại ban mưa nếu các con làm điều Ta phán bảo và đem mọi của dâng vào; các con sẽ có kết cục đầy vui mừng.*

Rồi ông buộc tội họ nói nghịch cùng Chúa và họ hỏi: *Chúng tôi nói nghịch cùng Chúa thế nào nào?* Và Ma-la-chi với cái lưỡi sắc lẹm đã nói: *Vì các ngươi bảo rằng phụng sự Đức Chúa Trời thật là vô ích, chẳng ích chi, mộ đạo thì có lợi gì. Như thế là phỉ báng Đức Chúa Trời.* Họ đang nói rằng: *Ngay cả những kẻ làm ác cũng được phát đạt nên chẳng ăn thua; những người thách thức Chúa có vẻ được thoát tội, thế thì sao phải bận tâm? Sao phải bận tâm?* Ông nói: *Như thế là vu khống Đức Chúa Trời.*

Tất cả những điều này có tác dụng gì không? Ma-la-chi có phải là một người giảng đạo hiệu quả như A-ghê và Xa-cha-ri không, dân sự có hưởng ứng không? Câu trả lời là một số người có; và một số người nghe lời tiên tri của Ma-la-chi đã nhóm họp lại trong nhóm nhỏ - nhóm nhỏ tại nhà này, nhóm nhỏ tại nhà kia, và họ không mổ xẻ người giảng đạo làm bữa tối như rất nhiều người. Họ không bàn về người sứ giả mà bàn về sứ điệp. Họ đã ăn năn và nói: *Người giảng đạo đó nói về chúng ta đấy, chúng ta phải chỉnh đốn lại mọi thứ.* Chỉ một số người làm thế, và họ làm vậy trong những nhóm nhỏ tại gia đình, và sách chép rằng *Đức Chúa Trời ghi tên họ vào một cuốn sách.* Họ nói về Chúa nên Chúa phán: *Ta sẽ viết ra; Ta sẽ ghi lại những người đáp ứng với sứ điệp.*

Một điều đáng suy nghĩ đúng không? Đức Chúa Trời viết tên những người nghe rồi nói về điều này và làm gì đó với nó. Vậy là họ đã bàn luận với nhau về điều này và Chúa lắng nghe cuộc trò chuyện của họ. Chắc hẳn Ngài đã mỉm cười - *Ồ, họ có nghe.* Ngài đã viết tên họ vào một cuốn sách ghi nhớ. Đức Chúa Trời viết những cái tên trong những cuốn sách và nếu tên anh không được viết trong sách Sự sống khi sách đó được mở ra vào kỳ tận thế thì thà anh không được sinh ra còn hơn. Đức Chúa Trời viết tên của những người nghe và tiếp nhận sứ điệp, nói với nhau về nó và bảo "chúng ta sẽ trở nên khác biệt."

Sự phân tách trong tương lai (3:16-4:6)

Vậy là chúng ta đến với phần cuối của lời tiên tri này. Sẽ có sự phân tách giữa vòng dân Chúa. Trong Y-sơ-ra-ên, đến một ngày, họ sẽ bị chia làm đôi ngay ở chính giữa. Nó được gọi là Ngày của

Đức Giê-hô-va. Ở đây lại xuất hiện từ "ngày ấy" như trong Xa-cha-ri và các tiên tri khác như A-mốt và Giô-ên. Họ đã nói về Ngày của Đức Giê-hô-va và giờ đây, ông nói về nó. Đó là ngày tính sổ, ngày chốt sổ, Ngày Phán xét. Vào ngày đó sẽ chỉ có hai nhóm - người công chính và kẻ gian ác, những người phụng sự Chúa và những kẻ không, những người tôn kính Chúa và những kẻ khinh dể Ngài, những người hạ mình trước Chúa và những kẻ lên mình kiêu ngạo.

Mặt khác, những người công chính - tôi rất thích phần mô tả tiếp theo. Tôi từng dậy lúc 4 giờ sáng để vắt sữa của 90 con bò, tôi với một người nữa. Suốt cả mùa đông, chúng tôi đã để những con bò đó trong chuồng. Chỗ ấy là Northumberland ở miền Đông Bắc, thời tiết không thích hợp để cho chúng ở ngoài, nên đến mùa thu, chúng tôi đã đưa chúng vào chuồng. Sau đó chúng tôi cho chúng ăn bánh và cỏ khô trong nhiều tháng, rồi đến một ngày chúng tôi thả chúng ra lần đầu tiên, vào mùa xuân. Nếu biết chút gì về cuộc sống thôn quê thì anh chị em sẽ biết sự tình sau đó.

Đến con bò già nhất cũng nhảy nhót như chiên và những con bò, những con già nua, to xác, béo múp nhảy nhót mừng rỡ quanh cánh đồng, chúng nhảy loạn lên. Bò tơ cứ tự dưng nhảy như vậy vào bất cứ thời điểm nào trong năm - anh chị em đã bao giờ thấy bò tơ tự nhiên nhảy cẫng lên chưa? Mấy con ngựa thi thoảng cũng làm vậy trên cánh đồng, tự nhiên phi nước đại hết tốc lực quanh đồng, nhưng bò tơ là vậy. Nhưng ngay cả những con bò cũng thế và sách chép rằng *vào ngày đó, những người công chính sẽ là của báu của Ta và họ sẽ nhảy nhót như bò tơ được thả ra khỏi chuồng.* Tôi nhìn thấy hình ảnh đó. Ý là tôi rất hay chứng kiến cảnh ấy, tôi nhìn thấy vài người trong đây nhảy nhót mừng rỡ vào ngày đó, có lẽ anh chị em còn thấy cả tôi làm như vậy.

Người ta sẽ sung sướng, phấn khích tột độ như bò tơ được thả ra khỏi chuồng. Chúng tôi luôn làm như vậy khi mặt trời đủ ấm, trời có nắng, và sách chép rằng "mặt trời công chính sẽ mọc lên cho các con, trong cánh nó có sự chữa lành." Đó là một bức tranh mùa xuân - theo ngôn ngữ thơ ca nhưng mặt trời đang chiếu rạng và người ta đang nhảy mừng, ấy là mùa xuân. Sự sống! Nhưng những người bị bỏ vào ngày đó như gốc rạ bị đốt sau vụ mùa. Giờ thì Anh Quốc không cho phép làm như vậy vì khói làm ô nhiễm không khí và lan đến các con đường, nhưng mới đây thôi, sau mùa gặt, anh chị em đã bao giờ thấy cả cánh đồng rơm bị đốt, lửa lan ra cháy lách tách và cuối cùng chỉ còn lại bụi tro chưa? Ma-la-chi nói: *Hệt như bò tơ nhảy nhót trên cánh đồng xanh dưới nắng vàng là hình ảnh về người công chính vào ngày đó, gốc rạ tàn tro là hình ảnh của kẻ gian ác, những người không đáp ứng với Chúa.*

Ở đây cất lên ba nốt nhạc mà tôi muốn xướng lên vào đoạn cuối. Y-sơ-ra-ên với tư cách là một dân tộc sẽ tồn tại. Sẽ luôn có một Y-sơ-ra-ên như Ma-la-chi đã nói thay Đức Chúa Trời: *Ta không thay đổi, Ta không nuốt lời.* Nhưng như vậy không có nghĩa là mọi người Do Thái từng sống trên đời đều sẽ được cứu. Nó không có nghĩa như vậy. Người Do Thái thực sự cần Tin lành. Chúng ta thực sự cần rao giảng cho họ vì hàng trăm người Do Thái hiện đang hấp hối và xuống địa ngục. Điều rành rành thứ hai là một số người trong Y-sơ-ra-ên sẽ hư mất, và điều thứ ba mà Ma-la-chi làm rõ là một số người ngoài Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, Goyim - chúng ta đấy, đó là từ để chỉ dân ngoại. Ngôn ngữ của anh này có từ giông giống - gor, gorgy - Goyim. Người Do Thái gọi dân ngoại bang, dân ngoại như vậy, và sách chép rằng một số người trong Y-sơ-ra-ên sẽ hư mất và một số người ngoài Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu - chúng ta đấy ạ!

Phần tái bút

Giờ chúng ta sẽ đến với ba câu cuối cùng - phần tái bút, phần kết, xoay quanh hai con người vĩ đại trong Cựu Ước - Môi-se và Ê-li. Đó là lời kêu gọi cuối cùng của Chúa với dân Ngài vào thời Cựu Ước, lời cuối cùng trong 400 năm. Ông nói: *Hãy nhớ đến Môi-se; hãy trở lại với những hướng dẫn của Đấng Sáng tạo mà ông truyền cho các ngươi. Đức Chúa Trời là Vua vĩ đại của các ngươi. Hãy nhớ lại Môi-se*, rồi ông nói: *Đức Chúa Trời sẽ cho các ngươi một cơ hội nữa.* Ngài sẽ sai một tiên tri nữa đến với các ngươi - Ê-li.

Người sẽ đến như người đi trước và người sẽ đến để thách thức các ngươi. Ê-li là đại tiên tri đầu tiên thách thức thói thờ thần tượng và sự đồi bại của Y-sơ-ra-ên. Ông vĩ đại vậy đó; ông là người đầu tiên trong hàng dài Ê-li, Ê-li-sê, A-mốt, Ô-sê, Ê-sai, Giê-rê-mi, nhưng Ê-li là người đầu tiên. Môi-se là vị tiên tri đã dẫn họ ra khỏi Ai Cập, truyền giao ước và Luật pháp cho họ, nhưng Ê-li là vị tiên tri đầu tiên nói rằng *các ngươi đã phá bỏ nó và các ngươi cần trở lại với nó.* Vậy là Cựu Ước khép lại với điều này và nói: *Nếu các ngươi không nghe Ê-li thì đất này sẽ hứng chịu sự rủa sả.* Đó là từ cuối cùng trong Cựu Ước tiếng Anh, *kẻo Ngài đến và đánh đất này*, phải là "đất bị rủa sả." Họ sẽ có một cơ hội cuối cùng trước ngày của Đức Giê-hô-va, thêm một tiên tri nữa để dọn đường cho Chúa, một Ê-li kêu gọi sự ăn năn, người làm hòa các thế hệ và hàn gắn đời sống gia đình; khiến cha ông hòa hợp với con cháu và con cháu hòa hợp với cha ông, một cơ hội nữa.

Và trong hơn 400 năm, họ đã đợi điều đó xảy ra. Họ bị người Ai Cập chiếm đóng, người Ba Tư trước, sau đó là Ai Cập, rồi Si-ri, rồi Hy Lạp, rồi La Mã, rồi cơ hội đến. Bỗng dưng, có một người ăn mặc như Ê-li, ăn uống giống như Ê-li - châu chấu và mật ong rừng. Cả nước này nói: *Người đã đến rồi!* Họ kéo đến để nghe người này; ông đã giảng sứ điệp mà Ma-la-chi nói rằng ông sẽ giảng. Ông kêu gọi người ta trở lại với sự khôn ngoan và với đời sống gia đình, và Ê-li đã đến. Nhưng ông chỉ đến như người đi trước để dọn đường cho Chúa đến. Rồi, khi giở Tân Ước, ta thấy có tranh luận nảy lửa xem Giăng Báp-tít có phải Ê-li hay không; và thực ra, Chúa Giê-su đã tham gia tranh luận hai lần. Ngài phán: *Ê-li đã đến, người là Giăng - anh họ Ta.*

Vậy là Ma-la-chi và Ma-thi-ơ đứng cạnh nhau trong Kinh Thánh của chúng ta vì đó là điều Chúa phán ngay sau đó, và Ma-thi-ơ cho chúng ta biết Ê-li thật đã đến trong thân phận Giăng Báp-tít ra sao. Ông chủ định mặc đồ của Ê-li và ăn uống như Ê-li.

Điều này mặc khải về bước hành động tiếp theo của Đức Chúa Trời. Tôi nghĩ là thật thú vị khi Chúa Giê-su chạm tới với bước ngoặt đó sau hai năm rưỡi, Ngài đưa các môn đồ đến chân núi Hẹt-môn và hỏi: *Người ta nghĩ Ta là ai?* Họ đáp: *Thì một số người nghĩ thầy là Giê-rê-mi hay ai đó tái thế.* Ngài hỏi: *Còn các con thì nói Ta là ai?* Khi Phi-e-rơ già cả đáng mến thấy lẽ thật, ông nói: *Ngài đã sống từ trước đúng không? Nhưng không phải dưới này, Ngài đã sống ở trên kia đúng không? Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống.* Sau đó Chúa Giê-su nói với Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng: *Hãy cùng Ta lên núi*. Họ lên đỉnh núi, Môi-se và Ê-li đã hiện ra nói chuyện với Chúa Giê-su. Ma-la-chi đã hứa trước điều đó, và tất cả đều đã hợp thành.

Áp dụng với Cơ Đốc nhân

Tất cả những tấm gương trong Cựu Ước này được ghi lại cho chúng ta. Chúng ta phải để Tân Ước làm sáng tỏ Cựu Ước, chúng ta không ở dưới những điều luật như Sa-bát và dâng một phần mười, nhưng chúng ta ở dưới luật của Đấng Christ và luật của Ngài nghiêm khắc hơn của Môi-se về ly hôn

và tái hôn, cùng nhiều vấn đề khác. Và chúng ta không được đánh mất lòng kính sợ Chúa, đó là một mối nguy. Nếu lãng quên Cựu Ước thì ta sẽ đánh mất lòng kính sợ Chúa. Trên hết, chúng ta phải nhớ rằng sự phán xét bắt đầu từ nhà Đức Chúa Trời. Các trước giả Tân Ước nói như Ma-la-chi, rằng khi Chúa đến phán xét, Ngài phán xét dân Ngài trước rồi mới phán xét mọi người khác - chúng ta cần nhớ điều đó. Có sự phân tách với cả những người trong hội thánh, nên đừng trôi giạt, đừng bỏ bê đức tin, đừng bội đạo, hãy cứ ở lại và tiếp tục tin - và những người tin cho đến cuối cùng sẽ được cứu. A-men.

TIN LÀNH THEO MA-THI-Ơ - Phần 1

Tôi sẽ nói về cuốn sách này. Đó là một cuốn sách sẽ khiến bạn khôn ngoan, không phải thông minh. Có nhiều cuốn sách khác mà bạn có thể đọc để trở nên thông minh hơn, nhưng sách này - và đây là cuốn sách duy nhất làm được điều đó - sẽ khiến bạn khôn ngoan. Tôi thích mình khôn ngoan hơn là thông minh. Khi thông minh, bạn kiếm được nhiều tiền; khi khôn ngoan, bạn tận dụng tối đa cuộc sống mình. Người ta đọc sách này theo những cách khác nhau. Một số người dùng thứ mà tôi gọi là phương pháp chữa bệnh, ngày mười câu ma quỷ không dám đâu, kiểu vậy. Những những người khác dùng các chú giải tĩnh nguyện và tôi cứ có cảm giác là họ nghiên cứu chú giải nhiều hơn nghiên cứu sách đó, và rằng họ đọc lướt qua những phân đoạn được chọn rồi nghiên cứu các chú giải về nó. Chúa muốn chúng ta đọc lời Ngài như thế nào?

Từ Kinh Thánh (Bible)

Tôi muốn bắt đầu từ việc nói rằng ban đầu, từ Kinh Thánh (Bible) này là một từ số nhiều, không phải một từ số ít. Đó là từ "biblia" nghĩa là các sách - và đây là một tuyển tập các sách, đó là một thư viện. Ở đây có những loại sách khác nhau, có những bài hát, những câu châm ngôn, các sách lịch sử, các sách tiên tri - và chúng ta thực sự cần đọc Kinh Thánh theo từng sách. Ai đó đã khiến những cuốn Kinh Thánh của chúng ta tổn hại quá nhiều. Họ đã đưa số chương và số câu vào đó và nhiều Cơ Đốc nhân trở thành "người trích dẫn," rồi chúng ta trích dẫn Giăng 3:16, và tôi luôn trích Ê-xê-chia 3:16, thi thoảng hứng lên thì tôi nói vậy, và tôi thấy người ta giở giở Kinh Thánh để cố tìm Ê-xê-chia 3:16. Nó đâu có trong Kinh Thánh. Có người nghe bài giảng của tôi trong một thời gian dài và nói*: "Đa-vít, sao anh làm giáo viên Kinh Thánh mà lại không bao giờ cho số chương, số câu?"* Tôi nói: *"Không, chúng không phải một phần trong lời Chúa và Chúa không bao giờ định để chúng vào đó."* Nó đã phân tách lời Chúa theo cách mà Ngài không bao giờ định làm như vậy. Bạn có đọc cuốn sách nào khác mà câu nào người ta cũng đánh số không? Thật là điên rồ phải không?

Nên ở đây chúng ta có một tuyển tập nhiều sách khác nhau và với từng sách, chúng ta cần hỏi xem đó là loại sách gì? Tại sao nó lại được viết ra? Sách đó nói về điều gì? Tôi đã viết một cuốn sách tên là "Sự Tái Sinh Cơ Đốc Thông Thường" (Normal Christian Birth), và thật bất ngờ, khi sách được xuất bản - nó nói về việc được sinh lại, và làm sao để giúp người ta bước vào Sự Sống Mới - nhưng thật bất ngờ, khi ra mắt, Thư viện Anh Quốc đã xếp nó vào mục phụ sản, nên bây giờ, nếu muốn tìm sách này trong thư viện công, bạn phải tìm trong mục Phụ sản. Thật là điên rồ, phải không, khi đến thư viện và lấy ra một cuốn sách về làm vườn khi bạn muốn biết về nấu nướng. Hay lấy một quyển tiểu thuyết khi bạn muốn nghiên cứu về máy tính, thế mà người ta lấy những câu, đoạn từ khắp nơi trong Kinh Thánh mà không để ý gì đến ngữ cảnh, không hỏi xem họ tìm thấy nó ở đâu, xong lại nói đây là lời Chúa.

Một ví dụ kinh điển của điều đó là câu *"Tôi đủ sức làm được mọi việc nhờ Đấng ban thêm năng lực cho tôi."* Câu đó nói đến kiểu việc gì? Tôi thường hỏi một hội chúng là: *"Bạn có thể làm kiểu việc gì qua Đấng Christ"* - và họ trả lời rằng: *'làm chứng, chữa lành, cầu nguyện'*." Tôi nói: *"Nhưng câu đó không liên quan gì đến những điều đó."* Nó nói về khả năng sống bằng thu nhập của bạn, và đó là một câu rất, rất thiết thực cho thời đại này, và Phao-lô nói*: "Tôi đã học được cách thỏa lòng dù mình có nhiều tiền hay ít tiền, tôi đã học được cách quản lý."* Và bạn biết đó, gần đây, tôi phát hiện ra là trong một hội thánh, có hai phần ba hội chúng lâm vào cảnh nợ nần và cần biết ý nghĩa của câu đó - tôi có thể quản lý lương của mình, tôi có thể quản lý tiền công của mình, qua Đấng Christ là Đấng ban thêm năng lực cho tôi. Tôi có thể quản lý lương hưu của mình. Rất thiết thực. Nếu bạn lấy

câu đó ra khỏi ngữ cảnh của nó, bạn sẽ mất hết ý nghĩa của nó. Sách có chứa câu đó là ngữ cảnh chính của câu, toàn bộ ý nghĩa của câu là từ sách đó mà ra.

Sách Tin lành là gì?

Chúng ta sẽ bắt đầu với các sách Tin lành. Chúng là một kiểu sách độc đáo. Trong Tân Ước, chúng ta có các sách lịch sử, các thư tín, chúng ta có một sách tiên tri, nhưng chúng ta có bốn sách rất độc đáo. Các thể loại văn học khác không có dạng này, và chúng ta gọi chúng là các sách Tin lành. Vậy sách Tin lành là gì? Đó không phải là một cuốn tiểu sử. Tất nhiên là đó không phải là tự truyện vì Chúa Giê-su không hề viết bất cứ sách nào, nhưng đó cũng không phải là một cuốn tiểu sử thật sự, vì hơn một phần ba số trang của mỗi sách Tin lành miêu tả sự chết của Chúa Giê-su. Tôi không thấy có cuốn tiểu sử nào dành một phần ba số trang để nói về cái chết của ai đó, dù cái chết ấy có ngoạn mục hay bi thảm đến đâu.

Vậy sách Tin lành là gì? Thể loại giống nhất mà tôi có thể liên hệ tới trong cuộc sống hiện đại là bản tin. Đó là một bản thông báo tin tức, và khi bạn đọc chúng, bạn cảm nhận ngay rằng có chút tin tức thú vị để chia sẻ và rằng thật sự là chúng ta cần đọc lớn tiếng lên. Tôi gợi ý là dù đang đọc một mình, bạn vẫn có thể nhận được nhiều hơn từ sách đó khi đọc to lên cho chính mình nghe. Khi đọc to cho những người khác nghe, bạn còn nhận được nhiều hơn nữa, tôi đã phát hiện ra điều này. Tôi thích đọc Kinh Thánh cho mọi người nghe, thích hơn cả giảng, vì khi tôi đọc Kinh Thánh, mọi từ đều đáng để nghe. Khi tôi giảng thì không thật sự như vậy.

Nên đó là một hình thức văn học độc đáo và các trước giả của các sách Tin lành là những người chứng kiến điều gì đó. Họ đã thực sự thấy điều gì đó xảy ra, họ nghe thấy nó và họ muốn thông báo nó dưới dạng tin tức cho những người khác, nên thực ra sách Tin lành là một bản tin dài. Nó diễn ra như vậy.

Nhưng thời gian trôi đi, rõ ràng là những người chứng kiến điều Chúa Giê-su đã nói và làm dần ít đi, vì họ qua đời, vì họ bị giết hại. Nhưng đồng thời, hội thánh lại ngày càng tăng trưởng và lan ra ngày càng rộng hơn, nên có sự mâu thuẫn. Số người có thể báo tin, những người đã thấy tận mắt, càng ít đi, còn số người cần nghe bản tin này càng nhiều lên. Nên cần làm gì đây? Câu trả lời là họ cần viết nó ra, một cách nhanh chóng, và viết một cách rõ ràng trước khi họ qua đời, nên chúng ta có được bản tường thuật mắt thấy tai nghe về Chúa Giê-su từ những người này.

Tại sao lại là bốn sách Tin Lành?

Điều đầu tiên đập vào mắt bạn khi mở Kinh Thánh ra là có bốn sách Tin lành. Tại sao lại là bốn? Chẳng phải sẽ tiện hơn bao nhiêu nếu chúng ta chỉ có một sách - và tôi chắc chắn là khi đọc chúng, bạn nhận ra rằng có nhiều điều trùng lặp giữa các sách. Vậy sao lại là bốn? Sao Chúa không tập hợp chúng vào với nhau, rồi chẳng hạn như sản xuất ra một tập và mỗi người trong các bạn đóng góp mọi điều mình biết, rồi ta tập hợp vào với nhau? Và đã có những cố gắng để làm như vậy. Một trong những tác giả mà tôi thích nhất từ nhiều năm về trước là Freeman Wills Croft. Ở đây có ai là fan của ông ấy không? Nhất là khi tôi sống ở Guildford, tôi thích đọc “Tội ác tại Guildford,” đó là vụ giết người trên sườn Hog’s Back, và Freeman Wills Croft là một nhà văn Anh giáo sống tại Guildford tại Surrey, và ông viết tiểu thuyết trinh thám. Ông cũng quan tâm đến đường sắt, tôi cũng vậy, nhưng ông quyết định kết hợp bốn sách Tin lành thành một câu chuyện, và ông đã làm như vậy, có cuốn Tổng hòa các sách Tin lành (Harmony of the Gospels) của Freeman Wills Croft.

Một sự kết hợp tài tình nhưng nó mất đi thứ gì đó. Ngày nay tôi không còn đọc nó nữa. Lúc đầu tôi rất thích nó và tôi nghĩ nó sẽ giúp mình tiết kiệm được nhiều thời gian; thay vì đọc cả bốn đoạn thì tôi có thể đọc tất cả trong một sách - và rồi tôi nhận ra rằng ông đã để mất một chiều kích quý giá. Chúa lặp lại những điều nhất định trong Kinh Thánh. Có hai bản tường thuật về Công cuộc Sáng tạo trong Sáng Thế Ký 1 và 2. Có hai bản tường thuật về lịch sử của Y-sơ-ra-ên trong Sử ký và Các vua, và ở đây chúng ta có bốn bản tường thuật về sự sống và sự chết của Chúa Giê-su.

Vậy tại sao? Câu trả lời là: với một số điều quan trọng, Chúa phải cho chúng ta một góc nhìn khác, và để có được bức tranh toàn cảnh, bạn cần đến mọi góc nhìn. Đôi khi đó là một bức tranh hai chiều nhưng với Chúa Giê-su, chúng ta có bức tranh bốn chiều. Chúng ta thấy Ngài từ bốn góc nhìn khá khác nhau. Tôi chưa từng ở trong tù, nhưng có người bảo tôi là nếu phải đi tù thì tôi phải chụp ảnh như này, và như này. Nhưng một tháng trước, khi tôi nói vậy, có người từng trải điều này đã sửa lỗi cho tôi và bảo là giờ người ta đã chụp ba tấm ảnh từ thắt lưng trở nên để có ảnh chụp toàn bộ gương mặt của một người, từ đó thật sự nhận diện được người đó.

Một trong những cỗ máy mà tôi thích nhất là chiếc Concord. Tôi rất thích hình dạng của chiếc máy bay đó. Kể cả khi nó trên mặt đất cũng có cảm giác là nó đang bay. Có gì đó để nói về hình dạng của nó. Bạn sẽ dùng từ ngữ để miêu tả hình dạng đó cho người khác như thế nào? Nó là một nhiệm vụ khá khó nhằn, đúng không? Bạn có thể miêu tả cách đơn giản là nó hình delta, và người ta sẽ hiểu là nó có hình delta. Đó là hình của chữ d hay delta trong tiếng Hy Lạp. Nên nó mới được gọi như vậy. Nhưng khi bạn nhìn nó ở góc này thì nó có hình gì? Thực tế, nếu bạn muốn chụp các bức ảnh về hình dạng của chiếc Concord cho ai đó xem, bạn sẽ phải chụp ít nhất bốn hoặc năm bức ảnh, nếu không họ sẽ không hiểu nổi hình dạng của nó. Nhìn nó thật tuyệt từ mọi góc độ.

BỐN SÁCH TIN LÀNH

Mác ~ *Con Người*
Ma-thi-ơ ~ *Vua dân Do Thái*
Lu-ca ~ *Đấng Cứu Thế*
Giăng ~ *Con Đức Chúa Trời*

BA GIAI ĐOẠN

1. *Những điều Chúa Giê-su làm (Mác)*
2. *Những điều Chúa Giê-su nói (Ma-thi-ơ, Lu-ca)*
3. *Những điều Chúa Giê-su là (Giăng)*

HAI KHÍA CẠNH

1. *Người viết ~ Cái nhìn*
   Cái gì? *Như thế nào?*
2. *Người đọc ~ Ý định*
   Ai? *Tại sao?*

Còn Chúa Giê-su là nhân vật tuyệt vời nhất từng sống trên đời, vậy nên Chúa mới thần cảm cho bốn người để nhìn vào Ngài cho chúng ta và để ghi chép lại những gì họ thấy. Có thể dễ dàng nói rằng mỗi người thấy một người khác, hay là cùng một người với biểu hiện hoặc bổn tính khác nhau, và thông thường, chúng ta hay nói rằng Mác nhìn Chúa Giê-su như Con Người. Ông viết sách Tin lành đầu tiên và ngắn nhất, sau đó Ma-thi-ơ viết sách thứ hai và thấy Vua của người Do Thái. Lu-ca viết sách Tin lành thứ ba, và thấy Cứu Chúa của Thế gian và Giăng viết sách thứ tư, và ông thấy Con

của Đức Chúa Trời. Đó là một cách khá gọn để nói rằng có bốn góc độ khác nhau. Nhưng chúng ta cần đào sâu thêm chút nữa.

Có hai khía cạnh mà chúng ta cần nhìn vào. Đầu tiên là trước giả. À, tôi bị nhảy ý. Chúng ta quay lại phần giữa vậy. Có ba giai đoạn để viết về cuộc đời của một người đã qua đời. Các ấn phẩm đầu tiên thường cho chúng ta biết rằng người đó đã làm gì. Cáo phó trong tờ Thời đại cho chúng ta biết rằng người đó đã làm gì. Đó là điều đầu tiên mà người ta để ý đến một người vĩ đại đã qua đời, những điều họ đã làm. Nhưng sau đó ít lâu, người ta để ý hơn đến những điều người đó nói, và họ bắt đầu xuất bản những bức thư và bài diễn văn của anh ta. Nhưng rồi bạn sẽ thấy xuất hiện giai đoạn thứ ba của tiểu sử, khi người ta muốn khám phá tất cả những điều phía sau - con người, tính cách, nhân cách, động lực, điều khiến anh ta nổi bật, điều anh ta thật sự thích.

Thực ra bốn sách Tin lành đã theo sát ba giai đoạn này. Mác chỉ quan tâm đến những điều Chúa Giê-su đã làm, những hành động, phép lạ của Ngài; rồi sự chết và sự sống lại của Ngài. Ma-thi-ơ và Lu-ca đều ghi chép nhiều hơn về những điều Chúa Giê-su nói. Họ đã ghi lại sự giảng dạy của Ngài nhiều hơn Mác. Nên hai sách này mới dài hơn vì cả hai đều dùng Mác làm dàn ý cơ bản, nhưng sau đó họ cho thêm rất nhiều tư liệu mới vào đó. Thế nhưng Giăng lại không để ý đến những gì Chúa Giê-su đã làm, ông để ý hơn đến những điều Ngài nói, nhưng mối quan tâm lớn nhất của ông, chúng ta sẽ thấy trong bài nói chuyện tiếp theo, là con người của Chúa Giê-su; Ngài là ai? Nhân cách của Ngài, con người bên trong của Ngài, Ngài là ai? Giờ hãy chuyển sang phần thứ ba. Có hai mức độ mà bạn có thể nghiên cứu một sách Tin lành. Một là từ góc nhìn của trước giả. Ông đã thấy điều gì? Ông đã tiếp nhận nó như thế nào? Sự nhìn nhận của ông khác với ba người còn lại, vậy ông nhìn nhận được gì ở Chúa Giê-su? - vì sự nhìn nhận bộc lộ nhiều điều hơn là cái nhìn.

Nhưng đó chỉ là một góc độ, góc độ còn lại mà bạn cần nghiên cứu sách Tin lành là từ góc độ của người đọc, và ở đây, chúng ta cần hỏi xem ý định đằng sau việc viết cuốn sách này là gì. Nó được viết cho ai? Tại sao nó lại được viết ra? Vì người trước giả không chỉ giãi bày tâm sự của mình và chỉ kể cho chúng ta điều ông thấy, ông viết nó cho một mục đích cụ thể và những người đọc cụ thể, nên mỗi khi chúng ta nghiên cứu một sách Tin lành, chúng ta cần tiếp cận nó từ hai góc độ này, góc độ của người viết và góc độ của người đọc. Sự nhìn nhận và ý định của trước giả. Ông muốn đạt được điều gì? Ông muốn dạy dỗ điều gì? Tôi hy vọng là điều đó sẽ làm nền cho phần còn lại của bài học.

Bây giờ chúng ta sẽ xem sách Ma-thi-ơ từ hai góc độ đó. Chúng ta gọi ba sách Tin lành đầu tiên là các sách Tin lành đồng quan/cộng quan. Chắc hẳn bạn đã nghe đến thuật ngữ đó. Nó gồm hai từ Hy Lạp, ‘syn’ - đồng, cùng và ‘optic’ - nhìn, xem. Nó nói rằng ba sách Tin lành này có quan điểm tương tự với nhau. Họ cùng nhìn Chúa Giê-su, trong khi đó Giăng có quan điểm riêng của ông. Chắc hẳn bạn đã để ý thấy sự khác biệt rõ rệt khi bạn rời Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và bước vào Giăng. Hãy bắt đầu với Mác.

MÁC

A. XÂY DỰNG

i. 30 tháng ở miền bắc (GA-LI-LÊ)

ii. 6 tháng ở miền nam (GIU-ĐÊ)

B. CHẬM DẦN

Năm, tháng, tuần, ngày, giờ

MA-THI-Ơ (Sử dụng Mác)

A. KÍCH CỠ

Bổ sung (vd. Sự giáng sinh)

Điều chỉnh

Những điều bỏ sót

B. SỰ GIẢNG DẠY

Những câu nói - Những bài giảng

C. CẤU TRÚC

Xen kẽ (5x)	lời nói việc làm

Mác là một mẩu báo rất thú vị. Nó đúng là phong cách báo chí, báo tin - và ông tua nhanh những tháng đầu của chức vụ Chúa Giê-su với dân chúng, nhưng ông chia nó rất cẩn thận thành hai năm rưỡi và nửa năm. Đó cốt truyện của ông, cũng là cốt truyện mà sau này cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sẽ sử dụng. Ba mươi tháng Chúa Giê-su thi hành chức vụ trên miền bắc, tại Ga-li-lê, một nơi đa quốc gia, nhiều sắc dân sống ở đó. Một đất nước rất cởi mở với những người dân cởi mở. Nhưng tại Giu-đa ở miền nam là những người theo chủ nghĩa dân tộc, một dân rất hạn hẹp, rất nghiêm chỉnh, rất cô lập - và Chúa Giê-su rất được ưa chuộng ở miền bắc, còn rất không được ưa chuộng ở miền nam. Thế nên Ngài mới chết ở miền nam chứ không phải ở miền bắc. Những người duy nhất muốn giết Ngài ở miền bắc là người dân ở Na-xa-rét, quê Ngài, họ cố gắng đẩy Ngài xuống vách đá. Nhưng nhìn chung, ở miền bắc, Chúa Giê-su cực kỳ được ưa chuộng. Hàng ngàn người đã theo Ngài. Khi đến miền nam là lúc Ngài gặp rắc rối, hết lần này đến lần khác. Đó là cốt truyện và ở đây Mác đang dồn về đỉnh điểm và đỉnh điểm xảy ra ở miền nam. Có cảm giác thong dong nơi miền bắc, nhưng khi bạn vào đến miền nam, mọi thứ trở nên căng thẳng và khủng hoảng.

Xét đến khía cạnh khác, ông không chỉ dồn về đỉnh điểm mà còn đi chậm lại. Trong vài trang đầu của Mác, bạn đang tua nhanh qua các tháng, "ngay sau đó," "ngay sau đó" - thực ra bạn tua nhanh hai năm rưỡi trong chỉ vài trang - "ngay sau đó, Ngài xuống một cái thuyền và ngay lập tức, Ngài đã ở bờ bên kia." Chắc nó phải là thuyền phản lực quá! "Và ngay lập tức" - mọi thứ xảy ra ngay lập tức. Bạn đã bao giờ để ý đến điều đó chưa? Báo chí khiến bạn thích thú với mọi thứ đang diễn ra. Nhưng rồi vài năm trở thành vài tháng. Vài tháng sau đó chiếm vài trang, và rồi vài tháng trở thành vài tuần, rồi vài tuần trở thành một tuần, và mỗi ngày đều được miêu tả.

Rồi vào ngày cuối cùng, mỗi giờ đều được miêu tả. Bạn đã từng để ý đến điều đó chưa? Giống như một chiếc tàu hỏa tốc đang đi chậm và sắp dừng lại, và nó dừng lại ngay trước Thập giá. Nên Mác dồn mọi thứ về Thập giá, và khiến mọi thứ đi chậm lại về phía Thập giá. Bạn có thấy sự kết hợp giữa việc dồn lại và đi chậm lại không? Đó là một mẩu báo tài tình và có lẽ là Tin lành dành cho một

người hoàn toàn ngoài cuộc, một người không biết gì về Chúa Giê-su và muốn biết về con người thú vị mà chúng ta tin vào.

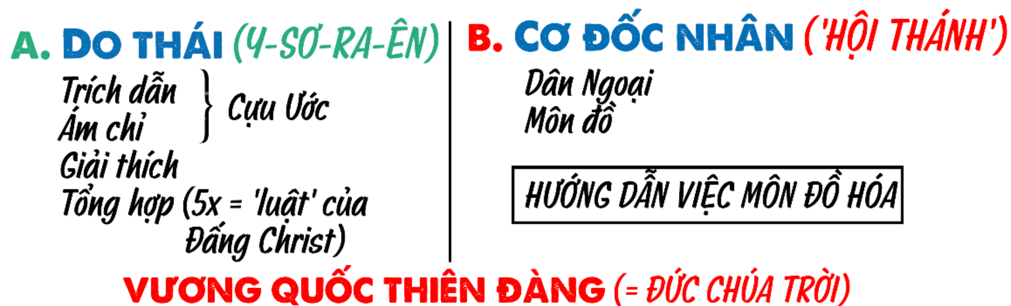
Nào, hãy chuyển ngay sang Ma-thi-ơ; chúng ta sẽ không xem Mác ngay. Ma-thi-ơ dùng Mác làm cốt truyện cho mình, nhưng ông đã thay đổi nó rất nhiều. Đầu tiên là ông khiến nó lớn hơn nhiều, về kích thước. Ông đã thêm vào khá nhiều, ông thêm câu chuyện về sự giáng sinh của Ngài, sự thụ thai của Ngài, về sự viếng thăm của các Nhà thông thái - bạn biết toàn bộ câu chuyện từ Giáng sinh. Mác không có chi tiết nào trong số đó. Mác bắt đầu câu chuyện của ông khi Chúa Giê-su ba mươi tuổi. Nhưng Ma-thi-ơ quay lại khoảng thời gian khá xa và thêm rất nhiều điều.

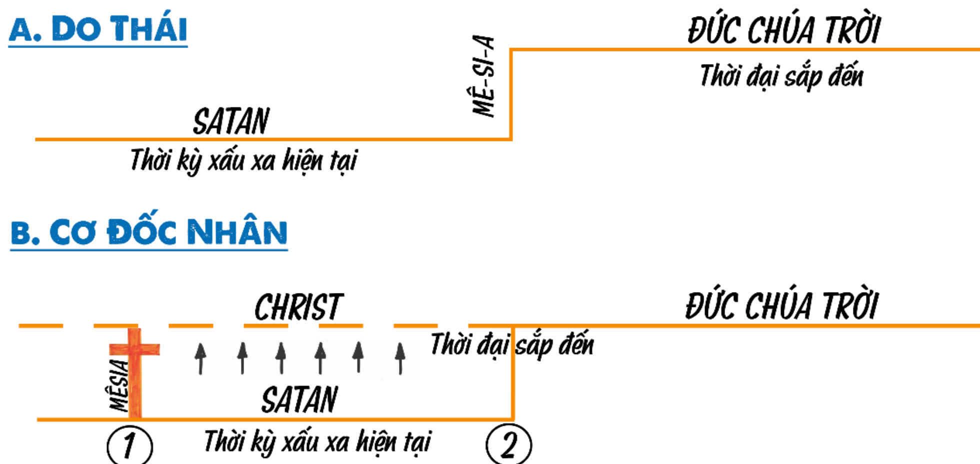
Nên ông bắt đầu sớm hơn. Ông thay đổi rất nhiều. Chúng ta sẽ nhìn vào những điều đó khi chúng ta xem đến chúng. Nhưng thực ra ông đã thay đổi nhiều chi tiết trong Mác để đem đến một khía cạnh khác. Ông đặt câu chuyện của con chiên lạc mất vào một ngữ cảnh hoàn toàn khác để con chiên lạc mất không còn là một tội nhân mà là một Cơ Đốc nhân sa ngã. Ông bỏ đi nhiều thứ, nhưng trên hết, ông thu thập những câu nói của Chúa Giê-su. Có nhiều bài nói chuyện hơn trong Ma-thi-ơ và những câu nói này được tập hợp thành các bài giảng, trong đó có năm bài giảng lớn ở sách Ma-thi-ơ; và nổi tiếng nhất là bài giảng đầu tiên, Bài giảng trên Núi.

Nhưng có bốn bài giảng khác và Ma-thi-ơ rất khác lạ trong điều này. Lu-ca lại không làm như vậy khi viết Tin lành. Ông rải những câu nói của Chúa Giê-su khắp trong câu chuyện, nhưng Ma-thi-ơ đã tập hợp chúng thành năm chủ đề, chút nữa chúng ta sẽ xem xét chúng và ông làm điều đó vì một mục đích cụ thể. Có lẽ chúng là những câu nói mà Chúa Giê-su đã nói riêng rẽ nhưng Ma-thi-ơ nghĩ: "*Mình sẽ tập hợp chúng lại với nhau, thành năm tập*." Ma-thi-ơ là người Do Thái, và Luật pháp của Môi-se được tập hợp thành năm tập. Năm sách đầu tiên của Kinh Thánh. Chúng ta gọi chúng là Ngũ kinh, nghĩa là năm sách. Năm sách của Môi-se, năm bài giảng của Chúa Giê-su - Ma-thi-ơ đang nói gì? Ông đang nói là một luật mới sẽ đến; đó không phải là Luật của Môi-se nữa, mà là Luật của Chúa Giê-su. Chúng ta sẽ lại quay lại điều đó sau.

Cấu trúc rất thú vị. Ông xen kẽ giữa lời nói và việc làm: ông có một tập hợp những lời của Chúa Giê-su, rồi ông lại có một tập hợp những việc làm. Rồi một tập hợp lời nói khác, lại một tập hợp việc làm khác, và ông chuyển đổi như vậy năm lần, nên bạn có một chiếc bánh mì kẹp. Bạn có thể thấy cấu trúc của sách Ma-thi-ơ trong đầu. Năm bài giảng, sau mỗi bài là năm bản tường thuật về những việc Chúa Giê-su đã làm, chúng minh họa bài giảng của Ngài.

Vì Chúa Giê-su truyền đạt bằng lời nói và việc làm, nên chúng ta cũng cần truyền đạt Tin lành bằng lời nói và việc làm. Người ta cần thấy và nghe, đó là điều Ma-thi-ơ muốn nói. Mác không nói như vậy. Mác mời gọi chúng ta đến và xem điều Chúa Giê-su đã làm, nhưng Ma-thi-ơ nói rằng hãy đến và nghe điều ngày đã nói, và xem điều Ngài đã làm. Ông cứ xen kẽ như vậy, nên có chiếc bánh mì kẹp năm tầng, rồi ông đặt câu chuyện giáng sinh vào trước, còn sự chết và sự sống lại vào sau, và chúng ta có Tin lành của ông. Nên chúng ta có thể thấy cách ông ghép chúng vào với nhau.





Một trong những điều đập vào mắt chúng ta khi đọc Tin lành theo Ma-thi-ơ là nó rất Do Thái, và rõ ràng là nó nhắm đến độc giả Do Thái. Hãy bắt đầu với một quan sát rất đơn giản. Không người Do Thái nào muốn nói từ "Chúa." Họ sợ lấy danh Chúa làm chơi đến nỗi tôi không sao thuyết phục được một người Do Thái dạy tôi cách nói Yahweh, mà tôi hiểu đó là từ Chúa trong tiếng Hê-bơ-rơ, và bạn biết đó, tôi cố gắng bắt thóp họ, tôi hỏi là anh phát âm danh Chúa như thế nào. Họ nói 'Ya..." rồi dừng lại; họ bảo anh đừng hòng bắt thóp tôi, và họ sẽ không nói từ đó ra. Họ sợ đến chết khiếp việc lấy danh Chúa làm chơi, vì vậy, nó thích nói Thiên đàng thay cho Chúa. Họ nói *"Nguyện Thiên đàng giúp đỡ bạn," "Cầu nguyện với Thiên đàng," "Nguyện Thiên đàng chúc phước cho bạn."*

Vậy nên trong Tin lành theo Ma-thi-ơ, bạn không tìm thấy cụm Vương quốc Đức Chúa Trời, là cụm xuất hiện nhan nhản trong Lu-ca. Khi Ma-thi-ơ thuật lại về Chúa Giê-su, ông thuật lại về Ngài bằng cách nói Vương quốc Thiên đàng, và ông đã rất để ý đến độc giả Do Thái khi nói Vương quốc Thiên đàng. Nếu bạn mua tờ Biên niên sử Do Thái (Jewish Chronicle), bạn sẽ không bao giờ tìm thấy từ Chúa (God) trong đó, nhưng bạn có thấy một chữ G viết hoa, sau đó là dấu gạch, rồi chữ d viết thường. Nếu bạn đã từng đọc tờ Biên niên sử Do Thái, bạn sẽ tìm thấy từ G-d khắp nơi, và đó là God (Chúa). Bạn biết đó là Chúa, nhưng họ không dám đánh vần đủ từ đó ra, phòng trường hợp họ lấy danh Ngài làm chơi, nên Ma-thi-ơ nói về Vương quốc Thiên đàng, Vương quốc Thiên đàng. Điều đó cho bạn biết rằng ông đang nghĩ đến độc giả Do Thái, vì Ma-thi-ơ, hãy nhớ, nhìn Chúa Giê-su như là Vua của người Do Thái và đó là sứ điệp quan trọng xuyên suốt.

Có những điều khác cho chúng ta thấy rằng Ma-thi-ơ nghĩ đến độc giả Do Thái. Một là ông nhắc đến Cựu Ước nhiều hơn mọi sách Tin lành khác. Một trong những câu ông thích nói nhất là "như vậy, lời các nhà tiên tri đã nói được ứng nghiệm," và cụm ấy xuất hiện tới 13 lần trong câu chuyện Chúa

Giê-su giáng sinh, và ông đã trích dẫn cả sách Mi-chê, Ô-sê, Giê-rê-mi và Ê-sai chỉ trong câu chuyện giáng sinh. Ông đang nói điều gì đó. Một trong những lý do khiến Ma-thi-ơ được đặt ở vị trí đầu tiên trong Tân Ước, dù nó không được viết trước, là vì nó kết nối với Cựu Ước hơn ba sách kia, và dường như nó mang lại sự tiếp diễn. Nếu bạn đã đọc Cựu Ước và đắm mình trong đó, thì bạn sẽ sẵn sàng đọc Ma-thi-ơ, và thấy Cựu Ước được ứng nghiệm trong Ma-thi-ơ. Sách này có tổng cộng 29 trích dẫn lấy trực tiếp từ Cựu Ước, nhưng 121 lần nó gián tiếp nhắc đến, ám chỉ đến Cựu Ước - 121.

Đây là một người đắm mình trong Kinh Thánh Cựu Ước; thế nên ông mới dành nhiều thời gian giải thích rằng Chúa Giê-su được sinh ra tại Bết-lê-hem, và các tiên tri đã nói: "*Hỡi Bết-lê-hem của Giu-đa, từ nơi ngươi, Đấng Cai trị sẽ được sinh ra*." Nên Ma-thi-ơ đã nhấn mạnh Bết-lê-hem nhiều hơn những người khác. Có lần khi Chúa Giê-su đang giảng, ai đó trong đám đông nói rằng: "*Đó không phải là Đấng Mê-si-a sao?*" Có người trả lời và nói: *"Không thể nào, người đó ra từ Na-xa-rét"* và tôi lấy làm lạ khi Chúa Giê-su im lặng. Tôi không thể làm được như vậy, các bạn thì sao? Tôi sẽ muốn hét lên là *"Anh sai rồi! Ngài không phải từ Na-xa-rét, Ngài từ Bết-lê-hem."* Nhưng Chúa Giê-su đã giữ im lặng. Nhưng Ma-thi-ơ viết cho độc giả Do Thái, nói rằng: *"Ngài từ Bết-lê-hem, tôi muốn các anh biết điều đó."* Nên ông mới đưa câu chuyện giáng sinh vào, để người Do Thái biết rằng Ngài đang làm ứng nghiệm các đấng tiên tri.

Rồi tất nhiên, lý do Ngài bị đóng đinh. Đó là vấn đề lớn với người Do Thái. Họ không thể hiểu một vị Vua để chính mình bị đóng đinh, và Ma-thi-ơ làm rõ rằng Chúa Giê-su vô tội - liên tục nhấn mạnh điều đó. Ông sẽ không để độc giả Do Thái nghĩ rằng Chúa Giê-su phạm tội nhạo báng và bị xử tử như một kẻ phạm tội, và như một người vi phạm luật pháp Chúa. Trong Ma-thi-ơ cũng có một điểm nhấn mạnh không có ở những sách Tin lành khác, rằng Chúa Giê-su không đến để hủy bỏ luật pháp, nhưng để hoàn tất, và một trong những khẳng định mạnh mẽ nhất trong Ma-thi-ơ, và trở nên một vấn đề với Cơ Đốc nhân kể từ đó, là Chúa Giê-su phán: *"một chấm, một nét trong luật pháp cũng không thể qua đi được."*

Điều đó khiến tôi thấy tội lỗi vì tôi đang vi phạm Luật của Môi-se, và tôi thường làm như vậy vì một gia đình Do Thái giúp tôi làm vậy. Một trong những chấm, nét của Luật Môi-se là bạn không được mặc vest bằng chất liệu tổng hợp, và thánh Mi-ca-ên (thương hiệu quần áo "St Michael" - N.D.) là vị thánh bảo trợ của tôi, và chính một gia đình Do Thái đã giúp tôi vi phạm luật đó, vậy thì, "một chấm, một nét' của Chúa Giê-su nghĩa là gì? Đó là một vấn đề mà chúng ta phải vật lộn với nó. Có một luật khác là nếu bạn có nấm gỗ mục trong nhà thì bạn phải đốt nhà mình vì tình yêu với người lân cận. Nó không nói gì đến người của Rentokil (một công ty diệt nấm mốc, côn trùng - N.D.) - bạn đốt nhà mình vì tình yêu với người lân cận. Rồi có nói rằng nếu bạn cơi nới nhà và nhà mái bằng, bạn phải đặt rào chắn xung quanh mái bằng để trẻ con hàng xóm không trèo lên và ngã xuống. Cái này hay, đúng không?

Nhưng có những quy định về xây dựng, có những quy định về quần áo, về việc bài trí nhà vệ sinh, mà Chúa Giê-su lại nói rằng một chấm, một nét trong luật pháp cũng không qua đi. Chính Ma-thi-ơ đã cho chúng ta biết điều này - điều đó hẳn phải khiến người Do Thái thở phào vì người Do Thái nghĩ rằng Chúa Giê-su đã đến để hủy bỏ luật pháp; Ma-thi-ơ nói rằng không phải như vậy. Ngài đến để hoàn tất nó. Nghĩa là chúng ta phải vật lộn với Luật của Môi-se.

Nhưng sau khi nói tất cả những điều này, rằng Ma-thi-ơ thiên về độc giả Do Thái, tôi phải nói với bạn rằng nó cũng dành cho độc giả là dân ngoại nữa, và có chút dạy dỗ chống Do Thái trong sách

Ma-thi-ơ, rồi Ma-thi-ơ có nhiều điều dành cho dân ngoại. Các Nhà Thông thái đến thăm con trẻ tại Bết-lê-hem - chúng ta phỏng đoán, dù không chắc chắn, nhưng chúng ta phỏng đoán rằng họ là dân ngoại. Ngay cuối sách Tin lành, khi Chúa Giê-su nói rằng hãy đi và khiến mọi dân ngoại, mọi nước, mọi sắc dân ngoài kia, mọi người không phải là người Do Thái, đi và khiến họ trở nên môn đồ Ta.

Nên Ma-thi-ơ không chỉ viết cho độc giả Do Thái như nhiều người nghĩ, và tôi đã nghe nhiều người nói rằng Ma-thi-ơ là Tin lành cho người Do Thái - không phải. Đó là Tin lành ích lợi nhất để đưa cho một người Do Thái; và tôi nhớ mình đã gặp một người Do Thái cải đạo nhờ đọc Ma-thi-ơ Chương 1, bạn có tin được không? Chính là gia phả, ông này "sinh" ông kia đó! Lần đầu đọc lướt Kinh Thánh, tôi nghĩ là thời đó họ chẳng làm gì ngoài việc sinh đẻ, cứ "sinh, sinh, sinh, sinh," từ đầu chí cuối, cả chương toàn sinh đẻ, và rồi đây nữa - Ma-thi-ơ Chương 1 - toàn ông này sinh ông kia, cây phả hệ của Chúa Giê-su.

Người Do Thái này được cải đạo vì khi đọc điều đó, ông tự nhiên nhận ra rằng Chúa Giê-su là một người có thật và điều đó đã thuyết phục ông, bởi vì đối với một người Do Thái, chính cây phả hệ của bạn định hình con người bạn - và ông được cải đạo và tin vào Chúa Giê-su chỉ nhờ Ma-thi-ơ Chương 1. Nên những gia phả có mục đích của chúng.

Nhưng ở đây, trong sách Tin lành này có một chương toàn "khốn" cho những người Do Thái. Không biết là bạn có biết nghĩa của từ khốn hay không. Nó là sự rủa sả. Nó trái nghĩa với từ được phước, và Chúa Giê-su thốt ra nhiều từ khốn thay không kém gì phước thay. Mỗi khi tôi đến Biển hồ Ga-li-lê, tôi luôn nhớ đến những câu khốn thay của Chúa Giê-su là vì vậy. Nếu bạn đến Y-sơ-ra-ên ngày nay, bạn sẽ ở trong một khách sạn trên bờ Ti-bê-rơ. Không phải tuần này, vì tôi vừa nghe nói là các khách sạn đó đang bị ngập trong trong nước - Biển hồ Ga-li-lê vừa mới dâng cao như vậy. Toàn bộ tuyết bắt nguồn và tan chảy từ đỉnh Hẹt-môn - các khách sạn bị ngập nước, thế mà họ cứ nghĩ là Biển hồ Ga-li-lê phải mất bốn năm nữa mới đầy trở lại. Giờ thì nước ngập khắp nơi. Nhưng bạn sẽ ở tại Ti-bê-rơ, bạn biết tại sao không?

Vào thời Chúa Giê-su, có 250,000 sống trên bờ Ga-li-lê tại bốn thành phố. Một phần tư triệu người! Nó từng là nơi đông dân nhất nên khi khách du lịch ngày nay thấy nó, họ nói rằng: *"Ôi, đẹp quá đi!"* Tôi nhìn vào nó như Chúa Giê-su đã từng nhìn, những quả đồi xanh mướt; quá ư là lãng mạn. Có một phần tư triệu người từng sống quanh hồ đó. Họ ở đâu rồi? Những thị trấn đâu rồi? Câu trả lời là đây, Chúa Giê-su phán: *"Khốn cho các ngươi, Ca-bê-na-um, khốn cho các ngươi, Bết-sai-đa, khốn cho các ngươi, Cô-ra-xin,"* và chúng đều biến mất. Thị trấn duy nhất mà Ngài không rủa sả là Ti-bê-rơ và nó vẫn còn đó.

Để tôi cho bạn biết, khi Chúa Giê-su đã rủa sả thì bạn phải run rẩy. Trong Tin lành theo Ma-thi-ơ, Chúa Giê-su rủa sả người Do Thái. Ngài nói: Khốn cho các ngươi vì thích ngồi những ghế quan trọng nhất trong nhà hội. Khốn cho các ngươi vì thích người ta gọi các ngươi là cha và là thầy. Khốn cho các ngươi. Đó là chương 23 và nó đầy những khốn thay - dành cho người Do Thái. Nên ít nhất thì Ma-thi-ơ là một người phóng viên trung thực, ngay cả khi ông đang viết cho người Do Thái, ông kể sự thật cho họ, như Chúa Giê-su đã thấy về người Do Thái.

Trước khi rời khía cạnh này, trước khi chúng ta quên đi khía cạnh Do Thái một chút, tại sao Ma-thi-ơ lại viết mạnh mẽ như vậy cho người Do Thái, vì vào thời điểm ông viết sách, hội thánh ngày càng nhiều dân ngoại, và bắt đầu có hố sâu ngăn cách giữa người Do Thái và hội thánh. Thực tế, đến năm 85 SCN, ngay sau khi Ma-thi-ơ viết sách - đến năm 85 SCN, Cơ Đốc nhân bị dứt phép thông

công khỏi các nhà hội. Những tín đồ người Do Thái không còn được phép thờ phượng trong nhà hội và sự chia rẽ đã đến.

Tôi nhớ có lần tôi gặp rắc rối to vì nói rằng cả Áp-ra-ham và Môi-se đều không đủ tư cách trở thành công dân Israel ngày nay. Tự nhiên có một khoảng lặng, nhưng đúng như vậy. Nếu bạn là người Do Thái, bạn có thể là một nhà vô thần, một người theo thuyết bất khả tri, một phật tử, bất cứ thứ gì bạn thích, và bạn có thể trở thành công dân Israel. Nhưng nếu bạn là một người Do Thái tin vào Chúa Giê-su, bạn không thể, và cả Áp-ra-ham và Môi-se đều tin vào Chúa Giê-su, Ê-li cũng vậy - và họ sẽ không đủ tư cách trở thành công dân Israel.

Bởi vì có một hố sâu ngăn cách giữa các tín đồ Do Thái và dân ngoại, rồi giữa người Do Thái và hội thánh của Đấng Christ. Vì bạn thấy đó, hội thánh lúc ban đầu là hội thánh Do Thái. Mọi tín đồ đều là người Do Thái, tất cả những thành viên đầu tiên đều là người Do Thái nên Ma-thi-ơ đang viết cho độc giả Do Thái vào đúng thời điểm sự chia rẽ đang trở nên sâu sắc. Tại sao ông lại làm như vậy? Tôi có thể cho bạn hai lý do. Đầu tiên, ông muốn giữ cánh cửa mở cho người Do Thái. Ông muốn giữ mối quan hệ với những người Do Thái. Ông là một người Do Thái; họ là dân tộc của ông, rồi Chúa Giê-su đã và đang là một người Do Thái, và ông muốn giữ cánh cửa mở để người Do Thái không cảm thấy họ phải tránh xa hội thánh. Ông có khao khát cháy bỏng - giống như Phao-lô - rằng người Do Thái sẽ đến để tin vào Đấng Mê-si-a của chính họ.

Nhưng lý do còn lại, tôi tin rằng ông viết riêng một sách Tin lành có sức cuốn hút với người Do Thái là vì: Tôi tin rằng ông muốn Cơ Đốc nhân không bao giờ quên gốc gác Do Thái của mình, và Ma-thi-ơ, trong tất cả các sách Phúc âm, truy tìm nguồn cội của Chúa Giê-su trong Do Thái giáo; trong lịch sử Do Thái, truy gia phả của Ngài trở lại với Áp-ra-ham và Đa-vít. Nên một mặt, ông đang nói với người Do Thái rằng đừng tránh xa Cơ Đốc nhân, và mặt khác, ông đang nói với Cơ Đốc nhân rằng đừng tránh xa người Do Thái, và theo một cách nào đó, sách Tin lành này đưa người Do Thái và Cơ Đốc nhân lại gần nhau. Nó đã luôn làm như vậy, và nó đóng một vai trò độc đáo trong nhiệm vụ đặc biệt đó.

Chúng ta sẽ nghỉ một chút, sau đó, tôi muốn nói cùng bạn về giá trị của Tin lành theo Ma-thi-ơ đối với chúng ta là Cơ Đốc nhân. Tôi là dân ngoại, nhìn quanh thì tôi nghĩ phần đa chúng ta ở đây là những tín đồ người ngoại. Thi thoảng có người nhầm tôi là tín đồ người Do Thái vì những lý do hiển nhiên, cái này là gia truyền, nhưng tôi vẫn là dân ngoại, nhưng Ma-thi-ơ là Tin lành tôi thích nhất. Nó có điều gì để nói cùng chúng ta? Rồi, chúng ta sẽ thấy trong bài nói chuyện tiếp theo.

TIN LÀNH THEO MA-THI-Ơ - Phần 2

Chúng ta đã xét đến Ma-thi-ơ như một sách Tin lành *cho người Do Thái*. Đã thấy cách ông liên tục điều chỉnh góc nhìn của mình *theo tư duy của người Do Thái*, cách ông khảo cứu Tin Lành của Chúa Giê-su từ trong Cựu Ước, cách ông giải thích nhiều điều cho người Do Thái, cách ông tinh tế nói đến cụm từ *Vương quốc Thiên đàng* thay cho *Vương quốc Đức Chúa Trời*.

Giờ đây, chúng ta xét đến góc độ sách dùng *cho Cơ Đốc nhân*, chủ yếu viết cho tín đồ. Trong bốn sách Tin lành thì *Mác và Lu-ca* được viết cho tội nhân, cho những người chưa tin muốn biết về Chúa Giê-su. Lu-ca chứa những câu chuyện nổi tiếng về Người con trai hoang đàng và Người Sa-ma-ri nhân lành. Sách *Giăng* được dùng rất nhiều để truyền giảng. Đó là một sách Tin lành *rất sâu sắc*, tôi không nghĩ là người không tin Chúa có thể chịu được ba câu đầu của chương đầu, chứ chưa nói gì đến phần còn lại. Tất nhiên là mong họ sẽ đọc đến chương 3, để đọc được câu "Người phải được sinh lại," rồi sẽ đọc đến *Giăng 3:16*, rồi hiểu được Tin lành. Nhưng thực ra cả sách Giăng đều không hợp với người chưa hoặc không tin.

Sách *Ma-thi-ơ và Giăng được viết cho người tin Chúa*. Có điều là thời đó không dùng thuật ngữ *Cơ Đốc nhân* mà thôi, đó là biệt danh mà ai đó sau này mới đặt cho hội thánh. Lúc đó họ gọi mình là *các môn đồ*, và đó là một *từ khóa* trong sách Ma-thi-ơ là sách cho những người đã tự cam kết theo Chúa Giê-su và học hỏi từ Ngài. Đó cũng là sách Tin lành duy nhất dùng từ *"Hội thánh."* Mác không dùng, Lu-ca không dùng. Ma-thi-ơ cũng không dùng thường xuyên, mà chỉ xuất hiện hai lần trong sách. Từ *"Hội thánh"* ông dùng theo hai nghĩa khác nhau. Lần đầu trong *Chương 16,* khi Chúa Giê-su nói: "Ta sẽ xây dựng *hội thánh* ta." Ngay sau bước ngoặt lớn, Phi-e-rơ nói: *"Thầy là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống,"* vào ngày kết thúc 30 tháng ở miền bắc, ngày Chúa Giê-su quyết đi về Giê-ru-sa-lem.

Sau lời của Phi-e-rơ, Chúa Giê-su nói: *"Giờ ta có thể làm hai điều mà ta đến để thực hiện,"* và Ngài đã dùng hai từ mà Ngài chưa từng dùng trước đó: "Giờ đây ta có thể xây dựng *hội thánh* ta, ta đã có thứ để xây rồi..." Ngài đã nói tiếp: "Và giờ ta có thể chết trên *Thập tự giá..."* Ngài chưa bao giờ nhắc đến từ *hội thánh* và *thập tự giá* trong suốt hai năm rưỡi rao giảng. Nhưng giờ đây, khi người ta đã biết Ngài là ai nên Ngài có thể nói: "Giờ ta có thể làm điều ta đến để thực hiện..." Câu nói trên của Phi-e-rơ đã tỏ ra ông nhận biết đúng, trong khi ông đã nhiều lần lỡ miệng nói dại. Chúa Giê-su đã nói rằng: "Không phải tự con nhận ra điều đó, Cha Ta đã bảo cho con." Rồi Ngài nói: "Giờ ta có thể xây dựng *hội thánh* ta trên *đá ấy*" làm cho Phi-e-rơ cảm thấy vui vui, vì tên ông lại là *đá*. Đến khi Chúa Giê-su nói: "Giờ ta có thể chết trên thập tự giá," thì Phi-e-rơ lại nói: "Ngài sẽ không làm như vậy đâu..." Ông vừa mới nói rằng thầy là Vua mà giờ lại bảo Ngài đừng làm điều này, điều kia.

Đó là nguồn gốc từ *hội thánh*, chỉ *hội thánh phổ thông*, toàn bộ *hội thánh của Chúa Giê-su*. Chỉ có một hội thánh của Chúa Giê-su và Ngài đang xây dựng nó. Ngài không bảo chúng ta xây nó, mà Ngài nói: "Ta sẽ xây dựng nó," và Ngài đang làm đúng như vậy. Rồi trong *Ma-thi-ơ 18*, lần *thứ hai* Ngài dùng từ *hội thánh,* Ngài nói: "Nếu anh em con phạm lỗi với con, hãy đi và nói cho người đó biết. Nếu người đó chịu nghe thì con được lại anh em mình. Nếu người đó không chịu nhận lỗi thì hãy đem hai hoặc ba nhân chứng. Nếu người đó vẫn không chịu nhận thì hãy báo cho *hội thánh*," nên rõ ràng là dùng cho cộng đồng địa phương, hội thánh địa phương mà bạn có thể giãi bày. Đó là hai nghĩa của từ hội thánh trong Tân Ước. Không có gì ở giữa, *không có những hội thánh theo hệ phái* ở giữa. Có *hội thánh của Chúa Giê-su* mà Ngài đang xây dựng, và *hội thánh địa phương* là một phần

của hội thánh phổ thông, bạn có thể đến đó khiếu nại khi cần. Nên sách Ma-thi-ơ được viết cho hội thánh.

Mục đích của sách

Ta thường thấy mục đích của một sách Tin lành thường đặt ở cuối sách đó. Ngày nay thì người ta đặt mục đích của một cuốn sách vào *lời nói đầu*, để cho người đọc biết ngay tác giả đang hướng đến điều gì. Ma-thi-ơ làm theo kiểu sách Tin lành, ở cuối sách ông nói: Giờ đây, Chúa Giê-su, ngay trước khi thăng thiên, nói rằng *đây là nhiệm vụ* mà Ta giao cho các con cho tới khi Ta trở lại. *"Hãy đi và môn đồ hóa mọi sắc dân, làm báp-têm cho họ và dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con..."* Sách Tin lành theo Ma-thi-ơ được viết cho mục đích đó. Nó giúp các môn đồ qua việc dạy họ những điều Chúa Giê-su đã phán bảo, nên có thể nói Ma-thi-ơ là một *cuốn sổ tay môn đồ hóa*.

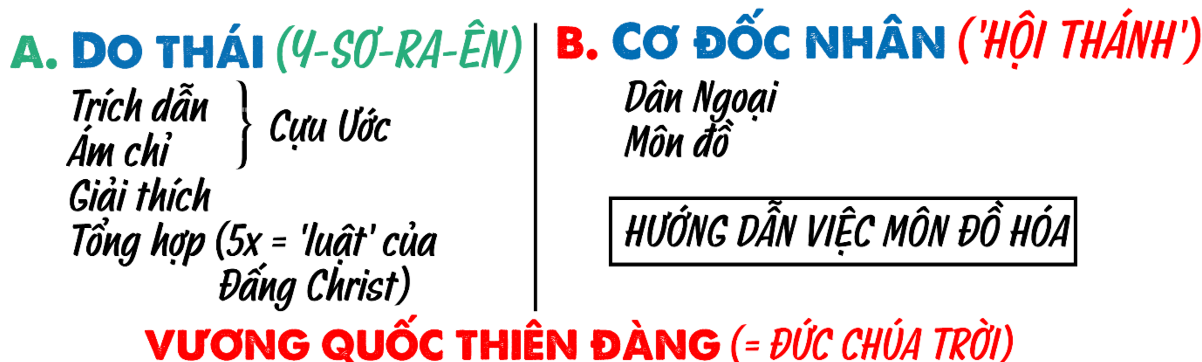
Đó là cuốn sách phù hợp nhất cho đến nay trong Tân Ước để dẫn dắt người mới cải đạo. Nó được định cho việc dạy họ cách sống như một môn đồ của Chúa Giê-su. Chúa không bảo chúng ta đi và khiến người ta quyết định tin nhận Ngài. Chúa bảo chúng ta *đi và môn đồ hóa*. Quyết định mới chỉ là bắt đầu. Người ta có thể quyết định chỉ trong vài phút, nhưng môn đồ hóa phải mất nhiều năm. Môn đồ hóa là cách dạy họ sống trong Vương quốc Thiên đàng trên Đất này. Ma-thi-ơ đã viết sách Tin lành cho chính mục đích đó. Sau lý do *kết nối với Cựu Ước*, đây là *lý do thứ hai* khiến Ma-thi-ơ *nằm ở vị trí đầu tiên trong Tân Ước*. Nó là cuốn sách hợp nhất cho Cơ Đốc nhân mới bắt đầu.

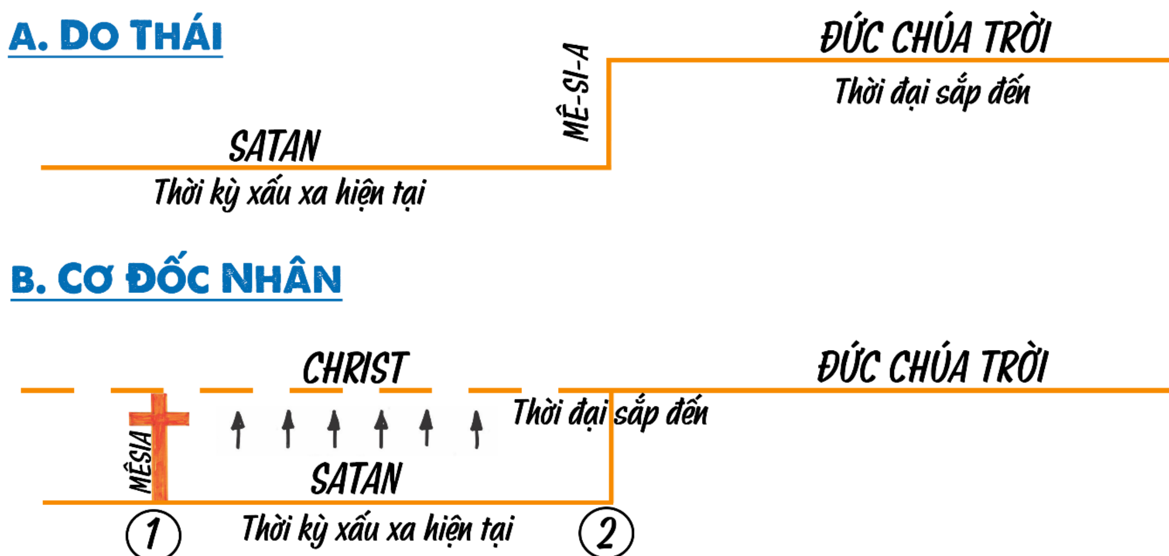
Sách còn phù hợp nhất cho người đã trở thành môn đồ Cơ Đốc vì nó có *chủ đề là Vương quốc*. Vương quốc đang ở đây, Vương quốc đang gần kề, Vương quốc mà bạn có thể đưa tay ra và nắm lấy, Vương quốc mà bạn có thể sống trong đó. Bạn không cần phải chết mới lên Thiên đàng. Bạn có thể sống trong Vương quốc Thiên đàng ngay lúc này, và có cách sống của con cái trong Vương quốc. Bạn không chỉ như tồn tại ở trong đó. Đây là chủ đề hiệp nhất người Do Thái (Y-sơ-ra-ên) và Cơ Đốc nhân (hội thánh) vì đây là chủ đề xuyên suốt Kinh Thánh. Toàn bộ câu chuyện của Kinh Thánh nói về việc thiết lập lại Vương quốc Thiên đàng trên Đất - sự cai trị của Chúa, tại đây, nơi hành tinh này.

Ở đây chúng ta *có một chủ đề chung* giữa người Do Thái và Cơ Đốc nhân, chúng ta đều mong đợi Vương quốc Đức Chúa Trời. *Khác biệt duy nhất* là chúng ta tin rằng Vương quốc đó đã đến rồi. Có thể phân tích thêm về sự khác biệt giữa *kỳ vọng của người Do Thái* về Vương quốc và *trải nghiệm của Cơ Đốc nhân* về vương quốc. *Đối với người Do Thái*, Vương quốc thuộc về tương lai, là điều chưa đến. Vì vậy họ gọi nó là *"Kỳ hầu đến,"* cho tới ngày nay mọi người Do Thái *vẫn đang chờ đợi Kỳ hầu đến*, một thời kỳ hoàng kim. Nó sẽ đến khi Đấng Mê-si-a đến. Họ không tin là Ngài đã đến trong sự đến của Chúa Giê-su, nên họ vẫn đang chờ đợi. Họ tin rằng Ngài sẽ đến vào tháng 9 hay tháng 10 của một năm nào đó.

Mỗi tháng 9 - tháng 10 hàng năm, họ đều tổ chức *Lễ Lều tạm* để kỷ niệm sự thăm viếng của Ngài, và thật thích thú khi ở cùng với người Do Thái vào thời gian này. Họ đang chờ đợi Đức Vua sẽ mang Vương quốc Thiên đàng đến trên đất này. Đó là trọng tâm của niềm hy vọng vào tương lai của họ. Họ hiểu rằng thời kỳ gian ác chúng ta hiện đang sống do Sa-tan cai trị. M*a quỷ là* vua của thế gian này, kẻ cầm quyền thế gian này, chúa của đời này. Đó là những tước hiệu mà *cả Chúa Giê-su và Phao-lô* gọi Sa-tan, là những tước hiệu quen thuộc với người Do Thái. Hiện tại, chúng ta đang sống trong thời kỳ gian ác dưới sự cai trị của Sa-tan, nhưng đến một ngày, Đấng Mê-si-a sẽ đến vào kỳ Lễ Lều Tạm tháng 9 - tháng 10, *Ngài sẽ mở đầu thời Kỳ hầu đến*, trong đó Đức Chúa Trời là Vua. Đó là

niềm hy vọng đơn giản vào tương lai, là trọng tâm của sự kỳ vọng về Đấng Mê-si-a của người Do Thái.





Sự khác biệt nơi niềm hy vọng của Cơ Đốc nhân vào tương lai là *Đấng Mê-si-a đã đến rồi, nhưng Ngài sẽ trở lại*. Điều Chúa Giê-su gọi là *bí mật của Vương quốc* trong sách Ma-thi-ơ, là *Đấng Mê-si-a sẽ đến hai lần*. Vì Ngài đã đến rồi nên *"Kỳ hầu đến" đã bắt đầu rồi*. Trên sơ đồ, đường chấm chấm muốn trình bày *Kỳ hầu đến đã hé lộ*. Với sự đến của Chúa Giê-su, Vương quốc Thiên đàng đã đến lần đầu là một thực hữu hiển nhiên. Vương quốc Thiên Đàng đang ở đây, nhưng Thời kỳ Gian ác hiện tại cũng còn đang ở đây. Nó chưa được thay thế hoàn toàn. Kỳ vọng của người Do Thái là khi điều này sẽ hoàn tất một lần, với sự đến của Đấng Mê-si-a. Nhưng có hai lần viếng thăm, thì có sự chồng lấp lên nhau giữa hai kỳ ấy. *Phao-lô* đã nói về sự chồng chéo ấy trong các thời mà chúng ta đang sống. Lý do chúng ta phải căng thẳng, lý do khiến Cơ Đốc nhân ngã lòng, lý do khiến chúng ta bị bắt bớ, chính là chúng ta đang sống trong các thời kỳ chồng lên nhau.

Chúng ta có nhiệm vụ đưa người ta ra khỏi kỳ bóng tối và vào kỳ ánh sáng. Lý do của nó là: Người Do Thái nghĩ rằng họ đều đủ tốt để đi thẳng vào kỳ sáng láng. Nhưng không phải, nên *Giăng Báp-tít* mới bảo là họ phải thanh tẩy mình, làm báp-têm nơi sông Giô-đanh, tẩy sạch tội lỗi họ *để sẵn sàng cho Vương quốc hầu đến*. Nếu thật sự Đấng Mê-si-a chỉ đến một lần và chấm dứt ngay kỳ gian ác cùng với tất cả những kẻ làm điều ác, thì còn ai ở lại trên đất này? Nên Ngài đã đến, là đến lần đầu, để khiến người ta biết sẵn sàng cho Vương quốc, để tẩy sạch tội lỗi họ và chuẩn bị họ, để khi *Kỳ hầu*

đến được đầy trọn, sẽ có được rất nhiều người sẵn sàng bước vào được sống dưới Quyền Tể trị của Đức Chúa Trời.

Ta có hiểu *tại sao lại cần sự chồng chéo đó* không? Bởi sự ngạo mạn trong suy nghĩ của dân tuyển, mọi người Do Thái cho rằng "mình ổn mà, mình là dân tuyển của Chúa, mình sẽ ở trong Kỳ hầu đến." Kinh Thánh chép có người từng đến với Chúa Giê-su và nói: "Phước cho người nào được ngồi bàn tiệc trong vương quốc Đức Chúa Trời!," và Chúa Giê-su trả lời rằng: "Ngươi có chắc là ngươi sẽ vào đó không?" Chính vì vậy, giờ đây nhiệm vụ của chúng ta trong truyền giáo là đưa người ta đi từ bên tối sang bên sáng. K*ỳ hầu đến đã bắt đầu rồi*, theo một nghĩa nào đó, *chúng ta là những người của tương lai*, chúng ta đã ở trong Vương quốc nhưng chưa được trọn vẹn vì thời kỳ gian ác hiện vẫn đang còn đó. Có trận chiến giữa vương quốc của Sa-tan và Vương quốc của Đấng Christ đang diễn ra ngay giờ này. Có nhiều sức ép, nhưng hàng ngàn người đang đi từ bên này sang bên kia. Mỗi phút lại có tới 45 người đã đi từ bên này sang bên kia, 2.000 hội thánh mới mỗi tuần. Nên người ta đang chuyển dịch. Không chỉ đưa họ ra khỏi vương quốc ma quỷ này mà còn giúp họ sẵn sàng cho Vương quốc Thiên đàng, nghĩa là *dạy họ sống như con cái của Vương quốc*.

Năm bài giảng của Chúa Giê-su

CÁC ĐỐI TƯỢNG CỦA VƯƠNG QUỐC

5-7	LỐI SỐNG (Bài giảng trên núi)
9-10	SỨ MỆNH
13	SỰ TĂNG TRƯỞNG
18	CỘNG ĐỒNG
24-25	TƯƠNG LAI

Toàn bộ chủ đề của Ma-thi-ơ trong Tin lành của ông *là cách sống trong Vương quốc* ngay lúc này. Mọi sự dạy dỗ của Chúa Giê-su mà ông có thể nhớ được, ông đã tập hợp lại trong năm tiêu đề, và đó là *năm bài giảng*. Ước gì bốn bài giảng kia cũng nổi tiếng như Bài giảng trên Núi vì chúng cũng quan trọng không kém. Tôi đã đặt tên cho năm nhóm năm bài giảng đó. Chỉ có Bài giảng trên Núi là tập trung, còn bốn bài khác được rao giảng ở nhiều nơi khác. Nhưng được quy tụ thành năm bài giảng có năm chủ đề, nhưng đều nói về *cách trở thành thần dân của Vương quốc*. Vì không thể có Vương quốc mà không có vua và thần dân, không có một Đức Vua tốt và không có những công dân tốt.

Bài giảng trên Núi, nói về *"Lối sống của Vương quốc,"* cách chúng ta sống khi đã ở trong Vương quốc. Bài giảng này không phải là lời khuyên dành cho những người chưa tin. Người tin Chúa sống được như vậy đã là khó, nó nói đến lối sống mà chúng ta phải có. "Phước cho những người nghèo khó tâm linh, vì vương quốc thiên đàng thuộc về họ! Phước cho những người có lòng trong sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời! Phước cho những người nhu mì, vì sẽ thừa hưởng đất!" Ngài đang miêu tả một kiểu người mới, một người nam mới, một người nữ mới, và Ngài sẽ bảo họ phải sống như thế nào.

Nhóm thứ hai, trong *Chương 5-7*, là nhóm bài mà Ma-thi-ơ đã tập hợp lại từ khắp nơi, nói về *"Sứ mệnh của Vương quốc."* Một trong những điều mà chúng ta cần học ngay khi vào Vương quốc là có sứ mệnh ra đi và mang những người khác vào Vương quốc. Việc này bắt đầu sớm thì sẽ dễ dàng,

càng để lâu thì càng khó. Những nhà truyền đạo giỏi nhất thường là những người mới cải đạo, ngay sau khi họ biết cách sống trong Vương quốc, họ cần được dạy cách đi ra và mang những người khác đến.

Trong *Chương 9 -10* Chúa Giê-su dạy về cách truyền đạo. Ngài chỉ rằng việc thật đơn giản "Chỉ cần các con đi ra, hai người một, khiến người chết sống lại, các con đuổi quỷ, chữa lành người bệnh, rồi nói với họ rằng Vương quốc đang gần kề." Chỉ vậy thôi, hãy để họ thấy, rồi để họ nghe, bày tỏ rồi mới công bố. Chúng ta thường cố gắng khiến người ta nghe trước khi thấy. Nhưng để họ thấy trước rồi mới nghe thì tốt hơn nhiều. Hãy tưởng tượng cảnh *Gia-cơ và Giăng* đến truyền đạo ở thành đầu tiên. Họ hy vọng sẽ không gặp một người bị quỷ ám nào. Đột nhiên, đột nhiên có tiếng một người làm náo loạn cả khu chợ, Gia-cơ nói: "Bên kia có hàng quà, hay mình đi mua chút gì đó, để sáng ra anh ta vẫn ở đó thì mình sẽ phục vụ."

Giăng nói: "Không, sao anh nhát thế! Anh làm công đoạn đầu đi, tôi sẽ làm công đoạn sau, và khi anh làm thì tôi sẽ cầu nguyện cho anh ở gần đó. Ta biết khi trở lại, họ quá phấn khích họ nói với Chúa: "Các quỷ cũng phải chịu khuất phục chúng con." Chúa Giê-su nói: "Gượm đã, gượm đã, đừng thích thú với quyền năng, hãy mừng vì Chúa đã ghi tên các con vào sổ Ngài." Rồi Chúa Giê-su cũng rất phấn khích, Ngài nói tiếp: "*Ta đã thấy* quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp," hãy để ý đến *thì của động từ* "*Ta đã thấy* quỷ Sa-tan sa xuống." "Khi các con đi ra theo từng cặp, *ta đã nhìn Sa-tan* để xem điều gì xảy ra với nó, và *Ta thấy nó ngã nhào*." Chúa Giê-su la lên mừng rỡ và nói: "Thưa Cha, cảm ơn Cha vì Cha không dùng những người thông thái hay giàu có, nhưng dùng những con trẻ ở đây;" và Ngài biết rằng nó sẽ có hiệu quả. Những người bình thường đi ra trong danh của Chúa Giê-su và quyền năng của Đức Thánh Linh, có thể khiến Sa-tan sụp đổ. Đó là *sứ mệnh của Vương quốc* và nếu bạn đọc *Chương 9 -10,* bạn sẽ biết đích xác là chúng ta phải *đi ra như thế nào*, phải đối mặt với sự chống đối như thế nào, phải đối phó với những người không thích mình như thế nào. Tất cả đều ở đó.

Chùm *bài giảng thứ ba* xuất hiện ở *Chương 13*, noi về *"Sự tăng trưởng của Vương quốc."* Một điều rất quan trọng đầu tiên là *tinh thần*. Tinh thần thường là yếu tố quyết định trong mọi trận chiến, bạn nghĩ là mình có thắng hay không? Trong *Ma-thi-ơ 13*, có rất nhiều ẩn dụ về Vương quốc. Bắt đầu với ẩn dụ về *người gieo giống*. Chúa Giê-su đang nói rằng: "Đừng lo, nếu cứ bốn hạt giống có tới ba hạt không kết quả, thì từ một hạt, con sẽ được 30, 60 và 100 lần hơn. Đừng thất vọng khi con gieo hạt giống trên đất đá, hoặc giữa bụi gai. Đừng thất vọng, vì mùa gặt sẽ bõ công gieo trồng." Rồi Ngài nói về *lúa và cỏ lùng* mọc lên cùng nhau. Ngài nói: "Đừng cố ra nhổ cỏ lùng đi, đó không phải là việc của các con."

Nhưng đáng tiếc là đôi khi Cơ Đốc nhân lại hơi thích nhổ cỏ lùng hơn là gieo hạt giống. Chúng ta không can dự vào việc nhổ cỏ lùng, cỏ sẽ cứ mọc. Chúa Giê-su nói rằng vương quốc của Sa-tan sẽ tăng trưởng cùng với Vương quốc Đức Chúa Trời, cả hai sẽ tăng trưởng cùng nhau. Đừng lo, vào mùa gặt, chúng sẽ được phân tách ra. Nên nếu Sa-tan có vẻ như mạnh lên, đừng lo. Chúa Giê-su nói rằng hắn sẽ như vậy. Vương quốc Đức Chúa Trời cũng mạnh lên hơn nữa. Cả hai đều tăng trưởng cùng nhau. Ngài đang khiến họ ngập tràn hy vọng, Ngài nói rằng nếu các con lấy *một hạt cải*, nó rất, rất nhỏ, phải cho khoảng 50 hạt trong tay mới nhìn thấy chúng. Những thứ nhỏ tí xíu sẽ trở nên một cây lớn. Ngài nói rằng Vương quốc sẽ trở nên như vậy. Hẳn rồi, nó đã như vậy, Ngài *bắt đầu với 11 người tốt*, giờ Ngài đã có 1. 500 triệu người, và hội thánh là xã hội duy nhất không bị mất khách vì họ có chết đâu. Nó không bao giờ thu nhỏ lại, nó cứ lớn dần lên.

Rõ ràng từ hạt cải nhỏ bé đã trở thành một cái cây lớn. Tất cả đều ở trong chương 13. Mỗi khi bạn thấy có chút ngã lòng, hãy đọc chương 13*, "Sự tăng trưởng của Vương quốc."* Ngài nói như thế này: "Nếu con đang tìm những viên ngọc quý và con thấy một viên lớn hơn và đẹp hơn tất cả những viên của mình, con sẽ bỏ cả đống đó chỉ để lấy viên ấy, con sẽ nói rằng đó là viên tôi muốn có, con nên cảm thấy như vậy về Vương quốc. Có thể con đã mất rất nhiều thứ khác, nhưng con ạ, con đã tìm thấy viên ngọc quý giá mà con sẽ hy sinh mọi thứ vì nó." Và Ngài nói: "Đừng lo về những kẻ cải đạo xấu xa." Ngài nói rằng Vương quốc Thiên đàng giống như một cái lưới và bắt đủ mọi thứ cá, cả tốt và xấu. Ngài nói: "*Đừng lo về chuyện đó, nó sẽ được chọn lọc khi lưới được kéo về bờ*. Cứ để lưới đầy đã." Các mục sư không ưa ẩn dụ đó, họ không bao giờ giảng về nó. Một người mục sư thà có một trăm thành viên tốt hơn là có cả ngàn thành viên không ra gì. Nhưng Chúa Giê-su nói rằng *"Hãy khiến lưới đầy."* Các mục sư thích đi tìm một con chiên lạc mất, nhưng luôn có thể phân biệt giữa mục sư và nhà truyền đạo. Một nhà truyền đạo mang lưới đi đánh cá nhưng người mục sư cầm cái cần câu và sợi dây.

Bài giảng thứ tư về Vương quốc, *ở Chương 18* nói về *"Cộng đồng của Vương quốc."* Đó là nơi xuất hiện *sự dạy dỗ về hội thánh*. Đó là nơi chúng ta cần đi tìm con chiên lạc mất là những Cơ Đốc nhân sa ngã. Đó là nơi chúng ta cần đối phó với những người phạm lỗi với chúng ta, chúng ta cho hội thánh biết, chia sẻ điều đó với hội thánh. Đó là nơi Chúa Giê-su nói về *kỷ luật trong hội thánh*. Đây chính là những chủ đề mà một người mới vào Vương quốc cần được dạy cho.

Bài giảng thứ năm, chùm cuối cùng, *chương 24 và 25*, nói về *"Tương lai của Vương quốc và sự Tái lâm của Đức Vua."* Đó là khi Ngài đang ngồi trên *Núi Ô-liu* với các môn đồ, ngay trước khi Ngài chết, họ hỏi: "Khi nào thì Chúa đến và có những dấu hiệu nào chỉ ra điều này, làm sao để chúng con biết khi nào Chúa sắp đến?" Và Ngài cho họ *bốn dấu hiệu* rõ ràng, để họ có thứ để trông đợi cũng như cầu nguyện, để họ sẽ biết khi nào Ngài sắp trở lại. Rồi Ngài kể cho họ vài ẩn dụ khá khó nghe. Chỉ cho 12 môn đồ. Ngài nói: "Giờ đây, làm sao để các con sẵn sàng cho Đức Vua khi Ngài trở lại?" Điều thú vị là trong mọi ẩn dụ đều có cụm *"sau một thời gian dài, người chủ trở về..." Phép thử thật sự* xem bạn có sẵn sàng cho sự tái lâm của Chúa không phải là bạn sẽ làm gì nếu nghĩ rằng nó sẽ xảy ra vào thứ ba tới, mà *là bạn sẽ làm gì nếu cả ngàn năm nữa nó chưa xảy đến*. Đó là phép thử thật sự, vì Ngài không bận tâm đến những việc bạn đang làm trong vài ngày trước khi Ngài trở lại. Ngài quan tâm đến việc bạn đã làm gì trong suốt thời gian Ngài đi vắng - bạn có trung tín không, có dùng ta-lâng của mình không, có giữ đèn sáng không? Đó là điều mà Ngài quan tâm đến khi Ngài trở lại. Một số người nghĩ: "Ôi, mình phải làm điều đúng đắn khi Ngài trở lại." Không, bạn phải làm điều đúng đắn ngay bây giờ, dù Ngài sắp trở lại hay chưa.

Lối sống, vấn đề phức tạp trong Luật mới

Hãy trở lại với lối sống vì đó là điều thật sự phức tạp. Chúa Giê-su nói: "Các con đã nghe Luật của Môi-se" và Ngài nói: *"Luật của ta hơi khác."* Luật của Môi-se nói rằng con không được giết người, nhưng Ta nói rằng nếu con mong ai đó chết đi thì con đã giết họ rồi. Nếu con bảo ai đó là "ngu" thì con đã là kẻ giết người. Nghiêm thật! Luật Môi-se nói rằng đừng lên giường với một người phụ nữ mà con chưa cưới làm vợ. Luật của Ta, Chúa Giê-su nói: "Chớ nhìn phụ nữ mà sinh lòng ham muốn, và chớ ly dị và tái hôn." Thật nghiêm khắc đúng không? Và *khắc nghiệt nhất* là đây, Ngài nói: *"Luật của Ta nói rằng con không được lo lắng,"* nên bạn không bao giờ thấy Cơ Đốc nhân nào lo lắng cả. Chúa Giê-su nói nếu các con lo lắng là các con đang phỉ báng Vua của Thiên đàng, là các

con đang nói rằng Ngài quan tâm đến thú nuôi và vườn tược hơn là quan tâm đến con cái Ngài. Ngài mặc đẹp cho hoa cỏ ngoài đồng và nuôi chim trời. Nhưng tôi ư, tôi chỉ là con Ngài, thì tôi phải lo chứ.

Hãy nghiên cứu *Bài giảng trên Núi*. Có người tiến về phía tôi một buổi đang đi dạo ở Douglas, Đảo Man. Anh ta nói: "Tôi có nghe ông nói là không thể vừa làm Cơ Đốc nhân vừa theo Hội Tam Điểm được." Tôi đáp: "Đúng vậy, tôi có nói như vậy." Anh nói: "Tôi sẽ cho ông hai phút để chứng minh điều này, và nếu ông chứng minh được trong hai phút, tôi sẽ bỏ hội." Tôi bấm giờ rồi nói: "Được thôi! Chúng ta đang bắt đầu..." Rồi tôi nói tiếp: "Chúa Giê-su đã dạy chúng ta cách sống trong Vương quốc. Ngài nói một điều rằng chớ có mong cho ai chết đi, nhưng lời thề đầu tiên của anh lại là lời thề đẫm máu về điều anh sẽ làm với bất cứ ai phản bội các bí mật." Cậu ta còn đang định nói: "Tôi không thật sự có ý như vậy, chẳng ai có ý như vậy" - và tôi biết cậu ta định nói vậy vì bọn họ đều thế - và tôi nói: "Bây giờ, hãy nghe một điều khác mà Ngài nói trong Bài giảng trên núi đây: *"Phải thì nói phải, không thì nói không,"* anh đã nói gì thì ý anh phải luôn là như vậy." Ngừng lại vài giây, tôi nói: "Hai phút rồi đấy."

Và phúc cho anh ta, anh đã bỏ hội vào chiều hôm đó. B*ài giảng trên Núi* thực sự bắt đầu từ bản chất của vấn đề, rằng: Hãy cho người ta vay tiền nếu họ cần, rằng đừng trả thù người khác. Khó đấy, nhưng *đó là lối sống của Vương quốc,* hy vọng nó đào luyện nên *Nếp sống Cơ Đốc*. Nên nếu dẫn ai đó đến với Đấng Christ, hãy giúp họ học sách Tin lành theo Ma-thi-ơ. Hãy dạy họ về Vương quốc Thiên đàng mà họ vừa vào. Dạy họ *cách sống* trong đó, cách mở rộng nó, cách để trông mong nó tăng trưởng thêm, cách chuẩn bị, cách sống trong cộng đồng của Vương quốc - hội thánh, và trên hết là *cách sẵn sàng để Đức Vua quay trở lại*, để *mở đầu Kỳ hầu đến cách trọn vẹn ngay trong hiện tại*.

Như vậy là có những vấn đề đặc biệt trong Ma-thi-ơ, nhưng trước khi chúng ta đi tới đó, có một trong những điểm mà Ma-thi-ơ *nhắc tới 44 lần* trong sách của ông là: Chúng ta không chỉ là thần dân của Vương quốc, *chúng ta còn là con cái của Cha,* nên *Vua của Vương quốc cũng là Cha chúng ta*. Không có ai nhắc đến *"Cha"* nhiều như Ma-thi-ơ. Tổng cộng là 44 lần. Chỉ đếm được 4 lần trong Mác. Trong Lu-ca nhiều hơn một chút, 17 lần. Khi chúng ta tìm cách sống như thần dân của Vua Thiên đàng, cần nhớ rằng chúng ta có thể gọi Ngài là "A-ba, Cha," rằng chúng ta là con cái cũng như là thần dân. Nếu không, bạn có thể rơi vào *chủ nghĩa luật pháp*. Chúng ta sẽ nói thêm về điều này khi bàn về sách Ga-la-ti. C*hủ nghĩa luật pháp* là kẻ thù đáng gờm của đời sống Cơ Đốc. Khi bạn rơi vào luật pháp, nếu đó là tất cả những gì bạn thấy và chỉ coi mình là thần dân của Đức Vua, bạn sẽ bỏ lỡ một điều rất quan trọng.

Chủ đề của sách Ma-thi-ơ

Có ba chủ đề quan trọng mà Ma-thi-ơ chọn, cả ba đều đóng vai trò nền tảng với sự môn đồ hóa trong Vương quốc. Đó là cách trở nên môn đồ của Chúa Giê-su, cách tiếp tục bước đi với Chúa Giê-su sau khi đến với Ngài.

1. Đức Tin. Chủ đề đầu tiên và xuất hiện liên tục, hết lần này đến lần khác là *Đức tin*. Một thần dân của Vương quốc, con của Cha sống bởi đức tin, bởi niềm tin, và tiếp tục tin. Hết lần này đến lần khác, Chúa Giê-su hỏi nhiều người trong sách Ma-thi-ơ rằng: "Ngươi có tin, ngươi có thực sự tin điều ta phán bảo, con có tin rằng ta có thể làm điều này, con có tin, ngươi có tin?" Đó là điều đầu tiên Chúa Giê-su tìm kiếm nơi người môn đồ, sự tin cậy không dứt nơi Ngài.

2. Sự Công Chính. Chủ đề của Ma-thi-ơ không hề tìm thấy ở các sách Mác, Lu-ca hay Giăng là chủ đề về *sự Công chính*. Đó là chủ đề về việc làm cũng như niềm tin và nó xuất hiện theo thứ tự: bạn tin trước nhưng bạn tin để làm. *Ẩn dụ ngắn nhất* trong Ma-thi-ơ là ẩn dụ mà tôi chưa nghe thấy ai giảng về nó. Một người có hai con trai và ông bảo các con mình đi làm việc trong một vườn nho, một cậu nói vâng, nhưng không đi, cậu kia nói không, nhưng lại đi. Trong hai cậu này thì cậu nào làm theo ý muốn của cha mình? Đó là ẩn dụ ngắn nhất và đơn giản nhất; chúng ta không thích nó lắm, đúng không? Vì nó nói về việc làm.

Đó là *một ẩn dụ tuyệt vời. Không* phải điều bạn nói, ma điều bạn làm mới là điều Cha quan tâm. Bạn có thể công bố nhiều điều, nhưng bạn có thể nói dối trong đó. Tôi cho rằng tôi đã nói dối trong hội thánh nhiều hơn là ở ngoài hội thánh. Tôi thường hát lời cùng với những điệu nhạc hay. Nhưng khi nhìn vào một số *lời hát*, nói thật là tôi không thể hát được, vì nếu hát chúng lên thì *sẽ là nói dối*. Tôi sẽ nói một điều không đúng, và cha quan tâm đến điều chúng ta làm, vì giờ chúng ta đã là những môn đồ tin vào Ngài, đây là lúc để làm điều công chính.

Vậy nên Ma-thi-ơ mới cho chúng ta biết lý do khiến Chúa Giê-su được báp-têm. Tôi nghĩ nếu có người nói được rằng: "Tôi không cần được báp-têm" thì đó là Chúa Giê-su. Ngài chẳng có tội gì để mà tẩy sạch, chẳng có gì để thanh tẩy, nhưng Ngài đã đến, và Giăng nói: "Chúa phải báp-têm cho con mới đúng" cho biết ông Giăng Báp-tít là người đầu tiên chưa từng được báp-têm, đừng nói với những người Báp-tít thế nhé! Nhưng Chúa Giê-su nói: "Không, hãy báp-têm cho ta, vì chúng ta cần hoàn tất mọi việc *công chính*."

Đó là *tấm gương công chính* mà Chúa Giê-su nêu cho chúng ta. L*àm điều đúng đắn dù bạn nghĩ mình có cần làm như vậy hay không*, sự công chính nghĩa là làm như vậy. Đối với Ngài, đó không phải là hành động ăn năn như đối với mọi người khác, nhưng đó là *hành động công chính*. Vì Cha Ngài bảo Ngài làm như vậy nên Ngài đã làm điều đó, Ngài không cãi lại. Ngài không nói rằng: "Thưa Cha, con không cần sự báp-têm." Mà Ngài nói: "Làm điều đúng đắn là phải lắm..." Về *chủ đề công chính* này, Chúa Giê-su còn nói rõ: "Nếu sự *công chính* của các con không hơn sự công chính của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, các con sẽ không vào Vương quốc được." Mà những người ấy lại khá công chính. Họ kiêng ăn mỗi tuần hai lần, họ dâng phần mười mọi thứ họ có, họ đi khắp biển cả và đất liền để khiến một người tin đạo, họ là những giáo sĩ tuyệt vời. Họ đọc Kinh Thánh của mình, họ cầu nguyện, họ ban cho. Thế mà Chúa Giê-su còn nói rằng: "Các con phải làm trổi hơn như vậy. *Sự công chính của các con phải hơn thế*." Từ công chính này xuất hiện khắp sách Ma-thi-ơ. *Bạn không được cứu vì làm điều công chính, nhưng bạn được cứu để làm điều công chính,* Ngài đang nói như vậy.

Nên thật nguy hiểm khi bạn tặng sách Ma-thi-ơ cho một người chưa tin, vì anh ta sẽ có ấn tượng rằng là Cơ Đốc nhân chỉ nghĩa là làm việc thiện. Đúng là Cơ Đốc nhân có làm việc thiện, nhưng chỉ sau khi bạn đã trở thành Cơ Đốc nhân rồi. Nên đừng tặng sách Ma-thi-ơ cho một người không tin Chúa, vì họ nghĩ sẽ chỉ cố gắng để trở thành một người làm việc thiện. Đó không phải là Cơ Đốc nhân thật. Khi đã được cứu và được tha thứ rồi, sự công chính của việc làm sẽ theo sau.

3. Sự Phán Xét. Ma-thi-ơ nói nhiều đến *sự phán xét* hơn Mác, Lu-ca hay Giăng. Nhưng ông đang viết cho *những người nói rằng họ đã được cứu*. Tôi vừa cho ra một cuốn sách khác, có gây nên một sự khuấy động không nhỏ. Đó là một *cuốn sách về địa ngục* gây bất ngờ cho một số người. Tôi đã cố gắng trung thành với Kinh Thánh hết mức có thể. Nhiều người không còn tin vào địa ngục nữa. Cuốn

này để nói rằng: *Chúa Giê-su tin vào địa ngục*, mà tôi sẽ không gọi Ngài là kẻ dối trá. Nhưng điều chỉ ra trong sách này là một cú sốc. *Phần nhiều những dạy dỗ về địa ngục lại đến từ Chúa Giê-su* qua sách của Ma-thi-ơ. Không phải từ *Phao-lô* hay *Giăng*, và *Kinh Thánh Cựu Ước không nói gì về địa ngục*.

Tất cả đều nói ra từ chính Chúa Giê-su, và có ai đó bảo rằng: "Sao Chúa của Tình yêu lại đẩy ai đó xuống địa ngục được chứ!" Lời đáp sẽ là: "Chúa Giê-su hiểu về tình yêu của Đức Chúa Trời hơn bất cứ ai, nhưng Ngài tin rằng điều đó có thể xảy ra..." Ngài không hề là kẻ dối trá khi nói điều này. Vấn đề là đây, mọi thông tin về địa ngục ra từ chính Chúa Giê-su được lưu giữ lại đầy đủ trong sách Ma-thi-ơ. Đây không phải là sách Tin lành cho người chưa tin, nhưng trong sách Tin lành cho người tin. Khi xem kỹ bối cảnh của từng lời cảnh báo, bạn sẽ phát hiện ra rằng gần như tất cả - chỉ trừ *hai lời cảnh báo* - là dành cho những tín đồ tái sinh, cho các môn đồ. Đó là cú sốc lớn mà sách này sẽ mang lại.

Tôi đã đọc một số sách viết về địa ngục, tất cả đều rất cổ, vì gần đây không ai hoặc rất ít người viết về chủ đề đó. Có vẻ như không ai để ý đến điều này, có vẻ như họ đều ném địa ngục vào người khác. Điều đó gây xúc phạm, như kiểu nói: "Tôi ổn, kệ anh," "Tôi sẽ lên thiên đàng, còn anh sẽ xuống địa ngục." Tôi nghĩ chính chúng ta phải sợ địa ngục và Chúa Giê-su đã cảnh báo hết lần này đến lần khác. Có *hai lần* Ngài cảnh báo người Pha-ri-si, nhưng Ngài không bao giờ cảnh báo tội nhân, thật bất ngờ! Nhưng trong những lần còn lại, Ngài đã cảnh báo những người đã bỏ tất cả để theo Ngài, rằng: "Đừng sợ những kẻ giết thân thể và sau đó không làm được gì. Hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả hồn lẫn xác *trong hỏa ngục*..."

Lần này Ngài không nói với tội nhân, với người Pha-ri-si, mà Ngài đang nói với những giáo sĩ Cơ Đốc ngay trước khi sai họ đi ra để công bố và bày tỏ về Vương quốc. Đó là *Ma-thi-ơ Chương 10*, với các giáo sĩ. Ngài không nói rằng hãy đi, mà rằng họ sẽ xuống địa ngục. Ngài nói: "Chính các con phải sợ nó thì các con sẽ không sợ gì khác hoặc ai khác nữa..." Bạn sợ Chúa là Đấng có thể khiến bạn xuống đó chứ không sợ ai khác nữa. Tất nhiên là điều này đặt ra những câu hỏi rất lớn. Nhưng nếu chỉ có Ma-thi-ơ trong cả Tân Ước nói đến, thì Cơ Đốc nhân nên sợ bị rơi vào đống rác mà Ngài gọi là *Ben Hi-nôm*, thung lũng bên ngoài Giê-ru-sa-lem, nơi mọi thứ vô dụng bị ném xuống rồi đốt đi.

Nên Ma-thi-ơ là một sách Tin lành nghiêm túc *cho các môn đồ*. Sách dạy họ cách nghiêm túc, dạy họ cần quyết bước, cần tiếp tục tin cậy, cần đồng hành với Chúa Giê-su luôn luôn. Đó là một cuốn sách rất cần thiết để chúng ta *dạy, đọc và học trong hiện tại*. Tại sao Ma-thi-ơ lại *dùng khuôn khổ của sách Mác* để đưa mọi dạy dỗ này, *năm nhóm bài giảng* này vào? Tại sao ông không gọi nó là *sổ tay môn đồ hóa*, và chỉ cung cấp sự dạy dỗ mà một môn đồ cần, ở dạng sách nhỏ đủ ghi những điều tối cần thiết? Bởi vì chúng ta *không bao giờ được tách* những *lời nói* của Chúa Giê-su khỏi *việc làm* của Ngài, và *không bao giờ được né tránh Thập giá*.

Nên phải có một khuôn khổ đủ khả năng chuyển tải. Thật nguy hiểm khi dạy người ta cách sống đời sống Cơ Đốc mà không cho họ sự dạy dỗ về *"Đấng Christ chết vì anh..."* Chúng ta không bao giờ được quên Tin lành và tin mừng về những điều Chúa Giê-su đã làm cho mình. Vì nếu chỉ nghe về *điều chúng ta nên làm cho Ngài*, chúng ta sẽ kiêu ngạo, sẽ trở nên người Pha-ri-si, sẽ đi theo *chủ nghĩa luật pháp*, sẽ trở thành những Cơ Đốc nhân chỉ chăm chăm làm việc thiện, và quên đi lòng biết ơn với Chúa Giê-su vì mọi điều Ngài đã làm. Nên Ma-thi-ơ thật khôn ngoan khi nói rằng: "Mình muốn cho các môn đồ *sự dạy dỗ trong khuôn khổ tin mừng* rằng Chúa Giê-su, *Đấng đòi hỏi điều này*

nơi những người theo Ngài, *cũng là* Chúa Giê-su đã chữa lành cho người bệnh, khiến kẻ chết sống lại, Đấng chết vì chúng ta và sống lại vì chúng ta."

Nên "*Hãy đi* khắp thế gian và môn đồ hóa muôn dân, dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con. *Nầy*, ta luôn ở với các con..." Ma-thi-ơ đã kết thúc như vậy. Đ*i và nầy*. Vấn đề là quá nhiều người muốn có vế *"Và nầy"* mà không muốn *"Hãy đi."* Ở đó có một điều kiện: *Và nầy,* ta luôn ở với các con, nhưng nó chỉ đúng nếu các con *hãy đi* và môn đồ hóa. Nếu ai đó nói với tôi rằng: "Tôi không còn cảm thấy sự hiện diện của Chúa nữa," tôi sẽ nói: "Thế thì hãy đi và mang ai đó đến với Ngài, và anh sẽ thấy Ngài trở lại với anh ngay, vì Ngài đã hứa rằng khi anh đi thì *"Nầy, ta ở với con."* A-men.

TIN LÀNH THEO MÁC

Mác trong bốn sách Tin lành

Qua Ma-thi-ơ, ta đã biết *Sách Tin lành* không phải là thể loại sách tiểu sử hay sách lịch sử. Về cơ bản, nó là một *bản tin*. Như có ai đó đã biến cả Kinh Thánh thành kiểu mẫu một tờ báo lớn ngày nay, làm sứ mệnh báo tin. Những tin tức của nó loan ra đã mở đầu một kỷ nguyên mới, và đã thay đổi thế giới. Mở đầu Tân Ước, chúng ta có *bốn sách Tin lành*. Tại sao lại là bốn? Tham khảo khuôn mẫu trên báo chí đưa tin về một nhân vật nổi tiếng khi qua đời, họ đáp ứng sự quan tâm của công chúng về người đó, phát triển qua ba giai đoạn. Tin đầu tiên trong cáo phó, công chúng muốn biết những gì người đó *đã làm*. Sau đó người ta để ý đến những điều ông ta *đã nói* ở các sự kiện, nơi chốn khác nhau, cần đưa ra những bằng chứng. Tùy theo tầm ảnh hưởng, làm gương của nhân vật ấy, người ta sẽ giới thiệu cặn kẽ hơn, ở nhiều góc nhìn khác nhau về con người bên trong, động lực, tính cách, những điển hình và điều gì đã khiến ông nổi bật.

BỐN SÁCH TIN LÀNH

Mác ~ Con Người
Ma-thi-ơ ~ Vua dân Do Thái
Lu-ca ~ Đấng Cứu Thế
Giăng ~ Con Đức Chúa Trời

BA GIAI ĐOẠN

1. Những điều Chúa Giê-su làm (Mác)
2. Những điều Chúa Giê-su nói (Ma-thi-ơ, Lu-ca)
3. Những điều Chúa Giê-su là (Giăng)

HAI KHÍA CẠNH

1. Người viết ~ Cái nhìn
Cái gì? Như thế nào?
2. Người đọc ~ Ý định
Ai? Tại sao?

Bốn sách Tin lành là khuôn mẫu của mô hình đưa tin này. Sách Tin lành đầu tiên được viết ra là Mác, và ông chủ yếu *kể những điều Chúa Giê-su đã làm*. Trong sách Mác, Chúa Giê-su là một *Người hành động*. Rồi *Lu-ca và Ma-thi-ơ* theo sau, để ý hơn đến *những điều Chúa Giê-su nói*. Ma-thi-ơ để ý hơn đến sự giảng dạy của Chúa Giê-su và Lu-ca để ý hơn đến những ẩn dụ của Ngài. Còn Giăng để ý tới *con người của Chúa Giê-su*, Ngài là ai. Có thể phân biệt ở khía cạnh quan sát con người, sách Giăng chú ý tới Chúa Giê-su ở *bề trong*, còn sách Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca là Chúa Giê-su ở *bề ngoài*, những điều người ta thấy và nghe Ngài đã làm và nói. Bốn sách Tin lành, ở bốn góc nhìn khác nhau về Chúa Giê-su là sự đáp ứng sự phát triển tự nhiên của cách công chúng quan tâm đến một người nổi tiếng khi họ qua đời.

Nhờ bốn trước giả khác nhau, ta thật sự có bốn góc độ hiểu biết, nhìn nhận khác nhau về Chúa Giê-su, đã tạo nên một hình ảnh trọn vẹn về Ngài. Ma-thi-ơ thấy Chúa Giê-su là *Vua của dân Do Thái*. Mác thấy Ngài như *Cứu Chúa của thế gian* và Giăng thấy Ngài như *Con của Đức Chúa Trời*.

Bốn góc nhìn khác nhau đã tạo nên một hình ảnh trọn vẹn về Chúa Giê-su, một bức chân dung bốn chiều về Chúa. Ghép chúng lại, ta bắt đầu hiểu được con người tuyệt vời này. Ngài có tới 250 tên gọi và danh xưng. Không con người nào từng sống trên đời có như vậy. Riêng với tên Ngài, có thể là một bài tập tĩnh nguyện tốt: *Hãy viết hết các danh Chúa*. Hầu hết người ta có thể nhớ được khoảng 30 đến 40, chiếm bao nhiêu trong số 250? Trong lịch sử có nhân vật nào như thế? Ta thấy những gì về Chúa chúng ta?

Đó là từ *góc nhìn của trước giả* về bốn sách Phúc âm. Giờ xét đến sách từ *góc nhìn của độc giả*. Các sách này dành cho ai? Có sự khác biệt rõ rệt giữa hai sách này và hai sách kia. Hai sách *Ma-thi-ơ và Giăng* được viết cho tín đồ Cơ Đốc, để gây dựng họ trong đức tin, để cho họ một nền tảng vững chắc hơn vào niềm tin nơi Chúa Giê-su. Hai sách *Mác và Lu-ca* viết cho người chưa tin. Ma-thi-ơ và Giăng được viết cho tín đồ, nhưng cũng lại có sự khác biệt. M*a-thi-ơ* được viết cho *tín đồ trẻ*, cho *người mới tin Chúa*. Đó là một sách Tin lành lý tưởng cho những *người mới cải đạo*, và nó sẽ cho họ *thực sự nhìn biết Vương quốc* mà họ đã bước vào bằng *năm nhóm bài dạy dỗ trong Ma-thi-ơ.*

Một là Lối sống của Vương quốc, hai là Sứ mệnh của Vương quốc, ba là Sự tăng trưởng của Vương quốc, bốn là Cộng đồng của Vương quốc và chủ đề thứ năm của Ma-thi-ơ là Tương lai của Vương quốc. Năm chủ đề tuyệt vời để người mới cải đạo học biết. Tuy nhiên *Giăng lại được viết cho những Cơ Đốc nhân lớn hơn*. Ông nói: "Các việc nầy được ghi chép để anh em tin rằng Đức Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời, và để khi anh em cứ tin thì được sự sống đời đời..." Nó giúp họ được vững lập trong đức tin. Cần phân biệt người đọc, để khi định đưa Kinh Thánh cho một ai đó thì cần chọn đúng sách phù hợp. Sách Tin lành theo Giăng có lẽ là chưa nên đưa cho người chưa tin, thế mà nó lại được dùng nhiều nhất trong truyền giảng, có lạ không? Có lẽ vì người ta hy vọng những người ấy sẽ đọc được đến *Giăng 3:16,* nhưng còn khá xa. Chúng ta đang nghiên cứu hai sách Tin lành viết cho người chưa tin, không phải cho tín đồ, nên Mác và Lu-ca là hai sách thích hợp tặng cho họ, những người đang quan tâm và muốn biết chút ít về Chúa Giê-su, Ngài là ai, Ngài đã nói gì, Ngài đã làm gì.

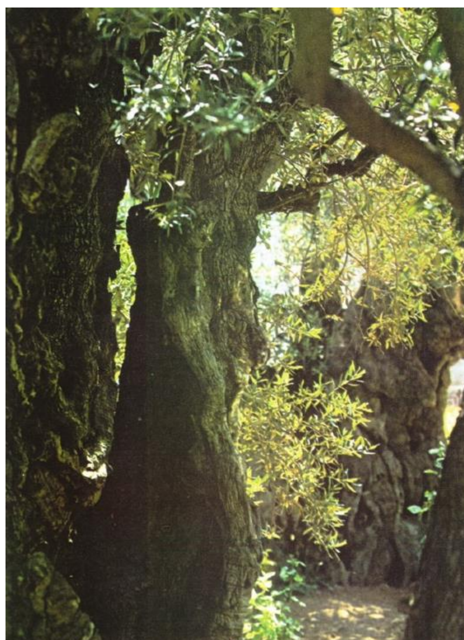
Về trước giả và xuất sứ sách

Giống như các trước giả của cả bốn sách Tin lành, Mác không ghi tên mình vào sách. Đôi sự kiện trong sách có để lại gợi ý về người viết, nhưng họ không tự xưng mình là tác giả. Họ như muốn nói chúng tôi dành trọn sự chú ý cho Chúa Giê-su, không phải cho trước giả. Chúng ta biết gì về Mác? Ông có ba cái tên: *Mác*, tên thường nghe là tên từ tiếng La-tinh *Marcus,* cho thấy ông là người Do Thái nhưng có những mối liên hệ chính thức với La Mã theo một cách nào đó. Chúng ta biết là gia đình ông có một căn nhà khá to ở Giê-ru-sa-lem, là một gia đình có địa vị, có ít nhất một tớ gái, nên gia đình cũng gọi ông theo cái tên La-tinh ấy, *Marcus*.

Tên chính thức tiếng Hê-bơ-rơ của ông, là *Giô-ha-nan*, nghĩa là *Đức Giê-hô-va đã bày tỏ ân điển*. Có lẽ ông được sinh vào thứ ba - *sinh thứ ba, ra ân điển* - dù chắc rằng câu thơ này không phổ biến lắm. Cái tên thứ ba sẽ chẳng ai đoán được, là *Colobodactolos*, tên có gốc từ *dactyl*, nghĩa là *ngón tay*, ngón tay múp míp. Người ta sẽ gọi cậu bé này là *Giăng Mác Colobodactolos*. Đứa trẻ đáng yêu có ngón tay múp míp, thế mà những ngón tay múp míp đó đã viết ra sách Tin lành đầu tiên. Chúa có thể dùng những ngón tay múp míp. B*a cái tên* của ông được đặt bằng ba thứ tiếng *Hy Lạp, La-tinh, Hê-bơ-rơ*. Khi Chúa Giê-su bị đóng đinh, tên Ngài cũng được ghi bằng *ba thứ tiếng* trên thập giá, *Hy Lạp, La-tinh và Hê-bơ-rơ*. Mác biết ba tiếng ấy và ông đã ghi lại được các tên của Ngài trên thập giá. Mẹ ông là Ma-ri, Mi-ri-am trong tiếng Hê-bơ-rơ. Còn cha ông, có thể chính là người đàn ông duy

nhất mang vò nước trên đầu khi Chúa Giê-su bí mật sửa soạn cho Lễ Tiệc thánh, và Ngài có dặn các môn đồ: "Hãy đi vào thành Giê-ru-sa-lem và khi các con thấy một người nam mang vò nước, các con sẽ biết, chỉ cần đi theo người ấy và người ấy sẽ chỉ cho các con một căn phòng đã được sắp đặt..." Và chắc hẳn phòng cao đó, nơi tổ chức Lễ Tiệc thánh, là ở trong nhà của gia đình Mác, gia đình có ngôi nhà khá to ở Giê-ru-sa-lem. Đó cũng là chút manh mối trong sách về người viết nó.

Hãy chú ý đến sự kiện ở Vườn Ghết-sê-ma-nê, nơi Chúa Giê-su đến cầu nguyện thống thiết vào đêm cuối cùng trước khi chết. Chỉ trong sách Mác có ghi một tình tiết nhỏ và lạ nhất này, *Mác 14:43-51* cho thấy: Khi các môn đồ đang ngủ và Chúa Giê-su đang cầu nguyện thì lính canh đền thờ ập đến và bắt Chúa Giê-su. Họ tóm lấy một thanh niên chỉ khoác một tấm trải giường và bỏ chạy, tuột mất tấm trải trong tay quân lính, mình trần chạy trốn trong đêm. Ai vậy? Chắc hẳn là *Giăng Mác Tay múp míp*. Cậu đã theo dõi họ, vơ lấy một tấm trải giường khoác vội và theo họ đến Ghết-sê-ma-nê, trốn sau một cái cây ô-liu và chứng kiến mọi chuyện.


Vườn Ghết-sê-ma-nê

Nên chúng ta mới được biết Chúa Giê-su đã cầu nguyện như thế nào. Chúa Giê-su chắc không còn có lúc nào nữa để nói với ai về lời cầu nguyện đó. Nhưng Mác đã nghe thấy nó: "A-ba, A-ba, xin cất chén nầy khỏi con." Tất cả đều được ghi lại trong Tin lành theo Mác. Ông chỉ đang nói rằng trong tình tiết ấy tôi đã ở đó. Khi còn trẻ, ông đã thấy Chúa Giê-su, nhưng ông không bao giờ là một nhân vật hàng đầu trong Tân Ước. Ông được nhắc đến thường xuyên, nhưng luôn là số 2, luôn là trợ lý riêng của ai đó. Vương quốc Đức Chúa Trời rất cần những người số 2. Có nhiều người số 1 lắm rồi, nhưng cần những người trung tín mang túi cho những người khác, và Mác là một người như vậy. Ông đã làm trợ lý cho bốn lãnh đạo Cơ Đốc rất vĩ đại trong hội thánh thời đầu. Đầu tiên là cho *người anh họ* là *Ba-na-ba*. Ba-na-ba đưa người thanh niên này đi cùng, huấn luyện cậu, giao việc cho cậu. Từ Ba-na-ba, Mác trở thành trợ lý cho chính *Phao-lô*.

Nhiều năm sau, tại Rô-ma, Mác gặp *Lu-ca. Thực tế,* có mối liên kết rất trực tiếp giữa Tin lành theo Mác và Tin Lành theo Lu-ca. Cuối cùng, Mác trở thành trợ lý riêng cho *Phi-e-rơ*. Phi-e-rơ đến Rô-ma sau Phao-lô và *dùng Mác như người thông dịch* của mình. Là một trong những người đánh cá ở Ga-li-lê "tầm thường, ít học," nên khi Phi-e-rơ đến Rô-ma, ông phải giảng qua một người thông dịch. Những người giảng là người nước ngoài thường vui gọi họ là *"mắc dịch"* vì họ rất hư, họ cướp mất một nửa thời gian của người nói, nhưng không thể không có họ. Nên Phi-e-rơ khi đến Rô-ma *đã dùng Mác làm thông dịch* của mình, Mác dịch sự giảng dạy của Phi-e-rơ ra tiếng La-tinh. *Sách Tin lành đầu tiên đã được viết như vậy.*

Vào một ngày nọ, có các thành viên của hội thánh tại Rô-ma đến gặp Mác và bảo: "Mác này, cậu giúp chúng tôi một việc được không?" Ông hỏi: "Việc gì ạ?" Họ nói: "Cậu biết rõ sự giảng dạy của Phi-e-rơ, và chúng tôi muốn lưu truyền những điều đó. Xin cậu hãy viết lại những điều mà Phi-e-rơ đã kể cho chúng ta về Chúa Giê-su. Vì nếu cứ tình hình này, ông ấy sẽ không ở cùng chúng ta lâu được, thực sự là ông ấy sẽ va chạm với nhà cầm quyền." Đó là vào thời của Nê-rô, nên họ rất khẩn khoản: "Xin hãy ghi lại sự giảng dạy của Phi-e-rơ thành văn bản vì ông ấy là người gần với Chúa

Giê-su nhất. Chúng tôi muốn những điều đó được ghi lại...” Mác đã hỏi ý Phi-e-rơ nhưng Phi-e-rơ cũng không quan tâm lắm.

Truyền thống nói rằng ông không cản cũng không thúc Mác làm việc này, nên ông nói: “Nếu thích thì cậu cứ làm, tôi cũng chẳng phiền...” Chỗ này khá giống với hoàn cảnh tôi, vì nhiều năm trước, cũng có người đến và hỏi tôi: “Tôi có thể ghi âm lại các bài giảng của ông không?,” tôi đã phản ứng giống hệt Phi-e-rơ: “Tôi không cản cũng không thúc cậu, nếu thích thì cậu cứ làm...” Chúng tôi không nghĩ điều đó sẽ dẫn đến đâu. M*ác hay Phi-e-rơ* đã chẳng thể ngờ rằng sách của họ sẽ được nghiên cứu tại High Leigh, Luân Đôn vào hai ngàn năm sau, hoặc được đọc trên khắp thế giới. Thật kinh ngạc khi có những điều xảy ra trong Vương quốc mà ngay lúc đó người ta không nhận ra được. Nhưng Chúa đã định liệu thì nó sẽ vươn ra xa rộng.

Nên hội chúng ở Rô-ma đã đến với Mác và nói: “Xin hãy ghi lại những gì Phi-e-rơ đang kể về Chúa Giê-su, chúng tôi muốn lưu giữ chúng...” Và Phi-e-rơ nói: “Nếu thích thì cậu cứ làm, tôi không phiền.” Và Mác, *Mác - Tay múp míp,* bắt đầu viết và bạn đang giữ kết quả của nó trong tay mình. Thực ra, đôi khi người ta gọi sách này là *Tin lành theo Phi-e-rơ*, là vì bạn có thể nghe thấy như Phi-e-rơ đang giảng. Hãy nhớ rằng hầu hết Tân Ước được *giảng ra trước khi được viết ra*. Nên sách mới sống động đến thế, để đôi khi về ngữ pháp, văn phong không được chuẩn lắm, vì đây là dạng văn nói, không phải là văn viết. Thế nên chúng ta mới cần xướng to nó lên. Tin mừng phải được loan ra chứ không chỉ để nghĩ đến, và sách Tin lành phải được xướng lên, sẽ rất thú vị khi bạn làm như vậy.

Vài năm trước, tại Nhà hát Cầu vồng, Luân Đôn, cạnh bờ sông Thames, có một chương trình chỉ một người biểu diễn, nghệ sĩ *Alec McCowen.* Trên sân khấu, chỉ với chiếc bàn và một ghế, McCowen đã khiến khán giả say mê suốt hai tiếng rưỡi khi anh kể lại *Tin lành theo Mác*. Chỉ có vậy thôi. Tôi nhớ là vị Tổng Giám mục Canterbury ngồi nghe như nuốt từng lời. Trong nhiều tháng ròng sau đó, nhà hát vẫn chật kín người, đến nỗi họ phải chuyển sang một nhà hát lớn hơn ở Bờ Tây. Người nghệ sĩ này chỉ kể lại Tin lành theo Mác thôi, mà cả ngàn người cứ trả tiền chỉ để đến, nghe nó và thấy nó. Alec McCowen có kể rằng khi anh còn là một cậu bé, ông nội anh là một người tin kính, đã bảo anh quỳ xuống thảm, đặt tay trên anh và nói rằng đến một ngày, cháu sẽ đọc Tin lành này cho cả ngàn người. Nhiều năm sau, đến tuổi có nghề anh đã làm như vậy. Tôi còn không biết anh có phải là Cơ Đốc nhân hay không nữa, nhưng anh đã thử tài bằng Tin lành theo Mác và đã khiến khán giả say mê. Công đầu là kịch bản, tức là bài giảng của Phi-e-rơ qua Tin lành Mác có thể khiến khán giả say mê khi nói về Chúa Giê-su.

Với Phi-e-rơ già cả đáng mến, chúng ta gọi ông là *Người Hành động,* có lúc ông quá bốc đồng, chúng ta có thể đồng cảm với ông. Ông cũng bị bệnh “lở mồm long móng,” rất nhiều khi mở miệng, ông lại hay lỡ dại. Ông là người muốn đi trên mặt nước, không môn đồ nào như vậy. Ông là người nhảy xuống nước khi Giăng nói rằng Chúa Giê-su đang ở trên bờ. Ông là người nóng lòng chờ Chúa Giê-su xuất hiện sau khi phục sinh, và nói: “Tôi đi đánh cá đây!” Phi-e-rơ không thể ngồi yên và ta thấy sự phấn khích đến nghẹt thở xuyên suốt sách *Tin lành theo Mác*. Có một từ xuất hiện 41 lần “*Ngay lập tức, Ngay lập tức.”*

Hoặc ở bản cổ hơn, là “*tức thì”* Ngài bước vào thuyền, *“tức thì”* thuyền ở bên bờ bên kia. Cứ như thể nó vượt biển hồ Ga-li-lê, rộng tám dặm, trong hai giây. Mọi thứ đều *ngay lập tức*, rồi *tức thì*, và bạn bị cuốn theo dòng phấn khích đến nghẹt thở. P*hi-e-rơ đã giảng và Mác đã ghi* lại tất cả một cách trung thực. Điều đó khiến Tin lành theo Mác trở thành sách Tin lành *mạnh mẽ và sống động*

nhất trong bốn sách, sách thú vị nhất khi xướng to lên. Ta e là Phi-e-rơ không quan tâm đến những bài giảng dài, nên ông không ghi lại chúng. Chỉ có một bài dài trong cả sách Mác và chắc hẳn nó đã để lại ấn tượng sâu sắc ở Phi-e-rơ đến nỗi ông nhớ và ghi nó lại. Nên Mác không tập trung vào sự dạy dỗ của Chúa Giê-su, ở sách này không có *Bài giảng trên Núi*, chỉ có hành động, cái này nối tiếp cái kia. Phấn khích, say mê, đó là Phi-e-rơ và những tính khí khác nhau của các Cơ Đốc nhân trong hội thánh thời đầu được thể hiện.

Sự khác biệt của sách Mác

Sách lại tập trung vào *những điểm yếu của Phi-e-rơ*, không phải những điểm mạnh của ông. Chính trong sách này mà chúng ta tìm thấy, Chúa phán với ông: *"Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta."* Nhưng lại không thấy *"Con là Phi-e-rơ, Ta sẽ xây dựng Hội Thánh Ta trên đá nầy."* Vậy Phi-e-rơ liên tục chia sẻ những điểm yếu của mình, những lần ông khiến Chúa thất vọng, nhưng ông không bao giờ khoe mình. Trong những sách Tin lành khác bạn mới thấy điểm tốt của Phi-e-rơ. Nhưng ở đây, bạn toàn thấy những điểm yếu của ông. Chúng ta thấy Phi-e-rơ chối Chúa, mà không thấy lần ông được phục hồi. Phải đọc Tin lành theo Giăng để thấy là Phi-e-rơ được phục hồi ba lần: "Con yêu Ta chăng, con yêu Ta chăng, con yêu Ta chăng?" Còn ở đây chỉ thấy ông chối Chúa. Đây là bằng chứng khác cho thấy đây là *Tin lành theo Phi-e-rơ* mà Mác đã viết ra.

Rồi Phi-e-rơ để ý đến *những phép lạ của Chúa Giê-su*. Trong sách Mác có nhiều phép lạ hơn so với Ma-thi-ơ, Lu-ca hay Giăng. Con số như sau: về *phép lạ* có 18 trong sách Mác, trong khi chỉ ghi bốn ẩn dụ, còn *ẩn dụ* trong Ma-thi-ơ là 18, và Lu-ca là 19. Nên ta thấy rằng *Phi-e-rơ để ý đến các phép lạ chứ không phải các ẩn dụ*. Ông để ý đến *những điều Chúa Giê-su làm* chứ không phải những điều Ngài nói. Hơn nữa, ở đây cũng cho ta thấy những điều ông không biết, cũng như sự hiểu biết của ông. Phi-e-rơ không biết Chúa Giê-su được sinh ra như thế nào hoặc ở đâu. Chưa bao giờ, trong các bài giảng của ông tại Công Vụ hoặc các thư tín khác, cho thấy rằng ông biết về sự giáng sinh của Chúa Giê-su. Hiểu biết về Chúa Giê-su của Phi-e-rơ chỉ bắt đầu tại sông Giô-đanh, nơi Phi-e-rơ và Anh-rê được báp-têm, Chúa Giê-su được báp-têm rồi Giăng Báp-tít giới thiệu họ với Chúa Giê-su. Hiểu biết của ông bắt đầu từ đó và kết thúc với sự phục sinh, nên trong sách Mác mới không có câu chuyện Giáng sinh và những câu chuyện về thời niên thiếu. Câu chuyện chỉ bắt đầu khi Phi-e-rơ bắt đầu biết Chúa. Phi-e-rơ không thể giảng câu chuyện Giáng sinh vì ông không biết về nó. Nên chúng ta có bằng chứng rõ ràng rằng sách Tin lành này là từ Phi-e-rơ. Thế nhưng Mác đã xây dựng sách Tin lành này một cách rất thông minh, ghép nó lại với nhau. Ông đã xây dựng cốt truyện cho sách, rồi cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều dùng nó. Chúng ta xem kỹ biểu đồ này.

DIAGRAM OF SYNOPTIC RELATIONSHIPS

A
St MATTHEW
IN RELATION TO St MARK

B
St MARK

C
St LUKE

D
St MATTHEW
IN RELATION TO St LUKE

Vertical Scale: 32 verses to 1 inch.

Passages common to St. Mark and one or both of the other Gospels

Passages of St. Mark absent from one of the other Gospels are marked at the appropriate side of column B.

Passages peculiar to St. Mark

Non-Marcan passages common to St. Matthew and St. Luke

Passages peculiar to St. Matthew

Passages peculiar to St. Luke

Passages shown in two colours contain a mixture of the elements represented by these colours.

Lines connecting corresponding sections:

Marcan sections: in Marcan order; not in Marcan order

Substituted sections and distant parallels: in Marcan order; not in Marcan order

Non-Marcan passages common to St. Matthew and St. Luke showing correspondence of order

Signs and Abbreviations

v., vv., verse(s). Verse references enclosed ( ) are textually doubtful. Within the columns the first verse of each passage is indicated.

= indicates close correspondence.

cf. indicates verbal correspondence in small degree or with important difference in substance.

[ ] enclose references to remotely connected passages.

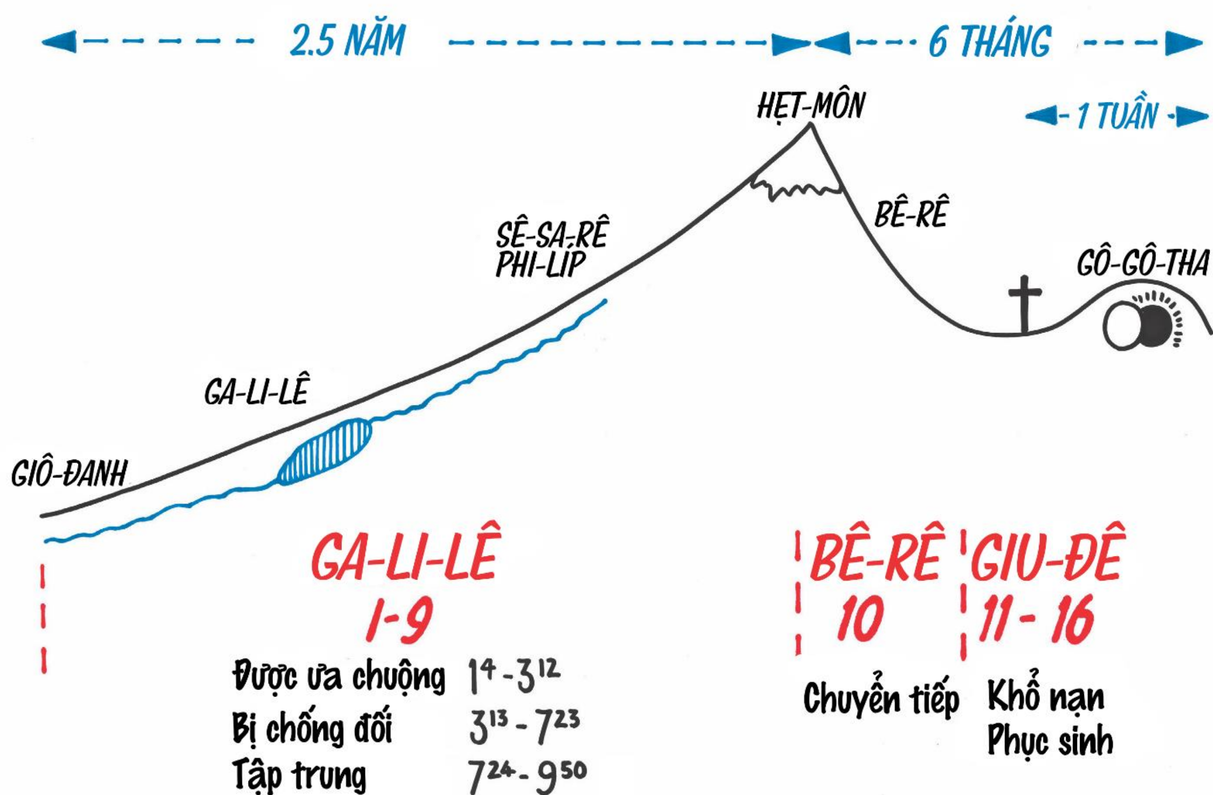
ll, lls. parallel passage(s) as indicated by the connecting lines and the references alongside the columns.

**, doublets, i.e. passages (chiefly short sayings) found more than once in the same Gospel. Doublets are indicated on the left of columns A, B, C, and on the right of column D. The lls in the other Gospels to one member of the doublet are indicated in each case. To find all the lls, refer to both members of the doublet.



Thoạt nhìn thì thấy rối lắm, nhưng tất cả sẽ được sáng tỏ. Trong đây mô tả Tin lành theo Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca với 3 màu khác nhau. Sách Mác dùng màu hồng, họa hoằn lắm mới xen vào chút màu xanh lá của sách Ma-thi-ơ. Màu hồng xuất hiện ở cả ba sách Tin lành, màu xanh lá chỉ có ở trong Mác. Nhìn qua bảng là biết rằng Ma-thi-ơ đã dùng hết sách Mác, Lu-ca cũng dùng sách Mác nhưng họ dùng theo những cách khác nhau. Ma-thi-ơ đã chia Mác thành những mẩu nhỏ và kết hợp chúng với tư liệu của ông, trong khi Lu-ca lấy những nhóm trong Mác và dùng cả cụm. Tất nhiên là có một số tranh cãi, liệu *Ma-thi-ơ và Lu-ca dùng sách Mác* và mở rộng ra, hay *Mác tóm lược các sách của Ma-thi-ơ và Lu-ca*? Có thể là hai người này mở rộng sách Mác và họ đều có Mác để dùng. Đây là một phân tích rất phức tạp. Nhưng ta có thể hiểu về cơ bản, Tin lành theo Mác được cả Ma-thi-ơ và Lu-ca dùng. Dàn ý cơ bản của Mác về câu chuyện Chúa Giê-su là dàn ý mà cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều sử dụng.

Cấu trúc sách

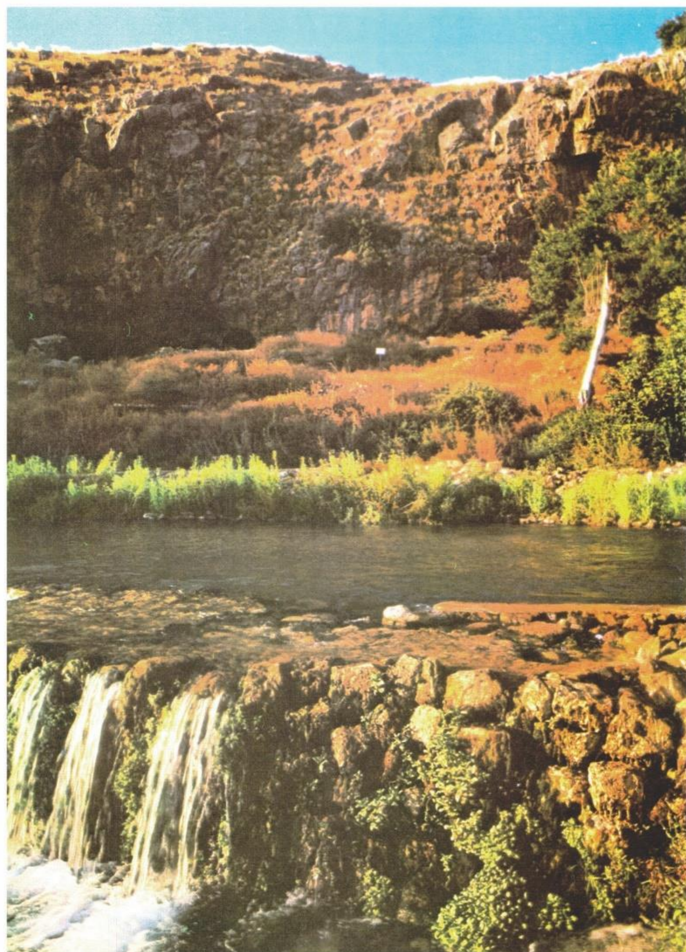


Chúng ta xem xét tiếp *cấu trúc của Tin lành theo Mác*. Ta cố gắng trình bày nó ở dạng tượng trưng, nhưng không trừu tượng lắm. Tin lành theo Mác bao trùm ba năm, là ba năm chức vụ của Chúa Giê-su với dân chúng. Nó có hình thù rất rõ rệt. Câu chuyện bắt đầu từ sông Giô-đanh là điểm thấp nhất trên mặt đất, vùng sông Giô-đanh và Biển hồ Ga-li-lê. Câu chuyện chuyển từ sông Giô-đanh sang Ga-li-lê, rồi theo đúng nghĩa đen, họ leo lên suốt dọc đường và cuối cùng, họ đến điểm cao nhất của Đất Hứa, đó là Núi Hẹt-môn. Ở chân núi là thị trấn nhỏ Sê-sa-rê Phi-líp và cả câu chuyện trong hai năm rưỡi dồn về khủng hoảng đó, mất hai năm rưỡi để nó đạt tới đỉnh điểm.

Ngay khi đến được điểm đó, Chúa Giê-su quyết đi đến Giê-ru-sa-lem, biểu thị bằng một đường tụt dốc, theo đúng nghĩa đen. Nó xuống từ điểm cao đó tới Giu-đê, qua Bê-rê, là vùng đất nhỏ phía đông Giô-đanh. Nên từ Núi Hẹt-môn ở phía bắc, họ đi về phía đông Giô-đanh đến Bê-rê, đến Giu-đê, nơi Chúa Giê-su chết trên thập giá và ba ngày sau sống lại. Vậy *điều này có gì quan trọng đến vậy?*

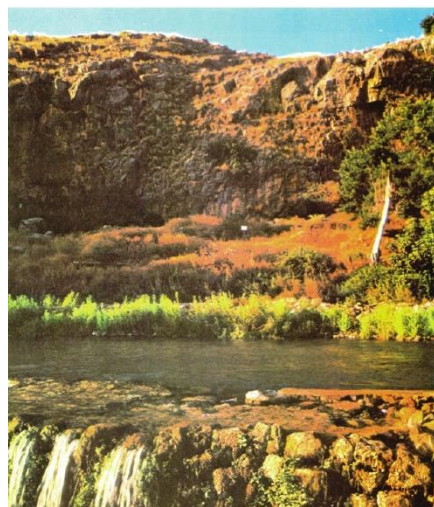
Điều Chúa Giê-su đang chờ đợi, mọi thứ dường như dồn lại tới đỉnh điểm, rồi đột nhiên, mọi thứ rẽ sang hướng hoàn toàn khác. Sáu tháng cuối rất khác so với hai năm rưỡi trước đó. Thực tế, tuần cuối cùng đóng vai trò quan trọng nhất.

Ba giai đoạn chức vụ của Chúa Giê-su - nền tảng cấu trúc sách Mác





Trước khi xem xét điều đó, hãy xem phần Ga-li-lê và hành trình từ Giô-đanh lên Hẹt-môn bao trùm hai năm rưỡi. Có ba giai đoạn của chức vụ và ba giai đoạn này là chủ đề của sách Mác. *Giai đoạn đầu tiên* là khi *Chúa Giê-su rất được ưa chuộng*. Hàng ngàn người đến để được chữa lành và cả nước nhắc đến Ngài. Người ta tung hô Chúa Giê-su (chương 1 - 3), khi Chúa Giê-su lên như diều gặp gió, những đám đông, rất thành công. Liền sau đó đến *giai đoạn 2* khi *sự chống đối bắt đầu*. Điểm khác biệt đầu tiên là *về ngày Sa-bát*. Nhưng nó sớm dồn lại và không lâu sau, Chúa Giê-su *đã thu hút nhiều thù hơn bạn*. Rồi *giai đoạn thứ ba* bắt đầu (chương 7 - 9) khi Chúa Giê-su tập trung vào 12 người nam. Từ hàng ngàn người những ngày trước, nay Ngài dành thời gian với chỉ 12 người. Bảng phân bố thời gian cho ta thấy: hai năm rưỡi chiếm từ chương 1-9, chương 10 bao trùm sáu tháng, chương 11-16 nói đến *tuần cuối cùng* này. Chúng ta phải hỏi rằng: nó là gì, điều gì xảy ra quanh thời điểm này đã thay đổi hoàn toàn hướng chức vụ của Chúa Giê-su như vậy?



Paneas, khởi nguồn của sông Giô-đanh tại chân núi Hẹt-môn

Hãy trở lại với bức ảnh được chụp ở chân Núi Hẹt-môn, về một nơi tên là *Sê-sa-rê Phi-líp*. Đó là nơi đáng chú ý nhất, nơi khởi nguồn

của sông Giô-đanh rộng khoảng 9 đến 12 mét. Sông bắt nguồn từ một vách đá, dường như nước tuôn ra từ đá theo đúng nghĩa đen. Giô-đanh là một con sông bắt đầu và kết thúc chẳng đâu vào đâu, một thắng cảnh kỳ lạ nhất. Người ta lý giải rằng tuyết từ trên Núi Hẹt-môn tan ra và chảy xuống một khe nứt trong núi, trút vào một cái hố dưới lòng sông. Nên những gì có thể nhìn thấy, thì trông nó đúng như một con sông tuôn ra từ vách đá. Một hiện tượng thiên nhiên kỳ lạ như vậy đã thu hút sự mê tín dị đoan và các tục lệ tôn giáo, và nó đã trở thành trung tâm thờ tà đạo trong nhiều thế kỷ. Trên vùng nước tuôn ra từ vách đá có một cái hang trên mặt vách đá, có những hốc đá nhỏ chạm khắc. Trong những hốc đó, người ta từng đặt hai tượng thần: *thần Pan của Hy Lạp,* chỗ này ngày nay được gọi là *Paneas*. Tượng kia là *Sê-sa*, vị Hoàng đế La Mã tự đặt cho nơi này, gọi nó là *Sê-ra-rê Phi-líp*. Vậy là ở đây có tượng thần Pan của Hy Lạp, một vị thần theo tương truyền là một người phàm trên đất, và có tượng của Sê-ra là một con người đã được tôn là thần.

Một ngày nọ, Chúa Giê-su đưa 12 môn đồ đến chính chỗ này và hỏi: *"Thiên hạ nói Ta là ai?"* Bạn có thể hiểu tại sao lại là ở địa điểm này? Vì đằng sau Ngài có cả hai thứ thần tượng: một vị thần đến như một con người, và một con người được thờ lạy như thần. Chúa Giê-su mới hỏi: *"Thế còn Ta, Ta được liệt vào đâu?"* Họ đáp: "Thì nhiều người nghĩ Thầy là ai đó đầu thai, ý là thầy mới ba mươi mà lại thông minh như vậy, chắc *kiếp trước* Thầy là một người rất vĩ đại..." "Ồ - Ngài nói - thú vị nhỉ, Ta đã, *kiếp trước* Ta là ai vậy?" Và họ đáp: "Người thì nói là Giê-rê-mi, rồi Giăng Báp-tít..." *"Còn các con thì nói Ta là ai?,"* Ngài đã đợi hai năm rưỡi để hỏi câu đó. Chính *Phi-e-rơ* đã đưa ra câu trả lời. Ông nói: "Thầy đã sống từ trước, nhưng không ở dưới này, Thầy sống ở trên kia phải không? *Thầy là Đấng Christ, con của Đức Chúa Trời hằng sống..."*

Ông là người đầu tiên nói điều này. Hy vọng bạn biết có một *người nữ đầu tiên* nói điều này, vào vài tuần sau. Đó là *Ma-thê*, cô không chỉ giỏi nấu nướng, nhưng còn *là người nữ đầu tiên* nói như vậy. Nhưng *Phi-e-rơ là người nói đầu tiên*. Giờ đây, Chúa Giê-su đã có thể nói rằng: *"Phi-e-rơ, giờ ta có thể làm hai điều."* Ngài nói đến *hai điều trước nay Ngài chưa từng nói đến*. Ngài nói: *"Giờ đây, Ta có thể xây dựng hội thánh Ta."* Trước đó Ngài chưa từng nhắc đến *hội thánh*, Ngài đã giảng dạy, Ngài đã chữa lành, Ngài cho đoàn dân đông ăn, dẹp yên cơn bão, nhưng Ngài chưa bao giờ nói rằng Ngài sẽ *xây dựng một hội thánh*.

Giờ đây Ngài nói: *"Ta có thể làm như vậy."* Vì Chúa Giê-su *không thể xây dựng hội thánh Ngài khi người ta chưa biết Ngài là ai*. Hội thánh chỉ được xây dựng từ những con người biết Ngài là ai. Đó là thời điểm *hội thánh bắt đầu*. Chúa Giê-su còn bình dị và tinh tế, với cách chơi chữ đáng yêu, Ngài lấy tên của Phi-e-rơ để nói với các môn đồ. P*hi-e-rơ* nghĩa là đá. S*imon* là tên riêng của ông, nghĩa là cây sậy, rung rinh trong gió. Chúa Giê-su đã nói trước 12 môn đồ lúc đó: *"Con là Simon, con là cây sậy. Ta sẽ khiến con nên đá, Phi-e-rơ,"* thật nhẹ nhàng và đáng yêu. Ngay khi Phi-e-rơ, người đầu tiên nói rằng "Con biết Ngài là ai," Chúa đã phán: "Ta có thể xây dựng hội thánh Ta và *Ta có thể chết trên thập giá*." Đó là *lần đầu tiên Ngài nhắc đến thập tự giá*. Ngài đã ở với họ hai năm rưỡi, không hề tiết lộ rằng Ngài sẽ chết. Nhưng giờ đây Ngài nói: *"Ta có thể lên thập giá."* Và thế là Phi-e-rơ lại lỡ lời do cố tật "lở mồm long móng": *"Nhưng con sẽ không để Thầy làm vậy..."* Ông vừa mới nhận biết được Chúa Giê-su là Vua, là Đấng Christ, thế mà lại vội vàng nói: "Nhưng con sẽ không để Thầy làm vậy." Ai là vua đây? Thầy là Vua nhưng con không để Thầy chết đâu. Thầy có thể xây dựng hội thánh trên con, vâng, nhưng con sẽ không để Thầy lên thập tự giá. Đó là lúc Chúa Giê-su phải nặng lời quở trách ông.

Bức ảnh cho thấy đường phân thủy, nó ở dưới chân Núi Hẹt-môn. Từ đây, Chúa Giê-su đưa Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng lên tới đỉnh núi, qua đường băng tuyết, vì luôn có tuyết trên Núi Hẹt-môn. Chính ở đó, Phi-e-rơ nói rằng: "Y phục Ngài trở nên rực sáng đến nỗi chẳng có bột giặt nào trên đất có thể làm được như vậy." Thực ra là ông dùng từ *phiếu*, hay *chuội*, là từ dùng trong thời đó. Bởi vì ánh sáng chiếu suốt y phục và họ *thấy vinh hiển Ngài.* Kể từ đó, đường biểu thị thẳng xuống thập tự giá, thẳng xuống miền nam để đến sự chết. Đó là đồ hình của sách Tin lành theo Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều sử dụng nó.

Chủ đề sách Mác

Hãy xét sách Tin lành theo Mác một cách tổng thể. Là một sách Tin lành, nó có giá trị gì với chúng ta?

1- Sách đem lại một *hình ảnh rõ ràng về con người của Đấng Christ.*

Không biết là bạn đã từng để ý đến điều này trong Tin lành theo Mác chưa, để tôi đọc một hai câu lẻ. Tôi sẽ không cho bạn biết chúng ở đâu, từ khắp chín chương đầu. "Ngài không cho phép quỷ lên tiếng vì chúng biết Ngài là ai," "Im ngay! Hãy ra khỏi người nầy!," "Đức Chúa Giê-su bảo anh ta đi ngay, và nghiêm giọng căn dặn: "Hãy cẩn thận, đừng nói gì với ai," "Nhưng Ngài nghiêm cấm chúng tiết lộ Ngài là ai," "Ngài nghiêm giọng ra lệnh cho họ không được cho ai biết việc nầy," "Ngài không muốn ai biết mình ở đó," "Đức Chúa Giê-su bảo họ đừng thuật chuyện nầy với ai," "Đức Chúa Giê-su cho anh về và dặn: 'Đừng trở vào trong làng," "Đức Chúa Giê-su truyền cho các môn đồ không được nói về Ngài với ai cả," "Đức Chúa Giê-su ra lệnh cho họ đừng thuật chuyện nầy với ai." Không có câu nào ở trong Ma-thi-ơ, Lu-ca hay Giăng.

Trong suốt hai năm rưỡi trước, Chúa Giê-su cấm mọi người bàn cãi xem Ngài là ai. Rồi sau hai năm rưỡi, Ngài nói: "Ta là ai, các con nghĩ Ta là ai?" Bạn có thấy *cách Ngài chuẩn bị cho họ* không? Ngài muốn họ *tự* mình kết luận, tự mình làm. Ngài không muốn họ nghe điều đó từ các tà linh hay từ bất cứ ai. Ngài muốn họ nhận lãnh từ Cha rằng Ngài là ai. Nên *Bí mật về Đấng Mê-si-a* theo cách gọi của các học giả là nét đặc trưng của Tin lành theo Mác. Mác nói rằng Ngài giữ bí mật, cấm họ nói cho bất cứ ai. Bằng cách đó, Ngài cẩn thận kiềm giữ suy nghĩ của họ cho tới khi cảm thấy họ đã thấy và nghe đủ nhiều. Chúng ta gọi *thời khắc ở chân Núi Hẹt-môn* là *Sự Tuyên xưng Vĩ đại*. Chính điều đó đã thay đổi mọi thứ.

2- Chủ đề lớn thứ hai là *công việc của Đấng Christ.*

Điểm nổi bật nhất của Mác là ông nhấn mạnh vào *sự chết của Đấng Christ*. Có người nói sách Tin lành theo Mác giống như một con tàu tốc hành đi chậm lại. Ông phi nước đại qua *hai năm rưỡi* trong vài trang, rồi đi chậm lại. Vài trang tiếp theo bao trùm *mấy tháng*, rồi đi chậm lại. Vài trang tiếp nữa bao trùm *một tuần*. Rồi vài trang tiếp theo bao trùm *một ngày*. Cuối cùng là *vài giờ*. Rồi *dừng lại tại Gô-gô-tha*. Như thể ông đang chạy đua hết tốc lực, rồi đi chậm hẳn lại, cho tới cuối cùng, ông chỉ cho bạn Chúa Giê-su trên thập tự giá, và nói rằng: *"Ngài đến để làm như vậy..."*

Mác đặc biệt nhấn mạnh vào cả *khía cạnh con người và thiên thượng* của sự chết Chúa Giê-su. K*hía cạnh con người* là Chúa Giê-su tất nhiên là bị xét xử về *tội nhạo báng*. Theo luật Hồi giáo cũng như luật của Môi-se, tội nhạo báng đáng bị xử tử. Ở đây, Chúa Giê-su bị xét xử về tội nhạo báng, vì Ngài nói rằng *Ngài là Đức Chúa Trời*. Trong luật Do Thái, đó là tội tử hình. Họ cố gắng khiến các

nhân chứng thống nhất về những gì họ đã nghe Chúa Giê-su nói về chính Ngài. Nhưng họ không thống nhất được với nhau. Cuối cùng, *vị thẩm phán có làm một điều trái luật,* ông ta nói với Chúa Giê-su rằng: "Ta buộc ngươi, ta yêu cầu ngươi thề trước Đức Chúa Trời hằng sống, nói cho ta xem ngươi là ai."

Tất nhiên, Chúa Giê-su là người Do Thái, Ngài phải nói khi người ta yêu cầu Ngài thề trước Đức Chúa Trời hằng sống. Ông ta hỏi: *"Ngươi có phải là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống không?"* Ngài nói: *"Đúng vậy."* Và vị thẩm phán đã phải xé áo mình và nói: "Các ngươi nghe rồi đó, phán quyết của các ngươi là gì?" Có bảy mươi người nói rằng: *"Tội chết."* Vấn đề là họ không thể tự quyền khép ai vào tội chết, họ dang bị người La Mã đô hộ. Nên họ phải có chữ ký của người La Mã thì mới có án tử hình. Nhưng *trong luật La Mã, nhạo báng không phải là tội*. Vậy họ phải làm gì? Chỉ có một cách là *thay đổi tội danh*. Khi họ giải Chúa Giê-su đến trước Phi-lát, Ngài *bị buộc tội phản quốc* chứ không phải nhạo báng. Chính Mác là người làm sáng tỏ điều này. T*ội phản quốc* là vì Ngài không chỉ nói "Ta là Chúa," mà vì Ngài nói *"Ta là vua."* Vua dân Do Thái, triều đình nào tôn ngôi đây. Đó là *khía cạnh con người* trong sự chết của Đấng Christ. Bất công từ đầu chí cuối. Ngài không phạm tội nhạo báng hay phản quốc, nhưng họ đã khép Ngài vào các tội đó.

Khía cạnh thiên thượng. Ngay từ đầu Chúa Giê-su đã xác nhận rằng Ngài đến để hy sinh và dâng sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người. Rằng điều đó phải xảy ra. Rằng Ngài phải bị phản bội. Rằng Đức Chúa Trời đã định như vậy, và không trốn tránh. Phi-e-rơ không được cám dỗ Chúa Giê-su trốn khỏi thập giá. Chúng ta có sự mô tả sống động về con người của Đấng Christ trong sách, và công việc của Đấng Christ trên thập giá. Điều đó khiến Mác trở thành một sách Tin lành rất hợp để tặng cho người chưa tin.

3- *Sự đáp ứng trước ngoại cảnh*

Có một mặt khác của Tin lành theo Mác rất đáng lưu tâm, đó là có *hai từ khóa* xuyên suốt sách, *sự sợ hãi* và *đức tin.* Sự sợ hãi và đức tin xuất hiện từ đầu chí cuối, cứ như thể nó bắt người ta phải lựa chọn. Bạn phản ứng với câu chuyện này thế nào? Sự sợ hãi hay đức tin? Bạn có nhớ việc dẹp yên cơn bão trong sách Mác không? Chúa Giê-su đã đứng trên thuyền và các môn đồ hỏi: "Thầy ơi, Thầy không lo chúng ta chìm sao?" và Chúa Giê-su đáp: *"Sao các con sợ hãi đến thế? Không có đức tin sao?"* Xuyên suốt sách là một chủ đề mà Mác liên tục đưa ra: *"Đừng sợ, hãy tin."*

Kể cả ở đoạn cuối, khi Chúa Giê-su xuất hiện lúc phục sinh, Mác đã đủ thành thật để nói rằng các môn đồ thậm chí còn không tin khi họ thấy Chúa Giê-su và Ngài phải quở trách sự vô tín của họ. Một trong những câu nói ưa thích của Ngài, hết lần này tới lần khác là: "Sao các con sợ?," "Đừng sợ, đừng sợ, chỉ tin mà thôi." Nên ở đây chúng ta có hình ảnh về con người của Đấng Christ, công việc của Đấng Christ và *sự đáp ứng* bởi đức tin thay vì sợ hãi khi xuất hiện những yếu tố siêu nhiên. Thế nên tôi sẽ luôn chọn sách Mác để tặng cho người chưa tin. Nếu họ không biết gì về Chúa Giê-su thì đây là kiến thức rất cơ bản mà họ cần. Con người của Đấng Christ, công việc của Đấng Christ và phản ứng của họ với cả hai trạng thái Sự sợ hãi hay Đức tin.

Một kết thúc sách kỳ lạ

Trước khi kết thúc sách Mác, có một điều mà tôi phải giải quyết vì nếu không thì sẽ có rất nhiều thắc mắc về nó. Đó là sách *Mác có một phần kết rất kỳ lạ*. Thực ra là cái kết thúc này xuất hiện ở giữa câu. Trong những bản chép tay thời đầu của Tin lành theo Mác mà chúng ta có, sách kết thúc *ngay*

giữa câu 8 của chương 16, với một cụm từ rất lạ: *"...vì họ quá sợ..."* Rồi dừng lại, và thường là người ta làm cho nó gọn lại trong bản dịch tiếng Việt: "vì họ quá khiếp đảm" hay "vì họ sợ hãi..." Nhưng nó đột ngột kết thúc ở giữa câu như thế và kết thúc bằng ghi chép về sự sợ hãi, *trong khi toàn bộ chủ đề của Mác là đi từ sợ hãi đến đức tin*. Điều đó đặt ra một câu hỏi: "Có điều gì đã xảy ra với phần còn lại của câu chuyện? Sao Mác lại không viết nốt cái kết cho hay? Trên hết, tại sao không thuật lại về những lần xuất hiện của Chúa Giê-su sau khi Ngài sống lại trong sách này? Chỉ nói đến ngôi mộ trống, và có người phát hiện ra ngôi mộ trống đó, mà không nhắc đến việc Chúa Giê-su đã gặp họ. Điều này thật lạ với một sách Phúc âm.

Có ít nhất ba khả năng. M*ột*, là Mác định kết thúc với ghi chép chơi vơi này và để kết thúc mở. Tôi nghĩ chắc không phải vậy, đó sẽ là một phần kết rất lạ. Nó chỉ chép rằng: *"...những người nữ không dám nói gì với ai vì họ sợ..."* Thật là một điều lạ thường để nói ở cuối một sách *Tin lành-một tin mừng*. Khả năng thứ *hai là* ai đó đã ngăn Mác hoàn thành cuốn sách, điều gì đó đã làm gián đoạn việc viết sách của ông. Ông đột nhiên bị bắt hoặc giải đi và bản thảo không thể nào hoàn thành. Khả năng thứ *ba là* phần kết đã bị thất lạc sao đó, phần kết đã bị xé đi, bản thảo bị cắt bớt, hoặc thậm chí có thể là Phi-e-rơ đã xé phần cuối đi.

Hãy nhớ rằng đây thực ra là *Tin lành theo Phi-e-rơ,* sách ghi lại sự giảng dạy của ông về Chúa Giê-su. Chúng ta cũng biết rằng một trong những lần quan trọng nhất mà Chúa Giê-su hiện ra là với Phi-e-rơ. Chúng ta không biết nó diễn ra ở đâu hay khi nào, nhưng lần đầu tiên, lần đầu tiên *Chúa hiện ra với một người nam* là với Phi-e-rơ. Điều này không được ghi lại, và biết đâu Phi-e-rơ nghĩ rằng *lần đó quá quý giá, quá riêng tư* và quá cá nhân đến nỗi ông không muốn tiết lộ gì về nó. Chúng ta không biết. Khi lên thiên đàng, chúng ta sẽ phải hỏi. Lúc đó có khi chúng ta lại chẳng quan tâm nữa, nhưng nhiều người hỏi rằng *điều gì đã xảy ra*.

Chúng ta không biết, nhưng đúng là người ta *đã thêm vào những cái kết khác,* ở một vài cuốn Kinh Thánh có cái kết này, ở các cuốn khác có cái kết khác. Một ngắn, một dài, và người ta gọi chúng là *phần kết luận ngắn hoặc dài. Kết luận ngắn* là chấm dứt ở câu 6 chương 16. Ai đó đã hoàn tất Tin lành theo Mác để có một câu chuyện trọn vẹn. *Kết luận dài* thường có trong Kinh Thánh là từ câu 9 đến câu 20 của chương 16.

Kết luận dài cân bằng giữa sợ hãi và đức tin, mặc dù đúng là sách có kể rằng các môn đồ thậm chí không tin khi nhìn thấy Chúa, hoặc được nghe nói lại. Nhưng đoạn kết luận dài này có chứa một số khẳng định đáng chú ý của Chúa Giê-su mà người ta không thích, nên họ muốn gieo rắc nghi ngờ về cái kết dài. Ví dụ, ở đây Chúa Giê-su nói về tiếng lạ. Đó là trường hợp duy nhất được ghi lại, trong đó Chúa Giê-su nói rằng những người theo Ngài sẽ nói tiếng lạ cũng như đuổi quỷ, chữa lành người bệnh, bắt rắn trong tay mà không tổn hại, điều này tình cờ xảy đến với sứ đồ Phao-lô ở Man-tơ. Người ta không thích điều này. Ở đó cũng có một khẳng định rằng Chúa Giê-su coi báp-têm nước là điều kiện cần để được cứu rỗi. Ngài phán rằng: "Ai tin và chịu báp-têm sẽ được cứu" và người ta không thích điều đó.

Vì vậy, đã có những câu hỏi được đặt ra. Tuy có lẽ Mác không viết điều đó nhưng ít nhất thì có ai đó trong hội thánh thời đầu viết, nên kết luận dài phản ánh niềm tin của hội thánh thời đầu, rằng Chúa Giê-su đã kết thúc mọi sự, và nó chứa những điều từ các sách Tin lành khác. Ở đây có nói đôi chút về đường đến Em-ma-út, đôi chút về việc sai Ma-thi-ơ, nên dường như ai đó đã nhặt những yếu tố khác nhau từ các sách Tin lành khác, ghép chúng lại và đưa vào kết thúc sách Mác như vậy. Khi

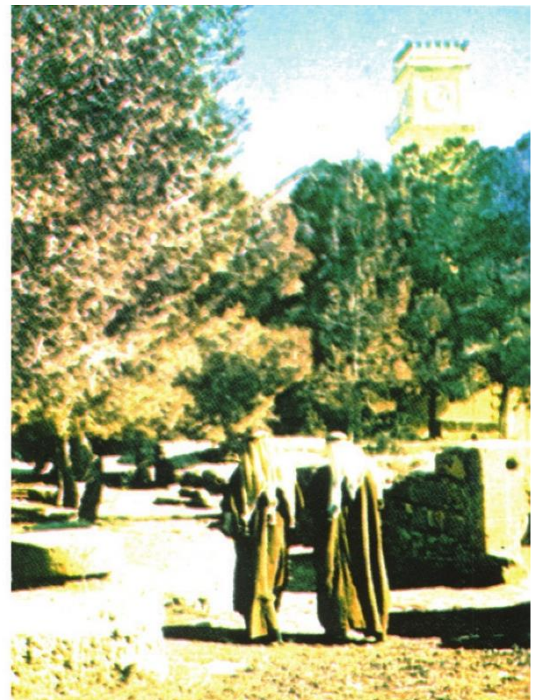
lên Thiên đàng, chúng ta có thể hỏi rõ ngọn ngành và biết được chuyện gì đã xảy ra. Nhưng tôi tin rằng kết luận dài đó là một phần hợp lý trong Lời Chúa, và nó phản ánh hiểu biết của Cơ Đốc nhân thời đầu, nếu nó không đúng là những câu từ thật của Mác viết lại từ Phi-e-rơ.

TIN LÀNH THEO LU-CA

Giới thiệu

Có nhiều câu nói hay và ấn tượng, nghe đến quen tai mà không biết xuất sứ của nó ở đâu. Ở Cựu Ước, Tân Ước hay của kịch tác gia William Shakespeare? Ví dụ *"Vì nếu cây xanh mà người ta còn đối xử như thế thì cây khô sẽ ra sao?"* Đặt câu hỏi này là vì Tin Lành theo Lu-ca được yêu thích nhất nhưng lại kém nổi tiếng nhất trong bốn sách Tin lành. Ta có thể thấy bất ngờ rằng có những mẩu chuyện chỉ có trong sách Lu-ca, thì rất nổi tiếng, nhưng những phần còn lại thì gần như bị cả thế giới bỏ qua. Nếu cùng câu chuyện ấy có trong cả ba sách Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca thì người ta sẽ không thèm đọc nó trong Lu-ca. Một vài câu trích nữa: *"Nhà ta sẽ đầy người."*

Không biết là bao nhiêu người có thể đặt nó vào đúng ngữ cảnh, biết rằng Chúa Giê-su đã nói như vậy. Câu nữa: "Môn đồ không hơn thầy, nhưng nếu môn đồ được huấn luyện đầy đủ, thì sẽ giống như thầy mình," "Không ai đã uống rượu cũ lại đòi rượu mới, vì người ấy nói rằng: 'Rượu cũ ngon hơn." E rằng chúng ta đã biết rất rõ nhiều phần trong Lu-ca. Người con trai hoang đàng, người Sa-ma-ri nhân lành. Câu chuyện về Xa-chê nhỏ bé phải trèo lên cây theo nhiều cách để nhìn thấy Chúa. Câu chuyện của Ma-thê và Ma-ri. Câu chuyện về tên cướp bị tử hình. Đoạn đường tới Em-ma-út khi có hai người, *Cơ-lê-ô-pa* và vợ ông đang đi vào Chúa nhật Phục sinh đầu tiên. Nhân tiện thì nên biết Cơ-lê-ô-pa là chú của Chúa Giê-su, là em của Giô-sép. Là họ hàng, nhưng họ không phải là các môn đồ của Chúa. Có người nói *đường đến Em-ma-út* là câu chuyện đẹp nhất trên toàn thế giới, để nói là nó rất thu hút. Ẩn dụ về người Sa-ma-ri nhân lành và chiếc quán trọ của họ ở giữa đường, trên đồng vắng từ Giê-ru-sa-lem đến Giê-ri-cô. Chỉ có một quán trọ và chỉ có một con suối, nên rõ ràng đó là quán trọ mà Chúa Giê-su nghĩ đến, hoặc đó là nơi câu chuyện xảy ra.

Quá trọ bên đường

Có những điều Lu-ca viết bạn không biết. Ví dụ, trong Ma-thi-ơ bạn đọc thấy *"Các con là muối của đất"* và ta đã nghe quá nhiều người giảng đạo nói về *muối là chất bảo quản, là gia vị,* muối được dùng vào việc bếp núc. Nhưng trong sách Lu-ca, muối mà Chúa Giê-su ví sánh, không phải là Ngài đang nghĩ đến việc dùng muối trong bếp núc. Muối mà Lu-ca ghi lại được, là nói về việc dùng muối làm phân bón trên đồng và làm chất tẩy uế. Đây là muối đến từ Biển Chết, người ta nạo vét nó từ bờ,

nó chứa nhiều *kali*. Nó là *muối kali*, chỉ dùng làm phân bón và chất tẩy uế. Còn muối ăn là *muối natri*. Nên *"muối của đất"*- muối kali dùng làm chất thanh tẩy và phân bón, đem đến cho xã hội một chất *để thúc đẩy những điều tốt và kìm hãm những điều xấu*. "Các con là muối của đất," các con được dùng để thúc đẩy những điều tốt và kìm hãm những điều xấu trong thế gian này. Nếu người ta lấy câu đó từ Ma-thi-ơ a, gán cho nó cái giá trị bếp núc thì và nó có ý nghĩa gì? Nhưng trong Lu-ca, Chúa Giê-su đặt con dân Ngài trong sứ mạng thanh tẩy và nuôi dưỡng con người.

Trước giả với những nét riêng của sách

Lu-ca là người ngoại duy nhất trong 40 trước giả Kinh Thánh, 39 vị kia đều là người Do Thái. Lu-ca còn là trước giả sách *Công Vụ các sứ đồ*. Ông là một thày thuốc cấp cao, đến từ An-ti-ốt, một thành phố lớn thuộc Sy-ri hiện nay, nơi đây những người tin Chúa Giê-su lần đầu được người ta gọi là *"Cơ Đốc nhân"* chứ không phải là họ tự xưng. Ông không ngại ngần và tự do dùng từ *Đức Chúa Trời*, *Vương quốc Đức Chúa Trời*, khác hẳn các trước giả Do Thái, mà đến như Ma-thi-ơ cũng chỉ nói là *Vương quốc Thiên đàng*. Là bác sĩ, nên ông quen với việc nghiên cứu và ghi chép cẩn thận, chính xác, ông cũng dùng rất nhiều thuật ngữ y học trong sách *Tin lành theo Lu-ca*. Ông viết "Bà gia của Phi-e-rơ *bị sốt cao*," đúng là một từ nghề nghiệp chỉ bác sĩ mới dùng. Chúa chúng ta thật hài hước, Ngài muốn chính một bác sĩ chuyên khoa kể cho mọi người nghe về *sự giáng sinh từ người nữ đồng trinh*.

Các bác sĩ nổi tiếng là hay hoài nghi về những phép lạ chữa lành, và những phép lạ vật lý khác, nên Chúa đã chọn một bác sĩ như thế để kể tất cả những điều đó. Để viết về sự giáng sinh, tất nhiên Lu-ca đã khai thác mọi chi tiết từ Ma-ri, vì Ma-ri giữ kín những điều này trong lòng, không kể nó ra. Phải là một bác sĩ chuyên khoa ân cần lắm để trò chuyện với bà: "Xin hãy kể cho tôi biết Chúa Giê-su đã được hoài thai và sinh hạ như thế nào." Lu-ca cũng hay đi đây đó, ông đến rất nhiều nước, sau có đi cùng Phao-lô tới Rô-ma. Chỉ có hành trình ấy, nên ông mới gọi biển Ga-li-lê dài 21 rộng 13 cây số là *một cái hồ*, còn với ngư dân thì nó là *biển rộng*. Ông là một cây viết khéo, thật sự rất khéo léo. Qua ví dụ sau đây sẽ thấy cách ông khéo léo sắp đặt mọi thứ, cách ông kết hợp các ẩn dụ với nhau đã đem lại một nhận biết mới mẻ khác điều ta đã thường nghe.

NGƯỜI CON HOANG ĐÀNG? (15:11-23)
NGƯỜI CHA HOANG ĐÀNG! (15-16)

(Với hai người con hư mất)

15:1-2	15:3-10	15:11-32	16:1-31
NHỮNG NGƯỜI THU THUẾ VÀ TỘI NHÂN (1) Ăn trong nhà	CON CHIÊN BỊ LẠC MẤT (3-7) Lạc mất ở nơi xa Biết điều đó	NGƯỜI EM (13-23) 'Hư mất'	NGƯỜI ĂN XIN (1-9) 'Hư mất'
NHỮNG NGƯỜI PHA-RI-SI VÀ THẦY THÔNG GIÁO (2) Xì xào bên ngoài	ĐỒNG XU BỊ LẠC MẤT (8-10) Lạc mất ở trong nhà Không biết điều đó	NGƯỜI ANH (24-32) 'Công chính'	NGƯỜI GIÀU (15-31) 'Công chính'

Ai là 'người cha'?
Câu chuyện này nói về 'người con' nào?
Câu chuyện này kết thúc như thế nào ?

Đó là ẩn dụ về *người con trai hoang đàng*. Không hề luôn. Thực ra đó là ẩn dụ về *người cha hoang đàng*. Đó là người cha tiêu tốn tiền bạc vì cho hai cậu con trai. Một người cha phung phí tiền bạc, khi bạn đọc liền hai chương của sách, bạn sẽ thấy chủ đề của chúng, theo đúng cả nghĩa đen của nó. Trong khi đọc ẩn dụ này ở sách khác, ấn tượng để lại trong đầu người đọc là ở *người con trai*. Quả là một Tin lành đáng đọc nhất. *Chương 15* bắt đầu với hình ảnh những người thu thuế và các tội nhân, ngồi ăn với Chúa Giê-su trong nhà, còn người Pha-ri-si và các thầy thông giáo đứng xì xào bên ngoài. Cả hai chương tiếp theo đều theo tình huống trớ trêu đó, và giải thích nó. Chúa Giê-su bắt đầu kể chuyện, câu chuyện đầu tiên là về *một con chiên lạc mất* và *nó biết điều đó*.

Kế ngay là chuyện *một đồng bạc bị mất trong nhà mà không biết*. Một chuyện cho người nam, một chuyện cho người nữ, về *hai vật bị mất* khác nhau hoàn toàn. Rồi đến câu chuyện chính, về *hai cậu con trai lạc mất*, không phải cậu con thứ lạc thật, mà là cậu con cả. Cậu con cả còn lạc lối hơn cậu con thứ mà không biết. Cậu thứ như chiên lạc mất, mất ở xa và biết điều đó. Cậu cả như đồng bạc bị mất, mất trong nhà mà không biết. Đó là tài viết của Lu-ca. Tiếp sang *chương 16*, lại có hai nhân vật, tương ứng với hai điều này. Câu chuyện khó xử về người quản gia mà Chúa Giê-su *khen ngợi sự bất chính* của anh ta. Một số người sẽ nghĩ là *có vấn đề* rồi.

Nhưng thú vị ở chỗ, Kinh Thánh dùng đúng cùng một từ *phung phí tài sản* thật. Cậu con thứ phung phí tài sản của mình tại một đất nước xa xôi, và người quản gia phung phí tài sản của chủ ngay ở nhà. Cùng một từ, cùng đặc điểm. Cũng vậy, người con cả làm mọi điều đúng đắn: "Con chưa từng trái lệnh cha," giống hệt ông nhà giàu này không hề có bất kỳ sai phạm hoặc tội lỗi gì, nhưng lại xuống địa ngục chỉ vì thờ ơ với những người khác, nuông chiều bản thân và xa cách Chúa. Dòng chủ đề cứ tiếp tục như vậy, Lu-ca đã khéo ghép những sự việc riêng rời lại với nhau để bật lên một thông điệp. Một lần nữa cho thấy thật là thảm họa khi người ta chia Kinh Thánh thành các chương, rồi các

câu, làm mất đi dòng chảy của sự kiện. Để khi bắt đầu đọc với một câu được đánh số, vì không đúng chỗ làm mất đi mạch kể, sẽ làm hiểu khác đi, mà đó lại là những mạch kể rất hay. Trong Lu-ca rất coi trọng các mạch kể này.

Nếu bạn còn muốn thấy văn phong tuyệt đỉnh của Lu-ca, hãy đọc cách ông miêu tả lần đắm tàu ở cuối *sách Công Vụ*, chưa ai miêu tả đắm tàu như vậy, thật là tuyệt tác. Ông là một nhà văn thực thụ, nhưng cũng là một nhà truyền đạo nóng cháy. Sâu kín trong lòng ông muốn đoạt được càng nhiều những người về cho Đấng Christ. Khi đã trở thành Cơ Đốc nhân, ông muốn cả thế giới biết Chúa. Nhưng ông không giảng vì ông không phải là một diễn giả, nên ông viết. Ông được Chúa dùng *văn tài của Lu-ca* để đưa những người khác đến với đức tin.

Đối tượng nhắm tới khi Lu-ca viết sách

Vậy nó được viết cho ai? Thực ra, nhìn chung là ông không viết nó cho người chưa tin, ông viết nó cho đúng một người. Ông đã cật lực nghiên cứu cho *tập một* mà chúng ta gọi là Tin lành theo Lu-ca, và *tập hai* là sách Công Vụ. Ông làm tất cả những điều đó cho một người mà ông gọi là *Ngài Thê-ô-phi-lơ khả kính*. Về cơ bản, bác sĩ Lu-ca nghiên cứu kỹ càng rồi viết hai tập này chỉ với một mục đích *để Phao-lô được thả tự do trong phiên tòa tại Rô-ma*. Ông ở cùng với Phao-lô tại Rô-ma. Trong mọi phiên tòa, các luật sư biện hộ hoặc thẩm phán đều muốn biết mọi thứ cần thiết, xem tù nhân bị ra tòa vì tội gì. Nên Lu-ca đã tận lực viết hai tập biện hộ, một về ông Giê-su đã sáng lập ra *niềm tin mới* này, một về Phao-lô là tuyên truyền viên chính cho nó. Khi bạn có *chìa khóa* này, bạn sẽ thấy ý nghĩa tương quan giữa cả hai tập.

Ví dụ, trong cả hai tập, *có ba xác nhận về sự vô tội* của Chúa Giê-su trong tập Tin lành và của Phao-lô trong sách Công Vụ *từ chính quyền La Mã*. Bôn-xơ Phi-lát đã ba lần nói rằng Chúa Giê-su vô tội. Ở cuối sách Công Vụ, các thẩm phán La Mã đã ba lần nói rằng Phao-lô vô tội. Hơn nữa, trong cả hai tập đều không có bất kỳ va chạm nào giữa Chúa Giê-su cũng như Phao-lô với người La Mã. Lính La Mã là những người sẵn sàng tin và làm chứng điều đó. Cả hai tập đều nói rằng cả Chúa Giê-su là người khởi xướng niềm tin mới này và Phao-lô là người bị giải đến Rô-ma để xét xử, đều không làm gì chống lại luật La Mã. Trong mọi trường hợp, *chính người Do Thái đã gây rắc rối*. Khi đọc hai sách theo hiểu biết đó, chúng ta sẽ thấy *Lu-ca đang nói với* vị thẩm phán, hoặc luật sư bào chữa. *"Ngài khả kính"* là một cách xưng hô theo luật định, Lu-ca đang trình bày với quan chánh tòa rằng*"Thưa Ngài Thê-ô-phi-lơ khả kính,"* đây là bản biện hộ cho người này. Lu-ca đã thành công, Phao-lô được thả và có thể tiếp tục công việc truyền giáo cho tới khi ông bị bỏ tù lần thứ hai rồi bị chém đầu, như chúng ta đã biết.

Nên đây là *hai bản biện hộ* cho Phao-lô và cho Chúa Giê-su mà Lu-ca tin theo, trình bày với tòa án La Mã. Lại một lần nữa cho thấy Lu-ca không hề biết rằng ông đang viết Kinh Thánh, hoặc biết bản biện hộ này sẽ được đọc vào 2000 năm sau trên toàn thế giới. Ông viết chỉ để giúp Phao-lô, bạn mình trong phiên toà. Nhưng Chúa có những ý tưởng khác. Chúa hay làm vậy, đúng không? Chúng ta nghĩ là mình chỉ đang giúp một người, nhưng Chúa có một kế hoạch tuyệt vời, chỉ là bạn không hề biết thôi. Nên có thể gọi sách này là bản tóm tắt của luật sư.

Nguồn tư liệu của Lu-ca

Vậy Lu-ca lấy tư liệu ở đâu? Câu trả lời là trong khi ở ngoài đợi Phao-lô bị ngồi tù ở Sê-sa-rê hai năm, thì Lu-ca đã đi khắp nơi để thu thập tư liệu về Chúa Giê-su. Chắc hẳn ông đã phỏng vấn Ma-

ri, có dấu hiệu cho thấy ông đã phỏng vấn Gia-cơ, cả Ma-thi-ơ, và chắc chắn là Giăng, vì có một số điều trong Lu-ca chỉ có trong Giăng. Như việc chém đứt tai Man-chu, Phi-e-rơ rút gươm ra và cắt tai Man-chu, chỉ có Giăng ghi lại. Lu-ca không phải môn đồ, không phải sứ đồ, chưa từng gặp Chúa Giê-su, không phải là nhân chứng, nên ông cẩn thận đến gặp tất cả mọi người có thể để thu thập câu chuyện về Chúa Giê-su. Khi theo Phao-lô đến Rô-ma, Lu-ca lại có thêm hai năm nữa để có thể hoàn thiện câu chuyện của Phao-lô và *sách Công Vụ các sứ đồ*.

Thực sự, đó không phải là Công vụ của tất cả các sứ đồ, các sứ đồ hiếm lắm mới xuất hiện, vì ngay sau khi Phao-lô xuất hiện trên công trường truyền giáo, các người khác rơi vào quên lãng. Sách đã chép việc Phao-lô đã bước vào tôn giáo mới này ra sao, chuyện gì đã xảy ra với ông khi ông đi quanh Đế quốc La Mã. Nên Lu-ca có tất cả những điều này từ chính nhân chứng, và ông nói ở đầu sách Tin lành rằng: "Tôi đã cố gắng tìm tòi và thu thập một cách chính xác nhất, nhiều người đã viết về những điều này, nhưng tôi đã tự nghiên cứu, tôi lấy thông tin trực tiếp từ các nhân chứng..."

Đó chính là điều một phiên tòa cần, ý kiến gián tiếp chẳng ích gì. Cần những lời kể của nhân chứng về chuyện đã xảy ra. Chính Lu-ca thì không phải nhân chứng của Phao-lô, và của Chúa Giê-su, ông đã lấy tư liệu từ những nhân chứng. Ông đã rất cẩn thận ghép chúng lại với nhau. Một công trình nghiên cứu nguyên bản đáng kinh ngạc. Trở lại với biểu đồ ở phần trên, để thấy rõ ông lấy rất nhiều từ Mác, ông đã gặp Mác tại Rô-ma. Nhưng ông cũng làm nhiều nghiên cứu nguyên bản, đặc biệt là câu chuyện giáng sinh. Sau này sẽ thấy cả một mảng khớp với hành trình nam tiến qua Bê-rê. Ở Mác chỉ ở một chương, nhưng ở Lu-ca rải ra nhiều chương. Đó là khi Chúa Giê-su kể câu chuyện người con trai hoang đàng. Rồi ở cuối là sự chết của Đấng Christ và câu chuyện phục sinh, rất nhiều tư liệu độc đáo mà Lu-ca đã khai thác trực tiếp phục vụ cho mục đích viết của mình.

Những điều độc đáo trong Lu-ca

Những điều gì không có trong những sách khác?

1- Những câu chuyện giáng sinh, tất cả đều từ *góc nhìn của Ma ri.* Câu chuyện giáng sinh trong Ma-thi-ơ, viết từ góc nhìn của Giô-sép, góc độ một người nam, ở đó không có những chi tiết riêng tư như việc hoài thai và sinh nở. Rõ ràng là Ma-thi-ơ lấy câu chuyện Giáng sinh từ Giô-sép, nhưng Lu-ca lấy nó từ Ma-ri. Điều này cho thấy có sự khác biệt giữa hai dòng phả hệ. Trong Ma-thi-ơ cũng có dòng dõi của Giô-sép bắt nguồn từ Vua Đa-vít, và trong Lu-ca, dòng dõi của Ma-ri cũng bắt nguồn từ Vua Đa-vít. Điều đó đã khiến *Chúa Giê-su là con vua Đa-vít những hai lần*. Theo *luật định* là con vua Đa-vít qua dòng dõi người cha, và theo *tự nhiên* là con vua Đa-vít qua dòng dõi mẹ. Câu chuyện giáng sinh trong Lu-ca nhìn từ góc độ người nữ, từ Ê-li-sa-bét và từ Ma-ri, ông khai thác những chi tiết câu chuyện từ đó.

2- Các câu chuyện độc đáo về thời niên thiếu của Chúa Giê-su. Ông là người duy nhất có thể khai thác được những thông tin về Chúa Giê-su trong 30 năm đầu của Ngài. Ở tuổi 12, Chúa Giê-su đã được làm lễ *Bar mitzvah*. Đối với người Do Thái, Bar mitzvah nghĩa là *có thể làm những việc lành*. Khi một cậu bé đến tuổi 12, nó có thể làm những việc lành, nó đã phải chịu trách nhiệm với những hành vi của mình. Trước tuổi 12, cha mẹ có thể phạt con mình khi nó làm điều sai trái. Nhưng ở tuổi 12, nó có thể tự chủ làm được những việc lành - *Bar mitzvah* - nó đã được đưa đến nhà hội và đã được đọc một phần Kinh luật của Môi-se, đánh dấu ngày nó trở thành một người đàn ông. Nó cất đi những điều con trẻ, cất những món đồ chơi đi. Nó cùng làm việc với cha mình trong mọi việc buôn bán hoặc nghề nghiệp của ông.

Dân ngoại chúng ta thì thiếu một buổi lễ trong xã hội và văn hóa để đánh dấu thời khắc một cậu bé trở thành đàn ông, *nên chúng ta cứ mãi con trẻ*. Khác biệt duy nhất giữa đàn ông và cậu bé là cái giá của món đồ anh ta chơi. Chúng ta cần có một sự công nhận: *cậu bé này đã trở thành đàn ông*. Quy ước xã hội này đã đến với Chúa Giê-su, Giô-sép và Ma-ri mang Ngài đến Giê-ru-sa-lem. Thời đó hành trình của họ đi thế này: người phụ nữ đi trước làm mọi việc hậu cần, họ dựng lều lên,xếp dọn và nấu nướng. Khi đồ ăn đã sẵn sàng, những người nam sẽ đến. Mỗi ngày họ đi được khoảng 24 cây số. Sắp đặt đâu vào đấy nhỉ? Những người ủng hộ nữ quyền sẽ phát rồ về điều này, nhưng thôi. Những đứa trẻ dưới 12 tuổi thì đi với mẹ, đứa trên 12 thì đi với cha. Trên đường về sau lễ Bar mitzvah, khi họ rời Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-cô, Ma-ri đi trước, dựng lều, nấu nướng xong xuôi rồi Giô-sép đến. Ma-ri hỏi Giô-sép: "Thế Giê-su đâu?" Và Giô-sép ngớ ra: "Anh tưởng con đi với em..." "Ơ đâu, hôm nay Bar mitzvah của con rồi, con phải đi với anh chứ, còn là con em đâu, là con anh chứ." *Họ lạc mất Chúa Giê-su như thế, ai cũng tưởng Ngài đi với người kia*. Họ quay lại và sau khi tìm kiếm rất lâu, họ tìm thấy Ngài ở nơi lẽ ra họ nên tìm trước tiên, *ở đền thờ*.

Cuộc trò chuyện rất thú vị. Ma-ri, người mẹ đang lo lắng và hơi giận, nói: "Con đi đâu thế, *bố với mẹ tìm con khắp nơi..."* và Chúa Giê-su nói: "Nhưng giờ con đã là đàn ông, *bố mẹ* không biết rằng con phải *lo việc Cha con* hay sao? Con *đồng công với Cha*. Con đã lớn rồi..." Nên Chúa Giê-su phân bua: "*Bố mẹ* không biết là con phải cùng *Cha* làm việc hay sao?" Điều tuyệt vời nhất là Kinh Thánh chép rằng Ngài trở về Na-xa-rét và phục tùng họ. Đó chỉ là chi tiết thoáng qua chỉ Lu-ca biết được từ Ma-ri, cho thấy Chúa Giê-su đã biết Ngài là ai, ngay ở tuổi 12. Người ta nuôi dạy Chúa Giê-su từ lọt lòng như Giô-sép là cha Ngài, nhưng Chúa Giê-su biết. Đó là một câu chuyện nhỏ tuyệt vời mà Lu-ca đã lấy được từ Ma-ri.

3- Lễ báp-têm bằng Thánh Linh, Lu-ca đã đưa vào sách những sự kiện không có ở đâu khác. Chúa Giê-su nhận báp-têm nước từ Giăng Báp-tít, sau khi lên khỏi mặt nước, đi vào bờ và cầu nguyện, Đức Thánh Linh đã được ban cho Ngài trong dạng hình bồ câu từ trời đậu xuống. Chính từ Lu-ca mà chúng ta được biết về *báp-têm Thánh Linh* hơn từ mọi trước giả khác. Chắc hẳn ý này có trong lời cầu nguyện của Chúa Giê-su: "Xin ban Thánh Linh cho con" mà bồ câu đậu xuống. Lu-ca rất quan tâm đến Đức Thánh Linh, hơn mọi trước giả Tin lành khác, hay chắc chắn là hơn Ma-thi-ơ và Mác.

4- Những dạy dỗ của Chúa Giê-su có *nhiều điều biến diệu*, chẳng hạn như *Bài giảng trên Núi* biến mất và *trở thành Bài giảng dưới Đồng bằng,* và đối ghép lại được nhiều tương phản *"phước cho"* với *"khốn cho,"* phước cho những người đang khóc lóc, khốn cho những kẻ hiện đang cười. Chúng ta biết Chúa Giê-su đã giảng bài đó nhiều lần, dưới nhiều dạng khác nhau trong những dịp khác nhau, và Lu-ca đã đưa ra một dạng *Bài giảng trên Núi ngắn hơn*, và có điểm nhấn mọi *"phước cho"* đều có *"khốn cho."* "Khốn" là sự rủa sả và Chúa Giê-su có rủa sả một số người.

5- Nhiều ẩn dụ, nhiều đến mức đây là điều mà chúng ta mang nợ Lu-ca. Ẩn dụ về người Sa-ma-ri nhân lành. Ẩn dụ về người con trai hoang đàng - người cha hoang đàng và hai cậu con trai lạc mất. Ẩn dụ về người quan án không công bình. Ẩn dụ về người Pha-ri-si và người thu thuế, chẳng phải là một ẩn dụ vĩ đại, một thông điệp thật hay sao? Ẩn dụ về người bạn đang đêm, đập cửa nhà hàng xóm tới khi xin được bánh cho một vị khách đến bất ngờ, và Chúa Giê-su nói rằng: "Các con cần xin Đức Thánh Linh như vậy, các con đi đập cửa Chúa cho tới khi nhận lãnh Đức Thánh Linh. Vì nếu các con là người xấu, còn biết tặng những vật tốt cho con mình, huống chi Cha trên trời lại chẳng ban Đức Thánh Linh cho người xin Ngài sao." Ẩn dụ về cây vả không trái. Ẩn dụ về người quản gia bất trung.

Ẩn dụ về La-xa-rơ và người giàu bị xuống địa ngục, là ẩn dụ duy nhất có tên người trong đó, La-xa-rơ, nên có thể nó nhắc đến một tình huống thực tế, một người có thật. Ẩn dụ về hai con nợ.

6- *Có rất nhiều tình tiết về con người*. Có một kỹ nữ xức dầu cho chân Chúa Giê-su trong nhà một người Pha-ri-si, một trong những câu chuyện cảm động nhất trong các sách Tin lành, và Chúa Giê-su nói: "Người này được tha tội nhiều nên yêu mến nhiều. Những người chỉ được tha ít thì yêu mến ít..." Có người phụ nữ chạm tới gấu áo Ngài giữa đám đông, và Chúa Giê-su biết rằng có sự tốt lành ra từ Ngài. Có tình tiết về Ma-thê và Ma-ri. Có tình tiết về *Xa-chê nhỏ người* phải leo lên cây để thấy Chúa, và sự bất ngờ của ông khi Chúa Giê-su không nhìn mà biết: "Ta sẽ đến nhà con ăn trưa," nghĩa là Chúa Giê-su lỗi hẹn cả chục người mời để kết bạn với một người cao ngang hông thiên hạ. Có câu chuyện về người phù thũng, chuyện về người đàn bà còng lưng. Có chuyện về mười người phong hủi, chỉ có một người trở lại nói lời cảm tạ, rất đúng với thực tế, chúng ta cầu nguyện cuồng nhiệt khi cần giúp đỡ, nhưng có hay trở lại nói lời cảm tạ không? Có tình tiết mẻ cá kỳ diệu, tên cướp sắp bị tử hình, hai người trên đường đến Em-ma-út. Một sách Tin lành tuyệt đẹp, Lu-ca quan tâm đến con người nhiều hơn mọi sách khác. Tất nhiên là một bác sĩ gia đình thường như vậy, nhưng có điều sâu sắc hơn thế.

Có ít nhất *sáu nhóm người* mà *ông đặc biệt quan tâm*, điều này thực sự rất đáng chú ý.

1/ Nhóm đầu tiên là những *người Sa-ma-ri*. Ẩn dụ về người Sa-ma-ri nhân lành sẽ cho bạn biết điều đó, nhưng *chỉ có Lu-ca kể* rằng *người phong hủi trở lại nói lời tạ ơn là người Sa-ma-ri*. Những người còn lại là người Do Thái, họ chỉ nhận phước hạnh chữa lành và coi đó là điều hiển nhiên. Người Sa-ma-ri đã trở lại tạ ơn. Gia-cơ và Giăng muốn gọi lửa từ trời xuống những người Sa-ma-ri vì họ vô lễ với Chúa Giê-su. Tôi thấy thật trớ trêu vì trong sách Công Vụ, Giăng đã trở lại Sa-ma-ri để cầu nguyện cho họ nhận lãnh lửa Thánh Linh, nên Chúa Giê-su nói rằng: "Các con có thể xin lửa từ trời đến trên họ, nhưng không theo cách các con nghĩ. Các con sẽ trở lại vào nhiều năm sau và các con sẽ làm vậy."

2/ Nhóm thứ hai là những *người ngoại*. Ông là một người ngoại, ông không phải là người Do Thái, nên hết lần này đến lần khác, người ngoại đóng vai trò quan trọng trong câu chuyện này: người đàn bà góa Sa-rép-ta, Na-a-man người Sy-ri.

3/Ba là những *người bị ruồng bỏ*, những người mà không ai dám nhìn hay chạm tới, luôn bị khinh bỉ: những người phong hủi, thu thuế, những người chăn chiên và kỹ nữ.

4/Bốn là *phụ nữ*, những người ông đặc biệt quan tâm đến. Ma-thê, Ma-ri, người đàn bà chạm vào gấu áo Chúa, những người nữ khóc thương Chúa Giê-su khi Ngài vác thập tự giá. Lu-ca nhắc đến mười người nữ mà không ai nhắc đến. Lại một lần nữa, đây là phẩm chất của một bác sĩ gia đình, khiến sách Tin lành Lu-ca rất được phụ nữ ưa chuộng.

5/Năm là, ông đặc biệt có lòng với *người nghèo*. Dường như ông thiên vị cho những người nghèo.*"Phước cho những người nghèo khó"* ông ghi lại điều Chúa Giê-su phán. "Khốn cho những kẻ giàu có," và Chúa Giê-su rủa sả người giàu. Khi Ma-thi-ơ nói "Phước cho những người *nghèo khó tâm linh,"* thì Lu-ca nói "Phước cho những người *nghèo khó*," chỉ *nghèo khó* thôi. Sự nghèo khó là phước, ông nói vậy, thật lạ. Vậy nên ông đặc biệt quan tâm đến những *bà góa chồng không có thu nhập*, hết bà góa này đến bà góa khác xuất hiện trong các trang truyện.

6/Và nhóm cuối cùng, thật bất ngờ, lại là *tội nhân*. Lu-ca dành một chỗ rất đặc biệt cho tội nhân. Cần phải biết *tội nhân nghĩa là gì*. Người ta thường nghĩ tội nhân là một người đầy tội lỗi và sai phạm: kẻ ăn thịt người, tội phạm. Nhưng đó không phải *ý nghĩa của tội nhân trong Kinh Thánh*.

Có lần tôi đang ngồi trên chuyến xe du lịch ở Y-sơ-ra-ên, có hai người ngồi phía trước: anh lái xe và hướng dẫn viên người Y-sơ-ra-ên. Có một chiếc micro, tôi cầm và nói với đoàn du lịch: "Tôi muốn các bạn biết tội nhân là gì. Chúng ta *có hai tội nhân* trên chuyến xe này, họ đều đang ngồi phía trước." Và hai anh bạn Y-sơ-ra-ên ngồi trước đớ người ra. Tôi cứ như không biết, tiếp tục nói: "Bạn thấy đó, hai người đang ngồi trên xe với chúng ta là tội nhân. Tội nhân là người bỏ cuộc, không giữ được kinh luật của Môi-se. Hôm nay là ngày Sa-bát, lẽ ra anh này không được lái xe và anh này không được đi hướng dẫn. Nhưng vì áp lực kinh tế, họ phải kiếm sống để nuôi gia đình mình, nên họ đang phá luật của Môi-se vì chúng ta..." Nhưng tôi nói: "Theo lý mà nói thì họ là tội nhân, dù họ có áy náy: 'Mình không thể giữ hết những điều luật này, cuộc sống quá khó khăn' họ vẫn là tội nhân." Hai anh bạn trẻ cứ ngồi thẳng đuột, không dám nhìn quanh nữa. Rồi tôi mơi thong thả nói: "Khi Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a đến, Ngài làm bạn với tội nhân. Ngài không giống như những người chính thống, giữ mọi lề luật, Ngài làm bạn với những người như anh hướng dẫn viên và anh lái xe, Ngài yêu họ và họ yêu Ngài." Và cả hai người quay lại, họ cười ngoác miệng đến tận mang tai. Họ là những người tốt, họ không phải là tội phạm xấu xa, họ không đầy tội ác, họ rất tốt, nhưng họ không thể giữ hết lề luật được. Cuộc sống quá khó khăn và đó là kiểu *"tội nhân"* sẽ cải đạo mà Chúa Giê-su yêu, và họ cũng yêu Ngài, thật tuyệt vời. Thế nên người Pha-ri-si mới ghét Ngài, tất nhiên rồi, vì Ngài hòa hợp với những người không giữ lề luật.

7- Là một Tin lành siêu nhiên. Nó không chỉ quan tâm đến con người trên đất, nó quan tâm đến cả những người trên thiên đàng. Sách Tin lành này *có nhiều thiên sứ* hơn mọi sách khác. Hết lần này đến lần khác, có những thiên sứ bước vào câu chuyện, những *tạo vật thiên thượng* đến, báo tin cho Ê-li-sa-bét hay cho Xa-cha-ri rằng Giăng Báp-tít sắp được sinh ra, thông báo sự giáng sinh của Chúa Giê-su cho Ma-ri. Các thiên sứ phục vụ Chúa Giê-su khi Ngài bị cám dỗ trong đồng vắng. Các thiên sứ phục vụ Chúa Giê-su trong vườn Ghết-sê-ma-nê. Các tạo vật thiên thượng luôn xuất hiện trong sách này.

8- Đức Thánh Linh được nhấn mạnh rất rõ. Tin Lành theo Lu-ca nói nhiều đến Đức Thánh Linh hơn Ma-thi-ơ hay Mác, vì Ngài là *Đấng đem quyền năng đến* cho chức vụ của Chúa Giê-su. Đức Thánh Linh tham gia vào sự giáng sinh của Chúa Giê-su, vào việc Chúa được báp-têm, cùng những phép lạ Chúa làm. Sách Tin lành này kết thúc khi Chúa Giê-su bảo họ đợi tại Giê-ru-sa-lem cho tới khi họ được mặc lấy quyền phép từ trên cao. Lu-ca thật sự rất quan tâm đến Đức Thánh Linh, đặc biệt là trong tập thứ hai của ông - *Sách Công Vụ*.

Trên hết, đây là một sách *Tin lành của sự ngợi khen và thờ phượng*. Bạn luôn được nâng tới thiên đàng. Một số bài hát ngợi khen hay nhất bắt nguồn từ đây, một số hội thánh vẫn còn hát chúng, ví dụ như Bài ca của Mẹ (Magnificat). Trong tiếng La-tin, nó nghĩa là "Linh hồn tôi tôn vinh Thiên Chúa," và đó là bài hát của Ma-ri khi thiên sứ báo tin rằng bà sẽ sinh một con trai. Rồi có bài "Hãy để tôi tớ Ngài được ra đi" (the Nunc dimittis). Bạn đã bao giờ hát bài "Hãy để tôi tớ Ngài được ra đi" chưa? "Lạy Thiên Chúa, hãy để tôi tớ Ngài được ra đi trong an bình..." Dựa trên lời của Si-mê-ôn, ông lão thấy người thợ mộc và vợ anh bế đứa bé trong đền thờ, ông biết đó là Đấng Mê-si-a, ông ngợi khen Chúa và nói: "Chúa ơi, con có thể chết trong hạnh phúc, con thấy Ngài rồi!," đấy là tôi tự diễn giải, nhưng đúng như vậy. "Lạy Thiên Chúa, hãy để tôi tớ Ngài được ra đi trong an bình, mắt con đã

thấy vinh hiển Chúa." Lu-ca là một người thờ phượng Chúa và viết về sự cầu nguyện. Ông viết về những lời cầu nguyện của Chúa Giê-su, nhiều hơn mọi sách Tin lành khác. Trong sách luôn thấy Chúa Giê-su lên núi và nói: "Cha ơi, con cần làm gì nữa, Cha chọn ai để làm môn đồ con? Cha có muốn con đi từ đây không?" Và đời sống cầu nguyện của Chúa Giê-su rất thật, như nay chúng ta đã được dạy và làm theo vậy.

Kết luận

Sách Lu-ca là tin lành cho mọi người. Mọi người có thể thấy bóng dáng mình đâu đây trong từng trang sách. Mọi người có thể đồng cảm với tin lành này ở một điểm nào đó và nói: "Đúng là mình rồi," và điều đó thật tốt cho thế giới người ngoại. Chúng ta lại là người ngoại nên đó là một tin lành tuyệt vời cho chúng ta. Lu-ca muốn Chúa Giê-su dành cho mọi người, hay nói theo cách của ông là *cho "mọi xác thịt,"* một cụm từ xuất hiện liên tục. Nó xuất hiện trong các sách Tin lành. "Mọi loài xác thịt sẽ thấy sự cứu của Đức Chúa Trời" trong sách Công Vụ. "Ta sẽ đổ Thánh Linh Ta trên mọi xác thịt," ông nhấn mạnh điều đó trong cả sách. "Mọi xác thịt" là dành cho tất cả mọi người, không phân biệt xuất thân, chủng tộc, màu da, *Chúa Giê-su là Cứu Chúa của thế giới.*

Đó là một sự nhấn mạnh tuyệt vời. Tuy bắt đầu từ một ngữ cảnh rất Do Thái, nhưng ông đã kết thúc tập hai của ông tại thủ đô của đế chế người ngoại, Rô-ma. Vậy nên ngay từ đầu, ông đã để các thiên sứ hát *"bình an dưới đất, ân ban cho người."* Người ta cũng trích câu đó mỗi dịp Giáng sinh. Có lẽ *đó là khẳng định nổi tiếng nhất trong câu chuyện Giáng sinh.* Ở đây chúng ta có một Tin lành mà ông nói rằng, sẽ đến từ phương Bắc, phương Nam, phương Đông, phương Tây và cùng nhau ngồi trong Vương quốc. Ở đây có một tầm nhìn toàn cầu, trong khi Ma-thi-ơ thấy Chúa Giê-su như Vua của người Do Thái, còn Lu-ca nói rằng Ngài là Cứu Chúa của thế gian, Chúa Giê-su cũng dành cho cả chúng ta nữa. Điều đó khiến sách trở thành một tin lành của mọi người.

Có thể tóm tắt Tin lành Lu-ca bằng ba từ. Đó là *tin lành của con người*, *tin lành thiên thượng*, và trên hết là *tin lành hạnh phúc*. Những từ liên quan đến gốc từ *"vui mừng"* xuất hiện trong sách này nhiều hơn bất kỳ sách tin lành nào khác, có sự vui mừng dưới đất, có sự vui mừng trên thiên đàng. Có một người được cải đạo trong một buổi nhóm, các thiên sứ đã mở tiệc mừng. "Thiên đàng còn vui mừng về một tội nhân ăn năn hơn." Sẽ khó tìm thấy từ *vui mừng* trong *Ma-thi-ơ* hay *Mác*, nhưng là một bác sĩ hạnh phúc, Lu-ca đã viết một *Tin lành hạnh phúc*. Đó là tin lành duy nhất nhắc đến *tiếng cười*, điều đó không thú vị sao? Và sự cứu rỗi dành cho những tội nhân.

Kết luận cô đọng nhất là Tin Lành theo Lu-ca rất thân thiện với người sử dụng. Một trong những câu đề cập tới ở phần đầu, mà có thể như chưa nghe đến:*"Nhà ta sẽ đầy người"* trong ẩn dụ về bữa tiệc lớn. Người mở tiệc gửi lời mời, nhưng khách mời bắt đầu viện cớ: "Tôi mới cưới vợ, tôi không đến được," "Tôi vừa mua một đôi bò, tôi phải cày thử đã," "Tôi có mua một đám đất, tôi phải đi xem thế nào đã." Người chủ tiệc nói với gia nhân: "Nếu họ không đến, hãy ra đường và thuyết phục mọi người vào." Họ đã làm như vậy, rồi quay lại với chủ tiệc và nói: "Chúng tôi đã ra đường mời mà vẫn còn ghế trống." Ông nói: "Thế thì hãy vào đường làng, đi xa hơn nữa mà mời người ta vào." Rồi ông nói: *"Nhà ta sẽ đầy người."* Thiên đàng sẽ như vậy, sẽ không còn một ghế trống nào, thiên đàng sẽ đầy người và Chúa sẽ bổ sung đủ số người trong gia đình Ngài, và Ngài sẽ bảo chúng ta đi càng xa càng tốt, đưa người ta vào vì "Nhà ta sẽ đầy người." Nó sẽ đầy người ngoại, người Sa-ma-ri, tội nhân, phụ nữ, người nghèo, nó sẽ đầy người, và điều đó gói trọn Tin lành theo Lu-ca. Cảm tạ Chúa vì Lu-ca đã đưa nó đến cho chúng ta.

TƯ LIỆU ĐỘC ĐÁO	NHỮNG NGƯỜI ÔNG QUAN TÂM	CHIỀU KÍCH SIÊU NHIÊN
SỰ GIÁNG SINH	NGƯỜI SA-MA-RI	CÁC THIÊN SỨ
THỜI NIÊN THIẾU	NGƯỜI NGOẠI	SỰ CẦU NGUYỆN
GIA PHẢ	NGƯỜI BỊ RUỒNG BỎ	ĐỨC THÁNH LINH
SỰ DẠY DỖ	PHỤ NỮ	SỰ THỜ PHƯỢNG
CÁC ẨN DỤ	NGƯỜI NGHÈO	TƯƠNG LAI
TÌNH TIẾT	TỘI NHÂN	
SỰ THĂNG THIÊN		

Lẽ ra xem đến bảng tổng hợp này sớm hơn, bảng cho thấy những *tư liệu độc đáo* trong Tin Lành theo Lu-ca: sự giáng sinh, thời niên thiếu, gia phả, sự dạy dỗ, các ẩn dụ, tình tiết và tất nhiên, nó kết thúc với việc Chúa Giê-su thăng thiên. Tư liệu này không có trong các sách Tin lành khác, và đó là mắt xích mà Lu-ca dùng *để liên kết với tập hai*. Tư liệu này kết thúc với sự thăng thiên và sách Công Vụ bắt đầu từ đó. Một lần nữa điểm lại *những con người ông quan tâm* đến: người Sa-ma-ri, người ngoại, người bị ruồng bỏ, phụ nữ, người nghèo khó và tội nhân. Hãy luôn nhớ *nghĩa của từ tội nhân*, là một người không thể giữ mọi lề luật. Rồi chúng ta cũng xem xét *chiều kích siêu nhiên*, các thiên sứ, sự cầu nguyện, Đức Thánh Linh, sự thờ phượng và *tương lai* của Vương Quốc sắp đến, ngày lớn sẽ đến *khi Con Người trở lại*. Tất cả đều xếp gọn trong bảng tổng hợp này, thật là một sách Tin lành tuyệt vời. Giờ thì bạn có thể bắt đầu đọc nó.

Giới thiệu

Chúng ta đã và đang nói về Kinh Thánh như một thư viện gồm nhiều loại sách và có hai mặt của Kinh Thánh mà chúng ta cần giữ cân bằng. Một là *sự đa dạng* và hai là *sự thống nhất*. Đa dạng vì thực tế rằng có 40 trước giả khác nhau trong Kinh Thánh, trải suốt 1400 năm và viết bằng ba thứ tiếng, thế mà không một ai nhận ra rằng họ đang viết Kinh Thánh. Có sự đa dạng còn bởi Đức Thánh Linh không dùng người như thể một công cụ xử lý văn bản, mà Ngài dùng tính khí, sở trường và văn phong khác nhau của họ. Có sự đa dạng phong phú như vậy nhưng tựu chung lại có sự thống nhất xuyên suốt, vì nó có một *Chủ bút thiên thượng*. Với *40 trước giả là con người* và *một Chủ bút thiên thượng*, nên Kinh Thánh *có sự đa dạng và thống nhất*.

Hai giá trị quý báu này lại làm một số Cơ Đốc nhân sợ. Nhóm Cơ dốc nhân tự do, *sợ sự thống nhất* của Kinh Thánh. Họ muốn nhặt, chọn và tách bạch phần này với phần kia, xé Kinh Thánh thành các mẩu và miệng đọc Kinh Thánh còn tay cầm kéo, cắt bớt những gì họ cho là không hợp. Nhưng Cơ Đốc nhân Tin lành lại *sợ sự đa dạng*, họ sợ tìm thấy những trái ngược, hoặc mâu thuẫn. Thực sự có những khác biệt rõ ràng mà chúng ta cần nghiên cứu thật kỹ để phân tích.

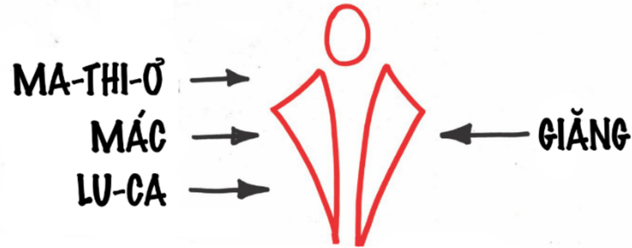
Chúng ta đang cùng nhau nghiên cứu sự đa dạng của Kinh Thánh, và thấy rằng mỗi sách một khác, khiến Kinh Thánh *trở nên phong phú*. Khi chỉ nhặt những *câu/đoạn* Kinh Thánh muốn để coi đó như một sự thống nhất, gần như đồng dạng, như thể tất cả chỉ là *một sách* với một thông điệp, theo một văn phong, với một nội dung. Nhưng không phải vậy. Đó là *một thư viện* sách. Kinh Thánh là Lời Chúa, nó phản ánh chính Chúa, và *trong chính Chúa đã có sự đa dạng và hiệp nhất*. Chúa Cha và Chúa Con khác nhau, Thánh Linh khác Chúa Cha và Chúa Con. Nhưng chúng ta tin vào một Đức Chúa Trời, ở đó có *sự hiệp nhất tuyệt vời*, dù có sự đa đạng. Điều đó được thể hiện trong Lời Chúa, những tính khí khác nhau của các trước giả chấp bút nên Kinh Thánh, mỗi người có cách nhìn riêng, phong cách riêng, nhưng *Đức Thánh Linh - Chủ bút thiên thượng*, đã giữ được sự thống nhất tuyệt đẹp này cho cả thư viện. Nếu đối chiếu ba chương đầu và hai chương cuối của Kinh Thánh, tức là *Sáng Thế Ký 1-3* và *Khải Huyền 21-22*, do hai trước giả cách nhau hàng ngàn năm, sẽ kinh ngạc khi thấy cách các chương sách ấy kết nối với nhau, làm người ta nghĩ đó là do cùng một người viết.

Sự tương phản giữa Giăng với ba sách Tin lành cộng quan

Điều đầu tiên mà bạn nhận ra ở Giăng là sự tương phản rõ rệt giữa sách này với *ba sách Tin lành cộng quan*. Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca đều có cái nhìn chung từ cùng một góc độ về Chúa Giê-su, trong khi Giăng nhìn từ một góc độ khá khác. Ba sách Tin lành cộng quan nhìn vào bề ngoài của Chúa Giê-su, còn Giăng nhìn vào bề trong của Ngài. Trong bài về sách Ma-thi-ơ, đã nói tới mối quan tâm của xã hội đến một vĩ nhân hoặc người nổi tiếng vừa qua đời thường theo ba giai đoạn. Thoạt đầu họ quan tâm đến những điều người ấy *đã làm*. Sau đó là những gì người ấy *nói*. Giai đoạn ba là về *con người* của người ấy. Sách Giăng thuộc mối quan tâm ở *giai đoạn ba*. Giăng đang *nhìn Chúa Giê-su từ bên trong*. Ngài như thế nào, *con người thật* của Ngài là gì? Sự tương phản này cụ thể theo năm cách.

GIĂNG Sự tương phản giữa Giăng với ba sách Tin lành cộng quan

1. Bỏ đi nhiều tư liệu
2. Thêm vào một số điều
3. Xét các cá nhân cụ thể
4. Thay đổi trọng tâm
5. Văn phong



BA SÁCH CỘNG QUAN – THỜI GIAN (Chiều ngang) Hê-bơ-rơ
Hiện tại : Tương lai. 'Thời kỳ'
GIĂNG – KHÔNG GIAN (Chiều dọc) - Hy Lạp
Trên trời : Dưới đất. 'Thế gian'
A. TRƯỚC GIẢ (Người viết): Môn đồ được yêu
Sứ đồ được sống
B. MỤC ĐÍCH (Lý do ông viết): Kết thúc ~ SỰ SỐNG (có) danh từ
Ý nghĩa ~ Tin (làm) động từ

1. Sách Giăng *bỏ đi nhiều tư liệu* có trong ba sách Tin lành cộng quan. Ông bỏ đi vì chúng đã được diễn đạt quá tốt và quá nhiều rồi, hay bỏ đi vì một lý do nào khác? Đó là vì một lý do đặc biệt. Chúng ta không thấy sách Giăng nhắc đến các sự kiện: Sự hoài thai hoặc giáng sinh của Chúa Giê-su, Sự báp-têm của Ngài, Những cám dỗ bẫy Ngài, Các lần Ngài đuổi quỷ, Sự hóa hình khi Chúa đưa Phi-e-rơ, Gia-cơ và cả Giăng lên núi, Lễ Tiệc thánh với bánh và rượu. Không nhắc đến vườn Ghết-sê-ma-nê và sự tranh chiến của Chúa Giê-su tại đây. Không nhắc đến sự Thăng thiên. Có lẽ bạn *chưa bao giờ để ý đến điều đó* vì khi đọc Kinh Thánh, bạn không để ý đến những điều không được nói đến. Nhưng cũng *cần để ý những gì không được nói đến*.

Tại sao ông lại bỏ tất cả những điều đó? Vì chúng không liên quan đến những điều ông muốn nói. Ông đang *nói với chúng ta một điều khá khác* với những Tin lành kia và không có lý do gì phải đưa chúng vào sách. Chỉ có bảy *phép lạ* trong Giăng, trong khi những Tin lành kia có cả chục phép lạ. Gần như không thấy Giăng nói đến *Vương quốc*. Đây là một bất ngờ, vì nó xuất hiện thường xuyên trong ba sách kia. Thực ra, từ đó có xuất hiện hai lần, một lần khi Chúa Giê-su nói với Ni-cô-đem: "Nếu một người không được sinh lại, thì không thể thấy *Vương quốc* Đức Chúa Trời," lần khác khi Ngài nói với Phi-lát: "*Vương quốc* của Ta không thuộc về thế gian nầy."

2. *Thêm vào một số điều rất quan trọng*. Trong bảy phép lạ mà Giăng nhắc đến, có *năm phép lạ hoàn toàn mới*. Năm phép lạ mới: Việc *biến nước thành rượu* và kết thúc bằng *việc khiến La-xa-rơ sống lại*. Tại sao Giăng lại lựa chọn các phép lạ theo cách hoàn toàn khác? Ông *không gọi chúng là phép lạ*, ông gọi chúng là *dấu lạ*. Dấu lạ luôn chỉ ra một điều lớn hơn chính nó. Ông coi những sự kiện này là điều rất ý nghĩa. Người bình thường chỉ quan tâm đến việc thấy các phép lạ, Giăng quan tâm xem các *phép lạ chỉ ra điều gì*. Ông nhìn vượt lên trên nó, cố hiểu xem nó đang nói gì, nên ông gọi nó là *dấu lạ*. Ông chọn những *dấu lạ* chỉ ra rõ nhất những điều ông muốn hướng người đọc đến.

Trong những điều thêm vào, *Phi-e-rơ và việc rửa chân* chỉ xuất hiện trong sách Giăng. Đó là một câu chuyện rất quan trọng với ông.

3. *Xét đến các cá nhân cụ thể*. Giăng theo dõi và ghi lại được nét đặc biệt trong mối quan tâm về con người của Chúa. Chúa Giê-su nói chuyện *với từng người*, người phụ nữ bên giếng nước Sa-ma-ri, Ni-cô-đem, và nhiều cá nhân khác. Trong khi ở những sách kia, là câu chuyện của Ngài với *những đám đông* đi theo và nghe Ngài. Nhưng ở sách Giăng, Ngài luôn trò chuyện với *từng cá nhân*. Đặc biệt, Ngài còn nói về *cá nhân mình*. Có *bảy tuyên bố quan trọng* của Chúa Giê-su về chính *con người* Ngài. Bảy lần Chúa nói đến *"Ta là"*: *- Ta là Bánh từ Trời. - Ta là Ánh sáng của thế gian. - Ta là Người chăn Nhân lành. - Ta là Cái cửa. - Ta là Sự sống lại và Sự sống. - Ta là Đường đi, Chân lý và Sự sống. - Ta là Cây nho thật.* Sao những trước giả khác lại bỏ qua những điều đó nhỉ? Đó là điều thật lạ. Những khẳng định quan trọng như vậy, thế nào mà ba trước giả kia lại quên chúng. Chúng không in sâu vào tâm trí họ, nhưng với Giăng, đó là những điều quan trọng nhất mà Chúa Giê-su từng nói. Vì đó là những *dấu hiệu, dấu chỉ* nói tới *con người của Ngài*, đó là điều đặc biệt chỉ được Giăng quan tâm.

4. *Có sự thay đổi trọng tâm*. Các sách Tin lành kia, vì dựa trên dàn ý của Mác, có xu hướng dùng cốt truyện của Mác về 30 tháng hoạt động của Chúa tại Ga-li-lê ở miền Bắc, sau đó mới đến sáu tháng ở miền Nam. Nhưng trọng tâm của Giăng khá khác, gần như toàn bộ sách tập chú ở miền Nam. Thật thú vị là Chúa hoạt động ở miền Nam trước chứ không phải sau. Có vẻ như lại có mâu thuẫn rồi. Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca nói rằng Chúa Giê-su dành 30 tháng đầu của chức vụ ở miền Bắc. Nhưng Giăng lại nói thời điểm đó Ngài ở miền Nam. Các học giả tự do lại có cớ chỉ ra sự mâu thuẫn ở đây, bảo rằng cả hai sách không thể đúng về mặt lịch sử được. Thực sự chỉ cần đọc kỹ sách Giăng, sẽ thấy đúng là Chúa Giê-su đến miền Nam từ đầu, Ngài đã đến để dự các kỳ lễ hàng năm. Như mọi người Do Thái gốc gác khác, Ngài đến Giê-ru-sa-lem mỗi năm ba lần. Giăng tập trung vào những lần Ngài viếng thăm này, thay vì những việc Ngài đã làm tại miền Bắc trong thời điểm ấy. Giăng đang nêu bật những chuyến thăm Giê-ru-sa-lem mỗi năm ba lần, như tới dự Lễ Lều tạm mà không trước giả nào nhắc tới. Chúa Giê-su đã dự kỳ lễ đó và đã nói một số điều khá quan trọng tại đó. Nên không có sự mâu thuẫn. Nhưng đó là sự khác biệt.

5. Về *văn phong*. Sách Giăng *không kể những ẩn dụ ngắn*. Thay vào đó, dường như Chúa Giê-su tham gia vào những cuộc tranh luận không hồi kết, có *những cuộc đàm luận dài* thay vì những câu chuyện ngắn rất đơn giản. Dường như khi Chúa Giê-su xuống phía Nam, Ngài đã thay đổi toàn bộ phong cách giảng dạy. Vì tại đây, Ngài luôn phải tham gia vào những cuộc tranh luận với người Do Thái về chính Ngài. C*hương 8* là một ví dụ rất hay cho điều này, khi người Do Thái nói với Chúa Giê-su một cách rất thô tục: "Chúng tôi biết cha chúng tôi là ai," rồi lại cạnh khóe: "Chúng tôi không phải là con ngoại tình, *không phải con hoang*..." Rất sống sượng trơ trẽn, đúng không? Nhưng Chúa Giê-su bình thản trả lời: "Ta biết Cha Ta, các ngươi không biết Ngài, nhưng Ta biết Ngài." Toàn bộ những tháng ngày ở miền Nam là một cuộc thảo luận, đối thoại, một cuộc tranh luận nảy lửa kéo dài giữa Chúa Giê-su và người Do Thái.

Điều này dẫn đến một điểm rất quan trọng. Khi chúng ta thấy sách Giăng thấy viết rằng người Do Thái ghét Chúa Giê-su, rằng Chúa Giê-su luôn tranh luận với người Do Thái, rằng người Do Thái đã đóng đinh Ngài, chúng ta *nghĩ là điều này diễn ra trên cả nước*. Đó là một nhận thức *sai lầm rất nghiêm trọng*. Than ôi, *sai lầm này đã sinh ra chủ nghĩa bài Do Thái* trong hai ngàn năm qua. Điều

đó cũng rất đáng buồn trong lịch sử của thái độ của Cơ Đốc nhân đối với người Do Thái: *"Các người đã giết Chúa Giê-su..."*

Hãy nhớ rằng, khi Giăng nói đến *người Do Thái* là ông nói đến những *người Giu-đê ở miền Nam*, chứ không phải nói đến *người Ga-li-lê* ở miền Bắc. *Điều này rất, rất quan trọng*. Giăng, chính ông là người Do Thái, Chúa Giê-su cũng vậy, các Sứ đồ cũng vậy, không hề nói rằng: "Tất cả chúng tôi đều tham gia vào việc này." Ông chỉ nói người Giu-đê là những người mà Chúa Giê-su không thể hòa hợp được. Mỗi khi tới miền Nam, Ngài va phải "Người Do Thái" nghĩa là người Giu-đê. Thật sự cần biết rằng *sách Tin Lành theo Giăng không bài Do Thái.* Nhưng người Do Thái không thích sách Tin lành theo Giăng vì có quá nhiều Cơ Đốc nhân đã dùng nó để chỉ mặt họ: "Người Do Thái các người đã giết Chúa Giê-su..." Nhưng không, nhiều người Do Thái đã yêu Chúa Giê-su, đã theo Ngài và chính họ là những người đã lập hội thánh ban đầu cho chúng ta. Nên chúng ta cần hiểu rõ để suy xét cho khách quan.

Sự khác biệt về văn phong chính là ở chỗ viết về những cuộc đàm luận dài, thảo luận về thần học, chứ không phải về đạo đức, thảo luận về những điều chúng ta tin, chứ không phải cách hành xử. Giăng viết rất ít về việc chúng ta phải hành xử thế nào, là điều Ma-thi-ơ lại viết rất nhiều.

6. Có sự khác biệt rất lớn *trong cách nhìn*, điều này khó giải thích hơn một chút. *Tư duy Hê-bơ-rơ* rất khác *tư duy Hy Lạp*. Điều này sẽ còn đề cập đến liên tục khi chúng ta xem xét những sách khác trong Kinh Thánh. Nền giáo dục phương Tây *quá Hy Lạp* đến nỗi chúng ta đọc Kinh Thánh cũng qua lăng kính Hy Lạp. Sách Giăng pha trộn cả hai kiểu tư duy. Ông viết sách này ở một địa danh đậm chất Hy Lạp, tại *thị trấn Ê-phê-sô,* phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, thời đó là Tiểu Á, nơi điển hình về sự pha trộn giữa tư duy Hy Lạp và Hê-bơ-rơ. Giăng hòa mình trong môi trường sống đó nên đã pha trộn chúng vào cách nhìn các sự kiện.

Tư duy Hê-bơ-rơ nhìn *dòng thời gian theo chiều ngang*, có: *quá khứ, hiện tại và tương lai*. Chúa của quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả tư duy của người Hê-bơ-rơ đều theo dòng thời gian này, và thời gian *có mục đích và diễn tiến*. N*gười Hy Lạp* không nghĩ như vậy, tư duy Hy Lạp nhìn vào *dòng không gian theo chiều dọc*, có: *trên và dưới, trời và đất*.

Khi suy nghĩ theo *tư duy Hê-bơ-rơ,* người ta đi theo dòng lịch sử, thời gian sẽ đóng vai trò quan trọng. Nó đi theo một hướng và sẽ đến đâu đó. Chúa sẽ quyết định nó đi tới đâu, Ngài đã bắt đầu thì Ngài sẽ làm trọn. Họ luôn suy nghĩ tới quá khứ, hiện tại và tương lai. Ở ba sách Tin lành cộng quan, Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca đi theo dạng dòng thời gian như vậy. Nhưng ở sách Giăng, ông không bỏ tư duy đó vì ông là người Do Thái, nhưng ông đã chủ yếu dùng tư duy dòng không gian theo chiều dọc giữa trời và đất, trên và dưới. *"Chưa hề có ai lên trời, trừ ra Đấng từ trời xuống, ấy là Con người vốn ở trên trời..."*

Bạn có thấy kiểu tư duy theo không gian với chiều dọc không? Chúa Giê-su từ trên cao và Ngài đã đến với con người ở dưới. Ngài đã xuống. Đó là tư duy xương sống của sách Giăng, *một Tin lành lên và xuống*, còn ba sách kia là *Tin lành bây giờ và sau này*. Sách Giăng dùng cả hai phương pháp, nhưng có đặc biệt nhấn mạnh vào *"Ta đến từ trên cao"* từ một thế giới quan đậm chất tư duy Hy Lạp. Nên sách Giăng cũng có sự khác biệt là đa dạng trong tư duy. Có sự kiện sẽ nhìn theo tư duy Hê-bơ-rơ, có hiện tại và tương lai. Có một *từ khóa* trong tư duy chiều ngang là từ *thời kỳ: thời kỳ gian ác* hiện tại, *kỳ hầu đến*. Còn từ khóa trong tư duy chiều dọc ở đây là *trời* và *thế gian*. "Đức Chúa Trời

yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài *từ trời xuống đất* để cứu chuộc chúng ta." Tư duy theo chiều dọc này sẽ còn thấy đặc biệt trong sách Hê-bơ-rơ.

Về trước giả

Giăng là một người rất, rất đặc biệt. Ông là một người đánh cá kiêm bán lẻ. Ông đánh cá tại Ga-li-lê, nhưng có những mối liên hệ tại Giê-ru-sa-lem để bán cá dưới đó sau khi đánh bắt được tại biển hồ Ga-li-lê. Ông trở thành người của cả hai miền, miền Bắc và miền Nam, trong khi hầu hết các Sứ đồ là người miền Bắc. Thực ra, chỉ có một người miền Nam chính cống duy nhất trong mười hai môn đồ là Giu-đa thành Kê-ri-giốt, hay *Giu-đa Ích-ca-ri-ốt*, dù sao hắn cũng là kẻ không xứng đáng, chúng ta biết vậy. Chúa Giê-su thực sự được ủng hộ ở miền Bắc, nhưng Giăng là cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam, và ông có những mối liên hệ có ảnh hưởng ở miền Nam.

Trong 12 môn đồ, có ít nhất 5 hoặc 7 người, là họ hàng của chính Chúa Giê-su, chứng tỏ là Chúa Giê-su rất có tầm ảnh hưởng. Ngài đã chiêu mộ được nhiều người trong gia đình - nhưng không phải anh chị em ruột. Tới tận khi Ngài phục sinh, trong bốn anh chị em ruột vẫn không có người nào tin vào Ngài. Nhưng anh em họ thì có, từ những này mà Ngài chiêu mộ được ít nhất 5, hoặc có thể là 7 trong 12 Sứ đồ. Mãi sau sự phục sinh, anh em ruột Ngài mới trở nên những giáo sĩ cừ khôi và hai trong số họ viết một phần Tân Ước là *Gia-cơ và Giu-đe*. Trong số môn đồ, Ngài có ba môn đồ rất gần gũi là *Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng*. Trong ba người đó, *có một người đặc biệt*. Chúa Giê-su không yêu ai hơn ai, nhưng rõ ràng là Ngài có vòng trong, và người đặc biệt này.

Thời đó người bình dân ngồi ăn, họ không ngồi trên ghế, họ ngồi bệt và nghiêng người về một bên, chân họ phải quay ra sang người bên cạnh, nên họ mới phải nhờ người khác rửa chân cho mình trước khi ăn. Trong tư thế ngồi ăn, người ta có dựa vào ngực ai đó, người dựa ngực chủ tiệc hẳn là bạn chí cốt, bạn tâm giao, người thân thiết nhất của ông ta. Mỗi khi các môn đồ ngồi vào bàn, Giăng ở vị trí đó. Và, một cách rất khiêm tốn, ông không nói rõ điều này, nhưng xuyên suốt sách Tin lành, ông chỉ có nói đến một "môn đồ Đức Chúa Giê-su yêu thương," thì đó chính là Giăng.

Hơn nữa, ông không chỉ gần gũi với Chúa Giê-su nhất mà còn là Sứ đồ duy nhất còn sống, *người cuối cùng biết Chúa Giê-su cách cá nhân*. Tất cả những người khác đã bị sát hại khi ông bắt tay vào viết sách này. Nên ông phải viết thật nhanh vì ông là người cuối cùng, và ông biết Chúa Giê-su rõ hơn mọi người khác. Trước kia ông ở vị trí có thể thì thầm với Ngài, và nhiều lần nói chuyện riêng với Ngài, ngay cả khi họ ở cùng những môn đồ khác. Nên ông có sự nhìn nhận rất độc đáo. Giờ ông đã già, và ở cuối sách, ông kể lại câu chuyện về Phi-e-rơ, nổi tiếng tò mò, có hỏi là điều gì sẽ xảy ra với Giăng, sau khi Chúa Giê-su bảo Phi-e-rơ rằng: "Con sẽ bị đóng đinh, Phi-e-rơ ạ." Nghe lời ấy trong suốt 30 năm sau Phi-e-rơ sống mà biết mình sẽ chết. Còn khi ấy, vừa nghe Chúa bảo vậy thì Phi-e-rơ vọi hỏi Chúa: "Thế chuyện gì sẽ xảy ra với Giăng?," làm Chúa lại phải bảo: "Con biết việc con đi đã, Phi-e-rơ ạ." Rồi Ngài mới thong thả: "Nếu Ta muốn người ấy cứ ở lại cho tới lúc Ta đến thì can hệ gì đến con? Phần con, hãy theo Ta..."

Và từ ngày đó, người ta cứ đồn rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại trước khi Giăng chết. Nhưng Chúa Giê-su không nói như vậy. Giăng đã nói như thế ở cuối sách của mình, rằng đó không phải những gì Chúa Giê-su muốn nói. Ngài chỉ đang bảo Phi-e-rơ *hãy biết việc mình*. Nhưng đúng là Giăng đã sống sót, và có lẽ vì thế mà Chúa Giê-su giao mẹ Ngài cho Giăng chăm sóc. Tôi luôn thắc mắc tại sao anh chị em Ngài không chăm sóc Ma-ri. Họ bị giết vì cớ Chúa Giê-su và Chúa Giê-su đã giữ Giăng sống sót, không chỉ để chăm sóc mẹ Ngài. Tôi nghĩ Chúa Giê-su để Giăng không bị ám sát vì Ngài muốn

ai đó giữ mãi sự nhận biết đó, sự nhận biết cá nhân về chính Ngài, và cuối cùng, rõ ràng là Ngài đã dẫn dắt ông viết nó ra. Tin lành này đã đến tay chúng ta như vậy.

Ông không ngại mở rộng những lời của Chúa Giê-su. Ông diễn giải những gì Chúa Giê-su nói để nó được trọn ý. Ông thực sự tin rằng mình hiểu rõ ý của Chúa Giê-su nên ông có thể mở rộng những gì Ngài nói. Ví dụ, *Giăng 3:16* chép rằng: *"Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài."* Đó là điều mà ai đó sẽ nói về Chúa Giê-su, thế mà rõ ràng là nó từ miệng của Chúa Giê-su. Đó là điều ta sẽ thấy xuyên suốt sách Giăng. Giăng mở rộng những điều Chúa Giê-su nói vì ông thực sự hiểu ý nghĩa của nó và ông rút ra những ngụ ý, gần như đặt nó vào miệng Chúa Giê-su. Nhưng ông đang diễn giải, ông đang giải nghĩa những điều Chúa Giê-su nói cho chúng ta. Đức Thánh Linh đang dẫn dắt ông làm vậy. Nhưng đúng là đôi khi người đọc tự hỏi không biết là Chúa Giê-su đang nói hay Giăng đang mở rộng những gì Ngài nói. Có thể là một trong hai, nhưng đó vẫn là Lời xác thực của Chúa và được thần cảm cho chúng ta.

Mục đích của sách

Mục đích viết sách *là chìa khóa thực thụ để giải mã* Kinh Thánh. Cũng giống như Ma-thi-ơ *đưa mục đích vào cuối* sách Tin lành của ông là về "*Môn đồ hóa muôn dân và dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền."* Đến cuối sách Tin lành theo Giăng cũng vậy, ông đưa lý do: "Cả thế gian cũng không thể chứa hết sách nếu viết ra mọi điều Chúa Giê-su đã nói và làm. Nên tôi đã cẩn thận chọn lọc tư liệu để *viết cho một mục đích*: Để người ta *có thể tin* rằng Chúa Giê-su là Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời hằng sống và *khi tin*, người đó có thể có sự sống trong danh Ngài..."

Sẽ cần dịch lại *động từ tin* này cho đúng với *mục đích* của sách Giăng. Chúng ta đều biết Tân Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp, và tiếng Hy Lạp có những *thì động từ* đặc thù riêng. Không phải lúc nào *thì động từ này* cũng xuất hiện trong tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác được dùng dịch Kinh Thánh. T*hì động từ* rất quan trọng đó là *thì hiện tại tiếp diễn,* dùng để diễn đạt ý *"tiếp tục làm gì đó."* Ví dụ để dịch sang tiếng Anh cho đủ ý, phải thêm vào động từ ấy hai từ *"tiếp tục."* Trong lời Chúa Giê-su nói "Hãy *xin* sẽ được, hãy *tìm* sẽ gặp, hãy *gõ* và cửa sẽ mở cho các con," qua văn bản tiếng Hy Lạp không nghĩa là *làm một lần là đủ*, mà đúng ý của lời Ngài, phải được dịch để hiểu là: "Hãy *tiếp tục xin* thì sẽ được, hãy *tiếp tục tìm* thì sẽ gặp, hãy *tiếp tục gõ* thì cửa sẽ mở cho các con..."

Và đã có người bảo tôi rằng: "Có lần tôi *xin* Đức Thánh Linh mà không có gì xảy ra." Tôi nói: "Nhưng Chúa Giê-su nói rằng hãy *tiếp tục xin*, huống chi Cha ở trên trời lại chẳng ban Đức Thánh Linh cho người xin Ngài sao!" Và nếu bạn thực sự muốn điều gì đó, bạn cứ tiếp tục xin, phải không? Và trong ngữ cảnh của *Lu-ca 11*, khi Chúa Giê-su nói rằng *hãy tiếp tục xin Đức Thánh Linh*, Ngài đã kể câu chuyện một người gõ cửa nhà hàng xóm xin bánh cho người khách lạ vừa tới, anh phải *tiếp tục gõ* cho đến khi họ phải ra khỏi giường và cho thứ anh ta cần. Nên *hãy tiếp tục*.

Bây giờ, hãy nghe câu mà tôi vừa trích dẫn được dịch cho đúng: "Các việc nầy được ghi chép để anh em *tiếp tục tin* rằng Đức Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời, và để khi anh em *tiếp tục tin* thì *tiếp tục được* sự sống đời đời." Hãy nghe *Giăng 3:16* và nó sẽ thay đổi, có thể nghe hơi lạ với bạn, nhưng hãy nghe: "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài, để hầu cho ai *tiếp tục tin* Con ấy không bị hư mất mà *tiếp tục được* sự sống đời đời." Điều đó có thay đổi ý nghĩa của câu này với bạn không? Nên như vậy. Không phải là bất cứ ai *từng tin,* mà là bất cứ ai *tiếp tục tin*. Chắc là bạn đã nghe điều này với *Ê-phê-sô 5:18* "Phải *tiếp tục đầy dẫy* Đức Thánh Linh." Đức tin cứu bạn là *đức tin tiếp tục tin*. Đức tin hôm qua của bạn sẽ không cứu bạn trong hôm nay.

Đức tin 20 năm trước của bạn sẽ không cứu bạn vào ngày mai. *Đức tin là tiếp tục tin*, và *đó là mục đích*.

Như vậy, Giăng không viết sách để bạn có thể đến tin nhận Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời, nhưng *để bạn có thể tiếp tục*. Nó được viết cho những Cơ Đốc nhân trưởng thành để giữ họ trong đức tin, để họ không bao giờ lạc khỏi hiểu biết về Chúa Giê-su là ai và sẽ *tiếp tục tin*, từ đó *tiếp tục có sự sống*. Sự sống đời đời là cả số lượng và chất lượng của cuộc sống. Nó vừa vĩnh cửu vừa sung mãn, và cả tính từ định lượng và định tính của nó là *đời đời*. Nó không chỉ là tiếp tục sống, nó là *tiếp tục thực sự sống*. Người Ireland có một câu chào rất thích: "Chúc anh sống trọn những ngày của cuộc đời mình..." Đó là điều Chúa Giê-su đến để thực hiện. Chính xác là Ngài đến để chúng ta có thể sống trọn đời sống mình, thực sự sống, và có sự sống sung mãn hơn. Nhưng bạn chỉ có thể làm như vậy khi bạn *tiếp tục tin*. Nó không xảy ra nếu bạn chỉ tin một lần vào 20 năm trước. Bạn sẽ tận hưởng sự sống đời đời trong hôm nay nếu bạn tin vào Chúa Giê-su trong hôm nay, bạn sẽ hưởng sự sống đời đời vào ngày mai nếu bạn *tiếp tục tin*, và nếu *tiếp tục tin* thì bạn sẽ không hư mất, nhưng *tiếp tục có* sự sống đời đời đời.

Điều này rất quan trọng, vì *cái kiểu "được cứu một lần là đủ cả" là một câu nói gọn ghẽ sáo rỗng*. Nhân tiện, người ta không tìm thấy câu này trong Tân Ước. Nhưng người ta đang dựa vào nhiều năm trước, khi họ làm chứng, họ chỉ nói về nhiều năm trước. Họ đang dựa vào một *sự an ninh giả dối*. Chính đức tin hôm nay của tôi cứu tôi trong hôm nay, đức tin ngày mai của tôi cứu tôi vào ngày mai. Hãy *tiếp tục tin* và bạn *tiếp tục có sự sống*, đó là mục đích Giăng viết sách Tin lành của ông.

TIN *(98x)*
1. TÍN ĐIỀU ~ tin ĐIỀU GÌ ĐÓ
Tiếp nhận lẽ thật (lời nói và việc làm)
2. TIN CẬY ~ tin AI ĐÓ
Làm theo lẽ thật (tin cậy & vâng lời)
3. TIẾP TỤC TIN ~ TIẾP TỤC tin cậy
Giữ chắt lấy lẽ thật (đức tin & sự thành tín)

LẼ THẬT ~ không phải là một vật
mà là một người.
a. Quá tôn cao Giăng Báp-tít
b. Quá hạ thấp Chúa Giê-su
Thần tính nhiều hơn nhân tính?
Nhân tính nhiều hơn thần tính?
Nữa con người, nữa Đức Chúa Trời?
100% con người, 100% Đức Chúa Trời!

Hãy đi sâu vào điều được gọi là *động từ tin*. *Có ba khía cạnh của đức tin* trong sách Tin lành theo Giăng, và trong ba thư tín sau này của ông nữa. Động từ *'Tin'* xuất hiện 98 lần trong sách. Như vậy là hơn rất nhiều so với cả ba sách Tin lành cộng quan cộng lại. Kể cả riêng Ma-thi-ơ, dù *đức tin* là một *đặc điểm của sách Ma-thi-ơ*. Gần 100 lần Giăng nói về *động từ "Tin,"* và ông *dùng động từ chứ không phải danh từ*. Ông hiếm khi nói về *đức tin*, ông luôn nói về *động từ tin*. Vì *"Tin"* là điều ta làm, là một điều *chủ động*, nó *là động từ*, không phải danh từ. Nó không phải điều bạn có, nhưng là điều bạn làm, nên ông luôn dùng động từ.

Có *ba khía cạnh của động từ 'Tin'* trong sách Giăng, rất tiếc là nhiều người không phải lúc nào cũng hiểu ba khía cạnh này. Tạm đặt cho mỗi khía cạnh một cái tên hơi chữ nghĩa một chút. Hãy xem ba từ thể hiện ba khía cạnh của động từ 'TIN'.

1. Tín điều. Nghĩa là tin rằng một *điều gì đó* là đúng đắn. Từ khóa ở đó là *"rằng."* Tin *rằng* Chúa Giê-su đã chết, tin *rằng* Ngài đã sống lại. Tức là *tin vào* những sự kiện lịch sử nhất định. Tức là *tiếp nhận sự đáng tin cậy* của Tin lành, *tiếp nhận lẽ thật*. Nhưng tất nhiên *đó không phải là đức tin cứu chuộc*, vì ai chẳng nói được là họ tin rằng có cái nọ, cái kia. Tôi có biết có con vẹt hát thánh ca của một bà lão ở Cardiff, Wales, nó có thể hát cả câu tron bài"Giê-su là bạn thật." Khi có khách đến thăm nhà bà lão, họ nghe thấy giọng hát nho nhỏ: *"Ôi, Giê-su Chúa ta là bạn thật,"* rồi họ nhìn quanh, và họ thấy con vẹt trong lồng. Không hiểu sao họ cho tiền vào trong lồng, và bà lão có con vẹt đó đã gửi tiền này cho một giáo sĩ tại Châu Phi. Con vẹt đó còn làm được nhiều việc hơn phần lớn các thành viên trong hội thánh. Nó thực ra đã ngợi khen Chúa mỗi ngày, và hỗ trợ cho một giáo sĩ tại Châu Phi. Bà lão đã gửi được hơn năm triệu rồi. Nó chỉ là con vẹt, không phải là tín đồ. Có quá nhiều con vẹt trong hội thánh *nhại lại bản tín điều*, nói lại bản tín điều. Chúng ta tin như vậy. Bản tín điều viết *"Tôi tin..."* Nhưng tiếp nhận lẽ thật chỉ là khởi đầu của đức tin. Ma quỷ cũng tin vào lẽ thật. Hắn chấp nhận nó và hắn run rẩy, ít nhất thì hắn cũng làm như vậy, hắn không phải một tín đồ.

2. Tin cậy. Nên tin rằng có điều nọ, điều kia là bước khởi đầu của đức tin và tiếp nhận lẽ thật, tin về lời lẽ và công việc của Chúa Giê-su. Nhưng rồi hành động *'Tin'* phải chuyển sang *Tin cậy*. Là tin vào ai đó. Khi tin vào ai đó, bạn phải làm điều gì đó để họ thấy rằng bạn *'Tin cậy'* họ, rằng bạn có *'sự tin cậy'* nơi họ. T*in vào Chúa Giê-su* là như vậy. Tiếp nhận lẽ thật là bước đầu tiên, thực hiện nó qua việc *tin cậy* và *vâng lời* mới cho Chúa Giê-su thấy rằng bạn *tin cậy Ngài*. Nếu bạn làm điều Ngài phán bảo thì bạn *có sự tin cậy nơi Ngài*, nhưng thậm chí như vậy là chưa đủ.

3. Tiếp tục tin. Động từ *'Tin'* này trong Giăng luôn ở *thì hiện tại tiếp diễn*, nghĩa là *'Tiếp tục tin'*. Trong cả tiếng Hy Lạp và tiếng Hê-bơ-rơ, *đức tin* và *sự thành tín* là cùng một từ. Đôi khi bạn không biết điều đó nghĩa là gì. Nói cách khác, nếu bạn thật sự tin cậy ai đó, bạn sẽ tiếp tục tin cậy họ dù chuyện gì có xảy ra đi chăng nữa. Nếu *thật sự dầy dẫy đức tin* thì bạn *sẽ thành tín*, bạn sẽ tiếp tục tin vào ai đó bấp chấp hoàn cảnh, bất chấp giá trả. Đó là đức tin theo nghĩa *tiếp tục tin*. Đó không chỉ là tiếp nhận lẽ thật, và thực hiện lẽ thật, mà *là giữ lẽ thật* và Ngài nói: "Các con thật là môn đồ Ta *nếu các con cứ giữ lời Ta*. Các con sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ giải phóng các con..." Và *"giữ" là một khía cạnh đức tin rất quan trọng*. Vì bạn có thể khiến đức tin mình sụp đổ, nhiều người như vậy vì họ không bám vào đó, giữ nó. Nên *tiếp nhận lẽ thật là Tín điều, thực hiện lẽ thật là Tin cậy, giữ lẽ thật là Tiếp tục tin*. T*iếp tục thành tín* cũng như *đầy dẫy đức tin*, hai từ đó có giá trị như nhau, giống hệt nhau.

Vấn đề Lẽ Thật

Trong sách Tin lành này, Phi-lát nói với Chúa Giê-su rằng: *"Lẽ thật là cái gì?"* Đó là câu hỏi thường trực trong *thời đại tương đối* ngày nay. Người ta đang hỏi rằng: "Lẽ thật là gì?" Ai biết? Anh có quan điểm của anh, tôi có quan điểm của tôi. *Lẽ thật là cái gì?* Thú vị ở chỗ, câu trả lời đang đứng cách hai mét trước Phi-lát. Vì *lẽ thật không phải là một mệnh đề, lẽ thật là một con người*. Đó là *mặc khải quan trọng* của Tin lành theo Giăng. Người ta nghĩ rằng lẽ thật là một vật - không phải, lẽ thật là một người. Nếu *muốn biết lẽ thật* thì *cần phải biết người này một cách cá nhân*. Vì vậy, câu hỏi

quan trọng nhất có thể hỏi là: *"Anh nghĩ gì về Chúa Giê-su?"* Hoặc như người Do Thái hỏi Ngài tại Giê-ru-sa-lem: *"Thầy tự cho mình là ai?"*

Đó là *câu hỏi quan trọng nhất* mà bạn có thể hỏi về Chúa Giê-su, khi những người biết Ngài cách cá nhân đã qua đời, những tin đồn và truyền thuyết bắt đầu len lỏi, phát tán. Người ta bắt đầu đồn đoán về Chúa Giê-su, nhất là tại thành Ê-phê-sô nơi Giăng đang viết chính Tin lành này. Có rất nhiều sách Tin lành khác được viết ra thời đó, nhưng không được cho vào Kinh Thánh. Tin lành theo Thô-ma chẳng hạn. Có những câu chuyện kỳ quặc trong những sách đó. Có chuyện kể khi còn nhỏ, Chúa Giê-su đang chơi trên đường phố tại Na-xa-rét và có người đẩy Ngài ngã vào đống bùn. Ngài tự kéo mình lên và rủa cậu bé đẩy Ngài ngã xuống bùn bị phong hủi. Có câu chuyện kể về Chúa Giê-su nặn những con chim bằng đất sét rồi chúc phước cho chúng, chúng bay đi. Thực ra Chúa Giê-su không làm bất kỳ phép lạ nào cho tới khi Ngài 30 tuổi, vì Ngài không thể làm phép lạ mà không có quyền năng của Đức Thánh Linh. Chúa Giê-su không làm phép lạ như Con Đức Chúa Trời nhưng như Con Người có Thánh Linh, nên Ngài mới nói rằng: "Các con cũng có thể làm những việc ta làm..." Chúng ta biết những điều này là sai, tất cả những huyền thoại và tin đồn xung quanh những người vĩ đại cứ bắt đầu nổi lên. Nhưng *có hai điều* đồn đoán sai lệch về Chúa Giê-su mà *Giăng phải viết Tin lành của ông để sửa lại cho đúng*.

TIN LÀNH THEO GIĂNG - Phần 2

Tại Ê-phê-sô, có hai điều đang diễn ra

1. Người ta quá tôn cao Giăng Báp-tít. Ông có tên thường gọi nghe vui tai là *Giăng Chìm nghỉm, Giăng Nhúng nước*. Báp-têm chỉ là biệt danh bởi công việc ông được kêu gọi, có nghĩa đen là nhấn chìm, nhúng, dìm, ngâm. Sách *Công Vụ chương19* cho biết vì một lý do nào đó, có một nhóm người tại Ê-phê-sô kéo đến tự xưng mình là tín đồ của Giăng Báp-tít. Phao-lô đã phải sửa trị một số người bọn họ và nói: *"Giăng đã bảo các ngươi tin vào Đấng đến sau ông..."* Nhưng hệ phái ấy vẫn tồn tại, dù người ta có gọi họ là *Johnite*, hay gì đó. Người ta thường đặt ra những tên hệ phái kiểu này như *Lutheran, Wesleyan*. Hãy nhớ đừng bao giờ dùng những cái tên như vậy. Chúng ta là *Cơ Đốc nhân*, đó *là cái tên duy nhất* chúng ta muốn dùng giữa vòng Cộng đồng Đức tin.

Nhưng đã có một hội tự xưng là tín đồ của Giăng Báp-tít, nên Giăng bắt đầu viết một sách Tin lành để chỉnh lại việc quá tôn cao Giăng Báp-tít. Ông *nói rõ rằng Giăng Báp-tít không phải ánh sáng, người chỉ hướng người ta đến ánh sáng* mà thôi. Giăng B. Không làm phép lạ nào. Thực tế, chính Giăng B. Đã nói: "*Ngài phải được tôn cao, còn tôi phải hạ xuống, Ngài là chàng rể, còn tôi chỉ là phù rể."* Nên xuyên suốt Tin lành theo Giăng, ông chỉnh lại việc người ta quá tôn cao Giăng Báp-tít. Xét trên một khía cạnh, ông đang cố gắng diệt cái hệ phái đang được dựng lên mượn danh Giăng Báp-tít. Một ví dụ thời hiện đại của một nhóm như vậy có thể nêu tên, như nhóm *Nhóm Oxford*, hay *Tái Võ trang Đạo đức* (Moral Re-armament), hay *MRA* theo tên thường gọi. Nó rất giống với chức vụ của Giăng B. Về sự ăn năn và đạo đức, nhưng nó mất đi khía cạnh Cơ Đốc. Nó tìm cách gột rửa người ta về đạo đức, nhưng nó không nhấn mạnh vào quyền phép của Đức Thánh Linh và sự chuộc tội của Chúa Giê-su là những điều có thể có vào thời đầu. Theo nó có thể người ta mang thái độ đạo đức cao, nhấn mạnh vào sự ăn năn. Nhóm người tại Ê-phê-sô là như vậy, người ta quá tôn cao Giăng B. Ngoài ý muốn của ông.

2. Nhưng nghiêm trọng hơn là tại đây người ta lại *quá hạ thấp Chúa Giê-su*. Như ta thấy, chính Giăng Báp-tít đã nói hai điều về Chúa Giê-su: "Ngài sẽ là *Chiên Con của Đức Chúa Trời* đến để *cất đi tội lỗi thế gian* và Ngài sẽ là *Đấng làm báp-têm bằng Đức Thánh Linh."* Đúng như vậy, chúng ta phải nhắc nhở cả hai. Nếu chỉ nói đến việc *cất tội lỗi đi* sẽ khiến người ta *thấy trống rỗng*, điều này rất nguy hiểm, chưa nói đến khốn khổ. Có quá nhiều người trên thế gian dừng lại ở bước một, họ đã được rửa tội mà chưa được báp-têm bằng Đức Thánh Linh, họ rơi vào khoảng trống không thể hưởng lạc thú của tội lỗi nữa, nhưng cũng chưa được hưởng phước hạnh của thiên đàng. Thảo nào lúc nào cũng có người tự cho mình là những tội nhân khốn khổ trong hội thánh, vì thật sự khốn khổ khi ở vào thế đó. Tất cả tội lỗi được cất đi rồi, không tận hưởng được nó nữa, lại còn trống rỗng, cố làm con ngoan trò giỏi. Nhưng đó không phải ý định của Chúa Giê-su. Ngài không muốn khiến đời sống người ta trống rỗng, Ngài muốn đổ đầy nó. Nhưng Ngài phải loại bỏ những điều xấu để có thể đưa những điều tốt vào. Giăng Báp-tít nói rằng: "Ngài có thể làm điều đó cho anh, tôi không làm được. Tôi chỉ có thể rửa anh trong nước, gột sạch quá khứ của anh, nhưng tương lai anh - tôi không làm gì được, Ngài là Đấng sẽ xử lý nó." Nhưng tại đây người ta đã quá hạ thấp Chúa Giê-su.

Quan điểm, những cách nhìn về Chúa Giê-su

Một lần nữa xem xét thêm về *triết lý Hy Lạp* đã ảnh hưởng quá nhiều đến *tư duy Cơ Đốc*. Tư duy Hy Lạp chia thực tại thành hai phần *vật chất* và *tâm linh* không thể gộp với nhau, nó tách bạch *điều tạm thời* và *điều đời đời*, tách bạch *điều thánh* và *điều thế tục*. Nó cho rằng *vật thể* có thể mang

tính thuộc linh. *Đó là thứ lý lẽ nguy hiểm nhất*. Sẽ đừng bao giờ để một Cơ Đốc nhân nghĩ và nói rằng họ đang làm một công việc thế tục, mà phải giúp họ nhận biết: "Không phải, bạn đang trọn thời gian trong sự phục vụ Cơ Đốc đấy, dù bạn có đang làm việc gì cũng vậy..." *Plato* nói rằng tâm linh thực hữu hơn. *Aristotle* thì nói vật chất thực hữu hơn, đây là *người đầu tiên dạy về tiến hóa*. Những triết gia Hy Lạp không bao giờ gộp được hai điều đó lại với nhau, nên theo tư duy của họ thì không thể gộp nhân tính và thần tính lại nơi Chúa Giê-su được. Tư duy Hy Lạp sẽ lên tiếng: "Chúa Giê-su không thể vừa là Đức Chúa Trời vừa là con người vì hai điều đó không thể trở thành một," "Trời và đất không bao giờ gộp lại được với nhau, tâm linh và vật chất không thể gộp lại, Đức Chúa Trời và con người không thể làm một, không thể ở trong một người."

Người ta còn tiếp tục phát triển một số *luận thuyết biến thể* khác. Họ đặt ra một câu hỏi là: "*Chúa Giê-su thuộc bên nào của thực tại, Ngài mang thần tính hay nhân tính?"* Một số người nói rằng: "Ngài mang nhiều thần tính hơn nhân tính, và thực ra Ngài không bao giờ thật sự mang nhân tính, Ngài *chỉ có vẻ như một con người* mà thôi," lý thuyết *dị giáo* này tên là *Ảo thân thuyết (Docetism),* cho rằng Chúa Giê-su chỉ là Đức Chúa Trời ở dạng ảo ảnh. Ngài chỉ có vẻ như một con người, Ngài không thực sự mang nhân tính, Ngài không đi vệ sinh chẳng hạn. Nhưng Kinh Thánh ghi lại Chúa Giê-su có nói về điều đó, Ngài có đi nặng và đi nhẹ như chúng ta.

Bạn có thấy sốc khi tôi nói đến điều này không? Trong Sách Cầu nguyện cho người Do Thái, có một câu cầu nguyện đáng yêu khi bạn đi giải quyết nỗi buồn. Lời cầu nguyện là: "Cảm ơn Chúa vì cơ thể con đang hoạt động và nó đã mang đến sự nhẹ nhõm, con cảm thấy thoải mái hơn, hallelujah." Tôi đã ở trong mấy nhà vệ sinh có những bức tường đầy chữ, không có chữ nào liên quan đến việc tôi đang làm hết. Với người Hê-bơ-rơ, khi về già và phần cơ thể không hoạt động tốt nữa, họ sẽ ước giá như mình được ngợi khen Chúa khi nó hoạt động bình thường trở lại. Với chúng ta, nói đến việc này thì nó không thuộc linh, vì chúng ta đã tư duy như người Hy Lạp, không như người Hê-bơ-rơ. Tư duy Hy Lạp đã ngăn chúng ta không thể gộp vật chất và tâm linh vào một thực thể gắn kết. Nên nếu nói Chúa Giê-su vừa có thần tính vừa có nhân tính, thì họ nói: "Không, không thể nào, Ngài không thể có cả hai..." Nên một số người *Hy Lạp hóa* mới hòa giải rằng "Ngài mang nhiều thần tính hơn là nhân tính, và Ngài chỉ có vẻ như một con người mà thôi."

Có những người lại nói "Ngài mang nhân tính nhiều hơn là thần tính," Ngài là một người đáp ứng với Chúa cách hoàn hảo, và đã phát triển năng lực thần tính trong tất cả chúng ta một cách trọn vẹn. Đó là *dị giáo phổ biến nhất* đang được dạy ở các trường cao đẳng thần học ngày nay, ở những người như Giáo sư John Hick ở Đại học Birmingham, người viết sách Huyền thoại về Đức Chúa Trời Nhập thể (The Myth of God Incarnate). Đây là thứ đang hủy hoại đức tin của những thanh niên được chọn cử vào những *"nghĩa địa" thần học*, khi nhập học thì đầy dẫy đức tin mà ra trường thì tắt ngấm. Người ta còn rất hay nói rằng Ngài là *"một người vì mọi người"* một trong những cụm từ đang tự do sử dụng trên BBC, Người có nhiều nhân tính hơn thần tính, Một người đáp ứng với Chúa hơn mọi người khác. Đó là *thuyết dưỡng tử (adoptionism*), nói rằng Chúa Giê-su chỉ được nhận làm Con Đức Chúa Trời từ khi báp-têm.

"Ngài có một nửa là nhân tính, một nửa là thần tính" là quan điểm về Chúa Giê-su của *Nhân chứng Giê-hô-va*. "Chúa Giê-su là á thần, bán nhân. Ngài ở đâu đó giữa giữa, không thể là cả hai, nhưng Ngài ở đâu đó giữa giữa, đâu đó..." Người theo Nhân chứng Giê-hô-va không thể xoay sở với ba câu đầu của Tin lành theo Giăng, *nên họ đã thay đổi* điều đó trong Kinh Thánh của họ. Đó là điều rất phổ biến vào thời nay.

TIN *(98x)*

1. TÍN ĐIỀU ~ tin ĐIỀU GÌ ĐÓ

Tiếp nhận lẽ thật (lời nói và việc làm)

2. TIN CẬY ~ tin AI ĐÓ

Làm theo lẽ thật (tin cậy & vâng lời)

3. TIẾP TỤC TIN ~ TIẾP TỤC tin cậy

Giữ chắt lấy lẽ thật (đức tin & sự thành tín)

LẼ THẬT ~ không phải là một vật mà là một người.

a. Quá tôn cao Giăng Báp-tít

b. Quá hạ thấp Chúa Giê-su

Thần tính nhiều hơn nhân tính?

Nhân tính nhiều hơn thần tính?

Nữa con người, nữa Đức Chúa Trời?

100% con người, 100% Đức Chúa Trời!

Lẽ thật là quan điểm cuối, "*Ngài có thần tính trọn vẹn và nhân tính trọn vẹn."* Ngài có cả hai. Nếu không có thần tính trọn vẹn và nhân tính trọn vẹn thì Ngài không thể làm cho bạn điều mà bạn cần ai đó làm cho mình. *Hai điều* mà Chúa Giê-su làm cho chúng ta là: *Ngài bày tỏ Đức Chúa Trời cho chúng ta* và *Ngài hòa giải chúng ta với Đức Chúa Trời*. Ngài không thể làm cả hai điều đó nếu Ngài không có thần tính trọn vẹn và nhân tính trọn vẹn, và đó là lẽ thật mà chúng ta cần giữ lấy. Điều đó hiện đang bị bào mòn và tấn công trong hội thánh trên diện rộng. Nhưng đó là lẽ thật mà Giăng bày tỏ: "Tôi biết Ngài, tôi dựa ngực Ngài khi ngồi ăn. Tôi gần gũi với Ngài hơn tất cả mọi người, tôi đã biết Ngài được 63 năm và tôi biết lẽ thật, Ngài có trọn vẹn thần tính và trọn vẹn nhân tính..." Đó là một thông điệp, ông viết sau những chiêm nghiệm nhiều thập niên để chỉnh lại các nhìn nhận sai lệch về Chúa Giê-su. Giăng đã cho chúng ta sách Tin lành thứ tư *nhấn mạnh vào nhân tính trọn vẹn của Ngài*.

Thực ra Chúa Giê-su mang nhiều *nhân tính* hơn trong sách Tin lành Giăng so với ba sách Tin lành cộng quan. Sách nhấn mạnh nhiều hơn đến *nhân tính thực thụ* của Ngài. Ví dụ, câu ngắn nhất trong Kinh Thánh nằm trong sách này là: *"Đức Chúa Giê-su khóc..."* Câu này gần như biến thành một câu buột miệng giữa cộng đồng người sử dụng tiếng Anh. Họ nói *"Jesus wept"* nghĩa là *"Giê-su nhỏ lệ"* khi lỡ đập búa vào tay. Thực ra, với chỉ một câu này đi vào cuộc sống thường ngày của con người cũng *đủ nói lên nhân tính của Chúa Giê-su*. *"Đức Chúa Giê-su khóc"* là lúc Ngài đang đứng trước mộ của một trong những người bạn thân thiết, và Ngài khóc. Ngài rất người như thế. Chính trong sách Giăng cho chúng ta thấy việc Chúa Giê-su đói, khát và cần uống nước, mỏi mệt và kinh ngạc, tính nết người thường. Thảo nào trong sách Tin lành này, Phi-lát nói rằng: *"Hãy xem người nầy."* Đó là một cụm từ rất quan trọng: *"Người nầy."* "Người này. Nếu các ngươi muốn biết nhân loại thực sự là gì, hãy xem người này."

Trên hết, trong Tin lành theo Giăng, *đời sống cầu nguyện của Chúa Giê-su* được bộc lộ. Ông cho chúng ta biết rằng Ngài thật sự rất người, Ngài phải nương cậy nơi Cha mình để biết cần nói gì, biết cần làm gì và mọi điều. Ngài quá người, Ngài không thể sống nếu thiếu điều đó, và một trong những lời cầu nguyện đẹp nhất của Ngài nằm trong sách Tin lành này-*Giăng 17*- Ngài cầu nguyện cho *sự hiệp nhất.*

Sách Giăng chủ yếu nhấn mạnh vào *thần tính trọn vẹn của Ngài*. Ông đã nhấn mạnh vào *nhân tính trọn vẹn* của Ngài, *nhưng thần tính là điều đang dần bị bào mòn*, ông cần đặc biệt chú trọng hơn. Thực tiễn lúc đó là tình trạng *đã để thần tính Chúa Giê-su hơi kém trọn vẹn hơn* một chút, rồi lại kém trọn vẹn hơn chút nữa và *dần dần đưa xuống bậc dưới*. Một trong những kết quả của điều này là *"đặt Chúa Giê-su ở vị trí là một tạo vật chứ không phải Đấng tạo hóa,"* được tiêu biểu trong giáo lý của Nhân chứng Giê-hô-va. Họ nói rằng Chúa Giê-su là tạo vật đầu tiên mà Chúa tạo dựng. Khi đặt Chúa Giê-su ở phía tạo vật của thực tại thay vì phía tạo hóa, là đã bóp méo Lẽ Thật.

LẼ THẬT VỀ CHÚA GIÊ-SU LÀ LẼ THẬT

NHÂN TÍNH TRỌN VẸN CỦA NGÀI
THẦN TÍNH TRỌN VẸN CỦA NGÀI

BẢY NHÂN CHỨNG	BẢY VIỆC LÀM		BẢY TỪ NGỮ
Giăng Báp-tít	Biến nước thành rượu		Bánh từ Trời
Na-tha-na-ên	Con trai của viên quan		Ánh sáng của Thế gian
Chúa Giê-su	Người què ở Bê-tết-đa	"TA LÀ"	Người chăn Nhân lành
Phi-e-rơ	Cho 5000 người ăn		Cửa chuồng chiên
Ma-thê	Đi bộ trên mặt nước		Sự sống lại và sự sống
Thô-ma	Người mù bẩm sinh		Đường đi, chân lý, sự sống
Giăng	La-xa-rơ		Cây nho thật

Vậy *Giăng biện luận cho thần tính trọn vẹn của Đấng Christ như thế nào*? Ông đưa ra *con số 7 thần kỳ*, là con số hoàn hảo trong *tư duy Hê-bơ-rơ*. Đó là con số quan trọng nhất trong Kinh Thánh. Bất cứ gì còn chưa đủ 7 là thiếu hoàn hảo, ví dụ 666 sẽ là thiếu hoàn hảo. Bạn có nhận ra điều gì đó ở đây không? Có gì đó trong 777. Chúng ta có ba cụm 7 bằng chứng hoàn hảo cho thần tính của Chúa Giê-su.

1. Đầu tiên, Bảy nhân chứng. Có bảy người *gọi Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời* trong sách này: *Giăng Báp-tít, Na-tha-na-ên, chính Chúa Giê-su, Phi-e-rơ, Ma-thê*. Bạn có biết bà là người nữ đầu tiên nói rằng: "Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống" không? Phi-e-rơ là người nam đầu tiên, nhưng Ma-thê là người nữ đầu tiên. Bà không chỉ giỏi công thức nấu nướng, bà còn có sự phân biệt thuộc linh, và *Thô-ma*, và tất nhiên là *Giăng*, môn đồ được Chúa yêu. *Bảy nhân chứng*. Trong luật Do Thái, hai hoặc ba nhân chứng là đủ nhưng ở đây là bảy. Bạn đã có số người hoàn hảo để làm chứng rằng "Ngài là Con Đức Chúa Trời hằng sống." Tại đây chúng ta không chỉ có bảy nhân chứng, mà còn biết rằng *"làm chứng"* là từ đặc biệt quan trọng, nó được dùng 50 lần trong sáchTin lành này: *Làm chứng, làm chứng, làm chứng*. Giăng đang nói rằng: "Chúng ta *có lời chứng cá nhân* với lẽ thật này."

2. Bảy công việc mà ông đã chọn rất cẩn thận. Trong tất cả những điều Chúa Giê-su thực hiện, ông đã lọc ra chỉ bảy phép lạ. Vì sao thế? Là vì đó là *những phép lạ siêu nhiên nhất* mà Ngài đã làm,

là những phép lạ giống Đức Chúa Trời nhất. Các phép lạ như đuổi quỷ, là điều nhiều người đã thực hiện trong thế giới cổ đại, ngay cả người Pha-ri-si cũng làm điều này. Nó không giống công việc của Đức Chúa Trời, nên ở đây ông mới không nhắc đến việc đuổi quỷ. Ông ghi nhớ *việc biến nước thành rượu*. Những nhà tâm thể (psychosomatics) có làm được thế không.

Đó là một phép lạ giống Đức Chúa Trời, và chỉ Đức Chúa Trời mới làm được. S*ự chữa lành* mà ông nói đến, con trai của viên quan, ông lọc ra phép lạ đó vì đó là một phép lạ mà *Chúa Giê-su đã làm cách xa người ốm nhiều cây số*. Ngài không đặt tay để điện truyền qua các ngón tay hay gì đó, và tất cả những sự chữa lành về tâm thể (psychosomatic) này. Ngài chỉ nói rằng: "Ta không cần phải đến, hãy được lành," khi người này trở về thì được biết chính thời khắc đó, cậu bé được lành. Ông ta hỏi: "Chúa Giê-su nói vậy lúc mấy giờ?," và ông đối chiếu: "Đó chính là thời khắc mà đứa trẻ được lành..." Đó là điều chỉ Chúa mới làm được, quyền năng Ngài vượt không gian, *nối liền khoảng cách.* Rồi *người què ở Bê-tết-đa*, ông đã ở đó được 38 năm, đó là một bệnh kinh niên. C*ho 5000 người ăn*. Đó là phép lạ xuất hiện trong cả bốn sách Tin lành, điều đó khá ngoạn mục.

Sự sáng tạo trong đó, hai con cá và năm cái bánh, Ngài chỉ cần tạo ra trong tay Ngài - đó là phép lạ mà chỉ Chúa mới làm được. *Đi bộ trên mặt nước*. *Người mù bẩm sinh,* mù từ lúc mới sinh, đây không phải là một bệnh thứ phát, đó là bệnh di truyền; từ khi sinh ra đến giờ rồi. Cuối cùng, *La-xa-rơ*. Không phải con trai của bà góa thành Na-in mới chết hôm đó, hay con gái của Giai-ru vừa mới chết. Người này đã bốc mùi trong mộ, bốn ngày. Điều Giăng muốn nói là: "Nếu anh không hiểu được *những điều này nói lên điều gì* thì chúng là *dấu chỉ cho điều gì*? Chúng đang *chỉ ra thần tính của Ngài*." Và Ni-cô-đem nói với Chúa Giê-su rằng: "Nếu Đức Chúa Trời không ở cùng thì không ai làm được những dấu lạ mà Thầy đã làm." Đó là thông điệp của Giăng. Bảy phép lạ đó - nếu chúng ta không biết thêm gì nữa - vẫn chỉ ra rằng Chúa Giê-su có thần tính trọn vẹn, rằng Đức Chúa Trời ở cùng với Ngài."

3. Cuối cùng, *Bảy từ ngữ*. Đó là điều *Ngài nói về chính mình*. Chúa Giê-su luôn nói về bản thân. Nhưng *có bảy điều* Ngài nói thực sự vô song. "Ta là Bánh từ Trời. Ta là Ánh sáng của Thế gian. Ta là Người chăn Nhân lành. Ta có lòng khiêm nhường..." Chúa Giê-su có 250 tên gọi và danh xưng. Không ai trong lịch sử từng có nhiều đến vậy. Thần có nhiều danh nhất là *Allah,* có 99 danh, nhưng trong đó không có danh xưng nào là "cha" hay "tình yêu thương." Trong 250 danh xưng của Chúa Giê-su có nhiều danh Ngài tự xưng trong đó. Điểm mấu chốt ở đây là cụm từ *"Ta là,"* trong tiếng Hê-bơ-rơ, âm ngữ cụm từ đó nghe giống như *"Giê-hô-va." Giê-hô-va* Bánh từ Trời, *Giê-hô-va* Ánh sáng của Thế gian. Dân ngoại nghe và họ bắt đầu nói: *"Ông ta nghĩ mình là Chúa ư?* Tại sao ông ta cứ dùng từ đó mãi vậy?" Đến một ngày, họ nói với Ngài rằng: "Chúng tôi biết cha mình là ai, thầy thì không. Hình như cha thầy là người Sa-ma-ri đúng không?" Và Ngài nói: "Không, ta biết Cha Ta, các ngươi thì không biết cha mình..." Họ đáp: "Có chứ, Áp-ra-ham là cha chúng tôi..." Ngài nói: "Không phải, ma quỷ là cha các ngươi, nên các ngươi mới cố gắng giết ta, nên các ngươi mới nói dối về ta, vì cha các ngươi là kẻ nói dối, kẻ giết người từ ban đầu, và tiếng mẹ đẻ của hắn là sự dối trá..." Ngài nói: "Nếu các ngươi là con cái của Áp-ra-ham, các ngươi sẽ có thái độ giống như thái độ của Áp-ra-ham đối với Ta, các ngươi sẽ yêu Ta, sẽ nghe Ta. Người mừng rỡ khi thấy ta đến nhưng các ngươi thì không, các ngươi không thể là con người được..." Và họ nói: "Áp-ra-ham đã qua đời cả 2000 năm rồi, thầy còn chưa đầy 50 tuổi, sao thầy có thể biết Áp-ra-ham được?" Và Ngài phán: "Trước Áp-ra-ham là *Giê-hô-va*, Ta là - Ta *Hằng hữu*..."

Tất nhiên, tại phiên họ xét xử Ngài, đó là điều chốt hạ. Họ không thể khớp lời chứng của hai hoặc ba nhân chứng về điều Chúa Giê-su đã thực sự nói. Nhưng cuối cùng, vị thẩm phán *gán tội cho Ngài bằng chính miệng ông ta*, điều đó trái với luật pháp. Ông ta *bắt Ngài lên tiếng*, ông ta nói: "Ta yêu cầu ngươi chỉ Đức Chúa Trời hằng sống mà thề và nói cho chúng ta biết *ngươi là ai*. Ngươi có phải là *Đấng Christ Đức Chúa Trời hằng sống* không?" và Chúa Giê-su đáp: "*Giê-hô-va* - Ta là Đấng đó." Thầy tế lễ thượng phẩm xé áo mình và hỏi công chúng: "Chúng ta đang có bao nhiêu nhân chứng? 70 à? Các người nghe thấy hết rồi đó..." Chính vì lẽ đó mà Ngài bị kết tội chết.

Bảy từ ngữ đó rải khắp Tin lành theo Giăng và đóng vai trò cực kỳ quan trọng với biện luận của ông. Ba sách Tin lành cộng quan đều bỏ lỡ chúng. Nhưng như chúng ta thấy đó, Giăng quan tâm đến *con người của Chúa Giê-su* chứ không phải là *điều Ngài đã làm hay đã nói*. Vì vậy, ông để ý đến chúng, lưu chúng vào trí nhớ và viết chúng ra cho chúng ta. Đó là lời chứng của ông về Chúa Giê-su.

Rồi Giăng làm một điều rất đẹp. Khi Mác viết bản tường thuật về Chúa Giê-su, Giăng nói: "Tôi sẽ bắt đầu khi Chúa Giê-su 30 tuổi vì đó là lúc Ngài xuất hiện trước công chúng..." Ma-thi-ơ viết Tin lành thứ hai, Giăng nói: "Không, anh phải viết từ trước đó nữa. Anh phải trở lại sự giáng sinh, sự hoài thai của Ngài - và vì Ngài là người Do Thái nên anh phải quay lại thời Áp-ra-ham. Tôi cũng sẽ bắt đầu câu chuyện của Chúa Giê-su bằng Áp-ra-ham..." Lu-ca là người thứ ba viết Tin lành, và Giăng nghĩ: "Không, Chúa Giê-su là người, Ngài là con người, Ngài thuộc về cả nhân loại, tôi sẽ bắt đầu từ A-đam. Anh phải bắt đầu câu chuyện của Chúa Giê-su từ A-đam..." Giăng đi sau họ và ông nhìn nhận lại: "Cả ba anh đều chưa phải..." Ông nói tiếp: "Tôi sẽ bắt đầu từ ban đầu. Giăng đã làm như vậy, ông lấy những lời từ *Sáng Thế Ký 1:1.* Ông viết trong sách mình: "Ban đầu có Ngôi Lời,…Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Từ ban đầu, Ngài ở với Đức Chúa Trời," Ngài đã ở đó rồi.

Ngài là LOGOS

Vì Giăng trở lại từ cội nguồn, mà chúng ta có câu hỏi thú vị này:*"Trước khi Chúa Giê-su sinh ra, ta gọi Ngài là gì?"* Chúng ta đã quá quen gọi Ngài là *Giê-su* đến nỗi quên rằng đó là một cái *tên hoàn toàn mới*, được đặt *vào thời khắc Ngài trở thành con người*. Nhưng trước đó, Ngài không được gọi như vậy. C*húa chẳng bao giờ gọi Ngài là Giê-su.*Vậy trước đó, Ngài là gì? Khi Giăng viết Tin lành của mình và bắt đầu từ ban đầu, hay là từ thời xa xưa nhất mà tư duy con người có thể nghĩ đến, tức là từ lúc khởi đầu vũ trụ. Chúng ta không thể tưởng tượng đến trước đó, nên bạn không thể hiểu được bất cứ điều gì trước đó. Nên chúng ta trở lại từ khởi đầu của lịch sử và ông nghĩ: "Ngay từ ban đầu, Ngài đã ở đó rồi, nhưng gọi Ngài là gì được?"

Từ đó chắc chắn Giăng được thần cảm mà nghĩ ra cái tên đặc biệt này: *Logos* - *L-O-G-O-S*. Đó là một *danh xưng tuyệt vời*, không ai khác trong Kinh Thánh dùng danh đó để nói về *Con của Đức Chúa Trời*. Nghĩ ra, nhưng Giăng đã dùng nó cách thận trọng. Tại sao? Nó nghĩa là gì? Lại cũng hơi tiếc vì phần nhiều các cuốn Kinh Thánh chỉ dịch được từ đó là *"Ngôi Lời."* Nhưng ít nhất cũng có từ *"Ngôi"* là một *từ xác định*. Ngài *không chỉ là một lời nào đó,* mà là *"Ngôi Lời,"* nhưng còn nhiều hơn thế nữa, nhiều hơn rất nhiều. M*ột lời* là gì? Tôi nghĩ tới có một lúc nào đó có người sẽ nói với tôi: "Mục sư có thể cho tôi một lời được không?" Ồ, nếu bạn chỉ muốn như vậy thì tôi sẽ chỉ nói *"logos,"* và thế là xong. Một lời là gì? Một lời là gì? Một lời chỉ là ý nghĩa được thể hiện ra miệng của chúng ta và đi vào tai chúng ta. Chúa Giê-su *có phải chỉ là điều ra từ miệng của Đức Chúa Trời và đi vào tai chúng ta không*?

Không, Ngài còn nhiều hơn thế rất nhiều. Từ này có cả một lịch sử. Ta biết rằng Giăng đã sống và qua đời tại một nơi tên Ê-phê-sô, ở phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ không? Điều đó rất quan trọng, vì tại Ê-phê-sô, 600 năm trước khi Giăng viết điều này, năm 568 TCN có một người sống ở đó tên là Heraclitus. Ông là người sáng lập ra khoa học, là một người quan sát tinh tường, không bao giờ từ bỏ thói quen từ nhỏ. Ông luôn hỏi *"Tại sao,"* và ông nói: "Điều anh cần làm là tập luyện khả năng quan sát, lắng nghe và rờ chạm để quan sát những gì xảy ra quanh mình, rồi anh phải hỏi là: Tại sao điều đó lại vận hành như vậy? Anh phải hỏi như vậy về thời tiết và những đám mây, về loài vật, về loài người, tại sao chúng lại vận hành như vậy?" Và ông đã nghĩ ra cụm *"lý do tại sao,"* ông gọi nó là "*Logos."*

"Logos là *Lý do tại sao,"* là câu hỏi luôn đặt ra, gắn chặt với mỗi vật thể, hiện tượng, sự kiện, hay lĩnh vực *tự nhiên cũng như xã hội*. Trong tiếng Việt, "*Logos" tương đương với từ "học."* Ông nói rằng: "Anh phải luôn thử *tìm Logos trong mọi thứ*." Khi nghiên cứu về *sự sống*, tức là *"sinh,"* hãy tìm Logos trong "sinh," tức là tìm *sinh-logos*, tiếng Việt chuẩn gọi là *sinh học*. Khi nghiên cứu về khí hậu thời tiết, hãy tìm khí tượng-logos, *khí tượng học*. Mọi ngành khoa học đều dựa trên *Logos* của Heraclitus, *lý do tại sao*. Mọi ngành khoa học đang tìm kiếm *Logos-Lý do tại sao*. Tâm lý học, xã hội học, thiên văn học, dự báo học, y học, toán học,...

Nhưng tất nhiên, *lỗ hổng của khoa học* là nó *chỉ nhìn vào phần nhỏ xíu của thực tại*, nó nhìn vào sự sống, loài vật, động vật, tâm lý hay xã hội, bất cứ thứ gì, và bạn chỉ tìm được lý do tại sao ở một phần rất nhỏ của thực tại. Thực ra nó đang rất chuyên biệt. C*àng chuyên sâu các nhà khoa học ngày càng biết nhiều về càng ít điều hơn*. Họ đang tìm Logos trong một lĩnh vực ngày càng thu hẹp, phát triển những biệt ngữ và ngôn ngữ của riêng nó, tách nó ra khỏi mọi người khác.

Còn Giăng thì đang nói rằng: "Anh phải hỏi *"lý do tại sao"* ẩn sau mọi thứ. Đâu là *lý do tại sao* mọi thứ lại ở đây?" Câu trả lời là: *Chúa Giê-su*, rất thú vị đúng không? Hallelujah! Tất cả những thứ này được dựng nên như một món quà Đức Chúa Trời dành cho Con mình, dành cho Chúa Giê-su. Đó là lý do chúng ta có mặt ở đây. Tất cả đều sẽ được kết bện lại trong Ngài. N*gài là lý do tại sao, Ngài là Logos*. Đây là một ý niệm vô cùng ý nghĩa. Bạn có thể biết *lý do tại sao* máy tính lại vận hành theo cách của chúng, hoặc *lý do tại sao* các loài vật lại sống như vậy. Nhà tự nhiên học Đa-vít Attenborough biết rất nhiều về *lý do tại sao trong tự nhiên*, nhưng ông không biết *lý do tại sao mọi thứ lại ở đó*. Bạn thấy không? Nhưng chúng ta thì biết, tuy học vấn bình thường, và *lý do tại sao* đó là *Chúa Giê-su*. Thật thú vị đúng không, *Ngài là Logos*.

Nhưng từ đó có một giai đoạn khác trong lịch sử hình thành của quan niệm. Nó vượt Biển Địa Trung Hải và tới Alexandria là một trung tâm đại học kết hợp giữa tư duy Hy Lạp và tư duy Hê-bơ-rơ. Có nhiều người Do Thái tản lạc sống tại Alexandria và trong các trường đại học. Có một vị giáo sư Triết học tên là *Philo. C*hính tại trung tâm đại học này người ta đã *dịch Cựu Ước từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Hy Lạp*. Có 70 học giả của các trường Đại học Alexandria đã cộng tác cùng dịch, nên Kinh Thánh Cựu Ước bản tiếng Hy Lạp đầu tiên được gọi là *Bản Bảy Mươi (Septuagint),* hoặc đánh số La Mã là *LXX*. Giáo sư Philo đã nắm bắt sâu sắc từ *Logos* này, và ông nói rằng: Với *Logos,* chúng ta không nên gọi là *"nó,"* hãy gọi là *"Ngài."* Philo đã trân trọng *nhân cách hóa* từ Logos lên. Ông nói rằng đây không chỉ là một điều gì đó.

"Lý do tại sao" ấy còn hơn cả một điều gì đó, chúng ta có thể nhân cách hóa nó lên. Đó là điều Philo đã làm với *Logos*, ông nói *đó không còn phải là sự vật*. Ví dụ *Sự khôn ngoan* trong tư duy Hê-

bơ-rơ được nhân cách hóa như một *người nữ:* "Hãy tìm ả. Ả là người nữ mà con đang tìm kiếm, sự khôn ngoan ấy, hãy tìm ả nơi đường phố," Sách Châm Ngôn đã làm như vậy. Nhưng *Logos* được *nhân cách hóa* ở dạng *người nam*, là *"Ngài"* chứ không phải *"bà ấy."* Giăng nhất quán trong mục đích, và sáng suốt trong khai thác tư liệu, đã chọn ra được *cái "lý do tại sao" của Heraclitus* cùng với *phép nhân cách hóa "Ngài" của Philo.* Rồi ông nghĩ: "Mình có thể nâng từ đó lên một bước, danh của *"Ngài ấy"* chính là *Giê-su...*" Hãy ghi nhận sự kết hợp tài tình của Giăng, và suy ngẫm về một danh xưng sâu nhiệm của Chúa Giê-su là LOGOS.

GLORY ~ Con độc sinh của Cha
LOGOS ~ Ngôi Lời?
Lý do tại sao!

a. *SỰ VĨNH CỮU của Ngài*
b. *BỔN TÍNH của Ngài*
c. *THẦN TÍNH của Ngài*
d. *NHÂN TÍNH của Ngài*

SỰ SỐNG
Sự sống/sự chết
Ánh sáng/bóng tối
Lẽ thật/dối trá
Tự do/nô lệ
Yêu thương/thù hận

Là nhận biết Cha
Là nhận biết Con

Trước khi kết thúc, có thể tôi chỉ trích một đoạn nhỏ trong Tin lành theo Giăng ngay ở trang đầu của sách. Ông nói tới *bốn điều tối quan trọng* về *Logos*. Một là, *Sự vĩnh cửu của Ngài*, "Ban đầu, có Logos..." *Hai là, Bổn tính của Ngài,* ông khẳng định là "Logos *mặt đối mặt* với Đức Chúa Trời," là dịch theo nghĩa đen. Đó là từ mà bạn dùng cho hai người đang nhìn đắm đuối vào mắt nhau và yêu nhau. *Mặt đối mặt* là một mối quan hệ. Bạn có nhận ra rằng chúng ta là những người duy nhất trên thế giới có thể nói rằng: "Đức Chúa Trời là tình yêu thương không?", vì chúng ta là những người duy nhất tin rằng Đức Chúa Trời *ba ngôi đồng nhất thể*.

Nếu Đức Chúa Trời *chỉ có một ngôi* theo niềm tin của người Do Thái và Hồi giáo thì bạn không thể nói rằng: "Ngài là tình yêu thương" *vì tình yêu không thể xảy ra với chỉ một ngôi*, nhưng nếu Đức Chúa Trời có hơn một ngôi, nếu Chúa Cha và Chúa con yêu thương nhau thì bạn có thể nói rằng Ngài đang và đã luôn là tình yêu thương. Bạn hiểu tầm quan trọng của điều này không? Nên *Logos là vĩnh cửu, Logos cũng cá nhân nữa*. Logos không phải là một sự vật, nhưng là một thân vị trọn vẹn. B*a là, Thần tính,* Logos là Đức Chúa Trời. Ban đầu đã có Logos, Logos mặt đối mặt với Đức Chúa Trời trong một mối quan hệ cá nhân, và Logos là Đức Chúa Trời. Đó chính là chỗ Nhân chứng Giê-hô-va bị vướng. Trong Kinh Thánh của họ, họ đổi cụm đó thành "Logos là một Đức Chúa Trời." Điều đó khiến mọi thứ khác hẳn. Logos là Đức Chúa Trời, trọn vẹn về thần tính. B*ốn là,* một *khẳng định đáng kinh ngạc*: "*Logos đã trở nên xác thể*, sống giữa chúng ta, và chúng ta đã chiêm ngưỡng vinh quang Ngài, thật là vinh quang của Con Một đến từ nơi Cha..." Đó là một phần mở đầu *"cực khủng."* Thế

nên sẽ chưa tặng Tin lành theo Giăng cho người chưa tin. Người chưa tin làm sao có thể hiểu được điều đó? Hy vọng là bây giờ bạn đã hiểu điều này hơn so với khi chưa đọc tới.

Hãy xét đến chủ đề *Sự Sống*. Tin vào Ngài, Logos là Con Đức Chúa Trời và tiếp tục tin vào Ngài, bạn sẽ tiếp tục có sự sống. Giăng nêu ra một loạt những nét tương phản về ý nghĩa của điều đó đối với bạn. Bạn sẽ biết sự sống chứ không phải sự chết. Thực tế, bạn sẽ không thấy sự chết, sự sống đó sẽ tiếp tục mãi vì sự chết không thể chạm đến đó. Đó là một đời sống của sự sống, không phải một đời sống của sự chết. Còn tất cả những người khác, mọi nhịp đập của trái tim họ là một nhịp trống hành quân về mộ phần. Nhưng chúng ta đang sống sự sống, không phải sự chết. Chúng ta sẽ không bước đi trong tối tăm - "người nào theo Ta sẽ không đi trong bóng tối, nhưng có ánh sáng của sự sống," và sự tối tăm đó là sự tối tăm về đạo đức. "Các con đi cùng ta và các con sẽ không ở trong những điều phải giấu giếm, các con sẽ đi trong ánh sáng, mọi thứ không có gì mờ ám, không có bí mật, mọi thứ bày ra ánh sáng."

"Ngươi sẽ luôn sống một đời sống đầy lẽ thật, không dối trá." Đó là nét tương phản khác xuyên suốt Tin lành theo Giăng. Đó là *lẽ thật, thực tại* - từ "thật" và từ "thực" là cùng một từ trong tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy Lạp. Nên lẽ thật và thực tại là cùng một điều, bạn sẽ luôn sống trong thực tại.

"Ngươi sẽ luôn sống trong sự tự do, không phải nô lệ," và người Do Thái nói với Chúa Giê-su rằng: "Chúng tôi chưa từng làm nô lệ ai, sao thầy lại bảo thả tự do cho chúng tôi?" Họ đãng trí thật, chưa từng làm nô lệ cho ai ư? Lẽ nào họ đã quên Ai Cập, lẽ nào họ không kỷ niệm Lễ Vượt Qua hằng năm, thế mà họ nghĩ là họ được tự do! Chúa Giê-su nói: "Ai phạm tội là nô lệ cho tội lỗi. Vì mỗi khi các ngươi phạm tội, các ngươi góp phần siết chặt sợi xích thói quen, nó sẽ trở thành chủ của các ngươi và ta đã đến để giải phóng các ngươi." Nên chúng ta đang sống một đời sống thật tuyệt vời! Một đời sống của sự sống, của lẽ thật, của sự tự do.

Hơn hết, có sự tương phản giữa tình yêu thương và cơn thịnh nộ. Hoặc bạn sống trong tình yêu của Chúa, hoặc bạn sống dưới cơn thịnh nộ của Ngài cùng mọi hậu quả mà nó đưa đến. Vậy sự sống là gì? Sự sống là nhận biết cách cá nhân về Chúa Cha và Chúa Con là Đấng Ngài đã sai. Nhưng bạn sẽ nhận biết Chúa Cha qua Chúa Con. *Làm sao chúng ta có thể sống kiểu sự sống này?* Nó vượt quá khả năng của chúng ta.

Câu trả lời là nhờ có Đức Thánh Linh. Không sách Tin lành nào nói nhiều về Đức Thánh Linh như Tin lành theo Giăng. Qua Đức Thánh Linh mà bạn hưởng sự sống này. Giăng biết điều này. Trong *chương 1*, ông nói rằng "Chúa Giê-su sẽ được báp-têm Đức Thánh Linh và sẽ là Đấng báp-têm bằng Đức Thánh Linh..." *Chương 3*, Ngài nói về việc sinh bởi Thánh Linh, sinh lại, sinh ra từ nước và Thánh Linh, hai phép báp-têm mà chúng ta cần, nước và Thánh Linh, nhờ đó mà sinh ra, chúng ta bước vào Vương quốc. *Chương 4*, Ngài nói về mạch nước sống và sự thờ phượng trong Thánh Linh và lẽ thật. C*hương 7*, Ngài đến Lễ Lều tạm vào ngày cuối cùng của Lều tạm, người ta cầu mưa vì mỗi năm, họ đã có sáu tháng không một giọt mưa.

THÁNH LINH

Ch.1. Báp tem bằng
Báp-tem 'trong'

Ch.3. Được sinh lại
Được sinh ra 'từ'

Ch.4. Mạch nước sống
Sự thờ phượng thật

Ch.7. Lễ Lều Tạm
Sống nước sự sống

Ch.14-16. Paraclete - được gọi để ở bên
Đấng khích lệ, đứng bên cạnh.
Thần Chân Lý
Đấng An Ủi 'khác'

Ch.20. Dấu hiệu: Hà hơi
Mệnh lệnh: Hãy nhận lãnh!

Vào tháng 09 - tháng 10, họ muốn mưa đầu mùa trở lại, nên vào ngày cuối cùng của kỳ lễ, họ lấy nước ở Hồ Si-lô-ê đổ đầy vào một cái vò, và họ mang nó lên đền thờ, đổ nó trên bàn thờ và cầu mưa. Khi họ làm như vậy vào ngày cuối cùng của kỳ lễ, Chúa Giê-su đứng dậy và nói: "Nếu người nào khát, hãy đến với Ta. Ta sẽ ban cho người đó những sông nước sự sống, sông nước tuôn tràn từ lòng người đó..." Đó là Ngài đang nói về Đức Thánh Linh. C*hương 14-16* luôn nhắc rằng Đấng An ủi mới sẽ đến, Thần lẽ thật-"Paraclete" là một từ Hy Lạp, nghĩa là: '*para' - bên cạnh, 'cletos' - được gọi*. Đấng sát cạnh bạn, *Đấng được gọi đến cạnh bạn*, Đấng sẽ đứng về phía bạn, Đấng sẽ an ủi bạn, khiến bạn thành một đồn lũy. Một Đấng An ủi giống như Chúa Giê-su.

Chương 20, Ngài chuẩn bị họ cho *lễ Ngũ tuần* - cho họ một dấu hiệu và một mạng lệnh. Dấu hiệu, Ngài hà hơi trên từng người bọn họ, đi quanh và hà hơi...Rồi Ngài phán: "Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh..." Họ không nhận được bất cứ điều gì vào lúc đó, ấy là màn tập dượt cho Lễ Ngũ tuần. Nếu lúc đó họ đã nhận thì lẽ ra Ngài phải hà hơi trên họ sau khi truyền cho họ nhận lãnh. Nhưng không phải, Ngài hà hơi trên họ và nói: "Hãy nhận lãnh." Và họ nếm biết điều tiếp theo vào vài tuần sau, họ đang ngồi trong đền thờ, và họ nghe thấy...Chúa Giê-su hà hơi trên họ.

"Nào, hãy nhận lãnh," và họ đều được đầy dẫy Thánh Linh và đã sống sự sống đời đời này. Sự sống sung mãn mà Chúa Giê-su đã đến để ban cho.

SÁCH CÔNG VỤ - Phần 1

Giới thiệu

Kinh Thánh gồm những câu từ của con người và lời của Đức Chúa Trời. Sách có nhiều trước giả là con người, một Chủ biên thiên thượng, và không phải hai bên lúc nào cũng tương tác được kịp thời. Không có trước giả nào thật sự nhận ra rằng họ đang viết Kinh Thánh, rằng Đức Thánh Linh sẽ kết hợp những điều họ viết cùng rất nhiều người khác. Phần lớn chỉ đang đáp ứng các nhu cầu trước mắt. Ví dụ, bức thư ngắn của Phao-lô gửi cho *Phi-lê-môn*, nói về một nô lệ của ông chạy trốn từ Phi-líp đến Rô-ma, gặp Phao-lô và nhận biết Chúa Giê-su Christ là Đấng Cứu thế.

Phao-lô nói với người ấy: "Tôi phải gửi anh về và tôi sẽ viết thư để trình bày điều đó. Tôi biết ông Phi-lê-môn chủ anh." Bức thư ngắn đó viết: "*Phi-lê-môn kính mến, nếu người nô lệ này có lấy cắp tiền của anh thì tôi sẽ trả thay. Bây giờ, anh sẽ thấy người này có ích. Trước đây người này không ích lợi gì cho anh nhưng bây giờ anh sẽ thấy người này ích lợi..."* Tên của người nô lệ lại do ông Phi-lê-môn đặt cho là *Ô-nê-sim*, nghĩa là *"ích lợi."* Một bức thư rất ngắn đậm tình người, nhưng đó là hình ảnh về sự cứu rỗi. Chúa Giê-su đến để khiến chúng ta *lại trở nên* ích lợi với Chúa, và gửi chúng ta trở lại với *Chúa và Chủ của chúng ta*. Đó là một hình ảnh nhỏ về sự cứu rỗi, tái chế con người, khiến họ hữu dụng hay ích lợi trở lại.

Phần lớn các sách trong Kinh Thánh đều được viết vì một *lý do rất con người*. Nhưng chúng được biên tập cho một *lý do thiên thượng*. Nên chúng ta có thể nghiên cứu các sách ấy ở hai góc độ: *góc độ lịch sử* và *góc độ hiện sinh* (existential). G*óc độ lịch sử* là: Tại sao sách lại được viết ra, đâu là lý do đằng sau liên quan đến con người? *Góc độ hiện sinh* là: Tại sao sách lại ở trong Kinh Thánh và tại sao Chúa lại muốn chúng ta biết về điều này? Chúng ta sẽ tiếp cận sách Công Vụ theo hai góc độ ấy. Phần đầu từ *góc độ lịch sử*. Phần tiếp theo *từ góc độ hiện sinh* với câu hỏi "Tại sao Chủ biên thiên thượng lại đặt sách này trong Kinh Thánh cho chúng ta?"

Trước giả và lý do viết sách

Lu-ca là trước giả người ngoại duy nhất trong số 40 trước giả Kinh Thánh. Tất cả 39 vị kia đều là người Do Thái, những nhà tư tưởng Hê-bơ-rơ.

Đầu tiên, Lu-ca là một bác sĩ, Y học thời đó đã khá phát triển. Chúng ta đều đã nghe về Hippocrates và lời thề nhập môn ngành y mang tên *Lời thề Hippocrates*, từ 400 năm trước Đấng Christ. Người là nghề y được đào tạo rất cẩn thận, nhưng tư tưởng của họ hơi kỳ cục. Họ tin rằng sức khỏe là sự cân bằng bốn chất lỏng trong cơ thể: đờm, máu, mật đen và mật vàng. Nếu cơ thể anh cân bằng được bốn thứ đó thì anh là một người khỏe mạnh, họ nghĩ như vậy. Nhưng điều này huấn luyện các bác sĩ trở nên giỏi quan sát, có óc phân tích, ghi chép và hành nghề rất cẩn thận. Các phẩm chất này đều thể hiện trong sách Tin Lành theo Lu-ca và sách Công vụ của ông, ghi chép lại mọi thứ rất đúng sự tình, dùng cả đến nhiều thuật ngữ y khoa ca và sách Công vụ của ông. Trong sách có sự quan sát, ghi chép rất cẩn thận, rất chính xác, có lẽ là chính xác hơn các trước giả khác.

Nhưng điều thú vị là, Đức Chúa Trời với khiếu hài hước của Ngài, đã dùng một bác sĩ để mô tả sự sinh nở của một nữ đồng trinh cho chúng ta, ông đã lấy mọi tiểu tiết từ Ma-ri. Sách Ma-thi-ơ cho chúng ta góc nhìn của Giô-sép về sự giáng sinh của Chúa Giê-su, và qua gia phả của Giô-sép, là gia phả của Chúa Giê-su về mặt luật pháp. Trong sách Lu-ca, chúng ta có gia phả tự nhiên của Ngài qua Ma-ri. Chúa Giê-su là con vua Đa-vít, qua cha Ngài về mặt luật pháp và qua mẹ Ngài về mặt tự nhiên.

Như vậy, Ngài đủ điều kiện tới hai lần. Nhưng Lu-ca, trong vai trò một bác sĩ, đã trò chuyện với Ma-ri, nên chúng ta mới có góc nhìn của Ma-ri về *sự giáng sinh với những chi tiết riêng tư*. Những chi tiết về sự cắt bì của Chúa Giê-su, dùng khăn quấn hay khăn bọc, có những tiểu tiết chỉ bác sĩ sẽ để ý đến. Chúa cũng dùng vị bác sĩ này để *chứng thực những phép lạ chữa lành* của Chúa Giê-su và hội thánh thời đầu. Chẳng phải là rất thú vị khi để một vị bác sĩ làm tất cả những điều đó hay sao? Một số bác sĩ khá hoài nghi, ngay cả các bác sĩ Cơ Đốc cũng hoài nghi về các phép lạ chữa lành, nhưng Đức Chúa Trời đã chọn một bác sĩ để ghi lại tất cả những điều này. Lu-ca không thuộc 12 sứ đồ. Ông không bao giờ gặp Chúa Giê-su một cách cá nhân, nên ông phải phụ thuộc vào những người chứng kiến tận mắt. Nhưng các bác sĩ khá giỏi trong việc tìm hiểu mọi thứ và hỏi han mọi người.

Thứ hai, Lu-ca là một người ngoại, một người gốc *An-ti-ốt*, là Paris của thế giới cổ đại, nằm ngay ở bờ biển đông Địa Trung Hải, miền viễn bắc của Xứ Hứa, chắc hẳn là nơi xa mà người con trai hoang đàng đã đến. Nó nổi tiếng là một thành khá vô luân. Nhưng nó lại là nơi có hội thánh người ngoại đầu tiên, có sự nhóm họp đầu tiên của các tín đồ Cơ Đốc hoàn toàn là người ngoại. Không thể gọi những người này là người Do Thái. Vậy có thể gọi họ là gì đây? Chính tại An-ti-ốt mà người ta nghĩ ra biệt danh *"Cơ Đốc nhân."* Nhưng hãy nhớ rằng các Cơ Đốc nhân lại không muốn dùng danh đó để chỉ chính mình, và ước gì có thể bỏ từ này đi. Đó là một thuật ngữ gây hiểu lầm. Thà rằng gọi *môn đồ*, hay *tín đồ* là hai danh từ mà họ dùng để chỉ chính mình trong sách Công Vụ. Nhưng Lu-ca ghi lại một cách trung thực rằng lần đầu họ được gọi bằng Cơ Đốc nhân là tại An-ti-ốt, quê hương ông.

Có thể tóm tắt *mối quan tâm của Lu-ca* bằng việc nói rằng: ông quan tâm tới cách tôn giáo mới này bắt đầu giữa vòng người Do Thái, nhưng cuối cùng lại đến giữa vòng dân ngoại. Thật độc đáo khi một tôn giáo lại có thể vượt qua những rào cản dân tộc như vậy. Hầu hết mọi người đều sinh ra trong tôn giáo của dân tộc mình và ở nguyên trong đó, nhưng đây là một tôn giáo vượt từ dân này sang dân khác và ông quan tâm đến điều này. Gần như bạn có thể gọi Sách Công Vụ là Chuyện về Hai Thành phố hoặc Cách Người ta Mang Tin lành từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma. Nhưng đó là từ thủ đô của người Do Thái đến thủ đô của Dân Ngoại. Đó là điều ông quan tâm và ông đã ghi lại mọi sự tình một cách trung thực.

Thứ ba: *ông hay đi đây đó*, và bỏ hành nghề thày thuốc. Ông đi cùng ai? - Ông đi cùng Phao-lô. Trong phần tường thuật của Công Vụ, ông chuyển sang dùng ngôi thứ nhất số nhiều: *"Chúng tôi,* - Chúng tôi đi đường biển" thay vì nói "*Tôi có mặt ở đó*." Ông không nói rõ là *Lu-ca đi* mà ông nói là *chúng tôi đi*. Rất kín đáo. Thú vị là tất cả các trước giả Tân Ước đều không hướng sự chú ý vào bản thân. Nếu muốn biết về Ma-thi-ơ thì bạn phải đọc Mác. Khi Ma-thi-ơ hiệu đính sách Mác, ông đã cắt mọi thông tin về bản thân đi. Thật sự nhờ có Mác chúng ta mới biết về Phi-e-rơ. Mác toàn nói những điểm xấu của Phi-e-rơ nhưng Mác không thu hút sự chú ý vào bản thân mình. Giăng cũng thế, ông chỉ có nói*"môn đồ Đức Chúa Giê-su yêu thương."* Lu-ca cũng vậy, chỉ nói *"chúng tôi"* về việc ông đã đi cùng Phao-lô.

Rất thú vị là mỗi khi Phao-lô phải đi đường biển thì Lu-ca lại đi cùng ông. Không biết là có phải do Phao-lô gặp vấn đề thuộc thể, và Lu-ca luôn đi cùng để giúp đỡ ông chăng. Nhân những hải trình ấy mà Lu-ca có bản mô tả về một vụ đắm tàu, để lại một áng văn tuyệt hảo trong thời cổ đại. Đó là mô tả sinh động nhất về cơn bão đẩy họ trôi giạt vào bờ biển Man-tơ. Vậy là ông đi cùng Phao-lô, đặc biệt là trong các hải trình từ Trô-ách đến Phi-líp, hải trình từ Sê-sa-rê đến Rô-ma, vị bác sĩ này đã đi cùng Phao-lô, và chắc hẳn đã săn sóc cho các nhu cầu thuộc thể của ông.

Những điều này cho thấy khi Phao-lô bị bắt giữ, Lu-ca ở quanh ông, ở Giê-ru-sa-lem hai năm và ở Rô-ma hai năm. Chính lúc này mà ông viết, sách Tin lành trước rồi đến Sách Công Vụ. Giả thiết này khớp với các sự kiện, tại Giê-ru-sa-lem, ông có hai năm để có thể trò chuyện với Ma-ri, và nhiều người khác vẫn còn ở quanh đó, những người mắt thấy tai nghe để thu thập đủ những thông tin cần thiết. Khi ở Rô-ma, ông có thể thường xuyên hỏi Phao-lô: *Thầy làm gì khi con không ở với thầy tại chỗ này, chỗ kia?* Nhưng hai ông đi đến đâu, và tại sao Lu-ca lại dành thời gian để khảo cứu và viết hai sách ấy, viết để làm gì, là những câu hỏi cần làm sáng tỏ.

Thứ tư, Lu-ca là một cây bút, *một cây bút tài ba*. Đoạn tường thuật về lần bị đắm tàu được ghi nhận là một trong những kiệt tác văn học từ thế giới cổ đại. Ông có vốn từ vựng dồi dào, văn phong xuất sắc, dòng chảy có tiết tấu, nhịp điệu, có thể giữ được sự chú ý của người đọc. Chính nhịp điệu đã giữ sự chú ý của người ta, thôi thúc họ đọc tiếp, phát triển cốt truyện. Nhiều độc giả cho biết đọc Công Vụ từ đầu đến cuối dễ hơn so với đọc Ma-thi-ơ, dù Công Vụ dài hơn. Ô*ng cũng là một sử gia*, chìa khóa để trở thành *sử gia giỏi* là biết cần bỏ qua những gì và cần chọn lọc những gì, cần phải đưa những gì vào, cần phải nói gì và không nói gì. Chính xác, thực tế, và trên hết ông là một người làm nghiên cứu. Một cây bút thận trọng sẽ dành nhiều thời gian nghiên cứu trước khi viết, ông đã tập hợp đủ thông tin và biết mình định nói gì.

Cuối cùng thì Lu-ca *là nhà truyền đạo*. Khao khát của ông là làm sao để người ta được cứu. S*ự cứu rỗi* là một từ khóa trong cả hai tập. Trong Lu-ca và Công Vụ, *"sự cứu rỗi"* và *"cứu"* là những từ liên tục xuất hiện, vì ông luôn muốn người ta được cứu. Là một người ngoại, ông đặc biệt quan tâm đến *"mọi loài xác thịt."* Trong tin lành theo Lu-ca, ông đã trích dẫn lời tiên tri của Giăng Báp-tít về "mọi loài xác thịt." Thực ra là từ Ê-sai trước nữa, mà Giăng Báp-tít nhắc tới: "*Mọi loài xác thịt* sẽ thấy sự cứu của Đức Chúa Trời..." Đó trở nên *chủ đề* của *Tin lành theo Lu-ca*: *"Mọi loài xác thịt sẽ thấy sự cứu của Đức Chúa Trời."* Mọi loài xác thịt là bao gồm người Sa-ma-ri, người ngoại, phụ nữ, người nghèo khó.

Chủ đề của sách Công Vụ là: *"Đức Thánh Linh sẽ được đổ xuống mọi loài xác thịt, trên người Do Thái, người Sa-ma-ri cho đến cùng trái đất."* Mọi loài xác thịt là điều ông quan tâm. Đây là tôn giáo mà Lu-ca thấy dành cho tất cả mọi người trên toàn thế giới, nên trong sách Tin lành Lu-ca, ông rao truyền: "*Chúa Giê-su là Cứu Chúa của thế gian."* Đến *sách Công Vụ* ông nhấn mạnh một điều khác, ông quan tâm đến *toàn bộ trái đất có người ở*. Trong tiếng Hy Lạp thì cụm từ có nghĩa đó chỉ là một từ "*Oikumene,"* là gốc của từ *Ecumenical* trong tiếng Anh, lại nghĩa là *giáo hội toàn thế giới*. Nhưng *Oikumene* nghĩa là *Toàn thế giới có người ở* chứ không phải là *Toàn giáo hội*. Lu-ca thì luôn hướng đến toàn thế giới. Ông muốn thấy sự cứu rỗi đến với toàn thế giới, nhưng ông biết mình không phải một nhà giảng đạo. Ông là một cây bút, nên *cách rao truyền tin lành của ông là viết lách*, cùng với việc làm bác sĩ riêng cho vị giáo sĩ vĩ đại nhất. Thật là một chức vụ tuyệt vời! Chúa Giê-su có phán rằng: "Ai đưa một ly nước lạnh cho một nhà tiên tri thì sẽ nhận phần thưởng của nhà tiên tri." Một lời hứa tuyệt vời. Nếu bạn giúp cho một chức vụ thì bạn sẽ nhận được phần thưởng giống như chức vụ đó. Tất cả chúng ta đều có thể làm điều gì đó và nhận được phần thưởng lớn.

Độc giả

Lu-ca viết hai sách của mình cho chỉ một người, điều này *thật khác thường*. Tên của độc giả này là *Thê-ô-phi-lơ*, nghĩa là *Ngài Thân Chúa*. Thê-ô-phi-lơ *là ai?* Và tại sao Lu-ca lại viết quá nhiều thứ như vậy cho chỉ một người? Tất nhiên, một linh hồn cũng đáng để nỗ lực hết sức mình mà cứu. Nhưng

như cách Lu-ca làm ở đây thì công phu quá. Dành cả bốn năm để nghiên cứu và viết ra, hai sách này chỉ để cho một người ư? Nghe có vẻ đáng ngờ về mặt quản trị thời gian và năng lượng nhỉ? Có hai giả thiết, và điều sắp nói cũng chỉ là sự phỏng đoán. Nhưng đôi khi, từ những bằng chứng đưa ra, chúng ta có thể luận ra một điều gì đó.

Giả thiết đầu tiên, *Thê-ô-phi-lơ là một nhân vật tưởng tượng*, đó chỉ là một cái tên Lu-ca tự nghĩ ra để đối diện trong tâm trí khi ngồi viết. Cũng có thể gọi là Người Thật Lòng Tìm Kiếm, hoặc Ngài Thân Chúa. "Thưa Ngài *Thật Lòng Tìm Kiếm*, Thưa *Ngài Thân Chúa*, đây là bản tường thuật mà ông có thể xem." Vâng, đó là một giả thiết hay, nhưng không tin là nó khớp với mọi sự việc.

Giả thiết khác, Thê-ô-phi-lơ là một người cụ thể, rằng "*Ngài Thân Chúa*" thực sự là có thật. Để chúng ta lại hỏi: Tại sao Lu-ca lại viết hai tập sách chỉ cho một người ấy? Hẳn phải có một lý do rất chính đáng. Liệu ông ấy có phải là *một nhà xuất bản* không? Nếu đúng thì sẽ có khả năng lan truyền những điều này nhanh nhất có thể. Hay ông ấy là một giáo viên? Liệu Lu-ca có xem ông ấy như một người cải đạo rất tiềm năng không, vì nhà giáo là một người giỏi truyền đạt, có thể truyền giảng kỹ càng nội dung sách?

Nhưng có một giả thiết thật sự ăn khớp là, Thê-ô-phi-lơ hẳn là một người có tầm quan trọng nhất định, một quan chức nào đó, vì Lu-ca gọi ông bằng cả tước hiệu lẫn tên riêng, *"Ngài Thân Chúa khả kính."* Trong thời đó, chỉ một số người có được tước hiệu đó thôi. Thê-ô-phi-lơ có thể là một *luật sư*, thậm chí là một *thẩm phán*. Nhưng chắc là luật sư thì mới được gọi như vậy.

Tại sao Lu-ca lại muốn *đưa cho một luật sư* hai bản tường trình đầy đủ như vậy? Đó là luật sư sắp bào chữa cho Phao-lô tại phiên xét xử ông ở Rô-ma. Vị luật sư đó nói: "Ông Phao-lô ạ, để có thể bào chữa cho ông thì tôi cần một bản tóm lược thật đầy đủ. Tôi muốn biết về Giê-su mà ông nói là ông tin theo, và tôn giáo này đã bắt đầu như thế nào. Tôi muốn ông kể mọi thứ để tôi có thể trình bày hoàn cảnh của ông, về chính cuộc đời ông, về cách ông kết thân với các nhà chức trách La Mã ở khắp nơi, các cáo buộc trước đó về ông tại các phiên xét xử trước đây. Tôi muốn biết hết mọi điều có thể biết." Là người phụ tá thân cận nhất của Phao-lô, bác sĩ Lu-ca đã nói: "*Thưa Ngài, tôi sẽ viết cái đó cho Ngài. Tôi sẽ nghiên cứu thấu đáo.*" Hai năm ở Giê-ru-sa-lem, ông đã nghiên cứu cuộc đời và sự chết của Chúa Giê-su. Hai năm ở Rô-ma, ông làm mọi nghiên cứu và ghi chép về Phao-lô.

Nếu giả thiết này đúng thì nó sẽ giải thích được nhiều thứ trong cả hai sách. Nó giải thích được tại sao người Rô-ma lại hoàn toàn có thiện cảm với tôn giáo mới này. Không hề thấy một người La Mã nào chỉ trích Chúa Giê-su hay Phao-lô. Trong cả hai phiên xét xử tại Giê-ru-sa-lem, phiên về Chúa Giê-su và phiên về Phao-lô *đều có ba tuyên bố rằng hai người này hoàn toàn vô tội.* Phi-lát ba lần nói rằng: "*Người này vô tội.*" Ba lần chức trách La Mã nói rằng: "*Phao-lô vô tội,* chúng ta có thể tha người này nếu ông ta chưa khiếu nại lên Rô-ma." Qua cả hai sách đều cho biết những rắc rối không phải bởi các Cơ Đốc nhân gây ra, cũng không phải người La mã, mà hoàn toàn do người Do Thái bày đặt, gây chuyện. Trong mắt người La Mã, cả Chúa Giê-su và Phao-lô đều hoàn toàn vô tội.

Điều này cho thấy bản tóm lược của Lu-ca được xây dựng như thế nào. Nó giải thích rất nhiều điều. Chẳng hạn, chúng ta gọi sách là *Công Vụ là Công Vụ các sứ đồ*. Hoàn toàn không phải như vậy, hai phần ba sách viết về Phao-lô. Ngay sau khi Phao-lô được cải đạo thì các sứ đồ khác đều biến mất khỏi công trường truyền giáo. Sách chỉ nhắc đến Phi-e-rơ để dẫn đến Phao-lô. Ngay khi Phao-lô hiện diện thì Phi-e-rơ cũng bị lãng quên. Tất cả sách là để bào chữa cho Phao-lô, và nói với chính quyền La Mã rằng tôn giáo mới này không hề dấy loạn hay lật đổ chính quyền. Cơ Đốc giáo luôn có thiện

cảm với chính quyền. Phao-lô là một công dân La Mã. Còn Chúa Giê-su vô tội theo luật La Mã. Chỉ vì người Do Thái gây sức ép nên Chúa Giê-su mới bị đóng đinh. Chỉ vì người Do Thái gây sức ép nên Phao-lô mới gặp rắc rối, chứ người La Mã thì không...*Chìa khóa là* khi ở Rô-ma, Phao-lô được xử ở một nơi người Do Thái không thể xoay chuyển bản án. Tại Giê-ru-sa-lem thì họ có thể, nhưng Phao-lô đang ở Rô-ma và người Do Thái không thể can thiệp vào công lý. Nên nếu đây là bản tóm lược cho luật sư của Phao-lô để bào chữa cho ông, thì tất cả đều ăn khớp.

Một điều nữa để thấy giả thiết này thật sự ăn khớp, là *sách Công Vụ kết thúc quá đột ngột.* Bạn đã bao giờ để ý chưa? Dường như sách đột ngột kết thúc mà không có kết luận. Sách kết thúc với việc Phao-lô chờ xét xử. Điều này đặt ra một câu hỏi thú vị khác. Bản tóm lược này có thành công không? Vị luật sư có bào chữa được cho Phao-lô không? Câu trả lời là mọi bằng chứng đều chỉ ra thực tế rằng ông đã thành công, và rằng Phao-lô được thả từ lần xét xử đầu tiên đó. Các bức thư mà sau này Phao-lô viết cho Ti-mô-thê và Tít chứa những chi tiết không khớp với cuộc sống của ông trước phiên xét xử đó, chúng ngụ ý rõ ràng rằng sau này ông được thả tự do, sau đó bị bắt lại, bị kết tội và chém đầu. Thậm chí có một truyền thống vững chắc rằng Phao-lô đã đến tận Tây Ban Nha, đây đúng là tham vọng của ông. Ông muốn đến Tây Ban Nha và xây dựng các hội thánh tại đó. Một số hội thánh cổ tại Tây Ban Nha khẳng định rằng Phao-lô là người sáng lập hội thánh họ. Chúng ta không thể nói chắc chắn, nhưng bằng chứng của truyền thống chỉ ra thực tế rằng Phao-lô được thả tại phiên xét xử đầu tiên, nhưng lại bị bắt lại và sau đó bị chém đầu. Nên có vẻ như công sức của Lu-ca không uổng phí.

Với mọi thông tin đó, nếu Lu-ca viết sách chủ yếu để cứu mạng Phao-lô, cứu vị giáo sĩ, vị sứ đồ vĩ đại này để thực hiện thêm chức vụ thì ông đã thành công. Nhưng nếu vậy thì chẳng phải là chúng ta thật biết ơn Chúa vì Lu-ca đã nghiên cứu và viết bản tóm lược đó hay sao? Nếu không, chúng ta sẽ không có bản tường thuật về hội thánh thời đầu. Sách này đã lấp đầy khoảng trống quan trọng giữa các sách Tin lành và các thư tín, thực sự chúng ta cần sách này để hiểu toàn bộ Tân Ước. Thực tế, Phao-lô đã làm chứng ba lần trong sách Công Vụ, mà không một sứ đồ nào khác đứng trước tình thế cần làm chứng. Tại sao lời chứng của Phao-lô lại quá tuyệt vời và quá quan trọng đến vậy? Ấy là vì Phao-lô đang hầu tòa và người ta cần được nghe điều ông nói tại từng phiên xét xử. Bản tường thuật được dùng làm bằng chứng ủng hộ ông chứ không chống lại ông.

Ta sẽ tự suy xét phỏng đoán này, nhưng dường như hai tập sách của Lu-ca là câu trả lời hoàn hảo cho những câu hỏi của một vị luật sư rằng: Ai đã khởi xướng tôn giáo mới này, Phao-lô liên quan đến nó như thế nào, và nhà chức trách La Mã ở các nơi khác phản ứng thế nào với nó. Đó chính là những câu hỏi mà một luật sư thụ lý cần được giải đáp để chuẩn bị bản biện hộ cho vụ án.

Dù có đúng như vậy hay không thì hẳn là Lu-ca đã nghĩ đến lượng khán giả đông đảo hơn, hy vọng rằng những gì ông thu thập và nghiên cứu sẽ chạm đến họ. Thậm chí phiên tòa có thể sẽ được xử công khai trước công chúng, thì càng có nhiều người hơn nữa được nghe thấy tất cả những thực tế này. Vào thời đó, báo chí cũng sốt dẻo đưa tin về những vụ án, nên Lu-ca cũng hy vọng rằng các nhà báo sẽ đưa tin về một tôn giáo mới xuất hiện. Nhưng trên hết, phiên xét xử diễn ra tại thủ đô của thế giới dân ngoại. Những gì xảy ra tại Rô-ma sẽ lan ra khắp nơi nên đây là một phiên xét xử chủ chốt. Cơ Đốc *Giáo lần đầu tiên ra hầu tòa tại Rô-ma.* Không phải cá nhân Phao-lô mà là *Cơ Đốc Giáo*.

Nên đây là một vụ án sống còn. Cảm tạ Chúa vì vị bác sĩ này đã nói rằng: "Mình sẽ tóm lược cho luật sư, mình sẽ cho ổng biết về mọi điều mà mình có thể tìm hiểu một cách chính xác. Mình sẽ ghi đúng mọi ngày tháng, mình sẽ đặt mọi tiêu đề cho đúng, mình sẽ thu thập đúng hết mọi thông

tin." Nên ông nói: "Thưa Ngài Thê-ô-phi-lơ, *nhiều người đã viết về những điều này, nhưng tôi muốn ghi chép cho chính xác, tôi muốn ông biết sự thật, toàn bộ sự thật và không gì ngoài sự thật*, và nó đây, thưa Ngài Thê-ô-phi-lơ."

Cấu trúc và dàn ý

LU-CA ~ Bác sĩ - Dân ngoại - Người hay đi đây đó
tác giả - Nhà truyền giáo

THÊ-Ô-PHI-LƠ ~ Người đại diện?
(Ngài Thân Chúa) Một người cụ thể?

A. LỊCH SỬ

1. Hai phần:

1. Hai phần:	Phi-ê-rơ cho người Do Thái	1-12
	Phao-lô cho Dân Ngoại	13-28)
2. Ba phần:	Giê-ru-sa-lem	1-7
	Giu-đê & Sa-ma-ri	8-10
	Đến cùng trái đất	11-28
3. Năm phần:	Do Thái - Giê-ru-sa-lem	6.7
	Hy Lạp gốc Do Thái & Sa-ma-ri	9.31
	Dân Ngoại - An-ti-ốt	12.24
	Châu Á	16.5
	Châu ÂU	19.20
	Rô-ma	

Chúng ta có thể gọi hai tập sách của Lu-ca là *Lịch sử Cơ Đốc giáo Phần 1, Phần 2*. Chúng ta sẽ xem xét sách theo cách nhìn đó. Lịch sử ở đây được ghi chép lại một cách tuyệt vời khoảng thời gian 33 năm, từ khi bắt đầu chức vụ công khai của Chúa Giê-su cho đến khi Phao-lô bị cầm tù và quản thúc tại Rô-ma. Sách đầy sự kiện nhưng cũng đầy cảm xúc. Vị bác sĩ này có cử chỉ ân cần bên giường bệnh, và có sự nhạy bén với mọi người trong cách nói chuyện. Ông đã thu thập được những tiểu tiết tinh tế từ Ma-ri, một người rất kín đáo và giữ mọi điều trong lòng. Nhưng khi trò chuyện với người bác sĩ gia đình tin cậy, bà có thể dốc bầu tâm sự: "*Vâng, chuyện là thế này.*"

Sau khi đã rõ về Mục đích và Lý do viết sách, chúng ta xét đến Cấu trúc sách. Theo cái khung sườn này mọi điều được gắn kết và bày tỏ. Có ba mô hình khác nhau về cấu trúc có thể gắn vào cho sách Công Vụ.

Sách chia thành hai phần: Phi-e-rơ và Phao-lô

Đây là giả thiết đơn giản nhất: Sách chia làm hai phần: Phi-e-rơ và Phao-lô. Hai vị là những người hùng, là hai nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử hội thánh thời đầu. *Phi-e-rơ, Sứ đồ của người Do Thái* và *Phao-lô, Sứ đồ của người ngoại*. Có sự tương đồng đáng chú ý giữa những gì *Lu-ca nói về Phi-e-rơ* và những gì *Lu-ca nói về Phao-lô*. Gần như thể là Lu-ca nghĩ "*mình sẽ nói những điều giống hệt nhau về cả hai người,*" vì *nguy cơ lớn nhất* trong hội thánh thời đầu là *bị phân thành hai hệ phái*: hội thánh Do Thái và hội thánh người ngoại. Cả Phao-lô và Phi-e-rơ đều muốn điều đó không bao giờ xảy ra. Lu-ca cũng chia sẻ gánh nặng này, nên ông nghĩ: "*mình sẽ không để Phi-e-rơ và Phao-lô đối nghịch nhau, vì cả hai người đều thực giống hệt nhau.*"

Họ có quá *nhiều điểm tương đồng*: Cả hai đều làm phép lạ, cả hai đều thấy khải tượng, cả hai đều chịu khổ vì đức tin của mình, cả hai đều có những bài diễn thuyết dài, cả hai đều được đầy dẫy Thánh Linh, cả hai đều giảng với sự dạn dĩ, cả hai đều giảng cho cả dân Do Thái và dân ngoại, tuy họ có phân việc: Phi-e-rơ chủ yếu giảng cho người Do Thái còn Phao-lô chủ yếu cho người ngoại. Cả hai đều bị cầm tù và đều được thả một cách kỳ diệu. Cả hai đều chữa lành cho người bệnh, cả hai đều chữa lành cho một người bị què từ lúc mới sinh, cả hai đều đuổi quỷ, cả hai đều có những phương thức chữa lành khác thường - cái bóng của Phi-e-rơ và khăn tay của Phao-lô. Cả hai đều khiến người chết sống lại, cả hai đều tuyên bố sự phán xét trên những giáo sư giả, cả hai đều không chịu nhận sự thờ lạy, tôi có thể nói mãi.

Khi đặt hai người cạnh nhau, chúng ta sẽ thấy Lu-ca nêu những điều giống hệt nhau về Phi-e-rơ và Phao-lô, cứ như thể ông đang nói rằng: *"Không có gì để lựa chọn giữa họ, nên đừng theo người này hay người kia, đừng có đối nghịch họ với nhau."* Tất nhiên là cả hai đều chết tại Rô-ma, cả Phi-e-rơ và Phao-lô. Hai nhân vật vĩ đại nhất trong hội thánh thời đầu. Gọi tên sách là *Công Vụ Các Sứ Đồ* ư? Các Sứ đồ khác đâu hết rồi? Mà *chỉ có hai người* này thôi. Đó là *Công vụ của Sứ đồ Phi-e-rơ và Phao-lô*. Để tránh nguy cơ phân rẽ hội thánh thời đầu thành hai hệ phái, Sách Công Vụ đã gắn kết hai người với nhau, gắn kết Phi-e-rơ và Phao-lô lại, và nói: "*Không có gì để phải lựa chọn giữa họ, hai người đều làm những điều giống hệt nhau cho những người khác nhau."* Đây là *một cách tiếp cận* Sách Công Vụ, chia sách thành hai phần: Phần đầu có *12 chương* tường trình về Phi-e-rơ. Phần thứ hai có 16 chương tường trình về Phao-lô.

Sách chia thành ba phần theo vùng địa lý

Ngay đầu sách đã có khẳng định này *"Các con sẽ...làm chứng nhân cho Ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri cho đến cùng trái đất."* Hầu như là Lu-ca đang theo trình tự lan rộng này mà phát triển chủ đề. Sách được kết hợp một cách rất đẹp. Sách bắt đầu tại Giê-ru-sa-lem từ *chương 1 đến 7*. *Chương 8 đến 10* đi xa hơn, đến Giu-đê và Sa-ma-ri. Rồi từ đó lan sang châu Âu và đến cùng trái đất, trong các *chương 11 đến 28.* Đây là một cấu trúc khả thi.

Sách chia thành 5 phần, mỗi phần kết thúc với một kết luận tương tự nhau

Cấu trúc này chia *sách* chi tiết hơn một chút. Với địa chỉ các câu gốc tiêu biểu vào từng phần, chúng ta sẽ bắt đầu hiểu vấn đề. Ví dụ ở *phần đầu*, với *Công Vụ 6:7* chép: "Đạo của Đức Chúa Trời ngày càng phát triển; số môn đồ tại Giê-ru-sa-lem gia tăng gấp bội. Rất nhiều thầy tế lễ cũng vâng theo đạo nữa..." Ở *phần hai*, với *Công Vụ 9:31* chép: "Vậy, Hội Thánh trong cả miền Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri được hưởng sự bình an, xây dựng, bước đi trong sự kính sợ Chúa; nhờ Đức Thánh Linh giúp đỡ, số tín hữu ngày càng gia tăng..." Đến *phần ba*, với *Công Vụ 12:24* chép: "Bấy giờ, đạo Đức Chúa Trời tiếp tục gia tăng và ngày càng phát triển..." *Phần bốn*, có *Công Vụ 16:5* chép: "Vì thế, các Hội Thánh được vững mạnh trong đức tin, và số tín hữu cứ gia tăng mỗi ngày..." *Phần năm,* thì có *Công Vụ 19:20* chép: "Vậy, nhờ quyền năng của Chúa, đạo Chúa cứ tăng trưởng và ngày càng vững mạnh..."

Chúng ta có để ý thấy *điểm tương đồng* giữa những câu đó không? Mỗi một câu đều nói rằng *hội thánh tăng trưởng*, hội thánh tăng trưởng, hội thánh tăng trưởng.Và có tổng cộng *năm khẳng định như vậy* xuyên suốt sách Công Vụ. Cứ như thể điều đó đánh dấu sự kết thúc của một phần. Sách cho chúng ta biết rất nhiều điều đã xảy ra, rồi ông tóm tắt: "Hội thánh tăng trưởng và lan rộng." Đưa thêm thông tin, lại hội thánh tăng trưởng và lan rộng, đưa thêm thông tin, rồi lại hội thánh tăng trưởng và

lan rộng. Đó là *chủ đề thật sự* của ông. Sự tăng trưởng và lan rộng của tôn giáo mới này quanh Đế quốc La Mã.

Khi nhìn vào những gì ông viết trước từng câu tóm tắt, chúng ta sẽ *thấy một vòng sóng rõ ràng lan ra,* mỗi phần là một vòng sóng lớn hơn và thuộc vòng sóng lớn hơn đó. Đó là *cấu trúc cơ bản* của Lu-ca, là cách tư duy của ông. Cứ như thể *một hòn đá được ném xuống ao là sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su*. Nó tạo nên các vòng sóng. Ở cuối mỗi vòng sóng, ông tóm tắt: *"Hội thánh tăng trưởng và lan rộng."* Rồi ông cho chúng ta biết một vòng sóng khác lan ra, lại "Hội thánh tăng trưởng và lan rộng."

Đó là một cách tiếp cận lịch sử rõ ràng và tôi nghĩ nó mở ra cho sách Công Vụ một cách rất hay. Điều này giải thích cách ông lựa chọn các sự kiện. Rõ ràng là ông không cho chúng ta biết mọi thứ. Làm sao mà biết hết được, cả thế gian cũng không thể chứa hết sách nếu mọi điều mà hội thánh thời đầu từng làm và từng nói được ghi lại. Vậy tại sao ông lại chọn ra những điều như vậy? Ông *chọn ra những sự kiện then chốt tạo ra vòng sóng tiếp theo.* Mỗi lần ông đều *nêu bật một điều khiến Phúc âm đột ngột lan ra* thêm nữa.

Những sự kiện đáng chú ý

1. *Sự kiện lớn đầu tiên* để lan truyền phúc âm *Ngày lễ Ngũ tuần*. Với mọi dân tụ họp tại đền thờ để dự Kỳ lễ. "hòn đá được ném xuống," *Đức Thánh Linh đến trên 120 người*. Chú ý buổi ấy là ở trong đền thờ chứ không phải là trên một phòng cao cũng quen thuộc. Mọi người không hề nhúc nhích, họ không chạy ra ngoài giảng đạo, họ ngồi đó, chỉ ở yên một chỗ. Chỉ có mười một người trong họ đứng dậy với Phi-e-rơ. Chuyện đó xảy trong đền thờ, Nhà Đức Chúa Trời, khi họ đến để cầu nguyện vào 9 giờ sáng. Họ đang ở *hành lang Sa-lô-môn*. Địa điểm chính xác thì đó là *Nhà thờ Hồi giáo Al-Aqsa* ngày nay, ở rìa phía nam của khu đền thờ, là nơi Cơ Đốc nhân thường nhóm họp để cầu nguyện. Lúc đó là 9 giờ sáng, tại Nhà Đức Chúa Trời "gió thổi và đó là hòn đá được ném xuống hồ." Nó sẽ chạm đến cùng đất... Có những người từ Rô-ma, Sy-ren, Li-by và toàn thế giới ở đó. Họ đã nghe thấy vang lên bao tiếng lạ, người ta bảo họ say. Giờ phút đó Phi-e-rơ thể hiện một phong cách giảng đạo bậc thầy khi đứng lên và nói rằng: *"Chúng tôi không say, quán nhậu còn chưa mở, mới có 9 giờ sáng, ai lại say vào giờ này."* Chúng ta thấy đó, chính dấu lạ về có đủ các thứ tiếng khác nhau đã lật ngược lại sự kiện Tháp Ba-bên. C*húa đã ban tất cả những thứ tiếng đó tại Ba-bên để khiến loài người bối rối, sống chia tách*. Nhưng bây giờ tại đây thì Ngài đang *ban mọi thứ tiếng để tụ họp họ lại* với nhau, và *đảo ngược Tháp Ba-bên*. Ai đó từng nói không thấy Cựu Ước nhắc đến tiếng lạ. Ba-bên chính là lần đầu Chúa ban những thứ tiếng nói khác nhau, nhưng với một mục đích rất khác. Khi đó là để phán xét, bây giờ là vì thương xót. Nhưng đây là "viên đá đầu tiên ném xuống ao," sự kiện tạo ra những vòng sóng lan tỏa.

2. Rồi *những lời phàn nàn của các bà góa* về việc không được chia lương thực một cách công bằng *là sự kiện then chốt để mở rộng Hội thánh*, thật thú vị! Nếu là hội thánh thời nay thì họ sẽ chỉ định một ủy ban nữ giới để cấp phát thực phẩm. Nhưng hội thánh thời đầu khôn ngoan hơn nhiều, họ *chỉ định bảy người nam để phục vụ bàn ăn*, và bạn biết tại sao họ lại làm như vậy không? Vì đây là những bà góa không có đàn ông, và họ cần những người nam chăm sóc cho họ. Nên họ đã chỉ định bảy người nam, trong bảy người có Ê-tiên. Hầu hết các mục sư Cơ Đốc vĩ đại đều bắt đầu từ một người phục vụ. Phao-lô đã bắt đầu như một chấp sự giữ quỹ cùng Ba-na-ba. Chúng ta cần nhớ điều này, rằng bảy người nam đó được chọn để phục vụ bàn ăn, dường như đó là một sự kiện không có gì

đáng nói. Nhưng Lu-ca đã thấy điều đó thực sự có ý nghĩa. Việc này dẫn đến Ê-tiên tử vì đạo. Việc Ê-tiên tử đạo làm Cơ Đốc nhân bị tản lạc, xem dường như đó là một thảm họa. Nhưng thực ra sự kiện bi thảm ấy lại khiến vòng sóng lan ra. Tất cả đều bắt đầu từ việc chỉ định người lo việc bàn ăn. Lu-ca chỉ chọn những sự kiện khiến các vòng sóng lan rộng ra.

3. *Sự kiện người Sa-ma-ri cải đạo*. Đó là sự kiện quyết định, khi Phi-líp, một trong bảy Chấp sự đến Sa-ma-ri, cơn phấn hưng đã nổ ra. Một sự kiện mang tính quyết định. Lúc này Phúc âm đang chạm đến Sa-ma-ri, Phi-e-rơ và Giăng xuống để cầu nguyện cho người Sa-ma-ri được báp-têm Thánh Linh. Tôi nghĩ điều đó thật kỳ lạ. Lần trước, khi Phi-e-rơ và Giăng ở đó, họ đã cầu nguyện xin Chúa ban lửa từ trời để thiêu rụi dân Sa-ma-ri. Giờ thì họ lại xin lửa từ trời vì một lý do hoàn toàn khác. Nó thể hiện *sự thay đổi kỳ diệu xảy ra trong lòng họ*, điều mang tính quyết định nhất.

4. *Vị hoạn quan Ê-thi-ô-pi*. Ông ta có gì mà quan trọng đến vậy? Ông sẽ *đem Phúc âm đến Phi Châu*, người Châu Phi đầu tiên. Đây không chỉ là những câu chuyện cải đạo ngẫu nhiên. Đây là những sự kiện quyết định mà khi đó có vẻ không đáng nói, nhưng nhìn lại thì chúng đã khiến một vòng sóng khác lan rộng ra. Nên Lu-ca rất cẩn trọng, ông không kể cho chúng ta mọi sự cải đạo trong hội thánh thời đầu, có hàng trăm, hàng ngàn người, nhưng ông chọn những sự cải đạo lạ thường khi xét đến tác động của chúng.

5. Rồi có sự việc *Phi-e-rơ ở nhà Cọt-nây*. Phi-e-rơ phải ăn đồ ăn không theo kiểu kosher, ông không thích làm như vậy chút nào. Nhưng điều đó lại thật quan trọng! Và *Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem* trong *Công Vụ 15* đã họp lại để quyết định xem dân ngoại có phải trở thành người Do Thái rồi mới được theo Chúa Giê-su không. Giáo hội nghị nói *"Không."* Nên chúng ta mới *không phải trở thành người Do Thái để theo Chúa Giê-su*. Vấn đề *nan giải bây giờ lại là điều ngược lại*. Người Do Thái có phải trở thành người ngoại để theo Chúa Giê-su không? Câu trả lời cũng là "Không." Hãy để người Do Thái vẫn là người Do Thái và theo Chúa Giê-su, hãy để người ngoại là người ngoại và theo Chúa Giê-su. Sách Công Vụ kết thúc với câu nói của Phao-lô: "Nên bây giờ chúng tôi mới quay sang các dân ngoại..." Ông luôn đến với người Do Thái trước, nhưng nếu người Do Thái không tiếp nhận, thì ông nói: "*Được rồi, dân ngoại sẽ được."*

Tin Mừng đã đến với chúng ta như vậy đấy, vì chúng ta là những người ngoại đặt lòng tin.

SÁCH CÔNG VỤ - Phần 2

Hội thánh thời kỳ đầu - vừa tốt vừa xấu

Chúng ta đã từ hai góc độ để xét đến các sách trong Kinh Thánh. Ở *góc độ con người*, xem xét trước giả và mục đích, lý do viết sách. Ở *góc độ Chủ biên Thiên thượng*, Đấng muốn chúng ta có sách này. Chúng ta cũng bắt đầu với *ý nghĩa lịch sử*, sau đó chuyển sang *ý nghĩa sinh tồn* là sách nói gì cùng chúng ta? Nhiều người lại làm ngược lại nên đã dẫn đến sai lầm. Đầu tiên, chúng ta cần khám phá ý nghĩa ban đầu, nghĩa gốc của cuốn sách, độc giả mà sách định hướng tới, sau đó mới đặt câu hỏi sống còn "Sách có gì để nói cùng chúng ta." Nếu không theo trình tự này, thì ta có thể sa vào các kiểu suy diễn ý nghĩa lạ lùng và kỳ cục.

Xin đưa một dẫn chứng: có một người hỏi ý kiến tôi về việc mua lại *một siêu thị ở* Birmingham để làm nhà hàng cà phê truyền giáo. Cái *siêu thị* rộng hẳn là nơi *"chứa"* được nhiều thứ lắm. N*hu cầu chứa đựng* này bám chặt tâm trí người ấy, thúc dục anh viết thư hỏi tôi: "Tôi đã cầu xin Chúa dẫn dắt, và có ngay câu Kinh Thánh *"Ta đổ phước* xuống cho các ngươi đến nỗi không chỗ *chứa."* Tạ ơn Chúa! Ngài đã thật sự phán với tôi qua câu này. Theo ông thì tôi được dẫn dắt như vậy đã đủ chưa?," "-Nếu anh chỉ đọc thấy có thế thì quả là chưa đủ." Bạn thấy đó, anh ấy diễn giải ra một nghĩa không hề liên quan đến nghĩa gốc. E rằng nếu không cẩn thận thì chúng ta sẽ luôn làm như vậy. Bước đầu phải là tìm *ý nghĩa lịch sử*, sau đó chúng ta mới có thể hỏi là điều này có liên quan gì đến chúng ta ngày nay, thuộc về *ý nghĩa sinh tồn.*

Một *vấn đề cơ bản* nảy sinh khi mở Sách Công Vụ là sách như mời gọi chúng ta *so sánh hội thánh thời nay* với *hội thánh thời ấy*. Có phản ứng tức thì là: "*Ước gì hội thánh mình được như thế!"* Xét kỹ thì hội thánh thời ấy cũng không hoàn hảo. Họ có tranh cãi, có chia rẽ và có những sai lầm. Tuy nhiên thì đó là một hội thánh đầy sự sống và quyền năng, và dường như đang dẫn dắt hội thánh là *Đức Thánh Linh* chứ không phải những người lãnh đạo của nó. Trước hết, chúng ta cần phân biệt giữa cái xấu và cái tốt, và *không lý tưởng hóa*, như *trào lưu lãng mạn (Romanticism)* cho rằng chúng ta mà giống hệt với hội thánh thời đầu thì tốt biết mấy. Chúng ta biết có những điều xấu trong đó, có A-na-nia và Sa-phi-ra. Có lần, có người hỏi tôi trong buổi hội thảo mục sư rằng: "Ông có tin vào *việc bị giết (hay chết ngất) trong Thánh Linh không?"* Tôi đáp: "Có chứ, cái đó đúng Kinh Thánh đấy, A-na-nia và Sa-phi-ra bị giết trong Thánh Linh. Nếu muốn trải nghiệm điều đó thì anh chỉ cần nói dối về số tiền anh dâng hiến, và làm sao để Phi-e-rơ làm mục sư của anh, thế là anh cũng có thể bị giết trong Thánh Linh." Điều gì sẽ xảy ra trong hội thánh ngày nay nếu Phi-e-rơ bắt đầu nhìn vào những gì bỏ trong hòm dâng hiến?

Rồi có *Si-môn*, người cố gắng mua Thánh Linh bằng tiền, và Phi-e-rơ nói: "Cả ngươi lẫn tiền của ngươi đều xuống địa ngục hết," đó là giải thích theo nghĩa đen của câu *"Tiền bạc ngươi hãy hư mất với ngươi."* Ông nói: "Ngươi không có phần trong điều này nếu ngươi nghĩ rằng tiền có thể mua bất cứ thứ gì từ Chúa."

Trên nữa, có người hùng của những nhà ngoại giao trong giáo hội hiện đại là *Ga-ma-li-ên*, người tiêu biểu *giữ thế trung lập*. Ga-ma-li-ên nói: "Hãy chờ xem, nếu điều này đến từ Đức Chúa Trời thì nó sẽ còn lại, nếu không đến từ Đức Chúa Trời thì nó sẽ tan rã." Nghe có vẻ như rất khôn ngoan. Nhưng Kinh Thánh đã không bao giờ nhắc đến Ga-ma-li-ên thêm một lần nữa. Ông ta không còn dự phần vào mục đích của Đức Chúa Trời. Những người giữ thế trung lập, những người ngồi chờ xem, Chúa không dùng đến họ. Trong khi Phao-lô, là Sau-lơ người Tạt-sơ trước đây, học trò giỏi của Ga-

ma-li-ên, thì khi đó nghĩ: "*Mình sẽ không chờ xem thế nào đâu, mình sẽ xóa sổ cái này, mình sẽ tống bọn chúng vào tù."* Và kết quả là chúng ta có Phao-lô bừng sáng ra sau khi bị đánh lòa mắt và ngã ngựa trên đường đi xóa sổ, trở thành vị Sứ đồ và giáo sĩ vĩ đại nhất mà chúng ta từng có. Nên đừng thấy người ta thù nghịch mà nản lòng. Luôn có nhiều hy vọng hơn cho những người chống đối bạn hơn là những người thờ ơ. Ga-ma-li-ên - *người ngồi chờ xem,* đừng bắt chước Ga-ma-li-ên.

Hội thánh thời đó cũng có sự ganh đua, họ có tranh cãi, họ có giả hình, họ có đồi bại, họ có dị giáo. Họ có tất cả những điều đó, nên đừng có lãng mạn hóa. Hội thánh thời đầu là sự pha trộn của điều tốt và điều xấu, chúng ta đừng bắt chước, học theo hoặc làm theo những điều xấu. Chúng ta cần rút ra bài học từ những sai lầm của họ và tránh phạm phải chúng. Vấn đề của lịch sử là *Sử kia phải lặp lại thôi - Vì đời đâu có ai thời lắng nghe. Đ*ó là thơ của Geoffrey Stevenson, chúng ta cần rút ra bài học từ quá khứ, quá khứ tệ hại cũng như tốt đẹp.

Phân biệt những điều bất thường và bình thường

Có những điều nhất định xảy ra trong Sách Công Vụ *là bất thường* và đừng mong chúng xảy ra liên tục. *Sự cải đạo của Phao-lô* chỉ xảy ra một lần duy nhất. Chúng ta không nên dùng đó làm điển hình hoặc khuôn mẫu cho sự cải đạo hiện đại. Đó là việc có một không hai, chính Phao-lô đã khẳng định như vậy. Ông nói:*"Sau cùng, Ngài hiện ra với tôi..."* Ông không hề mong một ai khác kinh nghiệm điều ông đã trải qua trên đường Đa-mách. Rất tiếc là nó lại trở thành một kiểu khuôn mẫu cho sự cải đạo Cơ Đốc. Hoàn toàn không phải, sự kiện có một không hai đó đã khiến Phao-lô đủ tư cách để chấp bút Kinh Thánh. Kể từ đó tới nay, không một sự cải đạo nào làm được như vậy. Đó là trường hợp sau cùng của kiểu cải đạo sứ đồ.

Có những câu hỏi như: - *Tại sao các tòa nhà lại không rúng động trong buổi nhóm cầu nguyện?* Có thể có, có thể không, nhưng đó không phải là khuôn mẫu phải làm theo. Tôi đã đến một buổi nhóm, và tôi thật sai lầm khi nhắm mắt trong giờ cầu nguyện, vì sau đó nhiều người bảo thì tôi mới biết, một anh đưa ra tấm ảnh vòng lửa ga và nói: "Đó là thứ giống nhất mà tôi có thể cho ông xem về những gì đã xảy ra khi chúng ta cầu nguyện, có một lưỡi lửa trên đầu mỗi người trong buổi nhóm hôm nay." Đấy là lần duy nhất điều này xảy ra trong chức vụ của tôi, nhưng tôi không nghĩ điều đó lại xảy ra. Đó là một điều bất thường, và đừng nói rằng nếu điều đó không xảy ra tức là người ta không được báp-têm Thánh Linh. Cách Phi-e-rơ được cứu khỏi Hê-rốt, nhưng Gia-cơ thì không. Vậy thì ngày nay chúng ta nên chờ đợi những điều gì xảy ra đây? Chúng ta phải cẩn thận khi lấy một sự kiện hoặc một trải nghiệm của toàn thể hội thánh, hoặc của hội thánh thời đầu, và biến nó thành tiêu chuẩn.

Làm sao để phân biệt được điều gì là bất thường từ ngày xửa ngày xưa và *điều gì là bình thường* mà ngày nay chúng ta cần chờ đợi? Có *ba nguyên tắc:*

1. Nếu Kinh Thánh chỉ nhắc đến điều gì đó một lần và không hề lặp lại, thì đó là *không bình thường,* nếu không nói là *bất thường*.

2. Nếu điều ấy *được nhắc lại hơn một lần* thì nó bắt đầu có vẻ như *là bình thường*. Chẳng hạn *như tiếng lạ*. Vào ngày lễ Ngũ tuần, gió và lửa không bao giờ lặp lại, nhưng tiếng lạ thì có, rất nhiều lần. Nên dường như ở đây bắt đầu có sự bình thường.

3. Nhưng yếu tố quyết định cuối cùng là *cần có sự xác thực khác* từ một chỗ khác trong Kinh Thánh, trong sách Tin lành hoặc các thư tín chẳng hạn, để xác thực rằng đó là một điều bình thường của Cơ Đốc giáo.

Nên khi đọc Sách Công Vụ, đừng nghĩ rằng: *"Mọi điều đọc thấy ở đây phải xảy ra vào thời nay,"* đó là một kết luận sai lầm. Nhưng trong sách cũng cho một khuôn mẫu, có những điều không chỉ được nhắc đến một lần mà là nhiều lần, như *phép báp-têm nước* chẳng hạn. Chúng ta cũng biết từ những địa chỉ khác nữa trong Kinh Thánh rằng đó là một phần trong Cơ Đốc giáo thông thường, mọi người đều cần kinh nghiệm.

Công Vụ - sổ tay giáo sĩ, cánh cửa mở ra Tân Ước

B. SỰ TỒN TẠI

1. KẾT NỐI ~ Giữa phúc âm và thư tín
Phao-lô
Báp-tem nước
Báp-tem Thánh Linh
Luật pháp Môi-se
Hội Thánh

2. KHUÔN MẪU - Phương pháp truyền giáo
Vừa tốt vừa xấu
Bình thường và bất thường
Sai phái sứ đồ
Đến với những thành phố
Giảng Tin Lành
Môn đồ hóa
Thiết lập các hội thánh
Bổ nhiệm các trưởng lão - ĐI TIẾP!

Công Vụ kết nối các sách Tin lành và Thư tín. Nếu không có Sách Công Vụ thì chúng ta sẽ mất đi rất nhiều hiểu biết, vì có những điều mà các sách Tin lành và các Thư tín nhắc đến nhưng không định nghĩa hay mô tả gì, và chỉ biết ý nghĩa của chúng vì đọc thấy chúng trong *sách Công Vụ*. Hãy xét đến một số điều đó.

Đầu tiên, *phần lớn các thư tín của Tân Ước đều từ Phao-lô* mà ra. Nhưng *"Ai là Phao-lô?"* Nếu không có Sách Công Vụ thì chúng ta sẽ không biết gì hoặc biết rất ít về ông, nhưng chúng ta *rất cần biết Phao-lô là ai để có thể hiểu các thư tín của ông*. Sách Công Vụ đã cho chúng ta những thông tin quan trọng về Phao-lô. Hãy thử tưởng tượng nếu Tân Ước không có Sách Công Vụ, ta sẽ sửng sốt vì mình sẽ không hiểu rất nhiều điều.

Hai là, *phép báp-têm nước*. Những sách khác không miêu tả hoặc định nghĩa sự kiện này, chỉ có sách Công Vụ thôi. Chỉ có Phao-lô thường nói trong các thư tín của mình rằng: "Anh em không biết rằng khi anh em được báp-têm, *anh em chịu báp-têm trong sự chết của Ngài sao?*" Nhưng thực ra Phao-lô không bao giờ liên hệ từ *"báp-têm"* với từ *"nước."* Một số học giả đã cố gắng tranh luận rằng Phao-lô không dạy về phép báp-têm nước, khi ông nói *"báp-têm trong Đấng Christ"* là ông đang nói về một điều thuộc linh thuần túy. Nhưng khi đọc Sách Công Vụ mới thấy *chính Phao-lô được*

báp-têm bằng nước, và ông cũng làm *phép báp-têm bằng nước cho những người khác*. Nên khi ông nói đến phép báp-têm trong các thư tín là ông đang nói đến *phép báp-têm bằng nước*.

Phép *"báp-têm bằng Đức Thánh Linh."* Cụm đó xuất hiện trong cả bốn sách Tin lành nhưng không sách nào cho chúng ta biết *ý nghĩa thật sự của nó,* điều gì sẽ xảy ra khi ai đó được báp-têm Thánh Linh. Sẽ không bao giờ biết ý nghĩa của phép báp-têm Thánh Linh từ các sách Tin lành, cũng như trong các sách Thư tín. Phao-lô có nói đến trong *1 Cô-rinh-tô 12:* "Anh em không biết rằng "tất cả đều đã chịu báp-têm trong một Thánh Linh để trở thành một thân thể" sao?" Nhưng tại đây ông cũng không nói đến ý nghĩa của điều đó. Chỉ từ Sách Công Vụ chúng ta mới biết rằng được báp-têm trong Đức Thánh Linh là gì. Đó là lý do khiến những người Ngũ tuần đặc biệt nhấn mạnh sách Công Vụ Nên đây là một mắt xích quan trọng cho chúng ta.

Toàn bộ *vấn đề về luật Môi-se*. Từ đâu cho chúng ta biết rằng Cơ Đốc nhân ngày nay không phải tuân theo luật Môi-se? Như tôi đã nói vui khi chia sẻ đến sách Ma-thi-ơ, rằng tôi đang phạm luật của Môi-se vì quần áo tôi đang mặc trên người là vải chất liệu pha, không theo luật đó. Nhưng nó không khiến tôi lo lắng, tôi không phải xưng tội, tôi không phải xin Chúa tha thứ vì điều đó. Luật của Môi-se có 613 yêu cầu khác nhau và tôi không cảm thấy mình bị chúng ràng buộc. Sao tôi biết được rằng mình không phải giữ những luật đó, mình không phải tuân theo chúng? Tôi sẽ không biết nếu không có Sách Công Vụ. Các cuộc tranh luận nảy lửa xảy ra về *phép cắt bì*. Điều này đạt đến đỉnh điểm trong *Công Vụ 15* khi người ta *định đoạt một lần và mãi mãi rằng Cơ Đốc nhân không phải giữ luật của Môi-se.*

Tên gọi *Hội thánh.* Làm sao chúng ta biết được là từ *Hội thánh* để chỉ điều gì? Chỉ trong Sách Công Vụ chúng ta mới hình dung được các *Hội thánh* được thiết lập trên thế giới như thế nào? *Hội thánh là gì*? Và họ đã trở lại để *lập các trưởng lão* tại mọi thành phố ra sao. Vậy là *một Hội thánh cần có các trưởng lão*. Chúng ta sẽ biết rất ít về *Hội thánh phổ quát* và các *Hội thánh địa phương* nếu không có Sách Công Vụ. Sách này quá quan trọng, nếu không có Sách Công Vụ thì chúng ta sẽ thật sự mò mẫm trong bóng tối. Đây là sự kết nối giữa các sách Tin lành và sách Thư tín, nhưng cũng là *sự kết nối giữa Đấng Christ và Hội thánh Ngài.*

Có người nói rằng *sách được viết ngay tại trận*, đó là một diễn đạt rất hay. Sách được viết bởi *một người nói rằng*: "Tôi đã có mặt khi các hội thánh được thiết lập quanh Địa Trung Hải. Tôi đã thấy họ đã làm điều đó như thế nào, cần phải có những gì,...

Có thể nói rằng luận điểm cơ bản của tôi trong cuốn sách mang tên *"Sự Tái Sinh Cơ Đốc Thông Thường" (Normal Christian Birth)* bắt nguồn từ những hiểu biết về *sự sinh lại* trong Sách Công Vụ. Nếu không có Sách Công Vụ thì tôi không thể viết ra cuốn này, nhưng tôi e rằng một số nhà phê bình chỉ trích nó vì chính lý do ấy. Họ cho rằng tôi *không nên xây dựng giáo lý trên Sách Công Vụ*. Tôi đáp: "*Tại sao không? Sách này là một phần trong Lời Chúa mà!"* Chỉ trong Sách Công Vụ chúng ta mới thấy *cách Phao-lô tư vấn cho những người hỏi về Chúa*.

Các sách *Thư tín* và sách *Khải Huyền* được viết quá muộn, không kịp chỉ cho người ta cách trở thành Cơ Đốc nhân, vì *các sách đó đều viết cho những người đã là Cơ Đốc nhân rồi*. Nhưng trong sách Công Vụ, chúng ta mới thấy *cách người ta trở thành Cơ Đốc nhân* sau Lễ Ngũ tuần. Từ ngày đó trở đi, để trở thành Cơ Đốc nhân đều phải qua phép báp-têm nước. Trước sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su thì không cần, như trường hợp *tên cướp trên thập giá* là một, *Xa-chê* là hai. Nhưng sau

Lễ Phục sinh và Lễ Ngũ tuần đầu tiên, không một ai được sinh lại mà không ăn năn tội, tin vào Chúa Giê-su, được báp-têm nước và nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Bốn cánh cửa thuộc linh để bước vào Vương quốc (theo cách gọi của tôi) được nêu rõ trong sách Công Vụ. Khi thấy điều này rồi, trở lại với các sách Tin lành chúng ta sẽ thấy *Giăng Báp-tít và Chúa Giê-su đều nói đến cả bốn, nhưng nói riêng ra*. Nơi duy nhất trong các sách Thư tín mà chúng được kết hợp với nhau là trong *Hê-bơ-rơ 6*, khi trước giả nói về những điều nền tảng, các yếu tố của Cơ Đốc giáo. Ông nói về: *1. Sự ăn năn các công việc chết, 2. Đức tin, 3. Các phép báp-têm, và 4. Sự đặt tay để nhận lãnh Thánh Linh.*

Nếu không có sách Công Vụ thì sẽ không hiểu rằng *bốn điều đó đều là những yếu tố thiết yếu để được tái sinh vào ngày nay*. E rằng có quá nhiều Cơ Đốc nhân *không có bốn điều đó*, thảo nào sau này họ lại gặp nhiều vấn đề. Nhiều vấn đề sau này của chúng ta bắt nguồn từ việc được tái sinh không đúng cách. Nếu không có sách Công Vụ thì sẽ không hiểu được điều đó, người ta sẽ *chỉ trở lại với ba, thậm chí hai, thậm chí chỉ một trong bốn điều mà thôi.* Nhưng trong Sách Công Vụ, *Phao-lô nói đến cả bốn yếu tố*.

Ông đến Ê-phê-sô tìm những môn đồ của Giăng. Ông và họ đã có cuộc hội luận với nhau. Ông hỏi: "*Anh chị em đã nhận lãnh Đức Thánh Linh khi tin Chúa chưa?,"* -"*Chưa, chúng tôi chưa nghe đến."* -"*Ôi, thế anh chị em được báp-têm kiểu gì rồi?"* -"*Phép báp-têm của Giăng."* - "*Ồ, vậy là anh chị em chưa tin vào Chúa Giê-su, anh chị em chỉ mới ăn năn tội thôi. Nhưng, anh chị em đã ăn năn tội*, cũng *tốt rồi*."

Sau đó ông nói về Chúa Giê-su cho họ đến khi họ tin nhận Ngài, rồi ông báp-têm nước cho họ, rồi ông đặt tay trên họ để họ nhận lãnh Đức Thánh Linh. Bạn có thấy cách ông đối thoại cùng những người hỏi về Chúa là để xem họ *có mấy điều trong bốn điều* rồi. Rồi để bù vào những điều còn thiếu càng nhanh càng tốt không? Tất cả bốn điều đó đều từ Sách Công Vụ. Nếu không có Sách Công Vụ thì không thể rút ra sự hợp nhất bốn yếu tố không thể tách rời được ấy. Sau khi rút ra điều đó thì ta dễ dàng tìm được cả bốn điều nằm rải ra trong các sách Tin lành và các sách Thư tín.

Như vậy, Sách Công Vụ là *cánh cửa đưa ta bước vào Tân Ước*. Đó thật sự là sách duy nhất nói về sự truyền giáo, nên nó là một khuôn mẫu cho chúng ta ngày nay. Đó là một *cuốn sổ tay truyền giáo*.

Về một môn đệ thời nay của Phao-lô

Năm 1961, tôi tới làm mục sư của một Hội thánh Báp-tít tại ngôi làng nhỏ tên Chalfont St Peter tại Buckinghamshire, Anh. Khi đến đó, tôi rất muốn tìm hiểu về một vị cha xứ không chịu rửa tội cho trẻ sơ sinh, không báp-têm cho trẻ sơ sinh. Thật thú vị khi nghe rằng một vị cha xứ không làm việc ấy, và tôi hỏi: "*Ông ấy vẫn còn ở đây chứ?"* -"Không, ông ấy rời khỏi đây được 50 năm rồi." Ông đã rời đi từ năm 1910, tên ông là *Roland Allen*. Người đàn ông đáng kính này đã làm cha xứ tại ngôi làng nhỏ ấy nhiều năm. Thực chất thì ông là một tiên tri. Ông đã định hình tư duy của tôi nhiều hơn cả. Như bạn biết đấy, có những người *mở ra lẽ thật cho bạn*. Không phải lúc nào bạn cũng làm theo họ, họ không phải là Giáo hoàng, nhưng họ mở ra cả một trang Lời Chúa cho bạn, một viễn cảnh hoàn toàn mới.

Mãi từ năm 1910, Roland Allen *cũng đã nhận ra rằng* ông không nên báp-têm cho mọi đứa trẻ sơ sinh trong giáo xứ, nên ông từ chối. Ông bị cắt lương bổng và không nhận được một khoản nào khác, ông lui về *Kenya* và *dành những ngày còn lại để viết sách,* những cuốn hiện đã trở thành tài liệu mà mọi giáo sĩ phải đọc. Tôi chưa gặp một giáo sĩ nào chưa từng nghe đến tên Roland Allen. Ông qua đời trong quên lãng, nhưng ông nói: "*Những cuốn sách của tôi sẽ không được trân trọng trong nửa thế kỷ nữa."* Ông viết các cuốn sách của mình vào năm 1910, tất cả đều đã được xuất bản. Tôi có cả ba tập sách của ông ở đây, xuất bản năm 1960.

Ông là một tiên tri. Cuốn đầu ông viết là *"Các phương pháp truyền giáo, của Thánh Phao-lô hay của chúng ta"* (Missionary Methods: St Paul's or Ours). Thực ra ông đã có nhiều năm làm giáo sĩ tại Trung Quốc trước khi về ngôi làng nhỏ, rồi mới bị xua đi, đến châu Phi và viết sách. Ông mới đủ tích lũy để nói trong sách thứ nhất của mình: "*Tại sao chúng ta không dùng các phương pháp của Thánh Phao-lô? Sẽ đỡ tốn tiền hơn nhiều nếu chúng ta thiết lập những hội thánh tự quản trị, tự nhân lên, tự lực cánh sinh. Làm cách nào mà Phao-lô có thể làm điều đó khi không có hiệp hội truyền giáo, không phải huy động tiền cho nó, làm cách nào mà ông cứ thế đi và làm giáo sĩ vậy thôi? Vậy tại sao chúng ta không dùng các phương pháp của ông?"*

Rồi ở cuốn sách thứ hai, ông nhận ra rằng Phao-lô sẽ thiết lập một hội thánh và để hội thánh đó tự truyền giảng trong vùng, đó là sách *"Sự mở rộng tự động của Hội thánh"* (The Spontaneous Expansion of the Church). Ông *vẫn cảm thấy mình chưa hiểu được bí quyết*. Cuối cùng khi ông đã hiểu được, ông viết cuốn thứ ba *"Chức vụ của Thánh Linh"* (The Ministry of the Spirit). Ông tiên tri về sự khôi phục ân tứ của các hội thánh. Sự việc này không thú vị sao? Từ năm 1910, *con người này* đã nói đến nhiều năm sau thời mình, một tiên tri thật sự. Giống như hầu hết các tiên tri, ông qua đời trong quên lãng, bị hiểu nhầm và gần như không được biết đến trong thời đại của mình. Nhưng giờ đây, nếu bạn muốn đọc tóm tắt các tác phẩm của ông chỉ trong một cuốn, thì có sách của Paternoster ở khổ nhỏ *"Sự thôi thúc của Thánh Linh: Sổ tay Roland Allen"* (The Compulsion of the Spirit: A Roland Allen Reader). Là sách chọn lọc từ các tác phẩm của ông, *có cả bức thư tuyệt vời* mà ông viết cho giáo xứ Chalfont St Peter để khước từ việc rửa tội.

Con người này đã có ảnh hưởng sâu sắc trên tôi. Nhưng gần như tất cả các sách của ông *đều dựa trên sách Công Vụ*. Đó là cuốn sách mà *ông đã tái khám phá*, là *những hiểu biết sâu sắc về Công Vụ*. Ông là một người đậm chất Anh giáo và ông viết sách bằng ngôn ngữ cổ từ thời Victoria. Nhưng đằng sau đó, ông *thật sự coi Sách Công Vụ là một khuôn mẫu để hội thánh ngày nay làm theo*. Ông đã cách mạng hóa tư duy của hầu hết các giáo sĩ. Ông nhận được điều đó từ Sách Công Vụ.

Bảy chiến lược truyền giáo của Hội thánh thời đầu

Hãy xét đến Công Vụ và xem họ đã lan truyền Tin lành, truyền giáo cho thế giới thời bấy giờ một cách quá nhanh chóng, quá hiệu quả đến thế nào? Sự tăng trưởng của hội thánh thời đầu là hiện tượng đáng kinh ngạc nhất. Họ không có bất cứ thứ gì chúng ta có. Họ không có đài đóm, không có ti vi, họ không gây đủ thứ quỹ cho giáo sĩ, họ không có trụ sở hay hiệp hội giáo sĩ, họ cứ thế là làm thôi. Họ đã làm điều đó như thế nào? Đây là *bảy điều* mà họ đã làm.

1. Sai các sứ đồ. Ngày nay chúng ta vẫn cần những sứ đồ. S*ứ đồ* nghĩa là *"những người được sai đi."* Hội thánh thời đó luôn nói: "Chúng ta có thể *sai ai*, chúng ta có thể *"tống khứ" ai* đi đây?" Bây giờ thì chúng ta có xu hướng nói: "Chúng ta có thể kéo ai về, chúng ta có thể kéo ai về," còn họ

thì *sai những con người tốt nhất*. Họ không cố giữ khư khư những người tốt nhất, họ nói *những chỗ khác cần đến người này*, và họ sai các sứ đồ.

Có *năm kiểu sứ đồ* trong Tân Ước: 1. Có Chúa Giê-su là Sứ đồ Trưởng, ngày nay không có ai giống như Ngài. 2. Có 12 sứ đồ, những người chứng kiến sự sống lại, ngày nay không có ai giống như họ. 4. Có Phao-lô, sứ đồ thứ 13, người sau cùng như một hài nhi sinh non, ngày nay không có ai giống như ông vì ông viết Kinh Thánh. Nhưng *ông còn có một vai trò khác*. Ông là một sứ đồ thuộc kiểu thứ tư, một người tiên phong thiết lập hội thánh, ông không xây trên nền của những người khác, không mở hội thánh mới bằng cách kéo Cơ Đốc nhân từ các liên hữu khác, ông xây dựng các hội thánh mới với những người mới cải đạo. 5. Kiểu sứ đồ thứ năm là Ép-pa-phô-đích, người được phái đến để làm quản gia của Phao-lô tại Rô-ma. 3. Bất cứ Cơ Đốc nhân nào được sai từ A đến B để làm bất cứ điều gì đều là một sứ đồ, vậy là làm sứ đồ không có gì là quá đặc biệt, hãy bỏ cái vòng hào quang đó đi. Nhưng kiểu sứ đồ *thứ tư và thứ năm* cần cho thời nay. Chúng ta cần sai các Cơ Đốc nhân. Thời nay, thường thì người ta sẽ tự đến và nói: "*Tôi tin rằng Chúa đã kêu gọi tôi ra đi,"* rồi hy vọng hội thánh sẽ chấp thuận và hỗ trợ. Nhưng trong Tân Ước, họ đã hỏi rằng: "*Chúng ta có thể sai ai đi*?" Họ luôn nghĩ rằng "*Chúng ta có thể sai ai đó, đi đâu đó, để làm điều gì đó không*?" Họ làm công tác xuất khẩu, tạm nói đơn giản như vậy. Họ không phải lúc nào cũng nhập khẩu. Anh Quốc từng là quốc gia chính sai giáo sĩ đi trên thế giới. Hoa Kỳ hiện đã đảm nhận vai trò đó, và nước Anh không còn gửi nhiều người đi nữa. Người Anh từng sai người đi khắp thế giới, bảo họ "hãy đi." Giờ đây, cảm tạ Chúa vì Thế giới thứ ba đang sai các giáo sĩ đến đây. Cảm tạ Chúa về điều đó, chúng ta *cần họ dạy cho chúng ta về Đức Tin*. Có thể họ không có số tiền mà chúng ta có, nhưng họ có đức tin còn chúng ta thì không. Chúng ta sẽ cần "những người được sai" từ Thế giới thứ ba đến và đưa chúng ta trở lại nơi cần trở lại. Như vậy, trước hết là Hội Thánh sai các sứ đồ.

2. Đến với những thành phố. Họ không đi tìm các làng mạc. Họ xem đâu là trung tâm trọng điểm. Bạn biết không, khoảng 12 năm trước, tôi lái xe qua thị trấn Milton Keynes và Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho tôi rằng đây sẽ là một trung tâm trọng điểm. Ai nắm giữ Milton Keynes sẽ nắm giữ nước Anh. Tôi thực sự cảm nhận như vậy, và tòa nhà tôn giáo đầu tiên mọc lên tại Milton Keynes là một ngôi chùa Phật giáo bên hồ. Tôi đã chia sẻ khải tượng và gánh nặng đó tại sự kiện Spring Harvest. Kết quả của khải tượng đó là có những người chuyển đến Milton Keynes để thiết lập các hội chúng. Chúng ta luôn cần phải làm điều này, *xem đâu là trung tâm trọng điểm*. Đó chính là trung tâm của nước Anh, một thành phố mới toanh ngay trên đường cao tốc. Chúng ta nhận thấy trong Tân Ước, họ nghĩ rằng "*chúng ta phải đến đó và thiết lập một thành phố trọng điểm."* Vậy là họ đến với những thành phố rồi để Tin lành lan ra từ đó. Phao-lô cũng chỉ đến những thành phố trọng điểm ở bất cứ tỉnh nào. Khi đã lập được một hội thánh tốt tại đó, ông để nó tự mở rộng. Rồi ông đi tiếp.

3. Rao giảng Tin lành. Khi nói rao giảng, ta để ý thấy với người Do Thái thì họ trích dẫn Kinh Thánh, nhưng khi *giảng cho dân ngoại* thì không. Bao giờ thì chúng ta mới rút ra bài học này? Nếu bạn cứ thế *"phang"* Kinh Thánh vào người ta thì sẽ chẳng ích gì. Nếu người ta không hoặc chưa nhận biết Kinh Thánh là Lời Chúa thì trích dẫn Kinh Thánh sẽ chẳng giúp ích gì cho họ. Khi Phao-lô giảng cho người ngoại, ông sẽ trích lời những nhà thơ, những nhà văn, ông sẽ viện đến các công trình kiến trúc của họ. Khi ông đến A-thên... Ông luôn đi một vòng quanh thành phố trước khi giảng. Ông cũng đi qua mọi bàn thờ, rồi thấy một bàn thờ cho *Vị thần Không biết* hay vị thần vô danh, và ông đã hỏi về nó: "Lịch sử đằng sau đó là gì? - *Đó là "vị thần mà chúng tôi không biết."* Và lịch sử về nó rất hấp dẫn. Xưa kia, nhiều năm trước khi ông đến đó, có một trận động đất kinh hoàng đã tàn phá A-thên và phá hủy những tòa nhà của họ. Họ nghĩ: "Chúng ta đã khiến một vị thần phật lòng, *vị nào phật lòng*

đây?" Vấn đề của việc thờ nhiều thần là bạn không biết mình khiến vị nào phật lòng, đời bạn sẽ rất rối rắm nếu theo *thuyết đa thần*. Nên họ nói: "Vị nào ấy nhỉ? Chúng ta không biết. Chúng ta đã phạm đến thần nào vậy?" Nên họ nói: "Được rồi, hãy bắt vài con chiên và thả chúng trên quảng trường và chúng nó nằm xuống gần bàn thờ nào nhất thì đó là vị thần mà chúng ta làm phật lòng, và chúng ta sẽ dâng bầy chiên lên để xoa dịu thần đó." Vậy là bầy chiên lang thang trên quảng trường, đi qua tất cả các bàn thờ và đi ra giữa cánh đồng. Bầy chiên đâu có ngu, chúng nằm xuống giữa cánh đồng. Hội đồng đã họp lại và nói: "Chúng ta không biết mình khiến thần nào phật lòng." Một thành viên hội đồng nói: "Có chứ, có một thần khác mà chúng ta quên mất, và chúng ta chưa lập bàn thờ cho ngài, thế nên ngài mới phật lòng, thế nên động đất mới xảy ra." - "Vậy chúng ta có thể làm gì đây? Tốt nhất là phải nhanh chóng dựng một cái bàn thờ." - "Thế cho tên gì vào bàn thờ bây giờ? Ôi chúng ta *không biết tên Ngài,* vấn đề là ở chỗ ấy."

Nên họ đã dựng một bàn thờ cho *"vị thần mà chúng ta không biết..."* Và Phao-lô nghĩ: "*Mình sẽ bắt đầu giảng từ chỗ đó."* Ông nói: "*Tôi đến để nói cho quý vị biết danh của vị thần mà quý vị không biết."* Thấy không ạ? Giá như chúng ta dành thời gian để có thể bắt đầu từ góc nhìn của họ.

Khi nói với người Do Thái thì họ trích hết phân đoạn này đến phân đoạn kia và chứng minh qua Kinh Thánh rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Nhưng khi nói với người ngoại, họ lại bắt đầu từ góc nhìn của người ngoại. Phao-lô nói: "*Một thi sĩ của quý vị đã nói: chúng ta không ở xa Ngài, chúng ta là dòng dõi của Ngài. Tôi đến để cho quý vị biết rằng đúng là như vậy, Đức Chúa Trời là Đấng tạo dựng nên quý vị."* Ông bắt đầu từ góc nhìn của người ta. Họ đã rao giảng Tin lành, nhưng họ *đã điều chỉnh Tin lành* cho phù hợp với những người mà họ giảng cho. Điều đó thật quan trọng, họ không cứ *"máy móc phang"* Kinh Thánh vào người ta.

4. Môn đồ hóa, hay *lập các môn đồ*. Họ không trưng cầu dân ý, không bảo người ta giơ tay, hay bước lên phía trước, hay ký vào một tờ phiếu. Họ *môn đồ hóa* và điều này *cần thời gian*. Thường thì *họ ở càng lâu càng tốt* trước khi bị tống ra. Đôi khi, Phao-lô sẽ ở lại ba tuần, đôi khi là hai năm. Tại Ê-phê-sô, ông đã dạy các môn đồ vào mỗi buổi chiều từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều hằng ngày trong hai năm. Ông đã môn đồ hóa như vậy, và *chủ đề cho mọi điều ông dạy là Vương quốc*. Ông dạy dỗ các môn đồ. Trong khi tất cả mọi người đều ngủ nghỉ thì Phao-lô may trại cả buổi sáng. Rồi để từ trưa đến 4 giờ chiều, ông lại dạy những người mới cải đạo về Vương quốc Đức Chúa Trời. Đó là chủ đề chính của ông. Đây là công việc môn đồ hóa.

5. Thiết lập các hội thánh. Tôi tin rằng tại Anh sẽ có một sự biến chuyển lớn khi chúng ta thiết lập các hội thánh. Chúng ta cần hàng trăm hội thánh mới, nhưng không phải là gồm các Cơ Đốc nhân được kéo từ các hội thánh khác sang. Chúng ta cần đi ra và lập những *hội thánh mới* với *những người cải đạo mới* của chính mình. Người Anh chúng ta cần hàng trăm hội thánh mới tại Anh Quốc này. Tôi tin rằng bước đột phá lớn đã đến... Tôi e rằng lần đầu tôi nói như vậy vào mười năm trước, người ta đã gạt phắt đi: "*Chúng ta đã có đủ hội thánh rồi, chúng ta không cần thêm hội thánh nữa, còn có cả những hội thánh phải lấp đầy kia kìa!"* Tôi nói: "*Bước đột phá thật sự sẽ đến khi chúng ta lập ra những hội thánh mới với những người cải đạo mới."* Không chỉ là nhìn vào tấm bản đồ trải phẳng của một thị trấn và ghim mọi hội thánh vào đó, rồi nói là "*Chúng ta có nhiều rồi."* Đó là chúng ta chỉ đang nhìn vào tấm bản đồ trải phẳng, trong khi xã hội gồm các tầng lớp khác nhau. Có thể tất cả những điểm ghim trên bản đồ chỉ thuộc một tầng lớp. Còn rất nhiều tầng lớp trong xã hội không có hội thánh nào. Hai người bạn của tôi đã mở các hội thánh giữa vòng những đứa trẻ đường phố tại Auckland, New Zealand. Hiện tại, họ đã có hai hội thánh gồm 75 thành viên của những đứa trẻ đường

phố này. Thời đó không hội thánh nào phản đối những hội thánh mới này, vì họ đang có thêm những người cải đạo mới, trong một tầng lớp mới của xã hội mà chưa ai chạm tới. Đó là kiểu thiết lập hội thánh mà chúng ta cần tại nước Anh này. Những hội thánh mới với những người cải đạo mới. Đó là điều họ đã làm. Họ đã hình thành những cộng đồng.

Bổ nhiệm các trưởng lão. Các trưởng lão thậm chí mới được 12 tháng tuổi trong đức tin. Nhưng họ đã bổ nhiệm các Cơ Đốc nhân 12 tháng tuổi ây làm trưởng lão. Vì *trưởng lão đơn giản là người vượt trội hơn những người khác*. Họ đã từng quay lại sau 12 tháng mở hội thánh mới, và xem ai vượt trội, thực sự nổi trội, ai đang trưởng thành và nói: "Bây giờ, anh hãy chăm sóc những anh chị em khác." Thời nay, vì quá chậm chạp trong việc lập các trưởng lão nên chúng ta mới không thể chăm sóc được các hội thánh mới. Chúng ta đang đợi đến khi tóc người ta điểm bạc và hy vọng rằng Chúa sẽ gửi đến một số trưởng lão trưởng thành cho mình. Nhưng chúng ta phải học cách lập họ nên.

6. Sai các sứ đồ ra đi. Hướng họ đến những thành phố trọng điểm. Giảng Tin lành cho phù hợp với người nghe. Lập các môn đồ thay vì trưng cầu dân ý. Ở cùng họ và huấn luyện họ. Thiết lập các hội thánh để tạo ra cả một cộng đồng chứ không phải là các cá nhân khi họ rời đi. Bổ nhiệm các trưởng lão để lãnh đạo cộng đồng đó.

Khi đã làm xong những điều này thì công việc của một sứ đồ kết thúc. Ông ta có thể viết thư, có thể thăm viếng. Nhưng Phao-lô đã nói với Tít rằng: "*Ta đã để con ở lại Cơ-rết là để con hoàn tất công việc bằng cách bổ nhiệm các trưởng lão trong mỗi thành."* Khi một hội thánh đã có những lãnh đạo địa phương, người sứ đồ sẽ rút ra khỏi đó và đi tiếp chứ không ở lại làm giám mục. Quá nhiều người lại ở lại. Ngay sau khi hội thánh đó được thiết lập và có đội ngũ lãnh đạo riêng, một sứ đồ đích thực sẽ nói rằng: "*Tôi muốn đi và thiết lập công việc mới ở nơi chưa ai từng thiết lập."* Đó là tham vọng của Phao-lô. Ngay sau khi một công việc đã vào guồng thì ông lại đi để làm thêm những điều khác. Một công việc không ở nguyên một chỗ mà luôn năng động, lưu động. Hội thánh rất lưu động trong thời đó. Một trong những cách khiến họ có thể quản lý mà không cần đến các hiệp hội giáo sĩ hoặc bất cứ điều gì, *ấy là các sứ đồ tự lo cho mình*. Hoặc ngay sau khi có những người cải đạo, những người này sẽ hỗ trợ cho họ. Họ không có hội thánh quê nhà trả lương cho, hoặc họ tự lo cho mình, hoặc những người cải đạo hỗ trợ họ. Đó là một nhìn nhận khá sâu sắc mà chúng ta cần xét đến. Có một điều là các giáo sĩ nên dạy những người mà họ mới cải đạo biết dâng hiến và hỗ trợ cho mục vụ, nhưng thông thường, nếu đã được nơi khác hỗ trợ thì họ sẽ không làm như vậy nữa. Như Roland Allen nói, điều đó nghĩa là họ luôn cần nơi khác trợ cấp cho mình, đó là một vòng luẩn quẩn.

7. Điều cuối cùng, là *đi tiếp*. Nhưng vấn đề là tất cả chúng ta đều muốn định cư. Bạn có nhớ khi Đa-vít muốn xây cho Chúa một đền thờ bằng đá không? Phần là vì ông mới xây cho mình một cung điện bằng đá và cảm thấy hơi tội lỗi vì Chúa vẫn đang ở trong lều tạm cạnh cung điện của mình, và ông nói: "Chúa ơi, con muốn xây cho Ngài một cung điện bằng đá như của con." Chúa phán qua tiên tri Na-than rằng: "*Từ khi nào mà một cái lều tạm lại không đủ tốt cho Ta vậy?"* Bạn biết đấy, trong Kinh Thánh, Chúa là Đức Chúa Trời đi đây đó. Ngay từ ban đầu đã có tiếng Giê-hô-va *Đức Chúa Trời đi trong vườn,* và người của Đức Chúa Trời là *một người đồng đi với Chúa*. Chúng ta tin vào một Đức Chúa Trời lưu động. Khi tôi vào ngôi chùa ngàn tượng phật tại Băng Cốc, Thái Lan, tôi cảm tạ Chúa vì mình tin một Đức Chúa Trời đi đây đó. Chúng ta có một Đức Chúa Trời đi đây đó, và nếu muốn theo kịp Chúa thì bạn phải bước đi. Thậm chí là khi lên thiên đàng, đừng nghĩ là bạn sẽ ngồi trên một cái ghế bành, bạn sẽ bận đồ trắng và đồng đi với Ngài.

C. BA NGÔI

TIÊU ĐỀ: 'Công vụ' của các sứ đồ?
của Chúa Giê-su?
của Thánh Linh?
của Đức Chúa Trời!

NỘI DUNG: Vương quốc Đức Chúa Trời (Cha)
Danh của Chúa Giê-su (Con)
Quyền năng của Thánh Linh

Điều ấn tượng nhất khi đọc sách Công Vụ là sách *đặc biệt nhấn mạnh về Đức Chúa Trời Ba Ngôi*. Chúng ta nên *gọi Sách Công Vụ là gì*? Công vụ, hay *tục lệ* hoặc *thực hành*. Đây là *thực hành Cơ Đốc*, *tục lệ Cơ Đốc*. Nhưng là thực hành của ai? *Công vụ của ai?* Có thể có bốn câu trả lời cho câu hỏi đó.

Sách thường được gọi là *Công vụ các sứ đồ*. Có thể nghĩ là gọi như vậy sẽ gây hiểu lầm vì hầu hết các sứ đồ đều không hề xuất hiện trong đó. Mười sứ đồ kia đâu rồi? Hầu hết họ mất hút, chỉ thấy sách còn nói đến *Phi-e-rơ và Phao-lô*, có nói chút ít về *Gia-cơ*, em trai Chúa Giê-su, nhưng ông cũng không thuộc 12 sứ đồ. Nên *thực ra đây không phải là Công Vụ các sứ đồ*. Sách mở đầu như thế này: "Thưa ngài Thê-ô-phi-lơ, *trong sách thứ nhất, tôi đã viết về mọi điều Đức Chúa Jêsus đã làm và dạy từ ban đầu*," ngụ ý rõ rằng quyển này *nói về mọi điều mà Chúa Giê-su tiếp tục làm và dạy*. Nên chúng ta có thể gọi sách này là *Công vụ của Chúa Giê-su*, tập tiếp theo.

Nhưng khi nghiên cứu sách, chúng ta thấy rằng *thân vị nổi bật nhất*, ít nhất là trong 13 chương đầu *là Đức Thánh Linh*. Ngài được nhắc đến 40 lần. Nên đây là *Công vụ của Đức Thánh Linh*. Đó có phải là cái tên thích hợp nhất không? - Không phải. Có một thân vị thậm chí còn quan trọng hơn. Đức Thánh Linh được nhắc đến 40 lần trong 13 chương đầu, thì có *một thân vị khác được nhắc đến hàng trăm lần* trong đó, nhưng rất tiếc là chúng ta không để ý đến Ngài. Thật kỳ lạ phải không? Nhưng thực sự có những điều quá gần gũi đến nỗi chúng ta không nhìn thấy, hoặc quá lớn đến nỗi chúng ta không để ý thấy. *Đó chính là Đức Chúa Trời*, Đấng được nhắc đến nhiều hơn bất kỳ ai trong Sách Công Vụ, nên phải gọi sách đó là *Công vụ của Đức Chúa Trời*. Sách có 40 lần nhắc đến Đức Thánh Linh, nhưng 100 lần nhắc đến Đức Chúa Trời. T*âm điểm của hội thánh thời đầu là chính Đức Chúa Trời*.

Người ta rất dễ có xu hướng *Nhất thể (Unitarian)* theo một số cách. Chúng ta thường dùng từ *nhất thể* để chỉ những người chỉ tin vào Đức Chúa Trời. Nhưng bạn dễ *bị Nhất thể về Chúa Giê-su*, tức là chỉ tập trung vào Chúa Giê-su thôi. *Phong trào Chúa Giê-su* tại Hoa Kỳ dường như là một phong trào chỉ tập trung vào Chúa Giê-su. Nếu không cẩn thận thì dịp nào đó chỉ tập trung vào Thánh Linh, lại chỉ nói về Đức Thánh Linh. Nhưng chung cục thì Đức Thánh Linh hướng chúng ta vào Chúa Giê-su, và Chúa Giê-su đưa chúng ta trở lại với Đức Chúa Trời. Nên tôi muốn đặt tên cho sách này là *"Công vụ của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su Christ, bởi Đức Thánh Linh trong các Sứ đồ."* Đó có lẽ là cái tên thích hợp nhất có thể đặt cho sách này.

Tuy cụm từ *Đức Chúa Trời Ba Ngôi* không phải là một từ trong Tân Ước, nhưng *có ba trọng tâm* trong sách Công Vụ như sau: *Vương quốc Đức Chúa Trời*, *Danh Chúa Giê-su* và *Quyền năng của Đức Thánh Linh*. Nếu muốn biết *bí quyết của hội thánh thời đầu* thì, ba trọng tâm này là bí quyết, và những cụm từ này rất quan trọng.

Phi-líp đã giảng điều gì tại Sa-ma-ri mà cả thành đó trở lại với Đấng Christ? Kinh Thánh chép rằng ông giảng về *Vương quốc Đức Chúa Trời* và *Danh Chúa Giê-su*, nhưng ông cũng có cả những phép lạ kèm theo, với người bệnh được chữa lành. Đó là ba lĩnh vực trong chức vụ của ông. Chúng ta cần đủ ba lĩnh vực đó: lời nói, việc làm và dấu kỳ phép lạ, là những điều dùng để tác động đến xã hội.

Đó là *Ba Ngôi Đức Chúa Trời*. Nhưng cần hiểu trọn vẹn là *Vương quốc Đức Chúa Trời* và *Danh Đức Chúa Giê-su*, chứ không chỉ là *Chúa Giê-su*. Trong 13 chương đầu, Đức Thánh Linh được nhắc đến 40 lần và Danh Đức Chúa Giê-su được nhắc đến 40 lần. "- Bởi thẩm quyền gì mà các anh làm điều này? - Chúng tôi làm điều này nhân Danh Đức Chúa Giê-su. Nhân Danh Đức Chúa Giê-su, hãy đứng dậy và bước đi."

Đó là *người què* ăn xin ngoài đền thờ, ông ta *ngửa tay* ra nhưng lại được *cho chân*. "Nhưng điều tôi có thì tôi cho anh *nhân Danh Đức Chúa Giê-su*..." Hội thánh thời đầu, Cảm tạ Chúa! vì họ không có tiền cho những người ăn xin, nhưng họ có điều tốt hơn. Họ có thể *cho người ăn xin đứng trên chân mình*. "- Tôi không có vàng bạc gì cả*, nhưng nhân danh Đức Chúa Giê-su, hãy đứng dậy và bước đi!"*

Tương phản với thẩm quyền từ môn đồ tay trắng này là đoạn hội thoại kinh điển giữa vị Hồng y và vị Giáo hoàng thời trung cổ. Hai vị đang ngắm những của báu tại Vatican, đủ thứ bạc vàng châu báu. Vị Hồng y nói với Giáo hoàng: "Giáo hội giờ không thể nói rằng *"Tôi không có vàng bạc gì cả"* nữa." Và vị Giáo hoàng đáp lại: "Giáo hội giờ cũng không thể nói rằng *"Nhân danh Đức Chúa Giê-su*, hãy đứng dậy và bước đi" nữa." Thật là hai đoạn hội thoại tương phản hay. H*ội thánh thời đầu* đã làm điều đó như thế nào? Họ làm được như vậy vì họ hiểu rõ về Vương quốc Đức Chúa Trời và họ đã dùng Danh Đức Chúa Giê-su, và họ có quyền năng của Thánh Linh ngự xuống, một sự kết hiệp mãnh liệt, khó lòng mà cưỡng lại.

Đó là Sách Công Vụ dành cho chúng ta ngày nay, sách luôn thách thức chúng ta trở lại với ba trọng tâm này. Đó chính là những yếu tố nền tảng không thể thiếu nếu chúng ta muốn làm những gì tốt đẹp nhất hội thánh thời đầu đã làm. A-men.

CÁC THƯ TÍN CỦA PHAO-LÔ

Giới thiệu

Trong một số bài tới, chúng ta sẽ xét đến khá nhiều thư tín của Phao-lô nên tôi nghĩ là trong bài này, trước khi xét đến bất cứ thư nào của ông, chúng ta sẽ xét đến chính Phao-lô, xem ông bắt tay vào viết những thư này như thế nào, rồi chúng ta cần tiếp cận chúng ra sao. Vậy người này là ai? Chúng ta biết nhiều về ông hơn mọi Sứ đồ khác. Thực ra thì một phần ba Tân Ước là do ông viết hoặc viết về ông. Nếu đặt Công vụ cạnh mọi thư tín của ông thì anh chị em sẽ thấy hơn một phần ba Tân Ước tập trung vào một con người này. Và tôi cho rằng ông có tầm ảnh hưởng tới hai ngàn năm lịch sử hội thánh hơn mọi người khác, trừ chính Chúa Giê-su. Thực ra, tôi còn muốn nói rằng ông có tầm ảnh hưởng trên lịch sử châu Âu hơn bất cứ người nào khác, vậy ông là ai? Hãy bắt đầu từ cuộc đời ông trước khi xét đến các thư tín của ông. Tôi chỉ muốn nói về Phao-lô trước khi ông cải đạo, trong khi ông cải đạo và sau khi ông cải đạo. Đó là ba giai đoạn trong cuộc đời ông, dù rằng giai đoạn thứ ba là dài nhất và thú vị nhất.

Phao-lô trước khi cải đạo

Trước khi được cải đạo, ông sinh ra tại một nơi gọi là Tạt-sơ ở phía đông bắc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, ngay ở góc đông bắc của Địa Trung Hải và đó là một thành phố có trường đại học, một trường nổi tiếng thứ ba trong thế giới cổ đại. A-thên đứng số 1, giống Cambridge ngày nay, rồi A-léc-xan-đờ-ri-a đứng số hai, vì tôi học tại đó, A-léc-xan-đờ-ri-a giống Oxford, đứng số hai và Tạt-sơ sẽ là Durham, đứng số ba. Người ta bảo tôi là thứ tự ở Anh là thế, đó. Nhưng đây là thị trấn có trường đại học nổi tiếng thứ ba trong cả thế giới Địa Trung Hải, và chính Phao-lô đã lớn lên với sự kết hợp độc đáo giữa ba tầm ảnh hưởng chính trong đời ông. Một là ông có bố mẹ người Do Thái. Ông là người Do Thái và ông tự hào khi là người Do Thái, một trong những người được Chúa chọn. Ông không hổ thẹn về điều đó, tuy sau này ông sẵn sàng bỏ nó đi, nhưng ông được nuôi dưỡng để tin vào Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Ông đặt Chúa lên trước nhất, ngay từ thời thơ ấu, tuy ông lầm tưởng rằng mình bắt bớ Cơ Đốc nhân tức là phục vụ Chúa. Ông được sinh ra từ chi phái Bên-gia-min, một trong mười hai chi phái gần như bị xóa sổ trong sách Các quan xét, nhưng nó đã sống sót và là một chi phái rất nhỏ, nhưng vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên đã ra từ đó, (Sah-ool), có lẽ anh chị em gọi ông là Sau-lơ nhưng Sah-ooh mới là cách phát âm đúng tên ông. Cậu bé này được đặt tên theo vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên, ông đến từ cùng một chi phái, nên người ta gọi ông là Sau-lơ. Sau này, ông tự đặt cho mình cái tên là Paulus hay Poulus, tức nhỏ con, và ông là một người đàn ông rất nhỏ con, người ta nói vậy. Nhưng đó là một phần thân thế của ông.

Thời niên thiếu, có lẽ ông đã chuyển đến Ga-li-lê; theo những gì chúng ta biết thì gia đình này chuyển đến Ga-li-lê rồi gửi cậu thiếu niên này đến Giê-ru-sa-lem để học dưới chân một giáo sư tự do rất nổi tiếng tên Ga-ma-li-ên. Ga-ma-li-ên, chúng ta nghe chỉ nghe đến cái tên đó một lần trong Kinh Thánh Tân Ước, khi người ta hỏi ông về những Cơ Đốc nhân này thì ông nói: *Hãy chờ xem thế nào. Nếu nó bởi Đức Chúa Trời thì còn lại, nếu không thì nó sẽ lụi tàn.* Cực giỏi giữ thế trung lập và kết quả là chúng ta không bao giờ nghe đến Ga-ma-li-ên nữa. Ông là một người tự do, có phóng khoáng, không thành kiến nên ông nói: *Hãy chờ xem, đừng quá kích động về họ.* Nhưng một trong những học trò của ông - Sau-lơ thì ngược lại. Sau-lơ nghĩ bọn Cơ Đốc nhân này rất nguy hiểm, đây là mối nguy lớn nhất với niềm tin Do Thái của chúng ta từ trước đến nay; mình sẽ đánh chúng tơi bời. Thú vị ở chỗ, Đức Chúa Trời có thể làm nhiều điều với sự phản kháng hơn là sự thờ ơ. Nhiều năm trước, tôi đến giảng tại một Câu lạc bộ Thanh niên có 30 người trẻ tuổi. Khi tôi về nhà, vợ tôi hỏi: *Anh giảng ở*

đó thế nào? Bà ấy hay hỏi như vậy. Tôi đáp: *Có hy vọng cho hai người trong số đó.* Tôi nói: *Hai người bọn họ tức tôi đến mức tôi thấy tia giận trong mắt họ. Nên có hy vọng cho bọn họ, những người còn lại chỉ ngồi đó nhìn tôi.* Chúng tôi đã báp-tem cho cả hai người trong vòng sáu tháng. Có thể làm nhiều điều với sự thù địch hơn là sự thờ ơ, và Đức Chúa Trời có thể làm nhiều điều với người học trò Sau-lơ hơn là với giáo sư Ga-ma-li-ên của ông, vì Ga-ma-li-ên chỉ đứng ở giữa và nói *hãy chờ xem*, nhưng Sau-lơ nói *mình sẽ chống lại điều này*, nên ông đã tham gia vào.

Ông đã bỏ phiếu chống lại Cơ Đốc nhân tử vì đạo đầu tiên. Khi người ta bỏ phiếu xem có nên giết Ê-tiên hay không, Sau-lơ đã bỏ phiếu giết ông và thực ra Sau-lơ đã giữ áo choàng cho những người ném đá và giết người đầu tiên chết cho Chúa Giê-su. Từ đó trở đi, ông cứ "đá vào mũi nhọn," lương tâm ông cứ không yên - bởi vì cái cách Ê-tiên qua đời, mặt ông bừng sáng bởi vinh hiển và nói: *Tôi thấy Chúa Giê-su ở trên đó* và *con xin giao linh hồn lại trong tay Ngài.* Cái cách Ê-tiên qua đời, Sau-lơ không thể gạt nó ra khỏi trí nhớ hoặc lương tâm mình, nhưng ông đã bắt đầu trở thành một giáo sĩ chống Cơ Đốc. Ông sẵn sàng làm giáo sĩ chống lại Cơ Đốc nhân, rời xứ sở mình để đi bắt bớ Cơ Đốc nhân ở nơi khác. Vậy là ông đã là giáo sĩ trước khi cải đạo nhưng đứng ở sai phía, nhưng ông sẵn sàng rời khỏi nhà, xa gia đình để chống lại Cơ Đốc nhân ở nơi khác. Đó là một phần xuất thân của ông.

Tôi không nhắc đến hai sự ảnh hưởng khác. Kia là sự ảnh hưởng Do Thái. Có sự ảnh hưởng của tiếng Hy Lạp. Sống tại Tạt-sơ nơi ông nói tiếng Hy Lạp, đó là ngôn ngữ chung của thế giới cổ đại, giống tiếng Swahili hay Bantu dọc theo bờ biển phía đông châu Phi; đi bất cứ đâu chúng ta cũng có thể nói tiếng Swahili. Ở bất cứ đâu trong thế giới cổ đại đều có người hiểu tiếng Hy Lạp và thứ tiếng đó đã giúp ông có thể giảng ở mọi nơi ông đi. Một ảnh hưởng khác trên ông là luật La Mã, vì có lẽ cha ông được vinh danh trong Bảng Danh dự Đầu năm hoặc đại loại như vậy của thế giới La Mã, và được trở thành công dân La Mã. Có lẽ bởi vì ông đã may nhiều trại cho binh lính La Mã, tôi không biết, nhưng may trại là nghề gia truyền mà Sau-lơ bước vào ở tuổi 12, và kể từ đó trở đi, ông kiếm sống bằng nghề may trại.

Nhưng cha ông trở thành công dân La Mã tức là Phao-lô, hay cậu thiếu niên Sau-lơ cũng thừa hưởng địa vị công dân La Mã. Điều đó cho ông những đặc quyền nhất định mà ông đã dùng để khiếu nại hay kháng cáo lên Sê-sa vào cuối đời, tức là dùng đến đặc quyền của mình. Khi bị hành quyết, ông không bị đóng đinh như Phi-e-rơ, như Chúa Giê-su trước đó mà bị chém đầu - đó là đặc quyền của công dân La Mã, được chết nhanh gọn, còn đóng đinh là cái chết chậm rãi bậc nhất. Không một công dân La Mã nào bị đóng đinh, đó là một điều quá nhục nhã, không xứng với người La Mã, nên ông chỉ bị chặt đầu.

Quyền công dân La Mã của ông rất hữu dụng và ông có đặc quyền kháng cáo như bất cứ công dân Anh nào cũng có thể kháng cáo lên hẳn Thượng viện, nên ông có thể kháng cáo lên hẳn Sê-sa, và về sau ông đã làm như vậy. Ông có sự kết hợp độc đáo giữa xuất thân Do Thái, Hy Lạp và La Mã, rất lý tưởng để làm giáo sĩ cho Chúa Giê-su tới thế giới dân ngoại. Ông khó mà có được một thân thế tốt hơn như vậy; điều này nhấn mạnh thực tế rằng Chúa chuẩn bị chúng ta cho nhiệm vụ của đời mình, trước cả khi chúng ta trở thành Cơ Đốc nhân, trước khi chúng ta biết điều đó. Ngài đã để mắt đến Sau-lơ khi ông còn trong bụng mẹ và chuẩn bị cho ông. Nhưng tất nhiên là phải có một thời điểm mà thay vì làm giáo sĩ chống Cơ Đốc, ông trở nên một giáo sĩ Cơ Đốc.

Chỉ cần đến một điều để biến một người Do Thái thành Cơ Đốc nhân. Thực ra thì chúng ta không nên gọi bất cứ người Do Thái nào là Cơ Đốc nhân, đó là một từ của dân ngoại, ra từ An-ti-ốt của dân ngoại. Người Do Thái trở thành người Do Thái trọn vẹn, người Do Thái đích thực hay gì đó chứ không trở thành Cơ Đốc nhân, đừng gọi người Do Thái nào là Cơ Đốc nhân, nhưng ông đã trở nên một người tin Chúa Giê-su. Chỉ cần đến một điều để người Do Thái được cải đạo sang đức tin nơi Chúa Giê-su. Ấy là biết rằng Chúa Giê-su vẫn sống, họ chỉ cần biết có vậy. Tôi nhớ là mình đã giảng tại Cambridgeshire và có một cô gái Do Thái chừng 25 tuổi lên gặp tôi sau giờ. Cô ấy hỏi: *Ý ông là Giê-su người Na-xa-rét vẫn sống phải không?* Tôi đáp: *Đúng vậy. Nếu đúng như vậy thì Ngài ấy phải là Đấng Mê-si-a của chúng tôi* - của chúng tôi. Tôi đáp: *Đúng rồi*.

- *Thế làm sao để tôi biết là Ngài vẫn sống đây?*
- *Cô cứ thử nói chuyện với Ngài xem.*

Cô ấy làm theo và vỡ lẽ. Anh chị em biết không, chỉ trong vòng 10 phút, cô ấy dạy Kinh Thánh cho tôi rồi. Cô ấy biết tất cả những điều đó nhờ xuất thân của mình. Chúng đã ăn sâu vào máu cô; lẽ thật đã có ở đó, trừ một cái chìa khóa để mở ra, rằng Chúa Giê-su người Na-xa-rét là Đấng Mê-si-a. Khi đã có chìa khóa đó thì cả Kinh Thánh mở ra và cô ấy đã dạy Kinh Thánh cho tôi chỉ trong vòng mười phút đến với đức tin. Đến một ngày, cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cải đạo theo cách đó. Đến một ngày, những gì xảy ra với Phao-lô hay Sau-lơ trên đường Đa-mách sẽ xảy ra với cả dân Do Thái khi họ "nhìn thấy người mình đã đâm" và nhận ra rằng mình đã sai lầm đến thế nào.

Sự cải đạo của Phao-lô

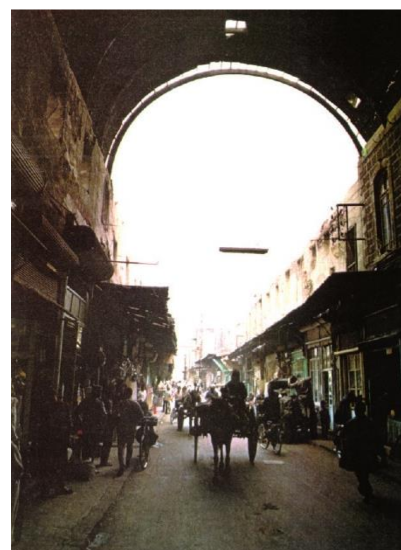
Đó là những gì đã xảy ra trên đường Đa-mách. Bức hình đầu tiên kia được chụp trên Cao nguyên Gô-lan, vì đó là nơi chuyện đó xảy ra, gần một thị trấn nhỏ tên Qunaytirah. Điểm quan trọng là ở chỗ, ngay sau khi người Do Thái, người Pha-ri-si, người Do Thái của những người Do Thái, người Hê-bơ-rơ của những người Hê-bơ-rơ, ngay sau khi ông đặt chân lên đất dân ngoại thì Giê-su người Na-xa-rét gặp ông và phán: *Ta sẽ sai ngươi đến với các dân ngoại*. Như vậy, sự cải đạo của ông xảy ra ngoài đất Do Thái và điều đó có ý nghĩa rất quan trọng. Ông đã lên Cao nguyên Gô-lan, cách Đa-mách vài giờ đi đường và Chúa Giê-su đã gặp ông tại đó.



Cao nguyên Gô-lan

Nó nằm ngay dưới chỗ Chúa Giê-su hóa hình trước mặt Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng, nhưng lần này, Chúa Giê-su sáng hơn nhiều vì ông gặp một Chúa Giê-su đã thăng thiên và phục hồi vinh quang mà Ngài từng có trước khi rời vinh quang mình - "Ngài nhẹ nhàng bỏ lại vinh quang," Ngài đã làm như vậy. Nhưng khi thăng thiên và trở về trời, Ngài lấy lại mọi vinh quang như xưa và vinh quang đó có thể làm mù mắt anh chị em. Nếu bây giờ chúng ta có thể thấy vinh quang của Chúa Giê-su thì chúng ta sẽ bị mù, võng mạc của chúng ta sẽ bị sẹo. Những cái đèn để lên hình này đã đủ tệ rồi, nữa là vinh quang của Chúa Giê-su. Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng thấy vinh quang của Chúa Giê-su khi Ngài nhập thể, nhưng không phải sau khi Ngài thăng thiên, phục hồi vinh quang của Cha, đó là một thứ ánh sáng chói lòa hơn cả mặt trời lúc ban trưa và khiến Sau-lơ mù mắt. Ông đến với sự ăn năn và đức tin.

Toàn bộ quá trình ra đời của ông kéo dài ba ngày và chưa hoàn tất cho tới khi một ông già đáng mến tên A-na-nia đến cầu nguyện cùng ông. A-na-nia được Chúa phán rằng: *Hãy đi và cầu nguyện cho một người tên Sau-lơ. - Sau-lơ ấy ạ! Hắn ta đến để giết chúng con mà!* Ông già đáng mến này đã phải nuốt cái tôi vào trong và đi. Ông đã nói với Sau-lơ rằng *tôi đến đây để anh được lành và sáng mắt lại, để anh được báp-tem trong nước, và để anh được đầy dẫy Đức Thánh Linh* - như vậy là hoàn tất. Nếu biết cuốn sách Sự Ra đời Bình thường của Cơ Đốc nhân tôi viết thì anh chị em sẽ biết đó là sự ra đời trọn vẹn. Mất ba ngày từ khi ông mới ăn năn và có đức tin, tới khi được báp-tem và được đầy dẫy Thánh Linh. Nhưng kể từ đó về sau, Phao-lô coi tất cả những cái đó là một điều - tức được sinh lại vào Vương quốc và ông nhất định phải làm cả ba điều đó với từng người mà ông cải đạo - Công vụ 19. Như vậy, đó là sự ra đời Cơ Đốc bình thường của ông và lúc này, ông đã sẵn sàng làm việc.



Con phố nơi Phao-lô đã được báp-tem

Sau khi ông cải đạo

Nhưng điều thú vị là ông không bắt đầu làm giáo sĩ ngay. Ông có bắt đầu giảng đạo, ông không thể giữ im lặng về điều đó, và không lâu sau, ông đã khuấy động sự thù địch. Ông khuấy động sự thù địch ở mọi nơi ông giảng, nhưng chủ yếu là từ người Do Thái chứ không hề từ người La Mã. Người ta phải lấy thúng dòng ông xuống từ một cửa sổ trên vách thành. Người này chuẩn bị cho chức vụ của mình rất thú vị. Ông không bắt đầu ngay thứ ba tuần tới, chúng ta muốn làm như vậy. Ngay khi nghe thấy sự kêu gọi là chúng ta đã muốn đi, bỏ mọi thứ, đi và thực hiện điều đó. Phải mất ít nhất 13 năm thì Phao-lô mới bắt đầu thực hiện điều Chúa kêu gọi ông làm vào ngày hôm đó. Vấn đề là Chúa vội còn chúng ta thì không, à không, chúng ta vội còn Chúa thì không, phải đảo ngược lại. Theo lời nhà giảng đạo Hoa Kỳ Phillips Brooks.

Như vậy, trong ba năm, ông sang Ả Rập để suy nghĩ cho thấu đáo, để suy xét lại thần học của mình. Ông không đi học đại học, không đến trường đào tạo Kinh Thánh, không đi hỏi ý kiến ai, chỉ dành thời gian đó để ở riêng với Chúa. Vì ông rất đặc biệt, ông là người cuối cùng thấy Chúa phục sinh. Ông tự nhận mình là Sứ đồ cuối cùng theo dạng đó, một sứ đồ đặc biệt, người thứ 13. Một số người cố gắng nói rằng ông phải là người thứ 12 mới đúng, thay cho Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Hoàn toàn không đúng. Phao-lô luôn nhìn nhận 12 môn đồ và không hề kể mình vào đó, nhưng ông là người thứ 13 và liên tục nhận chức Sứ đồ đặc biệt đó. *Tôi chẳng từng thấy Ngài sao? Ngài không gọi tôi hay sao?* Nên ông là kiểu Sứ đồ có thể viết Kinh Thánh vì mối quan hệ có một không hai giữa ông và Đấng Christ phục sinh.

Ba năm ở Ả Rập để suy nghĩ cho thấu đáo. Đó là lúc mà ông hẳn phải nghĩ thế này trong đầu, khi Chúa Giê-su gặp ông ở đường Đa-mách, Ngài phán: *Sao ngươi bắt bớ Ta?* Lẽ ra ông có thể nói rằng: *Con không bắt bớ Ngài thưa Chúa, con chỉ bắt bớ Cơ Đốc nhân thôi.* Nhưng ông không nói vậy vì ông chợt nhận ra rằng làm gì với Cơ Đốc nhân tức là làm với Đấng Christ, từ hiểu biết sâu sắc đó mà ông đã phát triển toàn bộ thần học về Hội thánh như Thân thể Đấng Christ. Ấy là bởi vì ông nhận ra rằng khi làm điều ấy cho một người thấp kém nhất trong những anh em của Ngài, tức là đã làm cho Ngài, rằng Cơ Đốc nhân là Thân thể Ngài trên đất theo đúng nghĩa đen, làm gì với họ tức là làm với Ngài.

Vậy là thần học của ông sinh ra từ lần gặp gỡ đó với Đấng Christ đã sống lại và thăng thiên trên đường Đa-mách. Anh chị em có thể truy ngược mọi thứ về trải nghiệm đó và những suy tư của ông khi ở một mình nơi hoang mạc Ả Rập trong ba năm. Nhưng sau đó ông đến Giê-ru-sa-lem, vướng vào rắc rối ở đó, họ không tin là ông đã cải đạo thật. Anh chị em cũng thế đúng không? Nếu có người từng tống gia đình anh chị em vào tù rồi xuất hiện ở hội thánh vào Chủ nhật tuần sau và nói: *Tôi đã được cải đạo* thì tôi nghĩ là anh chị em sẽ thận trọng, ít nhất là như vậy.

Họ cũng vậy, nhưng Ba-na-ba đáng mến, con người tuyệt vời đó, Ba-na-ba nghĩa là con trai của sự an ủi, và ông là một người tuyệt vời. Ba-na-ba đảm nhận việc giới thiệu Sau-lơ với hội thánh Cơ Đốc tại Giê-ru-sa-lem. Nhưng ngay cả thế, người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem vẫn rất khó chịu. Ý tôi muốn nói họ coi ông là kẻ phản bội. Ông là một trong những Ra-bi giỏi nhất của họ trong việc đào tạo, giờ ông lại nhập hội những Cơ Đốc nhân đáng ghét đó. Vậy là ông bị đưa trở lại Tạt-sơ trong mười năm. Chúng ta không để ý tới điều này. Chúng ta tưởng Phao-lô được cải đạo rồi thực hiện ngay những hành trình truyền giáo và đi giảng đạo, nhưng không. Ba năm ở Ả Rập để suy nghĩ thấu đáo, mười năm trở về quê nhà, chờ đợi sự kêu gọi đó được xác chứng, và rồi Ba-na-ba đáng mến lại xuất hiện. À, bức hình đầu là đường đến Đa-mách, nhưng bức sau là con phố gọi là Ngay Thẳng ở Đa-mách, chính con phố mà ông được báp-tem nước và đầy dẫy Đức Thánh Linh. Con phố đó vẫn còn đến ngày nay. Nó là một con đường chạy thẳng tuột qua trung tâm Đa-mách. Tôi nghĩ là anh chị em sẽ hứng thú với nó.

Công việc truyền giáo của Phao-lô bắt đầu

Rồi, hình sau này không được nét lắm nhưng nó chụp một nơi rất quan trọng. Có lẽ anh chị em không nhận ra nó. Anh chị em thường không thấy những bức hình về nó. Đây là một thành phố rất lớn ở Si-ri ngày nay, nó tên là An-ti-ốt, An-ti-ốt. Thành đó xuất hiện rất nhiều trong Tân Ước và cũng sẽ xuất hiện trong cuộc đời của Phao-lô. Trước hết thì đó là nơi Người Con trai Hoang đàng đến tiêu phí tiền của, là xứ xa xôi. Chỉ có một xứ xa vào thời các sách Tin lành và đó là An-ti-ốt, nó được gọi là Paris của thế giới cổ đại, hay Amsterdam, Bangkok của thế giới cổ đại, nói vậy là đủ hiểu. Nếu muốn chơi bời vui thú mà đang sống ở Y-sơ-ra-ên, rồi lại có rất nhiều tiền thì người ta sẽ đến An-ti-ốt, vì đó là nơi có tất cả những thứ đó, là tụ điểm của các hộp đêm, nơi tập trung mọi thứ, nơi cậu con trai hoang đàng cuối cùng phải đi chăn heo.


Thành phố An-ti-ốt

Không nghi ngờ gì nữa, nếu nhìn vào bản đồ thì đó là nơi duy nhất để đi khi muốn thác loạn. Đó là một nơi xấu xa, một nơi tội lỗi, chính tại đó mà hội thánh Cơ Đốc của dân ngoại đầu tiên đã mọc lên, Ba-na-ba đã dự phần vào việc đó, đó cũng là nơi mà từ Cơ Đốc nhân lần đầu xuất hiện. Cuối cùng thì Ba-na-ba, sau mười năm, đã đưa Sau-lơ đến An-ti-ốt, tới một hội thánh của dân ngoại. Người Do Thái của những người Do Thái này phải sống như một người ngoại, và ông nói rằng ông sẵn sàng làm như vậy. Nhiều năm sau, ông nói: *với người Do Thái, tôi trở nên như người Do Thái, với người ngoại, tôi trở nên như một người ngoại. Tôi sẵn sàng sống theo bất cứ cách nào để có thể cứu được vài người.*

Đó là sự linh hoạt mà nhiều người trong chúng ta không có nhưng cần có. Dù sao thì ông cũng đã đến và chính trong hội thánh của dân ngoại đó, năm người họ đã nhóm nhau lại cầu nguyện, một vài giáo sư và hai ba nhà tiên tri. Khi họ đang thờ phượng Chúa, có một lời tiên tri rằng *đã đến lúc biệt riêng Sau-lơ và Ba-na-ba cho công tác Ta đã kêu gọi họ*. Vậy là Sau-lơ thực sự nhận được sự kêu gọi theo hai cách. Khi được cải đạo, Chúa Giê-su phán với ông điều Ngài muốn ông làm, nhưng sau này, điều đó được xác chứng qua một lời tiên tri trong hội thánh. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh điều đó. Có quá nhiều Cơ Đốc nhân nghĩ rằng mình chỉ cần có sự kêu gọi từ Chúa là đủ rồi. Tôi tin là họ cần đợi tới khi hội thánh xác chứng sự kêu gọi đó, rồi họ sẽ có sự kêu gọi kép từ Đầu và qua Thân thể. Sau này, gặp lúc khó khăn thì sự kêu gọi kép đó sẽ giúp họ đi tiếp.

Vậy là Ba-na-ba và Sau-lơ cần làm công việc đầu tiên cùng với nhau. Thực ra thì đó không phải là việc đầu tiên mà họ cùng làm. Trước đó cả hai người đã làm chấp sự - thủ quỹ, và công việc đầu tiên mà hai người cùng làm tại hội thánh An-ti-ốt là giữ quỹ ủng hộ nạn đói ở Giê-ru-sa-lem. Xảy ra một nạn đói ở miền nam, tại Giê-ru-sa-lem. Trong hội thánh này, người ta đã quyên góp và nói: *Sau-lơ và Ba-na-ba, hai anh là một cặp phù hợp để coi sóc các khoản tiền*. Chẳng phải là rất thú vị đó sao? Đây là một người có sự kêu gọi đến với thế giới dân ngoại, thế mà ông lại nhận việc coi sóc các khoản tiền trong hội thánh. Nhưng họ đã làm như vậy, và đó là lần đầu tiên hai người làm việc với nhau. Còn chúng ta thì quá nôn nóng muốn làm việc lớn cho nhanh đúng không? Ấy thế mà Sau-lơ và Ba-na-ba sẵn sàng làm điều đó trước.

Nhưng giờ đây, họ đã được sai đi. An-ti-ốt không hỗ trợ tài chính cho họ mà chỉ sai phái họ đi. Chúng ta sẽ xem sau này họ đã cung ứng cho chính mình như thế nào. Thế là họ ra đi. Chắc chắn là nếu đi học ở trường như tôi thì anh chị em phải vẽ các hành trình truyền giáo của Phao-lô đến khi nào anh chị em có thể vẽ chúng trong giấc ngủ. Tôi chỉ nhớ có thế; tôi học kém nhất môn kiến thức Kinh Thánh, nên có hy vọng cho tất cả mọi người. Giống như George Bernard Shaw, việc học của tôi bắt đầu khi tôi rời ghế nhà trường.



Các hành trình truyền giáo của Phao-lô

Nhưng tôi từng vẽ...đó là điều duy nhất mà vị cha xứ đáng kính từng dạy còn đọng lại trong đầu tôi, tôi có thể vẽ chúng trong giấc ngủ. Sau-lơ và Ba-na-ba ở tại An-ti-ốt này...anh chị em thấy đấy, đây là Giê-ru-sa-lem, các vòng sóng đi từ Giê-ru-sa-lem cho tới khi chạm đến An-ti-ốt. An-ti-ốt là tâm chấn, và các vòng sóng phải lan ra cho tới khi chạm đến Rô-ma. Tham vọng đầu tiên của Phao-lô là truyền bá Tin lành tới toàn bộ thế giới phía đông bắc Địa Trung Hải cho tới thận thủ đô của đế quốc, đó là điều ông và Ba-na-ba đã bắt tay vào làm. Họ khởi hành đến đảo Síp trước, rồi họ trở lại đất liền, thiết lập các hội thánh quanh vùng này, An-ti-ốt, Lít-trơ, Đẹt-bơ, có một An-ti-ốt khác ở đây, sau đó trở lại báo cáo với An-ti-ốt, trụ sở chính những gì đã xảy ra. Sau đó họ đi xa hơn; và hầu hết các thư tín của Phao-lô được viết cho các hội thánh quanh biển Ê-giê. Tôi sẽ cho anh chị em xem một bản đồ khác sau. Rồi hành trình thứ ba và cuối cùng của ông, rời Cơ-rết, bị đắm tàu tại Man-tơ, đến Rô-ma với tư cách một tù nhân.

Chiến lược truyền giáo của Phao-lô

Chiến lược của ông là thiết lập một cộng đồng Vương quốc tại mọi thành trọng điểm rồi đi tiếp càng sớm càng tốt. Lúc thì ông chỉ ở có ba tuần, lúc thì như ở Cô-rinh-tô là 18 tháng. Lúc thì ông phải rời đi, lúc thì ông chọn rời đi, nhưng khi ông đi thì đã có một hội thánh để truyền giáo tới cả vùng. Ông không cố gắng đi đến từng thị trấn mà nghĩ *đâu là thị trấn then chốt, đâu là trung tâm của tỉnh đó? Vậy thì hãy thiết lập một hội thánh tại nơi ấy và từ đó trở đi, họ có thể tự truyền giáo*.

Đó là một chiến lược rất thành công. Ông không cố tự mình làm mọi việc, ông thiết lập một hội thánh mạnh mẽ rồi nói: *Bây giờ anh chị em hãy truyền giáo cho tỉnh này; còn tôi sẽ đi tiếp.* Nên là một sứ đồ thực thụ, ông liên tục di chuyển, liên tục khám phá những địa hạt mới, khai phá những vùng đất mới. Ông nói trong Rô-ma rằng *ước vọng của tôi là không xây trên nền của người khác.* Tôi muốn khai phá những vùng đất mới, những nơi Tin lành chưa được truyền đến. Thế là ông cứ thế đi mãi cho tới khi vượt qua phần eo biển đó, Tin lành lần đầu tiên đến châu Âu và kể từ đó, châu Âu không còn như trước nữa.

Ông đã trải qua những nguy hiểm đến khó tin. Bị chìm tàu ba lần. Chúng ta chỉ có một bản tường thuật trong Kinh Thánh. Bị đòn vọt nhiều lần đến suýt bỏ mạng. Bị ném đá và bỏ mặc cho chết, rồi sau một danh sách dài về việc chịu đói và mất ngủ, ông nói thế này "chưa kể những việc khác…tôi phải lo lắng về tất cả các Hội Thánh." Đó có vẻ là gánh nặng tột đỉnh của ông. Bị chìm tàu, bị đòn vọt cũng chẳng là gì, còn chăm sóc các hội thánh à - ôi, đó thật sự là giọt nước tràn ly. Nếu biết bất cứ điều gì về việc chăm sóc các hội thánh thì anh chị em sẽ hiểu, rằng đôi khi đối đầu với sư tử còn dễ hơn gặp các chấp sự.

Nhưng sau khi đã thiết lập hội thánh và đi tiếp, tất nhiên là ông phải tiếp nối công việc của mình và ông lo lắng về tất cả các hội thánh. Không giống như một số nhà truyền giảng, ông không vào tổ chức một chiến dịch lớn rồi đi tiếp và quên nó đi. Ồ không, ông quan tâm đến việc gây dựng họ, làm sao để hội thánh tăng trưởng về số lượng và chất lượng.

Có hai cách để ông có thể tiếp nối công việc. Một là trở lại thăm họ, và ông thường làm như vậy. Ông trở lại những nhóm hội thánh nhỏ một năm sau khi thiết lập chúng và chỉ định được các trưởng lão ở từng nơi. Khi một sứ đồ đã chỉ định được các trưởng lão địa phương thì nhiệm vụ của anh ta hoàn tất. Ông viết thư cho Tít và nói *Ta để con ở Cơ-rết để hoàn tất công việc bằng cách chỉ định các trưởng lão ở mỗi thành*; để ngay sau khi một hội thánh có các lãnh đạo địa phương được chỉ định thì công việc của người sứ đồ đã hoàn tất và anh ta có thể đi. Nhưng không dễ để thiết lập được các hội

thánh đến mức đó, nên hoặc là ông trở lại thăm họ, nhưng nếu cứ quay lại thăm mãi thì ông sẽ không đi xa hơn được, mà ông có tham vọng truyền giáo tới tận Tây Ban Nha. Ông muốn truyền giáo đến toàn bộ bờ biển phía bắc Địa Trung Hải. Tham vọng rất lớn! Nhưng nếu cứ mãi quay lại thăm các hội thánh này thì ông không thể đến Tây Ban Nha được. Nên ông tiếp nối công việc bằng cách khác, ấy là viết các bức thư; đó là lý do tại sao chúng ta có các thư tín của Phao-lô trong Tân Ước. Đó là cách ông tiếp nối việc truyền giảng của mình.

Ba chủ đề chính của Phao-lô

Ông là kiểu người như thế nào? Tiện đây cũng xin nói là sau này, ông đến Rô-ma với tư cách một tù nhân trong phiên tòa sống còn, Bác sĩ Lu-ca, bạn ông đã viết bản biện hộ cho quan tòa, tức Tin lành theo Lu-ca và Sách Công vụ theo cách gọi của chúng ta. Ông được tha vào dịp đó và được thả ra. Theo những gì chúng ta biết thì ông sang Tây Ban Nha.

Có một truyền thống vững chắc rằng Phao-lô đến Tây Ban Nha. Ông cũng thăm lại những vùng này, đến Cơ-rết và Đê-ca-bô-lơ cùng một số nơi khác mà trước đó ông chưa đến. Sau đó, giống như Chúa Giê-su trước đây, ông bị tên thợ đúc đồng tên A-léc-xan-đơ phản bội. Ông bị phản bội và bị bắt lần thứ hai dưới thời trị vì của Nero, bị giải đi quá nhanh đến nỗi không kịp lấy cả sách vở hay cái áo choàng của mình. Chúng ta sẽ thấy trong các Thư tín Mục vụ - Ti-mô-thê và Tít, cách ông viết và nói rằng: *Xin hãy gửi cho ta cái áo choàng - trời lạnh rồi, và sách vở, nhật ký của ta nữa, xin hãy gửi chúng đến.*

Đó là câu chuyện đời ông, nhưng ông là kiểu người như thế nào? Chúng ta có một mô tả về vẻ ngoài của ông - không tạo thiện cảm cho lắm. Ông thấp lùn, Paulus nghĩa là nhỏ con, ông có chân vòng kiềng, mũi khoằm và đầu hói, hai bên lông mày giao nhau, ông có đôi mắt dị thường và đôi tay rất thô. Không tạo thiện cảm cho lắm, và tôi chỉ tưởng tượng đến việc một hội thánh đang cân nhắc Phao-lô làm mục sư của mình, và có tin báo rằng ông có vẻ ngoài dị thường, ông không bao giờ ở một chỗ được lâu, ông thường khiến người ta khó chịu, ông đã gặp rắc rối với công an, ông đã từng ngồi tù, rằng ông là một nhà giảng đạo rất giáo điều, không lấy vợ, làm nghề may trại, cùng lúc quản nhiệm nhiều hội chúng và trên hết là nói tiếng lạ.

Anh chị em có tưởng tượng rằng có người đưa cho hội thánh bản CV, bản sơ yếu lý lịch này kèm theo câu *Một ứng viên hoàn hảo cho vị trí mục sư không?* Điều đó cho thấy Đức Chúa Trời chọn những người rất khác với lựa chọn của con người. Dân Y-sơ-ra-ên rút ra bài học đó khi họ chọn Sau-lơ vì ông cao to, đẹp trai nhưng Đức Chúa Trời lại chọn Đa-vít. Và Chúa đã chọn người đàn ông nhỏ con có vẻ ngoài ngồ ngộ này làm giáo sĩ vĩ đại nhất mọi thời đại và có tầm ảnh hưởng nhất trên hai ngàn năm lịch sử sau đó. Lựa chọn của con người không phải lựa chọn của Đức Chúa Trời. Một người cực kỳ tận tâm - sốt sắng, Kinh Thánh gọi như vậy - tuyệt đối dâng mình, nhiệt thành, chuyên tâm, một người cực kỳ tập trung. “Tôi cứ làm một điều.”

Tất nhiên là ông không lấy vợ, không có gia đình, và từ kinh nghiệm riêng, ông thúc giục những người khác cũng giống như mình, vì ông nói *nhờ đó mà tôi hoàn toàn tập trung vào chỉ một điều mà mình được kêu gọi.* Một con người quá ư là dũng cảm, một người biết kiềm chế cơn giận. Chúng ta sẽ thấy khi nghiên cứu các thư tín của ông, rằng một số thư nóng bừng, lẽ ra phải in trên giấy chống cháy mới đúng, chúng thật sự thiêu đốt khi anh chị em đọc đúng cách; và tôi luôn thấy khó chịu khi có người đọc chúng trong hội thánh theo kiểu “đến đây là hết bài học thứ hai” (giọng trang nghiêm) mà không có tí cảm xúc nào vì thư của ông đầy nhiệt huyết, một số thư thật sự giận dữ. Anh chị em

có thể đọc phần tôi diễn giải thư Ga-la-ti nếu muốn thấy ông thẳng thừng và gay gắt đến thế nào, nhưng lại là một người cực kỳ quan tâm, chăm sóc và đồng cảm, một người biết đổ lệ, ấy thế nhưng bí mật của ông không nằm trong tính cách ông.

Ở trong Đấng Christ

Những gì thể hiện trong các thư tín của ông là những gì tạo nên con người ông, những gì ông sống cho. Tôi chỉ ghi lại ba điều mà đối với tôi, chúng thật sự tóm gọn bí mật của ông. Tôi mới viết từ hôm qua nên chúng còn nóng hổi luôn. Tôi tự nhủ *điều gì thật sự làm nên con người của Phao-lô?* Tôi đã viết ra ba từ: Đấng Christ, Tin lành và Ân điển. Đấng Christ - chắc chắn là người này hoàn toàn sống cho Đấng Christ. Ông nói: "Đối với tôi, sống là Đấng Christ," và kể từ ngày gặp Đấng Christ trên đường Đa-mách đó, ông đã toàn tâm toàn ý với Chúa Giê-su. Nên ông mới có thể nói rằng "Đối với tôi...chết là ích lợi." Ông nói: "Tôi muốn ra đi và về ở với Đấng Christ là điều tốt hơn rất nhiều." Chứ không phải là *nếu giờ của tôi đã điểm thì tôi sẽ đi*. Ông rất muốn đi, rất muốn chết vì ông đã sống cho Đấng Christ và nếu chết, ông sẽ được gần Đấng Christ hơn.

Ông gọi mình là đầy tớ của Đấng Christ, ông nói: *Ngài đã mua chuộc tôi, tôi là đầy tớ Ngài.* Ông thường mở đầu một bức thư là "Sứ đồ Phao-lô, đầy tớ của Chúa Giê-su." Làm đầy tớ hay nô lệ trong thế giới cổ đại sẽ bị khinh thường, hoàn toàn trở thành tài sản của người khác. Không có thời gian rảnh cho riêng mình, không có tiền của riêng mình, không sở hữu gì cả, hoàn toàn thuộc về người khác, ấy thế mà ông gọi mình là đầy tớ của Chúa Giê-su.

Nhưng ông cũng tự gọi mình là Đại sứ của Đấng Christ, một sự kết hợp rất thú vị giữa địa vị xã hội thấp và cao. Một đầy tớ, nhưng là một đại sứ. Ông tự hào là một đại sứ, nhưng cũng tự hào là một đầy tớ. Tôi chỉ muốn đưa một điều vào đây và một số anh chị em sẽ nhận ra tính thiết thực của nó. Phao-lô rất hiếm khi nói về "Đấng Christ ở trong tôi." Chỉ có một hai lần trong toàn bộ các thư tín ông nói rằng "Đấng Christ sống trong tôi." Ông nói hàng chục lần rằng "Tôi ở trong Đấng Christ." Điều đó rất, rất quan trọng, vì nếu nói quá nhiều về Đấng Christ ở trong tôi tức là chúng ta hạ Chúa Giê-su xuống chỉ còn là một Giê-su nhỏ bé trong lòng tôi. Cái nhỏ hơn ở trong cái lớn hơn. Nắm được không ạ?

Khi Phao-lô nói về Đức Thánh Linh, gần như ông luôn nói rằng *Thánh Linh ở trong tôi*, nhưng khi nói về Đấng Christ, ông nói rằng *Tôi ở trong Đấng Christ.* Tôi nhớ mình đã nói chuyện với một mục sư người Đức vào nhiều năm trước. Ông kể cho tôi nghe rằng vào những năm 1930, ông thuộc Đoàn Thanh niên Hít-le và khi gia nhập Đoàn Thanh niên Hít-le, ông đã đứng trước một viên sĩ quan Đức và được hỏi rằng: *Đồng chí tên gì?* Và ông nêu tên mình. Rồi viên sĩ quan hỏi: *Địa chỉ của đồng chí là gì, đồng chí sống ở đâu?*

- *Tôi sống ở Hamburg.*
- *Trả lời sai rồi, đồng chí sống ở đâu?*
- *Tôi sống ở Đức.*
- *Trả lời sai rồi, đồng chí sống ở đâu?*
- *Tôi sống ở Đức Quốc xã.*
- *Trả lời sai rồi; đồng chí sống ở đâu?*
- *Tôi không biết đồng chí muốn tôi nói gì.*
- *Đồng chí phải nói tôi sống trong Hít-le!*
- *Tôi sống trong Hít-le!*

Và vị mục sư người Đức đó nói với tôi rằng: *Sau này, tôi bắt đầu sống trong Đấng Christ.* Anh chị em có thể thấy ý nghĩa của nó, sự dâng mình hoàn toàn này. Tôi chỉ muốn nói như vậy, khi nghe người ta nói *tôi ở trong Đấng Christ* thì tôi thấy vui hơn nhiều so với nói *Đấng Christ ở trong tôi*, vì Ngài lớn lao hơn và chúng ta ở trong Ngài. Chính ở trong Đấng Christ mà chúng ta được ban cho mọi phước hạnh. Chính ở trong Ngài mà mọi thứ đều là của chúng ta, tôi chỉ muốn nói như vậy. Nhưng Phao-lô là một người ở trong Đấng Christ. Đó là địa chỉ của ông, dù ông có ở đâu trong đế quốc La Mã thì đó vẫn là bầu không khí, là môi trường của ông, ông ở trong Đấng Christ.

Động lực lớn thứ hai của đời sống ông là Tin lành. Ông sẽ làm bất cứ điều gì nếu điều đó lan truyền Tin lành. Đó là lý do tại sao ông thậm chí còn thấy tù ngục là một điều để vui mừng. Ông nói: *Tôi có thể ở trong xiềng xích,* nhưng - đây thực sự là những gì ông muốn nói trong thư gửi cho người Phi-líp - ông nói: *Tôi bị xiềng với một người lính La Mã tám tiếng một lần, vị chi là một ngày có ba hội chúng bất đắc dĩ, và giờ chúng ta đã có những Cơ Đốc nhân trong nhà Sê-sa.* Nên ông nói: *Tôi có thể bị xiềng xích, nhưng Lời Chúa thì không*, rồi có những người lợi dụng lúc ông ở tù để chộp lấy bục giảng của ông, giảng vì ganh đua với ông, và mừng khi thấy ông bị giam cầm vì họ có thể chộp lấy bục giảng của ông.

Ông nói trong thư Phi-líp rằng *tôi nghe nói họ làm vậy vì ganh tị và tranh cạnh với tôi, nhưng hallelujah, Tin lành đang được giảng ra. Tôi không quan tâm tại sao họ lại giảng, miễn là họ rao giảng*. Một con người sống cho Tin lành và ông nói: *Tôi mắc nợ mọi người.* Ông không coi đó không những là trách nhiệm mà còn là món nợ. Nếu tìm ra cách chữa ung thư thì mối quan hệ giữa anh chị em và tất cả những người đang hứng chịu nó sẽ là gì? Anh chị em sẽ nợ họ điều đó, phải nói với họ điều đó đúng không? Chẳng phải anh chị em sẽ cảm thấy mình có nghĩa vụ làm như vậy sao? Phao-lô nói: *Tôi có nghĩa vụ, tôi mắc nợ cả người Do Thái và người Hy Lạp, tôi nợ cả thế giới, tôi nợ họ điều đó.* Nên ông có thể làm bất cứ điều gì vì Tin lành, đó là lý do tại sao ông lại là một đại sứ, và ông có thể đi bất cứ đâu để nói cho bất cứ ai về điều Đức Chúa Trời đã làm trong Đấng Christ.

Sống cho Tin lành

Để tôi nói hai từ ngắn mô tả Tin lành của ông. Đó là một Tin lành Lai thế, một từ khó phát âm trong tiếng Anh. Lai thế học, tiếng Anh là eschatology bắt nguồn từ ‘eschaton’ - những điều cuối cùng trong tiếng Hy Lạp, tức là tương lai, và Tin lành của ông là một Tin lành lai thế. Ý tôi muốn nói là đó là một Tin lành về tương lai, một tương lai đã xâm lấn vào hiện tại. Quên đi khía cạnh tương lai đó của Tin lành tức là chúng ta quên đi chính Tin lành. Tin lành không chỉ là tin tức tốt lành về đời sống ở đây, mà là tin tức tốt lành về một thế giới mới sắp đến, về thân thể mới mà chúng ta sẽ có.

Đó là tin tức tốt lành về Chúa Giê-su trở lại. Sẽ có một hội nghị vào cuối tháng này khi 60 lãnh đạo toàn nước Anh sẽ ngồi lại với nhau vì họ cùng có một gánh nặng rằng khía cạnh lai thế của Tin lành đã bị ngó lơ trong hội thánh Anh Quốc. Chúng ta không còn hát về sự tái lâm nữa, anh chị em có để ý thấy không? Chúng ta không còn hát về thiên đàng nữa. Chúng ta quá chú tâm đến những vấn đề của mình trong thế giới này và cách sống trong hiện tại, nhưng Tin lành có tính lai thế. Đó là một Vương quốc sẽ đến, và một vị Vua sẽ đến. Phao-lô luôn luôn coi Tin lành là tương lai mà chúng ta đã có thể tận hưởng ngay bây giờ; chúng ta là những con người của ngày mai. Khía cạnh còn lại về Tin lành của ông, một từ khác để mô tả, ấy là một Tin lành Đạo đức. Ông không mặn mà với việc cứu những linh hồn mà không sinh ra một lối sống khác biệt, và Tin lành của ông là Tin lành của tương lai, cũng là Tin lành thể hiện điều đó trong đời sống thường ngày. Tôi muốn nói thêm về điều đó sau.

Bởi ân điển

Từ thứ ba tôi viết ra là Ân điển. Phao-lô không thể nào quên được thực tế rằng Chúa Giê-su tiếp nhận ông khi ông đang trên đường bỏ tù Cơ Đốc nhân; ông không thể nào quên được thực tế rằng ông hoàn toàn không xứng đáng, rằng nếu Chúa Giê-su ban cho ông điều ông đáng nhận thì ông hẳn phải xuống địa ngục. Ông không thể nào quên được...Ân điển là như vậy. Nó có nghĩa là một điều chúng ta không đáng nhận, một điều được ban cho chúng ta cách nhưng không. Nó được tóm tắt bằng một khẳng định trong thư Rô-ma, Phao-lô nói: *Khi chúng ta còn là thù nghịch thì Đấng Christ đã chết thay cho chúng ta*; tất nhiên là điều đó quá đúng với ông. Ông là một kẻ thù nghịch. Ông dồn toàn lực để chống lại Đấng Christ, ấy vậy mà Đấng Christ lại phán: *Ta sẽ sử dụng con. Con sẽ trở thành người của Ta.*

Ân điển này sinh ra lòng biết ơn và anh chị em có thể thấy động cơ biết ơn ấy ẩn sau quá nhiều công khó của con người này. Ông quá biết ơn vì được đối xử quá trái ngược với những gì mình đáng nhận, đến nỗi ân điển của Chúa Giê-su trở nên động lực của đời sống ông. Ba từ đó, chúng ta có thể thêm nhiều từ nữa, nhưng đó là ba từ mà ngày hôm qua, tôi cảm thấy rằng đó là ba điều lớn lao trong đời sống Phao-lô, Đấng Christ là lớn nhất. Ông ở trong Đấng Christ; Tin lành là điều ông muốn những người khác có được hơn bất cứ điều gì khác, và Ân điển tuyệt đối của Đức Chúa Trời là động lực thúc đẩy ông.

Các thư tín của Phao-lô

Giờ thì hãy xét đến các thư tín của ông. Người viết thư nổi tiếng nhất trong lịch sử. Nếu thích đọc thư của những người khác thì anh chị em sẽ yêu Tân Ước vì trong đó toàn những bức thư gửi đến những người khác. Người Do Thái rất hiếm khi viết thư. Có rất, rất ít bức thư viết bởi người Do Thái trong thế giới cổ đại. Lý do rất đơn giản: Họ sống tại một đất nước nhỏ bé, họ không cần đến thư từ, và tất nhiên, viết thư là một nghề đắt đỏ. Có dịch vụ bưu chính hoàng gia ở đế quốc La Mã, nhưng chỉ dùng cho các quan chức La Mã. Người thường không thể đến hòm thư và bỏ thư vào đó, không thể làm vậy được. Người ta có thể viết một bức thư, nhưng sau đó phải tìm một người mang thư đến tận nơi, nên họ không viết nhiều thư. Và nếu sống gần họ hàng thì người ta không viết thư mà đến tận nơi gặp hoặc nhờ một người đi qua nhà họ chuyển lời giùm.

Nên trong Y-sơ-ra-ên thời đó có rất, rất ít thư từ. Trong đế quốc La Mã thì có khá nhiều thư nhưng thường là do các quan chức, hoặc những người giàu có viết, những người có đủ tiền để trả cho một người mang thư đến tận nơi. Không có dịch vụ bưu điện nên phải có một lý do khá quan trọng thì mới viết thư; chứ không chỉ viết vài dòng kiểu "ước gì cậu có ở đây, chỗ này vui lắm." Người ta không viết bưu thiếp kiểu như vậy. Người ta sẽ viết thư về một khủng hoảng hoặc một vấn đề quan trọng, và tất nhiên, tất cả các thư tín của Phao-lô đều viết cho tình trạng khủng hoảng kiểu đó. Thư từ trong thế giới cổ đại thường khá ngắn, trên một tờ giấy cói; viết dưới 20 từ; nhưng đôi khi người ta ghép tờ này với tờ kia và cuộn hết lại, như vậy thì có thể viết một bức dài hơn.

Các thư tín của Phao-lô là những bức dài nhất mà chúng ta có được từ thế giới cổ đại. Độ dài trung bình của thư ông là khoảng 1300 từ, như thế là dài đấy ạ! Hãy tưởng tượng là người ta viết tay trên một dải giấy. Một cuộn khá lớn. Thế mà thư ông gửi cho người Rô-ma dài 7114 từ, là bức dài nhất từng được viết vào thời đó, nên Phao-lô thực sự dồn tâm huyết vào những thư này.

Mọi bức thư đều theo một khuôn mẫu chung. Hãy tưởng tượng ra một tờ giấy được cuộn lại thế này, và rất khôn ngoan, điều đầu tiên mà người ta viết trong thư là tên người gửi. Thật khôn ngoan đúng không? Sao chúng ta lại đề tên người gửi ở tận cuối nhỉ? Đôi khi tôi nhận được những bức thư khoảng 20 trang, chắc người gửi nghĩ tôi không có gì để làm. Họ cho tên vào ngay cuối nên tôi phải giở đến trang cuối mới biết ai gửi nó. Một cách rất khôn ngoan, người ta viết tên người gửi, đó là từ đầu tiên mà họ viết - *Phao-lô, Sứ đồ và đầy tớ của Chúa Giê-su.* Điều tiếp theo mà ông viết là địa chỉ, nên người đưa thư chỉ cần mở hé ra là thấy. Thực ra anh ta có thể đọc phần còn lại nếu muốn, nhưng tên và địa chỉ ở ngay đầu - *Phao-lô gửi các Thánh đồ tại Ê-phê-sô* hay đâu đó. Điều tiếp theo là chào họ, thư từ bình thường là như vậy, chào họ theo một kiểu nào đó, sau đó là chúc họ những điều tốt đẹp, thay vì chúc thì Phao-lô luôn cầu nguyện cho họ - thật thú vị, ông không nói rằng *chúc anh chị em may mắn*, mà nói: *Tôi cầu nguyện điều này, điều kia cho anh chị em.*

Điều tiếp theo trong thư là khen người nhận, nói điều gì đó tốt đẹp về họ, để họ có tâm trạng vui vẻ khi đọc phần còn lại của thư. Thật thú vị là nếu có thể, Phao-lô luôn viết những điều tốt đẹp về người nhận trước khi xử lý các vấn đề của họ. Một khuôn mẫu không tồi để chúng ta noi theo. Nếu anh chị em cần phê bình ai đó thì hãy nói tốt về họ trước.

Thật thú vị là trong bảy bức thư gửi đến các hội thánh A-si-a trong Khải huyền, do chính Chúa Giê-su viết, Ngài đã viết theo đúng khuôn mẫu đó - khen ngợi trước khi phê bình họ, một ý nhỏ như vậy thôi, đó là cách thức Cơ Đốc. Sau khi làm xong việc đó thì người ta đi vào việc chính của thư, xong xuôi thì tóm tắt lại việc đó, thường là tóm lại những gì mình đã viết trong một câu, rồi chào hỏi thêm chút nữa và ký tên vào.

Phần đa mọi người đều không tự viết thư. Chắc hẳn là anh chị em đã thấy những bức hình chụp người viết thư ở Ấn Độ. Họ nhờ ai đó viết thư. Trong thế giới Hy Lạp, người ta gọi đây là người biên chép và Phao-lô không tự viết các bức thư của mình, ông đọc chúng cho một người biên chép. Đôi khi là Si-la, đôi khi là một người khác. Điều đó rất quan trọng vì nó có nghĩa rằng các thư tín được nói ra thay vì viết ra, nắm được không ạ? Hầu hết Tân Ước được nói ra trước khi viết ra. Hãy tưởng tượng ra cảnh Phao-lô đi đi lại lại và nói: *Hãy bảo họ thế này, bảo họ thế kia*. Thực ra tất cả đều được nói ra. Cứ như thể ông có mặt và nói cùng họ, đó là dạng văn nói. Không phải dạng văn viết mà là dạng văn nói.

Mẹ vợ tôi mới qua đời vào năm nay ở tuổi 98, bà không qua khỏi, nhưng đến cuối đời, các bức thư của bà chỉ toàn là tin tức. Bà biết mọi thứ về mọi người, bà có trí nhớ cực kỳ tốt, hơn cả vợ chồng tôi, và bà có thể viết những bức thư đầy tin tức cứ như thể bà đang ngồi trong phòng, kể về những đứa chắt của mình, mà bà nhiều chắt lắm. Đó. Phao-lô đã viết các thư tín như vậy, ông nói cùng họ chứ không soạn ra một bài thuyết giáo. Ông viết một bức thư, làm như vậy vì ông không đến tận nơi được, nhưng lại giống như đến tận nơi vì ông nói ra và bảo: *Hãy ghi những gì tôi nói lại*. Ông cứ đi đi lại lại và nói cùng hội chúng đó, nhưng người ta chép lại dưới dạng một bức thư.

Gần như ông luôn ký vào cuối các bức thư. Tất nhiên là mắt Phao-lô có vấn đề gì đó, chúng ta không biết là vấn đề gì, nhưng nó có nghĩa là ông viết bằng những con chữ rất to thế này. Ông nói ở cuối thư Ga-la-ti rằng “Hãy xem, những dòng chữ thật lớn mà chính tay tôi đã viết.” Đặc biệt là ông bắt đầu làm như vậy, như chúng ta sẽ thấy trong bài tiếp theo về Tê-sa-lô-ni-ca, vì người ta bắt đầu bắt chước Phao-lô và gửi những bức thư có vẻ như của Phao-lô nhưng lại là giả, và gây rất nhiều tổn hại. Hội thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca nhận được một bức thư như vậy, nên Phao-lô cẩn thận nói rằng: *Hãy*

xem, tôi đang tự tay ký vào bức thư thứ hai gửi cho anh chị em, đừng tin vào bất kỳ thư nào không có chữ ký của tôi. Ma quỷ có thể lừa dối theo rất nhiều cách. Đó là về các thư tín của ông.

Ba loại thư tín

Ông viết ba loại thư tín, có thư tín cá nhân mà ông viết riêng cho một người - Phi-lê-môn, Ti-mô-thê và Tít. Có một loại mà chúng ta gọi là thư tín theo từng dịp, được viết cho các hội thánh. "Theo từng dịp" có nghĩa là chúng được viết nhân dịp một chuyện gì đó xảy ra trong hội thánh. Có một dịp gì đó khiến ông phải viết thư, nắm được không ạ? "Theo từng dịp" là như vậy, chứ không phải thi thoảng. Loại thứ ba là thư tín chung, dạng thư mà chúng ta nhận được cả tá trong dịp giáng sinh. Anh chị em có biết thư chung chung là gì không? Nó thường được in ra, nó toàn kể về gia đình rồi kỳ nghỉ,... Chúng là những bức thư lưu hành chung, thực sự không kết nối với người đọc, không phải nhân dịp gì đó của người đọc, chúng là những tin tức chung chung và gửi đi đâu cũng được.

Thi thoảng thì Giáo hoàng gửi những bức thư như vậy. Ông gọi chúng là thông điệp (encyclical letter). Chúng ta thì gọi là các thư lưu hành chung. Anh chị em có gửi các bức thư vào dịp Giáng sinh, kể hết những điều mới về gia đình mình, phô tô ra và gửi cho mọi người không? Các giáo sĩ cũng làm như vậy. Đó là thư tín chung. Thực ra thì Phao-lô chỉ viết một thư như vậy, thư nào nhỉ? Ê-phê-sô, đúng rồi. Không phải Rô-ma. Thư Rô-ma được viết nhân dịp một hoàn cảnh xảy ra tại Rô-ma, nhưng Ê-phê-sô là thư tín duy nhất mà ông không giải quyết bất cứ vấn đề nào của hội thánh địa phương, chỉ đưa ra một mô tả chung chung về niềm tin và hành vi Cơ Đốc. Đó là một bức thư rất hay để nghiên cứu như một thư tín chung áp dụng với mọi Cơ Đốc nhân.

Nhưng các thư tín theo từng dịp là những thư mà chúng ta gặp vấn đề trong việc hiểu và áp dụng, vì các thư tín theo từng dịp chỉ là nghe từ một phía. Tôi nghĩ mình đã chia sẻ điều này với anh chị em trong một bài trước đây...anh chị em đã bao giờ ở trong một căn phòng mà có người đang nghe điện thoại, và anh chị em chỉ nghe được đầu này của câu chuyện không? Anh chị em sẽ làm gì trong đầu? Khi có người nói "Tôi sẽ nhờ một luật sư tư vấn về việc đó." Đầu anh chị em sẽ nghĩ là phía bên kia nói gì? Chuyện gì đã xảy ra, họ phá sản, hay bị bắt oan, hay xích mích với hàng xóm? Không biết được. Hay "Thật mừng vì anh đã hồi phục hoàn toàn." Anh chị em ngồi nghĩ *hồi phục hoàn toàn à, sau chuyện gì nhỉ?* Bị sốc, bị ốm, hay mất người thân? Không biết được. Anh chị em thấy đấy, một bức thư là như vậy. Thư theo từng dịp được viết nhân dịp xảy ra một hoàn cảnh mà chúng ta không biết gì ngoài nội dung của thư, anh chị em phải cố đoán xem chuyện gì đang xảy ra với hội thánh đó mà cần đến thư này, nắm được không ạ? Để tôi diễn lại một cuộc điện thoại chỉ nghe được một phía, anh chị em thử đoán xem nó nói về cái gì.

"Alo."
"Về rồi à? Chúc mừng cậu nhé!
'Nặng bao cân?'
"Màu gì thế?"
"Đừng có mà để vợ cậu mó vào đấy!"
"Hao lắm đấy nhá!"
"Bánh xích nên đi nhanh phết."
"Mà cậu đi trên đất sét nhỉ. Chắc tớ cũng làm một cái."
"Bye!"

Nó là cái gì đây? Là cái máy kéo. Rồi, bao nhiêu người đoán đúng? Được rồi. Bao nhiêu người nghĩ đó là một đứa bé, lúc mới đầu? Anh chị em hiểu ý tôi nói rồi đấy. Khi đọc một thư tín thì đó là điều anh chị em đọc được. Và anh chị em luôn phải tái hiện lại đầu bên kia, nghĩ xem *điều gì đang xảy ra tại Cô-rinh-tô, điều gì đang xảy ra tại Ga-la-ti?* Từ đó, anh chị em mới mường tượng ra sự việc. Anh chị em phải làm chút công việc trinh thám và đọc để tìm ra ý nghĩa đằng sau đó. Một công việc rất thú vị và anh chị em có thể biết rất nhiều điều. Chẳng hạn như Phao-lô viết hai thư tín cho người Tê-sa-lô-ni-ca, một bức rất ấm áp, một bức rất lạnh nhạt, chúng ta phải nghĩ xem tại sao bức này ấm áp còn bức kia lạnh nhạt, điều gì đã xảy ra khiến ông đổi hẳn tông giọng như vậy?

Đó là một dạng manh mối, đó là lý do tại sao tôi muốn anh chị em đọc các sách trong Kinh Thánh trọn vẹn cả cuốn. Anh chị em có thể nhặt câu này, câu kia từ Tê-sa-lô-ni-ca mà không hiểu nếu anh chị em không đọc cả sách. Tất nhiên là chúng ta cũng gặp rắc rối với khoảng cách văn hóa nữa, chúng ta cách bối cảnh của các thư này cả hai ngàn dặm và hai ngàn năm, chúng ta cần chút hiểu biết và diễn giải. Chúng ta phải tìm ra các nguyên tắc đằng sau một phong tục nào đó rồi áp dụng chúng với thời đại ngày nay. Chẳng hạn, khi nghiên cứu Cô-rinh-tô, tôi sẽ dành chút thời gian nói về phụ nữ và việc đội mũ. Chúng ta phải nghĩ xem mình phải làm gì với ý này và áp dụng nó với thời đại ngày nay như thế nào? Tôi không thấy cái mũ nào trong phòng, trên đầu cả người nam lẫn người nữ, nhưng theo Kinh thánh thì có nên làm vậy hay không? Chúng ta phải đưa nguyên tắc này vào thực tiễn đời sống theo một cách nào đó.

Viết thư chứ không thuyết giáo

Tôi sẽ nói hai điều cuối cùng về Phao-lô và các thư tín của ông. Một là cảm ơn Chúa vì các hội thánh trong Tân Ước không hoàn hảo. Điều đó không chỉ khích lệ chúng ta mà anh chị em có nhận ra rằng nếu họ không có vấn đề gì thì chúng ta sẽ chẳng có lấy một bức thư của Phao-lô không? Chỉ vì hội thánh Cô-rinh-tô quá ân tứ và quá xác thịt nên chúng ta mới có 1 Cô-rinh-tô 13 về tình yêu thương. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết đoạn đó nếu họ không thi nhau nói tiếng lạ. Thấy không ạ? Vì họ có những vấn đề nên Phao-lô mới phải viết thư và để lại cho chúng ta một phần ba Tân Ước. Nên cảm ơn Chúa là các hội thánh trong Tân Ước không hoàn hảo.

Nhưng ý cuối cùng tôi muốn nói là không một tôn giáo nào khác dùng các bức thư làm sự mặc khải thiên thượng. Tại sao Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Chúa Giê-su lại dùng các bức thư làm Kinh Thánh cho chúng ta? Đó là điều chưa từng thấy trên thế gian. Những bức thư cá nhân gửi từ người đến người lại trở thành Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta đã quá quen với việc thấy các thư tín trong Kinh Thánh đến nỗi coi đó là điều hiển nhiên. Đừng như vậy, đó là một điều chưa từng thấy. Tại sao Đức Chúa Trời lại dùng những bức thư để truyền đạt Lời Ngài đến chúng ta, vì khi Phao-lô viết những thư này, ông không hề biết chúng sẽ nằm trong Kinh Thánh. Nhưng đến cuối Tân Ước, thư 2 Phi-e-rơ nói các thư tín của Phao-lô là thánh kinh, nên chúng đã bắt đầu được đưa vào Kinh Thánh ngay trong thời Tân Ước, nhưng Phao-lô chưa bao giờ nghĩ đến điều đó; ông chỉ viết vội một lời nhắn gửi tới Cô-rinh-tô.

Tại sao Đức Chúa Trời lại dùng những bức thư để truyền đạt Lời Ngài? Tôi tin rằng có hai lý do. Chúng ta sẽ kết thúc với hai điều này. Một là nó khiến Lời Chúa mang tính cá nhân. Thư từ mang tính cá nhân. Chúng gửi đến một địa chỉ và Lời Chúa được gửi đến chúng ta, và một bức thư truyền đạt sự giao tiếp cá nhân đó. Thư từ có thể rất cá nhân, chúng có thể chan chứa cảm xúc, chúng có thể đi từ trái tim đến trái tim, và Đức Chúa Trời muốn dùng các thư tín của Phao-lô để truyền đạt Lời Ngài

vì chúng rất cá nhân và tôn giáo của chúng ta sẽ còn mang tính cá nhân khi còn gắn với các thư tín của Phao-lô.

Một điều khác là Lời Chúa có tính thực tế, thư từ luôn nói về những điều thiết thực. Chúng liên hệ tới cuộc sống, chúng liên hệ đến đời thực, đến những nhu cầu thật - đến hôn nhân, đến chế độ nô lệ, đến con cái trong nhà, đến công việc thường ngày. Tất cả những điều này đều được nói đến trong các bức thư, và Đức Chúa Trời muốn chúng ta có Lời Ngài dưới dạng thực tế và cá nhân, để chúng ta không bao giờ sa vào triết lý, trở thành những nhà thần học hàn lâm. Có quá nhiều những trí thức hàn lâm đi nghiên cứu về đức tin Cơ Đốc và họ sống trong những tháp ngà của giảng đường đại học và bàn luận về Cơ Đốc giáo. Đó là nơi bắt nguồn tất cả những quan điểm kỳ cục mà Giám mục thành Durham đưa ra. Chúng ra từ những giảng đường. Đức Chúa Trời không muốn ban Lời Ngài dưới dạng thuyết giáo mà dưới dạng thư từ.

Hay không ạ? Có lẽ anh chị em chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Mãi đến hôm qua tôi cũng mới nghĩ ra và tự nhủ: *Thật tuyệt vời!* Vinh dự của việc nghiên cứu Kinh Thánh là chúng ta luôn thấy những điều mình chưa từng thấy. Kinh thánh vẫn tươi mới và thú vị vào lúc cuối đời hệt như thuở ban đầu. Và tôi tự nhủ: *Cảm ơn Chúa vì đã ban những bức thư để chúng con thấy lẽ thật của Ngài. Trong một bức thư, lẽ thật trở nên cá nhân và thiết thực. Đó chính là điều Ngài muốn. Ngài muốn một đức tin cá nhân và thực tế, nên Ngài không ban cho chúng con những bài thuyết giáo.* Không có lấy một bài thuyết giáo của Phao-lô trong Tân Ước, nhưng chúng ta có tất cả những thư tín này để xét đến, và lần tới, chúng ta sẽ xét đến các thư tín gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca.

THƯ RÔ-MA - Phần 1

Giới thiệu

Thư tín là một phần chỉ có trong Tân Ước, Cựu Ước *không có* thư tín nào. Phần nhiều các thư tín được viết bởi Phao-lô. Trong thời ấy, thư từ rất khó gửi đi, nhưng là một nhu cầu thiết yêu, nên nó rất đắt đỏ. Riêng những bức thư ngành khảo cổ khai quật được, đã có tới 14.000 bức. Độ dài trung bình của bức thư thời đó khoảng 18 đến 209 từ, thư khá ngắn bởi việc chuyển phát khó khăn và bưu phí cao. Nhưng thư của Phao-lô thì dài hơn thế rất nhiều. Trong di chỉ khảo cổ ghi nhận hai bức thư dài kỷ lục thời đó, thư của Cicero cũng chỉ 2.500 từ, và của Seneca viết tới 4.000 từ. Nhưng thư Phao-lô viết cho người Rô-ma những hơn 7.000 từ, là bức dài nhất trong thế giới cổ đại, nên là *một bức thư đặc biệt*. Phao-lô còn viết nhiều thư khác, nhưng trung bình vào khoảng 1.300 từ. Chúng ta chỉ có rất ít thời lượng để khám phá thư Rô-ma, nên cần nắm được những *chìa khóa* để có thể *tự đọc và hiểu* những gì sách nhắm tới, cùng những gì trước giả định để mình nhận được.

Một bức thư khác lạ

Thư Rô-ma khá lạ, có một lời chào đầu thư rất dài, nhưng lời chào kết thúc còn dài hơn nhiều. Quả là bất thường khi dành một phần dài như vậy chỉ để gửi lời chào từ những người bạn đến những người bạn. Rồi khi đọc thư, chúng ta thấy lời lẽ trong đó giống với bài giảng hơn là một bức thư. Thậm chí còn vượt khuôn khổ một bài giảng, vì xuyên suốt bức thư, chúng ta cảm thấy Phao-lô còn tranh luận với người đọc. Đó là một kiểu đối thoại, ông đã liên tục trích lời phản đối của một người chất vấn rồi phúc đáp sự phản đối đó, như cách ông đang trò chuyện. "*Chúng ta cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển được dư dật sao? Không hề như vậy!"* Vậy sách này là thế nào?

Một điểm nữa khiến *Thư Rô-ma* khác với tất cả các thư tín khác của ông, ấy là ông đang *viết cho một hội thánh mà ông chưa từng thấy*, một hội thánh không do ông thiết lập, ông không có mối liên hệ cá nhân nào. Phao-lô từng chăm sóc rất trung tín các hội thánh mình lập nên nhưng ông không can thiệp vào công việc của bất kỳ ai. Vậy ông viết bức thư dài kỷ lục cho một hội thánh không do ông mở ra và ông chưa từng thăm viếng để làm gì? Tìm ra mục đích này cũng sẽ lý giải được tại sao có quá nhiều lời chào thăm, như cách ông đang cố gắng kết thân với họ: "*Tôi biết rất nhiều người mà anh em biết."* Chương cuối cho ta cảm giác như Phao-lô đang làm như vậy.

Ông viết thư khi chưa có được mối quan hệ cá nhân nào, nhưng trong thư chỉ rõ rằng ông mong muốn làm như vậy, rằng ông thật sự có tham vọng gặp gỡ và làm quen với họ, để họ làm quen với ông. Phao-lô luôn bày tỏ ý định đến thăm họ: "*Tôi mong đến và gặp anh em."* Tại sao ông lại có tham vọng này? Tại sao ông không đợi đi thăm về rồi mới viết? Sao phải gửi một bức thư rất dài trước khi đến đó? Mà thư lại có thể khiến họ hẫng hụt khi đọc. Nhưng ông làm thế thực sự là có mục đích. T*hư Ro-ma* lại khá trí tuệ, và được trình bày như một bài giảng. Thư này nhẹ nhàng hơn những thư khác. Khi nghiên cứu *Thư Ga-la-ti*, thấy nó rất mạnh. Chỉ có một hai điểm mà ông nói hơi mạnh một chút, nên *Thư Rô-ma* rõ ràng là khá khác với những bức thư kia và không thấy có khủng hoảng nào, không có tranh cãi nào cần ông phải giải quyết. Có người nói rằng *sách không có mùi tranh chiến,* một nhận xét thú vị. Hầu hết các thư của ông đều có mùi tranh chiến, ông đang chiến đấu với một điều gì đó. Ở đây thì không có.

Vậy tại sao sách lại được viết ra? Đây có phải là một *bức thư ngỏ* mà ông muốn lưu hành? Hay đây là một *bài giảng,* một *chứng đạo đơn* được in ra? Nếu vậy thì *tại sao* ông chỉ *gửi riêng cho Rô-*

ma? Đây là câu hỏi mà chúng ta phải trăn trở để trả lời. Các học giả Kinh Thánh đưa ra hàng chục câu trả lời khác nhau. Nhưng có thể gộp chúng thành *ba nhóm*: 1. Một số nói lý do viết sách nằm *ở người viết*. 2. Một số nói lý do viết sách *nằm ở cả người viết lẫn người đọc* và ở mối quan hệ giữa họ. 3. Những người khác thì bảo lý do viết sách *chỉ nằm ở người đọc*. Ba nhóm quan điểm ấy dẫn đến *ba cách tiếp cận* Thư Rô-ma khá khác nhau. Ta sẽ xem xét cả ba. Mỗi cách tiếp cận lại có hai kiểu trả lời, nên ta sẽ có sáu kiểu. Thực sự số kiểu có thể kể nhiều gấp đôi, nhưng chỉ nên xét đến sáu kiểu chính, là những *kiểu tư duy* thật sự cần *để hiểu được bối cảnh* của bức thư Rô-ma hơi kín nghĩa này.

NGƯỜI VIẾT ~ PHAO-LÔ
KHẲNG ĐỊNH
TRANH LUẬN
NGƯỜI VIẾT & NGƯỜI ĐỌC
~ PHAO-LÔ & CÁC TÍN HỮU RÔ-MA
THỦ ĐÔ CỦA ĐẾ CHẾ
CỬA NGÕ ĐI ĐẾN PHÍA TÂY
NGƯỜI ĐỌC ~ CÁC TÍN HỮU RÔ-MA
BÊN NGOÀI ~ THÀNH PHỐ (chính trị & xã hội)
BÊN TRONG ~ HỘI THÁNH
(i) Do Thái (ii) Dân Ngoại (iii) Dân ngoại & Do Thái

Tiếp cận thư Rô-ma theo trước giả

Hãy bắt đầu với nhóm tìm lý do ở *trước giả*. Đó là vào năm 55 SCN, Phao-lô đã giảng đạo được 20 năm. Ông đã hoàn tất sứ mệnh của mình ở phía đông Địa Trung Hải. Ông đã thiết lập được *một hội thánh chiến lược* tại mỗi thành phố trọng điểm của các tỉnh cả vùng này. Ông không truyền giáotrực tiếp tới tất cả mọi người, mà ông thiết lập tại *mỗi tỉnh một hội thánh* có khả năng làm công tác truyền giáo để chủ động nhân rộng sứ mệnh. Như một Cơ Đốc nhân mẫn cán, ông có mục tiêu để hướng tới và biết khi nào thì đạt được. Mục tiêu thiết lập các hội thánh tại rìa *phía Đông* của Địa Trung Hải đã hoàn tất. Ông muốn đến *phía Tây*. Vậy là ông đang đi tiếp.

Công tác cuối cùng mà ông làm ở phía Đông là cần quyên góp một khoản tiền lớn cho người nghèo tại Giê-ru-sa-lem. Lúc này Giê-ru-sa-lem đang gặp nạn đói và họ nghèo đến cùng cực, họ rơi vào một cuộc suy thoái nghiêm trọng. Phao-lô làm công việc cứu trợ, cũng là cơ hội rèn tập các hội thánh mới lập biết chia sẻ những gì họ nghĩ tới anh em đồng đạo nơi khó khăn. Họ đã hưởng ứng hết mức việc ông khởi xướng. Chờ kết quả công việc cuối cùng này, ông có dừng ở Hy Lạp trước khi mang tiền đến Giê-ru-sa-lem. Ông mắc kẹt ở đây, có lẽ là do thời tiết xấu, phải đợi đến ba tháng. Ông đã tận dụng thời gian chờ đợi để viết bức thư dài nhất này.

Người ta vẫn tiếp tục tìm lời giải đáp về bức thư đặc biệt này, họ nghĩ: “Hay ông đang cố gắng viết sứ điệp của mình thành văn bản? *Vì ông không thể đi giảng mãi được.”* Họ nói: “Ông làm vậy *để lưu truyền nội dung Tin lành của mình đến mãi về sau*, để lâu dài người ta vẫn có thể tham khảo những gì Phao-lô đã giảng.” Suy xét này đúng, bởi sách mở đầu rằng: *“Tôi không hổ thẹn về Tin lành đâu,”* và ông liên tục nói đến *Tin lành*, ông đang khẳng định những gì mình rao giảng, như một tờ *di chúc*, những *suy tư chín chắn* của ông. Ông không biết mình còn đi truyền giáo hoặc giảng được bao

lâu nữa, và ông đang nói rằng*: "Đây là Tin lành của tôi, đây là bản tuyên ngôn của tôi,* đây là những điều tôi ủng hộ." Một bản *tóm lược giáo lý* của ông, có thể gọi như vậy.

Một khía cạnh tiếp cận khác cho rằng với thư này ông còn muốn *làm nhiều hơn thế*. Ông *ghi chép lại những lý lẽ phản đối Tin lành* mà ông gặp phải trong nhiều năm qua và *trả lời những phản đối đó*. Ngày nay người ta vẫn xuất bản những cuốn sách để trả lời những lý lẽ phản đối Đức tin Cơ Đốc và đưa ra cách trả lời chúng. Josh McDowell là một ví dụ nổi bật về một người viết hết sách này đến sách khác để trả lời những câu hỏi mà người ta đặt ra cùng những lý lẽ phản đối của họ. Nên một số người nói rằng *sách không chỉ là khẳng định về Tin lành của ông,* sách còn trình bày *những tranh luận* mà ông gặp phải khi giảng Tin lành. Phao-lô đã đối thoại khá nhiều qua các hỏi đáp, ông cũng đáp lại thấu đáo những lý lẽ phản đối mà mình nhận được. Người ta nói điều này lý giải cho *Thư Rô-ma.*

Tôi không nghĩ vậy, vì có những điểm trong *Thư Rô-ma* thật sự tiếp tục đặt câu hỏi về giả thuyết trên. Có *ba câu hỏi*:

1. Tại sao lại *chỉ gửi thư cho Rô-ma* nếu đây là bản tóm tắt tuyên ngôn của ông, Tin lành của ông, sao lại chỉ gửi cho một hội thánh, sao không gửi đi các nơi?

2. Phản đối quan trọng thứ hai: *Đây không phải là Tin lành của Phao-lô.* Rất tiếc là có nhiều Cơ Đốc nhân phạm phải sai lầm ở chỗ họ vội vàng, chưa tra xét khi nói: "Cái gì không có trong *Thư Rô-ma* thì cái đó không thuộc về Phúc âm, không phải là Tin lành." Vì thấy có rất nhiều điều không có trong *Thư* này, nhưng lại là *những sứ điệp Tin lành* mà Phao-lô rao giảng ở mọi nơi. Trong *Thư Rô-ma* này ông không nói đến nhiều chủ đề lớn: *Vương quốc, Vương quốc Đức Chúa Trời, Sự Sống lại và Sự Thăng thiên của Chúa Giê-su, Hội thánh, Lễ Tiệc thánh, Thiên đàng, Địa ngục, Sự ăn năn,* việc được *Sinh lại,* và gần như không hề nhắc đến *Đức Chúa Trời là Cha*. Có lẽ là bạn chưa từng để ý đến một sự *nhắc nhở* thường trực là: "Khi đọc hay nghe, bạn hãy luôn để ý xem tại sách đó hay ở diễn giả đó *không nói đến điều gì*. Chính *chỗ trống* này sẽ *cho ta biết nhiều điều* về trước giả và diễn giả đó." Như vậy, những chỗ trống trên đã cho chúng ta biết: *Thư Rô-ma* không phải là bản tóm tắt tất cả những lĩnh vực Phao-lô giảng, thư này không phải là *toàn bộ Tin lành theo Phao-lô*. Phao-lô viết thư này *với một mục đích khác* chứ không phải ông quên hay bỏ sót. Những người có ý xây dựng chương trình rao giảng Tin lành mà chỉ dựa hoàn toàn trên *Thư Rô-ma* thì sẽ thiếu sót, bỏ qua mất nhiều lĩnh vực.

3. Lý do thứ ba khiến tôi không thể tin rằng giả thuyết này lý giải cho *Thư Rô-ma,* ấy là nói "*Chương 9-11* không liên quan gì đến một trong hai điều trên." Bạn có biết là trong đoạn ngắn ở giữa sách, chương 9-11 khi Phao-lô bày tỏ nỗi lòng về người Do Thái và nói: "*Tôi muốn anh em biết cảm giác của tôi về họ. Tôi cam tâm xuống địa ngục nếu nhờ vậy mà họ được lên thiên đàng."* Vậy tất cả những điều này có nghĩa gì? Nó không liên quan gì đến Tin lành mà ông rao giảng ư? Và rất tiếc vì những học giả đã luôn coi chương 9-11 là một ý phụ, không phải là một phần của sách.

Nhân đây xin được kể về cơ hội tôi đã được dạy về *Thư Rô-ma* khi theo học tại Cambridge. Đó là một giáo sư Kinh Thánh lỗi lạc, John A.T. Robinson, Giám mục của quận Woolwich, Luân Đôn, tôi nợ ông rất nhiều. Vào thời của tôi, ông là một trong những giáo sư Kinh Thánh giỏi nhất nước Anh, ông được thừa hưởng từ người bác là J. Armitage Robinson, một giáo sư Kinh Thánh giỏi vào thế kỷ 19. Khi trở thành Giám mục, thì ông trở nên suy sụp, ông đã viết cuốn *"Nói thật"* và trở thành một kẻ hủy hoại đức tin khét tiếng. Cảm tạ Chúa là vào những năm cuối đời, ông trở lại trường

Cambridge, trở lại với Kinh Thánh và *tìm lại được đức tin nơi Lời Chúa*. Chình thời điểm này ông đã dạy *Thư Rô-ma* cho tôi, nhưng ông *chỉ dạy từ chương1đến chương 8*, ông nói: "Chúng ta dừng lại tại đây vì *đoạn còn lại không hẳn là một phần của thư."*

Rất lạ đúng không? Vì từ khởi đầu Phao-lô không chia thư của mình thành các chương, ông đã viết một mạch từ đầu đến cuối, không hề đứt đoạn. Ta thử để ý sự tiếp nối ở cuối Thư Rô-ma, tại *chương 8* ông đã nói: "*Không gì có thể phân rẽ chúng ta* khỏi tình yêu thương của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ Giê-su. *Không* một chiều cao, chiều sâu, các thiên sứ, các bậc cầm quyền, các thế lực, việc hiện tại, việc tương lai hoặc *bất cứ tạo vật nào có thể phân rẽ chúng ta* khỏi tình yêu thương của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ Giê-su. Nhưng *còn người Do Thái, Chúa có bỏ họ không? - Không..."* Có thấy *sự tiếp nối* không ạ? *Chương 11* kết thúc với sự tán dương ngợi khen *lòng thương xót* của Đức Chúa Trời. Rồi ngay sau đó, trong *chương 12*, ông nói "*Bởi sự thương xót* của Đức Chúa Trời, tôi nài xin anh em."

Việc chia chương thực sự gây tổn hại đến sự nhất quán của Lời Đức Chúa Trời. Phao-lô không chia bức thư của mình ra thành các chương, ông đã viết liền mạch, và *trong sách có sự tiếp nối* rõ rệt mà giả thuyết này không để ý đến. Họ nói rằng *Rô-ma 1-8 là Phúc âm, chương 9-11 chỉ là ý phụ* mà ông cho thêm vào. Không phải vậy, thực chất thì chính *hai chương đó là chìa khóa* mở ra cả Thư Rô-ma.

Tiếp cận Thư Rô-ma theo mối quan hệ giữa người viết và người đọc

Giả thuyết này bắt đầu từ *mối quan hệ giữa người viết và người đọc, giữa Phao-lô và Rô-ma,* cho rằng nhất định phải có một lý do nào đó khiến Phao-lô gửi cả một bức thư dài cho Rô-ma. Rô-ma có gì đặc biệt để khiến Phao-lô viết nên bức thư này? Tại sao ông lại viết thư trước khi đến đó? Hai giả thuyết được đưa ra: Trước hết, đó là thủ đô của Đế quốc La Mã, và Phao-lô luôn muốn thiết lập hội thánh tại *một thành phố chiến lược*. Phao-lô muốn góp phần vào hội thánh thuộc thủ đô của đế quốc dân ngoại. Nên việc ông muốn đến đó và muốn giúp hội thánh Rô-ma, là một điều hoàn toàn dễ hiểu.

Mọi con đường đều dẫn đến Rô-ma. Vào thời xưa, người ta dùng những cột điện báo, các đường dây điện thoại đều giăng trên dãy cột đó. Ở nước Anh, các đường giây đều quay về hướng Luân Đôn. Cũng như vậy, "mọi con đường đều dẫn đến Rô-ma," và mọi con đường mà Phao-lô đã đi, nếu cứ nhắm hướng đó, thì sớm muộn gì ông cũng đến Rô-ma. Rõ ràng là nó ở trong lòng ông. "Mình muốn đến thủ đô chiến lược đó, bước vào thủ phủ và *thật sự giúp họ thiết lập công việc*."

Chắc chắn là có chút sự thật trong này, tức là ông đang viết thư giới thiệu mình với họ, tự kể về mình để họ có thể làm quen với ông. Phao-lô không viết để tâng bốc bản thân mà có ý phân trần. Vì ông biết đã có lời đồn đại rằng ông là một tay giảng đạo tai tiếng, có nhiều lần ông đã thấy người ta phản ứng: "Ông nói vậy khiến chúng tôi phải suy nghĩ đấy!" Nên ông muốn họ thấy ông không phải một tay giảng đạo tai tiếng, Tin lành mà ông rao giảng là thế này đây, và ông đang gửi một bài giảng mẫu cho họ. Đó là một giả thiết thú vị, nhưng tôi không nghĩ là nó phù hợp với thực tế.

Giả thiết sau có thể đưa chúng ta đến gần hơn với sự thật. Rô-ma, với Phao-lô thì đây sẽ *là cửa ngõ để vào phía Tây* Địa Trung Hải, vào Tây Ban Nha. Sau khi đã hoàn tất sứ mệnh ở nửa phía Đông, trên đường sang phía Tây, ông cảm thấy: "*Mình phải có một trụ sở mới gần với cánh đồng hơn."* Chúng ta đã thấy các trụ sở của ông: *Giê-ru-sa-lem* rồi *An-ti-ốt*, cái thứ hai này thì còn xa Tây Ban

Nha quá, nên ông đang tìm một trụ sở mới, ông coi Rô-ma là cửa ngõ để vào phía tây, và chỉ định đến thăm họ. Ông nói: "Tôi không định ở lại với anh em, tôi chỉ định đến thăm và sau đó nhờ anh em đưa tôi đến Tây Ban Nha." Vậy đây có phải là lý do khiến ông viết *Thư Rô-ma* không? Để lập một trụ sở mới cho nửa phía Tây của Địa Trung Hải? Có thể, ông đang tìm sự ủng hộ và tin tưởng của họ. Nhưng điều này vẫn *chưa lý giải* cho những gì ông viết trong thư.

Hãy tiến xa thêm chút nữa. Có hai lập luận: 1. Có thể có một phần sự thật trong giả thiết trên, nhưng đó không phải là toàn bộ sự thật. Cả hai giả thiết đều cho rằng *Phao-lô đang cố gắng lấy một thứ gì đó từ người đọc về cho mình*. Nhưng sự thực là ông muốn cho họ, chứ không muốn lấy gì từ họ. Ông nói: "*Tôi muốn phục vụ anh em, tôi muốn đến và chia sẻ với anh em một ân tứ khác.*" 2. Những lý giải trên vẫn không giải thích được những điều *khang khác ở giữa*, như *chương 9 đến 11*, khi ông nói về Y-sơ-ra-ên quá nhiều. Tại sao ông phải đề cập đến điều đó nếu ông chỉ muốn họ hỗ trợ cho công tác truyền giáo đến phía Tây?

Ba chương từ 9 đến 11 là vấn đề với tất cả những giả thuyết này, nhưng nó lại trở thành *chìa khóa cho giả thuyết* phía dưới, *phần quan trọng nhất trong thư* như chúng ta sẽ thấy. Những giả thuyết này cũng không giải thích được các *chương từ 12 đến 16* là những chương rất cặn kẽ về cách sống theo Đấng Christ, mà chúng chỉ đề cập đến bốn hoặc năm vấn đề không quen thuộc lắm. Sao Phao-lô *không nói chung chung về đạo đức và hành vi Cơ Đốc*, mà ông lại chỉ chọn ra *bốn năm vấn đề thực tế đặc biệt* như vậy? Những rối rắm này có thể làm tâm trí ta bối rối. Nhưng nó sẽ được giải tỏa khi đứng vào góc nhìn của người đọc.

Tiếp cận Thư Rô-ma theo góc nhìn của người đọc

Nói cách khác là *Rô-ma có nhu cầu gì khiến ông phải viết thư này?* Không phải là Phao-lô mong đợi kết quả gì, mà là *Rô-ma đang ở trong hoàn cảnh nào mới cần đến tất cả những điều Phao-lô nói*. Đó là *chìa khóa để mở sách* ra. Vậy nó đang trong hoàn cảnh nào, *cả hoàn cảnh bên ngoài lẫn bên trong*.

1. Thành *Rô-ma là hoàn cảnh bên ngoài* và tình huống, sự việc xuất hiện trong thư hết lần này đến lần khác. Nếu đọc *Rô-ma 1* thì bạn sẽ thấy chương đó như một tờ báo Chủ nhật xuất bản tại thành Rô-ma, cho biết tất cả những gì đang xảy ra. Tại sao Kinh Thánh lại có cả một phân đoạn đề cập đến tình trạng đồng tính luyến ái ở cả nam lẫn nữ. Vì Rô-ma là một điểm nóng của tình trạng này, đến mức trong số 15 Hoàng đế La Mã thì có 14 vị đồng tính. Hoàng đế mà còn như vậy thì triều thần sẽ thế nào, cả kinh đô sẽ thế nào? Ông đề cập đến sự bùng nổ của hành vi chống đối xã hội, con cái không vâng lời cha mẹ, dân chúng coi thường luật pháp và tôn ti trật tự, nạn bạo lực và phạm tội không kiểm soát.

Đó là bức tranh rõ nét về kinh đô của một đế quốc cổ đại, một bức tranh rất khó ưa nhìn. Những vấn đề nảy sinh phản ánh rất rõ bối cảnh chính trị và xã hội tại đó, chẳng hạn như tất cả mọi người đều trốn thuế, thuế thân hay thuế đầu người. T*huế thân* cũng là thứ không có gì lạ ở thời đó. Bạn có nhận ra rằng nếu không có thuế thân thì Chúa Giê-su sẽ không được công nhận sinh ra tại Bết-lê-hem không? Nhưng người ta phải chật vật thu loại thuế này vì mọi người đều tìm cách khai man để được miễn thuế, nên *Rô-ma 13* mới nói: "Anh chị em là Cơ Đốc nhân, *hãy nộp thuế."* Sách thật sự phản ánh bối cảnh chính trị và xã hội của thành Rô-ma vào thời điểm đó, nên Phao-lô đang cố gắng đáp ứng, giúp họ nhận ra bối cảnh này. Ông đang phục vụ họ trước khi đến đó, và ông cũng cố gắng làm từ xa vì ông không chắc mình có đến đó được không. Ông lại còn biết là mình có thể sắp bị bắt và

phải hầu tòa. Ông được Đức Thánh Linh đã bày tỏ cho tất cả, làm ông suy nghĩ về khả năng liệu mình có thể đến giảng tại Rô-ma không, nên ông mới nảy ý "*Được rồi, mình sẽ giảng trước khi đến đó.*" Ông đặt mình trong thực tiễn của thành Rô-ma đầy trụy lạc, tội lỗi và phóng túng này để tư vấn cho họ bằng những lời thích hợp. Ông nói: "*Tin lành là câu trả lời cho hoàn cảnh này.*" Ông nhấn mạnh: "*Tôi không hổ thẹn về Tin lành đâu.*"

Nhiều năm trước, năm 1947 tôi đến Rô-ma, lúc đó tôi 17 tuổi. Tôi đã dành ra một ngày tự khám phá thành phố, quyết định đi bộ mấy cây số đường Appian, qua những hầm mộ mà những Cơ Đốc nhân thời đầu phải thờ phượng Chúa dưới lòng đất. Rồi ngược trở lại thành theo đường đồi, đến đỉnh cao để thấy từ xa cả thành Rô-ma rộng lớn. Rồi nhìn xuống những viên đá lát đường màu xám dưới chân mình, là những viên đá từ thời Phao-lô đến, con đường Appian vẫn còn đó. Con đường đó chỉ rộng khoảng ba mét và tôi nghĩ đến việc ông bị xiềng, hai bên là hai tên lính La Mã giải ông đi lên con đường đó. Trong lòng tôi cất lên câu hỏi hỏi: "Phao-lô ơi, khi ông lên đến ngọn đồi này, thấy kinh đô rộng lớn này, thấy tất cả những tòa nhà, những quảng trường rồi đấu trường La Mã,…trước những thứ đó, *ông đã nghĩ gì?*"

Ngay lập tức, trong đầu tôi hiện ra câu nói của ông: *"Tôi không hổ thẹn về Tin lành đâu.* Đây là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi người tin." Và tôi cảm nhận được ấn tượng của ông trước sức mạnh quá lớn của Rô-ma, nhưng ông đủ đức tin để nghĩ được ngay rằng: "*Mình sẽ không sợ hãi, mình sẽ không hổ thẹn, trong mình có chất nổ để phá tan điều này và hành quân vào thành Rô-ma với Tin lành mang trong lòng.*" Vâng, tôi nghĩ là *ông gửi thư đi trước vì cớ Rô-ma*. Thông điệp ông gửi gắm trong đó là: "*Đừng để biển tràn vào xuồng cứu sinh.*" Xuồng cứu sinh phải ra biển, nhưng nếu biển tràn vào xuồng thì rắc rối to. Hội thánh phải ở trong thế gian, nhưng nếu thế gian tràn vào hội thánh thì hội thánh sẽ chìm và chẳng thể cứu ai được. Thật sự là có sợi chỉ xuyên suốt *Thư Rô-ma* nhằm phục vụ những Cơ Đốc nhân phải sống trong thành phố đầy trụy lạc, tội lỗi và bạo lực. Đó cũng là thông điệp dành cho chúng ta, nhưng tôi *không nghĩ* chúng ta đã chạm được đến trọng tâm của sách.

2. Lý do khiến ông viết thư nằm ở *nội bộ hội thánh.* Nó không phải ở tình trạng của thành Rô-ma như thấy ở trên đây, mà là *ở tình trạng của hội thánh*. Chúng ta biết lịch sử của hội thánh Rô-ma đủ để xác tín vấn đề. Có một cơn khủng hoảng, có một vấn đề. Vấn đề là chúng ta *không biết ai đã lập nên hội thánh tại Rô-ma*. Nhưng rõ ràng là có những người Rô-ma đến Giê-ru-sa-lem vào ngày lễ Ngũ tuần, Kinh Thánh chép là có *"du khách từ Rô-ma đến."* Và không nghi ngờ gì nữa, *có một số người Rô-ma được cải đạo* vào hôm đó trong số 3000 người nhận báp-têm. Chắc hẳn *họ là những người đầu tiên đem Tin lành trở lại quê nhà tại Rô-ma.* Vì có một khu kiều dân, chỉ là một khu ổ chuột lớn chứa 40.000 người Do Thái sống tại Rô-ma vào thời đó. Đó là trong số những người Do Thái bị tản lạc khắp Địa Trung Hải, và có 40.000 người trôi dạt đến thành này. Không nghi ngờ gì nữa, *hội thánh Rô-ma đầu tiên là hội thánh Do Thái*, và khởi đầu từ khu ổ chuột này, với những tín đồ Hê-bơ-rơ tin vào Chúa Giê-su, được đầy dẫy Thánh Linh.

Như vậy là *ở giai đoạn đầu*, hội thánh đó gồm toàn người Do Thái. Hội thánh tăng trưởng và lớn mạnh nhờ sự truyền giáo giữa vòng những thương nhân và lái buôn Do Thái thường xuyên ra vào thành. Sau đó có một vị Hoàng đế tên là Cơ-lốt (Claudius), *Cơ-lốt là người bài Do Thái.* Ông ta theo dõi dân này, sẵn sàng lấy cớ để đuổi họ khỏi Rô-ma. Rồi đã xảy ra sự náo loạn tại khu ổ chuột này giữa những người Do Thái và những người theo Crestus-Christus. Đó cũng là những gì xảy ra ở tất cả mọi nơi Phao-lô đến. Lúc bấy giờ người Do Thái là kẻ thù thật sự của Tin lành, nên lúc này cuộc

bạo loạn tại khu ổ chuột đúng là cái cớ cho Cơ-lết, nhà vua nói: "*Ra hết, bọn Do Thái các ngươi phải ra hết, các ngươi không sống yên ổn với nhau được thì ta sẽ không cho các ngươi ở Rô-ma nữa,"* 40.000 người Do Thái đã bị đuổi đi, phải rời Rô-ma. Trong số họ có cặp vợ chồng A-qui-la và Pê-rít-sin. *Công Vụ 18* chép rằng Phao-lô gặp A-qui-la và Pê-rít-sin tại Cô-rinh-tô, nên tất cả những chi tiết này đều khớp với nhau.

Đến thời điểm này, hội thánh Cơ Đốc tại Rô-ma đã có một vài người ngoại. Đột nhiên hội thánh tại Rô-ma bị thu hẹp lại, từ một hội thánh Do Thái lớn thành một hội thánh người ngoại nhỏ. Nhưng rồi hội thánh tăng trưởng, số ít người ngoại này đã truyền giáo cho người ngoại, đó *không còn là một hội thánh toàn người Do Thái tại Rô-ma nữa*, mà là một hội thánh hầu như toàn người ngoại. Rồi Cơ-lốt băng hà, Hoàng đế kế vị nói: "*Dân Do Thái các ngươi có thể trở lại, các ngươi làm lợi cho việc kinh doanh,"* đúng là như vậy. Ông ta không phải vị vua cuối cùng mời người Do Thái vào để cải thiện tình hình kinh tế. Thế là toàn bộ người Do Thái lại ùa về, trong đó có cả những tín đồ. Nhưng giờ đây, người ngoại đang vận hành hội thánh, các tín đồ Do Thái trở lại không được chào đón lắm. Xung đột tái diễn, vì nó đã xảy ra từ trước. Từ đó đến nay vẫn vậy, e rằng nó vẫn sẽ tiếp tục. Người ta phải cố gắng hòa nhập, nhưng không dễ để tái hòa nhập vào một mối thông công, đúng không?

Sự căng thẳng giữa các tín đồ người Do Thái và người ngoại trong hội thánh *là chìa khóa để mở ra hay khám phá Thư Rô-ma*. Mọi điều Phao-lô nói là để hai nhóm người đó trở lại hiệp thông với nhau, từ đầu tới cuối thư, gần như đều nhằm giải quyết tình trạng này. Ông *nói về tội lỗi trước*: "Anh chị em ạ, dân ngoại là tội nhân, dân Do Thái là tội nhân. Anh chị em bình đẳng với nhau hết, đều là tội nhân trước Chúa. Dân Do Thái không hơn gì dân ngoại, dân ngoại không hơn gì dân Do Thái, *anh chị em đều là tội nhân* cả." Rồi chuyển sang vấn đề *được xưng công chính*, cách để làm hòa với Đức Chúa Trời, ông nói: "Tất cả chúng ta *đều được xưng công chính bởi đức tin*, dù chúng ta có là dân Do Thái hay dân ngoại." Từ đầu đến cuối thư, ông luôn nói: "*Dân Do Thái và dân ngoại đều như nhau*. Chúng ta đều là tội nhân như nhau, chúng ta cần được cứu theo cách giống nhau, chúng ta đang hướng tới cùng một thiên đàng, chúng ta được cứu bởi cùng một dòng huyết, sao anh chị em lại tranh luận xem dân nào quan trọng hơn, dân nào ở đây trước, dân nào quan trọng hơn dân nào trong mắt Chúa?"

Kế tiếp trong hai *chương 6-7*, ông đề cập đến hai vấn đề đặc biệt mà dân ngoại và dân Do Thái gặp phải với Tin lành: *chủ nghĩa luật pháp và sự phóng túng*. Dân ngoại có xu hướng phóng túng và dân Do Thái có xu hướng sa vào chủ nghĩa luật pháp. Ở chương 6 ông bảo họ: "Anh chị em không nhận ra rằng khi được báp-têm tức là anh chị em đã đoạn tuyệt với tội lỗi và nó không còn cai trị anh chị em nữa sao?" Nhưng ở chương 7, ông đề cập đến *chủ nghĩa luật pháp* và ông nói về *quá khứ của chính mình*. Ông nói: "Tôi đã cố gắng vâng giữ luật, nhưng không thể giữ được điều răn thứ mười về sự tham muốn. Anh chị em không tài nào giữ nổi luật pháp đâu." Vậy là ông đề cập đến *sự phóng túng* của dân ngoại và chủ nghĩa luật pháp của dân Do Thái. Rồi trong chương 8 ông nói: "Giờ đây tôi sẽ nói về *sự tự do của Thánh Linh."*

Ba chương này ông nói như ở *Thư Ga-la-ti*, nhưng lúc này là đề cập đến dân Do Thái và dân ngoại. Ông nói: "Cả hai đều có vấn đề, cả hai đều là tội nhân, cả hai đều được xưng công chính bởi đức tin và cả hai đều có vấn đề với Tin lành. Dân ngoại các anh thì sa vào thói phóng túng: *"Chúng ta cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển được dư dật sao?"* Dân Do Thái thì quay lại với chủ nghĩa luật pháp. Ông nói: "Có thể anh chị em làm nô lệ cho luật pháp Đức Chúa Trời trong tâm trí mình, nhưng anh chị em lại thấy một luật khác trong chi thể mình làm nô lệ cho luật của tội lỗi; và cuối cùng anh chị em phải nói rằng: "Vì tôi không làm điều thiện mình muốn, mà lại làm điều ác mình không

muốn." Chủ nghĩa luật pháp sẽ đưa anh chị em đến chỗ đó - tột cùng của thất vọng và tuyệt vọng: *"Khốn nạn cho tôi!"* Điều chúng ta cần *là sự tự do của Thánh Linh,* điều hiệp nhất dân Do Thái và dân ngoại.

Chương 9-11 là phần chủ yếu của cả bức thư. Dân ngoại, và phần lớn các hội thánh tại Anh Quốc cũng vậy, có xu hướng nghĩ thế này: "*Chúng ta là Y-sơ-ra-ên mới*, chúng ta đã thay thế dân Do Thái. Họ đã nằm ngoài mục đích của Chúa, còn chúng ta ở trong đó." Toàn bộ hai chương này nhằm giải quyết căng thẳng giữa dân Do Thái và dân ngoại. Ngày nay vẫn cần giải quyết vấn đề này, *Chương 9-11* vẫn phải được giảng ra vì các hội thánh Anh Quốc đang sa vào cái gọi là *"thần học thay thế" (Replacement theology)*, cho rằng: Chúa đã phủi tay với dân Do Thái và *Hội thánh là Y-sơ-ra-ên ngày nay*. Không đúng, cái tên *Y-sơ-ra-ên không bao giờ được gán cho Hội thánh trong Tân Ước*. Phao-lô đã phải nói: "Anh chị em cho rằng Chúa đã đoạn tuyệt người Do Thái chỉ vì họ từ bỏ Ngài sao? Anh chị em nghĩ là Ngài đã từ bỏ họ sao? *Chẳng hề như vậy!"*

Cả phần này trở thành *chìa khóa mở ra cuốn sách* và *chìa khóa mở ra mối quan hệ giữa dân ngoại và dân Do Thái*. Ông nói: "Anh chị em dân ngoại đừng tự hào vì dân Do Thái bị cắt đi còn anh chị em được ghép vào; anh chị em cũng sẽ bị cắt bỏ nếu không giữ mình trong sự nhân từ Chúa." Thế là nói rất mạnh. Cơ Đốc nhân ạ, anh chị em cũng sẽ bị cắt bỏ nếu không giữ mình trong sự nhân từ Chúa, nên đừng huênh hoang với dân Do Thái. Ông nói: "Để tôi cho anh chị em biết bí mật quan trọng này: *Đến một ngày, cả Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu*, họ sẽ được đưa trở lại, cả người Do Thái và người ngoại sẽ là một cây ô-liu cho Chúa."

Bạn đã thấy những chương này *trở thành chìa khóa* để mở ra mọi thứ như thế nào chưa? Tất cả đều liên quan đến vấn đề *nội bộ hội thánh* là: *người Do Thái bị đuổi đi, người ngoại bước vào, và giờ đây hai nhóm người này không thể hòa hợp với nhau*. Dân nào cũng nói rằng chúng tôi tốt hơn các anh. Người Do Thái nói rằng "chúng tôi vào trước," còn người ngoại nói rằng: "À, nhưng các anh đã bị cắt bỏ và chúng tôi đã thế chỗ các anh." Nhưng Phao-lô nói: "*Không, không, không."*

THƯ RÔ-MA - Phần 2

Tóm tắt phần 1

Tôi chưa thực sự nói hết ý của phần trước, phần muốn để mọi người thấy hoàn cảnh nội bộ của hội thánh tại Rô-ma, *sự căng thẳng* giữa người Do Thái và người ngoại *thực sự là chìa khóa* mở ra cả bức thư, và Phao-lô đang xử lý điều đó trong mọi trang thư. Ông đã dùng đủ kiểu giáo lý và tư tưởng để xử lý nó, về cơ bản là ông đang *gỡ bỏ sự căng thẳng giữa người Do Thái và người ngoại*. Trong Cựu Ước thì sự căng thẳng này *là một bức tường ngăn cách cực dày*. Tại đền thờ người ta dựng hàng rào chắn lớn giữa hành lang dân ngoại và các hành lang khác, trên hàng rào gắn biển *"Cấm dân ngoại."* Phao-lô từng bị bắt vì bị vu cho tội đưa một người ngoại qua hàng rào chắn đó. Thực là ông *không tận tay* dắt người ngoại nào vượt qua rào chắn cả, nhưng *xét về mặt thuộc linh* thì ông làm việc đó đã 20 năm rồi.

Trong *Ê-phê-sô 2,* ông đã nói rằng "*bức tường ngăn cách nay đã bị phá đổ,"* dân Do Thái và dân ngoại cùng đến nơi Thánh. Đây là điều ông vẫn rao giảng, nhưng cuối cùng, người ta vẫn vu cho ông tội trực tiếp làm điều vi phạm trong đền thờ. Đó là khi ông bị bắt trong cuộc dấy loạn tại Giê-ru-sa-lem. Nên vấn đề này chạm đến một điểm rất nhạy cảm trong lòng Phao-lô: quan hệ giữa người Do Thái và người ngoại tại Rô-ma. Cả hai đều tin theo Chúa Giê-su nhưng lại có căng thẳng với nhau. Nên ông nói: "Anh chị em đều là tội nhân, anh chị em đều được xưng công chính bởi đức tin dù là dân Do Thái hay dân ngoại, *anh chị em đều là con cháu Áp-ra-ham bởi đức tin*. Không có gì khác biệt giữa anh chị em."

Rồi ông nói: "Anh chị em người ngoại chớ phóng túng, anh chị em người Do Thái chớ chăm chăm giữ luật." Và *chương 8* nói rằng: "Hãy bước vào *sự tự do của Thánh Linh*." Rồi *chương 9-11*, ông nói về lịch sử dân Do Thái, quá khứ, hiện tại và tương lai của họ, ông nói: "Tôi sẽ nói cho anh chị em một bí mật, rằng *đến một ngày, họ đều sẽ trở lại*." Một bí mật tuyệt vời. Tất nhiên, *tất cả những gì họ cần làm là nhìn biết Chúa Giê-su* và khi họ nhìn biết Ngài, cả dân tộc này sẽ nhận ra sai lầm nghiêm trọng mà họ đã gây ra từ hàng trăm năm trước.

Chương 12-16

Sang đến *phần thực tế* của *Thư Rô-ma*, trong các chương 12 đến 16 ông cũng chỉ xử lý những vấn đề sẽ gây căng thẳng giữa các tín đồ Do Thái và người ngoại. Vậy dạng *vấn đề nào* sẽ gây căng thẳng đây?

1. Điều hiển nhiên đầu tiên là *vấn đề đồ ăn, chế độ ăn*. Vì người Do Thái quá khắt khe về chế độ ăn đến nỗi ông nhắc đến những của cúng thần tượng. Những đồ ăn mà tín đồ Do Thái cảm thấy họ không thể động đến, còn người ngoại thì dường như chẳng có vấn đề gì.

2. Rồi ông xử lý vấn đề *dành ra một ngày đặc biệt mỗi tuần*. Các tín đồ *người ngoại không giữ ngày Chủ nhật*. Gần đây có quá nhiều tư tưởng ngớ ngẩn về việc giữ ngày Chủ nhật. C*hủ nhật không phải là một ngày sa-bát*, mà chúng ta thờ phượng Chúa vào Chủ nhật vì *đó là ngày thứ tám của công cuộc sáng tạo*. Đó là ngày đầu tiên trong tuần thứ hai của công cuộc sáng tạo, và *Chủ nhật là ngày đầu tiên trong tuần làm việc của Chúa*. Làm như vậy không phải để nhớ đến sự nghỉ ngơi của Ngài, nếu không thì chúng ta đã thờ phượng vào thứ bảy rồi.

Chúng ta đang *ăn mừng rằng Chúa đã trở lại làm việc*, là điều Ngài đã làm trong Chúa nhật Phục sinh. Ngài đã bắt đầu tái tạo toàn bộ vũ trụ, nhưng lần này là ngược lại. Sáu ngày đầu tiên của công cuộc sáng tạo ban đầu, Ngài đã tạo dựng các từng trời, đất và muôn vật trước, *còn loài người Ngài tạo sau cùng*. Còn giờ đây *Ngài đang dựng nên những con người mới trước,* và trời mới, đất mới sẽ tới sau. Hiện chúng ta *đang bước vào tuần thứ hai của công cuộc sáng tạo*, nên Halleluja! *Chủ nhật sẽ là ngày bận rộn nhất trong tuần* của mọi Cơ Đốc nhân, *chứ không phải là ngày nghỉ,* bạn sẽ sớm nhận ra là như vậy. Đó là ngày bận rộn nhất với Chúa. Thêm nhiều người trở thành tạo vật mới trong Đấng Christ vào Chủ nhật hơn mọi ngày khác trong tuần. Đức Thánh Linh tuôn đổ vào Chủ nhật. Vậy là *Chủ nhật là ngày lễ ăn mừng của Cơ Đốc nhân*. Đó *hoàn toàn không phải một ngày nghỉ của hội thánh thời đầu.*

Trong 300 năm, Cơ Đốc nhân không thể thờ phượng vào 11 giờ trưa và 6:30 tối như quy định bất di bất dịch của *"Luật của người Mê-đi và Ba Tư."* Họ phải thờ phượng từ sớm tinh mơ vào 4-5 giờ sáng, và vào 9-10 giờ đêm. Vì các *tín đồ Do Thái* thì chỉ có một ngày nghỉ là *Thứ Bảy*. Các *tín đồ người ngoại* thì được nghỉ theo luật La Mã, tức là 10 ngày một lần, chứ không phải 7 ngày một lần. Còn dân nô lệ thì *không hề có ngày nghỉ*. Mà hầu hết các Cơ Đốc nhân thời đầu *đều là nô lệ,* nên họ đã *không thể giữ ngày Chủ nhật trong suốt 300 năm*. Trong một hội thánh gồm cả tín đồ Do Thái và tín đồ người ngoại như vậy, thì căng thẳng đó ắt nảy sinh. Phao-lô nói rằng: "Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào anh chị em thôi. Anh chị em có làm gì thì hãy làm cho Chúa. Nếu một người trong anh chị em muốn giữ ngày đặc biệt nào đó cũng tốt thôi, hãy để người đó làm như vậy cho Chúa, còn nếu những anh chị em khác muốn coi mọi ngày đều là ngày của Chúa cũng tốt thôi, *anh chị em được tự do làm* điều đó. *Đừng có phán xét nhau."* Hiểu không ạ? *"Nhưng hãy để mọi người tin chắc ở trí mình."*

Có những vấn đề như thế này mà ngày nay chúng ta cũng phải đối mặt, và chúng ta cần linh hoạt giống như vậy để không đòi hỏi lẫn nhau. Đức Chúa Trời dẫn dắt chúng ta làm một điều gì đó, nhưng như vậy không nghĩa là chúng ta bảo mọi người phải nhất nhất làm theo ta. Chỉ khi điều đó nằm trong Kinh Thánh dành cho mọi tín đồ thì bạn mới có thể đòi hỏi những người khác làm theo. Nhưng có nhiều lĩnh vực mà chúng ta đặt ra những quy tắc riêng không nằm trong Kinh Thánh. Vậy nên chúng ta phải học cách sống cùng nhau.

Như vậy là Phao-lô luôn luôn xử lý những căng thẳng này, ngay cả ở cuối thư, ông cũng vẫn làm như vậy. Ngày càng có nhiều *hội thánh Do Thái* được mở ra, bạn có biết điều này không? Hiện đang có một Liên Hữu Mê-si-a ở Luân Đôn và Chúa chúc phước cho họ, họ đến với tôi và nói: "Ngài có thể làm Trưởng lão của chúng tôi được không?" Tôi nói: "Tôi thấy rất vinh dự khi quý vị mời một người ngoại làm trưởng lão cho một hội chúng Do Thái. Tôi không thể hoàn thành trách nhiệm này vì đang có các chức vụ hiện tại. Nhưng cảm ơn quý vị đã mời tôi. *Sao quý vị lại mời tôi vậy?"* Và họ trả lời: "*Chúng tôi không muốn hội chúng chỉ toàn người Do Thái,"* điều đó thật tuyệt. Nhưng họ sẽ thờ phượng vào ngày thứ bảy, không sao cả, không có luật nào bắt họ phải thờ phượng vào Chủ nhật, không có luật nào bắt chúng ta như vậy. Đó là ngày để nghỉ ngơi.

Hoàng đế Constantine, khi trở thành Cơ Đốc nhân, ông đã thiết lập Cơ Đốc giáo. Tôi nghĩ đó là điều tệ hại nhất từng xảy ra với Cơ Đốc nhân. Một số người nghĩ rằng đó là điều tuyệt vời nhất, nhưng bỗng dưng mọi người phải làm Cơ Đốc nhân và mọi hàng quán phải đóng cửa vào Chủ nhật, và Chủ nhật phải là ngày nghỉ để Cơ Đốc nhân được ngủ nướng. Nếu chúng ta quay lại thờ phượng vào 4 giờ sáng và 10 giờ đêm thì chúng ta sẽ sớm biết ai là Cơ Đốc nhân thật. Như vậy sẽ nhanh chóng phân

loại được các Cơ Đốc nhân Chủ nhật. Nên ta thấy từ đầu đến cuối thư, Phao-lô đang nói cùng một nhóm tín đồ tại thành Rô-ma đang cố gắng sống cho Đấng Christ giữa những hoàn cảnh xã hội rất tệ cùng với căng thẳng nội bộ giữa các tín đồ Do Thái và người ngoại. Nếu đọc *Thư Rô-ma* với ý đó trong đầu thì chúng ta sẽ nhận ra rằng mình *đã tìm ra chìa khóa.*

Những từ khóa trong thư Rô-ma

TỪ CHÌA KHÓA: ĐỨC CHÚA TRỜI (153x)
LUẬT PHÁP (72x)
CHRIST (65x)
TỘI LỖI (48x)
CHÚA (43x)
ĐỨC TIN (40x)

Bước vào *Thư Rô-ma* từ một số đầu mối, đó là *một số từ khóa.*

1. Từ *"Đức Chúa Trời"* là từ khóa đầu tiên. Có thể bạn lại không để ý đến điều này, thật đáng buồn khi chúng ta không để ý đến từ *Đức Chúa Trời* khi đọc Kinh Thánh. Thật lạ phải không? Nhưng thực sự chúng ta đã bỏ qua từ đó chỉ vì chúng ta quá quen với nó. Trong sách này từ đó xuất hiện nhiều hơn mọi từ khác, *153 lần* tức là cứ 46 câu lại có một từ. Nếu thích tính toán thì bạn có thể tính thử xem. Nhưng đó *là chìa khóa*: sách này nói về Đức Chúa Trời. "Anh chị em là dân của *Đức Chúa Trời*. Anh chị em người Do Thái hay người ngoại đều là dân của *Đức Chúa Trời* và chính *Đức Chúa Trời* là trung tâm và trọng tâm của hội thánh anh chị em." Khi bạn gộp chung hai từ *Đấng Christ* và *Chúa* thì đây là hai từ được lặp lại nhiều thứ hai, tuy tôi sắp xếp thế này: "Đấng Christ" 65 lần, "Chúa" 43 lần, cộng lại là 108 lần, thực chất thì đó là tổng số lần hai từ xuất hiện.

2. Từ *"Luật"* hay *"Luật pháp"* là từ xuất hiện nhiều tiếp theo. Đôi khi chìa khóa để mở ra một sách trong Kinh Thánh là *tần suất xuất hiện của một từ*, nó cho bạn thấy điểm nhấn. Đôi khi nó có thể gây hiểu lầm, nhưng thường thì nó là một chỉ dẫn tốt. Ông bàn về luật pháp nhiều hơn là vì người Do Thái đã quay lại mang theo *chủ nghĩa luật pháp* của họ, nên ông phải ngăn tư tưởng đó quay trở lại và chi phối hội thánh. Không thành vấn đề nếu một *liên hữu* toàn người Do Thái giữ ngày Sa-bát và chế độ ăn kosher. Nhưng đây đã trở thành một liên hữu người ngoại có nhiều người Do Thái đang quay lại. Họ phải cẩn thận với những gì mình làm với luật pháp, e họ lại cố biến người ngoại thành người Do Thái.

3. *Tội lỗi*. Bạn biết đấy, có câu chuyện kinh điển về một người giảng đạo mới đến và có người đến nghe ông ta giảng. Khi người giảng đạo đi khỏi, thì người ta hỏi nhau: "Ông ấy giảng *về cái gì thế?"*, - "Ông giảng *về tội lỗi,"* - "Ông *nói gì về nó* vậy?," - "Ồ, ông *chống lại nó."* Chúng ta cũng nên như vậy. *Phao-lô chống lại tội lỗi,* và từ này liên tục xuất hiện từ đầu tới cuối sách. Ông không chỉ nói đến *tội lỗi ngoài kia* tại thành Rô-ma, ông đang nói đến *tội lỗi trong này*, giữa vòng các tín đồ. Ông nói rằng: "Dù là ở đâu thì *Chúa vẫn chống lại tội lỗi,* dù là giữa vòng tín đồ hay những người vô tín. Ngài sẽ phán xét nó và chúng ta cần nhận biết điều này." Đó là: *Cơ Đốc nhân được xưng công chính bởi đức tin, nhưng họ sẽ bị phán xét bởi việc làm vì việc làm là bông trái của đức tin.* Nên tội lỗi giữa vòng Cơ Đốc nhân là một vấn đề quan trọng, rất quan trọng. Nên *tội lỗi* là một khái niệm chìa khóa, dù rằng ông đang nói cùng Cơ Đốc nhân.

4. *Đức tin*. Đức tin được nhắc đến 40 lần, chính đức tin đã hiệp nhất họ. Trước đây họ hiệp nhất trong tội lỗi, *giờ đây họ hiệp nhất trong đức tin*. Họ đều là *con cháu của Áp-ra-ham qua đức tin.*

5. *Sự công chính*, đặc biệt là *Sự công chính của Đức Chúa Trời*. Bạn có biết điều gì dẫn Martin Luther tới đức tin không? Chính là cụm "Sự công chính của Đức Chúa Trời" này. Ông đã từng ghét nó, và từng sợ nó. Vào một ngày nọ, ông gặp cơn dông khi đi ra ngoài, một tia sét đã đánh trúng cái cây ngay cạnh ông, ông ngã xuống đất và trong đầu ông chỉ nghĩ được rằng "Đó là *sự công chính của Chúa*, mình xong đời rồi!" Ông đã coi *sự công chính của Đức Chúa Trời* như một điều gì đó đáng sợ, một điều gì đó quá thuần khiết, quá thánh khiết đến nỗi nó kết án chúng ta, đày chúng ta xuống địa ngục. Rồi đến một ngày kia ông mới nhận ra rằng *"Sự công chính của Đức Chúa Trời"* nghĩa là *sự công chính mà Ngài muốn ban cho chúng ta*. Đó không phải một điều Ngài giữ riêng và dùng để phán xét chúng ta, mà là điều Ngài muốn chia sẻ với chúng ta. T*in lành là Tin lành về sự công chính của Đức Chúa Trời*, đó là tin tức tốt lành, là sự khởi đầu của Martin Luther.

Đức Chúa Trời khao khát ban sự công chính Ngài cho bạn. Ngài nói: *"Này, hãy lấy một chút của Ta. Con sẽ chẳng bao giờ đủ sự công chính của riêng con đâu..."* Nên khi giảng Tin lành về sự công chính, vấn đề của người ngoại là sự không công chính của họ và họ cần khao khát sự công chính để đến với Đấng Christ. Nhưng vấn đề của người Do Thái là họ có quá nhiều sự công chính, họ nghĩ mình đủ tốt rồi

6. *Ân điển.* Tất nhiên người Do Thái và người ngoại đều *có vấn đề*, nhưng là vấn đề khá khác nhau. Vấn đề của người ngoại *là sự không công chính của chính họ*, nhưng vấn đề của người Do Thái lại ở *sự công chính của họ*. Không biết là nhóm nào sẽ khó xử lý hơn? À có, *người tốt thường khó vào* Vương quốc hơn người xấu rất nhiều. Những người *tự xưng công bình* thực sự rất *khó nhằn*. Tôi từng đi giảng tại Hội Liên hiệp Phụ nữ Báp-tít, nơi đó không dành cho tôi. Tôi thấy mình như một con sư tử trong cái hầm toàn Đa-ni-ên ở Hội Liên hiệp Phụ nữ Báp-tít. Nhưng tôi đã đến đó, và một người phụ nữ to lớn, duyên dáng đến chỗ tôi và hỏi: "Cậu là diễn giả của chiều nay à?" - " Vâng." - "Cậu định nói về chủ đề gì vậy?" -*"Ân điển ạ.*" - "Ồ, bà ấy nói: nghe hay đấy!"

Vậy là tôi đứng lên nói trước đông đảo người nghe: "Tôi chỉ muốn nói với cô bác hai điều về *Ân điển*. Thứ nhất, *Ân điển* nghĩa là *những việc làm xấu của cô bác không hẳn sẽ khiến cô bác xa khỏi thiên đàng*." Mọi quý bà ở dưới đều mỉm cười với cậu mục sư trẻ tuổi, họ thích điều này, vậy là tốt. Tôi nói tiếp: "Hai là, *những việc lành của cô bác sẽ không giúp cô bác lên thiên đàng,"* họ liền sa sầm nét mặt, rõ là họ không thích tôi nữa. Tôi có ý khẳng định: *"Ân điển nghĩa là như vậy."* Và sau buổi giảng luận vị chủ tọa đáng mến gặp tôi, và bà nói: "Có phải cậu đang cố bảo tôi là mọi điều tốt đẹp mà tôi từng làm đều uổng phí hết à?" - "Đúng ạ, chúng không uổng phí với những người khác, chúng giúp người khác, *nhưng đúng là chúng sẽ không giúp bác*." - "Tôi cũng nghĩ là cậu sẽ nói như vậy." Bà ấy không bao giờ nói chuyện với tôi nữa, hội đó cũng không bao giờ mời tôi giảng lại nữa, vậy đó.

7. *Ăn năn*. Câu chuyện trên là ví dụ về *sự thật mất lòng* khi nói đến *sự công chính của Đức Chúa Trời*. Điều đó nghĩa là bạn *phải ăn năn về những việc lành mình làm*. Rất tiếc là khi nghe đến từ *ăn năn*, hầu như *ai cũng nghĩ đến mọi việc làm xấu đã làm* mà họ cần ăn năn. Nhưng không, *ăn năn về những việc lành* mình làm còn khó hơn. Để ăn năn về những việc lành mình làm *là cả một vấn đề*. Xin hãy nhớ điều này: "Phao-lô nói rằng *khi xét đến sự công chính của mình*, ông cảm thấy *đó chỉ là đống phân người."* Ôi, hẳn phải thế nào mới nói được như vậy! Tiên tri Ê-sai cũng nói thẳng thừng

không kém, ông nói một điều nghe hợp với người nữ hơn: "*Sự công chính* của các ngươi *như băng vệ sinh hay miếng giẻ bẩn*." Đó không phải là thứ mà chúng ta muốn phô bày. Kinh Thánh đang nói rằng *sự công chính của chúng ta có thể trở thành rào cản lớn nhất giữa chúng ta và sự công chính của Chúa*. Hiện đang có một cơn phấn hưng trong các nhà tù Anh Quốc, bạn có biết điều đó không? Chúa đang thực sự hành động trên các nhà tù nước Anh, Ngài sẽ đưa *những nhà truyền đạo thực thụ* ra khỏi nhà tù, chúng ta sẽ thấy cuộc giải phóng thuộc linh trên khắp xứ. Thật hào hứng đúng không?

Tôi có anh bạn, khi được cải đạo, anh đã *ăn năn* tội mình. Anh đã đến đồn cảnh sát, tự thú một tội mà không ai biết, rồi ra hầu tòa. Vì anh đã tự thú nên thẩm phán chỉ cho anh mức án nhẹ nhất là hai tháng. Anh vào tù và nói với mọi người về Chúa Giê-su, họ gọi anh là Giám mục. Nhưng sau hai tháng, "Giám mục" lại phải rời xa các môn đồ của mình, nên anh lại đến đồn cảnh sát, tự thú một tội khác, lại vào tù. Anh ấy bảo tôi: "Mình là người truyền đạo duy nhất tại Anh Quốc được Nữ hòang đài thọ toàn bộ luôn!" Bây giờ anh đã trở thành một nhà truyền đạo nổi tiếng toàn quốc hầu như ai trong các bạn cũng biết tên. Chúa đang làm điều này. Những người như vậy dễ vào Vương quốc Đức Chúa Trời hơn nhiều.

8. *Vương quốc Đức Chúa Trời*. Một đài truyền hình phủ sóng toàn quốc tại Canada *đã lỡ lời* khi nói với tôi, giám đốc của họ nói: "Ông có thể *nói về bất cứ điều gì mình thích* trong vòng 20 phút." Tôi bảo: "Tôi sẽ nói về *Vương quốc Đức Chúa Trời."* Mặt ông ấy sa sầm lại và nói: "Đây là kênh thương mại nên *chúng tôi phải tạo hứng thú* để người xem không chuyển kênh." Tôi bảo: "Đó là điều tôi muốn nói, chủ đề ưa thích của tôi *mà ông cho phép* và cũng là chủ đề ưa thích của Chúa Giê-su." Ông nói: "*Thôi, vậy cũng được."* Tôi nhìn vào ống kính máy quay và *nói trong 20 phút về Vương quốc*. Trong trường quay có sẵn các điện thoại để người xem có thể gọi đến. Chiếc điện thoại đầu tiên đổ chuông và đầu dây bên kia là giọng nữ: "Xin chào, *tôi là gái bao* tại Yong Street, Toronto. Tôi xem chương trình của ông nãy giờ, tôi muốn hỏi ông điều này." - "Chị muốn hỏi gì?" - *"Làm sao để tôi có thể vào được Vương quốc đó?"* - "Tại sao chị lại muốn vào?" - *"Đã đến lúc tôi phải làm lại cuộc đời rồi."*

Tôi nghĩ: *Hallelujah!* Cuối cùng thì mình cũng *đã giảng đúng Tin lành*, vì nghe người này trả lời là đủ biết. N*ếu người tốt thích lời giảng thì chúng ta đang giảng sai Tin lành. Nếu người xấu mà thích thì chúng ta đang tiến gần đến đó*, hiểu không ạ? Và Tin lành là Tin lành về sự công chính của Đức Chúa Trời. B*ạn không cần phải tự tạo sự công chính cho mình.* Tất cả đều có sẵn cho bạn trong Đấng Christ. Đó là tin tức tuyệt vời đúng không? Nhưng đó là tin không hay với những người làm công tác thiện nguyện, người tham gia các tổ chức phi lợi nhuận và làm quá nhiều việc lành. Quá khó để dùng Tin lành chạm được tới họ, vì bản thân họ có quá nhiều điều lành. Ă*n năn thật* nghĩa là quay khỏi *những việc dữ mình làm* cũng như quay khỏi *những việc lành mình làm*. Hiếm khi tôi nghe thấy những người giảng đạo nói rằng "Hãy ăn năn về những việc lành bạn làm." Nhưng quả thật, *việc lành là điều dễ khiến người ta không vào được thiên đàng hơn bất cứ điều gì khác,* vì người ta cảm thấy đã quá ổn rồi.

9. *Lòng thương xót*. Hiếm khi tôi nghe thấy trong buổi cầu nguyện có người cầu xin Chúa thương xót. Thật đáng tiếc vì *Ngài giàu lòng thương xót* đến nỗi chúng ta cứ xin là sẽ được. Đó là lời cầu nguyện mà chắc chắn Chúa sẽ đáp lời chúng ta. Nhưng người ta cần cảm thấy mình khá tệ hại rồi mới nài xin sự thương xót. Nên chúng ta chỉ xin sự dẫn dắt, phước hạnh và tất cả những điều khác, và chúng ta *không nghĩ mình đủ tệ để xin Chúa thương xót*. Nhưng khi Chúa nghe lời cầu nguyện rằng

"Lạy Chúa, xin thương xót con vì con là tội nhân!" thì các cửa thiên đàng bung mở. Ngài không thể cưỡng lại lời cầu nguyện đó, Ngài quá giàu lòng thương xót. Từ "thương xót" trải khắp Thư Rô-ma.

10. *Sự cứu rỗi*. Phao-lô nói về sự cứu rỗi như một quá trình, quá trình *"tái chế con người."* Thông điệp của sự cứu rỗi chính là sự tái chế con người, tôi đang dùng từ đó nhiều hơn là "cứu rỗi," vì từ *"cứu rỗi"* trong tiếng Anh rất gần với từ *"cứu vớt"* là phải được an toàn. Tôi thấy quá nhiều người muốn được an toàn. Tin lành không phải là cách để được an toàn, mà là cách để được tái chế, cách để được cứu khỏi đống rác mà Chúa Giê-su gọi là *Thung Lũng Tàn sát*. Tái chế và lại trở nên hữu dụng với Chúa. Nhưng *quá trình tái chế đó cần thời gian*, và tôi luôn thấy e ngại khi có người bảo tôi rằng: "Tối Chủ nhật vừa rồi chúng tôi *có bảy người được cứu*." Tôi bảo: "Không phải, các anh có bảy người *bắt đầu được cứu*."

Sự cứu rỗi là cả một quá trình, *tôi chưa được cứu*. Tôi rất đồng tình với nhà giảng đạo da đen tại miền nam Hoa Kỳ, ông ấy cầu nguyện thế này: "Chúa ơi, con không phải người con phải trở thành, cũng không phải người con sẽ trở thành, nhưng ngợi khen Chúa, *con không còn như xưa nữa*." Nói cách khác là "*con đang được cứu."* Từ *"được cứu"* xuất hiện ở *ba thì của động từ "cứu"* trong Tân Ước. Chúng ta *đã được cứu*, chúng ta *đang được cứu* và chúng ta *sẽ được cứu*.

Sách *Hê-bơ-rơ* nói rằng: *"Chúa Giê-su sẽ đến lần thứ hai để ban ơn cứu rỗi cho những người trông đợi Ngài."* Ngài sẽ ban ơn cứu rỗi cho tôi, nên tôi *hiện chưa nhận được* điều đó. Phần thân thể nhìn thấy được của tôi chưa được cứu, tôi sẽ có một thân thể mới, tôi nóng lòng lắm rồi đây. Nó sẽ trở về tuổi 33 theo những gì Kinh Thánh chép, thật nóng lòng trở lại tuổi 33. Ai từ 60 tuổi trở lên thì đúng là tin mừng. Người trẻ tuổi có vẻ còn hờ hững lắm. Đó là tin mừng với những người hơi lụ khụ, nhưng thân thể họ chưa được cứu, rồi có những phần không thấy được trong họ cũng chưa được cứu, nó *chưa được cứu chuộc*. Nó sẽ được cứu.

Bạn biết không, người từng hỏi tôi một câu thách thức nhất, tôi nghĩ vậy, là một người lần đầu tiên đến hội thánh chúng tôi tại Guildford, Anh. Tôi biết đó là lần đầu tiên của anh ấy, người ở không xa nhà tôi lắm. Nên tôi nghĩ: "Mình sẽ cho cậu ấy đi nhờ về nhà và tranh thủ làm chứng cho cậu lần thứ hai." Sau đó anh ấy vào trong xe, tôi đưa về nhà và hỏi: "Anh nghĩ sao về buổi hôm nay? Lần đầu đến Hội thánh phải không?," - "Vâng, lâu lắm rồi không đến." - "Thế anh nghĩ sao về buổi hôm nay?" - "Ồ, cũng được." - "Thế còn bài giảng thì sao?" - "Ông nói là Chúa Giê-su cứu ông khỏi những tội lỗi của ông." - "Đúng vậy, nên Ngài mới được gọi là Giê-su." - "Thế ông liệt kê cho tôi mọi tội lỗi mà Chúa cứu ông khỏi đó đi."

Ôi, *thách thức* khỏi nói luôn! Và tôi hổ thẹn thừa nhận rằng *tội lỗi đầu tiên mà tôi nghĩ đến, tôi vẫn chưa được cứu khỏi* đó. Chúa đã dùng *một người vô tín* để bảo tôi rằng: "Con không để Ta cứu con." Thấy không ạ? Chúa Giê-su không chỉ đến để cho chúng ta một tấm vé lên thiên đàng và tha thứ cho quá khứ mà *Ngài đến để cứu chúng ta*. Ngài không đến để cứu chúng ta khỏi địa ngục, đó là một phần thưởng thêm vào thôi, mà *Ngài đến để cứu chúng ta khỏi tội lỗi mình* và *cất tội lỗi của thế gian đi*, sửa họ lại cho ngay. Bao nhiêu người trong anh chị em đã được cứu khỏi tội lỗi mình? Thấy không ạ? Anh chị em *đang được cứu*.

Sự xưng công chính, sự thánh hóa và sự vinh hiển

Đây là một quá trình dài với những thuật ngữ phức tạp, nhưng Phao-lô có dùng một số. Ông không dùng ba thuật ngữ này, mà các nhà thần học thường dùng chúng. Đưa chúng vào đây là để anh

chị em nhận ra khi nghe thấy nói đến chúng trong sách này, hãy bắt đầu từ đây: *sự xưng công chính, sự thánh hóa, sự vinh hiển*. Đây là ba từ Hán-Việt dài, nhiều âm tiết và trừu tượng. Trong những bài giảng mới, người giảng hay dùng từ thông dụng, thay vì họ nói đến "máu, nước mắt, làm việc cực nhọc và đổ mồ hôi," thì nếu dùng từ Hán-Việt họ phải nói đến "sự hy sinh, nỗi sầu muộn, lao công và nhỏ lệ." Nghe cái nào thật sự dễ hiểu hơn? Tiếng Anh cũng có câu "*ngựa đổ mồ hôi - đàn ông lao nhọc còn phụ nữ chỉ ngồi mát ăn bát vàng.*" Nhưng ba từ trên là những từ đã được Latin hóa, hãy cắt nghĩa chúng.

Ý TƯỞNG CHÌA KHÓA: **SỰ CÔNG CHÍNH**
v. Dân ngoại không công chính
v. Dân Do Thái công chính
1. KHỞI ĐẦU~XƯNG CÔNG CHÍNH (hình phạt của tội lỗi)
2. CHUYỂN GIAO~THÁNH HÓA (quyền lực của tội lỗi)
3. HOÀN TẤT~SỰ VINH HIỂN (bản án của tội lỗi)

SỰ CỨU RỖI
DÀN Ý: ĐỨC TIN (1-4) HY VỌNG (5-11) YÊU THƯƠNG (12-16)

1. Sự xưng công chính. Có cuốn Kinh Thánh của đảo New Guinea ở dạng tiếng Anh biến thể. Có một loại tiếng Anh biến thể không nói là *"được xưng công chính"* ít làm người ta rung động, mà nói là *"Chúa nói tôi ổn."* Chẳng phải là rất hay đó sao, một cách dịch tuyệt diệu, hẳn là nó nằm trong những cuốn sách hay của Chúa. Chúa sẽ nói rằng: "*Người này ổn rồi, dù ai đó có nghĩ gì về cậu này hay cô này thì người này cũng ổn trong sách của Ta...*" Đó là *sự xưng công chính*, một phước hạnh tuyệt đẹp. Nhưng đây *chỉ là khởi đầu* của sự cứu rỗi. Nó giải phóng chúng ta *khỏi hình phạt của tội lỗi* là *mối quan hệ đổ vỡ với Đức Chúa Trời*. Khi khôi phục được quan hệ với Chúa, thì Ngài phán ngay: "*Con ổn rồi, con là con Ta...*" Mọi tôn giáo khác trên thế giới đều nói: "*Hãy sống cho đúng* thì anh sẽ trở nên đúng đắn với thần này, thần kia." Kẻ tin Cơ Đốc thì được nghe Chúa mình phán "*Con ổn rồi!*" trước.

Tôi quen một ông ở miền Bắc nước Anh quản lý một trại giáo dưỡng, một trường cải tạo những thanh niên hư. Trường đó có một cậu bé mà ông cố công cải tạo nhưng không làm gì được cậu ta. Ông đã thử biện pháp cứng rắn, là chỉ cho ăn bánh và uống nước trắng. Ông cũng thử biện pháp mềm mỏng là cho hưởng các đặc ân, nhưng không tài nào thay đổi được cậu ta, cậu là một tay nổi loạn. Vào một ngày nọ, ông gọi cậu lên văn phòng, rồi nói: "Này, bác đã thử đủ mọi cách để cháu cải tà quy chính, nhưng bác muốn thử thêm một điều nữa, và bác không thể làm thế mà không có sự cho phép của cháu." Ông nói tiếp: "*Bác muốn nhận cháu làm con. Con của ta.* Ta muốn con lấy tên ta để từ giờ trở đi, nếu con gây rắc rối thì con sẽ làm hoen ố chính tên ta. Ta muốn con rời chỗ này, chuyển đến sống trong nhà ta." Cậu bé ngước lên, và ông ấy nói: "*Con cho phép ta làm như vậy chứ?*" Cậu bé nói: "*Vâng.*"

Nếu tôi bảo với bạn rằng kể từ ngày hôm đó, cậu bé đã sống một cuộc đời hoàn toàn tốt đẹp thì là tôi nói dối, nhưng nếu tôi bảo bạn rằng từ thời khắc đó trở đi, cậu bé muốn trở nên như vậy thì là tôi nói thật. Thế nên *Chúa mới đặt sự công chính trước sự thánh hóa*. Ngài nói: "Hãy gạt hình phạt của tội lỗi đi, con là con nuôi của Ta, con ở trong gia đình này, từ giờ trở đi, nếu con làm gì xấu là làm hoen ố danh Ta. Con sẽ ra khỏi cái trường giáo dưỡng này, con sẽ không còn ở dưới luật pháp nữa, con đang bước vào ân điển, con đang được nhận làm con nuôi Ta." Mọi chuyện bắt đầu như vậy,

nhưng đó chỉ là khởi đầu của sự cứu rỗi. Quá nhiều người nghĩ rằng có được điều đó là họ đã đạt đích rồi. Chưa đâu, họ *mới chỉ bắt đầu từ đúng chỗ* mà thôi.

2. Sự Thánh Hóa. Phần thứ hai của việc được cứu rỗi là *được thánh hóa*. Sau khi được giải phóng khỏi hình phạt của tội lỗi, mối quan hệ đổ vỡ nay đã được phục hồi, giờ đây chúng ta đã được giải phóng khỏi quyền lực của nó, gông xiềng đã bị phá bỏ.Và *sự thánh hóa cũng cần đến đức tin* như sự xưng công chính. Chúng ta được xưng công chính bởi đức tin, *chúng ta được thánh hóa bởi đức tin*. Bạn không cần phải tự tạo ra nó, nhưng rõ ràng là bạn cần *tiếp tục tin cậy*. Trong mọi lúc.

3. Sự Vinh Hiển. Đến một ngày, toàn bộ quá trình này sẽ *được hoàn tất trong sự vinh hiển*, khi chúng ta được giải phóng hoàn toàn khỏi sự hiện diện của tội lỗi. Sẽ thích thú biết bao khi sống trong một thế giới mà không gì bạn không thể tận hưởng. Trong đó không có sự cám dỗ. Các bạn có tưởng tượng được không? Không gì mà bạn không thể có. Ôi! thiên đàng là đấy chứ đâu! Thật sự luôn. Nên các nhà thần học nói về *sự công chính được gán cho*, vì chúng ta được *xưng công chình dựa trên đức tin* trong Đấng Christ. Có sự công chính Ngài *che đậy* sự không công chính của chúng ta. Chúng ta đang *mặc lấy Đấng Christ khi được báp-têm trong Ngài*. Chúng ta *được mặc lấy Ngài*, được báp-têm trong Ngài, nên *Đức Chúa Trời chỉ có thể thấy Đấng Christ* khi Ngài nhìn vào chúng ta. *Chúng ta được che giấu trong Đấng Christ*.

Điều đó *được gán cho*, nhưng nó *cũng cần được truyền cho nữa*. Nó *không chỉ để che đậy* chúng ta mà *để trở thành một phần* trong chúng ta. Đức Chúa Trời muốn truyền sự công bình của Ngài cho chúng ta chứ không chỉ quy nó cho chúng ta. Ngay khi chúng ta tin thì chúng ta *đã được kể là* công chính. Nhưng sau đó, Đức Chúa Trời muốn chúng ta *trở nên* công chính nữa. Cuối cùng thì *quá trình đó sẽ chỉ được hoàn tất khi chúng ta đứng trong vinh hiển* và thấy Ngài như Ngài vốn có. Như vậy, *sự cứu rỗi* là đề tài mà Phao-lô dùng để đưa người Do Thái và người ngoại lại gần nhau.

Dàn ý thư Rô-ma

DÀN Ý: ĐỨC TIN (1-4) HY VỌNG (5-11) YÊU THƯƠNG (12-16)

Sứ điệp của ông (Cha, Con, Thánh Linh) 1.
Lời chào thăm 1.

1. PHAO-LÔ TRÌNH BÀY PHÚC ÂM CỦA ÔNG (1-8)
a. Sự công chính được bày tỏ trong sự thịnh nộ của Chúa 1-3
b. Sự công chính được kể qua sự chết của Đấng Christ 3-5
c. Sự công chính có được qua việc sống theo Thánh Linh 6-8

2. PHAO-LÔ ĐAU ĐỚN CHO DÂN TỘC CỦA ÔNG (9-11)
a. Quá khứ còn sót lại của Y-sơ-ra ên 9
b. Sự chống đối hiện tại của Y-sơ-ra ên 10
c. Sự phục hồi giao ước trong tương lai của Y-sơ-ra ên 11

3. PHAO-LÔ KÊU GỌI ĐỌC GIẢ CỦA ÔNG (12-16)
a. Sự khó nhọc của họ trong việc phục vụ và chịu khổ 12
b. Hành vi của họ trước mặt chính quyền và cộng đồng 13
c. Tình huynh đệ của họ trong việc quan tâm lẫn nhau 14-15

Phương pháp của ông (lời nói, việc làm, dấu kỳ) 15
Lời chào thăm từng người 16

Dàn ý đầy đủ của Thư Rô-ma sẽ khá dài. Bảng này chỉ cố gắng cho ta một cảm nhận về sách. Có thể chia thư này cách rất gọn thành ba phần: *đức tin, hy vọng và tình yêu thương*. Đó là *bộ ba đức tính* mà các trước giả khác của Tân Ước đều rất hay nhắc đến. Chúng ta đặc biệt thấy điều đó trong *1 Phi-e-rơ.*

Bốn chương đầu toàn nói về *"Đức tin."* Sang *Chương 5* với từ *"Hy vọng"* mới xuất hiện, là nhìn tới tương lai. Đức tin nhìn về quá khứ và những gì Đức Chúa Trời đã thực hiện trong Đấng Christ. Hy vọng nhìn tới tương lai và những gì Ngài sẽ làm, không chỉ với dân ngoại mà với cả Y-sơ-ra-ên nữa. Rồi trong các *Chương 12-16,* từ thứ ba xuất hiện *"Tình yêu thương,"* liên quan đến hiện tại và hiện thực hóa nó.

Thư Rô-ma có thể trình bày trên một dàn ý chi tiết hơn sơ đồ này. Đây chỉ là hình ảnh cấu trúc của nó để giúp cảm nhận nhanh thư này, tôi đã cố gắng làm đơn giản nhất có thể với dàn ý này. Hãy xét đến phần đầu và phần cuối, vì ông có những lời chào thăm ở hai phần đó.

Ông mở đầu bằng cách nêu sứ điệp của mình về ba ngôi: *Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Linh*. Ở phần mở đầu, ông trình bày *sự cứu rỗi mang tính ba ngôi*. Rồi ông gửi lời chào thăm tới cả nhóm, cả một tập thể, đến tất cả các thánh đồ tại Rô-ma. Đến cuối thư, ông không nói về sứ điệp của mình mà nói về *phương thức truyền giáo*. Chúng ta cần thực sự hiểu điều này, vì trong *Rô-ma 15*, ông nói: *"Anh chị em* đã nghe sứ điệp của tôi, anh chị em đã thấy cách tôi sống và chứng kiến những dấu kỳ phép lạ, tất cả là bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, nên tôi đã rao truyền Tin lành *cho anh chị em* cách trọn vẹn*."* Thực ra Phao-lô không nói là *"cho anh chị em"* vì ông chưa từng đến Rô-ma, mà ông nói: "nên tôi đã rao truyền tin lành *cách trọn* vẹn từ Giê-ru-sa-lem đến xứ I-ly-ri," tức là nước Albania ngày nay. Ông rao truyền sứ điệp Tin lành bởi *lời nói, việc làm và dấu kỳ*. Ngày nay, chúng ta dùng từ ngữ khác: *câu từ, công tác và kỳ công*, là kể từ khi *những dấu kỳ và nhà "Wimber"* xuất hiện. Nhưng dùng trong thư là: *lời nói, việc làm và dấu kỳ*.

Bạn có để ý thấy trong "lời nói, việc làm và dấu kỳ" *có hai điều mắt thấy* và *một điều tai nghe* không? Tai nghe không bằng mắt thấy. Nhưng làm cả hai điều mắt thấy và một điều tai nghe là người giỏi truyền đạt. Người ta *không đợi để nghe* Tin lành, nhưng họ *đang đợi để thấy* Tin lành. Họ có quyền thấy điều đó và chúng ta có trách nhiệm cho họ thấy điều đó. Vừa thể hiện vừa công bố Tin lành. Phao-lô đã làm như vậy. Không những ông *công bố* điều đó, nhưng ông *còn thể hiện với sự xác thực của con người* về cách ông sống, và *sự xác chứng thiên thượng* của những dấu kỳ, phép lạ. Chúng ta nên tìm mọi cách làm được như vậy. Rồi ông có rất nhiều lời chào thăm đến các cá nhân, hoặc từ các cá nhân. Trong cả một chương, ông bắt đầu bằng việc chào thăm cả tập thể, và kết thúc với những lời chào thăm cá nhân.

Để phần đầu và phần cuối thư sang một bên, hãy xem *các giai đoạn ba lớp* trong lập luận của ông. Mỗi giai đoạn lớn lại được chia thành ba giai đoạn nhỏ hơn. Sự phân chia này không phải là gò ép, mà nó rất tự nhiên và rõ ràng trong thư. Phao-lô là một nhà tư tưởng rất hệ thống. Ông đã phát triển vấn đề như vậy.

Trong *8 chương đầu*, Phao-lô giải thích Tin lành của mình cho dân Do Thái và dân ngoại. Ông luôn đến với dân Do Thái trước, sau đó đến dân ngoại. Ông nói rằng "*Tôi mắc nợ cả thế giới."* Không biết bạn đã bao giờ cảm thấy như vậy chưa? Người ta bảo: "Chẳng phải chúng ta có quyền nói cho các tôn giáo khác về Chúa Giê-su đó sao?" Anh làm gì có quyền, anh còn đang mắc nợ ấy chứ, và *anh còn chưa nói thì nợ còn chưa trả*. Phao-lô nói: "Tôi mắc nợ, tôi là con nợ của cả người Do Thái

và người ngoại. Tôi mắc nợ họ." Nói cho người ta biết Tin lành *không phải là quyền lợi mà là trách nhiệm*. C*húng ta đang trả một món nợ.*

Sao Chúa lại ban phước cho bạn? Nếu bạn phát hiện ra cách chữa ung thư thì bạn có trách nhiệm nói cho mọi người biết. Bạn không nói rằng: "*Mình có quyền đi* và nói cho họ biết rằng mình đã tìm ra cách chữa ung thư," mà bạn sẽ nói: "*Tôi nợ tất cả* những người đang hứng chịu căn bệnh đó." Vâng, Phao-lô là một người mắc nợ. Phần giải thích Tin lành này của ông xoay quanh *đề tài sự công chính*. Sự công chính được bộc lộ *ở Rô-ma và ở thế giới ngoại giáo* dưới dạng *cơn thịnh nộ* Ngài với xã hội. Bằng chứng của cơn thịnh nộ đó cùng với những điều khác, là *người ta phạm tội ham muốn vô độ và quan hệ trái tự nhiên,lập dị* diễn ra đầy dẫy khắp nơi.

Nhưng *sự công chính* không chỉ được bộc lộ dưới dạng cơn thịnh nộ của Chúa với tội lỗi, nó *còn được kể cho* chúng ta qua *sự chết của Đấng Christ*. Vì Ngài gánh lấy mọi tội lỗi của chúng ta nên chúng ta có thể có sự công chính của Ngài. Đừng bao giờ quên rằng *thập tự giá là sự trao đổi hai chiều*. Nói vậy nghĩa là gì? Một số người rất sung sướng khi chất tội lỗi mình lên Chúa Giê-su trên thập giá, và nói rằng *Ngài đã cất chúng đi*. Nhưng Chúa Giê-su chỉ làm vậy *để Ngài có thể chất sự công chính Ngài trên tôi*. *"Đấng không hề biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta."* Tại sao Ngài làm như vậy? Để chúng ta có thể thoát khỏi địa ngục ư? - Không! Mà để chúng ta có thể trở nên sự công chính của Đức Chúa Trời trong Ngài. Đó là một món hời. Thật hời quá đi! Chúa Giê-su nói: "*Hãy đưa Ta mọi tội lỗi con và Ta sẽ cho con mọi sự công chính Ta."* Và sự công chính đó được *"ghi có"* cho chúng ta, nó *nằm trong tài khoản* của chúng ta *ngay khi chúng ta tin rằng Chúa Giê-su đã chết vì chúng ta*. Chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao?

Đó là Tin lành và *sau đó, sự công chính cần được hoàn tất*. Nó *không chỉ được kể cho* chúng ta mà nó còn *cần được hoàn tất trong* chúng ta, *hoàn tất bởi sự sống của Thánh Linh*. Chúa thậm chí còn *ban cho chúng ta quyền năng của Thánh Linh* để chúng ta có thể trở nên công chính.

Bạn có thấy chuỗi *các bộ ba* xuyên suốt trong đây không? Bộ ba*"Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, sự chết của Đấng Christ và sự sống của Thánh Linh,"* bộ ba*"Đức tin, hy vọng và tình yêu thương,"* bộ ba*"Cha, Con và Thánh Linh"* xuyên xuốt Kinh Thánh, dự phần trong sự hiệp nhất. Sau khi nói như vậy, Phao-lô nói rằng: "Ở mọi giai đoạn, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên những người Do Thái phạm tội và những người ngoại phạm tội. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên sự công chính của người Do Thái và sự không công chính của người ngoại." Rồi ông nói: "Nhưng sự chết của Đấng Christ dành sẵn cho cả người Do Thái và người ngoại. Hãy chọn sự sống của Thánh Linh, đừng sa vào chủ nghĩa luật pháp hay sự phóng túng, nhưng hãy bước vào sự tự do của Thánh Linh và sự sống của Ngài trong chúng ta." Đó là cách chúng ta thoát khỏi vòng luẩn quẩn đáng sợ của tội lỗi và sự chết.

Rồi trong *chương 9-11*, ông chuyển chủ đề từ sự công chính sang *Y-sơ-ra-ên*. Cấu trúc phần cũng chia ba: *quá khứ, hiện tại và tương lai*. Quá khứ đã bị rút lại chỉ còn *một phần dân sót của Y-sơ-ra-ên*. Ông nói: "*Không phải ai là người Do Thái cũng là Y-sơ-ra-ên đích thực."* Đức Chúa Trời luôn có một phần dân sót, Ngài luôn để lại một số người. Ngài giữ 7000 người không quỳ gối trước thần Ba-anh. Tuy có nhiều người Do Thái trên khắp thế giới nhưng Chúa chưa bao giờ thất bại khi giữ lại một phần dân Do Thái tin cậy nơi Ngài. Trong 2000 năm qua đã luôn có những tín đồ Do Thái, dù là ít ỏi. Cảm tạ Chúa là họ đang nhân lên. Có ít nhất 50.000 người Do Thái tin nơi Chúa Giê-su, và con số này đang nhân lên nhanh chóng. Hallelujah vì điều đó, *đó là mùi vị của tương lai.*

Nhưng quá khứ bị rút lại chỉ còn một phần dân sót của Y-sơ-ra-ên. Đáng buồn là *chương 10* nói về hiện tại chống đối Tin lành của Y-sơ-ra-ên. Họ nằm trong số những dân khó rao giảng về Chúa Giê-su nhất. Một phần là do chủ nghĩa bài Do Thái Cơ Đốc trong 2000 năm qua. Nhưng cũng bởi *sứ điệp cắt đến tận gốc rễ của niềm kiêu hãnh Do Thái và sự công chính ngộ nhận của họ*. Họ càng giữ luật pháp thì lại càng khó. Nhưng tương lai Y-sơ-ra-ên sẽ được phục hồi với giao ước. Rồi Phao-lô kêu gọi những người đọc thư mình, ông đề cập đến những lĩnh vực thực tế, về cách hành xử trong đất nước và xã hội Rô-ma nơi họ sống, việc nộp thuế, cầu nguyện cho các nhà lãnh đạo đất nước, tất cả đều ở đó.

Hy vọng dàn ý này có *số chương* ghi bên phải sẽ giúp bạn cảm nhận được lập luận của Phao-lô và cấu trúc *Thư Rô-ma*. Giờ đây bạn có thể bắt đầu đọc thư, nguyện Chúa ban phước cho các bạn khi làm như vậy. Đây là *một trong những phần ích lợi nhất* để đọc trong Tân Ước. Tôi biết một số người rất khôn ngoan, khi phải đối mặt với bắt bớ và tù đày, họ đã học thuộc thư Phao-lô gửi cho người Rô-ma để chuẩn bị cho điều đó, họ có thể mang thư này trong lòng mình.

Đây là một bức thư dài, một bức thư khó, một bức thư nhiều ý tứ. Nhưng có phần thưởng cho những người tìm kiếm và tìm cầu Đấng Christ. Hãy tra cứu Kinh Thánh, vì Kinh Thánh làm chứng về Ngài.

THƯ CÔ-RINH-TÔ - Phần 1

Giới thiệu

Một trong những cám dỗ với tất cả chúng ta là lý tưởng hóa quá khứ, đeo lấy một cặp kính đặc biệt và nhìn lại một thời vàng son trong chính cuộc đời mình hoặc của thế giới, khi mọi thứ tốt hơn nhiều so với hiện tại. Hoài cổ rằng mọi thứ không được như xưa, nhưng Cơ Đốc nhân cũng vậy và nhiều Cơ Đốc nhân nhìn lại một thời đại nhất định trong lịch sử hội thánh mà họ nghĩ là lý tưởng để cố gắng hồi tưởng lại nó. Ví dụ, một số người hồi tưởng cuộc phấn hưng xứ Wales; và nếu đến Wales thì anh chị em sẽ thấy người ta nói về năm 1904 rằng *ôi, thời đó thật là tuyệt vời*.

Những người khác hồi tưởng mãi đến cuộc phấn hưng Giám lý ở thế kỷ 18. Rồi có một số lượng lớn Cơ Đốc nhân tại Anh lý tưởng hóa thời Thanh giáo - *ước gì chúng ta được giống những người Thanh giáo xưa*. Những người khác trở lại với thời Cải Chánh. Lúc này, người ta lại bắt đầu quan tâm tới những người chịu lễ tái báp-tem (Anabaptist) từ thế kỷ 16 và nó đang ảnh hưởng tới nhiều Cơ Đốc nhân tại Anh Quốc, họ còn trở lại thời gian trước nữa. Thời xưa cũ vàng son, thời của các giáo phụ hội thánh, hoặc thời kỳ Tân Ước. C*hắc chắn hội thánh thời Tân Ước là hội thánh lý tưởng*, không đâu. Hội thánh thời Tân Ước cũng có những vấn đề. Họ có những sức ép từ bên ngoài, nhưng họ cũng có những vấn đề từ bên trong. Tôi muốn nói ngay điều này: hội thánh không bao giờ bị hủy hoại bởi sức ép từ bên ngoài, nó chỉ khiến hội thánh càng mạnh hơn thôi; nhưng các vấn đề bên trong có thể hủy hoại một hội thánh.

Khi chuyển sang các bức thư Phao-lô gửi cho người Cô-rinh-tô, chúng ta đang chuyển sang một hội thánh với những vấn đề nghiêm trọng. Không hội thánh nào do Phao-lô thiết lập lại có những vấn đề nghiêm trọng hơn hội thánh Cô-rinh-tô nhưng cảm ơn Chúa vì những vấn đề đó; nếu không có chúng thì chúng ta sẽ không có hai lá thư tuyệt diệu này. Chúng ta sẽ không có 1 Cô-rinh-tô 13, bài ca vô song về tình yêu. Chúng ta sẽ không có 1 Cô-rinh-tô 15 là bản tường thuật sớm nhất về việc Chúa hiện ra sau khi phục sinh trong Tân Ước, khi nhiều nhân chứng vẫn còn sống.

Thư này được viết sớm hơn cả bốn sách Tin lành nên nếu không thì chúng ta sẽ không có bất kỳ thông tin nào như vậy. Bạn hãy nhớ rằng hội thánh có những vấn đề nghiêm trọng. Họ bị chia rẽ rất sâu sắc, họ chia bè kết phái theo các mục sư khác nhau. Họ có sự đồi bại ở dạng tệ nhất, nó xảy ra một cách công khai, không chỉ ở trong hội thánh mà toàn Cô-rinh-tô biết rằng có một người nam chung sống trong tội lỗi với mẹ mình, hoặc có thể là mẹ vợ anh ta, nhưng rõ ràng đây là một mối quan hệ bị cấm đoán mà cả người ngoại đạo cũng lên án. Họ say sưa trong lễ Tiệc Thánh.

Thật lạ lùng. Người ta đến dự Tiệc Thánh và ăn ngấu nghiến hết bánh trước khi người khác đến; rồi uống hết rượu, say bí tỉ rồi nằm đó, nên khi hội chúng đến, những thành viên say xỉn đã nằm quanh bàn Tiệc Thánh. Anh chị em có tưởng tượng được không? Tôi và anh chị em chắc sẽ gạt bỏ một hội thánh như vậy, chúng ta sẽ nói: *Nó không tốt đẹp gì đâu, đừng giao du với nó.* Phao-lô thì không. Ông không gạt bỏ họ mà cố gắng làm sao để họ được tốt hơn. Họ có đủ kiểu chủ nghĩa nữ quyền cực đoan, chẳng có gì mới dưới ánh mặt trời đúng không?

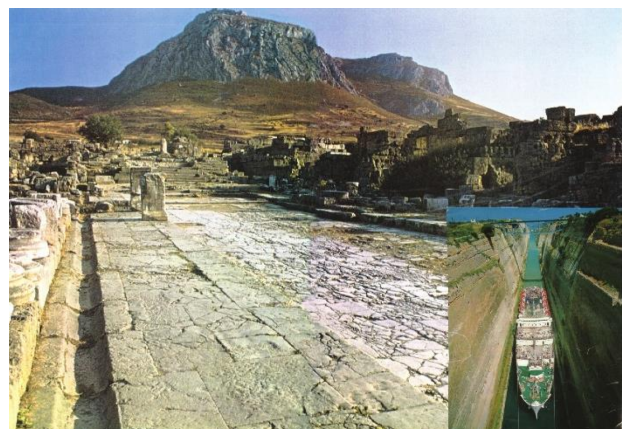
Vị trí địa lý của thành Cô-rinh-tô



Được rồi, hãy xét đến các hội thánh ở Cô-rinh-tô sau, còn trước hết, hãy xét đến thành phố đó. Vị trí địa lý không chỉ ảnh hưởng đến thành đó mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến hội thánh. Nó nằm trên eo đất hẹp nối liền giữa lục địa Hy Lạp và Peloponnese, một dải dất rất hẹp và điều này rất quan trọng vì tàu thuyền luôn đi theo đường này, và nếu tàu lớn thì người ta sẽ dỡ hàng tại Cô-rinh-tô, vận chuyển hàng hóa qua vài cây số trên đất liền rồi bốc hàng lên một tàu khác để đi về phía đông.

Thực ra thì các tàu nhỏ hơn được kéo ra khỏi nước và kéo xe lăn qua một con đường nhỏ, qua đây, rồi lại hạ thủy. Sao tàu thuyền lại không đi vòng qua đây nhỉ? Vì đó là một nơi rất nguy hiểm trên Biển Địa Trung Hải. Nó giống như mũi Cape Horn ở Chile vậy, rất nguy hiểm, đặc biệt trong các cơn bão mùa đông, để tránh đi vòng qua mũi đó, tàu thuyền thường đến đây và mang hàng hóa qua đất liền hoặc thậm chí là kéo thuyền qua và hạ thủy trở lại. Cô-rinh-tô là một cảng biển then chốt. Thực ra là Cô-rinh-tô cách biển khoảng ba cây số và nó có cảng biển riêng, Lyceum đây. Có bức tường thành kép dài hơn ba cây số từ cảng lên đến thành Cô-rinh-tô để bảo vệ đường tới cảng.

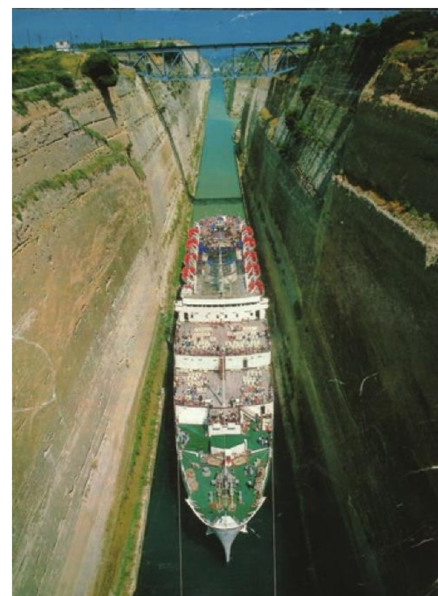
Ngay ngoài Cô-rinh-tô là một ngọn núi, Núi Acrocorinthus đây, và từ trên đỉnh núi, thực ra nó chỉ cao hơn 600 mét, nhưng từ đỉnh núi, bạn có thể nhìn thấy A-thên cách đó hơn 60 cây số. Tôi thích so sánh các thành phố thời cổ đại với các thành phố ngày nay. Đây là thủ đô Edinburgh, kia là thành phố Glasgow của Scotland, xin lỗi mấy anh chị em Scotland nhé, nhưng thực chất thì đây là một dạng thành phố có học thức với trường đại học và là nơi các triết gia sinh sống, v,v. Đây là nơi tổ chức các lễ hội nghệ thuật, còn đây là cảng biển, nơi đóng tàu và người Glasgow sống ở đây còn người Edinburgh sống ở đây, để bạn mường tượng ra đôi chút. Nên A-thên và Cô-rinh-tô là kình địch của nhau và cũng giống như Scotland, chúng nằm ở hai bên của mẩu đất hẹp nối phần này với phần kia.



Bức hình lớn chụp con phố chính của Cô-rinh-tô như vào thời Phao-lô

Các nhà khảo cổ đã phát hiện ra nhiều thứ ở A-thên... ở Cô-rinh-tô, đặc biệt là kể từ khi trận động đất năm 1858 để lộ ra một phần đống đổ nát. Tạm bỏ qua tấm hình phía góc nhé, bức hình lớn chụp

con phố chính của Cô-rinh-tô như vào thời Phao-lô. Tất cả đều đã được khai quật, người ta đã tìm thấy Bema tức là tòa án, nơi xét xử Phao-lô. Người ta tìm thấy đủ thứ, cả nhà hội Do Thái nên họ đã thật sự khám phá được rất nhiều điều, và mọi thứ đều khớp với những tường thuật của Lu-ca trong Sách Công vụ. Ngọn núi đó đây, cao hơn 600 mét, từ đây bạn có thể thấy A-thên cách đó hơn 60 cây. Cảng biển ở dưới, về hướng này.


Kênh đào Cô-rinh-tô

Thời nay, tất nhiên là người ta sẽ không kéo thuyền trên đất liền nữa, họ đã cắt cái khe sâu lớn này, Kênh đào Cô-rinh-tô cắt ngang và tàu biển chỉ cần lách qua. Nếu du ngoạn ở phía đông Địa Trung Hải, có thể bạn cũng đi qua kênh đào ngày nay. Nero đã cố gắng cắt con kênh suốt từ thời Phao-lô nhưng không thành, và mãi đến thế kỷ 19 thì người ta mới thực sự cắt sâu như vậy để cắt phía bắc Hy Lạp thông thủy với Peloponnese. Đó là bối cảnh.

Một điều khác chúng ta cần biết: Thực ra đây là thành Cô-rinh-tô thứ hai. Có hai thành phố, thành đầu tiên đã có từ lâu, nó rất giàu có và thờ cực kỳ nhiều thần. Người ta thờ lạy, chẳng hạn như Poseidon là thần biển và tệ hơn cả là Aphrodite. Lúc đầu họ có một đền thờ đồ sộ ở đây với hai ngàn nữ tế. Thực ra chúng là gái điếm, và cách thờ phượng thời đó khá kích thích; người ta chỉ cần đến và quan hệ với một thầy tế, anh chị em có thể tưởng tượng được tác động của điều đó. Chưa kể đây lại là một cảng biển với các thủy thủ, vâng, nói thế là đủ hiểu.

Thực tế, gọi một người phụ nữ là người Cô-rinh-tô tức là gọi người đó là gái điếm, và "Cô-rinh-tô hóa" đã trở thành một động từ có thật trong tiếng Hy Lạp nghĩa là quan hệ tình dục bừa bãi. Nó tai tiếng như vậy đó, một thành phố tệ hại; cũng xin nói thêm là địa vị của tất cả các nữ tế sẽ ảnh hưởng đến hội thánh Cô-rinh-tô, vì những người nữ muốn làm công việc của người nam và bối cảnh này đã giải thích nhiều cho việc tại sao Phao-lô muốn tập trung vào mối quan hệ nam nữ trong thư Cô-rinh-tô. Thành phố đó đã bị phá hủy, một thành phố tệ hại, nó bị phá hủy bởi người La Mã vào năm 150 trước Đấng Christ.

Bối cảnh xã hội, đạo đức và thuộc linh

Rồi sau đó, không lâu sau khi Đấng Christ đến, người ta xây lại thành và đưa người đến ở tại đó nhưng với thành phần dân cư rất khác, hầu hết là những người được trả tự do, nghĩa là những người từng làm nô lệ đã tự chuộc mình hoặc kiếm được quyền tự do theo một cách nào đó, vậy là cư dân trong thành là những người từng làm nô lệ. Nhưng một lần nữa, vì ở vị trí đắc địa nên họ kiếm được nhiều tiền, trở nên giàu có, đầy triển vọng buôn bán; và nó lại trở nên một cảng biển đồi bại, nghĩa là có rất ít quý tộc hoặc người có học. Thành này đầy những nhà buôn giàu tự bươn chải, những người tự thân.

Điều đó lại một lần nữa ảnh hưởng đến những thành viên của hội thánh Cô-rinh-tô. Phao-lô nói với các thành viên hội thánh rằng trong anh chị em không có mấy người thuộc dòng quý tộc, không mấy ai có quyền thế, anh chị em là những người rất bình thường, anh chị em từ tầng lớp đáy cùng của xã hội, và đúng là như vậy. Nhưng họ không nghèo, họ là những nhà buôn giỏi, họ giàu có, họ kiếm rất nhiều tiền, nhưng họ là những người đã đi lên từ đáy cùng bằng nỗ lực của bản thân. Những người từng làm nô lệ hiện đang buôn bán tại cảng biển.

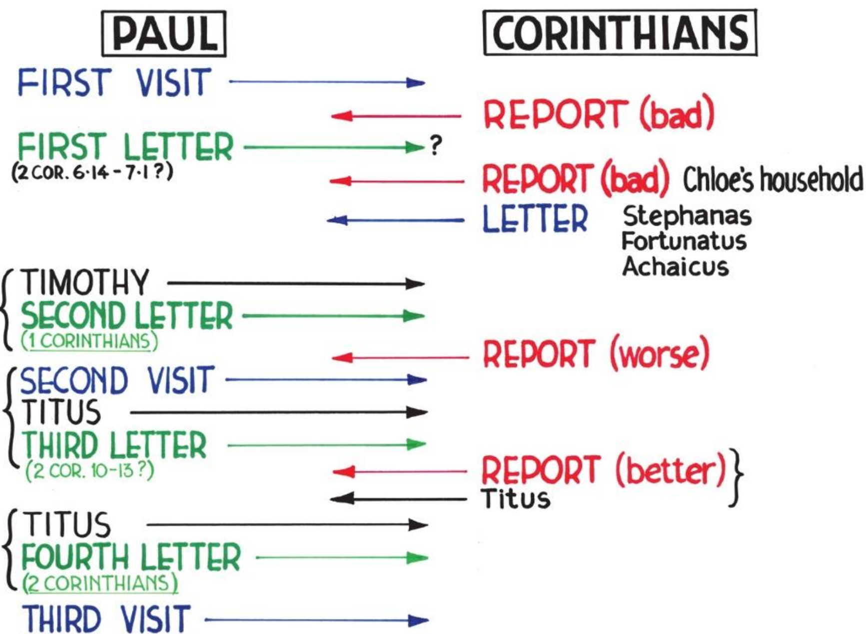
Tất cả những bối cảnh đó khá quan trọng, cả bối cảnh xã hội và bối cảnh đạo đức đều chen chân vào hội thánh. Thói trưởng giả học làm sang rất phổ biến giữa vòng những người không thực sự thuộc dòng dõi quý phái, anh chị em hiểu ý tôi không? Những người đã leo lên nấc thang xã hội bằng nỗ lực của bản thân dường như là kiểu trưởng giả tệ nhất đúng không, họ nghĩ mình cao quý và quyền lực vì họ đã làm vậy bằng nỗ lực của bản thân. Những người thực sự thuộc dòng dõi quý phái thường lại khá khiêm nhường. Nhưng những tay trưởng giả là những tay tự cố phất lên. Kiểu trưởng giả đó luôn bắt đầu so sánh mục sư này với mục sư kia, rồi bắt đầu chia bè kết phái trong hội thánh. Anh chị em thấy bối cảnh đó bước vào hội thánh như thế nào chưa ạ?

Điều này xảy ra với tất cả các hội thánh của chúng ta, ai trong chúng ta cũng có xuất thân, và khi đến với Đấng Christ, chúng ta không mất hết mọi xuất thân của mình ngay mà mang nó vào trong hội thánh, từ đó tạo ra những vấn đề không hẳn là vấn đề thuộc linh mà là vấn đề xã hội. Hiểu không ạ? Và có những vấn đề xã hội trong các hội thánh Anh Quốc, đừng tự lừa dối mình. Có những vấn đề đạo đức vì cớ xuất thân của chúng ta; mỗi chúng ta lớn lên đều có quan niệm đúng sai khác nhau và khi ghép chúng lại với nhau - một số Cơ Đốc nhân nói rằng động vào rượu bia là sai, một số nói chẳng sao, cứ như vậy. Một số nơi như Na Uy, Cơ Đốc nhân hút thuốc như đốt lò vậy, còn những nơi khác thì không, và những khác biệt về hành vi đạo đức này thường là do xuất thân chứ không phải do nguyên tắc; Cơ Đốc nhân chúng ta phải học cách chung sống với nhau dù cho chúng ta có xuất thân và sự giáo dục khác nhau.

Tất cả những điều đó xuất hiện rất rõ trong thư Cô-rinh-tô. Tuy nhiên, hai trận chiến cam go nhất trong mọi hội thánh là đây: Cách giữ hội thánh trong thế gian và cách giữ thế gian xa khỏi hội thánh, và hầu hết các vấn đề về chăn bầy đều có thể đặt dưới hai đầu mục đó; chúng ta sẽ đặc biệt thấy điều đó trong đây. Chúng ta nhận thấy rằng thành đầu tiên đậm chất Hy Lạp, nhưng thành thứ hai thì đậm chất La Mã. Nó vẫn đồi bại hệt như vậy, nhưng là một kiểu văn hóa khác và văn hóa La Mã ảnh hưởng khá mạnh tại Cô-rinh-tô, luật La Mã là luật tại Cô-rinh-tô. Phao-lô nhấn mạnh vào luật pháp tức là thực chất, một số thành viên hội thánh tại Cô-rinh-tô đã dùng luật để đấu tố nhau, và việc kiện tụng rất, rất phổ biến tại Cô-rinh-tô. Điều đó đã lẻn vào hội thánh, nên thực ra các thành viên trong hội thánh đã lôi các thành viên khác trong hội thánh ra tòa, kiện họ. Tất cả những điều này đặc biệt gợi nhớ đến một cộng đồng tự bươn chải với những con người leo lên nấc thang danh vọng bằng chính những nỗ lực và khả năng kiếm tiền của bản thân.

Gửi thư từ qua lại

Phức tạp hơn nữa là ở đây không chỉ có hai thành Cô-rinh-tô mà Phao-lô còn viết bốn bức thư cho thành Cô-rinh-tô vào thời của ông. Chúng ta chỉ có hai trong số đó; tôi sẽ lại làm đầu bạn thấy rối rắm hơn nữa khi nói điều này: Rằng 1 Cô-rinh-tô thực chất là bức thư thứ hai ông gửi cho người Cô-rinh-tô và 2 Cô-rinh-tô thực chất là bức thư thứ tư ông gửi cho người Cô-rinh-tô. Có hai bức thư khác đã thất lạc và chúng ta chỉ biết là thật may vì chúng đã thất lạc. Một bức rất vội vàng mà có lẽ sau này Phao-lô hối tiếc vì đã viết nó ra. Ông thừa nhận rằng ông viết vội và ông đã viết quá gấp rút, còn bức kia rất nóng nảy và ông thừa nhận rằng ông viết mạnh quá, nên chúng ta lạc mất một bức nóng nảy và mội bức vội vàng.



Nhưng hãy để tôi cố gắng tổng hợp hết lại cho anh chị em nếu có thể, và cũng phức tạp đấy! Thực chất thì Phao-lô đã đến thăm thành này ba lần, lần thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Nhưng ông viết bốn bức thư, bức thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư, đồng thời ông cũng phái những người đại diện mang thư đến hội thánh này để cố gắng dàn xếp mọi việc. Đầu tiên, ông phái Ti-mô-thê mang bức thư thứ hai đi, tức 1 Cô-rinh-tô của chúng ta, phức tạp nhỉ! Nên nếu bạn viết số 2 thay vào số 1 và số 4 thay vào số 2 là đúng. Nên ông đã sai Ti-mô-thê. Tôi e là Ti-mô-thê quá rụt rè và ông để hội thánh đó rơi vào tình trạng còn tệ hơn trước; ông đã quay lại và báo với Phao-lô rằng *họ tệ hơn bao giờ hết, họ không hưởng ứng cách giải quyết của con.* Tít thì nghiêm khắc hơn; chúng ta sẽ thấy điều đó khi nghiên cứu các bức thư gửi Ti-mô-thê và Tít. Tít cứng rắn còn Ti-mô-thê thì rụt rè. Nên sau khi chuyến thăm của Ti-mô-thê thất bại, Phao-lô đã phái Tít đến và Tít đã xử lý họ ổn thỏa và mang tin vui hơn về. Nên họ liên tục đến rồi đi. Đến lúc này, Phao-lô đã rời Cô-rinh-tô và đang rất bận rộn với nơi khác. Ông đã đến Giê-ru-sa-lem. Lúc này ông đang trở lại Ê-phê-sô; Ê-phê-sô và Cô-rinh-tô là hai địa điểm mà họ đi tới đi lui.

Xét từ đầu tới cuối nhé, Phao-lô đến thăm họ lần đầu. Sau khi ông đi - ông đã ở đó 18 tháng và vận hành hội thánh, nhưng đó là một hội thánh có vấn đề ngay từ ban đầu. Sau khi ông đi, người ta báo cho ông một tin không hay rằng mọi thứ đang thật sự sai lạc trong hội thánh nên ông đã gửi bức thư đầu tiên, một bức thư vội vã. Ông viết vội viết vàng vài dòng để bảo họ sửa lại mọi thứ cho đúng, nhưng tin báo khác của một gia đình đến với Ê-phê-sô, nhà Cơ-lô-ê, đem theo một tin không hay nữa, cho thấy rằng bức thư đầu tiên đã phản tác dụng hoàn toàn, một bức thư viết vội viết vàng có thể thành ra như vậy và họ đã phản ứng dữ dội với bức thư đầu tiên của Phao-lô, nhưng chúng ta không biết. Một phần của nó có thể được tìm thấy trong 2 Cô-rinh-tô 6-7, đó chỉ là phỏng đoán. Chúng ta không biết, nhưng mẩu thư đó nghe hơi giống với một bức thư viết vội vàng, cố gắng sửa lại mọi thứ bằng cái búa to đùng, bạn biết đấy, và nó không ích gì. Đôi khi nó giống như tán phẳng một vết lõm trên ô tô vậy. Nếu xe bạn có một vết lõm ở cánh đuôi, đừng lấy cái búa và nện vào giữa vết lõm ở đuôi, bạn sẽ làm gãy nó mất. Bạn phải gõ nhẹ quanh vết lõm và cứ gõ dần dần như vậy vào trong cho tới khi nó phẳng lại. Nếu không thì lợi bất cập hại. Phao-lô đã thử dùng búa lớn mà không ăn thua.

Nhà Cơ-lô-ê đã báo một tin không hay nên ông đã gửi lại một thư nữa, nói đúng hơn là ông nhận được một bức thư do ba người mang đến và thư này nêu ra nhiều thắc mắc mà họ muốn hỏi. Họ muốn

hỏi về các ân tứ thuộc linh, họ muốn hỏi về hôn nhân và việc ly dị, điều đáng nói là họ không muốn hỏi về những vấn đề của mình. Rất thú vị, người ta thường đến với bạn và thắc mắc điều này điều kia chứ không nêu ra vấn đề, anh chị em hiểu ý tôi nói không? Nhà Cơ-lô-ê đã báo cho ông biết các vấn đề, còn Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ đã mang thư để đặt câu hỏi cho ông. Nên ông đã làm điều này: ông gửi thư mà chúng ta gọi là 1 Cô-rinh-tô theo Ti-mô-thê, và bức thư Phao-lô gửi cho người Cô-rinh-tô được Ti-mô-thê đem đến giải quyết cả những câu hỏi trong thư lẫn những vấn đề mà nhà Cơ-lô-ê đã mách ông, 1 Cô-rinh-tô ra đời như vậy đó! Khi đọc 1 Cô-rinh-tô từ đầu tới cuối, chúng ta phải xác định xem chỗ này là Phao-lô đang trả lời một trong những câu họ hỏi, hay đang giải quyết một trong những chuyện xấu mà gia đình này đã kể với ông? Được không ạ? Vâng, bức thư đầu tiên được gửi đi, rồi người ta lại báo về Phao-lô rằng: *Họ tệ hơn bao giờ hết.* Chăm sóc mọi hội thánh là như vậy đấy.

Như vậy là lần này, Phao-lô đến thăm hội thánh lần thứ hai và chuyến thăm đó là một thảm họa, tất cả đều hỏng bét. Vậy là Phao-lô có những lúc như chúng ta, và mọi thứ đều hỏng bét. Phao-lô buộc phải rời đi. Ông không cải thiện được gì nên ông rời đi. Đó là khi ông gửi bức thư thứ ba theo Tít đi và bức thứ ba đó bị thất lạc, hoặc là nó nằm ở cuối 2 Cô-rinh-tô - chương 10-13, có thể là như vậy vì đó là một phần rất nóng nảy của bức thứ hai, thực sự là rất nóng. Phao-lô dùng lối mỉa mai và mọi giáo viên đều biết là họ phải bất lực lắm mới đi mỉa mai. Cám dỗ với mọi giáo viên là đi mỉa mai học sinh.

Nhưng dù sao thì bức thư nóng nảy thứ ba đó theo Tít đi, nhưng Tít là người thích hợp để dàn xếp vấn đề. Phao-lô thường để Tít lại để dàn xếp vấn đề. Dường như ông có sự kiên quyết để bảo rằng: *Đừng có vớ vẩn, tôi không chấp nhận chuyện vớ vẩn. Hãy sửa đổi đi.* Ti-mô-thê rụt rè quá, ông nói: *Xin hãy thử sửa đổi đi ạ*, nhưng Tít nói: *Nào, chúng tôi không thể chấp nhận được chuyện này, hãy sửa đổi đi.* Ông đã điều chỉnh lại và có tin từ Cô-rinh-tô báo về rằng mọi thứ đã tốt hơn nhiều. Phao-lô vui đến nỗi ông lại gửi bức thư thứ tư theo Tít đi và đây là bức mà chúng ta gọi là 2 Cô-rinh-tô. Rồi cuối cùng Phao-lô đến thăm họ lần thứ ba, cũng là lần cuối, một chuyến thăm rất vui vẻ. Vậy là ông đến thăm họ lần đầu tiên và chỉ trích họ, rồi chuyến thăm thứ hai cực kỳ tệ hại và ông buộc phải rời đi, ông không thể trò chuyện với họ, và chuyến thăm thứ ba đã vui vẻ trở lại.

Đó là khó khăn mà Phao-lô gặp với chỉ một hội thánh và chúng ta có những bức thư này, nhưng một lần nữa, cảm tạ Chúa vì chúng ta có chúng. Sự tương phản giữa hai bức thư khá rõ rệt. Bức thứ nhất xử lý những vấn đề thực tế, bức thứ hai xử lý sự lăng mạ cá nhân, trong cả bức thư thứ hai, Phao-lô phẫn nộ với cách họ lăng mạ ông, và đúng là họ đã làm như vậy. Một bên là những vấn đề thực tế, một bên là sự lăng mạ cá nhân. Bức thứ nhất nói về những gì ông cho là vấn đề của họ. Bức thứ hai toàn nói về những gì họ cho là vấn đề của ông. Được không ạ?

Nếu ghi nhớ được những nét tương phản này trong đầu thì chúng ta sẽ dễ hiểu các bức thư hơn. Bức thứ nhất tập trung vào các thành viên trong hội thánh và cách các thành viên phải cư xử, nhưng bức thứ hai tập trung vào những người phục vụ, mục sư, lãnh đạo và cách họ phải cư xử, nên có sự tương phản rất rõ rệt giữa hai thư. Nếu đã đọc hai bức thư thì chắc hẳn bạn đã để ý thấy điều đó. Tôi nhắc lại nhé! Thư thứ nhất - những vấn đề thực tế, thư thứ hai - sự lăng mạ cá nhân. Thư thứ nhất - những gì Phao-lô nghĩ về người Cô-rinh-tô, thư thứ hai - những gì người Cô-rinh-tô nghĩ về Phao-lô. Thư thứ nhất - cách các thành viên hội thánh phải cư xử, thư thứ hai - cách những người lãnh đạo hội thánh phải cư xử.

1 Cô-rinh-tô - "phần nhân" của bánh mì kẹp

Hy vọng là điều đó cho bạn chút cảm nhận về hai bức thư, còn bây giờ chúng ta có thể xét kỹ hơn đến thư 1 Cô-rinh-tô và chúng ta sẽ xét đến thư này trước.

I. CORINTHIANS

FORGETTING CRUCIFIXION

REPORTS | REQUESTS

DIVISION

IMMORALITY

LITIGATION

MARRIAGE/DIVORCE

IDOLATRY

MEN / WOMEN

MEAT

LORD'S SUPPER

SPIRITUAL GIFTS

DOUBTING RESURRECTION

FAMINE RELIEF

Hãy cố gắng cảm nhận về bức thư. Đó là chiếc bánh mì kẹp, tạm quên phần bánh đi, chúng ta sẽ xét đến phần nhân, nhưng đây là chiếc bánh mì kẹp giữa sự đóng đinh và sự sống lại. Thư bắt đầu từ thập tự giá và kết thúc với sự phục sinh. Tạm quên điều đó đi nhé! Hãy xét đến những thứ ở giữa. Tôi đã bảo bạn rằng Phao-lô xử lý hai điều, một là tin báo từ nhà Cơ-lô-ê về các vấn đề của hội thánh, hai là bức thư do ba người mang đến, với những câu hỏi. Vậy là có sự pha trộn trong phần nhân của chiếc bánh kẹp, giữa việc Phao-lô xử lý những vấn đề mà người ta báo với ông và trả lời những câu hỏi đề cập trong thư. Nhưng ông không xử lý hết bên này rồi mới sang bên kia; kiểu như ông xen kẽ bên này với bên kia, tôi nghĩ là để ngụy trang một chút nhằm đưa những gì ông nghe được vào, anh chị em hiểu ý tôi nói không ạ? Vậy là ông giải quyết một loạt các vấn đề, nhưng khoảng hai phần ba hoặc chỉ hơn một nửa những vấn đề mà ông nghe được, cùng với nửa số câu hỏi của họ, hiểu không ạ?

Hãy tìm hiểu xem nhé! Những điều ông nghe được, họ không nhắc đến chúng trong thư, nhưng ông biết là đang xảy ra: Sự chia rẽ giữa các thành viên, sự đồi bại trong các thành viên, các thành viên lôi nhau ra tòa và kiện nhau - sự kiện tụng, thói thờ thần tượng chen vào, mối quan hệ nam nữ - đặc biệt là vai trò của họ trong hội thánh, và vấn đề say xỉn trong Lễ Tiệc thánh và lạm dụng lễ đó. Bạn thấy đấy, vào thời đó, dự Tiệc Thánh là ăn một bữa trọn vẹn và sẽ thật tốt nếu chúng ta vẫn làm như vậy. Thi thoảng trong hội thánh của chúng tôi tại Guildford, chúng tôi làm lễ Tiệc Thánh thành một bữa trọn vẹn, trên mỗi bàn cho từng nhóm Cơ Đốc nhân đều có một chiếc cốc và một mẩu bánh mì, đến cuối bữa, chúng tôi sẽ chuyền cái đó quanh bàn.

Đó chính là cách thức của hội thánh thời đầu. Đó là một phần trong bữa ăn cùng với nhau. Phần bữa ăn đã bị bỏ, phần nhiều là vì sự lạm dụng tại Cô-rinh-tô và bữa ăn bị rút gọn chỉ còn một chút bánh và một chút rượu, để ngăn người ta chè chén say sưa, nên tôi e là chúng ta đã mất đi điều gì đó vì sự lạm dụng của Cô-rinh-tô. Không biết là bạn có nhận ra điều đó không. Lẽ ra đó là một bữa tiệc

tình yêu, một bữa ăn, đến cuối bữa chúng ta nhớ đến Chúa Giê-su và tôi nghĩ sẽ thật tuyệt nếu chúng ta quay lại với điều đó. Nhưng vấn đề là khi tổ chức ăn uống trong hội thánh, người ta cố gắng chuẩn bị một bữa ngon hơn bữa trước, anh chị em hiểu ý tôi nói không ạ? Thậm chí là trong nhóm gia đình, phần ăn uống dần chiếm hết chỗ của phần cầu nguyện, người ta chỉ ăn uống với nhau, anh chị em hiểu ý tôi không ạ? Chúng ta đã thấy điều đó.

Nên đây là những vấn đề mà Phao-lô nghe được, ông viết thư để chỉnh sửa họ, rồi họ đã hỏi ông về hôn nhân và ly dị, rồi tái hôn, vấn đề then chốt. Cũng xin nói thêm là Kinh Thánh không bao giờ nói rằng ly dị là tội lỗi, nhưng tái hôn thì có, đó là một điểm phân biệt rất quan trọng. Họ hỏi về thịt cúng cho thần tượng vì hầu hết chỗ thịt mà họ mua đã dính líu đến một lễ nghi ngoại giáo. Chẳng hạn như thịt cừu New Zealand ngày nay chẳng hạn. Kể từ khi New Zealand mất thị trường châu Âu để bán thịt cừu thì giờ đây họ phải bán thịt cho Trung Đông là chính, một thị trường lớn. Thịt cừu là loại thịt yêu thích tại Ả Rập, và tất nhiên để làm như vậy, họ phải nhờ các giáo sĩ Hồi giáo tại New Zealand giám sát việc mổ cừu và cầu nguyện cho việc mổ cừu. Nên ngày nay, nếu chúng ta mua thịt cừu New Zealand tức là mua thịt cừu đã dính líu đến một lễ nghi Hồi giáo, hiểu không ạ? Đó chính là vấn đề mà người ta gặp phải tại Cô-rinh-tô vì các lò mổ là chốn tôn giáo và thịt thà được cúng cho các thần tượng trước khi đem bán ra chợ. Điều này đặt ra một vấn đề về lương tâm cho các Cơ Đốc nhân: Chúng ta có nên ăn thịt đã cúng thần tượng hay chúng ta nên ăn chay vì đằng sau việc giết mổ là sự thờ thần tượng? Vâng, đó là một vấn đề.

Vậy là họ hỏi về hôn nhân, ly dị và tái hôn, họ hỏi về thịt cúng thần tượng, và đặc biệt là họ hỏi về các ân tứ thuộc linh vì họ có nhiều ân tứ. Thực tế, Phao-lô đã cảm tạ Chúa vì họ nói tiếng lạ, nói tiên tri rồi làm các phép lạ, họ có đủ các ân tứ thuộc linh. Mọi thành viên hội thánh tại Cô-rinh-tô đã được báp-tem Thánh Linh và mọi thành viên hội thánh tại Cô-rinh-tô đều có một ân tứ thuộc linh. Phao-lô cảm tạ Chúa vì họ là một hội thánh đầy ân tứ, nhưng đồng thời họ cũng là một hội thánh xác thịt. Người ta có thể vừa ân tứ vừa xác thịt, điều đó nghĩa là người ta có đủ các ân tứ thuộc linh nhưng lại thiếu bông trái Thánh linh cần thiết để sử dụng các ân tứ cho đúng. Nhưng họ hỏi ông về điều đó, nên đến một thời điểm trong thư, ông nói: *Còn về các ân tứ thuộc linh.*

Vì đôi khi Phao-lô trả lời câu hỏi của họ nên chúng ta gặp chút vấn đề trong các phần này - khi nào thì Phao-lô trích dẫn điều họ nói, khi nào thì ông trích dẫn điều mình nghĩ? Điều đó dẫn đến một số hiểu lầm và khó khăn trong giải nghĩa. Ví dụ, có lúc Phao-lô nói rằng “đàn ông không lấy vợ là hay hơn,” nhưng cái đó là ông đang nói hay chỉ đang trích lời họ đây? Nếu đọc cả câu thì sẽ là “Còn về những vấn đề anh em đã viết trong thư như ‘đàn ông không lấy vợ là hay hơn’,” thấy không ạ? Như vậy, có thể là họ nói rằng *Đàn ông không lấy vợ có phải hay không!*, vì thực ra sau đó, Phao-lô lại tiếp tục đề cao hôn nhân, nên chúng ta phải cẩn thận hơn một chút. Khi nào thì ông trích lời họ đây? Ví dụ, khi ông nói “phụ nữ phải giữ yên lặng trong Hội Thánh” là ông đang trích lời họ hay trích lời chính mình? Vì trong chính thư này, ông khích lệ phụ nữ cầu nguyện và nói tiên tri trong hội thánh. Anh chị em có thấy vấn đề không ạ? Tôi đưa điều đó vào vì chúng ta nên cẩn thận với 1 Cô-rinh-tô khi giải nghĩa và áp dụng thư này. Anh chị em phải cẩn thận để không trích dẫn điều gì đó như là của Phao-lô, trong khi thực chất thì ông đang trích dẫn những lời trong thư họ gửi để sau đó giải đáp chúng. Anh chị em hình dung ra chưa? Nhưng còn lại thì hầu hết những gì trong thư đều khá dễ hiểu.

Áp dụng thư Cô-rinh-tô đúng cách

Áp dụng sách Cô-rinh-tô là một vấn đề, và một số người biến thư này thành quy tắc luật pháp và áp dụng điều đó theo nghĩa đen hoặc thành luật pháp. Tôi muốn lấy một minh họa cho điều này. Đừng

bắt chước một thực hành trong đó một cách mù quáng mà hãy tìm ra nguyên tắc mà Phao-lô đang áp dụng, rồi áp dụng điều đó với hoàn cảnh của chúng ta, Hãy lấy một ví dụ không có trong Cô-rinh-tô cho dễ hiểu. Thật kỳ lạ là rất nhiều Cơ Đốc nhân nghĩ rằng Chúa Giê-su muốn chúng ta cử hành nghi lễ rửa chân trong hội thánh, nên đôi khi các hội thánh thông báo rằng: *Chủ nhật tuần tới chúng ta sẽ tổ chức lễ rửa chân* và ai cũng cố gắng rửa chân trước khi đến, thấy không ạ? Điều đó trở thành một nghi lễ, nghi thức.

Với tôi thì đó là áp dụng Kinh Thánh theo chủ nghĩa luật pháp. Để tôi nói tại sao Chúa Giê-su lại rửa chân cho các môn đồ, vì vấn đề là ở chỗ đó. Tại sao Ngài lại làm như vậy? Câu trả lời là vì chân họ bẩn. Anh chị em hiểu không? Thế nên Ngài mới làm vậy, vì trong thời đó, chân người ta đi dép còn đường thì bụi bẩn, đến lúc ăn thì chân họ đã nóng bỏng, nhớp nháp, bốc mùi và bẩn thỉu; họ cũng không thể giấu chân dưới tấm khăn trải bàn vì họ ngồi nghiêng khi ăn, người tựa vào khuỷu tay trái và ăn bằng tay phải nên chân họ gần sát với mặt của người kế tiếp. Nên trước khi thọc chân xuống dưới mặt của vị khách tiếp theo, chân họ cần được rửa, và người nô lệ thấp kém thứ hai trong nhà sẽ tháo dép ra, còn người nô lệ thấp kém nhất sẽ rửa chân. Thứ tự trong nhà là như vậy, thế nên Giăng Báp-tít mới nói “tôi không xứng đáng cởi dép cho Ngài,” làm người nô lệ thấp kém thứ hai của Ngài. Chúa Giê-su đã rửa chân cho họ.

Ngài làm như vậy vì chân họ bẩn, họ cần được rửa chân và Ngài làm như vậy để thể hiện rằng một Cơ Đốc nhân, một người theo Đấng Christ cần hạ mình đáp ứng những nhu cầu thấp nhất của người khác, nhưng lễ rửa chân không phải là điều Ngài theo đuổi. Công việc tương đương trong thời nay sẽ là đi rửa xe cho nhau ngoài kia, vì đó là thứ bị bẩn trên đường chúng ta đến đây. Hiểu không ạ? Khi bắt chước một thực hành nào đó một cách mù quáng, chúng ta bỏ lỡ mất nguyên tắc và biến nó thành nghi lễ trong khi lẽ ra nó là sự khiêm nhường phục vụ lẫn nhau, dù có bị bẩn đến thế nào khi làm việc đó.

Hãy xét đến 1 Cô-rinh-tô 11. Phụ nữ có nên đội mũ không? Đây là một ví dụ điển hình cho việc Cơ Đốc nhân làm mọi thứ rối tung cả lên. Trước hết thì 1 Cô-rinh-tô không nói gì về mũ mĩ cả, từ đó không xuất hiện luôn; “khăn trùm” thì có, nhưng từ này chỉ xuất hiện có một lần trong cả chương và nó xuất hiện như sau: “mái tóc dài được ban cho người như một khăn trùm.” Không có một câu nào nói rằng phụ nữ nên đội khăn trùm, mũ lại càng không. Thực ra đoạn này nói về tóc, rằng tóc đàn ông phải ngắn hơn tóc phụ nữ và ông nói nhiều đến việc đàn ông để tóc dài cũng như phụ nữ để tóc ngắn. Nói một cách đơn giản thì nguyên tắc là người ngồi sau anh chị em trong hội thánh nên biết được rằng họ đang ngồi sau một người nam hay người nữ. Nguyên tắc sâu xa hơn là người nam và người nữ khác nhau, vì thông điệp thật sự không phải là về mũ mĩ hay tóc tai, mà là về cái đầu. Nguyên tắc đơn giản là khi nhìn vào một người nam, chúng ta cần nghĩ đến đầu anh ta, nhưng khi nhìn vào một người nữ thì chúng ta cần nghĩ đến mái tóc cô ta, điều đó chỉ rõ sự khác biệt giữa người nam và người nữ. Như Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ, Đấng Christ là đầu của mọi người nam còn người nam là đầu của người nữ. Đoạn này nói về cái đầu, làm sao để thấy được đầu người nam bằng cách để tóc ngắn, và để không thấy đầu người nữ bằng cách để tóc dài. Hiểu nguyên tắc không ạ?

Nhưng nguyên tắc sâu xa hơn là trong Đấng Christ, chúng ta vẫn là nam và nữ, chúng ta không bị vô tính. Chúng ta vẫn mang giới tính mà Chúa tạo dựng và khi thờ phượng Chúa, chúng ta không thờ phượng Chúa như những con người, mà như những người nam và người nữ. Chúng ta sẵn sàng chấp nhận giới tính mà Chúa tạo dựng, thế nên thói đảo trang (transvestism - mặc đồ của người khác giới - N.D.) mới bị lên án trong Kinh Thánh. Khi nam muốn giống nữ còn nữ muốn giống nam, đây là sự

nổi loạn chống lại giới tính Chúa đã dựng nên. Khi thờ phượng Đức Chúa Trời như Đấng Tạo hóa, chúng ta đến như những tạo vật của Ngài và để sự khác biệt đó thể hiện rõ ra; để người nam nói rằng: *Con vui mừng khi là một người nam* còn người nữ nói rằng: *Con vui mừng khi là một người nữ, ngợi khen Chúa. Chúng con cùng nhau thờ phượng Ngài như những người nam và người nữ*. Trong xã hội của chúng ta, nền văn hóa của chúng ta đang nói rằng: *Hãy xóa bỏ mọi sự khác biệt nam nữ*; điều đó đang lẻn vào hội thánh và hiện đang tàn phá hội thánh, khi người ta không chấp nhận giới tính mà Chúa đã dựng nên. Nên nguyên tắc thực sự không phải là mũ mĩ, thậm chí là tóc tai, mà nguyên tắc thực sự là cái đầu. Phụ nữ trùm đầu bằng mái tóc, đàn ông để lộ đầu mình để người ta thấy đầu anh này, thấy mái tóc cô kia và niềm hãnh diện của cô ấy chính là mái tóc.

Bạn có thấy chúng ta vừa bước vào phân đoạn này theo một cách có lẽ là tươi mới hơn không? Thay vì hỏi *Phụ nữ có nên đội mũ không?* thì chúng ta tìm ra nguyên tắc và nguyên tắc ở đây là thẩm quyền đứng đầu, làm sao để công khai thể hiện điều đó trong nền văn hóa chúng ta một cách thích hợp nhất. Gần đây có một người châu Phi hỏi tôi là: *Ở nước tôi, tóc phụ nữ cũng ngắn như đàn ông, chúng không dài ra được, chúng cứ cuộn chặt vào, chúng tôi phải làm gì đây?* Tôi đáp: *Thế thì anh chị em phải lấy nguyên tắc này và đặt câu hỏi xem trong hội thánh, chúng ta có thể làm gì để thể hiện rõ mình là người nam hay người nữ chứ không phải những người vô tính?* Đó là nguyên tắc, về sâu xa thì chính Chúa đã dựng nên chúng ta là nam, là nữ theo hình ảnh của chính Ngài, thế giới chúng ta đang kịch liệt chống đối sự khác biệt nam nữ mà Chúa đã dựng nên. Chúng ta cần nhau, nam nữ khác nhau, cảm tạ Chúa vì chúng ta khác nhau, chúng ta cần nhau, chúng ta bổ sung cho nhau, chúng ta có giá trị, phẩm giá và địa vị ngang nhau trong mắt Chúa, nhưng có vai trò, trách nhiệm và chức năng khác nhau. Chính Chúa đã dựng nên điều đó và khi thờ phượng Chúa, chúng ta không phải những con người vô tính, chúng ta là những người nam, người nữ, chúng ta ngợi khen Đấng Tạo hóa vì đã dựng nên mình như vậy, và cảm tạ Chúa vì có nhau. Nguyên tắc đó thật là quan trọng vì tại Cô-rinh-tô đó, cũng như ngày nay, người ta đang cố gắng xóa bỏ mọi sự khác biệt mà Chúa đã đặt để cho chúng ta được đa dạng và bổ sung cho nhau, cho chúng ta vẻ đẹp và sự lãng mạn. Chúa không định ra chủ nghĩa sô-vanh, nhưng Ngài có định ra sự phong nhã. Chúa muốn chúng ta cư xử như người nam, người nữ và thờ phượng Ngài như người nam, người nữ. Chúng ta nên làm như vậy, một cách tự do và vui mừng nói rằng: *Chúa ơi, cảm tạ Ngài vì đã dựng nên con như thế này*. Nguyên tắc là như vậy. Nhưng nếu áp dụng cách mù quáng thì: *Ôi, cái bà này vào mà không đội mũ!*

Có hai lối áp dụng 1 Cô-rinh-tô 11 sai cách và tôi đã thấy cả hai trong các hội thánh: Một là áp dụng 1 Cô-rinh-tô 11 với thân thể chứ không áp dụng với tâm linh. Bảo một người phụ nữ đội mũ, rồi phải mặc quần nữa, anh chị em hiểu ý tôi nói không? Tôi đã thấy những người nữ rất chăm đội mũ trong hội thánh nhưng lại lấn lướt chồng mình và họ đã áp dụng lời này với thân thể chứ không phải với tâm linh. Góc độ ngược lại, thái cực ngược lại là áp dụng điều đó với tâm linh nhưng không áp dụng với thân thể, và điều đó thật điên rồ vì chúng ta là những thân thể, tâm linh chúng ta nằm trong thân thể. Nó nói rằng: *miễn là tâm linh tôi thừa nhận rằng người nam làm đầu là được. K*hông, chúng ta cần phản ánh điều đó ở vẻ bề ngoài và thân thể là một phần của chúng ta, và chúng ta thờ phượng Chúa với thân thể của mình. Thờ phượng Chúa với thân thể của mình là một của lễ thích hợp, nên điều này áp dụng với cả thân thể và tâm linh. Để chúng ta chấp nhận nguyên tắc cơ bản của cương vị làm đầu và thể hiện điều đó ra bên ngoài để người ta biết chúng ta là những người nam và người nữ của Đức Chúa Trời.

Chúng ta sẽ dừng lại tại đây vì tôi vẫn còn nói thêm về 1 Cô-rinh-tô, nhưng tôi nghĩ là mình đã lấy một ví dụ để bạn thấy rằng chúng ta rất dễ áp dụng Kinh Thánh theo chủ nghĩa luật pháp thay vì

lần tìm nguyên tắc mà Phao-lô thực sự áp dụng ở đây, và thấy chúng ta có thể áp dụng nguyên tắc đó với thời đại ngày nay như thế nào.

THƯ 1 & 2 CÔ-RINH-TÔ - Phần 2

Ảnh hưởng của tư duy Hy Lạp trên người Cô-rinh-tô

Chúng ta chưa xét xong 1 Cô-rinh-tô, nhưng trước khi đi tiếp, hãy để tôi nhắc đến một điều rất quan trọng. Vì đây là một thành phố ở Hy Lạp, tuy về cơ bản thì thành này của La Mã nhưng nó lại ở Hy Lạp và bị ảnh hưởng rất nhiều bởi ngôn ngữ, tư duy, triết lý Hy Lạp cũng như tất cả chúng ta. Tư duy cơ bản của nền văn minh phương Tây là tư duy Hy Lạp. Chế độ dân chủ là một từ Hy Lạp; không hề có chế độ dân chủ trong Kinh Thánh, nhưng tất cả chúng ta đều yêu chế độ dân chủ, nó mang tính Hy Lạp. Thể thao ra từ Hy Lạp, Kinh Thánh không nói gì đến thể thao, trừ một hoặc hai minh họa của Phao-lô; không chỗ nào nói đến thể thao, nhưng đây lại là tôn giáo của những người đàn ông tại đất nước này. Nó bắt nguồn từ Hy Lạp, từ Olympia tại Peloponnese và quá nhiều thứ đến với chúng ta từ Hy Lạp.

Điều tệ nhất của tư duy Hy Lạp là chúng luôn phân tách giữa thuộc thể và thuộc linh. Họ không bao giờ có thể ghép hai điều đó lại với nhau, nên họ không thật sự coi trọng thân thể. Thân thể và linh hồn là hai điều tách bạch với nhau và tôi e rằng tư duy Cơ Đốc đã cóp nhặt tiếp thu tư tưởng Hy Lạp đó, rằng công việc của chúng ta là cứu "những linh hồn." Vâng, người Hê-bơ-rơ không bao giờ nghĩ vậy. Người Hê-bơ-rơ nghĩ về một người như cả con người trọn vẹn, thân thể và linh hồn gộp thành một. Với họ thì linh hồn là một thân thể có hơi thở, đây là nguồn gốc của SOS, Save Our Soul, Cứu Lấy Linh Hồn Chúng Tôi, nghĩa là cứu mạng, cứu thân thể chúng tôi và đó là tư duy Hê-bơ-rơ. Như vậy, vấn đề thật sự đằng sau nhiều vấn đề tại Cô-rinh-tô là họ nghĩ rằng thân thể không kết nối với linh hồn, và sa vào kiểu siêu thuộc linh chỉ coi trọng những thứ thuộc về linh hồn và những điều xảy ra bên trong, nhưng thân thể cũng là một phần quan trọng không kém của tôi như tâm linh. Đức Chúa Trời dựng nên cả hai.

Đó là lý do tại sao người Hy Lạp tin rằng khi chết, thân thể chúng ta rữa ra và linh hồn chúng ta được tự do. Họ nói về một linh hồn bất tử trong một thân thể hay chết, trong khi tư duy Hê-bơ-rơ hoàn toàn ngược lại, rằng chúng ta có một linh hồn hay chết và cần một thân thể bất tử nên khi cái hay chết này được cho vào cái bất tử kia thì "Sự chết bị nuốt mất trong sự đắc thắng." Thân thể rất quan trọng. Cơ Đốc nhân không tin vào sự bất tử của linh hồn, cái đó là Hy Lạp; chúng ta tin vào sự sống lại của thân thể, cái này là Hê-bơ-rơ, chính thái độ với thân thể là điều họ không thể hiểu đúng, đằng sau rất nhiều câu hỏi; thân thể và linh hồn bị tách bạch với nhau.

Nên người Hy Lạp làm một trong ba điều với thân thể mình, hoặc là họ nuông chiều chúng và nói: *Dù ta có làm gì với thân thể thì cũng không ảnh hưởng gì đến linh hồn*, hoặc họ phớt lờ chúng và cố gắng sống một đời sống thoát khỏi những ham muốn xác thịt, một kiểu chủ nghĩa khổ hạnh, hoặc họ thần tượng thân thể mình và tạc những bức tượng về cơ thể hoàn hảo, điều đó đã du nhập vào văn hóa phương tây. Nếu nhìn các pho tượng Hy Lạp thì bạn sẽ thấy các môn thể thao của họ được tạc tượng khỏa thân vì họ thần tượng thân thể mình. Tất cả những thứ này đều là thái độ sai trái với thân thể và Phao-lô phải nói với người Cô-rinh-tô rằng: *"Anh em không biết rằng thân thể anh em là đền thờ của Đức Thánh Linh," và điều anh chị em làm với thân thể mình sẽ ảnh hưởng đến linh hồn anh em, việc say xỉn tại Tiệc Thánh ảnh hưởng đến đời sống thuộc linh của anh em, chơi gái mại dâm cũng ảnh hưởng, thực chất là anh em đang kết hợp Đấng Christ với gái mại dâm đó; vì giờ đây, thân thể anh em là chi thể của Đấng Christ.* Họ đang sai lệch trong chính thái độ với thân thể mình, nên họ mới gặp vấn đề khi tin vào sự sống lại vì điều đó thuộc về thân thể.

Đến tận ngày nay, người ta vẫn gặp vấn đề với những điều thuộc về thân thể, trong khi thân thể chúng ta là một phần Chúa tạo dựng cho chúng ta. Trong Sách Cầu nguyện Do Thái có một lời cầu nguyện đáng yêu dùng khi đi vệ sinh, để ngợi khen Chúa rằng thân thể chúng ta đang hoạt động tốt và cảm ơn Chúa vì "nỗi buồn" được giải quyết và mình cảm thấy dễ chịu hơn nhiều, hallelujah. Với chúng ta thì điều đó rất không thuộc linh. Tôi đến một số nhà xí Cơ Đốc dán đầy câu tĩnh nguyện và có một đống sách tĩnh nguyện cạnh bệ xí, bạn biết đấy! Tất cả là để đầu tôi thoát khỏi việc mình đang làm mà bước vào những điều thuộc linh, nhưng người Hê-bơ-rơ ngợi khen Chúa vì thân thể mình. Khi già đi và không thể kiểm soát được chúng, anh chị em sẽ ước giá như mình ngợi khen Chúa vì thân thể mình khi nó còn hoạt động tốt.

Đó là tư duy Hê-bơ-rơ và cách hiểu đúng đắn về thân thể, đền thờ của Đức Thánh Linh, và hội thánh là Thân thể của Đấng Christ, tất cả đều là thân thể, thân thể, thân thể, thấy không ạ? Nên thực ra, những gì anh chị em làm với thân thể mình, độ dài của tóc anh chị em, là một phần thuộc linh của anh chị em. Đó không phải là một điều không kết nối với linh hồn anh chị em mà anh chị em đang thờ phượng Chúa với thân thể của mình. Như vậy, từ đầu đến cuối, chúng ta thấy thái độ sai trái của người Hy Lạp với thân thể khiến họ gặp vấn đề.

I. CORINTHIANS

FORGETTING CRUCIFIXION

REPORTS REQUESTS

DIVISION

IMMORALITY

LITIGATION

MARRIAGE/DIVORCE

IDOLATRY

MEN/WOMEN

MEAT

LORD'S SUPPER

SPIRITUAL GIFTS

DOUBTING RESURRECTION

FAMINE RELIEF

Tất nhiên, các ân tứ thuộc linh - vì nhiều người Tin lành có lối tư duy Hy Lạp nên họ không thể hiểu được những ân tứ thuộc linh ảnh hưởng đến thân thể và cảm thấy chỉ nên thờ phượng trong lòng thôi. *Thờ phượng Chúa bằng thân thể à, không ổn. Giơ hai tay lên á, kỳ cục thế! Ta nên thờ phượng với linh hồn mình.* Anh chị em hiểu tại sao chưa? Tiếng lạ là điều xảy ra với thân thể chúng ta, một thứ ở bên ngoài. Nhưng chúng ta đã quá Hy Lạp đến nỗi mọi thứ phải giữ trong lòng và phải thuộc linh. Bạn có hiểu ý tôi nói không? *Làm gì đó với thân thể để thờ phượng là không thuộc linh* - có chứ! Với người Hê-bơ-rơ là như vậy, người Hê-bơ-rơ giơ tay lên với Chúa, họ nhảy múa trước Chúa. Với họ, thân thể là để dâng cho Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta thích đứng nghiêm. Phần duy nhất trên thân thể mà chúng ta được dùng đến là cái miệng, thật kỳ lạ đúng không? Nhưng thân thể anh chị em...Hãy dâng thân thể mình làm của lễ sống! Đó là toàn bộ điểm nhấn trong Cô-rinh-tô.

Các ân tứ thuộc linh là các ân tứ thuộc thể, các phép lạ; sự chữa lành là ân tứ thuộc thể - Ôi, cái này không thuộc linh lắm đúng không, vì nó làm điều này, điều kia với thân thể con người. Tiếng lạ là điều xảy ra với thân thể chúng ta, một thứ ở bên ngoài.

Tôi muốn đưa điều đó vào vì anh chị em thấy đó, từ đầu tới cuối, vấn đề cơ bản của họ là họ không biết phải làm gì với thân thể mình, và họ đang làm sai đủ đường. Tình trạng độc thân được coi là thánh khiết hơn kết hôn và tôi e rằng Thánh Augustine đã thật sự chốt hạ điều đó. Kể từ thời Agustine, người ta luôn ngấm ngầm nghi ngờ rằng tình dục là không thánh, tư tưởng này hoàn toàn không phải của người Hê-bơ-rơ vì mọi Rabbi đều phải kết hôn; một chức tế lễ độc thân là sự rủa sả trong Kinh Thánh. Hiểu không ạ? Có một sự kêu gọi, một ân tứ thuộc linh để sống độc thân, nhưng đó là một điều khác. Đó không phải là một cách cao cả hơn, thánh khiết hơn hành động yêu thương thuộc thể.

Tầm quan trọng của tình yêu thương (1 Cô-rinh-tô 13)

Điều này dẫn đến nguyên tắc tích cực và quan trọng còn lại. Người ta chưa bao giờ thật sự hiểu tình yêu là gì, và tới ngày nay, rất tiếc là từ "yêu" trong tiếng Anh hay tiếng Việt lại để chỉ rất nhiều thứ và chúng ta gặp cùng một vấn đề như vậy. Khi nói đến các ân tứ thuộc linh, Phao-lô cảm tạ Chúa vì họ có các ân tứ thuộc linh. Ý tôi muốn nói là phần đa 1 Cô-rinh-tô 12-14 không liên quan đến hầu hết các hội thánh mà tôi lui đến vì thậm chí họ còn không có những ân tứ đó, nên 1 Cô-rinh-tô 13 là vô ích với họ. Đoạn đó được viết...Thực ra là chương 12 nói về các ân tứ thuộc linh, chương 13 nói về các ân tứ thuộc linh và chương 14 nói về các ân tứ thuộc linh, cả ba gắn liền với nhau. Chương 12 là về các ân tứ thuộc linh nói riêng, chương 13 là về các ân tứ thuộc linh không có tình yêu và chương 14 là cách đúng đắn và tuyệt vời nhất - các ân tứ thuộc linh với tình yêu thương, nhưng tất cả đều nói về các ân tứ thuộc linh. Chương 13 có nói đến tiếng lạ, dù người ta dễ dàng bỏ qua phần ấy. Tất cả đều có đó, nhưng ông nói rằng *điều quan trọng mà anh chị em thiếu mất là tình yêu thương.*



Hãy xét đến một số từ Hy Lạp để chỉ tình yêu thương. Họ cẩn thận với từ vựng hơn chúng ta rất nhiều. Chúng ta dùng từ "yêu" với mọi thứ, gần như mọi thứ, nhưng họ có những từ khác nhau để chỉ điều đó và họ có ba khía cạnh của tình yêu mà chúng ta cần nắm được. Có tình yêu là sự cuốn hút về tình dục, sự tham muốn, bị cuốn hút về thuộc thể. Nhưng thậm chí là họ có hai từ để chỉ điều đó, một từ tốt và một từ xấu. Từ tốt để chỉ sự cuốn hút về tình dục là Eros, một cái tên được đặt nhầm cho bức tượng bằng nhôm tại giao lộ Piccadilly Circus; thực ra phải đặt nó là Agape vì bức tượng đó để tưởng nhớ Lãnh Chúa Shaftesbury và đó là thiên sứ của lòng nhân từ chứ không phải cupid, nhưng cuối cùng thì mọi người đều biết đến tượng Eros tại giao lộ Piccadilly. Eros là gốc của từ "erotic" - tình ái

trong tiếng Anh. Rồi từ xấu kia là Epithumia, một từ bẩn thỉu dành cho loại tham dục tệ hại nhất. Eros không hẳn là một từ xấu, tôi muốn chỉ ra điều đó, nhưng Epithumia thì xấu thật sự và Phao-lô thường liệt kê Epithumia là dạng cuốn hút về tình dục sai trái, bừa bãi và dựa trên sự thu hút lẫn nhau, một số người thu hút điều đó trong chúng ta còn một số người thì không. Về cơ bản thì nó là thứ thuộc về xác thịt, thuộc về thân thể, hình dạng của thân thể. Về cơ bản thì nó là loại tình yêu liên quan đến cảm xúc, tình yêu lệ thuộc. Nó lệ thuộc vào việc đối tượng đó có tiếp tục thu hút ham muốn của bạn không, ngay sau khi điều đó dừng lại thì bạn không còn Epithumia với người đó nữa. Tôi e rằng nhiều cuộc hôn nhân chỉ dựa trên cái đó, ngay sau khi sự hấp dẫn mất đi theo tuổi tác thì tình yêu cũng mất đi. Xét trên một khía cạnh, về cơ bản thì đây là tình yêu nhục dục.

Rồi họ có một từ khác, Philadelphia, ghép philo với adelphia, anh em, nghĩa là thích ai đó. Từ này để chỉ sự yêu mến hơn là sự thu hút. Về cơ bản thì đây là một từ chỉ sự đồng điệu. Chúng ta có những người bạn rất hợp với mình vì họ có cùng sở thích và quan điểm với chúng ta. Đó là sự yêu mến, tình yêu thương anh em và điều đó có thể xảy ra giữa hai người nam hoặc giữa hai người nữ. Cũng xin nói thêm là Eros xảy ra giữa một người nam và một người nữ, nhưng Epithumia có thể xảy ra giữa hai người nam hoặc hai người nữ, đồng tính. Nhưng Philadelphia là sự yêu mến. Về cơ bản thì nó để chỉ hai tâm trí yêu thích nhau, đồng cảm và thông cảm với nhau. Nên về cơ bản thì đây là điều thuộc về trí thức. Ý tôi không nói đến học thuật mà là một điều thuộc về suy nghĩ và nó phụ thuộc lẫn nhau. Các bạn phụ thuộc vào nhau, vào suy nghĩ, thị hiếu và sở thích của nhau.

Rồi có từ này mà người Hy Lạp rất hiếm khi dùng đến, vì gần như họ không thấy nó và tình yêu Agape là tình yêu của sự chú ý. Đó là một tình yêu chú ý đến người ta. Không phải là yêu vì họ cuốn hút mình, hoặc một thứ tình cảm phụ thuộc lẫn nhau, mà đơn giản là một tình yêu chú ý, để ý đến người khác. Vì vậy, về cơ bản thì đây là hành động của ý chí, bạn quyết định Agape với ai đó, một người mà bạn để ý thấy rằng không ai quan tâm đến họ. Bạn quyết định đến và dành sự chú ý của mình cho họ. Điều đó có thể xảy ra trong một buổi nhóm như thế này. Một số người sẽ tự động giao thiệp với nhau, ở đây có Philadelphia.

Nếu có Agape thì tức là có thể một người để ý thấy ai đó đang đứng một mình và không có ai để nói chuyện. Thực ra thì người này không thấy người kia thu hút gì lắm, nhưng người này quyết định rằng: *Không ai nói chuyện với người kia, mình sẽ đến trò chuyện với người đó*, ấy là Agape. Nó là tình yêu của sự chú ý và tình yêu của ý chí, chúng ta quyết định làm như vậy. Vì vậy, không giống với ba dạng kia, dạng này có thể ra lệnh được: *ngươi phải yêu thương*. Bạn không thể ra lệnh với dạng tình yêu này, bạn không thể bảo hai người rằng: *Hai người phải thích nhau*, hiểu không ạ? Bạn không thể nói với một người nam và một người nữ rằng: *Anh chị phải đem lòng yêu nhau*, nhưng bạn có thể bảo họ Agape nhau. Hiểu không ạ? Vì thế, đây là dạng tình yêu thuộc về ý chí và có thể ra lệnh được, bạn có thể ra lệnh cho chính mình, vì thế nó khá độc lập với người mà bạn đang yêu. Người mà bạn đang yêu không cần phải hấp dẫn, đáng mến hoặc thậm chí là biết ơn. Bạn vẫn chữa lành cho người bị bệnh phong dù người ta có nói cảm ơn hay không vì bạn Agape người ấy.

Người Hy Lạp hiếm khi dùng từ này vì chúng ta hiếm khi thấy điều đó nơi mọi người. Chúng ta thấy quá nhiều Eros, Epithumia trong thế giới và thấy khá nhiều Philadelphia, rất ít Agape, rất ít, nhưng đây lại là tình yêu của Đức Chúa Trời. Chúa không yêu chúng ta vì chúng ta cuốn hút, hay vì chúng ta đáng yêu, Ngài yêu chúng ta vì Ngài yêu chúng ta, Kinh Thánh nói như vậy. Tại sao Ngài lại yêu người Do Thái? Chúng ta thấy điều này trong Cựu Ước, không phải bởi vì họ là một dân tộc tuyệt vời, nhưng bởi vì Chúa là tình yêu và Ngài chọn chăm lo cho họ, một đám nô lệ không ai đoái

hoài. Chúa phán: *Ta sẽ chăm lo*. Từ "chăm lo" hay "chăm sóc" gần với Agape hơn từ "yêu" và đây là điều mà họ thiếu. Agape là tình yêu hy sinh, bên này là tình yêu nhục dục, đây là tình yêu xã hội, đây là tình yêu hy sinh sẵn sàng trả bất cứ giá nào để chăm lo cho ai đó.

Tình yêu tuyệt diệu và đây là tình yêu mà Chúa dành cho chúng ta, khi chúng ta còn là tội nhân thì Chúa đã Agape chúng ta, điều đó mở ra một chiều kích mới của tình yêu thương. Hội thánh nào thiếu điều đó thì hội thánh đó sẽ phân rẽ khi các ân tứ thuộc linh xuất hiện. Lý do khiến quá nhiều hội thánh bị chia rẽ vì những điều liên quan đến ân tứ chính là bởi vì thiếu Agape. Chia rẽ không phải vì các ân tứ thuộc linh mà vì thiếu Agape. Vì Agape là tình yêu hy sinh. Agape không khoe mình, không kiêu ngạo, không cư xử trái lẽ, không kiếm tư lợi. Agape không kiêu ngạo, Agape không nói "Tôi có ân tứ," Agape không nghĩ mình giỏi hơn mọi người. Agape "tin mọi sự, hi vọng mọi sự, chịu đựng mọi sự" và nếu có Agape, anh chị em có thể xử lý những ân tứ thuộc linh, còn nếu không thì ôi, chúng thật nguy hiểm. Trưởng thành là tăng trưởng trong tình yêu thương. Nên bây giờ còn có "đức tin, hy vọng và Agape" chứ không phải "đức tin, hy vọng và Eros," cũng không phải "đức tin, hy vọng và Philadelphia." Nhiều hội thánh có sự thông công ấm áp và yêu mến nhau vì anh chị em có nhiều người đồng điệu, họ là một câu lạc bộ tôn giáo gồm những người có chung sở thích về âm nhạc và thờ phượng, đó không phải là Agape. Agape là dù có nhiều sự khác biệt nhưng anh chị em vẫn quan tâm đến nhau, và anh chị em có thể sống với điều đó.

Phần vỏ của chiếc bánh mì kẹp

Bây giờ, tôi phải trở lại với toàn bộ 1 Cô-rinh-tô để hoàn tất thư này. Phần nhân cơ bản của chiếc bánh mì kẹp là tất cả những vấn đề này và các nguyên tắc về thân thể, về tình yêu thương cần phải được khai thác từ thư này và áp dụng với các vấn đề của chúng ta. Nhưng ở đầu và cuối thư, Phao-lô phải xử lý hai điều rất nền tảng. Đầu tiên là họ đang lãng quên thập tự giá, vì từ thập tự giá với người Hy Lạp là một sự xúc phạm. Tại sao? Tại sao một thân thể bị đóng đinh vào thập tự giá lại có thể mang đến sự cứu rỗi về thuộc linh? Lại là vấn đề về thân thể. Thập tự giá quá thuộc thể đối với người Hy Lạp, đó là một phương thức cứu rỗi bằng cách đóng đinh một thân thể lên cây gỗ và họ không thể hiểu nổi điều đó, nên họ quên nó đi. Vấn đề là khi né tránh thập giá và quên thập giá đi thì chúng ta bắt đầu chia rẽ về những điều khác. Phao-lô nói: *Phao-lô có chịu đóng đinh vì anh em không? A-pô-lô có chịu đóng đinh vì anh em không? Phi-e-rơ có chịu đóng đinh vì anh em không? Thế thì tại sao anh em lại về phe một người lãnh đạo, họ chẳng chết vì anh em.*

Thế nên chúng ta mới thường xuyên dùng bánh và chén để gắn với thập tự giá và luôn nhớ đến sự đóng đinh, rằng chính Chúa Giê-su chứ không phải người mục sư chết vì anh chị em. Chúng ta không đi theo con người. Trong sự chia rẽ của người Cô-rinh-tô, tôi phải nói đến điều này, có những người nói rằng: *Chúng tôi theo Phao-lô, chúng tôi theo Phi-e-rơ, chúng tôi theo Lutheran, chúng tôi theo John Wesley*, tôi sẽ không đưa ra cái tên hiện đại nào, nhưng nhiều lắm. Rồi trong tất cả những điều đó, có một nhóm người nhỏ nói rằng: *Tôi theo Đấng Christ.* Phao-lô nói: *cái đó cũng tệ không kém.* Một điểm rất thú vị. Tôi thấy buồn cười khi đến một thành phố lớn như Birmingham, cái này không có thật đâu ạ, nhưng tôi đến một thành phố lớn như Birmingham và thấy một liên hữu nhỏ mới tự gọi mình là Liên hữu Cơ Đốc Birmingham, cứ như thể không có liên hữu Cơ Đốc nào ở Birmingham ngoài họ vậy. *Chúng tôi theo Đấng Christ* - điều đó cũng tệ không kém, khi chúng ta nghĩ rằng *người ta có một cái mác, người ta có hệ phái, nhưng chúng tôi chỉ là Cơ Đốc nhân thôi*. Anh chị em biết đấy, chúng ta có thể nói điều đó trong tinh thần hoàn toàn sai trái và Phao-lô nói: *Một số anh chị em nói rằng chúng tôi theo Đấng Christ, cái đó cũng tệ chẳng kém với việc nói rằng chúng tôi theo Phi-*

e-rơ nếu anh chị em dùng điều đó để phân biệt mình với những người khác mà Đấng Christ đã chết thay. Đừng bao giờ lãng quên sự đóng đinh.

Ở cuối thư, họ có những nghi ngờ về sự sống lại vì người Hy Lạp tin vào sự bất tử của linh hồn, điều mà họ không thể hiểu được là sự sống lại của thân thể và với họ, thiên đàng mà có thân thể thì dường như không phải là thiên đàng. Người ta vẫn nghĩ là những người chết bay lơ lửng trong những chiếc áo dài trắng trong một bầu không khí tâm linh ma quái. Nghe này, tương lai của chúng ta là có một thân thể mới, một thân thể thực thụ mà chúng ta có thể rờ chạm như thân thể này. Tôi rất nóng lòng chờ thân thể mới của mình, và Chúa Giê-su có một thân thể mới sau khi phục sinh, Ngài có thể ăn cá và nấu bữa sáng. Đó là tương lai của chúng ta, và thực ra tương lai của chúng ta là ở trên cả một đất mới, chúng ta sẽ sống trong đất mới với những thân thể mới và Đức Chúa Trời sẽ sống trên đất với chúng ta. Đó là một điều rất khó hiểu với tư duy Hy Lạp nên họ có những nghi ngờ về sự sống lại. 1 Cô-rinh-tô là ghi chép đầu tiên về những người chứng kiến thân thể phục sinh của Chúa Giê-su. Một lần nữa, vấn đề then chốt trong Cô-rinh-tô là thân thể, thân thể.

2 Cô-rinh-tô, một bức thư cá nhân

2. CORINTHIANS

1-7 DEFENCE OF HIMSELF
Tender appeal
Sincerity

8-9 FAMINE RELIEF

10-13 ATTACK ON OTHERS
Tough accusation
Sarcasm

Tôi nghĩ là chúng ta phải rời 1 Cô-rinh-tô và lướt nhanh sang 2 Cô-rinh-tô vì tôi e rằng tôi không ở đây để đưa bạn đi hết Kinh Thánh. Chúng ta không thể làm điều đó vì thời gian có hạn. Tôi ở đây để cho bạn cái nhìn tổng quan, chút mùi vị của một sách trong Kinh Thánh để bạn muốn bước vào và cảm thấy mình có thể hiểu được sách đó. Bây giờ hãy xét đến 2 Cô-rinh-tô. Bức này thiếu bài bản nhất trong các thư và cũng cá nhân nhất; gần như toàn bộ thư đều là tự truyện. Phao-lô nói về chính mình từ đầu tới cuối. Nếu bức đầu viết cho các thành viên trong hội thánh thì bức này viết cho các lãnh đạo hội thánh, những người phục vụ. Mọi lãnh đạo trong hội thánh nên đọc 2 Cô-rinh-tô thường xuyên. Nếu 1 Cô-rinh-tô là những gì Phao-lô nghĩ về người Cô-rinh-tô thì thư này là những gì họ nghĩ về ông, mối quan hệ giữa người Cô-rinh-tô và ông thì rất tệ.

Nó trải qua hai giai đoạn. Giai đoạn 1, việc này diễn ra sau khi ông rời đi. Đây luôn là một bài kiểm - điều gì xảy ra sau khi một lãnh đạo rời đi? Tôi nhận được một bức thư thú vị sau khi chúng tôi rời Chalfont St Peter tại Buckinghamshire, một quý bà đáng mến viết thư cho tôi rằng: *Thưa mục sư, mọi thứ thậm chí còn tốt hơn cả khi mục sư còn ở đây*. Thật là một câu nói thú vị, nó có thể dẫn dắt

suy nghĩ của tôi theo bất cứ hướng nào. Thật khôn ngoan khi viết như vậy. Nhưng điều gì xảy ra khi người lãnh đạo rời hội chúng? Đó là bài kiểm tra chuẩn nhất về chức vụ của ông ta, không phải những gì xảy ra khi ông ta còn ở đó, mà là những gì xảy ra sau khi ông đi.

Sau khi Phao-lô đi, hai điều đã xảy ra. Giai đoạn đầu là họ có những người lãnh đạo tốt khác. A-pô-lô đến, Phi-e-rơ đến, nên họ có những người lãnh đạo tốt khác. Vấn đề là người ta bắt đầu so sánh lãnh đạo này với lãnh đạo kia và nói: *Theo anh thì ai giảng hay nhất? Tôi thích mục sư trước hơn. Tôi thì thích mục sư đương nhiệm hơn. Còn tôi thích ông mục sư sắp đến hơn.* Anh chị em đã nghe thấy hết những lời đó đúng không? Đừng bao giờ so sánh lãnh đạo này với lãnh đạo kia, điều đó thật sự tai hại vì không ai trong số họ chịu đóng đinh vì anh chị em. Nhưng đến giai đoạn thứ hai, họ có những người lãnh đạo rất tệ. Những người lãnh đạo đến Cô-rinh-tô và tự xưng là "các sứ đồ siêu đẳng," thật thú vị khi họ dùng cái danh đó; và họ nói: *Anh chị em thật sự cần chúng tôi, cần một sứ đồ để bao phủ anh chị em, nên chúng tôi đến để làm sứ đồ của anh chị em. N*gày nay cũng vậy. Vậy là những người lãnh đạo này đến, chỉ trích những người tiền nhiệm, và để nâng mình lên thì họ hạ Phao-lô xuống. Hãy luôn cẩn thận với người lãnh đạo đi chỉ trích những người tiền nhiệm. Hãy luôn cẩn thận với một người nâng mình lên bằng cách hạ những người khác xuống; điều này vẫn xảy ra và nó đã xảy ra tại Cô-rinh-tô, những "sứ đồ siêu đẳng" này đến và kiểm soát hội thánh. Những điều họ nói về Phao-lô rất tệ hại.

Phao-lô tự bào chữa cho mình (2 Cô-rinh-tô 1-9)

2 Cô-rinh-tô phản ánh hai giai đoạn đó. Phần đầu của 2 Cô-rinh-tô phản ánh những lời chỉ trích Phao-lô. Hãy xét đến một số lời chỉ trích. Ôi tôi xin lỗi, chưa đến phần đầu. 1 Cô-rinh-tô phản ánh một số so sánh giữa Phao-lô và những người lãnh đạo khác, nhưng 2 Cô-rinh-tô phản ánh những người lãnh đạo tệ hại, họ không chỉ được so sánh với Phao-lô mà còn công khai hạ thấp Phao-lô. Họ nói rằng *những người kia đưa anh em đi chưa đủ xa, chúng tôi mới là sứ đồ thật và chúng tôi sẽ đồng hành với anh em,* kiểu như vậy. Họ lên án Phao-lô không kiên định, luôn thay đổi kế hoạch, hèn nhát, chỉ dám viết chứ không dám đến thăm họ, rằng khi gặp mặt thì ông lại yếu mềm. Ông chỉ cứng rắn khi viết thư cho họ, nhưng khi gặp mặt thì ông lại rất khác. Họ chỉ trích rằng ông không được chứng thực, không được công nhận hay giới thiệu qua thư. Họ mang những bằng cấp đến, bằng đại học chẳng hạn. Cái đó gọi là "đầy bằng cấp mà hội thánh chạy hết." Nhưng họ đến với những bằng cấp mà họ có thể đóng khung và treo lên tường, anh chị em biết kiểu đó không? Họ nói rằng Phao-lô không có bằng cấp gì, không có thư giới thiệu gì.

Thế nên Phao-lô, trong 2 Cô-rinh-tô mới nói: *Tôi không cần thư giới thiệu, chính anh chị em là thư giới thiệu của tôi. Tôi đã viết chức vụ của mình trên anh em*, điều đó cho chúng ta biết rằng phép thử quyết định đối với chức vụ của một người không phải là anh ta có bao nhiêu tấm bằng, tham dự bao nhiêu khóa đào tạo, mà là anh ta kết quả nên những con người như thế nào. Đó là phép thử với chức vụ của bất kỳ ai. Họ lên án rằng ông kín kẽ và không thật. Họ lên án rằng ông lạnh nhạt, xa cách, vô cảm, không quan tâm. Bạn có nhớ thư Tê-sa-lô-ni-ca không - cùng một kiểu chỉ trích như vậy nổi lên. Họ lên án rằng ông ăn nói không nhã nhặn, chê vậy thì ai chả chê được.

Tôi nhớ một người đàn ông ở góc công viên Hyde Park, Luân Đôn. Ông ấy đứng trên một cái thùng gỗ và còn không biết là chữ H có trong bảng chữ cái. Ổng nói không nên câu, ngữ pháp thì sai tùm lum. Có hai cậu sinh viên đại học dừng lại để chê bai ổng và nói: *Nghe cái ngữ pháp mà thấy ghê!* Nhưng một cậu sinh viên trong đó đã bị thuyết phục và trở thành một mục sư vĩ đại, vị mục sư

rất nổi tiếng mà các bạn đều biết tên. Chính cái sai ngữ pháp đó đã khiến ông chú ý, trong khi những người khác chê bai. Nhưng anh chị em thấy đó, rất dễ để chê một người ăn nói không nhã nhặn.

Anh chị em có biết điều tệ nhất mà họ nói về Phao-lô, anh chị em tin được không? Họ nói rằng *ông ta không tính phí, chứng tỏ là ông không phải một diễn giả hay vì nếu là diễn giả hay thì Phao-lô có thể tính phí cao*. Tất nhiên, ở Hy Lạp, phương tiện giải trí không phải là ti-vi mà là những triết gia lưu động, tính phí càng cao - phí dự ăn tối với Thủ tướng chẳng hạn - tính phí càng cao thì anh càng là một diễn giả có tiếng. *Ồ, Phao-lô không tính phí nên ông ta lấy đâu ra mà giỏi, ổng phải nói miễn phí chứ không thì chẳng ai mời ổng*. Thực ra là họ đã nói như vậy, Phao-lô đã nghe tất cả những lời chỉ trích này và ông bào chữa cho mình bằng lối chống án rất chân thành và mềm mại.

Trong bảy chương đầu, Phao-lô giãi bày nỗi lòng mình. Sự chân thành của những chương đó. Ông nói: *Tất nhiên là tôi không tính phí, tôi muốn anh chị em được nhận Tin lành miễn phí. Công trình của mỗi người sẽ được thử nghiệm xem nó là cỏ khô, rơm rạ hay đá quý. Tôi bảo mọi người theo tôi rằng "mỗi người phải cẩn trọng về cách mình xây." Tôi đã đặt nền là Chúa Giê-su, những gì anh chị em xây trên đó sẽ được thử nghiệm và một số công trình của anh chị em sẽ bị thiêu hủy và không còn lại gì*. Thư này chứa thật nhiều nhiệt huyết. Ông giãi bày nỗi lòng mình và nói: *Không, tôi cởi mở với anh em đấy chứ! Ôi, anh chị em nói là tôi yếu mềm khi gặp anh em, tôi có như thế khi đến thăm anh em lần thứ hai không? Không hề!* Ông đang tự bảo vệ mình.

Một số khẳng định vĩ đại nhất của ông là trong 2 Cô-rinh-tô này. Để tôi tìm lấy một hai đoạn. Một đoạn ông nói thế này: "Chúng tôi bị chèn ép mọi cách, nhưng không bị nghiền nát; bị bối rối, nhưng không tuyệt vọng; bị bắt bớ, nhưng không bị bỏ rơi; bị quật ngã, nhưng không bị tiêu diệt." Một khẳng định thật hay đúng không? Khẳng định nữa này: Đây là một trong những lời quý báu nhất với những mục sư Cơ Đốc. Hãy nghe điều này. "Chúng tôi không làm cớ vấp phạm cho ai," ông nói "để chức vụ mình không bị chỉ trích. Nhưng trong mọi sự, chúng tôi chứng tỏ mình là đầy tớ của Đức Chúa Trời: rất mực kiên trì trong hoạn nạn, gian khổ, tai ương, đòn vọt, tù đày, loạn lạc, nhọc nhằn, mất ngủ, nhịn đói; trong sự thanh sạch, tri thức, nhẫn nhục, nhân từ, trong Đức Thánh Linh, trong tình yêu thương chân thành, trong lời nói chân thật, và trong quyền năng của Đức Chúa Trời; cầm vũ khí công chính trong cả tay phải lẫn tay trái; dù vinh hay nhục, dù mang tiếng xấu hay được tiếng tốt. Chúng tôi bị đối xử như những kẻ lừa đảo, nhưng lại là người chân thật; bị xem như những kẻ xa lạ, nhưng lại được mọi người biết đến; bị xem như gần chết, nhưng thật chúng tôi vẫn sống; xem như bị hình phạt, nhưng không bị giết chết; xem như buồn bã, nhưng luôn vui mừng; xem như nghèo thiếu, nhưng lại làm cho nhiều người giàu có; xem như không có gì, nhưng lại có tất cả." Đây là những khẳng định đầy ấn tượng, ai đọc mà chẳng cảm động. Ông đang bảo vệ chính mình, ông không để cho những lời nói dối về chức vụ của mình được lan ra.

Phao-lô tấn công những người khác (2 Cô-rinh-tô 10-13)

Đó là chương 1-7, nhưng so với chương 1-7 thì chương 10-13 cực kỳ khác. Ông không còn bảo vệ mình nữa mà quay ra tấn công những người khác và đây là những lời lên án rất gay gắt. Ông dùng đến lối châm biếm và mỉa mai vì giờ đây, ông đang xử lý những sứ đồ giả đến phá hoại mối thông công; và ông nói không hề nhẹ. Những lời tôi vừa đọc cho anh chị em rất mềm mại, nhưng giờ đây, ông trở nên gay gắt và một lần nữa, tôi nghĩ tốt nhất là tôi nên đọc một số câu cho anh chị em, vì như vậy thì anh em sẽ nhận thấy ông thay đổi trọng tâm. Tôi sẽ đọc nhé:

"Ước gì anh em chịu đựng sự điên rồ của tôi một chút! Phải, anh em nên chịu đựng. Vì anh em, tôi ghen với cái ghen của Đức Chúa Trời, bởi tôi đã gả anh em cho một người chồng duy nhất, trình diện anh em như một trinh nữ tinh khiết cho Đấng Christ. Nhưng tôi sợ rằng, như Ê-va bị con rắn dùng mưu mô lừa dối thể nào, thì tư tưởng của anh em cũng bị hư hỏng, mất sự chân thật và tinh sạch đối với Đấng Christ thể ấy. Vì, nếu có ai đến rao giảng cho anh em một Giê-su khác với Đức Chúa Giê-su mà chúng tôi đã rao giảng, hoặc nếu anh em nhận một linh khác với Thánh Linh anh em đã nhận, hoặc tiếp nhận một tin lành khác với Tin Lành anh em đã tiếp nhận, thì chắc anh em cũng sẵn sàng chấp nhận! Tôi nghĩ rằng, tôi chẳng thua kém gì các sứ đồ siêu đẳng kia đâu. Lời nói của tôi có thể kém trôi chảy, nhưng tri thức thì không kém đâu. Tôi đã tỏ rõ điều nầy trong mọi trường hợp và giữa mọi người.

Tôi có lỗi gì khi hạ mình xuống để anh em được tôn cao? Hoặc khi tình nguyện rao giảng Tin Lành của Đức Chúa Trời cho anh em mà không đòi hỏi gì? Tôi đã vơ vét từ các Hội Thánh khác bằng cách nhận trợ cấp của họ để phục vụ anh em. Trong thời gian ở với anh em, gặp lúc thiếu thốn, tôi đã không phiền lụy một ai. Vì tôi không yêu thương anh em chăng? Có Đức Chúa Trời biết! Nhưng điều tôi đang làm, tôi sẽ tiếp tục làm, để loại bỏ cơ hội của những kẻ tìm cơ hội khoe khoang rằng họ cũng như chúng tôi.

Vì những kẻ như vậy là sứ đồ giả, những kẻ làm công lừa dối, mạo làm sứ đồ của Đấng Christ. Nào có lạ gì, ngay cả Sa-tan cũng mạo làm thiên sứ sáng láng. Vì vậy, những đầy tớ của nó mạo làm đầy tớ của sự công chính thì cũng chẳng lạ gì. Kết cuộc chúng sẽ nhận hậu quả xứng với việc chúng đã làm.

Tôi nhắc lại, đừng ai nghĩ tôi là kẻ điên rồ; nhưng nếu anh em đã nghĩ vậy thì hãy chấp nhận tôi như kẻ điên rồ, để tôi cũng được tự hào đôi chút. Điều tôi đang nói không phải là những gì Chúa muốn tôi nói, nhưng nói như một kẻ điên rồ đầy tin tưởng tự hào. Vì có nhiều kẻ tự hào theo lối xác thịt thì tôi cũng sẽ tự hào. Vì anh em cho mình là những người khôn ngoan, lại vui lòng chịu đựng những kẻ điên rồ. Phải, anh em thường chịu đựng nếu người ta bắt anh em làm nô lệ, ăn nuốt anh em, tước đoạt anh em, khinh dể hay tát vào mặt anh em. Tôi lấy làm xấu hổ mà nói rằng chúng tôi đã tỏ ra nhu nhược trong việc nầy.

Nhưng bất cứ người nào dám tự hào về điều gì, thì nói như một người điên, tôi cũng dám tự hào về điều đó. Họ là người Hê-bơ-rơ chăng? Tôi cũng vậy. Họ là người Y-sơ-ra-ên chăng? Tôi cũng thế. Họ là dòng dõi Áp-ra-ham chăng? Tôi cũng vậy. Họ là những đầy tớ của Đấng Christ chăng? Tôi nói như một người điên — tôi còn hơn họ nữa! Tôi đã chịu khó nhọc nhiều hơn, tù tội nhiều hơn, đòn vọt vô kể, nhiều lần suýt bỏ mạng. Năm lần bị người Do Thái đánh bằng roi, mỗi lần thiếu một roi đầy bốn chục; ba lần bị đòn; một lần bị ném đá; ba lần bị chìm tàu, một đêm một ngày trôi giạt trên biển. Trong nhiều cuộc hành trình, gặp nguy hiểm trên sông bến, nguy với trộm cướp, nguy với dân mình, nguy với dân ngoại, nguy trong thành phố, nguy ngoài hoang mạc, nguy trên biển cả, nguy với những kẻ giả danh anh em, chịu khó chịu nhọc, lắm lúc thức đêm, chịu đói chịu khát, bao lần nhịn ăn, chịu rét mướt, trần truồng. Chưa kể những việc khác, hằng ngày tôi phải lo lắng về tất cả các Hội Thánh. Nào có ai yếu đuối mà tôi chẳng yếu đuối ư? Nào có ai vấp ngã mà lòng tôi chẳng như nung như đốt sao?

Nếu phải tự hào, tôi sẽ tự hào về những yếu đuối của tôi. Đức Chúa Trời, Cha của Chúa là Đức Chúa Giê-su, là Đấng đáng ca ngợi đời đời, biết rằng tôi không nói dối."

Anh chị em phải đọc thành tiếng đúng không? Để thấy nhiệt huyết trong đó. Người này đang nói rằng những sứ đồ giả kia, tôi lên án họ. Tôi bảo vệ chính mình. Ông làm điều này vì cớ hội thánh, vì cớ Tin lành.

Quyên góp tiền cứu đói

2 Cô-rinh-tô cũng là một chiếc bánh mì kẹp và ở giữa ông nói, giờ đến phần quyên góp tiền. Thường thì người ta cũng như vậy, nhưng Phao-lô thật sự nặng lòng với việc cứu đói, và tôi cho rằng ông nghĩ thế này. Ông nghĩ: *nếu mình có thể khiến những người Cô-rinh-tô chuyển sự chú ý khỏi bản thân sang bắt đầu chăm sóc những người khác thì hay*, nên ông mới chèn phần kêu gọi quyên tiền cứu đói vào giữa và phần đó, chương 8-9 chứa sự dạy dỗ tuyệt vời về sự ban cho Cơ Đốc và nếu bạn muốn dạy người ta ban ra thì hãy dùng hai chương giữa của 2 Cô-rinh-tô.

Đó là những bức thư Phao-lô gửi cho người Cô-rinh-tô. Bức đầu xử lý những vấn đề của họ. Bức thứ hai xử lý những vấn đề giữa ông và họ, khi họ đem ông ra so sánh với những lãnh đạo khác, thậm chí với cả những vị lãnh đạo xấu xa đến kiểm soát hội thánh, nâng mình lên bằng cách hạ Phao-lô xuống. Phao-lô không có những điểm xấu đó và tôi nhấn mạnh rằng ông không như vậy, ông không nói tất cả những điều này về bản thân để bảo vệ danh tiếng của chính mình, nhưng để bảo vệ Tin lành, vì nếu người ta muốn né tránh sứ điệp thì họ sẽ tấn công sứ giả, đó là một cách rất tinh vi để phá hoại những công việc tốt đẹp của Tin lành.

Hãy đọc cả hai bức thư, hãy đọc chúng thành tiếng để có thể cảm nhận được tông giọng. Đừng đọc chúng với giọng kỉnh kiềng, hãy đọc chúng từ lòng mình và ngày hôm nay, chúng sẽ đi vào lòng bạn rất mạnh mẽ.

THƯ GA-LA-TI - Phần 1

Giới thiệu

Tôi không biết bạn thích sách Tân Ước nào nhất, nhưng tôi thì thích cuốn mà mình vừa nghiên cứu nhất. Tôi thật sự thích thú với cuốn mà tôi vừa nghiên cứu kỹ. Tôi phát hiện ra là Ga-la-ti không phải là sách yêu thích của bất cứ ai, nhưng người ta có những ý kiến rất trái chiều về thư này. Họ chia thành hai nửa rõ ràng. Một bên nồng nhiệt, một bên lãnh đạm khi đọc Ga-la-ti. Một số quan điểm nồng nhiệt như sau: Martin Luther nói rằng Ga-la-ti là sách hay nhất trong Kinh Thánh. Ông nói *đây là thư tín của tôi, tôi kết hôn với Ga-la-ti. Đây là Katie của tôi.*

Nếu anh chị em biết thì ông đã kết hôn với một nữ tu tên Katherine, tức Katie của ông. Ông đang muốn nói rằng đây là sách mà tôi kết hôn với. Một người khác nói: *Thư này là viên đá dưới khe mà giống như Đa-vít, Luther đã nhặt lên để giáp mặt với tên khổng lồ là Giáo hoàng và đập vỡ trán hắn.* Thật là một khẳng định hay. Anh chị em biết là Gô-li-át chết vì bất ngờ đúng không? Cái thứ đó đã bao giờ lọt vào đầu hắn đâu.

John Bunyan, tác giả của Thiên lộ Lịch trình nói rằng: “Trừ Kinh Thánh ra thì tôi thích cuốn giải kinh của Luther về Ga-la-ti hơn mọi sách khác mà tôi từng đọc, đó là cuốn thích hợp nhất cho một lương tâm thương tổn.” Đó là lời tri ân của John Bunyan với cuốn sách cổ này, đây là cuốn giải kinh của Martin Luther về Ga-la-ti, bản cổ. Sách đó có tầm ảnh hưởng sâu sắc trên John Bunyan và trên John Wesley. Chính vào lúc một người đang đọc sách này mà John Wesley cảm thấy lòng mình được sưởi ấm một cách lạ lùng vào lúc 8:45 ngày 24/05/1738 tại con phố Aldersgate của Anh, ở vị trí của Ngân hàng Barclay ngày nay, nhưng có một tấm bảng treo tường cho bạn biết rằng đây là nơi xảy ra sự việc đó.

Năm lý do khiến nhiều người không thích Ga-la-ti

Vậy là Ga-la-ti có tầm ảnh hưởng sâu sắc trên lịch sử Cơ Đốc, và nhiều Cơ Đốc nhân yêu thư này, nhưng rõ ràng là không phải tất cả. Một số người cực kỳ không thích sách. Ga-la-ti được gọi là một bức thư đóng đinh; được gọi là khu rừng đầy gai; được gọi là chất nổ, mỗi câu đều là một tia sét, nên đây không phải là bức thư mà ai cũng thích, tại sao? Tôi đã ghi ra năm lý do. Một là với một số người thì thư này quá đa cảm. Đây là bức thư nhiều cảm xúc nhất. Thư được viết với sức nóng bừng bừng, chắc phải viết trên giấy chống cháy hay sao đó, vì đây thực sự là một bức thư nóng nảy.

Một số người không thích có cảm xúc trong tôn giáo. Lại nhớ đến câu chuyện kinh điển về một quý bà người Tây Ấn đến một nhà thờ giáo xứ tại Tây Luân Đôn, bà đã quen với sự hào hứng; và khi cha xứ giảng, bà nói: “Giảng đi người anh em, giảng đi người anh em, amen, hallelujah.” Cuối cùng, người cai quản giáo đường tiến đến và nói: “Bà có thể im lặng được không, bà đang làm náo loạn cả buổi lễ đấy ạ!” Nhưng bà nói: “Tôi theo đạo mà.” Ông trả lời: “Thưa bà, ở đây không có cái đó đâu.” Tôi e là điều này quá đúng đi, nhưng anh chị em thấy đó, vì một lý do nào đó, nhất là ở Anh Quốc, các trường công của chúng ta dạy rằng: *Đừng để cảm xúc bước vào tôn giáo, hãy giữ cho nó cái vẻ đạo mạo, trang nghiêm.* Nhưng khi đọc Ga-la-ti, người ta sẽ thấy trước giả viết thư trong sự nóng nảy, ông đang bùng cháy với điều gì đó, nóng bừng bừng và rất giận dữ, người ta không thích điều đó trong tôn giáo.

Một số người nói rằng thư này quá riêng tư; có quá nhiều cá tính trong đó, thư tự thuật nhiều quá và rõ ràng là Phao-lô đã nói nhiều về bản thân trong thư này hơn mọi thư khác. Có lúc ông nói về thể

xác đau yếu của mình, lấy sự yếu đuối của chính mình mà nài xin họ. Nhưng có lúc ông cũng nói đến việc mình tranh cãi với chính Phi-e-rơ trước mặt mọi người, khi ông phải phản đối Phi-e-rơ trước cả hội chúng và nói: *Phi-e-rơ, anh sai rồi*. Vậy là ngay trong hội thánh thời đầu, các Sứ đồ cũng có những mối bất hòa công khai. Cảm tạ Chúa vì họ như vậy, họ không giống chúng ta ngày nay, quá e ngại đến nỗi cứ gật đầu mà không dám khác biệt, né tránh đối đầu nhau. Không, khi lẽ thật bị đe dọa thì ngay cả Phi-e-rơ và Phao-lô cũng đối đầu với nhau và đấu tranh vì nó.

Những người khác thấy đây là một bức thư quá trí thức, và rõ ràng là thư có lập luận rất chặt chẽ. Phao-lô thực sự đang dùng mọi kiến thức và kinh nghiệm làm Rabbi để bảo vệ lập luận mà ông đưa ra, và đây là lập luận trí tuệ rất chặt chẽ. Nói thật với bạn là tôi chưa đọc thấy một bản dịch nào thật sự nắm bắt được mạch lập luận, nên tôi thừa nhận rằng thực chất, tôi đã tự dịch thư này. Bản dịch đã được xuất bản nhưng rất tiếc là đã bán hết. Nhưng tôi sẽ đọc cho bạn một vài phần khi xét đến sách, vì lập luận rất tinh vi và có một số ý rất hay trong đó. Một số người còn không buồn dùng đến trí óc của mình. Anh chị em biết đấy, lãnh địa lớn nhất chưa được khám phá trên thế giới nằm giữa hai tai anh chị em và chúng ta cần yêu Chúa với hết tâm trí mình. Tôi phải thừa nhận rằng câu mà người ta hay nói với tôi nhất sau khi nghe tôi giảng là một kiểu quở trách nhẹ nhàng rằng: *Hôm nay, mục sư đã giảng một điều khiến tôi phải suy nghĩ*; và họ nói câu đó với giọng điệu là "tôi không đến hội thánh để suy nghĩ." Vâng, tôi không thấy có lỗi gì khi khiến não bạn căng ra, Phao-lô cũng khiến não bạn căng ra. Đó là một lập luận rất chặt chẽ và anh chị em phải nghiên cứu thư này thật cẩn thận, phải đọc đi đọc lại để hiểu những điều Phao-lô nói.

Một số người thấy thư quá thuộc linh, lạ thật. Tôi e rằng Ga-la-ti lột sạch mọi vỏ bọc thuộc linh và thư này thật sự đánh vào sự kiêu ngạo của anh chị em. Nếu anh chị em còn chút kiêu ngạo nào thì đừng đọc Ga-la-ti vì đến khi đọc xong, anh chị em sẽ chẳng còn gì nữa. Thư này thật sự đi vào tận gốc của vấn đề và người ta thấy rằng sách xuyên thấu tâm trí và tấm lòng mình, xuyên thấu đến cốt tủy, sách là Lời Chúa sắc như gươm hai lưỡi và có khả năng xuyên thấu. Trên hết, người ta thấy thư này quá gây tranh cãi, quá gợi tranh luận. Buồn cười thật, nhưng tâm trạng chung của thời hiện đại là chúng ta không muốn tranh luận trong tôn giáo. Chúng ta không muốn cãi nhau, thôi thì dĩ hòa vi quý. Ga-la-ti không phải là kiểu thư đó, Ga-la-ti tranh luận với những Cơ Đốc nhân khác, không phải với người vô tín, thư có tính tranh luận và đã gây ra nhiều tranh luận. Nhưng nếu thư này không khiến Luther hình thành nên tranh luận đó thì sẽ chẳng có phong trải Cải Chánh. Nên tranh luận mang lại nhiều lợi ích cho chúng ta.

Ngày nay, nhiều người không ưa nó vì chúng ta không thích sự chia rẽ cùng những mối bất hòa dẫn đến chia rẽ. Hai đức tính được coi trọng nhất trong thời nay là nhún nhường và ý tứ, trong Kinh Thánh thì không. Nhưng ngày nay, chúng lại là hai đức tính Cơ Đốc được nhiều người coi trọng nhất, rằng chúng ta phải nhún nhường nhau và ăn nói ý tứ. Chúa Giê-su không hề như vậy, những người theo Ngài cũng không. Họ là những người hay tranh luận như Ngài. Nhưng chúng ta lại ngại trao đổi về giáo lý. Việc chúng ta không sẵn sàng đối mặt với bất đồng là tốt hay xấu đây? Hồi tháng 1 tôi có dự một hội nghị lãnh đạo với 80 lãnh đạo, đã nhiều năm nay, năm nào họ cũng gặp nhau, nhưng đây là lần đầu họ quyết định dành nguyên ngày để trao đổi về những bất đồng. Những người tổ chức hội nghị thật sự rất căng thẳng, vì lo rằng ngày hôm sau sẽ nổ ra tranh cãi nên họ đã dành ngày đầu chỉ để dạy chúng tôi là Cơ Đốc nhân nên giải quyết bất đồng như thế nào. Tôi bảo họ là *sao các anh phải bất an thế? Các anh nghĩ là chúng ta không thể bất đồng mà vẫn làm bạn được sao?* Tôi phát hiện ra là mình dễ thân thiết với một người mà mình bất đồng quan điểm nhưng chịu làm cho ra lẽ và thành thật với nhau, còn hơn là giả dối chép miệng bỏ qua.

Vậy là tốt hay xấu khi chúng ta không sẵn sàng đối mặt với nó đây? Vâng, còn tùy xem đó là những vấn đề trọng yếu hay thứ yếu. Vấn đề là chúng ta có xu hướng tranh cãi nảy lửa về những vấn đề thứ yếu đến nỗi không thực sự đối chất với người ta về những điều trọng yếu. Ý tôi là chúng ta dùng rượu nho hay nước nho thì có vấn đề gì lắm đâu. Thế mà người ta cứ nhặng xị cả lên với việc rót gì vào cái chén nhỏ vào sáng Chủ nhật. Vấn đề Sa-bát, tôi không tin đó là vấn đề mà Cơ Đốc nhân phải làm quá lên. Phao-lô nói rằng: *Hãy để mỗi người tin chắc ở trí mình.* Nếu một người muốn coi Chủ nhật là ngày đặc biệt thì người đó có quyền làm như vậy. Nếu người khác muốn coi mọi ngày đều là ngày của Chúa thì họ có quyền làm như vậy. Thậm chí chúng ta còn không có quyền áp đặt ngày Chủ nhật trên các tín đồ khác chứ nói gì đến người chưa tin. Ấy thế mà Cơ Đốc nhân lại đang làm quá vấn đề đó lên.

Nhưng khi đến với Ga-la-ti thì chúng ta lại nói đến một số vấn đề quan trọng nhất. Ở đây, chúng không phải vấn đề thứ yếu. Đến sách Khải huyền, chúng ta sẽ xét đến quan điểm Cơ Đốc về vô thiên hy niên, tiền thiên hy niên và hậu thiên hy niên. Một anh bạn của tôi, khi đến Hoa Kỳ, vừa xuống máy bay đã bị hỏi là *Ông theo vô thiên hy niên, tiền thiên hy niên hay hậu thiên hy niên?* Cậu ấy bảo đó là một câu hỏi ngớ ngẩn "vô tiền khoáng hậu," trả lời thông minh thật. Tôi sẽ không tách mình với các Cơ Đốc nhân khác về vấn đề đó. Nhưng những điều mà Ga-la-ti động đến thì tôi sẽ tách bạch. Có những vấn đề nền tảng mà không có chúng, anh chị em sẽ đánh mất Tin lành Cơ Đốc.

Nên tôi e rằng sách này có sự tranh chiến và tôi muốn nói với anh chị em rằng những trận chiến cam go nhất của anh chị em là ở trong hội thánh chứ không phải ở ngoài. Thật đau lòng, vì có ai thích một gia đình tranh cãi đâu, nhưng lại cần có điều đó. Ma quỷ không bao giờ phá Hội thánh từ bên ngoài. Mỗi khi hắn tấn công Hội thánh từ bên ngoài thì Hội thánh lại càng lớn mạnh thêm. Nhưng hắn có thể phá từ bên trong và một trong những cách nhanh nhất là xuyên tạc, sửa đổi hoặc bào mòn Tin lành, và nếu làm được như vậy thì hắn biết mình đã phá được Hội thánh từ bên trong. Tôi e rằng hắn đang quá thành công vào thời của chúng ta. Ở đây, chúng ta có hai người đứng đầu, Phi-e-rơ và Phao-lô đối chất với nhau cách công khai về một vấn đề nền tảng. Tôi muốn nói một điều nho nhỏ về nam nữ mà nhiều người có thể không ưa. Tôi tin rằng Chúa đã ban trách nhiệm tranh chiến và bảo vệ giáo lý về Hội thánh cho những người nam, thật đáng buồn là chúng ta không có thêm những người nam mạnh mẽ, xác quyết, tranh chiến để bảo vệ Tin lành. Có nhiều người nữ muốn và cố gắng làm điều đó, nhưng tôi tin, và tôi đang thừa nhận sự yếu đuối của những người nam chúng tôi, rằng không có đủ những người nam sẵn sàng liều mình đối chất với sai lạc khi nghe thấy hoặc nhìn thấy nó. Phi-e-rơ và Phao-lô đã thật sự làm cho ra lẽ. Phi-e-rơ sai và Phao-lô đúng; Kinh Thánh đủ chân thật để chia sẻ điều đó với chúng ta, và rõ ràng là Chúa muốn chúng ta biết về sự đối đầu đó.

Bây giờ, hãy xét đến thư Ga-la-ti. Một bức thư trong thế giới cổ đại, có nhiều thư lắm, nhưng lại là một dạng văn bản độc đáo, vì thời đó không có dịch vụ gửi thư công cộng, thư từ vừa không rẻ vừa không dễ gửi. Phải tìm được một người sắp đến chỗ đó và trả tiền để họ đưa thư. Thư được mang theo tay. Nếu gửi một bức thư mà tốn cả triệu bạc thì bạn sẽ không viết nhiều đâu. Nên làm gì có chuyện gửi bưu thiếp từ Pompeii để kể về kỳ nghỉ! Nên thư từ thời đó rất quan trọng, quan trọng hơn so với ngày nay nhiều. Chúng ta lúc nào cũng viết vội vài dòng, nhưng họ chỉ viết khi muốn nói một điều rất, rất quan trọng vì gửi thư quá tốn kém, và quá khó gửi đến. Nên họ phải có lý do rất chính đáng để gửi một bức thư. Khuôn viết thư chỉ là một mảnh giấy da dài được cuộn lại. Họ có một thói quen rất khôn ngoan, tôi không biết tại sao chúng ta không làm như vậy.

Khi bắt đầu mở cuộn giấy ra thì điều đầu tiên chúng ta thấy là tên của người gửi, sau đó là địa chỉ gửi đến, sau đó là người đọc, người nhận. Còn chúng ta thì gửi cả một bức thư, tôi nhận được nhiều bức thư dài nhiều trang, một số người muốn kể hết cho tôi chuyện đời của họ, và họ luôn đề tên người gửi ở cuối. Nên chúng ta phải mở một bức thư ra rồi tìm đến trang cuối để xem ai gửi nó. Một thói quen rất dở đúng không? Sao chúng ta không nói ngay từ đầu rằng thư này là của tôi? Người thời đó thường làm như vậy, mở thư ra là biết. Người đưa thư chỉ cần mở ra vài phân để biết phải mang đi đâu, gửi cho ai, còn người đọc thì biết ngay là ai gửi.

Một thông lệ khác là sau khi viết xong những điều trên thì bạn sẽ viết lời chào thăm. Bạn luôn chào họ theo một cách nào đó, rồi có một luật bất thành văn là nói một điều tốt đẹp về người mà bạn gửi thư đến, nhất là khi bạn sắp nói một điều không được hay lắm ở sau. Thật thú vị là Phao-lô gần như luôn viết thư theo dạng thức này, và ông làm vậy với cả người Cô-rinh-tô. Ôi, họ loạn lắm! Họ say sưa trong lễ Tiệc Thánh. Họ không còn tin vào sự sống lại nữa; họ chia bè kết phái. Họ không làm gì ngoài nói tiếng lạ khi bước vào sự thờ phượng. Thật là một mớ hỗn độn, nhưng mở đầu thư, ông lại nói: *Tôi cảm tạ Chúa vì anh em có đủ mọi ân tứ thuộc linh.* Phải nói gì đó tốt đẹp lúc đầu rồi mới nói gì đó khó chịu, thông lệ là như vậy. Thế thì lại càng lạ hơn nữa vì khi viết cho người Ga-la-ti, ông chẳng có gì tốt đẹp để nói cả. Nếu có thể thì có lẽ ông đã làm vậy rồi, nhưng thư này không có lời khen, không có *Tôi cảm tạ Chúa vì anh chị em*, không có gì. Ông cứ thế là chỉ trích hết sức nặng lời, vì có điều gì đó quá nung nấu, muốn bộc phát đến nỗi ông không thể đợi được theo phép lịch sự thông thường.

Cách đọc các thư tín Tân Ước

Một điều khác mà tôi muốn giới thiệu chung về các bức thư, các thư tín. Khi đọc một thư tín, bạn phải nhớ rằng mình chỉ đang nghe một phía của cuộc hội thoại. Thư từ sẽ tương ứng với một tình huống, nên bạn phải đọc cả câu từ lẫn ý nghĩa thực sự của nó. Giống như khi bạn ở trong phòng có cái điện thoại đổ chuông, một người khác nghe điện thoại và bạn chỉ nghe thấy phần họ nói. Tôi đảm bảo là bạn sẽ cố gắng đoán ra những gì bên kia nói đúng không? Vâng, để tôi thử xem bạn có luận ra được tình huống mà tôi nói đến qua điện thoại không.

Alo.
Nó đến rồi hả?
Chúc mừng cậu nhé!
Hôm qua à?
Nó nặng bao nhiêu cân?
Nó màu gì vậy?
Thường là thế.
Cậu nghĩ là cậu biết dùng nó chưa?
Mình bảo này, mấy cái này khá nguy hiểm đấy. Dùng quen rồi thì lại ngon ơ.
Mình nghĩ là nó ăn nhiên liệu lắm đấy.
Nó là bản chạy bằng xăng hay dầu?

Thực ra là tôi đang gọi cho một anh nông dân vừa mới bốc thăm trúng thưởng được cái máy kéo. Đến đoạn nào thì anh chị em bắt đầu nghĩ theo hướng đó? Hiểu ý tôi nói không ạ? Khi bạn chỉ nghe một phía của cuộc hội thoại, não bạn có thể hiểu nhầm phía bên kia nếu không cẩn thận, vì bạn đã có định kiến sẵn rồi. Khi đọc một thư tín, bằng một cách nào đó, bạn phải cố gắng dựng lại tình huống của bức thư và đọc để tìm ra ý nghĩa thực sự. Bạn hỏi rằng: "Sự tình là thế nào mà cần đến thư này

vậy?” Đó là cách lành mạnh nhất để nghiên cứu các thư tín. Bạn không cần phải nghiên cứu sách Tin lành theo cách đó, nhưng bạn thực sự cần nghiên cứu một bức thư theo cách đó.

Bây giờ chúng ta sẽ dùng phương pháp đó để xét đến Ga-la-ti. Tại sao thư lại được viết ra? Thư trả lời cho những câu hỏi nào, đưa ra giải pháp cho những vấn đề nào? Đó là cách nghiên cứu mọi thư tín trong Tân Ước.

WRITER: PAUL (the apostle)
READERS: CHURCHES in GALATIA (north or south?)
OCCASION: 1. ADDITIONS to the MESSAGE
2. ATTACKS on the MESSENGER
ISSUE: a. CIRCUMCISION?
b. JUDAISM?
c. SALVATION!
i. WORKS ALONE.
ii. WORKS PLUS FAITH.
iii. FAITH PLUS WORKS.
iv. FAITH ALONE.

Phao-lô - một người Do Thái nhiệt thành

Trước giả của thư, không nghi ngờ gì nữa, chính là Phao-lô. Không có gì phải bàn cãi, đây có lẽ là bức thư đầu tiên mà ông viết cho một hoặc các hội thánh, nên tôi mới xét đến thư này trước thư Rô-ma. Rô-ma là một trong những bức thư cuối cùng mà ông viết, tuy đó là thư tín đầu tiên trong Kinh Thánh. Nên tôi đảo ngược lại thứ tự. Đây là một trong những bức sớm nhất, có lẽ là bức đầu tiên mà ông viết. Xét đến bất cứ tiêu chuẩn nào thì Phao-lô vẫn là một trong những con người vĩ đại nhất từng sống trên đời. Sinh ra tại Tạt-sơ, ở miền nam Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, đó là trường đại học xếp thứ ba, Tạt-sơ, sau A-thên số 1 và A-léc-xan-đờ-ri-a số 2, Tạt-sơ đứng thứ ba trong bảng xếp hạng học thuật. Hơi giống Durham so với Oxford và Cambridge, không biết tôi có nói phạm đến ai trong đây không? Ông có bố mẹ là người Do Thái; hai người là công dân La Mã và nói tiếng Hy Lạp.

Thật là một xuất thân tuyệt vời! Chúa chuẩn bị chúng ta cho chức vụ trước cả khi chúng ta chào đời. Nhưng Ngài đã chuẩn bị chúng ta bằng những gì chúng ta trải qua từ rất lâu trước khi biết Ngài. Ngài đặt để những điều mà sau này Ngài có thể sử dụng trong chúng ta. Một xuất thân kết hợp cả hai: một người Do Thái đậm chất Do Thái, có bố mẹ là công dân La Mã nên ông cũng vậy, được thừa hưởng địa vị đó, và nói tiếng Hy Lạp. Ông được dạy cho một cái nghề như tất cả những người Do Thái giỏi giang khác. Mọi người nam Do Thái phải học cách làm việc bằng đôi tay mình. Đó là một điều lành mạnh. Trong xã hội Hy Lạp, nếu làm việc tay chân thì bạn sẽ thuộc tầng lớp xã hội thấp hơn so với những người làm việc đầu óc và công việc bàn giấy. Chúng ta đã thừa hưởng thái độ đó, nhưng trong Kinh Thánh thì một người may trại và một người đánh cá lại khác. Phao-lô, trong một bức thư gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca đã nói rằng: *Tất cả anh chị em phải lao động bằng chính tay mình, tất cả anh chị em. Tôi đã nêu gương để anh chị em làm như vậy*. Phẩm giá của việc lao động chân tay. Chúa Giê-su làm thợ mộc trong 18 năm.

Nên Phao-lô là một người may trại, có lẽ là cho quân đội, rồi ông học tại Đại học Giê-ru-sa-lem dưới chân Giáo sư Ga-ma-li-ên như tôi đã nói. Ông trở thành một người cực kỳ chính thống, kiêu ngạo đến cuồng tín, là người Hê-bơ-rơ của những người Hê-bơ-rơ, người Pha-ri-si của những người Pha-ri-si. Không tìm đâu ra được người nào đậm chất Do Thái hơn Sau-lơ người Tạt-sơ. Một người cuồng Do Thái Giáo. Ông thật sự rất cố gắng tuân giữ mọi điều luật của Môi-se, 613 điều. Chúng ta giữ lấy mười điều là cố lắm rồi, nhưng thực ra là có tận 613 điều. Nếu anh chị em định tuân giữ luật pháp thì hãy tuân giữ hết chỗ đó. Đừng chỉ chọn mười điều, hãy tuân giữ hết, và Phao-lô đã làm như vậy. Ông thú nhận rằng mình thực sự gặp rắc rối với một điều. Một điều rất thú vị, đó là điều răn thứ mười, đừng tham lam, đừng vụng trộm. Thật hay khi đó là điều răn duy nhất nói đến động cơ bên trong của chúng ta. Những điều khác nói đến hành vi bên ngoài, nhưng điều đó lại nói đến tấm lòng. Ông nói rằng mình thật sự gặp vấn đề với cái đó, nhưng ông đã cố gắng giữ tất cả để về Luật pháp thì không chỗ trách được. Không nhiều người có thể nói như vậy. Ông đã đạt được nhiều sự công chính riêng.

Ông từng tấn công tất cả những người tấn công Do Thái giáo. Ai phá hoại niềm tin Do Thái giáo là ông tính sổ với họ. Xét theo nghĩa đó thì ông từng là một người chống truyền giáo, nhất là những người mới theo Chúa Giê-su và cho rằng Ngài là Đức Chúa Trời. Điều đó quá trái ngược với thuyết duy thần Do Thái "Hỡi Y-sơ-ra-ên! Hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai." *Làm gì có Đức Chúa Trời nào khác*, ông cảm thấy điều này quá ư là phạm thượng và ông quyết tâm xóa sổ nó. Thực ra là ông đã bắt đầu hủy hoại đức tin mới này, ông đã nhìn Ê-tiên bị ném đá đến chết. Thế là xác định rồi. Từ đó trở đi, ông bắt đầu cắn rứt lương tâm. Thật khó để ông "đá vào mũi nhọn." Ông đã thấy cậu thanh niên này qua đời, và khi qua đời, cậu thanh niên này nói: *Tôi thấy Chúa Giê-su ở bên hữu Đức Chúa Trời; con xin giao linh hồn lại trong tay Cha!*

Điều đó khiến ông càng tranh chiến với đức tin mới này hơn, vì giờ đây, ông đang tranh chiến với chính mình và không ai tranh chiến dữ dội như những người đang tranh chiến với chính lương tâm mình. Rồi trên đường Đa-mách, ông đã gặp Chúa Giê-su. Bạn có biết là tất cả những gì một người Do Thái cần để trở thành tín đồ của Chúa Giê-su là biết rằng Ngài còn sống không? Có lần tôi đi giảng gần Cambridge và có một người phụ nữ Do Thái ở trong hội chúng. Sau giờ giảng, bà ấy lên gặp tôi. Bà ấy hỏi: *Ý ông là Giê-su người Na-xa-rét vẫn sống phải không?* Tôi đáp: *Ý tôi là như vậy.* Bà ấy nói: *Nếu đúng như vậy thì Ngài ấy phải là Đấng Mê-si-a của chúng tôi* - tôi thích từ "của chúng tôi" ấy. Ý là của bà ấy chứ không phải của tôi. Tôi đáp: *Đúng rồi*.

- *Thế làm sao tôi biết là Ngài vẫn sống đây?*
- *Bà thử trò chuyện với Ngài xem nào.*

Thế là bà ấy biết. Anh chị em biết không, chỉ trong 10 phút, bà ấy đã dạy Kinh Thánh cho tôi rồi. Bà ấy nói: *Thế thì chỗ này, chỗ này, chỗ này nữa*; và bả hiểu hết! Điều duy nhất mà trước đây bả chưa hiểu là Giê-su người Na-xa-rét vẫn còn sống, đó là tất cả những gì dân Do Thái cần biết, "họ sẽ nhìn thấy người mình đã đâm," và cả dân tộc sẽ được sinh ra trong một ngày. Tôi có thể thấy điều đó đang diễn ra; và Sau-lơ là người nếm trước tất cả những gì sẽ xảy ra với những người còn lại trên đường Đa-mách, và ông trở thành giáo sĩ cho dân ngoại. Ngay vào ngày đầu tiên đó, Đức Chúa Trời đã phán: *Ta sẽ sai con đến với các dân ngoại.* Đó là người đã viết thư này và ông trở nên một người sốt sắng theo Chúa Giê-su nhất, một người năng nổ truyền bá đức tin mà ông từng cố công phá đổ. Nên ông biết cả Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo từ trong ra ngoài. Ông đã chuyển từ cái này sang cái kia. Đó là bối cảnh và trong các hành trình truyền giáo nối tiếp nhau, ông đã thiết lập các hội thánh trên khắp

thế giới thời bấy giờ, liên tục mở đường đến vùng đất mới. Ông gọi đó là "thuộc địa hóa cho Đấng Christ," một cụm từ thật hay.

Người đọc - Bắc Ga-la-ti hay Nam Ga-la-ti?

Còn người đọc thì sao? Ở đây có chút rắc rối vì Ga-la-ti, có hai Ga-la-ti, và các học giả tốn rất nhiều giấy mực để tranh luận xem đó là cái nào. Tại nơi chúng ta ngày nay gọi lại Thổ Nhĩ Kỳ, có một nhóm thành phố ở miền bắc gọi là Bắc Ga-la-ti, có một nhóm thành phố ở miền nam gọi là Nam Ga-la-ti và vấn đề chỉ là: Thư này được viết cho những người Ga-la-ti ở miền bắc hay miền nam? Người Anh chúng ta có chút quan tâm đến miền bắc vì chỗ đó là của người Celt (hay Xen-tơ), ban đầu thì nó là thuộc địa của dân Gaul, người Gaul. Sau đó, khoảng năm 250 TCN, họ sai lính đánh thuê đi khắp châu Âu, và những người lính đó trở thành người Ireland, Scotland và Welsh, tức người Celt. Nên có những người Ireland, Scotland và Welsh thích tin rằng thư này được viết cho họ, nhưng tôi phải làm họ thất vọng rồi. Tôi không tin là thư này viết cho Bắc Ga-la-ti. Nam Ga-la-ti là cụm các thành Lít-trơ, Đẹt-bơ, An-ti-ốt, I-cô-ni; đây là những thành mà Phao-lô đã đến, cũng dễ hiểu khi ông viết một bức thư như vậy vì Phao-lô đã thiết lập các hội thánh, ngay sau khi hội thánh có các trưởng lão thì ông rời đi, gửi gắm hội thánh cho các trưởng lão mới này, cho Người đứng đầu Hội thánh trên thiên đàng và Đại diện của Ngài trên đất - Đức Thánh Linh, ông tin rằng họ và Đức Thánh Linh sẽ tiếp tục công việc.

Đáng tiếc là những gì xảy đến với họ cũng xảy đến với nhiều liên hữu mới ngày nay. Những người khác đến và cố gắng nắm giữ công việc. Hãy luôn đề phòng những người đến nắm quyền, họ thường là những người nguy hiểm. Thực ra, có những người tìm cách xây dựng đế chế của mình bằng cách gom về cho mình những liên hữu mà người khác đã lập nên không bởi công của họ, nhưng họ lại vơ về mình. Giờ thì nó đã lắng xuống ở Anh rồi nhưng ba bốn năm trước, nó xảy ra khắp nơi. Thường thì những người lãnh đạo đến nắm giữ công việc về sau là người đưa hội thánh đi sai lệch, đi lạc đường và Phao-lô gặp phải điều đó. Tôi e rằng những người làm như vậy là những tín đồ Do Thái đã theo Phao-lô đi khắp nơi. Họ là vấn đề nan giải nhất của ông và họ nói với dân ngoại rằng *Đừng có nghe Phao-lô, ông ta chỉ cho anh chị em biết một nửa câu chuyện thôi. Đúng là ông ta đưa anh chị em đến đức tin, nhưng không đưa anh chị em vào đức tin đầy trọn vì anh chị em cần cả Luật của Môi-se lẫn Đấng Christ.* Tôi rất ngạc nhiên khi bước vào các hội thánh tại Anh Quốc này và rất hay thấy người ta treo mười điều răn trên tường.

Hội thánh đầu tiên tại Anh mà tôi làm mục sư, trước đó tôi làm mục sư tại Quần đảo Shetland, nhưng đó là hội thánh đầu tiên (tôi quản nhiệm) tại Anh. Họ viết mười điều răn lên tường phía sau đầu tôi, trên bục giảng bằng kiểu chữ gothic màu nâu sô-cô-la. Tôi nghĩ: Điều đầu tiên mình sẽ làm là sơn đè lên chỗ đó. Tôi lấy một hũ sơn và sơn hết đi. Anh chị em biết không, người ta kêu ca nhé. Có người nói: *Biết lấy gì để đọc lúc nghe giảng đây!* Tôi bảo: *Anh chị em có thể chơi bingo bằng cái bảng ghi số bài thánh ca chứ tôi không giảng trước cái đó, thực sự không được vì tôi không đến để giảng cái đó.* Họ nói: *Thế thì phải có cái gì trên đó chứ*! Nên thời đó tôi đã dựng một cây thánh giá và treo lên trên tường. Thà giảng về điều đó còn hơn là mười điều răn. Chút nữa chúng ta sẽ trở lại với điều đó, biết đâu tôi lại làm vài người trong đây sốc. Nhưng anh chị em thấy đấy, bất cứ nơi nào Phao-lô đến và mang Tin lành trọn vẹn của Đấng Christ đến cho họ, những tín đồ Do Thái này đều theo sau và nói: *Tất nhiên là ông ta không cho anh chị em biết mọi thứ đâu. Bây giờ chúng tôi đến để kể hết sự tình cho anh chị em.* Đó chính là cách nói của những người lãnh đạo ngày nay khi họ cố gắng nắm giữ liên hữu của những người khác. A*nh chị em đi xa thế là tốt nhưng chúng tôi có nhiều*

hơn thế, chúng tôi có mọi thứ cho anh chị em, rồi họ bước vào và nắm giữ công việc của những người khác.

Nam Ga-la-ti, tôi chắc chắn là ở miền nam, với những thành phố trọng điểm mà Phao-lô đã thiết lập công việc ở đó, trở lại và chỉ định các trưởng lão, rời đi để Đức Thánh Linh dẫn dắt hon, nhưng rồi những lãnh đạo khác đến và phá hỏng công việc. Phao-lô đã nghe vài tin rất không hay về những hội thánh non trẻ của mình, những hội thánh mà ông đã khó nhọc hoài thai nên. Công việc của ông đang bị phá hoại và xảy ra hai điều. Một là họ thêm thắt vào sứ điệp của ông, đó là Tin lành+. Lại một lần nữa chúng ta phải canh chừng điều này. Có quá nhiều tà phái và giáo phái thêm thắt vào Tin lành và họ thường thêm một sách nữa vào Kinh Thánh, anh chị em có để ý không? Họ thêm cuốn Khoa học và Sức khỏe của Ma-ri Baker Eddy vào Kinh Thánh, hoặc họ thêm sách của Giô-sép Smith vào Kinh Thánh. Hãy canh chừng bất cứ ai nói rằng anh chị em phải dùng cuốn này với Kinh Thánh. Đó lại là Tin lành+ rồi, một cái gì đó được thêm thắt vào. Cho càng nhiều hành lý lên chiếc ca-nô thì nó sẽ lật. Hoặc nói cách khác là sự mục nát bắt đầu trên bục giảng, mục nát. Sự dạy dỗ xấu là một điều chúng ta cần đề phòng, sự dạy dỗ xấu.

Nhưng người ta đã thêm thắt vào Tin lành tức là muốn tấn công vị sứ giả mang Tin lành ban đầu đến. Những giáo sư này không chỉ thêm thắt vào Tin lành của Phao-lô mà họ còn đang tấn công vị sứ giả, và thật sự đó là một cách khi bạn không thích những gì một người nói thì bạn sẽ tấn công anh ta, đúng không? Bạn nói điều này, điều kia về anh ta, và rất tiếc là họ vừa tấn công vị sứ giả, vừa thêm thắt vào sứ điệp, sự tình là như vậy.

Vấn đề thực sự là gì?

Hãy xét xem vấn đề thực sự là gì. Rắc rối là do đâu? Lần đầu đọc thư, bạn sẽ nghĩ thư này nói về phép cắt bì, dường như đó là điều mà Phao-lô phản đối rất dữ dội.

Hãy xét đến phép cắt bì, có phải ông lấy chuyện bé xé ra to không? Tại sao lại phải gay gắt về vấn đề nhỏ này như vậy? Nếu người ta muốn được cắt bì thì có sao! Ông có lý do chính đáng để làm ầm lên về tục lệ cắt bì này của người Do Thái không? Một cuộc tiểu phẫu để cắt bỏ một phần trên bộ phận sinh dục của nam giới, Do Thái giáo không thực hành điều này trên nữ giới, tuy một số bộ lạc ở Châu Phi có làm như vậy. Giờ đây, người ta làm như vậy vì lý do liên quan đến y học hoặc xã hội. Đó là một thói quen phổ biến của nền văn hóa Semit, phần lớn là để giữ vệ sinh trong miền khí hậu đó; nhưng với người Do Thái thì nó có ý nghĩa tôn giáo. Với người Do Thái thì nó đóng vai trò nền tảng. Có hôm, cơ quan mật vụ của Hitler cho người ta xếp hàng trên các đường phố Berlin và bắt họ cởi quần ra xem nên đưa ai đến trại tập trung. Đó là dấu hiệu nhận biết người Do Thái và tất nhiên, nó chỉ có trên người nam vì trong nền văn hóa Do Thái, người nam là người thừa kế, gia tài được truyền lại, những lời hứa được truyền lại qua dòng dõi người nam.

Nên người nữ không được cắt bì, và đó là dấu hiệu chỉ ra tư cách được thừa kế phước hạnh mà Chúa hứa cho Áp-ra-ham. Thậm chí Chúa còn phán với Áp-ra-ham rằng nếu người nam Do Thái nào không chịu cắt bì thì sẽ bị trục xuất khỏi dân Chúa vì anh ta đã phá vỡ giao ước; một phần trong giao ước với Áp-ra-ham là mọi người nam phải mang dấu hiệu này. Như vậy, với người Do Thái thì điều này quan trọng hơn cả. Ba điều quan trọng hơn cả với người Do Thái là Lễ Vượt Qua, ngày Sa-bát và phép cắt bì. Những điều khác, dù họ có làm hay không, họ có thể là người Do Thái tự do, hoặc không thực hành Do Thái giáo, nhưng vẫn phải làm ba điều này. Có lẽ ăn theo Kosher là điều thứ tư mà hầu

hết sẽ tuân theo, nhưng không phải tất cả. Nhưng ba điều đó, phép cắt bì, ngày Sa-bát và Lễ Vượt Qua, là những điều bắt buộc.

Phao-lô biện luận trong Ga-la-ti rằng lời hứa với Áp-ra-ham chỉ được định cho một người nam trong dòng dõi Áp-ra-ham, từ "dòng dõi' là từ số ít chứ không phải số nhiều, khi Chúa phán "cho Áp-ra-ham, và dòng dõi ông" thì không phải Ngài muốn nói đến mọi người nam trong dòng dõi ông mà chỉ một người trong số đó. Phao-lô biện luận rằng khi người nam đó đến, tức Chúa Giê-su đến thì phép cắt bì không còn cần nữa vì Ngài đã thừa kế điều đó rồi. Người được hứa cho điều đó đã nhận được nên đâu cần phải cắt bì cho ai nữa. Anh chị em nắm được lập luận này không ạ? Anh chị em sẽ thấy điều đó trong Ga-la-ti 3.

Như vậy, đây là một dấu hiệu của sự thừa kế. Chúa Giê-su có dấu hiệu đó, Chúa Giê-su chịu cắt bì, và Ngài là Đấng thừa kế. Phao-lô đã chịu cắt bì như một người nam Do Thái vào thời của ông. Thực ra ông đã cắt bì cho Ti-mô-thê, và Ti-mô-thê đến từ Ga-la-ti, nhưng Phao-lô lại cắt bì cho ông, tại sao vậy? Vì ông sẽ đồng hành với Phao-lô trong công việc truyền giáo và Phao-lô luôn đến nhà hội trước để giảng cho người Do Thái. Ti-mô-thê sẽ không thể nào vào cùng Phao-lô được nếu ông không chịu cắt bì. Như vậy, Phao-lô làm như vậy chỉ để tiện cho việc truyền giáo. Cũng giống như C.T. Studd và những người khác nuôi tóc đuôi sam khi đến Trung Quốc để cố gắng mở ra một cánh cửa, để hòa hợp với dân chúng.

Nhưng ở đây, Phao-lô, người đã cắt bì cho Ti-mô-thê người Ga-la-ti vì lý do đó, lại nói rằng s*ao anh chị em dám nghĩ đến điều đó!* Một số người nói: *Phao-lô ạ, ông không nhất quán, ông đã cắt bì cho Ti-mô-thê được thì sao chúng tôi lại không được?* Duyên cớ là như vậy, tình cảnh là như vậy. Nhưng đằng sau phép cắt bì có một điều khác. Cũng xin nói thêm là lời lẽ của ông lại nhắc nhở rằng Kinh Thánh không phải là sách thiếu nhi mà là sách người lớn. Đáng buồn là hầu hết mọi người đều ngừng đọc Kinh Thánh khi họ trở thành người lớn, nhưng đây không phải là sách thiếu nhi. Nhưng Phao-lô thật sự dùng lời lẽ gay gắt nhất, ông nói: *Ước gì những người cắt bì cho anh em sẽ làm tới và thiến luôn cả mình đi. Để chính họ cũng không* có con được. Nói rất gắt. Tại sao ông lại nói như vậy? Có đoạn ông nói: *Nếu anh em cắt bì tức là cắt luôn cả Đấng Christ khỏi mình.* Nói toạc móng heo, gay gắt luôn, không hề giống một số thư khác của ông. Tại sao ông lại nói như vậy? Tại sao ông lại phản đối phép cắt bì đến thế?

Tại sao ông lại phản đối phép cắt bì dữ dội như vậy?

Câu trả lời là đằng sau phép cắt bì là Do Thái giáo. Tôi e rằng Do Thái giáo vẫn là một tôn giáo của việc làm, một tôn giáo tự cứu mình bằng cách giữ các điều răn. Một nhiệm vụ bất khả thi, ấy thế mà quá nhiều người đã thử làm như vậy. Việc cho mười điều răn lên tường nguy hiểm ở chỗ, bạn đang truyền đạt cho người ta rằng anh phải sống theo cách này mới làm hòa được với Chúa, một người ngoại đạo bước vào sẽ bị mấy câu "Ngươi không được" đập vào mắt. Tiện đây cũng xin nói thêm, thấy bảo mấy học giả tự do thời nay lấy từ "không" ra khỏi mười điều răn và cho nó vào bản tín điều, nên bây giờ mười điều răn là *Ngươi được phạm tội tà dâm, ngươi được trộm cắp, ngươi được làm mọi điều khác*, còn bản tín điều thì là *Tôi không tin là Ngài được sinh bởi nữ đồng trinh và Tôi không tin vào sự sống lại của thân thể*. Chỉ trích thông minh thật. Nhưng khi đọc tất cả những "ngươi không được" đó, ngoài những thứ khác thì người ta có ấn tượng rằng chúng ta phản đối mọi thứ, chúng ta tiêu cực và nếu họ đến gần Chúa thì Ngài sẽ không cho họ được vui vẻ nữa, kiểu Chúa cái gì cũng "ngươi không được" và liệt kê ngay những gì họ không được làm. Đó là ấn tượng tiêu cực thảm hại mà nó mang lại.

Nhưng về cơ bản thì Do Thái giáo... Cơ Đốc giáo bắt nguồn từ Do Thái giáo, Do Thái giáo lại bắt nguồn từ Cựu Ước như chúng ta. Nhưng cái sau nên giữ bao nhiêu của cái trước đây? Bao nhiêu phần của Cựu Ước sẽ chuyển sang Tân Ước? Bao nhiêu điều trong số 613 điều luật thực sự áp dụng với chúng ta? Đó là một trong những câu hỏi lớn nhất mà chúng ta phải đối mặt khi nghiên cứu Cựu và Tân Ước. Tôi sẽ lấy một ví dụ cho bạn. Tôi không thể nào bảo Cơ Đốc nhân dâng phần mười vì đó là luật trong giao ước cũ và thuộc luật của Môi-se. Tân Ước không hề nhắc đến điều này khi nói với những tín đồ người ngoại. Người Do Thái làm như vậy nhưng không ai bảo các tín đồ người ngoại dâng phần mười. Kinh Thánh bảo chúng ta ban cho.

Tôi đã nghe một người trẻ tuổi giảng về phần mười. Anh ta dùng máy tính hay mục lục, gõ số phần mười anh ta dâng vào và in hết ra. Thực ra anh ta nói thế này, cũng rất thành thật luôn. Anh ta nói: *Có những phước hạnh gắn với việc dâng phần mười* và anh ta liệt kê hết ra, "*hãy lấy điều nầy mà thử Ta, ... xem Ta có mở các cửa sổ trên trời cho các con, và đổ phước xuống cho các con đến nỗi không chỗ chứa chăng,"* rồi anh ta nói rằng có những sự rủa sả gắn với việc dâng phần mười nữa, đúng là như vậy. Anh ta tiếp tục nói về một sự rủa sả trong Cựu Ước, nó có ở đó, rằng cháu chắt chúng ta sẽ chịu khổ nếu chúng ta không dâng phần mười. Tôi nhìn vào những gương mặt trong hội chúng và ôi, họ sợ chắt của mình phải chịu khổ, nên số tiền dâng vào chủ nhật tuần sau nhiều hơn hẳn. Nhưng tôi phát hoảng luôn, tôi bảo *Làm vậy là xấu đấy!* Trong Tân Ước, điều này hoàn toàn dựa trên một nguyên tắc khác. Đức Chúa Trời yêu người dâng hiến cách vui lòng, không nghĩa là cắn răng chịu đựng, mà nghĩa là chúng ta muốn dâng, đó là điều mà Ngài tìm kiếm, không phải là ép người ta dâng để chắt của họ không phải chịu khổ. Cái đó thuộc về giao ước cũ rồi. Tôi nói vậy đã đủ rõ chưa ạ? Luật Sa-bát là một ví dụ khác.

Chúng ta thật sự phải nghĩ về việc mình đang làm trước khi áp dụng các điều luật trong giao ước cũ với Cơ Đốc nhân, vì nếu áp dụng vài điều tức là anh chị em phải áp dụng hết, và nếu áp dụng phước lành tức là anh chị em phải áp dụng cả sự rủa sả. Chúng ta có sẵn sàng làm như vậy không? Tôi thì không. Tôi tin rằng chúng ta phải cân nhắc lại vấn đề này; và Phao-lô đang nói rằng: *Nếu anh chị em chịu phép cắt bì thì cũng giống như đưa cái mũi lạc đà vào trong lều vậy, không lâu sau thì cả cái bướu lẫn người của nó cũng vào luôn. Nếu anh chị em chịu cắt bì vì lý do mà những giáo sư kia đang dạy thì cả 613 điều luật kia sẽ theo sau và bước vào*; thế nên ông mới lo lắng đến vậy. Không phải chỉ chuyện cắt bì, mà điều đó mở cửa cho Do Thái giáo, và ông đã đoạn tuyệt nó rồi. Ông đã thử nó, ông đã cố gắng hết sức và nó rũ bỏ ông. Thực ra, ông nói rằng: *Khi tôi xét đến những điều răn tôi đã tuân giữ, không phải những điều tôi đã phạm phải, mà là những điều tôi tuân giữ, tôi cảm thấy mình như một thằng bé giơ cái bô lên và nói: Hãy xem cháu vừa làm gì này!* Ông đã dùng một từ rất thô trong tiếng Hy Lạp để chỉ phân. "Bẩn như chuồng xí," có thể nói như vậy trong tiếng Việt. Ông nói rằng: *Là vậy đấy, sự công bình riêng của tôi chỉ ra được có thế, cảm tạ Chúa vì tôi được giải phóng khỏi tất cả những điều đó, được tự do khỏi nó.* Tôi nghĩ nếu chúng ta bảo người ta tuân giữ luật của Môi-se tức là đẩy họ xuống địa ngục vì họ không thể làm được.

Để không khí thoải hơn chút ít, tôi sẽ kể cho các bạn một chuyện. Tôi nhận một cuộc gọi từ Y-sơ-ra-ên; mọi hội thánh Cơ Đốc - Ả Rập, Do Thái và giáo sĩ từ Y-sơ-ra-ên đang tụ họp ở Ti-be-rơ, Ga-li-lê để dự một hội nghị và họ thật sự vấp phải một bất đồng. Họ muốn có ai đó từ bên ngoài đến giúp họ giải quyết nó. Họ gọi cho tôi và bảo: *Mục sư có thể bắt chuyến bay sớm nhất đến Y-sơ-ra-ên để giúp chúng tôi giải quyết vấn đề này không?* Tôi nói: *Để tôi thử xem*. Nhưng giá vé bay khứ hồi đặt vào phút chót là tận 25 triệu mà tôi thì không có chỗ đó. Tôi cũng không nghĩ là mình nên bảo họ trả từng ấy. Tôi nghĩ: *Mình phải làm gì đây?* Bên đó có một nhóm thanh niên Ả Rập và Y-sơ-ra-ên đang

cầu nguyện để tôi đến được, và họ đã hỏi Chúa xem mất bao nhiêu để Ngài cho tôi sang được đấy. Chúa phán với họ bằng tiền shekel, đổi ra là gần 4 triệu, và những thanh niên đó đã gom được 4 triệu. Tôi đến sân bay Luton và hỏi: *Có đoàn nào thuê máy bay riêng đi Giê-ru-sa-lem không, cho tôi đi cùng chuyến đó được không?* Họ trả lời: *Hôm nay chúng tôi có một chuyến nhưng kín chỗ mất rồi, ông có ngại ngồi ghế phi hành đoàn không?* Tôi nói: *Không hề*. Đó là một cái ghế thẳng quay về phía sau. Trước đó tôi bị đau lưng đã lâu, nhưng lúc ấy tôi ngồi quay mặt về phía sau. Tôi nhìn quanh và nghĩ: *Mình là người ngoại duy nhất ngồi trên chiếc máy bay này*. Tôi đang ngồi đối diện với bốn Rabbi, nên chúng tôi ăn một bữa Kosher rồi tôi nghĩ: *Nói chuyện tí nhỉ*. Tôi hỏi người đầu tiên: *Cho tôi hỏi là ông có giữ luật của Môi-se không?*

- *Có chứ.*
- *Thế còn luật này?*
- *Ồ không, Rabbi Trưởng cho phép chúng tôi làm cái khác thay cho luật đó.*
- *Thế là giờ ông không giữ luật đó nữa à?*
- *Không*.

Rồi tôi hỏi người thứ hai: *Ông có giữ luật của Môi-se không?*

- *Có chứ.*
- *Thế còn luật này?*
- *Thì ông thấy đấy, giờ chúng tôi không có đền thờ nên không dâng tế lễ được, bây giờ chúng tôi không thể làm theo luật đó.*
- *Thế là giờ ông không giữ luật đó à?*

Tôi cứ hỏi tiếp và cuối cùng, người thứ thư hỏi tôi: *Anh theo phái gì, chính thống hay tự do?* Tôi đáp là không theo phái nào. Chúng tôi nói chuyện tiếp, và tôi không thể quên được là có một người, người thứ hai, nói thẳng luôn: *Tôi biết anh là ai, anh là Cơ Đốc nhân. Anh tin là Giê-su chết để cứu anh khỏi tất cả những điều này.*

- *Ông nói trúng phóc luôn.*
- *Thế anh nghĩ là mình không phải giữ tất cả những luật đó à?*
- *Tôi không còn phải giữ chúng như các anh.*

Chúng tôi có một cuộc trò chuyện tuyệt vời và cuối cùng, chúng tôi đã hạ cánh xuống sân bay Ben Gurion, nhanh quá, thời gian trôi nhanh quá. Nhưng anh chị em làm sao giữ hết được chỗ đó, một nhiệm vụ bất khả thi. Đừng đặt người ta dưới luật pháp, hãy đặt họ dưới ân điển. Đó là điều rất, rất quan trọng. Chúng ta có nằm dưới một luật, nhưng đó là luật của Đấng Christ chứ không phải luật của Môi-se, luật của Môi-se đã cũ rồi, nó đã bị loại bỏ. Nhưng anh chị em biết đấy, một trong những vấn đề lớn nhất trong hội thánh ngày nay - nên Ga-la-ti quá thiết thực, đó là chúng ta liên tục đưa cả luật của Đấng Christ lẫn luật của Môi-se vào, liên tục trộn lẫn cả hai với nhau. Sao anh chị em lại nghĩ là các hội thánh ngày nay phải có lễ phục, hương liệu, bàn thờ, rồi thầy tế lễ? Chúng ta không cần bất cứ điều nào trong đó, chúng thuộc về luật của Môi-se, nhưng chúng đã len lỏi trở lại. Khi nào chúng ta mới đủ mạnh dạn để áp dụng Ga-la-ti theo cách thư này cần được áp dụng đây? Chúng ta nên dừng lại tại đây và trở lại ở bài nói chuyện sau.

THƯ GA-LA-TI - Phần 2

Sự cứu rỗi đến bởi đức tin, việc làm hay cả hai?

Xuyên suốt sách Công vụ, chúng ta thấy mối ràng buộc giữa Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo dần nới lỏng ra. Ê-tiên và sự tuận đạo của ông đã khởi đầu điều đó. Ông là người đầu tiên tuận đạo vì vấn đề cụ thể này. Việc Phi-líp báp-tem cho vị hoạn quan Ê-thi-ô-pi đưa nó đi xa hơn một chút, sau đó là Phi-e-rơ với Cọt-nây. Không lâu sau, các tín đồ Do Thái ở Giê-ru-sa-lem rất, rất nghi ngờ về chuyện đức tin mới này được đem đến với dân ngoại. Với họ thì điều đó có vẻ không Do Thái lắm, nên cuối cùng Phao-lô đã lên Giê-ru-sa-lem để thách thức chính trung tâm của hội thánh đang sai những người chống truyền giáo này đi, những người nói rằng chỉ tin không thôi là chưa đủ, anh còn phải chịu cắt bì nữa. Vấn đề thật sự không phải là phép cắt bì, đằng sau đó là câu hỏi rằng *Người ngoại có nên trở thành người Do Thái khi trở thành Cơ Đốc nhân hay không?*

Câu hỏi của Do Thái giáo là như vậy, nhưng đằng sau đó là một vấn đề lớn. Vấn đề thật sự là chính sự cứu rỗi. Không phải là Do Thái giáo hay phép cắt bì, nhưng là sự cứu rỗi, và câu hỏi chỉ là *Điều đó đến bởi việc làm hay bởi đức tin, hay cả hai?* Hầu hết các tôn giáo trên thế giới là sự cứu rỗi bởi việc làm - *anh phải cầu nguyện, anh phải kiêng ăn, anh phải bố thí,... Thì đến cuối cùng, anh sẽ được hòa hợp với ông trời, anh tự cứu mình bởi những nỗ lực của bản thân.* Rõ ràng là tôn giáo tự cứu mình có sự thu hút người ta vì nó cho họ niềm kiêu hãnh. Tôi đã đạt được nó, như vậy là tự xưng công chính và Chúa ghét sự tự xưng công chính. Ngài thà xử lý tội lỗi còn hơn là sự tự xưng công chính. Chúa Giê-su không thể hòa hợp với những kẻ tự xưng công chính. Ngài làm bạn với tội nhân nhưng còn kẻ tự xưng công chính, người Pha-ri-si, Ngài không thể hòa hợp được với họ. Sự cứu rỗi có phải chỉ bởi việc làm không? Chúng ta có thật sự phải gắng hết sức mình và thật sự nỗ lực để đạt đến đó không? Hay sự cứu rỗi là việc làm cộng với đức tin? Cái đó rất phổ biến.

Tôi từng làm Mục sư Tuyên úy cho Không quân Hoàng gia Anh và tôi làm Tuyên úy "tả phí lù" cho các hệ phái khác. Có một tuyên úy Công giáo và một tuyên úy Anh giáo. Khi một đám người đến thì ông Anh giáo sẽ nói: *Bao nhiêu đồng chí trong đây là người Anh giáo được rửa tội?* Và ông kéo 70% số người đi, rồi ông Công giáo sẽ lấy tất cả những người nói giọng Ireland đi, phần còn lại là của tôi. Tôi còn người Báp-tít, Giám lý, Cứu Thế Quân, Phật giáo, Hindu, Hồi giáo, Bất khả tri, Vô thần; làm Mục sư tuyên úy cho người Vô thần hay lắm! Nhưng đó là một câu chuyện khác. Nhưng khi những người đó ngồi trước mặt tôi, tôi thường hỏi: *Bao nhiêu người Giám lý, bao nhiêu Báp-tít, bao nhiêu Cứu Thế Quân,* họ giơ tay lên. Lấy cùng một tông giọng đó, tôi hỏi: *Có bao nhiêu Cơ Đốc nhân?* Im lặng như tờ. Thi thoảng sẽ có một cậu giơ tay lên và cười, nhưng thường thì họ sẽ... (nhìn quanh quất) xem có ai không. Tôi nói: *Thôi nào, các đồng chí nhận là người Giám lý và Báp-tít, thế thì có bao nhiêu Cơ Đốc nhân vậy?*

- *Nhưng Cha nói Cơ Đốc nhân nghĩa là gì ạ?*
- *Theo các cậu thì ý tôi là gì?*

Họ luôn trả lời giống nhau là *một người giữ mười điều răn.* Tôi đoán là họ lấy ý tưởng đấy từ hồi còn nhỏ, đọc thấy chúng trên tường, nhưng tôi nói: *Được rồi, cứ cho là thế đi, Cơ Đốc nhân là một người giữ mười điều răn. Thế ở đây có bao nhiêu Cơ Đốc nhân?* (Lại nhìn quanh quất) Họ lại hoang mang thực sự, rồi có người lên tiếng: *Nhưng Cha ơi, làm sao mà giữ hết chỗ đó được ạ!* Tôi lại nói: *Thế các đồng chí phải giữ bao nhiêu điều để làm Cơ Đốc nhân?* Họ luôn trả lời là *sáu trên mười*. Tôi

nói: *Được rồi, cứ cho là thế đi, Cơ Đốc nhân là một người giữ sáu trên mười điều răn. Thế ở đây có bao nhiêu Cơ Đốc nhân?*

Điều đó dẫn đến một cuộc thảo luận sôi nổi xem Cơ Đốc nhân là một người như thế nào. Tôi cho họ thảo luận và đây là những điều khiến họ vật vã thật sự. Việc làm cộng đức tin nói rằng *hãy làm nhiều nhất có thể và có đức tin với những gì mà anh không xoay sở được. Giữ càng nhiều điều răn càng tốt rồi xin Chúa tha thứ cho những điều anh không tài nào giữ được*. Đó là hiểu biết thường thấy nhất về Cơ Đốc giáo tại nước Anh này. Những người làm lành. Còn có những người nói rằng *không, phải là đức tin cộng việc làm*. Anh bắt đầu từ đức tin, rồi tiếp tục với việc làm và giữ luật pháp sau khi tin, nhưng anh phải giữ luật pháp. Đó là điều những người theo Do Thái giáo nói, hãy bắt đầu từ đức tin, sau đó phải giữ luật. Thế nên Phao-lô mới nói với những người Ga-la-ti rằng: "Anh em đã bắt đầu với Thánh Linh, sao bây giờ lại kết thúc bằng xác thịt?" *Vì luật pháp thuộc về xác thịt. Đó là nỗ lực của anh em, không phải Thánh Linh làm điều đó trong anh em mà anh em tự làm điều đó*. Điều Phao-lô bảo vệ là chỉ có đức tin mà thôi - "đức tin từ đầu chí cuối," ông thường nói như vậy, đức tin từ ban đầu đến cuối cùng. Ông nói: *Tôi không hổ thẹn về Tin lành đâu; đây là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi người tiếp tục tin,* lại là thì hiện tại tiếp diễn. Vì đó là "từ đức tin đến đức tin," hay "đức tin từ đầu chí cuối" theo bản dịch NIV. Nói cách khác thì chúng ta không thể thỏa hiệp về điều này, anh chị em phải tiếp tục tin.

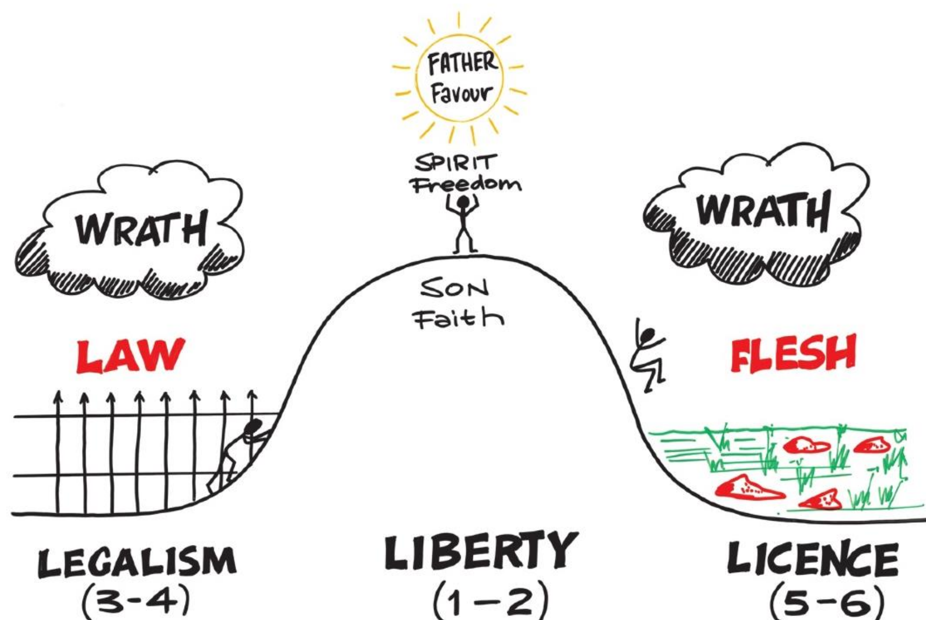
Đó là điểm trọng tâm. Không phải là tin lúc ban đầu rồi cố gắng làm để đạt được, mà là tiếp tục tin. Bảo người ta rằng họ cần tiếp tục tin và bảo họ rằng giờ đây họ cần giữ luật pháp là hai điều rất khác nhau, khác xa nhau. Đây chính là vấn đề mà Phao-lô đang tranh chiến. Ông đang tranh chiến cho sự tự do Cơ Đốc. Đưa Luật pháp vào bất cứ giai đoạn nào là đặt họ dưới sự rủa sả. Vì Chúa Giê-su chỉ chấp nhận điểm đậu duy nhất cho Luật pháp là 100%, hoặc là anh giữ hết, hoặc là anh phá Luật, điều đó đúng với luật giao thông. Nếu cảnh sát giao thông bắn tốc độ tôi thì tôi không thể nói là: *Nhưng đồng chí ơi, trên đường đến đây, gặp đèn đỏ nào mà tôi chả dừng*. Cảnh sát sẽ nói: *Tôi không cần biết là anh có dừng đèn đỏ hết không, vấn đề là anh phạm luật rồi*. Đó là điều Chúa nói, vì Luật pháp là một chuỗi ngọc trai, một chiếc vòng cổ, sự thánh khiết là một chỉnh thể. Anh làm đứt chỗ nào thì ngọc trai cũng sẽ rơi hết xuống đất. Anh đã phá luật, dù anh phá một, hay chín, hay mười điều.

Giống như ba người bị mắc kẹt trên một tảng đá và thủy triều đang kéo đến. Tảng đá đó cách bờ cát ba mét, người đầu tiên nhảy xuống và anh ta chỉ nhảy được một phần ba quãng đường rồi chìm. Người thứ hai nhảy xa hơn và anh ta cố nhảy được hai phần ba quãng đường rồi chìm. Người thứ ba chỉ thiếu có 15 phân nhưng anh ta cũng đi đời. Thực ra thì không quan trọng là anh giữ Luật ít hay nhiều, nếu anh không làm được 100% thì anh cũng tiêu đời như khi phạm phải hầu hết chỗ đó. Đức Chúa Trời nghĩ như vậy đó, Lời Ngài nói như vậy đó. "Đáng rủa thay là kẻ không bền chí tuân giữ mọi điều đã chép trong sách luật pháp," Kinh Thánh chép như vậy. Anh chị em sẽ hứng chịu sự rủa sả đó nếu cứ cố giữ các điều răn và lên thiên đàng bằng nghị lực của bản thân. Nhưng Tin lành có một lối công chính khác hẳn.

Tất nhiên, có một câu hỏi rành rành là: *Thế thì tại sao Chúa lại ban mười điều răn, sao Ngài lại ban Luật của Môi-se làm gì?* Câu trả lời có trong Ga-la-ti, câu trả lời là: *bằng cái thước thẳng của Luật pháp mà chúng ta nhận ra là mình cong quẹo đến nhường nào*. Nói cách khác là chỉ có Luật pháp mới cho chúng ta biết rằng mình là tội nhân; chúng ta không thấy mình sai trái như thế nào cho đến khi nghiên cứu Luật pháp Chúa, lúc ấy chúng ta mới biết. Chúa ban luật pháp để chuẩn bị chúng

ta cho Đấng Christ, Ngài cho chúng ta thấy rằng chúng ta không thể giữ được Luật pháp đó. Thế nên dạy về mười điều răn có thể khiến người ta nhận thức được tội lỗi vì họ nhận ra rằng họ không thể nào giữ được chúng, nhất là theo cách Chúa Giê-su diễn giải lại.

Sự tự do - chủ đề chìa khóa



Chúng ta đến với vấn đề thực sự về sự tự do. Lần đầu tiên tôi đưa một bức tranh ra đây, cho có công cụ trực quan. Đó là toàn bộ thư Ga-la-ti trong một bức tranh, nó rất đơn giản thôi nhưng để tôi giải thích. Chúng ta phải bắt đầu từ đâu đây? Ba điều mà chúng ta đang nói đến là chủ nghĩa luật pháp, sự tự do và sự phóng túng. Chủ nghĩa luật pháp là kẻ thù của sự tự do nhưng người ta không nhận ra là sự phóng túng cũng thế. Chương 1 và 2 trong Ga-la-ti nói về sự tự do của chúng ta trong Đấng Christ, nhờ ân huệ của Chúa Cha, chúng ta đang ở trong ánh nắng của tình yêu Ngài. Trong sự tự do của Thánh Linh, và nền tảng là đức tin nơi Chúa Con.

Như vậy, Cha, Con và Thánh Linh đang cho chúng ta sự tự do để đứng đây. Nhưng có hai cách để đánh mất sự tự do đó. Một là trượt về Luật pháp là một cái lồng. Chúng ta bị kẹt trong đó, chúng ta cố gắng trèo ra nhưng không thể. Một khi đã trở lại Luật pháp thì chúng ta sẽ bị trói buộc, bị nô lệ, và lại hứng chịu cơn giận của Chúa vì chúng ta làm sao mà giữ hết được. Nhưng có một cách khác để đánh mất sự tự do của bạn, đó là trượt xuống bên này, vào vũng lầy của xác thịt, đó cũng là sự trói buộc, nhưng là bị trói buộc bởi chính bản thân mình. Theo cách này thì bạn lúc nào cũng bị trói buộc bởi những người khác vì những luật lệ của họ; còn theo cách này thì bạn bị trói buộc bởi chính ham muốn của mình và lại hứng chịu cơn giận của Chúa. Bạn mất đi sự tự do của mình.

Có ai từng đến Striding Edge của Anh hay "Sống lưng Khủng long" trên đỉnh Tà Xùa của Việt Nam chưa? Đó là một minh hoạt tuyệt vời vì nó là một con đường rất hẹp và sắc ngay trên đỉnh núi và hai bên là hai vực thẳm mà chúng ta gọi là thung lũng lòng chảo. Chúng bị hõm xuống vì những quả cầu băng lớn trong kỷ băng hà lăn lại, và khi hai quả cầu lăn vào nhau, chúng để lại mỏm rất sắc này. Núi Matterhorn ở Thụy Sĩ là do ba quả cầu băng lăn vào nhau, và để lại ngọn núi ba cạnh, nhưng một cạnh sắc như thế này là do hai quả cầu băng. Thật tuyệt vời khi đi bộ trên Sống lưng Khủng long, nhưng nếu đi lúc có gió mạnh thì cách an toàn duy nhất là quỳ gối. Ở đây có một bài học đạo đức đó. Rồi. Quay về bài giảng nào! Sống lưng khủng long, chúng ta đang bước đi trong sự tự do của Thánh Linh như đi trên Sống lưng Khủng long mỏng manh. Quá dễ để trượt sang bên này hoặc bên kia, và có thể nói mối nguy lớn nhất với sự tự do Cơ Đốc là chủ nghĩa luật pháp.



Striding Edge của Anh hay "Sống lưng Khủng long

Thật đáng ngạc nhiên. Vì sự phóng túng khá là rõ rồi. Khi các hội thánh bắt đầu lập ra thêm luật lệ thì bạn rất dễ sa vào chủ nghĩa luật pháp, và chủ nghĩa luật pháp giết chết Thánh Linh. Bước vào một liên hữu theo chủ nghĩa luật pháp là bạn biết ngay, ai cũng mím môi hết. Anh chị em đã bao giờ thấy điều đó chưa? Có một kiểu biểu lộ cứng nhắc, nghiêm nghị trên mặt người ta, họ lại ở dưới luật pháp. Họ đang tuân giữ nó, nhưng ôi, nó khiến bạn khó chịu, nó khiến bạn nghiêm khắc. Đó không phải là sự tự do của Thánh Linh. Chủ nghĩa luật pháp biến mọi thứ thành luật lệ hơn là mối quan hệ, có lẽ đó là chìa khóa, và một người nghĩ rằng mình là Cơ Đốc nhân vì người đó giữ các luật lệ: Không hút thuốc, không cờ bạc, không rượu bia, không làm điều này, không làm điều kia. Nên họ giữ luật lệ nhưng mối quan hệ đã biến mất.

Tôi sẽ lấy một minh họa đơn giản cho điều này. Có một cậu thanh niên đến hội thánh chúng tôi tại Buckinghamshire tên là Don. Cậu hơi giống một viên kim cương thô, nhưng cậu đến với Đấng Christ và vài tuần sau đó, cậu nói với tôi: *Đa-vít ơi, Cơ Đốc nhân có nên ra rạp xem phim vào các tối Chủ nhật không?* Vâng, tôi bị cám dỗ trích Ê-xê-chia 3:16, anh chị em cũng biết rồi, nó nói rằng Cơ Đốc nhân không được ra rạp xem phim vào các tối Chủ nhật, nhưng tôi chống lại cám dỗ đó và nói: *Don, tôi sẽ không nói cho cậu biết đâu.*

- *Tại sao vậy?*
- *Vì cậu phải tự tìm hiểu nơi Chúa Giê-su.*

Nếu có chỗ nào rõ ràng trong Kinh Thánh thì tôi sẽ bảo cậu ấy, vì chúng ta có thể nói với thẩm quyền về vấn đề mà Thánh Linh đã nói, nhưng theo những gì tôi biết thì Kinh Thánh không đề cập đến câu hỏi đó, nên tôi nói là *cậu phải tự tìm hiểu nơi Chúa Giê-su.*

- *Thế tôi tìm hiểu thế nào đây?*
- *Tối chủ nhật tuần sau cậu đưa Ngài đi cùng xem Ngài ấy có thích bộ phim không.*

Thế là tối Chủ nhật tuần sau, Don đến rạp chiếu phim ở thị trấn Gerrard's Cross và cậu ấy nói với cô gái bán vé là *Bán cho tôi hai vé*. Lúc đó cậu đi có một mình và không có ai đứng cạnh cậu. Cô gái hỏi: *Anh có đi cùng bạn gái không ạ?*

- *Không, không sao, tiền đây, cho tôi hai vé.*
- *Nhưng có ai đi cùng anh đâu!*
- *Tôi không muốn giải thích; tiền đây, bán cho tôi hai vé.*

Phụ nữ vốn hay tò mò nên cô ta không chịu, cô ta hỏi: *Thế thì anh mua cái vé kia cho ai?*

- *Nếu cô khăng khăng muốn biết thì tôi mua cho Chúa Giê-su đấy.*

Cô ta sợ chết khiếp. Cô ta nhấc điện thoại lên và gọi Quản lý xuống. Người Quản lý xuống và hỏi: *Chuyện gì thế?*

- *Anh này muốn mua hai vé*
- *Thế thì bán cho anh ấy hai vé, cô gọi tôi xuống làm cái gì?*
- *Anh ấy muốn mua một vé cho Chúa Giê-su.*

Người quản lý không hiểu được, ông ta lắp ba lắp bắp rồi nói: *À thì...sao nhỉ...Nếu anh ấy sẵn sàng trả tiền thì cứ bán cho anh ấy hai vé. Càng tốt chứ sao!*

Thế là cậu ấy mua được hai vé và vào bên trong. Cậu ấy bảo: *Chúa ngồi ghế này nhé, con sẽ ngồi ghế này*. Phim chiếu được 10 phút thì cậu hỏi: *Chúa xem thấy có thích không ạ?* Hai phút sau thì cậu đi ra. Một số người sẽ nói *chăn chiên như vậy là dở rồi. Lẽ ra ông phải chịu trách nhiệm với quyết định của cậu ấy.* Tôi tin rằng chăn chiên như vậy là tốt. Vì đó là sự tự do của Thánh Linh. Quá dễ để tôi ra một quy tắc mới và tôi không nói rằng Cơ Đốc nhân ra rạp xem phim là sai, nhưng với cậu ấy thì Chúa Giê-su nói *Cái đó không dành cho con.*

Đây là sự tự do của Thánh Linh, không phải là làm những gì bạn muốn, không phải là làm những gì người khác bảo, mà là để Thánh Linh dẫn dắt bạn. Sự tự do thật, như Phao-lô nói trong thư này, không phải là tự do phạm tội, mà là tự do không phạm tội. Đó là sự tự do thật, không một người vô tín nào có sự tự do đó, ấy là sự tự do mà Chúa muốn cho chúng ta. Nhưng quá dễ để cố gắng ngăn người ta nương theo xác thịt bằng cách đặt họ dưới luật pháp.

Đó là câu trả lời duy nhất của một số liên hữu. Họ đang cố gắng bảo vệ các thành viên của mình khỏi làm điều này, rơi vào đầm lầy này mà không nhận ra là bên kia cũng tệ không kém, chủ nghĩa luật pháp cũng là kẻ thù của tự do giống như sự phóng túng. Anh chị em đã hiểu chưa ạ? Đó là toàn bộ lập luận của Ga-la-ti. Chương 1, 2 nói về sự tự do này, chương 3, 4 nói về chủ nghĩa luật pháp là điều có thể phá hỏng nó, chương 5, 6 nói về mối nguy ngược lại. Như vậy, Phao-lô đang chiến đấu trên hai mặt trận, và đó là vấn đề thực sự. Trong hầu hết các vấn đề, anh chị em sẽ thấy mình chiến đấu trên hai mặt trận để giữ lẽ thật, giữ sự tự do và bước đi trên Sống lưng Khủng long thật sự cần phải khéo léo.

Chủ nghĩa luật pháp

Hãy xét đến ba điều này. Còn đủ thời gian không nhỉ? À còn. Đầu tiên, hãy xét kỹ hơn đến chủ nghĩa luật pháp. Phép cắt bì là mắt xích đầu tiên của người Ga-la-ti. Đó sẽ là khởi đầu của chủ nghĩa luật pháp - anh phải làm cái này. Nó không thuộc Tin lành và họ sẽ phải giữ hết những điều còn lại.

Khi bạn nói với người ta rằng họ không ở dưới luật pháp nữa, chẳng phải là người ta sẽ lợi dụng điều đó sao, người ta sẽ trở nên vô tổ chức sao? Một trong những sai lầm ngược lại là thuyết chống luật pháp, tiếng Anh là antinomianism, anh chị em đã bao giờ nghe đến từ đó chưa? Thực ra là anh chị em cũng không cần biết làm gì, nhưng anti là chống, nomianism là luật pháp, nghĩa là nếu bạn bảo người ta là họ không ở dưới luật pháp nữa thì chẳng phải là họ sẽ đi và phạm tội sao? Một số người có đầu óc hạn hẹp chỉ thấy được hai điều này, rằng nếu không ra luật thì người ta sẽ trở nên buông tuồng. Các hội thánh có cách phát triển luật lệ thật kỳ lạ.

Khi tôi còn làm mục sư bên Giám lý, có một cuốn sách dày hơn một phân gọi là Thực hành Hiến chế và Kỷ luật của Hội thánh Giám lý. Giờ thì nó đã dày hơn 8 phân. Mỗi năm họ lại đóng thêm 40 trang vào đó. Nghe này, nếu luật lệ có thể đem đến sự phấn hưng thì những người giám lý chắc sẽ bỏ xa chúng ta. Nhưng mọi chuyện không diễn ra như vậy. Thật dễ để cố gắng quy định và ra luật cho cái này, cái kia, nghĩ rằng bằng một cách nào đó, tổ chức sẽ đem lại sự sống. Không đâu. Sự tự do đem lại sự sống và Đức Chúa Trời giải phóng chúng ta để được tự do. Hãy canh chừng chủ nghĩa luật pháp bằng đôi mắt cú vọ. Nếu rơi vào đó thì chúng ta sẽ thành ra cứng nhắc và đạo đức giả vì không ai dám nói với người khác là mình phạm luật, không dám nhận vì sợ người ta nghĩ mình không chấp nhận được. Anh chị em đã nghe cụm đó bao giờ chưa? Ấy là chủ nghĩa luật pháp.

Sự phóng túng

Lại xét đến sự phóng túng. Có một mối nguy thật sự ở phía bên này và Phao-lô nói: *những công việc của xác thịt, hãy cảnh giác với chúng.* Có một đầm lầy, đó là một dạng khác của sự nô lệ, nó nhớp nháp, lún sâu, bẩn thỉu; rất dễ trượt xuống nó và rất khó thoát ra khỏi. Những công việc - hãy lưu ý đây là dạng số nhiều, những công việc của xác thịt, một số cái rất rõ ràng: buông tuồng, phù phép, nghiện ngập, lang băm - tất cả nghe thật giống với thời hiện đại; rồi có những cái rất khó thấy: gây gổ, phe đảng, ghen ghét, đố kỵ, định kiến. Những điều khá khó thấy nhưng đó là đầm lầy của xác thịt. Hãy chú ý rằng ở đây, Phao-lô đang tranh luận gay gắt về phép cắt bì, nhưng ông đang nói về những người không vừa ý với mọi chuyện, dù có đem vấn đề nào ra thảo luận thì họ cũng chia người ta thành phe cánh. Đó là một điều khác, chắc chắn là anh chị em biết điều Phao-lô đang nói đến, sự chia rẽ này, cái rầy rà này, kiểu nhân cách có quá nhiều góc cạnh mà bạn không thể đến gần họ. Kiểu người có đức tin dời núi nhưng lại để nó ngáng đường mọi người.

Bạn có biết ai như thế không? Tôi e là mỗi hội chúng có một hai người như vậy. Điều đó thuộc về xác thịt, nó rất khó thấy, nhưng đó là những công việc của xác thịt. Phao-lô nói rằng khi có người trượt xuống đây, và tôi e rằng điều này xảy ra liên tục, khi có bê bối nào đó trong hội chúng của bạn, một bê bối nào đó về một nhà truyền giảng trên truyền hình, những người khác nên làm gì? Và Phao-lô nói một cách trang trọng nhất rằng nếu điều này năm thì mười họa mới xảy ra, nếu họ vừa trượt xuống đó thì hãy nhanh chóng đỡ họ lên, vì anh chị em cũng có thể bị trượt. Có rất nhiều vỏ chuối trên con đường Cơ Đốc. Ông nói: *Nếu có người nào vô tình phạm tội thì những anh chị em còn lại hãy lại gần và đỡ người đó lên, cũng hãy làm vậy cách khiêm nhường vì đó có thể là chính anh chị em.* Nhưng ông nói: *Phạm tội theo thói quen là một vấn đề khác. Nếu có người trượt xuống đó thì hãy đỡ anh ta dậy, đưa anh ta trở lại sự thông công, chữa lành cho anh ta.* Nhưng nếu có người cứ cố tình và chủ ý đắm mình trong đây thì "ai gieo giống gì, sẽ gặt giống ấy." Ông tuyên bố rất nghiêm trọng, nếu họ cứ mãi ở trong đó thì họ sẽ không được hưởng Vương quốc.

Ở đây lại có một điều tôi từng nghe đến, một trong những điều mà Cơ Đốc nhân ngày nay đang vật lộn với nó, cái kiểu "được cứu một lần là đủ cả," nhưng hãy nghe Phao-lô. Sau khi liệt kê các

công việc của xác thịt diễn ra ở đây, ông nói: *Tôi cảnh cáo anh em, như tôi đã từng cảnh cáo: Những ai tiếp tục làm các việc như thế sẽ không được hưởng Vương quốc Đức Chúa Trời.* Ở đây ông đang nói với các tín đồ, ông không nói với những người trượt xuống đó và cần phải được đỡ dậy ngay, mà với những người đắm chìm mãi trong đó. Họ nói: *Tôi vẫn ổn, tôi đã có tấm vé lên thiên đàng rồi.* Phao-lô nói: *Anh không ổn, anh sẽ không được hưởng Vương quốc.* Đó chỉ là một trong những lời cảnh cáo của ông và là một lời rất hệ trọng. Anh có thể trượt xuống chủ nghĩa luật pháp, anh có thể trượt xuống sự phóng túng, và anh cần được nhanh chóng kéo lên khỏi cả hai. Nhưng nếu anh cố tình và chủ ý chọn sống ở đó, hoặc trong lồng, hoặc trong đầm lầy thì anh sẽ không được hưởng Vương quốc. Đó là một lời cảnh cáo hệ trọng mà tất cả chúng ta đều cần nghe.

Sự tự do

Nhưng bây giờ, hãy xét đến sự tự do là khía cạnh đẹp đẽ hơn cả, sự tự do nói không với tội lỗi. Chẳng phải là một sự tự do tuyệt vời đó sao? Giờ đây anh chị em được tự do, trong Đấng Christ, để nói không với tội lỗi. Anh chị em không cần nói "có." Như Phao-lô đưa điều đó vào - tôi nghĩ là vào thư gửi Tít, ông nói: *chúng ta đã được ban ân điển để nói "không."* Có người nói rằng đó là cách tránh thai tốt nhất cho người chưa lập gia đình mà người đó từng gặp. Được ban ân điển để nói "không." Anh chị em được tự do nói "không."

Bây giờ hãy xem điều gì xảy ra. Trên đây, mặc dù tôi không vẽ nó vào được, nhưng anh chị em có thể thấy trên đây có một con đường trên đỉnh và chúng ta cần tiếp tục bước đi, như tôi đã nói từ trước, chúng ta cần bước đi trong Thánh Linh, và khi bạn bước đi trong Thánh Linh, một điều rất đẹp sẽ xảy ra. Đời sống bạn sẽ sinh bông trái. Bạn không thể tạo ra trái của Thánh Linh. Bạn có thể tạo ra các công việc của xác thịt nhưng không thể tạo ra trái của Thánh Linh, nhưng khi bạn tiếp tục đi trên Sống lưng Khủng long đó, đời sống bạn sẽ sinh trái. Chỉ có một trái với chín vị, có nhiều công việc của xác thịt nhưng chỉ có một trái, ở số ít. Nhưng nó có chín vị. Có một trái như vậy ở Tây Ban Nha và ở Địa Trung Hải. Nó gọi là Monstera Deliciosa hay trái trầu bà trong tiếng Việt, có ai ở đây ăn nó chưa? Giơ tay tôi xem được không? Anh chị em đã ăn, nên họ sẽ tin tôi. Ăn một miếng sẽ thấy nó có vị cam, ăn miếng nữa và nó có vị chanh, nó có đủ mọi vị trong đó, Monstera Deliciosa, thật là một cái tên hay cho trái đó. Tôi muốn có người xác nhận là họ đã ăn nó vì nếu không thì anh chị em sẽ không tin tôi và nghĩ rằng đây chỉ là chuyện của ông giảng đạo. *Bố ơi, đấy là chuyện thật hay bố chỉ giảng thế thôi?* - một cậu bé hỏi. Tệ thật.

Vậy là trái của Thánh Linh có chín vị. Cả chín vị đều nảy nở cùng nhau, đó là cách nhận biết trái của Thánh Linh. Anh chị em thấy một số vị có trong những người chưa tin Chúa đúng không? Một số người chưa tin có sự vui mừng, những người khác có sự bình an, nhưng anh chị em sẽ không bao giờ thấy chín vị đi kèm với nhau, chỉ có trong Đấng Christ, những người được đầy dẫy Thánh Linh Ngài và bước đi trong Thánh Linh Ngài. Anh chị em có thể thấy ba hoặc bốn vị trong một người tốt chưa tin, nhưng cả chín vị nảy nở cùng nhau là bằng chứng cho thấy Thánh Linh đang ở trong đời sống người đó và họ đang bước đi trong Thánh Linh. Cả chín vị liên kết anh chị em với Chúa, với những người khác và chính anh chị em. Ba trong chín vị đó - yêu thương, vui mừng, bình an - đưa anh chị em vào sự hòa hợp trọn vẹn với Chúa. Ba vị tiếp theo - nhịn nhục, nhân từ và hiền lành - đưa anh chị em vào mối quan hệ tốt với những người khác. Rồi trung tín, khiêm nhu và tiết độ đưa anh chị em vào mối quan hệ tốt với chính mình. Chúng thật là một loại trái tuyệt vời.

Nhưng tất nhiên là trái đó sẽ bị hạn chế nếu không có các ân tứ Thánh Linh, cũng giống như các ân tứ mà không có trái đó thì sẽ không đủ. Nếu tôi đến bệnh viện để thăm người ốm, tôi có thể cho

họ thấy đủ trái của Thánh Linh, tôi có thể thể hiện tình yêu - đến thăm họ, sự vui mừng - động viên họ, sự bình an - an ủi họ; tiếp đến là nhịn nhục - nghe mọi chi tiết về ca mổ của họ; nhân từ - cho họ một chùm nho; hiền lành hay tốt bụng - đề nghị chăm con giúp họ; trung tín - đến thăm họ mỗi ngày; tiết độ - rời đi khi y tá nói rằng giờ thăm đã hết. Không, không... Tôi sót mất một cái. Khiêm nhu - rời đi khi y tá bảo hết giờ thăm và tiết độ - không ăn nho của người bệnh. Anh chị em thấy đấy, tôi đã bộc lộ đầy đủ trái của Thánh Linh trong sự thăm viếng đó, nhưng tôi chưa chữa lành cho người này vì đó là một ân tứ Thánh Linh và chúng ta cần cả trái lẫn các ân tứ, đừng bao giờ để hai điều này nghịch với nhau.

Nhưng Phao-lô nói khi anh chị em bước đi trong Thánh Linh, trái đó lớn lên. Ở đây, ông dùng từ bước đi theo hai cách khác nhau, thực ra là hai từ khác nhau. Rất tiếc là có lẽ bản dịch tiếng Việt dùng từ "bước theo" cho cả hai. Ở cuối chương 5 là "bước theo Thánh Linh" và trong chương 6 là bước theo Thánh Linh. Trong tiếng Hy Lạp, "bước" ở chương 5 là độc hành, một nghi thức của người Úc. Nghĩa là đi một mình như một thổ dân, nhưng trong chương 6, từ "bước" là hành quân trong Thánh Linh - bước đều với những người khác. Thú vị thật! Có hai kiểu bước đi trong Thánh Linh. Một kiểu là chúng ta bước đi một mình, kiểu kia là chúng ta bước đều với những anh chị em Cơ Đốc khác của mình, và chúng ta cần cả hai. Sự tự do thật là bước đều trên độ cao đó cùng với các anh chị em mình. Cùng nhau bước theo Thánh Linh.

Đó là sứ điệp của bức thư Phao-lô gửi cho người Ga-la-ti và tôi nghĩ đó là một trong những bức thư thiết thực nhất. Đó không phải là bức thư dễ chịu nhất, nhưng tôi đồng tình với những người nói rằng thư này là Đại Hiến chương của sự tự do Cơ Đốc. Tôi thật sự tin rằng đó là một cái tên tuyệt vời cho thư này. Nếu anh chị em muốn biết lập trường về sự tự do của chúng ta ở đâu thì đây là sự tự do của chúng ta. Rất nhiều người bảo vệ những kiểu tự do khác, tốt hoặc xấu, nhưng sự tự do mà chúng ta bảo vệ là tự do nói không với tội lỗi. Sự tự do, quyền tự do của Thánh Linh để thoát khỏi cái lồng gọi là chủ nghĩa luật pháp và khỏi cái đầm lầy gọi là sự phóng túng, được ở trên đỉnh cao, tận hưởng ảnh nắng của ân huệ Chúa.

Chủ nghĩa luật pháp vẫn ở với chúng ta

Tại sao điều này lại quá thiết thực đến vậy? Vâng, thật buồn là chủ nghĩa luật pháp vẫn còn ở với chúng ta. Nó ở khắp mọi nơi. Người ta cố lên được thiên đàng bằng những việc làm riêng của mình. Hoặc thậm chí là sau khi bắt đầu với đức tin, họ lại trở lại với việc làm, thật bi thảm. Tiến sĩ W.E. Sangster quá cố từng đến thăm một người phụ nữ đang hấp hối trong bệnh viện và ông hỏi bà: *Bà đã sẵn sàng gặp Chúa chưa? Bà sẽ nói gì khi gặp Chúa?* Bà ấy giơ đôi tay tiều tụy lên và nói: *Tôi đã ở vậy nuôi năm đứa con, tôi không có thời gian đi hội thánh, đọc Kinh Thánh hay làm bất cứ điều gì liên quan đến tôn giáo, nhưng tôi đã làm những điều tốt nhất cho các con tôi. Khi gặp Chúa, tôi sẽ chỉ giơ đôi tay này lên, Ngài sẽ nhìn vào chúng và Ngài sẽ hiểu.* Anh chị em sẽ nói gì với một người phụ nữ như vậy? Vâng, tiến sĩ Sangster là một nhà giảng đạo Cơ Đốc vĩ đại, ngay cả khi giảng cho một người. Ông chỉ nói với bà ấy rằng: *Thưa bà, bà muộn mất rồi, bà muộn quá rồi.*

- *Ý ông là gì?*
- *Có người đã vào đứng trước bà, Ngài đang giơ đôi tay mình lên trước Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời không còn nhìn đôi tay nào khác nữa.*
- *Ý ông là gì?*

Ông bảo bà rằng: *Đừng đặt niềm tin vào đôi tay mình, hãy đặt niềm tin vào đôi tay Ngài.*

Chủ nghĩa luật pháp vẫn ở với chúng ta, nó lan tràn khắp nơi. Một người Anh bình thường sẽ nghĩ rằng làm Cơ Đốc nhân tức là đối xử tốt với bà mình và với con mèo. Anh chị em biết kiểu suy nghĩ đó không? Họ nghĩ vậy đó, *tôi cũng là một Cơ Đốc nhân tốt như bất cứ ai đi hội thánh*. Nói như vậy tức là họ đã rơi vào chủ nghĩa luật pháp, và chúng ta phải bảo họ rằng chỉ 100% mới đủ tốt cho thiên đàng, và nếu anh đến đó trong tình trạng hiện tại thì anh sẽ hủy hoại thiên đàng của mọi người khác. Các hội thánh cũng thế, các hội thánh rất dễ thêm những quy định riêng cho thành viên của mình. Tôi đã nhắc đến bốn bậc để lên cửa trước, ăn năn, tin nhận, được báp-tem và nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Không nên đưa thêm bất cứ bậc nào để lên cửa trước của hội thánh nữa. Các bậc thang ở bên trong. Có nhiều nấc thang khác để trèo lên ở bên trong, chúng ta sẽ thấy khi sang 1 Phi-e-rơ hay 2 Phi-e-rơ, nhưng chỉ có bốn bậc ở bên ngoài. Nhưng rất tiếc là có những hội thánh nói rằng *anh phải được một giám mục xác nhận hay anh phải được thế này, anh phải được thế kia, anh phải cam kết, anh phải chấp nhận sự lãnh đạo*, rồi đủ kiểu cam kết được thêm vào các bậc bên ngoài nhà Chúa. Những bậc đó ở bên trong, và chúng ta không nên thêm gì ngoài Kinh Thánh vào cửa nhà Chúa, nếu không chúng ta sẽ sa vào chủ nghĩa luật pháp.

Sự phóng túng vẫn ở với chúng ta

Than ôi, sự phóng túng vẫn ở với chúng ta! Vẫn có những người nghĩ rằng một người vô tín ngoại tình sẽ phải xuống địa ngục còn tín đồ ngoại tình thì không sao. Vẫn có những người tin vào điều này và tin rằng bằng một cách nào đó, tội lỗi của các tín đồ sẽ được miễn thứ. Anh có thể mất chút phước hạnh hoặc chút phần thưởng, nhưng anh không thể mất tấm vé lên thiên đàng. Ga-la-ti xử lý rất mạnh điều đó và nói: *Anh chị em không được hưởng Vương quốc Đức Chúa Trời nếu anh chị em cố tình quay lại nơi này. H*ãy ở đây và đồng hành với những người khác trên Sống lưng Khủng long, gió Thánh Linh thổi trên mặt anh chị em và ánh nắng của ân điển Chúa chiếu trên anh chị em, và anh chị em sẽ làm được.

Sự tự do vẫn ở với chúng ta

Tôi sẽ đọc một đoạn Ga-la-ti cho anh chị em nghe. Đó là một sách thật hấp dẫn. Nhưng hãy nghe sự nài xin của Phao-lô:

"Thưa anh em, tôi xin anh em hãy đứng cùng với tôi. Dù sao đi chăng nữa, tôi cũng sẵn sàng giống với anh em; trước đây anh em chưa từng khiến tôi tổn thương. Anh em biết rằng chính bởi sự đau yếu trong thân thể mà lúc mới đầu tôi đến nói Tin mừng cho anh em. Chắc hẳn tình trạng của tôi là một thử thách thật sự cho anh em, nhưng anh em không bao giờ lấy nó ra làm trò đùa, thậm chí không chán ghét tôi. Thật sự là anh em đã tiếp đón tôi như một sứ giả từ trời hoặc thậm chí là chính Chúa Cứu Thế Giê-su. Anh em đã rất vui lòng và tự hào tiếp tôi. Tất cả những cảm xúc đó đâu mất rồi? Tôi nhớ rất rõ là anh em còn ước mình có thể hiến tặng mắt mình cho tôi. Giờ anh em lại có vẻ nghi ngờ rằng tôi là kẻ thù của anh em. Có phải vì tôi đã quá thành thật với anh em chăng? Tôi biết là những người kia muốn xun xoe với anh em, nhưng động cơ của họ không tốt. Họ muốn kéo hết anh em về với họ để anh em cũng xun xoe họ. Chớ hiểu sai ý tôi, được quan tâm đặc biệt thì bao giờ cũng tốt, nhưng phải có mục đích đúng đắn. Anh em là mối quan tâm đặc biệt của tôi, dù cho tôi không ở với anh em. Các con của ta ơi, ta cảm thấy như một bà mẹ đang vật vã đau đẻ cho tới khi Đấng Christ thành hình trong chính các con. Chỉ ước gì ta được ở với các con ngay lúc này để các con có thể nghe thấy tông giọng ta thay đổi. Ta thật sự rối như tơ vò, không biết phải làm gì với các con."

Anh chị em có cảm thấy tấm lòng của Phao-lô trong đó không? Một lời nài xin thật thống thiết.

“Anh em của tôi, Đức Chúa Trời đã định để anh em được tự do. Chỉ có điều là đừng dùng sự tự do này làm cái cớ để nuông chiều cái tôi của anh em xưa kia. Hãy dùng nó để thể hiện tình yêu anh em dành cho người khác bằng cách tận tâm phục vụ họ, vì có thể tóm gọn cả Luật pháp chỉ trong một nguyên tắc, ấy là quan tâm đến anh em mình như chính mình, nhưng nếu anh em đôi co và cắn nuốt nhau thì coi chừng, kẻo anh em tiêu diệt lẫn nhau. Tôi chủ trương để Thánh Linh Chúa quyết định từng bước đường của anh em. Như vậy thì anh em sẽ không cố gắng thỏa mãn những dục vọng của cái tôi xưa cũ, nó có những thèm muốn hoàn toàn trái ngược với những gì Thánh Linh Chúa muốn, và ngược lại. Hai bên đối nghịch nhau; thế nên anh em mới thấy mình không phải lúc nào cũng có thể làm được điều mình thực sự muốn. Nếu Thánh Linh dẫn dắt đời sống anh em thì anh em không việc gì phải sợ Luật pháp.”

Kết thư, ông nói:

“Chớ có ảo tưởng, không ai có thể ngoảnh mặt với Chúa mà thoát tội. Quy luật phổ quát là người ta sẽ gặt lại đúng những gì mình đã và đang gieo. Nếu anh ta nuôi dưỡng cái tôi xưa cũ thì anh ta sẽ gặt lại một tính cách đã hư nát. Nếu anh ta nuôi dưỡng Thánh Linh Chúa, Thánh Linh đó sẽ sinh ra một đời sống chất lượng bền lâu. Nên chúng ta đừng bao giờ chán làm điều lành. Nếu chúng ta không bỏ cuộc thì đến một ngày, sẽ có một mùa gặt lớn. Nên mỗi khi có cơ hội, hãy giúp đỡ mọi người hết sức có thể, nhất là cho những anh em trong gia đình đức tin. Hãy nhìn những dòng chữ xiêu vẹo mà chính tay tôi viết. Chính những kẻ quan tâm đến vẻ bề ngoài và thích khoe mẽ đang gây sức ép để anh em chịu cắt bì. Họ làm vậy chẳng qua là để khỏi bị mang tiếng xấu liên quan đến thập tự giá của Chúa Giê-su. Tuy giữ phép cắt bì nhưng họ không bận tâm lắm đến những điều còn lại của luật pháp Do Thái. Họ chỉ muốn anh em chịu cắt bì để họ có thể khoe khoang về số người cải đạo sang nghi lễ của họ. Đừng bao giờ để tôi khoe về bất cứ thứ gì hoặc bất cứ ai ngoài thập tự giá của Chúa Giê-su. Qua thập tự giá đó, giờ đây tôi đã chết đối với xã hội và xã hội cũng chết đối với tôi. Địa vị của chúng ta trong Đấng Christ không được nâng lên nhờ chịu cắt bì, hay bị hạ xuống vì không cắt bì. Điều thật sự quan trọng là được biến đổi thành một con người mới từ bên trong. Tất cả những người sống theo nguyên tắc đơn giản này sẽ nhận lãnh sự hòa hợp tuyệt đối và được Đức Chúa Trời giúp đỡ trổi hơn những gì đáng được nhận, Y-sơ-ra-ên thật cũng sẽ như vậy. Từ nay về sau, chớ có ai quấy rầy công việc của tôi thêm nữa. Tôi mang những dấu vết mà mình muốn trên thân thể tôi. Tôi mang lấy những vết sẹo vì phục vụ Chúa Giê-su. Hỡi anh em, nguyện tình yêu của Chúa Giê-su, Ông Chủ thiên thượng và Chúa Cứu Thế được xức dầu của chúng ta đổ đầy trong sâu thẳm lòng anh em. Thật đúng như vậy.”

Đó chỉ là một vài đoạn trong thư. Một trong những bức thư quyền năng nhất mà anh chị em từng đọc. Hãy thử đọc thư này ở một bản dịch hiện đại nữa. Chỉ vậy thôi. Nguyện Chúa ban phước cho anh chị em.

THƯ Ê-PHÊ-SÔ

Giới thiệu



Khi Phao-lô viết thư cho Phi-lê-môn, ông có cơ hội gửi thư đến người Cô-lô-se nữa, nhưng một điều thú vị là trong thư gửi cho người Cô-lô-se, ông nói là ông không chỉ muốn thư này được đọc ở Cô-lô-se mà còn ở Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-pô-li, nên rõ ràng đây là vấn đề của thung lũng này. Đồng thời ông cũng nghĩ: *Mình sẽ gửi một bức thư chung khác* và Phao-lô nhận ra rằng cách tốt nhất để chống lại thuyết hổ lốn và sự lộn lạo đang xảy ra là trình bày rõ niềm tin và hành vi Cơ Đốc. Cách tốt nhất để chống lại dị giáo luôn là sự dạy dỗ tốt và vững chắc, nên tôi nghĩ Phao-lô đã quyết định là *sau khi viết thư Cô-lô-se, mình sẽ viết một bức thư chung về đức tin và đời sống Cơ Đốc để cho họ một nền tảng thực sự vững chắc, bảo vệ họ khỏi tất cả những điều khác đang len lỏi vào.*

Như vậy, thư Cô-lô-se dẫn đến thư Ê-phê-sô và hai thư này có nhiều điểm chung. Khi đọc cả hai thư cùng nhau, anh chị em có thể thấy rằng chúng được viết cùng nhau, Hội thánh là Thân thể, là các mối quan hệ trong gia đình. Thật thú vị là Phi-lê-môn, Cô-lô-se và Ê-phê-sô, cả ba được viết cùng một lúc, cả ba đều chú trọng đến vấn đề nô lệ, những bức thư khác của ông thì không, nên rõ ràng, đây là một điều khiến ông phải suy nghĩ nhiều khi viết cả ba thư. Thư này ít hướng đến người đọc - người Ê-phê-sô hơn; thư không giải quyết bất kỳ vấn đề, câu hỏi hay dị giáo cụ thể nào tại Ê-phê-sô. Như tôi đã nói, những bản sao sớm nhất của thư này thậm chí còn không có từ Ê-phê-sô trong đó. Nên có vẻ đây là một bức thư chung gửi cho toàn bộ vùng này.

Hội thánh tại Ê-phê-sô, chúng ta biết về hội thánh này nhiều hơn mọi hội thánh khác trong Tân Ước. Thực ra là Tân Ước nói nhiều đến nó; chẳng hạn như chương 18 đến 20 của Sách Công vụ nói về hội thánh tại Ê-phê-sô. Rồi chúng ta thấy bức thư này gửi cho người Ê-phê-sô, cả 1&2 Ti-mô-thê đều gửi cho Ti-mô-thê tại Ê-phê-sô, nói về hội thánh Ê-phê-sô. Rồi chúng ta thấy Khải huyền chương 2 có một bức thư gửi cho hội thánh tại Ê-phê-sô. Có lẽ anh chị em không biết, nhưng khi xét đến, chúng ta sẽ thấy 1, 2 & 3 Giăng đều được viết tại Ê-phê-sô, vì Sứ đồ Giăng đã định cư tại đó với Ma-ri, mẹ Chúa Giê-su. Tin lành theo Giăng cũng viết tại Ê-phê-sô. Nên nói chung thì Ê-phê-sô là một thị trấn then chốt trong lịch sử hội thánh thời đầu; vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi thư này gắn liền với hội thánh trọng điểm trong cả vùng A-si-a này.

Thành Ê-phê-sô

Chúng ta gọi đây là Thư gửi cho Tín hữu tại Ê-phê-sô, hội thánh tại Ê-phê-sô. Nó nằm ở giao lộ giữa hai con đường từ đông sang tây và từ bắc xuống nam. Một cảng biển lớn mặc dù ngày nay, cảng này đã bị bồi lấp và lui vào đất liền. Thực ra thì Ê-phê-sô bây giờ chỉ còn là một đống đổ nát. Nó là một trong mười hai thành phố trong Liên minh Ionia, một trung tâm thương mại và tài chính, nhưng nó có đền thờ ngoại giáo đồ sộ nhất, hơn 6.000m2. Anh chị em có thể tưởng tượng là nó lớn cỡ nào! Đền thờ đó dành riêng cho một khối thiên thạch, thiên thạch đen rơi từ vũ trụ xuống Ê-phê-sô. Đó là một khối vật chất lớn màu đen, đen bóng, có vô số cục u trên mình, mỗi cục u có hình bầu ngực của phụ nữ. Vật này được coi là nữ thần Diana, không phải Công nương mà là nữ thần Diana, họ thờ lạy bầu ngực phụ nữ, đền thờ "khoe ngực" tại Ê-phê-sô. Khối thiên thạch nhiều bầu ngực này được đặt trên bàn thờ và người ta bán những vật nhỏ bằng bạc mô phỏng khối thiên thạch này. Người ta sẽ đến đây du lịch và mang về một khối thiên thạch nhỏ bằng bạc này, bản sao của Diana thành Ê-phê-sô, nữ thần với nhiều bầu ngực, và đặt nó trên kệ lò sưởi trong nhà mình. Ngành kinh doanh đó bị thiệt hại ngay sau khi Phao-lô đến Ê-phê-sô. Thực ra, rắc rối đầu tiên mà ông vướng phải là từ các thờ bạc vì nghề đó bỗng dưng biến mất, người ta không thể bán tượng thiên thạch bằng bạc nữa.

Hội thánh Ê-phê-sô

Ê-phê-sô là một nơi kỳ lạ nhưng hội thánh được thiết lập vững chắc tại đó. Ngày nay, nếu anh chị em đến đó thì vẫn thấy những tấm biển chỉ ra tàn tích của hội thánh St. John và mộ Ma-ri, và 99% đây là nơi chính Sứ đồ Giăng già nua qua đời sau cái chết của Ma-ri. Sứ đồ duy nhất qua đời một cách tự nhiên. Tất cả những sứ đồ khác đều bị xử tử. Nhưng Giăng đã sống đến già và nếu anh chị em còn nhớ khi nghiên cứu Tin lành theo Giăng thì đây là một phước hạnh lớn lao với chúng ta, vì ông đã đồng hành với Chúa Giê-su được 60 năm khi viết sách Tin lành này, một nhìn nhận thật đẹp về Chúa Giê-su.

Phao-lô cảm nhận rõ ràng điều tốt nhất ông có thể làm để ngăn thuyết hổ lốn tại A-si-a phá hoại hội thánh là gửi một bức thư tóm tắt niềm tin và hành vi Cơ Đốc. Thư này là tuyên bố sát nhất về Tin lành của ông. Rô-ma không phải là tuyên bố về Tin lành của ông, tôi đã nói đến điều này khi chúng ta nghiên cứu thư đó. Nhưng Ê-phê-sô là bản trình bày có hệ thống và sát nhất về niềm tin cùng hành vi Cơ Đốc. Tôi sẽ cho bạn thấy Ê-phê-sô là một nơi thời thượng đến thế nào. Hình chụp tàn tích của nó đây. Anh chị em có thể tưởng tượng được là vào thời của Phao-lô, thành đó đồ sộ tới cỡ nào. Đây là con phố chính và anh chị em có thể tưởng tượng rằng trên đồi là đền thờ rộng hơn 6.000 m2, trong đó có khối thiên thạch là ngoại giáo của nơi đó.



Hình chụp tàn tích của thành phố Ê-phê-sô

Bố cục của bức thư

EPHESIANS

CHAPTERS 1-3	CHAPTERS 4-6
RELATIONSHIP TO GOD (IN CHRIST)	RELATIONSHIP TO OTHERS (IN THE LORD)
SALVATION WORKED IN	SALVATION WORKED OUT
DOCTRINE	DUTY
WHAT WE ARE SAVED BY	WHAT WE ARE SAVED FOR
FORGIVENESS	HOLINESS
JUSTIFICATION	SANCTIFICATION
OUR RELEASE	OUR RESPONSE
ADORATION	APPLICATION
DIVINE SOVEREIGNTY	HUMAN RESPONSIBILITY
HIS PURPOSE / POWER	OUR WALK / WARFARE
Inside 'church'	Outside 'church'
Vertical dimension	Horizontal dimension

Trước hết hãy xét đến sự phân chia chính trong thư Ê-phê-sô, một sự phân chia rất quan trọng. Tất cả những ai đọc thư đều thấy rất rõ rằng thư chia làm hai nửa bằng nhau và hai nửa đó khá khác nhau, từ đó nói lên một điều về tin lành của Phao-lô. Nửa đầu nói về mối quan hệ giữa chúng ta với Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Nửa sau nói về mối quan hệ giữa chúng ta với những người khác trong Chúa. Thú vị là khi ông nói về mối quan hệ giữa chúng ta với Đức Chúa Trời, ông dùng từ Đấng Christ, nhưng khi ông nói về mối quan hệ giữa chúng ta với nhau thì lại là "trong Chúa." Phần đó chỉ nhấn mạnh đến Chúa, ông chủ của các mối quan hệ của chúng ta. Chính Đấng Christ đã ban cho chúng ta mối quan hệ với Đức Chúa Trời, nhưng trong tư cách là Chúa, Ngài chi phối mối quan hệ giữa chúng ta với nhau.

Vì thế, tôi gọi nửa đầu là sự cứu rỗi hành động ở bên trong và nửa sau là sự cứu rỗi thể hiện ra bên ngoài. Tôi đang trích thư ông gửi cho người Phi-líp - Hãy thể hiện sự cứu rỗi của anh em ra ngoài vì chính Đức Chúa Trời hành động trong anh em. Sự cứu rỗi là điều đã hành động trong chúng ta trước, nhưng sau đó phải được thể hiện ra ngoài, trong đời sống thường ngày của chúng ta. Như vậy, nửa đầu nói về giáo lý và nửa sau nói về bổn phận. Nửa đầu nói đến chúng ta được cứu bởi gì, nửa sau nói đến chúng ta được cứu để làm gì. Điểm then chốt ở đây là chúng ta không được cứu nhờ làm lành, nhưng chúng ta được cứu để làm lành. Điều đó rất quan trọng. Thế gian nghĩ rằng chúng tôi được cứu vì là người tốt. Tin lành là chúng ta được cứu để làm người tốt, khác hẳn luôn! Nên nửa đầu tập trung vào phước hạnh và sự tha thứ, nửa sau tập trung vào nhu cầu thánh khiết.

Vì thế, nửa đầu nói về sự xưng công chính của chúng ta, nghĩa là trở nên đúng đắn với Đức Chúa Trời và nửa sau nói về sự thánh hóa của chúng ta, trở nên đúng đắn trong đời sống. Nên nửa đầu tập trung vào sự phóng thích, sự cứu chuộc, sự giải cứu của chúng ta. Nửa sau tập trung vào sự đáp ứng của chúng ta. Nửa đầu tập trung vào sự thờ phượng và tôn kính "Chúc tụng Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ" - chúc tụng Ngài. Nhưng nửa sau nói về sự áp dụng - thể hiện điều đó ra. Nên nửa đầu nhấn mạnh vào quyền tể trị thiên thượng và chúng ta sẽ xét đến vấn đề tiền định xuất hiện ngay từ Chương 1.

Nhưng nửa sau là trách nhiệm của con người, có sự cân bằng trong tất cả những điều này. Nửa đầu tập trung vào mục đích và quyền năng của Đức Chúa Trời. Đó là hai từ khóa trong nửa đầu - điều Đức Chúa Trời định làm và quyền năng Ngài có để đạt được mục đích đó; nhưng nửa sau tập trung vào sự bước đi và trận chiến thuộc linh của chúng ta. Chúng ta cần bước đi trong ánh sáng, bước đi trong tình yêu thương, bước đi như con cái của sự sáng, và chúng ta cần chiến đấu trong trận chiến thuộc linh. Đó là phần việc của chúng ta. Nửa đầu thực sự tập trung vào những gì xảy ra trong hội thánh và nửa sau vào những gì xảy ra bên ngoài hội thánh. Nửa đầu đề cập đến chiều dọc của Tin lành, nửa sau đề cập đến chiều ngang của Tin lành.

Tôi chỉ muốn nói hai ý của điều này. Một là chúng ta phải giữ cả hai gắn liền với nhau, thật sự phải như vậy. Một Tin lành không thể hiện ra đời sống thì không phải Tin lành trọn vẹn. Một Tin lành chỉ cứu chúng ta và cho chúng ta tấm vé lên thiên đàng nhưng không tác động đến đời sống chúng ta thì không phải là Tin lành. Đó là điều đầu tiên, chúng ta phải có cả hai và điều quan trọng thứ hai là chúng ta phải có chúng theo thứ tự này. Khi tôi nói chúng ta phải có cả hai, có một số người nghĩ rằng Cơ Đốc giáo chỉ là trở thành một "người làm lành." Một sự xuyên tạc tệ hại. Nhưng nói rằng Cơ Đốc giáo chỉ là được cứu rỗi thì cũng lộn xộn không kém.

Chúng ta phải có cả hai, nhưng phải theo thứ tự này vì mọi tôn giáo khác trên thế giới đặt sự thánh hóa trước sự xưng công chính. Chúng nói rằng *anh phải tốt thì Chúa mới chấp nhận anh.* Mọi tôn giáo khác nói rằng *anh phải làm thế này thì anh sẽ được Chúa chấp nhận.* Chỉ duy Cơ Đốc giáo nói rằng *anh được Đức Chúa Trời tiếp nhận trước, tiếp nhận chính con người anh, để Ngài có thể biến anh thành con người Ngài muốn anh trở thành. Sự xưng công chính phải đến trước sự thánh hóa. Anh không thể sống đời sống Cơ Đốc nếu anh chưa được cứu.* Thấy không ạ? Nên chúng ta phải có cả hai, và có chúng theo thứ tự này. Hành vi Cơ Đốc được xây dựng trên niềm tin Cơ Đốc. Bổn phận Cơ Đốc từ giáo lý Cơ Đốc mà ra. Đó là điều thư Ê-phê-sô nói với chúng ta ngay từ đầu.

Nửa đầu thư

EPHESIANS 1-3

PRAISING (1. 3-14)
GOD'S PURPOSE to sum up all things in Christ
PRAYING (1. 15-17)
GOD'S PURPOSE AND POWER to know
PREACHING (1. 19-3.13)
GOD'S POWER AND PURPOSE revealed in:
1. CHRIST (1. 20-23)
RAISED UP TO REIGN
2. GENTILES (2. 1-22)
RAISED UP TO REJOIN
3. PAUL (3. 1-13)
RAISED UP TO REVEAL
PRAYING (3. 14-19)
GOD'S POWER AND PURPOSE to know.
PRAISING (3. 20)
GOD'S POWER to do exceeding abundantly.

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến, không phải nửa sau mà là nửa đầu, Chương 1 đến 3. Khi làm như vậy, chúng ta thấy rằng thực chất, Chương 1 đến 3 viết dưới hình thức của một buổi lễ thờ phượng, và rõ ràng Phao-lô đang nêu giáo lý về sự cứu rỗi trong bối cảnh của một buổi lễ thờ phượng. Ông

bắt đầu bằng việc ngợi khen Đức Chúa Trời, rồi ông chuyển sang cầu nguyện, rồi ông chuyển sang rao giảng, rồi ông cầu nguyện thêm và kết thúc bằng sự ngợi khen. Khi đã nắm được dàn ý về kiểu trình tự thờ phượng như vậy, anh chị em sẽ thấy giáo lý được nêu ra trong bối cảnh của sự thờ phượng. Đó không chỉ là sự rao giảng mà là rao giảng trong chiếc bánh mì kẹp giữa sự cầu nguyện và ngợi khen ở hai bên, nên ngay ở phần đầu, ông đã mở lời rằng "ca ngợi vinh quang của Ngài." Ông liên tục nói "ca ngợi vinh quang của Ngài, ca ngợi vinh quang của Ngài, Chúc tụng Đức Chúa Trời,...Ngài đã ban cho chúng ta...mọi phước hạnh thuộc linh." Đó là một bài ca ngợi khen và ông nói *Tôi cầu nguyện cho anh em*. Ông ngợi khen để mục đích của Đức Chúa Trời được quy tụ muôn vật lại trong Đấng Christ. Đó là mục đích của Đức Chúa Trời - quy tụ mọi điều trong Đấng Christ, Con Ngài.

Rồi ông cầu nguyện cho mục đích và quyền năng của Đức Chúa Trời trên mọi người đọc thư ông, *để Chúa có thể bày tỏ mục đích Ngài cho anh chị em và ban cho anh chị em quyền năng để đạt được điều đó trong đời sống mình.* Mục đích, quyền năng, mục đích, quyền năng, xuyên suốt.

Sau đó ông khai triển theo dạng bài giảng có ba ý về quyền năng và mục đích của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Đấng Christ, tức ý số một. Quyền năng và mục đích của Đức Chúa Trời đã dấy Đấng Christ lên trên tất cả, rồi ông nói quyền năng và mục đích của Chúa được thể hiện trong việc dấy các dân ngoại lên và khiến họ có thể hiệp với dân Ngài, những người xa lạ với Y-sơ-ra-ên giờ đây trở thành công dân Y-sơ-ra-ên và bức tường ngăn cách giữa dân Do Thái và dân ngoại đã bị phá đổ. Anh chị em biết phần đó rồi. Tôi muốn cho anh chị em xem cái này, đây rồi.

Vài năm trước, các nhà khảo cổ đang khai quật trong tàn tích đền thờ của Giê-ru-sa-lem thì tìm thấy phiến đá này. Đó là một khối đá có chữ khắc trên đó, và dòng chữ được sơn đỏ lên. Họ giải mã dòng chữ đó là *Bất cứ ai bị phát hiện làm như vậy sẽ là người gây ra cái chết của chính mình sau đó*, đây là phiến đá trong đền thờ vào thời Chúa Giê-su giữa bức tường ngăn cách hành lang của dân ngoại với hành lang của dân Do Thái. Án tử hình sẽ dành cho bất cứ ai là người ngoại vượt qua bức tường đó, hoặc bất cứ ai đưa một người ngoại vượt qua bức tường đó. Thế nên Phao-lô mới bị bắt, nhớ không ạ? Ông bị vu oan là đã đưa một người ngoại vượt qua biển báo đó. Thực ra, tuy ông không làm như vậy về mặt thuộc thể nhưng ông đã làm như vậy về mặt thuộc linh trên khắp thế giới. Vì sự rao giảng của ông đang làm điều đó! Ông đang đem các dân ngoại vào "nơi chí thánh."



Phiến đá trong đền thờ vào thời Chúa Giê-su giữa bức tường ngăn cách hành lang của dân ngoại với hành lang của dân Do Thái

Mục đích của Đức Chúa Trời là như vậy: đem cả thế giới vào trong nơi thánh. Đó là chút bối cảnh của Ê-phê-sô 2. Khi đọc một cụm như "bức tường ngăn cách," anh chị em không thấy nó liên hệ gì với mình đúng không? Nhưng khi thấy một biển báo chết người như vậy, ồ, nó sẽ rõ như ban ngày với anh chị em. Phao-lô đang nói rằng: *Giờ đây, anh chị em có thể đến với chính Đức Chúa Trời qua Đấng Christ.* Mục đích Ngài được bày tỏ trong việc Phao-lô được dấy lên.

Như vậy, ba ví dụ về quyền năng và mục đích của Đức Chúa Trời là: Đấng Christ được dấy lên để cai trị hết thảy, các dân ngoại được dấy lên để hiệp với dân Ngài, và Phao-lô được dấy lên để bày tỏ lẽ mầu nhiệm rằng Đức Chúa Trời muốn có chỉ một dân - cả dân Do Thái và dân ngoại trong Đấng

Christ, và Ngài muốn cả thế gian được quy tụ trong Đấng Christ. Nên lần này, Phao-lô không cầu nguyện cho mục đích và quyền năng Ngài trên những người đọc thư, mà cho chính mục đích và quyền năng Ngài, để họ có thể biết quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng có thể làm trổi hơn bội phần mọi điều chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng. Rồi ông phải kết thúc bằng việc ngợi khen quyền năng đó, một Đức Chúa Trời có thể làm trổi hơn những gì chúng ta có thể tưởng tượng được. Đó là một buổi lễ thờ phượng, và anh chị em có thể thấy dàn ý - ngợi khen, cầu nguyện, rao giảng, cầu nguyện, ngợi khen. Có lẽ anh chị em chưa từng thấy điều này khi đọc thư nhưng nửa đầu của Ê-phê-sô, anh chị em hoàn toàn có thể xây dựng một buổi lễ thờ phượng trên đó, và làm theo.

Nhưng chủ đề của cả phần này là quyền năng Đức Chúa Trời và mục đích Ngài, nó bắt đầu bằng lời ngợi khen mục đích của Đức Chúa Trời và kết thúc bằng lời ngợi khen quyền năng Ngài, tất cả đều là quyền năng và mục đích lớn lao của Đức Chúa Trời, mục đích Ngài, ý định Ngài, và quyền năng mà Ngài có để hoàn tất ý định đó, để không gì ngăn trở được Đức Chúa Trời làm điều Ngài định làm, đó là quyền tể trị Ngài. Đó là dàn ý sơ lược của chương 1 đến chương 3.

Nửa cuối thư

EPHESIANS 4-6

A. OUR WALK (4.1-6.9)
1. HUMILITY
2. UNITY
3. MATURITY
4. INTEGRITY
5. CHARITY
6. PURITY
7. DOCILITY
   a. Wives
   b. Children
   c. Slaves (employees)
8. RESPONSIBILITY
   a. Husbands
   b. Parents
   c. Masters (employers)

B. OUR WARFARE (6.10-20)
1. PROTECTION
2. PRAYER

Hãy xét đến dàn ý của chương 4 đến chương 6, một dàn ý hoàn toàn khác. Phần này liên quan đến sự đáp ứng của chúng ta - điều chúng ta làm sau khi thờ phượng, điều chúng ta làm sau khi nhận ra tất cả những điều đúng đắn trong chương 1-3; cách nó tác động đến đời sống chúng ta. Điều đầu tiên mà Chúa kêu gọi chúng ta thực hiện là bước đi. Anh chị em có thể nhảy lên trong Thánh Linh, bật nhảy trong Thánh Linh, nhưng Đức Chúa Trời tìm kiếm những người bước đi trong Thánh Linh. Bước đi thì không ngoạn mục bằng nhảy lên và bật nhảy đúng không? Nhưng việc bước đi thực sự rất hay: nhấc một chân lên và hạ xuống trước chân kia khoảng 50 phân, rồi nhấc chân kia lên và hạ xuống trước chân này.

Vậy cái đó có gì mà lại quan trọng đến vậy? Bước đi là thực hiện từng bước một về đúng hướng. Chỉ vậy thôi. Nó không ngoạn mục hay giật gân lắm, nhưng Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người sẽ bước đi, những người sẽ bước đi trong ánh sáng, trong tình yêu thương, bước đi như là con cái của Đức Chúa Trời. Chính sự bước đi của chúng ta mới là quan trọng chứ không phải nhảy lên

hay bật nhảy; có chỗ cho những điều đó, nhưng quan trọng là bước đi, chặng đường từng bước một. Cơ Đốc giáo là một chặng đường, một cuộc hành hương. Là Đường đi. Đó là cái tên đầu tiên cho Cơ Đốc giáo, Đường đi, đó là một danh của Đấng Christ. “Ta là Đường đi.”

Như vậy, ông nói có bảy, tám điều mà chúng ta cần bước đi trong đó. Bước đi trong sự khiêm nhường vì đó là bí quyết của sự hiệp nhất, không thể có sự hiệp nhất Cơ Đốc nếu không có sự khiêm nhường, nơi nào có sự kiêu ngạo thì nơi đó sự hiệp nhất bị phá vỡ. Điều đầu tiên chúng ta được kêu gọi là bước đi trong sự khiêm nhường. Khi đã nhận ra Chúa biết những gì về mình thì ôi thôi, anh chị em sẽ bước đi trong sự khiêm nhường thôi. Có một thời gian tôi thấy rất khó chịu vì người ta đi nói dối về tôi. Điều này đã đóng những cánh cửa mục vụ vào khoảng bảy, tám năm trước, và tôi bị khó chịu vì những cánh cửa mục vụ bị đóng lại. Tôi đã đến với Chúa và ca thán với Ngài về điều đó, anh chị em biết Ngài nói gì với tôi không? Ngài bảo: *Đa-vít ạ, điều tệ nhất mà họ có thể nói về con cũng chưa tệ bằng sự thật đâu.* Tôi cười phá lên. Tôi kể cho nhà tôi, bà ấy cũng phá lên cười. Ôi, tôi nhẹ cả người. Rồi Ngài nói: *Nhưng Ta vẫn yêu con và Ta vẫn dùng con.* Nên giờ đây, mỗi khi nghe người ta nói dối về mình, tôi đều nghĩ: *Cảm ơn Chúa là họ không biết sự thật!* Rõ ràng là Chúa Giê-su biết sự thật. Ngài biết mọi điều về anh chị em. Điều đó khiến anh chị em khiêm nhường. Vì Ngài biết rõ. Hãy bước đi trong sự khiêm nhường. Thậm chí là quá dễ để chúng ta...À, để tôi đọc một bài thơ ngắn:

Muốn thân nên thánh mà bất lực
Ngửa cổ lên trời nói cùng Cha:
“Lòng con mê muội, tăm tối quá,
Xấu xa con hẳn xếp hàng đầu.”
Bỗng một thiên sứ kia sà xuống
Thủ thỉ thì thầm từ phía sau:
“Nhỏ bé thế kia mà kiêu ngạo
Hơi tí là đòi đứng ngay đầu.”

Thậm chí còn có sự khiêm tốn giả tạo. Khiêm tốn giả tạo không phải là khiêm nhường. “Ôi tôi không làm được cái đó đâu, ôi đừng, đừng bảo tôi.” Đó là khiêm tốn giả tạo. Sự khiêm nhường thật nói rằng: *Nào phải tôi mà là ân điển của Đức Chúa Trời ở với tôi. Nếu không phải bởi ân điển Ngài thì ngày nay tôi không biết mình sẽ ở đâu nữa.* Hãy bước đi trong sự khiêm nhường.

Rồi hãy bước đi trong sự hiệp nhất. Vì chỉ có một Thân thể. Chỉ có một Thánh linh. Chỉ có một đức tin. Chỉ có một báp-tem. Chỉ có một Đức Chúa Trời, Cha của mọi người. Vậy thì hãy bước đi trong sự hiệp nhất, vì dù có bất đồng đến thế nào thì chúng ta cũng đều được cứu bởi cùng một Chúa Giê-su, bởi cùng một dòng huyết, chúng ta đang tiến đến cùng một tương lai. Có cùng một Thánh linh. Hãy bước đi trong sự hiệp nhất. Bước đi trong sự trưởng thành. Phao-lô đi từ sự hiệp nhất đến trưởng thành, đạt đến tầm vóc đầy trọn của Đấng Christ, đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời ban cho chúng ta các sứ đồ và nhà tiên tri, các mục sư, nhà truyền đạo, giáo sư; Ngài đã ban cho chúng ta tất cả những ân tứ này để gây dựng chúng ta nên trưởng thành và lớn lên.

Một trong những dấu hiệu của sự trưởng thành là chúng ta đến với sự hiệp nhất trong đức tin. Nền tảng cho mối thông công không phải là sự hiệp nhất trong đức tin mà là sự hiệp nhất trong Thánh Linh, cho tới khi chúng ta đạt đến sự hiệp nhất trong đức tin. Quá nhiều người Tin lành đã coi sự đồng thuận về giáo lý là nền tảng cho sự hiệp nhất, nên họ chỉ trích một số người trong chúng ta thông công với người canh tân đặc sủng bên Công giáo chẳng hạn.

Nhưng nền tảng cho sự hiệp nhất là một Đức Thánh Linh, và khi tôi gặp một người đã được báp-tem trong cùng một Thánh Linh như tôi thì tôi có mối thông công với người đó. Có thể chúng ta chưa đạt được sự hiệp nhất trong đức tin. Điều đó đến cùng sự trưởng thành. Nên Phao-lô nói rằng *hãy duy trì sự hiệp nhất trong Thánh Linh cho đến khi tất cả chúng ta đều đạt đến sự hiệp nhất trong đức tin.* Mục tiêu là tin vào cùng một điều. Đó không phải là khởi đầu mà là mục tiêu. Hiểu không ạ? Mỗi khi anh chị em gặp ai đó có Thánh Linh ngự bên trong thì họ cũng là một phần trong Thân thể của Đấng Christ. Ngay cả khi họ có chút lẫn lộn về mặt giáo lý. Anh chị em có thể cũng chưa đúng hết. Chúng ta vẫn phải quên đi vài điều mà mình tưởng là lẽ thật. "Cho đến khi tất cả chúng ta đều đạt đến sự hiệp nhất trong đức tin và... Tầm vóc đầy trọn của Đấng Christ... không còn bị dồi dập và cuốn theo luồng gió học thuyết."

Bước đi trong sự ngay thẳng. Chương 5 mở ra một danh sách về sự ngay thẳng trong đạo đức - *đừng nói những lời tục tĩu*. Thiết thực như vậy đấy! Ông nói điều này ở giữa chương - sự ngay thẳng trong tính cách sẽ không khiến anh chị em thất vọng. Bước đi trong sự khoan dung với nhau. Lại là điều này: Hãy tha thứ cho nhau như Đấng Christ đã tha thứ cho anh em. Cơ Đốc nhân độ lượng và khoan dung; chúng ta không khoan dung cho sai phạm hoặc tội lỗi. Nhưng chúng ta khoan dung với nhau. Độ lượng với nhau. Bước đi trong sự thanh sạch. H*ãy tiếp tục đầy dẫy Đức Thánh Linh*, Phao-lô nói như vậy. Bước đi với động cơ thanh sạch, tấm lòng thanh sạch. Tôi bổ sung thêm sự thuận phục.

Vấn đề là nghĩa của tất cả những từ như tôi mọi, hầu việc, quy phục đã bị hoen ố đi ít nhiều đúng không? Nhưng có sự vâng phục, vâng phục lẫn nhau trong Đấng Christ, đó là một dấu hiệu đẹp của sự trưởng thành. Hãy bước đi trong sự thuận phục. Một lần nữa, ông nói đến ba mối quan hệ: Vợ với chồng, con cái với cha mẹ, nô lệ với chủ nô hoặc ông chủ. Hãy sẵn sàng vâng phục, nhưng điều này có một khía cạnh khác nữa: Bước đi trong trách nhiệm và ở đây, ông nói một điều rất thách thức với những người chồng. Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình như Đấng Christ yêu Hội Thánh. Vợ tôi đã nói với tôi hơn một lần rằng: *Khi anh vâng phục Đấng Christ thì em sẵn lòng vâng phục anh.* Đó là khía cạnh trách nhiệm. Người chồng, các bậc cha mẹ và ông chủ có trách nhiệm với những người đã đặt mạng sống của mình trong tay họ. Một sự bước đi rất thực tế. Nó không có gì ngoạn mục cả - bước đi từng bước một, ngày này qua ngày khác, bước đi đúng đường.

Từ việc bước đi, chúng ta chuyển sang trận chiến và đây lại là một phần rất nổi tiếng của Ê-phê-sô, được đọc quá nhiều lần trong hội thánh về khí giới Cơ Đốc: mặc lấy mọi khí giới của Đức Chúa Trời. Chúng ta không chiến đấu với con người. Chiến đấu với con người thì dễ hơn rất nhiều. Tôi e rằng đôi khi Cơ Đốc nhân bị cám dỗ tranh chiến với những người khác. Chúng ta không chiến đấu chống lại thịt và máu, nhưng chống lại các quyền thống trị, các thế lực ở các nơi trên trời, tại chính nơi chúng ta được đặt để trong Đấng Christ. Chúng ta đồng ngồi với Ngài tại các nơi trên trời.

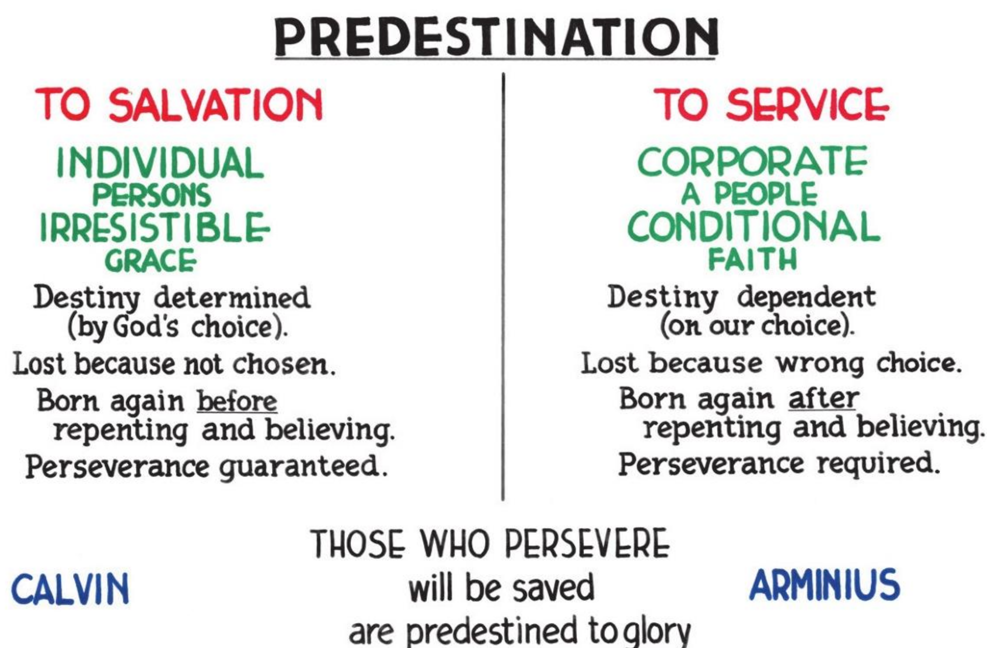
Anh chị em nghĩ là tôi đang đứng ở High Legh này đúng không? Các giác quan nói với anh chị em như vậy, nhưng không phải. Thực ra là lúc này tôi đang ngồi. Con người thật sự của tôi đang ngồi với Đấng Christ tại các nơi trên trời. Đó mới chính là vị thế của tôi. Thân thể tôi đang đứng ở High Legh này. Ngay khi qua đời, tôi sẽ không còn nhận thức được thân thể mình ở đâu nữa, tôi chỉ còn nhận thức được tâm linh mình đang ở đâu - đồng ngồi với Đấng Christ tại các nơi trên trời. Nói đúng ra thì một Cơ Đốc nhân đã lên thiên đàng rồi. Nhưng các giác quan của anh ta liên tục bảo rằng anh ta đang ở trên đất, nên đôi khi anh ta quên mất điều này; nhưng Ngài đã ban cho chúng ta mọi phước hạnh thuộc linh, tại các nơi trên trời, và khiến chúng ta đồng ngồi với Ngài tại các nơi trên trời, đó là

vị trí thật sự của chúng ta. Không phải anh chị em đang ngồi trên High Legh đâu, anh chị em đang ngồi với Đấng Christ. Đó là địa chỉ thật sự của anh chị em. Ngay khi các giác quan trong thân thể anh chị em ngừng hoạt động thì ý thức duy nhất của anh chị em sẽ là đồng ngồi với Ngài trên trời. Nhưng đó cũng là chỗ của các quyền thống trị và các thế lực.

Nên mỗi khi bước vào các nơi trên trời thì chúng ta lại bước vào xung đột và cần khí giới của Đức Chúa Trời để đứng vững. Một điều chúng ta không bao giờ làm là rút lui. Không có khí giới nào cho lưng chúng ta. Nên chúng ta không bao giờ quay lưng, không bao giờ rút lui. Có thể có những lúc chúng ta không thể đi được, nhưng vì đã trang bị đủ những thứ khác, hãy cứ đứng đó, và đừng bao giờ lùi bước. Chúa Giê-su nói nếu quay lại thì chẳng khác nào một người đang cày mà quay lại. Anh chị em không thể làm vậy. Không được rút lui.

Vậy là có khí giới cho đằng trước, nhưng không có cái nào dành cho lưng anh chị em. Tôi thấy điều đó rất thú vị. Trên hết, anh chị em hãy đứng vững, và giương thuẫn đức tin lên. Thực ra, Phao-lô đang nói đến một cái thuẫn hay cái khiên bằng gỗ bọc da và gỗ rất mềm. Anh chị em nghĩ: *Khiên kiểu gì không biết!* Lính La Mã dùng cái đó vì tên lửa lao đến sẽ cắm vào gỗ và tắt lịm. Mọi tên lửa của kẻ ác sẽ bị cắm vào đức tin của anh chị em và bị đức tin đó dập tắt. Tất cả các phần của khí giới đó đều quan trọng. Anh chị em cần đội mũ lên đầu, cần mặc áo trước ngực, cần thắt lưng chặt lại bằng một cái dây da và đeo gươm bên hông. Tất cả đều có, và chân mang giày bằng sự sẵn sàng của Tin lành. Nên trong trận chiến, chúng ta cần khí giới và chúng ta không chỉ cần sự bảo vệ, mà ông nói rằng trên hết, hãy "cầu nguyện trong Thánh Linh." Đó là vũ khí lợi hại nhất của anh chị em. Anh chị em cần sự bảo vệ và cả sự cầu nguyện nữa. "Cầu nguyện trong Thánh Linh."

Vấn đề về tiền định



Tôi vừa tóm lược Ê-phê-sô chương 4 đến chương 6. Ôi, tôi còn bao nhiêu thời gian nhỉ? Xem nào. Tôi có khoảng 12 phút để nói đến sự tiền định. Hãy nói đến điều đó. Hãy đối diện với điều đó vì một lần nữa, tôi nghĩ rằng hiểu sai về tiền định có thể gây hại thực sự. Đôi khi người ta nói như thể chúng ta chỉ là rô-bốt hoặc những con rối và chúng ta không thể cưỡng lại Đức Chúa Trời. Tôi rất vui khi nghĩ đến việc chúng ta là những người cộng tác, đồng công với Chúa. Có một mối quan hệ sống động

giữa Đức Chúa Trời và con người trong Kinh Thánh. Có một bài hát "Ngài là thợ gốm, chúng con là đất sét," như thể *mình không thể làm gì được, Chúa cứ thế đùa giỡn với mình như người thợ gốm với đất sét vậy*.

Nhưng hãy mở lại Giê-rê-mi 18 mà xem, Chúa bảo vị tiên tri này đến nhà người thợ gốm để rút ra bài học về người thợ gốm và đất sét. Người thợ gốm chỉ muốn nắn đất sét thành một cái bình đẹp, nhưng đất sét không chạy trên tay ông. Nên ông dồn nó lại, đặt lại trên bàn xoay và làm một cái nồi thô, dày. Rồi Chúa nói: *Giê-rê-mi, con đã rút ra bài học về người thợ gốm và đất sét chưa?* Người thợ gốm định trước để khối đất sét biến thành một cái bình đẹp, nhưng đất sét không chạy trên tay ông, nên ông đã nắn nó thành một cái nồi thô kệch. Tiền định là như vậy. Đúng là Đức Chúa Trời đã định ra một vận mệnh cho chúng ta, nhưng như vậy không nghĩa là Ngài sẽ áp đặt nó trên chúng ta. Nó nghĩa là nếu chúng ta đáp ứng với Ngài thì vận mệnh mà Ngài đã trù tính cho chúng ta từ khi lập nền trái đất sẽ là của chúng ta.

Nhưng điều đó không hề gợi ý rằng nếu Ngài định trước cho chúng ta trở nên điều gì đó thì chúng ta không thể cưỡng lại được. Anh chị em hiểu ý tôi nói không? Khối đất sét đó đã bỏ lỡ tiền định của mình. Người thợ gốm muốn nắn nó thành một cái bình đẹp. Rồi Đức Chúa Trời nói với Giê-rê-mi rằng: *Ta muốn nắn Y-sơ-ra-ên thành một cái bình đẹp chứa lòng thương xót Ta, nhưng thay vào đó, Ta lại phải nắn nó thành một cái bình xấu đựng sự phán xét Ta. Nhưng nếu chúng ăn năn thì Ta sẽ lại nắn chúng thành một cái bình đẹp.* Đức Chúa Trời không bao giờ định trước cho chúng ta thành một cái nồi thô kệch đựng sự phán xét. Ngài đã định trước cho chúng ta thành những chiếc bình đẹp chứa lòng thương xót.

Để tôi minh họa thế này nhé! Cha tôi biết tôi từng muốn làm nông dân. Kỳ nghỉ nào tôi cũng đến nông trang và khi rời trường năm 16 tuổi, tôi đã đến làm việc ở nông trang, sáng nào cũng vắt sữa cho 90 con bò lúc 4 giờ sáng. Tôi rất thích làm nông. Tôi không biết điều này, nhưng cha tôi đã định cho tôi tiếp quản một nông trang tại Scotland khi tôi 21 tuổi. Cho thuê nông trang đó. Ông đã sắp đặt như vậy; đó là một nông trang gia đình. Ngày nay, khi đi qua nông trang đó, tôi nghĩ biết đâu mình vẫn còn đang vắt sữa bò ở đấy. Thực ra thì Chúa Giê-su đã bước vào trước và nói cho tôi biết ý muốn Ngài.

Nhưng một hôm, cha tôi kể là ông đã chuẩn bị sẵn nông trang đó cho năm tôi 21 tuổi và tôi phải nói rằng *Quá muộn rồi ạ*. Nhưng nếu tôi có nhận nông trang đó thì tôi luôn có thể nói rằng *cha tôi đã định trước cho tôi ở đấy, ông đã trù tính như vậy khi tôi còn chưa biết gì về chuyện đó*. Bắt đầu hiểu chưa ạ? Theo nghĩa đen thì tiền định nghĩa là định trước một vận mệnh. Nhưng một số người dựa vào đó mà bảo rằng Chúa chỉ coi chúng ta như những con rối và bắt chúng ta phải làm những gì Ngài đã định trước. Không đâu. Ngài định trước cho chúng ta sự vinh hiển. Chúng ta có thể chống lại và từ chối tiền định đó, hoặc chấp nhận nó. Nếu chấp nhận nó thì từ đó về sau, chúng ta có thể nói rằng *Chúa đã trù tính cho tôi như vậy từ trước khi lập nền trái đất.*

Hãy xét đến hai góc nhìn về tiền định. Nhiều người nhìn nhận rằng *tiền định nghĩa là những cá nhân này được chọn để được cứu rỗi trong khi những người khác thì không, là Đức Chúa Trời đã định từ lâu, trước khi chúng ta làm bất cứ điều gì, rằng tôi sẽ là một trong những người được cứu; thế là xong*. Nên góc nhìn này tin rằng *không thể cưỡng lại ân điển, chúng ta không thể cưỡng lại ân điển Chúa, một khi Chúa đã định rằng người này sẽ được cứu thì anh ta sẽ được cứu, vậy thôi. Chúng ta không thể làm gì để thay đổi điều đó; không thể cưỡng lại ân điển Ngài; nên vận mệnh của chúng*

ta là tùy Chúa lựa chọn. Chúa được tự do chọn xem một người sẽ lên thiên đàng hay xuống địa ngục, Chúa mà đã chọn thì là như vậy. Nên một người đã được định là hư mất thì anh ta sẽ hư mất, không phải vì bất cứ điều gì anh ta đã làm, mà vì anh ta không được chọn; thế nên chúng ta được sinh lại trước khi chúng ta ăn năn và tin nhận; bởi vì nếu chưa được sinh lại thì chúng ta không thể ăn năn và tin rằng Chúa đã chọn mình, sinh lại mình; từ đó chúng ta mới bắt đầu ăn năn, tin nhận. Vì thế, sự kiên trì của chúng ta trong đức tin được đảm bảo vì ân điển không thể cưỡng lại được, rằng giờ đây, 100% là chúng ta sẽ lên thiên đàng.

Đó là một quan niệm thường thấy về tiền định. Nó thường được gắn với một người tên là Calvin. Thực ra thì Calvin không dạy như vậy, mà người kế nhiệm ông, một người tên Beza đã dạy điều đó và nhiều người bị nhầm lẫn giữa Calvin và Beza rồi gọi nó là thuyết Calvin. Thực chất thì Calvin đã dạy trong cuốn *Nguyên Lý Cơ Đốc Giáo (Institutes of the Christian religion)* cho các học viên của ông rằng chúng ta có thể đánh mất sự cứu rỗi; nên thật tiếc là ông thường được gắn cho một quan điểm không thực sự là của mình, nhưng đó là một câu chuyện khác.

Nếu nghiên cứu về tiền định trong Kinh Thánh, anh chị em sẽ thấy không hẳn là mình được chọn cho sự cứu rỗi, mà anh chị em được chọn cho sự phục vụ. Không hẳn là anh chị em có đặc quyền, mà có trách nhiệm khi là một trong những người được chọn, anh chị em được chọn cho sự phục vụ. Hơn nữa, ở đây không nhấn mạnh việc lựa chọn các cá nhân mà lựa chọn một dân, một dân được chọn, một dân tuyển. Thêm nữa, nếu nghiên cứu cẩn thận thì anh chị em sẽ thấy ân điển không phải là không thể cưỡng lại mà có thể cưỡng lại. Nó tùy thuộc vào đức tin của chúng ta, nếu chúng ta tin, nếu chúng ta tiếp tục trong đức tin.

Tiếp đến, vận mệnh của chúng ta lên thiên đàng hay xuống địa ngục không phụ thuộc vào lựa chọn của Chúa mà của chúng ta, chúng ta có chọn đáp ứng với ân điển Ngài hay chọn cưỡng lại điều đó. Tiếp đến, chúng ta được sinh lại sau khi chứ không phải trước khi ăn năn và tin nhận. Nhưng vì cớ chúng ta đã ăn năn và tin nhận nên Đức Chúa Trời có thể ban cho chúng ta sự sống mới trong Đấng Christ. Tiếp đến, sự kiên trì của chúng ta là một điều cần có chứ không được đảm bảo. Chúng ta cần kiên trì, cứ ở trong cây nho, trở thành một người chiến thắng, ở trong Đấng Christ, và tiếp tục tin. Đây không phải là được cứu rỗi nhờ việc làm, nhưng được cứu rỗi nhờ tiếp tục tin, và đó là một điều cần nhấn mạnh. Điều này thường được gắn với một người tên là Arminius, và người ta thường bác bỏ quan điểm này dưới dạng thuyết Arminius mà chưa từng đọc nó. Tôi đang nghiên cứu các tác phẩm của ông, một người Hà Lan và ôi, thật là một con người tin kính đến nỗi không ai dám bác bỏ ông lúc sinh thời, họ chỉ tấn công sau khi ông qua đời. Ông đã sống một đời sống thật tin kính. Anh chị em cứ đọc các tác phẩm của ông mà xem, tôi không hổ thẹn khi ủng hộ người đó.

Nhưng quan trọng không phải là anh chị em theo thuyết Calvin hay thuyết Arminius, quan trọng là Kinh Thánh nói gì về điều này? Tôi tin vào tiền định; tôi tin rằng Đức Chúa Trời định trước để tôi trở thành tôi ngày nay. Tôi tin rằng Ngài đã định đoạt rằng Ngài muốn tôi ở trên thiên đàng trước cả khi tôi biết rằng Ngài có thật; Ngài đã yêu tôi trước khi tôi yêu Ngài, và Ngài đã chọn tôi chứ không phải tôi đã chọn Ngài. Tuy nhiên, tôi tin rằng ấy là bởi vì tôi không cưỡng lại ân điển Ngài mà tiếp nhận điều đó, và tiếp tục tin nên tôi sẽ kết thúc nơi thành thánh thiên đàng. Tôi muốn chia sẻ điều đó với anh chị em vì nhiều điều phụ thuộc vào nó, có một sáo ngữ rất nhảm nhí được lan truyền khắp nơi - *được cứu một lần là đủ cả*. Một cụm từ kinh khủng; chưa kể đến những điều khác thì "được cứu một lần" hay "một khi đã được cứu" là cái gì? Tôi đang được cứu chứ. Tôi vẫn có nhiều thứ mà Chúa

phải cứu tôi ra khỏi. Chúng ta đang được cứu. Sự cứu rỗi là một quá trình chứ không phải một phép lạ tức thời.

Nên giống như những người khác, tôi đang chờ đợi sự tái lâm của Ngài, khi Ngài sẽ mang sự cứu đến cho những ai đang chờ đợi Ngài, đó là khi tôi sẽ "được cứu một lần," vì cả con người tôi sẽ được cứu, kể cả cái thân thể già nua này. Tôi chỉ muốn chia sẻ điều này với anh chị em. Tôi không muốn phân rẽ với anh chị em vì điều này, tôi không nghĩ là chúng ta nên để nó phá hỏng mối thông công Cơ Đốc, nhưng tôi tin rằng kiểu tiền định kia gây hại đến tư duy của mọi người, vì nó thật sự phá hoại mối quan hệ sống động giữa đất sét và người thợ gốm. Người thợ gốm đã quyết định rằng Ngài muốn dựng nên tôi là một con người đẹp đẽ như Đấng Christ, Ngài đã định trước điều đó cho tôi, Ngài đã quyết định như vậy từ lâu, trước khi tôi chào đời.

Nhưng khi tôi 17 tuổi, Ngài đã lấy ân điển chạm tới đời sống tôi, khi đó tôi có thể chọn cưỡng lại hoặc tiếp nhận ân điển đó; và khi tiếp nhận nó, tôi đã tiếp nhận tiền định mà Ngài dành cho tôi. Tôi nói đến mối quan hệ sống động theo nghĩa đó; và điều này, khái niệm này không hề nói rằng Đức Chúa Trời không chọn để những người khác được cứu, vì Kinh Thánh của tôi nói rằng Đức Chúa Trời muốn mọi người được cứu rỗi. Nếu Ngài đã muốn như vậy thì điều gì có thể ngăn trở Ngài làm điều đó, trừ việc người ta từ chối và chống lại Thánh linh Ngài?

Qua Kinh Thánh, tôi thấy chúng ta có thể làm buồn Thánh Linh Ngài; có thể chống lại Thánh Linh Ngài. Cơ Đốc nhân đầu tiên tử vì đạo đã tố cáo những kẻ hành hình mình rằng *các ngươi luôn luôn chống lại Đức Thánh Linh.* Chúng ta có thể chống lại cả Đức Chúa Trời. Điều đó không khiến Đức Chúa Trời yếu đuối hơn tôi. Đức Chúa Trời, bởi tình yêu phi thường của Ngài, đã khiến chính Ngài nên yếu đuối trước sự khước từ của chúng ta, một điều thật tuyệt vời. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ bắt ai làm con Ngài, không bao giờ bắt ai lên thiên đàng, không bắt ai làm Cơ Đốc nhân, nhưng bởi ân điển tiền hộ (prevenient) và tình yêu tiền định của Ngài, Ngài đã định ra một vận mệnh mà Ngài muốn mọi người nam, người nữ và con trẻ đều có được; và Ngài đã dành sẵn điều đó cho những người yêu Ngài.

Với tôi thì đây không hẳn là vấn đề về học thuyết mà là về động lực và trải nghiệm. Tôi biết rằng Ngài đã chọn tôi trước khi tôi chọn Ngài, tôi biết là Ngài đã định tất cả những điều này khi tôi còn chưa biết gì biết về chúng, nhưng tôi cũng biết rằng mình có một khả năng khủng khiếp, ấy là từ chối trở thành những gì Chúa muốn tôi trở thành. Nhưng tôi muốn trở thành điều đó. Hãy cùng cầu nguyện:

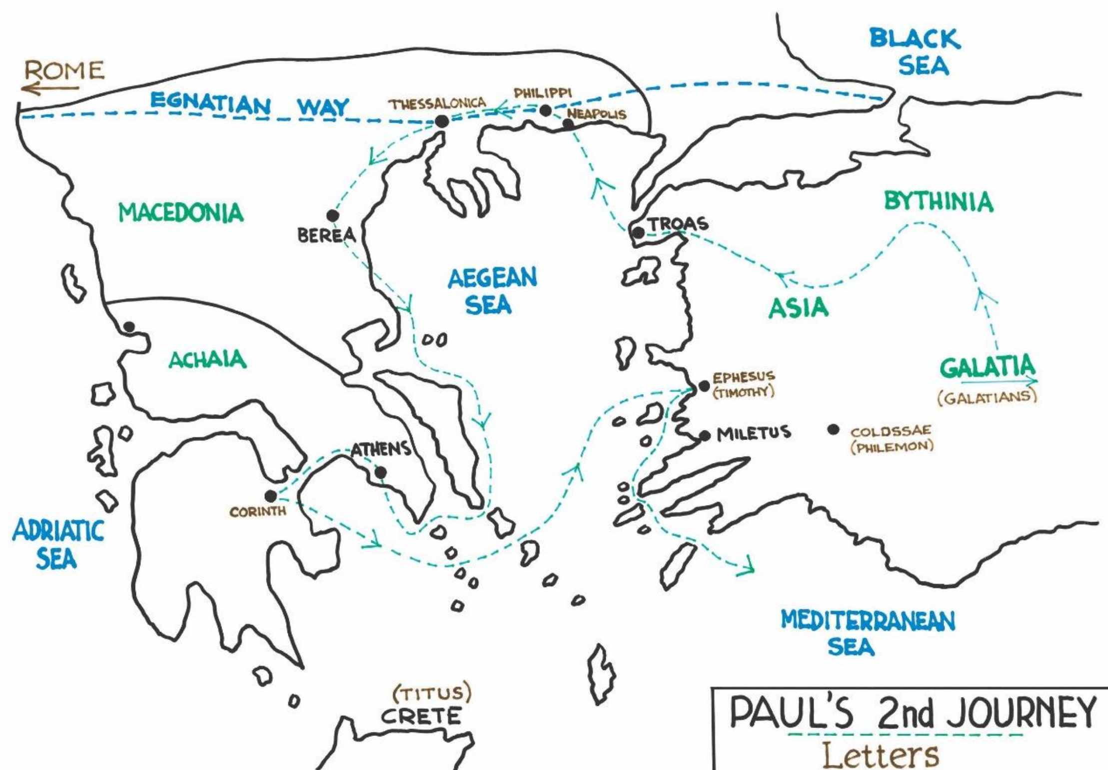
Cha ơi, chúng con có thể sa lầy vào giáo lý và thần học, nhưng chúng con muốn ngợi khen Ngài vì Ngài là Đức Chúa Trời và Ngài đã chọn chúng con trong Đấng Christ trước khi lập nền trái đất. Cảm tạ Chúa vì cái ngày mà Ngài bước vào đời sống chúng con và ân điển Ngài trở nên một trải nghiệm thực hữu. Chúng con cảm ơn Ngài vì đã khiến chúng con biết ăn năn và tin nhận, vì chúng con không chống lại điều đó; chúng con dâng Ngài sự ngợi khen và vinh hiển. Chúng con cảm ơn Ngài vì Ngài sẽ quy tụ mọi vật trong Đấng Christ và quyền năng Ngài sẽ hoàn thành mục đích Ngài, vì Ngài đã kêu gọi chúng con dự phần vào mục đích đó. Chúng con vui mừng và sẵn lòng đầu phục ân điển và Thánh Linh Ngài, để Ngài có thể làm viên mãn mọi sự trong mọi loài, để chúng con có thể ngợi khen Ngài mãi mãi khi sự cứu rỗi chúng con được hoàn tất khi Chúa Giê-su tái lâm. Vì cớ danh Ngài. A-men.

THƯ PHI-LÍP - Phần 1

Địa lý

Bây giờ chúng ta đến với bức thư của Phao-lô gửi cho người Phi-líp, một bức thư khác được viết từ thời cầm tù tại Rô-ma. Lần đầu tiên ông bị cầm tù, hay đúng hơn là bị quản thúc tại gia. Bây giờ chúng ta hãy nhìn vào bản đồ và xác định vị trí của thành Phi-líp. Đây là thành phố đầu tiên Phao-lô lập một hội thánh, ông gọi đó là thuộc địa của thiên đàng. Nó ở ngay trên đường chính nối hai phần đông và tây của đế quốc La Mã. Ông cập cảng Neapolis từ Trô-ách, nhưng đã không dừng tại đó, bởi vì chiến lược của ông không phải là đến từng thành phố, mà là đến những thành phố chính trong khu vực. Chút nữa chúng ta sẽ thấy vì sao thành Phi-líp là một thành phố chìa khóa như thế.

Có một dãy núi chạy thẳng dọc phía Bắc Hy Lạp, và thực sự chỉ có một khe trong cả dãy núi ấy, nên con đường chính chạy theo phía nam của dãy núi này, nhưng tại Phi-líp, có một con đường chạy xuyên qua chúng đến phần còn lại của châu Âu. Vậy nên đây thực sự là một thành phố then chốt cần chiếm giữ. Đó là lý do vì sao nó là thành phố then chốt như vậy trong suốt lịch sử. Chúng ta sẽ thấy rằng nhiều trận chiến lớn đã diễn ra tại Phi-líp để chiếm được khoảng trống trong các ngọn núi giữa phần bắc của châu Âu và Hy Lạp.



Hành trình truyền giáo lần thứ 2 của Phao-lô

Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu bằng cách nhìn những gì còn lại của thành phố này, bởi vì thực ra giờ nó chỉ là một đống đổ nát. Có một thành phố Phi-líp hiện đại, nhưng cách xa thành phố cổ. Chỉ cách đây vài năm, một nhà khảo có học đã tìm thấy một ngôi mộ ở đây, chứa đầy vàng bạc châu báu, nếu xét về lượng báu vật thì nó đứng thứ hai chỉ sau lăng bộ Tutankhamen ở Ai Cập. Tôi chắc rằng tất cả các bạn đã nghe nói về lăng mộ Tutankhamen ở Ai Cập, nhưng có lẽ chưa nghe nói về ngôi mộ này, bởi vì nó đã bị lu mờ bởi khám phá tại Ai Cập. Đây là lăng mộ của vua Phi-líp, người được lấy tên để đặt cho thành phố Phi-líp. Phi-líp là vua của Ma-xê-đô-ni-a, phần phía bắc của Hy Lạp, ông có một người con trai, và ông có tham vọng rất lớn cho người con trai ấy. Con trai ông là Alexander,

chính là Alexander Đại Đế, người đã chinh phục thế giới vào thời điểm đó trước khi qua đời ở tuổi 31.



Thành cổ Phi-líp

Trong những ngọn đồi ở đó có vàng và bạc. Đó là một vùng mỏ rất giàu quặng, và đó là nơi người ta lấy vàng bạc cho lăng mộ của ông. Hai nghìn năm trước, Phi-líp đã xây dựng thủ đô của mình ở đó. Những trận chiến có ý nghĩa quyết định trong lịch sử điễn ra ngay tại khe núi này. Chẳng hạn như vào năm 168 TCN, người La Mã đến và chinh phục dân địa phương ở đây. Sau đó vào năm 42 TCN, Antony đã đánh bại Brutus và Cassius ở đây. Sau đó vào năm 31 TCN, ngay trước khi Chúa Cứu Thế đến, Antony và Cleopatra đã bị đánh bại ở đây. Nên tất cả đã xảy ra ở đây. Nó là một trận địa.

Nơi đây đã trở thành thuộc địa của La Mã. Hoàng đế La Mã, Augustus, đã đặt tên cho nó một cái tên rất dài dòng. Ông gọi đó là thuộc địa của Giulia Augusta Philippensis. Ông đã tìm cách gắn tên của mình, Augustus, và tên của Phi-líp vào đó, nhưng người ta thường gọi là thành Phi-líp. Đó là một đô thị nhỏ và nó được trao quyền giống hệt như đất Ý. Vì vậy, người La Mã được quyến khích đến định cửa đây và biến nơi đây thành thuộc địa, nên có thể nói có một chút thuộc địa của La Mã ở đây, và nơi này được trao tất cả các quyền và đặc quyền như khi họ ở quê hương.

Nhưng có một đấng cao hơn hoàng đế La Mã đã để mắt đến thành phố này, và đó chính là Đức Chúa Trời. Chúa muốn thành phố đó mang tính chiến lược, cửa ngõ vào châu Âu này trở thành một thuộc địa của thiên đàng.

Hội thánh Phi-líp được thành lập như thế nào?

Nên Đức Chúa Trời đã đưa một trong những đầy tớ của Ngài, Phao-lô, đến đây để bắt đầu một thuộc địa ở đây, nhưng đó là thuộc địa của thiên đàng. Thuộc địa của La Mã này đã được làm thuộc địa cho Đấng Christ. Chúa đã đưa Phao-lô đến đây từ Ga-la-ti. Phao-lô đang làm việc chăm chỉ ở phía Tây, nhưng gần như không đủ nhanh đối với Đức Chúa Trời. Dường như Đức Chúa Trời vội vàng hơn Phao-lô. Đó lý do tại sao Đức Thánh Linh đã cấm Phao-lô giảng tiếp ở Tiểu Á và tiếp tục đẩy ông về phía Tây, cho đến khi ông nghe được tiếng của người Ma-xê-đoan nói rằng hãy đến giúp chúng tôi. Phao-lô đang không đủ nhanh, nên Chúa đã không cho phép ông truyền giáo tại các vùng còn lại của Tiểu Á mà đẩy ông nhanh đến thành Phi-líp.

Đó là lý do tại sao có thể nói Hội Thánh tại Phi-líp là thuộc địa của thiên đàng. Nhấn mạnh khía cạnh thuộc địa này, bởi vì đây vốn là thuộc địa của La Mã, và bằng cách đó tin lành đã đến được châu Âu. Nó bắt đầu một cách rất nhỏ, dường như không đáng kể. Không có một người đàn ông nào ở đây để Phao-lô có thể bắt đầu công việc cùng, không có hội thánh, không có nhà hội Do Thái nào ở đây. Chỉ có một nhóm cầu nguyện của những người phụ nữ thôi. Trong Do Thái giáo, bạn cần phải có 10 người đàn ông thì mới có thể thành lập một nhà hội. Đó lý do tại sao người ta gọi Chúa Giê-su là Rabi bởi vì Ngài có 12 người học trò. Tất nhiên, một người đã bỏ đi, nhưng vẫn còn 11 người, nên Ngài được gọi là Ra-bi, bởi vì Ngài có một nhà hội, nhà hội không phải chỉ là tòa nhà, mà là sự nhóm lại của 10 người cùng với một giáo sĩ.

Như vậy, họ đã không có được tới 10 người ở đây, nhưng trước khi có được nhà hội 10 người thì họ vẫn có thể có được một nhóm cầu nguyện tại gia. Ở đây có một nhóm cầu nguyện của những người phụ nữ ở bên bờ sông. Người đứng đầu nhóm này là một phụ nữ đến từ châu Á, Lydia. Bà đến từ châu Á. Bà là một doanh nhân bán vải màu tía. Bà có gia đình. Hộ gia đình thời đó không phải là gia đình trong cách của chúng ta thế nay. Hộ gia đình thời đó bao gồm cả nô lệ, cả những người họ hàng, rộng hơn nhiều so với từ gia đình của chúng ta ngày nay. Như vậy, đây là phép báp-tem đầu tiên cho cả hộ gia đình. Khi tất cả mọi người trong nhà đều đã tin và được báp-tem cùng với nhau. Đó là hộ gia đình của Lydia. Người đàn ông đầu tiên, theo như chúng ta biết, trở thành Cơ Đốc nhân ở tại châu Âu, là một cai ngục. Anh ta có lẽ là một nô lệ được giao cho công việc cai ngục. Đây là công việc không được coi là tốt đẹp lắm vào thời đó.

Phao-lô đã giảng, như ông đã luôn làm. Ông bắt đầu với những người Do Thái và những người kính sợ Đức Chúa Trời, và ông tìm thấy một nhóm phụ nữ ở bên bờ sông này. Nên ông đã bắt đầu giảng tại đó và tin lành đã đến với châu Âu trong cách đó. Sự phản đối bắt đầu xảy ra rất nhanh, và nó diễn ra một cách rất bất thường. Khi Phao-lô đang rao giảng trên đường phố, thì có một cô gái cứ chạy theo họ, liên tục nói rằng, *phải nghe người này vì họ đến từ Đức Chúa Trời Chí Cao, cần phải lắng nghe họ, họ đang nói lẽ thật đó.* Bạn có thể nghĩ rằng đây là một lời tuyên bố tốt đúng không? Nhưng đối với Phao-lô, điều đó khiến ông cảm thấy rất bực bội. Sau vài ngày, ông hiểu rằng cô ta có một quỷ bói khoa, cô ta làm lợi rất nhiều cho chủ của cô ta. Điều kỳ lạ ở đây là quỷ có thể nói thật, nhưng không ít lợi gì cho tin lành. Phao-lô đã đuổi quỷ ra khỏi cô gái này và cô ta không còn cây rối cho họ nữa, nhưng điều đó lại khiến cho chủ của cô ta không còn lợi lộc nữa.

Đó là sự khởi đầu của rắc rối. Phao-lô đi đến đâu, thì hầu như ông đều gây ra rắc rối ở đó, hoặc là với những người Do Thái, hoặc là khiến những người khác làm ăn thua lỗ, như ở tại thành Ê-phê-sô chẳng hạn, và bây giờ là chủ của cô gái này. Sau đó ông đã phải vào tù. Thật thú vị là lần buộc tội

này, thì ông bị buộc tội vì là người Do Thái, và có vẻ như đang ủng hộ luật của người Do Thái chống lại luật của La Mã. Thật ra, Phao-lô không thể làm như vậy. Thông thường thì người Do Thái bịa chuyện nọ chuyện kia về Phao-lô, nhưng bây giờ người ngoại lại nói rằng Phao-lô là người Do Thái và đang chống lại luật La Mã. Điều đó hoàn toàn sai sự thật, nhưng cũng đã khiến cho Phao-lô phải vào tù.

Phao-lô đã làm gì trong tù? Phao-lô đã hát thánh ca. Điều đó rất điển hình đối với Phao-lô. Phao-lô ở đây, trong bóng tối, vào lúc nửa đêm, ca ngợi Đức Chúa Trời, và hát những bài thánh ca cổ thật hay, Phao-lô và Si-la. Sau đó là một trận động đất xảy ra, tường sụp đổ, toàn bộ nhà tù được mở ra, tất cả tù nhân có thể trốn thoát. Nếu họ làm như vậy, thì người cai ngục sẽ bị đóng đinh. Đó là lý do vì sao người cai ngục đã vô cùng sợ hãi khi biết được điều này và hét lên. Tôi không nghĩ rằng người cai ngục biết là ông đang nói gì khi ông nói: *Tôi phải làm gì để được cứu,* cứu khỏi cái gì? Cứu khỏi bị đóng đinh chăng? Chúng ta không biết là anh ta đang thực sự muốn nói gì khi nói điều đó, nhưng Phao-lô đã tận dụng khá nhanh điều này và nói rằng anh cần Chúa Giê-su. Sau đó, câu chuyện rất là cô đọng trong sách Công Vụ, Phao-lô đã giảng cho cả nhà của ông trong đêm hôm đó, cả nhà của người cai ngục đó bao gồm cả những người nô lệ. Chúng ta không biết là người ca ngục đó và Lydia sau này có kết hôn hay không, nhưng chúng ta biết rằng họ đã có những hộ gia đình. Như vậy, Phao-lô đã ở đó cả đêm để giảng cho họ cùng những nô lệ của họ, và khi họ đã sẵn sàng, ông đã làm báp-tem cho họ. Bây giờ hội thánh được tăng trưởng.

Sau đó Phao-lô đã tận dụng tất cả các đặc quyền La Mã của mình, bạn có thể làm điều đó tại thành phố Phi-líp, tại vì người ta rất là coi trọng đặc quyền La Mã tại đó. Phao-lô nói, tôi đã bị vào tù mà không cần xét xử à. Như vậy là các anh đã vi phạm luật La Mã. Người ta đã phải nài xin Phao-lô rời khỏi thành đó. Phao-lô nói rằng các anh phải đến đưa tôi ra khỏi tù thì tôi mới đi. Cuối cùng có một đám rước nhỏ đã đến và người lãnh đạo của thành đó đã đến để đưa Phao-lô đi ra nơi khác. Đó là một khoảng thời gian rất ngắn, có lẽ chỉ vài ngày hay vài tuần, nhưng Phao-lô đã để lại thuộc địa đầu tiên của thiên đàng tại Châu Âu.

Những tín hữu Phi-líp đã đáp ứng tốt hơn những nơi khác. Họ có rất ít vấn đề trong hội thánh của họ so với bất kỳ hội thánh nào khác mà Phao-lô đã lập. Không chỉ vậy, họ lại còn rất biết ơn Phao-lô vì đã mang tin lành đến với họ, và họ là hội thánh duy nhất đã quyết định hỗ trợ Phao-lô về mặt tài chính cho Phao-lô. Phao-lô không bao giờ yêu cầu bất cứ điều gì, nhưng họ là hội thánh duy nhất đã nói rằng chúng tôi muốn giúp ông đi chia sẻ tin lành này với những người khác. Họ đã ủng hộ Phao-lô từ đó về sau. Thực tế chính những món quà của người Phi-líp đem đến cho Phao-lô tại Rô-ma là nguyên nhân khiến ông viết lá thư gửi cho người Phi-líp này.

Sau đó nhiều năm, Phao-lô bị bắt tại Giê-ru-sa-lem. Ông kháng cáo với Caesar, bị xiềng xích, đưa đến Rô-ma, và trong hai năm ông ở đó chờ đợi xét xử đó, bác sĩ Lu-ca đã viết hai tập sách để bào chữa cho Phao-lô tại phiên tòa, cuối cùng ông được thoát tội. Nhưng trước khi phiên tòa diễn ra, Phao-lô đã nhận được hai điều từ người Phi-líp. Thứ nhất là món quà về tiền bạc. Tất nhiên, bởi vì là lúc bây giờ Phao-lô không kiếm được tiền, ông đang bị quản thúc tại gia. Theo nghĩa đen, như ông nói trong thư, ông bị xiềng bởi dây xích khoảng một mét, đầu bên kia là một người lính, và cứ tám tiếng thì lính đổi ca. Hẳn là một sự kỳ lạ khi bị xiềng cùng một người người nói tiếng lạ nhiều hơn hết thảy những người Cô-rinh-tô. Ý tôi là họ không còn cơ hội nào khác và hết người lính này đến người lính khác đã được cải đạo. Cả nhà của Caesar cũng đã được nghe tin lành, nhưng đó là một phần khác của câu chuyện. Như vậy, Phao-lô nói rằng tôi đang bị xiềng, nhưng Phao-lô đang ở ngôi nhà thuê của mình và cũng tương đối được tự do theo nghĩa đó, người ta có thể đến và đi.

Sứ đồ Ép-ba-phô-đích

Một ngày nọ, có một người từ thành Phi-líp đến, mang theo một túi tiền để giúp Phao-lô trong khoảng thời gian đang chờ bị xét xử. Người đàn ông đó không chỉ mang đến tiền, mà còn mang chính mình đến. Tên của người đó là Ép-ba-phô-đích. Ông ấy nói rằng, các tín hữu Phi-líp đã cử tôi đến đây để nấu ăn cho ông, để chăm sóc ông và nhà ông, để trở thành quản gia cho ông. Thật đẹp phải không? Ngay khi những tín hữu ở Phi-líp nghe tin rằng Phao-lô đang bị quản thúc, thì họ đã đặt câu hỏi là làm thế nào để chúng ta có thể giúp ông, À, chúng ta sẽ gửi cho ông một ít tiền, vì ông không thể kiếm tiền. Ông chỉ có một mình trong nhà, nên chắc chắn là không có người nấu ăn giỏi ở đó rồi, nên chúng ta sẽ gửi người đến để chăm sóc và làm quản gia cho ông ấy.

Thật thú vị là Ép-ba-phô-đích được cử từ Phi-líp đến Rô-ma để trở thành quản gia cho Phao-lô, cũng được gọi là một sứ đồ. Tôi đã nhắc đến điều này, bởi vì từ sứ đồ là một từ được sử dụng rất là linh hoạt. Theo nghĩa đen, thì đó là một người được sai đi. Động từ trong tiếng Hi Lạp là apostolo, nghĩa là sai đi. Sứ đồ là một người được sai từ điểm A đến điểm B để làm một công việc gì đó. Có 5 loại sứ đồ trong Tân Ước. Chúa Giê-su được gọi là sứ đồ vì Đức Chúa Trời đã sai Ngài từ trời xuống để cứu chúng ta. Vì vậy, Ngài là Sứ Đồ Trưởng, Người Đứng Đầu, và đó là danh hiệu của Ngài. Ngài nói rằng Cha đã sai Ta.

Điều thú vị là Chúa Giê-su đã không bắt đầu công việc của Ngài cho đến khi Ngài được một người được sai khác đến ở cùng. Trong Tân Ước, sứ đồ luôn luôn theo một cặp. Chúa Giê-su đã không bắt đầu, cho đến khi Đức Thánh Linh được sai đến cùng với Ngài. Khi Chúa Giê-su sai người khác đi, Ngài luôn luôn sai hai người một. Điều đó thật thú vị phải không? Hãy canh chừng những sứ đồ chỉ đi một mình. Hãy tìm hai người trong số họ.

Nhóm sứ đồ thứ hai đó là nhóm 12 sứ đồ, là những nhân chứng về sự phục sinh của Chúa Giê-su, được sai vào trong thế gian để làm chứng về điều họ đã thấy. Nên điều kiện là họ phải biết Chúa Giê-su trước khi Chúa Giê-su chết, và biết Ngài sau khi Ngài phục sinh để họ có thể thề trước tòa rằng họ đã là nhân chứng cho sự thật về sự phục sinh của Ngài. Phao-lô không thể là một người trong nhóm 12 như vậy, vì ông đã không biết Chúa Giê-su trước khi Chúa Giê-su chết. Nhưng Phao-lô đã được Chúa Giê-su thăng thiên gọi khi ông trên đường đến Đa-mách.

Như vậy Phao-lô là dạng sứ đồ thứ ba. Rõ ràng là bây giờ không có 12 sứ đồ, không có người làm nhân chứng về sự sống lại theo nghĩa pháp lý. Phao-lô cũng là người độc đáo, ông được coi là người sinh non. Ngày nay, không có sứ đồ nào giống như Phao-lô, bởi vì Phao-lô có thể viết Kinh Thánh. Không có sứ đồ nào ngày nay có thể viết thêm vào Kinh Thánh. Vậy là có ba loại như vậy.

Loại thứ tư, đó là Phao-lô, nhưng với một vai trò khác, đó là một nhà truyền giáo tiên phong, được sai đi để mở hội thánh tại những nơi khác nhau. Có nhiều người được gọi là sứ đồ trong Tân Ước như vậy, thậm chí ngày nay cũng có người như vậy, họ được hội thánh sai đi để mở những thuộc địa mới của thiên đàng trên đất tại những nơi chưa có. Họ thường là một đội hai người, thậm chí đôi khi có thể là một đội đông hơn, có những nam người nữ.

Điều thú vị là từ được sai đi trong tiếng Latin là metomateria, từ từ đó chúng ta có được từ truyền giáo và tên lửa, một nhà chuyển giáo là một tên lửa đạn đạo, xuyên lục địa, chứa đầy thuốc nổ của tin lành. Đó là loại sứ đồ thứ tư, mở hội thánh. Họ vẫn còn, họ không viết Kinh Thánh, nhưng họ mở các hội thánh. Phao-lô là cả hai, vừa là sứ đồ viết Kinh Thánh, đồng thời là người mở rất nhiều hội thánh. Có nhiều người khác chúng ta không biết tên cũng được gọi là sứ đồ, là những người được sai đi để mở các hội thánh khác nhau, và bằng cách đó hội thánh được lan rộng.

Chúng ta có loại thứ 5, Ép-ba-phô-đích, nghĩa là bất kỳ một người nào được sai từ một điểm nào đó đến một địa điểm khác để làm một công việc nào đó. Như vậy, sứ đồ là một phạm trù rất rộng, và Phao-lô viết thư để cảm ơn họ về số tiền đó, và vì sứ đồ Ép-ba-phô-đích là người mà họ đã sai đến để chăm sóc cho ông.

Cách đây nhiều năm có một người rất giỏi ở tại Guilford, trung tâm Bimed. Đó là Don Martin. Anh ấy là một thợ mộc rất là giỏi. Anh có thể ghép đồ gỗ mà không cần đinh hay keo, bạn không thể gỡ nó ra được. Chúng tôi nghĩ rằng, nếu anh ta là một người thợ mộc giỏi như vậy, chúng tôi nên gửi anh ta đến Na-xa-rét để giúp cho việc xây dựng một bệnh viện gần Na-xa-rét, để làm một cánh cửa mới của bệnh viện, trong vòng 6 tháng, anh ta chưa bao giờ bay, chưa bao giờ đi xa, và đây là điều lớn nhất trong đời anh. Anh trở thành sứ đồ của chúng tôi, được cử từ đây đến Na-xa-rét, để sử dụng khả năng làm mộc của mình. Tôi nhắc điều này bởi vì từ sứ đồ không phải là từ trừu tượng đâu đó và quá đặc biệt. Không, bất kỳ ai cũng có thể được gọi là sứ đồ khi họ được sai đi để làm một điều gì đó. Hy vọng điều này giúp cho bạn vơi đi cái cảm giác quá là đặc biệt, siêu phàm với từ sứ đồ.

Lá thư cảm ơn

Như vậy, về cơ bản, thì đây là một lá thư cảm ơn, cảm ơn vì hai điều, từ những người Phi-líp vì số tiền họ đã gửi, để Phao-lô có thể mua đồ ăn, và có người đến để chăm sóc cho ông nữa. Tất nhiên bi kịch là Ép-ba-phô-đích đến đó không bao lâu thì ông mắc bệnh rất nặng, đến mức Phao-lô nghĩ rằng ông có thể qua đời. Điều thú vị là việc chữa bệnh trong Tân Ước gắn liền đến việc truyền giáo chứ không gắn liền lắm với việc giữ cho các tín đồ khỏe mạnh. Một số cộng sự của Phao-lô và cả bản thân ông cũng gặp vấn đề về sức khỏe mà không được chữa lành. Ti-mô-thê được ông yêu cầu uống một ít rượu vì sức khỏe của Ti-mô-thê, Phao-lô cũng đã để Trô-phim ở lại nơi nào đó khi Trô-phim bị ốm. Chức vụ chữa lành trong Tân Ước không phải chỉ nhằm giữ cho các Cơ Đốc nhân khỏe mạnh mà là để lan truyền tin lành. Tôi nhắc đến điều này vì đôi khi chúng ta sa vào suy nghĩ rằng tất cả những gì chúng ta làm là chữa lành cho nhau và giữ cho các Cơ Đốc nhân khỏe mạnh. Thực ra chúng ta cần phải chứng minh quyền năng chữa lành của Đức Chúa Trời như biểu hiện của vương quốc cho người ngoài. Thật ra mà nói, sự chữa lành cho người không tin dễ hơn nhiều so với chữa lành cho người tin, không biết các bạn có nhận ra điều đó không, nhưng tôi thấy như vậy đó. Phao-lô đã không chữa lành cho Ép-ba-phô-đích, và Ép-ba-phô-đích đã bị ốm đến gần chết, điều này đến tai các tin hữu Phi-líp rằng người đàn ông mà họ sai đến đang bị ốm nặng và sắp chết. Nên Phao-lô đã quyết định điều tốt nhất lúc này, là gửi Ép-ba-phô-đích trở về thành Phi-líp, để Ép-ba-phô-đích được hồi phục.

Ông nghĩ rằng điều đó sẽ làm yên lòng những người thân của ông đang ở quê nhà. Trong thư này, ông nói rằng, tôi gửi Ép-ba-phô-đích lại với anh em, cũng như cảm ơn anh em về số tiền. Tôi rất tiếc vì không còn Ép-ba-phô-đích ở bên cạnh. Là một người rất thân của tôi, đã giúp đỡ tôi rất nhiều, nhưng tôi chắc chắn là anh em đang lo lắng cho Ép-ba-phô-đích nên tôi gửi anh ấy trở về.

Như vậy về cơ bản, đây là một lá thư cảm ơn. Đây là một lá thư cảm ơn duy nhất mà chúng ta có được từ Phao-lô. Ông có viết nhiều hơn nữa hay không chúng ta không biết. Ông có nhận được nhiều sự giúp đỡ từ những người khác hay không tôi không biết. Nhưng có một mối quan hệ giữa Phao-lô và người Phi-líp, và họ rất muốn giúp đỡ Phao-lô.

Nội dung chính của bức thư

Lá thư này cũng vậy, rất khác so với hầu hết những lá thư khác. Lá thư này không tập trung vào vấn đề, khủng hoảng hay nhu cầu, mà đã tập trung vào mối quan hệ giữa Phao-lô và những người Phi-líp. Do đó, chúng ta có một chút cơ hội để hiểu về mối quan hệ này. Không có những cảm xúc tiêu cực mạnh mẽ, không có những nỗi buồn, không có sự tức giận ở đây, mà ngược lại có rất nhiều

cảm xúc tích cực, ấm áp, dịu dàng, gần gũi, thân thiện. Ở đây chúng ta thực sự hiểu Phao-lô như một con người, như một người bạn hơn là một nhà thuyết giáo hay một nhà truyền giáo.

Chúng ta có cái nhìn thoáng qua về một mối quan hệ sâu sắc giữa Phao-lô và những người ông cải đạo. Có một số vấn đề cụ thể, có lời cầu nguyện của Phao-lô cho sự tăng trưởng của các tín hữu Phi-líp, nhưng đó là cách ông hay mở đầu thư của mình, nói những lời chúc tốt đẹp. ông cầu nguyện cho họ, cho sự tiến bộ của họ, và lòng biết ơn của ông đối với sự rộng rãi của họ.

Có một đặc điểm thú vị nữa của lá thư này, là dường như ông không biết dừng lại như thế nào, ông cứ liên tục nói, *cuối cùng, cuối cùng, cuối cùng*. Giống như một số nhà giảng đạo nói rằng *điểm cuối cùng của tôi là…* thế mà sau đó khoảng 25 phút thì họ mới nói xong. Nhưng dù sao thì đây cũng là một lá thứ khá là điển hình. Phao-lô liên tục nói, nhớ điều này, nhớ điều kia, giống như bạn viết thư cho ai đó và sau đó là, *ôi, phải nhắc đến cái này chứ*, *ôi, phải nhắc đến cái kia đấy chứ*. Nó khá là ngẫu hứng.

Mối thông công Koinonia

Nhưng trong tất cả những điều này, có một điều rất nổi bật. Đó là từ *kononia* được nhắc tới, được dịch là sự thông công, hay mối tương giao. Nhưng thật ra Koinonia là một mối quan hệ rất sâu sắc trong tiếng Hi Lạp. Chúng ta hay nó: Chúng ta sẽ có thông công uống trà, cà phê sau buổi nhóm. Nó dường như là cà phê với trà tạo ra thông công, tạo ra tình bạn. Nhưng Koinonia giàu hơn thế nhiều. Koinonia là từ được dùng để chỉ về đối tác trong việc làm ăn. Có thể nói như vậy, quan hệ đối tác. Nên nếu như công việc làm ăn đó thất bại, thì tất cả những người dự phần trong mấy mối quan hệ đó đều sẽ bị thất bại. Một người sống sót, người khác cũng sẽ sống sót.

Hoặc là một ví dụ đáng ngạc nhiên hơn. Đó là có những cặp song sinh dính liền với nhau. Thời đó tất nhiên không có hy vọng để tách đôi những cặp song sinh dính liền nhau như vậy. Thậm chí ngày nay cũng chưa hẳn lúc nào cũng thành công. Có những cặp song sinh như vậy, và nếu như bị gắn liền với nhau cùng chung một dòng máu, thì rất khó khăn để tách cặp song sinh đó ra, đặc biệt là khi dòng máu chảy trong cả hai cơ thể. Khi những cặp song sinh này được sinh ra như vậy, thì người ta nói rằng máu của cặp song sinh này, Koinonia, nghĩa là có sự thông công với nhau. Một người chết thì người kia cũng chết. Koinonia là như thế. Không phải chỉ là uống một cốc trà xã giao sau buổi nhóm, mà là gắn bó mật thiết với nhau hơn nữa, đến mức điều xảy ra với một người cũng xảy ra với người kia. Một người vui, tất cả mọi người cũng vui, và một người bị nhục thì tất cả mọi người cũng bị nhục. Phao-lô liên tục nói về sự thông công koinonia của chúng ta. Điều xảy ra với bạn là xảy ra với tôi, xảy ra với tôi là xảy ra với bạn. Điều ảnh hưởng với tôi là ảnh hưởng đến với bạn. Đó là một từ rất rất mạnh. Phao-lô dường như là cha mẹ của họ, bởi vì ông dùng tin lành mà sinh ra người Phi-líp, nhưng bây giờ ông gọi họ là bạn cùng làm việc.

Cũng có một số vấn đề, cả chung lẫn riêng. Họ có vấn đề với hai người phụ nữ, một người là Ê-ô-đi, một người là Sin-ti-cơ, có vẻ họ đang xung đột với nhau, dù họ cũng là những cộng sự của Phao-lô và mang lại lợi ích rất nhiều cho chức vụ của ông, và ông có vài câu dành cho họ. Nhưng vấn đề lớn hơn mà họ đang gặp phải, hẳn là Ép-ba-phô-đích cũng đã nói với Phao-lô về điều này, đó là có một mức độ mất đoàn kết nhất định ở Hội Thánh Phi-líp. Đó không phải là kiểu thiếu sự hiệp nhất như ở Cô-rinh-tô khi người ta theo những người lãnh đạo khác nhau, nhưng đây là dạng thiếu sự hiệp nhất khi lòng kêu hãnh xuất hiện, khi người ta hơi quá coi trọng bản thân mình và lợi ích của mình hơn là quan tâm lợi ích của nhau. Đó là vấn đề gốc rễ. Khi các thành viên quan tâm đến bản thân nhiều hơn quan tâm đến nhau, thì căng thẳng sẽ xuất hiện, xung đột sẽ xuất hiện.

Tôi nhớ có một phụ nữ lớn tuổi đã đến gặp tôi một lần trong hội thánh của chúng tôi, và bà ấy nói, À, tôi bực quá mục sư à. - Tôi nói, bà bực gì vậy? - Ờ, có những thanh viên trẻ đến hội thánh của chúng tôi. Họ đến và được đầy dẫy Thánh Linh và nói tiếng lạ ngay lập tức. Trong khi tôi đã xin Chúa món quà này nhiều năm rồi và chẳng bao giờ nhận được. - Tôi nói, Bà nhận được rồi còn gì nữa? - Bà ấy nói, khi nào? - Khi họ nhận được á. - Ý ông là gì? - Ờ, khi họ nhận được thì nghĩa là bà cũng nhận được, chúng ta là một thân thể ở đây mà. Nếu như một thành viên vui mừng thì tất cả chúng ta đều vui mừng. Điều đó đến với một người là đến với tất cả mọi người, nên nếu như họ đã nhận được món quà ấy thì bà cũng nhận được nó. - Bà ấy nói, tôi chưa bao giờ coi chuyện này như vậy. - Tôi nói, bà hãy về nhà và cảm ơn Chúa vì bà nhận được món quà đó.

Thế là bà đã làm theo, bà về nhà, quỳ gối xuống và cảm ơn Chúa rằng con đã nhận được món quà đó. Điều khiến cho bà không nhận được đó là bà nghĩ rằng là họ nhận được còn tôi không nhận được. Khi thân thể bạn nhận được thì nghĩa là bạn nhận được. Koinonia nghĩa là như vậy. Không phải nghĩ về cá nhân mà nghĩ về thân thể, nghĩ về nhau. Nhưng sự thiếu hiệp nhất có thể xảy ra khi bạn so sánh. Không quan trọng là ai nhận được. Chỉ cần một người nhận được thì chúng ta đều vui mừng. Bởi vì điều đó cũng bổ sung một điều gì đó cho chúng ta và cho thân thể chung của chúng ta.

Cách suy nghĩ như vậy sẽ giúp giữ sự hiệp nhất, nhưng kiểu suy nghĩ rằng là anh ta nhận được còn tôi thì không, điều đó sẽ bắt đầu phá vỡ sự hiệp nhất. Đó là điều đã xảy ra ở tại thành Phi-líp. Phao-lô phải nói với họ rằng khi mỗi người trong anh em quan tâm đến lợi ích của người khác hơn bản thân, thì anh em sẽ quay lại với sự hiệp nhất. Hay nói cách khác, điều Phao-lô đang nói đó là, anh em quan tâm đến tôi nhiều hơn là quan tâm đến nhau. Điều đó, thực ra, có thể rất dễ xảy ra, chúng ta có thể quan tâm đến giáo sĩ nước ngoài hơn là quan tâm đến những thành viên trong hội thánh của chúng ta. Sự chăm sóc cần phải được chia sẻ với tất cả mọi người trong thân thể chung, không phải chỉ là với một số ít người.

Sự vui mừng



Paul Schneider

Có một từ trong lá thư này dẫn tôi đến với bức ảnh này. Có thể các bạn đang thắc mắc nó là ai. Đây là ảnh của Phao-lô. Nhưng không phải là Phao-lô mà chúng ta đang nói tới, mà có một người khác tên là Paul Schneider, một trong những người hùng của tôi. Tôi muốn kể cho bạn nghe về anh

ta, bởi vì anh ta thực sự là một người đáng chú ý. Tại sao tôi đưa anh ta lên? Quay trở lại với bức thư của Phao-lô gửi cho Phi-líp, Phao-lô đang ở trong tù, đang sắp phải để Ép-ba-phô-đích đi. Sắp tới, Phao-lô sẽ lại phải đối diện với tương lai trong cô đơn, hoàn toàn có thể là cái chết. Từ yêu thích nhất trong thư của Phao-lô là vui mừng. Vui mừng. Tôi vui mừng, và cảm ơn. Một lá thư từ trong tù lại đầy dẫy sự vui mừng và biết ơn.

Đó là lý do tại sao tôi đưa ảnh của Phao-lô Schneider lên đây. Vào năm 1930, Phao-lô Schneider là một sư của một hội thánh ở phía nam Berlin gần Dahlem. Tôi đã đến hội thánh đó. Người vợ góa của anh ta vẫn còn là thành viên hội thánh đó. Phao-lô Schneider vào những năm 1930, từ tục giảng của mình, đã giảng chống lại những điều ác của chủ nghĩa Phát-xít và Hitler. Hội thánh của ông đề nghị ông hãy im lặng về điều đó. Họ nói rằng, chúng tôi sẽ mất ông mất. Họ cầu xin ông đừng làm như vậy. Thậm chí thị trưởng của thị trấn cũng đến và xin mục sư đừng nói như vậy. Nhưng anh ta cứ tiếp tục làm điều đó. Một ngày nọ, vào lúc 3 giờ sáng, cảnh sát Đức đã đến và bắt anh ta.

Anh vẫy chào tạm biệt vợ. Anh không bao giờ gặp lại cô ấy, cậu bé 2 tuổi, hay đứa bé sắp ra đời trong bụng của vợ anh. Anh đi và mỉm cười. Người ta đưa anh đến trại tập trung Dachau. Có những câu chuyện rất là khủng khiếp về những điều người ta đã làm với anh, họ đánh đập anh và bỏ mặc anh chết đói. Sau đó đặt anh vào quan tài, vợ và gia đình đến đón anh, và họ nói rằng anh là tù nhân tốt nhất mà chúng tôi từng có và anh ta chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng tất nhiên đó hoàn toàn không phải là sự thật. Phao-lô Schneider là như vậy. Tôi có những lá thư của anh, viết từ trại tập trung Dachau cho vợ mình. Khi tôi đọc chúng, có hai từ lặp đi lặp lại rất nhiều lần. *Anh rất hạnh phúc, và anh rất biết ơn Chúa*. Đó là một Phao-lô khác, ngay thời của chúng ta, nhưng cùng một tinh thần vui mừng và biết ơn.

Tôi có thể đưa ra nhiều ví dụ gần đây hơn nữa. Trên tờ The Times, trường hợp của Mehdi Nipah ở Iran, chỉ cách đây 2 tuần, đã bị hành quyết vì cải đạo từ Hồi giáo sang Cơ Đốc Giáo. Anh ta ở trong tù 9 năm mà không được xét xử gì cả. Toàn bộ vụ việc đã được công khai tại phương Tây. Cuối cùng anh ta bị đưa ra xét xử vào ngày 3 tháng 12 năm 1993, và anh đã có một tuyên bố rất tuyệt vời trước các thẩm phán của mình. Anh ta đã bị xét xử, và anh ta nói, *với tất cả những khiêm nhường của tôi, tôi bày tỏ lòng biết ơn đến với quan án của cả trời và đất về cơ hội quý giá này*. Sau đó anh ta tiếp tục nói về đức tin của mình nơi Đấng Christ. - Tôi đã bị buộc tội bội đạo theo luật Hồi giáo. Kẻ bội đạo là người không tin vào Đức Chúa Trời, hoặc các tiên tri, hoặc sự sống lại của người chết. Chúng tôi là Cơ Đốc nhân tin vào tất cả những điều đó. - Họ nói: Anh là người hồi giáo mà bây giờ trở thành một Cơ Đốc nhân à? - Không, nhiều năm tôi không có tôn giáo. - Người ta nói, anh là người Hồi giáo từ khi sinh ra. - Chúa nói tôi là Cơ Đốc nhân ngay từ lúc ban đầu. Họ nói với tôi, hãy quay lại từ vòng tay của Đức Chúa Trời hằng sống, thì tôi có thể quay trở với ai? Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên là đấng đã bảo vệ những người bạn của ông trong lò lửa hực, đã bảo vệ tôi trong 9 năm tù, và tất cả những điều tồi tệ có thể xảy ra, lại có thể biến chúng thành ích lợi, khiến cho tôi đầy dẫy sự vui mừng và biết ơn.

Đó, một lần nữa, các bạn lại thấy ví dụ tương tự, những Cơ Đốc nhân như vậy, đối diện với cái chết, tù ngục mà đầy sự vui mừng, thật khó tin phải không? Thư Phi-líp có thể nói là được dịch ra trong ngôn ngữ hiện đại là như thế. Chính Đức Thánh Linh đã làm điều đó.

Tại sao Phao-lô có thể đối diện với tất cả những điều này với sự vui mừng và biết ơn? Thứ nhất, bởi vì Phao-lô sống cho Đấng Christ, nên không có gì để mất. Mehdi Nipah nói: *Cuộc sống đối với tôi là cơ hội để phục vụ Đấng Christ, và cái chết là cơ hội tốt hơn để được ở cùng với Ngài. Do đó, tôi không chỉ hài lòng khi ở trong tù vì cớ danh thánh của Chúa. Nhưng tôi sẵn sàng hiến mạng sống của mình vì Chúa Giê-su Chúa của tôi, và bước vào vương quốc của Ngài sớm hơn.* Những từ cuối

cùng của ông dành cho các quan tòa: *Nguyện bóng của Đức Chúa Trời nhân từ, cánh tay phước hạnh của Ngài ở trên tất cả các anh từ giờ cho đến đời đời.* Nếu bạn sống cho Đấng Christ thì chết là ích lợi. Phao-lô háo hức ra đi, nhưng vẫn sẵn sàng ở lại. Phao-lô nói cho người Phi-líp, *các anh lo lắng về tôi, nhưng thực ra thì ngược lại, tôi rất lo lắng về các anh. Tôi không lo lắng về tôi đâu. Tôi sẵn sàng để được thả ra khỏi tù và tiếp tục chức vụ của mình, nhưng tôi cũng rất háo hức để được đi về với Chúa.*

Khi Đa-vít Watson phát hiện ra anh ấy mắc bệnh ung thư nghiêm trọng, tôi đã viết một bức thư cho anh ấy, anh ấy đã trích dẫn nó trong cuốn sách nhỏ của mình, *Đừng sợ cái ác*. Tôi nói, *Đa-vít à, có một sự khác biệt giữa việc bằng lòng đi với Chúa nhưng háo hức ở lại, và háo hức được ở với Chúa, nhưng bằng lòng ở lại.* Bằng cách nào đó, điều đó đã đánh động anh ấy, và anh ấy đã cầu nguyện cho đến khi anh ta háo hức muốn đi với Chúa, nhưng bằng lòng ở lại. Đó là quan điểm Kinh Thánh. Phao-lô đã có thái độ đó. Ông nói rằng, tôi bằng lòng ở lại đây nếu anh em còn cần tôi, nhưng tôi rất háo hức đi với Chúa. Chà, bạn không thể đánh bại một người như vậy, phải không? Khi bạn sống cho Đấng Christ, chết lại là ích lợi.

Trong lá thư này, Phao-lô không nói về việc Đấng Christ ở trong tôi, nhưng 48 lần Phao-lô nói rằng tôi ở trong Chúa Giê-su Christ. 34 lần tôi ở trong Đấng Christ, và 50 lần tôi ở trong Chúa. Khi bạn cộng lại, thì là 132 lần trong lá thư này, ông đã sử dụng cụm từ trong Ngài. Đó là nơi ở của Phao-lô. Đó là địa chỉ của Phao-lô. Phao-lô sống tại đó.

Vấn đề tiền bạc

Ở cuối lá thư này, Phao-lô đã cảm ơn họ vì số tiền, và Phao-lô nói rằng thực ra tôi không cần số tiền này, nhưng các anh cần phải ban cho. Đây là một điều rất là thú vị. Thực ra thì Phao-lô không giàu, Phao-lô không có nhiều tiền, nhưng Phao-lô nói, tôi rất vui mừng nhận món quà này, không vì lợi ích của tôi, mà vì anh em, bởi vì điều đó khiến anh em trở nên giàu có. Đó là một cách rất khác thường để cảm ơn ai đó vì một quà họ đã tặng mình, đúng không? Phao-lô đã chúc mừng họ vì họ đã tặng quà.

Sau đó Phao-lô nói một điều kỳ diệu như này. Tôi thường thử khi dạy các cái lớp về sự giảng dạy, tôi thử xem người ta có hay trích Kinh Thánh ra khỏi ngữ cảnh không. Đặc biệt là ngày nay khi có những sách phù dẫn Kinh Thánh, còn máy tính nữa. Chúng ta có rất nhiều bài giảng mang tính chủ đề, trưng dẫn các câu Kinh Thánh từ nhiều nơi khác nhau ngoài ngữ cảnh. Tôi trích câu này, *tôi có thể làm mọi sự nhờ Đấng Christ là đấng ban thêm sức cho tôi.* Tôi hỏi, *Làm được mọi sự đây là sự gì?* Và tôi nhận được câu trả lời đủ các kiểu khác nhau, chữa lành, cầu nguyện, nhiều vấn đề khác, nhưng không ai nhắc đến tiền cả. Nhưng trong ngữ cảnh này thì tuyên bố đó là về tiền.

Đây thực sự là thông điệp cho hội thánh thời nay. Phao-lô đang nói rằng, tôi có thể xoay sở với bất cứ khoản thu nhập nào tôi có, dù nhiều hay ít, vì Đấng Christ là Đấng thêm sức cho tôi. Có một điều mà Phao-lô sẽ không bao giờ làm, đó là rơi vào việc mắc nợ tiền bạc. Gần đây trong một hội thánh, tôi hỏi hội chúng, bao nhiêu người trong anh chị em mắc nợ, và 2/3 số cánh tay đã giơ lên. Đối với Phao-lô nợ mà không trả đó là tội lỗi vì đó là trộm cắp. Tôi bổ sung thêm rằng là mua trả góp không phải là mắc nợ, nhưng trì hoãn không trả, đó là mắc nợ. Phao-lô nói rằng, tôi học để biết thỏa lòng trong mọi hoàn cảnh.

Có hai mặt đối lập trong Kinh Thánh. Ham muốn và thỏa lòng là đối nghịch nhau. Phao-lô nói rằng sự tin kính cùng với sự thỏa lòng là một lợi lớn. Nên tôi đã học để thỏa lòng. Điều này thật đáng chú ý. Vì khi Phao-lô làm chứng trong thư Rô-ma chương 7, ông nói rằng, có một trong mười điều răn tôi đã không giữ được, đó là điều răn thứ mười, người chớ tham lam. Bởi vì Phao-lô là người Pha-

ri-si điển hình, và điểm yếu của người Pha-ri-si đó là họ rất thích kiếm tiền. Họ rất sùng đạo và giàu có, cả hai. Chúa Giê-su nói với họ rằng, bạn không thể cả hai, không thể vừa sống chỉ để kiếm tiền và lại sống cho Chúa, không thể thờ phượng Chúa và thờ Ma môn cùng một lúc được. Người Pha-ri-si đã cười nhạo Ngài, họ nói rằng, đó là bởi vì Giê-su nghèo, nhưng Chúa Giê-su biết Ngài đang nói điều gì. Người đàn ông đầy ham muốn này, Phao-lô, một người Pha-ri-si, một người thích tiền, thích kiếm tiền, bây giờ nói rằng, tôi đã học để trở nên thỏa lòng.

Bạn nghĩ điều nào dễ hơn, thỏa lòng với nhiều tiền hay với ít tiền? Tôi thấy thường là những người có nhiều tiền lại ít thỏa lòng hơn, nhưng thường thì những người nghèo cũng không thỏa lòng nữa. Họ muốn có nhiều hơn nữa. Người đàn ông ở trong tù này đã nói rằng, tôi rất vui vì anh em đã đưa tiền cho tôi bởi vì điều đó khiến anh em giàu có. Nhưng tôi đã học rằng tôi có thể xoay sở được bởi vì tôi có thể làm được mọi sự, nhờ Đấng Christ là đấng thêm sức cho tôi. Chúng ta nhiều khi thuộc linh hóa câu nói này, nhưng Phao-lô đang tài chính hóa câu này. Phao-lô nói rất thực tế rằng, cảm ơn anh em đã nghĩ đến tôi, dù vậy tôi đã học cách để sống, dù có nhiều hay ít, tôi vẫn thoả lòng. Phao-lô là người thỏa lòng với chính bản thân mình. Có thể tự mình nói rằng: Con cảm ơn Ngài vì mọi sự.

THƯ PHI-LÍP - Phần 2 & THƯ PHI-LÊ-MÔN

Một phân đoạn gây tranh cãi

Tôi muốn anh chị em chú ý vào một phân đoạn rất bất thường ngay giữa sách Phi-líp. Trong hầu hết các bản dịch Kinh Thánh hiện đại, phân đoạn này được in ở dạng thơ, thành những dòng ngắn với những khoảng trống hai bên, khác với văn xuôi được in như cột báo. Thật sự là nhìn đoạn đó như một bài thơ gồm sáu câu, mỗi câu ba dòng; bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Việt cũng đậm chất thơ; đó là phân đoạn quen thuộc nhất trong sách Phi-líp và rất hay được đọc trong hội thánh. Đấng Christ Giê-su:

"Ngài vốn có hình của Đức Chúa Trời,
Nhưng không xem sự bình đẳng với Đức Chúa Trời
Là điều nên nắm giữ;
Ngài đã từ bỏ chính mình,
Mang lấy hình đầy tớ,
Và trở nên giống như loài người.
Ngài đã hiện ra như một người,
Tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết,
Thậm chí chết trên cây thập tự.
Chính vì thế mà Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao,
Và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh,
Để khi nghe đến danh Đức Chúa Giê-su,
Mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất
Đều phải quỳ xuống,
Và mọi lưỡi đều phải xưng nhận
Đức Chúa Giê-su Christ là Chúa,
Mà tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha."

Anh chị em rất hay nghe đến đoạn này nhưng đây là một nguồn gây nhiều tranh cãi và tranh luận. Câu hỏi lớn nhất, tất nhiên là *Tại sao đoạn này lại nằm trong đây và lại khác với phần còn lại?* Phân đoạn này có chủ đề kép rất rõ ràng - từ bỏ/tôn cao, xuống/lên, bài thơ có sự cân xứng rất đẹp về việc Chúa Giê-su từ trên cao xuống đến tận thập tự giá, rồi từ thập tự giá lên tới nơi rất cao; Ngài từ bỏ chính mình và Đức Chúa Trời tôn Ngài lên. Ấy thế nhưng mục đích của đoạn này là gì và thực chất thì nó là gì? Một số người coi đoạn này là một phân đoạn về lễ nghi (liturgical). Họ nói rằng Phao-lô đang trích một bài thánh ca của hội thánh thời đầu và ông thấy hữu ích khi đưa nó vào đây. Chúng ta không có bằng chứng nào chỉ ra điều này; thậm chí có thể là ở đây, Phao-lô đang sáng tác một bài thánh ca. Nhưng khi điều gì đó chạm đến sâu thẳm tấm lòng của Phao-lô, ông thường chìm đắm trong thơ ca và người Hê-bơ-rơ suy nghĩ ở dạng thơ ca khi lòng anh ta thấy xúc động, và xuyên suốt Kinh Thánh, văn xuôi truyền đạt những suy nghĩ của Đức Chúa Trời đến bạn, nhưng thơ ca truyền đạt cảm xúc đến bạn, và chúng ta vẫn dùng thơ ca cho mục đích đó.

Sẽ có rất nhiều bài thơ bay bổng quanh ngày 14/02, ngày lễ Valentine. Tại sao người ta lại biểu lộ suy nghĩ của mình ở dạng thơ vào những ngày như vậy, tại sao những tấm thiệp chúc mừng sinh nhật lại đầy thơ? Ấy là vì anh chị em muốn truyền đạt từ tấm lòng đến tấm lòng và Phao-lô, khi thật sự có điều gì đó trong lòng, ông viết nó thành thơ. 1 Cô-rinh-tô 13 đầy chất thơ. Đây có thể là một bài thánh

ca mà ông trích dẫn, hoặc một bài thánh ca mà ông tự sáng tác, hoặc ông đang cảm động trong lòng về điều này.

Nhưng tranh cãi nảy lửa nhất về phân đoạn này là coi nó như một phân đoạn thần học, như thể nó đang nói đến bản chất của Nhân tính Đấng Christ; từ phân đoạn này, người ta đã khơi ra cả một mảng tranh luận về cái gọi là thuyết tự hạ (kenotic) về Đấng Christ. Tôi phải nhắc đến điều này vì tôi e rằng mọi cuốn giải kinh và mọi giáo sư Kinh Thánh đều đề cập đến nó. Từ đó bắt nguồn từ một từ trong bài này, "từ bỏ," trong tiếng Hy Lạp là Kenosis, Ngài đã từ bỏ chính mình. Sau đó các học giả tranh luận xem Đức Chúa Trời đã từ bỏ chính mình bao nhiêu khi Ngài trở nên con người? Ngài đã buông bỏ những gì? Rồi từ đó xuất hiện một giả định thần học rất nguy hiểm rằng Chúa Giê-su không phải là 100% Đức Chúa Trời khi Ngài ở trên đất, rằng Ngài đã từ bỏ một phần thần tính của mình để trở nên một con người.

Rõ ràng là Ngài đã bỏ vinh quang Ngài lại phía sau "Ngài nhẹ nhàng bỏ lại vinh quang, giáng xuống trần để nhân loại không còn hư mất," anh chị em đã hát bài đó trong Giáng sinh. Nhưng Ngài cũng bỏ sự toàn tại của Ngài lại phía sau. Ngài không thể ở mọi nơi. Vì Chúa Giê-su ở trong thân thể nên Ngài chỉ có thể ở một nơi, đây chắc chắn là một hạn chế. Rõ ràng là lúc bấy giờ Ngài cũng không biết mọi điều. Ngài thừa nhận rằng có một số điều mà Ngài không biết; Ngài không biết ngày Ngài trở lại, chỉ Đức Chúa Trời mới biết điều đó. Đôi khi Ngài cũng ngạc nhiên, tức là Ngài không biết điều gì sắp xảy ra, Đức Chúa Trời thì có biết. Ngài bỏ sự toàn năng mình lại phía sau vì Ngài chỉ có thể làm phép lạ sau khi quyền năng của Đức Thánh Linh đến trên Ngài. Ngài không làm phép lạ như Con của Đức Chúa Trời nhưng như Con Người được báp-tem trong Đức Thánh Linh, từ đó chúng ta có thể hy vọng làm được những điều như vậy; nếu Ngài làm phép lạ như Con của Đức Chúa Trời thì chúng ta không thể làm được.

Như vậy, rõ ràng là Ngài đã từ bỏ nhiều đặc quyền và quyền năng Ngài. Nhưng chìa khóa ở đây là: hoàn toàn không phải vì thế mà Ngài không còn là Đức Chúa Trời nữa, Ngài không trở nên 50% Đức Chúa Trời hoặc 75% Đức Chúa Trời; Ngài không có 50% thần tính và 50% nhân tính như một số người lầm tưởng. Ngài vẫn có 100% thần tính và 100% nhân tính. Ngài là cả hai một cách trọn vẹn. Những điều Ngài từ bỏ không thuộc về bổn tính của Ngài nhưng thuộc về những đặc quyền của Ngài. Anh chị em có hiểu điều tôi đang nói không? Nhiều người đã sai ở ý này khi thảo luận về phân đoạn trên, nhưng tôi e là nó khiến nhiều nhà thần học nói rằng Đấng Christ "kém hơn Đức Chúa Trời" khi Ngài ở trên đất. Không, sự đầy trọn của Thiên Chúa vẫn ở trên Ngài về mặt thuộc thể, dù Ngài có đặt những đặc quyền của mình sang một bên. Nếu tôi từ bỏ ngôi nhà mà chúng tôi sống trong đó, cái ô tô tôi lái và nhiều đặc quyền khác mà tôi có thì không có nghĩa là tôi không còn là tôi nữa, mà là tôi đã chọn từ bỏ những đặc quyền của mình. Tôi vẫn là 100% Đa-vít Pawson. Tuy Ngài từ bỏ sự bình đẳng với Đức Chúa Trời nhưng Ngài không từ bỏ thần tính của chính Ngài. Ngài từ bỏ địa vị và đặc quyền của mình nhưng không từ bỏ thần tính là Đức Chúa Trời của Ngài. Tôi nói đến điều đó vì phân đoạn này đã gây ra nhiều tổn hại khi người ta hiểu nó theo cách khác. Điều này rất phổ biến giữa vòng hội thánh.

Thực ra thì cả phân đoạn này không có tính lễ nghi để coi là một bài thánh ca, cũng không có tính thần học để coi là một nguyên tắc thần học. Mà đây là một phân đoạn có tính đạo đức, luân lý, nói về thái độ của Đấng Christ và những lựa chọn của Ngài. Anh chị em có thể biết tính cách của một người qua những lựa chọn của họ. Nếu anh chị em đưa cho một người rất nhiều loại bánh khác nhau thì ngay lập tức, anh chị em có thể biết điều gì đó về người này từ loại bánh mà anh ta chọn. Ông tôi nổi

tiếng về việc mỗi khi có ai đưa cho ông một đĩa hoa quả mà có một quả dập hoặc hỏng thì ông luôn lấy quả đó, luôn luôn là như vậy. Khi có người hỏi ông là tại sao ông luôn lấy quả hỏng như vậy, ông tôi chỉ nói rằng: *Nếu tôi mà không lấy thì có người sẽ lấy phải nó.* Tôi nghe được chuyện đó của ông. Điều đó nói lên một điều gì đó về tính cách của ông, đúng không? Nó có nói lên điều gì với anh chị em không? Anh chị em có luôn lấy quả hỏng không? Hiểu ý tôi nói không ạ? Những lựa chọn của một người nói lên con người anh ta.

Ở đây, Phao-lô đang nói rằng: *Hãy nhìn vào những gì Chúa Giê-su lựa chọn.* Lựa chọn đầu tiên của Ngài là trở thành một con người. Tôi từng nói với lũ trẻ như vầy: *Cháu hãy nhìn những con cá nhiệt đới trong bể kia; giả sử như cháu thấy chúng đánh giết nhau và cháu biết là mình có thể cứu chúng nếu cháu biến thành con cá và vào sống trong cái bể đó, như vậy chúng có thể giết cả cháu luôn. Nhưng đừng lo, bọn bác sẽ vớt xác cháu ra khỏi bể, hô hấp nhân tạo cho cháu và cho cháu sống lại sau khi làm tất cả những điều đó cho chúng. Nhưng chỉ có một điều là bọn bác không thể đưa cháu trở lại hình dạng cũ. Các cháu phải làm cá trong suốt phần đời còn lại.* Rồi, nói vậy cũng hơi kỳ cục nhưng khi anh chị em cân nhắc rằng Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời và có mọi vinh quang thiên đàng trong địa vị con Đức Chúa Trời; nhưng Ngài đã chọn trở thành một con người, biết rằng mình sẽ bị giết khi đến đây và cố giúp chúng ta, và biết rằng thậm chí là sau khi Đức Chúa Trời khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, Ngài vẫn phải làm một con người cho đến đời đời, vẫn giống như một người trong chúng ta và sẽ luôn như vậy. Một ngôi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi sẽ luôn là một con người như chúng ta. Thật là một lựa chọn cao cả! Liệu anh chị em có làm vậy không? Ấy thế mà Ngài đã làm điều đó.

Lựa chọn thứ hai của Ngài là khi Ngài được sinh ra. Anh chị em sẽ chọn tầng lớp nào trong xã hội? Giả sử như anh chị em có thể chọn bố mẹ cho mình, giả sử như anh chị em có thể chọn sinh ra trong nhà nào và ở tầng lớp xã hội nào thì anh chị em sẽ chọn ở đâu? Vâng, chúng ta biết câu trả lời rồi. Hầu hết mọi người sẽ chọn ngôi nhà đẹp nhất mà mình có thể thế chấp để mua được. Nhưng Ngài lại chọn làm một người đầy tớ. Ngài đã chọn đặt mình ở dưới cùng của xã hội và chọn rửa chân. Rồi lựa chọn quan trọng nhất là ở tuổi 33, Ngài chọn cái chết - một cái chết khủng khiếp, nhục nhã, đau đớn, hình thức tệ hại nhất mà người ta từng nghĩ ra cho con người - sự đóng đinh thường kéo dài từ khoảng hai đến bảy ngày; và Ngài chọn chết ở tuổi 33. Đó là kiểu tâm trí mà Đấng Christ đã có, không phải kiểu đầu óc mà Ngài đã có, nhưng là kiểu tâm trí mà Ngài đã có. Từ này có nghĩa giống như khi chúng ta nói "tôi định làm cái này." Nó có nghĩa là khuynh hướng tính cách của chúng ta, điều chúng ta muốn làm.

Và theo lời Phao-lô, những lựa chọn này khiến Ngài hoàn toàn xứng đáng được ban cho thẩm quyền và quyền năng vì Đức Chúa Trời tìm kiếm những người mà Ngài có thể tin tưởng trao phó quyền năng và thẩm quyền, và Ngài chỉ có thể tin cậy những người không quan tâm gì đến quyền lực, địa vị và sự giàu có của bản thân. Vì Con Ngài đã chọn trở nên nghèo - dù Ngài vốn giàu có, để những người khác có thể trở nên giàu có. Vì Ngài đã chọn cái chết khi những người khác sẽ chọn sự sống, và vì Ngài đã chọn trở thành một con người giống như mọi người khác nên Đức Chúa Trời phán: *Ta có thể tin cậy mà giao phó cho người này mọi thẩm quyền trên trời và dưới đất.*

Do đó, Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, hiểu không ạ? Đức Chúa Trời có thể tin cậy mà giao cho Ngài quyền kiểm soát vũ trụ vì Ngài không hề tư lợi. Đó là ý nghĩa của phân đoạn này, và nếu xét đến ngữ cảnh thì anh chị em sẽ thấy ngữ cảnh là thay vì mỗi người trong anh em chăm về lợi riêng mình, mỗi người trong anh em cố gắng làm lãnh đạo, mỗi người

trong anh em muốn ở trên cao, hãy có đồng một tâm trí mà anh chị em đã có trong Đấng Christ Giê-su, Đấng đã chọn hạ mình xuống thay vì cố gắng leo lên, khi đó, Đức Chúa Trời có thể tin tưởng giao thẩm quyền cho anh chị em. Đó là toàn bộ ý nghĩa của đoạn này; không phải nói về thần học, không phải nói về lễ nghi và hát thánh ca, mà bài thơ ngắn này nói về đạo đức.

Về cơ bản thì nó nói về sự hiệp nhất. Phao-lô đang nói rằng: *Nếu anh chị em có tâm trí của Đấng Christ thì anh chị em sẽ được hiệp nhất trong sự thông công*; ông cũng cho họ biết tại sao họ phải có sự hiệp nhất. Ông nói: *Tôi mong mỏi được nghe rằng anh em đứng vững cùng nhau vì cớ Tin lành.* Mất hiệp nhất trong hội thánh là cách nhanh nhất để ngăn hội thánh ảnh hưởng đến xã hội, nhưng sự hiệp nhất trong hội thánh là minh chứng mạnh mẽ nhất về Đức Chúa Trời duy nhất và Đấng Christ duy nhất. Nên ông nói: *Anh em hãy có đồng một tâm trí như vậy*. Ông không nói *Hãy bắt chước Đấng Christ* mà nói rằng *giữa vòng anh em hãy có đồng một tâm trí mà anh em đã có trong Đấng Christ.*

Ông không nói rằng đây là tâm trí của Đấng Christ nên hãy cố gắng trở nên giống Đấng Christ, mà ông nói rằng anh em đã có tâm trí của Đấng Christ nếu anh em ở trong Đấng Christ; vì thế, hãy để tâm trí đó của Đấng Christ được bày tỏ trong mối quan hệ giữa anh em với nhau. Đó là một điều sâu sắc hơn so với nói rằng hãy bắt chước quan điểm và thái độ của Ngài. Nó nói lên rằng *anh chị em đã có tâm trí của Ngài nhưng anh chị em không để tâm trí Ngài kiểm soát các mối quan hệ của mình.* Giữa vòng anh em hãy có đồng một tâm trí mà anh em đã có trong Ngài, một lời kêu gọi sâu sắc; và ngay sau đó là *hãy thể hiện sự cứu rỗi của anh em ra ngoài vì chính Đức Chúa Trời hành động trong anh em.* Một sự kêu gọi vô cùng lớn lao.

Thể hiện đức tin ra ngoài

PHILIPPIANS 3.
1. REDEMPTION – an experience to apply
a. God works it in
b. We work it out
2. RIGHTEOUSNESS – an end to pursue
a. Not ours: birth and life
b. But his: death and resurrection
3. RESPONSIBILITY – an effort to make
a. Forgetting about the past
b. Forging ahead to the future
4. REPRODUCTION – an example to follow
a. Bad: earthly minded
b. Good: heavenly minded
5. RESURRECTION – an event to desire
a. Out from the dead
b. With a new body

Chúng ta chuyển sang phần dạy dỗ chính về thư Phi-líp, và tôi đã cố gắng soạn ra một dàn ý ngắn gọn để chỉ ra những ý chính. Từ đầu chương 3 trở đi, à không, từ ngay sau bài thơ về Chúa Giê-su đó, ông đã chỉ cho họ cách thể hiện sự cứu rỗi ra ngoài trong thực tiễn. Tôi sẽ nói rất ngắn gọn về các phần. Đầu tiên, ông nói: *Anh chị em có một trải nghiệm cần áp dụng. Anh em đã trải nghiệm điều này trong Đấng Christ - sự chết, sự sống lại và sự tôn cao của Ngài, anh chị em đã trải nghiệm, nên Đức Chúa Trời đã hành động bên trong thì anh em hãy thể hiện ra ngoài. Nếu anh chị em đã có một trải nghiệm về Đấng Christ thì giờ đây, hãy thể hiện điều đó ra.*

Hai là, chúng ta thể hiện điều đó bằng cách tìm kiếm sự công chính nhưng có hai kiểu công chính, một là sự công chính riêng của bạn và một là sự công chính của Ngài. Điều mà hầu hết mọi người thấy quá khó hiểu là chúng ta phải ăn năn về những việc lành cũng như những việc dữ của mình. Hầu hết mọi người đều nghĩ rằng sự ăn năn chỉ là ăn năn về những việc dữ mà mình đã làm. Không phải; mà là ăn năn về những điều tốt mà chúng ta đã làm nếu chúng khiến chúng ta cảm thấy tốt hơn, kiểu "mình cũng tốt đấy chứ!" Nên những người tội lỗi mới dễ cải đạo hơn nhiều so với những người mộ đạo và đáng kính, họ không đủ xấu và họ sẽ không ăn năn về lòng tốt của mình.

Nhưng Phao-lô nói: *Khi tôi xem xét sự công bình của mình, nó đây* - ông nói thẳng thừng luôn: *Tôi cảm thấy mình như một thằng bé vừa đại tiện xong, giơ cái bô lên và nói: Hãy nhìn xem con làm được gì này Chúa ơi!* Ông dùng một từ khá thô trong tiếng Hy Lạp; nói bằng tiếng Việt thì *nó chỉ là cứt đối với Chúa. Khi tôi xem xét những điều tốt tôi đã làm thì nó là như vậy với Chúa, và tôi quẳng hết đi, tôi coi nó như phân,* ông dùng từ để chỉ chất thải của con người trong tiếng Hy Lạp; ông nói: *Nó là như vậy, hôi thối, bẩn thỉu, kể cả những việc lành của tôi.* Ông nói: *Sự công chính mà tôi muốn là của Ngài chứ không phải của tôi.* Nên có sự khác biệt lớn giữa sự công chính của con người bởi những việc tốt họ làm và sự công chính của Đấng Christ, sự công chính của Ngài. Như vậy là có một sự công chính, một kết cục cần theo đuổi, không phải của chúng ta là điều thường dựa trên sự ra đời, cuộc sống, xuất thân và học vấn của chúng ta, nhưng là của Ngài dựa trên sự chết và sự sống lại, đồng chịu thương khó và đồng sống lại với Ngài, đó là điều khiến sự công chính Ngài ở trong bạn - chết với chính mình và sống lại với đời sống mới.

Rồi có một trách nhiệm và nỗ lực cần thực hiện, và có nhiều nỗ lực trong đời sống Cơ Đốc. Không chỉ là đồng thanh hát ở bến xe cho tới khi xe đến và đưa chúng ta lên thiên đàng, mà là nỗ lực hết sức để theo đuổi sự công chính; quên đi những gì ở đằng sau, quên đi những thất bại và thành công của mình, quên tất cả những điều đó, nhắm tới những gì ở đằng trước và vươn tới mục tiêu trên cao như anh chị em vừa mới hát, vươn tới. Và Phao-lô nói: *Tôi không nghĩ rằng mình đã đạt được rồi, nhưng tôi cứ vươn tới.* Đó là thái độ đúng đắn; đó là nỗ lực cần thực hiện - tiếp tục cho tới khi đoạt cho được, nắm được những điều mà Đấng Christ đã đoạt lấy anh chị em để thực hiện. Nên có một nỗ lực cần thực hiện - quên đi quá khứ và tiến tới tương lai.

Rồi một trong những điều tuyệt vời nhất là có những tấm gương để noi theo. Tôi có một dãy sách về sự thánh khiết trên giá, nhưng tôi bảo này, tôi không học được sự thánh khiết từ những cuốn sách đó, mà từ những người mà tôi biết là họ đã đồng hành với Chúa. Tôi đã học được nhiều điều nhờ nhìn vào những người khác hơn là đọc tất cả những cuốn sách trên giá; và tôi nghĩ rằng hầu hết chúng ta đều có thể nghĩ đến một ai đó trong đời sống mình, một người ông, người bà, một người bạn hoặc ai đó mà bạn quen, một người thánh khiết, thật sự giống với Đấng Christ và bạn nghĩ mình muốn trở nên như vậy. Họ không thuyết giáo cho bạn; chỉ cần ở gần họ là bạn đã cảm thấy mình muốn trở nên tốt hơn.

Tất nhiên, với Chúa Giê-su thì bạn có thể cảm nhận rõ điều này nhất, Ngài không cần phải nói gì. Bạn chỉ nói rằng: *Lạy Chúa, xin lìa khỏi con vì con là người có tội.* Nhưng Phao-lô nói rằng *hãy cẩn thận noi gương không phải là một người xấu xa, chú tâm về đời này mà là một người tốt và có tâm trí hướng thượng.* Ông nói: *Có cả hai trong hội thánh; có những người lấy bụng mình làm chúa mình; nuôi thân béo mầm, đừng noi theo họ; hãy theo một người chú tâm vào những điều trên cao. Những tấm gương mà anh em lựa chọn, những người mà anh em muốn trở nên giống họ sẽ tác động rất lớn đến đời sống anh em.* Và ông thúc giục họ: *Hãy chọn đúng người mà anh em muốn bước theo, muốn*

noi theo, hãy chọn đúng người mà anh em nghĩ rằng mình muốn giống với người đó. Cuối cùng, có một sự kiện cần mong chờ. Phao-lô nói: *Tôi cứ thế vươn tới; tôi đồng chịu thương khó với Ngài và đồng sống lại với Ngài.* Tại sao vậy? Tất cả là để làm gì? Ông nói: "Để tôi có thể đạt được sự sống lại từ cõi chết." Thực ra là ông dùng từ "khỏi." Dịch nguyên nghĩa từ tiếng Hy Lạp là *để tôi có thể đạt được sự sống lại khỏi cõi chết hay kẻ chết*; và sách Khải huyền giải thích điều đó, vì Kinh thánh chép rằng có hai sự sống lại ở cuối của lịch sử.

Một là sự sống lại của người công chính; hai là sự sống lại của tất cả những người khác để chịu phán xét, và hai điều này cách nhau khá lâu. Một là sự sống lại khỏi vòng kẻ chết; hai là sự sống lại của những kẻ chết còn lại. Và ông nói: *Tôi muốn ở trong sự sống lại đầu tiên, mục tiêu của tôi là như vậy; mục tiêu của tôi là được sống lại từ cõi chết khi Chúa Giê-su trở lại.* Anh chị em thấy rằng ông vẫn đang nhắm tới mục tiêu đó, ông vẫn đang tiến tới. Ông không nói rằng: *Tôi buộc phải có điều đó vì tôi đã có tấm vé lên thiên đàng.* Không, ông nói rằng tôi cứ vươn tới vì tôi muốn dự phần vào sự sống lại đầu tiên. Tôi nhắc lại một mặt tiêu cực, một cảnh báo nho nhỏ mà anh chị em dễ bỏ qua để rồi phải sống lại với những người khác để chịu phán xét. Chúng ta vươn tới sự sống lại khỏi vòng kẻ chết, và đó là mục tiêu chúng ta cần có. Đó là phần áp dụng thực tế.

Lời hứa của Chúa và những điều kiện kèm theo

Tôi phải kết lại sách Phi-líp vì chúng ta phải xét đến Phi-lê-môn. Tôi chỉ muốn nói một điều cuối cùng. Thực ra, chúng ta đang nói rằng rất nhiều lời hứa trong Kinh Thánh là có điều kiện, tùy thuộc vào việc chúng ta làm gì với chúng. Nhiều người không ưa điều đó lắm. Chúng ta rất thích công bố những lời hứa. Không biết anh chị em có nhớ những hộp sô-cô-la nhỏ đầy những lời hứa được cuộn lại và kẹp trong cái nhíp, anh chị em đã bao giờ thấy cái hộp kiểu đó chưa? Mỗi ngày, anh chị em lại lôi ra một cuộn giấy và mở nó ra, rồi coi nó là lời hứa cho ngày hôm đó. Người ta luôn tách lời hứa đó khỏi những điều kiện kèm theo.

Ví dụ một lời hứa như thế này: "Nầy, Ta luôn ở với các con cho đến tận thế"; một lời hứa tuyệt đẹp, nhưng có một điều kiện kèm theo lời hứa đó. Lời hứa đó là: *Hãy đi và môn đồ hóa muôn dân, hãy báp-tem cho họ, dạy dỗ họ, và nầy, Ta luôn ở với các con.* Người ta muốn có vế "nầy" mà không có vế "đi," nên họ đánh mất sự nóng cháy. Nếu tôi sẵn sàng đi và môn đồ hóa muôn dân thì lời hứa đó còn lại: *Nầy, Ta luôn ở với con.* Nhiều lần trong chức vụ, khi có người bảo tôi rằng họ đã mất cảm giác về sự hiện diện của Chúa, tôi sẽ nói: *Vậy thì hãy đi và cải đạo cho ai đó; hãy đi và đoạt được ai đó về cho Chúa thì anh sẽ được phục hồi, sẽ cảm nhận được sự hiện diện của Chúa ngay,* vì lời hứa về sự hiện diện của Ngài là có điều kiện, ấy là đi và môn đồ hóa - "hãy đi" - "và nầy." Vâng, ở đây có một lời hứa rằng sự bình an của Đấng Christ sẽ gìn giữ tấm lòng và tâm trí của anh chị em, một lời hứa tuyệt đẹp. Ở cuối bức thư thật hay này, ông nói: *Nguyện sự bình an của Đức Chúa Trời gìn giữ anh em. Sự bình an vượt trên mọi hiểu biết, rằng anh em sẽ có sự bình an, Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ tấm lòng và tâm trí anh em trong sự bình an nhưng với một điều kiện. Điều kiện là anh em kiểm soát suy nghĩ của mình và chỉ nghĩ về những điều chân thật, tốt lành, thanh sạch và đúng đắn. Anh em hãy kiểm soát suy nghĩ của mình thì sự bình an của Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ tâm trí anh em.*

Đừng cố gắng công bố những lời hứa mà không thực hiện, không áp dụng, không làm phần việc của chúng ta để đảm bảo rằng lời hứa đó có hiệu lực. Xuyên suốt Tân Ước, anh chị em có thể quá tập trung vào những lời hứa đến nỗi quên rằng Kinh thánh luôn bảo chúng ta cách để biến chúng thành hiện thực, cách đáp ứng với những lời hứa đó. Nên Phao-lô nói: *Hãy nghĩ về những điều này, hãy luôn nghĩ đến những điều tốt lành, đúng đắn và chân thật thì sự bình an của Đức Chúa Trời sẽ gìn*

giữ tấm lòng và tâm trí anh em, trong anh em sẽ có sự hài hòa mà không gì có thể xáo trộn được. Người ta bảo: *Sao họ lại có thể bình an đến vậy trong những hoàn cảnh đó?* Ấy là vì tâm trí đã được kiểm soát.

Thư Phi-lê-môn

Hãy chuyển sang Phi-lê-môn. Đây là một bức thư ngắn nên chúng ta không phải nói quá nhiều về Phi-lê-môn. Nhưng đây là một bức thư ngắn rất hay, chỉ dài vỏn vẹn một trang Tân Ước. Anh chị em biết đấy, rất tiếc là người ta sắp xếp các bức thư của Phao-lô rất lộn xộn. Họ đã sắp xếp theo nguyên tắc giống với các sách tiên tri trong Cựu Ước. Nguyên tắc là sách càng dài thì càng được đặt về trước trong Kinh Thánh, một cách sắp xếp rất ngớ ngẩn đúng không? Nên các bức thư của Phao-lô được xếp thành hai phần: thư ông gửi cho các hội thánh và thư ông gửi cho các cá nhân, và trong hai phần này, thư nào dài nhất thì xếp trước nhất còn thư nào ngắn nhất thì xếp sau cùng. Nên tất cả đều bị xếp sai thứ tự.

Tôi đã cố gắng xét đến các thư theo đúng thứ tự, thấy không ạ? Tê-sa-lô-ni-ca trước và tiếp theo đây là các thư tín chăn bầy, Ti-mô-thê và Tít là những bức cuối; chúng ta nên đọc và nghiên cứu các thư theo đúng thứ tự, nhưng rất tiếc là ai đó đã đưa Rô-ma lên đầu các thư gửi các hội thánh - vì đó là thư dài nhất, và thư ngắn nhất - Tê-sa-lô-ni-ca lại bị xếp xuống cuối.

Rồi trong các bức thư gửi cho các cá nhân, thư Phi-lê-môn ngắn ngủi bị xếp xuống cuối vì thư quá ngắn, nhưng đây là một bức thư ngắn rất quan trọng. Đây là bức thư ngắn nhất, đúng vậy; và đây là bức duy nhất chỉ nói về một cá nhân, một nô lệ trốn chủ và đây là một bức thư riêng tư. Nên chúng ta phải đặt ra hai câu hỏi. Một là: tại sao thư này lại được viết ra? Câu trả lời cho điều đó khá rõ ràng rồi. Câu hỏi thứ hai là: Tại sao Chúa lại đặt Phi-lê-môn trong Kinh thánh nếu đây là một bức thư riêng tư về một cá nhân? Nên chúng ta có hai câu hỏi cần giải quyết. Nhưng rất tiếc là dường như những sách ngắn trong Tân Ước bị phớt lờ và bỏ qua. Chúng ta sẽ nghiên cứu thư Giu-đê sau; một sách bị phớt lờ; nhưng cũng chỉ vỏn vẹn một trang. Đây là một bức thư dài một trang, viết trên một tờ giấy cói, có thể gọi là bức thư ngắn mà Phao-lô gửi tới Phi-lê-môn.

Câu chuyện đằng sau thư này khá đơn giản; đây là một kịch tính cá nhân. Đây là một người nô lệ không tốt cho lắm, sưng sỉa, biếng nhác, nổi loạn, oán giận; và cuối cùng anh ta quyết định chạy trốn. Nô lệ mà đã chạy trốn thì phải đến chỗ nào mà anh ta có thể ẩn mình, và rõ ràng là cần đến thành phố lớn, thành càng lớn thì anh ta càng dễ ẩn mình. Ngày nay thì những cô cậu thiếu niên thường bỏ nhà đến Luân Đôn. Ai muốn ẩn mình thì sẽ đến thành phố lớn, nên người nô lệ này đã chạy đến Rô-ma, không hề hay biết điều gì sẽ xảy ra.

Tôi không biết bằng cách nào, nhưng anh ta đã gặp một người bị xiềng với một tên lính La Mã, chính là Phao-lô, xong luôn, và điều đó thật sự đã quyết định số phận của anh ta. Vào thời đó, hình phạt thông thường cho người nô lệ trốn chủ là bị đóng đinh, nhưng nếu chủ của anh ta là người đặc biệt tốt bụng thì chủ sẽ lấy một thanh sắt nung hình chữ "F" và đóng chữ F vào trán, viết tắt của Fugitilis hay Fugitive, tiếng Việt là bỏ trốn, và anh ta phải mang cái dấu đó mãi mãi về sau; tất nhiên thì điều này sẽ khiến anh ta gặp nhiều rắc rối. Đó là hình phạt nhẹ nhất, dễ thở nhất mà anh ta có thể hy vọng khi bị bắt. Hình phạt nặng nhất là bị đóng đinh; và ở đây, anh ta đã gặp Phao-lô và trở nên một Cơ Đốc nhân. Anh ta đến Rô-ma với hy vọng là để lẩn trốn, nhưng Phao-lô nói: *anh phải trở về với chủ mình đi.*

Điều này rất thú vị. Nhiều người nghĩ rằng khi chúng ta được cải đạo và trở nên một tạo vật mới trong Đấng Christ thì chúng ta có thể trốn tránh quá khứ của mình. Không, giờ đây, chúng ta có thể đi và sửa lại quá khứ mình. Quá nhiều người nghĩ rằng khi chúng ta đến với Đấng Christ, chúng ta quên hết mọi điều trong quá khứ nhưng chúng ta đâu thể làm như vậy. Giờ đây, chúng ta được kêu gọi để sửa lại quá khứ của mình nếu có thể; đó là một điểm rất quan trọng về sự ăn năn. Sự ăn năn bao gồm cả bồi thường hay hoàn trả, sửa lại quá khứ cho đúng. Chúng ta không thể đến ngân hàng và bảo: "Này, cái người cầm cố để vay nợ kia đã chết rồi, anh ta đã bị đóng đinh với Đấng Christ và Đấng Christ đã trả mọi món nợ của anh ta tại Calvary, và giờ đây, tôi được tự do, tôi là một tạo vật mới." Anh chị em không thể làm vậy. Anh chị em cũng không thể chạy khỏi một cuộc hôn nhân hoặc cuộc ly dị vì đã là một Cơ Đốc nhân. Anh chị em là một tạo vật mới, nhưng giờ đây, anh chị em có thể làm tốt những cam kết đó và sửa lại chúng cho đúng.

Xa-chê, nhớ Xa-chê không ạ? Ông không nói với Đấng Christ là "Ôi Chúa Giê-su ơi, con là một người được thay đổi, từ giờ trở đi, con sẽ không lừa gạt bất cứ ai nữa. Từ giờ trở đi, con sẽ kiếm tiền một cách chân chính." Ông không nói vậy mà nói rằng: "Con sẽ đền tiền cho mọi người mà con đã lừa gạt, trả thêm cả lãi nữa, để không ai thiệt hại vì cớ con" và Chúa Giê-su phán: "Hôm nay sự cứu rỗi đã vào nhà nầy." Xa-chê không trốn tránh quá khứ; ông đối mặt với nó và sửa lại nó cho đúng. Tôi biết một người mà ngay sau khi cải đạo, anh ta đầu thú một tội mà không ai phát hiện ra với cảnh sát và nhận được mức án nhẹ nhất từ thẩm phán vì đã đầu thú. Anh ấy ngồi tù hai tháng, khi vào tù, các tù nhân hỏi: *Anh vào đây vì tội gì vậy?* Ảnh trình bày *chuyện là thế này, thế này.*

- *Làm sao họ phát hiện ra anh là thủ phạm được?*
- *À, tôi ra đầu thú.*
- *Anh làm cái gì cơ!!?*
- *Thật đấy!*
- *Anh đầu thú làm cái gì?*
- *Thì vì tôi đã trở thành Cơ Đốc nhân.*

Anh chị em biết không, anh ta bắt đầu dẫn những tù nhân khác đến với Đấng Christ, nhưng khi mãn hạn hai tháng tù, anh ta phải tạm biệt những người được cải đạo. Thế là anh ta lại đến đồn cảnh sát, đầu thú một tội khác mà anh ta phạm phải, lại vào tù đền tội, và chăm sóc các môn đồ của mình. Anh chị em biết anh ấy nói gì với tôi không? Anh ấy nói: *Mình là người truyền đạo duy nhất tại Anh Quốc được Nữ vương đài thọ toàn bộ luôn!* Nhưng anh ấy đang sửa lại quá khứ cho đúng. Anh ấy không trốn tránh quá khứ; ăn năn còn là sửa lại nó cho đúng chứ không trốn tránh nó. Và Phao-lô nói: *Anh biết không, Ô-nê-sim*, tên anh ta là thế, *tôi phải gửi anh về nhà chủ.* Nhưng thật là một sự trùng hợp đáng kinh ngạc, hẳn là Chúa đã can thiệp vào điều này, rằng thực chất, chủ của anh ta, người sở hữu anh ta lại là một Cơ Đốc nhân tại Cô-lô-se. Ông nói: *Tôi sẽ gửi anh về cho chủ anh cùng với một bức thư và tôi sẽ giải thích mọi chuyện.* Nên ông đã viết bức thư thật hay này.

Có một chỗ chơi chữ có thể mở khóa cả bức thư. Chơi chữ thế này, Ô-nê-sim - tên anh ta, anh chị em biết nghĩa là gì không? Nó có nghĩa là "ích lợi," đó là cái tên mà chủ đã đặt cho anh ta - Ích Lợi, lại đây! Nhưng Phao-lô nói: Có thể là trong quá khứ, anh thấy anh ta vô ích nhưng tôi đang gửi về cho anh một người nô lệ ích lợi. Chơi chữ rất hay với tên anh ta; và ông nói: *Tôi không chỉ gửi người này về làm một người hiện đã ích lợi cho anh, mà còn làm một người anh em.* Ông nói: *Số tiền người này lấy cắp của anh, tôi sẽ trả lại và chính tay tôi xác nhận điều này.* Phao-lô đã gửi Ô-nê-sim về cho chủ.

Thư Phi-lê-môn khi xét đến các góc độ khác nhau

Anh chị em có thể xét đến câu chuyện này từ nhiều góc độ. Về góc độ cá nhân, nghe này, Phao-lô đã khẩn khoản nài xin. Ông nói: *Tôi đã già và còn đang bị tù*, ý là ông thực sự khẩn khoản và kể lể sự tình; đây là một văn bản rất người. Và Phi-lê-môn, hội thánh đang nhóm họp tại nhà ông, vợ và con trai ông cũng có liên quan. Phao-lô nói: *điều này sẽ khó cho cả ba chúng ta. Thật khó cho tôi khi để người này đi; tôi đánh giá cao người này. Thật khó cho người này quay lại, và thật khó để anh tiếp nhận người này và tha thứ cho người này, nhưng tất cả chúng ta hãy làm điều khó làm*, và ông đã làm như vậy. Đó là một câu chuyện cá nhân, một bức thư đầy tình cảm, đầy tính cá nhân.

Anh chị em có thể nghiên cứu thư từ góc độ xã hội, từ vấn đề nô lệ. Phao-lô không cố gắng bãi bỏ chế độ nô lệ; ông chỉ phá bỏ điều đó từ bên trong bằng cách thay đổi các mối quan hệ và thái độ, *giờ đây, người này đã là một người anh em, không còn là một thứ tài sản nữa.* Người này là một anh em quý mến trong Chúa, và qua nhiều thế kỷ, cuối cùng thì chính điều đó đã phá bỏ chế độ nô lệ - coi con người như những người anh em. Có hai cách để đối phó với tệ nạn xã hội: Dùng vũ lực để bẻ gãy nó hoặc dùng tình yêu thương để phá bỏ nó từ bên trong, và Phao-lô đã chọn cách thứ hai. Tôi không có thời gian để nói thêm nhưng những người nói rằng Phao-lô chứa chấp cho chế độ nô lệ là hoàn toàn sai. Trong 1 Ti-mô-thê, Phao-lô liệt kê những người mà Đức Chúa Trời không bao giờ tiếp vào thiên đàng, đó là những kẻ giết cha mẹ, những đứa con giết chính cha mẹ mình, rồi cả những kẻ buôn người. Nên đừng tin những người nói rằng Tân Ước không lên án chế độ nô lệ, Phao-lô có lên án; nhưng ông xử lý điều đó theo cách khác.

Nhưng thư này có một khía cạnh thuộc linh mà tôi muốn xét đến sau cùng. Tại sao thư này lại có trong Kinh Thánh? Đây là một hình ảnh tuyệt vời về sự cứu rỗi của chúng ta vì anh chị em là người nô lệ đó; anh chị em chạy trốn Đức Chúa Trời; anh chị em không ích lợi gì với Chúa. Có người đã đến và trả nợ cho anh chị em và trình diện anh chị em lại cho Đức Chúa Trời như một người đầy tớ ích lợi, và Chúa Giê-su đã làm điều đó cho anh chị em. Trong sự việc nhỏ này, chúng ta thấy một hình ảnh tuyệt vời về sự cứu rỗi của anh chị em. Anh chị em trốn Chúa, anh chị em không ích lợi gì cho Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-su đã ngăn anh chị em lại, thay đổi anh chị em, gửi anh chị em về cho Đức Chúa Trời và trình diện anh chị em như một người đầy tớ ích lợi. Tất cả đều ở đó. Một sự việc nho nhỏ.

Nhưng cuối cùng, thư này có một khía cạnh về đạo đức thế này. Phao-lô chỉ đang làm cho người nô lệ đó điều mà Chúa Giê-su đã làm cho ông, hiểu không ạ? Và toàn bộ thông điệp của thư này là: *Chúa Giê-su đã làm gì cho anh thì hãy làm điều đó cho những người khác; Chúa Giê-su đã chuộc anh, cứu anh, tái chế anh và gửi anh về để phục vụ Chúa Cha. Nên anh hãy đi và làm điều đó cho những người khác.* Nói cách khác là những gì Đấng Christ đã làm cho chúng ta có tác động đến mối quan hệ của chúng ta với những người khác, nắm được không ạ? Anh chị em đi và tái chế người ta, gửi anh ta về với Cha. Anh chị em sẵn sàng trả giá cho họ như Đấng Christ đã trả giá cho anh chị em. Ở đây, Phao-lô đang thể hiện rằng sự cứu rỗi của cá nhân ông trong Đấng Christ trở thành lối sống của ông, và giờ đây, ông làm cho những người khác tất cả những điều mà Đấng Christ đã làm cho ông. Một tấm gương thật đẹp về việc thể hiện sự cứu rỗi của chúng ta ra ngoài. *Phi-lê-môn thân mến, tôi gửi người này về cho anh, tay Ích Lợi xưa kia, giờ anh sẽ thấy người này ích lợi thật.* Đó là điều mà Chúa Giê-su nói với Chúa Cha về anh chị em - *Cha ơi, giờ đây, Ngài sẽ thấy người nam này ích lợi cho Ngài, Ngài sẽ thấy người nữ này ích lợi cho Ngài và con gửi người này về với Ngài như một người hoàn toàn khác, một thành viên trong gia đình.* A-men.

THƯ CÔ-LÔ-SE

Giới thiệu

Khi Phao-lô không thể thăm viếng một hội thánh để giải quyết khủng hoảng, ông sẽ viết một bức thư để giải quyết điều đó, nhưng về những giai đoạn sau của chức vụ, ông không thể đến thăm các hội thánh vì phải ở tù. Phần đa các bức thư trong Kinh thánh được viết khi ông bị quản thúc tại gia là nhẹ nhất, còn không là bị tù. Nên ông không thể đi và dàn xếp khủng khoảng, ông phải viết thư. Các bức thư tiếp theo mà chúng ta sẽ xét đến đều viết khi ông bị bắt lần đầu tại Rô-ma, bị quản thúc tại gia và xiềng với một tên lính La Mã, nhưng có thể sống trong căn nhà mà ông tự thuê và tiếp khách; rồi các bức thư gửi Ti-mô-thê và Tít được viết khi ông đang bị tù, là tử tù đang chờ ngày hành quyết. Như vậy, hầu hết các bức thư trong Kinh thánh đều được viết trong tù, rất nhiều tác phẩm Cơ Đốc hay là từ nhà tù mà ra, Thiên lộ Lịch trình của John Bunyan là một ví dụ nổi bật.

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến một số bức thư gọi là Thư Tín Trong Tù, viết trong lần bị bắt giữ đầu tiên khi ông chịu quản thúc tại gia. Tôi đã nói điều này từ trước rồi, giờ tôi chỉ lướt qua một số điều đã nói trong bài trước. Ấy là ông viết ba dạng thư: viết cho các cá nhân, viết cho dịp đặc biệt để giải quyết tình trạng khủng hoảng của một hội thánh địa phương; và viết chung chung hoặc phổ biến rộng rãi, dùng để lưu hành chung, không giải quyết những vấn đề cụ thể. Chúng ta có ba bức thư được viết cùng lúc, gửi bởi cùng một người tên Ty-chi-cơ, đến cùng một khu vực.

Bức thư đầu tiên là thư gửi Phi-lê-môn mà ông viết về một nô lệ trốn chủ, nhưng chúng ta sẽ nghiên cứu thư đó sau, rồi ông viết cho Cô-lô-se, một khủng hoảng trong hội thánh tại Cô-lô-se rồi ông viết một thư chung mà chúng ta gọi là Ê-phê-sô, nhưng thực ra thì nguyên bản thư này không có địa chỉ, từ Ê-phê-sô không có trong bản viết tay sớm nhất. Nên rõ ràng đây là một bức thư chung. Cuối cùng thì thư này yên vị tại thành Ê-phê-sô.

ANCIENT LETTERS

1. PERSONAL - individual (Philemon)
2. OCCASIONAL - local (Colossians)
3. GENERAL - encyclical (Ephesians)

Read between lines: circumstances
situation
crisis
need

WHAT does he correspond to?
WHO does he correspond with?
WHY does he correspond at all?

Pattern: SENDER
RECEIVER (address)
GREETING (prayers/wishes)
COMPLIMENT (or thanks)
SUBSTANCE (one or more topics)
SUMMARY
GREETING

Biblical 'epistles': REALITY (past): actual practice
RELEVANCE (present): applied principle

Vậy là chúng ta có ba dịp. Tôi đã nói rằng đặc biệt là với dạng thư thứ hai, dạng mà bây giờ chúng ta sẽ xét đến - thư Cô-lô-se - thì chúng ta phải tìm ra ý nghĩa thực sự, cố gắng đọc để hiểu hoàn cảnh, tình cảnh, khủng hoảng và nhu cầu phát sinh. Chúng ta đặt câu hỏi là ông viết thư cho cái gì, ông viết

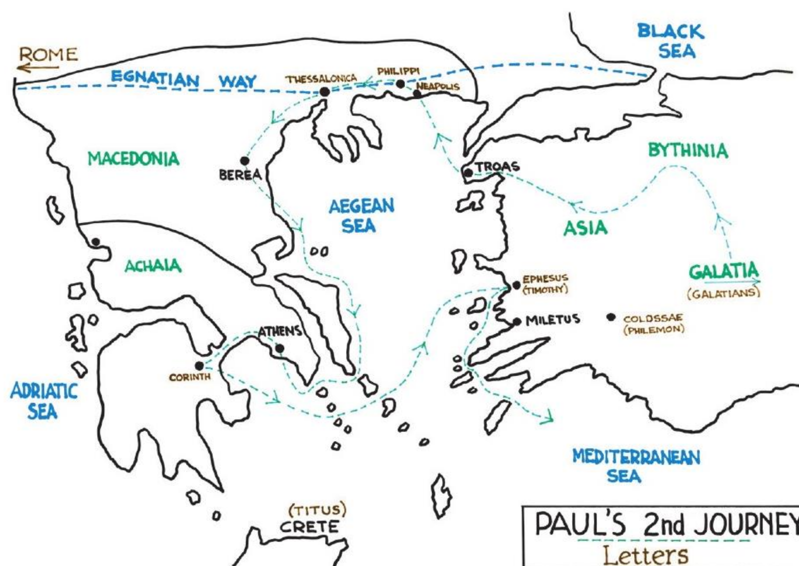
thư cho ai và rốt cuộc là tại sao ông lại viết thư? Thư từ tương ứng với một hoàn cảnh của bên kia và chúng ta luôn phải hỏi rằng hoàn cảnh là như thế nào. Kia chỉ là khuôn mẫu mà ông luôn dùng cho các bức thư, khuôn mẫu chính thức dùng trong thế giới Hy Lạp. Tên người gửi, địa chỉ người nhận, lời chào thăm, lời khen, tóm tắt nội dung thư, lời chào kết và chữ ký.

Vì thế, với tất cả các thư tín trong Kinh thánh, trước hết, chúng ta phải tìm hiểu sự tình bằng cách trở lại tình huống, cố tìm hiểu xem điều gì đang xảy ra, xét đến thực hành thực tế của hội thánh đó, nhưng rồi chúng ta phải liên hệ thư tín đó với thời nay bằng cách đưa thư đó về thời hiện đại và áp dụng nguyên tắc này với hoàn cảnh của chúng ta. Nên chúng ta có khá nhiều việc cần làm khi đọc một thư tín của Phao-lô.

Thành Cô-lô-se



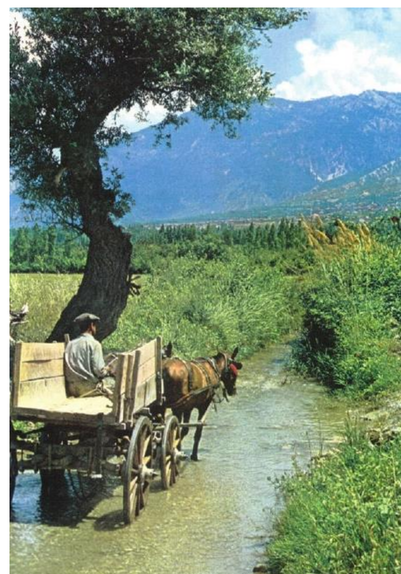
Bản đồ các hội thánh



Bản đồ hành trình truyền giáo lần 2 của Phao-lô

Hãy xét đến vị trí địa lý của thành này. Chúng ta đang xét đến khu vực phía tây của Thổ Nhĩ Kỳ, thực ra là tôi muốn bắt đầu với bản đồ này trước. Gần như tất cả các thư tín của Phao-lô đều nằm trên bản đồ đó: thư Ga-la-ti, thư Cô-lô-se và Phi-lê-môn, thư Ê-phê-sô, thư Cô-rinh-tô (thư Rô-ma không nằm trên bản đồ này), rồi thư Tê-sa-lô-ni-ca và Phi-líp. Hầu hết các thư tín của Phao-lô đều xoay quanh vùng biển Aegea; nhưng khu vực mà chúng ta sẽ xét kỹ hơn là phía tây Thổ Nhĩ Kỳ, là tỉnh A-si-a thuộc La Mã thời bấy giờ. Ở đây có một tuyến đường vòng - Ê-phê-sô, Si-miệc-nơ, Pẹt-găm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi-a, Lao-đi-xê, nghe quen không ạ? Đó là bảy bức thư trong Sách Khải huyền. Người đưa thư có thể gửi quanh tuyến đường này. Nhưng bây giờ chúng ta sẽ xét đến vùng này; ở đây có một thung lũng, trong đó có ba thị trấn, Hi-ê-ra-pô-li, Lao-đi-xê và Cô-lô-se; chính khu vực nhỏ này cùng với Ê-phê-sô là nơi mà chúng ta sắp xét đến. Lúc này Phao-lô đang ở Rô-ma và chịu quản thúc tại gia, nhưng ông đang viết các bức thư gửi cho khu vực nhỏ này, cụ thể là thung lũng này.

Tôi muốn cho các bạn xem một bức hình, đó là một thung lũng tươi đẹp, nhưng tên con sông chảy qua đó rất đáng chú ý. Thung lũng đó đây, Cô-lô-se đây, một thung lũng tươi đẹp có những ngọn đồi bao quanh, nhưng con sông chảy qua đó được gọi là Sông Quanh co hay Meander trong tiếng Anh. Anh chị em đã bao giờ nghe đến cái tên đó chưa? Đó là một con sông uốn lượn khắp nơi, từ đó chúng ta có từ quanh co, một con sông quanh co, và chúng ta sẽ thấy Cô-lô-se là một hội thánh quanh co. Nhiều khi một sự việc xảy ra trong một hội thánh là vì vị trí của nó, bối cảnh của nó đã bước vào hội thánh. Hội thánh này bắt đầu quanh co và đi chệch khỏi lẽ thật, một hội thánh rất hay đi quanh co. Đó là chút bối cảnh của thư.


Thung lũng sông Quanh co hay Meander

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến địa danh Cô-lô-se. Phao-lô viết thư Phi-lê-môn là thư đầu tiên về người nô lệ trốn chủ và ông gửi Ô-nê-sim về cho chủ mình tại Cô-lô-se. Hoặc tôi nghĩ có thể là Phi-lê-môn ở Lao-đi-xê, nhưng lúc đó ông cũng muốn viết một bức thư cho hội thánh tại Cô-lô-se, nên ông gửi thư đó cùng với cả thư Ê-phê-sô nữa. Như vậy là cả ba thư được gửi cùng một lúc, bởi cùng một người, đến cùng một khu vực.

Hãy xét đến Cô-lô-se xem đó là một nơi như thế nào. Anh chị em có thể thấy nó nằm trên trục đường chính qua A-si-a. Đường này xuống đến Ả Rập và là một con đường rất quan trọng. Vì nằm trên tuyến đường huyết mạch từ đông sang tây nên Cô-lô-se có thành phần dân cư hỗn tạp. Đủ mọi loại người định cư tại đó, du khách đến từ khắp nơi. Nên có thể nói Cô-lô-se là một thành quốc tế. Dân gốc ở đây là người Phi-ri-gi, có nhiều người Hy Lạp, có nhiều người Do Thái, có nhiều người La Mã, sau này người Saracen biến nó thành một thị trấn Saracen; nhưng nó luôn là một thị trấn quốc tế; vì vậy - và quan trọng hơn, đây là một thị trấn có nhiều tôn giáo khác nhau, rất nhiều tôn giáo. Ngày nay chúng ta gọi đó là một thị trấn đa nguyên, anh chị em đã nghe đến từ đó bao giờ chưa?

Điều này ngày càng trở nên phổ biến. Đa nguyên nghĩa là có những tôn giáo khác nhau trong cùng một con phố; điều này đang xảy ra tại Anh ở mức độ chưa từng có. Anh chị em có thể thấy một số con phố tại Birmingham có người Sikh giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo, Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo, tất cả đều ở trên cùng một con phố. Tất nhiên là điều đó đặt ra nhiều vấn đề về mối quan hệ. Làm sao chúng ta có thể sống trong hòa bình khi có quá nhiều tôn giáo khác nhau cạnh tranh với nhau? Tình trạng đa nguyên rất khác so với chỉ đối phó với một ngoại giáo lớn. Thành Ê-phê-sô gần

như chỉ có một ngoại giáo, Diana thành Ê-phê-sô - nữ thần Artemis là tôn giáo chính tại Ê-phê-sô, nhưng Cô-lô-se thì có đủ loại.

Tôi nói lướt qua một chút - có nhiều thuyết duy linh; thuyết duy linh là tin vào những thế lực tự nhiên, một vị thần kiểm soát con sông, một vị thần cây, một vị thần núi. Tôi cứ nghĩ là điều đó không ảnh hưởng gì đến tư duy hiện đại của chúng ta nhưng tôi bảo này, nó đang trở lại dưới Phong trào Xanh (Green Movement). Thờ thần sinh sản, thờ lạy mẹ thiên nhiên, và thú vị ở chỗ, người ta luôn thờ lạy trái đất dưới dạng giống cái - mẹ thiên nhiên, mẹ trái đất. Có nhiều thuyết duy linh chỉ thờ các vị thần thiên nhiên cổ xưa và có một nét đặc trưng rất khác thường trong tự nhiên. Nó không nằm trong tấm hình mà tôi cho anh chị em xem, nhưng ở xa xa, phía bên kia đồi, có cả một sườn đồi màu trắng. Người ta đặt biệt danh cho nó là Lâu đài Bông và trong nhiều sổ tay du lịch, tôi đã thấy những bức hình mới đây của nó, chụp những người đang bơi lội và tắm nắng trên ngọn núi trắng này, nó đầy những bể muối lắng từ các con suối, một cảnh quan khá lạ lùng. Anh chị em sẽ thấy nó trong những cuốn sổ tay du lịch ngày nay; người ta đến đó để tắm trong nước muối nóng và tắm nắng trên những vách đá màu trắng, nó được gọi là Spa Lâu đài Bông.

Như vậy là quanh đó có nhiều nét đặc trưng khác thường trong tự nhiên để họ thờ lạy. Rồi có thuật chiêm tinh, cái này rất mạnh; nó theo đường từ Ba Tư, từ phương đông đến, và chiêm tinh là một trong những vấn đề mà họ phải xử lý trong hội thánh tại Cô-lô-se. Cái này có ngay trong thời đại chúng ta. 6/10 người nam và 7/10 người nữ tại Anh đọc lá số tử vi hằng ngày, như Shakespeare đã nói: *Brutus ạ, lỗi không tại các vì sao của cậu, mà lỗi tại chúng ta*; nhưng người ta vẫn đọc cái thứ đó. Vậy là thuyết duy linh và chiêm tinh học đã theo đường này đến, đền thờ bách thần của người Hy Lạp và La Mã đều ở đó, mọi vị thần, cả nam lẫn nữ của Hy Lạp và La Mã đều ở Cô-lô-se. Các tôn giáo huyền bí, chúng ta gọi như vậy đã đến từ phương đông, người ta thường mô tả chúng như các tôn giáo Ngộ đạo (Gnostic), trái ngược với thuyết bất khả tri.

Bất khả tri là một người không biết gì; Ngộ đạo là một người nói rằng Tôi có biết, họ có rất nhiều bí mật và nghi thức kết nạp. Các tôn giáo huyền bí có ở đó, Do Thái giáo có ở đó, nhưng là Do Thái giáo của Cô-lô-se, vì ở khá xa với Xứ Thánh nên nó đã mặc lấy một vẻ khác; Do Thái giáo thường như vậy. Nếu anh chị em đã từng nghe Rabbi Lionel Blue trên đài thì sẽ thấy ông là điển hình của những gì xảy ra với Do Thái giáo khi nó lìa khỏi gốc gác của mình và thành ra triết lý nhiều hơn, bớt đạo đức và thêm huyền bí, không phải là trọng tâm của Do Thái giáo thật. Nó rất hấp dẫn và thu hút con người, đồng thời là một thứ rất nguy hiểm. Nó chẳng phải Do Thái giáo cũng chẳng phải Cơ Đốc giáo.

Rồi có Cơ Đốc giáo. Cơ Đốc giáo không đến với Cô-lô-se qua Phao-lô; Phao-lô chưa từng đến nơi đó; không biết là ông có đi ngang qua đó không. Hội thánh Cô-lô-se ra đời như thế này. Khi Phao-lô ở tại Ê-phê-sô, một trong những người được cải đạo là Ê-pháp-ra và Ê-pháp-ra nói: *Tôi muốn đưa Tin lành này về quê hương mình*. Phao-lô hỏi: *Quê anh ở đâu?* Ê-pháp-ra trả lời là Cô-lô-se; sau đó Phao-lô nói: *Hãy đi và giảng Tin lành ở Cô-lô-se*. Chính Ê-pháp-ra, một trong những người được Phao-lô cải đạo tại Ê-phê-sô đã mở hội thánh tại Cô-lô-se.

Đó là một điểm quan trọng. Phao-lô đang viết thư cho một hội thánh mà ông không hề thiết lập và chưa bao giờ ghé thăm, thế nên trong thư mới có nhiều lời chào thăm đến thế vì ông đang cố gắng làm thân. Khi viết thư cho một người lạ, người ta sẽ viết rằng: *chúng ta đều quen người này, người kia*. Nên Phao-lô nhắc đến Ê-pháp-ra, ông nhắc đến A-ri-tạc cũng là người thành đó, ông nhắc đến

Đê-ma và một số người mà cả họ và ông đều biết. Nhưng ông nhận được tin từ Ê-pháp-ra rằng mọi thứ đang trở nên tồi tệ. Bản thân Ê-pháp-ra không phải là một sứ đồ chính thức, ông chỉ giảng tin lành và nhóm họp một số người lân cận lại, nhưng giờ đây, hội thánh vướng phải nhiều vấn đề và Ê-pháp-ra đã kể cho Phao-lô biết sự tình; và Phao-lô nói: *Tôi sẽ viết một bức thư cho họ*.

Nhưng hãy nhớ rằng ông đang viết cho một hội thánh mà ông không hề có thẩm quyền trên đó vì ông không thiết lập hội thánh và họ không quen ông. Nên ông viết với giọng điệu khá điềm tĩnh, dịu dàng từ đầu tới cuối. Chắc chắn là ông không nói như nói với người Cô-rinh-tô, không ai làm vậy với những người lạ hoắc, chúng ta chỉ có thể nói như vậy khi đã có mối quan hệ với người ta. Nên đây là một kiểu thư khác.

Vấn đề ở đây là gì?

COLOSSIANS

A. SYNCRETISM: religion of Christianity

1. REDUCED BELIEF
   a. Immanence of God (too high)
   b. Pre-eminence of Christ (too low)

2. REGULATED BEHAVIOUR
   a. Observance of calendar
   b. Abstinence of body

B. SIMPLICITY: relation to Christ

1. ALL DIVINE FULNESS IN THE ETERNAL CHRIST
   a. CREATOR of the universe.
   b. CONQUEROR of the powers.
   c. CONTROLLER of the church.

2. ALL HUMAN FOCUS ON THE EXALTED CHRIST
   a. PURITY in the passions.
   b. CHARITY in the church.
   c. HARMONY in the home.
      i. Wives/husbands.
      ii. Children/parents.
      iii. Slaves/masters.

Vấn đề ở đây là gì, có gì không ổn? Ở đây, các học giả và sinh viên Kinh Thánh đã tranh luận liên miên về tình trạng của hội thánh Cô-lô-se. Tất nhiên là những dạy dỗ sai trái đã bước vào hai lĩnh vực chính - niềm tin và hành vi. Niềm tin ảnh hưởng đến hành vi của chúng ta, và khi tin vào những điều sai lệch, chúng ta sẽ cư xử sai cách, đó là điều không thể tránh khỏi. Có đức tin đúng thì hành vi sẽ đúng, nhưng nếu có đức tin sai thì hành vi sẽ sai. Như vậy, những dạy dỗ sai lệch đã bước vào. Nhưng đây có phải là dị giáo nào cụ thể không? Đó là tranh luận giữa các học giả; họ đã xét đến sách Cô-lô-se và nói: *Đây có phải là một trong những tôn giáo huyền bí không, có phải đức tin ngộ đạo đã bước vào không?* Và họ không thể nào đi đến kết luận. Bởi vì khi tổng hợp những sai lầm về niềm tin và hành vi mà Phao-lô đề cập đến, chúng ta thấy chúng không tương ứng với một tà phái hoặc giáo phái nào từng có. Đôi khi chúng ta có thể phân biệt ngay được tà giáo đã bước vào và cầm giữ họ, nhưng tại Cô-lô-se, chúng ta không thể luận ra được và phải hỏi rằng: *Rốt cuộc thì cái gì đã bước vào?*

Tất nhiên là không phải Do Thái giáo đã bước vào, không phải một tôn giáo huyền bí nào đó, không phải thuật chiêm tinh, nhưng có vẻ như đây là sự pha trộn của tất cả những thứ đó. Đây chính là điều đã đánh đố các học giả. Nhiều thứ trong đó thuộc cái mà ngày nay chúng ta gọi là Thời đại Mới. Nhưng giống như Thời đại Mới - Thời đại mới không phải là một tà giáo cụ thể, thậm chí không phải một phong trào, tôi gọi đó là một tâm trạng chứ không phải một phong trào. Nó kiểu như một quả cầu tuyết thu nhặt đủ thứ, thuyết ăn chay, chủ nghĩa nữ quyền, đồng tính luyến ái, đủ loại, và tư

duy Thời đại Mới dường như thu nhặt mọi thứ giống như một quả cầu tuyết cuốn mọi thứ nó gặp trên đường. Đó không phải là một cấu trúc cụ thể mà là một tâm trạng mà người ta rơi vào. Theo tôi thì đó là lý do thật sự khiến chúng ta không thể xác định được dị giáo cụ thể tại Cô-lô-se, nó là một tâm trạng, hay nói đơn giản hơn là một sự pha trộn.

Vấn đề thực sự tại Cô-lô-se là vấn đề mà chúng ta luôn phải đối phó, ấy là du nhập quá nhiều thứ từ bên ngoài vào Cơ Đốc giáo. Nên vấn đề không hẳn là dị giáo, như thuyết hổ lốn vậy, đây là từ mà anh chị em cần học. Thuyết hổ lốn là trộn lẫn các đức tin lại với nhau, cuối cùng thành một món hổ lốn, cái gì cũng cho vào, trộn hết vào với nhau. Nó không phải là một tà giáo hay dị giáo cụ thể, chỉ là một sự pha trộn không hay. Khi trộn lẫn đức tin Cơ Đốc với chút này, chút kia từ những đức tin khác, mang những yếu tố ngoại giáo trước kia của chúng ta vào thì cuối cùng, thứ đó không còn là Cơ Đốc giáo nữa. Dù vẫn gọi như vậy nhưng chúng ta đã mất điều gì đó, và đây là vấn đề thực sự tại Cô-lô-se, cũng là vấn đề mà thật kỳ lạ, chúng ta vẫn đang phải vật lộn ngay trong thế kỷ 20 này.

Nên thư Cô-lô-se có một thông điệp rất quan trọng với chúng ta. Đây là một sứ điệp điềm tĩnh nhưng ngày nay, chúng ta cần cái đầu điềm tĩnh hay cái đầu lạnh; thật sự là như vậy. Chúng ta cần có trái tim nóng nhưng cần cái đầu thật lạnh để suy xét kỹ những gì đang diễn ra. Đủ mọi thứ đang len lỏi vào hội thánh ngày nay. Bấm huyệt đang ở ngay trong hội thánh, thế mà Cơ Đốc nhân lại thực hành cái đó; rồi yoga cũng ở ngay trong hội thánh. Chúng ta phải hỏi điều gì đang xảy ra, và kết quả của tất cả những điều đó là gì? Cô-lô-se cho chúng ta một công cụ tuyệt vời để phân tích thuyết hổ lốn, sự pha trộn đức tin, đặc biệt là sức ép pha trộn Cơ Đốc giáo với những tôn giáo khác mà chúng ta đang phải chịu - tổ chức những lễ hội đức tin mà Phật tử, người Ấn giáo, Cơ Đốc nhân và người Do Thái đều có thể nhóm họp với nhau. Giáo hoàng kêu gọi hiệp nguyện tại Assisi, cầu nguyện cho hòa bình thế giới và mọi tôn giáo đã nhóm họp với nhau. Có một lễ hội của rừng tại Nhà thờ chính tòa Canterbury khi mọi tôn giáo đổ từ mọi nẻo đường đến nhà thờ đó để cầu nguyện cho cây cối. Nhiều hoạt động trong đó gắn với môi trường, tin tôi đi, anh chị em sẽ thấy bằng một cách nào đó, những thế lực tự nhiên đã pha trộn với niềm tin Cơ Đốc của người Cô-lô-se; một điều rất, rất gần gũi.

Tôi bắt đầu tại đó vì tôi muốn anh chị em thấy điều này gần với hoàn cảnh của chúng ta ngày nay đến thế nào, đây chính là điều mà chúng ta hiện đang phải đối phó. Thuyết hổ lốn. Tất nhiên, có sự pha trộn với Do Thái giáo và một số điều trong Do Thái giáo đã được đưa vào cùng một số thứ ngoại giáo, một số thứ duy linh. Tất cả tạo thành một hỗn hợp hổ lốn đến nỗi làm lu mờ tính ưu việt của Đấng Christ. Đây chính là chìa khóa mở ra cả bức thư. Chúng ta càng du nhập đủ thứ vào thì người ta lại càng muốn nói về lợi ích của bấm huyệt trên họ, lợi ích của Yoga và tất cả những thứ còn lại trên họ, để rồi ngừng nói về những gì Đấng Christ đã làm cho chúng ta. Và trong những lễ hội đức tin cùng các tôn giáo khác, chính Đấng Christ sẽ biến mất. Danh của Chúa Giê-su không còn nổi bật hay ưu việt nữa. Nên thư này đặc biệt nhấn mạnh tính ưu việt của Đấng Christ, để Ngài có tính ưu việt, để Ngài là trọng tâm của mọi sự chú ý chúng ta. Khi chúng ta bắt đầu pha trộn Cơ Đốc giáo với những đức tin khác, đặc biệt là với đức tin xưa kia của mình thì Đấng Christ mất đi chỗ đứng của Ngài. Ngài không còn là trọng tâm của Cơ Đốc giáo nữa.

Hãy xét đến chính thư Cô-lô-se và bắt đầu xem điều gì đang xảy ra. Vấn đề là thuyết hổ lốn và nó đang biến Cơ Đốc giáo thành một tôn giáo, đó luôn là một mối nguy. Với nhiều người trên nước Anh này, Cơ Đốc giáo là một tôn giáo, tôi gọi đó là Nhà thờ giáo (Churchianity), anh chị em biết tôi nói thế có ý gì không? Nước Anh là một quốc gia Cơ Đốc, nhưng nhiều phần chỉ mang tính tôn giáo. Đấng Christ đã làm một điều, ấy là Ngài cứu chúng ta khỏi tôn giáo. Có phải anh chị em làm chứng

như vậy không? Khi đến với Đấng Christ, anh chị em không còn mộ đạo nữa; thế nhưng thật buồn cười là tất cả những người lân cận của anh chị em sẽ nói: *Nghe nói cậu theo đạo hả?* Một xuất phát điểm tuyệt vời để nói rằng: *Không, mình đã đoạn tuyệt với tôn giáo rồi, mình không còn mộ đạo nữa, mình đã từng như thế nhưng giờ thì không.* Vì chính những người không tin Đấng Christ mới là người mộ đạo, thậm chí là sự mê tín của họ cũng là mộ đạo. Chúng ta đã thôi mộ đạo vì Cơ Đốc giáo không phải là một tôn giáo. Để chống lại thuyết hổ lốn, điều duy nhất chúng ta có thể làm để bảo vệ Cơ Đốc giáo là tính đơn giản của Đấng Christ.

Về cơ bản, Cơ Đốc giáo rất đơn giản. Đây không phải là một tôn giáo mà là một mối quan hệ với Đấng Christ, chỉ đơn giản vậy thôi. Đó chính là điều ngăn chặn thuyết hổ lốn này. Chỉ cần nói rằng: *Không, tôi không mộ đạo nên tôi không tham gia vào sự nhóm họp các tôn giáo. Tôi tin vào Chúa Giê-su.* Đơn giản vậy thôi. Như vậy là có hai chủ đề: thuyết hổ lốn biến Cơ Đốc giáo thành một tôn giáo và tính đơn giản của việc tập trung mọi thứ vào mối quan hệ với Đấng Christ; đó là tóm tắt về thư này.

Bây giờ, hãy xét đến những gì xảy ra với thuyết hổ lốn đang diễn ra tại Cô-lô-se; có thể nó không giống với thuyết hổ lốn ngày nay nhưng chúng ta có thể rút ra bài học từ đó. Kết quả của việc pha trộn những đức tin khác với đức tin Cơ Đốc là suy giảm niềm tin, và tại Cô-lô-se, niềm tin đã suy giảm theo hai cách cụ thể. Thứ nhất là họ đã mất đi cảm giác về sự gần kề của Chúa. Để tôi giải thích những từ to tát này. Cơ Đốc nhân tin rằng Đức Chúa Trời vừa siêu việt, vừa gần kề; Ngài vừa cao xa với chúng ta, vừa gần với chúng ta.

Đó là một nghịch lý và nếu quên bất cứ bên nào của nghịch lý đó, anh chị em sẽ đánh mất niềm tin Cơ Đốc vào Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời vừa vĩ đại hơn vũ trụ này vừa gần hơn hơi thở. Vừa siêu việt, vừa gần kề là như vậy. Sự pha trộn đức tin tại Cô-lô-se, người ta mất đi cảm giác rằng Đức Chúa Trời ở gần họ và giờ đây, Đức Chúa Trời trở nên xa xôi với họ, Chúa trở nên một hữu thể xa cách. *Đúng là Ngài ở đó nhưng gần như bạn không thể với tới Ngài*, rồi họ lấp đầy khoảng trống đó bằng đủ thứ niềm tin vào thiên sứ, thần linh và những điều khác. K*hi Đức Chúa Trời không gần với bạn thì bạn phải lấy những thứ khác, những vật hoặc những hữu thể sẽ trở nên gần gũi với bạn hơn Đức Chúa Trời để lấp đầy khoảng trống*, hiểu không ạ? Đó là điều đầu tiên xảy ra tại Cô-lô-se. Cảm giác rằng Đức Chúa Trời ở cùng họ đã mất đi và theo một cách nào đó, Đức Chúa Trời lùi ra xa. Ngài vẫn thực hữu, họ vẫn tin vào Ngài, nhưng Ngài lại ở xa theo một cách nào đó.

Đôi khi chúng ta xây những tòa nhà hội thánh khiến chúng ta có ấn tượng rằng Đức Chúa Trời ở quá xa mình - trần nhà thờ rất cao và mái vòm cao vút; đến nỗi khi vào đó, chúng ta có cảm giác mình như một con chuột trong nhà thờ đúng không? Bạn nhủ thầm: *Đức Chúa Trời dường như ôi, xa quá!* Mặt khác, theo tôi thì trong nhiều liên hữu ngày nay, Đức Chúa Trời đã trở nên quá gần gũi với chúng ta đến nỗi chúng ta bằng vai phải lứa với Ngài quá - anh chị em hiểu ý tôi nói không? Chúng ta quá thân mật và quên rằng Ngài là Đức Chúa Trời đáng kính sợ, chúng ta đánh mất lòng tôn kính. Ở đây chúng ta cần quân bình. Nếu quên mất tính siêu việt của Chúa, rằng Ngài vĩ đại đến thế nào và xa đến cỡ nào thì chúng ta sẽ đánh mất lòng tôn kính; nhưng nếu quên đi sự gần kề của Chúa thì chúng ta sẽ mất đi cảm giác rằng Ngài ở cùng chúng ta. Nên chúng ta cần có cả hai. Họ đang đánh mất tính gần kề của Chúa và giờ đây, Đức Chúa Trời trở nên cao xa khôn lường.

Đồng thời, Đấng Christ lại quá thấp trong tư duy của họ và họ đánh mất tính ưu việt của Đấng Christ; theo một cách nào đó, Ngài bị đặt cạnh những hữu thể khác. Thực ra là sai lầm của Nhân

chứng Giê-hô-va đã len lỏi vào. Họ coi Chúa Giê-su chỉ là một tạo vật chứ không phải Đấng Tạo hóa, ở phía tạo vật của thực tại chứ không phải phía Tạo hóa của thực tại. Đó chính là niềm tin của Nhân chứng Giê-hô-va, rằng Chúa Giê-su không hẳn là Đức Chúa Trời mà ở đâu đó giữa chúng ta và Đức Chúa Trời.

Như vậy có nghĩa rằng Đức Chúa Trời trở nên quá cao và Chúa Giê-su trở nên quá thấp, và đức tin trở nên méo mó. Về khía cạnh niềm tin là như vậy. Phao-lô đang thực sự xử lý hai điều đó theo cách hiệu quả nhất. Về khía cạnh hành vi, họ không chỉ bị suy giảm về niềm tin mà kết quả là còn điều chỉnh hành vi. Ông nhắc đến hai điều phi Cơ Đốc cơ bản đã len lỏi vào, nhưng chúng cũng có ngay trong đời sống Cơ Đốc hiện tại. Điều đầu tiên mà ông nhắc đến là việc giữ các ngày lễ. Lúc này họ đã giữ các kỳ lễ hằng năm, hằng tháng và hằng tuần. Tân Ước không hề nói rằng Cơ Đốc nhân phải giữ ngày lễ gì, điều này rõ như ban ngày, vì phần đa những ngày lễ mà Hội thánh kỷ niệm đều mang tính ngoại giáo và được pha trộn vào Cơ Đốc giáo.

Ví dụ nổi bật về thuyết hổ lốn tại Anh là Giáng sinh, nhưng anh chị em cứ thử bảo Cơ Đốc nhân là họ không nên giữ lễ Giáng sinh mà xem. Tôi đã kinh nghiệm điều này. Tôi có thể cho anh chị em xem vài bức thư mà người ta gửi cho tôi vì tôi ủng hộ việc đưa Đấng Christ ra khỏi lễ Giáng sinh. Anh chị em không tin được là người ta không ưa điều đó đến mức nào đâu! Thử cho tôi xem một câu Tân Ước nói rằng Cơ Đốc nhân nên làm bất cứ điều gì đặc biệt vào dịp Giáng sinh xem. Không có, nhưng thuyết hổ lốn đã đưa cái lễ hội ngoại giáo giữa mùa đông đó vào chính lịch Cơ Đốc, rồi bảo *chúng ta sẽ đi về đâu nếu không có Giáng sinh và Lễ tiệc thánh vào đêm giáng sinh*. Hoàn toàn là ngoại giáo du nhập vào, và Đấng Christ chỉ còn là một đứa bé trong máng cỏ - không phải!

Tôi đang hơi nóng thì phải. Nhưng anh chị em thấy đó, người Cô-lô-se là như vậy và chúng ta đọc thư đó một cách quá khách quan và nói: *Ôi, mấy cái người Cô-lô-se kinh khủng kia đang để đủ thứ ngoại giáo pha tạp vào*; nhưng chúng ta cũng hệt như vậy. Và khi có ai tố cáo chúng ta về cái đó thì chúng ta lại bảo: *Không, không, Giáng sinh là dịp tuyệt vời nhất trong năm ở hội thánh chúng tôi đấy!* - Giữ lễ. Cơ Đốc giáo không phải là giữ các ngày lễ; không phải là giữ lễ Giáng sinh và Phục sinh. Chỗ nào trong Kinh thánh bảo anh chị em rằng phải lập ra một ngày Phục sinh đặc biệt thế? Không có chỗ nào cả. Đấng Christ được phục sinh mỗi ngày, thậm chí Tân Ước không bao giờ bắt các tín đồ người ngoại phải giữ ngày Chủ nhật, nhưng ai trong chúng ta cũng muốn coi Chủ nhật là ngày đặc biệt. Không có căn cứ nào trong Tân Ước để làm như vậy. Chúng ta hoàn toàn có thể làm như vậy nếu muốn, và chúng ta hoàn toàn có thể coi mọi ngày là ngày của Chúa nếu muốn, chúng ta được tự do! Chúng ta không theo bất cứ luật nào về ngày Chủ nhật, lễ Giáng sinh hoặc lễ Phục sinh, nhưng chúng ta lại giữ những ngày đó rồi thừa nhận tính Cơ Đốc của chúng. Chúng ta là những người Cô-lô-se.

Trở lại chủ đề giữ các ngày lễ, Phao-lô nói: *Đừng dính líu gì đến các kỳ lễ hằng năm hoặc hằng tháng, hay các lễ sa-bát hằng tuần, chúng không thuộc những gì sắp đến.* Anh chị em có sẵn sàng vâng theo lời đó không? Điều còn lại, lại là một điều bắt nguồn từ người Hy Lạp - sự kiêng khem về thân thể, rằng có đức hạnh khi khước từ những thèm muốn của thân thể; nên họ mới cấm người ta cưới gả và coi trọng cuộc sống độc thân. Họ có một loạt những điều cấm kỵ - đừng động vào cái này, đừng nếm cái kia, và Phao-lô phải nói rằng *Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta mọi thứ một cách dư dật để chúng ta vui hưởng.* Một Cơ Đốc nhân hoàn toàn có thể kiêng ăn và mở tiệc, anh chị em được tự do!

Tôi nhớ là có một gia đình đã mời tôi đến nhà, một cặp vợ chồng và ba đứa con với một bữa ăn ngon tuyệt, mùi thơm khiến tôi rỏ dãi như con chó trong thí nghiệm của Pavlov, tôi đã sẵn sàng ăn rồi. Người chồng nói: *Mời mục sư dâng lời cảm tạ.* Tôi nói: *Chúa ơi, con đã sẵn sàng cho bữa ăn này và nó đã sẵn sàng cho con, con cảm ơn!* Tôi mở mắt ra thì thấy hai vợ chồng hốt hoảng nhìn tôi, kiểu *tưởng mình mời một người của Đức Chúa Trời đến ăn trưa chứ nhỉ!* Nhưng bọn nhỏ thích tôi lắm, và mặt bọn trẻ nói lên rằng *nếu Cơ Đốc giáo là thế thì chúng cháu theo luôn.* Tôi không hủy hoại một bữa ăn ngon bằng một lời cầu nguyện dài đâu; thế là phạm thượng đấy! Ồ, hy vọng là tôi không làm anh chị em sốc.

Nhưng Cơ Đốc giáo không phải là chuyện bỏ ăn kẹo trong Mùa Chay. Bỏ ăn kẹo trong Mùa Chay chính là điều kết hợp hai thứ kia lại với nhau. Chút nữa chúng ta sẽ trở lại với những điều mà Phao-lô nói Cơ Đốc nhân nên từ bỏ. Họ nên từ bỏ sự kiêu ngạo và giận dữ, ông liệt kê rất nhiều thứ để từ bỏ, và không chỉ vào Mùa Chay đâu. Vấn đề là nếu bỏ ăn kẹo vào Mùa Chay thì kiểu như chúng ta chỉ ăn quả mận chua trên cái bánh ngọt và tự khen mình ngoan. Rồi ngay sau khi Mùa Chay kết thúc hoặc ít nhất là trước khi Mùa Chay đến, chúng ta lại tọng đầy bánh kếp vào bụng. Đó chính là ngọn nguồn của Ngày Bánh kếp hay Thứ ba Mập béo. Rồi sau khi Mùa Chay kết thúc... - anh chị em thấy điều đó trong tháng Ramadan của người Hồi giáo, trong tháng Ramadan, người ta không động đến đồ ăn trước khi mặt trời lặn. Sau đó thì họ mở tiệc và ăn đến đầy bụng luôn, xong lại còn bẳn tính nữa.

Cơ Đốc giáo không phải là chuyện giữ lễ, mà là chuyện hằng ngày bỏ sự kiêu ngạo và tức giận. Đó không phải chuyện làm điều này, điều kia cho kỳ lễ nọ; mà là chuyện sống trước sau như một trong Đấng Christ, hay trong mỗi ngày của cuộc đời mình. Mỗi ngày đều là ngày Giáng sinh với Cơ Đốc nhân; mỗi ngày đều là Chúa nhật Phục sinh với Cơ Đốc nhân thật. Đó không phải là điều chúng ta giữ, mà là điều chúng ta sống trọn đời với nó. Anh chị em có thể thấy niềm tin và hành vi của họ bị trôi giạt, quanh co, chệch khỏi Đấng Christ. Nên Phao-lô nói: *Câu trả lời cho điều này là tính đơn giản, hãy rút gọn lại!*

Còn nhớ cuộc trò chuyện giữa Martin Luther khi ông còn là một thầy tu đang cố gắng tự cứu mình bằng cách mỗi ngày cầu nguyện với ba vị thánh, vị chi mỗi tuần là 21 vị khác nhau, tự đánh mình trong phòng riêng cho đến khi bất tỉnh trên sàn, cố gắng đuổi tội lỗi ra khỏi người. Ông đã thử đủ cách, ông đi hành hương, quỳ gối mà bò lên Lầu thánh tại Rô-ma, ông làm đủ mọi thứ, rồi ông từ bỏ hết. Bề trên tổng quyền của ông, Cha Bề trên của ông, một người tên von Staupitz đã bảo ông rằng: *Martin Luther, nếu con bỏ đi những thánh tích, những cuộc hành hương cùng những lời cầu nguyện với các thánh và mọi thực hành tĩnh nguyện này thì con lấy gì để thế vào chỗ chúng?* Martin Luther đáp: “Lấy Đấng Christ, con người chỉ cần Chúa Giê-su Christ.” Công cuộc Cải chánh Tin lành đã bắt đầu như vậy đó, bỏ đi tất cả những điều này và đưa Đấng Christ trở lại nơi vốn thuộc về Ngài. Vấn đề không phải là có bỏ ăn kẹo trong Mùa Chay hay không mà là có ở trong Đấng Christ mỗi ngày hay không. Đơn giản như vậy thôi, tính đơn giản trong Đấng Christ.

Sự đầy trọn của thần tính Đấng Christ

Rồi Phao-lô hướng sự chú ý của chúng ta vào Đấng Christ một cách rất tuyệt vời. Ông nói hai điều về Đấng Christ: Một là toàn bộ sự đầy trọn của thần tính trong Đấng Christ, tất cả đều hiện diện trong thân thể Ngài như Charles Wesley phát biểu rằng: “Đức Chúa Trời chúng ta thu nhỏ lại trong một đời ngắn ngủi, trở nên một con người, một điều thật không sao dò thấu.” Có Chúa Giê-su tức là có toàn bộ Đức Chúa Trời, có mọi thứ trong Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su.

Vì vậy, chúng ta phải nhớ rằng Chúa Giê-su là Đấng Tạo dựng vũ trụ, Ngài tham gia vào việc đó. Trước khi làm bàn ghế, Ngài đã dựng nên cây cối để lấy gỗ từ đó; trước khi giảng Bài giảng trên Núi, Ngài đã dựng nên núi non để làm bục giảng cho mình. Chúa Giê-su dự phần trong công cuộc sáng tạo - không một loài thọ tạo nào được tạo dựng mà không bởi Ngài. Ngài không chỉ là Đấng Tạo dựng Vũ trụ, Ngài còn là Đấng Chinh phục Quyền bính, mọi quyền thống trị và quyền lực trong vũ trụ giờ đây đều nằm dưới sự cai trị của Chúa Giê-su; mọi thẩm quyền trên trời, dưới đất đều thuộc Ngài.

Điều thứ ba mà Phao-lô nói: Ngài là Đấng Kiểm soát Hội thánh, Ngài là đầu Hội thánh. Hội thánh chỉ có một chứ không phải nhiều đầu, Hội thánh không do người nào cầm đầu mà chỉ có một Đấng thiên thượng làm đầu. Đầu của hội thánh là Chúa Giê-su, cương vị làm đầu đó không được ủy thác cho bất cứ ai khác. Ngài là Đấng Tạo dựng Vũ trụ, Đấng Chinh phục Quyền bính, mọi thế lực tự nhiên đều nằm dưới sự kiểm soát của Chúa Giê-su. Tại sao những bộ phim thiên nhiên kỳ thú trên ti-vi lại không dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời Cha thay vì mẹ thiên nhiên nhỉ? Và dâng vinh hiển cho Chúa Giê-su, tất cả đều là công việc của Ngài: Ngài dựng nên những tạo vật đó, Ngài ban cho chúng vẻ đẹp và sức mạnh phi thường.

Phía bên này là mối quan hệ giữa chúng ta với Đấng Christ, Đấng có sự siêu việt, trong Ngài có mọi sự đầy trọn của thần tính. Chúng ta sống một đời sống tập trung lên Ngài. Và đời sống đó phải được thể hiện trong nhiều lĩnh vực thực tế. Đầu tiên, nó cần được thể hiện trong chính những đam mê của anh chị em, từ bỏ những đam mê sai trái, không chỉ trong Mùa Chay mà mỗi ngày, lột bỏ những điều không giống Đấng Christ, đó là đời sống Cơ Đốc đích thực. Không phải là bỏ ăn kẹo vào Mùa Chay mà là lột bỏ những đam mê không giống Đấng Christ, những điều dễ đến và kiểm soát chúng ta. Nó có nghĩa là sự khoan dung trong hội thánh; nghĩa là tha thứ cho nhau như Ngài đã tha thứ cho chúng ta. *Ngài đã cực kỳ kiên nhẫn với tôi; nên tôi phải kiên nhẫn với anh* - đó là sống trong Đấng Christ. *Ngài đã tha thứ cho tôi nên tôi phải tha thứ cho anh.* “Xin Cha tha tội cho chúng con” - sáng nay chúng ta đã cầu nguyện như vậy “như chúng con tha...” Như vậy là thể hiện nó ra, đó là tính đơn giản trong Đấng Christ.

Hơn hết là sự hòa hợp trong gia đình; đó là nơi mà nó cần được thể hiện ra, mối quan hệ giữa chồng và vợ, giữa bố mẹ và con cái, giữa chủ và tớ, dĩ nhiên là tất cả những mối quan hệ này đều ở trong gia đình, nô lệ ở trong gia đình, trong nhà. Ở đây ông dùng một từ không được ưa chuộng lắm - từ “thuận phục’. Sự thuận phục của vợ với chồng, của con cái với cha mẹ và của đầy tớ với chủ; nhưng cũng có trách nhiệm đặt trên những người chồng, người làm cha mẹ và làm chủ, ấy là hy sinh cho những người thuận phục họ, tất cả đều ở đó. Đây là những điều cần có. Không phải là giữ các ngày lễ, không phải là đến hội thánh vào Giáng sinh và Phục sinh, không phải là khước từ thân thể và cố nói rằng: *Tôi không làm cái này, tôi thật ngoan*. Điều thực sự cần là tính đơn giản của việc hiểu rằng Đấng Christ là tất cả những gì anh chị em cần, mọi thứ trong Đức Chúa Trời đều ở trong Đấng Christ, rồi để điều đó tác động đến mọi mặt của đời sống. Thật là một sứ điệp hay! Như vậy, Đức Chúa Trời không tìm kiếm những người sẽ kéo đến lễ hội Cơ Đốc nào đó. Ngài đang tìm kiếm những người đơn giản là sẽ sống trong Đấng Christ. Trong mọi thời điểm. Trong mọi khía cạnh và mọi mối quan hệ. Tôi nghĩ đó là một sứ điệp thật hay cho người Cô-lô-se và ôi, chúng ta thật cần điều đó cho ngày nay.

Chúng ta cần đến thư này vì hai lý do, tôi sẽ kết thúc ở điểm này. Đầu tiên là thành thật mà nói, tôi tin rằng xuyên suốt Tân Ước, có một sự cảnh báo rõ ràng rằng chúng ta có thể đánh mất sự cứu rỗi mình. Điều đó được nêu rất rõ trong thư Cô-lô-se này. Nó được nêu rất rõ trong nhiều thư khác,

nhất là trong Ma-thi-ơ, thư Hê-bơ-rơ và Khải huyền, cả ba đều nêu rất rõ điều này. Nhưng ở đây, trong Cô-lô-se, Phao-lô nói: *Nếu anh chị em tiếp tục trong đức tin mà anh chị em được ban cho.* Rất quan trọng. Và ông cảnh báo họ rằng nếu họ mở đường cho những ham mê không giống với Đấng Christ, họ sẽ đánh một chỗ của mình trong Vương quốc Đức Chúa Trời. Đây là một suy nghĩ nghiêm túc. Nếu anh chị em không tiếp tục với sự đơn giản đó trong Đấng Christ mà lại tham gia vào tôn giáo, tham gia vào lễ nghi, tham gia vào tất cả những điều này và nghĩ rằng đó là Cơ Đốc giáo, rồi Đấng Christ mất đi chỗ đứng của Ngài trong đời sống anh chị em theo một cách nào đó thì anh chị em sẽ gặp nguy. Mất Đấng Christ là anh chị em mất mọi thứ.

Và Cô-lô-se chương 1, câu 23 nêu rõ rằng nếu anh chị em tiếp tục trong đức tin mình thì tất cả những điều này là của anh chị em. Chúng ta không thể nhấn mạnh điều này hơn thế. Ông nói: *Vì những ham mê khác ấy nên cơn giận của Đức Chúa Trời đang đến và tôi không muốn nó đến trên anh chị em.* Ông nói: *Anh chị em có thể mất hay bị truất quyền*, trong Chương 2. Bị truất quyền thừa kế. Ông nói: *Tôi muốn anh chị em được phần thưởng. Những điều kia đã len lỏi vào, chúng đã gài bẫy hay bắt cóc anh chị em.* Một từ rất mạnh. *Đã bắt cóc anh chị em và đưa anh chị em xa khỏi Chúa Giê-su.* Những điều này sẽ làm như vậy khi anh chị em pha trộn Cơ Đốc giáo với những thứ khác, *chúng bắt cóc anh chị em và đưa anh chị em xa khỏi Chúa Giê-su.* Đó là mặt tiêu cực. Một lời cảnh báo mạnh mẽ rằng anh chị em có thể sa vào tôn giáo sau khi đến với Đấng Christ. Làm như vậy là anh chị em đánh mất Ngài; để mất Ngài tức là mất mọi thứ.

Mặt tích cực là Cơ Đốc giáo là Đấng Christ, nên hãy tiếp tục trong Ngài. Nên Phao-lô mới nói, câu chìa khóa là câu 6, câu 7 trong Chương 2; ông nói: *Anh chị em đã tiếp nhận Đấng Christ thể nào thì hãy sống trong Ngài thể ấy, đã đâm rễ trong Ngài thể nào thì hãy lập nền trong Ngài thể ấy, đã được dạy về Ngài thể nào thì hãy mạnh mẽ trong Ngài thể ấy.* Chỉ đến với Đấng Christ là chưa đủ. Anh chị em cần được đâm rễ, lập nền trong Ngài, và mạnh mẽ trong Ngài. Đồng thời tiếp tục trong Đấng Christ luôn luôn.

Nguy hiểm ở chỗ, những thứ khác bước vào có thể khiến anh chị em lại sa vào tôn giáo, thậm chí vào một tôn giáo gọi là Cơ Đốc giáo nhưng không ở trong Đấng Christ, để rồi mất mọi thứ. Chính Chúa Giê-su đã phán: *Ta là cây nho thật, hãy cứ ở trong Ta, ở trong Ta. Những cành nào cứ ở trong Ta sẽ kết quả, những cành nào không cứ ở trong Ta sẽ bị chặt và đốt đi.* Đó là mối nguy thật sự, là lý do tại sao Phao-lô lại sẵn sàng viết thư cho mội hội thánh mà ông chưa từng đến, một hội thánh mà ông không thiết lập, nhưng là một hội thánh đang bị đầu độc. Vì lo ngại rằng họ sẽ đánh mất những gì họ có trong Đấng Christ từ ban đầu nên ông đã viết bức thư thật hay này. Đây là một bức thư nhẹ nhàng, một bức thư điềm tĩnh nhưng là một bức thư mà tất cả chúng ta đều cần phải đọc.

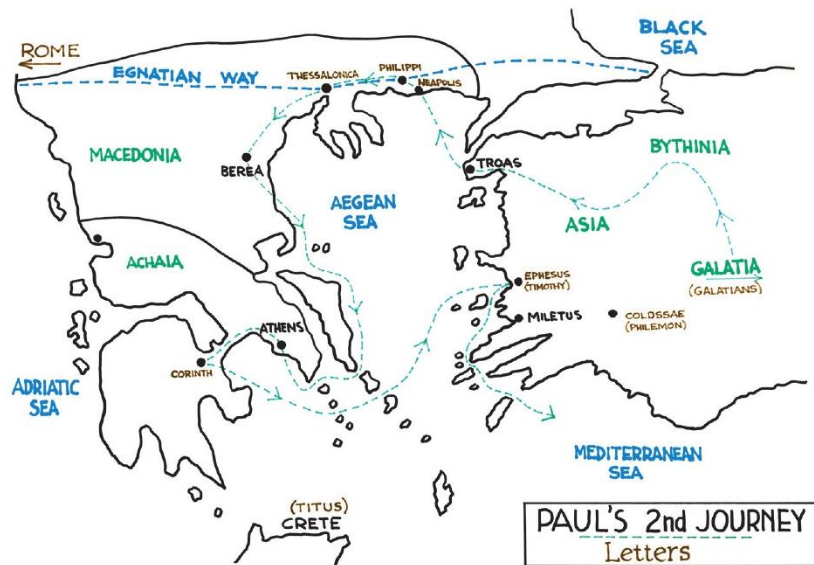
THƯ 1 & 2 TÊ-SA-LÔ-NI-CA - Phần 1

Giới thiệu

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến các bức thư Phao-lô gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Có hai bức và đây là những bức thư ông viết trước nhất; nên đây là phần Tân Ước đầu tiên được viết ra. Có thể anh chị em không biết điều đó nhưng cả sách Tân Ước đã bắt đầu từ đây. Phao-lô ngồi xuống để viết hai bức thư trong vòng vài tháng, gửi đến cùng một nơi, tới cùng một hội chúng, ông đã mở đầu sách Tân Ước như vậy đó. Tôi nghĩ chúng ta thường quên rằng hội thánh thời đầu không có sách Tân Ước, phần Kinh Thánh duy nhất mà họ có là Cựu Ước, họ cũng có sự giảng dạy của các sứ đồ nhưng không có sách Tân Ước. Đây chính là khởi đầu của sách Tân Ước.

Đây có lẽ là những bức thư dễ hiểu nhất của Phao-lô. Hai thư giải quyết một vài vấn đề rất đơn giản và dễ nắm bắt. Có một hai điểm khó mà chúng ta cần xét đến. Hai thư do cùng một người, hay nói đúng hơn là nhóm mấy người viết ra, vì Phao-lô đề tên ông cùng Si-la và Ti-mô-thê. Họ là bộ ba đã đến Tê-sa-lô-ni-ca và rời đi, nên ông đang viết thư thay mặt cho cả ba, tuy hầu hết những gì viết ra rõ ràng đều là suy nghĩ của ông. Được viết ra bởi những người giống nhau, gửi tới cùng một nơi, vào cùng một thời điểm, nhưng hai bức thư lại hoàn toàn khác nhau về bầu không khí, sức nóng và tông giọng. Thậm chí là hai thư nói đến những chủ đề giống nhau nhưng lại giải quyết chúng theo cách hoàn toàn khác nhau. Thư đầu tiên rất nồng nhiệt và rất riêng tư, bày tỏ sự quan tâm đến họ và rất chú tâm vào họ, đến thư thứ hai thì khác hẳn. Không hiểu sao mà lúc này ông rất lạnh lùng, rất gay gắt với họ. Ông không bộc lộ mình như một người ân cần mà khá tách mình và xa cách với họ; anh chị em phải hỏi rằng điều gì đã xảy ra - ở phía Phao-lô hoặc phía bên kia - giữa hai bức thư khiến mối quan hệ thay đổi nhiều đến thế? Vâng, chúng ta sẽ khám phá điều đó và đặt câu hỏi tại sao.

Vị trí địa lý của Tê-sa-lô-ni-ca



Bản đồ hành trình truyền giáo lần 2 của Phao-lô

Anh chị em phải bắt đầu từ vị trí của thành này; nó nằm ngay trên chóp biển Ê-giê. Đây là một cảng biển lớn tuy bến cảng hiện đã bị bồi lấp một chút và không còn quá gần biển như trước nữa. Điều này xảy ra với nhiều nơi, Ê-phê-sô cũng vậy. Nhưng Tê-sa-lô-ni-ca là một thị trấn then chốt, thị trấn cực kỳ quan trọng, trước hết vì nó nằm trên con đường La Mã chính từ Rô-ma đến A-si-a gọi là

Đường Egnatia. Tê-sa-lô-ni-ca nằm ngay trên đường đó, nên đây là một thị trấn then chốt theo đường bộ, đồng thời là bến cảng ngay trên chóp biển Ê-giê, đây là bến cuối của mọi tuyến đường giao thương lên xuống vùng biển đó. Nên đây là một vị trí then chốt. Nếu có thể thiết lập một chi nhánh gì đó ở đây thì công việc kinh doanh sẽ phát triển, nếu có thể thiết lập thuộc địa của Vương quốc Thiên đàng ở đây thì nó sẽ lan xa, lan rộng. Như vậy, Phao-lô từ Phi-líp đến Tê-sa-lô-ni-ca, tức Salonica hoặc Thessaloniki ngày nay, mặc dù người ta cười cách phát âm tiếng Hy Lạp của tôi, tôi sẽ giải thích sau.

Nhưng nó đây, một thị trấn then chốt lấy tên của người chị cùng cha khác mẹ với Alexander Đại đế, và là một cảng giao thương. Họ sản xuất nhiều tiền đúc hơn bất cứ thị trấn nào khác quanh Biển Ê-giê, điều đó nói lên rằng có rất nhiều giao dịch, họ phải có rất nhiều tiền trong ngân hàng. Dân cư tại đó rất đông và hỗn tạp, nhưng đặc biệt là có nhiều thương gia Do Thái, ở đâu có công việc kinh doanh thì ở đó có người Do Thái. Họ sống tại đó, nhất là bởi vì nó nằm trên các tuyến đường bộ và đường biển. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra nhiều thứ của Tê-sa-lô-ni-ca. Họ đã phát hiện ra Quảng trường La Mã, trường đua ngựa, thậm chí là dầm cửa có ghi Nhà hội của người Sa-ma-ri, nên ở đó còn có cả người Sa-ma-ri lẫn người Do Thái, dân cư rất hỗn tạp. Trong Sách Công vụ, Lu-ca cho chúng ta biết rằng người điều hành thành này được gọi với cái tên đặc biệt là Politarch, tiếng Việt dịch là nhà cầm quyền. Politarch có thể được kết hợp từ hai từ Hy Lạp polis - thành phố, và arch - nhà cầm quyền (như trong từ archbishop - tổng giám mục). Người ta từng đặt câu hỏi rằng liệu Lu-ca có ghi chép chính xác lịch sử hay không, vì từ politarch không hề xuất hiện ở bất cứ đâu trong lịch sử cổ đại. Đến những năm gần đây, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra từ này 41 lần trong tàn tích của Tê-sa-lô-ni-ca, đó là thị trấn duy nhất gọi Ngài Thị trưởng là Politarch, và tất nhiên, phát hiện này đã nhấn mạnh tính chính xác của Lu-ca vì ông chỉ gọi các nhà cầm quyền bằng cái tên đó trong thành này. Khảo cổ học càng khai quật thì chúng ta càng tin tưởng vào tính chính xác của Lời Chúa. Vấn đề là người ta không đợi những bằng chứng đó mà đã hoài nghi rồi.

Hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca

Hãy xét đến hội thánh này. Phao-lô đề địa chỉ của họ là Hội thánh ở trong Đức Chúa Trời. Đó là địa chỉ của họ. Đây có thể là hội thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng là hội thánh ở trong Đức Chúa Trời. Đó là nhà thực sự của họ, địa chỉ thực sự của họ. Phao-lô đang trong hành trình thứ hai...Tôi tóm tắt một chút. Ông ở Ga-la-ti dưới này với các hội thánh mà ông đã thiết lập tại đó, rồi Phao-lô nói: *Hãy đi truyền giáo cho Bi-thi-ni*. Nên họ lên đường và Đức Thánh Linh nói *không được*. Ông lại bảo: *Thế thì thử sang A-si-a xem*. Ông đến đó và Đức Thánh Linh nói *không được, sai rồi*. Họ lại đi tiếp đến tận biển và không đi tiếp được nữa. Đây là một ví dụ rất thú vị về sự dẫn dắt. Nếu không đi thì chắc họ sẽ không được dẫn dắt. Họ không ngồi ở Ga-la-ti và đợi đến khi Đức Thánh Linh phán điều gì đó, nhưng họ nói: *Chúng ta cứ tiếp tục làm thôi*. Nhưng Đức Thánh Linh liên tục nói *không, không, không* và Ngài đưa họ sang phía Tây, họ đi đến rìa biển và nói: *Không thể nào đi thêm được nữa*. Đêm đó, Phao-lô có một giấc mơ: "Xin ông qua Ma-xê-đô-ni-a cứu giúp chúng tôi!" Nên Đức Thánh Linh dễ dẫn dắt khi chúng ta đang xê dịch hơn là khi chúng ta ngồi một chỗ, không làm gì. Ô tô đang di chuyển thì dễ lái hơn là ô tô đứng yên. Rất khó xoay bánh xe nếu ô tô chưa đi. Cơ Đốc nhân cũng vậy, hãy bắt tay vào việc gì đó, hãy đi và làm điều đó, hãy để Đức Thánh Linh dẫn dắt anh chị em khi anh chị em đang xê dịch. Đừng ngồi một chỗ và chờ đợi.

Nên họ đã vượt biển sang châu Âu và đến một cảng biển gọi là Nê-a-pô-li nhưng không dừng lại tại đó vì thị trấn then chốt đầu tiên của Ma-xê-đô-ni-a mà họ đến là Phi-líp trong đất liền; sau này chúng ta sẽ xét đến thư Phao-lô gửi cho người Phi-líp. Nhưng ngay sau khi đi được thì ông lại đi tiếp;

thực ra là ông bị mời ra khỏi Phi-líp và sang đến thị trấn then chốt Tê-sa-lô-ni-ca này. Họ đã đến đây như vậy đó. Ông đã giảng trong nhà hội, có người Do Thái ở đó, và chính sách của Phao-lô luôn là mang Tin lành đến với người Do Thái trước. Ông nói: *Tôi mắc nợ trước hết là với dân mình và sau đó là với tất cả mọi người.* Nên ông bắt đầu từ các nhà hội và điều đó luôn dẫn đến khủng hoảng. Một số người Do Thái tin những gì ông nói và một số người ghét ông vì cớ đó.

Nhưng nhóm người kết quả nhất trong mỗi nhà hội là những người ngoài rìa được gọi là những người kính sợ Đức Chúa Trời. Họ là những người không trở thành người Do Thái, không chịu phép cắt bì, nhưng lại muốn tìm hiểu về Đức Chúa Trời và tham gia nhà hội vì bằng một cách nào đó, họ cảm thấy Đức Chúa Trời của người Do Thái là Đức Chúa Trời thực thụ. Nên họ là những người dự thính muốn tìm hiểu, có thể gọi như vậy, ở ngoài rìa hội chúng và họ được gọi là những người kính sợ Đức Chúa Trời. Chúng ta tưởng đây chỉ là một cụm từ nhưng nó còn là một danh hiệu để mô tả những người tin Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nhưng không trở thành người Do Thái. Họ là nhóm người kết quả nhất mà Phao-lô truyền đạo cho, giống hệt một số trường hợp ngày nay, khi một hội thánh chính thức được thiết lập thì những người cải đạo kết quả nhất lại thuộc những người ngoài rìa hội thánh; không phải những người hoàn toàn cam kết với hội thánh mà là những người muốn tìm hiểu và tìm kiếm. Những người kính sợ Đức Chúa Trời là nhóm cải đạo đầu tiên và chính yếu của Phao-lô tại mọi thành phố.

Nhưng không lâu sau, thường là các trưởng lão Do Thái trong nhà hội rất tức tối với chuyện này - vì Phao-lô nói với những người kính sợ Đức Chúa Trời này rằng *anh chị em có thể bước ngay vào và thuộc về Đức Chúa Trời mà không cần trở thành người Do Thái*, chuyện này không được các lãnh đạo Do Thái hưởng ứng lắm. Họ hy vọng rằng tất cả những người đó sẽ chịu cắt bì và gia nhập nhà hội của họ. Nên Phao-lô luôn phải ra khỏi nhà hội sau hai ba tuần. Thường là sau hai ba ngày sa-bát thì ông sẽ bị mời ra khỏi nhà hội. Thậm chí là đôi khi ông còn ngang ngược lập giảng đường ngay cạnh nhà hội và mở hội thánh ngay cạnh nơi mà ông thu nhận thành viên, có lẽ làm vậy thì không được khéo léo cho lắm, nhưng lại có hiệu quả.

Không lâu sau đó, ông rời hội thánh để đi tiếp. Người Do Thái quá ghen tức với những người mà ông cải đạo; chủ yếu là người ngoại, tuy có tham gia nhà hội nhưng họ chủ yếu là người ngoại. Nhưng hội chúng của họ đang thu nhỏ lại, và tôi e rằng sự ghen tỵ lan tràn khắp nơi. Thậm chí là người ta còn thử cái đó với Chúa Giê-su và nói với Chúa Giê-su, hay nói đúng hơn là với Giăng Báp-tít, họ thử cái đó với ông và nói: *Ông thấy đấy, Giê-su đang báp-tem cho nhiều người hơn ông rồi, Giăng ạ. Ông ta đang đưa nhiều người lên từ dưới sông hơn cả ông rồi.* Ghen tỵ là một điều khủng khiếp, nên họ thật sự chống đối Phao-lô và ông buộc phải rời đi. Họ đã khuấy động một cuộc bạo loạn và những người bạn của Phao-lô - những người ông mới cải đạo - phải nộp tiền thế chân để dàn hòa. Vì nghĩ đến họ nên Phao-lô tình nguyện rời đi và chuyển đến Bê-rê.

Như vậy là ông chỉ ở đây trong khoảng thời gian rất ngắn, nhưng khi ông đi thì hội thánh đã vững vàng. Ước gì chúng ta biết thêm rằng làm sao ông làm được như vậy chỉ trong vài tuần rồi rời đi, bắt đầu từ con số 0 như vậy. Tất nhiên là họ có biết Kinh Thánh và có sự dạy dỗ nền tảng trong nhà hội, nhiều người trong số họ, nhưng khi ông đi thì hội thánh đã vững mạnh. Tôi tin rằng một trong những lý do là ông đã để họ ra đời đúng cách ngay từ đầu, và thật sự để họ nhận cả "gói Phi-e-rơ" theo cách gọi của chúng ta. Họ đã ăn năn, tin nhận, được báp-tem và đầy dẫy Thánh Linh. Khi làm tất cả những điều đó cho người ta từ ban đầu thì họ đứng vững hơn rất nhiều.

Như vậy là Phao-lô đi tiếp đến Bê-rê, nhưng ông đã để Si-la và Ti-mô-thê ở lại. Họ không hẳn là mục tiêu của sự chống đối nên ông đã để họ ở lại và một mình đi đến Bê-rê. Có lẽ anh chị em cũng biết là ông vướng vào rắc rối thực sự tại Bê-rê, bị buộc phải rời nơi đó. Sau đó, ông đi về phía nam một mình, đến A-thên, có một khoảng thời gian không mấy dễ dàng tại đó. Ông lên A-rê-ô-pa và diễn thuyết trước công chúng, nhưng người ta cười nhạo ông. Có một vài người cải đạo nhưng ông không lập được hội thánh tại đó. Rồi ông đi tiếp đến Cô-rinh-tô. Đến lúc này thì Phao-lô đã bị mất hết tinh thần. Tôi nghĩ chúng ta cần nhận ra điều này: tại Phi-líp ông đã bị bỏ tù, có một cơn động đất, ông đã bị mời ra khỏi Phi-líp, đến Tê-sa-lô-ni-ca lại gặp rắc rối, ông phải rời khởi đó vì cớ những người mới cải đạo, nếu không ông sẽ khiến họ gặp rắc rối.

Đến Bê-rê, gặp rắc rối tại đó, người Do Thái theo ông đi khắp nơi, gây rắc rối cho ông. Đến A-thên, gặp toàn những người trí thức, các triết gia - họ cười nhạo ông khi ông nói về sự sống lại; tuy có vài người cải đạo nhưng ông không lập được hội thánh tại đó, rồi ông đến Cô-rinh-tô trong tình trạng chán nản. Điều này được thể hiện trong bức thư đầu tiên ông gửi đến Cô-rinh-tô. Ông nói: *Tôi đến với anh em trong sự yếu đuối, run rẩy thực sự, tôi thực sự mất hết tinh thần.* Anh chị em có thể hiểu được điều đó. Ý tôi muốn nói là chúng ta nghĩ đến Phao-lô như vị giáo sĩ thành công nhất mọi thời đại, nhưng không nhiều người muốn trải qua hết khó khăn này đến khó khăn khác như vậy. Ông đã có một khoảng thời gian tồi tệ, và khi đến tới Cô-rinh-tô, ông nói: *Mình thật sự mất tự tin vào bản thân.* Ông đến với họ trong tình trạng mất hết tinh thần.

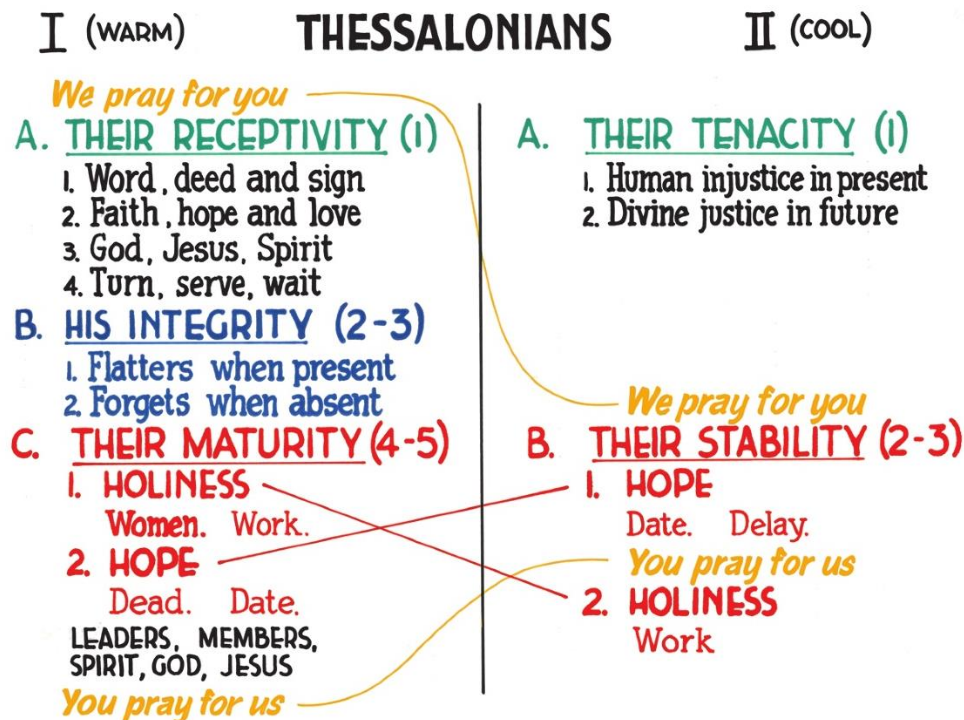
Nhưng lúc này, Ti-mô-thê và Si-la đã đuổi kịp ông và họ báo cho ông những mẩu tin tuyệt vời. Họ nói: *Ông không biết đâu, hội thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca tuyệt vời luôn. Họ thật sự nhận lãnh Lời Chúa, họ thật sự đồng hành với Đức Chúa Trời; ông không phải lo cho họ đâu.* Họ nói: *Có một hai vấn đề*, và họ có nhắc đến một hai điều, nhưng quan trọng là tin này đã xốc lại tinh thần của Phao-lô, sau khi bị săn đuổi khắp nơi qua Ma-xê-đô-ni-a và A-chai, tức Hy Lạp ngày nay, ông cảm thấy rằng đây thật là một tin tức thật tuyệt vời. Anh chị em nào ở trong sự phục vụ Cơ Đốc sẽ biết, anh chị em thật sự được khích lệ khi nghe rằng những người mình cải đạo đang đứng vững trong Chúa. Khi thực sự gặp ai đó mà anh chị em đã dẫn dắt đến với Chúa từ nhiều năm trước và tự hỏi không biết họ thế nào rồi, họ có còn bước đi với Chúa không? Rồi khi biết rằng họ vẫn đứng vững thì tinh thần của anh chị em được xốc lại.

Như vậy, Phao-lô đang ở Cô-rinh-tô, ông nhận được tin vui từ Ti-mô-thê và Si-la, mọi thứ đang diễn ra rất thuận lợi tại Tê-sa-lô-ni-ca, có vài vấn đề nhưng không có gì nghiêm trọng lắm. Phao-lô nghĩ: *Mình sẽ viết cho họ một bức thư. Mình không thể đến đó được, mình phải đưa cái hội thánh Cô-rinh-tô này vào guồng đã*; hội thánh này có đủ mọi vấn đề luôn, rồi chúng ta sẽ thấy. Nhưng ông nghĩ: *Mình sẽ viết một bức thư* và Tân Ước đã bắt đầu như vậy đó. Những dòng đầu tiên.

Cũng có những tin vui khác vì hai người không chỉ đem tin vui từ Tê-sa-lô-ni-ca mà họ còn mang chút tiền từ Phi-líp đến. Như vậy là quá tốt vì khi Phao-lô đến Cô-rinh-tô, ông không có lấy một đồng. Ông phải quay lại nghề may trại và đến khu vỉa hè bên đường, chỗ của những người may trại, may lông dê lại với nhau làm trại. Ông gặp một cặp vợ chồng may trại người Do Thái khác vừa thoát khỏi Rô-ma, chỗ đó đang có rắc rối. Tên của họ là Pê-rít-sin và A-qui-la. Đó là một sự khích lệ với ông; nên ba người bọn họ đã ngồi trên vỉa hè, cùng nhau may trại. Rồi ông được báo tin vui là Tê-sa-lô-ni-ca đang tăng trưởng rất tốt, còn nhận được chút quà bằng tiền của hội thánh tại Phi-líp nữa. Nên Phao-lô nghĩ: *Tuyệt vời, mình có thể dừng may trại trong một khoảng thời gian và tiếp tục thiết lập hội*

thánh tại Cô-rinh-tô, nhưng trước hết, mình phải viết một bức thư cho người Tê-sa-lô-ni-ca và cho họ biết chúng ta mừng đến thế nào khi nghe tin họ.

Các bộ ba của chương 1



Hãy bắt đầu xét đến hai thư này. Hãy nhìn vào thư đầu tiên. Đây là một bức thư nồng nhiệt, thật sự là như vậy. Phao-lô hào hứng khi nghe tin họ, đây là một bức thư rất nồng nhiệt và cả chương một nói về tin vui mà ông đã nghe về họ. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh bốn bộ ba, bốn nhóm ba từ tóm tắt chương này và rất quan trọng với chúng ta. Nhưng điều Phao-lô liên tục nhấn mạnh là ông rất mừng khi nghe nói họ thật sự tiếp nhận Tin lành. Họ không chỉ nghe mà còn tiếp nhận Tin lành nữa. Ông liên tục nhắc đến từ "tiếp nhận" này: *Anh chị em thật sự đã tiếp nhận, đã nhận lãnh, đã tiếp nhận Tin lành;* nên sự tiếp nhận của họ là tin vui mà ông nghe được từ Ti-mô-thê và Si-la. Bộ ba từ mà tôi muốn anh chị em chú ý đến - Phao-lô nói: *Khi chúng tôi đến cùng anh chị em, chúng tôi đã truyền Tin lành cho anh chị em theo ba cách - lời nói, việc làm và dấu kỳ.* Phao-lô luôn truyền đạt Tin lành theo cách này. Không phải lúc nào chúng ta cũng truyền đạt Tin lành theo cách đó, tôi e là như vậy.

Hãy để ý rằng Tin lành không chỉ bởi lời nói. Quá nhiều Cơ Đốc nhân nghĩ rằng truyền đạt Tin lành bằng lời nói là đã truyền Tin lành cho họ rồi, không phải. Như vậy là truyền cho họ một phần của Tin lành, nhưng họ không có bằng chứng để biết là những điều anh chị em nói có đúng hay không. Hoặc nói một cách đơn giản là họ cần thấy cũng như nghe Tin lành. Trong ba điều mà Phao-lô nhắc đến - lời nói, việc làm và dấu kỳ thì có hai điều mắt thấy và một điều tai nghe, tai nghe không bằng mắt thấy, nhưng hai điều mắt thấy và một điều tai nghe là giỏi truyền đạt. Trong thời đại vô tuyến ngày nay là như vậy, nhưng thậm chí vào thời đó thì đây cũng là sự truyền đạt tốt. Nghe này, Phao-lô không mặc định rằng người ta đang mong chờ được nghe Tin lành. Mà ông mặc định rằng họ mong chờ được thấy Tin lành. Việc làm là bằng chứng từ con người để xác thực lời nói, và dấu kỳ là bằng chứng thiên thượng để xác thực lời nói.

Tôi e rằng ngày nay, chúng ta gần như chỉ tập trung truyền giảng bằng lời nói - lời được giảng ra, lời được in ra, lời được ghi âm lại, lời được hát lên, lời, lời, lời. Tất nhiên là không thể truyền đạt Tin

lành mà không có lời nói được, vì lời nói giải thích cho Tin lành, nhưng chính việc làm - lối sống của chúng ta cùng các dấu kỳ và phép lạ là bằng chứng từ con người và bằng chứng thiên thượng để xác thực Tin lành. Khi Chúa Giê-su sai các môn đồ đi theo từng cặp, Ngài nói: *Tất cả những gì các con cần làm rất đơn giản - hãy đi vào một thành, khiến người chết sống lại, chữa lành HIV hay phong hủi, đuổi quỷ, chữa lành người bệnh rồi bảo họ rằng Vương quốc đã đến gần.* Nói cách khác là hãy chứng minh rồi mới công bố. Để họ thấy Tin lành trước khi nghe. Một cách tiếp cận thật đơn giản.

Nhưng chúng ta lại không làm như vậy, chúng ta cố gắng nói Tin lành cho họ trước. Nhưng Phao-lô rất khôn ngoan. Khi viết thư cho người Rô-ma, ông nói: *Anh chị em đã nghe sứ điệp của tôi, đã thấy lối sống của tôi, đã chứng kiến những dấu kỳ, phép lạ, tất cả đều bằng quyền năng của Đức Thánh Linh; nên tôi đã truyền đạt Tin lành một cách đầy trọn suốt từ Giê-ru-sa-lem đến Albania, tức I-ly-ri ở bên kia Hy Lạp.* Phao-lô đã truyền đạt Tin lành như vậy đó - lời nói, việc làm và dấu kỳ. Bây giờ thì tôi không thể nói thêm về điều này; anh chị em sẽ thấy một chương nói về điều này trong cuốn sách Sự ra đời bình thường của Cơ Đốc nhân tôi viết.

Nhưng tôi tin rằng chúng ta cần phục hồi ba chiều kích của việc truyền đạt Tin lành. *Hỡi anh chị em Tê-sa-lô-ni-ca, anh chị em đã nghe lời chúng tôi nói, đã thấy lối sống chúng tôi và đã thấy các phép lạ, rồi đã nhận lãnh những gì anh chị em thấy và nghe.* Thấy và nghe đi liền với nhau trong Kinh Thánh. Vào ngày Ngũ tuần, Phi-e-rơ nói "như anh em đang thấy và nghe." Chúng ta chỉ muốn người ta nghe Tin lành, nhưng họ cần thấy, và thấy rằng Tin lành có hiệu lực, họ cần thấy những cuộc đời được biến đổi và thấy Đức Chúa Trời làm những dấu kỳ, phép lạ, sau đó họ sẽ tin. Họ sẽ tin rằng những lời kia là xác thực. Nên lời nói, việc làm và dấu kỳ là bộ ba nhỏ đầu tiên mà tôi muốn anh chị em lưu ý, nhưng ông nói: Đó là điều chúng tôi đã truyền cho anh chị em, và anh chị em đã tiếp nhận, đã nhận lãnh, đã tin vào điều đó...

Bộ ba tiếp theo mà tôi muốn nhắc đến... Sau đó ông nói: *Kết quả là đức tin, hy vọng và tình yêu thương của anh em.* Phao-lô luôn nói về ba điều đó. Không chỉ ở cuối 1 Cô-rinh-tô 13: *Nên bây giờ còn có đức tin, hy vọng, tình yêu thương.* Phao-lô liên tục nói về ba điều đó và nói: *Tôi nghe nói anh chị em đã tiếp nhận Tin lành, kết quả là đức tin anh chị em tăng trưởng; anh chị em có hy vọng; và có tình yêu thương mạnh mẽ.* Điều mà họ thiếu nhất là hy vọng, và ông sẽ nói thêm về điều này rất nhiều trong phần sau của thư. Nhưng ông không có gì để chỉ trích về đức tin hay tình yêu thương của họ. Như vậy là khá ổn đúng không? Thật tuyệt khi anh chị em có một hội thánh mạnh mẽ trong cả đức tin, hy vọng và tình yêu thương, nhưng đức tin và tình yêu thương là một xuất phát điểm tốt, hy vọng của họ hơi lung lay nên ông phải củng cố hy vọng đó, vì trọng tâm của hy vọng là sự tái lâm, nên cả hai thư mới nói nhiều đến sự tái lâm, vì đó chính là trọng tâm của niềm hy vọng phước hạnh của chúng ta - còn có đức tin, hy vọng và tình yêu thương.

Bộ ba tiếp theo mà ông nhắc đến là Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su và Thánh Linh. Bằng một cách nào đó, tất cả những điều này được hòa quyện với nhau trong chương 1. Họ là những Cơ Đốc nhân hoàn toàn tin vào Đức Chúa Trời ba ngôi. Điều đó khá quan trọng. Vài năm trước có một phong trào về Chúa Giê-su không mang tính ba ngôi mà chỉ một ngôi, chỉ có Chúa Giê-su thôi; một số người thì chỉ Đức Thánh Linh thôi, nhưng Cơ Đốc giáo thật tin vào ba ngôi. Là ăn năn với Đức Chúa Trời, tin vào Chúa Giê-su và nhận lãnh Thánh Linh. Ngay từ ban đầu, người Tê-sa-lô-ni-ca đã tin vào Đức Chúa Trời ba ngôi, không chỉ trong giáo lý mà cả trong động cơ và trải nghiệm của họ. Họ biết Đức Chúa Trời, họ biết Chúa Giê-su và họ biết Thánh Linh. Hãy hình dung rằng một hội thánh có tất cả

những điều này chỉ sau vài tuần thập tự chinh dưới sự lãnh đạo của Phao-lô. Thật là một chiến thắng vang dội đúng không?

Bộ ba cuối cùng mà tôi muốn nói đến là định nghĩa của Phao-lô về một Cơ Đốc nhân tốt. Ông dùng ba động từ. Ông nói rằng anh chị em đã từ bỏ thần tượng để quay về với Đức Chúa Trời hằng sống, để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống và chờ đợi Con Ngài từ trời. Các nhà giảng đạo ở đây đã có ba ý hay cho bài giảng Chúa Nhật tuần tới rồi đấy! Cơ Đốc nhân là một người đã từ bỏ thần tượng để quay về với Đức Chúa Trời hằng sống, nhưng anh ta quay về để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống. Giờ đây, anh ta là một tôi tớ của Đức Chúa Trời, một người đang chờ đợi con Ngài từ trời xuống. Ba động từ tuyệt vời, ba chiều kích của đời sống Cơ Đốc. Anh chị em đã từ bỏ - tức là ăn năn, anh chị em đang phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống và đang chờ đợi Con Ngài từ trời.

Tôi chỉ chỉ ra ba ý đó thôi. Người ta bảo tôi rằng mọi người giảng đạo giỏi đều xây dựng ba ý cho một bài giảng, như vậy là có bốn bài giảng cho anh chị em và anh chị em có thể đào sâu vào đó. Nhưng Phao-lô chỉ xoay quanh những bộ ba này trong chương 1, cả bốn bộ ba đều rất quan trọng.

Phao-lô bảo vệ sự chính trực của bản thân (chương 2-3)

Hãy chuyển sang chương 2. Đây là vấn đề đầu tiên, và nó liên quan đến chính Phao-lô và sự ngay thẳng của ông, vì thực chất những người Do Thái quá ghen tức với ông tại Tê-sa-lô-ni-ca đã bắt đầu vu khống ông, bôi nhọ ông. Tất nhiên, đứng sau đó là ma quỷ. Ma quỷ là cha của sự dối trá và tôi e rằng để phá hoại một công việc mới, hắn sẽ bôi nhọ người sứ giả hoặc hủy hoại sứ điệp. Và hắn thường làm theo thứ tự như vậy. Điều đầu tiên hắn làm là vu cáo rằng người khởi xướng công việc này có động cơ xấu và nói dối về người đó. Điều này đã bắt đầu xảy ra rồi. Đây là chỗ mà chúng ta cần vừa đọc vừa suy luận.

Tôi đã đọc kỹ chương 2, chương 3 và đặt câu hỏi - vừa đọc vừa suy luận - rằng đâu là điều họ nói về Phao-lô mà ông phải phản bác lại để bào chữa cho mình? Đây là đầu bên kia của thư và tôi đã liệt kê ra 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 điều mà họ đã vu cho ông. Anh chị em có tin được không? Chín lần ông đã bào chữa cho sự ngay thẳng của mình trước những dối trá đó. Ông không làm vậy vì lòng tự trọng, ông không làm vậy vì thanh danh của mình. Ông làm vậy bởi vì, nếu Phao-lô để những kẻ thù này hủy hoại tính cách của ông thì dân sự sẽ không tin vào Tin lành mà ông đã truyền cho họ. Hiểu ý tôi nói không ạ? Hủy hoại người sứ giả cốt là để gieo nghi ngờ về sứ điệp; và họ đưa ra chín lời buộc tội. *Một là Phao-lô làm hỏng việc. Hắn để xảy ra tình trạng rối ren. Hai là Phao-lô hèn nhát. Hắn là tội phạm chạy trốn và hắn chạy khỏi anh chị em.*

Thực ra chúng ta biết rằng ông rời đi để bảo vệ những người mà mình cải đạo vì họ phải...gì nhỉ? - Bảo lãnh, nộp tiền thế chân để dàn hòa, nghĩa là một khoản tiền lớn mà họ phải chịu, nên ông rời đi để họ không phải mất số tiền đó. Nhưng họ vu cho ông là một kẻ hèn nhát. Ba là họ vu rằng ông cuồng tín. Họ nói ông quá đâm đầu vào một mục tiêu đến nỗi mất cân bằng. Bốn là họ vu rằng ông phóng đãng vì có nhiều nữ lãnh đạo trong liên hữu mới. Năm là họ vu rằng ông lừa gạt, bịp bợm. Sáu là họ vu rằng ông bợ đỡ, khoa trương. Bảy là họ vu cho ông là một người cơ hội, ông chỉ làm điều này vì lòng tham và lợi lộc, vì số tiền mà họ sẽ đưa cho ông. Tám là họ vu rằng ông ăn không ngồi rồi, ông không phải làm việc, ông sống một cuộc sống nhàn hạ. Chín là họ vu rằng ông độc tài, hà khắc, đè đầu cưỡi cổ những người mình cải đạo cho, và có thái độ khó chịu với họ. Đó là một danh sách kinh khủng.

Chín điều họ vu cho ông, không một điều nào đúng cả. Nhưng chúng lại có chất dính, những điều như vậy có thể đọng lại trong tâm trí người ta, và họ nói tất cả những điều này sau lưng ông, sau khi ông đã rời đi, khá nan giải. Phao-lô đã viết thư này để bào chữa cho sự ngay thẳng của chính mình, không để họ mất niềm tin vào Tin lành mà ông đã giảng cho họ. Ông không quan tâm đến thanh danh của bản thân nhưng tất cả những điều này quy cho ông những động cơ không đáng có. Tôi muốn nói rằng ma quỷ đứng sau cả chín điều này. "Chó chê mèo lắm lông," anh chị em hiểu ý tôi nói không? Thực ra, đằng sau những lời buộc tội đó, ma quỷ đang quy cho Phao-lô những động cơ quỷ quái của chính hắn. Vì chúng ta có thể dùng cả chín điều này để nói về ma quỷ, nhưng không thể nói vậy về Phao-lô.

Vậy Phao-lô bào chữa cho chính mình như thế nào? Vâng, sau đây là chín cách của ông. Ông viện đến người Tê-sa-lô-ni-ca và Đức Chúa Trời như hai nhân chứng độc lập và nói: *Đức Chúa Trời chứng giám cho tôi và anh chị em cũng làm chứng rằng không một lời nào trong những lời buộc tội kia là đúng.* Ông nói, đầu tiên - *tôi làm hỏng việc ư? Hãy xem chức vụ của tôi hiệu quả đến thế nào. Anh chị em là một hội thánh vững mạnh, đầy đức tin và tình yêu thương, rồi anh em cũng truyền giáo cho những người khác nữa. Như thế mà làm hỏng việc ư?* - Sự hiệu quả của ông.

Hai là ông viện đến sự mạnh dạn của ông. Ông nói: *còn lâu tôi mới là một kẻ chạy trốn hèn nhát.* Tuy trước đó phải ngồi tù tại Phi-líp nhưng ông đã đến ngay thị trấn tiếp theo, Tê-sa-lô-ni-ca và bắt đầu rao giảng. Như vậy là hèn nhát ư? Nếu hèn nhát thì ông đã đi ngay khỏi đất nước này rồi. Ba là ông viện đến sự chân thật của mình; ông nói: *Tôi nói gì thì ý tôi là như vậy, ý tôi là gì thì tôi nói đúng như vậy.* Tôi không cố gắng lừa gạt ai. Ông viện đến sự tin kính của mình. Ông nói: *Nếu không ai chấp thuận tôi thì Đức Chúa Trời chấp thuận tôi.* Ông viện đến sự khiêm nhường của mình. Ông nói: *Tôi không đứng trên quyền lợi hay lòng tự trọng của tôi.* Ông viện đến sự dịu dàng của mình. Ông nói: *Tôi như một người vú săn sóc con mình, như một người vú săn sóc con.* Ông viện đến sự vị tha của mình. Ông nói: *Tôi dành thời gian cho anh em, tôi dành tiền bạc cho anh em, tôi cống hiến chính mình cho anh em.* Nghe có giống một người bước vào chỉ vì anh ta có thể thu lợi được từ đó không?

Ông viện đến sự bận rộn của mình. Ông nói: *Còn lâu tôi mới lười, tôi làm việc cực nhọc mỗi ngày từ khi rạng sáng đến xẩm tối, từ khi mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn*, thiếu điện thì không thể làm việc trong bóng tối được. Ông nói: *Ngày nào cũng vậy, trời còn sáng thì tôi còn làm việc.* Ông viện đến sự thánh khiết của mình; ông nói: *Tôi thanh sạch và không có gì đáng trách. Ai trong anh chị em có thể kết tội tôi?* Gần như ông đang lặp lại lời Chúa Giê-su. Ông viện đến sự sốt sắng của mình; ông nói: *Tôi không chỉ là một người mẹ với anh em, tôi còn là một người cha với anh em.* Tôi là cha, là mẹ theo cả hai nghĩa. Tôi như người mẹ khi anh chị cần chút ủi an, tôi như cha khi anh em cần chút kỷ luật. Cuối cùng, ông viện đến sự nghiêm chỉnh của mình. Ông nói: *Tôi chưa từng hạ thấp tiêu chuẩn của mình với anh chị em. Tôi không bao giờ cố lừa gạt anh chị em bất cứ điều gì.*

Tại sao ông lại nói tất cả những điều đó về chính mình? Ông nói vậy vì ông muốn bảo vệ Tin lành và không để người ta tấn công mình để hủy hoại sứ điệp của mình. Một trong những điều chúng nói về ông là ông bợ đỡ họ khi ở cùng họ và quên họ khi xa họ. Thật đáng sợ khi chúng nói như vậy. Phao-lô nói: *Còn lâu tôi mới quên anh chị em, tôi thường cầu nguyện cho anh chị em. Tôi không bao giờ bợ đỡ anh em khi ở cùng anh em, cũng không bao giờ quên anh em khi xa anh em.* Anh chị em ở trong lòng tôi.

Đó là một nhìn nhận về điều mà ma quỷ muốn gieo vào công việc Cơ Đốc. Hắn thích khiến Cơ Đốc nhân nghi ngờ những người lãnh đạo. Hắn thích đổ cho người ta những động cơ sai trái, và không phải chúng ta không biết mưu chước của hắn. Ma quỷ nói tất cả những điều này về hắn thì đúng hơn.

Phao-lô cũng nói rằng chịu khổ là một điều mà ông chờ đợi. Và ông bảo người Tê-sa-lô-ni-ca rằng anh chị em cũng nên chờ đợi điều đó. Với Cơ Đốc nhân thì chịu khổ là bằng chứng của sự lựa chọn, rằng anh chị em được Đức Chúa Trời lựa chọn; đó là dấu hiệu của danh dự, là dấu ấn của đức tin, là huy hiệu của một Cơ Đốc nhân. Ông nói rằng những người thực sự cần lo lắng là những người chưa từng chịu khổ vì Tin lành, những người chưa từng khó nhọc, những người chưa từng gây thù chuốc oán, những người chưa từng trả giá. Họ là những người cần lo lắng. Ông nói: *Chịu khổ là điều bình thường, nhưng tôi không cho chúng thoát đâu.* Ông không ngại bị bỏ tù hoặc đòn roi, bị ném đá và bỏ mặc cho đến chết, điều ông sẽ chiến đấu và chống trả kịch liệt ấy là bất cứ ai quy cho chức vụ của ông những động cơ không đáng có, cố gắng hủy hoại chức vụ đó. Nên đây là một phân đoạn rất đanh thép.

Sự tăng trưởng của họ (chương 4-5)

Sau đó chúng ta đến với phần ba của thư. Chương 1 toàn nói về việc họ tiếp nhận Tin lành. Chương 2 nói về sự ngay thẳng của ông trong vai trò một người phục vụ - cả chương 3 nữa; chương 4 và chương 5 là để giúp họ tăng trưởng, trưởng thành. Ông vẫn lo ngại rằng còn nhiều điều hơn nữa mà họ cần biết và cần tăng trưởng trong đó. Có hai khía cạnh cụ thể mà ông lo cho họ. Một là sự thánh khiết của họ, cụ thể là trong hai điều - phụ nữ và công việc. Rất thực tế. Một số người nghĩ rằng thánh khiết là phải như thầy tu, tách khỏi đời thực, nhưng hai khía cạnh mà ông sắp nói đến là phụ nữ và công việc. Hai là ông rất lo cho hy vọng của họ. Đức tin của họ đã đủ mạnh rồi. Họ mạnh mẽ trong tình yêu thương, nhưng hy vọng của họ thì hơi lung lay và ông phải củng cố điều đó.

Trước tiên, hãy xét đến sự thánh khiết của họ. Phụ nữ - thật ngại khi nói điều này với anh chị em, nhưng ở Tê-sa-lô-ni-ca là như thế này, một người tên Demosthenes đã nói như sau: *Ta nuôi gái điếm để làm thú vui, ta nuôi tình nhân để đáp ứng nhu cầu hằng ngày của cơ thể và ta nuôi vợ để sinh con, làm người giữ nhà trung thành cho ta.* Lối sống Hy Lạp là thế đó! Người ta coi đó là bình thường, ai cũng làm như vậy. Những người cải đạo này đã xuất thân từ đây và ông có hai điều để nói cùng họ. Một là anh em hãy gắn bó với một người nữ, lấy một vợ thôi - một vợ một chồng. Nói vậy trong thế giới thời bấy giờ là cả một cuộc cách mạng.

Đến thời nay mà có người vẫn nói nói "Con bò nó có cái u, Đàn ông một vợ thì ngu như bò." Chế độ một vợ một chồng xuất phát từ sự rao giảng Tin lành Cơ Đốc và họ phải từ bỏ gái điếm, tình nhân và những người vợ, không chỉ vợ mà là những người vợ, vì nạn ly dị xảy ra tràn lan trong thế giới cổ đại, họ đổi vợ lấy cô người mẫu mới, thích thì đổi, như đổi xe vậy, hoặc những thứ tương tự vào thời bấy giờ. Trong bối cảnh đó mà Phao-lô nói trong Tê-sa-lô-ni-ca 4 rằng: *Hãy ở với vợ anh em và đừng đối xử với nàng như gái điếm hoặc tình nhân; hãy tôn trọng chốn loan phòng.* Đó là một phần của sự thánh khiết, sự thánh khiết thực tế, khi lý thuyết trở nên thực tiễn.

Khía cạnh còn lại của sự thánh khiết mà ông nói đến là công việc hằng ngày. Đây là điều luôn canh cánh trong lòng tôi. Một tháng trước, tôi có nói về công việc với 230 người nam trong chính phòng này. Chúng tôi thường dùng nơi này để tổ chức hội nghị nam giới. Anh này cũng dự hội nghị rồi đúng không? Một trong những chủ đề mà chúng tôi nói đến là công việc, một từ khó nói. Không biết lần cuối cùng anh chị em được nghe giảng về công việc trong hội thánh mình là khi nào? Hay lần

cuối cùng anh chị em hát một điệp khúc về công việc trong hội thánh mình là khi nào? Hầu hết những người giảng đạo không giảng về công việc vì họ không đi làm, nếu anh chị em hiểu ý tôi nói. Thật sự là hầu hết sự giảng luận trong cách hội thánh được thực hiện bởi những người không rời nhà lúc 8 hoặc 9 giờ sáng thứ hai để đi làm. Họ có thể làm việc cả 16 tiếng một ngày cho hội thánh nhưng họ không làm việc cho công ty, nên họ không hiểu.

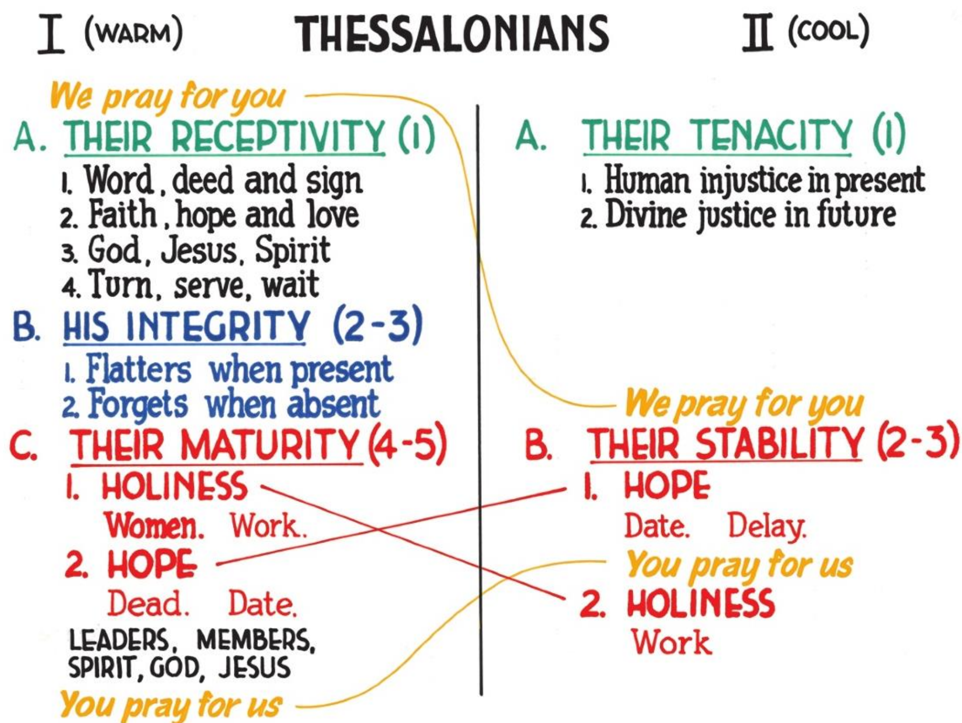
Tôi đã xem hết khóa môn đồ hóa này đến khóa môn đồ hóa khác nhưng không một khóa nào nói về công việc. Tất cả đều chỉ cho anh chị em cách làm Cơ Đốc nhân trong thời gian rảnh. Cách cầu nguyện, cách đọc Kinh Thánh, cách làm chứng, cách phục vụ hội thánh, tất cả đều tạo ấn tượng rằng anh chị em phục vụ Chúa ngoài giờ làm việc, điều đó khiến Cơ Đốc nhân không toàn tâm toàn ý cho công việc. Họ muốn thoát khỏi công việc và bước vào sự phục vụ Cơ Đốc. Nghe này, là Cơ Đốc nhân tức là đã ở trong sự phục vụ Cơ Đốc trọn thời gian rồi. Ước gì tôi chưa nói câu vừa rồi để xem anh chị em nghĩ như thế nào, vì trong một buổi như thế này, tôi rất hay hỏi: *Bao nhiêu anh chị em trong đây phục vụ Chúa trọn thời gian?* Chỉ có vài người giơ tay. Tôi lại hỏi: *Bao nhiêu anh chị em trong đây phục vụ Chúa trọn thời gian?* - Vài cánh tay nữa giơ lên. Tôi cứ hỏi mãi cho đến khi mọi cánh tay đều giơ lên, vì dù anh chị em có lái taxi hay làm giáo sĩ hay làm bất cứ công việc gì thì công việc và cách làm việc của anh chị em chính là sự thánh khiết của anh chị em. Nó là tình yêu anh chị em dành cho Chúa, là sự phục vụ anh chị em dành cho người lân cận. Anh chị em làm điều đó để làm sáng danh Ngài. Nếu không thì anh chị em sẽ lãng phí phần lớn khoảng thời gian mình còn thức. 60% khoảng thời gian còn thức của anh chị em sẽ vô ích với Chúa nếu anh chị em không hiểu rằng công việc và cách làm việc của anh chị em là sự thánh khiết.

Nên Phao-lô phải bảo những người này tự kiếm sống, biến điều đó thành khát vọng của mình, không phụ thuộc vào ai cả. Cơ Đốc nhân không nên sống dựa vào sự bố thí của những Cơ Đốc nhân khác, những Cơ Đốc nhân khỏe mạnh nên tự kiếm sống, nuôi gia đình mình và kiếm tiền đủ để ban cho những người thiếu thốn. Phao-lô không nói về những người không thể làm việc, mà về những người không muốn làm việc. Hai điều đó rất khác nhau và tôi sẽ nói thêm về điều này khi chúng ta xét đến bức thư thứ hai. Nhưng để cố gắng giúp họ hiểu một đời sống thánh khiết là gì, ông phải nói về phụ nữ, về công việc và về những điều rất thiết thực.

Tôi nghĩ chúng ta sẽ dừng lại tại đây vì “hy vọng” là một chủ đề lớn, nó cũng sẽ liên quan đến 2 Cô-rinh-tô là bức thư ngắn hơn. Nên chúng ta sẽ dừng bài học này tại đây và nghiên cứu tiếp ở bài sau.

Hy vọng

Hãy bắt đầu từ chỗ chúng ta bỏ dở từ bài trước; chúng ta chưa xét xong thư đầu tiên gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Chúng ta đã sang đến phần thứ ba của thư khi ông lo cho sự trưởng thành, sự tăng trưởng của họ. Chúng ta đang xét đến hai chủ đề - sự thánh khiết và hy vọng; sự thánh khiết rất thực tế liên quan đến hôn nhân và những công việc hằng ngày. Đó là nơi những người thánh khiết sống cuộc đời thánh khiết. Bây giờ chúng ta chuyển sang điểm yếu chính của họ là hy vọng. Họ đã mạnh mẽ trong đức tin và trong tình yêu thương nhưng không mạnh mẽ lắm trong hy vọng. Có thể nói đó là đặc điểm của khá nhiều hội thánh ngày nay. Có nhiều bài giảng về đức tin và tình yêu thương hơn là hy vọng, nhưng hy vọng là cái neo của linh hồn, Tân Ước chép như vậy. Chúng ta sống bởi hy vọng và đức tin là "sự xác quyết về những điều mình đang hy vọng, là bằng chứng của những điều mình chẳng xem thấy." Hy vọng liên quan đến tương lai.



Tôi đã cho anh chị em biết thái độ của thế gian với những điều này, để tôi cho anh chị em biết thái độ của thế giới Hy Lạp về cái chết. Để tôi đọc cho anh chị em một loạt những trích dẫn nhé! Aeschylus nói: "Khi con người chết thì không có sự sống lại." Câu nữa này, Theocritus nói: "Có hy vọng cho những người còn sống, nhưng những người đã chết thì vô vọng." Câu nữa này: "Một khi cuộc đời ngắn ngủi của chúng ta đã chấm dứt thì chúng ta vĩnh viễn phải ngủ trong đêm trường." Một trong những tấm bia mộ Hy Lạp cổ đại có viết thế này: "Ta chưa tồn tại, rồi ta thành hình, ta mất đi, và ta chẳng màng chi nữa," một người đã nhờ khắc dòng này trên bia mộ mình. Còn đây là một câu rất điển hình trong thư an ủi gửi đến tang quyến: "Ai có thể làm chi được để cưỡng lại những điều như sự chết, nên hãy an ủi lẫn nhau." Nghe không được an ủi cho lắm.

Nói cách khác là thế giới Hy Lạp nói chung tin rằng người chết sẽ bỏ lỡ mọi thứ. Chết là hết. Điều này đã tác động trên hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca như sau: Một số thành viên hội thánh đã qua đời, nên họ cảm giác như những người này đã lỡ mất; bởi lẽ trọng tâm Tin lành của Phao-lô là chờ đợi Con Ngài từ trời, nói cách khác là chờ đợi sự tái lâm của Chúa Giê-su. Lúc này, một số thành viên đã qua

đời - *ôi thật đáng thương, họ đã lỡ mất điều đó, họ sẽ không có mặt khi Chúa Giê-su trở lại đất này và họ đã mất cơ hội thấy Ngài.* Phao-lô đã phải chỉnh lại tư tưởng đó vì nó khiến họ khổ sở. *Những người họ hàng thân yêu, mới tin Chúa nhưng rất tốt, giờ đây họ đã qua đời, không bao giờ được thấy sự tái lâm và họ sẽ không có mặt khi Chúa Giê-su trở lại.* Phao-lô nói: *Nghe này, anh chị em không nên đau buồn như những người khác không có hy vọng. Tôi nói cho anh chị em biết bí mật này - lẽ ra anh chị em phải biết rồi - nhưng tôi nói lại: Khi Chúa Giê-su trở lại, ai sẽ là người được gặp Ngài trước tiên? - Những người đã ngủ. Họ sẽ ở những hàng đầu tiên rồi kế đó, chúng ta là những người đang sống sẽ theo sau họ và tất cả sẽ gặp Chúa trên không trung. Nhưng còn lâu họ mới lỡ mất mọi thứ, họ sẽ ở đó trước tiên.* Không biết anh chị em có nhận ra hết hàm ý của điều này không, nó có nghĩa thế này: Mọi Cơ Đốc nhân qua đời đều sẽ trở lại đất này, trở lại đây, để gặp Chúa Giê-su ở đây và chính ở dưới đất này, chúng ta sẽ có thân thể mới chứ không phải trên thiên đàng.

Với Cơ Đốc nhân, thiên đàng chỉ là một phòng chờ, anh chị em hãy suy nghĩ đến điều này. Đó chỉ là chỗ ở tạm thời cho những người đã ngủ, nhưng những người đã ngủ sẽ trở lại đất này, không chỉ Chúa Giê-su trở lại đất này mà mọi Cơ Đốc nhân cũng sẽ trở lại đất này và chúng ta sẽ gặp Ngài tại đây. Không biết điều này có thật sự đánh động anh chị em không. Chắc hẳn là tất cả anh chị em đều tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại đất này, nhưng anh chị em có thật sự, thật tâm tin rằng nếu anh chị em qua đời trước, anh chị em cũng sẽ trở lại và là những người gặp Ngài trước tiên không. Ông tôi được chôn tại thành phố Newcastle trên sông Tyne tại Nghĩa trang St. Nicholas ở đường Westcott, và trên bia mộ của ông ghi dòng này, không phải từ Kinh Thánh mà từ một bài thánh ca Giám lý cổ. Chắc chắn những người nhìn vào tấm bia mộ đó sẽ thắc mắc không biết ông cụ này lẩm cẩm kiểu gì mà dưới tên ông - Đa-vít Ledger Pawson lại ghi dòng này: "Mít-tinh lớn quá chừng!"

Anh chị em thấy đó, ông tôi mong được tham dự cuộc mít-tinh Cơ Đốc lớn nhất trần đời. Vì không có sân vận động nào chứa nổi nên sẽ phải tổ chức trên không trung và sẽ có hàng triệu người tham dự. Nếu anh chị em không thích sự thờ phượng ồn ào thì đừng có mặt vào ngày đó vì kèn sẽ thổi, các thiên sứ sẽ la lớn và tiếng ồn sẽ đủ to để làm người chết sống dậy, đó chính là điều sẽ xảy ra. Nên Phao-lô nói: *Đừng lo cho những người đã ngủ. Họ sẽ đến đó trước, trước cả anh chị em là những người vẫn còn và vẫn sống, tất cả chúng ta đều sẽ "được cất lên... Để gặp Chúa tại không trung," mãi mãi về sau, nên hãy dùng những lời này mà an ủi nhau.*

Như vậy là đây là một điểm về sự tái lâm mà họ hiểu sai đôi chút. Họ tưởng rằng Chúa Giê-su trở lại đất này chỉ để gặp những người còn sống; hoàn toàn không phải như vậy, những người đã ngủ sẽ sống lại trước tiên và gặp Ngài trước tiên. Nên nếu tôi vẫn sống khi Ngài đến, nếu tôi vẫn còn đây thì ông tôi sẽ ở hàng đầu và ở đó chờ tôi, cả cha tôi nữa, và tôi sẽ theo sau hai người. Anh chị em thấy đó, thực ra là anh chị em được vẹn cả đôi đường, ý tôi là dù sống hay chết. Nếu chết trước thì anh chị em được ở hàng đầu, nếu còn sống thì anh chị em không phải chết và người ta không phải đo quan tài cho anh chị em. Nên chúng ta được vẹn cả đôi đường.

Đó là điểm đầu tiên trong dạy dỗ về sự tái lâm mà họ hiểu sai đôi chút, còn một điểm khác về ngày Ngài đến nữa. Ở đây, Phao-lô dẫn lại một cụm từ mà Chúa Giê-su từng nói, rằng Ngài sẽ "đến như kẻ trộm trong ban đêm," ngụ ý rằng sẽ hoàn toàn bất ngờ, rằng sẽ không có sự cảnh báo, rằng Ngài sẽ đến bất chợt; nhiều Cơ Đốc nhân đã hiểu sai điều này và cho rằng Ngài có thể đến vào bất cứ lúc nào. Tôi nói này, dựa vào sự dạy dỗ của Phao-lô ở đây thì Chúa Giê-su không thể trở lại vào tối nay, hay tuần tới, hay năm nay được, nhưng hy vọng là sẽ vào thời của tôi vì tôi không muốn ai đo

quan tài cho mình, và mọi thế hệ Cơ Đốc nhân đều hy vọng rằng họ được chuyển thẳng từ thân thể cũ sang thân thể mới.

Cũng xin nói thêm là thân thể mới sẽ ở tuổi 33. Tôi nóng lòng được trở lại tuổi 33 vì Kinh thánh chép rằng tôi sẽ có một thân thể vinh quang giống như thân thể vinh quang của Ngài, nên tôi sẽ bằng nửa số tuổi hiện tại. Hallelujah! Nhưng anh chị em thấy đấy, ngày Ngài đến sẽ vào bất cứ lúc nào, hay sẽ có những điều phải xảy ra trước? Điểm cốt yếu mà Phao-lô đưa ra trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca chương 5 là thế này: Ngài sẽ chỉ đến một cách bất ngờ với những người không trông đợi Ngài. Cụm "kẻ trộm trong ban đêm" không nhắm tới Cơ Đốc nhân mà nhắm tới những người không sẵn sàng, thậm chí là những Cơ Đốc nhân không sẵn sàng, và chính từ "kẻ trộm" nghĩa là với những người không sẵn sàng, Ngài đến để lấy đi thứ này, thứ kia từ họ. Kẻ trộm trong ban đêm.

Nhưng ông nói: *Anh chị em không sống trong ban đêm, anh chị em đang sống trong ban ngày. Anh chị em tỉnh thức - nếu luôn tỉnh thức và canh chừng thì anh chị em sẽ không bị bất ngờ, anh chị em sẽ biết Ngài đến lúc nào.* Họ vẫn không hiểu điều này nên ông phải viết bức thư thứ hai, chút nữa chúng ta sẽ thấy, vì sau đó, họ hiểu sai be bét điều ông nói. Có quá nhiều hiểu lầm về sự tái lâm và thật sự phải làm sáng tỏ điều này. Cho tôi quảng cáo cuốn "Giải thích về Sự tái lâm" của tôi chút. Nó sẽ được xuất bản vào tháng 12 và tôi đang viết một cuốn dày hơn để nối tiếp, cũng về chủ đề này. Quá nhiều sự hiểu lầm và nhầm lẫn. Nghe này, Phao-lô đang nói rằng *nếu anh chị em tỉnh thức, tỉnh táo và canh chừng thì sẽ không bất ngờ, anh chị em sẽ biết, anh chị em đang canh chừng những dấu hiệu chỉ ra sự đến của Ngài. Khi thấy những dấu hiệu đó thì anh chị em sẽ biết.* Những người sống trong ban đêm và những tín đồ ngủ say thì mới bất ngờ khi Ngài đến; nhưng nếu anh chị em tỉnh thức và canh chừng thì không. Đó là một điều rất quan trọng về ngày Ngài đến. Ngài không thể đến vào tối nay, vì có những điều chưa xảy ra - chúng phải xảy ra trước khi Ngài đến, nhưng nếu chúng ta mở to mắt và canh chừng những dấu hiệu thì chúng ta sẽ không bị bất ngờ. Chúng ta không biết ngày giờ chính xác nhưng chúng ta sẽ biết khi điều đó đến gần và chúng ta sẽ sẵn sàng. Chỉ những người vô tín và những tín đồ ngủ say mới bị giật mình còn chúng ta thì không. Đây là một ý rất quan trọng mà ông đưa ra về ngày Ngài tái lâm.

Những lời dặn dò ở cuối thư thứ nhất

Sau đó, ông kết thư, gần như thể là bỗng dưng, ông muốn giảng cả chục bài giảng cho họ, và mẩu cuối nho nhỏ của chương 5 toàn là những việc lành, không liên quan lắm. Gần như thể Phao-lô nói rằng: *Ôi mình muốn bảo họ cái này, mình muốn bảo họ cái kia, cái này nữa, cái kia nữa,* và ông bắn rất nhiều điện tín cho họ ở ngay nửa cuối chương 5. Để tôi thử sắp xếp lại xem. Đầu tiên, ông nói đôi lời với họ về người lãnh đạo. Tôi quên không nói rằng Tê-sa-lô-ni-ca là thị trấn, thành phố đầu tiên mà Cơ Đốc giáo chạm trán với chế độ dân chủ, vì thành này có chính quyền dân chủ riêng, đậm chất dân chủ luôn. Kết quả là phụ nữ được giải phóng ở một mức độ nào đó, không giống như những nơi khác tại Hy Lạp, nhưng người ra đặc biệt nhấn mạnh vào chế độ dân chủ.

Kết quả là họ không tôn trọng những người lãnh đạo trên mình. Đó là một trong những điểm yếu của chế độ dân chủ - nhanh chóng mất đi sự tôn trọng dành cho lãnh đạo. Chẳng phải là điều đó đang xảy ra hay sao? Vâng, Phao-lô nói với người Tê-sa-lô-ni-ca đang rất chuộng việc bỏ phiếu dân chủ rằng *hãy vâng phục những người lãnh đạo anh chị em, họ không thể lãnh đạo nếu anh chị em không tôn trọng họ.* Hội thánh không phải chế độ dân chủ, cũng không phải chế độ độc tài. Tôi từng thấy những hội thánh là cả hai hoặc một trong hai, nhưng hội thánh không phải cả hai thứ đó; hội thánh thuộc chế độ mà chúng ta gọi là thần quyền (theocracy), hội thánh được cai trị bởi Đức Thánh Linh.

Nhưng hội thánh được cai trị bởi Đức Thánh Linh qua những người lãnh đạo đầy dẫy Thánh Linh và những tín đồ đầy dẫy Thánh Linh, đó không phải chế độ dân chủ, cũng không phải chế độ độc tài. Những người lãnh đạo không phải những kẻ độc tài hay là thành viên của chế độ dân chủ. Nên Phao-lô đưa vào thư một lời dặn dò đặc biệt rằng *hãy tôn trọng những người lãnh đạo anh chị em.*

Sau đó ông đưa ra rất nhiều lời khuyên cho các thành viên hội thánh. Ông bảo họ không được làm ba điều và phải làm năm điều. Hết điều này đến điều khác, như một cây súng máy nhả đạn vậy. Ông nói đừng lười biếng, đừng ngã lòng khi bị bắt bớ, đừng yếu đuối, nhưng hãy kiên nhẫn, hãy tha thứ, hãy vui mừng, hãy cầu nguyện và hãy cảm tạ. Rồi ông kết thư với từng ngôi trong ba ngôi, nói đôi lời về từng ngôi trong ba ngôi. Đầu tiên là về Thánh Linh, ông nói: *Chớ dập tắt Thánh Linh, chớ vùi dập Thánh Linh. Chớ khinh dể những lời tiên tri* - chúng ta rất dễ khinh dể những lời tiên tri, một lời nói đơn sơ từ ai đó; c*hớ khinh dể những lời tiên tri, đừng dập tắt Thánh Linh, nhưng hãy thử nghiệm mọi thứ,* điều đó quá ư là quan trọng. Tôi nghe thấy rất nhiều lời tiên tri ngày nay không được thử nghiệm. *Hãy thử nghiệm mọi thứ, điều gì tốt đẹp thì giữ lấy, điều gì gian ác thì tránh xa.* Một lời khuyên rất thiết thực về Đức Thánh Linh. Khi Đức Thánh Linh đang vận hành trong hội thánh, anh chị em thật sự cần nhớ những điều này. Chớ dập tắt Thánh Linh và chớ khinh dể những lời tiên tri mà hãy thử nghiệm mọi thứ, điều tốt đẹp thì giữ lấy, điều xấu thì bỏ đi.

Rồi ông nói về Đức Chúa Trời. *Cầu xin Đức Chúa Trời thánh hóa anh chị em một cách toàn diện - một cách toàn diện.* Rồi ông kết thư: *Cầu xin Chúa Giê-su giữ cho anh chị em không chỗ trách được cho đến ngày đó*, và bức thư khép lại. Ông nói: *Hãy chào nhau bằng cái hôn thánh.* Tôi nhấn mạnh từ "thánh." Anh chị em có biết cái hôn khác cái hôn thánh ở điểm nào không? Là nó dài hai phút. Tất cả chúng ta đều cần biết điểm khác biệt đó trong thời đại ngày nay - yêu mến khác với cuốn hút. Rồi "Cầu xin ân điển của... Đức Chúa Giê-su Christ, ở với anh em!" Đó là phần kết của bức thư thứ nhất. Một bức thư rất nồng nhiệt, thân thiện, đầy khích lệ và an ủi. Ở đây, Phao-lô đang nói như một người mẹ và một người cha nói cùng con cái mình.

Sự vững vàng của họ (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1)

Rồi bỗng dưng, 2 Tê-sa-lô-ni-ca viết chỉ sau vài tháng mà lạnh như tiền, ông lạnh nhạt và hơi hoảng hốt với họ. Rõ ràng là ông rất buồn - chuyện gì đã xảy ra? Bằng một cách nào đó, trong khoảng giữa thư thứ nhất và thư thứ hai, ông nghe được tin không hay về họ, ở chính những chủ đề mà ông đã nói từ trước rồi. Thực ra thì nhiều vấn đề trong thư thứ hai rất giống với thư thứ nhất, trừ phần giữa về sự chính trực của Phao-lô. Ông không nói lại vì phần đó đã được xử lý xong. Nhưng mở đầu thư, ông vẫn cố gắng nói vài điều tốt đẹp về họ. Ông vẫn có thể nói vài điều tốt đẹp về cách họ đứng vững dưới sức ép của sự bắt bớ. Mọi thứ đang trở nên khó khăn hơn với họ. Những kẻ thù ghét từng nhắm vào Phao-lô giờ lại nhắm vào họ và ông chúc mừng họ vì đã đứng vững. Họ đang phải chịu nhiều bất công. Nhưng ông đảm bảo với họ rằng trong tương lai, Đức Chúa Trời của sự công bình sẽ xử lý những người đang quấy rầy họ. Ông dùng một chuỗi sáu từ khiến bạn sợ chết khiếp với những điều Đức Chúa Trời sẽ làm với những người quấy rầy Cơ Đốc nhân. Sáu từ đó như sau: Hủy diệt, Phân cách, Phán xét, Hoạn nạn, Báo trả và Đời đời. Ông an ủi họ bằng cách nói rằng *đó là điều sẽ xảy đến với những người đang bắt bớ anh chị em.* Khi Chúa Giê-su trở lại, Ngài trở lại với sự báo trả rực lửa dành cho những kẻ quấy rầy Cơ Đốc nhân.

Anh chị em sẽ run rẩy khi nghe về những người bắt bớ Cơ Đốc nhân, run sợ cho những kẻ bắt bớ vì những gì sẽ xảy đến với chúng. Sự bất công giữa người với người trong hiện tại, đúng là chúng ta đang phải chịu điều đó, nhưng công lý thiên thượng trong tương lai là điều mà chúng sẽ phải chịu.

Chỉ có hai số phận đặt trước con người, một là ở cùng Đức Chúa Trời đời đời, hai là xuống địa ngục đời đời và chúng ta cần nhớ điều đó luôn luôn. Anh chị em dễ đương đầu với thế giới này hơn khi nhớ rằng chỉ có hai số phận đó đặt trước mỗi một người.

Lại là vấn đề hy vọng

Nhưng vẫn còn hai vấn đề cũ. Hy vọng của họ và sự thánh khiết của họ. Ông trở lại với những vấn đề này nhưng theo thứ tự ngược lại. Nên tôi mới bắt chéo hai bên thế kia. Ở bức thư thứ hai, ông nói đến hy vọng của họ - họ đang thực sự bối rối với nó. Lúc này họ đang rất hoang mang về sự tái lâm, không phải là do Phao-lô; chút nữa tôi sẽ cho anh chị em biết do ai. Sau đó là sự thánh khiết của họ. Thú vị là trong thư thứ hai, ông chỉ nói đến khía cạnh công việc, có vẻ như vấn đề kia đã được giải quyết rồi, nhưng khía cạnh công việc lại trở nên tệ hơn. Tất cả những điều này đều là tin không hay. Giờ đây họ đang bối rối về hy vọng của mình và nhiều người đã bỏ việc. Điều đó không có gì là lạ, ngay cả trong thời nay, Cơ Đốc nhân cũng bỏ việc và nói: *Tôi đang đợi Chúa phán xem tôi cần làm gì*. Trong Tân Ước không hề có cái kiểu dại dột đó.

Hãy xét đến hy vọng của họ trước. Trước đây thì nó quá yếu, giờ thì nó lại thành quá mạnh. Mạnh đến nỗi nhiều người trong số họ tin rằng *Chúa đã đến rồi hoặc Ngài sắp đến ngay thôi, việc gì phải làm lụng, mình chỉ cần đợi Ngài đến là được*. Những người cuồng tín về sự tái lâm thường như vậy. Họ trở nên không thực tế và xa rời đời sống thường ngày. *Chẳng có việc gì đáng để làm cả*. Tôi đã nhận được thư từ những thanh niên nói rằng *sao phải đi học trường Kinh Thánh khi Chúa Giê-su sắp đến rồi. Chúng ta phải lên đường cứu vài linh hồn khi còn có thể*.

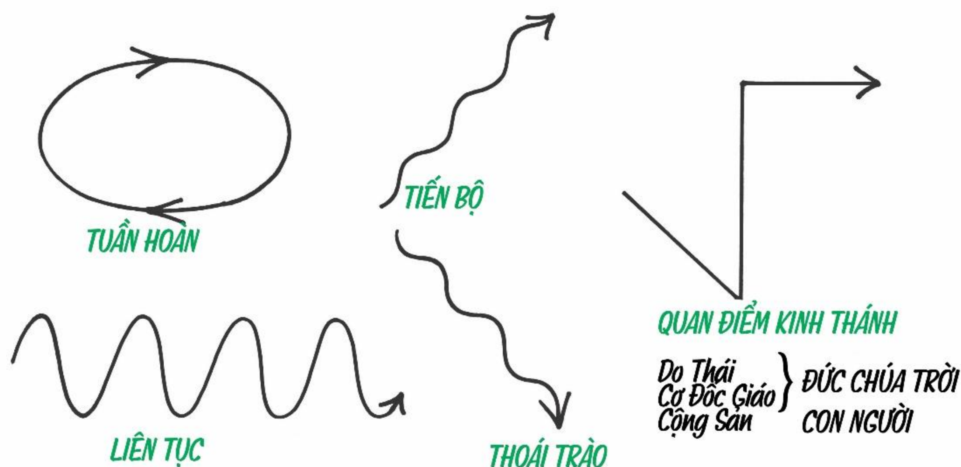
Người ta có thể quá nhấn mạnh đến thời điểm Chúa Giê-su trở lại, nhất là khi họ bảo *Chúa sắp đến tới nơi rồi, chúng ta phải bỏ việc và đi làm giáo sĩ hết thôi, đi đâu cũng được*. Anh chị em biết kiểu sức ép đó không? Như vậy là không lành mạnh, đó không phải là cách tiếp cận của Phao-lô. Hãy xem chuyện gì đã xảy ra. Họ nhận được một bức thư mạo danh Phao-lô và nói rằng *sự tái lâm sắp xảy đến rồi, hãy bỏ mọi thứ đi*, nhưng thư đó không phải của Phao-lô. Anh chị em thấy không ạ; trong thư đầu, ma quỷ đã tấn công người sứ giả; giờ đây ma quỷ đang tấn công sứ điệp và hắn thật sự có thể trói buộc người ta trong điều này.

Tôi đang thực hiện nhiều bài dạy về Sách Khải huyền. Trong một hội thánh tại Basingstoke, tôi đang dạy vào các buổi tối trong Mùa chay của họ, và đưa họ qua sách Khải huyền. Nhưng tôi phát hiện ra là có hai dạng Cơ Đốc nhân với Sách Khải huyền, những người không thể bước vào đó và những người không thể thoát ra khỏi đó. Anh chị em hiểu ý tôi nói không? Có những người cảm thấy Khải huyền quá đánh đố đến nỗi họ ngại mở sách đó ra đọc; còn có những người quá cuồng sách này đến nỗi lúc nào họ cũng ở trong đó. Quá dễ để mất quân bình về sự tái lâm và ma quỷ biết điều đó. Nếu không thể ngăn bạn động đến điều gì đó thì hắn sẽ đẩy bạn đi quá xa với nó. Đó là chiến thuật của hắn và hắn đang làm vậy với người Tê-sa-lô-ni-ca. Hắn khiến ai đó viết một bức thư mạo danh nói rằng *Chúa sắp tái lâm đến nơi rồi, nên hãy bỏ mọi thứ đi.* Kết quả là nhiều người đã bỏ việc, công việc thường ngày của họ, vì nghĩ rằng sự tái lâm quá gần rồi.

Ở đây Phao-lô nói một điều. Một sự đáp trả tuyệt vời với sự xuyên tạc sứ điệp. Ông nói: *Sự tái lâm không thể đến ngay được vì chí ít, một điều quan trọng mà tôi đã nói với anh chị em phải xảy đến trước khi Chúa Giê-su đến.* Tuy không dùng từ Anti-Christ nhưng đây là điều mà ông đang nói đến. Ông nói có một kẻ phải đến trước, hắn không hề coi luật pháp ra gì và sẽ tự xưng mình là Đức Chúa Trời. Ông gọi hắn là "con người gian ác," chỗ khác trong Kinh Thánh gọi hắn là Con thú hoặc Anti-

Christ. Phao-lô đang nói rằng Anti-Christ phải đến trước khi Đấng Christ đến, và Anti-Christ còn chưa đến, nên tư tưởng rằng Chúa sắp tái lâm đến nơi là vô căn cứ. Đây là nguyên tắc quan trọng mà ông đã đặt ra trong thư đầu tiên, rằng Chúa Giê-su chưa thể trở lại ngay vì có những điều nhất định phải đến trước, những người tỉnh thức và canh chừng sẽ thấy những dấu hiệu đó trước; nếu anh chị em chưa thấy hết những dấu hiệu đó thì chưa phải.

Trong Ma-thi-ơ 24, chính Chúa Giê-su đã nêu bốn dấu hiệu chỉ ra sự đến của Ngài và ở cuối phần đó, Ngài nói: *khi các con thấy tất cả những điều này thì biết rằng Ta đang ở ngay trước cửa*. Trong bốn điều thì tôi có thể thấy rất rõ một điều rưỡi. Nhưng tôi chưa thể thấy hai điều rưỡi kia. Các sự kiện trên thế giới xảy ra liên tục nên chúng có thể xảy đến rất nhanh, nhưng nếu chưa thấy mọi dấu hiệu mà Chúa Giê-su nói đến thì chúng ta không thể nói rằng Ngài sắp tái lâm đến nơi. Chúng ta có thể hy vọng rằng điều đó sẽ sớm xảy ra, nhưng không thể nói rằng nó sắp xảy ra đến nơi rồi. Chuyện là như vậy. Họ nhận được một bức thư có vẻ như là của Phao-lô, thư mạo danh, thư nặc danh, hay chỉ ghi bút danh và chữ ký giả, trong đó nói rằng hãy sẵn sàng, sự tái lâm sắp xảy đến rồi. Phao-lô nói: *Không, không phải đâu. Con người gian ác còn chưa xuất hiện.* Hãy để ý thấy ông ngụ ý rõ rằng Cơ Đốc nhân sẽ thấy con người gian ác này, thấy hắn làm những việc kinh khiếp và tìm ra hắn, không phải Saddam Hussein, không phải Gaddafi. Không phải Gorbachev, không phải rất nhiều người mà chúng ta đã thấy; chúng ta sẽ biết khi nào - khi điều tồi tệ nhất sẽ xảy đến.



Anh chị em thấy đó, đằng sau Tân Ước có một quan điểm về lịch sử. Tôi nghĩ lúc này tôi sẽ dạy một bài học nho nhỏ về triết lý lịch sử. Có một số triết lý khác nhau về lịch sử trong thế giới chúng ta và nếu không cẩn thận thì anh chị em sẽ tiếp thu chúng từ báo chí, truyền hình. Một số quan điểm như sau: Hãy xét đến một quan điểm rất phổ biến - Lịch sử lặp lại chính nó, anh chị em đã bao giờ nghe thấy câu này chưa? Đây là quan điểm của người Hy Lạp về lịch sử, rằng lịch sử xoay vòng hay đi theo chu trình, nó lặp lại chính mình. Nên đế chế này qua đi, đế chế kia lại đến nhưng nó không bao giờ đi đến đâu. Lịch sử sẽ không đi đến đâu, nó chỉ đi vòng vòng.

Đó là quan điểm của người Hy Lạp về lịch sử. Biến thể của nó là một quan điểm rất hay gặp vào thời nay, đó là quan điểm tiếp diễn về lịch sử, rằng lịch sử tiến về phía trước, nó không lặp lại chính mình mà tiến về phía trước, nhưng nó cứ lên rồi xuống, lên rồi xuống, lúc hay lúc dở, lúc chiến tranh,

lúc hòa bình, lúc lạm phát, lúc giảm phát, cứ lên xuống như vậy và tiến về phía trước nhưng không đi đến đâu. Đó là một biến thể của quan điểm Hy Lạp cổ.

Rồi có quan điểm tiệm tiến (progressive) về lịch sử, rất phổ biến vào đầu thế kỷ hai mươi rằng tuy có lượn sóng một chút nhưng nhìn chung, lịch sử đang tiến lên, trở lên tốt đẹp hơn. Năm 1900, một Thủ tướng Anh đã nói *chúng ta cứ thế tiến lên, tiến lên, tiến lên mãi,* một lời hô hào chất ngất, mạnh hơn chút so với lời hô hào "trở lại với những điều cơ bản," nhưng cứ thế tiến lên, tiến lên, tiến lên mãi. Đó là quan điểm tiệm tiến về lịch sử và từ khóa ở đầu thế kỷ hai mươi là tiến bộ, tiến bộ. Bước sang thế kỷ 21, có thể nói rằng quan điểm ngược lại là phổ biến nhất, rằng mọi thứ dần trở nên tồi tệ hơn và thực ra, dường như từ khóa khi chúng ta bước vào thế kỷ 21 là sống sót chứ không phải tiến bộ.

Nhưng có một quan điểm khác về lịch sử mà cả người Do Thái, Cơ Đốc nhân và người cộng sản đều có, lạ không? Cả ba đều lấy quan điểm đó từ người Do Thái. Quan điểm mặc khải (apocalyptic) về lịch sử là mọi thứ sẽ trở nên tồi tệ hơn nhiều, chúng cứ đi xuống mãi cho tới khi chạm đáy, rồi đột nhiên lại trở nên tốt đẹp hơn và cứ tốt đẹp mãi như vậy. Chúng ta gọi hình dạng lịch sử này là quan điểm mặc khải về lịch sử, đây là quan điểm theo Kinh thánh.

Đây là quan điểm của các tiên tri Do Thái, quan điểm của Đa-ni-ên. Mọi thứ sẽ trở nên tồi tệ hơn rồi đột nhiên lại tốt lên. Đây là quan điểm của người cộng sản. Điểm khác biệt giữa người Do Thái, Cơ Đốc nhân và người cộng sản là ai sẽ làm điều này. Người cộng sản tin rằng một con người sẽ làm điều này; thế nên giấc mơ cộng sản mới nhanh phai, vì họ tin rằng mọi thứ sẽ trở nên tồi tệ hơn, cuộc chiến giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản sẽ ngày càng tồi tệ hơn cho tới khi có cuộc cách mạng, sau đó thì xã hội sẽ không có giai cấp, không có tội phạm.

Nhưng nó có hình dạng như vậy và họ tiếp thu tư tưởng này từ một người Do Thái tên là Karl Marx. Người Do Thái và Cơ Đốc nhân đều tin vào quan điểm này nhưng họ có câu trả lời khác về việc ai sẽ làm điều đó. Người Do Thái nói *Đức Chúa Trời sẽ làm điều đó*, Cơ Đốc nhân nói *Chúa Giê-su sẽ làm điều đó và nó sẽ xảy đến khi Ngài tái lâm.* Nên quan điểm của Tân Ước về lịch sử - thể hiện rõ nhất trong sách Khải huyền nhưng được ngụ ý trong Sách Tê-sa-lô-ni-ca - là mọi thứ sẽ trở nên tồi tệ hơn cho tới khi có một kẻ độc tài nắm quyền cả thế giới gọi là Anti-Christ, một con người gian ác nói rằng: *Chẳng có luật nào cả, chỉ có ý muốn ta và ta là Đức Chúa Trời.* Có lần ma quỷ đã đề nghị cho Chúa Giê-su vị trí của Anti-Christ và Chúa Giê-su từ chối. Ma quỷ nói: *Ngươi có thể có mọi vương quốc trên thế gian này nếu ngươi để ta làm chủ ngươi.* Hắn đang nói rằng: *Ngươi làm Giê-su Anti-Christ cho ta có được không?*, và Chúa Giê-su đến để làm Đấng Christ chứ không phải Anti-Christ. Ngài từ chối lời đề nghị đó.

Đó là quan điểm về lịch sử và đáy cùng của nó sẽ là sự xuất hiện của Anti-Christ, con người gian ác sẽ tự xưng là Đức Chúa Trời. Anh chị em thấy đấy, một bộ ba không thánh sẽ chế ngự thế giới gồm có ma quỷ, Anti-Christ và tiên tri giả, một kiểu bộ ba quỷ quái, tệ hại đối nghịch với Chúa Cha, Chúa Con và Đức Thánh Linh. Khi ba tên đó kiểm soát thế giới thì lịch sử xuống đến đáy cùng và anh chị em có thể nhìn lên sự tái lâm của Chúa Giê-su để đảo ngược toàn bộ tình thế. Đó là điều Phao-lô muốn nói; vì vậy, ông nói rằng *đừng tự huyễn hoặc rằng Chúa sắp tái lâm đến nơi rồi.* Mọi thứ sẽ trở nên tệ đi trước khi điều đó có thể xảy ra. Anh chị em có thể thấy ông đang dàn xếp lại mọi thứ.

Ông cũng nói một điều khác. Ông nói rằng con người gian ác này đã tác động đến thế giới rồi. Có sự gian ác nhưng bằng một cách nào đó, nó hiện đang bị kìm giữ, nó được giữ trong một giới hạn nhất

định, nhưng đến một ngày, Đức Chúa Trời sẽ xóa bỏ mọi sự kìm giữ, khi đó anh chị em sẽ thật sự thấy một thế giới kinh khiếp, nhưng chính Chúa Giê-su nói rằng nó chỉ xảy ra trong một khoảng thời gian rất ngắn, một khoảng thời gian rất ngắn. Từ Sách Khải huyền, chúng ta có thể đoán rằng khoảng thời gian đó sẽ là ba năm rưỡi, 42 tháng, 1.260 ngày, tùy theo cách anh chị em xét đến nó. Đó là một khoảng thời gian rất ngắn, sau đó Chúa Giê-su sẽ đến. Nên sẽ là sai lầm khi nghĩ rằng Ngài sẽ đến trước khi tất cả những điều đó xảy ra, nó rất dễ khiến anh chị em mất quân bình như tại Tê-sa-lô-ni-ca.

Công việc hay sự thánh khiết

Rồi ông chuyển sang khía cạnh công việc và ông nói một điều thật sự khó nghe. Ông nói: *Nếu ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn.* Cơ Đốc nhân đừng có nuôi một tín đồ không muốn làm việc. Điều đó có hai ý. Ý thứ nhất, biếng nhác hay lười biếng là một tội lỗi. Anh chị em cứ đọc sách Châm ngôn thì sẽ thấy, nhưng lần cuối anh chị em nghe thấy tội đó được giảng trong hội thánh là khi nào? Nó cũng có nghĩa rằng thất nghiệp là một điều ác mà chúng ta phải chống lại. Chúng ta đang nói về những người không chịu làm việc, không phải những người không thể làm việc. Tôi phải nói thật rõ điều đó. Như vậy, chúng ta có một nhiệm vụ hai mặt, ấy là giúp mọi Cơ Đốc nhân bước vào công việc, nhưng không giúp những Cơ Đốc nhân không chịu làm việc. Tôi nhớ có lần, một cậu thanh niên đến thăm tôi vào khoảng 12 giờ trưa, cậu ta ngồi ở phòng khách và nói chuyện với tôi, nhưng lại cứ nhìn về phía bàn ăn đã dọn sẵn bữa trưa. Cậu ta có vẻ đói lắm rồi, và cuối cùng, không thể chịu được nữa, cậu ta hỏi: "Bao giờ chú ăn trưa vậy ạ?" Tôi đáp: "Ngay sau khi cậu về."

- *Thế mà cháu cứ mong chú sẽ cho cháu ăn trưa cùng.*
- *Không, Kinh Thánh cấm tôi làm vậy.*
- *Chỗ nào thế ạ?*

Thế là tôi chỉ cho cậu ta 2 Tê-sa-lô-ni-ca và nói: *Cậu cứ làm sinh viên mãi thế! Cậu đã làm sinh viên được 9 năm rồi, cứ học hết khóa này là cậu lại nộp hồ sơ đi học khóa khác. Cậu chỉ định dành phần đời còn lại để tiêu tiền thuế của người khác dưới danh nghĩa sinh viên. Cậu không định làm gì để trả lại cho xã hội tất cả những gì họ đã đầu tư vào cậu. Xin lỗi cậu nhưng Kinh thánh nói rằng nếu ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn.* Thế là cậu ta đi về, không được thân tình cho lắm, nhưng khoảng một năm sau, chuông cửa nhà tôi reo lên và cậu ta lại đến. Cậu ta nói: *Hôm nay chú có thể cho cháu ăn trưa rồi.* Tôi đáp: *Đồ ăn trong nhà là của cậu tất!* Nhưng anh chị em thấy đấy, chúng ta không dễ dãi. Hội thánh không ủy mị. Chúng ta rất cần nhìn nhận một cách thực tế. Phao-lô nói rằng anh chị em phải ngăn cản những Cơ Đốc nhân bỏ việc vì bảo Chúa sắp tái lâm đến nơi rồi. Đó không phải là sự thánh khiết, không phải cách chuẩn bị sẵn sàng. Khi Chúa đến, Ngài muốn rằng chúng ta đang làm công việc của mình một cách trung tín và làm việc cho Ngài. Anh chị em cứ đọc các ẩn dụ về sự tái lâm mà xem.

Tất cả đều nhấn mạnh điều này. Anh chị em sẽ không sẵn sàng cho sự tái lâm chỉ vì nghĩ rằng nó sẽ đến ngay, vì khi đó, động cơ của anh chị em sẽ là sự hoảng loạn. Anh chị em sẽ sẵn sàng hơn khi không nghĩ rằng Ngài sẽ đến vào ngày mai, nếu anh chị em trung tín. Hiểu ý tôi nói không ạ? Tất cả những ẩn dụ mà Chúa Giê-su kể về ông chủ trở lại và nói: *Ngươi làm gì với những ta-lâng của ta?*; hay về việc chàng rể đến, tất cả đều có cụm người đó trở về sau một thời gian dài, và chính sự trì hoãn mới thử được anh chị em có sẵn sàng hay không; không phải là anh chị em sẽ làm gì nếu nghĩ rằng Chúa đến vào thứ Ba tuần tới, mà anh chị em sẽ làm gì nếu 100 năm nữa Chúa vẫn chưa đến. Liệu anh chị em có còn trung tín không? Liệu Ngài có còn thấy anh chị em làm công việc mà Ngài giao

cho anh chị em? Cái đó mới quan trọng. Tôi nói lại: Đức Chúa Trời không quan tâm lắm đến việc anh chị em làm công việc gì, mà Ngài quan tâm đến cách anh chị em làm công việc của mình. Ngài muốn có một người lái taxi tận tâm hơn là một tay giáo sĩ cẩu thả, vì Ngài quan tâm đến tính cách hơn là thành tích. Chúng ta cần khích lệ dân sự mình trong khía cạnh này - công việc hằng ngày.

Vợ của Billy Graham dán một dòng ghi chú trên bồn bếp của bà thế này: *Các thánh lễ được tổ chức ở đây ba lần một ngày*. Bà hiểu điều đó. Có một người đàn ông ở thành phố Leeds của Anh, sáng nào ông cũng vào một nhà thờ nhỏ, dựa cái chổi và cây hót rác vào hàng rào bao quanh cung thánh, cầu Chúa chúc phước cho mình. Và những con đường ông quét là những nẻo đường sạch nhất thành Leeds. Đó là phục vụ Chúa trọn thời gian. Đức Chúa Trời không quan tâm lắm đến việc anh chị em làm công việc gì, mà Ngài quan tâm đến cách anh chị em làm công việc của mình, dù anh chị em làm nội trợ, làm việc với máy tính hay bất cứ công việc gì. Thế mà hội thánh lại xếp hạng công việc làm cho Chúa. Đứng đầu danh sách là giáo sĩ, hình của anh chị em sẽ được treo ở lối vào hội thánh nếu anh chị em đến Timbuctoo.

Tiếp đến là nhà truyền đạo, mục sư, rồi ở vị trí khá cao là bác sĩ và y tá. Dù gì thì họ cũng chăm sóc cho mọi người mà. Giáo viên ở hạng thấp hơn một chút, còn lái taxi á - ôi, ở tít dưới kìa. Nghe này, hoàn toàn không phải vậy đâu. Trong Kinh Thánh, công việc chân tay ở ngay đầu. Những người làm việc bằng đôi tay mình. "Cầu Chúa lập cho vững công việc của tay chúng con, phải, xin lập cho vững công việc của tay chúng con." Chúa Giê-su là thợ mộc, Phao-lô là người may trại, Phi-e-rơ và Giăng là người đánh cá, họ đã chuẩn bị công việc mình cho Đức Chúa Trời như vậy đó. Đây là một điểm quan trọng rất hay bị ngó lơ. Tức là những người đã làm công việc văn phòng được 40 năm sẽ cảm thấy rằng: *Ôi, ước gì mình có thể phục vụ Chúa, ước gì trước đây Ngài kêu gọi mình vào một công việc Cơ Đốc thực thụ nào đó* - họ hiểu sai hết rồi!

Khi Chúa Giê-su trở lại, Ngài sẽ điều hành thế giới cùng anh chị em và Ngài sẽ tìm những người mà Ngài có thể tin tưởng để điều hành tòa án, ngân hàng và mọi thứ khác. Phao-lô nói trong Cô-rinh-tô rằng: *Sao anh chị em dám đâm đơn kiện những thành viên khác trong hội thánh khi sau này anh chị em sẽ xét xử các nước?* Chúng ta đang chuẩn bị cho công việc mà mình sẽ đảm nhận khi Chúa Giê-su trở lại từ cách chúng ta làm công việc hiện tại của mình. Đó chính là sự thánh khiết, là trở thành một dân sẵn sàng cho sự đến của Ngài. Ước gì tôi mang bài thánh ca của người da đen đến đây, nhưng bài đó có một đoạn điệp khúc thế này: "Ngài sẽ thấy tôi đang xới luống bông khi Ngài đến," "các từng trời sẽ mở ra, Vua thánh sẽ hiện đến, và Ngài sẽ thấy tôi đang xới luống bông khi Ngài đến."

Câu cuối cùng là "và tôi sẽ quỳ giữa những luống bông khi Ngài đến." Người đó hiểu rằng công việc làm sáng danh Chúa là một điều thánh khiết và là phục vụ Chúa trọn thời gian. Bao nhiêu người trong anh chị em đang ở trong sự phục vụ Cơ Đốc trọn thời gian? Rồi. Ước gì tôi hỏi anh chị em từ đầu chứ giờ thì...

Lời cầu nguyện

Anh chị em có để ý thấy tôi bỏ sót một điều không? "Chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em," câu đó lại xuất hiện trong thư này, chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em. "Anh chị em hãy cầu nguyện cho chúng tôi." Câu đó lại xuất hiện ở đây - anh chị em hãy cầu nguyện cho chúng tôi. Ông đang nói rằng *chúng ta ở xa nhau nhưng tôi không quên anh chị em đâu, anh chị em có quên tôi không? Hãy cầu nguyện cho nhau, tôi cầu nguyện cho anh chị em và anh chị em cầu nguyện cho tôi.* Ở đây, Phao-

lô, nhà truyền giáo vĩ đại này nói rằng *tôi cần những lời cầu nguyện của anh chị em, anh chị em hãy cầu nguyện cho tôi như tôi cầu nguyện cho anh chị em*. Anh chị em sẽ thấy điều đó trong rất nhiều bức thư của ông. Nó ở vị trí khác vì lời cầu nguyện của ông đang tập trung vào điều này, nhưng ông nói rằng *anh chị em hãy cầu nguyện cho tôi vì chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em. Chúng ta có thể ở cách xa nhau nhưng chúng ta vẫn có thể giúp đỡ nhau và có thể cầu nguyện cho nhau.*

Đó chỉ là phần giới thiệu hai bức thư Phao-lô gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng bây giờ tôi có một bất ngờ nho nhỏ cho anh chị em. Một hai tuần trước, tôi nhận được một bức thư. Thư đề địa chỉ của tôi, trên thư có con tem Hy Lạp và người gửi là những Cơ Đốc nhân ở Tê-sa-lô-ni-ca, anh chị em có tin được không? Nó đây, và những bài học quay tại phòng này đã đến Tê-sa-lô-ni-ca. Đâu rồi? Chúng được chiếu cho những Cơ Đốc nhân tại Tê-sa-lô-ni-ca xem và bức thư cuối cùng này viết rằng - thực ra là chúng tôi bị nhầm, chúng tôi gửi nhầm cho họ hai bộ; nên họ viết: *Chúng tôi đã gửi bộ kia đến một nơi tên là Kavala, tức Nê-a-pô-li trong Công vụ 16:11*, Nê-a-pô-li, nên người Nê-a-pô-li đã xem những video quay ở đây; sau đó, thư viết rằng: *Chúng tôi đã gửi vài video khác đến Albania, tức I-ly-ri trong Rô-ma 15:19*, nên chúng cũng đến được Albania này.

Những video chúng tôi gửi cho Tê-sa-lô-ni-ca đang được xem tại Nê-a-pô-li và I-ly-ri, Albania. Thật tuyệt vời đúng không! Họ là những người cười cách tôi phát âm tiếng Hy Lạp vì tiếng Hy Lạp hiện đại rất khác, và họ thật sự chọc tôi, họ đùa cái cách tôi phát âm những từ Hy Lạp. Đấy, vấn đề của tôi là thế. Nhưng chẳng phải là rất tuyệt vời khi những gì chúng ta đang làm ở đây được gửi về chính những nơi đó sao? Một bức thư từ những Cơ Đốc nhân tại Tê-sa-lô-ni-ca kể rằng các video đang giúp họ đến thế nào, và họ đang lan truyền Lời Chúa đến chính những nơi mà Phao-lô đem Tin lành đến từ rất nhiều năm trước ra sao.

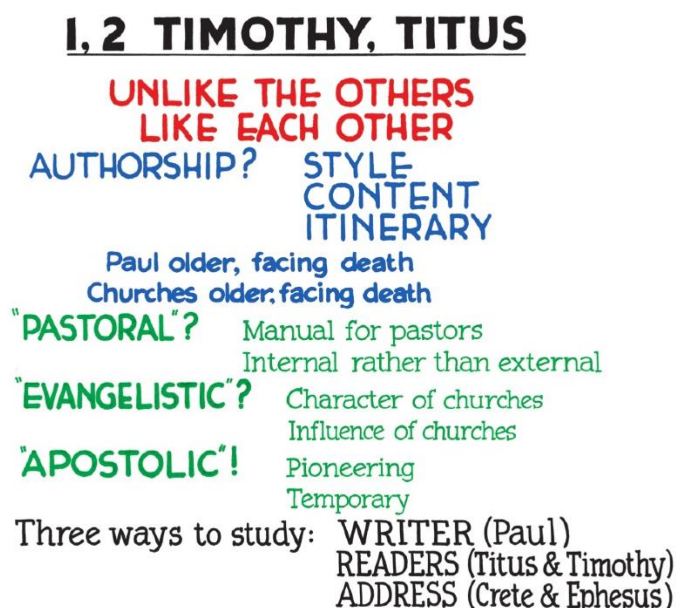
THƯ 1 & 2 TI-MÔ-THÊ và TÍT - Phần 1

Giới thiệu

Chúng ta đến với những bức thư cuối cùng mà Phao-lô viết khi còn sống, một nhóm ba bức thư ngắn cùng loại và được gọi là các thư tín mục vụ (dành cho các mục sư). Tôi sẽ cho anh chị em thấy rằng đó là một cái tên dở tệ; thật sự rất lệch lạc. Ba bức thư ngắn này không giống với những thư khác của ông ở một số điều, khá khác với những thư đó, không chỉ vì ba thư này gửi cho các cá nhân, mà còn ở nội dung, văn phong, từ vựng và rất nhiều thứ, chúng khá khác biệt. Nhưng cả ba lại rất giống nhau, nên rõ ràng là ba thư được viết trong cùng một khoảng thời gian và bởi cùng một người, nhưng nhiều học giả Kinh Thánh đã đặt câu hỏi rằng ba thư này có phải do Phao-lô viết không. Đây là một tranh luận lớn diễn ra trong các bài giải kinh về ba thư này.

Tôi e rằng có nhiều người muốn nghĩ rằng các thư này không do Phao-lô viết và họ có những động cơ kín giấu trong mong muốn đó; một trong những nhóm chính là nhóm nữ quyền. Một số điều nói về phụ nữ trong ba thư tín này đang bị người ta phản đối khá kịch liệt trong thời đại ngày nay. Không phải chống lại phụ nữ mà nói về phụ nữ, lẽ ra tôi phải nói như vậy. Người theo nữ quyền phản đối điều này rất kịch liệt, và nếu họ có thể chứng minh rằng những thư tín này không do một Sứ đồ viết và không do Phao-lô viết thì đó sẽ là một lý do chính đáng để không phải để ý nhiều đến chúng. Chính trong nhóm thư ngắn này mà Phao-lô cấm phụ nữ dạy trong một nhóm gồm cả nam lẫn nữ trong hội thánh. Tất nhiên, điều đó đi ngược hẳn với tư duy nhân văn ngày nay, thậm chí là tư duy của hội thánh. Nên tôi e là có những mong muốn gắn liền với việc chứng minh rằng đây không phải những bức thư sứ đồ.

Những điểm khác biệt của ba thư này



Đầu tiên, tôi nghĩ chúng ta có thể giải thích những khác biệt giữa ba thư này và các thư khác của ông bằng thực tế rằng, ba thư này được viết muộn hơn nhiều so với các thư khác. Một trong những lý do người ta dùng để chống lại quyền tác giả của Phao-lô là ba thư này không khớp với hành trình của ông trong Công vụ - tất nhiên là không rồi. Ông nhắc đến thời gian ông ở Cơ-rết; mà trong sách Công vụ thì ông không hề ở Cơ-rết, nên người ta bảo là thư không khớp với chương trình của ông.

Câu trả lời hiển nhiên cho điều đó, và câu trả lời thật sự là ba thư này nhắc đến khoảng thời gian chức vụ sau khi ông được phóng thích tại Rô-ma. Tất nhiên là sách Công vụ kết thúc ngay trước phiên xét xử đầu tiên của ông, và qua thư Phi-líp, chúng ta biết rằng ông đã mong mình được thả ra. Ông sẵn sàng chịu hành hình, nhưng ông có nói là *ta hy vọng phiên xét xử này sẽ thành công, ta sẽ được thả ra*, và đúng như vậy, phần nhiều là nhờ Bác sĩ Lu-ca đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng phần tóm lược của mình. Sau khi ông lại đi đây đó, Cơ-rết và những nơi khác, ông bị A-léc-xan-đơ phản bội và lại bị bắt, lần này ông biết rằng mình sẽ không được thả ra. Thế nên sách Công vụ mới dừng lại như vậy.

Lu-ca tiếp tục đi cùng Phao-lô và ông hoàn toàn có thể viết tiếp câu chuyện của Phao-lô, nhưng Phao-lô bảo: *Lu-ca ạ, con có viết nữa cũng chẳng ích gì; ta sẽ không được thả ra đâu, Chúa đã cho ta biết rằng lần này, đời ta đã đến hồi kết, nên đừng cố để ta được thả nữa Lu-ca ạ, con sẽ chống lại Chúa nếu con viết một bản tóm lược khác cho ta.* Thế nên sách Công vụ mới dừng lại như vậy. Vì đây không phải là câu chuyện của hội thánh mà là câu chuyện của Phao-lô. Đây là bản tóm lược cho phiên xét xử đầu tiên của ông, và ông được thả ra. Nhưng sau đó, khi ông bị bắt đến lần thứ hai - lần này ông không chịu quản thúc tại gia nữa mà bị giam trong xà lim - ấy là khi ông viết ba bức thư này. Điều đó giải thích khá nhiều sự khác biệt. Rằng ông đã già đi, ông đang đối mặt với cái chết và bằng một cách nào đó, nó thay đổi suy nghĩ và cách nói chuyện của ông. Nên tôi nghĩ rằng lý do cho những khác biệt về văn phong, nội dung, thậm chí là vấn đề không khớp về hành trình là vì ông được thả ra và tiếp tục đi đó đây, ông đã đến Cơ-rết và để Tít lại đó, trở lại Ê-phê-sô và để Ti-mô-thê tại đó, tất cả đều hoàn toàn ăn khớp.

Tóm lại thì tôi đang coi những bức này là thư của Phao-lô; Phao-lô đã già đi và đang đối mặt với cái chết. Các hội thánh cũng già đi và họ cũng đang đối mặt với cái chết vì một hội thánh cũng có thể chết, người càng già và hội thánh càng già thì họ càng dễ chết. Ông viết những bức thư này cho Ti-mô-thê và Tít để cứu các hội thánh khỏi sự chết, vì khi các hội thánh già đi thì thế hệ tiếp theo sẽ tiếp quản công việc. Không phải lúc nào cũng dễ truyền lại toàn bộ nhiệt huyết đức tin cho thế hệ kế tiếp - và chúng ta cần giữ cho các hội thánh được sống động chứ không chỉ đi mở hội thánh.

Thể loại của ba thư - thư tín mục vụ, truyền giáo, hay sứ đồ?

Tôi đã nói cái tên "Các Thư tín Mục vụ" là một cái tên dở tệ. Nó được nghĩ ra vào năm 1703, người nào nghĩ ra cái tên đó đã gây tổn hại nghiêm trọng. Từ đó trở đi thì người ta gọi ba sách này là Các Thư tín Mục vụ. Chúng không mang tính mục vụ hơn bất cứ thư nào khác của Phao-lô. Mọi bức thư ông viết đều mang tính mục vụ, thư giải quyết những nhu cầu mục vụ, vấn đề mục vụ; nhưng việc xếp ba thư này vào thư tín mục vụ nguy hiểm ở chỗ, chúng được coi như một dạng sổ tay cho các mục sư. Dạng như "cách làm điều này," "cách tổ chức hội thánh," và tất nhiên là có những hướng dẫn về phẩm chất cần có của các trưởng lão và chấp sự, nhưng để làm sổ tay cho các mục sư thì thật thiếu sót. Chẳng hạn, thư không cho chúng ta biết cách chọn các trưởng lão hay cách chỉ định họ, phải dùng phiếu bầu hay làm gì, các thư này có rất ít chi tiết nói lên cách tổ chức hội thánh. Nếu coi chúng là sổ tay hướng dẫn cho các mục sư thì quả là sai lầm nghiêm trọng.

Đó không phải lý do khiến ông viết các thư này, nên tôi không thích cái tên thư tín mục vụ, nhất là vì nó tập trung vào bên trong hội thánh và các vấn đề nội bộ, trong khi thực ra, những thư này lại tập trung vào trách nhiệm của hội thánh với bên noài. Các thư này cốt để nắn sửa lại hội thánh, để thế giới được truyền giáo, và đó là mục tiêu cuối cùng trong đầu Phao-lô. Nếu hội thánh không đúng đắn thì thế giới sẽ không được cứu; lòng Phao-lô luôn đau đáu cho thế giới và hội thánh chỉ là cách để đạt mục đích cứu chuộc thế giới. Nên tôi không gọi đây là các thư mục vụ.

Anh chị em có thể gọi đây là các thư truyền giáo vì suy cho cùng, đó là mục đích của chúng, phẩm chất của các hội thánh là yếu tố quyết định tầm ảnh hưởng của công tác truyền giáo, và tầm ảnh hưởng của các hội thánh là điều ông quan tâm. Thế nên ông mới nói với Ti-mô-thê rằng hãy "làm công việc của nhà truyền giảng Tin lành" - tấm lòng của ông là vậy, nên chúng ta có thể gọi đây là các thư tín truyền giáo, nhưng ngay cả cái tên đó cũng khiến chúng ta hiểu lầm đôi chút. Tôi muốn gọi đây là các thư tín sứ đồ vì Ti-mô-thê và Tít là những người đại diện sứ đồ. Qua các thư này, chúng ta thấy rõ ràng rằng chức năng đầu tiên của họ không phải là làm mục sư của các hội thánh, hay làm những nhà truyền giáo cho thế giới, mà chức năng đầu tiên của họ là ông sai họ đến đó để làm đại diện sứ đồ. Tôi nói vậy nghĩa là gì?

Khi Phao-lô đi truyền giáo trong cương vị một sứ đồ cùng đội ngũ sứ đồ của mình để thiết lập các hội thánh thì ông chăm sóc hội thánh theo ba hình thức. Hoặc là ông quay lại thăm họ để xem họ tăng trưởng thế nào, hoặc ông gửi các bức thư cho họ, hoặc ông sai một người trong đội quay lại, hoặc để một người trong đội ở lại đó để hoàn tất công việc. Nắm được không ạ? Ti-mô-thê và Tít không được sai phái làm những mục sư hay nhà truyền đạo cho Cơ-rết và Ê-phê-sô, vì Tít ở tại Cơ-rết và Ti-mô-thê ở tại Ê-phê-sô khi những thư này được gửi từ Rô-ma đến. Ông đã sai phái họ làm những người đại diện sứ đồ; ông đã sai họ đến đó làm những người gỡ rối để sắp xếp lại mọi thứ, và ông chỉ tạm thời sai họ đến đó. Trong cả hai trường hợp, ông đều nói: *Con phải làm điều này càng nhanh càng tốt, sau đó hãy đến Rô-ma với ta.* Nên ông không chỉ định họ làm các mục sư, cũng không nói rằng hãy ở đó và làm nhà truyền đạo, ông nói rằng: *Ta sai phái các con đến đó để hoàn tất công việc, sau đó hãy đến Rô-ma với ta.*

Họ chỉ ở những nơi đó trong một thời gian để thực hiện một chức năng rất cụ thể - làm người gỡ rối. Chúng ta sẽ xem những rắc rối đó là gì, nhưng trong cả hai trường hợp, ông cảm thấy rằng để giải quyết chúng, ông sẽ không viết thư cho hội thánh mà sai hẳn một người đại diện đến chỉnh đốn mọi thứ. Anh chị em có nhớ là ông đã dùng cả Ti-mô-thê và Tít ở Cô-rinh-tô không? Lúc đó Ti-mô-thê đã không thể làm điều cần làm nhưng Tít lại làm được.

Có một sự khác biệt giữa hai người này, rồi chúng ta sẽ thấy, và khi viết cho họ, ông tiếp cận hai người khá khác nhau. Ti-mô-thê cần được khích lệ nhiều. Ông là một người rụt rè, Ti-mô-thê rụt rè còn Tít thì dày dạn, và anh chị em có thể cảm nhận được điều đó, điều họ cần. Phao-lô chỉ cần bảo Tít làm điều này, điều kia, còn Ti-mô-thê thì cần rất nhiều câu khích lệ như *"hãy nhen lại ân tứ" của con, đừng quá nhút nhát, Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta tinh thần mạnh mẽ, có tình yêu thương và tự chủ. Hãy xốc lại tinh thần đi Ti-mô-thê, con làm được mà!* Tít thì ông biết rằng kiểu gì cũng làm được, nên ông chỉ bảo Tít làm điều này điều kia thôi, khác nhau ở chỗ đó.

Nhưng thú vị ở chỗ, Phao-lô lại mến Ti-mô-thê hơn Tít. Phao-lô nói: *Ti-mô-thê, con yêu dấu của ta*, và tôi cứ có cảm giác Ti-mô-thê là người gần gũi nhất khiến Phao-lô thấy mình cũng có một gia đình riêng. Mối quan hệ của ông và Ti-mô-thê rất đặc biệt, và tôi nghĩ Phao-lô cảm thấy Ti-mô-thê sẽ là người tiếp nối và tiếp quản công việc từ ông. Tuy họ khác nhau là như vậy - trong cá tính, xuất thân và nhiều điều khác - nhưng Phao-lô dành một chỗ rất đặc biệt trong lòng mình cho "con yêu dấu của ta, con thật duy nhất của ta," Ti-mô-thê.

Những người đại diện sứ đồ. Sứ đồ ở dạng tính từ có nghĩa là tiên phong, và sứ đồ ở dạng danh từ luôn là một vị trí nhất thời. Ý tôi muốn nói là ông chỉ ở lại đủ lâu để hội thánh có thể đứng trên chân của mình, rồi ông lên đường để thiết lập công việc ở một nơi khác. Ông không ở lại làm giám mục

hội thánh, ông lên đường và tiếp tục thiết lập các hội thánh khác. Một số từ về chức vụ Cơ Đốc trong Tân Ước có nghĩa rất khác nhau, một là apostolos nghĩa là "người được sai phái," anh ta liên tục đi và tiếp tục thiết lập công việc ở nơi khác; rồi episcopos, gốc của từ episcopal trong tiếng Anh nghĩa là thuộc chế độ giám mục. Episcopos là một người giám sát, anh ta ở tại một nơi. Một diaconos là một tôi tớ, người đó lo cho khía cạnh thực tế của hội thánh và anh ta cũng ở một nơi cố định. Tình hình là apostolos thiết lập hội thánh và giúp hội thánh đâm rễ vững nền, nhưng ngay sau khi có thể, ông chuyển cho episcopos và diaconos, nắm được không ạ? Họ được gọi là các trưởng lão và chấp sự, episcopos và diaconos. Thực ra thì có một từ khác, trưởng lão presbuteros, gốc của từ Presbyterian trong tiếng Anh có nghĩa là Trưởng lão, nhưng presbuteros và episcopos có thể hoán đổi cho nhau, hai từ đó đơn giản để chỉ những Cơ Đốc nhân lớn tuổi hơn, trưởng thành hơn, những người giám sát công việc. Một từ miêu tả đặc điểm; một từ miêu tả chức năng của họ.

Chìa khóa là tất cả những chức vụ này luôn ở dạng số nhiều. Trong Tân Ước không có cái gọi là chức vụ một người. Có một đội sứ đồ, một đội trưởng lão và một đội chấp sự. Thời đó, họ có nhiều giám mục cho một hội thánh; không phải nhiều hội thánh dưới quyền một giám mục - cái đó hoàn toàn ngược lại với Tân Ước. Luôn có sự an toàn khi có nhiều người ở trong một chức vụ, luôn có mối nguy khi một người đảm nhận nhiều chức vụ, và có sự an toàn trong số nhiều. Chỉ có một người trong Tân Ước kết hợp cả ba - apostolos, episcopos và diaconos. Một trong những người nam nổi tiếng nhất trong Tân Ước làm cả ba, tôi sẽ tặng một tờ 5 Bảng Anh cho ai nói được tên người đó. Anh chị em thấy sao? Anh chị em cứ việc nêu tên - chỉ có một người làm cả ba, người đó rất nổi tiếng trong Tân Ước.

Tiền tôi vẫn còn đây, nào, anh chị em nêu tên đi! Chúa Giê-su? Không phải. Phao-lô? Không phải. Giăng? Không phải. Không sao, Thế là tiền của tôi vẫn còn. Không, tại tôi không có đủ thời gian. Tên người đó là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, ai mà đoán được đúng không? Nếu anh chị em đọc kỹ Công vụ 1 thì sẽ thấy Phi-e-rơ nói: *Chúng ta phải tìm người thay thế Giu-đa, chúng ta phải tìm một sứ đồ khác, một episcopos khác, một diaconos khác để thay thế hắn ta.* Nên tôi không nghĩ đây là một tiền lệ tốt đẹp để kết hợp những chức vụ này, đúng không? Vì hắn cũng là người giữ tiền, bởi đó mà hắn sa ngã. Thông thường thì những chức vụ này tách bạch với nhau và khác nhau. Một apostolos nên thiết lập hội thánh, đến thời điểm mà hội thánh đó có episcopos và diaconos rồi thì đi, công việc của anh ta đã xong. Chẳng hạn, Phao-lô bảo Tít rằng *ta để con ở Cơ-rết để hoàn tất công việc bằng cách bổ nhiệm các epicopos trong mọi thành - bổ nhiệm các trưởng lão trong mọi thành - để hoàn tất công việc; sau đó hãy đến với ta và chúng ta có thể sai con đến một nơi khác.*

Đó là một khuôn mẫu sâu sắc. Rất tiếc là kể từ thế kỷ I SCN, người ta đã nhầm lẫn giữa apostolos và epicopos, cuối cùng thì chúng ta chỉ có một giám mục trên nhiều hội thánh và đôi khi, trong những hội thánh tự do hơn, ông ta còn gọi mình là một sứ đồ. Điều đó rất khác so với Tân Ước. Vậy là Ti-mô-thê và Tít nằm trong đội sứ đồ, Phao-lô để lại Tít tại Cơ-rết, còn sai Ti-mô-thê trở lại Ê-phê-sô, sai ông trở lại Ê-phê-sô. Việc của họ là hoàn tất công việc sứ đồ tại hai nơi đó, rời hội thánh ở cả hai nơi khi đã có một đội ngũ lãnh đạo và hội chúng mẫn cán.

Trong mọi trường hợp, Phao-lô không chạy theo số lượng mà quan tâm đến chất lượng. Ông muốn những lãnh đạo chất lượng và những thành viên chất lượng vì ông biết rằng khi đó, họ cũng sẽ mang lại số lượng nữa, nắm được không ạ? Phao-lô không hỏi rằng *hội thánh có bao nhiêu người rồi* mà hỏi rằng *chất lượng của đội ngũ lãnh đạo thế nào, chất lượng của thành viên thế nào rồi?* Nếu cần thì ông sai Tít... Ông sai Tít đến Cơ-rết xem chất lượng thành viên đã ổn chưa; nhưng ở Ê-phê-sô thì

chất lượng của đội ngũ lãnh đạo không được ổn, và đó là sự khác biệt giữa hai thư. Tít cho chúng ta biết kiểu thành viên mà một sứ đồ cần để lại, nhưng 1 và 2 Ti-mô-thê nói về kiểu lãnh đạo mà một sứ đồ cần để lại trong hội thánh. Được không ạ? Hy vọng rằng điều đó đã cho bạn chìa khóa mở ra một số điều trong các thư.

Khuôn mẫu của cuộc đời Phao-lô

PAUL

A. PATTERN OF HIS LIFE
1. Past changes
2. Present circumstances
3. Future prospects

B. PURPOSE OF HIS LIFE
1. OBJECTIVE - divine indicative
a. GOD - saviour and king
b. JESUS - saviour and judge
c. HOLY SPIRIT - gift and gifts
2. SUBJECTIVE - human imperative
a. EXPERIENTIAL - past justification
b. ETHICAL - present sanctification
c. ESCHATOLOGICAL - future glorification

TITUS — TOUGH GENTILE (uncircumcised)

TIMOTHY — TIMID JEW (circumcised)

Chúng ta có thể xét đến thư theo ba cách; chúng ta có thể xét đến các thư này từ góc độ của trước giả - bây giờ chúng ta sẽ làm như vậy, sau đó là từ góc độ của người đọc - Tít và Ti-mô-thê, và cuối cùng, chúng ta sẽ xét đến hoàn cảnh tại Cơ-rết và Ê-phê-sô khiến Phao-lô phải hướng dẫn những người đại diện sứ đồ này. Nên hãy xét đến Phao-lô, kỳ lạ ở chỗ, không hiểu sao người ta có thể nói rằng những thư này không do Phao-lô viết nhỉ! Anh chị em có thể dựng lại toàn bộ cuộc đời của Phao-lô từ những thư này. Có nhiều thông tin cá nhân của Phao-lô trong những thư này hơn mọi thư khác, sao người ta có thể nói rằng chúng không do Phao-lô viết nhỉ? Họ đang buộc tội người viết những thư này là một kẻ dối trá! Một điều thật khó nghe về một phần trong Kinh Thánh của Đức Chúa Trời.

Anh chị em có thể thấy toàn bộ khuôn mẫu đời sống của ông trong đó, ông nói về những thay đổi của cuộc đời mình trong quá khứ. Lúc này, dù đã già, ông vẫn nói rằng *ta đã bắt bớ hội thánh của Đức Chúa Trời*. Lương tâm của ông vẫn nhớ rằng ông từng chống nghịch Đấng Christ, ấy là khi ông gọi mình là Tội nhân Hàng đầu. Thực ra thì ông không nói là Tội nhân Hàng đầu, dịch thế là không ổn, mà ông nói rằng *ta là kẻ tệ nhất trong các tội nhân*. Hàng đầu nghe hơi...*Ta là kẻ tệ nhất trong các tội nhân, ta đã bắt bớ Cơ Đốc nhân*. Ông không bao giờ quên điều đó. Nghe này, khi Đức Chúa Trời tha thứ cho bạn thì Ngài đã quên đi những điều bạn làm, nhưng bạn không bao giờ quên được, thế nên bạn mới không thể tha thứ cho chính mình. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể tha thứ và quên đi, vì Ngài có thể kiểm soát trí nhớ của Ngài. Nhưng chúng ta thì nhớ; nó là một phần của thảm kịch, chúng ta vẫn nhớ. Phao-lô không bao giờ quên được điều đó - kẻ tệ nhất trong các tội nhân, nhưng ông nói: *Chúa đã nắm lấy ta và ta trở nên đầy tớ của Đấng Christ, Ngài đã chuộc mua ta.*

Tôi đã nói đến phần này hết rồi, nhưng khuôn mẫu của cuộc đời ông rất rõ ràng, hoàn cảnh hiện tại của ông cũng rất rõ ràng. Ông đã được thả ra khỏi tù, ông đã thăm nhiều nơi, ông đã quay lại Cô-

rinh-tô, Mi-lê, Trô-ách, Cơ-rết, thậm chí ông đã đến Tây Ban Nha; và thực ra, trong thư này, ông có nói rằng phiên xét xử đầu tiên của ông diễn ra tốt đẹp, nhưng ông không chờ đợi rằng phiên thứ hai sẽ như vậy. Tất cả đều có đó, ông đã được thả ra, ông đã đi về phía tây và phía đông, nhưng bây giờ, ông lại phải ngồi tù và lần này không phải là quản thúc tại gia nữa, lần này ông ở trong xà lim, và ông có cảm giác rằng *ta bị A-léc-xan-đơ - tên thợ đúc đồng phản bội.* Chúng ta không biết hắn đã phản bội ông như thế nào, nhưng rõ ràng là điều đó có trong tâm linh của Phao-lô: *Ta bị phản bội.*

Như chúng ta đã nói, ông bị bắt nhanh đến nỗi bỏ lại cái áo choàng và sách vở. Trong một thư gửi Ti-mô-thê, ông nói: *Hãy cố gắng đến với ta thật sớm và mang sách vở cho ta, mang cái áo choàng để ta khoác vào mùa đông. Biết đâu có lúc ta cần trong xà lim lạnh lẽo này.* Một chi tiết rất người. Một ông già đang đối mặt với cái chết. Nhưng ông có viễn cảnh tương lai, và viễn cảnh tương lai là ông đã hoàn tất cuộc chạy đua, ông đã chiến đấu, đã hoàn tất cuộc đua, và đã giữ được đức tin. Điều đó thật tuyệt vời! *Ta đã giữ được đức tin, nên có mão triều thiên sự sống đang chờ ta.* Anh chị em có biết rằng Cơ Đốc giáo không chỉ có cách sống đẹp mà còn là có cách qua đời đẹp không? Có một Cơ Đốc nhân ở Beaconsfield tại Buckinghamshire ở Anh; khi bác sĩ bảo ông chỉ còn sống được vài tuần nữa, ông đã viết thư cho cả họ rằng: *Đến nhà tôi đi, đến mà xem Cơ Đốc nhân qua đời như thế nào.* Một lời mời gọi rất hay.

Ở đây, trong 2 Ti-mô-thê, chúng ta có Di chúc và Di ngôn của Phao-lô, điều cuối cùng mà ông viết, điều mà một người nói trước khi qua đời rất quan trọng. Tính khí của Nero rất thất thường; không thể trông đợi rằng ông ta sẽ công minh và chính trực. Phao-lô biết rằng lần này, ông sẽ không được xử một cách công bằng. Ông bị chém đầu cạnh cổng thành, anh chị em có thể đến đó. Tôi đã đến đứng ở cổng đó, đúng chỗ mà đầu Phao-lô bị chặt xuống, và một cuộc đời vĩ đại đã chấm dứt. Đây là lúc để ông trao lại cây gậy chỉ huy cho ai đó, để ai đó chạy tiếp sức sau mình; và Ti-mô-thê là người mà ông muốn làm như vậy. Nên kiểu như ông truyền lại cho Ti-mô-thê: *Ti-mô-thê ạ, đời ta đã đi đến hồi kết nhưng con vẫn còn trẻ và con phải tiếp tục công việc này.* Đó là một bức thư rất xúc động. Người ta sẽ thấy viễn cảnh tương lai của ông u ám, nhưng xét về mặt thuộc linh thì lại rất đẹp.

Mục đích của cuộc đời Phao-lô

Không chỉ khuôn mẫu đời sống ông rất rõ ràng trong những thư này mà cả mục đích đời sống ông nữa. Tôi đã nói phần này cho anh chị em nghe quá nhiều rồi, chúng ta không cần đi vào chi tiết nữa. Nhưng ông đã sống cho Tin lành và Tin lành có mặt khách quan cũng như mặt chủ quan; chúng ta thực sự cần giữ cả hai. Anh chị em có nhớ thư Ê-phê-sô không? Nửa đầu là cái này, nửa sau là cái kia, nhưng ở đây hơi khác một chút. Phao-lô luôn tin vào Đức Chúa Trời Ba ngôi; ông liên tục nói đến Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su và Đức Thánh Linh, nhưng Đức Chúa Trời luôn là Đấng ưu việt trong Ba ngôi. Đôi khi chúng ta quên đi điều đó, tuy ông sống trong Đấng Christ và vì Đấng Christ nhưng Đức Chúa Trời mới là Đấng ông hướng đến cuối cùng.

Ở đây ông gọi Đức Chúa Trời bằng rất nhiều danh tuyệt vời. Thật thú vị là Phao-lô luôn gọi Đức Chúa Trời là Cứu Chúa, không biết lần cuối cùng anh chị em gọi như vậy là khi nào? Quá nhiều người nghĩ rằng Chúa Giê-su cứu chúng ta khỏi Đức Chúa Trời, đúng là Chúa Giê-su đã cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, Nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng nghĩ ra điều đó và chính Đức Chúa Trời là Cứu Chúa - Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời cứu rỗi, và Ngài đã sai Chúa Giê-su đến cứu chuộc chúng ta. Nhưng Ngài cũng là Vua và chúng ta rất cần nhớ rằng điểm cốt yếu của Kinh Thánh là Đức Chúa Trời là Vua. Anh chị em phải đọc qua khá nhiều sách Kinh thánh mới tìm được

Đức Chúa Trời là Cha, phải đọc gần đến cuối Kinh Thánh mới tìm được khẳng định Đức Chúa Trời là tình yêu thương.

Nhưng xuyên suốt Kinh Thánh, từ đầu chí cuối, Đức Chúa Trời là Vua và quyền cai trị của Ngài từ biển này đến biển kia, ngôi Ngài còn đến đời đời. Đức Chúa Trời là Cứu Chúa và là Vua, đó là hai điểm cốt yếu trong các thư này. Nhưng Phao-lô cũng nói về Chúa Giê-su và cũng gọi Ngài là Cứu Chúa, và ông gọi Chúa Giê-su là Đấng Phán xét, rất thú vị. Chắc anh chị em nghĩ lẽ ra ông phải gọi Đức Chúa Trời là Đấng Phán xét và Chúa Giê-su là Cứu Chúa, nhưng thực ra Đức Chúa Trời là Cứu Chúa và Chúa Giê-su là Đấng Phán xét vì Đức Chúa Trời sẽ không phán xét chúng ta vào ngày Phán xét, Đức Chúa Trời sẽ không ngồi trên ngai lớn và trắng khi chúng ta đối mặt với sự phán xét đâu. Đức Chúa Trời đã phó thác điều đó cho một con người, và Chúa Giê-su Christ sẽ phán xét chúng ta, Ngài sẽ tái lâm "để xét đoán kẻ sống và kẻ chết," chính Chúa Giê-su mới là Đấng sẽ phán xét số phận của mọi người.

Đến một ngày, Mohammed sẽ đứng trước Chúa Giê-su để chịu phán xét và Đức Phật sẽ đứng trước Chúa Giê-su để chịu phán xét, Khổng Tử sẽ đứng trước Chúa Giê-su để chịu phán xét, và anh chị em sẽ đứng trước Chúa Giê-su để chịu phán xét, tôi cũng vậy. Đó là sự thật, và chính Chúa Giê-su là Đấng Phán xét nhân loại. Chính Ngài sẽ tách chiên ra khỏi dê. Điều đó vừa khích lệ chúng ta, vừa khiến chúng ta run rẩy. Khích lệ ở chỗ, một con người sẽ phán xét chúng ta, một người hiểu chúng ta; nhưng là người nhìn thấu chúng ta và biết mọi thứ về chúng ta.

Phao-lô nói về Đức Thánh Linh và nhắc đến hai khía cạnh của Đức Thánh Linh; đầu tiên là việc kinh nghiệm ân tứ Thánh Linh. Ông nói: *Ti-mô-thê, con còn nhớ lúc con nhận lãnh ân tứ Thánh Linh khi chúng ta đặt tay trên con không?* Rồi ông nói về việc thực hành các ân tứ thuộc linh, *hãy nhen chúng lên, Ti-mô-thê ạ, hãy cứ thực hành chúng. Con rất dễ bỏ qua các ân tứ thuộc linh của mình; hãy cứ thực hành chúng, nhen chúng lên, sử dụng chúng.* Tôi chỉ lướt qua vậy thôi. Đó là mặt khách quan, chúng ta gọi đó là chỉ định thức thiên thượng (divine indicative), đây là điều Đức Chúa Trời đã và sẽ làm cho chúng ta. Mặt chủ quan thì hơi khác. Theo Phao-lô thì sự cứu rỗi của chúng ta có có ba chiều kích hay khía cạnh.

Tôi đã nhắc đến hai điều, có khía cạnh kinh nghiệm - kinh nghiệm đến với Đấng Christ, được xưng công chính và được tha thứ, được tái sinh. Khía cạnh đạo đức - khía cạnh hiện tại của sự cứu rỗi, nhờ đó mà chúng ta được thánh hóa, trở nên trong sạch và thánh khiết về đạo đức. Có tương lai - khía cạnh lai thế của sự cứu rỗi, thật thú vị là Phao-lô dùng động từ cứu theo ba thì khác nhau: chúng ta đã được cứu, chúng ta đang được cứu và chúng ta sẽ được cứu; không ai trong chúng ta đây được cứu rỗi hoàn toàn, chúng ta đang trên đường đến với sự cứu rỗi, chúng ta đang đi trên một con đường gọi là Đường Đi. Tôi thấy e ngại khi ai đó bảo rằng *Hội thánh chúng tôi có bảy người được cứu vào tối Chủ nhật.* Tôi bảo: Ý anh là có bảy người đã bắt đầu được cứu vào tối Chủ nhật, chứ họ chưa được cứu rỗi hoàn toàn đâu. Quá dễ để nghĩ rằng sự cứu rỗi đã xong rồi. Không đâu; vẫn có khía cạnh tương lai mà chúng ta đang chờ đợi và có khía cạnh hiện tại đang được cải thiện.

GOSPEL: SALVATION

A. OBJECTIVE - DIVINE (indicative)

1. GOD Only, immortal, invisible, living, etc.
2. CHRIST JESUS Birth, death, resurrection, ascension, return
3. HOLY SPIRIT Gift experienced, gifts exercised

B. SUBJECTIVE - HUMAN (imperative)

1. JUSTIFICATION - PAST: PENALTY (experiential)
   - Water baptism
   - Spirit baptism
2. SANCTIFICATION - PRESENT: POWER (ethical)
   - Separated from evil
   - Set apart for good
3. GLORIFICATION - FUTURE: PRESENCE (eschatological)
   - Need for perseverance
   - Reward for perseverance

Tôi nghĩ là về điểm đó, tôi sẽ xét đến bảng này và xem xét nó một cách đầy đủ hơn. Không biết sao tôi lại làm hai bảng giống nhau như vậy, nhưng đây là lỗi của tôi chứ không phải là người viết trên đây. Cùng một điều. Nhưng hãy mở rộng khía cạnh chủ quan này; có một chỉ định thức thiên thượng nói rằng Đức Chúa Trời đã làm điều này cho anh chị em; và có một mệnh lệnh thức cho con người (human imperative) - giờ đây, anh chị em phải làm thế này với sự cứu rỗi mà Ngài đã thực hiện, đã ban cho anh chị em. Hãy thể hiện nó ra vì Ngài đã hành động trong anh em. Chỉ định thức là Đức Chúa Trời đã hành động bên trong nhưng mệnh lệnh thức là giờ đây, anh chị em phải thể hiện nó ra.

Sự xưng công chính, sự thánh hóa và sự vinh hiển cùng nhau tạo nên sự cứu rỗi, nên hiện nay chúng ta mới chỉ được cứu một phần. Không có chuyện "được cứu một lần là đủ cả," chúng ta chỉ có thể nói mình được cứu khi đã đi đến cuối quá trình, khi sự cứu rỗi của chúng ta hoàn tất. Khi chúng ta hát những bài thánh ca của Charles Wesley - "được phục hồi hoàn toàn trong Ngài" - đó là khi sự cứu rỗi của anh chị em hoàn tất, khi mọi phần...Vợ tôi có đức tin lớn nhưng có một điều đã kéo căng giới hạn đức tin của bà ấy, hết cỡ luôn. Vì tôi bảo vợ tôi là đến một ngày, chồng của bà ấy sẽ trở nên hoàn hảo. Bà ấy có thể tin hầu hết những gì tôi giảng, nhưng khi tôi nói vậy thì bà ấy phải vật lộn với đức tin; nhưng đúng là như vậy. Đức Chúa Trời chưa xong việc với tôi và Ngài muốn tiếp tục công việc tốt lành mà Ngài đã bắt đầu trong tôi cho tới ngày đó - đó là mục tiêu của Ngài - để tôi được cứu rỗi hoàn toàn.

Tôi rất hiếm khi dùng từ sự cứu rỗi mà tôi dùng từ được tái chế. Nếu có người hỏi là tôi đang làm nghề gì, tôi sẽ nói: *Tôi làm ngành tái chế.* Họ nhìn tôi và nói: *Ôi, thật tuyệt vời! Ông tái chế gì vậy, giấy hay kim loại? - Không, là con người.* Vì nguyên nhân thật sự gây ra ô nhiễm trên trái đất là con người, chính con người mới cần được tái chế, anh chị em không được tái chế nếu chưa được được phục hồi hoàn toàn cho mục đích ban đầu mà anh chị em được tạo dựng - như giấy tái chế có thể sử dụng lại được. Địa ngục là một đống rác, những người không ích lợi gì cho Chúa bị ném xuống nơi đó. Đó là lý do tại sao Ngài dùng hình ảnh Ben Hi-nôm là đống rác bên ngoài Giê-ru-sa-lem để chỉ địa ngục, và công việc của tôi là gì - là cứu người ta khỏi đống rác đó và tái chế họ cho Đức Chúa Trời - như Ô-nê-sim vậy.

Nó là như vậy, anh chị em không được cứu cho tới khi anh chị em được tái chế hoàn toàn và lại làm điều mà Đức Chúa Trời định cho anh chị em. Nên sự cứu rỗi là cả một quá trình. Tít 3:5 là câu Kinh thánh mà tôi rất thích, thế mà tôi chưa nghe ai giảng về câu đó cả. Tít 3:5 nói rằng Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta qua phép báp-tem nước và báp-tem Thánh Linh - rất giống với Giăng 3:5 - chúng ta được tái sinh từ nước và Thánh Linh. Nếu anh chị em đọc cuốn Sự ra đời bình thường của Cơ Đốc nhân mà tôi viết, nó đâu rồi? Tôi thật sự đã chỉ ra rằng Phao-lô coi phép báp-tem nước và báp-tem Thánh Linh là yếu tố cần thiết với sự cứu rỗi như thế nào, nhưng nếu tôi dịch điều đó ra và nói rằng đó là yếu tố cần thiết để được tái chế thì anh chị em sẽ hiểu rõ hơn, đúng không ạ? Chỉ vì chúng ta cứ nghĩ được cứu là lấy được tấm vé lên thiên đàng nên chúng ta sa vào suy nghĩ sai lệch rằng hai phép báp-tem đó không cần thiết với sự cứu rỗi, nhưng khi anh chị em đã thấy sự cứu rỗi là một quá trình tái chế, thì hai điều đó thuộc quá trình này. Chúng trở nên một phần không thể thiếu.

Nên Phao-lô nói: *Ngài đã cứu chúng ta qua việc thanh tẩy của sự tái sinh và đổi mới của Đức Thánh Linh mà Ngài đã tuôn đổ dồi dào trên chúng ta.* Rất thú vị - sự tái chế bắt đầu khi anh chị em được báp-tem và tiếp tục khi anh chị em được đắm mình trong Đức Thánh Linh. Thực ra thì thông thường, công việc tái chế bắt đầu từ việc rửa lại - một quy trình rửa. Nhưng ông nhấn mạnh hai điều đó, sự tái sinh bắt đầu từ đây, sự xưng công chính của anh chị em bắt đầu từ đây; tất cả đều là một phần của sự khởi đầu. Rồi sự thánh hóa có cả khía cạnh tích cực và tiêu cực - tiêu cực là bị tách khỏi điều ác, tích cực là được biệt riêng cho điều lành. Được thánh hóa không chỉ có nghĩa là được tách khỏi điều ác mà còn có nghĩa là được biệt riêng, được Đức Chúa Trời sử dụng. Một chiếc bình được thánh hóa trong đền thờ không chỉ là một chiếc bình sạch, mà là một chiếc bình Đức Chúa Trời có thể sử dụng. Sự thánh hóa không phải là một điều thụ động mà là một điều rất chủ động, là trở nên đủ thanh sạch để Đức Chúa Trời có thể sử dụng. Và điều đó cần thời gian.

Rồi đến sự vinh quang. Các thư này đặc biệt nhấn mạnh rằng cần kiên trì. Phao-lô buồn bã nói đến những người đã sụp đổ đức tin, những người đã chối bỏ đức tin, những người lại sa vào đời này. Đây là một điều rất hệ trọng, vì đây không phải là một quá trình tự động, nó sẽ tiếp tục chừng nào anh chị em tiếp tục tin cậy và tin vào Chúa; không có chuyện là đã bắt đầu thì sẽ tự động hoàn tất, ấy là khi Phao-lô trích một trong những "phương châm thành tín" này. Đôi khi, trong những thư này, ông trích "một phương châm thành tín" hay "phương châm đáng tin cậy," có thể nói là ông đang trích những câu châm ngôn nhỏ được lưu hành trong các hội thánh. Ông đã trích dẫn câu này "Nếu chúng ta đã chết với Ngài, thì cũng sẽ sống với Ngài; Nếu chúng ta chịu gian khổ, thì sẽ cùng cai trị với Ngài." Rồi đến câu này "Nếu chúng ta chối bỏ Ngài, thì Ngài cũng sẽ chối bỏ chúng ta" và tất nhiên là ở đó, ông đang trích lời Chúa Giê-su. Chúa Giê-su nói rằng "ai chối bỏ Ta trước mặt thiên hạ, Ta cũng sẽ chối bỏ họ trước mặt Cha Ta," những thư này thực sự nói rằng cần kiên trì, nhấn mạnh vào việc kiên trì, tiếp tục, chịu đựng, anh chị em thử gạch chân những từ đó trong các thư này mà xem. *Ti-mô-thê, hãy kiên trì, hãy cứ bước tiếp, tiếp tục.* Ông nói: *Nếu con cứ tiếp tục trong đức tin thì con sẽ cứu chính mình và những người nghe con.*

Hãy lưu tâm đến điều đó - nếu anh chị em tiếp tục, nếu anh chị em kiên trì, cẩn thận canh chừng đời sống và giáo lý của mình, vì nếu anh chị em kiên trì trong những điều đó thì anh chị em sẽ cứu chính mình và những người nghe mình. Lúc này ông đang nói đến sự cứu rỗi tương lai - sự hoàn tất trọn vẹn - tương lai vinh quang mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho chúng ta. Hãy kiên trì trong đời sống và giáo lý của anh chị em, hãy giữ cho chúng được gần Đấng Christ, anh chị em sẽ cứu chính mình và những người khác. Chúng ta phải canh chừng những điều này.

Ti-mô-thê và Tít

Tôi nghĩ là sắp hết giờ rồi đúng không nhỉ? Ôi, tôi còn bao nhiêu thời gian nữa nhỉ? Có thể là năm phút nữa.

Tôi xét nhanh đến Ti-mô-thê và Tít. Tôi nghĩ chúng ta cần quay lại. Hai sứ đồ này khác nhau như thế nào? Tít là một người ngoại, không được cắt bì; Ti-mô-thê có mẹ và bà là người Do Thái, họ dạy Kinh Thánh cho ông từ thuở nhỏ, ông có xuất thân tin kính, trong khi Tít xuất thân từ ngoại giáo. Ti-mô-thê không được cắt bì vì cha ông không phải người Do Thái, nhưng sau này Phao-lô có cắt bì cho ông, không phải vì Phao-lô nghĩ rằng phép cắt bì sẽ ích lợi gì cho ông, nó chỉ giúp ông có thể cùng Phao-lô vào các nhà hội. Vì cớ đó mà Ti-mô-thê sẵn sàng chịu cắt bì khi đã trưởng thành, một việc không mấy dễ dàng với người trưởng thành. Nhưng Ti-mô-thê làm như vậy để có thể cùng Phao-lô vào giảng trong các nhà hội. Đó là lý do duy nhất khiến ông chịu cắt bì.

Nhưng xét đến tính khí thì họ khác nhau hoàn toàn. Ti-mô-thê sinh ra tại Lít-trơ, một trong những thị trấn đầu tiên mà Phao-lô đến truyền giáo trong Ga-la-ti. Sau này liên hữu tại Lít-trơ liên lạc với Phao-lô và họ nói: *Phao-lô, chúng tôi có một cậu thanh niên đầy triển vọng và nếu ông có thể để cậu ta đi cùng thì cậu ta sẽ học việc rất tốt.* Thực ra là hội thánh đã giới thiệu, kể từ đó, Ti-mô-thê đi cùng Phao-lô và mối quan hệ với họ không bao giờ phai nhạt. Mẹ người Do Thái, cha người ngoại, mẹ và bà đều tin kính Đức Chúa Trời của người Do Thái, Ti-mô-thê được biệt riêng ra bởi lời tiên tri và ông có ba nhiệm vụ đặc biệt ngay trước nhiệm vụ này.

Chúng ta biết rằng ông được phái đến Tê-sa-lô-ni-ca, đến Cô-rinh-tô và Phi-líp như người đại diện cho Phao-lô, rằng Phao-lô đề tên ông trong ít nhất sáu bức thư Phao-lô viết. Ông được đề tên trong hai thư Tê-sa-lô-ni-ca, hai thư Cô-rinh-tô, thư Phi-líp và Phi-lê-môn, nên ông thật sự đồng hành với chức vụ của Phao-lô trong suốt thời gian đó. Nhưng ông hay đau yếu, ông hay gặp vấn đề về dạ dày, tôi đã nói là Phao-lô muốn ông thoa rượu vào, nhưng lại bảo ông uống ít rượu “vì dạ dày của con.” Ông cũng là người cần được khích lệ nhiều, nên với Ti-mô-thê, Phao-lô nói rằng: *Ti-mô-thê, con phải trở thành một người lính, một vận động viên. Con phải kỷ luật bản thân, Ti-mô-thê ạ; hãy dốc chí trượng phu.*

Thế nên khi Phao-lô đi đến cuối đời, ông nhận ra rằng Ti-mô-thê sẽ cảm nhận điều đó rõ hơn mọi người khác. Ti-mô-thê là người giống như con trai của Phao-lô nhất, và họ có mối quan hệ cha con đó, thế nên ông mới nói: *Ti-mô-thê, hãy dàn xếp những vấn đề ở Ê-phê-sô càng nhanh càng tốt, sau đó hãy đến cùng ta. Ta muốn ở cùng con trong vài tuần cuối đời.* Chúng ta không biết Ti-mô-thê có đến được trước khi Phao-lô bị hành hình không nữa. Nhưng anh chị em có thể thấy mong muốn của Phao-lô trong thư này. *Ta phải để con lại Ê-phê-sô, con phải dàn xếp điều đó; nhưng Ti-mô-thê ơi, hãy đến đây trước mùa đông nếu có thể.*

Khi đọc thư Tít, anh chị em sẽ không thấy kiểu liên hệ cá nhân đó. Tít - những gì chúng ta biết về ông là ông rất tốt; ông là một người làm công xuất sắc, ông đã làm tốt việc của mình. Phao-lô hoàn toàn tin tưởng vào ông, ông là một người ngoại dày dạn, sách Công vụ không nhắc đến ông, Phao-lô không phải hô hào gì với ông. Phao-lô không giục Tít rằng hãy xốc lại tinh thần, hãy dạn dĩ và đừng sợ người ta. Ông không phải nói vậy với Tít. Ông chỉ cần nói với Tít là *hãy bảo họ làm điều này, bảo họ làm điều kia* - một cách tiếp cận khá khác.

Như vậy là chúng ta có hai bức thư khác nhau nói lên rất nhiều điều về Phao-lô; hãy đọc để tìm ra ý nghĩa thật sự, chúng sẽ nói lên khá nhiều điều về Tít, Ti-mô-thê và mối quan hệ giữa Phao-lô với họ. Nhưng điều quan trọng ở cả hai thư mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong bài tới, ấy là ở Cơ-rết đã xảy ra chuyện gì, ở Ê-phê-sô xảy ra chuyện gì đến nỗi Tít và Ti-mô-thê phải xa Phao-lô khi ông cần họ nhất trong lúc cuối đời. Sự tình là thế nào? Dù Phao-lô mong là cả hai sẽ đến với ông lúc cuối đời nhưng lòng ông vẫn đau đáu cho các hội thánh. Ông đang nói rằng: *Nếu hội thánh cần các con hơn ta thì các con phải ở đó, nhưng hãy cố gắng đến cùng ta càng sớm càng tốt.* Chúng ta sẽ xét đến nội dung của các thư trong bài sau.

THƯ 1 & 2 TI-MÔ-THÊ và TÍT - Phần 2

Nhiệm vụ của Ti-mô-thê và Tít

Chúng ta lại tiếp tục xét đến những sách mà người ta nhầm tưởng là Các thư tín mục vụ, 1&2 Ti-mô-thê và Tít. Bây giờ chúng ta sẽ xét đến đầu ngược lại. Chúng ta sẽ xét đến các thư từ góc độ địa chỉ, chúng ta sẽ xét đến chúng từ góc độ của các hội thánh, bởi vì, tuy được gửi cho các cá nhân nhưng những thư này toàn nói về những hội thánh mà họ đang cố gắng giúp đỡ. Tít và Ti-mô-thê được đặt để tại đó để dàn xếp các hội thánh, ấy thế nhưng nhiệm vụ của hai người lại khác nhau rất nhiều. Hãy xét nhanh đến điều này - vấn đề các trưởng lão, làm sao để có những trưởng lão chất lượng để các sứ đồ có thể đi và thiết lập các hội thánh ở nơi khác.

	TITUS (CRETE)	TIMOTHY (EPHESUS)
ELDERS	None	Wrong
CONCERN	Membership	Leadership
ERROR	Peripheral	Central

1. TO COMPLETE THE TRANSITION
   a. *Quality leaders*
   b. *Quality members*
2. TO CONFRONT THE TROUBLERS
   a. *Errors they propogated*
   b. *Example they presented*
   c. *Effect they produced*
3. TO COMMUNICATE THE TRUTH
   a. *Message to be declared*
   b. *Model to be demonstrated*

Ở Cơ-rết không có một trưởng lão nào. Có các hội thánh tại mọi thành ở Cơ-rết, nhưng không có các trưởng lão, không có đội ngũ lãnh đạo địa phương, nên vấn đề cấp bách là ai đó cần chỉ định những lãnh đạo địa phương, để họ làm trưởng lão và giám sát - những người có thể giúp hội thánh tăng trưởng. Nên nhiệm vụ của Tít là làm sao để các trưởng lão được chỉ định. Vấn đề tại Ê-phê-sô là một chuyện xưa cũ hơn nhiều, ấy là họ chọn không đúng trưởng lão, và Ti-mô-thê được giao nhiệm vụ loại bỏ các trưởng lão tồi và đưa đúng người vào vị trí đó. Sao Phao-lô không sai Tít làm việc này còn để Ti-mô-thê chỉ định các trưởng lão nhỉ? - Tôi không biết, có lẽ Phao-lô biết mình đang làm gì. Nhưng ông đã sai Ti-mô-thê làm như vậy, loại bỏ những người không đúng và đưa đúng người vào vị trí, một nhiệm vụ rất khác.

Xét đến những người đi hội thánh thì trong trường hợp của Tít tại Cơ-rết, Phao-lô quan tâm đến chất lượng của các thành viên, nó không được tốt. Các thành viên rất tạp nham; xuất thân của họ ảnh hưởng quá nhiều đến tính cách, và người Cơ-rết là những người khét tiếng. Họ thật sự lưu manh, và điều đó đã len lỏi vào các thành viên. Trong khi mối lo của Phao-lô tại Ê-phê-sô là đội ngũ lãnh đạo đều hỏng cả, thành viên thì ổn nhưng người lãnh đạo thì không. Nên hai thư có điểm nhấn khác nhau. Trong thư gửi Tít, Phao-lô nhấn mạnh là các thành viên phải thế nào, nhưng trong 1&2 Ti-mô-thê thì

ông nhấn mạnh là những người lãnh đạo phải thế nào, từ đó thật sự tạo nên bức tranh tổng thể. Cả hai thư đều nhắc đến sai lầm, cả hai thư đều nhắc đến sự dạy dỗ sai trái len lỏi vào, sự dạy dỗ tồi.

Nhưng ở Cơ-rết thì đây chỉ là vấn đề ngoài lề chứ không phải trọng tâm. Tại Cơ-rết, vấn đề nằm ở rìa ngoài hội thánh; có một số tư tưởng nực cười đang trôi nổi ở vòng ngoài các thành viên. Nhưng tại Ê-phê-sô thì sự dạy dỗ tệ hại lại nằm ở những lãnh đạo không đúng này, nên để hội thánh được lành mạnh thì thật sự phải tập trung giải quyết điều đó. Nắm được không ạ? Như vậy là sự dạy dỗ sai trái có được đề cập trong thư gửi Tít, nhưng gần như đó chỉ là một vấn đề thứ yếu, thứ cấp so với điểm chính yếu, nhưng trong 1&2 Ti-mô-thê, những giáo sư tồi này lại ở ngay hàng đầu và thật sự cần xử lý họ.

Có ba nhiệm vụ mà Phao-lô giao cho cả Ti-mô-thê và Tít nhưng ông lại nhấn mạnh vào những điều khác nhau vì hoàn cảnh ở hai nơi khác nhau. Họ phải làm ba điều, một là họ phải hoàn tất quá trình chuyển tiếp từ một hội thánh phụ thuộc vào các sứ đồ sang một hội thánh do các lãnh đạo địa phương dẫn dắt. Đó là một sự chuyển tiếp rất quan trọng để hội thánh có thể trở nên độc lập theo đúng nghĩa, và không còn phụ thuộc vào những người mở hội thánh nữa.

Tất nhiên, lãnh đạo tốt là khiến người ta ngày càng ít phụ thuộc vào mình hơn, lãnh đạo tồi là khiến người ta ngày càng phụ thuộc vào mình hơn - nhưng lãnh đạo tốt, cha mẹ tốt sẽ làm sao cho con mình ngày càng có thể tự lập hơn mà không có mình. Nuôi dạy con mà cứ để chúng bám đuôi là không tốt. Nên sự dạy dỗ tốt khiến học sinh ngày càng không lệ thuộc vào giáo viên và có thể tự khám phá ra nhiều thứ; dạy dỗ tồi là lúc nào chúng cũng đến hỏi mình, anh chị em hiểu ý tôi nói không?

Như vậy, để hoàn tất quá trình chuyển tiếp thì trong mọi trường hợp đều cần để lại đội ngũ lãnh đạo chất lượng và các thành viên chất lượng, từ đó số lượng sẽ tăng lên. Nhưng điều quan trọng khi khởi đầu một hội thánh, một số anh chị em trong đây đang ở những hội thánh mới và có lẽ anh chị em đã có bài học xương máu: chúng ta phải có đội ngũ lãnh đạo chất lượng và các thành viên chất lượng thì mới tăng trưởng được; nền tảng phải vững thì mới có thể đưa nhiều người vào và khiến họ cải đạo. Nhưng nếu đội ngũ lãnh đạo tồi, chất lượng thành viên cũng tồi mà cố gắng tăng trưởng thì chật vật lắm.

Nhiệm vụ thứ hai là đương đầu với những kẻ gây rối, những người gây nhiễu loạn, và đương đầu hay đối chất là một phần quan trọng trong việc lãnh đạo hội thánh. Nếu anh chị em bỏ qua một vấn đề nào đó thì chúng sẽ ngày càng nghiêm trọng hơn. Nếu không sẵn sàng giáp mặt với nó ngay khi nó xuất hiện và xử lý nó thì anh chị em có thể giấu nhẹm nó đi rất lâu, nhưng nó sẽ có cách để ngày càng trở nên tệ hại hơn và rồi, nó sẽ nằm chềnh ềnh ra trước mặt anh chị em. Bao nhiêu người trong anh chị em đã ở trong những hội thánh mà có chuyện gì đó xảy ra nhưng người lãnh đạo không xử lý nó, không đương đầu với nó và cố gắng lờ nó đi, vờ như không có chuyện gì xảy ra, rồi nó bùng lên và hội thánh bị chia rẽ? Anh chị em đã thấy điều đó đúng không? Cần phải đương đầu với những người gây rối trong hội thánh; dù là thành viên hay người lãnh đạo, chúng ta đều cần phải đương đầu với họ, để họ đối mặt với những gì mình đang làm. Có ba điều cần phải xử lý. Chút nữa tôi sẽ xét đến tất cả những điều này, tôi sẽ nêu chi tiết hơn.

Điều quan trọng thứ ba khi lập nền cho hội thánh là truyền đạt lẽ thật. Suy cho cùng thì tấm chắn bảo vệ tốt nhất của hội thánh là sự dạy dỗ tốt và liên tục. Tôi không hề nhấn mạnh thái quá; các hội thánh không dạy dỗ Lời Chúa liên tục và có hệ thống sẽ rất dễ bị đủ kiểu tổn hại tấn công. Nhưng nếu liên tục dùng Lời Chúa để đối chất, truyền đạt lẽ thật của Tin lành thì sẽ cứu được nhiều hội thánh.

Thế nên tôi hy vọng cả Lời Chúa và Thánh Linh đều được đưa vào mối thông công. Cả hai đều cần thiết. Có Lời Chúa mà không có Thánh Linh thì khô khan. Có Thánh Linh mà không có Lời Chúa thì bộc phát, nhưng có cả Thánh Linh lẫn Lời Chúa thì tăng trưởng, câu này không phải của tôi mà tôi trích lại đấy; một phương châm thành tín, một phương châm đáng tin cậy.

Lãnh đạo chất lượng

Hãy xét kỹ hơn tới ba điều này. Cả Ti-mô-thê và Tít đều cần rời đi càng sớm càng tốt, nhưng họ không được rời đi khi chưa thiết lập được hai điều này. Phao-lô nói *hãy làm những điều này càng sớm càng tốt, sau đó hãy đến với ta*. Những lãnh đạo chất lượng là một điều không thể thiếu. Tôi đã dành nhiều thời gian để tổ chức hội thảo cho các mục sư và lãnh đạo hội thánh, và tôi luôn bảo họ thế này: Vấn đề lớn nhất của các thành viên trong hội thánh là họ làm theo hay bắt chước những người lãnh đạo của mình. Vì những người lãnh đạo thường phàn nàn với tôi rằng: *Các thành viên trong hội thánh không theo chúng tôi.* Tôi nói: Họ không làm theo những gì anh nói nhưng họ có bắt chước những gì anh làm. Hiển nhiên rồi, dân sự bắt chước người lãnh đạo của mình một cách vô thức, họ không làm theo những gì lãnh đạo nói mà họ bắt chước những gì lãnh đạo làm.

Một trong những trách nhiệm đáng sợ khủng khiếp của việc làm lãnh đạo hội thánh là thấy những điểm mạnh và điểm yếu của chính mình xuất hiện trong hội thánh. Đó là mối nguy của chức vụ cá nhân hay chức vụ một người, vì tính cách của anh ta sẽ trở thành tính cách của hội chúng đó. Khi có nhiều lãnh đạo, nhiều trưởng lão thì họ sẽ đóng góp thêm những điểm mạnh và bổ sung cho nhau để cân bằng hơn nhiều. Nhưng một người sẽ truyền lại điểm mạnh và điểm yếu cho hội thánh mà anh ta lãnh đạo, vì dân sự có bắt chước theo. Họ trở nên giống những người lãnh đạo mình một cách vô thức; nhưng họ không trở nên những gì lãnh đạo nói mà trở nên giống lãnh đạo trong con người và việc làm.

Nên ở đây, các thư này nói về những tiêu chuẩn dành cho lãnh đạo hội thánh - các trưởng lão và chấp sự; anh chị em để ý thì sẽ thấy tiêu chuẩn không phải là tài năng hay khả năng mà là tính cách. Lãnh đạo không hẳn là bởi năng lực mà là bởi chính con người họ - con người họ khi ở nhà, con người họ khi ở ngoài và những gì mọi người xung quanh nghĩ về họ. Khi chọn một trưởng lão trong hội thánh thì anh chị em có hỏi ý kiến những người không tin Chúa bên ngoài không? Có lần hội thánh tôi đã làm như vậy; tôi thừa nhận là chúng tôi chỉ làm một lần duy nhất, nhưng chúng tôi đã hỏi đồng nghiệp của một người đang được cất nhắc làm trưởng lão, và anh chị em biết họ nói gì không? Họ nói: *Các ông may mắn lắm mới có được anh ý đấy*. May mắn không phải là từ mà Cơ Đốc nhân thường dùng, nhưng họ nói thế có nghĩa rằng đây là một người tốt. Anh chị em có biết điều gì khiến chúng tôi tin tưởng người này không? Ấy là anh ta được tiếng tốt với những người bên ngoài, không chỉ được lòng những người bên trong mà còn được tiếng tốt với người bên ngoài.

Và đặc điểm tính cách - người này không nóng nảy, không tham tiền, có thể quản trị nhà mình, chỉ kết hôn với một vợ. Khi có người hỏi tôi là phụ nữ có làm trưởng lão được không. Tôi bảo có, miễn là cô ta kết hôn với một vợ, vì đó là một những tiêu chuẩn cần có, vậy đấy ạ! Tôi e rằng khi đọc Kinh Thánh, tôi tin rằng chức trưởng lão là trách nhiệm của người nam. Suy cho cùng thì việc kỷ luật trong gia đình là trách nhiệm của người cha, cũng vậy, việc kỷ luật trong hội thánh cũng là trách nhiệm mà Đức Chúa Trời đặt để trên những người nam, nhưng đó là một câu chuyện khác. Anh chị em đọc cuốn sách Lãnh đạo là Công việc của Người nam (Leadership is for Male) của tôi thì sẽ hiểu. Thư có nhắc đến các chấp sự và nữ chấp sự, những người phục vụ hội thánh trong khía cạnh thực tế. Nhưng cần nhìn vào tính cách chứ không chỉ khả năng của họ, anh chị em nên chọn một thủ quỹ hoặc

một chấp sự quản lý tài sản có tính cách tốt; chấp sự cấp phát - một người có tính cách tốt. Bởi vì khi làm việc cho Chúa trong hội thánh, điều quan trọng là các mối quan hệ, không phải là khả năng mà là các mối quan hệ - tất nhiên là khả năng cũng có ích lợi.

Nhưng thú vị là chất lượng của đội ngũ lãnh đạo không nằm ở khả năng của họ; khả năng duy nhất mà thư nhắc đến về các trưởng lão là “có tài dạy dỗ” vì các trưởng lão sẽ dạy dỗ, nhưng không có nghĩa là khả năng đứng lên diễn thuyết mà là khả năng truyền đạt, một điều có thể thực hiện với một người hoặc một ngàn người. Nên đây là những phẩm chất của người lãnh đạo và ba thư này cho chúng ta biết nhiều về phẩm chất của người lãnh đạo hơn bất cứ thư nào mà Phao-lô viết, và chúng khá hay.

Còn nhớ khi chúng tôi chọn trưởng lão cho cả hai hội thánh mà tôi từng làm, tôi chỉ giảng thư Tít và Ti-mô-thê trước khi họ được chọn. Tôi nhớ là trong cả hai trường hợp, khi hội thánh nhờ tôi chọn những trưởng lão đầu tiên, tôi nói: *Không, tôi sẽ chỉ cho anh chị em biết cần tìm kiếm những gì, và anh chị em phải tìm ra họ.* Và trong cả hai trường hợp, họ đã tìm ra những người mà tôi cũng định chọn. Nhưng anh chị em thấy đó, chúng ta cần dạy cho người ta biết phải tìm kiếm điều gì, và hội thánh cần nhìn ra những người lãnh đạo của mình, vì chiên chỉ theo người chăn mà chúng quen tiếng mà thôi. Tôi nghĩ chúng ta cần để hội thánh chịu trách nhiệm nhìn ra những người lãnh đạo mà Đức Chúa Trời ban cho họ, và sau khi nhìn ra họ thì đồng công với họ. Kinh thánh không hề nói rằng chúng ta phải đầu phục các lãnh đạo hội thánh một cách mù quáng, nhưng có nói rằng hãy để họ thuyết phục anh chị em, hãy dọn đường cho họ, để họ có cơ hội lãnh đạo.

Thành viên chất lượng

Còn thành viên chất lượng thì sao? Chúng ta phải đọc Tít để thấy điều này. Có thể thấy phẩm chất của các thành viên tại hội thánh, tại nhà họ, tại nơi họ làm việc và trong xã hội. Đây là một chương trình rất thú vị nếu anh chị em để tâm nghiên cứu. Thư Tít là một chương trình huấn luyện thành viên hội thánh tuyệt vời, về cách làm rạng rỡ hay tô điểm Tin lành, một từ thật hay, rằng chúng ta cần tô điểm Tin lành, khiến Tin lành trở nên hấp dẫn, và mối quan tâm thường trực của Phao-lô trong những thư này là làm sao để hội thánh được thế gian nhìn nhận. Rằng ngay cả các trưởng lão hội thánh cũng có tiếng tốt ở bên ngoài, rằng chính hội thánh tô điểm cho giáo lý, tô điểm tức là khiến nó trở nên đẹp và hấp dẫn với mọi người hơn. Chúng ta phải khiến Tin lành trở nên hấp dẫn với người ta; rất thú vị là ở đây, danh sách những đức tính mà Phao-lô dùng trong thư này không phải là danh sách đức tính Cơ Đốc mà là danh sách đức tính của người Hy Lạp.

Người Hy Lạp có một danh sách những điều mà họ cho là tốt nơi con người, những người vô tín biết điều gì là tốt; và thực chất, Phao-lô đã dùng danh sách những gì người ngoại cho là tốt và nói: *Là Cơ Đốc nhân, anh chị em phải sống tương ứng với tiêu chuẩn mà người ngoại giáo cho là tốt*; thật thú vị đúng không? Rằng thành viên chất lượng không phải là những người mà hội thánh coi là chất lượng, nhưng là những người mà thế gian coi là chất lượng. *Ít nhất thì chúng ta phải được thế gian cho là tốt, và còn hơn thế nữa*, đó là điều ông muốn nói. Điều thế gian cho là tốt...Thế gian họ không ngốc đâu anh chị em ạ! Họ có sự phân biệt; đoàn dân đông lắng nghe Ngài một cách thích thú, và những người bình thường có thể nhìn thấu những người trong hội thánh như vậy, tin tôi đi ạ! Họ biết khi nào ông vua cởi truồng, và họ nhìn thấu chúng ta, thật sự là như vậy. Hãy luôn biết rằng người vô tín có thể thấy sự khác biệt giữa sống tốt và sống tệ, người sống đúng và người sống sai.

Có thể họ không đáp ứng được tiêu chuẩn Cơ Đốc, nhưng họ có ý niệm rằng một người tốt là như thế nào. Phao-lô nói với Tít rằng *Tít ạ, làm sao để các thành viên hội thánh là người tốt trong mắt thế gian, và ít nhất là sống tương ứng với tiêu chuẩn của người ngoại giáo.* Anh chị em có nhớ khi Phao-lô chỉ trích Cô-rinh-tô về một người sống loạn luân không? Ông nói: *Ngay cả người ngoại cũng nói rằng làm vậy là sai, thế mà anh chị em lại cho phép điều đó trong hội thánh.* Không chỉ sống tương ứng với tiêu chuẩn Cơ Đốc, mà chúng ta phải sống trên tiêu chuẩn của thế gian. Làm sao để họ nói rằng: *Hãy xem những người trong hội thánh kìa, họ là những người tốt, là người tốt.* Lãnh đạo chất lượng, thành viên chất lượng; và phẩm chất của thành viên cũng thể hiện trong mối quan hệ giữa họ với nhau. Cụ thể, mối quan hệ giữa người nam và người nữ, giới tính vẫn áp dụng trong hội thánh, chúng ta không phải là những người vô tính trong Đấng Christ. Chúng ta cần trở thành những người nam nam tính và những người nữ nữ tính, thế gian cần thấy được nam tính là thế nào, nữ tính là thế nào, như Đức Chúa Trời đã định.

Vấn đề là tất cả mọi người đều muốn chúng ta chỉ kể đến nhân tính mà thôi, hội thánh cần chống lại điều đó và thể hiện những điều Chúa định cho một người nam, và cho một người nữ. Tất cả đều minh chứng cho việc tô điểm Tin lành, khiến Tin lành trở nên hấp dẫn. Khi những người nam ngoài kia thấy Cơ Đốc nhân là những người nam thực thụ thì họ sẽ đến. Tôi đã làm việc giữa vòng những người nam trong vòng năm năm vừa qua, đúng không bà nhỉ? Tầm bốn, năm năm. Hai tuần trước, chúng tôi có 230 người nam trong chính căn phòng này, và khi người nam nhìn thấy những người nam thực thụ cho Chúa thì họ sẽ được động chạm; thật đấy! Hai nhà thờ giáo xứ mà tôi mới đến có số người nữ gấp năm lần người nam, đó không phải là tô điểm Tin lành. Tin lành dành cho cả người nam và người nữ, nên tôi đã làm điều mình có thể để khiến những người nam trong hội thánh nên mạnh mẽ, đó là tô điểm Tin lành; thật sự là như vậy. Nhưng những người nữ cũng có thể tô điểm Tin lành và thể hiện thế nào là một người nữ tốt.

Vai trò của người nữ

Điều đó dẫn đến sự dạy dỗ có lẽ là gây tranh cãi nhất trong những thư tín này; anh chị em biết đó, người theo nữ quyền ghét những thư tín này, họ ghét chúng; và họ dùng mọi phương cách để tấn công các thư này. Những nhà thần học nữ quyền, giá sách của tôi có nhiều cuốn của họ; tôi muốn nghe xem họ nói gì để có thể hiểu, nhưng họ nói năm điều về các thư này ở những chỗ động đến người nam và người nữ. Một là họ nói rằng ba thư này không do Phao-lô viết, chỉ là những bản giả mạo tên ông vào thế kỷ thứ hai. Hai là họ nói nếu những thư này do Phao-lô viết thì đây chỉ là sự hồi tưởng về thời ông còn là rabbi trước khi cải đạo, lúc về già, ông trở lại tuổi thơ Do Thái giáo xưa kia. Ba là họ nói rằng điều này chỉ là yếu tố văn hóa, rằng nếu Chúa Giê-su sống vào thời nay thì chắc Ngài sẽ chọn sáu người nam và sáu người nữ làm Sứ đồ, cái này đang được lan truyền rộng rãi.

Cụm từ ưa thích của họ là Phao-lô chiều theo văn hóa, người ta đang dùng cụm đó ở khắp mọi nơi trong hội thánh, hãy đề phòng cụm đó. Nói rằng việc Chúa Giê-su lựa chọn mười hai người nam làm Sứ đồ là chiều theo văn hóa, làm vậy là khéo xử sự, vì vào thời của Ngài, nếu lập những người nữ làm Sứ đồ thì sẽ là một điều phản cảm. Nghe này, Chúa Giê-su khéo xử khi nào vậy? Khi nào mà Ngài chiều theo văn hóa thời bấy giờ vậy? Nói vậy là phỉ báng Chúa Giê-su của tôi. Người Pha-ri-si có khen Ngài rằng: *thầy không vị nể ai.* Nếu đó là điều cần làm thì Ngài sẽ làm. Đừng nói với tôi là Chúa Giê-su chiều theo văn hóa. Chúng ta phản đối điều đó. Bốn là họ nói: *Ngay cả khi Phao-lô có viết các thư này thì đây cũng là dị giáo.* Năm là họ nói: *Vì thời đó phụ nữ ít học nên mới thế, giờ đây, phụ nữ đã có học thức rồi nên chúng ta có thể thay đổi toàn bộ sự dạy dỗ này.*

Nếu xét như vậy thì Phao-lô cũng không nên để những người nam ít học lãnh đạo hội thánh, nhưng nhiều người trong số họ ít học, mười hai Sứ đồ là như vậy. “Biết rõ hai ông là những người tầm thường, ít học.” Đây hoàn toàn không phải là vấn đề về giáo dục. Vấn đề là Đức Chúa Trời dựng nên chúng ta là những người nam và người nữ, chúng ta cần nhau, và Ngài dựng nên chúng ta cho những vai trò và trách nhiệm khác nhau. Đàn ông hành xử như phụ nữ và phụ nữ hành xử như đàn ông là đang làm méo mó vẻ đẹp mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng. Như vậy là chúng ta cần tô điểm cho giáo lý. Sự dạy dỗ này không được ưa chuộng vào thời nay nhưng lại có trong Kinh Thánh; tôi không thể né tránh nó được.

Đương đầu với những kẻ gây rối

Nhiệm vụ lớn lao thứ hai là đương đầu với những kẻ gây rối. Phao-lô - khi từ biệt các trưởng lão Ê-phê-sô, họ đã xuống bờ biển, ông đã khóc về họ và nói: *Tôi biết rằng sau khi tôi đi, muông sói sẽ đến, đội lốt chiên và vào hẳn trong bầy, chúng sẽ hủy hoại anh em từ bên trong.* Lúc này, lời tiên tri ấy đang trở thành sự thật, nên ông mới sai Ti-mô-thê đến để trừ bỏ muông sói, những kẻ hiện đang ở ngay trong bầy. Chúa Giê-su cũng nói như vậy. Đây là lý do cơ bản để ông viết 1 Ti-mô-thê, đây không phải bức thư cuối cùng của ông. Bây giờ hãy xét đến ba cách để xử lý muông sói.

Đầu tiên, chúng truyền bá những điều sai lệch; chúng có đủ thứ dạy dỗ kỳ quặc. Chúng dạy dỗ rằng sự sống lại đã qua rồi, rằng sự sống lại duy nhất mà Cơ Đốc nhân sẽ được kinh nghiệm là sự sống lại thuộc linh, khi họ được tái sinh. Thời nay có người nói như vậy; tôi đã nghe thấy điều đó. Nhưng có một sự phục sinh cho chúng ta trong tương lai, và Phao-lô muốn Ti-mô-thê đính chính điều này. Chúng cũng có thái độ đối với thân thể giống như người Hy Lạp, cũng theo chủ nghĩa khổ hạnh - cố gắng không cho thân thể ăn uống và sinh hoạt tình dục để trở nên thánh khiết hơn. Phao-lô nói với Ti-mô-thê là *con cũng hãy đính chính lại điều đó.* Có những yếu tố Do Thái nhất định, chúng có nhấn mạnh vào gia phả và vào luật ăn uống Do Thái. Đủ mọi thứ đã len lỏi vào, những dạy dỗ sai trái chiều theo văn hóa.

Hơn thế nữa, họ sa vào những tranh luận dại dột và những cuộc thảo luận học thuật không hề có giá trị gì. Người ta hỏi giáo viên Kinh thánh chúng ta đủ mọi loại câu hỏi, một số câu rất chân thành, một số câu rất quan trọng, còn một số câu rất ngớ ngẩn. Chúng ta phải bảo cho người ta biết khi họ hỏi một câu ngớ ngẩn, rằng điều đó sẽ không giúp ích gì cho họ cả. Chẳng hạn, trong khoảng 10 ngày trở lại đây, có người lên gặp tôi, mặt rất nghiêm túc: *Tôi có thể hỏi ông một câu được không? Tôi cứ băn khoăn mãi điều này.* Tôi hỏi: *Điều gì vậy?* Anh ta đáp: *Tôi đọc đi đọc lại câu chuyện về nàng bạch tuyết và bảy chú lùn, và tôi rất ấn tượng khi có một nguyên tắc thần học sâu sắc trong nàng bạch tuyết và bảy chú lùn.* Tôi nhìn cậu ta - xin lỗi nhưng tôi có thể đưa ra cả chục ví dụ minh họa cho điều này. Cậu ta nhìn vẻ mặt tôi và nói: *Ông nghĩ là tôi điên đúng không?* Tôi đáp: *Đúng.* Thế là khỏi nói gì nữa luôn. Chúng ta không được dính vào những cuộc thảo luận vô bổ. Có những điều quan trọng cần thảo luận và những câu quan trọng cần hỏi, nhưng anh chị em có thể sa vào đủ kiểu...

Anh chị em có biết một trong những cuộc thảo luận sôi nổi nhất vào thời Trung Cổ, giữa vòng các nhà thần học là gì không? Bao nhiêu thiên sứ có thể đứng trên đầu cây đinh? Nó làm các nhà thần học lao tâm khổ tứ khá lâu; đây là ví dụ điển hình cho việc dính vào những cuộc thảo luận ngớ ngẩn. Sự dạy dỗ tồi sẽ dẫn đến cái đó, nó dẫn đến những câu hỏi mà anh chị em cứ nhai đi nhai lại, và nó không ích lợi gì cho đời sống thường ngày của anh chị em. Có những câu hỏi về thiên đàng và địa ngục mà tôi không thể trả lời được; mà Chúa chưa trả lời, và tôi không trả lời chúng vì không việc gì phải dính vào những câu hỏi mà Đức Chúa Trời còn không buồn cho chúng ta câu trả lời.

Tôi sẽ lấy một ví dụ quan trọng cho anh chị em. Một cặp vợ chồng vừa mới mất con nhỏ đã hỏi tôi rằng: *Liệu con chúng tôi có được lên thiên đàng không?* Tôi đáp: *Tôi không biết; Chúa không bảo cho chúng ta biết. Nhưng tôi chắc chắn một điều thế này, rằng Đức Chúa Trời có làm gì với con anh chị thì đó cũng là điều phải lẽ. Nếu anh chị biết Ngài như tôi thì anh chị sẽ tin cậy rằng Ngài làm điều phải lẽ với con anh chị và anh chị sẽ không cần câu trả lời*. Chúng ta không được sa vào phỏng đoán. Và sự tình là như vậy, hết lần lần đến lần khác, Phao-lô phải nói với Ti-mô-thê rằng: *Ti-mô-thê, hãy ngăn chặn việc phỏng đoán về những điều mà chúng ta không biết. Hãy ngăn cuộc thảo luận vô bổ này lại vì nó không giúp ích gì cho hội thánh, khi dính vào những câu hỏi mà không có câu trả lời rõ ràng trong Lời Chúa.* Thật lạ là anh chị em có thể dính vào điều đó.

Như vậy là chúng lan truyền những điều sai lệch, nhưng còn tệ hơn thế nữa, chúng còn làm gương xấu. Không chỉ ở điều chúng dạy mà còn ở lối sống của chúng nữa, nên ông mới nhấn mạnh vào phẩm hạnh tốt mà các trưởng lão cần có. Nếu đọc kỹ để tìm ra ý nghĩa đằng sau đó thì anh chị em có thể liệt kê ra đặc điểm của những trưởng lão tồi. Có những người không thể quản trị nhà mình, những người tham tiền, những người không giữ được bình tĩnh. Nên khi đọc danh sách những điều mà trưởng lão cần có, anh chị em cũng đọc thấy danh sách những điều mà các trưởng lão tại Ê-phê-sô không có. Nắm được không ạ? Đó là cách đọc để tìm ra ý nghĩa đằng sau một bức thư.

Như vậy chúng ta biết là họ có tính kiêu ngạo, tính tham lam. Phao-lô nói rằng một trưởng lão tốt thì đáng được đãi ngộ gấp đôi (trong Bản dịch Mới) - tôi thích câu này. Phần lớn các bản tiếng Anh và tiếng Việt đều dịch là "Các trưởng lão... Thì càng phải được kính trọng nhiều hơn, nhất là những người chịu khó nhọc trong việc truyền đạo và dạy dỗ." Tôi biết nhiều hội thánh thà kính trọng trưởng lão còn hơn phải trả thù lao hay đãi ngộ họ, nhưng trên thực tế, ở đây dùng từ đãi ngộ vì câu tiếp theo nói rằng "người làm công đáng được nhận tiền công."

Ở đây có chức vụ được trả lương, cho một trưởng lão chịu khó nhọc trong việc truyền giảng và dạy dỗ. Hai điều này khác nhau ở điểm nào? Truyền giảng Tin lành là cho người chưa tin; còn dạy dỗ là cho tín đồ. Đây là một trưởng lão đang truyền giảng ở bên ngoài hội thánh và dạy dỗ ở bên trong, và người đó đáng nhận được lương gấp đôi, Phao-lô nói như vậy. Tôi đã đưa cho anh chị em một câu ngắn nhưng rất quan trọng. Không có quá nhiều trưởng lão làm cả hai việc, nhưng Kinh thánh nói rằng nếu họ làm cả hai và khó nhọc trong cả hai thì anh chị em nên đãi ngộ họ gấp đôi. Nhưng ông muốn nói rằng *không nên trả cho những trưởng lão tồi một đồng nào*, như vậy sẽ sớm trị được họ đúng không? Nhất là khi họ yêu tiền bạc. Ông muốn nói rằng *sự lãnh đạo phải bắt nguồn từ tấm lòng trong sạch, lương tâm trong sáng và đức tin chân thành*, nghĩa là những trưởng lão tồi này không hề có ba điều đó. Họ không chỉ lan truyền những điều sai lệch mà họ còn nêu gương xấu.

Ba là họ đã gây ra tổn hại nặng nề, tàn khốc, họ là ôn dịch; họ như bệnh hoại tử trong thân thể vì họ là sự pha trộn kỳ lạ giữa phóng túng và chủ nghĩa kinh luật. Điều lạ lùng là hai điều đó lại đi cùng với nhau, những người theo kinh luật ở bề ngoài thì rất hay phóng túng ở bên trong, vì cả hai điều đều thuộc về xác thịt, có sự pha trộn kỳ lạ giữa chủ nghĩa kinh luật - đề ra luật lệ cho những người khác - nhưng lại nuông chiều bản thân. Thật ngại khi nói điều này, nhưng Kinh thánh nói rằng những người này đang quyến rũ những phụ nữ nhẹ dạ, và có mối nguy trong việc người nam tâm vấn cho người nữ và người nữ tâm vấn cho người nam. Những người này dành thời gian đến nhà các góa phụ và những người nữ nhẹ dạ, hình dung được không ạ?

Anh chị em cứ thử để ý những người lãnh đạo dành toàn bộ thời gian với những người nữ trong hội thánh mà xem, họ cứ lởn vởn quanh những người nữ nhẹ dạ, đó là dấu hiệu chắc chắn cho thấy họ không ổn. Đó là ôn dịch trong thân thể, một điều bệnh hoạn, một điều quỷ quyệt - Phao-lô nói như vậy. Cụ thể là Ti-mô-thê phải đương đầu với những kẻ gây rối này, cho chúng đối diện với những gì mình đang làm, nhanh chóng xử lý điều đó, loại bỏ những kẻ này và nhanh chóng đưa những trưởng lão tốt vào vì ông nói rằng hội thánh sắp bị phá hoại từ bên trong; bầy chiên sắp bị cắn phá bởi những con sói trong bầy. Một hội thánh có thể đứng vững trước mọi thứ từ bên ngoài, nhưng từ bên trong thì rất nguy hiểm.

Điều cuối cùng là họ phải truyền đạt lẽ thật vì suy cho cùng, đó là điều giữ hội thánh tránh xa điều này. Sớm muộn gì cũng phải làm như vậy để chống lại điều này. Tôi đã nói rồi, nhưng tôi muốn nhấn mạnh lại. Phương thuốc tốt nhất để trừ khử cái sai là cái đúng. Phương thuốc tốt nhất để trừ khử sự dạy dỗ tồi là sự dạy dỗ tốt; phương thuốc tốt nhất để trừ khử hành vi xấu là hành vi tốt, phương thức tốt nhất để trừ khử niềm tin xấu là niềm tin tốt, ai biết mục vụ của tôi thì sẽ biết rằng tôi đặt thời gian cần thiết để chuẩn bị sự dạy dỗ cho dân sự làm ưu tiên hàng đầu.

Tôi dành khoảng một năm để chuẩn bị cho loạt bài mà chúng ta vừa làm video; và tính ra - không biết người khác thế nào, nhưng tôi phải nghiên cứu mất một tiếng cho mỗi năm phút dạy trên bục giảng, và tôi tin rằng nhu cầu cấp thiết nhất là sự dạy dỗ có hệ thống về toàn bộ Lời Chúa. Đó là điều khiến dân sự được cân bằng, là điều thật sự giúp họ có thể kháng cự lại...Anh chị em có biết tại sao những tà giáo đang gọi cửa chúng ta - Mặc môn và Nhân chứng Giê-hô-va, anh chị em có biết là chúng chủ yếu lấy người từ những thành viên hội thánh không được dạy dỗ đúng cách không? Chúng đến và nói: *Chúng tôi sẽ dạy cho anh sách Khải huyền* và những thành viên hội thánh không bao giờ được dạy sách Khải huyền sẽ ngã vì cớ đó, vì họ chưa hiểu rõ sách này.

Việc dạy Lời Chúa sẽ cho người ta tấm chắn chống lại những thông giải sai mà họ gặp khắp nơi. Như vậy, khía cạnh này là điều hữu ích nhất cần làm; nhưng phải dạy dỗ cả bằng lời nói và việc làm. Dân sự phải nghe và thấy lẽ thật; nên lẽ thật được truyền đạt theo hai cách - *Ti-mô-thê, con có sứ điệp phải công bố, nhưng con phải làm gương để người ta noi theo*, đó là thách thức với mọi giáo viên. Vợ tôi nhận được một lời khen dễ thương khi ở Đức. Chúng tôi đến nói chuyện tại Hội nghị Phụ nữ Châu Âu Rạng rỡ, đó không phải chỗ của tôi. Cảm giác như tôi là một con sư tử trong hầm Đa-ni-ên vậy, nhưng sau đó, có người lên gặp tôi và nói: “Vâng thưa ông Pawson, chúng tôi nghe được lẽ thật từ ông, nhưng chúng tôi thấy điều đó nơi vợ ông.” Lẽ ra là họ nên thấy cả điều đó nơi tôi nữa. Nhưng họ đã nói như vậy. Chúng ta phải vừa làm sứ điệp, vừa làm gương. Một người không làm gương trong sứ điệp của mình sẽ không truyền đạt được. Họ cần nghe và thấy lẽ thật. Từ đó, điều này sẽ bảo vệ bầy chiên khỏi mọi sự xuyên tạc có thể len lỏi vào.

Cách áp dụng ba thư này vào thời đại ngày nay

Chúng ta phải áp dụng những thư này vào thời đại ngày nay thế nào? Để tôi đưa ra một hai cách áp dụng đơn giản. Chúng ta tìm ra các nguyên tắc rồi áp dụng chúng, và các thư này đầy những gợi ý mục vụ. Đầu tiên là sự phân biệt về độ tuổi và giới tính vẫn áp dụng trong sự thông công Cơ Đốc, Cơ Đốc nhân trẻ hơn cần tôn trọng Cơ Đốc nhân lớn tuổi hơn. Người nam cần tôn trọng người nữ, và người nữ tôn trọng người nam. Vẫn có sự khác biệt tuổi tác và giới tính trong hội thánh và cần tôn trọng những khác biệt này.

Hai là hội thánh phải tốt bằng và tốt hơn ý niệm của thế gian về điều tốt. Đó là một nguyên tắc rất quan trọng, vì thế gian họ không ngốc đâu. Thế gian biết một người tốt là như thế nào. Và họ chờ đợi được thấy những người tốt trong hội thánh. Một điều đẩy những người bên ngoài xa khỏi hội thánh là họ nói rằng: *Hãy nhìn anh này, cô kia trong hội thánh đi, nếu Cơ Đốc nhân mà như thế thì tôi không muốn tìm hiểu đâu.* Nguyên tắc thứ ba là tính cách quan trọng hơn khả năng khi lãnh đạo hội thánh.

Một nguyên tắc khác là người chăn chịu trách nhiệm về tình trạng của bầy, đây không phải trách nhiệm của các con chiên. Kinh Thánh không bao giờ trách các con chiên vì tình trạng của bầy mà chỉ trách người chăn. Tôi nói với nhiều mục sư rằng các mục sư rất hay trách dân sự vì tình trạng của hội thánh, nhưng Đức Chúa Trời luôn quy trách nhiệm cho người chăn về tình trạng của bầy.

Một nguyên tắc khác là giáo lý lành mạnh bao gồm cả cách cư xử lẫn niềm tin của chúng ta. Từ giáo lý đã mang nghĩa hẹp lại và chỉ giới hạn với kiểu niềm tin đúng đắn. Trong Kinh Thánh, giáo lý lành còn là kiểu hành vi đúng nữa. Niềm tin biến thành hành động. Nguyên tắc nữa là hội thánh là một gia đình, nhưng không có cha trên đất. Không có cha là con người. Có Cha thiên thượng, nhưng mọi người trong hội thánh, dù là lãnh đạo hay thành viên đều là anh chị em; điều đó rất quan trọng. Đừng gọi ai là cha.

Tiếp theo, các thư này cho chúng ta biết rằng phải biết suy xét về phúc lợi trong hội thánh. Chúng ta không được ôm đồm trách nhiệm của những người khác. Ví dụ như Kinh thánh chép rằng nếu một gia đình góa phụ có khả năng chăm sóc cho góa phụ đó thì hội thánh không nên đảm nhận việc này. Làm từ thiện sai cách là ôm đồm quá nhiều phúc lợi, chúng ta không nên tước bỏ trách nhiệm chăm sóc trẻ mồ côi, người góa bụa hay bất cứ ai khỏi những người phải làm điều đó

Hội thánh cần đảm nhận việc chăm sóc những góa phụ không có ai chăm sóc, những người có gia đình rồi thì thôi. Hội thánh cần khôn ngoan trong việc chăm sóc những người thiếu thốn. Một nguyên tắc sâu sắc ở đây. Nguyên tắc cuối cùng, đồng thời cũng hệ trọng nhất là đây. Tôi kết thúc với một điều mà tôi rất nặng lòng.

Thư Ti-mô-thê và Tít có dạy cho chúng ta một điều quan trọng: những trận chiến cam go nhất mà chúng ta phải đối mặt là ở trong hội thánh. Ước gì tôi không phải nói như vậy. Nhưng những trận chiến cam go nhất lại ở trong hội thánh. So với những trận chiến đó thì trận chiến với thế gian bên ngoài không phải là đơn giản, nhưng chúng cũng không phải là chính yếu. Những trận chiến cam go nhất với chúng ta thời nay là bảo vệ Tin lành đích thực, lẽ thật của Tin lành, khỏi bị chính trị hóa, nữ quyền hóa, tương đối hóa và đồng bộ hóa.

Tất cả những điều này đang xảy ra trong hội thánh Anh Quốc, và giống như Ti-mô-thê, chúng ta không được rụt rè, chúng ta phải đương đầu với những thứ tấn công lẽ thật của Tin lành, và đấu tranh cho đức tin từng được trao cho các thánh đồ. Đây là một trận chiến đáng buồn và đáng tiếc, có vợ tôi làm chứng, những trận chiến cam go nhất với chúng tôi là ở trong hội thánh, chiến đấu cho lẽ thật của Tin lành, trong khi chúng ta cần dồn sức để cứu thế giới hư mất. Thế nhưng chúng ta cần tranh chiến trong hội thánh vì lẽ thật của Tin lành. Vì nếu không, hội thánh sẽ không thể cứu thế gian nếu chúng ta đánh mất lẽ thật giải phóng con người. Đó là kết luận cuối cùng của tôi về những thư này. Nếu anh chị em là một Ti-mô-thê hay Tít thì hãy chiến đấu cho lẽ thật của Tin lành, để hội thánh tô điểm và khiến cho Tin lành được hấp dẫn với thế giới bên ngoài, để thể hiện cũng như công bố Vương quốc Đức Chúa Trời. A-men.

THƯ HÊ-BƠ-RƠ - Phần 1

Thư Hê-bơ-rơ - Khó nhằn hay thú vị?

Sách Hê-bơ-rơ hoặc thư gửi cho người Hê-bơ-rơ - đáng ra nên gọi như vậy, quan điểm về thư này rất phân rẽ. Một số người thấy đây là một trong những thư khó nhất trong Tân Ước. Có những lý do cho điều đó. Đây là một bức thư đậm chất Do Thái và thật sự được độc giả Do Thái đánh giá cao, nhưng độc giả người ngoại lại là một thế giới tư duy khác. Chúng ta không bao giờ nghĩ đến sinh tế, bàn thờ và chức tế lễ, vì chúng ta không bao giờ phải làm như vậy. Thư đòi hỏi chúng ta phải quen thuộc với Kinh Cựu Ước, đặc biệt là với sách Lê-vi ký.

Nhưng đó lại là cuốn sách mà hầu hết mọi người đều mắc kẹt khi cố gắng đọc Kinh Thánh từ đầu tới cuối, những Cơ Đốc nhân cố gắng đọc sách từ đầu tới cuối. Cũng xin nói thêm là chúng tôi hiện đang làm một loạt bài gọi là Mở khóa Cựu Ước và Lê-vi ký là sách mở đầu. Tôi từng sợ sách này phát khiếp, nhưng hóa ra đây lại là sách hay nhất, và cuối cùng chúng tôi vỡ òa trong sự ngợi khen. Nhưng anh chị em thực sự cần biết Lê-vi ký để hiểu được Hê-bơ-rơ; vì hầu hết mọi người đều mắc kẹt ở Lê-vi ký và không đọc hết được nên Hê-bơ-rơ cũng hơi khó nhằn.

Thư dùng những lập luận không thực sự chạm đến tâm trí hiện đại, những lập luận về thiên sứ. Thông thường, tôi e rằng ngày nay, người ta nói đùa về việc tranh luận xem bao nhiêu thiên sứ có thể đứng trên đầu cây đinh và đại loại như vậy; và kiểu lập luận đó không hợp với chúng ta. Tiếng Hy Lạp của thư Hê-bơ-rơ rất phức tạp. Thực ra thì đây là tiếng Hy Lạp hay nhất trong Tân Ước, gần với tiếng Hy Lạp cổ hơn. Có thể anh chị em không biết là Tân Ước không viết bằng tiếng Hy Lạp cổ - thứ tiếng của các học giả và giáo sư. Tân Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp Koine, tiếng Hy Lạp phổ thông. Thật thú vị là Đức Chúa Trời muốn viết Lời Ngài bằng ngôn ngữ đường phố chứ không phải ngôn ngữ của trường đại học. Nhưng thư Hê-bơ-rơ viết bằng thứ tiếng Hy Lạp khá hay và gần với ngôn ngữ cổ hơn mọi sách khác, nên thậm chí trong tiếng Anh và tiếng Việt, ngôn ngữ trong đây cũng khá tinh tế và khá cầu kỳ. Nên có nhiều lý do giải thích tại sao người ta lại thấy thư này khó nhằn.

Một số người lại nói rằng: *Ồ, đây là cuốn sách thú vị hơn cả*, họ yêu thư này và miệt mài đọc, thường là vì ba lý do. Một là vì chương sách trác tuyệt về đức tin. Ai cũng biết Hê-bơ-rơ chương 11, “bởi đức tin Môi-se... Bởi đức tin Áp-ra-ham... Bởi đức tin Nô-ê...,” tất cả những điều đó. Như một Tu viện Westminster vậy. Anh chị em đi quanh Tu viện Westminster, nhìn vào tất cả những người nổi tiếng. Chương này như đi dạo qua một bảo tàng như vậy và nhìn lại quá khứ, nhìn lại những anh hùng đức tin vĩ đại này. Đây là một thư tín hay về đức tin, hầu hết mọi người đều phần nào cảm thấy nhẹ nhõm khi đến với chương 11 và nghĩ: *Mình hiểu và cảm thấy thân thuộc với đoạn này*. Những người khác thấy đây là một sách rất hữu ích về toàn bộ vấn đề mối liên hệ giữa Cựu Ước và Tân Ước; và thực sự, thư cho chúng ta biết phải làm gì với Luật của Môi-se; thư có cách gợi mở mối quan hệ giữa đức tin Cơ Đốc của chúng ta với mọi lễ nghi của đền thờ thời xưa rất thông minh.

Những người khác yêu thư này vì những điều thư nói cho chúng ta biết về Đấng Christ. Ai yêu Chúa Giê-su sẽ yêu thư Hê-bơ-rơ vì thư thật sự vén màn về Ngài theo cách mà không một trước giả Tân Ước nào khác làm được. Từ ưa thích của ông là từ “tốt hơn,” hay “cao trọng hơn” trong một số bản, nhưng “tốt hơn” là từ khóa và xuất hiện xuyên suốt thư. Chúa Giê-su tốt hơn. Chúa Giê-su tốt hơn. Chúa Giê-su tốt hơn. Ông không nói là tốt nhất, tuy rằng điều đó đúng vì lúc nào ông cũng so sánh: Chúa Giê-su tốt hơn các thiên sứ, tốt hơn các tiên tri, tốt hơn tất cả những người khác. Ngài tốt hơn. Nhưng tại sao ông phải viết một bức thư để thể hiện rằng Chúa Giê-su tốt hơn mọi người khác.

Cả hai quan điểm này - rằng đây là một sách khó nhằn hoặc một sách thú vị - đều là những quan điểm cực đoan và cả hai đều bỏ lỡ điểm chính của thư.

Trước giả - người nhận - bối cảnh

Chìa khóa thực sự mở ra thư Hê-bơ-rơ là tại sao thư lại được viết ra, tuy có hơi phức tạp khi tìm câu trả lời nhưng một khi đã tìm được thì cả thư sẽ mở ra. Nếu anh chị em còn chưa biết câu trả lời đó thì nói thật, thư vẫn còn là một mớ hỗn độn và có những phần dường như không ăn khớp, những phần khác cũng không gắn kết với nhau, nhưng khi đã có chìa khóa thì mọi thứ trong thư đều hợp lý, mọi câu đều khớp với chìa khóa đó. Nên hãy cố gắng tìm ra chìa khóa ấy. Tại sao thư lại được viết ra, mục đích, ý định, mục tiêu là gì? Vấn đề đầu tiên mà chúng ta gặp phải, ấy là chúng ta biết rất ít về bối cảnh của thư. Thậm chí chúng ta còn không biết ai viết thư. Một học giả vĩ đại gọi đây là "câu đố của Tân Ước." Chúng ta không thích câu đố mà thích biết lời giải thôi. Ai viết thư này vậy? Tôi không có manh mối nào cả. Người ta đoán định đủ kiểu. Một số bản King James chính thức cũ từng nói rằng đây là Thư Phao-lô gửi cho người Hê-bơ-rơ. Đó chỉ là phỏng đoán. Tôi không nghĩ là Phao-lô viết thư này, đây không phải phong cách của ông, không phải văn phong của ông, không khớp. Những người khác nói rằng có thể là Ba-na-ba viết thư này. Ứng cử viên khác là Ê-tiên, hoặc Si-la, hoặc A-pô-lô. Một ý kiến cho rằng *Pê-rít-sin viết thư này, nhưng vì là phụ nữ nên bà nghĩ rằng tốt nhất không viết tên mình vào*. Tôi cho rằng đó là một kiểu suy diễn từ thời hiện đại. Suy cho cùng thì tôi phải nói như Cơ Đốc nhân vĩ đại, Origen thành Alexandria rằng *chỉ Đức Chúa Trời mới biết*.

Nên điều đó không giúp ích gì cho chúng ta, chúng ta không biết ai viết thư này. Vậy chúng ta có thể xét đến góc độ khác và hỏi rằng *thư này được gửi tới đâu* không? Một lần nữa, trong thư không hề nói là gửi cho các Thánh đồ ở nơi này, nơi kia; không có địa chỉ trong đó, chỉ biết là gửi cho người Hê-bơ-rơ. Vậy thì thư được gửi đến đâu? Cũng có một manh mối. Có nhiều ý kiến cho rằng thư được gửi đến A-léc-xan-đờ-ri-a, đến An-ti-ốt, đến Giê-ru-sa-lem, đến Ê-phê-sô, nhưng có một manh mối ở ngay cuối. Trước giả nói rằng tất cả những người ở I-ta-li-a gửi lời chào thăm, và từ đó, tôi nghĩ có thể suy luận rằng thư được gửi đến I-ta-li-a. Nếu nói là "mọi người từ I-ta-li-a" gửi lời yêu thương thì chắc chắn là gửi đến I-ta-li-a. Ở thời điểm này thì chắc chắn đây lại là hội thánh tại Rô-ma, hội thánh mà chúng ta nói đến trong Thư Rô-ma, nhưng rõ ràng thư này viết muộn hơn một chút vì ở đây có những chuyện không xảy ra khi Phao-lô viết cho Rô-ma. Nên tôi cho rằng thư viết cho Cơ Đốc nhân tại Rô-ma và cho nửa hội thánh là người Do Thái. Rõ ràng là thư gửi cho các tín đồ Cơ Đốc nhưng lại gửi đến người Hê-bơ-rơ. Nên đây là một manh mối, thư đề địa chỉ hoặc gửi tới nửa Do Thái của hội thánh Rô-ma. Vậy tại sao lại cần gửi thư cho một nửa hội thánh?

Hãy cùng đi sâu hơn một chút. Rõ ràng là những lãnh đạo đầu tiên của hội thánh đã qua đời. Điều đó chỉ ra rằng thư viết muộn hơn một chút vì trước giả nói rằng: *hãy nhớ đến những người lãnh đạo của anh chị em, hãy nhớ lại họ, những người đầu tiên đã dẫn dắt anh chị em*. Nên họ đã qua đời, thế hệ đó đã qua. Như vậy là thư viết muộn hơn một chút, nhưng chúng ta có thể giới hạn thời gian vì rõ ràng là đền thờ và việc dâng sinh tế vẫn diễn ra, vì ông nói về chúng không phải ở thì quá khứ, nên rõ ràng là trước năm 70 SCN khi đền thờ bị phá hủy và người ta ngừng dâng sinh tế, nên đây là một kiểu trinh thám để thu hẹp lại, ít nhất là về thời gian. Như vậy là thư này có sau thư Phao-lô viết cho Rô-ma và trước năm 70 SCN. Điều gì đã xảy ra giữa hai khoảng thời gian đó? Câu trả lời là một người đã lên ngôi hoàng đế, tên ông ta là Nero. Bây giờ chúng ta bắt đầu hiểu chút ít về bối cảnh rồi. Nero, giống như Hít-le, lúc mới đầu ông ta làm nhiều điều tốt đẹp. Nếu đọc về cuộc đời của Hít-le thì anh chị em sẽ thấy ông ta cứu nước Đức khỏi nạn thất nghiệp và lạm phát, ông ta làm hệ thống

Autobahn, những con đường lớn, ông ta là người đặt hàng xe Volkswagen Beetle làm "xe của dân," đó là nghĩa của từ Volkswagen. Lúc đầu ông ta làm một số điều tốt đẹp cho nước Đức, thế nên người ta mới theo ông ta. Cũng vậy, khi đọc về Nero, anh chị em sẽ thấy ông ta làm rất nhiều điều tốt đẹp cho Rô-ma lúc mới đầu, và một trong những lý do khiến lúc mới đầu ông là một Hoàng đế tốt là ông đã nghe lời khuyên của những người khác.

Nhưng đến một thời điểm, Nero trở nên quá tự mãn, ông ta không nghe những người khác nữa và trở nên một kẻ độc tài, đây cũng chính là điều xảy ra với Hít-le. Dường như quyền lực đã làm họ mờ mắt và đó là khi ông ta bắt đầu thực hiện những kế hoạch tái thiết hoành tráng, y như Hít-le muốn tái thiết Berlin cùng kiến trúc sư Speer của mình. Nero muốn tái thiết Rô-ma và ông ta có những ý tưởng lớn: phá mọi thứ đi và xây dựng những tòa nhà nguy nga nhất từng được xây dựng và ông ta trở nên một kẻ vĩ cuồng; những người bắt đầu phải chịu khổ nhiều hơn cả là Cơ Đốc nhân. Sáng mai, khi bàn đến 1 Phi-e-rơ, tôi sẽ cho anh chị em biết Cơ Đốc nhân gặp rắc rối như thế nào dưới chướng Nero, nhưng tôi sẽ nói chuyện đó khi chúng ta xét đến 1 Phi-e-rơ. Bây giờ tôi chỉ muốn nói là áp lực lúc này đang đè nặng trên Cơ Đốc nhân.

Trong thư Rô-ma, thư của Phao-lô, thật sự là không có dấu hiệu của sự bắt bớ hay bách hại. Họ phải tranh chiến với sự đồi bại tại Rô-ma, chưa có sự bách hại trực tiếp, nhưng trong thư gửi cho người Hê-bơ-rơ thì có. Có một đoạn ngắn cho anh chị em biết chính xác kiểu bách hại mà họ đã trải qua. Nhưng chưa ai trong số họ tử vì đạo. Thư này nói *anh chị em chống cự còn chưa đến nỗi phải đổ máu*, chưa đổ máu vì đức tin mình, nên chưa có việc tử vì đạo; nghĩa là chúng ta đang ở khoảng giữa thời trị vì của Nero. Nhưng dạng sức ép mà họ phải trải qua là đây: Tài sản của họ bị tấn công, cửa sổ nhà họ bị đập vỡ, cửa nhà họ bị sơn lên, như vậy là họ có tài sản. Họ cũng mất của cải, của cải của họ bị tịch thu. Cái này là nghiêm trọng nhất - một số người trong số họ phải vào tù, nên về cuối thư, ông mới nhấn mạnh rằng hãy thăm hỏi những người đang bị cầm tù. Chúng ta có thể mường tượng ra rằng chưa có ai bị giết, nhưng họ đã phải ngồi tù, Ti-mô-thê đã ngồi tù và được thả ra. Tài sản của họ bị tấn công, họ đang mất của cải và thực ra là cả nhà cửa nữa, nên không dễ dàng gì khi làm Cơ Đốc nhân. Họ vẫn chưa phải trả giá bằng mạng sống của mình, nhưng phải trả giá bằng gần như mọi thứ khác.

Tất nhiên là điều này xảy đến với mọi tín đồ, dù là người ngoại hay người Do Thái. Vậy tại sao thư này chỉ viết cho tín đồ người Do Thái thôi? Câu trả lời thực ra rất đơn giản và nó lý giải cho toàn bộ bức thư. Người Do Thái đã thoát khỏi sự chịu khổ trong khi tín đồ người ngoại thì không. Tín đồ người Do Thái làm thế nào để thoát khỏi rắc rối? Bằng việc quay trở lại nhà hội. Vì anh chị em thấy đó, vào thời điểm này, Cơ Đốc giáo là bất hợp pháp nhưng Do Thái giáo là hợp pháp, hay nói theo tiếng Latin thì Do Thái giáo là religio-lisita nhưng Cơ Đốc giáo là religio-illisita - bất hợp pháp, hợp pháp. Nói cách khác là các nhà hội đã được đăng ký nhưng hội thánh là hội thánh ngầm. Ở Anh chúng ta cũng vậy cho tới gần đây, sau khi dỡ bỏ bức màn sắt. Có những hội thánh được đăng ký chính thức, chủ yếu là chính thống giáo, vài hội thánh Báp-tít, và có những hội thánh ngầm. Không có nghĩa là họ ở dưới lòng đất mà có nghĩa là họ không đăng ký, ở ngoài vòng pháp luật, nên có thể bị bắt và bị phạt. Mỗi khi có sự bách hại thì tôi e rằng Cơ Đốc nhân dường như phân rẽ giữa những người thỏa hiệp để được đăng ký chính thức và những người không thỏa hiệp, họ phải chịu khổ và ở ngoài vòng pháp luật.

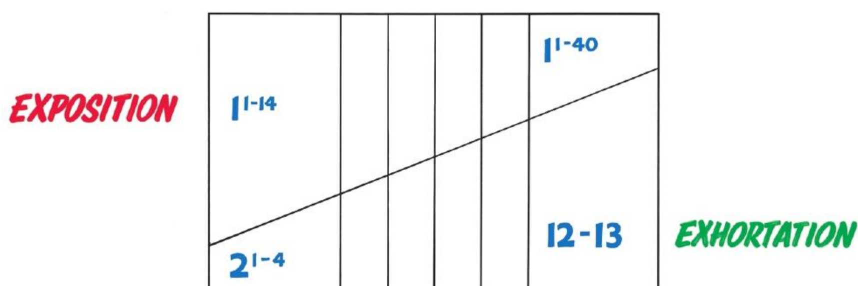
Trong hoàn cảnh này, tín đồ người ngoại không có cách nào để thoát nạn, nhưng tín đồ người Do Thái có thể nói rằng: *Tôi quay lại nhà hội*, như vậy thì họ và gia đình sẽ thoát khỏi bách hại, và họ có

thể nói rằng: *Nhưng tôi trở lại với cùng một Đức Chúa Trời; tôi vẫn thờ phượng Đức Chúa Trời và Cha của Chúa Giê-su.* Nhưng cái giá của điều đó - cách duy nhất để họ trở lại nhà hội Do Thái và được an toàn, ấy là nhà hội yêu cầu rằng họ phải công khai phủ nhận niềm tin nơi Chúa Giê-su. Anh chị em thấy tình thế tiến thoái lưỡng nan rồi đó, hãy cố gắng cảm nhận điều đó, nếu anh chị em và gia đình mình, nếu anh chị em là người Do Thái và đã nghe về Chúa Giê-su, anh chị em tin rằng Ngài là Đấng Mê-si-a và gia nhập hội thánh.

Giờ đây, con cái anh chị em bị bách hại ở trường, cửa sổ nhà anh chị em bị ném vỡ và anh chị em đang mất tài sản. Nếu anh chị em đưa gia đình mình trở lại nhà hội thì họ sẽ được an toàn. Và đó vẫn là cùng một Đức Chúa Trời đúng không, cùng một Đức Chúa Trời của Kinh Thánh. Nhưng anh chị em phải nói trước nhà hội là *Tôi phủ nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a*, rồi họ sẽ nhận lại anh chị em. Anh chị em đã hiểu tình thế khó xử chưa ạ? Nhiều bậc cha mẹ, để bảo vệ con cái mình, đã quay trở lại nhà hội. Khi đã nhận ra tình thế đó, rằng đó là vấn đề trong hội thánh, rồi tín đồ người Do Thái, người Hê-bơ-rơ, trong hội thánh đó lần lượt giạt trở lại nhà hội vì áp lực đè nặng trên họ. Người trước giả này, dù ông ấy hoặc bà ấy là ai - chúng ta không hề biết; tôi chỉ biết ông là một thủy thủ, vì ông dùng nhiều ngôn ngữ hàng hải. Ông nói: *Đừng nhổ neo, đừng trôi giạt, đừng hạ buồm xuống*, dùng từ rất sinh động. Nên có thể thấy ông là một thủy thủ, nhưng ngoài ra thì tôi không biết ông là ai. Nhưng ông đang nói rằng *đừng quay lại nhà hội, hãy ở đúng vị trí hiện tại*.

Giải thích và khuyên lơn

Về cuối, ông nói: *Tôi chỉ viết một bức thư khuyên lơn ngắn ngủi cho anh em vậy thôi.* Đó hẳn là một bức thư khuyên lơn, nhưng không ngắn lắm. Ông nói: *Thưa anh em, xin hãy vui lòng nhận lấy những lời khuyên lơn của tôi, vì tôi chỉ viết cho anh em một bức thư ngắn.* Sự khuyên lơn có vai trò rất thiết thực. Ông không cố dạy giáo lý cho họ, ông không cố gắng cho họ một góc nhìn sùng đạo về Đấng Christ, toàn bộ những gì ông nhắm tới là ngăn họ giạt trở lại nhà hội - và mọi điều ông nói từ đầu đến cuối đều nhắm đến vấn đề đó. Và ôi, ông nói mạnh lắm. Ông thật sự nã mọi thứ vào họ - ông kêu gọi họ, ông cảnh cáo họ, ông nói nhẹ nhàng, ông nói nặng lời. Ông dùng mọi lập luận có thể dùng vì ông chỉ ra cái giá của việc làm như vậy. Nói tóm lại, ông nói: *Anh chị em sẽ đánh mất sự cứu rỗi mình nếu anh chị em làm như vậy.* Đó chính là gánh nặng của cả thư. Nhưng ông dùng mọi lời kêu gọi có thể dùng để ngăn mọi chuyện trở nên xấu đi; và những tín đồ Do Thái này, ông bảo họ rằng đừng bỏ nhóm, đừng bỏ bê các buổi nhóm chung của hội thánh, đừng ở nhà. Đừng trôi giạt, đừng phớt lờ sự cứu rỗi mình, đừng quay lại với tôn giáo cũ vì khi đó, anh chị em không chỉ quay khỏi Đấng Christ mà còn quay khỏi Đức Chúa Trời nữa. Đó là một điều rất, rất nghiêm trọng.



Nên ông không coi đây là một bản lý giải giáo lý, ấy thế nhưng tôi nghe nhiều người giải nghĩa thư này như giáo lý vậy, như một bộ phận của Đấng Christ học, người ta gọi như vậy - đó là logos hay ngôi lời của Đấng Christ, nghiên cứu về Đấng Christ. Vậy khuyên lơn là gì? Từ điển giải nghĩa từ đó là khuyên bảo bằng những lời lẽ tha thiết; giục giã một người bắt tay vào hành động. Như vậy, cả thư đang giục giã người ta bắt tay vào một hành động cụ thể. Ông kêu gọi ở cả thể phủ định và khẳng định, tôi có thể tóm lược toàn bộ bức thư trong hai lời khuyên lơn. Xin đừng quay lại, nhưng hãy đi tiếp. Mọi điều trong thư này đều liên quan đến một trong hai lời kêu gọi, khuyên lơn, giục giã hành động đó, đừng quay lại, hãy đi tiếp.

Thư này chỉ rõ ra một điều, ấy là anh chị em không thể đứng yên và tôi e rằng điều đó đúng với đời sống Cơ Đốc. Nếu không đi tiếp thì anh chị em sẽ quay lại, và nếu quay lại thì anh chị em sẽ ngừng đi tiếp. Anh chị em không thể đứng yên; anh chị em phải tiếp tục đi. Có ai ở trong đây là nhà nghiên cứu hang động không ạ? Có ai biết cụm đó có nghĩa là gì không? Đúng rồi, nghiên cứu hang ngầm, anh là nghiên cứu hang ngầm à? Đã từng. Có người đã qua đời trong hang ngầm ở Yorkshire, Anh cách đây không lâu; một nhà nghiên cứu hang động đã qua đời. Khi tìm thấy thi thể của người đó, viên điều tra đã kết luận thế này: *Nếu người này cứ đi tiếp thì bây giờ anh ta vẫn sống. Nhưng anh ta lại ngồi xuống và ở một chỗ nên bị hạ thân nhiệt. Nếu cứ đi tiếp thì bây giờ anh ta vẫn sống.* Đó là thông điệp của thư Hê-bơ-rơ - tiếp tục đi. Hãy đi tiếp, đừng quay lại mà hãy đi tiếp, đi tiếp, đi tiếp. Ý này xuất hiện hết lần này đến lần khác. Nếu gạch chân những lời lẽ liên quan tới hai lời khuyên lơn đó thì anh chị em sẽ gạch chân gần như tất cả các chương từ đầu tới cuối.

Ông gắn chính mình với họ theo cách rất hay. Ông không nói rằng anh chị em đừng quay lại mà hãy đi tiếp, ông nói rằng *chúng ta hãy đi tiếp.* Ông đặt mình vào vị trí của họ, kề vai sát cánh với họ. Thực ra thì ông gọi mình là một người an ủi - giống như danh xưng của Đức Thánh Linh trong Tin lành theo Giăng - người đến bên; và ông đang nói rằng: *Nào! Ta đi tiếp thôi nào!* Cứ như thể ông dìu họ đi và nói rằng: *Nào, đừng bỏ cuộc lúc này, nào, đi thôi* - như một người leo núi đang kéo ai đó lên khỏi vách đá và nói: *Nào, chúng ta sẽ làm được, nào!* Đây là một bức thư rất khích lệ, nhưng cũng là một bức thư rất gay gắt. Ông vừa cảnh cáo vừa nài nỉ: *Nào, hãy làm cho được!* Khuôn mẫu của thư rất thú vị. Ông liên tục xen kẽ giữa giải thích và khuyên lơn. Ông liên tục lập luận và kêu gọi, tỉ lệ lập luận - kêu gọi thay đổi về cuối thư. Để không bị rối thì tôi chỉ đưa vào đây phần đầu và phần cuối.

Chương 1, chương 2 có phần lập luận dài và kêu gọi ngắn. Nhưng dần dần thì lập luận ngắn hơn và kêu gọi dài hơn, lập luận ngắn hơn, kêu gọi dài hơn, cho tới cuối cùng, khi đến chương 11, chỗ này lẽ ra phải là số 11. Chương 11:1-40 (không phải 1:1-40). Chương 11:1-40 là một phần giải thích rất ngắn, sau đó có cả một lời kêu gọi rất dài trong chương 12 và 13. Ông lập luận nhiều hơn và kêu gọi ít hơn ở phần đầu, còn lập luận ít hơn và kêu gọi nhiều hơn ở phần cuối, như vậy là ông chuyển từ lập luận sang kêu gọi. Nên phần đầu mới khó hiểu hơn phần sau một chút, vì chúng ta hiểu những lời kêu gọi hơn là lập luận. Được không ạ? Đó là khuôn mẫu. Lời kêu gọi này - *chúng ta hãy, chúng ta hãy, chúng ta hãy - chúng ta hãy vứt bỏ mọi cản trở mà chạy tiếp, nhìn tới Chúa Giê-su. Chúng ta hãy đi tiếp, nào, hãy tiến đến vạch đích, hãy đoạt lấy giải thưởng, nào!* Cụm chúng ta hãy xuất hiện 13 lần trong cả thư, nhưng có tới 8 lần trong phần cuối này, như vậy là ông dồn đến lời kêu gọi cá nhân này, ai đọc thư Hê-bơ-rơ mà không lay chuyển thì hẳn phải cứng lòng lắm.

Chương 1-6: Đừng quay lại

A. NEGATIVE CONTRAST (1-10) "DON'T GO BACK"

1. SON TO SERVANTS (1-6)

BETTER THAN PROPHETS · ANGELS

APOSTLES (Moses and Joshua)

PRIESTS (Aaron and sons)

2. SUBSTANCE TO SHADOWS (7-10)

BETTER THAN PRIESTHOOD (Melchizedek)

COVENANT (new)

SACRIFICES (once-for-all)

B. POSITIVE CONTINUITY (11-13) "DO GO ON"

1. FAITH IN GOD

ABEL · ENOCH · NOAH · ABRAHAM · ISAAC · JACOB · MOSES

JOSEPH · JOSHUA · RAHAB · GIDEON · BARAK · SAMSON

JEPHTHAH · DAVID · SAMUEL and the PROPHETS

2. FOCUS ON JESUS

PIONEER & PERFECTOR of FAITH

MEDIATOR of a NEW COVENANT · SUFFERER OUTSIDE the CAMP.

Bây giờ, hãy xét đến cấu trúc của thư và xem thư phát triển như thế nào. Ông bắt đầu từ dạng phủ định và phát triển lên khẳng định. Trong phần phủ định - chương 1 đến 10 tập trung vào lời kêu gọi đừng quay lại, một lời kêu gọi ở dạng phủ định - ông đang nêu ra sự tương phản rõ rệt giữa Cựu Ước và Tân Ước, giữa Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo, và ông đang nói rằng: *Anh chị em có nhận ra rằng mình đang quay lại với cái gì không?* Có thể diễn đạt lập luận của ông một cách rất đơn giản thế này: Anh chị em hiện đang lái con Rolls Royce; anh chị em có muốn quay lại con Ford Model T cũ không? Ông lập luận như vậy đấy. Mấy bà vợ ở đây có muốn quay lại nấu nướng bằng bếp than khi đã có lò vi sóng không? Anh chị em có muốn quay lại đun nước trong cái ấm, đổ nước nóng vào cái chậu thiếc trước lò sưởi để tắm không? Mới đầu tôi đã phải làm vậy trong nông trang. Anh chị em có muốn trở lại với cái đó hay muốn nằm bể sục? Khi nhìn vào tất cả những vật dụng hiện đại trong bếp thì liệu anh chị em có chọn quay lại nấu bếp củi ngoài trời suốt không? Ai lại đi chọn làm một điều ngớ ngẩn như vậy khi đã có những thứ hiện đại nhất? Nhưng đó là điều ông muốn nói. Ông muốn nói rằng *anh chị em đang quay lại một địa vị thấp kém hơn nhiều, anh chị em đang bỏ lại điều tốt hơn, sao anh chị em có thể làm như vậy?* Nên ông mới lập luận, trước hết là trong chương 1 đến chương 6 rằng có Con Đức Chúa Trời tốt hơn cả triệu lần so với có những đầy tớ Chúa, người Do Thái chỉ có vậy. A*nh chị em đã có Con, sao anh chị em lại quay lại với những đầy tớ ấy?*

Ông nói đến một số người đầy tớ. Ông bắt đầu với các thiên sứ. Thực ra thì cái này lên để ở trên nhưng không sao. Viết thế này để đưa hết mọi chi tiết vào bảng, hẳn rồi. Trước hết, ông nói rằng *Con tốt hơn các thiên sứ rất nhiều, họ chỉ là những đầy tớ phục vụ. Anh chị em có muốn quay lại giai đoạn mà anh chị em chỉ có thể tiếp xúc với thiên đàng qua các thiên sứ không? Anh chị em có Con rồi; không thể nào gần Cha hơn được nữa.* Rồi ông nói: *Còn các tiên tri thì sao?* Vâng, các tiên tri là những con người tuyệt vời nhưng anh chị em có muốn quay lại với... Xin lỗi, đáng ra phải là ngược lại. Xin tạ lỗi với người viết bảng này. Lập luận đầu tiên của ông ở đầu chương 1 là: *Con tốt hơn mọi tiên tri*, rồi lập luận thứ hai là *Con tốt hơn các thiên sứ*, rồi ông trở lại với những nhân vật Cựu Ước được gọi là tổ phụ, tức Môi-se và Giô-suê, những người tiên phong đưa họ vào Xứ Hứa. Nhưng ông nói: *Anh chị em đã có Con rồi, sao lại quay lại với Môi-se và Giô-suê, họ chỉ là đầy tớ trong nhà Đức*

Chúa Trời, còn anh chị em đã có Con. Rồi ông nói: *Còn các thầy tế lễ thì sao, A-rôn và các con trai là hãng thầy tế lễ gia đình, nhưng anh chị em đã có Con rồi. Trước đây anh chị em phải qua các thầy tế lễ để đến với Đức Chúa Trời, giờ đây anh chị em có thể đến thẳng với Con.* Một lập luận thuyết phục đúng không? Ông đang nói rằng: *Sao phải quay lại với cái đó khi anh chị em đã có cho mình một Đấng tốt hơn rất nhiều so với hết thảy bọn họ?* Đó là điều mà họ sẽ làm nếu họ quay lại nhà hội. Họ sẽ không bao giờ được nói về Chúa Giê-su nữa; họ sẽ bị cắt khỏi Con. Họ sẽ phải quay lại với các tiên tri.

Nhân đây tôi cũng nói lý do tại sao lại khó cải đạo cho người Hồi giáo đến vậy. Vì anh chị em đang bảo họ đi lùi - từ người mà họ coi là nhà tiên tri mới nhất và tốt nhất đến người mà họ cho là không tốt lắm, tức Chúa Giê-su. Hiểu vấn đề chưa ạ? Nên mới khó như vậy. Họ thừa nhận Chúa Giê-su là một tiên tri, nhưng không phải là tiên tri mới nhất và tốt nhất. Với một người Hồi giáo thì lúc mới đầu, anh ta nghĩ rằng chúng ta đang bảo anh ta quay lại, quay lại với một lãnh tụ ở thấp kém hơn. Tất nhiên là họ sai. Ngài không thấp kém hơn vì Mohammed, dù ông ta là ai thì cũng không phải Con Đức Chúa Trời và không bao giờ tự xưng như vậy. Chúng ta có Con là Đấng tốt hơn mọi tiên tri, dù giả hay thật.

Chương 7-10: Bóng và hình thật

Sau khi lập luận rằng Con tốt hơn đầy tớ, ông đã thay đổi lập luận của mình và trong chương 7-10, chúng ta có một lập luận xuất sắc rằng hình thật thì tốt hơn những cái bóng. Anh chị em đã bao giờ đọc truyện Ông bố Chân dài hay xem phim đó chưa? Một câu chuyện tình được yêu thích đúng không? Một câu chuyện tạp chí phụ nữ thực thụ, từ nghèo khó đến giàu sang. Đây là câu chuyện về một cô bé mồ côi ở trại trẻ và cô biết rằng có một người đàn ông giàu có chu cấp cho trại trẻ mồ côi và cho những đứa trẻ. Một ngày nọ, cô thấy bóng của ông trên tường, một cái bóng đổ dài với đôi chân dài kinh khủng do ánh đèn, cô gọi ông là Ông bố Chân dài và nhiều năm trời, cô mơ tưởng về cái bóng Ông bố Chân dài này. Rồi một ngày nọ, cô gặp ông và đem lòng yêu ông, rồi ông đem lòng yêu cô, ôi, đúng là một câu chuyện sướt mướt. Nhưng khi đã có được ông rồi thì cô không hề nghĩ gì đến cái bóng kia nữa, vì hình thật thì tốt hơn cái bóng. Theo anh chị em thì cô có quay lại với cái bóng trên tường và cố gắng hôn cái bóng không? Thật là điên rồ, khi anh chị em đã có Ngài rồi.

Anh chị em thấy đấy, trong Cựu Ước có rất nhiều cái bóng của Chúa Giê-su. Một số người gọi đây là các hình bóng; anh chị em đã bao giờ nghe đến từ hình bóng học, hình bóng chưa? Vâng, người Hê-bơ-rơ gọi chúng là những cái bóng, tôi thích từ đó hơn. Như thể Chúa Giê-su đổ bóng lại Cựu Ước, nhưng cái bóng luôn méo mó, nó không bao giờ cho chúng ta thấy hình ảnh rõ ràng, tùy theo ánh sáng. Để xem tôi có đổ bóng không, à có, dưới này, có Ông bố Chân ngắn dưới này. Nhưng cái bóng chỉ là một cái bóng. Anh chị em có thể nói gì đó về tôi qua cái bóng, nhưng không nhiều. Anh chị em có thể miêu tả được điều gì đó, nhưng nếu anh chị em biết tôi...Nếu anh chị em chỉ thấy cái bóng đó thì anh chị em sẽ biết tôi có thật, sẽ biết chút ít về tôi, nhưng cái bóng có là gì đâu?

Rồi, khi đọc Cựu Ước, thực ra là anh chị em đang đọc về những cái bóng của Chúa Giê-su từ đầu tới cuối. Đây là một khái niệm cho anh chị em, đây là chìa khóa. Khi đọc sách Lê-vi ký, anh chị em đang nhìn vào cái bóng của Chúa Giê-su. Đó là chìa khóa thật sự có thể mở sách này ra. Anh chị em nhìn vào các sinh tế sẽ thấy đó là cái bóng của thập tự giá, cái bóng của sự hy sinh Ngài vì tội lỗi. Anh chị em nhìn vào các con vật được dâng sinh tế sẽ thấy đó là cái bóng của Chúa Giê-su, chiên con. Chiên con của Lễ Vượt Qua là cái bóng của Chúa Giê-su, nó cho chúng ta biết chút ít về Chúa Giê-su. Nhưng ôi, chúng ta không cần nhìn vào chiên con nữa, chúng ta đã có Ngài rồi. Chúng ta đã

có hình thật, hoặc theo thuật ngữ hình bóng học là chúng ta đã có đối hình của hình bóng, nhưng nghe hơi rối đúng không? Nhưng cái bóng của hình thật thì chúng ta hiểu được; giờ đây chúng ta đã có hình thật.

Anh chị em có thể thấy bóng của Chúa Giê-su trong chức tế lễ, trong giao ước, trong các sinh tế, nhưng hình thật thì tốt hơn rất nhiều so với bóng. Cái bóng thực chất là chức tế lễ của A-rôn và con cháu ông. Nhưng Chúa Giê-su được đổ bóng rõ ràng hơn nhiều theo ban Mên-chi-xê-đéc, một người bí ẩn kết hợp giữa thầy tế lễ và nhà vua. Người trị vì Giê-ru-sa-lem, còn đưa bánh và chén cho Áp-ra-ham, một cái bóng rõ ràng. Như vậy là Cựu Ước đầy những bóng của Chúa Giê-su. Đây có phải là một suy nghĩ mới với anh chị em không? Chắc là không, chỉ là một cách diễn đạt mới, nhưng nó thật sự giúp anh chị em nhìn lại Cựu Ước và thấy rất nhiều bóng của Chúa Giê-su.

Đơn cử thế này. Theo anh chị em thì Y-sác bao nhiêu tuổi khi Áp-ra-ham dâng ông làm sinh tế? Anh chị em đã bao giờ nghĩ đến điều đó chưa? Có nhớ lúc Áp-ra-ham suýt chút nữa thì giết ông trên bàn thờ không ạ? Theo anh chị em thì lúc ấy ông bao tuổi, 12 à, 18 à? Người Do Thái nào cũng có thể nói cho anh chị em biết sự thật rằng ông đầu 30, và mọi bức tranh Do Thái vẽ cảnh đó đều minh họa một người đàn ông trưởng thành, ông có thể dễ dàng kháng cự người cha già đáng mến của mình, nhưng ông lại thuận phục cha. Vì chia Sáng Thế Ký ra thành các chương nên chúng ta bỏ lỡ mất tình tiết ngay sau đó trong chương tiếp theo - nói đến việc Sa-ra qua đời và cho biết khi đó bà bao nhiêu tuổi, Y-sác bao nhiêu tuổi. Anh chị em sẽ thấy đây là một cái bóng rõ ràng hơn nhiều của Chúa Giê-su khi nhận ra rằng Y-sác trạc 33 tuổi; và khi nhận ra rằng ngọn núi đó, Núi Mô-ri-a chính là ngọn núi mà Chúa Giê-su chết trên thập tự giá. Khi anh chị em thấy Đức Chúa Trời nói: *Dừng lại.* Một thiên sứ đã ngăn Áp-ra-ham lại: *Không được giết Y-sác*, và khi Áp-ra-ham quay lại thì có một con chiên đực, quanh đầu toàn là gai. Anh chị em có thấy cái bóng đó không? Đó là thứ cần được dâng làm sinh tế trên núi đó. Nhiều năm, nhiều thế kỷ sau, chiên con của Đức Chúa Trời bị mắc gai trên đầu và được dâng trên núi Mô-ri-a. Những cái bóng. Từ những bóng đó, anh chị em có thể nhìn tới thập tự giá, nhưng những cái bóng chỉ cho anh chị em thấy được có vậy thôi. Tại sao lại quay lại với những cái bóng?

Nhưng ông cũng nói: *Tại sao lại quay lại giao ước cũ vì anh chị em hiện đang ở trong giao ước mới, tốt hơn nhiều so với giao ước cũ.* Đó là một giao ước dựa trên sự tha thứ và "quên đi." Tôi nghĩ rằng phép lạ tuyệt vời nhất là khi Đức Chúa Trời tha thứ thì Ngài quên đi. Ngài không bao giờ nhắc lại chuyện đó nữa. Tôi nhớ là nhiều năm trước, Ruth ơi, không biết bà có nhớ chuyện này không, nhưng vào cuối buổi nhóm ở Millmead Centre tại Guildford, mọi người đều đã về nhà hết, còn mỗi một bà lão nhỏ nhắn ngồi một mình và khóc lóc thảm thiết. Tôi đến ngồi cạnh bà và hỏi: *Bà sao vậy?* Bà ấy trả lời: *Nhiều năm trước, tôi đã làm một điều cực kỳ tệ hại, nếu gia đình tôi biết thì họ sẽ không thèm nói chuyện với tôi; nếu bạn bè tôi biết thì tôi sẽ mất hết bạn bè. Trong 30 năm, tôi đã cầu xin Chúa tha thứ cho tôi mà Ngài không hề tha thứ.* Tôi nói: *Ôi, khổ thân bà, ngay từ lần đầu bà cầu xin thì Ngài đã tha thứ và quên nó đi rồi, và trong 30 năm Ngài không biết bà đang nói về điều gì nữa.* Bà ấy nói: "*Tôi không tin*." Tôi đưa bà qua vài câu Kinh Thánh. "Ta sẽ lập một giao ước mới" với các con và "không còn ghi nhớ tội lỗi" các con nữa. Mất 20 phút để thuyết phục bà rằng Đức Chúa Trời đã quên sạch chuyện đó rồi. Bà đứng dậy và tôi không thể tin vào mắt mình nữa, bà ấy nhảy múa quanh hội thánh. Đó, bà ấy trạc 70 tuổi, sống trên đường Farnham và đang nhảy múa quanh hội thánh vì quá vui sướng. Tôi thích kiểu nhảy múa đó. Không phải là điệu nhảy two-step của người ân tứ, mà thật sự nhảy múa vì quá vui sướng khi biết Đức Chúa Trời đã quên chuyện đó. Chúng ta cần nhớ điều đó - khi Đức Chúa Trời tha thứ thì Ngài quên đi.

Vấn đề là chúng ta không thể quên được, thế nên chúng ta mới không thể tha thứ cho chính mình. Anh chị em sẽ không bao giờ tha thứ được cho chính mình vì không bao giờ quên được. Thế nên chúng ta mới thấy khó tha thứ cho người khác đến thế vì chúng ta không thể tha thứ cho những điều họ nói hoặc làm. Nhưng Đức Chúa Trời phán: *Ta không còn ghi nhớ tội lỗi con nữa.* Đó là giao ước mới, và anh chị em lại quay lại giao ước cũ hay sao? Hẳn là không rồi. Nhưng khi nó ảnh hưởng đến sự an toàn của gia đình anh chị em thì đó là một sức ép lớn, một sức ép rất lớn. Thực sự là ông nói rất mạnh đúng không?

Còn sinh tế thì sao? Ông nói: *Anh chị em có nhận ra là từ giờ trở đi, anh chị em sẽ phải dâng sinh tế liên tục, hằng ngày, hằng tuần, hằng năm, anh chị em sẽ phải mang thêm nhiều sinh tế, trong khi anh chị em đã có một sinh tế trọn vẹn và đủ cả.* Lý do duy nhất khiến anh chị em không phải mang theo vài con vịt, chim bồ câu, chiên hoặc dê đến để tôi cắt cổ chúng trên bục này và máu me văng khắp nơi như một lò mổ - tại sao chúng ta không phải làm như vậy? Anh chị em có nhận ra rằng Đức Chúa Trời yêu cầu điều đó không? Anh chị em không thể được tha thứ nếu không có huyết đổ ra, vậy tại sao anh chị em không mang thú vật và chim chóc theo mình? Vì anh chị em không cần phải làm như vậy. Điều đó đã được làm trọn rồi, huyết Chúa Giê-su là tất cả những gì anh chị em cần. Thư Hê-bơ-rơ là như vậy. Sao phải quay lại với tất cả những sinh tế cũ, thật điên rồ. Đó là một lập luận khá mạnh. Ông không làm vậy để chúng ta có một hình dung sùng đạo về Đấng Christ, đó không hẳn là mục đích của thư Hê-bơ-rơ. Ông làm như vậy bởi vì: *Anh chị em có bỏ điều tốt hơn để lấy điều không được tốt lắm không? Anh chị em sẽ đi lùi trong đời sống thuộc linh của mình, quay lại với con Ford Model T cũ trong khi đang lái Rolls Royce, sao anh chị em lại làm vậy?* Một lời kêu gọi thực sự chạm đến óc suy xét của họ. Nhưng đó là mặt phủ định.

Chương 11-13: Sự Tiếp nối

Bây giờ chúng ta chuyển sang mặt khẳng định trong nửa sau của thư, ở trên này thì ông nêu sự Tương phản giữa Cựu Ước và Tân Ước, còn ở dưới này, ông nhấn mạnh sự Tiếp nối giữa Cựu và Tân, vì có những điều tốt đẹp trong Cựu Ước không lỗi thời. Một số điều trong Cựu Ước hiện đã bị bãi bỏ, nhưng những điều khác sẽ đi thẳng vào, nếu có một điều đi thẳng vào thì đó là đức tin. Tôi bảo này, khi anh chị em xét thấy những anh hùng Cựu Ước có ít cơ hội và nguồn lực đến thế nào thì đức tin của họ sẽ khiến chúng ta đứng vững, và chúng ta cần nhớ điều này. Họ không có bất cứ sự bày tỏ nào mà chúng ta có trong Đấng Christ. Họ có quá ít, họ không có sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh, nhưng những con người đó vẫn tiếp tục tin, dù họ không bao giờ thấy điều mình đã tin, và chúng ta cần theo kịp đức tin của họ. Như vậy là chúng ta có dạng quan hệ kép với Cựu Ước. Có một số điều chúng ta bỏ lại phía sau vì chúng là những cái bóng còn bây giờ chúng ta đã có hình thật, nhưng có một số điều mà chúng ta cần noi gương, một số điều chúng ta cần noi theo, một số điều chúng ta còn lâu mới theo kịp họ, đặc biệt là trong khía cạnh đức tin này.

Ông đi hết nhóm người này đến nhóm người khác trong Cựu Ước, nhóm đầu tiên là A-bên, Hê-nóc và Nô-ê. Nhóm thứ hai là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, họ là ba chìa khóa, các tổ phụ, và Đức Chúa Trời gắn chính danh Ngài với tên ba người đó. Ngài sẽ luôn được biết đến là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, đó là danh của Ngài. Chẳng phải là rất đáng kinh ngạc khi Đức Chúa Trời chúng ta mãi mãi gắn chính Ngài với ba người - TA LÀ Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp sao? Ba thế hệ đó.

Rồi ông chuyển sang Giô-sép và Môi-se; rồi Giô-suê và Ra-háp, đây là người nữ đầu tiên xuất hiện trong danh sách này, bà là một kỹ nữ và là người ngoại, nhưng bà đặt cược cả tương lai mình

vào dân của Đức Chúa Trời. Hãy nhớ là bà đã che giấu cho các thám tử tại Giê-ri-cô và các thám tử quay lại bảo Giô-suê rằng *cả thành Giê-ri-cô đang run rẩy sợ hãi, một kỹ nữ đã cứu mạng chúng tôi, và chúng tôi bảo cô ấy cột sợi dây màu điều bên ngoài cửa sổ để khi chiếm thành thì chúng ta phải giữ an toàn cho gia đình cô.* Cả thành chỉ có mỗi gia đình đó còn sống - đức tin của một kỹ nữ. Đức tin phi thường, và bà được kể như một tấm gương của đức tin, không chỉ trong thư Hê-bơ-rơ, nhưng chúng ta sẽ thấy trong cả thư Gia-cơ nữa. Và bà xuất hiện trong gia phả của Chúa Giê-su vì bà là bà cố-cố của Đa-vít, cố-cố-cố, tôi không nhớ chính xác, nhưng đó. Bà được đưa vào gia phả của Chúa Giê-su, tôi nghĩ điều đó thật tuyệt.

Khi liệt kê những anh hùng... Ôi tôi phải kết thúc thôi, lại hết thời gian rồi. Ôi, thời gian đúng là kẻ thù mà! Vâng, tôi muốn anh chị em chú ý đến một, hai điều về danh sách những tín đồ này. Một là đức tin họ được thể hiện trong điều họ làm; không phải trong điều họ nói, mà trong điều họ làm. Bởi đức tin, Nô-ê đã đóng một chiếc tàu. Bởi đức tin, Áp-ra-ham đã sống trong lều trại suốt phần đời còn lại; bởi đức tin, Môi-se làm điều này, bởi đức tin, Ghi-đê-ôn, Sam-sôn làm điều kia. Hãy cho tôi thấy đức tin nơi việc làm của anh chị em. Đức tin thực thụ thể hiện trong hành động. Tôi sẽ chỉ nói qua điều thứ hai, bài sau chúng ta sẽ nói tiếp về điều này.

Một câu ngắn ở giữa chương 11 luôn làm tôi thích thú. Đó là câu "tất cả những người ấy đều chết trong đức tin," nhưng họ chưa hề thấy điều mình tin. Tuyệt vời không ạ? Đức tin của họ không chỉ là một quyết định nhất thời tại một buổi truyền giảng, với họ thì đức tin là tiếp tục tin cho tới khi chết, dù họ không bao giờ thấy. Thật là một tấm gương đẹp, và họ đã không thấy điều đó. Chúng ta đã thấy điều đó, thế mà một số người trong chúng ta còn không thể tiếp tục tin, thật bi thảm! Tất cả những người này đều chết trong đức tin, và họ đang chờ đợi chúng ta theo kịp họ.

THƯ HÊ-BƠ-RƠ - Phần 2

Tập trung lên Chúa Giê-su

Chúng ta đi tiếp nào. Chúng ta đang ở chương 11, nhìn vào tất cả những anh hùng đức tin này, và lời kêu gọi cao cả ở cuối chương - họ đang đợi chúng ta theo kịp họ, trước khi họ thấy điều mình đã tin. Chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao? Rằng Áp-ra-ham đang đợi tôi, và anh chị em. Nô-ê đang đợi chúng ta và khi chúng ta theo kịp họ, chúng ta có thể thấy điều họ tin. Áp-ra-ham đã rời một căn nhà hai tầng rất thoải mái với hệ thống sưởi trung tâm và vòi nước trong các phòng ngủ. Các nhà khảo cổ học đã khai quật được những ngôi nhà tại U-rơ xứ Canh-đê, chúng là những ngôi nhà hiện đại nhất mà anh chị em có thể tưởng tượng ra, chúng là những căn nhà rất thoải mái. Anh chị em biết Saddam Hussein làm gì không? Ông ta đỗ những chiếc máy bay tiêm kích MIG cạnh nhà Áp-ra-ham để người Mỹ không thể đánh bom chúng được. Ông ta là một người thông minh, nhưng anh chị em có thể đến thăm những căn nhà đó. Áp-ra-ham đã 80 tuổi khi Đức Chúa Trời phán: *Hãy rời căn nhà này; con sẽ sống nơi lều trại trong suốt phần đời còn lại.*

Tất nhiên là chúng ta cũng sẽ làm như ông thôi, phải không nhỉ? Khi anh chị em có một căn bungalow đẹp đẽ, thoải mái, có hệ thống sưởi trung tâm, nằm cạnh bờ biển và Đức Chúa Trời phán: *Ôi, Ta muốn con rời xứ này, rời bà con thân tộc, rời gia đình mình; con sẽ sống nơi lều trại trên những ngọn núi trong suốt phần đời còn lại.* Và Áp-ra-ham đã đi. Nếu ông không làm như vậy thì ngày nay chúng ta không ở đây; chúng ta mang ơn con người già cả đáng mến đó, ông là một anh hùng đức tin, cũng như tất cả những người khác, và vây quanh chúng ta là một đám mây chứng kiến như vậy. Tôi không chắc là điều đó có ngụ ý rằng họ dõi theo chúng ta hay không, tôi thực sự không biết, nhưng ở đây dùng ngôn ngữ trong một sân bóng đá, những hàng người chứng kiến san sát nhau dõi xem chúng ta ra làm sao. Khi suy xét những gì họ làm, chỉ suy ngẫm về điều đó thôi cũng khiến chúng ta khá xấu hổ rồi.

Nhưng anh chị em không được chú ý vào Áp-ra-ham, hay Nô-ê, hay Môi-se, Ghi-đê-ôn hay Sam-sôn, anh chị em phải hướng mắt tới Chúa Giê-su. Hãy quên những khán giả đó đi, có một Đấng đang đứng ở vạch đích, thực ra cũng là người bắn phát súng khai cuộc ở vạch xuất phát, Đấng khởi nguyên và hoàn tất của đức tin chúng ta, Đấng đã giúp chúng ta bắt đầu và là Đấng sẽ hoàn tất điều đó cho chúng ta. Hãy hướng mắt tới Chúa Giê-su và chạy. Đó là hình ảnh về đời sống Cơ Đốc. Anh chị em không đến đích vào thời điểm được cải đạo, đó chỉ là phát súng khai cuộc mà thôi. Anh chị em có một cuộc chạy đua và anh chị em cần về tới đích, cần đoạt giải, lấy bàn thắng, vòng hoa chiến thắng, vòng nguyệt quế, huy chương Olympic, ở đây dùng ngôn ngữ như vậy.

Những "phân đoạn có vấn đề" của thư Hê-bơ-rơ

Sau khi cho anh chị em biết dàn ý, hay cấu trúc của mọi thứ...À thôi, trước khi sang phần tiếp theo, tôi muốn nói đến điều mà người ta coi là những phân đoạn có vấn đề của thư Hê-bơ-rơ. Không biết tại sao người ta lại dùng cụm này - phân đoạn có vấn đề; à biết, tức là những phân đoạn đó không khớp với những gì mà họ đã tin. Nên họ dán nhãn chúng là những phân đoạn có vấn đề. Người ta liên tục hỏi tôi những câu như: *Ông nghĩ gì về những phân đoạn có vấn đề mà Phao-lô nói về phụ nữ?* Tôi thì tôi không nghĩ là có phân đoạn nào có vấn đề về phụ nữ cả. Có hai kiểu vấn đề, có những vấn đề khi chúng ta không hiểu điều gì đó trong Kinh Thánh, và những vấn đề khi chúng ta hiểu. Hầu hết mọi người đều gặp vấn đề với những phần mà họ hiểu chứ không phải những phần không hiểu. Vấn

đề là khi Kinh thánh nói điều gì đó nhưng lại không khớp với những ý niệm trước kia của chúng ta và chúng ta nói: *Ôi, tôi có vấn đề với chỗ này.*

Hãy xét đến những phân đoạn đó, chúng rải rác khắp nơi. Phân đoạn nổi tiếng nhất là Hê-bơ-rơ chương 6. Nhưng nếu đó là "phân đoạn có vấn đề duy nhất" thì lại khác. Trên thực tế, có mội sợi chỉ xuyên suốt từ đầu tới cuối. Bắt đầu từ chương 2 khi Kinh thánh chép rằng "làm sao chúng ta tránh khỏi hình phạt nếu chúng ta xem thường ơn cứu rỗi lớn dường ấy?" "Chúng ta" là ai? Mỗi lần nghe người ta trích dẫn câu đó tôi đều thấy họ chỉ đến những tội nhân. *Các ngươi đang xem thường Tin lành.* Nhưng "chúng ta' ở đây là những tín đồ Cơ Đốc, những tín đồ Hê-bơ-rơ này, và anh chị em chỉ cần xem thường sự cứu rỗi của mình là nguy hiểm rồi. Chúng ta rất dễ làm như vậy, làm sao chúng ta tránh khỏi hình phạt nếu chúng ta xem thường, hay phớt lờ đây! Chúng ta sống trong một thế giới mà chúng ta phớt lờ cái gì thì nó sẽ sớm tàn tạ, anh chị em có để ý thấy điều đó không, dù là xe, hay nhà, hay bất cứ thứ gì của anh chị em? Anh chị em phớt lờ những điều cần làm, và không lâu sau, anh chị em sẽ rơi vào một mớ hỗn độn, chỉ vì phớt lờ, xem thường thôi. Ông nói: *Đừng xem thường sự cứu rỗi của mình, nếu không thì anh chị em sẽ bị trôi lạc khỏi nó.* Chúng ta cũng rất dễ làm điều này, dễ trôi lạc. Tôi e rằng hội thánh nào cũng có những thành viên đã trôi lạc.

Nhưng ý này xuất hiện xuyên suốt; có hai phân đoạn trong chương 3, một đoạn dài trong chương 6, một đoạn khác trong chương 10. Chương 10 nói thế này: Nếu chúng ta cố tình và chủ ý tiếp tục phạm tội sau khi đã được tha thứ rồi thì không còn sinh tế nào chuộc được những tội đó nữa. Tất cả những điều này đều rất nặng nề, và tất nhiên, câu hỏi mà người ta liên tục đặt ra là: *thế còn "được cứu một lần là đủ cả thì sao"*? Tất nhiên, một cách gọn gàng để né tránh là nói rằng những người ông nói đến chưa thực sự được sinh lại - nói thế thì gọn quá và thực chất, Kinh thánh không nói như vậy. Điều Kinh thánh thực sự nói đến, mô tả về những người đang gặp nguy hiểm rõ ràng là một mô tả về những người đã được sinh lại. Ông đang nói với "những người đã được soi sáng một lần, đã từng nếm sự ban tặng từ trời, đã dự phần về Đức Thánh Linh, đã nếm sự tốt đẹp của lời Đức Chúa Trời, và quyền năng của thời đại sẽ đến." Một người vô tín không thể nào khớp với mô tả đó, làm sao mà được! Dự phần về Đức Thánh Linh sao? Không, nghe này; ở đây đang nói đến những người tín đồ; và trong mọi thư khác, rõ ràng là những cụm từ này miêu tả về Cơ Đốc nhân phải không? Có một phân đoạn trong 1 Phi-e-rơ mà chúng ta sẽ xét đến, dùng ngôn ngữ gần như giống hệt và miêu tả về Cơ Đốc nhân.

Để tôi đọc đoạn đó cho anh chị em. "Anh em hãy khao khát sữa thiêng liêng thuần khiết như trẻ sơ sinh, để nhờ đó anh em được lớn lên trong sự cứu rỗi, nếu anh em đã nếm biết Chúa là ngọt ngào." Câu này có nói về tín đồ không? Tất nhiên rồi! Ở đây Hê-bơ-rơ đang nói về những người đã nếm biết sự tốt lành của Lời Chúa và quyền năng của thời đại sẽ đến, dự phần về Đức Thánh Linh và được soi sáng. Xin lỗi, nhưng tôi không thể bẻ cong câu Kinh Thánh đó để nói rằng: "Ôi dào, họ không được sinh lại đúng cách ấy mà." Đây rõ ràng một mô tả về những người đã bước vào đức tin Cơ Đốc, và cả thư này được gửi đến những tín đồ người Hê-bơ-rơ đó. Thậm chí gọi họ là "trẻ sơ sinh trong thuộc linh" cũng có nghĩa là họ đã được sinh lại, vì sau khi sinh ra thì người ta mới được gọi là con trẻ, và ông miêu tả chính những người này như những con trẻ thuộc linh, đúng là vẫn bú sữa khi lẽ ra họ phải ăn thịt được rồi, nhưng họ vẫn là những con trẻ thuộc linh. Như vậy là họ có sự sống và đã được sinh lại.

Rồi, những lời cảnh báo mà ông đưa ra nói đến hai giai đoạn, có thể gọi như vậy, hai giai đoạn. Giai đoạn số 1 là phớt lờ và trôi lạc, nhưng giai đoạn thứ hai là chối bỏ. Tôi thấy sự khác nhau giữa

sự sa ngã và cái chúng ta gọi là bội đạo. Anh chị em có hiểu điều tôi đang nói không? Sự sa ngã, trôi lạc, phớt lờ đó là một tình trạng có thể phục hồi được, nhưng đến một thời điểm, nếu chúng ta tiếp tục đi xuống con đường đó thì sẽ đến lúc không quay lại được. Lời cảnh báo hệ trọng nhất trong Hê-bơ-rơ là ở chương 6, rằng một khi chúng ta đã đến mức không quay lại được thì sẽ không thể nào phục hồi lại sự cứu rỗi mình.

Đó là điều hệ trọng nhất. Hê-bơ-rơ 6 không bàn đến việc liệu anh chị em có thể mất sự cứu rỗi hay không, mà bàn xem khi đã mất thì anh chị em có thể tìm lại được nó hay không. Và Hê-bơ-rơ nói rằng không thể. Nên chúng ta phải nghiêm túc nói với những người đang sa ngã, trôi lạc và phớt lờ rằng *anh chị có nhận ra mối nguy đang rình rập mình không, vì có thể đến một thời điểm mà anh chị không tìm được đường quay lại.* Ước gì chương này không nói như vậy, ước gì điều đó không đúng. Nhưng tôi không thể né tránh được. Không chỉ Hê-bơ-rơ 6 mà cả thư tín này, từ đầu tới cuối, với sự nài xin khẩn thiết vì mối nguy khủng khiếp đang rình chờ những người trôi lạc, những người nhổ neo, những người hạ buồm xuống, những người khinh thường sự cứu rỗi và trôi lạc. Tôi tin rằng cần đặc biệt lưu ý điều đó.

Tôi không tin có bất cứ cảnh báo nào trong Kinh Thánh lại là cái mà người ta gọi là cảnh báo hiện sinh. Nói cách khác là cảnh báo về một mối nguy không bao giờ xảy đến được. Lấy một điều không thể xảy ra để dọa người ta là giả hình, nhưng Kinh Thánh là Lời chân lý, nên tôi phải thừa nhận rằng chỉ thư Hê-bơ-rơ không thôi cũng có thể thuyết phục tôi rằng người ta có thể đi đến mức không thể quay lại khi trôi lạc khỏi Chúa Giê-su. Đó là lý do tại sao cả thư này rất hệ trọng - *đừng quay lại, đừng quay lại. Anh chị em có nhận ra mình có thể mất điều gì không?* Và mức cuối cùng của sự bội đạo với những tín đồ Hê-bơ-rơ này sẽ là đứng trước nhà hội và nói: *Tôi nói Chúa Giê-su không phải là Đấng Mê-si-a.* Ông nói: *Anh chị em có nhận ra rằng mình đang đóng đinh Chúa Giê-su một lần nữa? Anh chị em đang đứng về phía những kẻ đóng đinh. Nếu anh chị em đóng đinh Ngài một lần nữa thì Ngài không còn ích chi cho anh chị em nữa.*

Thật là một lời cảnh báo nghiêm túc. Không có nghĩa là sáng nào tỉnh dậy chúng ta cũng phải tự hỏi không biết mình có được cứu hay không, vì có sự bảo đảm trong Tân Ước đến từ việc tôi bước đi với Chúa, và sự bảo đảm trong Tân Ước không dựa trên một quyết định từ 20 năm trước, nhưng dựa trên mối quan hệ hiện tại của tôi. Kinh thánh nói rằng *chính Thánh Linh làm chứng với tâm linh tôi rằng tôi là con cái Đức Chúa Trời.* Hay nói cách khác là anh chị em có sự bảo đảm trong hiện tại rằng mình đang trên đường lên thiên đàng. Tôi tin rằng điều này không bảo đảm là anh chị em sẽ lên đó, nhưng là sự bảo đảm rằng anh chị em đang trên đường lên, nếu anh chị em tiếp tục đi trên con đường đó và tiếp tục tin vào Chúa Giê-su đó thì anh chị em chắc chắn sẽ lên đến nơi, chắc chắn như tôi đang đứng tại đây vậy.

Điều này không tạo ra nhiều Cơ Đốc nhân rối trí tự hỏi rằng mình có được cứu hay không. Nhưng nó có tạo ra những Cơ Đốc nhân nghiêm túc không chơi đùa với Chúa, không sa ngã, không phớt lờ và trôi lạc, và cứ tiếp tục tin. Ở đây có một sự cân bằng rất tinh tế, và xuất hiện xuyên suốt Kinh Thánh. Anh chị em thử đặt Ma-thi-ơ và Hê-bơ-rơ cạnh nhau thì sẽ có một số cảnh báo rất hệ trọng với Cơ Đốc nhân, nhưng anh chị em sẽ thấy chúng ở mọi trước giả khác, thậm chí là qua môi miệng của Chúa Giê-su. Khi Chúa Giê-su phán: *Ta là cây nho thật, các con là cành, hãy ở trong Ta, cứ ở, hãy ở trong Ta.* Rồi Ngài phán: *Những cành không cứ ở trong Ta bị cắt bỏ và đốt đi.* Tôi không thể bẻ cong điều đó. Óc suy xét sẽ cho anh chị em biết nó có nghĩa là gì.

Thật thú vị là thất bại của những người Do Thái rời Ai Cập để đến Ca-na-an, thất bại của hơn hai triệu người, được ba trước giả Tân Ước khác nhau dùng làm lời cảnh báo với Cơ Đốc nhân rằng *anh chị em có thể khởi đầu tốt, nhưng anh chị em cần đến được đích nữa. Có thể anh chị em đã rời Ai Cập, nhưng anh chị em cần đến được tận Ca-na-an.* Như vậy là Phao-lô đã dùng đến thất bại cụ thể của dân Y-sơ-ra-ên khi ra được nhưng không vào được trong 1 Cô-rinh-tô 10, thư Hê-bơ-rơ dùng điều này trong chương 4 và Giu-đê dùng điều này làm lời cảnh báo cho Cơ Đốc nhân: Không phải những người bắt đầu mà những người kết thúc mới làm nên chuyện.

Còn nhớ khi Billy Graham được phỏng vấn trên truyền hình và người phỏng vấn đã hỏi ông một câu hỏi mà trước đó chưa ai hỏi ông, anh chị em có thể thấy Billy Graham luôn có mọi câu trả lời cho mọi câu hỏi. Nhưng câu này mới, và người phỏng vấn hỏi: *Ý nghĩ đầu tiên của ông khi lên thiên đàng là gì?* Nhanh như chớp, Billy đáp là "nhẹ cả người," nhẹ cả người. Sau đó, con người vĩ đại và khiêm nhường đó nói rằng: *Nhẹ nhõm vì đã lên tới nơi.* Một con người khiêm nhường, không kênh kiệu, nhưng ông biết mình đang trên đường đến. Anh chị em biết mình đang trên đường đến High Leigh này, nhưng tôi chắc chắn là anh chị em gặp rắc rối ở chặng cuối, phía bên này. Nhưng anh chị em thấy đấy, anh chị em có sự đảm bảo rằng mình đang đi đúng hướng, mình đang trên đường đến, mình sẽ đến đó, nhưng anh chị em phải kiên nhẫn trong một hai cây cuối cùng. Nhưng anh chị em đã đến được. Ngay bây giờ, tôi chắc chắn là mình đang trên đường lên thiên đàng, Thánh Linh cho tôi biết rằng tôi đang đi đúng đường, nhưng tôi không thể nói gì thêm ngoài điều đó. Tôi sẽ bảo anh chị em rằng tôi sẽ tiếp tục đi cho đến khi tới nơi.

Đó là lý do tại sao ở cuối cuốn Thiên lộ Lịch trình, một cuốn truyện mô tả đời sống Cơ Đốc như một chuyến đi từ thành tội lỗi đến thiên thành - ngay đoạn cuối, khi họ đến Sông Giô-đanh, Sông Giô-đanh của sự chết, tối tăm, sâu thẳm, đen ngòm, Cơ Đốc Nhân và bạn đồng hành đứng trước con sông sâu và họ không hề ưa nó, người đồng hành với Cơ Đốc Nhân nói: *Tôi sẽ không vượt sông đó đâu, chắc hẳn phải có đường khác và anh ta rẽ sang trái, đi xuống một đường nhánh.* Bunyan viết rằng: "Trong mơ, tôi thấy có một con đường đi xuống địa ngục, ngay trước các cổng thiên đàng." Tôi không muốn nhai đi nhai lại điều này, tôi đang cố gắng chỉ cho anh chị em điều thư Hê-bơ-rơ đang nói đến, không chỉ thư Hê-bơ-rơ mà xuyên suốt Kinh thánh.

Sách cuối cùng của Kinh Thánh có một sứ điệp cho những người đang chịu sức ép khủng khiếp; rồi chúng ta sẽ thấy, Sách Khải huyền dành cho những người đang chịu sức ép khủng khiếp, và lời hứa là: '"Người nào thắng, Ta sẽ không bao giờ xóa tên người ấy khỏi Sách Sự sống." Điều đó có nghĩa là gì? Nếu anh chị em muốn giữ tên mình trong sách sự sống thì hãy vượt qua, đi đến tận cùng, không bao giờ quay lại, hướng mắt tới Chúa Giê-su và chạy trong cuộc đua. Ở ngay cuối, có một lời cảnh báo trong trang cuối của Kinh Thánh rằng nếu anh chị em bất cẩn với Sách Khải huyền và bắt đầu bớt hoặc thêm điều này, điều kia vào đó thì Đức Chúa Trời sẽ cất lấy phần của người ấy trong cây sự sống. Như vậy là chúng ta thấy có sợi chỉ xuyên suốt. Có những câu/đoạn Kinh Thánh huy hoàng khác nói về việc Đức Chúa Trời nắm quyền, chúng ta có Cha, Con và Thánh Linh đứng về phía mình, chúng ta có mọi thứ dành sẵn cho mình, chỉ cần tiếp tục tin thì chúng ta sẽ làm được.

Nhưng bất cứ chỗ nào có lời hứa rằng Đức Chúa Trời gìn giữ chúng ta thì cũng có lời kêu gọi chúng ta giữ chính mình. Ví dụ như trong thư Giu-đê ngắn ngủi, câu cuối cùng nói rằng Ngài "có thể gìn giữ anh em khỏi vấp phạm." Ở đây không nói rằng Ngài chắc chắn mà nói rằng Ngài có thể. Nhưng câu ngay trước đó nói rằng hãy giữ mình trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Phao-lô,

khi đưa ra sự đảm bảo về tương lai, ông nói rằng: *Nếu anh chị em tiếp tục trong đức tin, giữ vững, giữ vững, cứ tiến tới, đi tiếp.*

Tôi thấy thư gửi cho người Hê-bơ-rơ nhất quán với toàn bộ điều đó. Nhưng Ngài có thể gìn giữ anh chị em, anh chị em có cả thiên đàng đứng về phía mình, Cha, Con và Thánh Linh, nhưng Đức Chúa Trời quá yêu anh chị em đến nỗi Ngài sẽ không bao giờ ép buộc anh chị em, không bao giờ coi anh chị em như con rối, Ngài sẽ dẫn dắt, sẽ gìn giữ, sẽ dẫn lối cho anh chị em - hãy giữ mình. Khi Phao-lô nói: *Ta tin, ta hoàn toàn tin rằng Ngài có thể gìn giữ những điều ta đã dâng cho Ngài*, chỉ vài câu sau đó, ông nói: *Ta đã đánh trận tốt lành, đã xong sự chạy, đã giữ được đức tin.* Như vậy là từ "giữ" đó rất quan trọng. Ngài gìn giữ, anh chị em giữ lòng tin, và tất cả những anh hùng đức tin trong Hê-bơ-rơ vẫn sống bởi đức tin khi họ qua đời. Nguyện người ta sẽ nói như vậy về anh chị em và người giảng đạo cho anh chị em - rằng chúng ta tiếp tục tin, rằng chúng ta chiến thắng nhờ huyết Chiên con. Không phải được cứu bởi việc làm, mà được cứu nhờ tiếp tục tin, nó là như vậy, và đừng bẻ cong điều đó.

Kết luận

CONCLUSIONS:
1. POSSIBLE TO LOSE SALVATION.
2. ONCE LOST, IMPOSSIBLE TO RECOVER.
3. PREDESTINATION REQUIRES CONTINUED CO-OPERATION.
4. HOLINESS IS AS NECESSARY AS FORGIVENESS.
5. GOD IS A HOLY GOD.

VALUE:
1. BIBLE STUDY.
2. CHRIST-CENTERED.
3. FAITH-BUILDING.
4. BACK-SLIDING.
5. CHURCH MEMBERSHIP.

Rồi, hãy rút ra một số kết luận từ tất cả những điều này. Tôi phải nói là Hê-bơ-rơ dạy rằng chúng ta có thể mất sự cứu rỗi mình - một mối nguy mà chúng ta cần nhận thức được. Tất nhiên là một số Cơ Đốc nhân rối trí không chắc chắn về bản thân đến nỗi khi nói như vậy, họ sẽ trằn trọc trong đủ thứ nghi ngờ. Những nghi ngờ đó dựa trên sự an ninh giả tạo, không ai có thể lay động những người tin cậy Chúa Giê-su.

Hai là một khi đã mất sự cứu rỗi thì không thể phục hồi lại được. Tôi tin rằng đó là thông điệp của Hê-bơ-rơ 6. Ba là tiền định đòi hỏi chúng ta phải liên tục hợp tác. Nó không tự động xảy ra. Đức Chúa Trời có định trước cho chúng ta, Ngài chọn chúng ta trước khi chúng ta chọn Ngài, nhưng Ngài đòi hỏi chúng ta phải hợp tác. Giống như một người sắp chết đuối và có người ném cho anh ta sợi dây, người ném sợi dây nói rằng: *Hãy nắm lấy dây này và giữ chặt cho tới khi tôi kéo được anh vào bờ.* Liệu khi vào bờ, người đó có dám nói rằng: *Tôi đã tự cứu mình nhờ bám chắc vào dây không?* Không bao giờ. Anh ta sẽ luôn nói: *Người đó đã cứu tôi*, và ý tưởng rằng bạn tự cứu mình nhờ giữ chắc là không đúng với thực tế, không đúng với thực tại.

Nên Phi-e-rơ mới nói trong thư thứ hai của ông rằng *hãy khiến sự kêu gọi và chọn lựa của anh chị em được chắc chắn.* Thấy không ạ? Đức Chúa Trời đã lựa và chọn anh chị em, hãy khiến điều đó được chắc chắn bằng cách đi tiếp, tiến tới sự trưởng thành để anh chị em được nhiệt liệt tiếp đón vào

thiên đàng. Anh chị em có muốn được tiếp đón nhiệt liệt không? Vậy thì hãy tiến tới và chắc chắn về sự Chúa kêu gọi và chọn lựa mình. Tiền định à? Tôi tin vào điều đó. Đức Chúa Trời định trước cho tôi làm con Ngài, Đức Chúa Trời chọn tôi, lựa tôi; Ngài theo đuổi tôi trước khi tôi theo đuổi Ngài rất lâu. Đúng không nào? Ấy thế nhưng tôi cần khiến sự kêu gọi và chọn lựa ấy được chắc chắn bằng cách bám lấy sợi dây cho tới khi tôi về bờ an toàn.

Nhưng Ngài làm công việc cứu rỗi chứ không phải sợi dây hay việc tôi bám lấy nó. Nếu nói rằng sợi dây cứu tôi hoặc tôi bám lấy sợi dây mà tự cứu được mình thì thật nực cười; chính Ngài cứu chúng ta, nhưng Ngài nói: *Hãy nắm lấy điều này và giữ chắc cho tới khi Ta kéo con về an toàn.* Tôi không thích dùng từ "an toàn" trước khi mình lên thiên đàng. Khi đứng trên những con đường bằng vàng đó, tôi sẽ la lên rằng "Mình được an toàn rồi." Thậm chí tôi còn sẵn sàng nói *cuối cùng thì mình cũng được cứu, cuối cùng cũng được cứu. Ngài đã tiếp tục và hoàn tất việc lành mà Ngài đã bắt đầu.*

Nhưng từ đầu tới cuối Kinh Thánh đều nhấn mạnh việc tiếp tục tin, tiếp tục tin cậy, tiếp tục giữ lấy sợi dây cho tới khi về bờ. Hy vọng rằng điều đó đã giúp ích cho một số anh chị em, nó có thể khiến những anh chị em khác thấy khó chịu. Đây là một vấn đề lớn và tôi muốn đồng tình với cả Calvin lẫn Arminius. Tôi muốn là cả hai. Thực ra, có người đã đến nghe tôi giảng trong ba tháng và hỏi: *Đa-vít này, ông theo Calvin hay Arminius vậy?* Tôi nói: *Anh nghe tôi nói cả ba tháng trời rồi; lẽ ra anh phải biết rồi chứ!* Anh ta nói: *Nó làm tôi rối trí lắm; một số ngày Chúa Nhật, tôi về nhà và nghĩ ông hẳn phải theo Calvin, rồi đến Chúa Nhật tuần sau ông lại giảng một bài có chất Arminius.* Tiền định và ý chí tự do, vấn đề xưa cũ. Tôi nói: *Ồ, ông biết câu trả lời rồi đấy.*

- *Tôi không biết, ông theo cái nào?*
- *Ông biết đấy, tôi đồng tình với cả hai.*
- *Ồ, làm sao mà được nhỉ.*

- *Về trí óc thì không thể được, tôi không thể ghép hai thứ với nhau về mặt trí tuệ, nhưng tôi biết cả hai đều đúng*, Nhưng cả hai bên đều muốn viết lại một số phần Tân Ước. Cả hai bên đều có cái mà họ gọi là những phân đoạn có vấn đề, nhưng tôi tin rằng Ngài có thể giữ gìn và tôi tin rằng tôi phải giữ chính mình trong tình yêu Ngài, rằng tôi phải bám chặt cho tới khi đến nơi, và Hê-bơ-rơ là sách mà tôi không cho rằng chúng ta có thể bẻ cong điều này mà nói rằng sách đầy những vấn đề. Không đâu. Sách đầy những tuyên bố rõ ràng mà chúng ta cần nghe, nhất là khi chúng ta nghĩ cho sự an toàn của chính mình hoặc thậm chí của con cái mình mà lách khỏi tình huống khó xử này, từ đó chối bỏ Chúa Giê-su. Chúa Giê-su có nói với các tín đồ, với các môn đồ Ngài rằng *nếu các con chối bỏ Ta trước mặt thiên hạ, Ta sẽ phải chối bỏ các con trước mặt Cha Ta, nhưng nếu các con chịu gian khổ thì sẽ dự phần trong vinh quang Ta.* Đó là lẽ thật đơn giản và rõ ràng, nên hãy là những người chiến thắng thì tên anh chị em sẽ không bao giờ bị xóa khỏi sách sự sống của Chiên con. Khi sách đó mở ra thì tên anh chị em sẽ có trong ấy. N*gười này thuộc về Ta. Người này không bao giờ chối bỏ Ta, nên người này là của Ta*, Chúa Giê-su nói vậy.

Chúng ta đi đến những kết luận nào? Kết luận thứ 4 là sự thánh khiết cũng cần thiết giống như sự tha thứ. Một lần nữa, không chỉ những người tiếp nhận sự tha thứ của Đức Chúa Trời mới làm nên chuyện, mà là những người tiến tới sự thánh khiết và chính trong thư Hê-bơ-rơ, chúng ta mới có câu này: "Hãy tìm cách...đeo đuổi sự thánh khiết; vì nếu không thánh khiết thì chẳng ai thấy được Chúa." Quá nhiều người muốn được tha thứ chứ không muốn thánh khiết. Tôi thấy con người ngày nay muốn có được hạnh phúc từ Chúa Giê-su trong đời này và được thánh khiết ở đời sau, trong khi ý muốn của

Đức Chúa Trời trong Tân Ước rõ ràng là sự thánh khiết ở đời này, ngay cả khi nó khiến bạn khổ sở, nhưng được hạnh phúc trong đời sau.

Nhưng chúng ta lại muốn đảo ngược lại. Thế hệ khoái lạc chúng ta chỉ muốn lạc thú chứ không muốn nỗi đau. Đức Chúa Trời sẵn sàng sửa phạt chúng ta, khiến chúng ta đau đớn, Hê-bơ-rơ 12 chép như vậy, nếu điều đó sẽ khiến chúng ta thánh khiết hơn. Một điều mà Ngài theo đuổi là sự thánh khiết của chúng ta và Ngài có thể gây khó dễ cho con cái Ngài, nhưng Hê-bơ-rơ thậm chí nói rằng nếu chưa từng được Chúa sửa phạt thì anh chị em là con ngoại tình chứ không phải con thật. Vì nếu Ngài là Cha anh chị em thì Ngài sẽ đánh đòn anh chị em, vì Ngài muốn anh chị em trở thành một đứa con ngoan, như vậy là thư Hê-bơ-rơ đặc biệt nhấn mạnh đến sự thánh khiết. Tin lành trọn vẹn là thế này: Không phải anh chị em nhận sự tha thứ và sau đó phải sinh ra sự thánh khiết, mà tha thứ và thánh khiết đều là món quà ân điển. Cả hai đều được tặng dựa trên cùng một nền tảng là đức tin.

Nhưng anh chị em cần cả hai, và ẩn dụ Chúa Giê-su kể nêu bật điều này là ẩn dụ về một vị vua mở tiệc cưới cho con trai mình. Ẩn dụ đó xuất hiện trong Lu-ca và Ma-thi-ơ, nhưng trong Lu-ca thì đó chỉ là lời mời đến dự lễ cưới, hay dự tiệc. Một người dọn tiệc ra, sau đó những người khách được mời xin cáo lỗi, nên người chủ tiệc bảo các đầy tớ đi ra đường và các ngõ hẻm mời cho thật nhiều người vào cho đầy nhà ta.

Câu chuyện trong Lu-ca dừng lại tại đó, vì Lu-ca đang viết cho người chưa tin, và điều họ cần nghe là lời mời gọi của Tin lành: *Hãy đến vì mọi thứ đã sẵn sàng.* Nhưng trong Ma-thi-ơ là sách viết cho các tín đồ thì câu chuyện không dừng lại tại đó. Nó đi tiếp và thời gian dự tiệc cưới con vua đã điểm, các vị khách đáp ứng với lời mời đã đến, và một người bước vào, không mặc trang phục tiệc cưới. Vị vua đã hỏi một cách rất thân thiện rằng: *Này anh bạn, sao anh không thay trang phục khi đến dự tiệc cưới của con ta?* Kinh thánh chép rằng "người ấy lặng thinh," nghĩa là lẽ ra anh ta có thể làm như vậy, nhưng anh ta đã xuất hiện trong bộ quần áo cũ kỹ, bẩn thỉu đến tiệc cưới con vua và vua đã nổi giận. N*gươi nhận lời mời của ta nhưng không buồn thay bộ quần áo cũ đi.* Ngài phán: *Hãy trói tay chân nó lại để nó không bao giờ vào đây được nữa và ném nó ra bóng tối bên ngoài, nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng.* Đó là một cái kết khá nghiệt ngã của câu chuyện này. Khi nói cùng tội nhân thì chúng ta nói rằng *lời mời đã đến, anh có thể có chỗ trong bữa tiệc.* Nhưng khi nói cùng những người đã nhận lời mời thì chúng ta bảo: *Hãy thay trang phục đi.*

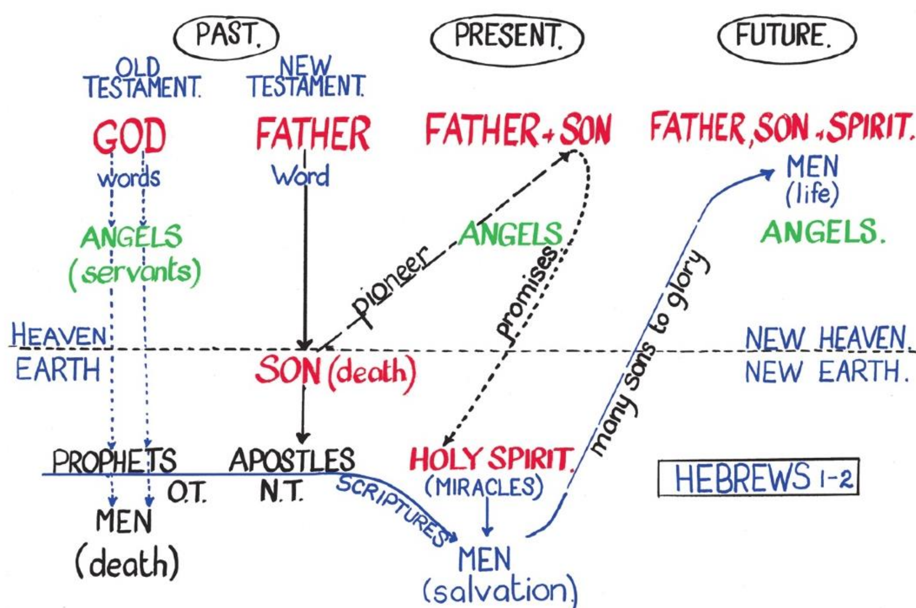
Cũng vậy, nếu không buồn thay đổi cách sống, lối sống mình thì anh chị em sẽ xúc phạm Đức Vua chẳng khác gì so với khi cáo lỗi và không hề đến. Nắm được không ạ? Thật là một sứ điệp hay về sự thánh hóa, chúng ta cần giảng Ma-thi-ơ, phiên bản đó dành cho Cơ Đốc nhân chứ không phải người chưa tin. Với người chưa tin thì lời mời gọi là *"hãy đến," có một chỗ cho anh trong bữa tiệc*, nhưng với tín đồ đang đến thì chúng ta nói: *Hãy thay trang phục đi.* Hãy mặc vải gai trắng là những việc công chính của các thánh đồ, hãy đeo đuổi sự thánh khiết. Anh chị em đã hát như vậy trong bài "Kìa, xem ngọn đồi xanh." Có một câu trong đó nói rằng "Ngài đã chết để ta được thứ tha, Ngài chết để ta tốt hơn, để sau ta được qua cánh thiên môn, cứu bởi huyết quý báu Ngài." Chúa Giê-su không chỉ chết để anh chị em được tha thứ mà còn để anh chị em được thánh khiết, Ngài đã đổ huyết mình để anh chị em được gột sạch và khiến anh chị em sẵn sàng cho thiên đàng. Chính những người tiến tới, những người tiếp tục chăm xem Chúa Giê-su và nói rằng: *Tôi có một cuộc chạy đua, tôi sẽ về đích và đoạt giải* là những người Chúa Giê-su đang tìm kiếm.

Tất nhiên, năm là, điều này có nghĩa rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta quên mất điều đó. Anh chị em biết đấy, tôi có khoảng năm cuộc phỏng vấn trên đài BBC về cuốn sách tôi viết, kể từ khi nó được phát vào thứ sáu trên đài phát thanh địa phương, và lần nào họ cũng hỏi cùng một câu: *Sao một Đức Chúa Trời yêu thương lại có thể đẩy ai đó xuống địa ngục được?* Không có ai hỏi là: *Sao một Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể đẩy ai đó xuống địa ngục?*, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết. Tình yêu của Ngài là tình yêu thánh khiết, tức là Ngài sẽ không bao giờ bằng lòng với điều gì kém hơn sự thánh khiết nơi những người Ngài yêu dấu. Anh chị em không vui về điều đó sao?

Giá trị của thư Hê-bơ-rơ với Cơ Đốc nhân là gì?

Rồi, thư này có giá trị gì với Cơ Đốc nhân? Sau đó, tôi sẽ chuyển sang hai biểu đồ mà một người trong đây đã làm cho tôi. Cảm ơn anh rất nhiều vì đã làm cái này. Đâu rồi nhỉ? Cảm ơn anh rất nhiều! Tốt đấy ạ! Vâng, với Cơ Đốc nhân thì giá trị của thư Hê-bơ-rơ là gì? Một là thư giúp chúng ta trong việc nghiên cứu Kinh Thánh - cho chúng ta biết mối quan hệ giữa Cựu và Tân Ước. Khái niệm "cái bóng" đó giúp chúng ta hiểu Cựu Ước nhất. Hai là thư này lấy Đấng Christ làm trung tâm. Nếu thư Hê-bơ-rơ làm được điều gì cho anh chị em thì đó là hướng con mắt của anh chị em tới Chúa Giê-su. Ông làm điều này từ đầu tới cuối, ông không chỉ bảo điều này cho anh chị em mà ông lúc nào cũng nói về Chúa Giê-su.

Ba là đây là một loại sách rất gây dựng đức tin, vì sách truyền cảm hứng cho anh chị em khi nhìn vào tất cả những người trên khán đài đang dõi theo chúng ta, anh chị em thật sự muốn bước tiếp, và vẫn tin đến khi qua đời. Có một Cơ Đốc nhân tại Beaconsfield; khi sắp qua đời, ông đã gọi cả họ đến ở nhà mình và ông mời họ bằng lời lẽ thế này. Ông viết thư cho từng người một và bảo: *Hãy đến và xem một Cơ Đốc nhân qua đời như thế nào.* Một lời mời gọi rất hay. Cơ Đốc giáo không chỉ có cách sống đẹp mà còn là có cách qua đời đẹp và ông ấy đã tin cho đến cuối cùng. Bốn là sách này cảnh báo chúng ta về mối nguy của việc sa ngã. Năm là sách này nhấn mạnh tới việc làm một thành viên tích cực trong hội thánh, noi theo lãnh đạo, cộng tác với lãnh đạo, và không bỏ sự nhóm lại. Sách nhấn mạnh sự an toàn trong mối thông công khi anh chị em chịu sức ép. Ma quỷ sẽ nhắm vào những Cơ Đốc nhân đi một mình, nên khi đối mặt với sức ép, hãy ở gần nhau, ở trong gia đình. Đừng bỏ qua những sự kết nối giữa mình và hội thánh của Đấng Christ, anh chị em sẽ được mạnh mẽ hơn nhiều khi có điều đó.

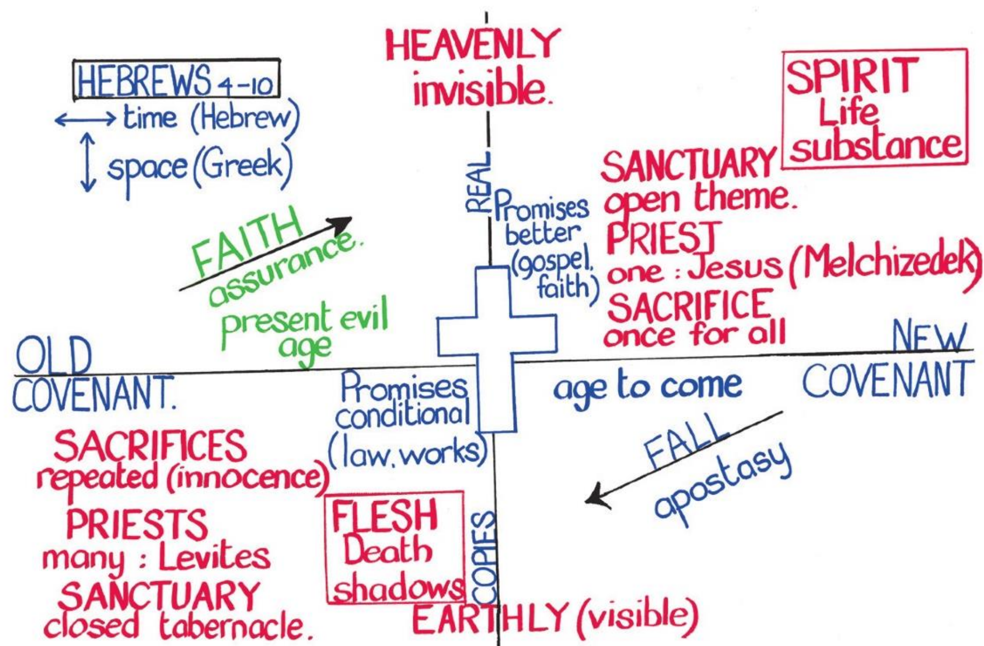


Bây giờ thì hãy xem các biểu đồ này, nhìn phức tạp nhỉ, chà chà! Thực ra thì chúng khá đơn giản, nhưng tôi chỉ muốn lấy hai phần trong Sách Hê-bơ-rơ và cho anh chị em cảm nhận đôi chút về hình dạng của chúng. Có thể cái này khiến anh chị em hơi nản nhưng tôi thích nghiên cứu Kinh Thánh, tìm ra hình dạng của một phân đoạn và cố gắng xem đoạn đó nói lên điều gì. Chương 1 và chương 2, cố gắng hiểu được hình dạng của chúng. Trong Cựu Ước, trong quá khứ, Đức Chúa Trời phán lời Ngài qua các thiên sứ tới các tiên tri. Thiên đàng ở trên dòng gạch ngang, trái đất ở dưới. Đức Chúa Trời ở trên thiên đàng phán lời Ngài qua các thiên sứ - các đầy tớ Ngài, tới các tiên tri theo các mẩu rời rạc, Kinh thánh chép như vậy. Theo các dạng khác nhau và thành các mảnh, anh chị em có thể ghép lại cả cuộc đời Chúa Giê-su từ Cựu Ước, nhưng một chút ở chỗ này, một chút ở chỗ kia và một chút ở chỗ khác. Tất cả đều ở đó, nhưng theo các mẩu rời rạc. Giống như trò chơi ghép hình khi anh chị em mới mở hộp đựng ra vậy. Và các tiên tri truyền lời đó cho con người, nhưng thực ra thì lời đó đem đến sự chết cho họ, lời Luật pháp mang đến sự chết.

Nhưng giờ đây, trong những giai đoạn cuối cùng này, Ngài đã phán với chúng ta qua một Con trai, một Con trai chịu chết. Qua Con, Ngài đã phán với chúng ta qua các Sứ đồ. Chúng ta nghe những lời của các tiên tri trong Cựu Ước, những lời của các Sứ đồ trong Tân Ước, nên Kinh Thánh từ các tiên tri Cựu Ước và các Sứ đồ Tân Ước đến với chúng ta, và cho chúng ta biết con đường cứu rỗi.

Chúa Giê-su đến, trở nên một con người, chịu chết rồi trở về trời như Đấng khởi nguyên cho chúng ta. Đó là một danh xưng ưa dùng trong thư Hê-bơ-rơ cho Chúa Giê-su. Nó có nghĩa là người mở đường, người đi trước. Người mở lối cho chúng ta đi theo, và Ngài làm tất cả những điều này để chúng ta có thể theo Ngài về thiên đàng và giờ đây, Ngài trổi hơn các thiên sứ. Giờ đây, một Con người đã trổi hơn các thiên sứ, điều đó chưa từng xảy ra cho tới khi Chúa Giê-su thăng thiên. Có một con người trổi hơn các thiên sứ và Ngài đã đổ Đức Thánh Linh như đã hứa trên chúng ta, để phép lạ có thể được thực hiện, và điều đó cũng được nhắc đến trong thư Hê-bơ-rơ, để con người có thể theo Đấng khởi nguyên, cuối cùng thì trổi hơn các thiên sứ và nhiều con cái sẽ được đem đến vinh quang. Chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao? Anh chị em sẽ trổi hơn các thiên sứ, họ sẽ phục vụ anh chị em; hiện tại thì "loài người kém các thiên sứ một chút."

Những người theo thuyết tiến hóa không thể luận được các thiên sứ, vì nếu chúng ta ra từ khỉ thì các thiên sứ ra từ đâu? Thấy không ạ? Anh chị em chỉ tin là có các thiên sứ nếu tin là có sự sáng tạo, và các thiên sứ đang trổi hơn chúng ta. Họ vượt trội hơn chúng ta về mọi mặt - sức mạnh, trí khôn, nhưng đến một ngày, vì Chúa Giê-su - Đấng khởi nguyên của chúng ta hiện đã trổi hơn các thiên sứ nên chúng ta sẽ đi theo, và cuối cùng thì nhiều con cái sẽ được đem đến vinh quang ở trời mới và đất mới. Vậy là thư Hê-bơ-rơ nói rất nhiều về các thiên sứ. Họ trổi hơn chúng ta ở đây, và chúng ta trổi hơn họ ở chỗ này, ấy là bởi vì Của Đức Chúa Trời, Ngôi Lời của Đức Chúa Trời, Đấng trổi hơn các thiên sứ đã được đặt thấp hơn các thiên sứ, sau đó thăng thiên trổi hơn họ rất nhiều, để qua Đức Thánh Linh được hứa cho, chúng ta có thể đi theo. Nên thực ra thì điều này khá đơn giản phải không? Nhưng nó cho anh chị em cảm nhận đôi chút về hai chương đầu. Hãy nhớ lấy cái sườn đó trong đầu khi đọc đoạn này.



Còn bây giờ, đây là cái phức tạp nhất. Nếu anh chị em không muốn nghe nữa thì xin mời. Nhưng không biết anh chị em có nhớ là trong một bài nói chuyện trước đây, tôi đã nói rằng tư duy Hê-bơ-rơ là tư duy thời gian theo chiều ngang, giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, còn tư duy Hy Lạp thiên về tư duy không gian hơn, theo chiều dọc giữa trên và dưới. Rồi, thư Hê-bơ-rơ lại kết hợp hai điều đó, phần nào giống với Tin lành theo Giăng. Vậy là có đường thẳng đứng phân tách giữa những điều trên trời và dưới đất, thế giới vô hình và thế giới hữu hình, và có dòng thời gian phân tách giao ước cũ và giao ước mới. Tất cả đều gặp nhau nơi thập tự giá. Rồi, đức tin đưa chúng ta đi theo hướng này từ những điều dưới đất và cũ kỹ đến những điều trên trời và mới mẻ. Hiểu đường chéo đó không ạ? Trên này là trời, dưới này là đất, bên trái là quá khứ, bên phải là hiện tại. Đức tin đem chúng ta ra khỏi quá khứ và những điều dưới đất để bước vào những điều trên trời và tương lai, đó là chiều hướng tư duy Hê-bơ-rơ. Nhưng anh chị em cũng có thể sa vào hướng ngược lại. Anh chị em có thể quay ngược từ giao ước mới về giao ước cũ, có thể đi từ những điều trên trời xuống những điều dưới đất. Dưới này là chỗ của những cái bóng, những bản sao và trên này là hình thật.

Như vậy là biểu đồ này kết hợp giữa chiều dọc và chiều ngang. Những sinh tế cũ phải dâng đi dâng lại, sinh tế mới thì một lần đủ cả. Các thầy tế lễ cũ, nhiều thầy tế lễ thuộc dòng Lê-vi; còn chức tế lễ mới chỉ có một thầy tế lễ là Chúa Giê-su theo ban Mên-chi-xê-đéc. Nơi thánh cũ với lều tạm khép kín, và nơi thánh mới với ngai rộng mở, ngai rộng mở phải không nhỉ, dù gì thì cũng là rộng mở! Giờ đây anh chị em có thể bước ngay vào nơi Chí thánh. Tôi rất thích lời nhận xét của một bà nội trợ người Scotland rằng: *Tôi cởi tạp dề ra trong nhà bếp và ngay lập tức, tôi đã ở trong nơi Chí Thánh.* Bà ấy đang sống trên đây. Nếu lại đi xuống như thế này thì thật tệ.

Qua đức tin, chúng ta đang bước ra khỏi thời kỳ gian ác hiện tại và bước vào thời đại sẽ đến. Qua đức tin, chúng ta đang chuyển từ những điều dưới đất lên những điều trên trời, từ đó chuyển từ xác thịt, sự chết và những cái bóng lên tâm linh, sự sống và hình thật. Nhưng có hai hướng đi dành cho anh chị em. Anh chị em có thể đi lên theo hướng này, hoặc giạt trở lại hướng dưới này. Đó là phần tóm lược chương 4 đến chương 10, và một lần nữa, nếu chép lại biểu đồ này thì anh chị em sẽ có một cái sườn để khớp mọi thứ vào đó. Nhìn tổng thể thì có chút phức tạp đúng không? Thực ra thì không phải, nhưng có lẽ là cái tâm trí phức tạp của tôi muốn mầy mò mấy thứ biểu đồ này. Chắc là vậy rồi.

Nhưng tôi nghĩ là anh chị em hiểu được nội dung, nó là sự kết hợp giữa dòng thời gian và vạch không gian này, phân tách giữa trên và dưới, giữa điều đã qua và điều sắp đến.

Cả thư Hê-bơ-rơ muốn nói rằng: *Hãy cứ đi theo hướng này cho tới khi đến đích. Đừng đi theo hướng này.* Nên đây không chỉ là đi tiếp, đừng quay lại, mà còn là đi lên, đừng đi xuống. Kết hợp giữa đi tiếp và đi lên. Như một vị Thủ tướng Anh nói khi bước sang thế kỷ mới: *cứ thế đi lên, đi lên nữa và cứ thế đi tiếp, đi tiếp nữa.*

Đó là khẩu hiệu của ông ta cho cuộc bầu cử. Nhưng Hê-bơ-rơ đang nói rằng *hãy cứ đi lên, đi lên nữa và cứ đi tiếp, đi tiếp nữa. Đừng quay lại và đi xuống mãi, quay lại mãi.* Anh chị em có thể thấy thư kết hợp giữa tư duy theo chiều dọc của người Hy Lạp và theo chiều ngang của người Hê-bơ-rơ. Ông thật sự là một nhà tư tưởng rất tài ba, ngôn ngữ ông dùng là tiếng Hy Lạp khá xuất sắc; nhưng rõ ràng là ở đây, ông kết hợp một chút tư duy Hy Lạp và một chút tư duy Hê-bơ-rơ để chạm tới càng nhiều người càng tốt bằng sứ điệp này. Chỉ vậy thôi, thư Hê-bơ-rơ khép lại tại đây, giờ thì anh chị em chỉ cần mở thư này ra và đọc, hy vọng là anh chị em sẽ hiểu Hê-bơ-rơ thêm một chút.

THƯ GIA-CƠ - Phần 1

Giới thiệu

Có hai dạng rào cản khi nghiên cứu Kinh Thánh. Một là rào cản về tâm trí khi anh chị em không hiểu điều mình đang đọc, và hai là rào cản về đạo đức khi anh chị em hiểu được điều mình đang đọc, và nhiều người gặp rào cản về đạo đức hơn là về tâm trí. Có người nói thực ra vấn đề của tôi lại là khi tôi hiểu những gì Kinh Thánh nói. Nói đến mảng khác, một lúc nào đó, tôi muốn viết một cuốn sách nhỏ về vấn đề cầu nguyện được đáp lời, vì có quá nhiều cuốn sách viết về vấn đề cầu nguyện không được đáp lời, nhưng vấn đề của tôi bắt đầu khi Đức Chúa Trời đáp lời. Lời cầu nguyện được đáp lời không phải là lời cầu nguyện nhận được kết quả, mà là lời cầu nguyện được trả lời, chúng khá khác nhau.

Có lẽ thư Gia-cơ đặt ra cho chúng ta những rào cản về đạo đức hơn là tâm trí. Thực ra thì thư này quá dễ hiểu, đó là vấn đề với thư Gia-cơ. Anh chị em có thể thắc mắc không biết tôi có thể nói gì về thư Gia-cơ trong một tiếng 20 phút, nhưng có rất nhiều điều để nói về ông. Chúng ta sẽ không bị phán xét về điều mà chúng ta không biết. Kinh Thánh nêu rõ điều đó và có một câu hỏi cũ rích thế này: "Thế còn những người chưa nghe về Chúa thì sao?" Anh chị em đã bao giờ nghe câu hỏi đó chưa. Ai hỏi tôi là tôi lại nói: *Sao, anh muốn làm giáo sĩ à, anh muốn đi và nói với họ về Chúa à?* Và tôi phát hiện ra là không ai hỏi câu đó vì quan tâm đến việc người ta chưa nghe Tin lành, họ chỉ đang cố gắng đặt vấn đề, đặt ra những rào cản về trí tuệ mà thôi. Nên tôi thấy Gia-cơ là một cuốn sách đáng sợ vì khi đã đọc rồi thì anh chị em không thể lấy cớ là mình không biết.

Thật là thiết thực!

Anh chị em biết là ông quan tâm đến Cơ Đốc giáo thực tế. Ấn tượng đầu tiên khi đọc sách này là tính thiết thực của sách, sự gần gũi thật sự, một Cơ Đốc giáo không viển vông, chúng ta gọi đó là cọ xát thực tế, đây là tôn giáo cho đời sống thường ngày. Thư Gia-cơ cực kỳ thực tế, không có nhiều điều về giáo lý trong đó nhưng có quá nhiều điều về hành vi. Không nói nhiều về niềm tin, nhưng hành vi là một chiều kích không thể thiếu của Cơ Đốc giáo.

Tôi chỉ tình cờ lướt qua giá sách của mình, sao tôi lại dám nhắc đến sách khi có mặt bà nhà tôi cơ chứ! Tôi có ba tấn sách, mấy người chuyển nhà bảo vậy. Nhưng tôi đã nhìn dọc các kệ để tìm các cuốn sách về Gia-cơ. Chỉ ghi lại tên của các cuốn giải kinh thôi mà tôi đã thấy hấp dẫn rồi. Những cái tên như sau: Lẽ thật trong Hành động, Đức tin sinh ra Việc làm, Hành vi của Niềm tin, Niềm tin sinh ra Hành vi, Khiến Đức tin sinh ra Việc làm, tất cả đều là những cái tên cực kỳ thực tế. Nếu anh chị em muốn biết từ khóa của thư Gia-cơ thì đó là một từ rất ngắn và đơn giản, gồm ba chữ cái: làm...làm. Thực ra thì nếu anh chị em dò Kinh Thánh và gạch chân từ "làm" thì đó là một từ khóa của cả Kinh Thánh. Anh chị em sẽ kinh ngạc khi thấy tần suất của từ này, tần suất nó xuất hiện.

Tiếc là chúng ta có xu hướng bỏ qua những từ nho nhỏ, chúng ta gạch chân sự xưng công chính và sự thánh hóa, nhưng thử gạch chân từ "làm" đi, anh chị em sẽ thấy kinh ngạc. Anh chị em có nhớ ẩn dụ ngắn trong Ma-thi-ơ về người cha có hai con trai không? Ông bảo *hãy đi làm trong vườn nho của ta*, một người nói "không" nhưng sau lại đi, còn người kia nói "vâng" nhưng sau không đi, rồi Chúa Giê-su hỏi: *Trong hai con đó, người nào làm theo ý cha?*, không phải là người nào xưng nhận, mà là người nào làm theo. Trong Gia-cơ, chúng ta được thách thức trở thành người làm theo lời chứ không chỉ là những khán giả xem video. Nên "làm" là từ khóa.

Thật là phi logic!

Ấn tượng thứ hai là tính phi logic của sách. Suýt chút nữa thì tôi nói một điều khá xúc phạm, nhưng thực ra, sách này được phụ nữ ưa chuộng hơn nam giới vì lý do đó. Đây là một chuỗi ngọc trai. Không, nam giới rất thích phân tích, và tôi đã cố gắng làm biểu đồ cho sách Gia-cơ và đã thất bại hoàn toàn. Tôi cố gắng tìm ra một dàn ý có cấu trúc mà không được; ông lan man hết chủ đề này sang chủ đề khác. Nhưng sách rất thiết thực, phụ nữ thích điều này. Nam giới sẽ khoái nghiền ngẫm Ga-la-ti hoặc sách nào đó, nhưng phụ nữ là những người thực tế, họ khiến chúng ta tỉnh ra và trở về với thực tại. Tôi nhớ mình đã xem một mẩu hài kịch thú vị do một cặp vợ chồng đóng, họ là diễn viên chuyên nghiệp. Có lần họ đến hội thánh Guildford và diễn cho chúng tôi một đêm hài kịch cuốn hút, có lẽ một hai người trong đây còn nhớ hai người họ.

Một mẩu hài kịch là màn được kéo ra, trong đó là một người đàn ông đang nằm ngủ trên giường gấp và tự nhiên ổng tỉnh dậy, ổng nói: *Tôi có một giấc mơ, tôi thấy một khải tượng*. Và ổng nói: *Tôi thấy một cái thang lên đến tận trời và các thiên sứ...* Và ông lao ra khỏi sân khấu để kể cho mọi người về khải tượng này. Rồi vợ ổng bước đến, nhìn vào cái giường gấp và nói: *Quý vị có bao giờ để ý là những người có khải tượng chả bao giờ dọn giường không?* Chắc chắn là...chắc chắn là mọi bà vợ đều đồng cảm với điều này. Nên Gia-cơ rất được ưa chuộng giữa vòng những người nữ, không hẳn là vì sách phi logic mà vì sách rất thiết thực. Nhưng sách cũng phi logic nữa; ông ấy bắt đầu một chủ đề xong để đó, rồi sau lại quay về với nó. Tôi miêu tả sách này giống như những hạt ngọc khôn ngoan chưa được xâu chuỗi lại, rất khó để thấy cả chuỗi, nhưng mỗi ý nghĩ nhỏ đúng là một hạt ngọc. Ông có khoảng năm chủ đề chính, nhưng ông cứ lan man quanh chúng nên anh chị em không thể phân tích sách được.

IMPRESSIONS – how practical!
how illogical!

WRITER – half-brother of Jesus.
presiding elder in Jerusalem.
"the Just" pillar of the church.

STYLE – Greek rhetoric.
Hebrew wisdom.

READERS – Jewish believers (in DIASPORA)
i. At home - majority - segregation
Too strict → PRIDE
ii. Abroad - minority - assimilation
Too lax → GREED

Đôi khi tôi nghĩ rằng Chúa muốn nói là *đừng phân tích Lời Ta, chỉ cần làm theo và đừng sắp xếp tất cả vào những cấu trúc gọn gàng*. Sách không được tuần tự lắm, không nhiều sự kết nối và không có hệ thống, nhưng hãy ghép hai ấn tượng này lại với nhau. Thực tế và phi logic, điều đó gợi cho anh chị em nhớ đến sách nào? Sách Châm ngôn. Châm ngôn cũng hệt như vậy và nói về nhiều chủ đề giống nhau, nên ở đây, chúng ta có một ví dụ về sự khôn ngoan, sự khôn ngoan, một người chia sẻ sự khôn ngoan thực tế. Và các sách khôn ngoan là như vậy, chúng nhảy cóc. Chúng không có tính logic mà chỉ chia sẻ những mẩu khôn ngoan.

Nếu đã từng nói chuyện với một người lớn tuổi và khôn ngoan thì anh chị em sẽ thấy họ toàn tuôn ra những lời vàng ngọc cho anh chị em, không theo một trình tự cụ thể nào, nhưng anh chị em chỉ cần nghe và nhặt những viên ngọc khôn ngoan từ họ, từ trải nghiệm của họ trong nhiều năm. Sách này là

như vậy. Gia-cơ khiến chúng ta nhớ đến Sách Châm ngôn và cái chúng ta gọi là văn chương khôn ngoan Do Thái nói chung. Thực ra thì các Rabbi có các dạng giảng luận khác nhau, nhưng có một dạng giảng luận mà các Rabbi gọi là charas, tức là nghĩ gì nói nấy, không phải là dạng bài phát biểu chuẩn bị sẵn, mà chỉ ngồi trong nhà hội với một đám thanh niên Do Thái vây quanh, và một Rabbi lớn tuổi cứ thế chia sẻ những lời khôn ngoan vàng ngọc từ họ. Người ta gọi đó là charas. Hẳn là Gia-cơ đã ngồi dưới chân một Rabbi như vậy khi còn trẻ, vì ông là một bậc thầy về điều này, ông đang làm hệt như vậy với chúng ta, nên hãy ngồi dưới chân ông và học hỏi.

Tôi nhắc anh chị em thêm một lần nữa rằng lời Kinh Thánh sẽ không khiến anh chị em thông minh, nhưng sẽ khiến anh chị em khôn ngoan. Nên những người ít học có thể hiểu lời Kinh Thánh. Thật kỳ lạ là học vấn không phải chìa khóa để mở Kinh Thánh. Người đơn giản nhất nhưng được đầy dẫy Thánh Linh sẽ hiểu được sự khôn ngoan của Kinh Thánh vì có thể họ không đủ thông minh để mày mò Kinh Thánh như các học giả, nhưng quá nhiều học giả Kinh Thánh cuối cùng lại khô như ngói. Chúng tôi từng kể về một vị giáo sư của mình tại Cambridge, ông đào sâu thêm vào lẽ thật và khi đi lên, ông trở nên khô khan hơn bất cứ ai chúng tôi từng nghe đến. Anh chị em thấy đấy, Kinh Thánh dành cho dân thường, được viết bằng tiếng Hy Lạp phổ thông và dành cho những người muốn trở nên khôn ngoan. Anh chị em có thể khôn ngoan mà không cần có học vấn.

Gia-cơ là ai?

Có năm người tên Gia-cơ trong Tân Ước. Chúng ta phải đặt câu hỏi xem ông là Gia-cơ nào. Có Gia-cơ con trai Xê-bê-đê, anh của Giăng. Có Gia-cơ con trai A-phê, cha của Giu-đa, không phải Ích-ca-ri-ốt mà là Giu-đa khác. Trong mười hai sứ đồ của Chúa Giê-su có hai Giu-đa. Chúng ta đã nghe về Giu-đa kia trong giờ thờ phượng sáng nay. Có Gia-cơ nhỏ, Gia-cơ đầu tiên tử vì đạo dưới tay Hê-rốt. Vậy trước giả của thư này là ai và câu trả lời rất rõ ràng: Ông là Gia-cơ, em cùng mẹ khác cha của Chúa Giê-su. Chúa Giê-su có bốn em trai và một số người em gái, chúng ta không biết là bao nhiêu, nhưng ông có bốn em trai. Thật thú vị khi nghiên cứu vòng bà con của Chúa Giê-su. Tôi đã nói là năm trong số 12 Sứ đồ, có thể bảy người là anh em họ của Chúa Giê-su. Tất nhiên, đó là lý do tại sao họ lại ở đám cưới tại Ca-na miền Ga-li-lê. Sẽ thật tệ nếu người ta chỉ mời Chúa Giê-su mà Ngài lại xuất hiện với bao nhiêu môn đồ. Rõ ràng là họ là bà con, nên một số người mới được mời đến lễ cưới với Chúa Giê-su tại Ca-na. Vậy là Chúa Giê-su tìm thấy một số môn đồ giữa vòng bà con rộng hơn của mình, nhưng chính gia đình Ngài lại không biết phải làm sao với Ngài. Ý tôi là khi chúng ta đã sống với ai đó trong 30 năm, rồi bỗng dưng người đó đi khắp nơi và nói rằng mình là Đấng Mê-si-a thì thật không dễ chấp nhận đúng không. Hẳn là họ phải căng thẳng lắm.

Cha của Chúa Giê-su, Giô-sép hình như đã qua đời. Ông là kiểu người cực kỳ ít nói. Chúng ta không nghe thấy một lời nào từ miệng ông trong Kinh Thánh. Chắc là có lúc ông phải nói gì đó, nhưng Kinh Thánh cho thấy ông là một nhân vật cực kỳ ít nói. Thế nhưng ông hẳn phải là một con người tuyệt vời để Chúa Giê-su có thể gọi Đức Chúa Trời là Abba, là ba. Hẳn là Ngài phải có một trải nghiệm rất đẹp trong gia đình về điều đó. Một nửa, hơn một nửa số trẻ em trong nội thành Luân Đôn không có ba, vậy thì họ sẽ gọi Đức Chúa Trời là Cha như thế nào đây? Nhưng có vẻ như Giô-sép đã qua đời vì ông không hề xuất hiện trong câu chuyện về chức vụ công khai của Chúa Giê-su. Ma-ri và các em trai, em gái của Ngài thì có. Nhưng có một giai đoạn mà cả gia đình, trong đó có Ma-ri cũng nghĩ rằng Ngài đã phát điên và bị tâm thần phân liệt. Họ không dùng từ đó, họ từng nói rằng Ngài bị "quẫn trí," rằng Ngài đang sống hai cuộc đời, Ngài là thợ mộc mà lại nghĩ mình là Đức Chúa Trời, Ngài bị quẫn trí, bị tâm thần phân liệt. Kinh thánh chép rằng gia đình Ngài đến để đưa

Ngài về nhà và nhốt Ngài lại vì họ nghĩ Ngài bị quẫn trí. Khi họ đến đó thì thấy có đông người quá, nên họ nhờ người nhắn với Chúa Giê-su rằng *mẹ và anh chị em Thầy đã đến để đưa Thầy về nhà.* Và Ngài nói: *Mẹ Ta ư? Ai là mẹ Ta? Anh chị em Ta? Ai là anh chị em Ta? Ai làm theo ý muốn của Cha Ta trên trời thì ấy là mẹ, là anh em, chị em Ta vậy.*

Họ nghĩ là Ngài đã phát điên, không nhận gia đình của chính mình, và chắc hẳn Ma-ri đã rất tổn thương vì từ khi bắt đầu chức vụ công khai, Ngài dường như không nhận Ma-ri. Ngài không gọi bà là mẹ nữa mà gọi là "bà." "Thưa bà, việc này có liên can gì đến bà và tôi?" là câu đầu tiên Ngài nói với Ma-ri trong lễ cưới tại Ca-na. *Ai là mẹ Ta? Ai làm theo ý muốn của Cha Ta thì ấy là mẹ Ta*; và anh chị em thấy dần dần, Chúa Giê-su tự tách mình ra khỏi mẹ Ngài cho tới khi sự cố lớn xảy ra nơi thập tự giá, Ngài đã nói: *Giăng, đây là mẹ của con...đây là con của bà*, có thể nói là thay thế chính Ngài trong các mối quan hệ của bà. Ngoài việc bà tham gia buổi cầu nguyện trước Lễ Ngũ tuần thì Ma-ri đến đây là hết. Kinh Thánh không bao giờ nhắc đến tên bà thêm lần nữa. Bà đã làm trọn vai trò của mình và giờ đây nó đã kết thúc. Một người nữ phi thường, rất phi thường. Tôi sẵn lòng gọi bà là người được phước, vì bà đã nói tiên tri rằng mọi thế hệ sẽ gọi bà là người được phước. Tôi không sẵn sàng gọi bà là nữ đồng trinh (Công giáo gọi Ma-ri là Đức mẹ Đồng trinh Được phước - the Blessed Virgin Ma-ri - N.D.) vì bà đã sinh những người con khác, bà có bốn con trai và một số người con gái. Những người con trai từng trêu chọc Chúa Giê-su, thậm chí là sau khi Ngài bắt đầu chức vụ công khai. Họ nói: *Đây là Lễ Lều tạm, sao anh không đi lên và xưng mình là Đấng Mê-si-a đi? Nào, đã đến đúng thời điểm rồi, ở đó có rất nhiều người.* Vì mọi người Do Thái đều chờ đợi Đấng Mê-si-a vào Lễ Lều tạm và Chúa Giê-su sinh ra trong Lễ Lều Tạm, không phải vào tháng 12 mà vào tháng 09/tháng 10 dựa trên Tin Lành theo Lu-ca. Ước gì chúng ta kỷ niệm sự sinh ra của Ngài vào đúng thời điểm, lại còn rẻ hơn nữa, vào tháng 09 hoặc tháng 10. Đó là một câu chuyện khác.

Nhưng trong những người em đó thì hai người trở thành trước giả của Tân Ước, Giu-đê và Gia-cơ. Người ta nói rằng khi Chúa Giê-su chết trên thập tự giá, Gia-cơ em Ngài vì quá buồn rầu và đầy hối hận về những gì mình đã nói về Ngài và trêu chọc Ngài đến nỗi ông nói là mình sẽ không bao giờ ăn nữa; ông bắt đầu kiêng ăn vào ngày Chúa Giê-su qua đời. Suýt nữa thì ông kiêng ăn cho đến chết, chỉ có điều ba ngày sau, anh của ông trở lại cùng ông và hiện ra với Gia-cơ. Thật là một câu chuyện ly kỳ đúng không? Từ đó trở đi, Gia-cơ tự gọi mình là đầy tớ của Chúa Giê-su. Hai người em này, về sau, khi họ tự tay viết một phần Tân Ước, sau khi đã trở thành các sứ đồ của Chúa Giê-su, họ không bao giờ lợi dụng mối quan hệ của họ với Chúa Giê-su. Họ không bao giờ nói: *Ta là em Chúa Giê-su.* Thực ra thì Giu-đê nói: *Tôi là em của người mà anh chị em cũng biết rồi đấy* và ông gọi mình là đầy tớ của Chúa Giê-su. Như vậy là cuối cùng, chính các em trai Ngài, qua sự phục sinh đã tin rằng Giê-su, người anh đã sống với họ trong ngôi nhà tranh của thợ mộc ở Na-xa-rét, không ai khác chính là Con Đức Chúa Trời. Thật đáng kinh ngạc đúng không, khi các anh em họ của Ngài theo Ngài và chính gia đình Ngài tin nhận Ngài. Điều đó nói lên điều gì đó về phẩm chất của Chúa Giê-su.

Như vậy là Gia-cơ này, người từng trêu chọc Ngài nhưng sau đã tin nhận Ngài, giờ đây nói với lòng tôn kính, khiêm nhường và đức tin. Ông gọi anh mình là Đức Chúa Trời. Gia-cơ có tham gia nhóm cầu nguyện nhỏ cùng Ma-ri mẹ mình, chờ đợi Lễ Ngũ tuần. Có nghĩa là Ma-ri có nói tiếng lạ...đúng không? Tất cả đều nói, và bà có ở đó. Đây là lần thứ hai Đức Thánh Linh giáng trên bà; lần đầu là để cho bà mang thai, và lần sau để đổ đầy trên bà, khiến bà nói tiếng lạ. Nhưng từ đó trở đi, bà tham gia vào hội chúng như một thành viên bình thường của hội thánh; quả là khiêm nhường! Đáng tiếc là kể từ đó, chúng ta quá tôn sùng bà vì nhiều người trong chúng ta phát hoảng khi chỉ nói vừa đủ về bà. Chúng ta phải quân bình về điều này, Ma-ri được phước.

Công vụ 15 cho thấy Gia-cơ có một tư cách độc đáo. Sau đây chúng ta sẽ thấy ông là trưởng lão chủ trì của hội chúng tại Giê-ru-sa-lem. Đó là một vị trí có uy tín. Ông không thuộc mười hai sứ đồ nhưng rõ ràng ông được người ta đồng lòng công nhận là lãnh đạo của hội thánh mẹ của Cơ Đốc giáo tại Giê-ru-sa-lem. Ông thấy mình đang đối mặt với một khủng hoảng gay go và khó xử nhất, khủng hoảng lớn nhất với sự sống còn của hội thánh thời đầu; toàn bộ câu hỏi về sự cắt bì mà chúng ta đã xét đến trong Ga-la-ti, và câu hỏi rằng Cơ Đốc giáo vẫn sẽ là một giáo phái Do Thái hay sẽ trở thành một tôn giáo toàn cầu. Gia-cơ đã chủ trì một hội nghị có thể chia hội thánh ra làm đôi, một sự chia rẽ có thể còn đến ngày nay, nhưng Gia-cơ đã cứu nguy cho nó. Ông làm như vậy bằng cách viện đến hai điều, ông không viện đến thẩm quyền của chính mình. Ông viện đến cả Đức Thánh Linh và Kinh Thánh; Phi-e-rơ kể những gì Thánh Linh đã làm với Cọt-nây và nhà ông. Rồi Gia-cơ nói: *Điều đó khớp với những gì Kinh Thánh chép.*

Đó là một tiền lệ đẹp cho chúng ta. Một điều tôi đã sống theo và mong mỏi được thấy, ấy là thấy những người hiểu Đức Thánh Linh và những người biết Kinh Thánh đến cùng với nhau, vì hiện nay chúng ta đang đứng trước mối nguy phân rẽ. Tôi đã dự phần - gần như là từ đầu, anh chị em cũng biết rồi - vào sự đổi mới ân tứ tại Anh Quốc, nhưng điều tôi lo ngại nhất là nó trôi lạc khỏi các phương diện Kinh Thánh. Tôi cũng lo ngại không kém cho những người biết Kinh Thánh cách tường tận nhưng không biết sự sống động của Đức Thánh Linh. Cuốn sách tiếp theo của tôi, phát hành vào tháng 3 tới tên là Làn sóng Thứ tư: Làm sao để người Tin lành và Ân tứ có thể đến cùng nhau. Tôi rất nặng lòng với điều đó.

Gia-cơ đã kết hợp hai điều lại với nhau. Ông nói *rõ ràng là Thánh Linh nói cùng chúng ta rằng Ngài muốn dân ngoại là dân ngoại, và Kinh Thánh cũng nói như vậy.* Nên ông nói: Tôi phân xử thế này...Và mọi người đều đồng ý. Suýt chút nữa thì thành thảm họa, nhưng nó lại được biến thành một thời khắc tươi đẹp và hiệp nhất, dưới sự lãnh đạo của Gia-cơ này. Ông là một con người khôn ngoan, một người rất khôn ngoan và thực tế. Hội thánh cần những người nam thực tế quan tâm đến cả việc dọn giường lẫn khải tượng.

Rồi, sau giáo hội nghị đó, một bức thư đã được gửi tới tín đồ người ngoại ở khắp nơi. Thư đó nói rằng: *Thưa anh chị em dân ngoại, chúng tôi không chất trên anh chị em bất cứ gánh nặng nào từ Luật của Môi-se, nhưng chúng tôi đề nghị rằng khi anh chị em ở chung hội thánh với người Do Thái, hãy nhớ rằng họ có những nghi ngại mà anh chị em phải tuân theo; những nghi ngại về đồ ăn,...* thịt có chứa huyết và những điều còn lại. Sách muốn nói thế này, cũng là điều Phao-lô nói trong Rô-ma, rằng khi hai Cơ Đốc nhân gặp nhau và một người cảm thấy được tự do làm điều gì đó, nhưng người kia cắt rứt lương tâm về nó thì ai sẽ nhượng bộ ai? Ai sẽ điều chỉnh cho thích hợp với người kia? Câu trả lời là trong tình yêu thương Cơ Đốc, người cảm thấy được tự do làm gì đó nhưng không làm vì người có nhiều nghi ngại nhất là người có lương tâm yếu đuối hơn, hiểu không ạ? Càng trưởng thành trong đức tin Cơ Đốc thì anh chị em càng tự do khỏi những nghi ngại hơn; anh chị em có hiểu tôi nói nghi ngại nghĩa là gì không? Là những điều khiến anh chị em lăn tăn, vì hầu hết chúng ta đều hình thành những nghi ngại trong quá trình được nuôi nấng. Chúng ta cảm thấy tội lỗi khi làm điều gì đó vì khi còn nhỏ, người ta bảo chúng ta rằng làm vậy là sai.

Khi còn nhỏ, tôi được dạy rằng chúng tôi không nên đạp xe đạp hoặc dùng máy ảnh vào ngày Chủ nhật. Nhiều năm sau tôi mới phát hiện ra rằng Ê-xê-chia 3:16 không nhắc đến máy ảnh và xe đạp. Nhưng thời còn làm việc ở nông trại, tôi đã phải đạp xe 8 cây số để đến được hội thánh, và cái cảm giác tội lỗi khi đạp xe đạp đến thờ phượng Chúa thật là kỳ cục. Giờ thì tôi đã được tự do trong điều

đó rồi. Khi tăng trưởng trong Đấng Christ, anh chị em ngày càng cảm thấy được tự do tận hưởng những điều mà Chúa đã ban cho mình cách nhưng không. Khi anh chị em đến với Đấng Christ, vì trước đây đã lạm dụng những điều đó nên cũng đúng thôi, anh chị em tránh xa chúng và cảm thấy cắn rứt trong lương tâm vì chúng, hiểu ý tôi nói không ạ? Rồi khi anh chị em bước vào mối thông công với những người thấy cắn rứt lương tâm về điều gì đó, nếu thực sự yêu họ thì anh chị em sẽ không khiến họ tổn thương bằng việc làm điều mà anh chị em thấy mình được tự do làm, nhưng họ thì không. Đó là ý nghĩa quan trọng của bức thư gửi từ Giê-ru-sa-lem đến những tín đồ người ngoại rải rác quanh Địa Trung Hải và có mối thông công với các tín đồ người Do Thái. Nên nếu tôi ở cùng một người Do Thái thì tôi sẽ ăn đồ ăn Kosher. Phao-lô cũng làm vậy. *Với người Do Thái, tôi trở nên như một người Do Thái, với người ngoại, tôi trở nên như một người ngoại, để có thể cứu được vài người, không cứ cách nào.* Chúng ta cần thích nghi và nhạy bén với lương tâm của những người khác, đừng phô trương sự tự do của chính mình.

Rồi, bức thư đó được Gia-cơ gửi từ Giê-ru-sa-lem đến những tín đồ người ngoại, nhưng ông đã viết một bức thư khác đến các tín đồ Do Thái và đây là bức thư mà chúng ta có. Đây là một bức thư chỉ cho người Do Thái biết cách hành xử trong thế giới dân ngoại, gần như tương ứng với bức thư trong Công vụ 15 gửi cho dân ngoại, nói về cách hành xử với thế giới Do Thái; như vậy, đây là một tấm gương phản chiếu của thư đó. Có người Do Thái trên khắp thế giới Địa Trung Hải. Chúng ta gọi họ là Kiều dân Do Thái (Diaspora), tức những người tản lạc. Lát nữa tôi sẽ nói một chút về điều đó. Hãy để tôi kết thúc bằng việc kể chuyện đời của Gia-cơ sau này vì nó rất cảm động. Càng biết nhiều về một trước giả Tân Ước thì anh chị em càng hiểu ông. Anh chị em thấy đấy, Kinh Thánh là một cuốn sách rất người và tôi phát hiện ra là hầu hết Cơ Đốc nhân chỉ tìm khía cạnh thiên thượng của sách, nhưng tôi thấy khía cạnh con người là điều khiến Kinh thánh trở nên thú vị và chân thực. Đức Chúa Trời đã dùng những con người rất thật để truyền đạt Lời Ngài đến với chúng ta.

Gia-cơ ở tại Giê-ru-sa-lem và ông có một biệt danh. Người ta gọi ông là Gia-cơ Công bằng. Một biệt danh thật đẹp. Gia-cơ công bằng, luôn có phán quyết công bằng từ người đó. Thật là một phẩm chất tuyệt vời nơi một trưởng lão chủ trì. Anh chị em sẽ rất hạnh phúc nếu hội thánh mình có một người lãnh đạo công bằng, không quý ai hơn ai và công bằng với mọi người. Thật đẹp đúng không? Gia-cơ công bằng và ông cũng có một biệt danh khác là "Oblias," Oblias. Anh chị em có biết biệt danh đó nghĩa là gì không? Nó có nghĩa là một vệ sĩ, một người thực sự tin cậy, một người thực sự vững chãi. Một người mà anh chị em có thể tin tưởng. Tất cả đều nói lên con người ông, một người cho chúng ta chút khôn ngoan của ông vì chính ông đã sống theo điều đó trước.

Kết cục của ông rất bi thảm, nhưng cũng rất tuyệt vời. Để tôi kể cho anh chị em nghe. Tổng đốc La Mã, có nhiều Tổng đốc La Mã sau Bôn-xơ Phi-lát, và có một khoảng trống giữa hai người. Một người rời đi, ông ta tên Phê-tu và trước khi Albinus, người kế nhiệm đến, có một khoảng trống chừng hai tháng không có Tổng đốc La Mã. Trong khoảng thời gian đó, những nhà cầm quyền Do Thái thực sự lợi dụng thời cơ để bắt một số Cơ Đốc nhân, vì tất nhiên là lúc này không có chính quyền Do Thái để mà nói rằng *các người không được xử ai tội chết*, nắm được không ạ? Trong khoảng trống hai tháng đó, chúng bắt giữ Gia-cơ Công bằng, trưởng lão chủ trì của hội thánh Giê-ru-sa-lem. Anh chị em có biết chúng làm gì không? Chúng giải ông lên nóc đền thờ và nói: *Bây giờ, hãy phỉ báng Giê-su đi, nếu không chúng ta sẽ đẩy ngươi xuống*, chính nóc đền thờ mà ma quỷ đã đưa Chúa Giê-su lên, nhớ không ạ? Chúng đưa ông lên đó và nói: *Thôi nào, hãy phỉ báng Giê-su đi*. Anh chị em có biết Gia-cơ công bằng nói gì không? Ông nói: *Tôi thấy Con Người đến giữa những đám mây vinh hiển* - thế là họ đẩy ông xuống. Nhưng ông không chết nên chúng bắt đầu ném đá ông. Anh chị em có nhớ

ma quỷ nói gì với Chúa Giê-su trên nóc đền thờ không? - *Các thiên sứ sẽ đỡ nâng ngươi, e chân ngươi vấp nhằm đá chăng?*

Các thiên sứ không đỡ nâng Gia-cơ và ông bị đẩy xuống, gãy nhiều xương trên người nhưng ông vẫn sống. Thế là chúng ném đá ông và ông vẫn sống. Khi nằm đó, xương thì gãy, bị người ta ném đá vào người, anh chị em biết ông nói gì không? Ông nói: "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì." Đám đông đứng xem la to lên rằng *Gia-cơ Công bằng đang cầu nguyện cho chúng ta.* Một kết cục thật cảm động! Cuối cùng, có người thương tình lấy một cây gậy gỗ to, đánh vào ông, đập vào đầu ông và ông qua đời. Gia-cơ đã trút hơi thở cuối cùng như vậy đó! Tất nhiên, ông chỉ là một trong nhiều người bỏ mạng vì Chúa Giê-su trong những năm đầu. Đó là đoạn kết. Khi Cơ Đốc nhân đến, sau khi đám đông đã giải tán, họ nhặt xác ông và chôn cất tử tế, họ đã sửng sốt vì lần đầu tiên họ nhìn thấy đầu gối ông. Họ ghi lại rằng đầu gối ông như gối lạc đà, như gối lạc đà. Anh chị em đã bao giờ thấy gối lạc đà chưa? Và họ nhận ra rằng người này đã quỳ gối còn nhiều hơn cả đi. Gia-cơ Công bằng. Thư này nói khá nhiều về sự cầu nguyện. Một con người phi thường, và chúng ta có một bức thư từ ông. Hy vọng là anh chị em đã cảm nhận được đôi chút về con người này. Thật là một vinh hạnh khi có những bức thư từ những con người như thế để dẫn dắt chúng ta trong đời sống thường ngày.

"Vấn đề" về quyền tác giả

Có một chút vấn đề, và vấn đề là văn phong của thư khác xa với một người Ga-li-lê từ phía bắc. Ý tôi là người ta coi thường người miền bắc từ Na-xa-rét. Họ có giọng địa phương ngồ ngộ kiểu *con bòa ăn cỏa*, "giọng nói của ông đã tố cáo ông," người ta nói với Phi-e-rơ như vậy vì họ ở "Bắc Kỳ" và bị coi là dốt nát; *sao những người ít học này lại có thể nói như vậy được*? Không có gì phải bàn cãi rằng khi Chúa Giê-su chiếm ngự một người thì anh ta trở nên một quý ông, thực sự là như vậy. Nhưng văn phong Hy Lạp mà ông viết rất, rất trau chuốt và điều này đặt ra chút vấn đề. Sao cái ông miền Bắc từ Na-xa-rét này lại có cái văn phong Hy Lạp xuất chúng như vậy? Đâu chỉ văn phong mà còn lối tu từ của ông nữa; lối nói của ông cũng rất tuyệt vời. Ông dùng tất cả những kỹ thuật hùng biện hay nhất và có một số kỹ thuật như vậy.

Văn phong

Tôi sẽ lướt qua chúng một chút. Các câu hỏi tu từ là một trong số đó. Ấy là khi người diễn giả hỏi hội chúng một câu, nhưng không cần câu trả lời, hiểu ý tôi nói không ạ? Như trường hợp nổi tiếng của một người giảng đạo, tôi nghĩ là ở hội thánh City Temple, ông nói: *Những cậu thanh niên ngồi trên ban công kia, các cậu muốn ở đâu hơn, trong ánh sáng với những trinh nữ khôn ngoan hay trong bóng tối với năm cô dại dột?* Cái đó gọi là một câu hỏi tu từ. Tiếc là ông lại nhận được câu trả lời, ông nhận được một lời đáp đồng thanh từ ban công, nhưng nó không giúp gì cho sự giảng luận của ông, nhưng thôi, anh chị em hình dung được rồi đó. Một câu hỏi tu từ.

Rồi có những câu nói nghịch lý để thu hút sự chú ý, những câu nói khiến người ta giật mình và chú ý như "hãy xem sự thử thách trăm chiều xảy đến cho anh em như là điều vui mừng trọn vẹn." Vui mừng? Thử thách? Nó thu hút sự chú ý. Những cuộc hội thoại trong tưởng tượng, và ông dùng kỹ thuật này. Kiểu như ông đối thoại với một ai đó ngay giữa chừng và khi làm như vậy, người ta sẽ chú ý vì con người luôn thích nghe lỏm người khác nói chuyện, nó thu hút họ. Hỏi để nêu một chủ đề mới, ông dùng kỹ thuật này. Ông dùng nhiều câu cầu khiến, ông nhân hóa điều này, điều kia. Ông nói đến tội lỗi như thể nó là một con vật và ông dùng những hình ảnh, nhân vật từ đời sống thường ngày. Ông

nói về bánh lái con tàu, mồi lửa gây cháy rừng, rồi cương, ngựa trong đời sống người nông dân, tất cả đều thu hút sự chú ý. Ông dùng tấm gương của những người nam và người nữ nổi tiếng, Ê-li, Áp-ra-ham. Đặc biệt là ông dùng cách xưng hô trực tiếp - anh chị em, anh chị em, anh chị em; thực sự tất cả những điều này đều là nghệ thuật hùng biện xuất sắc. Những người nghiên cứu nghệ thuật hùng biện, nếu nghiên cứu Gia-cơ thì họ sẽ có một ví dụ rất hay về tất cả các cách thu hút sự chú ý của khán giả.

Vậy thì Gia-cơ lấy tất cả những điều này từ đâu? Tôi nghĩ câu trả lời nằm ở điều mà chúng ta sẽ thấy trong 1 Phi-e-rơ 2, đó là thực ra, nhiều trước giả Tân Ước không tự tay viết, họ đọc hoặc nói cho người khác viết. Họ dùng một người mà chúng ta gọi là người viết tốc ký hoặc thư ký, nhưng thời đó gọi là người biên chép. Một từ rõ khó hiểu. Phao-lô dùng Si-la, hay Sin-vanh khá nhiều và thực ra Phi-e-rơ cũng dùng người thư ký này, rồi chúng ta sẽ thấy. Vì vậy, người truyền đạt sẽ nói rằng: *Tôi muốn bảo họ thế này, anh cứ sắp xếp lại cho phù hợp*. Giống như sếp có thể nói với thư ký rằng: *Tôi muốn cô bảo anh kia thế này, thế này, cô cứ viết thành một bức thư rành mạch xong tôi sẽ ký.* Hình dung được không ạ? Vậy là họ thường làm theo cách đó.

Có vẻ như là Gia-cơ nói miệng tất cả những điều này và nhờ ai đó viết ra cho ông, sắp xếp lại cho tuần tự và gửi đi dưới dạng một bức thư. Điều đó sẽ giải thích nhiều điều trong thư này và những thư như 1 Phi-e-rơ, tại sao một tay đánh cá người Ga-li-lê lại có thể viết theo văn phong như thế. Nên tôi không hề bận lòng về điều đó, vì như vậy thì Kinh thánh càng đậm chất người. Tôi tin rằng Gia-cơ sẽ bảo ai đó cùng ông đi thăm các tín đồ Do Thái là kiều dân và nói rằng: *Hãy viết lại những gì tôi bảo họ, sắp xếp lại cho tuần tự và chúng ta sẽ gửi cái đó đi làm thư lưu hành chung*. Điều này giải thích cho tất cả những "vấn đề" (trong ngoặc kép) của một số học giả. Như vậy là thuật hùng biện Hy Lạp và sự khôn ngoan Hê-bơ-rơ được kết hợp trong thư này. Ai đó thật sự đã sắp xếp lại thành dạng bài diễn văn Hy Lạp nhưng về cơ bản thì đây là sự khôn ngoan Hê-bơ-rơ.

Người đọc

Chúng ta đang đến rất gần cái điểm mà chúng ta có thể bắt đầu nghiền ngẫm chính thư này và xét đến người đọc. Gia-cơ không gửi tới một hội thánh như nhiều thư khác, hay một nhóm hội thánh, hay một cá nhân. Thư gửi đến 12 chi phái đang sống tản lạc khắp nơi, rõ ràng là thư được gửi đến Kiều dân Do Thái, những người tản lạc. Tất nhiên là nhiều hội thánh đầu tiên được mở ra giữa vòng những người Do Thái tản lạc quanh Địa Trung Hải. Khi Phao-lô đến một nơi mới, ông luôn đến nhà hội và luôn có được những người cải đạo đầu tiên từ những người kính sợ Chúa trong nhà hội. Có thể nói là Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho sứ mạng Cơ Đốc bằng sự tản lạc của người Do Thái. Người Do Thái bị tản lạc hai lần, một lần tới Ba-by-lôn trong chuyến lưu đày theo cách gọi của chúng ta, nhưng sau đó, trước khi Chúa Giê-su đến, họ tản lạc khắp thế giới Địa Trung Hải, nhưng vì một lý do khác. Kinh thánh chép rằng "đến đúng thời kỳ viên mãn," Chúa Giê-su đến.

Anh chị em có biết là không một thời điểm nào thích hợp để Chúa Giê-su đến trên đất hơn lúc đó, vì mọi thứ đã sẵn sàng? Người Do Thái đã tản lạc khắp Địa Trung Hải, các con đường La Mã đã được xây dựng và người ta nói tiếng Hy Lạp ở khắp nơi. Một thời điểm cực kỳ hoàn hảo để Tin lành lan ra nhanh chóng. Đường đã xây, ngôn ngữ phổ thông đã có, những người Do Thái tin vào Đức Chúa Trời đã ở khắp nơi. Nên anh chị em thấy đó, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị mọi thứ, và những người Do Thái tản lạc đó đã sẵn sàng đón nhận tin tức về Đấng Mê-si-a.

Tuy rõ ràng là một số người không tiếp nhận. Nhân thể thì điều này cũng nói lên rằng không có mười chi phái bị thất lạc. Anh chị em đã bao giờ nghe đến giả thuyết về mười chi phái bị thất lạc, và một số người nghĩ rằng Anh Quốc và Hoa Kỳ là mười chi phái bị thất lạc chưa? Đừng tin lấy một lời trong đó. Những chi phái đó chưa bao giờ bị thất lạc. Đức Chúa Trời nào có để mất ai. Ngài biết đích xác là họ ở đâu và trong thời Chúa Giê-su vẫn có 12 chi phái. 12 chi phái đang sống tản lạc. Nếu anh chị em có gặp một người tên Levi hoặc Cohen thì họ thuộc chi phái...? - Chi phái thầy tế lễ. Họ vẫn còn đây.

Vậy là ông viết cho 12 chi phái đang sống tản lạc quanh thế giới Địa Trung Hải, và ông cần nói điều gì đó với họ. Những tín đồ Do Thái ở quê nhà, tại Giê-ru-sa-lem ở trong hoàn cảnh hoàn toàn khác với các tín đồ Do Thái là kiều dân. Với những tín đồ Do Thái tại quê nhà thì vấn đề của họ là quá cô lập, quá tách biệt và trở nên những tín đồ Cơ Đốc quá khắt khe. Họ là những người theo chủ nghĩa kinh luật, chủ trương Do Thái hóa, và vấn đề của họ là sự kiêu ngạo. Nhưng giữa vòng Kiều dân thì các tín đồ Do Thái gặp một vấn đề hoàn toàn khác.

Vấn đề của họ là sự đồng hóa hay hòa tan. Những người trên này trở nên quá cô lập, quá khắt khe và quá lề luật, những người dưới này trở nên quá đồng hóa, quá lỏng lẻo và vấn đề của họ là lòng tham vì hầu hết đều đến đó để làm công việc kinh doanh. Chúng ta thường thấy những người Do Thái sống bên ngoài lãnh thổ Y-sơ-ra-ên để làm kinh doanh. Đó chính là điều đưa họ đến đó, khiến họ rời quê hương Do Thái, vì có cơ hội kiếm tiền ở nơi khác. Việc này xuất hiện rất nhiều trong thư Gia-cơ. Nên những tín đồ Do Thái ở quê nhà..., xin lỗi là từ này không phải ở đây. Những tín đồ Do Thái ở quê nhà thuộc số đông và ở trong môi trường Do Thái, nên họ có xu hướng tách biệt, một kiểu phân biệt chủng tộc. Từ Pha-ri-si nghĩa là những người được biệt riêng, thực sự có sự phân biệt chủng tộc giữa người Pha-ri-si và các tội nhân nơi quê nhà. Quá ư là nhiều chủ nghĩa kinh luật, quá ư là khắt khe và quá ư là kiêu ngạo trong việc tự xưng công chính, nhưng người Do Thái kiều ngụ lại trở nên quá giống dân ngoại.

Đây vẫn là vấn đề của người Do Thái sống bên ngoài Y-sơ-ra-ên, họ trở nên quá đồng hóa, quá giống dân bản xứ, quá tham lam trong kinh doanh, quá chặt chẽ trong kinh doanh nhưng lại quá lỏng lẻo về đạo đức. Nhóm thứ hai chính là nhóm mà Gia-cơ viết cho - đây sẽ là chìa khóa để mở thư này cho chúng ta. Chúng ta sẽ tạm dừng tại đây và nghiên cứu điều này ở bài nói chuyện tiếp theo.

CONTENT:
WEALTH (godlessness)
WORDS (blessing & cursing)
WORLD (tests & temptations)
WISDOM (above & below)

PROBLEM:
DEEDS RATHER THAN DOCTRINE.
LAW " " GOSPEL.
WORKS " " FAITH.
But "WORKS" = ACTIONS

Sự giàu có

Tuy Gia-cơ viết thư này cho những người Do Thái tản lạc nhưng thư rất gần gũi với chúng ta vì chúng ta là những Cơ Đốc nhân tản lạc. Một số Cơ Đốc nhân...À để tôi quay lại biểu đồ trước đó một chút. Một số Cơ Đốc nhân quá bó buộc trong hội thánh và các buổi nhóm Cơ Đốc đến nỗi họ giống người Do Thái ở tại Giê-ru-sa-lem hơn. Vấn đề của họ là sự kiêu ngạo và họ tách biệt với thế giới ngoài kia hơn, và anh chị em có thể nhanh chóng trở nên như vậy. Nhưng hầu hết Cơ Đốc nhân đều giống những người Do Thái tản lạc, họ đang làm việc trong thế giới đời thường. Anh đang làm việc trong thế giới truyền hình, Gerald ạ, anh ở ngay trong đó với đủ mọi tiêu chuẩn và phẩm hạnh khác nhau quanh mình. Nhiều người trong đây làm việc trong nhà máy, cửa hàng. Dù có làm việc ở đâu thì anh chị em cũng ở thế giới ngoài kia, anh chị em tản lạc, anh chị em cảm thấy mình xa khỏi dân Chúa và sự cám dỗ của anh chị em giống với trường hợp thứ hai hơn cả, nhất là khi anh chị em vướng vào thế giới tiền bạc và sự tham lam của xã hội chúng ta, một xã hội hám lợi và chủ nghĩa vật chất của nó. Anh chị em trở nên đồng hóa đến nỗi người ta không thể thấy anh chị em là con dân Chúa. Anh chị em giống hệt với họ, chỉ có điều là anh chị em đi hội thánh vào Chủ nhật.

Đó là lý do tại sao Gia-cơ lại là một bức thư thiết thực với chúng ta vì giờ đây, chúng ta là dân tản lạc của Đức Chúa Trời, rõ ràng là từ thứ hai đến thứ bảy, còn chủ nhật thì chúng ta giống một khu kiều dân hơn và chúng ta bước vào môi trường Cơ Đốc.

Vậy thì hãy xét đến những điều Gia-cơ nói đến. Một trong những chủ đề thường xuyên xuất hiện trong thư là việc kinh doanh. Tất nhiên là nhiều người Do Thái tản lạc đang kinh doanh, họ thường như vậy. Anh chị em thấy họ luôn sục sạo hết nước này sang nước khác, nên họ phải có một ngành nghề có tính di động cao. Đó là lý do tại sao họ làm nghề thợ may, chỉ cần mang kim chỉ theo người là được. Họ làm thợ kim hoàn vì có thể gói ghém hàng hóa trong một cái va-li nhỏ. Họ cho vay tiền vì ở khắp châu Âu thời trung cổ, Cơ Đốc nhân không được cho vay tiền nên người Do Thái kiêm hết. Họ đã trở nên những chủ ngân hàng, nhà Rothschilds chẳng hạn. Vậy là người Do Thái phải rất giỏi kinh doanh. Họ đã học cách sống bằng trí thông minh của mình, họ là những người đọc vị khách hàng rất tốt và họ giỏi kinh doanh, tất nhiên rồi.

Nhưng cái đó có mặt trái của nó. Chúa Giê-su, Chúa Giê-su người Do Thái nói rằng *các con không thể thờ phượng cả Đức Chúa Trời lẫn ma-môn hay tiền tài. Các con không thể vừa dâng mình cho Đức Chúa Trời, vừa ra sức kiếm tiền được.* Người Pha-ri-si cười khi Chúa Giê-su nói như vậy vì họ vừa giàu có, vừa sùng đạo. Nhưng Chúa Giê-su nói điều đó là không thể, họ cười nhạo Ngài và nói *dù sao hắn cũng chỉ là một gã ăn mày không xu dính túi. Hắn ta không biết cách kiếm tiền nên mới chống lại người giàu.* Nhưng Chúa Giê-su biết; Ngài liên tục cảnh báo chúng ta rằng người giàu vào Vương quốc quả là khó.

Theo tiêu chuẩn của Tân Ước thì gần như tất cả chúng ta trong đây đều giàu. 99% dân Anh là người giàu theo tiêu chuẩn của Tân Ước; nên mới khó khiến họ vào Vương quốc đến vậy. Nhưng sự giàu có có những mối nguy của nó. Bản thân tiền bạc có thể làm nhiều điều tốt, nó không tốt cũng chẳng xấu, nhưng mê tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác, Phao-lô nói như vậy. Và trong bức thư ngắn này, sự giàu sang đã làm băng hoại một số người mà ông viết cho. Lúc này họ đang làm một số điều như sau. Họ đang bóc lột nhân viên của mình; giữ lại tiền công của họ để giữ dòng tiền kinh doanh. Họ đang làm điều đó. Họ đang nuông chiều bản thân và tiêu tiền vào những thứ xa xỉ không cần thiết. Họ đang bợ đỡ những người giàu vào hội chúng và bảo người nghèo là họ có thể ngồi hàng ghế sau, còn chỉ cho người giàu lên những hàng trên.

Đó là một điều rất khó thấy, nhưng tôi biết những hội thánh và hội chúng đang bị kiểm soát bởi vài người giàu, người ta giao cho họ những thẩm quyền không đúng chỉ vì họ dâng nhiều tiền. Đó là một điều rất nguy hiểm, nhưng một số hội chúng lại quá quan tâm đến những thành viên giàu có trong khi họ cũng không quan trọng gì hơn những người khác. Họ đang xúc phạm người nghèo và khinh thường họ. Vấn đề là khi làm ra tiền thì chúng ta coi mình là người thành công còn những người khác không kiếm dược tiền là kẻ thất bại, chúng ta coi thường họ; thói trưởng giả đi liền với sự giàu có, và điều này đang xảy ra ở đây. Hơn hết thì nó cho họ sự an tâm giả tạo và đó là điều tệ hại nhất của tiền bạc, nó cho anh chị em sự an tâm giả tạo.

Có nhớ tay người giàu dại dột không ạ? *Ta sẽ phá những kho nầy và xây những cái khác lớn hơn,* rồi anh ta tự bảo mình rằng: *Từ giờ mình sẽ nghỉ ngơi, mình sẽ tiêu chỗ tiền dư dả, nghỉ hưu sớm và tận hưởng cuộc sống.* Chúa Giê-su nói: “Hỡi kẻ dại! Chính đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị đòi lại.” Tiền bạc lừa người ta; sự lừa dối của giàu sang, Chúa Giê-su gọi như vậy. Điều này đang len lỏi vào những tín đồ Do Thái tản lạc vì quá nhiều người trong số họ làm kinh doanh. Tất nhiên là nó phương hại đến sự tin kính vì khi có nhiều tiền, chúng ta lập kế hoạch mà không cầu hỏi Chúa, chỉ nghĩ trong đầu rằng *được rồi, mình sẽ đi đến thành này, thành kia và mình sẽ mở một chi nhánh mới tại đó.* Gia-cơ nói anh chị em phải luôn bổ sung thêm là “nếu Chúa muốn.”

Ba tôi luôn cho DV vào các bức thư ông viết. Một thói quen đã đi vào dĩ lãng. DV là viết tắt của cụm từ La-tinh Deo Volente, nghĩa là nếu Chúa muốn; và ông thường viết trong thư rằng *tôi mong được gặp lại anh, DV. G*ia-cơ: Khi trở nên giàu có, anh chị em bỏ cụm DV và tự quyết định xem mình sẽ đi nghỉ lúc nào, sống ở đâu, mua nhà nào thay vì nói DV, Deo Volente, nếu Chúa muốn. Anh chị em thấy đấy, chúng ta có thể nói rằng *được rồi, chúng ta sẽ lên kế hoạch cho một loạt bài khác và sẽ quay loạt bài Mở khóa Cựu Ước*, nhưng chúng ta nên nói rằng: *Chúng ta sẽ lên kế hoạch cho một loại bài video khác, DV... DV.* Vì Jim có thể lên thiên đàng, biết đâu lại trước cả tôi. Thấy không ạ? Đến giờ này năm sau, bất kỳ ai trong chúng ta cũng có thể lên thiên đàng. Nếu Chúa muốn. Nếu Chúa muốn. Như vậy là ông nói rất nhiều về điều này. Dường như việc thờ ơ với Chúa và bỏ mặc người nghèo đi liền với việc kiếm tiền.

Ở đây ông cũng liệt kê những tội lỗi của người giàu nữa. Tôi chỉ kể qua thôi: sự ghen ghét; thật buồn cười là càng có nhiều tiền thì chúng ta càng muốn có thêm và càng ghen ghét những người có nhiều hơn mình. Thật điên rồ đúng không? Tôi thường để ý những ông lớn, Robert Maxwell chẳng hạn. Ông ta là người Do Thái, nhưng dường như ông ta không hài lòng với những gì mình có, ông ta cứ phải kiếm thêm. Hơn rất nhiều số tiền mà ông ta cần để trang trải cho bản thân và những nhu cầu của gia đình, ông ta cứ phải có nhiều tiền hơn, nhiều hơn nữa.

Nước Úc đã sản sinh ra một số người như vậy, Alan Bon chẳng hạn. Họ đi quá xa vì tham lam và ghen ghét những người giàu hơn mình. Một vị trí nguy hiểm. Dục vọng riêng, kiêu ngạo, khoe khoang, kiêu căng, tự phụ, nóng vội, giận dữ, tham lam, tranh cạnh, cãi cọ, tranh chiến và kiện tụng. Kiện tụng - bất cứ ai chỉ trích Robert Maxwell đều phải ra hầu tòa và gặp luật sư. Kiện tụng là một trong những trò tiêu khiển của người giàu. Đây đều là những điều rất thiết thực đúng không? Thực ra anh chị em có thể mang thư Gia-cơ đến London hay Hà Nội và giảng về thư này.

Có lần người ta mời tôi đến diễn thuyết cho tất cả các thành viên của sàn chứng khoán. Trước khi tôi đến thì họ xin tôi cái tiêu đề và tôi nói: *Hãy giới thiệu cho họ tiêu đề này: "Mang đi làm sao được, nếu có mang thì cũng cháy thành than thôi!"* và đương nhiên là họ không chịu quảng cáo theo tiêu đề đó. Nên tôi đổi thành: "Đầu tư thế nào để xuống mồ rồi vẫn lợi?" và họ khá hứng thú. Anh chị em có thể mang tiền đi theo; có thể tích trữ của cải cho mình ở trên trời và Chúa Giê-su đã chỉ cách cho chúng ta. Hầu hết mọi người chỉ tích vào quỹ lương hưu trước khi chết mà không nhận ra rằng chỉ hai phút sau khi chết, họ sẽ phá sản vì không gửi gì lên trên. Nên thư Gia-cơ rất thiết thực về vấn đề này; nhưng giàu sang sinh ra vô tín. Ông muốn nói như vậy. Nếu không cẩn thận thì tiền vào nhưng Chúa lại ra. Và Gia-cơ nói: *Đừng để điều đó xảy ra, hỡi những tín đồ Do Thái tản lạc.*

Cái lưỡi

Một điểm yếu khác của người xa xứ là ngồi lê đôi mách. Nếu đã từng đến một cộng đồng kiều dân ở nước ngoài, một đám người Scotland và một đám người Anh ở vịnh Ba Tư chẳng hạn, thì anh chị em sẽ biết. Họ có một hộp đêm và nói đủ thứ chuyện trong hộp đêm đó. Những người xa xứ ưa tám chuyện về cái cộng đồng nhỏ bé của mình và Gia-cơ quá hiểu điều này. Ông nói rất nhiều về cái lưỡi và lời nói. Ông nói: *Anh chị em dùng cùng một lưỡi để chúc phước cho người ta và nguyền rủa họ. Điều đó giống như nước đắng và nước ngọt ra từ cùng một dòng suối.* Rồi ông nói thế này...Tôi có nghe chuyện một cha xứ nói trên bục giảng rằng: *Giờ tôi sẽ cho anh chị em xem bộ phận trên người khiến tôi thấy cám dỗ nhất.*

Tất nhiên là người ta sẽ chú ý đến ông, giỏi hùng biện thật đấy! Thế là ổng làm thế này (lè lưỡi ra) và người ta hiểu liền, họ không bao giờ quên được bài giảng đó. Nhưng Gia-cơ nói: *Cái thứ nhỏ bé đó là bộ phận khó kiểm soát nhất trên cơ thể anh chị em. Nếu kiểm soát được nó thì anh chị em là một người trọn vẹn*. Nên ở đây có một cách hữu hiệu để xem anh chị em thánh khiết đến đâu - chỉ cần xét đến lời nói của anh chị em, chỉ vậy thôi, vì có đầy dẫy trong lòng thì miệng mới nói ra. Nên Chúa Giê-su mới nói rằng vào Ngày Phán xét, chúng ta sẽ bị phán xét vì mọi lời bất cẩn, vì chính những lời bất cẩn nói ra khi mệt mỏi mới bộc lộ tấm lòng thật sự của chúng ta. Không phải những lời cẩn trọng khi chúng ta nghĩ xem cần nói gì. Anh chị em có biết là một số người rất sợ những điều như ân tứ nói tiếng lạ vì họ quá quen với việc kiểm soát mọi điều mình nói. Họ sợ nói điều mà mình chưa suy nghĩ kỹ đến phát khiếp.

Nhưng anh chị em biết đấy, chính những lời bất cẩn mà anh chị em nói ra khi mệt mỏi hoặc tức giận mới thật sự bộc lộ tấm lòng của anh chị em, và cái thứ nhỏ bé này đã bị lửa địa ngục đốt cháy, Gia-cơ nói như vậy. Và nó như một bánh lái nhỏ bé nhưng có thể điều khiển cả con tàu. Như đám cháy rừng bắt đầu từ một que diêm. Có một quý bà tại Pháp đến xưng tội với linh mục vào tối thứ bảy và nói: *Thưa Cha, con nhận ra rằng mình là người hay buôn chuyện, liệu con có thể được tha thứ không Cha?* Linh mục đáp: *Chị phải đền tội trước đã.*

- *Con sẽ làm bất cứ điều gì, con phải làm gì đây ạ?*
- *Hãy đi nhổ lông hai con gà, cho vào túi rồi mang đến đây.*

Thế là bà ấy mang một cái túi đựng đầy lông đến hội thánh và linh mục nói: *Tốt, như vậy là đền tội được một nửa rồi, còn nửa nữa. Hãy đi và rắc chúng khắp bốn bề; hãy đi xuống đường làng và tung chúng lên không trung.* Bà ấy làm theo và quay lại rồi hỏi: *Bây giờ thì con có thể được tha thứ chưa ạ?*

- *Chưa, còn một việc nữa, hãy đi và nhặt hết lông lại.*
- *Con làm sao nhặt lại được ạ.*
- *Đúng, chị không thể đi và nhặt lại mọi lời chị đàm tiếu trong làng, chị đã gieo rắc chuyện tầm phào khắp cái làng này và sẽ không bao giờ theo kịp chúng.*

Đó là một câu chuyện hay. Tôi chỉ đọc thấy vậy. Đấy là chuyện thật hay chỉ là giảng thế thôi? Tôi không biết, nhưng đó là một câu chuyện hay. Buôn chuyện, cái lưỡi có sức tàn hại khủng khiếp và anh chị em thật sự được thánh hóa hoàn toàn khi anh chị em luôn nói điều đúng đắn, giữ yên lặng khi cần và lên tiếng khi cần. Vì lúc nào cũng ngậm miệng không phải là làm chủ lời nói mình. Có những lúc chúng ta phải lên tiếng, có lúc không; có những lúc chúng ta phải ngậm miệng và lên tiếng. Vậy là phàn nàn, nguyền rủa, nói dối và chửi thề đều được nhắc đến trong bức thư ngắn này. Vì anh chị em thấy đó, những kiều dân xa xứ rất dễ sa vào tội lỗi của cái lưỡi.

Thế gian

Rồi, đến một nội dung khác - thế gian, đề cập khá nhiều trong thư này. Đó cũng là một chủ đề liên tục nổi lên. Kết bạn với thế gian là thù nghịch với Đức Chúa Trời. Không nghi ngờ gì nữa, anh chị em không thể được lòng cả thế gian lẫn Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su cũng vậy, và nếu Ngài không làm được thì anh chị em cũng không. Trên thực tế, anh chị em càng tin kính thì người ta càng không ưa anh chị em. Thực ra, Phao-lô đã nói với Ti-mô-thê rằng "tất cả những người muốn sống cuộc đời tin kính trong Đấng Christ Giê-su đều sẽ bị bắt bớ." Có thể họ tôn trọng anh chị em, nhưng họ sẽ cố gắng loại điều đó khỏi anh chị em. Anh chị em sẽ bị cười nhạo. Nhưng quá dễ để dan díu với thế gian; và Gia-cơ nói, *sự tin đạo thuần khiết, không hoen ố trước mặt Đức Chúa Trời*, là hai điều: *giữ mình khỏi sự ô uế hay tiêm nhiễm của thế gian và thăm viếng trẻ mồ côi, người góa bụa trong cơn hoạn nạn của họ.*

Điều đó thật là thiết thực. Giúp đỡ những người thiếu thốn nhất, ở bên cạnh người ta, nhưng không để bị tiêm nhiễm, bị hoen ố. Chúng ta phải ở trong thế gian nhưng không hòa tan vào đó. Chúa Giê-su không muốn chúng ta vào tu viện, Ngài không muốn chúng ta ra khỏi thế gian, nhưng thật lạ là có nhiều Cơ Đốc nhân muốn làm như vậy. Có lần, một cô gái đến gặp tôi và nói: *Tuyệt vời lắm, ông Đa-vít ạ. Cháu từng là Cơ Đốc nhân duy nhất ở chỗ làm, nhưng cháu thấy bài quảng cáo trong một tạp chí Cơ Đốc, đó là một công ty Cơ Đốc. Họ muốn tuyển thư ký và mọi người trong công ty đều là Cơ Đốc nhân. Cháu sẽ làm việc với toàn Cơ Đốc nhân thôi.* Rồi cô bé thấy nét mặt tôi và hỏi *sao thế ạ?*

Tôi đáp: *Một là cháu sẽ phát hiện ra rằng làm việc với Cơ Đốc nhân không phải là xứ hứa đâu, cháu sẽ thấy ngay thôi* - "Ở với thánh đồ trên cao, ôi sao vinh hạnh, ở với thánh đồ ngay cạnh, thôi đành kể sau." Tôi nói: *Một là cháu sẽ không thấy đó là xứ hứa. Hai là cháu vừa nói rằng mình là Cơ Đốc nhân duy nhất tại chỗ làm, là mắt xích duy nhất giữa họ với Chúa Giê-su, giờ cháu lại chặt đứt nó. Sao cháu không ở lại đó và cầu xin Chúa ban cho mình một người bạn Cơ Đốc?*

Anh bạn Peter Bettson của tôi ở Úc, chắc chắn là anh chị em đã nghe tôi nhắc đến cậu ấy hơn một lần rồi, cũng gặp cậu ấy rồi. Bán xe cũ nhưng bao thật, mọi người gọi cậu như vậy. Cậu có 40 nhân viên ra đường để mua xe cho cậu bán, cậu bán xe trong ngành và cứ 50 giây lại bán được một cái, vào các ngày thứ ba và thứ năm. Một con người thú vị, giờ thì cậu ấy không làm nghề đó nữa rồi, nhưng...Mà tôi định nói gì về cậu ấy nhỉ? À! Cứ nhân viên nào của cậu trở thành Cơ Đốc nhân thì cậu sa thải người ta ngay, tìm cho người ta một công việc ở đâu đó, với nguyên tắc là: *Sao tôi có thể làm chứng về Chúa tại chỗ làm nếu quanh tôi toàn là Cơ Đốc nhân?* Ôi, đáng để suy nghĩ đấy chứ nhỉ! Tôi thấy Cơ Đốc nhân muốn vào những doanh nghiệp Cơ Đốc hoặc mua một nông trại ở vùng quê, vắt sữa bò và hát điệp khúc "chờ xe buýt đến." Nghe này, Chúa Giê-su nói: *Thưa Cha, con không xin Ngài đem họ ra khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ trong thế gian.* Gia-cơ đang nói như vậy. Đó là một sự quân bình rất mong manh. Chúng ta phải ở trong chính thế gian ngoài kia, nhưng không bị hoen ố. Sự tiêm nhiễm phải từ chúng ta mà ra chứ không phải vào chúng ta. Rất thực tế.

Ông nói: *Anh chị em cần biết phân biệt giữa bị thử thách và bị cám dỗ.* Chúa sẽ không bao giờ cám dỗ anh chị em, nhưng Ngài sẽ thử thách hay kiểm tra anh chị em. Kiểm tra là để xem người ta có vượt qua không, còn cám dỗ là mong người ta sẽ ngã. Đó là khác biệt rõ rệt. Đức Chúa Trời sẽ thử thách anh chị em nên hãy xem thử thách là điều vui mừng trọn vẹn, khi mọi thứ trở nên khó khăn tức là Chúa đang đưa anh chị em lên lớp; cho anh chị em lên lớp lớn hơn. Khi vợ của Tướng Booth phải chịu nhiều đau khổ lúc cuối đời...hay vợ của Hudson Taylor nhỉ? Lúc cuối đời, vợ của Hudson Taylor bị mù và phải chịu nhiều khổ ải, có người hỏi: *Sao Chúa lại làm thế này với bà khi bà đã trung tín phục vụ Ngài đến vậy?* Bà đáp: *Ôi, Ngài đang chạm những nét cuối cùng để hoàn thiện tính cách tôi.* Thấy không ạ? Hãy xem thử thách là điều vui mừng trọn vẹn. Nếu cuộc sống dễ dàng với anh chị em thì đừng vui mừng.

Nhưng khi anh chị em được kiểm tra lên lớp - Đức Chúa Trời đang ra một bài thi và Ngài muốn anh chị em thi đỗ, Ngài sẽ thử thách để đưa anh chị em qua, đưa anh chị em lên. Rất có thể là cuộc sống sẽ trở nên khó khăn hơn. Chẳng hạn như tôi thấy là ngày càng khó có sự dẫn dắt hơn. Anh chị em có thế không? Trước đây thì Chúa thương xót chúng ta và dẫn dắt chúng ta rất rõ ràng, chúng ta không nghi ngờ gì hết. Sau đó Ngài đặt anh chị em vào một tình huống mà anh chị em thật sự phải bắt đầu tự mày mò một chút. Ngài không dẫn dắt theo kiểu bón từng thìa khi anh chị em đã trưởng thành. Anh chị em có thấy thế không? Hay anh chị em có đường dây nóng để gọi lên thiên đàng và nhận được điện tín về mọi điều mình muốn biết? Tôi thì thấy đúng là càng ngày càng khó. Chúa đặt để trên anh chị em nhiều trách nhiệm hơn và tin cậy rằng anh chị em biết suy xét thay vì chỉ gửi một lời nhắn cho anh chị em. Nên Ngài đang thử thách chúng ta.

Nhưng ma quỷ mới là kẻ cám dỗ chúng ta, hắn muốn chúng ta thất bại và hắn chỉ có thể cám dỗ chúng ta khi túm được một điều gì đó đã ở trong chúng ta, nhử được một ước muốn nào đó trong lòng chúng ta. Nên ở đây nói nhiều đến thử thách và cám dỗ. Trong thế gian, anh chị em sẽ bị Đức Chúa Trời thử thách, nhưng tôi e rằng anh chị em sẽ bị ma quỷ cám dỗ nữa. Nhưng có lời hứa này từ một chỗ khác. Đức Chúa Trời hứa rằng anh chị em sẽ không bao giờ bị cám dỗ quá sức chịu đựng mình.

Tất nhiên, điều đó có nghĩa là ma quỷ hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Chúa, tuyệt vời không ạ? Ma quỷ không thể động vào anh chị em nếu hắn không được Chúa cho phép trước, anh chị em đọc sách Gióp mà xem. Hắn không thể cám dỗ anh chị em đến mức đó, Đức Chúa Trời đã hứa rằng là Cơ Đốc nhân, anh chị em sẽ không bao giờ có thể nói *Tôi không thể chịu được*. Nhưng tôi nghe thấy những Cơ Đốc nhân nói như vậy, thi nhau đòi được giải thoát mà không đối mặt với thực tế rằng Chúa đã nói điều này với họ, đã ban cho họ ân điển để nói không, rằng cám dỗ đó không quá sức họ. Nhưng ma quỷ chỉ có thể cám dỗ chúng ta khi chúng ta muốn một điều không phải lẽ, hắn có thể lấy cái đó làm mồi câu anh chị em.

Vậy là trong thế gian, chúng ta đối mặt với thử thách và sự cám dỗ, điều thứ nhất đến từ Chúa với hy vọng rằng anh chị em sẽ vượt qua thử thách. Điều kia đến từ ma quỷ với hy vọng rằng anh chị em sẽ ngã; và chúng ta cần sự khôn ngoan để phân biệt xem cái nào là cái nào. Có một cậu đến gặp tôi vào tối chủ nhật tại hội thánh tôi quản nhiệm ở Guildford và cậu ta nói: Ôi *Đa-vít ạ, Sa-tan nó chơi tôi cả ngày hôm nay*. Tôi nói: *Anh kể cho tôi nghe xem nào.*

- *Thì tôi ngủ dậy muộn, ăn vội bữa sáng rồi lao đến nhà ga Guildford, vừa đến nơi thì tàu rời ga. Tôi phải bắt chuyến tiếp theo; lỡ mất một cuộc hẹn gần nhất. Từ đấy trở đi là cái gì cũng hỏng; thật sự là ma quỷ nó chơi tôi.*

Tôi bảo: *Không phải đâu, thế sao anh dậy muộn?*

- *Đêm qua tôi quên đặt báo thức.*

Thấy không ạ? Chúng ta không nên đổ lỗi cho ma quỷ vì thường thì vấn đề lại nằm ở xác thịt. Tôi không nghĩ ma quỷ có nhúng tay gì vào chuyện đó. Nhưng Cơ Đốc nhân rất dễ lấy ma quỷ làm con dê gánh tội. Khi ma quỷ thật sự nhắm vào anh chị em thì ôi, mọi chuyện nghiêm trọng hơn thế nhiều. Chúng ta sẽ bị cám dỗ, nhưng không bao giờ quá sức chịu đựng của mình. Đó là một lời hứa.

Sự khôn ngoan

Bây giờ đến sự khôn ngoan. Đây thật sự là toàn bộ nội dung của thư và có hai loại khôn ngoan. Giống như có hai loại thách thức - thử thách và cám dỗ thì cũng có hai loại khôn ngoan trên đời - sự khôn ngoan từ trên và sự khôn ngoan từ dưới. Cả hai đều khôn ngoan. Sự khôn ngoan từ dưới đến từ kinh nghiệm của con người. Nó đến từ việc biết một điều trong thời gian dài, đã thử điều này, điều kia. Anh chị em tích lũy kinh nghiệm và sự khôn ngoan của con người qua trải nghiệm. Chúng ta gọi đó là trường trải nghiệm có màu đen và xám xịt, và chúng ta học được sự khôn ngoan từ kinh nghiệm của mình. Nhưng có cách khác để có được sự khôn ngoan và cách đó không mất thời gian đến vậy, ấy là cầu xin, cầu xin điều đó thì anh chị em sẽ nhận được. Và Gia-cơ nói: *Nếu người nào trong anh chị em thiếu sự khôn ngoan, đừng bảo: Ôi dào, tại tôi là một Cơ Đốc nhân trẻ tuổi, hoặc tôi không có nhiều kinh nghiệm lắm. Đừng nói thế. Anh chị em có thể ngay lập tức nhận được sự khôn ngoan từ trên cao bằng cách cầu xin điều đó mà không phân tâm, không nghi ngờ. Hãy xin sự khôn ngoan trong tình huống đó.*

Tôi có thể lấy một số ví dụ rất thú vị và gần gũi về điều này. Có lần tôi phải đối mặt với một tình huống thực sự khó xử. Ba cô gái và ba chàng trai đến văn phòng tôi và bảo: *Chúng cháu muốn mục sư cử hành hôn lễ cho chúng cháu*. Tôi hỏi: *Gì cơ, cho tất cả á? - Đúng vậy.*

Hóa ra là ba cô gái này đã học đại học cùng nhau và họ dính lấy nhau như thế này. Mà còn hơn thế cơ. Họ đã cùng nhau điều hành Hiệp hội Sinh viên Cơ Đốc trong nhiều năm. Giờ là lúc ra trường, cả ba đều đã yêu và đính hôn, nhưng họ không muốn nói lời tạm biệt nhau. Thế là họ đi lùng tìm nhà và nói: *Chúng cháu đã tìm được một căn nhà to đẹp chứa được cả sáu người; chúng cháu muốn tổ chức một hôn lễ cho cả ba cặp đôi cùng lúc và sẽ sống cùng nhau như một gia đình hạnh phúc.* Tôi nhìn ba chàng trai kia, có vẻ như tất cả đều hơi ngượng và đều bị vướng vào bộ ba này.

Tôi buộc phải nói: *Chúa ơi, con cần sự khôn ngoan.* Vì tôi biết là họ đã đến chỗ môi giới để tìm nhà và tôi biết là nếu mình từ chối cử hành hôn lễ thì họ sẽ tìm một mục sư khác và tổ chức ở chỗ khác. Tôi nói: *Chúa ơi, con cần sự khôn ngoan. Ngài đã ban nó cho Sa-lô-môn thì xin hãy ban cho con.* Và Ngài ban thật. Tôi nói: *Được rồi, tôi nhận cử hành hôn lễ, nhưng mỗi anh chị phải nói lời hứa nguyện năm lần với cả năm người liên quan. Nên các anh chị phải nói: khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan cho cả năm người. Nếu cả sáu người đều sẽ sống với nhau thì tất cả đều phải chung thủy. Nên tôi nhận cử hành hôn lễ, nhưng mỗi người trong các anh chị phải nói toàn bộ lời hứa nguyện năm lần với cả năm người còn lại.* Họ im như thóc luôn. Họ nói: *Ồ! Để chúng cháu suy nghĩ một chút được không?* Tôi đáp: *Tất nhiên rồi, các anh chị suy nghĩ trong bao lâu cũng được.*

Họ rời đi, và họ đi qua nhà chúng tôi ở kế bên và vợ tôi nhìn thấy họ qua cửa sổ nhà bếp. Bà ấy sang ngay chỗ tôi hỏi: *Anh nói gì với mấy cô cậu ấy thế? Em chưa bao giờ thấy hội thanh niên nào có vẻ mặt thiểu não như thế, anh làm gì mấy đứa vậy?* Tôi kể cho bà ấy nghe và chúng tôi cười phá lên. Hôm sau, cả sáu người quay lại, giờ thì ai cũng ngượng hết. Và họ nói: *Bây giờ chúng cháu lại không chắc lắm về việc này. Mục sư có lời khuyên gì cho chúng cháu không ạ?* Tôi đáp: *Nói thật nhé, tôi khuyên các anh chị cứ kết hôn đôi nào vào đôi đấy đã, một năm sau hãy đi mua ngôi nhà đó và chuyển vào sống cùng nhau.* Họ làm theo vế đầu và không làm vế sau.

Thấy không ạ? Một tình huống kiểu như vậy. Sao anh chị em không năng cầu xin sự khôn ngoan hơn? Nó dành sẵn cho chúng ta. Gia-cơ nói rằng đó là sự khôn ngoan tuyệt vời vì nó thanh sạch, hiếu hòa, nó giải quyết được vấn đề. Nghe này, mọi sự khôn ngoan thiên thượng đều sẵn dành cho anh chị em vào bất cứ lúc nào. Khi anh chị em rơi vào khó khăn, bế tắc, anh chị em chỉ cần nói rằng: *Chúa ơi, con cần sự khôn ngoan.* Sa-lô-môn nhận được sự khôn ngoan khi hai người nữ tranh nhau một đứa con, ông nhận được nó ngay tức khắc. Anh chị em biết Chúa phán gì với Sa-lô-môn không? Ngài phán: *Giờ con đã là vua, Ta sẽ ban cho con mọi điều con cầu xin, tiếng tăm, sự giàu có, bất cứ thứ gì con muốn, con cứ xin đi.* Sa-lô-môn đáp là "sự khôn ngoan." Chúa phán: *Vì con xin sự khôn ngoan nên Ta sẽ cho con mọi thứ khác nữa.*

Nên Chúa rất vui lòng khi có người cầu xin sự khôn ngoan. Chúng ta gặp phải nhiều tình huống khó xử trên đời. Anh chị em sẽ rơi vào những tình huống tiến thoái lưỡng nan, nghĩ rằng không có đường thoát, không có cách giải quyết. Đó chính là lúc mà Gia-cơ nói rằng chỉ cần cầu xin sự khôn ngoan, rồi anh chị em sẽ bất ngờ với chính mình, thật sự là như vậy. Nên cả thư này thật là một mẩu khôn ngoan tuyệt vời.

Các "vấn đề" trong thư Gia-cơ và cách giải quyết

Nhưng giờ chúng ta sẽ chuyển sang vấn đề, có một vấn đề lớn trong Gia-cơ, đó là trong chương 2. Hãy xét đến vấn đề chung trước. Vấn đề chung là nghe Gia-cơ không giống thư Cơ Đốc lắm. Trong thư không nói nhiều về Đấng Christ lắm, không có nhiều Tin lành lắm, thư nhấn mạnh nhiều về hoạt

động của con người hơn là của Đức Chúa Trời, nhấn mạnh nhiều vào việc làm hơn là giáo lý, gần như chỉ nói về luật pháp thay vì Tin lành, về việc làm thay vì đức tin. Không thấy nhắc đến sự chết, sự sống lại hay thăng thiên của Chúa Giê-su. Không thấy nhắc đến công việc của Đức Thánh Linh trong chúng ta. Chỉ thấy nói đến những việc lành. Rõ ràng đây không phải là Cơ Đốc giáo. Đây chính là quan niệm về Cơ Đốc giáo mà chúng ta muốn loại bỏ. Không thấy nói về sự tha thứ. Chắc người ta sẽ nói rằng thư toàn nói về sự thánh khiết. Nhưng thư có vẻ đặt nặng điều đó, nên Martin Luther mới chán ghét thư này. Thực chất, ông còn nói *nó chẳng có điều gì thuộc về phúc âm. Nó không chỉ Đấng Christ cho anh chị em*; và thực ra thì cả thư chỉ nhắc đến Ngài có hai lần. Nên thực ra, cả thư này có rất ít điều mà một người Do Thái chính thống không thể chấp nhận được. Chỉ cần bỏ đi hai chỗ nhắc đến Đấng Christ cùng một hai điều khác thì một người Do Thái chính thống sẽ đồng tình với mọi thứ.

Hãy chuyển sang vấn đề cụ thể. Kia là vấn đề chung, tập trung vào chương 2 khi Gia-cơ nói: Anh chị em thấy rằng một người được xưng công chính bởi việc làm chứ không chỉ bởi đức tin. Đó là chỗ gây tranh cãi nảy lửa. Nên thư này gặp khá nhiều khó khăn trên đường vào Tân Ước. Và có những người thích bỏ thư Gia-cơ đi. Tôi đã nhắc đến Martin Luther nhưng ông còn đi xa hơn thế. Ông nói: *Thư này thật như rơm rác. Trong đó không có gì chất lượng mà chỉ toàn rơm rác.* Đó là lời nhận xét xấc xược bậc nhất của ông. Ông nói: *Tôi không tin là nó có tính sứ đồ; tốt hơn hết là không đưa nó vào Tân Ước.* Và khi dịch Kinh Thánh, ông cho Gia-cơ vào phần phụ lục phía cuối. Ông không đủ can đảm để bỏ hẳn thư này đi, nhưng ông đã chuyển nó từ phần chính sang phần phụ lục. Ông nói rằng *nó phá hoại lẽ thật nền tảng của Tin lành về sự xưng công chính duy bởi đức tin.*

Tôi nghĩ là thật đáng tiếc vì Martin Luther đã bỏ lỡ điểm chính yếu. Ông nói: *Nó mâu thuẫn với Phao-lô và mọi phần Kinh Thánh khác, và tôi không đưa sách này vào kinh điển (canon of scripture) hay quy điển Kinh Thánh.* Martin Luther cũng sai lầm không kém vị Giáo hoàng mà ông chống đối. Đừng bao giờ coi bất cứ giáo sư Kinh Thánh nào đó là vô ngộ, không thể sai.

Vậy chúng ta phải giải quyết vấn đề này như thế nào? Gia-cơ qua đời vào năm 62, nên làm sao đọc được những bức thư Phao-lô viết về chủ đề này. Đó là điều đầu tiên mà tôi muốn nói. Hai là tôi muốn chỉ ra rằng Phao-lô viết cho các dân ngoại còn Gia-cơ đang viết cho các tín đồ Do Thái. Phao-lô đang bảo vệ các dân ngoại khỏi chủ nghĩa kinh luật Do Thái còn Gia-cơ đang bảo vệ người Do Thái khỏi sự phóng túng của dân ngoại. Tôi nhắc lại nhé! Anh chị em có để ý rằng chủ nghĩa kinh luật, sự phóng túng và sự tự do liên tục xuất hiện dưới dạng chủ đề không? Vì đây là vấn đề cơ bản của Cơ Đốc nhân - làm sao để tránh khỏi chủ nghĩa kinh luật và sự phóng túng? Phao-lô cố gắng giữ cho dân ngoại tránh khỏi chủ nghĩa kinh luật Do Thái là được cứu bởi việc làm, còn Gia-cơ có một nhiệm vụ khá khác - giữ cho tín đồ Do Thái tránh khỏi sự phóng túng của dân ngoại. Nắm được sự khác biệt đó không ạ?

Đôi khi người giảng đạo có vẻ như mâu thuẫn với chính mình vì họ đang giải quyết những vấn đề khác nhau. Cần nói với một số người rằng chỉ bởi đức tin, một số người khác lại cần nói về việc làm cho quân bình, và có sự quân bình. Nên câu hỏi chung là đức tin trong tương quan với việc làm và tôi tin rằng Gia-cơ cần đến phần còn lại của Tân Ước và phần còn lại của Tân Ước cần đến Gia-cơ. Tôi tin rằng Chúa đang cho chúng ta hai góc nhìn khác nhau về vấn đề cốt yếu này để chúng ta được quân bình và hiểu toàn bộ lẽ thật. Anh chị em thấy đấy, chủ nghĩa kinh luật nói rằng chúng ta được cứu bởi việc làm; sự phóng túng nói rằng chúng ta được cứu mà không cần đến việc làm, nhưng sự tự do nói rằng chúng ta được cứu để làm lành.

Tôi nhắc lại nhé! Chủ nghĩa kinh luật nói rằng chúng ta được cứu nhờ làm lành, sự phóng túng nói rằng chúng ta được cứu mà không cần làm lành, nhưng sự tự do nói rằng chúng ta được cứu để làm lành. Ngay cả Phao-lô cũng nói điều này trong Ê-phê-sô 2. Ông nói rằng *Đức Chúa Trời đã chuẩn bị trước những việc lành để chúng ta có thể bắt tay vào làm sau khi được cứu.* Nên chúng chúng ta không được cứu nhờ làm lành, nhưng chúng ta được cứu để làm lành. Gia-cơ nói điều thứ hai còn Phao-lô nói điều thứ nhất và cả hai đều đúng, nhưng chúng ta cần suy xét Gia-cơ chương 2 thật kỹ. Để tôi nói theo cách khác nhé! Chủ nghĩa kinh luật *nói chúng tôi muốn đảm bảo rằng anh không tự do phạm tội, bằng những luật lệ; chúng tôi muốn chắc chắn là anh không tự do phạm tội*. Sự phóng túng nói rằng *chúng ta được tự do phạm tội*. Sự tự do nói rằng *chúng ta được tự do nói không với tội lỗi*.

Anh chị em có muốn chép lại đoạn vừa rồi không? Một sáo ngữ gọn gàng, nhưng đúng. Chủ nghĩa kinh luật nói rằng *anh không được tự do phạm tội, chúng tôi sẽ đảm bảo rằng anh không làm như vậy*. "Ngươi không được làm điều này, ngươi không được làm điều kia." Sự phóng túng nói rằng *ta được tự do phạm tội vì ta được cứu chỉ bởi đức tin*. Nhưng sự tự do nói rằng, *ta được tự do nói không với tội lỗi*. Đó là một sự phân biệt rất tinh vi, nhưng điều quan trọng nhất trong đời sống Cơ Đốc là hiểu rõ sự khác biệt giữa ba khẳng định đó vì đây là trọng tâm của Tin lành, chúng ta cần cả Phao-lô và Gia-cơ để hiểu đúng điều này.

Trong chương 2, phân đoạn cụ thể mà chúng ta đang cố gắng làm sáng tỏ, có một điều gây hiểu lầm là từ "việc làm" có một vài nghĩa khác nhau, cũng giống như từ "luật pháp" vậy. Phao-lô dùng từ luật pháp theo năm cách, nhưng từ "việc làm" được dùng theo một số cách khác nhau. Khi Phao-lô nói đến việc làm, ý ông muốn nói đến công việc của luật pháp. Nhưng khi Gia-cơ nói đến việc làm thì ông không có ý như vậy. Chẳng hạn như ông nói...Tôi nghĩ là cách dịch của Bản dịch Mới phù hợp hơn, dùng từ "hành động." Gia-cơ muốn nói rằng "đức tin không có hành động thì tự nó chết." Không phải là đức tin không có công việc của luật pháp.

Và ông dùng một minh họa rằng tình yêu thương mà không có hành động thì chẳng ích chi. Nếu tôi nói với một anh em rằng: *Ôi, anh không có cơm ăn, không có áo mặc phải không? Nguyện Chúa ban phước cho người anh em, Chúa ban phước cho anh.* Điều đó có ích chi đâu, Gia-cơ nói như vậy. Đó là tình yêu thương không có hành động. Đó là tình yêu thương không có công việc của tình yêu thương. Khi nói đến đức tin là ông đang nói đến đức tin không có hành động. Nếu không hành động trong đức tin thì anh chị em không có đức tin. Việc xưng nhận đức tin không thể cứu anh chị em. Ông nói: *Ngay cả ma quỷ cũng tin rằng chỉ có một Đức Chúa Trời* và giống như giáo phái Quakers (hay Hội Bạn Hữu, họ run lên khi thờ phượng - N.D.), *chúng cũng run rẩy, chúng làm gì đó với nó.*

Nhưng rồi ông đưa ra một minh họa về đức tin có hành động, và ông lấy Áp-ra-ham và Ra-háp để minh họa, một người nam tốt và một người nữ xấu, nhưng cả hai đều hành động trong đức tin, Áp-ra-ham suýt chút nữa thì giết con mình, hy vọng kế tự duy nhất, hy vọng nối dõi duy nhất của mình, và ông sẵn sàng giết cậu. Điều đó thể hiện đức tin; ông sẵn sàng mạo hiểm mọi thứ. Ông thể hiện đức tin của mình bằng hành động.

Kỹ nữ Ra-háp cũng giống hệt như vậy. Dù chúng ta là người tốt hay kẻ xấu thì đức tin cũng là hành động, chấp nhận mạo hiểm. Vợ chồng tôi từng chơi một trò tên là "Đức tin" với ba đứa nhà chúng tôi. Chúng từng đứng ở khoảng bậc thứ năm trên cầu thang và tôi chắp tay đứng dưới thế này. Chúng sẽ hỏi: *Nếu chúng con nhảy thì ba có đỡ chúng con không?* Tôi sẽ đáp là: *Có thể*. Thế là chúng

đứng đó, người đung đưa thế này, lòng dạ rối bời. Rồi một đứa nhảy xuống, tôi đỡ nó, rồi đứa khác nhảy xuống và tôi đỡ nó. Chúng rất thích cái trò tên là Đức tin này. Chúng tôi dạy chúng rằng *các con không thật sự tin vào một ai đó cho tới khi các con nhảy và chấp nhận mạo hiểm.* Đức tin không có hành động - không phải là đức tin thật. Giờ thì chúng tôi không chơi trò đó nữa...vì lý do sức khỏe...sức khỏe của tôi.

Nhưng anh chị em thấy đó, chúng không tin cho tới khi chúng hành động. Đó là điều Gia-cơ muốn nói, đức tin không phải là điều anh chị em xưng nhận. Anh chị em phải bày tỏ với Chúa Giê-su rằng mình tin vào Ngài bằng cách hành động, nhảy xuống, chấp nhận mạo hiểm. Anh chị em sẽ ngã dập mặt nếu Ngài không đỡ anh chị em. Đó là đức tin. Ông hoàn toàn đúng khi nói rằng đức tin không có hành động thì không thể cứu anh chị em; nó là đức tin chết. Đức tin không phải là trích dẫn bản tín điều mà là hành động trong đức tin. Có thể nói thế này, đức tin không phải là tiếp nhận lẽ thật của Lời Chúa. Đức tin là hành động theo lẽ thật của Lời Chúa. Quá nhiều Cơ Đốc nhân tiếp nhận lẽ thật nhưng không hành động theo đó.

Lần cuối cùng anh tin vào Chúa Giê-su là khi nào? Lần cuối cùng anh hành động theo cách chấp nhận rủi ro rằng anh sẽ ngã dập mặt nếu Ngài không đỡ anh là khi nào? Thấy không ạ? Đó là đức tin và Gia-cơ hoàn toàn đúng. Không có sự mâu thuẫn giữa Phao-lô và Gia-cơ về vấn đề này. Phao-lô muốn nói rằng công việc của luật pháp, việc giữ các điều răn sẽ không cứu anh chị em, chỉ đức tin mới cứu anh chị em. Nhưng Gia-cơ muốn nói rằng đó phải là một đức tin hành động, không phải là một đức tin chỉ nói hoặc xưng nhận, nhưng hành động theo đó. Nên ở đây tôi không thấy có chút bất đồng nào và tôi nghĩ Martin Luther đã quá chú trọng đến sự xưng công chính duy bởi đức tin đến nỗi không thấy tầm quan trọng thật sự của điều Gia-cơ nhấn mạnh, rằng đức tin phải hành động và phải thể hiện ra. Điều Chúa đã hành động ở bên trong phải được thể hiện ra ngoài thế gian. Trong môi trường xa lạ, chúng ta là khách lạ và người ngoại kiều, là dân tản lạc ngoài kia nhưng không bị thế gian làm cho hoen ố. A-men.

THƯ 1 & 2 PHI-E-RƠ - Phần 1

1 Phi-e-rơ

Vào ngày 02/09/1666, có một vụ hỏa hoạn lớn tại Luân Đôn. Nó bắt đầu từ một lò nướng bánh. Anh chị em có thể tìm được vị trí chính xác của lò bánh đó bằng cách đi đến chỗ gọi là Đài Tưởng niệm ở phía Tây Luân Đôn và trên chóp Đài Tưởng niệm, có hình ngọn lửa bằng đồng dát vàng. Nếu có thể lấy Đài Tưởng niệm đó và ngả nó xuống thì đó chính là khoảng cách đến chỗ lò bánh, nơi châm lửa cho vụ hỏa hoạn và gây ra thiệt hại khủng khiếp. 200.000 người mất nhà cửa vì thời đó gần như nhà nào cũng có khung gỗ. Nó gây thiệt hại mười triệu bảng Anh theo trị giá tiền thời bấy giờ, và tổng cộng 90 nhà thờ bị phá hủy, sau này Christopher Wren đã xây lại nhiều công trình trong số đó, bao gồm cả Nhà thờ chính tòa Thánh Phao-lô.

Tất nhiên là khi xảy ra thảm họa, một trong những khía cạnh đáng buồn của bản chất con người là chúng ta tìm lấy một con dê gánh tội, ai đó để đổ lỗi, dù là thảm họa Lockerbie ở Scotland hay bất cứ đâu, người ta đều muốn tìm ai đó để đổ lỗi và sẽ tìm một người nào đó. Thường thì người vô tội lại bị buộc tội; trong trường hợp vụ hỏa hoạn lớn ở Luân Đôn thì những tín đồ Công giáo người Pháp trở thành con dê gánh tội, họ bị buộc cho cái tội đốt cháy thành Luân Đôn.

Vào ngày 19/07 năm 64 SCN, thành Rô-ma bị thiêu rụi và lại bị tàn phá trên diện rộng. Đám cháy kéo dài trong ba ngày rồi tắt. Sau đó, gió đổi hướng và thổi bùng lửa lên, gây ra vụ hỏa hoạn lớn thứ hai và hầu hết phần trung tâm Rô-ma, nhiều đền thờ, nhà cửa bị phá hủy. Lần đó họ cũng đi tìm một con dê gánh tội, chỉ có điều là lần này người ta bắt đầu đổ lỗi cho Hoàng đế La Mã là Nero. Họ biết ông ta có tham vọng phá đổ tất cả những tòa nhà này để xây những công trình mới và tráng lệ. Nên người ta nói: *À, Nero cầm đầu vụ này, ông ta đã sai ai đó phóng hỏa.* Nero không hề nhúng tay vào chuyện này nên ông ta tìm cho ra một con dê gánh tội khác, lần này thì Cơ Đốc nhân phải chịu trận. Điều đó đã thực sự thổi bùng cơn bắt bớ dữ dội nghịch cùng Cơ Đốc nhân đến độ tử vì đạo, và vụ hỏa hoạn lớn trong thành Rô-ma đã châm ngòi cho nó.

Họ bị tra tấn, chúng khâu da thú rừng vào người họ và bắt họ bò quanh rạp hát bằng bốn chân trong khi bị sư tử và các con thú hoang khác tấn công. Họ bị chó săn đuổi, họ bị đóng đinh. Còn nhớ lúc tôi đứng quay lưng về phía đấu trường La Mã và nhìn vào quả đồi xanh mướt gần đấu trường tại Rô-ma - vườn thượng uyển của Nero và nghĩ về cái ngày ông ta tổ chức một bữa tiệc nướng trong vườn đó. Ông ta trói Cơ Đốc nhân lại, bôi hắc ín và nhựa đường lên người họ rồi trói họ vào những cái cột quanh vườn và thiêu sống họ, để thắp sáng bữa tiệc nướng của ông ta. Cơn chấn động lan ra toàn Đế quốc từ hội thánh này đến hội thánh khác khi họ nghe thấy chuyện này. Cơn chấn động đi kèm với một bức thư ngắn từ một người tên Phi-e-rơ, để dân sự sẵn sàng cho làn sóng bách hại mà ông biết là sẽ lan ra. Chính Phi-e-rơ sắp phải chết trong cơn chấn động đó. Ông phải bị đóng đinh, Chúa Giê-su đã báo trước như vậy.

Thật lạ lùng khi sống suốt 30 năm và biết rằng mình sẽ chết vì bị đóng đinh. Một điều không mấy dễ chịu khi để trong đầu. Khi sắp bị đóng đinh tại Rô-ma trong cơn bách hại của Nero, ông đưa ra một yêu cầu đặc biệt: cắm ngược thập tự giá vào hốc đá vì ông thấy mình không đáng được đóng đinh xuôi chiều như Chúa Giê-su. Ông viết bức thư ngắn mà bây giờ chúng ta sẽ xét đến; và ông viết thư cho những Cơ Đốc nhân mà ông có mối liên hệ và quan tâm đặc biệt tại nơi mà ngày nay chúng ta gọi là Thổ Nhĩ Kỳ, tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ. Rõ ràng là ông đã phục vụ tại khu vực đó.

Phao-lô phục vụ tại phía Nam Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng có vẻ như Phi-e-rơ đã đến phía bắc Thổ Nhĩ Kỳ. Ở tít khu vực phía bắc đó, ông viết cho họ và nói hãy chuẩn bị tinh thần, anh chị em sẽ phải chịu khổ. Nên xét trên một khía cạnh thì 1 Phi-e-rơ thực sự dành cho những Cơ Đốc nhân đang chịu khổ. Thư này áp dụng với bất cứ nơi đâu Cơ Đốc nhân thấy sợ hãi và tự hỏi điều gì sẽ xảy đến, thực ra là ở rất nhiều khu vực trên thế giới.

Điều bất ngờ là ông không bảo họ cách thoát khỏi nó mà là cách chịu đựng nó. Không phải là cách thoát ra mà là cách ở trong đó cho Chúa Giê-su, cách ứng phó khi nó đến, cách sống trong một thế giới ngày càng thù nghịch, một xã hội ngày càng chống lại Cơ Đốc nhân, Điều này rất thiết thực với chúng ta vì sự bách hại đã nổ ra trên nước Anh. Bây giờ thì nó không lớn hơn phần nổi của tảng băng trôi, nhưng vào mùa bầu cử tiếp theo, nếu chúng ta nghiêng về cánh tả thì nó sẽ lớn lên. Đó không phải là một tuyên bố chính trị. Ở các nước khác thì những kẻ chống Cơ Đốc nhân ở bên chính trị cánh hữu, nhưng ở nước Anh lại là bên cánh tả, và tôi tin rằng người Anh sẽ có những trận chiến cam go hơn trong tương lai, nhất là về những điều như Đạo luật Phân biệt Giới tính, cả vấn đề đồng tính trong hội thánh và vấn đề trưởng lão nam, nữ. Nó sẽ nằm trong Đạo luật Phân biệt Chủng tộc vì giờ đây, chỉ trích tôn giáo khác, thậm chí nói rằng tôn giáo mình ưu việt hơn bất kỳ tôn giáo nào khác bị coi là phạm luật. Như vậy là Cơ Đốc nhân phải chịu sức ép ngày càng lớn, tuy còn thua xa mức độ bách hại sắp đến khi Phi-e-rơ viết thư này.

Trước giả

Về trước giả, chúng ta biết rất nhiều về ông. Phi-e-rơ là một nhân vật rất được mến mộ, và thư của ông cũng được mến chuộng. Cơ Đốc nhân rất thích nghiên cứu 1 Phi-e-rơ, một bức thư ấm áp, đậm chất người, thực sự chạm đến tấm lòng chúng ta và thật sự dễ hiểu. Anh chị em biết đấy, ông nói cùng Cơ Đốc nhân trong chương đầu rằng *dù chưa thấy Chúa Giê-su, anh em vẫn yêu mến Ngài, và hân hoan trong niềm vui khôn tả.*

Điều đó chạm tới lòng chúng ta, một bức thư hay. Con người bốc đồng mắc bệnh "lở mồm long móng" như chúng ta đã nói trước đây, luôn mở miệng ra và cho chân vào trong đó, nhưng cũng đồng nghĩa với việc đôi khi ông có mở miệng và là người đầu tiên nói những điều tuyệt vời về Chúa Giê-su. Chúng ta còn biết gì về ông nữa? Tên gọi ban đầu của ông là Si-môn hay Si-mê-ôn nghĩa là cây sậy. Thật kỳ lạ khi người ta gọi con mình là cây sậy, gần như gọi chúng là cỏ vậy. Nhưng khi gặp ông, Chúa Giê-su nói *Ta không thích cái tên đó, Ta sẽ đặt cho con một cái tên khác là Đá*. Điều đó cũng nói lên những gì xảy ra với con người bốc đồng này. Khi Chúa Giê-su tìm thấy ông, ông dễ dao động như một cây sậy trước gió, nhưng khi Chúa Giê-su rời đi thì ông là một tảng đá vững chắc. Tôi cho rằng dịp xúc động nhất là sau khi ông chối Ngài ba lần rồi gặp Ngài bên bờ biển Ga-li-lê sau khi Ngài phục sinh. Một số giám mục cần biết rằng Chúa Giê-su đã nướng cá sau khi Ngài phục sinh, như vậy là đủ thực hữu rồi. Chúa Giê-su đã nấu bữa sáng cho các môn đồ, trong đó có Phi-e-rơ. Bỗng dưng, Phi-e-rơ thấy mình đang nhìn vào đống lửa than. Chỉ có hai đống lửa than thực sự được nói đến trong cả Tân Ước. Một là ở sân Thầy Tế lễ Thượng phẩm khi Phi-e-rơ đang hơ tay trên lửa và có một cô bé hỏi: *Ông là bạn của Giê-su kia đúng không?*

- *Không, không.*
- *Nhưng ông nói giọng miền Bắc giống ông ấy.*
- *Ôi, nhiều người nói giọng đó mà.*
- *Nhưng cháu có thấy ông đi với ông ấy.*
- *Ta thề là ta không biết người đó.*

Khi ông nói như vậy thì Chúa Giê-su bị giải qua sân, và Phi-e-rơ tan nát cõi lòng. Giờ đây, ông lại nhìn vào một đống lửa than. Hẳn là tất cả những điều đó lại ùa về. Và Chúa Giê-su nói: *Phi-e-rơ, Ta từng mong con sẽ làm vị mục sư đầu tiên nhưng e là giờ con sẽ chỉ đi phát sách thánh ca thôi.* Có phải Ngài nói thế không? Chúng ta thường nói theo kiểu đó. Không, Ngài nói: *Phi-e-rơ, Ta sẽ thử thách con một năm xem con có tiến bộ không. Sau một năm, chúng ta sẽ cân nhắc lại trường hợp của con và xét lại vị trí của con.* Ngài có nói thế không? Không. Anh chị em biết Ngài nói gì không? Ngài nói: *Phi e-rơ à, Ta có thể sửa trị được con, miễn là Ta biết chắc một điều - Con yêu Ta chăng? Con yêu Ta chăng?* Nên Phi-e-rơ nhấn mạnh điều đó trong thư mình. Ông nói *dù chưa thấy Ngài như tôi nhưng anh chị em vẫn yêu mến Ngài. Đó là điều quan trọng nhất với anh chị em sau này - anh chị em có yêu Ngài chăng?* Anh chị em thấy đó, Chúa Giê-su có thể chịu được anh chị em, giống như bất cứ ai có thể chịu được anh chị em, miễn là họ biết rằng anh chị em yêu họ. Các cặp vợ chồng phát hiện ra những điều xấu nhất của nhau; họ có thể chịu được điều đó, miễn là họ biết chắc lòng nhau. Chúa Giê-su hỏi: *Phi-e-rơ, con yêu Ta chăng?* Ngài hỏi ông ba lần và điều đó đã đặt Phi-e-rơ trở lại tảng đá. Phi-e-rơ già cả đáng mến là người đầu tiên đứng dậy rao giảng.

Tôi làm mười băng ghi âm về cuộc đời Phi-e-rơ nên tôi sẽ để anh chị em nghe hết các cuộn băng đó, vì đây là một trong những nghiên cứu tuyệt vời nhất - cuộc đời của một con người khởi đầu như một cây sậy và kết thúc như một tảng đá. Tin lành theo Mác gần như là Tin lành theo Phi-e-rơ vì Mác lấy mọi thông tin từ Phi-e-rơ, nên trong sách Mác, chúng ta mới thấy mọi điểm yếu của Phi-e-rơ. Phi-e-rơ nói rằng *Mác ạ, nhớ kể cho họ rằng ta đã làm như vậy, ta đã chối Ngài ba lần.* Sách Công vụ, nửa đầu toàn nói về Phi-e-rơ. Thực ra thì chúng ta biết nhiều về Phi-e-rơ hơn gần như mọi Sứ đồ khác, khả năng là trừ Phao-lô. Thậm chí là trong Ga-la-ti, tôi đã kể rằng Phi-e-rơ và Phao-lô có những bất đồng, nên Phi-e-rơ tiếp tục phạm sai lầm, nhưng ông yêu Chúa mình. Nên ông mới trở thành vị Mục sư đầu tiên, không phải là vị Giáo hoàng đầu tiên, vị Mục sư đầu tiên của hội thánh. Cũng xin nói thêm là ông có lấy vợ. Chúa Giê-su đã chữa lành cho mẹ vợ của ông.

Người đọc

Ông đang sống xa nhà và trong 30 năm, ông sống mà biết mình sẽ chết. Ông ở Rô-ma và chuyện này nổ ra ở Rô-ma. Ông đang viết cho các hội thánh mà ông có mối liên hệ cá nhân tại phía bắc Thổ Nhĩ Kỳ và nói: *Hãy sẵn sàng.* Thực ra có có những người từ vùng đó dự Lễ Ngũ tuần trong Công vụ chương 2. Có những người từ chính vùng này, nên có thể là mọi thứ đã bắt đầu từ đây. Một số người từ vùng này nghe bài giảng đầu tiên của Phi-e-rơ, đáp ứng, được báp-tem và được đầy dẫy Thánh Linh, trở về nhà và sau đó đề nghị Phi-e-rơ rằng: *Chúng tôi đến với Đấng Christ qua ông, xin hãy đến thăm chúng tôi.* Có lẽ sự tình là như vậy, tôi không biết.

Nhưng ông đặt cho họ một danh hiệu Do Thái và chắc hẳn lúc bấy giờ có nhiều dân ngoại giữa vòng họ, nhưng ông vẫn đặt cho họ một danh hiệu Do Thái, cũng là Những người tản lạc, gửi tới Những người tản lạc; vì danh hiệu đó là một trong những thứ du nhập từ Y-sơ-ra-ên vào hội thánh, cũng giống như một số danh hiệu trong chương 2 của thư này. Anh chị em là dân tộc thánh, là chức tế lễ hoàng gia. Đó là những danh hiệu của Y-sơ-ra-ên từ sách Xuất Ê-díp-tô Ký, và Phi-e-rơ đang áp dụng những danh hiệu đó của Y-sơ-ra-ên với hội thánh. Cũng như người Do Thái là một dân tản lạc - họ đang ở khắp thế giới, Cơ Đốc nhân cũng là một dân tản lạc và chúng ta là những kẻ lạc loài. Ông gọi họ là người ngoại kiều và khách lạ. Đó là một trong những vấn đề khi anh chị em trở thành Cơ Đốc nhân, anh chị em trở thành kẻ lạc loài.

Tôi không thể chịu được những lời chứng thế này: *Tôi đến với Chúa Giê-su và mọi rắc rối của tôi chấm dứt*. Tôi không tin chúng từ đầu luôn, chúng quá là lệch lạc. Lời chứng của tôi thì đơn giản hơn: *Tôi đến với Chúa Giê-su năm 17 tuổi và những rắc rối của tôi bắt đầu. Vài năm sau, tôi được đầy dẫy Thánh Linh và rắc rối của tôi trở nên tệ hơn nhiều*. Thi thoảng người ta hỏi tôi rằng *bằng chứng của việc đầy dẫy Thánh Linh là gì*. Tôi luôn đáp là *chỉ một từ thôi, rắc rối*. Lý do khiến anh chị em gặp rắc rối là đây: Một trong những tác động tức thì của đầy dẫy Đức Thánh Linh là anh chị em có sự dạn dĩ trong lời nói, một điều thậm chí còn được nhắc nhiều trong Công vụ hơn cả tiếng lạ. Tiếng Hy Lạp là parasia, tức là trở nên dạn dĩ để lên tiếng, đó không phải là cách lấy lòng bạn bè và ảnh hưởng đến người ta.

Đó là cách làm mất bạn bè và ảnh hưởng đến người ta, đó là điều các sứ đồ thời đầu đã làm. Sự dạn dĩ thánh. Chúng ta trở nên kẻ lạc loài, và một trong những bằng chứng cho thấy chúng ta được sinh lại là khiếu hài hước của chúng ta thay đổi, không còn thấy một số điều buồn cười nữa, nhưng lại thấy một số điều mới rất buồn cười; khiếu hài hước của chúng ta thay đổi. Và chúng ta thấy ngày càng khó trò chuyện với những người mà mình biết trước đó, vì giờ đây chúng ta đang sống trong một thế giới khác, người ta không hiểu được. Khó hơn nữa là khi người vợ hoặc người chồng được cải đạo trước người phối ngẫu của họ, hai người sống trong hai thế giới khác nhau và họ không thể chia sẻ quá nhiều, và Chúa không bao giờ muốn như vậy.

Nên tín đồ bị cấm kết hôn với người vô tín, vì cớ sự căng thẳng đó, vì có cả một khía cạnh mà họ không thể chia sẻ được. Một trong những gia đình bất hạnh nhất là gia đình có cái ách không thăng bằng giữa vợ và chồng. Chúng ta là kẻ lạc loài, không còn thuộc về nơi đây nữa. Thực ra chúng ta thuộc về một nơi khác, tuy chúng ta sẽ dành những năm tháng còn lại để ở đây, trên thế giới này nhưng chúng ta không còn thuộc về nó nữa. Thực ra chúng ta thuộc một loài mới, không còn là homo sapiens nữa mà là homo novus. Chúng ta là "con người mới," không còn ở trong A-đam nữa mà ở trong Đấng Christ. Có một loài người mới trên trái đất.

A. SALVATION

1. INDIVIDUAL – *the word of God*
   A living hope · A tested faith · A joyful love
2. CORPORATE – *the people of God*
   A spiritual house · A royal priesthood · A holy nation

B. SUFFERING

1. NOT DESERVED Right, not wrong
2. NOT REVENGED Good, not evil
3. NOT SUCCESSFUL Spirit, not body

C. SUBMISSION

1. SUBJECTS To rulers (national and local)
2. SLAVES To masters (even harsh)
3. WIVES To husbands (especially unbelievers)
4. YOUNGER To elders (who serve, not lord)

Sự chịu khổ - chủ đề chính của thư

Rồi, vì chúng ta là kẻ lạc loài nên mọi kẻ lạc loài đều phải chịu khổ. Hồi còn làm ở trang trại, chúng tôi từng nuôi những đàn lợn nhiều con nhưng luôn có một con gọi là con còi đẹn, một con lợn bé khác với những con khác, và tất cả những con khác đối xử với chúng rất tệ. Tôi e rằng xã hội loài người mà không có Đấng Christ thì không khác gì rừng rú. Chúng ta là những "con vượn trần truồng," chỉ có điều là loài vượn không cư xử tệ như loài người. Tôi có thể tin rằng chúng ta là bậc thấp hơn chứ không phải bắt nguồn từ chúng, rằng chúng ta là loài thấp kém hơn loài vượn vì lũ vượn không đối xử với nhau như cách chúng ta đối xử với nhau. Bọn trẻ con ở trường quá là ác nghiệt, quá là tàn nhẫn với một đứa nào đó khác biệt. Đó thật sự là một bằng chứng về nguyên tội.

Nên Cơ Đốc nhân sẽ gặp rắc rối. Chúa Giê-su rất thành thật - Ngài nói *trong thế gian, các con sẽ gặp rắc rối lớn,* nhưng Ngài nói *hãy vững lòng hay hãy vui lên, Ta đã vượt trên nó rồi.* Gần đây tôi có hỏi một cậu bạn rằng: *Cậu dạo này thế nào?* Cậu ấy đáp: *Tớ vẫn rất ổn, chấp hết mọi chuyện.* Tôi nghĩ bụng: chỉ có Cơ Đốc nhân mới có thể nói chuyện kiểu như thế. Chúa Giê-su chấp hết mọi chuyện. *Hãy vui mừng lên, Ta đã thắng thế gian rồi, Ta đã vượt trên nó rồi, các con ở trong Ta nên chúng ta cùng vượt trên nó*. Nhưng Ngài luôn hứa cho chúng ta rắc rối lớn. Hãy để ý rằng khi Phao-lô trở lại các hội thánh Ga-la-ti phía nam, ông đã trở lại để giảng sứ điệp này cho các tín đồ: "chúng ta phải trải qua nhiều nỗi gian lao mới vào được vương quốc Đức Chúa Trời," trải qua rắc rối lớn. Hãy nói thật, hãy hứa với người ta rằng: *Khi đến với Chúa Giê-su thì anh sẽ gặp rắc rối, nhưng hãy vui mừng lên, Ngài đã vượt trên nó rồi.* Đó là tin lành thật và chúng ta phải thành thật với người ta.

Một số người trong đây hỏi là tôi lấy mẩu chuyện về Gia-cơ ở đâu ra. Tôi không lấy chuyện đó từ Tân Ước. Có nhiều tài liệu khác trong hội thánh thời đầu, những tài liệu đáng tin cậy. Chúng đã được tập hợp lại. Một trong những tuyển tập nổi tiếng nhất có tên là Các Tài liệu của Hội thánh Cơ Đốc của Henry Bettinson, chúng rất thú vị. Chúng không phải Lời Chúa, không có thẩm quyền Sứ đồ, nhưng chúng cho chúng ta cái nhìn sâu sắc về tình trạng của hội thánh thời đầu. Có một tài liệu vào khoảng cuối thế kỷ thứ nhất gọi là Thư gửi Diagnetus, trong đó có một phân đoạn cực kỳ cảm động. Đó là một lời kêu gọi, một bức thư bênh vực Cơ Đốc nhân trước nhà chức trách, miêu tả bản chất của Cơ Đốc nhân để thể hiện rằng *chúng tôi không phạm tội như những công dân xấu xa, chúng tôi không bất trung, chúng tôi là những công dân tốt*. Nhưng đây là phân đoạn mà tôi đặc biệt ấn tượng; nó được trích dẫn khắp nơi. Một đoạn miêu tả hay về cách chúng ta ở trong thế gian chứ không thuộc về nó. Thư này viết như sau:

"Cơ Đốc nhân không tách biệt với phần nhân loại còn lại về đất nước, phong tục hay cách nói năng. Họ cư ngụ trong những thành phố, cả ở Hy Lạp lẫn mọi rợ, tùy vào số phận của mỗi người, theo phong tục ăn mặc và những thứ bề ngoài của cuộc sống nói chung trong vùng ấy. Nhưng họ biểu lộ đặc tính trái ngược của chính đất nước mình một cách tuyệt vời và công khai. Họ sống tại nơi chôn rau cắt rốn, nhưng như những người tạm cư trong đó. Họ nhận lấy mọi trách nhiệm của công dân nhưng lại chịu mọi thiệt thòi của khách lạ. Mọi đất ngoại quốc đều là đất bản xứ của họ và mọi đất bản xứ đều là đất ngoại quốc của họ. Họ trải qua những năm tháng sống trên đất, nhưng quyền công dân của họ ở trên Thiên đàng."

Một mô tả thật đẹp đúng không ạ? Như vậy là mọi miền đất đều là đất bản xứ; các giáo sĩ đã đi khắp nơi và thích nghi với những phong tục tập quán, cách ăn, nết mặc, lời ăn tiếng nói của miền đất đó, nhưng đó là một miền đất ngoại quốc. Ngay cả khi chúng ta ở trong miền đất nơi mình sinh ra thì

giờ đây, chúng ta cũng là một người ngoại quốc, chúng ta thuộc về một nơi khác. Đó là hoàn cảnh dẫn đến sự chịu khổ. Chúng ta khác biệt, chúng ta là kẻ lạc loài. Lúc hòa bình, thịnh vượng thì không sao, nhưng khi tình hình căng thẳng, khi khủng hoảng đến thì những kẻ lạc loài phải chịu trận trước. Chẳng hạn như bây giờ, nước Đức có tỉ lệ thất nghiệp cao, tới 50% ở phía đông, ai phải chịu trận đây? Người Thổ Nhĩ Kỳ, ngoại kiều, những công nhân từ nơi khác đến, được chào đón khi nước Đức thịnh vượng và có công việc cho mọi người, nhưng giờ lại có sức ép, thấy không ạ? Nên khi có rắc rối, Cơ Đốc nhân có thể phải chịu đựng nhiều hơn bình thường vì chúng ta không thuộc về đây, chúng ta khác biệt, chúng ta không nhập vào đám đông, không nhập hội. Đó là chủ đề cơ bản đằng sau, sự chịu khổ là trọng tâm của bức thư này. Nếu gạch chân từ chịu khổ trong cả thư thì anh chị em sẽ nhận ra rằng đó là chủ đề chính của 1 Phi-e-rơ.

Nhưng ông có hai chủ đề khác, một là sự cứu rỗi và ông nhắc họ nhớ đến sự cứu rỗi, nền tảng cho thái độ của họ với sự chịu khổ. Rồi khía cạnh thực tế của thư Phi-e-rơ là cách đối phó với sự chịu khổ, và lời khuyên lạ lùng nhất là hãy học cách cam chịu hay thuận phục nó. Đừng chống lại. Đừng cố gắng ăn miếng trả miếng, hãy chấp nhận nó. Đó là một lời khuyên khác thường và ông áp dụng từ thuận phục này trong một số khía cạnh. Đó không phải là sự thuận phục mù quáng, rồi chúng ta sẽ thấy, mà là học lấy tinh thần thuận phục. Một trong những điều khiến thế gian sửng sốt là khi người Do Thái bị chở đến các trại diệt chủng, họ đã lặng lẽ bước vào phòng thiêu như thế nào. Họ đã thuận phục như thế nào. Đó là một thực tế đáng kinh ngạc vì họ đã biết điều gì sắp xảy đến với mình. Phi-e-rơ muốn nói rằng anh chị em phải có thái độ như vậy.

Hẳn là điều này hoàn toàn đi ngược lại mọi bản năng của con người đúng không? Rất trái ngược với cách chúng ta thường phản ứng với sự bất công, vì thông thường, khi có điều gì đó không công bằng, chúng ta sẽ nói như vậy. Một trong những câu đầu tiên mà lũ trẻ biết nói là: “Không công bằng tí nào!.” Mặt chúng cau lại khi nói như vậy. Chúng ta thấy những nét mặt hệt như vậy trên hàng rào bãi công bên ngoài một nhà máy nào đó đúng không? Cùng một bất công như vậy. Phản ứng của xác thịt với sự bất công và chịu khổ không phải lẽ là cái (nắm đấm) này. Nó là bàn tay nắm chặt, để bảo vệ quyền lợi của mình.

Nhưng điều Phi-e-rơ muốn nói là trong Vương quốc, anh chị em không có quyền gì. Cơ Đốc nhân cần chuẩn bị cho sự chịu khổ bằng cách học nhượng bộ, học chấp nhận nó. Một lời khuyên lạ lùng. Toàn bộ bản năng của chúng ta nói rằng *mình không nên làm như thế, mình phải chống trả nó, cố gắng ngăn nó lại, chặn nó lại, như vậy là bất công, mình không việc gì phải chịu đựng việc này vì mình vô tội*. Nhưng Phi-e-rơ luôn luôn nói rằng *đó là thái độ sai trái*, và ông đã minh họa điều này một cách hoàn hảo khi chính ông bị đóng đinh. Ông không chống lại mà chỉ nói *làm ơn đóng đinh tôi ngược lại*. Ông đã sống theo những gì mình đã nói.

Sự cứu rỗi trên phương diện cá nhân

Hãy lướt qua 1 Phi-e-rơ và làm quen với thư. Cả thư đều xoay quanh ba chủ đề này. Ông có chuyển từ sự cứu rỗi sang chịu khổ và thuận phục, nhưng ba điều này lại đan cài vào nhau hơn thế. Chúng là ba chủ đề xuyên suốt, nhưng trong hai chương đầu, ông tập trung vào sự cứu rỗi, mặc dù ông cảnh báo họ rằng làm vậy là để họ sẵn sàng cho sự chịu khổ. Điều đầu tiên chúng ta cần thực sự chắc chắn khi mọi thứ trở nên khó khăn là chắc chắn về sự cứu rỗi của mình. Nếu không chắc chắn về điều đó thì ôi thôi, anh chị em sẽ gặp rắc rối vì đó là nền tảng vững chắc.

Sau đó, ông nói rằng có hai phương diện của sự cứu rỗi mà ngay bây giờ anh chị em phải thật chắc chắn. Một là phương diện cá nhân và hai là phương diện tập thể, cả hai đều là một phần trong việc được cứu. Cá nhân chúng ta được cứu nhưng chúng ta được cứu vào một gia đình. Gia đình đó sẽ chống đỡ cho anh chị em khi có sức ép. Anh chị em sẽ không thể tự mình xoay sở; anh chị em cần dự phần vào một hội thánh sẽ kề vai sát cánh với nhau.

Nhưng phương diện cá nhân đến qua Lời Chúa và ông nói rằng chính qua Lời Chúa, anh chị em được sinh lại. Lời của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ qua đi. Chính qua Lời Chúa mà anh chị em tìm thấy sự cứu rỗi mình và điều đó cho anh chị em ba điều. Chắc chắn là anh chị em biết là ở cuối 1 Cô-rinh-tô 13, Phao-lô nói rằng *nên bây giờ còn có đức tin, hy vọng, tình yêu thương*; nhưng bộ ba đức tính Cơ Đốc đó xuất hiện xuyên suốt Kinh Thánh. Tất cả đều dùng đến chúng. Đức tin chủ yếu liên hệ chúng ta đến những gì Chúa đã làm trong quá khứ. Hy vọng liên hệ chúng ta đến những gì Ngài sẽ làm trong tương lai, và tình yêu thương liên hệ chúng ta đến những gì Ngài đang làm trong hiện tại. Nhưng đức tin, hy vọng và tình yêu thương là ba chiều kích của sự cứu rỗi cá nhân của chúng ta.

Vấn đề là ngày nay, còn có hy vọng, đức tin và tình yêu thương, nhưng điều bị ngó lơ hơn cả là hy vọng. Đó là một bi kịch, nên tôi mới làm video Những Sự thật Cuối cùng, vì khi đi quanh nước Anh, tôi thấy là người ta không nói về tương lai, toàn nói về Vương quốc hiện tại. Tất cả đều là ngay lúc này, tất cả đều là cách sống trong Vương quốc ngay trong hiện tại, cách kết hôn và làm kinh doanh trong Vương quốc ngay trong hiện tại. Có rất ít bài nói chuyện về thiên đàng, địa ngục, sự tái lâm của Đấng Christ và Ngày Phán xét trong nhiều hội thánh mới, nên chúng tôi mới làm video đó để cố gắng khôi phục lại chiều kích hy vọng này.

Vì hy vọng là cái neo - đó là biểu tượng của hy vọng, một cái neo giữ lấy anh chị em khi bão tố đến. Khi biết mọi thứ sẽ kết thúc như thế nào thì anh chị em sẽ được vững vàng trong cơn khủng hoảng. Khi bão tố ập đến, nếu cái neo của chúng ta đã thả xuống và hy vọng đã chắc chắn, cộng với việc biết rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại vì mình thì chúng ta có thể đương đầu với mọi thứ. Nhưng chúng ta đã quá tập trung vào đức tin và tình yêu thương đến nỗi không dạy cho người ta cách hy vọng, và 1 Phi-e-rơ là bức thư của hy vọng. Ông tập trung vào hy vọng ở cả hai thư hơn là đức tin và tình yêu thương. Nhưng ông nói thế này: *Đức Chúa Trời đã ban cho anh chị em niềm hy vọng sống bởi sự sống lại từ kẻ chết, ngay cả khi chúng giết anh chị em thì sự chết sẽ không động đến anh chị em. Anh chị em có hy vọng sống cho tương lai và hy vọng về một thân thể mới, một sự sống mới sau khi xuống mồ.* Anh chị em có thể đối mặt với cái chết khi biết điều đó.

Cậu bạn của tôi ở Sydney, Úc bị một tên cướp chĩa dao vào người, hắn ta sắp đâm con dao vào ngực cậu ấy nếu cậu không đưa hết tiền cho hắn. Bạn tôi chỉ nói: *Cậu làm sao dọa được tôi!*

- *Sao lại không?*
- *Vì nếu cậu đâm con dao đó vào người tôi thì chỉ giúp tôi lên thiên đàng nhanh hơn thôi, tôi đang mong được lên đó đây.*

Và cậu ấy nói thật. Tên cướp buông con dao xuống và cậu bạn tôi đưa hắn đến với Chúa. Một phản ứng thật sự bản năng. Nhưng anh chị em thấy đó, hy vọng của cậu ấy quá chắc chắn. Một người khác mà tôi biết, một anh hiệu trưởng người Giám lý - có tên trộm đột nhập vào nhà và chĩa súng vào người anh khi anh đang nghiên cứu, qua cái bàn làm việc. Anh đó chỉ nói: *Cái gì đã khiến anh ra nông nỗi này hả anh bạn?* Anh ấy chỉ quan tâm đến tên trộm, và anh lại đưa hắn đến với Chúa. Khi

hy vọng của chúng ta đã chắc chắn...cái này quả là một thách thức đúng không? Khi hy vọng của chúng ta đã chắc chắn thì cái chết cũng không...chúng chỉ giúp anh chị em mau đến với sự hiện diện của Chúa thôi.

Nhưng để cho quân bình thì tôi phải kể cho anh chị em nghe về Herbert Silverwood. Có ai nghe đến cái tên đó chưa? Một diễn viên hài trở thành nhà truyền đạo. Cậu từng đến thị trấn Yarmouth của Anh và cậu từng giảng trên lối đi dạo bên bờ biển. Anh cũng biết cậu ấy à? Một ngày nọ, người ta thuyết phục cậu đi bơi dưới nước và cậu ấy ghét bơi lắm, nhưng cậu ấy mặc cái quần soóc cũ mèm hay một cái quần rất dị. Người ta dẫn cậu đi, cậu ấy không bơi được. Nhưng biển khá dốc mà người ta không nhận ra. Cậu ấy trượt xuống sâu và khua tay loạn xạ rồi kêu cứu. Nhân viên cứu hộ lôi cậu lên và hô hấp nhân tạo cho cậu. Cậu nhân viên cứu hộ nói: *Ông Silverwood ạ, tôi không hiểu được ông. Tôi nghe ông giảng về thiên đàng cả tuần nay, ông bảo ông mong được lên đó quá chừng; nay mới có cơ hội được lên mà ông kêu tôi kéo ông lại.* Herbert Silverwood không hổ danh là diễn viên hài, cậu ấy chỉ nhìn xuống quần rồi nói: *Mặc thế này thì đi sao được?*

Nhưng ai biết Herbert Silverwood thì sẽ biết ông mong được lên thật. Anh chị em có biết khác biệt thật sự giữa Cơ Đốc nhân có và không có hy vọng cho tương lai là gì không? Cơ Đốc nhân không có hy vọng sẵn sàng lìa đời và về với Đấng Christ nhưng muốn ở lại đây, còn Cơ Đốc nhân có hy vọng muốn đi nhưng sẵn sàng ở lại. Hiểu không ạ? Còn nhớ trong bức thư cuối cùng tôi viết cho Đa-vít Watson, tôi chỉ chia sẻ như vậy với cậu ấy, và nó đã tạo khác biệt khá lớn với cậu. Cậu nhắc đến nó trong cuốn tự truyện ngắn mang tên Chẳng sợ Sự dữ (Fear No Evil). Tôi viết là *Đa-vít, cậu sẵn sàng đi nhưng muốn ở, hay muốn đi nhưng sẵn sàng ở lại?* Và Phao-lô nói: *Tôi muốn đi, nhưng nếu Ngài muốn tôi ở lại đây thêm một thời gian nữa thì tôi sẵn sàng ở lại.* Một sự khác biệt khá lớn đúng không? Đó là lý do tại sao người đàn ông ở Beaconsfied lại nói rằng *hãy đến xem một Cơ Đốc nhân qua đời thế nào*. Hăm hở lìa đời.

Đó là hy vọng, và Ngài đã tái sinh chúng ta để có hy vọng sống, nhờ sự sống lại của Chúa Giê-su từ cõi chết. Ngài cũng ban cho chúng ta một đức tin được thử nghiệm. Ông nói: *Đừng lo, đức tin anh chị em giống như vàng vậy, nhưng vàng luôn được tinh luyện nhờ thử lửa. L*ửa thử vàng và khiến nó trở nên tinh khiết hơn. Vào thời xưa, khi tinh luyện vàng, người ta làm trong một cái thùng to và cứ khuấy vàng trên lò lửa cho đến khi thấy mặt mình phản chiếu rõ ràng trong đó thì dừng lại. Đức tin anh chị em sẽ trải qua điều đó, được thử nghiệm. Chúng ta có một tình yêu đầy vui mừng. Dù chúng ta chưa thấy Ngài, chúng ta vẫn yêu mến Ngài và đầy niềm vui khôn tả.

Sự cứu rỗi trên phương diện tập thể

Ai có được điều đó là có một nửa sự cứu rỗi, còn một nửa khác nữa. Đó là nửa tập thể, rằng chúng ta là một phần trong dân sự Chúa. Qua Lời Chúa, chúng ta tìm thấy sự cứu rỗi cá nhân cho chính mình, nhưng điều đó cũng đưa chúng ta đến với dân Chúa. Dân của Đức Chúa Trời là một điều quan trọng với Phi-e-rơ; ông lấy điều này làm nền tảng trước khi nói về sự chịu khổ. Ông nói: *Anh chị em phải làm hai điều này cho đúng, chính anh chị em phải có đức tin, hy vọng, tình yêu thương và anh chị em cần phải dự phần vào chức tế lễ hoàng gia, dân tộc thánh, dân của Đức Chúa Trời. Anh chị em là đền thờ sống. Đấng Christ là đá góc nhà và anh chị em là những hòn đá sống.* Anh chị em là đền thờ của Đức Chúa Trời, anh chị em cần nhớ điều đó, rằng hết thảy Cơ Đốc nhân là nơi cư ngụ của Chúa trên đất, là đền thánh Ngài. Ai động đến chúng ta là động đến đền thánh Chúa. Chúng ta là chức tế lễ hoàng gia, chúng ta đều là thầy tế lễ. Tôi nhớ là mình đã giảng một bài về chức tế lễ của mọi tín đồ tại một hội thảo ở Zurich, Thụy Sĩ. Một người đã lên gặp tôi sau giờ và nói: *Ôi, bài giảng*

thật tuyệt vời! Trước đây tôi chưa từng nghe đến điều này. Tôi hỏi: *Anh theo bên nào?* À không, ở đấy có nhiều người Công giáo, tôi hỏi: *Anh có phải là thầy tế không?*

- *Không, tôi là giáo dân.*
- *Anh có phải là thầy tế không?*
- *Tôi đã bảo tôi là giáo dân mà.*
- *Anh có phải là thầy tế không?*
- *Không, không, tôi đã bảo tôi là giáo dân mà.*
- *Anh có phải là thầy tế không?*

Anh ta bắt đầu đỏ mặt, bắt đầu lúng túng. Chắc anh ta nghĩ tôi bị điên, bị điếc hay gì đó. Tôi hỏi anh ta năm lần. Rồi bỗng nhiên anh ta cười và nói: *Vâng, đúng rồi.* Tôi nói: *Giờ thì tôi tin là anh đã nghe tôi giảng.* Vì anh chị em biết đó, người ta cảm ơn anh chị em vì bài giảng nhưng chưa chắc họ đã nghe ra hoặc tiếp nhận nó. Tôi hỏi: *Từ giờ, mỗi khi người ta hỏi anh có phải là thầy tế không thì anh sẽ nói thế nào?* Anh ta đáp: *Đúng vậy.* Tôi nghĩ bụng: *Người này đã hiểu ra, giờ đây anh ta đã dự phần vào chức tế lễ hoàng gia.* Hãy nhớ rằng đối với những người bắt bớ anh chị em thì anh chị em là một thầy tế lễ, anh chị em là người có thể đến với Đức Chúa Trời thay cho họ, và đem lời từ Chúa đến với họ. Anh chị em là thầy tế lễ của họ; ngay cả khi họ ném đá anh chị em, hay lăng mạ anh chị em thì anh chị em vẫn là thầy tế lễ của họ. Thầy tế lễ duy nhất giữa họ và Đức Chúa Trời mà họ có thể có, và chúng ta là một dân thánh, chúng ta đặc biệt. Điều đó giúp anh chị em đứng vững khi người ta chế nhạo anh chị em rằng: *Ôi dào, mày chỉ là thiểu số thôi*. Anh chị em là một dân đặc biệt, một dân tộc thánh. Đó là nền tảng mà ông thiết lập. Ông nói: *Anh chị em sẵn sàng đương đầu với đau khổ khi đã có điều đó*, nhưng phải có nền tảng đúng. Hãy đảm bảo rằng anh chị em có phương diện cá nhân của nền tảng - tức đức tin, hy vọng và tình yêu thương - cùng phương diện tập thể rằng anh chị em thuộc về dân này và biết điều đó, rằng anh chị em là hòn đá sống và là thầy tế lễ, là một phần của dân tộc mới và thánh mà Đức Chúa Trời đang triệu tập từ đất này. Từ đó thì anh chị em sẵn sàng đương đầu với sự chịu khổ.

Phi-e-rơ nói ba điều về nó. Một là đừng bao giờ làm gì để đáng phải chịu khổ. Nếu anh chị em vào tù vì phạm tội thì đừng nghĩ rằng anh chị em đang chịu khổ vì Chúa Giê-su. Một ý rất quan trọng. Thường thì anh chị em biết đấy, chúng ta xúc phạm người ta bằng cách cư xử hoặc sự vụng về của mình, rồi chúng ta lại nói: *Tất nhiên, đó là sự xúc phạm của Tin lành.* Làm gì có chuyện đó. Phải làm sao để sự xúc phạm duy nhất là sự xúc phạm của Tin lành. Hãy đảm bảo rằng nếu anh chị em có vào tù thì cũng không phải do anh chị em làm điều sai quấy. Thật xấu hổ khi Cơ Đốc nhân phải chịu khổ vì làm điều sai trái. Ông nói hãy chịu khổ vì làm đúng chứ không phải làm sai. Đừng bao giờ làm gì đáng phải chịu khổ. Đó là một ý quan trọng. Rồi ông nói điều thứ hai khi chịu khổ là anh chị em đừng trả thù. Đừng bao giờ ăn miếng trả miếng. Bản năng con người là đánh trả. Có người nói với tôi rằng khi anh ta đọc Bài giảng trên Núi, trong đó có nói *hãy đưa luôn má bên kia*. Anh ta bảo: *Tôi sẽ đưa luôn má bên kia và lên gối thật mạnh.* Đó là bản năng của chúng ta đúng không? Ai sỉ nhục tôi thì tôi không thèm nói chuyện với người đó nữa. Ai làm tôi đau thì tôi sẽ chờ thời cơ làm gì đó để trả đũa. Đó là bản năng, trả thù là bản năng đánh lại. Phi-e-rơ nói: *Đừng bao giờ làm vậy.* Khi Chúa Giê-su chịu khổ, Ngài không báo trả. Khi họ nhổ vào mặt Ngài. Có lần tôi nói chuyện với một thành viên trong hội thánh bị thành viên khác xúc phạm một cách nặng nề vì việc gì đó, chuyện như cơm bữa ấy mà! Người này bảo tôi là *anh ta làm thế này, anh ta nói thế kia*; xong lại đến người kia. Tôi hỏi: *Thế anh ấy có nhổ vào mặt anh không? - Tất nhiên là không rồi?*

Tôi nói: Người ta đã nhổ vào Chúa Giê-su và nước bọt chảy xuống mặt Ngài. Họ đã khiến Ngài phải chịu khổ một cách không cần thiết. Anh chị em biết đấy, trước khi giết một con chiên trong Cựu Ước, người ta không tra tấn nó. Người ta cắt cổ nó một cách gọn lẹ. Nhưng khi Chiên con của Đức Chúa Trời bị giết, người ta đã cười nhạo, đã găm những cái gai vào trán Ngài, thay đồ của Ngài, nhổ vào mặt Ngài. Ngài đã phản ứng thế nào? "Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết mình làm điều gì." Phi-e-rơ nói rằng *đừng bao giờ nghĩ đến việc phải ăn miếng trả miếng ra làm sao. Hãy lấy thiện trả ác, hãy làm lành chứ đừng làm ác với họ; hãy chúc phước cho họ*. Ông nói *hãy chúc phước cho họ*. Đó chính là điều Chúa Giê-su nói: *hãy chúc phước cho kẻ rủa sả mình.*

Đó là cách tốt nhất để đáp trả. Làm vậy là chất than lửa hồng trên đầu họ - chúc phước cho kẻ rủa sả mình. Có cậu thanh niên đi lính và đêm đầu tiên, cậu quỳ xuống bên giường ngủ trong doanh trại và cầu nguyện. Viên trung sĩ nằm bên giường đối diện nhìn thấy cậu và ném giày của mình vào người cậu, chiếc giày cứa vào tai cậu. Cái giày nặng lắm, mấy cái đinh trên giày cứa qua tai cậu này, thế mà cậu vẫn cứ cầu nguyện. Thế là viên trung sĩ ném nốt chiếc kia và nó lại cứa vào người cậu. Nhưng cậu vẫn cứ cầu nguyện nên viên trung sĩ bỏ cuộc. Sáng hôm sau, những chiếc giày đó đã được xếp dưới chân giường viên trung sĩ, bóng loáng. Viên trung sĩ nói: *Mình phải tìm hiểu xem điều gì khiến cậu ta làm như vậy*. Phi-e-rơ là thế. Ông nói: *Đừng trả thù.* Điều thứ ba và cuối cùng, ấy là đừng để nó hạ gục anh chị em. Họ cố gắng làm anh chị em nhụt chí, đừng để nó thành công. Nó có thể làm tổn hại đến thân thể anh chị em, nhưng không thể động đến tâm linh anh chị em, thân thể và tâm linh là những từ khóa ở ý đó.

Những gì xảy đến với thân thể anh chị em không thực sự quan trọng; những gì xảy đến với tâm linh anh chị em mới thành vấn đề. Đừng để họ xuyên thấu tâm linh anh chị em. Họ có thể làm bất cứ điều gì với thân thể anh chị em, nhưng hãy giữ cho tâm linh anh chị em được toàn vẹn. Hết thời gian rồi, chúng ta sẽ xét đến phần thứ ba trong bài nói chuyện sau.

THƯ 1 & 2 PHI-E-RƠ - Phần 2

Sự thuận phục - 1 Phi-e-rơ

Chúng ta đang tìm hiểu ba chủ đề chính của 1 Phi-e-rơ và trong bài nói chuyện trước, chúng ta đã xét đến sự cứu rỗi mà mình cần có như một nền tảng vững chắc khi sức ép đến. Chúng ta đã xét đến sự chịu khổ và cách xử lý nó; nhưng bất ngờ ở chỗ, thư nhấn mạnh vào sự thuận phục, học nhượng bộ, học chấp nhận những gì xảy đến. Nhưng không chỉ trong mối liên hệ với sự chịu khổ mà Phi-e-rơ nhấn mạnh điều này. Ông nói *trước hết, hãy học thuận phục các bậc cầm quyền, những người nắm quyền trong vùng. Anh chị em là công dân, là thần dân nên hãy tôn trọng hoàng đế, cầu nguyện cho vua, cho các tổng đốc, dù là ở trung ương hay địa phương*. Cơ Đốc nhân có bổn phận trở thành những công dân tuân thủ luật pháp và người ta cần biết đến chúng ta như vậy, như những người vui vẻ nộp thuế thân vì nhờ đó mà Chúa Giê-su được sinh ra tại Bết-lê-hem.

Nhưng cũng bởi vì chúng ta đang trả cho những gì mình nhận được và chúng ta vui vẻ làm điều này. Cơ Đốc nhân không nên phàn nàn về thuế má. Chúng ta tôn trọng các bậc cầm quyền, cần cầu nguyện cho họ và chúng ta cần được biết đến như những thần dân trung thành. Như vậy không có nghĩa là bảo gì thì làm đó. Có giới hạn cho sự vâng phục các nhà chức trách; chính Phi-e-rơ đã từng nói rằng *phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời loài người* khi các bậc cầm quyền bảo ông ngừng rao giảng về Chúa Giê-su trên đường phố.

Và ông nói: *Chúng ta phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời loài người*. Như vậy là có giới hạn cho sự vâng phục và giới hạn đó có hiệu lực khi nhà cầm quyền bảo chúng ta làm bất cứ điều gì vô đạo đức hay trái luật, đi ngược lại với luật pháp Chúa. Như vậy là có những giới hạn. Nhưng Cơ Đốc nhân phải là một thần dân trung thành, không bị ai bắt vì nổi loạn hay gây sự với các nhà chức trách. Anh chị em thấy đó, đây là một trong những nguồn gây đau khổ đầu tiên - từ các bậc cầm quyền.

Nguồn khác khiến Cơ Đốc nhân thời đầu làm nô lệ phải chịu khổ là từ những người chủ vô tín của họ. Họ ở vào một cái thế rất khó xử, vì nô lệ hoàn toàn là tài sản của người chủ. Họ không có tiền của riêng mình, không có thời gian cho riêng mình, không có quyền gì cả. Nhiều người chủ đối xử với nô lệ một cách đáng ghê tởm và khi nô lệ trở thành Cơ Đốc nhân, người chủ càng xử tệ với họ hơn vì nghĩ rằng họ đang nghĩ cao quá lẽ về chính mình và phải bị hạ xuống. Ông nói: *Nô lệ hãy thuận phục chủ mình, học cách nhượng bộ, đừng chống lại điều đó, đừng hung hăng hay oán giận, thậm chí là những người chủ khó tính chứ không chỉ là những người tốt bụng*. Một số người tin vào sự vâng phục với điều kiện là họ chỉ vâng phục người tốt, nhưng ông nói: *Không, thậm chí cả những người chủ cay nghiệt nữa.*

Thứ ba, một nguồn khác khiến những Cơ Đốc nhân làm vợ phải chịu nhiều đau khổ là người chồng chưa cải đạo của họ. Đó là một hoàn cảnh rất khó xử và làm người ta đau cả đầu. Những người vợ hãy thuận phục chồng mình, kể cả những người chồng chưa tin Chúa. Thực ra là Phi-e-rơ đưa ra lời khuyên tuyệt vời về cách cảm hóa người chồng chưa cải đạo cho Đấng Christ và nó hoàn toàn trái ngược với xu hướng tự nhiên của chúng ta. Khi vợ được cải đạo trước chồng, cô ấy nghĩ rằng mình phải làm hai điều, một là giảng cho anh ta, hai là cầu nguyện cho anh ta. Thích hơn nữa là cầu nguyện cùng tất cả những bà vợ đã cải đạo cho những ông chồng chưa cải đạo.

Phi-e-rơ không nói cả hai điều đó. Thực ra là ông nói rằng giảng cho chồng là hành động tệ nhất, rằng phải cảm hóa chồng mà không dùng đến lời nói. Nhưng nhiều người vợ Cơ Đốc đi hội thánh về lại nói: *Lẽ ra là tối nay anh nên đến hội thánh, vị mục sư hôm nay có thể nói hết về cuộc đời anh luôn.* Hầu hết các bà vợ Cơ Đốc, sau khoảng ba tháng sẽ thấy hối hận vì đã giảng cho chồng mình, hãy làm điều đó mà không dùng đến lời nói.

Vậy thì phải làm thế nào đây? Câu trả lời của Phi-e-rơ là trở nên hấp dẫn hơn khi nhìn vào và hấp dẫn hơn khi sống cùng, đó là một chương trình đơn giản cho các bà vợ Cơ Đốc. Hãy trở nên hấp dẫn hơn khi nhìn vào. Ông nói rất nhiều về vẻ ngoài. Có một chuyên mục làm đẹp trong chương 3 của 1 Phi-e-rơ - cách có được vẻ đẹp, không phải là cách trở nên quyến rũ, mà là cách có được vẻ đẹp. Sự quyến rũ thuộc về những người dưới 40 tuổi, còn vẻ đẹp thuộc về những người trên 40. Tôi nói nghiêm túc đấy ạ.

Người phụ nữ đẹp nhất tôi từng biết là Cô Harris, cô đã 84 tuổi khi tôi gặp cô. Mặt cô có rất nhiều nếp nhăn, đủ để cung cấp dây dợ cho cả một hãng viễn thông, nhưng tôi đã nói với cô ấy rằng: *Tôi có thể mạn phép nói điều này không cô Harris, rằng cô có khuôn mặt đẹp nhất trên đời.* Lời đáp của cô khiến tôi ngạc nhiên. Cô ấy bảo: *Cậu không phải là người đầu tiên bảo tôi như thế đâu.* Rồi cô ấy nói thế này: *Hồi còn trẻ, tôi xấu xí, thô kệch đến nỗi tôi chưa từng hẹn hò, chưa được ai mời nhảy trong buổi khiêu vũ ở trường.* Nhưng cô ấy nói: *Lúc 27 tuổi, tôi đem lòng yêu Chúa Giê-su, và tuần sau đó, tôi như ở trên mây vậy.* Thực ra là cô ấy nói rằng *tôi quá hạnh phúc vì Ngài yêu tôi, tôi nói với Ngài là Chúa Giê-su ơi, xin Ngài cất sự vui mừng khỏi con, nếu không con sẽ tin cậy sự vui mừng hơn cả Ngài.* Tôi đã nghe quá nhiều Cơ Đốc nhân cầu nguyện để Chúa cất đi phiền muộn. Nhưng cô là người duy nhất mà tôi biết nói rằng *hãy cất sự vui mừng khỏi con.* Nhưng cô ấy nói: *Cậu yêu ai thì sẽ trở nên giống người đó. Tôi có gương mặt này như vậy đó.*

Tôi sẽ không bao giờ quên điều này. Cô Harris đáng mến. Cô đã có được bí quyết làm đẹp từ 1 Phi-e-rơ chương 3. Tức là anh chị em càng già càng đẹp. Tin vui đấy chứ nhỉ? Đúng vậy! Anh chị em có thể mất đi sức quyến rũ xưa kia, nhưng sự quyến rũ có là gì đâu! Rồi, ông nói rằng *hãy trở nên hấp dẫn hơn khi nhìn vào và hấp dẫn hơn khi sống cùng thì chồng của chị em sẽ nói: Tôi có một cô vợ đẹp hơn từ Chúa Giê-su.* Nhưng anh chị em có biết nhiều người chồng nói thế nào không? *Chúa Giê-su đã bỏ trốn với vợ tôi. Ả chẳng còn thuộc về tôi nữa.* Những người vợ cần thực sự học cách đi cùng chồng mình, thế mà có quá nhiều người nữ đi cà phê sáng và học Kinh Thánh, họ trở thành những tay đua thuộc linh trong khi chồng mình vẫn ở vạch xuất phát và ông chồng ngày càng cảm thấy mình không phải là đầu gia đình nữa. Cho tôi đưa ra chút lời khuyên thực tế được không? Hồi ở dưới miền nam xứ Wales, một người phụ nữ đã lên gặp tôi và nói: *Tôi có một vấn đề.* Tôi hỏi: *Chị vừa có chồng vừa có vấn đề đúng không?*

- *Đúng vậy.*
- *Chồng chị có phải là vấn đề của chị không?*
- *Không phải.*
- *Thế chị đã kể với chồng vấn đề của chị chưa?*
- *Tôi chưa.*
- *Sao không kể? Thế chị đến với tôi làm gì?*
- *Anh ấy không tin Chúa, còn đây là vấn đề thuộc linh.*
- *Thế sao chị không nói cho anh ấy biết?*

- *Mục sư không hiểu ạ? Anh ấy chưa tin Chúa, anh ấy không quan tâm lắm đến những điều thuộc linh thì sao tôi có thể nói một vấn đề thuộc linh với anh ấy được?*

- *Chuyện này dễ thôi, chị chỉ cần đến và kể cho anh ấy nghe vấn đề đó. Chị chỉ cần một chút đức tin rằng Chúa sẽ phán với chị qua chồng chị.*

- *Sao có thể như thế được, anh ấy chưa tin Chúa mà ạ?*

- *Nghe này, có lần Chúa đã phán với một người nam qua con lừa của ông ta, và nếu Chúa có thể phán cùng một người nam qua con lừa thì Chúa cũng có thể phán cùng chị qua chồng chị.*

Mười người phụ nữ thì có chín người thừa nhận lập luận đó và cười, điều đó cho tôi thấy họ thực sự nghĩ gì về chồng mình. Nhưng cô vợ này là người thứ mười. Cô ta rất giận và bỏ đi rồi giận tôi cả tháng trời. Cô ta nói: *Đừng nhờ Đa-vít Pawson khi gặp vấn đề, ông ấy không đồng cảm với những người không có chồng là người tin Chúa.* Nhưng 18 tháng sau, tôi lại xuống chính thung lũng phía Tây đó và lại gặp cô này. Cô ta lên và nói: *Ông Pawson ạ, tôi gặp một vấn đề khác, lần này là về chồng tôi.*

- *Ồ, vấn đề của chị làm gì?*

- *Tôi phải làm gì với một ông chồng vượt xa mình về mặt thuộc linh đây?*

- *Chị nói thật chứ?*

- *Thật ạ, anh ấy đang ngồi phía cuối.*

- *Sự thể như thế nào vậy?*

- *Tôi giận ông cả tháng rồi đến với chồng tôi trong tuyệt vọng và kể vấn đề đó cho anh ấy nghe. Anh ấy cho tôi câu trả lời. Không biết ai bất ngờ hơn, anh ấy hay là tôi nữa. Nhưng anh ấy bắt đầu quan tâm kể từ ngày hôm đó và bây giờ anh ấy tin Chúa rồi. Anh ấy đuổi kịp tôi quá nhanh rồi chạy vụt qua tôi, xong bỏ xa tôi luôn. Tôi không thích anh ấy, anh ấy vượt xa tôi rồi.*

Tôi nói: *Tôi biết vấn đề của chị là gì rồi, chị là người thao túng trong mối quan hệ vợ chồng. Chị không thích chồng mình ở đằng sau hay vượt trước, chị chỉ muốn chồng bằng mình thôi. Hãy học cách kề vai sát cánh với chồng mình.* Tôi đã bảo những bà vợ hỏi tôi là *làm sao để chồng tôi được cứu*, tôi bảo: *Đừng đi hội thánh nữa.* Họ nói: *Không, tôi nói nghiêm túc đấy ạ, làm thế nào để chồng tôi được cải đạo đây?* Tôi đáp: *Tôi nói nghiêm túc mà.* Thật lạ lùng khi nhiều người chồng bắt đầu đến hội thánh vì vợ họ không đi. Phi-e-rơ rất khôn ngoan trong điều này. Ông nói rằng *hỡi các bà vợ, các cô khiến mình phải chịu khổ không cần thiết vì các cô đang ngày càng xa chồng mình; nhưng khi chồng các cô nghĩ rằng mình có một người vợ đẹp hơn từ Chúa Giê-su, bây giờ cô ấy ưa nhìn hơn, dễ sống cùng hơn thì anh ta sẽ dễ đến với Chúa hơn.* Phi-e-rơ biết chứ, ông đã kết hôn và ông hiểu những điều này.

Rồi có lĩnh vực thuận phục thứ tư. Cái này không liên quan đến sự chịu khổ nên ông đã tách nó với ba lĩnh vực còn lại và đưa nó vào chương cuối. Ông nói: *Người trẻ tuổi hãy thuận phục người lớn tuổi. Và hãy học cách nhường chỗ cho người lớn tuổi, nhìn vào họ để lãnh đạo.* Một trong những hình phạt của Y-sơ-ra-ên mà tiên tri Ê-sai phải công bố, ấy là vì họ không đi theo đường lối Chúa nên họ sẽ bị đàn bà cai trị và bị con nít hà hiếp. Nói đúng thật! Điều này cũng không phải là không liên quan đến tình cảnh của chúng ta. Bị đàn bà cai trị và bị con nít hà hiếp, còn trong xã hội tin kính thông thường thì người ta tìm đến những người lớn tuổi. Phi-e-rơ nói: *Các cô cậu trẻ tuổi hãy tôn trọng các trưởng lão.*

Trong tất cả những điều này, ông không nói là thuận phục một cách mù quáng. Nơi nào chính quyền của con người đòi hỏi sự thuận phục mù quáng thì nơi đó sẽ tạo ra căng thẳng thực sự. Nhưng

đây là một thái độ, và điều Phi-e-rơ muốn nói là trong tất cả những lĩnh vực này của cuộc sống, hãy phát triển thái độ không đánh trả, không ăn miếng trả miếng, không hung hăng, không đòi quyền lợi cho mình, vì nếu có thái độ như vậy thì khi đau khổ đến, anh chị em sẽ không thể chịu được nó. Nên hãy sẵn sàng ngay từ giờ.

Tôi từng nói với một thánh đồ kính mến mà tôi luôn nhìn lên - ông đã lớn tuổi và đang sống ở bờ biển phía nam. Tôi nói: *Bob ạ, tôi không nghĩ mình có thể đối mặt với lũ sư tử vì cớ Chúa Giê-su.* Anh chị em biết không, là người lớn tuổi hơn, ông đã nói một điều rất khôn ngoan. Ông ấy bảo tôi: *Đa-vít ạ, nếu bây giờ anh trung tín trong những trận chiến nhỏ thì Ngài sẽ ban ân điển cho anh khi thách thức lớn ập đến.* Thật khôn ngoan. Tôi không bao giờ quên những gì ông nói vì ông là một trưởng lão và tôi tìm đến ông. Và đó là một lời khuyên khôn ngoan. Nên hãy phát triển thái độ này. Hãy có nền tảng này. Hãy phát triển thái độ này thì khi sự chịu khổ đến, anh chị em có thể chịu được nó.

Phân đoạn khó hiểu trong 1 Phi-e-rơ

Chỉ có một vấn đề với 1 Phi-e-rơ. Có một đoạn rất tối nghĩa mà tôi nghe nói có 314 cách giải nghĩa khác nhau. Tôi cần đề cập đến nó vì nếu đọc thư này từ đầu đến cuối thì anh chị em sẽ hiểu cả thư, trừ mẩu này. Đoạn này nói một điều...Cuốn sách tôi viết về địa ngục có cả một chương nói đến nó, nên anh chị em có thể đọc chương đó để xem chú giải cho phần này, nhưng nó nói về việc Chúa Giê-su chịu chết về phần thể xác và được sống về phần tâm linh, bởi đó, Ngài đã đi giảng cho những kẻ không vâng phục trong trận lụt thời Nô-ê. Rồi một vài câu sau đó, ông nói: *Vì lý do đó, Tin lành được giảng ra cho cả kẻ chết, để họ có thể được cứu về phần tâm linh.*

Tôi e rằng các nhà giảng đạo phái tự do đã dựa trên nền tảng phân đoạn này để xây dựng giáo lý về cơ hội được nghe Tin lành lần thứ hai sau khi chết, một điều mà mọi phần Kinh Thánh khác đều nói là không thể, cái chết ấn định số phận của chúng ta. Một hố sâu ngăn cách đã được định sau cái chết. Nhưng ở đây, có vẻ như Chúa Giê-su đã giảng thật. Tôi phát hiện ra rằng vấn đề của nhiều cách giải nghĩa là do người ta cứ cố đi chệch khỏi ý nghĩa đơn giản nhất, rõ ràng nhất vì đây là một phân đoạn khó khớp với sự dạy dỗ chung của Kinh Thánh rằng cái chết là dấu chấm hết cho cơ hội được cứu rỗi của chúng ta.

Nhưng nếu hiểu theo nghĩa hiển nhiên, tôi luôn bắt đầu từ việc hiểu Kinh Thánh theo nghĩa đơn giản nhất, rõ ràng nhất và chỉ thay đổi khi gặp đoạn thực sự khó. Nghĩa đơn giản, rõ ràng nhất của phân đoạn này là giữa sự chết và sự sống lại, Chúa Giê-su vẫn hành động, vẫn có ý thức và nói cùng những người cũng hoàn toàn có ý thức và trò chuyện được với Ngài. Tất nhiên là anh chị em chẳng bao giờ nghe thấy điều này trong hội thánh vì mọi buổi lễ của tuần thánh kết thúc vào thứ sáu và bắt đầu lại vào chủ nhật, nên không ai bảo với anh chị em là Chúa Giê-su làm gì vào ngày thứ bảy, đúng không? Nhưng anh chị em thấy đó, chúng ta có xu hướng nghĩ rằng Chúa Giê-su không làm gì giữa sự chết và sự sống lại, Ngài vô thức và bất hoạt trong mộ, nhưng Kinh thánh nói rằng Ngài chỉ chết về phần thể xác thôi. Còn Tâm linh Ngài rất sống động, Ngài đã đến thế giới của kẻ chết và rao giảng. Tôi có thể tưởng tượng ra cảnh Phi-e-rơ gặp Chúa Giê-su vào Chúa nhật Phục sinh đầu tiên. Chúng ta biết rằng Ngài đã gặp Phi-e-rơ, không biết là ở đâu, khi nào, hai người nói gì, nhưng tôi đang tưởng tượng, và chắc cũng không lệch lắm đâu. Tôi nghĩ Phi-e-rơ nói rằng: *Chúa Giê-su ơi, Chúa đã đi đâu trên trần đời này thế?* Rồi Chúa Giê-su đáp: *Ta không ở trên trần, Ta ở dưới âm phủ, Sheol, thế giới của những kẻ lìa trần.*

- *Nhưng Ngài đã làm gì trên trần đời, à không, dưới âm phủ trong ba ngày ba đêm thế?*

Thực ra là ba ngày ba đêm. Chúa Giê-su chết vào chiều thứ tư. Mọi bằng chứng đều chỉ ra điều đó. Chúng ta đã bị lừa vì Ngài chết vào ngày hôm trước ngày Sa-bát, nhưng không phải là thứ bảy Sa-bát. Tin lành theo Giăng nói rằng ngày Sa-bát hôm đó là một ngày Sa-bát trọng đại, Lễ Vượt Qua bắt đầu với ngày Sa-bát đó, nhằm vào năm 29 SCN, gần như chắc chắn là năm Chúa Giê-su qua đời. Ngày 15 tháng Ni-san, ngày đầu tiên của Lễ Vượt Qua rơi vào thứ năm và là ngày Sa-bát, còn thứ tư là ngày 14, ngày trước lễ vượt qua.

Đó chỉ là giả thuyết của tôi, nhưng nó khớp với mọi bằng chứng hơn mọi giả thuyết khác. Chúa Giê-su chết vào ngày nào không quan trọng, quan trọng là Ngài chết cho bạn. Nhưng Ngài nói là ba ngày ba đêm, làm sao khớp được khoảng thời gian giữa chiều thứ sáu và sáng chủ nhật đây! Nhưng nếu Ngài chết vào 3 giờ ngày thứ tư và sống lại trong khoảng 6 giờ chiều đến nửa đêm thứ bảy thì mọi bằng chứng Phúc âm đều ăn khớp. Tất nhiên, 6 giờ chiều tối thứ 7 là ngày đầu tiên trong tuần. Chúng ta sẽ nghĩ theo lịch La Mã thay vì lịch Do Thái, nhưng đó là ngày đầu tiên trong tuần và rất lâu trước rạng sáng, ngôi mộ đã trống. Đó chỉ là chuyện bên lề. Nhưng nếu không thừa nhận giả thuyết đó thì anh chị em sẽ gặp vấn đề với một số dữ liệu trong Tân Ước. Tất cả đều ăn khớp thật. Có một cách để suy xét những mâu thuẫn, hay mâu thuẫn hiển nhiên này. Nhưng gạt điều đó sang một bên thì Ngài làm gì trong ba ngày ba đêm vậy? Chắc Chúa Giê-su bảo Phi-e-rơ rằng: *Ta rao giảng*

- *Cho ai ạ?*
- *Tất cả những người chết chìm trong trận lụt thời Nô-ê.*

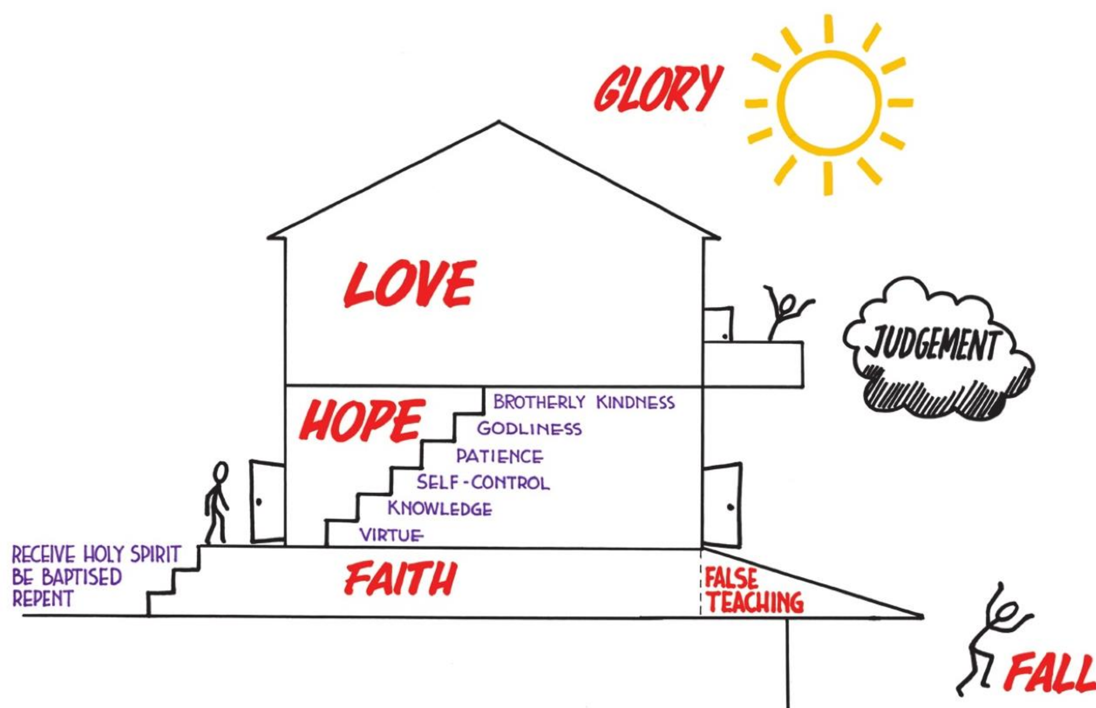
Tức là những người chết chìm trong trận lụt thời Nô-ê cũng có ý thức. Anh chị em sẽ hoàn toàn có ý thức một phút sau khi qua đời. Anh chị em sẽ biết mình là ai. Anh chị em sẽ có trí nhớ. Anh chị em chỉ chết về phần thân thể chứ không phải về phần tâm linh. Cái chết phân tách thân thể với tâm linh. Về sau, tâm linh và thân thể sẽ được hợp nhất trong sự phục sinh, nhưng với chúng ta là mãi sau này. Nhưng Chúa Giê-su đã trải qua cả ba giai đoạn trong chưa đầy một tuần. Ngài là một tâm linh có thân thể cho tới khi Ngài chết trên thập tự giá. Rồi Ngài giao Tâm linh mình cho Đức Chúa Trời và thân thể Ngài được đặt trong mộ. Với Tâm linh sống, Ngài đi rao giảng cho những người không vâng phục từ trận lụt thời Nô-ê, rồi thân thể và Tâm linh Ngài được hợp nhất vào sáng Chúa nhật Phục sinh, nhưng Ngài hoàn toàn có ý thức và có thể nói chuyện suốt khoảng thời gian đó. Điều đó rất, rất quan trọng. Chỉ có tà giáo mới dạy rằng "linh hồn" ngủ giữa hai thân thể; đó là một câu chuyện khác.

Rồi, nếu chúng hiểu theo nghĩa hiển nhiên thì đoạn này có nghĩa là Chúa Giê-su đi rao giảng Tin lành cho thế hệ cụ thể đó, và chỉ họ mà thôi. Nó ngụ ý rõ ràng rằng đây là một Tin lành có thể cứu chuộc họ, nên chẳng phải đây là cơ hội thứ hai sau khi chết sao? Tôi sẵn sàng nói là đúng như vậy, cho họ và chỉ họ mà thôi. Không một chỗ nào trong Kinh Thánh gợi ý rằng bất cứ ai khác có được cơ hội như vậy. Vậy tại sao điều đó lại được ban cho họ và chỉ họ mà thôi? Điều tôi sắp nói ở đây hoàn toàn là phỏng đoán. Tôi không trách anh chị em nếu anh chị em không tin, đây chỉ là suy đoán của tôi thôi. Khi lên thiên đàng, tôi sẽ xác thực lại và bảo anh chị em xem tôi đoán đúng hay sai. Nhưng đây là suy đoán của tôi.

Có một thế hệ có thể tố cáo rằng Đức Chúa Trời bất công, không công bằng. *Ngài xóa sổ chúng tôi rồi lại hứa là không bao giờ làm như vậy nữa.* Tôi tin rằng Đức Chúa Trời, để chứng tỏ sự công minh và công chính mình, đã nói rằng: *Con ạ, hãy đi và nói Tin lành cho họ.* Ta sẽ không để bất cứ

ai, vào Ngày Phán xét tố cáo Ta đối xử không công bằng với ai. Tôi chỉ đoán như vậy thôi. Nhưng tôi biết một Đức Chúa Trời công chính luôn cố gắng làm sao để không bất công, không thiên vị, và có thể đó là lý do tại sao. Nhưng tôi tin rằng thay vì cố bẻ cong Kinh Thánh cho vừa với hệ thống của chúng ta, hãy tiếp nhận Kinh thánh theo nghĩa đơn giản nhất, rõ ràng nhất, nhưng giới hạn trong những điều Kinh Thánh nói. Và ở đây không có căn cứ để cho rằng có cơ hội thứ hai cho bất cứ người nào, một điều mà Alfred Lord Tennyson - chúng ta sẽ kỷ niệm 100 năm ngày mất của ông trong năm nay - gọi là hy vọng lớn hơn, hy vọng rằng tất cả chúng ta đều có một cơ hội sau khi chết. Đó là thuyết phổ độ (universalism) và cái đó không được dạy trong Kinh Thánh.

2 Phi-e-rơ



Tôi sẽ chuyển sang 2 Phi-e-rơ, thư thứ hai mà ông viết, và chúng ta trở lại với một biểu đồ nho nhỏ, nhưng dễ hiểu hơn nhiều. Xin lỗi vì tôi đã đưa ra những cái rất phức tạp trong thư Hê-bơ-rơ và trước đó, nhưng đây là một biểu đồ mà chắc chắn tất cả anh chị em đều có thể hiểu hết. Nhưng thư thứ hai của Phi-e-rơ - đừng cố chép lại cả biểu đồ ngay vì một lúc nữa tôi mới nói đến nó. 2 Phi-e-rơ nói đến một hoàn cảnh hoàn toàn khác, cũng là những người này nhưng vào mấy năm sau. Thư có văn phong khác và rất có thể những khác biệt đó là do ông dùng một thư ký khác, một người biên chép khác và thực ra, ông nói rằng ông nhờ Sin-vanh, thư ký của Phao-lô, rất có thể là người đã sắp xếp bố cục của thư. Nhưng mọi nét tương đồng đều có đó. Những từ Phi-e-rơ ưa dùng vẫn xuất hiện trong bức thư thứ hai.

Một số học giả nói rằng thư thứ hai không do ông viết. Tôi tin là ông đã viết thư này. Anh chị em có biết từ Phi-e-rơ ưa dùng nhất là gì không? Mọi người giảng đạo đều có những từ ưa dùng; anh có đấy Chris ạ, tôi phát hiện ra rồi. Chắc anh cũng phát hiện ra những từ của tôi. Anh chị em có biết từ Phi-e-rơ ưa dùng nhất là gì không? Tôi nghĩ đây cũng là một trong những từ anh này ưa dùng - từ quý giá. Đúng không ạ? Anh đã dùng từ đó, đây cũng là một trong những từ Phi-e-rơ ưa dùng nhất. Nếu đọc xuyên suốt hai bức thư, anh chị em sẽ thấy ông liên tục nói về đức tin quý giá, Chúa Giê-su quý giá của chúng ta. Mọi điều đều quý giá với Phi-e-rơ, ông tìm thấy viên ngọc quý giá và ông rất thích

dùng từ đó, quý giá, quý giá. Đây là từ chúng ta dùng để nói về một điều hoặc một người rất có giá trị với mình. Tài sản quý giá nhất của tôi. Quý giá. Điều đó khiến tôi tin rằng đây chính là Phi-e-rơ, nhưng tôi sẵn sàng nghĩ rằng ông dùng một thư ký khác; một lời lý giải khá dễ chịu cho sự khác biệt về văn phong.

Nhưng nội dung thư hoàn toàn khác; lý do là lúc này ông đang nói về những mối nguy bên trong hội thánh. Có hai loại sức ép mà chúng ta phải đối mặt, sức ép từ bên ngoài hội thánh và sức ép từ bên trong. Chính những sức ép từ bên trong lại nguy hiểm hơn. Trước đây tôi đã nói rằng Sa-tan không bao giờ phá hủy hội thánh từ bên ngoài. Hắn càng tấn công từ bên ngoài thì hội thánh càng lớn mạnh hơn. Đó là lý do tại sao trong suốt ba thế kỷ đầu tiên của Cơ Đốc giáo, khi Cơ Đốc nhân thường xuyên bị ném vào cho sư tử, hội thánh lại chưa bao giờ tăng trưởng nhanh như vậy. Đó là lý do tại sao đằng sau Bức màn Sắt trước đây, và đằng sau bức màn tre ngày nay, anh chị em có thể đến Trung Quốc và tìm thấy những ngôi làng có 85% số người được sinh lại. Hội thánh đã ngừng tăng trưởng sau Bức màn Sắt kể từ khi nó được dỡ bỏ.

Thật là bi thảm. Chính những mục sư ở Đông Đức nói rằng *xây dựng hội thánh trước khi dỡ bỏ Bức màn Sắt dễ hơn nhiều. Giờ thì tất cả đều chạy theo vật chất như Tây Đức và số người đi hội thánh đang giảm đi*. Vậy anh chị em có mừng khi Bức màn Sắt được dỡ bỏ không? Đó là một phước hạnh lẫn lộn. Thực ra là hội thánh Đông Âu bây giờ không được như xưa, nhưng ít nhất là cánh cửa được mở ra để chúng ta vào giúp đỡ khi có thể. Nhưng ở Trung Quốc vẫn còn bức màn tre, thế mà hội thánh cứ tăng trưởng, tăng trưởng không ngừng. Nhưng Sa-tan có thể hủy hoại hội thánh từ bên trong và tôi e rằng thái độ thù địch là một - đây là sức ép đơn giản. Còn dị giáo là một sức ép tinh vi và 2 Phi-e-rơ nói về mối nguy lớn hơn này.

Ở đây phát sinh một câu hỏi. Khi đọc 2 Phi-e-rơ, nhất là chương 2, anh chị em sẽ thấy chương này gần như giống thư Giu-đe đến từng từ. Một số người trong đây đã phát hiện ra điều đó. Có thể có năm cách giải thích. Khi thấy hai trước giả trong Cựu hoặc Tân Ước nói những lời giống nhau thì có năm cách giải thích khác nhau. Đây không phải là một vấn đề, vấn đề là chọn đáp án nào thôi. Ví dụ như Mi-chê và Ê-sai, anh chị em đã bao giờ để ý thấy có một phần trong Ê-sai 2 và Mi-chê 4, hoặc ngược lại - "Trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va...họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm..." giống nhau đến từng từ, cả Ê-sai và Mi-chê đều nói như vậy? Khi gặp hiện tượng đó trong Kinh Thánh thì có năm khả năng như sau:

Một là Phi-e-rơ mượn từ Giu-đe.
Hai là Giu-đe mượn từ Phi-e-rơ.
Ba là Phi-e-rơ và Giu-đe mượn từ một chỗ khác.
Bốn là Phi-e-rơ và Giu-đe ngồi lại với nhau, trao đổi về vấn đề đó, đồng tình về giải pháp và đưa nó vào các bức thư khác nhau.
Năm là Đức Thánh Linh ban cho họ những lời lẽ giống nhau, cho cả hai người.

Tôi có khuynh hướng không tin vào khả năng cuối vì Đức Thánh Linh không dùng con người như những trình xử lý văn bản. Đừng nghĩ rằng sự thần cảm của Kinh Thánh nghĩa là người ta chỉ là những cái máy đánh chữ cho Đức Thánh Linh đánh vào. Ít có khả năng Đức Thánh Linh ban những lời giống hệt nhau cho hai người khác nhau. Tôi nghĩ điều này có nghĩa là Phi-e-rơ và Giu-đe có biết nhau. Dù người này lấy từ người kia hay người kia lấy từ người này, hay cả hai lấy từ đâu thì tôi nghĩ có bằng chứng về sự cộng tác nào đó. Nhưng Phi-e-rơ là một trong những sứ đồ vòng trong và Giu-

đe là một người em của chính Chúa. Rất có thể là họ biết nhau. Nhưng dù sao thì tư liệu của họ trong chương 2 - tất nhiên là Giu-đe rất ngắn, cùng độ dài với chương 2 của Phi-e-rơ.

Bốn điều đang tấn công hội thánh

Cùng một vấn đề đã tấn công cả hai hội thánh và tôi có thể tóm tắt nó trong bốn điều. Nếu đã nghe những cuốn băng của tôi về Giu-đe thì anh chị em sẽ biết tôi sắp nói gì. Giu-đe là bức thư ngắn bị ngó lơ nhiều nhất, chúng ta không có thời gian để xét đến, nhưng có bốn sự bại hoại xảy ra, bốn triệu chứng của một căn bệnh ngay bên trong hội thánh, một ung nhọt trong thân thể Đấng Christ và chúng là thế này: Một là tín điều sai lạc. Tín điều sai lạc. Niềm tin bị thay đổi, cụ thể là hai điều. Một cái nhìn cảm tính về ân điển của Đức Chúa Trời và một cái nhìn hổ lốn về thân vị của Đấng Christ. Xin thứ lỗi vì sự rắc rối này.

Hãy đổi ngược lại. Một cái nhìn hổ lốn về thân vị của Đấng Christ - họ đang nói rằng Ngài không phải là Chúa duy nhất mà chỉ là một trong các Chúa thôi. Tôn giáo tham chiếu. Ngài là một con đường, nhưng có nhiều con đường khác đến với Đức Chúa Trời, Ngài không phải con đường duy nhất. Từ "duy nhất" đó gây xúc phạm. Vậy là họ sửa đổi thân vị của Đấng Christ và nói rằng Ngài là một con đường chứ không phải đường đi duy nhất. Rồi họ có một cái nhìn cảm tính về tình yêu của Đức Chúa Trời, ân điển của Chúa, nói rằng Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng ta nên nếu ta phạm tội cũng không sao. Anh chị em có thể tưởng tượng được ra tác động của nó. Tín điều sai lạc nghĩa là hành vi sai lạc.

Điều chúng ta tin ảnh hưởng đến hành vi của chúng ta và lúc nào cũng vậy, thay đổi đức tin Cơ Đốc là đưa sự đồi bại vào hội thánh. Tôi e rằng sự đồi bại đang bước vào các hội thánh mà Phi-e-rơ và Giu-đe đang viết cho. S*ống sao chả được, có vé lên Thiên đàng rồi, Chúa thích tha thứ cho mình, nên Ngài sẽ tiếp tục tha thứ dù mình có làm gì đi chăng nữa* - cái nhìn đó hoàn toàn dựa trên cảm tính. Nó đang được giảng khắp nơi, nhưng tất nhiên là nó có nghĩa rằng Cơ Đốc nhân cứ phạm tội, lợi dụng sự nhân từ của Chúa, từ đó dẫn đến sự đồi bại.

Nhưng khi hành vi sai lạc thì điều bị sai lạc tiếp theo là tính cách. Có một mô tả về tác động của tất cả những điều này trên tính cách người ta, và họ trở nên giống con vật hơn con người, hành động theo bản năng đê tiện. Họ trở nên tham lam, dâm đãng và tính cách của họ thay đổi, không còn đáng tin nữa. Họ giống như mây bị gió cuốn đi, như sóng biển vậy. Tất cả những mô tả này đều có đó. Mô tả sinh động về tính cách nhu nhược. Điều thứ tư trở nên sai lạc là lời nói. Hội thánh đầy những người kêu ca, phàn nàn, những người chống đối sự lãnh đạo và đủ mọi kiểu xáo trộn trong hội thánh. Cả 2 Phi-e-rơ và Giu-đe đều xét đến tín điều sai lạc, đến sự thay đổi về niềm tin này, hành vi sai lạc theo sau, sự đồi bại, tính cách sai lạc làm nhu nhược tính cách và nhân phẩm của người ta, và lời nói sai lạc ra từ tính cách nhu nhược đó gây nên sự xáo trộn chung, sự kêu ca, phàn nàn, nói nghịch cùng đội ngũ lãnh đạo.

Tất cả những điều đó đều có sức hủy hoại và chắc chắn là khi tôi xét đến chúng, anh chị em sẽ nhận ra rằng chúng đang xảy ra ở nhiều hội thánh. Cả 2 Phi-e-rơ và Giu-đe đều kịch liệt chống lại điều này. Họ thấy rằng nó có thể kết liễu hội thánh mà không cần đến sự chịu khổ từ bên ngoài, hội thánh có thể sụp đổ từ bên trong và một hội thánh như vậy sẽ không đứng vững trước sự bách hại.

Ngôi nhà trên nền đức tin

2 Phi-e-rơ đi theo đúng khuôn mẫu của 1 Phi-e-rơ, điều này lại thuyết phục tôi rằng hai thư do cùng một trước giả viết. Có một phần về sự cứu rỗi, rồi một phần về mối nguy, rồi rút ra các ngụ ý và cách để sẵn sàng đối phó. Biểu đồ này tóm tắt phần đầu của 2 Phi-e-rơ, phần về sự cứu rỗi của chúng ta. Đây là một bức tranh đơn giản và thú vị. Đây là ngôi nhà đức tin, xây trên nền đức tin. Có một số bước đức tin dẫn lên cửa trước - cái này không có trong 2 Phi-e-rơ mà ở trong bài giảng của ông trong Công vụ, tôi chỉ đưa chúng vào thôi. Bước một là ăn năn, bước hai là được báp-tem, bước ba là nhận lãnh Đức Thánh Linh. Ngoài ra không có thêm bất cứ bước nào nữa để lên cửa chính, cả ba đều là các bước đức tin. Một lần nữa, hãy đọc cuốn Sự ra đời bình thường của Cơ Đốc nhân của tôi để biết thêm chi tiết.

Như vậy, chúng ta đã bước vào nhà Đức Chúa Trời, ngôi nhà trên nền đức tin nhờ bước lên những bậc này. Nhưng bây giờ có một cái cầu thang ở bên trong, và ông nói hãy thêm cho đức tin mình lòng nhân đức. Thêm cho nhân đức sự tri thức, thêm cho tri thức tính tiết chế, thêm cho tiết chế tính kiên nhẫn, thêm cho kiên nhẫn lòng tin kính, thêm cho lòng tin kính tình huynh đệ, thêm cho tình huynh đệ tình yêu thương. Trèo lên cái thang đó là đang gây dựng đức tin mình. Ông nói đến con đường rộng mở vào sự vinh hiển, khiến sự kêu gọi và chọn lựa của mình được chắc chắn. Nếu muốn khiến sự kêu gọi và chọn lựa của mình được chắc chắn thì không thể ở dưới cầu thang được mà phải trèo lên các nấc thang kia, đó là cách khiến nó được chắc chắn - bằng cách lên đến tầng trên của tình yêu thương, là nơi hội thánh cần đạt đến.

Nhưng ông nhấn mạnh rằng chúng ta đang gây dựng hy vọng của mình cho tương lai khi trèo lên những nấc thang này. Càng trèo lên những nấc thang thì chúng ta càng chắc chắn về những điều Chúa sẽ làm. Nên hội thánh được lập trên nền đức tin, tăng trưởng trong hy vọng khi trèo lên những nấc thang này và điểm cao nhất là sống trong tình yêu thương. Có một cái ban công ở trên tầng, từ ban công đó, anh chị em cất cánh lên vinh quang, phải không? Và bước vào con đường rộng mở, anh chị em sẽ được nhiệt liệt tiếp đón vào Thiên đàng.

Vậy là điều này nói lên cả quá trình. Đừng ngồi trên ghế sofa ở tầng trệt. Hãy trèo lên các nấc thang, hãy sống ở tầng trên, hãy lên đó càng nhanh càng tốt. Nói cách khác thì câu trả lời cho dị giáo là sự trưởng thành. Những người ở dưới đây dễ bị những dạy dỗ sai lạc ở tầng trệt tấn công, càng lên cao thì chúng ta càng sống ở trên đây, và càng khó bị dị giáo cùng những dạy dỗ sai lạc tấn công. Nhưng nếu nghe những dạy dỗ sai lạc thì chúng ta sẽ thấy mình đi ra cửa sau, trượt xuống con dốc trơn và ngã nhào. Ông nói một số điều khá nghiêm khắc về việc này. Ông nói thà anh chị em không biết con đường công chính còn hơn, thà không vào còn hơn là sa ngã. Ông có những nhận xét khá thô về con chó liếm lại đồ nó đã mửa ra.

Anh chị em đã bao giờ thấy chó làm thế chưa ạ? Ông nói: *Anh chị em đang làm như vậy, anh chị em ra khỏi tội lỗi và đang trở lại với nó, anh chị em như một con chó đi liếm lại bãi nôn của nó. Hoặc anh chị em như một con lợn trở lại lăn lóc trong vũng bùn sau khi đã tắm sạch.* Rất sinh động, nhưng hãy nghiêm túc với những lời đó. Thà không biết còn hơn là sa ngã. Nếu ngã khỏi ân điển thì thà anh chị em chưa bao giờ nghe đến ân điển còn hơn. Người chưa từng nghe còn hơn là người đã nghe mà trở lại với bãi nôn, với vũng bùn của chính mình. Điều đó xảy ra qua những dạy dỗ sai lạc bào mòn nền móng đức tin. Ôi, có một số người vào đúng đường mà đi thẳng qua, ra cửa sau và trượt xuống, hoặc làm như vậy ở một giai đoạn sau nào đó, và có những người trèo lên các nấc thang, được mạnh

mẽ hơn trong hy vọng, lên đến căn phòng của tình yêu thương và cất cánh lên vinh quang. Những người dưới này trở lại dưới cơn thịnh nộ và sự phán xét của Đức Chúa Trời; những người trên này tận hưởng ánh nắng ân điển và ân huệ Ngài. Một sứ điệp thật hay đúng không?

Hy vọng cho tương lai

Rồi chương cuối của 2 Phi-e-rơ lấy toàn bộ ý niệm này về hy vọng cho tương lai. Một trong những sức ép bên trong hội thánh là có những người nói rằng: *Toàn nói về sự tái lâm, toàn nói là Chúa Giê-su trở lại, thế Chúa đâu?* Ngay ở thế kỷ thứ nhất người ta đã hỏi *thế Chúa đâu?* Đến họ còn nói như vậy nữa là người đời ngày nay. Đã hai ngàn năm rồi mà Ngài vẫn chưa trở lại. Chế giễu là một điều rất khó xử lý, khi người ta cười nhạo đức tin của anh chị em, đúng không? Phi-e-rơ, trong chương 3 của thư thứ hai nói đến những kẻ chế giễu nói rằng *lời hứa về sự trở lại của Ngài đâu? Mọi thứ vẫn giống hệt như ban đầu, chẳng có gì thay đổi cả.* Tôi e là người ta nói điều đó với chúng ta: *Cơ Đốc giáo đã có trên thế giới cả hai ngàn năm, nhìn nó mà xem, chẳng cải thiện tí nào, chẳng thay đổi tí nào.*

À nhưng chúng ta vẫn có hy vọng và hy vọng của chúng ta là thế này, rằng một ngày, cả vũ trụ này sẽ bị tan ra trong lửa. Sẽ có một lần hủy diệt nữa; lần này không phải là biển nước mà là biển lửa. Tôi chỉ tưởng tượng rằng đó không phải chiến tranh hạt nhân, mà Chúa sẽ giải phóng toàn bộ năng lượng trong mọi nguyên tử. Ngài nén năng lượng trong nguyên tử, Ngài chỉ cần mở nó ra là xong. Mọi thứ sẽ tan thành mây khói. Rồi Kinh thánh chép rằng: Từ trong lửa - như phượng hoàng bay lên từ đám lửa, có trời mới và đất mới.

Tôi rất thích giảng về đất mới. Đừng để điều đó cho bên Nhân chứng Giê-hô-va. Đó là lẽ thật của chúng ta, nó có trong Kinh Thánh. Nhưng tôi e rằng Cơ Đốc nhân chỉ muốn nghe đến việc lên thiên đàng. Có đất mới sẽ đến, chúng ta sẽ thấy khi xét đến Khải huyền. Đất đó sẽ là trung tâm của tương lai. Một trái đất mới, một hành tinh mới mà chúng ta sẽ sống trên đó. Chúng ta là những người duy nhất biết điều này. Ai cũng phát hoảng về tầng ozone, về biển bị ô nhiễm, rừng bị phá bỏ. Người ta hoảng sợ vì nghĩ rằng đây là hành tinh duy nhất để sống trên đó. Chúng ta biết nhiều hơn thế, chúng ta tìm kiếm một trời mới và đất mới. Nhưng trời mới và đất mới sẽ có một điều rất khác với hành tinh mà chúng ta biết đây.

Điểm khác biệt là thế này: đó sẽ là một trời mới, đất mới có sự công chính ngự trị. Sẽ không có sai phạm, tội phạm hay tội lỗi, không có gì bẩn thỉu hay dơ dáy, không hề có. Phi-e-rơ nói: *Nếu thật sự tin vào điều đó thì anh chị em sẽ không nghe tất cả những kẻ chế giễu kia, anh chị em biết điều đó đang đến.* Nhưng chúng ta phải trở thành những người thế nào khi biết tất cả những điều này, rằng cả thế giới này sẽ qua và thế giới mới sẽ đến, một thế giới không chấp nhận tội lỗi? Câu trả lời đơn giản thôi: *Hãy sống đời sống thánh khiết và tin kính.* Hãy sẵn sàng. Bắt đầu thu dọn hành lý. Như vậy là ông thực sự chống lại mọi sự đồi bại có thể bước vào hội thánh qua những dạy dỗ sai lạc. Anh chị em hãy chăm xem thế giới mới ấy, một thế giới công chính, điều đó sẽ khiến anh chị em được vững vàng trong sự công chính mình, giữ cho anh chị em sống đúng đắn, vì anh chị em biết rằng nếu không, anh chị em sẽ không trở thành một phần của thế giới mới ấy.

Kết luận

Nên hãy sống ở trên này trong đức tin, hy vọng, tình yêu thương và sẵn sàng cho vinh hiển. Khi nghe thấy tiếng kèn thì anh chị em sẽ lần đầu được bay miễn phí đến Xứ Thánh. Mít-tinh lớn quá chừng! Đó là dòng chữ trên bia mộ ông tôi tại Newcastle. Bốn từ nằm trong một bài thánh ca Giám

lý cổ. Có tên ông, Đa-vít Ledger Pawson, và dưới đó có ghi "Mít-tinh lớn quá chừng!" Nếu anh chị em không thích thờ phượng ồn ào thì đừng có đến, các thiên sứ sẽ la lớn và kèn sẽ thổi. Đủ to để làm người chết sống dậy. Đó chính là điều sẽ xảy đến, những người đã chết sẽ ngồi hàng trên, nên đừng lo, nếu chết trước thì anh chị em sẽ được ngồi hàng trên vì anh chị em sẽ sống lại trước và chúng ta sẽ gặp Ngài trên không trung, sau đó là một trời mới, đất mới. Phi-e-rơ nói: *Hãy gắn hy vọng mình vào điều đó thì anh chị em sẽ sống theo cách mình cần để trở thành một phần trong thế giới mới ấy. Anh chị em sẽ không nghe thứ rác rưởi đó, sẽ không bị vướng vào nó và bị nó làm cho hoen ố. Anh chị em sẽ giữ mình cho không tì vết, thậm chí là khỏi hội thánh bội đạo, đừng bận tâm đến thế gian mà hãy cứ tiến tới.*

Cảm ơn Phi-e-rơ vì hai bức thư này. Hai thư sẽ giữ cho chúng ta đứng vững. Lúc này, tại Anh Quốc có nhiều sức ép về dị giáo trong hội thánh hơn là bên ngoài. Nên 2 Phi-e-rơ sẽ thiết thực hơn vào lúc này, nhưng sẽ đến một ngày không xa khi 1 Phi-e-rơ sẽ trở thành bức thư giữ chúng ta vững vàng trong đức tin, hy vọng và tình yêu thương. A-men.

CÁC THƯ TÍN CỦA GIĂNG - Phần 1

Giới thiệu

ABSOLUTE CONTRASTS

LIFE	DEATH
LIGHT	DARKNESS
TRUTH	LIES
LOVE	HATE
RIGHTEOUSNESS	LAWLESSNESS
CHILDREN OF GOD	CHILDREN OF SATAN
LOVE OF THE FATHER	LOVE OF THE WORLD

WHO? (2.12-14)

'LITTLE CHILDREN'	'YOUNG MEN'	'FATHERS'
Know forgiveness	Developed strength	Length of experience
Know fatherhood	Digested scripture	Depth of experience
	Defeated Satan	

WHY?

That they may be SATISFIED (1.4)
SINLESS (2.1)
SAFE (2.26)
SURE (5.13)

To promote HARMONY (1.3)
To produce HAPPINESS (1.4)
To protect HOLINESS (2.1)
To prevent HERESY (2.26)
To provide HOPE (5.13)

Nép mình ở phía cuối Tân Ước là ba bức thư nhỏ của Sứ đồ Giăng, một bức khá dài và hai bức rất ngắn, chúng khá khác với các thư tín của Phao-lô mà chúng ta đã xét đến. Chúng được viết bởi một người khác, và Đức Thánh Linh thần cảm các trước giả Kinh Thánh đến nỗi Ngài không lấn át tính khí, hoặc cách nhìn cụ thể, tính cách và nhân cách của họ. Một điều thật đẹp. Đức Chúa Trời có thể sử dụng nhân cách của chúng ta, nên các thư này mang lại một cảm nhận khác biệt. Chúng rất ấm áp, rất cá nhân; một số người gọi chúng là những bức thư đầy tình cha. Tôi thì gọi chúng là những bức thư đầy tình ông, vì khi Giăng viết những thư này thì ông đã về già.

Ông là Sứ đồ duy nhất qua đời vì tuổi già. Tất cả những người khác đều bị giết, bị hành hình, bị ám sát hay gì đó, còn Giăng thì được sống. Thực ra, Chúa Giê-su đã ám chỉ điều này khi Ngài bảo Phi-e-rơ rằng *con sẽ chết một cái chết khủng khiếp*, trên thực tế là bị đóng đinh. *Con sẽ bị người ta dẫn đi đến nơi mà con không muốn*. Và Phi-e-rơ hỏi: *Thế còn Giăng thì sao?* Chúa Giê-su đáp: *Đó không phải việc của con, Phi-e-rơ ạ - Nếu Ta muốn người nầy cứ ở lại cho tới khi Ta trở lại thì đó là việc của Ta*. Từ đó, người ta đồn rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại trước khi Giăng qua đời, thực ra đó không phải là điều Chúa Giê-su nói. Trong Tin lành theo Giăng, ông đã đính chính lại ấn tượng sai lầm đó. Nhưng đúng là ông sống đến già, và tất nhiên là chăm sóc cho Ma-ri, mẹ của Chúa Giê-su. Họ đã chuyển đến Ê-phê-sô, và đó là nơi những thư này được viết ra. Về sau, chúng ta sẽ xét đến sách Khải huyền, một sách cũng không phải là không liên quan đến Ê-phê-sô.

Rồi, khi xét đến những thư này, lại có những học giả Kinh Thánh nói rằng chúng không do Sứ đồ Giăng viết, nhưng khi so sánh những thư này với Tin lành theo Giăng, chúng ta sẽ thấy chúng có cùng một dấu ấn, cùng một văn phong, từ ngữ và nhiều đặc điểm khác cũng giống. Nhưng điều thật sự gắn những thư này với Tin lành theo Giăng, tuy xét trên một khía cạnh thì chúng không được đề tên, là thực tế rằng từ đầu đến cuối đều có những tương phản tuyệt đối. Giăng là một người phân rõ trắng

đen. Ông luôn trình bày mọi thứ trong tương quan tương phản tuyệt đối, và những người sống trong thời đại của thuyết tương đối như chúng ta thấy điều này rất khác.

Thuyết tương đối nghĩa là không có gì đúng hay sai, mọi thứ chỉ là một quan điểm. Không có gì đúng hay sai, không có trắng hay đen, mọi thứ đều xám xịt, và chúng ta sống trong một xã hội tận tụy với tư duy tương đối. Trong khi đó Kinh Thánh rất hay nói dưới dạng tuyệt đối - trắng ra trắng, đen ra đen. Giăng đặc biệt nhìn mọi thứ một cách rất rõ ràng: sự sống hoặc cái chết, ánh sáng hoặc bóng tối, lẽ thật hoặc sự dối trá, yêu hoặc ghét, công chính hoặc gian ác, con cái Đức Chúa Trời hoặc con cái Sa-tan, yêu Chúa Cha hoặc yêu thế gian. Ông nói rằng những điều này hoàn toàn xung khắc, và không có lập trường thứ ba. Không có vị trí ở giữa, không có thế trung lập, hoặc là bước đi trong ánh sáng, hoặc là bước đi trong bóng tối. Và cuối cùng, tất nhiên, sự tương phản rõ rệt nhất là thiên đàng hoặc địa ngục. Không có nơi nào khác. Tất cả mọi người đều đang đi đến một trong hai. Điều đó cho thấy chính Giăng đã viết những thư này và cả sách phúc âm nữa, đó là cùng một người. Đây là lối suy nghĩ của ông?

Thư 1 Giăng - Giăng gửi thư cho ai?

Ông gửi các bức thư của mình cho ai? Ông có cho chúng ta biết trong chương 2, câu 12 đến 14. Ông nói: *Tôi viết thư này cho ba nhóm người. Tôi viết cho các con bé nhỏ, tôi viết cho các bạn trẻ và tôi viết cho các phụ lão hay những người cha.* Xét trên một khía cạnh thì ông không viết cho các độ tuổi thuộc thể khác nhau mà cho các độ tuổi thuộc linh khác nhau. Các con bé nhỏ là những người mới cải đạo, những người vừa mới được sinh lại, những đứa nhỏ cần được cho ăn sữa thay vì ăn thịt, cần giúp đỡ chúng. Những đứa nhỏ đã kinh nghiệm hai điều. Họ biết sự tha thứ, và giờ đây họ biết Đức Chúa Trời là Cha, họ chỉ biết đến vậy. Và ông đang viết cho họ. Những đứa nhỏ, những người mới cải đạo, con trẻ trong Đấng Christ.

Ông cũng muốn viết cho các bạn trẻ, những người đã trưởng thành hơn một chút, thành nhân hơn một chút. Ông nói ba điều về họ, các bạn trẻ, các bạn trẻ trong Đấng Christ, những người đã bắt đầu mạnh lên. Họ đã mạnh hơn một chút, họ không yếu đuối như con trẻ. Họ cũng đã ăn nuốt Kinh Thánh. Họ biết thánh kinh, họ đang nghiên cứu Kinh Thánh, và điều đó đã giúp họ tăng trưởng. Trên hết, họ đã có những trận chiến đầu tiên với Sa-tan và đã đánh thắng Sa-tan. Khi đánh thắng Ma quỷ thì người ta sẽ tăng trưởng. Nên đây là những Cơ Đốc nhân trẻ đang trở nên mạnh mẽ theo ba cách đó.

Rồi ông viết cho những Cơ Đốc nhân già dặn hơn nhiều. Ông gọi họ là các phụ lão, và ông viết cho những người này vì kinh nghiệm của họ vừa có chiều dài, vừa có bề dày. Một số người chỉ có chiều dài kinh nghiệm chứ không có bề dày, nhưng ông nói rằng những phụ lão, những người cha, những Cơ Đốc nhân trưởng thành thực thụ có cả chiều dài và bề dày kinh nghiệm với Đức Chúa Trời. Nên ông viết cho ba nhóm này cùng lúc, một mục tiêu khá lớn để nhắm tới. Chúng ta thấy ông viết cho cả ba dưới dạng danh từ chỉ nam giới. Thực ra, có thể anh chị em cũng đã để ý thấy cả Tân Ước đều nói đến anh em chứ không phải anh chị em.

Đó là một điều cần chú ý vì một số lý do. Kinh thánh có bao hàm cả anh chị em nhưng tại sao lại nhấn mạnh vào phái nam? Vì hiện nay có những bản Kinh Thánh không phân biệt giới tính viết cho “anh chị em” từ đầu tới cuối; cũng chính là những bản nói rằng Đức Chúa Trời là cha/mẹ và có rất nhiều sự rối rắm xuất hiện trong đó. Nhưng tôi tin rằng lý do chính là thế này. Có thể thấy sức mạnh và phẩm chất của hội thánh nơi những người nam của nó, người nam có trách nhiệm lãnh đạo trong hội thánh cũng như trong gia đình, và tính cách của họ là điều cực kỳ quan trọng.

Hội thánh nào có những người nam mạnh thì cả hội thánh sẽ mạnh. Nơi nào người nam yếu thì hội thánh đó sẽ yếu. Đó là một lý do tại sao năm năm qua, tôi dành rất nhiều thời gian cho các hội nghị Người nam cho Đức Chúa Trời, và hầu hết những bức thư cảm ơn tôi nhận được lại đến từ các quý cô, vì những gì đã xảy ra với người đàn ông của họ. Nơi nào người nam được mạnh mẽ, trong gia đình và trong hội thánh thì nơi đó phụ nữ và trẻ em cũng sẽ mạnh mẽ.

Nhưng nơi nào người nam yếu thì hội thánh đó sẽ yếu. Đó là một ý quan trọng. Những anh em rất quan trọng. Tôi sẽ giàu to nếu tôi nhận được 10 bảng Anh từ mỗi một gia đình trong hội thánh có vợ hơn chồng về mặt thuộc linh. Nhưng sẽ là lành mạnh nếu chồng hơn vợ, và chồng không thể làm đầu nếu anh ta không đi đầu, nếu anh chị em hiểu ý tôi nói. Việc nhấn mạnh vào người nam là như vậy. Không phải là hạ thấp phụ nữ, hoặc trẻ em, mà nói rằng nếu những người nam được mạnh mẽ trong đức tin thì phụ nữ và trẻ em cũng sẽ như vậy, đó là một nguyên tắc sâu sắc.

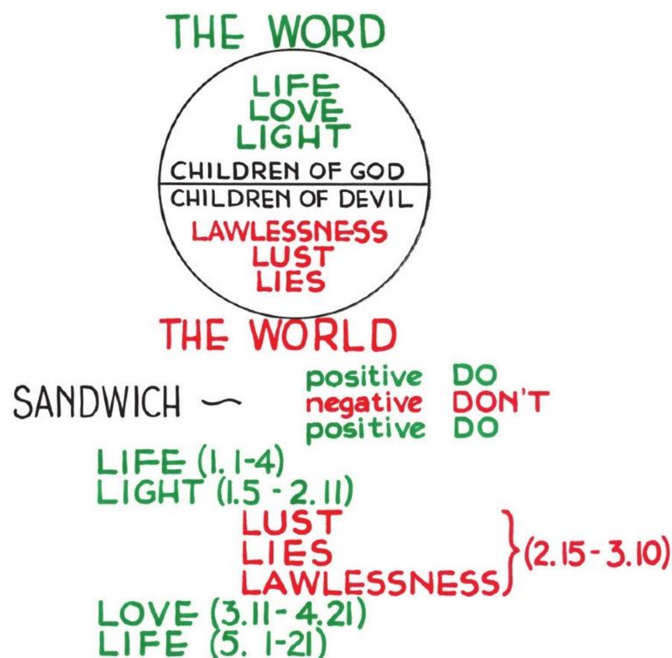
Tại sao ông lại viết?

Đó là việc ông viết cho AI, còn khi hỏi TẠI SAO ông lại viết thì có rất nhiều câu trả lời, vì ông đưa ra quá nhiều câu trả lời và tôi đã đưa ra hai dàn ý. Hai danh sách khả thi, một ngắn hơn, một dài hơn, nhưng anh chị em có thể ghép chúng lại với nhau và tùy chọn theo ý mình. Nhưng chẳng hạn, có người nói rằng ông viết vì bốn lý do: Để những nhóm người này có thể được thoả lòng - để niềm vui của họ có thể được trọn vẹn; để họ có thể được vô tội và sống một đời sống không chỗ trách; để họ có thể được an toàn khỏi mọi mưu chước của Ma quỷ, đặc biệt là những dạy dỗ sai lạc - phương cách đặc biệt của Ma quỷ để bước vào đời sống hội thánh; và trên hết, để họ có thể tin chắc - Cơ Đốc nhân cần xác tín, có một giáo lý về sự xác tín cực kỳ quan trọng trong những bức thư nhỏ này. Chúng ta không muốn sáng nào tỉnh dậy cũng thấy bất an, mà muốn tin chắc rằng mình là ai trong Đấng Christ, trong Đức Chúa Trời.

Nên ông viết để họ có thể tin chắc. Bốn điều tương ứng với bốn câu Kinh thánh. Ở đây tôi có năm điều. Cũng tương tự như vậy. Ông viết để khuyến khích sự hòa hợp giữa vòng họ, để họ có thể có sự thông công với nhau, để họ thật sự trở nên một. Viết để khuyến khích sự hòa hợp, để đem lại sự vui mừng - để niềm vui của họ có thể được trọn vẹn. Để bảo vệ sự thánh khiết - để họ có thể giữ mình là một dân tộc thánh và không bị sao lãng khỏi điều đó, rồi để ngăn chặn dị giáo. Chắc chắn là anh chị em hiểu được sứ điệp sau khi nghiên cứu các thư tín của Phao-lô và giờ là Giăng, rằng mối nguy lớn nhất với hội thánh là những dạy dỗ sai lạc. Và chúng ta phải luôn cảnh giác với chúng.

Cuối cùng là để mang đến hy vọng - ông muốn họ đầy hy vọng vào tương lai, không ngã lòng mà háo hức trông đợi mọi điều Đức Chúa Trời sẽ làm. Anh chị em có thể gộp hết những lý do đó vào với nhau nhưng nó ở trong lòng của ông, của ông lão đáng mến này. Ông viết vào khoảng năm 90 SCN, 60 năm sau lần đầu ông nghe Chúa Giê-su nói: “Hãy theo Ta.” Nay ông đã già, tôi có thể thấy ông có bộ râu dài và ông đang nói: *hỡi các con bé nhỏ, hỡi các bạn trẻ, cùng những người cha, ta là ông của các con trong đức tin. Ta muốn các con được thỏa lòng và biết chắc các con là ai, ta muốn các con trở nên thánh khiết, hòa hợp và đầy hy vọng.* Đó là lý do tại sao ông viết. Nên một tấm lòng chăn bầy rất dịu dàng đã viết những thư này.

Dàn ý của 1 Giăng



Hãy cố gắng bóc tách một khuôn mẫu nào đó từ bức thư. Không dễ vì thư không có trình tự; khi cố gắng đưa nó vào một cấu trúc thì anh chị em sẽ thấy thư gần như không thể phân tích được. Kiểu như ông đi lòng vòng. Tư duy của ông, theo cách gọi của chúng ta là tư duy theo đường vòng chứ không theo đường thẳng, tôi tư duy theo đường thẳng, tôi thích ABCD, tôi thích thấy tiến trình của một lập luận, tôi thích phân tích và Phao-lô khá giỏi về điều này. Ông có một tâm trí lề luật. Tôi thích những lập luận theo đường thẳng, nên tôi thấy mình hơi lạc lối khi đến với một người nghĩ theo vòng tròn và cứ đi lòng vòng quanh những chủ đề giống nhau, liên tục trở lại một chủ đề rồi lại đi tiếp.

Tại sao ông lại nghĩ theo đường vòng thay vì đường thẳng? Thì ban đầu ông là một người đánh cá. Ông không phải một luật sư như Phao-lô, ông là một người đánh cá và người đánh cá sẽ nói hết điều này đến điều kia. Ông không phải một người có học thức. Ông không được dạy để nghĩ theo cách đó. Đó có thể là một lý do. Một lý do khác có thể là do tuổi già. Người già hay nói nhiều. Và họ nói những điều lòng vòng, một đặc điểm của tuổi già. Nhưng tôi nghĩ lý do thực sự là thế này. Ông là người Do Thái, tuy viết bằng tiếng Hy Lạp nhưng ông vẫn là người Do Thái.

Nếu anh chị em nghiên cứu văn chương khôn ngoan Do Thái như sách Châm ngôn thì đó là một đặc điểm Do Thái... Anh chị em đã bao giờ nghe một bài nói chuyện của Ra-bi Do Thái, đã xem phim Người chơi vĩ cầm trên mái nhà chưa? Họ nói những điều lòng vòng. Về mặt này thì..., về mặt khác thì... Một người Do Thái từng hỏi tôi: *Anh có biết tại sao người Do Thái cổ ai cũng ngắn không?* Tôi chỉ...(nhún vai, rụt cổ)... Và có cái kiểu...kiểu khôn ngoan kỳ khôi này...về mặt này thì...về mặt khác thì...

Sự khôn ngoan Do Thái nói loanh quanh các chủ đề. Sách Châm ngôn chẳng hạn, đi lòng vòng qua một số chủ đề, động chạm đến sự biếng nhác rồi đến cô vợ hay la lối rồi lại quay sang chuyện khác, rồi một chuyện khác nữa, rồi "Lớn tiếng chúc lành cho bạn hữu ngay từ sáng sớm thì chẳng khác nào nguyền rủa họ," rồi trở lại với sự biếng nhác, xong lại nói tiếp về những người đàn bà hay la lối, anh chị em có để ý là sách cứ đi lòng vòng không? Anh chị em phải gom mọi thứ từ khắp nơi lại với nhau để ra được một bài giảng về sự biếng nhác. Thư Gia-cơ cũng giống như vậy. Anh chị em

cứ đọc thư Gia-cơ mà xem, ông nói về tội lỗi của miệng lưỡi rồi chuyển sang đức tin và việc làm, rồi quay lại cái miệng, đặc điểm của sự khôn ngoan Do Thái là đi lòng vòng, và có một số chủ đề liên tục xuất hiện và đan xen vào với nhau.

Nên không thể thực sự đưa thư vào một cấu trúc, nhưng tôi đã đưa nó vào một biểu đồ, kiểu như một thế giới với hai bán cầu. Hai nửa của một thế giới. Điều ông muốn nói là *Ta muốn các con sống trong bán cầu trên này và không dạt sang bán cầu dưới kia. Ta muốn các con ở trên đây với Lời Chúa và không đi cùng thế gian.* Kiểu biểu đồ nhỏ đó đã giúp tôi khi đọc xuyên suốt các thư Giăng. Vì thế giới bên trên, bán cầu phía trên, bắc bán cầu là nơi con cái Chúa cần sống, đó là một thế giới của sự sống, tình yêu và sự sáng vì ảnh hưởng lớn nhất trên chúng là Lời Chúa. Nhưng nếu dạt xuống quỹ đạo thì sẽ sang bán cầu bên dưới, đó là nơi ở của con cái Ma quỷ. Đó là một thế giới của sự gian ác, dục vọng và dối trá, vì chúng bị ảnh hưởng bởi thế gian. Đó là lựa chọn của mỗi Cơ Đốc nhân mỗi ngày - sống bởi Lời Chúa hay để thế gian định hình đời sống mình. Đó là tính cách sẽ sinh ra, đó sẽ là bầu không khí bao quanh đời sống người đó. Nếu yêu thế gian thì anh chị em sẽ sớm sống theo kiểu đời sống dưới đây. Nếu yêu Lời Chúa thì anh chị em sẽ sống theo kiểu đời sống trên này.

Tình yêu thương

Sau khi thấy khuôn khổ đơn giản về tư duy của ông, anh chị em nhận ra rằng thực ra là thư cũng có một hình thù nào đó, hơi giống chiếc bánh mì kẹp, bắt đầu từ khẳng định, sau đó là phủ định rồi lại khẳng định. Một chiếc bánh mì kẹp hấp dẫn. Khẳng định gấp đôi phủ định và phủ định bị kẹp giữa khẳng định - điều cần làm, điều không được làm và điều cần làm. Hoặc mở rộng ra một chút, trong chương một, chúng ta bắt đầu với sự sống, rồi chuyển sang chương hai - sự sáng, rồi có một phần phủ định tập trung vào lối sống của thế gian - dục vọng, dối trá và gian ác. Đó là từ chương 2:15 đến chương 3:10. Rồi ông trở lại với thể khẳng định và đặc biệt nhấn mạnh về tình yêu thương. Ông là người duy nhất trong Kinh Thánh đưa ra khẳng định Đức Chúa Trời là Tình yêu thương. Trên bảng có ghi phân đoạn mà ông đưa ra khẳng định này. Rồi ông kết thúc bằng việc lại nói về sự sống.

Không biết anh chị em có nhận ra rằng để nói Đức Chúa Trời là Tình yêu thương là cả một cuộc cách mạng không? Không tôn giáo nào khác trên thế giới từng nói như vậy, và thực sự không thể. Thậm chí Do Thái giáo cũng không nói được như vậy. Do Thái giáo có thể nói Đức Chúa Trời yêu chúng ta, nhưng đó là một khẳng định khác. Nói Đức Chúa Trời là Tình yêu thương tức là Đức Chúa Trời có hơn một ngôi, vì người ta không thể tự mình là Tình yêu thương được. Anh chị em hiểu điều đó không ạ? Chỉ vì biết rằng Đức Chúa Trời là Chúa Cha, Chúa Con và Thánh Linh nên chúng ta mới có thể nói Đức Chúa Trời là Tình yêu thương. Vì trước khi có bất kỳ ai khác thì có Cha, Con và Thánh Linh; Cha yêu Con, Con yêu Thánh Linh, Thánh Linh yêu Con, Con yêu Cha và cả ba đều yêu nhau. Đức Chúa Trời là Tình yêu thương, tức là Đức Chúa Trời có hơn một ngôi, trong khi với Do Thái giáo thì Đức Chúa Trời chỉ có một ngôi. Nên Ngài không thể là Tình yêu thương.

Anh chị em có hiểu rằng nói Đức Chúa Trời là Tình yêu thương đã là một khẳng định khác thường rồi, lại còn nói chỉ có một Đức Chúa Trời nữa? Chỉ có thể nói rằng Đức Chúa Trời là tình yêu thương nếu anh chị em tin vào Đức Chúa Trời ba ngôi một thể. Nếu không thì Ngài không thể là Tình yêu thương. Anh chị em chỉ có thể nói Ngài yêu chúng ta. Nhưng khi không có "chúng ta" để mà yêu thì làm sao Đức Chúa Trời có thể là Tình yêu thương đây? Trừ khi Ngài là ba ngôi một thể trong tình yêu thương trọn vẹn! Có người từng hỏi tôi *tại sao Đức Chúa Trời lại dựng nên chúng ta*? Tôi đáp:

Thì Ngài có một Con trai và Ngài yêu Con đó quá đỗi, đến nỗi Ngài muốn có một gia đình đông con hơn. Tôi không thể trình bày đơn giản hơn được nữa. Ngài muốn chia sẻ tình yêu Ngài vốn có rộng ra hơn nữa, đó là lý do tại sao Ngài muốn dựng nên nhiều con cái. Sự thể là như vậy. Đây là một dạng dàn ý.

Dị giáo

Chúng ta có nhiều điều để nói lắm, nên hãy nhanh đi tiếp nào. Tôi nhìn vào phần ghi chú của mình rồi lại nhìn vào bảng này mà không nối hai cái lại được với nhau, nên tôi sẽ trở lại phần ghi chú của mình một chút, sau đó chúng ta sẽ trở lại với bảng này. Nó ở sau một chút. Tôi muốn nói đến dị giáo, những dạy dỗ sai lạc mà ông đang phải đối phó, ngay tại Ê-phê-sô. Anh chị em để ý rằng khi viết thư, ông nói "chúng ta," "anh em" và "những kẻ ấy," và tôi muốn nói đến phần "những kẻ ấy." Trên đây không có ghi chú nào cho anh chị em. Về cơ bản thì kẻ thù cũ của chúng ta - triết lý Hy Lạp lại phân tách giữa thuộc thể và thuộc linh. Anh chị em biết đấy, chúng ta quá thấm nhuần cái nhìn phân tách, cái nhìn tách biệt này về cuộc sống. Chính từ tiếng Hy Lạp mà chúng ta có các từ "thánh và thế tục." Anh chị em sẽ không bao giờ tìm thấy điều đó trong Kinh Thánh.

Ấy thế mà Cơ Đốc nhân còn nói với tôi rằng *tôi làm một công việc thế tục*. Tôi nói: *Không phải thế đâu, trừ khi đó là công việc vô luân hay trái luật*, và tôi liên tục nói rằng *không có điều gì là thế tục cả, trừ tội lỗi ra.* Anh chị em biết đấy, có lần, khi tôi nói như vậy tại miền Bắc nước Anh, một ca sĩ nhạc pop nổi tiếng toàn quốc được cải đạo qua lời đó. Không có điều gì là thế tục cả, trừ tội lỗi ra. Từ đó trở đi, cậu ấy bắt đầu hát vì vinh quang Chúa. Cậu từng nghĩ mình làm một công việc thế tục, một phần trong đó là làm nhạc quảng cáo trên ti vi. Cậu nói: *Bây giờ, tôi sẽ làm điều đó vì vinh quang của Đức Chúa Trời*. Không có điều gì là thế tục cả, trừ tội lỗi ra, nhưng người Hy Lạp lại phân tách mọi thứ thành thuộc thể và thuộc linh, thế tục và thánh, tạm thời và vĩnh cửu, họ phân tách tất cả, đặc biệt là họ phân tách giữa thân thể và linh hồn. Chúng ta phải chịu trận kể từ đó. Rồi họ đi thêm một bước nữa. Họ nói thuộc thể là gian ác, thuộc linh là tốt lành. Thân thể là gian ác, linh hồn là tốt lành. Và họ tạo cho người ta cái ấn tượng mà chúng ta vẫn có rằng mọi điều thuộc thể đều bẩn thỉu hoặc tội lỗi theo một cách nào đó. Và chúng ta phải hứng chịu điều đó trong hội thánh, không đúng chút nào.

Nhưng khi áp dụng điều đó với Chúa Giê-su thì anh chị em sẽ gặp vấn đề. S*ao Đức Chúa Trời có thể là một con người được? Không thể nào. Đức Chúa Trời vĩnh cửu còn con người ở trong thời gian. Đức Chúa Trời thuộc linh còn con người thuộc thể; sao Đức Chúa Trời có thể là một con người trên đất được?* Và tất nhiên, điều này đánh vào gốc rễ đức tin Cơ Đốc chúng ta, và nó ở dưới nhiều dạng thức khác nhau, một trong số đó là *Chúa Giê-su chỉ hiện thân trong xác thịt thôi, rằng xác thịt của Ngài không thật, chỉ là một sự hiện thấy*. Đây là một dị giáo gọi là Thuyết hiện hình (hay Ảo thân thuyết), nghĩa là chỉ đeo mặt nạ, chỉ hiện thân. Nên một trong những điều Giăng nói trong thư này là nếu anh em nghe ai đó nói Chúa Giê-su không đến trong xác thịt thì hãy biết rằng điều đó đến từ Ma quỷ.

Thực ra thì ở một mức độ sâu hơn thì người ta đã làm điều mà Thời đại Mới hiện đang làm, họ phân tách Chúa Giê-su là con người với Đấng Christ là thần. Một dị giáo trong thời của Giăng một lần nữa được dạy vào thời nay, tôi đã nghe thấy, đọc thấy nó, ấy là *Chúa Giê-su là một con người và khi Ngài được báp-tem ở tuổi 30, Đấng Christ đã ngự trên Ngài. Rồi khi Ngài chết, Đấng Christ lại đi, Chúa Giê-su chết và được chôn; nên Chúa Giê-su và Đấng Christ thực chất là hai điều khác nhau.* Nắm được không ạ? Đó là lý do tại sao Thời đại Mới lại nói về Đấng Christ. Người ta không thích

dùng danh Giê-su mà nói Đấng Christ, họ nói rằng người nào cũng có thể được Đấng Christ ngự trên mình. Điều đó rất tinh vi. Và nó lừa dối rất nhiều người.

Nhưng anh chị em thấy đó, Chúa *Giê-su* trong con người thuộc thể giờ đây đã bị tách khỏi Đấng Christ thuộc linh - đó là dị giáo. Giê-su Christ là một người, cả thuộc thể lẫn thuộc linh, có thần tính lẫn nhân tính, vừa ở trong thời gian vừa vĩnh cửu, nhưng người Hy Lạp lại phân tách ra như thế này. Một trong những khẳng định ưa thích của họ là Đức Chúa Trời ở bên ngoài thời gian, rằng Ngài không có thời gian. Kinh Thánh không hề nói vậy. Kinh Thánh nói *Đức Chúa Trời đời đời.* Một điều hoàn toàn khác. Thời gian là thực hữu với Đức Chúa Trời, Chúa là Đức Chúa Trời đã có, hiện có và đang đến, vì thời gian ở trong Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời không hẳn là ở trong thời gian, mà thời gian ở trong Đức Chúa Trời. Còn người Hy Lạp lại hoàn toàn phân tách Đức Chúa Trời khỏi thời gian. Anh chị em sẽ sửng sốt với số Cơ Đốc nhân nghĩ rằng khi lên thiên đàng, chúng ta sẽ ra khỏi thời gian. Không, chúng ta bước vào sự sống đời đời, thời gian kéo dài đến vô hạn. Thời gian là thực hữu trong Đức Chúa Trời; thời gian là thực hữu trong Kinh Thánh, nên lịch sử là câu chuyện của Ngài. Toàn bộ dị giáo này, Giăng đã thật sự phải chống trả kịch liệt. Cái việc phân tách Chúa Giê-su là con người khỏi Đấng Christ là thần. Ông nói: *Nếu bất cứ ai nói rằng Chúa Giê-su không đến trong xác thể thì điều đó thuộc về Antichrist chứ không thuộc về Đấng Christ.*

Như vậy là trong niềm tin của họ đang xảy ra điều này. Nên ông phải nói: *Khi Đấng Christ đến, Ngài là một con người thật sự.* Ông nói *chúng tôi đã thấy Ngài, đã chạm vào Ngài, đã nghe Ngài nói*, và đó là ba giác quan thuộc thể mạnh nhất - thị giác, thính giác và xúc giác. Nên ông nhấn mạnh điều chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã tận tay chạm vào. Thực ra Giăng đã dựa vào ngực Đấng Christ. Ông đã thực sự dựa đầu vào ngực Ngài. Ông nói: *Tôi đã chạm vào Đức Chúa Trời.* Thực hữu đến như vậy, sự nhập thể đóng vai trò nền tảng. Anh chị em thấy đấy, tôi cho rằng điều người ta nghĩ về Đấng Christ là vấn đề thực sự nền tảng. Có người đã đưa điều đó vào một bài thơ ngắn, không biết là tôi trích có đúng không, nếu không thì nhờ anh chị em sửa giúp.

“Anh nghĩ sao về Đấng Christ?
Tôi hỏi vậy là đủ biết.
Nếu không nghĩ đúng về Ngài
Thì sao anh đúng trong những điều còn lại?”

Là vậy đó. Cuối cùng thì mọi thứ đều xoay quanh câu hỏi *anh nghĩ gì về Chúa Giê-su? Anh có nhận biết rằng Ngài có trọn vẹn thần tính, trọn vẹn nhân tính, rằng trong Ngài, cả thuộc thể lẫn thuộc linh đều được hợp nhất cách trọn vẹn?* Thế giới bên kia và thế giới này đã hoàn toàn gặp nhau, tư tưởng Hy Lạp rằng có sự phân tách giữa thời gian và sự vĩnh cửu, giữa thuộc linh và thuộc thể đã vỡ vụn khi Ngôi Lời trở nên xác thể, sống giữa chúng ta và chúng ta chiêm ngưỡng vinh quang Ngài. Giăng đã thấy vinh quang Ngài. Ông nói: “Chúng tôi đã thấy vinh quang Ngài.” Đúng là họ đã thấy. Trên Núi Hóa hình, họ đã thấy điều đó, nhưng họ thấy chính Chúa Giê-su là con người được tôn vinh chứ không phải là một sự hiện thấy ma quái.

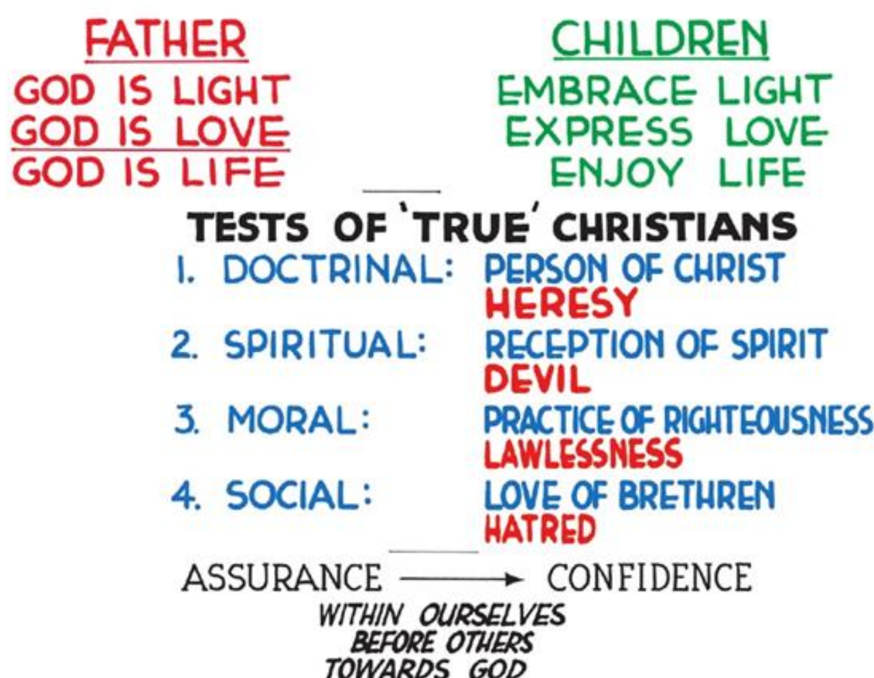
Tất nhiên, khi người ta đã phân tách thuộc thể khỏi thuộc linh thì nó không chỉ tác động đến niềm tin của họ về Chúa Giê-su mà còn tác động đến hành vi Cơ Đốc của họ. Tư tưởng Hy Lạp rằng *sự cứu rỗi không liên quan gì đến những gì anh làm với thân thể mình* - tôi bảo này, tư tưởng đó đã thực sự nắm giữ được nhiều người trong hội thánh. Và có những người chúng ta biết sống một đời sống khá đồi bại trong trong hội thánh nhưng tự nhận mình là thuộc linh, vì cho rằng những gì họ làm với thân thể không liên quan gì đến linh hồn họ. Tư duy Hy Lạp đã dẫn đến điều đó. Người ta sống trong

hai ngăn khác nhau. Thân thể họ sống ở một ngăn và linh hồn sống ở ngăn khác. Hai bên chẳng bao giờ chạm trán. Tôi nghĩ là anh chị em biết tôi đang nói gì. Nó lan tràn khắp nơi và Giăng cũng phải viết để chống lại điều này. Anh chị em thấy đó, những người nghĩ như vậy bắt đầu nghĩ rằng *tội lỗi không thành vấn đề với Cơ Đốc nhân. Mình đã có tấm vé lên thiên đàng rồi, tội lỗi không thành vấn đề*. Thực ra một số người còn đi xa hơn và nói *tội lỗi không tồn tại trong Cơ Đốc nhân*. Có một dạng thuyết hoàn hảo nói rằng *đối với Chúa thì tôi vô tội*.

Tôi nghĩ là một trong những sai lầm nghiêm trọng nhất mà người ta phạm phải khi đến với Đấng Christ là nghĩ rằng những tội lỗi trong tương lai của họ được tha thứ khi họ đến với Đấng Christ. Không phải, chỉ những tội lỗi trong quá khứ của họ được tha khi họ đến với Đấng Christ. Anh chị em cần tiếp tục được tha thứ với những tội lỗi sau này. Giăng phải nói rằng - và hãy nhớ là ông đang viết cho Cơ Đốc nhân, ông nói: *Nếu chúng ta tiếp tục xưng tội mình thì Ngài là thành tín, công chính sẽ tiếp tục tha tội cho chúng ta và dòng huyết Chúa Giê-su sẽ tiếp tục tẩy sạch chúng ta khỏi mọi điều bất chính*. Không phải là *nếu tôi đến với Đấng Christ thì từ giờ mọi tội lỗi của tôi được tha, giờ tôi được phiếu trắng với tội lỗi*. Mà là *mọi tội lỗi trong quá khứ của tôi đã được tha và giờ đây, tôi cần khai trình với Chúa. Tôi đã tìm ra cách đối phó với tội lỗi. Tôi xưng nhận chúng ra và Ngài tiếp tục tha thứ, nhưng chỉ khi tôi tiếp tục xưng nhận.*

Hình dung được không ạ? Tôi phải nói lại là sự dạy dỗ này rất cần thiết trong hội thánh ngày nay. Chúng ta cần thư Giăng. Kiểu tư duy Hy Lạp đó không chỉ dẫn đến sự gian ác và đồi bại trong hội thánh mà còn dẫn đến chủ nghĩa tinh hoa (elitism) thuộc linh, cho rằng Cơ Đốc nhân vượt lên trên các quy tắc thông thường về đúng sai. Không đâu! Đọc Rô-ma 2 mà xem, Phao-lô nói: *Sao anh em dám lên án người khác mà chính anh em cũng làm như vậy, anh em tưởng mình sẽ thoát được sao?* Đức Chúa Trời rất mực công bằng, Ngài không bỏ qua tội lỗi của người vô tín, Ngài không bỏ qua tội lỗi của tín đồ, nhưng Ngài đang đợi để tha thứ, để tẩy sạch và xử lý nó. Bối cảnh là như vậy, thực ra thì nó dẫn đến sự kiêu ngạo trong tâm trí cộng với sự suy đồi về đạo đức, đó là một sự kết hợp rất nguy hiểm trong hội thánh.

Sự xác tín



Ông muốn Cơ Đốc nhân tin chắc rằng họ là Cơ Đốc nhân, có sự tự tin. Nên ông nói: *con của Cha phản ánh bổn tính Cha*. Nếu Đức Chúa Trời là sự sáng thì con cái Ngài cũng bước theo sự sáng, họ bước đi trong đó. Nếu Đức Chúa Trời là tình yêu thương thì con cái Ngài sẽ bày tỏ tình yêu thương. Nếu Đức Chúa Trời là sự sống thì con cái Ngài sẽ tận hưởng sự sống. Nó cho chúng ta biết một điều. Làm sao để biết ai là con của Cha? Thì cha nào con nấy. Làm sao để biết ai thuộc về Đức Chúa Trời? Thì họ bước theo sự sáng, họ bày tỏ tình yêu thương và họ tận hưởng sự sống, vì Đức Chúa Trời là như vậy, con Ngài thì phải giống Ngài. Nhưng rồi ông đi vào chi tiết hơn nữa và đưa ra bốn bài kiểm cho Cơ Đốc giáo đích thực, chúng là những bài kiểm tra khá khắt khe, và ông xem xét chúng rất cẩn thận và chi tiết. Chúng ta không có thời gian xét kỹ đến chúng, nhưng tôi muốn đưa chìa khóa để anh chị em có thể nhìn vào Giăng và xem ông đang nhắm tới điều gì.

Bài kiểm Giáo lý

Đầu tiên là Bài kiểm về Giáo lý và mọi Cơ Đốc nhân, Cơ Đốc nhân thực thụ, phải vượt qua bài kiểm tra này. Họ nghĩ gì về Đấng Christ? Và nếu họ dễ lung lay, không chắc Chúa Giê-su mang nhân tính có phải Đấng Christ mang thần tính hay không, hoặc có phải Ngài vừa có thần tính vừa có nhân tính trọn vẹn hay không, thì họ không vượt qua bài kiểm tra. Một Cơ Đốc nhân thực thụ trước hết phải vượt qua bài kiểm tra về giáo lý, nếu không họ lại rơi vào dị giáo về Chúa Giê-su. Có nhiều người trong hội thánh nghĩ về Chúa Giê-su chỉ đơn thuần là một con người vĩ đại, một con người đáp ứng với Đức Chúa Trời hơn mọi người khác, nhưng cái đó không phải là bài kiểm về giáo lý, cái đó là dị giáo. Ngài vừa là Đức Chúa Trời vừa là con người, là cả hai một cách trọn vẹn - Đức Chúa Trời đích thực, và con người đích thực. Đó là bài kiểm đầu tiên; nếu không tin vào điều đó thì anh không vượt qua bài kiểm đầu tiên.

Bài kiểm Thuộc linh

Bài kiểm thứ hai là Bài kiểm Thuộc linh, bởi điều này chúng ta biết mình là con cái Đức Chúa Trời vì Ngài đã ban Thánh Linh Ngài cho chúng ta, rằng chính Thánh Linh làm chứng với tâm linh chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời. Nếu không có Thánh Linh thì anh không vượt qua bài kiểm thứ hai vì chính Đức Thánh Linh là Đấng bảo anh rằng anh là con cái Đức Chúa Trời, và anh biết. Để tôi nói đến một từ - một số người cố gắng có được sự xác tín từ Kinh thánh; Kinh Thánh thì không hề. Ý tôi muốn nói đến một từ rất kinh khủng - bằng một “tam đoạn luận” (syllogism) từ Kinh Thánh, bằng một sự suy diễn từ Kinh Thánh.

Nói một cách đơn giản là Kinh Thánh nói vậy, tôi tin vậy, thế là xong. Anh chị em đã bao giờ nghe thấy kiểu đó chưa? Cố gắng chứng minh cho người ta rằng họ là Cơ Đốc nhân bằng cách chỉ cho họ một câu Kinh Thánh. Đó không phải là cách thức của Tân Ước. Sự xác tín đến từ Thánh Linh chứ không phải từ lời Kinh Thánh trong Tân Ước, hiểu không ạ? Anh chị em không thể cố chứng minh mình là Cơ Đốc nhân bằng cách trích dẫn các câu Kinh thánh được. Chính Đức Thánh Linh là Đấng cho anh chị em biết mình là Cơ Đốc nhân, không phải lời Kinh Thánh, đây là một bài kiểm thuộc linh. B*ởi điều nầy, chúng ta biết mình là con cái Ngài vì Ngài đã ban Thánh Linh của Ngài cho chúng ta*. Nếu biết mình có Đức Thánh Linh thì chúng ta đã vượt qua bài kiểm thứ hai. Nếu không có Thánh Linh thì người ta vẫn bị Ma quỷ cầm giữ, và có thể bị các ác linh của hắn cầm giữ.

Bài kiểm Đạo đức

Bài kiểm thứ ba là Bài kiểm Đạo đức. Nếu sống đúng đắn thì lương tâm chúng ta nói rằng mình thuộc về Cha. Lương tâm được ban cho chúng ta như một phần trong sự xác tín, và với một lương

tâm trong sạch, chúng ta biết mình đang sống đúng đắn. Nếu chúng ta sống theo ý muốn Chúa, theo cách nói của Kinh thánh là nếu chúng ta làm điều công chính, nếu chúng ta thấy mình giữ luật pháp Chúa, thì đó là bài kiểm đạo đức xác chứng rằng chúng ta là con cái Ngài; nhưng nếu chúng ta nổi loạn chống lại luật pháp Ngài, nếu chúng ta cự lại lối sống mà Ngài muốn thì chúng ta không vượt qua bài kiểm thứ ba. Nắm được không ạ? Anh chị em phải đọc tất cả những điều đó một cách chi tiết trong thư Giăng.

Bài kiểm Xã hội

Có bài kiểm thứ tư là Bài kiểm Xã hội. Nếu yêu những người con khác của Ngài thì chúng ta sẽ vượt qua bài kiểm tra, vì chúng ta không thể nói yêu Đấng Christ mà không thích Cơ Đốc nhân, vì Đấng Christ ở trong những Cơ Đốc nhân kia và nếu yêu Đấng Christ thì chúng ta sẽ yêu Đấng Christ trong anh em mình. Nếu ghét anh em mình thì chắc chắn là chúng ta không yêu Cha vì Ngài yêu họ.

Tôi sẽ kể cho anh chị em một trường hợp rất thực tế về điều này. Một bằng chứng cho thấy chúng ta yêu Cha, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, ấy là khi chúng ta thấy mình có tình yêu với người Do Thái. Họ không đáng yêu đâu ạ. Nói thật là ở góc độ con người thì tôi thân với người Ả Rập hơn người Do Thái. Nhưng thật kỳ lạ khi Thánh Linh có thể ban cho chúng ta tình yêu với người Do Thái; thật là kỳ diệu! Đây hoàn toàn không phải một lẽ tự nhiên, thế giới ghét họ. Đó là một điều siêu nhiên; nhưng Chúa Giê-su gọi họ là anh em và Đức Chúa Trời vẫn yêu họ bất chấp tất cả những điều mà họ làm với Chúa, và Ngài vẫn yêu họ. Đó sẽ là bằng chứng cho thấy chúng ta có tình yêu của Cha. Đặc biệt, ông nói rằng *chính tình yêu thương anh em là điều chứng tỏ tình yêu của Cha ở trong anh em.* Vì Cha yêu họ và nếu Ngài đã tuôn đổ tình yêu Ngài vào lòng chúng ta bởi Thánh Linh được ban cho chúng ta thì chúng ta sẽ yêu họ. Cũng không phải Cơ Đốc nhân nào cũng đáng yêu cả. Theo lẽ tự nhiên.

“Ở với thánh đồ trên cao, ôi sao vinh hạnh
Ở với thánh đồ ngay cạnh, thôi đành kể sau.”

Ấy thế nhưng chúng ta thấy mình yêu những người mà bình thường chúng ta không thích, vì họ là con cái của Cha và tình yêu của Cha ở trong chúng ta. Như vậy là có bốn bài kiểm rất tốt. Một số người trong đây là nhà giảng đạo, đây là một bài giảng tuyệt vời cho anh chị em. Nếu anh chị em có giảng vào sáng Chúa nhật tuần sau thì tôi đang tiết kiệm thời gian cho anh chị em đấy nhỉ! Chỉ cần đưa họ đi qua bốn bài kiểm về Giáo lý, Thuộc linh, Đạo đức và Xã hội. Ông nói: *Hãy vượt qua bốn bài kiểm đó thì anh em sẽ xác quyết rằng mình đang sống trong gia đình của Đức Chúa Trời, rằng mình là con trai, con gái của Cha.*

Khi đã có sự xác tín đó thì anh chị em sẽ cực kỳ tự tin - ở ba phương diện, Giăng nói như vậy. Nó khiến anh chị em tự tin vào chính mình để khởi đầu mỗi ngày, biết rằng mình là con cái Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân không phải người nhút nhát, Cơ Đốc nhân không nên cúi đầu, Cơ Đốc nhân không nên...(quỵ lụy). Chúng ta là những người ngay thẳng. Kinh Thánh nói về những người ngay thẳng. Chúng ta có thể ngước đầu lên và ngẩng cao đầu. Tôi phải nói như vậy với một chàng trai trẻ, cậu bị khuyết tật bẩm sinh và bị mọi người hắt hủi và trêu chọc, kể cả gia đình cậu. Cậu ấy đang đi làm. Tôi hỏi: *Cháu tên gì?*

- *Phillip ạ.*
- *Nghe này Phillip, cháu có phải là Cơ Đốc nhân không?*
- *Có ạ.*

- *Cháu có yêu Chúa không?*

- *Có ạ.*

- *Thế thì từ giờ trở đi, cháu là Hoàng tử Phillip; mỗi sáng cháu hãy nhìn vào gương và nói: Chào buổi sáng thưa Hoàng tử Phillip. Cháu là một thành viên của hoàng tộc; hãy ngẩng cao đầu lên* - đầu cậu bé cúi gằm thế này.

Cậu ấy ngẩng lên và hỏi: *Sao chú biết?*

- *Cháu hỏi thế nghĩa là gì, chú biết cái gì cơ?*

- *Buổi sáng cháu vào nhà máy là mọi người lại chọc cháu và nói: Hoàng tử Phillip đến kìa.*

- *Nhưng đó là sự thật mà. Sáng mai, khi cháu bước vào, nếu thấy họ chào Hoàng tử Phillip thì hãy tự nhủ với mình là họ nói đúng đấy!*

Anh chị biết không? Điều đó đã thật sự giúp ích cho cậu, cậu đã ngẩng cao đầu và nó khiến cậu đổi khác. Khi chúng ta tin chắc rằng mình là con của một gia đình hoàng gia trên thiên đàng, chúng ta là hoàng tử, chúng ta là gia đình hoàng gia trên đất theo đúng nghĩa đen, hãy ngẩng cao đầu lên. Nó cho chúng ta sự tự tin vào chính mình, nó cho chúng ta sự tự tin với người khác; chúng ta dạn dĩ nói cùng những người khác hơn và trên hết, nó cho chúng ta tự tin với Đức Chúa Trời, vì chúng ta biết chắc mình là con Ngài, mình có thể nói: *Cha ơi, con cầu xin Ngài điều này nhân danh Chúa Giê-su* - sự tự tin với Đức Chúa Trời. Thư Giăng thật hay phải không? Người ông thuộc linh đáng mến này.

Tội lỗi trong tín đồ

Bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang chủ đề khác, một chủ đề lớn đến nỗi tôi sẽ dừng lại tại đây, và chúng ta sẽ mở đầu bài học tiếp theo bằng chủ đề rất lớn này - tội lỗi trong tín đồ. Giăng đã nói một số điều rất lạ về nó, đôi khi chúng có vẻ mâu thuẫn với nhau nữa. Nên chúng ta cần làm sáng tỏ nó đôi chút, tôi không hứa là sẽ giải quyết được mọi vấn đề, tuy nhiên chúng ta cần làm sáng tỏ nó đôi chút. Một bài học mà chúng ta sẽ rút ra là thế này: Đừng bao giờ lấy đúng một câu Kinh thánh ra làm dẫn chứng. Anh chị em có thể chứng minh bất cứ điều gì từ Kinh Thánh bằng cách lấy đúng một câu ra làm dẫn chứng. Quá nhiều người cố gắng làm điều đó và trích dẫn một loạt câu riêng rẽ với anh chị em. Đừng nghĩ đó là sự dạy dỗ theo Kinh thánh. Hãy để ý xem họ có lấy câu/đoạn Kinh thánh ra khỏi ngữ cảnh không, vì một câu/đoạn Kinh thánh đặt ngoài ngữ cảnh thì chỉ là cái cớ. Xin lỗi vì tôi không nghĩ ra câu đó, nhưng đó là một câu hay. Để tôi lấy đúng một ví dụ. Có một câu trong Kinh Thánh của tôi nói rằng: "Chẳng có Đức Chúa Trời." Nên tôi có thể chứng minh cho thuyết vô thần từ Kinh Thánh. Nếu tôi trích ngữ cảnh thì ngữ cảnh là thế này: "Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: 'Chẳng có Đức Chúa Trời'."

Anh chị em đã thấy nó dễ đến thế nào chưa? Đó là một ví dụ ngớ ngẩn, nhưng nếu lấy một câu ra khỏi ngữ cảnh của nó thì người ta có thể chứng minh cho bất cứ điều gì mình muốn; và tôi e rằng người ta đã làm điều đó với một số câu trong thư Giăng, về tội lỗi trong tín đồ, và chúng ta cần nhìn một cách tổng thể. Chúng ta sẽ làm như vậy trong bài sau.

Vấn đề tội lỗi trong tín đồ

SIN IN BELIEVERS (3.9)

Is it:

INDUBITABLE – we do sin?
INEVITABLE – we will sin?
INCOMPATIBLE – we should not sin?
INTOLERABLE – we must not sin?
INEXCUSABLE – we need not sin?
INAPPLICABLE – we do not sin?
INCONCEIVABLE – we cannot sin?

i. Means exactly what it says.
ii. 'Sin' only means blatant vices and crimes.
iii. God doesn't call it 'sin' in believers.
iv. Refers to our new nature, not old.
v. This is the 'ideal', not the actual.
vi. Only refers to habitual, persistent sin.

Applies to those who are:

BORN of GOD (have his seed/sperm in them)
ABIDING in CHRIST

Not discussing security of believers (5.16) but sinfulness in believers.

Để kết thúc phần nghiên cứu 1 Giăng, chúng ta phải xử lý một vấn đề khá khó. Đó là câu hỏi về tội lỗi trong tín đồ và có những khẳng định dường như triệt tiêu lẫn nhau. Trong một số khẳng định, ông cho rằng tín đồ sẽ phạm tội. Trong những khẳng định khác, ông nói họ không thể phạm tội và điều này đã đánh đố nhiều người. Ví dụ, chương 3, câu 9 Bản Authorized Version trong tiếng Anh có chép thế này: "Ai sinh bởi Đức Chúa Trời, thì không phạm tội, vì hạt giống của Đức Chúa Trời ở trong người, và người không thể phạm tội được, vì người sinh bởi Đức Chúa Trời." Đúng là một thách thức khi nói rằng nếu anh sinh bởi Đức Chúa Trời thì anh không thể phạm tội. Đúng không nhỉ? Nếu vậy thì tức là trong nhiều năm, một số người trong đây không phạm tội. Anh chị em có dám khẳng định như vậy không?

Thế thì chúng ta phải làm gì với khẳng định đó? Nếu xét riêng ra thì nó có vẻ khá tuyệt đối - nếu anh sinh bởi Đức Chúa Trời thì anh không thể phạm tội, chấm hết. Nhưng chương 2 lại nói - cái này là đang viết cho Cơ Đốc nhân nhé: "Nếu có ai phạm tội thì chúng ta có Đấng biện hộ với Đức Chúa Cha." Vậy làm sao ông có thể nói chúng ta không thể phạm tội, nhưng nếu có phạm thì anh phải làm thế này với nó? Hai điều chẳng có gì ăn nhập với nhau cả.

Hãy đối diện với câu này trước - có một hai câu khác mà chúng ta sẽ phải xét đến nhưng đây là câu thật sự khiến người ta cứng họng khi đọc phải. Có những vấn đề trọng yếu và những vấn đề thứ yếu trong đây. Vấn đề trọng yếu là *câu này có đúng không*? Không chỉ nói rằng họ không phạm tội - đó là khẳng định đầu tiên trong đây, họ không phạm tội; câu này còn nói tiếp rằng họ không thể phạm tội vì hạt giống - ở đây dùng từ spermatos, tinh trùng - vì tinh trùng của Đức Chúa Trời ở trong Cơ Đốc nhân và họ không thể làm như vậy.

Rồi, xin thứ lỗi vì tôi chơi chữ theo kiểu lặp chữ đầu. Có người nói chơi chữ chỉ dành cho kẻ ngu, thi sĩ và Nhóm anh em Plymouth. Không biết cái đó có đúng không, nhưng tôi chỉ chơi với những con chữ ở đây, anh chị em có thể bỏ qua. Chỉ cần xét đến phần đơn giản thôi. Không biết...hãy giơ tay xem nhé. Khi tôi đưa ra từng khẳng định, hãy giơ tay nếu anh chị em thật sự nghĩ là nó đúng.

• Rằng *Cơ Đốc nhân có phạm tội* - tất cả đều tin vào điều đó, một khẳng định không thể nghi ngờ, hoàn toàn chắc chắn; hoặc tất yếu.

• Rằng *Cơ Đốc nhân sẽ phạm tội* - bao nhiêu người trong đây nghĩ câu này đúng?

• Rằng *tội lỗi không tương thích với sự kêu gọi của chúng ta - Cơ Đốc nhân không nên phạm tội. B*ao nhiêu người tin điều đó? Rồi.

• Rằng *tội lỗi không chỉ không tương thích mà còn không chấp nhận được - Cơ Đốc nhân không được phép phạm tội* - bao nhiêu người đi xa tới mức đó? *Không được phép.* Anh chị em có vẻ hơi run run. Được rồi, sang câu tiếp theo.

• Rằng *không thể biện minh cho tội lỗi trong Cơ Đốc nhân - chúng ta không được phạm tội.* Bao nhiêu người đồng tình với câu này? Lần này có vẻ kiên quyết hơn một chút.

• Rằng *khái niệm về tội lỗi không thể áp dụng được với Cơ Đốc nhân - chúng ta không phạm tội.* Bao nhiêu người đồng tình với câu này? Vâng, hãy bầu chọn câu cuối xem.

• Rằng *tội lỗi không thể nào xảy ra - chúng ta không thể phạm tội.*

Thế là không ai giơ tay đồng tình với hai câu cuối, nhưng đó có vẻ là nội dung của câu Kinh thánh này. Thú vị không ạ? Thế là anh chị em không đồng tình với Lời Chúa hả? Được rồi. Buồn cười đấy nhưng chúng ta vẫn phải đối diện với nó; không thể lờ câu này đi được, nó nói rằng chúng ta không phạm tội vì chúng ta không thể phạm tội, thế mà không ai đồng tình với nó. Anh chị em có chút không chắc chắn với hai khẳng định bên trên, nhưng lại rất chắc chắn rằng mình không đồng tình với hai cái cuối, nhưng khẳng định lại là như vậy.

Chúng ta phải đào sâu thêm một chút. Đầu tiên, hãy để ý là có những điều kiện nhất định kèm theo, tại sao ông lại nói rằng chúng ta không phạm tội hoặc không thể phạm tội, tại sao? Một điều quan trọng. Ông nói *trước hết, vì chúng ta sinh bởi Đức Chúa Trời*; đó là điều đầu tiên - rằng chúng ta sinh bởi Đức Chúa Trời. Điều thứ hai là vì hạt giống của Ngài ở trong chúng ta, tinh trùng của Ngài - một phép ẩn dụ rất mạnh - ở trong chúng ta; nhưng đó có phải điều kiện duy nhất không? Có phải chỉ có hai điều đó không? Khi đặt câu đó trở lại ngữ cảnh thì chúng ta bắt đầu thấy có điều kiện thứ ba nhưng không phải khẳng định tuyệt đối; mà là khẳng định có điều kiện.

Khẳng định tuyệt đối nói rằng cái này đúng vào mọi lúc, mọi nơi; phải là như vậy. Khẳng định có điều kiện nói rằng cái này đúng nếu... Nắm được không ạ? Nếu đưa mắt lên trên một chút thì anh chị em sẽ thấy Kinh thánh chép rằng không ai sống trong Ngài mà cứ tiếp tục phạm tội, tự dưng điều đó bắt đầu thay đổi cục diện. Anh chị em bắt đầu có cảm giác khang khác. Tôi cũng cần đưa chút kiến thức về tiếng Hy Lạp vào đây. Nếu không biết tiếng Hy Lạp thì anh chị em không thể kiểm chứng điều tôi nói, nếu có thì được, còn không thì anh chị em phải thừa nhận lời tôi thôi. Các động từ ở đây thuộc một thì đặc biệt trong tiếng Hy Lạp gọi là thì hiện tại tiếp diễn, và thì hiện tại trong tiếng Hy Lạp không chỉ có nghĩa là điều anh đang thực hiện mà còn là điều anh tiếp tục thực hiện.

Như vậy là Chúa Giê-su không nói rằng *hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ, cửa sẽ mở* mà Ngài nói *hãy tiếp tục xin thì sẽ được; hãy tiếp tục tìm thì sẽ gặp; hãy tiếp tục gõ thì cửa sẽ mở cho các con*. Ngay cả câu Giăng 3:16 nổi tiếng cũng bị hiểu sai hoàn toàn vì câu đó cũng ở thì hiện tại tiếp diễn - "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài, để hầu cho ai tiếp tục tin Con ấy không bị hư mất mà tiếp tục được sự sống đời đời." Anh chị em nghe có thấy hơi khang khác không? Nên như vậy. Không phải là những người tin một lần là được sự sống đời đời, mà là những người tiếp tục tin sẽ tiếp tục có sự sống. Ở đây, Kinh thánh nói rằng "Không ai tiếp tục sống trong Đấng Christ mà cứ tiếp tục phạm tội.." Từ sống ở đây giống với từ "cứ ở." *Ta là cây nho thật, cứ ở trong Ta* tức là *ở trong Ta, tiếp tục sống trong Ta*.

Khẳng định ban đầu mà chúng ta thấy khó đồng tình là khẳng định có điều kiện, tùy thuộc vào việc chúng ta tiếp tục sống trong Đấng Christ, và khi đó nó mới trở nên đúng đắn - rằng ai tiếp tục sống trong Đấng Christ không tiếp tục phạm tội và không thể tiếp tục phạm tội. Nên nếu anh chị em đang không sống trong Đấng Christ thì không phải. Anh chị em bắt đầu cảm nhận được điều này chưa? Đúng là nếu mỗi ngày, chúng ta trong Đấng Christ thì chúng ta sẽ không tiếp tục phạm tội. Sẽ không có những điều cứ lặp đi lặp lại theo thói quen. Chúng sẽ bị phá vỡ.

Và anh chị em sẽ tiến bộ, ở đây Giăng đang nói đến cách phát hiện xem ai không phải Cơ Đốc nhân thực thụ - những người không tiếp tục sống trong Đấng Christ sẽ không thể hiện bất cứ tiến bộ nào về mặt thuộc linh. Họ sẽ không bước vào lời hứa này vì lời hứa này... Để tôi đọc một hai câu: "Ai sống trong Ngài không thể tiếp tục phạm tội. Người nào cứ mãi phạm tội là chưa thấy Ngài hoặc biết Ngài."

Nên câu mà chúng ta nói lúc đầu được dịch đúng trong bản New International Version: "Không ai sinh bởi Đức Chúa Trời mà tiếp tục phạm tội; người đó không thể cứ mãi phạm tội" - vì nếu sống trong Đấng Christ thì anh sẽ tiến bộ, anh sẽ có chiến thắng - chính mối quan hệ của anh là điều kiện cần cho lời hứa này. Tôi hy vọng là câu này đã sáng tỏ vì ý tôi muốn nói nếu trích ra ngoài ngữ cảnh thì anh chị em thậm chí còn không thể đồng tình với nó - anh chị em vừa mới phản đối Lời Chúa xong. Tôi trích một câu cho anh chị em mà không ai đồng tình với câu đó - cả một hội chúng Cơ Đốc nha, hiểu ý tôi nói không ạ? Điều đó minh họa mức độ nguy hiểm của việc lấy một câu Kinh thánh ra khỏi ngữ cảnh và xây dựng một giáo lý trên đó. Chúng ta thật sự phải đặt hết vào ngữ cảnh. Vì cả thư này cho rằng Cơ Đốc nhân sẽ rơi vào tội lỗi, nhưng không phải là họ sẽ tiếp tục làm như vậy. Thư Hê-bơ-rơ nói rằng *nếu sau khi nhận được sự tha thứ, chúng ta lại cố ý tiếp tục phạm tội, thì không còn có sinh tế nào chuộc tội được nữa*.

Kinh thánh không ý nói rằng Cơ Đốc nhân sẽ không bao giờ phạm tội, mà họ có cách để xử lý nó và sống trong Đấng Christ, họ sẽ muốn xử lý nó. Một trong những bằng chứng cho thấy anh là Cơ Đốc nhân, ấy là khi phạm tội thật thì anh thấy ghét nó; đúng không? Anh không yêu nó và anh muốn thoát khỏi nó, và nếu anh cứ ở trong Đấng Christ thì đó là cách để thoát khỏi nó. Những người tiếp tục sống trong Đấng Christ không thể tiếp tục phạm tội. Không thích hợp để làm như vậy. Hy vọng là điều đó hữu ích với anh chị em.

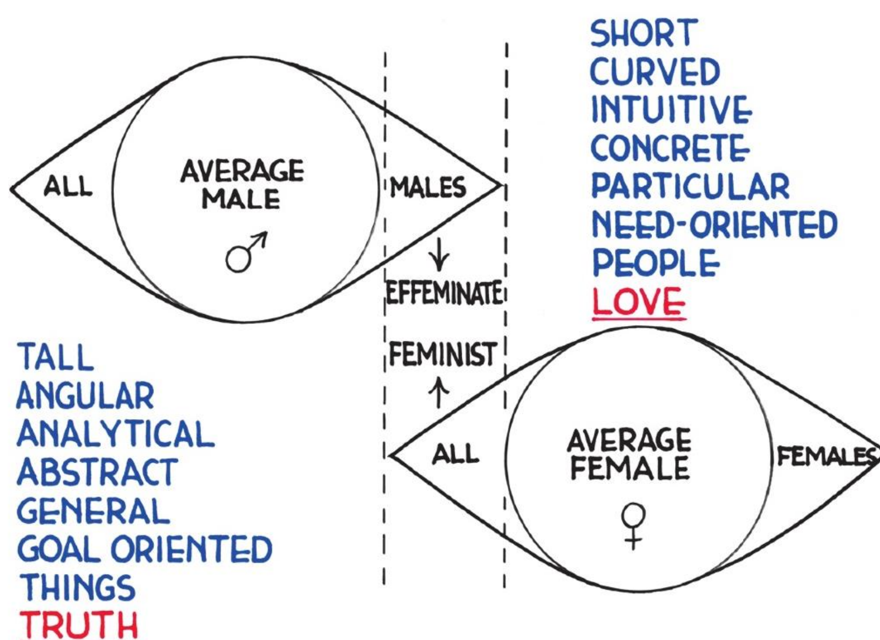
Tuy nhiên, một điều khác trong chương 5 về tội lỗi trong Cơ Đốc nhân cũng rất nghiêm trọng. Trong chương 5, ông nói: *Khi thấy một người anh em mình phạm tội, chúng ta cần làm mọi điều mình có thể để giúp đỡ và khiến người đó quay khỏi đường lối gian ác, làm vậy là cứu được một người anh em.* Rồi ông nói điều này - *nhưng có tội dẫn đến sự chết; và cầu nguyện cho một người anh em phạm*

tội dẫn đến sự chết cũng chẳng ích gì. Nghiêm trọng đấy ạ! Xuyên suốt Kinh Thánh, những người tái phạm có thể đi đến mức không thể quay lại được. Có tội dẫn đến sự chết và chúng ta cần coi trọng những cảnh báo này. Chúng là điểm nổi bật nhất trong thư Hê-bơ-rơ. Có một mức độ không thể ăn năn và Giăng nói rằng một người anh em có thể quá tội lỗi đến mức cầu nguyện cho người đó cũng chẳng ích gì.

Tất nhiên, điều đó có nghĩa rằng anh ta không sống trong Đấng Christ, anh ta đã mất kết nối với Cây Nho Thật, anh ta không cứ ở trong Ngài nữa. Như vậy, chúng ta chỉ có được sự quân bình tuyệt vời khi gom mọi điều Giăng nói về tội lỗi trong tín đồ lại với nhau. Nhưng nếu chúng ta bắt đầu lấy đúng một điều bất kỳ mà ông nói...Ví dụ, nếu chỉ lấy câu *có tội dẫn đến sự chết và cầu nguyện cho một người anh em đã tái phạm tới mức độ đó cũng chẳng ích gì* - ôi thôi, nếu anh chị em chỉ giảng có vậy thì hội chúng sẽ về nhà và sợ chết khiếp, sợ mình phạm phải tội không thể tha thứ. Nhưng cũng vậy, ở thái cực ngược lại, nếu chỉ nói *nếu có ai phạm tội thì chúng ta có một Đấng biện hộ, anh chị em chỉ cần xưng nhận tội lỗi mình và được tha* thì người ta sẽ nói: *Ôi được đấy, tôi có thể tiếp tục phạm tội cho tới ngày mình chết và tôi chỉ cần xin Chúa tha thứ là xong*. Không phải đâu, ngay ở giữa hai thái cực đó là câu Kinh thánh nói rằng *ai sống trong Đấng Christ thì không tiếp tục phạm tội*. Như vậy là có sự quân bình. Khi gộp mọi điều ông nói về tội lỗi trong tín đồ lại với nhau, anh chị em sẽ có một thái độ quân bình, sẽ không bị loạn thần vì thái cực này hoặc tự mãn về thái cực kia, sẽ có một sự kính sợ Chúa lành mạnh gìn giữ anh chị em trong Đấng Christ.

Hy vọng là điều đó có chút hữu ích. Tôi không thể khẳng định mình giải đáp hết mọi thứ, chắc chắn là anh em chị vẫn có một số khúc mắc. Tuy nhiên, tội lỗi trong tín đồ là một điều nghiêm trọng. Nếu Đức Chúa Trời là sự sáng thì chúng ta cần bước đi trong sự sáng; nếu Đức Chúa Trời là tình yêu thương thì chúng ta cần bước đi trong tình yêu thương; và nếu Đức Chúa Trời là sự sống thì chúng ta cần sống trong Ngài.

Hai thư sau - Giới thiệu



Chúng ta sẽ kết thúc thư 1 Giăng vì tôi muốn chuyển sang thư 2 Giăng và 3 Giăng, nhưng tôi sẽ bắt đầu theo một cách khác thường. Tôi sẽ bắt đầu từ việc nói đến khác biệt giữa người nam và người nữ là điều Đức Chúa Trời tạo dựng. Khi tạo dựng chúng ta theo hình ảnh Ngài, Ngài đã tạo dựng

người nam và người nữ, nên Ngài tạo dựng chúng ta bổ sung cho nhau, thật ngạc nhiên khi thấy điểm mạnh của nam giới tương ứng với điểm yếu của nữ giới, điểm mạnh của nữ giới tương ứng với điểm yếu của nam giới và chúng ta cần nhau đến nhường nào.

Vì thế mà tôi đưa ra biểu đồ ngồ ngộ này. Khi nói về những khác biệt giữa người nam và người nữ, tôi đang nói về khác biệt giữa những người nam đặc trưng, tương ứng với vòng tròn trên, và những người nữ đặc trưng ở vòng tròn dưới. Nhưng vì nam giới là cả một phổ rộng, không phải mọi người nam đều đặc trưng, và không phải mọi người nữ đều đặc trưng mà là cả một phổ rộng, nên hai bên có chồng lên nhau. Vì vậy, với bất cứ khẳng định nào tôi đưa ra, chắc chắn là anh chị em có thể tìm được những ngoại lệ. Chẳng hạn, nếu tôi nói người nam cao hơn và người nữ thấp hơn là đúng phải không? Ấy thế mà tôi có thể tìm được những người nữ ở đây cao hơn tôi. Nhưng người nam đặc trưng cao hơn người nữ đặc trưng.

Nên đừng bảo *ông nói sai rồi, vì tôi biết một trường hợp ngoại lệ.* Có những người nam ẻo lả và có những người nữ đô con. Người theo chủ nghĩa nhân văn sai ở chỗ, thực ra đây là một phổ rộng, đầu bên này của nam giới, đầu bên kia của nữ giới và một kiểu lẫn lộn ở giữa như thể tất cả chúng ta đều là một - không phải, chúng ta có nam giới và nữ giới, chỉ có điều hai phổ rộng đó chồng lên nhau thôi. Cũng có những thái cực. Có những anh quá cứng rắn và có những cô điệu chảy cả nước, kiểu như Sylvester Stallone ở mãi trên này và Marilyn Monroe ở tận ngoài đây, kiểu vậy. Nhưng có những phổ rộng và chúng chồng lên nhau ở đoạn giữa. Tôi e rằng chính trong sự chồng chéo này mà nhiều người nam muốn trở thành người nữ, giờ đây 25.000 người nam tại Anh Quốc đã thành người nữ. Họ có thể lấy cái đó miễn phí từ Dịch vụ Y tế Quốc gia - loạn thật sự luôn. Và nhiều người nữ muốn trở nên giống người nam và có sức ép nữ quyền mạnh mẽ ở đầu này. Đức Chúa Trời dựng nên những khác biệt và chúng ta cần hiểu những khác biệt để hiểu thư 2 Giăng và 3 Giăng, anh chị em có tin không? Vì 2 Giăng là thư tín duy nhất trong Tân Ước gửi đến một người nữ, còn 3 Giăng là một bức thư gần như giống hệt gửi đến một người nam. Hai bức nói những điều trái ngược nhau, nhưng có chung chủ đề, vì một bức gửi cho người nữ và một bức gửi cho người nam nên thực ra chúng khá khác nhau.

Nên hãy xét đến một số điểm khác biệt. Xét về vẻ bề ngoài thì người nam góc cạnh, người nữ có những đường cong - rõ ràng là như vậy đúng không? Nhưng ngay cả ở đây, tôi có thể tìm thấy một số người nam có đường cong và có lẽ là một số người nữ góc cạnh. Người nam có óc phân tích, người nữ thì theo trực giác nhiều hơn. Thật là khó chịu khi bà nhà tôi đưa ra một kết luận giống tôi, nhưng trước tôi tháng rưỡi, khó chịu thật, nhưng trực giác - nửa kia của não bộ - của phần đa người nữ lại mạnh hơn nhiều, người nam thì thích ngồi lại, nghiên cứu thời gian và chuyển động và suy nghĩ cho thấu đáo. Người nam có thể tư duy trừu tượng hơn về mặt tư tưởng. Người nữ sẽ tư duy cụ thể hơn về một tình huống thực tế. Người nam nghĩ đến những điều chung chung, phụ nữ nghĩ đến những điều cụ thể, họ muốn có ví dụ cụ thể. Người nam - chúng ta đang đến với một trong hai khác biệt lớn nhất - người nam hướng theo mục tiêu, họ phải sống cho một mục tiêu phía trước, họ sống cho tương lai, họ không ngừng nỗ lực để đạt tới điều gì đó, còn người nữ - có những ngoại lệ - nhưng người nữ hướng theo nhu cầu. Người nam thấy thỏa mãn nếu anh ta có một mục tiêu để nhắm tới; người nữ thấy thỏa mãn nếu cô ta có một nhu cầu được đáp ứng.

Khác biệt lớn nhất, rõ ràng rồi, là người nam quan tâm đến đồ vật hơn, còn phụ nữ quan tâm đến con người. Một đám đàn ông ngồi với nhau sẽ nói về mô tô, ô tô và đủ thứ khác, còn vợ họ ngồi lại với nhau và nói về chồng mình - và chúng ta cần nhau đến nhường nào. Tôi sẽ nhắc đến một khác

biệt nữa, không liên quan lắm nhưng cần biết. Ấy là một người nam có thể sống trong những ngăn riêng rẽ trong đời, anh ta có thể tự phân mảnh; anh ta có thể tách suy nghĩ khỏi cảm xúc của mình, còn người nữ suy nghĩ bằng cả con người. Đó là lý do tại sao một người nam có thể yêu nhiều người nữ cùng lúc, nhưng một người nữ chỉ có thể yêu một người nam cùng lúc. Đó là một phần cám dỗ mà người nam phải đối mặt, và người nữ cần hiểu. Cô vợ thấy anh chồng cặp kè với một người nữ ở văn phòng; nàng ta nói: *Anh không còn yêu tôi nữa.* Chàng ta đáp: *Anh có chứ*, và chàng ta nói thật, chỉ là nàng ta không hiểu thôi. Nói vậy không phải để biện minh cho người nam gì cả; chỉ là họ có thể sống trong những ngăn riêng rẽ thôi. Tức là người nam có trách nhiệm kỷ luật vì họ có thể tách cảm xúc khỏi suy nghĩ và có thể khách quan hơn trong một tình huống cần đối chất và trừng phạt. Hiểu ý tôi nói không ạ? Tôi có tin vào án tử hình và người ta hỏi: *Ông có thể bấm nút, hoặc kéo đòn bẩy lên không?* Tôi bảo *có, tôi nghĩ mình có thể làm vậy*, nhưng tôi sẽ không bao giờ bảo bà nhà tôi làm. Hiểu không ạ? Đó là một trong những lý do tại sao người nam lại được giao trách nhiệm kỷ luật trong gia đình và trong hội thánh.

Tất cả những điều này nằm trong hội nghị Người nam cho Đức Chúa Trời mà chúng tôi tổ chức. Nhưng vì sự khác biệt này mà đàn ông quan tâm đến lẽ thật và phụ nữ quan tâm đến tình yêu thương - tình yêu agape. Mối nguy của đàn ông là nhấn mạnh quá nhiều vào lẽ thật và quá ít vào tình yêu thương, còn mối nguy của phụ nữ là nhấn mạnh quá ít vào lẽ thật và quá nhiều vào tình yêu thương; nắm được không ạ? Thư 2 và 3 Giăng hoàn toàn khớp với khuôn mẫu này. Giờ đây chúng ta có thể xét đến hai thư nhưng vừa rồi chỉ là kiến thức chung.

Chủ đề và dàn ý của hai thư sau

Như vậy là chúng ta có 2 và 3 Giăng, chủ đề chính của cả hai thư ngắn này, chỉ nằm vỏn vẹn trên một trang A4, khổ A4 gần như bằng đúng một tờ giấy cói thời xưa - cỡ đó, và cả hai đều quan tâm đến chủ đề lòng hiếu khách. Lòng hiếu khách là điều rất quan trọng trong hội thánh thời đầu vì nói chung, Cơ Đốc nhân không được chào đón ở bất cứ nơi nào khác và thực ra, họ phải chăm sóc lẫn nhau, những Cơ Đốc nhân lưu động. Cũng có những chức vụ lưu động và một hội thánh cần cả chức vụ địa phương và chức vụ lưu động. Thật sự cần có cả hai. Một số hội thánh bị ghì chặt vào chức vụ

địa phương mà không nghe các chức vụ khác nhiều lắm - một điều nguy hiểm. Những hội thánh khác lại sống dựa vào những người khách đến giảng mà không có đủ người của mình. Nhưng có vẻ như trong Tân Ước có những chức vụ địa phương - mục sư, giáo sư, và có các chức vụ lưu động - tiên tri, nhà truyền đạo,...

Một trong những tài liệu Cơ Đốc gọi là the Didache hay Sách Dạy dỗ của các Sứ đồ cảnh báo rằng nếu một tiên tri ở với anh hơn ba ngày thì người đó là tiên tri giả. Một nhìn nhận thú vị. Vì các tiên tri sẽ trở nên nặng nề nếu họ ở nguyên một chỗ. Có anh chị em nào biết tôi đang nói đến điều gì không? Nếu có một tiên tri thường trú thì rắc rối to. Ôi, cứ mỗi tuần họ lại nói nặng hơn. Kiểu: *Đức Chúa Trời phán.* Quá nặng nề, gần như sau một thời gian chúng ta trở nên chai lì vậy, thật nguy hiểm! Tiên tri cần lưu động, nhà truyền đạo cần lưu động, mục sư và giáo sư cần ở một chỗ. Thế nên chúng ta mới phải lựa chọn. Anh không thể vừa làm mục sư của một hội thánh vừa là nhà giảng đạo lưu động - làm vậy là bất công với hội thánh. Tôi đã thấy nhiều hội thánh tan rã vì người ta không biết khi nào thì ông mục sư ở nhà. Nên chúng ta cần cả chức vụ lưu động lẫn cố định và đặc biệt là lòng hiếu khách với chức vụ lưu động. Bao giờ người ta cũng hỏi tôi là *Mục sư muốn ở khách sạn hay ở với một gia đình.* Tôi đáp: *Tôi luôn ở với gia đình, miễn là gia đình đúng kiểu.*

- *Ý mục sư là gì ạ?*
- *Tôi có thể nói cho anh biết bằng một từ có bốn chữ cái, tôi chỉ yêu cầu có vậy. Chỉ cần tìm cho tôi gia đình có một từ gồm bốn chữ cái.* Không biết anh chị em nghĩ đó là gì - thật. Tôi chỉ nói: *Hãy cho tôi ở cùng một gia đình với những con người thật.* Tôi không đòi hỏi thứ gì khác ngoài những con người thật chứ không giả bộ, anh chị em biết đấy. Người ta cố gắng trở nên kiểu mẫu để thể hiện với người giảng đạo đến thăm, hoặc chờ đợi tôi phải kiểu mẫu thế nào đấy. Chỉ cần cho tôi ở với một gia đình có những con người thật, và tất nhiên, điều đó xảy ra nhiều trong hội thánh thời đầu.

Ở đây, ông viết hai bức thư cho những chỗ mà lòng hiếu khách trở nên sai lệch, thư đầu cho một người phụ nữ và thư thứ hai cho một người đàn ông - người nữ thì để cửa quá rộng mở còn người nam thì đóng nó quá chặt. Một điều quá đặc trưng mà tất cả chúng ta đều có thể học từ cả hai và tự phê bình bản thân giống như vậy. Người phụ nữ, mối nguy là bà có quá nhiều tình yêu thương và không đủ lẽ thật. Bà đang chào đón những người mà đáng ra bà không nên chào đón. Bà thể hiện lòng hiếu khách; bà có thái độ quá mềm lòng và bà rộng cửa tiếp đón bất cứ ai muốn ở lại. Bà đang tiếp đón không đúng người, nên bị người ta lợi dụng để đưa những dạy dỗ xấu vào hội thánh.

Và Giăng, người ông này phải nhẹ nhàng quở trách bà rằng bà đang phớt lờ lẽ thật và đang bị người ta lợi dụng để đưa niềm tin sai trái vào. Đây là lý do tại sao - để tôi nói điều này trong tình yêu thương thật, và tôi thực sự có ý như vậy - tôi lo lắng cho những người vợ thực sự quan tâm đến chức vụ, lẽ thật,... Mà không có người chồng kiểm chứng. Tôi đã thấy điều này rất nhiều và hỡi những người vợ, hãy kiểm chứng những cuốn sách mà chị em đang đọc, những người mà chị em đang nghe với chồng mình; hãy trò chuyện với chồng và để chồng làm cái đầu để giúp trái tim của chị em không tiếp nhận sai. Tôi e rằng đúng là nhiều dị giáo đã len lỏi vào hội thánh qua những người nữ, qua những người vợ không đồng công với chồng, và những dạy dỗ xấu đã bước vào. Trái tim người nữ cuốn theo sự dạy dỗ nhưng cô ấy cần một chút đầu óc để kiểm soát nó. Tôi chỉ muốn đưa điều đó vào. Anh chị em có để ý không, trong Ti-mô-thê, những giáo sư tệ hại đã bắt thóp những góa phụ và những người nữ nhẹ dạ, họ không có người đàn ông giúp đỡ để bảo vệ họ khỏi bị lừa dối.

Tất nhiên, đó là lý do tại sao trong Ti-mô-thê, Phao-lô nhắc lại vấn đề người nữ dạy dỗ, và ông chỉ ra Ê-va là người bị lừa gạt. Tôi nghĩ mình cũng phải nói thêm là Ê-va bị lừa trước sự chứng kiến

của A-đam mà ông không nói nửa lời. Nó khiến tôi thấy hổ thẹn về giới chúng tôi. Anh chị em biết đấy, Sáng Thế Ký 3 chép rằng A-đam có mặt khi Sa-tan tranh luận với Ê-va, thế mà ông không hề mở miệng. Khi xem ti vi, tôi rất hay thấy khi người ta phỏng vấn một cặp vợ chồng sau một thảm họa, mất mát hay gì đó, ai là người nói đây? Người nam ngồi đó như ông tướng vậy; anh ta phải bảo vệ vợ mình và phải là người nói, thế mà anh ta toàn để vợ trả lời phỏng vấn.

Anh chị em thấy đấy, tôi đang nói nghịch cùng người nam vì chúng ta phải công bằng trong điều này. Nhưng đây là một người nữ đơn độc, bà tiếp khách trong nhà và có lẽ ông chồng nói: *Được rồi, tôi sẽ sang phòng khác để bà tiếp khách.* Sự tình là như vậy. Ôi, có rất ít ông chồng đủ dũng cảm để cãi lý với vợ. Làm sao để giữ được hòa khí gia đình, hiểu ý tôi nói không ạ? *Ôi em đi nhà thờ cũng chẳng sao.* Chắc là có sao đấy, nhiều là đằng khác nhưng anh ta không nói. Như vậy là bà này có hội thánh tại nhà mình và bà chào đón bất cứ ai đến và nói: *Tôi là giáo sư Cơ Đốc, tôi là giáo sư Kinh Thánh.* Và bà ấy sẽ nói: *Mời vào, tôi đã dọn giường cho ông, tối nay ông phải chia sẻ trong nhóm tôi mới được*. Giăng phải phanh bà lại và nói: *Nào, lẽ thật và tình yêu thương, bà phải xem người này có mang lẽ thật đến không rồi mới cho ông ta bước vào nhà bà.*

Nhưng mối nguy ngược lại nằm trong bức thư thứ ba và lúc này ông đang viết cho một người đàn ông. Người nam này lại bo bo giữ hội thánh của mình, nhóm dân sự của mình. Ông không để giáo sư nào khác bước vào đây, kiểu vậy, ổng quá chặt chẽ và đó là thái cực ngược lại. Mối nguy ở đây là ông quá nhấn mạnh vào lẽ thật đến nỗi quên mất tình yêu thương, ông nghĩ rằng trong mọi thứ, mình 100% đúng về mặt giáo lý còn không ai được thế cả. Thế là ổng đóng cửa và có thái độ quá cứng lòng. Ông đóng chặt cửa và những người đúng đắn - những giáo sư tốt - không được vào, trong khi họ có thể mang đến một số ích lợi thật sự cho hội chúng. Và đó là cám dỗ của những người nam. Tôi nói trong cương vị một người nam và chúng tôi rất dễ làm như vậy, quá nhấn mạnh vào lẽ thật đến nỗi quên mất tình yêu thương.

Đó là lý do tại sao tôi rất trân trọng lời cầu nguyện sáng nay, rằng chúng ta phải đương đầu với sai lầm trong hội thánh, nhưng thực hiện điều đó trong tình yêu thương. Đó là một sự quân bình rất mong manh. Phụ nữ rất dễ có quá nhiều tình yêu thương và quá ít lẽ thật, đàn ông thì quá nhiều lẽ thật và quá ít tình yêu thương. Chúng ta cần nhau đến nhường nào và Đức Chúa Trời đã tạo dựng chúng ta cho nhau ra sao. Không có nghĩa là tất cả chúng ta đều phải lập gia đình, và chỉ có thể tìm được sự cộng hiệp này trong hôn nhân. Chúa Giê-su là tấm gương hoàn hảo về một người nam tuy độc thân nhưng có những mối quan hệ hoàn hảo với nữ giới. Trân trọng họ, phục vụ họ và để họ phục vụ Ngài. Nhưng Ngài vẫn phân biệt rất rõ vai trò, trách nhiệm của người nam và người nữ.

Nên tôi hy vọng là sự phân biệt này giúp anh chị em cảm thấy tích cực về sự khác biệt, và chúng ta thật sự cần tích cực. Đức Chúa Trời tạo nên sự đa dạng trên thế giới bằng cách tạo nên những khác biệt. Ngài phân tách bóng tối khỏi ánh sách, Ngài phân tách nước ở bên dưới với nước ở bên trên, Ngài phân tách đất khô với biển và Ngài phân tách người nam với người nữ, cả hai đều theo hình ảnh Đức Chúa Trời và cả hai đều bình đẳng về phẩm giá, sự sa đọa và số phận, hoàn toàn bình đẳng, nhưng khác nhau. Nên họ cần những lời khác nhau từ Chúa và sự hướng dẫn khác nhau, Giăng đáng mến đã đưa ra hướng dẫn đó. Chúng ta cần cả hai, chúng ta cần tình yêu thương và lẽ thật nơi người nữ, cần lẽ thật và tình yêu thương nơi người nam, rồi kết hợp chúng lại với nhau.

Phân tích hai thư sau

II JOHN ♀	III JOHN ♂
1-3. LOVE IN TRUTH	1. LOVE IN TRUTH
4. FOLLOWING TRUTH	2-4. FOLLOWING TRUTH
5-6. FOLLOWING LOVE	5-8. FOLLOWING LOVE
7-9. SOME REJECT TRUTH	9-10. SOME REFUSE LOVE
10-11. DON'T INVITE THEM	11-12. DON'T IMITATE THEM
12-13. OUR JOY	13-15. YOUR PEACE

Khi phân tích hai bức thư nhỏ này - chúng rất ngắn nhưng rõ ràng, chúng được viết vào cùng một thời điểm, chắc hẳn là như vậy; và chúng theo đúng một khuôn mẫu. Người phụ nữ ấy - chúng ta không biết tên bà, có thể là Kyria, tiếng Hy Lạp nghĩa là quý bà, nhưng đó có thể là danh hiệu để chỉ một quý bà cao trọng, chúng ta không biết bà. “Các con” ở đây có thể là những người con thuộc linh nhóm tại nhà bà, chúng ta không biết. Aanh chị em có thể thấy cả hai có cùng một dàn ý nhưng nhấn mạnh vào những điều hoàn toàn khác nhau. Thật thú vị! Hai thư gần như giống hệt nhau nhưng khi đọc từ đầu đến cuối, anh chị em sẽ thấy chúng có sứ điệp khác nhau cho người đàn ông và người phụ nữ ấy.

Đây là một dàn ý mà anh chị em có thể theo dõi. Chúng ta có biết tên người đàn ông này và không chỉ mặt đặt tên thì vô can, nhưng hắn phạm tội quá chặt chẽ. Tôi e tên hắn ta là Đi-ô-trép, hắn lắm điều, hống hách và cứng đầu. Tôi e rằng hắn thèm khát quyền lực, hắn bo bo giữ hội chúng nhỏ của mình; hắn không muốn các giáo sư khác vào, khiến dân sự phân tâm khỏi sự lãnh đạo của hắn. Hắn được bảo là phải tiếp đón Đê-mê-triu, một người mà họ đều biết và có tiếng tốt, thế mà lại bị Đi-ô-trép đuổi đi. Giăng nói: *Hãy chào đón anh ấy, anh ấy là một giáo sư giỏi; đừng đóng cửa trước mặt anh ấy*.

Vị sứ đồ cao tuổi

Đó là các bức thư của Giăng. Để kết thúc, tôi sẽ kể hai câu chuyện về Giăng lúc về già mà chúng ta biết từ các ghi chép của hội thánh, chúng bộc lộ rõ nhất sự quân bình của Giăng về lẽ thật và tình yêu thương trong chính ông, vì ông là một hình mẫu của việc kết hợp hai điều lại với nhau. Ông có lập trường vững chắc về lẽ thật, ông không thỏa hiệp về lẽ thật; anh chị em biết điều đó từ 1 Giăng. Nếu có người reo giắc sự nghi ngờ về bổn tính của Đấng Christ, ông phản đối chắc như đinh đóng cột. Nhưng đồng thời, ông cũng là ông già rất mực yêu thương. Ông được gọi là môn đồ được Chúa yêu và Chúa Giê-su yêu ông, kết quả là ông trở thành một người đầy tình yêu thương.

Ở đây có hai câu chuyện. Khi ông đã già lắm rồi, người ta từng phải gánh ông đến hội thánh mỗi ngày. Người ta làm cái ghế, xỏ mấy cái sào qua đó và gánh vị Sứ đồ cao tuổi này đến hội thánh, rồi họ đề nghị ông nói. Ông sẽ đứng dậy, à không, ông ngồi trên ghế ở bên trên và nói: *Hỡi các con bé nhỏ, hãy yêu thương nhau*. Sau đó người ta sẽ đưa ông trở lại ghế ngồi. Chủ nhật tuần sau, họ lại gánh ông đến hội thánh và hỏi ông là *hôm nay thầy có muốn nói điều gì với chúng con không?* Ông nói: *Có, hôm nay ta muốn nói với các con một điều*. Người ta sẽ gánh cái ghế lên trên và ông sẽ nói: *Hỡi các con bé nhỏ, hãy yêu thương nhau*. Họ lại đưa ông xuống dưới. Chủ nhật tuần sau họ lại đưa ông

đến: *Sáng nay thầy có muốn nói điều gì với chúng con không? - Có, sáng nay ta muốn nói với các con một điều,* họ lại đưa ông lên trên và ông lại nói: *Hỡi các con bé nhỏ, hãy yêu thương nhau.* Họ bắt đầu nghĩ là ông có chút lẩm cẩm rồi.

Lúc nào cũng nói đúng câu ấy và họ nói: *Thưa thầy,* cuối cùng thì họ cũng phát chán. Anh chị em có thấy phát chán với một số người đúng không, khi họ cứ nói đi nói lại một điều? Có một cụ già đáng mến trong một buổi cầu nguyện ở miền bắc nước Anh. Mỗi sáng Chủ nhật cụ lại cầu nguyện: *Lạy Chúa, xin quét những mạng nhện khỏi lòng con, lạy Chúa, xin quét những mạng nhện khỏi lòng con.* Sáng chủ nhật nào cũng thế. Cuối cùng, một cậu thanh niên hét lên: *Lạy Chúa, làm ơn giết cái con nhện đấy đi ạ!* Vâng, anh chị em có thể thấy phát mệt khi nghe người già nói đi nói lại cùng một điều. Một số người trong đây hiểu điều tôi đang nói, trong buổi thờ phượng chung. *Hỡi các con bé nhỏ, hãy yêu thương nhau.* Cuối cùng thì họ đến gặp ông già và hỏi: *thưa thầy,* thật thú vị khi họ gọi ông như vậy, *thưa thầy, sao lúc nào thầy cũng nói như vậy ạ?* Ông đáp: *Vì đó là mạng lệnh của Chúa và chỉ cần làm được điều này thôi là đủ rồi.* Thật đẹp đúng không?

Nhưng họ cũng từng gánh ông đến bể bơi, đến các nhà tắm La Mã và thường xuyên tắm cho ông. Hay thật. Có lần họ đưa ông xuống nước và ở đầu bể bên kia, ông thấy một người tên Cerinthus, một giáo sư giả đầu sỏ đang đi khắp các hội thánh, và ông nói: *Kéo ta lên, kéo ta lên, ta không tắm chung nước với tên đó đâu.* Thế là người ta phải nhấc ông lên và đưa ông về nhà mà hôm đó không tắm. Đây là một con người rất mực yêu thương nhưng lẽ thật cũng rất quan trọng. Hiểu không ạ? Đó là Sứ đồ Giăng. Thật sự rất đáng kinh ngạc, vì khi Chúa Giê-su gặp ông, ông là một trong những người nóng tính nhất trong đó, và Chúa Giê-su gọi ông là Bô-a-nẹt, một từ không hay lắm và một cái tên không hay lắm. Nó có nghĩa là "con trai của sấm sét." Gia-cơ và Giăng là hai anh em nóng tính, khó ưa và Chúa Giê-su nói: *Ta sẽ gọi các con là Bô-a-nẹt, con trai của sấm sét.*

Ông cũng từng là một người cuồng tín. Lúc người Sa-ma-ri nhổ nước bọt vào họ khi họ đi qua Sa-ma-ri, ông nói: *Con sẽ gọi lửa từ trời xuống nếu Ngài cho phép con, thưa Chúa, chúng ta sẽ thiêu sống hết lượt.* Giăng đó ạ. Thay đổi hoàn toàn luôn. Ông từng đầy thù hận và mưu mô - ông thừa hưởng điều đó từ mẹ mình. Mẹ ông đến với Chúa Giê-su và nói: *Khi Ngài vào Vương quốc Ngài, con muốn xin cho hai con trai con được hai vị trí cao nhất.* Lần khác, họ cũng nói giống như vậy và các môn đồ khác ghen ghét họ vì họ đang cố lanh chanh giành lấy vị trí cao nhất trong Vương quốc. Ấy thế mà ở đây, lúc về già, con người này lại là sự kết hợp hoàn hảo giữa tình yêu thương và lẽ thật. Chúa Giê-su thay đổi một con người thật kỳ diệu! Nên ông mới có thể viết rằng: *Ai sống trong Chúa Giê-su không thể tiếp tục phạm tội, họ phải thay đổi và trở nên giống chính Chúa Giê-su.*

Đó là ba bức thư của Giăng. Chúng ta có hai bài nữa là xong cả Tân Ước. Chúng ta sẽ xét đến bức thư ngắn của Giu-đe, sau đó chúng ta sẽ xét lại sách Khải huyền. Tôi cảm thấy có nhiều điều để nói hơn và tôi muốn nêu cách tiếp cận của chính mình với sách đó, vì lần trước, tôi thật sự nói đến cách tiếp cận của mọi người khác, lần này tôi muốn chia sẻ cách của tôi với anh chị em. Vậy là chúng ta kết thúc bài này tại đây, bài tiếp theo sẽ nói đến thư Giu-đe.

THƯ GIU-ĐE

Giới thiệu - cuốn sách bị lãng quên

THƯ GIU-ĐE
"KHỐI U TRONG THÂN THỂ"

1-16: SỰ BĂNG HOẠI NGUY HIỂM
1. TÍN ĐIỀU: a. Cái nhìn cảm tính về Đức Chúa Trời
b. Cái nhìn hỗ lốn về Đức Chúa Trời
2. HÀNH VI: a. Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc
b. Các thiên sứ tại núi Hẹt-môn
c. Sô-đôm và Gô-mô-rơ
3. TÍNH CÁCH: a. Ca-in tức giaạn
b. Ba-la-am tham lam
c. Cô-ra tham vọng
4. LỜI NÓI: a. Cằn nhằn và bắt lỗi
b. Huênh hoang và tâng bốc

17-25: SỰ BĂNG HOẠI TINH VI
1. LẼ RA CẦN CHỜ ĐỢI ĐIỀU NÀY
a. Các tiên tri thời Cựu Ước
b. Các sứ đồ thời Tân Ước
2. SẼ PHẢI ĐỐI PHÓ VỚI ĐIỀU NÀY
a. CHÍNH MÌNH
Xây dựng trong đức tin
Giữ mình trong tình yêu thiên thượng
Chờ đợi sự thương xót trong hy vọng
b. NHỮNG NGƯỜI KHÁC
Nghi ngờ trong tâm trí
Mối nguy chết người
Sự nhơ nhuốc về đạo đức
NĂNG LỰC CỦA NGÀI - gìn giữ và trình diện
THẨM QUYỀN CỦA NGÀI - Đức Chúa Trời duy nhất, Cứu Chúa của chúng ta

Chúng ta sẽ xét đến bức thư nhỏ Giu-đe. Vì thư quá ngắn và nép mình ở cuối Tân Ước nên nhiều người không đọc, thậm chí không để ý thấy thư ở đó; nhưng đây là một bức thư nhỏ rất tuyệt vời. Và tôi sẽ bắt đầu hơi khác một chút; tôi đã diễn giải thư này để cố gắng làm rõ nghĩa hơn một chút bằng ngôn ngữ hiện đại. Tôi sẽ đọc phần diễn giải của mình. Tôi để toàn bộ dàn ý của bức thư nhỏ này ở đây, anh chị em hãy theo dõi dàn ý khi tôi đọc. Thư Giu-đe chia thành hai nửa - từ câu 1 đến 16 và từ câu 17 đến 25, tuy tôi lại phải nhắc anh chị em rằng Giu-đe không bao giờ cho số câu vào trong thư. Đó là cách phân chia mà sau này người ta đưa vào; đôi khi lại làm mất hay. Nhưng thư có hai nửa, nửa đầu nói về một sự băng hoại rất nguy hiểm đã len lỏi vào hội thánh mà ông viết cho - tôi gọi đó là một khối u trong Thân thể. Rồi nửa sau cho họ biết cách đối phó với tình huống đó sao cho khéo léo, cách chỉnh đốn nó, cách sửa đổi nó. Như vậy là bảng này nêu cả hai phần nhưng nửa bên kia bao trùm 16 câu đầu và nửa bên này bao trùm từ câu 17 đến 25. Nên khi tôi đọc - đây chỉ là một bức thư liền mạch, nhưng tôi muốn tâm trí anh chị em đi từng bước trong lập luận.

"Thư này gửi từ Giu-đa - tên vắn là Giu-đe, một trong những đầy tớ được Vua Giê-su mua chuộc và là em của Gia-cơ mà anh em đều biết. Thư gửi đến những người đã được gọi ra khỏi thế gian, giờ đây trở thành những người yêu dấu trong gia đình của Đức Chúa Trời, Cha của họ và được gìn giữ để trình diện với Vua Giê-su. Nguyện anh em được thêm hơn lòng thương xót, sự bình an và tình yêu thương mà anh em đã nếm trải.

Thưa anh em yêu dấu, tôi chỉ định viết cho anh em về sự cứu rỗi tuyệt vời mà chúng ta đều có nhưng cuối cùng tôi lại phải viết một kiểu thư khá khác. Tôi phải thúc giục anh em tiếp tục cuộc chiến đau đớn để bảo toàn đức tin thật đã truyền cho các thánh đồ thời đầu một lần đủ cả. Tôi nghe nói có mấy kẻ mà tôi sẽ không nêu tên đã lẻn vào giữa anh em - những kẻ bất kính vốn đã bị tuyên án từ lâu.

Chúng bóp méo ân điển nhưng không của Đức Chúa Trời thành sự vô luân trắng trợn, chúng không nhận Vua Giê-su là Đấng Chủ Tể duy nhất và là Chúa chúng ta.

Giờ đây tôi muốn nhắc cho anh em nhớ một số lẽ thật chắc chắn mà anh em đã biết rất rõ, đặc biệt là Đức Chúa Trời không phải là Đấng để đùa cợt. Anh em sẽ nhớ lại rằng Chúa đã đem cả một dân ra khỏi Ai Cập an toàn nhưng lần tới khi Ngài can thiệp, tất cả đều bị hủy diệt vì không tin cậy Ngài, các thiên sứ của Ngài cũng không được miễn thứ hơn dân Ngài. Khi một số người bọn họ không giữ vị trí và từ bỏ chỗ riêng của mình, thì Ngài bắt họ và giam họ vĩnh viễn bằng xiềng trong nhà ngục thấp nhất và tối tăm nhất cho đến Ngày Phán xét trọng đại. Cũng vậy, các cư dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng với những người từ hai thành phụ cận buông mình vào thói ăn chơi trác táng, thèm muốn tình dục không tự nhiên giống như các thiên sứ và số phận họ phải chịu trong ngọn lửa thiêu đốt đời đời là lời cảnh báo hệ trọng cho tất cả chúng ta.

Tuy đã có những gương xấu đó trong lịch sử nhưng những kẻ này đã lần vào hội thánh của anh em, làm ô uế thân xác mình theo cách giống hệt như vậy, chúng coi thường thẩm quyền thiên thượng và bôi nhọ các thiên sứ trong Vinh quang. Nhưng ngay cả trưởng của mọi thiên sứ - Mi-ca-ên - chính tên người có nghĩa là “giống như Đức Chúa Trời” cũng không dám trực tiếp buộc cho Sa-tan tội phạm thượng khi hai bên tranh luận về việc ai là chủ của xác Môi-se, ông sẵn lòng để chính Đức Chúa Trời buộc tội hắn và chỉ nói: “Cầu Chúa quở trách ngươi.” Nhưng những kẻ này giữa vòng anh em không ngại phỉ báng mọi điều chúng không hiểu, còn những điều duy nhất mà chúng hiểu cuối cùng sẽ chứng tỏ sự đồi bại của chúng, vì hiểu biết của chúng về cuộc sống chỉ đến từ bản năng thú vật, như súc vật không hề có chút lý trí. Khốn thay cho chúng, chúng đã đi xuống con đường giống như Ca-in, chúng đã đâm đầu vào lỗi lầm giống như Ba-la-am và với cùng một động cơ là tiền bạc. Chúng đi đến cùng một kết cục như Cô-ra khi phản loạn.

Những kẻ này dám mặt trơ trán bóng ăn cùng anh em trong bữa tiệc yêu thương của hội thánh, dù chúng chỉ biết tìm lợi lộc cho chính mình. Như những tảng đá chìm xuống nước, chúng có thể phá hoại mọi thứ. Chúng như những đám mây bị gió đùa đi quá mạnh đến nỗi không đổ mưa. Chúng như những cây bật gốc vào mùa thu, không lá, không quả, chết hai lần. Chúng như sóng cuồng của biển, sôi bọt nhuốc nhơ của sự ô nhục ghê tởm mình. Chúng như sao băng lạc khỏi quỹ đạo, được định để biến mất nơi hố đen đời đời. Hê-nóc, người đã sống chỉ bảy đời sau con người đầu tiên - A-đam - đã thấy tất cả những điều này hầu đến. Ông nhắc đến chính những kẻ này khi công bố lời tiên tri mình: “Nhìn kìa, Chúa đã đến với cả vạn thiên sứ để xét xử mọi người và kết án mọi kẻ bất kính về mọi việc bất kính mà chúng đã phạm trong đời sống bất kính của mình, cùng những điều xấc xược mà những tội nhân bất kính đã nói nghịch với Ngài.” Chúng là những kẻ hay cằn nhằn, bất mãn, lúc nào cũng kêu ca và bắt lỗi. Miệng chúng đầy những lời huênh hoang về chính mình, nhưng chúng không ngại tâng bốc người ta để trục lợi.

Hỡi anh em yêu dấu, lẽ ra anh em nên nhớ những điều các Sứ đồ của Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ nói sẽ xảy đến. Họ đã báo trước rằng trong thời kỳ cuối cùng, chắc chắn sẽ có những kẻ khinh thường sự tin kính, cuộc sống chúng bị chi phối bởi chính những ham muốn bất kính của chúng. Những kẻ như vậy chỉ có thể gây chia rẽ giữa vòng anh em, vì chúng chỉ làm theo bản năng tự nhiên của mình, và thiếu sự dẫn dắt của Thánh Linh. Về phần anh em, thưa anh em yêu dấu, hãy làm sao để tiếp tục xây dựng chính mình trên nền vững chắc của đức tin rất thánh nơi anh em, cầu nguyện theo cách mà Thánh Linh ban cho anh em. Hãy ở trong tình yêu thương với Đức Chúa Trời,

kiên nhẫn chờ đợi đến lúc Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ sẽ mang anh em vào sự sống đời đời chỉ bởi lòng thương xót Ngài.

Còn những người khác, tôi khuyên như sau: Với những người vẫn đang lung lay, hãy đặc biệt tử tế và dịu dàng. Những người đã bị đưa dẫn vào lầm lỗi phải được kéo ra khỏi lửa trước khi bị cháy rụi, và những người bị ô uế hoàn toàn cần được đối xử tốt hơn những gì họ đáng nhận, dù vậy, anh em đừng bao giờ để mất nỗi sợ lành mạnh, ấy là sợ chính mình bị hoen ố, kể cả bởi món đồ lót nhơ nhuốc của họ. Hãy ngợi khen Đấng duy nhất có thể giữ anh em khỏi vấp ngã và khiến anh em đứng thẳng trong sự hiện diện vinh quang Ngài cách không tì vết, mà trong niềm hân hoan tuyệt vời; là Đức Chúa Trời duy nhất, cũng là Cứu Chúa của chúng ta qua Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta. Thuộc duy Ngài mọi vinh quang, mọi uy nghiêm, mọi quyền năng và mọi thẩm quyền từ trước khi lịch sử bắt đầu, trong hiện tại và đến mọi thời kỳ hầu đến - thật đúng như vậy!"

Từ amen nghĩa là thế - thật đúng như vậy. Quá nhiều nhà giảng đạo đặt dấu hỏi chấm ở cuối từ A-men - A-men!? Thật kinh khủng! Phải là A-men! Thật đúng như vậy - đó không phải một câu hỏi.

Rồi, giờ thì chúng ta sẽ đến với Giu-đe. Đây được gọi là cuốn sách bị lãng quên nhất trong Tân Ước, một phần vì sách này nhỏ mà con người lại khinh thường những điều nhỏ bé; phần là vì sách đầy những điều lạ lùng. Chuyện thiên sứ trưởng Mi-ca-ên tranh luận với Sa-tan về xác Môi-se là sao? Điều đó ám chỉ gì đây? Chúng ta phải đào sâu một chút và tìm hiểu xem điều đó nghĩ là gì. Rồi con cháu Cô-ra - họ đã làm gì? Các thiên sứ đã làm gì mà bị giam trong ngục như vậy? Tôi nghĩ là thư cũng bị coi nhẹ vì nó khá gay gắt - người ta không thích đọc những bức thư gay gắt; họ thích đọc những bức thư dễ chịu. Giu-đe khá khắt khe, đây là một bác sĩ phẫu thuật đang dùng dao để cắt đi khối u trong Thân thể Đấng Christ.

Mối nguy của các hội thánh

Anh chị em thấy đấy, mọi hội thánh đều có mối nguy. Một số đối diện với mối nguy bên ngoài - sự bắt bớ từ bên ngoài, và đó không phải điều đáng lo vì nó chỉ đưa Cơ Đốc nhân xích lại gần nhau, khiến họ nên mạnh mẽ và hội thánh luôn tăng trưởng. Chính những mối nguy từ bên trong - chủ nghĩa kinh luật, sự phóng túng, những Cơ Đốc nhân quá hẹp hòi và những Cơ Đốc nhân quá khoáng đạt - đây là những mối nguy từ bên trong và chúng có thể hủy hoại Thân thể Đấng Christ.

Chủ nghĩa kinh luật nói rằng *anh không được tự do phạm tội, chúng tôi sẽ đảm bảo rằng anh không làm như vậy.* Sự phóng túng nói *anh được tự do phạm tội, giờ anh là Cơ Đốc nhân rồi nên không sao.* Sự tự do thật nói rằng *anh được tự do nói không với tội lỗi.* Khác nhau ở chỗ đó. Chúng ta nói lại một lần nữa nhé - *Chủ nghĩa kinh luật nói rằng anh không được tự do phạm tội, trong hội thánh chúng ta thì không được. Chúng ta có những luật lệ.* Sự phóng túng nói rằng *giờ anh là Cơ Đốc nhân rồi nên không sao, được cứu một lần là đủ cả, anh có tấm vé lên thiên đàng rồi; chẳng sao đâu; anh sẽ mất chút phần thưởng hoặc phước hạnh, nhưng không mất Vương quốc đâu.* Nói cách khác là *anh được tự do phạm tội.* Nhưng sự tự do thật nói rằng trong Thánh Linh, *anh được tự do nói không với tội lỗi.* Đó là sự tự do mà không ai có được, trừ Cơ Đốc nhân ra. Tôi e rằng có vẻ như nhiều Cơ Đốc nhân chưa tìm thấy điều đó, nhưng chúng ta được tự do nói không với tội lỗi. Thật đẹp đúng không? Đó là sự tự do thật, vì không ai khác có được dạng tự do đó.

Nội dung của thư - sự đồi bại về đạo đức

Rồi, thực ra trước giả này là em trai út thứ tư của Chúa Giê-su. Thật thú vị là những em trai của Chúa Giê-su không tin Ngài khi Ngài còn ở trên đất. Họ trêu trọc Ngài. Họ nói: *Lễ Lều tạm kìa, Đấng Mê-si-a đến vào Lễ Lều tạm đấy, anh xuất đầu lộ diện đi thôi. N*gài chỉ đáp: “Thì giờ của anh chưa đến.” Rồi Ngài có bí mật đi lên. Nhưng các em Ngài không tin Ngài. Có một giai đoạn mà chính gia đình Ngài nghĩ Ngài bị điên, Kinh thánh chép rằng Ma-ri và các em trai, em gái Ngài đến để đưa Ngài về nhà và nhốt Ngài lại; họ nói là Ngài bị quẫn trí. Đó là cụm từ cổ để chỉ chứng tâm thần phân liệt - khi bạn quẫn trí. *Nó quẫn trí mất rồi, là thợ mộc mà cứ nghĩ mình là Đức Chúa Trời. Tâm thần phân liệt. H*ọ không thể đến gần Ngài vì đoàn người quá đông; họ đã nhắn với Ngài rằng: *Gia đình thầy đã đến để đưa thầy về nhà. Mẹ và các em thầy đang đợi thầy ở ngoài.* Ngài nhận được lời nhắn và nói: *Ai là mẹ Ta? Ai là anh em Ta? Ai là chị em Ta? Ai làm theo ý muốn của Cha Ta trên trời thì ấy là mẹ, là anh em, chị em Ta vậy.*

- Ôi anh ấy điên thật rồi, giờ còn không nhận ra chính gia đình mình nữa.

Nhưng sau sự phục sinh, mọi thứ đã xoay chuyển và các em trai Ngài đều trở thành giáo sĩ cho Chúa Giê-su. Gia-cơ và Giăng viết hai bức thư, hai phần trong Tân Ước của chúng ta. À Gia-cơ và Giu-đe. Cả hai người đều không bao giờ tự xưng là em Chúa Giê-su, cả hai đều nói: *Tôi là đầy tớ của Đức Chúa Giê-su.* Thật tuyệt vời đúng không? Chính các em trai Ngài. Nhưng Giu-đe có đưa ra một gợi ý nhỏ, ông nói *và... Tôi là em trai Gia-cơ, anh em biết là ai rồi đấy!* Thấy không ạ? Ông chỉ gợi ý như vậy. Nhưng giờ ông đã là một đầy tớ của Chúa Giê-su, nên ông dồn tâm huyết vào lẽ thật của Tin lành Cơ Đốc.

Ông nói: *Lẽ ra tôi muốn viết một bức thư khá khác cho anh em. Tôi chỉ muốn viết về sự cứu rỗi mà chúng ta có được trong Chúa Giê-su, nhưng từ những gì tôi được nghe, tôi lại phải đổi chủ đề.* Ông nói: *Tôi nài xin anh em hãy tiếp tục cuộc chiến đau đớn vì đức tin từng được truyền cho các thánh đồ.* Từ mà ông dùng là từ mang nghĩa rất đau đớn, *đây là cuộc chiến đau đớn chưa từng có khi anh em phải chiến đấu để giữ đức tin từng được truyền cho các thánh đồ và giữ cho lẽ thật được nguyên vẹn.* Nó đau đớn vì anh em thường phải xử lý chính anh chị em mình, và lúc nào chẳng đau đớn khi phải giải quyết những điều trong gia đình. Bức thư này ra đời như vậy đó.

Ông nói rằng *có những kẻ đã bí mật lẩn vào hội chúng của anh em, chúng đã lẻn vào,* ông dùng những động từ kinh khủng để chỉ đủ kiểu lén lút - *chúng lẻn vào hội chúng anh em, chúng tìm cách đi vào từ cửa sau. Chúng đang đầu độc, chúng đang đầu độc hội thánh*; ông không chỉ mặt đặt tên mà chỉ nói *anh em phải đối phó với chúng.* Ông chỉ ra rằng quá trình lan rộng của khối u là một quá trình rất rõ ràng, khi ông phác họa nó ra, anh chị em có thể thấy nó đang xảy ra trong hội thánh. Nó bắt đầu từ việc xuyên tạc bản tín điều, với sự sai lạc về tín điều - điều anh chị em tin. Tất cả bắt đầu từ đó. Hai thứ mà Giu-đe nhắc đến là cái nhìn cảm tính về Đức Chúa Trời và cái nhìn hỗ lốn về Chúa Giê-su. Cái nhìn cảm tính về Đức Chúa Trời nghĩ rằng ân điển Chúa là cái cớ cho sự vô luân. Kiểu, *Đức Chúa Trời không đặt nặng tội lỗi đâu. N*gài là anh chàng dễ tính, Ngài vỗ nhẹ vào đầu anh rồi nói: *Thôi tha nhé, quên đi; Ta chỉ muốn con hạnh phúc thôi.*

Đó là lối biếm họa, và tôi đã nghe thấy vị Chúa đó được giảng trên truyền hình. Tôi nghe thấy người ta giảng suốt về vị Chúa dễ tính, thoải mái, không làm hại đến một con ruồi ấy. Đó là cái nhìn cảm tính về Đức Chúa Trời, không phải cái nhìn theo Kinh Thánh về Đức Chúa Trời. Tôi bảo này, bài ca trong Ha-ba-cúc mới là cái nhìn đúng Kinh Thánh hơn về Đức Chúa Trời. Trong đó ý thức

mạnh mẽ về việc Đức Chúa Trời xử lý những tình huống xấu. Đức Chúa Trời không bỏ qua tội lỗi; Ngài xử lý nó và chúng ta cần khôi phục cái nhìn không cảm tính, cái nhìn theo Kinh Thánh về Đức Chúa Trời. Đó là điều đầu tiên, họ coi ân điển Chúa là thứ để xem nhẹ tội lỗi: *Ôi chẳng sao đâu; Ta chỉ muốn tha thứ cho con.* Người ta lợi dụng điều đó. Tôi nghĩ đến nhà thơ Heine lúc lâm chung, ông là người Do Thái và là người Đức, nhưng lại bỏ mạng ở Paris; ông sống một đời sống khá tội lỗi tại Paris và chết trẻ. Người ta đưa một vị linh mục đến nghe ông xưng tội. Thế mà ông không chịu xưng ra. Vị linh mục hỏi: *Sao con không xưng tội lỗi mình?* Ông ấy nói: 'Dieu me pardonnera c'est son metier' - "Chúa sẽ tha thứ cho tôi, đó là nhiệm vụ của Ngài." Đó là cái nhìn cảm tính về Đức Chúa Trời, quá xem nhẹ ân điển Chúa - và điều này có ở đó.

Mặt khác là họ có cái nhìn hổ lốn về Chúa Giê-su - họ không tin Chúa Giê-su là Chúa và Đấng chủ tể duy nhất nữa. Khi đã đưa Chúa Giê-su vào cái đền thờ bách thần có Mohammad, Đức Phật và tất cả những người khác thì Ngài không còn là con đường duy nhất để đến với Đức Chúa Trời nữa, Ngài không còn là Đường đi nữa, Ngài chỉ là một con đường thôi, Ngài không phải là Lẽ thật và Sự sống duy nhất nữa mà là một lẽ thật, một sự sống và có nhiều con đường đến với Đức Chúa Trời. Anh chị em đã bao lần nghe truyền thông, thậm chí là người hàng xóm ngay cạnh nhà nói như vậy, rằng có nhiều con đường để đến với Chúa hay Ông Trời? Điều này đang bước vào, đó là thuyết hổ lốn, rằng Chúa Giê-su chỉ là một trong số nhiều người dẫn đến với Đức Chúa Trời, Ngài không còn là duy nhất nữa - chìa khóa là ở chỗ đó.

Khi đã làm sai lạc tín điều của người ta thì không lâu sau, hành vi của họ trở nên bấn loạn; vì suy cho cùng, niềm tin quyết định hành vi của người ta. Lúc này Giu-đe chuyển sang phần cảnh báo gay gắt nhất - hãy nhớ là ông đang nói với Cơ Đốc nhân nhé, và ông nói: *Hãy xem chuyện gì đã xảy ra với những người Do Thái cư xử trái lẽ, với những thiên sứ cư xử trái lẽ, thậm chí là với Sô-đôm và Gô-mô-rơ.* Ông nói: *Dân Chúa không được miễn phán xét* và điều đó cần được viết thật to trên nền trời vì thật lạ là rất nhiều người nghĩ đã là Cơ Đốc nhân thì không còn bị phán xét nữa. Ai nói thế? Kinh Thánh không nói vậy. Thật ngại khi phải nói đến ba điểm này; hãy xét đến chúng. Đầu tiên là Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc - anh chị em có nhớ những gì đã xảy ra không? Một con bò vàng và cơn thác loạn, thờ hình tượng và vô luân. Ngay sau khi có cái nhìn sai lệch về Đức Chúa Trời, họ có cái nhìn sai lệch về nhau; họ ngừng yêu Chúa, họ ngừng yêu nhau và họ ngược đãi nhau. Anh chị em biết không, nếu đến Sàn giao dịch Chứng khoán Châu Âu xây tại Frankfurt am Main, anh chị em sẽ thấy bên ngoài có một con bò vàng khổng lồ, nó đang trở lại, ở ngay trung tâm tài chính châu Âu. Sự thờ lạy Ma-môn.

Đó là điều họ đã làm trong hoang mạc, và kết quả là không một ai trong họ được vào Ca-na-an. Họ đã được cứu khỏi Ai Cập, nhưng không vào được Ca-na-an; họ đã bắt đầu nhưng không một ai hoàn tất. Nghe này, tình tiết đó được sử dụng ba lần trong Tân Ước bởi ba trước giả khác nhau để cảnh báo Cơ Đốc nhân rằng không phải những người bắt đầu mà những người hoàn tất mới được. Thấy không ạ? Ba lần, Phao-lô dùng đến nó, Hê-bơ-rơ dùng đến nó - Hê-bơ-rơ 4, và ở đây Giu-đe dùng đến nó. Nghe này, nếu con cháu Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và được chuộc bởi huyết chiên con mà không đến đích thì điều đó cũng có thể xảy ra với anh chị em. Ngoài ra tôi không tìm được ý nghĩa nào khác, anh không chỉ vươn tới những điều anh bỏ lại mà còn là những điều phía trước chưa phải là của anh. Nếu không thì anh sẽ bỏ mạng trong đồng vắng và đó là một chốn thật khổ sở, sống nhờ ma-na. Ma-na nghĩa là "cái gì vậy?" Trong tiếng Hê-bơ-rơ là thế.

- Mẹ ơi sáng nay mình ăn cái gì ạ?
- "Cái gì vậy."

-Trưa thì sao ạ?
- "Cái gì vậy."
- Ôi lại là "cái gì vậy"!

Họ đã sống nhờ "cái gì vậy" đó trong bốn mươi năm. Có những Cơ Đốc nhân đang ở trong chính hoàn cảnh đó. Họ đã được chuộc bởi huyết Chiên Con, nhưng họ chưa bước vào và chưa tiến tới, họ có thể hư mất ở chính chỗ ấy. Chuyện gì đã xảy ra với các thiên sứ tại Núi Hẹt-môn? Vâng, chúng ta biết những chi tiết về điều này một phần từ Cựu Ước, nhưng một phần từ cuốn sách giữa Cựu và Tân Ước, sách Hê-nóc. Một câu chuyện khá nhơ nhớp nhưng người lớn chúng ta có thể nghe. Ở vùng Núi Hẹt-môn, khoảng 200 thiên sứ đã quyến dụ những người nữ, khiến họ có mang và sự ăn nằm kinh khiếp giữa các thiên sứ và con người đã xảy ra, kết quả là một giống con lai đáng sợ gọi là Nephilim - cảm ơn Chúa là giờ đã tuyệt chủng rồi. Chúng ta không biết chúng là cái gì, một số câu Kinh Thánh dịch ra là "người khổng lồ"; chúng ta không biết chúng là cái gì. Nhưng Đức Chúa Trời có trật tự cuộc sống của Ngài; và với Chúa, việc các thiên sứ quan hệ với con người cũng gớm ghiếc không kém việc con người quan hệ với thú vật, và Kinh Thánh cũng lên án thói thú dâm rất rõ ràng. Anh chị em thấy đấy, Đức Chúa Trời thấy gớm ghiếc, ghê tởm, Ngài thấy kinh tởm khi chúng ta bước ra khỏi trật tự Ngài. Các thiên sứ này đã làm như vậy.

Chúng ta biết điều đó đã đưa thuyết huyền bí vào nhân loại và đưa bạo lực vào nhân loại. Sáng Thế Ký 6 mô tả điều này; kết quả là bạo lực đầy dẫy đất. Tình dục trụy lạc, thuyết huyền bí và bạo lực - anh chị em nghe có thấy quen đến lạ lùng không? Đó là tổ hợp ra từ điều này. Tà thuật và ma thuật trắng bắt nguồn từ quan hệ họ hàng khủng khiếp như vậy giữa thiên sứ và con người. Những thiên sứ này, ơn Chúa là họ không còn ở đây nữa; những thiên sứ ấy đã ở trong nhà ngục thấp nhất và tối tăm nhất, bị xiềng cho đến Ngày Phán xét và họ sẽ không bao giờ có cơ hội được làm điều đó thêm lần nữa. Chính nó đã gây ra trận lụt, vì Đức Chúa Trời nói: *Ta không chịu đựng nổi nữa rồi.* Theo tôi thì câu buồn nhất trong Kinh Thánh là *Đức Chúa Trời lấy làm tiếc vì đã dựng nên loài người.* Giống như cha mẹ nói rằng: *Ước gì mình không có con cái gì cả.* Chúa chỉ lấy làm tiếc vì đã dựng nên chúng ta - thật lạ! Các thiên sứ đã làm vậy. Nghe này, nếu dân Chúa, Y-sơ-ra-ên không thoát khỏi sự phán xét và các thiên sứ không thoát khỏi sự phán xét, thì làm sao Cơ Đốc nhân chúng ta thoát khỏi đây?

Gương xấu thứ ba mà ông đưa ra là Sô-đôm và Gô-mô-rơ. Điều anh chị em không nhận ra, ấy là thực chất có bốn thành; chúng ta đều biết đến Sô-đôm và Gô-mô-rơ nhưng có cả Át-ma và Sê-bô-im nữa. Có bốn thành ở rìa phía nam Biển Chết và chúng bị nhận chìm. Cát ở đó có hắc ín và nó bắt lửa trong trận động đất đã nhận chìm chúng. Tất cả đều bị chôn vùi dưới phần thấp hơn của Biển Chết. Anh chị em biết là Biển Chết giống như số 8 chia thành hai phần, chúng nằm ở phần dưới cùng và phần đó hiện đang cạn khô. Sô-đôm và Gô-mô-rơ hoàn toàn có thể lại xuất hiện vào đời chúng ta. Nó hẳn sẽ trở thành biểu tượng luôn! Tất cả đều nói rằng họ đã phát hiện ra Con tàu Nô-ê sau khi ai cũng nghi ngờ về điều đó. Nếu Sô-đôm và Gô-mô-rơ lại xuất hiện vào thời chúng ta thì wow! Thật ấn tượng! Điều anh chị em không biết, ấy là ngọn lửa hủy diệt Sô-đôm và Gô-mô-rơ 2000 năm trước Chúa Giê-su vẫn cháy trong thời Chúa Giê-su. Khi Chúa Giê-su nhắc đến chúng thì họ chỉ cần đi bộ 20 phút ra ngoài Giê-ru-sa-lem và thấy những ngọn lửa. Ở đây nói rằng ngọn lửa cháy đời đời là Sô-đôm và Gô-mô-rơ. Chỗ đó có gì không ổn? Vâng, họ cư xử trái lẽ, họ đi ngược lại với luật pháp Chúa. Một lần nữa, những mối quan hệ trụy lạc lại xuất hiện - những mối quan hệ đồng tính; hiện nay, chủ nghĩa nhân văn đang bảo chúng ta rằng nếu anh nói bất cứ điều gì về đồng tính luyến ái thì anh sẽ phạm tội phân biệt giới tính.

Tất cả những điều này đều có trong bức thư ngắn Giu-đe, và thư nói lên rằng: *Những kẻ này đang dẫn anh em xuống con đường đó; đừng nghĩ Đức Chúa Trời sẽ không phán xét anh em nếu anh em làm theo họ*. Hệ trọng đấy ạ! Anh chị em thấy đấy, khi tín điều sai lạc thì hành vi sẽ sai lạc. Khi hành vi sai lạc thì tính cách sẽ sai lạc vì tính cách là kết quả của hành vi. Gieo hành động, gặt thói quen; gieo thói quen, gặt tính cách, gieo tính cách, gặt số phận. Nên điều tiếp theo ông nói đến là tính cách của họ và ông lấy tính cách của ba người trong Cựu Ước làm ví dụ. Ông nói Ca-in - Ca-in trở thành người giết em mình vì ghen tức. Ông nói những kẻ này sẽ khiến anh em giống như Ca-in vì chúng là những người hay ghen tức và khiến anh em hay ghen tức.

Và Ba-la-am - anh chị em biết Ba-la-am là ai không? Hắn là một tiên tri được trả tiền để nói những điều sai trật và lòng tham tiền bạc đã nắm lấy Ba-la-am. Đức Chúa Trời phải phán với hắn qua con lừa của hắn - Chúa rất nhân từ khi phán qua cái miệng duy nhất ở gần hắn vào lúc đó. Nhưng Ba-la-am là người tham lam còn Ca-in là người hay tức giận, còn Cô-ra thì sao? Ôi, Cô-ra là người đầy tham vọng; hắn ghen tức với Môi-se và muốn tự tạo đất diễn cho mình. Anh chị em biết đấy, có nhiều hội thánh mới được lập ra và đó là điều tuyệt vời, nhưng một số hội thánh được lập nên vì những lý do sai trái, có những hội thánh được lập nên vì ai đó muốn có đất diễn cho mình; anh ta là con cháu Cô-ra - không chấp nhận quyền lãnh đạo Chúa ban nên anh ta tự tạo đất diễn cho mình.

Đây là kiểu tính cách sẽ nổi lên trong hội thánh đó nếu họ không giải quyết vấn đề này; sẽ có tính cách của Ca-in, Ba-la-am và Cô-ra, sẽ có tính nóng giận, tham lam và tham vọng. Khi tính cách đã sai lạc thì lời nói cũng sai lạc vì lời nói ra từ tính cách - "bởi đầy dẫy trong lòng nên miệng mới nói ra." Vậy kiểu nói năng nào là đặc điểm để nhận dạng những con người nguy hiểm đã len lỏi vào hội thánh? Vâng, họ là những kẻ hay cằn nhằn và bắt lỗi - chẳng có gì là đủ tốt với họ cả. Hãy cảnh giác với những người gia nhập hội thánh của anh chị em vì bất mãn với một hội thánh khác. Chỉ chưa đầy 6 tháng là họ lại bất mãn với hội thánh anh chị em thôi. Anh chị em biết đấy, những người hay cằn nhằn và bắt lỗi đi hết chỗ này chỗ nọ, lúc nào cũng tìm một hội thánh hoàn hảo. Tôi bảo này, nếu anh đang tìm một hội thánh hoàn hảo thì đừng có gia nhập hội thánh đó, anh sẽ phá hoại nó mất thôi, vì nếu anh là dạng Cơ Đốc nhân "tiêu dùng" đang đi tìm một hội thánh hoàn hảo thì anh sẽ chỉ phá hoại nó mà thôi. Những kẻ hay cằn nhằn và bắt lỗi.

Nhưng cũng có một khía cạnh khá nghiêm trọng khác trong lời nói của chúng - chúng là những kẻ huênh hoang và tâng bốc. Chúng khoe khoang về mình để nâng mình lên, rồi để nâng mình lên thêm chút nữa, chúng tâng bốc người khác; huênh hoang và tâng bốc gắn liền với nhau. Tâng bốc hay xu nịnh là một điều kinh khủng. Khích lệ và đánh giá cao người khác là tốt; tâng bốc là nói quá về họ vì lợi riêng chứ không để tạo sự tự tin cho họ. Người ta nói về một doanh nhân rằng ông ta trèo cao hơn mọi người khác bằng cách liếm giày của người đứng trên và giẫm lên mặt những người đứng dưới - một bản cáo phó khủng khiếp. Huênh hoang, tâng bốc gắn liền với nhau, cằn nhằn và bắt lỗi cũng vậy. Đó là kiểu băng hoại trong hội thánh này; anh chị em có thấy tiến trình của nó không? Tín điều, hành vi, tính cách, lời nói. Chắc chắn là khi tôi giải nghĩa như vậy, anh chị em đã có thể nhận ra nó, biết đâu lại nhớ ra mình đã gặp nó rồi. Chúng ta phải xử lý nó và xử lý cho đúng cách, cho khéo léo, nếu không thì anh chị em sẽ khiến tình hình trở nên tồi tệ hơn.

Cách giải quyết sự sai lạc/băng hoại

Vậy chúng ta phải giải quyết nó như thế nào? Vâng, điều đầu tiên là đừng ngạc nhiên khi thấy những điều sai trật trong hội thánh. Một số người ngạc nhiên lắm luôn, họ nghĩ là *Ôi thật khủng khiếp!* Nghe này, các tiên tri Cựu Ước đã bảo chúng ta chờ đợi điều đó và các Sứ đồ Tân Ước đã bảo chúng

ta chờ đợi điều đó. Sao chúng ta lại ngạc nhiên đến thế khi có những vấn đề trong hội thánh? Ấy là bởi vì chúng ta chưa được cứu hoàn toàn và hẳn phải có những vấn đề trong hội thánh. Quan trọng là đối phó với chúng theo cách nào, nhưng đừng có lung lay. Sẽ có những vấn đề vì chưa ai trong chúng ta được trọn vẹn như những gì Chúa sẽ làm về sau. Tiên tri Hê-nóc trong Cựu Ước - tôi thấy điều này rất thú vị. Hê-nóc là vị tiên tri đầu tiên trong Kinh Thánh, người đầu tiên nhận được sứ điệp từ Chúa cho những người khác.

Đó là lời cảnh báo rằng Đức Chúa Trời sẽ đến trong sự phán xét và xử lý cả thế hệ đó. Rằng Ngài sẽ phán xét. Từ mà ông đã dùng năm lần - bất kính - *Ngài sẽ đến để xử lý mọi kẻ bất kính và mọi điều bất kính mà chúng nói ra cùng mọi điều bất kính mà chúng thực hiện trong thế giới bất kính này.* Ông găm chặt vào từ đó. Chính là từ đó - bất kính, bất kính. Và Giu-đe muốn nói rằng những kẻ đã lẻn vào giữa vòng anh em thực ra là những kẻ bất kính và sự tin kính trở thành đối tượng để chúng khinh miệt...Bất kính. Tôi vừa nhớ ra điều mà tôi bỏ sót trong phần đầu, nhưng tôi sẽ trở lại với điều đó.

Vậy là Hê-nóc cũng là vị tiên tri đầu tiên đem sứ điệp phán xét đến, và khi 65 tuổi, ông có một con trai. Ông đã hỏi Chúa xem nên đặt tên con là gì và Chúa cho ông một cái tên khác thường cho đứa bé. Ngài phán: Hãy đặt tên nó là “Khi nó chết, điều đó sẽ xảy ra.” Hãy tưởng tượng là cậu bé đến trường và cô giáo hỏi: *Con tên gì vậy?* “Khi nó chết, điều đó sẽ xảy ra.” Hay “Con đã làm bài tập chưa hả Khi nó chết điều đó sẽ xảy ra"? Cậu bé đáng thương bị gắn với cái tên đó. Tất nhiên là không phải tên bằng tiếng Anh hay tiếng Việt. Tên cậu là Mê-tu-sê-la, Mê-tu-sê-la; đó là lý do tại sao cậu sống lâu hơn mọi người khác, vì Đức Chúa Trời quá nhẫn nại, Ngài đã đợi bấy lâu trước khi sự phán xét đến. Ngày mà Mê-tu-sê-la qua đời, trời bắt đầu đổ mưa nhưng khi đó, cháu của Mê-tu-sê-la, Nô-ê đã đóng một con tàu. Thật tuyệt vời đúng không? Đức Chúa Trời đã đợi 969 năm rồi mới phán xét thế hệ đó; Chúa thật kiên nhẫn đúng không?

Chính Martin Luther đã nói: *Tôi mà là Đức Chúa Trời thì tôi đã đập tan cả thế giới này từ lâu rồi.* Ơn Chúa vì chúng ta không phải Chúa, nếu không chúng ta chắc sẽ làm như vậy. Đức Chúa Trời kiên nhẫn đến không ngờ, nhưng sự phán xét có đến. Các Sứ đồ thời Tân Ước cảnh báo chúng ta rằng trong những ngày sau rốt, sẽ có những kẻ nhạo báng và sự tin kính sẽ bị lấy ra làm trò đùa, giống hệt với thời nay. Anh chị em thấy hài kịch trên truyền hình cười nhạo sự tin kính và những gì người tin kính tin - nó bị lấy ra làm trò đùa. Chúng ta trở thành trò cười vì muốn trở nên tin kính, còn sự bất kính đang lên ngôi.

Chúng ta phải xử lý nó như thế này. Lẽ ra chúng ta cần chờ đợi nó, nên đừng kinh ngạc mà phải xử lý nó. Cách đầu tiên để xử lý là khiến mình nên đúng đắn, gây dựng chính mình trong đức tin, hy vọng và tình yêu thương - đó là điều đầu tiên chúng ta cần làm. Sau đó, chúng ta cần tìm cách giúp đỡ những người khác. Sẽ có ba dạng người, sẽ có những người bị lay động, phân vân không biết có nên theo những giáo sư này hay không. Hãy thật nhẹ nhàng và tử tế với những người đang nghi ngờ trong tâm trí. Sẽ có những người khác bị dẫn dụ sâu vào mối nguy chết người và Kinh thánh chép: Hãy kéo họ ra khỏi lửa, hãy coi như họ đang ở trong một ngôi nhà cháy và tìm mọi cách đưa họ ra. Cụm từ nhỏ đó đã được dùng trong truyền giáo - kéo người ta ra khỏi lửa địa ngục. Chỗ này không liên quan gì đến điều đó cả. Đây là kéo người ta ra khỏi lửa - đúng là lửa địa ngục, nhưng không phải vì họ không được cứu, mà vì họ là những Cơ Đốc nhân đang bị dẫn dụ đi.

Dạng người thứ ba là những người ô uế và nghĩa đen trong tiếng Hy Lạp là hãy thật, thật cảnh giác để không bị hoen ố bởi món đồ lót nhơ nhuốc của họ. Dùng một cụm từ rất lạ đúng không?

Nhưng rõ ràng là có những bệnh sinh ra từ sự trụy lạc và lăng nhăng trong tình dục. Chúng ta cần e sợ, e sợ đúng mực, nhưng vẫn cần quan tâm. Họ vẫn là những người mà Đấng Christ chết cho. Nên đừng kinh ngạc với nó mà hãy xử lý nó.

Hơn hết, hãy luôn nhớ rằng Ngài có thể giữ anh chị em khỏi ngã. Anh chị em biết đấy, chúng ta rất hay trích một phía của những phân đoạn về "gìn giữ" này. Người ta quá nhấn mạnh tới việc Chúa có thể giữ tôi khỏi ngã; Ngài có thể gìn giữ điều tôi đã dâng cho Ngài trong ngày hôm đó, và nếu chỉ nhấn mạnh vào việc Ngài gìn giữ thì chúng ta sẽ không để ý thấy mỗi lần có một câu về việc Chúa gìn giữ chúng ta thì lại có một câu khác gần đó nói rằng: *nhưng anh em hãy giữ chính mình*. Ngay trước câu cuối của Giu-đê - "Ngài có thể giữ," ngay trước đó nói rằng *hãy giữ mình trong tình yêu Đức Chúa Trời*. Ở đây không nói rằng *Ngài chắc chắn sẽ giữ anh em khỏi ngã* mà nói *Ngài có thể, nên hãy giữ chính mình trong Ngài, vì Ngài có thể.*

Trong Ti-mô-thê cũng vậy, khi Phao-lô nói: *Ta đoan chắc rằng Ngài có thể bảo vệ điều ta đã dâng cho Ngài* - sự tin cậy tuyệt vời, nhưng lời này ở ngay trước câu ông nói rằng *Ta đã giữ được đức tin*. Có hai phía của sự gìn giữ - Ngài có thể gìn giữ nên hãy giữ chính mình trong Ngài. Anh chị em thấy sự quân bình chưa ạ? Tôi nhắc lại, anh chị em cần cả hai lẽ thật, nếu không anh chị em sẽ nhấn mạnh điều này hoặc điều kia thái quá. Không phải chúng ta làm hết, cũng không phải Ngài làm hết. Mà là hãy giữ chính mình trong Ngài, vì Ngài có thể gìn giữ anh chị em. Hãy tiếp tục tin cậy Ngài và anh chị em sẽ không ngã. "Ngợi khen Đấng có thể giữ anh em khỏi ngã,…Đức Chúa Trời khôn ngoan duy nhất."

Một chi tiết hơi đánh đố

Tôi sẽ quay trở lại, có một phần hơi đánh đố mà tôi chưa nói đến. Chuyện thiên sứ tranh luận với ma quỷ về xác Môi-se là thế nào? Anh chị em đã bao giờ thắc mắc về điều đó chưa? Vâng, có một khẳng định lạ thường ở cuối sách Phục truyền. Kinh thánh chép rằng Môi-se qua đời trên Núi Nê-bô và cho đến ngày nay không ai biết mộ ông ở đâu; vậy ông tự chôn mình hay sao? Ý tôi là anh chị em có hiểu cái khẳng định ngồ ngộ ở cuối sách Phục truyền đó không? Ông chỉ có một mình và ông chết một mình, không ai ở cùng ông và cho đến ngày nay không ai biết mộ ông ở đâu; thế ai chôn cất ông? Câu trả lời là thực ra, Đức Chúa Trời sai thiên sứ Mi-ca-ên đến chôn cất Môi-se. Các thiên sứ là những người rất thực tế, họ là những đầu bếp giỏi - Ê-li phát hiện ra các thiên sứ nấu ăn rất ngon. Họ có thể đi xe ngựa; họ có thể đi xe đạp. Tôi nghe nói các thiên sứ ở Afghanistan đạp xe đạp để bảo vệ một giáo sĩ trên chiếc xe đạp của ông - các thiên sứ rất thực tế. Biết đâu lại có một thiên sứ trong nhà hoặc trong xe mình mà anh chị em không biết, vì khi họ đến với Áp-ra-ham, ông cứ nghĩ đó chỉ là bốn người nam. Họ không đến trong bộ áo choàng trắng sáng, có cánh, có đàn hạc và mái tóc dài, vàng hoe; đó là hình ảnh trong trường Chúa nhật.

Ý tôi là sao anh chị em có thể - trong Hê-bơ-rơ 13 - "tiếp đãi các thiên sứ mà không biết" nếu họ xuất hiện theo cách đó đây? Không, trông họ giống những người bình thường. Vị thiên sứ này được giao cho cái mai để chôn xác Môi-se nhưng khi người đến đó, Ma quỷ đã đứng trên xác Môi-se và nói: *Ngươi không được động đến cái xác này, hắn là của ta, hắn là kẻ giết người, hắn là của ta*. Hai bên chạm trán với nhau, và đây là một bài học mà một số Cơ Đốc nhân ngày nay cần nghe: Mi-ca-ên còn không quở trách Sa-tan. Anh chị em biết đấy, chúng ta có thể rất táo tợn với Sa-tan, nếu làm vậy thì chúng ta rất ngu ngốc; hắn thông minh hơn chúng ta nhiều. Khi nghe đám thanh niên nói: *Chúng ta quở trách ngươi, hỡi Sa-tan*, tôi rất e ngại. Mi-ca-ên nói: *Nguyện Chúa quở trách ngươi* - và Ma

quỷ bỏ đi. Mi-ca-ên đã chôn cất Môi-se đàng hoàng. Đó là câu chuyện đằng sau đó. Có cả thiên sứ tốt lẫn thiên sứ xấu và Mi-ca-ên là một thiên sứ tốt.

Kết luận

Anh chị em có thể thấy hội thánh này đang chơi ú tim và đang lộn xộn hết cả. Giu-đe muốn viết cho họ một bức thư dễ nghe về sự cứu rỗi để khích lệ họ, nhưng lại nói: *Tôi phải viết một kiểu thư khá khác vì có khối u trong Thân thể.* Chắc chắn là anh chị em đã nhận được một thông điệp khi nghiên cứu tất cả các thư tín của Phao-lô, Giăng và Giu-đe. Mối nguy lớn nhất đối với hội thánh là từ bên trong và chúng ta luôn phải canh chừng nó, trong lẽ thật và tình yêu thương, chiến đấu cho Tin lành đã truyền cho các thánh đồ một lần đủ cả.

Có một trận chiến lớn đang diễn ra ngay lúc này trong thế giới phương tây về chính điều đó, và nếu những bài học này có thể giúp anh chị em chiến đấu cho lẽ thật - đừng nghĩ mọi điều tôi nói đều là lẽ thật; tôi không phải là Giáo hoàng, không phải là tôi không thể sai. Tôi chỉ là một người giải nghĩa Lời Chúa. Lời Chúa không thể sai; còn những người giải kinh thì không. Nếu anh chị em không tìm được điều tôi nói trong Kinh Thánh thì hãy quên nó đi. Nhưng nếu anh chị em có tìm thấy nó ở đó thì hãy bám chặt lấy nó, chiến đấu cho nó, và đấu tranh vì đức tin từng được truyền cho các thánh đồ. Nguyện bức thư nhỏ Giu-đe này khích lệ anh em làm như vậy khi nhận ra rằng Cơ Đốc nhân đang đối mặt với mối nguy khủng khiếp khi người ta lẻn vào hội thánh với những tư tưởng, hành vi, tính cách và lời nói xấu xa.

KHẢI HUYỀN - Phần 1 - Câu Đố Mang Tên Khải Huyền

Hôm nay chúng ta sẽ nghiên cứu sách Khải huyền nên tôi muốn mở đầu bằng việc đọc một vài câu trong đó, nhất là vì sách chép rằng: "Phước cho người đọc những điều đã chép." Nên tôi muốn được phước. "Sự mặc khải của Đức Chúa Giê-su Christ mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài để bày tỏ cho các đầy tớ Ngài những việc sắp phải xảy đến. Ngài sai thiên sứ đến tỏ cho Giăng, đầy tớ Ngài, là người đã làm chứng cho lời của Đức Chúa Trời và cho lời chứng của Đức Chúa Giê-su Christ, tức là tất cả những gì ông đã thấy. Phước cho người đọc cùng những người nghe lời tiên tri nầy và vâng giữ những điều đã ghi chép trong đó, vì thì giờ đã gần rồi." "Giăng gửi đến bảy Hội Thánh tại A-si-a: Cầu chúc anh em nhận được ân điển và bình an từ Đấng hiện có, đã có và đang đến, từ bảy linh ở trước ngai của Ngài, và từ Đức Chúa Giê-su Christ là Đấng làm chứng thành tín, Đấng sinh trước nhất từ cõi chết và Chúa của các vua trên đất! Đấng yêu thương chúng ta đã lấy huyết mình giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, và làm cho chúng ta trở nên vương quốc, trở nên các thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời, là Cha Ngài, đáng được tôn vinh và uy quyền đời đời! A-men." "Kìa, Ngài đến với các đám mây! Mọi mắt sẽ thấy Ngài, cả những kẻ đã đâm Ngài; tất cả các bộ tộc trên mặt đất đều sẽ than khóc vì cớ Ngài. Thật đúng như vậy! A-men. "Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng hiện có, đã có và đang đến, là Đấng Toàn Năng phán rằng: "Ta là An-pha và Ô-mê-ga."

Khải huyền là một cuốn sách kỳ lạ và nó chia Cơ Đốc nhân thành hai nhóm - những người không thể bước vào đó và những người không thể thoát ra khỏi đó - bạn hiểu ý tôi chứ? Những người sợ hãi và những người cuồng tín. Người ta có những ý kiến cực kỳ khác nhau về sách này. Một số cho rằng đó là một cuốn sách tuyệt vời, một số cho rằng đó là cuốn sách khủng khiếp, và không bao giờ mở nó ra. Trong những nhận xét tiêu cực, tôi đã chép lại vài cái: "Bao nhiêu từ là bấy nhiêu đánh đố." "Một mớ tưởng tượng vô căn cứ." "Một đống biểu tượng kỳ dị và hỗn độn." Và tệ nhất là "Hoặc là bạn tự phát điên, hoặc nó sẽ khiến bạn phát điên."

Đáng tiếc là các nhà cải chánh Tin lành từ ba hoặc bốn trăm năm trước đánh giá rất thấp về sách Khải huyền; và từ đó, sách không có nhiều chỗ đứng trong các hội thánh Tin lành. Martin Luther rất thô lỗ với Khải huyền. Ông nói: "Nó không mang tính Sứ đồ, cũng chẳng có tính tiên tri." Ông nói: "mọi người đều tưởng tượng theo sự phiêu bạt của tâm linh mình; chẳng thà giữ lại những sách cao quý hơn. Tâm linh tôi không thể chấp nhận được sách này." Và ông ước giá như nó không hề ở trong Kinh Thánh. John Calvin cũng rất giống như vậy và ông loại toàn bộ Khải huyền ra khỏi sách Luận giải Tân Ước của mình. Nhân vật nổi tiếng thứ ba - có thể bạn chưa nghe đến người này - Ulrich Zwingli ở Thụy Sĩ - ông nói: "Đó không phải một sách trong Kinh Thánh nên chúng ta có thể chối bỏ lời chứng của nó." Hỡi ôi, kể từ đó, các hội thánh Tin lành có xu hướng đánh giá sách này rất thấp. Hẳn là sách đã mất một thời gian dài để có mặt trong Tân Ước của chúng ta, nhưng ơn Chúa, Khải huyền đã ở đó.

Lúc sau tôi sẽ để bạn tưởng tượng xem sẽ thế nào nếu Kinh Thánh kết thúc bằng sách Giu-đe mà không phải sách Khải huyền. Kinh Thánh sẽ thực sự không trọn vẹn. Thật may là nhiều người có quan điểm rất tích cực về sách này, coi đó là một kiệt tác - một trong những sách tuyệt vời nhất trong Kinh Thánh. Đó cũng là quan điểm của tôi. Thực tế, đó là sách tôi thích nhất vì cuốn sách tôi thích nhất trong Kinh Thánh là sách cuối cùng mà tôi nghiên cứu. Vì vậy, hôm nay, đây là cuốn sách tôi thích nhất trong Kinh Thánh. Nhưng tôi tin đó là một sách rất, rất quan trọng đối với việc chúng ta đang ở đâu trong lịch sử Hội thánh. Đó là một sách mà tôi muốn toàn bộ hội thánh cần học để sẵn sàng cho những gì sắp đến.

Chúng ta biết quan điểm của Ma Quỷ về sách này - hắn ghét Khải huyền. Có hai phần trong Kinh Thánh mà Sa-tan muốn đẩy bạn ra càng xa càng tốt. Ba chương đầu và ba chương cuối trong cả Kinh Thánh; mấy trang đầu và mấy trang cuối. Tại sao? Vì mấy trang đầu cho chúng ta biết hắn chế ngự chúng ta ra sao, hắn vào thế gian này và cai quản nó. Giờ hắn đang là chúa, là kẻ cầm quyền và thần của đời này. Nhưng mấy trang cuối cho chúng ta biết hắn sẽ bị đá khỏi thế gian này ra sao. Các ngày của hắn đã được tính đếm. Nên hắn ghét hai mẩu Kinh Thánh này, và nếu hắn có thể thuyết phục bạn rằng Sáng Thế Ký là thần thoại và Khải huyền là điều thần bí thì hắn rất vui. Trong khoảng 20 năm qua, nhiều cuốn băng của chúng tôi về Khải huyền 20 bị hỏng, chúng rời công ty thu âm Anchor còn nguyên vẹn mà đến tay người nhận lại khác. Mà thường là 7 phút trong cuốn băng về Khải huyền 20 bị hỏng, trong 7 phút đó, tôi nói về sự diệt vong của Sa-tan. Nên là hắn không vui lắm khi hôm nay các bạn ngồi đây.

Chúa nghĩ gì về sách Khải huyền này? Chúng ta biết quan điểm của Ngài; Ngài rất coi trọng sách này. Đây là sách duy nhất trong Kinh Thánh đặt sự chúc phước ở ngay đầu, dành cho những người đọc sách và sự rủa sả ở cuối, dành cho những người động đến sách. Lời rủa sả ở cuối sách nói rằng nếu ai bớt bất cứ điều gì trong sách này hoặc tự ý thêm bất cứ điều gì vào sách, người ấy sẽ phải chịu những tai họa đã ghi trong đây và người ấy sẽ mất sự cứu rỗi, mất phần trong thành của Đức Chúa Trời. Đây là những điều rất nghiêm trọng. Có phước hạnh tuyệt vời dành cho những ai đọc lớn tiếng sách này, những người nghe sách và ghi nó vào lòng. Rồi có sự rủa sả ở cuối rằng đừng động đến sách đó. Rất khác thường.

Đó là sách duy nhất trong Kinh Thánh được gắn với sự chúc phước và sự rủa sả như vậy. Nào, hãy xem vị trí của sách trong cả Kinh Thánh. Khải huyền là sách cuối cùng, là phần kết của câu chuyện. Có thể nhìn Kinh Thánh từ hai góc độ. Đó là một cuốn sách lịch sử từ đầu chí cuối. Khác với hầu hết những cuốn Kinh của các tôn giáo khác - chúng không phải lịch sử, Kinh Thánh của chúng ta là lịch sử. Nhưng khác với mọi cuốn lịch sử khác trong thư viện, Kinh Thánh bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn. Kinh Thánh bắt đầu từ khởi đầu của vũ trụ chúng ta cho đến khi kết thúc vũ trụ. Không có cuốn lịch sử nào khác bao trùm quãng thời gian như vậy. Nếu không có sách Khải huyền thì chúng ta không biết lịch sử sẽ kết thúc ra sao. Bạn và tôi sẽ phải đoán xem thế giới sẽ kết thúc thế nào. Nhưng chúng ta lại biết. Chúng ta là những người duy nhất biết lịch sử của chúng ta sẽ kết thúc ra sao - thế giới sẽ kết thúc thế nào. Ấy là vì chúng ta có cuốn sách cuối cùng này. Sách Khải huyền hoàn thiện toàn bộ lịch sử của vũ trụ chúng ta.

Một cách khác để nhìn Kinh Thánh là coi đó như một cuốn truyện ngôn tình. Đầy sự lãng mạn; cuốn sách rất lãng mạn. Đó là câu chuyện về một người Cha đi tìm nàng dâu cho Con trai mình. Nếu không có sách Khải huyền này thì chúng ta sẽ không có bản tường thuật về lễ cưới. Chúng ta sẽ chỉ kết thúc với sự hứa hôn giữa Chúa Con và nàng dâu. Phao-lô viết cho một trong các hội thánh của mình rằng: “Tôi đã gả anh em cho Đấng Christ.” Và đó là mối quan hệ hiện tại giữa một Cơ Đốc nhân và Chúa Giê-su. Chúng ta đã đính hôn với Ngài. Chúng ta được hứa gả; chúng ta chưa kết hôn. Lễ cưới xuất hiện ở cuối, và giống như mọi câu chuyện ngôn tình hay, Kinh Thánh kết thúc bằng “họ đã kết hôn và sống hạnh phúc mãi mãi về sau.” Có cái lỗi in đáng yêu ở cuối một tiểu thuyết ngôn tình ghi rằng: “họ đã kết hôn và sống hạnh phúc mãn mãn về sau.” Nhưng cái kết thông thường là: “họ đã kết hôn và sống hạnh phúc mãi mãi về sau.”

Kinh Thánh đã kết thúc như vậy đó. Kết thúc bằng lễ cưới. Nếu chúng ta không có sách Khải huyền thì nó có thể kết thúc với một cuộc đính hôn tan vỡ. Nhưng nó kết thúc với tiệc cưới của Chiên

Con. Nó kết thúc với một lễ cưới và họ đến sống hạnh phúc tại Giê-ru-sa-lem mới đến đời đời. Nên không có sách này thì Kinh Thánh sẽ bị rút ngắn và cắt bớt rất nhiều, câu chuyện sẽ không thể kết thúc, dù đó là lịch sử hay ngôn tình. Nên chúng ta rất mừng vì có sách Khải huyền. Tôi sợ là nhiều Cơ Đốc nhân phát hoảng với sách này. Họ đã cố đọc và họ có thể đọc được qua vài chương đầu - đến khoảng chương 5.

Đến chương 6, họ thấy mình bị mông lung và tự hỏi không biết là sách đang nói cái gì và sẽ đi đến đâu. Đọc thêm được vài trang nữa thì họ bỏ cuộc. Thoạt nhìn thì đó là một sách rất phức tạp, một sách rất khó nhằn, một sách tối nghĩa. Nhưng tôi tin rằng đó là bởi vì chúng ta đã quên hai thực tế quan trọng. Thực tế số 1. Sách này được viết cho những người bình thường. Khải huyền không được viết cho những giáo sư thần học. Thực ra ở đây tôi có một câu trích dẫn thú vị. "Thật bất hạnh cho cái nền văn hóa định hướng chuyên môn này, cái gì có vẻ kho khó là người ta lại gửi đến trường đại học để nghiên cứu." Nhưng đó lại là điều xảy ra với sách này.

Một câu trích dẫn khác mà tôi tìm được đã diễn đạt điều này một cách rất ấn tượng: "Chúng tôi mạnh dạn khẳng định rằng việc nghiên cứu sách này sẽ hoàn toàn không có nguy cơ sai sót nếu thứ định kiến không thể hiểu nổi - thường là lố bịch - của các nhà thần học ở mọi thời đại không kìm kẹp sách và nhét vào đó đầy thứ khó nhằn khiến phần lớn độc giả phải thu mình lại vì cảnh giác. Trừ những thành kiến này thì Khải huyền là cuốn sách đơn giản nhất, rõ ràng nhất mà tiên tri từng viết ra." Thật là một khẳng định hay.

Về cơ bản, đó là một cuốn sách đơn giản viết cho những người đơn giản - vì các thành viên của bảy hội thánh tại phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, và họ là những người rất bình thường, không có trình độ học vấn cao, không quý phái lắm; chỉ là những người rất bình thường, nhiều người trong số đó là nô lệ. Sách này được viết cho họ và họ sẽ hiểu được. Tôi nghe một câu chuyện dễ thương từ Hoa Kỳ - đó có thể là "chuyện của người giảng đạo." Bạn có biết ý tôi là gì không? Một cậu bé từng hỏi bố mình rằng: "Bố ơi, cái chuyện bố kể là thật hay bố chỉ đang giảng thôi ạ?" Thì có những câu chuyện ngụy tác mà mấy ông giảng đạo thích kể, và đây có thể là một trong số đó. Nhưng đây là câu chuyện của một nhóm sinh viên thần học trong một chủng viện - suýt nữa thì tôi nói bệnh viện[i] - một chủng viện thần học tại Hoa Kỳ. Họ đang nghe giảng về Văn học Khải huyền trong Kinh Thánh, trong đó có sách Khải huyền. Vị giáo sư khiến họ rối như canh hẹ. Nên họ quyết định làm ván bóng rổ ở phòng tập của trường, khi đang chơi bóng rổ, họ để ý thấy bác bảo vệ hay người gác cổng ngồi ở rìa phòng tập, một người da đen, và bác ta đang ngồi đợi, tay cầm chùm chìa khóa để khóa cửa khi họ chơi xong. Họ thấy bác ta đang đọc Kinh Thánh nên sau khi chơi bóng rổ xong, họ lại gần bác và nói: - Bác chăm đọc Kinh Thánh thế! - Ôi, tôi thích Kinh Thánh lắm - Bác đang đọc phần nào đấy ạ? - Khải huyền. - Chắc bác không hiểu đâu nhỉ. - Ơ tôi hiểu mà. - Thế thông điệp trong đó là gì? Dễ ợt, Chúa Giê-su thắng! Một câu tóm tắt xuất sắc về cả sách Khải huyền.

Có nhiều điều để nói hơn thế. Sách không đơn giản đến vậy và chúng ta sẽ mất cả ngày để nói nhiều nữa, nhưng đó là bản chất của sách. Người đàn ông đơn giản đó đã hiểu được thông điệp thực sự. Chúa Giê-su chiến thắng. Tôi thích câu "Đoàn dân đông (hay đám dân thường) lắng nghe Ngài một cách thích thú." Điều đó không chỉ tỏ lòng tôn trọng với Chúa Giê-su. Đó còn là sự tôn trọng với những người dân thường - vì bạn không thể lừa được dân thường. Bạn có thể dễ dàng lừa được những người có học. Cứ mặc cho nó đúng kiểu ngôn ngữ triết lý là được. Nhưng ta không thể lừa được dân thường. Vua và quan có thể bảo là trang phục lộng lẫy nhưng dân thì bảo "hoàng đế cởi truồng, họ có sao nói vậy.

Sách được viết cho những người bình thường nên chúng ta cần đọc nó với óc suy xét. Đó là một trong những trợ giúp đắc lực nhất để hiểu thông điệp đơn giản, dễ hiểu của Khải huyền. Hãy dùng óc suy xét của bạn. Trong đó viết gì thì cứ tiếp nhận như vậy. Đừng phát hoảng với những biểu tượng. Chẳng ai hiểu cả sách theo nghĩa đen. Chẳng ai hiểu cả sách theo nghĩa ẩn dụ hoặc tượng trưng. Đó là sự kết hợp giữa nghĩa đen và hình ảnh tượng trưng. Làm sao biết được khi nào chúng ta gặp cái này, làm sao biết được khi nào chúng ta gặp cái kia? Thì khi thấy một người phụ nữ áo đỏ ngồi trên một con rồng, óc suy xét của bạn sẽ nghĩ: "Đó không phải là nghĩa đen, đó là một hình ảnh." Những lúc khác thì óc suy xét của bạn sẽ nghĩ: "Cái này là nghĩa đen." Hãy dùng óc suy xét của bạn. Cũng hãy dùng quy tắc diễn đạt thông thường.

Một trong những quy tắc diễn đạt thông thường là cùng một từ trong cùng một ngữ cảnh có cùng một nghĩa. Nghe rất hiển nhiên đúng không? Nhưng tôi nói bạn nghe này, khi chúng ta đến Khải huyền, sẽ không bao giờ có chuyện bàn cãi rằng anh đang ở Vô Thiên Hy Niên (Amillennial), Tiền Thiên Hy Niên (Premillennial) hay Hậu Thiên Hy Niên (Postmillennial) nếu người ta dùng quy tắc đơn giản đó - cùng một từ trong cùng một ngữ cảnh có cùng một nghĩa. Rất nhiều điều có thể dựa trên quy tắc diễn đạt thông thường rất đơn giản đó. Sách viết cho những người bình thường như chính chúng ta đây.

Thế nhưng sách viết cho những người bình thường từ rất xa xưa và ở rất xa đây - khoảng 2000 năm trước và cách gần 2000 dặm. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng trở lại tâm trí và tấm lòng họ, rồi đọc sách qua con mắt của họ. Nên rõ ràng là cần tập luyện đôi chút để thấy bảy hội chúng đó sẽ nghĩ gì về cả sách này. Sau đó chúng ta có thể áp dụng sách cho thời đại ngày nay. Đó là nguyên tắc quan trọng đầu tiên. Sách được viết cho những người bình thường.

Nguyên tắc thứ hai để mở cuốn sách này cho chúng ta là sách được viết cho một mục đích thiết thực, một mục đích rất thiết thực. Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh rằng sách không được viết để thỏa mãn trí tò mò của bạn về tương lai. Nếu đối xử với Khải huyền như vậy là bạn đang ngược đãi sách. Chúa không ban sách này để biến chúng ta thành cái gọi là "khai sáng" trong lịch sử, những người có kiến thức bí mật, những người đã được khai tâm vào những bí mật của tương lai. Chúa không ban sách này để khiến chúng ta vượt trội hơn theo cách đó. Chúa cũng không ban sách này để chúng ta viết sách ra thành một cái biểu đồ hay thời gian biểu to đùng rồi xem bây giờ là mấy giờ theo đồng hồ của Chúa và chúng ta đã cận kề thời kỳ cuối cùng ra sao.

Có quá nhiều người đã làm điều đó với Khải huyền nên sách không hề có tác động thiết thực gì tới đời sống của những người đã nghiên cứu. "Biết trước" tương lai có thể thỏa mãn trí tò mò của bạn nhưng đó không phải lý do khiến sách được viết ra. Sách viết ra cho một mục đích thiết thực, không phải bác học. Sách không chỉ viết cho tâm trí, mà còn cho ý chí, cho tấm lòng của bạn. Chút nữa chúng ta sẽ đến với mục đích thiết thực đó. Đó không phải cuốn lịch vạn niên với dự đoán chi tiết. Đúng là sách đầy những dự báo về tương lai. Có tổng cộng 56 dự báo khác nhau về tương lai trong sách này, một số dự báo lặp lại nhiều lần.

Hơn nữa, đó là tỉ lệ dự báo cao nhất so với mọi sách trong Tân Ước - không phải trong cả Kinh Thánh; sách Đa-ni-ên có nhiều hơn một chút và Ê-xê-chi-ên có nhiều hơn một chút, nhưng trong Tân Ước, có nhiều dự báo về tương lai trong sách này hơn mọi sách khác trong Tân Ước. Nên sách nói đến tương lai, nhưng không phải để thỏa mãn trí tò mò của bạn. Đức Chúa Trời chỉ cho chúng ta biết điều chúng ta cần biết về tương lai để sẵn sàng cho điều đó. Đó là mục đích thiết thực. Ngài cho bạn

biết điều sắp xảy đến là để bạn sẵn sàng và chuẩn bị, để dùng câu khẩu hiệu của đội Hướng Đạo sinh - Hãy Chuẩn bị. Chuẩn bị sẵn sàng luôn.

Nói cách khác, tất cả những điều Tân Ước nói về tương lai là để giúp chúng ta sống cho đúng đắn trong hiện tại. Vì vậy, nhiều thắc mắc của chúng ta về tương lai không được trả lời trong Kinh Thánh, đủ loại chi tiết. Tôi chắc chắn là sau hôm nay, một số người sẽ muốn hỏi tôi những câu hỏi, và tôi phải nói về nhiều câu hỏi rằng: "Tôi không biết; Chúa không nói cho chúng ta biết." Điều gì Chúa không nói cho mà biết thì chúng ta không cần biết vào lúc này. Điều gì Chúa nói cho mà biết thì chúng ta thật sự cần biết để sống cho đúng vào lúc này.

Nên Chúa Giê-su mới nói: "Ta đã nói tất cả những điều sắp xảy đến cho các con để các con không bị lừa dối vào lúc này - để các con có thể sống cho đúng, vào lúc này." Nên đó là mục đích thiết thực. Chúa ban mọi dự báo về tương lai để ảnh hưởng đến hiện tại, ấy là bởi vì chúng ta sống theo ba đức tính - đức tin, hy vọng và tình yêu thương. "Nên bây giờ còn có ba điều nầy: Đức tin, hi vọng, tình yêu thương; nhưng điều yếu ớt hơn cả là hy vọng," đó là bản dịch của tôi.

Trong hội thánh hiện đại, tôi thấy hy vọng gần như không tồn tại, vì hy vọng là điều chúng ta biết sẽ xảy ra trong tương lai. Đó không thực sự là một từ tiếng Việt hay, hy vọng, vì đó là một từ không chắc chắn. Tôi hy vọng là ngày mai chuyện sẽ ổn. Hy vọng là mình thi đỗ. Có sự thiếu chắc chắn, trong khi từ Hy Lạp "elpis," dịch ra là "hy vọng," lại nghĩa là một điều mà bạn chắc chắn 100% rằng nó sẽ xảy ra. Đó là một từ rất mạnh, thế nên Kinh Thánh mới nói "hy vọng như cái neo của linh hồn." Điều chúng ta biết là sắp xảy đến sẽ khiến chúng ta vững lòng khi bão tố nổi lên.

Ở chính giữa của niềm hy vọng vào tương lai đó là thực tế rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại Trái đất, và toàn bộ sách Khải huyền được xây dựng quanh thực tế đó. Sách bắt đầu và kết thúc bằng việc báo trước về sự đến của Ngài, sự tái lâm, việc Ngài trở lại Trái đất, và điều đó khiến bạn vững lòng như một cái neo khi bão tố quất vào bạn. Chúa Giê-su sẽ trở lại. Đó là trọng tâm của niềm hy vọng vào tương lai của chúng ta. Tôi không hy vọng gì vào bất cứ chính trị gia nào; thế nhưng mọi cuộc bầu cử bắt đầu hô hào về vị cứu tinh, bạn có để ý thấy không? Mọi cuộc bầu cử đều tìm một Mê-si-a chính trị, một người có thể đặt mọi thứ trở lại đúng chỗ và cứu chúng ta khỏi rắc rối. Mỗi khi ai đó thắng cử, chúng ta đều nghĩ rằng mình đã tìm được người đó. Sáu tháng sau, chúng ta bắt đầu hơi thất vọng. Đến vài năm sau thì vỡ mộng. Ấy là bởi vì chỉ có một Đấng Mê-si-a mà thôi. Sẽ có nhiều kẻ giả mạo tự cho là thật, nhưng chỉ có một Đấng sẽ trở lại để đặt mọi thứ trở lại đúng chỗ.

Một ngày nào đó, Chúa Giê-su sẽ trở lại giữa vòng chúng ta và Ngài sẽ đặt lại cho đúng. Ngoài những việc khác, Ngài sẽ đá Ma Quỷ ra. Nếu điều đó chưa xảy đến, chúng ta sẽ còn gặp rắc rối đủ đường vì chúng ta không thể trừ khử Ma Quỷ, nhưng Ngài thì có thể. Hình như tôi đang nhảy tận đến cuối đúng không nhỉ?

Rồi, có thể tìm thấy mục đích đặc biệt thiết thực để viết ra sách này ở một câu ngay giữa sách, trong chương 14, và đó là câu 12. Với tôi, câu Kinh Thánh ngay giữa sách đó mở ra toàn bộ sách Khải huyền. Để tôi đọc nhé: "Điều này kêu gọi các thánh đồ, những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đức Chúa Giê-su, tới sự nhẫn nhục chịu đựng."

Điều này kêu gọi các thánh đồ, những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đức Chúa Giê-su, tới sự chịu đựng. Sách Khải huyền ở cuối Kinh Thánh này được viết riêng cho những thánh đồ đang chịu khổ, và đây có thể là lý do khiến chúng ta gặp vấn đề với sách, vì chúng ta

không phải chịu khổ. Nhưng Cơ Đốc nhân ở nhiều, rất nhiều nơi trên thế giới đang chịu khổ, và chịu chết cho Chúa Giê-su. Với họ, sách Khải huyền này rõ như ban ngày. Gần như bạn cần trở thành một thánh đồ đang chịu khổ để có thể hiểu sách này, chúng ta thì không.

Nên chúng ta mới coi sách là một thách thức trí tuệ hay học thuật mà không ăn nuốt lời trong đó để có thể chịu khổ và nhẫn nhục. Sách này viết bởi một người đã chịu khổ cho Đức Chúa Trời của ông. Sách viết bởi Giăng ở Đảo Bát-mô, một hòn đảo nhỏ dài khoảng 13km, khoảng 100km theo đường chim bay từ thành Ê-phê-sô. Ông là một tù nhân chính trị. Ông phải làm việc trên hòn đảo nhỏ đó, ông đây rồi.



Tu viện thánh Giăng trên đảo Bát-mô

Tôi có một bức hình về hòn đảo đây. Hãy nhìn vào...ngay trên đỉnh đồi cao nhất của hòn đảo, ngày nay là một tu viện, tu viện Thánh Giăng. Nó đây. Nhìn giống lâu đài hơn là tu viện, nhưng đó chính là nơi đặt nhà tù gần mỏ đá, người ta phải đẽo đá hoa cương từ mỏ và ngủ trong những cái xà lim ở đây. Giăng ở đó. Ông đã phạm phải tội gì? Ông nói: Tôi ở đây "vì lời của Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Giê-su." Ông là kẻ phản quốc, với Đế chế La Mã; nên ông đã bị đày đi đến nơi tựa như nhà tù Côn Đảo[ii] thời bấy giờ. Ông ở tù tại đó. Ông đang chịu khổ vì Chúa Giê-su. Nên sách này sinh ra từ sự chịu khổ của một người cho Chúa Giê-su.

Nhưng ông đang viết cho những thánh đồ cũng sẽ chịu khổ, và ông đang chuẩn bị họ cho điều đó. Thế nên tôi mới tin rằng sách này quan trọng đến vậy, vì Cơ Đốc nhân sẽ dần bị ghét bỏ. Họ sẽ phải chịu khổ nhiều hơn khi chúng ta càng tiến gần đến tận thế; và sách này viết ra để chuẩn bị cho chúng ta trước khi cơn hoạn nạn tấn công, để chúng ta sẵn sàng chịu đựng nó và có thể chịu đựng khi nó xảy ra. Giăng viết sách này trong nhà tù đó ở Bát-mô, vào "ngày của Chúa" - Ngày của Chúa, không phải một Chúa nhật nào đó, và chúng ta thường phạm sai lầm khi nghĩ rằng đó là Chúa nhật và chắc là ông nhớ cảm giác đi đến một trong bảy hội thánh và ông từng đến thăm và giảng tại đó, nhưng không phải như vậy.

Tôi sẽ cung cấp cho bạn chút lịch sử. 25 năm trước khi Chúa Giê-su giáng sinh, có một hoàng đế La Mã tên Julius Caesar, chắc hẳn bạn đã nghe đến tên ông ta. Thực ra ông ta đã xâm chiếm những bờ biển này. Julius Caesar là vị hoàng đế đầu tiên xưng mình là thần, không chỉ là con người mà còn là thần thánh. Augustus và Tiberius nối ngôi ông ta, và Augustus tiến thêm một bước nữa, ông ta đòi được thờ lạy. Ông ta nói: "Ta muốn các ngươi xây những đền thờ cho ta trên khắp đế quốc." Thế nên những ngôi đền Agustine được dựng nên và trong đền, người ta thờ lạy Augustus như một vị thần. Đặc biệt là tại phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ, sự tôn sùng Đế quốc La Mã trở nên sâu sắc, nhiều đền thờ được xây dựng cho các hoàng đế La Mã.

Nhưng Khải huyền được viết muộn hơn nhiều, khoảng năm 96 SCN, gần cuối thế kỷ đầu tiên. Đến thời điểm đó, Cơ Đốc nhân đã bắt đầu chịu khổ nạn; họ đã bắt đầu chịu khổ nạn tại chính Rô-ma dưới chướng Nê-rô, và Nê-rô làm những điều khủng khiếp. Nếu từng đến Rô-ma, hãy đứng quay lưng về Đấu trường Colosseum và nhìn quả đồi xanh ngắt phía bên kia đường. Đó là khu vườn của Hoàng đế Nê-rô. Đó là nơi ông ta tổ chức tiệc tùng về đêm, ông ta trói Cơ Đốc nhân vào những cái cột, chất

toàn đuốc chung quanh họ và thiêu sống họ để thắp sáng cho bữa tiệc nướng của ông ta. Đó là nơi ông ta từng lệnh cho tùy tùng khâu da thú rừng vào người Cơ Đốc nhân, rồi thả những con chó hoang ra trước họ, dựng rào chắn xung quanh. Nê-rô đã mua vui cho mình như thế đấy.

Nhưng sự bắt bớ đó không lan ra ngoài Rô-ma. Khoảng ba mươi năm sau, Domitian trở thành hoàng đế La Mã và ông ta thật sự châm ngòi cho sự chịu khổ của Cơ Đốc nhân khắp đế quốc. Ông ta tự đặt cho mình hai danh hiệu. Ông ta nói: “Các ngươi phải gọi ta là Chúa và Đức Chúa Trời,” Chúa và Đức Chúa Trời. Đó chính là điều Thô-ma đã từng nói với một Thợ mộc từ Na-xa-rét, “Lạy Chúa của con và Đức Chúa Trời con.” Rồi Domitian nói thêm một điều nữa. Ông ta nói: “Mỗi năm một lần, mọi thần dân phải thờ lạy ta. Chúng phải đứng trước tượng bán thân của ta, với bàn thờ và lửa trên đó, và chúng phải lấy một nhúm hương, đốt trên bàn thờ, giơ tay lên và nói ba từ “Sê-sa là Chúa.” Mỗi năm một lần, ông ta muốn mọi thần dân trong Đế quốc phải làm như vậy, và phải trả giá bằng mạng sống của mình nếu họ không chịu. Người ta đặt ra cho Cơ Đốc nhân một lựa chọn khủng khiếp - chỉ ba từ, “Sê-sa là Chúa.”

Nhưng “Giê-su là Chúa” lại là bản tín điều đầu tiên của hội thánh và họ sẽ không lấy danh xưng đó mà gọi bất cứ ai. Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh Chúa - danh trên hết mọi danh, để khi nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối đều phải quỳ xuống và chúng ta nên gọi Ngài là Chúa. Nên họ sẽ không chịu làm như vậy, hoặc ít nhất là lúc này họ đang đứng trước một thử thách cam go chưa từng có về lòng trung thành với Chúa Giê-su. Liệu họ có nói ba từ đó không? Nói gì thì nói, chúng cũng chỉ là 3 từ thôi. Ngày mà Domitian ra lệnh làm điều đó khắp đế quốc, ông ta đặt cho ngày đó một cái tên đặc biệt, Ngày của Chúa. Đó chính là cụm Hy Lạp trong Khải huyền 1.

Đó là Ngày của Chúa và “của Chúa” là một tính từ, không phải danh từ. “Tôi được Thánh Linh cảm hóa,” Giăng nói, “vào Ngày của Chúa,” không phải vào Chúa Nhật, nhưng là Ngày của Chúa. Chúa Nhật luôn được gọi là ngày thứ nhất trong tuần lễ trong Kinh Thánh nhưng Ngày của Chúa - điều đó rất đặc biệt. Đó là một ngày diễn ra hằng năm, khi vị hoàng đế nói: “Các ngươi đều phải nói rằng: “Sê-sa là Chúa.”

Và Giăng, trong ngục tù, có thể thấy rằng đây sẽ là thử thách cam go nhất cho dân sự của 7 hội thánh mà ông đã chăn bầy và giảng dạy. Liệu họ có đầu hàng không? Liệu họ có bị đánh gục không? Nên ông đã viết sách này và nói rằng: “Đây là lời kêu gọi các thánh đồ chịu đựng.” Nhưng không chỉ chịu đựng - nghĩa là chịu đựng dưới điều gì đó. Ông đã dùng một từ khác, đây thực sự là từ khóa cho cả sách và nó xuất hiện xuyên suốt. Đó là từ “thắng.” Chịu đựng là ở dưới điều gì đó; “thắng” là vượt lên trên nó. Chúa Giê-su nói: “Các con sẽ có hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy vững lòng, Ta đã thắng thế gian rồi.” "Ta vượt trên nó.” Khi tôi hỏi một người bạn rằng: “Cậu dạo này thế nào?” Cậu ấy trả lời: “Tớ vẫn rất ổn, chấp hết mọi chuyện,” một câu trả lời ngon ơ của Cơ Đốc nhân.

Nên sách này là lời kêu gọi để trở thành những người chiến thắng - không chỉ chịu đựng áp lực này nhưng vượt lên trên nó, bước ra trong chiến thắng. Trở thành, như trước đó chúng ta đã hát, “hơn cả những người chiến thắng.” Vượt lên trên hoàn cảnh chứ không chịu dưới nó. Để làm điều đó, sách đưa ra hai loại động lực thúc đẩy, cả tích cực và tiêu cực. Động lực tích cực xuất hiện xuyên suốt dưới dạng phần thưởng cho những người chiến thắng. Những người vượt lên trên sẽ được thưởng hết điều này đến điều kia. Đây chỉ là vài phần thưởng trong số đó.

Tôi sẽ liệt kê chúng: Quyền ăn trái cây sự sống trong Pa-ra-đi của Đức Chúa Trời. Quyền không hề bị hại bởi sự chết thứ hai. Quyền có được ma-na giấu kín và viên sỏi trắng khắc một cái tên mới và bí mật. Thẩm quyền cai trị trên các nước. Được mặc áo trắng. Được làm cột trụ trong đền thờ của Đức Chúa Trời, không bao giờ ra khỏi đó nữa. Quyền được ngồi với Chúa Giê-su trên ngai Ngài. Tất cả những phần thưởng tích cực này được ban cho những tín đồ chiến thắng khi phải chịu sức ép, những người vượt lên trên nó và đi ra trong chiến thắng. Có chỗ Chúa Giê-su nói trong sách này rằng: "Người nào thắng, như Ta đã thắng và ngồi trên ngai của Cha Ta, người nào thắng sẽ ngồi với Ta trên ngai Ta." Nói cách khác, Chúa Giê-su không bảo chúng ta làm điều gì mà chính Ngài chưa làm trước.

Mặt tiêu cực là điều một tín đồ có thể mất nếu anh ta không chiến thắng mà bị đánh gục khi thử thách đến. Đây là lưu ý đáng sợ nhất vang lên xuyên suốt sách đó. Nó xuất hiện trong chương 3, câu 5 khi Chúa Giê-su nói thế này: "Người nào thắng, Ta sẽ không bao giờ xóa tên người ấy khỏi Sách Sự sống." Nghĩa đen của động từ đó là "không bao giờ cạo tên người ấy." Họ dùng một con dao nhíp để cạo mực khỏi giấy da để xóa bỏ một cái tên. Chúa Giê-su phán: "Người nào thắng, Ta sẽ không bao giờ xóa tên người ấy khỏi Sách Sự sống." Điều đó nghĩa là gì trong tiếng Việt - nếu xét một cách đơn giản - với những người không chiến thắng? Đơn giản thôi, nghĩa là tên họ có thể bị chà đi, bị cạo khỏi Sách Sự sống.

Thực ra Sách Sự sống chỉ được nhắc đến trong năm sách của cả Kinh Thánh, nhưng tất cả, chỉ trừ một sách, đều nói đến những cái tên bị chà khỏi Sách Sự sống. Ngay cuối sách Khải huyền, hãy nhớ rằng đây là một sách viết cho các thánh đồ chứ không viết cho tội nhân; sách không viết cho người chưa tin, viết cho bảy hội thánh, cho các tín đồ - ở cuối sách xuất hiện một câu khác thường. Sau khi miêu tả trời mới và đất mới cùng Giê-ru-sa-lem mới từ trên trời xuống, Khải huyền chép như sau: Người nào thắng sẽ nhận được tất cả những điều này làm cơ nghiệp, còn những kẻ hèn nhát, kẻ chẳng tin, kẻ vô luân và kẻ lừa lọc, thì phần của chúng là hồ lửa lưu huỳnh, tức là sự chết thứ hai. Điều đó không được viết cho các tội nhân. Sách không được viết cho người chưa tin. Sách viết cho người tin, và khớp với sự dạy dỗ của Phao-lô và Chúa Giê-su ở chỗ khác.

Đây là sự dạy dỗ của Phao-lô. Nếu chúng ta đã đồng chết với Ngài thì chúng ta cũng sẽ đồng sống với Ngài. Nếu chúng ta chịu được, chúng ta cũng sẽ đồng cai trị với Ngài. Nhưng nếu chúng ta chối bỏ Ngài, Ngài cũng sẽ chối bỏ chúng ta. Đó là gần như là câu mà chính Chúa Giê-su nói: "còn ai chối bỏ Ta trước mặt thiên hạ, Ta cũng sẽ chối bỏ họ trước mặt Cha Ta ở trên trời." Tất nhiên là điều này đặt ra câu hỏi: "Được cứu một lần có là đủ cả?" - một câu sáo rỗng không bao giờ xuất hiện trong Kinh Thánh, tuy một số người tin rằng nó tượng trưng cho những gì xuất hiện trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, bạn có thể đọc cuốn sách nhỏ này của tôi: "Được cứu một lần là đủ cả?" CHẤM HỎI, trong đó tôi chỉ ra rằng mọi sự cảnh báo về địa ngục mà Chúa Giê-su nói đến, tất cả, chỉ trừ hai chỗ, đều dành cho những tín đồ tái sinh. Hai chỗ kia cảnh báo người Pha-ri-si. Chúa Giê-su không nói về địa ngục với tội nhân, Ngài có nói rất nhiều về địa ngục với chính môn đồ mình, những người đã bỏ tất cả để theo Ngài.

Vì vậy, Khải huyền viết cho mục đích rất đơn giản này, để giữ tên của Cơ Đốc nhân trong Sách Sự sống, để họ sẽ về đích nơi thành thánh, trời mới và đất mới. Đó là lý do rất đơn giản, sách viết ra vì lẽ đó, một lý do rất thiết thực. Sách này đặt ra cho chúng ta hai định mệnh đời đời đặt trước các tín đồ, các thánh đồ, các thành viên của 7 hội thánh tại A-si-a. Một định mệnh là được sống lại và đồng cai trị với Đấng Christ và cùng chia sẻ cả cõi vũ trụ mới. Định mệnh kia là mất phần cơ nghiệp của chúng ta trong Vương quốc và kết thúc nơi thống khổ đời đời. Tôi sợ, e rằng sau khi tôi giảng dạy

cho người khác, mà chính mình lại bị loại bỏ chăng. Tôi sợ địa ngục. Thế nên tôi mới có thể nói về nó. Tôi không bao giờ nói được rằng: "Tôi ổn, kệ anh! Anh là tội nhân sắp xuống địa ngục còn tôi là thánh nhân sắp lên thiên đàng." Không. Sách này nhắc chúng ta nhớ rằng khi Chúa Giê-su đến, Ngài không tìm những người xưng nhận đức tin, nhưng tìm những người giữ đức tin - những người mà Ngài có thể nói rằng: "Được lắm, hỡi đầy tớ ngay lành và trung tín kia." Chính đức tin ở vạch đích, không phải đức tin ở vạch xuất phát, mới đảm bảo cho chúng ta một chỗ trên thiên đàng.

Đó là mục đích thiết thực của sách Khải huyền, không chỉ để hé lộ tương lai để bạn biết điều gì sẽ đến, nhưng để bạn có thể sẵn sàng đón nó. Tôi chỉ đưa ra một ví dụ nho nhỏ: Sách này cho chúng ta biết rằng mọi thứ sẽ trở nên tệ đi nhiều trước khi tốt lên, rằng sẽ có hoạn nạn lớn ở cuối, đại nạn; nhưng một trong những điều an ủi trong sách Khải huyền là đây. Rằng đại nạn, hoạn nạn lớn, điều khủng khiếp nhất, sẽ chỉ kéo dài ba năm rưỡi, 42 tháng hay 1260 ngày.

Đức Chúa Trời không thể nào nói rõ hơn thế. Nhưng đối lập với điều đó là đồng cai trị với Đấng Christ trên đất này trong một ngàn năm. Cả sách Khải huyền đang nói rằng: Đừng ném cái đó đi để đổi lại cái này. Khi bạn đang chịu sức ép, khi mọi thứ trở nên rất tệ, khi mọi việc trở nên thật sự khó khăn, hãy nắm lấy tương lai và mọi điều bạn phải trông mong, và đừng để vuột mất điều đó, nhưng hãy cứ trung tín với Chúa Giê-su. "Điều này kêu gọi các thánh đồ, những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đức Chúa Giê-su, tới sự chịu đựng." Thế nên chúng ta mới cần đến sách này.

Lý do Giăng viết ra sách này

Sách Khải Huyền không chỉ khác về nội dung so với các sách khác trong Kinh Thánh, mà còn khác về nguồn gốc. Đây là sách duy nhất không ai quyết định viết cả. Các sách tin lành, các tư tín và sách công vụ đều có ai đó đã nói rằng tôi muốn viết một lá thư hay là muốn viết một sách tin lành và họ đã ngồi xuống, nghĩ kỹ càng rồi viết ra.

Chúng ta nói rằng Giăng đã viết sách này, nhưng nói như vậy nghĩa là gì? Thực ra là Giăng sắp xếp lại thì đúng hơn, chứ sách này không phải ra từ Giăng. Điều đó giải thích một điều đã khiến cho rất nhiều học giả Kinh Thánh cảm thấy rắc rối. Người này được gọi là Giăng và không có lời giới thiệu nào về mình, nhưng điều này chứng tỏ đó phải là một Giăng rất nổi tiếng. Giăng duy nhất nổi tiếng trong khu vực đó là sứ đồ Giăng, người duy nhất trong 12 sứ đồ đã không bị tử đạo, người duy nhất còn sống đến tuổi già. Chúng ta biết rằng Giăng đã chuyển đến Ê-phê-sô và đã mang theo Ma-ri, mẹ của Chúa Giê-su và chăm sóc bà, như thể bà là mẹ ruột của Giăng.

Giăng không hề có ý định viết cuốn sách này, không có ý tưởng về viết sách này. Giăng đơn giản được yêu cầu là phải viết lại những gì mình đã thấy và nghe. Giăng giống như một người đánh máy tốc ký, một thư ký, hay thời đó người ta gọi là người biên chép.

Vấn đề là văn phong của sách Khải Huyền rất khác so với các thư tín của Giăng. Nên nhiều học giả đã nói rằng sách này không giống của Giăng. Hãy tưởng tượng, bây giờ bạn đang xem một cuốn phim như là Cuốn Theo Chiều Gió chẳng hạn, và bạn được yêu cầu là viết lại tất cả những gì bạn đã thấy và nghe trong phim đó. Bạn có thể tưởng tượng được, bạn sẽ viết như thế nào không? Bạn sẽ ghi chép lại, Vậy thì câu từ có hoàn chỉnh không? Ngữ pháp có tốt không? Chính tả có ổn không? Không. Tội nghiệp cho Giăng, bởi vì Giăng đã quá choáng ngợp với những khải thị mà ông thấy, với những từ mà ông được nghe, đến mức 11 lần ông quên không viết, và một thiên sứ đã nói với Giăng: “Ngươi không viết à, ngươi phải viết lại đi. Này là những lời trung tín và chân thật.” Giăng tội nghiệp, lại tiếp tục cầm bút và viết tiếp.

Nên sách này khá tệ về mặt ngữ pháp, thậm chí một số câu không hoàn chỉnh. Một số người hỏi là tại sao sứ đồ Giăng một người viết rất giỏi, tại sao ở tuổi già lại viết một tác phẩm như thế này? Câu trả lời đó là, vì Giăng đang chỉ ghi chép lại thôi. Ông đã viết lại tất cả những gì mình thấy càng nhanh càng tốt. Bạn hỏi là thế tại sao ông không trao chuốt nữa lại để tạo thành một cuốn sách độc đáo? Câu trả lời rất đơn giản. Bởi vì câu cuối cùng mà Giăng viết là nếu ai thêm gì vào những lời này thì sẽ bị rủa sả. Ai lấy điều gì đi hoặc thêm điều gì vào đó đều sẽ bị rủa sả.

Nên Giăng không dám đụng tới những gì mình đã viết. Đó là lý do vì sao trong tiếng Hy Lạp, sách này khá lộn xộn, không giống với các tác phẩm khác của sứ đồ Giăng. Nên sách này do chính tay Giăng viết ra, tuy nhiên, nó không phải ra từ tâm trí của Giăng, mà Giăng được lệnh là phải viết lại.

Điều đáng ngạc nhiên là có rất nhiều người đã tham gia vào việc viết ra sách này. Các thiên sứ đã tham gia. Các thiên sứ đã nói với Giăng điều cần phải làm, cần phải viết. Chúa Thánh Linh đã tham gia. Chúa Giê-su cũng đã tham gia. Nên sách này được gọi là những sự mặc khải của Chúa Giê-su mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài để chỉ cho các đầy tớ của Ngài điều gì sẽ xảy ra. Như vậy chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời ban mặc khải cho Chúa Giê-su, cho Thánh Linh của Ngài, cho thiên sứ, cho

Giăng, gửi cho 7 hội Thánh. Đó là một chuỗi mặt khải có liên quan đến sách này. Nó khiến cho sách này rất độc đáo. Chúng ta có một sự mặt khải trực tiếp từ Đức Chúa Trời, trực tiếp từ Chúa Giê-su, và trực tiếp từ Đức Thánh Linh, qua các thiên sứ, đến với Giăng, đến với 7 hội Thánh.

Tác giả

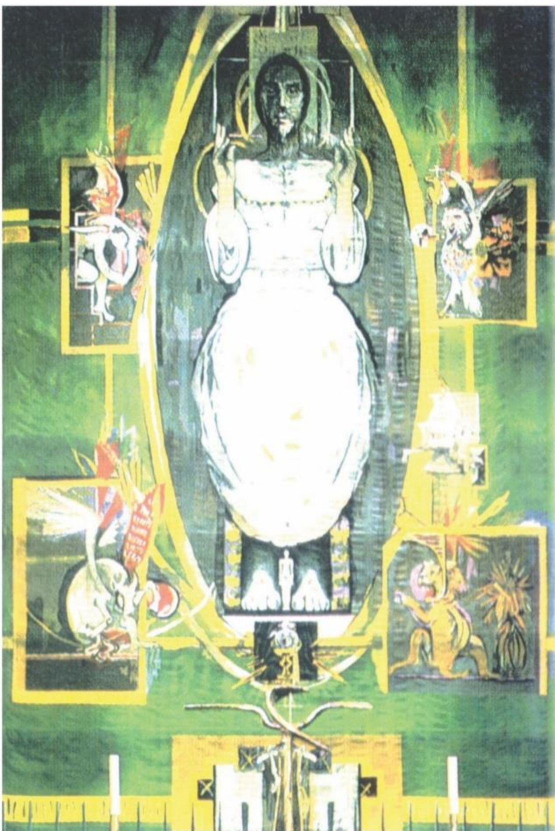
Vậy ai thực sự là tác giả của sách này? Tôi cho rằng Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su và Đức Thánh Linh, Giăng đơn giản chỉ ghi lại những gì ông đã thấy và nghe, bởi vì những điều đó đến với Giăng trong cả dạng lời nói và hình ảnh. Ông đã nghe, ông đã thấy và ông được yêu cầu phải viết lại. Đó là lý do vì sao chúng ta có sách này.

Một sự mặt khải phi thường về Chúa Giê-su

Sách này bắt đầu bằng một sự mặt khải phi thường về Chúa Giê-su.

Hãy nhớ rằng, Giăng là môn đồ gần gũi nhất của Chúa Giê-su khi Ngài còn sống trên đất. Khi họ ngồi ăn, họ không ngồi trên ghế giống như chúng ta, mà họ ngồi dựa vào người khác. Nếu chân của ai mà không sạch thì nó sẽ đặt ngay trước mũi của người bên cạnh. Vì vậy, họ phải rửa chân trước khi ăn. Giăng đã luôn luôn ở bên phải của Chúa Giê-su, dựa vào ngực của Chúa Giê-su. Chúa Giê-su thầm thì nhiều điều với Giăng, nên Giăng là một môn đồ được yêu. Ông là người gần gũi nhất với Chúa Giê-su, có một tình yêu rất sâu sắc với Ngài.

60 năm sau, ông gặp lại Chúa Giê-su, nhưng lần này ông kinh hãi và ngã lăn ra đất đến ngất xỉu. Bởi vì ông chưa bao giờ nhìn thấy Chúa Giê-su giống như thế này trước đây. Bây giờ tóc của Ngài trắng tinh, đó là Chúa Giê-su đã được thay đổi. Hơn thế nữa, đó là sự vinh hiển, hào quang chói lọi của hình ảnh mà ông được nhìn thấy.



Tấm thảm trên thánh đường Công-vanh-ti

Giăng đầu tiên nghe có một giọng nói nói phía sau ông, ông quay lại để xem ai đang nói. Ông nhìn thấy hình ảnh của Chúa Giê-su thật đáng kinh ngạc. Nếu bạn đã từng đến thánh đường Công-vanh-ti, bạn sẽ nhìn thấy một tấm thảm rất khác thường. Tôi không chắc là tôi có thích cái tấm thảm này không. Nhưng đó là một tấm thảm rất khổng lồ. Có một người đàn ông nhỏ bé ở dưới chân Chúa Giê-su, kích thước của ông là bằng kích thước người thật. Thì chúng ta tưởng tượng được là Chúa Giê-su sẽ lớn như thế nào. Nhưng đây chỉ là một nỗ lực để miêu tả Chúa Giê-su đã được tôn vinh, đã thăng thiên, khi Ngài hiện ra với Giăng. Có những biểu tượng khác từ sách Khải Huyền, trên tấm thảm này, những sinh vật từ sách Khải Huyền xung quanh Đấng Christ thăng thiên, Đấng Christ trong vinh quang. Khi Phao-lô nhìn thấy Chúa Giê-su sau khi Ngài đã thăng thiên và nhận lấy sự vinh quang của mình, Phao-lô đã bị mù, trong khi những lần Chúa Giê-su hiện ra sau phục sinh mà chưa thăng thiên thì không ai bị mù cả. Khi Chúa xuất hiện ra rực rỡ vinh quang, đó là một cảnh tượng kinh ngạc.

Giăng là người đã biết Chúa Giê-su rõ nhất, cũng đã không thể đối diện trước sự thật này, và ông đã ngã xuống dưới chân của Chúa. Đây là một Chúa Giê-su khác với Chúa Giê-su của các sách Phúc Âm, vẫn cùng là một người đó. Nhưng bây giờ, Ngài là Chúa đã thăng thiên, đã được tôn vinh, và điều này khiến Ngài trở nên rất khác biệt.

Hơn nữa, Ngài xuất hiện trong chiếc áo choàng của một thẩm phán La Mã. Có điều gì đó khiến bạn đứng tim khi nhìn thấy một thẩm phán mặc áo choàng đúng không? Ở nước Anh họ còn đội một bộ mũ giả nữa. Một hình ảnh đáng kinh ngạc.

Khi Chúa Giê-su trở lại, Ngài trở lại như một thẩm phán. Khi thế giới nhìn thấy Chúa Giê-su, họ sẽ nhìn thấy một Chúa Giê-su rất khác so với hình ảnh Chúa Giê-su trên các cửa kính hoặc hình ảnh của trường Chúa Nhật, một Chúa Giê-su dịu dàng, nhu mì, ôn hòa, được dạy trong trường Chúa Nhật. Nhưng đó không phải là Chúa Giê-su của sách Khải Huyền. Chúng ta sẽ nói thêm về điều này sau. Nhưng đây thực sự là mặt khải của Chúa Giê-su. Chúng ta nhìn thấy Chúa Giê-su trong một ánh sáng hoàn toàn mới, ánh sáng đáng sợ.

Thực tế, chương 6 có nói rằng các vua, các chúa trên đất, thậm chí những người nô lệ đều cũng sẽ cầu xin rằng những ngọn núi sẽ ập xuống và nuốt chửng họ hơn là phải nhìn thấy mặt của Chúa Giê-su, ánh mắt rực lửa giận dữ của Ngài, trước những gì chúng ta đã làm với thế giới của Cha Ngài.

Vì vậy, chúng ta cần sách Khải Huyền để lấp đầy bức tranh của chúng ta về Chúa Giê-su và có rất nhiều những tước hiệu hoàn toàn mới của Chúa Giê-su trong sách này. Một số tước hiệu, thậm chí, được gắn cho Đức Chúa Trời, nhưng sau đó được gắn cho Chúa Giê-su, chẳng hạn như tước hiệu Alpha và Omega.

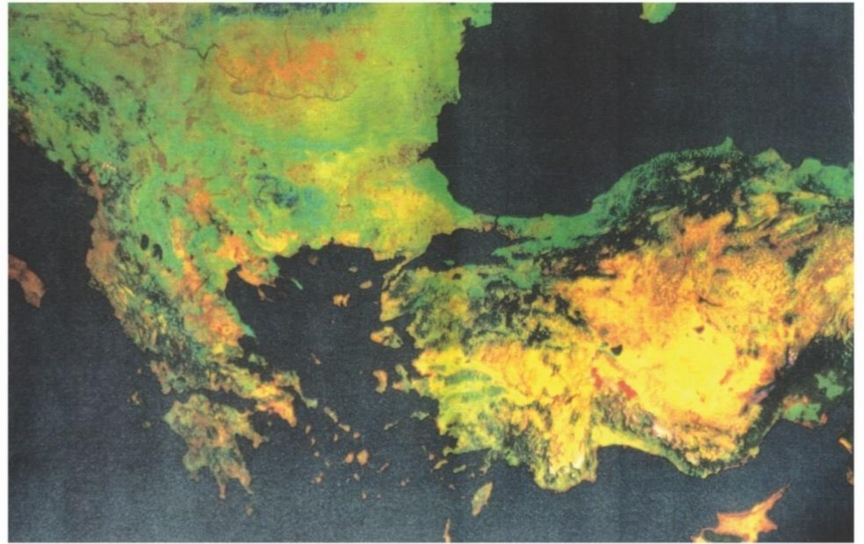
Ở đây chúng ta có Chúa Giê-su hiện diện trong một ánh sáng hoàn toàn mới. Có thể bạn đã biết, Ngài có 250 danh xưng và tước hiệu khác nhau, nhiều hơn bất kỳ ai trong lịch sử.

Đây là một bài tập tĩnh nguyện tốt. Khi bạn viết tất cả những tước hiệu này ra, có lẽ bạn sẽ đạt đến con số 35, nhưng có tới 250 tước hiệu của Chúa Giê-su. Nhiều tước hiệu trong số đó ra từ sách Khải Huyền này. Ngài thể hiện Ngài trong một sự mặc khải mới về bản thân Ngài, và mỗi tước hiệu cho chúng ta thấy điều gì đó nhiều hơn nữa về Ngài, Ta là đầu tiên và cuối cùng. Ta là đấng sống Ta đã chết và kìa, nay ta sống đời đời. Ta cầm trong tay chìa khóa của sự chết và âm phủ. Ta là đấng thánh, đấng chân thật. Ta là Amen. Ta là nhân chứng trung thành và chân chính. Ta là người cai trị công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời. Ta là sư tử của chi phái Giu-đa. Là gốc của nhà Đa-vít. Là người đầy tới trung thành và chân thật. Ta là ngôi sao mai sáng.

Nếu bạn đã nhìn thấy ngôi sao cuối cùng còn lại trước khi tất cả mọi ngôi sao biến mất trên bầu trời, thì ngôi sao cuối cùng vẫn còn rất sáng, đó là ngôi sao mai sáng. Tôi thích nói như thế này. Khi tất cả các ngôi sao điện ảnh, tất cả các ngôi sao ca nhạc đã qua đi thì vẫn còn có một ngôi sao vẫn sáng. Đó là ý nghĩa của tước hiệu đáng yêu đó. Nhưng trên hết có một tước hiệu trong sách này. Đó là Vua của các vua và Chúa của các chúa. Tôi có thể bổ sung thêm, Ngài là Chủ tịch của các chủ tịch, Tổng thống của các tổng thống, Thủ tướng của các thủ tướng. Ngài là Người cai trị của những người cai trị.

Vì vậy, sách này bắt đầu bằng một bức tranh rất kỳ diệu về Chúa Giê-su, nhưng sánh cũng bắt đầu bằng một hình ảnh về Chúa Giê-su trong một mối liên hệ rất mật thiết với các hội thánh ở trên đất

này. Ngài bước đi giữa các hội thánh, bước đi xung quanh các hội thánh, nhìn kỹ họ, xem xét họ, nắm chân đèn trong tay.



Thổ Nhĩ Kì chụp từ vệ tinh

Bảy ngôi sao và bảy chân đèn

Bảy ngôi sao và bảy chân đèn. Chân đèn là các hội thánh, còn những ngôi sao là các thiên sứ của các hội thánh. Cũng như mỗi một đứa trẻ đều có một thiên sứ báo cáo lại cho Cha về những sự dối trá nào đã được nói với trẻ em, Chúa Giê-su nói rằng, tốt nhất là ngươi hay buộc cái cối quanh cổ mà quăng họ xuống biển, còn hơn là để cho họ nói dối với trẻ em bởi vì các thiên sứ vẫn nhìn thấy mặt của Cha ở trên trời. Nhưng cũng có các thiên sứ coi sóc các hội thánh nữa. Một ngày nào đó bạn có thể gặp thiên sứ của hội thánh của bạn. Bất cứ khi nào mà chúng ta thờ phượng thì bao xung quanh chúng ta là các thiên sứ. Có người hỏi tôi là, có bao nhiêu thiên sứ trong hội thánh ngày nay? Hàng ngàn, hàng ngàn. Tôi hay nói vậy. Như vậy, chúng ta có hình ảnh này về Chúa Giê-su, một Chúa Giê-su thăng thiên trong vinh quang. Nhưng Ngài vẫn đến các hội thánh, nhìn vào các hội thánh, nhìn vào các thành phố mà hội thánh ở trong đó. Ngài tiết lộ những thông tin về những thành phố đó một cách rất là phi thường.

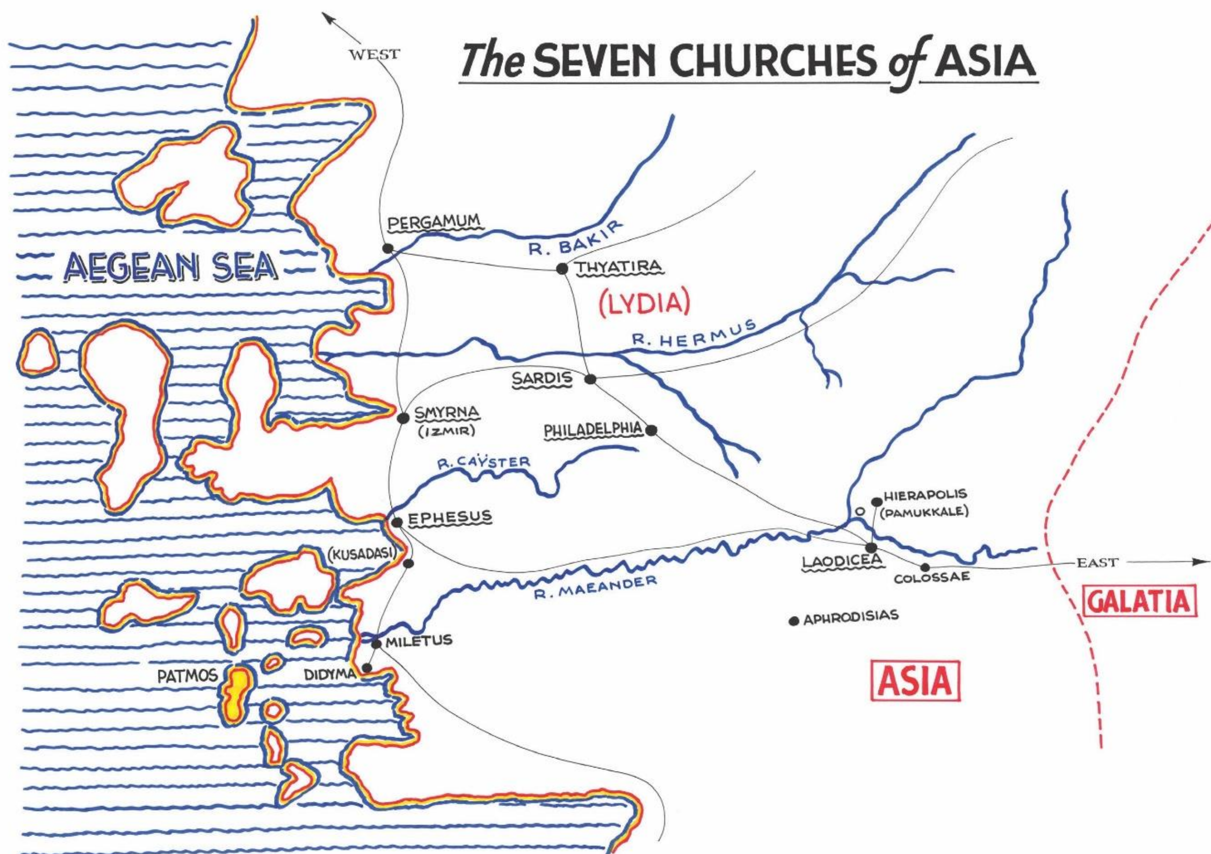
Bảy lá thư gửi cho bảy hội thánh

Bây giờ chúng ta đến với phần 7 lá thư gửi cho 7 hội thánh. Tôi rất ngạc nhiên là chúng ta chú ý rất nhiều vào các lá thư của Phô-lô, chú ý rất nhiều vào các lá thư của Giăng, nhưng lại rất ít chú ý đến những lá thư của chính Chúa Giê-su. Đây là những lá thư duy nhất mà chúng ta có từ chính Chúa Giê-su. Tôi nghĩ rằng chúng ta thậm chí còn cần chú ý nhiều hơn, vì những lá thư này đến từ Ngài gửi cho bảy hội thánh. Nhưng chúng ta phải hỏi, vì sao Chúa Giê-su lại viết những lá thư này cho những hội thánh ấy? Có điều gì đó đặc biệt ở những hội thánh ấy?

Địa lý

Có lẽ chúng ta phải học một chút về địa lý trước. Chúng ta hãy xem một hình ảnh vệ tinh chụp vùng Thổ Nhĩ K. Thổ Nhĩ Kỳ có màu khá nâu và hơi cằn cỗi, nhưng ngay dọc bờ biển phía Bắc, cạnh Biển Đen là một vùng rất xanh tươi. Dưới cùng bên trái là một vòng tròn màu xanh lục, nó được hình thành bởi một số con sông chảy trực tiếp từ những ngọn đồi này ra biển Aral, và mang lại sự màu mỡ cho những thung lũng này. Đây là điểm gặp gỡ giữa thế giới phương Tây và thế giới phương Đông. Đây là một điểm nóng về chính trị, một điểm nóng về tôn giáo, một khu vực nhỏ nhưng vô cùng đặc biệt.

Một điều nữa cho chúng ta thấy tầm quan trọng của vùng này, đó là đối với Chúa Giê-su thì đây là vòng tròn của các hội thánh, và các hội thánh được viết theo thứ tự Ê-phê-sô, Si-mẹc-nơ, Bẹt-găm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi-a và Lao-đi-xê.



Đây là con đường chính từ Tây sang Đông của thế giới thời đó, con đường này bị chia cắt tại Bẹt-găm, một nhánh đi theo bờ biển qua Ê-phê-sô và một nhánh đi vào đất liền qua Thi-a-ti-rơ. Hai nhánh này lại gặp lại tại Lao-đi-xê và tiếp tục đi về phía Đông. Hơn nữa, sự mặc khải quan trọng nhất trong sách này, đó là Sa-tan là một tạo vật, không phải tạo hóa, chỉ có thể ở một nơi trong một lúc, nó không phải toàn tại. Nó đi lại trên đất, nhưng nó có trụ sở, một nơi nào đó trên thế giới, tôi không biết bây giờ trụ sở của nó ở đâu. Nhưng nó đã có một trụ sở, mà từ đó, nó thực hiện các cuộc hành trình vòng quanh thế giới. Nó cũng có khả năng vào thiên đàng, nó đã từng lên đến đó. Nhưng nó có một trụ sở, trung tâm vương quốc của nó, giống như thủ đô của vương quốc của nó. Vào cuối thế kỷ thứ nhất, thì nơi ở của nó là tại Bẹt-găm. Đó là nơi Sa-tan cư ngụ trên đất.

Khi Chúa Giê-su viết thư cho hội thánh tại Bẹt-găm, Ngài nói rằng: "*Ta biết nơi ngươi ở, là nơi Sa-tan cư trú.*" Cư trú nghĩa là ở lâu dài. Nó ở tại đó, nó ngụ tại đó. Sa-tan nhìn thấy rõ ràng khu vực này, vòng tròn các thành phố, điểm gặp gỡ của phương Tây và phương Đông, nó coi vòng tròn này là vô cùng quan trọng đối với vương quốc của nó.

Ê-phê-sô là trung tâm

Đây là khu vực trọng điểm. Có những hội thánh nhỏ ở mỗi một nơi trong bảy nơi này, và trụ sở có lẽ tại Ê-phê-sô. Thực sự thì từi Ê-phê-sô mà các hội thánh kia được lập và Giăng đã ở tại Ê-phê-sô. Chúng ta biết nhiều về hội thánh tại Ê-phê-sô hơn bất cứ hội thánh nào khác trong Tân Ước. Những người hầu việc Chúa đã có mặt tại Ê-phê-sô, đầu tiên là Apollo, rồi sau đó là cặp vợ chồng Bê-rít-sin và A-qui-la, rồi sau đó là Phao-lô, rồi Ti-mô-thê, và sau đó là sứ đồ Giăng. Ít khu vực mà có nhiều sứ đồ và những người hầu việc Chúa như vậy như ở Ê-phê-sô này.

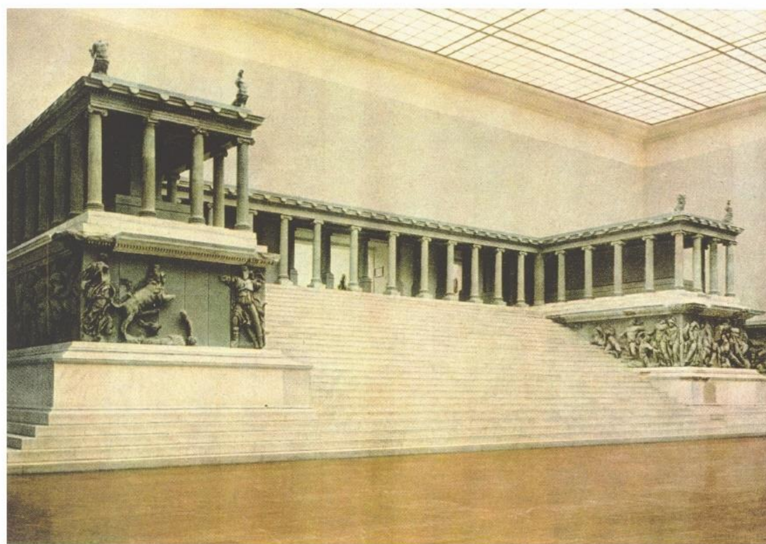
Có thể nói đây là chiến trường. Đó là cuối thế kỷ thứ nhất, và các hội thánh bây giờ đang ở trong thế hệ thứ hai và thứ ba của họ. Hiện bây giờ, các hội thánh đó đã được lập ngay tại trung tâm của

vương quốc của Sa-tan, văn hóa, thế gian, và tôn giáo ngoại giáo. Đây thực sự là một bài kiểm quan trọng. Nếu hội thánh có thể sống sót được tại đây, thì hội thánh có thể sống sót bất cứ nơi nào trên thế giới. Nếu các Cơ Đốc nhân thế hệ thứ hai, thứ ba, có thể vượt qua những áp lực tại đây, thì hội thánh sẽ đi đúng hướng và cho đến tận cuối cùng. Vì vậy, Chúa Giê-su đang dõi theo vòng tròn các hội thánh này một cách rất kỹ lưỡng, bởi vì rất nhiều thứ phụ thuộc vào đó. Tôi hy vọng có thể truyền đạt được tính trọng tâm của vấn đề này.

Sa-tan cũng có nơi ở của nó tại đây. Điều rất thú vị đó là tình trạng của các hội thánh gần như tỷ lệ thuận với khoảng cách đến nơi ở của Sa-tan. Hai hội thánh gần nhất với Sa-tan bị tha hoá từ bên trong với sự thờ thần tượng và những sự vô đạo đức. Hai hội thánh tiếp theo, xa hơn một chút, thì bị bắt bớ, nhưng tình trạng thì lại tốt nhất, và Chúa Giê-su không có lời phê bình gì đối với họ. Còn hai hội thánh xa nhất, là Ê-phê-sô và Lao-đi-xê, thì không gặp rắc rối gì với Sa-tan, nhưng lại đánh mất tình yêu ban đầu, hoặc càng ngày càng lạnh nhạt. Điều này có thú vị không? Sa-tan ở ngay bên trong những hội thánh gần nó, và nó khiến hội thánh đó thờ thần tượng và có những sự vô luân ngay bên trong hội thánh. Xa một chút thì Sa-tan bắt bớ họ thông qua người Do Thái, và họ đang gặp khó khăn. Nhưng Chúa Giê-su lại không phê bình gì hai hội thánh đó. Còn hai hội thánh xa Sa-tan nhất thì lại đang trở nên lạnh nhạt, bị hâm hẩm, không lạnh cũng không nóng. Đó là một bức tranh tuyệt vời từ bảy lá thư này.

Nhưng tôi nghĩ rằng bạn có thể thấy là khu vực này quan trọng như thế nào đối với tương lai của hội thánh của các Cơ Đốc nhân thế hệ thứ hai, thứ ba vì họ thường không nhiệt tình và tận tâm như thế hệ đầu tiên. Chúng ta đều biết điều đó với con cái của chính chúng ta, chúng cũng cần phải nhiệt thành và sốt sắng cho Chúa như cha mẹ của chúng. Vì vậy, những Cơ Đốc nhân thế hệ thứ hai và thứ ba, những hội thánh, những nhóm người nhỏ bé này đang nhóm trong nhà hội hoặc là hội trường, dưới sự thống trị khủng khiếp của văn hóa La Mã và Hy Lạp, văn hóa ngoại giáo, tôn giáo ngoại giáo, và trên hết là Sa-tan.

Nếu bạn đến Bẹt-găm, thì có một dốc núi cao chót vót ở trên đỉnh của Bẹt-gặp, và trên đỉnh núi đó là các thư viện và đền thờ. Trong số đó có một đền thờ rất đặc biệt đó là đền thờ cho thần Zeus, nó giống như một cái ghế bành khổng lồ hình chữ U, trong sân là một cái bàn thờ liên tục cháy khói đen. Bạn có thể nhìn thấy từ thành phố Bẹt-Găm, ngay phía trên, ngôi đền với khói đen liên tục bốc lên từ ngôi đền đó.



Đền thờ thần Zeus

Nơi này Chúa Giê-su gọi là ngai của Sa-tan. Đây có bức ảnh. Nó không ở Bẹt-găm nữa. Bức ảnh này được chụp tại Đông Berlin. Có một bảo tàng được gọi là Père-Gam-Nun. Thực tế là tấm ảnh này là hình chụp lại đền thờ thần Zeus ở Bẹt-găm được dựng lại tại Berlin. Đó là ngai của Sa-tan. Thổ Nhĩ Kỳ muốn có lại mô hình này và những cư đốc nhân ở tại Berlin đang cầu nguyện để Thổ Nhĩ Kỳ được nhận lại. Nhưng nó bây giờ nó không phải là ngôi của Sa-tan nữa, chỉ là cái ghế trống thôi. Nhưng đó là Bẹt-găm, thời đó. Sa-

tan ngụ tại Bẹt-găm. Sa-tan có vẻ như thích độ cao, nó thích lên đỉnh núi để được nhìn các vương quốc trên thế giới. Nó cũng đã từng cám dỗ Chúa Giê-su theo cách đó. Vì vậy bạn có thể thấy rằng đó là lý do Chúa Giê-su viết những lá thư này cho những nơi chốn cụ thể.

Cấu trúc của các lá thư

Hãy nhìn vào từng lá thư một cách sơ lược. Có bảy lá thư gửi đến bảy hội thánh. Hầu như tất cả mọi thứ trong sách Khải Huyền đều có con số bảy. Bảy cái kèn, bảy bát thịnh nộ. Bảy là con số hoàn hảo của Chúa. Đó là con số tròn đầy. Nhưng cái gì thiếu Chúa thì là số sáu. Sáu, sáu, sáu là ba ngôi nhưng thiếu Chúa. Chúng ta sẽ đề cập đến con số này sau. Nhưng bảy là con số đầy đủ và hoàn hảo của Đức Chúa Trời. Vì vậy, Chúa Giê-su cũng gửi bảy lá thư cho bảy hội thánh này, và mỗi một lá thư như vậy lại có bảy phần.

1. NGƯỜI NHẬN
   "cho thiên sứ của..."
2. TƯỚC HIỆU CỦA CHÚA GIÊ-SU
   "đây là những lời của Đấng..."
3. SỰ TÁN THÀNH
   "Ta biết những công việc của con..."
4. SỰ BUỘC TỘI
   "Nhưng ta có điều này chống lại..."
5. LỜI KHUYÊN
   "nếu như con không ... thì ta sẽ đến..."
6. LỜI KÊU GỌI
   "ai có tai hãy nghe...."
7. LỜI ĐẢM BẢO
   "người nào thắng...."

Bảy phần trong những lá thư này khá giống nhau. Phần đầu tiên thì Ngài nói đến người nhận, là thiên sứ. Sau đó, Ngài không sử dụng tên gọi của Ngài, tên gọi Giê-su không được nói ở đây, mà Ngài nói đến thuộc tính hay là tước hiệu của Ngài, một tước hiệu mới, một điều gì đó mà hội thánh cần phải biết về Ngài, hoặc là họ đã quên, hoặc là có thể một số những điều gì đó mới mà Ngài muốn bày tỏ cùng với họ.

Vì vậy, khi Ngài nói với một hội thánh nào đó, thì Ngài nói rằng: *"Ta là nhân chứng trung thành, ta nói với người sự thật."* Nên thuộc tính của Chúa Giê-su là mục thứ hai trong mỗi lá thư này, cho biết Ngài là ai, Ngài là người như thế nào, Ngài mô tả về chính mình. Những sự mô tả này được lấy từ khải thị ban đầu trong chương một. Vì vậy, sau khi đã bày tỏ chính Ngài một cách vinh hiển cho Giăng, bây giờ Ngài lựa chọn những ý khác nhau từ khải thị ấy và áp dụng cho mỗi một hội thánh.

Mục thứ ba trong mỗi lá thư của Ngài đó là sự tán thành hay sự phê duyệt trong hội thánh. Đây cũng là một sự nhắc nhở cho chúng ta, nếu như bạn muốn chỉ trích hoặc phê bình ai đó thì hãy nói điều đó tốt về họ trước. Tất cả các thư tín của Tân Ước đều theo khuôn mẫu đó. Phao-lô khi viết thư gửi cho hội thánh tại Cô-rinh-tô, một hội thánh có rất nhiều lộn xộn, cũng đã nói rằng, tôi cảm ơn Chúa vì anh em không thiếu một ơn nào. Chỉ có một hội thánh mà Phao-lô không khen gì cả. Đó là hội thánh Ga-la-ti. Nhưng thông thường thì Phao-lô khen họ trước, tán thành họ trước, rồi sau đó mới phê bình. Chúa Giê-su ở đây cũng như vậy, Ngài luôn bắt đầu phần này bằng cách nói rằng, ta biết, ta biết, ta biết tất cả về con, Ta biết tất cả những điều tốt mà con đã làm. Ta biết tất cả những điều tốt đẹp ấy. Ta biết.

Bạn không cần bao giờ phải lo về việc, điều bạn làm, không được người khác chú ý. Bởi vì Chúa Giê-su thấy điều đó. Kể cả khi không ai chú ý. Nếu như hội thánh không cảm ơn bạn, thì cũng đừng lo, bởi vì Chúa Giê-su đã thấy điều đó. Ngài nói, Ta biết những việc làm của con. Ngài có những sự chấp thuận, những sự phê chuẩn. Sau đó chuyển sang những lời tố cáo, buộc tội: Nhưng, nhưng ta có điều này chống lại người. Sau đó Ngài chuyển sang lời tâm vấn hay lời khuyên, Ngài nói với họ điều

mà họ cần phải làm để chỉnh sửa lại, Ngài nói rằng: *“Nếu như con không thì ta sẽ đến và chỉnh sửa lại điều đó…”*

Khải Huyền cũng cho chúng ta thấy rằng Chúa Giê-su còn làm công việc đóng cửa các hội thánh nữa. Sách Khải Huyền được dùng cách nói là loại bỏ chân đèn của họ. Chúng ta thực ra rất muốn mở hội thánh mới, làm tăng trưởng hội thánh mới. Nhưng Chúa Giê-su còn muốn một số hội thánh đóng lại. Con phải sửa lại điều này, còn không ta sẽ đến và đóng hội thánh của con lại.

Có rất nhiều hội thánh khác nhau trên thế giới ngày nay đang bị đóng cửa. Chúa Giê-su không chỉ mở những hội thánh, mà Ngài còn đóng những hội thánh, khi những hội thánh ấy là sự xúc phạm đối với Ngài và tin lành của Ngài. Nhưng Ngài luôn luôn kêu gọi, hay là thách thức rằng: *“Những ai có tai mà nghe, hãy nghe.”* Hãy có thể dịch ra là, ai nghe được, thì hãy chú ý đến những điều đã nghe. Có những sự khác biệt, đúng không, giữa việc chỉ nghe và nghe một cách chú ý, nghe để tiếp nhận.

Mỗi một lá thư đều cần phải được đọc trong tất cả các hội thánh. Như vậy tất cả các hội thánh này đều nghe bảy lá thư này. Hẳn là rất tuyệt khi bạn nghe lá thư gửi cho Ê-phê-sô, rồi Si-mẹc-nơ và Bẹt-găm. Tiếp theo sẽ là lá thư gửi cho hội thánh của bạn. Bạn sẽ nghĩ là, ồ, Ngài sẽ nói gì với chúng ta đây? Và bạn sẽ chờ đợi một cách nín thở, đúng không? Nhưng lời kêu gọi ở đây, giống như là Chúa đang nói rằng Ta muốn sự phản hồi, Ta muốn là con nhận được thực sự lá thư này bằng cách đáp lại với lá thư này.

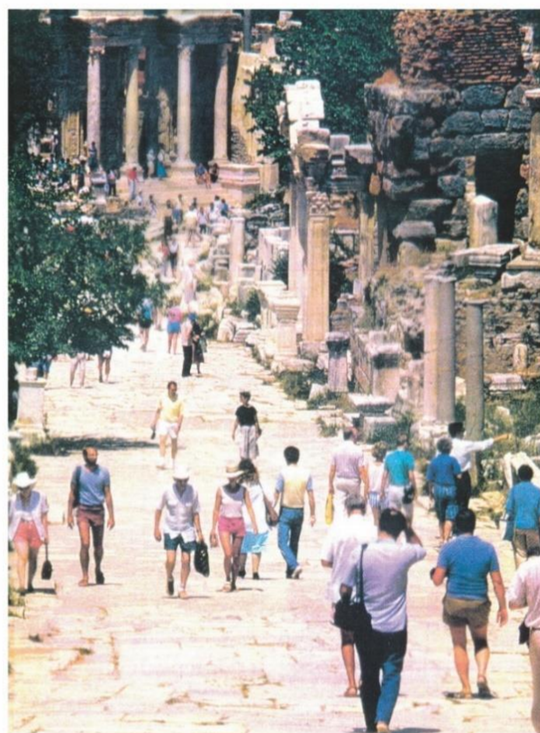
Sau đó, một lời trấn an, một lời đảm bảo, một lời hứa ở cuối thử, *với ai chiến thắng*, *với những kẻ nào chiến thắng, Ta sẽ.* Sự đảm bảo ở cuối này không phải cho các hội thánh, mà là cho những cá nhân ở trong hội thánh. Dù tình trạng hội thánh của bạn như thế nào tệ đến đâu đi nữa, bạn là người chịu trách nhiệm về chính bạn. Bạn không thể chịu trách nhiệm cho cả hội thánh. Nhưng Chúa Giê-su đang nói rằng, *bất kể tình trạng hội thánh của con như thế nào, điều mà Ta sẽ hỏi nơi con trong ngày cuối cùng đó là con có chiến thắng không?* Và điều này cũng cho chúng ta biết rằng nơi đầu tiên mà chúng ta cần phải chiến thắng là chính bên trong hội thánh của chúng ta, không phải bên ngoài. Nếu như bạn không thể khắc phục, không thể chiến thắng những vấn đề bên trong hội thánh, bạn sẽ không bao giờ chiến thắng được khi thế giới tấn công bạn. Đây là phép thử quan trọng cho khả năng chịu đựng và khả năng chiến thắng của chúng ta.

Một điều thú vị là không có lá thư nào nói rằng, *Ta khuyên con đi theo đường đến Si-mẹc-nơ vì ở đó có một cây hội thánh tốt hơn nhiều.* Không, Ngài không nói như vậy, phải không? Ngài nói rằng, con hãy chiến thắng ngay tại nơi ở của con. Con cứ ở đó, và chiến thắng ngay tại đó.

Một trong những lời kêu gọi mạnh mẽ nhất mà Ngài đưa ra với những cá nhân, đó là trong lá thư cuối cùng, gửi cho Hội Thánh Lao-đi-xê, nơi Ngài nói với cả Hội Thánh rằng Ngài *muốn mửa hội thánh đó ra, vì các người làm Ta phát ốm*. Ngài nói rằng *Ta đứng ngoài cửa mà gõ*, đây không phải

là cửa của tấm lòng, mà là cửa của Hội Thánh. Ngài nói rằng chỉ cần một người, một thành viên trong Hội Thánh muốn ta bước vào thì *Ta sẽ vào*.

Thật là một lời hứa kỳ diệu. Một thành viên có thể đưa Chúa Giê-su quay trở lại hội thánh. Tất nhiên điều này không phải là để cả hội thánh có sự thông công với Chúa Giê-su, nhưng Chúa Giê-su nói rằng *Ta sẽ ăn tối cùng với người đó, sẽ thông công với người đó, người đó với Ta, và có sự thông công cùng nhau*. Đây là câu Kinh Thánh hay bị áp dụng sai nhất, và bị hiểu nhầm nhất trong cả Kinh Thánh. Này, *Ta đứng trước ngoài cửa mà rõ*, không liên quan gì đến sự cải đạo, không liên quan gì đến sự tư vấn cho một người đang tìm hiểu về Chúa, mà câu này liên quan đến tình trạng của hội thánh. Nếu như có hội thánh nào đó mở cửa, thì Chúa sẽ vào lại hội thánh đó.



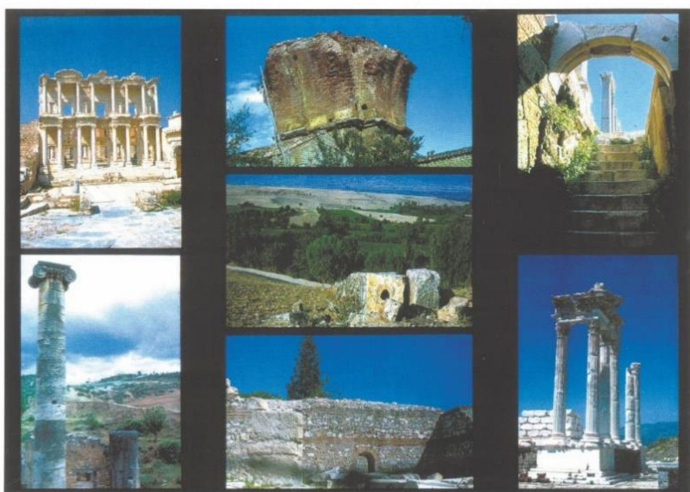
Con đường chính ở tại Ê-phê-sô

Nên tất cả các lá thư này đều theo một khuôn mẫu. Nhưng điều hữu ích nhất là khi chúng ta đọc những lá thư này bên cạnh nhau. Bạn sẽ để ý thấy này. Năm hội thánh được phê chuẩn là hội thánh có điều tốt. Còn hai hội thánh chẳng có gì tốt trong đó cả. Nhưng rất nực cười, đây lại là hai hội thánh thành công nhất về mặt bề ngoài. Đông người, dâng hiến lớn, hội chúng lớn. Nhưng Chúa Giê-su nói rằng họ không có gì tốt cả.

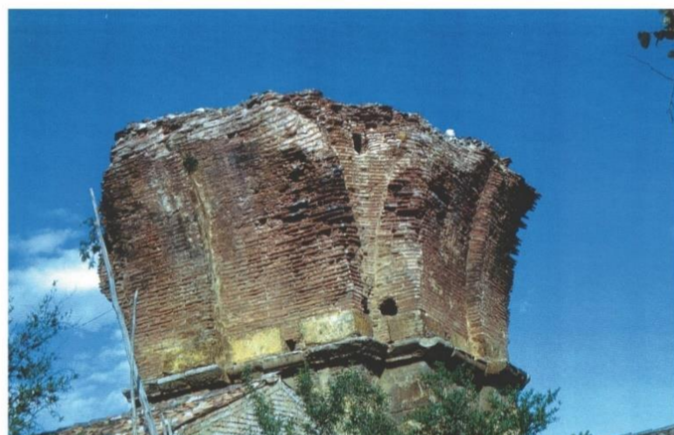


Lao-đi-xê

Khi Chúa Giê-su nhìn vào một hội thánh, Ngài không nhìn giống như cách của chúng ta. Chúng ta thấy là hai hội thánh, không có gì sai cả. Tất nhiên không phải là hoàn hảo. Nhưng họ đang chịu khổ, Ngài không phê bình nhưng Ngài khích lệ họ.



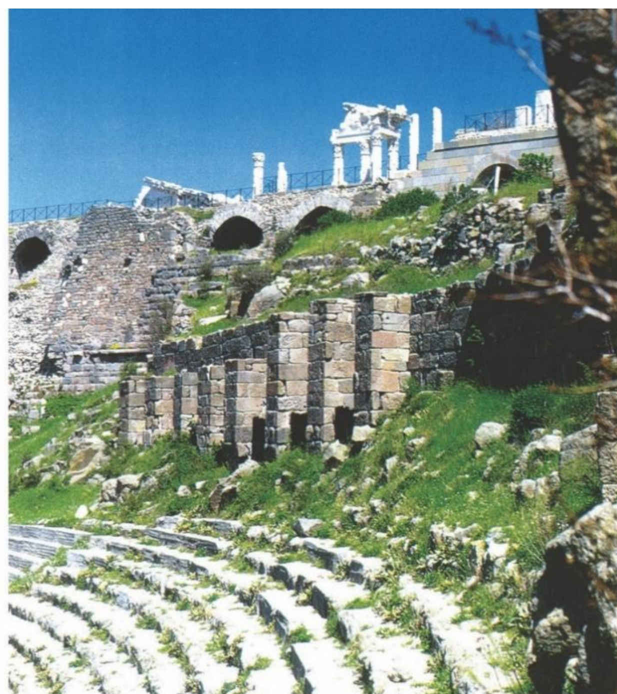
Bảy hội thánh ở vùng Tiểu Á



Di tích của một hội thánh Cơ Đốc ở Philadelphia



Nhà hát rất nổi tiếng ở cả Ê-phê-sô, nơi Phao-lô gần như đã gây ra một cuộc bạo động



Đền thờ thần Zeus, nơi ở của Sa-tan trên đỉnh đồi ở Bẹt-găm

DIVISION	REF	EPHESUS	REF	SMYRNA	REF	PERGAMUM
ADDRESS	2:1	To the angel of the church in Ephesus write:	2:8	To the angel of the church in Smyrna write:	2:12	To the angel of the church in Pergamum write:
ATTRIBUTE	2:1	These are the words of him who holds the seven stars in his right hand and walks among the seven golden lampstands.	2:8	These are the words of him who is the First and the Last, who died and came to life again.	2:12	These are the words of him who has the sharp, double-edged sword.
APPROVAL	2:2 3	I know your deeds, your hard work and your perseverance. I know that you cannot tolerate wicked men, that you have tested those who claim to be apostles but are not, and have found them false. You have persevered and have endured hardships for my name, and have not grown weary.	2:9 10	I know your afflictions and your poverty - yet you are rich! I know about the slander of those who say they are Jews and are not, but are a synagogue of Satan. Do not be afraid of what you are about to suffer. I tell you, the devil will put some of you in prison to test you, and you will suffer persecution for ten days.	2:13	I know where you live - where Satan has his throne. Yet you remain true to my name. You did not renounce your faith in me, even in the days of Antipas, my faithful witness, who was put to death in your city - where Satan lives.
ACCUSATION	2:4	Yet I hold this against you: You have forsaken your first love.			2:14 15	Nevertheless, I have a few things against you: You have people there who hold to the teaching of Balaam, who taught Balak to entice the Israelites to sin by eating the food sacrificed to idols and committing sexual immorality. Likewise, you also have those who hold to the teaching of the Nicolaitans.
ADVICE	2:5 6	Remember the height from which you have fallen! Repent and do the things you did at first. If you do not repent, I will come to you and remove your lampstand from its place. But you have this in your favour: You hate the practices of the Nicolaitans, which I also hate.	2:10	Be faithful, even to the point of death, and I will give you the crown of life.	2:16	Repent therefore! Otherwise, I will soon come to you and will fight against them with the sword of my mouth.
APPEAL	2:7	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.	2:11	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.	2:17	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.
ASSURANCE	2:7	To him who overcomes, I will give the right to eat from the tree of life, which is in the paradise of God.	2:11	He who overcomes will not be hurt at all by the second death.	2:17	To him who overcomes, I will give some of the hidden manna. I will also give him a white stone with a new name written on it, known only to him who receives it.

REF	THYATIRA	REF	SARDIS	REF	PHILADELPHIA	REF	LAODICEA
2:18	To the angel of the church in Thyatira write:	3:1	To the angel of the church in Sardis write:	3:7	To the angel of the church in Philadelphia write:	3:14	To the angel of the church in Laodicea write:
2:18	These are the words of the Son of God, whose eyes are like blazing fire and whose feet are like burnished bronze.	3:1	These are the words of him who holds the seven spirits of God and the seven stars.	3:7	These are the words of him who is holy and true, who holds the key of David. What he opens no one can shut, and what he shuts no one can open.	3:14	These are the words of the Amen, the faithful and true witness, the ruler of God's creation.
2:19	I know your deeds, your love and faith, your service and perseverance, and that you are now doing more than you did at first.			3:8 9 10	I know your deeds. See, I have placed before you an open door that no one can shut. I know that you have little strength, yet you have kept my word and have not denied my name. I will make those who are of the synagogue of Satan, who claim to be Jews though they are not, but are liars - I will make them come and fall down at your feet and acknowledge that I have loved you. Since you have kept my command to endure patiently, I will also keep you from the hour of trial that is going to come upon the whole world to test those who live on the earth.		
2:20 21 22 23	Nevertheless, I have this against you: You tolerate that woman Jezebel, who calls herself a prophetess. By her teaching she misleads my servants into sexual immorality and the eating of food sacrificed to idols. I have given her time to repent of her immorality, but she is unwilling. So I will cast her on a bed of suffering, and I will make those who commit adultery with her suffer intensely, unless they repent of her ways. I will strike her children dead. Then all the churches will know that I am he who searches hearts and minds, and I will repay each of you according to your deeds.	3:1 2	I know your deeds; you have a reputation of being alive, but you are dead. Wake up! Strengthen what remains and is about to die, for I have not found your deeds complete in the sight of my God.			3:15 16 17	I know your deeds, that you are neither cold nor hot. I wish you were either one or the other! So, because you are lukewarm - neither hot nor cold - I am about to spit you out of my mouth. You say, 'I am rich; I have acquired wealth and do not need a thing.' But you do not realise that you are wretched, pitiful, poor, blind and naked.
2:24 25	Now I say to the rest of you in Thyatira, to you who do not hold to her teaching and have not learned Satan's so-called deep secrets, (I will not impose any other burden on you), Only hold on to what you have until I come.	3:3 4	Remember, therefore, what you have received and heard; obey it, and repent. But if you do not wake up, I will come like a thief, and you will not know at what time I will come to you. Yet you have a few people in Sardis who have not soiled their clothes. They will walk with me, dressed in white, for they are worthy.	3:11	I am coming soon. Hold on to what you have, so that no one will take your crown.	3:18 19 20	I counsel you to buy from me gold refined in the fire, so that you can become rich; and white clothes to wear, so that you can cover your shameful nakedness; and salve to put on your eyes, so that you can see. Those whom I love I rebuke and discipline. So be earnest and repent. Here I am! I stand at the door and knock. If anyone hears my voice and opens the door, I will come in and eat with him, and he with me.
2:26 27 28	To him who overcomes and does my will to the end, I will give authority over the nations - He will rule them with an iron sceptre: he will dash them to pieces like pottery - just as I have received authority from my Father. I will also give him the morning star.	3:5	He who overcomes will, like them, be dressed in white. I will never blot out his name from the book of life, but will acknowledge his name before my Father and his angels.	3:12	Him who overcomes, I will make a pillar in the temple of my God. Never again will he leave it. I will write on him the name of my God and the name of the city of my God, the new Jerusalem, which is coming down out of heaven from my God; and I will also write on him my new name.	3:21	To him who overcomes, I will give the right to sit with me on my throne, just as I overcame and sat down with my Father on his throne.
2:29	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.	3:6	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.	3:13	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.	3:22	He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches.

Bố cục của cả sách Khải Huyền

1. ĐẤNG CHRIST TRÊN THIÊN ĐÀNG VÀ HỘI THÁNH TRÊN ĐẤT
2-3. MỌI THỨ TRÊN ĐẤT ĐỀU KHÔNG ỔN
THẾ GIỚI THA HÓA
HỘI THÁNH THỎA HIỆP } (thờ hình tượng và vô luân)
4-5.. MỌI THỨ TRÊN TRỜI ĐỀU RẤT ỔN
CHÚA VẪN NGỰ TRỊ TRÊN NGAI (suốt lịch sử)
CHÚA GIÊ-SU VẪN ĐANG NẮM QUYỀN (kết thúc của lịch sử)
6-18. MỌI THỨ SẼ TRỞ NÊN TỆ HƠN TRƯỚC KHI TRỞ NÊN TỐT HƠN
ĐỐI VỚI THẾ GIAN: chiến tranh, đổ máu, đói kém, bệnh tật, thiên tai, và rất nhiều người chết
ĐỐI VỚI HỘI THÁNH: gặp rắc rối và bộ ba xấu xí (Satan, antinchrist và tiên tri giả), thành Babylon (kỹ nữ), nhiều người tử đạo
19-22. MỌI THỨ SẼ TỐT HƠN NHIỀU SAU KHI TRỞ NÊN TỆ HƠN
SỰ TRỞ LẠI CỦA ĐẤNG CHRIST TRÊN ĐẤT (sự sống lại lần thứ nhất)
SỰ TRỊ VÌ CỦA ĐẤNG CHRIST TRÊN ĐẤT (1000 năm)
NGÀY PHÁN XÉT (sự sống lại lần thứ hai)
SỰ CHẾT THỨ HAI (hồ lửa)
TRỜI MỚI VÀ ĐẤT MỚI
GIÊ-RU-SA-LEM MỚI (nàng dâu)

Chúng ta có một bức tranh tổng thể về sách. Sách Khải Huyền liên quan đến Đấng Christ ở trên trời và hội thánh ở dưới đất. Vì vậy, sách Khải Huyền liên tục có sự thay đổi hoạt cảnh. Lúc thì ở trên trời, lúc dưới đất, lúc trên trời, lúc dưới đất. Điều đó khiến chúng ta đôi khi cảm thấy bối rối, bởi vì chúng ta không quen với điều xảy ra trên trời ảnh hưởng với điều diễn ra ở dưới đất. Tôi chia sách Khải Huyềnthành 4 phần, 2 phần tô màu đỏ, 2 phần màu xanh, màu đỏ là tin xấu, còn màu xanh là tin tốt.

Chương 1 cho chúng ta thấy về Đấng Christ ở trên trời và mối quan tâm của Ngài đối với các hội thánh ở dưới đất. Chương hai, chương ba tôi gọi là mọi thứ trên đất đều không ổn. Chúa Giê-su phải chỉnh sửa những điều đó. Họ đang sống trong một thế giới tha hóa và hội thánh thỏa hiệp thỏa hiệp trong niềm tin, trong hành vi, sự thờ hình tượng và vô luân đã len lỏi vào trong hội thánh.

Phần tiếp theo, phần 4, phần 5 cho chúng ta biết rằng mọi việc trên trời đều rất ổn. Dù điều gì xảy ra ở đây, Chúa vẫn ngự trên Ngài của Ngài. Ngài là Chúa Hòa Bình, Chúa Bình An. Ngai của Ngài vẫn trên đó. Biển thủy tinh trước mặt, cầu vồng xung quanh, cho chúng ta thấy rằng, mọi thứ ở trên trời vẫn ổn.

Đức Chúa Trời không phải vật lộn với Sa-tan, chúng ta phải vật lộn. Sa-tan thậm chí phải xin phép Đức Chúa Trời trước khi có thể làm điều gì đó ở trên dưới đất này. Như vậy, mọi việc ở trên trời đều ổn. Đức Chúa Trời đang ở trên ngôi trong chương 4, và Chúa Giê-su vẫn cai trị trong chương 5, Ngài đã mở con dấu ở trong cuốn sách. Vì vậy, toàn bộ lịch sử vẫn ở trong tay của Đức Chúa Trời, và phần

kết của lịch sử là trong tay của Chúa Giê-su. Vì vậy, sự khác biệt giữa những điều không ổn trên đất và những điều ổn trên trời.

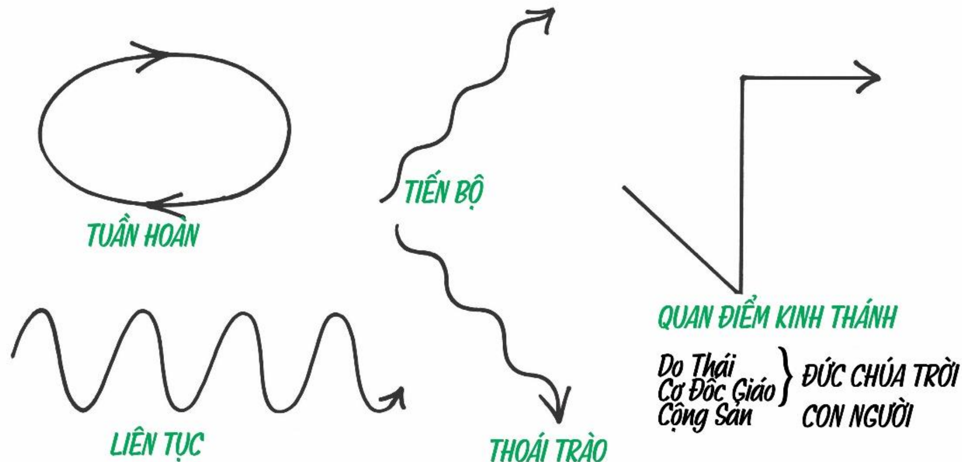
Sau đó chúng ta có phần rất khó mà chúng ta sẽ dành khá nhiều thời gian. Trước hết là tin xấu, mọi thứ sẽ trở nên tệ hơn trước khi trở nên tốt hơn, và đó là tin xấu. Tình hình sẽ tệ hơn đối với thế giới cũng như đối với hội thánh. Thế giới sẽ phải hứng chịu chiến tranh, đổ máu, đói kém, bệnh tật, thiên tai, và rất nhiều người sẽ chết. Hội Thánh cũng sẽ gặp rắc rối và bộ ba xấu xí (Satan, antinchrist và tiên tri giả) sẽ thống trị thế giới. Hội thánh cũng sẽ phải chịu khổ bởi Thành Ba-bi-lon, được mô tả như là một kỹ nữ xấu xí mặc trang phục đỏ cưỡi rồng, sẽ có nhiều người tử đạo. Thực tế, từ tử đạo, ban đầu trong tiếng Hi Lạp nghĩa là nhân chứng, trong sách Khải Huyền, trở thành nghĩa tử đạo. Cách làm chứng tuyệt vời cho Đấng Christ là chịu chết vì Ngài. Tôi có thể gọi sách Khải Huyền là sách hướng dẫn về sự tử đạo.

Mọi thứ sẽ tệ hơn trước khi tốt hơn, nhưng chỉ trong thời gian ngắn thôi, bởi vì sau đó, mọi thứ sẽ tốt hơn nhiều sau khi trở nên tệ hơn, ở trong chương 19-22, và kết thúc bằng tin tốt. Điều khiến cho tình hình thay đổi là sự trở lại của Đấng Christ trên đất và sự sống lại lần thứ nhất. Sự trị vì của Đấng Christ trên đất trong một nghìn năm, và sau đó là ngày phán xét, khi phần còn lại của loài người sẽ sống lại từ kẻ chết và chịu phán xét, được gọi là cái chết thứ hai, hồ lửa, trời mới, đất mới, và Giê-ru-sa-lem mới.

Tôi hy vọng là điều đó cho các bạn có được cảm giác giống như đây là một cái bánh mì kẹp thịt bốn lớp. Tin xấu, tin tốt, tin xấu, tin tốt. Tin xấu về hội thánh trong tình trạng hiện tại. Trạng thái của hội thánh hiện tại là chưa sẵn sàng cho sự chịu khổ. Nếu một hội thánh đã thỏa hiệp, thì hội thánh đó sẽ không sẵn sàng khi có áp lực xảy ra. Sự thánh khiết là điều kiện tiên quyết cho sự chịu khổ. Nếu không, thì bạn sẽ bị thất bại. Nhưng mọi thứ trên trời vẫn ổn, Đức Chúa Trời vẫn ngự trên ngai, Chúa Giê-su với cuộn sách được niêm phong trong tay, mọi thứ vẫn trong tầm kiểm soát của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không hề mất kiểm soát, nhưng tình hình sẽ trở nên tệ hơn trước khi trở nên tốt hơn, cả cho thế giới lẫn cho hội thánh.

Sau rắc rối lớn đó, thì mọi thứ sẽ trở nên tốt hơn nhiều. Chúng ta cần phải nhìn xa hơn tương lai trước mắt để đến với tương lai cuối cùng, để có hy vọng của chúng ta giống như một cái neo cho linh hồn của chúng ta.

Triết lý của lịch sử

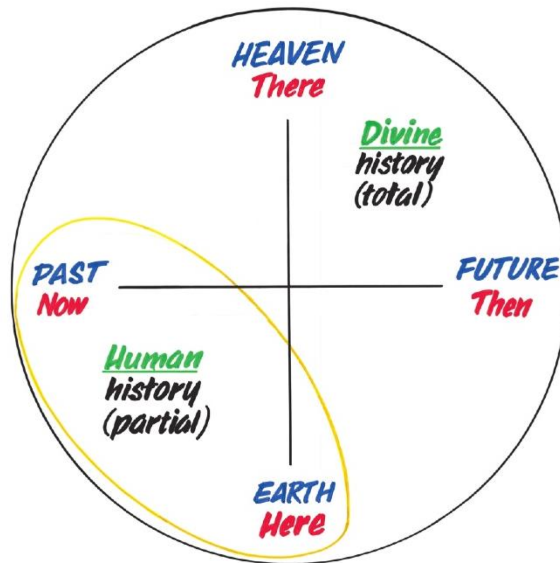


Có rất nhiều những triết lý về lịch sử trên thế giới ngày nay đang muốn lôi cuốn sự chú ý của bạn. Trên tivi và báo chí, thông qua tất cả các phương tiện truyền thông, có những triết lý lịch sử khác nhau được trình bày. Phổ biến nhất, là điều mà tôi gọi là triết lý lịch sử tuần hoàn, lịch sử lặp lại chính nó, nó cứ thế tiếp tục và tiếp tục. Sau đó là có triết lý liên tục, lịch sử không bao giờ quay lùi lại, luôn luôn tiến về phía trước, nhưng cứ thăng trầm, lên xuống, lên xuống. Rồi có quan điểm, triết lý tiến bộ về lịch sử, điều mà một thủ tướng Anh vào năm 1900 đã nói, đó là chúng ta sẽ luôn tiến bộ, tiến bộ, liên tục và liên tục. Từ tiến bộ là từ khóa trong thế kỷ 20 này. Tiếp theo là quan điểm thoái trào về lịch sử, là mọi thứ đang trở nên bị u ám hơn, tệ hơn, dẫn đến sự diệt vong. Từ khóa khi chúng ta bước vào thế kỷ 21 này đó là làm sao cho sống sót.

Nhưng quan điểm của Kinh Thánh là trong tương lai trước mắt, tình hình sẽ tệ hơn, nhưng trong tương lai cuối cùng, thì tình hình sẽ bất ngờ trở nên tốt hơn, và sẽ mãi tốt hơn. Quan điểm về lịch sử như vậy chỉ có có ba nhóm người có đó là người Do Thái, người Cơ Đốc Giáo và người Cộng sản. Điều khác biệt duy nhất giữa họ đó là cái gì dẫn đến sự thay đổi bất ngờ này. Người Cộng sản thì nói rằng chính con người sẽ thay đổi bằng cách mạng, cuộc đấu tranh giữa các giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, và sẽ có một xã hội không còn giai cấp nữa. Nhiều người Cộng sản bây giờ đang vỡ mộng. Còn người Do Thái thì nói rằng Đức Chúa Trời sẽ thay đổi điều này. Còn những Cơ Đốc nhân thì nói rằng điều này sẽ thay đổi khi Chúa Giê-su quay trở lại trái đất. Tình hình sẽ trở nên tệ hơn trước khi Chúa Giê-su trở lại, và Ngài sẽ làm cho mọi thứ tốt hơn, và giữ cho nó luôn được tốt hơn.

Như vậy ở đây chúng ta có triết lý về lịch sử dựa trên sách Khải Huyền, người Do Thái, người Cơ Đốc và người Cộng sản đều lấy quan điểm của mình từ một nguồn, từ một nhà tiên tri Do Thái. Nhưng đó là quan điểm của Cơ Đốc giáo về lịch sử. Tương lai trước mắt sẽ tệ hơn, rồi sau đó đột nhiên tốt hơn, tương lai cuối cùng là tốt hơn nhiều. Sự thay đổi đó đến khi Chúa Giê-su trở lại.

Khi Đức Chúa Trời viết sử sách, Ngài viết nó khá khác so với tất cả mọi người. Tôi đã làm cái biểu đồ nhỏ này để cố giải thích cho bạn. Khi con người viết lịch sử, họ viết về mọi điều từ quá khứ đến hiện tại, và họ viết về những gì xảy ra dưới đất này, và vòng tròn đó thể hiện lịch sử của con người. Nhưng đó chỉ là một phần; chỉ là một phần của câu chuyện. Lịch sử là câu chuyện của Ngài, và khi Đức Chúa Trời viết lịch sử, Ngài cho chúng ta bức tranh toàn cảnh, không chỉ từ quá khứ đến hiện tại, mà còn tương lai và những điều sẽ xảy ra sau đó.



Không chỉ những gì xảy ra dưới đất này, mà còn những gì diễn ra trên thiên đàng kia. Nên chúng ta có bức tranh toàn cảnh của lịch sử, không chỉ là quá khứ mà còn là tương lai, và không chỉ dưới đất mà còn trên thiên đàng. Nên sách Khải huyền tiến vào tương lai và đi lên thiên đàng để nhìn vào tương lai. Nên chúng ta liên tục lên thiên đàng, xuống dưới đất, lên thiên đàng, xuống dưới đất. Những gì xảy ra trên kia ảnh hưởng tới dưới này.

Ví dụ, khi cuối cùng Sa-tan cũng bị ném xuống từ thiên đàng trong chương 12 của sách Khải huyền, hắn xuống đất trong bực tức và giận dữ, đầy cuồng nộ để trút những gì tệ hại nhất của mình xuống đây, và đó là khi Antichrist và tiên tri giả xuất hiện. Nên những sử gia bình thường không hiểu rằng những gì diễn ra trên thiên đàng là toàn phần của bức tranh, và điều xảy ra trong tương lai soi rọi cho quá khứ - và chúng ta có lịch sử trọn vẹn và toàn cảnh từ sách Khải huyền. Chúng ta gọi đây là Lịch sử Mặc khải (Apocalyptic History). Từ mặc khải (apocalupsis) trong tiếng Hy Lạp nghĩa là vén màn, kéo tấm màn ra, kéo tấm rèm ra. Hai tấm màn được kéo ra trong sách Khải huyền là tấm màn giấu thiên đàng khỏi chúng ta và tấm màn giấu tương lai khỏi chúng ta. Nếu hai tấm màn đó còn chưa được loại bỏ thì chúng ta không thể nào có được bức tranh toàn cảnh. Nên Đức Chúa Trời vén màn tương lai và Ngài vén màn những gì đang diễn ra trên thiên đàng để chúng ta có hiểu biết trọn vẹn về lịch sử của Ngài - câu chuyện của Ngài.

Từ đó mà chúng ta tiếp tục, chỉ để cung cấp một cái nhìn tổng quan rất ngắn gọn về chương 4 và 5 - chương 4 tôi sẽ đặt là Đấng Tạo hóa và các Sinh vật của Ngài, và đó là một cảnh tượng kỳ vĩ. Không bút nào tả nổi, cầu vồng tuyệt đẹp, ngai trắng ngắt, biển cả trong suốt; và một số những sinh vật khá kỳ lạ, 4 sinh vật, đại diện cho mọi tạo vật của Đức Chúa Trời, đang ngợi khen Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài.

Từ chương 4 và 5, chúng ta có vô vàn những điệp khúc, bài hát và bài thánh ca mà chúng ta dùng trong sự thờ phượng vì chúng tràn ngập sự thờ phượng. Sách Khải huyền không chỉ đầy nghệ thuật mà còn tràn ngập âm nhạc nữa - tràn ngập những lời hát, những bài hát, những bài hát ngợi khen.

Nên trong chương 4, Giăng được mời lên thiên đàng. Tuy thân thể ông vẫn đang ngồi tù tại Bát-mô nhưng tâm linh của ông đang ở trên thiên đàng và tận mắt thấy thiên đàng, thấy vẻ đẹp, màu sắc, và trên hết là sự an ninh, sự bình an nơi đó. Đức Chúa Trời đang ngồi trên ngôi Ngài. Có cô bé từ trường Chúa Nhật trở về nhà, nghêu ngao câu điệp khúc mà cô bé mới học được - "Đức Chúa Trời vẫn ở trên "môi" - cô bé hát suốt dọc đường về nhà, Thì đó cũng là một suy nghĩ thú vị và đúng thôi, nhưng lẽ thật của Khải huyền 4 là Đức Chúa Trời vẫn ở trên ngôi. Đức Chúa Trời đã không nhượng quyền tối thượng của Ngài cho bất cứ ai. Ngài vẫn nắm toàn quyền kiểm soát Sa-tan, và mọi điều đang diễn ra. Không điều gì xảy ra mà không có sự cho phép của Đức Chúa Trời. Ngài ngồi trên ngôi, lịch sử không vượt khỏi tầm kiểm soát.

Bạn có thể nghĩ như vậy khi đọc báo, nhưng hãy đọc Khải huyền 4 và bạn biết rằng Đức Chúa Trời vẫn ở đó. Ngài tể trị tối thượng. Mọi thứ đang xảy ra theo kế hoạch của Ngài hoặc theo sự cho phép của Ngài. Có thể là một trong hai.

Đó là hình ảnh trong chương 4. Có 24 trưởng lão, và đó là một con số quan trọng xuyên suốt sách Khải huyền. Mỗi khi thấy 24 trưởng lão, 24 cái này hoặc 24 cái kia là chúng ta đang thấy đại diện của 12 chi phái Y-sơ-ra-ên và 12 Sứ đồ của Chúa Giê-su. Họ tạo thành 24 nhân vật chủ chốt - 12 con trai của Gia-cốp hay Y-sơ-ra-ên - và 12 Sứ đồ tạo thành toàn bộ kế hoạch kỳ diệu mà Chúa dành để cứu chuộc chúng ta. Nên chúng ta sẽ thấy tại Giê-ru-sa-lem mới có tên của 12 Sứ đồ và 12 chi phái tại Giê-ru-sa-lem mới, biểu thị rằng tương lai của dân Do Thái và Cơ Đốc nhân là một. Chúng ta sẽ là một bầy dưới một Đấng Chăn chiên.

Nhưng ở đây, chúng ta có dân cũ của Đức Chúa Trời và dân mới của Đức Chúa Trời luôn có 24 người đại diện trên thiên đàng. Trong chương 5, Giăng bật khóc và ông khóc nức nở vì Đức Chúa Trời bảo ông rằng Ngài, Đức Chúa Trời sẽ không chấm dứt lịch sử. Ngài muốn một con người làm điều đó cho Ngài. Ngài muốn kết thúc của lịch sử loài người xảy ra bởi tay loài người, ấy thế nhưng Ngài không tìm được một người xứng đáng để bắt đầu đồng hồ đếm ngược lịch sử. Giăng khóc vì không người nào được Đức Chúa Trời coi là xứng đáng để thay Ngài đưa lịch sử đến hồi kết. Rồi ông thấy sự kết hợp giữa một con sư tử và một...không, không phải là một chiên con, mà là một con cừu đực, một con cừu đực.

Tôi ước rằng mình có thể mở Kinh Thánh của mọi người ra, gạch từ chiên con đi, cho từ cừu đực vào, vì từ chiên con với chúng ta nghĩa là một thứ nho nhỏ trăng trắng đáng yêu. Tôi đã thấy quá nhiều bức hình về Chiên Con của Đức Chúa Trời trong các hội thánh, và tôi rất e ngại khi thấy thứ nho nhỏ trăng trắng đáng yêu được vài tuần tuổi. Nghe này, chiên của Lễ Vượt Qua là một con cừu đực một tuổi. Ở đây chúng ta có một con chiên - một con cừu đực trưởng thành có 7 cái sừng. Đó là một hình ảnh mạnh mẽ, không phải là một hình ảnh nhỏ bé yếu ớt của một con chiên nhỏ. Đó là một hình ảnh mạnh mẽ.

Bạn sẽ không muốn mình bị nhốt cùng với một con cừu đực một tuổi có 7 cái sừng. Bạn sẽ không nghĩ đến việc ôm ấp nó. Bạn sẽ đo khoảng cách từ chỗ mình đến cửa. Sư tử và cừu đực là những hình ảnh rất mạnh mẽ. Thế nhưng, cừu đực rõ ràng là đã bị giết, nhưng vẫn sống. Con cừu đực nhìn như đã bị giết. Tất nhiên đó là Chúa Giê-su.

Lại một lần nữa, Ngài được miêu tả như Sư tử của chi phái Giu-đa và Cừu đực cất tội lỗi của thế gian đi. Người này, và chỉ Người này được cất nhắc để bắt đầu đồng hồ đếm ngược lịch sử. Tôi không sợ rằng có người sẽ nhấn sai nút và gây ra một vụ thảm sát hạt nhân xóa sổ toàn nhân loại, vì một ngón tay khác đã đặt trên nút, và đó là ngón tay của Chúa Giê-su. Nó thuộc về một bàn tay bị đâm lủng. Đức Chúa Trời sẽ không để bất cứ người nào đặt dấu chấm hết cho nhân loại, trừ Chúa Giê-su. Chỉ duy Ngài xứng đáng nhận lãnh mọi quyền bính, sự tôn trọng và vinh hiển và giờ đây, thiên đàng đang hát cho Chúa Giê-su vì đến cuối cùng, Chúa Giê-su sẽ đặt dấu chấm hết cho toàn bộ lịch sử nhơ nhớp của nhân loại chúng ta. Đó là một câu chuyện đáng buồn và nhơ nhớp. Chúa Giê-su sẽ đặt dấu chấm hết cho nó. Mọi thứ sẽ không tiếp tục mãi thế này trên hành tinh này; và nhiều người nghĩ rằng mọi thứ sẽ cứ tiếp tục mãi mãi như thế. Không đâu. Nó sẽ phải dừng lại.

Một trong những lý do khiến Chúa ban án tử cho chúng ta, những người nổi loạn chống lại Ngài là vì Ngài sẽ không để bất cứ ai phá hoại vũ trụ của Ngài mãi mãi. Nên Ngài đặt một số năm giới hạn trong đời chúng ta, chính xác là để ngăn chúng ta làm ô nhiễm môi trường đạo đức và môi trường vật chất mãi mãi. Nên Chúa đã hạn chế chúng ta, nhưng Ngài cũng đặt giới hạn cho lịch sử của toàn nhân loại. Nó sẽ đến hồi kết, nhưng cái kết đó sẽ là một khởi đầu.

Đó là chương 4 và chương 5, nhưng giờ chúng ta sẽ chuyển sang chương 6 đến 16, trọng tâm của sách Khải huyền và là phần tệ nhất. Đó là tin dữ. Tôi yêu sự chân thật của Chúa Giê-su. Ngài luôn chân thật với chúng ta. Tôi từng nghe những lời chứng rằng: "Tôi đến với Chúa Giê-su và mọi rắc rối của tôi bay biến." Bạn đã bao giờ nghe một lời chứng như thế chưa? Tôi đã từng tin vào chúng. Tôi không biết. Lời chứng của tôi ngược lại hoàn toàn. Tôi đến với Chúa Giê-su vào năm 1947 và những rắc rối của tôi bắt đầu; được báp-têm Thánh Linh vài năm sau đó, và những rắc rối của tôi trở nên tệ hơn, và 10 năm vừa rồi, tôi vướng vào nhiều rắc rối hơn 30 năm trước.

Một số người trong các bạn biết điều đó. Nhưng hãy vui mừng lên, Chúa Giê-su nói vậy. Ngài hứa cho chúng ta hoạn nạn, nên đời sống tôi đã làm trọn lời hứa của Ngài. Ngài nói với chúng ta rằng sẽ có hoạn nạn lớn - đại nạn. Phao-lô cũng như vậy. Ông bảo những người mới cải đạo phải trải nhiều nỗi gian lao mới vào được Vương quốc. Chúng ta cần thành thật khi dẫn người ta đến với Đấng Christ - anh đang đâm đầu vào hoạn nạn. Anh sẽ trở nên một kẻ lạc loài trong xã hội. Anh sẽ trở nên một người lạ, một kẻ hành hương, một lữ khách ngang qua. Anh sẽ không thuộc về thế giới mà anh sinh ra tại đó.

Giờ đây, anh là một phần của nhân loại mới. Anh không còn là homo sapien nữa, giờ anh là homo novus - đó là từ "con người mới" trong tiếng La-tinh, vì ai ở trong Đấng Christ, người ấy là tạo vật mới. Anh thuộc nhân loại mới và anh không còn hòa hợp với thế giới gian ác này nữa. Thời kỳ gian ác hiện tại sẽ không thích anh. Đây là cách nhanh nhất để khiến người ta không ưa anh - theo Chúa Giê-su. Thực ra Ngài nói, Ngài rủa sả bất cứ ai "được mọi người khen tặng," đó là một ý hay. Hoạn nạn - trong tương lai gần, chúng ta sẽ phải đón nhận hoạn nạn và hoạn nạn lớn.

Đây là chút tin lành cho các bạn. Không còn gì tệ hơn nữa xảy ra cho các bạn ngoài những điều được mô tả trong chương 6 đến 16 của Khải huyền. Chúa Giê-su đã cho chúng ta biết điều tệ nhất. Bạn cười về điều đó, nhưng đó là tin lành, bạn biết đó. Cái nào tốt hơn: vị bác sĩ nói cho bạn biết điều tệ nhất có thể xảy đến hay vị bác sĩ không nói gì cho bạn biết? Bạn thích cái nào hơn? Chúng ta muốn biết điều tệ nhất để có thể thích nghi với nó. Chúng ta có thể sẵn sàng đón nhận nó. Chúa Giê-su đủ

thành thật để nói với 7 hội thánh này - và qua họ để nói với chúng ta, rằng mọi thứ sẽ trở nên tệ đi, rất tệ, khi chúng ta tiến gần tới tận thế.

THREE SERIES OF 'SEVENS'

SEALS:
1. WHITE HORSE ~ AGGRESSION
2. RED HORSE ~ BLOODSHED
3. BLACK HORSE ~ FAMINE
4. GREEN HORSE ~ DISEASE
'WOES'
5. PERSECUTION & PRAYER (BELIEVERS)
6. TREMORS & TERROR (UNBELIEVERS)
7. SILENCE (EARTHQUAKE)

TRUMPETS:
1. SCORCHED EARTH
2. POLLUTED SEA
3. CONTAMINATED WATER
4. REDUCED SUNLIGHT
'WOES'
5. INSECT PLAGUE
6. ORIENTAL INVASION
7. KINGDOM COME (EARTHQUAKE)

BOWLS:
1. BOILS ON SKIN
2. BLOOD IN SEA
3. BLOOD FROM SPRINGS
4. BURNING BY SUN
'WOES'
5. DARKNESS
6. ARMAGEDDON
7. UNIVERSAL CATASTROPHE (EARTHQUAKE)

Vì vậy, trong chương 6 đến 16, chúng ta có một loạt những hoạn nạn, cùng nhau tạo thành thứ mà chúng ta gọi là hoạn nạn lớn, hay Đại Nạn. Chúng đến theo ba loạt bảy. Có 7 ấn, rồi 7 tiếng kèn, rồi 7 bát thịnh nộ. Khoan hãy hỏi xem chúng có liên quan gì đến nhau không, hãy lướt qua chúng để xem chúng là gì, và chúng ta thấy ngay rằng 7 ấn - mỗi loạt 7 lại chia thành 4, 2, và 1. Bốn cái thành một nhóm, 2 cái thành một nhóm, và 1 cái đứng một mình. Chúng ta cũng để ý thấy cái thứ 7 trong mỗi trường hợp là một trận động đất xảy ra trên toàn cầu, giống hệt nhau; nhưng 6 cái kia lại khác nhau.

Bây giờ hãy lấy bốn ấn đầu tiên làm ví dụ. Có 4 con ngựa. Óc suy xét bảo bạn rằng chúng không phải là ngựa thật; chúng chỉ là những hình ảnh, biểu tượng. Tính biểu tượng nằm ở màu sắc của chúng - trắng, hồng, đen và xanh xám. Nhưng Kinh Thánh cũng cho chúng ta biết ý nghĩa của những màu đó. Trắng là biểu tượng của xung đột quân sự. Napoleon cưỡi một con ngựa trắng. Phần đa những vị tướng quân sự đều cưỡi ngựa trắng. Sự xung đột quân sự. Ngựa hồng là biểu tượng của máu. Xung đột quân sự chắc chắn sẽ dẫn đến đổ máu. Đổ máu thì dẫn đến điều gì? Ngựa đen, hay ngựa ô - chúng ta được biết đó là màu của sự đói kém.

Thực tế, da thịt con người dường như chuyển sang màu đó khi bị suy dinh dưỡng. Đen là màu của sự đói kém. Điều gì theo sau nạn đói? Ngựa xanh, xanh xám, là màu của bệnh tật, ôn dịch, dịch hạch. Ở đây chúng ta có 4 con ngựa - xung đột quân sự, đổ máu, đói kém, bệnh dịch. Chúng đã và đang phi khắp trái đất ở những vùng nhất định. Tôi có thể kể tên ít nhất cả chục vùng nơi 4 con ngựa này đang hiện diện. Xung đột quân sự và đổ máu đã dẫn đến đói kém và bệnh dịch.

4 con ngựa đó sẽ phi khắp trái đất trước khi kết thúc lịch sử, tuy chúng đang phi ở những vùng nhất định. Ấn thứ 5 nói đến Cơ Đốc nhân - các tín đồ - bị bắt bớ và đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời rằng: "Lạy Chúa, việc này còn kéo dài bao lâu nữa? Ngài sẽ để dân Ngài chịu khổ và chết mất đến bao giờ?" Tôi không nghĩ là phần đa trong các bạn biết rằng năm ngoái, hơn 350,000 đã chết cho Chúa Giê-su. Thời đại chúng ta ngày nay có số người tử vì đạo nhiều chưa từng có. Người ta đang chết mất vì họ là Cơ Đốc nhân.

Càng về cuối, điều này sẽ càng dữ dội. Với những người vô tín, ấn thứ 6 hé lộ những cơn rúng động ở những vùng khác nhau trên thế giới, và sự khiếp đảm nơi những người vô tín; một bầu không khí đầy sợ hãi. Cuối cùng, ấn thứ 7 - sự im lặng trên thiên đàng, nhưng cơn động đất lớn dưới này. Đó chỉ là những cái ấn. Dường như những thảm họa này càng dữ dội hơn khi chúng ta chuyển sang những tiếng kèn - và sau đó là sang những cái bát. Chúng ngắn hơn về thời gian nhưng dữ dội hơn về bản chất. Chúng chuyển từ thảm họa con người hay những thảm họa có nguyên nhân từ con người sang những thảm họa thiên nhiên khi chính môi trường chống lại con người.

Nên chúng ta có 4 tiếng kèn hé lộ một trái đất rực lửa, một trái đất khô cằn thiếu mưa, biển cả ô nhiễm không còn nuôi dưỡng sự sống, nước trên đất liền bị ô nhiễm, các nguồn nước uống bị ô nhiễm, ánh nắng giảm đi, có lẽ là do sự thay đổi nào đó trong bầu khí quyển. Đó là những thảm họa tự nhiên gây ra bởi những yếu tố con người. Còn đây là một số thảm họa tự nhiên. Chúng ta có nạn côn trùng sau tiếng kèn thứ năm. Rồi một tai họa lạ lùng - sự xâm chiếm từ Đông Phương, từ Phương Đông, một đội quân khổng lồ, hàng trăm ngàn binh lính đến từ hướng Trung Hoa sang Trung Đông.

Cuối cùng, tiếng kèn thứ bảy loan báo sự đến của Vương quốc Đức Chúa Trời khi các vương quốc thế gian trở thành các Vương quốc của Đấng Christ chúng ta và của Đức Chúa Trời. Kèm theo đó lại là một cơn động đất. Rồi chúng ta chuyển sang những cái bát, và giờ đây, dường như chúng càng trở nên dữ dội hơn nữa với đầy những ung nhọt hay ung thư trên da con người, biển cả biến thành máu. Việc này có xảy ra với bờ biển phía tây Nam Mỹ không lâu trước đây, bạn có thấy những bức ảnh không? Cả dòng hải lưu Gulf Stream hay gì đó dưới bờ biển phía tây Mỹ La-tinh trở nên đỏ như máu. Chỉ một thời gian ngắn thôi nhưng nó trải dài hàng trăm cây số. Điều đó sẽ xảy ra với tất cả các đại dương. Huyết từ các suối, các suối trên đất liền biến thành màu đó.

Bát thứ tư, bị mặt trời thiêu đốt. Chỗ này quá ít mặt trời, chỗ kia thì quá nhiều. Bát thứ 5, bóng tối, ánh sáng tự nhiên biến mất. Bát thứ 6, Trận Ha-ma-ghê-đôn. Chút nữa chúng ta sẽ trở lại với điều đó. Bát thứ 7, lại một thảm họa động đất lớn khắp toàn cầu. Nếu bạn thử tìm ra trình tự của tất cả những điều này thì bạn sẽ bị rối vì nó khá phức tạp. Chút nữa tôi sẽ cung cấp cho bạn điều mà tôi tin là trình tự đúng, nhưng thực ra, với tôi, vì Chúa Giê-su là một người thầy giỏi, nên nếu Ngài muốn bạn tập trung vào trình tự thì Ngài đã trình bày điều này một cách đơn giản và dễ hiểu hơn. Nhưng tôi tin là Ngài không muốn chúng ta tập trung vào việc lên thời gian biểu, lên lịch và đưa ra lịch trình. Ngài muốn chúng ta sẵn sàng cho tất cả những điều này. Ngài đang cho chúng ta biết tất cả những điều này để chúng ta biết được điều tệ nhất.

Vì vậy chúng ta không bị bất ngờ khi chúng xảy ra. Chúng ta sẽ không bị giật mình. Thế giới sẽ giật nảy mình và tự hỏi: "Thế giới đang tiến đến cái gì thế này?" Đó sẽ là cơ hội tuyệt vời để chúng ta nói rằng: "Không phải thế giới đang tiến đến cái gì, mà thế giới đang tiến đến ai!" và chúng ta có thể cho họ biết. Nhưng chúng ta có thể nói rằng: "Chúng tôi vẫn luôn chờ đợi điều này. Chúa Giê-su nói với chúng tôi rằng điều đó sẽ xảy ra và Ngài là Đấng chân thật, Ngài đã chuẩn bị chúng tôi cho

điều đó." Thế nhưng danh sách thảm họa đến trên thế giới khá khốc liệt, và chúng ta phải hỏi rằng: "Cơ Đốc nhân sẽ sống sót qua tất cả những điều này như thế nào? Họ sẽ làm thế nào để vượt qua?"

Nhưng trước khi chúng ta xem xét câu hỏi đó, tôi muốn chia sẻ với các bạn về trình tự mà những điều này sẽ xảy ra, vì điều đó sẽ giúp bạn quen với cấu trúc hay hình dạng của hoạn nạn lớn, và những chương ở giữa này. Hãy nhớ rằng chúng ta chỉ đang nói đến ba năm rưỡi, hay 42 tháng, hay 1260 ngày. Có ba ý kiến khác nhau về cách những cái ấn, kèn và bát này liên hệ với nhau. Trong sách Khải huyền thì cái này nối tiếp cái kia, nhưng đó có phải là cách mà chúng sẽ xảy ra không? Có một quan điểm là chúng sẽ nối tiếp nhau. Sau 7 ấn sẽ là 7 tiếng kèn, sau đó 7 bát thịnh nộ sẽ đổ xuống. Nhưng điều đó hơi đơn giản quá. Nó không thực sự khớp, và nó không khớp vì điều thứ 7 trong mỗi trường hợp đều giống nhau.

CHAPTERS 6-16

A. SUCCESSIVE

SEALS	TRUMPETS	BOWLS
1234567	1234567	1234567

B. SIMULTANEOUS

SEALS	1234567
TRUMPETS	1234567
BOWLS	1234567

C. SUCCESSIVE, SPEEDED, SIMULTANEOUS

SEALS	1 2 3 4-5 6			7
TRUMPETS		1 2 3 4-5 6		7
BOWLS			1234-56	7

Nhân tiện thì bạn có để ý biểu đồ trước, rằng 3 điều cuối cùng trong mỗi trường hợp đều là khốn thay - thực ra đó là một từ để rủa sả. Nhưng "khốn thay" cuối cùng trong mỗi trường hợp đều là trận động đất kinh hoàng, nên số 7 dường như giống nhau trong mỗi trường hợp. Khả năng thứ hai nêu trong một số sách giải kinh là thực tế, chúng xảy ra đồng thời, tức là 7 ấn diễn ra cùng lúc với 7 tiếng kèn, diễn ra cùng lúc với 7 bát thịnh nộ. Chúng bắt đầu cùng nhau và kết thúc cùng nhau nên tất cả đều xảy ra đồng thời. Điều đó có vẻ lại không khớp và bạn phải ép Kinh Thánh theo một cách nào đó cho khớp với một trong hai kiểu.

Nên tôi muốn chuyển sang khả năng thứ ba, tôi tin rằng đây là khả năng khớp với mọi gợi ý mà chúng ta có trong những chương giữa này, rằng chúng vừa nối tiếp nhau vừa xảy ra đồng thời, rằng cái này xảy ra sau cái kia nhưng chúng có kết thúc cùng nhau. Nói cách khác, sau ấn 1 đến 6 là tiếng kèn 1 đến 6, sau đó là các bát thịnh nộ 1 đến 6, và tất cả đều kết thúc ở 7. Điều đó có vẻ hợp lý, như thể chúng ta tiến dần đến cao trào, màn tăng tốc của những thảm họa cuối cùng này. Dù sao chúng ta cũng đang ở trong lịch sử và biết rằng nó đang tăng tốc, các sự kiện trên thế giới đang tăng tốc quanh chúng ta.

Nên chúng ta có mối quan hệ vừa nối tiếp, vừa tăng tốc đến đồng thời. Cái đó nhìn khá phức tạp. Đừng lo, đó không phải là lý do khiến Chúa Giê-su cung cấp cho chúng ta điều đó, nếu không, Ngài đã làm theo cách đơn giản hơn nhiều. Nhưng nếu bạn muốn tìm hiểu xem những điều này liên hệ với

nhau như thế nào thì tôi nghĩ đây chính là mối quan hệ, không phải cái này hay cái này. Nhưng thú vị ở chỗ, giữa chúng, sau mỗi thứ 6, bạn có một quãng nghỉ, một kiểu quãng giữa mô tả những gì xảy ra với người tin Chúa trong tất cả những điều này.

Thú vị là phần đa những điều này sẽ đến trên cả thế giới và tất cả đều phải chịu như vậy, nhưng có những quãng giữa mô tả những gì sẽ xảy đến với dân Chúa. Quãng giữa đầu tiên là chương 7, sau ấn thứ 6. Quãng giữa tiếp theo là chương 10 và 11, sau tiếng kèn thứ 6, và quãng giữa thứ 3 là chương 12 và 13, không phải sau bát thịnh nộ thứ 6 vì ở đó làm gì còn chỗ cho chúng, nên chúng đến trước, ở đây. Nói chung thì đó là bố cục của chương 6 đến 16. Sáu ấn, quãng nghỉ, chương 7; sáu tiếng kèn, quãng nghỉ, chương 10 đến 11; rồi đến quãng nghĩ thứ 3, chương 12 và 13, rồi 6 bát thịnh nộ dẫn ngay tới cao trào số 7, trong đó có quá nhiều thứ, trận động đất lớn, có cả Ha-ma-ghê-đôn, rồi có cả Vương quốc hầu đến. Mọi thứ diễn ra ở đây.

Tôi nhắc lại lần nữa, đừng lo về trình tự phức tạp này vì đây không phải điểm cốt yếu. Điểm cốt yếu là Chúa Giê-su đang giúp chúng ta làm quen với tất cả những điều sắp xảy đến để chúng ta sẵn sàng cho hoạn nạn lớn nếu nó xảy ra trong đời chúng ta. Tôi cũng sẽ nói điều này, rằng những hoạn nạn lớn này đều đang đổ bóng về trước chúng và đã ở đó trong 2000 năm. Như Giăng nói trong thư của ông, Antichrist phải đến nhưng đã có nhiều antichirst trên thế giới. Chắc là bạn đã nghe người ta tranh luận xem Gaddafi là Antichrist hay Saddam Hussein. Rồi họ tranh luận xem Napoleon hay Hitler là Antichrist. Câu trả lời là đã có rất nhiều antichrist nhưng sẽ có một tên sừng sỏ sắp đến. Cũng vậy, sẽ có một tiên tri giả sừng sỏ vào đoạn cuối, nhưng đã có nhiều tiên tri giả trên thế giới.

Đã có 4 con ngựa - những con ngựa màu khác nhau - đang phi nước đại qua các vùng của Châu Phi và Châu Á, nên xét theo một khía cạnh, trở thành cách bạn đọc báo ngày nay và thấy cái bóng đổ - cái bóng đổ về trước - của những sự kiện sắp tới sau này. Nên xét theo một khía cạnh thì chúng ta đã sống trong nhưng ngày sau rốt, nhưng "những ngày sau sau rốt" đang được nói tới ở đây phủ bóng về trước chúng và chúng ta đã có thể thấy nhiều thứ đang định hình cho điều đó. Ví dụ, nó nói về một xã hội không dùng tiền mặt, khi bạn đến quầy thanh toán ở siêu thị, bạn sẽ phải đưa tay hoặc trán mình lên chỗ tính tiền vì bạn sẽ có một con số được cấy vào tay hoặc trán mình. 20 năm trước nghe điều này như khoa học viễn tưởng.

Swindon ở Anh Quốc hiện là thị trấn đầu tiên trên thế giới áp dụng việc mua sắm không tiền mặt, và mua sắm bằng con số. Việc này đã xảy ra tại nước Anh. Không nghĩa là Khải huyền 13 đã đến, nhưng đó là cái bóng đổ về trước; nên tuy chúng ta đang chờ đợi những thảm họa tột đỉnh này nhưng chúng ta đang thấy chúng trên một quy mô nhỏ hơn, trên quy mô địa phương, chúng ta đã thấy nó xảy đến. Người Trung Quốc yêu sách Khải huyền vì họ thấy trong đó có miêu tả những điều đang xảy ra với Cơ Đốc nhân tại đó và tại những nơi khác trên thế giới đang có bắt bớ. Họ đọc sách này vì họ có thể thấy tất cả đang diễn ra tại nơi họ đang ở. Tình cờ thì chúng ta là một trong những quốc gia dễ chịu hơn trên thế giới, chúng ta không thấy quá nhiều bóng dáng của tất cả những điều này. Nhưng nếu bạn đọc trên quy mô toàn cầu thì bạn sẽ thấy chúng.

Những điều sẽ xảy đến với các tín đồ

Trong chương 7, quãng giữa đầu tiên ở đây, bạn có hình ảnh về hai nhóm dân Chúa. Một là dân Do Thái, một là Cơ Đốc nhân. Dân Do Thái ở trên đất và trong cơn hoạn nạn lớn, chúng ta được biết rằng Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ và gìn giữ toàn bộ đất nước Do Thái vì người Do Thái trước giờ đã luôn phải hứng chịu những hoạn nạn, Cơ Đốc nhân cũng vậy. Họ sẽ được bảo vệ và gìn giữ qua cơn

hoạn nạn lớn đó. Sau đó, bạn sẽ thấy một đoàn người rất đông từ mọi gia tộc, mọi bộ tộc và thứ tiếng, nhưng ở trên thiên đàng, được Đức Chúa Trời săn sóc. Điều đó khiến một số người cho rằng Cơ Đốc nhân sẽ ở trên thiên đàng trước khi cơn đại nạn đến. Tôi sẽ nói đến điều đó vào bài nói chuyện tiếp theo. Tôi không tin vào điều đó.

Khi bạn đọc kỹ nửa sau của chương 7, rõ ràng là trong đó gồm toàn những Cơ Đốc nhân đến từ mọi nơi trên thế giới, họ được huyết Chiên Con tẩy sạch, nhưng bạn thấy rằng họ sẽ ra khỏi Cơn Đại Nạn và động từ "ra khỏi" nghĩa là - bạn phải tin lời tôi - không phải đi ra cả loạt nhưng đi ra từng người một, chậm rãi, trong suốt cả thời kỳ đó. Những người này sẽ ra khỏi - từng người một - khỏi cơn hoạn nạn lớn. Nếu bạn hỏi rằng họ sẽ ra khỏi đó như thế nào thì câu trả lời rất đơn giản - tử vì đạo. Bạn thấy sự nhấn mạnh vào những người tử vì đạo xuyên suốt sách Khải huyền. Họ đã trải qua cơn hoạn nạn lớn, họ đã chịu mặt trời thiêu đốt, họ đã trải qua những thảm họa này, nhưng sách chép rằng giờ đây mặt trời không còn hại đến họ nữa. ở đây có một chi tiết rất thú vị, sách chép rằng "Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt khỏi mắt họ."

Sao họ phải khóc nếu như Đức Chúa Trời đã gom họ lại trước cơn hoạn nạn lớn? Họ khóc vì họ đã trải qua nó và họ sẽ ra khỏi đó bằng việc tử vì đạo, và đó là con số mà không ai đếm được. Nên đây là quãng giữa nhỏ đầu tiên. Nó nói đến những người Do Thái trên đất và rất nhiều Cơ Đốc nhân trên thiên đàng sẽ đi ra từng người một - như những người tử vì đạo. Không phải mọi Cơ Đốc nhân đều tử vì đạo, một số người sẽ thoát được và sống sót nơi những vùng nông thôn, không phải ở thành thị - nhưng nhiều người sẽ tử vì đạo. Chút nữa chúng ta sẽ thấy Ba-by-lôn say máu các thánh đồ, thành của thế gian. Đó là quãng giữa đầu tiên. Quãng giữa thứ hai...xuất hiện ở cuối tiếng kèn thứ 6. Ở đây, chúng ta có quãng giữa về việc làm chứng.

Lúc này, Giăng, trong khải tượng, được bảo rằng hãy ăn cuộn giấy, một mảnh giấy da được gói lại, cuộn lại. Ông ăn nó và ông nói rằng nó ngọt ngọt, chua chua, và trước đây bạn đã nghe thấy cụm này ở đâu đó. Nhưng hiện giờ ông đang được cho thấy cơn hoạn nạn tệ nhất và ông được bảo rằng hãy ăn hết tất cả những điều này trong khải tượng, và khi ăn nó, ông có cảm giác chua ngọt lẫn lộn rất lạ này. Nó ngọt khi ông mới nếm nó và rồi nó hóa chua. Các chồi vị giác ngọt nằm ở đầu lưỡi bạn và các chồi chua nằm ở cuống lưỡi. Một miếng thịt lợn chua ngọt sẽ thỏa mãn hết cả lưỡi bạn. Bạn sẽ thấy vị ngọt ở đầu lưỡi và vị chua ở cuống lưỡi. Giăng nói rằng: "Đó là cảm giác của tôi khi nhai thứ này."

Và thực ra, đó là phản ứng của tôi khi đọc toàn bộ Khải huyền - khi mới nếm thử thì ngọt ngào, rằng Chúa Giê-su sẽ chiến thắng. Rồi bạn bắt đầu nghĩ đến tất cả những điều phải xảy ra trước khi Ngài chiến thắng, và nó chuyển thành vị chua ở cuống họng bạn. Đó là một hình ảnh sống động về phản ứng của Giăng đối với điều ông đang phải tiêu hóa trong tất cả và tôi nghĩ điều đó rất giống phản ứng của tôi với Khải huyền. Sách có vị ngọt ngọt, chua chua. Sách ngọt ngọt, đó là tin lành; nhưng sách lại chua chua, đó là tin dữ. Tin dữ đến trước tin lành. Rồi trong chương 11, ngay trước khi kết thúc lịch sử, chúng ta được biết rằng sẽ có hai chứng nhân tại Giê-ru-sa-lem và họ sẽ bị giết vì những điều họ nói. Xác của họ sẽ nằm trên đường - hai nhân chứng cuối cùng của Đức Chúa Trời - và rồi, sau 3 ngày, họ sẽ đứng dậy và sống lại, người ta sẽ thấy họ thăng thiên như thể những gì xảy ra với Chúa Giê-su sẽ xảy ra với họ. Họ là ai? Tôi không biết. Tôi sẽ cho bạn biết khi họ đến, nếu lúc đó tôi vẫn còn sống. Thật không nên suy đoán về danh tính của họ.

Rồi chúng ta có quãng giữa cuối cùng khi mọi thứ trở nên rất khó khăn cho những người tin Chúa trên đất, vì chính quyền thế giới sẽ rơi vào tay ba tên không thánh này. Thay vì Chúa Cha, Chúa Con và Thánh Linh thì chúng ta có Sa-tan, Antichrist và tiên tri giả. Chúng là ba tên không thánh cuối cùng sẽ cai trị thế giới này. Mọi thứ sẽ trở nên rất khó khăn cho những người tin Chúa. Đó là khi chúng ta không thể mua sắm hay mua đồ ăn nếu chúng ta không chuẩn bị cho con số 666 khủng khiếp vào người để đưa qua quầy thanh toán siêu thị. Mọi thứ sẽ rất khó khăn.

Tên tiên tri giả thậm chí còn làm những phép lạ, những phép lạ của Sa-tan, để nâng đỡ cho thể chế của kẻ độc tài, tên Antichrist này. Anti không nghĩa là "chống lại"; nó nghĩa là "thay thế" Đấng Christ. Khi Ma quỷ cố cám dỗ Chúa Giê-su, hắn nói: "Ta sẽ cho ngươi tất cả các vương quốc trên thế gian nếu ngươi quỳ lạy ta," và hắn đang đề nghị cho Chúa Giê-su địa vị của Antichrist mà một ngày nào đó, một người sẽ chấp nhận nó. Điều đó không tuyệt vời sao? Nếu Chúa Giê-su chịu thua cám dỗ đó thì ngày hôm nay chúng ta sẽ nói đến Chúa Giê-su Antichrist, nhưng chúng ta lại nói về Chúa Giê-su Christ, vì Ngài đã từ chối lời đề nghị.

Nhưng đến một ngày, một người sẽ chấp nhận nó. Nên ở đây chúng ta có chế độ độc tài này. Thế giới sẽ không kết thúc trong chế độ dân chủ, nó sẽ kết thúc trong chế độ độc tài và ba tên này sẽ là những kẻ độc tài, hai tên là người còn một tên phi nhân tính, ấy là Sa-tan. Cơ Đốc nhân sẽ có một khoảng thời gian rất khó khăn. Đó là quãng giữa cuối cùng trong chương 13 và 14. Chương 14 kết thúc với 3 vị thiên sứ và khải tượng này bù đắp cho những điều kinh hoàng.

Đó là chút vị của tương lai, chương đó cho thấy rất nhiều thánh đồ được an toàn trên thiên đàng và kêu gọi chúng ta kính sợ và thờ phượng Chúa. Kinh Thánh chép rằng: "Ba-by-lôn đã sụp đổ," chúng ta sẽ nói về điều đó trong bài nói chuyện tiếp theo. Nó kết thúc với lời cảnh báo cho các tín đồ, những thánh đồ, rằng họ có thể kết thúc nơi địa ngục, rằng giữ sự trung tín với Chúa Giê-su có thể nghĩa là tử vì đạo. Nhưng Kinh Thánh chép thế này: "Hãy viết đi," vị thiên sứ bảo Giăng, "Hãy viết đi: Từ nay trở đi, phước cho những người chết là chết trong Chúa vì những công việc của họ đi theo họ." Điều đó thường được đọc tại những đám tang, nhưng thực ra đó là một câu về những ngày cuối cùng khi người ta chết không phải theo lẽ tự nhiên nhưng chết cho Chúa Giê-su. Phước cho những người tử vì đạo trong những ngày cuối cùng.

Schools of interpretation:

PRETERIST - past (first century A.D.)
SEVEN HILLS OF ROME

HISTORICIST - present (all centuries A.D.)
SEVEN AGES OF THE CHURCH

FUTURIST - future (last century A.D.)
SEVEN YEARS OF GREAT TRIBULATION

IDEALIST - past present future (any century A.D.)
SEVEN NEW THINGS ALREADY

Bây giờ tôi nghĩ chúng ta chỉ có đủ thời gian để xem 4 cách giải nghĩa những chương giữa này, và một số cách khá sai. Nhưng khi bạn mở một cuốn sách về sách Khải huyền ra, bạn sẽ thấy nó thường theo một trong bốn trường phái giải nghĩa này, và phần cốt yếu của vấn đề là - những thảm họa này, khi nào thì chúng sẽ xảy ra? Khi nào thì những dự báo này ứng nghiệm?

Có 4 câu trả lời khác nhau từ các học giả và tôi muốn lướt qua chúng vì nó khiến các sách về Khải huyền trở nên phức tạp. Bạn sẽ gặp phải những điều này và có thể bạn đã biết về chúng. Họ đã gắn cho nó những cái nhãn khủng khiếp và 4 trường phái giải nghĩa hoạn nạn lớn này là Tiền sử hay Quá khứ(Preterist), Lịch sử (Historicist), Tương lai (Futurist) và Lý tưởng hay Duy linh (Idealist), tất cả đều trả lời một câu hỏi duy nhất: "Khi nào thì những hoạn nạn này xảy đến?" Và quan điểm Tiền sử nói rằng: "Chúng đã xảy ra rồi, tất cả đều liên quan đến sự sụp đổ của Đế quốc La Mã thời 7 hội thánh tồn tại và vì thế, với chúng ta ngày nay, chúng đều đã kết thúc rồi. Chúng đã là lịch sử với chúng ta, chúng ở trong quá khứ.

Chúng thuộc thế kỷ thứ nhất SCN, và vào thế kỷ thứ hai, có thể là thứ ba." Ba-by-lôn trong sách Khải huyền nằm trên 7 ngọn đồi nên người ta nói đó chắc hẳn là Rô-ma vì Rô-ma nằm trên 7 ngọn đồi. Đó là quan điểm Tiền sử và nó giải nghĩa cả sách dưới góc độ Đế quốc La Mã nên vì vậy coi mọi thứ đã là quá khứ, ở thế kỷ thứ nhất SCN. Quan điểm Lịch sử tin rằng phần giữa này bao trùm toàn bộ lịch sử hội thánh giữa lần đến thứ nhất và thứ hai của Đấng Christ và mở ra một lịch sự trọn vẹn, và họ thích lấy chương 6 đến 16 và những thứ như Lịch sử Hiện đại Cambridge 6 Tập, đặt chúng cạnh nhau và xướng lịch sử thế giới hơn 2000 năm lên.

Nhưng thực ra đó là một quan điểm khó nhằn. Bạn thật sự phải ép nó vào cho khớp. Ngược lại với quan điểm đầu tiên, phần đa các thảm họa liệt kê trong chương 6 đến 16 không bao giờ xảy ra trong những ngày tàn của Đế quốc La Mã, nên tôi không thể tin vào quan điểm đó. Trong trường hợp này, bạn cũng phải ép nó như vậy. Họ bảo rằng chúng ta đang ở đâu đó giữa chương 16 vào năm 1997, chúng ta đang mở tất cả ra và bạn có thể đọc về Phong trào Cải chánh, những sự bắt bớ đầu tiên,...

Một biến thể của quan điểm này là thậm chí dùng 7 hội thánh tại A-si-a như 7 thời kỳ trong lịch sử hội thánh - và bạn có biết là chúng ta đang ở trong Thời kỳ Lao-đi-xê không? Bạn đã bao giờ nghe đến cái đó chưa? 7 hội thánh tại A-si-a không tượng trưng cho 7 thời kỳ lịch sử. Chúng tượng trưng cho 7 kiểu hội thánh trong mọi thời đại. Đó là điều chúng tượng trưng cho. Nhưng ở đây, tôi không tin là có 7 thời kỳ của hội thánh giữa lần đến thứ nhất và thứ hai của Đấng Christ, và rằng vì như vậy nên chúng ta có thể biết đích xác là mình đang sống trong chương nào của Khải huyền.

Cách thứ ba để tiếp cận những chương này là quan điểm tương lai, trong đó nói rằng tất cả những thảm họa kinh hoàng này là tương lai đối với chúng ta. Nên chúng ta có quan điểm này cho rằng tất cả đều là quá khứ và đã chấm dứt; quan điểm này cho rằng chúng ta đang ở giữa chúng còn quan điểm này cho rằng tất cả còn chưa đến và rằng chúng ta đang nói về 7 năm cuối của thời kỳ này, ba năm rưỡi trong đó sẽ là hoạn nạn lớn. Tôi sẽ thẳng thắn nói với bạn rằng về cơ bản, đó là điều tôi tin, vì khi đọc chương 6 đến 16, tôi không thể khớp chúng với những điều đã xảy ra được. Tôi không thể tin rằng chúng ta đang ở giữa những điều đó và tôi không thể tin rằng tất cả đều đã chấm dứt, nhưng tôi có thể tin rằng tất cả đều ở tương lai, có thể là tương lai gần, nhưng rõ ràng là trong tương lai.

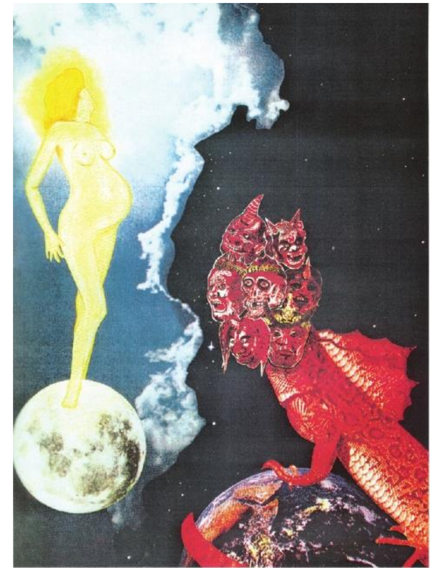
Quan điểm thứ 4 cho rằng chúng không áp dụng với bất kỳ thời đại nào, chúng áp dụng với mọi thời đại. Chúng đơn giản chỉ là những thần thoại hay câu chuyện mà bạn có thể áp dụng với bất cứ thời đại nào. Chúng không có địa danh trong lịch sử hay thời gian nhưng chúng cho chúng ta thấy

điều đang xảy ra trong mọi thời điểm, trong sự tranh chiến không dứt giữa cái thiện và cái ác. "Anh đừng định thời gian cho bất cứ điều gì.

Đây là sự tranh chiến không dứt giữa điều thiện trên thiên đàng và cái ác trên mặt đất, nên nó cứ tiếp diễn." Trong đó cũng có yếu tố đúng bởi vì, như tôi đã nói với bạn, những thảm họa tương lai cũng phủ bóng ra phía trước và bạn có thể thấy những khởi đầu của chúng trong thời đại chúng ta ngày nay. Nên cách của tôi là kết hợp giữa hai cái cuối, chủ yếu là quan điểm Tương lai - rằng chúng ta đang chờ đợi những hoạn nạn lớn sau thời của chúng ta, nhưng chúng ta đã có thể thấy chúng trong Thế kỷ này, những điều này đang bắt đầu xảy ra. Chúng ta thấy những chế độ độc tài nhỏ, chúng ta thấy những antichrist nhỏ, chúng ta thấy những tiên tri giả nhỏ, chúng ta thấy khởi đầu của những hoạn nạn lớn này, có thể không chỉ là khởi đầu. Tôi nghĩ là mình cần nói đến những trường phái giải nghĩa khác nhau vào lúc này vì đó là cách những người khác nhau giải nghĩa tất cả các thảm họa này. Hoặc là họ nói tất cả đều là quá khứ trong Đế quốc La Mã và sự sụp đổ của nó, hoặc là chúng ta đang ở giữa những điều đó - chúng ta đã đi được nửa đường - hoặc tất cả đều ở tương lai, hoặc chúng xảy ra trong mọi lúc.

Vậy chủ yếu là Quan điểm Tương lai - chúng ở phía trước chúng ta. Cảm ơn Chúa, có lẽ vậy. Nhưng chúng sẽ đến. Nhưng chúng ta đã có thể thấy bóng dáng của những điều này đang xảy ra ngay hiện tại. Chúng ta có thể thấy những đại dương ô nhiễm. Chúng ta có thể thấy mặt trời quá gắt gao hoặc quá yếu ớt. Chúng ta có thể thấy tầng ozone tách ra. Chúng ta có thể thấy quá nhiều thứ. Chúng ta thấy 4 con ngựa phi qua trái đất. Chúng ta ngày càng thiếu nước sạch và thực phẩm. Chúng ta thấy tất cả những điều này đang xảy ra và không còn giống khoa học viễn tưởng nữa. Dường như nó trở nên quá thực hữu. Kịch bản đang dần trở nên hoàn toàn đáng tin cậy.

Nên Quan điểm Duy linh áp dụng nó với mọi thế kỷ cũng có chút đúng đắn, nhưng tôi tin rằng lẽ thật chính yếu là Quan điểm Tương lai. Với điều đó, chúng ta sẽ khép lại bài nói chuyện này.



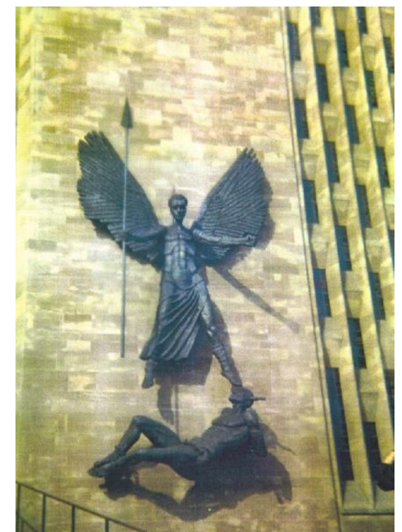
Hình ảnh người nữ đang mang thai cùng con rồng

Có ba người nữ trong sách Khải huyền nhưng không ai trong số họ là một người nữ. Nghe hơi đánh đố nhỉ! Thực ra tất cả đều tượng trưng cho một nhóm người, một thành phố hay điều gì đó. Người nữ đầu tiên xuất hiện trong chương 12 và đó là một trong những chương khó giải nghĩa nhất trong cả sách. Nhưng không vì thế mà tôi bỏ qua chương đó. Bây giờ tôi sẽ trở lại với nó. Chúng ta có một hình ảnh khác lạ trong chương 12 về một người nữ đang mang thai, trên người không mặc gì ngoài ánh nắng, đang đứng trên mặt trăng và giáp mặt với một con rồng đỏ nhiều đầu đang đứng trên mặt đất và chực ăn nuốt đứa con mà nàng sắp sinh ra.

Có ba cách để giải nghĩa về người nữ đó. Đầu tiên là Ma-ri, mẹ của Chúa Giê-su; đó là cách giải nghĩa thông thường của người Công giáo về chương này và đứa trẻ nàng sắp sinh tất nhiên là Chúa Giê-su, và Ma quỷ trong hình hài Hê-rốt đang chực tiêu diệt đứa trẻ mà nàng sinh ra. Tôi không tin là điều đó khớp với sách Khải huyền. Hoàn toàn không hợp lý về mặt thời gian hay không đồng bộ, khi chúng ta xét đến các sự kiện lịch sử. Điều này thuộc về các sách Tin lành chứ không phải ở đây, và không có lý do gì khiến Chúa Giê-su phải trở lại sự giáng sinh của Ngài vào thời điểm đó, trong sự mặc khải của Ngài.

Cách giải nghĩa thứ hai là nàng tượng trưng cho Y-sơ-ra-ên, nhưng đứa trẻ sắp sinh ra lại là Đấng Mê-si-a và lại một lần nữa, Ma quỷ đang chực tiêu diệt Đấng Mê-si-a. Tôi lại không nghĩ rằng đây là cách giải nghĩa phù hợp. Nó lại quay trở lại nhiều thế kỷ trước và không liên quan. Tôi tin rằng người nữ tượng trưng cho hội thánh Cơ Đốc và nàng sắp sinh những người chiến thắng, đặc biệt là những người tử vì đạo; và Ma quỷ, trong hình hài con rồng, đang chực giết con của nàng vì Kinh Thánh chép rằng người phụ nữ này chạy trốn vào hoang mạc trong 1260 ngày và được an toàn tại đó.

Cách giải nghĩa đó khớp với Khải huyền và khớp với cơn hoạn nạn lớn ở kỳ tận thế; rằng hội thánh sẽ không bị xóa sổ; rằng phần lớn hội thánh sẽ sống sót. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ gom những người chết cho Ngài về thiên đàng, từ đó phá tan mục đích của Sa-tan là hủy diệt hội thánh. Đó là 3 cách giải nghĩa và tôi sẽ để bạn lựa chọn, nhưng tôi đã cho bạn biết lựa chọn của mình - và tôi nghĩ điều đó có vẻ hợp với bối cảnh nhất vì khoảng thời gian đó - 1260 ngày - cũng chính là khoảng thời gian của cơn hoạn nạn lớn, hay Đại Nạn, 42 tháng hay "một kỳ, hai kỳ và nửa kỳ" hay ba năm rưỡi. Nên rõ ràng, với tôi, người nữ là hội thánh được an toàn trong hoang mạc trong khoảng thời gian đó.



Thiên sứ trưởng Mi-ca-ên ném Ma quỷ từ thiên đàng xuống

Chính trong chương đó và cùng thời điểm đó, Sa-tan cuối cùng cũng bị ném từ thiên đàng xuống, người ném hắn xuống là thiên sứ trưởng Mi-ca-ên. Nếu bạn ghé thăm Nhà thờ chính tòa Coventry, ở bên ngoài, bạn sẽ thấy tác phẩm khổng lồ trên tường điêu khắc thiên sứ trưởng Mi-ca-ên ném Ma quỷ từ thiên đàng xuống. Đó là lúc hắn xuống đất, quyết tâm phá hủy hội thánh, quyết tâm làm vua của thế giới này, một cách dứt khoát và trọn vẹn.

Đó là chương 12. Giờ chúng ta sẽ chuyển sang một bức họa khá ghê rợn khác. Người vẽ những bức họa này là Hugh Shelbourne hoặc một người bạn của ông tại Đông Luân Đôn, Anh Quốc. Một số người các bạn biết ông. Chúng là một loạt các bức họa được thực hiện để minh họa sách Khải huyền. Chúng ta đang chuyển sang người nữ thứ hai, và sau này, chúng ta sẽ xét đến người thứ ba. Thực ra, chúng ta có thể nói rằng phần còn lại của Khải huyền là câu chuyện của hai người nữ, hay đúng hơn là Truyền thuyết về Hai Thành phố, vì mỗi người tượng trưng cho một thành. Người nữ này, một kỹ nữ dơ dáy tượng trưng cho Ba-by-lôn và người nữ kia là một nàng dâu tinh khiết tượng trưng cho Giê-ru-sa-lem mới từ trời xuống.

Nên toàn bộ phần còn lại của sách nói về hai người nữ này và hai thành này trong sự tương phản với nhau. Chúng ta vẫn ở trong cơn hoạn nạn lớn, trong Đại Nạn, những năm cuối cùng của thời kỳ này, và chúng ta đang xét đến kinh đô của thế giới. Tôi không biết nó ở đâu. Sách không nói rằng đó là Ba-by-lôn cũ được xây dựng lại, nhưng sách gọi nó là Ba-by-lôn và tên đó được gắn với Rô-ma trong thư tín thứ nhất của Phi-e-rơ. Rô-ma được mô tả như Ba-by-lôn và đó là cái tên được dùng xuyên suốt Kinh Thánh cho tất cả những điều vô thần, mọi điều thế tục, mọi điều tội lỗi, mọi điều xấu xa.

Trong Kinh Thánh, hầu hết các thành phố đều là những nơi tồi tệ. Chúng tập trung dân cư, nên chúng tập chung những tội nhân, nên chúng tập trung tội lỗi. Tội lỗi, sai phạm và tội phạm ở vùng thành thị luôn tệ hơn ở vùng nông thôn, một phần vì tính ẩn danh của thành thị. Người ta dễ giữ bí mật, giấu diếm và thoát tội. Nhưng xuyên suốt Kinh Thánh, các thành phố bắt nguồn từ dòng dõi Lê-méc và Lê-méc là người đầu tiên sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nghệ thuật và âm nhạc cũng bắt nguồn từ dòng dõi Lê-méc, nên các thành phố, nghệ thuật, âm nhạc và văn hóa đến từ một dòng dõi sai trật; không phải từ dòng dõi của Sết dẫn đến Áp-ra-ham, nhưng từ dòng dõi Lê-méc.

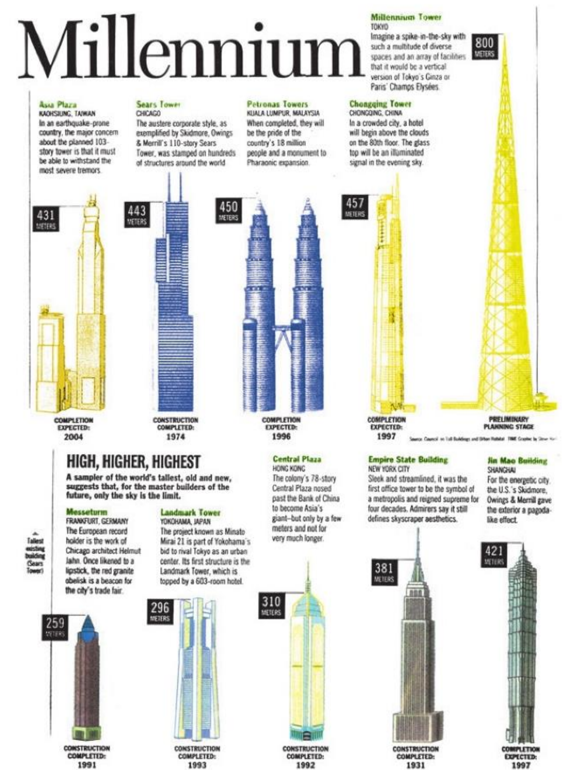
Nên xuyên suốt lịch sử, các vùng thành thị đã trở thành những nơi đồi bại, nghệ thuật cũng như âm nhạc trong đó cũng trở nên tha hóa và sa đọa. Như thế không nghĩa là nghệ thuật và âm nhạc tự nó là xấu, nhưng chúng có xu hướng bị tha hóa từ dòng dõi Lê-méc trở đi.

Chúng ta đang nói đến chương 17 đến 20 với Ba-by-lôn, ả kỹ nữ dơ dáy cưỡi con rồng. Tất nhiên là điều này trở lại với Sáng Thế Ký 12 nơi chúng ta có một thành phố được xây dựng từ sự kiêu ngạo của con người, Tháp Ba-bên, gần giống một từ trong tiếng Việt là "bập bẹ," nghĩa là nói một thứ tiếng mà không ai hiểu, vì chính tại Tháp Ba-bên mà Đức Chúa Trời ngự xuống và thấy sự kiêu ngạo của con người khi xây một cái tháp vươn đến "tận trời." Sự kiêu ngạo của chúng khi nói: "Ta là Chúa. Ta cũng cao không kém ông ấy. Ta có thể làm bất cứ điều gì khi ta quyết tâm. Thành phố của sự kiêu ngạo đó do Nim-rốt, tay thợ săn, một người săn cả người lẫn thú; thành đó trở nên một hiện thân, một tiêu điểm cho sự tập trung tội lỗi nơi thành phố. Thành phố tập trung sự kiêu ngạo, tham vọng, sự hiếu thắng - bạn thấy nhiều tham vọng và sự hiếu thắng tại thành phố Luân Đôn hơn hầu hết các nơi khác tại Anh Quốc. Nó tập trung sự tham dục - bạn thấy nhiều người đồng tính tại Luân Đôn hơn bất cứ nơi nào khác. Nó tập trung lòng tham, nó tập trung sự tức giận. Những cuộc bạo động không nổ ra tại những triền đê; chúng nổ ra nơi thành phố. Nên bạn có nhân loại sa ngã tập trung nơi những thành phố - Ba-by-lôn là thành phố đầu tiên và tệ hại nhất.

Thực ra tên của nó nghĩa là "Cổng của Đức Chúa Trời," nhưng nó đã thành nơi Đức Chúa Trời lần đầu ban ân tứ nói tiếng lạ. Tôi đã nghe những người giảng đạo nói rằng không thể tìm thấy ân tứ nói tiếng lạ trong Cựu Ước. Có chứ! Chúa đã ban nó, nhưng lần đầu Ngài ban ân tứ đó là để phân rẽ

con người. Nhiều thế kỷ sau, Ngài cũng ban chính ân tứ đó trong ngày lễ Ngũ Tuần, khiến mọi dân mọi nước xích lại gần nhau. Nhưng lần đầu Đức Chúa Trời sử dụng ân tứ đó là để phân rẽ con người thành những phần khác nhau. Đó là Ba-by-lôn và nó đã trở nên thành của Nê-bu-cát-nết-sa và kẻ thù đáng gờm nhất của Giê-ru-sa-lem, thành của Đức Chúa Trời. Chính người Ba-by-lôn đã đến và phá hủy thành Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ của nó.

Nên ở đây chúng ta có thành của con người - Ba-by-lôn và thành của Đức Chúa Trời - Giê-ru-sa-lem. Hai thành luôn chống nghịch và đối kháng xuyên xuốt Kinh Thánh, tới tận khi kết thúc lịch sử. Ở đây, chúng ta đang xét đến Ba-by-lôn cuối cùng. Nó sẽ ở đâu? Tôi không biết. Nếu để tôi đoán thì tôi sẽ đoán là ở đâu đó quanh vành đai Thái Bình Dương.



Hình ảnh một số tòa nhà chọc trời

Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy tinh thần Ba-by-lôn cuối cùng xung quanh mình, nhất là trong cuộc đua xây dựng tòa nhà cao nhất trên thế giới - nó đang diễn ra ngay lúc này. Đây là một trang từ Tạp chí Thời đại thể hiện cuộc đua sôi nổi này. Có Tòa Empire State, bây giờ nó đã thấp hơn so với rất nhiều tòa khác. Đúng không nhỉ? Không, đây mới là Tòa Empire State, nhưng giờ có một tòa nhà cao hơn nhiều ở Kuala Lumpur, 3 tuần nữa tôi sẽ đến đó, và tôi sẽ thấy nó được hoàn thiện. Đây hiện là tòa nhà cao nhất thế giới, nhưng đây là một tòa khác đang được xây dựng, cao hơn khoảng 3m và ở Trung Quốc. Nhưng đây là tòa cao nhất đang dự kiến xây dựng, nó đang nằm trên bản vẽ. Một kiến trúc sư người Anh tên Foster đang thiết kế cho Tokyo. Nó sẽ là một tòa nhà cho 50.000 người, không chỉ để ở mà còn để làm việc, giải trí. Họ sẽ sống trong tòa tháp nhọn này và họ đang xây tòa này cao 800 mét - trong vùng động đất.

Con người thật kiêu ngạo và tự tin. Một số người trong các bạn sẽ xem một chương trình truyền hình về nó. Nhưng người ta vẫn đang chạy đua xây dựng tòa nhà chọc trời, và hiện tại, khi Kuala Lumpur chưa hoàn thành thì ngôi vương là Tháp Sears tại Chicago. Nhưng cuộc đua vẫn đang tiếp diễn: Hãy làm cái lớn nhất và tốt nhất, và chúng ta cao nhất, chúng ta ở trên tất cả mọi người. Chúng ta thấy tinh thần Ba-bên của Nim-rốt và tinh thần Ba-by-lôn đang mở rộng ở đây. Nhưng hơn thế nữa, hãy đi sâu hơn một chút nữa - Ba-by-lôn nhân tiện không phải là một thành phố mộ đạo trong sách Khải huyền.

Nó không phải là Rô-ma. Tôi e rằng trong công cuộc Cải chánh Tin lành, có thời người Tin Lành gọi Rô-ma là "người đàn bà áo đỏ," rồi người Công Giáo đáp trả lời khen đó, gọi Luther là "người đàn bà áo đỏ," và đó là căn nguyên của hầu hết những rắc rối tại Bắc Ireland cho đến ngày nay - thật là thảm kịch! Đó không phải một thành phố mộ đạo; đó là một thành phố đặc tà đạo. Nó được dâng cho ma-môn và chủ nghĩa vật chất, rồi cho lạc thú nữa. Đó là trung tâm tài chính của thế giới vào thời kỳ cuối cùng của lịch sử, tất cả tiền bạc đều đổ về đó và nó là thành phố của lạc thú, của âm nhạc. Thế nên thành này mới được mô tả như một kỹ nữ lấy đi tiền của bạn và cho bạn lạc thú. Đó là một

bức tranh sinh động về trung tâm của thế giới. Chúng ta không biết nó sẽ ở đâu nhưng có thể thấy bóng dáng của nó.

Tôi vừa mới chụp một kiểu tranh khảm về Las Vegas; đó có vẻ như một cái bóng đổ về trước của thành này. Nhưng tệ hơn nữa, tôi đã đến Frankfurt am Main, nơi đang chạy đua để trở thành kinh đô tài chính của Châu Âu, và tôi thấy một số điều dị thường, trong đó có con bò vàng tại Sàn giao dịch Chứng khoán Châu Âu. Hơn nữa, tại ngân hàng chính, tôi đi vào và tại khu vực lễ tân có bức tranh tường cao 2m trải khắp các bức tường của sảnh lễ tân lớn, một bức tranh về địa ngục, đầy quỷ dữ, phơi bày mọi tội lỗi mà chúng ta từng biết, với những người quỳ gối trước tiền Mark Đức và ma quỷ cười nhạo họ. Mọi thứ đều sặc mùi địa ngục.







Một số hình ảnh về Las Vegas

Rồi tôi đi qua đó, đến phòng tiếp theo để đến chỗ máy đếm tiền hoặc quầy rút tiền, ở đó có những pho tượng bằng đồng cỡ người thật minh họa những người nam và người nữ khỏa thân đang xếp hàng ở chính quầy đó trong đoạn cuối của sự suy đồi và trụy lạc - những doanh nhân to béo trần như nhộng cạnh những kỹ nữ gầy nhom bệnh hoạn. Bạn phải xếp hàng cùng những pho tượng đó mới có thể rút tiền từ ngân hàng. Với tôi, đó như thể “Đây là Ba-by-lôn rồi, chính nó đây, tất cả sẽ giống như thế này. Chỉ toàn sự bại hoại, ma-môn, chủ nghĩa vật chất - sống vì lạc thú. Đây là thành phố cuối cùng trong lịch sử.”

Rồi, ở đây cho chúng ta biết điều gì về Ba-by-lôn? Một số điều khác lạ. Sách cho biết rằng Ba-by-lôn sẽ sụp đổ, và điều khác lạ là cách nó sụp đổ, cách nó sẽ bị phá hủy. Nó sẽ bị các chính trị gia phá hủy, chứ không phải Chúa. Các chính trị gia, như có chép trong chương này, sẽ ghen tị vì thực tế rằng các doanh nhân thực sự nắm quyền lực trên thế giới. Những doanh nhân và nền thương mại đang kiểm soát chính trị. Bạn nghe điều đó có thấy lạ không? Tôi thì không; vì hiện tại, với các tập đoàn quốc tế - và đến năm 2000, toàn bộ hoạt động kinh doanh của thế giới sẽ nằm trong tay 300 tập đoàn khổng lồ. Chúng ta đang thấy nó diễn ra. Lòng ganh ghét của những nhà cầm quyền chính trị đối với những anh chàng thương mại này sẽ bùng lên, chính những nhà cầm quyền chính trị sẽ phá hủy Ba-by-lôn. Đức Chúa Trời sẽ đặt trong tâm trí các chính trị gia ý tưởng phá hủy trung tâm kinh doanh của thế giới. Nếu bạn nghĩ đó là điều viển vông thì tại sao Hitler lại trừ khử người Do Thái? Họ đã kiểm soát các ngân hàng của Đức. Các chính trị gia lấy gậy ông đập lưng ông khi họ ghen tị với quyền lực của người Do Thái và thấy nó nằm trong tay người khác.

Đó là bài học cho Ba-by-lôn. Vậy Cơ Đốc nhân sẽ làm gì với tất cả những thứ này? Thái độ của họ với trung tâm tài chính này và sự lạc thú mà Ba-by-lôn mời gọi là gì? Sách cho chúng ta một manh mối, rằng thành phố này sẽ nằm trên bờ biển, và rằng khi nó bị phá hủy, các thuyền bè trên biển sẽ thấy khói bốc lên từ cảng biển. Nên nó sẽ kiểu như Hồng Kông vậy. Nó có thể ở bất cứ đâu trên thế giới; chúng ta không biết nó sẽ ở đâu. Nhưng nó sẽ là trung tâm tài chính thế giới và mọi doanh nhân trên thế giới đều sẽ đến đó, không chỉ để kinh doanh mà còn tận hưởng lạc thú. Thế nên ả mới được mô tả như một kỹ nữ - ả muốn tiền của bạn và cho bạn lạc thú. Sách nói ba điều liên quan đến Ba-by-lôn với người tin Chúa. Một là, người phụ nữ này sẽ say máu các thánh đồ.

Nói cách khác, ở đó sẽ có nhiều người tử vì đạo hơn bất cứ đâu; máu của những người làm chứng về Chúa Giê-su. Sẽ có những Cơ Đốc nhân cố gắng làm chứng về Chúa Giê-su trong thành đó, và họ sẽ trả giá bằng mạng sống của mình. Đó là điều đầu tiên được nói đến. Họ sẽ được coi là kẻ thù của mọi sự vô luân và kiếm lợi, nên họ sẽ bị giết hại. Đó là điều đầu tiên. Ở đó không có chỗ cho Cơ Đốc nhân, trừ khi bạn muốn tử vì đạo. Điều thứ hai nói với Cơ Đốc nhân là:

"Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi Ba-by-lôn!
Kẻo các con tham gia vào tội lỗi của nó,
Và cùng chịu chung tai họa với nó chăng;
Vì tội lỗi nó chất cao đến tận trời.
Và Đức Chúa Trời nhớ đến tội ác nó."

Chúng ta để ý rằng các Cơ Đốc nhân không được đưa ra, họ phải "ra khỏi" đó. Họ phải rời nơi đó. Ở đây chúng ta đang nói đến chính cơn đại nạn, cơn hoạn nạn lớn. Họ phải ra khỏi đó. Hai là, chúng ta thấy họ phải ra khỏi đó để được an toàn - không phải để được cứu mà để được an toàn, vì thành đó sẽ bị phá hủy và nếu họ vẫn ở đó thì họ cũng sẽ bị phá hủy. Nên "hỡi dân Ta, hãy ra khỏi nó." Ba là, rõ ràng là không phải toàn bộ hội thánh bị tử đạo vì sẽ có những người ra khỏi. Ngày nay, Cơ Đốc nhân đã ngày càng khó tham gia vào những trung tâm tài chính lớn rồi. Nó ngày càng giống với cờ bạc chuyên nghiệp - trao đổi tiền và đủ thứ đang diễn ra.

Nhưng nó sẽ không thích hợp và Cơ Đốc nhân sẽ cần ra khỏi tất cả những điều đó trước khi nó đạt tới đỉnh điểm. Điều thứ ba mà sách nói với Cơ Đốc nhân là khi Ba-by-lôn sụp đổ, họ sẽ hát bài hợp xướng Hallelujah. Giờ hãy thử tưởng tượng điều đó. Nghĩa là mọi sàn giao dịch chứng khoán trên thế giới sẽ sụp đổ khi sàn lớn sụp, vì bây giờ chúng liên kết chặt chẽ với nhau đến nỗi một cơn rúng động New York hay Tokyo cũng khiến Luân Đôn rung chuyển. Mọi thứ đã được điện toán hóa và tất cả gần như đã được hợp thành một rồi. Nhưng vào ngày cuối cùng, điều xảy ra với Ba-by-lôn, cả hệ thống tài chính thế giới sẽ sụp đổ, các ngân hàng sẽ đóng cửa, khoản tiết kiệm của mọi người sẽ biến mất, chứng khoán và cổ phần trở nên vô giá trị, và Cơ Đốc nhân sẽ hát Hallelujah, Hallelujah, Hallelujah, Hallelujah…

Thực ra nếu bạn đã từng nghe bản Messiah của Handel thì hợp xướng Hallelujah bắt nguồn từ Khải huyền 19, và đó là màn ăn mừng sự sụp đổ của tài chính thế giới và sự vô dụng của các ngân hàng. Mỗi khi tôi đi nghe bản Mê-si-a của Handel hay nghe nó, tôi muốn hét lên rằng: "Các người biết là mình đang ăn mừng cái gì không?" Vẻ ăn mừng trên gương mặt họ sẽ tắt lụi nếu họ nhận ra rằng mình đang ăn mừng sự sụp đổ của tài chính thế giới và sự chấm dứt của mọi ngân hàng cũng như sàn giao dịch chứng khoán. Nhưng điều đó sẽ xảy ra. Để tôi nói cho bạn biết điều này. Cơ Đốc nhân sẽ là những người duy nhất la lên rằng "Hallelujah." Điều đó sẽ nhanh chóng cho thấy mèo nào cắn mỉu nào.

Bạn có biết là người ta đứng lên khi Hợp xướng Hallelujah cất lên không? Ấy là bởi vì vua của nước Anh nghĩ rằng đã hết bài, ông đứng dậy để về và mọi người phải đứng dậy theo ông. Nhưng truyền thống đó vẫn tồn tại. Dù chúng ta đứng dậy khi nó cất lên hay không, chúng ta phải nhớ rằng đây là màn ăn mừng kinh đô của thế giới bị diệt vong và chấm dứt. Đức Chúa Trời sẽ không để nó tiếp diễn.

Tất cả những điều này liên quan đến cơn hoạn nạn lớn, và chúng ta đang xét đến các giai đoạn khác nhau của nó. Chúng ta đã xét đến kinh đô ở giữa và chúng ta đã xét đến Ba-by-lôn này, người

đàn bà áo đỏ này, say máu của các thánh đồ; và sự sụp đổ cuối cùng của tất cả những điều đó. Điều đó đưa cơn hoạn nạn lớn đến hồi kết.

Nhưng tôi muốn nói thêm một chút về một câu hỏi rất cấp thiết, Cơ Đốc nhân trên khắp thế giới đang tranh luận về nó, mà thực ra thì nó rất đơn giản. Liệu Cơ Đốc nhân có trải qua Đại nạn hay không? Chúng ta sẽ trải qua tất cả những điều đó hay đứng ngoài? Vì vào khoảng năm 1830, có một lời tiên tri - thực ra là tại Scotland, tại Port Glasgow - đã lan truyền khắp thế giới. Lời tiên tri tạo ấn tượng rằng Cơ Đốc nhân không cần sợ Đại nạn vì họ sẽ được cất lên trước khi nó xảy ra và được đưa đi. Người ta thường dùng động từ "được tiếp rước" - raptured trong tiếng Anh vì bản La-tinh cổ của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4 mô tả việc được cất lên trên không trung để gặp Đức Chúa Trời, trong đó dùng từ rapto để diễn tả việc cất lên, từ "tiếp rước" - rapture trong tiếng Anh bắt nguồn từ đó.

Nên giả thuyết này đã lan truyền khắp thế giới kể từ năm 1830 - trước đó không có dấu tích của điều này - và người đã phổ cập nó là người sáng lập Nhóm Anh em Plymouth hay Nhóm Anh em - họ thích được gọi như vậy, một người tên John Nelson Darby; ông ta không thuyết phục được cả Nhóm Anh em. George Mueller, người sáng lập trại trẻ mồ côi nói rằng ông đã sai, Benjamin Newton, S. B. Tregellis và một số những người thuộc Nhóm Anh em thời đầu cũng vậy. Nhưng chính sức mạnh nhân cách của Darby đã khiến điều đó gần như trở nên chính thống với phong trào Nhóm Anh em. Nếu bạn từng ở trong Nhóm Anh em hoặc lớn lên từ đó, họ sẽ bảo bạn rằng Hội thánh sẽ được cất lên trong một lần tiếp rước bí mật, và rằng Đức Chúa Trời sẽ đến hai lần - rằng Chúa sẽ đến hai lần - một lần vì hội thánh của Ngài và lần khác là đến cùng với họ. Nên Ngài đến vì các thánh đồ, rồi vài năm sau, Ngài đến cách công khai, cùng với họ.

Lần viếng thăm đầu tiên là lần bí mật, riêng tư, chỉ Cơ Đốc nhân mới biết, rồi bỗng nhiên, tất cả sẽ biến mất, rồi Ngài sẽ trở lại cách công khai. Nó đã vượt Đại Tây Dương và một luật sư gọi là Tiến sĩ C. I. Schofield trình làng một bản Kinh Thánh mới, trong đó ông ta đưa tư tưởng này vào phần ghi chú của cuốn Kinh Thánh. Đừng bao giờ mua một cuốn Kinh Thánh có ghi chú, vì dù bạn có kỷ luật đến đâu thì bạn cũng không thể nhắc nhở bản thân suốt rằng phần này là Lời Chúa còn phần kia là lời loài người. Bạn sẽ nói rằng "Tôi đọc thấy cái đó trong Kinh Thánh mà!" Khi Kinh Thánh Schofield đã lan tràn khắp Hoa Kỳ thì hàng ngàn Cơ Đốc nhân tin rằng họ đọc thấy trong Kinh Thánh là chúng ta sẽ được cất khỏi thế gian trước khi cơn hoạn nạn lớn tấn công chúng ta.

Đến nay, giả thuyết này thậm chí còn trở nên phổ biến hơn nhờ các tác phẩm của một cựu sinh viên Chủng viện Dallas - và Chủng viện Dallas tại Texas hoàn toàn ủng hộ quan điểm này - cậu sinh viên đó là một người tên Hal Lindsay, và sách của ông ta đã bán được cả triệu bản.

Giá mà tôi tin được điều đó. Sẽ thật tuyệt nếu Chúa nói rằng: "Các con không cần phải lo lắng về tất cả những điều này vì các con sẽ không ở trong đó, ta sẽ đưa các con đi trước khi nó xảy ra." Nhưng tôi không thể tìm được điều đó trong Tân

Ước của mình. Tôi nghĩ là tôi sẽ cho bạn xem 7 lý do mà họ đưa ra để thuyết phục rằng chúng ta sẽ được đưa ra khỏi đó trước cơn hoạn nạn lớn. Đầu tiên là những khẳng định trong Tân Ước rằng Ngài sẽ sớm đến - Ta đến mau chóng; Ta đến nhanh chóng - người ta hiểu điều này theo nghĩa rằng Ngài có thể đến vào bất cứ lúc nào. Rằng lần đến thứ hai của Ngài đang gần kề - có thể là hôm nay. Hai là những khẳng định về việc Ngài đến bất ngờ, rằng điều đó sẽ đến "như kẻ trộm trong ban đêm," hoàn toàn bất ngờ, và chúng ta sẽ không biết rằng nó đang xảy ra. Hoặc ít nhất là chúng ta không biết rằng nó sẽ xảy ra, đến lúc nó xảy ra mới biết.

Điểm thứ ba của họ là ngôn từ của Tân Ước chỉ ra hai lần đến chứ không phải một. Họ cố gắng phân biệt giữa Ngày của Chúa và Ngày của Đấng Christ chẳng hạn. Hay từ mang nghĩa sự đến của Ngài và từ mang nghĩa sự xuất hiện của Ngài. Hay cụm "đến vì các thánh đồ" và "đến với các thánh đồ." Họ cố gắng tách điều Kinh Thánh chép về lần đến thứ hai thành hai sự kiện bằng cách đưa một số từ và cụm từ vào sự kiện này, một số vào sự kiện kia. Bốn là họ nói rằng hội thánh thời đầu chờ đợi rằng Ngài sẽ đến vào bất cứ lúc nào và những cụm như Ngài "đứng ngoài cửa" và "thế hệ này sẽ không qua đi" trước khi mọi điều ấy xảy đến - từ đó hình thành tư tưởng chúng ta phải chờ đợi rằng Ngài sẽ đến vào bất cứ lúc nào.

Tất nhiên, điều đó không thể xảy ra nếu cơn hoạn nạn lớn phải xảy ra trước. Rõ ràng là điều chúng ta đọc thấy trong những chương cuối của Khải huyền hoặc phải xảy ra sau khi chúng ta đã biến mất, hoặc sẽ xảy ra trước khi Ngài đến. Rồi lý do tiếp theo là trong toàn bộ chương 6 đến 16 không hề nhắc đến từ "hội thánh." Trong đó có nhắc đến từ "những người được chọn" và "các thánh đồ," nhưng chỉ áp dụng với người Do Thái - những người ủng hộ quan điểm này cho rằng như vậy. "Nó không áp dụng với Cơ Đốc nhân, nên không thấy nhắc đến hội thánh trong chương 6 đến 16, hay thậm chí chương 6 đến 19."

Tiếp đến, sự nhấn mạnh vào việc an ủi nhau bằng những suy nghĩ về việc trở lại của Chúa Giê-su - thực ra, I Tê-sa-lô-ni-ca nói rằng "nên hãy dùng những điều nầy mà khích lệ nhau," "những điều nầy" là suy nghĩ rằng chúng ta sẽ được cất lên để gặp Ngài trong không trung. Người ta nói rằng: "Nếu chúng ta phải trải qua cơn hoạn nạn lớn trước thì làm sao điều đó có thể trở thành niềm an ủi được. Rõ ràng là điều đó chỉ an ủi người ta nếu nó xảy ra trước cơn hoạn nạn lớn chứ!" Và cuối cùng, rằng Đại Nạn là việc đổ cơn thịnh nộ của Chúa trên thế gian và chúng ta không phải là con của sự thịnh nộ, cơn thịnh nộ của Chúa không giáng trên chúng ta vì chúng ta được tha thứ và ở trong Đấng Christ.

Đó là một loạt các lý do khá ấn tượng, nhưng thành thật mà nói, khi nghiên cứu kỹ ra thì bạn sẽ thấy chúng không thật sự rõ ràng. Ví dụ, Ta đến nhanh chóng, mau chóng. Đã 2000 năm rồi, nên chúng ta phải nghĩ xem điều đó nghĩa là gì theo một cách khác. Nó không nghĩa là "Ta sẽ đến vào bất cứ lúc nào." Nhưng nó nghĩa là với Đức Chúa Trời, thời gian là tương đối, một ngàn năm như một ngày và một ngày như cả ngàn năm. Nên từ khi Chúa Giê-su còn ở đây đến giờ mới được vài ngày - trong trải nghiệm của Đức Chúa Trời, tuy tôi có thể nghĩ đến một ngày dài tựa ngàn năm với Đức Chúa Trời; bạn đoán được không? Ngày mà Con Ngài ở trên thập tự giá. Những lời hứa như "Ta đến mau chóng," "Ta đến nhanh chóng" bị buộc vào nghĩa là bất cứ lúc nào. Chúng không có nghĩa như vậy. Chúng dạy chúng ta tin rằng Ngài sắp đến và sống với điều đó trong lòng mình, trông mong điều đó. Nhưng thật thái quá khi nói rằng điều đó nghĩa là bất cứ lúc nào. Hai là những khẳng định về sự bất ngờ. Phao-lô nói, với những người vô tín, và với tín đồ ngủ quên rằng Ngài sẽ đến như kẻ trộm trong đêm, nhưng không phải với những tín đồ tỉnh thức và canh chừng.

Đó là một sự phân biệt rất quan trọng. Ngài không đến như kẻ trộm với chúng ta nếu chúng ta đang canh chừng, cầu nguyện và tìm các dấu hiệu về sự đến của Ngài. Việc đó sẽ không khiến chúng ta bất ngờ. Việc đó sẽ khiến những người vô tín và các tín đồ ngủ quên bất ngờ, những người không tìm các dấu hiệu về sự đến của Ngài, nhưng rõ ràng là không phải kẻ trộm trong đêm với tất cả. Bạn không thể nào tách ngôn từ về lần đến thứ thành hai sự kiện. Kinh Thánh dùng những từ và cụm từ giống nhau để chỉ sự đến của Ngài và về hai sự kiện hiển nhiên, dù đó là vì các thánh đồ của Ngài hay với các thánh đồ của Ngài.

Tất cả những cụm từ này đều nhắc đến một sự kiện duy nhất. Tôi không thấy bất cứ khẳng định nào tại bất cứ đâu trong Tân Ước nêu rõ rằng Ngài sẽ đến hai lần. Ngài sẽ đến một lần nữa. Ngài đã ở đây một lần, và Ngài sẽ đến một lần nữa, và mọi ngôn từ đều áp dụng với một lần đó. Sự chờ đợi của hội thánh thời đầu. Họ không chờ đợi rằng Ngài sẽ đến vào bất cứ lúc nào. Họ hy vọng rằng điều đó sẽ xảy ra vào trong đời của họ, thế hệ Cơ Đốc nào cũng vậy, nhưng Chúa đã bảo họ rằng: "Ta sẽ sai các con cho đến cùng trái đất để giảng Tin lành." Sao họ có thể chờ đợi rằng Ngài sẽ đến vào bất cứ lúc nào khi Tin lành phải giảng đến mọi nước thì sự cuối cùng mới đến? Nghe không hợp lý chút nào.

Nên rõ ràng là họ hy vọng rằng điều đó sẽ xảy đến trong đời của họ nhưng họ biết rằng mình có nhiệm vụ lớn lao cần làm trước khi Ngài có thể trở lại. Họ còn hy vọng rằng Sứ đồ Giăng sẽ sống cho tới khi Ngài quay trở lại, nhưng đó là một tin đồn đã bị dập tắt ở cuối Tin lành theo Giăng. Không có từ "hội thánh" trong Khải huyền 6 đến 16, và chỉ có từ "những người được chọn" và "các thánh đồ," đúng là các từ này áp dụng với dân Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước, nhưng chúng cũng là những từ áp dụng với Cơ Đốc nhân xuyên suốt Tân Ước. Có ít nhất 6 thư tín của Phao-lô không dùng từ "hội thánh" mà lại dùng từ "các thánh đồ."

Nên ở đây họ đang tạo ra một sự phân biệt giả. Thành thật mà nói, có một câu trong chương 14 của Khải huyền có thể dập tắt mọi lý do trên, câu đó là: "Điều này kêu gọi các thánh đồ, những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đức Chúa Giê-su, tới sự chịu đựng." Nếu mọi Cơ Đốc nhân đều được cất lên hết thì còn ai giữ đức tin nơi Chúa Giê-su? Nghe lại không hợp lý chút nào. Những người tử vì đạo ra đi, đúng, từng người một, nhưng các thánh đồ là những người tin Chúa, là hội thánh, và họ ở trong hoạn nạn.

Nói thẳng thừng ra thì tại sao Chúa Giê-su lại mặc khải về cơn hoạn nạn lớn một cách chi tiết và kinh khủng như vậy nếu chúng ta sẽ không ở trong đó? Chẳng có lý do gì để nói với chúng ta tất cả những điều đó nếu không phải để chúng ta sẵn sàng cho nó. Thành thật mà nói, sẽ thật tệ nếu chúng ta biết những người khác phải trải qua những gì còn chúng ta thì không. Nó có khiến chúng ta trở thành những Cơ Đốc nhân tốt hơn không? "Ôi, thật sự là các anh sắp phải trải qua điều đó. Còn chúng tôi thì không." Nó sẽ tạo ra một thái độ khá khó chịu giữa vòng Cơ Đốc nhân nếu họ tin rằng mọi người khác phải trải qua chương 6 đến 16 còn chúng ta thì không.

Cuối cùng, à không, việc nhấn mạnh vào sự an ủi - sự an ủi không phải là một kiểu từ xoa dịu hay êm tai. Từ an ủi có từ "ủi" trong đó, và trong ngôn ngữ Kinh Thánh, an ủi nghĩa là khiến bạn vững vàng, khiến bạn mạnh mẽ để kháng cự, khiến bạn nên một đồn lũy. Từ an ủi nghĩa là như vậy. Nó không nghĩa là: Không sao đâu, biết đâu điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Mà nó khiến bạn nên mạnh mẽ. Sự an ủi của Đức Thánh Linh đến không phải để khiến chúng ta tốt đẹp và hạnh phúc nhưng để khiến chúng ta mạnh mẽ, có thể đứng vững cho Đức Chúa Trời. Nguồn an ủi thật sự, "niềm hy vọng

phước hạnh" của chúng ta không phải là được cất lên trước Đại Nạn. Niềm hy vọng phước hạnh của chúng ta là Chúa Giê-su sẽ trở lại và ba năm rưỡi đầy những điều khủng khiếp sẽ dọn đường cho một ngàn năm hòa bình và dư dật.

Cuối cùng, đây có lẽ là luận điểm mạnh mẽ nhất cho việc chúng ta sẽ thoát khỏi cơn hoạn nạn lớn, nhưng Đức Chúa Trời có thể bảo vệ dân Ngài trước khi Ngài đổ cơn thịnh nộ. Bạn có thấy Khải huyền 6 đến 16 quen quen không? Đọc thấy khá giống Xuất Ê-díp-tô Ký. Bạn đã bao giờ để ý đến điều đó chưa? Những tai vạ ở Ai Cập. Điều gì đã xảy ra trong suốt những tai vạ ở Ai Cập? Đức Chúa Trời đã bảo vệ dân Ngài tại Gô-sen khỏi mọi tai vạ. Ngài có thể làm điều đó, Ngài có thể bảo vệ. Thực ra, Chúa Giê-su có viết cho một trong bảy hội thánh rằng khi cơn hoạn nạn lớn đến trên tất cả những hội thánh khác thì hội thánh đó sẽ được Chúa Giê-su cứu khỏi hoạn nạn đó. Đức Chúa Trời có thể bảo vệ chính dân Ngài khi Ngài đổ cơn thịnh nộ trên thế giới.

Đó là điều chúng ta đã thấy - người nữ đã chạy trốn vào hoang mạc và sống sót qua 1260 ngày. Thành thật mà nói, nếu bạn muốn biết thêm - tôi lại quảng cáo chút - cuốn sách nhỏ của tôi "Khi Chúa Giê-su Tái Lâm" phân tích rất kỹ về điều này cũng như cả sách Khải huyền. Nếu bạn thật sự quan tâm đến câu hỏi này thì hãy đọc sách đó. Nhưng tôi không thể tìm được một khẳng định rõ ràng nào trong Tân Ước của tôi rằng Cơ Đốc nhân sẽ được cất khỏi thế gian trước cơn hoạn nạn lớn. Tôi nghĩ rằng đối với một vấn đề lớn như vậy thì lẽ ra Chúa phải nói ít nhất một lần, một cách rõ ràng và đơn giản, rằng các con sẽ không phải trải qua điều đó chứ. Tôi có tin vào sự tiếp rước vì tiếp rước nghĩa là gặp Chúa trên không trung. Tôi có tin vào điều đó. Câu hỏi đặt ra không phải là "Anh có tin vào sự tiếp rước không?" Mà là "Theo anh thì nó sẽ xảy ra khi nào?"

Cuối cùng, trong toàn bộ cuộc tranh luận này, tôi biết mình đang chọc vào tổ kiến vì các bạn sẽ đọc thấy rất nhiều tài liệu an ủi bạn sai cách - tôi muốn nói thế này: Thà tôi sai theo cách của tôi hơn là sai theo cách kia. Tôi thà bảo bạn rằng "Bạn phải trải qua điều đó" và chuẩn bị sẵn sàng cho bạn, rồi thấy bạn không phải trải qua, còn hơn là bảo bạn rằng "Bạn không cần trải qua điều đó" rồi thấy bạn phải trải qua. Nếu thế thì sẽ rất khó chịu.

Tôi có sưu tầm được ở đâu đó một đoạn trích của một quý bà đáng kính tên Corrie ten Boom. Bạn đã bao giờ nghe đến tên bà ấy chưa? Người phụ nữ Hà Lan đáng mến ấy. Chúa ban phước cho bà, bà đã bị liệt suốt những năm cuối đời vì một cơn đột quỵ khủng khiếp, nhưng bà đã nghe cháu mình chơi violin và rõ ràng là bà đã nghe một số cuốn băng của tôi. Lúc đầu tôi không biết điều đó. Nhưng Corrie ten Boom viết thế này: "Tôi đã đến những đất nước mà các thánh đồ đang phải chịu cơn bắt bớ khủng khiếp rồi. Tại Trung Hoa, người ta bảo các Cơ Đốc nhân rằng: 'Đừng lo, khi Đại Nạn đến, anh sẽ được tiếp rước.' Và rồi cơn bắt bớ khủng khiếp đến. Hàng triệu Cơ Đốc nhân bị tra tấn cho tới chết. Sau này, tôi có nghe một vị giám mục từ Trung Hoa nói rằng 'Thật đáng buồn, chúng tôi đã thất bại. Lẽ ra chúng tôi phải khiến cho dân sự nên mạnh mẽ trước cơn bắt bớ thay vì bảo họ rằng Chúa Giê-su sẽ đến trước'. 'Hãy nghe tôi', ông nói, 'hãy bảo người ta cách mạnh mẽ trong khi bị bắt bớ và cách đứng vững khi Đại Nạn đến, cách đứng vững và không ngã lòng.' Tôi cảm thấy mình có mạng lệnh thiêng liêng là đi và bảo những người trên thế giới này rằng chúng ta có thể trở nên mạnh mẽ trong Chúa Giê-su Christ.

Chúng ta đang được huấn luyện cho Đại Nạn. Vì tôi đã trải qua tù ngục vì cớ Chúa Giê-su, và vì tôi đã gặp vị giám mục từ Trung Hoa đó, nên giờ đây, mỗi khi đọc một phân đoạn Kinh Thánh hay, tôi lại nghĩ: 'Ồ, mình có thể dùng điều này trong kỳ Đại Nạn nên tôi ghi đoạn đó lại và học thuộc

lòng.'" Thật tuyệt vời. Cơn hoạn nạn nhỏ của bà đã đến, nhưng bà đã sẵn sàng. Bà đã ghi tạc Lời Chúa trong lòng mình. Bà đã sẵn sàng. Nên thà tôi sai theo cách của tôi hơn là sai theo cách kia. Nhưng tôi đã cho bạn biết điều tôi tin là sự thật. Chúng ta sẽ chịu hoạn nạn, và Chúa Giê-su đang kêu gọi chúng ta đứng vững, thắng hơn, và giữ tên chúng ta trong Sách Sự sống. Thế nên Khải huyền mới được viết cho 7 hội thánh đang chuẩn bị đối mặt với thử thách lớn nhất về lòng trung thành - Anh sẽ nói "Sê-sa là Chúa"? Hay anh sẽ chỉ nói "Chúa Giê-su là Chúa"? Chúng ta sẽ tiếp tục từ đó trong bài nói chuyện tiếp theo.

KHẢI HUYỀN - Phần 5 - Thiên Niên Kỷ Cuối Cùng (The Last Millennium)

Giờ chúng ta sẽ đến với tin lành. Mây đen đang bắt đầu trôi đi và mặt trời đang ló rạng trở lại. Chúng ta đã thấy rằng tương lai trước mắt có vẻ nghiệt ngã nhưng tương lai sau rốt có vẻ xán lạn. Đây là cách vận hành của niềm hy vọng Cơ Đốc; nó không nhìn vào tương lai trước mắt. Hy vọng Cơ Đốc gắn với tương lai sau rốt - cuối cùng tất cả sẽ trở nên như thế nào? Thế nên trong Tân Ước mới nói nhiều đến điều xảy đến với bạn khi Chúa Giê-su trở lại hơn là điều xảy đến với bạn khi bạn chết. Vì niềm hy vọng Cơ Đốc gắn với sự tái lâm của Đấng Christ chứ không phải khi chết.

Sách Khải huyền gồm hai điều - những khải tượng và giọng nói. Giăng rất cẩn thận ghi lại sự khác nhau giữa chúng. Ông nói: "Tôi nghe" rồi "Tôi thấy"; tôi nghe những tiếng, thấy những khải tượng. Tới cuối sách, chúng ta có 7 khải tượng sau rất nhiều lần "nghe," và trước một loạt khác. Xuyên suốt phần về Ba-by-lôn là "Tôi nghe." Tôi nghe tiếng thiên sứ nói lớn rằng "Ba-by-lôn đã sụp đổ." Tôi nghe tiếng của các thiên sứ hát như tiếng của nhiều dòng nước. Tôi nghe, tôi nghe. Rồi bỗng nhiên, "Tôi thấy," "Tôi thấy," "Tôi thấy" - 7 lần. Rồi, sau 7 lần "Tôi thấy," sách lại trở về "Tôi nghe một tiếng lớn nói rằng: 'Nầy, Ta sẽ làm mới lại tất cả muôn vật'."

Rất tiếc là một điều rất nguy hiểm và tổn hại đã xảy ra với Kinh Thánh của chúng ta. Hai vị giám mục đã gây nên tổn hại đó. Một người chia Kinh Thánh thành các chương và người kia chia thành các câu và đánh số cho chúng. Bạn có đọc cuốn sách nào khác mà câu nào người ta cũng đánh số không? Thật kỳ cục khi bạn nghĩ về điều đó. Điều đó biến chúng ta thành những người trích dẫn chứ không dựa vào ngữ cảnh. Trong một ngàn năm, hội thánh đã có Kinh Thánh không có số chương và số câu. Tôi vừa nghe thấy một tiếng Hallelujah phải không nhỉ? Vì ngày nay người ta không muốn "tìm trong Kinh Thánh"; người ta muốn tra cứu Kinh Thánh. Người ta thường hỏi tôi rằng: "Sao lúc giảng mục sư không nêu số câu và số chương vậy?" Thì tôi luôn cho bạn tên sách Kinh Thánh và để bạn tìm trong Kinh Thánh, chứ không tra cứu câu, chương. Nếu không thì bạn sẽ không xét đến ngữ cảnh. Bạn phải biết rõ hơn về Kinh Thánh của mình khi bạn không biết số câu, số chương.

Nhưng sự tổn hại gây ra với Khải huyền là rất lớn trong phần cuối này. Có 7 khải tượng rõ ràng - tôi thấy, tôi thấy, tôi thấy - và chúng đã bị chia vào ba chương khác nhau. 3 khải tượng trong chương 19, 3 khải tượng trong chương 20 và 1 khải tượng trong chương 21. Vì số chương được in rất to và nổi bật trên trang giấy nên chúng ta dễ chia chúng ra. Việc này gây tổn hại rất lớn ở chỗ, nó để cho người ta bê nguyên chương 20 và đặt trước chương 19, đây chính là nguyên nhân của mọi tranh luận về Vô Thiên Hy Niên, Tiền Thiên Hy Niên và Hậu Thiên Hy Niên. Chắc hẳn bạn đã nghe đến những cái tên đó. Một anh bạn hỏi tôi rằng: "Cậu theo Vô Thiên Hy Niên, Tiền Thiên Hy Niên hay Hậu Thiên Hy Niên?" Cậu ta nói rằng: Đó là một câu hỏi ngớ ngẩn vô Tiền khoáng Hậu. Nhưng câu trả lời hiện đại là đây. Tôi đã hỏi nhiều người xem họ theo cái gì và họ nói tôi là Ổn Thiên Hy Niên, nghĩa là: "Tôi tin rằng dù thế nào thì đến cuối cùng, mọi thứ sẽ ổn cả thôi." Nhưng đó là sự lẩn tránh và cẩu thả với lời Chúa. Chúng ta phải xem xét 7 khải tượng này theo thứ tự mà Đấng Christ đã nêu mà không tung hứng chúng qua lại.

SEVEN VISIONS ("and I saw")

1. PAROUSIA (19. 11-16) — KING OF KINGS, LORD OF LORDS. 'LOGOS' = WORD. WHITE HORSE, BLOODSTAINED ROBE
2. SUPPER (19. 17-18) — ANGELS INVITE BIRDS... ...TO GORGE ON CORPSES.
3. ARMAGEDDON (19. 19-21) — KINGS AND ARMIES DESTROYED BY 'WORD' = LOGOS. BEAST AND FALSE PROPHET INTO LAKE OF FIRE.
4. SATAN (20. 1-3) — BOUND AND BANISHED TO 'ABYSS' BUT FOR LIMITED TIME.

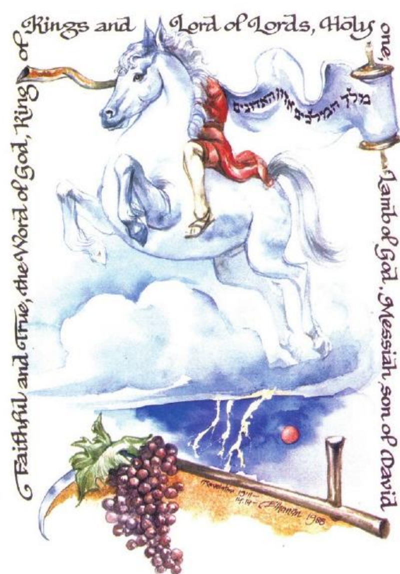
* * * * * * * * * *

5. MILLENNIUM (20. 4-10) — SAINTS AND MARTYRS REIGN. FIRST RESURRECTION. SATAN RELEASED, INTO LAKE OF FIRE.
6. JUDGEMENT (20. 11-15) — RESURRECTION OF 'THE REST'. BOOKS AND 'BOOK OF LIFE' OPENED.
7. RE-CREATION (21. 1-2) — NEW HEAVEN AND EARTH. NEW JERUSALEM.

Chỉ có một quan điểm về Thiên Hy Niên hay Thiên niên kỷ để chương 20 nằm sau chương 19. Tất cả những quan điểm khác nói rằng chúng phải theo thứ tự ngược lại. Với tôi, đó là phá rối Lời Chúa. Nhưng chút nữa chúng ta sẽ trở lại với điều đó. Hãy xem vài khải tượng đầu tiên mà Giăng đã thấy trước đã.

Chúng ta đang xét đến đúng kỳ tận thế. Ba-by-lôn đã sụp đổ. Chúng ta để ý thấy có bốn thứ hoặc bốn gã xấu chính ở cuối Khải huyền - 4 kẻ thù của nhân loại, đó là Sa-tan, Antichrist, tay tiên tri giả và Ba-by-lôn. Giờ đây, bốn tên này bị xử lý theo thứ tự ngược lại. Ba-by-lôn giờ đã sụp đổ. Những tên bị xử lý tiếp theo là tay tiên tri giả và Antichrist. Tên cuối cùng bị xử lý là Sa-tan. Nên bốn kẻ thù đã xuất hiện trong những chương trước giờ sẽ lại bị tống khứ, nhưng theo thứ tự ngược lại. ở đầu chương 19, Ba-by-lôn đã sụp đổ và các tín đồ đang hát bản Hợp xướng Hallelujah, và một thiên sứ nói rằng: “Đã đến lúc tổ chức lễ cưới.” Nhưng chưa thấy Chàng rể đâu nên thực chất, khải tượng đầu tiên là về sự đến của Chàng rể.

Đó là khải tượng về Chúa Giê-su trở lại. Lần này Ngài không cưỡi lừa; Ngài không đến trong sự bình an. Ngài đang cưỡi ngựa, nghĩa là đến trong chiến trận, đến trong xung đột, đến để chiến đấu. Ngài đang đến để loại sự dữ ra khỏi thế gian, đến để thiết lập lại nó cho đúng, nên lần này Ngài cưỡi một con ngựa. Nếu bạn chỉ nghĩ về Chúa Giê-su ngồi trên một con lừa thì đó chỉ là một nửa của bức tranh. Nửa kia là Chúa Giê-su cưỡi trên một con ngựa, Ngài đang đến, mặc áo choàng nhuốm máu và đó không phải huyết của chính Ngài. Đó là huyết của kẻ thù Ngài. Ngài đang đến trong chiến trận. Trên Ngài có ghi một danh - Vua của các Vua và Chúa của các Chúa.



Hình ảnh người cưỡi ngựa trắng giậm nát chùm nho

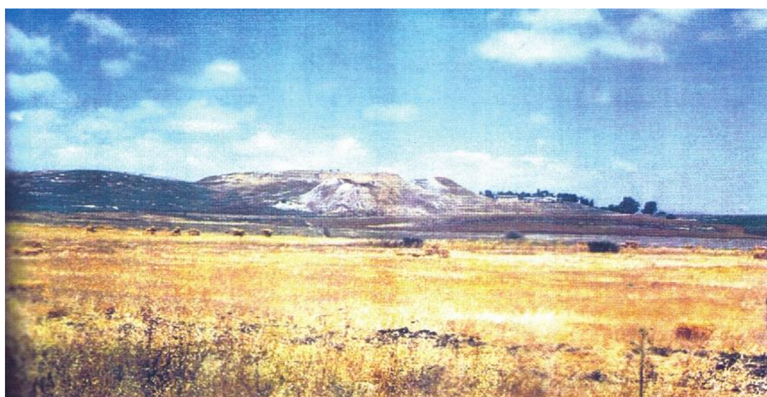
Tôi nghĩ ở đây tôi có một bức tranh mà một người Do Thái vẽ, và đây là con ngựa trắng, và tiếng Hê-bơ-rơ, Vua của các Vua và Chúa của các Chúa; và nho ở dưới vì Ngài đang “giày đạp vườn nho, nơi thâu trữ các trái nho thịnh nộ” - điều đó cũng từ sách Khải huyền mà ra; Ngài đến để giẫm nát các chùm nho và khiến người ta uống rượu

của cơn thịnh nộ Ngài. Từ "chén" trong Kinh Thánh, khi được dùng theo nghĩa ẩn dụ, luôn ám chỉ cơn giận hay cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Thế nên Chúa Giê-su mới cầu nguyện tại Ghết-sê-ma-nê rằng: "Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén nầy lìa khỏi con." Chúa Giê-su đang ở phía hứng chịu cơn giận và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với mọi tội lỗi của thế gian và Ngài không muốn uống chén đó. Ở cuối Khải huyền chép rằng những người vẫn bất tuân Đức Chúa Trời sẽ phải uống chén đó. "Mắt tôi đã thấy vinh hiển trong sự đến của Chúa. Ngài đang giày đạp vườn nho, nơi thâu trữ các trái nho thịnh nộ." Bạn đã hát bài đó phải không? Đó là một trong những bài hát tuyệt vời từ Nội Chiến Hoa Kỳ.

Đó là khải tượng số 1. Chúng ta sẽ đặt cái đó sang bên một chút. Vua của các Vua, Chúa của các Chúa - nhưng ở đây Ngài cũng được gọi là "Logos" hay "Ngôi Lời," và điều đó gắn với chính Tin lành theo Giăng. Chỉ có 2 sách trong Kinh Thánh mà Chúa Giê-su được gọi là Logos hay Ngôi Lời. Một sách là Giăng trong chương đầu và sách còn lại là Khải huyền. Cùng một người - ngựa trắng, áo choàng nhuốm máu - Ngài sẽ đến để chống lại sự dữ. Trong bản tín điều mà nhiều người trong các bạn đã đọc thuộc trong hội thánh "Ngài sẽ trở lại để xét đoán kẻ sống và kẻ chết" - người sống và kẻ chết. Ngài sẽ đến để thiết lập lại mọi thứ cho đúng.

Khải tượng thứ hai rất khác lạ. Các thiên sứ đang gọi chim chóc đến bữa tiệc cuối cùng, nhưng tiệc gì? Giăng thấy trong khải tượng một cánh đồng đầy thi hài, hàng ngàn xác chết, quá nhiều đến nỗi không thể chôn hết và chúng đang thối rữa trên cánh đồng. Thiên sứ gọi các loài chim săn mồi, những con kền kền và những loài chim tương tự - hãy đến, hãy dọn sách chiến trường cho chúng ta. Hãy đến bữa tiệc mà Chúa đã cho các ngươi. Một khải tượng khác lạ.

Khải tượng thứ ba là một trận chiến dẫn đến cánh đồng đầy xác chết này. Nên ở đây có chút trúc trắc về trình tự, nhưng trận chiến - thực ra đây chỉ là sự mời gọi của các thiên sứ. Trận chiến sẽ tạo ra những xác chết như vậy là trận chiến cuối cùng trong lịch sử, trong thời đại này, trận Ha-ma-ghê-đôn. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ đó nghĩa là đồi Mê-ghi-đô. Đó là một quả đồi nhỏ và bao quanh đó là một đồng bằng rộng lớn hình tam giác, Đồng bằng Esdraelon hay Đồng bằng Jezreel.



Đồi Mê-ghi-đô

Đây là đồi Mê-ghi-đô; nhiều người trong các bạn sẽ đến Y-sơ-ra-ên và thấy nó. Đây là đồng bằng rộng lớn. Đó là nơi bằng phẳng duy nhất trên đất Y-sơ-ra-ên ngoài Đồng bằng Sharon ở dưới, gần bờ biển, gần Địa Trung Hải. Đây là vùng đứt đoạn duy nhất trong dãy đồi núi chạy theo chiều thẳng đứng từ bắc đến nam, qua chính Vùng Đất hứa. Chỉ có một nơi có thể đi qua và đó là Đồng bằng Mê-ghi-đô và đây chính là giao lộ của thế giới. Con đường từ...để tôi chỉnh cho đúng chiều của các bạn - con đường từ Châu Âu đến Ả Rập cắt ngang con đường từ Châu đến Châu Phi ở ngay đó, chân đồi Mê-ghi-đô. Đó chính là giao lộ của thế giới, thế nên chỗ này là Ga-li-lê và nó được gọi là Ga-li-lê của các Nước - vì tất cả các quốc gia đã từng đi qua giao lộ đó. Mọi trận chiến lớn đều diễn ra ở đó.

Winston Churchill phái một nhóm các sĩ quan quân đội Anh đến khảo sát vùng này vì ông tin rằng người Ý đang dồn qua Châu Phi và người Đức qua đảo Crete sẽ gài bẫy quân đội Anh tại giao lộ của thế giới tại Mê-ghi-đô. Thực ra, người Ý bị chặn tại El Alamein và người Đức không đến được Đất Thánh, nhưng Churchill biết Kinh Thánh của mình và ông nghĩ rằng Trận Ha-ma-ghê-đôn sẽ là kết thúc của Chiến tranh Thế giới II. Ông đã định đúng chỗ nhưng sai thời điểm. Đây là nơi Vua Giô-si-a bị Pha-ra-ôn giết hại. Đây là nơi Sau-lơ và Giô-na-than bị người Phi-li-tin giết hại. Đây là chiến trường vì nó là giao lộ - và làng Na-xa-rét nhìn xuống giao lộ. Chúa Giê-su lớn lên tại nơi nhìn xuống giao lộ của thế giới ở đồi Mê-ghi-đô.

Vì thế, không có gì bất ngờ khi đây là nơi diễn ra trận chiến lớn cuối cùng. Trừ việc là nó sẽ không diễn ra. Một đội quân đông đảo sẽ được tay tiên tri giả và Antichrist tập hợp lại và họ sẽ hành quân, tiến đến Giê-ru-sa-lem Tại sao? Vì Chúa Giê-su trở lại. Rồi tại sao lại là một đội quân đông đảo, vì vào lần đầu tiên, người ta chỉ cần sai vài tên lính đến bắt Ngài. Vì đến lúc này, hàng triệu Cơ Đốc nhân sẽ đi cùng Ngài vì chúng ta sẽ gặp Ngài trên không trung trên Đỉnh núi Ô-liu, và nếu bạn không muốn một cuộc mít-tinh ồn ào thì đừng có đến. Sẽ có kèn thổi và thiên sứ la lớn - đủ ồn ào để khiến người chết sống lại!

Đây chính là điều sẽ xảy ra. Nếu bạn đã chết trước khi Chúa Giê-su trở lại thì đừng lo; bạn sẽ được ngồi hàng ghế đầu tại cuộc mít-tinh lớn vì "những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước tiên" và chúng ta sẽ ở đó. Nên lúc này, người ta sẽ đồn rằng Chúa Giê-su đã trở lại và tụ họp hàng triệu người theo Ngài. Chẳng trách Antichrist và tay tiên tri giả sẽ thấy đây là sự đe dọa với chính quyền thế gian của chúng, chúng sẽ tập hợp đội quân đông đảo này và hành quân về Giê-ru-sa-lem. Chúng sẽ không đi quá giao lộ đó, và sẽ không có đấu đá. Kinh Thánh chép rằng Chúa Giê-su sẽ hủy diệt chúng với một lời từ Ngài. Chúa Giê-su có thể khiến một cây vả chết khô với một lời từ Ngài. Ngài có thể tiêu diệt cả một đội quân với một lời từ Ngài. Ở đây chúng ta có Chúa Giê-su giết người hàng loạt. Bây giờ là một Chúa Giê-su khác rồi phải không? Không, đó là cùng một Chúa Giê-su, nhưng Ngài đã đến lần đầu để cứu những người này và cứu cả thế giới. Khi thế giới khước từ điều đó, Ngài phải đến và giải quyết tình hình. Chúa Giê-su, bằng lời Ngài, đã giết cả đoàn quân - trừ hai tên lãnh đạo.

Kinh Thánh chép rằng Antichrist và tay tiên tri giả sẽ bị ném xuống địa ngục, và còn sống. Chúng là những người đầu tiên từng thấy địa ngục. Chưa có ai xuống địa ngục cả. Địa ngục được định cho Ma quỷ và các thiên sứ của hắn. Chưa có ai xuống địa ngục cả nhưng chúng sẽ là hai người đầu tiên trải nghiệm chốn kinh khiếp đó. Đó là Trận Ha-ma-ghê-đôn. Các vua và quân đội sẽ bị hủy diệt bằng một lời từ Ngài, bằng Logos, con thú và tay tiên tri giả, Antichrist và tay tiên tri giả, bị ném xuống hồ lửa. Đây là sự chết thứ hai, chết mà còn sống - không phải là tiêu tan. Chút nữa chúng ta sẽ trở lại với điều đó.

Bây giờ là một bất ngờ lớn. Sa-tan không bị ném xuống địa ngục và từ giờ trở đi, có rất nhiều bất ngờ trong chuỗi khải tượng này và đầu tiên là bất ngờ về Sa-tan. Hắn bị giam trong một ngục tối. Hắn bị bắt, bị xích lại, xiềng lại, khóa lại và niêm phong dưới vực sâu, nghĩa là hắn hoàn toàn bị loại khỏi đất. Có nói rằng hắn không thể nào lừa dối các nước được nữa. Nên giờ Sa-tan đã bị loại bỏ. Ở đây chúng ta có một cuộc khủng hoảng chính trị. Chính quyền thế giới đã biến mất. Sa-tan đã biến mất, Antichrist và tiên tri giả đã biến mất - ba tên không thánh này bị loại bỏ - và thế giới không còn chính quyền nữa. Ai sẽ giữ quyền kiểm soát đây? Tất nhiên là đội quân đông đảo này đã chết rồi, nhưng còn nhiều người khác, sống tại các nước khác chưa được tuyển mộ vào đội quân đó. Ai sẽ kiểm soát

họ? Ai sẽ cai trị vào lúc này? Ở đây xuất hiện một bất ngờ lớn. Chúa Giê-su sẽ cai trị nó và Cơ Đốc nhân sẽ cùng trị vì với Ngài. Tiếc là phần lớn các hội thánh trên nước Anh này không tin và không dạy điều tôi vừa mới nói.

Tôi đang nói cho bạn điều có chép trong Khải huyền, và có chép rằng Chúa Giê-su sẽ trị vì trên đất trong một ngàn năm. Dù bạn coi nó là số làm tròn hay một con số chính xác thì đó cũng là một khoảng thời gian dài. Ngài sẽ trở lại để cai trị, và một ngàn năm trong tiếng Latin là Millenium, Thiên niên kỷ trong tiếng Việt, nhưng kỳ lạ là giờ đây, vốn từ vựng của ai cũng có từ đó. Nó xuất hiện trên hầu hết các mặt báo và tạp chí đương thời. Nhưng hội thánh lại im lặng một cách kỳ lạ về một Thiên niên kỷ tốt hơn nhiều so với Thiên niên kỷ bắt đầu từ năm 2000. Năm 2000 không có trong nhật ký của Chúa. Nó không hề có ý nghĩa gì cả. Sinh nhật lần thứ 2000 của Chúa Giê-su là tháng 10/1996 và tất cả chúng ta đều bỏ lỡ nó. Năm 2000 không tương ứng với bất cứ điều gì trong tư duy của Đức Chúa Trời.

Nhưng tôi đoán là thế giới sẽ có chút hào hứng về nó. Nhưng có một Thiên niên kỷ sẽ bắt đầu khi Chúa Giê-su trở lại, một Thiên niên kỷ như chúng ta luôn mong được thấy. Người ta đang bước vào năm 2000 trở đi với hy vọng rằng đó sẽ là năm đẹp nhất và tuyệt vời nhất. Tôi bảo này, 3 ngày sau ngày 01/01/2000, sẽ vẫn là cái thế giới cũ với mọi vấn đề y chang, màn ăn mừng sẽ kết thúc, tiền sẽ tiêu đi và chúng ta lại trở lại đúng chỗ cũ. Nhưng khi Chúa Giê-su trở lại, ấy là khi Thiên niên kỷ bắt đầu. Ở đây không thể nào nhấn mạnh hơn được nữa. Con số một ngàn năm được nhắc 6 lần trong Khải huyền và có hai lần, nó không chỉ là một ngàn năm nào đó, mà là một ngàn năm xác định. Chúa phải nói một điều bao nhiêu lần thì chúng ta mới tin đây?

Ở đây Ngài nói 6 lần, rằng Chúa Giê-su sẽ cai trị trong một ngàn năm và chúng ta sẽ trở lại để trị vì với Ngài. Tôi thấy phần lớn Cơ Đốc nhân còn không nhận ra rằng nếu họ chết trước khi Chúa Giê-su trở lại thì họ sẽ trở lại đây, trên trái đất này và sống ở đây một lần nữa. Tất nhiên là chúng ta sẽ lại cần có thân thể. Bạn không cần có thân thể trên thiên đàng nhưng bạn cần có nó để sống ở đây, chính vì thế, chính khi ấy, chính nơi đó, chúng ta sẽ có thân thể phục sinh mới giống như thân thể vinh quang của Chúa Giê-su - trở lại đây. Vì chúng ta sẽ trở lại đây để sống. Chúng ta là những người duy nhất được chớp lấy cơ hội thêm lần nữa. Chúng ta là những người duy nhất được sống ở đây lần thứ hai. Các ngân hàng sẽ ở trong tay chúng ta, các tòa án sẽ ở trong tay chúng ta; chính quyền thế giới sẽ ở trong tay chúng ta, ôi! Giờ chúng ta còn chưa vận hành nổi hội thánh nữa kìa. Tôi khá nghiêm túc đó. Chúng ta sẽ vận hành thế giới.

Bạn có nhớ có lần một số Cơ Đốc nhân người Cô-rinh-tô đưa nhau ra tòa trước một vị thẩm phán vô tín không? Họ đang tranh chấp, Phao-lô viết cho người Cô-rinh-tô và ông nói: Tôi nghe nói anh em đưa nhau ra tòa trước một vị thẩm phán vô tín. Sao anh em dám, khi anh em sẽ xét xử các nước. Nếu giờ anh em không thể dàn xếp vấn đề trong hội thánh thì sau này anh em định vận hành thế giới thế nào? Đó là lập luận của Phao-lô trong Cô-rinh-tô. Chúng ta sẽ là những người chịu trách nhiệm. Bạn có thể thoải mái lằm bằm về Chủ tịch nước, Thủ tướng hay các Bộ trưởng. Bạn có thể thoải mái lằm bằm về các chính trị gia, nhưng bạn sẽ ở vị trí của họ. Tốt nhất là bạn nên chuẩn bị sẵn sàng cho điều đó. Nó thay đổi thái độ của bạn với công việc hằng ngày.

Gần đây, có một người đến với tôi; cậu ta nói: "Ôi, lần đầu tiên, tôi có thể liên hệ giữa đức tin và công việc của tôi." Tôi nói: "Tại sao? Cậu làm việc gì?" Cậu ta nói: "Tôi chịu trách nhiệm dọn sạch ô nhiễm ở các dòng sông của nước Anh." Và cậu ta nói: "Tôi chưa bao giờ liên kết được điều đó với

đức tin Cơ Đốc của mình. Nhưng khi Chúa Giê-su trở lại, Ngài sẽ cần ai đó dọn sạch các dòng sông. Tôi muốn làm công việc đó. Giờ tôi sẽ học thật nhiều về điều này."

Chúa Giê-su sẽ cần những người mà Ngài có thể gửi gắm tiền bạc tại các ngân hàng. Ngài sẽ cần những người trung tín, những người mà Ngài có thể nói rằng: "Được lắm, hỡi đầy tớ ngay lành và trung tín kia. Ngươi sẽ được cai quản mười thành." Khi Chúa Giê-su nói vậy thì ý Ngài là như vậy. Ngài sẽ vận hành thế giới này đúng cách và các bạn là những người mà Ngài sẽ dùng để giúp vận hành nó. Ngài hứa rằng người nào thắng sẽ cai trị các nước bằng một cây gậy sắt và ngồi với Ta trên ngai Ta. Cai trị các nước. Cây gậy sắt không đồng nghĩa với sự tàn bạo hoặc kinh khiếp; nó nghĩa là một nền chuyên chính rộng lượng - thứ bạn không thể bẻ cong, không thể hối lộ. Nghĩa là sẽ có sự kiểm duyệt. Truyền hình sẽ hoàn toàn nằm trong tay Cơ Đốc nhân. Đài phát thanh sẽ hoàn toàn nằm trong tay Cơ Đốc nhân. Báo chí sẽ hoàn toàn nằm trong tay Cơ Đốc nhân. Có thể đó là một thế giới mà bạn hằng mơ ước. Điều đó sẽ xảy ra và một số điều sẽ xảy ra trong suốt một ngàn năm đó khiến tôi ngỡ ngàng. Sức khỏe cải thiện quá nhiều đến nỗi những người chết lúc trăm tuổi sẽ bị coi là chết trẻ. Có chép rằng các cô bé và cậu bé sẽ vui chơi an toàn trên đường phố - chẳng phải rất đẹp sao? Có chép rằng ngay cả các loài vật cũng hòa thuận với nhau. "Sói sẽ ở chúng với chiên con và sư tử sẽ ăn rơm như bò."

Bạn đã đọc tất cả những điều này trong Kinh Thánh. Bạn đã bao giờ nghĩ rằng chúng sẽ xảy ra chưa? Bạn có tin rằng chúng sẽ xảy đến? Tôi bảo này, chúng sẽ không xảy ra khi Chúa Giê-su chưa trở lại và trừ khử Ma quỷ. Nhân tiện thì Ma quỷ bị thiên sứ ném xuống. Chúa còn không thèm đếm xỉa đến hắn. Ngài bảo một thiên sứ: Hãy đi và đá hắn ra - sự sỉ nhục đến tột cùng; và hắn không còn ở đây, và trong một ngàn năm, chúng ta hưởng hòa bình và "nước nầy không còn vung gươm đánh nước kia, họ cũng không còn luyện tập chinh chiến nữa." Tại sao?

"Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, Lấy giáo rèn lưỡi liềm."

Câu đó được khắc trên một tảng đá bên ngoài trụ sở Liên Hiệp quốc tại New York, nhưng họ đã quên nửa đầu của câu đó. Nửa đầu nói rằng, khi Chúa trị vì tại Si-ôn, "Ngài sẽ phán xét giữa các quốc gia" và "họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày." Hòa bình thế giới ư? Điều đó sẽ đến - khi Chúa Giê-su đến; và khi Ngài trị vì và khi bạn nắm quyền. Ôi, chúng ta nên bắt đầu huấn luyện ngay từ bây giờ. Ngài sẽ tìm kiếm những người nam và người nữ ngay thẳng, trung tín mà Ngài có thể tin tưởng. Nhưng Ngài sẽ trị vì, và giữa vòng các thánh đồ trị vì, Giăng thấy trong khải tượng có những người tử vì đạo, những người đã bị giết, những người chết vì Chúa Giê-su giờ đang ở trong chính quyền. Những người bị các chính quyền đời này chối bỏ giờ đây nằm trong chính quyền thiêng liêng của Đấng Christ.

Đúng là lật ngược tình thế. Bạn có thể tưởng tượng ra cảm giác của các Cơ Đốc nhân thời đầu khi bị giải đến trước chính quyền La Mã và bị dọa xử tử mà biết rằng đến một ngày, họ sẽ ngồi tại nơi chính quyền La Mã đang ngồi, rằng đến một ngày, Phi-lát sẽ bị xét xử trước Chúa Giê-su, rằng sẽ có sự đảo lộn. Cơ Đốc nhân không còn là số ít người bị bắt bớ nữa, họ sẽ trở thành chính quyền. Hỡi ôi, nếu giờ chúng ta còn chưa quản trị được hội thánh cho đúng thì lúc đó Chúa Giê-su sẽ nói gì với chúng ta? Tốt nhất là hãy bắt đầu huấn luyện đi. Nhưng những người tử vì đạo - ông thấy giữa vòng các thánh đồ trị vì có nhóm người tử vì đạo này, những người đã chết cho Chúa Giê-su và kia rồi - họ hiện đang nắm quyền. Từ chính trải nghiệm bị đối xử không công bằng, họ sẽ làm việc với công lý và lòng thương xót. Tất nhiên, điều đó nghĩa là sẽ có sự sống lại khi Chúa Giê-su trở lại và sách Khải huyền gọi đây là "sự sống lại thứ nhất," chỉ dành cho những người nào thắng và giữ đức tin nơi Chúa Giê-su. Họ được sống lại từ kẻ chết - có chép rằng họ sống lại và kia rồi, họ ngồi với Chúa Giê-su

trên ngai Ngài, đặc biệt là những người không để số của con thú gắn trên người mình để có thể mua đồ ăn.

Đây là điều bất ngờ nhất. Tôi sẽ phân tích chi tiết hơn về điều này trong bài nói chuyện tiếp theo, bài nói chuyện cuối cùng, nhưng hãy lướt qua chúng một chút...Rồi ông thấy trong khải tượng thứ 6 rằng phần còn lại của loài người được sống lại từ kẻ chết; thậm chí từ biển, những người đã chết chìm, được sống lại từ kẻ chết và đứng trước ngai lớn và trắng để chịu phán xét. Đó là sự sống lại thứ hai và ở đây, sách nói rõ rằng sẽ không có một sự sống lại chung cho hết thảy mà là hai sự sống lại. Tiếc là phần đa hội thánh Chúa ngày nay chỉ tin vào một, rằng mọi người được sống lại vào cùng một ngày. Nhưng ở đây nói rõ rằng số kẻ chết còn lại sẽ không sống lại cho tới khi chấm dứt một ngàn năm. Nếu bạn đã nghiên cứu sự dạy dỗ của Chúa Giê-su thì sẽ thấy chính Ngài tin vào hai sự sống lại. Có lần Ngài nói với người Pha-ri-si về sự sống lại của người công chính; đó là sự sống lại đầu tiên. Ngay cả người Pha-ri-si cũng tin vào hai sự sống lại, người công bình trước, kẻ ác sau, và Chúa Giê-su đồng tình với điều này. Tân Ước dạy rõ rằng không có một ngày sống lại chung cho tất cả, tuy mọi người sẽ được sống lại, cả người công bình lẫn kẻ ác, nhưng người công bình được sống lại để cai trị Thiên niên kỷ và kẻ ác được sống lại khi một ngàn năm đó chấm dứt. Sự phán xét dựa trên các sách - chúng ta sẽ nói nhiều hơn về điều này trong phần tiếp theo.

Rồi khải tượng cuối cùng là trời mới, đất mới, Giê-ru-sa-lem mới. Điểm chính yếu mà tôi muốn nêu ra là, đây là một chuỗi khải tượng nối tiếp nhau, bắt đầu từ lần đến thứ hai và kết thúc với trời mới, đất mới. Nhưng giữa chúng là hai sự kiện chính: một Thiên niên kỷ và một Ngày Phán xét. Gần như 100% hội thánh tại Anh tin vào sự kiện thứ nhất, sự tái lâm của Đấng Christ, Ngày Phán xét cùng trời mới và đất mới. Chỉ có điều ở giữa về một ngàn năm là nảy sinh tranh luận khủng khiếp, gây chia rẽ trong hội thánh đến nỗi giờ đây, gần như người ta đồng tình với nhau rằng đừng bao giờ nhắc đến điều đó, đừng bao giờ nói về điều đó. Tôi tin rằng như thế là mạo hiểm với sự rủa sả trong Khải huyền dành cho những người bớt đi những điều Đức Chúa Trời đã phán.

Ở đây có 4 sự kiện chính trong 7 khải tượng - Lần đến thứ hai, Đấng Christ cai trị ngàn năm trên đất, Ngày Phán xét, Trời Mới và Đất Mới. Vậy tại sao người ta lại chối bỏ điều đó và thậm chí còn lấy sự cai trị ngàn năm này, đẩy lên trên đây để nó xuất hiện trước lần đến thứ hai? Đó chính là điều gây ra mọi vấn đề. Tôi sẽ nói tên người đã làm điều này và người ta gọi ông ta là Thánh Augustine. Tôi không biết sao họ lại gọi ông ta là thánh. Ông ta đã làm xáo trộn đức tin Cơ Đốc quá ư là nhiều. Chính từ ông ta mà hội thánh bắt đầu nghi ngờ về việc Đấng Christ cai trị trên đất trong một ngàn năm, và ông ta đã thuyết phục được phần lớn hội thánh - cả Tin Lành và Công Giáo - bỏ quan niệm đó.

Tôi muốn hỏi, thế theo bạn thì tại sao Chúa Giê-su lại trở lại? Và theo bạn thì Ngài sẽ trở lại trong bao lâu - hai phút à? Sao Ngài lại mang tất cả chúng ta trở lại nếu ngay sau đó chúng ta lại vút về thiên đàng? Sao Ngài không để chúng ta ở trên đó, đến rồi lại đi, đưa hết chúng ta lên trên đó? Chỉ có một lý do, theo tôi là đủ lớn để Chúa Giê-su trở lại đây, và đó là để trị vì, để cai trị, để thiết lập lại thế giới này cho đúng, và chứng minh, một lần và mãi mãi, xem thế giới này có thể trở nên điều gì dưới quyền của đúng chính phủ và dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời. Bạn phải cầu nguyện mỗi ngày rằng "nước Cha được đến, ở đất như ở trời." Theo bạn thì lời cầu nguyện đó sẽ được đáp lời như thế nào?

Tôi sẽ lướt qua một vài quan niệm khác về điều này. Những người ngồi đủ gần để đọc được điều này sẽ thấy tôi đã bỏ lỡ một điều quan trọng ở kia - Sa-tan được thả ra. Khi một ngàn năm chấm dứt,

hắn lại được thả ra, hắn lại đi ra và lừa dối các nước, lại tập hợp một đội quân hùng mạnh và hành quân đến Giê-ru-sa-lem - mà không thu được kết quả gì vì chúng ta được biết rằng lửa từ trời sẽ thiêu hủy cả đội quân của hắn. Đội quân đó có một cái tên khác. Ha-ma-ghê-đôn không phải là trận chiến cuối cùng trong lịch sử; nó là trận trước trận cuối cùng. Trận cuối cùng là ở cuối Thiên niên kỷ khi Sa-tan được thả ra, được tạm tha, được cho cơ hội cuối cùng, và hắn tập hợp đội quân đó, hành quân về Giê-ru-sa-lem, thành phố mà Chúa Giê-su yêu, và hắn bị lửa đánh bại. Vậy tất cả những điều đó có nghĩa gì?

Tôi chỉ có thể chia sẻ hiểu biết của tôi về việc tại sao Đức Chúa Trời muốn Chúa Giê-su cai trị và tại sao Ngài lại cho Sa-tan cơ hội cuối cùng để phá hỏng mọi thứ, và tại sao Sa-tan lại lừa dối các nước ở ngay cuối. Tôi nghĩ là để thể hiện, trước Ngày Phán xét, để chứng minh về Đức Chúa Trời. Ngài sẽ chia nhân loại thành hai nhóm, một nhóm muốn và sẵn sàng tiếp nhận sống dưới sự cai trị của Ngài, và nhóm còn lại, những người không muốn sống dưới sự cai trị của Ngài. Điều đó sẽ chia tách nhân loại. Đức Chúa Trời phải cho chúng ta thấy cả hai khả năng rồi Ngài mới có thể được chứng minh là Đấng Phán xét cuối cùng. Điều Ngài sẽ làm là như thế này. Ngài đang chứng minh rằng tội lỗi không liên quan gì đến điều kiện kinh tế hay môi trường. Nó là sự nổi loạn.

Sau một ngàn năm bình an, khỏe mạnh và thịnh vượng dưới Đấng Christ, người ta vẫn muốn loại bỏ Ngài. Sa-tan vẫn trở lại, dùng chiêu cám dỗ từ Vườn Ê-đen và nói: “Các ngươi hãy tự định đoạt đi chứ. Đừng để Chúa sai khiến.” Đó là sự cám dỗ ban đầu. Có nhiều người nói rằng: “Giá như chúng ta có thể thiết lập các điều kiện kinh tế cho đúng, đặt người dân vào đúng môi trường thì tội lỗi, sai phạm và tội phạm sẽ biến mất.” Đừng có mà tin. Đó là sự dối trá của Ma quỷ. Ngay cả khi người dân được đáp ứng mọi thứ rồi, họ vẫn sẽ oán hận. Tôi nghĩ họ sẽ oán hận sự kiểm duyệt nhất, vì không được nhìn vào những thứ mà họ muốn nhìn. Nhưng Ma quỷ sẽ can thiệp vào và như nó đã nói cùng Ê-va: “Ngươi tự làm chủ đi, tự quyết định đi chứ. Hái nó đi.” Chúng ta sẽ rời đội quân cuối cùng đó.

1. A-MILLENNIAL (better non-mill)
   a. SCEPTICAL
      Absurdity
   b. MYTHOLOGICAL
      Allegory
2. POST-MILLENNIAL (Christ returns after)
   a. SPIRITUAL
      Whole church age
   b. POLITICAL
      Last part church age
3. PRE-MILLENNIAL (Christ returns before)
   a. DISPENSATIONAL
      Israel
   b. CLASSICAL
      Church

Giờ hãy trở lại với toàn bộ chủ đề về Thiên niên kỷ. Đó không phải là một vấn đề đơn giản và điều chúng ta nói có thể chỉ cọ vào bài nói chuyện tiếp theo một chút. Có một số quan điểm khác nhau về một ngàn năm này, bạn sẽ gặp chúng trong hội thánh. Thông thường thì người ta nói rằng chỉ có ba quan điểm, Vô Thiên Hy Niên, Tiền Thiên Hy Niên, Hậu Thiên Hy Niên. Vô Thiên Hy Niên tuyên

bố không hề tin vào Thiên niên kỷ, Tiền Thiên Hy Niên tin rằng Thiên Niên Kỷ sẽ theo sau sự tái lâm của Chúa Giê-su, rằng Ngài đến trước (tiền) Thiên niên kỷ, và Hậu Thiên Hy Niên nói rằng Thiên niên kỷ này sẽ xảy ra trước khi Chúa Giê-su đến. Ngài sẽ đến sau - Hậu - Thiên niên kỷ.

Đó là 3 quan điểm thường được hiểu. Phức tạp ở chỗ không phải có 3 mà là 6 quan điểm. Phức tạp hơn nữa là hầu hết những người tại Anh gọi mình là Vô Thiên Hy Niên lại không phải, họ là Hậu Thiên Hy Niên. Tôi nên giải thích đúng không? Thực ra là có sáu quan điểm. Rất ít Cơ Đốc nhân tin vào Kinh Thánh là Vô Thiên Hy Niên. Vô Thiên Hy Niên - lẽ ra phải là không thiên hy niên vì từ "vô" nghĩa là không; vô thần nghĩa là những người không tin vào Đức Chúa Trời. Lẽ ra họ nên gọi mình là Không Thiên Hy Niên, nhưng thực ra, hầu hết những người bảo mình là cái này nhưng thực chất lại là cái kia. Họ dùng từ Vô chứ không dùng từ Không, nhưng có sự phức tạp.

Có hai quan điểm Vô Thiên Hy Niên chính cống. Một cái hoàn toàn hoài nghi về toàn bộ quan niệm một ngàn năm hòa bình. Với họ, điều đó rất ngớ ngẩn và họ không hề ngó ngàng đến nó. Chủ yếu là Cơ Đốc nhân tự do nghĩ theo cách đó. Những người khác coi đó là thần thoại, kiểu người coi A-đam và Ê-va là thần thoại - đó là một câu chuyện, không có thật, giả tưởng chứ không thật, nhưng có thông điệp. Đó là một kiểu chuyện ngụ ngôn. A-đam và Ê-va là một kiểu chuyện ngụ ngôn về mọi người, không phải về một người. Thiên niên kỷ là một kiểu chuyện ngụ ngôn về... Đó là một câu chuyện, nó không ám chỉ bất cứ khoảng thời gian nào; nó chỉ cho chúng ta biết rằng thiện sẽ thắng ác, rằng một ngày nào đó sẽ có hòa bình thế giới, bằng một cách nào đó. Họ coi đó như một thần thoại. Thành thật mà nói thì - tôi đoán là không ai trong đây thuộc hai quan điểm đó. Nếu có thì tôi sẽ rất quan ngại.

Nhưng ở đây sẽ có rất nhiều người theo Hậu Thiên Hy Niên, và một người theo Hậu Thiên Hy Niên lấy chương 20 và nói rằng chương đó mô tả khoảng thời gian trước chương 19. Tất nhiên là điều đó phá hỏng toàn bộ chuỗi 7 khải tượng, nhưng họ làm như vậy. Vì vậy, họ tin rằng Đấng Christ sẽ tái lâm sau một ngàn năm này. Vậy một ngàn năm này có ý nghĩa gì? Chúng ta đã ở trong đó chưa, hay chưa? Có hai kiểu Hậu Thiên Hy Niên, tôi gọi đó là Hậu Thiên Hy Niên thuộc linh và họ nói Thiên niên kỷ là một miêu tả về toàn bộ thời đại hội thánh từ lần đến đầu tiên cho đến lần thứ hai, và rõ ràng là chúng ta đang ở trong Thiên niên kỷ. Bạn nói: "Chờ chút, tôi tưởng Ma quỷ phải ra khỏi thế giới này chứ. Ai đang cầm cân nảy mực đây?" Nên họ không nói về việc Sa-tan bị trục xuất mà bị xiềng lại.

- Anh nói là hắn bị xiềng lại, thế xiềng theo cách nào?
- Thì hắn không thể ngăn cản việc xây dựng hội thánh.
- Nhưng hình như hắn có thể làm được rất nhiều việc khác.

Nó thật sự đòi hỏi phải xuyên tạc Kinh Thánh, nhưng họ nói: "Chúa Giê-su hiện đang trị vì. Ngài đang trị vì trên thiên đàng - Thiên niên kỷ không ở trên đất. Ngài đang trị vì trên thiên đàng với các thánh đồ đã chết và toàn bộ thời đại hội thánh là Thiên niên kỷ." Tất nhiên là nếu vậy thì việc này sẽ được đặt trước chương 19 và sự tái lâm của Đấng Christ, lại đảo lộn Kinh Thánh một cách điên rồ. Nhưng có một dạng thuyết Hậu Thiên Hy Niên mới - dạng chính trị chứ không phải là thuộc linh, tin rằng một ngàn năm cuối cùng của thời đại này sẽ là hội thánh cai trị thế giới, rằng hội thánh sẽ thiết lập Vương quốc trên đất trước khi Đấng Christ trở lại, và chúng ta chưa ở trong đó, nhưng nó sẽ đến. Tuy không phải tất cả trên mọi người trên thế giới đều sẽ cải đạo nhưng ít nhất thì hội thánh sẽ có đủ Cơ Đốc nhân để tiếp quản các chính quyền thế giới.

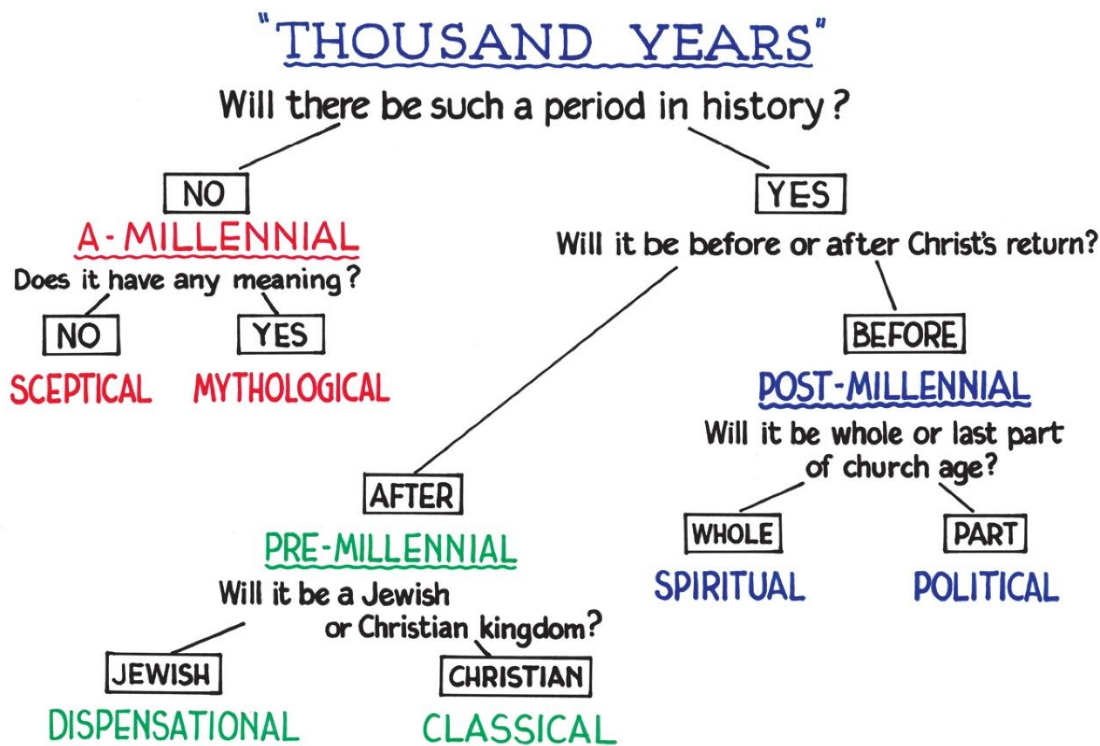
Điều này đứng sau Phong trào Phục hồi (Restoration Movement). Nó đứng sau cái gọi là Tái thiết (Reconstruction) và Thần học Thống trị (Dominion Theology) - mọi loại chiêu bài sắp tới. Nhưng nhiều hội nhóm mới tại Anh đã tiếp thu điều này và tin rằng họ sẽ xây dựng Vương quốc trên đất. Họ nói: "Anh biết đấy, chúng tôi đang hành quân cho Chúa Giê-su. Chúng tôi sẽ tiếp quản nước Anh trong Danh Ngài, chúng ta sẽ đuổi Ma quỷ qua Eo biển Anh sang Pháp, nhưng chúng tôi sẽ dọn sạch nước Anh trong Danh của Chúa Giê-su. Bây giờ chúng tôi sẽ cai trị các nước." Kiểu thái độ hân hoan đắc thắng mà tôi gọi là thuyết Hậu Thiên Hy Niên chính trị. Nó lùi sự tái lâm của Chúa Giê-su sau ít nhất một ngàn năm nữa, nhưng tôi lại thấy rằng, nếu đây là Thiên niên kỷ thì có vẻ không giống lắm. Ma quỷ dường như vẫn khá tích cực. "Ồ,," họ nói, "chúng ta chưa ở trong một ngàn năm." Thế thì còn dài lắm. Tôi nghĩ đây chỉ là hy vọng lấn lướt thực tế, cái hy vọng rằng hội thánh sẽ tiếp quản các nước.

Nhiều bài thánh ca truyền giáo ở thế kỷ 19 tin vào điều đó. "Nơi nào có mặt trời, nơi đó Giê-su trị vì," nhưng nếu bạn đọc cả bài thánh ca thì nó tin rằng hội thánh, trong Danh Giê-su, sẽ tiếp quản cả thế giới trước khi Ngài trở lại. Đó...Thế nên có hai dạng thuyết Hậu Thiên Hy Niên, cả hai đều để Chúa Giê-su trên thiên đàng để thiết lập vương quốc trên đất - một số người tin rằng đó là một Vương quốc thuộc linh, toàn bộ thời đại hội thánh là Thiên niên kỷ, một số tin rằng đó là đoạn cuối của thời đại hội thánh, khi hội thánh sẽ vận hành thế giới.

Quan điểm Tiền Thiên Hy Niên nói rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại trước Thiên niên kỷ và Ngài sẽ thiết lập Vương quốc. Vương quốc không thể đến trên đất nếu Đức Vua chưa đến. Có hai dạng Tiền Thiên Hy Niên. Một dạng được gọi là Thuyết phân kỳ (Dispensational). Tôi đã nhắc đến điều này từ trước, khi nói về sự dạy dỗ của Nhóm Anh em, rồi Darby, Rồi Schofield. Họ tin rằng Thiên Niên kỷ sẽ chủ yếu là người Do Thái trên đất, rằng Cơ Đốc nhân và người Do Thái sẽ không bao giờ thật sự hợp lại với nhau - người Do Thái là dân của Chúa trên đất và Cơ Đốc nhân là dân của Chúa trên thiên đàng.

Vì vậy, Thiên niên kỷ sẽ chủ yếu ở trên đất và liên quan đến người Do Thái. Đó là quan điểm Phân kỳ, tập trung vào Y-sơ-ra-ên. Quan điểm Tiền Thiên Hy Niên cổ điển của hội thánh thời đầu, không ai tranh cãi về điều này trong vòng 400 năm hoặc thậm chí 500 - hội thánh thời đầu đều đồng thuận; họ tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại và thiết lập chính quyền thế gian của Ngài ở đây trong một ngàn năm. Đó là quan điểm mà tôi tìm thấy trong Khải huyền 20 và đó là quan điểm phổ quát trong hội thánh đời đầu. Vậy vấn đề từ đâu mà ra?

Câu trả lời là Augustine thấy quan niệm đó quá vật chất, quá trần tục. Ông ta bị ảnh hưởng bởi tư duy Hy Lạp nhiều hơn là Hê-bơ-rơ. Tôi đang cố gắng viết một cuốn sách tên là "Loại bỏ một số tư duy Hy Lạp khỏi Hội thánh" (Degreecing the Church), để cố gắng chỉ ra xem tất cả những điều này đã xảy ra như thế nào. Nhưng quan niệm rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại và trị vì tại đây, và rằng sẽ có những người mang thân thể mới ngồi đồng bàn với những người vẫn đang ở trong thân thể cũ, ông ta thấy quá khó chấp nhận. Nhưng thực ra đó là điều đã xảy ra khi Chúa Giê-su phục sinh. Ngài mang thân thể mới và ngồi ăn sáng với các môn đồ chưa có thân thể mới. Có vấn đề gì sao? Nhưng với tư duy Hy Lạp thì nó quá vật chất - tâm linh và vật chất quá tách biệt nhau. Nên chính Augustine đã đặt nền móng cho hai quan điểm Hậu Thiên Hy Niên này, đây có lẽ là quan điểm phổ biến giữa vòng các Cơ Đốc nhân tin Kinh Thánh trên đất nước này.



Sau đây, nếu một số người muốn đi lên và khám phá xem mình theo cái gì thì bạn chỉ cần làm bản câu hỏi này. Một ngàn năm trong Khải huyền. Liệu sẽ có một thời kỳ như vậy trong lịch sử không? Nếu nói không thì bạn theo Vô Thiên Hy Niên. Nếu nói có thì bạn thuộc một trong những nhóm bên đây. Nếu theo Vô Thiên Hy Niên thì bạn phải hỏi: Liệu nó có chút ý nghĩa nào không? Nếu nói không thì bạn là người theo Vô Thiên Hy Niên hoài nghi. Nhưng tôi không nghĩ là ở đây có nhiều người nói như vậy. Phần đa sẽ nói rằng đây là một khoảng thời gian, hoặc là đúng một ngàn năm, hoặc là một thời kỳ dài. "Đó có phải là một thời kỳ trong lịch sử không?" Có. "Nó diễn ra trước hay sau sự tái lâm của Đấng Christ?"

Nếu bạn nói là trước thì bạn theo Hậu Thiên Hy Niên. Rồi bạn phải hỏi: "Đó sẽ là toàn bộ thời đại hội thánh hay đó là một ngàn năm cuối cùng của thời đại hội thánh?" Nếu bạn nói là toàn bộ thì bạn theo Hậu Thiên Hy Niên thuộc linh. Nếu bạn nói là phần cuối cùng thì bạn theo Hậu Thiên Hy Niên chính trị. Có lẽ phần đa những người ngồi đây đang ở đâu đó trong này. Tôi có thể sai. Nhưng nếu bạn nói rằng nó sẽ xảy ra sau sự tái lâm của Đấng Christ thì bạn theo Tiền Thiên Hy Niên. Sau đó bạn hỏi rằng: "Đó chủ yếu là chính quyền Do Thái hay đó là chính quyền Cơ Đốc?" Nếu bạn nói là Do Thái thì bạn theo Tiền Thiên Hy Niên phân kỳ. Nếu bạn nói rằng đó sẽ là chính quyền Cơ Đốc thì bạn theo Tiền Thiên Hy Niên cổ điển - cổ điển vì đó là quan điểm của hội thánh thời đầu.

Điều đó có tạo sự khác biệt trong đời sống thực tiễn hằng ngày của bạn. Mỗi quan điểm trong đây có ảnh hưởng khác nhau đến động cơ của bạn trong hai lĩnh vực, truyền giáo và hành động xã hội. Một số quan điểm giết chết hành động xã hội; đặc biệt là quan điểm phân kỳ nói rằng: "Cố gắng khiến thế giới trở nên tốt đẹp hơn để làm gì?" Nó giết chết hành động xã hội, nhưng nó đặt truyền giáo làm ưu tiên hàng đầu. Các quan điểm khác thay đổi tỉ lệ động cơ trong điều đó, nhưng những người nghĩ đây hoàn toàn là tranh luận học thuật cần hiểu rằng, Chúa Giê-su sẽ không cho chúng ta biết về một ngàn năm này nếu điều đó không tạo ra sự khác biệt rất lớn đối với chúng ta. Tôi phải dừng lại tại đây. Thời gian đã hết rồi.

SEVEN VISIONS ("and I saw")

1. PAROUSIA (19. 11-16)	KING OF KINGS, LORD OF LORDS. 'LOGOS' = WORD WHITE HORSE, BLOODSTAINED ROBE
2. SUPPER (19. 17-18)	ANGELS INVITE BIRDS... ...TO GORGE ON CORPSES.
3. ARMAGEDDON (19. 19-21)	KINGS AND ARMIES DESTROYED BY 'WORD' = LOGOS BEAST AND FALSE PROPHET INTO LAKE OF FIRE.
4. SATAN (20. 1-3)	BOUND AND BANISHED TO 'ABYSS' BUT FOR LIMITED TIME. * * * * * * * * * *
5. MILLENNIUM (20. 4-10)	SAINTS AND MARTYRS REIGN FIRST RESURRECTION SATAN RELEASED, INTO LAKE OF FIRE.
6. JUDGEMENT (20. 11-15)	RESURRECTION OF 'THE REST' BOOKS AND 'BOOK OF LIFE' OPENED.
7. RE-CREATION (21. 1-2)	NEW HEAVEN AND EARTH NEW JERUSALEM.

Tôi chưa thực sự hoàn tất những gì mình muốn nói về Thiên Niên kỷ trong bài nói chuyện trước, nên tôi sẽ dành vài phút đầu để đưa ra cho bạn bảy, à tám lý do tại sao tôi lại là người ủng hộ Tiền Thiên Hy Niên cổ điển, đó là quan điểm mà hội thánh thời đầu đã giữ trong nhiều thế kỷ, rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại để cai trị trên trái đất cũ này trong một ngàn năm, để cho chúng ta thấy nó có thể trở nên như thế nào. Đây là 8 lý do khiến tôi ủng hộ quan điểm đó.

Một là, đây là cách giải thích hoặc giải nghĩa tự nhiên nhất về Khải huyền 20. Những cách kia phải đặt chương này ở chỗ khác và bắt nó mang những ý nghĩa khác nhau; nhưng xét đến ý nghĩa rõ ràng, đơn giản nhất, tôi tin rằng nó sẽ dẫn bạn đến với quan điểm đó.

Hai là, nó đưa ra lý do hợp lý nhất cho việc Chúa Giê-su sẽ trở lại và mang chúng ta trở lại, ấy là để làm một công việc ở dưới này và để trị vì thế giới này. Chính quan điểm Tiền Thiên Hy Niên đã đặt sự trở lại của Đấng Christ vào đúng vị trí của nó trong hội thánh thời đầu. 318 lần Tân Ước bảo chúng ta trông đợi sự đến của Ngài và bạn sẽ thấy rằng những người theo Tiền Thiên Hy Niên hay nói về sự đến của Chúa Giê-su và trông đợi điều đó nhất.

Ba là, nó giải thích cho việc Tân Ước nhấn mạnh vào sự đến của Ngài, sự phấn khích và niềm hy vọng của điều đó. Nếu không, nếu Ngài không trở lại để trị vì thì hy vọng của chúng ta sẽ tập trung nơi thiên đàng, không phải sự tái lâm của Ngài trên đất.

Năm là, nó đặt vận mệnh tương lai của chúng ta dưới đất. Thiên đàng hiện tại chỉ là một phòng chờ, đó không phải ngôi nhà vĩnh cửu của chúng ta. Khi qua đời, chúng ta lên đó với Chúa Giê-su cho tới khi chúng ta trở lại đây để sống cùng Ngài và trị vì cùng Ngài tại đây. Nhà của chúng ta trong tương lai sau đó không phải là thiên đàng, nhưng là đất mới như chúng ta sẽ thấy trong chương 21 và 22. Nó đặt chúng ta ở dưới đất. Chúa Con và Thánh Linh đã ở đây, trên đất này; Chúa Cha cũng sẽ như vậy.

Sáu là, đây là một quan điểm thực tế; không lạc quan hay bi quan. Những người lạc quan nói rằng hội thánh sẽ thiết lập Vương quốc trên đất. Tôi không tin vào điều đó. Vì nó quá lạc quan. Những người bi quan nói rằng "Anh sẽ chẳng bao giờ thấy nó trên đất, nó sẽ mãi như bây giờ thôi." Đó là tư tưởng bi quan. Chủ nghĩa hiện thực của tôi nói rằng, chúng ta sẽ thấy nó trên đất nhưng chỉ khi Chúa Giê-su trở lại. Từ giờ tới lúc đó, mọi thứ có thể tệ đi, nhưng rồi chúng sẽ tốt hơn nhiều.

Bảy là, quan điểm này có ít vấn đề hơn những quan điểm khác. Mọi quan điểm tôi đã trình bày đều có một số vấn đề, một số câu hỏi mà chúng ta không thể trả lời, nhưng quan điểm này có ít nhất.

Cuối cùng, với tôi, quan trọng là hội thánh thời đầu giữ quan điểm này trong một khoảng thời gian dài trước khi mọi thứ rối tung lên, và ít nhất là trong 400 năm, hội thánh thời đầu đã đồng lòng giữ quan điểm này, và thực tế đó có sức nặng với tôi. Họ là những người gần với các Sứ đồ nhất, vì vậy họ dễ hiểu những điều mà các Sứ đồ nói nhất.

Chúng ta đã đến cuối của Khải huyền. Chúng ta đã đến cuối sách. Khải tượng thứ 6 và thứ 7 là điều liên quan đến chúng ta. Chúng ta đã thấy rằng đến cuối Thiên Niên kỷ, Sa-tan được thả ra như vốn có, cố tiếp quản thế giới một lần nữa và chứng minh rằng vẫn có những người, dù sống dưới những điều kiện hoàn hảo của chính quyền thế giới dưới Đấng Christ, vẫn muốn thoát khỏi Ngài, không muốn ở dưới sự cai trị Cơ Đốc. Ma quỷ sẽ thuyết phục họ rằng họ sẽ thỏa mãn hơn nếu không có chính quyền Cơ Đốc này và không có Đấng Christ.

Như chúng ta đã thấy, hắn sẽ hành quân về Giê-ru-sa-lem, hắn cùng đội quân đông đảo đó, Gót và Ma-gốc - chúng được gọi như vậy trong giai đoạn đó, nếu đọc Ê-xê-chi-ên 39 thì bạn sẽ hiểu tại sao. Gót và Ma-gốc hành quân về Giê-ru-sa-lem và bị lửa từ trời thiêu hủy. Rồi có chép rằng Sa-tan bị ném vào hồ lửa, trong đó đã có Antichrist và kẻ tiên tri giả - và chúng sẽ bị giày vò cả ngày lẫn đêm mãi mãi, mãi mãi và mãi mãi. Đó là bản dịch theo nghĩa đen. Đó chính là câu Kinh Thánh giáng một đòn chí mạng lên quan điểm hiện đại gọi là thuyết tịch diệt (annihilationism), là thuyết cho rằng người không được cứu sẽ bị tiêu tan chứ không chịu hình khổ mãi mãi trong địa ngục. Những người đang dạy về sự tịch diệt, đang chiếm phần đa trong số những giáo viên Tin lành và ân tứ tại Anh luôn tránh trích dẫn câu đó, vì không câu nào có thể rõ nghĩa hơn nữa.

Ở đây có hai con người và Ma quỷ bị giày vò không dứt, cả ngày lẫn đêm đến đời đời và đời đời. Không gì rõ ràng hơn thế. Vì Chúa Giê-su nói với những con dê trong sự dạy dỗ về chiên và dê của mình, Ngài nói với những con dê rằng: "Hỡi những kẻ bị nguyền rủa, hãy lui ra khỏi Ta, đi vào lửa đời đời đã chuẩn bị sẵn cho quỷ vương và những quỷ sứ của nó" - nghĩa là con người có thể thấy mình ở cùng chỗ đó và chịu cùng cảnh ngộ.

Rồi sau đó - sau đó, mọi kẻ chết được sống lại, dù họ chết trên đất liền, trên biển hay bất cứ đâu, thân thể còn những gì, họ được sống lại - được ban thân thể mới - vì những người xuống địa ngục cũng ở trong thân thể. Chúa Giê-su nói đến việc đừng sợ những kẻ giết các con và không làm gì được nữa, hãy sợ Đấng có quyền ném thân thể và linh hồn xuống địa hỏa ngục. Hỏa ngục là một chốn, là một nơi có thật cho những người ở trong thân thể. Những người chết được ban cho thân thể mới, tất cả - sự sống lại của cả nhân loại, cả người công bình lẫn kẻ ác, được dạy rõ trong Đa-ni-ên 12, trong Giăng 5, trong Công vụ 22 khi Phao-lô nói rằng: "Tôi bị xử đoán vì tôi tin vào sự sống lại của người công bình và kẻ ác."

Sự sống lại sẽ xảy ra với mọi người nhưng sẽ có hai sự sống lại cách nhau một ngàn năm. Nhưng mọi người sẽ được sống lại từ cõi chết và ban một thân thể để đứng trước ngai lớn và trắng. Trên ngai đó không phải là Đức Chúa Trời. Kinh Thánh không chép rằng Đức Chúa Trời ngồi trên ngai. Kinh Thánh chép "Đấng ngồi trên ngai." Còn ai vào đây được nữa. Từ Công vụ 17 và sự dạy dỗ của Phao-lô tại đồi Mars Hill, Athens, chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời đã lập một người để phán xét thế gian; một người trong số chúng ta sẽ quyết định vận mệnh đời đời của chúng ta. Vào ngày đó, Đức Chúa Trời sẽ không quyết định. Ngài đã lập một người để phán xét thế gian.

Đó là câu trả lời cho những người nghĩ rằng Đức Chúa Trời không công bằng gì cả. Có vở kịch độc thoại nhỏ, tôi không thể trích hết và tôi cũng không nhớ hết, nhưng nó hình dung ra một đám đông đứng trên một khoảng đất và có một vị Quan án ngồi trên ngai, trước mặt họ, và từ đám đông, người ta la lên rằng: "ông đâu biết cảm giác khi bị sinh ra ngoài giá thú," "ông đâu biết cảm giác làm nô lệ," "ông đâu biết cảm giác bị bắt vì một tội mà ông chưa hề phạm phải," "ông đâu biết cảm giác của người không nhà không cửa," "ông đâu biết cảm giác áp lực hay bị cám dỗ."

Và rồi đám đông câm lặng khi họ nhận ra rằng Người ngồi trên ngai biết hết những điều đó. Thật là một sự an ủi với chúng ta khi Chúa Giê-su là Quan án của cả trái đất. Ngài đã được định cho điều đó. Một con người sẽ ngồi trên ngai lớn và trắng và cả nhân loại sẽ bị phán xét theo các sách. Mỗi cuốn sách sẽ được mở ra cho một người. Tôi có thể cho bạn biết tên của nó - nó có bìa màu đỏ và những dòng chữ màu vàng ghi "Đây Là Cuộc Đời Bạn." Ít nhất thì tôi đoán vậy.

Nhưng viết trong từng sách đó là mọi điều mà một người đã làm, đã nói, đã nghĩ và cảm nhận. Nói thật với bạn là nếu sách đó được mở ra cho tôi thì tôi xong đời luôn. Các bạn cũng vậy. Những cuốn sách đó sẽ được mở để cho người ta thấy rằng kể cả những người tốt nhất cũng có vấn đề của họ. Chúa Giê-su phán: Những điều đã giấu trong phòng ngủ sẽ được la lên trên mái nhà vào ngày hôm đó, sẽ được công bố. Các sách sẽ được mở ra. Người Anh chúng tôi biết chương trình đó - tôi thích xem chương trình Đây Là Cuộc Đời Bạn (This Is Your Life). Nó hay vì họ chỉ chọn những đoạn hay. Những nhà nghiên cứu mở một hộp đầy dòi, hết lần này đến lần khác nhưng họ không đưa điều đó vào trong chương trình.

Nhưng vào Ngày đó, bạn sẽ xem đủ cả, và nói thật, bất cứ người nào thấy cuốn sách mở ra với đầy đủ chi tiết thì người đó sẽ phải nín thinh. May mắn thay, có một cuốn sách khác sẽ được mở ra, sách đó được gọi là Sách Sự sống vì đó là cuốn sách về cuộc đời của Chúa Giê-su, một cuốn sách mà bạn có thể đọc từ đầu chí cuối. Bạn đã bao giờ nghe người ta nói rằng: "Anh có thể đọc cuộc đời anh ấy như một cuốn sách" chưa? Bạn có thể làm điều đó với Chúa Giê-su. Trong đó không có điều gì sai cả. Vẻ đẹp của điều này là những người ở trong Đấng Christ ngày hôm đó, tên họ ở trong cuốn sách của Ngài chứ không phải của họ. Thật thú vị phải không? Tên của bạn cần phải ở trong ấy trong Ngày đó, không phải trong sách của chính bạn, mà là của Ngài.

Đó là lý do tại sao chúng ta nói rằng sách Khải huyền được viết ra - để đảm bảo rằng vào Ngày lớn ấy, tên bạn vẫn ở trong sách đó, vì trong cả tiếng Hê-bơ-rơ và Hy Lạp, từ đức tin và từ trung tín là cùng một từ. Có đức tin tức là trung tín. Là tiếp tục tin bất chấp giá trả, bất chấp mọi điều xảy ra. Đức tin không phải là một bước đức tin rồi "vé lên thiên đàng của anh đây," đó là một đời sống giữ sự trung tín với Chúa Giê-su, ở cùng Ngài, tin cậy Ngài dù chuyện gì có xảy ra, dù hoàn cảnh có đen tối thế nào - "tôi vẫn tin cậy Ngài."

Thế nên Chúa mới bảo Ha-ba-cúc rằng người công chính sẽ sống sót nhờ giữ được đức tin - “người công chính sẽ sống bởi đức tin mình.” Bạn có thể nói rằng “người công chính sẽ sống bởi sự trung tín,” bởi giữ được đức tin, bởi tiếp tục tin nơi Chúa Giê-su cho đến cuối cùng. Nếu trong hội thánh, chúng ta giữ được tất cả những người đã từng bước đi trong đức tin thì hội thánh sẽ gấp 5 lần hiện tại, nhưng có nhiều người đã quay lưng và đang gặp nguy hiểm. Bạn cần cầu nguyện cho những người sa ngã, để họ không đến nỗi không thể quay lại và bị cạo tên khỏi cuộn giấy da. Đó là những cuốn sách sẽ được mở ra, và vì những bằng chứng trong các sách đó, công lý trọn vẹn sẽ được thực thi, chúng ta sẽ thấy điều đó được hoàn tất.

Nhân loại kết thúc với hai và chỉ hai nhóm người, những người sống dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời và những người không muốn, họ muốn sống theo cách của riêng mình. Từ đó chúng ta thấy sách nhắc đến hồ lửa. Tôi sẽ không nói nhiều về điều đó. Tôi đã viết một cuốn sách về điều đó, gọi là “Đường Xuống Hỏa Ngục” (The Road to Hell). Trong đó có cả một chương về thiên đàng nên nếu bạn muốn biết về cả hai...nhưng tôi viết sách đó vì quá nhiều người đang dạy rằng không cần phải sợ địa ngục, vì trong địa ngục người ta sẽ bị tiêu tan, vô thức. Ai sẽ sợ điều đó đây? Nếu cả đời tôi sống trong tội lỗi, sai phạm và tội phạm, rồi người ta bảo tôi rằng “địa ngục chỉ là vô thức” thì tôi sẽ hét lên hallelujah mất, bạn có vậy không. Thoát tội. Không bao giờ phải trả giá.

Đó không phải là điều Kinh Thánh chép, nhưng nó đang quét qua nước Anh như vũ bão, tư tưởng về sự tịch diệt thay vì chịu hình phạt - thích hơn nhiều đấy, nhưng...Tôi để ý rằng những người tin vào thứ này ít khi giảng về nó vì nói thật, nó không có ảnh hưởng nhiều lắm trên dân sự. Nỗi sợ hỏa ngục có liên quan rất nhiều đến việc kính sợ Đức Chúa Trời.

Ở đây tôi có một bức hình - không, tôi sẽ cho bạn xem sau vì có một bức nữa mà tôi chưa muốn cho bạn xem, mà chúng lại ở trên cùng một tấm bảng. Nên tôi sẽ chưng cả hai cùng lúc. Đó là bức hình về Đỉnh Etna tại Sicily, Ý. Có lần khi tôi bay từ Sicily về, máy bay British Airways bay ở ngay trên, khá sát với Đỉnh Etna và núi lửa đang phun trào. Có một dòng nham thạch nóng đỏ chảy xuống một ngôi làng cách đó khoảng 3 cây số và phi công nghiêng máy bay sang một bên nên tôi nhìn thẳng xuống cái vạc đá nóng chảy, đỏ rực, sôi sùng sục này.

Nói thật, tôi nghĩ đến hỏa ngục - hồ lửa, biển lửa. Tôi sướng rơn khi cậu ta cho máy bay thăng bằng trở lại và chúng tôi nhắm thẳng đến Luân Đôn vì nó ở ngay dưới chúng tôi, và tôi biết chút ít về việc không khí phía trên những thứ như vậy bị nhiễu loạn. Tôi muốn nói là “cứ đi đi, cứ đi đi, tôi không muốn hạ cánh xuống dưới kia đâu.” Nhưng điều đó nhắc nhở chúng ta. Đức Chúa Trời chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt; nên chúng ta hãy thờ phượng Ngài với lòng kính sợ và tôn kính. Đó là một lưu ý mà ngày nay bạn bỏ sót. Thân tình với Chúa quá, bằng vai phải lứa với Chúa quá. Nhưng lòng kính sợ và tôn kính khi đứng trên rìa một ngọn núi lửa - đó là cảm giác mà chúng ta nên có về Đức Chúa Trời Toàn năng, hãy nhớ đến các sách - cuốn sách về cuộc đời bạn, mọi thứ được ghi lại trong đó. Bạn không bao giờ quên bất cứ điều gì. Bạn có biết điều đó không? Bạn có thể khó nhớ lại, nhưng bạn không bao giờ quên, và đôi khi một mùi hương có thể gợi lại cả mảng ký ức từ thuở nhỏ. Bạn đã bao giờ để ý đến điều đó chưa? Như một ngăn kéo được kéo ra và tất cả đều ở đó, tất cả đều ở đó. Nhưng tất cả đều ở trong các sách trên đó, và nếu tên bạn không có trong Sách Sự sống thì đó chính là cuốn sách sẽ được mở ra, và nói thật là bạn sẽ không chối cãi được gì.

Rồi sau đó chúng ta có thiên đàng và địa ngục - không hẳn. Tiếc rằng chúng ta chỉ nói về thiên đàng vì đó không phải là “thiên đàng,” đó là trời mới và đất mới, nghĩa là một không gian mới ngoài

kia và một trái đất mới. Vì trời và đất ám chỉ điều chúng ta gọi là hành tinh này và không gian vũ trụ, và sẽ có một vũ trụ mới, một vũ trụ mới tinh. Đức Chúa Trời sẽ tạo ra cả một vũ trụ mới. Khi người ta hỏi tôi là ông kinh doanh gì, tôi thích trả lời là tôi tham gia vào việc tái chế, và họ nói "Ồ." Họ thường cười - Thế là giấy má, kim loại, hay chai lọ? Không, là tái chế con người; vì chính con người gây ra ô nhiễm, và tôi đang tham gia vào việc tái chế con người vì Đức Chúa Trời cũng vậy. Nếu ai ở trong Đấng Christ, người ấy là tạo vật mới. Điều đang xảy ra - trong lần sáng tạo đầu tiên, Đức Chúa Trời tạo ra các tầng trời và trái đất trước, và con người cuối cùng, thì trong lần sáng tạo mới, chúng ta đang ở trong đó - chúng ta đang ở trong ngày thứ 8 của sự sáng tạo, thế nên chúng ta mới thờ phượng vào ngày thứ 8, Chủ nhật - không phải là một ngày nghỉ ngơi nhưng bởi vì Đức Chúa Trời đã trở lại làm việc và Ngài sẽ làm mới lại muôn vật. Phần đầu tiên trong sự sáng tạo cũ mà Ngài làm mới lại là thân thể của Con Ngài và Ngài đang làm mới lại những người nam, người nữ, sau đó sẽ tạo ra một trời mới và một đất mới cho họ để sống trong đó.

Tin lành thật sự là: Đức Chúa Trời sẽ tái chế lại cả vũ trụ và bạn có thể sống trong đó, với điều kiện là bạn sẵn sàng để Ngài tái chế ngay bây giờ. Tái chế là từ tiếng Anh hiện đại của cứu vớt - đó là từ cũ mà người Anh từng dùng - và cứu vớt là từ cứu rỗi. Tin lành là bạn có thể được tái chế và sống trong một trái đất tái chế với một không gian tái chế quanh bạn. Đó là trọng tâm của Tin lành. Tin lành không chỉ là để đưa người ta lên thiên đàng, đó là một Tin lành về một đất mới và một trời mới và cả một vũ trụ mới cho những con người mới trong Đấng Christ - đó là trọng tâm thật sự của Tin lành. Tôi thấy là nếu bạn trình bày Tin lành như một công việc tái chế thì người ta sẽ lắng nghe. Nhưng không phải ai cũng sẵn sàng để được tái chế, đúng không? Nhưng Đức Chúa Trời phán: "Nầy, Ta sẽ làm mới lại tất cả muôn vật." Ngài sẽ tạo ra một trái đất mới và bạn sẽ sống trong đó nếu bạn sẵn sàng để Ngài tái chế ngay bây giờ. Đó là trọng tâm của Tin lành. Đó là một Tin lành tập trung vào tương lai.

Rồi sau đó, sự tập trung nhanh chóng chuyển từ trời mới, đất mới sang Đấng tạo dựng trời mới và đất mới, và Giăng nghe thấy một tiếng nói lớn: ""Nầy, Ta sẽ làm mới lại tất cả muôn vật." Và rồi ông thấy một thành phố mới trên không trung hạ xuống trái đất, một thành phố đồ sộ. Thành đó nằm gọn trong mặt trăng nếu mặt trăng bị rỗng ở bên trong. Thành đó dài cỡ từ Paris, Pháp đến Warsaw, Ba Lan, kích cỡ khoảng như vậy, mà không chỉ có một chiều, mà là hình lập phương, khoảng 2400 cây số hình lập phương. Đó là một thành phố khổng lồ. Người ta đang rất hứng thú với việc xây một thành phố tí xíu trong không gian, nhưng Chúa Giê-su đã làm như vậy rồi. Ngài trở lại với nghề thợ mộc. Ngài phán: "Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ," và toàn bộ thành đó sẽ xuống dưới đất mới và tiếp đất ở đây. Tôi thật sự rất mong được thấy nó.

Tôi rất mê kiến trúc; tôi thiết kế các nhà nguyện, một số bạn biết điều đó, và tôi nghĩ: Làm sao một thành phố khổng lồ như vậy có thể trở thành một nơi ở, một nơi mang quy mô của con người được? Tôi đã nghiên cứu những nơi như Canberra ở Úc và Brasilia ở Brasil. Rất thú vị là ngày nay họ luôn đắp đập ở một con suối để tạo một dòng sông chảy giữa thành phố khi xây dựng thành phố mới. Phải có dòng sông ở giữa thành phố và Giê-ru-sa-lem mới cũng có. Tôi từng nói: "Tôi muốn thấy nó đến chết đi được" và có người nói: "Chết là thấy." Nhưng tôi thật sự rất mong được thấy nó. Thành phố mà người xây dựng và người thiết kế là Đức Chúa Trời. Khi Áp-ra-ham rời một căn nhà xây từ gạch, giữa nhà có lò sưởi và trong nhà có vòi nước - chúng ta biết điều đó vì những căn nhà ở U-rơ, xứ Canh-đê đã được khai quật, chúng rất hiện đại - ông đã rời căn nhà thoải mái, xây bằng gạch đó và sống trong một túp lều trong suốt phần đời còn lại ở độ tuổi 80.

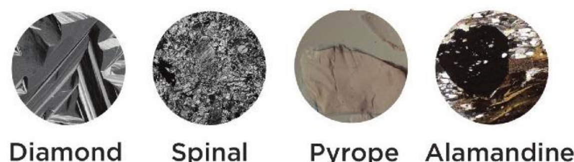
Đó không phải là điều mà nhiều người ở tuổi nghỉ hưu sẽ làm. Nhưng Kinh Thánh chép rằng ông tìm một thành phố mà người thiết kế và xây dựng là Đức Chúa Trời. Ông tìm thành Giê-ru-sa-lem mới này. Đó sẽ là thành phố được quy hoạch một cách hoàn hảo nhất, mọi người sẽ cảm thấy rằng: "Ôi, mình chỉ muốn sống ở đó mãi mãi"; và thành đó sẽ từ trời hạ xuống đất. Thành đó sẽ được xây dựng bằng những vật liệu quý giá nhất, và giờ tôi sẽ cho bạn xem tấm ảnh tôi đã chuẩn bị, vì đây là bằng chứng xác thực rằng Kinh Thánh được Đức Chúa Trời thần cảm. Làm sao tôi có thể chứng minh được điều đó? Thì Giăng thấy thành đó và ông thấy những vật liệu xây nên nó - những viên đá quý với chúng ta lúc này sẽ trở thành vật liệu bình thường tại đó.

Bây giờ chúng ta có đá quý và đồ trang sức, phụ nữ các bạn thích chúng, và tiếc là giờ đàn ông chúng tôi cũng bắt đầu khoái chúng. Nhưng những thứ đá quý này có hai loại. Người ta mới phát hiện ra điều này khi sản xuất được ánh sáng thuần khiết như ánh sáng laser và ánh sáng phân cực chéo, nhưng khi bạn lấy một lát rất mỏng của những loại đá quý mà phụ nữ các bạn đeo, đưa ánh sáng thuần khiết qua đó, thì một trong hai điều sẽ xảy ra. Hoặc nó sẽ biến thành tất cả các màu của cầu vồng, dù ban đầu nó có màu gì - đỏ, xanh lá hay xanh dương - hoặc nó sẽ trở nên đen như than và mất hết màu. Chúng ta gọi những loại biến thành tất cả các màu của cầu vồng là dị hướng và những loại mất hết màu là đẳng hướng. Tôi thông báo tin buồn cho một số quý bà ở đây - ngọc trai, à không, kim cương là đẳng hướng, hồng ngọc là đẳng hướng, ngọc hồng lựu là đẳng hướng, nên chẳng ích gì khi mang nó theo người. Chúng sẽ mất hết sự cuốn hút, nhưng mười hai thứ đá quý mà Giăng thấy tại Giê-ru-sa-lem mới đều là dị hướng, và chúng đây. 12 thứ đá đó là vật liệu của Giê-ru-sa-lem mới và chúng đều biến thành tất cả các màu của cầu vồng.

Đây chỉ là những mẩu siêu nhỏ, chỉ một phần nghìn cm, và hãy xem những màu sắc dưới kính hiển vi. Nhưng đây là kim cương, hồng ngọc và ngọc hồng lựu của các bạn - nhìn không đẹp chút nào dưới ánh sáng thuần khiết. Người ta mới phát hiện ra điều này trong vòng 30 năm qua. Làm sao Sứ đồ Giăng biết được là những thứ đá nào sẽ trở nên như vậy dưới ánh sáng thuần khiết? Ông không thể nào biết được nếu Đức Chúa Trời, Đấng tạo ra những viên đá không bày tỏ điều đó cho Chúa Giê-su, rồi Chúa Giê-su bày tỏ cho Thánh Linh, Thánh Linh bày tỏ cho thiên sứ, thiên sứ bày tỏ điều đó cho Giăng. Đó là bằng chứng tôi đưa ra để chứng minh Sách này là Lời Đức Chúa Trời, vì chỉ Đức Chúa Trời mới biết điều đó từ 2000 năm trước. Thật tuyệt vời khi khoa học đang đuổi kịp Kinh Thánh đúng không?



Màu sắc dưới kính hiển vi của 12 loại đá quý được nói đến trong sách Khải Huyền



Màu sắc của kim cương, hồng ngọc và ngọc hồng lựu dưới kính hiển vi

Có một lưu ý nghiêm túc xuyên suốt những chương cuối này. Lưu ý nghiêm túc đó là đây: liên tục nhắc đến hồ lửa. Đây là phần cuối của tin mừng, chúng ta đang đọc một chương mà trong đó - thật thú vị đúng không, chưa có ai tranh luận về những tin mừng trong Khải huyền. Mọi tranh luận xoay quanh những điều khác nhưng không ai tranh luận về Giê-ru-sa-lem mới hoặc trời mới và đất mới. Họ thường đọc điều đó tại những lễ tang. Đây là điều mà chúng ta trông đợi. Nếu bạn đọc cả chương 21 và 22, hết lần này đến lần khác, có sự cảnh báo ở đó - có một hồ lửa ngoài thành này.

Đây là ảnh chụp Đỉnh Etna. Có cả hồ lửa nữa. Nó không hề nằm trong thành đó, nó nằm bên ngoài. Nó dành cho lũ chó, Kinh Thánh chép. Đây là sự cảnh báo cuối cùng trong chương 21. Có chép rằng "người nào thắng sẽ nhận được những điều này làm cơ nghiệp," còn những kẻ hèn nhát, kẻ không trung tín, kẻ vô luân và kẻ lừa lọc - hồ lửa. Ở đây không nói đến những người không tin Chúa. Ở đây đang nói đến tín đồ hèn nhát, tín đồ không trung tín, tín đồ lừa lọc và vô luân. Kinh Thánh đang nói rằng: Đừng nghĩ là ngươi sẽ thuộc về tất cả những điều này và thoát khỏi điều kia. Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn không công bằng nếu Ngài cho bất cứ người chưa tin nào xuống đây vì họ như vậy, mà lại nói với người tin Ngài rằng: "Không sao đâu, con như vậy cũng không sao, con có thể đến đây." Thế thì chẳng phải Đức Chúa Trời không công bằng sao? Ấy vậy mà tôi e là có nhiều người nghĩ là họ có thể sống theo bất cứ cách nào họ thích vì họ đã có tấm vé lên thiên đàng rồi. Không phải như vậy. Chúng ta không chỉ cần sự tha thứ để lên thiên đàng, chúng ta còn cần sự thánh khiết nữa. "Nếu không thánh khiết thì chẳng ai thấy được Chúa." Kinh Thánh có chép vậy. Đó là một cuốn sách nghiêm túc, sách Khải huyền. Đó là một cuốn sách tuyệt vời, hứa hẹn mọi điều này, trời mới, đất mới, Giê-ru-sa-lem mới.



Đỉnh Etna



Đây có lẽ là điều bất ngờ nhất trong vài trang cuối cùng này. Ấy là chúng ta không lên thiên đàng để ở với Đức Chúa Trời mãi mãi. Ngài sẽ xuống dưới đất để ở với chúng ta mãi mãi. Thiên sứ sửng sốt. Khi Giê-ru-sa-lem mới từ trời giáng xuống, thiên sứ biết rằng đó không chỉ là nơi ở của dân Chúa, đó sẽ là nơi ngự của chính Đức Chúa Trời - và Chiên Con. Vì vậy, vị thiên sứ phải thốt lên rằng: "Kìa!" Nói cách khác là "Ơ kìa!" Nghĩa là: "Nhìn kìa! Nhìn kìa! Nhà của Đức Chúa Trời ở với loài người." Không phải nhà của loài người ở với Đức Chúa Trời. Sự kinh ngạc khi thiên sứ kêu lên: Kìa, nhà của Đức Chúa Trời ở với loài người! Ngài sẽ ở với họ, họ sẽ làm dân Ngài và Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của họ.

Thật tuyệt khi nghĩ đến phải không? Bạn sẽ không còn nói rằng "Lạy Cha chúng con ở trên trời." Bạn sẽ nói rằng: "Lạy Cha là Đấng ở với chúng con trên đất này." Chính Chúa là Đấng chuyển nhà ở cuối Kinh Thánh. Con của Ngài đã ở trên đất, Thánh Linh đã ở trên đất, và mãi, mãi, mãi từ thuở ban đầu, Đức Chúa Trời đã ở trên đất - A-đam nghe thấy tiếng bước chân Ngài, ở đâu? Đi dạo bộ lúc xế chiều ở Vườn Ê-đen. Mọi thứ sẽ lại như vậy - Chúa Cha đến để sống ở đây, trên đất này, trái đất đã được tái chế. Chẳng phải là rất tuyệt diệu đó sao? Chúng ta không đến ở với Ngài. Ngài muốn ở cùng với chúng ta. Tại vũ trụ mới và được tái chế này - trái đất sẽ ở chính giữa mọi thứ, ở trung tâm của mọi thứ như Chúa đã định cho nó. Đây chính là trọng tâm của tình yêu Ngài, chúng ta sẽ sống trong thành đó với Chiên Con và Đức Chúa Trời Cha. Có chép rằng chúng ta sẽ được thấy mặt Đức Chúa Trời. Mặt Ngài sẽ như thế nào nhỉ? Tôi đoán là giống Chúa Giê-su, Con Ngài. "Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha."

WHY STUDY "REVELATION"?

1. COMPLETION of BIBLE
2. DEFENCE AGAINST HERESY
3. INTERPRETATION of HISTORY
4. GROUND for HOPE
5. MOTIVE for EVANGELISM
6. STIMULUS to WORSHIP
7. ANTIDOTE to WORLDLINESS
8. INCENTIVE to GODLINESS
9. PREPARATION for PERSECUTION
10. UNDERSTANDING of CHRIST

Chúng ta đã đến phần cuối của loạt bài nghiên cứu, nhưng bây giờ, tôi muốn đưa ra 10 lý do cho việc nghiên cứu sách Khải huyền, rồi chúng ta chia tay. Ở cuối sách tất nhiên là một lời bạt với lời mời khẩn khoản: "Ai khát, hãy đến mà uống." Hãy đến, hãy đến, hãy đến, và Chúa Giê-su liên tục mời gọi người ta đến và dự phần vào tất cả những điều này ở ngay cuối. Nhưng có một "hãy đến" nữa ở ngay cuối và đó là: Lạy Chúa, xin hãy đến, đến mau chóng. Kết thúc bằng hai cụm "hãy đến" - một cụm "hãy đến" nói với con người: Đến đi. Các ngươi có thể có tất cả; miễn phí, có quà, đến đi. Con người đáp lại: "Hãy đến." Cô dâu nói "Hãy đến" với Chàng rể.

Đây là 10 lý do: Lý do thứ nhất, đây là sự hoàn tất Kinh Thánh. Là cao trào không thể thiếu. Nếu không có điều này thì câu chuyện không có kết thúc. Nó sẽ giống với việc đọc một cuốn tiểu thuyết, tiểu thuyết trinh thám, và phát hiện ra rằng 10 trang cuối đã bị xé mất. Đây là câu chuyện hoàn thiện, kết cục cuối cùng của lịch sử, cái kết cho cuốn truyện ngôn tình của Đức Chúa Trời vì Chúa Giê-su là An-pha và Ô-mê-ga. Ngài đã cùng sáng tạo nên vũ trụ của chúng ta; Ngài cũng sẽ ở đó vào cuối cùng.

Lý do thứ hai, đây là sự bảo vệ để chống lại tà giáo. Có nhiều tà phái và giáo phái đến gõ cửa nhà bạn, họ đều biết rất rõ sách Khải huyền và chúng thấy giữa vòng các thành viên hội thánh có những người không biết sách Khải huyền, nên họ bắt đầu bảo những người này rằng: chúng tôi biết sách này, để chúng tôi bảo cho anh biết. Có người đã hỏi tôi về con số 144.000. Giáo phái nhân chứng Giê-hô-va nói rất nhiều điều về con số đó. Tôi chưa thực sự nhắc đến nó nhưng con số đó được nhắc đến hai lần. Trong chương 7, nó nói đến những người Do Thái được bảo vệ trên đất trong đại nạn. Bốn chương sau đó, nó nói đến những Cơ Đốc nhân tử đạo trên thiên đàng. Đó không phải là cùng 144.000. Nhưng có một giải thích đơn giản. Những tà phái và giáo phái lợi dụng sự thiếu hiểu biết của các thành viên trong hội thánh về sách Khải huyền. Nhưng khi bạn biết sách rõ hơn họ, bạn có thể trả lời họ, bạn có thể bảo họ đến và dự phần vào điều này. Nếu không, họ sẽ lôi kéo được phần lớn những người cải đạo từ những thành viên thiếu hiểu biết trong hội thánh, những người không biết sách Khải huyền. Nên đó là một bằng chứng, một sự bảo vệ để chống lại tà giáo.

Ba là, việc đó giúp bạn lý giải được lịch sử, từ đó bạn có thể đọc báo hằng ngày với sự hiểu biết. Mỗi khi tôi dạy một nhóm Cơ Đốc nhân về sách Khải huyền, họ đều làm tôi ngộp thở với những mẩu

báo hay tạp chí. Việc đó chỉ xảy ra với sách này. Ông Đa-vít, ông đã đọc cái này trên tuần báo chưa? Ông đã đọc cái này chưa? Họ thấy cái bóng đổ về trước của tất cả những điều này đã xảy ra. Nó có ý nghĩa. Chúng ta nhận ra rằng đó thật sự là cách mọi thứ đang diễn ra, và rằng Đức Chúa Trời đặt mọi sự dưới quyền kiểm soát của Ngài. Thật là một sự an ủi khi bạn đọc tất cả những thảm họa đó. Chúa Giê-su phán: Khi các con nghe về chiến tranh và tin đồn về chiến tranh, đói kém, hãy vui mừng lên, đó chưa phải là cuối cùng đâu, mới là khởi đầu thôi. Hãy ngước đầu lên, vì sự cứu rỗi của các con đang đến gần. Cơ Đốc nhân phản ứng theo cách hoàn toàn khác. Không phải là họ không đồng cảm với những nạn nhân của thảm họa, nhưng họ biết rằng điều đó sẽ xảy ra, và coi đó như cơn đau chuyển dạ của vũ trụ mới; không phải là cơn đau hấp hối của thế giới hiện tại, nhưng là cơn đau chuyển dạ của thế giới mới. Nên chúng ta phản ứng theo cách khác. Việc đó giúp chúng ta lý giải được lịch sử.

Vì vậy, đây là nền tảng cho hy vọng vì khi biết điều gì sẽ xảy đến, biết rằng Chúa Giê-su sẽ thắng thì chúng ta sẽ có hy vọng vững chắc vào tương lai ngay cả trong hiện tại. Bạn không thể chỉ sống bằng đức tin và tình yêu thương, bạn còn cần hy vọng như cái neo của linh hồn khi mọi thứ trở nên tồi tệ. Niềm hy vọng của chúng ta là trọng tâm, niềm hy vọng phước hạnh của chúng ta là sự tái lâm của Chúa Giê-su Christ trên trái đất. Đấng Christ sẽ đánh bại Sa-tan, các thánh đồ sẽ cai trị thế giới, cả vũ trụ sẽ được tái chế, Vương quốc sẽ đến ở đất cũng như ở trời. Đó là niềm hy vọng của tôi. Nhưng đó không chỉ là "Tôi hy vọng như vậy." Mà là "Tôi biết sẽ như vậy." Đức Chúa Trời không bao giờ thất hứa và trong Chúa Giê-su, mọi lời hứa của Đức Chúa Trời đều là "có."

Năm là, Khải huyền cho bạn động cơ truyền giáo mạnh mẽ, để cứu càng nhiều người vào càng tốt trước khi mọi sự cuối cùng này xảy đến. Bạn có biết tại sao Đức Chúa Trời trì hoãn sự tái lâm của Chúa Giê-su không? 2 Phi-e-rơ cho bạn biết - thư thứ hai của Phi-e-rơ - là bởi vì Ngài muốn càng nhiều người ăn năn càng tốt. Ngài chỉ đang hoãn mọi thứ lại để cho chúng ta có cơ hội tối đa. Ngài muốn Tin lành chạm tới mọi sắc dân trước khi sự cuối cùng đến. Thật là một động cơ truyền giáo mạnh mẽ!

Sáu là sự thúc giục trong việc thờ phượng. Chắc hẳn bạn đã nhận ra rằng khi chúng ta đọc những bài hát trong Khải huyền, những bài hát của thiên đàng, bạn muốn hát cùng, bạn muốn thờ phượng. Ở nhà tôi có một bản thu âm các thiên sứ hát rất hay, và nó khiến bạn muốn hát cùng, trừ việc là nếu bạn hát vào đó thì hỏng bét. Tôi rất vui là chúng ta không hay nghe thấy họ hát, nếu không thì chúng ta cứ dừng lại và nghe mãi. Chúng ta sẽ không thờ phượng nữa. Nhưng ôi, sự thờ phượng của Khải huyền. Nó thúc giục chúng ta thờ phượng. Nhiều lần, tôi đã ở những nơi người ta nói rằng: "Thờ phượng tự do, anh có thể cầu nguyện hoặc hát, hoặc đọc Kinh Thánh," và hết lần này đến lần khác, người ta đã đọc Khải huyền 5 hoặc Khải huyền 4 và điều đó dẫn vào sự thờ phượng.

Tiếp theo, việc đó trừ khử tính thế tục vì nó khiến tâm trí bạn trông đợi thế giới mới. "Chúng ta thật sự là thời đại mới." Tôi rất bực khi những người khác rêu rao thuật ngữ đó. Chúng ta là thời đại mới á? Chúng ta đang trông đợi thời đại mới. Đó không phải Kỷ Nguyên Bảo Bình (Aquarius) của các nhà chiêm tinh học, hoặc của bất cứ ai, đó là thời đại của Chúa Giê-su Christ.

Đó là động lực để trở nên giống Chúa. Tôi nghĩ rằng một số người trong các bạn đã cảm nhận được, thậm chí vào hôm nay, rằng điều đó thôi thúc bạn sẵn sàng, để không hổ thẹn về điều gì vào Ngày đó khi các sách được mở ra. "Ai có niềm hy vọng như vậy thì phải giữ mình thanh sạch," Giăng nói như vậy trong một thư tín của mình. Nếu bạn tin rằng mình sẽ trở nên giống Chúa Giê-su khi Ngài xuất hiện thì bạn đã cố gắng đeo đuổi điều đó rồi. Đó là một điều mà vợ tôi thấy rất khó...thật sự khó

tin. Cô ấy có đức tin mạnh mẽ trong nhiều khía cạnh, nhưng không phải trong điều này. Đó là khi tôi bảo cô ấy rằng đến một ngày, chồng của cô ấy sẽ trở nên hoàn hảo. Cô ấy sẽ bảo bạn rằng nếu dựa trên kinh nghiệm thì cô ấy không tin được, nhưng cô ấy đã được dạy dỗ một cách khôn ngoan, cô ấy không đặt đức tin mình trên kinh nghiệm nhưng trên Lời Chúa - và đó là lời hứa rằng chúng ta sẽ trở nên giống như Ngài khi Ngài xuất hiện. Chúng ta sẽ nhìn nhau và nói rằng: "Ai là Chúa Giê-su?" Họ đều có cùng một biểu cảm, cùng một ánh mắt. Nếu bạn tin vào điều đó thì đó là một động lực thật sự để cố gắng, để nên thánh như Ngài là thánh, để trở nên giống Chúa.

Đó là sự chuẩn bị cho sự bắt bớ. Tôi tin rằng sự bắt bớ sẽ đến với đất nước Anh như đã đến với khoảng 200 đất nước và quốc gia trên thế giới. Cơ Đốc nhân đang chịu khổ ở nhiều, nhiều nơi. Một lời hứa của Chúa Giê-su là trước thời kỳ cuối cùng, các con sẽ bị mọi dân tộc thù ghét - mọi dân tộc. Điều đó chưa bao giờ thật sự đúng trong 2000 năm qua. Nhưng càng gần đây thì điều đó lại càng đúng và chúng ta cần sẵn sàng. Nếu có một thứ khiến người ta sẵn sàng chịu bắt bớ thì đó là việc nghiên cứu khải huyền vì sách được viết ra vì chính mục đích đó.

Cuối cùng, việc đó cho bạn sự hiểu biết cân bằng về Đấng Christ. Nếu bạn chỉ biết Đấng Christ của các sách Tin lành thì bạn sẽ không biết Đấng Christ cách trọn vẹn - hoặc thậm chí là cả các thư tín nữa. Trong các sách Tin lành, Đấng Christ được bày tỏ như một Tiên tri, vị Tiên tri chết cho dân Ngài. Trong các thư tín, Đấng Christ được bày tỏ như Thầy Tế lễ đời đời, Đấng hằng sống để cầu thay cho chúng ta. Gần đây tôi rất thích giảng về sự thăng thiên vào ngày Lễ Thăng thiên. Vì lễ đó vào thứ năm, hầu hết mọi người đều bỏ qua lễ đó, nhưng việc Ngài là Thầy tế lễ của chúng ta trên thiên đàng thật sự rất quan trọng.

Nhưng trong Khải huyền, Ngài là Vua. Chúng ta cần cân bằng toàn bộ điều này, để có bức tranh toàn cảnh về Chúa Giê-su, tất cả các danh xưng của Ngài, tất cả 250 danh xưng, và đặc biệt là những danh xưng trong Khải huyền. Chúng ta cần tất cả để có bức tranh toàn cảnh về Chúa Giê-su và có hiểu biết cân bằng về việc Ngài là ai. Ngài là An-pha và Ô-mê-ga, Sư tử của Bộ tộc Giu-đa, Chiên Con đã bị giết. Ngài là Đầu tiên và Cuối cùng, Đấng làm chứng thành tín và chân thật, Ngài là Vua của các Vua và Chúa của các Chúa. Tất cả những danh xưng đó nằm trong sách Khải huyền và tất cả đều giúp chúng ta ghép vào bức tranh. Đây không phải là Chúa Giê-su "nhu mì và nhẹ nhàng," đây là Chúa Giê-su Con Người, như Phi-lát nói rằng: "Hãy xem Người nầy," nhưng Người đó là Đức Chúa Trời; để có được cái nhìn cân bằng. Khải huyền cho chúng ta thấy khía cạnh nghiêm túc của Chúa Giê-su, khía cạnh đáng sợ của Chúa Giê-su, nhưng giúp chúng ta cân bằng cái nhìn yếu đuối về Chúa Giê-su của nhiều người. Đây là Giê-su sẽ không dừng lại cho tới khi Ngài thiết lập lại được thế giới này cho đúng. Nhiều người thất vọng về Ngài và nói rằng: "Ông ta đến vào 2000 năm trước và thế giới vẫn là một mớ hỗn độn." À, vậy thì họ cần nghe về lần đến thứ hai của Ngài. Sau đó, thế giới sẽ không còn là một mớ hỗn độn nữa. Nó sẽ thuộc quyền cai trị của thiên đàng và Vương quốc Đức Chúa Trời sẽ trở lại trên đất. Lạy Chúa là Đức Chúa Giê-su, xin hãy đến. A-men.